Sách Vi Diệu pháp
TẠNG VÔ TỶ PHÁP (Vi Diệu Pháp) – ABHIDHAMMA
do cố Hòa Thượng Tịnh Sự biên dịch từ kinh điển Pali sang tiếng Việt nhằm giúp và tạo điều kiện cho chư tôn đức Tăng Ni và qúy Phật tử tìm hiểu về kinh tạng nguyên thủy, bộ sách này gồm có Bộ Vị Trí (03 cuốn – 06 tập), Bộ Song Đối (01 tập), Bộ Ngữ Tông (01 cuốn) , Bộ Pháp Tự (01 cuốn), Bộ Phân Tích (01 cuốn), Bộ Nguyên Chất Ngữ (01 cuốn), Bộ Nhân Chế Định (01 cuốn).

File PDF ban đầu được TamHoc.org tải về từ https://www.thuviennguyenthuy.com/

Cuốn sách này gộp cả 7 bộ Vi Diệu Pháp thành 1. Nội dung được giữ nguyên hoàn thành , chỉ thêm bookmark thuận tiện cho việc tra cứu. Phần thêm bookmark có thể sẽ có vài chỗ thiếu hoặc chưa chính xác .
20-2-2022

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

THERAVĀDA

--o-O-o--

TẠNG VÔ TỶ PHÁP

(ABHIDHAMMAPIṬAKA)

BỘ THỨ NHẤT

BỘ PHÁP TỤ

(DHAMMASAṅGANĪ)

CẢO BẢN

Dịch giả

Đại Trưởng lão Tịnh Sự

(Mahāthero Saṅtakicco)

Đại Trưởng lão Tịnh Sự

(Mahāthero Saṅtakicco)

Chuyển ngữ từ bản tiếng Pāli - Thái sang tiếng Việt

Năm Ất Mão

Phật lịch 2519 - Dương lịch 1975

MỤC LỤC

PHẦN A. MẪU ĐỀ *(MĀTIKĀ)* **7**

I. HAI MƯƠI HAI ĐẦU ĐỀ TAM *(BĀVĪSATI TIKAMĀTIKĀ)* 7
II. MỘT TRĂM ĐẦU ĐỀ NHỊ *(DUKAMĀTIKĀ)* 8
Phần tụ nhân (hetugocchakaṃ). *8*
Phần nhị đề đỉnh (cūḷantaraduka). *8*
Phần chùm lậu (āsavagocchaka). *8*
Phần tụ triền (saṅyojanagocchaka). *8*
Phần tụ (chùm) phược (ganthagocchaka). *9*
Phần tụ (chùm) bộc (oghagocchaka) *9*
Phần tụ (chùm) phối (yogagocchaka) *9*
Phần tụ (chùm) cái (nīvaraṇagocchaka). *9*
Phần tụ (chùm) khinh thị (parāmāsagocchaka). *10*
Phần nhị đề đại (mahantaraduka). *10*
Phần tụ thủ (upādānagocchaka) *10*
Phần tụ (chùm) phiền não (kilesagocchaka). *11*
Phần yêu bối (piṭṭhiduka). *11*
III. BỐN MƯƠI HAI NHỊ ĐỀ KINH *(SUTTAMĀTIKĀ)* 12

PHẦN B. THIÊN TÂM SANH **14**

I. PHÁP THIỆN 14
1) Tám Tâm Thiện Dục Giới *14*
1.1) Tâm đại thiện thứ nhứt 14
a) Câu chia (chi pháp). 14
b) Phần điều pháp. 20
c) Phần tiêu diệt. 26
1.2) Tâm đại thiện thứ hai. 28
1.3) Tâm đại thiện thứ ba. 28
1.4) Tâm đại thiện thứ tư 29
1.5) Tâm đại thiện thứ năm. 29
1.6) Tâm đại thiện thứ sáu. 30
1.7) Tâm đại thiện thứ bảy. 30
1.8) Tâm đại thiện thứ tám. 31
2) Thiện Sắc Giới *31*
Phân theo bốn bực. 31
Phân thiền năm bực. 33
Tứ tiến hành (patipadā). 35
Tứ cảnh. 36
Chia thiền mỗi thứ thành mười sáu. 37
Diệu xứ (abhibhāyatana). 39
Nhị cảnh (ārammaṇa). 40
Chia thiền mỗi thứ thành mười sáu. (chia theo diệu xứ) 41
Diệu xứ. 42
Tứ tiến hành (paṭipadā). 42
Nhị cảnh. 43
Chia thiền mỗi thứ đặng tám cách. 43
Tam viên tịch (vimokkha). 46
Thiền tứ vô lượng tâm. 46
Thiền bất mỹ (asubhajhana). 47
3) Thiện Vô Sắc Giới *48*

a) Tứ thiền vô sắc giới. 48
b) Ba bực pháp thiện trong ba cõi. 48
Thiện Dục giới. 48
Thiện Sắc giới 49
Thiện Vô sắc giới. 49
4) Tâm Thiện Siêu Thế *51*
4.1) Tâm thiện siêu thế (Lối hẹp có bốn). 51
a) Tâm đạo thứ nhứt. 51
4.2) Tâm thiện siêu thế (Cách rộng có hai mươi). 59
Phần tịnh tiến hành. 59
Chủng tiêu diệt (*suññata*). 59
Phần căn tiêu diệt tiến hành. 60
Chủng phi nội (*appaṇthita*). 60
Phần căn phi nội tiến hành. 61
Trưởng (*adhipati*). 62
b) Tâm đạo thứ hai. 62
c) Tâm đạo thứ ba. 62
d) Tâm đạo thứ tư. 63
II. PHÁP BẤT THIỆN 64
1) Tâm bất thiện thứ nhứt. *64*
2) Tâm bất thiện thứ nhì. *68*
3) Tâm bất thiện thứ ba. *68*
4) Tâm bất thiện thứ tư. *68*
5) Tâm bất thiện thứ năm. *69*
6) Tâm bất thiện thứ sáu. *69*
7) Tâm bất thiện thứ bảy. *70*
8) Tâm bất thiện thứ tám. *70*
9) Tâm bất thiện thứ chín. *70*
10) Tâm bất thiện thứ mười. *71*
11) Tâm bất thiện thứ mười một. *72*
12) Tâm bất thiện thứ mười hai. *72*
III. PHÁP VÔ KÝ 74
1) Quả dục giới. *74*
a) Ngũ thức quả thiện. 74
b) Ý giới quả thiện. 77
c) Ý thức giới quả thiện. 79
Đồng sanh hỷ thọ. 79
Đồng sanh xả thọ. 80
d) Tám tâm đại quả. 82
2) Quả Sắc giới. *83*
3) Quả Vô sắc giới. *83*
4) Quả siêu thế (Lokuttaravipāka). (Cách rộng có 20) *84*
a) Quả của tâm đạo thứ nhất. 84
Phần tịnh tiến hành. 84
Phần tịnh tiêu diệt. 85
Tiêu diệt tiến hành. 86
Phần tịnh tiến hành (*suddhika appanihita*) 88
Phi nội tiến hành. 89
b) Quả của tâm đạo thứ hai, ba và tư. 96
5) Vô ký quả bất thiện. *97*
6) Dục giới tố (kāmāvacarakiriyā). *98*

7) Sắc giới tố (rūpāvacarakiriyā). *100*
8) Vô sắc giới tố (arūpāvacarakiriyā). *101*

PHẦN C. THIÊN SẮC PHÁP *(RŪPAKAṆḌAṂ)* **102**

I. ĐẦU ĐỀ *(MĀTIKA)* 102
1) Phần nhứt đề. *102*
2) Phần nhị đề. *102*
3) Phần tam đề. *104*
4) Phần tứ đầu đề. *106*
5) Phần ngũ đầu đề. *107*
6) Phần lục đầu đề. *107*
7) Phần thất đầu đề. *108*
8) Phần bát đầu đề. *108*
9) Phần cửu đầu đề (cửu yếu hiệp). *108*
10) Phần thập đầu đề. *108*
11) Phần thập nhứt đầu đề. *108*
II. THẬP NHỨT ĐỀ XIỂN MINH 109
1) Phần nhứt xiển minh. *109*
2) Phần nhị xiển minh. *109*
Phân theo (sắc) y sinh. 109
Phân theo (sắc) bất y sinh. 118
3) Nhị đề xiển minh. *119*
4) Tam đề xiển minh. *126*
5) Tứ đề xiển minh. *135*
6) Ngũ đề xiển minh. *141*
7) Lục đề xiển minh. *142*
8) Thất đề xiển minh. *142*
9) Bát đề xiển minh. *142*
10) Cửu đề xiển minh. *143*
11) Thập đề xiển minh. *143*
12) Thập nhứt đề xiển minh. *144*

PHẦN D. THIÊN TOÁT YẾU **145**

I. TOÁT YẾU ĐẦU ĐỀ TAM *(TIKAMĀTIKĀ)* 145
II. TOÁT YẾU ĐẦU ĐỀ NHỊ *(DUKAMĀTIKĀ)* 153
1) Phần chùm nhân (hetugocchaka). *153*
2) Phần nhị đề đỉnh (cūlantaraduka). *156*
3) Phần chùm lậu (asavagocchaka). *158*
4) Phần chùm triền (saññoyanagocchaka). *160*
5) Phần chùm phược (ganthagocchaka). *164*
6) Phần chùm bộc và chùm phối (oghagocchaka yogagocchaka). *166*
7) Phần chùm cái (nivaranagocchaka). *166*
8) Phần chùm khinh thị (parāmāsagocchaka). *170*
9) Phần nhị đề đại (mahantara duka). *171*
10) Phần chùm thủ (upadana gocchaka). *173*
11) Phần chùm phiền não (kilesagocchaka). *175*
12) Phần yêu bối (pitthiduka). *181*
III. TOÁT YẾU NHỊ ĐỀ KINH *(SUTTANTAMĀTIKĀ)* 186

PHẦN E. THIÊN TRÍCH YẾU ĐẦU ĐỀ TAM VÀ ĐẦU ĐỀ NHỊ **195**

I. ĐẦU ĐỀ TAM 195
II. ĐẦU ĐỀ NHỊ 201

1) Phần tụ nhân. 201
2) Phần nhị đề đỉnh (cūlantara duka) 203
3) Phần chùm lậu (ogha gocchaka). 204
4) Phần chùm triền (saṃyojanagocchaka). 205
5) Phần chùm phược (gantha gocchaka). 206
6) Phần chùm cái (nīvaraṇagocchaka). 208
7) Phần chùm khinh thị (paramasa gocchaka). 209
8) Phần nhị đề đại (mahantaraduka) 210
9) Phần chùm thủ (upādinna gocchaka) 213
10) Phần chùm phiền não (kilesagocchaka) 214
11) Phần yêu bối (pitthi duka). 216

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBHUDDHASSA

CUNG KÍNH ĐỨC THẾ TÔN, ỨNG CÚNG, CHÁNH BIẾN TRI

Phần A. MẪU ĐỀ *(Mātikā)*

I. HAI MƯƠI HAI ĐẦU ĐỀ TAM *(Bāvīsati tikamātikā)*

1.

* Chư pháp thiện, chư pháp bất thiện, chư pháp vô ký.
* Chư pháp tương ưng lạc thọ, chư pháp tương ưng khổ thọ, chư pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
* Chư pháp dị thục quả, chư pháp dị thục nhân, chư pháp phi quả phi nhân.
* Chư pháp thành do thủ và cảnh thủ, chư pháp phi thành do thủ mà cảnh thủ, chư pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ.
* Chư pháp phiền toái mà cảnh phiền não, chư pháp phi phiền toái mà cảnh phiền não, chư pháp phi phiền toái và phi cảnh phiền não.
* Chư pháp hữu tầm hữu tứ, chư pháp vô tầm hữu tứ, chư pháp vô tầm vô tứ.
* Chư pháp đồng sanh với pháp hỷ, chư pháp đồng sanh với lạc thọ, chư pháp đồng sanh với xả thọ.
* Chư pháp sơ đạo đoạn trừ, chư pháp ba đạo cao đoạn trừ, chư pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao đoạn trừ.
* Chư pháp hữu nhân sơ đạo đoạn trừ, chư pháp hữu nhân ba đạo cao đoạn trừ, chư pháp phi hữu nhân phi ba đạo cao đoạn trừ.
* Chư pháp nhân sanh tử, chư pháp nhân đến níp-bàn, chư pháp phi nhân sanh tử và phi nhân đến níp-bàn.
* Chư pháp hữu học, chư pháp vô học, chư pháp phi hữu học phi vô học.
* Chư pháp hy thiểu, chư pháp đáo đại, chư pháp vô thượng (cao tột).
* Chư pháp biết cảnh hy thiểu, chư pháp biết cảnh đáo đại, chư pháp biết cảnh vô thượng (cao tột).
* Chư pháp ty hạ là pháp bất thiện, chư pháp trung bình, chư pháp tinh lương (vi tế).
* Chư pháp tà cho quả nhất định, chư pháp chánh cho quả nhất định liên tiếp sát-na, chư pháp bất định.
* Chư pháp có đạo làm cảnh, chư pháp có đạo, có nhân, chư pháp có đạo làm nhân.
* Chư pháp sanh tồn, chư pháp phi sanh tồn, chư pháp sẽ sanh.
* Chư pháp quá khứ, chư pháp hiện tại, chư pháp vị lai.
* Chư pháp biết cảnh quá khứ, chư pháp biết cảnh vị lai, chư pháp biết cảnh hiện tại.
* Chư pháp nội phần, chư pháp ngoại phần, chư pháp nội và ngoại phần.
* Chư pháp biết cảnh nội phần, chư pháp biết cảnh ngoại phần, chư pháp biết cảnh nội và ngoại phần.
* Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, chư pháp vô kiến hữu đối chiếu, chư pháp vô kiến vô đối chiếu.

Dứt 22 đầu đề tam.

II. MỘT TRĂM ĐẦU ĐỀ NHỊ *(Dukamātikā)*

Phần tụ nhân *(hetugocchakaṃ)*.

2.

* Chư pháp nhân, chư pháp phi nhân.
* Chư pháp hữu nhân, chư pháp vô nhân.
* Chư pháp tương ưng nhân, chư pháp bất tương ưng nhân.
* Chư pháp nhân và hữu nhân, chư pháp hữu nhân mà phi nhân.
* Chư pháp nhân và tương ưng nhân, chư pháp tương ưng nhân mà phi nhân.
* Chư pháp phi nhân mà hữu nhân, chư pháp phi nhân và vô nhân.

Dứt phần tụ nhân.

Phần nhị đề đỉnh *(cūḷantaraduka)*.

3.

* Chư pháp hữu duyên, chư pháp vô duyên.
* Chư pháp hữu vi, chư pháp vô vi.
* Chư pháp hữu kiến, chư pháp vô kiến.
* Chư pháp hữu đối chiếu, chư pháp vô đối chiếu.
* Chư pháp sắc, chư pháp phi sắc.
* Chư pháp hiệp thế, chư pháp siêu thế.
* Chư pháp cũng có tâm biết đặng, chư pháp cũng có tâm không biết đặng.

Dứt phần nhị đề đỉnh.

Phần chùm lậu *(āsavagocchaka)*.

4.

* Chư pháp lậu, chư pháp phi lậu.
* Chư pháp cảnh lậu, chư pháp phi cảnh lậu.
* Chư pháp tương ưng lậu, chư pháp bất tương ưng lậu.
* Chư pháp lậu và cảnh lậu, chư pháp cảnh lậu mà phi lậu.
* Chư pháp lậu và tương ưng lậu, chư pháp tương ưng lậu mà phi lậu.
* Chư pháp bất tương ưng lậu mà cảnh lậu, chư pháp bất tương ưng lậu mà phi cảnh lậu.

Dứt phần chùm lậu.

Phần tụ triền *(saṅyojanagocchaka)*.

5.

* Chư pháp triền, chư pháp phi triền.
* Chư pháp cảnh triền, chư pháp phi cảnh triền.
* Chư pháp tương ưng triền, chư pháp bất tương ưng triền.

- Chư pháp triền và cảnh triền, chư pháp cảnh triền mà phi triền.
- Chư pháp triền và tương ưng triền, chư pháp tương ưng triền mà phi triền.
- Chư pháp bất tương ưng triền và cảnh triền, chư pháp bất tương ưng triền mà phi cảnh triền.

Dứt phần tụ triền.

Phần tụ (chùm) phược *(ganthagocchaka).*

6.

- Chư pháp phược, chư pháp phi phược.
- Chư pháp cảnh phược, chư pháp phi cảnh phược.
- Chư pháp tương ưng phược, chư pháp bất tương ưng phược.
- Chư pháp phược và cảnh phược, chư pháp cảnh phược mà phi phược.
- Chư pháp phược và tương ưng phược, chư pháp tương ưng phược mà phi phược.
- Chư pháp bất tương ưng phược và cảnh phược, chư pháp bất tương ưng phược mà phi cảnh phược.

Dứt phần tụ phược.

Phần tụ (chùm) bộc *(oghagocchaka).*

7.

- Chư pháp bộc, chư pháp phi bộc.
- Chư pháp cảnh bộc, chư pháp phi cảnh bộc.
- Chư pháp tương ưng bộc, chư pháp bất tương ưng bộc.
- Chư pháp bộc và cảnh bộc, chư pháp cảnh bộc mà phi bộc.
- Chư pháp bộc và tương ưng bộc, chư pháp tương ưng bộc mà phi bộc.
- Chư pháp bất tương ưng bộc và cảnh bộc, chư pháp bất tương ưng bộc mà phi cảnh bộc.

Dứt phần tụ bộc.

Phần tụ (chùm) phối *(yogagocchaka).*

8.

- Chư pháp phối, chư pháp phi phối.
- Chư pháp cảnh phối, chư pháp phi cảnh phối.
- Chư pháp tương ưng phối, chư pháp bất tương ưng phối.
- Chư pháp phối và cảnh phối, chư pháp cảnh phối mà phi phối.
- Chư pháp phối tương ưng phối, chư pháp tương ưng phối mà phi phối.
- Chư pháp bất tương ưng phối mà cảnh phối, chư pháp bất tương ưng phối mà phi cảnh phối.

Dứt phần tụ phối.

Phần tụ (chùm) cái *(nīvaraṇagocchaka).*

9.

- Chư pháp cái, chư pháp phi cái.

* Chư pháp cảnh cái, chư pháp phi cảnh cái.
* Chư pháp tương ưng cái, chư pháp bất tương ưng cái.
* Chư pháp cái và cảnh cái, chư pháp cảnh cái mà phi cái.
* Chư pháp cái tương ưng cái, chư pháp tương ưng cái mà phi cái.
* Chư pháp bất tương ưng cái mà cảnh cái, chư pháp bất tương ưng cái mà phi cảnh cái.

Dứt phần tụ cái.

Phần tụ (chùm) khinh thị *(parāmāsagocchaka).*

10.

* Chư pháp khinh thị, chư pháp phi khinh thị.
* Chư pháp cảnh khinh thị, chư pháp phi cảnh khinh thị.
* Chư pháp tương ưng khinh thị, chư pháp bất tương ưng khinh thị.
* Chư pháp khinh thị và cảnh khinh thị, chư pháp cảnh khinh thị mà phi khinh thị.
* Chư pháp bất tương ưng khinh thị và cảnh khinh thị, chư pháp bất tương ưng khinh thị mà phi cảnh khinh thị.

Dứt phần tụ khinh thị.

Phần nhị đề đại *(mahantaraduka).*

11.

* Chư pháp hữu (tri) cảnh, chư pháp vô (tri) cảnh.
* Chư pháp tâm, chư pháp phi tâm.
* Chư pháp sở hữu tâm, chư pháp phi sở hữu tâm.
* Chư pháp tương ưng tâm, chư pháp bất tương ưng (phi hòa với) tâm.
* Chư pháp hòa với tâm, chư pháp phi hòa với tâm.
* Chư pháp có tâm làm sở sanh (nền tảng), chư pháp không có tâm làm sở sanh (nền tảng).
* Chư pháp đồng sanh tồn với tâm, chư pháp phi sanh tồn với tâm.
* Chư pháp tùng tâm thông lưu, chư pháp phi tùng tâm thông lưu.
* Chư pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh (nền tảng), chư pháp phi hòa với tâm và không có tâm làm sở sanh.
* Chư pháp hòa sanh tồn và nương tâm làm sở sanh, chư pháp phi hòa phi đồng sanh tồn và phi nương tâm làm sở sanh (nền tảng).
* Chư pháp có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm, chư pháp phi tâm làm sở sanh và không hòa không tùng hành không thông lưu với tâm.
* Pháp tự nội, chư pháp ngoại.
* Chư pháp y sinh, chư pháp phi y sinh.
* Chư pháp thành do thủ, chư pháp phi thành do thủ.

Dứt phần nhị đề đại.

Phần tụ thủ *(upādānagocchaka).*

12.

* Chư pháp thủ, chư pháp phi thủ.

* Chư pháp cảnh thủ, chư pháp phi cảnh thủ.
* Chư pháp tương ưng thủ, chư pháp bất tương ưng thủ.
* Chư pháp thủ và cảnh thủ, chư pháp cảnh thủ mà phi thủ.
* Chư pháp thủ và tương ưng thủ, chư pháp tương ưng thủ mà phi thủ.
* Chư pháp bất tương ưng thủ mà cảnh thủ, chư pháp bất tương ưng thủ và phi cảnh thủ.

Dứt phần tụ thủ.

Phần tụ (chùm) phiền não *(kilesagocchaka)*.

13.

* Chư pháp phiền não, chư pháp phi phiền não.
* Chư pháp cảnh phiền não, chư pháp phi cảnh phiền não.
* Chư pháp phiền toái, chư pháp phi phiền toái.
* Chư pháp tương ưng phiền não, chư pháp bất tương ưng phiền não.
* Chư pháp phiền não và cảnh phiền não, chư pháp phi phiền não mà cảnh phiền não.
* Chư pháp phiền não và phiền toái, chư pháp phiền toái mà phi phiền não.
* Chư pháp phiền não và tương ưng phiền não, chư pháp tương ưng phiền não mà phi phiền não.
* Chư pháp bất tương ưng phiền não mà cảnh phiền não, chư pháp bất tương ưng phiền não mà phi cảnh phiền não.

Dứt phần tụ phiền não.

Phần yêu bối *(piṭṭhiduka)*.

14.

* Chư pháp sơ đạo đoạn (tuyệt) trừ, chư pháp phi sơ đạo đoạn (tuyệt) trừ.
* Chư pháp ba đạo cao đoạn (tuyệt) trừ, chư pháp phi ba đạo cao đoạn (tuyệt) trừ.
* Chư pháp hữu nhân sơ đạo đoạn (tuyệt) trừ, chư pháp phi hữu nhân sơ đạo đoạn (tuyệt) trừ.
* Chư pháp hữu nhân ba đạo cao đoạn (tuyệt) trừ, chư pháp phi hữu nhân phi ba đạo cao đoạn (tuyệt) trừ.
* Chư pháp hữu tầm, chư pháp vô tầm.
* Chư pháp hữu tứ, chư pháp vô tứ.
* Chư pháp hữu hỷ, chư pháp vô hỷ.
* Chư pháp đồng sanh pháp hỷ, chư pháp phi đồng sanh pháp hỷ.
* Chư pháp đồng sanh lạc, chư pháp phi đồng sanh lạc.
* Chư pháp đồng sanh xả, chư pháp phi đồng sanh xả.
* Chư pháp Dục giới, chư pháp phi Dục giới.
* Chư pháp Sắc giới, chư pháp phi Sắc giới.
* Chư pháp Vô sắc giới, chư pháp phi Vô sắc giới.
* Chư pháp liên quan luân hồi, chư pháp bất liên quan luân hồi.
* Chư pháp nhân xuất luân hồi, chư pháp phi nhân xuất luân hồi.

* Chư pháp (cho quả) nhất định, chư pháp phi (cho quả) nhất định.
* Chư pháp hữu thượng, chư pháp vô thượng.
* Chư pháp hữu y, chư pháp vô y.

Dứt phần yêu bối.

III. BỐN MƯƠI HAI NHỊ ĐỀ KINH *(Suttamātikā)*

15.

* Chư pháp thành phần minh, chư pháp thành phần vô minh.
* Chư pháp như thiểm lôi, chư pháp như lôi cực.
* Chư pháp làm thành (ra) tiểu nhân, chư pháp làm thành (ra) quân tử.
* Chư pháp hắc, chư pháp bạch.
* Chư pháp viêm, chư pháp phi viêm.
* Chư pháp thành ra danh ngôn, chư pháp nguyên nhân danh ngôn.
* Chư pháp thành ra ngữ ngôn, chư pháp nguyên nhân ngữ ngôn.
* Chư pháp thành ra chủ yếu chế định, chư pháp nguyên nhân chế định.
* Chư pháp danh, chư pháp sắc.
* Chư pháp vô minh, chư pháp ái hữu.
* Chư pháp kiến hữu, chư pháp kiến ly hữu.
* Chư pháp thường kiến, chư pháp đoạn kiến.
* Chư pháp hữu tận kiến, chư pháp vô tận kiến.
* Chư pháp hữu tiền kiến, chư pháp hữu hậu kiến.
* Chư pháp vô tàm, chư pháp vô úy.
* Chư pháp tàm, chư pháp úy.
* Chư pháp thành người nan giáo (khó dạy), chư pháp thành người có ác hữu (bạn xấu).
* Chư pháp thành người dị giáo (dễ dạy), chư pháp thành người có bạn tốt.
* Chư pháp thành người biết rành phạm luật (rành lỗi), chư pháp thành người biết khỏi phạm luật (biết rành xuất quá).
* Chư pháp thành người rành nhập thiền, chư pháp thành người rành xuất thiền.
* Chư pháp thành người rành thập bát giới, chư pháp thành người rành tác ý.
* Chư pháp thành người rành thập nhị xứ, chư pháp thành người rành liên quan tương sanh.
* Chư pháp thành người rành cơ bản thích hợp (rành sở sanh), chư pháp thành người không rành cơ bản thích hợp.
* Chư pháp thành người chánh trực, chư pháp thành người nhu mì.
* Chư pháp thành người nhẫn nại, chư pháp thành người nghiêm tịnh.
* Chư pháp thành người cam ngôn, chư pháp thành người đáng tiếp đãi.
* Chư pháp thành người bất thu thúc môn quyền, chư pháp thành người bất tri độ thực.
* Chư pháp thành người thu thúc môn quyền, chư pháp thành người tri độ thực.
* Chư pháp thành người thất niệm, chư pháp thành người vô lương tri.
* Chư pháp thực tính thành người chánh niệm, chư pháp thực tính thành người có lương tri.
* Chư pháp thành người quán tưởng hữu lực, chư pháp thành người tu tiến hữu lực.

- Chư pháp thành chỉ quán, chư pháp thành pháp quán.
- Chư pháp có ấn chứng chỉ thành nhân dữ chỉ sanh hậu, chư pháp do cần tiền sanh thành nhân dữ chỉ sanh hậu.
- Chư pháp thực tính thành ra chiếu cố, chư pháp thực tính thành vô phóng dật[1].
- Chư pháp thực tính thành giới điêu tàn, chư pháp thực tính thành kiến điêu tàn.
- Chư pháp thực tính làm cho mãn túc giới, chư pháp thực tính làm cho mãn túc kiến.
- Chư pháp thực tính làm cho giới tịnh, chư pháp thực tính làm cho kiến tịnh.
- Chư pháp thực tính thành người kiến tịnh, chư pháp thực tính thích hợp với kiến tịnh.
- Chư pháp thực tính làm căn bản giúp cho tâm thê thảm, chư pháp thực tính siêng năng suy xét bát thê thảm.
- Chư pháp thực tính thành người không biết no với pháp thiện, chư pháp thực tính thành người tinh tấn không lui sụt tu tiến.
- Chư pháp thực tính gọi là minh, chư pháp thực tính gọi là yểm.
- Chư pháp thực tính đoạn trừ phiền não, chư pháp thực tính làm tuệ hợp với Thánh quả (tuệ tùng sanh trong quả) đến tột bực đều không cho phiền não tái tục do bốn đạo đã đoạn trừ.

[1] Phóng dật hay còn gọi là điệu cử.

Phần B. THIÊN TÂM SANH

I. PHÁP THIỆN

1) Tám Tâm Thiện Dục Giới

1.1) Tâm đại thiện thứ nhứt.

a) Câu chia (chi pháp).

16.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí, gặp cảnh sắc, thinh, khí, vị, xúc và pháp. Hay là nghĩ đến chi thì vẫn có xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm[2], tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô si, vô tham ác, vô sân ác, chánh kiến, tàm, úy, tĩnh thân tĩnh tâm, khinh thân khinh tâm, nhu thân nhu tâm, thích thân thích tâm, thuần thân thuần tâm, chánh thân chánh tâm, niệm, lương tri, chỉ, quán, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh. Như thế gọi là pháp thiện vẫn có trong khi ấy.

17.

Xúc *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng chạm, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế. Đây gọi là xúc có trong khi ấy.

18.

Thọ *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu thọ làm cho tâm hưởng vui, hưởng sướng sanh từ nơi sự xúc chạm của ý thức giới. Cách hứng chịu hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là thọ có trong khi ấy.

19.

Tưởng *trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng, sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Khi nào như thế đó, mới gọi là tưởng có trong khi ấy.

20.

Tư *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Như thế gọi là có tư trong khi ấy.

21.

Tâm *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh, tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền và ý thức giới. Đó gọi là có tâm trong khi ấy.

22.

---

[2] Nhất tâm hay còn gọi là nhất hành hay nhất thống.

***Tầm** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, nghĩ ngợi, suy xét, toan tính, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít và chánh tư duy. Như thế gọi là có tầm trong khi ấy.

23.

***Tứ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự gìn giữ cảnh cho tâm, chăm nom, kềm giữ, săn sóc cảnh, tâm khắn khít cảnh và cách tâm dính theo cảnh. Như thế gọi là tứ có trong khi ấy.

24.

*(Pháp) **Hỷ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự mừng no cả thân tâm, hớn hở, sự hân hoan, sự hài lòng, vui tươi, hoan lạc và rất mừng. Như thế là (pháp) hỷ có trong khi ấy.

25.

***Lạc** (hỷ) trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm vui, sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc và dụng nạp hứng chịu an vui từ ý xúc. Như thế gọi là lạc có trong khi ấy.

26.

***Nhứt tâm** trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ một chỗ, vững lòng vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không bối rối, pháp chỉ, định quyền, định lực và chánh định có trong khi nào, thì nhứt tâm có trong khi ấy.

27.

***Tín quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có đức tin, thái độ tín ngưỡng, sự quyết tin, sự rất tín trọng, tín lực, tín quyền, tức là đức tin có trong khi nào, thì tín quyền vẫn có trong khi ấy.

28.

***Cần quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, cần tức là cần quyền, cần lực và chánh tinh tấn có trong khi nào, thì cần quyền có trong khi ấy.

29.

***Niệm quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên, niệm quyền tức là niệm, niệm lực, chánh niệm. Đó là vẫn có niệm quyền trong khi ấy.

30.

***Định quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, pháp chỉ, định quyền, định lực và chánh định. Như thế gọi là định quyền có trong khi ấy.

31.

***Tuệ quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, lương tri, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết rõ đặc tính, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như

ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến có trong khi nào, thì tuệ quyền vẫn có trong khi ấy.

32.

Ý quyền *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh như là ý, tâm, thức, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền sanh từ ý thức giới, có trong khi nào, thì ý quyền có trong khi ấy.

33.

Hỷ *(thọ) quyền trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hỷ, sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc, hay dụng nạp hứng chịu sự an vui từ ý xúc. Như thế gọi là hỷ quyền có trong khi ấy.

34.

Mạng quyền *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, dinh dưỡng, gọi mạng quyền tức là cách sống còn của danh pháp. Như thế gọi là mạng quyền vẫn có trong khi ấy.

35.

Chánh kiến *trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, tuệ trừ tuyệt phiền não, cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến. Như thế gọi là chánh kiến vẫn có trong khi ấy.

36.

Chánh tư duy *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, sự nghĩ ngợi, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm đến khắn khít cảnh, tư duy hay chánh tư duy. Như thế gọi là chánh tư duy vẫn có trong khi ấy.

37.

Chánh tinh tấn *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, tinh tấn tức là cần quyền, cần lực và chánh tinh tấn. Như thế gọi là chánh tinh tấn vẫn có trong khi ấy.

38.

Chánh niệm *trong khi có ra sao?* Khi nào có niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên, niệm tức là niệm quyền, niệm lực và nhớ ghi chánh trực. Như thế gọi là chánh niệm vẫn có trong khi ấy.

39.

Chánh định *trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, pháp chỉ hay là định quyền, định lực và chánh định. Như thế gọi là chánh định vẫn có trong khi ấy.

40.

***Tín lực** trong khi có ra sao?* Khi nào có đức tin, cách tín ngưỡng, sự quyết tin, tâm tịnh tín, đức tin tức là tín quyền, tín lực. Như thế gọi là tín lực vẫn có trong khi ấy.

41.

***Cần lực** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, tức là cần, cần lực, cần quyền, chánh tinh tấn. Như thế gọi là cần lực vẫn có trong khi ấy.

42.

***Niệm lực** trong khi có ra sao?* Khi nào có niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên, tức là niệm, niệm quyền, niệm lực, chánh niệm. Như thế gọi là niệm lực vẫn có trong khi ấy.

43.

***Định lực** trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, pháp chỉ tức là định quyền, định lực, chánh định. Như thế gọi là định lực có trong khi ấy.

44.

***Tuệ lực** trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), tức là vô si, tuệ quyền, chánh kiến. Như thế gọi là tuệ lực vẫn có trong khi ấy.

45.

***Tàm lực** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự thẹn, cách mắc cỡ, những sự hổ thẹn đối với việc làm tội lỗi, hay pháp bất thiện. Hành vi như thế gọi là tàm lực vẫn có trong khi ấy.

46.

***Úy lực** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự ghê tởm, cách sợ hãi, hành vi ghê sợ với việc làm tội lỗi, hay pháp bất thiện. Những ghê sợ đó gọi là úy lực có trong khi ấy.

47.

***Vô tham** trong khi có ra sao?* Khi nào có vô tham là không ham muốn, không nhiễm đắm, không tham ác, không mong mỏi, không tham vọng, cách không tham, hành vi không tham, tức là căn thiện vô tham. Như thế gọi là vô tham vẫn có trong khi ấy.

48.

***Vô sân** trong khi có ra sao?* Khi nào không có sự giận dỗi, không hờn, không tức mình, không tính hại, không nghĩ đến sự ác độc tức là căn thiện vô sân. Như thế gọi là vô sân có trong khi ấy.

49.

***Vô si** trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não) cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến. Như thế gọi là vô si vẫn có trong khi ấy.

50.

***Vô tham ác** trong khi có ra sao?* Như là sự trái với tham, sự không ham muốn, không nhiễm đắm, không tham lam, không mong mỏi, không tham vọng, cách không tham, hành vi không tham, vô tham ác tức là căn thiện vô tham có trong khi nào, thì vô tham ác có trong khi ấy.

51.

***Vô sân độc** trong khi có ra sao?* Như là không có sự giận dữ, không hờn, không tức mình, không tính hại, không nghĩ đến sự ác độc, vô sân tức là căn thiện có trong khi nào, thì vô sân độc có trong khi ấy.

52.

***Chánh kiến** trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), tuệ quyền, chánh kiến tức là vô si có trong khi nào, thì chánh kiến vẫn có trong khi ấy.

53.

***Tàm** trong khi có ra sao?* Trạng thái hổ thẹn với cách hành động ác xấu đáng hổ thẹn, thái độ hổ thẹn với những pháp tội ác có trong khi nào, thì tàm có trong khi ấy.

54.

***Úy** trong khi có ra sao?* Trạng thái ghê sợ với hành động xấu đáng ghê sợ, thái độ ghê sợ với những tội ác có trong khi nào, thì úy vẫn có trong khi ấy.

55.

***Tĩnh thân** trong khi có ra sao?* Trạng thái tĩnh, tự yên, tự tĩnh, thái độ tĩnh, cách tự yên tĩnh của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì tĩnh thân có trong khi ấy.

56.

***Tĩnh tâm** trong khi có ra sao?* Trạng thái tĩnh, tự yên, tự tĩnh, thái độ tĩnh, cách tự yên tĩnh của thức uẩn có trong khi nào, thì tĩnh tâm có trong khi ấy.

57.

***Khinh thân** trong khi có ra sao?* Sự nhẹ nhàng, cách thay đổi nhẹ nhàng, không nặng nề, không sần sượng của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì khinh thân có trong khi ấy.

58.

Khinh tâm *trong khi có ra sao?* Sự nhẹ nhàng, cách thay đổi nhẹ nhàng, không nặng nề, không sần sượng của thức uẩn có trong khi nào, thì khinh tâm vẫn có trong khi ấy.

59.

Nhu thân *trong khi có ra sao?* Sự mềm, sự dịu, không cứng, không kiên ngạnh của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì nhu thân có trong khi ấy.

60.

Nhu tâm *trong khi có ra sao?* Sự mềm, sự dịu, không cứng, không kiên ngạnh của thức uẩn có trong khi nào, thì nhu tâm có trong khi ấy.

61.

Thích thân *trong khi có ra sao?* Sự thích hợp với việc làm, cách thích hợp với việc làm, trạng thái thích hợp việc làm của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì thích thân có trong khi ấy.

62.

Thích tâm *trong khi có ra sao?* Sự thích hợp với việc làm, cách thích hợp với việc làm, trạng thái thích hợp việc làm của thức uẩn có trong khi nào, thì thích tâm vẫn có trong khi ấy.

63.

Thuần thân *trong khi có ra sao?* Sự thuần thục, cách thuần thục, trạng thái thuần thục của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì thuần thân vẫn có trong khi ấy.

64.

Thuần tâm *trong khi có ra sao?* Sự thuần thục, cách thuần thục, trạng thái thuần thục của tâm có trong khi nào, thì thuần tâm vẫn có trong khi ấy.

65.

Chánh thân *trong khi có ra sao?* Sự ngay thẳng, cách ngay thẳng, không cong vạy, không co vẹo của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì chánh thân có trong khi ấy.

66.

Chánh tâm *trong khi có ra sao?* Sự ngay thẳng, cách ngay thẳng, không cong vạy, không co vẹo của thức uẩn có trong khi nào, thì chánh tâm vẫn có trong khi ấy.

67.

Niệm *trong khi có ra sao?* Như là chánh niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ không lơ đãng, không quên, niệm quyền tức là niệm, niệm lực, chánh niệm có trong khi nào, thì niệm vẫn có trong khi ấy.

68.

Lương tri *trong khi có ra sao?* Tức là tuệ, sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán sát, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung,

tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến có trong khi nào, thì lương tri vẫn có trong khi ấy.

69.

(Pháp) ***Chỉ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, (pháp) chỉ cũng gọi là định quyền, định lực và chánh định có trong khi nào, thì (pháp) chỉ vẫn có trong khi ấy.

70.

(Pháp) ***Quán*** *trong khi có ra sao?* Như là tuệ, sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu thấu, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), tức là vô si, tuệ quyền, chánh kiến có trong khi nào, thì (pháp) quán có trong khi ấy.

71.

Chiếu cố *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, cần miễn tức là cần, cần lực, cần quyền và chánh tinh tấn có trong khi nào, thì chiếu cố vẫn có trong khi ấy.

72.

Vô phóng dật *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, vô phóng dật tức là (pháp) chỉ, định quyền, định lực, chánh định có trong khi nào, thì vô phóng dật vẫn có trong khi ấy.

73.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những pháp chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt câu chia (chi pháp).
Dứt phần thứ nhứt: 8.000 chữ Pālī.

b) <u>Phần điều pháp.</u>

74.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, bát quyền, ngũ chi thiền, ngũ chi đạo, thất lực, tam nhân, nhứt xúc, nhứt thọ, nhứt tưởng, nhứt tư, nhứt tâm, nhứt thọ uẩn, nhứt tưởng uẩn, nhứt hành uẩn, nhứt thức uẩn, nhứt ý xứ, nhứt ý quyền, nhứt ý thức giới, nhứt pháp xứ, nhứt pháp giới. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng này gọi là chư pháp thiện.

75.

Tứ uẩn *trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

- ***Thọ uẩn** trong khi có ra sao?* Như là sở hữu tâm hỷ, sở hữu tâm lạc hưởng hỷ, lạc từ nơi tâm xúc, hứng chịu hỷ, lạc từ nơi tâm xúc có trong khi nào, thì thọ uẩn có trong khi ấy.
- ***Tưởng uẩn** trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng có trong khi nào, thì tưởng uẩn vẫn có trong khi ấy.
- ***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, hỷ, nhứt tâm *(ekaggatā),* tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô si, vô tham ác, vô sân độc, chánh kiến, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thuần thân, thuần tâm, thích thân, thích tâm, chánh thân, chánh tâm, niệm, lương tri, pháp (chỉ), pháp (quán), chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) có trong khi nào, thì hành uẩn vẫn có trong khi ấy.
- ***Thức uẩn** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền, phối hợp sanh từ ý thức giới có trong khi nào, thì thức uẩn vẫn có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng này gọi là tứ uẩn có trong khi ấy.

76.

***Nhị xứ** trong khi có ra sao?* Ý xứ và pháp xứ.
- ***Ý xứ** trong khi có ra sao?* Như là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền phối hợp sanh từ ý thức giới có trong khi nào, thì ý xứ vẫn có trong khi ấy.
- ***Pháp xứ** trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, có trong khi nào, thì pháp xứ vẫn có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng này gọi là nhị xứ có trong khi ấy.

77.

***Nhị giới** trong khi có ra sao?* Ý thức giới và pháp giới.
- ***Ý thức giới** trong khi có ra sao?* Như là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền phối hợp sanh từ ý thức giới có trong khi nào, thì ý thức giới vẫn có trong khi ấy.
- ***Pháp giới** trong khi có ra sao?* Tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là pháp giới có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng này gọi là nhị giới có trong khi ấy.

78.

***Tam thực** trong khi có ra sao?* Như là xúc thực, tư thực và thức thực.
- ***Xúc thực** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc thực có trong khi ấy.
- ***Tư thực** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Như thế gọi là có tư thực trong khi ấy.

- ***Thức thực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền và ý thức giới. Như thế gọi là có thức thực trong khi ấy.

  Những pháp chơn tướng này gọi là tam thực có trong khi ấy.

79.

Bát quyền *trong khi có ra sao?* Như là tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền và mạng quyền.

- ***Tín quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có đức tin, thái độ tín ngưỡng, sự quyết tin, sự rất tín trọng, tín quyền, tín lực tức là đức tin có trong khi nào, thì tín quyền vẫn có trong khi ấy.
- ***Cần quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự. Cần tức là cần quyền, cần lực, chánh tinh tấn có trong khi nào, thì cần quyền có trong khi ấy.
- ***Niệm quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên, niệm quyền tức là niệm, niệm lực, chánh niệm. Đó là vẫn có niệm quyền trong khi ấy.
- ***Định quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, (pháp) chỉ, định quyền, định lực và chánh định. Như thế gọi là định quyền có trong khi ấy.
- ***Tuệ quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, lương tri, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến có trong khi nào, thì tuệ quyền vẫn có trong khi ấy.
- ***Ý quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền và ý thức giới. Như thế gọi là ý quyền có trong khi ấy.
- ***Hỷ quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu thọ làm cho tâm hưởng vui, hưởng sướng sanh từ nơi sự xúc chạm của ý thức giới. Cách hứng chịu hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là hỷ quyền có trong khi ấy.
- ***Mạng quyền*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, dinh dưỡng, gọi mạng quyền tức là cách sống còn của danh pháp. Như thế gọi là mạng quyền có trong khi ấy.

  Những pháp chơn tướng như thế ấy gọi là bát quyền.

80.

Ngũ chi thiền *trong khi có ra sao?* Tức là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm[3].

- ***Tầm*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, nghĩ ngợi, suy xét, toan tính, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít cảnh, tư duy và chánh tư duy. Như thế gọi là tầm có trong khi ấy.

---

[3] Nhất tâm: định, nhất thống, nhất hành.

- ***Tứ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự gìn giữ cảnh cho tâm, chăm nom, kềm giữ, săn sóc cảnh, tâm khắn khít cảnh và cách đem tâm dính theo cảnh. Như thế gọi là tứ có trong khi ấy.
- *(Pháp) **Hỷ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự mừng no cả (thân) tâm, hớn hở, sự hân hoan, sự hài lòng, vui tươi, hoan lạc và rất mừng. Như thế gọi là (pháp) hỷ có trong khi ấy.
- *(Chi) **Lạc** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm vui, sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc và dụng nạp hứng chịu an vui từ ý xúc. Như thế gọi là lạc có trong khi ấy.
- ***Nhất tâm** trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ một chỗ, vững lòng vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không bối rối, pháp chỉ, định quyền, định lực và chánh định. Như thế gọi là nhất tâm có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng như thế đó gọi là ngũ chi thiền có trong khi ấy.

81.

***Ngũ chi đạo** trong khi có ra sao?* Như là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

- ***Chánh kiến** trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, lương tri, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến. Như thế gọi là chánh kiến có trong khi ấy.
- ***Chánh tư duy** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, nghĩ ngợi, suy xét, toan tính, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít cảnh và chánh tư duy. Như thế gọi là chánh tư duy có trong khi ấy.
- ***Chánh tinh tấn** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, tinh tấn tức là chánh tinh tấn, cần quyền và cần lực. Như thế gọi là chánh tinh tấn có trong khi ấy.
- ***Chánh niệm** trong khi có ra sao?* Khi nào có niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên, niệm tức là niệm quyền, niệm lực và nhớ ghi chánh trực. Như thế gọi là chánh niệm có trong khi ấy.
- ***Chánh định** trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, pháp chỉ hay là định quyền, định lực và chánh định. Như thế gọi là chánh định có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng như thế đó gọi là ngũ chi đạo có trong khi ấy.

82.

***Thất lực** trong khi có ra sao?* Như là tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực và úy lực.

- ***Tín lực** trong khi có ra sao?* Khi nào có đức tin, cách tín ngưỡng, sự quyết tin, tâm tịnh tín, đức tin tức là tín lực, tín quyền. Như thế gọi là tín lực có trong khi ấy.
- ***Cần lực** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, tức là cần, cần lực, cần quyền, chánh tinh tấn. Như thế gọi là cần lực có trong khi ấy.

- ***Niệm lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên tức là niệm, niệm lực, niệm quyền và chánh niệm. Như thế gọi là niệm lực có trong khi ấy.
- ***Định lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, pháp chỉ tức là định quyền, định lực, chánh định. Như thế gọi là định lực có trong khi ấy.
- ***Tuệ lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến. Như thế gọi là tuệ lực có trong khi ấy.
- ***Tàm lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự thẹn, cách mắc cỡ, những sự hổ thẹn đối với việc làm tội lỗi hay pháp bất thiện, hành vi như thế gọi là tàm lực có trong khi ấy.
- ***Úy lực*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự ghê tởm, cách sợ hãi, hành vi ghê sợ đối với việc làm tội lỗi hay pháp bất thiện. Những ghê sợ đó gọi là úy lực có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng này gọi là thất lực có trong khi ấy.

83.

Tam nhân *trong khi có ra sao?* Như là vô tham, vô sân và vô si.
- ***Vô tham*** *trong khi có ra sao?* Không ham, không muốn, không dục vọng, thái độ không tham, không muốn, không dục vọng, không tham ác. Căn thiện vô tham có trong khi nào, thì vô tham có trong khi ấy.
- ***Vô sân*** *trong khi có ra sao?* Không tính độc ác, không tính ác, không tính ép uổng, thái độ không hung dữ ác độc. Căn thiện vô sân có trong khi nào, thì vô sân có trong khi ấy.
- ***Vô si*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não). Tuệ là tuệ quyền, tuệ lực, chánh kiến, vô si là căn thiện vô si có trong khi nào, thì vô si có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng này gọi là tam nhân có trong khi ấy.

84.

Nhứt xúc *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng chạm, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm có trong khi nào, đây gọi là nhứt xúc có trong khi ấy.

85.

Nhứt thọ *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu thọ làm cho tâm hưởng vui, hưởng sướng sanh từ nơi xúc chạm của ý thức giới. Cách hứng chịu hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là nhứt thọ có trong khi ấy.

86.

Nhứt tưởng *trong khi có ra sao?*

Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Khi nào như thế, đó mới gọi là nhứt tưởng có trong khi ấy.

87.

Nhứt tư *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Như thế gọi là nhứt tư có trong khi ấy.

88.

Nhứt tâm *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền và ý thức giới. Như thế gọi là nhứt tâm có trong khi ấy.

89.

Nhứt thọ uẩn *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu thọ làm cho tâm hưởng vui, hưởng sướng sanh từ nơi sự xúc chạm của ý thức giới. Cách hứng chịu hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là nhứt thọ uẩn có trong khi ấy.

90.

Nhứt tưởng uẩn *trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Khi nào như thế, đó mới gọi là nhứt tưởng uẩn có trong khi ấy.

91.

Nhứt hành uẩn *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, hỷ, nhất tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô si, vô tham ác, vô sân độc, chánh kiến, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, lương tri, chỉ, quán, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) có trong khi nào, đây gọi là nhứt hành uẩn có trong khi ấy.

92.

Nhứt thức uẩn *trong khi có ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, thức, ý là ý xứ, ý quyền. Thức là thức uẩn, ý thức giới có trong khi nào, đây gọi là nhứt thức uẩn có trong khi ấy.

93.

Nhứt ý xứ *trong khi có ra sao?* Khi nào biết cảnh tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền và ý thức giới. Đó gọi là nhứt ý xứ có trong khi ấy.

94.

Nhứt ý quyền *trong khi có ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, thức, ý là ý xứ, ý quyền, thức là thức uẩn, ý thức giới có trong khi nào, đây gọi là nhứt ý quyền có trong khi ấy.

95.

Nhứt ý thức giới *trong khi có ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa... ý thức giới có trong khi nào, đây gọi là nhứt ý thức giới có trong khi ấy.

96.

Nhứt pháp xứ *trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Đây gọi là nhứt pháp xứ có trong khi ấy.

97.

Nhứt pháp giới *trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Đây gọi là nhứt pháp giới có trong khi ấy.

98.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

c) Phần tiêu diệt.

99.

Hay là chư pháp, chư uẩn, chư xứ, chư giới, chư thực, quyền, thiền, đạo, lực, nhân, xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, ý xứ, ý quyền, ý thức giới, pháp xứ, pháp giới. Hoặc những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

100.

Chư pháp *trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Như thế gọi là chư pháp có trong khi ấy.

101.

Chư uẩn *trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Đây gọi là chư uẩn có trong khi ấy.

102.

Chư xứ *trong khi có ra sao?* Như là ý xứ và pháp xứ. Đây gọi là chư xứ có trong khi ấy.

103.

Chư giới *trong khi có ra sao?* Như là ý thức giới và pháp giới. Đây gọi là chư giới có trong khi ấy.

104.

Chư thực *trong khi có ra sao?* Như là xúc thực, tư thực và thức thực. Đây gọi là chư thực có trong khi ấy.

105.

***Chư quyền** trong khi có ra sao?* Như là tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền và mạng quyền. Như thế gọi là chư quyền có trong khi ấy.

106.

***Thiền** trong khi có ra sao?* Như là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Như thế gọi là thiền có trong khi ấy.

107.

***Đạo** trong khi có ra sao?* Như là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đây gọi là đạo có trong khi ấy.

108.

***Lực** trong khi có ra sao?* Như là tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực. Như thế gọi là lực có trong khi ấy.

109.

***Nhân** trong khi có ra sao?* Như là vô tham, vô sân và vô si. Như thế gọi là nhân có trong khi ấy.

110.

***Xúc** trong khi có ra sao? ...* Như thế gọi là xúc có trong khi ấy.

111.

***Thọ** trong khi có ra sao*? **...** Như thế gọi là thọ có trong khi ấy.

112.

***Tưởng** trong khi có ra sao? ...* Như thế gọi là tưởng có trong khi ấy.

113.

***Tư** trong khi có ra sao? ...* Như thế gọi là tư có trong khi ấy.

114.

***Tâm** trong khi có ra sao? ...* Như thế gọi là tâm có trong khi ấy.

115.

***Thọ uẩn** trong khi có ra sao? ...* Như thế gọi là thọ uẩn có trong khi ấy.

116.

***Tưởng uẩn** trong khi có ra sao? ...* Như thế gọi là tưởng uẩn có trong khi ấy.

117.

***Hành uẩn** trong khi có ra sao? ...* Như thế gọi là hành uẩn có trong khi ấy.

118.

***Thức uẩn** trong khi có ra sao? ...* Như thế gọi là thức uẩn có trong khi ấy.

119.

***Ý xứ** trong khi có ra sao? ...* Như thế gọi là ý xứ có trong khi ấy.

120.

Ý quyền *trong khi có ra sao? ...* Như thế gọi là ý quyền có trong khi ấy.

121.

Ý thức giới *trong khi có ra sao? ...* Như thế gọi là ý thức giới có trong khi ấy.

122.

Pháp xứ *trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Như thế gọi là pháp xứ có trong khi ấy.

123.

Pháp giới *trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Như thế gọi là pháp giới có trong khi ấy.

124.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh trong khi ấy.

Những chơn tướng này đều gọi là pháp thiện.

Dứt phần tiêu diệt.

1.2) Tâm đại thiện thứ hai.

125.

Chư pháp thiện *là chi?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ, tương ưng trí hữu dẫn, hoặc có cảnh sắc... hoặc có cảnh pháp. Hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật vẫn có trong khi ấy.

Như thế gọi là chư pháp thiện.

1.3) Tâm đại thiện thứ ba.

126.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ, bất tương ưng trí hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những chi mở mối sanh trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô tham ác, vô sân độc, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, niệm, chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh, đều gọi là pháp thiện có trong khi ấy.

Những chơn tướng này đều gọi là pháp thiện.

127.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, thất quyền, ngũ chi thiền, tứ chi đạo, lục lực, nhị nhân, xúc I... pháp xứ I, pháp giới I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

128.

Hành uẩn *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, pháp hỷ, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, mạng quyền, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô tham ác, vô sân độc, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, niệm, chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) có trong khi nào, thì hành uẩn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

1.4) Tâm đại thiện thứ tư.

129.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ, bất tương ưng trí hữu dẫn, hoặc có cảnh sắc... hoặc có cảnh pháp. Hay là những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật vẫn có trong khi ấy...

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

1.5) Tâm đại thiện thứ năm.

130.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh xả, tương ưng trí, hoặc có cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp. Hay là những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhất tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô si, vô tham ác, vô sân độc, chánh kiến, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, niệm, lương tri, chỉ, quán, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng này gọi là pháp thiện.

131.

- ***Xúc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.
- ***Thọ*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu hưởng sự không vui, không buồn khổ sanh từ sự xúc chạm của ý thức giới. Cách hứng chịu không vui, không khổ (buồn) của tâm

sanh từ ý xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy không vui, không khổ (buồn) của tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là thọ có trong khi ấy.

- ***Xả** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hưởng phi hỷ, phi phi hỷ sanh từ ý xúc, hứng chịu phi khổ phi lạc, dụng nạp lãnh lấy cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xả có trong khi ấy.
- ***Xả quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hưởng phi hỷ, phi phi hỷ sanh từ ý xúc, hứng chịu phi khổ phi lạc, dụng nạp lãnh lấy cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xả quyền có trong khi ấy.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy.

Những chơn tướng như thế gọi là pháp thiện.

132.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, bát quyền, tứ chi thiền, ngũ chi đạo, thất lực, tam nhân, xúc I... pháp xứ I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy. Như thế đều gọi là pháp thiện.

133.

***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhất tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô si, vô tham ác, vô sân độc, chánh kiến, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, niệm, lương tri, chỉ, quán, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn). Như thế gọi là hành uẩn có trong khi ấy.

Những chơn tướng ấy gọi là pháp thiện.

1.6) Tâm đại thiện thứ sáu.

134.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh xả, tương ưng trí hữu dẫn, hoặc có cảnh sắc... hoặc cảnh pháp. Hay là những chi mở mối sanh trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng ấy gọi là pháp thiện.

1.7) Tâm đại thiện thứ bảy.

135.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh xả, bất tương ưng trí, hoặc có cảnh sắc... hoặc có cảnh pháp. Hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhất tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm,

chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô tham ác, vô sân độc, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, niệm, chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những pháp chơn tướng này gọi là pháp thiện.

136.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, thất quyền, tứ chi thiền, tứ chi đạo, lục lực, nhị nhân, xúc I... pháp xứ I, pháp giới I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này đều gọi là pháp thiện.

137.

Hành uẩn *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, mạng quyền, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô tham ác, vô sân độc, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, niệm, chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đó (trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn). Như thế đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

1.8) Tâm đại thiện thứ tám.

138.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh xả, bất tương ưng trí hữu dẫn, hoặc có cảnh sắc... hoặc có cảnh pháp. Hay là những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy... .

Những pháp chơn tướng này đều gọi là pháp thiện.

Dứt tám tâm thiện Dục giới
Dứt phần thứ nhì: 8.000 chữ Pālī

---

2) Thiện Sắc Giới

<u>Phân theo bốn bực.</u>

139.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục, vắng lặng tất cả pháp bất thiện, chứng sơ thiền nương đề mục đất làm cảnh hợp với tầm, tứ, hỷ, lạc và nhứt tâm trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

140.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tự nội yên tịnh, vắng lặng, ly tầm tứ, hiệp nhứt tâm, vô tầm, vô tứ, còn hỷ, lạc, nhứt tâm đến nhị thiền nương cảnh đề mục đất trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, pháp hỷ, lạc, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn... chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

141.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, bát quyền, tam chi thiền, tứ chi đạo, thất lực, tam nhân, xúc I... pháp xứ I, pháp giới I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

142.

Hành uẩn *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, pháp hỷ, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn... chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn). Như thế đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này đều gọi là pháp thiện.

143.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Bực tiến hóa theo đường lối hầu đến Sắc giới do tiêu tán pháp hỷ, luôn đến bực hiệp thọ xả, vẫn còn chánh niệm lương tri và hưởng lạc bằng danh thân. Chư Thánh hiền gọi bực ấy là người hiệp xả, vẫn có niệm và lạc như thế, chứng tam thiền bằng đề mục đất trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, lạc, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn... chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

144.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, bát quyền, nhị chi thiền, tứ chi đạo, thất lực, tam nhân, xúc I... pháp xứ I, pháp giới I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

145.

Hành uẩn *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn... chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn). Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

146.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hóa theo đường lối hầu đến Sắc giới chứng tứ thiền nương đề mục đất dứt bặt ưu hỷ, không khổ, không lạc, vẫn niệm thanh tịnh do xả, có trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, xả, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn... chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

147.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, bát quyền, nhị chi thiền, tứ chi đạo, thất lực, tam nhân, xúc I... pháp xứ I, pháp giới I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

148.

***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn... chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn đều có trong khi ấy. Như thế gọi là hành uẩn có trong khi đó.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

<u>Phân thiền năm bực.</u>

149.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền nương đề mục đất… có trong khi khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

150.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực chứng nhị thiền nương đề mục đất, không tầm có tứ, hỷ, lạc, nhứt tâm thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tứ, pháp hỷ, lạc, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn… chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

151.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, bát quyền, tứ chi thiền, tứ chi đạo, thất lực, tam nhân, xúc I… pháp xứ I, pháp giới I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng như thế gọi là pháp thiện.

152.

Hành uẩn *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tứ, pháp hỷ, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn… chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn). Như thế đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

153.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ… đắc tam thiền bằng đề mục đất trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, pháp hỷ, lạc, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn… chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

154.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, bát quyền, tam chi thiền, tứ chi đạo, thất lực, tam nhân, xúc I… pháp xứ I, pháp giới I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

155.

Hành uẩn *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, pháp hỷ, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn… chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn). Như thế gọi là hành uẩn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

156.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới đặng tiêu tán pháp hỷ… chứng tứ thiền bằng đề mục đất trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, lạc, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn… chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

157.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thiền, bát quyền, nhị chi thiền, tứ chi đạo, thất lực, tam nhân, xúc I… pháp xứ I, pháp giới I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

158.

***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn… chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn). Như thế gọi là hành uẩn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

159.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới trừ luôn lạc… đắc ngũ thiền bằng đề mục đất trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, xả, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn… chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

160.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, bát quyền, nhị chi thiền, tứ chi đạo, thất lực, tam nhân, xúc I… pháp xứ I, pháp giới I. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

161.

***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tinh tấn… chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn). Như thế gọi là hành uẩn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

<u>Tứ tiến hành (patipadā).</u>

162.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục... chứng sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

163.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc cấp... trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

164.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục... chứng sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành dị đắc cấp... trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

165.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành dị đắc cấp... trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

166.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ... đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... ngũ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc trì... bằng đề mục đất... mà hành nan đắc cấp... bằng đề mục đất... mà hành dị đắc trì... bằng đề mục đất... mà hành dị đắc cấp... trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

<u>Tứ cảnh.</u>

167.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà lực hy thiểu và cảnh hy thiểu trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật... có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

168.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

169.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà lực vô lượng, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

170.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền bằng đề mục đất... mà lực vô lượng, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

171.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền bằng đề mục đất... mà lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… lực hy thiểu, cảnh vô lượng… lực vô lượng, cảnh hy thiểu… lực vô lượng, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

<u>Chia thiền mỗi thứ thành mười sáu.</u>

172.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc trì, lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc trì và lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc trì và lực vô lượng, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc trì và lực vô lượng, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

173.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc cấp và lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc cấp và lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc cấp và lực vô lượng, cảnh hy thiểu... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành nan đắc cấp và lực vô lượng, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

174.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất… mà hành dị đắc trì và lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành dị đắc trì và lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành dị đắc trì và lực vô lượng, cảnh hy thiểu... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành dị đắc trì và lực vô lượng, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

175.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành dị đắc cấp và lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành dị đắc cấp và lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành dị đắc cấp và lực vô lượng, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất... mà hành dị đắc cấp và lực vô lượng,

cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

176.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng lìa tầm tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền… bằng đề mục đất…, mà hành nan đắc trì, lực hy thiểu cảnh hy thiểu…

- … hành nan đắc trì, lực hy thiểu cảnh vô lượng…
- … hành nan đắc trì, lực vô lượng cảnh hy thiểu…
- … hành nan đắc trì, lực vô lượng cảnh vô lượng…

- … hành nan đắc cấp, lực hy thiểu cảnh hy thiểu…
- … hành nan đắc cấp, lực hy thiểu cảnh vô lượng…
- … hành nan đắc cấp, lực vô lượng cảnh hy thiểu…
- … hành nan đắc cấp, lực vô lượng cảnh vô lượng…

- … hành dị đắc trì, lực hy thiểu cảnh hy thiểu…
- … hành dị đắc trì, lực hy thiểu cảnh vô lượng…
- … hành dị đắc trì, lực vô lượng cảnh hy thiểu…
- … hành dị đắc trì, lực vô lượng cảnh vô lượng…

- … hành dị đắc cấp, lực hy thiểu cảnh hy thiểu…
- … hành dị đắc cấp, lực hy thiểu cảnh vô lượng…
- … hành dị đắc cấp, lực vô lượng cảnh hy thiểu…
- … hành dị đắc cấp, lực vô lượng cảnh vô lượng…

… có trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt chia thiền mỗi thứ thành mười sáu.

177.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục nước… đề mục lửa… đề mục gió… đề mục màu xanh… đề mục màu vàng… đề mục màu đỏ… đề mục màu trắng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt tám đề mục phổ cập chia mỗi thứ thành mười sáu.

<u>Diệu xứ (*abhibhāyatana*).</u>

178.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư

dục… đắc nhị thiền… tam thiền... tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Tứ tiến hành *(paṭipadā).*

179.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc cấp trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, vắng lặng tầm, tứ… chứng nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… chứng sơ thiền… chứng ngũ thiền mà hành dị đắc trì… hành dị đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt tứ tiến hành.

Nhị cảnh (*ārammaṇa*).

180.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà lực hy thiểu cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, vắng lặng, lìa tầm tứ chứng nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… chứng sơ thiền… chứng ngũ thiền mà lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… lực vô lượng, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy… Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt nhị cảnh.

Chia thiền mỗi thứ thành mười sáu. (chia theo diệu xứ)

181.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì, lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì, lực vô lượng, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc cấp, lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc cấp và lực vô lượng, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc trì, lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền mà hành dị đắc trì, lực vô lượng, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc cấp và lực hy thiểu, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc cấp và lực vô lượng, cảnh hy thiểu… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu, quyết duy trì như thế, vắng lặng lìa tầm tứ… đắc nhị thiền… đắc tam thiền… đắc tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền… mà hành nan đắc trì, lực hy thiểu, cảnh hy thiểu…

  -… hành nan đắc trì, lực vô lượng cảnh hy thiểu…

  -… hành nan đắc cấp, lực hy thiểu cảnh hy thiểu…

-… hành nan đắc cấp, lực vô lượng cảnh hy thiểu…

-… hành dị đắc trì, lực hy thiểu cảnh hy thiểu…

-… hành dị đắc trì, lực vô lượng cảnh hy thiểu…

-… hành dị đắc cấp, lực hy thiểu cảnh hy thiểu…

-… hành dị đắc cấp, lực vô lượng cảnh hy thiểu…

… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt phần chia thiền mỗi thứ đặng mười sáu.

Diệu xứ.

182.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu màu tốt hoặc màu không tốt, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến, hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài hy thiểu màu tốt hoặc màu không tốt, quyết duy trì như thế, vắng lặng lìa tầm tứ… đắc nhị thiền… đắc tam thiền… đắc tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Diệu xứ chia mỗi thứ đặng tám như thế này.

183.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì như thế, vắng lặng lìa tầm tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Tứ tiến hành (*patipadā*).

184.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy... Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì sự thấy như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì sự nhận thấy như thế, vắng lặng lìa tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền… mà hành nan đắc nan… hành nan đắc cấp… hành dị đắc trì… hành dị đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt tứ tiến hành.

Nhị cảnh.

185.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì nhận thấy sắc như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì nhận thấy sắc như thế, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền mà hành nan đắc trì, lực đa cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy bên ngoài sắc vô lượng, quyết duy trì hiểu thấy sắc như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc cấp, lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt nhị cảnh.

Chia thiền mỗi thứ đặng tám cách.

186.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì sự thấy sắc ấy, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền mà hành nan đắc cấp, lực vô lượng cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì nhận thấy sắc như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc trì, lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến, hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì nhận thấy sắc ấy như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc trì, lực vô lượng, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì nhận thấy sắc ấy như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc cấp, lực vô lượng, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì sự nhận thấy sắc ấy, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc trì, lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì theo sự nhận thấy sắc ấy như thế, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền mà hành dị đắc trì, lực vô lượng, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài dồi dào, quyết duy trì theo sự nhận thấy sắc ấy, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền mà hành dị đắc cấp, lực hy thiểu, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì theo sự nhận thấy sắc ấy như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc cấp, lực vô lượng, cảnh vô lượng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, quyết duy trì theo sự nhận

thấy sắc ấy như thế, vắng lặng lìa tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền, mà hành nan đắc trì, lực hy thiểu và cảnh vô lượng…

-… hành nan đắc trì, lực vô lượng cảnh vô lượng…

-… hành nan đắc cấp, lực hy thiểu cảnh vô lượng…

-… hành nan đắc cấp, lực vô lượng cảnh vô lượng…

-… hành dị đắc trì, lực hy thiểu cảnh vô lượng…

-… hành dị đắc trì, lực vô lượng cảnh vô lượng…

-… hành dị đắc cấp, lực hy thiểu cảnh vô lượng…

-… hành dị đắc cấp, lực vô lượng cảnh vô lượng…

… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt cách chia thiền mỗi thứ đặng tám.

187.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, màu tốt hoặc không tốt, quyết duy trì sự thấy sắc ấy như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài vô lượng, có những màu tốt và không tốt, quyết duy trì sự nhận thấy như thế, vắng lặng tầm, tứ, đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền…… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

  Diệu xứ cũng chia mỗi thứ thành tám như thế này.

188.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài màu xanh, chói xanh, chất xanh, chiếu xanh, quyết duy trì nhận thấy sắc ấy như thế, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài màu vàng, vàng chói, vàng ánh, vàng chiếu… nhận thấy sắc bên ngoài đỏ, đỏ chói, đỏ đậm, chiếu đỏ… nhận thấy sắc bên ngoài trắng, chói trắng, trắng tinh, chiếu trắng, quyết duy trì nhận thấy sắc như thế đó, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

  Diệu xứ cũng chia mỗi thứ thành mười sáu như thế này.

Dứt diệu xứ.

Tam viên tịch (*vimokkha*).

189.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, đặng thấy những sắc, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, không quan trọng sắc bên trong, nhận thấy sắc bên ngoài, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, chăm chú tâm trong đề mục sắc màu cho rằng tốt, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Tam viên tịch cũng phân mỗi thứ thành mười sáu.

Dứt tam viên tịch.

Thiền tứ vô lượng tâm.

190.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với từ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền đồng sanh với từ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, lìa hỷ… đắc tam thiền đồng sanh với từ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với từ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, đắc nhị thiền đồng sanh với từ, vô tầm còn tứ, hỷ, lạc sanh từ định, trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ… chứng tam thiền đồng sanh với từ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, xa lìa hỷ… đắc tứ thiền đồng sanh với từ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với bi… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… đắc sơ thiền… đắc tứ thiền… đồng sanh với bi… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với tùy hỷ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… đắc sơ thiền… tứ thiền… đồng sanh với tùy hỷ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng lìa luôn chi lạc… đắc tứ thiền (cũng là ngũ thiền) đồng sanh với xả… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Thiền tứ vô lượng tâm phân mỗi thứ thành mười sáu.

Dứt thiền tứ vô lượng tâm.

Thiền bất mỹ (*asubhajhana*).

191.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với "tưởng tử thi sình"… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với "tưởng tử thi biến sắc"…

… đồng sanh với "tưởng tử thi chảy nước vàng"…

… đồng sanh với "tưởng tử thi bể nứt nở"…

… đồng sanh với "tưởng tử thi bị thú ăn"…

… đồng sanh với "tưởng tử thi rã hai"…

… đồng sanh với "tưởng tử thi rã từng miếng"…

… đồng sanh với "tưởng tử thi máu đọng nhẩm'…

… đồng sanh với "tưởng tử thi hóa dòi tửa"…

… đồng sanh với "tưởng tử thi rải rác"

… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Thiền bất mỹ cũng chia mỗi thứ đặng mười sáu.

Dứt thiện sắc giới.

---

3) Thiện Vô Sắc Giới

a) Tứ thiền vô sắc giới.

192.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, nhờ lướt qua những tưởng hữu hình, diệt tưởng phẫn nhuế, không còn tác ý tưởng dị, trừ luôn lạc… đắc tứ thiền xả thọ đồng sanh với Không vô biên xứ trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, do lướt khỏi những Không vô biên xứ đã trừ luôn lạc… đắc tứ thiền xả thọ đồng sanh với tưởng Thức vô biên xứ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, do lướt khỏi những Thức vô biên xứ, đã trừ luôn lạc… đắc tứ thiền xả thọ đồng sanh với tưởng Vô sở hữu xứ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, do lướt khỏi những Vô sở hữu xứ, đã trừ luôn lạc… đắc tứ thiền xả thọ đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bốn bực thiền vô sắc phân mỗi thứ thành mười sáu.

Dứt thiện Vô sắc giới.

b) Ba bực pháp thiện trong ba cõi.

<u>Thiện Dục giới.</u>

193.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Tâm Dục giới đồng sanh hỷ, tương ưng trí bực hạ *(hīna)*... bực trung *(majjhima)*… bực thượng *(paṇīta)*… có dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng…
  - Có dục trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
  - Có cần trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
  - Có tâm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
  - Có thẩm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….

… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ, tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ, bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ, bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả, tương ưng trí… đồng sanh xả, tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả, bất tương ưng trí… đồng sanh xả, bất tương ưng trí hữu dẫn… mà bực hạ… bực trung… bực thượng…

    - Có dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng…
    - Có dục trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
    - Có cần trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
    - Có tâm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…

  … trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt thiện Dục giới.

Thiện Sắc giới.

194.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền bằng đề mục đất… thành bực hạ… bực trung… bực thượng… có dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng…
    - Có dục trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
    - Có cần trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
    - Có tâm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
    - Có thẩm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….

  … trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền bằng đề mục đất… thành bực hạ… bực trung… bực thượng… có dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng….

    - Có dục trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
    - Có cần trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
    - Có tâm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
    - Có thẩm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….

  … trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt thiện Sắc giới.

Thiện Vô sắc giới.

195.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, do lướt qua những tưởng hữu hình, đã diệt tưởng phẫn nhuế, không còn tác ý tưởng dị, đã trừ luôn lạc… đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Không vô biên xứ mà thành bực hạ… bực trung… bực thượng… có dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng….
  - Có dục trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
  - Có cần trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
  - Có tâm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….
  - Có thẩm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng….

  … trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, do lướt khỏi những Không vô biên xứ, đã trừ luôn lạc… đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Thức vô biên xứ mà thành bực hạ… bực trung… bực thượng… có dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng….

  - Có dục trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
  - Có cần trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
  - Có tâm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
  - Có thẩm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…

  … trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, do lướt qua khỏi những Thức vô biên xứ, đã trừ luôn lạc… đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Vô sở hữu xứ… vẫn thành bực hạ… bực trung… bực thượng… có dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng… .

  - Có dục trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
  - Có cần trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
  - Có tâm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
  - Có thẩm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…

  … có trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, do lướt qua khỏi những Vô sở hữu xứ, đã trừ luôn lạc… đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ… mà thành bực hạ… bực trung… bực thượng… có dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng…

  - Có dục trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
  - Có cần trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
  - Có tâm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…
  - Có thẩm trưởng mà bực hạ… bực trung… bực thượng…

  … trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt thiện Vô sắc giới.

---

4) Tâm Thiện Siêu Thế

4.1) Tâm thiện siêu thế (Lối hẹp có bốn).

a) Tâm đạo thứ nhứt.

196.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan đưa khỏi khổ, đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, trong sạch lìa bất thiện, đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì hiệp với tầm, tứ, hỷ, sanh từ yên tĩnh trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, pháp hỷ, lạc, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, tri dị tri quyền, chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô si, vô tham ác, vô sân độc, chánh kiến, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, (chánh) niệm, lương tri, (pháp) chỉ, (pháp) quán, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

197.

Xúc *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.

198.

Thọ *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu thọ làm cho tâm hưởng vui, hưởng sướng sanh từ nơi sự xúc chạm của ý thức giới. Cách hứng chịu hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là thọ có trong khi ấy.

199.

Tưởng *trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng, sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Khi nào như thế đó, mới gọi là tưởng có trong khi ấy.

200.

Tư *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Như thế gọi là tư có trong khi ấy.

201.

Tâm *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền, và ý thức giới. Như thế gọi là có tâm trong khi ấy.

202.

Tầm *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, nghĩ ngợi, suy xét, toan tính, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít cảnh, tư duy, chánh tư duy là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là có tầm trong khi ấy.

203.

Tứ *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự gìn giữ cảnh cho tâm, chăm nom, kềm giữ, săn sóc cảnh, tâm khắn khít cảnh và cách tâm dính theo cảnh. Như thế gọi là tứ có trong khi ấy.

204.

(Pháp) Hỷ *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự mừng no cả (thân) tâm, sự hớn hở, sự hân hoan, sự hài lòng, vui tươi, hoan lạc, rất mừng, hỷ giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là (pháp) hỷ có trong khi ấy.

205.

Lạc *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm vui, sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc, dụng nạp hứng chịu an vui từ ý xúc. Như thế gọi là lạc có trong khi ấy.

206.

Nhứt tâm *trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ một chỗ, vững lòng vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không bối rối, pháp chỉ, định quyền, định lực, chánh định và định giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo có trong khi nào, thì nhứt tâm có trong khi ấy.

207.

Tín quyền *trong khi có ra sao?* Khi nào có đức tin, thái độ tín ngưỡng, sự quyết tin, sự rất tín trọng, tín lực, tín quyền, tức là đức tin có trong khi nào, thì tín quyền có trong khi ấy.

208.

Cần quyền *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, cần tức là cần quyền, cần lực, cần giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, chánh tinh tấn có trong khi nào, thì cần quyền có trong khi ấy.

209.

Niệm quyền *trong khi có ra sao?* Khi nào có niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên, niệm quyền tức là niệm, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Đó là vẫn có niệm quyền trong khi ấy.

210.

Định quyền *trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, pháp chỉ, định quyền, định lực, chánh định, định giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là định quyền có trong khi ấy.

211.

Tuệ quyền *trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, lương tri, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách

hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến, trạch pháp, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo có trong khi nào, thì tuệ quyền vẫn có trong khi ấy.

212.

***Ý quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền sanh từ ý thức giới có trong khi nào, thì ý quyền có trong khi ấy.

213.

***Hỷ (thọ)** quyền trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hỷ, sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc, hay dụng nạp hứng chịu sự an vui từ ý xúc. Như thế gọi là hỷ quyền có trong khi ấy.

214.

***Mạng quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, dinh dưỡng, gọi mạng quyền tức là cách sống còn của danh pháp. Như thế gọi là mạng quyền có trong khi ấy.

215.

***Tri dị tri quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến, trạch pháp, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là tri dị tri quyền có trong khi ấy.

216.

***Chánh kiến** trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến, trạch pháp, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh kiến có trong khi ấy.

217.

***Chánh tư duy** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, sự nghĩ ngợi, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít cảnh, tư duy, chánh tư duy là chi của đạo, liên quan trong đạo có trong khi nào, thì chánh tư duy có trong khi ấy.

218.

***Chánh ngữ** trong khi có ra sao?* Sự chừa bỏ, cách chừa bỏ, càng chừa bỏ, tránh xa không làm, không đá động, không hiệp tác, không phạm đến tứ ác ngữ, chánh ngữ là chi

của đạo, trọn liên hệ trong đạo, lời nói chơn chánh có trong khi nào, thì chánh ngữ có trong khi ấy.

219.

Chánh nghiệp *trong khi có ra sao?* Sự chừa bỏ, cách chừa bỏ, càng chừa bỏ, tránh xa, không làm, không đá động, không hiệp tác, không phạm tứ ác ngữ, chánh nghiệp là chi của đạo, liên hệ trong đạo, hành động chơn chánh có trong khi nào, thì chánh nghiệp có trong khi ấy.

220.

Chánh mạng *trong khi có ra sao?* Sự chừa bỏ, cách chừa bỏ, càng chừa bỏ, tránh xa không làm, không đá động, không hiệp tác, không phạm tà mạng, chánh mạng là chi của đạo, trọn liên hệ trong đạo, sự nuôi mạng chơn chánh có trong khi nào, thì chánh mạng có trong khi ấy.

221.

Chánh tinh tấn *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, cần tức là cần quyền, cần lực, chánh tinh tấn và cần giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo có trong khi nào, thì chánh tinh tấn có trong khi ấy.

222.

Chánh niệm *trong khi có ra sao?* Khi nào có niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên, niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo có trong khi nào, thì chánh niệm có trong khi ấy.

223.

Chánh định *trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, pháp chỉ tức là định quyền, định lực, chánh định, định giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh định có trong khi ấy.

224.

Tín lực *trong khi có ra sao?* Khi nào có đức tin, cách tín ngưỡng, sự quyết tin, tâm tịnh tín, đức tin tức là tín quyền, tín lực. Như thế gọi là tín lực có trong khi ấy.

225.

Cần lực *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, cần tức là cần quyền, cần lực, chánh tinh tấn và cần giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là cần lực có trong khi ấy.

226.

Niệm lực *trong khi có ra sao?* Khi nào có niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên, niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm,

niệm giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là niệm lực có trong khi ấy.

227.

***Định lực** trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, pháp chỉ tức là định quyền, định lực, chánh định, định giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là định lực có trong khi ấy.

228.

***Tuệ lực** trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), tức là vô si, tuệ quyền, chánh kiến, trạch pháp, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là tuệ lực vẫn có trong khi ấy.

229.

***Tàm lực** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự thẹn, cách mắc cỡ, những sự hổ thẹn đối với việc làm tội lỗi hay pháp bất thiện. Hành vi như thế gọi là tàm lực vẫn có trong khi ấy.

230.

***Úy lực** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự ghê tởm, cách sợ hãi, hành vi ghê sợ với việc làm tội lỗi hay pháp bất thiện. Những ghê sợ đó gọi là úy lực có trong khi ấy.

231.

***Vô tham** trong khi có ra sao?* Khi nào có vô tham là không ham muốn, không nhiễm đắm, không tham ác, không mong mỏi, không tham vọng, cách không tham, hành vi không tham, tức là căn thiện vô tham. Như thế gọi là vô tham có trong khi ấy.

232.

***Vô sân** trong khi có ra sao?* Khi nào không có sự giận dỗi, không hờn, không tức mình, không tính hại, không nghĩ đến sự ác độc tức là căn thiện vô sân. Như thế gọi là vô sân có trong khi ấy.

233.

***Vô si** trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến, trạch pháp, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là vô si có trong khi ấy.

234.

Vô tham ác *trong khi có ra sao?* Như là sự trái với tham, sự không ham muốn, không nhiễm đắm, không tham lam, không mong mỏi, không tham vọng, cách không tham, hành vi không tham, vô tham ác, tức là căn thiện vô tham có trong khi nào, thì vô tham ác có trong khi ấy.

235.

Vô sân độc *trong khi có ra sao?* Khi nào không có sự giận dữ, không hờn, không tức mình, không tính hại, không nghĩ đến sự ác độc, vô sân tức là căn thiện có trong khi nào, thì vô sân độc có trong khi ấy.

236.

Chánh kiến *trong khi có ra sao?* Khi nào có tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), tuệ quyền, chánh kiến, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh kiến vẫn có trong khi ấy.

237.

Tàm *trong khi có ra sao?* Trạng thái hổ thẹn với cách hành động ác xấu đáng hổ thẹn, thái độ hổ thẹn với những pháp tội ác có trong khi nào, thì tàm có trong khi ấy.

238.

Úy *trong khi có ra sao?* Trạng thái ghê sợ với hành động xấu đáng ghê sợ, thái độ ghê sợ với những tội ác có trong khi nào, thì úy có trong khi ấy.

239.

Tĩnh thân *trong khi có ra sao?* Trạng thái tĩnh, tự yên, tự tĩnh, thái độ tĩnh, cách tự yên tự tĩnh của thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và yên tĩnh giác chi. Như thế gọi là tĩnh thân có trong khi ấy.

240.

Tĩnh tâm *trong khi có ra sao?* Trạng thái tĩnh, tự yên, tự tĩnh, thái độ tĩnh, cách tự yên tĩnh của thức uẩn và yên tĩnh giác chi. Như thế gọi là tĩnh tâm có trong khi ấy.

241.

Khinh thân *trong khi có ra sao?* Sự nhẹ nhàng, cách thay đổi nhẹ nhàng, không nặng nề, không sần sượng của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì khinh thân có trong khi ấy.

242.

Khinh tâm *trong khi có ra sao?* Sự nhẹ nhàng, cách thay đổi nhẹ nhàng, không nặng nề, không sần sượng của thức uẩn có trong khi nào, thì khinh tâm có trong khi ấy.

243.

Nhu thân *trong khi có ra sao?* Sự mềm dịu, không cứng, không kiên ngạnh của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì nhu thân có trong khi ấy.

244.

Nhu tâm *trong khi có ra sao?* Sự mềm, sự dịu, không cứng, không kiên ngạnh của thức uẩn có trong khi nào, thì nhu tâm có trong khi ấy.

245.

Thích thân *trong khi có ra sao?* Sự thích hợp với việc làm, cách thích hợp với việc làm, trạng thái thích hợp việc làm của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì thích thân có trong khi ấy.

246.

Thích tâm *trong khi có ra sao?* Sự thích hợp với việc làm, cách thích hợp với việc làm, trạng thái thích hợp việc làm của thức uẩn có trong khi nào, thì thích tâm có trong khi ấy.

247.

Thuần thân *trong khi có ra sao?* Sự thuần thục, cách thuần thục, trạng thái thuần thục của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì thuần thân có trong khi ấy.

248.

Thuần tâm *trong khi có ra sao?* Sự thuần thục, cách thuần thục, trạng thái thuần thục của tâm có trong khi nào, thì thuần tâm có trong khi ấy.

249.

Chánh thân *trong khi có ra sao?* Sự ngay thẳng, cách ngay thẳng, không cong vạy, không co vẹo của thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn có trong khi nào, thì chánh thân có trong khi ấy.

250.

Chánh tâm *trong khi có ra sao?* Sự ngay thẳng, cách ngay thẳng, không cong vạy, không co vẹo của thức uẩn có trong khi nào, thì chánh tâm có trong khi ấy.

251.

Niệm *trong khi có ra sao?* Như là chánh niệm, phụ niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên, niệm quyền tức là niệm, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là niệm có trong khi ấy.

252.

Lương tri *trong khi có ra sao?* Như là tuệ, sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là lương tri có trong khi ấy.

253.

***Chỉ** trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, (pháp) chỉ cũng gọi là định quyền, định lực, chánh định và định giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chỉ vẫn có trong khi ấy.

254.

*(Pháp) **Quán** trong khi có ra sao?* Như là tuệ, sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng là vô si, tuệ quyền, chánh kiến, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là (pháp) quán có trong khi ấy.

255.

***Chiếu cố** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, cần miễn tức là cần, cần quyền, cần lực, chánh tinh tấn và cần giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chiếu cố có trong khi ấy.

256.

***Vô phóng dật** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, vô phóng dật tức là (pháp) chỉ, định quyền, định lực, chánh định và định giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là vô phóng dật có trong khi ấy.

257.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

258.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, cửu quyền, ngũ chi thiền, bát chi đạo, thất lực, tam nhân xúc I, thọ I, tưởng I, tư I, tâm I, thọ uẩn I, tưởng uẩn I, hành uẩn I, thức uẩn I, ý xứ I, ý quyền I, ý thức giới I, pháp xứ I, pháp giới I, đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

259.

Như là xúc, tư, tầm, tứ, hỷ, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, tri dị tri quyền, chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô si, vô tham ác, vô sân độc, chánh kiến, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, niệm, lương tri, chỉ, quán, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn có trong khi nào, thì hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt lối hẹp có bốn.

4.2) Tâm thiện siêu thế (Cách rộng có hai mươi).

Phần tịnh tiến hành.

260.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc nan trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

261.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

262.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành dị đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

263.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền mà hành dị đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

264.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền… mà hành nan đắc trì… hành nan đắc cấp… hành dị đắc trì… hành dị đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt phần tịnh tiến hành.

Chủng tiêu diệt (*suññata*).

265.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền bằng chủng tiêu diệt… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt phần chủng tiêu diệt.

Phần căn tiêu diệt tiến hành.

266.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành dị đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì… bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc cấp… bằng chủng tiêu diệt mà hành dị đắc trì… bằng chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt phần tiêu diệt.

Chủng phi nội (*appaṇthita*).

267.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng phi nội… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc ngũ thiền bằng chủng phi nội… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt chủng phi nội.

Phần căn phi nội tiến hành.

268.

- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành dị đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành dị đắc cấp… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc cấp… chủng phi nội mà hành dị đắc trì… chủng phi nội mà hành dị đắc cấp trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt phần căn phi nội tiến hành.

269.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối siêu thế… tu tiến tứ niệm xứ đến siêu thế… tu tiến tứ chánh cần đến siêu thế… tu tiến như ý túc đến siêu thế… tu tiến quyền đến siêu thế… tu tiến lực đến siêu thế… tu tiến giác chi đến siêu thế… tu tiến đế đến siêu thế… tu tiến chỉ đến siêu thế… tu tiến pháp đến siêu thế… tu tiến uẩn đến siêu thế… tu tiến giới đến siêu thế… tu tiến thực đến siêu thế… tu tiến xúc đến siêu thế… tu tiến thọ đến siêu thế… tu tiến tưởng đến siêu thế… tu tiến tư đến siêu thế… tu tiến tâm đến siêu thế… cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến,

hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt cách rộng hai mươi.

Trưởng (*adhipati*).

270.

- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền… bằng dục trưởng… cần trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng… mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
- ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối siêu thế… tu tiến tứ niệm xứ đến siêu thế… tu tiến chánh cần đến siêu thế… tu tiến như ý túc đến siêu thế… tu tiến quyền đến siêu thế… tu tiến lực đến siêu thế… tu tiến giác chi đến siêu thế… tu tiến đế đến siêu thế… tu tiến chỉ đến siêu thế… tu tiến pháp đến siêu thế… tu tiến uẩn đến siêu thế… tu tiến xứ đến siêu thế… tu tiến giới đến siêu thế… tu tiến thực đến siêu thế… tu tiến xúc đến siêu thế… tu tiến thọ đến siêu thế… tu tiến tưởng đến siêu thế… tu tiến tư đến siêu thế… tu tiến tâm đến siêu thế… cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng dục trưởng… tâm trưởng… thẩm trưởng mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt trưởng và dứt tâm đạo thứ nhứt.

b) Tâm đạo thứ hai.

271.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng chứng bực thứ hai hầu giảm bớt ái dục và sân độc cho nhẹ nhàng, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… tri dĩ tri quyền… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt tâm đạo thứ hai.

c) Tâm đạo thứ ba.

272.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo hầu chứng bực thứ ba, đặng bớt ái dục và sân độc đều tuyệt, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… tri dĩ tri quyền… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt tâm đạo thứ ba.

d) Tâm đạo thứ tư.

273.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo, hầu chứng bực thứ tư, đặng trừ sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng dật và vô minh đều tuyệt không còn, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… tri dĩ tri quyền… vô phóng dật đều có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

274.

***Tri dĩ tri quyền** trong khi có ra sao?* Tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tánh, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi vi tế, suy xét, gạn xét, quán xét, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, (tuệ trừ tuyệt phiền não), cũng gọi vô si, chánh kiến, trạch pháp, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, có trong khi nào, thì tri dĩ tri quyền… vô phóng dật có trong khi ấy…. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Dứt tâm đạo thứ tư và dứt tâm thiện siêu thế.

II. PHÁP BẤT THIỆN

12 TÂM BẤT THIỆN

1) Tâm bất thiện thứ nhứt.

Phần chi pháp.

275.

Chư pháp bất thiện *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh hỷ, tương ưng tà kiến; hoặc có cảnh sắc, thinh, khí, vị, xúc, pháp, hay là những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, hỷ, lạc, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, tà kiến, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, tham, si, tham ác, tà kiến, vô tàm, vô úy, (pháp) chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

276.

Xúc *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.

277.

Thọ *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu thọ làm cho tâm hưởng vui, hưởng sướng sanh từ nơi sự xúc chạm của ý thức giới. Cách hứng chịu hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là thọ có trong khi ấy.

278.

Tưởng *trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng, sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Khi nào như thế đó, mới gọi là tưởng có trong khi ấy.

279.

Tư *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Như thế gọi là tư có trong khi ấy.

280.

Tâm *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền và ý thức giới. Như thế gọi là tâm có trong khi ấy.

281.

Tầm *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, nghĩ ngợi, suy xét, toan tính, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít cảnh và tà tư duy. Như thế gọi là có tầm có trong khi ấy.

282.

Tứ *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự gìn giữ cảnh cho tâm, chăm nom, kềm giữ, săn sóc cảnh, tâm khắn khít cảnh và cách tâm dính theo cảnh. Như thế gọi là tứ có trong khi ấy.

283.

*(Pháp) **Hỷ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự mừng no cả (thân) tâm, sự hớn hở, sự hân hoan, sự hài lòng, vui tươi, hoan lạc và rất mừng. Như thế gọi là (pháp) hỷ có trong khi ấy.

284.

***Lạc** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm vui, sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc và dụng nạp hứng chịu an vui từ ý xúc. Như thế gọi là lạc có trong khi ấy.

285.

***Nhứt tâm** trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ một chỗ, vững lòng vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không bối rối, (pháp) chỉ, định quyền, định lực, tà định. Như thế gọi là nhứt tâm có trong khi ấy.

286.

***Cần quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, cần tức là cần quyền, cần lực và tà tinh tấn có trong khi nào, thì cần quyền có trong khi ấy.

287.

***Định quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, (pháp) chỉ, định quyền, định lực và tà định. Như thế gọi là định quyền có trong khi ấy.

288.

***Ý quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền, sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là ý quyền có trong khi ấy.

289.

***Hỷ quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hỷ, sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc, hay dụng nạp hứng chịu sự an vui từ ý xúc. Như thế gọi là hỷ quyền có trong khi ấy.

290.

***Mạng quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, dinh dưỡng, gọi mạng quyền tức là cách sống còn của danh pháp. Như thế gọi là mạng quyền có trong khi ấy.

291.

***Tà kiến** trong khi có ra sao?* Kiến thức tức là thiên kiến, hoang vu kiến, ký khu kiến, thù nghịch kiến, biến hóa kiến, kiến thức như triền, chấp trước nghịch kiến, kiến hoặc, khinh thị, lộ đồ sai, tà đạo, sự sai căn nguyên tà giáo, chấp ngược có trong khi nào, đây gọi là tà kiến có trong khi ấy.

292.

Tà tư duy *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, nghĩ ngợi, suy xét, toan tính, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít cảnh và tà tư duy. Như thế gọi là tà tư duy có trong khi ấy.

293.

Tà tinh tấn *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, tinh tấn tức là tà tinh tấn, cần quyền và cần lực. Như thế gọi là tà tinh tấn có trong khi ấy.

294.

Tà định *trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, (pháp) chỉ, cũng gọi định quyền, định lực và tà định. Như thế gọi là tà định có trong khi ấy.

295.

Cần lực *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, cần tức là cần quyền, cần lực và tà tinh tấn. Như thế gọi là cần lực có trong khi ấy.

296.

Định lực *trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, (pháp) chỉ, cũng gọi định quyền, định lực và tà định. Như thế gọi là định lực có trong khi ấy.

297.

Vô tàm lực *trong khi có ra sao?* Khi nào không có sự hổ thẹn, cách không mắc cỡ, những sự không hổ thẹn đối với việc làm tội lỗi hay pháp bất thiện. Những hành vi như thế gọi là vô tàm lực có trong khi ấy.

298.

Vô úy lực *trong khi có ra sao?* Khi nào không có sự ghê tởm, cách không sợ hãi, hành vi không ghê sợ đối với việc làm tội lỗi hay pháp bất thiện. Những sự không ghê sợ đó gọi là vô úy lực có trong khi ấy.

299.

Tham *trong khi có ra sao?* Cách ham, sự muốn, rất muốn, dục vọng, yêu mến, rất yêu mến, tham là căn bất thiện có trong khi nào, đây gọi là tham có trong khi ấy.

300.

Si *trong khi có ra sao?* Cách vô tri, sự bất kiến, chẳng hiểu thấu, không chịu lý đáng biết, chẳng hiểu theo chơn chánh, không thấu đáo, không cần dùng theo đúng đắn, không công nhận lối đầy đủ, chẳng phán đoán, chẳng suy xét, không chịu làm cho minh hiển, tệ hèn, ngây ngô, khờ khạo, không biết chi, sự mê mờ, sự say mê, sự mê hoặc, cũng là vô minh, vô minh bộc, vô minh phối hợp, vô minh tùy miên, vô minh chi phối, vô minh là chốt gài. Si cũng là căn bất thiện có trong khi nào, đây gọi là si có trong khi ấy.

301.

***Tham ác** trong khi có ra sao?* Cách ham, sự muốn, rất muốn, dục vọng, yêu mến, rất yêu mến, tham là căn bất thiện có trong khi nào, đây gọi là tham ác có trong khi ấy.

302.

***Tà kiến** trong khi có ra sao?* Kiến thức tức là thiên kiến, hoang vu kiến, ký khu kiến, thù nghịch kiến, biến hóa kiến, kiến thức như triền, chấp trước, nghịch kiến, kiến hoặc, khinh thị, lộ đồ sai, tà đạo, sự sai căn nguyên, tà giáo, chấp ngược có trong khi nào, đây gọi là tà kiến có trong khi ấy.

303.

***Vô tàm** trong khi có ra sao?* Trạng thái không hổ thẹn với cách hành động ác xấu đáng hổ thẹn, thái độ không hổ thẹn với những pháp tội ác có trong khi nào, thì vô tàm có trong khi ấy.

304.

***Vô úy** trong khi có ra sao?* Trạng thái không ghê sợ với hành động xấu đáng ghê sợ, thái độ không ghê sợ với những tội ác có trong khi nào, thì vô úy vẫn có trong khi ấy.

305.

***Chỉ** trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, (pháp) chỉ, cũng gọi định quyền, định lực và tà định có trong khi nào, thì (pháp) chỉ có trong khi ấy.

306.

***Chiếu cố** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm siêng năng, cố gắng, tinh tấn, sấn sướt, lướt tới, tiến đến, ráng thêm, chịu đựng, bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, phò trì phận sự, cần miễn tức là cần, cần quyền, cần lực và tà tinh tấn có trong khi nào, thì chiếu cố vẫn có trong khi ấy.

307.

***Vô phóng dật** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đình trụ, vững lòng, vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không rong ruổi, vô phóng dật tức là (pháp) chỉ, định quyền, định lực và tà định có trong khi nào, thì vô phóng dật vẫn có trong khi ấy.

308.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

309.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, ngũ quyền, ngũ chi thiền, tứ chi đạo, tứ lực, nhị nhân, xúc 1, pháp xứ 1, pháp giới 1. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

310.

***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, pháp hỷ, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, mạng quyền, tà kiến, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm

lực, vô úy lực, tham, si, tham ác, tà kiến, vô tàm, vô úy, chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

2) Tâm bất thiện thứ nhì.

311.

Chư pháp bất thiện *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh hỷ, tương ưng tà kiến hữu dẫn. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh… hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật đều có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

3) Tâm bất thiện thứ ba.

312.

Chư pháp bất thiện *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh hỷ, bất tương ưng tà kiến. Hoặc có sắc, thinh, khí, vị, xúc, pháp làm cảnh. Hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, (pháp) hỷ, lạc, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, tham, si, tham ác, vô tàm, vô úy, (pháp) chỉ, chiếu cố, vô phóng dật đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

313.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, ngũ quyền, ngũ chi thiền, tam chi đạo, tứ lực, nhị nhân, xúc 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

314.

Hành uẩn *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, (pháp) hỷ, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, mạng quyền, tà kiến, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, tham, si, tham ác, vô tàm, vô úy, (pháp) chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh trừ thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn cũng đều có trong khi ấy. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

4) Tâm bất thiện thứ tư.

315.

Chư pháp bất thiện *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh hỷ, bất tương ưng tà kiến hữu dẫn. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh… hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật đều có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

5) Tâm bất thiện thứ năm.

316.

***Chư pháp bất thiện** trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh xả, tương ưng tà kiến. Hoặc có sắc, thinh, khí, vị, xúc, hay pháp làm cảnh. Hay là những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, tham, si, tham ác, vô tàm, vô úy, (pháp) chỉ, chiếu cố, vô phóng dật, hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

317.

- ***Xúc** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.
- ***Thọ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm phi hỷ, phi phi hỷ sanh từ ý xúc, phối hợp ý thức giới, thọ hưởng phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là thọ có trong khi ấy.
- ***Xả** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hứng chịu phi ưu phi hỷ sanh từ nơi ý xúc, thọ hưởng phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc trong khi nào, thì xả có trong khi ấy.
- ***Xả quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hứng chịu phi ưu phi hỷ sanh từ nơi ý xúc, thọ hưởng phi khổ phi lạc sanh từ nơi ý xúc trong khi nào, thì xả quyền có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

318.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, ngũ quyền, tứ chi thiền, tứ chi đạo, ngũ lực, nhị nhân, xúc I… pháp xứ I, pháp giới I đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

319.

***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, mạng quyền, tà kiến, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, tham, si, tham ác, tà kiến, vô tàm, vô úy, pháp chỉ, chiếu cố, vô phóng dật, hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) cũng vẫn có trong khi ấy. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

6) Tâm bất thiện thứ sáu.

320.

***Chư pháp bất thiện** trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh xả, tương ưng tà kiến hữu dẫn… hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh… hay những chi mở mối

sanh ra trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

7) Tâm bất thiện thứ bảy.

321.

Chư pháp bất thiện *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh xả, bất tương ưng tà kiến. Hoặc có sắc, thinh, khí, vị, xúc hay pháp làm cảnh. Hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, tham, si, tham ác, vô tàm, vô úy, pháp chỉ, chiếu cố, vô phóng dật, hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

322.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, ngũ quyền, tứ chi thiền, tam chi đạo, tứ lực, nhị nhân, xúc 1… pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

323.

Hành uẩn *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, tham, si, tham ác, vô tàm, vô úy, chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn đều có trong khi ấy. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

8) Tâm bất thiện thứ tám.

324.

Chư pháp bất thiện *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh xả, bất tương ưng tà kiến hữu dẫn… hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh… hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

9) Tâm bất thiện thứ chín.

325.

Chư pháp bất thiện *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh ưu thọ, tương ưng phẫn nhuế, hoặc có sắc, thinh, khí, vị, xúc hay pháp làm cảnh; hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, khổ, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, ưu quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, sân, si, sân độc, vô tàm, vô úy, (pháp) chỉ, chiếu cố, vô phóng

dật đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

326.

- ***Xúc** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng chạm, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.
- ***Thọ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hưởng buồn khổ phi hỷ sanh từ ý xúc, phối hợp ý thức giới, hứng chịu buồn khổ phi hỷ sanh từ ý xúc. Như thế gọi là thọ có trong khi ấy.
- ***Khổ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hưởng buồn khổ phi hỷ sanh từ ý xúc, hứng chịu buồn khổ phi hỷ sanh từ ý xúc. Như thế gọi là khổ có trong khi ấy.
- ***Ưu quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hưởng buồn khổ phi hỷ sanh từ ý xúc, hứng chịu buồn khổ phi hỷ sanh từ ý xúc. Như thế gọi là ưu quyền có trong khi ấy.
- ***Sân** trong khi có ra sao?* Cách tính ác độc, sự tính ác độc, thái độ tính ác độc, cách tính ám hại, sự tính ám hại, thái độ tính ám hại, sự sân, sự tức tối, sự hung dữ, sự ác khẩu, cách tâm không thơ thới có trong khi nào, đây gọi là sân có trong khi ấy.
- ***Sân độc** trong khi có ra sao?* Cách tính ác độc, sự tính ác độc, thái độ tính ác độc, cách tính ám hại, sự tính ám hại, thái độ tính ám hại, sự sân, sự tức tối, sự hung dữ, sự ác khẩu, cách tâm không thơ thới có trong khi nào, đây gọi là sân độc có trong khi ấy.

  Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

327.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, ngũ quyền, tứ chi thiền, tam chi đạo, tứ lực, nhị nhân, xúc 1… pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

328.

Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, sân, si, sân độc, vô tàm, vô úy, (pháp) chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) cũng có trong khi ấy. Như thế gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

10) Tâm bất thiện thứ mười.

329.

***Chư pháp bất thiện** trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh ưu thọ, tương ưng phẫn nhuế hữu dẫn, hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh, hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

11) Tâm bất thiện thứ mười một.

330.

Chư pháp bất thiện *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh xả, tương ưng hoài nghi, hoặc có sắc, thinh, khí, vị, xúc, hay pháp làm cảnh; hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, cần quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, cần lực, vô tàm lực, vô úy lực, hoài nghi, si, vô tàm, vô úy, chiếu cố, vô phóng dật đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

331.

- ***Xúc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng chạm, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.
- ***Nhứt tâm*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào có sự đình trụ của tâm… thì khi ấy gọi là có nhứt tâm trong khi ấy.
- ***Hoài Nghi*** *trong khi có ra sao?* Khi nào nghi ngờ, nghi hoặc, nghi nan, xét thấy lạ lùng, khác biệt, sự quyết đoán cảnh không đặng, sự nhận thấy thành hai khía cạnh, sự nhận thấy như đường rẽ hai, cách nghi ngờ, sự không quyết một, sự tính vớ vẩn, suy xét vu vơ, sự không thể dứt khoát, sự sần sượng của tâm, ý do dự. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

332.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tứ quyền, tứ chi thiền, nhị chi đạo, tam lực, nhân 1, xúc 1… pháp xứ 1, pháp giới 1. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

333.

Hành uẩn *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, cần quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, cần lực, vô tàm lực, vô úy lực, hoài nghi, si, vô tàm, vô úy, chiếu cố. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) vẫn có trong khi ấy. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

12) Tâm bất thiện thứ mười hai.

334.

Chư pháp bất thiện *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh xả, tương ưng phóng dật, hoặc có sắc, thinh, khí, vị, xúc, hay pháp làm cảnh. Hay là những chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, phóng dật, si, vô tàm, vô úy, (pháp) chỉ, chiếu cố, vô phóng dật.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

335.

- ***Xúc** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.
- ***Phóng dật** trong khi có ra sao?* Sự tán loạn của tâm, sự không vắng lặng của tâm, sự lao chao của tâm, sự sôi nổi của tâm, có trong khi nào, thì phóng dật có trong khi ấy.

  Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy.

  Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

336.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, ngũ quyền, tứ chi thiền, tam chi đạo, tứ lực, nhân 1, xúc 1… pháp xứ 1, pháp giới 1. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

337.

***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, vô tàm lực, vô úy lực, phóng dật, si, vô tàm, vô úy, (pháp) chỉ, chiếu cố, vô phóng dật. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) ngoài ra đều có như thế. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp bất thiện.

Dứt mười hai tâm bất thiện.

III. PHÁP VÔ KÝ

1) Quả dục giới.

a) Ngũ thức quả thiện.

338.

Pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Nhãn thức quả (thiện) đồng sanh xả, có sắc làm cảnh sanh do nghiệp thiện Dục giới đã tạo tích trữ, sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, xả, nhứt tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

339.

Xúc *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng chạm, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.

340.

Thọ *trong khi có ra sao?* Khi nào sở hữu tâm sanh từ nơi xúc nhãn thức giới phi hỷ phi phi hỷ sanh từ ý xúc, hưởng phi khổ phi lạc và sanh từ ý xúc, hứng chịu phi khổ phi lạc trong khi nào, thì thọ vẫn có trong khi ấy.

341.

Tưởng *trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng sanh từ xúc phối hợp cùng nhãn thức giới. Khi nào như thế đó, mới gọi là tưởng có trong khi ấy.

342.

Tư *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng nhãn thức giới. Như thế gọi là tư có trong khi ấy.

343.

Tâm *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh thức, ý xứ, ý quyền, thức uẩn hòa chung nhau với nhãn thức giới trong khi nào, đây gọi là tâm có trong khi ấy.

344.

Xả *trong khi có ra sao?* Khi nào sở hữu tâm hưởng phi hỷ phi phi hỷ sanh từ ý xúc, hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc và dụng nạp lãnh lấy cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, như thế gọi là xả có trong khi ấy.

345.

Nhứt tâm *trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm trong khi nào, đây gọi là nhứt tâm có trong khi ấy.

346.

***Ý quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh thức, ý xứ, ý quyền, thức uẩn sanh từ nhãn thức giới có trong khi nào, thì ý quyền có trong khi ấy.

347.

***Xả quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hưởng phi hỷ phi phi hỷ sanh từ ý xúc, hứng chịu phi khổ phi lạc dụng nạp lãnh lấy cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xả quyền có trong khi ấy.

348.

***Mạng quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, dinh dưỡng, gọi mạng quyền tức là cách sống còn của danh pháp. Như thế gọi là mạng quyền vẫn có trong khi ấy.

349.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

350.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tam quyền, xúc 1… nhãn thức giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

351.

***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, nhứt tâm, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) cũng đồng có trong khi ấy. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

352.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*
- Nhĩ thức quả (thiện) đồng sanh xả, có thinh làm cảnh…
- Tỷ thức quả (thiện) đồng sanh xả, có khí làm cảnh…
- Thiệt thức quả (thiện) đồng sanh xả, có vị làm cảnh…
- Thân thức quả (thiện) đồng sanh lạc có xúc làm cảnh…

… sanh ra do đã làm việc thiện Dục giới chất chứa nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, lạc, nhứt tâm, ý quyền, lạc quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy; hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

353.

***Xúc** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.

354.

***Thọ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu thọ làm cho tâm hưởng vui, hưởng sướng sanh từ nơi sự xúc chạm của thân thức giới, cách hứng chịu hỷ, lạc của tâm sanh từ thân

xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy hỷ, lạc của tâm sanh từ thân xúc. Như thế gọi là thọ có trong khi ấy.

355.

Tưởng *trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng, sanh từ xúc phối hợp cùng thân thức giới. Khi nào như thế, đó mới gọi là tưởng có trong khi ấy.

356.

Tư *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng thân thức giới. Như thế gọi là tư có trong khi ấy.

357.

Tâm *trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh thức, ý là ý xứ, ý quyền, thức uẩn mà thuộc về thân thức giới có trong khi nào, đây gọi là tâm có trong khi ấy.

358.

Lạc *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm vui, sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ thân xúc, dụng nạp hứng chịu sự an vui sanh từ thân xúc. Như thế gọi là lạc có trong khi ấy.

359.

Nhứt tâm *trong khi có ra sao?* Sự đình trụ vững vàng của tâm trong khi nào, đây gọi là nhứt tâm có trong khi ấy.

360.

Ý quyền *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh thức, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn mà thuộc về thân thức giới trong khi nào, đây gọi là ý quyền có trong khi ấy.

361.

Lạc quyền *trong khi có ra sao?* Trong khi nào thân thích, thân sướng sanh từ xúc, thân thọ lạc, hưởng sướng và trạng thái hưởng cảnh vui sướng sanh từ thân xúc trong khi nào, đây gọi là lạc quyền có trong khi ấy.

362.

Mạng quyền *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, dinh dưỡng, gọi mạng quyền tức là cách sống còn của danh pháp. Như thế gọi là mạng quyền có trong khi ấy.

363.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

364.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tam quyền, xúc 1… thân thức giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi đó. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

365.

Hành uẩn *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, nhứt tâm, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) cũng có trong khi ấy. Đây gọi là hành uẩn vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt ngũ thức quả thiện.

b) Ý giới quả thiện.

366.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Như là ý giới quả (thiện) đồng sanh xả, hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có xúc làm cảnh. Hay là những cảnh nào mở mối phát sanh do nghiệp thiện Dục giới để làm tích trữ trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi đó. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

367.

Xúc *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.

368.

Thọ *trong khi có ra sao?* Khi nào sở hữu tâm hưởng sự không vui không buồn khổ sanh từ sự xúc chạm của ý giới, cách hứng chịu sự không vui không khổ (buồn) của tâm sanh từ ý xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy sự không vui không khổ (buồn) của tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là thọ có trong khi ấy.

369.

Tưởng *trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng, sanh từ xúc phối hợp cùng ý giới. Khi nào như thế đó, mới gọi là tưởng có trong khi ấy.

370.

Tư *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng ý giới. Như thế gọi là tư có trong khi ấy.

371.

Tâm *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền và ý giới, đó gọi là tâm có trong khi ấy.

372.

Tầm *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, nghĩ ngợi, suy xét, toan tính, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít cảnh. Như thế gọi là tầm có trong khi ấy.

373.

Tứ *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự gìn giữ cảnh cho tâm, chăm nom, kềm giữ, săn sóc cảnh, tâm khắn khít cảnh và cách tâm dính theo cảnh. Như thế gọi là tứ có trong khi ấy.

374.

Xả *trong khi có ra sao?* Trong khi nào sở hữu tâm hưởng phi hỷ phi phi hỷ sanh từ ý xúc, sự hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, trạng thái hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc trong khi nào, đây gọi là xả có trong khi ấy.

375.

Nhứt tâm *trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm trong khi nào, đây gọi là nhứt tâm có trong khi ấy.

376.

Ý quyền *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền hòa chung nhau với ý giới. Đây gọi là ý quyền có trong khi ấy.

377.

Xả quyền *trong khi có ra sao*? Khi nào sở hữu tâm phi hỷ phi phi hỷ sanh từ ý xúc, sự hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, trạng thái hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc có trong khi nào, đây gọi là xả quyền có trong khi ấy.

378.

Mạng quyền *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, dinh dưỡng, gọi mạng quyền tức là cách sống còn của danh pháp. Như thế gọi là mạng quyền có trong khi ấy.

379.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

380.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tam quyền, xúc 1… ý giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

381.

Hành uẩn *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn) ngoài ra cũng như thế. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt ý giới quả thiện.

c) Ý thức giới quả thiện.

Đồng sanh hỷ thọ.

382.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Ý thức giới quả (thiện) đồng sanh hỷ thọ, hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có pháp làm cảnh; hay là những cảnh nào mở mối sanh ra do thiện Dục giới đã làm tích trữ nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, hỷ, lạc, nhứt tâm, ý quyền, (thọ) hỷ quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi đó. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

383.

Xúc *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.

384.

Thọ *trong khi có ra sao?* Sự làm trong tâm vui, sự làm trong tâm vui thích sanh từ nơi xúc hòa trộn với ý thức giới, sự hưởng (cảnh) vui thích sanh từ nơi ý xúc, thái độ hứng chịu (cảnh) vui thích sanh từ ý xúc, lúc nào như thế đây gọi là thọ có trong khi ấy.

385.

Tưởng *trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng, sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Khi nào như thế, đó mới gọi là tưởng có trong khi ấy.

386.

Tư *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Như thế gọi là tư có trong khi ấy.

387.

Tâm *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh thức, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn thuộc ý thức giới có trong khi nào, đây gọi là tâm có trong khi ấy.

388.

Tầm *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, nghĩ ngợi, suy xét, toan tính, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít cảnh có trong khi nào, thì tầm có trong khi ấy.

389.

Tứ *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự giữ gìn cảnh cho tâm, chăm nom, kềm giữ, săn sóc cảnh, tâm khắn khít cảnh và cách tâm dính theo cảnh. Như thế gọi là tứ có trong khi ấy.

390.

Pháp hỷ *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự mừng no cả thân tâm, sự hớn hở, sự hân hoan, sự hài lòng, vui tươi, hoan lạc và rất mừng. Như thế gọi là pháp hỷ có trong khi ấy.

391.

***Lạc** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm vui, sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc, dụng nạp hứng chịu an vui sanh từ ý xúc. Như thế gọi là lạc có trong khi ấy.

392.

***Nhứt tâm** trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm có trong khi nào, đây gọi là nhứt tâm có trong khi ấy.

393.

***Ý quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền sanh từ ý thức giới có trong khi nào, thì ý quyền có trong khi ấy.

394.

Hỷ (thọ) quyền trong khi có ra sao? Khi nào có sở hữu tâm hỷ, sở hữu tâm lạc, sự hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc, hay dụng nạp hứng chịu sự an vui sanh từ ý xúc như thế trong khi ấy vẫn có hỷ (thọ) quyền.

395.

***Mạng quyền** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, dinh dưỡng, gọi mạng quyền tức là cách sống còn của danh pháp. Như thế gọi là mạng quyền vẫn có trong khi ấy.

396.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

397.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tam quyền, xúc 1… ý thức giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi đó. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

398.

***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, hỷ, nhứt tâm, mạng quyền, hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn) ngoài ra cũng như thế. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt ý thức giới quả thiện đồng sanh hỷ thọ.

Đồng sanh xả thọ.

399.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Ý thức giới quả (thiện) đồng sanh xả thọ, hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có pháp làm cảnh... Hay là những cảnh nào mở mối phát sanh do

thiện Dục giới đã làm tích trữ nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi đó. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

400.

***Xúc** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy.

401.

***Thọ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm hưởng cảnh phi hỷ phi phi hỷ sanh từ ý thức giới xúc, sự hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, trạng thái hứng chịu cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc trong khi nào, đây gọi là thọ có trong khi ấy.

402.

***Tưởng** trong khi có ra sao?* Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng, sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Khi nào như thế mới gọi là tưởng có trong khi ấy.

403.

***Tư** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tính làm, cách định hành động, thái độ cố quyết hành động sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Như thế gọi là tư có trong khi ấy.

404.

***Tâm** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh thức, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn thuộc ý thức giới có trong khi nào, đây gọi là tâm có trong khi ấy.

405.

***Tầm** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự tìm cảnh, nghĩ ngợi, suy xét, toan tính, cách đem tâm đến cảnh, cách đem tâm áp vào cảnh, cách đem tâm khắn khít cảnh, có trong khi nào, đây gọi là tầm có trong khi ấy.

406.

***Tứ** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự giữ gìn cảnh cho tâm, chăm nom, kềm giữ, săn sóc cảnh cho tâm, khắn khít cảnh và cách tâm dính theo cảnh. Như thế gọi là tứ có trong khi ấy.

407.

***Xả** trong khi có ra sao?* Khi nào sở hữu tâm phi hỷ phi phi hỷ sanh từ ý xúc, sự hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, trạng thái hứng chịu phi khổ phi lạc cũng sanh từ ý xúc trong khi nào, đây gọi là xả có trong khi ấy.

408.

***Nhứt tâm** trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm trong khi nào, đây gọi là nhứt tâm có trong khi ấy.

409.

Ý quyền *trong khi có ra sao?* Khi nào có tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh thức, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn thuộc ý thức giới có trong khi nào, đây gọi là ý quyền có trong khi ấy.

410.

Xả quyền *trong khi có ra sao?* Khi nào có sở hữu tâm phi hỷ phi phi hỷ sanh từ ý xúc, sự hứng chịu phi khổ phi lạc và dụng nạp lãnh lấy cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xả quyền có trong khi ấy.

411.

Mạng quyền *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, dinh dưỡng, gọi mạng quyền tức là cách sống còn của danh pháp. Như thế gọi là mạng quyền vẫn có trong khi ấy.

412.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

413.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tam quyền, xúc 1… ý thức giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

414.

Hành uẩn *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn) ngoài ra cũng thế. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt ý thức giới quả thiện đồng sanh xả thọ.

d) Tám tâm đại quả.

415.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Ý thức giới quả (thiện) đồng sanh hỷ (thọ), tương ưng trí, hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những cảnh nào mở mối phát sanh... đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí hữu dẫn... đồng sanh hỷ thọ, bất tương ưng trí... đồng sanh hỷ thọ, bất tương ưng trí hữu dẫn... đồng sanh xả thọ, tương ưng trí... đồng sanh xả thọ, tương ưng trí hữu dẫn... đồng sanh xả thọ, bất tương ưng trí... đồng sanh xả thọ, bất tương ưng trí hữu dẫn... sanh ra do thiện Dục giới đã làm tích trữ nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

416.

Căn vô ký tức là vô tham... Căn vô ký tức là vô sân... Căn vô ký tức là vô si...

Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt tám tâm đại quả.

2) Quả Sắc giới.

417.

- ***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền bằng đề mục đất… thành tựu quả do thiện sắc giới đã làm tích trữ nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

- ***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền bằng đề mục đất trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến đắc sơ thiền bằng đề mục đất, không khổ, không lạc, do trừ lạc khổ, đặng thành tựu quả do thiện sắc giới đã làm tích trữ nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt quả Sắc giới.

3) Quả Vô sắc giới.

418.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới do vượt khỏi những tưởng hữu sắc, diệt tưởng phẫn nhuế, không tác ý tưởng dị trừ luôn lạc, đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Không vô biên xứ trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến do lướt qua những tưởng còn hình thức, vắng lặng tưởng phẫn nhuế không tác ý tưởng dị, trừ luôn lạc, đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Không vô biên xứ... thành tựu quả do thiện Vô sắc giới đã tích trữ nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

419.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới nhờ lướt khỏi những tưởng Không vô biên xứ trừ luôn lạc, đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Thức vô biên xứ... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến vượt qua tất cả Không vô biên xứ trừ luôn lạc, đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Thức vô biên xứ thành tựu quả do thiện Vô sắc giới đã làm tích trữ nghiệp tạo

trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

420.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới do lướt khỏi tất cả thức vô biên trừ luôn lạc, đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Vô sở hữu xứ trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến (theo đường lối hầu đến Vô sắc giới) do lướt qua khỏi tất cả Thức vô biên xứ, trừ luôn lạc, đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Vô sở hữu xứ... thành tựu quả do thiện Vô sắc giới đã tích trữ tạo nghiệp trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

421.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?*
Bực tu tiến hành theo đường lối hầu đến Vô sắc giới do lướt qua tất cả Vô sở hữu xứ, trừ luôn lạc, đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến lướt qua tất cả tưởng Vô sở hữu xứ, trừ luôn lạc, chứng tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ... thành tựu quả do thiện Vô sắc giới tích trữ nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt tâm quả Vô sắc giới.

4) Quả siêu thế *(Lokuttaravipāka). (Cách rộng có 20)*

a) Quả của tâm đạo thứ nhất.

Phần tịnh tiến hành.

422.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt (vô ngã tướng) mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

423.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng (vô thường tướng) mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

424.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng phi nội (khổ não tướng) mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

425.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì, quả như đây... chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì; thiện như đây chủng vô chứng mà hành nan đắc trì, quả như đây... chủng vô chứng mà hành nan đắc trì; thiện như đây chủng phi nội mà hành nan đắc trì, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

426.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền mà hành nan đắc cấp... hành dị đắc trì… mà hành dị đắc cấp… đắc nhị thiền… đắc tam thiền… đắc tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền mà hành dị đắc cấp... trong khi nào, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp, quả như đây... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp; thiện như đây… chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp, quả như đây... chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp; thiện như đây… chủng phi nội mà hành dị đắc cấp, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt phần tịnh tiến hành.

<u>Phần tinh tiêu diệt.</u>

427.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

428.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

429.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng phi nội... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

430.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng tiêu diệt... trong khi nào, thiện như đây... chủng tiêu diệt, quả như đây... chủng tiêu diệt, thiện như đây chủng vô chứng, quả như đây... chủng vô chứng, thiện như đây chủng phi nội, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt phần tịnh tiêu diệt.

Tiêu diệt tiến hành.

431.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

432.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

433.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

434.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, chế chỉ tầm tứ… đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì, quả như đây... chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì, thiện như đây... chủng vô chứng mà hành nan đắc trì, quả như đây... chủng vô chứng mà hành nan đắc trì, thiện như đây... chủng phi nội mà hành nan đắc trì, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

435.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc cấp... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc trì... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp... chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp... trong khi nào, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp, quả như đây... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp, thiện như đây... chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp, quả như đây... chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp, thiện như đây... chủng phi nội mà hành dị đắc cấp, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt tiêu diệt tiến hành.

Phần tinh tiến hành (*suddhika appanihita*).

436.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng phi nội... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng phi nội... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

437.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng phi nội... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

438.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng phi nội... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

439.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng phi nội... trong khi nào, thiện như đây... chủng phi nội, quả như đây... chủng phi nội, thiện như đây... chủng vô chứng, quả như đây... chủng phi nội, thiện như đây... chủng tiêu diệt, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt phần tịnh tiến hành.

Phi nội tiến hành.

440.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

441.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

442.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

443.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thiện như đây... chủng phi nội mà hành nan đắc trì, quả như đây... chủng phi nội mà hành nan đắc trì, thiện như đây... chủng vô chứng mà hành nan đắc trì, quả như đây... chủng vô chứng mà hành nan đắc trì, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

444.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục đắc sơ thiền

bằng chủng phi nội mà hành nan đắc cấp... chủng phi nội mà hành dị đắc trì... chủng phi nội mà hành dị đắc cấp... chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng phi nội mà hành dị đắc cấp... trong khi nào, thiện như đây... chủng phi nội mà hành dị đắc cấp, quả như đây... chủng phi nội mà hành dị đắc cấp, thiện như đây... chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp, quả như đây... chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt phi nội tiến hành.

445.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo đường lối siêu thế... tu niệm xứ siêu thế... tu chánh cần siêu thế... tu như ý túc siêu thế... tu thất giác chi siêu thế... tu đế siêu thế... tu chỉ siêu thế... tu pháp siêu thế... tu uẩn siêu thế... tu xứ siêu thế... tu giới siêu thế... tu thực siêu thế... tu xúc siêu thế... tu thọ siêu thế... tu tưởng siêu thế... tu tư siêu thế... tu tâm siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... chủng vô chứng... chủng phi nội mà hành nan đắc trì... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt lối rộng hai mươi.

446.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt... hành nan đắc trì có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

447.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng mà hành nan đắc trì có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

448.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*
Bậc tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bậc ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì có dục trưởng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy…. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.
Bậc tu tiến tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng… thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy…. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

449.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bậc tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bậc ban sơ, chế chỉ tầm tứ, đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền…, đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền mà hành nan đắc trì có dục trưởng… trong khi nào, thiện như đây… chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng; quả như đây… mà hành nan đắc trì có dục trưởng; thiện như đây… chủng vô chứng mà hành nan đắc trì có dục trưởng; quả như đây… mà hành nan đắc trì có dục trưởng; thiện như đây… chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng; quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

450.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bậc tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bậc ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc cấp có dục trưởng… hành dị đắc trì có dục trưởng… hành dị đắc cấp có dục trưởng… chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền mà hành dị đắc cấp có dục trưởng… trong khi nào, thiện như đây… chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp có dục trưởng; quả như đây… mà hành dị đắc cấp có dục trưởng; thiện như đây… chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp có dục trưởng; quả như đây… mà hành dị đắc cấp có dục trưởng; thiện như đây… chủng phi nội mà hành dị đắc cấp có dục trưởng; quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

451.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bậc tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bậc ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt có dục trưởng… trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bậc tu tiến tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt có dục trưởng… thành tựu quả do thiền thiện siêu thế đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

452.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

453.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng phi nội có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

454.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng tiêu diệt có dục trưởng... trong khi nào, thiện như đây... chủng tiêu diệt có dục trưởng, quả như đây... chủng tiêu diệt có dục trưởng, thiện như đây... chủng vô chứng có dục trưởng, quả như đây... chủng tiêu diệt có dục trưởng, thiện như đây... chủng phi nội có dục trưởng, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

455.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

456.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng mà hành nan đắc trì có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

457.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... chứng sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

458.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng, quả như đây... chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng, thiện như đây... chủng vô chứng mà hành nan đắc trì có dục trưởng, quả như đây... chủng vô chứng mà hành nan đắc trì có dục trưởng, thiện như đây... chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

459.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc cấp có dục trưởng... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc trì có dục trưởng... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp có dục trưởng... chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp có dục trưởng... trong khi nào, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, quả như đây... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, thiện như đây... chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, quả như đây... chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, thiện như đây... chủng phi nội mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

460.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng phi nội có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng phi nội có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

461.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng phi nội có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

462.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng phi nội có dục trưởng trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

463.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng phi nội có dục trưởng... trong khi nào, thiện như đây... chủng phi nội có dục trưởng, quả như đây... chủng phi nội có dục trưởng, thiện như đây... chủng vô chứng có dục trưởng, quả như đây... chủng vô chứng có dục trưởng, thiện như đây... chủng tiêu diệt có dục trưởng, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

464.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

465.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng vô chứng mà hành nan đắc trì có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

466.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng... thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

467.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thiện như đây... chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng, quả như đây... chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng, thiện như đây... chủng vô chứng mà hành nan đắc trì có dục trưởng, quả như đây... chủng phi nội mà hành nan đắc trì có dục trưởng, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì có dục trưởng, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

468.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng phi nội mà hành nan đắc cấp có dục trưởng... chủng phi nội mà hành dị đắc trì có dục trưởng... chủng phi nội mà hành dị đắc cấp có dục trưởng... chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng chủng phi nội mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, thiện như đây... chủng phi nội mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, quả như đây... chủng phi nội mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, thiện như đây... chủng vô chứng mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, quả như đây... chủng vô chứng

mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, thiện như đây... chủng tiêu diệt mà hành dị đắc cấp có dục trưởng, quả như đây thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

469.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo đường lối siêu thế... tu niệm xứ siêu thế... tu chánh cần siêu thế... tu như ý túc siêu thế... tu quyền siêu thế... tu lực siêu thế.. tu giác chi siêu thế... tu đế siêu thế... tu chỉ siêu thế... tu pháp siêu thế... tu uẩn siêu thế... tu xứ siêu thế... tu giới siêu thế... tu thực siêu thế... tu xúc siêu thế... tu thọ siêu thế... tu tưởng siêu thế... tu tư siêu thế... tu tâm siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục…, đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì có dục trưởng... trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bực tu tiến tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì... chủng vô chứng... chủng phi nội có dục trưởng... có cần trưởng... có tâm trưởng... có thẩm trưởng thành tựu quả do thiền thiện siêu thế đã tu tiến đặng xong như lối đó trong khi nào, thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt quả của tâm đạo thứ nhứt.

b) Quả của tâm đạo thứ hai, ba và tư.

470.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến siêu thế có thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo, hầu chứng bực thứ hai đặng cho nhẹ nhàng tham ái và sân độc. Hầu chứng bực thứ ba đặng trừ tuyệt tham ái và sân độc… hầu chứng bậc thứ tư đặng trừ tuyệt sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng dật và vô minh không còn, tĩnh ly chư dục đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì… trong khi nào, thì xúc… tri dĩ tri quyền… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Bậc tu tiến tĩnh ly chư dục đắc sơ thiền bằng chủng tiêu diệt mà hành nan đắc trì… thành tựu quả do thiền thiện siêu thế, đã tu hành đặng xong trong khi nào, thì xúc… tri cụ tri quyền… vô phóng dật có trong khi ấy… hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy…. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

471.

- ***Xúc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy….
- ***Tri cụ tri quyền*** *trong khi có ra sao?* Tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tính, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, tuệ trừ tuyệt phiền não, trạch pháp, chánh kiến, trạch pháp giác chi, là chi

của đạo, liên quan trong đạo. Khi nào như thế, đây gọi là tri cụ tri quyền có trong khi ấy… hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi đó. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt quả siêu thế.

5) Vô ký quả bất thiện.

472.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?*

- Nhãn thức quả (bất thiện) đồng sanh xả có sắc làm cảnh phát sanh…
- Nhĩ thức quả (bất thiện) đồng sanh xả có thinh làm cảnh phát sanh…
- Tỷ thức quả (bất thiện) đồng sanh xả có khí làm cảnh phát sanh…
- Thiệt thức quả (bất thiện) đồng sanh xả có vị làm cảnh phát sanh…
- Thân thức quả (bất thiện) đồng sanh khổ có xúc làm cảnh phát sanh do bất thiện đã… làm chất chứa nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, khổ, nhất tâm, ý quyền, khổ quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký….

473.

- ***Xúc** trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm. Lúc nào như thế, đây gọi là xúc có trong khi ấy….
- ***Thọ** trong khi có ra sao?* Sự không thích hợp với thân, sự khổ thân sanh từ xúc, hòa trộn nơi thân thức giới; sự hưởng cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ nơi thân xúc; thái độ hứng chịu cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ nơi thân xúc. Lúc nào như thế, đây gọi là thọ có trong khi ấy.
- ***Khổ** trong khi có ra sao?* Sự không thích hợp với thân, sự khổ thân sanh từ xúc hòa trộn nơi thân xúc; sự hưởng cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ nơi thân xúc; thái độ hứng chịu cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ nơi thân xúc. Lúc nào như thế, đây gọi là khổ có trong khi ấy.
- ***Khổ quyền** trong khi có ra sao?* Sự không thích hợp với thân, sự khổ thân sanh từ xúc, hòa trộn nơi thân xúc; sự hưởng cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ nơi thân xúc; thái độ hứng chịu cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ nơi thân xúc. Lúc nào như thế, đây gọi là khổ quyền có trong khi ấy... Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

474.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tam quyền, xúc 1… thân thức giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

475.

***Hành uẩn** trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, nhứt tâm, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn) ngoài ra cũng có. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

476.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thành quả đồng sanh xả hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có xúc làm cảnh. Hay là những cảnh nào mở mối sanh ra do bất thiện đã làm tích trữ nghiệp tạo ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

477.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tam quyền, xúc 1, ý giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

478.

Hành uẩn *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn) ngoài ra cũng có. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

479.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thành quả đồng sanh xả hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những cảnh nào mở mối sanh ra do bất thiện đã làm chất chứa nghiệp tạo trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

480.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tam quyền, xúc 1... ý thức giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

481.

Hành uẩn *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn) cũng có trong khi ấy. Đây gọi là hành uẩn có trong khi đó. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt vô ký quả bất thiện.

6) Dục giới tố *(kāmāvacarakiriyā)*.

482.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Ý giới thành tố phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả do nghiệp tạo, đồng sanh xả hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có xúc làm cảnh. Hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi

sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

483.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, tam quyền, xúc 1, ý giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi đó. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

484.

Hành uẩn *trong khi có ra sao?* Như là xúc, thọ, tầm, tứ, nhứt tâm, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn) đều có trong khi đó. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

485.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thành tố phi thiện phi bất thiện và phi nghiệp quả, đồng sanh hỷ (thọ), hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, (pháp) hỷ, lạc, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, hỷ (thọ) quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

486.

- ***Xúc*** *trong khi có ra sao?* Khi nào có sự đụng, cách chạm nhau, hành vi đụng chạm, thái độ xúc chạm, lúc nào như thế đây gọi là xúc có trong khi ấy.
- ***Nhứt tâm*** *trong khi có ra sao?* Khi nào tâm đình trụ một chỗ, vững lòng vắng lặng, không tán loạn, không lao chao, tâm không bối rối, pháp chỉ, định quyền, định lực và chánh định có trong khi nào, thì nhứt tâm có trong khi ấy.
- ***Cần quyền*** *trong khi có ra sao?* Sự siêng năng của tâm, cách cố gắng, trạng thái tinh tấn, sự sấn sướt, sự lướt tới, thái độ tiến đến, sự ráng thêm, cách chịu đựng, lối bền dẻo, không lui sụt, không lơ là, không bỏ qua việc làm, duy trì phận sự, cũng gọi cần, cần quyền hay cần lực có trong khi nào, đây gọi là cần quyền có trong khi ấy.
- ***Định quyền*** *trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm, cách đình trụ của tâm, sự vững vàng của tâm, tâm không tán loạn, không lao chao, không xao xuyến, sự vắng lặng, cũng gọi chỉ hay định quyền, định lực có trong khi nào, đây gọi là định quyền có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

487.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, ngũ quyền, xúc 1, ý thức giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1 đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

488.

Hành uẩn *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, (pháp) hỷ, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra

thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn) đều có trong khi đó. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

489.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thành tố *(kiriyā)* phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả *(lammavipāka)* đồng sanh xả hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

490.

Như là tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam thực, ngũ quyền, xúc 1, ý thức giới 1, pháp xứ 1, pháp giới 1. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

491.

Hành uẩn *trong khi có ra sao?* Như là xúc, tư, tầm, tứ, nhứt tâm, cần quyền, định quyền, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn) đều có trong khi đó. Đây gọi là hành uẩn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

492.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thành tố phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, đồng sanh hỷ tương ưng trí, hoặc có sắc làm cảnh... hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những cảnh chi mở mối sanh ra... đồng sanh hỷ, tương ưng trí hữu dẫn... đồng sanh hỷ bất tương ưng trí… Câu sanh hỷ, bất tương ưng trí hữu dẫn... đồng sanh xả tương ưng trí... đồng sanh xả tương ưng trí hữu dẫn... đồng sanh xả bất tương ưng trí... đồng sanh xả bất tương ưng trí hữu dẫn sanh ra trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

493.

Căn vô ký tức là vô tham... Căn vô ký tức là vô sân... Căn vô ký tức là vô si... Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt Dục giới tố.

7) Sắc giới tố *(rūpāvacarakiriyā)*.

494.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Bực Ứng cúng tu tiến thiền Sắc giới tố *(kiriyā)* phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, an vui tại thế, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền bằng đề mục đất… trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy... Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

495.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực Ứng cúng tu tiến thiền Sắc giới tố, phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, an vui tại thế, chế chỉ tầm tứ đắc nhị thiền... tam thiền... tứ thiền... đắc sơ thiền... đắc ngũ thiền bằng đề mục đất… trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy... Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt Sắc giới tố.

8) Vô sắc giới tố *(arūpāvacarakiriyā).*

496.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực Ứng cúng tu tiến thiền Vô sắc giới tố phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, chỉ an vui hiện thế do lướt khỏi những sắc tưởng nhờ sự vắng lặng nơi tưởng phẫn nhuế do không tác ý tưởng dị, trừ luôn lạc chứng tứ thiền đồng sanh với tưởng Không vô biên xứ không khổ không lạc, đã trừ lạc khổ... trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy... Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

497.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực Ứng cúng tu tiến thiền Vô sắc giới tố phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, chỉ an vui hiện tại do vượt qua những tưởng Không vô biên xứ, trừ luôn lạc mới chứng tứ thiền đồng sanh với tưởng Thức vô biên xứ phi khổ phi lạc do trừ lạc khổ... trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy... Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

498.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực Ứng cúng tu tiến thiền Vô sắc giới tố, phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, chỉ an vui hiện thế do lướt qua những tưởng Thức vô biên xứ, trừ luôn lạc chứng tứ thiền đồng sanh với tưởng Vô sở hữu xứ, không khổ không lạc, do trừ lạc khổ... trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy... Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

499.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Bực Ứng cúng tu tiến thiền Vô sắc giới tố, phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, chỉ an vui hiện thế do vượt qua những tưởng Vô sở hữu xứ, trừ luôn lạc, đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không khổ, không lạc, do trừ lạc khổ... trong khi nào, thì xúc... vô phóng dật có trong khi ấy... Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

500.

Căn vô ký tức là vô tham... Căn vô ký tức là vô sân... Căn vô ký tức là vô si... Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

Dứt Vô sắc giới tố, dứt tập tâm sanh.

Phần C. THIÊN SẮC PHÁP *(Rūpakaṇḍaṃ)*

501.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Quả của pháp thiện và bất thiện trong cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, pháp thành tố, phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là pháp vô ký.

502.

***Tất cả sắc pháp** là chi?* Như là sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương sắc tứ đại sung, đó gọi là tất cả sắc pháp.

I. ĐẦU ĐỀ *(Mātika)*

1) Phần nhứt đề.

503.

Tất cả sắc pháp cũng gọi là phi nhân, vô nhân, bất tương ưng nhân, hành động theo với duyên thành pháp hữu vi, thành sắc pháp, thành pháp hiệp thế, thành cảnh của lậu, thành cảnh của triền, thành cảnh của phược, thành cảnh của bộc, thành cảnh của phối, thành cảnh của cái, thành cảnh của khinh thị, thành cảnh của thủ, thành cảnh của phiền não, thành cảnh của pháp vô ký, thành không biết cảnh, thành phi sở hữu tâm, thành bất tương ưng tâm, thành phi dị thục quả, thành phi dị thục nhân, thành phi phiền toái mà cảnh phiền não, thành phi pháp hữu tầm hữu tứ, thành phi pháp vô tầm hữu tứ, thuộc pháp vô tầm vô tứ, thành phi pháp đồng sanh hỷ, thành phi pháp đồng sanh lạc, thành pháp phi đồng sanh xả, thành pháp phi sơ đạo tuyệt trừ, thành pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ, thành pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, thành pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi nhân sanh tử, thành phi nhân đến Níp Bàn, thành phi hữu học, thành phi vô học, thành pháp hy thiểu, thành pháp Dục giới, thành pháp phi sắc giới, thành pháp phi Vô sắc giới, thành pháp hiệp thế, thành phi pháp siêu thế, thành pháp bất định, thành pháp phi bất định, thành pháp hiện tại bị lục thức biết, nó là vô thường, đã bị sự già bao vây. Sắc yếu hiệp phần một như thế này.

Dứt phần nhứt đề.

2) Phần nhị đề.

504.

Sắc yếu hiệp phần hai:

- Chơn sắc y sinh cũng có; chơn sắc phi y sinh cũng có.
- Chơn sắc thủ cũng có; chơn sắc phi thủ cũng có.
- Chơn sắc thủ cảnh thủ cũng có; chơn sắc phi thủ cảnh thủ cũng có.
- Chơn sắc bị thấy cũng có; chơn sắc không bị thấy cũng có.

- Chơn sắc đối chiếu cũng có; chơn sắc không đối chiếu cũng có.
- Chơn sắc quyền cũng có; chơn sắc phi quyền cũng có.
- Chơn sắc đại sung cũng có; chơn sắc phi đại sung cũng có.
- Chơn sắc biểu tri cũng có; chơn sắc phi biểu tri cũng có.
- Chơn sắc có tâm làm sở sanh cũng có; chơn sắc không có tâm làm sở sanh cũng có.
- Chơn sắc sanh chung với tâm cũng có; chơn sắc không sanh chung với tâm cũng có.
- Chơn sắc luân chuyển theo tâm cũng có; chơn sắc không luân chuyển theo tâm cũng có.
- Chơn sắc bên trong cũng có; chơn sắc bên ngoài cũng có.
- Chơn sắc thô cũng có; chơn sắc tế cũng có.
- Chơn sắc viễn cũng có; chơn sắc cận cũng có.

- Chơn sắc nương nhãn xúc sanh ra cũng có; chơn sắc không nương nhãn xúc sanh ra cũng có.
- Chơn sắc nương thọ sanh ra do nhãn xúc... (nương) tưởng... (nương) tư... (nương) nhãn thức cũng có; chơn sắc không phải nhãn thức nương sanh ra cũng có.
- Chơn sắc chỗ nương của nhĩ xúc sanh ra... của tỷ xúc... của thiệt xúc... của thân xúc cũng có; chơn sắc chẳng phải chỗ nương của thân xúc sanh ra cũng có.
- Chơn sắc mà thọ nương sanh từ thân xúc... tưởng... tư... thân thức cũng có; chơn sắc không phải chỗ nương của thân thức cũng có.

- Chơn sắc cảnh của nhãn xúc cũng có; chơn sắc phi cảnh của nhãn xúc cũng có.
- Chơn sắc cảnh của thọ sanh từ nhãn xúc... của tưởng... của tư... của nhãn thức cũng có; chơn sắc phi cảnh của nhãn thức cũng có.
- Chơn sắc cảnh của nhĩ xúc... của tỷ xúc... của thiệt xúc... của thân xúc cũng có; chơn sắc phi cảnh của thân xúc cũng có.
- Chơn sắc cảnh của thọ sanh từ thân xúc... của tưởng... của tư... của thân thức cũng có; chơn sắc phi cảnh của thân thức cũng có.

- Chơn sắc thành nhãn xứ cũng có; chơn sắc phi nhãn xứ cũng có.
- Chơn sắc thành nhĩ xứ cũng có; chơn sắc phi nhĩ xứ cũng có.
- Chơn sắc thành tỷ xứ... thiệt xứ... thân xứ cũng có; chơn sắc phi thành thân xứ cũng có.
- Chơn sắc thành sắc xứ cũng có; chơn sắc thành phi sắc xứ cũng có.
- Chơn sắc thành thinh xứ... khí xứ... vị xứ... xúc xứ cũng có; chơn sắc thành phi xúc xứ cũng có.

- Chơn sắc thành nhãn giới cũng có; chơn sắc phi nhãn giới cũng có.
- Chơn sắc thành nhĩ giới... thành tỷ giới... thành thiệt giới... thành thân giới cũng có; chơn sắc thành phi thân giới cũng có.
- Chơn sắc thành sắc giới cũng có; chơn sắc thành phi sắc giới cũng có.
- Chơn sắc thành thinh giới... khí giới... vị giới... xúc giới cũng có; chơn sắc thành phi xúc giới cũng có.

- Chơn sắc thành nhãn quyền cũng có; chơn sắc thành phi nhãn quyền cũng có.
- Chơn sắc thành nhĩ quyền... thành tỷ quyền... thành thiệt quyền... thành thân quyền cũng có; chơn sắc thành phi thân quyền cũng có.
- Chơn sắc thành nữ quyền cũng có; chơn sắc thành phi nữ quyền cũng có.
- Chơn sắc thành nam quyền cũng có; chơn sắc thành phi nam quyền cũng có.
- Chơn sắc thành mạng quyền cũng có; chơn sắc thành phi mạng quyền cũng có.

- Chơn sắc thành thân biểu tri cũng có; chơn sắc thành phi thân biểu tri cũng có.
- Chơn sắc thành khẩu biểu tri cũng có; chơn sắc thành phi khẩu biểu tri cũng có.
- Chơn sắc hư không[4] chất cũng có; chơn sắc phi hư không chất cũng có.
- Chơn sắc thủy chất cũng có; chơn sắc phi thủy chất cũng có.
- Chơn sắc thành sắc khinh cũng có; chơn sắc thành phi sắc khinh cũng có.
- Chơn sắc thành sắc thích dụng[5] cũng có; chơn sắc thành phi sắc thích dụng cũng có.
- Chơn sắc sanh *(upacaya)* cũng có; chơn sắc phi sắc sanh cũng có.
- Chơn sắc thành sắc thừa kế *(santati)* cũng có; chơn sắc thành phi sắc thừa kế *(santati)* cũng có.
- Chơn sắc thành sắc lão cũng có; chơn sắc thành phi sắc lão cũng có.
- Chơn sắc thành sắc vô thường *(aniccatā)* cũng có; chơn sắc thành phi sắc vô thường cũng có.
- Chơn sắc thành đoàn thực cũng có; chơn sắc thành phi đoàn thực cũng có.

Sắc yếu hiệp phần nhị như đây.

Dứt phần nhị đề.

3) Phần tam đề.

505.

Tam yếu hiệp sắc

- Sắc nội thành y sinh. Sắc ngoại thành y sinh cũng có, thành phi y sinh cũng có.
- Sắc nội thành thủ. Sắc ngoại thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có.
- Sắc nội thành thủ cảnh thủ. Sắc ngoại thành thủ cảnh thủ cũng có, thành phi thủ cảnh thủ cũng có.
- Sắc nội thành bất kiến. Sắc ngoại thành kiến cũng có, thành bất kiến cũng có.
- Sắc nội thành đối chiếu. Sắc ngoại thành đối chiếu cũng có, thành vô đối chiếu cũng có.
- Sắc nội thành quyền. Sắc ngoại thành quyền cũng có, thành phi quyền cũng có.
- Sắc nội thành phi đại sung. Sắc ngoại thành đại sung cũng có, thành phi đại sung cũng có.
- Sắc nội thành phi biểu tri. Sắc ngoại thành biểu tri cũng có, thành phi biểu tri cũng có.
- Sắc nội thành không nương tâm làm sở sanh. Sắc ngoại thành nương tâm làm sở sanh cũng có, thành không nương tâm làm sở sanh cũng có.
- Sắc nội thành phi đồng sanh tồn với tâm. Sắc ngoại thành đồng sanh tồn với tâm cũng có, thành phi đồng sanh tồn với tâm cũng có.
- Sắc nội thành phi tùng tâm thông lưu. Sắc ngoại thành tùng tâm thông lưu cũng có, thành phi tùng tâm thông lưu cũng có.
- Sắc nội thành thô. Sắc ngoại thành thô cũng có, thành tế cũng có.
- Sắc nội thành cận. Sắc ngoại thành cận cũng có, thành viễn cũng có.
- Sắc ngoại không nương nhãn xúc sanh. Sắc nội nương nhãn xúc sanh cũng có, không nương nhãn xúc sanh cũng có.

---

[4] Sắc hư không còn gọi là sắc giao giới.

[5] Sắc thích dụng tức là sắc thích sự.

- Sắc ngoại không nương thọ sanh từ nhãn xúc... tưởng... tư... nhãn thức. Sắc nội nương nhãn thức cũng có, không nương nhãn thức cũng có.
- Sắc ngoại không nương nhĩ xúc sanh... tỷ xúc... thiệt xúc... thân xúc. Sắc nội nương thân xúc sanh cũng có, không nương thân xúc sanh cũng có.
- Sắc ngoại không nương thọ sanh từ thân xúc... tưởng... tư... thân thức. Sắc nội nương thân thức sanh ra cũng có, không nương thân thức sanh ra cũng có.
- Sắc nội không thành cảnh của nhãn xúc. Sắc ngoại thành cảnh của nhãn xúc cũng có, không thành cảnh của nhãn xúc cũng có.
- Sắc nội không thành cảnh của thọ sanh từ nhãn xúc... của tưởng... của tư... của nhãn thức. Sắc ngoại thành cảnh của nhãn thức cũng có, không thành cảnh của nhãn thức cũng có.
- Sắc nội không thành cảnh của nhĩ xúc... tỷ xúc... thiệt xúc... thân xúc. Sắc ngoại thành cảnh của thân xúc cũng có, không thành cảnh của thân xúc cũng có.
- Sắc nội thành cảnh của thọ sanh từ thân xúc... của tưởng... của tư... của thân thức. Sắc ngoại thành cảnh của thân thức cũng có, không thành cảnh của thân thức cũng có.
- Sắc ngoại thành phi nhãn xứ. Sắc nội thành nhãn xứ cũng có, thành phi nhãn xứ cũng có.
- Sắc ngoại thành phi nhĩ xứ... thành phi tỷ xứ... thành phi thiệt xứ... thành phi thân xứ. Sắc nội thành thân xứ cũng có, thành phi thân xứ cũng có.
- Sắc nội không thành sắc xứ. Sắc ngoại thành sắc xứ cũng có, không thành sắc xứ cũng có.
- Sắc nội không thành thinh xứ... không thành khí xứ... không thành vị xứ... không thành xúc xứ. Sắc ngoại thành xúc xứ cũng có, không thành xúc xứ cũng có.
- Sắc ngoại không thành nhãn giới. Sắc nội thành nhãn giới cũng có, không thành nhãn giới cũng có.
- Sắc ngoại không thành nhĩ giới... không thành tỷ giới... không thành thiệt giới... không thành thân giới. Sắc nội thành thân giới cũng có, không thành thân giới cũng có.
- Sắc nội không thành sắc giới. Sắc ngoại thành sắc giới cũng có, không thành sắc giới cũng có.
- Sắc nội không thành thinh giới... không thành khí giới... không thành vị giới... không thành xúc giới. Sắc ngoại thành xúc giới cũng có, không thành xúc giới cũng có.
- Sắc ngoại không thành nhãn quyền. Sắc nội thành nhãn quyền cũng có, không thành nhãn quyền cũng có.
- Sắc ngoại không thành nhĩ quyền... không thành tỷ quyền... không thành thiệt quyền... không thành thân quyền. Sắc nội thành thân quyền cũng có, không thành thân quyền cũng có.
- Sắc nội không thành nữ quyền. Sắc ngoại thành nữ quyền cũng có, không thành nữ quyền cũng có.
- Sắc nội không thành nam quyền. Sắc ngoại thành nam quyền cũng có, không thành nam quyền cũng có.
- Sắc nội không thành mạng quyền. Sắc ngoại thành mạng quyền cũng có, không thành mạng quyền cũng có.
- Sắc nội không thành thân biểu tri. Sắc ngoại thành thân biểu tri cũng có, không thành thân biểu tri cũng có.
- Sắc nội không thành khẩu biểu tri. Sắc ngoại thành khẩu biểu tri cũng có, không thành khẩu biểu tri cũng có.

- Sắc nội không thành hư không giới. Sắc ngoại thành hư không giới cũng có, không thành hư không giới cũng có.
- Sắc nội không thành thủy chất. Sắc ngoại thành thủy chất cũng có, không thành thủy chất cũng có.
- Sắc nội không thành sắc khinh. Sắc ngoại thành sắc khinh cũng có, không thành sắc khinh cũng có.
- Sắc nội không thành sắc nhu. Sắc ngoại thành sắc nhu cũng có, không thành sắc nhu cũng có.
- Sắc nội không thành sắc thích dụng. Sắc ngoại thành sắc thích dụng cũng có, không thành sắc thích dụng cũng có.
- Sắc nội không thành sắc sanh. Sắc ngoại thành sắc sanh *(upacaya)* cũng có, không thành sắc sanh cũng có.
- Sắc nội không thành sắc thừa kế *(santati)*. Sắc ngoại thành sắc thừa kế cũng có, không thành sắc thừa kế cũng có.
- Sắc nội không thành sắc lão *(jaratā)*. Sắc ngoại thành sắc lão cũng có, không thành sắc lão cũng có.
- Sắc nội không thành sắc vô thường *(aniccatā)*. Sắc ngoại thành sắc vô thường cũng có, không thành sắc vô thường cũng có.
- Sắc nội không thành đoàn thực. Sắc ngoại thành đoàn thực cũng có, không thành đoàn thực cũng có.

Tam yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu

Dứt phần tam đề.

4) Phần tứ đầu đề.

506.

Tứ yếu hiệp sắc

- Sắc y sinh thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có. Sắc bất y sinh thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có.
- Sắc y sinh thành thủ cảnh thủ cũng có, thành phi thủ cảnh thủ cũng có. Sắc bất y sinh thành thủ cảnh thủ cũng có, thành phi thủ cảnh thủ cũng có.
- Sắc y sinh thành đối chiếu cũng có, thành vô đối chiếu cũng có. Sắc bất y sinh thành đối chiếu cũng có, thành vô đối chiếu cũng có.
- Sắc y sinh thành thô cũng có, thành tế cũng có. Sắc bất y sinh thành thô cũng có, thành tế cũng có.
- Sắc y sinh thành viễn cũng có, thành cận cũng có. Sắc bất y sinh thành viễn cũng có, thành cận cũng có.
- Sắc thủ thành hữu kiến cũng có, thành bất kiến cũng có. Sắc phi thủ thành hữu kiến cũng có, thành bất kiến cũng có.
- Sắc thủ thành đối chiếu cũng có, thành vô đối chiếu cũng có. Sắc phi thủ thành đối chiếu cũng có, thành vô đối chiếu cũng có.
- Sắc thủ thành tứ đại sung cũng có, không thành tứ đại sung cũng có. Sắc phi thủ thành tứ đại sung cũng có, không thành tứ đại sung cũng có.
- Sắc thủ thành thô cũng có, thành tế cũng có. Sắc phi thủ thành thô cũng có, thành tế cũng có.

- Sắc thủ thành viễn cũng có, thành cận cũng có. Sắc phi thủ thành viễn cũng có, thành cận cũng có.
- Sắc thủ cảnh thủ thành hữu kiến cũng có, thành bất kiến cũng có. Sắc phi thủ cảnh thủ thành hữu kiến cũng có, thành bất kiến cũng có.
- Sắc thủ cảnh thủ thành hữu đối chiếu cũng có, thành vô đối chiếu cũng có. Sắc phi thủ cảnh thủ thành hữu đối chiếu cũng có, thành vô đối chiếu cũng có.
- Sắc thủ cảnh thủ thành đại sung cũng có, không thành đại sung cũng có. Sắc phi thủ cảnh thủ thành đại sung cũng có, không thành đại sung cũng có.
- Sắc thủ cảnh thủ thành thô cũng có, thành tế cũng có. Sắc phi thủ cảnh thủ thành thô cũng có, thành tế cũng có.
- Sắc thủ cảnh thủ thành viễn cũng có, thành cận cũng có. Sắc phi thủ cảnh thủ thành viễn cũng có, thành cận cũng có.
- Sắc xúc chạm đặng thành quyền cũng có, không thành quyền cũng có. Sắc xúc chạm không đặng thành quyền cũng có, không thành quyền cũng có.
- Sắc xúc chạm đặng thành đại sung cũng có, không thành đại sung cũng có. Sắc xúc chạm không đặng thành đại sung cũng có, không thành đại sung cũng có.
- Sắc quyền thành thô cũng có, thành tế cũng có. Sắc phi quyền thành thô cũng có, thành tế cũng có.
- Sắc quyền thành viễn cũng có, thành cận cũng có. Sắc phi quyền thành viễn cũng có, thành cận cũng có.
- Sắc tứ đại sung thành thô cũng có, thành tế cũng có. Sắc phi đại sung thành thô cũng có, thành tế cũng có.
- Sắc đại sung thành viễn cũng có, thành cận cũng có. Sắc phi đại sung thành viễn cũng có, thành cận cũng có.
- Sắc thấy đặng, sắc nghe đặng, sắc biết đặng, sắc tỏ ngộ đặng.

Tứ yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

Dứt phần tứ đầu đề.

5) Phần ngũ đầu đề.

507.

Ngũ yếu hiệp sắc. Chất đất, chất nước, chất lửa, chất gió và sắc y sinh.

Ngũ yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

Dứt phần ngũ đầu đề.

6) Phần lục đầu đề.

508.

Lục yếu hiệp sắc. Sắc mà nhãn thức biết đặng, sắc mà nhĩ thức biết đặng, sắc mà tỷ thức biết đặng, sắc mà thiệt thức biết đặng, sắc mà thân thức biết đặng, sắc mà ý thức biết đặng. Lục yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

Dứt phần lục đầu đề.

7) Phần thất đầu đề.

509.

Thất yếu hiệp sắc. Sắc mà nhãn thức đáng biết, sắc mà nhĩ thức đáng biết, sắc mà tỷ thức đáng biết, sắc mà thiệt thức đáng biết, sắc mà thân thức đáng biết, sắc mà ý giới đáng biết, sắc mà ý thức giới đáng biết. Thất yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

Dứt phần thất đầu đề.

8) Phần bát đầu đề.

510.

Bát yếu hiệp sắc. Sắc mà nhãn thức phải biết, sắc mà nhĩ thức phải biết, sắc mà tỷ thức phải biết, sắc mà thiệt thức phải biết, sắc mà thân thức phải biết, đụng sướng cũng có, đụng khổ cũng có, sắc mà ý giới nên biết và sắc mà ý thức giới nên biết. Bát yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

Dứt phần bát đầu đề.

9) Phần cửu đầu đề (cửu yếu hiệp).

511.

Cửu yếu hiệp sắc. Nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền và sắc phi quyền. Cửu yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

Dứt phần cửu đầu đề.

10) Phần thập đầu đề.

512.

Thập yếu hiệp sắc. Nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, sắc phi quyền đụng chạm chẳng đặng cũng có, đụng chạm không đặng cũng có. Thập yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

Dứt phần thập đầu đề.

11) Phần thập nhứt đầu đề.

513.

Thập nhứt yếu hiệp sắc. Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ và sắc bất kiến vô đối chiếu mà liên hệ trong pháp xứ. Thập nhất yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

Dứt phần thập nhứt đầu đề và dứt đầu đề.

II. THẬP NHỨT ĐỀ XIỂN MINH

1) Phần nhứt xiển minh.

514.

Tất cả sắc pháp đều là phi nhân, đều là vô nhân, đều là bất tương ưng nhân, đều là hữu duyên, đều là hữu vi, đều gọi là sắc, đều là hiệp thế, đều là cảnh lậu, đều là cảnh triền, đều là cảnh phược, đều là cảnh bộc, đều là cảnh phối, đều là cảnh cái, đều là cảnh khinh thị, đều là cảnh thủ, đều là cảnh phiền não, đều là pháp vô ký, đều là không biết cảnh, đều là phi sở hữu tâm, đều là bất tương ưng tâm, đều là phi dị thục quả, đều là phi dị thục nhân, đều là phi phiền toái mà cảnh phiền não, đều là phi pháp hữu tầm hữu tứ, đều là phi pháp vô tầm hữu tứ, đều là pháp vô tầm vô tứ, đều là phi đồng sanh pháp hỷ, đều là phi đồng sanh lạc, đều là phi đồng sanh xả, đều là phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ, đều là chẳng phải hữu nhân sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ, đều là phi nhân sanh tử và phi nhân đến Níp Bàn, đều là phi hữu học và phi vô học, đều là pháp hy thiểu, đều là pháp Dục giới, đều là phi Sắc giới, đều là phi Vô sắc giới, đều là pháp liên quan luân hồi, đều là phi siêu thế, đều là bất định, đều là không đưa ra khỏi khổ, đều là vô thường, đều bị sự già bao vây, đều bị 6 thức hiện tại biết đặng. Sắc yếu hiệp phần nhứt chỉ có bấy nhiêu.

Dứt phần nhứt xiển minh.

2) Phần nhị xiển minh.

Phân theo (sắc) y sinh.

515.

***Sắc y sinh** là chi?* Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, thân biểu tri, khẩu biểu tri, hư không giới[6], sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng[7], sắc sanh[8] *(upacaya)*, sắc thừa kế *(santati)*, sắc lão *(jarata)*, sắc vô thường *(aniccata)* và đoàn thực.

516.

- *Sắc mà gọi là **nhãn xứ** đó ra sao?* Nhãn nào thành sắc thần kinh[9] nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, thành không thấy mà đối chiếu đặng, chúng sanh đã thấy, đang thấy, sẽ thấy, nên thấy thứ sắc thấy đặng và đối chiếu (do thâu bằng thần kinh nhãn), thứ sắc thấy không đặng mà đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là nhãn, cũng gọi là nhãn xứ, cũng gọi là nhãn giới, cũng gọi là nhãn quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi con ngươi, cũng gọi con mắt, cũng gọi bờ bên này, cũng gọi luống không, nhà trống. Những sắc này gọi là nhãn xứ.

---

[6] Hư không giới còn gọi là sắc giao giới.
[7] Sắc thích dụng còn gọi là sắc thích sự.
[8] Sắc sanh còn gọi là sắc tích trữ.
[9] Sắc thần kinh còn gọi là sắc thanh triệt.

- *Sắc mà gọi là **nhãn xứ** đó ra sao?* Nhãn nào thành sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể mà thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng. Nhập với sắc hữu kiến và đối chiếu đặng, đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc nên đối chiếu, thứ nhãn nào mà thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là nhãn, cũng gọi là nhãn xứ, cũng gọi là nhãn giới, cũng gọi là nhãn quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi con ngươi, cũng gọi là trống không, cũng gọi bờ bên này, cũng gọi nhà trống, luống không. Những sắc này gọi là nhãn xứ.
- *Sắc mà gọi là **nhãn xứ** đó ra sao?* Nhãn nào thành sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, là thức không thấy mà đối chiếu đặng. Nhãn nào là đồ không thấy mà đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc nên đối chiếu, nhập với sắc hữu kiến và đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là nhãn, cũng gọi là nhãn xứ, cũng gọi là nhãn giới, cũng gọi là nhãn quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là ranh giới, cũng gọi là vật, cũng gọi nhà trống, cũng gọi là con mắt, cũng gọi bờ bên này, cũng gọi nhà trống luống không. Những sắc này gọi là nhãn xứ.
- *Sắc mà gọi là **nhãn xứ** đó ra sao?* Nhãn nào thành sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, là thứ không thấy mà đối chiếu đặng, do nương nhãn nào mà nhãn xúc mở mối, sắc hoặc đã sanh ra rồi, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc nên sanh... .; do nhờ nương nhãn nào mà thọ sanh ra từ nhãn xúc... tưởng... tư... nhãn thức khai đoan cho sắc hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc nên sanh...; do nương nhãn nào thì nhãn xúc nhờ sắc làm cảnh hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc nên sanh...; do nương nhãn nào, thọ mà sanh từ nhãn xúc... tưởng... tư... nhãn thức có sắc làm cảnh, hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc nên sanh. Đây cũng gọi là nhãn, cũng gọi là nhãn xứ, cũng gọi là nhãn giới, cũng gọi là nhãn quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là ranh giới, cũng gọi là vật, cũng gọi là trống, cũng gọi con mắt, cũng gọi bờ bên này, cũng gọi nhà trống luống không. Những sắc này gọi là nhãn xứ.

517.

- *Sắc mà gọi là **nhĩ xứ** đó ra sao?* Nhĩ nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên quan thân thể, là đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng (mà chúng sanh) hoặc đã nghe, hoặc đang nghe, hoặc sẽ nghe, hoặc đang nghe những tiếng là thứ không thấy mà đối chiếu đặng. Nhĩ nào là thứ thấy không đặng mà đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là nhĩ, cũng gọi là nhĩ nhập, cũng gọi là nhĩ xứ, cũng gọi là nhĩ giới, cũng gọi là nhĩ quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi bờ bên này, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là nhĩ xứ.
- *Sắc mà gọi là **nhĩ xứ** đó ra sao?* Nhĩ nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, thành đồ bất kiến hữu đối chiếu, nhập với thinh là thứ không thấy mà đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu. Thuộc nhĩ nào là đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là nhĩ, cũng gọi là nhĩ xứ, cũng gọi là nhĩ giới, cũng gọi là nhĩ quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi bờ bên này, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là nhĩ xứ.

- *Sắc mà gọi là **nhĩ xứ** đó ra sao?* Nhĩ nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, thành đồ không thấy mà đối chiếu đặng. Nhập với thinh là thứ không thấy nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu với tiếng không thấy mà đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là nhĩ, cũng gọi là nhĩ xứ, cũng gọi là nhĩ giới, cũng gọi là nhĩ quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi bờ bên này, cũng gọi là nhà không. Những sắc này gọi là nhĩ xứ.
- *Sắc mà gọi là **nhĩ xứ** đó ra sao?* Nhĩ nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, thành đồ không thấy mà đối chiếu đặng, do nương nhĩ nào thì nhĩ xúc mở mối tiếng đã sanh ra, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do nương nhĩ nào mà thọ sanh từ nhĩ xúc... tưởng... tư... nhĩ thức mở mối tiếng đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do nương nhĩ nào, nhĩ xúc mà có thinh làm cảnh đã sanh ra, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do nương nhĩ nào thì thọ sanh từ nhĩ xúc... tưởng... tư... nhĩ thức có thinh làm cảnh đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh. Đây cũng gọi là nhĩ, cũng gọi là nhĩ xứ, cũng gọi là nhĩ giới, cũng gọi là nhĩ quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi bờ bên này, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là nhĩ xứ.

518.

- *Sắc mà gọi là **tỷ xứ** đó ra sao?* Tỷ nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, là đồ không thấy mà đối chiếu đặng, (thế vậy chúng sanh) đã ngửi, đang ngửi, sẽ ngửi, đáng ngửi, nhập với khí là thứ không thấy mà đối chiếu đặng đối với tỷ nào thành thứ không thấy mà đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là tỷ, cũng gọi là tỷ xứ, cũng gọi là tỷ giới, cũng gọi là tỷ quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi thử ngạn, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là tỷ xứ.
- *Sắc mà gọi là **tỷ xứ** đó ra sao?* Tỷ nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, là đồ không thấy mà đối chiếu đặng, nhập với khí là đồ không thấy mà đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu nơi tỷ nào thành đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là tỷ, cũng gọi là tỷ xứ, cũng gọi là tỷ giới, cũng gọi là tỷ quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là ranh giới, cũng gọi là vật, cũng gọi thử ngạn, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là tỷ xứ.
- *Sắc mà gọi là **tỷ xứ** đó ra sao?* Tỷ nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, thành thứ không thấy mà đối chiếu đặng, nhập với khí là thứ không thấy nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu với khí mà không thấy nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là tỷ, cũng gọi là tỷ xứ, cũng gọi là tỷ giới, cũng gọi là tỷ quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là ranh giới, cũng gọi là vật, cũng gọi thử ngạn, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là tỷ xứ.
- *Sắc mà gọi là **tỷ xứ** đó ra sao?* Tỷ nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, thành thứ không thấy mà đối chiếu đặng, bởi nương tỷ nào thì tỷ xúc mở mối khí đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do nương tỷ nào thì thọ sanh từ tỷ xúc... tưởng... tư... tỷ thức mở mối khí đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do nương tỷ nào thì tỷ xúc có khí làm cảnh, hoặc đã sanh, hoặc đang

sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do nương tỷ nào thì thọ sanh từ tỷ xúc... tưởng... tư... tỷ thức mà có khí làm cảnh đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh. Đây cũng gọi là tỷ, cũng gọi là tỷ xứ, cũng gọi là tỷ giới, cũng gọi là tỷ quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi thử ngạn, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là tỷ xứ.

519.

- *Sắc mà gọi là **thiệt xứ** đó ra sao?* Thiệt nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, là đồ không thấy mà đối chiếu đặng, (thế vậy) chúng sanh đã nếm, hoặc đang nếm, hoặc sẽ nếm, hoặc đáng nếm bằng vị mà không thấy nhưng đối chiếu đặng với thiệt nào là đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng, theo đây cũng gọi là thiệt, cũng gọi là thiệt xứ, cũng gọi là thiệt giới, cũng gọi là thiệt quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là ranh giới, cũng gọi là vật, cũng gọi thử ngạn, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là thiệt xứ.
- *Sắc mà gọi là **thiệt xứ** đó ra sao?* Thiệt nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, là đồ không thấy mà đối chiếu đặng, nhập với vị là thứ không thấy nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu nơi thiệt nào là thứ không thấy nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là thiệt, cũng gọi là thiệt xứ, cũng gọi là thiệt giới, cũng gọi là thiệt quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi thử ngạn, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là thiệt xứ.
- *Sắc mà gọi là **thiệt xứ** đó ra sao?* Thiệt nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung, liên hệ trong thân thể, thành đồ không thấy mà đối chiếu đặng, nhập với vị là thứ không thấy nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu, chỗ vị mà thứ không thấy nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là thiệt, cũng gọi là thiệt xứ, cũng gọi là thiệt giới, cũng gọi là thiệt quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi thử ngạn, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là thiệt xứ.
- *Sắc mà gọi là **thiệt xứ** đó ra sao?* Thiệt nào là thần kinh nương sắc tứ đại minh liên hệ trong thân thể, thành đồ không thấy mà đối chiếu đặng, do nương lưỡi nào thì thiệt xúc mở mối vị đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh... do nương thiệt nào mà thọ sanh từ thiệt xúc... tưởng... tư... thiệt thức mở mối vị đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do nương thiệt nào mà thiệt xúc có vị làm cảnh đã phát sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh; do nương thiệt nào mà thọ phát sanh từ thiệt xúc... tưởng... tư... Thiệt thức mà có vị làm cảnh hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh. Đây cũng gọi là thiệt, cũng gọi là thiệt xứ, cũng gọi là thiệt giới, cũng gọi là thiệt quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi thử ngạn, cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là thiệt xứ.

520.

- *Sắc mà gọi là **thân xứ** đó ra sao?* Thân nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung liên hệ trong thân thể, thành thứ không thấy mà đối chiếu đặng. Thế vậy (chúng sanh) hoặc đã đụng chạm, hoặc đang đụng chạm, hoặc sẽ đụng chạm, hoặc đáng đụng chạm với xúc là đồ không thấy nhưng đối chiếu nơi thân nào là đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là thân, cũng gọi là thân xứ, cũng gọi là thân giới, cũng gọi là thân quyền,

cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi là thử ngạn, cũng gọi là nhà không. Những sắc này gọi là thân xứ.

- *Sắc mà gọi là **thân xứ** đó ra sao?* Thân nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung liên hệ trong thân thể, là thứ không thấy mà đối chiếu đặng. Nhập với xúc là thứ không thấy nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã xúc chạm, hoặc đang xúc chạm, hoặc sẽ xúc chạm, hoặc đáng xúc chạm nơi thân nào đối với thứ không thấy mà đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là thân, cũng gọi là thân xứ, cũng gọi là thân giới, cũng gọi là thân quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi là thử ngạn, cũng gọi là nhà không. Những sắc này gọi là thân xứ.

- *Sắc mà gọi là **thân xứ** đó ra sao?* Thân nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung liên hệ trong thân thể, là thứ không thấy mà đối chiếu đặng. Nhập với thân là thứ không thấy mà đối chiếu đặng, hoặc đã ép bức, hoặc đang ép bức, hoặc sẽ ép bức, hoặc đáng ép bức nơi xúc là thứ không thấy nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là thân, cũng gọi là thân xứ, cũng gọi là thân giới, cũng gọi là thân quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi là thử ngạn, cũng gọi là nhà không. Những sắc này gọi là thân xứ.

- *Sắc mà gọi là **thân xứ** đó ra sao?* Thân nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung liên hệ trong thân thể là đồ không thấy mà đối chiếu đặng, do nương với thân nào thì thân xúc mở mối cho xúc hoặc đã phát sanh, hoặc đang phát sanh, hoặc sẽ phát sanh, hoặc đáng phát sanh; do nhập với thân nào mà thọ phát sanh từ thân xúc… tưởng… tư… thân thức mở mối cho xúc hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh…; do nương thân nào mà thân xúc có sự mở mối cho cảnh xúc hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh; do nương thân nào mà thọ sanh từ thân xúc… tưởng… tư… thân thức có cảnh xúc hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh. Đây cũng gọi là thân, cũng gọi là thân xứ, cũng gọi là thân giới, cũng gọi là thân quyền, cũng gọi là đời, cũng gọi là môn, cũng gọi là biển, cũng gọi là bạch tịnh, cũng gọi là giới hạn, cũng gọi là vật, cũng gọi là nhà trống. Những sắc này gọi là thân xứ.

521.

- *Sắc mà gọi là **sắc xứ** đó ra sao?* Sắc nào là màu nương sắc tứ đại sung là thứ thấy đặng và đối chiếu được tức là màu xanh lam, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, màu đen, màu chân chim phụng, màu vàng đen, màu xanh, màu lá cây, màu trái xoài, dài, vắn, viễn, to, tròn, vuông, lục giác, bát giác, thập lục giác, hõm, lồi, bóng, nắng, ánh sáng, tối, mây, sương, khói, bụi, ánh trăng, trời chói, ánh sao, sao rọi, kiếng rọi, ngọc chiếu, ốc chiếu, ánh trân châu, ánh ngọc mắt mèo, ánh vàng, ánh bạc, hoặc dù cho sắc nào khác thành màu nương sắc tứ đại sung là thứ thấy đặng và đối chiếu đặng. Như thế, chúng sanh đã thấy, hoặc đang thấy, hoặc sẽ thấy, hoặc đáng thấy bằng sắc nào mà thứ thấy đặng và đối chiếu đặng với nhãn là thứ không thấy mà đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là sắc, cũng gọi là sắc xứ, cũng gọi là sắc giới. Những sắc này đều gọi là sắc xứ.

- *Sắc mà gọi là **sắc xứ** đó ra sao?* Sắc nào là màu nương sắc tứ đại sung là thứ thấy đặng và đối chiếu được tức là màu xanh lam, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, màu đen, màu chân chim phụng, màu vàng đen, màu xanh, màu lá cây, màu trái xoài, dài, vắn, viễn, to, tròn, dầy, vuông, lục giác, bát giác, thập lục giác, hõm, lồi, bóng, nắng, ánh sáng, tối, mây, sương, khói, bụi, ánh trăng, trời chói, ánh sao, sao rọi, kiếng rọi, ngọc chiếu, ốc chiếu, ánh trân châu, ánh ngọc mắt mèo, ánh vàng, ánh bạc; hoặc dù sắc nào khác thành

màu nương sắc tứ đại sung là thứ thấy đặng và vẫn đối chiếu đặng. Nhãn là thứ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng. Thế vậy, chúng sanh hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu nơi sắc nào mà thứ thấy đặng và đối chiếu đặng. Đây gọi là sắc, cũng gọi là sắc xứ, cũng gọi là sắc giới. Những sắc này đều gọi là sắc xứ.

- *Sắc mà gọi là **sắc xứ** đó ra sao?* Sắc nào là màu nương sắc tứ đại sung là thứ thấy đặng và đối chiếu được, tức là màu xanh lam, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, màu đen, màu chân chim phụng, màu vàng đen, màu xanh, màu lá cây, màu trái xoài, dài, vắn, viễn, to, tròn, dầy, vuông, lục giác, bát giác, thập lục giác, hõm, lồi, bóng, nắng, ánh sáng, tối, mây, sương, khói, bụi, ánh trăng, trời chói, ánh sao, sao rọi, kiếng rọi, ngọc chiếu, ốc chiếu, ánh trân châu, ánh ngọc mắt mèo, ánh vàng, ánh bạc; hoặc dù sắc nào khác thành màu nương sắc tứ đại sung là thứ thấy đặng và vẫn đối chiếu được, do sắc nào mở mối mà nhãn xúc nương nhãn hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do sắc nào mở mối, thời thọ sanh từ nhãn xúc... tưởng... tư... nhãn thức nương nhãn hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; nhãn xúc có sắc nào làm cảnh mà nương nhãn hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh... thọ mà sanh từ nhãn xúc... tưởng... tư... nhãn thức mà có sắc nào nương nhãn hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh. Đây cũng gọi là sắc, cũng gọi là sắc xứ, cũng gọi là sắc giới. Những sắc này đều gọi là sắc xứ.

522.

- *Sắc mà gọi là **thinh xứ** đó ra sao?* Thinh nào nương sắc tứ đại sung thành thứ không thấy mà đối chiếu đặng, tức là tiếng trống, tiếng vỗ bồng, tiếng ốc thổi, tiếng phi nam nữ, tiếng ca hát, tiếng nhạc, tiếng đàn, tiếng vỗ tay, tiếng thú kêu, tiếng âm dương chạm, tiếng nước, tiếng nhân loại, tiếng phi nhân. Hay là những tiếng nào khác nương sắc tứ đại sung thành thứ thấy không đặng mà đối chiếu đặng… Thế vậy, chúng sanh hoặc đã nghe, hoặc đang nghe, hoặc sẽ nghe, hoặc đáng nghe những tiếng nào là thứ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng, đối với nhĩ thành thứ thấy không đặng mà đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là thinh, cũng gọi là thinh xứ, cũng gọi là thinh giới. Những sắc này đều gọi là thinh xứ.

- *Sắc mà gọi là **thinh xứ** đó ra sao?* Thinh nào nương sắc tứ đại sung thành thứ không thấy mà đối chiếu đặng, tức là tiếng trống, tiếng vỗ bồng, tiếng ốc thổi, tiếng phi nam nữ, tiếng ca hát, tiếng nhạc, tiếng đàn, tiếng vỗ tay, tiếng thú kêu, tiếng âm dương chạm, tiếng nước, tiếng nhân loại, tiếng phi nhân. Hay là những tiếng nào khác nương sắc tứ đại sung thành thứ thấy không đặng và vẫn đối chiếu đặng… nhập với nhĩ là thứ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu nơi sắc nào là thứ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là thinh, cũng gọi là thinh xứ, cũng gọi là thinh giới. Những sắc này đều gọi là thinh xứ.

- *Sắc mà gọi là **thinh xứ** đó ra sao?* Thinh nào nương sắc tứ đại thành thứ không thấy mà đối chiếu đặng, tức là tiếng trống, tiếng vỗ bồng, tiếng ốc thổi, tiếng phi nam nữ, tiếng ca hát, tiếng nhạc, tiếng đàn, tiếng vỗ tay, tiếng thú kêu, tiếng âm dương chạm, tiếng nước, tiếng nhân loại, tiếng phi nhân. Hay là những tiếng nào khác nương sắc tứ đại sung thành thứ thấy không đặng mà đối chiếu đặng… nhập với thinh là thứ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu nơi nhĩ mà thành thứ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng. Đây

cũng gọi là thinh, cũng gọi là thinh xứ, cũng gọi là thinh nhập (thinh xứ). Những sắc này đều gọi là thinh xứ.

- *Sắc mà gọi là **thinh xứ** đó ra sao?* Thinh nào nương sắc tứ đại thành thứ không thấy mà đối chiếu đặng, tức là tiếng trống, tiếng vỗ bồng, tiếng ốc thổi, tiếng phi nam nữ, tiếng ca hát, tiếng nhạc, tiếng đàn, tiếng vỗ tay, tiếng thú kêu, tiếng âm dương chạm, tiếng nước, tiếng nhân loại, tiếng phi nhân. Hay là những tiếng nào khác nương sắc tứ đại thành thứ thấy không đặng mà đối chiếu đặng… do thinh nào mở mối nhĩ xúc nương nhĩ hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do thinh nào mở mối mà thọ sanh từ nhĩ xúc... tưởng... tư... nhĩ thức nương nhĩ hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; nhĩ xúc mà có thinh nào làm cảnh nương nhĩ hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; thọ nương từ nhĩ xúc... tưởng... tư... nhĩ thức có tiếng nào làm cảnh nương nhĩ hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh. Đây cũng gọi là thinh, cũng gọi là thinh xứ, cũng gọi là thinh giới. Những sắc này đều gọi là thinh xứ.

523.

- *Sắc mà gọi là **khí xứ** đó ra sao?* Khí nào mà nương sắc tứ đại sung thành đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng, tức là hơi rễ cây, hơi lõi cây, hơi vỏ cây, hơi lá cây, hơi bông cây, hơi trái cây, hơi thúi, hơi sình, hơi thơm, hơi hôi. Hoặc là những hơi nào khác mà nương sắc tứ đại sung thành đồ không thấy đặng nhưng vẫn đối chiếu. Thế vậy chúng sanh hoặc đã ngửi, hoặc đang ngửi, hoặc sẽ ngửi, hoặc đáng ngửi, hơi nào mà thành thứ không thấy đặng nhưng đối chiếu đặng, đối với tỷ mà thuộc về thứ không thấy nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là khí, hoặc gọi khí xứ, hoặc gọi khí giới. Những sắc này đều gọi là khí xứ.

- *Sắc mà gọi là **khí xứ** đó ra sao?* Khí nào mà nương sắc đại sung thành đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng, tức là hơi rễ cây, hơi lõi cây, hơi vỏ cây, hơi lá cây, hơi bông cây, hơi trái cây, hơi thúi, hơi sình, hơi thơm, hơi hôi. Hoặc là những hơi nào khác mà nương sắc tứ đại thành đồ không thấy đặng nhưng vẫn đối chiếu đặng. Nhập với tỷ là thứ đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu do khí nào là thứ không thấy mà đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là khí, cũng gọi khí xứ, cũng gọi khí giới. Những sắc này đều gọi là khí xứ.

- *Sắc mà gọi là **khí xứ** đó ra sao?* Khí nào mà nương sắc tứ đại sung thành đồ không thấy mà đối chiếu đặng, tức là hơi rễ cây, hơi lõi cây, hơi vỏ cây, hơi lá cây, hơi bông cây, hơi trái cây, hơi thúi, hơi sình, hơi thơm, hơi hôi hoặc những hơi nào khác mà nương sắc tứ đại sung thành đồ không thấy đặng nhưng vẫn đối chiếu đặng. Nhập với khí là đồ không thấy mà đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu nơi tỷ mà thành thứ không thấy đặng nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là khí, cũng gọi khí xứ, cũng gọi khí giới. Những sắc này đều gọi là khí xứ.

- *Sắc mà gọi là **khí xứ** đó ra sao?* Khí nào mà nương sắc tứ đại sung thành đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng, tức là hơi rễ cây, hơi lõi cây, hơi vỏ cây, hơi lá cây, hơi bông cây, hơi trái cây, hơi thúi, hơi sình, hơi thơm, hơi hôi, hoặc những hơi nào khác mà nương sắc tứ đại thành đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng, do khí nào mở mối cho tỷ xúc nương tỷ hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; do khí nào mở mối thì thọ sanh từ tỷ xúc... tưởng... tư... tỷ thức nương tỷ hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; tỷ xúc có khí nào làm cảnh nương tỷ hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh...; thọ mà sanh từ tỷ xúc... tưởng... tư... tỷ thức

có khí làm cảnh nương tỷ hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh. Đây cũng gọi là khí, cũng gọi khí xứ, cũng gọi khí giới. Những sắc này đều gọi là khí xứ.

524.

- *Sắc mà gọi là **vị xứ** đó ra sao?* Vị nào nương sắc tứ đại sung thành đồ không thấy mà đối chiếu đặng, tức là vị rễ cây, vị thân cây, vị vỏ cây, vị lá cây, vị bông cây, vị trái cây, vị chua, vị ngọt, vị đắng, vị cay, vị mặn, vị bùi, vị nhẫn, vị chát, vị ngon, vị dở, hoặc vị nào khác nương sắc tứ đại sung mà thành thứ đồ không thấy mà đối chiếu đặng. Nhập với thiệt thành đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu nơi vị nào mà thành đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là vị, cũng gọi vị xứ, cũng gọi vị giới. Những sắc này đều gọi là vị xứ.
- *Sắc mà gọi là **vị xứ** đó ra sao?* Vị nào nương sắc tứ đại sung thành thứ đồ không thấy được nhưng đối chiếu đặng như là vị rễ cây, vị thân cây, vị vỏ cây, vị lá cây, vị bông cây, vị trái cây, vị chua, vị ngọt, vị đắng, vị cay, vị mặn, vị bùi, vị nhẫn, vị chát, vị ngon, vị dở, hoặc vị nào khác nương sắc tứ đại sung mà thành thứ đồ không thấy mà vẫn đối chiếu… nhập với thiệt là đồ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu nơi vị nào mà thành thứ đồ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là vị, cũng gọi vị xứ, cũng gọi vị giới. Những sắc này đều gọi là vị xứ.
- *Sắc mà gọi là **vị xứ** đó ra sao?* Vị nào nương sắc tứ đại sung thành thứ đồ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng như là vị rễ cây, vị thân cây, vị vỏ cây, vị lá cây, vị bông cây, vị trái cây, vị chua, vị ngọt, vị đắng, vị cay, vị mặn, vị bùi, vị nhẫn, vị chát, vị ngon, vị dở, hoặc vị nào khác nương sắc tứ đại sung mà thành thứ đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng. Nhập với vị nào mà thành món thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu nơi thiệt mà thành thứ đồ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là vị, cũng gọi vị xứ, cũng gọi vị giới. Những sắc này đều gọi là vị xứ.
- *Sắc mà gọi là **vị xứ** đó ra sao?* Vị nào nương sắc tứ đại sung thành đồ thấy không được mà đối chiếu đặng như là vị rễ cây, vị thân cây, vị vỏ cây, vị lá cây, vị bông cây, vị trái cây, vị chua, vị ngọt, vị đắng, vị cay, vị mặn, vị bùi, vị nhẫn, vị chát, vị ngon, vị dở. Hoặc vị nào khác nương sắc tứ đại sung mà thành thứ đồ không thấy nhưng đối chiếu đặng, do sắc nào mở mối thiệt xúc nương lưỡi đã sanh ra, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh…; do vị nào mở mối thì thọ sanh từ thiệt xúc… tưởng… tư… thiệt thức nương thiệt đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh…; thiệt xúc có vị nào làm cảnh nương thiệt nào hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh…; thọ mà sanh từ thiệt xúc… tưởng… tư… thiệt thức có vị nào làm cảnh nương thiệt hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh. Đây cũng gọi là vị, cũng gọi là vị xứ. Những sắc này đều gọi là vị xứ.

525.

*Sắc mà gọi là **nữ quyền** đó ra sao?* Những cách nào thuộc về phần nữ như là nữ căn, nữ tướng, thân phần nữ, thái độ nữ, nết hạnh nữ, hành động theo cách người nữ. Như thế đây gọi là sắc nữ quyền.

526.

*Sắc mà gọi là **nam quyền** đó ra sao?* Những cách nào thuộc về phần nam như là nam căn, nam tướng, thân phần nam, thái độ nam, nết hạnh nam, hành động theo cách người nam. Như thế đây gọi là sắc nam quyền.

527.

*Sắc mà gọi là **mạng quyền** đó ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, sự dinh dưỡng của sắc pháp, gọi sắc mạng quyền tức là cách sống còn của sắc pháp. Những sắc này đều gọi là mạng quyền.

528.

*Sắc mà gọi là **thân biểu tri** đó ra sao?* Sự lay động, cách lay động, hành vi lay động, thái độ lay động, sự trình bày cho biết ý nghĩa, hành động trình bày cho biết ý nghĩa nơi thân của người mà có tâm thiện, tâm bất thiện hay là tâm vô ký sai khiến tới lui, ngó liếc qua lại, co ngay như thế nào. Những sắc này đều gọi là thân biểu tri.

529.

*Sắc mà gọi là **khẩu biểu tri** đó ra sao?* Cách nói, cách phát ra lời, cách nói chuyện, cách tường thuật, cách tuyên bố, cách quảng cáo, ngôn ngữ, lời phân biệt của những người có tâm thiện, tâm bất thiện hay là tâm vô ký. Đây gọi là ngữ ngôn, sự trình bày cho biết ý nghĩa, cách trình bày cho biết ý nghĩa, trạng thái trình bày cho biết ý nghĩa bằng ngôn ngữ như thế nào. Những sắc này đều gọi là khẩu biểu tri.

530.

*Sắc mà gọi là **hư không giới** (giao giới) đó ra sao?* Trống không tục gọi là hư không, cách luống không, sự luống không, kẽ hở, lỗ trống, tục gọi là không ngơ, thường gọi là rỗng không, thuộc về y sinh nương sắc tứ đại sung, nhưng đụng chạm không đặng. Những sắc này đều gọi là hư không giới.

531.

*Sắc mà gọi là **sắc khinh** (nhẹ) đó ra sao?* Sự nhẹ, sự không nặng, sự lẹ làng, sự không chần chờ chậm chạp dù nơi sắc nào. Như thế đây gọi là sắc khinh.

532.

*Sắc mà gọi là **sắc nhu** (mềm) đó ra sao?* Trạng thái mềm dịu, sự mềm dịu, không sần sượng, không cứng cỏi dù nơi sắc nào, đều gọi là sắc nhu.

533.

*Sắc mà gọi là **sắc thích dụng** (thích sự) đó ra sao?* Cách vừa với việc làm, sự vừa theo việc làm, trạng thái vừa với việc làm dù nơi sắc nào đều gọi là sắc thích dụng.

534.

*Sắc mà gọi là **sắc sanh** đó ra sao?* Những cách nào chất chứa xứ, sự sanh ra của sắc đó, sắc như thế đây gọi là sắc sanh *(upacaya).*

535.

*Sắc mà gọi là **sắc thừa kế** đó ra sao?* Sự sanh ra của sắc nào thành liên tiếp (thừa kế) của sắc pháp như thế đó, những sắc này gọi là sắc thừa kế *(santati).*

536.

*Sắc mà gọi là **sắc lão** đó ra sao?* Sự già, sự cũ, rụng răng, tóc bạc, bớt thọ, da dùn, cách chín mùi của sắc quyền có trong những sắc nào như thế, đây gọi là sắc lão *(jaratā).*

537.

*Sắc mà gọi là **sắc vô thường** đó ra sao?* Sự mất, cách hoại, sự rã, sự tan, sự không bền, sự vô thường của sắc nào, những sắc như thế gọi là sắc vô thường *(aniccata).*

538.

*Sắc mà gọi là **đoàn thực** đó ra sao?* Cơm, bánh tươi, bánh khô, cá, thịt, sữa tươi, sữa chế, bơ trong, bơ cục, mỡ, dầu, mật, nước mía, hay là những sắc nào khác vẫn có mà thành đồ để vào miệng nhai nuốt cho no bụng của mỗi chúng sanh và nhân loại hay những chất chi bổ dưỡng cho tất cả chúng sanh. Những sắc này đều gọi là đoàn thực.

Những sắc này gọi là sắc y sinh *(upādā rūpa).*

Dứt phần y sinh.

Dứt tập sắc pháp sơ phần 8.000 chữ.

<u>Phân theo (sắc) bất y sinh.</u>

539.

*Sắc **bất y sinh** đó ra sao?* Xúc xứ và thủy giới.

540.

- *Sắc mà gọi là **xúc xứ** đó ra sao?* Địa giới, hỏa giới, phong giới, sự cứng, sự mềm, thứ to, thứ nhuyễn, sự nặng, sự nhẹ, đụng vào thích sướng hoặc không thích. Nhập với thân là thứ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu với thứ xúc nào mà thành thứ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là xúc, cũng gọi xúc xứ, cũng gọi xúc giới. Những sắc này đều gọi là xúc xứ.
- *Sắc mà gọi là **xúc xứ** đó ra sao?* Địa giới, hỏa giới, phong giới, thứ cứng, thứ mềm, thứ to, thứ nhuyễn, cách nặng, cách nhẹ, đụng vào thích sướng hoặc không thích sướng. Nhập với thân là thứ thấy không đặng mà đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu với thứ xúc mà thành thứ thấy không đặng nhưng đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là xúc, cũng gọi xúc xứ, cũng gọi xúc giới. Những sắc này đều gọi là xúc xứ.
- *Sắc mà gọi là **xúc xứ** đó ra sao?* Địa giới, hỏa giới, phong giới, thứ cứng, thứ mềm, thứ to, thứ nhuyễn, cách nặng, cách nhẹ, đụng vào thích sướng hoặc không thích sướng. Xúc nào mà thành thứ thấy không đặng mà đối chiếu đặng, hoặc đã đối chiếu, hoặc đang đối chiếu, hoặc sẽ đối chiếu, hoặc đáng đối chiếu với thân mà thành thứ không thấy mà đối chiếu đặng. Đây cũng gọi là xúc, cũng gọi xúc xứ, cũng gọi xúc giới. Những sắc này đều gọi là xúc xứ.

- *Sắc mà gọi là **xúc xứ** đó ra sao?* Địa giới, hỏa giới, phong giới, các thứ cứng, mềm, to, nhuyễn, nặng, nhẹ, đụng vào thích sướng hoặc không thích sướng do xúc nào mở mối thân xúc nương thân hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh… do xúc nào mở mối cho thọ sanh từ thân xúc… tưởng… tư… thân thức nương với thân hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh… thân xúc có xúc nào làm cảnh nương thân hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh… thọ sanh từ thân xúc… tưởng… tư… thân thức có xúc nào làm cảnh nương thân hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh, hoặc đáng sanh…. Đây gọi là xúc, hoặc xúc xứ, hoặc xúc giới. Những sắc này đều gọi là xúc xứ.

541.

*Sắc mà gọi là **thủy giới** đó ra sao?* Sự ướt át, thứ vẫn tươm, sự dẻo dai, cơ quan dính, sắc nào như thế, những sắc ấy đều gọi là thủy giới.

Những sắc vừa kể trên đều gọi là sắc bất y sinh.

3) Nhị đề xiển minh.

542.

- ***Sắc thành thủ** đó ra sao?* Như là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền; hoặc những sắc nào khác chung có như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh *(upacaya)*, sắc thừa kế *(santati)*, và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc thành thủ.
- ***Sắc thành phi thủ** đó ra sao?* Như là thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão *(jaratā)*, sắc vô thường. Hay là những sắc nào khác đồng có như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế, đoàn thực mà không do nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc phi thủ.

543.

- ***Sắc thủ và cảnh thủ** đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, hay những sắc nào khác đồng có như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế *(santati)* và đoàn thực mà do nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc thủ và cảnh thủ.
- ***Sắc phi thủ cảnh thủ** đó ra sao?* Như là thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão *(jaratā)*, sắc vô thường *(aniccatā);* hoặc những sắc nào khác chung có như là sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế, đoàn thực mà không do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ.

544.

- ***Sắc hữu kiến** đó ra sao?* Tức là sắc xứ, những sắc này gọi là sắc hữu kiến.
- ***Sắc bất kiến** đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này đều gọi là sắc bất kiến.

545.

- ***Sắc hữu đối chiếu*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ. Những sắc này đều gọi là sắc hữu đối chiếu *(sappaṭigha).*
- ***Sắc vô đối chiếu*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc vô đối chiếu *(appaṭigha).*

546.

- ***Sắc quyền*** *đó ra sao?* Như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền. Những sắc này đều gọi là sắc quyền.
- ***Sắc phi quyền*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này đều gọi là sắc phi quyền.

547.

- ***Sắc đại sung*** *đó ra sao?* Tức là xúc xứ và thủy chất. Những sắc này đều gọi là sắc tứ đại sung.
- ***Sắc phi đại sung*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này đều gọi là sắc phi đại sung.

548.

- ***Sắc biểu tri*** *đó ra sao?* Như là thân biểu tri và khẩu biểu tri. Những sắc này gọi là sắc biểu tri.
- ***Sắc phi biểu tri*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi biểu tri.

549.

- ***Sắc có tâm làm sở sanh*** *đó ra sao?* Như là thân biểu tri và khẩu biểu tri, hoặc những sắc nào khác đồng có sanh từ nơi tâm có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh tức là sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc sanh, sắc thừa kế *(santati)* và đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc có tâm làm sở sanh.
- ***Sắc phi tâm làm sở sanh*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, sắc lão, sắc vô thường, hoặc những sắc nào khác đồng có mà không do tâm tạo, không do tâm làm nhân, không do tâm làm sở sanh tức là sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi tâm làm sở sanh.

550.

- ***Sắc đồng sanh tồn với tâm*** *đó ra sao?* Như là thân biểu tri và khẩu biểu tri. Những sắc này gọi là sắc đồng sanh tồn với tâm.
- ***Sắc không đồng sanh tồn với tâm*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc không đồng sanh tồn với tâm.

551.

- ***Sắc tùng tâm thông lưu*** *đó ra sao?* Như là thân biểu tri và khẩu biểu tri. Những sắc này gọi là sắc tùng tâm thông lưu.

- ***Sắc phi tùng tâm thông lưu*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi tùng tâm thông lưu.

552.

- ***Sắc nội*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội.
- ***Sắc ngoại*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại.

553.

- ***Sắc thô*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc thô.
- ***Sắc tế*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc tế.

554.

- ***Sắc viễn*** *đó ra sao?* Như là nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc viễn.
- ***Sắc cận*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc cận.

555.

- ***Sắc vật mà nhãn xúc nương*** *đó ra sao?* Tức là nhãn xứ. Những sắc này gọi là sắc vật mà nhãn xúc nương.
- ***Sắc chẳng phải sắc vật mà nhãn xúc nương*** *đó ra sao?* Như là nhĩ xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc chẳng phải sắc vật mà nhãn xúc nương.

556.

- ***Sắc thành vật mà thọ nương… nhãn xúc nương… tưởng nương… tư nương… nhãn thức nương*** *đó ra sao?* Tức là nhãn xứ. Những sắc này gọi là sắc vật mà nhãn thức nương.
- ***Sắc chẳng phải vật mà nhãn thức nương*** *đó ra sao?* Như là nhĩ xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc chẳng phải sắc vật mà nhãn thức nương.

557.

- ***Sắc thành vật mà nhĩ xúc nương… tỷ xúc nương… thiệt xúc nương… thân xúc nương…*** *đó ra sao?* Tức là thân xứ. Những sắc này gọi là sắc thành vật mà thân xúc nương.
- ***Sắc chẳng phải sắc vật mà thân xúc nương*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc chẳng phải sắc thành vật mà thân xúc nương.

558.

- ***Sắc thành vật mà thọ sanh từ thân xúc nương… tưởng nương… tư nương… thân thức nương…*** *đó ra sao?* Thân xứ. Sắc này gọi là sắc thành vật mà thân thức nương.
- ***Sắc chẳng phải sắc vật mà thân thức nương*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc chẳng phải sắc vật mà thân thức nương.

559.

- ***Sắc thành cảnh của nhãn xúc*** *đó ra sao?* Tức là sắc xứ. Sắc này gọi là sắc thành cảnh của nhãn xúc.

- ***Sắc phi cảnh của nhãn xúc*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi cảnh của nhãn xúc.

560.

- ***Sắc thành cảnh của thọ sanh từ nhãn xúc*** *... của tưởng... của tư... của nhãn thức đó ra sao?* Sắc là sắc xứ. Những sắc này gọi là sắc thành cảnh của nhãn thức.
- ***Sắc phi cảnh của nhãn thức*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi cảnh của nhãn thức.

561.

- ***Sắc thành cảnh của nhĩ xúc*** *... của tỷ xúc... của thiệt xúc... của thân xúc đó ra sao?* Như là xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc thành cảnh của thân xúc.
- ***Sắc phi cảnh của thân xúc*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi cảnh của thân xúc.

562.

- ***Sắc thành cảnh của thọ sanh từ thân xúc*** *... của tưởng... của tư... của thân thức đó ra sao?* Tức là xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc thành cảnh của thân thức.
- ***Sắc phi cảnh của thân thức*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi cảnh của thân thức.

563.

- ***Sắc thành nhãn xứ*** *đó ra sao?* Nhãn nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung… đây cũng gọi là nhãn… hoặc gọi nhà không. Những sắc này gọi là sắc thành nhãn xứ.
- ***Sắc phi nhãn xứ*** *đó ra sao?* Như là nhĩ xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi nhãn xứ.

564.

- ***Sắc thành nhĩ xứ*** *... thành tỷ xứ... thành thiệt xứ... thành thân xứ đó ra sao?* Thân nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung… đây cũng gọi là thân… cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là sắc thành thân xứ.
- ***Sắc phi thân xứ*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi thân xứ.

565.

- ***Sắc thành sắc xứ*** *đó ra sao?* Sắc nào là màu nương sắc tứ đại sung… đây cũng gọi là sắc, cũng gọi sắc xứ, cũng gọi sắc giới. Những sắc này gọi là sắc thành sắc xứ.
- ***Sắc phi sắc xứ*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi sắc xứ.

566.

- ***Sắc thành thinh xứ*** *... thành khí xứ... thành vị xứ... thành xúc xứ đó ra sao?* Địa giới… đây cũng gọi là xúc, cũng gọi xúc xứ, cũng gọi xúc giới. Những sắc này gọi là sắc thành xúc xứ.

- ***Sắc phi xúc xứ*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi xúc xứ.

567.

- ***Sắc thành nhãn giới*** *đó ra sao?* Tức là nhãn xứ. Những sắc này gọi là sắc thành nhãn giới.
- ***Sắc phi nhãn giới*** *đó ra sao?* Như là nhĩ xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi nhãn giới.

568.

- ***Sắc thành nhĩ giới*** *...* ***thành tỷ giới*** *...* ***thành thiệt giới*** *...* ***thành thân giới*** *đó ra sao?* Tức là thân xứ. Những sắc này gọi là sắc thành thân giới.
- ***Sắc phi thân giới*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi thân giới.

569.

- ***Sắc thành sắc giới*** *đó ra sao?* Tức là sắc xứ. Những sắc này gọi là sắc thành sắc giới.
- ***Sắc phi sắc giới*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi sắc giới.

570.

- ***Sắc thành thinh giới*** *...* ***thành khí giới*** *...* ***thành vị giới*** *...* ***thành xúc giới*** *đó ra sao?* Tức là xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc thành xúc giới.
- ***Sắc phi xúc giới*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi xúc giới.

571.

- ***Sắc thành nhãn quyền*** *đó ra sao?* Nhãn nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung, đây hoặc gọi là nhãn… hoặc gọi nhà không. Những sắc này gọi là sắc nhãn quyền.
- ***Sắc phi nhãn quyền*** *đó ra sao?* Như là nhĩ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi nhãn quyền.

572.

- ***Sắc thành nhĩ quyền*** *...* ***thành tỷ quyền*** *...* ***thành thiệt quyền*** *...* ***thành thân quyền*** *đó ra sao?* Thân nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung. Đây cũng gọi là thân… hoặc gọi nhà không... Những sắc này gọi là sắc thành thân quyền.
- ***Sắc phi thân quyền*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi thân quyền.

573.

- ***Sắc thành nữ quyền*** *đó ra sao?* Những sắc nào thuộc về phần nữ như là nữ căn, nữ tướng, chơn tướng nữ, thái độ nữ, nết na nữ, thân phần nữ, những nguyên nhân hiện bày như thế, những sắc này gọi là sắc thành nữ quyền.

- ***Sắc phi nữ quyền*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi nữ quyền.

574.

- ***Sắc thành nam quyền*** *đó ra sao?* Những cách nào thuộc về phần nam như là nam căn, nam tướng, chơn tướng nam, thái độ nam, nết hạnh nam, thân phần nam, phát hiện như thế do nguyên nhân nào. Những sắc này đây gọi là sắc thành nam quyền.
- ***Sắc phi nam quyền*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi nam quyền.

575.

- ***Sắc mạng quyền*** *đó ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, sự dinh dưỡng của sắc pháp, gọi sắc mạng quyền tức là cách sống còn của sắc pháp. Những sắc này gọi là sắc mạng quyền.
- ***Sắc phi mạng quyền*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi mạng quyền.

576.

- ***Sắc thành thân biểu tri*** *đó ra sao?* Sự lay động, cách lay động, hành vi lay động, thái độ lay động, sự trình bày cho biết ý nghĩa, cách trình bày cho biết ý nghĩa, hành động trình bày cho biết ý nghĩa nơi thân của người mà có tâm thiện, tâm bất thiện hay là tâm vô ký sai khiến tới lui, ngó liếc qua lại, co ngay như thế nào. Những sắc này đều gọi là sắc thân biểu tri.
- ***Sắc phi thân biểu tri*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi thân biểu tri.

577.

- ***Sắc thành khẩu biểu tri*** *đó ra sao?* Cách nói, cách phát ra lời, cách nói chuyện, cách tường thuật, cách tuyên bố, cách quảng cáo, ngôn ngữ, lời phân biệt của những người có tâm thiện hoặc tâm bất thiện hay là tâm vô ký. Đây gọi là ngữ ngôn, sự trình bày cho biết ý nghĩa, cách trình bày cho biết ý nghĩa, trạng thái trình bày cho biết ý nghĩa bằng ngữ ngôn như thế nào, những sắc này đều gọi là sắc khẩu biểu tri.
- ***Sắc phi khẩu biểu tri*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi khẩu biểu tri.

578.

- ***Sắc thành hư không giới*** *đó ra sao?* Trống không tục gọi là hư không, cách luống không, sự trống không, kẽ hở, lỗ trống, tục định là không ngơ, thường gọi là rỗng không thuộc về y sinh nương sắc tứ đại sung, nhưng đụng chạm không đặng. Những sắc này đều gọi là sắc hư không giới.
- ***Sắc phi hư không giới*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi hư không giới.

579.

- ***Sắc thành thủy giới*** *đó ra sao?* Sự ướt át, cách ướt át, sự dẻo, chơn tướng dẻo, cơ quan dính của sắc. Những sắc này gọi là sắc thành thủy giới.
- ***Sắc phi thủy giới*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi thủy giới.

580.

- ***Sắc nhẹ*** *đó ra sao?* Sự nhẹ, cách mau, không chậm chạp, không nặng nề của sắc nào như thế, đây gọi là sắc nhẹ.
- ***Sắc phi sắc nhẹ*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi sắc nhẹ.

581.

- ***Sắc thành sắc mềm*** *đó ra sao?* Sự mềm mại, cách mềm mại, không cứng, không sượng của sắc nào, đây gọi là sắc thành sắc mềm.
- ***Sắc phi sắc mềm*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi sắc mềm.

582.

- ***Sắc thành sắc thích dụng*** *đó ra sao?* Cách vừa với việc làm, sự vừa theo việc làm, trạng thái vừa với việc làm dù nơi sắc nào đều gọi là sắc thành sắc thích dụng.
- ***Sắc phi sắc thích dụng*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi sắc thích dụng.

583.

- ***Sắc thành sắc sanh*** *đó ra sao?* Sự tích tựu của những xứ, sự sanh ra của sắc, dù thế nào những sắc này gọi là sắc sanh *(upacaya).*
- ***Sắc phi sắc sanh*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi sắc sanh.

584.

- ***Sắc thành sắc thừa kế*** *đó ra sao?* Sự thừa kế (tiến lên) của sắc, sự tiếp liền của sắc, dù thế nào những sắc này đều gọi là sắc thành sắc thừa kế *(santati).*
- ***Sắc phi sắc thừa kế*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi sắc thừa kế.

585.

- ***Sắc thành sắc lão*** *đó ra sao?* Sự già, cách cũ, thay đổi như là tóc bạc, răng lung lay, giảm thọ, sự chín mùi của quyền và của sắc pháp như thế nào những sắc này gọi là sắc lão *(jaratā).*
- ***Sắc phi sắc dị*** *(sắc lão) đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi sắc lão.

586.

- ***Sắc thành sắc vô thường*** *đó ra sao?* Sự mất đi, hao đi, hư hoại, không bền, sự không trường tồn của sắc pháp, dù thế nào những sắc này đều gọi là sắc vô thường *(aniccata).*

- ***Sắc phi sắc vô thường*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi sắc vô thường.

587.

- ***Sắc thành đoàn thực*** *đó ra sao?* Cơm, bánh tươi, bánh khô, cá, thịt, sữa tươi, sữa chua, bơ lỏng, bơ đặc, mỡ, dầu, mật, nước mía. Hay là những sắc nào khác đồng có thành đồ để trong miệng nhai nuốt no bụng của mỗi chúng sanh tức là những chất bổ nào nuôi sống nhân loại và vạn vật. Những sắc này gọi là sắc thành đoàn thực.
- ***Sắc phi đoàn thực*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… sắc vô thường. Những sắc này gọi là sắc phi đoàn thực.

Nhị yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu đây.

Dứt nhị đề xiển minh.

4) Tam đề xiển minh.

588.

- ***Sắc nội thành y sinh*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội thành y sinh.
- ***Sắc ngoại thành y sinh*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành y sinh.
- ***Sắc ngoại phi y sinh*** *đó ra sao?* Xúc xứ… thủy giới. Những sắc này đều gọi là sắc ngoại phi y sinh.

589.

- ***Sắc nội thành thủ*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội thành thủ.
- ***Sắc ngoại thành thủ*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền. Hay là những sắc nào khác đồng có tức là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành thủ.
- ***Sắc ngoại thành phi thủ*** *đó ra sao?* Thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc nhẹ, sắc mềm, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường. Hay là những sắc nào khác đồng có tức là sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành phi thủ.

590.

- ***Sắc nội thành thủ cảnh thủ*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội thành thủ cảnh thủ.
- ***Sắc ngoại thành thủ cảnh thủ*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, hay là những sắc nào khác đồng có tức là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế, sắc vật thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành thủ cảnh thủ.

- ***Sắc ngoại phi thủ cảnh thủ*** *đó ra sao?* Thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc nhẹ, sắc mềm, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường. Hay là những sắc nào khác đồng có tức là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi thủ cảnh thủ.

591.

- ***Sắc nội thành bất kiến*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội thành bất kiến.
- ***Sắc ngoại thành bất kiến*** *đó ra sao?* Chỉ có sắc xứ. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành bất kiến *(Sanidassana).*
- ***Sắc ngoại mà hữu kiến*** *đó ra sao?* Thinh xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại mà hữu kiến.

592.

- ***Sắc nội thành đối chiếu*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội thành đối chiếu *(Sappatigha).*
- ***Sắc ngoại thành đối chiếu*** *đó ra sao?* Sắc xứ… xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành đối chiếu.
- ***Sắc ngoại vô đối chiếu*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại vô đối chiếu *(Appatigha).*

593.

- ***Sắc nội thành quyền*** *đó ra sao?* Nhãn quyền… thân quyền. Những sắc này gọi là sắc nội thành quyền *(Indrīya).*
- ***Sắc ngoại thành quyền*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành quyền.
- ***Sắc ngoại phi quyền*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi quyền.

594.

- ***Sắc nội phi đại sung*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi đại sung *(Mahābhūta).*
- ***Sắc ngoại thành đại sung*** *đó ra sao?* Xúc xứ và thủy giới. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành đại sung.
- ***Sắc ngoại phi đại sung*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi đại sung.

595.

- ***Sắc nội phi biểu tri*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi biểu tri.
- ***Sắc ngoại thành biểu tri*** *đó ra sao?* Thân biểu tri và khẩu biểu tri. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành biểu tri *(viññatti).*

- ***Sắc ngoại phi biểu tri*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi biểu tri.

596.

- ***Sắc nội không có tâm làm sở sanh*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội không có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhāna).*
- ***Sắc ngoại có tâm làm sở sanh*** *đó ra sao*? Thân biểu tri, khẩu biểu tri, hay là những sắc nào khác có tâm làm nhân sanh và sở sanh tức là sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sự nhẹ của sắc, sự mềm của sắc, sự thích dụng của sắc, cách sanh của sắc, cách thừa kế của sắc và đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhāna).*
- ***Sắc ngoại không có tâm làm sở sanh*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, sự già của sắc, cách vô thường của sắc. Hay là sắc nào khác mà không có tâm làm nhân sanh hay sở sanh tức là sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sự nhẹ của sắc, sự mềm của sắc, sự thích dụng của sắc, cách sanh của sắc, sự thừa kế của sắc và đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại không có tâm làm sở sanh.

597.

- ***Sắc nội không đồng sanh tồn với tâm*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội không đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhū).*
- ***Sắc ngoại đồng sanh tồn với tâm*** *đó ra sao?* Thân biểu tri và khẩu biểu tri. Những sắc này gọi là sắc ngoại đồng sanh tồn với tâm.
- ***Sắc ngoại không đồng sanh tồn với tâm*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại không đồng sanh tồn với tâm.

598.

- ***Sắc nội phi tùng thông lưu với tâm*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi tùng thông lưu với tâm.
- ***Sắc ngoại tùng thông lưu với tâm*** *đó ra sao?* Thân biểu tri và khẩu biểu tri. Những sắc này gọi là sắc ngoại tùng thông lưu với tâm.
- ***Sắc ngoại không tùng thông lưu với tâm*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại không tùng thông lưu với tâm *(cittānuparivatti)*.

599.

- ***Sắc nội thô*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội thô.
- ***Sắc ngoại thô*** *đó ra sao?* Sắc xứ… xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc ngoại thô.
- ***Sắc ngoại tế*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại tế *(sukhama).*

600.

- ***Sắc nội thành cận*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội cận.
- ***Sắc ngoại mà viễn*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại viễn *(bāhira dūre).*

- ***Sắc ngoại cận*** *đó ra sao?* Sắc xứ… xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc ngoại cận *(bāhira santike).*

601.

- ***Sắc ngoại phi vật nương của nhãn xúc*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi vật nương của nhãn xúc.
- ***Sắc nội thành vật nương của nhãn xúc*** *đó ra sao?* Nhãn xứ. Sắc này gọi là sắc nội thành vật nương của nhãn xúc.
- ***Sắc nội không thành vật nương của nhãn xúc*** *đó ra sao?* Như là nhĩ xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội không thành vật nương của nhãn xúc.

602.

- ***Sắc ngoại không thành vật nương của thọ sanh từ nhãn xúc… của tưởng… của tư… của nhãn thức*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại không thành vật nương của nhãn thức.
- ***Sắc nội thành vật nương của nhãn thức*** *đó ra sao?* Nhãn xứ. Sắc này gọi là sắc nội thành vật nương của nhãn thức.
- ***Sắc nội phi vật nương của nhãn thức*** *đó ra sao?* Nhĩ xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi vật nương của nhãn thức.

603.

- ***Sắc ngoại không thành vật nương của nhĩ xúc… của tỷ xúc… của thiệt xúc… của thân xúc*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại không thành vật nương của thân xúc.
- ***Sắc nội thành vật nương của thân xúc*** *đó ra sao?* Thân xứ. Sắc này gọi là sắc nội thành vật nương của thân xúc.
- ***Sắc nội phi vật nương của thân xúc*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thiệt xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi vật nương của thân xúc.

604.

- ***Sắc ngoại phi vật nương của thọ sanh từ thân xúc… của tưởng… của tư… của thân thức*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi vật nương của thân thức.
- ***Sắc nội thành vật nương của thân thức*** *đó ra sao?* Thân xứ. Sắc này gọi là sắc nội thành vật nương của thân thức.
- ***Sắc nội không thành vật nương của thân thức*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thiệt xứ. Những sắc này gọi là sắc nội không thành vật nương của thân thức.

605.

- ***Sắc nội phi cảnh của nhãn xúc*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi cảnh của nhãn xúc.
- ***Sắc ngoại thành cảnh của nhãn xúc*** *đó ra sao?* Sắc xứ. Sắc này gọi là sắc ngoại thành cảnh của nhãn xúc.

- ***Sắc ngoại phi cảnh của nhãn xúc*** *đó ra sao?* Thinh xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi cảnh của nhãn xúc.

606.

- ***Sắc nội phi cảnh của thọ sanh từ nhãn xúc*** *...* ***của tưởng*** *...* ***của tư*** *...* ***của nhãn thức*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi cảnh của nhãn thức.
- ***Sắc ngoại thành cảnh của nhãn thức*** *đó ra sao?* Sắc xứ. Sắc này gọi là sắc ngoại thành cảnh của nhãn thức.
- ***Sắc ngoại phi cảnh của nhãn thức*** *đó ra sao?* Thinh xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi cảnh của nhãn thức.

607.

- ***Sắc nội phi cảnh của nhĩ xúc*** *...* ***của tỷ xúc*** *...* ***của thiệt xúc*** *...* ***của thân xúc*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi cảnh của thân xúc.
- ***Sắc ngoại thành cảnh của thân xúc*** *đó ra sao?* Xúc xứ. Sắc này gọi là sắc ngoại thành cảnh của thân xúc.
- ***Sắc ngoại phi cảnh của thân xúc*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi cảnh của thân xúc.

608.

- ***Sắc nội phi cảnh của thọ sanh từ thân xúc*** *...* ***của tưởng*** *...* ***của tư*** *...* ***của thân thức*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi cảnh của thân thức.
- ***Sắc ngoại thành cảnh của thân thức*** *đó ra sao?* Xúc xứ. Sắc này gọi là sắc ngoại thành cảnh của thân thức.
- ***Sắc ngoại phi cảnh của thân thức*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi cảnh của thân thức.

609.

- ***Sắc ngoại phi nhãn xứ*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi nhãn xứ.
- ***Sắc nội thành nhãn xứ*** *đó ra sao?* Nhãn nào là thanh triệt nương sắc tứ đại sung. Đây gọi là nhãn… hoặc gọi nhà không. Những sắc này gọi là sắc nội thành nhãn xứ.
- ***Sắc nội phi nhãn xứ*** *đó ra sao?* Nhĩ xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi nhãn xứ.

610.

- ***Sắc ngoại phi nhĩ xứ*** *...* ***phi tỷ xứ*** *...* ***phi thiệt xứ*** *...* ***phi thân xứ*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi thân xứ.
- ***Sắc nội thành thân xứ*** *đó ra sao?* Thân nào là thanh triệt nương sắc tứ đại sung. Đây cũng gọi là thân… hoặc gọi nhà không. Những sắc này gọi là sắc nội thành thân xứ.
- ***Sắc nội phi thân xứ*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thiệt xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi thân xứ.

611.

- ***Sắc nội phi sắc xứ*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi sắc xứ.
- ***Sắc ngoại thành sắc xứ*** *đó ra sao?* Sắc nào là màu nương sắc tứ đại sung… Đây cũng gọi là sắc, cũng gọi sắc xứ, cũng gọi sắc giới. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành sắc xứ.
- ***Sắc ngoại phi sắc xứ*** *đó ra sao?* Thinh xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi sắc xứ.

612.

- ***Sắc nội phi thinh xứ*** *...* ***phi khí xứ*** *...* ***phi vị xứ*** *...* ***phi xúc xứ*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi xúc xứ.
- ***Sắc ngoại thành xúc xứ*** *đó ra sao?* Địa giới… Đây cũng gọi là xúc, cũng gọi xúc xứ, cũng gọi xúc giới. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành xúc xứ.
- ***Sắc ngoại phi xúc xứ*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi xúc xứ.

613.

- ***Sắc ngoại phi nhãn giới*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi nhãn giới.
- ***Sắc nội thành nhãn giới*** *đó ra sao?* Nhãn xứ. Những sắc này gọi là sắc nội thành nhãn giới.
- ***Sắc nội phi nhãn giới*** *đó ra sao?* Nhĩ xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi nhãn giới.

614.

- ***Sắc ngoại phi nhĩ giới*** *...* ***phi tỷ giới*** *...* ***phi thiệt giới*** *...* ***phi thân giới*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi thân giới.
- ***Sắc nội thành thân giới*** *đó ra sao?* Thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội thành thân giới.
- ***Sắc nội phi thân giới*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thiệt xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi thân giới.

615.

- ***Sắc nội phi sắc giới*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi sắc giới.
- ***Sắc ngoại thành Sắc giới*** *đó ra sao?* Sắc xứ. Sắc này gọi là sắc ngoại thành Sắc giới.
- ***Sắc ngoại phi sắc giới*** *đó ra sao?* Thinh xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi sắc giới.

616.

- ***Sắc nội phi thinh giới*... *phi khí giới*... *phi vị giới*... *phi xúc giới*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi xúc giới.
- ***Sắc ngoại thành xúc giới*** *đó ra sao?* Xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành xúc giới.
- ***Sắc ngoại phi xúc giới*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi xúc giới.

617.

- ***Sắc ngoại phi nhãn quyền*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi nhãn quyền.
- ***Sắc nội thành nhãn quyền*** *đó ra sao?* Nhãn nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung… Đây cũng gọi là nhãn… cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là sắc nội thành nhãn quyền.
- ***Sắc nội phi nhãn quyền*** *đó ra sao?* Nhĩ xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi nhãn quyền.

618.

- ***Sắc ngoại phi nhĩ quyền*... *phi tỷ quyền*... *phi thiệt quyền*... *phi thân quyền*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi thân quyền.
- ***Sắc nội thành thân quyền*** *đó ra sao?* Thân nào là thanh triệt nương sắc tứ đại sung… Đây cũng gọi là thân… cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là sắc nội thành thân quyền.
- ***Sắc nội phi thân quyền*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thiệt xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi thân quyền.

619.

- ***Sắc nội phi nữ quyền*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi nữ quyền.
- ***Sắc ngoại thành nữ quyền*** *đó ra sao?* Nguyên nhân nào phát sanh bộ phận nữ, tư cách nữ, thái độ nữ, thân phần nữ, tướng trạng nữ, nữ căn, sắc làm nhân phát hiện như thế. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành nữ quyền.
- ***Sắc ngoại phi nữ quyền*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi nữ quyền.

620.

- ***Sắc nội phi nam quyền*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi nam quyền.
- ***Sắc ngoại thành nam quyền*** *đó ra sao?* Nhân nào phát bày bộ phận nam, tư cách nam, thái độ nam, thân phần nam, tướng trạng nam, nam căn, sắc làm nhân phát hiện như thế. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành nam quyền.
- ***Sắc ngoại phi nam quyền*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi nam quyền.

621.

- ***Sắc nội phi mạng quyền*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi mạng quyền.
- ***Sắc ngoại thành mạng quyền*** *đó ra sao?* Sự sống còn, đang còn, sự hiện hữu, cách hiện tồn, đang liên tiếp, hành vi đang còn, sự dinh dưỡng của sắc pháp, cũng gọi mạng sống đang bảo tồn cho những sắc nghiệp. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành mạng quyền.
- ***Sắc ngoại phi mạng quyền*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi mạng quyền.

622.

- ***Sắc nội phi thân biểu tri*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi thân biểu tri.
- ***Sắc ngoại thành thân biểu tri*** *đó ra sao?* Sự lay động, cách lay động, hành vi lay động, thái độ lay động, sự trình bày cho biết ý nghĩa, cách trình bày cho biết ý nghĩa, hành động trình bày cho biết ý nghĩa nơi thân người mà có tâm thiện, tâm bất thiện hay là tâm vô ký sai khiến tới, lui, ngó, liếc qua lại, co, ngay ra sao. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành thân biểu tri.
- ***Sắc ngoại phi thân biểu tri*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi thân biểu tri.

623.

- ***Sắc nội phi khẩu biểu tri*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi khẩu biểu tri.
- ***Sắc ngoại thành khẩu biểu tri*** *đó ra sao?* Cách nói, sự nói, lời nói, cách tường thuật, cách tuyên bố, cách quảng cáo, ngôn ngữ, lời phân biệt của những người có tâm thiện, tâm bất thiện hay là tâm vô ký. Đây cũng gọi là ngôn ngữ, sự trình bày cho biết ý nghĩa, cách trình bày cho biết ý nghĩa, trạng thái trình bày cho biết ý nghĩa bằng ngôn ngữ, dù thế nào những sắc này đều gọi là sắc ngoại thành khẩu biểu tri *(vocī viññatti)*.
- ***Sắc ngoại phi khẩu biểu tri*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi khẩu biểu tri.

624.

- ***Sắc nội phi hư không giới*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi hư không giới.
- ***Sắc nội thành hư không giới*** *đó ra sao?* Trống không tục gọi là hư không, cách luống không, sự luống không, kẽ hở, lỗ trống, tục định là không ngơ, thường gọi là rỗng không thuộc về y sinh nương sắc tứ đại sung, nhưng không đụng chạm chi. Những sắc này gọi là sắc nội thành hư không giới *(ākasadhātu)*.
- ***Sắc ngoại phi hư không giới*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi hư không giới.

625.

- ***Sắc nội phi thủy giới*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi thủy giới.
- ***Sắc ngoại thành thủy giới*** *đó ra sao?* Sự ướt át, cách ướt át, sự dẻo, cách dẻo, cơ quan vẫn thu hút. Những sắc này đều gọi là sắc ngoại thành thủy giới.
- ***Sắc ngoại phi thủy giới*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi thủy giới.

626.

- ***Sắc nội phi sắc khinh*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi sắc khinh.
- ***Sắc ngoại thành sắc khinh*** *đó ra sao?* Cách nhẹ, sự mau, không chậm chạp, không nặng nề nơi sắc nào như thế, đây gọi là sắc ngoại thành sắc khinh *(rūpa lahutā).*
- ***Sắc ngoại phi sắc khinh*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi sắc khinh.

627.

- ***Sắc nội phi sắc nhu*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi sắc nhu.
- ***Sắc ngoại thành sắc nhu*** *đó ra sao?* Cách mềm, sự mềm, không cứng, không sần sượng dù nơi sắc nào, những sắc như thế này đều gọi là sắc ngoại thành sắc nhu.
- ***Sắc ngoại phi sắc nhu*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi sắc nhu.

628.

- ***Sắc nội phi sắc thích dụng*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi sắc thích dụng.
- ***Sắc ngoại thành sắc thích dụng*** *đó ra sao?* Sắc vừa với công việc làm, sự thích hợp với cách làm, trạng thái thích hợp với việc làm của sắc thế nào, những sắc này đều gọi là sắc ngoại thành sắc thích dụng *(rūpakammaññatā).*
- ***Sắc ngoại phi sắc thích dụng*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi sắc thích dụng.

629.

- ***Sắc nội phi sắc sanh*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi sắc sanh.
- ***Sắc ngoại thành sắc sanh*** *đó ra sao?* Sự tích tụ của những xứ, cách sanh của sắc như thế nào. Những sắc này đều gọi là sắc ngoại thành sắc sanh ***(upacaya).***
- ***Sắc ngoại phi sắc sanh*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi sắc sanh.

630.

- ***Sắc nội phi sắc thừa kế*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi sắc thừa kế.

- ***Sắc ngoại thành sắc thừa kế*** *đó ra sao?* Cách sắc vừa sanh liên tiếp (thừa kế) của sắc như thế nào. Những sắc này gọi là sắc ngoại thành sắc thừa kế *(rūpasantati).*
- ***Sắc ngoại phi sắc thừa kế*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi sắc thừa kế.

631.

- ***Sắc nội phi sắc lão*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi sắc lão.
- ***Sắc ngoại thành sắc lão*** *đó ra sao?* Cách cũ, sự già, răng lay, tóc bạc, giảm thọ, da dùn, sự chín mùi của quyền nơi sắc nào, những sắc này gọi là sắc ngoại thành sắc lão *(rūpa jaratā).*
- ***Sắc ngoại phi sắc lão*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc ngoại phi sắc lão.

632.

- ***Sắc nội phi sắc vô thường*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này gọi là sắc nội phi sắc vô thường *(aniccatā).*
- ***Sắc ngoại thành sắc vô thường*** *đó ra sao?* Sự hư, cách mất, cách rã, trạng thái biến đổi, thái độ tiêu tan, không còn tồn tại của sắc nào. Những sắc này đều gọi là sắc ngoại thành sắc vô thường *(rūpa aniccatā).*
- ***Sắc ngoại phi sắc vô thường*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này đều gọi là sắc ngoại phi sắc vô thường.

633.

- ***Sắc nội phi đoàn thực*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Những sắc này đều gọi là sắc nội phi đoàn thực.
- ***Sắc ngoại thành đoàn thực*** *đó ra sao?* Cơm, bánh tươi, bánh khô, cá, thịt, sữa tươi, sữa chua, bơ trong, bơ cục, mỡ, dầu, mật ong, nước mía; hay là những sắc nào khác chung có đặng để vào miệng nhai, nuốt cho no bụng mỗi chúng sanh, hoặc từ người dân dã, dù chất bổ như thế nào mà để nuôi mạng sống cho tất cả chúng sanh. Những sắc này đều gọi là sắc ngoại thành đoàn thực *(kabaḷiṅkārāhāra).*
- ***Sắc ngoại phi đoàn thực*** *đó ra sao?* Sắc xứ… sắc vô thường. Những sắc này đều gọi là sắc ngoại phi đoàn thực.

Tam yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

Dứt tam đề xiển minh.

5) Tứ đề xiển minh.

634.

- ***Sắc y sinh thành (sắc) thủ*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền. Hay là những sắc nào khác chung có như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, hư không giới,

sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc y sinh thành (sắc) thủ.

- ***Sắc y sinh phi sắc thủ*** *đó ra sao?* Thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường. Hay là những sắc nào khác chung có tức là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, hư không giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc y sinh phi sắc thủ.
- ***Sắc bất y sinh thành sắc thủ*** *đó ra sao?* Xúc xứ và thủy giới mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc bất y sinh thành sắc thủ.
- ***Sắc bất y sinh phi sắc thủ*** *đó ra sao?* Xúc xứ và thủy giới mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc bất y sinh phi sắc thủ.

635.

- ***Sắc y sinh thành thủ cảnh thủ*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền. Hay là những sắc nào khác chung có như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, hư không giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc y sinh thành thủ cảnh thủ.
- ***Sắc y sinh phi thủ mà cảnh thủ*** *đó ra sao?* Thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường, hoặc sắc nào khác chung có như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, hư không giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc y sinh phi thủ mà cảnh thủ.
- ***Sắc bất y sinh thành thủ cảnh thủ*** *đó ra sao?* Xúc xứ và thủy giới do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc bất y sinh thành thủ cảnh thủ.
- ***Sắc bất y sinh phi thủ cảnh thủ*** *đó ra sao?* Xúc xứ và thủy giới mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc bất y sinh phi thủ cảnh thủ.

636.

- ***Sắc y sinh thành đối chiếu*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… vị xứ. Những sắc này gọi là sắc y sinh thành đối chiếu *(sappaṭigha).*
- ***Sắc y sinh vô đối chiếu*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc y sinh vô đối chiếu.
- ***Sắc bất y sinh mà đối chiếu*** *đó ra sao?* Xúc xứ. Sắc này gọi là sắc bất y sinh mà đối chiếu.
- ***Sắc bất y sinh vô đối chiếu*** *đó ra sao?* Thủy giới. Sắc này gọi là sắc bất y sinh vô đối chiếu.

637.

- ***Sắc y sinh thô*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… vị xứ. Những sắc này gọi là sắc y sinh thô.
- ***Sắc y sinh tế*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc y sinh tế *(rūpa upādā sukhuma).*
- ***Sắc bất y sinh thô*** *đó ra sao?* Xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc bất y sinh thô.
- ***Sắc bất y sinh tế*** *đó ra sao?* Thủy giới. Sắc này gọi là sắc bất y sinh tế.

638.

- ***Sắc y sinh viễn*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc y sinh viễn *(rūpa upādā dūre).*
- ***Sắc y sinh cận*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… vị xứ. Những sắc này gọi là sắc y sinh cận *(rūpa upādā santike).*
- ***Sắc bất y sinh viễn*** *đó ra sao?* Thủy giới. Sắc này gọi là sắc bất y sinh viễn.
- ***Sắc bất y sinh cận*** *đó ra sao?* Xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc bất y sinh cận.

639.

- ***Sắc thủ hữu kiến*** *đó ra sao?* Sắc xứ do nghiệp tạo. Sắc này gọi là sắc thủ hữu kiến *(rūpa upādinna sanidassana).*
- ***Sắc thủ bất kiến*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền. Hay là những sắc nào khác chung có như là khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ bất kiến *(rūpa upādinna anidassana).*
- ***Sắc phi thủ hữu kiến*** *đó ra sao?* Sắc xứ mà phi nghiệp tạo. Sắc này gọi là sắc phi thủ hữu kiến.
- ***Sắc phi thủ và bất kiến*** *đó ra sao?* Thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường; hay những sắc nào khác chung có như là khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ và bất kiến.

640.

- ***Sắc thủ hữu đối chiếu*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ. Hay là những sắc nào khác chung có như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ hữu đối chiếu *(rūpa upādinna sappaṭigha).*
- ***Sắc thủ vô đối chiếu*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, hay là những sắc nào khác đồng có như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ vô đối chiếu.
- ***Sắc phi thủ hữu đối chiếu*** *đó ra sao?* Thinh xứ, hay những sắc nào khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ hữu đối chiếu.
- ***Sắc phi thủ vô đối chiếu*** *đó ra sao?* Thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường, hay là cũng có những sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ vô đối chiếu.

641.

- ***Sắc thủ thành đại sung*** *đó ra sao?* Xúc xứ và thủy giới do nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc thủ thành đại sung *(rūpa upādinna mahābhūta).*

- ***Sắc thủ phi đại sung*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, cũng có những sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, hư không giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc thủ phi đại sung.
- ***Sắc phi thủ thành đại sung*** *đó ra sao?* Xúc xứ và thủy giới đều phi nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc phi thủ thành đại sung.
- ***Sắc phi thủ và phi đại sung*** *đó ra sao?* Thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường, cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, hư không giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc phi thủ và phi đại sung.

642.

- ***Sắc thủ thô*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ thô.
- ***Sắc thủ tế*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, cũng có sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ tế.
- ***Sắc phi thủ thô*** *đó ra sao?* Thinh xứ, cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ mà phi nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc phi thủ thô.
- ***Sắc phi thủ tế*** *đó ra sao?* Thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường, hay cũng có sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc phi thủ tế.

643.

- ***Sắc thủ viễn*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, cũng có sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ viễn.
- ***Sắc thủ cận*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, hay cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ do nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc cận *(rūpa anupādinna dūre).*
- ***Sắc phi thủ cận*** *đó ra sao?* Thinh xứ, hay là những sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cận *(rūpa anupādinna santike).*

644.

- ***Sắc thủ cảnh thủ và thấy đặng*** *đó ra sao?* Sắc xứ do nghiệp tạo. Sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ và thấy đặng.
- ***Sắc thủ cảnh thủ mà bất kiến*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, hay là những sắc chi khác tức là khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ mà bất kiến.
- ***Sắc phi thủ cảnh thủ mà hữu kiến*** *đó ra sao?* Sắc xứ mà phi nghiệp tạo. Sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ mà hữu kiến.

- ***Sắc phi thủ cảnh thủ và bất kiến*** *đó ra sao?* Thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường, hay cũng có sắc chi khác như là khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này đều gọi là sắc phi thủ cảnh thủ và bất kiến.

645.

- ***Sắc thủ cảnh thủ hữu đối chiếu*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, hay cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ hữu đối chiếu.
- ***Sắc thủ cảnh thủ vô đối chiếu*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, hay cũng có sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ vô đối chiếu.
- ***Sắc phi thủ cảnh thủ hữu đối chiếu*** *đó ra sao?* Thinh xứ, hay cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ hữu đối chiếu.
- ***Sắc phi thủ cảnh thủ vô đối chiếu*** *đó ra sao?* Thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường, hay cũng có sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ vô đối chiếu.

646.

- ***Sắc thủ cảnh thủ thành đại sung*** *đó ra sao?* Xúc xứ và thủy giới do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ thành đại sung.
- ***Sắc thủ cảnh thủ phi đại sung*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, hư không giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ phi đại sung.
- ***Sắc phi thủ cảnh thủ thành đại sung*** *đó ra sao?* Xúc xứ và thủy chất mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ thành đại sung.
- ***Sắc phi thủ cảnh thủ phi đại sung*** *đó ra sao?* Thinh xứ, thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, hay cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, hư không giới, sắc sanh, sắc tiến và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ phi đại sung.

647.

- ***Sắc thủ cảnh thủ thô*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, cũng có sắc chi khác nữa như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ thô.
- ***Sắc thủ cảnh thủ tế*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, cũng có sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ tế.
- ***Sắc phi thủ cảnh thủ thô*** *đó ra sao?* Thinh xứ, cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ thô.

- ***Sắc phi thủ cảnh thủ tế*** *đó ra sao?* Thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường, cũng có sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ tế.

648.

- ***Sắc thủ cảnh thủ viễn*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, cũng có sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ viễn.
- ***Sắc thủ cảnh thủ cận*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… thân xứ, cũng có sắc chi khác như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ do nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc thủ cảnh thủ cận.
- ***Sắc phi thủ cảnh thủ viễn*** *đó ra sao?* Thân biểu tri, khẩu biểu tri, sắc khinh, sắc nhu, sắc thích dụng, sắc lão, sắc vô thường, hay cũng có sắc chi khác như là hư không giới, thủy giới, sắc sanh, sắc thừa kế và đoàn thực mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ viễn.
- ***Sắc phi thủ cảnh thủ cận*** *đó ra sao?* Thinh xứ, cũng có sắc chi khác nữa như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ mà phi nghiệp tạo. Những sắc này gọi là sắc phi thủ cảnh thủ cận.

649.

- ***Sắc hữu đối chiếu thành quyền*** *đó ra sao?* Nhãn quyền… thân quyền. Những sắc này gọi là sắc hữu đối chiếu thành quyền.
- ***Sắc hữu đối chiếu phi quyền*** *đó ra sao?* Sắc xứ... xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc hữu đối chiếu phi quyền.
- ***Sắc vô đối chiếu thành quyền*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền. Những sắc này gọi là sắc vô đối chiếu thành quyền.
- ***Sắc vô đối chiếu và phi quyền*** *đó ra sao?* Thân biểu tri… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc vô đối chiếu và phi quyền.

650.

- ***Sắc hữu đối chiếu thành đại sung*** *đó ra sao?* Xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc hữu đối chiếu thành đại sung *(mahābhūta).*
- ***Sắc hữu đối chiếu phi đại sung*** *đó ra sao?* Nhãn xứ... Vị xứ. Những sắc này gọi là sắc hữu đối chiếu phi đại sung.
- ***Sắc vô đối chiếu thành đại sung*** *đó ra sao?* Thủy chất. Sắc này gọi là sắc vô đối chiếu thành đại sung.
- ***Sắc vô đối chiếu và phi đại sung*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc vô đối chiếu và phi đại sung.

651.

- ***Sắc quyền thô*** *đó ra sao?* Nhãn quyền… thân quyền. Những sắc này gọi là sắc quyền thô.
- ***Sắc quyền tế*** *đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền, mạng quyền. Những sắc này gọi là sắc quyền tế.

- ***Sắc phi quyền thô** đó ra sao?* Sắc xứ… xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc phi quyền thô.
- ***Sắc phi quyền tế** đó ra sao?* Thân biểu tri và đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi quyền tế.

652.

- ***Sắc quyền viễn** đó ra sao?* Nữ quyền, nam quyền và mạng quyền. Những sắc này gọi là sắc quyền viễn.
- ***Sắc quyền cận** đó ra sao?* Nhãn quyền… thân quyền. Những sắc này gọi là sắc quyền cận.
- ***Sắc phi quyền viễn** đó ra sao?* Thân biểu tri… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi quyền viễn.
- ***Sắc phi quyền cận** đó ra sao?* Sắc xứ… xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc phi quyền cận.

653.

- ***Sắc đại sung thô** đó ra sao?* Xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc đại sung thô.
- ***Sắc đại sung tế** đó ra sao?* Thủy chất. Sắc này gọi là sắc đại sung tế.
- ***Sắc phi đại sung thô** đó ra sao?* Nhãn xứ… vị xứ. Những sắc này gọi là sắc phi đại sung thô.
- ***Sắc phi đại sung tế** đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi đại sung tế.

654.

- ***Sắc đại sung viễn** đó ra sao?* Thủy chất. Sắc này gọi là sắc đại sung viễn.
- ***Sắc đại sung cận** đó ra sao?* Xúc xứ. Những sắc này gọi là sắc đại sung cận.
- ***Sắc phi đại sung viễn** đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi đại sung viễn.
- ***Sắc phi đại sung cận** đó ra sao?* Nhãn xứ… vị xứ. Những sắc này gọi là sắc phi đại sung cận.

655.

Sắc thấy đặng tức là sắc xứ. Sắc nghe đặng tức là thinh xứ. Sắc biết đặng tức là khí xứ, vị xứ và xúc xứ. Sắc biết rõ đặng bằng tâm tức là tất cả sắc pháp.

Tứ yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

Dứt tứ đề xiển minh.

6) Ngũ đề xiển minh.

656.

- ***Sắc gọi là địa chất*** *đó ra sao?* Sắc nào mà cứng sượng, sự cứng, cách cứng, vật cứng, trạng thái cứng, hoặc bên trong, hoặc bên ngoài, hoặc thành thủ, hoặc thành phi thủ. Những sắc này gọi là địa chất *(pathavīdhātu).*
- ***Sắc gọi là thủy chất*** *đó ra sao?* Sắc nào có chơn tướng chảy ra, quến lại, hay sự nhỉ, ướt, tươm của sắc hoặc bên trong, hoặc bên ngoài, hoặc thành thủ, hoặc thành phi thủ, dù thế nào những sắc này đều gọi là thủy chất *(āpodhātu).*
- ***Sắc mà gọi là hỏa chất*** *đó ra sao?* Sự nóng, cách nóng, sự ấm, cách ấm, sự nực, cách nực, hoặc bên trong, hoặc bên ngoài, hoặc thành thủ, hoặc thành phi thủ, dù thế nào những sắc này đều gọi là hỏa chất *(tejodhātu).*
- ***Sắc mà gọi là phong chất*** *đó ra sao?* Gió nào của sắc lay động qua lại, hoặc bên trong, hoặc bên ngoài, hoặc thành thủ, hoặc thành phi thủ, dù thế nào những sắc này đều gọi là phong chất *(vāyodhātu).*
- ***Sắc mà gọi là y sinh*** *đó ra sao?* Nhãn xứ, đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc y sinh *(rūpa upādā).*

https://images.mtviet.com/sachvidieupha
p/Bo-Ngu-Tong.pdf

Ngũ yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

Dứt ngũ đề xiển minh.

7) Lục đề xiển minh.

657.

Sắc mà nhãn thức có thể biết tức là sắc xứ. Sắc mà nhĩ thức có thể biết tức là thinh xứ. Sắc mà tỷ thức có thể biết tức là khí xứ. Sắc mà thiệt thức có thể biết tức là vị xứ. Sắc mà thân thức có thể biết tức là xúc xứ. Sắc mà ý thức có thể biết tức là tất cả sắc pháp.

Lục yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

Dứt lục đề xiển minh.

8) Thất đề xiển minh.

658.

Sắc mà nhãn thức nên biết tức là sắc xứ. Sắc mà nhĩ thức nên biết tức là thinh xứ. Sắc mà tỷ thức nên biết tức là khí xứ. Sắc mà thiệt thức nên biết tức là vị xứ. Sắc mà thân thức nên biết tức là xúc xứ. Sắc mà ý giới nên biết tức là sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ. Sắc mà ý thức giới nên biết tức là tất cả sắc pháp.

Thất yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

Dứt thất đề xiển minh.

9) Bát đề xiển minh.

659.

Sắc mà nhãn thức đáng biết tức là sắc xứ. Sắc mà nhĩ thức đáng biết tức là thinh xứ. Sắc mà tỷ thức đáng biết tức là khí xứ. Sắc mà thiệt thức đáng biết tức là vị xứ. Sắc mà thân thức đáng biết bằng cách đụng sướng tức là xúc thích hợp (tâm), có thể biết bằng cách đụng khổ tức là xúc không thích hợp (tâm). Sắc mà ý giới có thể biết tức là sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ. Sắc mà ý thức giới có thể biết tức là tất cả sắc pháp.

Bát yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

Dứt bát đề xiển minh.

10) Cửu đề xiển minh.

660.

- ***Sắc mà gọi là nhãn quyền*** *đó ra sao?* Sắc nào là thanh triệt nương sắc tứ đại sung… đây hoặc gọi là nhãn… hoặc gọi nhà không. Những sắc này gọi là nhãn quyền.
- ***Sắc mà gọi là nhĩ quyền… gọi là tỷ quyền… gọi là thiệt quyền… gọi là thân quyền… gọi là nữ quyền… gọi là nam quyền… gọi là mạng quyền*** *đó ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, sự dinh dưỡng, cai quản đặng sống còn của sắc pháp, dù như thế nào những sắc này đều gọi là sắc mạng quyền.
- ***Sắc phi mạng quyền*** *đó ra sao?* Sắc xứ… đoàn thực. Những sắc này gọi là sắc phi mạng quyền.

Cửu yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

Dứt cửu đề xiển minh.

11) Thập đề xiển minh.

661.

- ***Sắc mà gọi là nhãn quyền*** *đó ra sao?* Nhãn nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung… đây cũng gọi là nhãn… cũng gọi là nhà không. Những sắc này đều gọi là nhãn quyền.
- ***Sắc mà gọi là nhĩ quyền… gọi là tỷ quyền… gọi là thiệt quyền… gọi là thân quyền… gọi là nữ quyền… gọi là nam quyền… gọi là mạng quyền*** *đó ra sao?* Khi nào có sự sống còn, hiện hành, hiện hữu, hiện tồn, đang liên tiếp, đang còn, hành vi đang còn, sự dinh dưỡng, sự cai quản đặng sống còn của sắc pháp, dù như thế nào những sắc này đều gọi là sắc mạng quyền.
- ***Sắc phi quyền mà hữu đối chiếu*** *đó ra sao?* Sắc xứ… xúc xứ. Những sắc này đều gọi là sắc phi quyền mà hữu đối chiếu.
- ***Sắc phi quyền mà vô đối chiếu*** *đó ra sao?* Thân biểu tri… đoàn thực. Những sắc này đều gọi là sắc phi quyền vô đối chiếu.

Thập yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

Dứt thập đề xiển minh.

12) Thập nhứt đề xiển minh.

662.

- ***Sắc mà gọi là nhãn xứ*** *đó ra sao?* Nhãn nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung… Đây cũng gọi là nhãn… cũng gọi nhà không. Những sắc này gọi là nhãn xứ.
- ***Sắc mà gọi là nhĩ xứ*... *gọi là tỷ xứ*... *gọi là thiệt xứ*... *gọi là thân xứ*... *gọi là sắc xứ*... *gọi là thinh xứ*... *gọi là khí xứ*... *gọi là vị xứ*... *gọi là xúc xứ*** *đó ra sao?* Địa chất… cũng gọi là xúc, cũng gọi là xúc giới. Những sắc này đều gọi là xúc xứ.
- ***Sắc bất kiến vô đối chiếu mà liên hệ trong pháp xứ*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Những sắc này đều gọi là sắc bất kiến vô đối chiếu mà liên hệ trong pháp xứ.

Thập nhứt yếu hiệp sắc chỉ có bấy nhiêu.

Dứt thập nhứt đề xiển minh.

Dứt nhân sắc.

Hết đoạn 8.000 chữ phần thứ tám.

Hồi hướng phước đến tất cả chúng sanh, nhứt là các vị Chư thiên có oai lực hộ trì Tạng Diệu pháp đặng thạnh hành.

Sài Gòn 06 - 06 - 1975 (27 - 04 - 2518) Việt nam.

Phần D. THIÊN TOÁT YẾU

I. TOÁT YẾU ĐẦU ĐỀ TAM *(Tikamātikā)*

663.

- *Chư pháp **thiện** là chi?* Ba căn thiện là vô tham, vô sân và vô si; thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn tương ưng với căn thiện; thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp có căn thiện làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp thiện.
- *Chư pháp **bất thiện** là chi?* Ba căn bất thiện là tham, sân, si và phiền não đồng nương căn bất thiện; thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn tương ưng với căn bất thiện; thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp có căn bất thiện làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất thiện.
- *Chư pháp **vô ký** là chi?* Dị thục quả của pháp bất thiện và thiện nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn; pháp thành tố *(kiriyā)* phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, tất cả sắc pháp luôn vô vi giới *(asaṅkhatadhātu).*

664.

- *Chư pháp **tương ưng lạc thọ** là chi?* Tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn tương ưng với lạc thọ, Tâm dục giới, sắc giới và siêu thế làm sở sanh của lạc thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng lạc thọ.
- *Chư pháp **tương ưng khổ thọ** là chi?* Tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn tương ưng với khổ thọ, tâm Dục giới làm sở sanh cho khổ thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng khổ thọ.
- *Chư pháp **tương ưng phi khổ phi lạc thọ** là chi?* Tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn tương ưng với phi khổ phi lạc thọ, tâm Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế làm sở sanh cho phi khổ phi lạc thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ.

665.

- *Chư pháp **dị thục quả** là chi?* Dị thục quả của bất thiện và thiện Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế, tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn thuộc về pháp dị thục quả. Những chơn tướng này gọi là chư pháp dị thục quả.
- *Chư pháp **dị thục nhân** là chi?* Pháp bất thiện và pháp thiện Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế, tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp dị thục nhân.
- *Chư pháp **phi dị thục quả phi dị thục nhân** là chi?* Pháp thành tố phi thiện phi bất thiện và phi nghiệp quả của tất cả sắc pháp luôn vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân.

666.

- *Chư pháp **thành do thủ và cảnh thủ** là chi?* Dị thục quả của thiện và bất thiện do phần pháp lậu sanh theo Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành

uẩn, thức uẩn và sắc nghiệp tạo. Những chơn tướng này gọi là chư pháp thành do thủ và cảnh thủ.

- *Chư pháp* ***phi thành do thủ mà cảnh thủ*** *là chi?* Pháp thiện và bất thiện còn bị lậu biết sanh theo Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn; pháp thành tố *(kiriyā)* phi thiện, phi bất thiện, phi nghiệp quả và sắc phi nghiệp tạo. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi thành do thủ mà cảnh thủ.
- *Chư pháp* ***phi thành do thủ và phi cảnh thủ*** *là chi?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi thành do thủ và phi cảnh thủ.

667.

- *Chư pháp* ***phiền toái và cảnh phiền não*** *là chi?* Ba căn bất thiện là tham, sân, si và phiền não đồng y trụ với căn bất thiện; thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn mà tương ưng với căn bất thiện; thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp có căn bất thiện làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền toái và cảnh phiền não.
- *Chư pháp* ***phi phiền toái mà cảnh phiền não*** *là chi?* Pháp thiện và pháp vô ký còn lệ thuộc lậu trong Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phiền toái mà cảnh phiền não.
- *Chư pháp* ***phi phiền toái và phi cảnh phiền não*** *là chi?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phiền toái và phi cảnh phiền não.

668.

- *Chư pháp* ***hữu tầm hữu tứ*** *là chi?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn tương ưng với tầm, tứ (trừ tầm, tứ). Tâm dục giới, sắc giới và siêu thế còn nương pháp hữu tầm hữu tứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu tầm hữu tứ.
- *Chư pháp* ***vô tầm hữu tứ*** *là chi?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn trong cõi vô tầm hữu tứ tức là Sắc giới và siêu thế (trừ tứ). Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô tầm hữu tứ.
- *Chư pháp* ***vô tầm vô tứ*** *là chi?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn trong cõi vô tầm vô tứ tức là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô tầm vô tứ.

669.

- *Chư pháp* ***đồng sanh với (pháp) hỷ*** *là chi?* Sở sanh của pháp hỷ là Tâm dục giới, sắc giới và siêu thế, tức là thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với pháp hỷ (trừ pháp hỷ). Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với pháp hỷ.
- *Chư pháp* ***đồng sanh với lạc thọ*** *là chi?* Tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn tương ưng với lạc thọ, tâm Dục giới, Sắc giới và siêu thế làm sở sanh của lạc thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với lạc thọ.
- *Chư pháp* ***đồng sanh với xả thọ*** *là chi?* Tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn tương ưng với xả thọ, tâm Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế làm sở sanh cho xả thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với xả thọ.

670.

*Chư pháp **sơ đạo tuyệt trừ** là chi?* Tam triền tức là thân kiến (triền), hoài nghi (triền) và giới cấm thủ (triền).

671.

*Trong tam triền đó mà **thân kiến triền** là chi?* Phàm phu trong đời này kẻ thiếu học không đặng gặp bậc Thánh, không thông pháp của bậc Thánh, không tập rèn theo pháp của bậc Thánh, không gặp trí thức, chẳng thông pháp của trí thức, chẳng tập rèn theo pháp của trí thức như:

- Nhận thấy sắc uẩn là ta, nhận thấy ta có sắc uẩn, nhận thấy sắc uẩn ở trong ta, nhận thấy ta có trong sắc uẩn.
- Nhận thấy thọ uẩn là ta, nhận thấy ta có thọ uẩn, nhận thấy thọ uẩn ở trong ta, nhận thấy ta có trong thọ uẩn.
- Nhận thấy tưởng uẩn là ta, nhận thấy ta có tưởng uẩn, nhận thấy tưởng uẩn ở trong ta, nhận thấy ta có trong tưởng uẩn.
- Nhận thấy hành uẩn là ta, nhận thấy ta có hành uẩn, nhận thấy hành uẩn ở trong ta, nhận thấy ta có trong hành uẩn.
- Nhận thấy thức uẩn là ta, nhận thấy ta có thức uẩn, nhận thấy thức uẩn ở trong ta, nhận thấy ta có trong thức uẩn.

Nhận thấy thức uẩn là ta tức là thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hoá kiến, triền kiến, sự tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn và cách chấp theo khinh thị. Những chơn tướng này gọi là thân kiến triền có trong khi đó.

672.

***Hoài nghi (triền)** trong khi có ra sao?* Hoài nghi Phật, Pháp, Tăng; hoài nghi điều học, hoài nghi quá khứ, hoài nghi vị lai, hoài nghi quá khứ và vị lai, hoài nghi pháp y tương sinh *(paṭiccamuppāda)* là pháp y tương sinh có phải do duyên trợ tạo mới sanh ra chăng? Cách lừng chừng, động tác lừng chừng, sự lừng chừng, sự xét thấy lạ lùng khác biệt, sự quyết đoán cảnh không đặng, sự nhận thấy thành hai khía cạnh, sự nhận thấy như đường rẽ hai, sự không thể quyết một, sự tính lớ thớ, suy xét lừng chừng, sự không thể trọn tính, sự sần sượng của tâm, sự tràn lan của tánh. Những chơn tướng như thế gọi là hoài nghi (triền).

673.

***Giới cấm thủ (triền)** trong khi có ra sao?* Chúng ngoại giáo Sa-môn, Bà-la-môn nhận thấy sự trong sạch do giới, do tu hành, do thực hành trì giới mà có sự nhận thấy bằng cách thiên kiến như là:

- Nhận thấy sắc uẩn là ta, nhận thấy ta có sắc uẩn, nhận thấy sắc uẩn ở trong ta, nhận thấy ta trong sắc uẩn.
- Nhận thấy thọ uẩn là ta, nhận thấy ta có thọ uẩn, nhận thấy thọ uẩn ở trong ta, nhận thấy ta trong thọ uẩn.
- Nhận thấy tưởng uẩn là ta, nhận thấy ta có tưởng uẩn, nhận thấy tưởng uẩn ở trong ta, nhận thấy ta trong tưởng uẩn.
- Nhận thấy hành uẩn là ta, nhận thấy ta có hành uẩn, nhận thấy hành uẩn ở trong ta, nhận thấy ta trong hành uẩn.
- Nhận thấy thức uẩn là ta, nhận thấy ta có thức uẩn, nhận thấy thức uẩn ở trong ta, nhận thấy ta trong thức uẩn.

Những chơn tướng này gọi là giới cấm thủ (triền).

674.

- *Chư pháp **sơ đạo tuyệt trừ** trong khi có ra sao?* Tam triền này và phiền não đồng nương với tam triền đó tức là thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tam triền đó, luôn cả thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tam triền này làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sơ đạo tuyệt trừ.

- *Chư pháp **ba đạo cao tuyệt trừ** trong khi có ra sao?* Tham, sân, si ngoài ra và phiền não đồng nương với tham, sân, si đó tức là thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tham, sân, si luôn cả thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tham, sân, si làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ.

- *Chư pháp **phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ** trong khi có ra sao?* Pháp thiện và pháp vô ký trong Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn, luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ.

675.

- *Chư pháp **hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ** trong khi có ra sao?* Tam triền tức là thân kiến (triền), hoài nghi (triền) và giới cấm thủ (triền).

  Cả tam triền đó mà ***thân kiến (triền)*** trong khi có ra sao?… đây gọi là thân kiến (triền).

  Hoài nghi (triền) trong khi có ra sao?… đây gọi là hoài nghi (triền).

  Giới cấm thủ (triền) trong khi có ra sao?… đây gọi là giới cấm thủ (triền).

  Cả tam triền và phiền não đồng nương tam triền đó, thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tam triền luôn cả thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tam triền làm sở sanh. Những chơn tướng đó gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

  Tam triền tức là thân kiến (triền), hoài nghi (triền), giới cấm thủ (triền). Những chơn tướng này gọi là chư pháp sơ đạo tuyệt trừ.

  Tham, sân và si đồng nương với tam triền đó. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

  Phiền não đồng nương với tham, sân, si ấy tức là thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tham, sân, si đó luôn cả thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tham, sân, si làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

- *Chư pháp **hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ** ra sao?* Tham, sân, si ngoài ra. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ. phiền não đồng nương với tham, sân, si và thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tham, sân, si luôn cả thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tham, sân, si làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.

- *Chư pháp **phi hữu nhân sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ** ra sao?* Trừ ra pháp tuyệt trừ, còn pháp thiện, bất thiện và vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn luôn tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi hữu nhân sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.

676.

- *Chư pháp **nhân sanh tử** trong khi có ra sao?* Pháp bất thiện và pháp thiện còn nương pháp lậu trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhân sanh tử.
- *Chư pháp **nhân đến níp-bàn** trong khi có ra sao?* Bốn đạo siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhân đến níp-bàn.
- *Chư pháp **phi nhân sanh tử và phi nhân đến níp-bàn** trong khi có ra sao?* Dị Thục quả của bất thiện và thiện nơi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn, pháp thành tố *(kiriyā)* phi thiện, phi bất thiện và phi nghiệp quả, luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân sanh tử và phi nhân đến níp-bàn.

677.

- *Chư pháp **hữu học** trong khi có ra sao?* Bốn đạo và ba quả siêu thế tầm thường. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu học *(sekkhā dhammā)*.
- *Chư pháp **vô học** trong khi có ra sao?* Vô học quả cao tột tức là quả A-la-hán. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô học *(asekkhā dhammā)*.
- *Chư pháp **phi hữu học và phi vô học** trong khi có ra sao?* Trừ ra pháp hữu học, pháp vô học, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là thọ uẩn… thức uẩn, luôn tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi hữu học và phi vô học.

678.

- *Chư pháp **hy thiểu** trong khi có ra sao?* Tất cả pháp trong Dục giới như là thiện, bất thiện và vô ký, tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hy thiểu *(parittā dhammā)*.
- *Chư pháp **đáo đại** trong khi có ra sao?* Pháp thiện và vô ký trong Sắc giới, Vô sắc giới tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đáo đại.
- *Chư pháp **vô lượng** trong khi có ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô lượng *(appamāṇā dhammā)*.

679.

- *Chư pháp **biết cảnh hy thiểu** trong khi có ra sao?* Những pháp tức là tâm và sở hữu nào sanh ra khai đoan cho pháp hy thiểu. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh hy thiểu *(parittā dhammā)*.
- *Chư pháp **biết cảnh đáo đại** trong khi có ra sao?* Những pháp tức là tâm và sở hữu nào mở mối cho pháp đáo đại. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh đáo đại.
- *Chư pháp **biết cảnh vô lượng** trong khi có ra sao?* Những pháp tức là tâm và sở hữu nào khai đoan pháp vô lượng. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh vô lượng.

680.

- *Chư pháp **ty hạ** trong khi có ra sao?* Ba nhân bất thiện là tham, sân, si và phiền não đồng sở y với tham, sân, si đó tức là thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tham, sân, si, luôn cả thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tham, sân, si làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ty hạ *(hīnā dhammā)*.

- *Chư pháp **trung** trong khi có ra sao?* Thiện và vô ký còn liên hệ với pháp lậu nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp trung *(majjhimā dhammā).*
- *Chư pháp **tinh lương** trong khi có ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tinh lương *(paṇitā dhammā).*

681.

- *Chư pháp **tà cho quả nhứt định** (đời sau liên tiếp) ra sao?* Ngũ nghiệp vô gián và tà kiến nhứt định. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tà cho quả nhứt định (đời sau liên tiếp).
- *Chư pháp **chánh cho quả nhứt định** (liên tiếp sát-na) ra sao?* Bốn đạo siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp chánh cho quả nhứt định (liên tiếp sát-na).
- *Chư pháp **bất định** (ngoài ra hai phần trên) ra sao?* Trừ ra những pháp trên rồi, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra thuộc về Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn, luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất định (ngoài ra 2 phần trên) *(aniyatā dhammā).*

682.

- *Chư pháp **có đạo là cảnh** trong khi có ra sao?* Những pháp tức là tâm và sở hữu nào sanh ra khai đoan cho Thánh đạo. Những chơn tướng này gọi là chư pháp có đạo là cảnh.
- *Chư pháp **có đạo là nhân** trong khi có ra sao?*

  Trừ chi của đạo rồi, còn thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với chi đạo tập hợp với Thánh quả. Những chơn tướng này gọi là chư pháp có đạo là nhân *(maggahetukā dhammā).*

  Chánh kiến của bậc tập hợp với Thánh đạo cũng gọi là đạo, cũng là nhân, (cho nên) trừ chánh kiến còn lại thọ uẩn… thức uẩn mà tương ưng với chánh kiến đó. Những chơn tướng này gọi là chư pháp có đạo là nhân *(maggahe dhammā).*
- *Chư pháp **có đạo là trưởng** trong khi có ra sao?*

  Những pháp tức là tâm và sở hữu nào làm cho Thánh đạo thành trưởng sanh ra đó. Những chơn tướng này gọi là chư pháp có đạo là trưởng *(maggādhipatino dhammā).*

  Thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với thẩm trưởng của bậc đã tập hợp Thánh đạo và đang tu tiến đạo (trừ thẩm). Những chơn tướng này gọi là chư pháp có đạo là trưởng.

683.

- *Chư pháp **sanh tồn** trong khi có ra sao?* Những pháp nào sanh rồi, thành rồi, sanh đều đủ rồi, sanh ra rồi, đã sanh rồi, đã hiện hành, vĩ đáo, toàn đáo, đã trụ đều trong phần sanh rồi, yếu hiệp lại là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sanh tồn *(uppannā dhammā).*
- *Chư pháp **chưa sanh** trong khi có ra sao?* Những pháp nào chưa sanh, chưa thành, chưa sanh đều đủ, chưa sanh ra, chưa hiện hành, chưa khởi sanh, chưa vĩ đáo, chưa toàn đáo, chưa trụ đều trong phần sanh, yếu hiệp lại là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Những chơn tướng này gọi là chư pháp chưa sanh *(anuppannā dhammā).*

- *Chư pháp **sẽ sanh** (vì có nhân sẵn) trong khi có ra sao?* Dị thục quả của pháp thiện và bất thiện mà chưa cho quả nương cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn, luôn cả sắc nghiệp tạo. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sẽ sanh (vì có nhân sẵn) *(uppādino dhammā).*

684.

- *Chư pháp **quá khứ** trong khi có ra sao?* Những pháp nào đã qua, đã diệt, đã lìa, đã biến mất, đã biến đổi mất đi rồi, đã đến sự tiêu diệt, đã sanh lìa rồi và đi luống qua, thuộc về phần đã qua tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Những chơn tướng này gọi là chư pháp quá khứ *(atītā dhammā).*
- *Chư pháp **vị lai** trong khi có ra sao?* Những pháp nào chưa sanh, chưa thành tựu, chưa sanh đều đủ, chưa đặng sanh ra, chưa sanh đơn độc, chưa đặng hiện hành, chưa đặng phát ra, chưa sanh ra đều đủ, chưa phải còn đều đủ, chưa lai đáo, yếu hiệp lại thành phần chưa lai đáo như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vị lai.
- *Chư pháp **hiện tại** trong khi có ra sao?* Những pháp nào đang sanh, đang thành, đang đều đủ, đang đặng sanh, đơn độc sanh, đang hiện hành, đang phát ra, đang phát ra đều đủ, đang trụ đều đủ, đang trụ một mình, yếu hiệp chỉ phần hiện tại tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hiện tại.

685.

- *Chư pháp **biết cảnh quá khứ** trong khi có ra sao?* Những pháp tức là tâm và sở hữu nào phát sanh ra do pháp quá khứ khai đoan. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh quá khứ.
- *Chư pháp **biết cảnh vị lai** trong khi có ra sao?* Những pháp tức là tâm và sở hữu nào phát sanh ra do pháp vị lai khai đoan. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh vị lai *(anāgatārammaṇā dhammā).*
- *Chư pháp **biết cảnh hiện tại** trong khi có ra sao?* Những pháp tức là tâm và sở hữu nào phát sanh ra do pháp hiện tại khai đoan. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh hiện tại *(paccuppannārammaṇā dhammā).*

686.

- *Chư pháp **nội phần** trong khi có ra sao?* Những pháp nào thành bên trong, thành phần ta, sanh cho ta, thành của riêng mỗi người, thành pháp thủ của mỗi mỗi chúng sanh, tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nội phần *(ajjhattā dhammā).*
- *Chư pháp **ngoại phần** trong khi có ra sao?* Những pháp nào thành phần ngoài, thành riêng tư người khác, sanh cho tự người khác, thành của riêng mỗi người khác, thành pháp thủ của người khác, chúng sanh khác, tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ngoại phần *(bahiddhā dhammā).*
- *Chư pháp **nội và ngoại phần** trong khi có ra sao?* Những pháp của hai phần kể trên. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nội và ngoại phần *(ajjhattabahiddhā dhammā).*

687.

*Chư pháp **biết cảnh nội phần** trong khi có ra sao?*

Những pháp tức là tâm, sở hữu nào khi phát sanh ra mà biết pháp nội phần. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh nội phần *(ajjhattārammaṇā dhammā)*
Những pháp tức là tâm, sở hữu nào khi phát sanh ra mà biết pháp ngoại phần. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh ngoại phần *(bahiddhārammaṇā dhammā)*
Những pháp tức là tâm, sở hữu nào khi phát sanh ra mà biết cả pháp nội và ngoại phần. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh nội và ngoại phần *(ajjhattabahiddhārammaṇā dhammā)*

688.

- *Chư pháp **bị thấy và đối chiếu** ra sao?* Sắc xứ *(rūpāyatana),* chơn tướng này gọi là chư pháp bị thấy và đối chiếu *(sanidassanasappaṭighā dhammā).*
- *Chư pháp **không bị thấy mà đối chiếu** ra sao?* Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không bị thấy mà đối chiếu *(anidassanasappaṭighā dhammā).*
- *Chư pháp **không bị thấy và không đối chiếu** ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn luôn cả sắc pháp thuộc pháp xứ không bị thấy, không đối chiếu và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không bị thấy và không đối chiếu *(anidassanāppaṭighā dhammā).*

Dứt Đầu đề tam (tikamātikā).

II. TOÁT YẾU ĐẦU ĐỀ NHỊ *(Dukamātikā)*

1) Phần chùm nhân (*hetugocchaka*).

689.

*Chư pháp **nhân** trong khi có ra sao?* 3 nhân thiện, 3 nhân bất thiện, 3 nhân vô ký, 9 nhân Dục giới, 6 nhân Sắc giới, 6 nhân Vô sắc giới và 6 nhân siêu thế.

690.

*Bao nhiêu nhân đó mà **3 nhân thiện** là chi?* Vô tham, vô sân và vô si.

- *Trong 3 nhân thiện đó mà **vô tham** là chi?* Cách không tham, sự không tham, thái độ không tham, sự không nặng ái tình, cách không nặng ái tình, thái độ không nặng ái tình, không tham ác; vô tham tức là căn thiện. Những chơn tướng này gọi là vô tham *(alobha).*

- ***Vô sân** trong khi có ra sao?* Không tính độc ác, thái độ không tính độc ác, cách không tính độc ác, thái độ không tính độc ác, cách có bạn tốt, cách thân mật, sự thân mật, cách ái hộ, sự ái hộ, thái độ ái hộ, tìm lợi ích liên quan, sự biết thương hại, không sân độc, không tính ép bức, vô sân tức là căn thiện. Những cách như thế gọi là vô sân.

- ***Vô si** trong khi có ra sao?* Sự biết trong khổ, sự biết trong khổ tập, sự biết trong khổ diệt, sự biết thực hành đi đến diệt khổ, sự biết trong phần quá khứ, sự biết trong phần vị lai, sự biết trong phần quá khứ vị lai, sự biết pháp y tương sinh do duyên trợ tạo mới sanh ra. Tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tính, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, tuệ trừ tuyệt phiền não, tuệ quyền, tuệ lực, vô si, trạch pháp, chánh kiến. Những cách như thế gọi là vô si *(amoha).*

Những chơn tướng này gọi là 3 nhân thiện.

691.

*Ba **căn bất thiện** là chi?* Tham, sân, si.

- *Trong 3 nhân bất thiện đó mà **tham** như thế nào?*

Sự dục vọng, đa dục vọng, biến chuyển theo cảnh, sự vui thích, sự hí hởn, sự dục vọng bằng mãnh lực hí hởn, sự dục vọng nặng của tâm, sự ham muốn, sự quy lụy, sự mê đắm, sự thân ái, sự tình ái, sự liên hệ gắn bó, sự trầm nịch, vẫn lôi kéo, vẫn gạt gẫm, còn làm cho chúng sanh liên kết, lối thiên nhiên, vẫn thấm tâm, hằng tươm ra, pháp như sợi chỉ, vẫn tỏa ra, vẫn gom lại, vẫn như bạn lưỡng diện, chính nguồn cội tâm, vẫn đưa đến cõi đời, sự dục vọng như sum lâm, sự dục vọng như mật lâm, sự liên hệ, sự lưu luyến, quái niệm, sự ràng buộc, sự mong mỏi, thái độ mong mỏi.

Mong mỏi sắc, mong mỏi thinh, mong mỏi khí, mong mỏi vị, mong mỏi xúc, mong mỏi lợi, mong mỏi của, mong mỏi con, mong mỏi trường thọ, khao khát, quá khao khát, rất quá khao khát, sự tế ngữ, cách tế ngữ, thái độ tế ngữ, sự tham lam, cách tham lam, thái độ tham lam, thành nhân mê mẩn theo những cảnh tốt, sự địa vị trong địa vị không thích hợp, sự tham quá cỡ, sự nhiễm đắm tâm, thái độ nhiễm đắm tâm, sự hỷ lạc của tâm, sự quá mong mỏi dục vọng, hữu dục, ly hữu dục, Sắc giới dục, Vô sắc giới dục, diệt dục (đoạn kiến), sắc dục, thinh dục, khí dục, vị dục, xúc dục, pháp dục,

bộc, phối, phược, thủ, luyến mộ, cái, mái che ngăn, mây ràng buộc, tùy phiền não, tiềm thùy, che đậy, dục như dây mây, sự mong mỏi các vật chất, cội rễ của khổ, nhân của khổ, sở sanh của khổ, bẫy của ma, lưỡi câu của ma, sở sanh của ma, tình dục như sông cái, tình dục như chài lưới, tình dục như ràng buộc, tình dục như biển cả, tham lam, tham ác, tham là căn bất thiện. Những trạng thái như thế gọi là tham.

- ***Sân*** *trong khi có ra sao?*

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho người thương của ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho lợi ích đến người mà ta ghét.

Hay là thù hận phát sanh ra đặng với nguyên do tâm oán hận, sự giận hờn, sự xích mích, oán giận, tức tưởi, bồn chồn, sân, nghĩ cách ám hại, quyết ám hại, bực tức, lối ám hại, tâm giận, thái độ giận, trạng thái có sự sân như thế này, những sự ám hại, cách ám hại, thái độ ám hại, sự mưu hại, cách mưu hại, thái độ mưu hại, sự giận, sự oán giận, sự hung dữ, ác khẩu, những sự tâm không hoan hỷ. Nếu có những trạng thái như thế đây gọi là sân.

- ***Si*** *trong khi có ra sao?* Sự không biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường đi đến diệt khổ, sự không biết phần quá khứ, sự không biết phần vị lai, sự không biết phần quá khứ và vị lai, sự không biết pháp y tương sinh là do nhân mới sanh ra, sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo chân thật, sự không thấu suốt, sự không tín theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng, sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê cũng gọi vô minh, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh tiềm thùy, vô minh che khuất, then chốt của sự tối tăm, si là căn bất thiện. Những trạng thái như thế gọi là si.

Những chơn tướng này gọi là 3 nhân bất thiện.

692.

Ba ***nhân vô ký*** *là chi?* Vô tham, vô sân và vô si thuộc phía dị thục quả của pháp thiện; hay là vô tham, vô sân và vô si trong pháp vô ký tố *(kiriyā)*. Những chơn tướng này gọi là 3 nhân vô ký.

693.

- ***9 nhân Dục giới*** *là chi?* 3 nhân thiện, 3 nhân bất thiện và 3 nhân vô ký. Những chơn tướng này gọi là 9 nhân Dục giới.
- ***6 nhân Sắc giới*** *là chi?* 3 nhân thiện và 3 nhân vô ký. Những chơn tướng này gọi là 6 nhân Sắc giới.

- ***6 nhân Vô sắc giới** là chi?* 3 nhân thiện và 3 nhân vô ký. Những chơn tướng này gọi là 6 nhân Vô sắc giới.

694.

- ***6 nhân siêu thế** là chi?* 3 nhân thiện và 3 nhân vô ký. Những chơn tướng này gọi là 6 nhân siêu thế.

  *Trong **6 nhân siêu thế mà 3 nhân thiện** ra sao?* Vô tham, vô sân và vô si.

  *Trong 3 nhân thiện đó mà **vô tham** ra sao?* Cách không tham, sự không tham, thái độ không tham, cách không dục vọng, sự không dục vọng, thái độ không dục vọng, không tham ác; vô tham tức là căn thiện. Đây gọi là vô tham.
  ***Vô sân** trong khi có ra sao?* Cách không tính ác độc, sự không tính ác độc, thái độ không tính ác độc… sự không sân ác, không tính hiếp đáp, vô sân tức là căn thiện. Đây gọi là vô sân.

  ***Vô si** trong khi có ra sao?* Sự biết trong khổ, sự biết trong khổ tập, sự biết trong khổ diệt, sự biết thực hành đi đến diệt khổ, sự biết trong phần quá khứ, sự biết trong phần vị lai, sự biết trong phần quá khứ và vị lai, sự biết trong pháp y tương sinh là do duyên trợ tạo mới sanh ra. Vô si là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tính, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, vô si như ngọc, vô si như đèn, vô si như ánh sáng, vô si như gươm, vô si như vũ khí, vô si như đại địa, vô si như hoàng cung, vô si như kẻ dẫn đường, vô si trừ tuyệt phiền não, vô si là tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, trạch pháp, chánh kiến. Đây gọi là vô si.

  Những chơn tướng này gọi là 3 nhân thiện.

- ***Ba nhân vô ký** là chi?* Vô tham, vô sân và vô si trong phần dị thục quả của pháp thiện. Những chơn tướng này gọi là 3 nhân vô ký.

  Những chơn tướng này gọi là 6 nhân siêu thế.

  Những chơn tướng này gọi là pháp nhân.

695.

*Chư pháp **phi nhân** ra sao?* Trừ những pháp nhân ra rồi còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân.

696.

- *Chư pháp **hữu nhân** ra sao?* Những pháp nào có nhân như pháp nhân đó tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân.
- *Chư pháp **vô nhân** ra sao?* Những pháp nào không có nhân như nhân đó tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô nhân.

697.

- *Chư pháp **tương ưng nhân** ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp nhân đó tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng nhân.
- *Chư pháp **bất tương ưng nhân** ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với nhân đó tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng nhân.

698.

- *Chư pháp **nhân và hữu nhân** ra sao?*

  Nhân tham có nhân si và nhân si cũng có nhân tham. Nhân sân có nhân si và nhân si cũng có nhân sân (si hiệp tâm si không gặp nhân khác).

  Vô tham, vô sân và vô si, cả 3 nhân cũng tương ưng nhau.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhân và hữu nhân.
- *Chư pháp **nhân mà phi nhân** ra sao?* Những pháp nào có nhân là pháp nhân đó mà trừ ra pháp nhân tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhân mà phi nhân.

699.

- *Chư pháp **hữu nhân và hiệp nhân** ra sao?* Nhân tham hiệp với nhân si và nhân si hiệp với nhân tham. Nhân sân hiệp với nhân si và nhân si cũng hiệp với nhân sân (si hiệp tâm si không gặp nhân khác). Vô tham, vô sân và vô si, cả 3 nhân cũng tương ưng nhau. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân và hiệp nhân *(hetū ceva hetusampayuttā ca)*.
- *Chư pháp **hiệp nhân mà phi nhân** ra sao?* Những pháp nào tương ưng với nhân đó mà trừ ra pháp nhân tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hiệp nhân mà phi nhân *(hetusampayuttā ceva na ca hetū)*.

700.

- *Chư pháp **phi nhân mà hữu nhân** ra sao?* Những pháp nào chẳng phải nhân mà có pháp nhân ấy tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân mà hữu nhân *(he hetū sahetukā dhammā)*.
- *Chư pháp **phi nhân và vô nhân** ra sao?* Những pháp nào chẳng phải nhân và cũng không có pháp thành nhân ấy tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân và vô nhân.

2) Phần nhị đề đỉnh (*cūlantaraduka*).

701.

- *Chư pháp **hữu duyên** ra sao?* Ngũ uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu duyên *(sappaccayā dhammā)*.
- *Chư pháp **vô duyên** ra sao?* Vô vi giới *(asaṅkhata)*. Chơn tướng này gọi là chư pháp vô duyên *(appaccayā dhammā)*.

702.

- *Chư pháp **hữu vi** ra sao?* Những pháp nào mà có duyên trợ tạo. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu vi *(saṅkhatā dhammā).*
- *Chư pháp **vô vi** ra sao?* Những pháp nào mà không có duyên trợ tạo. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô vi *(asaṅkhatā dhammā).*

703.

- *Chư pháp **bị thấy** ra sao?* Sắc xứ *(rūpāyatana).* Những chơn tướng này gọi là chư pháp bị thấy *(sanidassanā dhammā).*
- *Chư pháp **bất kiến** ra sao?* Nhãn xứ… sắc xứ, thọ uẩn… thức uẩn, sắc không thấy không đối chiếu có liên quan với pháp xứ và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất kiến *(asanidassanā dhammā).*

704.

- *Chư pháp **đối chiếu** ra sao?* Nhãn xứ… xúc xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đối chiếu *(sappaṭighā dhammā).*
- *Chư pháp **phi đối chiếu** ra sao?* Thọ uẩn… thức uẩn với sắc không thấy không đối chiếu mà có liên quan với pháp xứ luôn vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi đối chiếu *(appatigha dhammā).*

705.

- *Chư pháp **sắc** trong khi có ra sao?* Tứ đại sung và sắc y sinh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sắc *(rūpino dhammā).*
- *Chư pháp **phi sắc** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn… thức uẩn và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi sắc *(arūpino dhammā).*

706.

- *Chư pháp **hiệp thế** trong khi có ra sao?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn thành phần pháp lậu nương theo Dục giới, Sắc giới và vô vi giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hiệp thế.
- *Chư pháp **siêu thế** trong khi có ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp siêu thế *(lokuttara dhammā).*

707.

*Chư pháp **cũng có tâm biết đặng và cũng có tâm không biết đặng** trong khi có ra sao?*

Những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết, hay là những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết. Những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết, hay là những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết. Những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết, hay là những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết. Những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết, hay là những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết.

Những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết, hay là những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết. Những pháp nào mà

nhĩ thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết, hay là những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết. Những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết, hay là những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết. Những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết, hay là những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết.

Những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết, hay là những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết. Những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết, hay là những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết. Những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết, hay là những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết. Những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết, hay là những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết.

Những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết, hay là những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết. Những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết, hay là những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết. Những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết, hay là những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết. Những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết, hay là những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết.

Những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết, hay là những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết. Những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết, hay là những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết. Những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết, hay là những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết. Những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết, hay là những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết.

Những chơn tướng này gọi là chư pháp cũng có tâm biết đặng và cũng có tâm không biết đặng *(kenaci vinnayya dhammā ca na kenaci na vinneyya dhammā).*

3) Phần chùm lậu (*asavagocchaka*).

708.

*Chư pháp **lậu** trong khi có ra sao?* Tứ lậu là dục lậu, hữu lậu, tà kiến lậu và vô minh lậu. Những chơn tướng này gọi là chư pháp lậu *(asava dhammā).*

709.

*Trong tứ lậu đó mà **dục lậu** ra sao?* Những nào là dâm dục, thích dục lạc, ái dục lạc, hí hớn, ái dục tình, liên đới dục lạc, kích thích dục lạc, hôn mê dục lạc, nồng nả dục lạc. Những chơn tướng này gọi là dục lậu *(kāmāsavo).*

710.

***Hữu lậu** trong khi có ra sao?* Ưa thích trong đời sống, dục vọng trong kiếp sống, hí hớn trong đời sống, liên đới trong kiếp sống, nồng nàn trong đời sống, vùi lấp trong kiếp sống, trầm nịch trong đời sống, luôn cả nhiều đời kiếp. Những cách như thế gọi là hữu lậu *(bhavasava).*

711.

***Tà kiến lậu** trong khi có ra sao?* Như là nhận thấy đời trường tồn, hoặc không trường tồn, Thế giới cùng tột hoặc không cùng tột. Hay cho rằng sanh mạng cũng vì sanh lý, hoặc sanh mạng khác với sanh lý. Hoặc chết rồi còn, hoặc chết rồi mất, hoặc chết rồi còn cũng chẳng phải, hoặc chết rồi mất cũng chẳng phải. Sự nhận xét bằng cách thiên kiến tức là hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn, chấp theo khinh thị. Những cách như thế gọi là tà kiến lậu.

712.

***Vô minh lậu** trong khi có ra sao?* Sự không biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường lối đi đến diệt khổ, sự không biết phần quá khứ, sự không biết phần vị lai, sự không biết phần quá khứ và vị lai, sự không biết pháp y tương sinh là do nhân trợ mới sanh ra, sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo cách chân thật, sự không thấu suốt, sự không tín theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng, sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê tức là vô minh, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh cái, vô minh tiềm thùy, then chốt của vô minh, si là căn bất thiện. Những trạng thái này gọi là vô minh lậu *(āvijjāsava).*

Những chơn tướng nói trên gọi là pháp lậu.

713.

*Chư pháp **phi lậu** trong khi có ra sao?* Trừ ra pháp lậu, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế ngoài ra đó, tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi lậu *(no āsavā dhammā).*

714.

- *Chư pháp **cảnh lậu** trong khi có ra sao?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh lậu *(sāsavā dhammā).*
- *Chư pháp **phi cảnh lậu** trong khi có ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh lậu *(anāsavā dhammā).*

715.

- *Chư pháp **tương ưng lậu** trong khi có ra sao?* Những pháp nào mà tương ưng với pháp lậu đó tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng lậu *(āsavā sampayuttā dhammā).*

- *Chư pháp **bất tương ưng lậu** trong khi có ra sao?* Những pháp nào mà bất tương ưng với pháp lậu đó tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng lậu.

716.

- *Chư pháp **lậu và cảnh lậu** ra sao?* Những pháp lậu đó mà thôi. Những chơn tướng này gọi là chư pháp lậu và cảnh lậu *(asava ceva dhammā sasava ca).*
- *Chư pháp **cảnh lậu mà phi lậu** ra sao?* Những pháp nào thành cảnh của những pháp lậu đó mà trừ ra pháp lậu rồi tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra mà còn thuộc phần lậu nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh lậu mà phi lậu *(sasava ceva dhammā no ca asava).*

717.

- *Chư pháp **lậu hiệp với pháp lậu** ra sao?*
  Dục lậu tương ưng với vô minh lậu và vô minh lậu tương ưng với dục lậu.
  Hữu lậu tương ưng với vô minh lậu và vô minh lậu tương ưng với hữu lậu.
  Tà kiến lậu tương ưng với vô minh lậu và vô minh lậu tương ưng với tà kiến lậu.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp lậu hiệp với pháp lậu.
- *Chư pháp **hiệp lậu mà phi lậu** ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp lậu đó mà trừ ra pháp lậu rồi tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hiệp lậu mà phi lậu *(āsava sampayuttā ceva dhammā no ca āsavā).*

718.

- *Chư pháp **ly lậu mà cảnh lậu** ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với pháp lậu mà còn lậu biết như là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký nương cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly lậu mà cảnh lậu *(āsava vippayuttā sāsavā).*
- *Chư pháp **ly lậu và phi cảnh lậu** trong khi có ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly lậu và phi cảnh lậu.

4) Phần chùm triền (*saññoyanagocchaka*).

719.

*Chư pháp **triền** trong khi có ra sao?* Thập triền tức là ái dục triền, phẫn nhuế triền, ngã mạn triền, tà kiến triền, hoài nghi triền, giới cấm thủ triền, hữu ái triền, tật đố triền, lận sắt triền, vô minh triền.

720.

*Trong thập triền đó mà **ái dục triền** ra sao?* Những nào là dâm dục, thích dục lạc, ái dục lạc, hí hởn, ái dục tình, liên đới dục lạc, kích thích dục lạc, hôn mê dục lạc, nồng nả dục lạc. Những chơn tướng này gọi là ái dục triền.

721.

Phẫn nhuế triền *trong khi có ra sao?* Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người ấy đang làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người ấy sẽ làm cho ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho người thương của ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho lợi ích đến người mà ta ghét.

Hay là thù hận sát hại phát sanh ra đặng với nguyên do tâm oán giận, sự giận hờn, xích mích, oán giận, tức tưởi, bồn chồn, sân hận, nghĩ cách ám hại, quyết ám hại, bực tức, lối ám hại, tâm giận, thái độ giận, trạng thái có sự sân như thế này: Những sự ám hại, cách ám hại, thái độ ám hại, sự mưu hại, cách mưu hại, thái độ mưu hại, sự giận, sự oán giận, sự hung dữ, ác khẩu, những sự tâm không hoan hỷ. Đây gọi là phẫn nhuế triền.

722.

Ngã mạn triền *trong khi có ra sao?* Cách so sánh cho rằng ta tốt hơn họ, ta bằng họ, ta thua họ, sự so sánh, thái độ so sánh, lối so sánh, lúc nào có trạng thái như thế tức là tự nâng cao, đem mình sánh cho bằng kẻ khác, tự so đo với người, tâm cống cao, tánh cần so sánh này gọi là ngã mạn triền *(mānasaññojana).*

723.

Tà kiến triền *trong khi có ra sao?* Như là nhận thấy đời trường tồn, hoặc không trường tồn, Thế giới cùng tột hoặc không cùng tột. Hay cho rằng sanh mạng cũng vì sanh lý, hoặc sanh mạng khác với sanh lý. Hoặc chết rồi còn, hoặc chết rồi mất, hoặc chết rồi còn cũng chẳng phải, hoặc chết rồi mất cũng chẳng phải. Sự nhận xét bằng cách thiên kiến tức là hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn, chấp theo khinh thị. Đây gọi là tà kiến triền.

Tất cả tà kiến (trừ giới cấm thủ triền) đều là tà kiến triền.

724.

Hoài nghi triền *trong khi có ra sao?*

Hoài nghi Phật, Pháp, Tăng, hoài nghi điều học, quá khứ, vị lai luôn cả quá khứ vị lai, hoài nghi pháp y tương sinh là pháp y tương sinh có phải do duyên trợ tạo mới sanh ra chăng?

Cách lừng chừng, thái độ lừng chừng, sự xét thấy lạ lùng khác biệt, sự quyết đoán cảnh không đặng, sự nhận thấy thành hai lẽ, sự nhận thấy như đường rẽ hai, sự không quyết một, sự tính vớ vẩn, suy xét lừng chừng, sự không thể dứt khoát, sự sần sượng của tâm, sự tràn lan của tánh. Những trạng thái như thế gọi là hoài nghi triền.

725.

Giới cấm thủ triền *trong khi có ra sao?* Nhận thấy rằng sự trong sạch do giới, do tu hành, thực hành trì giới của Sa-môn, Bà-la-môn ngoài Tông giáo này là thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, vi phản kiến, xảo man kiến, triền kiến, tự chấp, chấp trước,

cố chấp, chấp lầm, thái độ sai lầm, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn và cách chấp theo khinh thị. Những trạng thái như thế gọi là giới cấm thủ triền có trong khi đó.

726.

Hữu ái triền *trong khi có ra sao?* Ưa thích trong đời sống, dục vọng trong kiếp sống, hí hởn trong đời sống, liên đới trong kiếp sống, nồng nàn trong đời sống, vùi lấp trong kiếp sống, trầm nịch trong đời sống luôn cả nhiều đời kiếp. Đây gọi là hữu ái triền *(bhavarāgasaññojana).*

727.

Tật đố triền *trong khi có ra sao?* Cách ganh tỵ, thái độ ganh tỵ, cách tật đố, sự tật đố, thái độ tật đố, tật đố vì lợi lộc, tật đố vì cung kỉnh, tật đố vì tín ngưỡng, tật đố vì cách lễ bái, tật đố vì cách cúng dường của người khác. Những cách như thế gọi là tật đố triền.

728.

Lận sắt triền *trong khi có ra sao?* Ngũ lận sắt như là: Bỏn xẻn chỗ ở, bỏn xẻn dòng giống, bỏn xẻn lợi lộc, bỏn xẻn sắc đẹp (danh thơm), bỏn xẻn giáo pháp, cách bỏn xẻn, sự bỏn xẻn, thái độ bỏn xẻn, sự rít rắm, sự keo kiết, sự không tế độ, không rộng rãi của tâm. Những cách như thế gọi là lận sắt triền *(nacchariyasannojana).*

729.

Vô minh triền *trong khi có ra sao?* Sự không biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường lối đi đến diệt khổ, sự không biết phần quá khứ, sự không biết phần vị lai, sự không biết phần quá khứ và vị lai, sự không biết pháp y tương sinh là do nhân trợ mới sanh ra, sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo cách chân thật, sự không thấu suốt, sự không tín theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng, sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê tức là vô minh, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh cái, vô minh tiềm thùy, then chốt của sự tối tăm, si là căn bất thiện. Những trạng thái như thế gọi là vô minh triền. Những chơn tướng nói trên gọi là pháp triền.

730.

Chư pháp ***triền*** *trong khi có ra sao?* Trừ ra pháp triền rồi còn lại pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp triền.

731.

- *Chư pháp* ***cảnh triền*** *trong khi có ra sao?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu mà nương theo Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh triền.
- *Chư pháp* ***phi cảnh triền*** *trong khi có ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh triền.

732.

- *Chư pháp **tương ưng triền** trong khi có ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp triền đó tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng triền.
- *Chư pháp **bất tương ưng triền** trong khi có ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với pháp triền đó tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng triền.

733.

- *Chư pháp **triền và cảnh triền** trong khi có ra sao?* Tức là pháp triền. Những chơn tướng này gọi là chư pháp triền và cảnh triền.
- *Chư pháp **cảnh triền mà phi triền** trong khi có ra sao?* Những pháp nào thành cảnh của pháp triền đó nhưng trừ ra pháp triền tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh triền mà phi triền.

734.

- *Chư pháp **triền tương ưng triền** trong khi có ra sao?*
  Dục ái triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với dục ái triền.
  Phẫn nhuế triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với phẫn nhuế triền.
  Ngã mạn triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với ngã mạn triền.
  Tà kiến triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với tà kiến triền.
  Hoài nghi triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với hoài nghi triền.
  Giới cấm thủ triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với giới cấm thủ triền.
  Hữu ái triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với hữu ái triền.
  Tật đố triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với tật đố triền.
  Lận sắt triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với lận sắt triền.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp triền tương ưng triền.
- *Chư pháp **tương ưng triền mà phi triền** trong khi có ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp triền đó mà trừ ra pháp triền rồi tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng triền mà phi triền.

735.

- *Chư pháp **ly triền mà cảnh triền** ra sao?* Những pháp nào mà bất tương ưng với pháp triền đó tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu mà nương theo Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly triền mà cảnh triền.
- *Chư pháp **ly triền và phi cảnh triền** ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly triền và phi cảnh triền.

5) Phần chùm phược (*ganthagocchaka*).

736.

*Chư pháp **phược** trong khi có ra sao?* Tứ phược là: tham ác thân phược, sân độc thân phược, giới cấm thủ thân phược và ngã kiến thân phược.

737.

*Trong tứ phược đó mà **tham ác thân phược** ra sao?*

Sự dục vọng, đa dục vọng, biến chuyển theo cảnh, sự vui thích, sự hí hởn, sự dục vọng bằng mãnh lực hí hởn, sự dục vọng nặng của tâm, sự ham muốn, sự quy lụy, sự mê đắm, sự thân ái, sự tình ái, sự liên hệ gắn bó, sự trầm nịch, vẫn lôi kéo, vẫn gạt gẫm, còn làm cho chúng sanh liên kết, lối thiên nhiên, vẫn thấm tâm, hằng tươm ra, pháp như sợi chỉ, vẫn tỏa ra, vẫn gom lại, vẫn như bạn lưỡng diện, chính nguồn cội tâm, vẫn đưa đến cõi đời, sự dục vọng như sum lâm, sự dục vọng như mật lâm, sự liên hệ, sự lưu luyến, quái niệm, sự ràng buộc, sự mong mỏi, thái độ mong mỏi.

Mong mỏi sắc, mong mỏi thinh, mong mỏi khí, mong mỏi vị, mong mỏi xúc, mong mỏi lợi, mong mỏi của, mong mỏi con, mong mỏi trường thọ, khao khát, quá khao khát, rất quá khao khát, sự tế ngữ, cách tế ngữ, thái độ tế ngữ, sự tham lam, cách tham lam, thái độ tham lam thành nhân mê mẩn theo những cảnh tốt, sự địa vị trong địa vị không thích hợp, sự tham quá cỡ, sự nhiễm đắm tâm, thái độ nhiễm đắm tâm, sự hỷ lạc của tâm, sự quá mong mỏi dục vọng, hữu dục, ly hữu dục, Sắc giới dục, Vô sắc giới dục, diệt dục (đoạn kiến), sắc dục, thinh dục, khí dục, vị dục, xúc dục, pháp dục, bộc, phối, phược, thủ, luyến mộ, cái, mái che ngăn, mây ràng buộc, tùy phiền não, tiềm thùy, che đậy, dục như dây mây, sự mong mỏi các vật chất, cội rễ của khổ, nhân của khổ, sở sanh của khổ, bẫy của ma, lưỡi câu của ma, sở sanh của ma, tình dục như sông cái, tình dục như chài lưới, tình dục như buộc cột, tình dục như biển cả, tham lam, tham ác, tham là căn bất thiện. Như thế gọi là tham ác thân phược *(abhijjhā kāya gantha)*.

738.

***Sân độc thân phược** trong khi có ra sao?*

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho người thương của ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho lợi ích đến người mà ta ghét.

Hay là thù hận phát sanh ra đặng với nguyên do tâm oán hận, sự giận hờn, xích mích, oán giận, tức tưởi, bồn chồn, sân, nghĩ cách ám hại, quyết ám hại, bực tức, lối ám hại, tâm giận, thái độ giận, trạng thái có sự sân như thế này: Những sự ám hại, cách ám hại, thái độ ám hại, sự mưu hại, cách mưu hại, thái độ mưu hại, sự giận, sự oán giận, sự hung dữ, ác khẩu, những sự tâm không hoan hỷ. Đây gọi là sân độc thân phược *(byāpādakāyagantha)*.

739.

***Giới cấm thủ thân phược** ra sao?* Nhận thấy rằng sự trong sạch do giới, do tu hành, thực hành trì giới của Sa-môn, Bà-la-môn ngoài Tông giáo này là thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, vi phản kiến, xảo man kiến, triền kiến, tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, chấp tâm, thái độ sai lầm, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn, cách chấp theo khinh thị. Những chơn tướng này gọi là giới cấm thủ thân phược *(sīlabataparāmāso kāyagantho).*

740.

***Ngã kiến thân phược** ra sao?*

Nhận thấy vũ trụ hằng còn chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy vũ trụ không trường tồn chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy vũ trụ có chỗ cùng tột chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy vũ trụ không cùng tột chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy linh hồn và sanh mạng là một chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy linh hồn và sự sống chắc hẳn khác nhau, hoặc nhận thấy chúng sanh chết rồi mất, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi chết vẫn còn, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi chết còn cũng phải và không còn cũng phải, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi chết còn cũng chẳng phải và không còn cũng chẳng phải.

Sự thấy bằng cách thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, sự tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn. Nếu có trạng thái như thế gọi là ngã kiến thân phược *(idansaccābhinivesakayagantha).*

Tất cả tà kiến (trừ giới cấm thủ thân phược) đều là ngã kiến thân phược.

Những chơn tướng này gọi là pháp phược *(gantha dhammā).*

741.

*Chư pháp **phi phược** trong khi có ra sao?* Trừ ra pháp phược rồi còn lại pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phược.

742.

- *Chư pháp **cảnh phược** trong khi có ra sao?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu mà nương theo Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh phược.
- *Chư pháp **phi cảnh phược** ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh phược.

743.

- *Chư pháp **tương ưng phược** ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp phược đó tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng phược.
- *Chư pháp **ly phược** trong khi có ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với pháp phược đó tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly phược.

744.

- *Chư pháp **phược và cảnh phược** trong khi có ra sao?* Tức là pháp phược. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phược và cảnh phược.
- *Chư pháp **cảnh phược mà phi phược** ra sao?* Những pháp nào thành cảnh của pháp phược đó mà trừ ra pháp phược tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký mà còn trong phạm vi lậu biết nương theo Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh phược mà phi phược.

745.

- *Chư pháp **phược tương ưng phược** ra sao?*

  Giới cấm thủ thân phược tương ưng với tham ác thân phược và tham ác thân phược tương ưng với giới cấm thủ thân phược.

  Ngã kiến thân phược tương ưng với tham ác thân phược và tham ác thân phược tương ưng với ngã kiến thân phược.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp phược tương ưng phược.
- *Chư pháp **tương ưng phược mà phi phược** trong khi có ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp phược đó mà trừ ra pháp phược rồi tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng phược mà phi phược.

746.

- *Chư pháp **ly phược mà cảnh phược** ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với pháp phược đó tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly phược mà cảnh phược.
- *Chư pháp **ly phược và phi cảnh phược** ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly phược và phi cảnh phược.

6) Phần chùm bộc và chùm phối (*oghagocchaka yogagocchaka*).

Tóm tắt hai phần như sau:

747.

- *Chư pháp **bộc** trong khi có ra sao? …*
- *Chư pháp **phối** trong khi có ra sao? …*

7) Phần chùm cái (*nivaranagocchaka*).

748.

*Chư pháp **cái** trong khi có ra sao?* Lục cái tức là: Dục dục cái, sân độc cái, hôn trầm thùy miên cái, trạo hối cái, hoài nghi cái và vô minh cái.

749.

*Trong những pháp cái đó mà **dục dục cái** ra sao?* Những nào là dâm dục, thích dục lạc, ái dục lạc, hí hởn, ái dục tình, liên đới dục lạc, kích thích dục lạc, hôn mê dục lạc, nồng nả dục lạc. Những chơn tướng này gọi là dục dục cái.

750.

***Sân độc cái** trong khi có ra sao?*

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho người thương của ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho lợi ích đến người mà ta ghét.

Hay là thù hận phát sanh ra đặng với nguyên do tâm oán, sự giận hờn, xích mích, oán giận, tức tưởi, bồn chồn, sân, nghĩ cách ám hại, quyết ám hại, bực tức, lối ám hại, tâm giận, thái độ giận, trạng thái có sự sân như là: Những sự ám hại, cách ám hại, thái độ ám hại, sự mưu hại, cách mưu hại, thái độ mưu hại, sự giận, sự oán giận, sự hung dữ, ác khẩu, những sự tâm không hoan hỷ. Như thế gọi là sân độc cái.

751.

***Hôn trầm thùy miên cái** trong khi có ra sao?* Hôn trầm thùy miên cái chia ra: hôn trầm là 1 và thùy miên là 1.

- *Trong 2 thứ này mà **hôn trầm** trong khi có ra sao?* Sự không khéo hòa trộn của tâm, cách không thích hợp việc làm của tâm, sự chần chừ, sự lùi sụt, sự buồn ngủ, cách buồn ngủ, trạng thái buồn ngủ, sự bần thần, dã dượi, cách dã dượi, bần thần, thái độ bần thần dã dượi, sự uể oải, cách uể oải, thái độ uể oải. Những trạng thái như thế gọi là hôn trầm.
- ***Thùy miên** trong khi có ra sao?* Sự không khéo hòa trộn của danh thân, cách không thích hợp với công việc của danh thân, sự chụp đậy, sự bao trùm, sự che lấp phần trong, sự dã dượi bần thần, thái độ dã dượi bần thần, cách dã dượi bần thần, sự buồn ngủ, cách ngáp ngủ, trạng thái ngáp ngủ, sự ngủ gục, cách ngủ gục, trạng thái ngủ gục. Những trạng thái như thế gọi là thùy miên.

Hôn trầm và thùy miên chung lại gọi là hôn trầm thùy miên cái.

752.

***Trạo hối cái** trong khi có ra sao?* Trạo hối đây chia ra trạo cử là 1 và hối hận là 1.

- *Trong 2 thứ này mà **trạo cử** như thế nào?* Sự tán loạn của tâm, sự không vắng lặng của tâm, sự sôi nổi của tâm, sự rối loạn của tâm, sự lộn xộn của tâm. Những cách như thế gọi là trạo cử.
- ***Hối hận** trong khi có ra sao?* Sự đáng cho rằng không đáng, sự không đáng cho rằng đáng, sự có lỗi cho rằng không lỗi, sự không lỗi cho rằng có lỗi, cách chú trọng, sự chú

trọng, thái độ chú trọng, cách nóng nảy, sự động tâm. Những trạng thái như thế gọi là hối hận.

Trạo cử và hối hận kêu chung lại là trạo hối cái.

753.

Hoài nghi cái *trong khi có ra sao?*

Hoài nghi Phật, Pháp, Tăng, hoài nghi điều học, hoài nghi quá khứ, vị lai, luôn cả quá khứ vị lai, hoài nghi pháp y tương sinh là pháp y tương sinh có phải do nhờ duyên trợ tạo mới sanh ra chăng?

Cách lừng chừng, thái độ lừng chừng, sự xét thấy lạ lùng, khác biệt, sự quyết đoán cảnh không đặng, sự nhận thấy thành hai khía cạnh, sự nhận thấy như đường rẽ hai, sự không quyết một, sự tính vớ vẩn, suy xét lừng chừng, sự không thể dứt khoát, sự sần sượng của tâm, sự tràn lan của tánh. Những trạng thái như thế gọi là hoài nghi cái.

754.

Vô minh cái *trong khi có ra sao?* Sự không biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường đến diệt khổ, sự không biết phần quá khứ, sự không biết phần vị lai, sự không biết phần quá khứ và vị lai, sự không biết pháp y tương sinh là do nhân trợ mới sanh ra, sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo chân thật, sự không thấu suốt, sự không tín theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng, sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê tức là vô minh, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh cái, vô minh tiềm thùy, then chốt của sự tối tăm, si là căn bất thiện. Những trạng thái như thế gọi là vô minh cái.

Những chơn tướng này gọi là pháp cái *(nīvaraṇā dhammā).*

755.

Chư pháp ***phi cái*** *trong khi có ra sao?* Trừ ra pháp cái rồi còn lại pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cái.

756.

- *Chư pháp* ***cảnh cái*** *trong khi có ra sao?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh cái.
- *Chư pháp* ***phi cảnh cái*** *trong khi có ra sao?*

Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh cái.

757.

- *Chư pháp* ***tương ưng cái*** *trong khi có ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp cái đó tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng cái.

- *Chư pháp **bất tương ưng cái** trong khi có ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với pháp cái đó tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng cái *(nīvaraṇa vippayuttādhammā)*.

758.

- *Chư pháp **cái và cảnh cái** ra sao?* Tức là pháp cái. Đây gọi là chư pháp cái và cảnh cái.
- *Chư pháp **cảnh cái mà phi cái** ra sao?* Những pháp nào thành cảnh của pháp cái đó mà trừ ra pháp cái tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra mà còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh cái mà phi cái.

759.

- *Chư pháp **cái và tương ưng cái** ra sao?*

  Dục dục cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với dục dục cái.

  Sân độc cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với sân độc cái.

  Hôn trầm thùy miên cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với hôn trầm thùy miên cái.

  Trạo cử cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với trạo cử cái.

  Hối hận cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với hối hận cái.

  Hoài nghi cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với hoài nghi cái.

  Dục dục cái tương ưng với trạo cử cái, trạo cử cái tương ưng với dục dục cái.

  Sân độc cái tương ưng với trạo cử cái, trạo cử cái tương ưng với sân độc cái.

  Hôn trầm thùy miên cái tương ưng với trạo cử cái, trạo cử cái tương ưng với hôn trầm thùy miên cái.

  Hối hận cái tương ưng với trạo cử cái, trạo cử cái tương ưng với hối hận cái.

  Hoài nghi cái tương ưng với trạo cử cái, trạo cử cái tương ưng với hoài nghi cái.

  Vô minh cái tương ưng với trạo cử cái, trạo cử cái tương ưng với vô minh cái.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp cái và tương ưng cái.

- *Chư pháp **tương ưng cái mà phi cái** ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp cái đó mà trừ ra pháp cái ấy tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng cái mà phi cái.

760.

- *Chư pháp **ly cái mà cảnh cái** ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với pháp cái đó, tức là pháp thiện, pháp vô ký còn trong phạm vi lậu mà nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly cái mà cảnh cái.
- *Chư pháp **ly cái và phi cảnh cái** ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly cái và phi cảnh cái.

8) Phần chùm khinh thị (*parāmāsagocchaka*).

761.

- *Chư pháp **khinh thị** trong khi có ra sao?* Tức là tà kiến khinh thị.
- ***Tà kiến khinh thị** trong khi có ra sao?* Như là nhận thấy đời trường tồn hoặc không trường tồn, Thế giới cùng tột hoặc không cùng tột. Hay là cho rằng sanh mạng cũng vì sanh lý, hoặc sanh mạng khác với sanh lý. Hoặc chết rồi còn, hoặc chết rồi mất, hoặc chết rồi còn cũng chẳng phải, hoặc chết rồi mất cũng chẳng phải. Sự nhận xét bằng cách thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, sự tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn, chấp theo khinh thị. Những chơn tướng này gọi là tà kiến khinh thị *(diṭṭhiparāmāso).* Tất cả tà kiến đều là tà kiến khinh thị.

  Những chơn tướng này gọi là tà kiến khinh thị.
- *Chư pháp **phi khinh thị** trong khi có ra sao?* Trừ ra pháp khinh thị rồi còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi khinh thị.

762.

- *Chư pháp **cảnh khinh thị** trong khi có ra sao?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu mà nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh khinh thị.
- *Chư pháp **phi cảnh khinh thị** trong khi có ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh khinh thị.

763.

- *Chư pháp **tương ưng khinh thị** ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp khinh thị đó tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng khinh thị.
- *Chư pháp **bất tương ưng khinh thị** ra sao?* Những pháp nào không hiệp với pháp khinh thị đó tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng khinh thị.

764.

- *Chư pháp **khinh thị cảnh khinh thị** ra sao?* Tức là khinh thị. Đây gọi là chư pháp khinh thị cảnh khinh thị.
- *Chư pháp **cảnh khinh thị mà phi khinh thị** ra sao?* Những pháp nào thành cảnh của pháp khinh thị đó, trừ ra khinh thị còn lại pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký thuộc phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh khinh thị mà phi khinh thị.

765.

- *Chư pháp **ly khinh thị mà cảnh khinh thị** ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với pháp khinh thị đó như là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký mà còn trong phạm vi khinh thị nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly khinh thị mà cảnh khinh thị.
- *Chư pháp **ly khinh thị và phi cảnh khinh thị** ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly khinh thị và phi cảnh khinh thị.

9) Phần nhị đề đại (*mahantara duka*).

766.

- *Chư pháp **hữu tri cảnh** ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu tri cảnh *(sārammanā dhammā).*
- *Chư pháp **vô tri cảnh** trong khi có ra sao?* Tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô tri cảnh *(anārammanā dhammā).*

767.

- *Chư pháp **tâm** trong khi có ra sao?* Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý giới và ý thức giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tâm *(cittā dhammā).*
- *Chư pháp **phi tâm** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi tâm.

768.

- *Chư pháp **sở hữu tâm** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sở hữu tâm.
- *Chư pháp **phi sở hữu tâm** trong khi có ra sao?* Tâm, tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi sở hữu tâm.

769.

- *Chư pháp **tương ưng tâm** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng tâm.
- *Chư pháp **bất tương ưng tâm** ra sao?* Tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng tâm.

Tâm gọi tương ưng tâm chẳng phải và gọi bất tương ưng tâm cũng chẳng phải.

770.

- *Chư pháp **hòa với tâm** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hòa với tâm *(cittasamsaṭṭha dhammā).*
- *Chư pháp **không hòa với tâm** ra sao?* Tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không hòa với tâm.

Tâm gọi hòa với tâm chẳng phải và gọi không hòa với tâm cũng chẳng phải.

771.

- *Chư pháp **có tâm làm sở sanh** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thân biểu tri *(kāya viññatti),* khẩu biểu tri *(vacī viññatti),* hay là những sắc pháp nào do tâm tạo có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh như là: sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, hư không chất, thủy chất, sắc nhẹ, sắc mềm, sắc vừa làm việc, sắc sanh, sắc thừa kế *(santati rūpa),* đoàn thực. Những chơn tướng này gọi là chư pháp có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhānā dhammā).*
- *Chư pháp **không có tâm làm sở sanh** ra sao?* Tâm, sắc pháp ngoài ra và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không có tâm làm sở sanh.

772.

- *Chư pháp **đồng sanh tồn với tâm** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thân biểu tri, khẩu biểu tri. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh tồn với tâm *(citta sahabhuno dhammā).*
- *Chư pháp **phi đồng sanh tồn với tâm** trong khi có ra sao?* Tâm, sắc pháp ngoài ra và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi đồng sanh tồn với tâm.

773.

- *Chư pháp **tùng tâm thông lưu** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thân biểu tri, khẩu biểu tri. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tùng tâm thông lưu *(cittānuparivattino dhammā).*
- *Chư pháp **phi tùng tâm thông lưu** ra sao?* Tâm, sắc pháp ngoài ra và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi tùng tâm thông lưu *(no cittānuparivattino dhammā).*

774.

- *Chư pháp **hòa với tâm và có tâm làm sở sanh** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh *(cittasaṃsattha samuṭṭhānā dhammā).*
- *Chư pháp **không hòa với tâm và không có tâm làm sở sanh** trong khi có ra sao?* Tâm, tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không hòa với tâm và không có tâm làm sở sanh.

775.

- *Chư pháp **hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh** ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh *(cittasaṃsattha samuṭṭhāna sahabhuno dhammā).*
- *Chư pháp **không hòa, không đồng sanh tồn và khỏi nương tâm làm sở sanh** trong khi có ra sao?* Tâm, tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không hòa, không đồng sanh tồn và khỏi nương tâm làm sở sanh *(no cittasaṃsaṭṭha samuṭṭhāna sahabhuno dhammā).*

776.

- *Chư pháp **có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm *(cittasaṃsaṭṭha samuṭṭhānanupari vattino dhammā).*

- *Chư pháp **không có tâm làm sở sanh và không hòa, không tùng thông lưu với tâm** ra sao?* Tâm, tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không có tâm làm sở sanh và không hòa, không tùng thông lưu với tâm *(no citta saṃsatthasamuṭṭhānānuparivattino dhammā).*

777.

- *Chư pháp **nội** trong khi có ra sao?* Nhãn xứ… ý xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nội *(ajjhattika dhammā).*
- *Chư pháp **ngoại** trong khi có ra sao?* Sắc xứ… pháp xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ngoại *(bāhirā dhammā)*

778.

- *Chư pháp **thủ** trong khi có ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những chơn tướng này gọi là chư pháp thủ *(upādā dhammā).*
- *Chư pháp **phi thủ** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn luôn sắc tứ đại sung và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi thủ *(no upādā dhammā).*

779.

- *Chư pháp **do thủ** trong khi có ra sao?* Dị thục quả của pháp thiện và pháp bất thiện còn thuộc phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp do thủ *(upādinā dhammā).*
- *Chư pháp **phi do thủ** trong khi có ra sao?* Pháp thiện và pháp bất thiện còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn pháp thành tố phi thiện, phi bất thiện, phi nghiệp quả, phi sắc nghiệp, đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi do thủ *(anupādinnā dhammā).*

10) Phần chùm thủ (*upadana gocchaka*).

780.

*Chư pháp **thủ** trong khi có ra sao?* Tứ thủ tức là dục thủ, tà kiến thủ, giới cấm thủ và ngã chấp thủ.

781.

*Trong tứ thủ đó mà **dục thủ** như thế nào?* Những nào là dâm dục, thích dục lạc, ái dục lạc, hí hởn, ái dục tình, liên đới dục lạc, kích thích dục lạc, hôn mê dục lạc, nồng nả dục lạc. Những chơn tướng này gọi là dục thủ.

782.

***Tà kiến thủ** trong khi có ra sao?*

Sự nhận thấy bố thí rồi không có quả phúc, cách cúng dường không có quả phúc, sự cúng cầu Thần Thánh và chư thiên không có quả phúc, quả của nghiệp tốt và nghiệp xấu không có, đời này không có, đời khác cũng không có, cha không có, mẹ cũng không có. Chúng sanh sau khi chết hóa sanh chẳng có, Sa-môn, Bà-la-môn thật hành phạm hạnh

trong đời này không có, Sa-môn, Bà-la-môn tự tu hành đặng trí cao nhứt trong đời này và đời khác rồi trình bày cho người khác biết đều không có.

Tà kiến là sự nhận xét bằng cách thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, sự tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn. Nếu có trạng thái như thế gọi là tà kiến thủ.

Trừ ra giới cấm thủ và ngã chấp thủ, tất cả tà kiến ngoài ra đều gọi là tà kiến thủ.

783.

Giới cấm thủ *trong khi có ra sao?* Nhận thấy rằng sự trong sạch do giới, do tu hành, do thực hành trì giới của Sa-môn, Bà-la-môn ngoài Tông giáo này là thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp[10] kiến, vi phản kiến, xảo man kiến, triền kiến, tự chấp, chấp trước, cố chấp, chấp lầm, thái độ sai lầm, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn và cách chấp theo khinh thị. Những trạng thái như thế gọi là giới cấm thủ.

784.

Ngã chấp thủ *trong khi có ra sao?*

Phàm phu trong đời này thiếu học, không gặp Thánh nhân, không đặng nghe pháp của Thánh nhân, không tập rèn theo pháp của Thánh nhân, không gặp trí thức, không khéo với pháp của trí thức, không tập rèn theo pháp của trí thức. Nhận thấy sắc uẩn là ta, hay nhận thấy ta có sắc uẩn, nhận thấy sắc uẩn trong ta, nhận thấy ta trong sắc uẩn. Nhận thấy thọ uẩn là ta, hay nhận thấy ta có thọ uẩn, nhận thấy thọ uẩn trong ta, nhận thấy ta trong thọ uẩn. Nhận thấy tưởng uẩn là ta, hay nhận thấy ta có tưởng uẩn, nhận thấy tưởng uẩn trong ta, nhận thấy ta trong tưởng uẩn. Nhận thấy hành uẩn là ta, hay nhận thấy ta có hành uẩn, nhận thấy hành uẩn trong ta, nhận thấy ta trong hành uẩn. Nhận thấy thức uẩn là ta, hay nhận thấy ta có thức uẩn, nhận thấy thức uẩn trong ta, nhận thấy ta trong thức uẩn.

Tà kiến là sự nhận thấy bằng cách thiên kiến, tức là hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, sự tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn. Nếu có trạng thái như thế gọi là ngã chấp thủ.

Những chơn tướng như trên gọi là chư pháp thủ.

785.

Chư pháp ***phi thủ*** *trong khi có ra sao?* Trừ ra pháp thủ rồi, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi thủ *(no upādānā dhammā).*

786.

- *Chư pháp* ***cảnh thủ*** *trong khi có ra sao?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu mà nương theo Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh thủ.

[10] Khuyết phạp – thiếu thốn (theo từ điển Hán-Việt của Đào Duy Anh)

- *Chư pháp **phi cảnh thủ** trong khi có ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh thủ *(anupādāniyā dhammā).*

787.

- *Chư pháp **tương ưng thủ** trong khi có ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp thủ đó tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng thủ.
- *Chư pháp **bất tương ưng thủ** trong khi có ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với pháp thủ đó tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng thủ.

788.

- *Chư pháp **thủ và cảnh thủ** trong khi có ra sao?* Tức là pháp thủ. Đây gọi là chư pháp thủ và cảnh thủ *(upādānā ceva dhammā upādāniya ca).*
- *Chư pháp **cảnh thủ mà phi thủ** ra sao?* Những pháp nào thành cảnh thủ mà trừ ra pháp thủ tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh thủ và phi thủ.

789.

- *Chư pháp **thủ và tương ưng thủ** trong khi có ra sao?*

  Tà kiến thủ tương ưng với dục thủ, dục thủ tương ưng với tà kiến thủ.

  Giới cấm thủ tương ưng với dục thủ, dục thủ tương ưng với giới cấm thủ.

  Ngã chấp thủ tương ưng với dục thủ, dục thủ tương ưng với ngã chấp thủ.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp thủ và tương ưng thủ.
- *Chư pháp **tương ưng thủ mà phi thủ** ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp thủ đó mà trừ ra pháp thủ, tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng thủ mà phi thủ.

790.

- *Chư pháp **ly thủ mà cảnh thủ** ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng với pháp thủ đó như là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký mà còn thuộc phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly thủ mà cảnh thủ.
- *Chư pháp **ly thủ và phi cảnh thủ** ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly thủ và phi cảnh thủ.

11) Phần chùm phiền não (*kilesagocchaka*).

791.

*Chư pháp **phiền não** trong khi có ra sao?* Thập phiền não như là tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy.

792.

*Trong thập phiền não đó mà **tham** như thế nào?*

Sự dục vọng, đa dục vọng, biến chuyển theo cảnh, sự vui thích, sự hí hởn, sự dục vọng bằng mãnh lực hí hởn, sự dục vọng nặng của tâm, sự ham muốn, sự quy lụy, sự mê đắm, sự thân ái, sự tình ái, sự liên hệ gắn bó, sự trầm nịch, vẫn lôi kéo, vẫn gạt gẫm, còn làm cho chúng sanh liên kết, lối thiên nhiên, vẫn thấm tâm, hằng tươm ra, pháp như sợi chỉ, vẫn tỏa ra, vẫn gom lại, vẫn như bạn lưỡng diện, chính nguồn cội tâm, vẫn đưa đến cõi đời, sự dục vọng như sum lâm, sự dục vọng như mật lâm, sự liên hệ, sự lưu luyến, quái niệm, sự ràng buộc, sự mong mỏi, thái độ mong mỏi.

Mong mỏi sắc, mong mỏi thinh, mong mỏi khí, mong mỏi vị, mong mỏi xúc, mong mỏi lợi, mong mỏi của, mong mỏi con, mong mỏi trường thọ, khao khát, quá khao khát, rất quá khao khát, sự tế ngữ, cách tế ngữ, thái độ tế ngữ, sự tham lam, cách tham lam, thái độ tham lam, thành nhân mê mẩn theo những cảnh tốt, sự địa vị trong địa vị không thích hợp, sự tham quá cỡ, sự nhiễm đắm tâm, thái độ nhiễm đắm tâm, sự hỷ lạc của tâm, sự quá mong mỏi dục vọng, hữu dục, ly hữu dục, Sắc giới dục, Vô sắc giới dục, diệt dục (đoạn kiến), sắc dục, thinh dục, khí dục, vị dục, xúc dục, pháp dục, bộc, phối, phược, thủ, luyến mộ, cái, mái che ngăn, mây ràng buộc, tùy phiền não, tiềm thùy, che đậy, dục như dây mây, sự mong mỏi các vật chất, cội rễ của khổ, nhân của khổ, sở sanh của khổ, bẫy của ma, lưỡi câu của ma, sở sanh của ma, tình dục như sông cái, tình dục như chài lưới, tình dục như buộc cột, tình dục như biển cả, tham lam, tham ác, tham là căn bất thiện. Những trạng thái như thế gọi là tham.

793.

***Sân** trong khi có ra sao?*

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho người thương của ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho lợi ích đến người mà ta ghét.

Hay là thù hận phát sanh ra đặng với nguyên do tâm oán hận, sự giận hờn, xích mích, oán giận, tức tưởi, bồn chồn, sân, nghĩ cách ám hại, quyết ám hại, bực tức, lối ám hại, tâm giận, thái độ giận, trạng thái có sự sân như thế này, những sự ám hại, cách ám hại, thái độ ám hại, sự mưu hại, cách mưu hại, thái độ mưu hại, sự giận, sự oán giận, sự hung dữ, ác khẩu, những sự tâm không hoan hỷ. Nếu có trạng thái như thế đây gọi là sân.

794.

***Si** trong khi có ra sao?* Sự không biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường đi đến diệt khổ, sự không biết phần quá khứ, sự không biết phần vị lai, sự không biết phần quá khứ và vị lai, sự không biết pháp y tương sinh là do nhân trợ tạo mới sanh ra, sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo cách chân thật, sự không thấu suốt, sự không tín theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng, sự không xét đoán, sự

không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê tức là vô minh, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh cái, vô minh tiềm thùy, then chốt của sự tối tăm, si là căn bất thiện. Những trạng thái như thế gọi là si.

795.

Ngã mạn *trong khi có ra sao?* Cách so sánh cho rằng ta tốt hơn họ, ta bằng họ, ta thua họ, sự so sánh, thái độ so sánh, lối so sánh, lúc nào có trạng thái như thế tức là tự nâng cao, đem mình sánh cho bằng kẻ khác, tự so đo với người, tâm cống cao, tánh cần so sánh này gọi là ngã mạn.

796.

Tà kiến *trong khi có ra sao?* Như là nhận thấy đời trường tồn, hoặc không trường tồn, Thế giới cùng tột hoặc không cùng tột. Hay cho rằng sanh mạng cũng vì sanh lý, hoặc sanh mạng khác với sanh lý. Hoặc chết rồi còn, hoặc chết rồi mất, hoặc chết rồi còn cũng chẳng phải, hoặc chết rồi mất cũng chẳng phải. Sự nhận xét bằng cách thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, sự tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn, chấp theo khinh thị. Những cách như thế gọi là tà kiến.

Tất cả kiến thức nhận sai đều thuộc về tà kiến.

797.

Hoài nghi *trong khi có ra sao?*

Hoài nghi Phật, Pháp, Tăng, hoài nghi điều học, quá khứ, vị lai, luôn cả quá khứ và vị lai, hoài nghi pháp y tương sinh là pháp y tương sinh có phải do duyên trợ tạo mới sanh ra chăng?

Cách lừng chừng, thái độ lừng chừng, sự xét thấy lạ lùng khác biệt, sự quyết đoán cảnh không đặng, sự nhận thấy thành hai lẽ, sự nhận thấy như đường rẽ hai, sự không quyết một, sự tính vớ vẩn, suy xét lừng chừng, sự không thể dứt khoát, sự sần sượng của tâm, sự tràn lan của tánh. Những trạng thái như thế gọi là hoài nghi.

798.

Hôn trầm *trong khi có ra sao?* Sự không khéo hợp của tâm, sự không thích hợp với công việc của tâm, sự nhuyễn nhược, sự lui sụt, sự bần thần, cách bần thần, trạng thái bần thần, sự dã dượi, cách dã dượi, thái độ dã dượi. Đây gọi là hôn trầm.

799.

Phóng dật *trong khi có ra sao?* Sự toán loạn của tâm, sự không vắng lặng của tâm, sự lao chao của tâm, sự sôi nổi của tâm. Như thế gọi là phóng dật.

800.

Vô tàm *trong khi có ra sao?* Thái độ không thẹn với sự vật đáng thẹn, hành động không mắc cỡ với những sự ác, xấu. Như thế gọi là vô tàm.

801.

Vô úy *trong khi có ra sao?* Thái độ không ghê sợ với trường hợp đáng ghê sợ, cách không ghê sợ với tội ác xấu, như thế gọi là vô úy.

Những chơn tướng như trên gọi là chư pháp phiền não.

802.

Chư pháp ***phi phiền não*** *ra sao?* Trừ ra pháp phiền não, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phiền não.

803.

- *Chư pháp* ***cảnh phiền não*** *là chi?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh phiền não.
- *Chư pháp* ***phi cảnh phiền não*** *ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh phiền não *(asaṅkilesikā dhammā).*

804.

- *Chư pháp* ***phiền toái*** *trong khi có ra sao?* Ba căn bất thiện là tham, sân, si và phiền não đồng nương với căn bất thiện; thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với căn bất thiện đó luôn thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có căn bất thiện làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền toái *(saṅkiliṭṭhā dhammā).*
- *Chư pháp* ***phi phiền toái*** *ra sao?* Pháp thiện và pháp vô ký nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn, luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phiền toái.

805.

- *Chư pháp* ***tương ưng phiền não*** *ra sao?* Những pháp nào tương ưng với pháp phiền não đó tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng phiền não *(kilesa sampayuttā dhammā).*
- *Chư pháp* ***bất tương ưng phiền não*** *trong khi có ra sao?* Những pháp nào không tương ưng với pháp phiền não, đó tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng phiền não.

806

- *Chư pháp* ***phiền não và cảnh phiền não*** *ra sao?* Tức là những pháp phiền não. Đây gọi là chư pháp phiền não và cảnh phiền não *(kilesā ceva dhammā sankilesikā ca).*
- *Chư pháp* ***cảnh phiền não mà phi phiền não*** *trong khi có ra sao?* Những pháp nào thành cảnh của pháp phiền não đó mà trừ ra pháp phiền não tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh phiền não mà phi phiền não.

807.

- *Chư pháp **phiền não và phiền toái** ra sao?* Tức là pháp phiền não. Đây gọi là chư pháp phiền não và phiền toái *(kilesa ceva dhammā saṅkiliṭṭhā ca).*
- *Chư pháp **phiền toái mà phi phiền não** ra sao?* Những pháp sôi nổi nóng nảy mà trừ ra phiền não tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền toái mà phi phiền não *(saṅkiliṭṭha ceva dhammā no ca kilesā).*

808.

- *Chư pháp **phiền toái và tương ưng phiền não** ra sao?*

Phiền não tham tương ưng với phiền não si và phiền não si tương ưng với phiền não tham.
Phiền não sân tương ưng với phiền não si và phiền não si tương ưng với phiền não sân.
Phiền não ngã mạn tương ưng với phiền não si và phiền não si tương ưng với phiền não ngã mạn.
Phiền não tà kiến tương ưng với phiền não si và phiền não si tương ưng với phiền não tà kiến.
Phiền não hoài nghi tương ưng với phiền não si và phiền não si tương ưng với phiền não hoài nghi.
Phiền não hôn trầm tương ưng với phiền não si và phiền não si tương ưng với phiền não hôn trầm.
Phiền não phóng dật tương ưng với phiền não si và phiền não si tương ưng với phiền não phóng dật.
Phiền não vô tàm tương ưng với phiền não si và phiền não si tương ưng với phiền não vô tàm.
Phiền não vô úy tương ưng với phiền não si và phiền não si tương ưng với phiền não vô úy.

Phiền não tham tương ưng với phiền não phóng dật và phiền não phóng dật tương ưng với phiền não tham.
Phiền não sân tương ưng với phiền não phóng dật và phiền não phóng dật tương ưng với phiền não sân.
Phiền não si tương ưng với phiền não phóng dật và phiền não phóng dật tương ưng với phiền não si.
Phiền não ngã mạn tương ưng với phiền não phóng dật và phiền não phóng dật tương ưng với phiền não ngã mạn.
Phiền não tà kiến tương ưng với phiền não phóng dật và phiền não phóng dật tương ưng với phiền não tà kiến.
Phiền não hoài nghi tương ưng với phiền não phóng dật và phiền não phóng dật tương ưng với phiền não hoài nghi.
Phiền não hôn trầm tương ưng với phiền não phóng dật và phiền não phóng dật tương ưng với phiền não hôn trầm.
Phiền não vô tàm tương ưng với phiền não phóng dật và phiền não phóng dật tương ưng với phiền não vô tàm.
Phiền não vô úy tương ưng với phiền não phóng dật và phiền não phóng dật tương ưng với phiền não vô úy.

Phiền não tham tương ưng với phiền não vô tàm và phiền não vô tàm tương ưng với phiền não tham.

Phiền não sân tương ưng với phiền não vô tàm và phiền não vô tàm tương ưng với phiền não sân.
Phiền não si tương ưng với phiền não vô tàm và phiền não vô tàm tương ưng với phiền não si.
Phiền não ngã mạn tương ưng với phiền não vô tàm và phiền não vô tàm tương ưng với phiền não ngã mạn.
Phiền não tà kiến tương ưng với phiền não vô tàm và phiền não vô tàm tương ưng với phiền não tà kiến.
Phiền não hoài nghi tương ưng với phiền não vô tàm và phiền não vô tàm tương ưng với phiền não hoài nghi.
Phiền não hôn trầm tương ưng với phiền não vô tàm và phiền não vô tàm tương ưng với phiền não hôn trầm.
Phiền não phóng dật tương ưng với phiền não vô tàm và phiền não vô tàm tương ưng với phiền não phóng dật.
Phiền não vô úy tương ưng với phiền não vô tàm và phiền não vô tàm tương ưng với phiền não vô úy.

Phiền não tham tương ưng với phiền não vô úy và phiền não vô úy tương ưng với phiền não tham.
Phiền não sân tương ưng với phiền não vô úy và phiền não vô úy tương ưng với phiền não sân.
Phiền não si tương ưng với phiền não vô úy và phiền não vô úy tương ưng với phiền não si.
Phiền não ngã mạn tương ưng với phiền não vô úy và phiền não vô úy tương ưng với phiền não ngã mạn.
Phiền não tà kiến tương ưng với phiền não vô úy và phiền não vô úy tương ưng với phiền não tà kiến.
Phiền não hoài nghi tương ưng với phiền não vô úy và phiền não vô úy tương ưng với phiền não hoài nghi.
Phiền não hôn trầm tương ưng với phiền não vô úy và phiền não vô úy tương ưng với phiền não hôn trầm.
Phiền não phóng dật tương ưng với phiền não vô úy và phiền não vô úy tương ưng với phiền não phóng dật.
Phiền não vô tàm tương ưng với phiền não vô úy và phiền não vô úy tương ưng với phiền não vô tàm.

Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền não tương ưng phiền não *(kilesa ceva dhammā kilesa sampayutta ca).*

- *Chư pháp **tương ưng phiền não mà phi phiền não** ra sao?* Những pháp tương ưng với pháp phiền não đó mà trừ ra phiền não tức là thọ uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng phiền não mà phi phiền não.

809.

- *Chư pháp **ly phiền não mà cảnh phiền não** ra sao?* Những pháp nào bất tương ưng phiền não đó tức là pháp thiện và pháp vô ký mà còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly phiền não mà cảnh phiền não.

- *Chư pháp **ly phiền não và phi cảnh phiền não** ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly phiền não và phi cảnh phiền não.

12) Phần yêu bối (*pitthiduka*).

810.

*Chư pháp **sơ đạo tuyệt trừ** ra sao?* Tam triền tức là thân kiến (triền), hoài nghi (triền) và giới cấm thủ (triền).

811.

*Trong tam triền đó mà **thân kiến (triền)** ra sao?*

Phàm phu trong đời này có kẻ thiếu học không đặng gặp bậc Thánh, không thông pháp của bậc Thánh, không tập rèn theo pháp của bậc Thánh, không gặp trí thức, chẳng thông pháp của trí thức, chẳng tập rèn theo pháp của trí thức. Nhận thấy sắc uẩn là ta, hoặc nhận thấy ta có sắc uẩn, nhận thấy sắc uẩn trong ta, nhận thấy ta trong sắc uẩn. Nhận thấy thọ uẩn… tưởng uẩn... hành uẩn… thức uẩn là ta, hoặc nhận thấy ta có thức uẩn, nhận thấy thức uẩn trong ta, nhận thấy ta trong thức uẩn.

Tà kiến tức là thiên kiến... cách tin dị đoan. Những trạng thái như thế gọi là thân kiến (triền).

812.

***Hoài nghi (triền)** trong khi có ra sao?* Hoài nghi Phật… sự sần sượng của tâm, sự tràn lan của tánh. Những trạng thái như thế gọi là hoài nghi (triền).

813.

***Giới cấm thủ (triền)** trong khi có ra sao?* Chúng ngoại giáo Sa-môn, Bà-la-môn nhận thấy sự trong sạch do giới, do tu hành, do thực hành trì giới mà có sự nhận thấy bằng tà kiến tức là thiên kiến, cách tin dị đoan. Những trạng thái như thế gọi là giới cấm thủ (triền).

814.

- *Chư pháp **sơ đạo tuyệt trừ** trong khi có ra sao?* Tam triền nói đây mà phiền não đồng y trụ với tam triền đó như là thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tam triền ấy luôn thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tam triền làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sơ đạo tuyệt trừ *(Dassanena pahātabbā dhammā).*
- *Chư pháp **phi sơ đạo tuyệt trừ** trong khi có ra sao?* Trừ ra pháp triền, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế, tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi sơ đạo tuyệt trừ.

815.

- *Chư pháp **ba đạo cao tuyệt trừ** là chi?* Tham, sân, si ngoài ra và phiền não đồng y trụ với tham, sân, si ấy, tức là thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tham, sân, si đó luôn thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tham, sân, si làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāya pahātabbā dhammā).*

- *Chư pháp **ba đạo cao không tuyệt trừ** là chi?* Trừ ra những pháp ba đạo cao tuyệt trừ, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ba đạo cao không tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabbā dhammā).*

816.

*Chư pháp **hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ** ra sao?* Tam triền tức là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ.

817.

*Trong tam triền đó mà **thân kiến (triền)** ra sao?*

Phàm phu trong đời này có kẻ thiếu học không đặng gặp bậc Thánh, không thông pháp của bậc Thánh, không tập rèn theo pháp của bậc Thánh, không gặp trí thức, thông pháp của trí thức, chẳng tập rèn theo pháp của trí thức.

Nhận thấy sắc uẩn là ta, hoặc nhận thấy ta có sắc uẩn, nhận thấy sắc uẩn trong ta, nhận thấy ta trong sắc uẩn. Nhận thấy thọ uẩn… tưởng uẩn... hành uẩn… thức uẩn là ta, hoặc nhận thấy ta có thức uẩn, nhận thấy thức uẩn trong ta, nhận thấy ta trong thức uẩn.

Tà kiến tức là thiên kiến... cách tin theo dị đoan. Những trạng thái như thế gọi là thân kiến (triền).

818.

***Hoài nghi** trong khi có ra sao?* Hoài nghi Phật… sự sần sượng của tâm, sự tràn lan của tánh. Những trạng thái như thế gọi là hoài nghi.

819.

***Giới cấm thủ** trong khi có ra sao?* Chúng ngoại giáo Sa-môn, Bà-la-môn nhận thấy sự trong sạch do giới, do tu hành, do thực hành trì giới mà có sự nhận thấy bằng cách tà kiến, thiên kiến, cách tin dị đoan. Những trạng thái như thế gọi là giới cấm thủ.

820.

- *Chư pháp **hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ** ra sao?* Tam triền như đã nói đây và phiền não đồng y trụ với tam triền đó, tức là thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tam triền ấy luôn thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tam triền làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

  Tam triền tức là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sơ đạo tuyệt trừ.

  Tham, sân, si đồng sanh y trụ nơi tam triền ấy. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

  Về phần phiền não đồng y trụ với tham, sân, si ấy như là thọ uẩn… thức uẩn tương ưng với tham, sân, si đó luôn thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tham, sân, si làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

- *Chư pháp **phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ** ra sao?* Trừ ra những pháp sơ đạo tuyệt trừ, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc

giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahatabba hetukā dhammā).*

821.

- *Chư pháp **hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ** ra sao?*

  Tham, sân, si ngoài ra. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(bhavanaya pahatabba dhammā).*

  Phần phiền não đồng nương với tham, sân, si đó như là thọ uẩn… thức uẩn mà tương ưng với tham, sân, si ấy luôn thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tham, sân, si làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.

- *Chư pháp **phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ** là chi?* Trừ ra những pháp ba đạo cao tuyệt trừ, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabba hetukā dhammā).*

822.

- *Chư pháp **hữu tầm** trong khi có ra sao?* Chỉ trừ tầm trong cõi hữu tầm là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn mà tương ưng với tầm đó. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu tầm *(savitakkā dhammā).*
- *Chư pháp **vô tầm** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn… thức uẩn trong cõi vô tầm, tức là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, siêu thế và tầm luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô tầm *(avitakkā).*

823.

- *Chư pháp **hữu tứ** trong khi có ra sao?* Chỉ trừ tứ trong cõi hữu tứ là Dục giới, Sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn mà tương ưng với tứ đó. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu tứ *(savicārā dhammā).*
- *Chư pháp **vô tứ** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn… thức uẩn trong cõi vô tứ, tức là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, siêu thế và tứ luôn tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô tứ *(avicārā dhammā).*

824.

- *Chư pháp **hữu hỷ** trong khi có ra sao?* Chỉ trừ pháp hỷ trong cõi hữu hỷ là Dục giới, Sắc giới và siêu thế, tức là thọ uẩn… thức uẩn mà tương ưng với pháp hỷ đó. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu hỷ *(sappītikā dhammā).*
- *Chư pháp **vô hỷ** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn… thức uẩn trong cõi vô hỷ là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, siêu thế và pháp hỷ luôn tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô hỷ *(appītikā dhammā).*

825.

- *Chư pháp **đồng sanh với pháp hỷ** ra sao?* Chỉ trừ pháp hỷ trong cõi hữu hỷ là Dục giới, Sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn mà tương ưng với pháp hỷ đó. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với pháp hỷ.

- *Chư pháp **không đồng sanh với pháp hỷ** ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn trong cõi vô hỷ tức là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, siêu thế và hỷ luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không đồng sanh với pháp hỷ *(na pītisahagatā dhammā).*

826.

- *Chư pháp **đồng sanh với lạc thọ** ra sao?* Chỉ trừ lạc thọ trong cõi hữu lạc là Dục giới, Sắc giới và siêu thế tức là tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn mà tương ưng với lạc thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với lạc thọ *(sukhasahagatā dhammā).*
- *Chư pháp **không đồng sanh với lạc thọ** ra sao?* Thọ uẩn… thức uẩn trong cõi vô lạc tức là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, siêu thế và lạc thọ luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không đồng sanh với lạc thọ.

827.

- *Chư pháp **đồng sanh với xả thọ** ra sao?* Chỉ trừ xả thọ trong cõi hữu xả thọ là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn mà tương ưng với xả thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với xả thọ *(upekha sahagata dhammā).*
- *Chư pháp **không đồng sanh với xả thọ** ra sao?* Thọ uẩn… thức uẩn trong cõi vô xả thọ là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, siêu thế và xả thọ luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không đồng sanh với xả thọ.

828.

- *Chư pháp **Dục giới** trong khi có ra sao?* Uẩn, xứ, giới, sắc, thọ, tưởng, hành, thức luân chuyển liên quan trong những cõi như vầy: Phía thấp tột đến địa ngục A tỳ, phía trên cao tột đến Tha hóa tự tại thiên. Những chơn tướng này gọi là chư pháp Dục giới *(kāmāvacarā dhammā).*
- *Chư pháp **phi Dục giới** trong khi có ra sao?* Tức là pháp Sắc giới, pháp Vô sắc giới và pháp siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi Dục giới.

829.

- *Chư pháp **Sắc giới** trong khi có ra sao?* Những pháp tức là tâm và sở hữu của bậc nhập thiền (thiền thiện) hay là của bậc hóa sanh (thiền quả), hay là của bậc an vui hiện đời (thiền tố). Những pháp này luân chuyển liên quan trong cõi ấy, phía dưới từ Phạm thiên, phía trên tột đến Sắc cứu cánh *(akaniṭṭhā).* Những chơn tướng này gọi là chư pháp Sắc giới.
- *Chư pháp **phi Sắc giới** trong khi có ra sao?* Pháp Dục giới, pháp Vô sắc giới và pháp siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi Sắc giới.

830.

- *Chư pháp **Vô sắc giới** trong khi có ra sao?* Những pháp tức là tâm và sở hữu của bậc nhập thiền (thiền thiện) hay của bậc hóa sanh (thiền quả), hay của bậc hưởng lạc hiện đời (thiền tố). Những pháp này luân chuyển liên quan trong cõi ấy, thấp từ Không vô biên, tột cao đến Phi tưởng phi phi tưởng. Những chơn tướng này gọi là chư pháp Vô sắc giới.

- *Chư pháp **phi Vô sắc giới** trong khi có ra sao?* Tức là pháp Dục giới, pháp Sắc giới và pháp siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi Vô sắc giới.

831.

- *Chư pháp **liên quan luân hồi** ra sao?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp liên quan luân hồi *(pariyāpannā dhammā).*
- *Chư pháp **bất liên quan luân hồi** ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất liên quan luân hồi *(apariyāpannā dhammā).*

832.

- *Chư pháp **nhân xuất luân hồi** ra sao?* Tức là bốn đạo siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhân xuất luân hồi *(niyyānikā dhammā).*
- *Chư pháp **phi nhân xuất luân hồi** ra sao?* Trừ ra pháp nhân xuất luân hồi, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân xuất luân hồi.

833.

- *Chư pháp **(cho quả) nhứt định** ra sao?* Ngũ nghiệp vô gián, tà kiến nhứt định và bốn đạo siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp (cho quả) nhứt định *(niyatā).*
- *Chư pháp **phi (cho quả) nhứt định** ra sao?* Trừ ra pháp nhứt định, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi (cho quả) nhứt định.

834.

- *Chư pháp **hữu thượng** là chi?* Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn… thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu thượng *(sa uttarā).*
- *Chư pháp **vô thượng** ra sao?* Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô thượng *(anuttarā dhammā).*

835.

- *Chư pháp **hữu y** trong khi có ra sao?* Ba căn bất thiện là tham, sân, si và phiền não đồng y trụ với căn bất thiện tức là thọ uẩn… thức uẩn mà tương ưng với căn bất thiện luôn thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có căn bất thiện làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu y *(saraṇā dhammā).*
- *Chư pháp **vô y** trong khi có ra sao?* Pháp thiện và pháp vô ký nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn… thức uẩn, luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô y *(araṇā).*

III. TOÁT YẾU NHỊ ĐỀ KINH *(Suttantamātikā)*

836.

- *Tất cả pháp **phe đảng minh** ra sao?* Tất cả pháp tương ưng với minh. Những chơn tướng này gọi là tất cả pháp phe đảng minh *(vijjābhāgino dhammā).*
- *Tất cả pháp **phe đảng vô minh** trong khi có ra sao?* Tất cả pháp tương ưng với vô minh. Những chơn tướng này gọi là tất cả pháp phe đảng vô minh *(avijjābhāgino dhammā).*

837.

- *Tất cả pháp **như điển** (chớp) ra sao?* Tức là trí tuệ trong 3 Thánh đạo thấp. Những chơn tướng này gọi là tất cả pháp như điển (chớp) *(vijiuppamā dhammā).*
- *Tất cả **pháp như lôi (sấm)** ra sao?* Trí tuệ trong đạo cao tức là La Hán đạo. Những chơn tướng này gọi là tất cả pháp như lôi (sấm) *(avijirūpamā dhammā).*

838.

- *Tất cả pháp **tiểu nhân** ra sao?* Vô tàm và vô úy. Những chơn tướng này gọi là tất cả pháp tiểu nhân *(bālā dhammā).*
- *Tất cả pháp **quân tử** trong khi có ra sao?* Tàm và úy. Những chơn tướng này gọi là chư pháp quân tử *(paṇdita dhammā).*

  Tất cả pháp thiện đều là pháp quân tử *(paṇditā dhammā).*

839.

- *Tất cả pháp **hắc** trong khi có ra sao?* Vô tàm và vô úy. Những chơn tướng này gọi là tất cả pháp hắc *(kaṇhā dhammā).*

  Tất cả pháp bất thiện sắp về pháp hắc *(kaṇhā dhammā).*
- *Tất cả pháp **bạch** trong khi có ra sao?* Tàm và úy. Những chơn tướng này gọi là tất cả pháp bạch *(sukkhā dhammā).*

  Tất cả pháp thiện sắp về pháp bạch *(sukkhā dhammā).*

840.

- *Tất cả pháp **viêm** trong khi có ra sao?* Thân ác, khẩu ác, ý ác. Những chơn tướng này gọi là pháp viêm *(tapaniyā dhammā).*

  Tất cả pháp bất thiện sắp về pháp viêm *(tapaniyā dhammā).*
- *Tất cả pháp **vô viêm** trong khi có ra sao?* Thân thiện, khẩu thiện, ý thiện. Những chơn tướng này gọi là tất cả pháp vô viêm *(atapaniyā dhammā).*

  Tất cả pháp thiện sắp về pháp vô viêm *(atapaniyā dhammā).*

841.

- *Tất cả pháp **chơn tướng thành ra danh** ra sao?* Nhắc việc đồn đãi, xưng danh, định đặt, ngôn ngữ, danh, bí danh, tên đặt, tên xưng, đích danh, gọi tên. Những chơn tướng này gọi là tất cả pháp chơn tướng thành ra danh *(adhivacanā dhammā).*

- *Tất cả pháp **chơn tướng nhân trình bày ra danh** như thế nào?* Tất cả pháp gọi là pháp chơn tướng nhân trình bày ra danh *(adhivacanapathā dhammā).*

842.

*Tất cả pháp **chơn tướng ngữ ngôn** ra sao?* Nhắc việc đồn đãi, xưng danh, định đặt, ngôn ngữ, danh, bí danh, tên đặt, tên xưng, đích danh, gọi tên. Những chơn tướng này gọi là chư pháp chơn tướng ngữ ngôn *(niruti dhammā).*

Tất cả pháp gọi là pháp chơn tướng nhân trình bày ra ngữ ngôn *(nirutipathā dhammā).*

843.

- *Tất cả pháp **chơn tướng thinh danh chế định** ra sao?* Nhắc việc đồn đãi, xưng danh, định đặt, ngôn ngữ, danh, bí danh, tên đặt, tên xưng, đích danh, gọi tên. Những chơn tướng này gọi là pháp chơn tướng thinh danh chế định *(paññatti dhammā).*
- *Tất cả pháp **chơn tướng nhân hiện bày thinh danh chế định** trong khi có ra sao?* Tất cả pháp gọi là pháp chơn tướng nhân hiện bày thinh danh chế định *(paññā - ttipathā dhammā).*

844.

- *Tất cả **danh pháp** là chi?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn và vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là tất cả danh pháp *(namā dhammā).*
- *Tất cả **sắc pháp** là chi?* Sắc tứ đại sung và sắc y sinh. Những chơn tướng này gọi là sắc pháp *(rūpa dhammā).*

845.

- ***Vô minh** đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như then chốt, si là căn bất thiện. Dù thế nào đây gọi là vô minh *(avijjā).*
- ***Hữu ái** đó ra sao?* Sự vừa lòng trong kiếp sống… sự trầm miếng trong những kiếp sống. Dù thế nào đây gọi là hữu ái *(bhavataṅhā).*

846.

- ***Hữu kiến** đó ra sao?* Sự nhận thấy rằng ta và vũ trụ sẽ sanh, chính sự nhận thức như đây là tà kiến, thiên kiến… lối chấp theo dị đoan. Dù thế nào đây gọi là hữu kiến *(bhavadiṭṭhi).*
- ***Ly hữu kiến** trong khi có ra sao?* Sự nhận thấy rằng ta và vũ trụ sẽ không sanh, chính sự nhận thức như đây là tà kiến, thiên kiến… lối chấp theo dị đoan. Dù thế nào đây gọi là ly hữu kiến *(vibhavadiṭṭhi).*

847.

- ***Thường kiến** là chi?* Sự nhận thấy rằng ta và vũ trụ trường tồn, chính sự nhận thức như đây là tà kiến, thiên kiến… lối chấp theo dị đoan. Dù thế nào đây gọi là thường kiến *(sassatadiṭṭhi).*
- ***Đoạn kiến** là chi?* Sự nhận thấy rằng ta và vũ trụ sẽ tiêu mất, chính sự nhận thức như đây là tà kiến, thiên kiến… cách chấp theo dị đoan. Dù thế nào đây gọi là đoạn kiến *(ucchedadiṭṭhi).*

848.

- ***Cùng tận kiến*** *(hữu biên kiến) ra sao?* Sự nhận thấy rằng ta và vũ trụ có chỗ cùng tột, chính sự nhận thức này là tà kiến, thiên kiến… cách chấp theo dị đoan. Dù thế nào đây gọi là cùng tận kiến *(antavādiṭṭhi).*
- ***Vô cùng tận kiến*** *(vô biên kiến) ra sao?* Sự nhận thấy rằng ta và vũ trụ không cùng không tột, chính sự nhận thấy như đây là tà kiến, thiên kiến… cách chấp theo dị đoan. Dù thế nào đây gọi là vô cùng tận kiến *(anantavādiṭṭhi).*

849.

- ***Hữu tiền kiến*** *là chi?* Sự nhận thức theo lối tà kiến, thiên kiến… cách chấp theo dị đoan mở mối phần quá khứ phát sanh. Dù thế nào đây gọi là hữu tiền kiến *(pubbantanuditthi).*
- ***Hữu hậu kiến*** *là chi?* Sự nhận thức bằng cách tà kiến, thiên kiến… cách chấp theo dị đoan mở mối phần vị trí sanh ra. Dù thế nào đây gọi là hữu hậu kiến *(aparantanudiṭṭhi).*

850.

- ***Vô tàm*** *trong khi có ra sao?* Thái độ không hổ thẹn với cách làm ác xấu mà đáng hổ thẹn, không hổ thẹn với tất cả pháp tội ác. Dù thế nào đây gọi là vô tàm *(ahirika).*
- ***Vô úy*** *trong khi có ra sao?* Thái độ không ghê sợ với cách hành động ác xấu mà đáng ghê sợ, không ghê sợ với tất cả pháp tội ác. Dù thế nào đây gọi là vô úy *(anottappa).*

851.

- ***Tàm*** *trong khi có ra sao?* Thái độ hổ thẹn với cách làm ác đáng nên hổ thẹn và hổ thẹn với cách hợp tất cả pháp tội ác. Dù thế nào đây gọi là tàm.
- ***Úy*** *trong khi có ra sao?* Thái độ ghê sợ với cách làm ác đáng ghê sợ và ghê sợ với những pháp tội ác. Dù thế nào đây gọi là úy *(ottappa).*

852.

- ***Nan giáo*** *trong khi có ra sao?* Thái độ khó nói, khó dạy, khó sửa, lập trường chống đối, ưa lối biện bác, sự không dung hòa, chẳng nhận thấy theo, không cung kỉnh, chẳng nghe lời trong khi bị nhắc pháp tự chế. Dù thế nào đây gọi là nan giáo *(dovacassatā).*
- ***Ác hữu*** *trong khi có ra sao?* Những kẻ nào không đức tin, không trì giới, xiển trí, thiếu học, có sự bỏn xẻn mà hội họp, tụ tập, kết giao, gặp gỡ, sùng tín cho đến quá thương kỉnh với người đó, cả thân tâm chiều theo người đó. Dù thế nào đây gọi là ác hữu *(pāpamittatā).*

853.

- ***Người dễ dạy*** *(dị giáo) trong khi có ra sao?* Thái độ của người dễ nói, dễ dạy, dễ sửa, lập trường không chống đối, không biện bác phản đối, có dung hòa, đang nhận thấy theo, có sự cung kỉnh, dễ nghe lời dạy không khi nào bị nhắc bằng pháp tự chế. Dù thế nào đây gọi là dị giáo *(sovacassata).*
- ***Người có thiện hữu*** *ra sao?* Người nào là bậc có đức tin, trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ mà hiệp hội, tụ tập, kết giao, tìm gặp gỡ, sùng tín, cho đến quá thương kỉnh, tin cậy với người đó và đem thân tâm chiều chuộng theo người đó. Dù thế nào đây gọi là người có thiện hữu *(kalvāṇamittatā).*

854.

- ***Tri quá** ra sao?* Sai với ngũ thiên thất tụ (luật) gọi là phạm, người có trí hiểu rành… không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến, làm nhân rành rẽ sự sai phạm của mỗi tất cả. Dù thế nào đây gọi là tri quá *(āpattikusalatā).*
- ***Tri ly quá** là chi?* Người có trí, thái độ biết rành… sự không mê mờ, có cách trạch pháp do chánh kiến làm nhân biết rành xuất những tội ấy. Dù thế nào đây gọi là tri ly quá *(āpatti-vuṭṭhānakusalatā).*

855.

- ***Rành nhập thiền** ra sao?* Nhập thiền có tầm tứ, nhập thiền không tầm còn tứ và nhập thiền không tầm không tứ, phải là người có trí, thái độ hiểu rành… sự không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến làm nhân biết rành cách nhập thiền trong các cách nhập đó. Dù thế nào đây gọi là rành nhập thiền *(samāpattikusalatā).*
- ***Tri xuất thiền** ra sao?* Sáng kiến biết rành… sự không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến làm nhân rành những cách xuất thiền. Dù thế nào, đây gọi là tri xuất thiền *(samāpatti-vuṭṭhānakusalatā).*

856.

- ***Rành thập bát giới** ra sao?* Thập bát giới là: Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thinh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, khí giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới.

  Trí tuệ hiểu rành… không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến làm nhân hiểu rành tất cả giới. Dù thế nào, đây gọi là rành thập bát giới *(dhātukusalatā).*
- ***Hiểu rành tác ý khéo** ra sao?* Trí tuệ, thái độ biết rành… không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến làm nhân, hiểu rành trong cách xét rõ những giới. Dù thế nào đây gọi là hiểu rành tác ý khéo *(manasikāra kusalatā).*

857.

- ***Hiểu rành xứ** ra sao?*

  Thập nhị xứ là: Nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thinh xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ.

  Trí tuệ, thái độ biết rành… sự không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến làm nhân biết rành tất cả xứ. Dù thế nào đây gọi là hiểu rành xứ *(āyatana kusalatā).*
- ***Hiểu rành y tương sinh** ra sao?* Y tương sanh là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên sanh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, tử, sầu, khóc, khổ, ưu, ai. Tất cả khổ sanh ra đều do như thế này, bậc trí tuệ có sự biết rành… không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến, rành y tương sinh. Dù thế nào đây gọi là hiểu rành y tương sinh *(paṭiccasamupāda kusalatā).*

858.

- ***Hiểu rành vị trí** ra sao?* Những pháp làm duyên trợ cho pháp khác sanh, các trạng thái ấy gọi là vị trí *(thāna)*. Bậc trí tuệ có thái độ hiểu rành… không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến, rành vị trí. Dù thế nào đây gọi là hiểu rành vị trí *(thānakusalatā).*

- ***Rành phi vị trí*** *ra sao?* Những pháp không phải làm duyên trợ cho pháp khác sanh ra. Những trạng thái ấy gọi là phi vị trí. Bậc trí tuệ có thái độ hiểu rành… không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến, rành phi vị trí. Dù thế nào đây gọi là rành phi vị trí *(aṭṭhāna kusalatā).*

859.

- ***Chánh trực*** *trong khi có ra sao?* Sự chơn thật không cong, không vạy vọ, không xảo trá, không quỷ quyệt. Dù thế nào đây gọi là chánh trực *(ājjavo).*
- ***Nhu nhược*** *trong khi có ra sao?* Sự mềm dịu, sự nhu hòa, không can cường, không cường ngạnh, tâm khiêm nhượng. Dù thế nào đây gọi là nhu nhược *(maddavo).*

860.

- ***Nhẫn nại*** *trong khi có ra sao?* Sự nhịn nhục, thái độ nhịn nhục, tự đè nén, cách không dữ dằn, miệng không ác xấu, tâm hoan hỷ. Dù thế nào đây gọi là nhẫn nại *(khanti).*
- ***Nghiêm tịnh*** *trong khi có ra sao?* Không hiện thô thân, không quá lời thô lỗ, không phát hiện thân tâm thô ác. Dù thế nào đây gọi là nghiêm tịnh *(soraccaṃ).*

861.

- ***Cam ngôn mỹ từ*** *trong khi có ra sao?* Chừa những lời nói nào gai góc, gút mắt, gay gắt, xiên xỏ người khác để làm cho giận hờn không yên ổn, chỉ nói những lời không lõi, thích tai, vừa lòng, danh từ nhiều người trong xứ ưa thích, nói những cách ấy lời suốt thao thao không thô lỗ, thành người cam ngôn mỹ từ. Dù thế nào đây gọi là cam ngôn mỹ từ *(sākhalyaṃ).*
- ***Tiếp đãi*** *trong khi có ra sao?* Tiếp đãi có hai cách: Một là tiếp đãi vật chất, hai là tiếp đãi pháp. Cũng có người trong đời này thành người tiếp đãi, hoặc tiếp đãi bằng vật chất, hoặc tiếp đãi bằng pháp. Theo đây gọi là tiếp đãi *(patisantharo).*

862.

- ***Người không thu thúc lục môn quyền*** *ra sao?*

  Có người trong đời này hoặc thấy sắc bằng con mắt rồi chấp tướng, chấp theo hình thể, cho nên những tội ác tham, sân, si mới chi phối những người không thu thúc nhãn quyền ấy, do vì không thu thúc nhãn quyền mới không tu tập để thu thúc nhãn quyền, chẳng gìn giữ nhãn quyền, do đó mới không đặng gọi là thu thúc nhãn quyền.

  Nghe tiếng bằng lỗ tai… ngửi hơi bằng mũi… nếm vị bằng lưỡi… đụng chạm cảnh xúc bằng thân… biết cảnh pháp bằng tâm… rồi chấp theo tướng, chấp theo hình thức nên những tội ác tham, sân, si mới chi phối những người không thu thúc ý quyền ấy. Cũng do không thu thúc ý quyền, chẳng thực hành để thu thúc ý quyền, không gìn giữ ý quyền mới không thành tựu thu thúc ý quyền vậy.

  Sự không bảo hộ, cách không bảo hộ, thái độ không bảo hộ, cách không thu thúc lục quyền như thế. Đây gọi là người không thu thúc lục môn quyền *(indriyesu aguttadvāratā).*

- ***Người không độ lượng vật thực*** *ra sao?* Có người trong đời này tác ý không khéo cho rằng ăn vật thực để chơi bời, để mê mẩn, để cho có sắc đẹp, đặng mập mạp. Như thế là

người không tri túc, không biết độ thực, chẳng khéo suy xét với vật thực. Như thế gọi là người không độ lượng vật thực *(bhojame amattaññutā).*

863.

- ***Người thu thúc lục môn quyền*** *ra sao?*

  Cũng có người trong đời này thấy sắc bằng con mắt rồi không chấp tướng, không chấp theo hình thể, cho nên những tội ác tham, sân, si không bị chi phối. Những người thu thúc nhãn quyền ấy, do nhờ thu thúc nhãn quyền mới tu tập để thu thúc nhãn quyền, gìn giữ nhãn quyền đó mới thành tựu người thu thúc nhãn quyền.

  Đặng nghe tiếng bằng tai… ngửi hơi bằng mũi… nếm vị bằng lưỡi… đụng cảnh xúc bằng thân… biết cảnh pháp bằng tâm, rồi không chấp theo tướng, không chấp theo hình thể, cho nên những tội ác tham, sân si không chi phối những người thu thúc ý quyền ấy. Cũng do nhờ thu thúc ý quyền rồi giữ gìn ý quyền mới thành tựu cách thu thúc ý quyền. Sự bảo hộ, cách bảo hộ, thái độ bảo hộ, cách thu thúc lục môn quyền như thế. Đây gọi là người thu thúc lục môn quyền *(indriyesu guttadvaratā).*

- ***Người tri độ thực*** *ra sao?* Có người trong đời này suy xét khéo léo cho rằng vật thực ăn chẳng phải để chơi, ăn chẳng phải để say mê, ăn chẳng phải để trau dồi sắc đẹp, ăn chẳng phải để giúp cho mập mạp, mà chỉ cần ăn để sống hầu còn sanh mạng, (ta) ăn để hạn chế sự đói trợ phạm hạnh, do nhờ phương tiện này (ta) sẽ hạn chế sự chịu khổ từng đói và không chịu khổ mới sẽ đặng sống vững vàng tạo sự không có lỗi và nhờ đó mà có cách sống an vui sẽ có đến cho ta, suy nghĩ như thế rồi mới độ vật thực. Sự tri túc, sự tri độ thực, cách suy xét trong vật thực đó. Dù thế nào đây gọi là người tri độ thực *(bhojane mattaññutā).*

864.

- ***Thất niệm*** *trong khi có ra sao?* Sự nhớ không đặng, phụ niệm không đặng, không nhớ lại, nhớ ghi không đặng, cử chỉ nhớ không đặng, sự lướt đời, sự lẫn lộn. Dù thế nào đây gọi là thất niệm *(mutthasacca).*

- ***Quên mình*** *trong khi có ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như then chốt đóng, si là căn bất thiện. Dù thế nào đây gọi là quên mình *(asampajjañña).*

865.

- ***Chánh niệm*** *trong khi có ra sao?* Chánh niệm, phụ niệm, nhớ lại, nhớ đặng, thái độ nhớ đặng, sự vẫn nhớ, không lướt đời, sự không quên, cũng gọi là niệm, niệm quyền, niệm lực, chánh niệm. Đây gọi là chánh niệm.

- ***Lương tri*** *trong khi có ra sao?* Trí tuệ, thái độ hiểu rõ… sự không mê, cách không mê, cách trạch pháp và chánh kiến. Đây gọi là lương tri *(sampajjañña).*

866.

- ***Sức kiểm lại*** *là chi?* Trí tuệ, thái độ biết rõ… sự không mê mờ, sự trạch pháp và chánh kiến. Đây gọi là sức kiểm lại *(paṭisankhānabalam).*

- ***Tu tiến lực*** *là chi?* Cách giao dịch, cách tu tiến, cách làm cho nhiều những pháp thiện. Đây gọi là tu tiến lực *(bhavanabalam).*

867.

- ***Chỉ*** *trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm… chánh định. Đây gọi là chỉ *(samatha).*
- ***Quán*** *trong khi có ra sao?* Trí tuệ, thái độ hiểu rõ… sự không mê mờ, sự trạch pháp và chánh kiến. Đây gọi là quán *(vipassanā).*

868.

- ***Ấn chứng chỉ*** *trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm… chánh định. Đây gọi là ấn chứng chỉ *(samatha nimitta).*
- ***Ấn chứng tinh tấn*** *trong khi có ra sao?* Cách mở mối cho tâm tinh tấn… chánh tinh tấn. Đây gọi là ấn chứng tinh tấn *(paggāhanimitta).*

869.

- ***Chiếu cố*** *trong khi có ra sao?* Cách mở mối cho tâm tinh tấn… chánh tinh tấn. Đây gọi là chiếu cố *(paggāho).*
- ***Vô phóng dật*** *trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm… chánh định. Đây gọi là vô phóng dật *(avikkhepo).*

870.

- ***Giới trụy*** *là chi?* Thân phạm, khẩu phạm hay thân và khẩu phạm. Những cách như thế gọi là giới trụy *(sīlavipatti).*

  Dù khuyết những giới nào đều sắp về giới trụy *(sīlavipatti).*
- ***Kiến trụy*** *là chi?* Như là nhận thấy rằng bố thí rồi không có quả phước, cúng dường rồi cũng không có quả phước, sự cúng cầu Thần Thánh chư thiên đều không có quả phước. Quả của nghiệp làm tốt đặng tốt, quả của nghiệp làm xấu bị xấu cũng không có. Đời này không có, đời khác cũng không có. Cha không phải là cha, mẹ không phải là mẹ. Chúng sanh chết và hóa sanh cũng chẳng có. Sa-môn, Bà-la-môn thực hành tốt đẹp chơn chánh phạm hạnh trong đời cũng không có. Sa-môn, Bà-la-môn tu hành đặng biết rõ đời này và đời khác bằng cách tu tuệ cao rồi tuyên bố cho người khác biết cũng không có trong đời. Dù nhận thấy bằng cách sai lạc, bằng cách thiên kiến… chấp theo dị đoan. Những cách như thế gọi là kiến trụy *(diṭṭhivipatti).*

  Tất cả tà kiến đều sắp về kiến trụy *(diṭṭhivipatti).*

871.

- ***Mãn túc giới*** *trong khi có ra sao?* Thân không phạm, khẩu không phạm, thân và khẩu không phạm. Đây gọi là mãn túc giới *(sīlasampadā).*

  Giới thu thúc tất cả gọi là mãn túc giới *(sīlasampadā).*
- ***Mãn túc kiến*** *trong khi có ra sao?* Sự nhận thấy rằng người bố thí vẫn có quả phúc, cách cúng dường vẫn có quả phước, sự cúng cầu Thần Thánh chư thiên đều có quả phước. Nghiệp làm tốt hay xấu đều có kết quả. Đời này vẫn có, đời khác cũng có. Cha thật là cha, mẹ thật là mẹ. Chúng sanh chết và hóa sanh vẫn có. Sa-môn, Bà-la-môn thực hành phạm hạnh chơn chánh tốt đẹp vẫn có trong đời này và đời khác bằng tự trí tuệ cao siêu rồi bố cáo cho người khác biết vẫn có trong đời. Bậc trí tuệ có cách hiểu rõ… không mê mờ, sẵn trạch pháp, có chánh kiến. Những trạng thái như thế gọi là mãn túc kiến *(diṭṭhisampadā).*

Tất cả chánh kiến đều sắp thành mãn túc kiến *(ditthisampada).*

872.

- ***Tịnh giới** trong khi có ra sao?* Thân không phạm, khẩu không phạm, thân và khẩu đều không phạm. Đây gọi là tịnh giới *(sīlavisuddhi).*

  Tất cả giới thu thúc đều sắp là tịnh giới *(sīlavisuddhi).*

- ***Tịnh kiến** trong khi có ra sao?* Tuệ tri tự nghiệp, tuệ thuận tùng đế, tuệ đạo và tuệ quả (siêu thế).

873.

- Câu nói: *"tịnh kiến"* có giải như vầy: tuệ, cách hiểu rõ… sự không mê mờ, cách trạch pháp và chánh kiến.
- Câu nói: "*Sự tinh tấn của người có đủ tri kiến trong sạch đó*" có giải như vầy: Cách mở mối cho tâm tinh tấn… chánh tinh tấn.

874.

- Câu nói: "*Sự thê thảm tâm đó*" có giải như vầy: Tuệ thấy cái sanh bằng lối hoạn họa, tuệ thấy cái già bằng lối hoạn họa, tuệ thấy cái đau bằng lối hoạn họa, tuệ thấy cái chết bằng lối hoạn họa.
- Câu nói: "*Sở y thê thảm của tâm*" có giải như vầy: Tức là sanh, lão, bệnh, tử.
- Câu nói: "*Sự đã khéo tinh tấn của người có tâm thê thảm*" có giải như vầy: Phíc khú trong Tông giáo này vẫn bảo vệ tâm vững vàng, ưa thích.

  Muốn cho trừ cần phát sanh hầu tuyệt trừ những tội ác đã từng sanh.
  Muốn cho thận cần phát sanh hầu ngăn ngừa những pháp tội ác chưa từng sanh không đặng sanh.
  Muốn cho tu cần phát sanh hầu trau dồi những pháp thiện chưa từng sanh đặng sanh.
  Muốn cho bảo cần phát sanh hầu duy trì những pháp thiện đã từng sanh càng tăng thêm không giảm bớt, tiến hóa đầy đủ rộng rãi.

875.

- Câu nói: "*Sự không biết no trong pháp thiện*" có giải như vầy: cách càng rất ưa thích của người không biết no trong sự tu tiến tất cả pháp thiện.
- Câu nói: "*Không lui sụt tinh tấn*" có giải như vầy: thái độ cung kỉnh, hành vi liên lạc, làm không nghĩ ngợi, phẩm hạnh không giảm thiểu, chẳng bỏ sự thích hợp, không tránh phận sự tư cách kết giao, sự tiến triển càng làm nhiều hầu tu tiến tất cả pháp thiện.

876.

Tiếng gọi minh có giải như vầy: Tam minh tức là túc mạng minh, sanh tử minh và lậu tận minh.

Câu nói: "*Giải thoát*" có giải như vầy: Nhị giải thoát là sự rảnh rang của tâm (bát thiền) và níp-bàn.

877.

Câu nói "*tuệ trong phần tuyệt*" tức là tuệ đạo.

Câu nói "*Tuệ sanh theo*" tức là tuệ đang hiệp với quả siêu thế.

Dứt nhị đề kinh và dứt tập toát yếu (nikkhepakanda).

Phần E. THIÊN TRÍCH YẾU ĐẦU ĐỀ TAM VÀ ĐẦU ĐỀ NHỊ

I. ĐẦU ĐỀ TAM

878.

- *Chư pháp **thiện** trong khi có ra sao?* Thiện trong 4 cõi. Những chơn tướng này gọi là chư pháp thiện *(kusalā dhammā).*
- *Chư pháp **bất thiện** trong khi có ra sao?* 12 tâm bất thiện hiện hành. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất thiện.
- *Chư pháp **vô ký** trong khi có ra sao?* Dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố *(kiriyā)* trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô ký.

879.

- *Chư pháp **tương ưng lạc thọ** ra sao?* Tâm đồng sanh với lạc thọ, 4 thứ tâm thiện Dục giới, 4 thứ tâm bất thiện, tâm dị thục quả thiện Dục giới và tâm tố mỗi phần 5 thứ. Ba bậc thiền hoặc 4 bậc thiền Sắc giới thiện, dị thục quả và tố *(kiriyā).* Ba bậc thiền hoặc 4 bậc thiền siêu thế thiện và dị thục quả trừ lạc đồng sanh với những tâm này. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng lạc thọ.
- *Chư pháp **tương ưng khổ thọ** ra sao?* Tâm đồng sanh với ưu thọ: 2 thứ và thân thức đồng sanh với khổ thọ mà trừ khổ thọ đồng sanh với tâm ấy. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng khổ thọ.
- *Chư pháp **đồng sanh với phi khổ phi lạc thọ** ra sao?* Tâm đồng sanh với xả thọ: Thiện Dục giới 4 thứ, bất thiện 6 thứ, dị thục quả thiện Dục giới 10 thứ, dị thục quả bất thiện 6 thứ, tâm tố *(kiriyā)* 6 thứ; tứ thiền Sắc giới: Thiện, dị thục quả và tố; 4 thứ tâm thiện, dị thục quả và tố Vô sắc giới; tứ thiền siêu thế: Thiện và quả mà trừ ra phi khổ phi lạc thọ sanh với những tâm ấy. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với phi khổ phi lạc thọ.

  Cả 3 thọ, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này không thể gọi là pháp tương ưng lạc thọ, pháp tương ưng khổ thọ và pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ.

880.

- *Chư pháp **dị thục quả** trong khi có ra sao?* Tâm dị thục quả trong 4 cõi. Những chơn tướng này gọi là chư pháp dị thục quả.
- *Chư pháp **dị thục nhân** trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện và thiện trong 4 cõi. Những chơn tướng này gọi là chư pháp dị thục nhân.
- *Chư pháp **phi dị thục quả phi dị thục nhân** ra sao?* Tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân.

881.

- *Chư pháp **thành do thủ và cảnh thủ** ra sao?* Tâm dị thục quả trong 3 cõi và sắc nghiệp tạo. Những chơn tướng này gọi là chư pháp thành do thủ và cảnh thủ.
- *Chư pháp **phi thành do thủ mà cảnh thủ** ra sao?* Bất thiện và thiện trong 3 cõi, vô ký tố trong 3 cõi và sắc phi nghiệp tạo. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi thành do thủ mà cảnh thủ.

- *Chư pháp **phi thành do thủ và phi cảnh thủ** ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi thành do thủ và phi cảnh thủ.

882.

- *Chư pháp **phiền toái và cảnh phiền não** ra sao?* 12 tâm bất thiện sanh ra. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền toái và cảnh phiền não.
- *Chư pháp **phi phiền toái mà cảnh phiền não** ra sao?* Tâm thiện trong 3 cõi, tâm dị thục quả trong 3 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phiền toái mà cảnh phiền não.
- *Chư pháp **phi phiền toái và phi cảnh phiền não** ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phiền toái và phi cảnh phiền não.

883.

- *Chư pháp **hữu tầm hữu tứ** trong khi có ra sao?* Bất thiện và thiện Dục giới, 11 tâm quả thiện Dục giới, 2 tâm quả bất thiện, 11 tâm tố *(kirayā);* sơ thiền Sắc giới: Thiện, dị thục quả và tố; sơ thiền siêu thế: Thiện, dị thục quả (trừ tầm và tứ sanh trong những tâm ấy). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu tầm hữu tứ.
- *Chư pháp **vô tầm hữu tứ** ra sao?* Nhị thiền Sắc giới sắp theo 5 bậc: Thiện, dị thục quả và tố. Nhị thiền siêu thế sắp theo 5 bậc: Thiện và dị thục quả (trừ tứ) trong những tâm sanh ấy. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô tầm hữu tứ.
- *Chư pháp **vô tầm vô tứ** trong khi có ra sao?* Ngũ song thức, thiện, dị thục quả và tâm tố tam thiền Sắc giới sắp lên; thiện, dị thục quả và tố Vô sắc giới; thiện, dị thục quả siêu thế tam thiền sắp lên, sắc pháp, níp-bàn và lấy lại tứ trong nhị thiền nếu sắp theo 5 bậc.

  Tứ trong nhị thiền sắp theo 5 bậc; tứ sanh với tầm không thể nói hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ cũng không thể nói đặng.

884.

- *Chư pháp **đồng sanh với pháp hỷ** ra sao?* Tâm đồng sanh với hỷ thọ, 4 tâm thiện Dục giới, 4 tâm bất thiện, 5 tâm quả thiện Dục giới, 5 tâm tố. Thiền 2 bậc hoặc 3 bậc thiện, dị thục quả và tố Sắc giới. Thiền 2 bậc hoặc 3 bậc thiện và dị thục quả siêu thế (trừ pháp hỷ sanh chung với những tâm ấy). Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với pháp hỷ.
- *Chư pháp **đồng sanh với lạc thọ** ra sao?* Tâm đồng sanh với lạc thọ: 4 thứ tâm thiện Dục giới, 4 thứ tâm bất thiện, tâm dị thục quả thiện Dục giới và tâm tố (mỗi phần 5 thứ), 3 bậc hoặc 4 bậc thiền Sắc giới thiện, dị thục quả và tố. 3 bậc hoặc 4 bậc thiền siêu thế, thiện, dị thục quả (trừ lạc đồng sanh với những tâm này). Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với lạc thọ.
- *Chư pháp **đồng sanh với xả thọ** ra sao?* Tâm đồng sanh với xả thọ:

  Thiện Dục giới 4 thứ, bất thiện 6 thứ, dị thục quả thiện Dục giới 10 thứ, dị thục quả bất thiện 6 thứ, tâm tố 6 thứ.
  Tứ thiền thiện, dị thục quả và tố sắc giới.
  4 thứ tâm thiện, dị thục quả và tố Vô sắc giới.
  Tứ thiền siêu thế thiện và dị thục quả trừ phi khổ phi lạc thọ sanh với những tâm ấy.

Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với xả thọ.

Pháp hỷ không đồng sanh với pháp hỷ mà đồng sanh với hỷ thọ chớ không đồng sanh với xả thọ.

Lạc thọ không đồng sanh với lạc thọ mà đồng sanh với pháp hỷ và xả thọ cũng không đồng sanh với pháp hỷ.

Hai thứ tâm đồng sanh với ưu thọ, thân thức đồng sanh với khổ thọ, xả thọ, sắc pháp và níp-bàn. Những pháp này không thể nói đồng sanh với lạc thọ và cũng không thể nói đồng sanh với xả thọ.

885.

- *Chư pháp **sơ đạo tuyệt trừ** ra sao?* 4 thứ tâm sanh tương ưng với tà kiến và tâm đồng sanh với hoài nghi. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sơ đạo tuyệt trừ.
- *Chư pháp **ba đạo cao tuyệt trừ** ra sao?* Tâm đồng sanh với phóng dật; còn những 4 tâm tham bất tương ưng, 2 tâm sân và 2 tâm đồng sanh ưu thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và sơ đạo cũng tuyệt trừ.
- *Chư pháp **sơ đạo và ba đạo cao không tuyệt trừ** ra sao?* Thiện và dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sơ đạo và ba đạo cao không tuyệt trừ.

886.

- *Chư pháp **hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ** ra sao?* 4 thứ tâm tương ưng tà kiến, tâm đồng sanh với hoài nghi (trừ si hiệp với tâm si ấy). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.
- *Chư pháp **hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ** ra sao?*

  Tâm đồng sanh với phóng dật (trừ si). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.

  4 tâm tham bất tương ưng, 2 tâm sân đồng sanh với ưu thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
- *Chư pháp **phi hữu nhân sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ** trong khi có ra sao?* Si đồng sanh với hoài nghi, si đồng sanh với phóng dật, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi hữu nhân sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.

887.

- *Chư pháp **nhân sanh tử** ra sao?* Bất thiện và thiện trong 3 cõi. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhân sanh tử.
- *Chư pháp **nhân đến níp-bàn** ra sao?* 4 đạo siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhân đến níp-bàn.
- *Chư pháp **phi nhân sanh tử và phi nhân đến níp-bàn** ra sao?* Vô ký tố trong 3 cõi, dị thục quả trong 4 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân sanh tử và phi nhân đến níp-bàn.

888.

- *Chư pháp **hữu học** trong khi có ra sao?* 4 đạo và 3 quả siêu thế thông thường (thấp). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu học.
- *Chư pháp **vô học** ra sao?* Quả cao tột và A-la-hán quả. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô học.
- *Chư pháp **phi hữu học phi vô học** ra sao?* Tâm bất thiện, thiện, vô ký tố và dị thục quả trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi hữu học phi vô học.

889.

- *Chư pháp **hy thiểu** trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện, thiện, dị thục quả, vô ký tố *(kiriyā)* trong cõi Dục giới và sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hy thiểu *(parittā dhammā)*.
- *Chư pháp **đáo đại** trong khi có ra sao?* Pháp thiện, pháp vô ký trong Sắc giới và Vô sắc giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đáo đại *(mahaggata dhammā)*.
- *Chư pháp **vô lượng** trong khi có ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô lượng *(appamaṇā dhammā)*.

890.

- *Chư pháp **biết cảnh hy thiểu** ra sao?* Tất cả tâm, dị thục quả Dục giới, tâm tố ý giới, tâm tố vô nhân và ý thức giới mà đồng sanh với hỷ thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh hy thiểu *(parittarammana)*.
- *Chư pháp **biết cảnh đáo đại** trong khi có ra sao?* Tâm Thức vô biên xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh đáo đại *(mahaggatārammaṇā dhammā)*.
- *Chư pháp **biết cảnh vô lượng** trong khi có ra sao?* 4 đạo và 4 quả siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh vô lượng.

  4 tâm thiện Dục giới bất tương ưng trí, 4 tâm tố *(kiriyā)* Dục giới bất tương ưng trí, tất cả tâm bất thiện. Những chơn tướng như này gọi là chư pháp biết cảnh hy thiểu cũng có, biết cảnh đáo đại cũng có, mà không biết cảnh vô lượng nên không thể nói biết cảnh hy thiểu hay biết cảnh đáo đại.

  4 tâm thiện Dục giới tương ưng với trí, và 4 tâm tố Dục giới tương ưng với trí. Tứ thiền Sắc giới: Thiện và tố, tâm tố vô nhân ý thức giới đồng sanh với xả thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh hy thiểu cũng có, biết cảnh đáo đại cũng có, biết cảnh vô lượng cũng có, mà không thể nói biết cảnh hy thiểu, biết cảnh đáo đại và biết cảnh vô lượng.

  Thiền Sắc giới 3 hoặc 4 bậc: Thiện, dị thục quả và tố. Tứ thiền dị thục quả, tâm Không vô biên xứ và Vô sở hữu xứ. Những chơn tướng này không thể nói: Biết cảnh hy thiểu, biết cảnh đáo đại hay biết cảnh vô lượng.

  Sắc pháp và níp-bàn đều là không biết cảnh.

891.

- *Chư pháp **ty hạ** trong khi có ra sao?* 12 tâm bất thiện. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ty hạ *(hīnā dhammā)*.
- *Chư pháp **trung bình** trong khi có ra sao?* Tâm vô ký tố, thiện và dị thục quả trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp trung bình *(majjhimā dhammā)*.
- *Chư pháp **tinh lương** trong khi có ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tinh lương.

892.

- *Chư pháp **tà cho quả nhứt định** (đời sau liên tiếp) trong khi có ra sao?* 4 tâm sanh tương ưng với tà kiến và 2 tâm đồng sanh với ưu thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tà cho quả nhứt định (liên tiếp đời sau).
- *Chư pháp **chánh cho quả nhứt định** (liên tiếp sát-na) trong khi có ra sao?* 4 đạo siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp chánh cho quả nhứt định (liên tiếp sát-na).
- *Tất cả pháp **bất định** (ngoài ra 2 phần trên) ra sao?* 4 tâm tham bất tương ưng, tâm đồng sanh với hoài nghi, tâm đồng sanh với phóng dật, tâm vô ký tố, thiện và dị thục quả trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất định (ngoài 2 phần trên).

893.

*Chư pháp **có đạo là cảnh** ra sao?*

4 tâm thiện, 4 tâm tố Dục giới hiện hành tương ưng với trí. Những chơn tướng này thành pháp có đạo là cảnh cũng có, chẳng phải pháp có đạo là nhân, cũng chẳng phải pháp có đạo là trưởng. Nên không trọn nói pháp có đạo là cảnh và cũng không trọn nói là pháp có đạo là trưởng.

4 Thánh đạo chẳng phải pháp có đạo là cảnh, cũng có phần gọi là pháp có đạo là nhân và pháp có đạo là trưởng, thời không nên quyết nói rằng pháp có đạo là trưởng.

Tứ thiền thiện và tâm tố Sắc giới, tâm tố vô nhân ý thức giới đồng sanh xả thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp có đạo là cảnh, có phần gọi chẳng phải pháp có đạo là nhân, và cũng có phần gọi chẳng phải pháp có đạo là trưởng, nên không quyết gọi là pháp có đạo là cảnh.

4 tâm thiện Dục giới hiện hành bất tương ưng trí, tất cả tâm bất thiện, tất cả tâm dị thục quả Dục giới, 6 tâm tố hiện hành Dục giới. Tam hoặc tứ thiền thiện, dị thục quả và tố. Tứ thiền quả Sắc giới. Tâm thiện, tâm dị thục quả và tâm tố trong 4 cõi Vô sắc giới và 4 tâm dị thục quả siêu thế. Những chơn tướng này không đặng gọi là chư pháp có đạo là cảnh, không đặng gọi là chư pháp có đạo là nhân, và cũng không đặng gọi là chư pháp có đạo là trưởng.

Còn sắc pháp và níp-bàn là pháp không biết cảnh.

894.

*Chư pháp **sanh tồn** trong khi có ra sao?*

Tâm quả trong 4 cõi và sắc nghiệp tạo. Những chơn tướng này gọi là pháp sanh tồn cũng có, gọi là pháp sẽ sanh cũng có, nhưng không đặng gọi là pháp chưa sanh.

Tâm bất thiện và tâm thiện trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi và sắc phi nghiệp. Những chơn tướng này gọi là pháp đã sanh cũng có, gọi là pháp chưa sanh cũng có, mà không đặng gọi là pháp sẽ sanh.

Còn níp-bàn không nên nói: Đã sanh, chưa sanh hay sẽ sanh.

895.

Tất cả pháp trừ ra níp-bàn cũng thành quá khứ, cũng thành vị lai, cũng thành hiện tại.

Còn níp-bàn không đặng nói thành quá khứ, vị lai hay hiện tại.

896.

- *Chư pháp **biết cảnh quá khứ** là chi?*

Tâm thức vô biên xứ và tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh quá khứ.

Pháp biết cảnh vị lai không có, chỉ quyết phần nào.

- *Chư pháp **biết cảnh hiện tại** ra sao?*

Ngũ song thức và 3 tâm ý giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh hiện tại.

10 tâm dị thục quả thiện hiện hành Dục giới, ý thức giới đồng sanh với xả thọ, tâm quả bất thiện, tâm tố ý thức giới vô nhân đồng sanh với hỷ thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cũng biết cảnh quá khứ, cũng biết cảnh vị lai, cũng biết cảnh hiện tại.

Tâm bất thiện, tâm thiện Dục giới, 9 tâm tố hiện hành Dục giới, tâm tứ thiền Sắc giới thiện và tố. Những chơn tướng này cũng biết cảnh quá khứ, vị lai và hiện tại; mà không đặng nói là chư pháp biết cảnh quá khứ, chư pháp biết cảnh vị lai hay chư pháp biết cảnh hiện tại.

Tam hoặc tứ thiền thiện, dị thục quả và tố Sắc giới luôn dị thục quả tứ thiền với tâm Không vô biên xứ, tâm Vô sở hữu xứ, bốn đạo và 4 quả siêu thế. Những chơn tướng này không đặng nói là chư pháp biết cảnh quá khứ, chư pháp biết cảnh vị lai, chư pháp biết cảnh hiện tại.

Còn sắc pháp và níp-bàn thuộc về pháp vô tri (không biết cảnh).

897.

Tất cả pháp trừ ra sắc pháp không liên hệ với quyền *(indrīya)* và trừ ra Níp bàn, ngoài ra đó thành pháp nội phần *(ajjhattā dhammā)* cũng có, thành pháp ngoại phần *(bahiddhā dhammā)* cũng có, thành pháp nội phần và ngoại phần *(ajjhattabahidhā)* cũng có.

Còn pháp không liên quan với quyền và níp-bàn đều thuộc về pháp ngoại phần.

898.

- *Chư pháp **biết cảnh nội phần** ra sao?* Tức là tâm Thức vô biên xứ và tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh nội phần *(ajjhattārammaṇādhammā)*.
- *Chư pháp **biết cảnh ngoại phần** ra sao?*

Tam hoặc tứ thiền: Thiện, dị thục quả và tố cõi Sắc giới. Tứ thiền dị thục quả cõi Sắc giới, tâm Không vô biên, bốn đạo và 4 quả siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh ngoại phần.

Tất cả pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký tố hiện hành cõi Dục giới, tâm tố và thiện tứ thiền Sắc giới trừ ra sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh nội phần cũng có, biết cảnh ngoại phần cũng có, biết cảnh nội và ngoại phần cũng có.

Tâm Vô sở hữu xứ không thể nói biết cảnh nội phần, ngoại phần hay nội và ngoại phần.

Còn sắc pháp và níp-bàn đều thuộc về pháp không biết cảnh.

899.

- *Chư pháp **bị thấy và đối chiếu** ra sao?* Chỉ có sắc xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bị thấy và đối chiếu.
- *Chư pháp **không bị thấy mà đối chiếu** ra sao?* Nhãn xứ… xúc xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không bị thấy mà đối chiếu.
- *Chư pháp **không bị thấy và không đối chiếu** ra sao?* Tâm bất thiện, tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi. Tâm vô ký tố trong 3 cõi và sắc không thấy không đối chiếu mà liên hệ trong pháp xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không bị thấy và không đối chiếu.

Dứt phần trích yếu đầu đề tam.

II. ĐẦU ĐỀ NHỊ

1) Phần tụ nhân.

900.

- *Chư pháp **nhân** trong khi có ra sao?* 3 nhân thiện, 3 nhân bất thiện, 3 nhân vô ký; nhân vô tham và nhân vô sân trong 4 cõi; nhân vô si sanh với tâm thiện cả trong 4 cõi mà trừ ra 4 tâm thiện Dục giới bất tương ưng trí. (Sở hữu) Tham đồng sanh với 8 tâm tham, sở hữu sân đồng sanh với 2 tâm sân và sở hữu si đồng sanh với tất cả tâm bất thiện. Nhân vô tham và nhân vô sân sanh với tất cả tâm dị thục quả trong 4 cõi mà trừ ra tâm dị thục quả Dục giới vô nhân. Nhân vô si sanh với tất cả tâm dị thục quả trong 4 cõi mà trừ ra tâm dị thục quả Dục giới vô nhân và cũng trừ ra 4 tâm đại dị thục quả *(mahāvipāla)* bất tương ưng trí. Nhân vô tham và nhân vô sân sanh với tâm tố trong 3 cõi mà trừ ra tâm tố Dục giới vô nhân. Nhân vô si sanh với tâm tố trong 3 cõi chỉ trừ ra tâm tố Dục giới vô nhân và cũng trừ luôn 4 tâm đại tố *(mahākiriyā)* bất tương ưng trí. Những chơn tướng này gọi là pháp nhân *(hetū dhammā).*
- *Chư pháp **phi nhân** trong khi có sao?* Chỉ trừ tất cả pháp nhân ra rồi, còn lại pháp bất thiện, tâm thiện và dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân.

901.

- *Chư pháp **hữu nhân** trong khi có ra sao?* Trừ ra sở hữu si đồng sanh với tâm si hoài nghi, đồng sanh với tâm si phóng dật, còn ngoài ra như là bất thiện, tâm thiện, tâm dị

thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi mà trừ ra tâm vô nhân hiện hành và tâm tố Dục giới vô nhân. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân.

- *Chư pháp **phi nhân** trong khi có sao?* Sở hữu si đồng sanh với tâm si hoài nghi và tâm si phóng dật, ngũ song thức, 3 ý giới, 5 tâm ý thức giới vô nhân, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân.

902.

- *Chư pháp **tương ưng nhân** trong khi có ra sao?* Trừ ra sở hữu si hiệp với tâm si hoài nghi và tâm si phóng dật, còn lại ngoài ra như là tâm bất thiện, tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi mà trừ ra tâm dị thục quả và tâm tố Dục giới vô nhân. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng nhân.
- *Chư pháp **bất tương ưng nhân** ra sao?* Sở hữu si đồng sanh với tâm si hoài nghi và tâm si phóng dật, ngũ song thức, 3 ý giới, 5 tâm ý thức giới vô nhân, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng nhân.

903.

- *Chư pháp **nhân và hữu nhân** ra sao?* Những nhân nào đồng sanh với tâm nhị nhân và tam nhân. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhân và hữu nhân.
- *Chư pháp **hữu nhân mà phi nhân** ra sao?*

  Bất thiện, thiện, dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi mà trừ ra tâm quả Dục giới vô nhân, tâm tố Dục giới vô nhân và cũng trừ ra tất cả nhân sanh với tất cả tâm đã nói. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân mà phi nhân.

  Tất cả pháp vô nhân không thể gọi pháp nhân và hữu nhân, cũng không thể gọi pháp hữu nhân mà phi nhân.

904.

- *Chư pháp **hữu nhân và hiệp nhân** ra sao?* Những nhân nào đồng sanh với tâm nhị nhân và tam nhân. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân và hiệp nhân.
- *Chư pháp **hiệp nhân mà phi nhân** ra sao?*

  Bất thiện, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi mà trừ ra tâm quả Dục giới vô nhân, tâm tố Dục giới vô nhân và cũng trừ ra tất cả nhân sanh với tất cả tâm đã nói. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hiệp nhân mà phi nhân.

  Pháp bất tương ưng nhân chẳng đặng gọi là pháp nhân và tương ưng nhân, cũng chẳng đặng gọi là pháp tương ưng nhân mà phi nhân.

905.

- *Chư pháp **phi nhân mà hữu nhân** ra sao?* Bất thiện, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi mà trừ ra tâm dị thục quả Dục giới vô nhân, tâm tố Dục giới vô nhân và cũng trừ tất cả nhân sanh với tất cả tâm đã nói. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân mà hữu nhân.
- *Chư pháp **phi nhân và vô nhân** ra sao?*

  Ngũ song thức, 3 tâm ý giới, 5 tâm ý thức giới vô nhân, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân và vô nhân.

Pháp nhân không thể nói là: pháp phi nhân mà hữu nhân, và cũng không thể nói là pháp phi nhân và vô nhân.

Dứt phần nhân đa (hetugocchaka).

2) Phần nhị đề đỉnh (*cūlantara duka*).

906.

- *Chư pháp **hữu duyên** ra sao?* Bất thiện, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu duyên *(sappaccayā dhammā).*
- *Chư pháp **vô duyên** trong khi có ra sao?* Níp-bàn. Chơn tướng này gọi là chư pháp vô duyên *(appaccayā dhammā).*

907.

- *Chư pháp **hữu vi** trong khi có ra sao?* Bất thiện, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu vi *(saṅkhatā dhammā).*
- *Chư pháp **vô vi** trong khi có ra sao?* Níp-bàn. Chơn tướng này gọi là chư pháp vô vi *(asaṅkhata).*

908.

- *Chư pháp **bị thấy** trong khi có ra sao?* Sắc xứ. Chơn tướng này gọi là chư pháp bị thấy *(sanidassana dhammā).*
- *Chư pháp **bất kiến** trong khi có ra sao?* Nhãn xứ… xúc xứ, tâm bất thiện, tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc không thấy và không đối chiếu mà liên quan trong pháp xứ và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất kiến *(anidassanā dhammā).*

909.

- *Chư pháp **đối chiếu** trong khi có ra sao?* Nhãn xứ… xúc xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đối chiếu *(sappaṭighā dhammā).*
- *Chư pháp **không đối chiếu** trong khi có ra sao?* Bất thiện, tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc không thấy không đối chiếu mà liên quan trong pháp xứ và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không đối chiếu *(appaṭighā dhammā).*

910.

- *Chư pháp **sắc** trong khi có ra sao?* Sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương sắc tứ đại sung. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sắc *(rūpino dhammā).*
- *Chư pháp **phi sắc** trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện, tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi sắc *(arūpino dhammā).*

911.

- *Chư pháp **hiệp thế** trong khi có ra sao?* Bất thiện, thiện và dị thục quả trong 3 cõi, vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hiệp thế *(lokiyā dhammā).*
- *Chư pháp **siêu thế** trong khi có ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp siêu thế *(lokuttarā dhammā).*

912.

Tất cả pháp cũng thuộc về pháp cũng có tâm biết, cũng thuộc về pháp có tâm không biết.

3) Phần chùm lậu (*ogha gocchaka*).

913.

- *Chư pháp **lậu** trong khi có ra sao?* Tứ lậu là: Dục lậu, hữu lậu, tà kiến lậu, vô minh lậu.
  Dục lậu đồng sanh với 8 tâm tham hiện hành.
  Hữu lậu đồng sanh với 4 tâm tham hiện hành bất tương ưng tà kiến.
  Tà kiến lậu đồng sanh với 4 tâm tham tương ưng tà kiến hiện hành.
  Vô minh lậu phát sanh trong tất cả tâm bất thiện.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp lậu *(āsavā dhammā).*
- *Chư pháp **phi lậu** trong khi có ra sao?* Trừ ra pháp lậu còn bất thiện ngoài ra, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi lậu *(no āsavā dhammā).*

914.

- *Chư pháp **cảnh lậu** trong khi có ra sao?* Bất thiện, thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh lậu.
- *Chư pháp **phi cảnh lậu** trong khi có ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh lậu.

915.

- *Chư pháp **tương ưng lậu** ra sao?* Trừ ra sở hữu si đồng sanh với 2 tâm sân, si đồng sanh với hoài nghi, và si đồng sanh với phóng dật. Còn những pháp bất thiện hiện hành mà ngoài ra đó gọi là chư pháp tương ưng lậu.
- *Chư pháp **bất tương ưng lậu** trong khi có ra sao?* Si đồng sanh với 2 tâm sân, si đồng sanh với hoài nghi, si đồng sanh với phóng dật, thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng lậu.

916.

- *Chư pháp **lậu và cảnh lậu** ra sao?* Tức là pháp lậu. Những chơn tướng này gọi là chư pháp lậu và cảnh lậu.
- *Chư pháp **cảnh lậu mà phi lậu** ra sao?*

  Bất thiện ngoài ra lậu, vô ký tố, thiện và dị thục quả trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh lậu mà phi lậu.

Pháp không thành cảnh của lậu sẽ nói là pháp lậu và cảnh lậu không đặng và nói là pháp cảnh lậu mà phi lậu cũng không đặng.

917.

- *Chư pháp **lậu và tương ưng lậu** ra sao?* Những pháp lậu nào đồng sanh chung với 2 hoặc 3 tâm hiện hành. Những chơn tướng này gọi là chư pháp lậu và tương ưng lậu *(āsavā ceva āsavasampayuttā ca)*.
- *Chư pháp **tương ưng lậu mà phi lậu** ra sao?* Bất thiện ngoài ra lậu. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng lậu mà phi lậu.

  "Pháp bất tương ưng lậu" sẽ nói là pháp lậu tương ưng lậu không đặng và nói là pháp tương ưng lậu mà phi lậu cũng không đặng.

918.

- *Chư pháp **tương ưng lậu mà cảnh lậu** ra sao?* Si đồng sanh với 2 tâm sân, si đồng sanh với hoài nghi, si đồng sanh với phóng dật; vô ký tố, thiện trong 3 cõi và sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng lậu mà cảnh lậu.
- *Chư pháp **bất tương ưng lậu và phi cảnh lậu** ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng lậu và phi cảnh lậu.

  "Pháp tương ưng lậu" sẽ nói là pháp bất tương ưng lậu mà cảnh lậu không đặng và nói pháp bất tương ưng lậu và phi cảnh lậu cũng không đặng.

4) Phần chùm triền (*saṃyojanagocchaka*).

919.

- *Chư pháp **triền** trong khi có ra sao?* Thập triền tức là dục ái triền, phẫn nhuế triền, ngã mạn triền, tà kiến triền, hoài nghi triền, giới cấm thủ triền, hữu ái triền, tật đố triền, lận sắt triền và vô minh triền:
  Dục ái triền đồng sanh với 8 tâm tham hiện hành.
  Phẫn nhuế triền đồng sanh với 2 tâm ưu thọ hiện hành.
  Ngã mạn triền đồng sanh với 4 tâm tham bất tương ưng tà kiến hiện hành.
  Tà kiến triền đồng sanh với 4 tâm tham tương ưng tà kiến hiện hành.
  Hoài nghi triền đồng sanh với tâm si hoài nghi hiện hành.
  Giới cấm thủ triền đồng sanh với 4 tâm tham tương ưng tà kiến hiện hành.
  Hữu ái triền đồng sanh với 4 tâm tham bất tương ưng tà kiến hiện hành.
  Tật đố triền và lận sắt triền đồng sanh với 2 tâm hiện hành đồng sanh ưu thọ.
  Vô minh triền đồng sanh với tất cả tâm bất thiện.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp triền.
- *Chư pháp **phi triền** trong khi có ra sao?* Bất thiện ngoài ra tất cả triền, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi triền.

920.

- *Chư pháp **cảnh triền** trong khi có ra sao?* Bất thiện, thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh triền *(saññojaniyā)*.

- *Chư pháp **phi cảnh triền** ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh triền.

921.

- *Chư pháp **tương ưng triền** ra sao?* Trừ sở hữu si đồng sanh với tâm si phóng dật, còn bất thiện ngoài ra đó. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng triền.
- *Chư pháp **bất tương ưng triền** ra sao?* Si đồng sanh với tâm si phóng dật, thiện, dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng triền.

922.

- *Chư pháp **triền và cảnh triền** ra sao?* Tức là tất cả pháp triền. Những chơn tướng này gọi là chư pháp triền và cảnh triền.
- *Chư pháp **cảnh triền và phi triền** ra sao?* Pháp bất thiện ngoài ra pháp triền, thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh triền và phi triền.

  "Pháp phi cảnh triền" nói là "Pháp triền và cảnh triền" không đặng và nói là "Pháp cảnh triền mà phi triền" cũng không đặng.

923.

- *Chư pháp **triền và tương ưng triền** ra sao?* Những pháp triền đồng sanh chung với 2 hoặc 3 tâm hiện hành. Những chơn tướng này gọi là chư pháp triền tương ưng triền.
- *Chư pháp **tương ưng triền mà phi triền** ra sao?* Bất thiện ngoài ra những pháp triền. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng triền mà phi triền.

  "Pháp bất tương ưng triền" nói là "Pháp triền và tương ưng triền" không đặng và nói là "Pháp tương ưng triền mà phi triền" cũng không đặng.

924.

- *Chư pháp **ly triền và cảnh triền** ra sao?* Si đồng sanh với tâm si phóng dật, thiện, dị thục quả và tâm vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly triền và cảnh triền.
- *Chư pháp **ly triền và phi cảnh triền** ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly triền và phi cảnh triền.

  "Pháp tương ưng triền" nói là "Pháp ly triền mà cảnh triền" không đặng và nói là "Pháp ly triền và phi cảnh triền" cũng không đặng.

5) Phần chùm phược (*gantha gocchaka*).

925.

- *Chư pháp **phược** trong khi có ra sao?* Tứ phược là tham ác thân phược, sân độc thân phược, giới cấm thủ thân phược, ngã kiến thân phược:
  Tham ác thân phược đồng sanh với 8 tâm tham hiện hành.
  Sân độc thân phược đồng sanh với 2 tâm hiện hành ưu thọ.

Giới cấm thủ thân phược và ngã kiến thân phược sanh trong 4 tâm hiện hành tương ưng tà kiến.

Những chơn tướng này gọi là chư pháp phược *(gantha dhammā).*

- *Chư pháp **phi phược** trong khi có ra sao?* Bất thiện ngoài ra những pháp phược, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phược.

926.

- *Chư pháp **cảnh phược** trong khi có ra sao?* Thiện, bất thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh phược.
- *Chư pháp **phi cảnh phược** trong khi có ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh phược.

927.

- *Chư pháp **tương ưng phược** ra sao?* 4 tâm hiện hành tương ưng với tà kiến, 4 tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến, 2 tâm hiện hành đồng sanh ưu thọ, trừ phẫn nhuế và trừ tham trong tâm tham bất tương ưng. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng phược.
- *Chư pháp **bất tương ưng phược** ra sao?* Tham đồng sanh với 4 tâm tham bất tương ưng tà kiến, phẫn nhuế đồng sanh với 2 tâm ưu thọ; tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi; tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật; thiện và dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng phược.

928.

- *Chư pháp **phược và cảnh phược** ra sao?* Tức là pháp phược. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phược và cảnh phược.
- *Chư pháp **cảnh phược mà phi phược** ra sao?* Bất thiện ngoài ra pháp phược; tâm thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh phược mà phi phược.

"Pháp phi cảnh phược" gọi là "Pháp phược và cảnh phược" không đặng và gọi là "Pháp cảnh phược mà phi phược" cũng không đặng.

929.

- *Chư pháp **phược hiệp với pháp phược** ra sao?* Tâm hiện hành nào mà tà kiến và tham đồng sanh chung với nhau. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phược hiệp với pháp phược.
- *Chư pháp **tương ưng phược mà phi phược** ra sao?* 8 tâm hiện hành đồng sanh với tham, 2 tâm hiện hành đồng sanh với ưu thọ mà trừ ra những pháp phược trong các tâm hiện hành này rồi. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng phược mà phi phược.

"Pháp bất tương ưng phược" sẽ nói là "Pháp phược và tương ưng phược" không đặng và nói là "Pháp tương ưng phược mà phi phược" cũng không đặng.

930.

- *Chư pháp **ly phược mà cảnh phược** ra sao?* Tham đồng sanh với 4 tâm tham hiện hành bất tương ưng tà kiến, phẫn nhuế đồng sanh với 2 tâm hiện hành ưu thọ; tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi, tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật; tâm thiện, tâm dị thục quả và tâm vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly phược mà cảnh phược.
- *Chư pháp **ly phược và phi cảnh phược** ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly phược và phi cảnh phược.

  "Pháp tương ưng với pháp phược" không thể gọi là "Pháp bất tương ưng mà cảnh phược" và không thể nói là "Pháp bất tương ưng phược và phi cảnh phược".

931.

- *Chư pháp **bộc** trong khi có ra sao? ...*
- *Chư pháp **phối** trong khi có ra sao? ...*

6) Phần chùm cái (*nīvaraṇagocchaka*).

- *Chư pháp **cái** trong khi có ra sao?* Lục cái là: Dục dục cái, sân độc cái, hôn trầm thùy miên cái, trạo hối cái, hoài nghi cái, vô minh cái:

  Dục dục cái phát khởi trong 8 tâm hiện hành đồng sanh với tham.
  Sân độc cái phát khởi trong 2 tâm hiện hành đồng sanh với ưu thọ.
  Hôn trầm thùy miên cái sanh trong tất cả tâm bất thiện hữu trợ.
  Trạo hối cái phát sanh trong tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật.
  Hối hận cái phát sanh trong 2 tâm hiện hành đồng sanh với ưu thọ.
  Hoài nghi cái phát sanh trong tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi.
  Vô minh cái phát sanh trong tất cả tâm bất thiện.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp cái *(nivaranadhammā).*
- *Chư pháp **phi cái** trong khi có ra sao?* Bất thiện ngoài ra những pháp cái; tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cái.

932.

- *Chư pháp **cảnh cái** trong khi có ra sao?* Thiện, bất thiện, dị thục quả, vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh cái.
- *Chư pháp **phi cảnh cái** trong khi có ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh cái.

933.

- *Chư pháp **tương ưng cái** ra sao?* 12 tâm bất thiện hiện hành. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng cái.

- *Chư pháp **bất tương ưng cái** ra sao?* Tâm thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng cái *(nīvaraṇa vippayutā dhammā)*.

934.

- *Chư pháp **cái và cảnh cái** ra sao?* Tức là pháp cái. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cái và cảnh cái.
- *Chư pháp **cảnh cái mà phi cái** ra sao?* Bất thiện ngoài ra những pháp cái; tâm thiện, dị thục quả và tâm vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh cái mà phi cái.

  "Pháp phi cảnh cái" không thể gọi "Pháp cái và cảnh cái" và cũng không thể gọi "Pháp cảnh cái mà phi cái".

935.

- *Chư pháp **cái tương ưng cái** ra sao?* Những pháp cái nào đồng sanh chung trong một cái tâm hiện hành 2 hoặc 3 nhân. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cái tương ưng cái.
- *Chư pháp **tương ưng cái mà phi cái** ra sao?* Bất thiện ngoài ra những pháp cái đó. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng cái mà phi cái.

  "Pháp tương ưng cái" không thể gọi "Pháp cái và tương ưng cái" và cũng không thể gọi "Pháp tương ưng cái mà phi cái".

936.

- *Chư pháp **ly cái mà cảnh cái** ra sao?* Tâm thiện, tâm dị thục quả và tâm vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly cái mà cảnh cái.
- *Chư pháp **ly cái mà phi cảnh cái** ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly cái và phi cảnh cái.

  "Pháp tương ưng cái" không thể nói "Pháp bất tương ưng cái mà cảnh cái" và cũng không thể nói "Pháp ly cái và phi cảnh cái".

7) Phần chùm khinh thị (*paramasa gocchaka*).

937.

- *Chư pháp **khinh thị** trong khi có ra sao?* Tà kiến khinh thị phát khởi trong 4 tâm hiện hành tương ưng với tà kiến. Những chơn tướng này gọi là chư pháp khinh thị.
- *Chư pháp **phi khinh thị** trong khi có ra sao?* Bất thiện ngoài ra khinh thị; tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi khinh thị *(no parāmāsā)*.

938.

- *Chư pháp **cảnh khinh thị** là chi?* Tâm thiện, bất thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh khinh thị *(paramaṭṭhā dhammā)*.

- *Chư pháp **phi cảnh khinh thị** ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh khinh thị.

939.

- *Chư pháp **tương ưng khinh thị** ra sao?* 4 tâm hiện hành tương ưng với tà kiến mà trừ ra khinh thị. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng khinh thị.
- *Chư pháp **bất tương ưng khinh thị** là chi?* 4 tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến, 2 tâm hiện hành đồng sanh với ưu thọ, tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi, tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật; tâm thiện, tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng khinh thị.

  "Pháp khinh thị" không thể nói là "Pháp tương ưng khinh thị" và cũng không thể nói là "Pháp bất tương ưng khinh thị"

940.

- *Chư pháp **khinh thị cảnh khinh thị** là chi?* Tức là pháp khinh thị. Những chơn tướng này gọi là chư pháp khinh thị cảnh khinh thị.
- *Chư pháp **cảnh khinh thị mà phi khinh thị** ra sao?* Bất thiện ngoài ra khinh thị; tâm thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh khinh thị mà phi khinh thị.

  "Pháp phi cảnh khinh thị" không thể gọi là "Pháp khinh thị và cảnh khinh thị", cũng không thể gọi là "Pháp cảnh khinh thị mà phi khinh thị".

941.

- *Chư pháp **ly khinh thị mà cảnh khinh thị** ra sao?* 4 tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến, tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi, tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật; tâm thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly khinh thị mà cảnh khinh thị.
- *Chư pháp **ly khinh thị và phi cảnh khinh thị** ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly khinh thị và phi cảnh khinh thị.

  "Pháp khinh thị và tương ưng khinh thị" không thể nói "Pháp ly khinh thị mà cảnh khinh thị" và cũng không thể gọi là "Pháp ly khinh thị và phi cảnh khinh thị".

8) Phần nhị đề đại (*mahantaraduka*).

942.

- *Chư pháp **hữu tri cảnh** ra sao?* Bất thiện, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu tri cảnh.
- *Chư pháp **vô tri cảnh** ra sao?* Sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô tri cảnh *(anārammaṇā dhammā).*

943.

- *Chư pháp **tâm** trong khi có ra sao?* Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý giới và ý thức giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tâm.
- *Chư pháp **phi tâm** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi tâm.

944.

- *Chư pháp **sở hữu tâm** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sở hữu tâm.
- *Chư pháp **phi sở hữu tâm** trong khi có ra sao?* Tâm, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi sở hữu tâm.

945.

- *Chư pháp **tương ưng tâm** ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng tâm.
- *Chư pháp **bất tương ưng tâm** ra sao?* Sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng tâm.

  Tâm không thể nói "tương ưng với tâm", và cũng không thể nói "bất tương ưng với tâm".

946.

- *Chư pháp **hòa với tâm** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hòa với tâm *(cittasaṃsaṭṭhā dhammā)*.
- *Chư pháp **không hòa với tâm** trong khi có ra sao?* Sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không hòa với tâm.

  "Tâm" không thể nói "hòa với tâm" và cũng không thể nói "Không hòa với tâm".

947.

- *Chư pháp **có tâm làm sở sanh** ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thân biểu tri, khẩu biểu tri hoặc những sắc pháp nào khác sanh với tâm, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh tức là sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc, xứ, hư không chất, thủy chất, sắc nhẹ, sắc mềm, sắc vừa làm việc[11] sắc sanh, sắc thừa kế *(santarirūpa)* và đoàn thực. Những chơn tướng này gọi là chư pháp có tâm làm sở sanh.
- *Chư pháp **không có tâm làm nhân sanh** ra sao?* Níp-bàn, tâm và những sắc pháp ngoài ra câu trên. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không có tâm làm nhân sanh.

948.

- *Chư pháp **đồng sanh tồn với tâm** ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thân biểu tri và khẩu biểu tri. Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhuno dhammā)*.
- *Chư pháp **không đồng sanh tồn với tâm** ra sao?* Níp-bàn, tâm và những sắc pháp ngoài ra câu trên. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không pháp đồng sanh tồn với tâm.

---

[11] Sắc vừa làm việc còn gọi là sắc thích sự.

949.

- *Chư pháp **tùng tâm thông lưu** ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thân biểu tri và khẩu biểu tri. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tùng tâm thông lưu *(cittānuparivattino dhammā).*
- *Chư pháp **phi tùng tâm thông lưu** ra sao?* Níp-bàn, tâm và những sắc pháp ngoài ra kể trên. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi tùng tâm thông lưu.

950.

- *Chư pháp **hòa với tâm và có tâm làm sở sanh** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh *(cittasaṃsaṭṭhasamuṭṭhānā dhammā).*
- *Chư pháp **không hòa với tâm và không có tâm làm sở sanh** trong khi có ra sao?* Tâm, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không hòa với tâm và không có tâm làm sở sanh.

951.

- *Chư pháp **hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh *(cittasaṃsaṭṭhasamuṭṭhānā sahabhuno dhammā).*
- *Chư pháp **không hòa, không sanh tồn và khỏi nương tâm làm sở sanh** trong khi có ra sao?* Tâm, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không hòa, không sanh tồn và khỏi nương tâm làm sở sanh.

952.

- *Chư pháp **có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm** trong khi có ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm *(cittasaṃsaṭṭhasamuṭṭhānā uparivattino dhammā).*
- *Chư pháp **không có tâm làm sở sanh, không hòa, không tùng thông lưu với tâm** ra sao?* Tâm, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không có tâm làm sở sanh, không hòa, không tùng thông lưu với tâm.

953.

- *Chư pháp **nội** là chi?* Nhãn xứ… ý xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nội *(ajjhattikā dhammā).*
- *Chư pháp **ngoại** là chi?* Sắc xứ… pháp xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ngoại *(bāhirā dhammā).*

954.

- *Chư pháp **thủ** trong khi có ra sao?* Nhãn xứ… đoàn thực. Những chơn tướng này gọi là chư pháp thủ *(upādā dhammā).*
- *Chư pháp **phi thủ** trong khi có ra sao?* Bất thiện, tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc tứ đại sung và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi thủ *(no upādā dhammā).*

955.

- *Chư pháp **do thủ** là chi?* Tâm dị thục quả trong 3 cõi và sắc nghiệp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp do thủ *(upādinnā dhammā).*
- *Chư pháp **phi do thủ** trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện, thiện và vô ký tố trong 3 cõi, sắc phi nghiệp tạo, 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi do thủ.

9) Phần chùm thủ (*upādinna gocchaka*).

956.

- *Chư pháp **thủ** ra sao?* Tứ thủ là: Dục thủ, tà kiến thủ, giới cấm thủ và ngã chấp thủ:

  Dục thủ phát khởi trong 8 tâm đồng sanh với tham.

  Tà kiến thủ, giới cấm thủ và ngã chấp thủ phát khởi trong 4 tâm hiện hành tương ưng với tà kiến. Những chơn tướng này gọi là chư pháp thủ.
- *Chư pháp **phi thủ** trong khi có ra sao?* Những pháp bất thiện ngoài ra, thiện và dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi thủ.

957.

- *Chư pháp **cảnh thủ** ra sao?* Bất thiện, thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi, tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh thủ.
- *Chư pháp **phi cảnh thủ** trong khi có ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh thủ *(anupādāniyā dhammā).*

958.

- *Chư pháp **tương ưng thủ** là chi?* 4 thứ tâm hiện hành đồng sanh với tham tương ưng tà kiến, 4 thứ tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến trừ 4 tâm tham trong bất tương ưng tà kiến. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng thủ.
- *Chư pháp **bất tương ưng thủ** ra sao?* Sở hữu tham trong 4 tâm tham bất tương ưng, 2 tâm hiện hành đồng sanh ưu thọ, tâm hiện hành đồng sanh hoài nghi, tâm hiện hành đồng sanh phóng dật, tâm thiện, tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng thủ.

959.

- *Chư pháp **thủ và cảnh thủ** ra sao?* Tức là pháp thủ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp thủ và cảnh thủ.
- *Chư pháp **cảnh thủ mà phi thủ** ra sao?* Bất thiện ngoài ra pháp thủ; tâm thiện, tâm dị thục quả và tâm vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh thủ mà phi thủ.

  "Pháp phi cảnh thủ" không thể gọi là "Pháp thủ và cảnh thủ", cũng không thể gọi là "Pháp cảnh thủ mà phi thủ".

960.

- *Chư pháp **thủ và tương ưng thủ** ra sao?* Tà kiến và tham dù sanh chung với tâm hiện hành nào. Những chơn tướng này gọi là chư pháp thủ và tương ưng thủ.
- *Chư pháp **tương ưng thủ mà phi thủ** ra sao?* 8 thứ tâm hiện hành đồng sanh với tham mà trừ tất cả thủ sanh trong những tâm hiện hành ấy. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng thủ mà phi thủ.

  "Pháp bất tương ưng thủ" không thể nói là "Pháp thủ và tương ưng thủ", cũng không thể nói là "Pháp tương ưng thủ mà phi thủ".

961.

- *Chư pháp **ly thủ mà cảnh thủ** ra sao?* (Sở hữu) tham phát sanh trong 4 thứ tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến, 2 tâm hiện hành đồng sanh với ưu thọ, tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi, tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật; tâm thiện, tâm dị thục quả và tâm vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly thủ mà cảnh thủ.
- *Chư pháp **ly thủ và phi cảnh thủ** ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly thủ và phi cảnh thủ.

  "Pháp tương ưng thủ" không thể gọi "Pháp bất tương ưng thủ mà cảnh thủ" và cũng không thể gọi là "Pháp bất tương ưng thủ và phi cảnh thủ".

10) Phần chùm phiền não (*kilesagocchaka*).

962.

- *Chư pháp **phiền não** là chi?* Thập phiền não là: Tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy:
  Tham đồng sanh với 8 tâm tham.
  Sân đồng sanh với 2 tâm ưu thọ.
  Si đồng sanh với tất cả tâm bất thiện.
  Ngã mạn sanh trong 4 tâm tham bất tương ưng.
  Tà kiến sanh trong 4 tâm tham tương ưng tà kiến.
  Hoài nghi sanh trong tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi.
  Hôn trầm sanh trong tâm bất thiện hữu trợ.
  Phóng dật, vô tàm và vô úy sinh trong tất cả tâm bất thiện.

  Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền não.
- *Chư pháp **phi phiền não** trong khi có ra sao?* Bất thiện ngoài ra những phiền não đó, tâm thiện, dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phiền não.

963.

- *Chư pháp **cảnh phiền não** là chi?* Bất thiện, thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh phiền não.
- *Chư pháp **phi cảnh phiền não** trong khi có ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi cảnh phiền não.

964.

- *Chư pháp **phiền toái** trong khi có ra sao?* 12 tâm bất thiện hiện hành. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền toái *(saṇkiliṭṭhā dhammā).*
- *Chư pháp **phi phiền toái** trong khi có ra sao?* Thiện, dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi phiền toái *(asaṅkiliṭṭhā dhammā).*

965.

- *Chư pháp **tương ưng phiền não** là chi?* 12 tâm bất thiện hiện hành. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng phiền não.
- *Chư pháp **bất tương ưng phiền não** là chi?* Tâm thiện, dị thục quả trong 4 cõi, vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất tương ưng phiền não.

966.

- *Chư pháp **phiền não và cảnh phiền não** ra sao?* Tức là pháp phiền não. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền não và cảnh phiền não.
- *Chư pháp **cảnh phiền não mà phi phiền não** ra sao?* Bất thiện ngoài ra tất cả phiền não đó; tâm thiện, tâm dị thục quả, tâm vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp cảnh phiền não mà phi phiền não.

  "Pháp phi cảnh phiền não" không thể nói là "Pháp phiền não và cảnh phiền não", cũng không đặng nói là "Pháp cảnh phiền não mà phi phiền não".

967.

- *Chư pháp **phiền não và phiền toái** là chi?* Tức là pháp phiền não. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền não và phiền toái *(kilesa ceva dhammā saṅkiliṭṭhā ca)*.
- *Chư pháp **phiền toái mà phi phiền não** là chi?* Pháp bất thiện ngoài ra những phiền não. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền toái mà phi phiền não.

  "Pháp phiền toái" nói là "Pháp phiền não và phiền toái" không đặng và nói là "Pháp phiền toái mà phi phiền não" cũng không đặng.

968.

- *Chư pháp **phiền não và tương ưng phiền não** ra sao?* Phiền não có 2 hoặc 3 thứ, dù sanh chung với tâm hiện hành nào. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phiền não và tương ưng phiền não.
- *Chư pháp **tương ưng phiền não mà phi phiền não** ra sao?* Bất thiện trừ ra phiền não. Những chơn tướng này gọi là chư pháp tương ưng phiền não mà phi phiền não.

  "Pháp bất tương ưng phiền não" nếu gọi là "Pháp phiền não và tương ưng phiền não" không đặng và gọi là "Pháp tương ưng phiền não mà phi phiền não" cũng không đặng.

969.

- *Chư pháp **ly phiền não mà cảnh phiền não** ra sao?* Tâm thiện, dị thục quả và vô ký tố trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly phiền não mà cảnh phiền não.
- *Chư pháp **ly phiền não và phi cảnh phiền não** ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ly phiền não và phi cảnh phiền não.

  "Pháp tương ưng phiền não" không thể gọi "Pháp bất tương ưng phiền não mà cảnh phiền não" và cũng không thể gọi là "Pháp bất tương ưng phiền não và phi cảnh phiền não".

11) Phần yêu bối (*pitthi duka*).

970.

- *Chư pháp **sơ đạo tuyệt trừ** là chi?*

  4 thứ tâm hiện hành tương ưng tà kiến, tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sơ đạo tuyệt trừ.

  4 tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến, 2 tâm hiện hành đồng sanh với ưu thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sơ đạo tuyệt trừ cũng có, không tuyệt trừ cũng có.
- *Chư pháp **phi sơ đạo tuyệt trừ** ra sao?* Tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật, tâm thiện và dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi sơ đạo tuyệt trừ.

971.

- *Chư pháp **ba đạo cao tuyệt trừ** ra sao?*

  Tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ.

  4 tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến, 2 tâm hiện hành đồng sanh với ưu thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, không tuyệt trừ cũng có.
- *Chư pháp **phi ba đạo cao tuyệt trừ** ra sao?* 4 thứ tâm hiện hành tương ưng tà kiến, tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi, tâm thiện và dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ.

972.

- *Chư pháp **hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ** ra sao?*

  4 tâm hiện hành đồng sanh với tà kiến, tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi (trừ si sanh trong những tâm này). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

4 tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến, 2 tâm hiện hành đồng sanh với ưu thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, chư pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có.

- *Chư pháp **phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ** ra sao?* (Sở hữu) Si đồng sanh với hoài nghi, tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật, tâm thiện, dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

973.

- *Chư pháp **hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ** ra sao?*

  Tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật (trừ si sanh trong những tâm này). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.

  4 thứ tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến, 2 tâm hiện hành đồng sanh với ưu thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, chư pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.

- *Chư pháp **phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ** ra sao?* 4 thứ tâm hiện hành tương ưng tà kiến, tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi, (sở hữu) si đồng sanh với tâm si phóng dật, tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.

974.

- *Chư pháp **hữu tầm** ra sao?* Tâm bất thiện, tâm thiện Dục giới, 11 thứ tâm dị thục quả thiện Dục giới, 2 thứ tâm quả bất thiện, 11 thứ tâm tố, tâm thiện và dị thục quả sơ thiền siêu thế (trừ tầm sanh trong những tâm này). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu tầm.

- *Chư pháp **vô tầm** trong khi có ra sao?* Ngũ song thức, nhị thiền hoặc tam thiền Sắc giới: Thiện, dị thục quả và tố *(kiriyā)*, 4 bực vô sắc: Thiện, dị thục quả và tố, nhị thiền hoặc tam thiền siêu thế: Thiện và dị thục quả, tầm, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô tầm *(avitakka dhammā).*

975.

- *Chư pháp **hữu tứ** trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện, thiện Dục giới, 11 thứ tâm dị thục quả thiện Dục giới, 2 thứ tâm quả bất thiện, 11 thứ tâm tố; sơ thiền hoặc nhị thiền Sắc giới thiện, dị thục quả và tố; sơ thiền hoặc nhị thiền siêu thế thiện và dị thục quả (trừ tứ sanh trong những tâm này). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu tứ *(savicārā dhammā).*

- *Chư pháp **vô tứ** trong khi có ra sao?* Ngũ song thức, tam thiền hoặc tứ thiền Sắc giới: Thiện, dị thục quả và tố; thiền Vô sắc giới thiện, dị thục quả và tố, tam thiền hoặc tứ thiền siêu thế thiện, dị thục quả; tứ; sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô tứ *(avicārā dhammā).*

976.

- *Chư pháp **hữu hỷ** là chi?* Tâm hiện hành đồng sanh với hỷ thọ, 4 thứ tâm bất thiện, 4 thứ tâm thiện Dục giới, 5 thứ tâm dị thục quả thiện Dục giới, 5 thứ tâm tố Dục giới, nhị thiền hoặc tam thiền Sắc giới thiện, dị thục quả và tố; nhị thiền hoặc tam thiền siêu thế

thiện, dị thục quả (trừ pháp hỷ sanh trong những tâm này). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu hỷ *(sarana dhammā).*

- *Chư pháp **vô hỷ** là chi?* Tâm hiện hành đồng sanh với xả thọ: 4 thứ tâm thiện Dục giới, 8 thứ tâm bất thiện, 11 tâm dị thục quả thiện Dục giới, 7 tâm dị thục quả bất thiện, 6 tâm tố Dục giới, tam thiền hoặc tứ thiền Sắc giới thiện, dị thục quả và tố; 4 bậc Vô sắc: Thiện, dị thục quả và tâm tố; tam thiền hoặc tứ thiền siêu thế: Thiện và dị thục quả; pháp hỷ; sắc pháp và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô hỷ.

977.

- *Chư pháp **đồng sanh với pháp hỷ** ra sao?* Tâm hiện hành đồng sanh với hỷ thọ là: 4 thứ tâm bất thiện, 4 tâm thiện Dục giới, 5 tâm tố, 5 tâm dị thục quả thiện Dục giới; nhị thiền hoặc tam thiền Sắc giới thiện, dị thục quả và tố; nhị thiền hoặc tam thiền siêu thế thiện, và dị thục quả (trừ hỷ sanh trong những tâm hiện hành này). Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh pháp hỷ *(pītisahagatā dhammā).*

- *Chư pháp **phi đồng sanh với pháp hỷ** ra sao?* 4 thứ tâm thiện Dục giới hiện hành đồng sanh với xả thọ, 8 thứ tâm bất thiện, 11 thứ tâm dị thục quả thiện Dục giới, 7 thứ tâm dị thục quả bất thiện, 6 thứ tâm tố; tam thiền hoặc tứ thiền Sắc giới sắp lên: Thiện, dị thục quả và tố; 4 bực Vô sắc: Thiện, dị thục quả và tố; tam thiền hoặc tứ thiền siêu thế: Thiện, dị thục quả, (pháp) hỷ, sắc pháp và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không đồng sanh với pháp hỷ.

978.

- *Chư pháp **đồng sanh với lạc thọ** ra sao?* Tâm hiện hành đồng sanh với hỷ thọ, 4 thứ tâm thiện, 4 thứ tâm bất thiện, 6 tâm dị thục quả thiện Dục giới, 5 tâm tố Dục giới, tam thiền hoặc tứ thiền Sắc giới: Thiện, dị thục quả và tố, tam thiền hoặc tứ thiền siêu thế: Thiện và dị thục quả (trừ lạc thọ sanh trong những tâm này). Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với lạc thọ.

- *Chư pháp **phi đồng sanh với lạc thọ** ra sao?* Tâm hiện hành đồng sanh với xả thọ: 4 thứ tâm thiện Dục giới, 8 thứ tâm bất thiện, 10 tâm dị thục quả thiện Dục giới, 7 tâm dị thục quả bất thiện, 6 tâm tố, tứ thiền Sắc giới thiện, dị thục quả và tố, 4 bực Vô sắc: Thiện, dị thục quả và tố; tứ thiền siêu thế: Thiện và dị thục quả; lạc thọ; sắc pháp và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi đồng sanh với lạc thọ.

979.

- *Chư pháp **đồng sanh với xả thọ** ra sao?* Tâm hiện hành đồng sanh với xả thọ: 4 tâm thiện Dục giới, 6 tâm bất thiện, 10 tâm dị thục quả thiện Dục giới, 6 tâm dị thục quả bất thiện, 6 tâm tố; tứ thiền Sắc giới: Thiện, dị thục quả và tố; 4 bực Vô sắc: Thiện, dị thục quả và tố; tứ thiền siêu thế: Thiện và dị thục quả (trừ xả thọ sanh trong những tâm hiện hành này). Những chơn tướng này gọi là chư pháp đồng sanh với xả thọ.

- *Chư pháp **không đồng sanh với xả thọ** ra sao?* Tâm hiện hành đồng sanh với hỷ thọ: 4 tâm thiện Dục giới, 6 tâm bất thiện, 6 tâm dị thục quả thiện Dục giới, 1 tâm dị thục quả bất thiện, 5 tâm tố; tam thiền hoặc tứ thiền Sắc giới: Thiện, dị thục quả và tố; tam thiền hoặc tứ thiền siêu thế thiện, dị thục quả; xả thọ; sắc pháp và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp không đồng sanh với xả thọ.

980.

- *Chư pháp **Dục giới** trong khi có ra sao?* Thiện Dục giới, bất thiện, tâm dị thục quả Dục giới, tâm vô ký tố Dục giới và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp Dục giới.
- *Chư pháp **phi Dục giới** trong khi có ra sao?* Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi Dục giới.

981.

- *Chư pháp **Sắc giới** trong khi có ra sao?* 4 hoặc 5 bậc thiền: Thiện, dị thục quả và tố thành ra Sắc giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp Sắc giới.
- *Chư pháp **phi Sắc giới** trong khi có ra sao?* Dục giới, Sắc giới và siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi Sắc giới *(na rūpāvacarā dhammā)*

982.

- *Chư pháp **Vô sắc giới** trong khi có ra sao?* 4 bậc Vô sắc: Thiện, dị thục quả và tố. Những chơn tướng này gọi là chư pháp Vô sắc giới *(arūpāvacarā dhammā).*
- *Chư pháp **phi Vô sắc giới** trong khi có ra sao?* Dục giới, Sắc giới và siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi Vô sắc giới.

983.

- *Chư pháp **liên quan luân hồi** ra sao?* Thiện, bất thiện, dị thục quả và vô ký tố *(kiriyā)* trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp liên quan luân hồi *(pariyāpannā dhammā).*
- *Chư pháp **bất liên quan luân hồi** ra sao?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bất liên quan luân hồi *(apariyāpannā dhammā).*

984.

- *Chư pháp **nhân xuất luân hồi** là chi?* 4 đạo siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhân xuất luân hồi *(niyyānikā dhammā).*
- *Chư pháp **phi nhân xuất luân hồi** là chi?* Thiện, bất thiện, vô ký tố trong 3 cõi, dị thục quả trong 4 cõi, sắc pháp và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi nhân xuất luân hồi *(aniyyānikā dhammā).*

985.

- *Chư pháp (cho quả) **nhất định** ra sao?*

  4 thứ tâm hiện hành tương ưng tà kiến, 2 thứ tâm hiện hành đồng sanh ưu thọ. Những chơn tướng này thành pháp nhất định cũng có, thành pháp bất định cũng có.

  4 đạo siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp nhất định *(niyatā dhammā).*
- *Chư pháp **phi** (cho quả) **nhất định** ra sao?* 4 thứ tâm hiện hành đồng sanh với tham bất tương ưng tà kiến, tâm hiện hành đồng sanh với hoài nghi, tâm hiện hành đồng sanh với phóng dật, tâm thiện và tâm vô ký tố trong 3 cõi, tâm dị thục quả trong 4 cõi, sắc pháp và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi (cho quả) nhất định *(aniyatā dhammā).*

986.

- *Chư pháp **hữu thượng** là chi?* Tâm thiện, bất thiện, vô ký tố và dị thục quả trong 3 cõi và tất cả sắc pháp. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu thượng *(sa uttarā dhammā).*
- *Chư pháp **vô thượng** là chi?* 4 đạo, 4 quả siêu thế và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô thượng *(anuttarā dhammā).*

987.

- *Chư pháp **hữu y** trong khi có ra sao?* 12 thứ tâm bất thiện hiện hành. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu y *(saranā dhammā).*
- *Chư pháp **vô y** trong khi có ra sao?* Tâm thiện và tâm dị thục quả trong 4 cõi, tâm vô ký tố trong 3 cõi, sắc pháp và níp-bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô y *(araṇā dhammā).*

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

Hoàn mãn Bộ Pháp Tụ (Dhammasaṅgani) vào ngày thứ tư, 01 - 09 - 1975 nhằm ngày mồng 1 tháng 6 năm Ất Mão (Phật lịch 2518)

Hồi hướng và chia phước đến tứ đại thiên vương và tất cả chúng sanh, nhứt là các vị chư thiên có oai lực hộ trì Tạng Diệu pháp đặng thạnh hành.
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

TẠNG VÔ TỶ PHÁP
(ABHIDHAMMAPIṬAKA)

BỘ THỨ HAI

BỘ PHÂN TÍCH
(VIBHAṄGA)

CẢO BẢN

Sư cả Tịnh Sự Mahāthero Saṅtakicco
Chuyển ngữ từ bản tiếng Pāli-Thái Lan sang tiếng Việt

Phật lịch 2519 - Dương lịch 1975

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

2011

Dịch giả:
Đại trưởng lão Hòa thượng Tịnh Sự
Nguyên Cố vấn I, kiêm Trưởng ban Phiên dịch
Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy *(Theravāda)* - Việt nam

MỤC LỤC

PHẦN I - UẨN PHÂN TÍCH.....9
A. UẨN PHÂN TÍCH PHẦN PHÂN THEO KINH.....9
1) Sắc uẩn.....9
2) Thọ uẩn.....10
3) Tưởng uẩn.....12
4) Hành uẩn.....14
5) Thức uẩn.....16
B. UẨN PHÂN TÍCH PHÂN THEO DIỆU PHÁP.....18
1) Sắc uẩn đó ra sao?.....18
2) Thọ uẩn đó ra sao?.....19
3.)Tưởng uẩn đó ra sao?.....25
4) Hành uẩn đó ra sao?.....32
5) Thức uẩn đó ra sao?.....38
C. UẨN PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP.....44
1) Đáp theo đầu đề tam.....44
2) Đáp theo đầu đề nhị.....45
PHẦN II - XỨ PHÂN TÍCH.....52
A. XỨ PHÂN TÍCH PHẦN PHÂN THEO KINH.....52
B. XỨ PHÂN TÍCH PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP.....52
C. XỨ PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP.....53
1) Đáp theo đầu đề tam.....53
2) Đáp theo đầu đề nhị.....55
PHẦN III - CHẤT PHÂN TÍCH.....62
A. CHẤT PHÂN TÍCH PHÂN THEO KINH *(Suttantabhājanīya)*.....62
Lục chất - phần thứ nhất.....62
Lục chất - phần thứ hai.....64
Lục chất - phần thứ ba.....64
B. CHẤT PHÂN TÍCH PHÂN THEO DIỆU PHÁP.....65
C. CHẤT PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP.....67
1) Đáp theo đầu đề tam.....67
2) Đáp theo đầu đề nhị.....69
PHẦN IV - ĐẾ PHÂN TÍCH *(Saccavibhaṅga)*.....77
A. ĐẾ PHÂN TÍCH PHẦN PHÂN THEO KINH.....77
1) Khổ thánh đế.....77
2) Khổ tập thánh đế.....78
3) Khổ diệt thánh đế.....79

4) Thánh đế tiến hành nhân diệt khổ....81
B. ĐẾ PHÂN TÍCH PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP....82
1) Phần bát chi....82
2) Phần ngũ chi đạo (pañcaṅgikavāra)....84
3) Phần tất cả chi (sabbasaṅgāhikavāra)....85
C. ĐẾ PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP....86
1) Đáp theo đầu đề tam....86
2) Đáp theo đầu đề nhị (dukamātikā)....88
PHẦN V - QUYỀN PHÂN TÍCH....95
PHẦN VẤN ĐÁP....96
1) Quyền phân tích đáp theo đầu đề tam....97
2) Quyền phân tích đáp theo đầu đề nhị....99
PHẦN VI - DUYÊN KHỞI PHÂN TÍCH....107
A. DUYÊN KHỞI PHÂN TÍCH PHÂN THEO KINH....107
B. ĐẦU ĐỀ DIỆU PHÁP....109
1) Tứ phần duyên khởi....109
2) Tứ phần nhân....109
3) Tứ phần tương tế....111
C. DUYÊN KHỞI PHÂN TÍCH PHÂN THEO DIỆU PHÁP....111
1) Bất thiện xiển minh....111
2) Thiện xiển minh....129
3) Vô ký xiển minh....133
4) Xiển minh phần căn vô minh đối với thiện....140
5) Xiển minh phần thiện căn dị thục quả....142
6) Xiển minh phần bất thiện căn dị thục quả....144
PHẦN VII - NIỆM XỨ PHÂN TÍCH....146
A. NIỆM XỨ PHÂN TÍCH PHÂN THEO KINH....146
1) Niệm thân xiển minh....146
2) Niệm thọ xiển minh....148
3) Niệm tâm xiển minh....149
4) Niệm pháp xiển minh....151
B. NIỆM XỨ PHÂN TÍCH PHÂN THEO DIỆU PHÁP....154
C. NIỆM XỨ PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP....156
1) Đáp theo đầu đề tam....156
2) Đáp theo đầu đề nhị *(dukamātikā)*....157
PHẦN VIII - TỨ CHÁNH CẦN PHÂN TÍCH....159
A. TỨ CHÁNH CẦN PHÂN THEO KINH....159
B. TỨ CHÁNH CẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP....161

C. TỨ CHÁNH CẦN PHẦN VẤN ĐÁP 163
PHẦN IX - NHƯ Ý TÚC PHÂN TÍCH 166
A. TỨ NHƯ Ý TÚC PHÂN TÍCH PHÂN THEO KINH 166
B. TỨ NHƯ Ý TÚC PHÂN THEO DIỆU PHÁP 169
C. TỨ NHƯ Ý TÚC PHẦN VẤP ĐÁP 172
PHẦN X - GIÁC CHI PHÂN TÍCH 175
A. GIÁC CHI PHÂN TÍCH PHÂN THEO KINH 175
Phần thứ nhất của thất giác chi 175
Phần thứ hai của thất giác chi 175
Phần thứ ba của thất giác chi 176
B. GIÁC CHI PHÂN TÍCH – PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP 176
Vấn đáp phần riêng 176
Vấn đáp phần chung 177
Phần vấn đáp riêng 178
Vấn đáp phần chung 178
C. GIÁC CHI PHÂN TÍCH - PHẦN VẤN ĐÁP 179
1) Đáp theo đầu đề tam 179
2) Đáp theo đầu đề nhị 180
PHẦN XI - ĐẠO PHÂN TÍCH 182
A. ĐẠO PHÂN TÍCH PHÂN THEO KINH 182
Phần thứ nhất của bát chánh đạo 182
Phần thứ hai của bát thánh đạo 183
B. ĐẠO PHÂN TÍCH - PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP 183
1) Phần bát chi 183
2) Phần ngũ chi 184
3) Phần bát chi 185
4) Phần ngũ chi 185
C. ĐẠO PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP 186
1) Đáp theo đầu đề tam 187
2) Đáp theo đầu đề nhị 187
PHẦN XII - THIỀN PHÂN TÍCH 190
A. ĐẦU ĐỀ 190
B. THIỀN PHÂN TÍCH – PHẦN PHÂN THEO KINH 191
C. THIỀN PHÂN TÍCH – PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP 206
Thiền thiện theo bốn bực 206
Thiền thiện theo năm bực 206
Thiền thiện siêu thế theo bốn bực 207
Thiền thiện siêu thế theo năm bực 207

Thiền dị thục quả theo bốn bực và năm bực 208
Thiền dị thục quả siêu thế theo bốn và năm bực 209
Thiền tố (kiriyā) theo bốn và năm bực.....209
D. THIỀN PHÂN TÍCH PHẦN VẤP ĐÁP 210
Đáp theo đầu đề tam 210
Đáp theo đầu đề nhị 211
PHẦN XIII - VÔ LƯỢNG PHÂN TÍCH 213
A. VÔ LƯỢNG PHÂN TÍCH - PHẦN PHÂN THEO KINH 213
1) Từ vô lượng xiển minh 213
2) Bi vô lượng xiển minh.....214
3) Tùy hỷ vô lượng xiển minh 214
4) Xả vô lượng xiển minh.....215
B. VÔ LƯỢNG PHÂN TÍCH - PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP.....216
1) Thiền thiện từ theo bốn bực.....216
2) Thiền thiện từ theo năm bực.....217
3) Thiền thiện bi theo bốn bực.....217
4) Thiền thiện bi theo năm bực.....217
5) Thiền thiện tuỳ hỷ theo bốn bực.....218
6) Thiền thiện tùy hỷ theo năm bực.....218
7) Thiền thiện xả.....219
8) Thiền dị thục quả từ theo bốn bực.....219
9) Thiền dị thục quả bi theo bốn và năm bực 219
10) Thiền dị thục quả tùy hỷ theo bốn và năm bực 220
11) Thiền dị thục quả xả 220
12) Thiền tố (kiriyā) từ theo bốn và năm bực.....220
C. VÔ LƯỢNG PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP.....221
PHẦN XIV - ĐIỀU HỌC PHÂN TÍCH 224
A. ĐIỀU HỌC PHÂN TÍCH – PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP.....224
1) Năm điều học phân theo tám tâm thiện dục giới. 224
2) Chia ngũ giới theo tám tâm thiện dục giới 225
3) Pháp thành điều học.....227
B. ĐIỀU HỌC PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP.....227
PHẦN XV - ĐẠT THÔNG PHÂN TÍCH.....231
A. ĐẠT THÔNG PHÂN TÍCH PHẦN THEO KINH 231
Phân năm phần.....231
B. ĐẠT THÔNG PHÂN TÍCH PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP.....232
1) Tứ đạt thông phân theo tám tâm thiện dục giới.....232
2) Tứ đạt thông phân theo tâm thiện sắc giới 233

3) Tứ đạt thông phân theo tâm thiện vô sắc giới 233
4) Tứ đạt thông phân theo tâm thiện siêu thế.....234
5) Tứ đạt thông phân theo 12 tâm bất thiện.....234
6) Tam đạt thông phân theo tám tâm dị thục quả thiện vô nhân.....234
7) Tam đạt thông phân theo tám tâm dị thục quả thiện dục giới 236
8) Tam đạt thông phân theo tâm dị thục quả sắc giới.....236
9) Tam đạt thông phân theo tâm dị thục quả vô sắc giới.....237
10) Tam đạt thông phân theo tâm dị thục quả siêu thế.....237
11) Tam đạt thông phân theo bảy tâm dị thục quả bất thiện.....237
12) Tam đạt thông phân theo ba tâm tố vô nhân (ahetukakiriyā).....238
13) Tam đạt thông phân theo ba loại tâm tố 238
C. ĐẠT THÔNG PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP.....239
1) Đáp theo đầu đề tam.....239
2) Đáp theo đầu đề nhị.....240
PHẦN XVI - TRÍ PHÂN TÍCH 243
A. TRÍ PHÂN TÍCH PHẦN ĐẦU ĐỀ *(Mātikā)*.....243
Đầu đề phần một.....243
Đầu đề phần hai 244
Đầu đề phần ba 245
Đầu đề phần tứ.....248
Phần năm, phần sáu, phần bảy, phần tám và phần chín.....248
Đầu đề phần thập 248
B. TRÍ PHÂN TÍCH PHẦN XIỂN MINH.....250
Xiển minh phần một 250
Xiển minh phần hai.....252
Xiển minh phần ba.....255
Xiển minh phần bốn.....257
Xiển minh phần năm.....262
Xiển minh phần sáu 262
Xiển minh phần bảy.....263
Xiển minh phần tám.....263
Xiển minh phần chín.....263
Xiển minh phần mười 264
PHẦN XVII - TIỂU TÔNG PHÂN TÍCH 272
A. TIỂU TÔNG PHÂN TÍCH PHẦN ĐẦU ĐỀ.....272
Đầu đề phần một điều *(ekakamātikā)* 272
Đầu đề phần hai điều 272
Đầu đề phần ba điều.....273

Đầu đề phần bốn điều 273
Đầu đề phần năm điều 273
Đầu đề phần sáu điều 273
Đầu đề phần bảy điều.....273
Đầu đề phần tám điều 273
Đầu đề phần chín điều 274
Đầu đề phần mười điều.....274
B. TIỂU TÔNG PHÂN TÍCH PHẦN XIỂN MINH 274
Xiển minh phần một điều.....274
Xiển minh phần hai điều 282
Xiển minh phần ba điều 285
Xiển minh phần bốn điều.....294
Xiển minh phần năm điều.....297
Xiển minh phần sáu điều 300
Xiển minh phần bảy điều 302
Xiển minh phần tám điều.....304
Xiển minh phần chín điều.....308
Xiển minh phần mười điều 309
Xiển minh phần mười tám điều 310
PHẦN XVIII - PHÁP TÂM PHÂN TÍCH 318
1) PHẦN CHƯ YẾU HIỆP 318
2) PHẦN TÂM BẤT SANH 319
3) PHẦN LIÊN QUAN BẤT LIÊN QUAN.....322
4) PHẦN DANH SIÊU PHI DANH SIÊU.....324
5) PHẦN KIẾN (Dassanavāra).....329
6) PHẦN NGHIỆP SANH SỐNG BAO NHIÊU.....330
7) PHẦN THẤU TRIỆT (Abhiññeyyadivāra) 333
8) PHẦN CẢNH.....334
9) PHẦN HIỆN TẠI (Diṭṭhādivāra) 336
10) PHẦN TAM ĐỀ THIỆN.....336
11) PHẦN TAM ĐỀ THỌ.....337
12) PHẦN TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ 338
13) PHẦN ĐẦU ĐỀ THỦ CẢNH THỦ 339
14) PHẦN ĐẦU ĐỀ HỮU TẦM 340
15) PHẦN NHỊ ĐỀ SẮC.....341
16) PHẦN NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ.....342

BỘ PHÂN TÍCH
(Vibhaṅga)

CUNG KÍNH ĐỨC THẾ TÔN, ỨNG CÚNG, CHÁNH BIẾN TRI

PHẦN I - UẨN PHÂN TÍCH

A. UẨN PHÂN TÍCH PHẦN PHÂN THEO KINH

1.

Ngũ uẩn: sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

1) Sắc uẩn

2.

Sắc uẩn *đó ra sao?* Mỗi thứ sắc nào như là quá khứ, hiện tại, vị lai, bên trong, bên ngoài, sắc thô, sắc tế, sắc tốt, sắc xấu, sắc gần hoặc sắc xa gồm chung lại một cho dón gọn. Đây gọi là sắc uẩn.

3.

∗ ***Sắc quá khứ*** *đó ra sao?* Những sắc nào đã diệt, đã mất, đã qua, xa lìa rồi, đã biến chuyển, vắng bặt, đã mất hết, đã sanh ra rồi diệt mất, gồm chung lại một thành phần quá khứ tức là sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương tứ đại. Đây gọi là sắc quá khứ.

- ***Sắc vị lai*** *đó ra sao?* Những sắc nào sau này sinh, sẽ sanh, sẽ phát ra đủ, chưa sanh đầy, sẽ hiện bày, chưa phát ra, chưa sanh trụ, sẽ sanh trụ, sau nữa mới phát ra đầy đủ, đều thuộc về vị lai nên gồm chung lại thành phần vị lai tức là sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương tứ đại. Đây gọi là sắc vị lai.
- ***Sắc hiện tại*** *đó ra sao?* Những sắc nào đang có, đang còn, vừa sanh, đang đầy đủ, đang trụ, đã vững vàng, chưa diệt mất, hiện có đồng đều, hoàn toàn đầy đủ, hiện mỹ mãn trọn thành, thuộc về hiện tại, nên gồm chung lại sắp thành phần hiện tại tức là sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương tứ đại. Đây gọi là sắc hiện tại.

4.

- ***Sắc bên trong*** *đó ra sao?* Những sắc nào tự phần của riêng mỗi chúng sanh, trong mình, trong thân ta, trong mình ta, trong phần thân thể con người của ta do nghiệp liên quan ái kiến chấp trước, tức là sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương sắc tứ đại. Đây gọi là sắc bên trong.

∗ ***Sắc bên ngoài*** *đó ra sao?* Những sắc nào ngoài ra thân thể ta mà có ra cho tha nhân, phần của tha nhơn, sanh theo tha nhơn, thuộc về phần tha nhơn mà liên quan với nghiệp ái kiến, tức là sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương sắc tứ đại. Đây gọi là sắc bên ngoài.

5.

* ***Sắc thô*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ. Đây gọi là sắc thô.

* ***Sắc tế*** *đó ra sao?* Như là nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, thân biểu tri, khẩu biểu tri, hư không chất, sắc nhẹ, sắc mềm, sắc thích dụng, sắc sinh *(upacaya)*, sắc thừa kế *(santati)*, sắc lão *(jarata)*, sắc vô thường *(aniccata)* và đoàn thực. Đây gọi là sắc tế.

6.

* ***Sắc xấu*** *đó ra sao?* Những sắc nào đối với chúng sanh đều coi rẻ, đáng gớm, đáng chê, đáng ghê gớm, không thích, không đáng ưa, không đáng ham muốn, xấu xa, ai cũng biết là xấu xa, đều cho rằng xấu xa như là sắc, thinh, khí, vị, xúc (không ưa). Như thế gọi là sắc xấu.

* ***Sắc tốt*** *đó ra sao?* Những sắc nào chúng sanh không coi rẻ, không chê, không gớm, chẳng ghê ghét, đáng ưa, đáng thích, đáng ham, tốt, biết rằng tốt, đều cho là tốt như là sắc, thinh, khí, vị, xúc (đáng ưa). Như thế gọi là sắc tốt. Hay là những sắc tốt xấu do so sánh với sắc khác…

7.

* ***Sắc viễn*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Hoặc có sắc nào khác ở xa, phi cận, chẳng gần sát. Sắc nào như thế đây gọi là sắc viễn.

* ***Sắc cận*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… xúc xứ. Hoặc có sắc nào khác ở gần, ở sát, dựa kế, không xa. Sắc nào như thế đây gọi là sắc cận. Hay là nên biết sắc gần, xa do sự so sánh đối với nó.

2) Thọ uẩn

8.

* ***Thọ uẩn*** *đó ra sao?* Mỗi thọ nào như là quá khứ, hiện tại, vị lai, bên trong, bên ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc gần, hoặc xa gồm chung cho gọn thành nhóm, như thế gọi là thọ uẩn.

9.

* ***Thọ quá khứ*** *đó ra sao?* Những thọ nào đã diệt, đã mất, đã qua, xa lìa rồi, đã biến chuyển, vắng bặt, đã mất hết, đã sanh ra rồi diệt mất, gồm chung lại một thành phần quá khứ, tức là lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Đây gọi là thọ quá khứ.

* ***Thọ vị lai*** *đó ra sao?* Những thọ nào sau này sinh, sẽ sanh, sẽ phát ra đủ, chưa sanh đầy, sẽ hiện bày, chưa phát ra, chưa sanh trụ, sẽ sanh trụ, sau nữa mới phát ra đầy đủ, đều thuộc vị lai nên gồm chung lại thành phần vị lai tức là khổ thọ, lạc thọ, phi khổ phi lạc thọ. Đây gọi là thọ vị lai.

* ***Thọ hiện tại*** *đó ra sao?* Những thọ nào đang có, đang còn, vừa sanh, đang đầy đủ, đang trụ, vững vàng rồi, chưa diệt mất, hiện có đồng đều, hoàn toàn đầy đủ, hiện mỹ mãn trọn thành, thuộc về hiện tại, nên gồm chung lại thuộc về phần hiện tại tức là lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Đây gọi là thọ hiện tại.

10.

* ***Thọ bên trong*** *đó ra sao?* Những thọ nào tự nội riêng của mỗi chúng sanh, trong mình, trong thân ta, trong mình ta, trong phần thân thể con người của ta do nghiệp liên quan ái kiến chấp trước tức là lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Đây gọi là thọ bên trong.

∗ ***Thọ bên ngoài*** *đó ra sao?* Những thọ nào ngoài ra thân thể ta có ra cho tha nhơn, phần của tha nhơn, sanh theo tha nhơn, thuộc về phần của tha nhơn mà liên hệ với nghiệp do ái kiến tức là lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Đây gọi là thọ bên ngoài.

11.

∗ ***Thọ thô*** *và* ***thọ tế*** *đó ra sao?*

- Thọ bất thiện là thọ thô. Thọ thiện và thọ vô ký là thọ tế.
- Thọ thiện và thọ bất thiện là thọ thô. Thọ vô ký là thọ tế.
- Khổ thọ là thọ thô. Lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là thọ tế.
- Lạc thọ và khổ thọ là thọ thô. Phi khổ phi lạc thọ là thọ tế.
- Thọ của người không nhập thiền là thọ thô. Thọ của bực nhập thiền là thọ tế.
- Thọ hưởng cảnh lậu là thọ thô. Thọ hưởng cảnh phi lậu là thọ tế.

Hoặc nên biết thọ thô, thọ tế là do so sánh mỗi bực thọ với thọ.

12.

∗ ***Thọ xấu*** *và* ***thọ tốt*** *đó ra sao?*

- Thọ bất thiện là thọ xấu. Thọ thiện và thọ vô ký là thọ tốt.
- Thọ thiện và thọ bất thiện là thọ xấu. Thọ vô ký là thọ tốt.
- Khổ thọ là thọ xấu. Lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là thọ tốt.
- Lạc thọ và khổ thọ là thọ xấu. Phi khổ phi lạc thọ là thọ tốt.
- Thọ của người không nhập thiền là thọ xấu. Thọ của bậc nhập thiền là thọ tốt.
- Thọ hưởng cảnh lậu là thọ xấu. Thọ hưởng phi cảnh lậu là thọ tốt.

Hoặc nên biết thọ xấu, thọ tốt bằng cách so sánh mỗi bực thọ với thọ.

13.

∗ ***Thọ viễn*** *đó ra sao?*

- Thọ bất thiện xa lìa thọ thiện và thọ vô ký.
- Thọ thiện và thọ vô ký xa lìa thọ bất thiện.
- Thọ thiện là thọ xa lìa thọ bất thiện và thọ vô ký.
- Thọ bất thiện và thọ vô ký là thọ xa lìa với thọ thiện.
- Thọ vô ký là thọ xa lìa với thọ thiện và thọ bất thiện.
- Thọ thiện và thọ bất thiện là thọ xa lìa thọ vô ký.
- Khổ thọ là thọ xa lìa lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ.
- Lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là thọ xa lìa khổ thọ.
- Lạc thọ là thọ xa lìa khổ thọ và phi khổ phi lạc thọ.
- Khổ thọ và phi khổ phi lạc thọ là thọ xa lìa lạc thọ.
- Phi khổ phi lạc thọ là thọ xa lìa lạc thọ và khổ thọ.
- Lạc thọ và khổ thọ là thọ xa lìa phi khổ phi lạc thọ.
- Thọ của người không nhập thiền là thọ xa lìa thọ của bực nhập thiền.
- Thọ của bực nhập thiền là thọ xa lìa thọ của người không nhập thiền.
- Thọ mà thành cảnh của lậu là thọ xa lìa thọ mà không thành cảnh của lậu.
- Thọ không thành cảnh của lậu là thọ xa lìa thọ mà thành cảnh của lậu.

Đây gọi là thọ viễn.

∗ ***Thọ cận*** *đó ra sao?*

- Thọ bất thiện là thọ gần với thọ bất thiện.
- Thọ thiện là thọ gần với thọ thiện.
- Thọ vô ký là thọ gần với thọ vô ký.
- Khổ thọ là thọ gần với khổ thọ.

- Lạc thọ là thọ gần với lạc thọ.
- Phi khổ phi lạc thọ là thọ gần với phi khổ phi lạc thọ.
- Thọ của người không nhập thiền là thọ gần với thọ của người không nhập thiền.
- Thọ của bực nhập thiền là thọ gần với thọ của bực nhập thiền.
- Thọ mà thành cảnh của lậu là thọ gần với thọ thành cảnh của lậu.
- Thọ mà không thành cảnh của lậu là thọ gần với thọ không thành cảnh của lậu. Đây gọi là thọ cận.

Hoặc nên biết thọ gần, thọ xa là do theo sự so sánh mỗi bực mỗi thọ.

3) Tưởng uẩn

14.

Tưởng uẩn *đó ra sao?* Mỗi tưởng nào như là quá khứ, hiện tại, vị lai, bên trong, bên ngoài, tưởng thô, tưởng tế, tưởng tốt, tưởng xấu, tưởng gần, tưởng xa gồm chung lại một cho dón gọn. Đây gọi là tưởng uẩn.

15.

* ***Tưởng quá khứ*** *đó ra sao?* Những tưởng nào đã diệt, đã mất, đã qua, xa lìa rồi, đã biến chuyển, vắng bặt, đã mất hết, đã sanh ra rồi diệt mất, gồm chung lại một thành phần quá khứ như là tưởng nhãn xúc, tưởng nhĩ xúc, tưởng tỷ xúc, tưởng thiệt xúc, tưởng thân xúc, tưởng ý xúc, thuộc tưởng quá khứ, yếu hiệp trong phần quá khứ.
* ***Tưởng vị lai*** *đó ra sao?* Những tưởng nào sau này sinh, sẽ sanh, sẽ phát ra đủ, chưa sanh đầy, sẽ hiện bày, chưa phát ra, chưa sanh trụ, sẽ sanh trụ, sau sẽ phát ra đầy đủ, như là tưởng nhãn xúc… tưởng ý xúc, thuộc về vị lai, yếu hiệp trong phần vị lai.
* ***Tưởng hiện tại*** *đó ra sao?* Những tưởng nào đang có, đang còn, vừa sanh, đang đầy đủ, đang trụ, đã vững vàng, chưa diệt mất, hiện có đồng đều, hoàn toàn đầy đủ, hiện mỹ mãn trọn thành, thuộc về hiện tại, yếu hiệp thành phần hiện tại.

16.

* ***Tưởng bên trong*** *đó ra sao?* Những tưởng nào trong tự phần của mỗi chúng sanh, trong mình, trong thân ta, trong mình ta, trong phần thân thể con người của ta do nghiệp liên quan ái kiến chấp trước như là tưởng nhãn xúc… tưởng ý xúc. Đây gọi là tưởng bên trong.
* ***Tưởng bên ngoài*** *đó ra sao?* Những tưởng nào sanh cho tha nhơn ngoài ra tâm ta, phần của tha nhơn, sanh theo tha nhơn, thuộc về phần của tha nhơn mà liên hệ với nghiệp do ái kiến chấp trước như là tưởng nhãn xúc… tưởng ý xúc. Như thế gọi là tưởng bên ngoài.

17.

* ***Tưởng thô*** *và* ***tưởng tế*** *đó ra sao?*
  - Tưởng mà sanh từ nơi xúc phẫn nhuế (tức là tưởng sanh từ ngũ môn) là tưởng thô. Tưởng mà sanh từ xúc vô phóng dật (là tưởng sanh từ ý môn) là tưởng tế.
  - Tưởng bất thiện là tưởng thô. Tưởng thiện và tưởng vô ký là tưởng tế.
  - Tưởng thiện và tưởng bất thiện là tưởng thô. Tưởng vô ký là tưởng tế.
  - Tưởng tương ưng khổ thọ là tưởng thô. Tưởng tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là tưởng tế.
  - Tưởng tương ưng lạc thọ và khổ thọ là tưởng thô. Tưởng tương ưng phi khổ phi lạc thọ là tưởng tế.

- Tưởng của người không nhập thiền là tưởng thô. Tưởng của bực nhập thiền là tưởng tế.
- Tưởng mà thành cảnh của lậu là tưởng thô. Tưởng không thành cảnh của lậu là tưởng tế.

Hoặc nên biết tưởng thô và tưởng tế bằng cách so sánh mỗi bực mỗi cách tưởng.

18.

* ***Tưởng xấu*** *và* ***tưởng tốt*** *đó ra sao?*

- Tưởng bất thiện là tưởng xấu. Tưởng thiện và tưởng vô ký là tưởng tốt.
- Tưởng thiện và tưởng bất thiện là tưởng xấu. Tưởng vô ký là tưởng tốt.
- Tưởng tương ưng khổ thọ là tưởng xấu. Tưởng tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là tưởng tốt.
- Tưởng tương ưng lạc thọ và khổ thọ là tưởng xấu. Tưởng tương ưng phi khổ phi lạc thọ là tưởng tốt.
- Tưởng của người không nhập thiền là tưởng xấu. Tưởng của bực nhập thiền là tưởng tốt.
- Tưởng mà thành cảnh của lậu là tưởng xấu. Tưởng không thành cảnh của lậu là tưởng tốt.

Cũng nên biết tưởng tốt, tưởng xấu bằng cách so sánh mỗi bực mỗi tưởng.

19.

* ***Tưởng viễn*** *đó ra sao?*

- Tưởng bất thiện là tưởng viễn ly tưởng thiện và tưởng vô ký.
- Tưởng thiện và tưởng vô ký là tưởng viễn ly tưởng bất thiện.
- Tưởng thiện là tưởng viễn ly tưởng bất thiện và tưởng vô ký.
- Tưởng bất thiện và tưởng vô ký là tưởng viễn ly tưởng thiện.
- Tưởng vô ký là tưởng viễn ly tưởng thiện và tưởng bất thiện.
- Tưởng thiện và tưởng bất thiện là tưởng viễn ly tưởng vô ký.
- Tưởng mà tương ưng với khổ thọ là tưởng viễn ly với tưởng tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ.
- Tưởng mà tương ưng với lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là tưởng viễn ly với tưởng tương ưng khổ thọ.
- Tưởng mà tương ưng với lạc thọ là tưởng viễn ly với tưởng tương ưng khổ thọ và phi khổ phi lạc thọ.
- Tưởng mà tương ưng với khổ thọ và phi khổ phi lạc thọ là tưởng viễn ly với tưởng tương ưng lạc thọ.
- Tưởng mà tương ưng với phi khổ phi lạc thọ là tưởng viễn ly với tưởng tương ưng lạc thọ và khổ thọ.
- Tưởng mà tương ưng với lạc thọ và khổ thọ là tưởng viễn ly với tưởng tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Tưởng của người không nhập thiền là tưởng viễn ly với tưởng của bực nhập thiền.
- Tưởng của bực nhập thiền là tưởng viễn ly với tưởng của người không nhập thiền.
- Tưởng mà thành cảnh của lậu là tưởng viễn ly với tưởng không thành cảnh của lậu.
- Tưởng mà không thành cảnh của lậu là tưởng viễn ly với tưởng thành cảnh của lậu.

Đây gọi là tưởng viễn.

* ***Tưởng cận*** *đó ra sao?*

- Tưởng bất thiện là tưởng gần với tưởng bất thiện.

- Tưởng thiện là tưởng gần với tưởng thiện.
- Tưởng vô ký là tưởng gần với tưởng vô ký.
- Tưởng tương ưng khổ thọ là tưởng gần với tưởng tương ưng khổ thọ.
- Tưởng tương ưng lạc thọ là tưởng gần với tưởng tương ưng lạc thọ.
- Tưởng tương ưng phi khổ phi lạc thọ là tưởng gần với tưởng tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Tưởng của người không nhập thiền là tưởng gần với tưởng của người không nhập thiền.
- Tưởng của bực nhập thiền là tưởng gần với tưởng của bực nhập thiền.
- Tưởng mà thành cảnh của lậu là tưởng gần với tưởng thành cảnh của lậu.
- Tưởng mà không thành cảnh của lậu là tưởng gần với tưởng không thành cảnh của lậu.

Đây gọi là tưởng cận.

Hoặc nên biết tưởng cận, tưởng viễn là do nương theo sự so sánh mỗi bực mỗi tưởng.

4) Hành uẩn

20.

Hành uẩn trong khi *đó ra sao?* Mỗi hành nào là quá khứ, hiện tại, vị lai, bên trong, bên ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc gần, hoặc xa, thuộc về hành, gồm chung lại một theo phần hành. Đây gọi là hành uẩn.

21.

* ***Hành quá khứ*** *đó ra sao?* Những hành nào đã diệt, đã mất, đã qua, xa lìa rồi, đã biến chuyển, vắng bặt, đã mất hết, đã sanh ra rồi diệt mất, gồm chung lại một thành phần quá khứ, tư nhãn xúc, tư nhĩ xúc, tư tỷ xúc, tư thiệt xúc, tư thân xúc, tư ý xúc. Đây gọi là hành quá khứ.

* ***Hành vị lai*** *đó ra sao?* Những hành nào sau này sinh, sẽ sanh, sẽ phát ra đủ, chưa sanh đầy, sẽ hiện bày, chưa phát ra, chưa sanh trụ, sẽ sanh trụ, sau sẽ phát ra đầy đủ như là tư nhãn xúc… tư ý xúc. Đây gọi là hành vị lai.

* ***Hành hiện tại*** *đó ra sao?* Những hành nào đang có, đang còn, vừa sanh, đang đầy đủ, đang trụ, đã vững vàng, chưa diệt mất, hiện có đồng đều, hoàn toàn đầy đủ, hiện mỹ mãn trọn thành, thuộc về hiện tại nên gồm chung lại sắp thành phần hiện tại. Đây gọi là hành hiện tại.

22.

* ***Hành bên trong*** *đó ra sao?* Hành nào mà của tự mỗi chúng sanh có ra cho ta, phần ta, sanh trong ta, riêng phần người mà thủ chấp trước như là tư nhãn xúc… tư ý xúc. Đây gọi là hành bên trong.

* ***Hành bên ngoài*** *đó ra sao?* Những hành nào là của mỗi chúng sanh, riêng người khác, về phần của người, chấp trước phần ta, sanh trong ta, có cho ta như là tư nhãn xúc… tư ý xúc. Đây gọi là hành bên ngoài.

23.

* ***Hành thô*** *và* ***hành tế*** *đó ra sao?*
  - Hành bất thiện là hành thô. Hành thiện và hành vô ký là hành tế.

- Hành thiện và hành bất thiện là hành thô. Hành vô ký là hành tế.
- Hành tương ưng khổ thọ là hành thô. Hành tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là hành tế.
- Hành tương ưng với lạc thọ và khổ thọ là hành thô. Hành tương ưng với phi khổ phi lạc thọ là hành tế.
- Hành của người không nhập thiền là hành thô. Hành của bực nhập thiền là hành tế.
- Hành mà thành cảnh của lậu là hành thô. Hành không thành cảnh của lậu là hành tế.

Hoặc nên biết hành thô và hành tế do nương theo so sánh mỗi hành và mỗi bực.

24.

∗ ***Hành xấu*** *và* ***hành tốt*** *đó ra sao?*

- Hành bất thiện là hành xấu. Hành thiện và hành vô ký là hành tốt.
- Hành thiện và hành bất thiện là hành xấu. Hành vô ký là hành tốt.
- Hành mà tương ưng với khổ thọ là hành xấu. Hành tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là hành tốt.
- Hành tương ưng với lạc thọ và khổ thọ là hành xấu. Hành tương ưng với phi khổ phi lạc thọ là hành tốt.
- Hành của người không nhập thiền là hành xấu. Hành của bực nhập thiền là hành tốt.
- Hành mà thành cảnh của lậu là hành xấu. Hành không thành cảnh của lậu là hành tốt.

Hoặc nên biết hành xấu và hành tốt do nương theo sự so sánh mỗi hành mỗi bực.

25.

∗ ***Hành viễn*** *đó ra sao?*

- Hành bất thiện là hành viễn ly với hành thiện và hành vô ký.
- Hành thiện và hành vô ký là hành viễn ly với hành bất thiện.
- Hành thiện là hành viễn ly với hành bất thiện và hành vô ký.
- Hành bất thiện và hành vô ký là hành viễn ly với hành thiện.
- Hành vô ký là hành viễn ly với hành thiện và hành bất thiện.
- Hành thiện và hành bất thiện là hành viễn ly với hành vô ký.
- Hành tương ưng khổ thọ là hành viễn ly với hành tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ.
- Hành tương ưng với lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là hành viễn ly với hành tương ưng khổ thọ.
- Hành tương ưng lạc thọ là hành viễn ly với hành tương ưng khổ thọ và phi khổ phi lạc thọ.
- Hành tương ưng khổ thọ và hành tương ung phi khổ phi lạc thọ là hành viễn ly với hành tương ưng lạc thọ.
- Hành tương ưng với phi khổ phi lạc thọ là hành viễn ly với hành tương ưng lạc thọ và khổ thọ.
- Hành tương ưng với lạc thọ và khổ thọ là hành viễn ly với hành tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Hành của người không nhập thiền là hành viễn ly với hành của bực nhập thiền.
- Hành của bực nhập thiền là hành viễn ly với hành của người không nhập thiền.
- Hành mà thành cảnh của lậu là hành viễn ly với hành không thành cảnh của lậu.
- Hành không thành cảnh của lậu là hành viễn ly với hành mà thành cảnh của lậu.

Đây gọi là hành viễn.

∗ ***Hành cận*** *đó ra sao?*

- Hành bất thiện là hành cận với hành bất thiện.
- Hành thiện là hành cận với hành thiện.
- Hành vô ký là hành cận với hành vô ký.
- Hành tương ưng khổ thọ là hành cận với hành tương ưng khổ thọ.
- Hành tương ưng lạc thọ là hành cận với hành tương ưng lạc thọ.
- Hành tương ưng phi khổ phi lạc thọ là hành cận với hành tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Hành của người không nhập thiền là hành cận với hành của người không nhập thiền.
- Hành của bực nhập thiền là hành cận với hành của bực nhập thiền.
- Hành mà thành cảnh của lậu là hành cận với hành thành cảnh của lậu.
- Hành không thành cảnh của lậu là hành cận với hành không thành cảnh của lậu.

Đây gọi là hành cận.

Hoặc nên biết hành viễn, hành cận là do nương so sánh mỗi hành và mỗi bực.

5) Thức uẩn

26.

Thức uẩn *đó ra sao?* Mỗi thức nào là quá khứ, hiện tại, vị lai, bên trong, bên ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc gần, hoặc xa, dón gọn lại chung thành một gọi là thức uẩn.

27.

* ***Thức quá khứ*** *đó ra sao?* Thức nào đã diệt, đã mất, đã qua, xa lìa rồi, đã biến chuyển, vắng bặt, đã mất hết, đã sanh ra rồi diệt mất, thuộc về quá khứ, yếu hiệp thành phần quá khứ, như là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Đây gọi là thức quá khứ.

* ***Thức vị lai*** *đó ra sao?* Thức nào sau này sinh, sẽ sanh, sẽ phát ra đủ, chưa sanh đầy, sẽ hiện bày, chưa phát ra, chưa sanh trụ, sẽ sanh trụ, sau sẽ phát ra đầy đủ, thuộc về vị lai, yếu hiệp thành phần vị lai như là nhãn thức… ý thức. Đây gọi là thức vị lai.

* ***Thức hiện tại*** *đó ra sao?* Thức nào đang có, đang còn, vừa sanh, đang đầy đủ, đang trụ, đã vững vàng, chưa diệt mất, hiện có đồng đều, hoàn toàn đầy đủ, hiện mỹ mãn trọn thành, thuộc về hiện tại, yếu hiệp thành phần hiện tại như là nhãn thức… ý thức. Đây gọi là thức hiện tại.

28.

* ***Thức bên trong*** *đó ra sao?* Thức nào riêng của mỗi chúng sanh chấp trước như là có nơi mình, phần mình, sanh trong mình, phần của mỗi người, nhân riêng của mỗi người như là nhãn thức… ý thức. Đây gọi là thức bên trong.

* ***Thức bên ngoài*** *đó ra sao?* Thức nào mà của chúng sanh khác thuộc phần tha nhơn, riêng chấp tự phần trong người của tha nhơn, sanh cho tha nhơn, có cho tha nhơn, riêng về phần tha nhơn như là nhãn thức… ý thức. Đây gọi là thức bên ngoài.

29.

* ***Thức thô*** *và* ***thức tế*** *đó ra sao?*
  - Thức bất thiện là thức thô. Thức thiện và thức vô ký là thức tế.
  - Thức thiện và thức bất thiện là thức thô. Thức vô ký là thức tế.
  - Thức tương ưng khổ thọ là thức thô. Thức tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là thức tế.

- Thức tương ưng lạc thọ và khổ thọ là thức thô. Thức tương ưng phi khổ phi lạc thọ là thức tế.
- Thức của người không nhập thiền là thức thô. Thức của bực nhập thiền là thức tế.
- Thức mà thành cảnh của lậu là thức thô. Thức không thành cảnh của lậu là thức tế.

Hoặc nên biết thức thô và thức tế là do nương theo cách so sánh mỗi thức và mỗi bực.

30.

* ***Thức xấu*** *và* ***thức tốt*** *đó ra sao?*

- Thức bất thiện là thức xấu. Thức thiện và thức vô ký là thức tốt.
- Thức thiện và thức bất thiện là thức xấu. Thức vô ký là thức tốt.
- Thức tương ưng với khổ thọ là thức xấu. Thức tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là thức tốt.
- Thức tương ưng với lạc thọ và khổ thọ là thức xấu. Thức tương ưng phi khổ phi lạc thọ là thức tốt.
- Thức của người không nhập thiền là thức xấu. Thức của bực nhập thiền là thức tốt.
- Thức mà thành cảnh của lậu là thức xấu. Thức không thành cảnh của lậu là thức tốt.

Hoặc nên biết thức tốt và thức xấu là do nương theo so sánh mỗi thức mỗi bực.

31.

* ***Thức viễn*** *đó ra sao?*

- Thức bất thiện là thức xa với thức thiện và thức vô ký.
- Thức thiện và thức vô ký là thức xa với thức bất thiện.
- Thức thiện là thức xa với thức bất thiện và thức vô ký.
- Thức bất thiện và thức vô ký là thức xa với thức thiện.
- Thức vô ký là thức xa với thức thiện và thức bất thiện.
- Thức thiện và thức bất thiện là thức xa với thức vô ký.
- Thức tương ưng khổ thọ là thức xa với thức tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ.
- Thức tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là thức xa với thức tương ưng khổ thọ.
- Thức tương ưng lạc thọ là thức xa với thức tương ưng với khổ thọ và phi khổ phi lạc thọ.
- Thức tương ưng khổ thọ và phi khổ phi lạc thọ là thức xa với thức tương ưng lạc thọ.
- Thức tương ưng phi khổ phi lạc thọ là thức xa với thức tương ưng lạc thọ và khổ thọ.
- Thức tương ưng lạc thọ và khổ thọ là thức xa với thức tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Thức của người không nhập thiền là thức xa với thức của bực nhập thiền.
- Thức của bực nhập thiền là thức xa với thức của người không nhập thiền.
- Thức mà thành cảnh của lậu là thức xa với thức không thành cảnh của lậu.
- Thức không thành cảnh của lậu là thức xa với thức thành cảnh của lậu.

Đây gọi là thức viễn.

* ***Thức cận*** *đó ra sao?*

- Thức bất thiện là thức gần với thức bất thiện.
- Thức thiện là thức gần với thức thiện.
- Thức vô ký là thức gần với thức vô ký.

- Thức tương ưng khổ thọ là thức gần với thức tương ưng khổ thọ.
- Thức tương ưng lạc thọ là thức gần với thức tương ưng lạc thọ.
- Thức tương ưng phi khổ phi lạc thọ là thức gần với thức tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Thức của người không nhập thiền là thức gần với thức của người không nhập thiền.
- Thức của bực nhập thiền là thức gần với thức của bực nhập thiền.
- Thức mà thành cảnh của lậu là thức gần với thức thành cảnh của lậu.
- Thức mà không thành cảnh của lậu là thức gần với thức không thành cảnh của lậu.

Đây gọi là thức cận.

Hoặc nên biết thức viễn, thức cận nương theo so sánh riêng mỗi thức thành ra mỗi bực.

Dứt phần phân theo Kinh

B. UẨN PHÂN TÍCH PHÂN THEO DIỆU PHÁP

32.

Ngũ uẩn tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

1) Sắc uẩn đó ra sao?

33.

Sắc uẩn phân phần thành một như là tất cả sắc pháp thành phi nhân, thành vô nhân, thành bất tương ưng nhân, thành hữu duyên, thành hữu vi, thành sắc, thành hiệp thế, thành hữu lậu, thành cảnh triền, thành cảnh phược, thành cảnh bộc, thành cảnh phối, thành cảnh cái, thành cảnh khinh thị, thành cảnh thủ, thành cảnh phiền não, thành vô ký, thành cảnh vô tri, thành phi sở hữu, thành bất tương ưng tâm, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân, thành phi phiền toái cảnh phiền não, thành phi hữu tầm hữu tứ, thành phi vô tầm hữu tứ, thành vô tầm vô tứ, thành phi đồng sanh (pháp) hỷ, thành phi đồng sanh lạc, thành phi đồng sanh xả, chẳng phải pháp sơ đạo hay ba đạo cao tuyệt trừ, chẳng phải pháp hữu nhân sơ đạo hay ba đạo cao tuyệt trừ, phi nhân sanh tử, phi nhân đến Níp-bàn, phi hữu học phi vô học, cũng thành hy thiểu, thành Dục giới, phi Sắc giới, phi Vô sắc giới, liên quan luân hồi, chẳng phải không liên quan luân hồi, cũng thành bất định, thành phi nhân xuất luân hồi, thành sanh tồn, lục thức biết đặng, bị vô thường bị lão ép uổng. Sắc uẩn phân phần thành một bằng cách như thế.

34.

Sắc uẩn phân phần thành hai như là sắc thủ, sắc phi thủ, sắc do thủ, sắc phi do thủ, sắc thủ cảnh thủ, sắc phi do thủ cảnh thủ, sắc kiến, sắc bất kiến, sắc hữu đối chiếu, sắc vô đối chiếu, sắc quyền, sắc phi quyền, sắc đại sung, sắc phi đại sung, sắc biểu tri, sắc phi biểu tri, sắc y tâm, sắc bất y tâm, sắc đồng còn với tâm, sắc không đồng còn với tâm, sắc tùng hành với tâm, sắc không tùng hành với tâm, sắc nội phần, sắc ngoại phần, sắc thô, sắc tế, sắc viễn, sắc cận, sắc đoàn thực, sắc phi đoàn thực. Sắc uẩn phân phần làm hai bằng cách như thế.

35.

Sắc uẩn phân phần thành ba như là sắc nội thành thủ, sắc ngoại thành thủ, sắc ngoại phi thủ, sắc nội do thủ, sắc ngoại do thủ, sắc ngoại bất do thủ, sắc nội do thủ cảnh thủ, sắc ngoại do thủ cảnh thủ, sắc ngoại bất do thủ cảnh thủ… sắc nội đoàn thực, sắc ngoại đoàn thực, sắc ngoại phi đoàn thực. Sắc uẩn phân phần thành ba như thế.

36.

Sắc uẩn phân phần thành bốn như là sắc thủ thành do thủ, sắc thủ phi thành do thủ, sắc phi thủ thành do thủ, sắc phi thủ phi thành do thủ, sắc thủ do thủ cảnh thủ, sắc thủ phi do thủ cảnh thủ, sắc phi thủ do thủ cảnh thủ, sắc phi thủ phi do thủ cảnh thủ, sắc thủ hữu đối chiếu, sắc thủ vô đối chiếu, sắc phi thủ hữu đối chiếu, sắc phi thủ vô đối chiếu, sắc thủ thô, sắc thủ tế, sắc phi thủ mà thô, sắc phi thủ mà tế, sắc thủ viễn, sắc thủ cận, sắc phi thủ mà viễn, sắc phi thủ mà cận… sắc thấy, sắc nghe, sắc ngửi, sắc biết. Sắc uẩn phân phần thành bốn như thế.

37.

Sắc uẩn phân phần thành năm như là địa chất, thủy chất, hỏa chất, phong chất, sắc y sinh. Sắc uẩn phân phần thành năm như thế.

38.

Sắc uẩn phân phần thành sáu như là sắc nhãn thức biết, sắc nhĩ thức biết, sắc tỷ thức biết, sắc thiệt thức biết, sắc thân thức biết, sắc ý thức biết… Sắc uẩn phân phần thành sáu bằng cách như thế.

39.

Sắc uẩn phân phần thành bảy như là sắc nhãn thức biết… sắc ý giới biết, sắc ý thức giới biết. Sắc uẩn phân phần thành bảy bằng cách như thế.

40.

Sắc uẩn phân phần thành tám như là sắc nhãn thức biết… sắc thân thức xúc lạc biết, sắc thân thức xúc khổ biết, sắc ý giới biết, sắc ý thức giới biết. Sắc uẩn phân phần thành tám bằng cách như thế.

41.

Sắc uẩn phân phần thành chín như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền và sắc phi quyền. Sắc uẩn phân phần thành chín bằng cách như thế.

42.

Sắc uẩn phân phần thành mười như là nhãn quyền… mạng quyền, sắc phi quyền mà hữu đối chiếu, sắc phi quyền mà vô đối chiếu. Sắc uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

43.

Sắc uẩn phân phần thành mười một như là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ và sắc không thấy không đối chiếu liên quan trong pháp xứ. Sắc uẩn phân phần thành mười một bằng cách như thế.
Đây gọi là sắc uẩn.

2) Thọ uẩn đó ra sao?

44.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc.
* Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn hữu nhơn, thọ uẩn vô nhơn.
* Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thiện, thọ uẩn bất thiện và thọ uẩn vô ký.
* Thọ uẩn phân phần thành bốn như là thọ uẩn Dục giới, thọ uẩn Sắc giới, thọ uẩn Vô sắc giới và thọ uẩn siêu thế.
* Thọ uẩn phân phần thành năm như là thọ uẩn lạc quyền, thọ uẩn khổ quyền, thọ uẩn hỷ quyền, thọ uẩn ưu quyền, thọ uẩn xả quyền. Thọ uẩn phân phần thành năm bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành sáu như là thọ nhãn xúc, thọ nhĩ xúc, thọ tỷ xúc, thọ thiệt xúc, thọ thân xúc, thọ ý xúc. Thọ uẩn phân phần thành sáu bằng cách như thế.
* Thọ uẩn phân phần thành bảy như là thọ nhãn xúc… thọ thân xúc, thọ ý giới xúc, thọ ý thức giới xúc. Thọ uẩn phân phần thành bảy bằng cách như thế.
* Thọ uẩn phân phần thành tám như là thọ nhãn xúc… thọ thân lạc xúc, thọ thân khổ xúc, thọ ý giới xúc, thọ ý thức giới xúc. Thọ uẩn phân phần thành tám bằng cách như thế.
* Thọ uẩn phân phần thành chín như là thọ nhãn xúc… thọ thân xúc, thọ ý giới xúc, thọ ý thức giới thiện xúc, thọ ý thức giới bất thiện xúc, thọ ý thức giới vô ký xúc. Thọ uẩn phân phần thành chín bằng cách như thế.
* Thọ uẩn phân phần thành mười như là thọ nhãn xúc… thọ thân lạc xúc, thọ thân khổ xúc, thọ ý giới xúc, thọ ý thức giới thiện xúc, thọ ý thức giới bất thiện xúc, thọ ý thức giới vô ký xúc. Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

45.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc.
* Thọ uẩn phân phần thành hai tức là thọ uẩn hữu nhơn, thọ uẩn vô nhơn.
* Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn dị thục quả, thọ uẩn dị thục nhân, thọ uẩn phi dị thục quả phi dị thục nhân.
* Thọ uẩn thành do thủ cảnh thủ, phi thành do thủ cảnh thủ, phi do thủ phi cảnh thủ.
* Thọ uẩn phiền não cảnh phiền toái, phi phiền não cảnh phiền toái và phi phiền não phi cảnh phiền toái.
* Thọ uẩn hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ.
* Thọ uẩn sơ đạo tuyệt trừ, ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Thọ uẩn hữu nhơn sơ đạo tuyệt trừ, hữu nhơn ba đạo cao tuyệt trừ, phi hữu nhơn sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Thọ uẩn nhân sanh tử, nhân đến Níp-bàn, phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn.
* Thọ uẩn hữu học, vô học, phi hữu học phi vô học.
* Thọ uẩn hy thiểu, đáo đại, vô lượng.
* Thọ uẩn thành cảnh hy thiểu, thành cảnh đáo đại, thành cảnh vô lượng.
* Thọ uẩn thành ty hạ, thành trung bình, thành tinh lương.
* Thọ uẩn thành tà cho quả nhất định, thành chánh cho quả nhất định, thành bất định (cả hai).
* Thọ uẩn có đạo là cảnh, có đạo là nhơn, có đạo là trưởng.
* Thọ uẩn sanh tồn, phi sanh tồn, sẽ sanh.
* Thọ uẩn quá khứ, vị lai, hiện tại.
* Thọ uẩn cảnh quá khứ, cảnh vị lai, cảnh hiện tại.
* Thọ uẩn nội phần, ngoại phần, nội và ngoại phần.
* Thọ uẩn cảnh nội phần, cảnh ngoại phần, cảnh nội và ngoại…

Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

46.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc.
* Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn tương ưng nhân, bất tương ưng nhân.
* Thọ uẩn phi nhân hữu nhân, phi nhân vô nhân.

* Thọ uẩn thành hiệp thế, thành siêu thế.
* Thọ uẩn có tâm biết đặng, có tâm không biết đặng.

* Thọ uẩn thành hữu lậu, thành vô lậu.
* Thọ uẩn tương ưng lậu, bất tương ưng lậu.
* Thọ uẩn thành lậu bất tương ưng lậu, phi lậu bất tương ưng lậu.

* Thọ uẩn thành cảnh triền, thành phi cảnh triền.
* Thọ uẩn tương ưng triền, bất tương ưng triền.
* Thọ uẩn triền bất tương ưng triền, phi triền bất tương ưng triền.

* Thọ uẩn thành cảnh phược, thành phi cảnh phược.
* Thọ uẩn tương ưng phược, bất tương ưng phược.
* Thọ uẩn bất tương ưng phược cảnh phược, bất tương ưng phược phi cảnh phược.

* Thọ uẩn thành cảnh bộc, thành phi cảnh bộc.
* Thọ uẩn tương ưng bộc, bất tương ưng bộc.
* Thọ uẩn bất tương ưng bộc cảnh bộc, bất tương ưng bộc phi cảnh bộc.

* Thọ uẩn thành cảnh phối, thành phi cảnh phối.
* Thọ uẩn tương ưng phối, bất tương ưng phối.
* Thọ uẩn bất tương ưng phối cảnh phối, bất tương ưng phối phi cảnh phối.

* Thọ uẩn thành cảnh cái, thành phi cảnh cái.
* Thọ uẩn tương ưng cái, bất tương ưng cái.
* Thọ uẩn bất tương ưng cái cảnh cái, bất tương ưng cái phi cảnh cái.

* Thọ uẩn thành cảnh khinh thị, thành phi cảnh khinh thị.
* Thọ uẩn tương ưng khinh thị, bất tương ưng khinh thị.
* Thọ uẩn bất tương ưng khinh thị mà khinh thị, bất tương ưng khinh thị phi khinh thị.

* Thọ uẩn thành do thủ, phi thành do thủ.
* Thọ uẩn thành cảnh thủ, phi cảnh thủ
* Thọ uẩn tương ưng thủ, bất tương ưng thủ.
* Thọ uẩn bất tương ưng thủ mà cảnh thủ, bất tương ưng thủ mà phi cảnh thủ.

* Thọ uẩn cảnh phiền não, phi cảnh phiền não.
* Thọ uẩn cảnh phiền toái, phi cảnh phiền toái.
* Thọ uẩn tương ưng phiền não, bất tương ưng phiền não.
* Thọ uẩn bất tương ưng phiền não mà cảnh phiền não, bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não.

* Thọ uẩn sơ đạo tuyệt trừ, phi sơ đạo tuyệt trừ.
* Thọ uẩn ba đạo cao tuyệt trừ, phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Thọ uẩn hữu nhơn sơ đạo tuyệt trừ, hữu nhơn phi sơ đạo tuyệt trừ.
* Thọ uẩn hữu nhơn ba đạo cao tuyệt trừ, phi hữu nhơn ba đạo cao tuyệt trừ.

* Thọ uẩn hữu tầm, vô tầm.
* Thọ uẩn hữu tứ, vô tứ.

* Thọ uẩn thành hữu hỷ, thành vô hỷ.
* Thọ uẩn đồng sanh hỷ, phi đồng sanh hỷ.

* Thọ uẩn Dục giới, phi Dục giới.
* Thọ uẩn Sắc giới, phi Sắc giới.
* Thọ uẩn Vô sắc giới, phi Vô sắc giới.

* Thọ uẩn liên quan luân hồi, bất liên quan luân hồi.
* Thọ uẩn nhân xuất luân hồi, phi nhân xuất luân hồi.
* Thọ uẩn thành nhất định, thành bất định.
* Thọ uẩn thành hữu thượng, thành vô thượng.
* Thọ uẩn thành hữu y, thành vô y.
* Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký…

Thọ uẩn phân phần thành mười theo cách như thế.

47.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc.
* Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành hữu y, thành vô y.
* Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân.
* Thọ uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại…

Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Phần căn tam đề

48.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành hữu y, thành vô y. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân. Thọ uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành hữu y, thành vô y. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân. Thọ uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần căn tam đề

Phần lưỡng lợi *(Ubhatovaḍḍhakavāra).*

49.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Thọ uẩn phân phần thành ba như là

thọ uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn tương ưng nhân, bất tương ưng nhân. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành phi nhân hữu nhân, thành phi nhân vô nhân. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành thủ cảnh thủ, thành phi thủ cảnh thủ, thành phi thủ phi cảnh thủ… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành hiệp thế, thành siêu thế. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành phiền não cảnh phiền toái, thành phiền não phi cảnh phiền toái, thành phi phiền não phi cảnh phiền toái… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành có tâm biết đặng, thành có tâm không biết đặng. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành hữu tầm hữu tứ, thành vô tầm hữu tứ, thành vô tầm vô tứ… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành hữu lậu, thành phi lậu. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn tương ưng lậu, bất tương ưng lậu. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành lậu bất tương ưng lậu, phi lậu bất tương ưng lậu. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành nhân sanh tử, thành nhân đến Níp-bàn, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành cảnh triền, thành phi cảnh triền. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành hữu học, thành vô học, thành phi hữu học phi vô học… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn tương ưng triền, bất tương ưng triền. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành hy thiểu, thành đáo đại, thành vô lượng… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành triền bất tương ưng triền, phi triền bất tương ưng triền. Thọ

uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành cảnh hy thiểu, thành cảnh đáo đại, thành cảnh vô lượng… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành cảnh phược, thành phi cảnh phược. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành ty hạ, thành trung bình, thành tinh lương… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn tương ưng phược, bất tương ưng phược. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành tà cho quả nhất định, thành chánh cho quả nhất định, thành bất định (cả hai)… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn bất tương ưng triền cảnh triền, thọ uẩn bất tương ưng triền phi cảnh triền. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn có đạo là cảnh, có đạo là nhân, có đạo là trưởng… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành cảnh bộc, thành phi cảnh bộc. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành sanh tồn, thành phi sanh tồn, thành sẽ sanh… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn tương ưng bộc, bất tương ưng bộc. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành quá khứ, thành vị lai, thành hiện tại… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn bất tương ưng bộc mà cảnh bộc, bất tương ưng bộc phi cảnh bộc. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành cảnh quá khứ, thành cảnh vị lai, thành cảnh hiện tại… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành cảnh phối, thành phi cảnh phối. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành nội phần, thành ngoại phần, thành nội và ngoại phần… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành tương ưng phối, thành bất tương ưng phối. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần lưỡng lợi

Phần phân đa

50.

* Thọ uẩn phân phần thành bảy như là thọ uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thọ uẩn phân phần thành bảy theo cách như thế.

* Cách nữa, thọ uẩn phân phần thành bảy như là thọ uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân… thọ uẩn thành cảnh nội, thành cảnh

ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thọ uẩn phân phần thành bảy theo cách như thế.

51.

* Thọ uẩn phân phần thành hai mươi bốn như là thọ uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký. Thọ uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thọ uẩn do tỷ xúc làm duyên… thọ uẩn do thiệt xúc làm duyên… thọ uẩn do thân xúc làm duyên… thọ uẩn do ý xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký. Thọ nhãn xúc, thọ nhĩ xúc, thọ tỷ xúc, thọ thiệt xúc, thọ thân xúc, thọ ý xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai mươi bốn theo cách như thế.

* Một cách nữa, thọ uẩn phân phần thành hai mươi bốn như là thọ uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân… thọ uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại. Thọ uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thọ uẩn do tỷ xúc làm duyên… thọ uẩn do thiệt xúc làm duyên… thọ uẩn do thân xúc làm duyên… thọ uẩn do ý xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại. Thọ nhãn xúc… thọ ý xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai mươi bốn theo cách như thế.

52.

Thọ uẩn phân phần thành ba mươi như là thọ uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thọ uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thọ uẩn do tỷ xúc làm duyên… thọ uẩn do thiệt xúc làm duyên… thọ uẩn do thân xúc làm duyên… thọ uẩn do ý xúc làm duyên, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thọ nhãn xúc… thọ ý xúc. Thọ uẩn phân phần thành ba mươi theo cách như thế.

53.

* Thọ uẩn phân phần thành nhiều cách như là thọ uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thọ uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thọ uẩn do tỷ xúc làm duyên… thọ uẩn do thiệt xúc làm duyên… thọ uẩn do thân xúc làm duyên… thọ uẩn do ý xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thọ nhãn xúc… thọ ý xúc. Thọ uẩn phân phần thành nhiều cách như thế.

* Một nữa, thọ uẩn phân phần thành nhiều thứ như là thọ uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân… thọ uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thọ uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thọ uẩn do tỷ xúc làm duyên… thọ uẩn do thiệt xúc làm duyên… thọ uẩn do thân xúc làm duyên… thọ uẩn do ý xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thọ nhãn xúc… thọ ý xúc. Thọ uẩn phân phần nhiều thứ bằng cách như thế. Đây gọi là thọ uẩn.

Dứt Phần phân đa

3.)Tưởng uẩn đó ra sao?

Phần căn nhị đề

54.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc.
* Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân.
* Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký.
* Tưởng uẩn phân phần thành bốn như là tưởng uẩn thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành năm như là tưởng uẩn thành tương ưng lạc quyền, thành tương ưng khổ quyền, thành tương ưng hỷ quyền, thành tương ưng ưu quyền, thành tương ưng xả quyền.
* Tưởng uẩn phân phần thành sáu như là tưởng nhãn xúc, tưởng nhĩ xúc, tưởng tỷ xúc, tưởng thiệt xúc, tưởng thân xúc, tưởng ý xúc. Tưởng uẩn phân phần thành sáu bằng cách như thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành bảy như là tưởng nhãn xúc… tưởng thân xúc, tưởng ý giới xúc, tưởng ý thức giới xúc. Tưởng uẩn phân phần thành bảy bằng cách như thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành tám như là tưởng nhãn xúc… tưởng thân xúc đồng sanh lạc, tưởng thân xúc đồng sanh khổ, tưởng ý giới xúc, tưởng ý thức giới xúc. Tưởng uẩn phân phần thành tám bằng cách như thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành chín như là tưởng nhãn xúc… tưởng thân xúc, tưởng ý giới xúc, tưởng ý thức giới thiện xúc, tưởng ý thức giới bất thiện xúc, tưởng ý thức giới vô ký xúc. Tưởng uẩn phân phần thành chín bằng cách như thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành mười như là tưởng nhãn xúc… tưởng thân xúc đồng sanh lạc, tưởng thân xúc đồng sanh khổ, tưởng ý giới xúc, tưởng ý thức giới xúc thiện, tưởng ý thức giới xúc bất thiện, tưởng ý thức giới xúc vô ký. Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

55.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc.
* Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân.
* Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Tưởng uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân. Tưởng uẩn thành thủ cảnh thủ, thành phi thủ cảnh thủ, thành phi thủ phi cảnh thủ. Tưởng uẩn thành phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não. Tưởng uẩn thành hữu tầm hữu tứ, thành vô tầm hữu tứ, thành vô tầm vô tứ. Tưởng uẩn thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành đồng sanh xả. Tưởng uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tưởng uẩn thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ. Tưởng uẩn thành nhân sanh tử, thành nhân đến Níp-bàn, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn. Tưởng uẩn thành hữu học, thành vô học, thành phi hữu học phi vô học. Tưởng uẩn thành hy thiểu, thành đáo đại, thành vô lượng. Tưởng uẩn thành cảnh hy thiểu, thành cảnh đáo đại, thành cảnh vô lượng. Tưởng uẩn thành ty hạ, thành trung bình, thành tinh lương. Tưởng uẩn thành tà cho quả nhất định, thành chánh cho quả nhất định, thành bất định

(cả hai). Tưởng uẩn có đạo là cảnh, có đạo là nhân, có đạo là trưởng. Tưởng uẩn thành sanh tồn, thành phi sanh tồn, thành sẽ sanh (vì có nhân sẵn). Tưởng uẩn thành quá khứ, thành vị lai, thành hiện tại. Tưởng uẩn thành cảnh quá khứ, thành cảnh vị lai, thành cảnh hiện tại. Tưởng uẩn thành nội phần, thành ngoại phần, thành nội và ngoại phần. Tưởng uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

56.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc.

* Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành nhân tương ưng, thành nhân bất tương ưng. Tưởng uẩn thành phi nhân mà hữu nhân, phi nhân vô nhân. Tưởng uẩn thành hiệp thế, thành siêu thế. Tưởng uẩn thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng. Tưởng uẩn thành lậu, thành phi lậu. Tưởng uẩn thành tương ưng lậu, thành bất tương ưng lậu. Tưởng uẩn thành lậu bất tương ưng lậu, thành phi lậu bất tương ưng lậu. Tưởng uẩn thành cảnh triền, thành phi cảnh triền. Tưởng uẩn thành tương ưng triền, thành bất tương ưng triền. Tưởng uẩn thành bất tương ưng triền mà cảnh triền, thành bất tương ưng triền mà phi cảnh triền. Tưởng uẩn thành cảnh phược, thành phi cảnh phược. Tưởng uẩn thành tương ưng phược, thành bất tương ưng phược. Tưởng uẩn thành cảnh phược bất tương ưng phược, thành phi cảnh phược bất tương ưng phược. Tưởng uẩn thành cảnh bộc, thành phi cảnh bộc. Tưởng uẩn thành tương ưng bộc, thành bất tương ưng bộc. Tưởng uẩn thành bộc bất tương ưng bộc, thành phi bộc bất tương ưng bộc. Tưởng uẩn thành cảnh phối, thành phi cảnh phối. Tưởng uẩn thành tương ưng phối, thành bất tương ưng phối. Tưởng uẩn thành phối bất tương ưng phối, thành phi phối bất tương ưng phối. Tưởng uẩn thành cảnh cái, thành phi cảnh cái. Tưởng uẩn thành tương ưng cái, thành bất tương ưng cái. Tưởng uẩn thành cái bất tương ưng cái, thành phi cái bất tương ưng cái. Tưởng uẩn thành cảnh khinh thị, thành phi cảnh khinh thị. Tưởng uẩn thành tương ưng khinh thị, thành bất tương ưng khinh thị. Tưởng uẩn thành khinh thị bất tương ưng khinh thị, thành phi khinh thị bất tương ưng khinh thị. Tưởng uẩn thành thủ, thành phi thủ. Tưởng uẩn thành cảnh thủ, thành phi cảnh thủ. Tưởng uẩn thành tương ưng thủ, thành bất tương ưng thủ. Tưởng uẩn thành bất tương ưng thủ cảnh thủ, thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ. Tưởng uẩn thành cảnh phiền não, thành phi cảnh phiền não. Tưởng uẩn thành phiền toái, thành phi phiền toái. Tưởng uẩn thành tương ưng phiền não, thành bất tương ưng phiền não. Tưởng uẩn thành phiền não bất tương ưng phiền não, thành phi phiền não bất tương ưng phiền não. Tưởng uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Tưởng uẩn thành ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tưởng uẩn thành hữu nhơn sơ đạo tuyệt trừ, thành phi hữu nhơn sơ đạo tuyệt trừ. Tưởng uẩn thành hữu nhơn ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhơn ba đạo cao tuyệt trừ. Tưởng uẩn thành hữu tầm, thành vô tầm. Tưởng uẩn thành hữu tứ, thành vô tứ. Tưởng uẩn thành hữu hỷ, thành vô hỷ. Tưởng uẩn thành đồng sanh pháp hỷ, thành phi đồng sanh pháp hỷ. Tưởng uẩn thành đồng sanh lạc, thành phi đồng sanh lạc. Tưởng uẩn thành đồng sanh xả, thành phi đồng sanh xả. Tưởng uẩn thành Dục giới, thành phi Dục giới. Tưởng uẩn thành Sắc giới, thành phi Sắc giới. Tưởng uẩn thành Vô sắc giới, thành phi Vô sắc giới. Tưởng uẩn thành liên quan luân hồi, thành bất liên quan luân hồi. Tưởng uẩn thành nhân xuất luân hồi, thành phi nhân xuất luân hồi. Tưởng uẩn thành nhất định, thành bất định. Tưởng uẩn thành hữu thượng, thành vô thượng. Tưởng uẩn thành hữu y, thành vô y.

* Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký…

Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

57.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hữu y, thành vô y. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… tưởng uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần căn nhị đề

Phần căn tam đề

58.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hữu y, thành vô y. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Tưởng uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hữu y, thành vô y. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… tưởng uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần căn tam đề

Phần lưỡng lợi

59.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành tương ưng nhân, thành bất tương ưng nhân. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành phi nhân hữu nhân, thành phi nhân vô nhân. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hiệp thế, thành siêu thế. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành thủ cảnh thủ, thành phi thủ cảnh thủ, thành phi thủ phi cảnh thủ… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành phiền não cảnh phiền toái, thành phiền não phi cảnh phiền toái, thành phi phiền não phi cảnh phiền toái… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành lậu, thành phi lậu. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành hữu tầm hữu tứ, thành vô tầm hữu tứ, thành vô tầm vô tứ… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành tương ưng lậu, thành bất tương ưng lậu. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành đồng sanh xả… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành lậu bất tương ưng lậu, thành phi lậu bất tương ưng lậu. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành cảnh triền, thành phi cảnh triền. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành tương ưng triền, thành bất tương ưng triền. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành nhân sanh tử, thành nhân đến Níp-bàn, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành triền thành bất tương ưng triền, thành phi triền bất tương ưng triền. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành hữu học, thành vô học, thành phi hữu học phi vô học… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành cảnh phược, thành phi cảnh phược. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành hy thiểu, thành đáo đại, thành vô lượng… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành tương ưng phược, thành bất tương ưng phược. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành cảnh hy thiểu, thành cảnh đáo đại, thành cảnh vô lượng… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn bất tương ưng phược mà cảnh phược, thành bất tương ưng phược phi cảnh phược. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành ty hạ, thành trung bình, thành tinh lương… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành cảnh bộc, thành phi cảnh bộc. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành tà cho quả nhất định, thành chánh cho quả nhất định, thành bất định (cả hai)… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành tương ưng bộc, thành bất tương ưng bộc. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân, thành có đạo là trưởng… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành cảnh bộc bất tương ưng bộc, thành phi cảnh bộc bất tương ưng bộc. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành sanh tồn, thành phi sanh tồn, thành sẽ sanh… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành cảnh phối, thành phi cảnh phối. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành quá khứ, thành vị lai, thành hiện tại… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành tương ưng phối, thành bất tương ưng phối. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành cảnh quá khứ, thành cảnh vị lai, thành cảnh hiện tại… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành bất tương ưng phối mà cảnh phối, thành bất tương ưng phối mà phi cảnh phối. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành nội, thành ngoại, thành nội và ngoại… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành cảnh cái, thành phi cảnh cái. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần lưỡng lợi

Phần phân đa

60.

* Tưởng uẩn phân phần thành bảy như là tưởng uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tưởng uẩn phân phần thành bảy bằng cách thế.

* Một cách nữa, tưởng uẩn phân phần thành bảy như là tưởng uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… tưởng uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tưởng uẩn phân phần thành bảy theo cách như thế.

61.

* Tưởng uẩn phân phần thành hai mươi bốn như là tưởng uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký. Tưởng uẩn do nhĩ xúc làm duyên… tưởng uẩn do tỷ xúc làm duyên… tưởng uẩn do thiệt xúc làm duyên… tưởng uẩn do thân xúc làm duyên… tưởng uẩn do ý xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký. Tưởng nhãn xúc, tưởng nhĩ xúc, tưởng tỷ xúc, tưởng thiệt xúc, tưởng thân xúc, tưởng ý xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai mươi bốn bằng cách như thế.

* Một cách nữa, tưởng uẩn phân phần thành hai mươi bốn như là tưởng uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại. Tưởng uẩn do nhĩ xúc làm duyên… tưởng uẩn do tỷ xúc làm duyên… tưởng uẩn do thiệt xúc làm duyên… tưởng uẩn do thân xúc làm duyên… tưởng uẩn do ý xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại. Tưởng nhãn xúc… tưởng ý xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai mươi bốn bằng cách như thế.

62.

Tưởng uẩn phân phần thành ba mươi như là tưởng uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tưởng uẩn do nhĩ xúc làm duyên… tưởng uẩn do tỷ xúc làm duyên… tưởng uẩn do thiệt xúc làm duyên… tưởng uẩn do thân xúc làm duyên… tưởng uẩn do ý xúc làm duyên, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tưởng nhãn xúc… tưởng ý xúc. Tưởng uẩn phân phần thành ba mươi bằng cách như thế.

63.

* Tưởng uẩn phân phần thành nhiều cách như vầy tưởng uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tưởng uẩn do nhĩ xúc làm duyên… tưởng uẩn do tỷ xúc làm duyên… tưởng uẩn do thiệt xúc làm duyên… tưởng uẩn do thân xúc làm duyên… tưởng uẩn do ý xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tưởng nhãn xúc… tưởng ý xúc. Tưởng uẩn phân phần nhiều cách bằng lối như thế.

* Một cách nữa, tưởng uẩn phân phần nhiều thứ như là tưởng uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tưởng uẩn do nhĩ xúc làm duyên… tưởng uẩn do tỷ xúc làm duyên… tưởng uẩn do thiệt xúc làm duyên… tưởng uẩn do thân xúc làm duyên… tưởng uẩn do ý xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới,

thành siêu thế. Tưởng nhãn xúc… tưởng ý xúc. Tưởng uẩn phân phần nhiều cách bằng lối như thế.

Đây gọi là tưởng uẩn.

Dứt Phần phân đa

4) Hành uẩn đó ra sao?

Phần căn nhị đề

64.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm.
* Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành nhân, thành phi nhân.
* Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký.
* Hành uẩn phân phần thành bốn như là hành uẩn thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế.
* Hành uẩn phân phần thành năm như là hành uẩn thành tương ưng lạc quyền, thành tương ưng khổ quyền, thành tương ưng hỷ quyền, thành tương ưng ưu quyền, thành tương ưng xả quyền.
* Hành uẩn phân phần thành sáu như là tư nhãn xúc, tư nhĩ xúc, tư tỷ xúc, tư thiệt xúc, tư thân xúc, tư ý xúc. Hành uẩn phân phần thành sáu bằng cách thế nầy.
* Hành uẩn phân phần thành bảy như là tư nhãn xúc… tư thân xúc, tư ý giới xúc, tư ý thức giới xúc. Hành uẩn phân phần thành bảy bằng cách như đây.
* Hành uẩn phân phần thành tám như là tư nhãn xúc… tư thân xúc đồng sanh lạc, tư thân xúc đồng sanh khổ, tư ý giới xúc, tư ý thức giới xúc. Hành uẩn phân phần thành tám bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành chín như là tư nhãn xúc… tư ý giới xúc, tư ý thức giới xúc thiện, tư ý thức giới xúc bất thiện, tư ý thức giới xúc vô ký. Hành uẩn phân phần thành chín bằng cách như đây.
* Hành uẩn phân phần thành mười như là tư nhãn xúc… tư thân xúc đồng sanh lạc, tư thân xúc đồng sanh khổ, tư ý giới xúc, tư ý thức giới xúc thiện, tư ý thức giới xúc bất thiện, tư ý thức giới xúc vô ký. Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

65.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành nhân, thành phi nhân. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Hành uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân. Hành uẩn thành thủ cảnh thủ, thành phi thủ cảnh thủ, thành phi thủ phi cảnh thủ. Hành uẩn thành phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não. Hành uẩn thành hữu tầm hữu tứ, thành vô tầm hữu tứ, thành vô tầm vô tứ. Hành uẩn thành đồng sanh (pháp) hỷ, thành đồng sanh lạc, thành đồng sanh xả. Hành uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ. Hành uẩn thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và

phi ba đạo cao tuyệt trừ. Hành uẩn thành nhân sanh tử, thành nhân đến Níp-bàn, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn. Hành uẩn thành hữu học, thành vô học, thành phi hữu học phi vô học. Hành uẩn thành hy thiểu, thành đáo đại, thành vô lượng. Hành uẩn thành cảnh hy thiểu, thành cảnh đáo đại, thành cảnh vô lượng. Hành uẩn thành ty hạ, thành trung bình, thành tinh lương. Hành uẩn thành tà nhất định, thành chánh nhất định, thành bất định (cả hai). Hành uẩn thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân, thành có đạo là trưởng. Hành uẩn thành sanh tồn, thành phi sanh tồn, thành sẽ sanh. Hành uẩn thành quá khứ, thành vị lai, thành hiện tại. Hành uẩn thành cảnh quá khứ, thành cảnh vị lai, thành cảnh hiện tại. Hành uẩn thành nội phần, thành ngoại phần, thành nội và ngoại phần. Hành uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như đây.

66.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Hành uẩn thành tương ưng nhân, thành bất tương ưng nhân. Hành uẩn thành nhân mà hữu nhân, thành hữu nhân mà phi nhân. Hành uẩn thành nhân tương ưng nhân, thành phi nhân tương ưng nhân. Hành uẩn thành phi nhân mà hữu nhân, thành phi nhân và vô nhân. Hành uẩn thành hiệp thế, thành siêu thế. Hành uẩn thành cũng có tâm biết, thành cũng có tâm không biết. Hành uẩn thành lậu, thành phi lậu. Hành uẩn thành hữu lậu, thành vô lậu. Hành uẩn thành tương ưng lậu, thành bất tương ưng lậu. Hành uẩn thành lậu hữu lậu, thành lậu vô lậu. Hành uẩn thành lậu tương ưng lậu, thành tương ưng lậu phi lậu. Hành uẩn thành lậu bất tương ưng lậu, thành bất tương ưng lậu phi lậu. Hành uẩn thành triền, thành phi triền. Hành uẩn thành cảnh triền, thành phi cảnh triền. Hành uẩn thành tương ưng triền, thành bất tương ưng triền. Hành uẩn thành triền cảnh triền, thành phi triền cảnh triền. Hành uẩn thành triền tương ưng triền, thành phi triền tương ưng triền. Hành uẩn thành bất tương ưng triền mà cảnh triền, thành bất tương ưng triền phi cảnh triền. Hành uẩn thành phược, thành phi phược. Hành uẩn thành cảnh phược, thành phi cảnh phược. Hành uẩn thành tương ưng phược, thành bất tương ưng phược. Hành uẩn thành phược cảnh phược, thành phi phược cảnh phược. Hành uẩn thành phược tương ưng phược, thành phi phược tương ưng phược. Hành uẩn thành bất tương ưng phược cảnh phược, thành bất tương ưng phược phi cảnh phược. Hành uẩn thành bộc, thành phi bộc. Hành uẩn thành cảnh bộc, thành phi cảnh bộc. Hành uẩn thành tương ưng bộc, thành bất tương ưng bộc. Hành uẩn thành bộc cảnh bộc, thành phi bộc cảnh bộc. Hành uẩn thành bộc tương ưng bộc, thành phi bộc tương ưng bộc. Hành uẩn thành bộc bất tương ưng bộc, thành phi bộc bất tương ưng bộc. Hành uẩn thành phối, thành phi phối. Hành uẩn thành cảnh phối, thành phi cảnh phối. Hành uẩn thành tương ưng phối, thành bất tương ưng phối. Hành uẩn thành phối cảnh phối, thành phi phối cảnh phối. Hành uẩn thành phối tương ưng phối, thành phi phối tương ưng phối. Hành uẩn thành bất tương ưng phối mà cảnh phối, thành bất tương ưng phối phi cảnh phối. Hành uẩn thành cái, thành phi cái. Hành uẩn thành cảnh cái, thành phi cảnh cái. Hành uẩn thành tương ưng cái, thành bất tương ưng cái. Hành uẩn thành cái mà cảnh cái, thành phi cái mà cảnh cái. Hành uẩn thành cái tương ưng cái, thành phi cái tương ưng cái. Hành uẩn thành bất tương ưng cái mà cảnh cái, thành bất tương ưng cái phi cảnh cái. Hành uẩn thành khinh thị, thành phi khinh thị. Hành uẩn thành cảnh khinh thị, thành phi cảnh khinh thị. Hành uẩn thành tương ưng khinh thị, thành bất tương ưng khinh thị. Hành uẩn thành khinh thị cảnh khinh thị, thành cảnh khinh thị phi khinh thị. Hành uẩn thành bất tương ưng khinh thị mà cảnh khinh thị, thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh

khinh thị. Hành uẩn thành thủ, thành phi thủ. Hành uẩn thành do thủ, thành phi do thủ. Hành uẩn thành cảnh thủ, thành phi cảnh thủ. Hành uẩn thành tương ưng thủ, thành bất tương ưng thủ. Hành uẩn thành thủ cảnh thủ, thành phi thủ cảnh thủ. Hành uẩn thành thủ tương ưng thủ, thành phi thủ tương ưng thủ. Hành uẩn thành bất tương ưng thủ cảnh thủ, thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ. Hành uẩn thành phiền não, thành phi phiền não. Hành uẩn thành cảnh phiền não, thành phi cảnh phiền não. Hành uẩn thành cảnh phiền toái, thành phi cảnh phiền toái. Hành uẩn thành tương ưng phiền não, thành bất tương ưng phiền não. Hành uẩn thành phiền não cảnh phiền não, thành phiền não phi cảnh phiền não. Hành uẩn thành phiền não cảnh phiền toái, thành phi phiền não cảnh phiền toái. Hành uẩn thành phiền não tương ưng phiền não, thành phi phiền não tương ưng phiền não. Hành uẩn thành bất tương ưng phiền não mà cảnh phiền não, thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não. Hành uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Hành uẩn thành ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Hành uẩn thành hữu nhơn sơ đạo tuyệt trừ, thành phi hữu nhơn sơ đạo tuyệt trừ. Hành uẩn thành hữu nhơn ba đạo cao tuyệt trừ, thành vô nhơn ba đạo cao tuyệt trừ. Hành uẩn thành hữu tầm, thành vô tầm. Hành uẩn thành hữu tứ, thành vô tứ. Hành uẩn thành hữu hỷ, thành vô hỷ. Hành uẩn thành đồng sanh hỷ, thành phi đồng sanh hỷ. Hành uẩn thành đồng sanh lạc, thành phi đồng sanh lạc. Hành uẩn thành đồng sanh xả, thành phi đồng sanh xả. Hành uẩn thành Dục giới, thành phi Dục giới. Hành uẩn thành Sắc giới, thành phi Sắc giới. Hành uẩn thành Vô sắc giới, thành phi Vô sắc giới. Hành uẩn thành siêu thế, thành phi siêu thế. Hành uẩn thành nhân sanh tử, thành phi nhân sanh tử. Hành uẩn thành nhất định, thành bất định. Hành uẩn thành hữu thượng, thành vô thượng. Hành uẩn thành hữu y, thành vô y.

* Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký…

* Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

67.

Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành hữu y, thành vô y. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… hành uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần căn nhị đề

Phần căn tam đề

68.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành nhân, thành phi nhân. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành hữu y, thành vô y. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành nhân, thành phi nhân. Hành uẩn phân phần thành ba

như là hành uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Hành uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành hữu y, thành vô y. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… Hành uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần căn tam đề

Phần lưỡng lợi

69.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành nhân, thành phi nhân. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành tương ưng nhân, thành bất tương ưng nhân. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành nhân hữu nhân, thành hữu nhân phi nhân. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành thủ cảnh thủ, thành phi thủ cảnh thủ, thành phi thủ phi cảnh thủ… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành nhân tương ưng nhân, thành phi nhân tương ưng nhân. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành phi nhân hữu nhân, thành phi nhân vô nhân. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành hữu tầm hữu tứ, thành vô tầm hữu tứ, thành vô tầm vô tứ… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành hiệp thế, thành siêu thế. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành đồng sanh xả… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành cũng có tâm biết, thành cũng có tâm không biết. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành ba đạo cao tuyệt

trừ, thành phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành lậu, thành phi lậu. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành hữu lậu, thành vô lậu. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành nhân sanh tử, thành nhân đến Níp-bàn, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành tương ưng lậu, thành bất tương ưng lậu. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành hữu học, thành vô học, thành phi hữu học phi vô học… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành lậu hữu lậu, thành phi lậu hữu lậu. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành hy thiểu, thành đáo đại, thành vô lượng… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành lậu tương ưng lậu, thành phi lậu tương ưng lậu. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành cảnh hy thiểu, thành cảnh đáo đại, thành cảnh vô lượng… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành lậu bất tương ưng lậu, thành phi lậu bất tương ưng lậu. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành ty hạ, thành trung bình, thành tinh lương… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành triền, thành phi triền. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành tà nhất định, thành chánh nhất định, thành bất định (cả hai)… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành cảnh triền, thành phi cảnh triền. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân, thành có đạo là trưởng… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành tương ưng triền, thành bất tương ưng triền. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành sanh tồn, thành phi sanh tồn, thành sẽ sanh… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành triền cảnh triền, thành phi triền cảnh triền. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành quá khứ, thành vị lai, thành hiện tại… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành triền tương ưng triền, thành phi triền tương ưng triền. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành cảnh quá khứ, thành cảnh vị lai, thành cảnh hiện tại… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành triền bất tương ưng triền, thành phi triền bất tương ưng triền. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành nội phần, thành ngoại phần, thành nội và ngoại phần… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành phược, thành phi phược. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần lưỡng lợi

Phần phân đa

70.

* Hành uẩn phân phần thành bảy như là hành uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Hành uẩn phân phần thành bảy bằng cách thế nầy.
* Một cách nữa, hành uẩn phân phần thành bảy như là hành uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… hành uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Hành uẩn phân phần thành bảy bằng cách như thế.

71.

* Hành uẩn phân phần thành hai mươi bốn như là hành uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký. Hành uẩn do nhĩ xúc làm duyên… hành uẩn do tỷ xúc làm duyên… hành uẩn do thiệt xúc làm duyên… hành uẩn do thân xúc làm duyên… hành uẩn do ý xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký. Tư nhãn xúc… tư ý xúc. Hành uẩn phân phần thành hai mươi bốn bằng cách như thế.
* Một cách nữa, hành uẩn phân phần thành hai mươi bốn như là hành uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại. Hành uẩn do nhĩ xúc làm duyên… hành uẩn do tỷ xúc làm duyên… hành uẩn do thiệt xúc làm duyên… hành uẩn do thân xúc làm duyên… hành uẩn do ý xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại. Tư nhãn xúc… tư ý xúc. Hành uẩn phân phần thành hai mươi bốn bằng cách như thế.

72.

Hành uẩn phân phần thành ba mươi như là hành uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Hành uẩn do nhĩ xúc làm duyên… hành uẩn do tỷ xúc làm duyên… hành uẩn do thiệt xúc làm duyên… hành uẩn do thân xúc làm duyên… hành uẩn do ý xúc làm duyên, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tư nhãn xúc… tư ý xúc. Hành uẩn phân phần thành ba mươi bằng cách như thế.

73.

* Hành uẩn phân phần thành nhiều cách như là hành uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới,

thành siêu thế. Hành uẩn do nhĩ xúc làm duyên… hành uẩn do tỷ xúc làm duyên… hành uẩn do thiệt xúc làm duyên… hành uẩn do thân xúc làm duyên… hành uẩn do ý xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tư nhãn xúc… tư ý xúc. Hành uẩn phân phần nhiều thứ bằng cách như thế.

* Một cách nữa, hành uẩn phân phần nhiều thứ như là hành uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Hành uẩn do nhĩ xúc làm duyên… hành uẩn do tỷ xúc làm duyên… hành uẩn do thiệt xúc làm duyên… hành uẩn do thân xúc làm duyên… hành uẩn do ý xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tư nhãn xúc… tư ý xúc. Hành uẩn phân phần nhiều thứ bằng cách như thế. Đây gọi là hành uẩn.

Dứt Phần phân đa

5) Thức uẩn đó ra sao?

Phần căn nhị đề

74.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc.
* Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân.
* Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký.
* Thức uẩn phân phần thành bốn như là thức uẩn thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế.
* Thức uẩn phân phần thành năm như là thức uẩn thành tương ưng lạc quyền, thành tương ưng khổ quyền, thành tương ưng hỷ quyền, thành tương ưng ưu quyền, thành tương ưng xả quyền.
* Thức uẩn phân phần thành sáu như là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Thức uẩn phân phần thành sáu bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành bảy như là nhãn thức… thân thức, ý giới, ý thức giới. Thức uẩn phân phần thành bảy bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành tám như là nhãn thức… thân thức đồng sanh lạc, thân thức đồng sanh khổ, ý giới, ý thức giới. Thức uẩn phân phần thành tám bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành chín như là nhãn thức… thân thức, ý giới, ý thức giới thiện, ý thức giới bất thiện, ý thức giới vô ký. Thức uẩn phân phần thành chín bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành mười như là nhãn thức… thân thức đồng sanh lạc, thân thức đồng sanh khổ, ý giới, ý thức giới thiện, ý thức giới bất thiện, ý thức giới vô ký. Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

75.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Thức uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục

quả phi dị thục nhân. Thức uẩn thành thủ cảnh thủ, thành phi thủ cảnh thủ, thành phi thủ phi cảnh thủ. Thức uẩn thành phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não. Thức uẩn thành hữu tầm hữu tứ, thành vô tầm hữu tứ, thành vô tầm vô tứ. Thức uẩn thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành đồng sanh xả. Thức uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ. Thức uẩn thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ. Thức uẩn thành nhân sanh tử, thành nhân đến Níp-bàn, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn. Thức uẩn thành hữu học, thành vô học, thành phi hữu học phi vô học. Thức uẩn thành hy thiểu, thành đáo đại, thành vô lượng. Thức uẩn thành cảnh hy thiểu, thành cảnh đáo đại, thành cảnh vô lượng. Thức uẩn thành ty hạ, thành trung bình, thành tinh lương. Thức uẩn thành tà nhất định, thành chánh nhất định, thành bất định (cả hai). Thức uẩn thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân, thành có đạo là trưởng. Thức uẩn thành sanh tồn, thành phi sanh tồn, thành sẽ sanh. Thức uẩn thành quá khứ, thành vị lai, thành hiện tại. Thức uẩn thành cảnh quá khứ, thành cảnh vị lai, thành cảnh hiện tại. Thức uẩn thành nội phần, thành ngoại phần, thành nội và ngoại phần. Thức uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

76.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành tương ưng nhân, thành bất tương ưng nhân. Thức uẩn thành phi nhân hữu nhân, thành phi nhân vô nhân. Thức uẩn thành hiệp thế, thành siêu thế. Thức uẩn thành cũng có tâm biết, thành cũng có tâm không biết. Thức uẩn thành cảnh lậu, thành phi cảnh lậu. Thức uẩn thành tương ưng lậu, thành bất tương ưng lậu. Thức uẩn thành bất tương ưng lậu mà cảnh lậu, thành bất tương ưng lậu và phi cảnh lậu. Thức uẩn thành cảnh triền, thành phi cảnh triền. Thức uẩn thành tương ưng triền, thành bất tương ưng triền. Thức uẩn thành bất tương ưng triền mà cảnh triền, thành bất tương ưng triền phi cảnh triền. Thức uẩn thành cảnh phược, thành phi cảnh phược. Thức uẩn thành tương ưng phược, thành bất tương ưng phược. Thức uẩn thành phược bất tương ưng phược, thành bất tương ưng phược phi phược. Thức uẩn thành cảnh bộc, thành phi cảnh bộc. Thức uẩn thành tương ưng bộc, thành bất tương ưng bộc. Thức uẩn thành bất tương ưng bộc mà cảnh bộc, thành bất tương ưng bộc phi cảnh bộc. Thức uẩn thành hiệp thế, thành siêu thế. Thức uẩn thành tương ưng phối, thành bất tương ưng phối. Thức uẩn thành bất tương ưng phối mà cảnh phối, thành bất tương ưng phối mà phi cảnh phối. Thức uẩn thành cảnh cái, thành phi cảnh cái. Thức uẩn thành tương ưng cái, thành bất tương ưng cái. Thức uẩn thành cái tương ưng cái, thành phi cái bất tương ưng cái. Thức uẩn thành cảnh khinh thị, thành phi cảnh khinh thị. Thức uẩn thành tương ưng khinh thị, thành bất tương ưng khinh thị. Thức uẩn thành bất tương ưng khinh thị mà cảnh khinh thị, thành bất tương ưng khinh thị và phi cảnh khinh thị. Thức uẩn thành do thủ, thành phi do thủ. Thức uẩn thành cảnh thủ, thành phi cảnh thủ. Thức uẩn thành tương ưng thủ, thành bất tương ưng thủ. Thức uẩn thành bất tương ưng thủ cảnh thủ, thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ. Thức uẩn thành cảnh phiền não, thành phi cảnh phiền não. Thức uẩn thành cảnh phiền toái, thành phi cảnh phiền toái. Thức uẩn thành tương ưng phiền não, thành bất tương ưng phiền não. Thức uẩn thành bất tương ưng phiền não mà cảnh phiền não, thành bất tương ưng phiền não và phi cảnh phiền não. Thức uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Thức uẩn thành ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Thức uẩn thành

hữu nhơn sơ đạo tuyệt trừ, thành phi hữu nhơn phi sơ đạo tuyệt trừ. Thức uẩn thành hữu nhơn ba đạo cao tuyệt trừ, thành vô nhơn phi ba đạo cao tuyệt trừ. Thức uẩn thành hữu tầm, thành vô tầm. Thức uẩn thành hữu tứ, thành vô tứ. Thức uẩn thành hữu hỷ, thành vô hỷ. Thức uẩn thành đồng sanh hỷ, thành phi đồng sanh hỷ. Thức uẩn thành đồng sanh lạc, thành phi đồng sanh lạc. Thức uẩn thành đồng sanh xả, thành phi đồng sanh xả. Thức uẩn thành Dục giới, thành phi Dục giới. Thức uẩn thành Sắc giới, thành phi Sắc giới. Thức uẩn thành Vô sắc giới, thành phi Vô sắc giới. Thức uẩn thành liên quan luân hồi, thành bất liên quan luân hồi. Thức uẩn thành nhân xuất luân hồi, thành phi nhân xuất luân hồi. Thức uẩn thành nhất định, thành bất định. Thức uẩn thành hữu thượng, thành vô thượng. Thức uẩn thành hữu y, thành vô y.

* Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

77.

Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hữu y, thành vô y. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thức uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần căn nhị đề

Phần căn tam đề

78.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hữu y, thành vô y. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thức uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hữu y, thành vô y. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thức uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần căn tam đề

Phần lưỡng lợi

79.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Thức uẩn phân phần thành

ba như là thức uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành tương ưng nhân, thành bất tương ưng nhân. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành phi nhân hữu nhân, thành phi nhân vô nhân. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hiệp thế, thành siêu thế. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành do thủ cảnh thủ, thành phi do thủ cảnh thủ, thành phi do thủ phi cảnh thủ… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành cũng có tâm biết, thành cũng có tâm không biết. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hữu lậu, thành vô lậu. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành hữu tầm hữu tứ, thành vô tầm hữu tứ, thành vô tầm vô tứ… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành tương ưng lậu, thành bất tương ưng lậu. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành đồng sanh xả… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành lậu bất tương ưng lậu, thành phi lậu bất tương ưng lậu. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành cảnh triền, thành phi cảnh triền. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành tương ưng triền, thành bất tương ưng triền. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành nhân sanh tử, thành nhân đến Níp-bàn, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành bất tương ưng triền mà cảnh triền, thành bất tương ưng triền phi cảnh triền. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành hữu học, thành vô học, thành phi hữu học phi vô học… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành cảnh phược, thành phi cảnh phược. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành hy thiểu, thành đáo đại, thành vô lượng… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành tương ưng phược, thành bất tương ưng phược. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành cảnh hy thiểu, thành cảnh đáo đại, thành cảnh vô lượng… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành bất tương ưng phược mà cảnh phược, thành bất tương ưng phược phi cảnh phược. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành ty hạ, thành trung bình, thành tinh lương… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành cảnh bộc, thành phi cảnh bộc. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành tà (cho quả) nhất định, thành chánh (cho quả) nhất định, thành bất định (cả hai)… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành tương ưng bộc, thành bất tương ưng bộc. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân, thành có đạo là trưởng… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành bất tương ưng bộc mà cảnh bộc, thành bất tương ưng bộc phi cảnh bộc. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành sanh tồn, thành phi sanh tồn, thành sẽ sanh… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành cảnh phối, thành phi cảnh phối. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành quá khứ, thành vị lai, thành hiện tại… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành tương ưng phối, thành bất tương ưng phối. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành cảnh quá khứ, thành cảnh vị lai, thành cảnh hiện tại… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành bất tương ưng phối mà cảnh phối, thành bất tương ưng phối và phi cảnh phối. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành nội phần, thành ngoại phần, thành nội và ngoại phần… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành cảnh cái, thành phi cảnh cái. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần lưỡng lợi

Phần phân đa

80.

* Thức uẩn phân phần thành bảy như là thức uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thức uẩn phân phần thành bảy bằng cách như thế.

* Một cách nữa, thức uẩn phân phần thành bảy như là thức uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thức uẩn phân phần thành bảy bằng cách như thế.

81.

* Thức uẩn phân phần thành hai mươi bốn như là thức uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký. Thức uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thức uẩn do tỷ xúc làm duyên… thức uẩn do thiệt xúc làm duyên… thức uẩn do thân xúc làm duyên… thức uẩn do ý xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký. Nhãn thức… ý thức. Thức uẩn phân phần thành hai mươi bốn bằng cách như thế.

* Một cách nữa, thức uẩn phân phần thành hai mươi bốn như là thức uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại. Thức uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thức uẩn do tỷ xúc làm duyên… thức uẩn do thiệt xúc làm duyên… thức uẩn do thân xúc làm duyên… thức uẩn do ý xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại. Nhãn thức… ý thức. Thức uẩn phân phần thành hai mươi bốn bằng cách như thế.

82.

Thức uẩn phân phần thành ba mươi như là thức uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thức uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thức uẩn do tỷ xúc làm duyên… thức uẩn do thiệt xúc làm duyên… thức uẩn do thân xúc làm duyên… thức uẩn do ý xúc làm duyên, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Nhãn thức… ý thức. Thức uẩn phân phần thành ba mươi bằng cách như thế.

83.

* Thức uẩn phân phần thành nhiều cách như là thức uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thức uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thức uẩn do tỷ xúc làm duyên… thức uẩn do thiệt xúc làm duyên… thức uẩn do thân xúc làm duyên… thức uẩn do ý xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Nhãn thức… ý thức. Thức uẩn phân phần thành nhiều cách như thế.

* Một cách nữa, thức uẩn phân phần thành nhiều cách như là thức uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới,

thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thức uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thức uẩn do tỷ xúc làm duyên… thức uẩn do thiệt xúc làm duyên… thức uẩn do thân xúc làm duyên… thức uẩn do ý xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Nhãn thức… ý thức. Thức uẩn phân phần thành nhiều thứ bằng cách như thế. Đây gọi là thức uẩn.

Dứt Phần phân đa

Dứt phân theo Diệu Pháp

C. UẨN PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

84. Ngũ uẩn như là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

Đáp đầu đề tam, đáp đầu đề nhị.

Ngũ uẩn mà uẩn nào thành thiện, uẩn nào thành bất thiện, uẩn nào thành vô ký,… uẩn nào thành hữu y, uẩn nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

85.

* Sắc uẩn thành vô ký. Bốn uẩn (sau) cũng thành thiện, cũng thành bất thiện, cũng thành vô ký.
* Hai uẩn (trước) không thể nói thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Ba uẩn (sau) cũng thành tương ưng lạc thọ, cũng thành tương ưng khổ thọ, cũng thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
* Sắc uẩn thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Tứ (danh) uẩn cũng thành dị thục quả, cũng thành dị thục nhân, cũng thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân.
* Sắc uẩn cũng thành do thủ cảnh thủ, cũng thành phi do thủ cảnh thủ. Tứ (danh) uẩn cũng thành do thủ cảnh thủ, cũng thành phi do thủ cảnh thủ, cũng thành phi do thủ phi cảnh thủ.
* Sắc uẩn thành phi phiền toái cảnh phiền não. Tứ (danh) uẩn cũng thành phiền toái cảnh phiền não, cũng thành phi phiền toái phi cảnh phiền não.
* Sắc uẩn thành vô tầm, vô tứ. Ba uẩn (giữa) cũng thành hữu tầm hữu tứ, cũng thành vô tầm hữu tứ, cũng thành vô tầm vô tứ. Hành uẩn cũng thành hữu tầm hữu tứ, cũng thành vô tầm hữu tứ, mà không thể nói thành hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ, vô tầm vô tứ.
* Sắc uẩn không thể nói thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành đồng sanh xả. Thọ uẩn thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, cũng thành đồng sanh xả, mà cũng không thể nói thành đồng sanh hỷ. Ba uẩn (giữa) cũng thành đồng sanh hỷ, cũng thành đồng sanh lạc, cũng thành đồng sanh xả, mà cũng không thể nói thành đồng sanh hỷ, đồng sanh lạc, đồng sanh xả.

* Thức uẩn thành pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tứ (danh) uẩn cũng thành sơ đạo tuyệt trừ, cũng thành ba đạo cao tuyệt trừ, cũng thành phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Sắc uẩn thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tứ (danh) uẩn cũng thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, cũng thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ. Cũng thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Sắc uẩn thành phi nhân sanh tử, phi nhân đến Níp-bàn. Tứ (danh) uẩn cũng thành nhân sanh tử, cũng thành nhân đến Níp-bàn, cũng thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn.
* Sắc uẩn thành phi hữu học phi vô học. Tứ (danh) uẩn cũng thành hữu học, cũng thành vô học, cũng thành phi hữu học phi vô học.
* Sắc uẩn thành hy thiểu. Tứ (danh) uẩn cũng thành hy thiểu, cũng thành đáo đại, cũng thành vô lượng.
* Sắc uẩn thành bất tri cảnh. Tứ (danh) uẩn cũng thành cảnh hy thiểu, cũng thành cảnh đáo đại, cũng thành cảnh vô lượng, mà không nên nói thành cảnh hy thiểu, thành cảnh đáo đại, thành cảnh vô lượng.
* Sắc uẩn thành trung bình. Tứ (danh) uẩn cũng thành ty hạ, cũng thành trung bình, cũng thành tinh lương.
* Sắc uẩn thành bất định. Tứ (danh) uẩn cũng thành tà cho quả nhất định, cũng thành chánh cho quả nhất định, cũng thành bất định.
* Sắc uẩn thành bất tri cảnh. Tứ (danh) uẩn cũng thành cảnh đáo đại, cũng thành có đạo là cảnh, cũng thành có đạo là nhân, cũng thành có đạo là trưởng; mà không thể nói rằng có đạo là cảnh, có đạo là nhân, có đạo là trưởng.
* Ngũ uẩn cũng thành sanh tồn, cũng thành phi sanh tồn, cũng thành sẽ sanh.
* Ngũ uẩn cũng thành quá khứ, cũng thành vị lai, cũng thành hiện tại.
* Sắc uẩn thành bất tri cảnh. Tứ (danh) uẩn cũng thành biết cảnh quá khứ, cũng thành biết cảnh vị lai, cũng thành biết cảnh hiện tại, mà không thể nói thành biết cảnh quá khứ, thành biết cảnh vị lai, thành biết cảnh hiện tại.
* Ngũ uẩn thành nội phần, cũng thành ngoại phần, cũng thành nội và ngoại phần.
* Sắc uẩn thành bất tri cảnh. Tứ (danh) uẩn cũng thành tri cảnh nội, cũng thành tri cảnh ngoại, cũng thành tri cảnh nội và ngoại; mà không nên nói rằng thành tri cảnh nội, thành tri cảnh ngoại, thành tri cảnh nội và ngoại.
* Tứ (danh) uẩn thành bất kiến vô đối chiếu. Còn sắc uẩn cũng thành thấy đặng hữu đối chiếu, cũng thành bất kiến mà hữu đối chiếu, cũng thành bất kiến và vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị

i. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

86.

* Tứ uẩn (trừ hành) thành phi nhân. Hành uẩn thành nhân cũng có, thành phi nhân cũng có.

* Sắc uẩn thành vô nhân. Tứ (danh) uẩn thành hữu nhân cũng có, thành vô nhân cũng có.
* Sắc uẩn thành bất tương ưng nhân. Tứ (danh) uẩn thành tương ưng nhân cũng có, thành bất tương ưng nhân cũng có.
* Sắc uẩn không thể nói thành nhân hữu nhân và thành phi nhân hữu nhân. Ba uẩn không thể nói thành nhân hữu nhân và thành phi nhân hữu nhân cũng có, không thể nói thành phi nhân hữu nhân cũng có. Hành uẩn thành nhân hữu nhân cũng có và thành phi nhân hữu nhân cũng có; không thể nói thành nhân hữu nhân và thành phi nhân hữu nhân cũng có.
* Sắc uẩn không thể nói thành nhân tương ưng nhân và thành phi nhân tương ưng nhân. Ba uẩn không thể nói thành nhân tương ưng nhân, mà thành phi nhân tương ưng nhân cũng có, không thể nói thành phi nhân tương ưng nhân cũng có. Hành uẩn thành nhân tương ưng nhân cũng có, thành phi nhân tương ưng nhân cũng có, không thể nói thành nhân tương ưng nhân hay là thành phi nhân tương ưng nhân cũng có.
* Sắc uẩn thành phi nhân hữu nhân. Ba uẩn thành phi nhân hữu nhân cũng có, thành phi nhân vô nhân cũng có. Hành uẩn thành phi nhân hữu nhân cũng có, thành phi nhân vô nhân cũng có; không thể nói có thể thành phi nhân hữu nhân hay là thành phi nhân vô nhân cũng có.

ii. Đáp phần nhị đề đỉnh *(cūlantaraduka)*

87.

* Ngũ uẩn thành hữu duyên, thành hữu vi.
* Tứ (danh) uẩn thành bất kiến. Sắc uẩn cũng thành bị thấy, cũng thành không thấy.
* Tứ (danh) uẩn thành vô đối chiếu. Sắc uẩn cũng thành hữu đối chiếu, cũng thành vô đối chiếu.
* Sắc uẩn thành sắc. Tứ (danh) uẩn thành phi sắc.
* Sắc uẩn thành hiệp thế. Tứ (danh) uẩn cũng thành hiệp thế, cũng thành siêu thế.
* Ngũ uẩn cũng thành có tâm biết đặng, cũng thành có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu *(āsavagocchaka)*

88.

* Tứ uẩn (trừ hành) thành phi lậu. Hành uẩn cũng thành lậu, cũng thành phi lậu.
* Sắc uẩn thành cảnh lậu. Tứ (danh) uẩn cũng thành cảnh lậu, cũng thành phi cảnh lậu.
* Sắc uẩn thành bất tương ưng lậu. Tứ (danh) uẩn cũng thành tương ưng lậu, cũng thành bất tương ưng lậu.
* Sắc uẩn không thể nói thành lậu cảnh lậu và thành phi lậu cảnh lậu. Ba (danh) uẩn (trừ hành) không thể nói rằng thành lậu cảnh lậu và thành phi lậu cảnh lậu, cũng không thể nói rằng thành phi lậu cảnh lậu. Hành uẩn thành lậu cảnh lậu cũng có, thành phi lậu cảnh lậu cũng có; chẳng đặng nói là thành lậu cảnh lậu và thành phi lậu cảnh lậu.
* Sắc uẩn không thể nói thành lậu tương ưng lậu và thành phi lậu tương ưng lậu. Ba uẩn (trừ hành) không đặng nói thành lậu tương ưng lậu và thành phi lậu tương ưng lậu; cũng không nên nói thành phi lậu tương ưng lậu. Hành uẩn thành lậu tương ưng lậu

cũng có, thành phi lậu tương ưng lậu cũng có; không thể nói thành lậu tương ưng lậu và thành phi lậu tương ưng lậu.

* Sắc uẩn thành bất tương ưng lậu cảnh lậu. Tứ (danh) uẩn cũng thành cảnh lậu bất tương ưng lậu và cũng thành bất tương ưng lậu phi cảnh lậu; mà cũng không nên nói thành bất tương ưng lậu cảnh lậu và thành bất tương ưng lậu phi cảnh lậu.

iv. Đáp phần chùm triền *(saṃyojanagocchaka)*

89.

* Tứ uẩn thành phi triền. Hành uẩn thành triền cũng có, thành phi triền cũng có.
* Sắc uẩn thành cảnh triền. Tứ uẩn thành cảnh triền cũng có, thành bất tương ưng triền cũng có.
* Sắc uẩn không thể nói thành triền cảnh triền, mà thành phi triền cảnh triền. Tam uẩn không thể nói thành triền cảnh triền, mà thành phi triền cảnh triền cũng có, không thể nói thành triền cảnh triền cũng có. Hành uẩn thành triền cảnh triền cũng có, thành phi triền cảnh triền cũng có, không nên nói có thể thành triền cảnh triền, có thể thành phi triền cảnh triền cũng có.
* Sắc uẩn không nên nói có thể thành triền tương ưng triền, có thể thành phi triền tương ưng triền. Ba uẩn không thể nói thành triền tương ưng triền, thành phi triền tương ưng triền cũng có; không thể nói thành triền tương ưng triền, thành phi triền tương ưng triền cũng có. Hành uẩn thành triền tương ưng triền cũng có, thành phi triền tương ưng triền cũng có; không nên nói có thể thành triền tương ưng triền, mà có thể thành phi triền tương ưng triền cũng có.
* Sắc uẩn thành bất tương ưng triền cảnh triền. Tứ uẩn thành bất tương ưng triền cảnh triền cũng có, thành bất tương ưng triền phi cảnh triền cũng có; không nên nói có thể thành bất tương ưng triền mà cảnh triền, có thể nói thành bất tương ưng triền phi cảnh triền cũng có.

v. Đáp phần chùm phược *(ganthagocchaka)*

90.

* Tứ uẩn thành phi phược. Hành uẩn thành phược cũng có, thành phi phược cũng có.
* Sắc uẩn thành cảnh phược. Tứ uẩn thành cảnh phược cũng có, thành phi cảnh phược cũng có.
* Sắc uẩn thành bất tương ưng phược. Tứ uẩn thành tương ưng phược cũng có, thành bất tương ưng phược cũng có.
* Sắc uẩn không thể nói thành phược cảnh phược, thành phi phược cảnh phược. Ba uẩn không thể nói thành phược cảnh phược, thành phi phược cảnh phược cũng có; không thể nói thành phi phược cảnh phược cũng có. Hành uẩn thành phược cảnh phược cũng có, thành phi phược cảnh phược cũng có; không nên nói có thể thành phược cảnh phược, có thể thành phi phược cảnh phược cũng có.
* Sắc uẩn không nên nói có thể thành phược tương ưng phược, có thể thành phi phược tương ưng phược. Ba uẩn không nên nói thành phược tương ưng phược, mà thành phi phược tương ưng phược cũng có; không thể nói thành phi phược tương ưng phược cũng có. Hành uẩn thành phược tương ưng phược cũng có, thành phi phược tương ưng

phược cũng có; không nên nói có thể thành phược tương ưng phược, có thể thành phi phược tương ưng phược cũng có.

* Sắc uẩn thành bất tương ưng phược cảnh phược. Tứ (danh) uẩn thành bất tương ưng cảnh phược cũng có, thành bất tương ưng phược phi cảnh phược cũng có; không nên nói có thể thành bất tương ưng phược cảnh phược, có thể thành bất tương ưng phược phi cảnh phược cũng có.

vi, vii, viii. Đáp phần chùm bộc *(oghagocchaka)*

91.

* Tứ uẩn thành phi bộc… tứ uẩn thành phi phối… tứ uẩn thành phi cái… hành uẩn thành cái cũng có, thành phi cái cũng có.
* Sắc uẩn thành cảnh cái. Tứ (danh) uẩn thành cảnh cái cũng có, thành phi cảnh cái cũng có.
* Sắc uẩn thành bất tương ưng cái. Tứ (danh) uẩn thành tương ưng cái cũng có, thành bất tương ưng cái cũng có.
* Sắc uẩn không nên nói thành cái cảnh cái, mà thành phi cái cảnh cái. Ba uẩn không thể nói thành cái cảnh cái mà thành phi cái cảnh cái cũng có, không thể nói thành phi cái cảnh cái cũng có. Hành uẩn thành cái cảnh cái cũng có, thành phi cái cảnh cái cũng có; không nên nói có thể thành cái cảnh cái, có thể thành phi cái cảnh cái cũng có.
* Sắc uẩn không nên nói có thể thành tương ưng cái, có thể thành phi cái tương ưng cái. Ba uẩn không nên nói thành cái tương ưng cái, mà thành phi cái tương ưng cái cũng có, không thể nói thành phi cái tương ưng cái cũng có. Hành uẩn thành cái tương ưng cái cũng có, thành phi cái tương ưng cái cũng có, mà không nên nói có thể thành cái tương ưng cái, có thể thành phi cái tương ưng cái cũng có.
* Sắc uẩn thành bất tương ưng cái mà cảnh cái. Tứ uẩn thành bất tương ưng cái mà cảnh cái cũng có, thành bất tương ưng cái phi cảnh cái cũng có; không nên nói có thể thành bất tương ưng cái mà cảnh cái, có thể thành bất tương ưng cái phi cảnh cái cũng có.

ix. Đáp phần chùm khinh thị *(parāmāsagocchaka)*

92.

* Tứ uẩn thành phi khinh thị. Hành uẩn thành khinh thị cũng có, thành phi khinh thị cũng có.
* Sắc uẩn thành cảnh khinh thị. Bốn uẩn thành cảnh khinh thị cũng có, thành phi cảnh khinh thị cũng có.
* Sắc uẩn thành bất tương ưng khinh thị. Ba uẩn thành tương ưng khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị cũng có. Hành uẩn thành tương ưng khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị cũng có; không nên nói có thể thành tương ưng khinh thị, có thể thành bất tương ưng khinh thị cũng có.
* Sắc uẩn không thể nói thành khinh thị cảnh khinh thị, thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có. Ba uẩn không nên nói thành khinh thị cảnh khinh thị, mà thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có; không thể nói thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có. Hành uẩn thành khinh thị cảnh khinh thị cũng có, thành phi khinh thị cảnh khinh thị

cũng có, không nên nói có thể thành khinh thị cảnh khinh thị, có thể thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có.

* Sắc uẩn thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị. Tứ (danh) uẩn thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị cũng có; không nên nói có thể thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị, có thể thành phi khinh thị bất tương ưng khinh thị cũng có.

x. Đáp phần nhị đề đại *(mahantaraduka)*

93.

* Sắc uẩn thành không biết cảnh. Tứ (danh) uẩn thành biết cảnh.
* Tứ uẩn thành phi tâm. Thức uẩn thành tâm.
* Ba uẩn thành sở hữu tâm, nhị uẩn thành phi sở hữu tâm.
* Ba uẩn thành tương ưng tâm. Sắc uẩn thành bất tương ưng tâm. Thức uẩn không thể nói có thể thành tương ưng tâm, có thể thành bất tương ưng tâm.
* Ba uẩn thành hòa với tâm. Sắc uẩn thành không hòa với tâm. Thức uẩn không thể nói có thể thành hòa với tâm, có thể thành không hòa với tâm.
* Ba uẩn thành sở y tâm. Thức uẩn thành phi sở y tâm. Sắc uẩn thành sở y tâm cũng có, thành phi sở y tâm cũng có.
* Ba uẩn thành đồng sanh tồn với tâm. Thức uẩn thành phi đồng sanh tồn với tâm. Sắc uẩn thành sanh tồn với tâm cũng có, thành phi sanh tồn với tâm cũng có.
* Ba uẩn thành hành động với tâm. Thức uẩn không hành động với tâm. Sắc uẩn thành tùng hành với tâm cũng có, thành phi tùng hành với tâm cũng có.
* Ba uẩn thành sở y và hòa với tâm. hai uẩn thành phi sở y phi hòa với tâm.
* Ba uẩn thành tâm sở y đồng tồn và hòa với tâm. Nhị uẩn thành phi tâm sở y phi đồng tồn và không hòa với tâm.
* Ba uẩn thành có tâm làm chỗ nương tùng hành và hòa với tâm. Hai uẩn thành phi có tâm làm chỗ nương phi tùng hành phi hòa với tâm.
* Ba uẩn thành bên ngoài. Thức uẩn thành bên trong. Sắc uẩn thành bên trong cũng có, thành bên ngoài cũng có.
* Tứ uẩn thành phi thủ. Sắc uẩn thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có, thành do thủ cũng có, thành phi do thủ cũng có.

xi. Đáp phần chùm thủ *(upādānagocchaka)*

94.

* Tứ uẩn thành phi thủ. Hành uẩn thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có.
* Sắc uẩn thành cảnh thủ. Bốn uẩn thành cảnh thủ cũng có, thành phi cảnh thủ cũng có.
* Sắc uẩn thành bất tương ưng thủ. Bốn uẩn thành tương ưng thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ cũng có.
* Sắc uẩn không nên nói thành thủ cảnh thủ, mà thành phi thủ cảnh thủ. Ba uẩn không nên nói thành thủ cảnh thủ, thành cảnh thủ phi thủ cũng có và có phần không nên nói

thành cảnh thủ phi thủ. Hành uẩn thành thủ cảnh thủ cũng có và thành cảnh thủ phi thủ cũng có; không nên nói có thể thành thủ cảnh thủ, tuy nhiên thành cảnh thủ phi thủ cũng có.

* Sắc uẩn không nên nói có thể thành thủ tương ưng thủ hay thành phi thủ tương ưng thủ. Ba uẩn không thể nói thành thủ tương ưng thủ, mà thành phi thủ tương ưng thủ và không thể nói thành phi thủ tương ưng thủ cũng có. Hành uẩn thành thủ tương ưng thủ cũng có, thành tương ưng thủ phi thủ cũng có; không nên nói dĩ nhiên thành thủ tương ưng thủ, tuy nhiên thành tương ưng thủ phi thủ cũng có.
* Sắc uẩn thành bất tương ưng thủ cảnh thủ. Tứ uẩn thành bất tương ưng thủ cảnh thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ cũng có, không nên nói dĩ nhiên thành bất tương ưng thủ cảnh thủ, tuy nhiên thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ cũng có.

xii. Đáp phần chùm phiền não *(kilesagocchaka)*

95.

* Tứ uẩn thành phi phiền não. Hành uẩn thành phiền não cũng có, thành phi phiền não cũng có.
* Sắc uẩn thành cảnh phiền não. Bốn uẩn thành cảnh phiền não cũng có, thành phi cảnh phiền não cũng có.
* Sắc uẩn thành phi cảnh phiền toái. Bốn uẩn thành cảnh phiền toái cũng có, thành phi cảnh phiền toái cũng có.
* Sắc uẩn thành bất tương ưng phiền não. Tứ uẩn thành tương ưng phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não cũng có.
* Sắc uẩn không thể nói thành phiền não cảnh phiền não, mà thành cảnh phiền não phi phiền não. Ba uẩn không nên nói thành phiền não cảnh phiền não, mà thành cảnh phiền não phi phiền não cũng có; không nên nói thành cảnh phiền não phi phiền não cũng có. Hành uẩn thành phiền não cảnh phiền não cũng có, thành cảnh phiền não phi phiền não cũng có; không nên nói dĩ nhiên thành phiền não cảnh phiền não, tuy nhiên thành cảnh phiền não phi phiền não cũng có.
* Sắc uẩn không nên nói dĩ nhiên thành phiền não cảnh phiền toái, tuy nhiên thành cảnh phiền toái phi phiền não cũng có. Ba uẩn không nên nói thành phiền não cảnh phiền toái, mà thành cảnh phiền toái phi phiền não, cũng không nên nói thành cảnh phiền toái phi phiền não. Hành uẩn thành phiền não cảnh phiền toái cũng có, thành cảnh phiền toái phi phiền não cũng có; không nên nói dĩ nhiên thành phiền não cảnh phiền toái, tuy nhiên thành cảnh phiền toái phi phiền não cũng có.
* Sắc uẩn không nên nói dĩ nhiên thành phiền não tương ưng phiền não, dĩ nhiên thành tương ưng phiền não phi phiền não. Ba uẩn không nên nói thành phiền não tương ưng phiền não, thành tương ưng phiền não phi phiền não cũng có, không nên nói thành tương ưng phiền não phi phiền não. Hành uẩn thành phiền não tương ưng phiền não cũng có, thành tương ưng phiền não phi phiền não cũng có, không nên nói tuy nhiên thành phiền não tương ưng phiền não, tuy nhiên thành tương ưng phiền não phi phiền não cũng có.
* Sắc uẩn thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não. Tứ uẩn thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não

cũng có, không nên nói tuy nhiên thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não hay tuy nhiên thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não cũng có.

xiii. Đáp phần nhị đề yêu bối *(piṭṭhiduka)*

96.

- Sắc uẩn thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Tứ uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi sơ đạo tuyệt trừ cũng có.
- Sắc uẩn thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tứ uẩn thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
- Sắc uẩn thành phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ. Tứ uẩn thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có.
- Sắc uẩn thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tứ uẩn thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
- Sắc uẩn thành vô tầm. Tứ uẩn thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có.
- Sắc uẩn thành vô tứ. Tứ uẩn thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có.
- Sắc uẩn thành vô hỷ. Tứ uẩn thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có.
- Sắc uẩn thành phi đồng sanh hỷ. Tứ uẩn thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có.
- Hai uẩn thành phi đồng sanh lạc. Ba uẩn thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có.
- Hai uẩn thành phi đồng sanh xả. Ba uẩn thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.
- Sắc uẩn thành Dục giới. Tứ uẩn thành Dục giới cũng có, thành phi Dục giới cũng có.
- Sắc uẩn thành phi Sắc giới. Tứ uẩn thành Sắc giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có.
- Sắc uẩn thành phi Vô sắc giới. Tứ uẩn thành Vô sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có.
- Sắc uẩn thành liên quan luân hồi. Tứ uẩn thành liên quan luân hồi cũng có, thành bất liên quan luân hồi cũng có.
- Sắc uẩn thành phi nhân xuất luân hồi. Tứ uẩn thành nhân xuất luân hồi cũng có, thành phi nhân xuất luân hồi cũng có.
- Sắc uẩn thành bất định. Tứ uẩn thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
- Sắc uẩn thành hữu thượng. Tứ uẩn thành hữu thượng cũng có, thành vô thượng cũng có.
- Sắc uẩn thành vô y. Tứ uẩn thành hữu y cũng có, thành vô y cũng có như thế nầy.

Dứt Phần vấn đáp

Đầy đủ Uẩn phân tích

PHẦN II - XỨ PHÂN TÍCH

A. XỨ PHÂN TÍCH PHẦN PHÂN THEO KINH

97.

Thập nhị xứ như là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thinh xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ.

98.

* Nhãn thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự biến chuyển thay đổi cố nhiên. Sắc thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên.
* Nhĩ thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên. Thinh thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên.
* Tỷ thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên. Khí thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên.
* Thiệt thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên. Vị thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên.
* Thân thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên. Xúc thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên.
* Ý thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên. Pháp thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên.

Dứt phân theo Kinh

B. XỨ PHÂN TÍCH PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP

99.

Thập nhị xứ như là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ, sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ.

100.

* ***Nhãn xứ*** *đó ra sao?* Nhãn não là thần kinh nương sắc tứ đại sung… cũng gọi nhà không. Đây gọi là nhãn xứ.
* ***Nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ*** *và* ***thân xứ*** *đó ra sao?*… thân nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung… cũng kêu là nhà không. Đây gọi là… thân xứ.
* ***Ý xứ*** *đó ra sao?* Ý xứ phân phần thành một tức là ý xứ tương ưng xúc. Ý xứ phân phần thành hai như là ý xứ thành hữu nhân, thành vô nhân. Ý xứ phân phần thành ba như là ý xứ thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… ý xứ phân phần thành nhiều thứ bằng cách như thế. Đây gọi là ý xứ.

* ***Sắc xứ*** *đó ra sao?* Sắc nào là màu nương sắc tứ đại sung… cũng kêu nhà không. Đây gọi là sắc xứ.
* ***Thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ*** *đó ra sao?* … địa chất… cũng kêu là xúc xứ. Đây gọi là… xúc xứ.
* ***Pháp xứ*** *đó ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, sắc không thấy, không đối chiếu, liên quan trong pháp xứ và vô vi giới.
* *Trong pháp xứ đó mà* ***thọ uẩn*** *ra sao?* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc… Thọ uẩn phân phần thành nhiều thứ bằng cách thế nầy. Đây gọi là thọ uẩn.
* ***Tưởng uẩn*** *đó ra sao?* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc… Tưởng uẩn phân phần thành nhiều thứ bằng cách thế nầy. Đây gọi là tưởng uẩn.
* ***Hành uẩn*** *đó ra sao?* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm… hành uẩn phân mỗi phần thành nhiều thứ bằng cách thế nầy. Đây gọi là hành uẩn.
* ***Sắc uẩn không thấy không đối chiếu*** *liên quan trong pháp xứ đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Đây gọi là sắc không thấy, không đối chiếu liên quan trong pháp xứ.
* ***Vô vi giới*** *đó ra sao?* Sự dứt ái, sự dứt sân, sự dứt si. Đây gọi là vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là pháp xứ.

Dứt Phần phần theo Diệu Pháp

C. XỨ PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

101.

Thập nhị xứ như là nhãn xứ, sắc xứ… ý xứ và pháp xứ.

Đáp đầu đề tam, đáp đầu đề nhị

Thập nhị xứ mà những chi thành thiện, những chi thành bất thiện, những chi thành vô ký… những chi thành hữu y, những chi thành vô y?

1) Đáp theo đầu đề tam

102.

* Mười xứ (thô) thành vô ký. Nhị xứ (tế) thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
* Mười xứ (thô) không nên nói có thể thành tương ưng lạc thọ, có thể thành tương ưng khổ thọ, có thể thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Ý xứ thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng khổ thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có. Pháp xứ thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng khổ thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có; không nên nói tuy nhiên thành tương ưng lạc thọ, tuy nhiên thành tương ưng khổ thọ, tuy nhiên thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có.

* Thập xứ (thô) thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Nhị xứ (tế) thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
* Ngũ xứ thành do thủ cảnh thủ. Thinh xứ thành phi do thủ cảnh thủ. Tứ xứ thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có. Nhị xứ thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.
* Thập xứ thành phi phiền toái cảnh phiền não. Nhị xứ thành phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não cũng có.
* Thập xứ thành vô tầm vô tứ. Ý xứ thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có. Pháp xứ thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có; không nên nói có thể thành hữu tầm hữu tứ, có thể thành vô tầm hữu tứ, có thể thành vô tầm vô tứ cũng đặng.
* Thập xứ không nên nói có thể thành đồng sanh hỷ, có thể thành đồng sanh lạc, có thể thành đồng sanh xả. Nhị xứ thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có; không nên nói có thể thành đồng sanh hỷ, có thể thành đồng sanh lạc, có thể thành đồng sanh xả cũng đặng.
* Thập xứ thành phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị xứ thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Thập xứ thành phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị xứ thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Thập xứ thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn. Nhị xứ thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Thập xứ thành phi hữu học phi vô học. Nhị xứ thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.
* Thập xứ thành hy thiểu. Nhị xứ thành hy thiểu cũng có, thành đáo đại cũng có, thành vô lượng cũng có.
* Thập xứ thành bất tri cảnh. Nhị xứ thành tri cảnh hy thiểu cũng có, thành tri cảnh đáo đại cũng có, thành tri cảnh vô lượng cũng có; không nên nói có thể thành tri cảnh hy thiểu, thành tri cảnh đáo đại, thành tri cảnh vô lượng.
* Thập xứ thành trung bình. Nhị xứ thành ty hạ cũng có, thành trung bình cũng có, thành tinh lương cũng có.
* Thập xứ thành bất định. Nhị xứ thành tà nhất định cũng có, thành chánh nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Thập xứ thành bất tri cảnh. Nhị xứ thành đạo là cảnh cũng có, thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có; không nên nói thành đạo là cảnh, thành đạo là nhân, thành đạo là trưởng.

* Ngũ xứ thành sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có, không thể nói thành phi sanh tồn. Thinh xứ thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, không thể nói thành sẽ sanh. Ngũ xứ thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có. Pháp xứ thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có; không nên nói có thể thành sanh tồn, mà có thể thành phi sanh tồn hay có thể thành sẽ sanh cũng đặng.
* Thập nhất xứ thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có. Pháp xứ thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có; không nên nói có thể thành quá khứ, có thể thành vị lai, có thể thành hiện tại cũng đặng.
* Thập xứ thành bất tri cảnh. Nhị xứ thành tri cảnh quá khứ cũng có, thành tri cảnh vị lai cũng có, thành tri cảnh hiện tại cũng có; không nên nói có thể thành cảnh quá khứ, có thể thành cảnh vị lai, có thể thành cảnh hiện tại cũng đặng.
* Thập nhị xứ thành nội phần cũng đặng, thành ngoại phần cũng đặng, thành nội và ngoại phần cũng đặng.
* Thập xứ thành bất tri cảnh. Nhị xứ thành tri cảnh nội cũng có, thành tri cảnh ngoại cũng có, thành tri cảnh nội và ngoại cũng có; không nên nói có thể thành tri cảnh nội, có thể thành tri cảnh ngoại hay có thể thành tri cảnh nội và ngoại cũng đặng.
* Sắc nhập thành hữu kiến hữu đối chiếu. Cửu nhập thành bất kiến hữu đối chiếu. Nhị nhập thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị

i. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

103.

* Thập nhất xứ thành phi nhân. Pháp xứ thành nhân cũng có, thành phi nhân cũng có.
* Thập xứ thành vô nhân. Nhị xứ thành hữu nhân cũng có, thành vô nhân cũng có.
* Thập xứ thành bất tương ưng nhân. Nhị xứ thành tương ưng nhân cũng có, thành bất tương ưng nhân cũng có.
* Thập xứ không nên nói có thể thành nhân hữu nhân hay có thể thành phi nhân hữu nhân. Ý xứ không thể nói thành nhân hữu nhân, mà thành phi nhân hữu nhân cũng có; không thể nói thành phi nhân hữu nhân cũng có. Pháp xứ thành nhân hữu nhân cũng có, thành phi nhân hữu nhân cũng có, không nên nói có thể thành nhân hữu nhân hay có thể thành phi nhân hữu nhân cũng đặng.
* Thập xứ không nên nói có thể thành nhân tương ưng nhân và phi nhân tương ưng nhân. Ý xứ không thể nói thành nhân tương ưng nhân, mà thành phi nhân tương ưng nhân cũng có, cũng không thể nói hoặc thành phi nhân tương ưng nhân. Pháp xứ thành nhân tương ưng nhân cũng có, thành phi nhân tương ưng nhân cũng có; không nên nói có thể thành nhân tương ưng nhân và phi nhân tương ưng nhân.
* Thập xứ thành phi nhân vô nhân. Ý xứ thành phi nhân hữu nhân cũng có, thành phi nhân vô nhân cũng có. Pháp xứ thành phi nhân hữu nhân cũng có, thành phi nhân vô nhân cũng có; không nên nói thành phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân.

ii. Đáp phần nhị đề đỉnh *(cūlantaraduka)*

104.

* Thập nhất xứ thành hữu duyên, pháp xứ thành hữu duyên cũng có, thành vô duyên cũng có.
* Thập nhất xứ thành hữu vi. Pháp xứ thành hữu vi cũng có, thành vô vi cũng có.
* Thập nhất xứ thành bất kiến. Sắc xứ thành hữu kiến.
* Thập xứ thành hữu đối chiếu. Nhị xứ thành vô đối chiếu.
* Thập xứ thành sắc. Ý xứ thành phi sắc. Pháp xứ thành sắc cũng có, thành phi sắc cũng có.
* Thập xứ thành hiệp thế. Nhị xứ thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
* Thập nhị xứ thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu *(āsavagocchaka)*

105.

* Thập nhất xứ thành phi lậu. Pháp xứ thành lậu cũng có, thành phi lậu cũng có.
* Thập xứ thành cảnh lậu. Nhị xứ thành cảnh lậu cũng có, thành phi cảnh lậu cũng có.
* Thập xứ thành bất tương ưng lậu. Nhị xứ thành tương ưng lậu cũng có, thành bất tương ưng lậu cũng có.
* Thập xứ không thể nói thành lậu cảnh lậu, mà thành phi lậu cảnh lậu. Ý xứ không thể nói thành lậu cảnh lậu, mà thành phi lậu cảnh lậu cũng có, không thể nói thành phi lậu cảnh lậu cũng có. Pháp xứ thành lậu cảnh lậu cũng có, thành phi lậu cảnh lậu cũng có, không nên nói có thể thành lậu cảnh lậu cũng có và thành phi lậu cảnh lậu cũng có.
* Thập xứ không nên nói có thể thành lậu tương ưng lậu và thành phi lậu tương ưng lậu. Ý xứ không thể nói thành lậu tương ưng lậu, mà thành phi lậu tương ưng lậu cũng có, không thể nói thành phi lậu tương ưng lậu cũng có. Pháp xứ thành lậu tương ưng lậu cũng có, thành phi lậu tương ưng lậu cũng có; không nên nói có thể thành lậu tương ưng lậu và phi lậu tương ưng lậu.
* Thập xứ thành bất tương ưng lậu cảnh lậu. Nhị xứ thành bất tương ưng lậu cảnh lậu cũng có, thành bất tương ưng lậu phi cảnh lậu cũng có; không nên nói thành bất tương ưng lậu cảnh lậu cũng có và bất tương ưng lậu phi cảnh lậu cũng có.

iv. Đáp phần chùm triền *(saṃyojanagocchaka)*

106.

* Thập nhất xứ thành phi triền. Pháp xứ thành triền cũng có, thành phi triền cũng có.
* Thập xứ thành cảnh triền. Nhị xứ thành cảnh triền cũng có, thành phi cảnh triền cũng có.
* Thập xứ thành bất tương ưng triền. Nhị xứ thành tương ưng triền cũng có, thành bất tương ưng triền cũng có.
* Thập xứ không nên nói thành triền cảnh triền mà thành cảnh triền phi triền. Ý xứ không thể nói thành triền cảnh triền, nhưng thành cảnh triền mà phi triền cũng có, cũng có phần không thể nói thành cảnh triền mà phi triền. Pháp xứ thành triền và cảnh

triền cũng có, thành cảnh triền mà phi triền cũng có, cũng có phần không nên nói có thể thành triền mà cảnh triền hay thành cảnh triền mà phi triền.

* Thập xứ không nên nói có thể thành triền tương ưng triền hay tương ưng triền mà phi triền. Ý xứ không thể nói thành triền tương ưng triền, mà thành tương ưng triền phi triền cũng có, cũng có phần không đặng nói tương ưng triền phi triền. Pháp xứ thành triền tương ưng triền cũng có, thành tương ưng triền phi triền cũng có; không nên nói thành triền tương ưng triền và tương ưng triền phi triền.
* Thập xứ thành bất tương ưng triền mà cảnh triền. Nhị xứ thành bất tương ưng triền mà cảnh triền cũng có, thành bất tương ưng triền mà phi cảnh triền cũng có; nhưng có phần không đặng nói có thể thành bất tương ưng triền và cảnh triền hay có thể thành bất tương ưng triền mà phi triền.

v. Đáp phần chùm phược *(ganthagocchaka)*

107.

* Thập nhất xứ thành phi phược. Pháp xứ thành phược cũng có, thành phi phược cũng có.
* Thập xứ thành cảnh phược. Nhị xứ thành cảnh phược cũng có, thành phi cảnh phược cũng có.
* Thập xứ thành bất tương ưng phược. Nhị xứ thành tương ưng phược cũng có, thành bất tương ưng phược cũng có.
* Thập xứ không thể nói thành phược cảnh phược và cảnh phược phi phược. Ý xứ không thể nói thành phược cảnh phược, mà thành cảnh phược phi phược cũng có, cũng có phần không đặng nói thành cảnh phược phi phược. Pháp xứ thành phược cảnh phược cũng có, thành cảnh phược phi phược cũng có, nhưng có phần không đặng nói thành phược cảnh phược hay có thể thành cảnh phược phi phược.
* Thập xứ không nên nói có thể thành phược tương ưng phược hay có thể thành tương ưng phược phi phược. Ý xứ không thể nói thành phược tương ưng phược, mà có phần thành tương ưng phược phi phược và cũng có phần không nên nói thành tương ưng phược mà phi phược. Pháp xứ thành phược tương ưng phược cũng có, thành tương ưng phược mà phi phược cũng có, nhưng cũng có phần không đặng nói là có thể thành phược tương ưng phược hay là có thể thành tương ưng phược phi phược.

vi, vii, viii. Đáp phần chùm bộc *(oghegocchaka ādi)*

108.

* Thập nhất xứ thành phi bộc… thập nhất xứ thành phi phối… thập nhất xứ thành phi cái… pháp xứ thành cái cũng có, thành phi cái cũng có.
* Thập xứ thành cảnh cái. Nhị xứ thành cảnh cái cũng có, thành phi cảnh cái cũng có.
* Thập xứ thành bất tương ưng cái. Nhị xứ thành tương ưng cái cũng có, thành bất tương ưng cái cũng có.
* Thập xứ không thể nói thành cái cảnh cái và cảnh cái phi cái. Ý xứ không thể nói thành cái cảnh cái, mà thành phi cái cảnh cái cũng có, cũng có phần không đặng nói thành cái phi cái. Pháp xứ thành cái cảnh cái cũng có, thành cảnh cái phi cái cũng có, có phần không đặng nói thành cái cảnh cái hay thành cảnh cái phi cái.

* Thập xứ không nên nói có thể thành cái tương ưng cái hay có thể thành tương ưng cái phi cái. Ý xứ không thể nói thành cái tương ưng cái, mà cũng có phần thành tương ưng cái phi cái; nhưng có phần không đặng nói thành tương ưng cái phi cái. Pháp xứ thành cái tương ưng cái cũng có, thành tương ưng cái phi cái cũng có; nhưng cũng có phần không đặng nói có thể thành cái tương ưng cái và tương ưng cái phi cái.
* Thập xứ thành bất tương ưng cái mà cảnh cái. Nhị xứ thành bất tương ưng cái mà cảnh cái cũng có, thành bất tương ưng cái mà phi cảnh cái cũng có; nhưng cũng có phần không đặng nói thành bất tương ưng cái cảnh cái hay thành bất tương ưng cái phi cảnh cái.

ix. Đáp phần chùm khinh thị *(parāmāsagocchaka)*

109.

* Thập nhất xứ thành phi khinh thị. Pháp xứ thành khinh thị cũng có, thành phi khinh thị cũng có.
* Thập xứ thành cảnh khinh thị. Nhị xứ thành cảnh khinh thị cũng có, thành phi cảnh khinh thị cũng có.
* Thập xứ thành bất tương ưng khinh thị. Ý xứ thành tương ưng khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị cũng có. Pháp xứ thành tương ưng khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị cũng có, cũng có phần không đặng nói thành tương ưng khinh thị hay có thể thành bất tương ưng khinh thị.
* Thập xứ không thể nói thành khinh thị cảnh khinh thị, mà thành cảnh khinh thị phi khinh thị. Ý xứ không thể nói thành khinh thị cảnh khinh thị, mà thành cảnh khinh thị phi khinh thị cũng có; cũng có phần không đặng nói thành cảnh khinh thị phi khinh thị. Pháp xứ thành khinh thị cảnh khinh thị cũng có, thành cảnh khinh thị phi khinh thị cũng có; cũng có phần không đặng nói thành khinh thị cảnh khinh thị hay có thể thành cảnh khinh thị phi khinh thị.
* Thập xứ thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị. Nhị xứ thành bất tương ưng khinh thị mà cảnh khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị cũng có; cũng có phần không đặng nói thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị hay có thể thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị.

x. Đáp phần nhị đề đại *(mahantaraduka)*

110.

* Thập xứ thành bất tri cảnh. Ý xứ thành tri cảnh. Pháp xứ thành tri cảnh cũng có, thành bất tri cảnh cũng có.
* Ý xứ thành tâm. Thập nhất xứ thành phi tâm.
* Thập nhất xứ thành phi sở hữu tâm, pháp xứ thành sở hữu tâm cũng có, thành phi sở hữu tâm cũng có.
* Thập xứ thành bất tương ưng tâm. Pháp xứ thành tương ưng tâm cũng có, thành bất tương ưng tâm cũng có. Ý xứ không nên nói có thể thành tương ưng tâm hay có thể thành bất tương ưng tâm.

* Thập xứ thành không hòa trộn với tâm. Pháp xứ thành hòa trộn với tâm cũng có, thành không hòa trộn với tâm cũng có. Ý xứ không nên nói có thể thành hòa trộn với tâm hay có thể không thành hòa trộn với tâm.
* Lục xứ thành phi y xứ tâm sanh. Lục xứ thành phi y xứ tâm sanh cũng có, thành y xứ tâm sanh cũng có.
* Thập nhất xứ thành phi đồng còn với tâm. Pháp xứ thành đồng còn với tâm cũng có, thành phi đồng còn với tâm cũng có.
* Thập nhất xứ thành phi tùng hành với tâm. Pháp xứ thành tùng hành với tâm cũng có, thành phi tùng hành với tâm cũng có.
* Thập nhất xứ thành không hòa và không nương tâm làm sở sanh. Pháp xứ thành hòa với tâm và nương tâm làm sở sanh cũng có, thành không hòa với tâm và không nương tâm làm sở sanh cũng có.
* Thập nhất xứ thành không đồng còn không hòa và không nương tâm làm sở sanh. Pháp xứ thành hòa đồng còn nương tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa phi đồng còn phi nương tâm làm sở sanh cũng có.
* Thập nhất xứ thành phi tùng hành phi hòa phi nương tâm làm sở sanh. Pháp xứ thành tùng hành hòa và nương tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa phi tùng hành phi nương tâm làm sở sanh cũng có.
* Lục xứ thành nội phần. Lục xứ thành ngoại phần.
* Cửu xứ thành thủ. Nhị xứ thành thủ. Pháp xứ thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có.
* Ngũ xứ thành do thủ. Thinh xứ thành phi do thủ. Lục xứ thành do thủ cũng có, thành phi do thủ cũng có.

xi. Đáp phần chùm thủ *(upādānagocchaka)*

111.

* Thập nhất xứ thành thủ. Pháp xứ thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có.
* Thập xứ thành cảnh thủ. Nhị xứ thành cảnh thủ cũng có, thành phi cảnh thủ cũng có.
* Thập xứ thành bất tương ưng thủ. Nhị xứ thành tương ưng thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ cũng có.
* Thập xứ không thể nói thành thủ cảnh thủ hay thành cảnh thủ phi thủ. Ý xứ không thể nói thành thủ cảnh thủ mà thành cảnh thủ phi thủ cũng có; không thể nói thành cảnh thủ phi thủ cũng có. Pháp xứ thành thủ cảnh thủ cũng có, thành cảnh thủ phi thủ cũng có, cũng có phần không đặng nói thành thủ cảnh thủ hay có thể thành cảnh thủ phi thủ.
* Thập xứ không đặng nói có thể thành thủ tương ưng thủ, có thể thành tương ưng thủ phi thủ. Ý xứ không nên nói thành thủ tương ưng thủ hay thành tương ưng thủ phi thủ, cũng không đặng nói là thành tương ưng thủ phi thủ. Pháp xứ thành thủ tương ưng thủ cũng có, thành tương ưng thủ phi thủ cũng có, cũng có phần không đặng nói thành thủ tương ưng thủ hay thành tương ưng thủ phi thủ.
* Thập xứ thành bất tương ưng thủ mà cảnh thủ. Nhị xứ thành bất tương ưng thủ cảnh thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ cũng có, có phần không đặng nói thành bất tương ưng thủ mà cảnh thủ hay bất tương ưng thủ phi cảnh thủ.

xii. Đáp phần chùm phiền não (kilesagocchaka)

112.

* Thập nhất xứ thành phi phiền não. Pháp xứ thành phiền não cũng có, thành phi phiền não cũng có.
* Thập xứ thành cảnh phiền não. Nhị xứ thành cảnh phiền não cũng có, thành phi cảnh phiền não cũng có.
* Thập xứ thành phi phiền toái. Nhị xứ thành phiền toái cũng có, thành phi phiền toái cũng có.
* Thập xứ thành bất tương ưng phiền não. Nhị xứ thành tương ưng phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não cũng có.
* Thập xứ không thể nói thành phiền não cảnh phiền não, mà thành cảnh phiền não phi phiền não. Ý xứ cũng có phần không thể nói thành phiền não cảnh phiền não, thành cảnh phiền não phi phiền não; cũng có phần không nên nói thành cảnh phiền não phi phiền não. Pháp xứ thành phiền não cảnh phiền não cũng có, thành phiền não phi cảnh phiền não cũng có, cũng có phần không nên nói là thành phiền não cảnh phiền não hay thành cảnh phiền não phi phiền não.
* Thập xứ không nên nói thành phiền não và phiền toái hay thành phiền toái phi phiền não. Ý xứ không nên nói thành phiền não và phiền toái hay thành phiền toái phi phiền não, cũng có phần không nên nói thành phiền toái phi phiền não. Pháp xứ thành phiền não và phiền toái cũng có, thành phiền toái phi phiền não cũng có, không nên nói có thể thành phiền não và phiền toái hay phiền toái phi phiền não.
* Thập xứ không nên nói thành phiền não tương ưng phiền não hay thành tương ưng phiền não phi phiền não. Ý xứ không nên nói thành phiền não tương ưng phiền não hay thành tương ưng phiền não phi phiền não; mà có phần không đặng nói thành tương ưng phiền não phi phiền não. Pháp xứ thành phiền não tương ưng phiền não cũng có, thành tương ưng phiền não phi phiền não cũng có; có phần không đặng nói thành phiền não tương ưng phiền não hay thành tương ưng phiền não phi phiền não.
* Thập xứ thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não. Nhị xứ thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não cũng có, có phần không đặng nói thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não hay bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não.

xiii. Đáp phần nhị đề yêu bối *(piṭṭhiduka)*

113.

* Thập xứ thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Nhị xứ thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi sơ đạo tuyệt trừ cũng có.
* Thập xứ thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị xứ thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Thập xứ thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ. Nhị xứ thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ cũng có.
* Thập xứ thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị xứ thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.

* Thập xứ thành vô tầm. Nhị xứ thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có.
* Thập xứ thành vô tứ. Nhị xứ thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có.
* Thập xứ thành vô hỷ. Nhị xứ thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có.
* Thập xứ thành phi đồng sanh hỷ. Nhị xứ thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có.
* Thập xứ thành phi đồng sanh lạc. Nhị xứ thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có.
* Thập xứ thành phi đồng sanh xả. Nhị xứ thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.
* Thập xứ thành Dục giới. Nhị xứ thành Dục giới cũng có, thành phi Dục giới cũng có.
* Thập xứ thành phi Sắc giới. Nhị xứ thành Sắc giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có.
* Thập xứ thành phi Vô sắc giới. Nhị xứ thành Vô sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có.
* Thập xứ thành liên quan luân hồi. Nhị xứ thành liên quan luân hồi cũng có, thành bất liên quan luân hồi cũng có.
* Thập xứ thành phi nhân xuất luân hồi. Nhị xứ thành nhân xuất luân hồi cũng có, thành phi nhân xuất luân hồi cũng có.
* Thập xứ thành bất định. Nhị xứ thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Thập xứ thành hữu thượng. Nhị xứ thành hữu thượng cũng có, thành vô thượng cũng có.
* Thập xứ thành vô y. Nhị xứ thành hữu y cũng có, thành vô y cũng có như thế nầy.

Dứt Phần vấn đáp
Đã đầy đủ Xứ phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN III - CHẤT PHÂN TÍCH
(Dhātuvibhaṅga)

A. CHẤT PHÂN TÍCH PHẦN THEO KINH *(Suttantabhājanīya)*

Lục chất - phần thứ nhất

114.

Chất *(dhātu)* có sáu như là chất đất, chất nước, chất lửa, chất gió, chất hư không, chất thức.

115.

Chất đất *đó ra sao?* Chất đất có hai thứ như là chất đất nội phần, chất đất ngoại phần.

- ***Chất đất nội phần*** *đó ra sao?* Trạng thái cứng, trạng thái sần sượng, sự cứng, tư cách cứng bên phần trong của ta, thành sắc do thủ bên trong như là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, tì, tim, gan, mỡ sa, thận, phổi, ruột già, ruột non, vật thực mới, vật thực cũ; hay là những cách cứng sượng, sự cứng, trạng thái cứng tự phần bên trong, thành sắc bên trong do thủ. Nếu có như thế nầy gọi là địa chất nội.
- ***Chất đất ngoại phần*** *đó ra sao?* Tư cách cứng sượng, sự cứng, trạng thái cứng bên ngoài thành sắc ngoại phi do thủ như là sắc, kim khoáng, chì trắng, chì đen, bạc, trân châu, ngọc như ý, miêu tình châu, xà cừ, sơn nham, đạm hồng châu, hóa tệ (bạc thành đồng), vàng, ngọc như ý đỏ, ngọc như ý sọc, cỏ, khúc cây, đá trứng, gạch ngói, đất, miếng đá, núi hay là những cách cứng sượng, sự cứng, trạng thái cứng bên ngoài thành sắc ngoại phi do thủ. Những chi có như thế đây gọi là địa chất ngoại.

Địa chất nội và địa chất ngoại kêu chung lại là địa chất.

116.

Thủy chất *đó ra sao?* Thủy chất có hai thứ như là thủy chất nội và thủy chất ngoại.

- ***Thủy chất nội*** *đó ra sao?* Sự tươm ướt, cách tươm ướt, sự dẻo, cách dẻo, trạng thái thu dính phần bên trong của ta thành sắc nội do thủ như là mật, đàm, nhớt, máu, nước mồ hôi, não, nước mắt, hỏa du, nước miếng, nước mũi, tủy, nước tiểu hay là sự ướt im, cách ướt im, sự mềm dẻo, cách mềm dẻo, trạng thái thu hút bên trong của ta thành sắc nội do thủ, những phần như thế gọi là thủy chất nội.
- ***Thủy chất ngoại*** *đó ra sao?* Sự im ướt, cách im ướt, sự dẻo, cách dẻo, trạng thái thu hút quến sắc phần bên ngoài thành sắc phi do thủ bên ngoài như là vị rễ cây, vị cây, vị vỏ cây, vị lá cây, vị bông cây, vị trái cây, sữa sống, sữa chín, bơ trong, bơ cục, dầu, mật, nước mía, nước ở trong đất hay là nước ở trong hư không, hoặc sự ướt im, cách ướt im, sự dẻo, trạng thái dẻo, trạng thái thâu hút sắc thành bên ngoài, thành sắc phi do thủ bên ngoài, mặc dù có khác như thế nào, đây gọi là thủy chất ngoại.

Thủy chất nội và thủy chất ngoại gồm cả hai thứ ấy kêu chung lại là thủy chất.

117.

Hỏa chất *đó ra sao?* Hỏa chất có hai thứ như là hỏa chất nội và hỏa chất ngoại.

- ***Hỏa chất nội*** *đó ra sao?* Sự nóng, tư cách nóng, sự ấm, tư cách ấm, sự ấm áp, tư cách ấm áp thành tự nội phần, thành sắc do thủ bên trong như là chất lửa làm cho

thân thể hư hao, chất lửa làm cho thân thể nóng nảy, chất lửa làm cho đồ ăn uống tiêu chuyển; hay là sự nóng, cách nóng, sự ấm, cách ấm, sự ôn noãn, cách ôn noãn thành bên trong của ta, thành sắc do thủ bên trong, dù có thế nào khác, đây gọi là hỏa chất nội.

- ***Hỏa chất ngoại*** *đó ra sao?* Sự nóng, cách nóng, sự ấm, cách ấm, sự ôn noãn, cách ôn noãn, thành bên ngoài, thành sắc phi do thủ bên ngoài như là lửa củi, lửa miếng cây, lửa cỏ, lửa cứt bò, lửa con Trúc sát, lửa rác, lửa trời nhoảng, sự nóng của lửa, sự nóng của mặt trời, sự nóng của đống củi, sự nóng của đống cỏ, sự nóng của đống lúa, sự nóng của đống tro hay là sự nóng, cách nóng, sự ấm, cách ấm, sự ôn, cách ôn thành bên ngoài, thành sắc phi do thủ bên ngoài, dù có như thế nào khác, đây gọi là hỏa chất ngoại.

Hỏa chất nội và hỏa chất ngoại hai thứ ấy gồm chung lại một gọi là hỏa chất *(tejodhātu)*.

118.

Phong chất *đó ra sao?* Phong chất có hai thứ như là phong chất nội và phong chất ngoại.

- ***Phong chất nội*** *đó ra sao?* Sự phất qua, cách phất lại, sự căng thẳng của sắc thành tự bên trong phần ta, thành sắc do thủ bên trong như là gió phất, gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong bụng, gió trong ruột, gió khắp mình, gió vũ khí, gió dao cạo, gió thổi qua trái tim, gió thở vô, gió thở ra hay là sự phất qua lại, cách phất qua lại, sự căng thẳng trong phần ta thành sắc do thủ, dù cách nào khác có như thế, đây gọi là phong chất nội.
- ***Phong chất ngoại*** *đó ra sao?* Sự phất qua lại, cách phất qua lại, sự căng thẳng của sắc thành ngoại, thành sắc bên ngoài phi do thủ như là gió đông, gió tây, gió nam, gió bắc, gió cuốn bụi, gió không cuốn bụi, gió lạnh, gió nóng, gió mềm, gió cứng, gió thấp, gió cao, gió cánh chim, gió chim đại bàng, gió lá đường, gió miệng thổi hay là sự phất qua lại, cách phất qua lại, sự căng thẳng của sắc bên ngoài thành sắc ngoại phi do thủ bên ngoài, dù cách nào khác có như thế, đây gọi là phong chất ngoại.

Phong chất nội và phong chất ngoại, hai thứ đó gom chung lại một gọi là phong chất.

119.

Hư không chất *đó ra sao?* Hư không chất có hai thứ như là hư không chất nội và hư không chất ngoại.

- ***Hư không chất nội*** *đó ra sao?* Hư không trống rỗng, tư cách gọi là hư không, sự trống không, tư cách gọi là sự trống không, lỗ trống, tư cách gọi là lỗ trống, chỗ mà máu và thịt không đụng chạm là phần trong ta thành sắc nội do thủ như là lỗ tai, lỗ mũi, lỗ miệng, lỗ cuống họng, lỗ nuốt đồ ăn, lỗ chứa đồ ăn uống và lỗ để cho đồ ăn uống chạy xuống. Hay là trống không, cách cho là trống không, sự trống không, cách cho là sự trống không, lỗ trống, cách cho là lỗ trống, chỗ mà thịt và máu không đụng chạm thuộc về phần ta thành sắc nội do thủ. Dù có như thế nào khác đây gọi là hư không chất nội.
- ***Hư không chất ngoại*** *đó ra sao?* Trống không, cách cho rằng trống không, sự trống không, cách cho rằng sự trống không, lỗ trống, cách cho rằng lỗ trống, chỗ mà sắc tứ đại sung không đụng chạm là bên ngoài, thành sắc ngoại phi do thủ. Dù có như thế nào khác đây gọi là hư không chất ngoại.

Hư không chất nội và hư không chất ngoại gom cả hai thứ ấy chung lại một gọi là hư không chất.

120.

Thức chất *đó ra sao?* Nhãn thức chất, nhĩ thức chất, tỷ thức chất, thiệt thức chất, thân thức chất và ý thức chất. Đây gọi là thức chất.

Những chơn tướng nầy gọi là lục chất.

Lục chất - phần thứ hai

121.

Lục chất nữa như là lạc chất, khổ chất, hỷ chất, ưu chất, xả chất và vô minh chất.

- ***Lạc chất*** *đó ra sao?* Sự thích thân, sự sướng thân, sự hưởng cảnh thích sướng sanh từ thân xúc, thái độ hưởng cảnh thích sướng sanh từ thân xúc. Đây gọi là lạc chất.
- ***Khổ chất*** *đó ra sao?* Sự không thích thân, sự khổ thân, sự hưởng cảnh không thích hợp và khổ thân sanh từ thân xúc, thái độ hưởng cảnh không thích hợp và khổ thân sanh từ thân xúc. Đây gọi là khổ chất.
- ***Hỷ chất*** *đó ra sao?* Sự thích hợp tâm, sự vui lòng, sự hưởng cảnh thích hợp của tâm và sự vui lòng sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh thích hợp của tâm và sự vui lòng sanh từ ý xúc. Đây gọi là hỷ chất.
- ***Ưu chất*** *đó ra sao?* Sự không thích hợp tâm, sự khổ tâm, sự hưởng cảnh không thích hợp của tâm và sự khổ tâm sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh không thích hợp của tâm và sự khổ tâm sanh từ ý xúc. Đây gọi là ưu chất.
- ***Xả chất*** *đó ra sao?* Sự hưởng cảnh phi vui, phi buồn, phi khổ, phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh phi khổ, phi lạc, phi vui, phi buồn sanh từ ý xúc. Đây gọi là xả chất.
- ***Vô minh chất*** *đó ra sao?* Sự bất tri, sự bất kiến… như cây gỗ tức là vô minh, căn bất thiện tức là si. Đây gọi là vô minh chất.

  Những chơn tướng nầy gọi là lục chất.

Lục chất - phần thứ ba

122.

Lục chất khác nữa như là dục chất, sân độc chất, ác độc chất, ly dục chất, vô sân độc chất và vô ác độc chất.

- ***Dục chất*** *đó ra sao?* Sự mong mỏi, sự quá mong mỏi, sự nghĩ ngợi mà hiệp với dục, sự mà tâm dựa vào cảnh, sự mà tâm khắn khít vào cảnh, sự đem tâm đến cảnh, tà tư duy. Đây gọi là dục chất. Phía dưới có Ngục vô gián là chỗ tột, phía trên có Tha Hóa Tự Tại thiên là chỗ tột. Uẩn, xứ, giới, sắc, thọ, tưởng, hành, thức luân chuyển trong ấy, liên quan trong ấy. Đây gọi là dục chất.
- ***Sân độc chất*** *đó ra sao?* Sự nghĩ ngợi, cách rất nghĩ ngợi mà hiệp với sân độc… tà tư duy. Đây gọi là sân độc chất.
  Một cách nữa, sự mà tâm thù oán trong mười thứ thù oán, sự thù oán mạnh, sự đụng chạm, sự bực bội, sự tức giận, sự lừng lẫy, sự rất lừng lẫy, sự tính ác độc, sự tính rất

độc ác độc, sự tính độc ác tột bực, cách tâm sân độc, cách tâm rất ác độc, cách sân giận, thái độ sân giận, trạng thái sân giậnsự tính độc ác, thái độ tính độc ác, trạng thái tính độc ác, sự sân độc, thái độ sân độc, trạng thái sân độc, sự giận hờn, sự ác xấu, cách nói không ra, tâm không ưa thích, đây gọi là sân độc chất.

- ***Ác độc chất*** *đó ra sao?* Sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi mà hiệp với ác độc… tà tư duy. Đây gọi là ác độc chất. Cũng có người trong đời nầy vẫn ép uổng chúng sanh bằng một cách nào với những vật chất như là bàn tay, cục đất, khúc cây, khí giới, hoặc dây, sự xâm lăng, thái độ xâm lăng, sự ép uổng, thái độ ép uổng, sự kích nộ, sự cừu hận, sự rất ép uổng người khác hiện thấy như thế. Đây gọi là ác độc chất.
- ***Ly dục chất*** *đó ra sao?* Sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi mà hiệp với ly dục… chánh tư duy, đây gọi là ly dục chất. Dù cho tất cả pháp thiện. Đây gọi là ly dục chất.
- ***Vô sân độc chất*** *đó ra sao?* Sự suy xét, rất suy xét, mà hiệp với sự không sân độc… chánh tư duy, đây gọi là vô sân độc chất. Sự có bạn tốt, thái độ có bạn tốt, trạng thái có bạn tốt đối cả chúng sanh tâm từ siêu thoát. Đây gọi là vô sân độc chất.
- ***Vô ác độc chất*** *đó ra sao?* Sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi mà hiệp với vô ác độc. Sự suy xét, sự tâm dựa vào cảnh chặt chẽ, sự đem tâm đến cảnh, chánh tư duy, đây gọi là vô sân độc chất. Sự bi, thái độ bi, trạng thái bi, tâm bi siêu thoát đối với chúng sanh. Đây gọi là vô ác độc chất.

Những chơn tướng nầy gọi là lục chất.

123.

Phần lục chất có 6, cả ba phần lục chất này yếu hiệp gồm chung lại một thành mười tám theo cách như đây.

Dứt chất phân tích phần phân theo Kinh

B. CHẤT PHÂN TÍCH PHÂN THEO DIỆU PHÁP

124.

Thập bát giới như là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thinh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, khí giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới.

125.

* ***Nhãn giới*** *đó ra sao?* Nhãn nào thành sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung… cũng kêu nhà không, đây gọi là nhãn giới.
* ***Sắc giới*** *đó ra sao?* Sắc nào nương tứ đại sung tức là các màu… hoặc kêu là sắc chất. Đây gọi là sắc giới.
* ***Nhãn thức giới*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý là ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, nhãn thức giới đều từ nương thần kinh nhãn và cảnh sắc sanh ra. Đây gọi là nhãn thức giới.

126.

* ***Nhĩ giới*** *đó ra sao?* Nhĩ nào thành sắc thần kinh nương sắc tứ đại minh… cũng kêu là nhà trống. Đây gọi là nhĩ giới.
* ***Thinh giới*** *đó ra sao?* Thinh nào nương sắc tứ đại minh vô kiến hữu đối chiếu… hoặc kêu là thinh chất. Đây gọi là thinh giới.

* ***Nhĩ thức giới*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý là ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, nhĩ thức giới đều từ nơi nương thần kinh nhĩ và cảnh thinh sanh ra. Đây gọi là nhĩ thức giới.

127.

* ***Tỷ giới*** *đó ra sao?* Tỷ nào thành sắc thần kinh nương sắc tứ đại minh… cũng kêu nhà không, đây gọi là tỷ giới.

* ***Khí giới*** *đó ra sao?* Khí nào nương sắc tứ đại sung sanh ra mà bất kiến vô đối chiếu… hoặc kêu khí chất. Đây gọi là khí giới.

* ***Tỷ thức giới*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý là ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, tỷ thức giới đều từ nơi nương thần kinh tỷ và cảnh khí sanh ra. Đây gọi là tỷ thức giới.

128.

* ***Thiệt giới*** *đó ra sao?* Thiệt nào thành sắc thần kinh nương sắc tứ đại minh sanh ra… hoặc kêu nhà không. Đây gọi là thiệt giới.

* ***Vị giới*** *đó ra sao?* Vị nào nương sắc tứ đại minh bất kiến hữu đối chiếu… hoặc kêu vị chất. Đây gọi là vị giới.

* ***Thiệt thức giới*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý là ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, thiệt thức giới đều từ nơi nương thần kinh thiệt và cảnh vị sanh ra. Đây gọi là thiệt thức giới.

129.

* ***Thân giới*** *đó ra sao?* Thân nào thành sắc thần kinh nương sắc tứ đại minh… cũng kêu nhà không. Đây gọi là thân giới.

* ***Xúc giới*** *đó ra sao?* Địa chất… hoặc kêu xúc chất. Đây gọi là xúc giới.

* ***Thân thức giới*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý là ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, thân thức giới đều từ nơi nương thần kinh thân và cảnh xúc sanh ra. Đây gọi là thân thức giới.

130.

* ***Ý giới*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý là ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, ý giới đều từ nơi thứ lớp đã diệt, sẽ sanh hằng không xen hở gián đoạn đối với nhãn thức… đối với nhĩ thức… đối với tỷ thức… đối với thiệt thức… tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý là ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, ý giới, đều từ nơi thứ lớp diệt trước sanh sau của thân thức. Hay là sơ thâu thập cảnh trong các pháp. Đây gọi là ý giới.

* ***Pháp giới*** *đó ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, sắc bất kiến và vô đối chiếu liên quan trong pháp xứ và vô vi giới.

  - ***Thọ uẩn*** *đó ra sao?* Thọ uẩn phân phần thành một, tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Thọ uẩn phân phần thành nhiều thứ theo như cách nầy. Đây gọi là thọ uẩn.

  - ***Tưởng uẩn*** *đó ra sao?* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành thiện, thành bất thiện,

thành vô ký… Tưởng uẩn phân phần thành nhiều thứ bằng cách như thế. Đây gọi là tưởng uẩn.

- ***Hành uẩn*** *đó ra sao?* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… hành uẩn phân phần nhiều thứ bằng cách như thế. Đây gọi là hành uẩn.
- ***Sắc bất kiến vô đối chiếu*** *liên quan trong pháp xứ đó ra sao?* Nữ quyền… Đoàn thực. Đây gọi là sắc bất kiến vô đối chiếu liên quan trong pháp xứ.
- ***Vô vi giới*** *đó ra sao?* Sự hết ái, hết sân, hết si. Đây gọi là vô vi giới.

Những chơn tướng nầy gọi là pháp giới.

* ***Ý thức giới*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… ý thức giới đều từ nơi nương diệt trước sanh sau của nhãn thức giới… nhĩ thức giới… tỷ thức giới… thiệt thức giới… thân thức giới cho đến tâm, ý, tâm địa… ý thức giới đều từ nơi nương theo thứ lớp diệt trước sanh sau của ý giới. Hoặc nữa, tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý là ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, ý thức giới đều từ nơi nương ý giới và cảnh pháp sanh ra. Đây gọi là ý thức giới.

Dứt Chất phân tích phần phân theo Diệu Pháp

C. CHẤT PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

131.

Thập bát giới như là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thinh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, khí giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới và ý thức giới.

ĐÁP ĐẦU ĐỀ TAM ĐÁP ĐẦU ĐỀ NHỊ

Trong thập bát giới mà giới nào thành thiện, giới nào thành bất thiện, giới nào thành vô ký… cho đến giới nào thành hữu y, giới nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

132.

* Thập lục giới thành vô ký. Nhị giới thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
* Thập giới không nên nói có thể thành tương ưng lạc thọ, tương ưng khổ thọ, tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Ngũ giới thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Thân thức giới thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng khổ thọ cũng có, ý thức giới thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng khổ thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có, pháp giới thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng khổ thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có; mà không nên nói có thể thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có.
* Thập giới thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Ngũ giới thành dị thục quả. Ý giới thành dị thục quả cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có. Nhị

giới thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.

* Thập giới thành do thủ cảnh thủ. Thinh giới thành phi do thủ cảnh thủ. Ngũ giới thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có. Nhị giới thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.
* Thập lục giới thành phi phiền toái cảnh phiền não. Nhị giới thành phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não cũng có.
* Thập ngũ giới thành vô tầm, vô tứ. Ý giới thành hữu tầm hữu tứ. Ý thức giới thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có. Pháp giới thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có; cũng không nên nói có thể thành hữu tầm hữu tứ, thành vô tầm hữu tứ và thành vô tầm vô tứ.
* Thập giới không nên nói có thể thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành đồng sanh xả. Ngũ giới thành đồng sanh xả. Thân thức giới thành phi đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành phi đồng sanh xả; không nên nói thành đồng sanh lạc cũng có. Nhị giới thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có; không nên nói có thể thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành đồng sanh xả.
* Thập lục giới thành phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị giới thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Thập lục giới thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị giới thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Thập lục giới thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn. Nhị giới thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Thập lục giới thành phi hữu học phi vô học. Nhị giới thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.
* Thập lục giới thành pháp hy thiểu. Nhị giới thành pháp hy thiểu cũng có, thành đáo đại cũng có, thành vô lượng cũng có.
* Thập giới thành bất tri cảnh. Lục giới thành tri pháp hy thiểu. Nhị giới thành tri pháp hy thiểu cũng có, thành tri pháp đáo đại cũng có, thành tri pháp vô lượng cũng có; không nên nói có thể thành tri cảnh hy thiểu, thành tri cảnh đáo đại, thành tri cảnh vô lượng cũng có.
* Thập lục giới thành pháp trung bình. Nhị giới thành pháp ty hạ cũng có, thành pháp trung bình cũng có, thành pháp tinh lương cũng có.
* Thập lục giới thành pháp bất định. Nhị giới thành tà nhất định cũng có, thành chánh nhất định cũng có, thành bất định cũng có.

* Thập giới thành bất tri cảnh. Lục giới không nên nói có thể thành đạo là cảnh, thành đạo là nhân, thành đạo là trưởng. Nhị giới thành đạo là cảnh cũng có, thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có; không nên nói có thể thành đạo là cảnh, thành đạo là nhân, thành đạo là trưởng cũng có.
* Thập giới thành sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có, không nên nói thành phi sanh tồn. Thinh giới thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có; không nên nói thành sẽ sanh. Lục giới thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có. Pháp giới thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có; không nên nói có thể thành sanh tồn, thành phi sanh tồn hay thành sẽ sanh cũng có.
* Thập thất giới thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có. Pháp giới thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có; không nên nói có thể thành quá khứ, thành vị lai hay thành hiện tại cũng có.
* Thập giới thành bất tri cảnh. Lục giới thành biết cảnh hiện tại. Nhị giới thành biết cảnh quá khứ cũng có, thành biết cảnh vị lai cũng có, thành biết cảnh hiện tại cũng có; không nên nói có thể thành biết cảnh quá khứ, thành biết cảnh vị lai, thành biết cảnh hiện tại cũng có.
* Thập bát giới thành bên trong cũng có, thành bên ngoài cũng có, thành bên trong và bên ngoài cũng có.
* Thập giới thành bất tri cảnh. Lục giới thành biết cảnh bên trong cũng có, thành biết cảnh bên ngoài cũng có, thành biết cảnh bên trong và bên ngoài cũng có. Nhị giới thành biết cảnh bên trong cũng có, thành biết cảnh bên ngoài cũng có, thành biết cảnh bên trong và bên ngoài cũng có; nhưng không nên nói thành biết cảnh bên trong, thành biết cảnh bên ngoài, thành biết cảnh bên trong và bên ngoài cũng có.

Sắc giới thành hữu kiến hữu đối chiếu. Cửu giới thành vô kiến hữu đối chiếu. Bát giới thành vô kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị

i. Đáp phần chùm nhân (hetugocchaka)

133.

* Thập thất giới thành phi nhân. Bát giới thành nhân cũng có, thành phi nhân cũng có.
* Thập lục giới thành vô nhân. Nhị giới thành hữu nhân cũng có, thành vô nhân cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng nhân. Nhị giới thành tương ưng nhân cũng có, thành bất tương ưng nhân cũng có.
* Thập lục giới không đặng nói tuy nhiên thành nhân hữu nhân, thành hữu nhân phi nhân. Ý thức giới không đặng nói thành nhân hữu nhân, thành hữu nhân phi nhân cũng có; nhưng không nên nói thành hữu nhân phi nhân cũng có. Pháp giới thành nhân hữu nhân cũng có, thành hữu nhân phi nhân cũng có, nhưng không nên nói thành nhân hữu nhân, thành hữu nhân phi nhân cũng có.
* Thập lục giới không đặng nói thành nhân tương ưng nhân, thành phi nhân tương ưng nhân. Ý thức giới không đặng nói thành nhân tương ưng nhân, thành phi nhân tương

ưng nhân cũng có, không đặng nói thành phi nhân tương ưng nhân cũng có. Pháp giới thành nhân tương ưng nhân cũng có, thành phi nhân tương ưng nhân cũng có; nhưng không đặng nói tuy nhiên thành nhân tương ưng nhân hay thành phi nhân tương ưng nhân.

* Thập lục giới thành phi nhân vô nhân. Ý thức giới thành phi nhân hữu nhân cũng có, thành phi nhân vô nhân cũng có. Pháp giới thành phi nhân hữu nhân cũng có, thành phi nhân vô nhân cũng có; nhưng không đặng nói thành phi nhân hữu nhân hay thành phi nhân vô nhân.

ii. Đáp phần nhị đề đỉnh (cūlantaraduka)

134.

* Thập thất giới thành hữu duyên. Pháp giới thành hữu duyên cũng có, thành vô duyên cũng có.
* Thập thất giới thành hữu vi. Pháp giới thành hữu vi cũng có, thành vô vi cũng có.
* Thập thất giới thành bất kiến. Sắc giới thành hữu kiến.
* Thập giới thành hữu đối chiếu. Bát giới thành vô đối chiếu.
* Thập giới thành sắc. Thất giới thành phi sắc. Pháp giới thành sắc cũng có, thành phi sắc cũng có.
* Thập lục giới thành hiệp thế. Nhị giới thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
* Thập bát giới thành có tâm biết đặng, thành có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu (āsavagocchaka)

135.

* Thập thất giới thành phi lậu. Pháp giới thành lậu cũng có, thành phi lậu cũng có.
* Thập lục giới thành cảnh lậu. Nhị giới thành cảnh lậu cũng có, thành phi cảnh lậu cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng lậu. Nhị giới thành tương ưng lậu cũng có, thành bất tương ưng lậu cũng có.
* Thập lục giới không đặng nói thành lậu cảnh lậu hay thành phi lậu cảnh lậu. Ý thức giới không thể nói thành lậu cảnh lậu, mà thành phi lậu cảnh lậu cũng có, cũng không thể nói thành phi lậu cảnh lậu. Pháp giới thành lậu cảnh lậu cũng có, thành phi lậu cảnh lậu cũng có, nhưng không đặng nói thành lậu cảnh lậu hay thành phi lậu cảnh lậu.
* Thập lục giới không thể nói tuy nhiên thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu. Ý thức giới không thể nói thành lậu tương ưng lậu, mà thành phi lậu tương ưng lậu cũng có; nhưng không thể nói thành phi lậu tương ưng lậu cũng có. Pháp giới thành lậu tương ưng lậu cũng có, thành phi lậu tương ưng lậu cũng có, nhưng không đặng nói tuy nhiên thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu.
* Thập lục giới thành lậu bất tương ưng lậu. Nhị giới thành lậu bất tương ưng lậu cũng có, thành phi lậu bất tương ưng lậu cũng có, nhưng không đặng nói thành lậu bất tương ưng lậu hay thành phi lậu bất tương ưng lậu cũng có.

iv. Đáp phần chùm triền (saṃyojanagocchaka)

136.

* Thập thất giới thành phi triền. Pháp giới thành triền cũng có, thành phi triền cũng có.
* Thập lục giới thành cảnh triền. Nhị giới thành cảnh triền cũng có, thành phi cảnh triền cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng triền. Nhị giới thành tương ưng triền cũng có, thành bất tương ưng triền cũng có.
* Thập lục giới không nên nói thành triền cảnh triền hay thành phi triền cảnh triền. Ý thức giới không thể nói thành triền cảnh triền hay thành phi triền cảnh triền cũng có, không thể nói thành phi triền cảnh triền cũng có. Pháp giới thành triền cảnh triền cũng có, thành phi triền cảnh triền cũng có, không thể nói thành triền cảnh triền hay thành phi triền cảnh triền cũng có.
* Thập lục giới không nên nói thành triền tương ưng triền hay thành phi triền tương ưng triền. Ý thức giới không thể nói thành triền tương ưng triền hay thành phi triền tương ưng triền; cũng không thể nói thành phi triền tương ưng triền cũng có. Pháp giới thành triền tương ưng triền cũng có, thành phi triền tương ưng triền cũng có, không thể nói tuy nhiên thành triền tương ưng triền hay thành phi triền tương ưng triền cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng triền mà cảnh triền. Nhị giới thành bất tương ưng triền mà cảnh triền cũng có, thành bất tương ưng triền phi cảnh triền cũng có, không nên nói tuy nhiên thành bất tương ưng triền mà cảnh triền hay thành bất tương ưng triền phi cảnh triền cũng có.

v. Đáp phần chùm phược (ganthagocchaka)

137.

* Thập thất giới thành phi phược. Pháp giới thành phược cũng có, thành phi phược cũng có.
* Thập lục giới thành cảnh phược. Nhị giới thành cảnh phược cũng có, thành phi cảnh phược cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng phược. Nhị giới thành tương ưng phược cũng có, thành bất tương ưng phược cũng có.
* Thập lục giới không thể nói thành phược cảnh phược hay thành phi phược cảnh phược. Ý thức giới không thể nói thành phược cảnh phược hay thành phi phược cảnh phược cũng có, nhưng không thể nói thành phi phược cảnh phược cũng có. Pháp giới thành phược cảnh phược cũng có, thành phi phược cảnh phược cũng có, nhưng không thể nói thành phược cảnh phược hay thành phi phược cảnh phược.
* Thập lục giới không nên nói tuy nhiên thành phược tương ưng phược hay thành phi phược tương ưng phược. Ý thức giới không thể nói thành phược tương ưng phược hay thành phi phược tương ưng phược cũng có, nhưng không nên nói thành phi phược tương ưng phược. Pháp giới thành phược tương ưng phược cũng có, thành phi phược tương ưng phược cũng có, nhưng không thể nói thành phược tương ưng phược hay thành phi phược tương ưng phược cũng có.

* Thập lục giới thành bất tương ưng phược cảnh phược. Nhị giới thành bất tương ưng phược cảnh phược cũng có, thành bất tương ưng phược phi cảnh phược cũng có; không nên nói thành bất tương ưng phược cảnh phược hay thành bất tương ưng phược phi cảnh phược cũng có.

vi, vii, viii. Đáp phần chùm bộc (oghegocchaka ādi)

138.

* Thập thất giới thành phi bộc… thập thất giới thành phi phối… thập thất giới thành phi cái… pháp giới thành cái cũng có, thành phi cái cũng có.
* Thập lục giới thành cảnh cái. Nhị giới thành cảnh cái cũng có, thành phi cảnh cái cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng cái. Nhị giới thành tương ưng cái cũng có, thành bất tương ưng cái cũng có.
* Thập lục giới không thể nói thành cái cảnh cái hay thành phi cái cảnh cái. Ý thức giới không thể nói thành cái cảnh cái hay thành phi cái cảnh cái cũng có, không thể nói thành phi cái cảnh cái cũng có. Pháp giới thành cái cảnh cái cũng có, thành phi cái cảnh cái cũng có; không nên nói tuy nhiên thành cái cảnh cái hay thành phi cái cảnh cái cũng có.
* Thập lục giới không nên nói thành cái tương ưng cái hay thành phi cái tương ưng cái. Ý thức giới không nên nói thành cái tương ưng cái hay thành phi cái tương ưng cái; cũng không nên nói thành phi cái tương ưng cái. Pháp giới thành cái tương ưng cái cũng có, thành phi cái tương ưng cái cũng có; không nên nói thành cái tương ưng cái hay thành phi cái tương ưng cái cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng cái mà cảnh cái. Nhị giới thành bất tương ưng cái mà cảnh cái cũng có, thành bất tương ưng cái phi cảnh cái cũng có; không nên nói tuy nhiên thành cái bất tương ưng cái, thành phi cái bất tương ưng cái cũng có.

ix. Đáp phần chùm khinh thị (parāmāsagocchaka)

139.

* Thập thất giới thành phi khinh thị. Pháp giới thành khinh thị cũng có, thành phi khinh thị cũng có.
* Thập lục giới thành cảnh khinh thị. Nhị giới thành cảnh khinh thị cũng có, thành phi cảnh khinh thị cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng khinh thị. Ý thức giới thành tương ưng khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị cũng có. Pháp giới thành tương ưng khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị cũng có; không nên nói thành tương ưng khinh thị hay thành bất tương ưng khinh thị.
* Thập lục giới không nên nói thành khinh thị cảnh khinh thị, thành phi khinh thị cảnh khinh thị. Ý thức giới không nên nói thành khinh thị cảnh khinh thị, mà thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có, không nên nói thành phi khinh thị cảnh khinh thị. Pháp giới thành khinh thị cảnh khinh thị cũng có, thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có; không nên nói tuy nhiên thành khinh thị cảnh khinh thị hay thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có.

* Thập lục giới thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị. Nhị giới thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị cũng có, không nên nói tuy nhiên thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị hay thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị cũng có.

x. Đáp phần nhị đề đại (mahantaraduka)

140.

* Thập giới thành bất tri cảnh. Thất giới thành tri cảnh. Pháp giới thành tri cảnh cũng có, thành bất tri cảnh cũng có.
* Thập nhất giới thành phi tâm. Thất giới thành tâm.
* Thập thất giới thành phi sở hữu tâm. Pháp giới thành sở hữu tâm cũng có, thành phi sở hữu tâm cũng có.
* Thập giới thành bất tương ưng tâm. Pháp giới thành tương ưng tâm cũng có, thành bất tương ưng tâm cũng có. Thất giới không nên nói tuy nhiên thành tương ưng tâm hay thành bất tương ưng tâm.
* Thập giới thành không hòa với tâm. Pháp giới thành hòa với tâm cũng có, thành không hòa với tâm cũng có. Thất giới không thể nói tuy nhiên thành hòa với tâm hay thành không hòa với tâm.
* Thập nhị giới thành phi tâm làm sở y sinh. Lục giới thành nương tâm làm sở y sinh cũng có, thành phi nương tâm làm sở y sinh cũng có.
* Thập thất giới thành phi đồng còn với tâm. Pháp giới thành đồng còn với tâm cũng có, thành phi đồng còn với tâm cũng có.
* Thập thất giới thành phi tùng hành với tâm. Pháp giới thành tùng hành với tâm cũng có, thành phi tùng hành với tâm cũng có.
* Thập thất giới thành phi hòa phi nương tâm làm sở sanh. Pháp giới thành hòa với tâm nương tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa phi nương tâm làm sở sanh cũng có.
* Thập thất giới thành phi đồng tồn phi hòa phi có tâm làm sở sanh. Pháp giới thành hòa đồng tồn với tâm và có tâm làm sở sanh cũng có, thành phi đồng tồn phi hòa với tâm và phi có tâm làm sở sanh cũng có.
* Thập thất giới thành phi hòa phi tùng hành với tâm và phi có tâm làm sở sanh. Pháp giới thành tùng hành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa phi tùng hành với tâm và phi có tâm làm sở sanh cũng có.
* Thập nhị giới thành tự nội. Lục giới thành ngoại phần.
* Cửu giới thành thủ. Bát giới thành phi thủ. Pháp giới thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có.
* Thập giới thành do thủ. Thinh giới thành phi do thủ. Thất giới thành do thủ cũng có, thành phi do thủ cũng có.

xi. Đáp phần chùm thủ (upādānagocchaka)

141.

* Thập thất giới thành phi thủ. Pháp giới thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có.

* Thập lục giới thành cảnh thủ. Nhị giới thành cảnh thủ cũng có, thành phi cảnh thủ cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng thủ. Nhị giới thành tương ưng thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ cũng có.
* Thập lục giới không nên nói thành thủ cảnh thủ hay thành phi thủ cảnh thủ. Ý thức giới không nên nói thành thủ cảnh thủ, mà thành phi thủ cảnh thủ cũng có. Pháp giới thành thủ cảnh thủ cũng có, thành phi thủ cảnh thủ cũng có, không nên nói thành thủ cảnh thủ hay thành phi thủ cảnh thủ cũng có.
* Thập lục giới không thể nói thành thủ tương ưng thủ hay thành phi thủ tương ưng thủ cũng có. Ý thức giới không nên nói thành thủ tương ưng thủ, mà thành phi thủ tương ưng thủ cũng có, nhưng không thể nói thành phi thủ tương ưng thủ cũng có. Pháp giới thành thủ tương ưng thủ cũng có, thành phi thủ tương ưng thủ cũng có, không đặng nói tuy nhiên thành thủ tương ưng thủ hay thành phi thủ tương ưng thủ cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng thủ cảnh thủ. Nhị giới thành bất tương ưng thủ cảnh thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ cũng có, không nên nói tuy nhiên thành bất tương ưng thủ cảnh thủ hay thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ cũng có.

xii. Đáp phần chùm phiền não (kilesagocchaka)

142.

* Thập thất giới thành phi phiền não. Pháp giới thành phiền não cũng có, thành phi phiền não cũng có.
* Thập lục giới thành cảnh phiền não. Nhị giới thành cảnh phiền não cũng có, thành phi cảnh phiền não cũng có.
* Thập lục giới thành cảnh phiền toái. Nhị giới thành cảnh phiền toái cũng có, thành phi cảnh phiền toái cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng phiền não. Nhị giới thành tương ưng phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não cũng có.
* Thập lục giới không nên nói thành phiền não cảnh phiền não hay thành phi phiền não cảnh phiền não. Ý thức giới không nên nói thành phiền não cảnh phiền não, thành phi phiền não cảnh phiền não cũng có, không thể nói thành phi phiền não cảnh phiền não cũng có. Pháp giới thành phiền não cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền não cảnh phiền não cũng có, không nên nói tuy nhiên thành phiền não cảnh phiền não hay thành phi phiền não cảnh phiền não cũng có.
* Thập lục giới không nên nói thành phiền não cảnh phiền toái hay thành phi phiền não cảnh phiền toái. Ý thức giới không nên nói thành phiền não cảnh phiền toái, thành phi phiền não cảnh phiền toái cũng có; không nên nói thành phi phiền não cảnh phiền toái cũng có. Pháp giới thành phiền não cảnh phiền toái cũng có, thành phi phiền não cảnh phiền toái cũng có, không nên nói tuy nhiên thành phiền não cảnh phiền toái, thành phi phiền não cảnh phiền toái cũng có.
* Thập lục giới không nên nói dĩ nhiên thành phiền não tương ưng phiền não, thành phi phiền não tương ưng phiền não. Ý thức giới không nên nói thành phiền não tương ưng phiền não, thành phi phiền não tương ưng phiền não cũng có; không thể nói thành phi

phiền não tương ưng phiền não cũng có. Pháp giới thành phiền não tương ưng phiền não cũng có, thành phi phiền não tương ưng phiền não cũng có; không nên nói dĩ nhiên thành phiền não tương ưng phiền não hay thành phi phiền não tương ưng phiền não cũng có.

* Thập lục giới thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não. Nhị giới thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não cũng có; không nên nói tuy nhiên thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não hay thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não cũng có.

xiii. Đáp phần nhị đề yêu bối (piṭṭhiduka)

143.

* Thập lục giới thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Nhị giới thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi sơ đạo tuyệt trừ cũng có.
* Thập lục giới thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị giới thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Thập lục giới thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ. Nhị giới thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ cũng có.
* Thập lục giới thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị giới thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Thập ngũ giới thành vô tầm. Ý thức giới thành hữu tầm. Nhị giới thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có.
* Thập ngũ giới thành vô tứ. Ý giới thành hữu tứ. Nhị giới thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có.
* Thập lục giới thành vô hỷ. Nhị giới thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có.
* Thập lục giới thành phi đồng sanh hỷ. Nhị giới thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có.
* Thập ngũ giới thành phi đồng sanh lạc. Tam giới thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có.
* Thập nhứt giới thành phi đồng sanh xả. Ngũ giới thành đồng sanh xả. Nhị giới thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.
* Thập lục giới thành Dục giới. Nhị giới thành Dục giới cũng có, thành phi Dục giới cũng có.
* Thập lục giới thành phi Sắc giới. Nhị giới thành Sắc giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có.
* Thập lục giới thành phi Vô sắc giới. Nhị giới thành Vô sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có.
* Thập lục giới thành liên quan luân hồi. Nhị giới thành liên quan luân hồi cũng có, thành bất liên quan luân hồi cũng có.
* Thập lục giới thành bất định. Nhị giới thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có.

* Thập lục giới thành hữu thượng. Nhị giới thành hữu thượng cũng có, thành vô thượng cũng có.
* Thập lục giới thành vô y. Nhị giới thành hữu y cũng có, thành vô y cũng có như thế vậy.

Dứt Phần vấn đáp.
Đầy đủ Giới phân tích.

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN IV - ĐẾ PHÂN TÍCH *(Saccavibhaṅga)*

A. ĐẾ PHÂN TÍCH PHẦN PHÂN THEO KINH

144.

Tứ thánh đế như là khổ thánh đế, khổ tập thánh đế, khổ diệt thánh đế, khổ diệt tiến hành thánh đế.

1) Khổ thánh đế

145.

Khổ thánh đế *đó ra sao?* Sanh khổ, già khổ, tử khổ, sầu, khóc, khổ, ưu, ai, ái biệt ly khổ, oán tăng hội khổ, cầu bất đắc khổ, tóm tắt ngũ thủ uẩn khổ.

146.

Sanh *đó ra sao?* Sự sanh, cách sanh hoàn toàn, thái độ lướt xuống sanh ra riêng biệt, sự hiện bày của uẩn, sự đặng xứ, trong mỗi chúng sanh, của những chúng sanh. Dù thế nào đây gọi là sanh.

147.

Lão *đó ra sao?* Sự già cả, cách cũ kỹ, sự răng rụng, cách tóc bạc, sự da nhăn, sự bớt thọ, cách chín mùi của thân thể trong mỗi chúng sanh, của mỗi chúng sanh. Dù như như thế nào đây gọi là lão.

148.

Tử *đó ra sao?* Sự biến đổi, trạng thái di động, sự hư hoại, cách tiêu mất, tử vong, sự chết, sự quá vãng, sự tan rã uẩn, sự bỏ xác, dứt mạng sống lìa mỗi chúng sanh, của những chúng sanh đó như thế nào, đây gọi là tử.

149.

Sầu *đó ra sao?* Sự buồn bực, thái độ buồn bực, trạng thái buồn bực, sự sầu não, sự đốt lòng, sự buồn xo, sự khổ, cách héo bên trong của những người khi gặp thân tộc điêu tàn, tài sản điêu tàn, tật bệnh điêu tàn, giới điêu tàn, tri kiến điêu tàn, dầu gặp một cách nào hay bị một nhân khổ nào như thế. Đây gọi là sầu.

150.

Khóc *đó ra sao?* Sự khóc lóc, sự khóc than, thái độ khóc, thái độ khóc than, trạng thái khóc, trạng thái khóc than, sự kêu oan, sự loạn ngữ, sự thút thít, sự ấm ức, thái độ ấm ức, trạng thái tức tưởi của người gặp lúc thân tộc điêu tàn, tài sản điêu tàn, tật bệnh điêu tàn, giới điêu tàn, tri kiến điêu tàn, dầu gặp một cách nào hay bị một nhân khổ nào, đây gọi là khóc.

151.

Khổ *đó ra sao?* Sự không vui thích thân, sự khổ thân, sự hưởng cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ thân xúc, thái độ hưởng cảnh không vui sướng thành khổ sanh từ thân xúc, dù thế nào đây gọi là khổ.

152.

Ưu *đó ra sao?* Sự không vui tâm, sự khổ tâm, sự hưởng cảnh không vui vẻ thành khổ sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh không vui vẻ thành khổ tâm sanh từ ý xúc, dù như thế nào đây gọi là ưu.

153.

Ai *đó ra sao?* Sự thương thảm, cách thương thảm, trạng thái thương tiếc, cách thương tiếc của người gặp thân tộc điêu tàn, tài sản điêu tàn, tật bệnh điêu tàn, giới điêu tàn, tri kiến điêu tàn, dù gặp trong cách nào hay bị một nhân khổ nào như thế, đây gọi là ai.

154.

Oán tăng hội khổ *đó ra sao?* Sự đi chung, sự đến chung, sự ở chung, sự hội hiệp với trường hợp không ưa thích, không yêu chuộng, lối không vừa lòng của trong đời như là sắc, thinh, khí, vị, xúc hoặc gặp những người tính sẽ tàn hại, tính sẽ phá lợi, tính sẽ phá sự an vui, sự sẽ làm ra tai nạn từ nơi hội hợp với họ như thế, đây gọi là oán tăng hội khổ.

155.

Ái biệt ly khổ *đó ra sao?* Sự không đặng đi chung, không đặng đến chung, không đặng ở chung, không đặng hội hợp nhau với cảnh thích, thương yêu, vừa lòng của đời như là sắc, thinh, khí, vị, xúc hoặc đối với người yêu chuộng từ nơi sự tiến hóa, yêu chuộng với sự lợi ích, yêu chuộng với sự an vui, yêu chuộng với sự kính mến, mà ta bị xa lìa họ như là cha, mẹ, anh, chị, em, bậu bạn, quan hầu cận và bà con thân thích như thế, đây gọi là ái biệt ly khổ.

156.

Cầu bất đắc khổ *đó ra sao?*

- Lẽ thường sự sanh ra đối với tất cả chúng sanh còn sanh nữa dĩ nhiên không thể khỏi, dù chúng ta muốn khỏi sanh nữa cũng chẳng đặng hay muốn sự sanh đừng đến cho chúng ta điều nầy không bao giờ đặng, như thế đây gọi là cầu bất đắc khổ.
- Lẽ thường, sự già cả đối với chúng sanh ai cũng chẳng muốn… nên mong rằng, sự già cả, đau đớn… cho đến sự chết chóc của chúng sanh… hay sự sầu, sự khóc lóc, sự khổ, sự ưu khổ, sự ai, sự oán-tăng hội khổ, sự biệt ly khổ vẫn đến cho tất cả chúng sanh dù mong mỏi cho đừng có như thế, điều nầy không như ý nguyện. Như thế gọi là cầu bất đắc khổ.

157.

Tóm tắt ***ngũ thủ uẩn*** *đó ra sao?* Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn, đây tóm tắt gọi là ngũ thủ uẩn thành khổ.

Những chơn tướng nầy gọi là khổ thánh đế.

2) Khổ tập thánh đế

158.

Khổ tập thánh đế *đó ra sao?* Ái nào là nhân phát sanh đời mới, hiệp với sự vọng dục, vui thích, phơi phới với những cảnh tức là dục ái, sắc ái và ly sắc ái.

159.

* Cũng chính là sự ái nầy khi sanh phải sanh từ chỗ nào, khi đình trụ phải đình trụ chỗ ấy, sắc ái, sắc mãn ý nào vẫn có trong đời thì ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi sắc ái, sắc mãn ý ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi sắc ái, sắc mãn ý ấy.

* *Thế nào là* ***sắc ái, sắc mãn ý*** *trong đời?*
  - Nhãn là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, thì ái đây khi sanh cũng sanh từ nơi nhãn ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi nhãn ấy. Nhĩ… tỷ… thiệt… thân… ý thành sắc ái, sắc mãn ý trong đời thì ái đây khi sanh cũng sanh từ nơi ý ấy, khi đình trụ cũng đình trụ từ nơi ý ấy.
  - Sắc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi sắc ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi sắc ấy. Thinh… khí… vị… xúc… cảnh pháp là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi cảnh pháp ấy, khi đình trụ cũng đình trụ từ nơi cảnh pháp ấy.

- Nhãn thức là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái đây khi sanh cũng sanh từ nơi nhãn thức ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi nhãn thức ấy. Nhĩ thức… tỷ thức… thiệt thức… thân thức… ý thức là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái đây khi sanh cũng sanh từ nơi ý thức ấy, khi đình trụ cũng đình trụ từ nơi ý thức ấy.
- Nhãn xúc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi nhãn xúc ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi nhãn xúc ấy. Nhĩ xúc… tỷ xúc… thiệt xúc… thân xúc… ý xúc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi ý xúc, khi đình trụ cũng đình trụ nơi ý xúc ấy.
- Thọ nhãn xúc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi thọ nhãn xúc ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi thọ nhãn xúc ấy. Thọ nhĩ xúc… thọ tỷ xúc… thọ thiệt xúc… thọ thân xúc… thọ ý xúc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi thọ ý xúc ấy, khi đình trụ cũng đình trụ từ nơi thọ ý xúc ấy.
- Sắc tưởng là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi sắc tưởng ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi sắc tưởng ấy. Thinh tưởng… khí tưởng… vị tưởng… xúc tưởng… pháp tưởng là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi pháp tưởng ấy, khi trụ cũng trụ nơi pháp tưởng ấy.
- Sắc tư *(Rūpasañcetanā)* là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi sắc tư ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi sắc tư ấy. Thinh tư… khí tư… vị tư… xúc tư… pháp tư là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi pháp tư ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi pháp tư ấy.
- Sắc dục *(Rūpataṅhā)* là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi sắc dục, khi đình trụ cũng đình trụ nơi sắc dục ấy. Thinh dục… khí dục… vị dục… xúc dục… pháp dục là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi pháp dục ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi pháp dục ấy.
- Sắc tầm là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi sắc tầm ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi sắc tầm ấy. Thinh tầm… khí tầm… vị tầm… xúc tầm… pháp tầm là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi pháp tầm ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi pháp tầm ấy.
- Sắc tứ là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi sắc tứ ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi sắc tứ ấy. Thinh tứ… khí tứ… vị tứ… xúc tứ… pháp tứ là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi pháp tứ ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi pháp tứ ấy.

Những chơn tướng nầy gọi là khổ tập thánh đế.

3) Khổ diệt thánh đế

160.

Khổ diệt thánh đế *đó ra sao?* Sự mửa, sự tắc móc, cách buông ra, sự đưa khỏi, sự không dính dấp nơi ái như thế.

161.

* Cũng chính ái ấy mà khi dứt bỏ sẽ dứt bỏ nơi đâu? Khi diệt trừ phải diệt trừ nơi đâu?

Sắc ái, sắc mãn ý trong đời vẫn có, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi sắc ái, sắc mãn ý, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi sắc ái, sắc mãn ý ấy.

∗ Cái chi là sắc ái, sắc mãn ý trong đời?

- Nhãn là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi nhãn ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi nhãn ấy. Nhĩ… tỷ… thiệt… thân… ý là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi ái ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi ý ấy.
- Sắc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi sắc ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi sắc ấy. Thinh… khí… vị… xúc… cảnh pháp là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi cảnh pháp ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi cảnh pháp ấy.
- Nhãn thức là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi nhãn thức ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi nhãn thức ấy. Nhĩ thức… tỷ thức… thiệt thức… thân thức… ý thức là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi ý thức ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi ý thức ấy.
- Nhãn xúc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi nhãn xúc ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi nhãn xúc ấy. Nhĩ xúc… tỷ xúc… thiệt xúc… thân xúc… ý xúc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi ý xúc ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi ý xúc ấy.
- Thọ nhãn xúc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ nơi thọ nhãn xúc ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi thọ nhãn xúc ấy. Thọ nhĩ xúc… thọ tỷ xúc… thọ thiệt xúc… thọ thân xúc… thọ ý xúc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi thọ ý xúc ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi thọ ý xúc ấy.
- Sắc tưởng là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi sắc tưởng ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi sắc tưởng ấy. Thinh tưởng… khí tưởng… vị tưởng… xúc tưởng… pháp tưởng là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi pháp tưởng ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi pháp tưởng ấy.
- Sắc tư là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi sắc tư ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi sắc tư ấy. Thinh tư… khí tư… vị tư… xúc tư… pháp tư là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi pháp tư ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi pháp tư ấy.
- Sắc dục *(Rūpatanhā)* là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi sắc dục ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi sắc dục ấy. Thinh dục… khí dục… vị dục… xúc dục… pháp dục là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, pháp dục nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ nơi pháp dục ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi pháp dục ấy.
- Sắc tầm là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi sắc tầm ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi sắc tầm ấy. Thinh tầm… khí tầm… vị tầm… xúc tầm… pháp tầm là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ nơi pháp tầm ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi pháp tầm ấy.
- Sắc tứ là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ nơi sắc tứ ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi sắc tứ ấy. Thinh tứ… khí tứ… vị tứ… xúc tứ… pháp tứ là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ nơi pháp tứ ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi pháp tứ ấy.

Như thế đây gọi là khổ diệt thánh đế.

4) Thánh đế tiến hành nhân diệt khổ

162.

Thánh đế tiến hành nhân diệt khổ *ra sao?* Chính là Thánh đạo có tám chi như là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

163.

Trong bát chi đạo mà chánh kiến *đó ra sao?* Sự hiểu trong khổ tập, sự hiểu trong khổ diệt, sự hiểu trong tiến hành nhân diệt khổ, như thế gọi là chánh kiến.

164.

Chánh tư duy *đó ra sao?* Sự nghĩ ngợi trong cách ly dục, sự suy xét trong cách không sân độc, sự suy nghĩ trong cách không ép uổng, như thế gọi là chánh tư duy.

165.

Chánh ngữ *đó ra sao?* Sự ngăn trừ cách vọng ngôn, sự ngăn trừ cách lưỡng thiệt, sự ngăn trừ cách ác khẩu, sự ngăn trừ cách ỷ ngữ, thế gọi là chánh ngữ.

166.

Chánh nghiệp *đó ra sao?* Sự ngăn trừ sát sanh, sự ngăn trừ trộm cướp, sự ngăn trừ tà dâm, thế gọi là chánh nghiệp.

167.

Chánh mạng *đó ra sao?* Bực Thánh tăng Phật Giáo đã dứt trừ tà nghiệp nuôi mạng bằng cách chơn chánh, thế gọi là chánh mạng.

168.

Chánh tinh tấn *đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo làm cho sự vừa thích hợp phát sanh, siêng năng mở mối tinh tấn bảo vệ tâm vững vàng hầu ngăn ngừa tội ác chưa sanh không cho sanh… hầu chừa bỏ pháp tội ác đã từng sanh… hầu tạo pháp thiện chưa sanh đặng sanh làm cho sanh vừa thích hợp, siêng năng khởi điểm tinh tấn chăm nom tâm tánh đặng vững vàng hầu yên trụ không tán thất sự chú tâm, sự rộng rãi, sự tiến hóa, sự đầy đủ nơi pháp thiện đã từng sanh, thế gọi là chánh tinh tấn.

169.

Chánh niệm *đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo bực hội hợp với sự tinh tấn, có lương tri, có tu niệm, hằng tỏ ngộ thấy thân trong thân, hạn chế tham ác và sân trong đời đặng rồi là bực hiệp với sự tinh tấn, có chánh niệm lương tri, thường quán thấy thọ trong thọ… bực hiệp với sự tinh tấn, có chánh niệm lương tri, thường quán thấy tâm trong tâm… bực hiệp với sự tinh tấn có chánh niệm lương tri, thường quán thấy pháp trong pháp, hạn chế tham ác và sân theo trong đời, đã bớt đặng; như thế gọi là chánh niệm.

170.

Chánh định *đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo nầy thanh tịnh ly dục, vắng lặng, đã lìa những pháp bất thiện, chứng sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ nội tịch tịnh, đến chứng nhị thiền làm cho tâm càng thanh tịnh do vắng lặng tầm, tứ thành pháp phát khởi độc đoán bên trong tột không tầm, tứ, chỉ còn hỷ, lạc, sanh từ định do khai trừ hỷ được nữa mới thành bực có tâm xả, có chánh niệm lương tri và hưởng lạc bằng danh thân; chứng tam thiền là thiền của chư Thánh khen ngợi kẻ đắc như thế nầy là bực có tâm xả vẫn đặng chánh niệm an vui. Đắc chứng tứ thiền vô khổ lạc do trừ lạc khổ, vì trước kia hỷ ưu đã dứt tuyệt, có chánh niệm đầy đủ vẫn do xả, đây gọi là chánh định.

Như thế gọi là Thánh đế tiến hành nhân diệt khổ.

Dứt phân theo Kinh

B. ĐỂ PHÂN TÍCH PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP

1) Phần bát chi

171.

Tứ đế như là khổ, khổ tập, khổ diệt và tiến hành nhân diệt khổ.

172.

Trong tứ đế mà khổ tập *đó ra sao?* Ái dục *(taṅhā)* gọi là khổ tập.

173.

Khổ *đó ra sao?* Tất cả sắc pháp và pháp thành tố *(kiriyā) tư* thiện, tư bất thiện, quả nghiệp trong đời và tất cả pháp thiện, cả ba nhân thiện thuộc về cảnh lậu với phiền não, luôn với bất thiện ngoài ra tham, như thế gọi là khổ.

174.

Diệt đế *đó ra sao?* Cách trừ tuyệt dục *(taṅhā)*, đây gọi là diệt khổ.

175.

Tiến hành nhân diệt khổ *đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ và lạc sanh từ tịch tịnh mà hành nan đắc trì vẫn có trong khi nào thì tám chi đạo là chánh kiến… chánh định vẫn có trong khi ấy.

176.

Trong bát chi đạo mà chánh kiến *đó ra sao?* Trí tuệ, thái độ hiểu rõ… sự không mê mờ, sự lựa chọn pháp, sự hiểu thấy chơn chánh, trạch pháp giác chi thành chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh kiến.

177.

Chánh tư duy *đó ra sao?* Sự suy xét, cách rất suy xét… sự nghĩ ngợi đúng, thành chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh tư duy.

178.

Chánh ngữ *đó ra sao?* Sự chừa, cách bỏ qua, tư *(cetanā)* là cơ quan chừa lìa tứ ác khẩu, thái độ không làm, cách không làm, cách không xâm phạm, sự không quá mức, thái độ hạn chế nguyên nhân tứ ác ngữ thành tứ chánh ngữ là chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh ngữ.

179.

Chánh nghiệp *đó ra sao?* Cách ngăn, cách bỏ qua, cách chừa bỏ, tư là cơ quan chừa bỏ, xa lìa thân ác, thái độ không làm, cách không làm, cách không phạm, cách không quá cỡ, sự hạn chế nguyên nhân tam thân ác, việc làm chân chánh, thành chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh nghiệp.

180.

Chánh mạng *đó ra sao?* Sự ngăn, cách chừa, thái độ dứt bỏ, tư ngăn trừ xa lìa tà mạng, cách không làm, thái độ không làm, lối chẳng phạm, cách không quá chừng, sự hạn chế nguyên nhân tà nghiệp mà nuôi mạng chơn chánh, thành chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh mạng.

181.

Chánh tinh tấn *đó ra sao?* Cách mở mối tâm siêng năng… sự siêng năng chơn thật, cần giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh tinh tấn.

182.

***Chánh niệm** đó ra sao?* Sự hằng nhớ… cách nhớ theo… nhớ bằng cách chơn chánh, cũng gọi niệm giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh niệm.

183.

***Chánh định** đó ra sao?* Sự đình trụ của tâm… tâm vững vàng bằng cách chơn chánh, cũng gọi định giác chi thuộc chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh định.

Đây gọi là tiến hành nhân diệt khổ, những pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành nhân diệt khổ.

184.

***Trong tứ đế mà tập khổ** đó ra sao?* Dục *(taṅhā)* cũng là phiền não lựa ra. Đây gọi là khổ tập.

185.

***Khổ** đó ra sao?* Tất cả sắc pháp, pháp thành tố *(kiriyā)* phi quả phi thiện phi bất thiện, cả ba nhân thiện luôn cả pháp thiện thuộc về cảnh lậu và phiền não luôn bất thiện ngoài ra (tham), như thế đây gọi là khổ.

186.

***Diệt khổ** đó ra sao?* Cách tuyệt trừ dục và phiền não ngoài ra, đây gọi là diệt khổ.

187.

***Tiến hành nhân diệt khổ** đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ tịch tịnh mà hành nan đắc nan trong khi nào thì tám chi đạo là chánh kiến… chánh định vẫn có trong khi ấy, đây gọi là tiến hành nhân diệt khổ, chư pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành nhân diệt khổ.

188.

***Trong tứ đế mà tập khổ** đó ra sao?* Dục cũng là phiền não lựa ra, cũng bất thiện lựa ra, đây gọi là khổ tập.

189.

***Khổ** đó ra sao?* Tất cả sắc pháp tố *(kiriyā)* phi quả phi thiện phi bất thiện, cả ba nhân thiện luôn pháp thiện thuộc về cảnh lậu và phiền não luôn bất thiện trừ ra tham, như thế đây gọi là khổ.

190.

***Diệt khổ** đó ra sao?* Cách tuyệt trừ dục, phiền não dư ra và pháp bất thiện dư ra, đây gọi là diệt khổ.

191.

***Tiến hành nhân diệt khổ** đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ tịch tịnh mà hành nan đắc nan trong khi nào thì tám chi đạo là chánh kiến… chánh định vẫn có trong khi ấy, đây gọi là tiến hành diệt khổ.
Chư pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành nhân diệt khổ.

192.

***Trong tứ đế mà khổ tập** đó ra sao?* Dục cũng là phiền não lựa ra, cũng là bất thiện lựa ra, cũng đồng cảnh lậu với ba nhân thiện hiệp thế mà trích ra, đây gọi là khổ tập.

193.

***Khổ** đó ra sao?* Pháp thiện thành cảnh của lậu mà ngoài ra, dị thục quả thiện và bất thiện mà thành cảnh của lậu và pháp thành tố *(kiriyā)* phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả với tất cả sắc pháp, đây gọi là khổ.

194.

***Diệt khổ** đó ra sao?* Cách tuyệt trừ dục và phiền não bất thiện còn dư, luôn cả ba nhân thiện thành cảnh của lậu, đây gọi là diệt khổ.

195.

***Tiến hành diệt khổ** đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì trong khi nào thì tám chi đạo là chánh kiến… chánh định vẫn có trong khi ấy, đây gọi là tiến hành diệt khổ.

Những pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành diệt khổ.

196.

***Trong tứ đế mà khổ tập** đó ra sao?* Dục cũng là phiền não lựa ra, cũng là bất thiện lựa ra, cũng đồng cảnh lậu với ba nhân thiện và pháp thiện hiệp thế mà trích ra, đây gọi là khổ tập.

197.

***Khổ** đó ra sao?* Dị thục quả của thiện và bất thiện thuộc cảnh lậu, pháp tố phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả, tất cả sắc pháp, đây gọi là khổ.

198.

***Diệt khổ** đó ra sao?* Cách tuyệt trừ dục, phiền não bất thiện ngoài ra, luôn nhân thiện thuộc cảnh lậu và thiện thuộc cảnh lậu ngoài ra, đây gọi là diệt khổ.

199.

***Tiến hành diệt khổ** đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ tịch tịnh *(viveka)* mà hành nan đắc trì trong khi nào thì tám chi đạo là chánh kiến… chánh định vẫn có trong khi ấy, đây gọi là tiến hành diệt khổ.

Những pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành diệt khổ.

2) Phần ngũ chi đạo *(pañcaṅgikavāra)*

200.

Tứ đế là khổ, tập khổ, diệt khổ và tiến hành diệt khổ.

201.

***Trong tứ đế mà tập khổ** đó ra sao?* Dục *(taṅhā)* đây gọi là tập khổ.

202.

***Khổ** đó ra sao?* Phiền não ngoài ra, bất thiện ngoài ra, ba nhân thiện cảnh lậu, pháp thiện thuộc cảnh lậu ngoài ra, dị thục quả của thiện và bất thiện thuộc cảnh lậu, pháp tố phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả với tất cả sắc pháp, đây gọi là khổ.

203.

***Diệt khổ** đó ra sao?* Cách tuyệt trừ dục, đây gọi là diệt khổ.

204.

***Tiến hành diệt khổ** đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ tịch tịnh mà hành nan đắc trì trong khi nào

thì ngũ chi đạo như là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định vẫn có trong khi ấy.

205.

Trong ngũ chi đạo mà chánh kiến *ra sao?* Tuệ hay thái độ rõ thấu… sự không mê mờ, sự trạch pháp, sự nhận thấy chơn chánh, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, dù thế nào đây gọi là chánh kiến.

206.

Chánh tư duy *đó ra sao?* Sự suy xét, sự rất suy xét, cách nghĩ ngợi… thành chi của đạo, liên quan trong đạo, dù thế nào đây gọi là chánh tư duy.

207.

Chánh tinh tấn *trong khi có ra sao?* Cách mở mối siêng năng… sự cần đúng, cần giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, dù thế nào đây gọi là chánh tinh tấn.

208.

Chánh niệm *trong khi có ra sao?* Sự nhớ đặng, cách thường niệm, phụ niệm… sự nhớ đúng, niệm giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, dù thế nào đây gọi là chánh niệm.

209.

Chánh định *đó ra sao?* Sự đình trụ của tâm… sự tâm vững vàng đứng đắn, định giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, dù thế nào đây gọi là chánh định.

Như thế gọi là tiến hành diệt khổ. Những pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành diệt khổ…

210.

Trong tứ đế mà tập khổ *đó ra sao?* Dục, phiền não và bất thiện ngoài ra ba nhân thiện thuộc cảnh lậu, pháp thiện thuộc cảnh lậu ngoài ra, đây gọi là tập khổ.

211.

Khổ *đó ra sao?* Dị thục quả của thiện và bất thiện thuộc cảnh lậu, pháp tố phi thiện, bất thiện, phi dị thục quả, cùng tất cả sắc pháp, đây gọi là khổ.

212.

Diệt khổ *trong khi có ra sao?* Cách tuyệt trừ dục và phiền não bất thiện ngoài ra ba nhân thiện thuộc cảnh lậu và pháp thiện thuộc cảnh lậu ngoài ra, đây gọi là diệt khổ.

213.

Tiến hành diệt khổ *đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo, đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ tịch tịnh mà hành nan đắc nan trong khi nào thì năm chi đạo như là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định vẫn có trong khi ấy. Đây gọi là tiến hành diệt khổ.
Những pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành diệt khổ.

3) Phần tất cả chi *(sabbasaṅgāhikavāra)*

214.

Tứ đế như là khổ, tập khổ, diệt khổ, tiến hành diệt khổ.

215.

Trong tứ đế mà tập khổ *ra sao?* Dục *(taṅhā)*, đây gọi là tập khổ.

216.

***Khổ** đó ra sao?* Phiền não, bất thiện ngoài ra, ba nhân thiện thuộc cảnh lậu, pháp thiện thuộc cảnh lậu ngoài ra, dị thục quả của thiện, bất thiện thuộc cảnh lậu, pháp tố phi thiện phi bất thiện phi dị thục quả, tất cả sắc pháp, đây gọi là khổ.

217.

***Diệt khổ** đó ra sao?* Cách trừ tuyệt dục *(taṅhā)*. Đây gọi là diệt khổ.

218.

***Tiến hành diệt khổ** đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo, đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ vắng lặng mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Đây gọi là tiến hành diệt khổ…

219.

***Tập khổ** đó ra sao?* Dục, phiền não bất thiện ngoài ra, ba nhân thiện thuộc cảnh lậu, pháp thiện thành cảnh lậu ngoài ra. Đây gọi là tập khổ.

220.

***Khổ** đó ra sao?* Dị thục quả của thiện, bất thiện thuộc cảnh lậu, pháp tố phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả, tất cả sắc pháp. Đây gọi là khổ.

221.

***Diệt khổ** đó ra sao?* Cách tuyệt trừ dục, phiền não bất thiện ngoài ra, ba nhân thiện thuộc cảnh lậu và pháp thiện thuộc cảnh lậu ngoài ra, đây gọi là diệt khổ.

222.

***Tiến hành diệt khổ** đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo, đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ vắng lặng mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Đây gọi là tiến hành diệt khổ.

Dứt chia theo Diệu Pháp

C. ĐẾ PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

223.

Tứ thánh đế là khổ thánh đế, tập thánh đế, diệt thánh đế, đạo thánh đế.

ĐÁP ĐẦU ĐỀ TAM ĐÁP ĐẦU ĐỀ NHỊ

Tứ thánh đế thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký *đó ra sao?*… thánh đế thành hữu y, thành vô y *đó ra sao?*

1) Đáp theo đầu đề tam

224.

* Tập đế thành bất thiện. Đạo đế thành thiện. Diệt đế thành vô ký. Khổ đế thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
* Nhị đế thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có. Diệt đế không thể nói thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Khổ đế thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng khổ thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có; không nên nói thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ hay thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
* Nhị đế thành pháp dị thục nhân. Diệt đế thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Khổ đế thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.

* Tập đế thành phi do thủ mà cảnh thủ. Nhị đế thành phi do thủ phi cảnh thủ. Khổ đế thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có.
* Tập đế thành phiền toái cảnh phiền não. Nhị đế thành phi phiền toái phi cảnh phiền não. Khổ đế thành phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền toái cảnh phiền não cũng có.
* Tập đế thành hữu tầm hữu tứ. Diệt đế thành vô tầm vô tứ. Đạo đế thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có. Khổ đế thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có; không thể nói thành hữu tầm hữu tứ, thành vô tầm hữu tứ, thành vô tầm vô tứ cũng có.
* Nhị đế thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có. Diệt đế không thể nói thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc hay thành đồng sanh xả. Khổ đế thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có, không nên nói thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc hay thành đồng sanh xả.
* Nhị đế thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ. Tập đế thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, khổ đế thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Nhị đế thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tập đế thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có. Khổ đế thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Tập đế thành nhân sanh tử. Đạo đế thành nhân đến Níp-bàn. Diệt đế thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn. Khổ đế thành nhân sanh tử cũng có, thành phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Đạo đế thành hữu học. Tam đế thành phi hữu học phi vô học.
* Tập đế thành pháp hy thiểu. Nhị đế thành pháp vô lượng. Khổ đế thành pháp hy thiểu cũng có, thành pháp đáo đại cũng có.
* Diệt đế thành bất tri cảnh. Đạo đế thành tri cảnh vô lượng, tập đế thành tri cảnh hy thiểu cũng có, thành tri cảnh đáo đại cũng có, nhưng không thành tri cảnh vô lượng; không thể nói thành tri cảnh hy thiểu, thành tri cảnh đáo đại. Khổ đế thành tri cảnh hy thiểu cũng có, thành tri cảnh vô lượng cũng có; không nên nói thành tri cảnh hy thiểu, thành tri cảnh đáo đại hay thành tri cảnh vô lượng cũng có.
* Tập đế thành ty hạ. Nhị đế thành tinh lương. Khổ đế thành ty hạ cũng có, thành trung bình cũng có.
* Diệt đế thành bất định. Đạo đế thành chánh nhất định. Nhị đế thành tà nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Diệt đế thành bất tri cảnh. Tập đế không thể nói thành biết đạo là cảnh, thành đạo là nhân, vẫn thành đạo là trưởng. Đạo đế không thành biết đạo là cảnh, thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có; không thể nói thành biết đạo là nhân, thành biết đạo là trưởng cũng có. Khổ đế thành biết đạo là cảnh cũng có, nhưng không thành biết đạo là nhân, mà thành biết đạo là trưởng cũng có; không nên nói thành biết đạo là cảnh, thành biết đạo là trưởng cũng có.

* Nhị đế thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, không thể nói thành sẽ sanh. Diệt đế không nên nói thành sanh tồn, thành phi sanh tồn hay thành sẽ sanh. Khổ đế thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Tam đế thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có. Diệt đế không thể nói thành quá khứ, thành vị lai hay thành hiện tại.
* Diệt đế thành bất tri cảnh. Đạo đế không thể nói thành biết cảnh quá khứ, thành biết cảnh vị lai hay biết cảnh hiện tại. Nhị đế thành biết cảnh quá khứ cũng có, thành biết cảnh vị lai cũng có, thành biết cảnh hiện tại cũng có; không thể nói thành biết cảnh quá khứ, thành biết cảnh vị lai, thành biết cảnh hiện tại cũng có.
* Diệt đế thành pháp bên ngoài. Tam đế thành pháp bên trong cũng có, thành pháp bên ngoài cũng có, thành bên trong và bên ngoài cũng có.
* Diệt đế thành bất tri cảnh. Đạo đế thành biết cảnh bên ngoài. Tập đế thành biết cảnh bên trong cũng có, thành biết cảnh bên ngoài cũng có, thành biết cảnh bên trong và bên ngoài cũng có. Khổ đế thành biết cảnh bên trong cũng có, thành biết cảnh bên ngoài cũng có, thành biết cảnh bên trong và bên ngoài cũng có; không thể nói thành biết cảnh bên trong, thành biết cảnh bên ngoài hay thành biết cảnh bên trong và bên ngoài cũng có.
* Tam đế thành bất kiến vô đối chiếu. Khổ đế thành hữu kiến hữu đối chiếu cũng có, thành bất kiến hữu đối chiếu cũng có, thành bất kiến vô đối chiếu cũng có.

2) Đáp theo đầu đề nhị *(dukamātikā)*

i. Đáp phần chùm nhân (hetugocchaka)

225.

* Tập đế thành nhân. Diệt đế thành phi nhân. Nhị đế thành nhân cũng có, thành phi nhân cũng có.
* Nhị đế thành hữu nhân. Diệt đế thành vô nhân. Khổ đế thành hữu nhân cũng có, thành vô nhân cũng có.
* Nhị đế thành tương ưng nhân. Diệt đế thành bất tương ưng nhân. Khổ đế thành tương ưng nhân cũng có, thành bất tương ưng nhân cũng có.
* Tập đế thành nhân hữu nhân. Diệt đế không thể nói thành nhân hữu nhân hay thành phi nhân hữu nhân. Đạo đế thành nhân hữu nhân cũng có, thành phi nhân hữu nhân cũng có, không nên nói thành nhân hữu nhân hay thành phi nhân hữu nhân.
* Tập đế thành nhân tương ưng nhân. Diệt đế không nên nói thành nhân tương ưng nhân cũng có hay thành phi nhân tương ưng nhân cũng có. Đạo đế thành nhân tương ưng nhân cũng có, thành phi nhân tương ưng nhân cũng có. Khổ đế thành nhân tương ưng nhân cũng có, thành phi nhân tương ưng nhân cũng có; không thể nói thành nhân tương ưng nhân hay thành phi nhân tương ưng nhân cũng có.
* Diệt đế thành phi nhân, thành vô nhân. Tập đế không thể nói thành phi nhân hữu nhân hay thành phi nhân vô nhân. Đạo đế thành phi nhân hữu nhân cũng có, không thể nói thành phi nhân hữu nhân hay thành phi nhân vô nhân cũng có. Khổ đế thành phi nhân

hữu nhân cũng có, thành phi nhân vô nhân cũng có; không nên nói thành phi nhân hữu nhân hay thành phi nhân vô nhân cũng có.

ii. Đáp phần nhị đề đỉnh (cūlantaraduka)

226.

* Tam đế thành hữu duyên. Diệt đế thành vô duyên.
* Tam đế thành hữu vi. Diệt đế thành vô vi.
* Tam đế thành kiến bất đắc. Khổ đế thành kiến đắc cũng có, thành kiến bất đắc cũng có.
* Tam đế thành vô đối chiếu. Khổ đế thành hữu đối chiếu cũng có, thành vô đối chiếu cũng có.
* Tam đế thành phi sắc. Khổ đế thành sắc (pháp) cũng có, thành phi sắc cũng có.
* Nhị đế thành hiệp thế. Nhị đế thành siêu thế.
* Tứ đế thành có tâm biết đặng, thành có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu (āsavagocchaka)

227.

* Tập đế thành lậu. Nhị đế thành phi lậu. Khổ đế thành lậu cũng có, thành phi lậu cũng có.
* Nhị đế thành cảnh lậu. Nhị đế thành phi cảnh lậu.
* Tập đế thành tương ưng lậu. Nhị đế thành bất tương ưng lậu. Khổ đế thành tương ưng lậu cũng có, thành bất tương ưng lậu cũng có.
* Tập đế thành lậu cảnh lậu. Nhị đế không thể nói thành lậu cảnh lậu hay thành phi lậu cảnh lậu. Khổ đế thành lậu cảnh lậu cũng có, thành phi lậu cảnh lậu cũng có.
* Tập đế thành lậu bất tương ưng lậu. Nhị đế không thể nói thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu. Khổ đế thành lậu tương ưng lậu cũng có, thành phi lậu tương ưng lậu cũng có; không thể nói thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu.
* Nhị đế thành phi lậu bất tương ưng lậu. Tập đế không thể nói thành bất tương ưng lậu cảnh lậu hay thành phi lậu bất tương ưng lậu. Khổ đế thành bất tương ưng lậu cảnh lậu cũng có, không thể nói thành bất tương ưng lậu cảnh lậu, hoặc thành bất tương ưng lậu phi lậu cũng có.

iv. Đáp phần chùm triền (saṃyojanagocchaka)

228.

* Tập đế thành triền. Nhị đế thành phi triền. Khổ đế thành triền cũng có, thành phi triền cũng có.
* Nhị đế thành cảnh triền. Nhị đế thành phi cảnh triền.
* Tập đế thành tương ưng triền. Nhị đế thành bất tương ưng triền. Khổ đế thành tương ưng triền cũng có, thành bất tương ưng triền cũng có.
* Tập đế thành triền cảnh triền. Nhị đế không thể nói thành triền cảnh triền hay thành phi triền cảnh triền. Khổ đế thành triền cảnh triền cũng có, thành phi triền cảnh triền cũng có.

* Tập đế thành triền tương ưng triền. Nhị đế không nên nói thành triền tương ưng triền hay thành phi triền tương ưng triền. Khổ đế thành triền tương ưng triền cũng có, thành phi triền tương ưng triền cũng có; không thể nói thành triền tương ưng triền hay thành phi triền tương ưng triền.
* Nhị đế thành bất tương ưng triền phi cảnh triền. Tập đế không nên nói thành bất tương ưng triền cảnh triền hay thành bất tương ưng triền phi cảnh triền. Khổ đế thành bất tương ưng triền cảnh triền cũng có, nhưng không đặng nói thành bất tương ưng triền cảnh triền, hoặc thành bất tương ưng triền phi cảnh triền.

v. Đáp phần chùm phược (ganthagocchaka)

229.

* Tập đế thành phược. Nhị đế thành phi phược. Khổ đế thành phược cũng có, thành phi phược cũng có.
* Nhị đế thành cảnh phược. Nhị đế thành phi cảnh phược.
* Nhị đế thành bất tương ưng phược. Nhị đế thành tương ưng phược cũng có, thành bất tương ưng phược cũng có.
* Tập đế thành phược cảnh phược. Nhị đế không đặng nói thành phược cảnh phược hay thành phi phược cảnh phược. Khổ đế thành phược cảnh phược cũng có, thành phi phược cảnh phược cũng có.
* Tập đế thành phược tương ưng phược, không đặng nói thành phược tương ưng phược hay thành phi phược tương ưng phược. Nhị đế không thể nói thành phược tương ưng phược hay thành phi phược tương ưng phược. Khổ đế thành phược tương ưng phược cũng có, thành phi phược tương ưng phược cũng có; không thể nói thành phược tương ưng phược hay thành phi phược tương ưng phược.
* Nhị đế thành bất tương ưng phược phi cảnh phược. Nhị đế thành bất tương ưng phược cảnh phược cũng có, không thể nói thành bất tương ưng phược cảnh phược hay thành bất tương ưng phược phi cảnh phược.

vi, vii, vii. Đáp phần chùm bộc (oghagocchaka ādi)

230.

* Tập đế thành bộc… tập đế thành phối… tập đế thành cái… nhị đế thành phi cái. Khổ đế thành cái cũng có, thành phi cái cũng có.
* Nhị đế thành cảnh cái. Nhị đế thành phi cảnh cái.
* Tập đế thành tương ưng cái. Nhị đế thành bất tương ưng cái. Khổ đế thành tương ưng cái cũng có, thành bất tương ưng cái cũng có.
* Tập đế thành cái cảnh cái. Nhị đế không thể nói thành cái cảnh cái hay thành phi cái cảnh cái. Khổ đế thành cái cảnh cái cũng có, thành phi cái cảnh cái cũng có.
* Tập đế thành cái tương ưng cái. Nhị đế không thể nói thành cái tương ưng cái hay thành phi cái tương ưng cái. Khổ đế thành cái tương ưng cái cũng có, thành phi cái tương ưng cái cũng có; không thể nói thành cái tương ưng cái hay thành phi cái tương ưng cái.

* Nhị đế thành bất tương ưng cái phi cảnh cái. Tập đế không đặng nói thành bất tương ưng cái cảnh cái hay thành bất tương ưng cái phi cảnh cái. Khổ đế thành bất tương ưng cái cảnh cái cũng có, không nên nói thành bất tương ưng cái cảnh cái hay thành bất tương ưng cái phi cảnh cái cũng có.

ix. Đáp phần chùm khinh thị (parāmāsagocchaka)

231.

* Tam đế thành phi khinh thị. Khổ đế thành khinh thị cũng có, thành phi khinh thị cũng có.
* Nhị đế thành cảnh khinh thị. Nhị đế thành phi cảnh khinh thị.
* Nhị đế thành bất tương ưng khinh thị. Tập đế thành tương ưng khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị cũng có. Khổ đế thành tương ưng khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị cũng có; không nên nói thành tương ưng khinh thị hay thành bất tương ưng khinh thị.
* Tập đế không đặng nói thành khinh thị cảnh khinh thị hay thành phi khinh thị cảnh khinh thị. Nhị đế không nên nói thành khinh thị cảnh khinh thị hay thành phi khinh thị cảnh khinh thị. Khổ đế thành khinh thị cảnh khinh thị cũng có, thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có.
* Nhị đế thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị. Nhị đế thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị cũng có, không nên nói thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị hay thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị.

x. Đáp phần nhị đề đại (mahantaraduka)

232.

* Nhị đế thành tri cảnh. Diệt đế thành bất tri cảnh. Khổ đế thành tri cảnh cũng có, thành bất tri cảnh cũng có.
* Tam đế thành phi tâm. Khổ đế thành tâm cũng có, thành phi tâm cũng có.
* Nhị đế thành sở hữu tâm. Diệt đế thành phi sở hữu tâm. Khổ đế thành sở hữu tâm cũng có, thành phi sở hữu tâm cũng có.
* Nhị đế thành tương ưng tâm. Diệt đế thành bất tương ưng tâm. Khổ đế thành tương ưng tâm cũng có, thành bất tương ưng tâm cũng có; không nên nói tuy nhiên thành tương ưng tâm hay thành bất tương ưng tâm cũng có.
* Nhị đế thành hòa hợp với tâm. Diệt đế thành bất hòa hợp với tâm. Khổ đế thành hòa hợp với tâm cũng có, thành bất hòa hợp với tâm cũng có; không nên nói thành hòa hợp với tâm hay thành bất hòa hợp với tâm cũng có.
* Nhị đế thành hữu tâm sở sanh. Diệt đế thành phi hữu tâm sở sanh. Khổ đế thành hữu tâm sở sanh cũng có, thành phi hữu tâm sở sanh cũng có.
* Nhị đế thành đồng sanh tồn tâm. Diệt đế thành phi đồng sanh tồn tâm. Khổ đế thành đồng sanh tồn tâm cũng có, thành phi đồng sanh tồn tâm cũng có.
* Nhị đế thành tùng tâm thông lưu. Diệt đế thành phi tùng tâm thông lưu. Khổ đế thành tùng tâm thông lưu cũng có, thành phi tùng tâm thông lưu cũng có.

* Nhị đế thành hòa với tâm có tâm làm sở sanh. Diệt đế thành phi hòa với tâm không có tâm làm sở sanh. Khổ đế thành hòa với tâm có tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa với tâm không có tâm làm sở sanh cũng có.
* Nhị đế thành hòa đồng sanh tồn và có tâm làm sở sanh. Diệt đế thành phi hòa đồng sanh tồn và không nương tâm làm sở sanh. Khổ đế thành hòa đồng sanh tồn và nương tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa đồng sanh tồn và khỏi nương tâm làm sở sanh cũng có.
* Nhị đế thành hòa tùng thông lưu và nương tâm làm sở sanh. Diệt đế thành phi hòa tùng thông lưu và không có tâm làm sở sanh. Khổ đế thành hòa tùng thông lưu và có tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa tùng thông lưu và không có tâm làm sở sanh cũng có.
* Tam đế thành pháp ngoại. Khổ đế thành tự nội cũng có, thành ngoại phần cũng có.
* Tam đế thành phi y sinh. Khổ đế thành y sinh cũng có, thành phi y sinh cũng có.
* Tam đế thành phi do thủ. Khổ đế thành do thủ cũng có, thành phi do thủ cũng có.

xi. Đáp phần chùm thủ (upādānagocchaka)

233.

* Tập đế thành thủ. Nhị đế thành phi thủ. Khổ đế thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có.
* Nhị đế thành cảnh thủ. Nhị đế thành phi cảnh thủ.
* Nhị đế thành bất tương ưng thủ. Nhị đế thành tương ưng thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ cũng có.
* Tập đế thành thủ cảnh thủ. Nhị đế không nên nói thành thủ cảnh thủ hay thành phi thủ cảnh thủ. Khổ đế thành thủ cảnh thủ cũng có, thành phi thủ cảnh thủ cũng có.
* Tập đế thành thủ tương ưng thủ cũng có, không thể nói thành thủ tương ưng thủ hay thành phi thủ tương ưng thủ cũng có.
* Nhị đế không nên nói thành thủ tương ưng thủ hay thành phi thủ tương ưng thủ. Khổ đế thành thủ tương ưng thủ cũng có, thành phi thủ tương ưng thủ cũng có; không nên nói thành thủ tương ưng thủ hay thành phi thủ tương ưng thủ.
* Nhị đế thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ. Nhị đế thành bất tương ưng thủ cảnh thủ cũng có; không nên nói thành bất tương ưng thủ cảnh thủ, hoặc thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ.

xii. Đáp phần chùm phiền não (kilesagocchaka)

234.

* Tập đế thành phiền não. Nhị đế thành phi phiền não. Khổ đế thành phiền não cũng có, thành phi phiền não cũng có.
* Nhị đế thành cảnh phiền não. Nhị đế thành phi cảnh phiền não.
* Tập đế thành phiền toái. Nhị đế thành phi phiền toái. Khổ đế thành phiền toái cũng có, thành phi phiền toái cũng có.

* Tập đế thành tương ưng phiền não. Nhị đế thành bất tương ưng phiền não. Khổ đế thành tương ưng phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não cũng có.
* Tập đế thành phiền não cảnh phiền não. Nhị đế không thể nói thành phiền não cảnh phiền não hay thành phi phiền não cảnh phiền não. Khổ đế thành phiền não cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền não cảnh phiền não cũng có.
* Tập đế thành phiền não và phiền toái. Nhị đế không nên nói thành phiền não và phiền toái hay thành phi phiền não mà phiền toái. Khổ đế thành phiền não và phiền toái cũng có, thành phi phiền não mà phiền toái cũng có; không đặng nói thành phiền não và phiền toái hay thành phi phiền não mà phiền toái.
* Tập đế thành phiền não tương ưng phiền não. Nhị đế không nên nói thành phiền não tương ưng phiền não hay thành phi phiền não tương ưng phiền não. Khổ đế thành phiền não tương ưng phiền não cũng có, thành phi phiền não tương ưng phiền não cũng có; không nên nói thành phiền não tương ưng phiền não hay thành phi phiền não tương ưng phiền não.
* Nhị đế thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não. Tập đế không nên nói thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não hay thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não. Khổ đế thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não cũng có; không nên nói thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não hay thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não.

xiii. Đáp phần nhị đề yêu bối (piṭṭhiduka)

235.

* Nhị đế thành sơ đạo tuyệt trừ. Nhị đế thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi sơ đạo tuyệt trừ cũng có.
* Nhị đế thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị đế thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Nhị đế thành phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ. Nhị đế thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có.
* Nhị đế thành phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị đế thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Tập đế thành hữu tầm. Diệt đế thành vô tầm. Nhị đế thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có.
* Tập đế thành hữu tứ. Diệt đế thành vô tứ. Nhị đế thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có.
* Diệt đế thành vô hỷ. Tam đế thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có.
* Diệt đế thành phi đồng sanh hỷ. Tam đế thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có.
* Diệt đế thành phi đồng sanh lạc. Tam đế thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có.
* Diệt đế thành phi đồng sanh xả. Tam đế thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.

* Tập đế thành Dục giới. Nhị đế thành phi Dục giới. Khổ đế thành Dục giới cũng có, thành phi Dục giới cũng có.
* Tam đế thành phi Sắc giới. Khổ đế thành Sắc giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có.
* Tam đế thành phi Vô sắc giới. Khổ đế thành Vô sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có.
* Nhị đế thành liên quan luân hồi. Nhị đế thành bất liên quan luân hồi.
* Đạo đế thành nhân xuất luân hồi. Tam đế thành phi nhân xuất luân hồi.
* Đạo đế thành nhất định. Diệt đế thành bất định. Nhị đế thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Nhị đế thành hữu thượng. Nhị đế thành vô thượng.
* Tập đế thành hữu y. Nhị đế thành vô y. Khổ đế thành hữu y cũng có, thành vô y cũng có như thế nầy.

Dứt Phần vấn đáp
Đầy đủ Đế phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN V - QUYỀN PHÂN TÍCH
(Indrīyavibhaṅga)

236.

Nhị thập nhị quyền như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, lạc quyền, khổ quyền, hỷ quyền, ưu quyền, xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, tri dị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền.

237.

- ***Trong 22 quyền** mà **nhãn quyền** đó ra sao?* Nhãn nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung… hoặc kêu nhà không, đây gọi là nhãn quyền.
- ***Nhĩ quyền**… **tỷ quyền**… **thiệt quyền**… **thân quyền** đó ra sao?* Thân nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung… hoặc kêu nhà không, đây gọi là thân quyền.
- ***Ý quyền** đó ra sao?* Ý quyền phân phần thành một tức là ý quyền tương ưng xúc… ý quyền phân phần thành nhiều thứ theo cách thế nầy, đây gọi là ý quyền.

238.

- ***Nữ quyền** đó ra sao?* Hình vóc nữ, tiêu chuẩn nữ, thái độ nữ, tư cách nữ, chơn tướng nữ, trạng thái đều của nữ, mặc dù thế nào đây gọi là nữ quyền.
- ***Nam quyền** đó ra sao?* Hình vóc nam, tiêu chuẩn nam, thái độ nam, tư cách nam, chơn tướng nam, trạng thái đều của nam, mặc dù thế nào đây gọi là nam quyền.
- ***Mạng quyền** đó ra sao?* Mạng quyền có hai thứ như là mạng quyền sắc và mạng quyền phi sắc.
  - *Trong hai thứ mạng quyền ấy mà **sắc mạng quyền** ra sao?* Số thọ của sự sống còn, sự hiện còn, thái độ hiện còn, cách thức vẫn còn tiếp tục, sự đang hiện hành, sự đang dinh dưỡng cai quản cho còn sống, tức là mạng sống của mỗi sắc pháp, dù thế nào đây gọi là sắc mạng quyền.
  - ***Mạng quyền phi sắc** đó ra sao?* Tuổi thọ, sự vững còn, sự đang còn, thái độ đang hiện hành, tư cách vẫn còn tiếp tục sự đang hành vi, sự dinh dưỡng cai quản sự sống còn tức là mạng của những danh pháp như thế nào, đây gọi là mạng quyền phi sắc.

239.

- ***Lạc quyền** đó ra sao?* Sự vui sướng nơi thân, sự thỏa thích thân, sự hưởng cảnh an vui thành lạc mà sanh từ thân xúc, thái độ hưởng cảnh an vui thành lạc sanh từ thân xúc, dù thế nào đây gọi là lạc quyền.
- ***Khổ quyền** đó ra sao?* Sự không thích hợp của thân, sự khổ nơi thân, sự hưởng cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ thân xúc, thái độ hưởng cảnh không an vui thành khổ sanh từ thân xúc, dù thế nào đây gọi là khổ quyền.
- ***Hỷ quyền** đó ra sao?* Sự vui thích nơi tâm, sự an vui tâm, sự hưởng cảnh an vui thành lạc sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh an vui thành lạc sanh từ ý xúc, dù thế nào đây gọi là hỷ quyền.

* ***Ưu quyền*** *đó ra sao?* Sự không vui thích nơi tâm, sự khổ tâm, sự hưởng cảnh không vui thích thành khổ sanh từ nơi ý xúc, thái độ hưởng cảnh không an vui thành khổ sanh từ ý xúc, dù thế nào đây gọi là ưu quyền.

* ***Xả quyền*** *đó ra sao?* Sự phi vui phi buồn, cách hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, dù thế nào đây gọi là xả quyền.

240.

* ***Tín quyền*** *đó ra sao?* Đức tin, trạng thái tín ngưỡng, lòng tin tưởng, sự rất ngưỡng mộ, cai quản sự tín là đức tin, tín lực, dù thế nào đây gọi là tín quyền.

* ***Cần quyền*** *đó ra sao?* Cách khai đoan cho tâm siêng năng, sự cố gắng, sự sốt sắng, sự lướt tới, sự cương quyết, sự siêng năng, sự ráng chịu, sự khẳng khái, sự khắn khít, sự lướt tới không lui sụt, không thối chuyển bỏ thích hợp, không lui sụt phận sự, sự chăm nom, chiếu cố phận sự, cai quản siêng cần, cũng gọi cần lực, chánh tinh tấn, dù ra sao đây gọi là cần quyền.

* ***Niệm quyền*** *đó ra sao?* Sự nhớ đặng, sự trực nhớ, sự nhớ lại, nhớ ghi, thái độ nhớ, sự nhớ chắc không lơ đãng, không quên, cai quản sự nhớ đặng tức là chánh niệm, niệm lực, dù thế nào đây gọi là niệm quyền.

* ***Định quyền*** *đó ra sao?* Sự đình trụ của tâm, sự vững vàng của tâm, sự gắn chặt của tâm, sự không lay động của tâm, sự không tán loạn của tâm, trạng thái của tâm không lay động, sự vắng lặng, cách cai quản làm cho yên tịnh, cũng gọi là chánh định, định lực, dù thế nào đây gọi là định quyền.

* ***Tuệ quyền*** *đó ra sao?* Trí tuệ, trạng thái hiểu rõ, sự rõ thấu, sự gạn xét… sự không mờ, sự trạch pháp hay là chánh kiến, dù thế nào đây gọi là tuệ quyền.

241.

* ***Tri dị tri quyền*** *đó ra sao?* Trí tuệ, thái độ hiểu rõ… sự không tối tăm, lối trạch pháp hay là chánh kiến, trạch pháp giác chi thành chi của đạo, liên quan trong đạo, đặng biết pháp chưa từng biết, đặng thấy pháp chưa từng thấy, đặng đắc chứng pháp chưa từng đắc chứng, đặng hiểu pháp chưa từng hiểu, đặng làm cho rõ pháp những cái chưa từng làm cho rõ, như thế đây gọi là tri dị tri quyền.

* ***Tri dĩ tri quyền*** *đó ra sao?* Trí tuệ, trạng thái hiểu rõ… sự không mê mờ, cách lựa chọn pháp, chánh kiến, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, đặng hiểu pháp đã hiểu, đặng biết pháp đã biết, đặng thấy pháp đã thấy, đặng đắc chứng pháp đã đắc chứng hầu làm cho rõ rệt những pháp đã từng làm rõ rệt, như thế đây gọi là tri dĩ tri quyền.

* ***Tri cụ tri quyền*** *đó ra sao?* Trí tuệ, thái độ hiểu rõ… sự không mê mờ, cách lựa chọn pháp, chánh kiến, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, đặng hiểu pháp đã hiểu, đặng thấy pháp đã thấy, đặng chứng pháp đã chứng, đặng biết pháp đã biết, hầu làm cho rõ những pháp đã làm rõ, như thế đây gọi là tri cụ tri quyền.

Dứt chia theo Diệu Pháp

PHẦN VẤN ĐÁP

242.

Nhị thập nhị quyền như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, lạc quyền, khổ quyền, hỷ quyền, ưu

quyền, xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, tri dị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền.

ĐÁP ĐẦU ĐỀ TAM ĐÁP ĐẦU ĐỀ NHỊ

Trong nhị thập nhị quyền mà quyền nào thành thiện, quyền nào thành bất thiện, quyền nào thành vô ký… quyền nào thành hữu y, quyền nào thành vô y.

1) Quyền phân tích đáp theo đầu đề tam

243.

* Thập quyền thành vô ký. Ưu quyền thành bất thiện. Tri dị tri quyền thành thiện. Tứ quyền thành thiện cũng có, thành vô ký cũng có. Lục quyền thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.

* Thập nhị quyền không đặng nói thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Lục quyền thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có. Tam quyền thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng khổ thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có. Mạng quyền thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng khổ thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có; không nên nói thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ hay thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ.

* Thất quyền thành phi dị thục quả phi dị thục nhân. Tam quyền thành pháp dị thục quả. Nhị quyền thành pháp dị thục nhân. Tri dĩ tri quyền thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có. Cửu quyền thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.

* Cửu quyền thành do thủ cảnh thủ. Ưu quyền thành phi do thủ cảnh thủ. Tam quyền thành phi do thủ phi cảnh thủ. Cửu quyền thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.

* Cửu quyền thành phi phiền toái mà cảnh phiền não. Ưu quyền thành phiền toái cảnh phiền não. Tam quyền thành phi phiền toái cảnh phiền não. Tam quyền thành phi phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não cũng có. Lục quyền thành phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não cũng có.

* Cửu quyền thành vô tầm vô tứ. Ưu quyền thành hữu tầm hữu tứ. Xả quyền thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có. Thập nhất quyền thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có.

* Thập nhất quyền không thể nói thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc hay thành đồng sanh xả. Hỷ quyền thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành phi đồng sanh xả cũng có, không nên nói thành đồng sanh hỷ cũng có. Lục quyền thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có. Tứ quyền thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có; không nên nói thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.

* Thập ngũ quyền thành phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ. Ưu quyền thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có. Lục quyền thành sơ đạo tuyệt trừ

cũng có, thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.

* Thập ngũ quyền thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ. Ưu quyền thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có. Lục quyền thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.

* Thập quyền thành phi nhân sanh tử và phi nhân đến Níp-bàn. Ưu quyền thành nhân sanh tử. Tri dị tri quyền thành nhân đến Níp-bàn. Trí quyền thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có. Cửu quyền thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.

* Thập quyền thành phi hữu học phi vô học. Nhị quyền thành hữu học. Tri cụ tri quyền thành vô học. Cửu quyền thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.

* Thập quyền thành hy thiểu. Tam quyền thành vô lượng. Cửu quyền thành hy thiểu cũng có, thành đáo đại cũng có, thành vô lượng cũng có.

* Thất quyền thành bất tri cảnh. Nhị quyền thành tri cảnh hy thiểu. Tam quyền thành tri cảnh vô lượng. Ưu quyền thành tri cảnh hy thiểu cũng có, thành tri cảnh đáo đại cũng có, thành tri cảnh vô lượng cũng có; không nên nói thành tri cảnh hy thiểu, hay thành tri cảnh đáo đại.

* Cửu quyền thành tri cảnh hy thiểu cũng có, thành tri cảnh đáo đại cũng có, thành tri cảnh vô lượng cũng có; không nên nói thành tri cảnh hy thiểu, thành tri cảnh đáo đại hay thành tri cảnh vô lượng cũng có.

* Cửu quyền thành trung bình. Ưu quyền thành ty hạ. Tam quyền thành tinh vi. Tam quyền thành trung bình cũng có, thành tinh vi cũng có. Lục quyền thành ty hạ cũng có, thành trung bình cũng có, thành tinh vi cũng có.

* Thập quyền thành bất định. Tri dĩ tri quyền thành chánh nhất định. Tứ quyền thành chánh nhất định cũng có, thành bất định cũng có. Ưu quyền thành tà nhất định cũng có, thành bất định cũng có. Lục quyền thành tà nhất định cũng có, thành chánh nhất định cũng có, thành bất định cũng có.

* Thất quyền thành bất tri cảnh. Tứ quyền không thể nói thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân, thành có đạo là trưởng. Tri dĩ tri quyền không thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân cũng có, thành có đạo là trưởng cũng có; không nên nói thành có đạo là nhân hay thành có đạo là trưởng cũng có. Tri dị tri quyền không thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân cũng có, thành có đạo là trưởng cũng có; không nên nói thành có đạo là nhân hay thành có đạo là trưởng cũng có. Cửu quyền thành có đạo là cảnh cũng có, thành có đạo là nhân cũng có, thành có đạo là trưởng cũng có; không nên nói thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân hay thành có đạo là trưởng cũng có.

* Thập quyền thành sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có; không thể nói thành phi sanh tồn. Nhị quyền thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có; không thể nói thành sẽ sanh. Thập quyền thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.

* Nhị thập nhị quyền thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* Thất quyền thành bất tri cảnh. Nhị quyền thành tri cảnh hiện tại cũng có. Tam quyền không thể nói thành tri cảnh quá khứ, thành tri cảnh vị lai, thành tri cảnh hiện tại.
* Thập quyền thành tri cảnh quá khứ cũng có, thành tri cảnh vị lai cũng có, thành tri cảnh hiện tại cũng có; không nên nói thành tri cảnh quá khứ, thành tri cảnh vị lai, thành tri cảnh hiện tại.
* Nhị thập nhị quyền thành nội phần cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Thất quyền thành bất tri cảnh. Tam quyền thành tri cảnh ngoại. Tứ quyền thành tri cảnh nội cũng có, thành tri cảnh ngoại cũng có, thành tri cảnh nội và ngoại cũng có. Bát quyền thành tri cảnh nội cũng có, thành tri cảnh ngoại cũng có, thành tri cảnh nội và ngoại cũng có; không nên nói thành tri cảnh nội, thành tri cảnh ngoại, thành tri cảnh nội và ngoại cũng có.

  Ngũ quyền thành bất kiến hữu đối chiếu. Thập thất quyền thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Quyền phân tích đáp theo đầu đề nhị

i. Đáp phần chùm nhân (hetugocchaka)

244.

* Tứ quyền thành nhân. Thập bát quyền thành phi nhân.
* Thất quyền thành hữu nhân. Cửu quyền thành vô nhân. Lục quyền thành hữu nhân cũng có, thành vô nhân cũng có.
* Thất quyền thành tương ưng nhân. Cửu quyền thành bất tương ưng nhân. Lục quyền thành tương ưng nhân cũng có, thành bất tương ưng nhân cũng có.
* Tứ quyền thành nhân hữu nhân. Cửu quyền không thể nói thành nhân hữu nhân, vẫn thành hữu nhân phi nhân. Tam quyền không thể nói thành nhân hữu nhân, thành hữu nhân phi nhân. Lục quyền không thể nói thành nhân hữu nhân, thành hữu nhân phi nhân cũng có, không thể nói thành hữu nhân phi nhân cũng có.
* Tứ quyền thành nhân tương ưng nhân. Cửu quyền không thể nói thành nhân tương ưng nhân hay thành phi nhân tương ưng nhân. Tam quyền không thể nói thành nhân tương ưng nhân, thành phi nhân tương ưng nhân. Lục quyền không thể nói thành nhân tương ưng nhân, thành phi nhân tương ưng nhân cũng có, không thể nói thành phi nhân tương ưng nhân cũng có.
* Cửu quyền thành phi nhân vô nhân. Tam quyền thành phi nhân hữu nhân. Tứ quyền không thể nói thành phi nhân hữu nhân hay thành phi nhân vô nhân. Lục quyền thành phi nhân hữu nhân cũng có, thành phi nhân vô nhân cũng có.

ii. Đáp phần nhị đề đỉnh (cūlantaraduka)

245.

* Nhị thập nhị quyền thành hữu duyên, thành hữu vi, thành bất kiến.
* Ngũ quyền thành hữu đối chiếu. Thập thất quyền thành vô đối chiếu.

* Thất quyền thành sắc pháp. Thập tứ quyền thành phi sắc pháp. Mạng quyền thành sắc (pháp) cũng có, thành phi sắc (pháp) cũng có.
* Thập quyền thành hiệp thế. Tam quyền thành siêu thế. Cửu quyền thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
* Nhị thập nhị quyền thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu (āsavagocchaka)

246.

* Nhị thập nhị quyền thành phi lậu.
* Thập quyền thành cảnh lậu. Tam quyền thành phi cảnh lậu. Cửu quyền thành cảnh lậu cũng có, thành phi cảnh lậu cũng có.
* Thập ngũ quyền thành bất tương ưng lậu. Ưu quyền thành tương ưng lậu. Lục quyền thành tương ưng lậu cũng có, thành bất tương ưng lậu cũng có.
* Thập quyền không thể nói thành lậu cảnh lậu hay thành phi lậu cảnh lậu. Tam quyền không thể nói thành lậu cảnh lậu hay thành phi lậu cảnh lậu. Cửu quyền không thể nói thành lậu cảnh lậu, thành phi lậu cảnh lậu cũng có, không nên nói thành phi lậu cảnh lậu cũng có.
* Thập ngũ quyền không thể nói thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu. Ưu quyền không thể nói thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu. Lục quyền không nên nói thành lậu tương ưng lậu, thành phi lậu tương ưng lậu cũng có; không thể nói thành phi lậu tương ưng lậu cũng có.
* Cửu quyền thành bất tương ưng lậu mà cảnh lậu. Tam quyền thành phi lậu bất tương ưng lậu. Ưu quyền không thể nói thành bất tương ưng lậu cảnh lậu hay thành phi lậu bất tương ưng lậu. Tam quyền thành bất tương ưng lậu cảnh lậu cũng có, thành phi lậu bất tương ưng lậu cũng có. Lục quyền thành bất tương ưng lậu cảnh lậu cũng có, thành phi lậu bất tương ưng lậu cũng có; không thể nói thành bất tương ưng lậu cảnh lậu hay thành phi lậu bất tương ưng lậu cũng có.

iv. Đáp phần chùm triền (saññojanagocchaka)

247.

* Nhị thập nhị quyền thành phi triền.
* Thập quyền thành cảnh triền. Tam quyền thành phi cảnh triền. Cửu quyền thành cảnh triền cũng có, thành phi cảnh triền cũng có.
* Thập ngũ quyền thành bất tương ưng triền. Ưu quyền thành tương ưng triền. Lục quyền thành tương ưng triền cũng có, thành bất tương ưng triền cũng có.
* Thập quyền không thể nói thành triền cảnh triền, thành phi triền cảnh triền. Tam quyền không thể nói thành triền cảnh triền, hay thành phi triền cảnh triền. Cửu quyền không thể nói thành triền cảnh triền, thành phi triền cảnh triền cũng có, không thể nói thành phi triền cảnh triền cũng có.
* Thập ngũ quyền không thể nói thành triền tương ưng triền hay thành phi triền tương ưng triền. Ưu quyền không thể nói thành triền tương ưng triền hay thành phi triền

tương ưng triền. Lục quyền không thể nói thành triền tương ưng triền hay thành phi triền tương ưng triền cũng có; không thể nói thành phi triền tương ưng triền cũng có.

* Cửu quyền thành bất tương ưng triền cảnh triền. Tam quyền thành bất tương ưng triền phi cảnh triền. Ưu quyền không thể nói thành bất tương ưng triền cảnh triền, vẫn thành bất tương ưng triền phi cảnh triền. Tam quyền thành bất tương ưng triền cảnh triền cũng có, thành bất tương ưng triền phi cảnh triền cũng có. Lục quyền thành bất tương ưng triền cảnh triền cũng có, thành bất tương ưng triền phi cảnh triền cũng có; không nên nói thành bất tương ưng triền cảnh triền, vẫn thành bất tương ưng triền phi cảnh triền cũng có.

v. Đáp phần chùm phược (ganthagocchaka)

248.

* Nhị thập nhị quyền thành phi phược.
* Thập quyền thành cảnh phược. Tam quyền thành phi cảnh phược. Cửu quyền thành cảnh phược cũng có, thành phi cảnh phược cũng có.
* Thập ngũ quyền thành bất tương ưng phược. Ưu quyền thành tương ưng phược. Lục quyền thành tương ưng phược cũng có, thành bất tương ưng phược cũng có.
* Thập quyền không thể nói thành phược cảnh phược hay thành phi phược cảnh phược. Tam quyền không thể nói thành phược cảnh phược hay thành phi phược cảnh phược. Cửu quyền không nên nói thành phược cảnh phược, thành phi phược cảnh phược cũng có; không thể nói thành phi phược cảnh phược cũng có.
* Thập ngũ quyền không nên nói thành phược tương ưng phược, vẫn thành phi phược tương ưng phược. Ưu quyền không thể nói thành phược tương ưng phược hay thành phi phược tương ưng phược. Lục quyền không thể nói thành phược tương ưng phược, thành phi phược tương ưng phược cũng có; không thể nói thành phi phược tương ưng phược cũng có.
* Cửu quyền thành bất tương ưng phược cảnh phược. Tam quyền thành bất tương ưng phược phi cảnh phược. Ưu quyền không nên nói thành bất tương ưng phược cảnh phược hay thành bất tương ưng phược phi cảnh phược. Tam quyền thành bất tương ưng phược cảnh phược cũng có, thành bất tương ưng phược phi cảnh phược cũng có. Lục quyền thành bất tương ưng phược cảnh phược cũng có, thành bất tương ưng phược phi cảnh phược cũng có; không nên nói thành bất tương ưng phược cảnh phược, vẫn thành bất tương ưng phược phi cảnh phược cũng có.

vi, vii, viii. Đáp phần chùm bộc (oghagocchakādi)

249.

* Nhị thập nhị quyền thành phi bộc…
* Nhị thập nhị quyền thành phi phối…
* Nhị thập nhị quyền thành phi cái…
* Thập quyền thành cảnh cái. Tam quyền thành phi cảnh cái. Cửu quyền thành cảnh cái cũng có, thành phi cảnh cái cũng có.

* Thập ngũ quyền thành bất tương ưng cái. Ưu quyền thành tương ưng cái. Lục quyền thành tương ưng cái cũng có, thành bất tương ưng cái cũng có.
* Thập quyền không thể nói thành cái cảnh cái hay thành phi cái cảnh cái. Tam quyền không thể nói thành cái cảnh cái hay thành phi cái cảnh cái. Cửu quyền không thể nói thành cái cảnh cái hay thành phi cái cảnh cái cũng có; không nên nói thành phi cái cảnh cái cũng có.
* Thập ngũ quyền không thể nói thành cái tương ưng cái hay thành phi cái tương ưng cái. Ưu quyền không thể nói thành cái tương ưng cái hay thành phi cái tương ưng cái. Lục quyền không thể nói thành cái tương ưng cái hay thành phi cái tương ưng cái cũng có; không nên nói thành phi cái tương ưng cái cũng có.
* Cửu quyền thành bất tương ưng cái cảnh cái. Tam quyền thành bất tương ưng cái phi cảnh cái. Ưu quyền không thể nói thành bất tương ưng cái cảnh cái hay thành bất tương ưng cái phi cảnh cái. Tam quyền thành bất tương ưng cái cảnh cái cũng có, thành bất tương ưng cái phi cảnh cái cũng có. Lục quyền thành bất tương ưng cái cảnh cái cũng có, thành bất tương ưng cái phi cảnh cái cũng có; không nên nói thành bất tương ưng cái cảnh cái hay thành bất tương ưng cái phi cảnh cái cũng có.

xi. Đáp phần chùm khinh thị (parāmāsagocchaka)

250.

* Nhị thập nhị quyền thành phi khinh thị.
* Thập quyền thành cảnh khinh thị. Tam quyền thành phi cảnh khinh thị. Cửu quyền thành cảnh khinh thị cũng có, thành phi cảnh khinh thị cũng có.
* Thập lục quyền thành bất tương ưng khinh thị. Lục quyền thành tương ưng khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị cũng có.
* Thập quyền không thể nói thành khinh thị cảnh khinh thị hay thành phi khinh thị cảnh khinh thị. Tam quyền không thể nói thành khinh thị cảnh khinh thị hay thành phi khinh thị cảnh khinh thị. Cửu quyền không thể nói thành khinh thị cảnh khinh thị hay thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có; không thể nói thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có.
* Thập quyền thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị. Tam quyền thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị. Tam quyền thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị cũng có. Lục quyền thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị cũng có; không thể nói thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị hay thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị cũng có.

x. Đáp phần nhị đề đại (mahantaraduka)

251.

* Thất quyền thành bất tri cảnh. Thập tứ quyền thành tri cảnh. Mạng quyền thành tri cảnh cũng có, thành bất tri cảnh cũng có.
* Nhị thập nhất quyền thành phi tâm. Ý quyền thành tâm.
* Thập tam quyền thành sở hữu tâm. Bát quyền thành phi sở hữu tâm. Mạng quyền thành sở hữu tâm cũng có, thành phi sở hữu tâm cũng có.

* Thập tam quyền thành tương ưng tâm. Thất quyền thành bất tương ưng tâm. Mạng quyền thành tương ưng tâm cũng có, thành bất tương ưng tâm cũng có. Ý quyền không thể nói thành tương ưng tâm hay thành bất tương ưng tâm.
* Thập tam quyền thành hòa với tâm. Thất quyền thành phi hòa với tâm. Mạng quyền thành hòa với tâm cũng có, thành phi hòa với tâm cũng có. Ý quyền không thể nói thành hòa với tâm hay thành phi hòa với tâm.
* Thập tam quyền thành hữu tâm sở y sinh. Bát quyền thành phi hữu tâm sở y sinh. Mạng quyền thành hữu tâm sở y sinh cũng có, thành phi hữu tâm sở y sinh cũng có.
* Thập tam quyền thành đồng sanh tồn tâm. Bát quyền thành phi đồng sanh tồn tâm. Mạng quyền thành đồng sanh tồn tâm cũng có, thành phi đồng sanh tồn tâm cũng có.
* Thập tam quyền thành tùng tâm thông lưu. Bát quyền thành phi tùng tâm thông lưu. Mạng quyền thành tùng tâm thông lưu cũng có, thành phi tùng tâm thông lưu cũng có.
* Thập tam quyền thành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh. Bát quyền thành phi hòa với tâm và phi có tâm làm sở sanh. Mạng quyền thành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa với tâm và phi có tâm làm sở sanh cũng có.
* Thập tam quyền thành hòa sanh tồn và có tâm làm sở sanh. Bát quyền thành phi hòa phi sanh tồn và phi có tâm làm sở sanh. Mạng quyền thành hòa sanh tồn và có tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa phi sanh tồn và phi có tâm làm sở sanh cũng có.
* Thập tam quyền thành hòa tùng thông lưu và có tâm làm sở sanh. Bát quyền thành phi hòa phi tùng thông lưu và phi có tâm làm sở sanh. Mạng quyền thành hòa tùng thông lưu và có tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa phi tùng thông lưu và phi có tâm làm sở sanh cũng có.
* Lục quyền thành nội phần. Thập lục quyền thành ngoại phần.
* Thất quyền thành y sinh. Thập tứ quyền thành phi y sinh. Mạng quyền thành y sinh cũng có, thành phi y sinh cũng có.
* Cửu quyền thành do thủ. Tứ quyền thành phi do thủ. Cửu quyền thành do thủ cũng có, thành phi do thủ cũng có.

xi. Đáp phần chùm thủ (upādānagocchaka)

252.

* Nhị thập nhị quyền thành phi thủ.
* Thập quyền thành cảnh thủ. Tam quyền thành phi cảnh thủ. Cửu quyền thành cảnh thủ cũng có, thành phi cảnh thủ cũng có.
* Thập lục quyền thành bất tương ưng thủ. Lục quyền thành tương ưng thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ cũng có. Thập quyền không thể nói thành thủ cảnh thủ hay thành phi thủ cảnh thủ.
* Tam quyền không thể nói thành thủ cảnh thủ hay thành phi thủ cảnh thủ. Cửu quyền không nên nói thành thủ cảnh thủ, thành phi thủ cảnh thủ cũng có; không thể nói thành phi thủ cảnh thủ cũng có.

* Thập lục quyền không nên nói thành thủ tương ưng thủ hay thành phi thủ tương ưng thủ. Lục quyền không nên nói thành thủ tương ưng thủ hay thành phi thủ tương ưng thủ cũng có; không nên nói thành phi thủ tương ưng thủ cũng có.
* Thập quyền thành bất tương ưng thủ cảnh thủ. Tam quyền thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ. Tam quyền thành bất tương ưng thủ cảnh thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ cũng có. Lục quyền thành bất tương ưng thủ cảnh thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ cũng có; không nên nói thành bất tương ưng thủ cảnh thủ hay thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ cũng có.

xii. Đáp phần chùm phiền não (kilesagocchaka)

253.

* Nhị thập nhị quyền thành phi phiền não.
* Thập quyền thành cảnh phiền não. Tam quyền thành phi cảnh phiền não. Cửu quyền thành cảnh phiền não cũng có, thành phi cảnh phiền não cũng có.
* Thập ngũ quyền thành phi phiền toái. Ưu quyền thành phiền toái. Lục quyền thành phiền toái cũng có, thành phi phiền toái cũng có.
* Thập ngũ quyền thành bất tương ưng phiền não. Ưu quyền thành tương ưng phiền não. Lục quyền thành tương ưng phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não cũng có.
* Thập quyền không nên nói thành phiền não cảnh phiền não hay thành phi phiền não cảnh phiền não. Tam quyền không thể nói thành phiền não cảnh phiền não hay thành phi phiền não cảnh phiền não. Cửu quyền không nên nói thành phiền não cảnh phiền não, mà thành phi phiền não cảnh phiền não cũng có; không nên nói thành phi phiền não cảnh phiền não cũng có.
* Thập ngũ quyền không thể nói thành phiền não và phiền toái hay thành phi phiền não và phiền toái. Ưu quyền không thể nói thành phiền não và phiền toái hay thành phiền toái phi phiền não. Lục quyền không nên nói thành phiền não và phiền toái, mà thành phiền toái phi phiền não cũng có; không nên nói thành phiền toái phi phiền não cũng có.
* Thập ngũ quyền không nên nói thành phiền não tương ưng phiền não, vẫn thành phi phiền não tương ưng phiền não. Ưu quyền không nên nói thành phiền não tương ưng phiền não, mà thành phi phiền não tương ưng phiền não. Lục quyền không nên nói thành phiền não tương ưng phiền não, mà thành phi phiền não tương ưng phiền não cũng có; không nên nói thành phi phiền não tương ưng phiền não cũng có.
* Cửu quyền thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não. Tam quyền thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não. Ưu quyền không nên nói thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não, vẫn thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não. Tam quyền thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não cũng có. Lục quyền thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não cũng có; không nên nói thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não, mà thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não cũng có.

xiii. Đáp phần nhị đề yêu bối (piṭṭhiduka)

254.

* Thập ngũ quyền thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Thất quyền thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi sơ đạo tuyệt trừ cũng có.
* Thập ngũ quyền thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Thất quyền thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Thập ngũ quyền thành phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ. Thất quyền thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ cũng có.
* Thập ngũ quyền thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ. Thất quyền thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Cửu quyền thành vô tầm. Ưu quyền thành hữu tầm. Thập nhị quyền thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có.
* Cửu quyền thành vô tứ. Ưu quyền thành hữu tứ. Thập nhị quyền thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có.
* Thập nhất quyền thành vô hỷ. Thập nhất quyền thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có.
* Thập nhất quyền thành phi đồng sanh hỷ. Thập nhất quyền thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có.
* Thập nhị quyền thành phi đồng sanh lạc. Thập quyền thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có.
* Thập nhị quyền thành phi đồng sanh xả. Thập quyền thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.
* Thập quyền thành Dục giới. Tam quyền thành phi Dục giới. Cửu quyền thành Dục giới cũng có, thành phi Dục giới cũng có.
* Thập tam quyền thành phi Sắc giới. Cửu quyền thành Sắc giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có.
* Thập tứ quyền thành phi Vô sắc giới. Bát quyền thành Vô sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có.
* Thập quyền thành liên quan luân hồi. Tam quyền thành bất liên quan luân hồi. Cửu quyền thành liên quan luân hồi cũng có, thành bất liên quan luân hồi cũng có.
* Thập nhất quyền thành phi nhân xuất luân hồi. Tri dị tri quyền thành nhân xuất luân hồi. Thập quyền thành nhân xuất luân hồi cũng có, thành phi nhân xuất luân hồi cũng có.
* Thập quyền thành bất định. Tri dị tri quyền thành nhất định. Thập nhất quyền thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Thập quyền thành hữu thượng. Tam quyền thành vô thượng. Cửu quyền thành hữu thượng cũng có, thành vô thượng cũng có.

∗ Thập ngũ quyền thành vô y. Ưu quyền thành hữu y. Lục quyền thành hữu y cũng có, thành vô y cũng có.

Dứt vấn đáp
Đầy đủ Quyền phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

Hồi hướng phước đến tất cả chúng sanh, nhất là các vị Chư thiên *có oai lực ủng hộ tạng Diệu Pháp đặng thạnh hành.*

Sài Gòn
23-05-1975 . 13-04-2518
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN VI - DUYÊN KHỞI PHÂN TÍCH
(Paccayakāravibhaṅga)

A. DUYÊN KHỞI PHÂN TÍCH PHẦN THEO KINH

255.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử sầu, khóc, khổ, ưu, ai trợ sanh ra như thế.

256.

Vô minh *trong khi có ra sao?* Sự không biết khổ, không biết tập khổ, không biết diệt khổ, không biết tiến hành diệt khổ. Như thế gọi là vô minh.

257.

Hành do vô minh trợ *đó ra sao?* Phước hành, phi phước hành, bất động hành, thân hành, khẩu hành và tâm hành.

- ***Phước hành*** *trong khi có ra sao?* Tư thiện thành Dục giới, thành Sắc giới, thành tựu do bố thí, trì giới, tu tiến. Đây gọi là phước hành.
- ***Phi phước hành*** *trong khi có ra sao?* Tư bất thiện thuộc Dục giới. Đây gọi là phi phước hành.
- ***Bất động hành*** *trong khi có ra sao?* Tư thiện thuộc Vô sắc giới. Đây gọi là bất động hành.
- ***Thân hành*** *trong khi có ra sao?* Sự cố quyết điều khiển thân là thân hành, sự cố quyết điều khiển khẩu là khẩu hành, sự cố quyết điều khiển ý là tâm hành.

Như thế gọi là hành do vô minh làm duyên trợ.

258.

Thức do hành trợ *trong khi có ra sao?* Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức; như thế gọi là thức do hành trợ.

259.

Danh sắc do thức trợ *trong khi có ra sao?* Danh một phần và sắc một phần.

- *Trong hai phần ấy mà* ***danh*** *đó ra sao?* Như là thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý. Đây gọi là danh.
- ***Sắc*** *trong khi có ra sao?* Như là sắc tứ đại sung và sắc y sinh. Như thế gọi là sắc.

Danh và sắc như đã nói gọi là danh sắc phát sanh do thức làm duyên.

260.

Lục nhập do danh sắc trợ *đó ra sao?* Nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập và ý nhập. Như thế gọi là lục nhập do danh sắc trợ.

261.

Xúc do lục nhập trợ *trong khi có ra sao?* Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc. Như thế gọi là xúc sanh ra do lục nhập trợ.

262.

Thọ do xúc trợ *đó ra sao?* Thọ nhãn xúc, thọ nhĩ xúc, thọ tỷ xúc, thọ thiệt xúc, thọ thân xúc, thọ ý xúc. Thế gọi là thọ do xúc làm duyên.

263.

Ái do thọ trợ *trong khi có ra sao?* Sắc ái, thinh ái, khí ái, vị ái, xúc ái và pháp ái. Như thế gọi là ái do thọ trợ.

264.

Thủ do ái trợ *đó ra sao?* Dục thủ, tà kiến thủ, giới cấm thủ và ngã chấp thủ. Thế gọi là thủ do ái trợ.

265.

Hữu do thủ trợ *trong khi có ra sao?* Hữu có 2: Một là nghiệp hữu *(kammabhava),* hai là sanh hữu *(uppattibhava).*

- *Trong hai hữu ấy mà* ***nghiệp hữu*** *đó ra sao?* Phước hành, phi phước hành, bất động hành. Thế gọi là nghiệp hữu. Nghiệp mà làm nhân đưa đến tất cả hữu *(bhava),* như thế gọi là nghiệp hữu.
- ***Sanh hữu*** *trong khi có ra sao?* Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu, tưởng hữu, vô tưởng hữu, phi tưởng phi phi tưởng hữu, nhất uẩn hữu, tứ uẩn hữu và ngũ uẩn hữu. Thế gọi là sanh hữu.

Nghiệp hữu và sanh hữu như đã kể, thế gọi là hữu sanh ra do thủ làm duyên.

266.

Sanh do hữu trợ *đó ra sao?* Sự sanh, cách sanh đầy đủ, sự quân sanh, sự tạm sanh, sự biệt sanh, cách phát ra của uẩn, sự hiện đặng của nhập trong mỗi chúng sanh, của những chúng sanh ấy. Dù thế nào đều gọi là sanh có ra do hữu làm duyên.

267.

Lão tử do sanh trợ *đó ra sao?*

- *Lão và tử, mà* ***lão*** *đó trong khi có ra sao?* Sự già cả, cách già cả, sự răng rụng, cách tóc bạc, sự da nhăn, sự giảm thọ, cách chín mùi của mạng sống trong những chúng sanh ấy, của mỗi chúng sanh ấy. Như thế gọi là lão.
- ***Tử*** *trong khi có ra sao?* Cách biến đổi, sự thay đổi, sự hư hoại, sự mất đi, sự thác, sự chết, sự quá vãng, sự tan rã ngũ uẩn, sự bỏ xác, cách mạng quyền đứt xa lìa trong những chúng sanh, của mỗi chúng sanh đó. Như thế gọi là tử.

Lão và tử như đã nói đó, gọi là lão tử có ra do sanh làm duyên.

268.

Sầu *trong khi có ra sao?* Sự buồn bực, thái độ buồn bực, trạng thái buồn bực, sự sầu não, sự đốt lòng, sự buồn xo, sự khổ, cách héo bên trong của những người khi gặp thân tộc điêu tàn, hoặc tài sản điêu tàn, tật bệnh điêu tàn, giới điêu tàn, tri kiến điêu tàn, dù cho gặp một cách nào hay bị một nhân khổ nào như thế. Đây gọi là sầu *(soka)*.

269.

Khóc *đó ra sao?* Sự khóc lóc, sự khóc than, thái độ khóc, thái độ than khóc, trạng thái khóc, trạng thái khóc than, sự kêu oan, sự khóc kể, sự thút thít, sự ấm ức, thái độ ấm ức, trạng thái tức tưởi của người gặp lúc thân tộc điêu tàn, hoặc tài sản điêu tàn, tật bệnh điêu tàn, giới điêu tàn, tri kiến điêu tàn, dù gặp một cách nào hay bị một nhân khổ nào. Như thế gọi là khóc *(parideva).*

270.

Khổ *trong khi có ra sao?* Sự không vui thích thân, sự hưởng cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ thân xúc, thái độ hưởng cảnh không vui sướng thành khổ sanh từ thân xúc. Như thế gọi là khổ.

271.

***Ưu** trong khi có ra sao?* Sự không vui tâm, sự khổ tâm, sự hưởng cảnh không vui vẻ thành khổ sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh không vui vẻ thành khổ sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh không vui vẻ thành khổ tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là ưu *(domanassa)*.

272.

***Ai** trong khi có ra sao?* Sự thương tâm, cách thương thảm, trạng thái thương tiếc, cách thương tiếc của người khi gặp thân tộc điêu tàn, tài sản điêu tàn, tật bệnh điêu tàn, giới điêu tàn, tri kiến điêu tàn, dù gặp một cách nào hay bị một nhân khổ nào. Như thế gọi là ai *(upāyāsa)*.

273.

Nói rằng sự phát sanh lên của tất cả khổ ấy vẫn có như thế tức là sự đồng khứ, sự đồng lai, sự hội hiệp, sự hiện hành của tất cả khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế, do nhân ấy mới gọi là sự phát sanh của tất cả khối khổ vẫn có ra bằng cách như thế.

Dứt Phân theo Kinh

B. ĐẦU ĐỀ DIỆU PHÁP

1) Tứ phần duyên khởi

Phần vô minh căn

274.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Tất cả sự khổ phát sanh chồng đống phải có bằng cách như thế.

275.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh cả khối khổ phải có bằng cách như thế.

276.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ vẫn có bằng cách như thế.

277.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của tất cả đống khổ vẫn có bằng cách như thế.

Dứt Tứ phần duyên khởi

2) Tứ phần nhân

Phần vô minh căn

278.

Vô minh trợ cho hành, vô minh là nhân. Hành trợ cho thức, hành là nhân. Thức trợ cho danh, thức là nhân. Danh trợ cho lục nhập, danh là nhân. Lục nhập trợ xúc, lục nhập là nhân. Xúc trợ cho thọ, xúc là nhân. Thọ trợ cho ái, thọ là nhân. Ái trợ cho thủ, ái là nhân. Thủ trợ cho hữu, hữu trợ cho sanh, sanh trợ cho lão tử. Sự phát sanh của tất cả đống khổ vẫn có bằng cách như thế.

279.

Vô minh trợ cho hành, vô minh là nhân. Hành trợ cho thức, hành là nhân. Thức trợ cho danh, thức là nhân. Danh trợ cho lục nhập, danh là nhân. Lục nhập trợ xúc, lục nhập là nhân. Xúc trợ cho thọ, xúc là nhân. Thọ trợ cho ái, thọ là nhân. Ái trợ cho thủ, ái là nhân. Thủ trợ cho hữu, hữu trợ cho sanh, sanh trợ cho tử.

Sự phát sanh của tất cả khối khổ vẫn có bằng cách như thế.

280.

Vô minh trợ cho hành, vô minh là nhân. Hành trợ cho thức, hành là nhân. Thức trợ cho danh sắc, thức là nhân. Danh sắc trợ cho lục nhập, danh sắc là nhân. Lục nhập trợ xúc, lục nhập là nhân. Xúc trợ cho thọ, xúc là nhân. Thọ trợ cho ái, thọ là nhân. Ái trợ cho thủ, ái là nhân. Thủ trợ cho hữu, hữu trợ cho sanh, sanh trợ cho lão tử. Sự phát sanh của tất cả đống khổ vẫn có bằng cách như thế.

281.

Vô minh trợ cho hành, vô minh là nhân. Hành trợ cho thức, hành là nhân. Thức trợ cho danh sắc, thức là nhân. Danh sắc trợ cho lục nhập, danh sắc là nhân. Lục nhập trợ cho xúc, lục nhập là nhân. Xúc trợ cho thọ, xúc là nhân. Thọ trợ cho ái, thọ là nhân. Ái trợ cho thủ, ái là nhân. Thủ trợ cho hữu, hữu trợ cho sanh, sanh trợ cho lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ vẫn có bằng cách như thế.

Dứt Tứ phần nhân

Tứ phần tương ưng

282.

Vô minh trợ hành là vô minh tương ưng. Hành trợ thức là hành tương ưng. Thức trợ danh là thức tương ưng. Danh trợ lục nhập là danh tương ưng. Lục nhập trợ xúc là lục nhập tương ưng. Xúc trợ thọ là xúc tương ưng. Thọ trợ ái là thọ tương ưng. Ái trợ thủ là ái tương ưng. Thủ trợ hữu, hữu trợ sanh. Sanh trợ lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ vẫn có bằng cách như thế.

283.

Vô minh trợ hành là vô minh tương ưng. Hành trợ thức là hành tương ưng. Thức trợ danh là thức tương ưng. Danh trợ xúc là danh tương ưng. Xúc trợ thọ là xúc tương ưng. Thọ trợ ái là thọ tương ưng. Ái trợ thủ là ái tương ưng. Thủ trợ hữu, hữu trợ sanh. Sanh trợ lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ vẫn có ra bằng cách như thế.

284.

Vô minh trợ hành là vô minh tương ưng. Hành trợ thức là hành tương ưng. Thức trợ danh sắc là thức tương ưng với danh. Danh sắc trợ lục nhập là danh tương ưng. Lục nhập trợ xúc là lục nhập tương ưng. Xúc trợ thọ là xúc tương ưng. Thọ trợ ái là thọ tương ưng. Ái trợ thủ là ái tương ưng. Thủ trợ hữu, hữu trợ sanh, sanh trợ lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ vẫn có ra bằng cách như thế.

285.

Vô minh trợ hành là vô minh tương ưng. Hành trợ thức là hành tương ưng. Thức trợ danh sắc là thức tương ưng danh. Danh sắc trợ lục nhập là danh tương ưng. Lục nhập trợ xúc là lục nhập tương ưng. Xúc trợ thọ là xúc tương ưng. Thọ trợ ái là thọ tương

ưng. Ái trợ thủ là ái tương ưng. Thủ trợ hữu, hữu trợ sanh, sanh trợ lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ đó vẫn có bằng cách như thế.

Dứt Tứ phần tương ưng

3) Tứ phần tương tế

Phần vô minh căn

286.

Vô minh duyên hành, hành duyên vô minh. Hành duyên thức, thức duyên hành. Thức duyên danh, danh duyên thức. Danh duyên lục nhập, lục nhập duyên danh. Lục nhập duyên xúc, xúc duyên lục nhập. Xúc duyên thọ, thọ duyên xúc. Thọ duyên ái, ái duyên thọ. Ái duyên thủ, thủ duyên ái. Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ cách nầy vẫn có bằng cách như thế.

287.

Vô minh duyên hành, hành duyên vô minh. Hành duyên thức, thức duyên hành. Thức duyên danh, danh duyên thức. Danh duyên xúc, xúc duyên danh. Xúc duyên thọ, thọ duyên xúc. Thọ duyên ái, ái duyên thọ. Ái duyên thủ, thủ duyên ái. Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ cách nầy vẫn có bằng lối như thế.

288.

Vô minh duyên hành, hành duyên vô minh. Hành duyên thức, thức duyên hành. Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức. Danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên danh sắc. Lục nhập duyên xúc, xúc duyên lục nhập. Xúc duyên thọ, thọ duyên xúc. Thọ duyên ái, ái duyên thọ. Ái duyên thủ, thủ duyên ái. Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ đó vẫn có bằng cách như thế.

289.

Vô minh duyên hành, hành duyên vô minh. Hành duyên thức, thức duyên hành. Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức. Danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên danh sắc. Lục nhập duyên xúc, xúc duyên lục nhập. Xúc duyên thọ, thọ duyên xúc. Thọ duyên ái, ái duyên thọ. Ái duyên thủ, thủ duyên ái. Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ đó vẫn có bằng cách như thế.

Dứt Phần tương tế

Tám phần nhất là căn hành v.v…

290.

Hành duyên vô minh. Thức duyên vô minh. Danh duyên vô minh. Lục nhập duyên vô minh. Xúc duyên vô minh. Thọ duyên vô minh. Ái duyên vô minh. Thủ duyên vô minh. Vô minh duyên hành. Hành duyên thức. Thức duyên danh sắc. Danh sắc duyên lục nhập. Lục nhập duyên xúc. Xúc duyên thọ. Thọ duyên ái. Ái duyên thủ. Thủ duyên hữu. hữu duyên sanh. Sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của các đám khổ đó vẫn có bằng cách như thế.

Dứt Phần đầu đề

C. DUYÊN KHỞI PHÂN TÍCH PHẦN THEO DIỆU PHÁP

1) Bất thiện xiển minh

Mười hai tâm bất thiện

Tâm bất thiện thứ nhất
Tứ phần duyên khởi

291.

Chư pháp bất thiện *là chi?* Trong khi nào tâm bất thiện sanh ra đồng sanh hỷ thọ, tương ưng tà kiến, hoặc có sắc làm cảnh, hoặc có thinh làm cảnh, hoặc có khí làm cảnh, hoặc có vị làm cảnh, hoặc có xúc làm cảnh, hoặc có pháp làm cảnh; hay những chi mở mối sanh ra thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của các đống khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

292.

Trong những duyên khởi đó, mà ***vô minh*** *là chi?* Sự không biết, không thấy… vô minh như then chốt, si là căn bất thiện. Dù cách nào như thế gọi là vô minh.

293.

Hành do vô minh trợ *đó ra sao?* Sự tính, sự quyết tính, sự cố quyết. Như thế gọi là hành do vô minh trợ.

294.

Thức do hành trợ *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là thức do hành trợ.

295.

Danh do thức trợ *đó ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là danh do thức trợ.

296.

Lục nhập do danh trợ *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là lục nhập do danh trợ.

297.

Xúc do lục nhập trợ *đó ra sao?* Cách đụng, sự chạm, thái độ đụng chạm, trạng thái đụng chạm. Dù cách nào như thế gọi là xúc do lục nhập trợ.

298.

Thọ do xúc trợ *đó ra sao?* Sự vui lòng, cách thích tâm, sự hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc, thái độ cảnh vui thích sanh từ ý xúc. Dù cách nào như thế gọi là thọ do xúc trợ.

299.

Ái do thọ trợ *đó ra sao?* Sự vọng dục, cách rất vọng dục, sự lôi cuốn làm cho phải theo sự ưa thích, sự phơi phới, sự hớn hở, bằng cách vọng dục, sự móng của tâm. Dù ra sao như thế gọi là ái do thọ trợ.

300.

Thủ do ái trợ *đó ra sao?* Tà kiến, thiên kiến, tông phái là hầm sanh của sự điêu tàn, cách chấp theo biến chuyển; dù thế nào đây gọi là thủ do ái trợ.

301.

Hữu do thủ trợ *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn trừ ra thủ. Như thế gọi là hữu do thủ trợ.

302.

Sanh do hữu trợ *đó ra sao?* Sự sanh, sự quân sanh, sự phát sanh, sự biệt sanh, cách hiện bày của những pháp ấy. Dù như thế nào đây gọi là sanh do hữu trợ.

303.

Lão tử do sanh trợ *đó ra sao?*

- *Lão và tử, mà **lão** đó ra sao?* Sự già, cách già, sự giảm thọ của những pháp ấy. Dù cách nào như thế gọi là lão.
- ***Tử** trong khi có ra sao?* Sự mất đi, sự hư đi, cách tan rã, sự hư hoại, sự không bền, cách mất tiêu của những pháp ấy. Như thế gọi là tử.

Lão và tử vừa kể qua như thế gọi là lão tử do sanh trợ.

304.

Gọi rằng sự sanh ra của tất cả đống khổ vẫn có bằng cách như thế đó, tức là sự tập khứ, sự tập lai, sự hội hợp, cách hiện bày của những đống khổ đó. Do nhân ấy mới gọi là sự sanh ra của những đống khổ đó vẫn có bằng cách như thế.

305.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi ấy thì sự sanh ra của những đống khổ đó vẫn có bằng cách như thế.

306.

- *Trong những duyên khởi đó, mà **vô minh** ra sao?* Sự không biết, không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Dù cách nào như thế gọi là vô minh.
- ***Hành do vô minh trợ** đó ra sao?* Sự tính, cách quyết tính, sự cố tính, dù cách nào như thế gọi là vô minh duyên hành.
- ***Thức do hành trợ** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Dù cách nào như thế gọi là hành duyên thức.
- ***Danh do thức trợ** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là danh do thức trợ.
- *Câu nói: xúc do danh trợ, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ ra. Như thế gọi là danh.
- ***Xúc do danh trợ** đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Dù ra sao như thế gọi là xúc do danh trợ.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

307.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

308.

- *Trong những duyên khởi mà **vô minh** đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Dù ra sao như thế gọi là vô minh.
- ***Hành do vô minh trợ** đó ra sao?* Sự tính, cách tính, sự quyết tính, sự cố tính. Dù ra sao như thế gọi là vô minh duyên hành.
- ***Thức do hành trợ** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức.
- ***Danh sắc do thức trợ** đó ra sao?*
  - Danh và sắc, mà danh đó là chi? Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là danh.

- ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sự sanh của nhãn xứ, sự sanh của nhĩ xứ, sự sanh của tỷ xứ, sự sanh của thiệt xứ, sự sanh của thân xứ. Hay là những sắc nào khác đồng có như là sắc mà sanh ra do tâm, có tâm làm nhân sanh, có tâm làm sở sanh. Như thế gọi là sắc.

Danh và sắc như đã kể, gọi là thức duyên danh sắc.

∗ *Câu nói lục nhập trợ danh sắc, mà **danh sắc** đó ra sao?*
- *Danh và sắc, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là danh.
- ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sắc nào nương theo ý thức giới. Như thế gọi là sắc.

Danh và sắc như đã kể gọi là danh sắc *(nāmarūpa)*.

∗ ***Lục nhập trợ danh sắc** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là danh sắc duyên lục nhập.

∗ ***Xúc do lục nhập trợ** đó ra sao?* Cách đụng, sự đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Dù cách nào như thế gọi là lục nhập duyên xúc.

Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh của những đống khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

309.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thời những đống khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

310.

∗ *Trong những duyên khởi đó mà **vô minh** là chi?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như chốt gài, si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.

∗ ***Hành do vô minh trợ** trong khi có ra sao?* Sự tính, cách quyết tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là vô minh duyên hành.

∗ ***Thức do hành trợ** trong khi có ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức.

∗ ***Danh sắc do thức trợ** đó ra sao?*
- *Danh và sắc, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là danh.
- ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sự sanh ra của nhãn xứ… sự sanh ra của thân xứ. Hay là những sắc nào khác đồng có như là sắc mà sanh từ nơi tâm, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh. Như thế gọi là sắc.

  Danh và sắc như đã nói. Gọi là thức duyên danh sắc.

∗ *Câu nói lục nhập do danh sắc trợ, mà **danh sắc** đó ra sao?*
- *Danh và sắc, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Như thế gọi là danh.
- ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sắc tứ đại sung và sắc nào nương theo ý thức giới. Như thế gọi là sắc.

Danh và sắc như đã kể, gọi là danh sắc.

* ***Lục nhập do danh sắc trợ*** *đó ra sao?* Nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập. Như thế gọi là danh sắc duyên lục nhập.

* ***Xúc do lục nhập trợ*** *đó ra sao?* Cách đụng, sự đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Dù cách nào như thế gọi là lục nhập duyên xúc.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

Dứt Tứ phần duyên khởi

Tứ phần nhân

311.

* Vô minh duyên hành thì vô minh là nhân,
* Hành duyên thức thì hành là nhân,
* Thức duyên danh thì thức là nhân,
* Danh duyên lục nhập thì danh là nhân,
* Lục nhập duyên xúc thì lục nhập là nhân,
* Xúc duyên thọ thì xúc là nhân,
* Thọ duyên ái thì thọ là nhân,
* Ái duyên thủ thì ái là nhân,
* Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử trong khi nào thì sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

312.

* *Trong những duyên khởi đó mà* ***vô minh*** *ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt. Si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.

* *Hành do vô minh trợ thì* ***vô minh là nhân*** *đó ra sao?* Sự tính, cách tính, sự cố quyết, thái độ cố quyết; như thế gọi là vô minh duyên hành thì vô minh là nhân.

* *Thức do hành trợ thì* ***hành là nhân*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức thì thức là nhân.

* *Danh do thức trợ thì* ***thức là nhân*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Như thế gọi là thức duyên danh thì thức là nhân.

* *Lục nhập do danh trợ, thì* ***danh là nhân*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là danh duyên lục nhập thì danh là nhân.

* *Xúc do lục nhập trợ, thì* ***lục nhập là nhân*** *đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Như thế gọi là lục nhập duyên xúc thì lục nhập là nhân.

* *Thọ do xúc trợ, thì* ***xúc là nhân*** *đó ra sao?* Sự vui lòng, sự thích ý, cách hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ thì xúc là nhân.

* *Ái do thọ trợ, thì* ***thọ là nhân*** *đó ra sao?* Sự dục vọng, cách rất dục vọng… sự quá mong mỏi của tâm. Như thế gọi là thọ duyên ái thì thọ là nhân.

* *Ái duyên thủ, thì* ***ái là nhân*** *đó ra sao?* Tà kiến, thiên kiến, hoang vu kiến, ký khu kiến, thù nghịch kiến, biến hóa kiến, kiến thức như triền, chấp trước, nghịch kiến, kiến hoặc, khinh thị, lộ đồ sai, tà đạo, sự sai căn nguyên tà giáo, chấp ngược. Dù ra sao như thế gọi là ái duyên thủ thì ái là nhân.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

313.

* Vô minh duyên hành thì vô minh là nhân.
* Hành duyên thức thì hành là nhân.
* Thức duyên danh thì thức là nhân.
* Danh duyên xúc thì danh là nhân.
* Xúc duyên thọ thì xúc là nhân.
* Thọ duyên ái thì thọ là nhân.
* Ái duyên thủ thì ái là nhân.
* Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

314.

* ***Vô minh*** *trong khi có ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt. Si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.
* *Hành do vô minh trợ, thì vô* ***minh là nhân*** *đó ra sao?* Sự tính, sự quyết tính, thái độ cố quyết, dù cách nào như thế đều gọi là hành do vô minh trợ thì vô minh là nhân.
* *Thức do hành trợ thì* ***hành là nhân*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức thì hành là nhân.
* *Danh do thức trợ, thì* ***thức là nhân*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Như thế gọi là thức duyên danh thì thức là nhân.
* *Còn nói xúc do danh trợ thì danh là nhân, mà* ***danh*** *ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ ra xúc. Như thế gọi là danh
* *Xúc do danh trợ, thì* ***danh là nhân*** *đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Như thế gọi là danh duyên xúc thì danh là nhân.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

315.

* Vô minh duyên hành thì vô minh là nhân.
* Hành duyên thức thì hành là nhân.
* Thức duyên danh sắc thì thức là nhân.
* Danh sắc duyên lục nhập thì danh sắc là nhân.
* Lục nhập duyên xúc thì lục nhập là nhân.
* Xúc duyên thọ thì xúc là nhân.
* Thọ duyên ái thì thọ là nhân.
* Ái duyên thủ thì ái là nhân.
* Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

316.

* *Trong những duyên khởi đó, mà* ***vô minh*** *ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.
* *Hành do vô minh trợ, thì* ***vô minh là nhân*** *đó ra sao?* Sự tính, cố tính, sự cố quyết, dù cách nào như thế gọi là vô minh duyên hành thì vô minh là nhân.
* *Thức do hành trợ, thì* ***hành là nhân*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức thì thức là nhân.
* *Danh sắc do thức trợ, thì* ***thức là nhân*** *đó ra sao?*

- *Danh và sắc, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Như thế gọi là danh.
- ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sự sanh của nhãn nhập… sự sanh của thân nhập. Hay là những sắc nào khác đồng có như là sắc sanh do tâm, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh. Như thế gọi là sắc.

Danh và sắc như đã nói. Gọi là thức duyên danh sắc thì thức là nhân.

∗ *Câu nói lục nhập do danh sắc trợ, thì **danh sắc là nhân** đó ra sao?*
- *Danh và sắc, mà **danh** trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là danh.
- ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sắc nào mà hiện hành nương ý thức giới. Như thế gọi là sắc.

Danh và sắc như đã nói đó, như thế gọi là danh sắc.

∗ *Lục nhập do danh sắc trợ, thì **danh sắc là nhân** ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là danh sắc duyên lục nhập thì danh sắc là nhân.

∗ *Xúc do lục nhập trợ, thì **lục nhập là nhân** đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Như thế gọi là lục nhập duyên xúc thì lục nhập là nhân.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

317.

∗ Vô minh duyên hành thì vô minh là nhân.
∗ Hành duyên thức thì hành là nhân.
∗ Thức duyên danh sắc thì thức là nhân.
∗ Danh sắc duyên lục nhập thì danh sắc là nhân.
∗ Lục nhập duyên xúc thì lục nhập là nhân.
∗ Xúc duyên thọ thì xúc là nhân.
∗ Thọ duyên ái thì thọ là nhân.
∗ Ái duyên thủ thì ái là nhân.
∗ Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

318.

∗ *Trong những duyên khởi ấy, mà **vô minh** là chi?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.

∗ *Hành do vô minh trợ, thì **vô minh là nhân** đó ra sao?* Sự tính, cách tính, thái độ cố quyết. Dù cách nào như thế đều gọi là vô minh duyên hành thì vô minh là nhân.

∗ *Thức do hành trợ, thì **hành là nhân** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức thì hành là nhân.

∗ *Danh sắc do thức trợ, thì **thức là nhân** đó ra sao?*
- *Danh và sắc, mà **danh** trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Như thế gọi là danh.
- ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sự sanh ra của nhãn xứ… sự sanh ra của thân xứ. Hay là những sắc nào khác đồng có như là sắc sanh do tâm, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh. Đây gọi là sắc.

Danh và sắc như đã nói đó, thế gọi là thức duyên danh sắc thì thức là nhân.

* *Câu nói lục nhập do danh sắc trợ, thì **danh sắc là nhân** đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà **danh** trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là danh.
  - ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sắc tứ đại sung và sắc hiện hành nương ý thức giới. Như thế gọi là sắc.

    Danh và sắc như đã nói. Đây gọi là danh sắc.
* *Lục nhập do danh sắc trợ, thì **danh sắc là nhân** đó ra sao?* Như là nhãn xứ… ý xứ. Đây gọi là danh sắc duyên lục nhập thì danh sắc là nhân.
* *Xúc do lục nhập trợ, thì **lục nhập là nhân** đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm, dù cách nào như thế gọi là lục nhập duyên xúc thì lục nhập là nhân.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Dứt Tứ phần nhân

Tứ phần tương ưng

319.

* Vô minh duyên hành là vô minh tương ưng.
* Hành duyên thức là hành tương ưng.
* Thức duyên danh sắc là thức tương ưng.
* Danh sắc duyên lục nhập là danh sắc tương ưng.
* Lục nhập duyên xúc là lục nhập tương ưng.
* Xúc duyên thọ là xúc tương ưng.
* Thọ duyên ái là thọ tương ưng.
* Ái duyên thủ là ái tương ưng.
* Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Trong khi đó sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

320.

* ***Trong những duyên khởi**, mà **vô minh** đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.
* *Hành do vô minh trợ là **vô minh tương ưng** ra sao?* Sự tính, cách cố tính, thái độ cố quyết. Dù cách nào như thế gọi là vô minh duyên hành là vô minh tương ưng.
* *Thức do hành trợ là **hành tương ưng** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức là hành tương ưng.
* *Danh sắc do thức trợ là **thức tương ưng** ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là thức duyên danh sắc là thức tương ưng.
* *Lục nhập do danh trợ là **danh tương ưng** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là danh duyên lục nhập là danh tương ưng.
* *Xúc do lục nhập trợ là **lục nhập tương ưng** đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Thế gọi là lục nhập duyên xúc là lục nhập tương ưng.

* *Thọ do xúc trợ là **xúc tương ưng** đó ra sao?* Sự vui lòng, cách tâm an vui, sự hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ là xúc tương ưng.
* *Ái do thọ trợ là **thọ tương ưng** đó ra sao?* Sự vọng dục, sự rất mong mỏi… sự vọng dục của tâm; thế gọi là thọ duyên ái là thọ tương ưng.
* *Thủ do ái trợ là **ái tương ưng** đó ra sao?* Tà kiến, thiên kiến… nơi nguồn phát sanh của sự điêu tàn, cách chấp theo dị đoan. Như thế gọi là ái duyên thủ là ái tương ưng.

Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh của những khối khổ đó vẫn có bằng cách như thế.

321.

* Vô minh duyên hành là vô minh tương ưng.
* Hành duyên thức là hành tương ưng.
* Thức duyên danh là thức tương ưng.
* Danh duyên xúc là danh tương ưng.
* Xúc duyên thọ là xúc tương ưng.
* Thọ duyên ái là thọ tương ưng.
* Ái duyên thủ là ái tương ưng.
* Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Trong khi đó thì sự phát sanh của những khối khổ vẫn có bằng cách như thế.

322.

* *Trong những duyên khởi mà **vô minh** đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Thế gọi là vô minh.
* *Hành do vô minh trợ là **vô minh tương ưng** đó ra sao?* Sự tính, cách quyết tính, thái độ cố quyết tính; Thế gọi là vô minh duyên hành là vô minh tương ưng.
* *Thức do hành trợ là **hành tương ưng** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức là hành tương ưng.
* *Danh do thức trợ là **thức tương ưng** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là thức duyên danh là thức tương ưng.
* *Câu nói xúc do danh trợ là **danh tương ưng** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ ra xúc. Như thế gọi là danh.
* *Xúc do danh trợ là **danh tương ưng** đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Dù cách nào như thế gọi là danh duyên xúc là danh tương ưng.

Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh của những đống khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

323.

* Vô minh duyên hành là vô minh tương ưng.
* Hành duyên thức là hành tương ưng.
* Thức duyên danh sắc là thức tương ưng danh.
* Danh sắc duyên lục nhập là danh tương ưng.
* Lục nhập duyên xúc là lục nhập tương ưng.
* Xúc duyên thọ là xúc tương ưng.
* Thọ duyên ái là thọ tương ưng.
* Ái duyên thủ là ái tương ưng.

* Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Trong khi đó thì sự phát sanh của những khối khổ vẫn có ra bằng cách như thế.

324.

* *Trong những duyên khởi mà **vô minh** đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.
* *Hành do vô minh trợ là **vô minh tương ưng** đó ra sao?* Sự tính, cách tính, thái độ cố quyết tính, dù cách nào như thế gọi là vô minh duyên hành là vô minh tương ưng.
* *Thức do hành trợ là **hành tương ưng** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức là hành tương ưng.
* *Danh sắc do thức trợ là **thức tương ưng danh** đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là danh.
  - ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sự phát sanh của nhãn xứ… sự phát sanh của thân xứ. Hay là những sắc nào đồng có như là sắc do tâm sanh, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh. Thế gọi là sắc.

  Danh và sắc đã nói, gọi là thức duyên danh sắc là thức tương ưng danh.
* *Câu nói lục nhập do danh sắc trợ là danh tương ưng, mà **danh sắc** đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Như thế gọi là danh.
  - ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sắc nào hành động nương ý thức giới. Như thế gọi là sắc.

  Danh và sắc như đã nói, gọi là danh sắc.
* *Lục nhập do danh sắc trợ là **danh tương ưng** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Thế gọi là danh sắc duyên lục nhập là danh tương ưng.
* *Xúc do lục nhập trợ là **lục nhập tương ưng** đó ra sao?* Cách đụng, sự đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Như thế gọi là lục nhập duyên xúc là lục nhập tương ưng.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

325.

* Vô minh duyên hành là vô minh tương ưng.
* Hành duyên thức là hành tương ưng.
* Thức duyên danh sắc là thức tương ưng danh.
* Danh sắc duyên lục nhập là danh tương ưng.
* Lục nhập duyên xúc là lục nhập tương ưng.
* Xúc duyên thọ là xúc tương ưng.
* Thọ duyên ái là thọ tương ưng.
* Ái duyên thủ là ái tương ưng.
* Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

326.

* *Trong những duyên khởi ấy mà **vô minh** đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Thế gọi là vô minh.

* *Hành do vô minh trợ là **vô minh tương ưng** đó ra sao?* Sự tính, cách quyết tính, thái độ cố quyết tính. Dù cách nào như thế gọi là vô minh duyên hành là vô minh tương ưng.
* *Thức do hành trợ là **hành tương ưng** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức là hành tương ưng.
* *Danh sắc do thức trợ là **thức tương ưng** đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là danh.
  - ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sự sanh ra của nhãn xứ… sự sanh ra của thân xứ hay những sắc nào khác vẫn có như là sắc do tâm sanh, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh. Như thế gọi là sắc.

  Danh và sắc đã nói gọi là thức duyên danh sắc là thức tương ưng danh.
* *Câu nói lục nhập do danh sắc trợ là **danh tương ưng** đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là danh.
  - ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sắc tứ đại sung và sắc nào hành vi nương ý thức giới. Thế gọi là sắc.

  Danh và sắc như đã nói, gọi là danh sắc.
* *Lục nhập do danh sắc trợ là **danh tương ưng** đó ra sao?* Nhãn xứ… ý xứ. Thế gọi là danh sắc duyên lục nhập là danh tương ưng.
* *Xúc sanh ra do lục nhập trợ là **lục nhập tương ưng** ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Dù cách nào như thế đều gọi là lục nhập duyên xúc là lục nhập tương ưng.

  Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Dứt Tứ phần tương ưng

Tứ phần tương tế

327.

* Vô minh duyên hành, hành duyên vô minh.
* Hành duyên thức, thức duyên hành.
* Thức duyên danh, danh duyên thức.
* Danh duyên lục nhập, lục nhập duyên danh.
* Lục nhập duyên xúc, xúc duyên lục nhập.
* Xúc duyên thọ, thọ duyên xúc.
* Thọ duyên ái, ái duyên thọ.
* Ái duyên thủ, thủ duyên ái.
* Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

328.

* *Trong những duyên khởi mà **vô minh** đó ra sao?* Sự không biết, không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.

329.

* ***Hành do vô minh trợ*** *đó ra sao?* Sự tính, cách quyết tính, thái độ cố quyết; dù cách nào như thế gọi là vô minh duyên hành.

* ***Hành sanh ra do vô minh trợ*** *đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là hành duyên vô minh.

330.

* ***Thức sanh ra do hành làm duyên*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức.

* ***Hành sanh ra do thức trợ*** *đó ra sao?* Sự tính, cách quyết tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là thức duyên hành.

331.

* ***Danh sanh ra do thức trợ*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là thức duyên danh.

* ***Thức sanh ra do danh trợ*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là danh duyên thức.

332.

* ***Lục nhập sanh ra do danh trợ*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là danh duyên lục nhập.

* ***Danh sanh ra do lục nhập trợ*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Đây gọi là lục nhập duyên danh.

333.

* ***Xúc sanh ra do lục nhập trợ*** *đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm; dù cách nào như thế đều gọi là lục nhập duyên xúc.

* ***Lục nhập sanh ra do xúc trợ*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là xúc duyên lục nhập.

334.

* ***Thọ sanh ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sự vui lòng, sự thích ý, cách hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.

* ***Xúc sanh ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Như thế gọi là thọ duyên xúc.

335.

* ***Ái sanh ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Sự dục vọng, cách đa dục vọng, sự móng tưởng của tâm. Như thế gọi là thọ duyên ái.

* ***Thọ sanh ra do ái làm duyên*** *đó ra sao?* Sự vui lòng, cách thích ý, sự hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc. Như thế gọi là ái duyên thọ.

336.

* ***Thủ sanh ra do ái làm duyên*** *đó ra sao?* Tà kiến, thiên kiến… nguồn gốc phát sanh các sự điêu tàn, cách chấp trước bằng cách dị đoan. Như thế gọi là ái duyên thủ.

* ***Ái sanh ra do thủ làm duyên*** *đó ra sao?* Sự dục vọng, cách đa dục vọng… cách móng tưởng của tâm. Như thế gọi là thủ duyên ái.

337.

Hữu sanh ra do thủ làm duyên *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ thủ. Thế gọi là thủ duyên hữu.

338.

Sanh có ra do hữu làm duyên *đó ra sao?* Sự phát sanh ra, cách sanh đầy đủ, thái độ sanh ra, sự sanh trọn phần, sự hiện bày của những pháp ấy. Thế gọi là hữu duyên sanh.

339.

Lão tử có ra do sanh làm duyên *đó ra sao?*

- *Lão và tử, mà* ***lão*** *là chi?* Sự già cả, cách cũ kỹ, sự giảm thọ của những pháp ấy. Như thế gọi là lão.
- ***Tử*** *trong khi có ra sao?* Sự đang mất, sự đang hoại, cách đang hư, thái độ tiêu tán, mất luôn đi, không trường tồn của những pháp ấy. Như thế gọi là tử.

Lão và tử như đã nói, thế gọi là sanh duyên lão tử.

340.

Nói rằng sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế đó, tức là sự chung hiệp khứ lai, cách hiệp hội, lối hiện bày của những đống khổ ấy vẫn có bằng cách như thế. Bởi nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

341.

* Vô minh duyên hành, hành duyên vô minh.
* Hành duyên thức, thức duyên hành.
* Thức duyên danh, danh duyên thức.
* Danh duyên xúc, xúc duyên danh.
* Xúc duyên thọ, thọ duyên xúc.
* Thọ duyên ái, ái duyên thọ.
* Ái duyên thủ, thủ duyên ái.
* Hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

342.

* ***Trong những duyên khởi đó****, mà* ***vô minh*** *ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Thế gọi là vô minh.
* ***Hành sanh ra do vô minh trợ*** *đó ra sao?* Sự cố quyết, cách cố quyết, sự cố tính. Như thế gọi là vô minh duyên hành.
* ***Vô minh sanh ra do hành trợ*** *đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là hành duyên vô minh.
* ***Thức sanh ra do hành trợ*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức.
* ***Hành sanh ra do thức trợ*** *đó ra sao?* Sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là thức duyên hành.
* ***Danh sanh ra do thức trợ*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là thức duyên danh.
* ***Thức sanh ra do danh trợ*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là danh duyên thức.

* ***Câu nói xúc có ra do danh**, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ ra xúc. Thế gọi là danh.

* ***Xúc sanh ra do danh trợ** đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm; dù cách nào như thế gọi là danh duyên xúc.

* ***Danh có ra do xúc trợ** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Thế gọi là xúc duyên danh.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

343.

* Vô minh duyên hành, hành duyên vô minh.
* Hành duyên thức, thức duyên hành.
* Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức.
* Danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên danh sắc.
* Lục nhập duyên xúc, xúc duyên lục nhập.
* Xúc duyên thọ, thọ duyên xúc.
* Thọ duyên ái, ái duyên thọ.
* Ái duyên thủ, thủ duyên ái.
* Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Trong khi đó thì sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

344.

* ***Trong những duyên khởi đó** mà **vô minh** là chi?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.

* ***Hành có ra do vô minh trợ** đó ra sao?* Sự cố quyết, cách cố quyết, thái độ cố tính. Đây gọi là vô minh duyên hành.

* ***Vô minh sanh ra do hành trợ** đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là hành duyên vô minh.

* ***Thức sanh ra do hành trợ** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức.

* ***Hành sanh ra do thức trợ** đó ra sao?* Sự cố quyết, cách quyết tính, thái độ cố quyết. Thế gọi là thức duyên hành.

* ***Danh sắc có ra do thức trợ** đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là danh.
  - ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sự sanh ra của nhãn xứ… sự sanh ra của thân xứ hay những sắc nào khác đồng có như là sắc do tâm sanh, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh. Như thế gọi là sắc.

  Danh và sắc đã nói. Thế gọi là thức duyên danh sắc.

* *Câu nói danh sắc duyên thức mà **danh sắc** đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là danh.
  - ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sắc nào hành động nương ý thức giới. Thế gọi là sắc.

  Danh và sắc như đã nói, gọi là danh sắc.

* ***Thức sanh ra do danh sắc trợ*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là danh sắc duyên thức.
* *Câu nói danh sắc duyên lục nhập mà* ***danh sắc*** *đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà* ***danh*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là danh.
  - ***Sắc*** *trong khi có ra sao?* Sắc nào hành vi nương ý thức giới. Như thế gọi là sắc.

  Danh và sắc đã nói đó, như thế gọi là danh sắc.
* ***Lục nhập có ra do danh sắc trợ*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Thế gọi là danh sắc duyên lục nhập.
* ***Danh sắc có ra do lục nhập trợ*** *đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà* ***danh*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Thế gọi là danh.
  - ***Sắc*** *đó ra sao?* Sự sanh ra của nhãn xứ… sự sanh ra của thân xứ hay những sắc nào đồng có như là sắc sanh do tâm, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh. Như thế gọi là sắc.

  Danh và sắc đã nói đó, như thế gọi là lục nhập duyên danh sắc.
* ***Xúc sanh ra do lục nhập trợ*** *đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Như thế gọi là lục nhập duyên xúc.
* ***Lục nhập có ra do xúc làm duyên trợ*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Thế gọi là xúc duyên lục nhập.

Bởi nhân ấy mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

345.

* Vô minh duyên hành, hành duyên vô minh.
* Hành duyên thức, thức duyên hành.
* Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức.
* Danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên danh sắc.
* Lục nhập duyên xúc, xúc duyên lục nhập.
* Xúc duyên thọ, thọ duyên xúc.
* Thọ duyên ái, ái duyên thọ.
* Ái duyên thủ, thủ duyên ái.
* Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

346.

* ***Trong những duyên khởi*** *mà* ***vô minh*** *đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như then chốt, si là căn bất thiện. Dù cách nào như thế gọi là vô minh.
* ***Hành có ra do vô minh trợ*** *đó ra sao?* Sự cố quyết, cách tính quyết, thái độ cố quyết. Dù cách nào như thế gọi là vô minh duyên hành.
* ***Vô minh sanh ra do hành trợ*** *đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt gài, si là căn bất thiện. Thế gọi là hành duyên vô minh.
* ***Thức có ra do hành trợ*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Thế gọi là hành duyên thức.

* ***Hành có ra do thức làm duyên*** *đó ra sao?* Như là sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết. Thế gọi là thức duyên hành.

* ***Danh sắc có ra do thức làm duyên*** *đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà* ***danh*** *đó là chi?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là danh.
  - ***Sắc*** *đó ra sao?* Sự sanh ra của nhãn xứ… sự sanh ra của thân xứ hay những sắc nào khác đồng có như là sắc sanh do tâm, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh. Thế gọi là sắc.

* *Câu nói* ***thức có ra do danh sắc*** *mà* ***danh sắc*** *đó là chi?*
  - *Phần danh và phần sắc, mà* ***danh*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là danh.
  - ***Sắc*** *đó ra sao?* Sắc nào là hành vi nương ý thức giới. Thế gọi là sắc.

  Danh và sắc như đã nói gọi là danh sắc.

* ***Thức sanh ra do danh sắc làm duyên*** *đó ra sao?*
  Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Dù cách nào thế gọi là danh sắc duyên thức.

* *Câu nói* ***danh sắc duyên lục nhập*** *mà* ***danh sắc*** *đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà* ***danh*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là danh.
  - ***Sắc*** *đó ra sao?* Sắc tứ đại sung và những sắc nào hành vi nương ý thức giới. Như thế gọi là sắc.

  Danh và sắc như đã nói gọi là danh sắc.

* ***Lục nhập do danh sắc làm duyên*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… ý xứ. Thế gọi là danh sắc duyên lục nhập.

* ***Danh sắc có ra do lục nhập làm duyên*** *đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà* ***danh*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Thế gọi là danh.
  - ***Sắc*** *trong khi có ra sao?* Sự sanh ra của nhãn xứ… sự sanh ra của thân xứ hay những sắc nào khác đồng có như là sắc sanh ra do tâm, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh. Thế gọi là sắc.

    Danh và sắc đã nói đó, thế gọi là lục nhập duyên danh sắc.

* ***Xúc có ra do lục nhập làm duyên*** *đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Dù cách nào như thế gọi là lục nhập duyên xúc.

* ***Lục nhập có ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… ý xứ. Như thế gọi là xúc duyên lục nhập.

Bởi nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

Dứt Tứ phần tương tế

Tâm bất thiện thứ hai, ba và bốn

347.

***Chư pháp bất thiện** đó ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh hỷ thọ, tương ưng tà kiến hữu dẫn, đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng tà kiến… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng tà kiến hữu dẫn; hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thắng giải *(adhimokkha),* thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

348.

* ***Trong những duyên khởi** đó mà **vô minh** ra sao?* Sự không biết, cách không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Thế gọi là vô minh.
* ***Hành sanh ra do vô minh làm duyên** đó ra sao?* Sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết. Dù cách nào như thế gọi là vô minh duyên hành.
* ***Thắng giải sanh ra do ái làm duyên** đó ra sao?* Cách quyết đoán của tâm, cách đoán quyết, thái độ đoán quyết cảnh. Dù cách nào như thế đều gọi là ái duyên thắng giải.
* ***Hữu có ra do thắng giải** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ thắng giải. Như thế gọi là thắng giải duyên hữu…
  Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

Tâm bất thiện thứ năm

349.

***Chư pháp bất thiện** ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh xả thọ, tương ưng tà kiến; hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của những khối khổ đó vẫn có ra bằng cách như thế.

350.

* ***Trong những duyên khởi** đó, mà **vô minh** ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Dù cách nào như thế gọi là vô minh…
* ***Thọ sanh ra do xúc làm duyên** đó ra sao?* Sở hữu hưởng phi khổ phi lạc, phi ưu, phi hỷ sanh từ ý xúc, hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ. Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm bất thiện thứ sáu, bảy và tám

351.

***Chư pháp bất thiện** ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh xả thọ, tương ưng tà kiến, hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng tà kiến… đồng sanh xả thọ bất tương ưng tà kiến hữu dẫn. Hoặc có sắc làm cảnh… hay có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm bất thiện thứ chín và mười

352.

Chư pháp bất thiện trong khi có ra sao? Tâm bất thiện đồng sanh ưu thọ, tương ưng phẫn nhuế ... đồng sanh ưu thọ tương ưng phẫn nhuế hữu dẫn. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh; hay là những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên phẫn *(paṭigha),* phẫn duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của những đống khổ vẫn có ra bằng cách như thế.

353.

* ***Trong những duyên khởi*** *mà* ***vô minh*** *đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.
* ***Thọ sanh ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sở hữu tâm phi hỷ, sở hữu tâm khổ, hưởng khổ, phi hỷ sanh từ ý xúc, cách hứng chịu những khổ, những phi hỷ sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.
* ***Phẫn nhuế phát sanh do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Sự thù hiềm, cách oán hận của tâm… sự hung hăng, miệng ác độc, những cách trái ngược vui vẻ của tâm. Dù cách nào như thế gọi là thọ duyên phẫn nhuế.
* ***Thắng giải sanh ra do phẫn nhuế làm duyên*** *đó ra sao?* Sự phán đoán, cách giải quyết, thái độ quyết phân cảnh đặng của tâm. Như thế gọi là phẫn nhuế duyên thắng giải.
* ***Hữu phát sanh do thắng giải làm duyên*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ ra thắng giải. Như thế gọi là thắng giải duyên hữu.

  Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh của những khối khổ vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm bất thiện thứ mười một

354.

Chư pháp bất thiện trong khi có ra sao? Tâm bất thiện đồng sanh xả thọ, tương ưng hoài nghi. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên hoài nghi, hoài nghi duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ vẫn có bằng cách như thế.

355.

* ***Trong những duyên khởi*** *đó mà* ***vô minh*** *ra sao?* Sự bất tri, sự bất kiến… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.
* ***Thọ sanh ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sở hữu tâm phi hỷ phi phi hỷ, sự hưởng phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Dù cách nào như thế gọi là xúc duyên thọ.

* ***Hoài nghi sanh ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Cách nghi ngờ, sự nghi hoặc, thái độ nghi nan, sự xét thấy lạ lùng khác biệt, sự quyết đoán cảnh không đặng, sự nhận thấy thành hai khía cạnh, sự nhận thấy như đường rẽ hai, cách nghi ngờ, sự không quyết một, sự tính vớ vẩn, suy xét vu vơ, sự không thể dứt khoát, sự sần sượng của tâm, ý do dự. Dù cách nào như thế gọi là thọ duyên hoài nghi.

* ***Hữu sanh ra do hoài nghi làm duyên*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn mà trừ hoài nghi. Như thế gọi là hoài nghi duyên hữu.

Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm bất thiện thứ mười hai

356.

Chư pháp bất thiện *trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh xả thọ, tương ưng phóng dật. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh; hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên phóng dật, phóng dật duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

357.

* ***Trong những duyên khởi*** *đó mà* ***vô minh*** *ra sao?* Sự bất tri, bất kiến… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Dù cách nào như thế gọi là vô minh.

* ***Thọ sanh ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sở hữu tâm phi hỷ phi phi hỷ, sự hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.

* ***Phóng dật sanh ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Sự tán loạn của tâm, sự không vắng lặng của tâm, sự lao chao của tâm, sự sôi nổi của tâm. Như thế gọi là thọ duyên phóng dật.

* ***Thắng giải sanh ra do phóng dật làm duyên*** *đó ra sao?* Sự quyết đoán, cách quyết đoán, thái độ quyết đoán cảnh của tâm. Dù cách nào như thế gọi là phóng dật duyên thắng giải.

* ***Hữu sanh ra do thắng giải làm duyên*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ ra thắng giải. Như thế gọi là thắng giải duyên hữu…

Do nhân ấy mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ đó vẫn có ra bằng cách như thế.

Dứt Bất thiện xiển minh

2) Thiện xiển minh

a) Tám tâm thiện dục giới

Tâm thiện dục giới thứ nhất

358.

Chư pháp thiện *là chi?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí; hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thì thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập,

lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh *(pasāda),* thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

359.

* ***Trong những duyên khởi*** *đó mà* ***thiện căn*** *ra sao?*
  - *Vô tham, vô sân và vô si, mà* ***vô tham*** *ra sao?* Cách không tham, sự không tham, thái độ không tham, sự không dục vọng, cách không dục vọng, thái độ không dục vọng, sự không chú ý lấy của cải tài vật người khác, vô tham là căn thiện. Như thế gọi là vô tham.
  - ***Vô sân*** *trong khi có ra sao?* Vô sân, vô hại, vô sân độc, không tính sân độc (ác), không tính ép uổng, vô sân là căn thiện. Như thế gọi là vô sân.
  - ***Vô si*** *trong khi có ra sao?* Trí tuệ, thái độ hiểu rõ… sự không mê mờ, cách trạch pháp, chánh kiến. Như thế gọi là vô si.

    Những chơn tướng nầy gọi là căn thiện.
* ***Hành sanh ra do căn thiện làm duyên*** *đó ra sao?* Sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết, dù cách nào như thế gọi là thiện căn duyên hành.
* ***Thọ sanh ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sở hữu tâm hỷ, sở hữu tâm vui, sự hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc. Dù cách nào như thế gọi là xúc duyên thọ.
* ***Thanh có ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Đức tin, sự tín ngưỡng, thái độ quyết tin, sự rất tin tưởng. Dù cách nào như thế gọi là thọ duyên thanh (trong sạch).
* ***Thắng giải sanh ra do thanh làm duyên*** *đó ra sao?* Sự quyết đoán của tâm, thái độ quyết đoán của tâm, sự đoán quyết cảnh của tâm. Dù cách nào như thế gọi là thanh duyên thắng giải.
* ***Hữu sanh ra do thắng giải làm duyên*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn trừ thắng giải. Như thế gọi là thắng giải duyên hữu.

  Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm thiện dục giới thứ hai, ba và bốn

360.

* ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào thì thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

361.

* ***Căn thiện*** *đó ra sao?*
  - *Vô tham và vô sân, mà* ***vô tham*** *đó ra sao?* Cách không ham, sự không muốn, thái độ không tham lam, không nặng dục vọng, sự không nặng dục vọng, thái độ không nặng dục vọng, cách không chú ý sẽ lấy tiền, của cải người khác, vô tham là căn thiện. Dù cách nào như thế gọi là vô tham.

- ***Vô sân** trong khi có ra sao?* Sự không giận dỗi, không tính hại, thái độ không độc hại, không sân độc, thái độ không sân độc, vô sân là căn thiện. Như thế gọi là vô sân.

Những trạng thái pháp như thế gọi là căn thiện.

* ***Hành có ra do căn thiện làm duyên** đó ra sao?* Sự cố quyết, cách tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là thiện căn duyên hành.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm thiện dục giới thứ năm và sáu

362.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh xả thọ, tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh; hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thì thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

363.

* ***Căn thiện** trong khi có ra sao?* Vô tham, vô sân, vô si… Những chơn tướng nầy gọi là căn thiện *(kusalamūla)*.

* ***Hành sanh ra do căn thiện làm duyên** ra sao?* Sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết. Dù thế nào như thế gọi là thiện căn duyên hành.

* ***Thọ sanh ra do xúc làm duyên** đó ra sao?* Sở hữu tâm phi hỷ phi phi hỷ, hưởng phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.

Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm thiện dục giới thứ bảy và tám

364.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh xả thọ, bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh; hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thì thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

365.

* ***Căn thiện** đó ra sao?* Vô tham và vô sân. Những chơn tướng nầy gọi là căn thiện.

* ***Hành sanh ra do thiện căn làm duyên** đó ra sao?* Sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết. Thế gọi là thiện căn duyên hành…

Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

b) Tâm thiện sắc giới

366.

***Chư pháp thiện** ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định có đề mục đất trong khi đó thì thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

367.

* ***Căn thiện** trong khi có ra sao?* Vô tham, vô sân và vô si… Những chơn tướng nầy gọi là căn thiện *(kusalamūla).*

* ***Hành sanh ra do thiện căn làm duyên** đó ra sao?* Sự cố quyết, cách quyết tính, thái độ cố quyết. Dù cách nào như thế gọi là thiện căn duyên hành.

  Bởi nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

c) Tâm thiện vô sắc giới

368.

***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối siêu thế hầu đến Vô sắc giới do lướt khỏi những Vô sở hữu xứ đồng sanh với Phi tưởng phi phi tưởng xứ cũng tuyệt trừ lạc… đến bực tứ thiền trong khi đó thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh, thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

369.

* ***Căn thiện** trong khi có ra sao?* Vô tham, vô sân và vô si… Những chơn tướng nầy gọi là căn thiện *(kusalamūla).*

* ***Hành sanh ra do căn thiện** đó ra sao?* Sự cố quyết, cách quyết tính, thái độ cố quyết. Dù cách nào như thế gọi là thiện căn duyên hành… .

* ***Thọ sanh ra do xúc làm duyên** đó ra sao?* Sở hữu tâm phi hỷ phi phi hỷ, hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.

  Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế

d) Tâm thiện siêu thế

370.

* ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ phiền não hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền hiệp tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì trong khi đó thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

371.

* ***Căn thiện** là chi?*

- *Vô tham, vô sân và vô si, mà **vô si** ra sao?* Trí tuệ, thái độ hiểu rõ… sự vô si, cách trạch pháp, chánh kiến, trạch pháp giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Dù cách nào như thế gọi là vô si. Những chơn tướng nầy gọi là thiện căn *(kusalamūla).*
- ***Thiện căn duyên hành** đó ra sao?* Sự cố quyết, cách quyết tính, thái độ cố quyết. Dù cách nào như thế gọi là thiện căn duyên hành… .

* ***Thọ có ra do xúc làm duyên** đó ra sao?* Sở hữu tâm vui, sở hữu tâm hỷ, lạc, cách hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu vui thích sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.
* ***Thanh có ra do thọ làm duyên** đó ra sao?* Đức tin, sự tín ngưỡng, thái độ tôn trọng, thái độ sùng bái. Dù cách nào như thế gọi là thọ duyên thanh.
* ***Thắng giải sanh ra do thanh làm duyên** đó ra sao?* Sự quyết đoán, cách quyết đoán, thái độ quyết đoán cảnh của tâm. Dù cách nào như thế gọi là thanh duyên thắng giải.
* ***Hữu có ra do thắng giải làm duyên** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn (trừ thắng giải). Như thế gọi là thắng giải duyên hữu.

Câu nói sự sanh ra của những pháp ấy vẫn có bằng cách như thế đó như là sự đi chung, đến chung, cách hội hiệp, lối hiện bày của những pháp ấy vẫn có bằng cách như thế.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những pháp ấy ấy có bằng cách như thế, chỉ có bấy nhiêu thôi.

Dứt Thiện xiển minh

3) Vô ký xiển minh

a) Tám tâm dị thục quả thiện vô nhân

Tâm dị thục quả thiện vô nhân thứ nhất

372.

***Chư pháp vô ký** là chi?* Nhãn thức thuộc dị thục quả, đồng sanh xả thọ, sanh ra biết cảnh sắc do nghiệp thiện Dục giới đã làm tích trữ, trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

373.

* ***Hành** trong khi có ra sao?* Sự cố quyết, cách tính quyết, thái độ cố quyết. Dù cách nào như thế đều gọi là hành.
* ***Thức sanh ra do hành làm duyên** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ nhãn thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức.
* ***Danh có ra do thức làm duyên** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là thức duyên danh.
* ***Lục nhập sanh ra do danh làm duyên** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ nhãn thức giới. Như thế gọi là danh duyên lục nhập.
* ***Xúc có ra do lục nhập làm duyên** đó ra sao?* Sự đụng, cách chạm, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Dù cách nào như thế gọi là lục nhập duyên xúc.

* ***Thọ có ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sở hữu tâm phi hỷ phi phi hỷ, sự hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Dù cách nào như thế gọi là xúc duyên thọ.

* ***Hữu sanh ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Như là tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn (trừ thọ). Như thế gọi là thọ duyên hữu…
Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

374.

* Hành duyên thức, hành là nhân.
* Thức duyên danh, thức là nhân.
* Danh duyên lục nhập, danh là nhân.
* Lục nhập duyên xúc, lục nhập là nhân.
* Xúc duyên thọ, xúc là nhân.
* Thọ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ đó vẫn có ra bằng cách như thế.

375.

* Hành duyên thức là hành tương ưng.
* Thức duyên danh là thức tương ưng.
* Danh duyên lục nhập là danh tương ưng.
* Lục nhập duyên xúc là lục nhập tương ưng.
* Xúc duyên thọ là xúc tương ưng.
* Thọ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

376.

* Hành duyên thức, thức duyên hành.
* Thức duyên danh, danh duyên thức.
* Danh duyên lục nhập, lục nhập duyên danh.
* Lục nhập duyên xúc, xúc duyên lục nhập.
* Xúc duyên thọ, thọ duyên xúc.
* Thọ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm dị thục quả thiện vô nhân thứ hai, ba, bốn và năm

377.

Chư pháp vô ký *là chi?* Nhĩ thức thuộc dị thục quả đồng sanh với xả thọ, biết cảnh thinh… tỷ thức thuộc dị thục quả đồng sanh với xả thọ, biết cảnh khí… thiệt thức thuộc dị thục quả đồng sanh với xả thọ, biết cảnh vị… thân thức thuộc dị thục quả đồng sanh lạc thọ, biết cảnh xúc, do nghiệp thiện Dục giới đã làm tích trữ mới sanh ra trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

378.

* ***Hành*** *trong khi có ra sao?* Sự cố quyết, cách quyết tính, thái độ cố quyết. Dù cách nào như thế gọi là hành…

* ***Thọ sanh ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sự sướng thân, sự thích của thân hưởng cảnh sướng thích sanh từ thân xúc, thái độ hưởng cảnh sướng thích sanh từ thân xúc. Dù cách nào như thế gọi là xúc duyên thọ.
* ***Hữu sanh ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Như là tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn (trừ thọ). Như thế gọi là thọ duyên hữu…

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm dị thục quả thiện vô nhân thứ sáu

379.

Chư pháp vô ký *ra sao?* Ý giới thành dị thục quả đồng sanh xả thọ. Hoặc có cảnh sắc… hoặc có cảnh xúc hay những cảnh chi mở mối sanh ra do nghiệp thiện Dục giới đã làm chất chứa mới có, thì trong khi đó hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

380.

* ***Hành*** *trong khi có ra sao?* Sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là hành.
* ***Thức có ra do hành làm duyên*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý giới. Như thế gọi là hành duyên thức.
* ***Thọ có ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sở hữu tâm phi hỷ phi phi hỷ, sự hưởng phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.
* ***Thắng giải có ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Sự phán đoán, cách phán đoán, thái độ phán đoán của tâm. Đây gọi là thọ duyên thắng giải.
* ***Hữu có ra do thắng giải làm duyên*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ thắng giải. Như thế gọi là thắng giải duyên hữu… Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm dị thục quả thiện vô nhân thứ bảy

381.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thành dị thục quả đồng sanh hỷ thọ. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra do nghiệp thiện Dục giới đã làm chất chứa mới tạo ra trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

382.

* ***Hành*** *trong khi có ra sao?* Sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là hành.
* ***Thức có ra do hành làm duyên*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức…

* ***Thọ có ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sở hữu tâm mãn ý, sở hữu tâm khoái lạc, sự hưởng mãn ý an lạc sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu những mãn ý an lạc sanh từ ý xúc. Dù cách nào như thế gọi là xúc duyên thọ.

* ***Thắng giải có ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Sự phân đoán, cách phân đoán, thái độ phân đoán. Dù cách nào như thế gọi là thọ duyên thắng giải.

* ***Hữu có ra do thắng giải làm duyên*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn (mà trừ ra thắng giải). Như thế gọi là thắng giải duyên hữu…

Bởi nhân đó mới gọi là sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

Tâm dị thục quả thiện vô nhân thứ tám

383.

Chư pháp vô ký *ra sao?* Ý thức giới thành dị thục quả đồng sanh xả thọ. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra do nghiệp thiện Dục giới đã làm chứa để mới phát ra trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

384.

* ***Hành*** *trong khi có ra sao?* Sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là hành.

* ***Thức có ra do hành làm duyên*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức…

* ***Thọ có ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sở hữu tâm phi mãn ý, phi phi mãn ý, thái độ hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.

* ***Thắng giải có ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Sự phân đoán, cách quyết đoán, thái độ đoán quyết cảnh của tâm. Dù cách nào như thế gọi là thọ duyên thắng giải.

* ***Hữu có ra do thắng giải làm duyên*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn (trừ thắng giải). Như thế gọi là thắng giải duyên hữu.

Bởi nhân đó mới gọi là sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

b) Tám tâm dị thục quả Dục giới

385.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thuộc dị thục quả, đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn, hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra đặng do nghiệp thiện Dục giới đã làm chất chứa mới có ra trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

386.

* ***Trong những duyên khởi** đó mà **hành** là chi?* Sự cố quyết, thái độ tính, cách cố quyết; dù cách nào như thế gọi là hành.
* ***Thức có ra do hành làm duyên** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức.
* ***Thanh có ra do thọ làm duyên** đó ra sao?* Đức tin, sự trong sạch, cách tín ngưỡng, thái độ trọng kỉnh, dù cách nào như thế gọi là thọ duyên thanh (trong sạch).
* ***Thắng giải có ra do thanh làm duyên** đó ra sao?* Sự phán đoán, cách phán quyết, thái độ quyết đoán cảnh của tâm. Dù cách nào như thế gọi là thanh duyên thắng giải.
* ***Hữu có ra do thắng giải làm duyên** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn (trừ thắng giải). Như thế gọi là thắng giải duyên hữu.

Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh ra của những khối khổ đó vẫn có bằng cách như thế.

c) Tâm dị thục quả Sắc giới

387.

***Chư pháp vô ký** ra sao?*

- Bực tu tiến theo đường lối siêu thế hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền hiệp tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định bằng đề mục đất trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
- Bực tu tiến tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất có dị thục quả phát sanh ra do nghiệp thiện Sắc giới đã làm chất để mới đặng có ra trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

d) Tâm dị thục quả Vô sắc giới

388.

***Chư pháp vô ký** ra sao?*

- Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới đã trừ luôn lạc, lướt khỏi những Vô sở hữu xứ chứng tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
- Bực trừ luôn lạc lướt khỏi những Vô sở hữu xứ đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà đặng dị thục quả do đã làm nghiệp thiện Vô sắc giới chứa để mới đặng thì trong khi đó hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

e) Tâm dị thục quả Siêu thế

389.

***Chư pháp vô ký** ra sao?*

- Bực tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc

sanh từ định mà hành nan đắc cấp trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng như thế gọi là chư pháp thiện.

- Bực tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền thành dị thục quả do thiền thiện siêu thế hiệp tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định do nhờ tu tiến mà hành nan đắc cấp *(dukkhāpaṭipadā-dandhābhiññā)* thuộc chủng tiêu diệt *(suññata)* trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những pháp ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

f) Bảy tâm dị thục quả bất thiện

Tâm dị thục quả bất thiện thứ nhứt, hai, ba, tư và năm

390.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Nhãn thức thuộc dị thục quả, đồng sanh xả thọ có sắc làm cảnh sanh ra… nhĩ thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có thinh làm cảnh sanh ra… tỷ thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có khí làm cảnh sanh ra… thiệt thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có vị làm cảnh sanh ra… thân thức thuộc dị thục quả đồng sanh khổ thọ có xúc làm cảnh sanh ra đều do đã tạo chứa nghiệp bất thiện có trong khi nào thì trong khi đó hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

391.

- ***Trong những duyên khởi*** *đó mà* ***hành*** *ra sao?* Sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là hành.
- ***Thức có ra do hành làm duyên*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ thân thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức.
- ***Thọ có ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Như là thân không thích, thân chịu khổ, sự hưởng khổ, hưởng không thích sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.
- ***Hữu có ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Như là tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn (trừ thọ). Như thế gọi là thọ duyên hữu.

  Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm dị thục quả bất thiện thứ sáu

392.

Chư pháp vô ký *ra sao?* Ý thức giới thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ, có sắc làm cảnh… hoặc có xúc làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra đặng do tạo chứa nghiệp bất thiện trong khi nào thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

393.

- ***Trong những duyên khởi*** *đó, mà* ***hành*** *ra sao?* Như là sự cố quyết, sự cố tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là hành.
- ***Thức sanh ra do hành làm duyên*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… thuộc ý giới. Như thế gọi là hành duyên thức…

* ***Thọ có ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Như là sở hữu tâm phi mãn ý phi phi mãn ý, sự hưởng phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.
* ***Thắng giải có ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Như là sự phân đoán, đoán quyết, thái độ đoán quyết cảnh của tâm. Như thế gọi là thọ duyên thắng giải.
* ***Hữu có ra do thắng giải làm duyên*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ thắng giải. Như thế gọi là thắng giải duyên hữu.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm dị thục quả bất thiện thứ bảy

394.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay là những cảnh chi mở mối sanh ra do tạo chứa nghiệp bất thiện trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

395.

* ***Hành*** *trong khi có ra sao?* Như là sự cố quyết, sự cố tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là hành.
* ***Thức có ra do hành làm duyên*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức…

Do đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

g) Ba tâm tố vô nhân

396.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Ý giới thuộc tố, phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả đồng sanh xả thọ, có sắc làm cảnh… hoặc có xúc làm cảnh; hay là những cảnh chi mở mối sanh ra… ý thức giới thuộc tố, phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả, đồng sanh xả thọ, có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

h) Tám tâm đại tố dục giới

397.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thuộc tố, phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả, đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn…, có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh; hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc,

xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

i) Tâm tố sắc giới

398.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Bực vô sanh tu tiến theo thiền Sắc giới thuộc tố, phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả, đã viễn ly chư dục thành kiến pháp lạc xứ… đắc sơ thiền bằng đề mục đất trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế…

j) Tâm tố vô sắc giới

399.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Bực vô sanh tu tiến theo thiền Vô sắc giới thuộc tố phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả, chỉ kiến pháp lạc xứ do lướt qua cho đến khỏi Vô sở hữu xứ và trừ luôn lạc… đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng phi tưởng phi phi tưởng trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Dứt Vô ký xiển minh

4) Xiển minh phần căn vô minh đối với thiện

a) Tám tâm đại thiện

Tâm đại thiện thứ nhứt

400.

Chư pháp thiện *ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí, có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

401.

* ***Vô minh duyên hành*** *đó ra sao?* Như là sự cố quyết, sự cố tính, thái độ cố quyết; như thế gọi là vô minh duyên hành.
* ***Thọ có ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Như là sự mãn ý của tâm, an lạc của tâm, hưởng sự mãn ý từ ý xúc, thái độ hứng chịu những sự mãn ý an lạc từ nơi ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.
* ***Thanh có ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Như là đức tin, sự tín ngưỡng, cách tín ngưỡng, thái độ tín ngưỡng; như thế gọi là thọ duyên thanh.
* ***Thắng giải có ra do thanh làm duyên*** *đó ra sao?* Như là sự quyết tâm, cách quyết đoán, thái độ quyết đoán cảnh của tâm. Như thế gọi là thanh duyên thắng giải.

* ***Hữu có ra do thắng giải làm duyên*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ thắng giải. Như thế gọi là thắng giải duyên hữu.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

402.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

403.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của các khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

404.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh, thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm thiện dục giới thứ hai, ba, tư, năm, sáu, bảy và tám

405.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thời vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

b) Tâm thiện sắc giới

406.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định, nương đề mục đất trong khi đó thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh, thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

c) Tâm thiện vô sắc giới

407.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, đã trừ luôn lạc lướt khỏi Vô sở hữu xứ, chứng tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong khi đó thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh, thanh

duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

d) Tâm thiện siêu thế

408.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì trong khi nào thì lúc ấy vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh, thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những pháp ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Dứt Xiển minh phần căn vô minh đối với thiện

5) Xiển minh phần thiện căn dị thục quả

a) Tâm dị thục quả thiện vô nhân

Tâm dị thục quả thiện vô nhân thứ nhất

409.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Nhãn thức thuộc dị thục quả, đồng sanh xả thọ do nghiệp thiện Dục giới đã làm chất chứa sanh ra có sắc làm cảnh trong khi nào thì lúc đó thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

410.

Thiện căn duyên hành *đó ra sao?* Như là sự cố quyết, sự quyết tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là thiện căn duyên hành… Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm dị thục quả thiện vô nhơn thứ hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám

411.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Trong khi nào nhĩ thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ, có thinh làm cảnh… tỷ thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ, có khí làm cảnh… thiệt thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ, có vị làm cảnh… thân thức thuộc dị thục quả đồng sanh lạc thọ, có xúc làm cảnh… ý giới thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có sắc làm cảnh… hoặc có xúc làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra ý thức giới thuộc dị thục quả đồng sanh hỷ thọ có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra… ý thức giới thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra do nghiệp thiện Dục giới đã làm chất chứa trong khi đó thì thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

b) Tám tâm đại dị thục quả

412.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Trong khi nào ý thức giới thuộc dị thục quả đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ

thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… do đã tạo chứa để nghiệp thiện Dục giới đã làm, có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi đó thì thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh, thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

c) Tâm dị thục quả sắc giới

413.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?*

- Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định có đề mục đất trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng như thế gọi là chư pháp thiện.
- Bực tĩnh ly chư dục, đã chứng sơ thiền mà thành dị thục quả do đã tạo chứa nghiệp Sắc giới có ra cũng hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định nương đề mục đất trong khi nào thì lúc đó thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

d) Tâm dị thục quả vô sắc giới

414.

Chư pháp vô ký *ra sao?*

- Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới trừ luôn lạc do lướt khỏi Vô sở hữu xứ đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp thiện.
- Bực lướt khỏi Vô sở hữu xứ đã trừ luôn lạc đắc tứ thiền thuộc dị thục quả do đã tạo chứa nghiệp vô sắc mà đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong khi đó là thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh, thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

e) Tâm dị thục quả siêu thế

415.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?*

- Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng như thế gọi là chư pháp thiện.
- Bực tĩnh ly chư dục đã đắc sơ thiền thành dị thục quả do đã tiến hành thiền thiện siêu thế hiệp tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì chủng tiêu diệt trong khi nào thì lúc đó thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh. Thanh duyên

thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những pháp ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Dứt Phần thiện căn dị thục quả xiển minh

6) Xiển minh phần bất thiện căn dị thục quả

a) Bảy tâm dị thục quả bất thiện

Tâm dị thục quả bất thiện thứ nhất

416.

Chư pháp vô ký *ra sao?* Khi nào dị thục quả do nghiệp bất thiện tạo sanh ra tức là nhãn thức đồng sanh xả thọ, có sắc làm cảnh, trong khi đó thì bất thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ vẫn có ra bằng cách như thế.

417.

Bất thiện căn duyên hành *đó ra sao?* Như là sự cố quyết, sự cố tính, trạng thái cố quyết. Như thế gọi là bất thiện căn duyên hành… Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm dị thục quả bất thiện thứ hai, ba, bốn, năm và sáu

418.

Chư pháp vô ký *ra sao?* Khi nào dị thục quả do nghiệp bất thiện tạo ra thành nhĩ thức đồng sanh xả thọ có thinh làm cảnh… thành tỷ thức đồng sanh xả thọ có khí làm cảnh… thành thiệt thức đồng sanh xả thọ có vị làm cảnh… thành thân thức đồng sanh khổ thọ có xúc làm cảnh… thành ý giới đồng sanh xả thọ có sắc làm cảnh… hoặc có xúc làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi đó thì bất thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm dị thục quả bất thiện thứ bảy

419.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Khi nào dị thục quả do nghiệp bất thiện tạo ra thuộc ý thức giới đồng sanh xả thọ có cảnh sắc… hoặc cảnh pháp hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi đó thì bất thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ vẫn có ra bằng cách như thế.

420.

Bất thiện căn duyên hành *đó ra sao?* Như là sự cố quyết, sự cố tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là bất thiện căn duyên hành.

421.

Hành duyên thức *trong khi có ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức.

422.

Thức duyên danh *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Như thế gọi là thức duyên danh.

423.

Danh duyên lục nhập *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là danh duyên lục nhập.

424.

Lục nhập duyên xúc *đó ra sao?* Như là sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm, như thế gọi là lục nhập duyên xúc.

425.

Xúc duyên thọ *đó ra sao?* Như là sự phi hỷ phi phi hỷ của tâm, hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.

426.

Thọ duyên thắng giải *đó ra sao?* Như là sự quyết đoán, cách phân đoán, thái độ quyết đoán cảnh của tâm. Như thế gọi là thọ duyên thắng giải.

427.

Thắng giải duyên hữu *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ thắng giải. Như thế gọi là thắng giải duyên hữu.

428.

Hữu duyên sanh *đó ra sao?* Như là cách sanh, sự sanh, cách có ra, phát ra đầy đủ, sanh trọn phần, sự phát hiện của những pháp đó. Như thế gọi là hữu duyên sanh.

429.

Sanh duyên lão tử *đó ra sao?*

- *Lão và tử, mà* ***lão*** *đó ra sao?* Như là sự già, trạng thái già, bớt sự sống còn của những pháp ấy. Như thế gọi là lão.
- ***Tử*** *trong khi có ra sao?* Như là sự mất, cách hoại, sự tan rã, sự hư hao, không bền vững, cách mất đi của những pháp ấy. Như thế gọi là tử.

Lão và tử như đã nói đó. Thế gọi là sanh duyên lão tử.

430.

Câu nói sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế tức là sự tập khứ, tập lai, cách hội hợp, thái độ hiện bày của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Dứt Phần bất thiện căn dị thục quả xiển minh
Dứt Phân theo Diệu Pháp
Đầy đủ duyên khởi phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN VII - NIỆM XỨ PHÂN TÍCH

A. NIỆM XỨ PHÂN TÍCH PHÂN THEO KINH

431.

Tứ niệm xứ:

- 1 là Phíc-khú trong Phật Giáo nầy thường quán thân trong thân bên trong, thường quán thân trong thân bên ngoài, thường quán thân trong thân bên trong và bên ngoài, có tinh tấn, lương tri, niệm, ngăn chận đặng tham ác và ưu trong đời.
- 2 là thường quán thọ trong thọ bên trong, thường quán thọ trong thọ bên ngoài, thường quán thọ trong thọ bên trong và bên ngoài, có sự tinh tấn, đặng lương tri, niệm, ngăn ngừa đặng ưu và tham ác trong đời.
- 3 là thường quán tâm trong tâm bên trong, thường quán tâm trong tâm bên ngoài, thường quán tâm trong tâm bên trong và bên ngoài, có sự tinh tấn, lương tri, niệm ngăn ngừa ưu và tham ác trong đời.
- 4 là thường quán pháp trong pháp bên trong, thường quán pháp trong pháp bên ngoài, thường quán pháp trong pháp bên trong và bên ngoài, có tinh tấn, lương tri, niệm, ngăn ngừa đặng ưu và tham ác trong đời.

1) Niệm thân xiển minh

432.

*Phíc-khú **thường quán thấy thân trong thân bên trong** như thế nào?*

- Phíc-khú trong Tông giáo nầy, quán thấy trong thân từ bàn chân sắp lên, từ ngọn tóc sắp xuống, có da bọc xung quanh, đầy dẫy những đồ không sạch, trong thân có những thứ khác khác như là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, tỳ, tim, gan, màng mỡ sa, thận, phổi, ruột già, ruột non, vật thực mới, vật thực cũ, mật, đàm, mũ, máu, mồ hôi, mỡ cục, nước mắt, mỡ lỏng, nước miếng, nước mũi, nhớt khớp xương, nước tiểu.
- Chính Phíc-khú đó vẫn sử dụng tu tiến hành đa quán, rành với ấn chứng ấy thời Phíc-khú đó càng sử dụng tu tiến hành đa, niệm rành ấn chứng đó mới chăm chú tâm vào trong thân bên ngoài.

433.

*Phíc-khú vẫn **thường quán thấy thân trong thân bên ngoài** như thế nào?*

- Phíc-khú trong Phật Giáo nầy quán thấy thân bên ngoài từ bàn chân sắp lên, từ ngọn tóc sắp xuống, da bao bọc giáp vòng, dẫy đầy những đồ bất tịnh trong thân của người khác những thứ như là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, tỳ, tim, gan, màng mỡ sa, thận, phổi, ruột già, ruột non, vật thực mới, vật thực cũ, mật, đàm, mũ, máu, mồ hôi, mỡ cục, nước mắt, mỡ lỏng, nước miếng, nước mũi, nhớt khớp xương, nước tiểu.

- Phíc-khú đó vẫn sử dụng tu tiến hành đa, niệm rành ấn chứng ấy thời vị Phíc-khú đó càng sử dụng tu tiến hành đa, niệm rành ấn chứng ấy rồi mới chú tâm vào những trong thân bên trong và bên ngoài.

434.

Phíc-khú vẫn ***thường quán thấy thân trong thân bên trong và bên ngoài*** *bằng cách nào?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy quán thấy cả thân bên trong và bên ngoài, từ bàn chân sắp lên, từ ngọn tóc sắp xuống, da bao bọc chung quanh, dẫy đầy với những đồ bất tịnh trong thân ấy với những món như là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, tỳ, tim, gan, màng mỡ sa, thận, phổi, ruột già, ruột non, vật thực mới, vật thực cũ, mật, đàm, mũ, máu, mồ hôi, mỡ cục, nước mắt, mỡ lỏng, nước miếng, nước mũi, nhớt khớp xương, nước tiểu, như thế Phíc-khú mới đặng gọi là thường quán thấy cả thân trong thân bên trong và bên ngoài, có tinh tấn, lương tri, niệm ngăn ngừa đặng tránh khỏi tham ác và ưu trong đời.

435.

Gọi thường quán thấy mà ***thường quán thấy*** *ra sao?* Như là trí tuệ, nào là thái độ rõ thấu… vô si, trạch pháp, chánh kiến. Như thế gọi là thường quán thấy. Đây là Phíc-khú thành bực vào đến, thường quán thấy hằng vào đến, rành vào đến, hằng rành vào đến, đã vào đến, hằng đã vào đến, hằng đã rành vào đến, do nhân đó mới gọi là thường quán thấy.

436.

Còn gọi vẫn tức là vẫn liên hệ nhau, vẫn hành, vẫn chăm nom, vẫn hành động, vẫn cho hành vi, vẫn dạo đi, vẫn tạm trụ; do nhân ấy mới gọi là vẫn *(viharati).*

437.

Gọi tinh tấn mà ***tinh tấn*** *đó ra sao?* Như là mở mối siêng năng cho tâm… chánh tinh tấn. Như thế gọi là tinh tấn. Đây là thành bực tỷ khưu vào đến bực tinh tấn, hằng vào đến, rành vào đến, hằng rành vào đến, hằng đã rành vào đến, hợp với sự tinh tấn ấy. Do nhân đó mới gọi là tinh tấn.

438.

Gọi lương tri mà ***lương tri*** *đó ra sao?* Như là trí tuệ, thái độ rõ thấu… vô si, trạch pháp, chánh kiến; như thế gọi là lương tri. Đây là Phíc-khú thành bực vào đến, hằng vào đến, rành vào đến, hằng rành vào đến, đã vào đến, hằng đã vào đến, hằng đã rành vào đến, hiệp với sự lương tri ấy. Do nhân đó mới gọi là có lương tri.

439.

Gọi niệm mà ***niệm*** *đó ra sao?* Như là sự nhớ đặng, cách hằng nhớ… chánh niệm. Như thế gọi là niệm. Đây là tỷ khưu thành bực vào đến, hằng vào đến, rành vào đến, đã vào đến, hằng đã vào đến, hằng đã rành vào đến hiệp với niệm ấy. Do nhân đó mới gọi là có niệm.

440.

Chỗ nói hạn chế tham ác và ưu trong đời mà ***ưu*** *đó ra sao?* Đời chính là thân hay thủ uẩn cũng gọi là đời. Như thế gọi là đời.

- ***Tham ác*** *đó ra sao?* Như là ái tình, tình cảm nặng… sự dục vọng của tâm. Như thế gọi là tham ác.
- ***Ưu*** *trong khi có ra sao?* Như là sự không vui của tâm, sự khổ của tâm, sự hưởng cảnh khổ không vui từ ý xúc, thái độ hứng chịu những khổ, những không vui từ ý xúc. Như thế gọi là ưu.

Tham ác và ưu đã nói đó đã bị hạn chế, bị đè nén, vắng lặng êm ái cho đến diệt đi êm đềm, vắng bặt bằng cách đè nén bị làm cho điêu tàn càng rất điêu tàn, bị làm cho khô héo càng rất khô héo, bị làm cho phải cùng tột đến hết trong đời ấy. Do nhân đó mới gọi là hạn chế tham ác và ưu đặng khỏi trong đời.

Dứt Niệm thân xiển minh

2) Niệm thọ xiển minh

441.

*Phíc-khú vẫn **thường quán thấy thọ trong thọ bên trong** ra sao?*

- Phíc-khú trong Tông giáo nầy khi hứng chịu lạc thọ cũng biết rõ rành ta hứng chịu lạc thọ, khi hứng chịu khổ thọ cũng biết rõ là ta hưởng khổ thọ, khi hưởng phi khổ phi lạc thọ cũng biết rõ rằng ta hưởng phi khổ phi lạc thọ; khi hưởng lạc thọ có vật chất cũng biết rõ ràng ta hưởng lạc thọ có vật chất; hoặc khi hưởng lạc thọ không có vật chất cũng biết rõ ràng ta hưởng lạc thọ không có vật chất; khi hưởng khổ thọ có vật chất cũng biết rõ ràng ta thọ khổ có vật chất; hoặc khi ta thọ khổ không có vật chất cũng biết rõ ràng ta thọ khổ không có vật chất; khi hưởng phi khổ phi lạc thọ có vật chất cũng biết rõ ràng ta thọ phi khổ phi lạc có vật chất. Hoặc khi hưởng phi khổ phi lạc thọ không có vật chất cũng biết rõ ràng ta thọ phi khổ phi lạc không có vật chất.
- Phíc-khú đó vẫn sử dụng tu tiến rất nhiều, chăm chú rành rẽ với ấn chứng ấy, Phíc-khú đó đang sử dụng tu tiến càng nhiều, chú ý rành rẽ ấn chứng đó rồi, thời chú tâm vào trong thọ bên ngoài.

442.

*Phíc-khú vẫn **thường quán thấy thọ trong thọ bên ngoài** ra sao?*

- Phíc-khú trong Tông giáo nầy chú ý rõ biết sự hứng chịu cảnh của người khác như vầy: Họ đang thọ lạc, biết họ đang thọ lạc… họ đang thọ khổ, biết rõ họ đang thọ khổ; họ đang thọ phi khổ phi lạc biết rõ họ đang thọ phi khổ phi lạc; họ đang thọ lạc có vật chất, biết rõ họ đang thọ lạc có vật chất; họ đang thọ lạc không có vật chất, biết rõ họ đang thọ lạc không có vật chất; họ đang thọ khổ có vật chất, biết rõ họ đang thọ khổ có vật chất; họ đang thọ khổ không có vật chất, biết rõ họ đang thọ khổ không có vật chất; họ đang thọ phi khổ phi lạc có vật chất, biết rõ họ đang thọ phi khổ phi lạc có vật chất; hay là họ đang thọ phi khổ phi lạc không có vật chất, cũng biết rõ họ đang thọ phi khổ phi lạc không có vật chất.
- Phíc-khú như thế đó vẫn sử dụng tu tiến càng cho nhiều, chăm chú rành với ấn chứng ấy; Phíc-khú đang khi sử dụng tu tiến rất nhiều, chăm chú rành rẽ với ấn chứng ấy rồi, thời chú ý vào đến những thọ trong thọ bên trong và bên ngoài.

443.

*Phíc-khú vẫn **thường quán thấy thọ trong thọ cả bên trong và bên ngoài** ra sao?*

- Phíc-khú trong Tông giáo nầy biết rõ thọ lạc của ai cũng là thọ lạc… biết rõ thọ khổ là thọ khổ, biết rõ thọ phi khổ phi lạc là thọ phi khổ phi lạc, biết rõ thọ lạc có vật chất là thọ lạc có vật chất, biết rõ thọ lạc không có vật chất là thọ lạc không có vật chất, biết rõ thọ khổ có vật chất là thọ khổ có vật chất, biết rõ thọ khổ không có vật chất là thọ khổ không có vật chất, biết rõ thọ phi khổ phi lạc có vật chất là thọ phi khổ phi lạc có vật chất, biết rõ thọ phi khổ phi lạc không có vật chất là thọ phi khổ phi lạc không có vật chất.

- Phíc-khú như thế mới đặng gọi là thường quán thấy thọ trong thọ cả bên trong và bên ngoài, có tinh tấn, sự lương tri, có niệm hạn chế mất đặng tham ác và ưu trong đời.

444.

* *Gọi thường quán thấy mà **thường quán thấy** như thế nào?* Như là trí tuệ, thái độ biết rõ rệt… do nhân đó mới gọi là thường quán thấy.
* *Còn nói vẫn, mà **vẫn** đó ra sao?* Như là vẫn liên tiếp nhau… như thế gọi là vẫn *(viharati).*
* *Câu nói: Có tinh tấn mà **tinh tấn** đó ra sao?* Cách mở mối cho tâm siêng năng… do nhân đó mới gọi là có tinh tấn.
* *Câu nói: Có lương tri mà **lương tri** đó ra sao?* Như là trí tuệ, thái độ rõ thấu… do nhân đó mới gọi là có lương tri.
* *Câu nói: Có niệm mà **niệm** đó ra sao?* Như là sự nhớ đặng, cách nhớ theo… do nhân đó mới gọi là niệm.
* *Nói hạn chế tham ác và ưu trong đời mà **đời** đó ra sao?* Sự hưởng vui thích là đời, ngũ thủ uẩn là đời. Như thế gọi là đời.
* ***Tham ác** đó ra sao?* Như là sự ái dục, cách ái dục nặng… sự dục vọng của tâm. Như thế gọi là tham ác.
* ***Ưu** đó ra sao?* Như là sự làm trong tâm không vui, cách làm trong tâm khổ, sự hưởng cảnh khổ không vui từ ý xúc, cách hứng chịu những khổ, những không vui sanh từ ý xúc. Như thế gọi là ưu.

  Tham ác và ưu trong đời như đã nói bị hạn chế, bị đè nén, êm ái vắng lặng cho đến im đìm tắt đi, dứt bằng cách hạn chế bị làm cho phải điêu tàn, bị làm cho điêu tàn bằng cách đè nén, bị làm cho khô khan, bị làm cho hoàn toàn khô khan, bị làm cho mất tuyệt cả trong đời nầy. Do nhân đó mới gọi là hạn chế dứt đặng tham ác và ưu trong đời.

Dứt Niệm thọ xiển minh

3) Niệm tâm xiển minh

445.

*Phíc-khú vẫn **thường quán thấy tâm trong tâm bên trong** ra sao?*

- Phíc-khú trong Tông giáo nầy khi nào tự tâm có dục, biết rõ là tâm ta có dục, hoặc khi tâm ly dục, biết rõ là tâm ta ly dục.
- Khi tâm có sân biết rõ là tâm ta có sân, hoặc khi tâm ly sân, biết rõ là tâm ta ly sân.
- Khi tâm có si (nặng) biết rõ là tâm của ta có si (nặng), hoặc khi tâm ly si cũng biết rõ là tâm của ta ly si.
- Khi tâm hôn trầm cũng biết rõ là tâm của ta hôn trầm, hoặc khi tâm tán loạn cũng biết rõ tâm của ta tán loạn.
- Khi tâm thành đáo đại cũng biết rõ tâm của ta thành đáo đại, hoặc khi tâm không thành đáo đại cũng biết rõ tâm của ta không thành đáo đại.
- Khi tâm thành hữu thượng cũng biết rõ tâm của ta thành hữu thượng, hoặc khi tâm thành vô thượng cũng biết rõ tâm của ta thành vô thượng.

- Khi tâm đình trụ cũng biết rõ tâm của ta đình trụ, hoặc khi tâm không đình trụ cũng biết rõ tâm của ta không đình trụ.
- Khi tâm giải thoát cũng biết rõ tâm của ta giải thoát, hoặc khi tâm chưa giải thoát cũng biết rõ tâm của ta chưa giải thoát.

Phíc-khú đó vẫn sử dụng tu hành nhiều, chăm chú rành với ấn chứng ấy, Phíc-khú đó khi đang tu tiến nhiều, đã chăm chú rành với ấn chứng ấy, thời tâm chú ý đến tâm trong tâm bên trong.

446.

*Phíc-khú vẫn **thường quán thấy tâm trong tâm bên ngoài** ra sao?*

- Phíc-khú trong Tông giáo nầy khi gặp tâm của kẻ khác có dục, biết rõ tâm của kẻ khác có dục. Hoặc khi tâm của người ấy ly dục, cũng biết rõ tâm của người ấy ly dục.
- Khi tâm của người đó có sân cũng biết rõ tâm của người đó có sân. Hoặc khi tâm của người đó ly sân cũng biết rõ tâm của người đó ly sân.
- Khi tâm của người đó có si cũng biết rõ tâm của người đó có si. Khi tâm của người đó ly si cũng biết rõ tâm của người đó ly si.
- Khi tâm của người đó hôn trầm cũng biết rõ tâm của người đó hôn trầm. Hoặc khi tâm của người đó tán loạn cũng biết rõ tâm của người đó tán loạn.
- Khi tâm của người đó thành đáo đại cũng biết rõ tâm của người đó thành đáo đại. Hay khi tâm của người đó không thành đáo đại cũng biết rõ tâm của người đó không thành đáo đại.
- Khi tâm của người đó thành hữu thượng, cũng biết rõ tâm của người đó thành hữu thượng. Hoặc khi tâm của người đó thành vô thượng cũng biết rõ tâm của người đó thành vô thượng.
- Khi tâm của người đó đình trụ, cũng biết rõ tâm của người đó đình trụ. Hoặc khi tâm của người đó không đình trụ cũng biết rõ tâm của người đó không đình trụ.
- Khi tâm của người đó giải thoát cũng biết rõ tâm của người đó giải thoát. Hoặc khi tâm của người đó chưa giải thoát cũng biết rõ tâm của người đó chưa giải thoát.

Phíc-khú đó vẫn sử dụng tu hành nhiều, chăm chú rành với ấn chứng ấy, thời Phíc-khú đó khi đang sử dụng tu tiến nhiều, đã chăm chú rành với ấn chứng đó rồi, thời chú ý đến tâm trong tâm cả bên trong và bên ngoài.

447.

*Phíc-khú vẫn **thường quán thấy tâm trong tâm cả bên trong và bên ngoài** ra sao?*

- Phíc-khú trong Tông giáo nầy khi tâm của ta hay người khác có dục vọng, cũng biết rõ có dục vọng. Hoặc khi tâm ly dục cũng biết rõ tâm ly dục.
- Khi tâm có sân cũng biết rõ tâm có sân; hoặc khi tâm ly sân cũng biết rõ tâm ly sân.
- Khi tâm có si (nặng) cũng biết rõ tâm có si (nặng); hoặc khi tâm ly si cũng biết rõ tâm ly si.
- Khi tâm hôn trầm cũng biết rõ tâm hôn trầm; khi tâm tán loạn cũng biết rõ tâm tán loạn.
- Khi tâm thành đáo đại cũng biết rõ tâm thành đáo đại; khi tâm không thành đáo đại cũng biết rõ tâm không thành đáo đại.
- Khi tâm thành hữu thượng cũng biết rõ tâm thành hữu thượng; khi tâm thành vô thượng cũng biết rõ tâm thành vô thượng.
- Khi tâm đình trụ cũng biết rõ tâm đình trụ; hoặc khi tâm không đình trụ cũng biết rõ tâm không đình trụ.

- Khi tâm giải thoát cũng biết rõ tâm giải thoát; khi tâm chưa giải thoát cũng biết rõ tâm chưa giải thoát.

Phíc-khú có phẩm hạnh như thế mới đặng gọi là vẫn thường quán thấy tâm trong tâm cả bên trong và bên ngoài, có tinh tấn, đặng lương tri, chánh niệm hạn chế dứt đặng tham ác và ưu trong đời.

448.

* *Nói rằng thường quán thấy, mà **thường quán thấy** đó ra sao?* Như là tuệ, thái độ hiểu rõ… do nhân đó mới gọi là thường quán thấy.
* *Gọi vẫn mà **vẫn** đó ra sao?* Như là vẫn liên quan nhau… do nhân đó mới gọi là vẫn.
* *Nói có tinh tấn mà **tinh tấn** đó ra sao?* Như là cách mở mối sự cần mẫn trong tâm… với nhân đó mới gọi là có tinh tấn.
* *Nói đặng lương tri mà **lương tri** đó ra sao?* Như là tuệ, thái độ hiểu rõ… do nhân đó mới gọi là đặng lương tri.
* *Gọi niệm mà **niệm** đó ra sao?* Như là sự nhớ đặng, cách hằng nhớ… bằng nhân đó mới gọi là có niệm.
* *Gọi hạn chế mất đặng tham ác và ưu trong đời, mà **đời** đó ra sao?* Chính tâm đó là đời hay ngũ thủ uẩn cũng gọi là đời. Như thế gọi là đời.
* ***Tham ác** đó ra sao?* Như là sự dục vọng, cách đa dục vọng… sự quá mong mỏi của lòng. Như thế gọi là tham ác.
* ***Ưu** đó ra sao?* Sự làm trong tâm không vui, sự làm trong tâm phải khổ, cách hưởng cảnh phải khổ không vui từ nơi ý xúc, thái độ hứng chịu những khổ, những không vui từ nơi ý xúc. Như thế gọi là ưu.

Tham ác và ưu như đã nói đó bị hạn chế, bị đè nén im đìm vắng lặng cho đến yên tịnh diệt tắt dứt mất bằng cách hạn chế, bị làm cho điêu tàn bằng cách hạn chế, bị làm cho khô khan rốt cuộc lìa khỏi trong đời nầy. Do nhân đó mới gọi là hạn chế mất đặng tham ác và ưu trong đời.

Dứt Niệm tâm xiển minh

4) Niệm pháp xiển minh

449.

*Phíc-khú vẫn **thường quán thấy pháp trong pháp bên trong** ra sao?*

Phần cái

Phíc-khú trong Tông giáo nầy khi tâm bên trong có dục dục cũng biết rõ tâm của ta đang có dục dục; hoặc khi tâm bên trong không có dục dục cũng biết rõ tâm ta không có dục dục.

Một nữa, dục dục chưa sanh sẽ sanh do nhân nào biết rõ bằng nhân ấy. Một nữa, cách trừ dục dục đã sanh sẽ đặng do nhân nào biết rõ nhân đó. Một nữa, dục dục đã đặng trừ sẽ không sanh sau này do nhân chi, biết rõ nhân đó.

Khi sân độc đang có tâm bên trong… khi hôn trầm đang có tâm bên trong… khi Trạo cử đang có tâm bên trong… khi hoài nghi đang có tâm bên trong, cũng biết rõ tâm của ta đang có hoài nghi, hoặc khi tâm bên trong không có hoài nghi cũng biết rõ tâm của ta không có hoài nghi. Một nữa, hoài nghi chưa sanh sẽ sanh do nhân chi, biết

rõ nhân đó. Một nữa, cách trừ hoài nghi đã sanh sẽ đặng bằng nhân nào biết rõ nhân ấy. Một nữa, hoài nghi đã đặng trừ sẽ không sanh sau này nữa do nhân nào biết rõ nhân đó.

Phần giác chi

Khi niệm giác chi đang có tâm bên trong, cũng biết rõ niệm giác chi đang có nơi tâm ta. Hoặc khi niệm giác chi không có tâm bên trong cũng biết rõ niệm giác chi không có nơi tâm ta.

Một nữa, niệm giác chi chưa sanh ra sẽ sanh do nhân nào biết rõ nhân đó. Một nữa, sự tiến hóa đầy đủ của niệm giác chi đã sanh sẽ đặng do nhân nào biết rõ nhân đó.

Khi trạch pháp giác chi đang có nơi tâm bên trong… khi cần giác chi đang có nơi tâm bên trong… khi hỷ giác chi đang có nơi tâm bên trong… khi an giác chi đang có tại tâm bên trong… khi định giác chi đang có tại tâm bên trong… khi xả giác chi đang có tại tâm bên trong, cũng biết rõ xả giác chi đang có nơi tâm ta; hoặc khi xả giác chi không có nơi tâm bên trong cũng biết rõ xả giác chi không có nơi tâm ta. Một nữa, xả giác chi chưa sanh mà sẽ sanh do nhân nào biết rõ nhân ấy. Một nữa, sự tiến hóa đầy đủ của xả giác chi đã sanh sẽ đặng bằng nhân nào biết rõ nhân đó.

Phíc-khú như thế đó vẫn sử dụng tu hành đặng nhiều, chăm chú rành với ấn chứng ấy thì Phíc-khú đó trong khi đang sử dụng tu hành nhiều đã rành chăm chú với ấn chứng ấy, thời chú ý đến pháp trong pháp bên ngoài.

450.

*Phíc-khú vẫn **thường quán thấy pháp trong pháp bên ngoài** ra sao?*

Phần cái

Phíc-khú trong Tông giáo nầy khi dục dục đang có của người khác cũng biết rõ dục dục họ đang có; hoặc khi dục dục của họ không có cũng biết rõ dục dục của họ không có. Một nữa, dục dục chưa sanh mà sẽ sanh do nhân nào biết rõ nhân đó. Một nữa, sự trừ dục dục đã sanh sẽ đặng bằng nhân nào biết rõ nhân ấy. Một nữa, dục dục đã trừ đặng sẽ không sanh nữa bằng nhân nào biết rõ nhân đó.

Khi sân độc của người kia đang có… khi hôn trầm của người kia đang có… khi trạo cử của người kia đang có… khi hoài nghi của người kia đang có, cũng biết rõ hoài nghi của người kia đang có hay hoài nghi của người kia không có cũng biết rõ hoài nghi của người kia không có. Một nữa, hoài nghi chưa sanh mà sẽ sanh do nhân nào biết rõ nhân đó. Một nữa, cách trừ hoài nghi sẽ sanh sẽ đặng bằng nhân nào biết rõ nhân đó… Một nữa, hoài nghi đã đặng trừ sẽ không sanh nữa do nhân nào biết rõ nhân đó.

Phần giác chi

Khi người kia có niệm giác chi cũng biết rõ là người kia có niệm giác chi, hoặc khi người kia không có niệm giác chi cũng biết rõ người kia không có niệm giác chi. Một nữa, niệm giác chi chưa sanh mà sẽ sanh do nhân nào thì biết rõ nhân ấy. Một nữa, sự tu tiến đầy đủ của niệm giác chi đã sanh mà sẽ sanh do nhân nào biết rõ nhân ấy.

Khi người kia có trạch pháp giác chi… khi người kia có cần giác chi… khi người kia có hỷ giác chi… khi người kia có an giác chi… khi người kia có định giác chi… khi người kia có xả giác chi, cũng biết rõ người kia có xả giác chi, hoặc khi người kia không có xả giác chi cũng biết rõ người kia không có xả giác chi. Một nữa, xả giác chi chưa sanh sẽ đặng sanh do nhân nào biết rõ nhân ấy. Một nữa, sự tu tiến đầy đủ của xả giác chi đã phát ra rồi sẽ có đặng do nhân chi biết rõ nhân ấy.

Phíc-khú ấy vẫn sử dụng tu hành đặng nhiều, chăm chú rành với ấn chứng ấy, Phíc-khú có đương lúc sử dụng tu hành nhiều, chăm chú rành với ấn chứng ấy rồi mới chăm chú tâm vào đến trong pháp cả bên trong và bên ngoài.

451.

Phíc-khú vẫn ***thường quán thấy pháp trong pháp cả bên trong và bên ngoài*** *ra sao?*

Phần cái

Phíc-khú trong Phật giáo nầy khi đang có dục dục cũng biết rõ là đang có dục dục; hoặc không có dục dục cũng biết rõ là không có dục dục. Một nữa, dục dục chưa sanh mà sẽ sanh do nhân nào biết rõ nhân ấy. Một nữa, cách trừ dục dục đã sanh sẽ đặng do nhân nào biết rõ nhân ấy. Một nữa, dục dục đã đặng trừ sẽ không sanh nữa do nhân nào biết rõ nhân ấy.

Khi đang có sân độc… khi đang có hôn trầm… khi đang có trạo hối… khi đang có hoài nghi cũng biết rõ là đang có hoài nghi; hoặc khi không có hoài nghi cũng biết rõ là không có hoài nghi. Một nữa, hoài nghi chưa sanh mà sẽ sanh do nhân nào biết rõ nhân ấy. Một nữa, sự trừ hoài nghi đã sanh sẽ đặng bằng nhân nào biết rõ nhân ấy. Một nữa, hoài nghi đã trừ đặng, mà sẽ không sanh sau này do nhân nào biết rõ nhân ấy…

Phần giác chi

Khi niệm giác chi đang có cũng biết rõ là niệm giác chi đang có hay khi niệm giác chi không có cũng biết rõ là niệm giác chi không có. Một nữa, niệm giác chi chưa sanh mà sẽ sanh do nhân nào cũng biết rõ nhân đó. Một nữa, tu tiến đầy đủ niệm giác chi đã sanh đặng do nhân nào biết rõ nhân ấy.

Khi có trạch pháp giác chi… khi có cần giác chi… khi có hỷ giác chi… khi có an giác chi… khi có định giác chi… khi có xả giác chi cũng biết rõ là có xả giác chi; hoặc khi không có xả giác chi cũng biết rõ là không có xả giác chi. Một nữa, xả giác chi chưa sanh mà sẽ sanh do nhân nào biết rõ nhân đó. Một nữa, sự tu tiến đầy đủ xả giác chi đã sanh ra đặng do nhân nào biết rõ nhân đó.

Thái độ Phíc-khú như thế mới đặng gọi là vẫn thường quán thấy pháp trong pháp cả bên trong và bên ngoài, có sự tinh tấn, đặng lương tri, có niệm hạn chế đặng tham ác và ưu trong đời.

452.

Nói thường quán thấy, mà ***thường quán thấy*** *đó như thế nào?*

- Như là tuệ, thái độ biết rõ… vô si, trạch pháp, chánh kiến. Như thế gọi là thường quán thấy.
- Phíc-khú thành bực đã vào đến, rành vào đến. Phíc-khú thành bực đã cận, đã rành cận, vào đến rồi, vào đến rành rẽ, đã vào đến, đã vào đến rành rẽ, đã hiệp với cách thường quán thấy; do nhân đó mới gọi là thường quán thấy.

453.

Gọi vẫn mà ***vẫn*** *đó ra sao?* Nói vẫn có giải là vẫn liên quan nhau, vẫn hành vi, vẫn trau dồi, vẫn hành động, vẫn cho hành động, vẫn dạo đi, vẫn đình trụ. Do nhân đó mới gọi là vẫn *(viharati)*.

454.

Nói có sự cần mà ***sự cần*** *giải rộng như thế nào?*

- Cách mở mối sự siêng năng của tâm… chánh tinh tấn. Dù cách nào như thế gọi là tinh tấn.

- Phíc-khú thành bực đáo cận, đã rành cận, vào đến rồi, vào đến rành, đã vào đến, đã vào đến rành rẽ, đã hiệp với tinh tấn ấy. Do nhân đó mới gọi là có tinh tấn.

455.

*Nói lương tri mà **lương tri** giải rộng như thế nào?* Như là tuệ, thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp, chánh kiến, dù cách nào như thế gọi là lương tri. Phíc-khú là bực đã đến cận, đã rành cận, đã vào đến rồi, vào đến rành, đã vào đến, đã vào đến rành rẽ, đã hiệp với lương tri ấy. Do nhân đó mới gọi là có lương tri.

456.

*Gọi có niệm, mà **niệm** giải rộng ra sao?* Như là sự nhớ đặng, cách thường nhớ… chánh niệm. Dù cách nào như thế gọi là niệm. Phíc-khú thành bực đã cận, đã rành cận, vào đến rồi, vào đến rành, đã vào đến, đã vào đến rành rẽ, đã hiệp với niệm ấy. Do nhân đó mới gọi là có niệm.

457.

* *Câu nói hạn chế tham ác và ưu trong đời mất đặng mà nói **đời** giải ra sao?* Chính những pháp ấy gọi là đời *(loka),* ngũ thủ uẩn dĩ nhiên cũng gọi là đời. Như thế gọi là đời.

* ***Tham ác** đó ra sao?* Sự dục vọng, cách đa dục vọng, sự dục vọng nặng nề nơi tâm. Dù cách nào như thế gọi là tham ác.

* ***Ưu** đó ra sao?* Như là sự khổ của tâm, sự không vui của tâm, sự hứng chịu cảnh khổ không ưa thích từ ý xúc, thái độ thọ hưởng những cảnh khổ không ưa thích sanh từ ý xúc. Như thế gọi là ưu.

Tham ác và ưu như đã nói đó bị hạn chế, bị đè nén, vắng lặng im đìm đặng đến êm ái tắt đi, tắt bằng cách yểm ức, bị làm cho điêu tàn, bị làm cho hoàn toàn tiêu diệt, bị làm cho khô khan, bị làm cho khô khan hoàn toàn, bị làm cho rốt cuộc ra khỏi đời, bị làm cho rốt cuộc đặng lìa khỏi trong đời ấy. Do nhân đó mới gọi là yểm ức mất đặng tham ác và ưu trong đời.

Dứt Niệm pháp xiển minh
Dứt Phân theo Kinh

B. NIỆM XỨ PHÂN TÍCH PHÂN THEO DIỆU PHÁP

458.

Tứ niệm xứ:
- 1 là Phíc-khú trong Tông giáo nầy vẫn thường quán thấy thân trong thân.
- 2 là vẫn thường quán thấy thọ trong thọ.
- 3 là vẫn thường quán thấy tâm trong tâm.
- 4 là vẫn thường quán thấy pháp trong pháp.

459.

* *Phíc-khú vẫn **thường quán thấy thân trong thân** ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì vẫn thường quán thấy thân trong thân trong khi nào, thời sự nhớ đặng, sự thường nhớ, sự trực nhớ, niệm, thái độ nhớ, sự nhớ chắc, không lơ đãng, không quên. Niệm tức là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo, trong khi đó dù cách nào như thế gọi là niệm xứ. Còn những pháp ngoài ra gọi là tương ưng với niệm xứ.

∗ *Phíc-khú vẫn **thường quán thấy thọ trong thọ** ra sao?* Phíc-khú trong Phật giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì, vẫn thường quán thấy thọ trong thọ trong khi nào thì niệm hay sự thường nhớ… chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo có trong khi đó. Dù cách nào như thế gọi là niệm xứ. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với niệm xứ.

∗ *Phíc-khú vẫn **thường quán thấy tâm trong tâm** ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì vẫn thường quán thấy tâm trong tâm trong khi nào thì niệm hay sự thường nhớ… chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo, có trong khi ấy. Dù cách nào như thế gọi là niệm xứ. Những pháp ngoài ra tương ưng với niệm xứ.

∗ *Phíc-khú vẫn **thường quán thấy pháp trong pháp** ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì, vẫn thường quán thấy pháp trong pháp trong khi nào thì niệm, sự thường nhớ đặng… chánh niệm, niệm giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo đều có trong khi đó. Như thế gọi là niệm xứ. Những pháp ngoài ra gọi tương ưng với niệm xứ.

∗ *Trong những pháp đã kể mà **niệm xứ** là chi?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ phiền não hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì vẫn thường quán thấy pháp trong pháp trong khi nào thì niệm, sự thường nhớ… chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo đều có trong khi đó. Dù cách nào như thế gọi là niệm xứ. Những pháp ngoài ra gọi tương ưng với niệm xứ.

460.

Tứ niệm xứ: Một là Phíc-khú trong Tông giáo nầy vẫn thường quán thấy thân trong thân. Hai là vẫn thường quán thấy thọ trong thọ. Ba là vẫn thường quán thấy tâm trong tâm. Bốn là vẫn thường quán thấy pháp trong pháp.

461.

∗ *Phíc-khú vẫn **thường quán thấy thân trong thân** ra sao?*

- Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
- Bực tĩnh ly chư dục chứng sơ thiền thành dị thục quả do tu hành chất chứa thiền thiện siêu thế mà hành nan đắc trì bằng chủng tiêu diệt do quán kiến thân trong thân đắc trong khi nào thì niệm hay sự nhớ đặng… chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo vẫn có trong khi đó. Dù cách nào như thế gọi là niệm xứ. Còn những pháp ngoài ra gọi tương ưng với niệm xứ.

∗ *Phíc-khú vẫn **thường quán thấy thọ trong thọ** ra sao?*

- Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.
- Bực tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng dị thục quả do thiền thiện siêu thế, đã tu hành tiến hóa chứa để vẫn hành nan đắc trì bằng chủng tiêu diệt do quán thấy thọ trong thọ trong khi nào thì niệm hay sự thường nhớ đặng… chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo có trong khi đó. Như thế gọi là niệm xứ. Còn những pháp ngoài ra gọi là tương ưng với niệm xứ.

* *Phíc-khú **thường quán thấy tâm trong tâm** ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Đây là chư pháp thiện.

* *Phíc-khú **thường quán thấy pháp trong pháp** ra sao?* Phíc-khú tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền thành dị thục quả do thiền thiện siêu thế đã tu hành tích trữ mà hành nan đắc trì thuộc chủng tiêu diệt do quán thấy pháp trong pháp trong khi nào thì niệm hay sự thường nhớ đặng… cũng là chánh niệm, niệm giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo vẫn có trong khi ấy. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với niệm xứ.

Dứt Phần chia theo Diệu Pháp

C. NIỆM XỨ PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

462.

Tứ niệm xứ:

- Một là Phíc-khú trong Tông giáo nầy vẫn thường quán thấy thân trong thân, có tinh tấn, đặng lương tri, có niệm đè nén đặng tham ác và ưu nơi đời.
- Hai là vẫn thường quán thấy thọ trong thọ, có tinh tấn, đặng lương tri, có niệm hạn chế đặng tham ác và ưu nơi đời.
- Ba là vẫn thường quán thấy tâm trong tâm, có tinh tấn, đặng lương tri, có chánh niệm hạn chế được tham ác và ưu nơi đời.
- Bốn là vẫn thường quán thấy pháp trong pháp có tinh tấn, đặng lương tri, có niệm hạn chế đặng tham ác và ưu nơi đời.

VẤN THEO ĐẦU ĐỀ TAM VẤN THEO ĐẦU ĐỀ NHỊ

Trong tứ niệm xứ mà niệm xứ nào thành thiện, niệm xứ nào thành bất thiện, niệm xứ nào thành vô ký… niệm xứ nào thành hữu y, niệm xứ nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

463.

* Tứ niệm xứ thành thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
* Tứ niệm xứ thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có.
* Tứ niệm xứ thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có.
* Tứ niệm xứ thành phi thủ phi cảnh thủ.
* Tứ niệm xứ thành phi phiền toái và phi cảnh phiền não.

* Tứ niệm xứ thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có.
* Tứ niệm xứ thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.
* Tứ niệm xứ thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ niệm xứ thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ niệm xứ thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Tứ niệm xứ thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có.
* Tứ niệm xứ thành vô lượng *(appamāṇā)*.
* Tứ niệm xứ thành cảnh vô lượng *(appamāṇāramaṇā)*
* Tứ niệm xứ thành tinh lương *(paṇītā)*.
* Tứ niệm xứ thành chánh nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Tứ niệm xứ thành đạo là cảnh.
* Tứ niệm xứ thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có; không thể nói thành đạo là nhân hay thành đạo là trưởng.
* Tứ niệm xứ thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Tứ niệm xứ thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có; không thể nói thành tri cảnh quá khứ, thành tri cảnh vị lai, vẫn thành tri cảnh hiện tại.
* Tứ niệm xứ thành nội phần cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Tứ niệm xứ thành tri cảnh ngoại.
* Tứ niệm xứ thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị *(dukamātikā)*

i. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

464.

Tứ niệm xứ thành phi nhân. Tứ niệm xứ thành hữu nhân. Tứ niệm xứ thành tương ưng nhân. Tứ niệm xứ không thể nói thành nhân hữu nhân hay thành phi nhân hữu nhân. Tứ niệm xứ không thể nói thành nhân tương ưng nhân hay thành phi nhân tương ưng nhân. Tứ niệm xứ thành phi nhân hữu nhân.

ii. Đáp phần nhị đề đỉnh *(cūlantaraduka)*

Tứ niệm xứ thành hữu duyên. Tứ niệm xứ thành hữu vi. Tứ niệm xứ thành bất kiến. Tứ niệm xứ thành vô đối chiếu. Tứ niệm xứ thành phi sắc. Tứ niệm xứ thành siêu thế. Tứ niệm xứ thành có tâm biết đặng. Tứ niệm xứ thành có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu *(āsavagocchaka)*

Tứ niệm xứ thành phi lậu. Tứ niệm xứ thành phi cảnh lậu. Tứ niệm xứ thành bất tương ưng lậu. Tứ niệm xứ không thể nói thành lậu cảnh lậu hay thành phi lậu cảnh lậu. Tứ niệm xứ không thể nói thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu. Tứ niệm xứ thành bất tương ưng lậu phi lậu.

ix, v, vi, vii, viii, ix, x. Đáp phần chùm triền… *(sanyojanagocchakādi)*

Tứ niệm xứ thành phi triền… Tứ niệm xứ thành phi phược… Tứ niệm xứ thành phi bộc… Tứ niệm xứ thành phi phối… Tứ niệm xứ thành phi cái… Tứ niệm xứ thành phi khinh thị… Tứ niệm xứ thành hữu (tri) cảnh *(sārammaṇa).* Tứ niệm xứ thành phi tâm. Tứ niệm xứ thành sở hữu tâm. Tứ niệm xứ thành tương ưng tâm. Tứ niệm xứ thành hòa với tâm. Tứ niệm xứ thành có tâm làm sở sanh. Tứ niệm xứ thành đồng sanh tồn với tâm. Tứ niệm xứ thành tùng tâm thông lưu. Tứ niệm xứ thành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh. Tứ niệm xứ thành hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh. Tứ niệm xứ thành có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm. Tứ niệm xứ thành bên ngoài. Tứ niệm xứ thành phi y sinh. Tứ niệm xứ thành phi do thủ.

xi. xii, xii. Đáp phần chùm thủ *(upadanagocchakādi)*

Tứ niệm xứ thành phi thủ… Tứ niệm xứ thành phi phiền não… Tứ niệm xứ thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Tứ niệm xứ thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tứ niệm xứ thành phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ. Tứ niệm xứ thành phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ. Tứ niệm xứ thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có. Tứ niệm xứ thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có. Tứ niệm xứ thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có. Tứ niệm xứ thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có. Tứ niệm xứ thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có. Tứ niệm xứ thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có. Tứ niệm xứ thành phi Dục giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có. Tứ niệm xứ thành bất liên quan luân hồi. Tứ niệm xứ thành nhân xuất luân hồi cũng có, thành phi nhân xuất luân hồi cũng có. Tứ niệm xứ thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có. Tứ niệm xứ thành vô thượng. Tứ niệm xứ thành vô y, chỉ có bấy nhiêu.

Dứt Phần ngũ vấn đáp
Đầy đủ Niệm xứ phân tích
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN VIII - TỨ CHÁNH CẦN PHÂN TÍCH

A. TỨ CHÁNH CẦN PHÂN THEO KINH

465.

Tứ chánh cần:

- Một là Phíc-khú trong Tông giáo nầy ưa thích, tinh tấn, cố gắng, chăm nom tâm, ráng để trừ những pháp bất thiện tội lỗi chưa sanh không cho sanh.
- Hai là ưa thích tinh tấn cố gắng chăm nom tâm để ráng trừ những pháp bất thiện tội lỗi đã từng sanh.
- Ba là ưa thích tinh tấn có gắng chăm nom tâm ráng cố gắng để tạo những pháp thiện chưa từng sanh đặng sanh.
- Bốn là ưa thích tinh tấn cố gắng chăm nom tâm ráng để gìn giữ đầy đủ tiến hóa càng rộng rãi không cho hao mòn những pháp thiện đã từng sanh.

466.

Phíc-khú làm cho ***sự ưa thích tinh tấn cố gắng chăm nom tâm, ráng để ngăn ngừa những pháp tội ác bất thiện chưa sanh không cho sanh*** *ra sao?* Thế nào là pháp bất thiện tội lỗi chưa sanh? Như là ba nhân bất thiện tham, sân, si và phiền não nương tâm hiện hành đồng với tham, sân, si đó tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà tương ưng với tham, sân, si ấy; hay là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tham, sân, si làm sở sanh. Như thế gọi là những pháp bất thiện tội lỗi chưa sanh. Phíc-khú làm cho sự ưa thích, tinh tấn, cố gắng, chăm nom tâm ráng để ngăn những pháp bất thiện tội lỗi chưa sanh không đặng sanh bằng cách như thế.

467.

Nói ưa thích mà ***ưa thích*** *đó ra sao?* Như là sự vừa lòng, cách làm cho vừa lòng, sự thành người thích để sẽ tạo khôn khéo trong pháp dục thiện. Như thế gọi là dục, mà làm cho dục ấy phát sanh ra hoàn toàn, vững vàng càng cứng chắc hằng sanh ra, càng sanh ra. Do nhân đó mới gọi là ưa thích làm cho phát sanh.

468.

Nói tinh tấn mà ***tinh tấn*** *đó ra sao?* Cách mở mối cho tâm siêng năng… chánh tinh tấn. Như thế gọi là chánh tinh tấn. Phíc-khú thành bực đáo cận, đáo cận mỹ mãn, đã vào đến, vào đến chu đáo, đến rồi, trọn đến rồi, hiệp với sự tinh tấn ấy. Do nhân đó mới gọi là tinh tấn.

469.

Nói mở mối siêng năng mà ***siêng năng*** *đó ra sao?* Như là cách mở mối trong tâm siêng năng… chánh tinh tấn. Như thế gọi là mở mối siêng năng.

470.

Nói chăm nom tâm mà ***tâm*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm. bực chăm nom tâm, khéo chăm nom, ủng hộ, duy trì tâm ấy. Do nhân đó mới gọi là chăm nom tâm.

471.

Nói làm cho siêng năng mà ***siêng năng*** *đó ra sao?* Như là mở mối cho tâm siêng năng… chánh tinh tấn. Như thế gọi là siêng năng. Bực đã thành đáo chí hiệp với tinh tấn ấy… Do nhân đó mới gọi là sự làm cho tâm siêng năng.

472.

Phíc khú thích làm cho ***mở mối tâm siêng năng, tinh tấn, cố gắng trừ những pháp bất thiện tội ác đã sanh, mà những pháp bất thiện tội ác đã sanh*** *đó ra sao?* Như là ba nhân bất thiện tham, sân, si làm nền tảng cho thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn, thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà hiệp với phiền não. Như thế gọi là pháp bất thiện tội ác đã sanh.

Phíc-khú ưa làm cho mở mối tâm siêng năng, tinh tấn, cố gắng trừ những pháp bất thiện tội ác đã sanh bằng cách như thế.

473.

Nói ưa thích làm cho sanh ra mà ***ưa thích*** *đó ra sao?* Như là sự vừa lòng, thích ý, bực thích làm cho khôn khéo, sự pháp dục như thế gọi là dục. Phíc-khú vẫn làm cho dục ấy phát sanh vững vàng đầy đủ tốt đẹp rất có ra, càng có ra. Do nhân đó mới gọi là thích làm cho phát sanh.

474.

Nói tinh tấn mà ***tinh tấn*** *đó ra sao?* Như là mở mối siêng năng cho tâm… chánh tinh tấn. Như thế gọi là tinh tấn.

475.

Nói cần mà ***cần*** *đó ra sao?* Như là cách mở mối cho tâm siêng năng… chánh tinh tấn. Như thế gọi là cần, mà mở mối siêng năng, khai đoan hoàn toàn, sử dụng tiến hóa đa thực hành với sự tinh tấn ấy. Do nhân đó mới gọi là mở mối siêng năng.

476.

Nói chăm nom tâm mà ***tâm*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà chăm nom tâm, khéo chăm nom, ủng hộ, duy trì, gìn giữ bảo vệ tâm ấy. Do nhân đó mới gọi là chăm nom tâm.

477.

Nói làm cho cố gắng mà ***cố gắng*** *đó ra sao?* Như là khai đoan tinh tấn trong tâm… chánh tinh tấn. Như thế gọi là cố gắng. Phíc-khú đến bực cố gắng… chuyên môn cố gắng. Do nhân đó mới gọi là làm cho cố gắng.

478.

Phíc-khú ***chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn làm cho chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh, mà chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh*** *là chi?* Như là ba nhân thiện: Vô tham, vô sân và vô si mà tương ưng với thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn và làm sở sanh cho thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Như thế gọi là chư pháp thiện chưa sanh. Phíc-khú mà chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn làm cho chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh bằng cách như thế.

479.

Câu nói dục làm cho sanh ra… tinh tấn làm cho sanh ra… cần khai đoan làm cho sanh ra… chăm nom tâm làm cho sanh ra… do nhân đó mới gọi là dục làm cho sanh ra, mà ***tinh tấn*** *đó ra sao?* Như là cách mở mối siêng năng nơi tâm… chánh tinh tấn. Như thế gọi là siêng năng. Phíc-khú đã thành bực thân cận… hiệp với sự tinh tấn ấy. Do nhân đó mới gọi là làm cho phát sanh tinh tấn.

480.

Phíc-khú chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn làm cho chư pháp thiện đã từng sanh đặng đình trụ rất vững vàng, tiến hóa đầy đủ rộng rãi không tiêu mòn, mà ***chư pháp thiện đã sanh*** *đó ra sao?* Như là ba nhân thiện: Vô tham, vô sân và vô si tương ưng với thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn sở sanh của thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Như thế gọi là chư pháp thiện đã từng sanh. Phíc-khú thành bực

chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn làm cho chư pháp thiện đã sanh đặng đình trụ rất vững vàng, tiến hóa đầy đủ rộng rãi, không tiêu mòn bằng cách như thế.

481.

*Mà **sự đầy đủ** đó ra sao?*Nói hầu đặng đình trụ nghĩa là vẫn đình trụ, tức là sự không hao mất, không tiêu mòn, sự rất vững vàng, càng vững vàng, sự quảng đại, cách quảng đại, sự tiến hóa, cách tiến hóa, đó là sự đầy đủ.

482.

*Nói dục làm cho phát sanh… tinh tấn làm cho phát sanh… cần và khai đoan làm cho phát sanh… chăm nom tâm làm cho phát sanh. Do nhân đó mới gọi là dục làm cho phát sanh, mà **tinh tấn** đó ra sao?* Như là sự mở mối siêng năng cho tâm… chánh tinh tấn. Như thế gọi là tinh tấn. Phíc-khú đã thành bực thân cận hiệp với tinh tấn ấy. Do nhân đó mới gọi là làm cho phát sanh tinh tấn.

Dứt Phần theo Kinh

B. TỨ CHÁNH CẦN PHẦN THEO DIỆU PHÁP

483.

Tứ chánh cần:

- 1 là Phíc-khú trong Tông giáo nầy chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn phát sanh đặng làm cho chư pháp bất thiện tội lỗi chưa sanh không đặng sanh.
- 2 là chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn phát sanh để trừ chư pháp bất thiện tội lỗi đã sanh.
- 3 là chăm nom khai đoan dục, cần, tinh tấn phát sanh để làm cho chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh.
- 4 là chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn làm cho chư pháp thiện đã từng sanh đặng đình trụ rất vững vàng, tiến hóa đầy đủ rộng rãi không tiêu mòn.

484.

*Phíc-khú **chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn phát sanh làm cho chư pháp bất thiện tội ác chưa từng sanh không đặng sanh** ra sao?* Phíc-khú trong khi tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì chư pháp bất thiện tội ác chưa từng sanh không đặng sanh do chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn phát sanh.

485.

*Dục mà làm cho phát sanh, **dục** đó ra sao?* Như là sự vừa lòng, tâm ưa thích thuộc pháp dục, thành lối thích hợp khéo. Như thế gọi là dục, nhưng dục làm cho sanh ra, phát ra, rất phát ra, đình trụ đặng vững vàng. Do nhân đó mới gọi là dục làm cho phát sanh ra.

486.

*Tinh tấn làm cho phát sanh ra mà **tinh tấn** đó ra sao?* Như là mở mối cho tâm siêng năng, cố gắng, khắn khít, lướt tới, tinh cần, gắn bó, ráng chịu, cứng cỏi, khắn dính, lướt tới, không lui sụt, không thối chuyển với sự vừa lòng, không bỏ qua phận sự, trau dồi rành bổn phận, cần cũng gọi cần quyền, cần lực, cần giác chi, chánh tinh tấn, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là sự tinh tấn, mà Phíc-khú đã thành bực đáo cận, đã rành cận đáo, vào đến rồi, đã rành vào đến, đã đến nơi, hoàn toàn đã đến, đã hiệp với tinh tấn ấy. Do nhân đó mới gọi là tinh tấn.

487.

*Nói khai đoan cần mà **cần** đó giải ra sao?* Như là mở mối siêng năng trong tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là cần, mà cần mở mối đây chuyên môn khai đoan sử dụng đa thực hành tu tiến với tinh tấn ấy. Do nhân đó mới gọi là khai đoan cần.

488.

*Nói chăm chú tâm làm cho phát ra mà **tâm** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm. Nhưng mà chăm chú tâm, chăm chú rành, ủng hộ bảo vệ với tâm ấy. Do nhân đó mới gọi là chăm chú tâm làm cho phát ra.

489.

*Nói làm cho chánh tinh tấn phát sanh mà **chánh tinh tấn** đó ra sao?* Như là mở mối siêng năng trong tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh tinh tấn. Còn những pháp ngoài ra đều gọi tương ưng với chánh tinh tấn.

490.

*Phíc-khú **chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn phát sanh hầu trừ những pháp bất thiện tội ác đã từng sanh** bằng cách nào?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì trong khi ấy Phíc-khú đó có sự chăm nom, khai đoan dục, cần, tinh tấn hầu trừ những pháp bất thiện tội ác đã từng sanh.

491.

*Dục làm cho sanh ra… tinh tấn làm cho sanh ra… cần khai đoan làm cho sanh ra… chăm nom tâm làm cho tâm sanh ra… sốt sắng làm cho tâm sanh ra, mà **chánh tinh tấn** đó ra sao?* Như là sự mở mối siêng năng trong tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh tinh tấn. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với chánh tinh tấn.

492.

*Phíc-khú **chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn hầu tạo chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh** ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì trong khi nào thì trong khi ấy Phíc-khú đó chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn hầu tạo chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh.

493.

*Làm cho dục sanh ra… làm cho tinh tấn sanh ra… làm cho cần khai đoan sanh ra… sự chăm nom sanh ra… nói chánh tinh tấn sanh ra mà **chánh tinh tấn** đó ra sao?* Như là sự cần khai đoan làm trong tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh tinh tấn. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với chánh tinh tấn.

494.

*Phíc-khú **làm cho sanh ra sự chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn hầu chư pháp thiện đã sanh đặng vững, rất vững đầy đủ tiến hóa rộng rãi không hao mất** ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì vẫn có trong khi nào đó thì Phíc-khú ấy làm cho sự chăm nom tâm mở mối dục, cần, tinh tấn hầu làm cho những pháp thiện đã sanh đình trụ rất vững vàng, tiến hóa đầy đủ rộng rãi không thất lạc. Như thế

gọi là Phíc-khú làm cho sanh ra sự chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn hầu chư pháp thiện đã sanh đặng vững, rất vững đầy đủ tiến hóa rộng rãi không hao mất.

495.

*Nói hầu còn đặng vững mà **đặng còn vững** như thế nào?* Đó là không hao mất, mà hao mất như thế nào? Đó là rất vững vàng, mà rất vững vàng như thế nào? Đó là sự đầy đủ, mà đầy đủ như thế nào? Đó là sự tiến hóa, mà tiến hóa như thế nào? Đó là sự đầy đủ.

496.

*Nói làm cho dục sanh ra mà **dục** đó ra sao?* Cách vừa lòng, sự thích ý, bực làm cho rành trong pháp dục. Như thế gọi là dục. Phíc-khú vẫn làm cho dục phát sanh đàng hoàng vững vàng tốt đẹp càng phát sanh, rất phát sanh. Do nhân đó mới gọi là làm cho dục sanh ra.

497.

*Nói làm cho tinh tấn sanh ra mà **tinh tấn** đó ra sao?* Như là cách mở mối nơi tâm siêng năng… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là tinh tấn. Phíc-khú đã thành bực đáo cận… hiệp với sự tinh tấn ấy. Do nhân đó mới gọi là tinh tấn.

498.

*Nói mở mối làm cho cần sanh ra mà **cần** đó ra sao?* Cách mở mối làm cho tâm siêng năng… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là cần, Phíc-khú vẫn khai đoan mở mối rành, sử dụng tu hành nhiều với sự cần ấy. Do nhân đó mới gọi là mở mối cần.

499.

*Nói chăm nom tâm mà **tâm** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm. Phíc-khú vẫn chăm nom rành, ủng hộ bảo trì tâm ấy. Do nhân đó mới gọi là chăm nom tâm.

500.

*Nói làm cho chánh tinh tấn sanh ra mà **chánh tinh tấn** đó ra sao?* Như là cách mở mối cho sự siêng năng của tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh tinh tấn. Còn những pháp ngoài ra gọi là tương ưng chánh tinh tấn.

501.

*Trong những câu nói đó mà **chánh tinh tấn** đó ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ phiền não hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thời cách mở mối nơi tâm siêng năng… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo vẫn có trong khi ấy. Dù cách nào như thế gọi là chánh tinh tấn. Còn những pháp ngoài ra gọi là tương ưng với chánh tinh tấn.

Dứt Phân theo Diệu Pháp

C. TỨ CHÁNH CẦN PHẦN VẤN ĐÁP

502.

Tứ chánh cần:

- Một là Phíc-khú trong Tông giáo nầy làm cho dục, tinh tấn khai đoan cần, chăm nom tâm và sốt sắng sanh ra hầu ngăn chận những pháp bất thiện và tội ác chưa sanh không đặng sanh.

- Hai là làm cho dục, tinh tấn, khai đoan cần, chăm nom tâm và sự siêng năng sanh ra hầu trừ những pháp bất thiện và tội ác đã từng sanh.
- Ba là làm cho dục, tinh tấn khai đoan cần, sự chăm nom tâm và sốt sắng sanh ra hầu tạo cho pháp thiện chưa sanh đặng sanh ra.
- Bốn là làm cho dục, tinh tấn khai đoan cần, sự chăm nom tâm và cách sốt sắng sanh ra hầu làm cho chư pháp thiện đã sanh đặng đình trụ rất vững vàng, tiến hóa rộng rãi đầy đủ không tiêu hao.

VẤN THEO ĐẦU ĐỀ TAM VẤN THEO ĐẦU ĐỀ NHỊ

Những tứ chánh cần mà chánh cần nào thành thiện, chánh cần nào thành bất thiện, chánh cần nào thành vô ký… chánh cần nào thành hữu y, chánh cần nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

503.

* Tứ chánh cần thành thiện.
* Tứ chánh cần thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có.
* Tứ chánh cần thành dị thục nhân.
* Tứ chánh cần thành phi thủ phi cảnh thủ.
* Tứ chánh cần thành phi phiền toái phi cảnh phiền não.
* Tứ chánh cần thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có.
* Tứ chánh cần thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.
* Tứ chánh cần thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ chánh cần thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ chánh cần thành nhân đến Níp-bàn.
* Tứ chánh cần thành hữu học.
* Tứ chánh cần thành vô lượng *(appamāṇā)*.
* Tứ chánh cần thành cảnh vô lượng.
* Tứ chánh cần thành tinh lương.
* Tứ chánh cần thành chánh nhất định.
* Tứ chánh cần không thành đạo là cảnh.
* Tứ chánh cần thành đạo là nhân.
* Tứ chánh cần thành đạo là trưởng cũng có, không thể nói thành đạo là trưởng cũng có.
* Tứ chánh cần thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, không nên nói thành sẽ sanh.
* Tứ chánh cần thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có; không thể nói thành biết cảnh quá khứ, vẫn thành biết cảnh vị lai, vẫn thành biết cảnh hiện tại.
* Tứ chánh cần thành nội phần cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Tứ chánh cần thành biết cảnh ngoại.
* Tứ chánh cần thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị

i. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

504.

Tứ chánh cần thành phi nhân. Tứ chánh cần thành hữu nhân. Tứ chánh cần thành tương ưng nhân; không nên nói thành nhân hữu nhân, chỉ thành phi nhân hữu nhân; không nên nói thành nhân tương ưng nhân, chỉ thành phi nhân tương ưng nhân và phi nhân hữu nhân.

ii. Đáp phần đỉnh *(cūlantaraduka)*

Tứ chánh cần thành hữu duyên. Tứ chánh cần thành hữu vi. Tứ chánh cần thành bất kiến. Tứ chánh cần thành vô đối chiếu. Tứ chánh cần thành phi sắc. Tứ chánh cần thành siêu thế. Tứ chánh cần thành cũng có tâm biết, thành cũng có tâm không biết.

iii. Đáp phần chùm lậu *(āsāvagocchaka)*

Tứ chánh cần thành phi lậu. Tứ chánh cần thành phi cảnh lậu. Tứ chánh cần thành bất tương ưng lậu, không nên nói thành lậu cảnh lậu hay thành phi lậu cảnh lậu. Tứ chánh cần không thể nói tuy nhiên thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu, mà chỉ thành bất tương ưng lậu phi lậu.

iv, v, vi, vii, viii, ix & x. Đáp phần chùm triền…

Tứ chánh cần thành phi triền… Tứ chánh cần thành phi phược… Tứ chánh cần thành phi bộc… Tứ chánh cần thành phi phối… Tứ chánh cần thành phi cái… Tứ chánh cần thành phi khinh thị… Tứ chánh cần thành tri cảnh. Tứ chánh cần thành phi tâm. Tứ chánh cần thành sở hữu tâm. Tứ chánh cần thành tương ưng tâm. Tứ chánh cần thành hòa với tâm. Tứ chánh cần thành có tâm làm sở sanh. Tứ chánh cần thành đồng sanh tồn với tâm. Tứ chánh cần thành tùng tâm thông lưu. Tứ chánh cần thành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh. Tứ chánh cần thành hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh. Tứ chánh cần thành có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm. Tứ chánh cần thành bên ngoài. Tứ chánh cần thành phi do thủ.

xi, xii & xiii. Đáp phần chùm thủ… *(upādānagocchakādi)*

Tứ chánh cần thành phi thủ… Tứ chánh cần thành phi phiền não… Tứ chánh cần thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Tứ chánh cần thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tứ chánh cần thành hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ. Tứ chánh cần thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tứ chánh cần thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có. Tứ chánh cần thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có. Tứ chánh cần thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có. Tứ chánh cần thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có. Tứ chánh cần thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có. Tứ chánh cần thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có. Tứ chánh cần thành phi Dục giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có. Tứ chánh cần thành bất liên quan luân hồi. Tứ chánh cần thành nhân xuất luân hồi. Tứ chánh cần thành nhất định. Tứ chánh cần thành vô thượng. Tứ chánh cần thành vô y.

Dứt Phần vấn đáp

Đầy đủ Chánh cần phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN IX - NHƯ Ý TÚC PHÂN TÍCH
(Iddhipādavibhaṅga)

A. TỨ NHƯ Ý TÚC PHÂN TÍCH PHÂN THEO KINH

505.

Tứ như ý túc:

- 1 là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến như ý túc mà hiệp với dục, định, trưởng, hành.
- 2 là tu tiến như ý túc mà hiệp với cần, định, trưởng hành.
- 3 là tu tiến như ý túc mà hiệp với tâm, định, trưởng hành.
- 4 là tu tiến như ý túc mà hiệp với thẩm, định, trưởng hành.

506.

Phíc-khú ***tu tiến tứ như ý túc mà hiệp với dục, định, trưởng hành*** *ra sao?*

- Phíc-khú làm cho dục thành trưởng rồi mới đắc định nơi tâm. Như thế mới gọi là dục định. Phíc-khú đó làm cho dục, tinh tấn mở mối siêng năng, chăm nom tâm và sốt sắng sanh ra hầu ngăn ngừa những pháp bất thiện và tội ác chưa sanh không cho sanh.
- Làm cho dục, sự tinh tấn, cách mở mối siêng năng, chăm nom tâm và sự sốt sắng sanh ra hầu trừ những pháp bất thiện và tội ác đã sanh.
- Làm cho dục cách tinh tấn sự mở mối siêng năng, cách chăm nom tâm và sự sốt sắng sanh ra hầu tạo những pháp thiện chưa sanh đặng sanh.
- Làm cho dục, sự tinh tấn, cách mở mối siêng năng, sự chăm chú tâm và sự sốt sắng sanh ra.
- Làm cho đình trụ rất vững vàng tiến hóa rộng rãi và đầy đủ không thất lạc những pháp thiện đã sanh. Như thế gọi là trưởng hành.

Dục, định và trưởng hành như đã nói, tóm lại hai cách đó thành một mới gọi là dục định, trưởng hành bằng cách như thế.

507.

* ***Dục*** *đó ra sao?* Như là sự vừa lòng thích ý, sự mến sẽ làm, cách khôn với pháp dục. Thế gọi là dục.

* ***Định*** *trong khi có ra sao?* Như là sự đình trụ của tâm, cách đình trụ của tâm, sự kiên trụ của tâm, tâm không lay động, không tán loạn, trạng thái không lay động của tâm cũng gọi là chỉ, định quyền, định lực, chánh định. Như thế gọi là định.

* ***Trưởng hành*** *trong khi có ra sao?*

- Như là cách trong tâm khai đoan tinh tấn, cách siêng năng, sự sốt sắng, cách lướt tới, sự tinh tấn, sự chuyên ròng, cách chịu đựng, cách dẻo dai, cách khắn khít, sự lướt bằng cách không lui sụt, cách không thối bỏ dục, cách không bỏ qua phận sự, chăm nom phận sự chu đáo cũng gọi cần hay cần quyền, cần lực, chánh cần. Như thế gọi là trưởng hành.
- Phíc-khú đã thành bực thân cận, đã rành thân cận, đã đến thân cận, rành đến thân cận, vào đến rồi, đã khéo vào đến rồi, đã hiệp với dục định và trưởng hành như đã nói đó. Do nhân ấy mới gọi là hiệp với dục, định, trưởng hành bằng cách như thế.

508.

- Nói như ý túc là sự thành tựu, thành tựu tốt, cách thành tựu, cách thành tựu tốt, sự đặng, sự đặng nữa, sự đến, sự đến bằng cách rành, sự đụng chạm, cách làm cho rõ rệt, sự vào đến với những pháp đó.
- Nói như ý túc như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn của bực chứng pháp đó. Còn nói tu như ý túc tức là vẫn sử dụng tu hành nhiều với pháp đó. Do nhân đó mới gọi là tu tiến như ý túc.

509.

*Phíc-khú **tu như ý túc mà hiệp với cần, định, trưởng hành** như thế nào?*

- Phíc-khú thực hành cho thành trưởng rồi mới đắc định và đắc định của tâm. Định như thế gọi là cần định. Phíc-khú đó làm cho dục, tinh tấn khai đoan cần, chăm chú tâm và sự sốt sắng sanh ra để ngăn ngừa những pháp bất thiện và tội ác mà chưa sanh không đặng sanh, hầu trừ chư pháp bất thiện và tội ác đã sanh… hầu tạo chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh, làm cho dục, tinh tấn khai đoan sự cần, sự chăm nom tâm và sự sốt sắng sanh ra để làm cho chư pháp thiện đã sanh đặng trụ, rất đình trụ, tu tiến rộng rãi đầy đủ nơi chư pháp thiện đã sanh. Những pháp như thế gọi là trưởng hành.
- Cần, định và trưởng hành như đã nói, tóm lại hai cách đó thành một mà kêu chung là cần, định, trưởng hành bằng cách như thế.

510.

∗ ***Cần** trong khi có ra sao?* Như là cách mở mối cho tâm sanh ra siêng năng… chánh tinh tấn. Như thế gọi là cần.

∗ ***Định** trong khi có ra sao?* Như là sự đình trụ của tâm, cách đình trụ của tâm, cách vững vàng của tâm, sự không lay động của tâm, sự không tán loạn của tâm, trạng thái không lay động của tâm, cũng gọi chỉ, định quyền, định lực, chánh định. Như thế gọi là định.

∗ ***Trưởng hành** trong khi có ra sao?* Như là sự khai đoan trong tâm siêng năng… chánh tinh tấn. Như thế gọi là trưởng hành. Phíc-khú đã thành bực đáo cận… đã hiệp với cần, định và trưởng hành như đã nói đó. Do nhân đó mới gọi là hiệp với cần, định, trưởng hành bằng cách như thế.

511.

∗ Nói như ý túc tức là sự thành tựu, trọn thành tựu, cách thành tựu, cách trọn thành tựu, sự đặng, sự đặng nữa, sự đến, sự đến đàng hoàng, sự đứng đắn, sự làm cho rõ, sự vào đến với những pháp đó.

∗ Câu nói như ý túc tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn của người chứng những pháp đó.

∗ Còn nói tu tiến như ý túc tức là vẫn sử dụng, trau dồi làm cho nhiều với những pháp ấy. Do nhân đó mới gọi là tu tiến như ý túc.

512.

*Phíc-khú **tu tiến như ý túc mà hiệp với tâm, định, trưởng hành** ra sao?*

- Phíc-khú làm cho tâm thành trưởng rồi mới đắc định, đắc định nơi tâm. Định ấy gọi là tâm định. Phíc-khú làm cho dục, tinh tấn mở mối cần, chăm nom tâm và sự sốt sắng phát sanh hầu ngăn ngừa chư pháp bất thiện và tội ác chưa sanh không sanh… để trừ chư pháp bất thiện và tội ác đã sanh… để tạo chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh, làm cho dục, tinh tấn mở mối cần, chăm nom tâm và sự sốt sắng sanh ra để

cho đình trụ rất vững vàng tiến hóa đầy đủ rộng rãi không tan mất của những pháp thiện đã sanh. Những chơn tướng như thế gọi là trưởng hành.

- Tâm định và trưởng hành như đã nói gom lại hai cách nầy thành một chỉ kêu là tâm, định, trưởng hành bằng cách như thế.

513.

* ***Tâm*** *đó ra sao?* Như là chủ trương biết cảnh, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm.

* ***Định*** *trong khi có ra sao?* Như là sự đình trụ của tâm… chánh định. Như thế gọi là định.

* ***Trưởng hành*** *trong khi có ra sao?* Như là cách mở mối cần trong tâm… chánh tinh tấn. Như thế gọi là trưởng hành. Phíc-khú thành bực đã hiệp với tâm, định và trưởng hành như đã nói. Do nhân đó mới gọi là hiệp với tâm, định, trưởng hành bằng cách như thế.

514.

* Nói như ý túc tức là sự thành tựu, trọn thành tựu, cách thành tựu, cách trọn thành tựu, sự đặng, sự đặng nữa, sự đến, sự đến đàng hoàng, sự đúng đắn, sự làm cho rõ, sự vào đến với những pháp đó.

* Câu nói như ý túc tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn của người chứng pháp đó.

* Còn nói tu tiến như ý túc tức là vẫn sử dụng trau dồi làm cho nhiều với những pháp ấy. Do nhân đó mới gọi là tu tiến như ý túc.

515.

Phíc-khú ***tu tiến như ý túc mà hiệp với thẩm, định, trưởng hành*** *đó ra sao?*

- Phíc-khú làm cho tuệ đặng thành trưởng rồi mới đắc định, đắc định của tâm. Định ấy gọi là thẩm định. Phíc-khú đó làm cho dục, tinh tấn mở mối cần, chăm nom tâm và sự sấn sướt phát sanh hầu ngăn ngừa chư pháp bất thiện và tội ác chưa sanh không sanh… để trừ chư pháp bất thiện và tội ác đã sanh… hầu tạo chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh, làm cho tinh tấn mở mối cần, chăm nom tâm và sự sấn sướt phát sanh để làm cho chư pháp thiện đã sanh vững vàng đình trụ tiến hóa đầy đủ rộng rãi không tan mất. Những trạng thái như thế gọi là trưởng hành.
- Thẩm, định và trưởng hành như đã nói đó gồm lại hai thứ thành một vẫn kêu là thẩm, định, trưởng hành bằng cách như thế.

516.

* ***Thẩm*** *trong khi có ra sao?* Như là tuệ, trạng thái hiểu rõ… vô si, trạch pháp, chánh kiến. Như thế gọi là thẩm *(vimaṅsā).*

* ***Định*** *trong khi có ra sao?* Như là sự đình trụ của tâm… chánh định. Như thế gọi là định.

* ***Trưởng hành*** *trong khi có ra sao?* Như là cách mở mối cho sự siêng năng của tâm… và chánh tinh tấn. Như thế gọi là trưởng hành. Phíc-khú đã thành bực đáo cận… đã hiệp với thẩm, định và trưởng hành như đã nói. Do nhân đó mới gọi là hiệp với thẩm, định, trưởng hành bằng cách như thế.

517.

* Nói như ý túc tức là sự thành tựu, trọn thành tựu, cách thành tựu, cách trọn thành tựu, sự đặng, sự đặng nữa, sự đến, sự đến đàng hoàng, sự đúng đắn, sự làm cho rõ, sự vào đến với những pháp đó.
* Câu nói như ý túc tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn của người chứng những pháp đó.
* Còn nói tu tiến như ý túc tức là vẫn sử dụng trau dồi làm cho nhiều với những pháp đó. Do nhân ấy mới gọi là tu tiến như ý túc.

Dứt Phân theo Kinh

B. TỨ NHƯ Ý TÚC PHÂN THEO DIỆU PHÁP

518.

Tứ như ý túc:
- 1 là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến như ý túc mà hiện với dục, định, trưởng hành.
- 2 là tu tiến như ý túc mà hiệp với cần, định, trưởng hành.
- 3 là tu tiến như ý túc mà hiệp với tâm, định, trưởng hành.
- 4 là tu tiến như ý túc mà hiệp với thẩm, định, trưởng hành.

519.

*Phíc-khú **tu tiến như ý túc mà hiệp với dục, định, trưởng hành** ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà vẫn hành nan đắc trì trong khi đó là tu tiến như ý túc mà hiệp với dục định, trưởng hành.

520.

* ***Dục** trong khi có ra sao?* Như là sự vừa lòng, cách thích ý, sự ưa mến để làm cho khôn khéo rành rẽ với pháp dục. Như thế gọi là dục.
* ***Định** trong khi có ra sao?* Như là sự đình trụ của tâm… chánh định, định giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là định.
* ***Trưởng hành** trong khi đó ra sao?* Như là cách mở mối cho sự siêng năng trong tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là trưởng hành. Phíc-khú đã thành bực đáo cận, đã rành đáo cận, đã đến xong rồi, đã đến hoàn thành, đã vào đến, đã rành vào đến, đã hiệp với dục định và trưởng hành như đã nói. Do nhân đó mới gọi là hiệp với dục, định, trưởng hành bằng cách như thế.

521.

* Nói như ý tức là sự thành tựu, trọn thành tựu, cách thành tựu, cách trọn thành tựu, sự đặng, sự đặng nữa, sự đến, sự đến đàng hoàng, sự đứng đắn, sự làm cho rõ, sự vào đến với những pháp đó.
* Câu nói như ý túc tức là xúc… chiếu cố, vô phóng dật, của người chứng những pháp đó.
* Còn nói tu tiến như ý túc tức là vẫn sử dụng trau dồi làm cho nhiều với những pháp ấy. Do nhân đó mới gọi là tu tiến như ý túc.

522.

*Phíc-khú **tu tiến như ý túc mà hiệp với cần, định, trưởng hành** ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt

ráo đặng trừ phiền não, hầu chứng bực ban sơ tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định vẫn hành nan đắc trì trong khi đó là tu tiến như ý túc mà hiệp với cần, định, trưởng hành.

523.

* ***Cần*** *trong khi có ra sao?* Như là cách mở mối cho sự siêng năng của tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là cần.

* ***Định*** *trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm… chánh định, định giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là định.

* ***Trưởng hành*** *trong khi có ra sao?* Cách mở mối cho sự siêng năng của tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là trưởng hành. Phíc-khú thành bực đã đáo cận… đã hiệp với cần, định và trưởng hành như đã nói. Do nhân đó mới gọi là hiệp với cần, định, trưởng hành bằng cách như thế.

524.

* Nói như ý tức là sự thành tựu, trọn thành tựu, cách thành tựu, cách trọn thành tựu, sự đặng, sự đặng nữa, sự đến, sự đến đàng hoàng, sự đứng đắn, sự làm cho rõ, sự vào đến với những pháp đó.

* Câu nói như ý túc tức là xúc… chiếu cố, vô phóng dật của người đắc chứng pháp đó.

* Còn nói tu tiến như ý túc tức là vẫn sử dụng trau dồi làm cho nhiều với những pháp ấy. Do nhân đó mới gọi là tu tiến như ý túc.

525.

Phíc-khú ***tu tiến như ý túc mà hiệp với tâm, định, trưởng hành*** *ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định vẫn hành nan đắc trì trong khi đó là tu tiến như ý túc mà hiệp với tâm, định, trưởng hành.

526.

* ***Tâm*** *trong khi có ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm.

* ***Định*** *trong khi có ra sao?* Như là sự đình trụ của tâm… chánh định, định giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là định.

* ***Trưởng hành*** *đó ra sao?* Như là cách mở mối cho sự siêng năng của tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là trưởng hành.

Phíc-khú thành bực đáo cận… đã hiệp với tâm định và trưởng hành như đã nói. Do nhân đó mới gọi là hiệp với tâm, định, trưởng hành bằng cách như thế.

527.

* Nói như ý tức là sự thành tựu, trọn thành tựu, cách thành tựu, cách trọn thành tựu, sự đặng, sự đặng nữa, sự đến, sự đến đàng hoàng, sự đứng đắn, sự làm cho rõ, sự vào đến với những pháp đó.

* Câu nói như ý túc tức là xúc… chiếu cố, vô phóng dật của người chứng những pháp đó.

* Còn nói tu tiến như ý túc tức là vẫn sử dụng trau dồi làm cho nhiều với những pháp đó. Do nhân đó mới gọi là tu tiến như ý túc.

528.

*Phíc-khú **tu tiến như ý túc mà hiệp với thẩm, định, trưởng hành** ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định vẫn hành nan đắc trì trong khi đó là tu tiến như ý túc mà hiệp với thẩm, định, trưởng hành.

529.

∗ ***Thẩm** đó ra sao?* Như là tuệ hay cách hiểu rõ… sự không mê mờ, lối trạch pháp, chánh kiến, trạch pháp giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là thẩm *(vimaṅsā).*

∗ ***Định** trong khi có ra sao?* Như là sự đình trụ của tâm… chánh định, định giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là định.

∗ ***Trưởng hành** đó ra sao?* Như là cách mở mối cho sự siêng năng của tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là trưởng hành, mà Phíc-khú đã thành bực đáo cận, đáo cận rành rẽ, đã đến, đến rành rẽ, vào đến rồi, đã vào đến rành rẽ, đã hiệp với thẩm, định và trưởng hành như đã nói đó. Do nhân đó mới gọi là hiệp với thẩm, định, trưởng hành bằng cách như thế.

530.

∗ Nói như ý tức là sự thành tựu, trọn thành tựu, cách thành tựu, cách trọn thành tựu, sự đặng, sự đặng nữa, sự đến, sự đến đàng hoàng, sự đứng đắn, sự làm cho rõ, sự vào đến với những pháp đó.

∗ Câu nói như ý túc tức là xúc… chiếu cố, vô phóng dật của người chứng những pháp đó.

∗ Còn nói tu tiến như ý túc tức là vẫn sử dụng trau dồi làm cho nhiều với những pháp ấy. Do nhân đó mới gọi là tu tiến như ý túc.

531.

∗ Tứ như ý túc: Một là dục như ý túc. Hai là cần như ý túc. Ba là tâm như ý túc. Bốn là thẩm như ý túc.

532.

***Dục như ý túc** đó ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thì cách vừa lòng, sự thích ý, lối ưa mến làm cho khéo rành trong pháp dục. Như thế gọi là dục như ý túc. Còn những pháp ngoài ra gọi là tương ưng với dục như ý túc.

533.

***Cần như ý túc** đó ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định vẫn hành nan đắc trì trong khi đó thì cách mở mối cho sự siêng năng của tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo, vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là cần như ý túc. Còn những pháp ngoài ra chỉ gọi tương ưng với cần như ý túc.

534.

***Tâm như ý túc** đó ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định vẫn hành nan đắc trì trong khi

đó thì tâm, ý, tâm địa sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm như ý túc. Còn những pháp ngoài ra gọi tương ưng với tâm như ý túc.

535.

Thẩm như ý túc *trong khi có ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ phiền não hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định, vẫn hành nan đắc trì trong khi đó thời tuệ hay thái độ hiểu rõ… sự không mê mờ, lối trạch pháp, chánh kiến, trạch pháp giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là thẩm như ý túc. Còn những pháp ngoài ra gọi tương ưng với thẩm như ý túc.

Dứt Phân theo Diệu Pháp

C. TỨ NHƯ Ý TÚC PHẦN VẤP ĐÁP

536.

Tứ như ý túc:

- 1 là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến như ý túc mà hiệp với dục, định, trưởng hành.
- 2 là tu tiến như ý túc mà hiệp với cần, định, trưởng hành.
- 3 là tu tiến như ý túc mà hiệp với tâm, định, trưởng hành.
- 4 là tu tiến như ý túc mà hiệp với thẩm, định, trưởng hành.

VẤN THEO ĐẦU ĐỀ TAM VẤN THEO ĐẦU ĐỀ NHỊ

Những tứ như ý túc mà như ý túc nào thành thiện, như ý túc nào thành bất thiện, như ý túc nào thành vô ký… như ý túc nào thành hữu y, như ý túc nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

537.

* Tứ như ý túc chỉ thành thiện.
* Tứ như ý túc thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có.
* Tứ như ý túc thành dị thục nhân.
* Tứ như ý túc thành phi do thủ phi cảnh thủ.
* Tứ như ý túc thành phi phiền toái phi cảnh phiền não.
* Tứ như ý túc thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có.
* Tứ như ý túc thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.
* Tứ như ý túc thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ như ý túc thành phi hữu nhân phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ như ý túc thành nhân xuất luân hồi.
* Tứ như ý túc thành hữu học.
* Tứ như ý túc thành vô lượng *(Appamāṇā)*.
* Tứ như ý túc thành cảnh vô lượng.
* Tứ như ý túc thành tinh lương.
* Tứ như ý túc thành chánh nhất định.
* Tứ như ý túc không thành đạo là cảnh.
* Tứ như ý túc thành đạo là nhân cũng có, không thành đạo là trưởng cũng có.

* Tứ như ý túc thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, không thể nói thành sẽ sanh.
* Tứ như ý túc thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* Tứ như ý túc không thể nói thành biết cảnh quá khứ; thành biết cảnh vị lai hay thành biết cảnh hiện tại.
* Tứ như ý túc thành bên trong cũng có, thành bên ngoài cũng có, thành bên trong và bên ngoài cũng có.
* Tứ như ý túc thành biết cảnh bên ngoài.
* Tứ như ý túc thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị *(dukamātikā)*

i. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

538.

* Thẩm như ý túc thành thiện. Tam như ý túc thành phi nhân.
* Tứ như ý túc thành hữu nhân.
* Tứ như ý túc thành tương ưng nhân.
* Thẩm như ý túc thành nhân hữu nhân. Tam như ý túc không thể nói thành nhân hữu nhân, chỉ thành phi nhân hữu nhân.
* Thẩm như ý túc thành nhân tương ưng nhân. Tam như ý túc không thể nói thành nhân tương ưng nhân, chỉ thành phi nhân tương ưng nhân.
* Tam như ý túc thành phi nhân hữu nhân. Thẩm như ý túc không thể nói thành phi nhân hữu nhân hay thành phi nhân vô nhân.

ii, iii, iv, v, vi, vii, viii, ix. Đáp nhị đề đỉnh… *(cūlantaradukādi)*

539.

* Tứ như ý túc thành hữu duyên... Tứ như ý túc thành hữu vi... Tứ như ý túc thành bất kiến... Tứ như ý túc thành vô đối chiếu... Tứ như ý túc thành phi sắc... Tứ như ý túc thành siêu thế... Tứ như ý túc thành cũng có tâm biết, thành cũng có tâm không biết.
* Tứ như ý túc thành phi lậu... Tứ như ý túc thành phi cảnh lậu... Tứ như ý túc thành bất tương ưng lậu.
* Tứ như ý túc không thể nói thành lậu cảnh lậu, tuy nhiên thành phi lậu cảnh lậu.
* Tứ như ý túc không thể nói tuy nhiên thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu.
* Tứ như ý túc thành bất tương ưng lậu phi cảnh lậu.
* Tứ như ý túc thành phi triền… Tứ như ý túc thành phi phược… Tứ như ý túc thành phi bộc… Tứ như ý túc thành phi phối… Tứ như ý túc thành phi cái… Tứ như ý túc thành phi khinh thị

x. Đáp phần nhị đề đại *(mahantaraduka)*

540.

* Tứ như ý túc thành biết cảnh.
* Tam như ý túc thành phi tâm. Tâm như ý túc thành tâm.
* Tam như ý túc thành sở hữu tâm, tâm như ý túc thành phi sở hữu tâm.
* Tam như ý túc thành tương ưng tâm. Tâm như ý túc không thể nói thành tương ưng tâm hay thành bất tương ưng tâm.

* Tam như ý túc thành hòa với tâm. Tâm như ý túc không thể nói thành hòa với tâm hay vẫn thành phi hòa với tâm.
* Tam như ý túc thành có tâm làm sở sanh. Tâm như ý túc thành không có tâm làm sở sanh.
* Tam như ý túc thành đồng sanh tồn với tâm. Tâm như ý túc thành phi đồng sanh tồn với tâm.
* Tam như ý túc thành tùng tâm thông lưu. Tâm như ý túc thành phi tùng tâm thông lưu.
* Tam như ý túc thành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh. Tâm như ý túc thành phi hòa với tâm và không có tâm làm sở sanh.
* Tam như ý túc thành hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh. Tâm như ý túc thành phi hòa, phi đồng sanh tồn và khỏi nương tâm làm sở sanh
* Tam như ý túc thành có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm. Tâm như ý túc thành phi tâm làm sở sanh và không hòa, không tùng thông lưu với tâm.
* Tam như ý túc thành ngoại phần. Tâm như ý túc thành nội phần.
* Tứ như ý túc thành phi y sinh.
* Tứ như ý túc thành phi do thủ.

xi, xii, xiii. Đáp phần chùm thủ... *(upādānagocchakādi)*

541.

* Tứ như ý túc thành phi thủ…
* Tứ như ý túc thành phi phiền não…
* Tứ như ý túc thành phi sơ đạo tuyệt trừ.
* Tứ như ý túc thành phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ như ý túc thành phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.
* Tứ như ý túc thành phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ như ý túc thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có.
* Tứ như ý túc thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có.
* Tứ như ý túc thành vô hỷ cũng có.
* Tứ như ý túc thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có.
* Tứ như ý túc thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có.
* Tứ như ý túc thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.
* Tứ như ý túc thành phi Dục giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có.
* Tứ như ý túc thành bất liên quan luân hồi.
* Tứ như ý túc thành nhân xuất luân hồi.
* Tứ như ý túc thành nhất định.
* Tứ như ý túc thành vô thượng.
* Tứ như ý túc thành vô y, chỉ có bấy nhiêu.

Dứt Phần vấn đáp

Đầy đủ như ý túc phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN X - GIÁC CHI PHÂN TÍCH

A. GIÁC CHI PHÂN TÍCH PHÂN THEO KINH

Phần thứ nhất của thất giác chi

542.

Thất giác chi: Một là niệm giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là cần giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là an giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi.

543.

*Trong thất giác chi đó mà **niệm giác chi** ra sao?*

- Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy thành bực có chánh niệm hiệp với sự nhớ đặng và trí cao siêu nhớ ghi, thường nhớ đặng với những sự làm để lâu hay sự nói đã lâu. Như thế gọi là niệm giác chi.
- Phíc-khú ấy vẫn có chánh niệm như thế, chọn lựa, quán rõ với pháp ấy bằng tuệ. Như thế gọi là trạch pháp giác chi.
- Sự tinh tấn, cách không lui sụt, chọn lựa quán rõ pháp ấy, đã mở mối cho tuệ. Như thế gọi là cần giác chi.
- Pháp hỷ mà lìa vật chất phát sanh với bực tinh tấn mà đã mở mối. Như thế gọi là hỷ giác chi.
- Sự tịnh thân tịnh tâm của bực mà tâm có pháp hỷ. Như thế gọi là an giác chi.
- Sự yên tịnh vững vàng của bực thân tâm đã yên tịnh. Như thế gọi là định giác chi.
- Bực nào có tâm đình trụ vững vàng, quán sát rành rẽ, thuần thục như thường. Thế gọi là xả giác chi.

Phần thứ hai của thất giác chi

544.

Thất giác chi: Một là niệm giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là cần giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là an giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi.

545.

*Trong thất giác chi mà **niệm giác chi** đó ra sao?*

- Vẫn có niệm trong pháp bên trong, vẫn có niệm trong pháp bên ngoài. Niệm trong pháp bên trong dù cách nào, niệm trong pháp bên trong như thế đó; thế cũng gọi là niệm giác chi.
- Vẫn hành vi để biết cao siêu cho đặng đắc chứng hầu đến Níp-bàn, niệm trong pháp bên ngoài dù thế nào thì niệm trong pháp bên ngoài thế đó. Thế cũng gọi là niệm giác chi, vẫn hành vi để biết rốt ráo hầu đắc chứng đến Níp-bàn.

546.

***Trạch pháp giác chi** trong khi có ra sao?* Như là vẫn có sự lựa chọn trong pháp bên trong, vẫn có sự lựa chọn trong pháp bên ngoài; sự lựa chọn trong pháp bên trong dù thế nào thì sự lựa chọn trong pháp bên trong như thế đó, cũng gọi là trạch pháp giác chi, vẫn hành vi để rõ thấu hầu đắc chứng đến Níp-bàn và sự lựa chọn trong pháp bên ngoài dù như thế nào thì sự lựa chọn trong pháp bên ngoài như thế đó; cũng gọi trạch pháp giác chi, vẫn hành vi hầu rõ thấu tỏ ngộ để đắc chứng đến Níp-bàn.

547.

Cần giác chi *trong khi có ra sao?* Như là vẫn có siêng năng bằng thân, vẫn có siêng năng bằng tâm; sự siêng năng bằng thân dù thế nào thì sự siêng năng bằng thân đó cũng gọi là cần giác chi. Vẫn hành vi để tỏ ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn. Hay sự siêng năng bằng tâm dù thế nào thì siêng năng bằng tâm ấy cũng gọi là cần giác chi, vẫn hành vi để ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn.

548.

Hỷ giác chi *trong khi có ra sao?* Như là vẫn có pháp hỷ mà có tầm có tứ; vẫn có pháp hỷ mà vô tầm vô tứ. Pháp hỷ mà hữu tầm hữu tứ dù thế nào thì pháp hỷ hữu tầm hữu tứ đó cũng gọi là hỷ giác chi, vẫn hành vi để tỏ ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn. Pháp hỷ mà vô tầm vô tứ dù thế nào thì pháp hỷ vô tầm vô tứ đó cũng gọi là hỷ giác chi, vẫn hành vi tỏ ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn.

549.

An giác chi *trong khi có ra sao?* Như là vẫn có yên tịnh thân, vẫn có yên tịnh tâm. Yên tịnh thân dù thế nào thì yên tịnh thân đó cũng gọi an giác chi, vẫn hành vi để tỏ ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn. Yên tịnh tâm dù thế nào thì yên tịnh tâm đó cũng gọi là an giác chi, vẫn hành vi để tỏ ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn.

550.

Định giác chi *trong khi có ra sao?* Vẫn có định hữu tầm hữu tứ, vẫn có định vô tầm vô tứ mà định hữu tầm hữu tứ dù thế nào thì định hữu tầm hữu tứ đó cũng gọi là định giác chi, vẫn hành vi để tỏ ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn. Định vô tầm vô tứ dù thế nào thì định vô tầm vô tứ đó cũng gọi là định giác chi, vẫn hành vi để tỏ ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn.

551.

Xả giác chi *trong khi có ra sao?*

- Như là vẫn có xả trong pháp bên trong, vẫn có xả trong pháp bên ngoài. Xả trong pháp bên trong dù thế nào thì xả trong pháp bên trong như thế đó, cũng gọi xả giác chi vẫn hành vi để tỏ ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn.
- Xả trong pháp bên ngoài dù thế nào thì xả trong pháp bên ngoài như thế đó, cũng gọi xả giác chi, vẫn hành vi để tỏ ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn.

Phần thứ ba của thất giác chi

552.

* **Thất giác chi**: Một là niệm giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là cần giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là an giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi.

* *Trong thất giác chi đó mà* ***niệm giác chi*** *ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến niệm giác chi mà nương định, nương ly dục, nương diệt mong để đạt trừ tuyệt, tu tiến trạch pháp giác chi, tu tiến cần giác chi, tu tiến hỷ giác chi, tu tiến an giác chi, tu tiến định giác chi, tu tiến xả giác chi mà nương định, nương ly dục, nương diệt mong đặng trừ tuyệt.

Dứt Phần phân theo Kinh

B. GIÁC CHI PHÂN TÍCH – PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP

Vấn đáp phần riêng

553.

* **Thất giác chi**: Một là niệm giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là cần giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là an giác chi, sáu là định giác chi và bảy là xả giác chi.
* ***Thất giác chi*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào Phíc-khú tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền vẫn hành nan đắc trì, thì thất giác chi vẫn có trong khi đó như là niệm giác chi… xả giác chi.

554.

Niệm giác chi *trong khi có ra sao?* Như là nhớ đặng, thường nhớ… chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là niệm giác chi.

555.

Trạch pháp giác chi *trong khi có ra sao?* Như là tuệ hay thái độ biết rõ… vô si, trạch pháp, chánh kiến, trạch pháp giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là trạch pháp giác chi.

556.

Cần giác chi *trong khi có ra sao?* Như là sự mở mối siêng năng trong tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là cần giác chi.

557.

Hỷ giác chi *trong khi có ra sao?* Như là pháp hỷ, sự mừng no, cách rất vui, sự phơi phới, cách hớn hở, cách vui bổng bột, sự khoái, sự vui mừng, thái độ mừng của tâm chính là hỷ giác chi. Như thế gọi là hỷ giác chi.

558.

An giác chi *trong khi có ra sao?* Như là sự vắng lặng, cách yên tịnh, thái độ vắng lặng, chơn tướng yên tịnh hay sự yên tịnh của thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn thành an giác chi. Như thế gọi là an giác chi.

559.

Định giác chi *trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm… thành chánh định, định giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là định giác chi.

560.

Xả giác chi *trong khi có ra sao?* Như là sự buông bỏ, cách buông bỏ, chăm chú bằng tâm trung bình thành xả giác chi. Như thế gọi là xả giác chi.

Những pháp như thế gọi là thất giác chi. Còn những pháp ngoài ra gọi tương ưng với thất giác chi.

Vấn đáp phần chung

561.

Thất giác chi: Một là niệm giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là cần giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là an giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi.

- *Trong những thất giác chi đó mà* ***niệm giác chi*** *ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thì niệm hay sự hằng nhớ… thành chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi niệm giác chi. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với niệm giác chi… .
- … những pháp ngoài ra tương ưng với **trạch pháp giác chi**…
- … những pháp ngoài ra tương ưng với **cần giác chi**…
- … những pháp ngoài ra tương ưng với **hỷ giác chi**…

- … những pháp ngoài ra tương ưng với **an giác chi**…
- … những pháp ngoài ra tương ưng với **định giác chi**…
- ***Xả giác chi*** *trong khi có ra sao?* Phíc-khú ấy trong khi đó tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định vẫn hành nan đắc trì trong khi đó có sự như thường, thái độ như thường, cách chăm chú trung bình của tâm thành xả giác chi, dù cách nào như thế gọi là xả giác chi. Còn những pháp ngoài ra gọi tương ưng với xả giác chi.

Phần vấn đáp riêng

562.

* **Thất giác chi**: Một là niệm giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là cần giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là an giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi.
* ***Thất giác chi*** *đó ra sao?*
  - Như là trong khi đó Phíc-khú ấy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
  - Bực tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà thành dị thục quả do tu hành tiến hóa thiền thiện siêu thế đã chứa để thuộc chủng tiêu diệt vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thì thất giác chi như là niệm giác chi… xả giác chi vẫn có trong khi ấy.
* *Trong thất giác chi đó mà* ***niệm giác chi*** *ra sao?* Như là sự nhớ đặng, hằng nhớ… thành chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là niệm giác chi…
* ***Xả giác chi*** *trong khi có ra sao?* Như là sự như thường, cách như thường, thái độ gắng chăm chú bằng cách trung bình của tâm, thành xả giác chi. Như thế gọi là xả giác chi.

  Những pháp ấy gọi là thất giác chi. Còn những pháp ngoài ra chỉ gọi là tương ưng với thất giác chi.

Vấn đáp phần chung

563.

* **Thất giác chi**: Một là niệm giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là cần giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là an giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi.
  - *Trong thất giác chi đó mà* ***niệm giác chi*** *ra sao?*
    - Như là Phíc-khú đó tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định, vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
    - Bực thanh tịnh lìa chư dục… đắc sơ thiền mà thành dị thục quả do thực hành tu tiến theo thiền thiện siêu thế chứa để mà thuộc chủng tiêu diệt vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thì niệm hay sự hằng nhớ… thành chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là niệm giác chi. Còn những pháp ngoài ra chỉ gọi là tương ưng với niệm giác chi…
  - … những pháp ngoài ra gọi tương ưng với **trạch pháp giác chi**…
  - … những pháp ngoài ra gọi tương ưng với **cần giác chi**…

- … những pháp ngoài ra gọi tương ưng với **hỷ giác chi**…
- … những pháp ngoài ra gọi tương ưng với **an giác chi**…
- … những pháp ngoài ra gọi tương ưng với **định giác chi**…
- ***Xả giác chi** trong khi có ra sao?*
  - Như là Phíc-khú tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định, vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
  - Bực vắng lặng xa lìa chư dục… đắc sơ thiền thành dị thục quả do đã thực hành tu tiến theo thiền thiện siêu thế vẫn hành nan đắc trì thuộc chủng tiêu diệt trong khi đó thì sự như thường, cách như thường, thái độ rất chăm chú bằng cách trung bình của tâm thành xả giác chi. Như thế gọi là xả giác chi. Còn những pháp ngoài ra chỉ gọi tương ưng với xả giác chi.

Dứt Phân theo Diệu Pháp

C. GIÁC CHI PHÂN TÍCH - PHẦN VẤN ĐÁP

564.

Thất giác chi: Một là niệm giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là cần giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là an giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi.

VẤN THEO ĐẦU ĐỀ TAM VẤN THEO ĐẦU ĐỀ NHỊ

Trong những thất giác chi đó mà điều nào thành thiện, điều nào thành bất thiện, điều nào thành vô ký… điều nào thành hữu y, điều nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

565.

- Thất giác chi chỉ thành thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
- Hỷ giác chi thành tương ưng lạc thọ. Lục giác chi thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có.
- Thất giác chi thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có.
- Thất giác chi thành phi do thủ phi cảnh thủ.
- Thất giác chi thành phi phiền toái phi cảnh phiền não.
- Thất giác chi thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có.
- Hỷ giác chi thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành phi đồng sanh xả. Lục giác chi thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.
- Thất giác chi thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
- Thất giác chi thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- Thất giác chi thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
- Thất giác chi thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có.
- Thất giác chi thành vô lượng *(appamāṇā)*.
- Thất giác chi thành cảnh vô lượng *(appamāṇārammaṇā)*.

* Thất giác chi thành tinh lương *(paṇītā)*.
* Thất giác chi thành chánh nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Thất giác chi không thành đạo là cảnh cũng có, thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có. Không thể nói thành đạo là nhân, vẫn thành đạo là trưởng cũng có.
* Thất giác chi thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Thất giác chi thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có. Không thể nói vẫn thành biết cảnh quá khứ, vẫn thành biết cảnh vị lai, vẫn thành biết cảnh hiện tại.
* Thất giác chi thành nội phần cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Thất giác chi thành biết cảnh ngoại phần.
* Thất giác chi thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị

I. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

566.

* Trạch pháp giác chi thành nhân. Lục giác chi thành phi nhân.
* Thất giác chi thành hữu nhân.
* Thất giác chi thành tương ưng nhân.
* Trạch pháp giác chi thành nhân hữu nhân. Lục giác chi không thể nói thành nhân hữu nhân, chỉ thành phi nhân hữu nhân.
* Trạch pháp giác chi thành nhân tương ưng nhân. Lục giác chi không thể nói thành nhân tương ưng nhân, chỉ thành phi nhân tương ưng nhân.
* Lục giác chi thành phi nhân hữu nhân. Trạch pháp giác chi không nên nói thành phi nhân hữu nhân hay thành phi nhân vô nhân.

ii, iii, iv, v, vi, vii, viii, ix, x, xi, xii. Đáp phần nhị đề đỉnh…

567.

* Thất giác chi thành hữu duyên… .
* Thất giác chi thành hữu vi… .
* Thất giác chi thành bất kiến… .
* Thất giác chi thành vô đối chiếu… thất giác chi thành phi sắc.
* Thất giác chi thành siêu thế.
* Thất giác chi thành có tâm biết đặng cũng có, thành có tâm không biết đặng cũng có.
* Thất giác chi thành phi lậu.
* Thất giác chi thành phi cảnh lậu.
* Thất giác chi thành bất tương ưng lậu.
* Thất giác chi không thể nói thành lậu cảnh lậu hay thành phi lậu cảnh lậu. Không thể nói tuy nhiên thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu.
* Thất giác chi thành bất tương ưng lậu phi cảnh lậu.
* Thất giác chi thành phi triền… thất giác chi thành phi phược… thất giác chi thành phi bộc… thất giác chi thành phi phối… thất giác chi thành phi cái… .
* Thất giác chi thành phi khinh thị… .
* Thất giác chi thành tri cảnh.

- Thất giác chi thành phi tâm.
- Thất giác chi thành sở hữu tâm.
- Thất giác chi thành tương ưng tâm.
- Thất giác chi thành hòa với tâm.
- Thất giác chi thành có tâm làm sở sanh.
- Thất giác chi thành đồng sanh tồn với tâm.
- Thất giác chi thành tùng tâm thông lưu.
- Thất giác chi thành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh.
- Thất giác chi thành hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh.
- Thất giác chi thành có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm.
- Thất giác chi thành bên ngoài
- Thất giác chi thành phi y sinh.
- Thất giác chi thành phi do thủ.
- Thất giác chi thành phi thủ.
- Thất giác chi thành phi phiền não.

xiii. Đáp phần yêu bối *(piṭṭhiduka)*

568.

- Thất giác chi thành phi sơ đạo tuyệt trừ.
- Thất giác chi thành phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- Thất giác chi thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ.
- Thất giác chi thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- Thất giác chi thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có.
- Thất giác chi thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có.
- Hỷ giác chi thành vô hỷ. Lục giác chi thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có.
- Hỷ giác chi thành phi đồng sanh hỷ. Lục giác chi thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có.
- Hỷ giác chi thành đồng sanh lạc. Lục giác chi thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có.
- Hỷ giác chi thành phi đồng sanh xả. Lục giác chi thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.
- Thất giác chi thành phi Dục giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có.
- Thất giác chi thành bất liên quan luân hồi.
- Thất giác chi thành nhân xuất luân hồi cũng có, thành phi nhân xuất luân hồi cũng có.
- Thất giác chi thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có. Thất giác chi thành vô thượng. Thất giác chi thành vô y, chỉ có bấy nhiêu.

Dứt Phần vấn đáp

Đầy đủ Giác chi phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN XI - ĐẠO PHÂN TÍCH

A. ĐẠO PHÂN TÍCH PHÂN THEO KINH

Phần thứ nhất của bát chánh đạo

569.

Thánh đạo có tám chi: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh ngữ, bốn là chánh nghiệp, năm là chánh mạng, sáu là chánh tinh tấn, bảy là chánh niệm, tám là chánh định.

570.

Trong bát thánh đạo đó mà ***chánh kiến*** *ra sao?* Như là cách biết khổ, sự biết khổ tập, sự biết khổ diệt, cách biết lối tiến hành đi đến diệt khổ. Như thế gọi là chánh kiến.

571.

Chánh tư duy *đó ra sao?* Như là sự suy xét ly sân độc, sự suy xét không phải ép uổng. Như thế gọi là chánh tư duy.

572.

Chánh ngữ *trong khi có ra sao?* Như là nói lời xa lìa vọng ngôn, nói lời xa lìa ỷ ngữ, nói lời xa lìa lưỡng thiệt, nói lời xa lìa ác khẩu. Như thế gọi là chánh ngữ.

573.

Chánh nghiệp *trong khi có ra sao?* Như là sự xa lìa sát sanh, xa lìa trộm cướp, xa lìa tà dâm. Như thế gọi là chánh nghiệp.

574.

Chánh mạng *trong khi có ra sao?* Như là bực thanh văn, Thánh quả đã chừa bỏ tà mạng, tự hượt nuôi sống bằng cách chơn chánh. Như thế gọi là chánh mạng.

575.

Chánh tinh tấn *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú làm cho dục, cần khai đoan tinh tấn, chăm nom tâm và sự sốt sắng phát sanh hầu ngăn chận pháp bất thiện và tội ác chưa sanh không cho sanh. Hay làm cho dục, cần khai đoan tinh tấn, chăm nom tâm và sự sốt sắng phát sanh hầu trừ chư pháp bất thiện và tội ác đã sanh. Làm cho dục, cần khai đoan tinh tấn chăm nom tâm và sự sốt sắng phát sanh để tạo chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh và làm cho dục, cần khai đoan tinh tấn, chăm nom tâm và sự sốt sắng sanh ra để làm cho pháp thiện đã sanh đặng đình trụ rất vững vàng, tiến hóa đầy đủ rộng rãi không tiêu hao. Như thế gọi là chánh tinh tấn.

576.

Chánh niệm *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú vẫn thường quán thấy thân trong thân, có sự tinh tấn, đặng lương tri, có chánh niệm, hạn chế đặng tham ác và ưu nơi đời. Vẫn thường quán thấy thọ trong thọ có sự tinh tấn, đặng lương tri, có chánh niệm hạn chế đặng tham ác và ưu nơi đời. Vẫn thường quán thấy tâm trong tâm có tinh tấn, lương tri, chánh niệm hạn chế đặng tham ác và ưu nơi đời. Vẫn thường quán thấy pháp trong pháp, có tinh tấn, lương tri, chánh niệm hạn chế đặng tham ác và ưu nơi đời. Như thế gọi là chánh niệm.

577.

***Chánh định** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú vắng lặng, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định; tĩnh ly tầm, tứ đắc nhị thiền nơi tâm, tự do trong sạch bởi không tầm không tứ chỉ còn hỷ, lạc sanh từ định. Do lìa luôn hỷ đến bực tâm thành xả, vẫn có chánh niệm lương tri, hưởng vui bằng danh thân, chứng thiền mà thiền của chư bực Thánh nhân khen ngợi người đắc thiền là bực có tâm xả, có chánh niệm, vẫn an vui. Như thế đắc luôn tứ thiền không khổ không lạc, do trừ lạc khổ và ưu hỷ đã vắng bặt trước rồi, có chánh niệm đầy đủ do xả. Như thế gọi là chánh định.

Phần thứ hai của bát thánh đạo

578.

Bát Thánh đạo: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh ngữ, bốn là chánh nghiệp, năm là chánh mạng, sáu là chánh tinh tấn, bảy là chánh niệm, tám là chánh định.

579.

*Trong bát chánh đạo đó mà **chánh kiến** ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu chánh kiến mà nương định, nương ly dục, nương diệt, hy vọng để trừ… tu tiến chánh tư duy… tu tiến chánh ngữ… tu tiến chánh nghiệp… tu tiến chánh mạng… tu tiến chánh tinh tấn… tu tiến chánh niệm… tu tiến chánh định, mà nương định, nương ly dục, nương diệt, mong đặng sự trừ bỏ.

Dứt Phân theo Kinh

B. ĐẠO PHÂN TÍCH - PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP

1) Phần bát chi

580.

* **Bát chi đạo**: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh ngữ, bốn là chánh nghiệp, năm là chánh mạng, sáu là chánh tinh tấn, bảy là chánh niệm, tám là chánh định.

* ***Bát chi đạo** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thì bát chi đạo như là chánh kiến… chánh định vẫn có trong khi ấy.

581.

***Chánh kiến** trong khi có ra sao?* Như là tuệ hay sự hiểu rõ… vô si, trạch pháp, sự nhận thấy chơn chánh, trạch pháp giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh kiến.

582.

***Chánh tư duy** trong khi có ra sao?* Như là sự suy xét, cách suy xét, sự nghĩ ngợi mạnh, sự đem tâm vào cảnh, sự tâm đến cảnh, sự tâm khắn khít trong cảnh, sự xét chơn chánh, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh tư duy.

583.

***Chánh ngữ** trong khi có ra sao?* Như là sự ngăn, cách ngừa, cách dứt bỏ, tính chừa bỏ, xa tứ ác khẩu, bất vi bất tác, không luống chẳng phạm, không quá chừng, cách hạn chế nguyên nhân tứ ác khẩu, nói lời chơn chánh, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh ngữ.

584.

Chánh nghiệp *trong khi có ra sao?* Như là sự ngăn, cách ngừa, cách dứt bỏ, tính chừa bỏ, xa lìa tam thân ác, bất tác bất hành, chẳng phạm không luống qua giới hạn, cách hạn chế nguyên nhân của tam thân ác, việc làm chơn chánh, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh nghiệp.

585.

Chánh mạng *trong khi có ra sao?* Như là sự ngăn, cách ngừa, cách dứt bỏ, tính chừa bỏ, xa lìa tà mạng, bất tác bất hành, không luống chẳng phạm qua giới hạn, cách hạn chế nguyên nhân tà mạng, cách nuôi mạng chơn chánh, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh mạng.

586.

Chánh tinh tấn *trong khi có ra sao?* Như là sự mở mối cho tâm siêng năng… cách siêng năng chơn chánh, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh tinh tấn.

587.

Chánh niệm *trong khi có ra sao?* Như là sự nhớ đặng, cách nhớ lại… sự nhớ ghi chơn chánh, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh niệm.

588.

Chánh định *trong khi có ra sao?* Như là sự đình trụ của tâm… cách đình trụ chơn chánh, định giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh định.

Những pháp kể trên gọi là bát chi đạo. Còn những pháp ngoài ra gọi tương ưng với bát chi đạo.

2) Phần ngũ chi

Vấn đáp cách đồng nhau

589.

* **Ngũ chi đạo**: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh tinh tấn, bốn là chánh niệm, năm là chánh định.

* ***Ngũ chi đạo*** *trong khi có ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì ngũ chi đạo như là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định vẫn có trong khi ấy.

  - ***Chánh kiến*** *trong khi có ra sao?* Như là tuệ, cách rõ thấu… vô si, trạch pháp, nhận thấy chơn chánh, trạch pháp giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh kiến.
  - ***Chánh tư duy*** *trong khi có ra sao?* Như là sự suy xét, cách nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi… chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh tư duy.
  - ***Chánh tinh tấn*** *trong khi có ra sao?* Như là cách mở mối cho tâm siêng năng… thuộc chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh tinh tấn.
  - ***Chánh niệm*** *trong khi có ra sao?* Như là cách nhớ đặng, sự nhớ lại… sự nhớ ghi chơn chánh, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh niệm.
  - ***Chánh định*** *trong khi có ra sao?* Như là sự đình trụ của tâm… tâm vững vàng đúng, định giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh định.

  Đây gọi là ngũ chi đạo. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với ngũ chi đạo.

Vấn đáp cách khác nhau

590.

* **Ngũ chi đạo**: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh tinh tấn, bốn là chánh niệm, năm là chánh định.

- ***Chánh kiến*** *trong khi có ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì tuệ, thái độ rõ thấu… vô si, trạch pháp, chánh kiến, trạch pháp giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là chánh kiến. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với chánh kiến.
- … những pháp ngoài ra tương ưng với **chánh tư duy**.
- … những pháp ngoài ra tương ưng với **chánh tinh tấn**.
- … những pháp ngoài ra tương ưng với **chánh niệm**… .
- ***Chánh định*** *trong khi có ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì sự đình trụ của tâm thuộc chánh định, định giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là chánh định. Còn những pháp ngoài ra gọi tương ưng với chánh định.

3) Phần bát chi

591.

* **Bát chi đạo**: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh ngữ, bốn là chánh nghiệp, năm là chánh mạng, sáu là chánh tinh tấn, bảy là chánh niệm, tám là chánh định.

* ***Bát chi đạo*** *trong khi có ra sao?*
  - Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi pháp thiện.
  - Bực thanh tịnh lìa chư dục… đắc sơ thiền mà thành dị thục quả do tu hành chất chứa thiền thiện siêu thế mà hành nan đắc trì bằng chủng tiêu diệt trong khi nào thì Bát chi đạo như là chánh kiến… chánh định vẫn có trong khi ấy.

    Như thế gọi là bát chi đạo. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với bát chi đạo.

4) Phần ngũ chi

Vấn đáp cách đồng nhau

592.

* **Ngũ chi đạo**: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh tinh tấn, bốn là chánh niệm, năm là chánh định.

* ***Ngũ chi đạo*** *trong khi có ra sao?*
  - Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế là nhân xuất luân hồi đưa đến Níp-bàn đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi chư pháp thiện.

- Phíc-khú thành bực tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền thành dị thục quả do tu hành tích trữ thiền thiện siêu thế mà hành nan đắc trì bằng chủng tiêu diệt trong khi nào thì ngũ chi đạo là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định vẫn có trong khi ấy.

Như thế gọi là ngũ chi đạo. Còn những pháp ngoài ra gọi tương ưng với ngũ chi đạo.

Cách vấn đáp riêng biệt

593.

∗ **Ngũ chi đạo**: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh tinh tấn, bốn là chánh niệm, năm là chánh định.

- ***Chánh kiến*** *trong khi có ra sao?*
  - Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế là nhân xuất luân hồi đưa đến Níp-bàn đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
  - Bực Phíc-khú thanh tịnh lìa chư dục… đắc sơ thiền thành dị thục quả do tu hành chứa để thiền thiện siêu thế mà hành nan đắc trì bằng chủng tiêu diệt trong khi nào thì tuệ hay cách rõ thấu… vô si, trạch pháp, chánh kiến, trạch pháp giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh kiến. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với chánh kiến.
- … những pháp ngoài ra tương ưng với **chánh tư duy**.
- … những pháp ngoài ra tương ưng với **chánh tinh tấn**.
- … những pháp ngoài ra tương ưng với **chánh niệm**…

- ***Chánh định*** *trong khi có ra sao?*
  - Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế là nhân xuất luân hồi đưa đến Níp-bàn đặng trừ phiền não hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
  - Phíc-khú bực thanh tịnh ly chư dục… đắc sơ thiền thành dị thục quả do tu hành tiến hóa thiền thiện siêu thế mà hành nan đắc trì bằng chủng tiêu diệt trong khi nào thì sự đình trụ của tâm, sự kiên cố của tâm, sự chặt chẽ của tâm, cách tâm không lơ lãng, không tán loạn, không lao chao, thuộc về chỉ, định quyền, định lực, chánh định, định giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Khi nào như thế gọi là chánh định. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với chánh định.

Dứt Phân theo Diệu Pháp

C. ĐẠO PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

594.

Bát chi đạo: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh ngữ, bốn là chánh nghiệp, năm là chánh mạng, sáu là chánh tinh tấn, bảy là chánh niệm, tám là chánh định.

VẤN THEO ĐẦU ĐỀ TAM VẤN THEO ĐẦU ĐỀ NHỊ

Những bát chi đạo mà điều nào thành thiện, điều nào thành bất thiện, điều nào thành vô ký… điều nào thành hữu y, điều nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

595.

* Bát chi đạo thành thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
* Chánh tư duy thành tương ưng lạc thọ. Thất chi đạo thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có.
* Bát chi đạo thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có.
* Bát chi đạo thành phi do thủ phi cảnh thủ.
* Bát chi đạo thành phi phiền toái phi cảnh phiền não.
* Chánh tư duy thành vô tầm hữu tứ. Thất chi đạo thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có.
* Chánh tư duy thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, không thành đồng sanh xả. Thất chi đạo thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.
* Bát chi đạo thành phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Bát chi đạo thành phi hữu nhân phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Bát chi đạo thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Bát chi đạo thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có.
* Bát chi đạo thành vô lượng *(appamāṇā)*.
* Bát chi đạo thành cảnh vô lượng *(appamāṇārammaṇā)*.
* Bát chi đạo thành tinh lương *(paṇītā)*.
* Bát chi đạo thành chánh nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Bát chi đạo không thành đạo là cảnh.
* Bát chi đạo thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có. Không thể nói tuy nhiên thành đạo là nhân, tuy nhiên thành đạo là trưởng cũng có.
* Bát chi đạo thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Bát chi đạo thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có. Không thể nói thành biết cảnh quá khứ, phải thành biết cảnh vị lai hay phải thành biết cảnh hiện tại.
* Bát chi đạo thành nội phần cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Bát chi đạo thành biết cảnh ngoại.
* Bát chi đạo thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị

i. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

596.

* Chánh kiến thành nhân. Thất chi đạo thành phi nhân.
* Bát chi đạo thành hữu nhân, thành tương ưng nhân.
* Chánh kiến thành nhân hữu nhân. Thất chi đạo không thể nói thành nhân hữu nhân, mà thành phi nhân hữu nhân.
* Chánh kiến thành nhân tương ưng nhân. Thất chi đạo không thể nói thành nhân tương ưng nhân, chỉ thành tương ưng nhân.
* Thất chi đạo thành phi nhân hữu nhân. Chánh kiến không nên nói phải thành phi nhân hay thành phi nhân vô nhân.

ii, iii, iv, v, vi, vii, viii, ix, x, xi, xii. Đáp phần nhị đề đỉnh…

597.

* Bát chi đạo thành hữu duyên. Bát chi đạo thành hữu vi. Bát chi đạo thành bất kiến. Bát chi đạo thành vô đối chiếu. Bát chi đạo thành phi sắc… Bát chi đạo thành siêu thế.
* Bát chi đạo thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng.
* Bát chi đạo thành phi lậu.
* Bát chi đạo thành phi cảnh lậu.
* Bát chi đạo thành bất tương ưng lậu
* Bát chi đạo không nên nói thành lậu cảnh lậu hay thành phi lậu cảnh lậu.
* Bát chi đạo không thể nói thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu.
* Bát chi đạo thành bất tương ưng lậu phi cảnh lậu.
* Bát chi đạo thành phi triền…
* Bát chi đạo thành phi phược…
* Bát chi đạo thành phi bộc…
* Bát chi đạo thành phi phối…
* Bát chi đạo thành phi cái…
* Bát chi đạo thành phi khinh thị…
* Bát chi đạo thành tri cảnh…
* Bát chi đạo thành phi tâm…
* Bát chi đạo thành sở hữu tâm.
* Bát chi đạo thành tương ưng tâm.
* Bát chi đạo thành hòa với tâm.
* Bát chi đạo thành có tâm làm sở sanh.
* Bát chi đạo thành đồng sanh tồn với tâm.
* Bát chi đạo thành tùng tâm thông lưu.
* Bát chi đạo thành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh.
* Bát chi đạo thành hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh.
* Bát chi đạo thành có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm.
* Bát chi đạo thành bên ngoài *(Bāhira)*.
* Bát chi đạo thành phi y sinh
* Bát chi đạo thành phi do thủ…
* Bát chi đạo thành phi thủ…
* Bát chi đạo thành phi phiền não…

xiii. Đáp phần nhị đề yêu bối *(piṭṭhiduka)*

598.

* Bát chi đạo thành phi sơ đạo tuyệt trừ.
* Bát chi đạo thành phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Bát chi đạo thành phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.
* Bát chi đạo thành phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.
* Chánh tư duy thành vô tầm. Thất chi đạo thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có.
* Chánh tư duy thành hữu tứ. Thất chi đạo thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có.
* Chánh tư duy thành hữu hỷ. Thất chi đạo thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có.

- Chánh tư duy thành đồng sanh hỷ. Thất chi đạo thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có.
- Chánh tư duy thành đồng sanh lạc. Thất chi đạo thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có.
- Chánh tư duy thành phi đồng sanh xả. Thất chi đạo thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.
- Bát chi đạo thành phi Dục giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có, thành bất liên quan luân hồi cũng có.
- Bát chi đạo thành nhân xuất luân hồi cũng có, thành phi nhân xuất luân hồi cũng có.
- Bát chi đạo thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
- Bát chi đạo thành vô thượng.
- Bát chi đạo thành vô y, chỉ có bấy nhiêu.

Dứt Phần vấn đáp
Đầy đủ Đạo phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN XII - THIỀN PHÂN TÍCH

A. ĐẦU ĐỀ

599.

* Phíc-khú trong Tông giáo nầy thành bực thu thúc giới bổn, đàng hoàng phẩm hạnh và du hành nhận thấy nạn lỗi ít oi, đã nguyện thực hành những điều học, thu thúc lục quyền, tri túc thực hợp sự tinh tấn luôn cả đầu hôm đến cuối đêm, tinh tấn liên tiếp hiệp tuệ bảo vệ ta trau dồi pháp đẳng giác. Phíc-khú đó, người biết rõ ràng với cách đi tới thối lui, biết rõ rành cách ngó tới, ngó qua ngó lại, rõ rành với co ngay, rõ rành cách giữ tăng già lê, y bát, người biết rõ rành cách liếm nhai ăn uống, người biết rõ rành cách đại tiện và tiểu tiện, người biết rõ rành cách đi, đứng, ngồi, nằm, thức, ngủ, nói, nín. Phíc-khú nương ở chỗ vắng lặng như rừng, bóng cây, núi, triền hay nghĩa địa, rừng rậm chỗ trống, ruộng hoang nơi không có tiếng tăm lộn xộn, không có tiếng ồ ạt, chỗ người ta không ưa đi dạo, nơi không có người lộn xộn, nơi đáng ẩn.

* Phíc-khú vào rừng hoặc ở dưới bóng cây, hoặc vào nhà trống ngồi kiết già thẳng lưng chăm chú đến đề mục. Phíc-khú đó đã đặng trừ tham ác nơi đời, sống bằng tâm xa lìa tham ác, rửa tâm trong sạch xa lìa tham ác, đã trừ đặng sân và ác độc thành người vô sân có sự tế độ tất cả chúng sanh, rửa lòng trong sạch xa lìa sân và độc ác, đã trừ hôn trầm thùy miên, thành bực vẫn lìa hôn trầm thùy miên, đặng tưởng quang minh, có chánh niệm lương tri, rửa lòng trong sạch xa lìa hôn trầm thùy miên, đã trừ trạo hối thành người không tán loạn vẫn có tâm vắng lặng bên trong. Rửa lòng trong sạch xa lìa trạo hối, đã trừ đặng hoài nghi là bực lướt khỏi hoài nghi không còn nghi nan, rửa lòng trong sạch xa lìa sự nghi nan với tất cả pháp thiện.

* Phíc-khú như thế đó trừ ngũ cái làm cho tâm phiền muộn, đã cho tuệ rõ đặng, thanh tịnh ly dục, vắng lặng lìa những pháp bất thiện rồi đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định. Vắng lặng tầm, tứ đắc nhị thiền mà hành động bên trong thành pháp trong trẻo do tầm, tứ vắng lặng thành pháp đơn độc phát sanh nơi vô tầm vô tứ chỉ còn hỷ và lạc sanh từ định. Bỏ rơi đặng hỷ nữa mới thành người có tâm xả, vẫn có chánh niệm lương tri và hưởng yên vui bằng danh thân, chứng tam thiền mà thiền chư Thánh khen ngợi những người đắc là có tâm xả, đặng chánh niệm, vẫn yên vui như thế chứng tứ thiền vô khổ vô lạc do trừ lạc khổ bởi ưu và hỷ vắng bặt dứt trước rồi vẫn có chánh niệm đầy đủ do xả bởi lướt qua tất cả tư tưởng hữu hình do sự diệt tưởng phẫn nhuế do không tác ý tưởng dị mới đắc thiền Không vô biên xứ bằng cách đề mục hư không vô biên, vẫn như thế do lướt qua khỏi tất cả cách Không vô biên xứ mới chứng cách Không vô biên xứ bằng đề mục Thức vô biên, vẫn như thế lướt qua những cách Thức vô biên mới chứng thiền Vô sở hữu bằng đề mục không có chi, vẫn như thế lướt khỏi những cách không Vô sở hữu xứ mới chứng thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Dứt Đầu đề

B. THIỀN PHÂN TÍCH – PHẦN PHÂN THEO KINH

Giải đầu đề

600.

Câu nói trong Tông giáo này có giải như vầy: Trong tri kiến nầy, trong nhẫn nại nầy, trong thạnh vượng nầy, trong đảng phái nầy, trong pháp luật nầy, trong di môn (văn phạm) nầy, trong phạm hạnh nầy, trong Tông giáo của Đức giáo chủ nầy. Do nhân đó mới gọi là trong Tông giáo nầy.

601.

Câu nói Phíc-khú có giải như vầy: Gọi là Phíc-khú bởi phổ thông, gọi là Phíc-khú do minh ước, gọi là Phíc-khú do sinh, gọi là Phíc-khú do thành người sinh, gọi là Phíc-khú do thành người trị môn khất thực, gọi là Phíc-khú do mặc đồ hoại sắc, gọi là Phíc-khú do đang bài trừ chư pháp bất thiện và tội ác, gọi là Phíc-khú do đã bài trừ chư pháp bất thiện và tội ác, gọi là Phíc-khú do trừ phiền não bằng cách riêng phần, gọi là Phíc-khú do trừ phiền não bằng cách không riêng phần, bực hữu học gọi là Phíc-khú, bực phi hữu học phi vô học gọi là Phíc-khú, bực trụ trong pháp cao siêu gọi là Phíc-khú, bực hợp với pháp mỹ lệ gọi là Phíc-khú, người đầy đủ trong sạch gọi là Phíc-khú, người hiệp với pháp lõi gọi là Phíc-khú, người xuất gia theo chế định tứ bạch Yết Ma không hư đáng với địa vị do hòa hợp với tăng gọi là Phíc-khú.

602.

* Câu nói giới bổn tức là giới để nương thành bực sơ, thành y chỉ, thành cơ quan thu thúc, thành cơ quan cẩn thận, thành cơ quan đại diện, thành cơ quan chủ trương hầu vào đến với chư pháp thiện.

* Câu nói thu thúc tức là cách không thái quá của thân, cách không thái quá của lời nói, cách không thái quá của thân và lời nói.

* Câu nói thành người đã thu thúc có giải rằng là bực đã nhập đáo, đi đến hoàn thành rồi, đã vào đến hoàn toàn, đã vào đến rành rẽ, đã hiệp với thu thúc giới bổn ấy. Do nhân đó mới gọi người đã thu thúc theo giới bổn.

603.

Câu nói trụ có giải rằng: Trụ liền nhau, trụ phẩm hạnh hành vi, trụ gìn giữ, trụ cho hành động, trụ dạo đi, trụ đình chỉ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

604.

* Câu nói đã hoàn toàn với phẩm hạnh và du hành có giải rằng phẩm hạnh vẫn có, phi phẩm hạnh vẫn có.

  - *Trong hai cách nầy mà **phi phẩm hạnh** đó ra sao?* Như là sự thái quá bằng thân, thái quá bằng lời nói, thái quá cả thân và tâm. Như thế gọi là phi phẩm hạnh. Hay là tất cả người phá giới đều kêu là phi phẩm hạnh. Cũng có Phíc-khú trong Tông giáo nầy nuôi mạng bằng cách cho tre, hoặc bằng cách cho lá cây, hoặc bằng cách cho bông cây, hoặc bằng cách cho trái cây, hoặc bằng cách cho phấn để thoa, hoặc bằng cách cho cây chà răng, hoặc bằng cách nói bợ đỡ làm cho họ mến, hoặc bằng cách nói khi thật khi chơi đồng như canh đậu, hoặc cách thành người giữ con, hoặc bằng cách tay sai tại gia, hoặc bằng cách tà mạng hay trong một cách nào mà Phật ngài chê trách. Như thế gọi là phi phẩm hạnh.

  - ***Phẩm hạnh** đó ra sao?* Như là sự không thái quá bằng thân, không thái quá bằng lời nói hay không thái quá cả thân và lời nói. Như thế gọi là phẩm hạnh. Thu thúc tất cả giới cũng gọi là phẩm hạnh. Phíc-khú trong Tông giáo nầy có vị vẫn không

nuôi mạng bằng cách cho lá cây, không nuôi mạng bằng cách cho bông cây, không nuôi mạng bằng cách cho trái cây, không nuôi mạng bằng cách cho phấn thoa, không nuôi mạng bằng cách cho cây chà răng, không nuôi mạng bằng cách nói bợ đỡ cho họ thích, không nuôi mạng bằng cách nói khi thật khi chơi tợ hồ như canh đậu, không nuôi mạng bằng cách thành người nuôi con nít, không nuôi mạng bằng cách làm tay sai cho tại gia, không nuôi mạng sống bằng cách tà mạng mà Đức Phật ngài đã phán dù trong một cách nào. Như thế gọi là phẩm hạnh.

∗ Câu nói du hành *(gocara)* có giải rằng: Du hành cũng có, phi du hành cũng có.

- *Trong hai cách đó mà **phi du hành** ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy có vị thành người dạo đi trong sở của gái lầu xanh, hoặc dạo đi nơi góa phụ, hoặc dạo đi nơi chỗ gái góa, hoặc dạo đi nơi chỗ của bán nam bán nữ, hoặc dạo đi nơi Phíc-khú Ni, hoặc dạo đi nơi tiệm rượu, hoặc thành người hỗn hợp với vua hay đại thần của vua, hoặc phú trưởng giả, hoặc giáo chủ của ngoại giáo, hoặc đệ tử của ngoại giáo, bằng cách hỗn hợp với cư sĩ mà không thích hợp với dòng giống nào mà không có đức tin, không kính trọng, chỗ không đáng đến hay ưa chửi hoặc rủa, thích với sự tàn hại, không ưa những sự vật liên quan lợi ích, chẳng thích với sự núi non, không ưa liên quan với sự vật lợi ích như là Phíc-khú, Phíc-khú Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà Phíc-khú tìm kiếm đến thân tộc hoài hoài. Nhận thấy bằng cách đó mới gọi là phi du hành.

- ***Du hành** đó ra sao?*
  - Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy có vị không dạo đi nơi dâm phụ, không dạo đi nơi quả phụ, không dạo đi nơi gái góa, không dạo đi nơi chỗ phi nam nữ, không dạo đi nơi Phíc-khú Ni, không dạo đi nơi tiệm rượu, không hỗn hợp với vua hay đại thần của vua, hoặc chủ tôn giáo ngoại hay đệ tử ngoại giáo, cũng không trà trộn với cư sĩ bằng cách không thích hợp hay là thân tộc nào.
  - Nếu những thân tộc nào có đức tin, có kỉnh trọng thành chỗ đáng tới lui, thường đến với bực mặc đồ hoại sắc, hoặc nếu có bực tu hành nên hằng tới lui, thành người ưa sự tiến hóa, ưa đồ vật liên quan lợi ích, ưa với núi non, ưa với sự liên quan lợi ích như là Phíc-khú, Phíc-khú Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà Phíc-khú ấy không thường tới lui với bà con thân quyến. Nếu nhận thấy cách đó mới gọi là du hành.

  Phíc-khú thành bực đã đáo cận… hiệp với phẩm hạnh và du hành như đã nói. Do nhân đó mới gọi là đầy đủ phẩm hạnh và du hành bằng cách như thế.

605.

*Câu nói thấy những nạn lỗi lối chừng chút đỉnh mà **lỗi chừng chút đỉnh** đó ra sao?* Những lỗi chừng chút đỉnh đó là thấp thỏi, nhẹ nhành cho lỗi nhẹ nhàng nên thu thúc, nên cẩn thận, nên làm bằng tâm phát ra liên quan với tác ý. Những như thế gọi là cách thấy lỗi lối chừng chút ít. Phíc-khú thành bực thấy lỗi, thấy nạn, thấy sự xấu xa và thấy cách chiết trừ ra cho khỏi trong những lỗi mà có chút ít đó. Do nhân ấy mới gọi là thấy những nạn lỗi lối chừng chút ít.

606.

*Câu nói đã nguyện thọ đang hành trong điều học mà **điều học** đó ra sao?*

- Điều học có bốn: Một là điều học của Phíc-khú gọi là Phíc-khú điều học, hai là điều học của Phíc-khú Ni gọi là Phíc-khú Ni điều học, ba là điều học của thiện nam gọi

là thiện nam điều học, bốn là điều học của tín nữ gọi là tín nữ điều học. Những thế gọi là điều học.

- Phíc-khú nguyện thọ những điều học đối với những điều học nguyện thọ, nguyện thọ hết tất cả điều học không chừa, bằng lối sẽ phải thực hành tất cả rồi vẫn thực hành trong điều học như thế. Do nhân đó mới gọi là nguyện thọ rồi vẫn thực hành theo tất cả điều học.

607.

Câu nói thu thúc trong lục quyền có giải rằng sự thành người thu thúc trong lục quyền vẫn có, sự thành người không thu thúc trong lục quyền vẫn có.

- *Trong hai cách nầy mà **sự thành người không thu thúc lục quyền** đó ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy cũng có vị đã thấy sắc bằng nhãn, vẫn thành người chấp theo tướng chánh, chấp theo tướng phụ thì chư pháp bất thiện tội lỗi như là tham ác và ưu phải tươm theo người ấy là người đang không thu thúc nhãn quyền. Do cách không thu thúc nhãn quyền thành nhân mới không thu thúc nhãn quyền đó, không gìn giữ nhãn quyền đó, không đến cách thu thúc trong nhãn quyền đó. Đã nghe tiếng bằng tai… đã hửi hơi bằng mũi… đã nếm vị bằng lưỡi… đã đụng chạm bằng thân… đã biết cảnh pháp bằng tâm, thành người chấp tướng chánh, chấp tướng phụ thời pháp bất thiện tội lỗi như là tham ác và ưu mới tươm theo người ấy, người đang không thu thúc quyền. Do cách không thu thúc quyền nào thành nhân thời không thực hành để thu thúc quyền ấy, vẫn không gìn giữ quyền ấy, vẫn không có cách thu thúc trong quyền đó. Sự không bảo trì, thái độ không bảo trì, cách không gìn giữ, cách không thu thúc với lục quyền. Những thế gọi là thành người không thu thúc trong lục quyền.

- ***Người thu thúc trong lục quyền** đó ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy có vị đã thấy sắc bằng nhãn, vẫn thành người không chấp tướng chánh, không chấp tướng phụ thời các pháp bất thiện tội lỗi như là tham ác và ưu mới không tươm theo người đó là bực vẫn thu thúc nhãn quyền. Do cách thu thúc nhãn quyền làm nhân mới thực hành hầu thu thúc nhãn quyền đó, vẫn gìn giữ nhãn quyền đó, rất thu thúc trong nhãn quyền đó. Đã nghe tiếng bằng nhĩ… đã hửi hơi bằng mũi… đã nếm vị bằng lưỡi… đã đụng chạm bằng thân… đã biết cảnh pháp bằng tâm, vẫn thành người không chấp tướng chánh, cũng không chấp tướng phụ, thời pháp bất thiện hay tội lỗi như là tham ác và ưu mới không tươm theo người ấy là người đang thu thúc quyền đó. Cách thu thúc quyền như thế mới thành nhân.Vẫn thực hành hầu thu thúc ý quyền ấy, rất gìn giữ ý quyền đó, vẫn khắn khít gìn giữ trong ý quyền đó thì sự bảo trì, thái độ bảo trì, cách gìn giữ, cách thu thúc với lục quyền. Những như thế gọi là thành người thu thúc trong lục quyền.

Phíc-khú đã thành bực thân cận… đã hiệp với sự thành người thu thúc trong lục quyền ấy. Do nhân đó mới gọi là thu thúc trong lục quyền.

608.

Câu nói tri độ thực mà tri độ thực cũng có, bất tri độ thực cũng có.

- ***Bất tri độ thực** đó ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy có vị không khéo quán tưởng vật thực độ để chơi, ăn bằng cách ham mê, để cho có nhan sắc tốt đẹp, để đặng mập mạp thành người không tri túc, không tri độ thực, cách không quán tưởng trong vật thực. Như thế gọi là sự thành người bất tri độ thực.

- ***Thành người tri độ thực** ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy có vị quán tưởng khéo như vầy ta đây ăn chẳng phải để chơi, ăn chẳng phải để ham mê, ăn

chẳng phải để cho có sắc đẹp, ăn chẳng phải để cho mập mạp, ta độ vật thực chỉ để cho thân còn sống, cho mạng quyền hiện hành, để cho hết đói trợ giúp phạm hạnh bằng phương tiện nầy ta sẽ hạn chế đặng cái thọ cũ và sẽ không cho cái thọ mới phát sanh, thành tựu của mạng quyền, sự không có lỗi và cách ở nơi núi non sẽ có cho ta, quán tưởng như thế rồi mới độ có sự tri túc, sự tri độ, cách quán tưởng trong vật thực đó. Như thế gọi là sự thành người tri độ thực.

Phíc-khú đã thành bực thân cận… đã hợp với sự thành bực tri độ trong vật thực ấy. Do nhân đó mới gọi là tri độ thực.

609.

Phíc-khú ***thành bực hiệp sự tinh tấn luôn từ canh đầu cho đến canh chót*** *ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy rửa lòng trong sạch, ly pháp cản tâm không cho đắc chứng sự tốt, rửa bằng cách đi kinh hành, bằng cách ngồi cả ngày, rửa lòng cho sạch hết, lìa pháp ngăn cản tâm không cho đắc chứng sự tốt bằng cách đi kinh hành, cách ngồi luôn từ canh đầu đêm thành tựu sư tử ngọa bằng cách nằm nghiêng, tay mặt, chồng hai chân lên nhau, có chánh niệm lương tri, tâm quán tưởng luôn đến canh chót của đêm rồi dậy rửa lòng trong sạch lìa pháp trở ngại của tâm mà không cho đắc chứng sự tốt, rửa với cách đi kinh hành, cách ngồi luôn đến canh chót của đêm, thực hành bằng cách như thế Phíc-khú ấy mới gọi là bực hiệp với sự tinh tấn luôn sơ canh cho đến mạt canh.

610.

* Câu nói sự tinh tấn mà thành liên tiếp tức là cách mở mối siêng năng tâm trong tâm… chánh tinh tấn.

* Câu nói tuệ mà gìn giữ bảo trì ta tức là trí tuệ hay thái độ biết rõ… vô si, trạch pháp, chánh kiến.

611.

Câu nói tu tiến pháp đẳng giác mà ***đẳng giác*** *đó ra sao?* Như là thất giác chi tức là niệm giác chi, trạch pháp giác chi, cần giác chi, hỷ giác chi, an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Những pháp như thế gọi là pháp đẳng giác mà Phíc-khú vẫn sử dụng tu hành nhiều với những pháp đẳng giác ấy. Do nhân đó mới gọi là pháp đẳng giác.

612.

* *Thế nào là Phíc-khú* ***thành bực vẫn biết rõ như thường trong sự bước đi phía trước và lui trở lại phía sau****? Thành bực* ***vẫn biết rõ như thường trong cách ngó phía trước và ngó phía trái phía mặt, thành bực vẫn biết rõ như thường trong cách co thân vô, ngay thân ra, vẫn thành người biết rõ như thường trong cách đắp y tăng già lê, trì bình và mặc y, vẫn thành người biết rõ như thường trong khi ăn uống nhai và nếm vị, vẫn thành người biết rõ như thường trong khi đại tiện và tiểu tiện, vẫn thành người biết rõ như thường trong khi đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói và nín****?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy có chánh niệm, lương tri, bước đi phía trước có chánh niệm lương tri, lui lại phía sau có chánh niệm lương tri, dòm ngó phía trước có chánh niệm lương tri, day ngó phía bên trái bên phải có chánh niệm lương tri, co thân vào có chánh niệm lương tri, ngay thân ra có chánh niệm lương tri, trong cách đắp y tăng già lê mang bát và những y vai trái có chánh niệm lương tri, trong cách ăn uống nhai và nếm vị có chánh niệm lương tri, trong cách đại tiện và tiểu tiện có chánh niệm lương tri, trong cách đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói và nín cũng có chánh niệm lương tri.

- *Câu nói niệm mà **niệm** đó ra sao?* Như là sự nhớ đặng, cách nhớ ghi, thường nhớ, nhớ theo, nhớ lại, thái độ nhớ đặng, sự nhớ chắc, cách không quên, không lơ lãng cũng gọi là niệm, niệm quyền, niệm lực, chánh niệm. Như thế gọi là niệm *(sati)*.
- *Nói lương tri mà **lương tri** đó ra sao?*
  - Như là tuệ hay thái độ biết rõ, sự lựa chọn, cách lựa chọn, sự trạch pháp, sự chăm chú, sự quán sát, sự rất quán sát, sự rất quán sát đơn phương, trạng thái hiểu biết, trạng thái khôn lanh, trạng thái biết chừa bỏ, sự biết rõ rệt, sự quán xét, sự trắc nghiệm. Tuệ như đại địa, tuệ là cơ quan bài trừ phiền não, tuệ như kẻ dẫn đường, sự nhận thấy rõ, sự biết rõ, tuệ như gươm bén, tuệ tức là tuệ quyền, tuệ lực, tuệ như vũ khí, tuệ như hoàng cung, tuệ là sáng suốt, tuệ là ánh sáng, tuệ như ngọn đèn, tuệ như ngọc, cũng gọi vô si, trạch pháp, chánh kiến. Như thế gọi là lương tri.

  - Phíc-khú thành bực đáo cận… đã hiệp với chánh niệm lương tri ấy bằng cách như thế. Do cách thực hành lối ấy, Phíc-khú mới đặng gọi là có chánh niệm lương tri. Bước tới bước lui phía trước có chánh niệm lương tri; trở lại phía sau có chánh niệm lương tri; dòm ngó phía trước có chánh niệm lương tri, xoay ngó phía trái phải có chánh niệm lương tri; co thân vào có chánh niệm lương tri; ngay thân ra có chánh niệm lương tri; trong cách đắp y tăng già lê, mang bát và mặc y vai trái có chánh niệm lương tri; trong cách ăn uống nhai và nếm vị đều có chánh niệm lương tri; trong cách đại tiện và tiểu tiện có chánh niệm lương tri; trong cách đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, nín cũng đều có chánh niệm lương tri.

613.

Nói thanh tịnh có giải như vầy: Những nơi chỗ nào sẽ ở, nơi gần những chỗ ở đó không lộn xộn với những tại gia, xuất gia. Do nhân ấy, chỗ đó mới gọi là thanh tịnh. Dù cho chỗ nào sẽ ở nơi xa nhưng chỗ đó không lộn xộn với những tại gia hay xuất gia. Do nhân ấy chỗ đó cũng gọi là thanh tịnh.

614.

Câu nói tọa cụ có giải như vầy: Tọa ngọa cụ tức là đơn, tọa ngọa cụ cũng là ghế, tọa ngọa cụ cũng là chỗ nằm, tọa ngọa cụ cũng là gối, tọa ngọa cụ cũng là chỗ ở, tọa ngọa cụ cũng là mái hiên, tọa ngọa cụ cũng là cung điện, tọa ngọa cụ cũng là lâu đài, tọa ngọa cụ cũng là nhà lồng, tọa ngọa cụ cũng là chỗ ngủ nghỉ, hoặc chỗ kín khuất, tọa ngọa cụ cũng là hang, tọa ngọa cụ cũng là bóng cây, tọa ngọa cụ cũng là đám tre. Hoặc Phíc-khú thường ở trong chỗ nào thì chỗ ấy gọi là tọa ngoạ cụ.

615.

Câu nói nương tức là nương ở đàng hoàng, vào ở, tọa ngọa cụ mà thanh tịnh ấy. Do nhân đó mới gọi là nương.

616.

Gọi rừng tức là ngoài phạm vi tất cả xóm nhà.

617.

Nói bóng cây… có giải rằng: Là cái tàng (lọng) là bóng cây là sơn nham (núi), kẹt núi, huyệt là hang trong núi, táng địa (là nghĩa trang), không địa (là chỗ trống), cỏ bỏ (là ruộng hoang).

618.

Câu nói rừng sâu là tên của tọa ngọa cụ, chỗ ở xa. Câu nói rừng sâu là tên của tọa ngọa cụ là rừng rậm. Câu nói rừng sâu là tên của tọa ngọa cụ, chỗ ở đáng kinh sợ. Câu nói rừng sâu là tên của tọa ngọa cụ, chỗ ở đáng sợ run rẩy. Câu nói rừng sâu là tên của tọa

ngọa cụ, chỗ chót vót. Câu nói rừng sâu là tên của tọa ngọa cụ chỗ không gần với nhân loại. Câu nói rừng sâu là tên của tọa ngọa cụ, chỗ tìm sự tu tiến khó đặng.

619.

Câu nói chỗ không có tiếng quấy nhiễu là mặc dầu chỗ ở gần nhưng không có ồn ào do bực xuất gia hay người thế tục. Vì nhân đó mới gọi là không có tiếng quấy nhiễu. Hay những chỗ ở dù xa mà cũng không có ồn ào do bực xuất gia hay tại gia; vì nhân đó mới gọi là chỗ ấy không có tiếng quấy nhiễu.

620.

Câu nói chỗ không có tiếng rần rộ có nghĩa là chỗ nào mà không có tiếng quấy nhiễu, đó gọi là chỗ không có tiếng rần rộ. Chỗ nào không có tiếng rần rộ, chỗ đó gọi là chỗ ít người vãng lai. Chỗ ít người vãng lai đó gọi là chỗ không có người lộn xộn. Chỗ không có người lộn xộn đó gọi là chỗ đáng ẩn.

621.

Gọi là hoặc vào rừng, hoặc ở bóng cây, hoặc ở nhà trống như là người đi rừng, người đi ở bóng cây, hoặc người đi vào ở trong nhà không.

622.

Nói ngồi kiết già tức là thành người ngồi kiết già.

623.

Nói thân ngay thẳng tức là để thân cho ngay, dựng thân ngay thẳng.

624.

*Nói để chánh niệm chong ngay đề mục mà **chánh niệm** đó ra sao?* Như là sự chăm chú, hằng chăm chú… chăm chú đúng đắn. Như thế gọi là niệm, mà niệm đây đặt để ngay chót mũi, trên môi đã nhuần nhã. Do nhân đó mới gọi là để niệm chong ngay đề mục.

625.

* *Nói trừ tham ác nơi đời mà **tham ác** đó ra sao?* Như là sự mong mỏi, rất mong mỏi… cách mong mỏi nặng nề của tâm. Thế gọi là tham ác.

* ***Đời** đó ra sao?* Đời là ngũ thủ uẩn. Như thế gọi là đời.

  Nếu mà tham ác ấy vắng lặng êm ái, rất êm ái, tắt đi, tắt đặng êm thắm, bị làm cho điêu tàn tiêu mất, làm cho khô héo, rất khô héo, đã lìa khỏi đời. Do nhân đó mới gọi là trừ đặng tham ác nơi đời.

626.

*Nói tâm xa lìa tham ác mà **tâm** đó ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa… thuộc ý thức giới. Như thế gọi là tâm; mà tâm ấy đặng xa lìa tham ác. Do nhân đó gọi là tâm xa lìa tham ác.

627.

*Nói **trụ** đó ra sao?* Nói trụ là đang liên quan nhau, đang hành động, đang gìn giữ, đang cho hành vi, đang hiện hành, đang du hành, đang tạm trụ. Do nhân đó gọi là trụ *(viharati).*

628.

* *Nói rửa tâm cho sạch tham ác mà **tham ác** đó ra sao?* Như là sự dục vọng, rất dục vọng… dục vọng nặng nề của tâm. Đó gọi là tham ác.

* ***Tâm** đó ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà tâm ấy rửa cho hết, hết trọi đặc biệt, cho rảnh khỏi xa lìa ác ấy. Do nhân đó mới gọi là rửa tâm trong sạch xa lìa tham ác.

629.

Trừ sân độc ác hại, mà sân độc là một và ác hại là một.

- ***Sân độc** đó ra sao?* Như là sự quá sân giận, oán thù, sự bực lòng, quá bực lòng, rất bực lòng, cách giận dữ, quá giận dữ, rất giận dữ của tâm. Hay là tâm quá giận, ý quá sân, phẩn nộ, thái độ phẩn nộ, cách phẩn nộ, giận lung, sự độc ác, thái độ độc ác, quá độc ác, tính độc ác, mưu độc ác, thái độ dữ dằn xấu xa, hoặc sự không hiền hậu và cách không ưa của tâm. Như thế gọi là sân ác.
- ***Ác hại** trong khi có ra sao?* Sân ác nào độc hại, sân ác đó gọi là độc hại.

Sân ác và độc hại êm ái vắng lặng, rất vắng lặng, dục tắt, mà dục tắt bặt dứt, bị làm cho điêu tàn, làm cho hẳn điêu tàn, bị làm cho khô héo, hẳn khô héo, rốt cuộc làm cho ly biệt mất. Do nhân đó mới gọi là trừ sân ác và độc hại bằng cách như thế.

630.

*Nói tâm không sân ác mà **tâm** đó ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm mà tâm ấy không sân ác. Do nhân ấy mới gọi là tâm không sân ác.

631.

*Nói **trụ** đó ra sao?* Nói trụ có nghĩa là vẫn liên quan nhau… tạm trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

632.

Nói rửa lòng trong sạch lìa sân ác độc hại mà sân ác là một và độc hại là một.

- ***Sân ác** trong khi có ra sao?* Như là sự quá sân giận, oán thù, sự bực lòng, quá tức, rất bực lòng, cách giận dỗi, rất giận dỗi của tâm; hay là tâm quá giận, ý quá sân, phẩn nộ, thái độ phẩn nộ, cách phẩn nộ, giận lun, sự độc ác, thái độ độc ác, quá độc ác, tính ác độc, mưu độc ác, thái độ dữ dằn xấu xa hoặc không hiền hậu và cách không ưa của tâm. Như thế gọi là sân ác.
- ***Độc hại** đó ra sao?* Sân ác nào độc hại thì sân ác đó gọi là độc hại.
- ***Tâm** đó ra sao?* Như là chủ trương trong phần biết cảnh, cũng gọi ý, cũng gọi tâm địa… thuộc ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà Phíc-khú phải rửa tâm cho hết, hết đặc biệt, đặng trong sạch xa lìa đặc biệt, rảnh khỏi tham ác và độc hại ấy. Do nhân đó mới gọi là rửa lòng trong sạch lìa sân ác và độc hại bằng cách như thế.

633.

Nói đã trừ hôn trầm thùy miên mà hôn trầm là một và thùy miên là một.

- *Trong hai thứ đó mà **hôn trầm** ra sao?* Như là sự không tương xứng, sự không thích hợp công chuyện, sự sụt sè, sự lui sụt của tâm, sự thối quá, thái độ thối quá, trạng thái thối quá, sự cuốn lại, trạng thái cuốn lại của tâm. Như thế gọi là hôn trầm.
- ***Thụy miên** trong khi có ra sao?* Như là sự không vừa với cảnh, sự không thích hợp với công chuyện, sự bần thần, sự ngầy ngật, sự dã dượi, sự buồn ngủ, cách muốn ngủ, thái độ muốn ngủ, sự ngủ gục hiện nơi thân. Như thế gọi là thụy miên.

Nếu mà hôn trầm và thụy miên đặng yên tịnh, vắng lặng, rất vắng lặng, diệt tắt, diệt tắt bằng cách yên ổn hay là bị làm cho điêu tàn, làm cho rất điêu tàn, làm cho khô khan, làm cho rất khô khan, đã bị làm cho xa lìa. Do nhân đó mới gọi là đã đặng trừ hôn trầm, thụy miên bằng cách như thế.

634.

* Nói thành người xa lìa hôn trầm, thụy miên nghĩa là bực rảnh khỏi hôn trầm, thụy miên bởi vì Phíc-khú đã buông bỏ, đã giải phóng, đã trừ, đã ói ra, đã bỏ giao hoàn, vì

đã bỏ và giao hoàn hôn trầm, thụy miên ấy. Do nhân đó mới gọi là thành bực xa lìa hôn trầm, thụy miên bằng cách như thế.

* Còn nói trụ có nghĩa là vẫn liên hệ nhau… tạm đình trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

635.

*Câu nói có tưởng quang minh mà **tưởng** đó ra sao?* Như là cách nhớ, thái độ nhớ, sự nhớ. Như thế gọi là tưởng mà tưởng quang minh nầy là khai hóa trong sạch. Do nhân đó mới gọi là có tưởng quang minh.

636.

* *Câu nói có chánh niệm lương tri mà **chánh niệm** đó ra sao?* Như là sự nhớ đặng, sự hằng nhớ… nhớ chơn chánh. Như thế gọi là chánh niệm.

* ***Lương tri** đó ra sao?* Như là tuệ hay thái độ hiểu rõ… vô si, trạch pháp, chánh kiến. Như thế gọi là lương tri. Là Phíc-khú thành bực đã vào đến… đã hợp với chánh niệm và lương tri ấy. Do nhân đó mới gọi là có chánh niệm lương tri bằng cách như thế.

637.

Nói rửa tâm cho sạch lìa hôn trầm, thụy miên mà hôn trầm là một và thụy miên là một.

- *Trong hai thứ nầy mà **hôn trầm** đó ra sao?* Như là sự không tương xứng với tâm… trạng thái rút thun lại của tâm. Như thế gọi là hôn trầm.
- ***Thụy miên** đó ra sao?* Như là sự không tương xứng… tư cách sở hữu tâm sai khiến buồn ngủ. Như thế gọi là thụy miên.
- ***Tâm** trong khi có ra sao?* Như là sự chủ trương trong sự biết cảnh, cũng gọi ý, cũng gọi tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà Phíc-khú rửa tâm ấy cho sạch hết, cho hết trọi trong sạch đặng xa lìa đặc biệt vì rảnh khỏi xa lìa hôn trầm, thụy miên ấy. Do nhân đó mới gọi là rửa tâm cho sạch lìa hôn trầm, thụy miên.

638.

Nói đã trừ đặng trạo hối mà phân hai thành phóng dật và hối hận.

- *Trong hai thứ nầy, mà **phóng dật** đó ra sao?* Như là sự tán loạn của tâm, sự không vắng lặng của tâm, cách tâm lăng xăng, sự lao chao của tâm. Như thế gọi là phóng dật.
- ***Hối hận** đó ra sao?* Như là sự chấp rằng quan trọng trong cách không quan trọng, sự chấp rằng không quan trọng trong cách quan trọng, sự chấp rằng có lỗi trong cách không có lỗi, sự chấp rằng không có lỗi với cách có lỗi; sự bực tức, thái độ bực tức, trạng thái bực tức, tâm nóng nảy, tâm rộn ràng. Nếu có trạng thái như thế gọi là hối hận.

Nếu phóng dật và hối hận ấy yên tịnh, vắng lặng càng vắng lặng diệt mất, diệt bằng cách im đìm, bị làm cho điêu tàn, làm cho thật điêu tàn, bị làm cho khô héo rất khô héo và rốt cuộc đã làm cho xa lìa. Do nhân đó mới gọi là đã đặng trừ trạo hối bằng cách như thế.

639.

Câu nói thành người không phóng dật là bực Phíc-khú không tán loạn, do buông bỏ thả ra, xả bỏ, quyên trừ, buông giao lại và đã ói mửa trạo hối rồi. Do nhân đó mới gọi là người không phóng dật.

640.

* Gọi trụ có nghĩa là vẫn liên quan nhau… vẫn tạm trú. Do nhân đó mới gọi là trụ.

* Câu nói bên trong tức là bên trong phần ta.

∗ Câu nói có tâm vắng lặng mà tâm *đó ra sao?* Như là chủ trương trong sự biết cảnh, cũng gọi ý, cũng gọi tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà tâm ấy thanh tịnh, vắng lặng, rất thanh tịnh vắng lặng bên trong. Do nhân đó mới gọi là có tâm vắng lặng bên trong.

641.

Câu nói rửa lòng cho sạch lìa trạo hối mà phân ra phóng dật và hối hận.

- *Trong hai thứ đó mà **phóng dật** ra sao?* Sự tán loạn của tâm, sự không vắng lặng của tâm, tâm lao chao, sự rộn ràng của tâm. Như thế gọi là phóng dật.
- ***Hối hận** trong khi có ra sao?* Như là sự chấp rằng đáng trong chỗ không đáng… ý hối tiếc do có trạng thái như thế mới gọi là hối hận.

642.

***Tâm** trong khi có ra sao?* Như là chủ trương trong sự biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà Phíc-khú rửa tâm ấy cho hết trọi, hết đặc biệt cho trong sạch, cho khỏi, cho khỏi đặc biệt, cho vượt khỏi, xa lìa phóng dật, hối hận ấy. Do nhân đó mới gọi là rửa lòng cho lìa trạo hối.

643.

*Nói đã đặng trừ hoài nghi mà **hoài nghi** ra sao?* Như là sự nghi hoặc, thái độ hồ nghi, sự nghi nan, sự suy xét thấy khác biệt không thể quyết đoán cảnh đặng, sự thấy thành hai khía cạnh, sự nhận thấy như đường rẽ hai, sự hoài nghi không tính trọn một phía, nghĩ ngợi lơ thơ, tính toán dần dừ, sự không thể quyết định cho đặng, tâm dụ dự, cách lừng chừng của tâm. Như thế gọi là hoài nghi; mà hoài nghi ấy yên tịnh vắng lặng, rất vắng lặng, tắt đi, tắt bằng cách im đìm, bị làm cho điêu tàn, thật điêu tàn, bị làm cho khô héo, thật khô héo, rốt cuộc đã xa lìa. Do nhân đó mới gọi là trừ đặng hoài nghi.

644.

Câu nói thành người đã vượt khỏi hoài nghi giải rằng là đã thành bực lướt qua, lướt qua khỏi rồi, đã vượt ra khỏi hoài nghi ấy, đáo bỉ ngạn, đã đến bờ theo thứ lớp. Do nhân đó mới gọi là thành người vượt khỏi đặng với hoài nghi.

645.

Nói trụ nghĩa là vẫn liên quan nhau… vẫn tạm đình trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

646.

Nói không có sự hoài nghi trong những pháp thiện nghĩa là không có nghi hoặc, không nghi nan, không có sự nghi nan, hết sự nghi hoặc, xa lìa sự hoài nghi trong những pháp thiện bằng hoài nghi ấy. Do nhân đó mới gọi là không có sự hoài nghi trong những pháp thiện.

647.

*Nói rửa lòng cho sạch xa lìa hoài nghi mà **hoài nghi** đó ra sao?* Như là cách hoài nghi, thái độ nghi hoặc, sự nghi hoặc… ý do dự, thái độ dùng dằng của tâm. Như thế gọi là hoài nghi.

***Tâm** trong khi có ra sao?* Như là chủ trương trong sự biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà Phíc-khú rửa tâm ấy cho sạch hết, cho hết đặc biệt, cho trong sạch, cho khỏi, cho khỏi đặc biệt, cho vượt khỏi lìa hoài nghi ấy. Do nhân đó mới gọi là rửa lòng cho sạch lìa hoài nghi.

648.

Nói trừ ngũ cái đã đặng như thế nghĩa là những ngũ cái ấy êm tịnh vắng lặng, càng vắng lặng diệt đi, tắt bằng cách im đìm, bị làm cho điêu tàn, thật điêu tàn, bị làm cho

khô héo, thật khô héo, rốt cuộc phải đặng xa lìa. Do nhân đó mới gọi là trừ ngũ cái ấy đã đặng.

649.

Nói thành cơ quan phiền muộn của tâm tức là ngũ cái ấy là cơ quan phiền muộn của tâm.

650.

Nói làm cho tuệ bạt nhược nghĩa là tuệ mà chưa sanh không đặng sanh và tuệ đã sanh vẫn diệt do ngũ cái ấy. Bởi nhân đó mới gọi là làm cho tuệ bạt nhược.

651.

*Nói tĩnh ly chư dục đã vắng lặng lìa chư pháp bất thiện mà **dục** đó ra sao?* Như là sự vừa thích, cũng gọi tham, cũng gọi ái dục, cũng gọi muốn, cũng gọi dục dục, cũng gọi ham, cũng gọi tư duy, cũng gọi ưa nhiễm, thương yêu, cũng gọi dục lạc, tư duy dục lạc, cũng gọi mong mỏi. Những pháp ấy gọi là dục.

***Chư pháp bất thiện** đó ra sao?* Như là sự dục dục, sân ác, hôn trầm, thụy miên, Trạo cử, hoài nghi. Những pháp ấy gọi là chư pháp bất thiện, mà Phíc-khú đã vắng lặng xa lìa dục vọng và những pháp bất thiện ấy. Do nhân đó mới gọi là đã tĩnh ly chư dục, vắng lặng lìa chư bất thiện bằng cách như thế.

652.

Nói hiệp với tầm, tứ nhưng tầm là một và tứ là một.

- *Trong hai thứ nầy mà **tầm** đó ra sao?* Như là sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi, cách suy tính, cách đem tâm dựa cảnh, cách đem tâm khăn khít vào cảnh, cách đem tâm đến cảnh, cũng gọi chánh tư duy. Như thế gọi là tầm.
- ***Tứ** trong khi có ra sao?* Như là sự chăm sóc, cách xem xét, cách coi chừng, hằng gìn giữ, rất gìn giữ, cách đem tâm gắn vào cảnh, hằng chăm nom cảnh cho tâm. Như thế gọi là tứ.

Mà Phíc-khú đã thành bực vào đến hiệp với tầm, tứ ấy rồi. Do nhân đó mới gọi là hiệp với tầm, tứ bằng cách như thế.

653.

Nói sanh từ định có nghĩa là những pháp đó như: tầm, tứ, hỷ, lạc nhất tâm đã sanh, đã đồng sanh, sanh ra rồi, trọn phần sanh ra rồi, đã hiện hành trong định ấy. Do nhân đó mới gọi là sanh từ định.

654.

Nói có hỷ, lạc mà hỷ là một và lạc là một.

- *Trong hai thứ đó mà **hỷ** ra sao?* Như là sự no lòng, sự mừng, sự rất mừng, sự phơi phới, sự hớn hở, sự vui bồng bột, tâm thỏa thích, mừng bằng cách chấn động, hớn hở vui tươi của tâm. Như thế gọi là hỷ.
- ***Lạc** trong khi có ra sao?* Như là sự vui lòng, tâm yên ổn, sự hưởng cảnh vui thành lạc sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh vui thành lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là lạc.

Mà lạc nầy đồng nhau sanh chung, hòa trộn với hỷ ấy. Do nhân đó mới gọi là có hỷ, lạc.

655.

Câu nói ban sơ tức là lần thứ nhất đếm theo thứ lớp của thiền ấy gọi là sơ thiền. Bởi vì bực tu đắc chứng lần đầu.

656.

Nói thiền tức là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm.

657.

Nói đắc chứng tức là cách đến, sự đến, cách trúng, cách làm cho tỏ rõ, cách đắc, cách nhập, cách nhập sơ thiền lại của bực xuất gia.

658.

Nói trụ có nghĩa là vẫn liên quan nhau… vẫn tạm đình trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

659.

Nói do tầm, tứ vắng lặng mà tầm là một và tứ là một.

- *Trong hai thứ nầy mà **tầm** đó ra sao?* Như là sự suy nghĩ, rất suy nghĩ… cũng gọi chánh tư duy. Như thế gọi là tầm.
- ***Tứ** trong khi có ra sao?* Như là sự chăm nom, cách xem xét, thường xem xét, rất xem xét, sự mà tâm gắn với cảnh, hằng gìn giữ cảnh cho tâm. Như thế gọi là tứ *(vicāra)*.

Tầm và tứ ấy vắng lặng, rất vắng lặng, tắt mất, tắt cho đặng im đìm, sự làm cho điêu tàn, thật điêu tàn, sự làm cho khô héo, thật khô héo rốt cuộc xa lìa. Do nhân đó mới gọi là do tầm, tứ vắng lặng bằng cách như thế.

660.

∗ Nói trong phần trong như là hiện hành thành của bên trong phần ta.

∗ Còn nói trong sạch tức là đức tin, thái độ tín, sự quyết tín, sự rất kỉnh trọng.

661.

Nói thành pháp độc đoán phát sanh cho tâm tức là trụ của tâm… chánh định.

662.

Nói vô tầm vô tứ mà tầm là một và tứ là một.

- *Trong hai thứ đó mà **tầm** đó ra sao?* Như là sự nghĩ ngợi, rất nghĩ ngợi… cũng gọi chánh tư duy. Như thế gọi là tầm.
- ***Tứ** trong khi có ra sao?* Như là cách chăm nom, sự xem xét, thường xem xét, rất xem xét, cách tâm dính cảnh, sự hằng gìn giữ cảnh cho tâm. Như thế gọi tứ *(vicāra)*.

Tầm và tứ ấy vắng lặng, rất vắng lặng, diệt đi, diệt đặng im đìm, bị làm cho điêu tàn, thật điêu tàn, bị làm cho khô héo, thật khô héo rốt cuộc đã xa lìa. Do nhân đó mới gọi là vô tầm vô tứ bằng cách như thế.

663.

Nói sanh từ định là những pháp đó như là sự trong sạch do nhờ hỷ, lạc và nhất tâm đã sanh, đã sanh đủ, phát sanh ra rồi, đã phát sanh riêng phần, đã hiện bày trong định ấy. Do nhân đó mới gọi là sanh từ định.

664.

Nói hỷ, lạc mà hỷ riêng phần và lạc cũng riêng phần.

- *Trong hai cách đó mà **hỷ** ra sao?* Như là sự no lòng, sự mừng… tâm hớn hở. Như thế gọi là hỷ.
- ***Lạc** trong khi có ra sao?* Như là sự yên vui của tâm… thái độ hưởng cảnh yên vui sanh từ ý xúc. Như thế gọi là lạc.

Mà lạc ấy đồng sanh chung hòa trộn với hỷ. Do nhân đó mới gọi là có hỷ, lạc.

665.

Nói thứ hai tức là lần thứ hai, đếm theo thứ lớp của thiền ấy, kêu khép lại là nhị thiền vì là bực tu đắc lần thứ hai.

666.

Gọi thiền tức là sự trong ngần của hỷ, lạc và nhất tâm.

667.

Nói đắc chứng tức là cách đến, sự đến, cách trúng, cách làm cho tỏ rõ, cách đắc, cách nhập, cách nhập nhị thiền lại của bực xuất gia.

668.

Nói trụ có nghĩa là vẫn liên quan nhau… vẫn tạm đình trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

669.

*Nói do tiêu tán hỷ đặng nữa mà **hỷ** đó ra sao?*

- Như là sự no lòng, sự mừng… sự rất mừng, sự phơi phới, sự hớn hở, sự vui bổng bộc, tâm thỏa thích, mừng bằng cách chấn động, tâm hớn hở vui tươi. Như thế gọi là hỷ.
- Hỷ ấy rất yên tịnh, vắng lặng, rất vắng lặng, diệt đi, tắt im đìm, bị làm cho điêu tàn, thật điêu tàn, bị làm cho khô héo, thật khô héo rốt cuộc đã xa lìa. Do nhân đó mới gọi là làm cho tiêu tan luôn hỷ.

670.

*Nói thành bực có tâm xả mà **xả** đó ra sao?* Như là sự buông bỏ, thản nhiên, thái độ thản nhiên nơi riêng phần hay sự trung bình của tâm. Như thế gọi là xả, mà Phíc-khú thành bực đã vào đến… hiệp với xả ấy rồi. Do nhân đó mới gọi là thành bực có tâm xả.

671.

*Nói **trụ** đó ra sao?* Nói trụ có nghĩa là vẫn liên quan nhau, … vẫn tạm đình trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

672.

* *Nói có chánh niệm lương tri trong hai cách nầy mà **niệm** ra sao?* Như là sự nhớ đặng, cách hằng nhớ… nhớ đúng đắn. Như thế gọi là chánh niệm.

* ***Lương tri** trong khi có ra sao?* Như là tuệ hay thái độ hiểu rõ… vô si, trạch pháp, chánh kiến. Như thế gọi là lương tri, mà Phíc-khú đó đã thành bực đến… hiệp với chánh niệm lương tri rồi. Do đó mới gọi là có chánh niệm lương tri bằng cách như thế.

673.

* *Nói hưởng lạc bằng danh thân mà **lạc** đó ra sao?* Như là sự yên ổn tâm, sự yên tâm, cách vui lòng, sự hưởng an vui từ ý xúc hay thái độ hưởng cảnh an vui từ ý xúc. Như thế gọi là lạc.

* ***Thân** trong khi có ra sao?* Như là tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Như thế gọi là thân, mà Phíc-khú vẫn hưởng lạc bằng thân ấy. Do nhân đó mới gọi là hưởng lạc bằng danh thân.

674.

*Nói thành thiền mà bực Thánh nhân khen ngợi người đắc, mà **Thánh nhân** đó ra sao?* Như là Đức Phật và Thinh văn, đệ tử của Phật gọi là bực Thánh, mà chư Thánh đó khen ngợi trình bày chế định, đặt để, mở mang, phân chia làm cho rõ rệt, bố cáo cho người đắc thiền ấy. Do nhân đó gọi là thành thiền mà chư Thánh khen ngợi người đắc thiền.

675.

* *Nói thành người có tâm xả, có chánh niệm, vẫn đặng an vui mà **xả** đó ra sao?* Như là sự tự nhiên, thái độ tự nhiên, sự chăm chú, đơn độc, sự trung bình của tâm. Như thế gọi là xả.

∗ ***Niệm** trong khi có ra sao?* Như là nhớ đặng, sự hằng nhớ… cách nhớ chơn chánh. Như thế gọi là niệm.

∗ ***Lạc** trong khi có ra sao?* Như là sự yên vui của tâm, tâm an vui, sự hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc. Như thế gọi là lạc, mà Phíc-khú hiệp với xả, niệm và lạc ấy vẫn liên quan phẩm cách hành động, vẫn bảo trì, vẫn hành vi, đang hành vi, đang dạo đi, đang tạm trụ. Do nhân đó mới gọi là thành bực có tâm xả, có chánh niệm, vẫn an vui bằng cách như thế.

676.

Nói thứ ba là thứ lớp của cách đếm thiền ấy, thuộc về thứ ba gọi là tam thiền, do bực tu tiến đắc lần thứ ba.

677.

Nói **thiền** tức là xả, niệm, lương tri, lạc và nhất tâm *(ekaggatā)*.

678.

Nói **đắc chứng** tức là cách đặng, cách đặng lại nữa, cách đến, sự đến, cách đúng đắn, cách làm cho rõ, cách chứng tam thiền.

679.

∗ Nói **trụ** có nghĩa là vẫn liên quan nhau… tạm đình trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

680.

Nói do trừ lạc khổ đặng mà lạc riêng và khổ riêng.

- *Trong hai thứ đó mà **lạc** ra sao?* Như là sự thích thân, sự sướng thân, sự hưởng cảnh thích sanh từ thân xúc hay thái độ hưởng cảnh thích sướng sanh từ thân xúc. Như thế gọi là lạc.
- ***Khổ** trong khi có ra sao?* Sự không thích thân, sự khổ thân, sự hưởng cảnh không thích thành khổ sanh từ thân xúc. Như thế gọi là khổ.

Lạc và khổ ấy vẫn yên tịnh vắng lặng, rất vắng lặng, diệt bằng cách êm đềm, bị làm cho điêu tàn, hẳn điêu tàn, bị làm cho khô héo, thật khô héo, rốt cuộc rồi làm cho xa lìa khỏi. Do nhân mới gọi là lạc khổ bằng cách như thế.

681.

Nói do hỷ, ưu diệt, diệt bặt đã rồi mà ưu hỷ riêng nhau.

- *Trong hai thứ đó mà **hỷ** ra sao?* Như là sự yên ổn của tâm, sự an vui của tâm, sự hưởng cảnh vui sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc. Như thế gọi là hỷ.
- ***Ưu** trong khi có ra sao?* Như là sự không an tâm, sự khổ trong tâm, sự hưởng cảnh không vui thành khổ sanh từ ý xúc. Hay thái độ hưởng cảnh không vui thành khổ sanh từ ý xúc. Như thế gọi là ưu.

Mà hỷ và ưu ấy êm tịnh, vắng lặng, rất vắng lặng diệt mất, diệt bằng cách im đìm, bị làm cho điêu tàn, vẫn điêu tàn, bị làm khô héo thật khô héo, rốt cuộc đã làm cho lìa khỏi trước rồi. Nhân đó mới gọi là do hỷ ưu diệt trọn đã rồi bằng cách như thế.

682.

Nói vô khổ vô lạc nghĩa là không có sự tâm yên và cũng không có sự tâm không yên vui, chỉ có hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc hay chỉ có thái độ hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Do nhân đó mới gọi là vô khổ vô lạc.

683.

∗ *Nói có chánh niệm đầy đủ do xả mà **xả** đó ra sao?* Như là sự tự nhiên, thái độ tự nhiên, sự chăm chú đơn độc, sự trung bình của tâm. Như thế gọi là xả.

* ***Niệm*** *trong khi có ra sao?* Như là sự nhớ đặng, sự hằng nhớ… sự nhớ ghi chơn chánh. Như thế gọi là niệm, mà niệm ấy mở mang sạch sẽ, trong trẻo do xả ấy. Do nhân đó mới gọi là có niệm trong sạch do xả.

684.

Nói thứ tư tức là đếm theo thiền ấy, thứ tư gọi là tứ thiền, do bực tu tiến đắc lần thứ tư.

685.

Nói thiền tức là xả, niệm, nhất tâm.

686.

Nói đắc chứng tức là sự trúng, cách đến, cách làm cho tỏ rõ, cách đắc, cách nhập lại và sự đắc chứng tứ thiền.

687.

Nói trụ có nghĩa là vẫn liên quan nhau… đang tạm ở. Do nhân đó mới gọi là trụ.

688.

Nói do lướt qua tưởng sắc bằng mọi cách mà ***tưởng sắc*** *đó ra sao?* Như là sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng của bực tu tiến nhập thiền Sắc giới, hoặc của bực sanh về cõi Sắc giới hay là bực La-hán trụ lạc pháp kiến. Như thế gọi là tưởng sắc.

Mà Phíc-khú đã vượt khỏi, đã qua, đã qua khỏi với những tưởng sắc ấy. Vì nhân đó mới gọi là do vượt qua tưởng sắc bằng mọi cách.

689.

Nói do sự diệt của cùn khốn tưởng (paṭighasaññā) mà ***cùn khốn tưởng*** *đó ra sao?* Như là tưởng sắc, tưởng thinh, tưởng khí, tưởng vị, tưởng xúc. Những thế gọi là cùn khốn tưởng, mà những cùn khốn tưởng ấy yên tịnh, vắng lặng, rất vắng lặng diệt mất, diệt mất bằng cách im đìm, bị làm cho điêu tàn, vẫn điêu tàn, bị làm cho khô héo, thật khô héo rốt cuộc rồi bị làm cho xa lìa. Vì nhân đó mới gọi là sự diệt của cùn khốn tưởng *(paṭighasaññā)*.

690.

Nói do không tác ý với cách tưởng dị mà ***tưởng dị*** *đó ra sao?* Như là sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng của bực không nhập thiền, đều đồng với ý giới, hoặc đều đồng với ý thức giới. Những thế gọi là tưởng dị.

Mà Phíc-khú vẫn không tác ý cách tưởng dị thế đó. Vì nhân đó mới gọi là do không tác ý với tưởng dị.

691.

Nói hư không không cùng tột mà ***hư không*** *đó ra sao?* Như là trống rỗng thường gọi là hư không, sự trống thường gọi là trống rỗng, lỗ trống thường gọi là trống không mà sắc tứ đại sung không đụng chạm. Như thế gọi là hư không, mà Phíc-khú chăm chú tâm thuần thục, rải lòng không cùng tột trong hư không ấy. Nhân đó mới gọi là hư không không cùng tột.

692.

Câu nói Không vô biên xứ tức là tâm và sở hữu của bực nhập thiền Không vô biên xứ; hoặc của bực sanh trong cõi Không vô biên xứ, hoặc của bực La-hán trụ lạc kiến pháp.

693.

Nói đắc chứng tức là đặng, đến, trúng, nhập lại làm cho rõ rệt, chứng đến bực Không vô biên xứ.

694.

Nói trụ có nghĩa là vẫn liên quan nhau… tạm đình. Do nhân đó mới gọi là trụ.

695.

Nói do vượt qua Không vô biên xứ bằng mọi cách có nghĩa là bực Phíc-khú đã vượt qua, lướt khỏi, qua khỏi với Thức vô biên xứ ấy. Bằng nhân đó mới gọi là vượt qua Không vô biên xứ bằng mọi cách.

696.

Nói thức vô cùng tột có nghĩa là Phíc-khú đã quán hư không hoàn thành rồi đến tưởng thức không cùng không tột. Do nhân đó mới gọi là thức vô cùng tột.

697.

Nói Thức vô biên xứ tức là tâm và sở hữu của bực nhập thiền Thức vô biên xứ hay là của người sanh lên cõi Thức vô biên xứ. Hoặc của bực tứ quả đang hưởng kiến pháp lạc trú.

698.

Nói đắc chứng tức là cách đến, sự đến, cách trúng, làm cho rõ, cách nhập lại là đắc thiền Thức vô biên xứ.

699.

Nói trụ có nghĩa là liên quan nhau… hay tạm đình trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

700.

Nói do lướt khỏi Thức vô biên xứ bằng mọi cách có nghĩa là Phíc-khú đã vượt khỏi, lướt qua, đã qua với Thức vô biên ấy. Bằng nhân đó mới gọi là lướt khỏi Thức vô biên xứ bằng mọi cách.

701.

Nói thức không có chút nào nghĩa là Phíc-khú nhận thấy rằng thức đó không có, tiêu mất, không còn chút nào. Do nhân đó mới gọi là thức không có chút nào.

702.

Nói Vô sở hữu xứ tức là tâm và sở hữu của người nhập thiền Vô sở hữu xứ hay bực sanh về cõi Vô sở hữu xứ, hoặc La-hán đang trụ lạc kiến pháp.

703.

Nói đắc chứng tức là cách đến, sự đến, cách trúng, làm cho rõ, cách nhập lại là đắc chứng với Không vô biên xứ.

704.

Nói trụ có nghĩa là liên quan nhau… hay tạm đình trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

705.

Nói do lướt khỏi Vô sở hữu xứ bằng mọi cách nghĩa là Phíc-khú đã vượt qua khỏi rồi, qua rồi với Vô sở hữu xứ ấy. Bằng nhân đó lướt khỏi Vô sở hữu xứ bằng mọi cách.

706.

Nói phi tưởng phi phi tưởng là Phíc-khú quán thiền Vô sở hữu xứ ấy cho là vắng lặng mà tu tiến nhập thiền còn có hành. Do nhân đó mới gọi là phi tưởng phi phi tưởng.

707.

Nói Phi tưởng phi phi tưởng xứ tức là tâm và sở hữu của người nhập thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Hay là của bực sanh về cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc của La-hán đang trụ lạc kiến pháp.

708.

Nói đắc chứng tức là cách đến, sự đến, cách trúng, làm cho rõ, cách nhập lại là đắc với thiền phi tưởng phi phi tưởng.

709.

Câu nói trụ có nghĩa là liên quan nhau, phẩm hạnh đang còn, đang gìn giữ, đang hành vi, đang hành động, đang dạo đi, đang tạm trụ. Do nhân ấy mới gọi là trụ.

Dứt Phân theo Kinh

C. THIỀN PHÂN TÍCH – PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP

Thiền thiện theo bốn bực

710.

Bốn bực thiền là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền.

711.

*Trong bốn bực thiền đó mà **sơ thiền** ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định trong khi nào thì năm chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là sơ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với thiền.

712.

***Nhị thiền** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền trụ đề mục đất trong khi đó vẫn có ba chi thiền là hỷ, lạc và nhất tâm. Như thế gọi là nhị thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

713.

***Tam thiền** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, do tan luôn hỷ… đắc tam thiền trụ đề mục đất trong khi đó vẫn còn hai chi thiền là lạc và nhất tâm. Như thế gọi là tam thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

714.

***Tứ thiền** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới và trừ luôn lạc… đắc tứ thiền trụ đề mục đất trong khi đó vẫn có hai chi thiền là xả và nhất tâm. Như thế gọi là tứ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

Thiền thiện theo năm bực

715.

Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục ... đắc sơ thiền trụ đề mục đất trong khi đó vẫn có năm chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Như thế gọi là sơ thiền. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng thiền.

716.

Như là Phíc-khú trong khi tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, yên tĩnh vô tầm hữu tứ có hỷ, lạc, đắc nhị thiền trụ đề mục đất trong khi đó vẫn có bốn chi thiền là tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Như thế gọi là nhị thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

717.

Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ… đắc tam thiền trụ đề mục đất trong khi đó vẫn có ba chi thiền là hỷ, lạc và nhất tâm. Như thế gọi là tam thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

718.

Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới hết ưu luôn hỷ… đắc tứ thiền trụ đề mục đất trong khi đó vẫn có hai chi thiền là lạc và nhất tâm. Như thế gọi là tứ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

719.

Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới đặng trừ luôn lạc… đắc ngũ thiền trụ đề mục đất trong khi đó vẫn có hai chi thiền là xả và nhất tâm. Như thế gọi là ngũ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

720.

Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, đã trừ luôn lạc… lướt khỏi luôn cả Vô sở hữu xứ, vẫn đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng phi tưởng phi phi tưởng trong khi đó có hai chi thiền là xả và nhất tâm. Như thế gọi là tứ thiền (Vô sắc giới). Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

Thiền thiện siêu thế theo bốn bực

721.

Bốn bực thiền là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền.

722.

*Trong bốn bậc thiền đó mà **sơ thiền** ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… vẫn đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì năm chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là sơ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

723.

***Nhị thiền** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly tầm, tứ… đắc nhị thiền mà hành nan đắc trì trong khi đó ba chi thiền là hỷ, lạc và nhất tâm vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là nhị thiền. Còn những pháp ngoài ra là tương ưng thiền.

724.

***Tam thiền** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ… do tiêu tan luôn hỷ đắc tam thiền mà hành nan đắc trì trong khi đó hai chi thiền là lạc và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là tam thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

725.

***Tứ thiền** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, trừ luôn lạc… đắc tứ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì hai chi thiền là xả và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là tứ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

Thiền thiện siêu thế theo năm bực

726.

Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì ngũ chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là nhị thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với thiền.

728.

Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly tầm, tứ… đắc tam thiền mà hành nan đắc trì trong khi đó ba chi thiền là hỷ, lạc và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là tam thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

729.

Như là Phíc-khú trong khi tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tan luôn hỷ đắc tứ thiền mà hành nan đắc trì trong khi đó thì hai chi thiền là lạc và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là tứ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

730.

Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ trừ luôn lạc… đắc ngũ thiền mà hành nan đắc trì trong khi đó thì hai chi thiền là xả và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là ngũ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với thiền.

Thiền dị thục quả theo bốn bực và năm bực

731.

Bốn bực thiền là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền.

732.

* ***Sơ thiền*** *trong khi có ra sao?*

- Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục ... đắc sơ thiền trụ đề mục đất trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
- Bực Phíc-khú tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền trụ đề mục đất mà thành dị thục quả do tu hành chứa để thiện Sắc giới khi đó năm chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là sơ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

* ***Nhị thiền*** *đó ra sao?*

- Như là Phíc-khú trong khi tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền trụ đề mục đất trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.
- Bực Phíc-khú tĩnh ly tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền trụ đề mục đất mà thành dị thục quả do đã tu hành chứa để thiện Sắc giới trong khi nào thì hai chi thiền là xả và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là ngũ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.
- Bực Phíc-khú trong khi tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới đã trừ luôn lạc… do lướt khỏi luôn đến Vô sở hữu xứ đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện, mà bực Phíc-khú đã trừ lạc… lướt khỏi luôn Vô sở hữu xứ đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà thành dị thục quả do đã tu hành chứa để thiện Vô sắc giới trong khi đó thì hai chi thiền là xả và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là tứ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với thiền (theo Pālī rút ngắn).

Thiền dị thục quả siêu thế theo bốn và năm bực

733.

Bốn bực thiền là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền.

734.

* ***Sơ thiền*** *trong khi có ra sao?*

- Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.
- Bực tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì thuộc chủng tiêu diệt mà thành dị thục quả do nhờ tu tiến thực hành chứa để thiền thiện siêu thế trong khi đó thì năm chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là sơ thiền. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng thiền.

* ***Nhị thiền*** *trong khi có ra sao?*

- Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly tầm, tứ… đắc nhị thiền mà hành nan đắc trì trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.
- Mà bực tĩnh ly chư dục đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền mà hành nan đắc trì thuộc chủng tiêu diệt thành dị thục quả do nhờ tu hành tiến hóa chứa để thiền thiện siêu thế trong khi đó thì hai chi thiền là xả và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là ngũ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền. (theo Pālī rút ngắn).

Thiền tố (kiriyā) theo bốn và năm bực

735.

Bốn bực thiền là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền.

736.

* ***Sơ thiền*** *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền Sắc giới, tĩnh ly chư dục ... đắc sơ thiền trụ đề mục đất mà thành tố *(kiriyā)* phi thiện phi dị thục quả, kiến pháp lạc trụ thì trong khi đó năm chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là sơ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

* ***Nhị thiền*** *đó ra sao?*

- Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền trụ đề mục đất mà thành tố phi thiện, phi dị thục quả, kiến pháp lạc trụ thì trong khi đó hai chi thiền là xả và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là ngũ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.
- Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền Vô sắc giới đã trừ luôn lạc lướt khỏi luôn cả Vô sở hữu xứ đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong khi đó thì hai chi thiền là xả và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là tứ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với thiền (theo Pālī rút ngắn).

Dứt Phân theo Diệu Pháp

D. THIỀN PHÂN TÍCH PHẦN VẤP ĐÁP

737.

Bốn bực thiền là :

1. Phíc-khú trong Tông giáo nầy tĩnh ly chư dục, đã vắng lặng lìa các pháp bất thiện đắc sơ thiền vẫn có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định.
2. Đắc nhị thiền vắng lặng tầm, tứ trong sạch tự nội độc đoán trong tâm.
3. Vô tầm vô tứ chỉ còn hỷ, lạc sanh từ định do tan luôn hỷ mới thành người có tâm xả, có chánh niệm lương tri và hưởng vui với danh thân, chứng tam thiền là thiền mà các bực Thánh nhân khen ngợi người đắc thiền ấy là bực có tâm xả, có chánh niệm lương tri như thế.
4. Đắc tứ thiền vô khổ vô lạc do trừ đặng lạc khổ bởi đã diệt yên ưu hỷ, có chánh niệm vẫn do nhờ xả.

VẤN THEO ĐẦU ĐỀ TAM VẤN THEO ĐẦU ĐỀ NHỊ

Những bốn bực thiền mà thiền nào thành thiện, thiền nào thành bất thiện, thiền nào thành vô ký… thiền nào thành hữu y, thiền nào thành vô y.

Đáp theo đầu đề tam

738.

* 4 thiền thành thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
* 3 thiền trừ ra lạc thọ sanh trong thiền ấy thời thành tương ưng lạc thọ.
* 4 thiền trừ ra phi khổ phi lạc thọ sanh trong thiền ấy thời thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
* 4 thiền thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
* 4 thiền thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.
* 4 thiền thành phi phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phiền toái phi cảnh phiền não cũng có.
* Sơ thiền trừ ra tầm, tứ sanh trong thiền ấy thời thành hữu tầm hữu tứ. Tam thiền thành vô tầm vô tứ.
* 2 thiền trừ ra hỷ sanh trong thiền ấy thời thành đồng sanh hỷ.
* 3 thiền trừ ra lạc sanh trong thiền ấy thời thành đồng sanh lạc.
* 4 thiền trừ ra xả sanh trong thiền ấy thời thành đồng sanh xả.
* 4 thiền thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* 4 thiền thành phi hữu nhân phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* 4 thiền thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* 4 thiền thành hữu học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.
* 4 thiền thành đáo đại cũng có, thành vô lượng cũng có.
* 3 thiền không nên nói thành biết cảnh hỷ thiểu, vẫn thành biết cảnh đáo đại, vẫn thành biết cảnh vô lượng. Không nên nói thành biết cảnh vô lượng cũng có.

* 4 thiền thành biết cảnh hỷ thiểu cũng có, thành biết cảnh đáo đại cũng có, thành biết cảnh vô lượng cũng có. Không nên nói chỉ thành biết cảnh hy thiểu, chỉ thành biết cảnh đáo đại hay chỉ thành biết cảnh vô lượng cũng có.
* 4 thiền thành trung bình cũng có, thành tinh lương cũng có.
* 4 thiền thành chánh nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* 3 thiền không thành biết cảnh đáo đại, mà thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có; không nên nói vẫn thành đạo là nhân cũng có, vẫn thành đạo là trưởng cũng có.
* 4 thiền thành đạo là cảnh cũng có, thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có. Không nên nói thành đạo là cảnh, thành đạo là nhân hay thành đạo là trưởng cũng có.
* 4 thiền thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* 4 thiền thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* 3 thiền không nên nói thành biết cảnh quá khứ, vẫn thành biết cảnh vị lai, vẫn thành biết cảnh hiện tại.
* 4 thiền thành biết cảnh quá khứ cũng có, thành biết cảnh vị lai cũng có, thành biết cảnh hiện tại cũng có. Không nên nói chỉ thành biết cảnh quá khứ, chỉ thành biết cảnh vị lai, chỉ thành biết cảnh hiện tại cũng có.
* 4 thiền thành nội phần cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* 3 thiền thành biết cảnh ngoại.
* 4 thiền thành biết cảnh nội phần cũng có, thành biết cảnh ngoại phần cũng có, thành biết cảnh nội và ngoại phần cũng có. Không nên nói chỉ thành biết cảnh nội phần, chỉ thành biết cảnh ngoại phần, chỉ thành biết cảnh nội và ngoại phần cũng có.
* 4 thiền thành bất kiến vô đối chiếu.

Đáp theo đầu đề nhị

i. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

739.

Bốn thiền thành nhân. 4 thiền thành hữu nhân. 4 thiền thành tương ưng nhân. 4 thiền không thể nói thành nhân hữu nhân hay thành phi nhân hữu nhân. 4 thiền không thể nói thành nhân hữu nhân hay thành phi nhân hữu nhân. 4 thiền không thể nói thành nhân tương ưng nhân hay chỉ thành phi nhân tương ưng nhân. 4 thiền thành phi nhân hữu nhân.

ii. Đáp phần nhị đề đỉnh *(culantaraduka)*

4 thiền thành hữu duyên. 4 thiền thành hữu vi. 4 thiền thành bất kiến. 4 thiền thành vô đối chiếu. 4 thiền thành phi sắc. 4 thiền thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có. 4 thiền thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu *(āsavagocchaka)*

4 thiền thành phi lậu. 4 thiền thành cảnh lậu cũng có, thành phi cảnh lậu cũng có. 4 thiền thành bất tương ưng lậu. 4 thiền không thể nói thành lậu cảnh lậu. 4 thiền thành phi cảnh lậu cũng có, cũng không thể nói thành phi lậu cảnh lậu cũng có. 4 thiền không thể nói dĩ nhiên thành lậu tương ưng lậu hay dĩ nhiên thành phi lậu tương ưng

lậu. 4 thiền thành bất tương ưng lậu cảnh lậu cũng có, thành bất tương ưng lậu phi cảnh lậu cũng có.

iv, v, vi, vii, viii, ix, x, xi, xii. Đáp phần chùm triền… (*sanyojanagocchaka)*

4 thiền thành phi triền… 4 thiền thành phi phược… 4 thiền thành phi bộc… 4 thiền thành phi phối… 4 thiền thành phi cái… 4 thiền thành phi khinh thị… 4 thiền thành tri cảnh. 4 thiền thành phi tâm. 4 thiền thành sở hữu tâm. 4 thiền thành tương ưng tâm. 4 thiền thành hòa với tâm. 4 thiền thành có tâm làm sở sanh. 4 thiền thành đồng sanh tồn với tâm. 4 thiền thành tùng tâm thông lưu. 4 thiền thành hòa với tâm có tâm làm sở sanh. 4 thiền thành hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh. 4 thiền thành có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm. 4 thiền thành bên ngoài. 4 thiền thành y sinh. 4 thiền thành do thủ cũng có, thành phi do thủ cũng có. 4 thiền thành phi thủ. 4 thiền thành phi phiền não.

xiii. Đáp nhị đề yêu bối *(piṭṭhiduka)*

740.

* 4 thiền thành phi sơ đạo tuyệt trừ. 4 thiền thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. 4 thiền thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ. 4 thiền thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Sơ thiền trừ tầm sanh trong thiền ấy thời thành hữu tầm. Ba thiền (kia) thành vô tầm.
* Sơ thiền trừ tứ sanh trong thiền ấy thời thành hữu tứ. Ba thiền (kia) thành vô tứ.
* 2 thiền trừ hỷ sanh trong thiền ấy thời thành hữu hỷ. Hai thiền (kia) thành vô hỷ.
* 2 thiền trừ hỷ sanh trong thiền ấy thời thành đồng sanh hỷ. Hai thiền (kia) thành phi đồng sanh hỷ.
* 3 thiền trừ lạc sanh trong thiền ấy thời thành đồng sanh lạc. Tứ thiền thành phi đồng sanh lạc.
* 4 thiền trừ xả sanh trong thiền ấy thời thành đồng sanh xả. ba thiền thành phi đồng sanh xả.
* 4 thiền thành phi Dục giới, thành Sắc giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có.
* 3 thiền thành phi Vô sắc giới. Tứ thiền thành Vô sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có.
* 4 thiền thành liên quan luân hồi cũng có, thành bất liên quan luân hồi cũng có.
* 4 thiền thành nhân xuất luân hồi cũng có, thành phi nhân xuất luân hồi cũng có.
* 4 thiền thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* 4 thiền thành hữu thượng cũng có, thành vô thượng cũng có.
* 4 thiền thành vô y, chỉ có bấy nhiêu.

Dứt Phần vấn đáp
Hoàn bị Thiền phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN XIII - VÔ LƯỢNG PHÂN TÍCH

A. VÔ LƯỢNG PHÂN TÍCH - PHẦN PHÂN THEO KINH

741.

Tứ vô lượng:

1. Phíc-khú trong Tông giáo nầy rải tâm từ hướng thứ nhất, hướng thứ hai cũng như thế, hướng thứ ba cũng như thế, hướng thứ tư cũng như thế, hướng trên hướng dưới, hướng mặt hướng trái cũng đồng như thế. Rải tâm từ rộng lớn bao la vô lượng cho đặng không gây oan trái, chẳng sân ác độc hại cho đến tất cả chúng sanh trong đời do thành người vẫn có tâm bình đẳng đối với mỗi chúng sanh.
2. Rải tâm bi đến hướng thứ nhất, hướng thứ hai, hướng thứ ba, hướng thứ tư đều như thế, cho đến hướng trên hướng dưới, phía mặt, phía trái cũng đều đồng như nhau. Rải tâm bi rộng rãi bao la vô lượng mong cho tất cả chúng sanh trong đời đặng không sân ác độc hại, đừng gây oan trái nhau, do tâm bình đẳng đối với mỗi hạng chúng sanh.
3. Rải tâm hỷ ngay hướng thứ nhất, hướng thứ hai, hướng thứ ba, hướng thứ tư cũng như thế, cho đến hướng trên hướng dưới luôn bên mặt bên trái cũng đều đồng như nhau. Rải lòng hỷ lớn lao rộng rãi vô lượng mong cho tất cả chúng sanh đều không sân ác độc hại, đừng gây oan trái cho nhau, do thành người có tâm bình đẳng đối với mỗi hạng chúng sanh.
4. Rải lòng xả ngay hướng thứ nhất, hướng thứ hai, hướng thứ ba, hướng thứ tư cũng như thế, phía trên phía dưới cho đến bên phải bên trái cũng đều đồng nhau. Rải lòng xả lớn lao bao quát vô lượng mong cho tất cả chúng sanh không sân ác độc hại, không nên gây oan trái do bực có tâm bình đẳng đối với mỗi hạng chúng sanh.

1) Từ vô lượng xiển minh

742.

*Thế nào là Phíc-khú **rải lòng từ đến hướng thứ nhất**?* Như là Phíc-khú rải lòng từ đến tất cả chúng sanh như là người thấy kẻ khác thành chỗ thương yêu tâm thích, nên thương yêu như thế.

743.

- *Nói từ mà **từ** đó ra sao?* Như là cách thương, thái độ thương, sự thương yêu cả chúng sanh, tâm thương yêu giải thoát. Như thế gọi là từ.
- ***Tâm** trong khi có ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh thức tức là ý, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, thuộc về ý thức giới. Như thế gọi là tâm. Tâm, ý đồng nhau chung hòa hợp, tương ưng với từ. Do nhân đó mới gọi là tâm từ.
- Nói hướng thứ nhất tức là hướng Đông, hoặc hướng Tây, hoặc hướng Nam, hoặc hướng Bắc hay phía trên, phía dưới, bên mặt, bên trái. Hay là những hướng khác.

* Nói rải tức là phóng tâm đi đến.
* Nói trụ có nghĩa là liên quan nhau… tạm đình. Do nhân đó mới gọi là trụ.

2) Bi vô lượng xiển minh

744.

*Thế nào là Phíc-khú **rải lòng bi đến hướng thứ nhất**?* Như là Phíc-khú rải lòng bi đến tất cả chúng sanh như thấy người nào khổ sở đáng tội nghiệp như thế.

745.

* ***Bi** trong khi có ra sao?* Như là cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp cho tất cả chúng sanh lòng bi giải thoát. Như thế gọi là bi.
* ***Tâm** đó ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà tâm ấy đồng sanh, hiệp chung hòa trộn, tương ưng với bi ấy. Do nhân đó mới gọi là tâm bi.
* Nói hướng thứ nhất tức là hướng Đông, hoặc hướng Tây hay hướng Nam, hướng Bắc, hướng trên, hướng dưới hay là bên phải hoặc các hướng khác.
* Nói rải tức là phúng tâm ra tưởng đi.
* Nói trụ có nghĩa là liên quan nhau… tạm đình. Do nhân đó mới gọi là trụ.
* Nói hướng thứ hai cũng cách ấy, có nghĩa là một hướng nào đó, hướng thứ hai cũng như thế, hướng thứ ba cũng như thế đó, hướng thứ tư cũng thế đó, hướng trên cũng thế đó, hướng dưới cũng thế đó, phía mặt cũng thế đó, các hướng khác cũng thế đó.
* Nói tất cả chúng sanh trong đời do bực có tâm bình đẳng đối trong chúng sanh mỗi hạng có nghĩa là nói tất cả chúng sanh do bực có tâm bình đẳng đối với mỗi hạng chúng sanh đó thành lối nhất định, ám chỉ khắp tất cả chúng sanh không có phần nào ngoài kiếm phần ngoài không đặng.
* *Nói tâm bi mà **bi** đó ra sao?* Như là cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp, sự tội nghiệp trong tất cả chúng sanh, tâm bi giải thoát. Như thế gọi là tâm bi.
* ***Tâm** trong khi có ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà tâm đó đồng có sanh chung, hòa trộn, tương ưng với bi ấy. Do nhân đó mới gọi là tâm bi.
* Nói lớn lao có nghĩa là tâm nào rộng lớn thì tâm ấy rộng rãi, tâm nào rộng rãi tâm ấy vô lượng, tâm nào vô lượng tâm ấy không có oan trái, tâm nào không có oan trái tâm ấy không có sân ác.
* Nói rải tức là tâm phúng ra, chăm chú đến.
* Nói trụ có nghĩa là liên quan nhau… tạm đình. Do nhân đó mới gọi là trụ.

3) Tùy hỷ vô lượng xiển minh

746.

*Thế nào là Phíc-khú **rải lòng tùy hỷ đến hướng thứ nhất**?* Như là Phíc-khú rải lòng tùy hỷ đến tất cả chúng sanh, như có người thấy một kẻ khác thành bực cảm ưa mến mới mừng giùm thế đó.

747.

* ***Tùy hỷ*** *trong khi có ra sao?* Như là sự mừng giùm, thái độ mừng giùm, sự mừng giùm trong tất cả chúng sanh tâm tùy hỷ giải thoát. Như thế gọi là tùy hỷ.
* ***Tâm*** *trong khi có ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà tâm ấy đồng sanh hiệp chung hòa trộn tương ưng với tùy hỷ ấy. Do nhân đó mới gọi là tâm tùy hỷ.
* Nói hướng thứ nhất tức là hướng Đông, hoặc hướng Nam, hoặc hướng Tây, hoặc hướng Bắc hay hướng trên, hướng dưới. Hay là bên phải hoặc các hướng khác.
* Câu nói rải tức là tâm phúng ra chăm chú đến.
* Nói trụ có nghĩa là liên quan nhau… tạm đình. Do nhân đó mới gọi là trụ.
* Nói hướng thứ hai cũng cách đó có nghĩa là hướng thứ nhất thế nào thì hướng thứ hai cũng thế đó, hướng thứ ba cũng thế đó, hướng thứ tư cũng thế đó, hướng trên cũng thế đó, hướng dưới cũng thế đó, hướng bên mặt cũng thế đó, các hướng khác cũng thế đó.
* Nói tất cả chúng sanh trong đời do bực có tâm bình đẳng trong chúng sanh mỗi nhóm có nghĩa là nói rằng tất cả chúng sanh trong đời do thành người có tâm bình đẳng trong mỗi bọn chúng sanh ấy thành lời nói nhất định, ám chỉ tất cả chúng sanh không có sót ngoài ra.
* *Nói tâm tùy hỷ mà* ***tùy hỷ*** *đó ra sao?* Như là sự mừng giùm, thái độ mừng giùm, sự mừng giùm cho tất cả chúng sanh tâm tùy hỷ giải thoát. Như thế gọi là tùy hỷ.
* ***Tâm*** *đó ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà tâm ấy đồng sanh, hiệp chung, hòa trộn, tương ưng với tùy hỷ ấy. Do nhân đó mới gọi là tâm tùy hỷ.
* Nói quảng đại có giải là tâm nào quảng đại thì tâm ấy rộng rãi, tâm nào rộng rãi tâm ấy vô lượng, tâm nào vô lượng tâm đó không có oan trái, tâm nào không oan trái thì tâm đó không sân ác.
* Nói rải tức là tâm phúng ra, chăm chú đến.
* Nói trụ có nghĩa là liên quan nhau… tạm đình. Do nhân đó mới gọi là trụ.

4) Xả vô lượng xiển minh

748.

Thế nào là Phíc-khú ***rải lòng xả đến hướng thứ nhất****?* Như là Phíc-khú rải lòng xả đến tất cả chúng sanh như có người thấy một kẻ nào phi hợp ý, phi phi hợp ý rồi mới thành người có tâm xả đó.

749.

* ***Xả*** *trong khi có ra sao?* Như là cách như thường, thái độ như thường đối với tất cả chúng sanh, đó là tâm xả giải thoát. Như thế gọi là xả.
* ***Tâm*** *trong khi có ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà tâm ấy đồng sanh, hiệp chung, hòa trộn tương ưng với xả ấy. Do nhân đó mới gọi là tâm xả.
* Nói hướng thứ nhất tức là hướng Đông, hoặc hướng Nam, hoặc hướng Tây, hoặc hướng Bắc hay hướng trên, hướng dưới, hướng mặt hay là những hướng khác.

* Nói rải tức là tâm phúng ra, chăm chú đến.
* Nói trụ có nghĩa là liên quan nhau… tạm đình. Do nhân đó mới gọi là trụ.
* Nói hướng thứ hai cũng thế đó, nghĩa là hướng thứ nhất như thế nào thì hướng thứ hai cũng thế đó. Hướng thứ ba như thế nào thì hướng thứ tư cũng thế đó, hướng trên cũng thế đó, hướng phía dưới cũng thế đó, hướng phía phải cũng thế đó, các hướng khác cũng thế đó.
* Nói tất cả chúng sanh trong đời do người có tâm bình đẳng đối với mỗi thứ chúng sanh có nghĩa như vầy: Tất cả chúng sanh do người có tâm bình đẳng đối với mỗi thứ chúng sanh đó thành ra lời nhất định, ám chỉ khắp hết tất cả chúng sanh không chừa dư ra chi cả.
* *Nói tâm xả mà **tâm xả** đó ra sao?* Như là cách tự nhiên, thái độ tự nhiên đối với tất cả chúng sanh, tự nhiên là tâm xả giải thoát. Như thế gọi là xả.
* ***Tâm** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà tâm ấy đồng sanh, hiệp chung, hòa trộn, tương ưng với xả ấy. Do nhân đó mới gọi là tâm xả.
* Nói rộng rải có nghĩa là tâm nào quảng đại thì tâm đó rộng rãi, tâm nào rộng rãi thì tâm đó không bờ mé, tâm nào không bờ mé thì tâm đó không oan trái, tâm nào không oan trái thì tâm đó không sân ác.
* Nói rải tức là phúng tâm ra, chăm chú đến.
* Nói trụ nghĩa là liên quan nhau… tạm đình trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

Dứt Phân theo Kinh.

B. VÔ LƯỢNG PHÂN TÍCH - PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP

750.

Tứ vô lượng tâm: Một là từ, hai là bi, ba là hỷ, bốn là xả.

1) Thiền thiện từ theo bốn bực

751.

* ***Từ** đó ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục đắc sơ thiền đồng sanh với từ thời trong khi đó cách thương, sự thương, thái độ thương, tâm từ giải thoát vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với từ.
* ***Từ** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền đồng sanh với từ trong khi nào thì sự thương, cách thương, thái độ thương bằng tâm từ giải thoát trong khi như thế gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra tương ưng từ.
* ***Từ** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới do tiêu tan luôn hỷ, đắc tam thiền đồng sanh với từ trong khi nào thì sự thương, cách thương, thái độ thương bằng tâm từ giải thoát. Như thế gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với từ.

2) Thiền thiện từ theo năm bực

* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền đồng sanh với từ trong khi đó thì sự thương, cách thương, thái độ thương bằng từ của tâm giải thoát. Như thế gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng từ.
* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, đắc nhị thiền đồng sanh với từ, vô tầm hữu tứ, có hỷ, lạc sanh từ định trong khi nào thì sự thương, cách thương, thái độ thương bằng tâm từ giải thoát. Như thế gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng từ.
* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly tầm, tứ… đắc tam thiền đồng sanh với từ trong khi nào thì sự thương, cách thương, thái độ thương bằng tâm từ giải thoát. Như thế gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng từ.
* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới do tan luôn hỷ… đắc tứ thiền đồng sanh với từ trong khi nào thì sự thương, cách thương, thái độ thương bằng tâm từ giải thoát. Như thế gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng với từ.

3) Thiền thiện bi theo bốn bực

* ***Bi** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly tầm, tứ ... đắc nhị thiền đồng sanh với bi trong khi đó thì sự tội nghiệp, cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp bằng tâm bi giải thoát. Như thế gọi là bi. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng bi.
* ***Bi** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly tầm, tứ ... đắc nhị thiền đồng sanh với bi trong khi đó thì sự tội nghiệp, cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp bằng tâm bi giải thoát. Như thế gọi là bi. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng bi.
* ***Bi** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tan rã luôn hỷ ... đắc tam thiền đồng sanh với bi trong khi nào thì sự tội nghiệp, cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp bằng tâm bi giải thoát. Như thế gọi là bi. Còn những pháp ngoài ra tương ưng bi.

4) Thiền thiện bi theo năm bực

* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục ... đắc sơ thiền đồng sanh với bi trong khi nào thì sự tội nghiệp, cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp bằng tâm bi giải thoát vẫn có. Như thế gọi là bi. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng bi.
* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, đắc nhị thiền vô tầm còn tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà đồng sanh với bi trong khi nào thì sự tội nghiệp, cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp bằng tâm bi giải thoát vẫn có. Như thế gọi là bi. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với bi.

* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly tầm, tứ, đắc tam thiền đồng sanh với bi trong khi nào thì sự tội nghiệp, cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp bằng tâm bi giải thoát vẫn có. Như thế gọi là bi. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng với bi.
* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tiêu tán luôn hỷ… đắc tứ thiền đồng sanh với bi trong khi nào thì sự tội nghiệp, cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp bằng tâm bi giải thoát vẫn có. Như thế gọi là bi. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng bi.

5) Thiền thiện tuỳ hỷ theo bốn bực

753.

* ***Tùy hỷ*** *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục ... đắc sơ thiền đồng sanh với tùy hỷ trong khi nào thì sự vui theo, cách vui theo, thái độ vui theo bằng tâm tùy hỷ giải thoát. Như thế gọi là tùy hỷ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng tùy hỷ.
* ***Tùy hỷ*** *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ ... đắc nhị thiền đồng sanh với tùy hỷ trong khi nào thì sự vui theo, cách vui theo, thái độ vui theo bằng tâm tùy hỷ giải thoát vẫn có. Như thế gọi là tùy hỷ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng với tùy hỷ.
* ***Tùy hỷ*** *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới do tiêu tán luôn hỷ ... đắc tam thiền đồng sanh với tùy hỷ trong khi nào thì cách vui theo, sự vui theo, thái độ vui theo bằng tâm tùy hỷ giải thoát vẫn có. Như thế gọi là tùy hỷ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng với tùy hỷ.

6) Thiền thiện tùy hỷ theo năm bực

* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục ... đắc sơ thiền đồng sanh với tùy hỷ trong khi nào thì sự vui theo, cách vui theo, thái độ vui theo bằng tâm tùy hỷ giải thoát vẫn có. Như thế gọi là tùy hỷ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng với tùy hỷ.
* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, đắc nhị thiền vô tầm còn tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà đồng sanh với tùy hỷ trong khi nào thì vẫn có sự vui theo, thái độ vui theo bằng tâm tùy hỷ giải thoát. Như thế gọi là tùy hỷ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng với tùy hỷ.
* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới vắng lặng tầm, tứ… đắc tam thiền mà đồng sanh với tùy hỷ trong khi nào thì vẫn có sự vui theo, cách vui theo, thái độ vui theo bằng tâm tùy hỷ giải thoát. Như thế gọi là tùy hỷ. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với tùy hỷ.
* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tiêu tán luôn hỷ… đắc tứ thiền mà đồng sanh với tùy hỷ trong khi nào thì vẫn có sự vui theo, cách vui theo, thái độ vui theo bằng tâm tùy hỷ giải thoát. Như thế gọi là tùy hỷ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng tùy hỷ.

7) Thiền thiện xả

754.

***Xả** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới trừ luôn lạc ... đắc tứ thiền mà đồng sanh với xả trong khi nào thì vẫn có sự như thường, cách như thường, thái độ như thường, do tâm xả giải thoát. Như thế gọi là xả. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với xả.

755.

Tứ vô lượng tâm là từ, bi, hỷ, xả.

8) Thiền dị thục quả từ theo bốn bực

756.

* ***Từ** trong khi có ra sao?*

Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà đồng sanh với từ trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Đây gọi là chư pháp thiện.

Mà bực thanh tịnh lìa chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với từ thành dị thục quả do tu hành tích trữ nghiệp thiện Sắc giới trong khi nào thì vẫn có sự thương, cách thương, thái độ thương bằng tâm từ giải thoát. Như thế gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với từ.

* ***Từ** trong khi có ra sao?*

Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ, đắc nhị thiền đồng sanh với từ trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.

Mà bực vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… đắc tam thiền… đắc sơ thiền… đắc tứ thiền đồng sanh với tứ thiền mà đồng sanh với từ thành dị thục quả do tu hành chứa để nghiệp thiện Sắc giới, như thế trong khi đó vẫn có sự thương, cách thương, thái độ thương bằng tâm từ giải thoát. Đây gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng với từ (theo Pālī rút ngắn).

9) Thiền dị thục quả bi theo bốn và năm bực

757.

* ***Bi** trong khi có ra sao?*

- Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà đồng sanh với bi trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
- Mà bực tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với bi thành dị thục quả do đã tu hành chứa để nghiệp thiện Sắc giới thì trong khi đó sự tội nghiệp, cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp bằng tâm bi giải thoát. Như thế gọi là bi. Còn những pháp ngoài ra tương ưng bi.

* ***Bi** trong khi có ra sao?*

- Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới vắng lặng tầm, tứ, đắc nhị thiền mà đồng sanh với bi trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.

- Còn bực vắng lặng tầm, tứ đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc tứ thiền mà đồng sanh với bi thành dị thục quả do đã tu hành chứa để nghiệp thiện Sắc giới, như thế trong khi đó vẫn có sự tội nghiệp, cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp bằng tâm bi giải thoát. Đây gọi là bi. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng bi (theo Pālī rút ngắn).

10) Thiền dị thục quả tùy hỷ theo bốn và năm bực

758.

* ***Tùy hỷ*** *trong khi có ra sao?*
  - Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà đồng sanh với tùy hỷ trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.
  - Còn bực tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với tùy hỷ thành dị thục quả do tu hành chứa để nghiệp thiện Sắc giới, như thế trong khi đó thì sự vui theo, cách vui theo, thái độ vui theo bằng tâm tùy hỷ giải thoát vẫn có. Đây gọi là tùy hỷ. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với tùy hỷ.
* ***Tùy hỷ*** *đó ra sao?*
  - Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền đồng sanh với tùy hỷ trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.
  - Còn bực vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… đắc sơ thiền… đắc tứ thiền đồng sanh với tùy hỷ thành dị thục quả do tu hành chứa để nghiệp thiện Sắc giới thì trong khi đó vẫn có sự vui theo, cách vui theo, thái độ vui theo bằng tâm tùy hỷ giải thoát. Như thế gọi là tùy hỷ. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với tùy hỷ (theo Pālī rút ngắn).

11) Thiền dị thục quả xả

759.

Xả *trong khi có ra sao?*

- Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới trừ luôn lạc, đắc tứ thiền đồng sanh với xả trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.
- Còn bực trừ luôn lạc đắc tứ thiền đồng sanh với xả thành dị thục quả do tu hành chứa để nghiệp thiện Sắc giới thì như trong khi đó vẫn có sự như thường, cách như thường, thái độ như thường từ nơi tâm xả giải thoát. Như thế gọi là xả. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với xả.

760.

Tứ vô lượng tâm là từ, bi, hỷ, xả.

12) Thiền tố (kiriyā) từ theo bốn và năm bực

761.

* ***Từ*** *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với từ phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả,

thành tố *(kiriyā) lạc* trụ kiến pháp, thì trong khi đó vẫn có sự thương, cách thương, thái độ thương bằng tâm từ giải thoát. Như thế gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng với từ.

* ***Từ** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ đắc nhị thiền… tam thiền… đắc sơ thiền… đắc tứ thiền đồng sanh với từ thành tố *(kiriyā)* phi thiện, phi bất thiện và phi dị thục quả, lạc trụ kiến pháp thì trong khi đó vẫn có sự thương, cách thương, thái độ thương bằng tâm từ giải thoát. Đó gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với từ.

* ***Bi** đó ra sao? ...* Tùy hỷ *đó ra sao? ...* Xả *đó ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền Sắc giới trừ luôn lạc… đắc tứ thiền đồng sanh với xả mà thành tố *(kiriyā)* phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả, lạc trụ kiến pháp thì trong khi đó vẫn có sự như thường, cách như thường, thái độ như thường bằng tâm xả giải thoát. Như thế gọi là xả. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với xả (theo Pālī rút ngắn).

Dứt Phân theo Diệu Pháp

C. VÔ LƯỢNG PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

762.

Tứ vô lượng tâm:

- Một là Phíc-khú trong Tông giáo nầy rải lòng từ đến hướng thứ nhất, đến hướng thứ hai, đến hướng thứ ba, đến hướng thứ tư cũng đồng cách đó, hướng trên, hướng dưới, hướng bên mặt cũng đồng nhau. Rải lòng từ lớn lao rộng rãi không bờ mé, không có oan trái, không có sân ác đến tất cả chúng sanh trong đời, do thành người có tâm bình đẳng trong mỗi thứ chúng sanh.
- Hai là rải lòng bi đến hướng thứ nhất, hướng thứ hai cũng cách đó, hướng thứ ba cũng cách đó, hướng thứ tư cũng cách đó, hướng trên hướng dưới, hướng bên phải cũng đồng như nhau. Rải lòng bi lớn lao rộng rãi không bờ mé, không oan trái, không sân ác đến tất cả chúng sanh trong đời, do thành người có tâm bình đẳng trong tất cả mỗi thứ chúng sanh.
- Ba là tâm rải lòng tùy hỷ đến hướng thứ nhất, hướng thứ hai cũng cách đó, hướng thứ ba cũng cách đó, hướng thứ tư cũng cách đó, hướng trên, hướng dưới, hướng mặt cũng đồng như nhau. Rải lòng tùy hỷ lớn lao rộng rãi vô lượng không oan trái, không sân ác đến tất cả chúng sanh trong đời bởi thành người có tâm bình đẳng trong mỗi hạng chúng sanh.
- Bốn là rải lòng xả đến hướng thứ nhất, hướng thứ hai cũng cách đó, hướng thứ ba cũng cách đó, hướng thứ tư cũng cách đó, hướng trên, hướng dưới, hướng bên mặt cũng đồng như nhau. Rải lòng xả lớn lao rộng rãi không bờ mé, không có oan trái, không có sân ác đến tất cả chúng sanh trong đời, do thành người có tâm bình đẳng trong mỗi hạng chúng sanh.

VẤN THEO ĐẦU ĐỀ TAM VẤN THEO ĐẦU ĐỀ NHỊ

Những tứ vô lượng tâm mà vô lượng tâm nào thành thiện, vô lượng tâm nào thành bất thiện, vô lượng tâm nào thành vô ký… vô lượng tâm nào thành hữu y, vô lượng tâm nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

763.

* Tứ vô lượng tâm thành thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
* Tam vô lượng tâm thành tương ưng lạc thọ. Xả vô lượng tâm thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
* Tứ vô lượng tâm thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
* Tứ vô lượng tâm thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có.
* Tứ vô lượng tâm thành phi phiền toái cảnh phiền não.
* Tứ vô lượng tâm thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có. Xả vô lượng tâm thành vô tầm vô tứ.
* Tam vô lượng tâm thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh xả. Không thể nói thành đồng sanh hỷ cũng có. Xả vô lượng tâm thành đồng sanh xả.
* Tứ vô lượng tâm thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ vô lượng tâm thành phi hữu nhân phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ vô lượng tâm thành nhân sanh tử cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Tứ vô lượng tâm thành phi hữu học phi vô học.
* Tứ vô lượng tâm thành đáo đại, không thể nói tuy nhiên thành biết cảnh hỷ thiểu, tuy nhiên thành biết cảnh đáo đại, tuy nhiên thành biết cảnh vô lượng.
* Tứ vô lượng tâm thành trung bình.
* Tứ vô lượng tâm thành bất định, không nên nói tuy nhiên thành đạo là cảnh, tuy nhiên thành đạo là nhân, tuy nhiên thành đạo là trưởng.
* Tứ vô lượng tâm thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Tứ vô lượng tâm thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có. Không nên nói dĩ nhiên thành biết cảnh quá khứ, dĩ nhiên thành biết cảnh vị lai, dĩ nhiên thành biết cảnh hiện tại.
* Tứ vô lượng tâm thành nội phần cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Tứ vô lượng tâm thành biết cảnh ngoại.
* Tứ vô lượng tâm thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị

i. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

764.

* Từ vô lượng tâm thành nhân. Tam vô lượng tâm thành phi nhân.
* Tứ vô lượng tâm thành hữu nhân. Tứ vô lượng tâm thành tương ưng nhân.
* Từ vô lượng tâm thành nhân hữu nhân. Tam vô lượng tâm không thể nói thành nhân hữu nhân, chỉ thành phi nhân hữu nhân.
* Từ vô lượng tâm thành nhân tương ưng nhân. Tam vô lượng tâm không thể nói thành nhân tương ưng nhân, chỉ thành phi nhân tương ưng nhân.
* Tam vô lượng tâm thành phi nhân hữu nhân. Từ vô lượng tâm không thể nói tuy nhiên thành phi nhân hữu nhân, tuy nhiên thành phi nhân vô nhân.

ii. Đáp nhị đề đỉnh *(cūlantaraduka)*

765.

* Tứ vô lượng tâm thành hữu duyên. Tứ vô lượng tâm thành hữu vi. Tứ vô lượng tâm thành bất kiến. Tứ vô lượng tâm thành vô đối chiếu. Tứ vô lượng tâm thành phi sắc. Tứ vô lượng tâm thành hiệp thế. Tứ vô lượng tâm thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu *(āsavagocchaka)*

* Tứ vô lượng tâm thành phi lậu. Tứ vô lượng tâm thành cảnh lậu. Tứ vô lượng tâm thành bất tương ưng lậu. Tứ vô lượng tâm không thể nói thành lậu cảnh lậu chỉ thành phi lậu cảnh lậu. Tứ vô lượng tâm không thể nói tuy nhiên thành lậu tương ưng lậu, tuy nhiên thành phi lậu tương ưng lậu. Tứ vô lượng tâm thành bất tương ưng lậu cảnh lậu.

iv, v, vi, vii, viii, ix, x, xi, xii. Đáp phần chùm triền…

* Tứ vô lượng tâm thành phi triền… tứ vô lượng tâm thành phi phược… tứ vô lượng tâm thành phi bộc… tứ vô lượng tâm thành phi phối… tứ vô lượng tâm thành phi cái… tứ vô lượng tâm thành phi khinh thị… tứ vô lượng tâm thành tri cảnh… tứ vô lượng tâm thành phi tâm… tứ vô lượng tâm thành sở hữu tâm… tứ vô lượng tâm thành tương ưng tâm… tứ vô lượng tâm thành hòa với tâm. Tứ vô lượng tâm thành có tâm làm sở sanh. Tứ vô lượng tâm thành đồng sanh tồn với tâm. Tứ vô lượng tâm thành tùng tâm thông lưu. Tứ vô lượng tâm thành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh. Tứ vô lượng tâm thành hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh. Tứ vô lượng tâm thành có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm. Tứ vô lượng tâm thành bên ngoài. Tứ vô lượng tâm thành phi y sinh. Tứ vô lượng tâm thành do thủ cũng có, thành phi do thủ cũng có. Tứ vô lượng tâm thành phi thủ… tứ vô lượng tâm thành phi phiền não…

xiii. Đáp phần yêu bối *(piṭṭhiduka)*

766.

* Tứ vô lượng tâm thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Tứ vô lượng tâm thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tứ vô lượng tâm thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ. Tứ vô lượng tâm thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tam vô lượng tâm thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có. Tam vô lượng tâm thành vô tứ.
* Tam vô lượng tâm thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có. Xả vô lượng tâm thành vô hỷ.
* Tam vô lượng tâm thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có. Xả vô lượng tâm thành phi đồng sanh hỷ.
* Tam vô lượng tâm thành đồng sanh lạc. Xả vô lượng tâm thành phi đồng sanh lạc.
* Xả vô lượng tâm thành đồng sanh xả. Tam vô lượng tâm thành phi đồng sanh xả.
* Tứ vô lượng tâm thành phi Dục giới. Tứ vô lượng tâm thành Sắc giới. Tứ vô lượng tâm thành phi Vô sắc giới. Tứ vô lượng tâm thành liên quan luân hồi. Tứ vô lượng tâm thành phi nhân xuất luân hồi. Tứ vô lượng tâm thành bất định. Tứ vô lượng tâm vô lượng tâm thành hữu thượng. Tứ vô lượng tâm thành vô y, chỉ có bấy nhiêu.

Dứt Phần vấn đáp

Hoàn bị Vô lượng tâm phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN XIV - ĐIỀU HỌC PHÂN TÍCH

A. ĐIỀU HỌC PHÂN TÍCH – PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP

1) Năm điều học phân theo tám tâm thiện dục giới.

Cách thứ nhất

767.

Năm điều học:

- Điều học thứ nhất là tránh xa sự sát sanh.
- Điều học thứ hai là tránh xa sự trộm cắp.
- Điều học thứ ba là tránh xa sự tà dâm.
- Điều học thứ tứ là tránh xa sự vọng ngữ.
- Điều học thứ năm là tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say.

768.

* ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí, sanh ra tránh xa sự sát sanh thời trong khi đó có cách ngăn, cách ngừa, sự chừa bỏ, sự dứt bỏ, không làm, thái độ không làm, không vi phạm, không quá mức, vẫn hạn chế nguyên nhân của sự sát sanh thành người chừa bỏ sự sát sanh. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với sự tránh xa sát sanh.

* ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí tránh xa sự sát sanh thì trong khi đó sự tính, cách tính, thái độ tính vẫn có. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với tư *(cetanā)*.

* ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới sanh ra đồng sanh với hỷ thọ, tương ưng trí, tránh xa sự sát sanh thì xúc… cần, vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh.

* ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới sanh ra đồng sanh với hỷ thọ, tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn mà tránh xa sự sát sanh thời trong khi đó có cách ngăn, cách ngừa, sự chừa bỏ, sự dứt bỏ, cách không làm, thái độ không làm, không vi phạm, không quá mức, vẫn hạn chế nguyên nhân của sự sát sanh thành người xa lìa sát sanh. Như thế gọi là điều học tránh xa sát sanh. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với sự tránh xa.

* ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh xả thọ, bất tương ưng trí hữu dẫn mà tránh xa sự sát sanh thời trong khi đó vẫn có sự cố quyết, cách cố quyết, thái độ cố quyết. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh. Còn những pháp ngoài ra hiệp với tư *(cetanā)*.

∗ ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn mà tránh xa sự sát sanh thì có xúc… chiếu cố, vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh.

769.

∗ ***Điều học tránh xa sự trộm cướp… điều học tránh xa sự tà dâm… điều học tránh xa sự vọng ngữ… điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí, tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say thì trong khi đó có cách ngăn cách ngừa, sự chừa bỏ, dứt bỏ, không làm, thái độ không làm, không vi phạm, không quá mức, vẫn hạn chế nguyên nhân của sự dể duôi uống rượu và dùng các chất say. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say. Còn những pháp ngoài ra hợp với sự tránh xa.

∗ ***Điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí, tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say thì trong khi đó có sự tính tránh, quyết tránh, thái độ cố quyết tránh. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với tư *(cetanā)*.

∗ ***Điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say thì trong khi đó vẫn có xúc… chiếu cố, vô phóng dật. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say.

∗ ***Điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… tránh xa sự dể duôi uống rượu và dùng các chất say trong khi nào thì cách chừa, cách bỏ, cách dứt nghĩ, cách xa lìa sự dể duôi uống rượu và các chất say, cách không làm, thái độ không làm, chẳng vi phạm, chẳng phá đến, vẫn hạn chế nguyên nhân của sự dể duôi uống rượu và các chất say như thế của bực xa lìa dể duôi uống rượu và các chất say mới gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với sự tránh xa.

∗ ***Điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn mà ngăn ngừa sự dể duôi uống rượu và các chất say trong khi đó có sự tính ngăn ngừa cố ngăn ngừa, thái độ có quyết ngăn ngừa. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say. Còn những pháp ngoài ra hiệp với sự tránh xa.

∗ ***Điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn, ngăn lìa sự dể duôi uống rượu và các chất say trong khi đó thì xúc… chiếu cố, vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say.

2) Chia ngũ giới theo tám tâm thiện dục giới

Phần thứ hai

770.

Năm điều học:

- 1 là điều học tránh xa sự sát sanh.
- 2 là điều học tránh xa sự trộm cắp.
- 3 là điều học tránh xa sự tà dâm.
- 4 là điều học tránh xa sự vọng ngữ.
- 5 là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say.

771.

* ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí. Hoặc thành hạ, trung, thượng. Thành dục trưởng, cần trưởng, tâm trưởng, thẩm trưởng. Thành dục trưởng hạ, trung, thượng. Thành cần trưởng hạ, trung, thượng. Thành tâm trưởng hạ, trung, thượng. Thành thẩm trưởng hạ, trung, thượng, mà ngăn ngừa tránh xa sự sát sanh thì trong khi đó có cách ngăn, sự ngừa, chừa ra, dứt bỏ, xa lìa sự sát sanh, không làm, không phạm, hạn chế nguyên nhân sự sát sanh của người tránh xa sự sát sanh. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh. Còn những pháp ngoài ra hiệp với sự tránh xa.

* ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí thành thượng, trung, hạ. Thành dục trưởng, cần trưởng, tâm trưởng, thẩm trưởng. Thành dục trưởng hạ, trung, thượng. Thành cần trưởng hạ, trung, thượng. Thành tâm trưởng hạ, trung, thượng. Thành thẩm trưởng hạ, trung, thượng để ngăn ngừa sự sát sanh trong khi nào thì sự cố quyết, tính tránh xa, quyết tránh xa, thái độ cố quyết tránh xa, vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh. Còn những pháp ngoài ra hiệp với sự tính tránh xa.

* ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí thành hạ, trung, thượng. Thành dục trưởng, cần trưởng, tâm trưởng, thẩm trưởng. Thành dục trưởng hạ, trung, thượng. Thành cần trưởng hạ, trung, thượng. Thành tâm trưởng hạ, trung, thượng. Thành thẩm trưởng hạ, trung, thượng mà ngăn lìa sự sát sanh trong khi nào thì xúc… chiếu cố, vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh.

* ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… thành hạ, trung, thượng. Thành dục trưởng, cần trưởng, tâm trưởng. Thành dục trưởng hạ, trung, thượng. Thành cần trưởng hạ, trung, thượng. Thành tâm trưởng hạ, trung, thượng để ngăn ngừa sự sát sanh trong khi nào thì cách ngăn, sự ngừa, chừa bỏ, tránh xa, không làm, bất tác, không phạm, ngăn chận nguyên do của sự sát sanh bằng cách xa lìa sự sát sanh. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh. Còn những pháp ngoài ra hiệp với sự tránh xa… Tất cả pháp ngoài ra tương ưng với sự cố quyết tính ngừa… thì xúc… chiếu cố, vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh.

772.

* ***Điều học tránh xa sự không cho mà lấy… điều học tránh xa sự tà dâm… điều học tránh xa sự vọng ngữ… điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí thành hạ trung thượng. Thành dục trưởng, cần trưởng, tâm trưởng, thẩm trưởng. Thành dục trưởng hạ, trung, thượng. Thành cần trưởng hạ, trung, thượng. Thành tâm trưởng hạ, trung, thượng. Thành thẩm trưởng hạ, trung, thượng, đều ngăn ngừa luôn sự ẩm tửu

trong khi nào thì sự ngăn, cách ngăn thái độ ngừa và chừa bỏ không làm, bất tác, chẳng vi phạm, chận những nguyên do của sự sát sanh… bằng cách người trì giới. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say. Còn những pháp ngoài ra hiệp với sự tránh xa… và tất cả pháp ngoài ra cũng tương ưng với sự cố quyết tránh xa trong khi đó thì xúc… chiếu cố, vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say.

* ***Điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn mà thành hạ trung thượng. Thành dục trưởng, cần trưởng và tâm trưởng. Thành dục trưởng hạ, trung, thượng. Thành cần trưởng hạ, trung, thượng. Thành tâm trưởng hạ, trung, thượng, sanh ra ngăn ngừa sự dể duôi uống rượu và các chất say trong khi nào thì sự ngăn, cách ngừa, cách chừa bỏ, cách tránh xa, không làm, bất tác, chẳng vi phạm, chận nguyên nhân thuộc người trì giới. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say. Còn những pháp ngoài ra hiệp với sự tránh xa… nói chung, tất cả pháp ngoài ra tương ưng với tư *(cetanā)*, tính tránh… trong khi đó thì xúc… chiếu cố, vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say.

3) Pháp thành điều học

773.

* *Những pháp như thế nào* ***thành điều học****?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí, hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những chi mở mối sanh ra trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những pháp như thế thành điều học.

* *Những pháp như thế nào* ***thành điều học****?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh; hay là những chi mở mối sanh ra trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Những pháp như thế thành điều học.

* *Những pháp như thế nào* ***thành điều học****?* Trong khi nào bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới… tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới… tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Những pháp như thế thành điều học.

Dứt Phân theo Diệu Pháp

B. ĐIỀU HỌC PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

774.

Năm điều học: 1 là điều học tránh xa sự sát sanh; 2 là điều học tránh xa sự không cho mà lấy; 3 là điều học tránh xa sự tà dâm; 4 là điều học tránh xa sự vọng ngữ. 5 là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say.

ĐÁP THEO ĐẦU ĐỀ TAM ĐÁP THEO ĐẦU ĐỀ NHỊ

Trong năm điều học ấy mà điều học nào thành thiện, điều học nào thành bất thiện, điều học nào thành vô ký… điều học nào thành hữu y, điều học nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

775.

* Năm điều học chỉ thành thiện.
* Năm điều học chỉ thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có.
* Năm điều học thành dị thục nhân.
* Năm điều học thành phi do thủ cảnh thủ.
* Năm điều học thành phi phiền toái cảnh phiền não.
* Năm điều học thành hữu tầm hữu tứ.
* Năm điều học thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.
* Năm điều học thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Năm điều học thành phi hữu nhân phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Năm điều học thành nhân sanh tử.
* Năm điều học thành phi hữu học phi vô học.
* Năm điều học thành ty hạ.
* Năm điều học thành biết cảnh ty hạ.
* Năm điều học thành trung bình.
* Năm điều học thành bất định.
* Năm điều học không nên nói thành đạo là cảnh, thành đạo là nhân hay thành đạo là trưởng.
* Năm điều học thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có. Không nên nói thành sẽ sanh.
* Năm điều học thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* Năm điều học thành biết cảnh hiện tại.
* Năm điều học thành nội phần cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Năm điều học thành biết cảnh ngoại.
* Năm điều học thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị

i. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

776.

* Năm điều học thành phi nhân. Năm điều học thành hữu nhân. Năm điều học thành tương ưng nhân.
* Năm điều học không thể nói thành nhân hữu nhân, mà chỉ thành phi nhân hữu nhân.
* Năm điều học không nên nói thành nhân tương ưng nhân, mà chỉ thành phi nhân tương ưng nhân và thành phi nhân hữu nhân.

ii. Đáp phần nhị đề đỉnh *(cūlantaraduka)*

* Năm điều học thành hữu duyên. Năm điều học thành hữu vi. Năm điều học thành bất kiến. Năm điều học thành vô đối chiếu. Năm điều học thành phi sắc. Năm điều học

thành hiệp thế. Năm điều học thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu *(āsavagocchaka)*

* Năm điều học thành phi lậu. Năm điều học thành cảnh lậu. Năm điều học thành bất tương ưng lậu. Năm điều học không thể nói thành lậu cảnh lậu, mà chỉ thành phi lậu cảnh lậu.
* Năm điều học không nên nói thành lậu tương ưng lậu hay tuy nhiên thành phi lậu tương ưng lậu, mà chỉ thành bất tương ưng lậu cảnh lậu.

iv, v, vi, vii, viii, ix & x. Đáp phần chùm triền… *(saññojanagocchakādi)*

* Năm điều học thành phi triền… Năm điều học thành phi phược… Năm điều học thành phi bộc… Năm điều học thành phi phối… Năm điều học thành phi cái… Năm điều học thành phi khinh thị…
* Năm điều học thành hữu tri cảnh.
* Năm điều học thành phi tâm.
* Năm điều học thành sở hữu tâm.
* Năm điều học thành tương ưng tâm.
* Năm điều học thành hòa với tâm.
* Năm điều học thành có tâm làm sở sanh.
* Năm điều học thành đồng sanh tồn với tâm.
* Năm điều học thành tùng tâm thông lưu.
* Năm điều học thành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh.
* Năm điều học thành hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh.
* Năm điều học thành có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm.
* Năm điều học thành bên ngoài.
* Năm điều học thành phi y sinh.
* Năm điều học thành phi do thủ.

xi, xii và xiii. Đáp phần chùm thủ *(upādānagocchakādi)*

* Năm điều học thành phi thủ…
* Năm điều học thành phi phiền toái…
* Năm điều học thành phi sơ đạo tuyệt trừ..
* Năm điều học thành phi ba đạo cao tuyệt trừ…
* Năm điều học thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ…
* Năm điều học thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ…
* Năm điều học thành hữu tầm, thành hữu tứ.
* Năm điều học thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có.
* Năm điều học thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có.
* Năm điều học thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có.
* Năm điều học thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.
* Năm điều học thành Dục giới.
* Năm điều học thành phi Sắc giới.
* Năm điều học thành phi Vô sắc giới.
* Năm điều học thành liên quan luân hồi.

* Năm điều học thành phi nhân xuất luân hồi.
* Năm điều học thành bất định.
* Năm điều học thành hữu thượng.
* Năm điều học thành vô y, chỉ có bấy nhiêu.

Dứt Phần vấn đáp

Hoàn bị Điều học phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

Hồi hướng phước đến tăng trưởng thiên Vương và tất cả chúng sanh, nhất là các vị Chư thiên *có oai lực hộ trì Tạng Diệu Pháp đặng thạnh hành.*

Mùa kiết hạ chư Tăng 2519 - 1975
Sài Gòn – Việt nam
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN XV - ĐẠT THÔNG PHÂN TÍCH
(Paṭisambhidā vibhaṅga)

A. ĐẠT THÔNG PHÂN TÍCH PHÂN THEO KINH

777.

Tứ đạt thông: 1 là nghĩa đạt thông *(atthapaṭisambhidā);* 2 là pháp đạt thông *(dhammapaṭisambhidā);* 3 là ngữ đạt thông *(niruttipaṭisambhidā);* 4 là cấp trí đạt thông *(paṭibhāṇapaṭisambhidā).*

Sự thông suốt nghĩa lý gọi là nghĩa đạt thông. Sự thông suốt trong pháp gọi là pháp đạt thông. Sự thông suốt thường thuật pháp ngữ gọi là ngữ đạt thông. Sự thông suốt tất cả cấp trí gọi là cấp trí đạt thông.

Phân năm phần

Phần thứ nhất thuộc về đế

778.

Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.
- Rõ thấu trong khổ gọi là nghĩa đạt thông.
- Rõ thấu trong khổ tập gọi là pháp đạt thông.
- Rõ thấu trong khổ diệt gọi là nghĩa đạt thông.
- Rõ thấu trong tiến hành đến khổ diệt gọi là pháp đạt thông.
- Thông suốt tường thuật pháp ngữ gọi là ngữ đạt thông.
- Hiểu biết tất cả trí gọi là cấp trí đạt thông.

Phần thứ hai thuộc về nhân

779.

Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.
- Sự thông suốt trong nhân gọi là pháp đạt thông.
- Sự thông suốt trong quả của nhân gọi là nghĩa đạt thông.
- Sự hiểu rành tường thuật pháp ngữ gọi là ngữ đạt thông.
- Sự hiểu rõ tất cả trí gọi là cấp trí đạt thông.

Phần thứ ba thuộc về pháp

780.

Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.
- Những pháp nào đã sanh, có sanh, sanh ra đều đủ, đã sanh ra, sanh ra riêng phần, đã hiện bày, sự hiểu rõ những pháp ấy gọi là nghĩa đạt thông.
- Sự hiểu rõ những pháp mà đã sanh, đã có, đã đồng sanh, sanh ra rồi, sanh ra riêng phần, đã hiện bày theo những pháp nào mà rõ những pháp sanh theo đó, như thế gọi là pháp đạt thông.
- Sự hiểu rõ rành tường thuật pháp ngữ gọi là ngữ đạt thông.
- Có đầy đủ tất cả tuệ thông suốt gọi là cấp trí đạt thông.

Phần thứ tư thuộc về duyên khởi

781.

Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

- Sự rõ thấu trong lão tử gọi là nghĩa đạt thông.
- Sự rõ thấu trong nhân sanh của lão tử gọi là pháp đạt thông.
- Cách rõ thấu sự diệt tắt của lão tử gọi là nghĩa đạt thông.
- Sự biết rõ cách thực hành làm nhân đưa đến diệt tắt của lão tử gọi là pháp đạt thông.
- Sự thông suốt rành rẽ trong cách tường thuật pháp ngữ gọi là ngữ đạt thông.
- Sự rành trí, hiểu tất cả gọi là cấp trí đạt thông.

782.

Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

- Cách thông suốt trong sự sanh… cách thông suốt trong hữu *(Bhāva)*… sự thông suốt thông thủ… sự thông suốt trong ái… sự thông suốt trong thọ… sự thông suốt trong xúc… sự thông suốt trong lục nhập… sự thông suốt trong danh sắc… sự thông suốt trong thức… sự thông suốt trong tất cả hành gọi là nghĩa đạt thông.
- Sự thông suốt trong nhân sanh của hành gọi là pháp đạt thông.
- Cách thông suốt trong sự diệt tắt của hành gọi là nghĩa đạt thông.
- Cách thông suốt trong sự tiến hành là nhân đến diệt tắt hành gọi là pháp đạt thông.
- Sự thông suốt trong cách tường thuật pháp ngữ gọi là ngữ đạt thông.
- Sự thông suốt tất cả trí gọi là cấp trí đạt thông.

Phần thứ năm thuộc về pháp học

783.

Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

- ***Pháp đạt thông*** *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy vẫn thông thấu pháp như là Khế kinh *(Sutta),* Trùng tụng *(Kheyya),* Văn pháp *(Bayyākaraṇa),* Tác phúng tụng *(Gāthā),* Tự thuyết *(Udāna),* Bổn sự *(Itivuttaka),* Bổn sanh *(Jātaka),* Vị tằng hữu *(Abbhūtadhamma),* Phương quảng *(Vedalla).* Như thế gọi là pháp đạt thông.
- Mà Phíc-khú ấy vẫn thông suốt ý nghĩa những ngạn ngữ ấy, đã thành ý nghĩa của ngạn ngữ ấy. Như thế gọi là nghĩa đạt thông.
- Còn biết rành tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
- Sự thông suốt trong tất cả trí gọi là cấp trí đạt thông.

Dứt Phân theo Kinh

B. ĐẠT THÔNG PHÂN TÍCH PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP

1) Tứ đạt thông phân theo tám tâm thiện dục giới

784.

* Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.
* ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí. Hoặc có cảnh sắc… hay là cảnh pháp. Hay những chi mở mối sanh ra trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Những pháp như thế gọi là thiện.
  - Sự thông suốt trong những pháp như thế gọi là pháp đạt thông.

- Sự thông suốt trong quả của những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
- Chế định của những pháp đó vẫn có với ngữ ngôn nào mà thông thấu trong cách tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
- Đắc chứng tỏ ngộ thấu đáo với những trí đó bằng trí nào là những trí đó đưa ra ý nghĩa sự ấy, như thế thì sự biết thông suốt trong những trí đó gọi là cấp trí đạt thông.

* Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… hoặc có cảnh sắc… hay cảnh pháp. Hay là những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.
  - Sự hiểu rõ thấu những pháp ấy gọi là pháp đạt thông.
  - Sự thông suốt trong quả của những pháp ấy gọi là nghĩa đạt thông.
  - Chế định của những pháp ấy vẫn có bằng ngữ ngôn nào mà sự hiểu rành trong cách tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
  - Còn người thông suốt những trí đó bằng trí nào là những trí ấy đưa ra ý nghĩa ấy. Như thế là sự thông suốt trong tất cả trí gọi là cấp trí đạt thông.

2) Tứ đạt thông phân theo tâm thiện sắc giới

* Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp thiện*** *là chi?* Trong khi nào bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền trụ đề mục đất trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.
  - Sự thông suốt trong pháp ấy gọi là pháp đạt thông.
  - Sự thông suốt trong quả của những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Chế định trong những pháp đó vẫn có bằng ngữ ngôn nào thì sự thông suốt trong cách tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
  - Người thông suốt những trí ấy bằng trí nào mà trí ấy đưa ra nghĩa sự ấy như thế thời cách thông suốt những trí đó gọi là cấp trí đạt thông.

3) Tứ đạt thông phân theo tâm thiện vô sắc giới

* Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới trừ luôn lạc… lướt cả Vô sở hữu xứ… đắc tứ thiền trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.
  - Mà rõ thấu chư pháp thiện nầy gọi là pháp đạt thông.
  - Biết rõ thấu trong quả của những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Chế định của những pháp đó bằng ngôn ngữ nào đến thông suốt trong tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
  - Bực rành rẽ những trí với trí nào mà những trí ấy đưa ra ý nghĩa ấy như thế thông suốt tất cả trí, đó gọi là cấp trí đạt thông.

4) Tứ đạt thông phân theo tâm thiện siêu thế

* Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào bực tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.
  - Thông thấu rõ những pháp thiện ấy gọi là pháp đạt thông.
  - Thông thấu rõ những quả đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Chế định của những pháp đó bằng lời nói nào đều hiểu rõ tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
  - Bực thông suốt những trí đó, do trí nào mà biết rằng trí ấy đưa ra ý nghĩa như thế đặng thấu rõ những trí đó mới gọi là cấp trí đạt thông.

5) Tứ đạt thông phân theo 12 tâm bất thiện

785.

* Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp bất thiện*** *là chi?* Trong khi nào tâm bất thiện đồng sanh hỷ thọ, tương ưng tà kiến. Hoặc có cảnh sắc… hay cảnh pháp; hay những chi mở mối sanh ra trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp bất thiện.
  - Thông suốt trong những pháp bất thiện đó gọi là pháp đạt thông.
  - Thông suốt những quả ấy gọi là nghĩa đạt thông.
  - Bực hiểu rõ những trí nào mà trí ấy đưa ra ý nghĩa đó, thông những trí đó mới gọi là cấp trí đạt thông.

* Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp bất thiện*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm bất thiện đồng sanh hỷ thọ tương ưng tà kiến hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng tà kiến… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng tà kiến hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng tà kiến… đồng sanh xả thọ tương ưng tà kiến hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng tà kiến… đồng sanh xả thọ bất tương ưng tà kiến hữu dẫn… đồng sanh ưu thọ tương ưng phẫn… đồng sanh ưu thọ tương ưng phẫn hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng hoài nghi… đồng sanh xả thọ tương ưng phóng dật… hoặc cảnh sắc… hoặc gặp cảnh pháp. Hay là những chi mở mối sanh trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp bất thiện.
  - Mà thông rõ thấu những pháp ấy gọi là pháp đạt thông.
  - Thông rõ những quả đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Chế định của những pháp đó vẫn có ngôn ngữ nào đều thông suốt tường thuật pháp ngữ đó mới gọi là ngữ đạt thông.
  - Bực thông suốt tất cả trí mà rõ rành những trí nào đưa ra ý nghĩa ấy, thông suốt những trí như thế gọi là cấp trí đạt thông.

6) Tam đạt thông phân theo tám tâm dị thục quả thiện vô nhân

786.

* Tam đạt thông như là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào nhãn thức thành dị thục quả đồng sanh xả thọ có sắc làm cảnh sanh ra do nghiệp thiện Dục giới đã làm chứa để thì trong khi đó có xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, xả (thọ), nhất tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền vẫn có. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi đó. Như thế gọi là chư pháp vô ký.
  - Mà thông suốt, hiểu rõ những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Chế định của những pháp thành ngôn ngữ nào mà thấu rõ, tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
  - Còn bực thấu suốt tất cả trí mà trí nào đưa ra ý nghĩa ấy đều biết tất cả trí đó gọi là cấp trí đạt thông.

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào nhĩ thức đồng sanh xả thọ có thinh làm cảnh… tỷ thức đồng sanh xả thọ có khí làm cảnh… thiệt thức đồng sanh xả thọ có vị làm cảnh… thân thức đồng sanh lạc thọ có xúc làm cảnh sanh ra thành dị thục quả do nghiệp thiện Dục giới đã làm chứa để trong khi đó thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, lạc thọ, nhất tâm, ý quyền, lạc quyền, mạng quyền vẫn có. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp vô ký.
  - Mà thông rõ hiểu thấu những pháp đó nên gọi là nghĩa đạt thông.
  - Chế định của những pháp ấy bằng ngôn ngữ nào đều thông suốt tường thuật pháp ngữ đó mới gọi là ngữ đạt thông.
  - Còn bực rõ thấu tất cả trí, biết những trí nào mà đưa ra ý nghĩa ấy, hiểu rõ tất cả trí như thế mới gọi là cấp trí đạt thông.

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào ý giới thành dị thục quả đồng sanh xả thọ, hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có xúc làm cảnh. Hay là những cảnh chi mở mối sanh ra do nghiệp thiện Dục giới đã làm chứa để thì trong khi đó có xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả thọ, nhất tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền vẫn có. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp vô ký.
  - Mà thông rõ những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Chế định của những pháp đó dù bằng ngôn ngữ nào đều hiểu rõ tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
  - Còn bực thông hiểu những trí mà biết rằng những trí ấy đưa ra ý nghĩa ấy, thông suốt rành những trí như thế đó mới gọi là cấp trí đạt thông.

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào ý thức giới mà thành dị thục quả, đồng sanh hỷ thọ, hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những chi mở mối sanh ra trong khi đó có xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, hỷ, lạc, định, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều gọi là chư pháp vô ký.
  - Mà thông suốt những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Chế định của những pháp ấy dù thành ra ngôn ngữ nào đều thông thạo tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.

- Còn bực thông hiểu tất cả trí, biết rằng những trí nào mà đưa ra ý nghĩa ấy thông suốt tất cả trí đó. Như thế gọi là cấp trí đạt thông.

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào ý thức giới thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ, hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những chi mở mối sanh ra do nghiệp thiện Dục giới đã làm chứa để trong khi đó vẫn có xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhất tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp vô ký.
  - Mà thông suốt những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Định đặt những pháp đó dù bằng ngữ ngôn nào đều hiểu rõ cách tường thuật pháp ngữ đó. Như thế gọi là ngữ đạt thông.
  - Còn bực rành tất cả trí đó, biết rằng dùng bằng trí nào mà trí ấy đưa ra ý nghĩa ấy, hiểu rõ rành những trí như thế mới gọi là cấp trí đạt thông.

7) Tam đạt thông phân theo tám tâm dị thục quả thiện dục giới

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào ý thức giới thuộc dị thục quả, đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… hoặc có sắc là cảnh… hoặc có pháp làm cảnh; hay là những chi mở mối sanh ra nghiệp thiện Dục giới đã làm chứa để mới có ra trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp vô ký.
  - Mà hiểu rõ thấu đáo những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Định đặt của những pháp đó dù bằng ngữ ngôn nào đều hiểu rõ rành tường thuật pháp ngữ đó mới gọi là ngữ đạt thông.
  - Còn những bực thông hiểu tất cả trí mà biết rằng những trí ấy đưa ra ý nghĩa ấy, thông suốt tất cả trí như thế gọi là cấp trí đạt thông.

8) Tam đạt thông phân theo tâm dị thục quả sắc giới

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *ra sao?* Trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền trụ đề mục đất trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện. Bực tĩnh ly chư dục đắc sơ thiền trụ đề mục đất thuộc dị thục quả do những nghiệp thiện Sắc giới đã làm chứa để trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Thế gọi là chư pháp vô ký.
  - Mà bực thông suốt những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Định đặt của những pháp đó dù bằng ngữ ngôn nào đều rành rẽ tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
  - Còn bực hiểu rõ tất cả trí mà biết những trí nào là trí đưa ra ý nghĩa đó, hiểu thấu tất cả trí như thế gọi là cấp trí đạt thông.

9) Tam đạt thông phân theo tâm dị thục quả vô sắc giới

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, đã trừ luôn lạc do lướt qua cả Vô sở hữu xứ, đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Thế gọi là chư pháp thiện. Do đã trừ luôn lạc, vượt qua luôn cả Vô sở hữu xứ đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà thành dị thục quả do nghiệp thiện Vô sắc giới đã tu hành chứa để mới sanh ra trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp vô ký.
  - Mà thông suốt những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Dù những ngữ ngôn nào định đặt do những pháp ấy đều hiểu rành, tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
  - Bực thông suốt tất cả trí biết rằng trí nào mà đưa ra ý nghĩa ấy đều biết rõ rành những trí đó mới gọi là cấp trí đạt thông.

10) Tam đạt thông phân theo tâm dị thục quả siêu thế

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền, vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Thế gọi là chư pháp thiện. Bực tĩnh ly chư dục đắc sơ thiền mà thành dị thục quả do thiền thiện siêu thế đã tu hành chứa để mà hành nan đắc trì thuộc chủng tiêu diệt trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp vô ký.
  - Mà thông suốt những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Sự định đặt những ngôn ngữ nào do pháp đó thông suốt rành rẽ, tường thuật pháp ngữ ấy gọi là ngữ đạt thông.
  - Bực hiểu rõ tất cả trí, biết rành những trí nào là trí đưa ra ý nghĩa ấy, thấu suốt tất cả trí như thế gọi là cấp trí đạt thông.

11) Tam đạt thông phân theo bảy tâm dị thục quả bất thiện

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào nhãn thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có sắc làm cảnh… nhĩ thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có thinh làm cảnh… tỷ thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có khí làm cảnh… thiệt thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có vị làm cảnh… thân thức thuộc dị thục quả đồng sanh khổ thọ có xúc làm cảnh sanh ra do nghiệp bất thiện đã làm chứa để trong khi nào thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, khổ, nhất tâm, ý quyền, khổ quyền, mạng quyền vẫn có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều gọi là chư pháp vô ký.
  - Mà thông suốt những pháp ấy gọi là nghĩa đạt thông.
  - Dù những ngôn ngữ nào mà định đặt do những pháp đó đều rõ rành tường thuật pháp ngữ ấy gọi là ngữ đạt thông.
  - Bực thông suốt tất cả trí hiểu rành những trí nào là trí đưa ra ý nghĩa ấy, hiểu rõ tất cả trí như thế gọi là cấp trí đạt thông.

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào ý thức giới sanh ra thành tố *(kiriyā)* phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả đồng sanh xả thọ. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay là những chi mở mối sanh ra thì trong khi đó vẫn có xúc, thọ, tưởng, tư, tầm, tứ, xả, nhất tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, xả quyền và mạng quyền đều có. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh trong khi đó đều gọi là pháp vô ký.
  - Mà thông suốt những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Dù những ngôn ngữ nào mà định đặt do những pháp đó, đều rõ rành tường thuật pháp ngữ ấy, thế gọi là ngữ đạt thông.
  - Bực thông suốt tất cả trí, hiểu rành những trí nào là trí đưa ra ý nghĩa ấy, hiểu rõ tất cả trí như thế gọi là cấp trí đạt thông.

12) Tam đạt thông phân theo ba tâm tố vô nhân (ahetukakiriyā)

787.

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào ý giới sanh ra thành tố *(kiriyā)* phi thiện, phi bất thiện và phi dị thục quả, đồng sanh xả thọ. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có xúc làm cảnh hay những chi mở mối sanh ra thì trong khi đó vẫn có xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả thọ, nhất tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền; hay những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi đó. Những pháp như thế gọi là pháp vô ký.
  - Thông suốt những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Dù những ngữ ngôn nào mà định đặt do những pháp đó đều rành tường thuật pháp ngữ ấy. Như thế gọi là ngữ đạt thông.
  - Bực thông tất cả trí, hiểu rành những trí nào là trí đưa ra ý nghĩa ấy đều hiểu rõ tất cả trí ấy. Như thế gọi là cấp trí đạt thông.

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào ý thức giới sanh ra thành tố, phi thiện, phi bất thiện, phi dị thục quả đồng sanh hỷ thọ. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh; hay những chi mở mối sanh ra… ý thức giới sanh tồn vẫn thành tố phi thiện, phi bất thiện, phi dị thục quả đồng sanh xả thọ. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh; hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào thì vẫn có xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả (thọ), nhất tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền; hay những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi đó. Những pháp như thế gọi là pháp vô ký.
  - Mà thông thấu những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Dù những ngôn ngữ nào mà định đặt do những pháp đó, đều rành tường thuật pháp ngữ đó. Thế gọi là ngữ đạt thông.
  - Thông tất cả trí, hiểu rành những trí nào là trí đưa ra ý nghĩa ấy đều hiểu rõ tất cả trí ấy. Như thế gọi là cấp trí đạt thông.

13) Tam đạt thông phân theo ba loại tâm tố

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thành tố phi thiện, phi bất thiện và phi dị thục quả đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… tu tiến theo thiền Sắc giới… tu tiến theo thiền Vô sắc giới… mà thành tố phi thiện, phi bất thiện và phi dị thục quả, kiến pháp lạc trụ, do trừ luôn lạc, lướt qua khỏi cả Vô sở hữu xứ đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng phi tưởng phi phi tưởng… trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp vô ký.
  - Mà thông suốt những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Dù những ngôn ngữ nào mà định đặt do những pháp đó đều rõ rành tường thuật pháp ngữ đó. Thế gọi là ngữ đạt thông.
  - Bực thông suốt tất cả trí, hiểu rành những trí nào là trí đưa ra ý nghĩa ấy đều hiểu rõ tất cả trí ấy. Như thế gọi là cấp trí đạt thông.

788.

* Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.
* Tam đạt thông vẫn sanh trong tâm hiện hành tương ưng với trí phía thiện Dục giới bốn thứ, trong tâm hiện hành tương ưng với trí phía tố *(kiriyā)* bốn thứ. Nghĩa đạt thông vẫn sanh trong những tâm hiện hành đó nữa, vẫn sanh trong bốn đạo và bốn quả luôn.

Dứt Phân theo Diệu Pháp

C. ĐẠT THÔNG PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

789.

* **Tứ đạt thông** là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

VẤN THEO ĐẦU ĐỀ TAM VẤN THEO ĐẦU ĐỀ NHỊ

Trong những tứ đạt thông mà điều nào thành thiện, điều nào thành bất thiện, điều nào thành vô ký… điều nào thành hữu y, điều nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

790.

* Tứ đạt thông thành thiện cũng có, thành vô ký cũng có, thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có.
* Tam đạt thông thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có. Nghĩa đạt thông thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
* Tam đạt thông thành phi do thủ cảnh thủ. Nghĩa đạt thông thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.
* Tam đạt thông thành phi phiền toái cảnh phiền não. Nghĩa đạt thông thành phi phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não cũng có.
* Tam đạt thông thành hữu tầm hữu tứ. Nghĩa đạt thông thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có.

* Tứ đạt thông thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.
* Tứ đạt thông thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tam đạt thông thành nhân sanh tử cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có. Nghĩa đạt thông thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Tam đạt thông thành phi hữu học phi vô học. Nghĩa đạt thông thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.
* Tam đạt thông thành hy thiểu. Nghĩa đạt thông thành hy thiểu cũng có, thành vô lượng cũng có.
* Ngữ đạt thông thành biết cảnh hy thiểu. Tam đạt thông thành biết cảnh hỷ thiểu cũng có, thành biết cảnh đáo đại cũng có, thành biết cảnh vô lượng cũng có.
* Tam đạt thông thành trung bình. Nghĩa đạt thông thành trung bình cũng có, thành tinh lương cũng có.
* Tam đạt thông thành bất định. Nghĩa đạt thông thành chánh nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Ngữ đạt thông không nên nói thành có đạo là cảnh, dĩ nhiên thành có đạo là nhân, dĩ nhiên thành có đạo là trưởng. Nghĩa đạt thông không thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân cũng có, thành có đạo là trưởng cũng có; không nên nói dĩ nhiên thành có đạo là nhân, dĩ nhiên thành có đạo là trưởng cũng có. Nhị đạt thông thành có đạo là cảnh, không thành có đạo là nhân cũng có hay thành có đạo là trưởng cũng có; không nên nói dĩ nhiên thành có đạo là cảnh, dĩ nhiên thành có đạo là trưởng cũng có.
* Tam đạt thông thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có; không thể nói thành sẽ sanh. Nghĩa đạt thông thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Tứ đạt thông thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* Ngữ đạt thông thành biết cảnh hiện tại. Nhị đạt thông thành biết cảnh quá khứ cũng có, thành biết cảnh vị lai cũng có, thành biết cảnh hiện tại cũng có. Nghĩa đạt thông thành biết cảnh quá khứ cũng có, thành biết cảnh vị lai cũng có, thành biết cảnh hiện tại cũng có; không nên nói tuy nhiên thành biết cảnh quá khứ, tuy nhiên thành biết cảnh vị lai, tuy nhiên thành biết cảnh hiện tại cũng có.
* Tứ đạt thông thành nội phần cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Ngữ đạt thông thành biết cảnh ngoại. Tam đạt thông thành biết cảnh nội cũng có, thành biết cảnh ngoại cũng có, thành biết cảnh nội và ngoại cũng có.
* Tứ đạt thông thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị

i & ii. Đáp phần chùm nhân và nhị đề đỉnh

791.

* Tứ đạt thông thành nhân, thành hữu nhân, thành tương ưng nhân, thành nhân hữu nhân, thành nhân tương ưng nhân; không nên nói dĩ nhiên thành phi nhân hữu nhân, dĩ nhiên thành phi nhân vô nhân.
* Tứ đạt thông thành hữu duyên, thành hữu vi, thành bất kiến, thành vô đối chiếu. Thành phi sắc.
* Tam đạt thông thành hiệp thế. Nghĩa đạt thông thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
* Tứ đạt thông thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu *(āsavagocchaka)*

792.

* Tứ đạt thông thành phi lậu.
* Tam đạt thông thành cảnh lậu. Nghĩa đạt thông thành cảnh lậu cũng có, thành phi cảnh lậu cũng có.
* Tam đạt thông thành bất tương ưng lậu.
* Tam đạt thông không nên nói thành lậu cảnh lậu, chỉ thành phi lậu cảnh lậu. Nghĩa đạt thông không nên nói thành lậu cảnh lậu, mà chỉ thành phi lậu cảnh lậu cũng có, không thể nói thành phi lậu cảnh lậu cũng có.
* Tứ đạt thông không nên nói dĩ nhiên thành lậu tương ưng lậu, dĩ nhiên thành phi lậu tương ưng lậu.
* Tam đạt thông thành bất tương ưng lậu cảnh lậu. Nghĩa đạt thông thành bất tương ưng lậu cảnh lậu cũng có, thành bất tương ưng lậu phi cảnh lậu cũng có.

iv, v, vi, vii, viii, ix, x, xi & xii. Đáp phần chùm triền…

793.

* Tứ đạt thông thành phi triền… tứ đạt thông thành phi phược… tứ đạt thông thành phi bộc… tứ đạt thông thành phi phối… tứ đạt thông thành phi cái… tứ đạt thông thành phi khinh thị…
* Tứ đạt thông thành tri cảnh, thành phi tâm, thành sở hữu tâm, thành tương ưng tâm, thành hòa với tâm, thành có tâm làm sở sanh, thành đồng sanh tồn với tâm, thành tùng tâm thông lưu, thành hòa với tâm có tâm làm sở sanh; thành hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh; thành có tâm làm sở sanh thông lưu và hòa với tâm, thành bên ngoài, thành phi y sinh, thành phi do thủ.
* Tứ đạt thông thành phi thủ… tứ đạt thông thành phi phiền não…

xiii. Đáp phần nhị đề yêu bối *(piṭṭhiduka)*

794.

* Tứ đạt thông thành phi sơ đạo tuyệt trừ, thành phi ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ, thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tam đạt thông thành hữu tầm. Nghĩa đạt thông thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có.

* Tam đạt thông thành hữu tứ. Nghĩa đạt thông thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có.
* Tứ đạt thông thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có, thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.
* Tam đạt thông thành Dục giới. Nghĩa đạt thông thành Dục giới cũng có, thành phi Dục giới cũng có.
* Tứ đạt thông thành phi Sắc giới, thành phi Vô sắc giới.
* Tam đạt thông thành liên quan luân hồi. Nghĩa đạt thông thành liên quan luân hồi cũng có, thành bất liên quan luân hồi cũng có.
* Tam đạt thông thành phi nhân xuất luân hồi. Nghĩa đạt thông thành nhân xuất luân hồi cũng có, thành phi nhân xuất luân hồi cũng có.
* Tam đạt thông thành bất định. Nghĩa đạt thông thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Tam đạt thông thành hữu thượng. Nghĩa đạt thông thành hữu thượng cũng có, thành vô thượng cũng có.
* Tứ đạt thông thành vô y.

Dứt Phần vấn đáp chỉ có bấy nhiêu
Hoàn bị đạt thông phân tích

PHẦN XVI - TRÍ PHÂN TÍCH
(Ñāṇavibhaṅga)

A. TRÍ PHÂN TÍCH PHẦN ĐẦU ĐỀ *(Mātikā)*

Đầu đề phần một

795.

* Trí tông *(Ñāṇavatthu)* phân mỗi phần thành một như là ngũ thức thành phi nhân, thành vô nhân, thành bất tương ưng nhân, thành hữu duyên, thành hữu vi, thành phi sắc, thành hiệp thế, thành cảnh lậu, thành cảnh triền, thành cảnh phược, thành cảnh bộc, thành cảnh phối, thành cảnh cái, thành cảnh khinh thị, thành cảnh thủ, thành cảnh phiền não, thành vô ký, thành hữu tri cảnh, thành phi sở hữu tâm, thành dị thục quả, thành do thủ cảnh thủ, thành phi phiền toái mà cảnh phiền não, thành phi hữu tầm hữu tứ, thành phi vô tầm vô tứ, thành vô tầm vô tứ, thành phi đồng sanh hỷ, thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn, thành phi hữu học phi vô học, thành hy thiểu, thành Dục giới, thành phi Sắc giới, thành phi Vô sắc giới, thành liên quan luân hồi, thành phi bất liên quan luân hồi, thành bất định, thành phi nhân xuất luân hồi, thành sanh tồn, thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng, thành vô thường, thành biến lão *(jarābhibhūtā)*.

* Ngũ thức có vật thành hiện tại, có cảnh thành hiện tại, có vật sanh trước, có cảnh sanh trước, có vật thành bên trong, có cảnh thành bên ngoài, có vật chưa diệt, có cảnh chưa diệt, có vật khác nhau, có cảnh khác nhau, vẫn không thay nhau hưởng cảnh, sanh ra đâu không tiếp thâu, sanh ra đâu không tác ý, sẽ sanh ra đâu không hỗn tạp, sẽ sanh ra đâu không tác ý, sẽ sanh ra đâu không hỗn tạp, sẽ sanh ra đâu không có trước sau, vẫn không sanh thứ lớp liên tiếp với nhau.

* Ngũ thức không có sự nghĩ ngợi, người vẫn không biết rõ pháp chi chi bằng ngũ thức.

* Ngũ thức chỉ là sự rơi đến cảnh nào một cảnh; người vẫn không biết rõ pháp chi chi mà từ nơi thứ lớp của ngũ thức, người vẫn không thành một oai nghi nào mà do ngũ thức; người vẫn không thành một oai nghi cách nào mà từ thứ lớp của ngũ thức, người vẫn không hiệp với thân nghiệp không hiệp với ý nghiệp mà từ thứ lớp của ngũ thức, người vẫn không lập thành pháp thiện hay pháp bất thiện bằng ngũ thức, vẫn không lập thành pháp thiện và pháp bất thiện mà từ thứ lớp của ngũ thức, người vẫn không nhập thiền và không xuất thiền bằng ngũ thức, vẫn không nhập thiền và không xuất thiền mà tiếp theo thứ lớp của ngũ thức, người vẫn không tử và không tục sinh bằng ngũ thức, vẫn không tử và không tục sinh mà nối theo thứ lớp của ngũ thức, người vẫn không ngủ không thức và không chiêm bao bằng ngũ thức, vẫn không ngủ không thức và không chiêm bao mà nối theo thứ lớp của ngũ thức; vấn đề mà trình bày cơ quan của ngũ thức theo sự chắc thật như đã nói đó. Trí tông phân mỗi phần thành một vẫn có bằng cách như thế.

Đầu đề phần hai

796.

* Trí tông *(Ñāṇavatthu)* phân mỗi phần thành hai như là tuệ hiệp thế, tuệ siêu thế.
* Tuệ cũng có tâm biết đặng, tuệ cũng có tâm không biết đặng.
* Tuệ cảnh lậu, tuệ phi cảnh lậu.
* Tuệ bất tương ưng lậu cảnh lậu, tuệ bất tương ưng lậu phi cảnh lậu.
* Tuệ cảnh triền, tuệ phi cảnh triền.
* Tuệ bất tương ưng triền cảnh triền, tuệ bất tương ưng triền phi cảnh triền.
* Tuệ cảnh phược, tuệ phi cảnh phược.
* Tuệ bất tương ưng phược cảnh phược, tuệ bất tương ưng phược phi cảnh phược.
* Tuệ cảnh bộc, tuệ phi cảnh bộc.
* Tuệ bất tương ưng bộc cảnh bộc, tuệ bất tương ưng bộc phi cảnh bộc.
* Tuệ cảnh phối, tuệ phi cảnh phối.
* Tuệ bất tương ưng phối cảnh phối, tuệ bất tương ưng phối phi cảnh phối.
* Tuệ cảnh cái, tuệ phi cảnh cái.
* Tuệ bất tương ưng cái cảnh cái, tuệ bất tương ưng cái phi cảnh cái.
* Tuệ cảnh khinh thị, tuệ phi cảnh khinh thị.
* Tuệ bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị, tuệ bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị.
* Tuệ do thủ, tuệ phi do thủ.
* Tuệ cảnh thủ, tuệ phi cảnh thủ.
* Tuệ bất tương ưng thủ cảnh thủ, tuệ bất tương ưng thủ phi cảnh thủ.
* Tuệ cảnh phiền não, tuệ phi cảnh phiền não.
* Tuệ bất tương ưng phiền não cảnh phiền não, tuệ bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não.
* Tuệ hữu tầm, tuệ vô tầm.
* Tuệ hữu tứ, tuệ vô tứ.
* Tuệ hữu hỷ, tuệ vô hỷ.
* Tuệ đồng sanh hỷ, tuệ phi đồng sanh hỷ.
* Tuệ đồng sanh lạc, tuệ phi đồng sanh lạc.
* Tuệ đồng sanh xả, tuệ phi đồng sanh xả.
* Tuệ Dục giới, tuệ phi Dục giới.
* Tuệ Sắc giới, tuệ phi Sắc giới.
* Tuệ Vô sắc giới, tuệ phi Vô sắc giới.
* Tuệ liên quan luân hồi, tuệ bất liên quan luân hồi.
* Tuệ nhân xuất luân hồi, tuệ phi nhân xuất luân hồi.
* Tuệ nhất định, tuệ bất định.
* Tuệ hữu thượng, tuệ vô thượng.
* Lý sự tuệ *(atthajāpīkā paññā),* sự lý tuệ *(jāpītatthāpaññā).*

Trí tông *(Ñāṇavathu)* phân mỗi phần thành hai thứ vẫn có bằng cách như thế.

Đầu đề phần ba

797.

* Trí tông *(Ñāṇavatthu)* mỗi phần có ba như là
* Tuệ văn, tuệ tư, tuệ tu.
* Tuệ thí thành, tuệ giới thành, tuệ tu thành.
* Tuệ khởi giới, tuệ khởi tâm, tuệ khởi trí.
* thông thạo tiến hóa, thông thạo thối hóa, thông thạo phương chước.
* Tuệ dị thục quả, tuệ dị thục nhân, tuệ phi dị thục quả phi dị thục nhân.
* Tuệ do thủ cảnh thủ, tuệ phi do thủ cảnh thủ, tuệ phi do thủ phi cảnh thủ.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ, tuệ vô tầm hữu tứ, tuệ vô tầm vô tứ.
* Tuệ đồng sanh với hỷ, tuệ đồng sanh với lạc, tuệ đồng sanh với xả.
* Tuệ nhân sanh tử, tuệ nhân đến Níp-bàn, tuệ phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn.
* Tuệ hữu học, tuệ vô học, tuệ phi hữu học phi vô học.
* Tuệ hy thiểu, tuệ đáo đại, tuệ vô lượng.
* Tuệ biết cảnh hy thiểu, tuệ biết cảnh đáo đại, tuệ biết cảnh vô lượng.
* Tuệ có đạo là cảnh, tuệ có đạo là nhân, tuệ có đạo là trưởng.
* Tuệ sanh tồn, tuệ phi sanh tồn, tuệ sẽ sanh.
* Tuệ quá khứ, tuệ vị lai, tuệ hiện tại.
* Tuệ biết cảnh quá khứ, tuệ biết cảnh vị lai, tuệ biết cảnh hiện tại.
* Tuệ nội phần, tuệ ngoại phần, tuệ nội và ngoại phần.
* Tuệ biết cảnh nội, tuệ biết cảnh ngoại, tuệ biết cảnh nội và ngoại.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành hy thiểu cũng có, thành đáo đại cũng có, thành vô lượng cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành biết cảnh hy thiểu cũng có, thành biết cảnh đáo đại cũng có, thành biết cảnh vô lượng cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành đạo là cảnh cũng có, thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành biết cảnh quá khứ cũng có, thành biết cảnh vị lai cũng có, thành cảnh hiện tại cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành tự nội cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.

* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành biết cảnh nội cũng có, thành biết cảnh ngoại cũng có, thành biết cảnh nội và ngoại cũng có.
* Tuệ vô tầm hữu tứ thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
* Tuệ vô tầm hữu tứ thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.
* Tuệ vô tầm hữu tứ thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Tuệ vô tầm hữu tứ thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.
* Tuệ vô tầm hữu tứ thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Tuệ vô tầm hữu tứ thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* Tuệ vô tầm hữu tứ thành tự nội cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành biết cảnh hy thiểu cũng có, thành biết cảnh đáo đại cũng có, thành biết cảnh vô lượng cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành đạo là cảnh cũng có, thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành biết cảnh quá khứ cũng có, thành biết cảnh vị lai cũng có, thành cảnh hiện tại cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành tự nội cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành biết cảnh nội cũng có, thành biết cảnh ngoại cũng có, thành biết cảnh nội và ngoại cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.

* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành hy thiểu cũng có, thành đáo đại cũng có, thành vô lượng cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành biết cảnh hy thiểu cũng có, thành biết cảnh đáo đại cũng có, thành biết cảnh vô lượng cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành đạo là cảnh cũng có, thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành biết cảnh quá khứ cũng có, thành biết cảnh vị lai cũng có, thành cảnh hiện tại cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành tự nội cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành biết cảnh nội cũng có, thành biết cảnh ngoại cũng có, thành biết cảnh nội và ngoại cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành hy thiểu cũng có, thành đáo đại cũng có, thành vô lượng cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành biết cảnh hy thiểu cũng có, thành biết cảnh đáo đại cũng có, thành biết cảnh vô lượng cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành có đạo là cảnh cũng có, thành có đạo là nhân cũng có, thành có đạo là trưởng cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành biết cảnh quá khứ cũng có, thành biết cảnh vị lai cũng có, thành biết cảnh hiện tại cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành tự nội cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành biết cảnh nội cũng có, thành biết cảnh ngoại cũng có, thành biết cảnh nội và ngoại cũng có.

Trí tông *(Ñāṇavatthu)* phân mỗi thứ có ba vẫn có bằng cách như thế.

Đầu đề phần tứ

798.

* Trí tông *(ñāṇavatthu)* mỗi phần có bốn như là trí nghiệp sở *(kammassakataṃ ñāṇaṃ),* trí đế tùng *(saccānulomikaṃ ñāṇaṃ),* trí đạo hội *(maggasamaṅgissa ñāṇaṃ),* trí quả hội *(phalasamaṅgissa ñāṇaṃ).*
* Trí khổ, trí tập khổ, trí khổ diệt, trí tiến hành khổ diệt.
* Tuệ Dục giới, tuệ Sắc giới, tuệ Vô sắc giới, tuệ siêu thế.
* Trí pháp, trí manh *(anvaye ñāṇaṃ),* trí phóng khí *(paricce ñāṇaṃ),* trí giả định *(sammatiñāṇaṃ).*
* Tuệ nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn, tuệ đến Níp-bàn phi nhân sanh tử, tuệ nhân sanh tử và nhân đến Níp-bàn, tuệ phi nhân sanh tử và phi nhân đến Níp-bàn.
* Tuệ phiền yểm phi triệt ngộ, tuệ triệt ngộ phi phiền yểm, tuệ phiền yểm và triệt ngộ, tuệ phi phiền yểm phi triệt ngộ.
* Tuệ tuyệt trừ phần, tuệ trụ phần, tuệ đặc biệt phần, tuệ thấu phần.
* Tứ đạt thông, tứ tiến hành, tứ cảnh, tứ sanh tử, trí sanh tử tập, trí sanh tử diệt, trí tiến hành sanh tử diệt.
* Trí sanh… trí hữu *(bhavañāṇa),*... trí thủ… trí thọ… trí xúc… trí lục nhập… trí danh sắc… trí thức… trí hành… trí hành tập, trí hành diệt, trí tiến hành diệt.
* Trí tông mỗi phần có bốn thứ vẫn có bằng cách như thế.

Phần năm, phần sáu, phần bảy, phần tám và phần chín

799.

* Trí tông mỗi phần có năm như là chánh định có năm chi tức là ngũ trí chánh định. Trí tông mỗi phần năm thứ vẫn có bằng cách như thế.
* Trí tông mỗi phần có sáu thứ như là tuệ trong lục thông. Trí tông mỗi phần sáu thứ vẫn có bằng cách như thế.
* Trí tông mỗi phần bảy thứ như là trí tông trong pháp. Trí tông mỗi phần bảy thứ vẫn có bằng cách như thế.
* Trí tông mỗi phần có tám thứ như là trí trong bốn đạo và tuệ trong bốn quả. Trí tông mỗi phần tám thứ vẫn có bằng cách như thế.
* Trí tông mỗi phần có chín thứ như là tuệ trong tùng tiền vô lượng phần nhập thiền *(anupubbavihārasamāpatti)* có chín. Trí tông mỗi phần thành chín vẫn có bằng cách như thế.

Đầu đề phần thập

800.

* Trí tông mỗi phần có mười tức là thập lực Như Lai như là sức nào mà hiệp theo nơi cấp trí đặc biệt rống tiếng sư tử trong quần chúng, tuyên bố khắp vũ trụ. Những mãnh lực đó gọi là thập lực Như Lai.

* ***Thập lực Như Lai** là chi?*

1. Như Lai đối trong đời nầy vẫn hiểu những pháp đáng thành cơ sở và những pháp phi cơ sở bằng sự phi cơ sở theo sự chơn thật, Đức Như Lai Ngài biết rõ những pháp đáng thành cơ sở bằng sự đáng thành cơ sở, bằng sự phi cơ sở theo sự chắc thật như thế nào thì những điều ấy cũng thành sức của Như Lai. Như Lai đã nương sức nào mới có nền tảng cấp trí đặc biệt, rống tiếng sư tử trong quần chúng, tuyên bố khắp vũ trụ. Những điều như thế gọi là sức của Như Lai.
2. Còn có điều nữa, Như Lai vẫn hiểu dị thục quả của nghiệp tháo trì *(kamma-samādānānaṃ)* thế nào là quá khứ, hiện tại, vị lai theo sự chắc thật với xứ *(thāna)* với nhân *(hetu)*. Như Lai hiểu rõ dị thục quả của nghiệp tháo trì mà thành quá khứ, hiện tại, vị lai theo sự chắc thật bằng xứ bằng nhân, dù thế nào những điều ấy cũng là sức của Như Lai. Như Lai đã nương sức nào nào mà có cơ sở cấp trí đặc biệt đặng rống tiếng sư tử trong quần chúng, tuyên bố khắp vũ trụ, điều ấy cũng là sức của Như Lai.
3. Còn có điều khác nữa, Như Lai vẫn hiểu rõ đường lối đưa đến tất cả cõi theo sự chắc thật, những nào mà Như Lai hiểu rõ đường lối đưa đến tất cả cõi theo sự chắc thật, những điều ấy cũng là sức của Như Lai. Như Lai đã nương sức nào mới có cơ sở cấp trí đặc biệt đặng rống tiếng sư tử trong quần chúng, tuyên bố cả vũ trụ. Những điều ấy cũng là sức của Như Lai.
4. Còn điều khác nữa, Như Lai vẫn hiểu rõ đời mà thành bất thiểu chấp, thành biệt biệt chấp theo sự chắc thật. Những nào mà Như Lai hiểu rõ đời mà thành bất thiểu chấp, biệt biệt chấp theo sự chắc thật. Những điều ấy cũng là sức của Như Lai. Như Lai đã nương sức nào mới có cơ sở cấp trí đặc biệt đặng rống tiếng sư tử trong quần chúng tuyên bố cả vũ trụ. Những điều ấy cũng là sức của Như Lai.
5. Còn có điều khác nữa, Như Lai vẫn hiểu rõ sự nương của tất cả chúng sanh có khác biệt nhau theo sự thật do những chi mà Như Lai đặng hiểu rõ sự nương của tất cả chúng sanh có khác biệt nhau theo sự thật rõ. Những điều ấy là do sức của Như Lai mà Như Lai đã nương sức nào mới có cơ sở cấp trí đặc biệt đặng rống tiếng sư tử trong quần chúng tuyên bố cả vũ trụ. Những điều ấy cũng là sức của Như Lai.
6. Còn có điều khác nữa, Như Lai vẫn hiểu rõ quyền *(indrīya)* của tất cả chúng sanh khác, mọi người khác bằng cách chắc chắn là đầy đủ hay chưa đầy đủ. Do những chi mà Như Lai biết quyền của tất cả chúng sanh và của người khác già chín mùi đầy đủ hay chưa bằng lối chắc chắn. Những điều như thế cũng là do sức của Như Lai và Như Lai đã nương sức nào mới có cơ sở cấp trí đặc biệt đặng rống tiếng sư tử trong quần chúng tuyên bố cả vũ trụ. Những điều ấy cũng là sức của Như Lai.
7. Còn có điều khác nữa, Như Lai vẫn hiểu rõ sự phiền não, sự thanh tịnh, sự xuất của thiền, giải thoát định và nhập thiền theo sự chắc thật. Những chi mà Như Lai đặng biết sự phiền não, sự thanh tịnh, sự xuất của thiền, sự giải thoát, sự định và sự nhập thiền theo sự chắc thật. Những điều như thế là do sức của Như Lai và Như Lai đã nương sức nào mới có cơ sở cấp trí đặc biệt đặng rống tiếng sư tử trong quần chúng, tuyên bố cả vũ trụ. Những điều ấy cũng là sức của Như Lai.
8. Còn có điều khác nữa, Như Lai vẫn hiểu rõ sự nhớ tiền kiếp đặng chắc chắn, do những chi mà Như Lai hiểu rõ tiền kiếp chắc thật. Những điều như thế là sức của

Như Lai và Như Lai đã nương sức nào mới có cơ sở cấp trí đặc biệt đặng rống tiếng sư tử trong quần chúng, tuyên bố cả vũ trụ. Những điều ấy cũng là sức của Như Lai.

9. Còn có điều khác nữa, Như Lai vẫn hiểu rõ sanh và tử của tất cả chúng sanh bằng sự thật do những chi mà Như Lai đặng hiểu rõ sự sanh và tử của tất cả chúng sanh đúng những Điều Ngự Sư, thế là sức của Như Lai và Như Lai đã nương sức nào mới có cơ sở cấp trí đặc biệt đặng rống tiếng sư tử trong quần chúng, tuyên bố cả vũ trụ. Những điều ấy cũng là sức của Như Lai.
10. Còn có điều khác nữa, Như Lai vẫn hiểu rõ lậu tận theo sự chắc thật do những chi mà Như Lai hiểu rõ lậu tận bằng cách chắc thật. Những điều như thế là sức của Như Lai và Như Lai đã nương sức nào mới có cơ sở cấp trí đặc biệt đặng rống tiếng sư tử trong quần chúng, tuyên bố cả vũ trụ. Những điều ấy cũng là sức của Như Lai.

Như Lai hiệp với sức nào mới có cơ sở cấp trí đặc biệt, rống tiếng sư tử đặng tuyên bố cả vũ trụ. Những sức ấy gọi là thập lực Như Lai. Trí tông phân phần thành mười vẫn có bằng cách như thế.

Dứt Phần đầu đề

B. TRÍ PHÂN TÍCH PHẦN XIỂN MINH

Xiển minh phần một

801.

Ngũ thức đều thành phi nhân, đều thành vô nhân, đều thành bất tương ưng nhân, đều thành hữu duyên, đều thành hữu vi, đều thành phi sắc, đều thành hiệp thế, đều thành cảnh lậu, đều thành cảnh triền, đều thành cảnh phược, đều thành cảnh bộc, đều thành cảnh phối, đều thành cảnh cái, đều thành cảnh khinh thị, đều thành cảnh thủ, đều thành cảnh phiền não, đều thành cảnh vô ký, đều thành hữu tri cảnh, đều thành phi sở hữu tâm, đều thành dị thục quả, đều thành do thủ cảnh thủ, đều thành phi phiền toái cảnh phiền não, đều thành phi hữu tầm hữu tứ, đều thành phi vô tầm hữu tứ, đều thành vô tầm vô tứ, đều thành phi đồng sanh hỷ, đều thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ, đều thành phi hữu nhân phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ, đều thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn, đều thành phi hữu học phi vô học, đều thành hy thiểu, đều thành Dục giới, đều thành phi Sắc giới, đều thành phi Vô sắc giới, đều thành liên quan luân hồi, đều không thành bất liên quan luân hồi, đều thành bất định, đều thành phi nhân xuất luân hồi, đều thành sanh tồn, đều thành cũng có tâm biết đặng, đều thành vô thường, đều thành lão tử.

802.

* Nói rằng ngũ thức có vật thành hiện tại, có cảnh thành hiện tại đó là khi vật sanh ra, khi cảnh sanh ra thì ngũ thức cũng sanh ra.
* Nói ngũ thức có vật sanh trước, có cảnh sanh trước đó là khi vật sanh trước, khi cảnh sanh trước rồi ngũ thức mới sanh.
* Nói ngũ thức có vật thành bên trong, có cảnh thành bên ngoài đó là vật của ngũ thức thành bên trong, cảnh của ngũ thức thành bên ngoài.
* Nói ngũ thức có vật chưa diệt mất, có cảnh chưa diệt mất là ngũ thức sanh ra trong khi vật chưa diệt mất, khi cảnh chưa diệt mất.

* Nói ngũ thức có vật khác nhau, có cảnh khác nhau đó có giải như vầy: vật và cảnh của nhãn thức là khác, vật và cảnh của nhĩ thức là khác, vật và cảnh của tỷ thức là khác, vật và cảnh của thiệt thức là khác, vật và cảnh của thân thức là khác.

* Nói ngũ thức không thay nhau hưởng cảnh có giải như vầy: Nhĩ thức vẫn không hưởng cảnh của nhãn thức, mà nhãn thức cũng không hưởng cảnh của nhĩ thức. Tỷ thức không hưởng cảnh của nhãn thức mà nhãn thức cũng không hưởng cảnh của tỷ thức. Thiệt thức vẫn không hưởng cảnh của nhãn thức, mà nhãn thức cũng không hưởng cảnh của thiệt thức. Thân thức cũng không hưởng cảnh của nhãn thức, mà nhãn thức cũng không hưởng cảnh của thân thức. Nhãn thức vẫn không hưởng cảnh của nhĩ thức… nhãn thức vẫn không hưởng cảnh của tỷ thức… nhãn thức vẫn không hưởng cảnh của thiệt thức… nhãn thức vẫn không hưởng cảnh của thân thức, mà thân thức cũng không hưởng cảnh của nhãn thức. Nhĩ thức vẫn không hưởng cảnh của thân thức, mà thân thức vẫn không hưởng cảnh của nhĩ thức. Tỷ thức vẫn không hưởng cảnh của thân thức, mà thân thức cũng không hưởng cảnh của tỷ thức. Thiệt thức vẫn không hưởng cảnh của thân thức mà thân thức cũng không hưởng cảnh của thiệt thức.

* Nói ngũ thức không sanh ra bởi không chung thực đó tức là khi chung thực năm thức mới sanh ra.

* Nói ngũ thức sẽ sanh ra bằng cách không xen lẫn nhau không có đó là năm thức không sanh ra theo thứ lớp với nhau.

* Nói ngũ thức không sanh ra đồng nhau đó là năm thức không sanh trong một sát-na.

* Nói ngũ thức không sanh nối liền với nhau có giải như vầy:
  - Nhĩ thức vẫn không sanh nối theo thứ lớp mà nhãn thức sanh; còn nhãn thức cũng không sanh theo thứ lớp của nhĩ thức sanh.
  - Tỷ thức không sanh nối theo thứ lớp của nhãn thức sanh, mà nhãn thức cũng không sanh nối theo thứ lớp của tỷ thức sanh.
  - Thiệt thức không sanh theo thứ lớp của nhãn thức sanh, mà nhãn thức cũng không sanh theo thứ lớp của thiệt thức sanh.
  - Thân thức vẫn không sanh nối theo thứ lớp của nhãn thức sanh, mà nhãn thức cũng không sanh nối theo thứ lớp của thân thức sanh.
  - Nhãn thức vẫn không sanh nối theo thứ lớp của nhĩ thức sanh… nhãn thức vẫn không sanh nối theo thứ lớp của tỷ thức sanh… nhãn thức vẫn không sanh nối theo thứ lớp của thiệt thức sanh… nhãn thức vẫn không sanh nối theo thứ lớp của thân thức sanh, mà thân thức cũng không sanh nối theo thứ lớp của nhãn thức sanh. Nhĩ thức vẫn không sanh nối theo thứ lớp của thân thức sanh, mà thân thức cũng không sanh nối theo thứ lớp của nhĩ thức sanh. Tỷ thức vẫn không sanh nối theo thứ lớp của thân thức sanh, mà thân thức cũng không sanh nối theo thứ lớp của tỷ thức sanh. Tỷ thức vẫn không sanh nối theo thứ lớp của thân thức sanh, mà thân thức cũng không sanh nối theo thứ lớp của thiệt thức sanh.

* Nói ngũ thức không có khiên niệm *(anābhogāti)* là trong năm thức chẳng có khán môn *(āvajjanā),* khiên niệm *(ābhogo),* hiệp thực *(samannāhāro)* hoặc tác ý *(manasikāro).*

* Nói người không biết rõ rệt nhưng pháp chi bằng ngũ thức đó là vẫn không hiểu rõ pháp chi chi do ngũ thức.

* Nói ngũ thức chỉ là sa vào một cảnh nào đó là chỉ thuần thục theo một cảnh nào đó thôi.
* Nói người vẫn không hiểu rõ pháp chi chi từ thứ lớp theo ngũ thức đó là người vẫn không hiểu rõ những pháp chi bằng ý giới nói theo ngũ thức.
* Nói người vẫn không thành tựu trong một cách oai nghi nào bằng ngũ thức đó là người vẫn không đặng thành tựu một oai nghi dù đi, đứng hay nằm, ngồi do ngũ thức (điều khiển đâu).
* Nói người vẫn không thành tựu một cách oai nghi nào mà tâm nối liền theo năm thức đó là người không đặng thành tựu trong một oai nghi nào dù đi đứng hay nằm ngồi mà do ý giới nối liền thứ lớp cùng năm thức.
* Nói không hiệp với thân nghiệp, không hiệp với khẩu nghiệp, ngũ thức đó là người không tập hợp thân nghiệp, khẩu nghiệp bằng ngũ thức.
* Nói người không hiệp với thân nghiệp, không hiệp với khẩu nghiệp mà (bằng tâm) nối liền thứ lớp của ngũ thức đó là người vẫn không hiệp với thân nghiệp, khẩu nghiệp nào mà do ý giới nối liền từ ngũ thức.
* Nói người không tháo trì nghiệp thiện và nghiệp bất thiện bằng ngũ thức đó tức là người không đặng tháo trì nghiệp thiện và nghiệp bất thiện bằng ngũ thức.
* Nói người vẫn không tháo trì nghiệp thiện và nghiệp bất thiện mà từ nối liền thứ lớp của năm thức đó tức là người không đặng nghiệp thiện và nghiệp bất thiện bằng lối ý giới nối liền theo thứ lớp của năm thức.
* Nói người không đặng nhập thiền, không đặng xuất thiền bằng năm thức đó tức là người không đặng nhập thiền, không đặng xuất thiền bằng năm thức.
* Nói người không đặng nhập thiền, không đặng xuất thiền mà do (tâm) nối liền thứ lớp của năm thức đó tức là người không đặng nhập thiền, không đặng xuất thiền bằng ý giới nối liền thứ lớp của ngũ thức.
* Nói người không tử không tục sinh bằng năm thức đó tức là người không đặng tử, không đặng tục sinh bằng năm thức.
* Nói người vẫn không tử không tục sinh mà nối liền thứ lớp của ngũ thức đó tức là người không đặng tử, không đặng tục sinh bằng ý giới nối liền thứ lớp của năm thức.
* Nói người vẫn không ngủ, không thức, không chiêm bao bằng năm thức đó tức là người không đặng ngủ, không đặng thức và không đặng chiêm bao bằng năm thức.
* Nói người không ngủ, không thức, không chiêm bao mà nối liền theo thứ lớp của ngũ thức đó tức là người không đặng ngủ, không đặng thức, không đặng chiêm bao bằng ý giới nối liền thứ lớp với năm thức.
* Sự biết của cơ quan ngũ thức như đã nói đó gọi là tuệ để trình bày của ngũ thức theo sự chắc thật.

Trí tông mỗi phần có một vẫn bằng cách như thế.

Xiển minh phần hai

803.

* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký trong ba cõi là tuệ hiệp thế. Tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ siêu thế.
* Tuệ tất cả cũng gọi là tuệ có thứ biết đặng và tuệ có thứ không biết đặng.
* Tuệ hiệp với pháp thiện và hiệp với pháp vô ký trong ba cõi gọi là tuệ cảnh lậu. Tuệ hiệp bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi cảnh lậu.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ tương ưng lậu mà cảnh lậu. Tuệ hiệp bốn đạo và bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng lậu mà cảnh lậu. Tuệ hiệp bốn đạo bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng lậu và phi cảnh lậu.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ cảnh triền. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi cảnh triền.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ tương ưng triền mà cảnh triền. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng triền phi cảnh triền.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ cảnh phược. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi cảnh phược.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ tương ưng phược mà cảnh phược. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng phược phi cảnh phược.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ cảnh bộc. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi cảnh bộc.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ bất tương ưng bộc mà cảnh bộc. Còn tuệ trong bốn đạo và bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng bộc phi cảnh bộc.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ cảnh phối. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi cảnh phối.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ bất tương ưng phối mà cảnh phối. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng phối phi cảnh phối.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ cảnh cái. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi cảnh cái.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ bất tương ưng cái mà cảnh cái. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng cái phi cảnh cái.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ cảnh khinh thị. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi cảnh khinh thị.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ bất tương ưng khinh thị mà cảnh khinh thị. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị.
* Tuệ trong dị thục quả nương ba cõi gọi là tuệ do thủ. Còn tuệ trong pháp thiện nương ba cõi, tuệ trong pháp vô ký tố nương ba cõi và trong bốn đạo bốn quả đều gọi là tuệ phi do thủ.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ cảnh thủ. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi cảnh thủ.

* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ bất tương ưng thủ mà cảnh thủ. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng thủ phi cảnh thủ.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ cảnh phiền não. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi cảnh phiền não.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ bất tương ưng phiền não mà cảnh phiền não. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não.
* Tuệ tương ưng tầm gọi là tuệ hữu tầm. Còn tuệ bất tương ưng tầm gọi là tuệ vô tầm.
* Tuệ tương ưng tứ gọi là tuệ hữu tứ. Còn tuệ bất tương ưng tứ gọi là tuệ vô tứ.
* Tuệ tương ưng hỷ gọi là tuệ hữu hỷ. Còn tuệ bất tương ưng hỷ gọi là tuệ vô hỷ.
* Tuệ tương ưng hỷ gọi là tuệ đồng sanh hỷ. Còn tuệ bất tương ưng hỷ gọi là tuệ phi đồng sanh hỷ.
* Tuệ tương ưng lạc gọi là tuệ đồng sanh lạc. Còn tuệ bất tương ưng lạc gọi là tuệ phi đồng sanh lạc.
* Tuệ tương ưng xả gọi là tuệ đồng sanh xả. Còn tuệ bất tương ưng xả gọi là tuệ phi đồng sanh xả.
* Tuệ trong thiện và vô ký trong Dục giới gọi là tuệ Dục giới. Còn tuệ Sắc giới, tuệ Vô sắc giới và tuệ siêu thế gọi là tuệ phi Dục giới.
* Tuệ trong thiện và vô ký Sắc giới gọi là tuệ Sắc giới. Còn tuệ Dục giới, tuệ Vô sắc giới và tuệ siêu thế gọi là tuệ phi Sắc giới.
* Tuệ trong thiện và vô ký Vô sắc giới gọi là tuệ Vô sắc giới. Còn tuệ trong Dục giới, tuệ trong Sắc giới và tuệ siêu thế gọi là tuệ phi Vô sắc giới.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ liên quan luân hồi. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ bất liên quan luân hồi.
* Tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ nhân xuất luân hồi. Còn tuệ trong thiện nương ba cõi, trong dị thục quả nương bốn cõi, trong vô ký tố nương ba cõi gọi là tuệ phi nhân xuất luân hồi.
* Tuệ trong bốn đạo gọi là tuệ nhất định. Còn tuệ trong thiện nương ba cõi, trong dị thục quả nương bốn cõi, trong vô ký tố nương ba cõi gọi là tuệ bất định.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ hữu thượng. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ vô thượng.
* Tuệ tiến đắc trong khi *đó ra sao?* Như là tuệ thiện trong bốn cõi trợ tuệ vô ký tố *(kiriyābyāk)* trợ thiền, trợ thông của bực La-hán phát sanh, đó gọi là tuệ tiến đắc *(atthajāpīkapaññā)*. Còn tuệ trong dị thục quả nương bốn cõi trợ tuệ vô ký tố, thiền, thông của bực La-hán phát sanh ra, đó là tuệ đắc tiến *(jāpītatthapaññā)*.

Trí tông *(ñaṇavatthu)* phân mỗi phần thành hai vẫn có bằng cách như thế.

Xiển minh phần ba

804.

* ***Trí tư*** *trong khi có ra sao?* Như là tuệ sắp đặt tất cả công việc, hoặc tuệ sắp đặt tất cả tài nghề khéo léo, hoặc tuệ sắp đặt tất cả tài nghề mà không do nghe học hỏi với người khác mà vẫn đặng trí chuyên môn, hoặc đặng trí đế thuận, hoặc cho rằng sắc không bền, hoặc cho rằng thọ không bền, hoặc cho rằng tưởng không bền, hoặc cho rằng hành không bền, hoặc cho rằng thức không bền; vẫn đặng trí thuận tùng, trí nhẫn nại, trí kiến thức, trí sáng suốt, trí hiểu biết, trí chăm chú, trí biết rõ những pháp nhẫn nại. Nếu có trạng thái cách đó thì gọi là trí tư *(cintāmayapaññā)*.

* ***Trí văn*** *trong khi có ra sao?* Như là tuệ sắp đặt tất cả công việc, hoặc tuệ sắp đặt tất cả nghề giỏi, hoặc tuệ sắp đặt tất cả tài hay, những bực đã từng nghe nơi người khác mà đặng trí thuần thục, hoặc đặng trí đế thuận, hoặc cho là sắc không bền, hoặc cho là thọ không bền, hoặc cho là tưởng không bền, hoặc cho rằng là hành không bền, hoặc cho là thức không bền, vẫn đặng trí thuận tùng, trí nhẫn nại, trí tri kiến, trí sương thạnh (sáng suốt), trí hiểu biết, trí chăm chú, nhẫn nại chăm chú pháp. Những chi mà có tướng trạng cách đó gọi là trí văn *(sutamayapaññā)*.

* Còn trí của bực nhập tất cả thiền gọi là **trí tu** *(bhāvanāmapaññā)*.

805.

* ***Tuệ thí*** *đó ra sao?* Như là tuệ, thái độ rõ thấu… vô si, sự trạch pháp, chánh kiến mở mối bố thí phát sanh cho người bố thí, đó gọi là tuệ thí *(dānamayapaññā)*.

* ***Tuệ giới*** *đó ra sao?* Như là tuệ, thái độ rõ thấu… vô si, sự trạch pháp và những chánh kiến mở mối phát sanh cho người trì giới. Như thế gọi là tuệ giới *(sīlamayapaññā)*.

* Còn tuệ của bực nhập tất cả thiền gọi là **tuệ tu** *(bhāvanāmapaññā)*.

806.

* ***Tuệ cận giới*** *đó ra sao?* Như là trí tuệ, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp hay là chánh kiến phát sanh cho người thu thúc giới bổn. Thế gọi là tuệ cận giới *(idhisīle paññā)*.

* ***Tuệ cận tâm*** *đó ra sao?* Như là trí tuệ, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp hay là chánh kiến phát sanh cho bực tu tiến nhập thiền Sắc giới và thiền Vô sắc giới. Thế gọi là tuệ cận tâm *(idhicitta paññā)*.

* ***Tuệ cận tuệ*** *đó ra sao?* Tức là tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ cận tuệ *(idhipaññā paññā)*.

807.

* ***Tiến hoá thông minh*** *đó ra sao?* Những bực có tuệ vẫn hiểu rõ như vầy: Khi ta đang quán những pháp ấy pháp bất thiện mà chưa sanh cũng sẽ không sanh và pháp thiện đã sanh cũng sẽ trừ đặng. Hay là khi ta quán những pháp thiện mà chưa sanh cũng sẽ sanh và pháp thiện đã sanh cũng hiện hành đặng sự tột bực, đặng sự quảng đại, đặng sự tiến hóa, sự đầy đủ bằng trí tuệ hay thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong điều đó. Như thế gọi là tiến hoá thông minh *(āyakosallaṃ)*.

* ***Thối hóa thông minh*** *đó ra sao?*
  - Bực có tuệ vẫn hiểu rõ như vầy: Khi ta đang quán những pháp ấy pháp thiện chưa sanh cũng sẽ không sanh và pháp thiện đã sanh cũng sẽ diệt. Hay là khi ta quán pháp ấy, pháp bất thiện chưa sanh cũng sẽ sanh và pháp bất thiện đã sanh cũng sẽ càng đặng sự hiện hành, đặng sự rộng rãi, nào là tuệ hay thái độ hiểu rõ… sự vô si,

sự trạch pháp, chánh kiến với trong điều ấy. Thế gọi là thối hoá thông minh *(apāyakosallaṃ)*.

- Những tuệ chi mà thành phương tiện sửa đổi trong việc lẹ làng hoặc nạn đã sanh đó gọi là thối hoá thông minh.

808.

Tuệ trong dị thục quả nương bốn cõi gọi là tuệ dị thục quả. Tuệ trong pháp thiện thuộc bốn cõi gọi là tuệ dị thục nhân. Còn tuệ trong vô ký tố nương ba cõi gọi là tuệ phi dị thục quả phi dị thục nhân.

809.

Tuệ trong dị thục quả thuộc ba cõi gọi là tuệ do thủ cảnh thủ. Tuệ hiệp pháp thiện trong ba cõi và vô ký tố thuộc ba cõi gọi là tuệ phi do thủ mà cảnh thủ. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi do thủ phi cảnh thủ.

810.

Tuệ mà tương ưng với tầm, tứ gọi là tuệ hữu tầm hữu tứ. Tuệ bất tương ưng tầm mà tương ưng với tứ gọi là tuệ vô tầm hữu tứ. Còn tuệ bất tương ưng cả tầm lẫn tứ gọi là tuệ vô tầm vô tứ.

811.

Tuệ tương ưng hỷ gọi là tuệ đồng sanh hỷ. Tuệ tương ưng lạc gọi là tuệ đồng sanh lạc. Tuệ tương ưng xả gọi là tuệ đồng sanh xả.

812.

Tuệ trong pháp thiện ba cõi gọi là tuệ nhân sanh tử. Tuệ trong bốn đạo gọi là tuệ nhân đến Níp-bàn. Tuệ trong dị thục quả thuộc bốn cõi và tuệ trong pháp vô ký tố nương ba cõi gọi là tuệ phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn.

813.

Tuệ trong bốn đạo ba quả gọi là tuệ hữu học. Tuệ trong quả La-hán thành phần bực cao gọi là tuệ vô học. Còn tuệ trong pháp thiện thuộc ba cõi, trong dị thục quả nương ba cõi trong pháp vô ký tố thuộc ba cõi gọi là tuệ phi hữu học phi vô học.

814.

Tuệ trong thiện Dục giới và vô ký Dục giới gọi là tuệ hy thiểu. Tuệ trong thiện Sắc giới, vô ký Sắc giới, thiện Vô sắc giới và vô ký Vô sắc giới gọi là tuệ đáo đại. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ vô lượng.

815.

* ***Tuệ biết cảnh hy thiểu*** *đó ra sao?* Như là tuệ, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp hay chánh kiến mở mối pháp hy thiểu sanh ra đó gọi là tuệ biết cảnh hy thiểu.

* ***Tuệ biết cảnh đáo đại*** *đó ra sao?* Như là tuệ, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp hay chánh kiến mở mối pháp đáo đại sanh ra. Đó gọi là tuệ biết cảnh đáo đại.

* ***Tuệ biết cảnh vô lượng*** *trong khi có ra sao?* Như là tuệ hay thái độ rõ thấu… sự trạch pháp, hoặc chánh kiến mở mối pháp vô lượng sanh ra. Đó gọi là tuệ biết cảnh vô lượng.

816.

* ***Tuệ biết đạo đặng*** *đó ra sao?* Như là tuệ hay thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp, hoặc chánh kiến mở mối cho Thánh đạo hiện bày. Đó gọi là biết đặng. Còn tuệ trong bốn đạo gọi là tuệ nhân của đạo.

* ***Tuệ có đạo là trưởng*** *đó ra sao?* Như là tuệ hay thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp, hoặc chánh kiến làm cho Thánh đạo thành trưởng sanh ra. Đó gọi là tuệ có đạo là trưởng.

817.

* Tuệ trong dị thục quả nương bốn cõi cũng thành sanh tồn, cũng thành sẽ sanh; không nên nói thành phi sanh tồn.

* Tuệ trong pháp thiện nương bốn cõi, trong vô ký tố nương ba cõi cũng thành sanh tồn, cũng thành phi sanh tồn; không nên nói thành sẽ sanh.

818.

Tuệ tất cả đó cũng thành tuệ quá khứ, cũng thành tuệ vị lai, cũng thành tuệ hiện tại.

819.

* ***Tuệ biết cảnh quá khứ*** *đó ra sao?* Như là tuệ hay thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp hay chánh kiến mở mối phát sanh thuộc quá khứ hiện bày. Đó gọi tuệ biết cảnh quá khứ.

* ***Tuệ biết cảnh vị lai*** *đó ra sao?* Như là tuệ hay thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến khai đoan pháp vị lai hiện bày. Đó gọi pháp vị lai.

* ***Tuệ biết cảnh hiện tại*** *đó ra sao?* Như là sự sáng suốt, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến khai đoan pháp hiện tại hiện bày. Đó gọi là tuệ biết cảnh hiện tại.

820.

Tất cả tuệ thế đó cũng thành tuệ tự nội, cũng thành tuệ ngoại phần, cũng thành tuệ nội và ngoại phần.

821.

* ***Tuệ biết cảnh tự nội*** *đó ra sao?* Như là sự sáng suốt, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến khai đoan pháp tự nội hiện bày. Đó gọi là tuệ biết cảnh tự nội.

* ***Tuệ biết cảnh ngoại phần*** *đó ra sao?* Như là sự sáng suốt, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến mở mối pháp bên ngoài hiện bày. Đó gọi là tuệ biết cảnh ngoại phần.

* ***Tuệ biết cảnh nội và ngoại phần*** *đó ra sao?* Như là sự sáng suốt, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến khai đoan tất cả pháp bên trong và bên ngoài hiện bày. Đó gọi là tuệ biết cảnh nội và ngoại phần.

Trí tông mỗi phần có ba vẫn có bằng cách như thế.

Xiển minh phần bốn

822.

* ***Trí tín nghiệp*** *đó ra sao?* Như là sự sáng suốt, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến có trạng thái hiểu rõ như vầy: Sau khi bố thí có quả phước; cúng dường tam bảo có quả phước; đời nầy vẫn có; đời sau cũng có; mẹ có ơn; cha có ơn; chúng sanh chết có tục sinh; Sa-môn Phạm chí có bực tu hành đàng hoàng, hành đúng đắn hiểu cao thấy thật rõ nơi đời nầy và đời sau do tự mình và tuyên bố cho người khác biết khắp nhau vẫn có trong đời nầy. Như thế gọi là trí tín nghiệp *(kammassakatāṃ ñāṇaṃ).*

Trừ ra trí đế thuận và tuệ thiện mà thành cảnh lậu, còn tất cả gọi là trí tín nghiệp.

* ***Trí đế thuận*** *đó ra sao?* Như là trí thuận tùng, trí nhẫn (nại), trí kiến thức, trí quang minh (sáng suốt), trí hiểu biết, trí chăm chú, trí pháp nhẫn nại chăm chú, đều có trạng

thái biết như thế nầy: Hoặc cho rằng sắc không bền, hoặc cho rằng thọ không bền, hoặc cho rằng tưởng không bền, hoặc cho rằng chư hành vô thường, hoặc cho rằng thức vô thường. Thế gọi là trí đế thuận *(saccānulomikañāṇa).*
Còn tuệ trong bốn đạo gọi là tuệ hội hiệp đạo *(maggasamaṅgiñāṇa paññṇa).*
Tuệ trong bốn quả gọi là tuệ hội hiệp quả *(phalasamaṅgiñāṇa).*

823.

* Tuệ hội hiệp đạo tức là sự biết trong những khổ ấy, sự biết trong những khổ tập ấy, sự biết trong những khổ diệt ấy, sự biết trong những tiến hành diệt khổ ấy.

* ***Tuệ khổ*** *đó ra sao?* Như là sự sáng suốt, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến khai đoan khổ tập hiện bày đó gọi là khổ tập trí… khai đoan khổ diệt hiện bày. Đó gọi là khổ diệt trí… khai đoan đường lối tiến hành khổ diệt hiện bày. Đó gọi là trí tiến hành khổ diệt.

824.

* Tuệ trong pháp thiện Dục giới và pháp vô ký Dục giới gọi là tuệ Dục giới.
* Tuệ trong pháp thiện Sắc giới và pháp vô ký Sắc giới gọi là tuệ Sắc giới.
* Tuệ trong pháp thiện Vô sắc giới và pháp vô ký Vô sắc giới gọi là tuệ Vô sắc giới.
* Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ siêu thế.

825.

* ***Pháp trí*** *đó ra sao?* Như là tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là trí pháp *(dhammañāṇa).*

Đức thế Tôn Ngài dìu dắt tức là trí phản khán trong những pháp quá khứ, vị lai ấy mà Ngài đã hiểu, đã thấy, đã chứng, đã biết rõ rệt, đã quyết tin như vầy: Trong thuở quá khứ, Sa-môn hoặc Bà-la-môn những vị nào đã đặng biết khổ, đã đặng biết tập, đã đặng biết diệt, đã đặng biết đạo thì Sa-môn hoặc Bà-la-môn những vị đó cũng tự biết khổ, Sa-môn hoặc Bà-la-môn những vị đó cũng tự biết khổ tập, Sa-môn hoặc Bà-la-môn những vị đó cũng tự biết khổ diệt, Sa-môn hoặc Bà-la-môn những vị đó cũng tự biết đạo diệt khổ; trong thời vị lai những Sa-môn hoặc Bà-la-môn mà vị nào rõ biết khổ, rõ biết khổ tập, rõ biết khổ diệt, rõ biết đạo diệt khổ thì những Sa-môn hoặc Bà-la-môn đó cũng tự biết khổ, những Sa-môn, Bà-la-môn đó cũng tự biết khổ tập, những Sa-môn Bà-la-môn đó cũng tự biết rõ đạo diệt khổ bằng tuệ hay thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong cách dìu dắt tức là trí phản khán *(paccavekkhaṇañāṇa).* Như thế gọi là trí dẫn dắt *(anvañāṇa).*

* ***Trí qui định*** *trong khi có ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy chăm chú biết tâm của người khác, chúng sanh khác bằng tâm (của mình) như là tâm có ái cũng biết rõ là tâm có ái, tâm ly ái cũng biết rõ là tâm ly ái. Tâm có sân cũng biết rõ là tâm có sân, tâm lìa sân cũng biết rõ là tâm lìa sân. Tâm có si cũng biết rõ là tâm có si, tâm lìa si cũng biết rõ là tâm lìa si. Tâm dã dượi cũng biết rõ là tâm có dã dượi, tâm tán loạn cũng biết rõ là tâm tán loạn. Tâm thành đáo đại cũng biết rõ là tâm thành đáo đại, tâm không thành đáo đại cũng biết rõ là tâm không thành đáo đại. Tâm thành hữu thượng cũng biết rõ là tâm thành hữu thượng, tâm thành vô thượng cũng biết rõ là tâm thành vô thượng. Tâm định trụ cũng biết rõ là tâm đình trụ, tâm không đình trụ cũng biết rõ là tâm không đình trụ. Tâm giải thoát cũng biết rõ là tâm giải thoát, tâm không giải thoát cũng biết rõ là tâm không giải thoát. Sự sáng suốt, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong tâm của những người khác, của tất cả chúng sanh khác. Như thế gọi là trí qui định *(pariccañāṇa).*

Trừ ra pháp trí *(dhammañāṇa),* dẫn dắt trí *(anvañāṇa)* và qui định trí *(pariccāñāṇa),* còn những trí ngoài ra gọi là trí đồng kiến *(sammatiñāṇa).*

826.

Tuệ nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn *ra sao?*

- Tuệ trong pháp thiện Dục giới gọi là tuệ nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn.
- Tuệ trong bốn đạo gọi là tuệ nhân đến Níp-bàn phi nhân sanh tử.
- Tuệ trong pháp thiện Sắc giới và pháp thiện Vô sắc giới gọi là tuệ nhân sanh tử nhân đến Níp-bàn.
- Còn tuệ mà ngoài ra đó gọi là tuệ phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn.

827.

Tuệ phiền yểm phi phản khán *đó ra sao?*

- Như là bực xa lìa tất cả sự vọng dục bằng tuệ nào nhưng không đặng thông thấu suốt tất cả pháp đế *(saccadhamma).* Đây gọi là tuệ phiền yểm phi phản khán *(nibbidā no paṭivedhapaññā).*
- Còn bực xa lìa tất cả sự vọng dục mà đặng thấu đáo thông suốt bằng tuệ nhưng không đặng thấu suốt tất cả pháp đế. Đây gọi là tuệ phản khán phi phiền yểm *(paṭivedha no nibbidā paññā).*
- Tuệ trong bốn đạo gọi là tuệ phiền yểm phản khán *(nibbidāpaṭivedhapaññā).*
- Còn tuệ mà ngoài ra đó gọi là tuệ phi phiền yểm phi phản khán *(nevanibbidā no paṭivedhapaññā).*

828.

Tuệ suy đồi *ra sao?*

- Như là tác ý tưởng đồng sanh với dục thấm nhuần cho người tu tiến bực đắc sơ thiền, tuệ của người tu đó gọi là tuyệt trừ *(hānabhāginī).* Chánh niệm thích hợp với pháp ấy vững vàng tuệ gọi là tạm trụ *(ṭhītibhāginī).* Tác ý tưởng mà đồng sanh với thiền không có tầm thấm vào theo tuệ gọi là đặc biệt *(visesabhāginī).* Tác ý tưởng mà đồng sanh với trí phiền yểm hợp với ly dục đượm nhuần trí gọi là phiền yểm phần *(nibbedhabhāginī).*

- Tác ý tưởng mà đồng sanh với tầm thấm nhuần theo bực tu tiến đắc nhị thiền, tuệ của bực đó gọi là phế duyên *(hānabhāginī).* Chánh niệm mà thích hợp với pháp đó vững vàng. Tuệ ấy gọi là trụ phần *(ṭhītibhāginī).*

- Tác ý tưởng mà đồng sanh với xả thấm nhuần tuệ gọi là đặc biệt viên *(visesabhāginī).* Tác ý tưởng mà đồng sanh với trí phiền yểm hiệp với dục đượm nhuần tuệ gọi là phiền yểm phần *(nibedhabhāginī).*

- Tác ý tưởng mà đồng sanh với hỷ đượm nhuần cho bực tu tiến đặng tam thiền, tuệ của bực tu tiến đó gọi là phế phần *(hānabhāginī).* Chánh niệm mà thích hợp với pháp ấy đình trụ tuệ gọi là trụ phần *(ṭhitibhāginī).* Tác ý tưởng mà đồng sanh với phi khổ phi lạc thọ đượm nhuần tuệ gọi là đặc biệt phần *(visesabhāginī).* Tác ý tưởng mà đồng sanh với trí phiền yểm hiệp với ly dục đượm nhuần tuệ gọi là phế phần *(nibbedhabhāginī).*

- Tác ý tưởng mà đồng sanh với lạc đượm nhuần cho bực tu tiến đắc tứ thiền, tuệ của bực tu tiến đó gọi là phế phần. Chánh niệm mà thích hợp với pháp đó đình trụ tuệ gọi là trụ phần. Tác ý tưởng mà đồng sanh với thiền Không vô biên xứ đượm nhuần tuệ gọi đặc biệt phần. Tác ý tưởng mà đồng sanh với tuệ phiền yểm hiệp với ly dục đượm nhuần tuệ gọi là phiền yểm phần *(nibbedhābhāginī).*

- Tác ý tưởng mà đồng sanh với sắc đượm nhuần cho bực tu tiến thiền Không vô biên xứ, tuệ của bực tu tiến đó gọi là phế phần. Chánh niệm mà thích hợp với pháp đó, đình trụ tuệ gọi là trụ phần. Tác ý tưởng mà đồng sanh với thiền Thức vô biên xứ đượm nhuần tuệ gọi là đặc biệt phần. Tác ý tưởng mà đồng sanh với trí phiền yểm hiệp với ly dục đượm nhuần tuệ gọi là phiền yểm phần *(nibbedhābhāginī)*.
- Tác ý tưởng mà đồng sanh với thiền Không vô biên xứ đượm nhuần cho bực tu đắc thiền Thức vô biên xứ, tuệ của bực tu đó gọi là phế phần. Chánh niệm mà thích hợp với pháp đó đình trụ tuệ gọi là trụ phần. Tác ý tưởng đồng sanh với thiền Không vô biên xứ đượm nhuần tuệ gọi là đặc biệt phần. Tác ý tưởng mà đồng sanh với trí phiền yểm hiệp với ly dục đượm nhuần tuệ gọi là phiền yểm phần *(nibbedhābhāginī)*.
- Tác ý tưởng mà đồng sanh với thiền Thức vô biên xứ đượm nhuần cho bực tu đắc thiền Vô sở hữu xứ, tuệ của bực tu đó gọi là phế phần. Chánh niệm mà thích hợp với pháp đó đình trụ tuệ gọi là trụ phần. Tác ý tưởng mà đồng sanh với thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ đượm nhuần tuệ gọi là đặc biệt phần. Tác ý tưởng mà đồng sanh với trí phiền yểm hiệp với ly dục đượm nhuần tuệ gọi là phiền yểm phần *(nibbedhābhāginī)*.

829.

Tứ đạt thông *đó ra sao?* Tứ đạt thông *(paṭisambhidā)* là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

- Sự hiểu thông suốt trong ý nghĩa gọi là nghĩa đạt thông *(atthapaṭisambhidā)*.
- Sự hiểu thông suốt trong pháp gọi là pháp đạt thông *(dhammapaṭisambhidā)*.
- Sự hiểu thông suốt sự tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông *(niruttipaṭisambhidā)*.
- Sự biểu biết thông suốt trong tất cả trí gọi là cấp trí đạt thông *(paṭibhāṇapaṭi-sambhidā)*.

Như thế gọi là tứ đạt thông *(paṭisambhidā)*.

830.

* ***Tứ tiến hành*** *đó ra sao?* Tứ tiến hành *(paṭipadā)* là: hành nan đắc trì *(dukkhāpaṭipadādandhābhiññā),* hành nan đắc cấp *(dukkhāpaṭipadākhippābhiññā),* hành dị đắc trì *(sukhāpaṭipadādandhābhiññā),* hành dị đắc cấp *(sukhāpaṭipadākhippābhiññā)*.

* ***Hành nan đắc trì*** *đó ra sao?* Như là tuệ, thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến phát sanh cho người tu mà đắc định sanh bằng cách khó khăn, biết rõ cơ sở ấy chậm chạp. Thế gọi là hành nan đắc trì *(dukkhāpaṭipadādandhābhiññā)*.

* ***Hành nan đắc cấp*** *đó ra sao?* Như là tuệ hay thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến phát sanh cho người tu mà định làm cho trợ sanh bằng cách khó khăn, nhưng hiểu cơ sở đó mau. Thế gọi là hành nan đắc cấp *(dukkhāpaṭipadākhippābhiññā)*.

* ***Hành dị đắc trì*** *đó ra sao?* Như là tuệ hay thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến phát sanh cho người tu mà định trợ sanh bằng cách không khó khăn, nhưng đắc chứng chậm. Thế gọi là hành dị đắc trì *(sukhāpaṭipadādandhābhiññā)*.

∗ ***Hành dị đắc cấp*** *đó ra sao?* Như là tuệ hay thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến phát sanh cho người tu, còn định trợ sanh bằng cách không khó khăn đắc chứng đó cũng mau. Thế gọi là hành dị đắc cấp *(sukhāpaṭipadākhippābhiññā).*

Như thế gọi là tuệ tiến hành *(paṭipadāpaññā).*

831.

∗ ***Tứ cảnh tuệ*** *đó ra sao?* Tứ cảnh tuệ *(arammaṇapaññā)* là tuệ hy thiểu cảnh hy thiểu (*parittāparittārammaṇapaññā),* tuệ hy thiểu cảnh vô lượng (*parittā appamaṇārammaṇapaññā),* tuệ vô lượng cảnh hy thiểu (*appamāṇāparittārammaṇapaññā),* tuệ vô lượng cảnh vô lượng (*appamāṇā appamaṇārammaṇapaññā).*

∗ ***Tuệ hy thiểu cảnh hy thiểu*** *là chi?* Như là sự sáng suốt, thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến phát sanh cho người tu, bực đắc định chưa đặng trau dồi thuần thục, rải cảnh đi ít oi. Thế gọi là tuệ hy thiểu cảnh hy thiểu *(parittaparittārammaṇapaññā).*

∗ ***Tuệ hy thiểu cảnh vô lượng*** *đó ra sao?* Như là sự sáng suốt, thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến phát sanh cho người tu, bực có định chưa trau dồi nhuần nhã, rải cảnh đi ước lượng không đặng. Thế gọi là tuệ hy thiểu cảnh vô lượng *(parittā appamaṇārammaṇapaññā).*

∗ ***Tuệ vô lượng cảnh hy thiểu*** *đó ra sao?* Như là sự sáng suốt, thái độ hiểu thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến phát sanh cho người tu, bực đặng định trau dồi nhuần nhã, rải cảnh đi ít oi. Thế gọi là tuệ vô lượng cảnh hy thiểu *(appamāṇaparittārammaṇapaññā).*

∗ ***Tuệ vô lượng cảnh vô lượng*** *đó ra sao?* Như là sự sáng suốt, thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến phát sanh cho người tu, bực đặng định trau dồi nhuần nhã, rải cảnh đi ước lượng không đặng. Thế gọi là tuệ vô lượng cảnh vô lượng *(appamāṇā appamaṇārammaṇapaññā).*

Như thế gọi là tứ cảnh tuệ *(ārammaṇapaññā).*

832.

∗ **Trí đạo hội** *(maggasamaṅgiñāṇa)* tức là trí trong lão tử, trí tập lão tử, trí diệt lão tử, trí tiến hành diệt lão tử.

∗ ***Trí lão tử*** *trong khi có ra sao?*

- Như là sự sáng suốt, thái độ biết rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến mở mối lão tử hiện bày. Thế gọi là trí lão tử *(jarāmaraṅñāṇa).*
- Sự sáng suốt, thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến mở mối tập lão tử hiện bày. Thế gọi là trí lão tử tập *(jarāmaraṇasamudayañāṇa)*... mở mối cho lão tử diệt hiện bày. Thế gọi là trí lão tử diệt *(jarāmaraṇa-nirodhañāṇa)*... mở mối cho tiến hành nhân đến lão tử diệt hiện bày. Đó gọi là trí nhân tiến hành đến diệt khổ *(dukkanirodhagāminīpaṭipadāñāṇa).*
- Trí đạo hội *(maggasamaṅgiñāṇa)* tức là trí trong sanh đây… trí trong hữu đây… trí trong thủ đây… trí trong ái đây… trí trong thọ đây… trí trong xúc đây… trí trong lục nhập đây… trí trong danh sắc đây… trí trong thức đây… trí trong hành đây… trí trong hành ấy tập ấy… trí trong hành ấy diệt ấy, trí trong hành ấy đạo nhân diệt ấy.

* *Trong những trí ấy mà **hành trí** đó ra sao?*

- Như là sự sáng suốt, thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến mở mối tất cả hành hiện bày. Thế gọi là trí hành *(saṅkhārañāṇa)*.
- Sự sáng suốt, thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến mở mối hành tập hiện bày, thế gọi là trí hành tập *(saṅkhārasamudayañāṇa)*... mở mối hành diệt hiện bày, thế gọi là trí hành diệt *(saṅkhāranirodhañāṇa)*... mở mối đường lối tiến hành diệt hiện bày, thế gọi là trí nhân tiến hành đến hành diệt *(saṅkhāranirodhagāminīpatipadāñāṇa)*.

Trí tông *(ñaṇavatthu)* phân mỗi thứ thành bốn vẫn có bằng cách như thế.

Xiển minh phần năm

833.

*Trong trí tông mỗi phần có năm đó mà **chánh định có năm chi** như thế nào?*

- Tuệ mà bành trướng hỷ, tuệ mà bành trướng lạc, tuệ mà bành trướng tâm, tuệ mà bành trướng ánh sáng và ấn chứng khi phản khán.
- Tuệ trong hai thiền gọi là tuệ bành trướng hỷ *(pītiphacaṇatā)*.
- Tuệ trong ba thiền gọi là tuệ bành trướng lạc (*sukkapharaṇatā)*.
- Tuệ chăm chú biết tâm của người khác gọi là tuệ bành trướng tâm *(cetopharaṇatā)*.
- Thiên nhãn gọi là tuệ bành trướng ánh sáng *(ālokapharaṇatā)*.
- Trí phản khán của bực tu xuất những thiền gọi là ấn chứng khi phản khán *(paccavekkhaṇānimitta)*.

Như thế gọi là chánh định có năm chi *(pañcaṅgiko sammāsamādhi)*.

834.

***Chánh định có năm trí** đó ra sao?* Như là trí phát sanh riêng tự phần nhận rằng định nầy cũng có lạc trong hiện tại, cũng có quả vui sau này. Trí phát sanh tự ta nhận rằng định nầy xa lìa phiền não không vật chất. Trí phát sanh tự ta nhận rằng tuệ nầy là bực có tuệ xiển (cạn cợt) điều khiển không đặng. Trí sanh ra tự ta nhận rằng định nầy vắng lặng tinh vi đặng sự yên tịnh vắng lặng, đặng chứng rồi bằng sự thành pháp độc đoán cao thăng không chứng bằng cách đè cái *(nīvaraṇa)* ngăn phiền não bằng tâm mà thành hữu dẫn *(Sasaṅkhārika)*. Trí sanh cho tự mình nhận rằng ta đây cũng có chánh niệm nhập định ấy, có chánh niệm xúc định ấy. Như thế gọi là chánh định có năm trí.

Trí tông mỗi phần năm vẫn có bằng cách như thế.

Xiển minh phần sáu

835.

***Tuệ trong lục thông** đó ra sao?* Tuệ trong lục thông là tuệ thần túc thông *(iddhividhañāṇa)*, tuệ thiên nhĩ thông *(sotadhātuvisuddhiyāñāṇa)*, tuệ tha tâm thông *(paricittañāṇa)*, tuệ túc mạng thông *(pubbenivāsānussatiñāṇa)*, tuệ sanh tử thông *(catūppātañāṇa)* và tuệ lậu tận thông *(āsavakkayañāṇa)*. Những đó gọi là tuệ trong lục thông.

Trí tông mỗi phần có sáu vẫn có bằng cách như thế.

Xiển minh phần bảy

836.

Trí tông mỗi phần có bảy *đó ra sao?*

- Trí hiểu rằng lão tử có ra do sanh làm duyên. Trí hiểu rằng khi sanh không có thời lão tử cũng không. Trí hiểu rằng dù trong thuở quá khứ, lão tử có ra cũng do sanh làm duyên. Trí hiểu rằng dù trong thuở quá khứ khi sanh không có thời lão tử cũng không. Trí hiểu rằng dù trong thời vị lai lão tử có ra cũng do sanh làm duyên. Trí hiểu rằng dù trong thời vị lai khi sanh không có thời lão tử cũng không. Trí hiểu rằng pháp trụ của người đó có tuyệt dứt dĩ nhiên, có hiện hành dĩ nhiên, có suy đổi dĩ nhiên, có sự hoại dĩ nhiên, có rã dĩ nhiên, có diệt dĩ nhiên.
- Trí hiểu rằng sanh có ra do hữu làm duyên… trí hiểu rằng hữu có ra do thủ làm duyên… trí hiểu rằng thủ có ra do ái làm duyên… trí hiểu rằng ái có ra do thọ làm duyên… trí hiểu rằng thọ có ra do xúc làm duyên… trí hiểu rằng xúc có ra do lục nhập làm duyên… trí hiểu rằng lục nhập có ra do danh sắc làm duyên… trí hiểu rằng danh sắc có ra do thức làm duyên… trí hiểu rằng thức có ra do hành làm duyên… trí hiểu rằng hành có ra do vô minh làm duyên… trí hiểu rằng khi vô minh không có thì hành cũng không. Trí hiểu rằng dù thuở quá khứ mà hành sanh ra cũng do vô minh làm duyên… trí hiểu rằng dù thuở quá khứ khi vô minh không có thì hành cũng không… trí hiểu rằng dù trong thời vị lai hành có ra cũng do vô minh làm duyên… trí hiểu rằng dù trong thời vị lai nếu vô minh không có thì hành cũng không… trí hiểu rằng trí phần trụ của người đó có sự tuyệt dứt dĩ nhiên, có sự hoại dĩ nhiên, có sự phai dĩ nhiên, có sự diệt dĩ nhiên. Những thế gọi là trí tông phân phần mỗi thứ bảy.

  Trí tông phần mỗi thứ bảy vẫn có bằng cách như thế.

Xiển minh phần tám

837.

Trí tông phân mỗi phần thành tám mà tuệ trong bốn đạo bốn quả *trong khi có ra sao?* Như là tuệ trong đạo Dự lưu, tuệ trong quả Dự lưu, tuệ trong đạo Nhất lai, tuệ trong quả Nhất lai, tuệ trong đạo Bất lai, tuệ trong quả Bất lai, tuệ trong đạo Ứng cúng, tuệ trong quả Ứng cúng. Những thế gọi là tuệ trong bốn đạo bốn quả.

Trí tông chia phần thành tám vẫn có bằng cách như thế.

Xiển minh phần chín

838.

Trong trí tông mỗi phần có chín đó mà tuệ trong tùng tiền trụ nhập có chín *ra sao?* Như là tuệ nhập sơ thiền, tuệ nhập nhị thiền, tuệ nhập tam thiền, tuệ nhập tứ thiền, tuệ nhập thiền Không vô biên xứ, tuệ nhập thiền Thức vô biên xứ, tuệ nhập thiền Vô sở hữu xứ, tuệ nhập thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ, trí phản khán của người tu tiến và bực xuất thiền diệt thọ tưởng. Những thế gọi là cửu tuệ tùng tiền trụ nhập *(anupubbavihārasamāpatti)*.

Trí tông mỗi phần thành chín vẫn có bằng cách như thế.

Xiển minh phần mười

839.

Trong trí tông phân phần thành mười mà trí biết pháp đáng thành xứ với sự thành xứ và pháp mà phi xứ với sự phi xứ theo cách chân thật của Đức Như Lai *đó ra sao?*

- Như Lai trong đời nầy Ngài vẫn biết điều mà người Nhập lưu đến bực đầy đủ tri kiến sẽ phải chấp trước những pháp hành chi theo sự vật trường tồn đó, nếu mà sẽ có đặng như thế phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài cũng hiểu rõ rằng điều mà chính phàm phu phải chấp trước những pháp hành nào theo sự trường tồn đó đúng cơ sở phải là xứ *(thāna)*.
- Như Lai trong đời nầy Ngài vẫn biết điều mà bực Nhập lưu đến bực đầy đủ tri kiến sẽ phải chấp trước những pháp hành chi bằng sự lạc đó, nếu mà sẽ có đặng thì phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài cũng hiểu rằng điều mà chính phàm phu phải chấp những pháp hành nào mà theo sự lạc đó đúng cơ sơ phải là xứ.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết điều mà bực Nhập lưu đến bực đầy đủ tri kiến sẽ phải chấp trước những pháp hành chi theo sự ngã chấp đó, nếu mà sẽ có đặng thì phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài cũng hiểu rằng điều mà chính phàm phu phải chấp những pháp hành nào theo sự ngã chấp đó đúng cơ sở phải là xứ.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết điều mà bực Nhập lưu đến bực đầy đủ tri kiến sẽ nên giết cha, nếu mà sẽ có đặng thì phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài cũng hiểu rằng điều mà chính phàm phu sẽ phải giết cha đúng cơ sở phải là xứ.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết điều mà người Nhập lưu đến bực đầy đủ tri kiến sẽ phải giết mẹ… sẽ phải giết A La-hán sẽ phải có tâm độc ác đến nỗi chích Phật thân huyết… sẽ phải phá hòa hợp Tăng… sẽ phải tín ngưỡng Phật Giáo… sẽ phải sanh trong đời thứ tám đó, nếu mà sẽ có đặng thì phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài cũng hiểu rằng điều mà chính phàm phu sẽ phải giết mẹ… sẽ phải sanh trong đời thứ tám đó đúng cơ sở phải là xứ.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà bực Ứng cúng Chánh biến tri vì sanh đồng nhau trong một vũ trụ đó phi nhân phi duyên phi xứ mới có thể đặng và Ngài cũng biết điều mà bực Ứng cúng Chánh biến tri chỉ có một vị trong đời đó thôi thành cơ sở là phải đặng thành cơ sở chỗ có đặng.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà Đức Chuyển luân Thánh vương hai vị sẽ phải sanh ra đồng nhau trong một đời phi nhân phi duyên phi cơ sở mới có thể đặng và Ngài cũng hiểu rằng điều mà Đức Chuyển luân Thánh vương sanh ra chỉ có một vị trong đời đó thôi thành cơ sở chỗ đáng đặng, thành cơ sở chỗ có đặng.
- Như Lai trong đời nầy Ngài vẫn biết rằng điều mà phụ nữ sẽ thành Ứng cúng Chánh biến tri đó nếu đặng thời phi nhân phi duyên phi cơ sở và Ngài cũng hiểu rằng điều mà chỉ có nam nhân thành Ứng cúng Chánh biến tri đó thành cơ sở phải thành có cơ sở đặng.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà phụ nữ sẽ thành Chuyển luân Thánh vương đó mà sẽ có đặng là phi nhân phi duyên phi xứ sở và Ngài vẫn biết rằng điều mà chỉ có nam tử mới thành Chuyển luân Thánh vương mới đáng chỗ thành cơ sở có đặng chỗ thành cơ sở.

- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà phụ nữ sẽ sanh lên thành đế thích, thành Ma vương, làm Đại Phạm thiên đó nếu sẽ có đặng là phi nhân phi duyên phi xứ sở và Như Lai Ngài cũng biết rằng điều mà chỉ có nam tử sanh lên thành đế thích, thành Ma vương, thành Đại Phạm thiên đó thành xứ sở đáng đặng và thành xứ sở có đặng.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng chỗ mà thân ác sẽ phát sanh quả đáng mong mỏi, đáng ưa mến, đáng vừa lòng đó dù sẽ có đặng là phi nhân phi duyên phi xứ sở và Ngài cũng biết rằng điều mà thân ác chính phải sanh quả không đáng mong mỏi, không đáng ưa mến, không đáng vừa lòng thành cơ sở có lẽ đặng, thành cơ sở có đặng.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà khẩu ác và ý ác phát sanh ra quả đáng mong mỏi, đáng ưa mến, đáng vừa lòng đó dù có đặng là phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài vẫn biết rằng điều mà thân ác, ý ác phát sanh ra quả không đáng mong mỏi, không đáng ưa thích, không đáng vừa lòng đó thôi, thành xứ có lẽ đặng, thành xứ chỗ có đặng.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà thân nghiệp thiện sẽ sanh ra quả không đáng mong mỏi, không đáng ưa mến, không đáng vừa lòng đó nếu đặng là phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài vẫn biết rằng điều mà thân ác chỉ phát sanh ra quả đáng mong mỏi, đáng ưa thích, đáng vừa lòng thành xứ mới có lẽ đặng, thành xứ chỗ có đặng.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà khẩu thiện và ý thiện phát sanh quả không đáng mong mỏi, không đáng ưa thích, không đáng vừa lòng đó nếu đặng là phi nhân phi duyên và phi xứ và Ngài cũng biết rằng điều mà khẩu thiện và ý thiện chỉ phát sanh ra quả đáng mong mỏi, đáng ưa thích, đáng vừa lòng đó có lẽ đáng thành xứ, có lẽ phải thành xứ.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà những người hòa hợp với thân ác, sau khi chết sẽ đến thiên đường lạc thú do thân ác làm nhân trợ giúp đó, nếu đặng là phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài vẫn biết rằng điều mà những người hòa hợp với thân ác sau khi chết chỉ phải vào Địa ngục, khổ thú… chính do thân ác thành nhân thành duyên thành xứ sở mới có lý, thành xứ sở mới có đặng.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà những người hòa hiệp với khẩu ác và ý ác sau khi chết sẽ đến thiên đường lạc thú mà do thân ác, khẩu ác làm nhân, làm duyên đó nếu có đặng là phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài vẫn biết rằng điều mà những người hòa hiệp với khẩu ác, ý ác sau khi chết phải vào Địa ngục, khổ thú… chính do thân ác, ý ác thành nhân, thành duyên là xứ có lý, thành xứ mới có đặng.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà những người hòa hiệp với thân nghiệp thiện rồi sau khi chết phải vào Địa ngục, khổ thú do thân nghiệp thiện làm nhân làm duyên đó, nếu đặng là phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài vẫn biết rằng điều mà những người hòa hiệp với thân nghiệp thiện sau khi chết phải đến thiên đường, lạc thú chỉ do thân nghiệp thiện làm nhân, làm duyên là phải thành sở mới có đặng.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà những người làm nghiệp với khẩu thiện và ý thiện sau khi chết sẽ vào Địa ngục, khổ thú mà do thân thiện và

khẩu thiện thành nhân thành duyên nếu có đặng là phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài cũng vẫn biết rằng điều mà những người hiệp với khẩu thiện và ý thiện sau khi chết phải đến thiên đường lạc thú chỉ do khẩu thiện và ý thiện làm nhân, làm duyên là có lý đặng thành sở mới có đặng.

- Như Lai Ngài vẫn biết rằng những pháp nào thành nhân, thành duyên cho những pháp nào sanh ra thì những pháp ấy thành xứ. Những pháp nào không thành nhân không thành duyên cho những pháp nào sanh ra thì những pháp ấy phi xứ. Tuệ hay là thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong pháp thành xứ và pháp phi xứ đó. Như thế gọi là trí biết pháp thành xứ bằng sự thành xứ và pháp phi xứ bằng sự phi xứ theo sự chân thật của Đức Như Lai.

840.

Trí mà biết dị thục quả của nghiệp tháo trì thành quá khứ, hiện tại, vị lai theo sự chân thật với xứ với nhân của Như Lai *đó ra sao?*

- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng nghiệp tháo trì thành tội mà có thứ do tài sản lý tưởng ngăn ngừa mới không cho quả cũng có; nghiệp tháo trì thành tội mà có thứ do tài sản uẩn ngăn ngừa mới không cho quả cũng có; nghiệp tháo trì bằng tội mà có thứ do tài sản có thời ngăn ngừa mới không cho quả cũng có; nghiệp tháo trì bằng tội mà có thứ do tài sản lợi ích ngăn ngừa mới không cho quả cũng có; nghiệp tháo trì bằng tội mà có thứ do điêu tàn lý tưởng mới đặng cho quả cũng có; nghiệp tháo trì bằng tội mà có thứ do uẩn điêu tàn mới cho quả cũng có; nghiệp tháo trì bằng tội mà có thứ do điêu tàn sự có thời mới cho quả cũng có; nghiệp tháo trì thành tội mà có thứ điêu tàn sự lợi ích cho quả cũng có.

- Nghiệp tháo trì bằng phước mà có thứ do điêu tàn lý tưởng ngăn chận mới không cho quả cũng có. Nghiệp tháo trì bằng phước mà có thứ do uẩn ngăn chận mới không cho quả cũng có. Nghiệp tháo trì bằng phước mà có thứ do suy đồi sự có thời ngăn chận mới không cho quả cũng có. Nghiệp tháo trì bằng phước mà có thứ do suy đồi sự lợi ích ngăn chận mới không cho quả cũng có. Nghiệp tháo trì bằng phước mà có thứ do tài sản lý tưởng mới cho quả cũng có. Nghiệp tháo trì bằng phước mà có thứ do tài sản uẩn mới cho quả cũng có. Nghiệp tháo trì bằng phước mà có thứ do tài sản có thời mới cho quả cũng có. Tuệ hay thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong những nghiệp tháo trì đó. Như thế gọi là trí biết dị thục quả của nghiệp tháo trì mà thành quá khứ, vị lai, hiện tại theo sự chân thật đối với sở, nhân của Đức Như Lai.

841.

Trí biết lối tiến hành đưa đến tất cả cõi bằng cách chắc thật của Đức Như Lai *ra sao?* Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng đường lối như thế tiến hành đi đến Địa ngục. Ngài vẫn biết rằng đường lối như thế, tiến hành như thế cho đi sanh loại Bàng sanh. Ngài vẫn biết rằng đường lối như thế, tiến hành như thế cho đi vào Ngạ quỉ. Ngài biết đường lối như thế, tiến hành như thế cho đi đến Nhân loại… Ngài vẫn biết rằng đường lối như thế, tiến hành như thế cho Níp-bàn. Tuệ hay sự biết rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong tiến hành đưa đến tất cả cõi đó. Như thế gọi là trí biết đàng đi đến tất cả cõi theo sự chân thật của Đức Như Lai.

842.

Trí biết đời là giới chẳng ít, giới khác nhau theo sự chân thật của Như Lai *ra sao?* Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết sự khác nhau của uẩn, Ngài vẫn biết sự khác nhau của xứ, Ngài vẫn biết sự khác nhau của giới. Nên gọi Ngài biết đời là giới phi

thiểu và giới khác nhau. Tuệ hay là thái độ biết rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến biết giới trong đời phi thiểu, giới khác nhau đó như thế gọi là trí biết đời mà thành phi thiểu giới, thành giới khác nhau theo sự chân thật của đấng Như Lai.

843.

Trí biết tánh nết của tất cả chúng sanh khác nhau theo sự chắc thật của Như Lai *đó ra sao?*

- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng tất cả chúng sanh phẩm cách thô cũng có; tất cả chúng sanh tánh nết tế cũng có; tất cả chúng sanh mà có phẩm cách thô *(hīnādhimattikā)* vẫn tìm kiếm hội hiệp gần gũi với những chúng sanh có phẩm cách thô. Tất cả chúng sanh có phẩm cách tế vẫn tìm kiếm hội hiệp gần gũi với những chúng sanh có tánh nết tế *(paṇītādhimuttikā).*
- Dù trong thời quá khứ tất cả chúng sanh có tánh nết thô cũng đã tìm hội hiệp gần gũi với những chúng sanh đã có tánh nết thô. Tất cả chúng sanh có tánh nết tế cũng đã tìm kiếm hội hiệp gần gũi với những chúng sanh đã có tánh nết tế.
- Dù trong thời vị lai tất cả chúng sanh có tánh nết thô cũng sẽ tìm kiếm hội họp gần gũi với những chúng sanh có tánh nết thô. Còn tất cả chúng sanh mà có tánh nết tế cũng sẽ tìm kiếm hội hiệp gần gũi với những chúng sanh có tánh nết tế.
- Tuệ hay thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến đối với tất cả chúng sanh có tánh cách khác nhau đó. Như thế gọi là trí biết tất cả chúng sanh có tánh nết khác nhau theo sự chắc thật của Như Lai.

844.

* ***Trí biết quyền già hay chưa già của những chúng sanh khác, của những người khác theo sự chắc thật của Như Lai*** *ra sao?* Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết y cứ tùy miên tánh tình và phẩm cách của tất cả chúng sanh, vẫn biết những chúng sanh có trần lao (phiền não) ít oi hay là trần lao dồi dào. Có quyền già, có quyền non, có thái độ tốt, có thái độ xấu, dễ dạy hay khó dạy, đáng đắc chứng và không đáng đắc chứng.

* *Nhưng mà* ***y cứ (āsaya) của tất cả chúng sanh*** *đó ra sao?*

- Như là sự nhận thấy rằng đời trường tồn hoặc nhận thấy đời không trường tồn, sự nhận thấy đời có chỗ tột hoặc nhận thấy đời không có chỗ tột. Sự nhận thấy thần hồn cũng là đó, thân thể cũng là đó. Hoặc nhận thấy rằng thần hồn cũng là cách khác, thân thể cũng là khác. Nhận thấy rằng chúng sanh sau khi chết còn sanh nữa, hoặc thấy rằng tất cả chúng sanh sau khi chết không còn sanh nữa. Sự nhận thấy rằng chúng sanh sau khi chết còn sanh nữa cũng có, không còn sanh nữa cũng có; hoặc nhận thấy rằng chúng sanh sau khi chết còn sanh nữa cũng chẳng phải, không còn sanh nữa cũng chẳng phải.
- Tất cả chúng sanh, người y cứ *(āsaya)* hữu kiến hoặc ly hữu kiến như đã nói đó cũng có, hoặc tất cả chúng sanh không lọt vào cả hai y cứ ấy đặng sắp theo nhẫn nại trong tất cả pháp hành mà thành duyên cùng nhau và nương nhau phát sanh ra cũng có. Như thế gọi là y cứ của tất cả chúng sanh cũng là trí biết theo sự chân thật của Như Lai.

* *Nhưng mà* ***tùy miên (anusaya) của tất cả chúng sanh*** *ra sao?*

Thất tùy miên như là nhục dục tùy miên *(kāmarāganusaya),* phẫn nhuế tùy miên *(patighānusaya),* ngã mạn tùy miên *(mānānusaya),* tà kiến tùy miên *(diṭṭhānusaya),*

hoài nghi tùy miên *(vicikicchanusaya),* hữu dục tùy miên *(bhavarāgānusaya),* vô minh tùy miên *(avijjānusaya).*

Nhục dục tùy miên của tất cả chúng sanh vẫn ngủ ngầm trong sắc ái sắc mãn ý trong đời. Phẫn nhuế tùy miên của tất cả chúng sanh vẫn ngủ ngầm trong phi sắc ái phi sắc mãn ý trong đời. Vô minh đã lọt vào trong cả hai pháp ấy bằng cách như thế đó. ngã mạn, tà kiến và hoài nghi nên nhận thấy đình trụ đồng nhau chung với vô minh đó. Như thế gọi là tùy miên của tất cả chúng sanh.

∗ *Mà **tánh tình (carita) của tất cả chúng sanh** ra sao?*

Như là phúc hành *(puññābhisaṅkhāra),* phi phúc hành *(apuññābhisaṅkhāra)* và bất động hành *(aneñjābhisaṅkhāra),* trong cõi Dục giới, hoặc cõi Sắc giới và cõi Vô sắc giới. Thế gọi là tánh tình của tất cả chúng sanh.

∗ ***Phẩm cách của tất cả chúng sanh** ra sao?*

- Như là tất cả chúng sanh phẩm cách thô cũng có, tất cả chúng sanh phẩm cách tế cũng có, mà tất cả chúng sanh có phẩm cách thô thì tìm kiếm hội hiệp gần gũi tất cả chúng sanh có phẩm cách thô. Còn tất cả chúng sanh có phẩm cách tế thì tìm kiếm hội hiệp gần gũi với tất cả chúng sanh có phẩm cách tế.
- Dù cho thuở quá khứ chúng sanh có phẩm cách thô đã đặng tìm kiếm hội hiệp gần gũi với tất cả chúng sanh có phẩm cách thô. Còn những chúng sanh có phẩm cách tế cũng đã tìm kiếm hội hiệp gần gũi với tất cả chúng sanh có phẩm cách tế.
- Dù cho thời vị lai mà chúng sanh có phẩm cách thô sẽ tìm tòi hội hiệp gần gũi với tất cả chúng sanh có phẩm cách thô. Còn tất cả chúng sanh mà có phẩm cách tế thì sẽ tìm kiếm hội hiệp gần gũi với tất cả chúng sanh mà có phẩm cách tế.

Như thế gọi là phẩm cách của tất cả chúng sanh.

∗ *Tất cả chúng sanh mà **người có trần lao (phiền não) rất nhiều** đó ra sao?*

Như là thập phiền não tông tức là tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi, hôn trầm, phóng dật, vô tàm và vô úy. Thập phiền não tông nầy mà những chúng sanh nào đã sử dụng nhiều, đã làm cho phát sanh, đã làm cho nhiều, đã càng thêm sanh thì những chúng sanh như thế đó gọi là người có trần lao (Phiền não) nhiều.

∗ *Tất cả chúng sanh **người mà có trần lao (phiền não) ít** đó ra sao?*

Như là thập phiền não tông, những mà chúng sanh nào đã ít đặng sử dụng nhiều, đã không đặng làm cho sanh, đã không đặng làm cho nhiều, đã không đặng tăng thêm lên thì những chúng sanh như thế đó gọi là người có trần lao (Phiền não) ít.

∗ *Tất cả chúng sanh mà **những người có quyền non** đó ra sao?*

Như là pháp ngũ quyền tức là tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, trí quyền, mà những trong năm quyền ấy chúng sanh nào đã không đặng sử dụng nhiều, đã không đặng huấn luyện, không đặng làm cho nhiều, đã không đặng tăng thêm lên. Những chúng sanh như thế đó gọi là người có quyền non.

∗ *Tất cả chúng sanh **những người có quyền già** đó ra sao?*

Những ngũ quyền mà tất cả chúng sanh đã luyện tập, đã làm cho nhiều, đã càng tăng thêm lên thì những chúng sanh như thế đó gọi là người có quyền *(indrīya)* già mạnh mẽ.

∗ *Tất cả chúng sanh **những người có thái độ xấu** đó ra sao?*

Những chúng sanh nào mà y cứ xấu, tùy miên xấu, tánh tình phẩm cách xấu, phiền não trần lao nhiều, quyền non. Những chúng sanh như thế đó gọi là thái độ xấu.

∗ *Tất cả chúng sanh **những người có thái độ tốt** đó ra sao?*

Những chúng sanh nào mà có y cứ tốt, tùy miên tốt, tánh tình tốt, phẩm cách tốt, phiền não trần lao ít, đặng quyền già. Những chúng sanh như thế đó gọi là người có thái độ tốt.

∗ *Tất cả chúng sanh mà **những người dạy bảo dìu dắt đặng hiểu biết** đó ra sao?*

Những chúng sanh nào có thái độ xấu, thì những chúng sanh như thế đó gọi là dẫn dắt cho hiểu biết đó đặng. Còn những chúng sanh nào mà có thái độ tốt thì chính những chúng sanh ấy gọi là dẫn dắt đặng hiểu biết.

∗ *Chúng sanh mà **những người không đáng đắc chứng** đó ra sao?*

Những chúng sanh nào hiệp với cơ quan trở ngại như là phiền não hiệp với cơ quan trở ngại như là dị thục quả không có đức tin, không có pháp dục thiểu, không đáng sẽ quyết đến pháp chánh nhất định trong tất cả pháp thiện đặng những chúng sanh như thế đó. Thế gọi là người không thể đắc chứng.

∗ *Chúng sanh mà **người đắc chứng** đó ra sao?*

Những chúng sanh nào không hiệp với cơ quan trở ngại như là nghiệp không hiệp với cơ quan trở ngại, như là phiền não không hiệp với cơ quan trở ngại, như là dị thục quả không có đức tin, không có pháp dục, có tuệ sáng suốt, đáng sẽ quyết đến chánh nhất định trong tất cả pháp thiện đặng những chúng sanh. Như thế đó gọi là người đáng đắc chứng.

Tuệ hay là cách hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong những quyền già hay non của chúng sanh đó. Thế gọi là trí biết quyền già hay non của chúng sanh khác và của người khác theo sự chân thật của Đức Như Lai.

845.

***Trí biết sự trong sạch phiền não, sự xuất ra của thiền, giải thoát định và nhập thiền theo sự chân thật của Như Lai** đó ra sao?*

- Bực tu thiền có tứ chủng gọi là thiền gia như là có người tu thiền vẫn nhận định sai với thiền mà ta đã đắc cho rằng chưa đắc cũng có. Hoặc có người tu thiền vẫn nhận thức sai với thiền mà ta chưa đặng cho rằng đã đặng cũng có. Hoặc có người tu thiền nhận định trúng với thiền mà ta (đặng) đắc rồi cho rằng đã đắc cũng có. Hoặc có người tu thiền nhận định trúng với thiền mà ta chưa đắc cho rằng ta chưa đắc cũng có. Những thế ấy gọi là tứ chủng thiền gia.
- Cũng có tứ chủng thiền gia khác nữa như là hoặc có người tu thiền mà nhập thiền chậm xuất mau cũng có. Hoặc có người tu thiền nhập thiền mau xuất chậm cũng có. Hoặc có người tu thiền nhập thiền chậm xuất cũng chậm. Hoặc có người tu thiền nhập thiền mau xuất cũng mau. Những thế gọi là tứ chủng thiền gia.
- Còn có tứ chủng thiền gia khác khác nữa như là có người tu thiền, hoặc là cũng có người tu thiền rành chăm chú định trong định nhưng không rành chăm chú nhập thiền trong định. Cũng có người tu thiền rành chăm chú nhập thiền trong định nhưng không rành chăm chú định trong nhập thiền cũng có. Hoặc có người tu thiền rành chăm chú định trong định và rành chăm chú nhập thiền trong định cũng có. Hoặc có người tu thiền không rành chăm chú định trong định và không rành chăm chú nhập thiền trong định cũng có. Những thế gọi là tứ chủng thiền gia.

- Nói thiền đây tức là bốn bực thiền như là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền.
- Nói giải thoát đây tức là bát giải thoát như là bực tu đắc thiền hữu sắc tiến hành theo sắc phần trong, vẫn thấy tất cả sắc như thế, đây sắp là giải thoát thứ nhất.
- Người tu thiền bực đắc thiền hữu sắc tiến hành theo sắc bên ngoài vẫn thấy tất cả sắc theo bên ngoài. Đây sắp là giải thoát thứ hai.
- Bực tu tiến chú ý rằng tốt thật, đây sắp thành giải thoát thứ ba.
- Do vượt khỏi sắc tưởng bằng mọi cách do sự diệt mất của phần tưởng do không tác ý bằng lối dị tưởng bực tu mới đắc chứng thiền Không vô biên xứ bằng cách tiến hành rằng hư không không bờ mé; như vậy luôn thế đó. Đây sắp thành giải thoát thứ tư.
- Do lướt khỏi Không vô biên xứ bằng mọi cách, người tu mới đắc chứng thiền Thức vô biên xứ do niệm rằng thức không có chỗ tột như vậy luôn. Thế sắp thành giải thoát thứ năm.
- Do vượt khỏi Thức vô biên xứ bằng mọi cách, người tu mới chứng thiền Vô sở hữu xứ bằng cách niệm rằng thức không có chút như vậy luôn. Như thế sắp thành giải thoát thứ sáu.
- Do lướt qua Vô sở hữu xứ bằng mọi cách, người tu mới đắc chứng thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Thế đó sắp là giải thoát thứ bảy.
- Do lướt khỏi Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng mọi cách, hành giả vẫn đắc diệt thọ tưởng. Như thế sắp là giải thoát thứ tám.
- Đây nói định tức là tam định như là định hữu tầm hữu tứ, định vô tầm hữu tứ, định vô tầm vô tứ.
- Đây nói nhập thiền tức là cửu tầng thiền trụ nhập, như là nhập sơ thiền, nhập nhị thiền, nhập tam thiền, nhập tứ thiền, nhập thiền Không vô biên xứ, nhập thiền Thức vô biên xứ, nhập thiền Vô sở hữu xứ, nhập thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ và nhập thiền diệt thọ tưởng.
- Nói phiền não tức là pháp phía suy đồi.
- Nói thanh tịnh tức là pháp phía đặc biệt.
- Nói xuất tức là dù sự trong sạch cũng gọi là xuất, dù sự ra khỏi thiền nào đó cũng gọi là xuất.

Tuệ hay thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến, nào là phiền não thanh tịnh xuất thiền giải thoát định và nhập thiền đó. Như thế gọi là khó biết phiền não thanh tịnh xuất thiền giải thoát định và nhập thiền theo sự chân thật của Như Lai.

846.

Trí biết đặng tiền kiếp theo sự chân thật của Như Lai *đó ra sao?*

- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn nhớ đặng rất nhiều tiền kiếp như là một kiếp hoặc hai kiếp hoặc ba kiếp hoặc bốn kiếp hoặc năm kiếp, hoặc… mười kiếp, hoặc… 20 kiếp, hoặc 30 kiếp, hoặc 40 kiếp, hoặc 50 kiếp, hoặc 100 kiếp, hoặc ức kiếp, hoặc nhiều kiếp hoại, hoặc nhiều kiếp trụ, hoặc nhiều kiếp thành. Biết rằng ta đây trong kiếp đó có tên cách ấy, có họ cách ấy, có sắc đẹp cách ấy, có vật thực cách ấy, có hưởng khổ và lạc cách ấy, có quyết định tuổi cách ấy, ta chết bỏ đời đó rồi đi sanh trong đời kia; ta ở trong đời ấy có tên thế, có họ như thế, có màu da như thế, có vật

thực như thế đặng hưởng lạc và khổ như thế, nhất định sống như thế, ta chết khỏi chỗ đó rồi lại sanh trong đời ấy. Như Lai nhớ tiền kiếp đặng rất nhiều đời gồm cả thái độ và xứ sở bằng cách như thế.

- Tuệ hay là sự hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong phần nhớ tiền kiếp đặng đó. Như thế gọi là trí biết nhớ đặng tiền kiếp theo sự chân thật của Như Lai.

847.

Trí Như Lai biết sự sanh tử của tất cả chúng sanh *ra sao?*

- Như Lai trong đời nầy có thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt thịt của người thường, vẫn thấy tất cả chúng sanh chết và sanh sang, hèn, tốt, xấu, khổ, lạc; biết những chúng sanh sống theo nghiệp là tất cả chúng sanh có người tiến hóa những thế đó phối hiệp với thân ác, phối hiệp với khẩu ác, phối hiệp với ý ác, chê bai chư Thánh nhân, thành tà kiến, chấp lấy nghiệp tà kiến đến sau khi chết rồi phải vào cõi khổ, khổ thú sa đọa Địa ngục. Hoặc chúng sanh tiến hóa những thế nầy do thân phối hợp thiện, khẩu phối hợp thiện, ý phối hợp thiện không chê bai Thánh nhân nên trở thành (người có) chánh kiến, thì những chúng sanh ấy sau khi chết rồi đặng sanh lên thiên đường lạc thú. Như Lai có thiên nhãn trong sạch hơn con mắt của người phàm mới thấy những chúng sanh đang sanh tử sang hèn, tốt xấu, khổ vui, biết những chúng sanh là người theo nghiệp bằng cách như thế.
- Tuệ hay cách biết rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong những sự biết sanh tử của tất cả chúng sanh đó như thế. Đây gọi là trí biết sự sanh tử của tất cả chúng sanh của Như Lai.

848.

Trí biết lậu tận theo sự chân thật của Như Lai *thế nào?*

- Như Lai trong đời nầy, Ngài tự biết cùng tột, tự làm cho rõ rệt dẫn đến tâm giải thoát, tuệ giải thoát, lậu không còn bởi do tất cả lậu dứt tuyệt trụ trong kiến pháp *(diṭṭhidhamma).*
- Tuệ hay sự rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong sự dứt tuyệt của tất cả lậu đó. Như thế gọi là trí biết sự lậu tận bằng sự chân thật của Như Lai như thế vậy.

Hoàn bị trí phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

Hồi hướng phước đến tăng trưởng thiên vương và tất cả chúng sanh, nhất là các vị chư Thiên có oai lựchộ trì tạng Diệu Pháp đặng thạnh hành.

Mùa an cư kiết hạ 2519, Sai Gòn – Việt nam, 12-08-1975 (13-07-2519)
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN XVII - TIỂU TÔNG PHÂN TÍCH
(Khuddadavatthuvibhaṅga)

A. TIỂU TÔNG PHÂN TÍCH PHẦN ĐẦU ĐỀ

Đầu đề phần một điều *(ekakamātikā)*

849.

Sự mê đắm trong kiếp sống, sự mê đắm trong dòng giống, sự mê đắm trong cách vô định, sự say mê trong lúc thanh niên, sự say mê trong tuổi thọ, sự say mê trong lợi lộc, sự say mê trong lễ lộc, sự say mê trong đặng cung kỉnh, sự say mê theo cách trưởng thượng, sự mê say theo tùy tùng, sự mê say trong tài sản nhân phẩm, sự mê say trong nhan sắc của thân thể và ân đức tốt, sự mê say trong phần học vấn, sự mê say trong phần cấp trí, sự mê say trong bực cao niên thông hiểu, sự mê say trong cách chấp hằng đi bát, sự mê say trong lối không ai coi rẻ, sự mê say trong cách oai nghi, sự mê say trong thần thông, sự mê say trong quyền tước, sự mê say trong giới, sự mê say trong thiền, sự mê say trong nghề hay, sự mê say do có tài nghệ cao, sự mê say do có tài nghệ tinh nhàn, sự mê say do có tài nghệ tốt đẹp, sự mê say do có thân thế đầy đủ, sự say mê hay sự dể duôi, sự cứng đầu, sự tranh tốt, sự hy vọng quá chừng, sự quá ham muốn, sự mong mỏi đê hèn, tánh lưỡng thiệt, cách nói phúng tiếu, cách nói trở nạo, cách ưa chưng diện, cách hành động không thích hợp, cách không hoan hỷ, sự thái quá bất cập của tâm, cách gạt gẩm, cách nói hùa, cách trình bày ấn chứng, cách nói chê bai, cách đổi chác lợi lộc, sự ỷ mình cho là hơn họ, sự ỷ mình cho là bằng họ, sự ỷ mình cho là thua họ, người hơn họ ỷ mình hơn họ, người hơn họ ỷ mình bằng họ, người hơn họ ỷ mình thua họ, người bằng họ ỷ mình hơn họ, người bằng họ ỷ mình bằng họ, người bằng họ ỷ mình thua họ, người thua họ ỷ mình hơn họ, người thua họ ỷ mình bằng họ, người thua họ ỷ mình thua họ. Sự chấp ngã, sự coi rẻ người khác, sự phách lối, sự tự coi rẻ mình, sự nhận rằng đặng chứng pháp đặc biệt, sự nhận rằng ta có cái ngã, sự chấp sai, sự nhớ bà con, sự nhớ dân chúng, sự nhớ tưởng không quyết định, sự nhớ tưởng không liên hệ với sự chiếu cố người khác, sự nhớ liên hệ với lợi lộc và danh vọng, sự nhớ liên hệ với sự không có ai coi rẻ.

Đầu đề phần hai điều

850.

Cũng là sân, cũng là cột sân, cũng là vong ân, cũng là sánh mình bằng họ, cũng có đố kỵ, cũng là lẫn sắt, cũng là người đa nguỵ kế, cũng là người khoe khoang, cũng là vô minh, cũng là hữu ái, cũng là hữu kiến, cũng là ly hữu kiến, cũng là thường kiến, cũng là đoạn kiến, cũng là chấp hữu, cũng là hữu cùng kiến, cũng là vô cùng kiến, cũng là tùy tiền kiến, cũng là tùng hậu kiến, cũng là vô tàm, cũng là vô úy, cũng là thành người nan giáo, cũng là thành người có bạn ác, cũng là bất chơn chánh, cũng là không nhu mì, cũng là không nhẫn nại, cũng là không nghiêm tịnh, cũng là không cam ngôn, cũng là thiếu tiếp đãi, cũng thành người không thu thúc lục môn quyền, cũng thành

người bất tri độ thực, cũng thành người vô chánh niệm, cũng thành người vô lương tri, cũng là tri kiến điêu tàn, cũng là nội triền, cũng là ngoại triền.

Đầu đề phần ba điều

851.

Tam bất thiện căn, tam bất thiện tầm, tam bất thiện tưởng, tam bất thiện giới, tam ác, tam lậu, tam triền, tam ái, tam ái (nữa), tam ái (khác nữa), tam trảo, tam tỷ, tam nạn, tam thờ nghi, tam lý thuyết, tam quái niệm, tam tràng, tam xả khí, tam ký khu, tam hỏa, ba thứ nước chát, thân kiến, ngã kiến, tà kiến, bất hỷ, ép uổng, hành phi pháp, người nan giáo, người có bạn ác, tưởng dị kỳ, phóng dật, giải đãi, khinh thị, bất tri túc, vô lương tri, đại tham, vô tàm, vô úy, khinh thị, vô quảng đại, thành người nan giáo, thành người có ác hữu bất tín, thành người không biết nghe lời nói do mảnh lực bỏn xẻn, giải đãi, phóng dật, bất thu thúc, phá giới, không muốn thấy bực Thánh, không chịu nghe pháp, thành người có tâm tánh tranh hơn, thành người vô chánh niệm, thành người vô lương tri, tâm hữu phóng dật, tác ý không khéo, sử dụng xấu xa, tâm lui sụt.

Đầu đề phần bốn điều

852.

Tứ lậu, tứ phược, tứ bộc, tứ phối, tứ thủ, tứ ái thủ, tứ thiên vị, tứ biến chuyển, tứ bất tri độ thực (nữa), tứ bất tri độ thực, tứ ác, tứ ác (nữa), tứ nạn, tứ nạn (nữa), tứ nạn (nữa), tứ kiến.

Đầu đề phần năm điều

853.

Ngũ triền thô, ngũ triền tế, ngũ tẩn sắt, ngũ tiên quan, ngũ tiển, ngũ bất tín, ngũ bất ly vọng dục, ngũ cái, ngũ nghiệp vô gián, ngũ cừu, ngũ điêu tàn, ngũ quá bất nhẫn, ngũ nạn, ngũ Níp-bàn hiện tại kiến.

Đầu đề phần sáu điều

854.

Lục căn tranh chấp, lục pháp lục dục, lục diệt tông, lục ái thân, lục bất kỉnh, lục pháp thối hóa, lục pháp thối hóa (nữa), lục hỷ cận tứ, lục ưu cận tứ, lục xả cận tứ, lục liên quan hỷ, lục liên quan ưu, lục liên quan xả, lục tà kiến.

Đầu đề phần bảy điều

855.

Thất tùy miên, thất phối, thất triền, thất phi pháp, thất ác, thất ngã mạn, thất tà kiến.

Đầu đề phần tám điều

856.

Bát phiền não tông, bát giải đãi tông, bát thế pháp, bát sát tâm, bát phi ngữ ngôn, bát tà, bát phủ quả, bát vô tưởng kiến, bát phi tưởng phi phi tưởng kiến.

Đầu đề phần chín điều

857.

Cửu sát hại tông *(ākhātavatthu),* cửu ô uế *(purisamāla),* cửu tăng thượng mạn *(vidhāmāla),* cửu ái căn pháp *(taṅhāmūlakā dhammā),* cửu biến chuyển *(iñjita),* cửu quan trọng *(naññita),* cửu chuyển động *(phanditā),* cửu ám ảnh *(papañcita),* cửu hữu vi *(saṅkhata).*

Đầu đề phần mười điều

858.

Thập phiền não tông, thập hiệp cừu (sát hại), thập ác, thập triền, thập tà, thập tà kiến tông, thập hữu cùng kiến tông.

859.

* Ái chia theo 18 xứ bên trong, ái chia theo 18 xứ bên ngoài cộng lại thành 36 ái.
* Ái kể theo quá khứ có 36, ái kể theo vị lai có 36, ái kể theo hiện tại có 36, cộng lại thành 108 ái.

62 tà kiến Đức Phật ngài đã thuyết trong Phạm Võng Kinh *(Brahmajālasutta).*

Dứt Phần đầu đề

B. TIỂU TÔNG PHÂN TÍCH PHẦN XIỂN MINH

Xiển minh phần một điều

860.

Trong những đầu đề một phần đó mà ***sự say mê trong sanh*** *đó ra sao?* Như là sự say mê, cách say mê, thái độ say mê, sự ngã mạn, cách ngã mạn, thái độ ngã mạn, sự nâng mình, đỡ mình, cất mình lên như cờ, sự cống cao, cách mà tâm phải thành như cờ do sanh ra. Như thế gọi là say mê trong sanh.

861.

* ***Sự say mê trong thân tộc*** *đó ra sao?* Sự say mê… sự mà tâm như cờ bởi do bà con. Như thế gọi là say mê trong bà con.
* ***Sự say mê trong sự không bệnh hoạn*** *đó ra sao?* Sự say mê… sự mà tâm phải thành như cờ bởi do sự không bệnh hoạn. Như thế gọi là sự say mê trong sự không bệnh hoạn.
* ***Sự say mê trong cách thanh niên*** *đó ra sao?* Sự say mê… sự mà tâm phải thành như cờ bởi do sự thưở thanh niên. Như thế gọi là sự say mê trong thưở thanh niên.
* ***Sự say mê trong tuổi thọ*** *đó ra sao?* Sự say mê… sự mà tâm phải thành như cờ do hưởng thọ. Thế đó gọi là sự say mê trong hưởng thọ.
* ***Sự say mê trong lợi lộc*** *đó ra sao?* Sự say mê… sự mà tâm phải như cờ, bởi do lợi lộc đó. Như thế gọi là sự say mê trong lợi lộc.
* ***Sự say mê trong lễ lộc*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải như cờ bởi do lễ lộc. Thế gọi là sự say mê trong lễ lộc.
* ***Sự say mê trong lối cung kỉnh*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải thành như cờ bởi do lối cung kỉnh. Như thế gọi là sự say mê trong cách cung kỉnh.
* ***Sự say mê trong cách trưởng thượng*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải thành như cờ bởi do sự trưởng thượng. Như thế gọi là sự say mê trong lối trưởng thượng.

- ***Sự say mê trong tùy tùng*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải thành như cờ bởi do tùy tùng. Như thế gọi là sự say mê trong tùy tùng.
- ***Sự say mê trong tài sản phẩm vật*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải thành như cờ bởi do tài sản phẩm vật. Như thế gọi là sự say mê trong tài sản phẩm vật.
- ***Sự say mê trong nhan sắc của thân thể và công đức tốt*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải thành như cờ bởi do nhan sắc của thân thể và ân đức tốt. Như thế gọi là sự say mê trong nhan sắc của thân thể và ân đức tốt.
- ***Sự say mê trong phần học vấn*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải như cờ bởi do phần học vấn. Như thế gọi là sự say mê trong phần học vấn.
- ***Sự say mê trong cấp trí*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà làm cho tâm cần phải như cờ bởi do cấp trí. Như thế gọi là sự say mê trong cấp trí.
- ***Sự say mê trong địa vị cao niên thông hiểu*** *đó ra sao?* Sự say mê trong cách mà tâm cần phải như cờ bởi do sự thành bực cao niên thông hiểu. Như thế gọi là sự say mê trong địa vị cao niên thông hiểu.
- ***Sự say mê theo lối đi bát*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm cần phải như cờ bởi do người chấp thường đi bát. Như thế gọi là sự say mê trong phần chấp theo thường đi bát *(piṇḍapāta)*.
- ***Sự say mê trong lúc không ai coi rẻ*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm cần phải thành như cờ bởi do sự không ai coi rẻ. Như thế gọi là sự say mê trong khi không ai coi rẻ.
- ***Sự say mê trong oai nghi*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm cần phải thành như cờ bởi do oai nghi thấy hành động. Như thế gọi là sự say mê trong cách oai nghi.
- ***Sự say mê trong thần thông*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm cần phải thành như cờ bởi do thần thông. Như thế gọi là sự say mê trong thần thông.
- ***Sự say mê trong chức phận*** *đó ra sao?*

  Sự say mê… cách mà tâm cần phải thành như cờ bởi do chức phận. Như thế gọi là sự say mê trong chức phận.
- ***Sự say mê trong giới*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm cần phải thành như cờ bởi do giới. Như thế gọi là say mê trong giới.
- ***Sự say mê trong thiền*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm cần phải thành như cờ bởi do thiền. Như thế gọi là sự say mê trong thiền.
- ***Sự say mê trong nghề hay*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải thành như cờ bởi do nghề hay. Như thế gọi là sự say mê trong nghề hay.
- ***Sự say mê trong tài nghề cao*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải thành như cờ bởi do sự tài nghề cao. Như thế gọi là sự say mê trong tài nghề cao.
- ***Sự say mê trong tài nghề tinh nhàn*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải thành như cờ bởi do tài nghề tinh nhàn. Như thế gọi là sự say mê trong tài nghề tinh nhàn.
- ***Sự say mê trong tài nghề đẹp*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải thành như cờ bởi do sự có tài nghề đẹp. Như thế gọi là sự say mê trong tài nghề đẹp.
- ***Sự say mê trong thân thể đầy đủ*** *đó ra sao?* Sự say mê… thái độ say mê, tư cách say mê, sự ngã chấp, thái độ ngã chấp, tư cách ngã chấp, cách nâng mình, cách cống cao, cất mình lên như cờ, cách lên hương, sự mà tâm phải thành như cờ bởi do thân thể đầy đủ. Như thế gọi là sự say mê trong thân thể đầy đủ.

862.

***Sự say mê** là chi?* Sự say mê mẩn, thái độ say sưa, tư cách say sưa, sự ngã chấp, thái độ ngã chấp, tư cách ngã chấp, cách nâng mình, cách cống cao, cách cất mình lên như cờ, cách lên hương, sự mà tâm phải thành như cờ. Thế gọi là say mê *(nado).*

863.

***Sự dể duôi** đó ra sao?* Như là tâm buông lung, sự tán trợ cho cách tâm buông lung trong phần thân ác, khẩu ác, ý ác, hoặc hữu dục lạc, hoặc sự không cung kỉnh, sự làm cho không liên lạc, sự làm cho không chặt chẽ, phẩm hạnh lục hạc, bỏ sự vừa thích, bỏ phận sự, không sử dụng cho nhiều, không làm cho tiến hóa, không làm cho đặng nhiều, sự tâm không vững, không thường hòa hợp, dể duôi với sự tiến hóa tất cả pháp thiện, đó là sự dể duôi, thái độ dể duôi, tư cách dể duôi. Nếu có trạng thái như thế gọi là sự dể duôi *(pamādo).*

864.

***Sự cứng đầu** đó ra sao?* Như là sự cứng đầu, thái độ cứng đầu, cách cứng đầu, cách sần sượng, sự thô bỉ, sự thiêu chốc, sự không mềm mỏng. Như thế gọi là sự cứng đầu *(thambho).*

865.

***Sự tranh hơn** đó ra sao?* Như là dành sự tốt, dành sự trên trước, thái độ tranh tốt, thái độ tranh trên trước, tư cách tranh trên trước. Như thế gọi là tranh tốt *(sārambho).*

866.

***Sự ham muốn thái quá** đó ra sao?* Như là Phíc-khú không tri túc ham muốn cho đặng nhiều y, nhiều bát, nhiều chỗ ở, nhiều lợi lộc, nhiều tùy tùng. Hoặc đối với ngũ dục lạc rất mong mỏi ham muốn nhiều, đa dục vọng… sự rất dục vọng của tâm. Nếu có trạng thái như thế gọi là sự ham muốn thái quá *(aticchatā).*

867.

***Sự đa ham muốn** đó ra sao?* Như là Phíc-khú không tri túc ham muốn đặng nhiều y, nhiều bát, nhiều chỗ ở, nhiều lễ lộc và nhiều tùy tùng. Hoặc đối với ngũ dục lạc có sự mong mỏi, cách hy vọng, đa tham, sự vọng dục, sự rất vọng dục… sự vọng dục nặng nề của tâm. Nếu có trạng thái như thế gọi là đa tham *(mahicchatā).*

868.

***Sự mong mỏi đê hèn** đó ra sao?* Như là trong đời nầy có người thành kẻ bất tín mới hy vọng muốn cho người ta biết mình là người có đức tin. Có người phá giới mà muốn cho người ta nhận mình là người có giới. Cũng có người học vấn ít mà hy vọng muốn cho người ta biết mình là bực đa học vấn. Cũng có người vui vầy ưa thích với trong nhóm mà muốn cho người ta biết mình là người thích vắng lặng. Hoặc có người lười biếng mà hy vọng cho kẻ khác biết mình là người siêng năng tinh tấn. Hoặc có người chánh niệm yếu hay quên mà hy vọng muốn cho người khác biết ta là người có chánh niệm vững vàng. Hoặc có kẻ tâm không vững vàng mà hy vọng muốn làm cho người khác biết ta là bực có tâm vững vàng. Cũng có người trí cạn cợt mà hy vọng muốn cho kẻ khác biết ta là người có tuệ cao siêu. Hoặc có người chưa hết lậu mà hy vọng muốn cho người khác biết rằng ta là bực đã hết lậu. Sự hy vọng, cách mong mỏi, lối hy vọng đê hèn, sự vọng dục, sự rất vọng dục… sự quá mong mỏi của tâm. Khi có trạng thái như thế mới gọi là sự mong mỏi đê hèn *(pāpicchatā).*

869.

***Cách nói lưỡng thiệt** đó ra sao?* Như là sự nói đòn xóc, tư cách nói thóc mách, nói khía cạnh mánh lới, thái độ nói mánh lới khía cạnh, thái độ nói góc, tư cách nói góc khía. Dù thế nào đây gọi là nói lưỡng thiệt *(siṅga).*

870.

Cách nói dèm siểm *đó ra sao?* Như là cách nói dèm siểm, thái độ nói dèm siểm, tư cách nói dèm siểm, sự tham lam, thái độ tham lam, tư cách tham lam, sự hạ mình hầu sẽ đặng đồ cần dùng tinh vi. Như thế gọi là cách nói dèm siểm *(tintiṇa)*.

871.

Cách ưa thích chưng diện *đó ra sao?* Như là Phíc-khú sửa sang y cho tốt, bát tốt, chỗ ở tốt đẹp, trau dồi cách thân hôi thúi nầy, hoặc trang trí đồ phụ thuộc bên ngoài, hoặc làm cách hớn hở vui tươi, sự ham muốn vui mừng, thái độ ham muốn vui mừng, sự chưng diện, thái độ chưng diện. Như thế gọi là cách ưa chưng diện *(cāpalya)*.

872.

Cách hành động không thích hợp *ra sao?* Như là sự không hành động theo, cách hành động trở ngại, sự không rộng rãi, tư cách không rộng rãi, sự không cung kỉnh, sự không nghe theo những người đáng cung kỉnh như là cha, mẹ, anh, chị, giáo sư, bổn sư, cho đến Đức Phật hoặc Thinh văn đệ tử của Đức Phật. Như thế gọi là cách hành động không thích hợp *(asabhāgavutti)*.

873.

Sự không hoan hỷ *đó ra sao?* Như là sự không hỷ xả, cách không hỷ xả, thái độ rất không hỷ xả, sự không trọn hỷ xả, sự bực bội, tâm bối rối, chỗ ở không yên tịnh, hoặc trong pháp thiện tức là chỉ và quán trong một thứ nào. Như thế gọi là sự không hoan hỷ *(arati)*.

874.

Cách chuân thụy (ngủ gục) *đó ra sao?* Như là sự buồn ngủ, cách buồn ngủ, thái độ buồn ngủ, tư cách tâm buồn ngủ, sự lười biếng, cách lười biếng, thái độ lười biếng. Như thế gọi là chuân thụy (ngủ gục)*(tandi)*.

875.

Sự bực mình *đó ra sao?* Như là cách bực bội thân, sự bực bội thân, sự chuyển mình đi tới, sự chuyển mình đi lui, sự sửa mình cho ngay thẳng, thân không thong thả. Như thế gọi là bực mình *(vijambhikā)*.

876.

Sự say vật thực *đó ra sao?* Như là sự bần thần, do vật thực, sự óc ách do vật thực, sự nóng nảy quơ hớp do vật thực, nặng nề thân thể cũng do vật thực. Người độ vật thực rồi như thế gọi là say vật thực *(bhattasammado)*.

877.

Sự sụt sè của tâm *đó ra sao?* Như là sự không thích hợp của tâm, cách không thích việc làm của tâm, sự sụt sè, sự dùng dằng, cách lui sụt, thái độ lui sụt, tư cách lui sụt, cách bần thần, thái độ bần thần, tư cách bần thần của tâm. Như thế gọi là sự sụt sè của tâm *(cetaso līnattaṃ)*.

878.

Cách xảo trá của tâm *đó ra sao?* Như là xảo trá với tứ vật dụng, xảo trá với lời nói trớ trêu, hoặc cách trì oai nghi, thái độ trì oai nghi, sự trì oai nghi lối tốt, hoặc sự gục mặt, tư cách gục mặt, cách xảo quyệt, thái độ xảo quyệt, trạng thái xảo quyệt của Phíc-khú mong đặng lợi lộc và danh tiếng, người mà có sự mong mỏi đê hèn bị sự ham muốn che lấp. Như thế gọi là sự xảo trá *(kuhanā)*.

879.

Sự nói nịnh *đó ra sao?* Như là cách bợ người khác, cách tự trình, sự nói ngụy tạo, cách nói bưng bợ, cách nói bợ đở, cách nói chìu uốn, cách nói khen tặng, sự nói khen tặng, cách nói khen ngợi, luôn cách nói đắc nhân tâm, cách nói bợ đở đặng cho họ thương, cách nói hẳn như canh đậu, cách làm người lãnh nuôi con nít của Phíc-khú

mong mỏi lợi lộc, danh vọng, người có sự hy vọng bẩn thỉu bị sự ham muốn bao trùm. Như thế gọi là cách nói nịnh *(lapanā)*.

880.

Cách khoe ấn chứng *đó ra sao?* Như là cách làm ấn chứng hiện bày hay sự rành trong cách làm ra ấn chứng, cách nói liên quan với vật dụng, cách nói thành chỗ ở, cách nói gần gần, cách nói khía cạnh của Phíc-khú đối với người khác để hy vọng lễ lộc và danh vọng, người có hy vọng bẩn thỉu, bị sự ham muốn che lấp. Đó gọi là cách khoe ấn chứng *(nemittikatā)*.

881.

Cách nói chê bai *đó ra sao?* Như là mắng, nhiếc, chê bai, chỉ trích lỗi, cách nhắc lỗi, cách nói chê bai, cách nói thô lỗ, cách nói hư hại danh dự nặng nề, đem sự dạo đi chê bai, cách khen trước mặt chê sau lưng của Phíc-khú với người khác mong đặng lợi lộc danh vọng mới có sự mong mỏi đê hèn, bị sự ham muốn che đậy. Như thế gọi là cách nói chê bai *(nippesikatā)*.

882.

Cách đổi chác lợi lộc *đó ra sao?* Như là Phíc-khú mong mỏi lợi lộc và danh vọng là người có sự hy vọng bẩn thỉu bị sự ham muốn che đậy nên đem đồ từ chỗ nầy đến chỗ kia, đem đồ từ chỗ kia đến chỗ nầy, cách mong mỏi, cách tìm tòi cách tìm kiếm, thái độ tìm kiếm, thái độ tìm tòi bằng vật chất đối với vật chất. Nếu có trạng thái như thế gọi là cách đổi chác lợi lộc *(jīgimsaṅatā)*.

883.

Sự so sánh ỷ mình hơn họ *đó ra sao?* Cũng có người trong đời nầy vẫn chấp mình do một nhân nào như là do sanh ra theo cách sanh, theo cách dòng giống; hay ỷ đặng làm con người có sân sát, có danh vọng gia tộc, với sự có sắc đẹp, ỷ với của cải, ỷ với cách làm lớn, ỷ có nghề nghiệp, ỷ có nghề giỏi, ỷ có tài cán, ỷ có học vấn hay ỷ với sự cấp trí, sự ngã mạn, cách ngã mạn, thái độ ngã mạn, cách nưng cao, cách mà tâm phải thành như cờ. Nếu có thái độ như thế gọi là sự so sánh ỷ mình *(seyyohamasmīti māno)*.

884.

Sự so sánh ỷ mình bằng họ *đó ra sao?* Như là cũng có người trong đời nầy vẫn chấp mình bằng một nhân nào như là do ỷ sanh, ỷ dòng giống, ỷ làm con nhà danh gia vọng tộc, ỷ bằng sự thành người có sắc đẹp, ỷ với của cải, ỷ với lớn chức, ỷ với chủ, sự ỷ với nghề giỏi, ỷ với tài hay, ỷ với sự học vấn, ỷ với cấp trí, sự tự thị tự cách, tư cách thái độ tự thị, cách nâng mình, cách tự cao cất mình lên như cờ, sự nâng mình lên cao, cách mà tâm phải như cờ. Nếu có trạng thái như thế gọi là sự so sánh ỷ mình cho là bằng họ *(sadisohamasmīti māno)*.

885.

Sự cho rằng ta thua họ *ra sao?* Trong đời nầy cũng có người tự coi rẻ mình do một nhân nào như là coi rẻ do sự sanh ra do dòng giống, do sự làm con của người có rân rát do có sắc đẹp, do tài sản, do chức lớn, do chủ sự, do nghề giỏi, do tài hay, do sự học vấn hoặc do cấp trí. Đó là sự do đó mà coi ta rẻ, tư cách coi ta rẻ, thái độ coi rẻ ta, sự ghét mình, sự rất ghét mình, tư cách rất ghét mình, ta coi rẻ ta, sự coi rẻ ta cho rằng hèn hạ xấu xa, cách coi mình kém thiếu. Nếu có trạng thái như thế gọi là sự cho rằng ta thua họ *(hīnohamasmīti māno)*.

886.

Hơn ỷ hơn *đó ra sao?* Như là cũng có người trong đời nầy đặng bực hơn kẻ khác mà chấp rằng ta hơn kẻ khác bằng trong một nhân nào như là do nhân sanh, do dòng giống, do đặng làm con bực danh gia vọng tộc, do có sắc đẹp, do có của cải, do chức

lớn, do làm lớn trong công việc, do nghề khéo, do tài hay, do học vấn, hoặc do cấp trí mới chấp rằng ta hơn những người khác. Như thế gọi là tự cao, cách tự cao, sự tự cao, thái độ tự cao, cách nưng mình, cách trọng mình, cách tự nâng cao mình như cờ mà có tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế gọi là hơn ỷ hơn *(seyyohamasmīti māno).*

887.

Hơn ỷ bằng *đó ra sao?* Như là cũng có người trong đời nầy thật là bực hơn họ mà cho là ta do một nhân nào như là do sanh, do dòng giống, do làm con nhà danh giá, do đặng sắc đẹp, do có của cải, do chức trưởng thượng, do làm lớn trong ngành, do tài năng, do sự học vấn, hoặc do cấp trí họ nương cách ỷ mình bằng với người khác. Những thế đó đã là tự chấp, sự tự chấp, thái độ tự chấp, tư cách tự chấp, cách nưng mình, cách đưa mình lên, cách cất mình lên như cờ, sự tự nưng cao, cách mà tâm phải như cờ. Nếu có trạng thái như thế gọi là hơn ỷ bằng *(seyyassa sadisohamasmīti māno).*

888.

Hơn ỷ thua *đó ra sao?* Như là có người trong đời nầy thành người đặc biệt hơn họ mà chấp rằng mình bằng với những kẻ khác do với trong một nhân nào như là do với sanh ra, ỷ với dòng giống, ỷ làm con nhà danh giá, ỷ là người có sắc đẹp, ỷ với của cải, ỷ sự trượng thượng, ỷ làm lớn trong công việc, ỷ nghề hay, ỷ với tài năng, ỷ với học vấn hoặc ỷ với cấp trí, họ nương sự chấp mình cho rằng thua các người khác, đã coi rẻ mình; như thế là sự tự khinh, cách tự khinh, sự ghét chê mình, thái độ rất ghét chê mình, tư cách rất ghét chê mình, sự tự coi rẻ, tự nhận mình thấp thỏi, sự coi mình hèn hạ. Nếu có trạng thái như thế gọi là hơn ỷ thua *(seyyassa hīnohamasmītimāno).*

889.

Bằng ỷ hơn *đó ra sao?* Như là có người trong đời nầy là kẻ bằng với họ mà chấp cho rằng mình hơn những kẻ khác do trong một nhân nào như là do lối sanh ra hay ỷ với dòng giống, ỷ làm con nhà danh giá… họ nương cách ngã mạn ỷ hơn các người khác. Như thế đó là sự ngã mạn, thái độ ngã mạn, tư cách ngã mạn, cách nưng mình, cách đưa mình lên, cách cất mình lên như cờ, sự đưa mình lên cao, sự mà có tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế gọi là bằng ỷ hơn *(sadisassa seyyohamasmītimāno).*

890.

Bằng ỷ bằng *đó ra sao?* Như là có kẻ trong đời nầy thành bực bằng họ nhưng mà chấp rằng ta bằng với các người khác do trong một nhân nào như là ỷ với sanh ra, ỷ với dòng giống, ỷ làm con nhà danh giá… hoặc đã nương cách ngã mạn chấp bằng người khác là sự ngã mạn, thái độ ngã mạn, tư cách ngã mạn, cách đưa mình lên, cách cất mình lên như cờ, cách nưng mình lên cao, sự mà tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế gọi là người bằng ỷ bằng *(sadisassa sadisohamasmīti māno).*

891.

Bằng ỷ thua *đó ra sao?* Như là có người trong đời nầy thành người bằng với họ mà ngã mạn cho rằng thua cả người khác do một nhân nào như là do sanh ra do dòng giống, do làm con nhà danh giá… họ đã nương cách ngã mạn ỷ thua, đã coi mình rẻ như thế đó là tự khinh, tư cách tự khinh, sự tự khinh, thái độ tự khinh, tự ghét ghớm, thái độ ghét ghớm, tư cách tự coi rẻ, sự coi mình quá thấp hèn, sự tự nhận mình. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là người bằng ỷ thua *(sadisassa hīnohamasmītimāno).*

892.

Thua ỷ hơn *đó ra sao?* Như là có kẻ trong đời nầy thành người thua người khác mà chấp rằng ta hơn những người khác phải do một nhân nào như là ỷ với sanh ra, ỷ với dòng giống, ỷ với làm con nhà danh gia vọng tộc… họ đã nương sự chấp hơn người

khác rồi ngã mạn, cách ngã mạn, thái độ ngã mạn, tư cách ngã mạn, cách nâng mình, cách đưa mình lên, cách cử mình lên như cờ, sự đưa mình lên, cách mà tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế gọi là thua ỷ hơn *(hīnassa seyyohamasmīti māno).*

893.

Thua ỷ bằng *đó ra sao?* Như là có kẻ trong đời nầy thành người thua người khác mà cố chấp rằng ta bằng người khác do một nhân nào như là ỷ sanh ra, ỷ với dòng giống, ỷ với làm con nhà danh giá… họ đã nương cách ngã mạn ỷ bằng, đã tự coi rẻ mình, như thế là tự khinh, sự tự khinh, tư cách tự khinh của người khác rồi ngã mạn, thái độ ngã mạn, tư cách ngã mạn, cách nâng mình lên như cờ, cách đưa mình lên, cách cử mình lên như cờ; Nếu có trạng thái như thế mới gọi là người thua ỷ bằng *(hīnassa sadisohamasmīti māno).*

894.

Thua ỷ thua *đó ra sao?* Như là có kẻ trong đời nầy chấp rằng ta thua những người khác do một trong những nguyên nhân nào như là ỷ với sanh, ỷ với dòng giống, ỷ làm con nhà sơ sát… họ đã nương cách ỷ thua người khác như thế đó, tự coi rẻ, cách tự coi rẻ, thái độ tự coi rẻ, tư cách tự coi rẻ, sự tự chê ghét, thái độ tự chê ghét, tư cách rất tự chê ghét, sự tự khinh, coi mình thấp thỏi, sự coi mình hèn. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là người thua ỷ thua *(hīnassa hīnohamasmīti māno).*

895.

Sự ngã mạn *trong khi có ra sao?* Sự ngã mạn như là ỷ mình, cách ỷ mình, thái độ ỷ mình, cách nâng mình, cách cống cao, sự mà tâm phải thành như cờ, cách cất mình lên như cờ, cách nâng cao mình lên, sự mà tâm phải thành như cờ. Thế gọi là ngã mạn *(māno).*

896.

Sự khi người *trong khi có ra sao?* Như là có người trong đời nầy coi rẻ các người khác bằng một cách nào như là ỷ với sự sanh ra, ỷ với dòng giống, ỷ làm con nhà danh gia vọng tộc… sự ngã mạn, cách ngã mạn, thái độ ngã mạn, cách nâng mình, cách đỡ mình, cách cất mình lên như cờ, sự cống cao, cách mà tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là sự khi người *(atimāno).*

897.

Sự quá phách *đó ra sao?* Như là có người trong đời nầy ban đầu chấp mình bằng kẻ khác, về sau chấp mình hơn kẻ khác, không chịu hạ mình thấp hơn kẻ khác do một nhân nào như là con nhà danh gia vọng tộc… sự ngã mạn, cách ngã mạn, thái độ ngã mạn, cách nâng mình, cách đỡ mình lên, cách cất mình lên như cờ, cách nâng cao mình, sự mà tâm phải thành như cờ. Nếu có thái độ như thế mới gọi là sự quá phách *(mānātimāno).*

898.

Sự tự khinh *đó ra sao?* Như là có kẻ trong đời nầy tự coi rẻ mình bằng một nhân nào như là coi rẻ với sanh ra, tự khinh do dòng giống, tự khinh bởi làm con nhà hèn, hoặc tự khinh do sắc đẹp, tự khinh do tài sản, tự khinh do trưởng thượng, tự khinh do chủ sự, tự khinh do nghề giỏi, tự khinh do tài năng, tự khinh do học vấn, hoặc tự khinh do cấp trí, sự tự khinh, cách tự khinh, thái độ tự khinh, tự chê bai, tự coi rẻ mình là thấp hèn, coi rẻ mình. Nếu có thái độ như thế mới gọi là sự tự khinh *(omāno).*

899.

Tăng thượng mạn *đó ra sao?* Như là sự công nhận ta đã đắc chứng mà trong pháp ta chưa đắc chứng, công nhận rằng ta đã làm mà trong sự ta chưa làm, nhận định rằng đã đắc chứng trong pháp mà ta chưa đắc chứng, nhận định rằng đã làm đặng tỏ ngộ trong

pháp ta chưa đặng tỏ ngộ, cũng gọi ngã mạn, sự ngã mạn, cách ngã mạn, tự nâng mình lên cao, tự cống cao, cách nâng mình lên như cờ, cách tự đưa mình lên, sự mà tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là tăng thượng mạn *(adhimāno).*

900.

Sự công nhận rằng ta có cái ngã *ra sao?* Như là sự công nhận trong sắc cho là ta có sự vừa lòng trong sắc, cho là ta có sự hiểu rõ trong sắc, cho là ta công nhận trong thọ, cho là ta công nhận trong tưởng… cho là ta công nhận trong hành… cho là ta công nhận trong thức. Sự vừa lòng trong thức cho là ta… sự trong thức cho là ta… cách ngã mạn, sự ngã mạn, thái độ ngã mạn, cách nâng mình, cách cống cao, cách nâng mình lên như cờ, cách đỡ mình lên cao, sự mà tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là sự công nhận cho rằng ta có cái ngã *(asmimāno).*

901.

Sự tà mạng *trong khi có ra sao?* Như là có người trong đời nầy chấp ta bằng một nhân nào như là chấp với phận sự công việc, ô uế với nghề nghiệp, ô uế với tài năng, ô uế với học vấn, ô uế với cấp trí, ô uế với trì giới, ô uế với tu hành, ô uế với trì giới và tu hành, ô uế hoặc với tri kiến, ô uế với sự ngã mạn, cách ngã mạn, tư cách ngã mạn, cách tự cao, cách hãnh diện, cách nâng mình lên như cờ, cách tự nâng mình, sự mà tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là tà mạng *(micchāmāno).*

902.

Sự nhớ thân tộc *đó ra sao?* Như là sự nghĩ đến, sự rất nhớ tưởng… sự tà tưởng mà nương theo dục lạc, nhớ đến bà con. Như thế gọi là sự nhớ đến thân tộc *(ñātivitakko).*

903.

Nhớ đến dân chúng *đó ra sao?* Như là sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi… sự tà tưởng do theo dục lạc mong mỏi đến dân chúng. Như thế gọi là sự nhớ đến dân chúng *(janapadavitakko).*

904.

Sự suy nghĩ không quyết định *đó ra sao?* Như là cách suy xét, sự quá nghĩ ngợi… tư tưởng sai nương theo dục lạc ăn khớp với khổ hạnh, hoặc ăn với tà kiến. Như thế gọi là suy xét không nhứt định *(amaravitakko).*

905.

Cách nhớ nghĩ với sự chiếu cố người khác *ra sao?* Như là Sa-môn hoặc Bà-la-môn trong đời nầy hằng lân cận cư sĩ, có sự đồng khổ đồng lạc gặp khi vui thì vui với nhau, gặp khi khổ thì khổ với nhau, khi có việc sẽ phát sanh thì thôi cố gắng tự làm giúp cho nhau, sự suy nghĩ, sự rất nghĩ ngợi… cách suy xét nương theo dục lạc trong khi chung chạ với những cư sĩ đó. Như thế gọi là cách nhớ nghĩ với chiếu cố người khác *(parānudayatāpaṭisaṃyutto).*

906.

Sự suy xét liên quan với lễ lộc và danh vọng *ra sao?* Như là sự suy nghĩ, sự rất nghĩ ngợi… nghĩ tưởng sai nương với dục lạc, hy vọng lợi lộc và danh dự. Như thế gọi sự suy xét liên quan với lễ lộc và danh vọng *(lābhasakkārasilokapaṭisaṃyuttovitakko).*

907.

Sự suy xét liên quan với cách không muốn cho ai coi rẻ *đó ra sao?* Như là có người trong đời nầy nghĩ tưởng rằng những người khác đừng có ai coi rẻ ta bằng một nhân nào như là bằng cách sanh ra, bằng dòng giống, bằng con nhà gia tộc, bằng sự nhan sắc, bằng lối của cải, bằng cách trưởng thượng với những công việc, với nghề nghiệp, với tài năng, với học vấn, với cấp trí, sự nghĩ lo, sự rất nghĩ ngợi… sự nghĩ tưởng sai

nương theo dục lạc, trong sự không muốn cho người khác coi rẻ. Như thế gọi là sự suy xét liên quan với cách không muốn cho ai coi rẻ *(anavaññaṭṭi-paṭisaṃyuttovitakko).*

Xiển minh phần hai điều

908.

* *Trong những đề thứ hai mà* ***sân*** *đó ra sao?* Như là sự giận hờn, cách giận hờn, thái độ giận hờn, sự sân độc, cách sân độc, thái độ sân độc, sự tính ác, cách tính ác, thái độ tính ác, sự buồn rầu, rất buồn rầu, sự hung dữ, miệng ác, cách không vừa hợp của tâm. Như thế gọi là sân *(kodho).*

* **Kiết hận** *trong khi có ra sao?* Như là trước kia căm giận để lại thời kỳ sau là kiết hận như là sự kết oán, nào là sự kết oán thù, cột oan trái, sân chất chứa dành để lưu tồn tích tựu buộc ràng chấp cứng, dành để sự sân. Nếu có thái độ như thế mới gọi là kiết hận *(upanāho).*

909.

* ***Sự vong ân*** *đó ra sao?* Như là sự quên ơn, cách quên ơn, thái độ quên ơn, sự khi dễ, cách khi dễ ơn nghĩa của người khác. Nếu có thái độ như thế mới gọi là sự vong ân *(makko).*

* ***Sự sánh mình bằng với người khác*** *ra sao?* Như là chấp so sánh cho là bằng, sự so sánh bằng, tư cách so sánh bằng, thái độ so sánh bằng với cách đem sự phần hơn của mình mà dẫn chứng là nhân của sự tranh chấp, kình hơn không lui sụt. Như thế gọi là sự so sánh bằng *(palāso).*

910.

* ***Tật đố*** *trong khi có ra sao?* Như là sự ganh ghét, cách ganh ghét, thái độ ganh ghét, đố kỵ nhau, cách đố kỵ, sự đố kỵ trong lợi lộc hay lễ lộc, hoặc sự cung kỉnh hoặc cách kỉnh trọng hay lối lễ bái và cúng dường của người khác. Như thế gọi là tật đố *(issā).*

* ***Lận sắt*** *trong khi có ra sao?* Như là sự bỏn xẻn, cách bỏn xẻn, có năm như là bỏn xẻn chỗ ở *(āvāsamacchariya),* bỏn xẻn dòng giống *(kulamacchariya),* bỏn xẻn lợi lộc *(lābhamacchariya),* bỏn xẻn sắc đẹp *(vaṇṇamacchariya),* bỏn xẻn pháp *(dhammamacchariya).* Sự bỏn xẻn, cách bỏn xẻn, thái độ bỏn xẻn, sự tiếc, sự xan lẫn, sự che đậy của tâm. Nếu có thái độ như thế mới gọi là lận sắt *(macchariya).*

911.

* ***Người đa ngụy kế*** *đó ra sao?* Như là có kẻ trong đời nầy hành động ác bằng thân khẩu ý rồi quyết mong mỏi ô uế, bởi có nhân cần dùng che đậy ác như là hy vọng rằng đừng ai biết kịp mưu ta, nói cho rằng đừng ai biết kịp mưu ta, nghĩ muốn rằng đừng ai biết kịp mưu ta, cố gắng bằng thân đừng làm cho người biết kịp mưu ta; sự ngụy kế, thành người ngụy kế, làm cho mê mờ sự xảo trá, sự che đậy, sự lách tránh, sự che ngăn, sự che khuất, cách che đậy không bày ra, không làm cho rõ rệt sự che kín mít, cách làm xấu xa. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là người đa ngụy kế *(māyā).*

* ***Khoe khoang*** *trong khi có ra sao?* Như là có người trong đời nầy là kẻ khoe khoang, người rất khoe khoang, cách khoe khoang, sự khoe khoang, thái độ khoe khoang, sự kiên ngạnh, cách kiên ngạnh, cách nói xéo thành khe, sự nói lách thành khe của người nói đó. Như thế gọi là sự khoe khoang *(sātheyya).*

912.

* ***Vô minh*** *đó ra sao?* Như là sự không biết, không thấy… vô minh như cây chốt, si là vô minh. Như thế gọi là vô minh.

* ***Hữu ái*** *đó ra sao?* Như là sự vừa lòng trong đời sống, ưa thích trong đời sống, hớn hở trong đời sống, sự mong mỏi trong đời sống, sự dính dấp trong đời sống, sự bực bội trong đời sống, sự ẩn núp trong hữu *(bhāva)*, sự vùi lấp trong hậu hữu. Như thế gọi là hữu ái.

913.

* ***Hữu kiến*** *đó ra sao?* Như là sự nhận thấy rằng ta và đời sẽ có như thế là hữu kiến hay nhận thấy bằng cách thiên kiến… cách chấp cứng theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là hữu kiến *(bhāvadiṭṭhi)*.

* ***Ly hữu kiến*** *đó ra sao?* Như là nhận thấy rằng ta sẽ không có và đời sẽ không có, cũng là tà kiến, cũng là thiên kiến… cách chấp cứng theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là ly hữu kiến *(vibhavadiṭṭhi)*.

914.

* ***Thường kiến*** *đó ra sao?* Như là sự nhận thấy ta trường tồn và đời cũng trường tồn, cũng là tà kiến, cũng là thường kiến, cách chấp cứng theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là thường kiến *(sassatadiṭṭhi)*.

* ***Đoạn kiến*** *trong khi có ra sao?* Như là sự nhận thấy rằng ta sẽ tiêu mất và đời cũng sẽ tiêu mất. Như thế cũng gọi là tà kiến, thiên kiến… cách chấp cứng theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là đoạn kiến *(ucchedadiṭṭhi)*.

915.

* ***Hữu cùn kiến*** *đó ra sao?* Như là sự nhận thấy rằng ta có chỗ tột và đời cũng có chỗ tột cũng là tà kiến, thiên kiến… cách chấp cứng theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là hữu cùn kiến *(antavādiṭṭhi)*.

* ***Vô cùn kiến*** *đó ra sao?* Như là nhận thấy rằng ta không có chỗ cùn tột và đời cũng không có chỗ cùn tột. Như thế cũng là tà kiến, thiên kiến… cách chấp cứng theo dị đoan. Nếu có thái độ như thế mới gọi là vô cùn kiến *(anantavādiṭṭhi)*.

916.

* ***Tùng tiền kiến*** *đó ra sao?* Như là móng chi trước kia phát sanh, nhận thức chấp trước tri kiến lý tưởng… cách chấp theo dị đoan. Như thế gọi là tùng tiền kiến *(pubbantānudiṭṭhi)*.

* ***Tùng hậu kiến*** *đó ra sao?* Như là móng đến chi sau này đặng phát sanh, chấp trước với sự lý tưởng nhận thức ấy, chấp theo dị đoan. Như thế gọi là tùng hậu kiến *(aparantānudiṭṭhi)*.

917.

* ***Vô tàm*** *đó ra sao?* Như là sự không hổ thẹn với cách làm ác bằng cách đáng hổ thẹn, sự không thẹn thùa đi chung với những pháp thiện. Như thế gọi là vô tàm *(ahirika)*.

* ***Vô úy*** *trong khi có ra sao?* Như là sự không ghê sợ với cách làm ác đáng ghê sợ hay sự không ghê sợ đi chung với tất cả pháp bất thiện tội lỗi. Như thế gọi là vô úy.

918.

* ***Thành người nan giáo*** *đó ra sao?* Như là cách người khó dạy, thái độ người khó dạy, thành người khó dạy, chấp cứng can cường, ưa thích chống báng sự không cởi rộng lòng, cách không rộng lòng, không cung kỉnh, không nghe theo với khi đặng nhắc bằng cách đúng pháp lý. Như thế gọi là nan giáo *(dovacassatā)*.

* ***Thành người có ác hữu*** *đó ra sao?* Như là những người chống đối, với kẻ không đức tin, không giới hạnh, ít học vấn, có sự bỏn xẻn, trí cạn cợt, mà lại cần dùng, thường sử dụng hay gặp gỡ, hằng gặp gỡ lại càng sùng tín ưa thích trọng kỉnh những người như thế đó để làm bực dẫn dắt hay giúp đỡ. Như thế gọi là ác hữu *(pāpamittatā).*

919.

* ***Không chân chính*** *đó ra sao?* Như là có sự không ngay thật, cách không chân thật, sự vạy vọ, sự cong quẹo. Như thế gọi là không chân chánh *(anājjavo).*

* ***Không nhu mì*** *đó ra sao?* Như là sự không mềm mại, sự sần sượng, cách sần sượng, sự thô thiển, cứng cỏi, nghing ngang, sự chấp ngang không mềm mại. Như thế gọi là không nhu mì *(amaddavo).*

920.

* ***Không nhẫn nại*** *đó ra sao?* Như là không có sự nhịn nhục, tư cách không nhịn nhục, thái độ không nhịn nhục, sự dữ dằn, cách phách lối là tâm không tươi tốt. Như thế gọi là không nhẫn nại *(akkhanti).*

* ***Không nghiêm tịnh*** *đó ra sao?* Như là thân thô tháo, ngữ thô tháo hay thân và khẩu đều thô tháo. Như thế gọi là không nghiêm tịnh *(asoracca).*

  Tất cả người phá giới đều gọi là người không nghiêm tịnh.

921.

* ***Người không cam ngôn*** *đó ra sao?* Như là người nói lời chi cũng gúc mắc, thô lỗ, bực tức đến người khác, đụng chạm đến người khác, chọc cho giận hờn, không đặng yên tịnh. Những người nói như thế đó là người nói không ngọt dịu, nói không suông sẻ, những người có thái độ ngôn ngữ thô như đã nói đó mới gọi là người không cam ngôn *(asākhalya).*

* ***Thiếu sự tiếp đãi*** *đó ra sao?* Sự tiếp đãi có 2: Một là tiếp đãi vật chất, hai là tiếp đãi pháp, mà có người trong đời nầy không có làm sự tiếp đãi bằng vật chất hoặc bằng pháp. Như thế gọi là thiếu sự tiếp đãi *(appaṭisanthāro).*

922.

* ***Người không thu thúc lục (môn) quyền*** *đó ra sao?*
  - Như là có người trong đời nầy mắt đã thấy sắc phát sanh chấp tướng, chấp theo phụ thuộc cho nên tất cả tội ác nào là tham, sân che trùm người ấy, nên mới thành người không thu thúc nhãn quyền. Do không thu thúc nhãn quyền làm nhân mới không tiến hành cho đặng thu thúc nhãn quyền đó vì không gìn giữ nhãn quyền nên không thành tựu sự thu thúc nhãn quyền.
  - Nhĩ đã nghe tiếng… mũi đã hửi hơi… lưỡi đã nếm vị… thân đã đụng chạm… tâm đã biết cảnh pháp mới thành người chấp tướng phiêu phưởng cho đến những tội ác như là tham, sân nó che trùm người ấy mới không đặng thu thúc lục (môn) quyền. Do nhân không thu thúc quyền nào mới không tiến hành cho đặng thu thúc quyền khác, không gìn giữ quyền ấy, chẳng thành tựu trong sự thu thúc các (môn) quyền. Vì cách không chiếu cố, sự không chiếu cố, không gìn giữ, không thu thúc những quyền đó nên mới gọi là người không thu thúc lục (môn) quyền *(indriyesu aguttadvātatā).*

* ***Người bất tri độ thực*** *đó ra sao?* Như là có người trong đời nầy không khéo suy xét nên cho rằng ăn đây để chơi, để say mê, để cho nhan sắc tốt đẹp, để cho mập mạp mà không biết tri túc, không biết vừa chừng, không khéo suy xét trong khi ăn nên mới gọi là người bất tri độ thực *(bhojane amattaññutā).*

923.

* ***Người không có chánh niệm*** *đó ra sao?* Như là người không hay nhớ, nhớ theo không đặng, nhớ lại không đặng, sự không nhớ, cách không nhớ, thái độ không nhớ, thiếu sự nhớ đặng nên hay quên. Như thế là người không có chánh niệm *(muṭṭhasacca).*

* ***Người thiếu sự lương tri*** *đó ra sao?* Như là thiếu sự hiểu, thiếu sự thấy… vô minh như cây chốt (gài), si chính là vô minh. Như thế gọi là người không có sự lương tri *(asampajañña).*

924.

* ***Người giới điêu tàn*** *ra sao?*
  - Như là thân phá giới, khẩu phá giới hay cả thân và khẩu phá giới. Như thế gọi là giới điêu tàn *(sīlavipatti).*
  - Sự điêu tàn của tất cả giới cũng gọi là giới điêu tàn.

* ***Tri kiến điêu tàn*** *đó ra sao?*
  - Như là sự nhận thấy rằng bố thí cho người không có quả phúc. Cúng dường cũng không có quả phước… Sa-môn hoặc Bà-la-môn cũng không có ai tu hành chơn chánh đúng đắn đặng biết rõ đời nầy và đời khác tự đặng trí cao siêu rồi tuyên bố cho những người khác biết trong đời nầy đều không có sự nhận thấy. Như thế cũng là tà kiến… thiên kiến, cách chấp theo lối dị đoan. Nếu có thái độ như thế gọi là tri kiến điêu tàn *(diṭṭhivipatti).*
  - Sự điêu tàn của kiến thức và tất cả tà kiến cũng gọi là tri kiến điêu tàn.

925.

Nội triền *đó ra sao?* Như là ngũ triền thấp *(pañcorambhāgiyāmi saññohanāni)* sắp thành nội triền *(ajjhatta saññojana).* Ngũ triền cao *(pañcuddhabhāgiyāni saññojanāni)* sắp thành ngoại triền *(bahiddhā saññojana).*

Xiển minh phần ba điều

926.

Trong những phần ba điều mà ***tam bất thiện căn*** *ra sao?* Tức là tham, sân và si.

- *Tam bất thiện căn mà* ***tham*** *ra sao?* Như là sự dục vọng, cách rất dục vọng, cách trôi theo cảnh, sự vui thích, cách vui vẻ, sự dục vọng bằng mãnh lực vui vẻ, sự rất dục vọng của tâm, sự muốn, sự vùi lấp, sự mê mờ, sự thương, cách yêu mến, hằng bận bịu, vẫn chìm đắm, lẽ thường của người lôi cuốn, lẽ thường của người gạt gẫm, dĩ nhiên là người làm cho chúng sanh sanh ra, dĩ nhiên là người làm cho chúng sanh đầy đủ, dĩ nhiên ràng buộc, dĩ nhiên như chài lưới, vẫn đượm nhuần tâm, càng đượm nhuần, tợ nhợ dây, vẫn phúng ra, cũng là người gom lại, vẫn thành bạn tâm nguyên, dĩ nhiên người dẫn đường đến hữu *(bhāva),* há như rừng như rú, sự liên quan, sự dính líu, sự bận bịu, sự dục vọng, cách dục vọng, thái độ dục vọng, mong mỏi sắc, mong mỏi thinh, mong mỏi khí, mong mỏi vị, mong mỏi xúc, mong mỏi lợi lộc, mong mỏi của cải, mong mỏi con cái, ước mong trường thọ, thật người nói nhỏ, phụ nhỉ luôn, rất nói nhỏ, cách phụ nhỉ, sự nói nhỏ, thái độ phụ nhỉ, cách tham lam, thái độ tham lam, vẫn thành nhân mê mờ, sự thích trong những cảnh tốt, hy vọng trong cơ sở không đáng, sự tham quá chừng, cách nhiễm, sự nhiễm, sự hy vọng, quá hy vọng, tâm hoan lạc với những nhục dục, hữu dục, ly hữu dục, dục Sắc giới với những dục ái, hữu ái, ly hữu ái, ái trong Dục giới, ái trong Sắc giới, ái trong

Vô sắc giới, ái lối tiêu diệt (tức là ái sanh chung với đoạn kiến), sắc ái, thinh ái, khí ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Hay là bộc, phối, phược, thủ, quái niệm, cái, máy che ngăn, đồ buộc trói, cận phiền não, tùy miên, xảo quyệt, ái như sợi mây, sự mong mỏi đủ thứ vật chất là gốc của khổ, nhân của khổ, nên sanh của khổ, chuồng của Ma vương, lưỡi câu của Ma vương, nền tảng Ma vương, ái như sông rạch, ái như chày lưới, ái như dây buộc trói, ái tợ biển, tham là căn bất thiện, cũng gọi tham ác. Như thế gọi là tham.

- ***Sân*** *trong khi có ra sao?*
  - Như là sự sát hại phát sanh do nghĩ rằng: Người ấy đã làm cho ta suy sụp; hay sự sát hại phát sanh do suy nghĩ rằng người ấy đang làm cho ta suy đồi; hay sự cừu oán do nghĩ rằng người ấy sẽ làm cho ta hư hại hay sự thù oán phát sanh do nghĩ rằng người ấy đã làm hư hại người thương mến của ta; sự thù oán phát sanh do nghĩ rằng người ấy đang làm hư hại người của ta thương mến; hay sự thù oán phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm hư hại người mà ta thương mến; hay thù oán phát sanh do người ấy nghĩ rằng người ấy đã làm tiến hóa người mà ta ghét; hay thù oán phát sanh do nghĩ rằng người ấy đang giúp cho kẻ thù ta tiến hóa; hay thù oán phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm cho kẻ thù của ta thêm tiến hóa; hay là sự thù oán phát sanh trong nền tảng dùng nhân thù hiềm của tâm.
  - Sự náo động, cách náo động, sự buồn bã, sự bực tức, cách tức giận, thái độ tức giận, đa tức giận, sự kín ác, mong tưởng ác, cách móng tưởng ác, sự sân độc của tâm, sự tính ác trong tâm, cách sân ra ngoài, thái độ sân, tư cách sân, sự tính ác độc, cách tính ác độc, thái độ tính ác độc, sự hung dữ, cách hung dữ, thái độ hung dữ, sự buồn, cách buồn, thái độ buồn, miệng ác xấu, tâm không hoan hỷ. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là sân.
- ***Si*** *trong khi có ra sao?* Như là sự không biết khổ, không biết khổ diệt, không biết đường lối tiến hành khổ diệt, không biết phần quá khứ, không biết phần vị lai, không biết cả phần quá khức và vị lai, không biết trong pháp mà làm duyên cho nhau và nương với nhau sanh ra, bất kiến, bất tri, không biết cái đáng biết, không biết theo chân thật, không thấu suốt, không duy trì theo cách đúng đắn, không quyết theo cách chu đáo, không nghiên cứu, không thẩm xét, không làm cho minh hiển, sự trí cạn, cách suy không biết rõ sự mê mờ, cách mê man, sự lẫn, cũng gọi vô minh, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh tùy miên, vô minh xảo quyệt, chính là vô minh, si là căn bất thiện. Nếu có trạng thái như thế gọi là si.

Những như thế gọi là tam bất thiện căn.

927.

Tam bất thiện tầm *đó ra sao?* Như là dục tầm, sân độc tầm và thương hại tầm.

- *Trong ba thứ tầm ấy mà* ***dục tầm*** *ra sao?* Như là sự nghĩ ngợi, cách rất nghĩ ngợi… sự tà tưởng hay tưởng liên hệ với dục. Như thế gọi là dục tầm *(kamavitakko).*
- ***Sân độc tầm*** *đó ra sao?* Như là sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi, sự nghĩ ngợi sai và suy xét theo lối thù sân độc. Như thế gọi là sân độc tầm *(byāpādavitakko).*
- ***Thương hại tầm*** *trong khi có ra sao?* Như là sự suy xét, cách quá suy xét… sự suy nghĩ lầm liên quan với cách ép uổng. Như thế gọi là thương hại tầm *(vihimsāvitakko).*

Những như thế gọi là tam ác tầm *(tayo akusalavitakkā).*

928.

Tam bất thiện tưởng *đó ra sao?*Như là dục tưởng, sân độc tưởng và thương hại tưởng.

- *Trong ba tưởng ấy mà* ***dục tưởng*** *đó ra sao?* Như là sự nhớ, cách nhớ, thái độ nhớ liên quan với dục. Thế gọi là dục tưởng *(kāmasaññā).*
- ***Sân độc tưởng*** *đó ra sao?* Như là cách nhớ, sự nhớ, thái độ nhớ liên quan với sân độc. Như thế gọi là sân độc tưởng *(byāpadasaññā).*
- ***Thương hại tưởng*** *đó ra sao?* Như là sự nhớ, cách nhớ, thái độ nhớ liên quan với lối ép uổng. Như thế gọi là thương hại tưởng *(vihimsāsaññā).*

Những thế gọi là tam bất thiện tưởng.

929.

Tam bất thiện giới *đó ra sao?* Như là dục giới, sân độc giới, thương hại giới.

- *Trong tam bất thiện giới (dhātu) đó mà* ***dục giới*** *ra sao?* Như là dục tầm sắp thành dục giới *(kāmadhātu),* sân độc tầm sắp thành sân độc giới *(byāpādadhātu)* và thương hại tầm sắp thành thương hại giới *(vihimsādhātu).*
- *Trong tam tầm ấy mà* ***dục tầm*** *đó ra sao?* Như là sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi,… nghĩ ngợi sai ngoa liên quan với dục. Như thế gọi là dục tầm *(kāmavitakko).*
- ***Sân độc tầm*** *trong khi có ra sao?* Như là sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi,… nghĩ ngợi sai chạy liên hệ với sự sân độc. Như thế gọi là sân độc tầm *(byāpādavitakko).*
- ***Thương hại tầm*** *trong khi có ra sao?* Như là sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi, cách nghĩ ngợi sai chạy liên hệ với sự ép uổng. Như thế gọi là thương hại tầm *(vihimsāvitakko).*

Những đó gọi là bất thiện giới *(akusaladhātu).*

930.

Tam ác *đó ra sao?* Như là thân ác, khẩu ác và ý ác.

- *Trong tam ác ấy mà* ***thân ác*** *đó ra sao?* Như là sự sát sanh, sự trộm cướp, sự tà dâm. Như thế gọi là thân ác *(kāyaduccarita).*
- ***Khẩu ác*** *trong khi có ra sao?* Như là vọng ngôn, ỷ ngữ, lưỡng thiệt và ác khẩu *(vacīduccarita).*
- ***Ý ác*** *trong khi có ra sao?* Như là tham ác, sân độc và tà kiến ác. Như thế gọi là ý ác *(nanoduccarita).*
- ***Thân ác*** *trong khi có ra sao?* Như là thân nghiệp phần bất thiện gọi là thân ác. Khẩu nghiệp phần bất thiện gọi là khẩu ác. Ý nghiệp phần bất thiện gọi là ý ác.
- *Trong tam ác ấy mà* ***thân nghiệp phía bất thiện*** *ra sao?* Thân tư tưởng phía bất thiện gọi là thân nghiệp phía bất thiện. Khẩu theo tư tưởng phía bất thiện gọi là khẩu nghiệp phía bất thiện. Ý theo tư tưởng phía bất thiện gọi là ý nghiệp phía bất thiện.

Những thế gọi là tam bất thiện.

931.

Tam lậu *trong khi có ra sao?* Như là dục lậu, hữu lậu và tà kiến lậu.

- *Trong ba lậu ấy mà* ***dục lậu*** *ra sao?* Như là sự vừa lòng trong dục… sự mê mẩn trong dục. Như thế gọi là dục lậu *(kāmāsava).*
- ***Hữu lậu*** *trong khi có ra sao?* Như là sự vừa lòng trong hữu *(bhāva),* sự mê mẩn trong hữu. Như thế gọi là hữu lậu *(bhavāsava).*

- ***Vô minh lậu*** *đó ra sao?* Như là sự không biết khổ… vô minh như cây chốt (gài), si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh lậu *(avijjāsava).*

Những thế gọi là tam lậu.

932.

Tam triền *đó ra sao?* Như là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ.

- *Trong ba triền ấy mà* ***thân kiến*** *đó ra sao?* Như là phàm phu trong đời nầy thiếu học vấn không gặp Thánh nhân, không rành trong pháp Thánh nhân, không đặng thụ huấn theo pháp của Thánh nhân. Không gặp trí thức, không rành trong pháp của trí thức, không đặng thụ huấn trong pháp của trí thức, nên vẫn thấy sắc là ta hay thấy ta có sắc. Hoặc thấy sắc trong ta, hoặc thấy ta trong sắc. Vẫn thấy thọ là ta… vẫn thấy tưởng là ta… vẫn thấy hành là ta… vẫn thấy thức là ta hay là thấy ta có thức, hoặc thấy thức trong ta, hoặc thấy ta trong thức. Nhận thấy theo thiên kiến… cách chấp theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là thân kiến *(sakkāyadiṭṭhi).*
- ***Hoài nghi*** *trong khi có ra sao?* Như là phàm phu do dự, nghi nan trong Phật giáo; do dự hoài nghi trong Pháp bảo; do dự hoài nghi trong Tăng bảo; do dự hoài nghi trong điều học; do dự hoài nghi trong phần quá khứ; do dự hoài nghi trong phần vị lai; do dự hoài nghi trong phần quá khứ vị lai; do dự hoài nghi trong pháp duyên khởi nương trợ nhau phát sanh. Cách do dự, sự do dự, thái độ do dự… cách sượng sần của tâm, sự tâm dùng dằng. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là hoài nghi *(vicikicchā).*
- ***Giới cấm thủ*** *trong khi có ra sao?* Như là Sa-môn, Bà-la-môn thuộc ngoại giáo mà nhận thấy hiện tượng như thế nầy: Giới thanh tịnh, tập quán thanh tịnh, giới cấm thủ thanh tịnh. Đó là thiên kiến… cách chấp theo dị đoan. Như thế ấy mới gọi là giới cấm thủ *(sīlab-bataparāmāsa).*

Những thế gọi là tam triền.

933.

Tam ái *trong khi có ra sao?* Như là dục ái, hữu ái, ly hữu ái.

- *Trong tam ái ấy mà* ***hữu ái*** *đó ra sao?* Như là sự mong mỏi, sự rất mong mỏi… sự mong mỏi quá nặng của tâm đồng sanh với hữu kiến. Như thế gọi là hữu ái *(bhavataṅhā).*
- ***Ly hữu ái*** *đó ra sao?* Như là mong mỏi, sự rất mong mỏi… sự quá mong mỏi của tâm mà đồng sanh với đoạn kiến. Như thế gọi là ly hữu ái *(vibhavataṅhā).* Còn những ái ngoài ra gọi là dục ái *(kāmataṅhā).*
- *Trong ba ái ấy mà* ***dục ái*** *ra sao?* Như là sự mong mỏi, sự rất mong mỏi… sự mong mỏi nặng nề của tâm mà hiệp với Dục giới *(kāmadhātu).* Như thế gọi là dục ái. Nếu sự hy vọng, sự rất hy vọng của tâm… mà hiệp với Sắc giới *(rupādhātu)* và Vô sắc giới *(arūpadhātu)* thì gọi là hữu ái. Còn sự hy vọng, sự rất hy vọng… hay sự hy vọng nặng nề của tâm mà hiệp với đoạn kiến thì mới gọi là ly hữu ái.

Những thế đó gọi là tam ái.

934.

Tam ái *(nữa) đó ra sao?* Như là dục (giới) ái, sắc (giới) ái, vô sắc (giới) ái.

- *Trong tam ái ấy mà* ***dục ái*** *đó ra sao?* Như là sự vọng dục, sự rất vọng dục, cách quá mong mỏi của tâm hiệp với Dục giới *(kāmadhātu)* nên mới gọi là dục ái *(kāmataṅhā).*

- ***Sắc (giới) ái** đó ra sao?* Như là sự hy vọng, sự rất hy vọng… hay sự quá hy vọng của tâm mà hiệp với Sắc giới *(rūpadhātu)*. Như thế gọi là sắc (giới) ái *(rūpataṅhā)*.
- ***Vô sắc (giới) ái** đó ra sao?* Như là sự mong mỏi, sự rất mong mỏi… cách quá mong mỏi của tâm hiệp với Vô sắc giới *(arūpadhātu)*. Như thế mới gọi là vô sắc (giới) ái *(arūpataṅhā)*.

Những như thế đó mới gọi là tam ái.

935.

***Tam ái (khác nữa)** đó ra sao?* Như là sắc ái *(rūpataṅhā),* vô sắc ái *(arūpataṅhā)* và diệt ái *(nirodhataṅhā)*.

- *Trong tam ái ấy mà **sắc ái** đó ra sao?* Như là sự mong mỏi, rất mong mỏi… cách rất mong mỏi của tâm mà hiệp với Sắc giới *(rūpadhātu)*. Như thế mới gọi là sắc ái *(rūpataṅhā)*.
- ***Vô sắc ái** trong khi có ra sao?* Như là sự hy vọng, sự rất hy vọng… hy vọng của tâm mà hiệp với Vô sắc giới *(arūpadhātu)*. Như thế gọi là vô sắc ái *(arūpataṅhā)*.
- ***Diệt ái** trong khi có ra sao?* Như là sự hy vọng hay rất hy vọng… cách quá mong mỏi của tâm mà đồng sanh với đoạn kiến. Như thế gọi là diệt ái *(nirodhataṅhā)*.

Những thế đó mới gọi là tam ái.

936.

***Tam tầm mích** (tìm kiếm) đó ra sao?* Như là dục tầm mích *(kāmesanā),* hữu tầm mích *(bhavesanā)* và phạm hạnh tầm mích *(brahmacariyesanā)*.

- *Trong tam tầm mích đó mà **dục tầm mích** ra sao?* Như là sự vừa lòng trong dục… cách mê mẩn trong dục. Như thế gọi là dục tầm mích *(kāmesanā)*.
- ***Hữu tầm mích** đó ra sao?* Như là sự vừa lòng trong hữu *(bhāva)*... sự mê mẩn trong hữu. Như thế gọi là hữu tầm mích *(bhavesanā)*.
- ***Phạm hạnh tầm mích** đó ra sao?* Như là sự thấy rằng đời trường tồn, hoặc nhận thấy đời không trường tồn… chúng sanh sau khi chết sẽ sanh nữa cũng chẳng phải, sẽ không sanh nữa cũng chẳng phải, kiến thức như thế đó là thiên kiến… cách chấp theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là phạm hạnh tầm mích *(brahmacariyesanā)*.
- *Những trong tam tầm mích ấy mà **dục tầm mích** ra sao?* Như là sự mong mỏi trong dục bằng thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà thuộc bất thiện trụ trong một cơ sở với cách mong mỏi dục. Như thế gọi là dục tầm mích (tìm kiếm) *(kāmesanā)*.
- ***Hữu tầm mích** (tìm kiếm) đó ra sao?* Như là sự mong mỏi trong hữu *(bhāva)* bằng thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp thuộc bất thiện đồng trụ một sở với sự mong mỏi trong hữu *(bhāva)* đó. Như thế gọi là hữu tầm mích *(bhavesanā)*.

  Còn sự nhận thấy trong đời có chỗ cùn tột bằng thân nghiệp, khẩu nghiệp hay ý nghiệp thuộc bất thiện đồng trụ chung một sở với sự nhận thấy trong đời có chỗ cùn tột đó. Như thế gọi là phạm hạnh trảo *(brahmacariyesanā)*.

  Những như thế đó gọi là tam tầm mích (tìm kiếm) *(esana)*.

937.

***Tam tỷ** (so sánh) đó ra sao?* Như là sự so sánh ta hơn người khác, so sánh ta bằng người khác, so sánh ta thua người khác. Những thế gọi là tam tỷ *(vidhā)*.

938.

***Tam nạn** đó ra sao?* Như là sự sanh nạn *(jātibhaya),* lão nạn *(jarābhaya)* và tử nạn *(maraṇabhaya)*.

- *Trong ba nạn ấy mà **sanh nạn** ra sao?* Như là cách sợ, sự khiếp, sự úy, sự sợ rởn óc và sự sợ sệt của tâm vì bởi sự sanh. Như thế gọi là sanh nạn *(jātibhaya)*.
- ***Lão nạn** đó ra sao?* Như là sự sợ khiếp, sự úy, sự sợ rởn óc, sự sợ sệt của tâm bởi vì già. Như thế gọi là lão nạn *(jarābhaya)*.
- ***Tử nạn** đó ra sao?* Như là sự sợ, sự khiếp, sự úy, sự sợ rởn óc, sự sợ sệt của tâm vì do sự chết. Như thế gọi là tử nạn *(maraṇabhaya)*.

Những thế đó gọi là tam nạn *(bhaya)*.

939.

***Tam thời hoài nghi** đó ra sao?* Như người vẫn do dự hoài nghi không quyết tâm tín ngưỡng dịp thuở quá khứ; vẫn do dự hoài nghi không quyết tâm tín ngưỡng dịp vị lai; vẫn do dự hoài nghi không quyết tâm tín ngưỡng dịp khi hiện tại. Những thế đó gọi là tam thời hoài nghi *(tama)*.

940.

***Tam lý thuyết** đó ra sao?*

- Như là Sa-môn hoặc Bà-la-môn trong đời nầy cũng có vị là bực công nhận ý nghĩa như vầy: Chúng ta đây dù hưởng khổ, hoặc vui hay phi khổ phi vui dù trong một cách nào những tất cả hưởng khổ, vui hay phi khổ phi vui do trước đã làm nhân dành để. Hay là cũng có Sa-môn hoặc Bà-la-môn trong đời nầy thành bực có ý nhận thấy rằng: Chúng ta đây dù hưởng vui hoặc khổ hay phi khổ phi lạc dù trong một cách nào thì tất cả những sự hưởng khổ lạc hay phi khổ phi lạc đó cũng do nhân là người chủ trương tạo ra.
- Hay là Sa-môn hoặc Bà-la-môn trong đời nầy cũng có bực nhận thức theo ý nghĩa như vầy: Chúng ta đây dù hưởng khổ hoặc vui hay hưởng phi vui phi khổ dù trong cách nào thì tất cả những sự hưởng khổ, vui hay phi khổ phi vui đó do cách không có nhân chi trợ giúp phát sanh. Những thế gọi là tam lý thuyết *(titthāyatana)*.

941.

***Tam diệu tích** đó ra sao?* Ái là phiền não cơ quan bận bịu. Sân là phiền não cơ quan bận bịu. Si là phiền não cơ quan hoài niệm. Những thế gọi là tam diệu tích *(kiñcanā)*.

942.

***Tam tràng địa** đó ra sao?* Ái là phiền não tràng địa. Sân là phiền não tràng địa. Si là phiền não tràng địa. Những như thế gọi là tam tràng địa *(aṅgana)*.

943.

***Tam tú cấu** đó ra sao?* Như là ái tú cấu, sân tú cấu và si tú cấu. Những như thế gọi là tam tú cấu *(mala)*.

944.

***Tam bất bình** đó ra sao?* Sự bất bình tức là ái, sự bất bình tức là sân, sự bất bình tức là si. Những thế gọi là tam bất bình *(visama)*.

945.

***Tam bất bình** (nữa) đó ra sao?* Như là sự hành động thân không bình chỉnh, như là sự hành động khẩu không bình chỉnh, sự hành động ý không bình chỉnh. Những như thế gọi là tam bất bình *(visama)*.

946.

***Tam hỏa** đó ra sao?* Như là lửa ái, lửa sân và lửa si. Những như thế gọi là tam hỏa *(aggī)*.

947.

***Tam thủy sáp** đó ra sao?* Như là nước chát ái, nước chát sân và nước chát si. Những như thế gọi là tam thủy sáp *(kasāvā)*.

948.

***Tam thủy sáp** (khác nữa) đó ra sao?* Như là thân như nước chát, ngữ như nước chát, ý như nước chát. Những thế gọi là tam thủy sáp *(kasāvā)*.

949.

* ***Hỷ ý kiến** đó ra sao?* Như là trong đời nầy có Sa-môn hoặc Bà-la-môn có ý kiến nhận thấy như vầy: Tất cả tình dục không tội lỗi rồi thọ hưởng dục lạc. Như thế gọi là hỷ ý kiến *(assādadiṭṭhi)*.

* ***Ngã kiến** đó ra sao?* Như là phàm phu trong đời nầy là người thiếu học không gặp đặng Thánh nhân, không rành trong pháp của Thánh nhân, không đặng thụ huấn trong pháp của Thánh nhân. Không gặp trí thức, không rành trong pháp của trí thức, không đặng thụ huấn trong pháp của trí thức, cho nên nhận thấy sắc là ta hoặc nhận thấy ta có sắc hay thấy sắc trong ta, hoặc nhận thấy ta trong sắc. Cũng tự nhận thấy thọ là ta… Nhận thấy tưởng là ta… nhận thấy hành là ta… hay nhận thấy thức là ta hay nhận thấy ta có thức, hoặc nhận thấy thức trong ta hay nhận thấy ta trong thức. Nhận thấy theo thiên kiến… chấp theo lối dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là ngã kiến *(attānudiṭṭhi)*.

* ***Tà kiến** đó ra sao?* Như là sự nhận thấy bố thí cho người rồi không có quả phúc. Cúng dường cho người rồi cũng không có quả phúc… Sa-môn hay Bà-la-môn tự tỏ ngộ hiểu chắc thật dù đời nầy và đời sau rồi tuyên bố cho người khác biết đặng cũng không có. Sự nhận thấy theo thiên kiến… cách chấp theo lối dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là tà kiến.

  Thân kiến *(sakkāyadiṭṭhi),* hỷ ý kiến, thường kiến, ngã kiến và đoạn kiến đều là tà kiến.

950.

* ***Bất hoan hỷ** đó ra sao?* Như là sự không hoan hỷ, cách không hoan hỷ, sự rất không hoan hỷ, cách rất không hoan hỷ, sự tư mộ, sự tránh trác trong tịnh cư hoặc một pháp chí thiện nào. Như thế gọi là bất hoan hỷ *(arati)*.

* ***Sự ép uổng** đó ra sao?* Như là có người trong đời nầy hoặc áp bức chúng sanh bằng tay, đá, cây hoặc vũ khí. Như thế gọi là sự ép uổng *(vihesā)*.

* ***Hạnh phi pháp** đó ra sao?* Như là thân hành động phi pháp tức là thân hành động không bình chỉnh. Khẩu nói lời phi pháp tức là ngôn ngữ không bình chỉnh. Ý nghĩ phi pháp là tâm không bình chỉnh. Như thế gọi là hạnh phi pháp.

951.

* ***Người nan giáo** đó ra sao?* Như là người khó dạy, thái độ người khó dạy, tư cách người khó dạy, chấp cứng, can cường, ưa thích tranh luận, sự không quảng đại, cách không quảng đại, sự không cung kỉnh, sự không nghe theo trong khi bị nhắc đúng theo chánh pháp. Như thế là người nan giáo *(dovacassatā)*.

* ***Hữu ác hữu** đó ra sao?* Như là những người đối với kẻ nào mà không có đức tin, không có giới hạnh, thiếu sự học vấn, có sự bỏn xẻn, trí tuệ thô sơ mà sử dụng, thường sử dụng hay sử dụng, có gặp gỡ hay gặp gỡ sùng tín, ưa mến ủng hộ với những người đó và bận bịu nương cậy theo những người đó. Như thế gọi là hữu ác hữu *(pāpamittatā)*.

* ***Tưởng dị*** *trong khi có ra sao?* Như là tưởng liên hệ với dục. Tưởng liên hệ với sân độc. Tưởng liên hệ với sự ép uổng. Như thế gọi là tưởng dị, cho đến tưởng tất cả bất thiện cũng gọi là tưởng dị *(nānattasaññā)*.

952.

* ***Phóng dật*** *trong khi có ra sao?* Như là sự lao chao của tâm, sự không yên lặng của tâm, sự dao động của tâm và sự rối loạn của tâm. Như thế gọi là phóng dật *(uddhaccca)*.

* ***Giải đãi*** *đó ra sao?* Như là buông thả tâm, sự rất quá buông thả tâm thân ác, khẩu ác và ý ác hay là ngũ dục; không cung kỉnh, không cố gắng để phẩm hạnh lui sụt, buông bỏ sự vừa thích, bỏ qua phận sự, không sử dụng nhiều, không làm cho tiến hóa thêm, không làm nhiều, không bền vững, chẳng thường hay phối hợp, có sự dể duôi lôi thôi đối với sự tu tiến tất cả pháp thiện. Như thế gọi là giải đãi *(kosajja)*.

* ***Khinh thị*** *đó ra sao?* Như là buông thả tâm, sự rất quá buông thả tâm theo thân ác, khẩu ác và ý ác hay là ngũ dục. Không cung kỉnh, không cố gắng, phẩm hạnh lui sụt, không buông bỏ sự vừa thích, bỏ qua bổn phận, không sử dụng nhiều, không làm cho tiến hóa thêm, không làm nhiều, không bền vững, chẳng thường hay phối hợp, có sự lôi thôi, cách dể duôi, sự dể duôi, thái độ dể duôi đối với sự tu tiến tất cả pháp thiện. Nếu có trạng thái như thế gọi là khinh thị *(pamādo)*.

953.

* ***Bất tri túc*** *đó ra sao?* Như là sự ham muốn, thái độ của những bực không tri túc với y bát, với ngọa cụ cùng y dược và các món phụ tùng theo đặng. Hay là đối với ngũ dục có sự mong mỏi, hy vọng dục vọng, rất dục vọng, không biết vừa chừng… sự rất mong mỏi của tâm. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là bất tri túc *(asantuṭṭhitā)*.

* ***Vô lương tri*** *đó ra sao?* Như là sự không biết, không thấy… vô minh như cây chốt (gài). Si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô lương tri *(asampajaññatā)*.

* ***Đại tham*** *đó ra sao?* Như là sự ham muốn thái quá của những bực không tri túc với y, bát, với ngọa cụ cùng y dược và các món phụ tùng tùy theo đặng. Hay là đối với ngũ dục có sự mong mỏi, hy vọng, dục vọng, rất dục vọng, không biết vừa chừng… sự rất mong mỏi của tâm. Nếu có tướng trạng như thế mới gọi là đại tham *(mahicchatā)*.

954.

* ***Vô tàm*** *đó ra sao?* Như là sự hổ thẹn với những cách hành động ác đáng hổ thẹn và không hổ thẹn với tất cả pháp hiệp với tội ác. Như thế gọi là vô tàm.

* ***Vô úy*** *trong khi có ra sao?* Như là không ghê sợ với sự hành động ác đáng ghê sợ và không ghê sợ với những pháp hiệp tội ác. Như thế gọi là vô úy.

* ***Khinh thị*** *đó ra sao?* Như là buông thả tâm, sự rất quá buông thả tâm theo thân ác, khẩu ác và ý ác hay là ngũ dục. Không cung kỉnh, không cố gắng, phẩm hạnh lui sụt, không buông bỏ sự vừa thích, bỏ qua bổn phận, không sử dụng nhiều, không làm cho tiến hóa thêm, không làm nhiều, không bền vững, chẳng thường hay phối hiệp, có sự lôi thôi, cách dể duôi, sự dể duôi, thái độ dể duôi đối với sự tu tiến pháp thiện. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là khinh thị *(pamādo)*.

955.

* ***Vô quảng đại*** *đó ra sao?* Như là sự không rộng rãi, cách không rộng rãi, chẳng cung kỉnh, chẳng nghe theo, sự không tin tưởng, cách không tin tưởng, thái độ không tín ngưỡng, không giới đức, không kỉnh quí. Như thế gọi là vô quảng đại *(anādariya)*.

* ***Người nan giáo*** *đó ra sao?* Như là cách người khó dạy, thái độ người khó dạy, tư cách người khó dạy, chấp cứng can cường, ưa thích tranh luận sự không quảng đại, cách không quảng đại, sự không cung kỉnh, sự không nghe theo trong khi bị nhắc đúng theo chánh pháp. Như thế gọi người nan giáo *(dovacassatā).*

* ***Hữu ác hữu*** *đó ra sao?* Như là những người đối với kẻ nào mà không có đức tin, không có giới hạnh, thiếu sự học vấn, có sự bỏn xẻn, trí tuệ thô sơ mà sử dụng, thường sử dụng hay sử dụng, có gặp gỡ hay gặp gỡ sùng tín, ưa mến ủng hộ với những người đó và bận bịu nương cậy theo những người đó. Như thế gọi là hữu ác hữu *(pāpamittatā).*

956.

* ***Vô đức tin*** *đó ra sao?* Như là có người trong đời nầy không trí tuệ, không tín ngưỡng với Phật, Pháp, Tăng; cách bất tín, sự bất tín, thái độ bất tín, rất không kỉnh trọng. Nếu có tướng trạng như thế gọi là vô đức tin *(assaddhiya).*

* ***Bất thi ân*** *đó ra sao?* Do năm điều lẫn sắc như là bỏn xẻn chỗ ở, bỏn xẻn dòng giống, bỏn xẻn lợi lộc, bỏn xẻn sắc đẹp, bỏn xẻn pháp là sự lẫn sắt, cách lẫn sắt, thái độ lẫn sắt, bón rít keo kiệt, giấu giếm và không hài lòng. Nếu có tướng trạng như thế gọi là bất thi ân *(avadaññtā).*

* ***Giải đãi*** *đó ra sao?* Như là buông thả tâm, sự rất buông thả tâm theo thân ác, khẩu ác và ý ác hay là ngũ dục. Hoặc đối với sự tu tiến tất cả pháp thiện không liên lạc, không cung kỉnh, không cố gắng, hành vi lui sụt, không bỏ sự vừa thích, bỏ qua phận sự, không sử dụng nhiều, không tiến thêm, không làm nhiều, không bền vững, chẳng thường hay phối hợp, có sự dể duôi lôi thôi. Như thế gọi là giải đãi *(kosajja).*

957.

* ***Phóng dật*** *trong khi có ra sao?* Như là sự lao chao của tâm, sự không yên lặng của tâm, sự diu động của tâm và sự rối loạn của tâm. Như thế gọi là phóng dật.

* ***Bất thu thúc*** *đó ra sao?*
  - Như là có người trong đời nầy mắt đã thấy sắc thành người chấp tướng, thành người chấp theo phụ thuộc nên tất cả pháp tội ác như là tham ác và ưu sầu trùm che người ấy nên mới không thu thúc nhãn quyền. Do nhân không thu thúc nhãn quyền mới không thực hành hầu thu thúc nhãn quyền, không gìn giữ nhãn quyền, không thành tựu cách thu thúc nhãn quyền đó.
  - Dù tai đã nghe tiếng… mũi đã hửi mùi… lưỡi đã nếm vị… thân đã đụng chạm… tâm đã biết cảnh pháp thì thành người chấp tướng, thành người chấp theo phụ thuộc với tất cả pháp tội ác như là tham ác và ưu sầu nói vùi lấp người ấy. Không đặng thu thúc ý quyền do nhân không thu thúc ý quyền mới không thực hành để thu thúc ý quyền đó, không gìn giữ ý quyền đó mới không thành tựu trong sự thu thúc ý quyền. Như thế gọi là người bất thu thúc *(asaṃvaro).*

* ***Phá giới*** *trong khi có ra sao?* Như là thân phạm, khẩu phạm hay thân và khẩu đều phạm. Như thế gọi là phạm giới *(dussīlya).*

958.

* ***Sự không muốn thấy Thánh nhân*** *đó ra sao?* Đây gọi là Thánh nhân mà Thánh nhân *đó ra sao?* Như là Đức Phật, Thinh văn đệ tử của Đức Phật đều gọi là Thánh, mà không muốn thấy không muốn gần gũi và không muốn hội hiệp với những bực Thánh đã nói. Như thế gọi là sự không muốn thấy Thánh nhân *(ariya).*

* ***Không muốn nghe chánh pháp*** *đó ra sao?* Thế nào là chánh pháp? Như là tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ quyền, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo. Như thế gọi là chánh pháp; mà không muốn nghe, không muốn dự thính, không muốn học và không muốn nhớ những chánh pháp ấy. Như thế gọi là không muốn nghe chánh pháp.

* ***Người có tâm tranh đua*** *đó ra sao?* Nói tranh đua đó mà tranh đua ra sao? Như là sự tranh đua, thường tranh đua, tính tranh đua, tính tranh đua hoài, thái độ thường tính tranh đua, sự coi hèn, sự cõi rẻ, sự khinh khi, cách tìm lỗi. Như thế gọi là người có tâm tranh đua *(upārambhacittatā)*.

959.

* ***Người không có chánh niệm*** *ra sao?* Như là sự nhớ không đặng, nhớ theo không đặng, nhớ lại không đặng, cách nhớ không đặng, thái độ nhớ không đặng, sự không đặng nhớ, sự lơ lãng, sự lẫn quên; như thế gọi là người không có chánh niệm *(muṭṭhasacca)*.

* ***Người vô lương tri*** *đó ra sao?* Như là sự không biết, không thấy… vô minh như cây chốt (gài), si là căn bất thiện. Như thế gọi là người vô lương tri *(asampajañña)*.

* ***Sự tán loạn của tâm*** *đó ra sao?* Như là sự lao chao của tâm, sự không yên tịnh của tâm, sự lay động của tâm và sự rối loạn của tâm. Như thế gọi là sự tán loạn của tâm *(cetaso vikkhepo)*.

960.

* ***Tác ý bất tinh vi*** *đó ra sao?* Như là sự vật không trường tồn mà tác ý khéo cho là trường tồn. Sự vật khổ mà tác ý không khéo cho là vui. Sự vật vô ngã lại tác ý không khéo cho là hữu ngã. Sự vật bất mỹ lại tác ý không khéo cho là tốt đẹp. Hay là sự nhớ, sự thường nhớ, sự nghĩ ngợi, cách suy xét, sự tác ý của tâm sai với sự chân thật. Như thế gọi là tác ý bất tinh vi *(ayoniso manasikāra)*.

* ***Cách sử dụng theo đường lối xấu*** *đó ra sao?* Như là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Như thế gọi là sử dụng theo đường lối xấu. Cách thường sử dụng, cách thuần sử dụng, cách gặp gỡ, gặp gỡ nhuần nhã, sự thích tâm, cách tâm thích hợp với đường lối xấu ấy. Những người nương theo đường lối xấu như thế đó gọi là cách sử dụng theo đường lối xấu *(kummaggasevanā)*.

* ***Sự sụt sè của tâm*** *đó ra sao?* Như là sự không thích hợp của tâm, sự không vừa với công việc của tâm. Sự sụt sè, sự lui sụt, sự thối hóa, cách thối hóa, thái độ thối hóa, sự ẩn núp, cách ẩn núp, thái độ ẩn núp của tâm. Như thế gọi là sự sụt sè của tâm *(cetaso līnatta)*.

Xiển minh phần bốn điều

961.

Trong phần bốn điều ấy, mà ***tứ lậu*** *đó ra sao?* Như là dục lậu, hữu lậu, tà kiến lậu và vô minh lậu.

- *Trong những tứ lậu ấy, mà* ***dục lậu*** *đó ra sao?* Như là sự vừa lòng trong dục lạc, sự chui vùi trong dục lạc. Như thế gọi là dục lậu *(kāmāsava)*.
- ***Hữu lậu*** *đó ra sao?* Như là sự vừa lòng trong hữu *(bhava)*... sự chui vùi trong hữu… Như thế gọi là hữu lậu *(bhavāsava)*.

- ***Tà kiến lậu*** *trong khi có ra sao?* Như là sự nhận thấy rằng đời trường tồn… nhận thấy chúng sanh sau khi chết sanh nữa cũng chẳng phải, không sanh nữa cũng chẳng phải, kiến thức như thế là thiên kiến… cách chấp theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế gọi là tà kiến lậu.

  Tất cả tà kiến đều gọi là tà kiến lậu *(diṭṭhāsava).*

- ***Vô minh lậu*** *trong khi có ra sao?* Như là sự không biết trong khổ… vô minh như cây chốt (gài), si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh lậu.

Những kể trên gọi là tứ lậu.

962.

Tứ phược *đó ra sao?* Như là tham ác thân phược, sân độc thân phược, giới cấm thủ thân phược và ngã kiến thân phược.

- *Trong bốn phược đó, mà* ***tham ác thân phược*** *ra sao?* Như là sự mong mỏi, rất mong mỏi… sự chăm chú sẽ lấy của cải người khác, tham là căn bất thiện. Những thế gọi là tham ác thân phược *(abhijjākāyagantha).*
- ***Sân độc thân phược*** *đó ra sao?* Như là sự cừu oán phát sanh do nghĩ rằng người nầy đã làm cho ta hư hại… sự hung dữ, sự ác độc, sự không hoan hỷ của tâm. Như thế gọi là sân độc thân phược *(byāpādakāyagantha).*
- ***Giới cấm thủ thân phược*** *đó ra sao?* Như là Sa-môn, Bà-la-môn ngoại giáo có kiến thức như vầy sự trong sạch nếu đặng là nhờ giới, nhờ hành tức là thiên kiến chỉ nhận thấy với hành như thế… cách chấp theo dị đoan. Nếu có những tướng trạng như thế mới gọi là giới cấm thủ thân phược *(sīlabataparāmāsa kāyagantha).*
- ***Ngã kiến thân phược*** *đó ra sao?* Như là sự nhận thấy đời trường tồn như thế là sự thật, còn ngoài ra là không thật. Sự nhận thấy đời không trường tồn như thế là thật, ngoài ra không thật… sự nhận thấy rằng chúng sanh sau khi chết sanh nữa cũng chẳng phải, không sanh nữa cũng chẳng phải chính đó là chắc cứng, còn cách khác không chắc thật. Sự nhận thấy theo thường kiến… cách chấp bằng lối dị đoan. Nếu có trạng thái như thế đó mới gọi là ngã kiến thân phược *(idaṃsaccābhinivesa kāyagantha).*

  Trừ ra giới cấm thủ thân phược, còn tà kiến tất cả cũng đều gọi là ngã kiến thân phược.

Những như thế gọi là tứ phược *(gantha).*

963.

Tứ bộc… tứ phối… tứ thủ *đó ra sao?* Như là dục thủ, tà kiến thủ, giới cấm thủ và ngã chấp thủ.

- *Trong bốn thủ ấy, mà* ***dục thủ*** *đó ra sao?* Như là sự vừa lòng trong dục… sự vùi mài trong dục. Như thế gọi là dục thủ *(kāmupādāna).*
- ***Kiến thủ*** *đó ra sao?* Như là sự nhận thấy rằng bố thí rồi không có quả phước. Cách cúng dường tam bảo cũng không có quả phước… còn Sa-môn, Bà-la-môn mà bực chuyên tu hành đúng tự mình đắc chứng tỏ ngộ đời nầy và đời khác rồi tuyên bố cho người khác biết, cả thế giới đều không có. Sự nhận thấy theo thiên kiến… cách chấp bằng lối dị đoan. Nếu có những trạng thái như thế mới gọi là kiến thủ *(diṭṭhupādāna).*

  Trừ ra giới cấm thủ và ngã chấp thủ rồi, còn tất cả tà kiến đều gọi là tà kiến thủ.

- ***Giới cấm thủ*** *đó ra sao?* Như là Sa-môn, Bà-la-môn ngoại giáo có sự nhận thấy rằng cách trong sạch có thể đặng là do giới, do hành. Nhận thấy chỉ có giới hành đó

là thiên kiến… cách chấp theo lối dị đoan. Nếu có những tướng trạng như thế gọi là giới cấm thủ.

- ***Ngã chấp thủ*** *đó ra sao?* Như là phàm phu trong đời nầy có người thiếu học vấn, không đặng thấy Thánh nhân, không rành trong pháp của Thánh nhân, không đặng thụ huấn trong pháp của Thánh nhân. Không gặp trí thức, không rành trong pháp của trí thức, không đặng thụ huấn trong pháp của trí thức mới nhận thấy sắc là ta hay ta có sắc, hoặc thấy sắc trong ta hay là nhận thấy ta trong sắc. Vẫn nhận thấy thọ là ta… nhận thấy tưởng là ta… nhận thấy hành là ta… nhận thấy thức là ta… hay nhận thấy ta có thức, hoặc nhận thấy thức trong ta hay là nhận thấy ta trong thức. Sự nhận thấy thiên kiến… cách chấp theo dị đoan. Nếu có những tướng trạng như thế mới gọi là ngã chấp thủ *(attavādupādāna).*

  Những cách như thế gọi là tứ thủ *(upādāna).*

964.

Tứ ái thủ *đó ra sao?* Như là ái khi sẽ phát sanh ra cho Phíc-khú hoặc sanh nguyên do y. Ái khi sẽ phát sanh cho Phíc-khú hoặc do bát. Ái khi sẽ phát sanh cho Phíc-khú hoặc do nhân nơi chỗ nương ở. Ái khi sẽ phát sanh cho Phíc-khú hoặc nhân do tứ vật dụng như đã nói mà tinh vi và rất tốt đẹp. Những thế gọi là tứ ái thủ *(taṅhuppādā).*

965.

Tứ thiên vị *đó ra sao?* Như là thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì ngu lỗ, thiên vị vì sợ. Những tướng trạng thiên vị dù thiên vị vì ưa hay thiên vị trong phe đảng diêu chuyển như nước chảy. Nếu có những tướng trạng như thế đều thuộc về tứ thiên vị *(Agatigama).*

966.

Tứ hội ngộ *đó ra sao?* Như là sự hiểu lầm do tưởng, sự hiểu lầm do tâm, sự hiểu lầm do tà kiến, sự vật vô thường cho là trường tồn, hiểu lầm do tưởng, hiểu lầm do tâm, hiểu lầm do tà kiến, sự vật khổ cho là lạc. Sự hiểu lầm do tưởng, sự hiểu lầm do mãnh lực của tâm, sự hiểu lầm do mãnh lực tà kiến, sự vật vô ngã cho là hữu ngã. Hiểu lầm do tưởng, hiểu lầm do tâm, hiểu lầm do tà kiến, vật bất mỹ cho là tốt đẹp. Những như thế gọi là tứ hội ngộ *(vipariyesā).*

967.

Tứ phi đặc từ *đó ra sao?* Như là khi không thấy nói là thấy. Không nghe nói là nghe. Không biết nói là biết. Không hiểu nói là hiểu rõ. Những thế gọi là tứ phi đặc từ *(anariyavohārā).*

968.

Tứ phi đặc từ *(khác nữa) đó ra sao?* Khi thấy nói không thấy. Khi nghe nói không nghe. Khi biết nói không biết. Khi hiểu nói không hiểu. Như thế gọi là tứ phi đặc từ *(anariyavohārā).*

969.

Tứ ác *đó ra sao?* Như là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ. Những thế gọi là tứ ác *(duccarita).*

970.

Tứ ác *(khác nữa) đó ra sao?*

Như là vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ. Những thế gọi là tứ ác *(duccarita).*

971.

Tứ nạn *đó ra sao?* Như là sanh nạn, lão nạn, bệnh nạn và tử nạn. Những thế gọi là tứ nạn *(bhaya).*

972.

***Tứ nạn** (khác nữa) đó ra sao?* Như là vương nạn, cướp nạn, thủy nạn và hỏa nạn. Những thế gọi là tứ nạn *(bhaya)*.

973.

***Tứ nạn** (khác nữa) đó ra sao?* Nạn phát sanh từ sóng nước, nạn phát sanh từ (con) sấu, nạn phát sanh từ tham nguyên (chỗ sâu), nạn phát sanh từ cá dữ. Những thế gọi là tứ nạn *(bhaya)*.

974.

***Tứ nạn** (khác nữa) đó ra sao?* Nạn phát sanh từ tự chê trách, nạn phát sanh từ người khác chê trách, nạn phát sanh từ roi vọt, nạn phát sanh từ khổ thú. Những thế gọi là tứ nạn *(bhaya)*.

975.

***Tứ kiến** đó ra sao?* Như là kiến thức phát sanh bằng lối nhứt định chắc chắn rằng khổ lạc đều tự ta. Kiến thức phát sanh nhận chắc rằng khổ lạc do người khác làm cho. Kiến thức phát sanh bằng lối nhận chắc rằng khổ lạc do cả ta và người khác làm ra. Kiến thức phát sanh nhận chắc rằng khổ lạc không phải ta, không phải người khác làm cho mà chỉ tự nhiên phát sanh. Những thế gọi là tứ kiến *(diṭṭhi)*.

Xiển minh phần năm điều

976.

*Trong những phần năm điều, mà **ngũ triền thô** ra sao?* Ngũ triền phần hạ như là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục dục, sân độc. Những thế gọi là ngũ triền thô *(orambhāgiyasaṃyohana)*.

977.

***Ngũ triền tế** đó ra sao?* Ngũ triền phần thượng như là sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng dật, vô minh. Những thế gọi là ngũ triền tế *(uddhambhāgiyasaṃyojana)*.

978.

***Ngũ lẫn sắc** đó ra sao?* Ngũ lẫn sắc như là bỏn xẻn chỗ ở, bỏn xẻn dòng giống, bỏn xẻn lợi lộc, bỏn xẻn sắc đẹp, bỏn xẻn Giáo pháp. Những thế gọi là ngũ lẫn sắc *(macchariya)*.

979.

***Ngũ quan hệ** đó ra sao?* Ngũ quan hệ như là ái quan hệ, sân quan hệ, si quan hệ, ngã mạn quan hệ, tà kiến quan hệ. Những thế gọi là ngũ quan hệ *(saṅga)*.

980.

***Ngũ tiển** đó ra sao?* Ngũ tiển như là ái tiển, sân tiển, si tiển, ngã mạn tiển, tà kiến tiển. Những thế gọi là ngũ tiển *(sallā)*.

981.

***Ngũ tâm thối hóa** đó ra sao?* Ngũ tâm thối hóa như là người vẫn sai kỵ, nghi ngờ, không quyết tin, không tín ngưỡng với Đức Phật; vẫn sai kỵ nghi ngờ không quyết tin, không tín ngưỡng với Giáo pháp. Vẫn sai kỵ nghi ngờ, không quyết tin, không tín ngưỡng với Tăng. Vẫn sai kỵ nghi ngờ, không quyết tín, không tín ngưỡng với điều học. Hay là đối với các bạn phạm hạnh hay hờn giận, không ưa thích, có tâm đã kích, cường ngạnh, cố chấp. Những thế gọi là ngũ tâm thối hóa *(cetokhilā)*.

982.

***Ngũ tâm nhiễm đắm** đó ra sao?* Ngũ tâm nhiễm đắm như là: 1) những người chưa xa lìa sự vọng dục, chưa xa lìa sự ưa thích, chưa xa lìa sự thương yêu, chưa xa lìa sự khao khát, chưa xa lìa sự nóng nảy, chưa xa lìa sự ham muốn trong dục; 2) hay những người

chưa xa lìa sự vọng dục, chưa xa lìa sự ưa thích, chưa xa lìa sự thương yêu, chưa xa lìa sự khao khát, chưa xa lìa sự nóng nảy, thì cũng chưa xa lìa tham trong thân; 3) những người chưa xa lìa sự vọng dục, chưa xa lìa sự vừa lòng, chưa xa lìa sự thương mến, chưa xa lìa sự khao khát, chưa xa lìa sự nóng nảy, cũng chưa xa lìa sự tham sắc; 4) độ vật thực đã no nê vừa ý rồi tìm sự an lạc bằng cách nằm, tìm sự vui bằng cách phiên chuyển qua lại và tìm sự an vui trong cách ngủ; 5) hay là hy vọng một vị Chư thiên nào rồi tu phạm hạnh với tâm tưởng rằng ta sẽ thành Chư thiên bực đại thế lực, hoặc một vị Chư thiên thiếu thế lực thành tựu do giới ấy, hoặc do tinh tấn ấy hay là do phạm hạnh ấy. Những thế gọi là ngũ tâm nhiễm *(cetaso vinibandhā).*

983.

Ngũ cái *đó ra sao?* Là dục dục cái *(kāmacchandanīvaraṇa)* là pháp hạn chế thiện không cho sanh ra, tức là dục dục; là sân độc cái *(byāpādanīvaraṇa)* là pháp hạn chế thiện không cho phát sanh, tức là sân độc; là hôn trầm thùy miên cái *(thīnamiddhinīvaraṇa)* là pháp hạn chế thiện không cho phát sanh tức là hôn trầm thùy miên; là trạo hối cái *(uddhaccacukkuccanīvaraṇa)* là pháp hạn chế thiện không cho phát sanh tức là trạo hối; là hoài nghi cái *(vicikicchānīvaraṇa)* là pháp hạn chế thiện không cho phát sanh tức là hoài nghi. Những thế gọi là ngũ cái *(pañca nīvaraṇa).*

984.

Ngũ vô gián nghiệp *đó ra sao?* Như là giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, chích huyết thân Phật và phá hòa hiệp Tăng. Những thế gọi là ngũ vô gián nghiệp *(kamma ānantarika).*

985.

Ngũ kiến thức *đó ra sao?* Như là có bực Sa-môn hoặc Bà-la-môn có vị trình bày như vầy: Ta có tưởng, sau khi chết không thay đổi. Hay Sa-môn, Bà-la-môn có vị trình bày như vầy: Ta không có tưởng, sau khi chết không thay đổi. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nào trình bày rằng ta có tưởng cũng không phải, không có tưởng cũng không phải sau khi chết không thay đổi. Hay có bực Sa-môn, Bà-la-môn có vị vẫn chế định sự tiêu diệt, sự tiêu tàn, sự không có của chúng sanh vẫn rõ rệt. Hay có bực Sa-môn, Bà-la-môn có vị trình bày Níp-bàn hiện tại. Những thế gọi là ngũ kiến thức *(diṭṭhi).*

986.

Ngũ oan trái *đó ra sao?* Như là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, ẩm tửu và dùng cách chất say, ăn men, ăn hèm. Những thế gọi là ngũ oan trái *(verā).*

987.

Ngũ phiến *đó ra sao?* Như là thân tộc phiến *(ñātibyasana),* phẩm thực phiến *(bhogabyasana),* tật bệnh phiến *(rogabyasana),* giới hạnh phiến *(sīlabyasana),* tà kiến phiến *(diṭṭhibyasana).* Những thế gọi là ngũ phiến *(byasana).*

988.

Ngũ quá bất nhẫn *đó ra sao?* Như là nhiều người không thích, có oan trái, có tội lỗi nhiều, chết mê loạn và sau khi chết sa vào đường ác như khổ thú, khổ hình và Địa ngục. Những thế gọi là ngũ quá bất nhẫn *(akkhantiyā ādīnavā).*

989.

Ngũ nạn *đó ra sao?* Như là nạn phát sanh do nuôi sống, nạn phát sanh do chê bai, nạn phát sanh do sợ trong khi hội hợp, nạn phát sanh do tử và nạn phát sanh do sa đoạ đường ác. Những thế gọi là ngũ nạn *(bhaya).*

990.

Ngũ thuyết Níp-bàn hiện tại kiến *đó ra sao?*

1. Như là Sa-môn hoặc Bà-la-môn trong đời nầy có tà thuyết như vầy: Nầy chư hiền giả khi nào ta đầy đủ tràn trề dồi dào với ngũ dục lạc thì do nhân ấy ta đây mới gọi là đắc Níp-bàn hiện tại kiến cao tột. Hoặc có những Sa-môn, Bà-la-môn một đảng nào mà đặt ra Níp-bàn hiện tại cao siêu của chúng sanh hiện bày bằng cách như thế.

2. Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn khác nữa trình bày với Sa-môn hoặc Bà-la-môn đó như vầy: Nầy chư hiền giả, Ngài trình bày cái ngã đâu? Cái ngã ấy chính vẫn có, ta sẽ trình bày như vầy: Cái ta đó không có cũng không lý.

   Nầy chư hiền giả, chỉ cái ta ấy, chính cái ta ấy sẽ gọi là chủng Níp-bàn hiện tại cao tột, do nhân bao nhiêu đó phi lý, điều nầy có cho là nhân.

   Nầy chư hiền giả, bởi vì tất cả dục không bền thành khổ, phát sanh sầu, khóc, ưu, ai, sự buồn rầu, sự than khóc, sự khổ, sự ưu sầu vì bởi những dục đó biến chuyển thành thứ khác.

   Nầy hiền giả, nếu khi nào cái ta ấy tĩnh ly dục, vắng lặng đã lìa pháp thiện, vẫn đắc sơ thiền…

   Nầy chư hiền giả, chính do nhân với duyên đó ta đây mới gọi là đắc chứng Níp-bàn hiện tại cao siêu. Có bọn Sa-môn, Bà-la-môn định đặt Níp-bàn hiện tại cao siêu của chúng sanh vẫn có bằng cách như thế.

3. Có bực Sa-môn hoặc Bà-la-môn khác trình bày với Sa-môn hoặc Bà-la-môn đó như vầy: Nầy hiền giả, Ngài tường thuật cái ta đâu chi? Chính cái ta ấy vẫn có chúng ta sẽ trình bày như vầy: Cái ta đó không có không lý.

   Nầy hiền giả, chỉ cái ta ấy sẽ gọi là đắc chứng Níp-bàn cao thượng với nhân bao nhiêu đó cũng vô lý, điều ấy có chi là thành nhân. Tầm, tứ nào mà có trong sơ thiền ấy, có trong sơ thiền đó, thì sơ thiền ấy vẫn hiện thành đồ thô bởi do tầm và tứ ấy.

   Nầy hiền giả, chính khi nào ta đắc nhị thiền thì dĩ nhiên trong sạch do vắng lặng tầm, tứ… với nhân bao nhiêu đó, cái ta ấy mới gọi là đắc chứng Níp-bàn hiện tại cao thượng.

4. Có nhóm Sa-môn hoặc Bà-la-môn khác tự định đặt Níp-bàn hiện tại cao thượng của chúng sanh vẫn có hiện bày bằng cách như thế đó. Cũng có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào khác mà nói với Sa-môn, Bà-la-môn đó như vầy: Nầy chư hiền giả, Ngài nói cái ta như thế nào? Chính là cái ta ấy vẫn có chúng ta sẽ trình bày cái ta đó không có cũng không lý.

   Nầy hiền giả, chỉ là cái ta ấy sẽ gọi là đắc chứng Níp-bàn hiện tại cao siêu bằng nhân bấy nhiêu đó cũng vô lý, điều đó có chi là nhân vì hỷ mà tâm bồng bột ở trong nhị thiền ấy hiện thành đồ thô, chính do hỷ là sự bồng bột tâm đó.

   Nầy hiền giả, nếu khi nào đặng bày trừ hỷ nữa thì cái ngã ấy đắc chứng tam thiền… bằng nhân bao nhiêu đó thì cái ta ấy mới gọi là đắc chứng Níp-bàn hiện tại cao siêu.

5. Có một đám Sa-môn hoặc Bà-la-môn định đặt Níp-bàn hiện tại cao siêu của chúng sanh vẫn có hiện bày bằng cách như thế. Lại có Sa-môn, Bà-la-môn khác nữa trình bày với Sa-môn, Bà-la-môn đó như vầy: Nầy hiền giả, Ngài nói cái chi là ta, chính cái ta ấy vẫn có, chúng ta sẽ đặng trình bày như vầy: Cái ta đó không có cũng vô lý.

   Nầy hiền giả, cái ta ấy gọi là đắc chứng Níp-bàn hiện tại cao siêu bằng nhân bao nhiêu đó cũng vô lý, điều nầy có chi là nhân có hưởng lạc trong tâm ở trong tam thiền ấy, thế nên tam thiền ấy vẫn hiện bày lối thô, bởi hưởng lạc trong tâm đó. Nếu khi nào mà cái ấy đắc chứng tứ thiền đặng trừ lạc… chỉ do nhân ấy thì cái ta đó mới

gọi là đắc chứng Níp-bàn hiện tại cao thượng. Bọn Sa-môn, Bà-la-môn nào mà định đặt Níp-bàn hiện tại cao thượng của chúng sanh vẫn có hiện bày bằng cách như thế.

Những đó gọi là ngũ thuyết Níp-bàn hiện tại *(diṭṭhadhammanibbānavāda).*

Xiển minh phần sáu điều

991.

Trong phần lục điều, mà ***lục căn khanh biện*** *ra sao?* Như là sự sân, sự vong ân, sự đố kỵ, sự khoe khoang, sự móng ô uế và sự tự chấp theo kiến thức của mình. Những thế gọi là lục căn khanh biện *(vivādamūla).*

992.

Lục pháp liên quan dục ái *đó ra sao?* Như là sự vọng dục, rất vọng dục… sự quá vọng dục của tâm, ngoan cố theo dục lạc trong những sắc vừa lòng… thinh vừa lòng… khí vừa lòng… vị vừa lòng… xúc vừa lòng… và cảnh pháp vừa lòng… liên quan với ái hay rất ưa thích… Những sự ái dục lạc của tâm như thế gọi là lục pháp liên quan dục ái *(chandarāgāgehasitā dhammā).*

993.

Lục ác độc tông *đó ra sao?* Như là sự cừu thù, sự sôi nổi của tâm… sự hung ác, sự độc hại, sự không hoan hỷ của tâm đối với sắc không thích tâm… tiếng không thích tâm… khí không thích tâm… vị không thích tâm… xúc không thích tâm… và cảnh pháp không thích tâm, cho đến cừu thù oán hận của tâm… Hay là tâm hung dữ độc ác, ý không hoan hỷ. Những thế gọi là ác độc tông *(vidhavatthu).*

994.

Lục ái thân *đó ra sao?* Như là sắc ái, thinh ái, khí ái, vị ái, xúc ái và pháp ái. Những thế gọi là lục ái thân *(taṅhākāya).*

995.

Lục phòng xá *đó ra sao?* Như là những người không cung kỉnh, không tin theo giáo chủ đang hiện hành… trong Pháp bảo đang hiện hành… trong Tăng bảo đang hiện hành… trong điều học đang hiện hành… trong sự dể duôi đang hiện hành mà người không cung kỉnh và không nghe theo với sự khuyên bảo đang hiện hành. Những như thế gọi là lục phòng xá *(agāravā).*

996.

Lục pháp thối hóa *đó ra sao?* Như là sự ưa tạo lập, ưa nói chuyện, ưa ngủ nghỉ, ưa trà trộn với đám đông, ưa cách ở chung và ưa trong pháp hành nhân trễ nải. Những thế gọi là lục pháp thối hóa *(parihāniyā dhammā).*

997.

* ***Lục pháp thối hóa*** *(nữa) đó ra sao?*

Như là sự ưa tạo lập, ưa nói chuyện, ưa ngủ nghỉ, ưa chung chạ đám đông thành người nan giáo và thành người có bạn ác xấu. Những thế gọi là lục pháp thối hóa *(parihāniyā dhammā).*

998.

Lục hỷ nhớ tưởng *đó ra sao?* Như là mắt đã thấy sắc nhớ đến sắc nương căn cứ hỷ. Tai đã nghe tiếng… mũi đã hửi hơi… lưỡi đã nếm vị… thân đã đụng chạm… ý đã biết cảnh pháp đều nhớ tưởng bằng cơ sở hỷ. Những thế gọi là lục hỷ nhớ tưởng *(somanassupavicārā).*

999.

Lục ưu nhớ tưởng *đó ra sao?* Như là mắt đã thấy sắc móng tưởng đến sắc bằng cơ sở ưu. Tai đã nghe tiếng… mũi đã hửi hơi… lưỡi đã nếm vị… thân đã đụng chạm… tâm đã biết cảnh pháp mà nhớ đến cảnh pháp bằng cơ sở ưu. Những thế gọi là lục ưu nhớ tưởng *(domanassupavicārā).*

1000.

Lục xả cận tứ *đó ra sao?* Như là mắt đã thấy sắc móng nhớ đến sắc bằng cơ sở xả. tai đã nghe tiếng… mũi đã hửi hơi… lưỡi đã nếm vị… thân đã đụng chạm… và tâm đã biết cảnh pháp rồi móng tưởng đến cảnh pháp bằng cơ sở xả. Những thế gọi là lục xả cận tứ *(upekkhūvicārā).*

1001.

Lục liên quan hỷ *đó ra sao?* Như là sự vui lòng, sự an tâm, sự hưởng cảnh an vui từ nơi tâm xúc, thái độ hưởng cảnh an vui từ nơi tâm xúc, cố nương với dục lạc đối với trong sắc vừa lòng… thinh thích ý… hơi thích tâm… vị vừa ý… xúc vừa lòng… có sự yên tâm vui lòng hưởng cảnh an vui phát sanh từ ý xúc hay thái độ hưởng cảnh an vui từ ý xúc, cố nương dục lạc trong cảnh pháp vừa lòng. Những thế gọi là lục liên quan hỷ *(gehasitasomanassa).*

1002.

Lục liên quan ưu *đó ra sao?* Như là sự không vui lòng, khổ tâm, sự hưởng cảnh không vui và khổ tâm sanh từ nơi ý xúc, thái độ hưởng cảnh chẳng vui khổ tâm sanh từ nơi ý xúc, cố nương dục lạc đối trong sắc chẳng vừa lòng… tiếng chẳng vừa lòng… hơi chẳng vừa ý… vị chẳng vừa tâm… xúc không thích hợp, sự không vui lòng, cách khổ tâm, sự hưởng cảnh không vui thành khổ sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh không vui thành khổ sanh từ ý xúc, cố nương dục lạc, đối trong cảnh pháp đều chẳng vừa lòng. Những thế gọi là lục liên quan ưu *(gehasitadomanassa).*

1003.

Lục liên quan xả *đó ra sao?* Như là sự làm trong tâm liên quan với phi khổ phi lạc, sự hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, cố hưởng dục lạc sắc thuộc cơ sở xả… thinh thuộc cơ sở xả… khí thuộc cơ sở xả… vị thuộc cơ sở xả… xúc thuộc cơ sở xả… sự phi lạc phi phi lạc của tâm, sự hưởng cảnh phi khổ phi lạc cũng sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh phi khổ phi lạc cũng sanh từ ý xúc, cố nương dục lạc trong cảnh pháp thuộc cơ sở xả. Những thế gọi là lục liên quan xả *(gehasitā upekkhā).*

1004.

Lục tà kiến *đó ra sao?*

- Như là sự nhận thấy phát sanh với người ấy bằng cách chắc chắn như vầy: Cái ngã của ta hoặc cũng có như thế hay sự nhận thức phát sanh của người ấy cố định như vầy: Cái ngã của ta hoặc cũng không có hay sự kiến thức phát sanh cho người ấy bằng cách cương quyết như vầy: Ta biết rõ hoặc cái ta với cái ta như thế. Sự tri kiến phát sanh đến người ấy chấp cứng như vầy: Ta biết rõ hoặc phi ngã với ngã như thế. Sự tri kiến phát sanh cho người ấy chắc chắn như vầy: Ta cũng biết rõ hoặc ngã với phi ngã như thế.
- Sự tri kiến phát sanh cho người ấy bằng cách chắn chắn như vầy: Cái ngã của ta đây là thành người nói, thành người hưởng, vẫn hưởng quả của sự tốt và sự xấu trong những đời ấy tột thời gian lâu xa; cái ngã đó không sanh đã không có ra trong thuở quá khứ và cái ngã đó không sanh sẽ không có ra trong thời vị lai vì cái ngã là đồ trường tồn vững chắc thiêng liêng mãi mãi không thay đổi cũng có lẽ như thế. Những đó là lục tà kiến *(diṭṭhi).*

Xiển minh phần bảy điều

1005.

*Trong những phần bảy điều, mà **thất tùy miên** ra sao?* Như là dục ái tùy miên *(kāmarāgānusaya),* phẫn nhuế tùy miên *(paṭighānusaya),* ngã mạn tùy miên *(mānānusaya),* tà kiến tùy miên *(diṭṭhānusaya),* hoài nghi tùy miên *(vicikicchānusaya),* hữu ái tùy miên *(bhavarāgānusaya),* vô minh tùy miên *(avijjānusaya).* Những thế gọi là thất tùy miên.

1006.

***Thất giá cái** đó ra sao?* Như là dục ái giá cái *(kāmarāgapariyuṭṭhāna),* phẫn nhuế giá cái *(paṭighapari-yuṭṭhāna),* ngã mạn giá cái *(mānapariyuṭṭhāna),* tà kiến giá cái *(diṭṭhipariyuṭṭhāna),* hoài nghi giá cái *(vicikicchāpariyuṭṭhāna),* hữu ái giá cái *(bhavarāgapariyuṭṭhāna),* vô minh giá cái *(avijjāpariyuṭṭhāna).* Những thế gọi là thất giá cái.

1007.

***Thất triền** đó ra sao?* Như là dục ái triền, phẫn nhuế triền, ngã mạn triền, tà kiến triền, hoài nghi triền, hữu ái triền, vô minh triền. Những thế gọi là thất triền *(saṃhoyana).*

1008.

***Thất phi chánh pháp** đó ra sao?* Như là kẻ thành người bất tín *(assaddho),* vô tàm, vô úy, thiểu học vấn, giải đãi, thất chánh niệm, trí cạn cợt. Những thế gọi là thất phi chánh pháp *(asaddhammā).*

1009.

***Thất ác** đó ra sao?* Như là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ. Những thế gọi là thất ác *(duccarita).*

1010.

***Thất mạn** đó ra sao?* Như là ngã mạn *(māna)*, quá mạn *(atimāno),* mạn quá mạn *(mānātimāno),* ty ngã mạn *(omāno),* tăng thượng mạn *(adhimāno),* cống cao mạn *(asmimāno),* tà mạn *(micchāmāno).* Những thế gọi là thất mạn *(satta mānā).*

1011.

***Thất tà kiến** đó ra sao?*

1. Như là Sa-môn hoặc Bà-la-môn cũng có người trong đời nầy có ý kiến thế nầy, có sự kiến thức như vầy: Nầy hiền giả, bởi vì cái ta đó có sắc thành tựu do sắc tứ đại sung sanh trong khiết bạch[1] của mẹ, sau khi chết vẫn tiêu mất, vẫn điêu tàn, vẫn không có.

   Nầy hiền giả, chính do nhân đó, cái ta ấy mới đặng gọi là hoàn toàn tiêu diệt. Sa-môn, Bà-la-môn một nhóm khác định đặt sự tiêu diệt, sự tiêu tàn, sự luống không của chúng sanh kẻ đang hiện có bằng cách như thế.

2. Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn khác trình bày với Sa-môn, Bà-la-môn đó như vầy: Nầy hiền giả, Ngài nói cái ngã dù sao nhưng mà chính cái ngã đó vẫn có, chúng ta sẽ phải nói như vầy: "cái ngã đó không có cũng không lý".

   Nầy hiền giả, nhưng cái ngã ấy sẽ đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn chỉ bằng nhân ấy cũng không lý.

[1] khiết bạch – nghĩa là trong sạch trắng trẻo (theo Từ Điển Hán-Việt của Đào Duy Anh)

Nầy hiền giả, cái ngã khác là tiên có những hình sắc dạo đi trong cõi Dục giới có thực phẩm là vắt cơm thành miếng ăn hẳn đang có mà Ngài không biết không thấy cái ngã ấy, còn tôi đặng biết cái ngã đó.

Nầy hiền giả, chính do cái ngã ấy sau khi chết phải tiêu mất điêu tàn luống không. Nầy hiền giả, chỉ do nhân như thế cái ngã ấy mới đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn. Có một đám Sa-môn, Bà-la-môn định đặt sự tiêu diệt, tiêu tàn, luống không của chúng sanh mà người đang hiện có bằng cách như thế.

3. Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn khác nói với Sa-môn, Bà-la-môn đó như vầy: Nầy hiền giả, Ngài nói cái ngã dù sao chính cái ngã đó vẫn có, chúng ta sẽ đặng nói rằng cái ngã đó không có cũng vô lý.

   Nầy hiền giả, nhưng cái ngã ấy sẽ đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn bằng bao nhiêu nhân đó cũng vô lý.

   Nầy hiền giả, cái ngã khác là tiên có hình sắc đã thành tựu bằng tâm có tứ chi lớn nhỏ đủ mọi bộ phận có quyền *(Indrīya)* không thiếu sót chắc hẳn là có mà Ngài không biết không thấy cái ngã đó, tôi đây mới đặng biết, đặng thấy cái ngã đó.

   Nầy hiền giả, bởi vì chính cái ngã đó sau khi chết thân hoại mạng chung vẫn tiêu mất, tiêu tàn, luống không.

   Nầy hiền giả, do những nhân ấy, cái ngã đó mới đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn. Có đám Sa-môn, Bà-la-môn định đặt sự tiêu diệt tiêu mất, luống không của chúng sanh mà người đang hiện có bằng cách như thế.

4. Có Sa-môn, Bà-la-môn khác nói với Sa-môn, Bà-la-môn đó như vầy: Nầy hiền giả, Ngài nói cái ngã chi thì chính cái ngã đó vẫn có, chúng ta sẽ đặng trình bày như vầy: Cái ngã đó không có cũng vô lý.

   Nầy hiền giả, nhưng cái ngã ấy sẽ đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn bằng nhân bao nhiêu đó cũng vô lý.

   Nầy hiền giả, cái ngã khác đến bực thiền Không vô biên xứ, niệm tưởng bằng cách như vầy: hư không không bờ mé, do lướt qua tưởng sắc bằng mọi cách bởi sự diệt mất nơi phẫn tưởng *(Paṭgha Saññāna)* do không tác ý tưởng dị chính là vẫn có mà ngài không biết không thấy cái ngã đó, nhưng tôi biết tôi thấy cái ngã đó.

   Nầy hiền giả, do chính cái ngã đó sau khi chết thân hoại mạng chung vẫn tiêu mất, vẫn điêu tàn, vẫn luống không.

   Nầy hiền giả, chỉ do nhân ấy mà cái ngã đó mới đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn. Có đám Sa-môn, Bà-la-môn định đặt sự tiêu diệt, sự tiêu tàn, sự luống không của chúng sanh người đang hiện có bằng cách như thế.

5. Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn khác nói với Sa-môn, Bà-la-môn đó như vầy: Nầy hiền giả, Ngài nói cái ngã nào thì chính cái ngã ấy vẫn có, chúng ta sẽ đặng trình bày rằng cái ngã đó không có cũng vô lý.

   Nầy hiền giả, chính cái ngã ấy sẽ đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn, chỉ bằng nhân đó cũng là vô lý.

   Nầy hiền giả, cái ngã khác mà có thể đến thiền Thức vô biên xứ bằng cách tu niệm rằng: "Cái thức không cùn tột" như vậy do lướt khỏi Không vô biên xứ bằng mọi cách chính vẫn có mà Ngài không biết không thấy cái ngã đó, tôi mới biết thấy cái ngã đó.

   Nầy hiền giả, chính do cái ngã đó sau khi chết do thân hư hoại thời tiêu diệt, vẫn tiêu tàn, vẫn luống không.

Nầy hiền giả, chỉ nhân bao nhiêu đây mà cái ngã ấy mới đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn. Một đám Sa-môn, Bà-la-môn định đặt sự tiêu diệt, sự tiêu tàn, sự luống không của chúng sanh mà người đang hiện có bằng cách như thế.

6. Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn khác nói với Sa-môn, Bà-la-môn đó như vầy: Nầy hiền giả, Ngài nói cái ngã chi thì chính cái ngã đó vẫn có, chúng ta sẽ đặng trình bày rằng cái ngã đó không có cũng vô lý.

   Nầy hiền giả, vốn cái ngã ấy sẽ đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn bằng bao nhiêu nhân đó cũng vô lý.

   Nầy hiền giả, cái ngã khác đặng vào đến thiền Vô sở hữu xứ do tu niệm như vầy: "Cái thức không có chi cả" như thế do lướt qua Thức vô biên xứ bằng mọi cách như thế mà Ngài vẫn không biết, không thấy cái ngã đó, tôi vẫn biết vẫn thấy cái ngã đó.

   Nầy hiền giả, chính do cái ngã đó mà sau khi chết thân hoại mạng chung vẫn tiêu diệt, vẫn tiêu tàn, vẫn luống không.

   Nầy hiền giả, bởi chính cái nhân đó mới đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn.

7. Một đám Sa-môn, Bà-la-môn định đặt sự tiêu diệt, sự tiêu tàn sự không có của chúng sanh mà người đang hiện hữu với cách như thế. Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn khác nói với Sa-môn, Bà-la-môn đó như vầy: Nầy hiền giả, Ngài nói cái ngã chi chính là cái ngã đó vẫn có, chúng ta sẽ đặng trình bày rằng cái ngã đó không có cũng là vô lý.

   Nầy hiền giả, chính cái ngã ấy sẽ đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn, do bao nhiêu nhân đó cũng vô lý.

   Nầy hiền giả, cái ngã khác có thể đến thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ do lướt qua Vô sở hữu xứ bằng mọi cách chắc hẳn có, mà Ngài vẫn không biết không thấy cái ngã ấy, ta đây mới thấy biết cái ngã ấy.

   Nầy hiền giả, chính do cái ngã đó mà sau khi chết thân hoại mạng chung thì tiêu diệt, vẫn tiêu hoại, vẫn không có.

   Nầy hiền giả, chỉ do những nhân đó mà cái ngã ấy mới đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn. Một đám Sa-môn, Bà-la-môn định đặt sự tiêu diệt, sự tiêu tàn, sự không có của chúng sanh mà người đang hiện hữu bằng cách ấy. Những thế gọi là thất tà kiến *(satta diṭṭhiyo)*.

Xiển minh phần tám điều

1012.

Trong những phần bát điều, mà ***bát phiền não tông*** *đó ra sao?* Như là tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi, hôn trầm, phóng dật. Những thế gọi là bát phiền não tông *(kilesavatthu)*.

1013.

Bát giải đãi tông *đó ra sao?*

1. Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy có công việc phải làm, y phát ra sự nghĩ rằng ta sẽ cần làm công việc mà khi ta làm công việc ta sẽ khổ thân, thôi ta nên đi ngủ. Thế rồi y ngủ luôn không mong sự tinh tấn để đến công đức chưa đến, để chứng công đức chưa chứng, để làm cho tỏ ngộ phần công đức mà chưa đặng làm cho tỏ ngộ. Đây sắp thành giải đãi tông thứ nhất *(pathama kusītavatthu)*.

2. Còn điều khác nữa như là Phíc-khú đã làm công việc rồi, y mới suy nghĩ bằng cách nầy, ta làm công việc đã xong mà khi ta đang làm công chuyện thì thân khổ sở, vậy

thôi thì ta sẽ nghĩ chớ rồi y ngủ luôn, không hy vọng sự tinh tấn để đến công đức mà ta chưa đến, để đắc ân đức mà chưa đắc chứng, để làm cho tỏ ngộ cái công đức mà ta chưa đặng làm cho tỏ ngộ. Như thế sắp thành giải đãi tông thứ hai *(dutiya kusītavatthu)*.

3. Còn có điều khác nữa, như là Phíc-khú cần đi đường thì y lại nghĩ rằng ta sẽ cần đi đường ư? Nhưng khi ta đi đường sẽ khổ thân, thôi đừng ta nên ngủ đi, thế rồi y ngủ luôn, không hy vọng sự tinh tấn để đến ân đức chưa đến, để chứng ân đức mà chưa đắc chứng, để làm cho tỏ ngộ cái ân đức mà chưa mấy gì tỏ ngộ. Những như thế đó sắp thành giải đãi tông thứ ba *(tatiya kusītavatthu)*.
4. Còn có điều khác nữa, như là Phíc-khú sau khi đi đường thì y nghĩ rằng ta hành trình rồi mà khi ta đang đi đường cực khổ thân, thôi đi ta nên ngủ kìa, nói rồi y ngủ luôn, không hy vọng sự tinh tấn hầu đến công đức chỗ chưa đến, hầu đắc chứng công đức chỗ chưa đắc chứng, hầu làm cho tỏ ngộ với công đức mà chưa làm cho tỏ ngộ. Như thế sắp thành giải đãi tông thứ tư *(catuttha kusītavatthu)*.
5. Còn có điều khác nữa, như là Phíc-khú đi dạo trong xóm làng thuộc về đi bát mà không đặng thực phẩm dù cho đồ xấu xa hay tinh vi vừa với sự cần dùng, y mới nghĩ rằng khi ta đi bát trong xóm làng mà không đặng thực phẩm thô sơ hoặc tinh vi cho vừa với sự cần dùng mà khổ thân ta với công việc không đáng, thôi ta nên ngủ cho rồi, y liền đi ngủ luôn, không hy vọng sự tinh tấn hầu đến ân đức chưa đến, hầu đắc chứng ân đức chưa đắc chứng, để làm cho tỏ ngộ bằng ân đức mà chưa đặng làm cho tỏ ngộ. Như thế sắp thành giải đãi tông thứ năm *(pañcama kusītavatthu)*.
6. Còn có điều khác nữa như là Phíc-khú đi vào xóm làng trì bình đặng thực phẩm thô sơ hoặc tinh vi đã thích hợp với sự cần dùng, nhưng y lại nghĩ rằng khi ta đi bát trong xóm làng mà đặng vật thực thô sơ hoặc tinh vi đã vừa với sự cần dùng thân phải nặng nề, công việc không thích hợp sẽ thành như đậu ngăm, thôi đi ta sẽ ngủ, rồi y ngủ luôn, không hy vọng sự tinh tấn để cho đến chỗ công đức chưa đến, để cho chứng công đức chỗ chưa chứng, đặng làm cho tỏ ngộ với công đức mà chưa mấy gì làm cho tỏ ngộ. Như thế sắp thành giải đãi tông điều thứ sáu *(chaṭṭa kusītavatthu)*.
7. Còn có điều nầy nữa, như là Phíc-khú phát sanh chút đỉnh bịnh thì y nghĩ như vầy: Ta phát sanh chút đỉnh bịnh, suy nghĩ để sẽ ngủ mà thôi ta nên ngủ đi, rồi y ngủ luôn không hy vọng sự tinh tấn hầu đến công đức chỗ chưa đắc chứng, để làm cho tỏ ngộ công đức mà chưa mấy gì làm cho tỏ ngộ. Như thế sắp thành giải đãi tông điều thứ bảy *(sattama kusītavatthu)*.
8. Còn có điều khác nữa như là Phíc-khú hết làm cử rồi chưa bao lâu thì y nghĩ rằng ta đã hết làm cử rồi chưa đặng bao lâu, thân của ta yếu ớt không vừa với việc làm, thôi đi ta sẽ ngủ rồi y ngủ luôn không hy vọng sự tinh tấn hầu đến công đức mà chưa đến, để đặng đắc chứng công đức mà chưa đắc chứng, để làm cho tỏ ngộ ân đức chỗ chưa mấy gì làm cho tỏ ngộ. Như thế sắp thành giải đãi tông điều thứ tám *(aṭṭhamakusītavatthu)*.

Những thế gọi là bát giải đãi tông *(aṭṭha kusītavatthu)*.

1014.

Tâm hợp dụng bát thế pháp *đó ra sao?* Sự mừng trong lợi lộc, sự buồn khi hao lợi lộc; sự mừng trong quyền tước, sự buồn khi mất quyền tước; sự mừng với cách khen

ngợi, sự buồn với cách chê bai; sự mừng trong hưởng lạc, sự buồn khi thọ khổ. Những thế gọi là tâm hợp dụng bát thế pháp.

1015.

Bát phi Thánh từ *đó ra sao?* Như là khi không thấy nói thấy, khi không nghe nói nghe, khi không biết nói biết, khi không hiểu nói hiểu. Hay là khi thấy nói không thấy, khi nghe nói không nghe, khi biết nói không biết, khi hiểu nói không hiểu. Những thế gọi là bát phi Thánh từ *(anariyavohāvā).*

1016.

Bát tà *đó ra sao?* Như là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà định. Những thế gọi là bát tà.

1017.

Bát phú quá *đó ra sao?*

1. Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy mà bị Phíc-khú bên nguyên cáo phạm giới và vị Phíc-khú bị nguyên cáo phạm giới đó che mình bằng sự thất niệm như vầy: "Tôi nhớ không đặng chi như thế. Như thế sắp thành phú quá điều thứ nhất *(pathama purisadosa).*

2. Còn có điều khác nữa như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy bị nguyên cáo về phạm giới mà vị nguyên cáo phạm giới đó biện bác với người nguyên cáo như vầy: Lợi ích chi chăng với cách trình thuộc về Ngài là người ngu si, người không khôn lanh, dù Ngài chưa quyết sái chỗ sẽ nói với ta. Như thế đó sắp thành phú quá điều thứ hai *(dutiya purisadosa).*

3. Còn có điều khác nữa như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy bị nguyên cáo với phạm tội mà Phíc-khú bị nguyên cáo với phạm tội đó bắt tội lại với Phíc-khú nguyên cáo đó như vầy: Chính Phíc-khú nầy bị phạm tội, điều nầy ông nên sám hối tội đó trước đi. Như thế đó sắp thành phú quá điều thứ ba *(tatiya purisadosa).*

4. Còn có điều khác nữa như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy bị nguyên cáo với phạm tội mà Phíc-khú bị nguyên cáo đó đem những nhân khác lại nói khỏa lấp, nói để kéo cho hiểu lầm ngoài công chuyện, làm cho giận hờn, làm cách không vừa lòng. Như thế sắp thành phú quá điều thứ tư *(catuttha purisadosa).*

5. Còn có điều khác nữa như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy bị nguyên cáo với tội mà Phíc-khú bị nguyên cáo với tội đó quơ tay bác bỏ trong giữa tăng chúng. Như thế sắp thành phú quá điều thứ năm *(pañcama purisadosa).*

6. Còn có điều khác nữa như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy bị nguyên cáo phạm tội mà Phíc-khú bị nguyên cáo phạm tội đã nín thinh ép chế làm cho tăng chúng khổ. Như thế sắp thành phú quá điều thứ sáu *(chaṭṭa purisadosa).*

7. Còn có điều khác nữa như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy bị nguyên cáo tội mà Phíc-khú bị nguyên cáo tôi đó không quảng đại với tăng chúng, không rộng rãi với nguyên cáo lánh mặt bỏ đi tùy ý, luôn cả lúc đang phạm tội. Như thế sắp thành phú quá điều thứ bảy *(sattama purisadosa).*

8. Còn có điều khác nữa như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy bị nguyên cáo phạm tội mà Phíc-khú bị nguyên cáo phạm tội đó lại nói như thế nầy: "Làm sao kìa mà ông lại quá tìm kiếm tôi, hiện nay tôi sẽ hoàn tục thành cư sĩ, ông cũng hoàn tục thành cư sĩ". Rồi nói như thế nầy: "các ngài trưởng thượng hiện nay đây các ngài nên vui mừng hớn hở". Cách đó sắp thành phú quá điều thứ tám *(aṭṭhama purisadosa).*

1018.

***Bát lý thuyết vô tưởng** đó ra sao?*

1. Như là có một đám Sa-môn hoặc Bà-la-môn chấp rằng cái ngã có hình sắc, sau khi chết biến đổi, nên mới định đặt cái ngã đó như vầy là không có tưởng.
2. Một đám Sa-môn, Bà-la-môn chấp như vầy: Cái ngã không có hình sắc, sau khi chết không biến đổi, nên mới định đặt cái ngã đó là không có tưởng.
3. Một đám Sa-môn, Bà-la-môn chấp như vầy: "Cái ngã có cả hình sắc và không hình sắc, sau khi chết không biến đổi, nên mới định đặt cái ngã đó là không có tưởng.
4. Có một đám Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã có hình sắc cũng chẳng phải, không hình sắc cũng chẳng phải, sau khi chết không biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là không có tưởng.
5. Có một đám Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã có chỗ cùng tột, sau khi chết không biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là không có tưởng.
6. Có một đám Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã không cùng tột sau khi chết không biến đổi, nên mới định đặt cái ngã đó là không có tưởng.
7. Có một đám Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã có cả cùng tột và không cùng tột, sau khi chết chẳng biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là không có tưởng.
8. Có một đám Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã có chỗ cùng tột cũng chẳng phải, không cùng tột cũng chẳng phải, sau khi chết chẳng biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là không có tưởng.

Những thế gọi là bát thuyết vô tưởng *(aṭṭha asaññivādā).*

1019.

***Bát thuyết phi tưởng phi phi tưởng** đó ra sao?*

1. Như là có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã có hình sắc, sau khi chết không biến đổi, mới định đặt cái ngã đó là phi tưởng phi phi tưởng.
2. Một đám Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã không có hình sắc, sau khi chết chẳng biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là phi tưởng phi phi tưởng.
3. Một đám Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã gồm cả có hình sắc và không hình sắc, sau khi chết chẳng biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là phi tưởng phi phi tưởng.
4. Có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã có hình sắc cũng chẳng phải, không hình sắc cũng chẳng phải, sau khi chết chẳng biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là phi tưởng phi phi tưởng.
5. Một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã có chỗ cùng tột, sau khi chết không biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là phi tưởng phi phi tưởng.
6. Một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã không có chỗ cùng tột, sau khi chết chẳng biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là phi tưởng phi phi tưởng.
7. Một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã gồm cả cùng tột và không cùng tột, sau khi chết chẳng biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là phi tưởng phi phi tưởng.

8. Một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã có chỗ cùng tột cũng chẳng phải, không cùng tột cũng chẳng phải, sau khi chết chẳng biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là phi tưởng phi phi tưởng.

Những thế gọi là bát thuyết phi tưởng phi phi tưởng *(nevasaññināsaññivādā)*.

Xiển minh phần chín điều

1020.

*Trong những phần chín điều, mà **cửu cừu địch tông** đó ra sao?*

1. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đã làm cho ta hư hại.
2. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đang làm cho ta hư hại.
3. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm cho ta hư hại.
4. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đã làm cho kẻ thương mến của ta hư hại.
5. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đang làm cho kẻ thương yêu của ta hư hại.
6. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm cho kẻ thương yêu của ta hư hại.
7. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đã làm cho kẻ đối nghịch với ta đặng lợi ích.
8. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đang làm cho kẻ nghịch với ta đặng lợi ích.
9. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm cho kẻ nghịch với ta thêm lợi ích.

Những thế gọi là cửu hiệp cừu tông *(ākhātavatthu)*.

1021.

***Cửu ô uế** đó ra sao?* Như là sân, vong ân, đố kỵ, lẫn sắt, xảo quyệt, khoe khoan, vọng ngữ, hy vọng ô uế và tà kiến. Những thế gọi là cửu ô uế *(purisamala)*.

1022.

***Cửu ngã mạn** đó ra sao?*

1. Là hơn ỷ hơn *(seyyassa seyyohamasmīti māno)*.
2. Là hơn ỷ bằng *(seyyassa sadisohamasmīti māno)*.
3. Là hơn ỷ thua *(seyyassa hīnohamasmīti māno)*.
4. Là bằng ỷ hơn *(sadisassa seyyohamasmīti māno)*.
5. Là bằng ỷ bằng *(sadisassa sadisohamasmīti māno)*.
6. Là bằng ỷ thua *(sadisassa hīnohamasmīti māno)*.
7. Là thua ỷ hơn *(hīnassa seyyohamasmīti māno)*.
8. Là thua ỷ bằng *(hīnassa sadisohamasmīti māno)*.
9. Là thua ỷ thua *(hīnassa hīnohamasmīti māno)*.

Những thế gọi là cửu ngã mạn *(navavidhā mānā)*.

1023.

***Cửu pháp căn ái** đó ra sao?*

1. Là do nương ái mới sanh cách tìm kiếm.
2. Là do nương cách tìm kiếm mới sanh cách đặng.
3. Là do nương cách đặng mới sanh cách phán đoán.

4. Là do nương cách phán đoán mới sanh cách dục ái.
5. Là do nương cách dục ái mới sanh cách chấp trước.
6. Là do nương cách chấp trước mới sanh cách bận bịu.
7. Là do nương cách bận bịu mới sanh sự bỏn xẻn.
8. Là do nương sự bỏn xẻn mới sanh cách gìn giữ.
9. Là do nương sự gìn giữ mới sanh ra pháp tội ác, nhiều cách như là cầm cây, cầm khí giới, cách rầy lộn, cách dành xé, cách tranh luận, cách nói mầy tao, cách nói thóc mách và cách nói láo.

Những thế gọi là cửu pháp căn ái *(taṅhāmūlakā dhammā)*.

1024.

Cửu biến chuyển *đó ra sao?* Như là sự biến chuyển rằng có ta, sự biến chuyển cho rằng là ta, sự biến chuyển đây là ta; sự biến chuyển cho rằng ta sẽ là chúng sanh có hình sắc, sự biến chuyển cho rằng ta sẽ là chúng sanh không hình sắc, sự biến chuyển cho rằng ta sẽ là chúng sanh có tưởng, sự biến chuyển cho rằng ta sẽ là chúng sanh vô tưởng, sự biến chuyển cho rằng ta sẽ là chúng sanh phi tưởng phi phi tưởng. Những thế gọi là cửu biến chuyển *(iñjita)*.

1025.

Cửu quan trọng, cửu chuyển động, cửu ám ảnh và cửu hữu vi *đó ra sao?* Như là sự chỉnh lý cho rằng ta có, sự chỉnh lý cho rằng là ta, sự chỉnh lý cho rằng đây là ta, sự chỉnh lý cho rằng ta sẽ có, sự chỉnh lý cho rằng ta sẽ là chúng sanh có hình sắc, sự chỉnh lý cho rằng ta sẽ là chúng sanh không hình sắc, sự chỉnh lý cho rằng ta sẽ là chúng sanh hữu tưởng, sự chỉnh lý cho rằng ta sẽ là chúng sanh vô tưởng, sự chỉnh lý cho rằng ta sẽ là chúng sanh phi tưởng phi phi tưởng. Những thế gọi là cửu hữu vi.

Xiển minh phần mười điều

1026.

Trong thập điều, mà ***thập phiền não tông*** *ra sao?* Như là tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy. Những thế gọi là thập phiền não tông *(kilesavatthu)*.

1027.

Thập hiệp cừu tông *đó ra sao?*

1. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đã làm cho ta hư hại.
2. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đang làm cho ta hư hại.
3. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm cho ta hư hại.
4. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đã làm hư hại cho kẻ yêu mến của ta.
5. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đang làm hư hại cho kẻ yêu mến ta.
6. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm hư hại cho kẻ yêu mến ta.
7. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đã làm lợi ích cho kẻ mà ta không ưa.
8. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm lợi ích cho kẻ mà ta không ưa.
9. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm lợi ích cho kẻ mà ta không ưa thích.
10. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng trong cơ bản *(thāna)* không thích hợp.

Những thế gọi là thập hiệp cừu tông *(ākhātavatthu)*.

1028.

Thập ác *đó ra sao?* Như là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham ác và tà kiến ác. Những thế gọi là thập ác *(dasa akusalakammapathā).*

1029.

Thập triền *đó ra sao?* Như là dục ái triền, phẫn nhuế triền, ngã mạn triền, tà kiến triền, hoài nghi triền, giới cấm thủ triền, hữu ái triền, tật đố triền, lẫn sắc triền, vô minh triền. Những thế gọi là thập triền *(dasa samyojanāhi).*

1030.

Thập tà *đó ra sao?* Như là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, tà giải thoát. Những thế gọi là thập tà *(dasa micchattā).*

1031.

Thập tà kiến tông *đó ra sao?* Là nhận thấy rằng bố thí cho người rồi không có quả phước; là nhận thấy rằng cách cúng dường tam bảo không có quả phước; là nhận thấy rằng cúng dường Chư thiên không có quả phước; là nhận thấy rằng dị thục quả của nghiệp tốt xấu không có; là nhận thấy rằng đời nầy không có; là nhận thấy rằng đời sau không có; là nhận thấy rằng cha không có; là nhận thấy rằng mẹ không có; là nhận thấy rằng chúng sanh chết và tục sinh không có; là nhận thấy rằng Sa-môn, Bà-la-môn thực hành chơn chánh đứng đắn hiểu rõ chắc chắn trong đời nầy và đời sau do tự mình tỏ ngộ rồi tuyên bố cho người khác biết như thế, trong đời không có. Những thế gọi là thập tà kiến tông *(dasavatthukā micchādiṭṭhi).*

1032.

Thập tông thường vô thường kiến *đó ra sao?* Như là sự nhận thấy đời nầy trường tồn, hoặc nhận thấy đời không trường tồn, hoặc nhận thấy đời có chỗ tột, hoặc nhận thấy đời không có chỗ tột, hoặc nhận thấy linh hồn cũng là thân thể, hoặc nhận thấy linh hồn với thân thể khác nhau, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi chết vẫn sanh nữa, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi chết không sanh nữa, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi tục sinh nữa cũng có không tục sinh nữa cũng có, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi chết tục sinh nữa cũng chẳng phải không tục sinh nữa cũng chẳng phải. Những thế gọi là thập tông thường vô thường kiến *(dasavatthukā antaggāhikā diṭṭhi).*

Xiển minh phần mười tám điều

1033.

Trong những đầu đề, mà ***thập bát ái du hành nương ngũ uẩn bên trong*** *đó ra sao?* 1) Là cũng muốn rằng ta có như thế cũng có; 2) là cũng muốn rằng ta bằng cách ấy; 3) là cũng muốn rằng ta là cách đó như thế; 4) là cũng muốn rằng ta bằng cách khác như thế; 5) là cũng muốn rằng ta sẽ sống như thế cũng có; 6) là cũng muốn rằng ta sẽ bằng cách ấy như thế; 7) là cũng muốn rằng ta sẽ thành cách đó như thế; 8) là cũng muốn rằng ta sẽ thành với cách khác như thế; 9) là cũng muốn rằng ta nhất định như thế; 10) là cũng muốn rằng ta không nhất định như thế; 11) là cũng muốn rằng ta phải còn như thế; 12) là cũng muốn rằng ta phải còn với cách ấy như thế; 13) là cũng muốn rằng ta phải thành cách đó như thế; 14) là cũng muốn rằng ta phải thành bằng cách khác như thế; 15) là cũng muốn rằng ta phải còn như thế; 16) là cũng muốn rằng ta phải còn với cách ấy như thế; 17) là cũng muốn rằng ta thành ra cách đó như thế; 18) là cũng muốn rằng ta phải thành theo cách khác như thế.

1034.

***Cũng muốn rằng ta có như thế** ra sao?* Như là không phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã xa lìa nhau đặng thích rằng ta có, đặng ỷ rằng ta có, đặng nhận rằng ta có, đặng cho những ba pháp đó còn pháp thành cơ quan trì hưỡn. Những thế gọi là muốn rằng ta có như thế, hoặc ta bằng cách đó, hoặc ta thành bằng cách khác cũng vẫn có.

1035.

***Cũng muốn rằng ta bằng cách ấy** ra sao?* Như là muốn rằng ta thành vua, quan hoặc thành Phạm chí hoặc thành thầy thuốc, hoặc thành cận thắng tiện dân, hoặc thành cư sĩ, hoặc thành nhà sư, hoặc thành chư thiên, hoặc thành nhân loại có hình sắc, hoặc không hình sắc, có tưởng, hoặc không tưởng, hoặc phi tưởng phi phi tưởng. Như thế gọi là muốn rằng ta bằng cách ấy.

1036.

***Cũng muốn rằng ta thành cách đó** là sao?* Như là muốn sanh ra vì so sánh với người khác cho rằng họ thành vua chúa thì ta cũng thành vua chúa như họ. Nếu họ thành Phạm chí thì ta cũng thành Phạm chí như họ. Nếu họ thành thầy thuốc thì ta cũng thành thầy thuốc như họ. Nếu họ thành cận thắng tiện dân (thợ săn) thì ta cũng thành cận thắng tiện dân như họ. Nếu họ thành cư sĩ thì ta cũng thành cư sĩ như họ. Nếu họ thành nhà sư thì ta cũng thành nhà sư như họ. Nếu họ thành Chư thiên thì ta cũng thành Chư thiên như họ. Nếu họ thành nhân loại thì ta cũng thành nhân loại như họ. Nếu họ có hình sắc thì ta cũng có hình sắc như họ. Nếu họ không hình sắc thì ta cũng không hình sắc như họ. Nếu họ có tưởng thì ta cũng có tưởng như họ. Nếu họ không có tưởng thì ta cũng không có tưởng như họ. Nếu họ phi tưởng phi phi tưởng thì ta cũng phi tưởng phi phi tưởng như họ. Như thế gọi là cũng muốn rằng ta thành bằng cách ấy.

1037.

***Cũng muốn rằng ta thành với cách ấy** ra sao?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác rằng họ thành vua chúa, ta không đặng thành vua chúa như họ. Hoặc họ thành Phạm chí, ta không thành Phạm chí như họ. Hoặc họ thành y sĩ, ta không thành y sĩ như họ. Hoặc họ thành cận thắng tiện dân, ta không thành cận thắng tiện dân như họ. Hoặc họ thành cư sĩ, ta không đặng thành cư sĩ như họ. Hoặc họ thành nhà sư, ta không đặng thành nhà sư như họ. Hoặc họ thành Chư thiên, ta không đặng thành Chư thiên như họ. Hoặc họ thành nhân loại, ta không thành nhân loại như họ. Hoặc họ có hình sắc, ta không có hình sắc như họ. Hoặc họ không có hình sắc, ta chẳng phải không có hình sắc như họ. Hoặc họ có tưởng, ta không có tưởng như họ. Hoặc họ không có tưởng, ta chẳng phải không có tưởng như họ. Hoặc họ phi tưởng phi phi tưởng, ta chẳng phải phi tưởng phi phi tưởng như họ. Những cách ấy gọi là muốn rằng ta thành với cách khác.

1038.

***Cũng muốn rằng ta sẽ thành** đó ra sao?* Tức là không phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã lìa nhau. Đặng muốn rằng ta sẽ thành, đặng ỷ rằng ta sẽ thành, đặng nhận thấy rằng ta sẽ thành. Khi cả ba pháp đó vẫn có thì pháp thành cơ quan trì hưỡn. Những thế là ta sẽ thành bằng cách nầy, hoặc ta sẽ thành bằng cách đó, hoặc ta sẽ thành bằng cách kia cũng vẫn có.

1039.

***Cũng muốn rằng ta sẽ thành bằng cách nầy** đó ra sao?* Như là muốn rằng ta sẽ thành vua chúa, hoặc ta sẽ thành Phạm chí, sẽ thành y sĩ, hoặc sẽ thành cận thắng tiện dân (thợ săn), sẽ thành cư sĩ, hoặc sẽ thành nhà sư, sẽ thành chư thiên, hoặc sẽ thành nhân

loại, sẽ có hình sắc, hoặc sẽ không hình sắc, hoặc sẽ có tưởng, hoặc sẽ không có tưởng, hoặc sẽ có phi tưởng phi phi tưởng. Những cách ấy gọi là muốn rằng ta sẽ thành bằng cách nầy.

1040.

Cũng muốn rằng ta sẽ thành cách ấy *là sao?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta cũng thành vua chúa như nhau. Hoặc họ thành Phạm chí, ta cũng sẽ thành Phạm chí như nhau ... Hoặc họ có phi tưởng phi phi tưởng, ta cũng có phi tưởng phi phi tưởng như họ. Cách ấy gọi là muốn rằng ta sẽ thành cách ấy.

1041.

Cũng muốn rằng ta sẽ thành bằng cách khác *đó ra sao?* Như là muốn sanh ra bởi so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta sẽ không đặng thành vua chúa như họ. Nếu họ thành Phạm chí ta sẽ không đặng thành Phạm chí như họ. Nếu họ có phi tưởng phi phi tưởng, ta sẽ không thành người có phi tưởng phi phi tưởng. Cách ấy gọi là muốn rằng ta sẽ thành với cách khác.

1042.

Cũng muốn rằng ta thành nhất định *đó ra sao?* Tức là phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã lìa nhau, có muốn rằng ta trường tồn, ta lâu dài, ta nhất định, ta không có sự thay đổi như thông thường. Cách ấy gọi là muốn rằng ta nhất định.

1043.

Cũng muốn rằng ta không nhất định *đó ra sao?* Tức là không phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã rời nhau, có muốn rằng ta sẽ tiêu diệt, ta sẽ tiêu tàn, ta sẽ không có. Cách ấy gọi là muốn rằng ta không nhất định.

1044.

Cũng muốn rằng ta phải thành *đó ra sao?* Tức là không phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức lìa nhau rồi đặng muốn rằng ta phải thành, đặng ỷ rằng ta phải thành, đặng nhận thấy rằng ta phải thành. Khi có cả ba pháp đó là pháp thành cơ quan đình đải. Những thế gọi là ta phải đặng bằng cách ấy, hoặc ta phải đặng bằng cách đó, hoặc ta phải đặng bằng cách khác cũng vẫn có.

1045.

Cũng muốn rằng ta phải thành bằng cách ấy *đó ra sao?* Như là muốn ta phải thành vua chúa, hoặc phải thành Phạm chí, phải thành y sĩ, hoặc phải thành cận thắng tiện dân, phải thành cư sĩ, hoặc phải thành bực xuất gia, phải thành chư thiên, hoặc phải thành nhân loại, phải có hình sắc, hoặc phải không hình sắc, phải có tưởng, hoặc không có tưởng, hoặc phải đến phi tưởng phi phi tưởng. Những thứ nầy gọi là muốn rằng ta phải thành bằng cách ấy.

1046.

Cũng muốn rằng ta phải thành thứ *đó ra sao?* Như là muốn phát sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta cũng phải thành vua chúa như họ. Hoặc họ thành Phạm chí, ta cũng thành Phạm chí như họ ... Hoặc họ đến phi tưởng phi phi tưởng ta cũng phải đến phi tưởng phi phi tưởng như họ. Cách ấy gọi là muốn rằng ta phải thành thứ đó.

1047.

Cũng muốn rằng ta phải thành bằng cách khác *đó ra sao?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta không nên thành vua chúa như họ. Hoặc họ thành Phạm chí ta không nên thành Phạm chí như họ ... Hoặc họ đến phi

tưởng phi phi tưởng ta không nên đến phi tưởng phi phi tưởng như họ. Cách ấy gọi là muốn rằng ta phải thành bằng với cách khác.

1048.

Cũng muốn rằng ta hoặc phải thành *đó ra sao?* Tức là không phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã lìa nhau đặng muốn như vầy: Hoặc ta phải thành, đặng ỷ rằng ta phải thành, hoặc nhận thấy rằng ta phải thành. Khi ba pháp đó vẫn có là pháp thành cơ quan đình đải. Những thế là ta hoặc cũng nên thành bằng cách ấy, hoặc cũng nên thành bằng thứ đó, hoặc cũng nên thành bằng cách khác cũng vẫn có.

1049.

Cũng muốn rằng hoặc ta phải thành với cách ấy *ra sao?* Như là muốn rằng hoặc ta cũng phải thành vua chúa, hoặc ta cũng phải thành Phạm chí, hoặc ta phải thành y sĩ, hoặc phải thành cận thắng tiện dân, hoặc phải thành cư sĩ, hoặc phải thành bực xuất gia, hoặc phải thành chư thiên, hoặc phải thành nhân loại, hoặc phải thành có hình sắc, hoặc phải thành không có hình sắc, hoặc phải có tưởng, hoặc phải không có tưởng, hoặc phải đến phi tưởng phi phi tưởng. Như thế gọi là muốn rằng hoặc ta phải thành bằng cách ấy.

1050.

Cũng muốn rằng hoặc ta phải thành thứ đó *ra sao?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta hoặc cũng thành vua chúa như họ; hoặc họ thành Phạm chí, hoặc ta cũng phải thành Phạm chí như họ ... Hoặc họ đến phi tưởng phi phi tưởng, ta cũng hoặc đến phi tưởng phi phi tưởng như họ. Thế gọi là muốn rằng hoặc ta phải thành thứ đó.

1051.

Cũng muốn rằng hoặc ta phải thành bằng cách khác *đó ra sao?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta cũng không thể thành vua chúa như họ, hoặc họ thành Phạm chí, ta cũng không thể thành Phạm chí như họ ... Hoặc họ đến phi tưởng phi phi tưởng, ta cũng không thể đến phi tưởng phi phi tưởng như thế.

Những thế gọi là thập bát ái du hành nương ngũ uẩn bên trong *(aṭṭhārasa taṅhāvicaritāni ajjhattikassa upādāya).*

1052.

Thập bát du hành nương ngũ uẩn bên ngoài *đó ra sao?* 1) Là muốn rằng ta có với hình sắc… luôn thức ấy; 2) là muốn rằng ta thành bằng cách ấy với hình sắc ấy… luôn thức ấy; 3) là muốn rằng ta thành thứ đó bằng hình sắc… luôn thức ấy; 4) là muốn rằng ta thành bằng cách khác với hình sắc… luôn thức ấy; 5) là muốn rằng ta sẽ thành với hình sắc… luôn thức ấy; 6) là muốn rằng ta sẽ thành bằng cách ấy với hình sắc… luôn thức ấy; 7) là muốn rằng ta sẽ thành thứ đó bằng hình sắc … luôn thức ấy; 8) là muốn rằng ta sẽ thành bằng cách khác với hình sắc… luôn thức ấy; 9) là muốn rằng ta nhất định với hình sắc… luôn thức ấy; 10) là muốn rằng ta không nhất định với hình sắc… luôn thức ấy; 11) là muốn rằng ta nên thành với hình sắc… luôn thức ấy; 12) là muốn rằng ta nên thành bằng cách ấy với hình sắc… luôn thức ấy; 13) là muốn rằng ta nên thành thứ đó bằng hình sắc… luôn thức ấy; 14) là muốn rằng ta phải thành bằng cách khác với hình sắc… luôn thức ấy; 15) là muốn rằng ta phải thành với hình sắc… luôn thức ấy; 16) là muốn rằng ta phải thành bằng cách ấy với hình sắc… luôn thức ấy; 17) là muốn rằng ta phải thành thứ đó bằng hình sắc… luôn thức ấy; 18) là muốn rằng ta phải thành bằng cách khác với hình sắc… luôn thức ấy.

1053.

Cũng muốn rằng ta có với hình sắc… luôn thức ấy *ra sao?* Tức là phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã lìa nhau đặng muốn rằng ta có với sắc… luôn thức ấy. Đặng ỷ rằng ta có với hình sắc… luôn thức ấy. Đặng kiến thức rằng ta có với hình sắc… luôn thức ấy. Khi cả ba pháp đó có cách cơ quan đình trệ. Những thế như vầy là ta có bằng cách ấy với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc ta thành thứ đó với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc ta thành bằng cách khác với hình sắc… luôn thức ấy cũng vẫn có.

1054.

Cũng muốn rằng ta thành bằng cách ấy với hình sắc… luôn thức ấy *đó ra sao?* Như là muốn rằng ta thành vua chúa với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc thành Phạm chí với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc thành y sĩ với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc thành cận thắng tiện dân với hình sắc ấy… luôn thức ấy. Thành cư sĩ với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc thành bực xuất gia với hình sắc… luôn thức ấy. Thành Chư thiên với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc thành nhân loại với hình sắc… luôn thức ấy. Có sắc với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc không có sắc với hình sắc… luôn thức ấy. Có tưởng với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc không có tưởng với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc không có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… luôn thức ấy.

Những cách nầy gọi là muốn rằng ta thành bằng cách ấy với hình sắc… luôn thức ấy.

1055.

Cũng muốn rằng ta thành với thứ đó với hình sắc… hoặc thức ấy *ra sao?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta cũng thành vua chúa với hình sắc… hoặc thức ấy như nhau. Nếu họ thành Phạm chí, ta cũng thành Phạm chí với hình sắc… hoặc thức ấy như nhau. Họ có phi tưởng phi phi tưởng, ta cũng có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… hoặc thức ấy như nhau. Cách nầy gọi là muốn rằng ta thành thứ đó với hình sắc… hoặc thức ấy.

1056.

Cũng muốn rằng ta thành bằng cách khác với hình sắc… luôn thức ấy *là thế nào?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta cũng thành vua chúa như họ với hình sắc… luôn thức ấy. Nếu họ thành Phạm chí, ta thành Phạm chí như họ với hình sắc… luôn thức ấy. Nếu họ có phi tưởng phi phi tưởng, ta có phi tưởng phi phi tưởng như họ với hình sắc… luôn thức ấy cũng là vô lý. Thế nầy gọi là muốn rằng ta thành bằng cách khác với hình sắc… luôn thức ấy.

1057.

Cũng muốn rằng ta sẽ thành với hình sắc… luôn thức ấy *ra sao?* Tức là phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã lìa nhau đặng muốn rằng ta sẽ thành với sắc… luôn thức ấy. Đặng ỷ rằng ta sẽ thành với hình sắc… luôn thức ấy. Đặng nhận thấy rằng ta sẽ thành với hình sắc… luôn thức ấy. Khi có ba pháp đó thành cơ quan đình trệ. Những ấy như thế là ta sẽ thành bằng cách nầy với hình thức… cũng là thức ấy. Hoặc ta sẽ thành thứ đó với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc ta sẽ thành bằng cách khác với hình sắc… cũng là thức ấy, thế vẫn có.

1058.

Cũng muốn rằng ta sẽ thành bằng cách nầy với hình sắc… cũng là thức ấy *đó ra sao?* Như là muốn rằng ta sẽ thành vua chúa với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc ta sẽ thành Phạm chí với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc ta sẽ thành y sĩ với hình sắc… cùng thức ấy. Hoặc sẽ thành cận thắng tiện dân với hình sắc… cũng là thức ấy. Sẽ thành cư sĩ với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc sẽ thành bực xuất gia với hình sắc…

cũng là thức ấy. Hoặc sẽ không có sắc với hình sắc… cùng thức ấy. Sẽ thành Chư thiên với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc sẽ thành nhân loại với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc sẽ có sắc với hình sắc… cũng là thức ấy. Sẽ có tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc sẽ không có tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc sẽ có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy. Những thế gọi là muốn rằng ta sẽ thành bằng cách nầy với hình sắc… cũng là thức ấy.

1059.

Cũng muốn rằng ta sẽ thành thứ đó với hình sắc… luôn thức ấy *như thế nào?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta cũng sẽ thành vua chúa với hình sắc… cũng là thức đó như nhau. Hoặc họ thành Phạm chí, ta cũng sẽ thành Phạm chí với hình sắc… cũng là thức ấy như nhau. Hoặc họ có phi tưởng phi phi tưởng, ta cũng sẽ có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy như nhau. Thế nầy gọi là muốn rằng ta sẽ thành thứ đó với hình sắc… cũng là thức ấy.

1060.

Cũng muốn rằng ta sẽ thành bằng cách khác với hình sắc… luôn thức ấy *như thế nào?* Như là muốn sanh ra bởi so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta sẽ không thành vua chúa với hình sắc… cũng là thức ấy như họ. Hoặc họ thành Phạm chí, ta sẽ không thành Phạm chí với hình sắc… cũng là thức ấy như họ. Hoặc họ có phi tưởng phi phi tưởng, ta sẽ không có phi tưởng phi phi tưởngvới hình sắc… cũng là thức ấy như họ là vô lý. Thế nầy gọi là muốn rằng ta sẽ thành bằng cách khác với hình sắc… cũng là thức ấy.

1061.

Cũng muốn rằng ta nhất định với hình sắc… luôn thức ấy *như thế nào?* Tức là phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã lìa nhau có sự muốn rằng ta trường tồn, ta vĩnh viễn, ta nhất định, ta không có sự thay đổi theo lẽ thường với hình sắc… cũng là thức ấy. Thế nầy gọi là muốn rằng ta nhất định với hình sắc… cũng là thức ấy.

1062.

Cũng muốn rằng ta không nhất định với hình sắc… luôn thức ấy *như thế nào?* Tức là phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã lìa nhau, có muốn rằng ta sẽ tiêu mất, ta sẽ điêu tàn, ta sẽ không có với hình sắc… cũng là thức ấy. Cách nầy gọi là muốn rằng ta không nhất định với hình sắc… luôn thức ấy.

1063.

Cũng muốn rằng ta phải thành với hình sắc… cũng là thức ấy *như thế ra sao?* Tức là phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã lìa nhau đặng muốn rằng ta phải thành với hình sắc… cũng là thức ấy. Đặng ỷ rằng ta phải thành với hình sắc… cũng là thức ấy. Đặng nhận thấy rằng ta phải thành với hình sắc… cũng là thức ấy. Khi có cả ba pháp đó là pháp cơ quan đình đải những pháp ấy như vầy: Ta phải thành bằng cách nầy với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc ta phải thành thứ đó với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc ta cũng thành bằng cách khác với hình sắc… cũng là thức ấy vẫn có.

1064.

Cũng muốn rằng ta phải thành bằng cách nầy với hình sắc… cũng là thức ấy *như thế ra sao?* Như là muốn rằng ta phải thành vua chúa với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc phải Phạm chí bằng hình sắc… cũng là thức ấy. Phải thành y sĩ với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc phải thành cận thắng tiện dân với hình sắc… cũng là thức ấy. Phải thành cư sĩ với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc phải thành bực xuất gia với hình

sắc… cũng là thức ấy. Phải thành Chư thiên với hình sắc… cũng là thức ấy. Phải thành nhân loại với hình sắc… cũng là thức ấy. Phải thành người có sắc với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc phải thành người không có hình sắc… cũng là thức ấy. Phải thành người hữu tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc thành người vô tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc phải thành người có phi tưởng phi phi tưởng… cũng là thức ấy. Cách nầy gọi là muốn rằng ta phải thành bằng cách nầy với hình sắc… cũng là thức ấy.

1065.

Cũng muốn rằng ta phải thành thứ đó với hình sắc… cũng là thức ấy *như thế ra sao?* Như là muốn sanh ra bởi so sánh với người khác rằng họ thành vua chúa, ta cũng phải thành vua chúa với hình sắc… cũng là thức ấy như họ. Hoặc họ thành Phạm chí, ta cũng thành Phạm chí với hình sắc… cũng là thức ấy như nhau. Hoặc họ có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy như họ. Những cách nầy gọi là muốn rằng ta phải thành thứ đó với hình sắc… cũng là thức đó.

1066.

Cũng muốn rằng ta phải thành bằng cách khác nhau với hình sắc… cũng là thức ấy *ra sao?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta không nên thành vua chúa với hình sắc… cũng là thức ấy như họ. Hoặc họ thành Phạm chí, ta không nên thành Phạm chí với hình sắc… cũng là thức ấy như họ. Hoặc họ có phi tưởng phi phi tưởng, ta không nên có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy như họ. Thế nầy gọi là muốn rằng ta phải thành bằng cách khác với hình sắc… cũng là thức ấy.

1067.

Cũng muốn rằng ta phải thành với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy *những thế ra sao?* Tức là phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã lìa nhau, đặng muốn rằng ta phải thành với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Đặng ỷ rằng ta phải thành với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Đặng kiến thức như vầy ta phải thành với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Khi có cả ba pháp đó là cơ quan đình đải rằng ta phải thành bằng cách nầy với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Hoặc ta phải thành thứ đó bằng hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Hoặc ta phải thành bằng cách khác với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy cũng vẫn có.

1068.

Cũng muốn rằng ta phải thành bằng cách nầy với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy *những thế ra sao?* Như là muốn rằng ta phải thành vua chúa với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Hoặc phải thành Phạm chí với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Ta phải thành y sĩ với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Hoặc phải thành cận thắng tiện dân với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Ta phải thành cư sĩ với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Hoặc phải thành bực xuất gia với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Ta phải thành Chư thiên với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Hoặc ta phải thành nhân loại với hình sắc… cũng là thức ấy. Ta phải có sắc với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc ta không có hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Ta phải có tưởng với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Hoặc phải không có tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc phải có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy. Như thế gọi là muốn rằng ta phải thành bằng cách nầy với hình sắc… cũng là thức ấy.

1069.

Cũng muốn rằng ta phải thành thứ đó với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy *những thế ra sao?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua

chúa, ta cũng thành vua chúa với hình sắc… cũng là thức ấy như nhau. Nếu họ thành Phạm chí, ta cũng phải thành Phạm chí với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy như nhau. Nếu họ có phi tưởng phi phi tưởng, ta cũng phải có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy như nhau. Cách nầy gọi là muốn rằng ta thành thứ đó với hình thức… cũng là thức ấy.

1070.

Cũng muốn rằng ta phải thành bằng cách khác với hình sắc… cũng là thức ấy *những thế ra sao?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta không thành vua chúa với hình sắc… cũng là thức ấy. Nếu họ thành Phạm chí thì ta không nên thành Phạm chí như họ với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Nếu họ có phi tưởng phi phi tưởng, ta cũng không nên có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Thế nầy gọi là muốn rằng ta phải thành bằng cách khác với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy.

Những thế gọi là thập bát ái du hành nương ngũ uẩn bên ngoài *(aṭṭhārasa taṅhāvicaritāni bāhirassa upālāya).*

1071.

Ái du hành nương ngũ uẩn bên trong có 18 và ái du hành nương ngũ uẩn bên ngoài cũng có 18, cộng lại thành 36 ái du hành. Nói theo thời quá khứ có 36, thời vị lai có 36, thời hiện tại cũng có 36, cộng lại thành ái du hành có 108.

1072.

Trong những đầu đề, mà 62 tà kiến Đức Phật ngài thuyết trong Kinh Phạm Võng *đó ra sao?* Như là tứ thường kiến *(sassatavādā),* tứ thường vô thường kiến *(ekaccasassatikā),* tứ vô gián kiến *(antānantikā),* tứ vô ký kiến *(amarāvikkhepikā),* nhị vô nhân sanh kiến *(adhaccasamuppannikā),* thập lục tưởng kiến *(saññivādā),* bát vô tưởng kiến *(asaññivādā),* bát phi tưởng phi phi tưởng kiến *(novasaññinā-saññivādā),* thất đoạn kiến *(ucchedavādā),* ngũ Níp-bàn hiện tại kiến *(diṭṭhidham-mahibbānavādā).*

62 tà kiến mà Đức Phật ngài thuyết trong Phạm Võng Kinh bằng cách như thế.

Dứt Tiểu tông phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN XVIII - PHÁP TÂM PHÂN TÍCH

1) PHẦN CHƯ YẾU HIỆP

1073.

Uẩn có mấy? Nhập (xứ) có mấy? Giới có mấy? Đế có mấy? Quyền có mấy? Thực có mấy? Xúc có mấy? Thọ có mấy? Tưởng có mấy? Tư có mấy? Và tâm có mấy?

1074.

Uẩn có 5, nhập (xứ) có 12, giới có 18, đế có 4, quyền có 22, thực có 4, xúc có 7, thọ có 7, tưởng có 7, tư có 7 và tâm cũng có 7.

1075.

Trong những pháp ấy mà ***ngũ uẩn*** *đó ra sao?* Như là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Những thế gọi là ngũ uẩn.

1076.

Thập nhị xứ *đó ra sao?* Như là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thinh xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ. Những thế gọi là thập nhị xứ *(dvādasāyatanāni).*

1077.

Thập bát giới *đó ra sao?* Như là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thinh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, khí giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới. Những thế gọi là thập bát giới *(aṭṭhārasa dhātuyo).*

1078.

Tứ đế *đó ra sao?* Như là khổ đế, tập đế, đạo đế và diệt đế. Những thế gọi là tứ đế *(sacca).*

1079.

Nhị thập nhị quyền *đó ra sao?* Như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, lạc quyền, khổ quyền, hỷ quyền, ưu quyền, xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền *(paññindrīya),* tri dị tri quyền *(anaññataññassāmītindrīya),* tri dĩ tri quyền *(aññindrīya),* tri cụ tri quyền *(aññātāvindrīya).* Những thế gọi là nhị thập nhị quyền.

1080.

* ***Cửu nhân*** *đó ra sao?* Như là ba nhân thiện, ba nhân bất thiện và ba nhân vô ký.
* *Trong chín nhân ấy mà* ***ba nhân thiện*** *đó ra sao?* Như là nhân thiện vô tham, nhân thiện vô sân, nhân thiện vô si. Những thế gọi là ba nhân thiện.
* ***Ba nhân bất thiện*** *đó ra sao?* Như là nhân bất thiện tham, nhân bất thiện sân và nhân bất thiện si. Những thế gọi là ba nhân bất thiện.
* ***Ba nhân vô ký*** *đó ra sao?* Như là vô tham, vô sân và vô si thành dị thục quả của pháp thiện, hoặc trong những pháp tố *(kiriyā).* Những thế gọi là ba nhân vô ký.

Tất cả những thế chung lại gọi là chín nhân *(hetu).*

1081.

***Tứ thực** đó ra sao?* Như là đoàn thực, xúc thực, tư thực và thức thực. Những thế gọi là tứ thực.

1082.

***Thất xúc** đó ra sao?* Như là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý giới xúc và ý thức giới xúc. Những thế gọi là thất xúc.

1083.

***Thất thọ** đó ra sao?* Như là thọ sanh từ nhãn xúc, thọ sanh từ nhĩ xúc, thọ sanh từ tỷ xúc, thọ sanh từ thiệt xúc, thọ sanh từ thân xúc, thọ sanh từ ý giới xúc, thọ sanh từ ý thức giới xúc. Những thế gọi là thất thọ.

1084.

***Thất tưởng** đó ra sao?* Như là tưởng sanh từ nhãn xúc, tưởng sanh từ nhĩ xúc, tưởng sanh từ tỷ xúc, tưởng sanh từ thiệt xúc, tưởng sanh từ thân xúc, tưởng sanh từ ý giới xúc, tưởng sanh từ ý thức giới xúc. Những thế gọi là thất tưởng.

1085.

***Thất tư** đó ra sao?* Như là tư sanh từ nhãn xúc, tư sanh từ nhĩ xúc, tư sanh từ tỷ xúc, tư sanh từ thiệt xúc, tư sanh từ thân xúc, tư sanh từ ý giới xúc, tư sanh từ ý thức giới xúc. Những thế gọi là thất tư *(cetanā)*.

1086.

***Thất tâm** đó ra sao?* Như là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý giới và ý thức giới. Những thế gọi là thất tâm.

2) PHẦN TÂM BẤT SANH

1087.

* *Trong Dục giới mà uẩn có bao nhiêu? ... Tâm có bao nhiêu? ...*

  Trong Dục giới: Uẩn có 5, xứ có 12, giới có 18, đế có 3, quyền có 22, nhân có 9, thực có 4, xúc có 7, thọ có 7, tưởng có 7, tư có 7 và tâm cũng có 7.

* *Trong những pháp ấy mà **ngũ uẩn trong Dục giới** ra sao?* Như là sắc uẩn… thức uẩn. Những thế gọi là ngũ uẩn trong Dục giới.

* ***Thập nhị xứ trong Dục giới** đó ra sao?* Như là nhãn xứ, sắc xứ… ý xứ và pháp xứ. Những thế gọi là thập nhị xứ trong Dục giới.

* ***Thập bát giới trong Dục giới** đó ra sao?* Như là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới… ý giới, pháp giới. Những thế gọi là thập bát giới trong Dục giới.

* ***Tam đế trong Dục giới** đó ra sao?* Như là khổ đế, tập đế, đạo đế. Những thế gọi là tam đế trong Dục giới.

* ***Nhị thập nhị quyền trong Dục giới** đó ra sao?* Như là nhãn quyền… và tri cụ tri quyền. Những thế gọi là nhị thập nhị quyền trong Dục giới.

* ***Cửu nhân trong Dục giới** đó ra sao?* Như là ba nhân thiện, ba nhân bất thiện và ba nhân vô ký. Những thế gọi là chín nhân trong Dục giới.

* ***Tứ thực trong Dục giới** đó ra sao?* Như là đoàn thực, xúc thực, tư thực và thức thực. Những thế gọi là tứ thực trong Dục giới.

* ***Thất xúc trong Dục giới** đó ra sao?* Như là nhãn xúc… ý thức giới xúc. Những thế gọi là thất xúc trong Dục giới.

* ***Thất thọ, thất tưởng, thất tư và thất tâm trong Dục giới*** *đó ra sao?* Như là nhãn thức… ý giới và ý thức giới. Những thế gọi là thất tâm trong Dục giới.

1088.

* *Trong Sắc giới có bao nhiêu uẩn? ... và có bao nhiêu tâm?* Trong Sắc giới có ngũ uẩn, lục xứ, cửu giới, tam đế, thập tứ quyền, bát nhân, tam thực, tứ xúc, tứ thọ, tứ tưởng, tứ tư *(cetanā)* và tứ tâm.

* ***Ngũ uẩn trong Sắc giới*** *ra sao?* Như là sắc uẩn… và thức uẩn. Những thế gọi là ngũ uẩn trong Sắc giới.

* ***Lục xứ (nhập) trong Sắc giới*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thinh xứ, ý xứ và pháp xứ. Những thế gọi là lục xứ trong Sắc giới.

* ***Cửu giới trong Sắc giới*** *đó ra sao?* Như là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thinh giới, nhĩ thức giới, ý giới và ý thức giới. Những thế gọi là cửu giới trong Sắc giới.

* ***Tam đế trong Sắc giới*** *đó ra sao?* Như là khổ đế, tập đế và đạo đế. Những thế gọi là tam đế trong Sắc giới.

* ***Thập tứ quyền trong Sắc giới*** *đó ra sao?* Như là nhãn quyền, nhĩ quyền, ý quyền, mạng quyền, hỷ quyền, xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, trí quyền, tri dị tri quyền, tri dĩ tri quyền và tri cụ tri quyền. Những thế gọi là thập tứ quyền trong Sắc giới.

* ***Bát nhân trong Sắc giới*** *đó ra sao?* Như là ba nhân thiện, hai nhân bất thiện và ba nhân vô ký.

* *Bao nhiêu nhân trong Sắc giới ấy mà* ***ba nhân thiện*** *ra sao?* Như là nhân thiện vô tham, nhân thiện vô sân và nhân thiện vô si. Những thế gọi là ba nhân thiện.

* ***Hai nhân bất thiện*** *đó ra sao?* Như là nhân bất thiện tham và nhân bất thiện si. Những thế gọi là hai nhân bất thiện.

* ***Ba nhân vô ký*** *đó ra sao?* Như là vô tham, vô sân và vô si. Những phần dị thục quả của thiện hay trong những pháp vô ký tố. Những thế gọi là ba nhân vô ký.

  Bao nhiêu đó gọi là bát nhân trong Sắc giới.

* ***Tam thực trong Sắc giới*** *đó ra sao?* Như là xúc thực, tư thực và thức thực. Những thế gọi là tam thực trong Sắc giới.

* ***Tứ xúc trong Sắc giới*** *đó ra sao?* Như là nhãn xúc, nhĩ xúc, ý giới xúc, ý thức giới xúc. Những thế gọi là tứ xúc trong Sắc giới.

* ***Tứ thọ, tứ tưởng, tứ tư và tứ tâm trong Sắc giới*** *ra sao?* Như là nhãn thức, nhĩ thức, ý giới và ý thức giới. Những thế gọi là tứ tâm trong Sắc giới.

1089.

* *Trong Vô sắc giới mà uẩn có bao nhiêu… tâm có bao nhiêu?* Trong Vô sắc giới có tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam đế, thập nhất quyền, bát nhân, tam thực, nhất xúc, nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư và nhất tâm *(Ekacittaṃ)*.

* ***Tứ uẩn trong Vô sắc giới*** *ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Những thế gọi là tứ uẩn trong Vô sắc giới.

* ***Nhị xứ trong Vô sắc giới*** *đó ra sao?* Như là ý xứ và pháp xứ. Những thế gọi là nhị xứ trong Vô sắc giới.
* ***Nhị giới trong Vô sắc giới*** *đó ra sao?* Như là ý thức giới và pháp giới. Những thế gọi là nhị giới trong Vô sắc giới.
* ***Tam đế trong Vô sắc giới*** *đó ra sao?* Như là khổ đế, tập đế và đạo đế. Những thế gọi là tam đế trong Vô sắc giới.
* ***Thập nhất quyền trong Vô sắc giới*** *đó ra sao?* Như là ý quyền, mạng quyền, hỷ quyền, xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, trí quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền. Những thế gọi là thập nhất quyền trong Vô sắc giới.
* ***Bát nhân trong Vô sắc giới*** *đó ra sao?* Như là ba nhân thiện, hai nhân bất thiện và ba nhân vô ký. Những thế gọi là bát nhân trong Vô sắc giới.
* ***Tam thực trong Vô sắc giới*** *đó ra sao?* Như là xúc thực, tư thực, thức thực. Những thế gọi là tam thực trong Vô sắc giới.
* ***Nhất xúc trong Vô sắc giới*** *đó ra sao?* Như là ý thức giới xúc. Những thế gọi là nhất xúc trong Vô sắc giới.
* ***Nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư và nhất tâm trong Vô sắc giới*** *ra sao?* Như là ý thức giới. Đó gọi là nhất tâm *(ekacittaṃ)* trong Vô sắc giới.

1090.

* *Trong siêu thế có bao nhiêu uẩn? ... có bao nhiêu tâm?* Trong siêu thế có tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, nhị đế, thập nhị quyền, lục nhân, tam thực, nhất xúc, nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư và nhất tâm.
* *Những bao nhiêu ấy mà* ***tứ uẩn trong siêu thế*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Những thế gọi là tứ uẩn trong siêu thế.
* ***Nhị xứ trong siêu thế*** *đó ra sao?* Như là ý xứ và pháp xứ. Những thế gọi là nhị xứ trong siêu thế.
* ***Nhị giới trong siêu thế*** *đó ra sao?* Như là ý thức giới và pháp giới. Những thế gọi là nhị giới trong siêu thế.
* ***Nhị đế trong siêu thế*** *đó ra sao?* Như là đạo đế và diệt đế. Những thế gọi là nhị đế trong siêu thế.
* ***Thập nhị quyền trong siêu thế*** *đó ra sao?* Như là ý quyền, mạng quyền, hỷ quyền, xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, tri dị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền. Những thế gọi là thập nhị quyền trong siêu thế.
* ***Lục nhân trong siêu thế*** *đó ra sao?* Như là ba nhân thiện và ba nhân vô ký.
* *Trong sáu nhân ấy mà* ***ba nhân thiện*** *ra sao?* Như là nhân thiện vô tham, nhân thiện vô sân và nhân thiện vô si. Những thế gọi là ba nhân thiện.
* ***Ba nhân vô ký*** *trong khi có ra sao?* Như là vô tham, vô sân và vô si phần dị thục quả của những pháp thiện. Những thế gọi là ba nhân vô ký.

  Bao nhiêu đó gọi là sáu nhân trong siêu thế.

* ***Tam thực trong siêu thế*** *đó ra sao?* Như là xúc thực, tư thực, thức thực. Những thế gọi là tam thực trong siêu thế.
* ***Xúc trong siêu thế*** *đó ra sao?* Như là ý thức giới xúc. Đó gọi là nhất xúc trong siêu thế.
* ***Nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư và nhất tâm trong siêu thế*** *đó ra sao?* Như là ý thức giới. Thế gọi là nhất tâm trong siêu thế.

3) PHẦN LIÊN QUAN BẤT LIÊN QUAN

1091.

Bao nhiêu ngũ uẩn mà uẩn nào liên quan trong Dục giới, uẩn nào không liên quan trong Dục giới… bao nhiêu những thất tâm mà tâm nào liên quan trong Dục giới, còn tâm nào không liên quan trong Dục giới?

- Sắc uẩn liên quan trong Dục giới. Còn bốn uẩn (kia) liên quan trong Dục giới cũng có, không liên quan trong Dục giới cũng có.
- Thập xứ liên quan trong Dục giới. Nhị xứ liên quan trong Dục giới cũng có, không liên quan trong Dục giới cũng có.
- Thập lục giới liên quan trong Dục giới. Nhị giới liên quan trong Dục giới cũng có, không liên quan trong Dục giới cũng có.
- Tập đế liên quan trong Dục giới. Nhị đế không liên quan trong Dục giới. Khổ đế liên quan trong Dục giới cũng có, không liên quan trong Dục giới cũng có.
- Thập quyền liên quan trong Dục giới. Tam quyền không liên quan trong Dục giới. Cửu quyền liên quan trong Dục giới cũng có, không liên quan trong Dục giới cũng có.
- Ba nhân bất thiện liên quan trong Dục giới. Sáu nhân (kia) liên quan trong Dục giới cũng có, không liên quan trong Dục giới cũng có.
- Đoàn thực liên quan trong Dục giới. Ba thực (kia) liên quan trong Dục giới cũng có, không liên quan trong Dục giới cũng có.
- Lục xúc liên quan trong Dục giới. Còn ý thức giới xúc liên quan trong Dục giới cũng có, không liên quan trong Dục giới cũng có.
- Lục thọ, lục tưởng, lục tư và lục tâm liên quan trong Dục giới. Còn ý thức giới liên quan trong Dục giới cũng có, không liên quan trong Dục giới cũng có.

1092.

Bao nhiêu ngũ uẩn mà uẩn nào liên quan trong Sắc giới, uẩn nào không liên quan trong Sắc giới… bao nhiêu thất tâm mà tâm nào liên quan trong Sắc giới, tâm nào không liên quan trong Sắc giới?

- Sắc uẩn không liên quan trong Sắc giới. Còn bốn uẩn (kia) liên quan trong Sắc giới cũng có, không liên quan trong Sắc giới cũng có.
- Thập xứ không liên quan trong Sắc giới. Còn hai xứ (kia) liên quan trong Sắc giới cũng có, không liên quan trong Sắc giới cũng có.
- Thập lục giới không liên quan trong Sắc giới. Còn hai giới (kia) liên quan trong Sắc giới cũng có, không liên quan trong Sắc giới cũng có.

- Tam đế không liên quan trong Sắc giới. Khổ đế liên quan trong Sắc giới cũng có, không liên quan trong Sắc giới cũng có.
- Thập tam quyền không liên quan trong Sắc giới. Còn chín quyền (kia) liên quan trong Sắc giới cũng có, không liên quan trong Sắc giới cũng có.
- Ba nhân bất thiện không liên quan trong Sắc giới. Còn sáu nhân (kia) liên quan trong Sắc giới cũng có, không liên quan trong Sắc giới cũng có.
- đoàn thực không liên quan trong Sắc giới. Ba thực (kia) liên quan trong Sắc giới cũng có, không liên quan trong Sắc giới cũng có.
- Lục xúc không liên quan trong Sắc giới. Ý thức giới xúc liên quan trong Sắc giới cũng có, không liên quan trong Sắc giới cũng có.
- Lục thọ, lục tưởng, lục tư và lục tâm không liên quan trong Sắc giới. Ý thức giới liên quan trong Sắc giới cũng có, không liên quan trong Sắc giới cũng có.

1093.

Trong năm uẩn mà uẩn nào liên quan trong Vô sắc giới, uẩn nào không liên quan trong Vô sắc giới… trong bảy tâm mà tâm nào liên quan trong Vô sắc giới, tâm nào không liên quan trong Vô sắc giới?

- Sắc uẩn không liên quan trong Vô sắc giới. Còn tứ uẩn (kia) liên quan trong Vô sắc giới cũng có, không liên quan trong Vô sắc giới cũng có.
- Thập xứ không liên quan trong Vô sắc giới. Còn hai xứ (kia) liên quan trong Vô sắc giới cũng có, không liên quan trong Vô sắc giới cũng có.
- Thập lục giới không liên quan trong Vô sắc giới. Còn hai giới (kia) liên quan trong Vô sắc giới cũng có, không liên quan trong Vô sắc giới cũng có.
- Tam đế không liên quan trong Vô sắc giới. Khổ đế liên quan trong Vô sắc giới cũng có, không liên quan trong Vô sắc giới cũng có.
- Thập tứ quyền không liên quan trong Vô sắc giới. Bát quyền liên quan trong Vô sắc giới cũng có, không liên quan trong Vô sắc giới cũng có.
- Tam nhân bất thiện không liên quan trong Vô sắc giới. Sáu nhân (kia) liên quan trong Vô sắc giới cũng có, không liên quan trong Vô sắc giới cũng có.
- đoàn thực không liên quan trong Vô sắc giới. Còn ba thực (kia) liên quan trong Vô sắc giới cũng có, không liên quan trong Vô sắc giới cũng có.
- Lục xúc không liên quan trong Vô sắc giới. Ý thức giới xúc liên quan trong Vô sắc giới cũng có, không liên quan trong Vô sắc giới cũng có.
- Lục thọ, lục tưởng, lục tư, lục tâm không liên quan trong Vô sắc giới. Ý thức giới liên quan trong Vô sắc giới cũng có, không liên quan trong Vô sắc giới cũng có.

1094.

Trong ngũ uẩn mà uẩn nào thành hiệp thế, uẩn nào thành siêu thế… trong bảy tâm mà tâm nào thành hiệp thế, tâm nào thành siêu thế?

- Sắc uẩn thành hiệp thế. Còn bốn uẩn (kia) thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
- Thập xứ thành hiệp thế. Còn hai xứ (kia) thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.

- Thập lục giới thành hiệp thế. Còn hai giới (kia) thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
- Nhị đế thành hiệp thế. Nhị đế thành siêu thế.
- Thập quyền thành hiệp thế. Ba quyền thành siêu thế. Cửu quyền thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
- Ba nhân bất thiện thành hiệp thế. Sáu nhân (kia) thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
- Đoàn thực thành hiệp thế. Tam thực thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
- Lục xúc thành hiệp thế. Ý thức giới xúc thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
- Lục thọ, lục tưởng, lục tư, lục tâm thành hiệp thế. Ý thức giới thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.

4) PHẦN DANH SIÊU PHI DANH SIÊU

1095.

Dục giới phát sanh bao nhiêu uẩn? ... hiện bày bao nhiêu tâm?

- Trong Dục giới mỗi loại chúng sanh phát sanh cả 5 uẩn.
- Cũng có loại phát sanh 11 xứ, cũng có loại phát sanh 10 xứ, cũng có loại phát sanh 10 xứ (khác), cũng có loại phát sanh 9 xứ, cũng có loại phát sanh 7 xứ.
- Cũng có loại phát sanh 11 giới, cũng có loại phát sanh 10 giới, cũng có loại phát sanh 10 giới (khác), cũng có loại phát sanh 9 giới.
- Nhất đế phát sanh cho đủ loại chúng sanh.
- Cũng có loại phát sanh 14 quyền, cũng có loại phát sanh 13 quyền, cũng có loại phát sanh 13 quyền (khác), cũng có loại phát sanh 12 quyền, cũng có loại phát sanh 10 quyền, cũng có loại phát sanh 9 quyền, cũng có loại phát sanh chín quyền (khác), cũng có loại phát sanh 8 quyền, cũng có loại phát sanh 8 quyền (khác), cũng có loại phát sanh 8 quyền, cũng có loại phát sanh 5 quyền, cũng có loại phát sanh 4 quyền.
- Cũng có loại phát sanh tam nhân, cũng có loại phát sanh nhị nhân, cũng có loại phát sanh vô nhân.
- Tứ thực phát sanh cho tất cả loại chúng sanh.
- Nhất xúc phát sanh cho tất cả loại chúng sanh.
- Nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư, nhất tâm phát sanh cho tất cả loại chúng sanh.

1096.

* Trong Dục giới, ngũ uẩn phát sanh cho các loại như là sắc uẩn… thức uẩn, trong khi ngũ uẩn phát sanh đều sanh cho mỗi loại hữu tình.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh 11 xứ phát hiện cho loại hữu tình nào?* Khi 11 xứ phát sanh như là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ vẫn phát sanh hiện bày cho đến Chư thiên Dục giới, nhân loại thuở kiếp ban sơ, Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh, Địa ngục và chúng sanh hóa sanh mới có xứ đầy đủ. Trong Dục giới đang khi phát sanh những 11 xứ vẫn sanh hiện bày với những chúng sanh ấy.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh mười xứ phát hiện cho loại chúng sanh nào?* Như là khi sơ sanh mười xứ như là nhãn xứ, sắc xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ vẫn phát sanh hiện bày cho Ngạ quỷ, địa A-tu-la, Bàng sanh, Địa

ngục mà hóa sanh đui từ khi sanh. Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh mười xứ như thế vẫn phát sanh hiện bày cho những chúng sanh ấy.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh mười xứ (khác nữa) vẫn hiện bày cho chúng sanh loại nào?* Khi sát-na sơ sanh mười xứ như là nhãn xứ, sắc xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ vẫn hiện bày cho Ngạ quỷ, địa A-tu-la, Bàng sanh và Địa ngục mà hóa sanh điếc từ khi sơ sanh. Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh những mười xứ ấy vẫn hiện bày cho những chúng sanh ấy.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh, chín xứ vẫn phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Khi sát-na sơ sanh chín xứ như là sắc xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ vẫn hiện bày cho Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh và Địa ngục mà thứ hóa sanh đui và điếc từ sơ sanh. Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh những chín xứ ấy vẫn hiện bày cho những chúng sanh ấy.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh bảy xứ vẫn hiện bày cho chúng sanh loại nào?* Khi sát-na sơ sanh bảy xứ như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ vẫn hiện bày cho loại thai sanh. Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh bảy xứ ấy vẫn phát hiện cho những loại ấy.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh 11 giới phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Khi sát-na sơ sanh 11 giới như là nhãn giới, sắc giới, nhĩ giới, tỷ giới, khí giới, thiệt giới, vị giới, thân giới, xúc giới, ý thức giới và pháp giới vẫn hiện bày cho Chư thiên Dục giới, nhân loại khởi thủy, Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh, Địa ngục. Những hạng hóa sanh có đầy đủ giới trong Dục giới khi sát-na sơ sanh những 11 giới ấy vẫn phát hiện cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh mười giới vẫn phát sanh cho loại nào?* 10 giới trong sát-na sơ sanh như là sắc giới, nhĩ giới, tỷ giới, khí giới, thiệt giới, vị giới, thân giới, xúc giới, ý thức giới và pháp giới phát sanh cho Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh, Địa ngục, những thứ hóa sanh mà đui từ khi sơ sanh. Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh mười giới ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh mười giới (khác nữa) phát sanh cho những chúng sanh loại nào?* 10 giới (nữa) phát sanh trong sát-na sơ sanh như là nhãn giới, sắc giới, tỷ giới, khí giới, thiệt giới, vị giới, thân giới, xúc giới, ý thức giới và pháp giới phát sanh cho Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh, Địa ngục những loại hóa sanh mà điếc từ sơ sanh. Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh mười giới đó vẫn phát sanh cho những chúng sanh ấy.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh chín giới vẫn phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Trong sát-na sơ sanh chín giới như là Sắc giới, tỷ giới, khí giới, thiệt giới, vị giới, thân giới, xúc giới, ý thức giới và pháp giới phát sanh cho Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh, Địa ngục, những thứ hóa sanh đui và điếc từ sơ sanh. Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh những chín giới ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh bảy giới vẫn phát sanh cho loại hữu tình nào?* 7 giới trong khi sát-na sơ sanh như là sắc giới, khí giới, vị giới, thân giới, xúc giới, ý thức giới và pháp giới phát sanh cho loại thai sanh. Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh những bảy giới nầy vẫn phát sanh cho những chúng sanh ấy.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh một đế nào phát sanh cho mỗi loại chúng sanh?* Tức là khổ đế. Trong Dục giới khi sát-na một đế ấy vẫn phát hiện cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh mười bốn quyền vẫn phát hiện cho chúng sanh loại nào?* Sát na sơ sanh mười bốn quyền như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, nam quyền (hoặc nữ quyền), mạng quyền, hỷ hoặc xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền phát sanh cho Chư thiên Dục giới bực thành hữu nhân tương ưng trí. Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh những mười bốn quyền ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh mười ba quyền phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Sát na sơ sanh mười ba quyền như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, nam hoặc nữ quyền, mạng quyền, hỷ hoặc xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, phát hiện cho Chư thiên Dục giới bực hữu nhân bất tương ưng trí. Trong sát-na sơ sanh những mười ba quyền ấy vẫn hiện bày cho những chúng sanh ấy.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh mười ba quyền (khác nữa) phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Mười ba quyền khi sát-na sơ sanh như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, mạng quyền, thân quyền, ý quyền, hỷ hoặc xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, tuệ quyền vẫn phát hiện cho nhân loại thuở sơ kiếp bực thành hữu nhân tương ưng trí. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những mười ba quyền ấy vẫn phát hiện cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh, mười hai quyền vẫn phát sanh cho loại hữu tình nào?* Mười hai quyền trong sát-na sơ sanh như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, mạng quyền, hỷ hoặc xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền và định quyền vẫn phát sanh cho nhân loại thuở sơ kiếp bực thành hữu nhân bất tương ưng trí. Trong sát-na sơ sanh những mười hai quyền ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh, mười quyền vẫn phát sanh cho loại hữu tình nào?* Mười quyền trong sát-na sơ sanh như là thân quyền, ý quyền, nam hoặc nữ quyền, mạng quyền, hỷ hoặc xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền và tuệ quyền vẫn phát sanh cho loại thai sanh bực thành hữu nhân tương ưng trí. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những mười quyền ấy vẫn phát sanh cho chúng sanh loại đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh, chín quyền vẫn phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Chín quyền trong sát-na sơ sanh như là thân quyền, ý quyền, nam hoặc nữ quyền, mạng quyền, hỷ hoặc xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền và định quyền phát sanh cho loại thai sanh bực thành hữu nhân tương ưng trí. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những chín quyền ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh, chín quyền (khác nữa) vẫn phát sanh cho những chúng sanh loại nào?* Chín quyền khác nữa trong sát-na sơ sanh như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, nam hoặc nữ quyền, mạng quyền, xả quyền vẫn phát sanh cho Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh, Địa ngục, loại hóa sanh mới có xứ đầy đủ. Trong Dục giới sát sanh sơ sanh những chín quyền ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh tám quyền vẫn phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Tám quyền trong sát-na sơ sanh như là nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, nam hoặc nữ quyền, mạng quyền, xả quyền, vẫn phát sanh cho Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh, Địa ngục, loại hóa sanh mà đui từ khi sơ sanh. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những tám quyền ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh ấy.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh tám quyền (khác nữa) vẫn phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Tám quyền khác nữa trong sát-na sơ sanh như là nhãn quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, nam hoặc nữ quyền, mạng quyền, xả quyền vẫn phát sanh cho Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh, Địa ngục, các loại hóa sanh mà tai điếc từ lúc sơ sanh. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những tám quyền ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh ấy.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh bảy quyền vẫn phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Bảy quyền trong sát-na sơ sanh như là tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, nam hoặc nữ quyền, mạng quyền, xả quyền, phát hiện cho Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh, Địa ngục thuộc loại hóa sanh mà đui, điếc từ lúc sơ sanh. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những bảy quyền ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh năm quyền vẫn phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Năm quyền trong sát-na sơ sanh như là thân quyền, ý quyền, nam hoặc nữ quyền, mạng quyền, xả quyền, vẫn phát sanh cho loại hóa sanh. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những năm quyền ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh bốn quyền vẫn phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Bốn quyền trong sát-na sơ sanh như là thân quyền, ý quyền, mạng quyền, xả quyền phát sanh cho loại hóa sanh hạng thành vô nhân phi nam nữ. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những bốn quyền ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh ba nhân phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Ba nhân trong sát-na sơ sanh như là vô tham thuộc dị thục quả, vô sân thuộc dị thục quả và vô si thuộc dị thục quả đặng phát sanh cho Chư thiên Dục giới, nhân loại thuở kiếp ban sơ, loại hóa sanh bực thành hữu nhân tương ưng trí. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những ba nhân ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh hai nhân vẫn phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Hai nhân trong sát-na sơ sanh như là nhân vô tham thuộc dị thục quả, nhân vô sân thuộc dị thục quả vẫn phát sanh cho Chư thiên Dục giới, nhân loại thuở sơ kiếp loại hóa sanh bực thành hữu nhân tương ưng trí. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những hai nhân ấy vẫn phát hiện cho những chúng sanh đó.

  Dị thục quả vô nhân vẫn phát sanh cho những loại chúng sanh ngoài ra như đã nói.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh tứ thực mà thứ nào đặng phát sanh cho mỗi loại chúng sanh?* Như là đoàn thực, xúc thực, tư thực và thức thực. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những tứ thực ấy vẫn phát sanh cho mỗi loại chúng sanh.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh nhất xúc nào vẫn phát sanh cho chúng sanh mỗi loại?* Tức là ý thức giới xúc. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh nhất xúc ấy vẫn phát sanh cho chúng sanh mỗi loại.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư, nhất tâm thứ nào vẫn phát sanh cho mỗi loại chúng sanh?* Tức là ý thức giới. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh nhất tâm *(ekacitta)* ấy vẫn phát hiện cho chúng sanh mỗi loại.

1097.

Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh mấy uẩn đặng phát sanh… mấy tâm đặng phát sanh? Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh ngũ uẩn, ngũ xứ, ngũ giới, nhất đế, thập quyền, tam nhân, tam thực, nhất xúc, nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư và nhất tâm vẫn phát sanh cho tất cả Phạm thiên chỉ trừ bực vô tưởng.

1098.

* *Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh ngũ uẩn phần nào vẫn phát sanh?* Như là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh những năm uẩn ấy vẫn phát sanh.

* *Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh ngũ xứ phần nào vẫn hiện bày?* Như là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, ý xứ và pháp xứ. Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh những ngũ xứ ấy vẫn phát sanh.

* *Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh, năm giới phần nào vẫn hiện bày?* Như là nhãn giới, sắc giới, nhĩ giới, ý thức giới và pháp giới. Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh, những năm giới ấy vẫn hiện bày.

* *Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh nhất đế thứ nào vẫn phát hiện?* Tức là khổ đế. Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh một đế nầy vẫn phát hiện.

* *Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh thập quyền phần nào phát sanh?* Như là nhãn quyền, nhĩ quyền, ý quyền, mạng quyền, hỷ hoặc xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền và tuệ quyền. Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh, những mười quyền ấy vẫn hiện bày.

* *Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh tam nhân phần nào vẫn hiện bày?* Như là nhân vô tham thành dị thục quả, nhân vô sân thành dị thục quả và nhân vô si thành dị thục quả. Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh những ba nhân ấy vẫn hiện bày.

* *Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh tam thực phần nào đặng phát sanh?* Như là xúc thực, tư thực và thức thực. Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh những tam thực ấy vẫn hiện bày.

* *Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh nhất xúc thứ nào đặng phát hiện?* Tức là ý thức giới xúc. Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh chỉ có một xúc ấy đặng phát hiện.

* *Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư và nhất tâm thứ nào đặng phát sanh?* Tức là ý thức giới. Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh chỉ có một tâm ấy vẫn phát hiện.

1099.

Trong sát-na sơ sanh bao nhiêu uẩn đặng phát sanh… bao nhiêu tâm đặng phát sanh với bực Chư thiên vô tưởng? Trong sát-na sơ sanh nhất uẩn tức là sắc uẩn vẫn phát sanh cho phần bực Chư thiên vô tưởng. Nhị xứ tức là sắc xứ và pháp xứ vẫn phát hiện. Nhị giới tức là sắc giới và pháp giới vẫn phát hiện. Nhất đế tức là khổ đế vẫn phát hiện. Nhất quyền tức là sắc mạng quyền vẫn phát hiện. Bực Chư thiên vô tưởng không có nhân, không có vật thực, không có xúc, không có thọ, không có tưởng, không có tư, cũng không có tâm phát sanh.

1100.

Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh bao nhiêu uẩn… và bao nhiêu tâm đặng phát sanh? Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh đặng bốn uẩn vẫn phát sanh. Nhị giới vẫn phát hiện, nhất đế vẫn phát hiện, bát quyền vẫn phát hiện, tam nhân vẫn phát hiện, tam thực vẫn

phát hiện, nhất xúc vẫn phát hiện, nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư, nhất tâm vẫn phát sanh.

1101.

* *Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh bốn uẩn mà phần nào đặng phát sanh?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh những bốn uẩn ấy vẫn phát sanh.
* *Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh nhị xứ phần nào đặng phát sanh?* Như là ý xứ và pháp xứ. Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh hai xứ nầy vẫn phát hiện.
* *Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh Nhị giới phần nào đặng phát sanh?* Tức là ý thức giới và pháp giới. Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh những hai giới ấy vẫn phát hiện.
* *Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh nhất đế thứ nào đặng phát sanh?* Tức là khổ đế. Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh một đế ấy vẫn phát sanh.
* *Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh tám quyền phần nào đặng phát sanh?* Như là ý quyền, mạng quyền, xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền và tuệ quyền. Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh những tám quyền ấy vẫn hiện bày.
* *Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh ba nhân phần nào đặng phát sanh?* Như là nhân vô tham thành dị thục quả, nhân vô sân thành dị thục quả và nhân vô si cũng thành dị thục quả. Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh những ba nhân ấy vẫn hiện bày.
* *Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh ba thực phần nào đặng phát sanh?* Như là xúc thực, tư thực và thức thực. Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh những ba thực ấy vẫn hiện bày.
* *Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh nhất xúc thứ nào đặng phát sanh?* Như là ý thức giới xúc. Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh một xúc nầy vẫn hiện bày.
* *Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư và nhất tâm thứ nào đặng hiện bày?* Như là ý thức giới. Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh một tâm ấy vẫn hiện bày.

5) PHẦN KIẾN (Dassanavāra)

1102.

Chư pháp thành Dục giới, chư pháp thành phi Dục giới, chư pháp thành Sắc giới, chư pháp thành phi Sắc giới, chư pháp thành Vô sắc giới, chư pháp thành phi Vô sắc giới. chư pháp thành liên quan luân hồi, chư pháp thành bất liên quan luân hồi.

1103.

* ***Chư pháp Dục giới*** *đó ra sao?* Như là uẩn, giới, xứ, sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà dạo đi trong cõi ấy, liên quan trong cõi ấy; phía dưới tột từ Địa ngục A Tỳ, phía trên đến bực Chư thiên Tha Hóa Tự Tại. Phần nầy gọi là pháp Dục giới *(kāmāvacarā dhammā).*
* ***Pháp phi Dục giới*** *đó ra sao?* Như là pháp thành Sắc giới, pháp thành Vô sắc giới và pháp thuộc siêu thế. Những đó gọi là pháp phi Dục giới.
* ***Pháp thành Sắc giới*** *đó ra sao?* Như là pháp tâm và sở hữu của người nhập thiền hoặc bực đã sanh, hoặc bực an vui trong hiện tại, dạo đi trong cõi ấy, liên quan trong cõi ấy. Như là thấp tột từ Phạm Chúng Thiên, cao tột đến Phạm thiên ở cõi Sắc Cứu Cánh *(akaniṭṭha).* Những thế gọi là pháp thành Sắc giới *(rūpāvacarā dhammā).*

* ***Pháp thành phi Sắc giới*** *đó ra sao?* Như là pháp thuộc Dục giới, pháp thuộc Vô sắc giới và pháp thuộc siêu thế. Những thế gọi là pháp phi Sắc giới.

* ***Pháp thành Vô sắc giới*** *đó ra sao?* Như là pháp tâm và sở hữu của bực nhập thiền hoặc bực đã sanh hay đang hưởng an vui trong hiện tại, hoặc đang dạo đi trong cõi ấy. Tức là phía dưới thấp từ bực Phạm thiên Không vô biên xứ, cao tột cho đến Phạm thiên bực Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Những thế gọi là pháp Vô sắc giới *(arūpāvacarā dhammā).*

* ***Pháp phi Vô sắc giới*** *đó ra sao?* Như là pháp thuộc về Dục giới, pháp thuộc về Sắc giới và pháp thuộc về siêu thế. Những thế gọi là pháp phi Vô sắc giới.

* ***Pháp thành liên quan luân hồi*** *đó ra sao?* Như là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký mà thành cảnh lậu, lại thành Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Những thế gọi là pháp liên quan luân hồi *(pariyāpannā dhammā).*

* ***Pháp bất liên quan luân hồi*** *đó ra sao?* Như là đạo, quả của đạo và vô vi giới. Những thế gọi là pháp bất liên quan luân hồi *(apariyāpannā dhammā).*

6) PHẦN NGHIỆP SANH SỐNG BAO NHIÊU

1104.

Gọi là Chư thiên tức là ba chủng chư thiên, như là giả định Chư thiên *(sammatidevā),* hóa sanh Chư thiên *(upattidevā)* và thanh tịnh Chư thiên *(visuddhidevā).*

- Vua, hoàng hậu và thái tử gọi là giả định Chư thiên *(sammatidevā).*
- Chư thiên và bực Tứ Thiên Vương sắp lên gọi là hóa sanh Chư thiên *(upattidevā).*
- Tất cả La-hán gọi là thanh tịnh Chư thiên *(visuddhidevā).*

1105.

Những người bố thí, thọ trì giới, hành thanh tịnh giới, sau sanh về đâu? Những người bố thí, thọ trì giới, hành thanh tịnh giới rồi cũng có kẻ đến bực đại quốc vương, cũng có người đến bực đại Phạm thiên, cũng có người đến đại thần, cũng có người sanh làm Chư thiên bực Tứ Thiên Vương, cũng có người sanh làm Chư thiên cõi Đạo Lợi, cũng có người sanh làm Chư thiên cõi Dạ Ma, cũng có người sanh làm Chư thiên cõi Đâu Xuất, cũng có người sanh lên làm Chư thiên cõi Hóa Lạc, cũng có người sanh lên làm Chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại.

1106.

* ***Số thọ của nhơn loại*** *chừng bao nhiêu?* Như là lối 100 năm, hoặc thấp, hoặc cao hơn cũng có.

* ***Tuổi thọ của Chư thiên bực Tứ Thiên Vương*** *bao nhiêu?* Như là 50 năm của nhân loại kể là 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Tứ Thiên Vương *(catummahārāja),* 30 ngày đêm ấy bằng 1 tháng, 12 tháng đó thành một năm. 500 năm cõi Tứ Thiên Vương đó là hạn định tuổi thọ của các vị trời cõi Tứ Thiên Vương.

* *Nếu tính theo năm của nhân loại thì* ***tuổi thọ Chư thiên Tứ Thiên Vương*** *chừng bao nhiêu?* Đặng chín triệu năm (9.000.000).

* ***Tuổi của Chư thiên Đạo Lợi*** *cũng bao nhiêu?* Như là 100 năm của nhơn loại bằng một ngày một đêm ở cõi Đạo Lợi *(Tāvatiṃsa),* mà 30 ngày đêm ấy thành một tháng,

12 tháng bằng tháng đó thành một năm. 1.000 năm của cõi Đạo Lợi là hạn định số thọ của Chư thiên cõi Đạo Lợi.

- ***Tuổi thọ Chư thiên Đạo Lợi*** *kể theo năm Nhân loại chừng bao nhiêu?* Chừng ba kinh sáu triệu năm (36.000.000).
- ***Tuổi của Chư thiên cõi Dạ Ma*** *chừng bao nhiêu?* Như là 200 năm của nhơn loại bằng một ngày một đêm ở cõi Chư thiên Dạ Ma *(Yāmā),* 30 ngày đêm ấy thành một tháng, 12 tháng bằng tháng đó thành một năm. 200 năm của cõi trời đó là số thọ của Chư thiên Dạ Ma.
- ***Tuổi của Chư thiên Dạ Ma*** *tính theo số năm nhân loại độ chừng bao nhiêu?* Chừng một cai bốn kinh bốn triệu năm (144.000.000).
- ***Tuổi của Chư thiên cõi Đâu Xuất*** *chừng bao nhiêu?* Như là 400 năm của nhơn loại kể là một ngày một đêm của Chư thiên ở cõi Đâu Xuất *(Tusitā),* 30 ngày đêm ở cõi đó là một tháng, 12 tháng ở cõi đó là một năm. 400 năm của cõi đó là số tuổi của bực Chư thiên ở cõi Đâu Xuất.
- ***Tuổi của Chư thiên cõi Đâu Xuất*** *kể theo năm nhân loại chừng bao nhiêu?* Đặng chừng năm cai bảy kinh sáu triệu năm ở cõi nhân loại (576.000.000).
- ***Tuổi của Chư thiên ở cõi Hóa Lạc*** *đặng bao nhiêu?* Như là 800 năm của nhơn loại kể một ngày một đêm của Chư thiên cõi Hóa Lạc, 30 ngày đêm cõi đó là một tháng, 12 tháng cõi đó là một năm. 800 năm cõi trời đó là số thọ của Chư thiên ở cõi Hóa Lạc *(Nimmāṇaratī).*
- ***Tuổi của Chư thiên ở cõi Hóa Lạc*** *tính theo năm nhân loại chừng bao nhiêu?* Đặng chừng hai tỷ ba cai bốn triệu năm (2.304.000.000).
- ***Tuổi của Chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại*** *chừng bao nhiêu?* Như là 1600 năm của nhơn loại kể một ngày một đêm của Chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại, 30 ngày đêm đó là một tháng, 12 tháng cõi đó là một năm. Một muôn sáu ngàn (16.000) tính theo cõi đó là số thọ của Chư thiên bực Tha Hóa Tự Tại *(Paranimmitavasavatī).*
- ***Tuổi của Chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại*** *kể theo năm nhân loại chừng bao nhiêu?* Chừng chín tỷ hai cai một kinh sáu triệu năm (9.216.000.000).

Bực Chư thiên sáu từng thiên đường Dục giới hoàn toàn đầy đủ ngũ dục lạc.

- ***Tuổi của Chư thiên sáu từng thiên đường Dục giới*** *kể chung tất cả chừng bao nhiêu năm nhân loại?* Chừng một nhương hai tỷ hai câu tám kinh năm triệu (12.285.000.000) năm bằng năm của nhân loại.

1107.

- ***Bực tu tiến sơ thiền đặng thứ thông thường*** *sanh đến bực nào?* Bực tu tiến sơ thiền đắc chủng thông thường sanh lên bực Phạm Chúng Thiên *(Brahmapārisajjā).*
- *Tuổi của Chư thiên bực đó (Phạm Chúng Thiên) chừng bao nhiêu?* Chừng 1/3 hay 1/4 đại kiếp.
- ***Bực tu tiến sơ thiền đặng chủng trung bình*** *sanh lên bực nào?* Bực tu tiến sơ thiền đắc chủng trung bình sanh lên cõi Phạm Phụ Thiên *(Brahmapurohita).*
- *Tuổi của Chư thiên đó (Phạm Phụ Thiên) chừng bao nhiêu?* Chừng nữa đại kiếp.

* ***Bực tu tiến sơ thiền đặng chủng tinh*** *vi sanh lên cõi nào?* Bực tu tiến sơ thiền đắc chủng tinh vi sanh lên cõi Đại Phạm Thiên *(Mahābrahma).*
* *Tuổi của Chư thiên đó (Đại Phạm Thiên) chừng bao nhiêu?* Chừng một đại kiếp.
* ***Bực tu tiến nhị thiền đắc chủng thông thường sanh*** *lên cõi nào?* Bực tu tiến nhị thiền mà đắc bằng chủng thông thường thì sanh lên cõi trời Thiểu Quang Thiên *(Parittābhā).*
* *Tuổi của Chư thiên đó (Thiểu Quang Thiên) chừng bao nhiêu?* Chừng hai đại kiếp.
* ***Bực tu tiến nhị thiền đắc chủng trung bình sanh*** *lên cõi nào?* Bực tu tiến nhị thiền mà đắc chủng trung bình thì sanh lên cõi trời Vô Lượng Quang Thiên *(Appamāṇābhā).*
* *Tuổi của Chư thiên đó (Vô Lượng Quang Thiên) chừng bao nhiêu?* Chừng bốn đại kiếp.
* ***Bực tu tiến nhị thiền đắc chủng tinh vi sanh*** *lên cõi nào?* Bực tu tiến nhị thiền mà đặng chủng tinh vi thì sanh lên cõi trời Quang Âm Thiên hay Biến Quang Thiên *(Ābhassara).*
* *Tuổi của Chư thiên đó (Quang Âm Thiên hay Biến Quang Thiên) chừng bao nhiêu?* Chừng tám đại kiếp.
* ***Bực tu tiến tam thiền đặng thứ thông thường sanh*** *lên cõi nào?* Bực tu tiến tam thiền đắc chủng thông thường thì sanh lên cõi trời Thiểu Tịnh Thiên *(Parittasubhā).*
* *Tuổi của Chư thiên đó (Thiểu Tịnh Thiên) chừng bao nhiêu?* Chừng 16 đại kiếp.
* ***Bực tu tiến tam thiền đắc chủng trung bình sanh*** *lên cõi nào?* Bực tu tiến tam thiền đắc chủng trung bình thì sanh lên cõi trời Vô Lượng Tịnh Thiên *(Appamāṇasubhā).*
* *Tuổi của Chư thiên đó (Vô Lượng Tịnh Thiên) chừng bao nhiêu?* Chừng 32 đại kiếp.
* ***Bực tu tiến tam thiền đặng chủng tinh vi sanh*** *lên cõi nào?* Bực tu tiến tam thiền mà đắc chủng tinh vi thì sanh lên cõi Biến Tịnh Thiên *(Subhakiṅha).*
* *Tuổi của Chư thiên đó (Biến Tịnh Thiên) chừng bao nhiêu?* Chừng 64 đại kiếp.

Bực tu tiến tứ thiền cũng có người sanh lên cõi Vô Tưởng *(Asaññasatta).* Cũng có người sanh lên bực Chư thiên Quảng Quả *(Vehapphalā).* Cũng có người sanh lên bực Vô Phiền Thiên *(Avihā).* Cũng có người sanh lên bực Vô Nhiệt Thiên *(Ātappā).* Cũng có người sanh lên bực Thiện Kiến Thiên *(Sudassā).* Cũng có người sanh lên bực Thiện Hiện Thiên *(Sudassī).* Cũng có người sanh lên bực Sắc Cứu Cánh Thiên *(Akaniṭṭhā).* Cũng có người sanh lên đến cõi Không Vô Biên Xứ Thiên *(Ākāsānañcāyatana).* Cũng có người sanh lên đến cõi Thức Vô Biên Xứ Thiên *(Viññānañcāyatana).* Cũng có người sanh lên đến cõi Vô Sở Hữu Xứ Thiên *(Ākiñcaññāyatana).* Cũng có người sanh lên đến cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên *(Nevasaññānāsaññāyatana).*

Bởi vì cảnh khác nhau, do các ý khác nhau vì sự thích khác nhau, do hy vọng khác nhau, do giải thoát khác nhau, do mãnh lực khác nhau và do tuệ khác nhau.

- *Tuổi thọ của bực trời Vô Tưởng và bậc trời Quảng Quả chừng bao nhiêu?* Chừng 500 đại kiếp.
- *Tuổi thọ của bực trời Vô Phiền Thiên chừng bao nhiêu?* Chừng 1.000 đại kiếp.
- *Tuổi thọ của bực trời Vô Nhiệt Thiên chừng bao nhiêu?* Chừng 2.000 đại kiếp.

- *Tuổi thọ của bực trời Thiện Kiến Thiên chừng bao nhiêu?* Chừng 4.000 đại kiếp.
- *Tuổi thọ của bực trời Thiện Hiện Thiên chừng bao nhiêu?* Chừng 8.000 đại kiếp.
- *Tuổi thọ của bực trời Sắc Cứu Cánh chừng bao nhiêu?* Chừng 16.000 đại kiếp.
- *Tuổi thọ của bực trời Không Vô Biên Xứ chừng bao nhiêu?* Chừng 20.000 đại kiếp. (2 muôn)
- *Tuổi thọ của bực trời Thức Vô Biên Xứ chừng bao nhiêu?* Chừng 40.000 đại kiếp. (4 muôn)
- *Tuổi thọ của bực trời Vô Sở Hữu Xứ chừng bao nhiêu?* Chừng 60.000 đại kiếp. (sáu muôn)
- *Tuổi thọ của bực trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ chừng bao nhiêu?* Chừng 84.000 đại kiếp (tám muôn bốn ngàn).

Những chúng sanh mà có mãnh lực của phước báu trợ đưa đến Dục giới và Sắc giới, dù cho đến cõi Phạm thiên cao tột cũng vẫn còn phải trở lại cõi Khổ Thú nữa.

Những chúng sanh sống lâu đến đỗi như thế đó cũng còn tử do hết tuổi, không có cõi nào gọi là trường tồn. Vì thế nên bực Toàn Giác tìm công đức cao siêu rộng rãi mới thuyết để cách ấy, bởi như thế đó bực trí thức là người có tuệ khôn khéo chu đáo nghĩ đến sự thật của điều ấy mới tiến hóa theo đường lối tu tiến, đường lối cao thượng hầu khỏi tử sanh. Đang khi tu tiến theo đường lối thanh tịnh trong sạch dĩ nhiên phải làm cho chúng sanh đến Níp-bàn thành bực không còn lậu, bởi nhận rõ tất cả lậu dứt hết như thế đều sẽ hoàn toàn viên tịch.

7) PHẦN THẤU TRIỆT (Abhiññeyyadivāra)

1008.

Bao nhiêu ngũ (5) uẩn mà uẩn nào thành pháp thấu triệt, uẩn nào thành pháp chu tường, uẩn nào thành pháp tuyệt trừ, uẩn nào thành pháp tu tiến, uẩn nào thành pháp tỏ ngộ, uẩn nào thành pháp phi trừ, uẩn nào thành pháp phi tu, uẩn nào thành pháp phi ngộ … Bao nhiêu thất (7) tâm mà tâm nào thành pháp thấu triệt, tâm nào thành pháp chu toàn, tâm nào thành pháp tuyệt trừ, tâm nào thành pháp tu tiến, tâm nào thành pháp tỏ ngộ, tâm nào thành pháp phi trừ, tâm nào thành pháp phi ngộ, tâm nào thành pháp phi tu?

- Như là sắc uẩn thành pháp thấu triệt *(abhiññeyya),* thành pháp chu tường *(pariññeyya),* thành pháp phi trừ *(napahātabba),* thành pháp phi tu *(nabhāvetabba)* và thành pháp phi ngộ *(nasacchikātabba).* Còn bốn uẩn (kia) thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp tuyệt trừ cũng có, thành pháp tu tiến cũng có, thành pháp tỏ ngộ *(sacchikātabba),* thành pháp phi trừ, pháp phi tu, pháp phi ngộ cũng có.
- Thập xứ thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi trừ, thành pháp phi tu, phi tỏ ngộ. Nhị xứ thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp tuyệt trừ cũng có, thành pháp tu tiến cũng có, thành pháp tỏ ngộ cũng có, thành pháp phi trừ, pháp phi tu và pháp phi ngộ cũng có.
- Thập lục giới thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, pháp phi tu, pháp phi ngộ. Nhị giới thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp tuyệt trừ,

thành pháp tu tiến cũng có, thành pháp tỏ ngộ cũng có, thành pháp phi trừ, pháp phi tu và pháp phi ngộ cũng có.

- Tập đế thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp tuyệt trừ, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ. Đạo đế thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ. Diệt đế thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi trừ, thành pháp tu tiến, thành pháp tỏ ngộ. Khổ đế thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp tuyệt trừ cũng có, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ và pháp phi tuyệt trừ cũng có.
- Cửu quyền thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi tuyệt trừ, thành pháp phi tu tiến, thành pháp phi tỏ ngộ. Ưu quyền thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp tuyệt trừ, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ. Tri dị tri quyền thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, pháp phi trừ, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ. Tri dĩ tri quyền thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi trừ, thành pháp tu tiến cũng có, thành pháp tỏ ngộ cũng có. Tri cụ tri quyền thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi trừ, thành pháp phi tu, thành pháp tỏ ngộ. Tam quyền thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi trừ, thành pháp tu tiến, thành pháp tỏ ngộ cũng có, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ cũng có. Lục quyền thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp tuyệt trừ cũng có, thành pháp tu tiến cũng có, thành pháp tỏ ngộ cũng có, thành pháp phi trừ, thành pháp phi tu và pháp phi ngộ cũng có.
- Ba nhân bất thiện thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ.
- Ba nhân thiện thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tế, thành pháp phi trừ, thành pháp tu tiến, thành pháp phi ngộ cũng có, thành pháp phi tu cũng có.
- Ba nhân vô ký thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi trừ, thành pháp phi tu, thành pháp tỏ ngộ cũng có, thành pháp phi tỏ ngộ cũng có.
- Đoàn thực thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi trừ, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ. Tam thực thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp tuyệt trừ cũng có, thành pháp tu tiến cũng có, thành pháp tỏ ngộ cũng có, thành pháp phi trừ, thành pháp phi tu và pháp phi ngộ cũng có.
- Lục xúc thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi trừ, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ. Ý thức giới xúc thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp tuyệt trừ cũng có, thành pháp tu tiến cũng có, thành pháp tỏ ngộ cũng có, thành pháp phi trừ, thành pháp phi tu và pháp phi tỏ ngộ cũng có.
- Lục thọ, lục tưởng, lục tư, lục tâm thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi trừ, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ.

8) PHẦN CẢNH

1109.

Bao nhiêu ngũ (5) uẩn mà uẩn nào thành pháp biết cảnh và uẩn nào thành pháp không biết cảnh? ... Những thất (7) tâm mà tâm nào thành pháp biết cảnh, tâm nào thành pháp không biết cảnh?

- Sắc uẩn thành pháp không biết cảnh. Còn bốn uẩn (kia) thành pháp biết cảnh.

- Thập xứ thành pháp không biết cảnh. Ý xứ thành pháp biết cảnh. Pháp xứ thành pháp biết cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh cũng có.
- Thập giới thành pháp không biết cảnh. Thất giới thành pháp biết cảnh. Còn pháp giới thành pháp biết cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh cũng có.
- Nhị đế thành pháp biết cảnh. Diệt đế thành pháp không biết cảnh. Còn khổ đế thành pháp biết cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh cũng có.
- Thất quyền thành pháp không biết cảnh. Thập ngũ quyền thành pháp biết cảnh. Còn mạng quyền thành pháp biết cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh cũng có.
- Cửu nhân thành pháp không biết cảnh. Tam thực thành pháp biết cảnh.
- Thất xúc, thất thọ, thất tưởng, thất tư, thất tâm đều thành pháp biết cảnh.

1110.

Bao nhiêu ngũ (5) uẩn mà uẩn nào thành pháp biết cảnh đồng cảnh, uẩn nào thành pháp không biết cảnh đồng cảnh, uẩn nào thành pháp không biết cảnh .... Bao nhiêu thất (7) tâm mà tâm nào thành pháp biết cảnh chung cảnh, tâm nào thành pháp không biết cảnh chung cảnh, tâm nào thành pháp không biết cảnh?

- Sắc uẩn thành pháp không biết cảnh. Tứ (danh) uẩn thành pháp biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh chung cảnh cũng có.
- Thập xứ thành pháp không biết cảnh. Ý xứ thành pháp biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh chung cảnh cũng có. Pháp xứ thành pháp biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh cũng có.
- Thập giới thành pháp không biết cảnh. Lục giới thành pháp không biết cảnh chung cảnh. Ý thức giới thành pháp biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh chung cảnh cũng có. Pháp giới thành pháp biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh cũng có.
- Diệt đế thành pháp không biết cảnh. Đạo đế thành pháp không biết cảnh chung cảnh. Tập đế thành pháp biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh chung cảnh cũng có. Khổ đế thành pháp biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp bất tri cảnh cũng có.
- Thất quyền thành pháp bất tri cảnh. Ngũ quyền thành pháp bất tri cảnh chung cảnh. Cửu quyền thành pháp tri cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp bất tri cảnh chung cảnh cũng có. Mạng quyền thành pháp tri cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp bất tri cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp bất tri cảnh cũng có.
- Cửu nhân thành pháp tri cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp bất tri cảnh chung cảnh cũng có.
- đoàn thực thành pháp bất tri cảnh. Tam thực thành pháp tri cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp bất tri cảnh chung cảnh cũng có.
- Lục xúc thành pháp bất tri cảnh chung cảnh cũng có; ý thức giới xúc thành pháp tri cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp bất tri cảnh chung cảnh cũng có.

- Lục thọ, lục tưởng, lục tư và lục tâm đều thành pháp bất tri cảnh chung cảnh. Ý thức giới thành pháp tri cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp bất tri cảnh chung cảnh cũng có.

9) PHẦN HIỆN TẠI (Diṭṭhādivāra)

1111.

Những ngũ (5) uẩn mà uẩn nào thành pháp kiến, uẩn nào thành pháp văn, uẩn nào thành pháp tri, uẩn nào thành pháp hiển, uẩn nào thành pháp phi kiến, phi văn, phi tri, phi kiến ... Những thất (7) tâm mà tâm nào thành pháp kiến, tâm nào thành pháp văn, tâm nào thành pháp tri, tâm nào thành pháp hiển, tâm nào thành pháp phi kiến, phi tri và phi hiển?

- Sắc uẩn thành pháp kiến, thành pháp văn cũng có, thành pháp tri cũng có, thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, thành pháp phi hiển. Tứ uẩn thành pháp phi kiến, phi văn, phi tri và phi hiển.
- Sắc xứ thành pháp kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, thành pháp hiển. Thinh xứ thành pháp phi kiến, thành pháp văn, thành pháp tri, thành pháp hiển. Khí xứ, vị xứ và xúc xứ thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp tri, thành pháp hiển. Thất xứ thành phi pháp kiến, thành phi pháp văn, thành phi pháp tri, thành phi pháp hiển.
- Sắc giới thành pháp kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, thành pháp hiển. Thinh giới thành pháp phi kiến, thành pháp văn, thành pháp phi tri, thành pháp hiển. Khí giới, vị giới và xúc giới thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, mà thành pháp hiển. Thập tam giới thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, mà thành pháp hiển.
- Tam đế thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri mà thành pháp hiển. Khổ đế thành pháp bất kiến, thành pháp tri cũng có và thành pháp phi văn, thành pháp phi tri cũng có, nhưng thành pháp hiển.
- Nhị thập nhị quyền thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, nhưng thành pháp hiển.
- Cửu nhân thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, mà thành pháp hiển.
- Tứ thực thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, nhưng thành pháp hiển.
- Thất xúc thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, nhưng thành pháp hiển.
- Thất thọ, thất tưởng, thất tư và thất tâm thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, nhưng thành pháp hiển.

10) PHẦN TAM ĐỀ THIỆN

1112.

Những ngũ (5) uẩn mà uẩn nào thành thiện, uẩn nào thành bất thiện, uẩn nào thành vô ký… những thất (7) tâm mà tâm nào thành thiện, tâm nào thành bất thiện, tâm nào thành vô ký?

- Sắc uẩn thành vô ký. Tứ uẩn thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
- Thập xứ thành vô ký. Nhị xứ thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
- Thập lục giới thành vô ký. Nhị giới thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
- Tập đế thành bất thiện. Đạo đế thành thiện. Diệt đế thành vô ký. Khổ đế thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
- Thập quyền thành vô ký. Ưu quyền thành bất thiện. Tri dị tri quyền thành thiện. Tứ quyền thành thiện cũng có, thành vô ký cũng có. Lục quyền thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
- Tam nhân bất thiện thành bất thiện. Tam nhân thiện thành thiện. Tam nhân vô ký thành vô ký.
- Đoàn thực thành vô ký. Tam thực thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
- Lục xúc thành vô ký. Ý thức giới xúc thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
- Lục thọ, lục tưởng, lục tư, lục tâm thành vô ký. Ý thức giới thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.

11) PHẦN TAM ĐỀ THỌ

1113.

Những năm uẩn mà uẩn nào thành tương ưng với lạc thọ, uẩn nào tương ưng với khổ thọ, uẩn nào tương ưng với phi khổ phi lạc thọ… Những bảy tâm mà tâm nào tương ưng với lạc thọ, tâm nào tương ưng với khổ thọ, tâm nào tương ưng với phi khổ phi lạc thọ?

- Nhị uẩn không thể nó tương ưng với lạc thọ, hoặc tương ưng với khổ thọ, hoặc tương ưng với phi khổ phi lạc thọ. Tam uẩn tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có.
- Thập xứ không nên nói tương ưng với lạc thọ hay tương ưng với khổ thọ hay là tương ưng với phi khổ phi lạc thọ. Ý xứ tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có. Pháp xứ tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có; không nên nói tương ưng với lạc thọ, hoặc tương ưng với khổ thọ hay tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có.
- Thập giới không nên nói tương ưng với lạc thọ hay tương ưng với khổ thọ hay là tương ưng với phi khổ phi lạc thọ. Ngũ giới tương ưng với phi khổ phi lạc thọ. Thân thức giới tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có. Ý thức giới tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với

phi khổ phi lạc thọ cũng có. Pháp giới tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có; không nên nói tương ưng với lạc thọ hay tương ưng với khổ thọ hay tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có.

- Nhị đế tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có. Diệt đế không thể nói tương ưng với lạc thọ hay tương ưng với khổ thọ hay tương ưng với phi khổ phi lạc thọ. Khổ đế tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có; không thể nói tương ưng với lạc thọ hay tương ưng với khổ thọ hay là tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có.
- Thập nhị quyền không thể nói tương ưng với lạc thọ hay là tương ưng với khổ thọ hay là tương ưng với phi khổ phi lạc thọ. Lục quyền tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có. Tam quyền tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có. Mạng quyền tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có; cũng không nên nói tương ưng với lạc thọ hay tương ưng với khổ thọ hay là tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có.
- Nhân bất thiện sân tương ưng với khổ thọ. Thất nhân tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có. Nhân bất thiện si tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có.
- Đoàn thực không đặng nói tương ưng với lạc thọ hay tương ưng với khổ thọ hay là tương ưng với phi khổ phi lạc thọ. Tam thực tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có.
- Ngũ xúc tương ưng với phi khổ phi lạc thọ. Thân xúc tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có. Ý thức giới xúc tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có.
- Thất thọ không đặng nói tương ưng với lạc thọ hay tương ưng với khổ thọ hay là tương ưng với phi khổ phi lạc thọ.
- Ngũ tưởng, ngũ tư, ngũ tâm tương ưng với phi khổ phi lạc thọ. Thân thức tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có. Ý thức giới tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có.

12) PHẦN TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ

1114.

Những ngũ (5) uẩn mà uẩn nào thành pháp dị thục quả, uẩn nào thành pháp dị thục nhân, uẩn nào thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân… những thất (7) tâm mà tâm nào thành pháp dị thục quả, tâm nào thành pháp dị thục nhân, tâm nào thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân?

- Sắc uẩn thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Tứ (danh) uẩn thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.

- Thập xứ thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Nhị xứ thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
- Thập giới thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Ngũ giới thành pháp dị thục quả. Ý giới thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có. Nhị giới thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
- Nhị đế thành pháp phi dị thục nhân. Diệt đế thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Khổ đế thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
- Thất quyền thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Tam quyền thành pháp dị thục quả. Nhị quyền thành pháp dị thục nhân. Tri dĩ tri quyền thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
- Lục nhân thành pháp dị thục nhân. Tam nhân vô ký thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
- Đoàn thực thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Tam thực thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
- Ngũ xúc thành pháp dị thục quả. Ý giới xúc thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có. Ý thức giới xúc thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
- Ngũ thọ, ngũ tưởng, ngũ tư, ngũ tâm thành pháp dị thục quả. Ý giới thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có. Ý thức giới thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.

13) PHẦN ĐẦU ĐỀ THỦ CẢNH THỦ

1115.

Những ngũ (5) uẩn mà uẩn nào thành pháp thủ cảnh thủ, uẩn nào thành pháp phi thủ cảnh thủ, uẩn nào thành pháp phi thủ phi cảnh thủ… những thất (7) tâm mà tâm nào thành pháp thủ cảnh thủ, tâm nào thành pháp phi thủ cảnh thủ, tâm nào thành pháp phi thủ phi cảnh thủ?

- Sắc uẩn thành pháp do thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi do thủ cảnh thủ cũng có. Tứ uẩn thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ phi cảnh thủ cũng có.
- Ngũ xứ thành pháp thủ cảnh thủ. Thinh xứ thành pháp phi thủ cảnh thủ. Tứ xứ thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có. Nhị xứ thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ phi cảnh thủ cũng có.
- Thập giới thành pháp thủ cảnh thủ. Thinh giới thành pháp phi thủ cảnh thủ. Ngũ giới thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có. Nhị giới

thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ phi cảnh thủ cũng có.

- Tập đế thành pháp thủ cảnh thủ. Nhị đế thành pháp phi thủ cảnh thủ. Khổ đế thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có.
- Cửu quyền thành pháp thủ cảnh thủ. Ưu quyền thành pháp phi thủ cảnh thủ. Tam quyền thành pháp phi thủ cảnh thủ. Cửu quyền thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ phi cảnh thủ cũng có.
- Ba nhân bất thiện thành pháp phi thủ cảnh thủ. Ba nhân thiện thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ phi cảnh thủ cũng có. Ba nhân vô ký thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ phi cảnh thủ cũng có.
- Đoàn thực thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có. Tam thực thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ phi cảnh thủ cũng có.
- Ngũ xúc thành pháp thủ cảnh thủ. Ý giới xúc thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có. Ý thức giới xúc thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ phi cảnh thủ cũng có.
- Ngũ thọ, ngũ tưởng, ngũ tư, ngũ tâm thành pháp thủ cảnh thủ. Ý giới thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có. Ý thức giới thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ phi cảnh thủ cũng có.

14) PHẦN ĐẦU ĐỀ HỮU TẦM

1116.

Những ngũ (5) uẩn mà uẩn nào thành pháp hữu tầm hữu tứ, uẩn nào thành pháp vô tầm hữu tứ, uẩn nào thành pháp vô tầm vô tứ... Bao nhiêu thất (7) tâm mà tâm nào thành pháp hữu tầm hữu tứ, tâm nào thành pháp vô tầm hữu tứ, tâm nào thành pháp vô tầm vô tứ?

- Sắc uẩn thành pháp vô tầm vô tứ. Tam uẩn thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có. Hành uẩn thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có.
- Thập xứ thành pháp vô tầm vô tứ. Ý xứ thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có. Pháp xứ thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có; không thể nói thành pháp hữu tầm hữu tứ hay thành vô tầm hữu tứ hay thành pháp vô tầm vô tứ cũng có.
- Thập ngũ giới thành pháp vô tầm vô tứ. Ý giới thành pháp hữu tầm hữu tứ. Ý thức giới thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có. Pháp giới thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có; không nên nói thành pháp hữu tầm hữu tứ hay là thành pháp vô tầm hữu tứ hay là thành pháp vô tầm vô tứ cũng có.

- Tập đế thành pháp hữu tầm hữu tứ. Diệt đế thành pháp vô tầm vô tứ. Đạo đế thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có. Khổ đế thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có; không thể nói chỉ thành pháp hữu tầm hữu tứ hay thành pháp vô tầm hữu tứ hay là thành pháp vô tầm vô tứ cũng có.
- Ngũ quyền thành pháp vô tầm vô tứ. Ưu quyền thành pháp hữu tầm hữu tứ. Xả quyền thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có. Thập nhứt quyền thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có.
- Ba nhân bất thiện thành pháp hữu tầm hữu tứ. Sáu nhân (kia) thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có.
- Đoàn thực thành pháp vô tầm vô tứ. Tam thực thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có.
- Ngũ xúc thành pháp vô tầm vô tứ. Ý giới xúc thành pháp hữu tầm hữu tứ. Ý thức giới xúc thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có.
- Ngũ thọ, ngũ tưởng, ngũ tư, ngũ tâm thành pháp vô tầm vô tứ. Ý giới thành pháp hữu tầm hữu tứ. Ý thức giới thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có.

15) PHẦN NHỊ ĐỀ SẮC

1117.

Bao nhiêu uẩn mà uẩn nào thành pháp sắc, uẩn nào thành pháp phi sắc… Bao nhiêu 7 tâm mà tâm nào thành pháp sắc, tâm nào thành pháp phi sắc?

- Sắc uẩn thành pháp sắc. Tứ uẩn thành pháp phi sắc.
- Thập xứ thành pháp sắc. Ý xứ thành pháp phi sắc. Pháp xứ thành pháp sắc cũng có, thành pháp phi sắc cũng có.
- Thập giới thành pháp sắc. Thất giới thành pháp phi sắc. Pháp giới thành pháp sắc cũng có, thành pháp phi sắc cũng có.
- Tam đế thành pháp phi sắc. Khổ đế thành pháp sắc cũng có, thành pháp phi sắc cũng có.
- Thất quyền thành pháp sắc. Thập tứ quyền thành pháp phi sắc. Mạng quyền thành pháp sắc cũng có, thành pháp phi sắc cũng có.
- Cửu nhân thành pháp phi sắc.
- Đoàn thực thành pháp sắc. Tam thực (kia) thành pháp phi sắc.
- Thất xúc thành pháp phi sắc. Thất thọ, thất tưởng, thất tư, thất tâm đều thành pháp phi sắc.
- Thất thọ… thất tưởng… thất tư… thất tâm thành pháp phi sắc.

16) PHẦN NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ

1118.

Bao nhiêu uẩn mà uẩn nào thành pháp hiệp thế, uẩn nào thành pháp siêu thế... bao nhiêu thất (7) tâm mà tâm nào thành pháp hiệp thế, tâm nào thành pháp siêu thế?

- Sắc uẩn thành pháp hiệp thế; tứ (danh) uẩn thành pháp hiệp thế cũng có, thành pháp siêu thế cũng có.
- Thập xứ thành pháp hiệp thế; nhị xứ ngoài ra thành pháp hiệp thế cũng có, thành pháp siêu thế cũng có.
- Thập lục giới thành pháp hiệp thế; nhị giới thành pháp hiệp thế cũng có, thành pháp siêu thế cũng có.
- Nhị đế thành pháp hiệp thế; nhị đế (khác) thành pháp siêu thế.
- Thập quyền thành pháp hiệp thế; tam quyền thành pháp siêu thế; cửu quyền thành pháp hiệp thế cũng có, thành pháp siêu thế cũng có.
- Tam nhân bất thiện thành pháp hiệp thế; lục nhân thành pháp hiệp thế cũng có, thành pháp siêu thế cũng có.
- Đoàn thực thành pháp hiệp thế. Tam thực thành pháp hiệp thế cũng có, thành pháp siêu thế cũng có.
- Lục xúc thành pháp hiệp thế, ý thức giới xúc thành pháp hiệp thế cũng có, thành pháp siêu thế cũng có.
- Lục thọ… lục tưởng… lục tư… lục tâm thành pháp hiệp thế; ý thức giới thành pháp hiệp thế cũng có, thành pháp siêu thế cũng có.

Trình bày pháp đầu đề như là thần thông, nhị cảnh, kiến, thiện, thọ, dị thục quả, thủ, tầm, sắc và hiệp thế chỉ có bao nhiêu đây.

Dứt pháp Phân Tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

Hoàn mãn Bộ Phân Tích

Hồi hướng phước đến Chư thiên và tất cả chúng sanh.
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~



TIỂU SỬ ĐẠI TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG TỊNH SỰ

(MAHĀTHERO – SAṄTAKICCO)

(1913 - 1984)

1. SINH RA VÀ LỚN LÊN

Hòa thượng tịnh sự, thế danh là Võ văn Đang, sinh năm Quí Sửu (1913), trong một gia đình có truyền thống Nho giáo, tại một vùng quê miền nam, xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ Ngài là cụ Võ văn Tỏ, thân mẫu là cụ Trần Thị Thông.

2. XUẤT GIA HÀNH ĐẠO

Năm bảy tuổi Ngài đã học chữ Nho, rất thông minh, Ngài được người đương thời gọi là "Thần đồng Lê Quí Đôn". Do túc duyên sẵn có từ nhiều đời, đến năm 12 tuổi, Ngài xuất gia và thọ giới Sa Di tại chùa Bửu Hưng (Sa Đéc). Thấy Ngài quá thông minh nên Bổn sư đặt pháp danh là Thích Huệ lực.

Năm 20 tuổi, Ngài thọ giới Tỳ kheo tại chùa Kim Huê, Sa Đéc. Đến năm 25 tuổi, Ngài được bổ nhiệm về trụ trì tại chùa phước Định, Chợ Lách. Năm 30 tuổi, Ngài trụ trì chùa Viên Giác, Vĩnh Long. Năm 35 tuổi, duyên lành đối với Phật giáo nam Tông đã chín mùi, Ngài được du học tại Chùa Tháp Campuchia, thọ giới theo Phật giáo nam Tông tại chùa Kùm Pung (Treyloko) ở Trà Pét.

Từ Campuchia Ngài có thiện duyên du học tại Thái Lan, thọ giới Tỳ kheo tại chùa Pakknam Bangkok. Ngài được thầy tế độ ban pháp danh là tịnh sự *(Saṅtakicco)* vì thấy Ngài chuyên tâm hành đạo. Tại xứ Phật giáo Thái Lan này, Ngài đã thực hành hạnh đầu đà, tu thiền minh sát và học A Tỳ Đàm *(Abhidhamma)* trong bảy năm. Rời Thái Lan về Việt nam, Ngài trở lại trụ trì chùa Viên Giác - Vĩnh Long. Ngài bắt đầu mở mang truyền bá giáo pháp Nguyên Thủy. Ngài dạy pháp học A Tỳ Đàm Pāli *(Abhidhamma)* và pháp hành tứ niệm xứ.

3. SỰ NGHIỆP TRUYỀN BÁ TẠNG ABHIDHAMMA

Muốn cho môn học Abhidhamma được truyền bá rộng rãi nên vào năm 59 tuổi Ngài về trụ trì chùa siêu lý - Sài Gòn. Mở trường chuyên dạy về môn Abhidhamma và dịch các bộ sách Giáo khoa Phật học như Vi Diệu Pháp tiểu học, trung học, cao học và chánh Tạng Abhidhamma.

Ngài đã đào tạo nhiều thế hệ học trò Vi Diệu Pháp. Các thế hệ đệ tử này đã kế thừa sự nghiệp của Ngài truyền bá môn Abhidhamma khắp nơi. Những thế hệ đệ tử Vi Diệu Pháp đầu tiên hiện nay còn những vị tiêu biểu như TT. Giác chánh, TT. Pháp chất, đại đức Giác Tuệ (Đức Tài), cư sĩ Vĩnh Phúc, cư sĩ Trần Quỳnh Hương đã có công đức duy trì và phát triển môn học Abhidhamma.

Về phương diện đào tạo tăng tài, Ngài đã từng làm thầy Tế độ truyền giới xuất gia cho hàng trăm Sa di, Tỳ kheo. Họ đã tiếp nối được sự nghiệp truyền bá giáo pháp của Ngài một cách tốt đẹp.

Không những chỉ đào tạo tăng tài mà Ngài còn xây dựng rất nhiều cơ sở tự viện: chùa Viên Giác (Vĩnh Long), chùa Long Linh, chùa Giác Phước, chùa Pháp Độ, chùa Trúc Lâm, chùa Siêu Lý v.v… .

4. NHỮNG TÁC PHẨM DỊCH THUẬT

Điểm nổi bật nhất trong sự nghiệp hoằng pháp của Hòa thượng là Ngài đã dịch hoàn thành Tạng vô tỷ pháp - Abhidhamma (Diệu pháp, Thắng pháp, A Tỳ Đàm, Vi Diệu Pháp) gồm:

1) Bộ pháp Tụ *(Dhammasaṅgani).*
2) Bộ Phân Tích *(Vibhaṅga).*
3) Bộ Nguyên chất ngữ *(Dhātukathā).*
4) Bộ Nhân Chế Định *(Puggalapaññatti).*
5) Bộ ngữ Tông *(Kathāvatthu).*
6) Bộ Song Đối *(Yamaka).*
7) Bộ vị Trí *(Paṭṭhāna).*

Đó là phần chánh tạng Abhidhamma. Sau đây là những dịch phẩm giáo khoa Adhidhamma được giảng dạy tại các trường Phật Học Thái Lan:

1) Vi Diệu Pháp sơ Cấp.
2) Vi Diệu Pháp Trung Cấp.
3) Vi Diệu Pháp Cao Cấp.
4) Diệu Pháp lý Hợp.

Sự nghiệp đạo pháp của Ngài vô cùng to lớn. Nhất là Ngài đã dành hết đời mình để phiên dịch trọn Tạng Vi Diệu Pháp (Luận Tạng Pālī). Qua công hạnh này, Ngài là một ngôi sao mà càng nhìn chúng ta càng thấy sáng hơn.

5. VIÊN TỊCH

Đêm mùng sáu tháng năm năm Giáp Tý, Ngài thọ bệnh. Nửa đêm hôm ấy, Ngài cho gọi chư tăng để ban di huấn và gởi lời sám hối đến tăng chúng gần xa. Rồi Ngài an trú chánh niệm và viên tịch lúc sáu giờ 15 phút sáng ngày bảy tháng năm năm Giáp Tý (tức 05-06-1984), hưởng thọ 72 tuổi, hành đạo 52 năm.

Trước khi viên tịch Ngài đã giảng về sự khổ, rồi mỉm cười tắt hơi thở cuối cùng. Ngài ra đi nhưng sự nghiệp đạo pháp của Ngài vẫn còn ở lại với hậu tấn ngưỡng cầu giải thoát khổ đau, để hằng an vui tự tại nơi Niết Bàn tịch tịnh.

Để tỏ lòng biết ơn bực ân sư khả kính, tăng Ni và Phật tử xây tháp tưởng niệm tôn thờ Hòa thượng tại chùa Viên Giác. Hằng năm, Tổ đình Viên Giác, Chùa siêu lý - Vĩnh Long, Chùa siêu lý - Sài Gòn, Chùa Bửu Đức tổ chức lễ tưởng niệm ân đức cao dày của Hòa thượng tịnh sự.

BỘ PHÂN TÍCH
(VIBHAṄGA)

Việt dịch: Sư cả Tịnh Sự

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 04.37822845 – Fax (04).37822841

Chịu trách nhiệm xuất bản
Nguyễn Công Oánh

Biên tập
Đỗ Thị Quỳnh

Trình bày
Tỳ kheo Siêu Thiện

Trình bày bìa
Mỹ Hà

~~~~~~~~~~

Đối tác liên kết
Thư viện Phật Giáo Nguyên Thuỷ
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, Tp HCM

In 500 bản, khổ 20.5 x 29 cm tại xí nghiệp in FaHaSa số 774 Trường Chinh, Q.Tân Bình, Tp.HCM. ĐT: (84.8) 38153297 – Fax: (84.8) 38153297. Số xuất bản: 24-2012/CXB/82-02/TG ngày 29/02/2012.
Xin xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2012.
~~~~~~~~~~

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

TẠNG VÔ TỶ PHÁP
(ABHIDHAMMAPIṬAKA)

BỘ THỨ BA

BỘ NGUYÊN CHẤT NGỮ
(DHĀTUKATHĀ)

BỘ THỨ TƯ

BỘ NHÂN CHẾ ĐỊNH
(PUGGALAPAÑÑATTI)

CẢO BẢN

Dịch giả
Đại Trưởng lão Hòa thượng Tịnh Sự - Mahāthero Saṅtakicco

Chuyển ngữ từ bản tiếng Pāli-Thái Lan sang tiếng Việt
Phật lịch 2518- Dương lịch 1974

~~~~~~~~~~

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
2012
~~~~~~~~~~

MỤC LỤC

BỘ NGUYÊN CHẤT NGỮ **7**
MĀTIKĀ - ĐẦU ĐỀ 7
PHẦN I. XIỂN MINH CÂU YẾU HIỆP BẤT YẾU HIỆP 9
PHẦN II. XIỂN MINH CÂU YẾU HIỆP VỚI BẤT YẾU HIỆP 20
PHẦN III. XIỂN MINH CÂU BẤT YẾU HIỆP VỚI YẾU HIỆP 21
PHẦN IV. XIỂN MINH CÂU YẾU HIỆP VỚI YẾU HIỆP 23
PHẦN V. XIỂN MINH CÂU BẤT YẾU HIỆP VỚI BẤT YẾU HIỆP 24
PHẦN VI. XIỂN MINH CÂU PHỐI HỢP BẤT PHỐI HỢP 28
PHẦN VII. XIỂN MINH CÂU TƯƠNG ƯNG DỮ BẤT TƯƠNG ƯNG 35
PHẦN VIII. XIỂN MINH CÂU BẤT TƯƠNG ƯNG VỚI TƯƠNG ƯNG 36
PHẦN IX. XIỂN MINH CÂU TƯƠNG ƯNG DỮ TƯƠNG ƯNG 37
PHẦN X. XIỂN MINH CÂU BẤT TƯƠNG ƯNG DỮ BẤT TƯƠNG ƯNG 40
PHẦN XI. XIỂN MINH CÂU YẾU HIỆP DỮ TƯƠNG ƯNG, BẤT TƯƠNG ƯNG 45
PHẦN XII. XIỂN MINH CÂU TƯƠNG ƯNG DỮ YẾU HIỆP, BẤT YẾU HIỆP 46
PHẦN XIII. XIỂN MINH CÂU BẤT YẾU HIỆP DỮ TƯƠNG ƯNG, BẤT TƯƠNG ƯNG 49
PHẦN XIV. XIỂN MINH CÂU BẤT TƯƠNG ƯNG DỮ YẾU HIỆP, BẤT YẾU HIỆP 51

BỘ NHÂN CHẾ ĐỊNH **59**
PHẦN XIỂN THUẬT 59
Uẩn chế định 59
Xứ (nhập) chế định 59
Giới chế định 59
Đế chế định 59
Quyền (căn) chế định 59
Nhân chế định 60
Đầu đề phần nhất 60
Đầu đề phần nhị 60
Đầu đề phần tam 61
Đầu đề phần tứ 62
Đầu đề phần ngũ 63
Đầu đề phần lục 63
Đầu đề phần thất 64
Đầu đề phần bát 64
Đầu đề phần cửu 64

Đầu đề phần thập 64
PHẦN XIỂN MINH 65
Xiển minh phần nhất 65
Xiển minh phần nhị 69
Xiển minh phần tam 75
Xiển minh phần tứ 83
Xiển minh phần ngũ 101
Xiển minh phần lục 105
Xiển minh phần thất 106
Xiển minh phần bát 107
Xiển minh phần cửu 108
Xiển minh phần thập 109

BỘ THỨ BA

BỘ NGUYÊN CHẤT NGỮ
(DHĀTUKATHĀ)

CẢO BẢN

HOÀN TOÀN ÁM CHỈ PHÁP CHÂN THẬT

Bộ thứ ba thuộc Tạng Vô Tỷ pháp *(Abhidhammapiṭaka)*

Dịch giả:
Đại Trưởng lão Hòa thượng Tịnh Sự
Nguyên Cố vấn I, kiêm Trưởng Ban phiên dịch
Giáo hội Tăng già Nguyên thủy *(Theravāda)* - Việt Nam

BỘ NGUYÊN CHẤT NGỮ
(Dhātukathā)

CUNG KỈNH ĐẾN ĐỨC THẾ TÔN, ỨNG CÚNG, CHÁNH BIẾN TRI

MĀTIKĀ - ĐẦU ĐỀ

1.

* *Saṅgaho asaṅgaho:* Cách yếu hiệp, cách bất yếu hiệp.
* *Saṅgahitena asaṅgahitaṃ:* Yếu hiệp với bất yếu hiệp.
* *Asaṅgahitena saṅgahitaṃ:* Bất yếu hiệp với yếu hiệp.
* *Saṅgahitena saṅgahitaṃ:* Yếu hiệp với yếu hiệp.
* *Asaṅgahitena asaṅgahitaṃ:* Bất yếu hiệp với bất yếu hiệp.
* *Sampayogo vippayogo:* Phối hợp, bất phối hợp.

* *Sampayuttena vippayuttaṃ:* Tương ưng với bất tương ưng.
* *Vippayuttena sampayuttaṃ:* Bất tương ưng với tương ưng.
* *Sampayuttena sampayuttaṃ:* Tương ưng với tương ưng.
* *Vippayuttena vippayuttaṃ:* Bất tương ưng với bất tương ưng.

* *Saṅgahitena sampayuttaṃ vippayuttaṃ:* Yếu hiệp với tương ưng, bất tương ưng.
* *Sampayuttena saṅgahitaṃ asaṅgahitaṃ:* Tương ưng với yếu hiệp, bất yếu hiệp.
* *Asaṅgahitena sampayuttaṃ vippayuttaṃ:* Bất yếu hiệp với tương ưng, bất tương ưng.
* *Vippayuttena saṅgahitaṃ asaṅgahitaṃ:* Bất tương ưng với yếu hiệp, bất yếu hiệp.

* *Pancakhandhā:* Ngũ uẩn.
* *Dvādasāyatanāni:* Thập nhị xứ (nhập).
* *Aṭṭhārasa dhātuyo:* Thập bát giới.
* *Cattāri saccāni:* Tứ đế.
* *Bavīsatindriyāni:* Nhị thập nhị quyền.
* *Paṭiccasamuppado:* Y tương sinh.

* *Cattāro satipaṭṭhānā:* Tứ niệm xứ.
* *Cattāro sammappadhānā:* Tứ chánh cần.
* *Cattāro iddhipādā:* Tứ như ý túc.
* *Cittāni jhānāni*: Tứ thiền.
* *Catasso appamaññāyo*: Tứ vô lượng.
* *Pañcindriyāni*: Ngũ quyền.
* *Pañca balāni*: Ngũ lực.
* *Satta bojjhaṅgā:* Thất giác chi.
* *Ariyo aṭṭhangiko Maggo:* Bát chi thánh đạo.

* *Phasso:* Xúc.

* *Vedanā:* Thọ.
* *Saññа:* Tưởng.
* *Cetanā:* Tư.
* *Cittaṃ:* Tâm.
* *Adhimokkha:* Thắng giải.
* *Manasikāro:* Tác ý.
* *Tīhi saṅgaho:* Tam yếu hiệp.
* *Catūhi sampayogo:* Tứ phối hợp.
* *Catuhi vippayogo:* Tứ bất phối hợp.
* *Sabhago:* Đồng.
* *Visabhago:* Bất đồng.

Sabbāpi dhammasaṅgaṇi dhātukathāya matikati :
Cả bộ Pháp Tụ đều gồm trong đầu đề Nguyên Chất Ngữ nầy.

Dứt Đầu đề
(Về phần xiển thuật)

PHẦN I
XIỂN MINH CÂU YẾU HIỆP BẤT YẾU HIỆP

2. *Sắc uẩn yếu hiệp đặng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Sắc uẩn yếu hiệp đặng 1 uẩn, 11 xứ, 11 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp: 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

3. *Thọ uẩn yếu hiệp đặng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Thọ uẩn yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

4. *Tưởng uẩn yếu hiệp đặng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Tưởng uẩn yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

5. *Hành uẩn yếu hiệp đặng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Hành uẩn yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

6. *Thức uẩn yếu hiệp đặng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Thức uẩn yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 7 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới.

7. *Sắc uẩn và thọ uẩn yếu hiệp đặng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Sắc uẩn và thọ uẩn yếu hiệp đặng 2 uẩn, 11 xứ, 11 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

8. *Sắc uẩn và tưởng uẩn* yếu hiệp đặng 2 uẩn, 11 xứ, 11 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

9. *Sắc uẩn và hành uẩn* yếu hiệp đặng 2 uẩn, 11 xứ, 11 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

10. *Sắc uẩn và thức uẩn* yếu hiệp đặng 2 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 0 xứ, 0 giới.

11. *Sắc uẩn, thọ uẩn và tưởng uẩn yếu hiệp đặng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Sắc uẩn, thọ uẩn và tưởng uẩn yếu hiệp đặng 3 uẩn, 11 xứ, 11 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

12. Sắc uẩn, thọ uẩn và hành uẩn yếu hiệp đặng 3 uẩn, 11 xứ, 11 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

13. Sắc uẩn, thọ uẩn và thức uẩn yếu hiệp đặng 3 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 0 xứ, 0 giới.

14. Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn *yếu hiệp đặng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn yếu hiệp đặng 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

15. Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và thức uẩn yếu hiệp đặng 4 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 0 xứ, 0 giới.

16. *Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn yếu hiệp đặng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, xứ, giới nào!

17. *Ngũ uẩn yếu hiệp đặng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Ngũ uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, xứ, giới nào!

18. *Nhãn xứ yếu hiệp đặng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Nhãn xứ yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

19. Nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

20. Ý xứ yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 7 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới.

21. Pháp xứ trừ ra vô vi ngoại uẩn, còn yếu hiệp đặng 4 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

22. Nhãn xứ và nhĩ xứ yếu hiệp đặng 1 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

23. Nhãn xứ và tỷ xứ, nhãn xứ và thiệt xứ, nhãn xứ và thân xứ, nhãn xứ và sắc xứ, nhãn xứ và thinh xứ, nhãn xứ và khí xứ, nhãn xứ và vị xứ, nhãn xứ và xúc xứ yếu hiệp đặng 1 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

24. Nhãn xứ và ý xứ yếu hiệp đặng 2 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

25. Nhãn xứ và pháp xứ (trừ vô vi ngoại uẩn) còn yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

26. *Thập nhị xứ yếu hiệp đặng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Thập nhị xứ, (trừ vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp không có uẩn, xứ, giới nào!

27. *Nhãn giới yếu hiệp đặng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Nhãn giới yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

28. Nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, sắc giới, thinh giới, khí giới, vị giới, xúc giới, nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới, ý giới và ý thức giới yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

29. Pháp giới (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 4 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

30. Nhãn giới và nhĩ giới yếu hiệp đặng 1 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

31. Nhãn giới và tỷ giới, nhãn giới và thiệt giới, nhãn giới và thân giới, nhãn giới và sắc giới, nhãn giới và thinh giới, nhãn giới và khí giới, nhãn giới và vị giới, nhãn giới và xúc giới yếu hiệp đặng 1 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

32. Nhãn giới và nhãn thức giới yếu hiệp đặng 2 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

33. Nhãn giới và nhĩ thức giới, nhãn giới và tỷ thức giới, nhãn giới và thiệt thức giới, nhãn giới và thân thức giới, nhãn giới và ý giới, nhãn giới và ý thức giới yếu hiệp đặng 2 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

34. Nhãn giới và pháp giới (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

35. *Thập bát giới yếu hiệp đặng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Thập bát giới (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

36. *Khổ đế yếu hiệp đặng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Khổ đế yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

37. Tập đế, đạo đế yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

38. Diệt đế yếu hiệp 0 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 5 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

39. Khổ đế và tập đế yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

40. Khổ đế và đạo đế yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

41. Khổ đế và diệt đế (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

42. Khổ đế, tập đế và đạo đế yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

43. Khổ đế, tập đế và diệt đế (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

44. Khổ đế, tập đế, đạo đế và diệt đế (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

45. *Tứ đế yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Tứ đế (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

46. *Nhãn quyền yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Nhãn quyền yếu hiệp 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

47. Nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, nữ quyền, nam quyền yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

48. Ý quyền yếu hiệp 1 uẩn, 1 xứ, 7 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới.

49. Mạng quyền yếu hiệp đặng 2 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

50. Lạc quyền, khổ quyền, hỷ quyền, ưu quyền, xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, tịnh quyền, tuệ quyền, tri dị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền yếu hiệp 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

51. Nhãn quyền và nhĩ quyền yếu hiệp 1 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

52. Nhãn quyền và tỷ quyền, nhãn quyền và thiệt quyền, nhãn quyền và thân quyền, nhãn quyền và nữ quyền, nhãn quyền và nam quyền yếu hiệp 1 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

53. Nhãn quyền và ý quyền yếu hiệp 2 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

54. Nhãn quyền và mạng quyền yếu hiệp 2 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

55. Nhãn quyền và lạc quyền, nhãn quyền và khổ quyền, nhãn quyền và hỷ quyền, nhãn quyền và ưu quyền, nhãn quyền và xả quyền, nhãn quyền và tín quyền, nhãn quyền và cần quyền, nhãn quyền và niệm quyền, nhãn quyền và tịnh quyền, nhãn quyền và tuệ quyền, nhãn quyền và tri dị tri quyền, nhãn quyền và tri dĩ tri quyền, nhãn quyền và tri cụ tri quyền yếu hiệp đặng 2 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

56. *Nhị thập nhị quyền yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Nhị thập nhị quyền yếu hiệp 4 uẩn, 7 xứ, 13 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 5 xứ, 5 giới.

57. Vô minh yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

58. Hành do vô minh trợ yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

59. Thức do hành trợ yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 7 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới.

60. Danh sắc do thức trợ yếu hiệp đặng 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

61. Lục nhập do danh sắc trợ yếu hiệp đặng 2 uẩn, 6 xứ, 12 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 6 xứ, 6 giới.

62. Xúc do lục nhập trợ, thọ do xúc trợ, ái do thọ trợ, thủ do ái trợ, nghiệp hữu do thủ trợ yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

63. Sanh hữu, dục hữu, tưởng hữu, ngũ uẩn hữu yếu hiệp đặng 5 uẩn, 11 xứ, 17 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

64. Sắc hữu yếu hiệp đặng 5 uẩn, 5 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 7 xứ, 10 giới.

65. Vô sắc hữu, Phi tưởng phi phi tưởng hữu, tứ uẩn hữu yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

66. Vô tưởng hữu, nhất uẩn hữu yếu hiệp 1 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

67. Sanh yếu hiệp 2 uẩn; lão yếu hiệp 2 uẩn; tử yếu hiệp 2 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

68. Sầu, khóc, khổ, ưu, ai, niệm xứ, chánh cần yếu hiệp 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

69. Như ý túc yếu hiệp 2 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

70. Thiền yếu hiệp 2 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

71. Tứ vô lượng tâm, ngũ quyền, ngũ lực, thất giác chi, bát thánh đạo, xúc, thọ, tưởng, tư, thắng giải và tác ý yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

72. Tâm yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 7 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới.

73. *Chư pháp thiện, chư pháp bất thiện yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Chư pháp thiện, chư pháp bất thiện yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

74. Chư pháp vô ký (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

75. Chư pháp tương ưng thọ lạc, chư pháp tương ưng thọ khổ yếu hiệp đặng 2 uẩn, 2 xứ, 3 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 10 xứ, 15 giới.

76. Chư pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ yếu hiệp đặng 3 uẩn, 2 xứ, 7 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 10 xứ, 11 giới.

77. Chư pháp dị thục quả yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

78. Chư pháp dị thục nhân, chư pháp phiền toái cảnh phiền não yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

79. Chư pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 13 giới.

Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 0 xứ, 5 giới.

80. Chư pháp do thủ cảnh thủ yếu hiệp đặng 5 uẩn, 11 xứ, 17 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

81. Chư pháp phi do thủ cảnh thủ yếu hiệp đặng 5 uẩn, 7 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 5 xứ, 10 giới.

82. Chư pháp phi do thủ phi cảnh thủ, chư pháp phi phiền toái cảnh phiền não (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

83. Chư pháp phi phiền toái cảnh phiền não yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

84. Chư pháp hữu tầm hữu tứ yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 3 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới.

85. Chư pháp vô tầm hữu tứ, chư pháp đồng sanh hỷ yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

86. Chư pháp vô tầm vô tứ (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 17 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 0 xứ, 1 giới.

87. Chư pháp đồng sanh lạc yếu hiệp đặng 3 uẩn, 2 xứ, 3 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 10 xứ, 15 giới.

88. Chư pháp đồng sanh xả yếu hiệp đặng 3 uẩn, 2 xứ, 7 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 10 xứ, 11 giới.

89. Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ, chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ, chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, chư pháp nhân sanh tử, chư pháp nhân đến Níp-bàn, chư pháp hữu học, chư pháp vô học, chư pháp đáo đại yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

90. Chư pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, chư pháp phi hữu nhân phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ, chư pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn, chư pháp phi hữu học phi vô học (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

91. Chư pháp thiểu yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

92. Chư pháp vô lượng, chư pháp tinh vi (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

93. Chư pháp biết cảnh thiểu yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

94. Chư pháp biết cảnh đáo đại, chư pháp biết cảnh vô lượng, chư pháp biết cảnh ty hạ, chư pháp tà nhất định, chư pháp chánh nhất định, chư pháp biết đạo, chư pháp đạo cảnh, chư pháp đạo nhân, chư pháp đạo trưởng yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

95. Chư pháp trung bình yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.

Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

96. Chư pháp bất định (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

97. Chư pháp sanh tồn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

98. Chư pháp phi sanh tồn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 7 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 5 xứ, 10 giới.

99. Chư pháp sẽ sanh yếu hiệp đặng 5 uẩn, 11 xứ, 17 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

100. Chư pháp quá khứ, chư pháp vị lai, chư pháp hiện tại, chư pháp nội phần, chư pháp nội và ngoại phần yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

101. Chư pháp ngoại phần (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

102. Chư pháp biết cảnh quá khứ, chư pháp biết cảnh vị lai yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

103. Chư pháp biết cảnh hiện tại, chư pháp biết cảnh nội phần, chư pháp biết cảnh ngoại phần, chư pháp biết cảnh nội và ngoại phần yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

104. Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

105. Chư pháp bất kiến hữu đối chiếu yếu hiệp đặng 1 uẩn, 9 xứ, 9 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 3 xứ, 9 giới.

106. Chư pháp bất kiến vô đối chiếu (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

107. Chư pháp nhân, chư pháp nhân hữu nhân, chư pháp nhân tương ưng nhân yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

108. Chư pháp phi nhân, chư pháp vô nhân, chư pháp bất tương ưng nhân, chư pháp phi nhân vô nhân (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

109. Chư pháp hữu nhân, chư pháp tương ưng nhân, chư pháp hữu nhân phi nhân, chư pháp tương ưng nhân phi nhân, chư pháp phi nhân hữu nhân yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

110. Chư pháp hữu duyên, chư pháp hữu vi yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

111. Chư pháp vô duyên, chư pháp vô vi yếu hiệp 0 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 5 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

112. Chư pháp hữu kiến yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

113. Chư pháp bất kiến (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 11 xứ, 17 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

114. Chư pháp đối chiếu yếu hiệp đặng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.

115. Chư pháp vô đối chiếu (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

116. Chư pháp sắc yếu hiệp đặng 1 uẩn, 11 xứ, 11 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

117. Chư pháp phi sắc (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

118. Chư pháp hiệp thế yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

119. Chư pháp siêu thế (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

120. Chư pháp có tâm biết, chư pháp có tâm không biết (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

121. Chư pháp lậu, chư pháp lậu cảnh lậu, chư pháp lậu tương ưng lậu yếu hiệp 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

122. Chư pháp phi lậu, chư pháp bất tương ưng lậu (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

123. Chư pháp cảnh lậu, chư pháp cảnh lậu phi lậu, chư pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

124. Chư pháp phi cảnh lậu, chư pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

125. Chư pháp tương ưng lậu, chư pháp tương ưng lậu phi lậu (chư pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu) yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

126. Chư pháp triền, chư pháp phược, chư pháp bộc, chư pháp phối, chư pháp cái, chư pháp khinh thị chư pháp khinh thị cảnh khinh thị yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

127. Chư pháp phi khinh thị, chư pháp bất tương ưng khinh thị (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

128. Chư pháp cảnh khinh thị, chư pháp cảnh khinh thị phi khinh thị, chư pháp bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

129. Chư pháp phi cảnh khinh thị, chư pháp bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

130. Chư pháp tương ưng khinh thị yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

131. Chư pháp hữu tri cảnh yếu hiệp 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

132. Chư pháp bất tri cảnh (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 1 uẩn, 11 xứ, 11 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

133. Chư pháp tâm yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 7 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp có 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới.

134. Chư pháp phi tâm (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

135. Chư pháp sở hữu tâm, chư pháp tương ưng tâm, chư pháp hòa tâm yếu hiệp đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp có 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

136. Chư pháp phi sở hữu tâm (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 2 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 0 xứ, 0 giới.

137. Chư pháp bất tương ưng tâm, chư pháp bất hòa hợp tâm (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 1 uẩn, 11 xứ, 11 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

138. Chư pháp sở sinh tâm yếu hiệp đặng 4 uẩn, 6 xứ, 6 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 6 xứ, 12 giới.

139. Chư pháp phi sở sinh tâm, chư pháp phi đồng hiện tâm, chư pháp phi tùng hành tâm (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 2 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 0 xứ, 0 giới.

140. Chư pháp đồng tồn tâm, chư pháp tùng hành tâm yếu hiệp đặng 4 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

141. Chư pháp hòa với tâm và có tâm làm sở sanh, chư pháp hòa sanh tồn và nương tâm làm sở sanh, chư pháp có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm yếu hiệp đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

142. Chư pháp phi hòa với tâm và không có tâm làm sở sanh, chư pháp phi hòa, không đồng sanh tồn và khỏi nương tâm làm sở sanh, chư pháp phi tâm làm sở sanh và không hòa, không tùng hành, không thông lưu với tâm (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 2 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 0 xứ, 0 giới.

143. Chư pháp tự nội yếu hiệp đặng 2 uẩn, 6 xứ, 12 giới.

Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 3 uẩn, 6 xứ, 6 giới.

144. Chư pháp tự ngoại (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 4 uẩn, 6 xứ, 6 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 6 xứ, 12 giới.

145. Chư pháp y sinh yếu hiệp đặng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.

146. Chư pháp phi y sinh (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 3 xứ, 9 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 9 xứ, 9 giới.

147. Chư pháp do thủ yếu hiệp đặng 5 uẩn, 11 xứ, 17 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

148. Chư pháp phi do thủ (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 7 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 5 xứ, 10 giới.

149. Chư pháp thủ, chư pháp phiền não, chư pháp phiền não cảnh phiền não, chư pháp phiền não tương ưng phiền não yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

150. Chư pháp phi phiền não, chư pháp phi cảnh phiền toái, chư pháp bất tương ưng phiền não (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

151. Chư pháp cảnh phiền não, chư pháp cảnh phiền não phi phiền não, chư pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

152. Chư pháp phi cảnh phiền não, chư pháp bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

153. Chư pháp phiền toái, chư pháp tương ưng phiền não, chư pháp phiền toái phi phiền não, chư pháp tương ưng phiền não phi phiền não yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

154. Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ, chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ, chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

155. Chư pháp phi sơ đạo tuyệt trừ, chư pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ, chư pháp phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ, chư pháp phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

156. Chư pháp hữu tầm, chư pháp hữu tứ yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 3 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới.

157. Chư pháp vô tầm, chư pháp vô tứ (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 17 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 0 xứ, 1 giới.

158. Chư pháp hữu hỷ, chư pháp đồng sanh hỷ yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

159. Chư pháp vô hỷ, chư pháp phi đồng sanh hỷ, chư pháp phi đồng sanh lạc (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

160. Chư pháp đồng sanh lạc yếu hiệp đặng 3 uẩn, 2 xứ, 3 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 10 xứ, 15 giới.

161. Chư pháp đồng sanh xả yếu hiệp đặng 3 uẩn, 2 xứ, 7 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 10 xứ, 11 giới.

162. Chư pháp phi đồng sanh xả (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 13 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 0 xứ, 5 giới.

163. Chư pháp Dục giới, chư pháp liên quan luân hồi, chư pháp hữu thượng yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào.

164. Chư pháp phi Dục giới, chư pháp bất liên quan luân hồi, chư pháp vô thượng (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

165. Chư pháp Sắc giới, chư pháp vô sắc giới, chư pháp nhân xuất luân hồi, chư pháp nhất định, chư pháp hữu y yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

166. Chư pháp phi Sắc giới, chư pháp phi Vô sắc giới, chư pháp phi nhân xuất luân hồi, chư pháp bất định, chư pháp vô y (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 5 uẩn, 11 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chăng có uẩn, xứ, giới nào!

Dứt Xiển minh câu yếu hiệp, bất yếu hiệp

PHẦN II
XIỂN MINH CÂU YẾU HIỆP VỚI BẤT YẾU HIỆP

167. *Những pháp nào yếu hiệp đặng nhãn xứ… xúc xứ. Những pháp nào yếu hiệp đặng nhãn giới… xúc giới bằng cách uẩn yếu hiệp, nhưng bất yếu hiệp bằng cách xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Những pháp đó bất yếu hiệp 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.

168. Chư pháp nào yếu hiệp đặng với nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới, ý giới, ý thức giới yếu hiệp đặng bằng uẩn yếu hiệp, nhưng bất yếu hiệp bằng xứ yếu hiệp hay giới yếu hiệp. Những pháp ấy bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 12 giới.

169. Những pháp nào yếu hiệp đặng với nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, nữ quyền và nam quyền bằng uẩn yếu hiệp, nhưng bất yếu hiệp bằng xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.

170. Những pháp nào yếu hiệp đặng với nhất uẩn hữu bằng cách uẩn yếu hiệp, nhưng bất yếu hiệp bằng cách xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 4 uẩn, 3 xứ, 9 giới.

171. Những pháp nào yếu hiệp đặng với khóc, những pháp thấy đặng và đối chiếu bằng uẩn yếu hiệp, nhưng bất yếu hiệp bằng xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.

172. Những pháp nào yếu hiệp đặng với những pháp bất kiến hữu đối chiếu bằng cách uẩn yếu hiệp, nhưng bất yếu hiệp bằng cách xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 4 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

173. Những pháp nào yếu hiệp đặng với những pháp bị thấy bằng cách uẩn yếu hiệp, nhưng bất yếu hiệp bằng cách xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.

174. Những pháp nào yếu hiệp đặng với chư pháp hữu đối chiếu, chư pháp y sinh bằng uẩn yếu hiệp, nhưng bất yếu hiệp bằng xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

10 xứ, 17 giới, 7 quyền, Vô tưởng hữu, nhất uẩn hữu, khóc, pháp hữu kiến, pháp hữu đối chiếu, pháp bất kiến hữu đối chiếu và pháp y sinh bằng cách như thế

Dứt Xiển minh câu yếu hiệp với bất yếu hiệp

PHẦN III
XIỂN MINH CÂU BẤT YẾU HIỆP VỚI YẾU HIỆP

175. *Những pháp nào bất yếu hiệp với thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Những pháp nào bất yếu hiệp với tập đế, đạo đế bằng uẩn yếu hiệp, nhưng yếu hiệp bằng xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Những pháp đó (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

176. Những pháp nào bất yếu hiệp với diệt đế bằng cách uẩn yếu hiệp, nhưng yếu hiệp bằng cách xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

177. Những pháp nào bất yếu hiệp với mạng quyền bằng uẩn yếu hiệp, nhưng yếu hiệp bằng xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 2 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

178. Những pháp nào bất yếu hiệp với nữ quyền, nam quyền, lạc quyền, khổ quyền, hỷ quyền, ưu quyền, xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, tịnh quyền, tuệ quyền, tri dị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền, vô minh, hành do vô minh trợ, xúc do lục nhập trợ, thọ do xúc trợ, ái do thủ trợ, thủ do ái trợ, nghiệp hữu do thủ trợ bằng cách uẩn yếu hiệp, nhưng yếu hiệp bằng cách xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

179. Những pháp nào bất yếu hiệp với sanh, lão, tử, thiền bằng cách uẩn yếu hiệp, nhưng yếu hiệp đặng bằng cách xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 2 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

180. Những pháp nào bất yếu hiệp với sầu, khổ, ưu, ai, niệm xứ, chánh cần, vô lượng, ngũ quyền, ngũ lực, thất giác chi, bát thánh đạo, xúc, thọ, tưởng, tư, thắng giải, tác ý, pháp nhân, pháp nhân và hữu nhân, pháp nhân tương ưng nhân bằng cách uẩn yếu hiệp, nhưng yếu hiệp đặng bằng cách xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

181. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp vô duyên, pháp vô vi bằng cách uẩn yếu hiệp, nhưng yếu hiệp đặng bằng cách xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

182. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp lậu, pháp lậu cảnh lậu, pháp lậu tương ưng lậu bằng cách uẩn yếu hiệp, nhưng yếu hiệp đặng bằng cách xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

183. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp triền, pháp phược, pháp bộc, pháp phối, pháp cái, pháp khinh thị, pháp khinh thị cảnh khinh thị bằng cách uẩn yếu hiệp, nhưng yếu hiệp đặng bằng cách xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

184. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp sở hữu tâm, pháp tương ưng tâm, pháp hòa hợp tâm, pháp hòa hợp tâm và có tâm làm sở sanh, pháp hòa hợp đồng sanh tồn và có tâm làm sở sanh, pháp hòa hợp tùng thông lưu với tâm và có tâm làm sở sanh bằng cách uẩn yếu hiệp. Nhưng yếu hiệp đặng bằng cách xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

185. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp đồng sanh tồn tâm, pháp tùng thông lưu tâm bằng cách uẩn yếu hiệp. Nhưng yếu hiệp đặng bằng cách xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó yếu hiệp đặng 0 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

186. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp thủ, pháp phiền não, pháp phiền não cảnh phiền não, pháp phiền não cảnh phiền toái, pháp phiền não tương ưng phiền não bằng cách uẩn yếu hiệp, nhưng yếu hiệp đặng bằng cách xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp ấy yếu hiệp uẩn, xứ, giới *bao nhiêu?* Những pháp đó (trừ ra vô vi ngoại uẩn) yếu hiệp đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

Dứt Xiển minh câu bất yếu hiệp dữ yếu hiệp

PHẦN IV
XIỂN MINH CÂU YẾU HIỆP VỚI YẾU HIỆP

187. *Những pháp nào yếu hiệp đặng với tập đế, đạo đế bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp; mà những pháp nào yếu hiệp đặng với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó yếu hiệp đặng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Những pháp đó yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

188. Những pháp nào yếu hiệp với nữ quyền, nam quyền, lạc quyền, khổ quyền, hỷ quyền, ưu quyền, xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, tịnh quyền, tuệ quyền, tri dị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền, vô minh, hành do vô minh trợ, xúc do lục nhập trợ, ái do thọ trợ, thủ do ái trợ, hữu do thủ trợ, sầu, khóc, khổ, ưu, ai, niệm xứ, chánh cần, vô lượng, ngũ quyền, ngũ lực, thất giác chi, bát thánh đạo, xúc, tư, thắng giải, tác ý, pháp nhân, pháp nhân hữu nhân, pháp nhân tương ưng nhân, pháp lậu, pháp triền, pháp phược, pháp bộc, pháp phối, pháp cái, pháp khinh thị, pháp thủ, pháp phiền não, pháp phiền não cảnh phiền não, pháp phiền não cảnh phiền toái, và pháp phiền não tương ưng phiền não bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào yếu hiệp bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó yếu hiệp uẩn, xứ, giới *bao nhiêu?* Những pháp đó yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

Dứt Xiển minh câu yếu hiệp dữ yếu hiệp

PHẦN V
XIỂN MINH CÂU BẤT YẾU HIỆP VỚI BẤT YẾU HIỆP

189. *Những pháp nào bất yếu hiệp sắc uẩn bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp đó bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Những pháp đó bất yếu hiệp 1 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

190. Những pháp nào bất yếu hiệp với thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

191. Những pháp nào bất yếu hiệp với thức uẩn, ý xứ, nhãn thức giới… ý giới, ý thức giới và ý quyền bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới.

192. Những pháp nào bất yếu hiệp với nhãn xứ… xúc xứ, nhãn giới… xúc giới. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.

193. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp xứ, pháp giới, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 1 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

194. Những pháp nào bất yếu hiệp với tập đế, đạo đế, diệt đế bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

195. Những pháp nào bất yếu hiệp với nhãn quyền… thân quyền bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.

196. Những pháp nào bất yếu hiệp với lạc quyền, khổ quyền, hỷ quyền, ưu quyền, xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, tịnh quyền, tuệ quyền, tri dị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền, vô minh, hành do vô minh trợ bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

197. Những pháp nào bất yếu hiệp với thức do hành trợ bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới.

198. Những pháp nào bất yếu hiệp với danh sắc do thức trợ bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 1 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

199. Những pháp nào bất yếu hiệp với lục nhập do danh sắc làm duyên bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

200. Những pháp nào bất yếu hiệp với xúc do lục nhập làm duyên, thọ do xúc làm duyên, ái do thọ làm duyên, thủ do ái làm duyên và nghiệp hữu bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

201. Những pháp nào bất yếu hiệp với Vô sắc hữu, Phi tưởng phi phi tưởng hữu, tứ uẩn hữu và như ý túc bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

202. Những pháp nào bất yếu hiệp với vô tưởng hữu, nhất uẩn hữu, sanh, lão, tử bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 1 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

203. Những pháp nào bất yếu hiệp với khóc bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.

204. Những pháp nào bất yếu hiệp với sầu, khổ, ưu, ai, niệm xứ, chánh cần, thiền, vô lượng, ngũ quyền, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo, xúc, thọ, tưởng, tư, thắng giải và tác ý bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

205. Những pháp nào bất yếu hiệp với tâm bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới.

206. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp thiện, pháp bất thiện, pháp tương ưng lạc thọ, pháp tương ưng khổ thọ, pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ, pháp dị thục quả, pháp dị thục nhân, pháp phi thủ cảnh thủ, pháp phiền toái cảnh phiền não, pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não, pháp hữu tầm hữu tứ, pháp vô tầm hữu tứ, pháp đồng sanh hỷ, pháp đồng sanh lạc, pháp đồng sanh xả, pháp sơ đạo tuyệt trừ, pháp ba đạo cao tuyệt trừ, pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, pháp nhân sanh tử, pháp nhân đến Níp-bàn, pháp hữu học, pháp vô học, pháp đáo đại, pháp vô lượng, pháp biết cảnh thiểu, pháp biết cảnh đáo đại, pháp biết cảnh vô lượng, pháp tinh vi, pháp tà nhất định, pháp chánh nhất định, pháp có đạo là cảnh, pháp có đạo là nhân, pháp có đạo là trưởng, pháp biết cảnh quá khứ, pháp biết cảnh vị lai, pháp biết cảnh hiện tại, pháp biết cảnh nội, pháp biết cảnh ngoại, pháp biết cảnh nội và ngoại bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

207. Những pháp nào bất yếu hiệp với chư pháp bị thấy hữu đối chiếu và pháp bất kiến hữu đối chiếu bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.

208. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp nhân, pháp nhân hữu nhân, pháp nhân tương ưng nhân bằng uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp

với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp ấy bất yếu hiệp 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

209. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp hữu nhân, pháp tương ưng nhân, pháp hữu nhân phi nhân, pháp tương ưng nhân phi nhân, pháp phi nhân hữu nhân, bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy, những pháp đó bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

210. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp vô duyên, pháp vô vi bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy, bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

211. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp bị thấy, pháp hữu đối chiếu, bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.

212. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp sắc bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 1 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

213. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp phi sắc, pháp siêu thế bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

214. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp lậu, pháp lậu cảnh lậu, pháp lậu tương ưng lậu, bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp ấy bằng uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

215. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp phi cảnh lậu, pháp tương ưng lậu, pháp tương ưng lậu phi lậu, pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu, bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp ấy, bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, thì những pháp đó bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

216. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp triền, pháp phược, pháp bộc, pháp phối, pháp cái, pháp khinh thị, pháp khinh thị cảnh khinh thị bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp ấy, những pháp đó bất yếu hiệp 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

217. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp phi cảnh khinh thị, pháp tương ưng khinh thị, pháp bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị, pháp hữu tri cảnh, bằng uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

218. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp bất tri cảnh, pháp phi tâm, pháp bất tương ưng tâm, pháp bất hòa hợp tâm, pháp có tâm làm sở sanh, pháp đồng sinh tồn với tâm, pháp tùng tâm thông lưu, pháp ngoại phần, pháp y sinh, bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy, bằng cách

uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 1 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

219. Những pháp nào bất yếu hiệp với tâm bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy, những pháp đó bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới.

220. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp sở hữu tâm, pháp tương ưng tâm, pháp hòa hợp tâm, pháp hòa hợp tâm và có tâm làm sở sanh, pháp hòa hợp đồng sanh tồn tâm và có tâm làm sở sanh, pháp hòa hợp tùng thông lưu với tâm và có tâm làm sở sanh bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

221. Những pháp nào bất yếu hiệp với chư pháp nội bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới.

222. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp thủ, pháp phiền não, pháp phiền não cảnh phiền não, pháp phiền não cảnh phiền toái, pháp phiền não tương ưng phiền não bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

223. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp phi cảnh phiền não, pháp cảnh phiền toái, pháp tương ưng phiền não, pháp cảnh phiền toái phi phiền não, pháp tương ưng phiền não phi phiền não, pháp bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não, pháp sơ đạo tuyệt trừ, pháp ba đạo cao tuyệt trừ, pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, pháp hữu tầm, pháp hữu tứ, pháp hữu hỷ, pháp đồng sanh hỷ, pháp đồng sanh lạc, pháp đồng sanh xả, pháp phi Dục giới, pháp Sắc giới, pháp Vô sắc giới, pháp bất liên quan luân hồi, pháp liên quan luân hồi, pháp nhứt định, pháp vô thượng và pháp hữu y bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp nào bất yếu hiệp với những pháp ấy bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó bất yếu hiệp uẩn, xứ, giới *bao nhiêu?* Những pháp đó bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

Điều pháp trong câu bất yếu hiệp dữ bất yếu hiệp.

Sắc, pháp xứ, pháp giới, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, danh sắc, nhị hữu, sanh, lão, tử, sắc pháp, không biết cảnh, phi tâm, bất tương ưng tâm, bất hòa hợp tâm, có tâm làm sở sanh, đồng sanh tồn với tâm, tùng thông lưu với tâm, bên ngoài, y sinh.

Gồm 22 phần này cho dễ biết.

Dứt Xiển minh câu bất yếu hiệp dữ bất yếu hiệp

PHẦN VI
XIỂN MINH CÂU PHỐI HỢP BẤT PHỐI HỢP

224. *Sắc uẩn tương ưng với uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Không có.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

225. Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn tương ưng với 3 uẩn, 1 xứ, 7 giới; tương ưng với 1 xứ, 1 giới có phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; bất tương ưng 1 xứ, 1 giới có phần nào.

226. Thức uẩn tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ 1 giới khác cũng có bất tương ưng phần nào.

227. Nhãn xứ… xúc xứ… không có tương ưng.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào

228. Ý xứ tương ưng đặng 3 uẩn; còn 1 xứ, 1 giới tương ưng phần nào?
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

229. Nhãn giới… xúc giới không có tương ưng.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

230. Nhãn thức giới… ý thức giới tương ưng đặng 3 uẩn; còn 1 xứ, 1 giới tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

231. Tập đế, đạo đế tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng có bất tương ưng phần nào.

232. Diệt đế, nhãn quyền… thân quyền, nữ quyền, nam quyền không có tương ưng.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

233. Ý quyền tương ưng đặng 3 uẩn; còn 1 xứ 1 giới tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

234. Lạc quyền, khổ quyền, hỷ quyền, ưu quyền tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng có tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng có bất tương ưng phần nào …

235. Xả quyền tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 6 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 11 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

236. Tín quyền, cần quyền, niệm quyền, tịnh quyền, tuệ quyền, tri dị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền và hành do vô minh làm duyên tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng có tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng có bất tương ưng phần nào.

237. Thức do hành làm duyên tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng có tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng có bất tương ưng phần nào.

238. Xúc do lục nhập làm duyên tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

239. Thọ do xúc làm duyên tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

240. Ái do thọ làm duyên, thủ do ái làm duyên và nghiệp hữu do thủ làm duyên tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng có tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

241. Sắc hữu không có tương ưng.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 3 giới.

242. Vô sắc hữu, Phi tưởng phi phi tưởng hữu, tứ uẩn hữu không có tương ưng.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

243. Vô tưởng hữu, nhất uẩn hữu và khóc không có tương ưng.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

244. Sầu, khổ và ưu tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

245. Ai, niệm xứ và chánh cần tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

246. Như ý túc tương ưng đặng 2 uẩn; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

247. Thiền tương ưng đặng 2 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng có tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

248. Vô lượng, ngũ quyền, ngũ lực, thất giác chi và bát thánh đạo tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

249. Xúc, tư và tác ý tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

250. Thọ và tưởng tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

251. Tâm tương ưng đặng 3 uẩn; còn 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

252. Thắng giải tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 2 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng có bất tương ưng phần nào.

253. Chư pháp thiện, chư pháp bất thiện tương ưng đặng uẩn, xứ, giới *bao nhiêu?* Không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

254. Pháp tương ưng thọ lạc, pháp tương ưng thọ khổ tương ưng đặng 1 uẩn, còn 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng có bất tương ưng phần nào.

255. Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ, tương ưng đặng 1 uẩn; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 11 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

256. Pháp dị thục quả tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng có bất tương ưng phần nào.

257. Pháp dị thục nhân và pháp phiền toái cảnh phiền não tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

258. Pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân, pháp thủ cảnh thủ, tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 5 giới.

259. Pháp thủ phi cảnh thủ, pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 6 giới.

260. Pháp hữu tầm hữu tứ tương ưng 1 uẩn; còn 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

261. Pháp vô tầm hữu tứ, pháp đồng sanh hỷ tương ưng 1 uẩn, còn 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

262. Pháp vô tầm vô tứ tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 1 giới.

263. Pháp đồng sanh lạc tương ưng 1 uẩn; còn 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

264. Pháp đồng sanh xả tương ưng 1 uẩn; còn 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 11 giới; còn 1 xứ, 1 giới cũng bất tương ưng phần nào.

265. Pháp sơ đạo tuyệt trừ, pháp ba đạo cao tuyệt trừ, pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, pháp liên quan luân hồi, pháp bất liên quan luân hồi, pháp hữu học, pháp vô học, pháp đáo đại tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới cũng bất tương ưng phần nào.

266. Pháp vô lượng, pháp tinh vi tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 6 giới.

267. Pháp biết cảnh thiểu tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

268. Pháp biết cảnh đáo đại, pháp biết cảnh vô lượng, pháp biết cảnh ty hạ, pháp tà nhứt định, pháp chánh nhứt định, pháp có đạo là cảnh, pháp có đạo là nhân, pháp có đạo là trưởng, tương ưng không có.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

269. Pháp bất liên quan luân hồi tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 5 giới.

270. Pháp biết cảnh quá khứ, pháp biết cảnh vị lai, tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

271. Pháp biết cảnh hiện tại, pháp biết cảnh nội phần, pháp biết cảnh ngoại phần, pháp biết cảnh nội và ngoại phần, tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

272. Pháp bị thấy hữu đối chiếu, pháp bất kiến hữu đối chiếu tương ưng không có!

Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

273. Chư pháp nhân, pháp nhân hữu nhân, pháp nhân tương ưng nhân, tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới, còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

274. Pháp hữu nhân, pháp tương ưng nhân, tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

275. Pháp hữu nhân phi nhân, pháp tương ưng nhân phi nhân, pháp phi nhân hữu nhân tương ưng đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

276. Pháp vô duyên, pháp vô vi, pháp bị thấy, pháp hữu đối chiếu và pháp sắc tương ưng không có.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

277. Pháp siêu thế tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 6 giới.

278. Pháp lậu, pháp lậu cảnh lậu, pháp lậu tương ưng lậu, tương ưng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới cũng bất tương ưng phần nào.

279. Pháp phi cảnh lậu, pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 6 giới.

280. Pháp tương ưng lậu tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

281. Pháp tương ưng lậu phi lậu tương ưng đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

282. Pháp triền, pháp phược, pháp bộc, pháp phối, pháp cái, pháp khinh thị, pháp khinh thị cảnh khinh thị, tương ưng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

283. Pháp phi cảnh khinh thị, pháp bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 6 giới.

284. Pháp tương ưng khinh thị tương ưng đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới, phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới cũng bất tương ưng phần nào.

285. Pháp hữu tri cảnh tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới cũng bất tương ưng phần nào.

286. Pháp bất tri cảnh, pháp tương ưng tâm, pháp hòa hợp tâm, pháp y sinh, tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

287. Chư pháp tâm tương ưng 3 uẩn; còn 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

288. Pháp sở hữu tâm, pháp tương ưng tâm, pháp hòa hợp tâm, pháp hòa hợp tâm và có tâm làm sở sanh, pháp đồng sanh tồn hòa hợp tâm và có tâm làm sở sanh, pháp tùng thông lưu hòa hợp tâm và có tâm làm sở sanh tương ưng đặng 1 uẩn, 1 xứ, 7 giới.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

289. Chư pháp do thủ tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 5 giới.

290. Pháp thủ, pháp phiền não, pháp phiền não cảnh phiền não, pháp phiền não cảnh phiền toái, pháp phiền não tương ưng phiền não tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

291. Pháp phi cảnh phiền não, pháp bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não, tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 6 giới.

292. Pháp cảnh phiền toái, pháp tương ưng phiền não tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

293. Pháp cảnh phiền toái phi phiền não, pháp tương ưng phiền não phi phiền não tương ưng đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

294. Pháp sơ đạo tuyệt trừ, pháp ba đạo cao tuyệt trừ, pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

295. Pháp hữu tầm, pháp hữu tứ tương ưng đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác chỉ bất tương ưng phần nào.

296. Pháp vô tầm, pháp vô tứ tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 1 giới.

297. Pháp hữu hỷ, pháp đồng sanh hỷ tương ưng đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới chỉ phần nào.

Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

298. Pháp đồng sanh lạc tương ưng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới chỉ phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

299. Pháp đồng sanh xả tương ưng đặng 1 uẩn; còn 1 xứ, 1 giới chỉ tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 11 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

300. Pháp phi Dục giới, pháp bất liên quan luân hồi, pháp vô thượng tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 6 giới.

301. Pháp Sắc giới, pháp Vô sắc giới, pháp liên quan luân hồi, pháp nhất định, pháp hữu y tương ưng không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới, còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

Dứt Xiển minh câu phối hợp bất phối hợp

PHẦN VII
XIỂN MINH CÂU TƯƠNG ƯNG DỮ[1] BẤT TƯƠNG ƯNG

302. *Những pháp nào tương ưng với thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, ý xứ. Những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp ấy Bất tương ưng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Những pháp ấy bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

303. *Những pháp nào tương ưng với nhãn thức giới… ý giới và ý thức giới; pháp nào bất tương ưng với pháp ấy, thì pháp đó Bất tương ưng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Những pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 1 giới.

304. Những pháp nào tương ưng với ý quyền mà những pháp nào bất tương ưng với pháp ấy, thì pháp đó bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

305. Những pháp nào tương ưng với xả quyền, mà những pháp nào bất tương ưng với pháp ấy, thì pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 5 giới.

306. Những pháp nào tương ưng với thức do hành làm duyên, xúc do lục nhập làm duyên, thọ do xúc làm duyên và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tác ý, mà những pháp nào bất tương ưng với pháp ấy thời pháp đó bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

307. Những pháp nào tương ưng với thắng giải, mà pháp nào bất tương ưng với pháp ấy, thì pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 1 giới.

308. Những pháp tương ưng với pháp phi khổ phi lạc thọ và pháp đồng sanh xả mà pháp nào bất tương ưng với pháp ấy, thì pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 5 giới.

309. Những pháp nào tương ưng với pháp hữu tầm hữu tứ, mà những pháp nào bất tương ưng với pháp ấy, thì pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 1 giới.

310. Những pháp nào tương ưng với pháp tâm, pháp sở hữu tâm, pháp tương ưng tâm, pháp hòa hợp tâm, pháp hòa hợp tâm và có tâm làm sở sanh, pháp hòa hợp đồng sanh tồn và có tâm làm sở sanh, pháp hòa hợp tùng thông lưu và có tâm làm sở sanh, mà những pháp nào bất tương ưng với pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

311. Những pháp nào tương ưng với pháp hữu tầm, pháp hữu tứ, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 1 giới.

312. Những pháp nào tương ưng với pháp đồng sanh xả, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì pháp đó bất tương ưng uẩn xứ giới *bao nhiêu?* Những pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 5 giới.

TOÁT YẾU ĐIỀU PHÁP

Tứ uẩn, nhất xứ, thất giới, nhị quyền, tam y tương sinh, xúc thứ năm, sở hữu thắng giải, sở hữu tác ý, 3 câu pháp trong tam đề, 7 phần pháp trong nhị đề đại, pháp mà tương ưng với ý xứ, có 2 nữa như là tương ưng với tầm, tứ và tương ưng với xả.

Dứt Xiển minh câu tương ưng dữ bất tương ưng.

[1] Dữ - đây có nghĩa là cùng với, giao hảo với nhau, v.v…

PHẦN VIII
XIỂN MINH CÂU BẤT TƯƠNG ƯNG VỚI TƯƠNG ƯNG

313. *Những pháp nào bất tương ưng với sắc uẩn, những pháp đó tương ưng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Không có!

314. *Những pháp nào bất tương ưng với thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn… pháp hữu y, pháp vô y, những pháp đó tương ưng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Không có!

Dứt Xiển minh câu bất tương ưng dữ tương ưng

PHẦN IX
XIỂN MINH CÂU TƯƠNG ƯNG DỮ TƯƠNG ƯNG

315. *Những pháp nào tương ưng với thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn mà những pháp nào tương ưng với pháp ấy, thì pháp đó tương ưng uẩn xứ giới bao nhiêu?* Những pháp đó tương ưng đặng 3uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

316. Những pháp nào tương ưng với thức uẩn, ý xứ, nhãn thức giới…ý giới, ý thức giới; mà những pháp nào tương ưng với pháp ấy, thì pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, còn 1 xứ 1 giới cũng tương ưng phần nào.

317. Những pháp nào tương ưng với tập đế, đạo đế mà những pháp nào tương ưng với pháp ấy, những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

318. Những pháp nào tương ưng với ý quyền, mà những pháp nào tương ưng với pháp ấy; thì những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, còn 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào.

319. Những pháp nào tương ưng với lạc quyền, khổ quyền, hỷ quyền, ưu quyền; mà pháp nào tương ưng với pháp ấy; thì pháp ấy tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

320. Những pháp nào tương ưng với xả quyền, mà những pháp nào tương ưng với pháp ấy, thì pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 6 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

321. Những pháp nào tương ưng với tín quyền, cần quyền, niệm quyền, tịnh quyền, tuệ quyền, tri dị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền, vô minh và hành do vô minh làm duyên; mà những pháp nào tương ưng với pháp ấy, thì pháp ấy tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

322. Những pháp nào tương ưng với thức do hành làm duyên, mà những pháp nào tương ưng với pháp ấy, thì pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, còn 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào.

323. Những pháp nào tương ưng với xúc do lục nhập làm duyên, mà những pháp nào tương ưng với pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

324. Những pháp nào tương ưng với thọ do xúc làm duyên, mà những pháp nào tương ưng với pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

325. Những pháp nào tương ưng với ái do thọ làm duyên thủ do ái làm duyên và nghiệp hữu; mà pháp nào tương ưng với pháp ấy, những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

326. Những pháp nào tương ưng với sầu, khổ, ưu, mà những pháp nào tương ưng với pháp ấy, thì pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

327. Những pháp nào tương ưng với ai, niệm xứ, chánh cần, mà những pháp nào tương ưng với pháp ấy, thì pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

328. Những pháp nào tương ưng với như ý túc, mà pháp nào tương ưng với pháp ấy, thì pháp đó tương ưng đặng 2 uẩn; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào.

329. Những pháp nào tương ưng với thiền mà những pháp nào tương ưng với pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 2 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

330. Những pháp nào tương ưng với vô lượng ngũ quyền, ngũ lực, thất giác chi và bát thánh đạo mà những pháp nào tương ưng với pháp ấy, thì pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

331. Những pháp nào tương ưng với xúc, tư, tác ý; mà những pháp nào tương ưng với pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

332. Những pháp nào tương ưng với thọ, tưởng mà những pháp nào tương ưng với pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

333. Những pháp nào tương ưng với tâm, mà những pháp nào tương ưng với pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn; còn 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào.

334. Những pháp nào tương ưng với thắng giải, mà những pháp nào tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 2 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

335. Những pháp nào tương ưng với pháp tương ưng lạc thọ, pháp tương ưng khổ thọ, pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ; mà những pháp nào tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 1 uẩn; còn 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào

336. Những pháp nào tương ưng với pháp hữu tầm hữu tứ, pháp vô tầm hữu tứ, pháp đồng sanh hỷ mà những pháp nào tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới phần nào.

337. Những pháp nào tương ưng với pháp đồng sanh lạc, pháp đồng sanh xả, mà những pháp nào tương ưng với pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 1 uẩn, còn 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào

338. Những pháp nào tương ưng với pháp nhân, pháp nhân hữu nhân, pháp nhân tương ưng nhân, mà những pháp nào tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

339. Những pháp nào tương ưng với pháp hữu nhân, phi nhân, pháp tương ưng nhân phi nhân, pháp phi nhân hữu nhân, mà pháp nào tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới phần nào.

340. Những pháp nào tương ưng với pháp lậu, pháp lậu cảnh lậu, pháp lậu tương ưng lậu, mà những pháp nào tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới, còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào

341. Những pháp nào tương ưng với pháp tương ưng lậu phi lậu, mà những pháp nào tương ưng với những pháp ấy, thì pháp đó tương ưng đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới phần nào.

342. Những pháp nào tương ưng với pháp triền, pháp phược, pháp bộc, pháp phối, pháp cái, pháp khinh thị cảnh khinh thị, mà những pháp nào tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

343. Những pháp nào tương ưng với pháp tương ưng khinh thị, mà những pháp nào tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới phần nào

344. Những pháp nào tương ưng với pháp tâm, mà những pháp nào tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn; còn 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào.

345. Những pháp nào tương ưng với pháp sở hữu tâm, pháp tương ưng tâm, pháp hòa hợp tâm, pháp hòa hợp có tâm làm sở sanh, pháp đồng sanh tồn hòa hợp và có tâm làm sở sanh, pháp tùng thông lưu hòa hợp và có tâm làm sở sanh, mà những pháp nào tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 1 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

346. Những pháp nào tương ưng với pháp thủ, pháp phiền não, pháp phiền não cảnh phiền não, pháp phiền não cảnh phiền toái, pháp phiền não tương ưng phiền não, mà những pháp nào tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào.

347. Những pháp nào tương ưng với pháp cảnh phiền não phi phiền não, pháp tương ưng phiền não phi phiền não, pháp hữu tầm, pháp hữu tứ, pháp hữu hỷ và pháp đồng sanh hỷ; mà những pháp nào tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới phần nào.

348. Những pháp nào tương ưng với pháp đồng sanh lạc, pháp đồng sanh xả, mà những pháp nào tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng uẩn, xứ, giới *bao nhiêu?* Những pháp đó tương ưng đặng 1 uẩn; còn 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào.

Dứt Xiển minh câu tương ưng dữ tương ưng (tương ưng)

PHẦN X
XIỂN MINH CÂU BẤT TƯƠNG ƯNG DỮ BẤT TƯƠNG ƯNG

349. *Những pháp nào bất tương ưng với sắc uẩn, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó Bất tương ưng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Những pháp đó bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

350. Những pháp nào bất tương ưng với thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, ý xứ, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

351. Những pháp nào bất tương ưng với nhãn xứ… xúc xứ, nhãn giới... xúc giới, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới. Còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

352. Những pháp nào bất tương ưng với nhãn thức giới… ý giới, ý thức giới, tập đế, đạo đế; mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

353. Những pháp nào bất tương ưng với diệt đế, nhãn quyền… thân quyền, nữ quyền và nam quyền mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

354. Những pháp nào bất tương ưng với ý quyền, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

355. Những pháp nào bất tương ưng với lạc quyền, khổ quyền, hỷ quyền, ưu quyền; mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

356. Những pháp nào bất tương ưng với xả quyền, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 11 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

357. Những pháp nào bất tương ưng với tín quyền, cần quyền, niệm quyền, tịnh quyền, tuệ quyền tri dị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền, vô minh và hành do vô minh làm duyên, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

358. Những pháp nào bất tương ưng với thức do hành làm duyên, xúc do lục nhập làm duyên, thọ do xúc làm duyên, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới cũng bất tương ưng phần nào.

359. Những pháp nào bất tương ưng với ái do thọ làm duyên, thủ do ái làm duyên và nghiệp hữu; mà pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

360. Những pháp nào bất tương ưng với Sắc hữu, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 3 giới.

361. Những pháp nào bất tương ưng với vô tưởng hữu, nhất uẩn hữu và khóc, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới cũng bất tương ưng phần nào.

362. Những pháp nào bất tương ưng với Vô sắc hữu, Phi tưởng phi phi tưởng hữu, tứ uẩn hữu, sầu, khổ, ưu, ai, niệm xứ, chánh cần, như ý túc, thiền, vô lượng, ngũ quyền, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo; mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới cũng bất tương ưng phần nào.

363. Những pháp nào bất tương ưng với xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tác ý, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

364. Những pháp nào bất tương ưng với thắng giải, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

365. Những pháp nào bất tương ưng với pháp thiện, pháp bất thiện, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

366. Những pháp nào bất tương ưng với pháp tương ưng lạc thọ, pháp tương ưng khổ thọ, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào

367. Những pháp nào bất tương ưng với pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 11 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

368. Những pháp nào bất tương ưng với pháp dị thục quả, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

369. Những pháp nào bất tương ưng với pháp dị thục nhân, pháp phiền toái cảnh phiền não, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

370. Những pháp nào bất tương ưng với pháp phi dị thục nhân, phi dị thục quả, pháp phi do thủ cảnh thủ mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 5 giới.

371. Những pháp nào bất tương ưng với pháp phi do thủ phi cảnh thủ, pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 6 giới.

372. Những pháp nào bất tương ưng với pháp hữu tầm hữu tứ, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

373. Những pháp nào bất tương ưng với pháp vô tầm hữu tứ, pháp đồng sanh hỷ, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng với 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

374. Những pháp nào bất tương ưng với pháp vô tầm vô tứ, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 1 giới.

375. Những pháp nào bất tương ưng với pháp đồng sanh lạc, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

376. Những pháp nào bất tương ưng với pháp đồng sanh xả, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 11 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

377. Những pháp nào bất tương ưng với pháp sơ đạo tuyệt trừ, pháp ba đạo cao tuyệt trừ, pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, pháp liên quan luân hồi, pháp bất liên quan luân hồi, pháp hữu học, pháp vô học, pháp đáo đại mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

378. Những pháp nào bất tương ưng với pháp vô lượng, pháp tinh vi, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 6 giới.

379. Những pháp nào bất tương ưng với pháp biết cảnh thiểu, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

380. Những pháp nào bất tương ưng với pháp biết cảnh đáo đại, pháp biết cảnh vô lượng, pháp ty hạ, pháp trung bình, pháp chánh nhất định, pháp có đạo là cảnh, pháp có đạo là nhân, pháp có đạo là trưởng; mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

381. Những pháp nào bất tương ưng với pháp bất liên quan luân hồi, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 5 giới.

382. Những pháp nào bất tương ưng với pháp biết cảnh quá khứ, pháp biết cảnh vị lai, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

383. Những pháp nào bất tương ưng với pháp biết cảnh hiện tại, pháp biết cảnh nội, pháp biết cảnh ngoại, pháp biết cảnh nội và ngoại, mà pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

384. Những pháp nào bất tương ưng với pháp bị thấy hữu đối chiếu, pháp bất kiến hữu đối chiếu, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

385. Những pháp nào bất tương ưng với pháp nhân, pháp hữu nhân pháp tương ưng nhân, pháp nhân hữu nhân, pháp hữu nhân phi nhân, pháp nhân tương ưng nhân, pháp tương ưng nhân phi nhân, pháp phi nhân hữu nhân; mà pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

386. Những pháp nào bất tương ưng với pháp vô duyên, pháp vô vi, pháp bị thấy, pháp hữu đối chiếu, pháp sắc, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những

pháp đó bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào

387. Những pháp nào bất tương ưng với pháp siêu thế, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 6 giới.

388. Những pháp nào bất tương ưng với pháp lậu, pháp tương ưng lậu, pháp lậu cảnh lậu, pháp lậu tương ưng lậu, pháp tương ưng lậu phi lậu, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

389. Những pháp nào bất tương ưng với pháp phi cảnh lậu, pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 6 giới.

390. Những pháp nào bất tương ưng với pháp triền, pháp phược, pháp bộc, pháp phối, pháp cái, pháp khinh thị, pháp tương ưng khinh thị, pháp khinh thị cảnh khinh thị, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

391. Những pháp nào bất tương ưng với pháp khinh thị cảnh khinh thị, pháp bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 6 giới.

392. Những pháp nào bất tương ưng với pháp hữu tri cảnh, pháp tâm, pháp sở hữu tâm, pháp tương ưng tâm, pháp hòa hợp tâm, pháp hòa tâm và có tâm làm sở sanh, pháp đồng sanh tồn hòa hợp tâm và có tâm làm sở sanh, pháp tùng thông lưu hòa hợp tâm và có tâm làm sở sanh, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

393. Những pháp nào bất tương ưng với pháp bất tri cảnh, pháp bất tương ưng tâm, pháp bất hòa tâm, pháp y sinh; mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

394. Những pháp nào bất tương ưng với pháp phi do thủ, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 5 giới.

395. Những pháp nào bất tương ưng với pháp thủ, pháp phiền não, pháp phiền toái, pháp tương ưng phiền não, pháp phiền não cảnh phiền toái, pháp cảnh phiền toái phi phiền não, pháp phiền não tương ưng phiền não, pháp tương ưng phiền não phi phiền não, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

396. Những pháp nào bất tương ưng với pháp phi cảnh phiền não, pháp bất tương ưng phiền não, pháp phi cảnh phiền não phi phiền não, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 6 giới.

397. Những pháp nào bất tương ưng với pháp sơ đạo tuyệt trừ, pháp ba đạo cao tuyệt trừ, pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

398. Những pháp nào bất tương ưng với pháp hữu tầm hữu tứ, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

399. Những pháp nào bất tương ưng với pháp vô tầm vô tứ, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 1 giới.

400. Những pháp nào bất tương ưng với pháp hữu hỷ, pháp đồng sanh hỷ, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

401. Những pháp nào bất tương ưng với pháp đồng sanh lạc, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

402. Những pháp nào bất tương ưng với pháp đồng sanh xả, mà những pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 11 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

403. Những pháp nào bất tương ưng với pháp phi Dục giới, pháp bất liên quan luân hồi, pháp vô thượng, mà pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó bất tương ưng 0 uẩn, 0 xứ, 6 giới.

404. Những pháp nào bất tương ưng với pháp Sắc giới, pháp Vô sắc giới, pháp liên quan luân hồi, pháp nhất định, pháp hữu y, mà pháp nào bất tương ưng với những pháp ấy, thì những pháp đó *Bất tương ưng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Những pháp đó bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

Dứt Xiển minh câu bất tương ưng dữ bất tương ưng

PHẦN XI
XIỂN MINH CÂU YẾU HIỆP DỮ TƯƠNG ƯNG, BẤT TƯƠNG ƯNG

405. *Những pháp nào yếu hiệp với tập đế, đạo đế bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp ấy tương ưng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Những pháp đó tương ưng 3 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào. *Bất tương ưng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới cũng bất tương ưng phần nào.

406. *Những pháp nào yếu hiệp với nữ quyền, nam quyền bằng cách yếu hiệp uẩn, yếu hiệp xứ, yếu hiệp giới; những pháp ấy tương ưng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Không có! *Bất tương ưng bao nhiêu?* Bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

407. Những pháp nào yếu hiệp với lạc quyền, khổ quyền, hỷ quyền, ưu quyền bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào. *Bất tương ưng bao nhiêu?* Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

408. Những pháp nào yếu hiệp với xả quyền bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó tương ưng 3 uẩn, 1 xứ, 2 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào. *Bất tương ưng bao nhiêu?* Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

409. Những pháp nào yếu hiệp với tín quyền, cần quyền, niệm quyền, tịnh quyền, tuệ quyền, tri dị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền, vô minh, hành do vô minh làm duyên, xúc do lục nhập làm duyên, ái do thọ làm duyên, thủ do ái làm duyên và nghiệp hữu, bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp. Những pháp ấy tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào. *Bất tương ưng bao nhiêu?* Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

410. *Những pháp nào yếu hiệp với khóc, bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó tương ưng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Không có! *Bất tương ưng bao nhiêu?* Bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

411. Những pháp nào yếu hiệp với sầu, khổ, ưu bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng tương ưng phần nào. *Bất tương ưng bao nhiêu?* Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

412. *Những pháp nào yếu hiệp với ai, niệm xứ, chánh cần, vô lượng, ngũ quyền, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo, xúc, tư, thắng giải, tác ý, pháp nhân, pháp nhân hữu nhân, pháp nhân tương ưng nhân, pháp lậu, pháp lậu hữu lậu, pháp lậu tương ưng lậu, pháp triền, pháp phược, pháp bộc, pháp phối, pháp cái, pháp khinh thị, pháp thủ, pháp phiền não, pháp phiền não cảnh phiền não, pháp phiền não cảnh phiền toái, pháp phiền não tương ưng phiền não, bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó tương ưng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào. *Bất tương ưng bao nhiêu?* Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

Dứt Xiển minh câu yếu hiệp dữ tương ưng, bất tương ưng

PHẦN XII
XIỂN MINH CÂU TƯƠNG ƯNG DỮ YẾU HIỆP, BẤT YẾU HIỆP

413. *Những pháp nào tương ưng với thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, những pháp đó yếu hiệp đặng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Những pháp đó yếu hiệp đặng 3 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

414. Những pháp nào tương ưng với thức uẩn, ý xứ, nhãn thức giới,... ý giới, ý thức giới, những pháp đó yếu hiệp đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

415. Những pháp nào tương ưng với tập đế, đạo đế, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

416. Những pháp nào tương ưng với ý quyền, những pháp đó yếu hiệp đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

417. Những pháp nào tương ưng với lạc quyền, khổ quyền, hỷ quyền, ưu quyền những pháp đó yếu hiệp đặng 3 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

418. Những pháp nào tương ưng với xả quyền; những pháp ấy yếu hiệp đặng 3 uẩn, 2 xứ, 7 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 10 xứ, 11 giới.

419. Những pháp nào tương ưng với tín quyền, cần quyền, niệm quyền, tịnh quyền, tuệ quyền, tri dị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền, vô minh, hành do vô minh làm duyên, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

420. Những pháp nào tương ưng với thức do hành làm duyên, những pháp đó yếu hiệp đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

421. Những pháp nào tương ưng với xúc do lục nhập làm duyên, những pháp ấy yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

422. Những pháp nào tương ưng với thọ do xúc làm duyên, những pháp đó yếu hiệp đặng 3 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

423. Những pháp nào tương ưng với ái do thọ làm duyên, thủ do ái làm duyên và nghiệp hữu, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

424. Những pháp nào tương ưng với sầu, khổ, ưu, những pháp đó yếu hiệp đặng 3 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

425. Những pháp nào tương ưng với ai, niệm xứ, chánh cần, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

426. Những pháp nào tương ưng với như ý túc, những pháp đó yếu hiệp đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

427. Những pháp nào tương ưng với thiền, những pháp đó yếu hiệp đặng 3 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

428. Những pháp nào tương ưng với vô lượng, ngũ quyền, ngũ lực, thất giác chi, bát thánh đạo, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

429. Những pháp nào tương ưng với xúc, thọ, tác ý, những pháp đó tương ưng đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

430. Những pháp nào tương ưng với thọ, tưởng, những pháp đó yếu hiệp đặng 3 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

431. Những pháp nào tương ưng với tâm, những pháp đó yếu hiệp đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

432. Những pháp nào tương ưng với thắng giải, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 3 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới.

433. Những pháp nào tương ưng với pháp tương ưng lạc thọ, pháp tương ưng khổ thọ, pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ, pháp hữu tầm hữu tứ, pháp vô tầm hữu tứ, pháp đồng sanh hỷ, pháp đồng sanh lạc, pháp đồng sanh xả, những pháp đó yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

434. Những pháp nào tương ưng với pháp nhân, pháp nhân hữu nhân, pháp nhân tương ưng nhân, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

435. Những pháp nào tương ưng với pháp hữu nhân phi nhân, pháp tương ưng nhân phi nhân, pháp phi nhân hữu nhân, những pháp đó yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

436. Những pháp nào tương ưng với pháp lậu hữu lậu, pháp lậu tương ưng lậu, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

437. Những pháp nào tương ưng với pháp tương ưng lậu phi lậu, những pháp đó yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

438. Những pháp nào tương ưng với pháp triền, pháp phược, pháp bộc, pháp phối, pháp cái, pháp khinh thị, pháp khinh thị cảnh khinh thị, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

439. Những pháp nào tương ưng với pháp tương ưng khinh thị, những pháp đó yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1giới.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

440. Những pháp nào tương ưng với pháp tâm, những pháp đó yếu hiệp đặng 3 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 2 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

441. Những pháp nào tương ưng với pháp sở hữu tâm, pháp tương ưng tâm, pháp hòa hợp tâm, pháp hòa hợp tâm và có tâm làm sở sanh, pháp đồng sanh tồn hòa hợp tâm và có tâm làm sở sanh, pháp tùng thông lưu hòa hợp tâm và có tâm làm sở sanh, những pháp đó yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 7 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 11 giới.

442. Những pháp nào tương ưng với pháp thủ, pháp phiền não, pháp phiền não cảnh phiền não, pháp phiền não cảnh phiền toái, pháp phiền não tương ưng phiền não, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

443. Những pháp nào tương ưng với pháp cảnh phiền toái phi phiền não, pháp tương ưng phiền não phi phiền não, pháp hữu tầm, pháp hữu tứ, pháp hữu hỷ, pháp đồng sanh hỷ, pháp đồng sanh lạc, pháp đồng sanh xả, những pháp đó yếu hiệp đặng mấy uẩn, mấy xứ, mấy giới? Những pháp đó yếu hiệp đặng 1 uẩn, 1 xứ, 1 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 11 xứ, 17 giới.

Dứt Xiển minh câu tương ưng dữ yếu hiệp, bất yếu hiệp

PHẦN XIII
XIỂN MINH CÂU BẤT YẾU HIỆP DỮ TƯƠNG ƯNG, BẤT TƯƠNG ƯNG

444. *Những pháp nào bất yếu hiệp sắc uẩn bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó tương ưng đặng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, còn 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

445. Những pháp nào bất yếu hiệp pháp xứ, pháp giới, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, danh sắc do thức làm duyên, vô tưởng hữu, nhứt uẩn hữu, sanh, lão, tử, bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, còn 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

446. *Những pháp nào bất yếu hiệp Vô sắc hữu, Phi tưởng phi phi tưởng hữu, tứ uẩn hữu và như ý túc bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó tương ưng uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

447. Những pháp nào bất yếu hiệp pháp thiện, pháp bất thiện, pháp tương ưng lạc thọ, pháp tương ưng khổ thọ, pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ, pháp dị thục quả, pháp dị thục nhân, pháp do thủ phi cảnh thủ, pháp phiền toái cảnh phiền não, pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não, pháp hữu tầm hữu tứ, pháp vô tầm hữu tứ, pháp đồng sanh hỷ, pháp đồng sanh lạc, pháp đồng sanh xả, pháp sơ đạo tuyệt trừ, pháp ba đạo cao tuyệt trừ, pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, pháp liên quan luân hồi, pháp bất liên quan luân hồi, pháp hữu học, pháp vô học, pháp đáo đại, pháp vô lượng, pháp biết cảnh thiểu, pháp biết cảnh đáo đại, pháp biết cảnh vô lượng, pháp ty hạ, pháp tinh vi, pháp tà nhứt định, pháp chánh nhứt định, pháp có đạo là cảnh, pháp có đạo là nhân, pháp có đạo là trưởng, pháp biết cảnh quá khứ, pháp biết cảnh vị lai, pháp biết cảnh hiện tại, pháp biết cảnh nội, pháp biết cảnh ngoại, pháp biết cảnh nội và ngoại, pháp hữu nhân, pháp tương ưng nhân, pháp hữu nhân phi nhân, pháp tương ưng nhân phi nhân, pháp phi nhân hữu nhân, bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó tương ưng uẩn, xứ, giới *bao nhiêu?* Không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

448. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp sắc bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, còn 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

449. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp Vô sắc, pháp siêu thế, pháp phi cảnh lậu, pháp tương ưng lậu, pháp tương ưng lậu phi lậu, pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu, pháp phi cảnh triền, pháp phi cảnh phược, pháp phi cảnh bộc, pháp phi cảnh phối, pháp phi cảnh cái, pháp phi cảnh khinh thị, pháp tương ưng khinh thị, pháp bất tương ưng khinh

thị phi cảnh khinh thị, pháp hữu tri cảnh bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó tương ưng đặng uẩn, xứ, giới *bao nhiêu?* Không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

450. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp bất tri cảnh, pháp phi tâm, pháp bất tương ưng tâm, pháp bất hòa hợp tâm, pháp có tâm làm sở sanh, pháp đồng sanh tồn với tâm, pháp tùng thông lưu với tâm, pháp ngoại, pháp y sinh bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó tương ưng mấy uẩn, mấy xứ, mấy giới, những pháp đó tương ưng đặng 3 uẩn, còn 1 xứ, 1 giới cũng tương ưng phần nào.
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

451. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp do thủ, pháp tương ưng thủ, pháp tương ưng thủ phi thủ, pháp bất tương ưng thủ phi cảnh thủ, pháp phi cảnh phiền não, pháp phi cảnh phiền toái, pháp tương ưng phiền não, pháp cảnh phiền toái phi phiền não, pháp tương ưng phiền não phi phiền não, pháp bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não, pháp sơ đạo tuyệt trừ, pháp ba đạo cao tuyệt trừ, pháp hữu nhơn sơ đạo tuyệt trừ, pháp hữu nhơn ba đạo cao tuyệt trừ, pháp hữu tầm, pháp hữu tứ, pháp hữu hỷ, pháp đồng sanh hỷ, pháp đồng sanh lạc, pháp đồng sanh xả, pháp phi Dục giới, pháp Sắc giới, pháp Vô sắc giới, pháp bất liên quan luân hồi, pháp liên quan luân hồi, pháp nhứt định, pháp vô thượng, pháp hữu y bằng cách uẩn yếu hiệp, xứ yếu hiệp, giới yếu hiệp, những pháp đó tương ưng uẩn, xứ, giới *bao nhiêu?* Không có!
Bất tương ưng bao nhiêu? Bất tương ưng 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới; còn 1 xứ, 1 giới khác cũng bất tương ưng phần nào.

Dứt Xiển minh câu bất yếu hiệp dữ tương ưng, bất tương ưng

PHẦN XIV
XIỂN MINH CÂU BẤT TƯƠNG ƯNG DỮ YẾU HIỆP, BẤT YẾU HIỆP

452. *Những pháp nào bất tương ưng với sắc uẩn, những pháp đó yếu hiệp uẩn, xứ, giới bao nhiêu?* Những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

453. Những pháp nào bất tương ưng với thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, ý xứ, ý quyền, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 1 uẩn, 11 xứ, 11 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

454. Những pháp nào bất tương ưng với nhãn xứ,... xúc xứ, nhãn giới,… xúc giới, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

455. Những pháp nào bất tương ưng với nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới, ý giới, ý thức giới, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 17 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 0 xứ, 1 giới.

456. Những pháp nào bất tương ưng với khổ đế, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

457. Những pháp nào bất tương ưng với tập đế, đạo đế, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

458. Những pháp nào bất tương ưng với diệt đế, nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, nữ quyền và nam quyền, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

459. Những pháp nào bất tương ưng với ý quyền, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 1 uẩn, 11 xứ, 11 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

460. Những pháp nào bất tương ưng với khổ quyền, lạc quyền, ưu quyền, hỷ quyền, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

461. Những pháp nào bất tương ưng với xả quyền, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 13 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 0 xứ, 5 giới.

462. Những pháp nào bất tương ưng với tín quyền, cần quyền, niệm quyền, tịnh quyền, tuệ quyền, tri dị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền, vô minh và hành do vô minh làm duyên, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

463. Những pháp nào bất tương ưng với thức do hành làm duyên, xúc do lục nhập làm duyên, thọ do xúc làm duyên, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 1 uẩn, 11 xứ, 11 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

464. Những pháp nào bất tương ưng với ái do thọ làm duyên, thủ do ái làm duyên và nghiệp hữu, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

465. Những pháp nào bất tương ưng với hóa sanh hữu tưởng hữu, ngũ uẩn hữu, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 3 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới.

466. Những pháp nào bất tương ưng với Dục hữu, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 5 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 13 giới.

467. Những pháp nào bất tương ưng với Sắc hữu, Vô tưởng hữu, nhứt uẩn hữu và khóc, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

468. Những pháp nào bất tương ưng với Vô sắc hữu, Phi tưởng phi phi tưởng hữu, tứ uẩn hữu, sầu, khổ, ưu, ai, niệm xứ, chánh tinh tấn, như ý túc, thiền, vô lượng, ngũ quyền, ngũ lực, thất giác chi, bát thánh đạo, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

469. Những pháp nào bất tương ưng với xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tác ý, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 1 uẩn, 11 xứ, 11 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

470. Những pháp nào bất tương ưng với thắng giải, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 17 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 0 xứ, 1 giới.

471. Những pháp nào bất tương ưng với pháp thiện, pháp bất thiện, pháp tương ưng lạc thọ, pháp tương ưng khổ thọ, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

472. Những pháp nào bất tương ưng với pháp vô ký, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

473. Những pháp nào bất tương ưng với pháp tương ưng phi khổ phi lạc, pháp dị thục quả, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 13 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 0 xứ, 5 giới.

474. Những pháp nào bất tương ưng với pháp dị thục nhân, pháp phiền toái cảnh phiền não, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

475. Những pháp nào bất tương ưng với pháp dị thục quả phi dị thục nhân, pháp do thủ cảnh thủ, pháp do thủ phi cảnh thủ, pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

476. Những pháp nào bất tương ưng với pháp phi phiền toái cảnh phiền não, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 3 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới.

477. Những pháp nào bất tương ưng với pháp phi phiền toái mà cảnh phiền não, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

478. Những pháp nào bất tương ưng với pháp hữu tầm hữu tứ, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 17 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 0 xứ, 1 giới.

479. Những pháp nào bất tương ưng với pháp vô tầm hữu tứ, pháp đồng sanh hỷ, pháp đồng sanh lạc, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

480. Những pháp nào bất tương ưng với pháp vô tầm vô tứ, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 3 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới.

481. Những pháp nào bất tương ưng với pháp đồng sanh xả, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 13 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 0 xứ, 5 giới.

482. Những pháp nào bất tương ưng với pháp sơ đạo tuyệt trừ, pháp ba đạo cao tuyệt trừ, pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, pháp nhân sanh tử, pháp phi nhân sanh tử, pháp hữu học, pháp vô học, pháp đáo đại, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

483. Những pháp nào bất tương ưng với pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, pháp phi hữu nhân phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ, pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn, pháp phi hữu học phi vô học và pháp thiểu, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

484. Những pháp nào bất tương ưng với pháp vô lượng, pháp tinh vi, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

485. Những pháp nào bất tương ưng với pháp biết cảnh thiểu, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 12 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 0 xứ, 6 giới.

486. Những pháp nào bất tương ưng với pháp biết cảnh đáo đại, pháp biết cảnh vô lượng, pháp ty hạ, pháp tà nhứt định, pháp chánh nhứt định, pháp có đạo là cảnh, pháp có đạo là nhân, pháp có đạo là trưởng, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

487. Những pháp nào bất tương ưng với pháp trung bình, pháp bất định, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

488. Những pháp nào bất tương ưng với pháp liên quan luân hồi, pháp bất liên quan luân hồi, pháp sanh tồn, pháp sẽ sanh, pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp nội, pháp ngoại, pháp bị thấy hữu đối chiếu, pháp bất kiến hữu đối chiếu, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

489. Những pháp nào bất tương ưng với pháp biết cảnh quá khứ, pháp biết cảnh vị lai, pháp biết cảnh nội, pháp biết cảnh ngoại, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

490. Những pháp nào bất tương ưng với pháp biết cảnh hiện tại, pháp biết cảnh nội và ngoại, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 12 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 0 xứ, 6 giới.

491. Những pháp nào bất tương ưng với pháp nhân, pháp hữu nhân, pháp tương ưng nhân, pháp nhân hữu nhân, pháp hữu nhân phi nhân, pháp nhân tương ưng nhân, pháp tương ưng nhân phi nhân, pháp phi nhân hữu nhân, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

492. Những pháp nào bất tương ưng với pháp vô nhân, pháp tương ưng nhân, pháp bất tương ưng nhân, pháp phi nhân vô nhân, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

493. Những pháp nào bất tương ưng với pháp vô duyên, pháp vô vi, pháp bị thấy, pháp hữu đối chiếu, pháp sắc, pháp siêu thế, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

494. Những pháp nào bất tương ưng với pháp hiệp thế, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

495. Những pháp nào bất tương ưng với pháp lậu, pháp tương ưng lậu, pháp lậu hữu (cảnh) lậu, pháp lậu tương ưng lậu, pháp bất tương ưng lậu phi lậu, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

496. Những pháp nào bất tương ưng với pháp lậu, pháp bất tương ưng lậu, pháp cảnh lậu phi lậu, pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

497. Những pháp nào bất tương ưng với pháp phi cảnh lậu, pháp bất tương ưng lậu phi lậu, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

498. Những pháp nào bất tương ưng với pháp triền, pháp phược, pháp bộc, pháp phối, pháp cái, pháp khinh thị, pháp tương ưng khinh thị, pháp khinh thị cảnh khinh thị, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

499. Những pháp nào bất tương ưng với pháp cảnh khinh thị, pháp bất tương ưng khinh thị, pháp cảnh khinh thị phi khinh thị, pháp bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

500. Những pháp nào bất tương ưng với pháp cảnh khinh thị, pháp bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

501. Những pháp nào bất yếu hiệp với pháp hữu tri cảnh, pháp tâm, pháp sở hữu tâm, pháp tương ưng tâm, pháp hòa hợp tâm, pháp hòa hợp và có tâm làm sở sanh, pháp hòa hợp đồng sanh tồn tâm và có tâm làm sở sanh, pháp bất hòa hợp tùng thông lưu tâm và có tâm làm sở sanh, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 1 uẩn, 11 xứ, 11 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 4 uẩn, 1 xứ, 7 giới.

502. Những pháp nào bất tương ưng với pháp bất tri cảnh, pháp bất tương ưng tâm, pháp bất hòa hợp tâm, pháp y sinh, pháp do thủ, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

503. Những pháp nào bất tương ưng với pháp thủ, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 3 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 15 giới.

504. Những pháp nào bất tương ưng với pháp thủ, pháp phiền não, pháp cảnh phiền toái, pháp tương ưng phiền não, pháp phiền não cảnh phiền não, pháp phiền não cảnh phiền toái, pháp cảnh phiền não phi phiền não, pháp phiền não tương ưng phiền não, pháp tương ưng phiền não, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

505. Những pháp nào bất tương ưng với pháp cảnh phiền não, pháp phi cảnh phiền toái, pháp bất tương ưng phiền não, pháp cảnh phiền toái phi cảnh phiền não, pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

506. Những pháp nào bất tương ưng với pháp phi cảnh phiền não, pháp tương ưng phiền não phi phiền não, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

507. Những pháp nào bất tương ưng với pháp sơ đạo tuyệt trừ, pháp ba đạo cao tuyệt trừ, pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

508. Những pháp nào bất tương ưng với pháp phi sơ đạo tuyệt trừ, pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ, pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

509. Những pháp nào bất tương ưng với pháp hữu tầm, pháp hữu tứ, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 17 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 0 xứ, 1 giới.

510. Những pháp nào bất tương ưng với pháp hữu hỷ, pháp đồng sanh hỷ, pháp đồng sanh lạc, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp không có uẩn, xứ, giới nào!

511. Những pháp nào bất tương ưng với pháp đồng sanh xả, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 13 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 0 uẩn, 0 xứ, 5 giới.

512. Những pháp nào bất tương ưng với pháp Dục giới, pháp liên quan luân hồi, pháp hữu thượng, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

513. Những pháp nào bất tương ưng với pháp phi Dục giới, pháp bất liên quan luân hồi, pháp vô thượng, những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 8 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 10 giới.

514. Những pháp nào bất tương ưng với pháp Sắc giới, pháp Vô sắc giới, pháp nhân sanh tử, pháp nhứt định, pháp hữu y, những pháp đó trừ ra vô vi ngoại uẩn yếu hiệp đặng 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp chẳng có uẩn, xứ, giới nào!

515. *Những pháp nào bất tương ưng với pháp phi Sắc giới, pháp phi Vô sắc giới, pháp phi nhân sanh tử, pháp bất định, pháp vô y, những pháp đó yếu hiệp đặng bao nhiêu?* Những pháp đó yếu hiệp đặng 4 uẩn, 2 xứ, 2 giới.
Bất yếu hiệp bao nhiêu? Bất yếu hiệp 1 uẩn, 10 xứ, 16 giới.

TOÁT YẾU ĐIỀU PHÁP NHƯ ĐÃ KỂ

Pháp xứ, pháp giới, mạng quyền, danh sắc, lục nhập, sanh, lão và tử không đặng 2 đề.

Trong sơ phần đặng 7 pháp và 10 phần giữa đặng 14 pháp, phần đặng 6 pháp. Những 47 pháp này như đã nói... và chỉ như thế.

Dứt Xiển minh câu bất tương ưng dữ yếu hiệp, bất yếu hiệp.

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

HOÀN BỊ
BỘ NGUYÊN CHẤT NGỮ

Chia phước đến tất cả chúng sanh
Đầu Xuân Ất Mão, Phật lịch 2518 – Dương lịch 1975
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

BỘ THỨ TƯ

BỘ NHÂN CHẾ ĐỊNH
(PUGGALAPAÑÑATTI)

CẢO BẢN

Sư cả Tịnh Sự - Mahāthero Saṅtakicco
Chuyển ngữ từ bản tiếng Pāli - Thái sang tiếng Việt
Năm Ất Mão

Phật lịch 2518- Dương lịch 1975

Bộ thứ tư thuộc Tạng Vô Tỷ Pháp *(Abhidhammapiṭaka)*

Dịch giả:
Đại Trưởng lão Hòa thượng Tịnh Sự
Nguyên Cố vấn I, kiêm Trưởng Ban Phiên dịch
Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy *(Theravāda)* - Việt Nam

BỘ NHÂN CHẾ ĐỊNH
(Puggalapaññatti)

CUNG KỈNH ĐẾN ĐỨC THẾ TÔN, ỨNG CÚNG, CHÁNH BIẾN TRI

PHẦN XIỂN THUẬT

1.

Lục chế định như là: Uẩn chế định, xứ chế định, giới chế định, đế chế định, quyền chế định, nhân chế định.

Uẩn chế định

2.

Uẩn chế định chừng *bao nhiêu?* Lối năm uẩn như là: Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Uẩn chế định chỉ có bao nhiêu như thế.

Xứ (nhập) chế định

3.

Xứ (nhập) chế định chừng *bao nhiêu?* Lối thập nhị xứ (nhập) như là: Nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thinh xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ. Xứ chế định chỉ có bao nhiêu như thế.

Giới chế định

4.

Giới chế định chừng *bao nhiêu?* Lối thập bát giới như là: Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thinh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, khí giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới. Giới chế định chỉ có bao nhiêu như thế.

Đế chế định

5.

Đế chế định chừng *bao nhiêu?* Lối bốn đế như là: Khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế. Đế chế định chỉ có bao nhiêu như thế.

Quyền (căn) chế định

6.

Quyền (căn) chế định chừng *bao nhiêu?* Lối nhị thập nhị quyền (căn) như là: Nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, lạc quyền, khổ quyền, hỷ quyền, ưu quyền, xả quyền, tín quyền, cần

quyền, niệm quyền, tịnh quyền, tuệ quyền, tri vị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền. Quyền (căn) chế định chỉ có bao nhiêu như thế.

Nhân chế định

Nhân chế định chừng bao nhiêu?

Đầu đề phần nhất

7.

Người thời giải thoát.

Người bất thời giải thoát, người di động pháp, người bất di động pháp, người có pháp suy đồi, người có pháp không suy đồi, người thích hợp tư, người ưng hộ trợ, người phải chăm nom, người phàm nhơn, người biến chuyển, người chừa bỏ do sợ, người bất chừa bỏ do sợ, người đáng đắc chứng, người không đáng đắc chứng, người nhứt định, người bất định, người tiến hành, người đình trụ bậc quả, người lậu mạng đồng tận, người đắc khi kiếp hoại lửa, người thánh, người phi thánh, người hữu học, người vô học, người phi hữu học phi vô học, người tam minh, người lục thông, người Toàn giác, người Độc giác, người cù giải thoát, người tuệ giải thoát, người thân chứng, người kiến chí, người tín giải, người tùy pháp hành, người tín hành, người thất du, người lục du, người nhứt lai, người bất lai, người trung bang bất huờn, người sanh bang bất huờn, người vô hành bang bất huờn, người hữu hành bang bất huờn, người thượng lưu bang bất huờn, người dự lưu, người tiến hành đến dự lưu quả, người nhất lai, người tiến hành đến quả nhất lai, người bất lai, người tiến hành đến quả bất lai, người la hán, người tiến hành đến quả La hán.

Dứt Đầu đề phần nhất

Đầu đề phần nhị

8.

Nhị chủng nhân:

- Người sân và người buộc sân.
- Người vong ân và người ỷ bằng.
- Người ganh tỵ và người bỏn xẻn.
- Người khoe khoang và người phách lối.
- Người vô tàm và người vô úy.
- Người nan giáo và người có bạn xấu.
- Người thu thúc lục môn quyền và người tri độ thực.
- Người thất niệm và người thất trí.
- Người giới lụy và người kiến lụy.
- Người nội triền và người ngoại triền.
- Người không hay sân và người không buộc sân.
- Người không quên ơn và người không chê trách.
- Người không ganh tỵ và người không bỏn xẻn.
- Người không khoe khoang và người không xảo trá.
- Người hữu tàm và người hữu úy.
- Người dễ dạy và người có bạn tốt.
- Người thu thúc môn quyền và người tri độ thực.
- Người có chánh niệm vững vàng và người có lương tri.
- Người giới bị và người kiến bị.

- Hai hạng người khó kiếm.
- Hai hạng người khó no.
- Hai hạng người dễ no.
- Hai hạng người tăng tiến lậu.
- Hai hạng người bất tăng tiến lậu.
- Người tánh nết hư hèn và người tánh nết chính chắn.
- Người no đủ và người làm cho kẻ khác no.

Dứt Đầu đề phần nhị

Đầu đề phần tam

9.

Tam chủng nhân:

- Người tuyệt vọng, người có hy vọng, người xa lìa hy vọng.
- Ba hạng người như kẻ bệnh hoạn.
- Người thân chứng, người kiến chí, người tín giải.
- Người nói như phẫn, người nói như bông, người nói như mắt.
- Người có tâm như ghẻ kinh niên, người có tâm như điển chớp, người có tâm như lôi sấm.
- Người mù, người một mắt, người lưỡng nhãn.
- Người như nồi úp, người có trí như gươm, người đa trí.
- Người chưa dứt dục ái hữu ái, người hết dục ái mà còn hữu ái, người dứt dục ái luôn hữu ái.
- Người như lằn gạch trong đá, người như lằn gạch dưới đất, người như lằn gạch mặt nước.
- Ba hạng người như vải bố.
- Ba hạng người như vải tơ.
- Người dễ độ lượng, người khó độ lượng, người đo lường không đặng.
- Người không nên gặp gỡ, gần gũi, hội hợp.
- Người nên gặp gỡ, gần gũi, hội họp.
- Người đáng tặng lễ lộc, cung kỉnh, gần gũi.
- Người đáng ghét, không nên cung kỉnh, không đáng gặp.
- Người đáng lơ là bỏ qua không nên hội hiệp, không nên gặp, không nên gần.
- Người nên gặp gỡ, gần gũi, hội hiệp.
- Người có bực đủ giới, người có bực thích hợp tu tịnh, người có bực trí huệ thích hợp.
- Người thường làm cho giới tịnh hằng đầy, tuệ vừa thích hợp.
- Người thường làm cho giới, tịnh, tuệ đầy đủ.

Giáo chủ có ba hạng.

Giáo chủ có ba hạng bằng cách khác nữa.

Dứt Đầu đề phần tam

Đầu đề phần tứ

10.

Tứ chủng nhân:

- Người phi hiền triết, người phi hiền triết rất phi hiền triết, người bực hiền triết, người hiền triết trên hiền triết.
- Người cấu uế, người rất cấu uế hơn cấu uế, người tốt, người rất tốt.
- Người có pháp ô trược, người có pháp rất ô trược, người có pháp đẹp, người có pháp rất đẹp.
- Người có chức phận, người có nhiều chức phận, người có ít chức phận, người không có chức phận.
- Người tỏ ngộ bằng đầu đề, người rành phân ngạn ngữ, người đáng tiếp độ, người đa ngôn.
- Người biện bác trúng nhưng không nhậm lẹ, người biện bác nhậm lẹ nhưng không trúng, người biện bác trúng và mau lẹ, người biện bác không trúng và không mau lẹ.
- Tứ chủng pháp sư, bốn hạng người như mây mưa, bốn hạng người như chuột. Người như xoài có bốn, người như nồi có bốn, người như bò cổ có bốn, người như rắn độc có bốn.
- Người không ưa không thích mà khen ngợi cách không đáng khen ngợi, người không ưa không thích chê bai người đáng khen ngợi, người không ưa không thích có sự tôn trọng địa vị không đáng tôn trọng, người đã không ưa không thích không tôn trọng địa vị đáng tôn trọng.
- Người ưa mến khen ngợi cách đáng khen ngợi, người ưa thích không chê bai người đáng khen ngợi, người ưa thích có sự tôn trọng địa vị không đáng tôn trọng, người ưa thích và tôn trọng địa vị đáng tôn trọng.
- Người chê đúng hợp thời mà không khen chỗ đáng khen, người khen đúng hợp thời nhưng không chê chỗ đáng chê, người chê đúng hợp thời và khen đúng hợp thời, người không chê hợp thời và không khen hợp thời.
- Người sống với ảnh hưởng của sự siêng năng chẳng phải sống với quả phúc, người sống với quả phúc chẳng phải sống với ảnh hưởng của sự siêng năng, người sống với ảnh hưởng của sự siêng năng và sống với quả phúc, người chẳng phải sống với ảnh hưởng của sự siêng năng luôn chẳng phải sống với quả phúc.
- Người từ nơi tối đi đến tối, người từ nơi tối đi đến sáng, người từ nơi sáng đi đến tối, người từ nơi sáng đi đến sáng.
- Người từ nơi thấp đi đến thấp, người từ nơi thấp đi đến cao, người từ nơi cao đi đến thấp, người từ nơi cao đi đến cao.
- Người tỷ như cây có bốn.
- Người chấp nội trong hình sắc quí trọng theo hình sắc, người chấp theo thinh quí trọng theo thinh, người chấp theo phiền muộn quan trọng theo phiền muộn, người chấp cảnh pháp quan trọng theo cảnh pháp.
- Người hành tự lợi vô lợi tha, người hành lợi tha vô tự lợi, người hành tự tha lưỡng lợi, người bất hành tự tha lưỡng lợi.
- Người tự làm cho nóng nảy càng tìm sự liên hệ nóng nảy, người làm cho kẻ khác nóng nảy quá tìm tòi sự liên quan làm cho kẻ khác nóng nảy, người tự làm cho nóng nảy quá tìm sự liên quan nóng nảy và làm cho người khác nóng nảy quá tìm sự liên quan cho người khác nóng nảy, người không làm cho tự ta nóng nảy không quá tìm tòi sự liên quan cho ta nóng nảy và không làm cho người khác nóng nảy cũng không

quá tìm tòi sự liên quan làm cho người khác nóng nảy, thành người hết đói khát, người tắt rồi, thành người mát mẻ hưởng vui đặc biệt hẳn thành tự oai nghi hiện đại.
- Người có ái dục, người có sân, người có si, người có ngã mạn.
- Người đặng phần tịnh mà không đặng huệ trưởng, người có tuệ trưởng tỏ ngộ pháp nhưng không có thiền chỉ, người đắc phần thiền chỉ cao và đắc trí trưởng tỏ ngộ, người không đắc tịnh tuệ và không có tuệ trưởng.
- Người thuận lưu, người nghịch lưu, người đã tự lập, người qua đến bờ Phạm chí.
- Người ít nghe không đặng lợi ích do nghe, người ít nghe nhưng đặng lợi ích do nghe, người đa văn nhưng không đặng lợi ích do nghe, người đa văn và đặng lợi ích do nghe.
- Sa môn không lay động. Sa môn như sen bá biện. Sa môn như bạch liên. Sa môn như Ma vương trong chúng.

Dứt Đầu đề phần tứ

Đầu đề phần ngũ

11.

Ngũ chủng nhân:
- Người phạm tội nóng nảy luôn chẳng biết sự tu tịnh và tu tuệ hầu trừ pháp bất thiện cấu uế phát sanh cho người ấy. Người phạm tội mà không nóng nảy luôn không hiểu tu tịnh tu tuệ là cơ quan diệt trừ pháp bất thiện nhơ bẩn mà phát sanh cho người ấy. Người không phạm tội nhưng nóng nảy luôn không hiểu tu tịnh tu tuệ là cơ quan diệt trừ hết pháp bất thiện cấu uế mà phát sanh cho người ấy. Người không phạm tội không nóng nảy, nhưng không hiểu tu tịnh hay tu tuệ là cơ quan diệt trừ hết pháp bất thiện cấu uế mà phát sanh cho người ấy. Người không phạm tội không nóng nảy, biết tu tịnh hay tu tuệ là cơ quan diệt trừ hết pháp bất thiện cấu uế mà phát sanh cho người ấy.
- Người cho rồi coi rẻ, người khi dễ kẻ ở chung, người dễ tin, người hoài nghi, người khờ khạo ngơ ngáo.
- Người như chiến sĩ có năm bực.
- Phíc-khú thường trì bình có năm bực.
- Phíc-khú ngăn vật thực khi ngồi rồi có năm bực.
- Phíc-khú thọ trì thường ngồi một nơi có năm bực.
- Phíc-khú thọ trì mặc y vải bó ma có năm bực.
- Phíc-khú bậc trì tam y có năm bực.
- Phíc-khú thọ trì thường ở rừng có năm bực.
- Phíc-khú thọ trì thường ngồi bóng cây có năm bực.
- Phíc-khú thọ trì lộ địa tọa có năm bực.
- Phíc-khú thọ trì thường ngồi có năm bực.
- Phíc-khú thọ trì chỗ tọa ngọa tự sắp có năm bực.
- Phíc-khú thọ trì trủng gian tọa có năm bực.

Dứt Đầu đề phần ngũ

Đầu đề phần lục

12.

Lục chủng nhân:

- Bực tự tỏ ngộ chư đế toàn tri nhất thế pháp, khỏi nghe trước đều đầy đủ sức chuyên môn hiểu rõ tất cả pháp.
- Bực tự tỏ ngộ chư đế không cần nghe trước, nhưng không đắc toàn tri nhất thế pháp và không đầy đủ sức chuyên môn hiểu rõ tất cả pháp.
- Bực không đặng tự tỏ ngộ chư đế trong tất cả pháp mà có thể làm cho tuyệt khổ hiện đại và nương nhân Thinh văn độ.
- Bực không đặng tự tỏ ngộ chư đế trong tất cả pháp mà khỏi nghe nhưng đặng làm cho tuyệt khổ hiện đại và chẳng phải nương nhân Thinh văn độ.
- Bực không đặng tự tỏ ngộ chư đế trong tất cả pháp mà không đặng nghe trước và không làm cho tuyệt khổ hiện đời này như bậc Bất lai đó vậy.
- Bực không đặng tự tỏ ngộ chư đế trong tất cả pháp mà khỏi nghe trước, luôn chẳng làm cho tuyệt khổ hiện đại như Thất lai và Nhất lai đó đâu.

Dứt Đầu đề phần lục

Đầu đề phần thất

13.

Thất chủng nhân:

Bảy hạng người như kẻ lặn nước: người lặn xuống một lần chìm luôn, người trồi lên rồi lặn xuống nữa, người trồi lên rồi dừng nghỉ, người trồi lên rồi xoay dòm ngó, người trồi lên rồi lội qua, người trồi lên rồi lội đến chỗ cạn vừa đứng, người trồi lên rồi lội đến bờ đứng trên khô sạch sẽ.

Người cù giải thoát; người tuệ giải thoát; người thân chứng; người kiên chí; người tín giải thoát; người tùy pháp hành; người tùy tín hành.

Dứt Đầu đề phần thất

Đầu đề phần bát

14.

Bát chủng nhân: bốn bực đạo, bốn bực quả

Dứt Đầu đề phần bát

Đầu đề phần cửu

15.

Cửu chủng nhân: Bực Toàn giác, bực Độc giác, người cù giải thoát, người tuệ giải thoát, người thân chứng, người kiến đắc, người tín giải, người tùy pháp hành, người tùy tín hành.

Dứt Đầu đề phần cửu

Đầu đề phần thập

16.

Thập chủng nhân: năm bực thánh đắc chứng tại Dục giới và năm bực thánh khỏi Dục giới mới đắc chứng.

Dứt Đầu đề phần thập

Dứt Đầu đề nhơn chế định

PHẦN XIỂN MINH

Xiển minh phần nhất

17.

Người bực thời giải thoát *ra sao?* Có người trong đời này chạm bát giải thoát bằng thân khi trúng trong thời, lúc hợp trong thuở, đã thành tựu oai nghi. Một nữa, lậu của người ấy có phần dứt tuyệt do tuệ thấy. Như thế gọi là người bực thời giải thoát.

18.

Người bực bất thời giải thoát *ra sao?* Có người trong đời này không chạm bát giải thoát bằng thân, chẳng phải khi trúng trong thời, lúc hợp trong thuở, nhưng thành tựu oai nghi. Một nữa, lậu có phần dứt tuyệt do tuệ thấy. Như thế gọi là người bực bất thời giải thoát.

19.

Người di động pháp *ra sao?* Có người trong đời này đắc thiền hỗn hợp sắc giới, hoặc hỗn hợp vô sắc giới khó chẳng dễ như ý muốn, nhập thiền nào chỗ nào bao lâu chẳng theo ý định. Điều ấy chính do địa vị tiến hành thời những thiền đó sẽ di động bởi người ấy dể duôi. Như thế gọi là người di động pháp.

20.

Người bất di động pháp *ra sao?* Có người trong đời này là người đắc thiền hỗn hợp sắc giới và hỗn hợp vô sắc giới, nhưng người đó đắc theo ý muốn không khó khăn sẽ muốn nhập xuất thiền nào nơi nào bao lâu tùy ý. Điều này không phải căn cứ nhân dịp dể duôi của người ấy. Như thế gọi là người bất di động pháp.

Chư thánh dĩ nhiên không di động sự giải thoát của bực Thánh.

21.

Người có pháp suy đồi *ra sao?* Có người trong đời này là người đắc thiền hỗn hợp sắc giới hoặc hỗn hợp vô sắc giới, khó chẳng dễ như ý muốn, nhập thiền nào chỗ nào bao lâu chẳng theo ý định. Điều ấy chính do địa vị mà người ấy lìa những thiền đó do sự dể duôi của người ấy. Như thế gọi là người có pháp suy đồi.

22.

Người có pháp không suy đồi *ra sao?* Có người trong đời này là người đắc thiền hỗn hợp sắc giới hoặc hỗn hợp vô sắc giới, nhưng người đó đắc theo ý muốn không khó khăn, sẽ muốn nhập xuất thiền nào nơi nào bao lâu tùy ý. Điều này không do nhân dịp địa vị dể duôi của người ấy mà hoại lìa những thiền đó. Như thế gọi là người có pháp không suy đồi.

Chư thánh dĩ nhiên không suy đồi sự giải thoát của bực Thánh.

23.

Người thích hợp tư *ra sao?* Có người trong đời này đắc thiền hỗn hợp sắc giới hoặc đắc thiền hỗn hợp vô sắc giới khó chẳng dễ như ý muốn, nhập thiền nào chỗ nào bao lâu chẳng theo ý định. Nếu để ý thời những thiền đó không hoại. Nếu không để ý thời những thiền đó hoại. Như thế gọi là người thích hợp tư.

24.

Người ưng hộ trợ *ra sao?* Có người trong đời này đắc thiền hỗn hợp sắc giới hoặc hỗn hợp vô sắc giới khó chẳng dễ như ý muốn, nhập thiền nào chỗ nào bao lâu không theo ý định. Nếu để ý thời những thiền đó không hoại, nếu không để ý thời những thiền đó hoại. Như thế gọi là người ưng hộ trợ.

25.

Người phàm phu *ra sao?* Kẻ nào không trừ tam triền và không hành để trừ những pháp ấy. Như thế gọi là người phàm phu.

26.

Người biến chuyển *ra sao?* Bực thứ lớp đến pháp thánh mà người có hiệp với những pháp đó, như thế gọi là người biến chuyển.

27.

Người chừa bỏ do sợ *ra sao?* Bảy bực thánh hữu học và phàm phu có giới đức, đều gọi là người chừa bỏ do sợ.

Còn chư La-hán không gọi người chừa bỏ do sợ.

28.

Người không đáng đắc chứng *ra sao?* Người có oan nghiệp, có phiền não oan trái, có quả oan trái, bất tín, không mộ, trí thiển, khờ khạo, người không thể vào khuôn khổ chư pháp thiện. Như thế gọi là người không đáng đắc chứng.

29.

Người đáng đắc chứng *ra sao?* Người không có nghiệp oan trái, không có hiệp với phiền não oan trái, có đức tin, ngưỡng mộ, có trí, không khờ khạo, người có thể vào khuôn khổ chư pháp thiện. Như thế gọi là người đáng đắc chứng.

30.

Người nhất định *ra sao?* Người tạo ngũ nghịch vô gián với người tà kiến nhất định và tám bực thánh nhất định. Gọi là người nhất định.

Còn ngoài ra đều gọi là người bất định.

31.

Người tiến hành *ra sao?* Bực tề toàn trong bốn đạo gọi là người tiến hành. Còn bực tề toàn trong bốn quả gọi là người đang ở trong quả.

32.

Người lậu mạng đồng tận *ra sao?* Tận lậu và tận mạng không trước không sau, không xa cách lâu. Như thế gọi là người lậu mạng đồng tận.

33.

Người đắc khi kiếp hoại lửa *ra sao?* Người tiến hành để đến sơ quả và khi kiếp lửa vừa sẽ có. Kiếp hoại lửa chưa sắp cháy lúc nào thì người ấy chưa đặng tỏ ngộ lúc ấy. Như thế gọi là người đắc khi kiếp hoại lửa.

Còn những bực tề toàn tất cả đạo gọi là người đã đình trụ.

34.

Người Thánh *ra sao?* Tám bực thánh gọi là người Thánh.

Những người ngoài ra gọi là người phi Thánh.

35.

Người hữu học *ra sao?* Bực tề toàn bốn đạo và ba quả thấp gọi là người hữu học.

Bực A La-hán gọi là người vô học

Còn những người ngoài ra gọi là người phi hữu học phi vô học.

36.

Người tam minh *ra sao?* Bực hiệp với tam minh gọi là người tam minh.

37.

***Người lục thông** ra sao?* Bực đáo hiệp lục thông gọi là người lục thông.

38.

***Người Toàn giác** ra sao?* Có bực trong đời này chứng cao tột, hiểu cả pháp, ngộ chư đế, khỏi nghe trước, đắc nhứt thế chủng trí đủ sức chuyên môn biết tất cả pháp. Như thế gọi là người Toàn giác.

39.

***Người Độc giác** ra sao?* Có bực trong đời này chứng cao tột hiểu cả pháp ngộ chư đế, khỏi nghe trước, nhưng không đắc nhứt thế chủng trí. Chẳng đủ sức chuyên môn biết tất cả pháp. Như thế gọi là người Độc giác.

40.

***Người cù giải thoát** ra sao?* Có người trong đời này bát giải thoát chạm đến mình liền thành tựu oai nghi luôn tận tất cả lậu do tuệ tỏ ngộ. Như thế gọi là người cù giải thoát.

41.

***Người tuệ giải thoát** ra sao?* Có người trong đời này không đặng tự chạm bát giải thoát, mà thành tựu oai nghi. Nhưng người ấy cũng tận lậu bằng tuệ. Như thế gọi là người giải thoát bằng tuệ.

42.

***Người thân tác chứng** ra sao?* Có người trong đời này bát giải thoát chạm đến thân rồi thành tựu oai nghi, luôn tuyệt lậu phần nào do tỏ ngộ bằng trí. Như thế gọi là người thân tác chứng.

43.

***Người kiến chí** ra sao?* Có người trong đời này vẫn biết rõ chắc thật đây là khổ, đây là nhân khổ, đây là diệt khổ, đây là tiến hành đến diệt khổ. Một nữa, tất cả pháp Như Lai truyền bá thời người ấy nhận thấy rõ khéo tiến hành bằng tuệ. Một nữa, người ấy diệt tận lậu phần nào do tuệ tỏ ngộ. Như thế gọi là người kiến chí.

44.

***Người tín giải** ra sao?* Có người trong đời này vẫn biết rõ chắc đây là khổ, biết thật đây là nhân sanh khổ, rõ chắc đây là diệt khổ, biết thật đây là tiến hành đến diệt khổ. Một nữa, tất cả pháp Như Lai truyền bá người ấy nhận hiểu rõ tiến hành bằng tuệ. Một nữa, người ấy tuyệt dứt lậu phần nào do tuệ tỏ ngộ. Nhưng chẳng phải như người kiến chí. Như thế gọi là người tín giải.

45.

***Người tùy pháp hành** ra sao?*

Tuệ quyền của người nào là bực tiến hành hầu đến Dự lưu, người ấy vẫn trau dồi Thánh đạo tột độ có trí trưởng, tuệ dẫn dắt phát sanh. Như thế gọi là người tùy pháp hành.

Người tiến hành hầu tỏ ngộ đến sơ đạo gọi là người tùy pháp hành. Còn người đang trụ bực quả, gọi là người kiến chí.

46.

***Người tùy tín hành** ra sao?*

Tín quyền của người nào là bực tiến hành hầu tỏ ngộ chứng quả Dự lưu, người ấy trau dồi Thánh đạo tột có tín trưởng, tín dẫn dắt phát sanh. Như thế gọi là người tùy tín hành.

Người tu tiến hầu đến quả Dự lưu gọi là người tùy tín hành. Còn người đang trụ quả Dự lưu gọi là người tín giải.

47.

Người thất du *ra sao?* Có người trong đời này do tận tam triền, thành quả Dự lưu cố nhiên không sanh khổ thú, thành bực vững vàng sẽ đắc chứng sau này, người ấy dạo cõi chư Thiên và nhân loại bảy đời mới đặng dứt khổ. Như thế gọi là người thất du *(sattakkhattuparama).*

48.

Người nhị, tam du *ra sao?* Có người trong đời này do tận tam triền, thành tựu Dự lưu cố nhiên không sanh khổ thú, thành bực vững vàng sẽ thành tựu sau này, người đó còn dạo cõi vui Dục giới không quá hai, ba đời sẽ dứt tuyệt khổ. Như thế gọi là người nhị, tam du *(kolaṅkola).*

49.

Người Dự lưu Nhứt lai *ra sao?* Có người trong đời này do tận tam triền thành tựu Dự lưu, cố nhiên không sanh khổ thú, thành bực vững vàng, người đó còn sanh lại cõi nhân loại một lần nữa rồi làm cho tuyệt dứt khổ. Như thế gọi là người Dự lưu Nhứt lai *(Ekabijī).*

50.

Người Nhứt lai *ra sao?* Có người trong đời này do tận tam triền bởi làm cho tham ái, sân, si thành nhẹ nhàng, thành Tư-đà-hàm; còn trở lại cõi này chỉ một lần mà thôi rồi làm cho tuyệt dứt khổ. Như thế gọi là người Nhứt lai *(Sakadāgāmī).*

51.

Người Bất lai *ra sao?* Có người trong đời này do dứt năm triền thấp, còn hóa sanh hay sẽ viên tịch cõi chư Thiên tịnh cư, cố nhiên không trở lại cõi đang ở. Như thế gọi là người Bất lai *(Anagami).*

52.

Người Trung bang bất hườn *ra sao?* Có người trong đời này dứt hết năm triền thấp, còn hóa sanh sẽ viên tịch tại tịnh cư, nếu chưa cũng dĩ nhiên không trở lại cõi đó, vị ấy sẽ đắc đạo tột trừ hết năm triền cao trong khi quá nữa đời sống, hoặc lúc gần chết. Như thế gọi là người Trung bang bất hườn *(Antarāparinibbāyī).*

53.

Người Sanh bang bất hườn *ra sao?* Có người trong đời này dứt hết năm triền thấp, còn hóa sanh sẽ viên tịch tại tịnh cư, nếu chưa dĩ nhiên cũng không trở lại cõi đó, vị ấy sẽ đắc đạo tột trừ hết năm triền cao trong khi đổi đời rồi hoặc trước nữa kiếp sống. Như thế gọi là người Sanh bang bất hườn *(Upahaccaparinibbāyī).*

54.

Người Vô hành bang bất hườn *ra sao?* Có người trong đời này dứt hết năm triền thấp, còn hóa sanh rồi viên tịch cõi tịnh cư, cố nhiên không trở lại cõi đó, người ấy còn làm cho Thánh đạo sanh bằng cách không khó, đặng trừ năm triền cao. Như thế gọi là người Vô hành bang bất hườn *(Asaṅkhāraparinibbāyī).*

55.

Người Hữu hành bang bất hườn *ra sao?* Có người trong đời này do dứt hết năm triền thấp, còn hóa sanh rồi viên tịch cõi tịnh cư, cố nhiên không trở lại cõi đó, người ấy tiến hành Thánh đạo hầu trừ triền bực cao bằng cách khó. Như thế gọi là người Hữu hành bang bất hườn *(Sasaṅkhāra-parinibbāyī).*

56.

Người Thượng lưu bang bất hườn *ra sao?* Có người trong đời này do dứt hết năm triền thấp, còn hóa sanh rồi viên tịch nơi Tịnh cư, cố nhiên không trở lại cõi ấy. Bực đó tử biệt cõi Vô phiền sanh cõi Vô nhiệt, tử biệt cõi Vô nhiệt sanh cõi Thiện hiện, tử biệt cõi Thiện hiện sanh cõi Thiện kiến, tử biệt cõi Thiện kiến sanh cõi Sắc cứu cánh.

Đắc Thánh đạo trừ triền bực cao nơi cõi Sắc cứu cánh. Như thế gọi là người Thượng lưu bang bất hườn *(Uddhaṅsoto akanitthāgāmī).*

57.

***Người bực Dự lưu và người tiến hành đến quả Dự lưu** ra sao?*

Người nào tiến hành bài trừ tam triền đắc sơ quả, người mà tuyệt trừ tam triền, gọi là người thành tựu Dự lưu.

Người tiến hành để cho ái dục và sân độc nhẹ nhàng hầu chứng quả Nhứt lai do ái dục, sân độc của bực nào nhẹ nhàng. Như thế gọi là người Nhứt lai.

Người tiến hành dứt hết ái dục và sân độc hầu đắc quả Bất lai, người nào do ái dục và sân độc dứt tuyệt; người ấy gọi là người Bất lai.

Ai tiến hành đặng tuyệt ái dục sắc giới, ái dục vô sắc giới, ngã mạn, phóng dật[2] và vô minh, chứng quả La-hán do dứt tuyệt ái dục sắc giới, ái dục vô sắc giới, ngã mạn, phóng dật, vô minh mới gọi là người ứng cúng.

Dứt Xiển minh phần nhứt

Xiển minh phần nhị

58.

∗ ***Người ưa sân** ra sao?* Điều kiện sân như thế nào? Như là sự giận, cách giận, thái độ giận, sự ác độc, cách ác độc, sự sân độc, cách sân độc, thái độ sân độc, phẫn nộ, giận cự lại, sự hung ác gọi là điều kiện sân; mà sự sân ấy người nào bỏ không được gọi là người ưa sân.

∗ ***Người ưa buộc sân** ra sao?* Điều kiện buộc sân như thế nào? Ban đầu sân, sau mới có buộc sân. Sự buộc sân, cách buộc sân, thái độ buộc sân, sân không dứt, quyết để tâm sân, lưu tồn sân, chạy theo sân, ràng buộc theo sự sân. Cách nào làm cho sân càng mạnh mẽ gọi là điều kiện buộc sân. Sự buộc sân ai bỏ không được gọi là người buộc sân.

59.

∗ ***Người vong ân** ra sao?* Điều kiện vong ân như thế nào? Sự quên ơn, cách quên ơn, thái độ quên ơn, sự không thấy ơn của người khác, cách điệu làm không biết ơn người khác; như thế gọi là điều kiện vong ân. Sự vong ân mà ai bỏ không được gọi là người vong ân.

∗ ***Người ỷ bằng** ra sao?* Điều kiện ỷ bằng như thế nào? Sự ỷ cho là bằng, thái độ ỷ cho là bằng, pháp thành vật thực của cách ỷ bằng, nền tảng của điêu tàn, cách của người chấp rằng đồng bằng như họ. Như thế gọi là điều kiện ỷ bằng. Sự ỷ bằng ai không bỏ đặng gọi là người ỷ bằng.

60.

∗ ***Người ganh tỵ** ra sao?* Điều kiện ganh tỵ như thế nào? Sự ganh tỵ, cách ganh tỵ, thái độ ganh tỵ, sự không ưa, cách không ưa, thái độ không ưa với lợi lộc, dưng cúng, cung kỉnh, tín ngưỡng, lễ bái, cúng dường nơi người khác. Như thế gọi là điều kiện ganh tỵ. Sự ganh tỵ ai không bỏ đặng nên gọi là người ganh tỵ.

∗ ***Người bỏn xẻn** ra sao?* Điều kiện bỏn xẻn như thế nào? Sự bỏn xẻn có năm như là: Bỏn xẻn chỗ ở, bỏn xẻn thân tộc, bỏn xẻn lợi lộc, bỏn xẻn sắc đẹp, bỏn xẻn pháp. Sự bỏn xẻn, cách bỏn xẻn, thái độ bỏn xẻn, mỗi sự ham, sự bón rít, cách keo kiết, tâm

[2] Phóng dật hay còn gọi là Điệu cử

không rộng rãi, thế nào nay hiện bày rõ rệt, như thế gọi là điều kiện bỏn xẻn. Sự bỏn xẻn ai bỏ không được gọi là người bỏn xẻn.

61.

∗ ***Người khoe khoang*** *ra sao?* Điều kiện khoe khoang như thế nào? Có người trong đời này thành kẻ khoe khoang, sự khoe, cách khoe, thái độ khoe, sự cường ngạnh, cách cường ngạnh, thái độ cường ngạnh, sự nói nâng mình, cách nói nâng mình, thái độ nói nâng mình; như thế gọi là điều kiện khoe khoang. Sự khoe khoang ai bỏ không đặng gọi là người khoe khoang.

∗ ***Người xảo quyệt*** *ra sao?* Điều kiện xảo quyệt như thế nào? Có người trong đời này thân làm ác, khẩu làm ác, ý làm ác do che đậy ác đó mới lập chi ô uế muốn đừng cho ai biết mình, tính đừng cho ai biết mình, nói đừng cho ai biết mình, thân cố gắng làm cho đừng ai biết mình; có sự xảo quyệt, cách xảo quyệt, thái độ xảo quyệt, sự bày bố, sự gạt gẩm, sự phản phúc, sự gian mưu, sự làm cho mê hoặc, sự kết cấu, sự che ngăn sự sáng, sự khuất lấp, cách không làm cho dễ hiểu, cách không làm cho sẽ bày, cách che đậy hạnh ô trược thấy hiện đại gọi là điều kiện xảo quyệt. Xảo quyệt nầy ai không chừa bỏ đặng gọi là người xảo quyệt.

62.

∗ ***Người vô tàm*** *ra sao?* Điều kiện vô tàm như thế nào? Lẽ phải nào đáng thẹn mà không thẹn cho đến đỗi đầy dẫy tội ác, như thế gọi là điều kiện vô tàm, mà người hiệp với vô tàm thế gọi là người vô tàm.

∗ ***Người vô úy*** *ra sao?* Điều kiện vô úy như thế nào? Sự vật lẽ thường đáng ghê sợ mà không ghê sợ cho đến dẫy đầy tội ác, như thế gọi là điều kiện vô úy. Kẻ đã hiệp với sự vô úy gọi là người vô úy.

63.

∗ ***Người nan giáo*** *ra sao?* Điều kiện nan giáo như thế nào? Sự khó dạy, cách khó dạy, thái độ khó dạy là người chấp theo sự đáng ghét, người ưa phản đối, không phổ tế, cách không phổ tế, sự không kỉnh, cách không nghe theo. Pháp hiện bày như đã nói gọi là điều kiện nan giáo. Kẻ có pháp nan giáo gọi là người nan giáo.

∗ ***Người có bạn xấu*** *ra sao?* Điều kiện có bạn xấu như thế nào? Những kẻ không có đức tin, không có giới hạnh, thiếu học thành người rít bón, thiển trí, cách ở ăn đến nương trụ, cách sử dụng, cách gặp gỡ, lối tìm tòi, cách sùng tín và hội hiệp trung tín với những người như thế là điều kiện có bạn xấu, người hiệp với cách có bạn xấu gọi là người có bạn xấu.

64.

∗ ***Người không thu thúc môn quyền*** *ra sao?*

Điều kiện không thu thúc môn quyền như thế nào? Có người trong đời này mắt thấy sắc chấp theo tướng trạng hình thức thì tất cả pháp bất thiện nhơ nhớp như là tham ác và buồn giận mới tươm theo người không thu thúc môn quyền tức là con mắt. Bởi cách không thu thúc quyền như là con mắt nào thành nhân, vẫn không hành thu thúc quyền thì con mắt đó không gìn giữ quyền. Quyền đây tức là con mắt, không thu thúc quyền tức là không thu thúc con mắt.

Tai nghe tiếng,… mũi hưởi hơi,… lưỡi nếm vị,… thân đụng chạm,… tâm biết cảnh pháp mà chấp theo hình thức tướng trạng thời những pháp bất thiện bợn nhơ như là tham ác và buồn giận tươm theo người chẳng thu thúc quyền, quyền đây tức là tâm. Bởi cách không thu thúc quyền, tức là tâm nào thành nhân mà không hành để thu thúc

quyền thì tâm ấy vẫn không chăm nom quyền, thì là tâm không thu thúc quyền. Chính là tâm không chăm nom bảo vệ gìn giữ những sáu quyền ấy.

Những cách thế đó gọi là điều kiện không thu thúc môn quyền, người hiệp với những điều kiện không thu thúc môn quyền gọi là người không thu thúc môn quyền.

∗ ***Người bất tri độ thực*** *ra sao?* Điều kiện bất tri độ thực như thế nào? Có người trong đời này trước khi ăn chẳng khéo quán tưởng (mới cho rằng) ăn để chơi, để say mê, để chưn diện, để trau dồi, thành người không tri túc. Điều kiện không quán tưởng vật thực là bất tri độ thực, người hiệp với điều kiện bất tri độ thực như thế gọi là người bất tri độ thực.

65.

∗ ***Người thất niệm*** *ra sao?* Điều kiện thất niệm như thế nào? Không được hằng nhớ, nhớ lại không đặng, mất chánh niệm, không có sự nhớ đặng, không đặng nhớ vững vàng, sự hay quên, sự lơ láo, như thế là điều kiện thất niệm. Ai hiệp với thất niệm gọi là người thất niệm.

∗ ***Người vô lương tri*** *ra sao?* Điều kiện vô lương tri như thế nào? Sự không biết, sự không thấy, sự không tỏ ngộ, sự không hằng biết, sự biết không đầy đủ, sự không tỏ thấu, sự không nhận thức, sự không chăm chú hiểu, sự không chăm chú, sự không quan sát, cách không làm cho rõ rệt, cách thành người trí cạn cợt, cách thành người lừng khừng, cách không có chánh niệm lương tri, sự si mê, sự quá si mê, si mê tràn trề, sự dại dột, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh tùy miên, vô minh khe khuất, then chốt vô minh, si là căn bất thiện. Đây là điều kiện vô lương tri. Nếu ai hiệp với điều kiện vô lương tri gọi là người vô lương tri.

66.

∗ ***Người giới lụy*** *ra sao?* Điều kiện giới lụy như thế nào? Cách thân phạm tội, cách khẩu phạm tội, cách thân và khẩu phạm tội, như thế gọi là điều kiện giới lụy, người hiệp cùng giới lụy gọi là người giới lụy.

∗ ***Người kiến lụy*** *ra sao?* Điều kiện kiến lụy như thế nào? Sự nhận thấy rằng bố thí không có quả phúc (đại bố thí khắp chúng sanh cũng không có quả phúc), đãi đằng khách cũng không có quả phúc, quả dị thục do nhân tốt xấu tạo tốt xấu không có, đời này không có, đời sau không có, chẳng phải cha, chẳng phải mẹ, không có hạng hóa sanh, Tăng, Sa môn, Phạm chí tu hành chơn chánh tỏ ngộ tự biết đời này và đời sau rồi tuyên bố cho đời đều không có. Đó là điều kiện hiện bày như thế, nào là thiêng kiến, mộ tràng kiến, hoang vu kiến, phản nghịch kiến, chuyển biến kiến, triền kiến, sự chấp trước, sự cấu kết, sự chấp cứng, chấp theo sự hành sai, sái đường lạc nẻo, trạng thái sai, đảng phái thối hóa do chấp cứng tìm kiếm sai. Nếu có trạng thái như thế gọi là điều kiện kiến lụy.

Tất cả tà kiến đều thuộc về kiến lụy, người liên hiệp với kiến lụy gọi là người kiến lụy.

67.

∗ ***Người có nội triền*** *ra sao?* Ngũ triền thấp mà người nào không bỏ, như thế gọi là người có nội triền.

∗ ***Người có ngoại triền*** *ra sao?* Ngũ triền cao mà người nào không bỏ đặng, thời người ấy gọi là người có ngoại triền.

68.

∗ ***Người không sân*** *ra sao?* Điều kiện không sân như thế nào? Sự sân, cách sân, thái độ sân, giận, sự giận ác, cách giận ác, thái độ giận ác, sự sân độc, cách sân độc, thái độ

sân độc, sự giận dữ dội, chống cự dữ dội, sự hung dữ, sự nộ khí xung thiên, cách tâm không ưa là điều kiện sân; kẻ nào trừ bỏ đặng như thế gọi là người không sân.

∗ ***Người không cột sân*** *ra sao?* Điều kiện cột sân như thế nào? Trước đã có sân sau mới có buộc sân. Sự buộc sân, cách buộc sân, thái độ buộc sân, cách không bỏ qua sân, sự lập trường sân, sự bảo trì sân, sự chạy theo sân, do theo sự buộc sân, cách làm cho sân dẻo dai thấy rõ hiện tại, như thế gọi là điều kiện cột sân. Ai mà đã trừ bỏ đặng, như thế gọi là người không cột sân.

69.

∗ ***Người không vong ân*** *ra sao?* Điều kiện vong ân người khác như thế nào? Sự vong ân, cách vong ân, thái độ vong ân, sự không thấy ơn nghĩa cách làm cho không thấy ơn nghĩa; như thế gọi là điều kiện vong ân người khác. Ai mà chừa bỏ đặng như thế gọi là người không vong ân.

∗ ***Người không ỷ bằng với người khác*** *ra sao?* Điều kiện ỷ bằng người khác như thế nào? Sự ỷ bằng cách ỷ bằng, thái độ ỷ bằng, pháp làm vật thực ỷ bằng, tranh chấp địa vị, cách so sánh cho rằng bằng nhau, cách không buông trả gọi là ỷ bằng. Cách ỷ bằng đây ai chừa bỏ đặng, như thế gọi là người không ỷ bằng.

70.

∗ ***Người không tật đố*** *ra sao?* Điều kiện tật đố như thế nào? Sự tật đố, cách tật đố, thái độ tật đố, sự không thích, cách không thích, thái độ không thích đối với lợi lộc lễ lộc, cung kỉnh, tín ngưỡng, lễ bái và cách đặng cúng dường của người khác đều không vừa lòng, như thế gọi là điều kiện tật đố, mà người nào đã chừa bỏ như thế gọi là người không tật đố.

∗ ***Người không bỏn xẻn*** *ra sao?* Điều kiện bỏn xẻn như thế nào? Ngũ lận sắt như là: Bỏn xẻn chỗ ở, bỏn xẻn thân tộc, bỏn xẻn lợi lộc, bỏn xẻn sắc đẹp, bỏn xẻn pháp; sự bỏn xẻn, cách bỏn xẻn, thái độ bỏn xẻn, các cách ham muốn, sự bón rít, sự keo kiệt, tâm không rộng rãi, những chi hiện bày như thế gọi là điều kiện bỏn xẻn. Ai chừa bỏ đặng, như thế gọi là người không bỏn xẻn.

71.

∗ ***Người không khoe khoang*** *ra sao?* Điều kiện khoe khoang như thế nào? Có người trong đời này thành người khoe khoang, cách khoe khoang, sự khoe khoang, thái độ khoe khoang, cách sần sượng, sự sần sượng, cách nói tự nâng mình, thái độ nói tự nâng mình, dù thế nào đều gọi là điều kiện khoe khoang. Ai đã chừa bỏ khoe khoang, như thế gọi là người không khoe khoang.

∗ ***Người không xảo quyệt*** *ra sao?* Điều kiện xảo quyệt như thế nào? Có người trong đời này hành động ác bằng thân, bằng khẩu, bằng ý vì muốn sẽ che đậy những sự ác đó mới móng ý ô trược, muốn đừng cho ai biết ta, nói đừng cho ai biết ta, cố gắng bằng thân làm cho đừng ai biết, xảo quyệt, cách xảo quyệt, cách hiện bày sự gạt gẩm, sự tráo trở, sự khía cạnh, cách làm cho mê hoặc, lầm lộn, sự giao kiết, sự che đậy, sự khuất, sự khuất lấp, làm cho không dễ biết, cách làm cho không bày rõ, cách che đậy, khuất lấp, thái độ nhơ bẩn hiện bày như thế nào, đó gọi là điều kiện xảo quyệt, ai chừa bỏ xảo quyệt, như thế gọi là người không xảo quyệt.

72.

∗ ***Người hữu tàm*** *ra sao?* Điều kiện hữu tàm như thế nào? Thẹn với pháp thành tội ác, như thế gọi là tàm, người có sự hổ thẹn gọi là người hữu tàm.

∗ ***Người hữu úy** ra sao?* Điều kiện hữu úy như thế nào? Pháp nào mà ghê sợ sự vật đáng ghê sợ bằng lối phải đến tội ác, ghê sợ như thế gọi là điều kiện úy. Nếu ai bỏ được sự ghê sợ như thế gọi là người hữu úy.

73.

∗ ***Người dễ dạy** ra sao?* Điều kiện dễ dạy như thế nào? Sự dễ dạy, cách dễ dạy, thái độ dễ dạy, lối người không chấp theo cường ngạnh, người ưa thích cách không trái nghịch, thái độ quảng đại, trạng thái quảng đại, có cách cung kỉnh, có sự tin nghe, trong khi có pháp đồng sanh như đã nói gọi là người dễ dạy.

∗ ***Người có bạn tốt** ra sao?* Điều kiện có bạn tốt như thế nào? Người nào có đức tin, có giới hạnh, đa văn, có sự xả tài, có trí tuệ, cách kết giao, đi đến kết giao, cách sử dụng, cách gặp gỡ, cách tìm gặp, sự sùng tín, cách sùng tín; người đặng kẻ khác tìm hội hiệp như thế là điều kiện có bạn tốt. Hiệp với người đầy đủ cách bạn tốt là người có bạn tốt.

74.

∗ ***Người thu thúc môn quyền** ra sao?*

Điều kiện thu thúc môn quyền như thế nào? Có người trong đời này mắt thấy sắc không chấp tướng, không chấp theo hình trạng, thời tất cả pháp bất thiện nhơ bẩn như là tham ác, ưu sầu mà tươm theo người không thu thúc môn quyền, tức là không thu thúc nhãn. Mà nhãn thành nhân để đặng hành thu thúc nhãn, nếu giữ gìn quyền là gìn giữ nhãn.

Tai nghe tiếng,… mũi hưởi hơi,… lưỡi nếm vị,… thân đụng chạm,… tâm biết cảnh pháp mà không chấp tướng không chấp hình trạng, thì tất cả pháp bất thiện nhơ bẩn như là tham ác, ưu sầu mà tươm đến người không thu thúc quyền đó. Nói quyền đây tức là tâm. Bởi tâm không thu thúc thì tâm làm nhân để đặng hành thu thúc tâm, nếu gìn giữ quyền là gìn giữ tâm, nếu thu thúc quyền là thu thúc tâm; cách bảo vệ duy trì, chăm nom gìn giữ lục quyền. Như thế gọi là thu thúc môn quyền.

Người có điều kiện thu thúc môn quyền gọi là người thu thúc môn quyền.

∗ ***Người tri độ thực** ra sao?* Điều kiện tri độ thực như thế nào? Có người trong đời này, khéo quán tưởng rồi mới dùng vật thực, chẳng ăn vì để chơi, chẳng ăn vì để say mê, chẳng ăn vì chưn diện, chẳng ăn vì sắc đẹp, ăn mà sống, ăn để cho còn, ăn đặng hạn chế đói, ăn để trợ phạm hạnh. Nhờ sự ăn uống ta hạn chế khổ thân, thành người khỏi lỗi, sẽ đặng an vui cho ta thành người tri túc, đặng biết độ lượng ăn uống vừa thích hợp, suy xét như thế là điều kiện tri độ thực. Nếu đầy đủ điều kiện tri độ thực gọi là người tri độ thực.

75.

∗ ***Người có chánh niệm vững vàng** ra sao?* Niệm đó như thế nào? Sự tỉnh táo nào mà hằng nhớ, trực nhớ, cách nhớ đặng, sự nhớ đặng, thái độ nhớ đặng, sự không quên, sự không lơ lảng. Cũng là niệm quyền, niệm lạc, chánh niệm; như thế gọi là niệm. Bực chánh niệm đầy đủ như thế gọi là người có chánh niệm vững vàng.

∗ ***Người có lương tri** ra sao?* Điều kiện lương tri như thế nào? Tuệ, sự tỏ ngộ, sự lựa chọn, sự gạn lựa, sự trạch pháp, sự chăm chú mục tiêu, sự chăm chú sát cận, sự soi thấu riêng biệt, sự thành trí thức, sự khôn khéo, sự biết vi tế, sự hiểu rõ rệt, sự suy xét, sự gạn xét, sự hiểu rộng rãi, siêu tuệ, sự hiểu biết dẫn đường, sự quán, sự rõ chu đáo, tuệ như gươm, tuệ quyền, tuệ lực, tuệ như vũ khí, tuệ như đèn, tuệ như ngọc, sự trạch pháp là vô si, chánh kiến. Như thế gọi là điều kiện lương tri. Bực hiệp với lương tri gọi là người lương tri.

76.

∗ ***Người đầy đủ giới*** *ra sao?*

Điều kiện đầy đủ giới như thế nào? Cách thân không phạm tội, cách khẩu không phạm tội, cách thân và khẩu không phạm tội. Như thế gọi là điều kiện đầy đủ giới. Thu thúc tất cả giới hạnh gọi là đầy đủ giới.

Người hiệp với sự mãn túc giới gọi là người đầy đủ giới.

∗ ***Người đầy đủ kiến thức*** *ra sao?*

Điều kiện đầy đủ kiến thức như thế nào? Sự hiểu rõ chu đáo, sự tỏ ngộ… sự trạch pháp cũng là vô si, chánh kiến. Như thế nên nhận thấy bố thí rồi có quả phúc (đại bố thí khắp mọi người có quả phúc), lễ vật tiếp đãi khách có quả phúc, dị thục quả của người làm tốt làm xấu vẫn có đời này có, đời sau có, có cha có mẹ, có hạng chúng sanh hóa sanh, Tăng, Sa môn, Phạm chí thật hành tốt tu chơn chánh tự hiểu biết cao siêu rõ đời sau và truyền bá cho người tỏ ngộ. Như thế gọi là điều kiện mãn túc kiến. Tất cả chánh kiến đều gọi là mãn túc kiến.

Bực đã hiệp với mãn túc kiến gọi là người đầy đủ kiến thức.

77.

Nhị chủng nhân trong đời khó kiếm *ra sao?* Người tri ân, và người đáp nghĩa. Hai hạng người này trong đời rất khó kiếm.

78.

Nhị chủng nhân khó no *ra sao?* Người đặng của rồi giấu luôn. Người đặng của rồi bỏ bậy bỏ bạ. Hai hạng người này khó làm cho no.

79.

Nhị chủng nhân dễ no *ra sao?* Người đặng của không cất mất luôn. Người đặng của không bỏ bậy bỏ bạ. Hai hạng người này dễ làm cho no.

80.

Tất cả lậu tăng tiến cho hai hạng người *ra sao?* Người có tánh cách ghét gớm sự vật không đáng ghét gớm. Người có tánh cách không ghét gớm với sự vật đáng ghét gớm. Tất cả lậu càng tăng thêm cho hai hạng người này.

81.

Tất cả lậu không tăng tiến thêm cho hai hạng người *ra sao?* Người có phẩm hạnh không ghét gớm với sự vật chẳng đáng ố. Người có phẩm hạnh ố nơi sự vật đáng ghét gớm. Tất cả lậu không tăng tiến thêm cho hai dạng người như thế.

82.

∗ ***Người có tánh cách đê hèn*** *ra sao?* Có người trong đời này phá giới, có cách nhơ bẩn mà y lân cận cần dùng gặp gỡ, gần gũi khắn khít với người phá giới, có những cách ô trược lạ thường. Như thế gọi là người có tánh cách đê hèn.

∗ ***Người có phẩm cách tinh lương*** *ra sao?* Có người trong đời này đối với bực có giới đức luôn pháp thiện hảo mà y cần dùng tìm đến gần gũi bực có giới đức luôn pháp thiện hảo. Như thế gọi là người có phẩm cách tinh lương.

83.

Người đã no *ra sao?* Bực Độc giác và chư Thinh văn của đức Như Lai mà đã thành La hán, nên gọi là người đã no.

Còn bậc Toàn giác gọi là người đã no và làm cho người khác đặng no.

Dứt Xiển minh phần nhị

Xiển minh phần tam

Tam chủng nhân

84.

* ***Người hết hy vọng** ra sao?*

Có người trong đời này phá giới, có cách đê hèn nhất là thân nghiệp bất tịnh và có thói quen mà người khác hay ta dè dặt bằng cách nghi kỵ có việc khuất lấp, người phi Sa môn mà tượng trưng Sa môn, người phi phạm hạnh mà tượng trưng phạm hạnh, người lỡ lầy bên trong, người dồi dào ái dục, người có cặn bã nhất là ái dục đã phát sanh.

Y nghe đồn rằng Phíc-khú tên đó đã tự tỏ ngộ hiểu tột, làm cho rõ rệt rồi, đã vào đến tịnh giải thoát, tuệ giải thoát, không còn lậu do dứt tuyệt tất cả lậu thành tựu oai nghi hiện đại. Nhưng y không thể mong rằng dĩ nhiên ta tự tỏ ngộ hiểu tột hay sẽ làm cho rõ rệt đến bực tịnh giải thoát, tuệ giải thoát, không còn lậu bởi tuyệt dứt tất cả lậu mà thành tựu oai nghi lúc nào trong hiện đại có thật như vậy là người hết hy vọng.

* ***Người có hy vọng** ra sao?* Có người trong đời này thành người có giới đức, có chánh pháp hảo thiện. Y vẫn nghe đồn rằng Phíc-khú tên như thế đã tự hiểu tột, đã làm cho rõ rệt, đã vào đến bực tâm giải thoát, tuệ giải thoát, lậu không còn do hết tất cả lậu, thành tựu oai nghi trong hiện đại. Như thế y mới móng nghĩ như vầy: Ta có hy vọng sẽ tự hiểu biết cao tột bằng tịnh giải thoát, tuệ giải thoát, dứt hết lậu do tuyệt trừ tất cả lậu, chắc là thành tựu oai nghi hiện đại lúc nào như thế gọi là người có hy vọng.

* ***Người ly khứ** ra sao?* Có người trong đời này đã tự hiểu tột, làm cho rõ rệt vào đến bực tịnh giải thoát, tuệ giải thoát, dứt hết lậu do đã trừ tuyệt tất cả lậu, thành tựu oai nghi trong hiện đại. Y nghe rằng Phíc-khú tên ấy đã tự hiểu tột tỏ ngộ vào đến bực tịnh giải thoát, tuệ giải thoát, không còn lậu do dứt hết tất cả lậu, thành tựu oai nghi trong hiện đại như thế. Mà y không có phát nghĩ rằng dĩ nhiên ta cũng tự hiểu tột, đã làm cho rõ rệt đến bực tịnh giải thoát, tuệ giải thoát, dứt hết lậu bởi tuyệt trừ tất cả lậu, thành tựu oai nghi trong hiện đại với một lúc nào chắc như thế; điều ấy bởi nhân chi? Bởi vì sự mong mỏi giải thoát nào của bực Ứng cúng đó chỉ là trong lúc trước kia chưa giải thoát, mà hy vọng đó đặng yên ổn rồi như thế mới gọi là người ly khứ *(puggalo vigatāso)*.

***Ba thứ người như bệnh nhân đó** ra sao?*

85.

Tam chủng bệnh nhân:

- Trong đời này có người bệnh đặng vật thực ưa thích hoặc không đặng vật thực ưa thích. Đặng dược phẩm thích hợp hoặc không đặng dược phẩm thích hợp. Có người ủng hộ thích hợp hoặc không có người ủng hộ thích hợp cũng không lành mạnh.
- Trong đời này cũng có bệnh nhân đặng thực phẩm thích hợp hoặc không đặng thực phẩm thích hợp. Đặng dược phẩm thích hợp hoặc không đặng dược phẩm thích hợp. Có người nuôi dưỡng thích hợp hoặc không có người nuôi dưỡng thích hợp cũng đặng lành mạnh.
- Trong đời này cũng có người bệnh đặng thực phẩm thích hợp, gặp vật thực thích hợp mới lành mạnh. Không đặng vật thực thích hợp thì không lành mạnh. Đặng dược phẩm thích hợp thời lành mạnh, không đặng dược phẩm thích hợp thì không

lành mạnh. Có người nuôi dưỡng thích hợp mới lành mạnh, không có người nuôi dưỡng thích hợp thì không lành mạnh.

Trong ba thứ người bệnh đó, người nào đặng vật thực thích hợp thời dứt khỏi, không đặng thời không hết bệnh. Đặng dược phẩm thích hợp thời hết bệnh, nếu không đặng thời không hết. Có người nuôi dưỡng thích hợp thời hết bệnh, nếu không có thì không hết.

Đức Phật Ngài do người bệnh như thế mới chế cho vật thực bệnh nhân, dược phẩm bệnh nhân, người nuôi dưỡng bệnh nhân cũng chính là do người bệnh như thế; dù cho người bệnh cách khác thì Phíc-khú cũng trợ giúp như thế.

86.

Người như ba hạng bệnh nhân hiện bày trong đời vẫn có như thế.

- Có người trong đời này gặp Như Lai hoặc không gặp, đặng nghe pháp, luật do Như Lai truyền bá hoặc không đặng nghe, cũng không đặng vào niêm luật đúng với tất cả pháp thiện.
- Cũng có người trong đời này gặp Như Lai hoặc không gặp, đặng nghe pháp, luật của Như Lai truyền bá hoặc không đặng nghe, cũng vẫn vào niêm luật của tất cả pháp thiện.
- Cũng có người trong đời này đặng gặp Như Lai liền vào niêm luật theo tất cả pháp thiện. Nếu không đặng gặp Như Lai thì không đặng nương niêm luật theo tất cả pháp thiện. Nếu đặng nghe chánh pháp của Như Lai truyền bá mới nương theo niêm luật tất cả pháp thiện. Nếu không đặng nghe thì không đặng nương chơn lý tất cả pháp thiện.

Trong ba hạng người đó mà chỉ có bực gặp Như Lai liền nương theo chơn lý tất cả pháp thiện. Nếu không gặp Như Lai thời không đặng nương chơn lý những pháp thiện. Nếu đặng nghe pháp, luật Như Lai truyền bá rồi nương theo chơn lý các pháp thiện. Nếu không đặng nghe thời không đặng nương theo chơn lý đúng chư pháp thiện.

Đức Phật Ngài mới chế thuyết pháp để vì hạng người như thế. Chư Phíc-khú cũng nên thuyết pháp cho những hạng người khác.

Người tỷ như ba hạng bệnh nhân vẫn có hiện bày trong đời.

87.

* ***Người thân chứng*** *ra sao?* Có người trong đời này tự thân chạm bát giải thoát thành tựu oai nghi và phiền não của người ấy cũng có phần dứt tuyệt do tỏ ngộ bằng tuệ. Như thế gọi là người thân chứng *(kāyasakkhī)*.

* ***Người kiến chí*** *ra sao?* Có người trong đời này vẫn biết theo thật như vầy đây là khổ, biết theo thật như vầy đây là nhân khổ, biết theo thật như vầy đây là diệt khổ, biết theo thật như vầy đây là đường lối thực hành đi đến nơi diệt khổ và tất cả pháp mà Như Lai truyền bá, y đặng hiểu rành bằng tuệ, y khéo tiến hành bằng tuệ và có thứ lậu của y đặng dứt hết bằng tuệ thấy. Như thế gọi là người kiến chí *(diṭṭhipatta)*.

* ***Người tín giải*** *ra sao?* Có người trong đời này biết theo sự thật như vầy: Đây là khổ… tất cả pháp Phật đã truyền bá, y đã nhận thấy, khéo tiến hành rành bằng tuệ, cũng tuyệt dứt lậu phần nào do tuệ tỏ ngộ. Vị nào đặng dứt tuyệt lậu mà bực kiến chí trừ tuyệt, nhưng bực tín giải không thể trừ tuyệt đặng như thế. Như vậy gọi là người tín giải *(saddhāvimutta)*.

88.

∗ ***Người nói ra như phẩn*** *ra sao?* Có người trong đời này ưa nói dối vào nơi nhóm họp đến chốn đông người vào ngay thân tộc, đến nơi quan quyền hoặc đến giữa hoàng tộc bị họ bắt tra, bị họ lấy cớ gạn hỏi như vầy: Này nam tử, ông hiểu như thế nào nên nói như thế ấy, người đó không biết mà nói tôi biết, hoặc biết mà nói không biết, cho đến không thấy nói thấy, hoặc thấy nói không thấy, thành người nói láo. Biết rằng láo như vầy do tại ta hay người khác, hoặc do gặp của chút đỉnh. Như thế gọi là người nói ra như phẩn.

∗ ***Người nói ra như bông*** *ra sao?* Có người trong đời chừa bỏ vọng ngữ, dứt tuyệt xa lìa vọng ngữ, dù đến chốn đông người vào nơi đại chúng, đến tại thân tộc, đến giữa quan quyền hoặc vào nơi hoàng tộc bị họ lấy cớ gạn hỏi như vầy: Này hiền giả, ông biết cách nào nên nói cách ấy. Vị đó nếu không biết nói không biết, nếu biết nói biết, không thấy nói không thấy, thấy nói thấy; không thành người nói láo mà người ta biết mình nói láo với duyên khởi tại ta hay tại người khác, hoặc vì thấy của chút đỉnh. Như thế gọi là người nói như bông.

∗ ***Người nói như mật*** *ra sao?* Có người trong đời này những lời nói đều không sai lỗi, suông tai, để vào tâm ưa thích, thành cách mến của người quê hương, rất nhiều người ưa thích. Như thế gọi là người nói như mật.

89.

∗ ***Người có tâm như mụt ghẻ lở*** *ra sao?* Có người trong đời này thành người ưa sân, ưa cường ngạnh, bị người nói chút đỉnh thì cố chấp lừng lẫy mới hiện cách khác thường, sần sượng hiện bày giận giữ, tính sự hung dữ với cách không vừa lòng, hiện bày như mụt ghẻ lở đụng cây đụng ngói máu mủ chảy nhiều như thế nào thời người ưa sân cường ngạnh, nếu bị ai nói chút đỉnh thì cố chấp lừng lẫy hiện bày bằng cách khác thường, sần sượng nổi sân tính độc ác với cách không thích hiện bày như thế đó. Như thế gọi là người có tâm như ghẻ lở.

∗ ***Người có tâm như điển chớp*** *ra sao?* Có người trong đời này vẫn biết rõ theo chắc thật như vầy: Đây là khổ, rõ biết chắc thật như vầy đây là nhân khổ, rõ biết chắt thật như vầy đây là tiến hành đến diệt khổ, đáng thấy sắc trong khi điển chớp lức giữa đêm tối như thế nào, thì có người trong đời này vẫn biết rõ theo thật như vầy: Đây là khổ, biết theo chắc thật như vầy đây là nhân khổ, biết theo chắc thật như vầy đây là diệt khổ, biết theo chắc thật như vầy đây là điều tiến hành đến diệt khổ. Như thế gọi là người có tâm như điển chớp.

∗ ***Người có tâm như lôi sấm*** *ra sao?* Có người trong đời này tử rõ tột, đã làm cho rõ, đã đến bực tâm giải thoát, tuệ giải thoát, lậu không còn do đã hết tất cả lậu, thành tựu oai nghi đời này tợ ngọc như ý, hoặc nhận thấy những chi không diệt mất là không có. Khi sấm nổ như thế nào thì người trong đời này tự hiểu tột, đã làm cho tỏ, đã đến bực tâm giải thoát, tuệ giải thoát, lậu không còn do đã hết tất cả lậu thành tựu oai nghi hiện đại cũng như thế. Như vậy gọi là người có tâm như lôi sấm.

90.

∗ ***Người mù*** *ra sao?* Người đáng đặng thực phẩm mà ta chưa đặng hoặc làm cho thực phẩm ta đã đặng càng thêm tiến hoá bằng con mắt như thế nào thì con mắt ấy vẫn không có với người trong đời này, người nên biết tất cả pháp thiện và bất thiện biết tất cả pháp có lỗi và không lỗi, biết tất cả pháp hèn hay vi tế, biết tất cả pháp so sánh trắng đen bằng con mắt như thế nào thì con mắt ấy cũng không có với người đó. Như thế gọi là người mù.

∗ ***Người một mắt*** *ra sao?* Người đáng đặng thực phẩm mà ta chưa đặng, hoặc làm cho thực phẩm ta đã đặng càng thêm tiến hoá bằng con mắt như thế nào, con mắt như thế ấy cũng không có với người trong đời này như vậy, người nên biết tất cả pháp thiện và bất thiện, biết tất cả pháp có lỗi và không lỗi, biết tất cả pháp thô hèn và vi tế, biết tất cả pháp so sánh trắng đen bằng con mắt như thế nào thì con mắt như thế ấy cũng không có với người như thế. Như vậy gọi là người một mắt.

∗ ***Người lưỡng nhãn*** *ra sao?* Người đáng đặng thực phẩm mà ta chưa đặng, hoặc làm cho thực phẩm ta đã đặng càng thêm tiến hoá bằng con mắt như thế nào thì con mắt như thế ấy cũng có với người trong đời này, người hiểu biết tất cả pháp thiện và bất thiện, thấy tất cả pháp có lỗi và không lỗi, thấy tất cả pháp thô hèn và vi tế, biết tất cả pháp tỷ dụ trắng đen bằng con mắt như thế nào thì con mắt như thế này cũng vẫn có với người đó. Như thế gọi là người lưỡng nhãn.

91.

∗ ***Người có tuệ như nồi úp*** *ra sao?*

Có người trong đời này thường đến chùa nghe pháp với chư Tăng, mà chư Tăng thuyết trước sau chặng giữa đều hay, đầy đủ ý nghĩa văn chương cho người ấy nghe và bố cáo tịnh hạnh đầy đủ hoàn toàn trong sạch. Nhưng người ấy tại trong lúc ngồi cho đến khi ra khỏi đều không lưu ý với pháp hay, cả trước sau và chặng giữa. Chẳng khác chi họ đổ nước trên nồi úp vẫn chạt tuông xuống không đặng chứa như thế nào. Thì cũng như có người trong đời này thường đến chùa nghe pháp với chư Tăng mà chư Tăng thuyết trước sau chặng giữa đều hay, ý nghĩa văn chương đầy đủ, luôn trình bày tịnh hạnh hoàn toàn trong sạch.

Còn người ấy từ lúc ngồi tại chỗ cho đến khi đứng đi ra khỏi cũng chẳng lưu tâm chú ý trước sau chặng giữa những pháp thuyết hay. Như thế gọi là người có tuệ như nồi úp.

∗ ***Người có tuệ như lưỡi gươm*** *ra sao?* Có người trong đời này thường đến chùa nghe pháp với chư Tăng, chư Phíc-khú thuyết pháp trước sau chặng giữa đều hay, đầy đủ nghĩa lý văn chương. Vẫn tuyên bố tịnh hạnh đầy đủ hoàn toàn, người ấy khi đang ngồi để ý trước sau và chặng giữa mà khi đi khỏi chỗ ngồi không còn để ý trước sau chặng giữa hay những lời chi. Cũng như các thứ nhai như răng tượng, gạo sống, bánh tét, trái táo bỏ ngổn ngang trên gươm của nam tử. Khi y giật mình chờ dậy khỏi chỗ mới tản lạc ra như thế nào, thì có người trong đời này thường đến chùa nghe pháp với chư Tăng, chư Phíc-khú thuyết pháp trước sau chặng giữa đều hay, đầy đủ nghĩa lý văn chương. Vẫn tuyên bố tịnh hạnh đầy đủ hoàn toàn, người ấy đang ngồi để ý trước sau và chặng giữa mà khi đi khỏi chỗ ngồi rồi không còn để ý trước sau và chặng giữa hay những lời chi. Như thế gọi là người có tuệ như lưỡi gươm.

∗ ***Người đa trí*** *ra sao?* Có người trong đời này thường đến chùa nghe pháp với chư Tăng, chư Phíc-khú thuyết pháp trước sau và chặng giữa đều hay, đầy đủ nghĩa lý văn chương cho người đó. Vẫn bố cáo phạm hạnh trong sạch hoàn toàn đầy đủ, người đó khi đang ngồi nơi chỗ vẫn lưu ý hoặc ban đầu, hoặc chặng giữa hay là đoạn chót. Nhưng sau khi chờ dậy khỏi chỗ cũng chú ý đoạn trước hoặc đoạn giữa, hoặc đoạn chót của lời nói đó như nước họ đổ chứa trong nồi để ngữa, vẫn chứa để không chảy ra như thế nào thì có người trong đời này thường đến chùa nghe pháp với chư Tăng, chư Phíc-khú thuyết pháp hay luôn chặng trước, chặng giữa và chặng sau đầy đủ nghĩa lý văn chương cho người đó. Vẫn tuyên bố phạm hạnh thanh tịnh hoàn toàn đầy đủ. Khi y ngồi nơi chỗ vẫn lưu ý đoạn trước, đoạn giữa và đoạn sau của lời nói đó. Đến khi

chờ dậy khỏi chỗ cũng chăm chú đoạn trước, đoạn giữa và đoạn sau của bài đó. Như thế gọi là người đa trí.

92.

* ***Người chưa xa lìa dục ái, hữu ái** ra sao?* Bực nhập lưu và thánh Nhất lai đều gọi là người còn ái dục trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.
* ***Người xa lìa dục ái mà chưa xa lìa hữu ái** ra sao?* Bực Bất lai gọi là người không còn ái dục nơi cõi Dục giới mà còn ái nơi cõi Sắc giới và Vô sắc giới.
* ***Người xa lìa cả dục ái và hữu ái** ra sao?* Bực Alahán gọi là người xa lìa dục ái cõi Dục giới luôn cõi Sắc giới và Vô sắc giới.

93.

* ***Người như lằn khắc trong đá** ra sao?* Có người trong đời này thường hay sân và sự sân của y hằng ngấm ngầm rất lâu như lằn chạm trong đá không dễ phai mờ do gió hoặc nước thành thứ còn lâu như thế nào thì có người trong đời này sân thường hoài và sự giận của y hằng ngấm ngầm theo rất lâu, như thế gọi là người tợ lằn khắc trong đá.
* ***Người như lằn gạch trên đất** ra sao?* Có người trong đời này thường hay sân, nhưng cách sân của y ngấm ngầm không lâu tợ lằn gạch trên đất dễ chùi dễ phai do nước và gió, không còn đặng lâu như thế nào thì có người trong đời này thường hay sân nhưng cách sân của y ngấm ngầm không lâu. Như thế gọi là người như lằn gạch trên đất.
* ***Người như lằn gạch trên nước** ra sao?* Có người trong đời này bị người nói lời thô bỉ, dù bằng lời nói thô lỗ hay lời nói không vừa ý cũng vẫn còn khắn khít nhau, còn liên lạc nhau, còn ưa nhau, tợ như lằn gạch trên nước lấp phai rất dễ không còn lâu như thế nào, thì có người trong đời này bị người nói nặng cho đến thô lỗ, lời không vừa lòng cũng vẫn còn khắn khít, cũng vẫn còn liên lạc, cũng còn ưa nhau, như thế gọi là người như lằn gạch trên nước.

***Tam chủng vải bố** ra sao?*

94.

Vải bố có ba thứ như là:

- Vải bố mới màu không tốt, bận mặc không thích hợp (và giá rẻ).
- Vải bố nữa sạt màu không tốt, bận mặc không thích hợp (và giá rẻ).
- Vải bố cũ màu không tốt, bận mặc không thích hợp (và giá rẻ).

Tất cả những người dùng vải bố nữa sạt hoặc làm nùi giẻ chùi nồi cơm, đem vải quá củ bỏ đi hoặc thẩy đóng rác.

95. ***Tam chủng nhân như vải bố** ra sao?*

* Ba hạng người tỷ như vải bố vẫn có hiện bày trong chư Phíc-khú.

Tam chủng nhân như vải bố

Dù cho tân Phíc-khú thành người phá giới và có pháp tội lỗi chẳng khác nào vải mới mà màu không tốt, bởi vì người ấy có danh tiếng xấu ai tìm tòi hội hiệp gần gũi vẫn theo cách người ấy, lối giao kiết đó có thể không lợi ích chi mà còn khổ đến cho những người đó rất lâu dài chẳng khác chi vải bố bận mặc không thích hợp, đụng chạm vào thân luôn luôn khổ. Bởi vì vị ấy đắp y, trì bình nương ở, dùng thuốc, các vật dụng mà thọ của người nào thì thí chủ đó không đặng nhiều quả phúc.

Vải bố rẻ như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.

Dù cho Phíc-khú bậc trung tọa hay là Phíc-khú bậc thượng tọa mà thành người thiếu giới, có pháp ác xấu thì cũng như vải bố màu chẳng tốt vậy. Bởi vì vị ấy có danh tiếng xấu, ai tìm tòi hội hiệp gần gũi vẫn theo cách người ấy, lối giao kiết đó không lợi ích chi mà còn khổ đến những người đó rất lâu dài, chẳng khác chi vải bố bận mặc không thích hợp đụng chạm vào thân luôn luôn khổ do vị ấy đắp y, trì bình, nương ở, dùng thuốc, các vật dụng mà của người nào thì thí chủ đó không đặng nhiều quả phúc, vải bố rẻ như thế nào thì người ấy cũng như thế đó. Bởi do vị ấy có danh tiếng xấu. Nếu mà bực trưởng thượng thấy như thế sẽ trình bày giữa Tăng chúng, không khỏi các Phíc-khú ấy sẽ nói với bậc trưởng thượng đó như vầy: Ngài là người ngu si nói có lợi ích chi, dù ngài cho rằng đáng nói. Khi ấy bậc trưởng thượng đó liền trình bày lối nguyên nhân cho chư Tăng trục xuất. Chẳng khác chi vải bố vẫn có hiện bày trong chư Phíc-khú.

Tam chủng nhiễu đô thành Kāsī *ra sao?*

96. 3 hạng nhiễu đô thành Kāsī như là:
- Nhiễu đô thành Kāsī thứ mới màu tốt, bận mặc khỏe sướng và giá cao.
- Nhiễu đô thành Kāsī nữa sạt màu còn tốt, bận mặc khỏe sướng và giá mắc.
- Nhiễu đô thành Kāsī cũ màu cũng tốt, bận mặc cũng khỏe sướng và giá cả cũng còn cao.

Phần nhiều người dùng nhiễu đô thành Kāsī cũ đem gói ngọc báu, hoặc cất vải tơ trong tủ để đồ thơm.

97.

Tam chủng nhân như nhiễu đô thành Kāsī nhóm này hẳn có trong Tăng như thế.

Tam chủng nhân nhân như nhiễu đô thành Kāsī *ra sao?*

Như là tân Phíc-khú có giới đức, có pháp tốt đẹp, chẳng khác nào như nhiễu đô thành Kāsī ấy có màu tốt đẹp. Bởi vì vị ấy có danh tiếng tốt, ai tìm hội hiệp gặp gỡ gần gũi vẫn theo cách người ấy, lối giao kiết ấy có lợi ích đặng an vui lâu dài cho người đó, chẳng khác chi nhiễu đô thành Kāsī bận mặc thích hợp, đụng chạm vào thân vui sướng. Bởi vì vị ấy đắp y, trì bình, nương ở, dùng thuốc, các vật dụng mà thọ của người nào thì thí chủ đó đặng nhiều quả phúc. Vải đô thành Kāsī giá cao như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.

Dù cho Phíc-khú bậc trung tọa, hay là Phíc-khú bậc thượng tọa mà thành người có giới đức, có pháp tốt, thời cũng như nhiễu đô thành Kāsī màu tốt vậy. Bởi vì vị đó có danh tiếng tốt, ai hội hiệp gặp gỡ gần gũi theo cách người ấy, lối kiết giao đó có nhiều lợi ích mà còn an lạc đến những người đó rất lâu dài, chẳng khác chi nhiễu đô thành Kāsī bận mặc thích hợp, đụng chạm vào thân khỏe sướng. Do vị ấy đắp y, trì bình, nương ở, dùng thuốc, các vật dụng mà của người nào thì thí chủ đó đặng nhiều quả phúc. Nhiễu đô thành Kāsī giá mắc như thế nào thì người ấy cũng như thế đó. Bởi vì vị ấy có danh tiếng tốt. Nếu mà bậc trưởng thượng thấy như thế đó mới trình bày giữa Tăng chúng. Chư Tỷ Kheo mới nói: Này chư Đại Đức, xin vắng tiếng êm lời, vì lời nói của vị trưởng lão đây đúng pháp luật nên cất để vào lòng. Như thế tỷ như nhiễu đô thành Kāsī cất vào tủ để đồ thơm.

Tam chủng nhân như nhiễu đô thành Kāsī vẫn hiện bày trong Tăng chúng.

98.

∗ ***Người ước lượng dễ** ra sao?* Có người trong đời này là người lao chao, ngã mạn, lừng lên như cỏ năng, tráo trở, mạnh miệng nói bừa bãi (không suy xét lời nói), rối loạn thất chánh niệm, thiếu lương tri, tâm không vững, mong mỏi sai, có lục quyền lơ lỏng. Như thế gọi là người dễ ước lượng.

∗ ***Người khó ước lượng** ra sao?* Có người trong đời này là người không lao chao, không ngã mạn, không lừng lên như cỏ năng, không nói tráo trở, thành người không nói lướt, không nói bừa bãi, có chánh niệm vững vàng, đủ lương tri, có tâm đình trụ đặng tâm yên tịnh, thu thúc lục quyền. Như thế gọi là người khó ước lượng.

∗ ***Người vô ước lượng** ra sao?* Có người trong đời này đã tự hiểu tột, đặng đến rồi, thành bực tịnh giải thoát, tuệ giải thoát, lậu không còn do đã dứt tất cả lậu, thành tựu oai nghi hiện đại. Như thế gọi là người vô ước lượng.

99.

∗ ***Người không nên tìm gặp, hội hiệp, gần gũi** ra sao?* Có hạng trong đời này là người hoại giới, xa lìa tịnh tuệ, người hiện bày như thế không nên hội hiệp, chẳng đáng gặp gỡ, chớ gần gũi, đáng bỏ qua sự chiếu cố, bỏ qua sự tế độ họ.

∗ ***Người nên hội hiệp, gặp gỡ, gần gũi** ra sao?*

Có người trong đời này thành người giới đồng, luôn cả tịnh tuệ. Thấy rõ người như thế nên hội hiệp, tìm kiếm và gần gũi. Điều ấy tại sao? Bởi vì giới hạnh chư hiền triết đến bực giới đồng sẽ có cho chúng ta luôn nết hạnh đó sẽ thành cho chúng ta và nết hạnh đó sẽ hiện hành đến chúng ấy (tức là không nóng nảy). Bài kinh Chú tịnh lự của các hàng triết sĩ là hạnh đầy đủ tịnh tuệ sẽ có đến chúng ta. Những kinh Chú tịnh lự ấy thành tựu sự an vui đến chúng ta và kinh chú ấy sẽ hiện hành cho chúng ta (sau này không nóng nảy).

Kinh Chú Tuệ của chư hiền triết hạng đầy đủ tuệ sẽ đến chúng ta, mà kinh chú tuệ đó sẽ thành sự an lạc cho tất cả chúng ta và lời chú nguyện ấy sẽ hiện hành đến chúng ta (tức là sẽ không nóng nảy), người đang hiện bày như thế đáng hội hiệp, gặp gỡ, gần gũi.

∗ ***Người đáng cúng dâng, hội hiệp, gặp gỡ và gần gũi** ra sao?*

Có người trong đời này là người giới tột, tịnh tuệ thấy rõ hiện tại, đáng cung kỉnh cúng dường, hội hiệp, gặp gỡ, gần gũi. Điều ấy tại sao? Bởi vì chúng ta sẽ đặng trao dồi những giới chưa đầy đủ đặng đầy đủ. Hoặc chúng ta sẽ trì phần giới đầy đủ luôn tuệ nơi các chỗ. Ta sẽ trao dồi phần tịnh chưa đầy đủ cho đầy đủ. Hoặc ta thọ trì tịnh chỗ đầy giới, tuệ theo mọi nơi.

Chúng ta sẽ đặng trao dồi phần trí tuệ chưa đầy đủ đặng đầy đủ. Hoặc chúng ta thọ trì những trí tuệ đầy đủ cho đặng phổ cập. Bởi vậy, người thấy rõ như thế mới đáng cung kỉnh, cúng dâng, hội hiệp, gặp gỡ và gần gũi.

100.

∗ ***Người đáng ố không nên hội hiệp, gặp gỡ và gần gũi** ra sao?*

Có người trong đời này là kẻ thiếu giới, có pháp tội lỗi, người hiệp với nhất là thân nghiệp không trong sạch và có thói quen mà người khác hoặc ta để ý dè dặt tránh, người có chuyện khuất lấp, người không thành Sa môn mà tuyên thệ là Sa môn, chẳng phải người phạm hạnh mà tuyên thệ là phạm hạnh, người hôi thúi ở bên trong, người ái dục dồi dào, người rộn ràng, người rõ thấy như thế đáng gớm không nên hội hiệp, không nên gặp gỡ, không nên gần gũi. Điều ấy tại sao? Bởi vì ai gặp gỡ dù không theo

cách người ấy nhưng sự vật ô uế cũng vẫn bay đến người gặp đó là người có bạn xấu, có bè bạn xấu.

Gặp người xấu tỷ như rắn dính phẫn, mặt dù không cắn người đó nhưng đụng người ấy vẫn nhơ uế. Dù cho người gặp sẽ không theo cách, nhưng thói quen ô uế vẫn bay đến người thì thành kẻ có bạn xấu vì gặp người xấu. Bởi do thấy rõ như thế đáng gớm ghê không nên hội hiệp, gặp gỡ, gần gũi.

* ***Người nên đối như thường chẳng nên hội hiệp, gặp gỡ, gần gũi*** *ra sao?*

Có người trong đời này ưa sân, đa oán giận, bị người nói dù ít oi cũng vẫn chấp lừng lẫy liền hiện bày sần sượng khác thường, bày ra hờn giận, tính dữ dằn và sự không vừa ý hiện ra như ghẻ lở đụng cây hay ngói máu mủ chảy tuông như thế nào thì người ưa sân, đa oán giận bị kẻ khác nói dù ít oi thì cũng vẫn chấp lừng lẫy liền hiện sần sượng khác thường, bày ra hờn giận, tính dữ dằn và sự không vừa ý hiện ra cũng như thế đó.

Lá cây thị khô đụng cây hoặc ngói thì khua tiếng ào ào hơn thường thế nào, thì người trong đời này ưa sân, đa oán giận bị kẻ khác nói dù ít oi cũng vẫn lừng lẫy liền hiện bày sần sượng khác thường, bày ra hờn giận, tính dữ dằn và sự không vừa ý hiện ra cũng như thế đó.

Vũng sâu bị cây hoặc ngói rớt xuống thời có hơi hôi hơn thường như thế nào thì trong đời này có người ưa sân, đa oán giận, bị kẻ khác nói ít cũng vẫn lừng lẫy liền hiện bày sần sượng khác thường, bày ra hờn giận, tính dữ dằn và sự không vừa ý liền hiện ra như thế đó.

Thấy người như thế ta nên coi thường, không nên hội hiệp, gặp gỡ, gần gũi. Bởi tại sao? Vì họ cũng có thể nhiếc ta, phê bình ta, hoặc sẽ làm cho ta tàn hại, bởi thế đó người thấy như vậy mới như thường không nên hội hiệp, gặp gỡ, gần gũi.

* ***Người đáng hội hiệp, gặp gỡ, gần gũi*** *ra sao?* Có người trong đời này, bậc có giới đức, có pháp quý, người thấy rõ như thế nên hội hiệp, gặp gỡ, gần gũi. Điều đó bởi tại sao? Vì rằng dù cho người gặp sẽ không theo cách người như thế nhưng tập quán tốt của người ấy vẫn bay đến người gặp gỡ thì thành người trượng phu, có bè bạn tốt, gặp người tốt; thấy như vậy ta nên hội hiệp, gặp gỡ, gần gũi.

101.

* ***Người thường làm cho giới đầy đủ, tịnh vừa thích hợp, tuệ vừa đúng*** *ra sao?* Bực Dự lưu và bực Nhứt lai là bực hằng làm cho đầy đủ giới và tịnh tuệ vừa vặn.

* ***Người thường làm cho giới tịnh đầy đủ và tuệ cũng vừa chừng*** *ra sao?* Bực Bất lai gọi là bực thường làm cho giới tịnh hằng đầy đủ và tuệ vừa chừng.

* ***Người giới, tịnh, tuệ hằng đầy đủ*** *ra sao?* Bực A La-hán gọi là người hằng đầy đủ giới, tịnh, tuệ.

102.

Tam chủng giáo chủ *ra sao?*

- Bực giáo chủ trong đời này, có vị chế định cách trừ dục nhưng không định đặt cách trừ sắc và không chế định cách trừ thọ.
- Bực giáo chủ trong đời này, có vị chế định cách trừ dục và trừ sắc, nhưng không chế định cách trừ thọ.
- Bực giáo chủ trong đời này, có vị chế định cách trừ dục, trừ sắc và trừ thọ luôn hết.

Cả ba bực giáo chủ mà bực nào chế định cách trừ dục nhưng không chế định cách trừ sắc và trừ thọ, nên nhận thấy rằng vị giáo chủ đó đắc thiền sắc giới theo cách chế định đó.

Vị giáo chủ nào chế định cách trừ dục và trừ sắc mà không chế định cách trừ thọ, nên nhận thấy rằng vị giáo chủ đó là bực đắc thiền Vô sắc giới theo cách chế định ấy.

Còn vị giáo chủ nào chế định cách trừ dục, trừ sắc và trừ thọ luôn, vị giáo chủ đó là bực Toàn giác theo lối chế định ấy.

Như thế gọi là tam chủng giáo chủ.

103.

***Tam chủng giáo chủ khác nữa** ra sao?*

- Trong đời có bực giáo chủ chế định chơn ngã trường tồn đời này và đời sau.
- Có bực giáo chủ chế định chơn ngã trường tồn chỉ trong đời nầy, không cho rằng chơn ngã trường tồn đến đời sau.
- Cũng có bực giáo chủ không định đặt chơn ngã trường tồn trong đời này và cũng không định đặt chơn ngã trường tồn luôn đời sau.

Trong ba bực giáo chủ đã kể mà bực giáo chủ định đặt chơn ngã trường tồn đời này và đời sau là giáo chủ hạng thường kiến.

Còn bực giáo chủ chế định chơn ngã trường tồn đời này nhưng không chế định chơn ngã trường tồn đến đời sau là bực giáo chủ chấp theo đoạn kiến.

Còn bực giáo chủ không chế định chơn ngã trường tồn trong đời này và cũng không chế định chơn ngã trường tồn cho đời sau. Bực giáo chủ như thế là ngôi Toàn giác.

Như thế gọi là tam chủng giáo chủ khác nữa.

Dứt Xiển minh phần tam

Xiển minh phần tứ

Tứ chủng nhân

104.

* ***Người phi hiền triết** ra sao?* Có người trong đời này là kẻ sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, dể duôi dùng rượu và các chất say. Như thế gọi là người phi hiền triết.
* ***Người phi hiền triết hơn phi hiền triết** ra sao?* Có người trong đời này tự sát sanh và dạy người sát sanh. Tự trộm cướp và dạy người trộm cướp. Tự tà dâm và dạy người tà dâm. Tự vọng ngữ và dạy người vọng ngữ. Tự dể duôi dùng rượu các chất say và dạy người khác dể duôi dùng rượu và các chất say. Như thế gọi là người phi hiền triết hơn phi hiền triết.
* ***Người hiền triết** ra sao?* Có người trong đời này chừa bỏ tuyệt sát sanh, chừa bỏ tuyệt trộm cướp, chừa bỏ tuyệt tà dâm, chừa bỏ tuyệt vọng ngữ, chừa bỏ tuyệt dể duôi uống rượu và các chất say. Như thế gọi là người hiền triết.
* ***Người hiền triết hơn hiền triết** ra sao?* Có người trong đời này là bực tự chừa bỏ tuyệt sát sanh và dạy người khác chừa bỏ tuyệt sát sanh. Tự chừa bỏ tuyệt trộm cướp và dạy người khác chừa bỏ tuyệt trộm cướp. Tự chừa bỏ tuyệt tà dâm và dạy người khác chừa bỏ tuyệt tà dâm. Tự chừa bỏ tuyệt vọng ngữ và dạy người khác từ bỏ tuyệt vọng ngữ. Tự chừa bỏ tuyệt dể duôi dùng rượu và các chất say và dạy người khác chừa

bỏ tuyệt dể duôi dùng rượu và các chất say. Như thế gọi là người hiền triết hơn hiền triết.

105.

* ***Người tội lỗi*** *ra sao?* Có người trong đời này là kẻ sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham ác, sân độc, tà kiến ác. Như thế gọi là người tội lỗi.

* ***Người tội lỗi quá tội lỗi*** *ra sao?* Có người trong đời này tự mình sát sanh và dạy người khác sát sanh. Tự mình trộm cướp và dạy người khác trộm cướp. Tự mình tà dâm và dạy người khác tà dâm. Tự mình vọng ngôn và dạy người khác vọng ngôn. Tự mình lưỡng thiệt và dạy người khác lưỡng thiệt. Tự mình ác khẩu và dạy người khác ác khẩu. Tự mình ỷ ngữ và dạy người khác ỷ ngữ. Tự mình tham ác và dạy người khác tham ác. Tự mình sân độc và dạy người khác sân độc. Tự mình tà kiến ác và dạy người khác tà kiến ác. Như thế gọi là người tội lỗi quá tội lỗi.

* ***Người lương thiện*** *ra sao?* Có người trong đời này là bực chừa bỏ sát sanh, chừa bỏ trộm cướp, chừa bỏ tà dâm, chừa bỏ vọng ngôn, chừa bỏ lưỡng thiệt, chừa bỏ ác khẩu, chừa bỏ ỷ ngữ, chừa bỏ tham ác, chừa bỏ sân độc, chừa bỏ tà kiến ác. Như thế gọi là người lương thiện *(kalyāṇa).*

* ***Người lương thiện hơn lương thiện*** *ra sao?* Có người trong đời này bực tránh xa sự sát sanh và dạy người khác chừa bỏ sát sanh. Tự tránh xa trộm cướp và dạy người khác chừa bỏ trộm cướp. Tự tránh xa tà dâm và dạy người khác chừa bỏ tà dâm. Tự tránh xa vọng ngôn và dạy người khác chừa bỏ vọng ngôn. Tự tránh xa lưỡng thiệt và dạy người khác chừa bỏ lưỡng thiệt. Tự tránh xa ác khẩu và dạy người khác chừa bỏ ác khẩu. Tự tránh xa ỷ ngữ và dạy người khác chừa bỏ ỷ ngữ. Tự tránh xa tham ác và dạy người khác chừa bỏ tham ác. Tự tránh xa sân độc và dạy người khác chừa bỏ sân độc. Tự tránh xa tà kiến ác và dạy người khác chừa bỏ tà kiến ác. Như thế gọi là người lương thiện hơn lương thiện *(puggala kalyāṇena kalyāṇataro).*

106.

* ***Người có pháp tội lỗi*** *ra sao?* Có người trong đời này là kẻ sát sanh… trộm cướp…tà kiến ác… nhận thấy trật ra ngoài đường lối pháp (giáo chỉ). Như thế gọi là người có pháp tội lỗi.

* ***Người có pháp tội lỗi quá tội lỗi*** *ra sao?* Có người trong đời này tự sát sanh và dạy người khác sát sanh. Tự trộm cướp và dạy người khác trộm cướp. Tự tà kiến ác và dạy người khác tà kiến ác. Như thế gọi là người có pháp tội lỗi quá tội lỗi.

* ***Người có pháp lương thiện*** *ra sao?* Có người trong đời này là bực tránh xa sự sát sanh, xa lìa trộm cướp…có chánh kiến, nhận thấy đúng theo đường lối pháp (giáo chỉ). Như thế gọi là người có pháp lương thiện *(puggala kalyāṇadhamma).*

* ***Người có pháp lương thiện hơn lương thiện*** *ra sao?* Có người trong đời này tự xa lìa sự sát sanh và dạy người khác chừa bỏ sự sát sanh….Tự mình đặng chánh kiến và dạy người khác cho đặng chánh kiến. Như thế gọi là người có pháp lương thiện hơn lương thiện *(puggala kalyāṇadhammena kalyāṇadhammataro).*

107.

* ***Người tội lỗi*** *ra sao?* Có người trong đời này là kẻ có thân nghiệp hiệp theo tội lỗi, khẩu nghiệp hiệp theo tội lỗi, ý nghiệp hiệp theo tội lỗi. Như thế gọi là người tội lỗi.

∗ ***Người đa tội lỗi** ra sao?* Có người trong đời này là kẻ có thân nghiệp hiệp theo nhiều tội lỗi, khẩu nghiệp hiệp theo nhiều tội lỗi và ý nghiệp hiệp theo nhiều tội lỗi. Như thế gọi là người đa tội lỗi *(puggalo sāvajjabahulo).*

∗ ***Người ít tội lỗi** ra sao?* Có người trong đời này có thân nghiệp ít hiệp theo tội lỗi, khẩu nghiệp ít hiệp theo tội lỗi và ý nghiệp ít hiệp theo tội lỗi. Như thế gọi là người ít tội lỗi *(puggala appasāvajja).*

∗ ***Người không tội lỗi** ra sao?* Có người trong đời này là bực có thân nghiệp không hiệp theo tội lỗi, khẩu nghiệp không hiệp theo tội lỗi và ý nghiệp cũng không hiệp theo tội lỗi. Như thế gọi là người không tội lỗi ***(puggala anavajja).***

108.

∗ ***Người tỏ ngộ đầu đề** ra sao?* Bực mà đắc đạo quả khi ngài vừa mở đầu đề. Như thế gọi là người tỏ ngộ đầu đề.

∗ ***Người tỏ ngộ xiển minh** ra sao?* Bực nào đắc đạo quả khi ngài phân lời hẹp ra rộng. Như thế gọi là người tỏ ngộ xiển minh.

∗ ***Người đáng tiếp độ** ra sao?* Vị nào đắc đạo quả từ từ theo từng bực bằng cách do nhân như là bằng cách xiển thuật, bằng cách hỏi, bằng cách tác ý khéo, bằng cách hội hiệp, bằng cách gặp gỡ, bằng cách thân thiện với bạn tốt. Như thế gọi là người đáng tiếp độ *(puggalo neyyo).*

∗ ***Người văn học cao siêu** ra sao?* Người nào nghe Phật ngôn nhiều, tường thuật cũng nhiều, nhớ cũng nhiều, giáo huấn cũng nhiều nhưng không đắc đạo quả đời đó. Như thế gọi là người văn học cao siêu *(puggala padaparama).*

109.

∗ ***Người đáp trúng mà không mau lẹ** ra sao?* Có người trong đời này bị hỏi đáp trúng nhưng không mau lẹ. Như thế gọi là người đáp trúng nhưng không mau lẹ.

∗ ***Người đáp lẹ mà không trúng** ra sao?* Có người trong đời này bị hỏi đáp lại rất lẹ nhưng không trúng. Như thế gọi là người đáp lẹ nhưng không trúng.

∗ ***Người đáp lẹ và trúng** ra sao?* Có người trong đời này bị hỏi giải đáp trúng và mau lẹ. Như thế gọi là người đáp lẹ và trúng.

∗ ***Người đáp không trúng và không lẹ** ra sao?* Có người trong đời này bị người hỏi, giải đáp không trúng và không lẹ. Như thế gọi là người đáp không trúng và không lẹ.

110.

***Tứ chủng pháp sư** ra sao?*

- Có bực pháp sư trong đời này thuyết nhiều mà không hợp sự lợi ích và nội hội cũng không nhận rõ lời ấy lợi ích hay chăng. Pháp sư như thế không gọi là pháp sư nội hội.
- Trong đời này cũng có pháp sư thuyết ít mà có hợp theo lợi ích và trong nội hội nhận rõ rằng lời ấy thích hợp theo lợi ích hoặc không lợi ích. Pháp sư như thế đáng kể là pháp sư nội hội
- Trong đời này cũng có bực pháp sư thuyết nhiều mà không hợp sự lợi ích và nội hội cũng không nhận rõ lời nói ấy lợi ích cùng chăng. Pháp sư như thế chỉ tạm gọi là pháp sư nội hội.

- Trong đời này còn có bực pháp sư thuyết nhiều và nói có lợi ích, luôn người nghe cũng nhận hiểu rõ lời ấy hiệp theo đáng lợi ích hoặc không hiệp theo đáng lợi ích. Pháp sư như thế mới thật đáng là pháp sư trong nội hội.

Những thế gọi là tứ chủng pháp sư.

Người tỷ như mưa có bốn *ra sao?*

111.

Tứ chủng mưa *ra sao?*

- Chuyển gầm mà không mưa.
- Mưa mà không chuyển gầm.
- Chuyển gầm và mưa.
- Không chuyển gầm và không mưa.

112.

Người như bốn cách mưa có hiện bày trong đời như thế.

Tứ chủng nhân như mưa *ra sao?* Người như chuyển gầm và không mưa, người như mưa mà không chuyển gầm, người như chuyển gầm và mưa, người như không chuyển gầm và không mưa.

- ***Người như chuyển gầm mà không mưa*** *ra sao?* Có người trong đời này nói nhưng không làm, như thế gọi là người như chuyển gầm mà không mưa. Cách chuyển gầm mà không mưa như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.
- ***Người như mưa mà không chuyển gầm*** *ra sao?* Có người trong đời này không nói mà làm. Như thế là người như mưa mà không chuyển gầm. Trời mưa mà không chuyển gầm như thế nào thì người ấy cũng như thế đó
- ***Người như chuyển gầm và mưa*** *ra sao?* Có người trong đời này hễ nói thì làm. Như thế gọi là người như chuyển gầm và mưa. Trời chuyển gầm và mưa như thế nào thì người đó cũng như thế ấy.
- ***Người như không chuyển gầm và không mưa*** *ra sao?* Có người trong đời này không nói và cũng không làm. Thế đó gọi là người như không chuyển gầm và cũng không mưa. Trời không chuyển gầm và cũng không mưa như thế nào thì người đó cũng như thế ấy.

Người như bốn cách mưa hẳn có trong đời.

Người như chuột có bốn *ra sao?*

113.

Bốn thứ chuột như là:

- Chuột đào hang mà không ở,
- Chuột nương ở mà không đào hang,
- Chuột đào hang và ở,
- Chuột không đào hang và cũng không ở.

114.

Người giống như bốn thứ chuột hẳn có trong đời này

Người như bốn thứ chuột *ra sao?* Người tạo chỗ ở mà không ở, người nương ở mà không tạo chỗ ở, người làm chỗ ở và cũng ở luôn, người không làm chỗ ở và cũng không nương ở.

- ***Người tạo chỗ ở mà không ở*** *ra sao?* Có người trong đời này đặng học pháp như là: Khế kinh *(sutta),* Trùng tụng *(kheyya),* Văn pháp *(veyyākaraṇa),* Tác phúng tụng *(gathā),* Tự thuyết *(udāna),* Bổn sự *(itivuttaka),* Bổn sanh *(jātaka),* Vị tằng hữu

(abbhūtadhamma), Phương quảng *(vedalla).* Nhưng người đó không biết theo sự thật như vầy: Đây là khổ, đây là tập khổ, thế là diệt khổ, lối tiến hành đi đến chỗ diệt khổ. Chuột làm ổ mà không ở như thế nào thì người đó cũng như thế ấy.

- ***Người nương ở mà không làm chỗ ở** ra sao?* Có người trong đời này không học pháp như là khế kinh, trùng tụng, văn pháp, tác phúng tụng, tự thuyết, bổn sự, bổn sanh, vị tằng hữu, phương quảng. Nhưng người ấy biết chắc thật như vầy: Đây là khổ, đây là tập khổ, đây là diệt khổ, đây là đường lối tiến hành đến diệt khổ. Như thế gọi là người ở mà không làm chỗ ở. Chuột ở mà không làm chỗ như thế nào thì người đó cũng như thế ấy.
- ***Người làm chỗ và ở luôn** ra sao?* Có người trong đời này học pháp như là: Khế kinh, trùng tụng, văn pháp, tác phúng tụng, tự thuyết, bổn sự, bổn sanh, vị tằng hữu, phương quảng, người đó vẫn biết theo thật như vầy: Đây là khổ, đây là tập khổ, đây là diệt khổ, biết đường lối tiến hành đến diệt khổ. Như thế gọi là người làm chỗ ở và ở luôn. Chuột ở và làm chỗ ở như thế nào, thì người ấy cũng như thế đó.
- ***Người không ở và không làm chỗ ở** ra sao?* Có người trong đời này không học pháp như là: Khế kinh, trùng tụng, văn pháp, tác phúng tụng, tự thuyết, bổn sự, bổn sanh, vị tằng hữu, phương quảng và người đó cũng không biết theo sự thật như vầy: Đây là khổ, đây là tập khổ, đây là diệt khổ, đây là đường lối tiến hành đưa đến diệt khổ. Như thế gọi là người không làm chỗ và cũng không ở. Chuột không ở và cũng không làm chỗ ở như thế nào thì người đó cũng như thế ấy.

  Người như bốn thứ chuột đã nói đây có hiện bày trong đời này.

***Người như bốn thứ xoài** ra sao?*

115.

Bốn thứ xoài:
- Xoài sống mà có màu da chín.
- Xoài chín mà màu da như sống.
- Xoài sống mà màu da cũng sống
- Xoài chín, màu da đều chín.

116.

Người như bốn thứ xoài vẫn có hiện bày trong đời.

***Bốn hạng người như xoài** ra sao?* Người tỷ như xoài sống mà màu da chín, người tỷ như xoài chín mà màu da sống, người tỷ như xoài sống và màu da cũng sống, người tỷ như xoài chín màu da đều chín.

- ***Người như xoài sống mà màu da chín** ra sao?* Có người trong đời này, cách đi tới đi lui, ngó ngay day qua xoay lại, co lên bước xuống, mặc y ôm bát đáng cung kỉnh. Nhưng người ấy không biết theo sự thật như vầy: Đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là đường lối tiến hành đến diệt khổ, người như thế gọi là người như xoài sống mà màu da chín. Xoài sống mà màu da chín như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.
- ***Người như xoài chín mà màu da sống** ra sao?* Có người trong đời này, cách đi tới đi lui, ngó thẳng tới, ngó bên trái bên mặt, co lên bước xuống, đắp y mang bát không đáng cung kỉnh. Nhưng người ấy biết theo sự thật như vầy: Đây là khổ, đây là tập khổ, đây là diệt khổ, đây là đường lối tiến hành đưa đến diệt khổ, người như

thế chẳng khác chi xoài chín màu da sống. Xoài chín màu da sống như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.

- ***Người như xoài sống và màu da sống*** *ra sao?* Có người trong đời này, cách bước tới bước lui, ngó ngay, xem bên trái bên mặt, co lên bước xuống, đắp y mang bát không đáng kính trọng và người ấy cũng không biết theo sự thật như vầy: Đây là khổ… đây là đường lối tiến hành đến nơi diệt khổ, người như thế chẳng khác chi xoài sống màu da sống. Xoài sống và màu da sống như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.
- ***Người như xoài chín luôn màu da chín*** *ra sao?* Có người trong đời này, cách đi tới đi lui, ngó thẳng, day qua xoay lại, co lên, bước xuống, đắp y mang bát đáng cung kỉnh và người ấy cũng biết theo sự thật như vầy: Đây là khổ, đây là đường lối tiến hành đưa đến diệt khổ, người như thế chẳng khác chi xoài chín luôn màu da cũng chín. Xoài chín luôn màu da cũng chín như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.

  Người như bốn thứ xoài có hiện bày trong đời.

Người tỷ như bốn thứ nồi *ra sao?*

117.

Nồi có bốn thứ:
- Nồi không mà đậy kín.
- Nồi đầy mà giở trống.
- Nồi không và giở trống.
- Nồi đầy và đậy kín.

118.

Người tỷ như bốn thứ nồi, những hạng như vậy có hiện bày trong đời như thế.

Tứ chủng nhân như nồi *ra sao?* Người tỷ như nồi không mà đậy kín, người tỷ như nồi đầy mà giở ra, người tỷ như nồi không và giở trống, người tỷ như nồi đầy và đậy kín.

- ***Người tỷ như nồi không mà đậy kín*** *ra sao?* Có người trong đời này, cách bước tới thối lui, ngó ngay xoay trái xoay mặt, co lên bước xuống, đắp y mang bát đáng kính trọng, người ấy không đặng biết theo sự thật như vầy: Đây là khổ… đây là đường lối tiến hành đến nơi diệt khổ, người như thế gọi là (nồi) không mà đậy kín.

  Nồi không mà đậy kín như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.
- ***Người tỷ như nồi đầy mà giở trống*** *ra sao?* Có người trong đời này, có cách bước tới thối lui, ngó ngay day trái day mặt, co vô bước ra, đắp y mang bát không đáng cung kỉnh. Nhưng người ấy biết theo sự thật như vầy: Đây là khổ… đây là đường lối tiến hành đến diệt khổ. Như thế gọi là người như (nồi) đầy mà giở trống. Nồi đầy mà giở trống như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.
- ***Người tỷ như nồi không mà giở trống*** *ra sao?* Có người trong đời này, có cách bước tới thối lui, ngó qua liếc lại, co vô bước ra, đắp y mang bát không đáng cung kỉnh và người ấy cũng không biết theo sự thật như vầy: Đây là khổ… đây là đường lối tiến hành đến diệt khổ, người như thế gọi là (nồi) không mà giở trống. Nồi không mà giở trống như thế nào thì người đó cũng như thế ấy.

- ***Người tỷ như nồi đầy và đậy kín** ra sao?* Có người trong đời này, có cách bước tới bước lui, ngó qua ngó lại, xoay qua xoay lại, co vô bước ra, đắp y mang bát đáng cung kỉnh, người ấy biết theo sự thật như vầy: Đây là khổ… đây là đường lối tiến hành đến nơi diệt khổ. Như thế gọi là người như (nồi) đầy và đậy kín. Nồi đầy và đậy kín như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.

  Người tỷ như bốn thứ nồi có hiện bày trong đời.

***Người tỷ như hồ nước có bốn** ra sao?*

119.

Hồ nước có bốn thứ:
- Hồ nước cạn mà bóng dọi sâu.
- Hồ nước sâu mà bóng dọi cạn.
- Hồ nước cạn bóng dọi cạn.
- Hồ nước sâu bóng dọi sâu.

120.

Người tỷ như hồ nước có hiện bày trong đời này cũng như thế.

***Tứ chủng nhân như hồ nước** ra sao?* Người tỷ như hồ cạn bóng dọi sâu, người tỷ như hồ sâu bóng dọi cạn, người tỷ như hồ cạn bóng dọi cạn, người tỷ như hồ sâu bóng dọi sâu.

- ***Người tỷ như hồ cạn bóng dọi sâu** ra sao?* Có người trong đời này có cách bước tới thối lui, ngó tới, day qua day lại, co vô bước ra, đắp y mang bát đáng cung kỉnh mà người đó không biết theo sự thật như vầy: Đây là khổ… đây là đường lối tiến hành đến nơi diệt khổ. Như thế gọi là người như hồ cạn bóng dọi sâu. Hồ cạn bóng rọi sâu như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.
- ***Người như hồ sâu bóng dọi cạn** ra sao?* Có người trong đời này có cách bước tới thối lui, ngó ngay, day qua xoay lại, co vô bước ra, đắp y mang bát không đáng cung kỉnh mà người đó biết theo sự thật như vầy: Đây là khổ… đây là đường lối tiến hành đến nơi diệt khổ. Như thế gọi là người như hồ sâu bóng dọi cạn. Hồ sâu bóng dọi cạn như thế nào thì người đó cũng như thế ấy.
- ***Người như hồ cạn bóng dọi cạn** ra sao?* Có người trong đời này có cách bước tới thối lui, ngó ngay, day qua xoay lại, co vô duỗi ra, đắp y mang bát không đáng cung kỉnh và người đó cũng không biết theo sự thật như vầy: Đây là khổ… đây là đường lối tiến hành đến nơi diệt khổ. Như thế gọi là người như hồ cạn bóng dọi cạn. Hồ cạn bóng dọi cạn như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.
- ***Người như hồ sâu bóng dọi sâu** ra sao?* Có người trong đời này có cách bước tới thối lui, ngó ngay, day qua xoay lại, co vô duỗi ra, đắp y mang bát đáng cung kỉnh và người đó biết theo sự thật như vầy: Đây là khổ… đây là đường lối tiến hành đến nơi diệt khổ. Như thế gọi là người như hồ sâu bóng dọi sâu. Hồ sâu bóng dọi sâu như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.

  Người tỷ như bốn thứ hồ nước có hiện bày trong đời.

***Người như bò cổ có bốn thứ** ra sao?*

121.

***Bò cổ có bốn hạng** ra sao?*

- Bò hung dữ với đám mình mà không hung dữ với đám khác.
- Bò hung dữ với đám khác mà không hung dữ với đám mình.
- Bò hung dữ với đám mình luôn cả với đám khác,
- Bò không hung dữ với đám mình và cũng không hung dữ với đám khác.

Người như bốn thứ bò cổ vẫn có hiện bày trong đời nầy.

122.

Bốn hạng người như bò cổ *ra sao?* Người hung dữ trong bọn mình mà không hung dữ với bọn khác, người hung dữ với bọn khác mà không hung dữ với bọn mình, Người hung dữ với bọn mình và cũng hung dữ với bọn khác, người không hung dữ với bọn mình và cũng không hung dữ với bọn khác.

- ***Người hung dữ trong đám mình mà không hung dữ trong bọn khác*** *ra sao?* Có người trong đời này ưa ép uổng trong đám mình mà không ép uổng đám của người khác, người như vậy tỷ như bò hung dữ trong đám mình mà không hung dữ trong bọn khác. Bò mà hung dữ trong đám của mình nhưng không hung dữ trong bọn khác như thế nào thì người đó cũng như thế ấy.
- ***Người hung dữ với đám khác mà không hung dữ trong đám mình*** *ra sao?* Có người trong đời này ưa ép uổng với đám khác mà không ép uổng trong đám của mình, người như vậy tỷ như bò hung dữ với đám khác mà không hung dữ trong đám mình. Bò mà hung dữ với đám khác mà không hung dữ với đám mình như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.
- ***Người hung dữ với đám mình và cũng hung dữ với đám khác*** *ra sao?* Có người trong đời này ép uổng trong đám của mình và cũng ép uổng đám của người khác. Như vậy gọi là người tỷ như bò hung dữ với đám mình và cũng hung dữ với đám khác. Bò mà hung dữ với đám mình và cũng hung dữ với đám khác như thế nào thì người ấy cũng tỷ như thế đó.
- ***Người không hung dữ trong đám mình và cũng không hung dữ với đám khác*** *ra sao?* Có người trong đời này, không ép uổng trong đám của mình và cũng không ép uổng với đám khác, người như vậy tỷ như bò không hung dữ trong bầy và cũng không hung dữ với đám khác. Bò mà không hung dữ với đám của mình và cũng không hung dữ với đám khác như thế nào thì người đó cũng như thế ấy.

Người tỷ như bốn thứ bò cổ có hiện bày trong đời.

Người tỷ như độc xà có bốn *ra sao?*

123.

Tứ chủng độc xà:

- Rắn có nộc chạy mau mà không độc.
- Rắn có nọc chạy không mau mà độc.
- Rắn có nọc chạy mau và độc.
- Rắn có nọc chạy không mau và không độc.

124.

Người tỷ như bốn thứ độc xà có hiện bày trong đời này.

Tứ chủng nhân (như độc xà) *ra sao?* Người có nọc chạy mau mà không độc, người có nọc chạy không mau mà độc, người có nọc chạy mau và độc, người có nọc chạy không mau và không độc.

- ***Người (như rắn) có nọc chạy mau mà không độc** ra sao?* Có người trong đời này thường hay sân, nhưng sự sân của y không ngấm ngầm lâu. Như thế gọi là người (như rắn) có nọc chạy mau mà không độc. Rắn có nọc chạy mau mà không độc như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.
- ***Người (như rắn) có nọc chạy không mau mà độc** ra sao?* Có người trong đời này ít hay giận, nhưng sự giận của y vẫn chất chứa lâu, người như thế tỷ gọi là có nọc chạy không mau mà độc. Rắn có nọc chạy không mau mà độc như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.
- ***Người (như rắn) có nọc chạy mau và độc** ra sao?* Có người trong đời này thường hay sân và sự sân của y đó vẫn chất chứa lâu dài. Như thế gọi là người có nọc chạy mau và độc. Rắn có nọc chạy mau và độc như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.
- ***Người (như rắn) có nọc độc chạy không mau và không độc** ra sao?* Có người trong đời này không thường hay sân và cách giận của y cũng không chất chứa lâu dài. Như thế gọi là người có nọc chạy không mau và không độc. Rắn có nọc chạy không mau và không độc như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.

Người tỷ như bốn thứ rắn có hiện bày trong đời này.

125.

∗ ***Người chưa xét cho cạn mà khen người không đáng khen** ra sao?* Có người trong đời này khen ngợi đám ngoại giáo, đệ tử của ngoại giáo là kẻ tu hành sai lạc đê hèn, mà nói là bậc tu hành tốt hoặc bực tu hành chơn chánh. Như thế gọi là người chưa gạn xét mà khen ngợi kẻ không đáng khen ngợi.

∗ ***Người chưa xét cạn mà chê bai bực đáng khen ngợi** ra sao?* Có người trong đời này chê bai Đức Phật và bực Thinh văn tu hành chơn chánh tốt đẹp mà cho rằng tu hành sai lạc đê hèn. Như thế gọi là người chưa xét cạn mà chê bai bực đáng khen ngợi.

∗ ***Người chưa gạn xét mà tín ngưỡng với bực không đáng tín ngưỡng** ra sao?* Có người trong đời này phát tâm tín ngưỡng theo kẻ tu hành sai xiển đê hèn mà cho là tu hành đúng đắn cao quí, tốt đẹp. Như thế gọi là người chưa cạn xét mà tín ngưỡng với bực không đáng tín ngưỡng.

∗ ***Người không xét cạn chẳng tín ngưỡng với bực đáng tín ngưỡng** ra sao?* Có người trong đời này không đặng tín ngưỡng với điều kiện tu hành tốt đẹp chơn chánh mà cho là tu hành sai xiển, đê hèn, xấu xa. Như thế gọi là người không xét cạn chẳng tín ngưỡng với bực đáng tín ngưỡng.

126.

∗ ***Người xét cạn rồi chê trách kẻ đáng chê trách** ra sao?* Có người trong đời này vẫn chê trách đám ngoại giáo và đệ tử đám ngoại giáo là kẻ tu hành sai rồi cho rằng tu hành sai xiển, xấu hèn. Như thế gọi là người xét cạn rồi chê trách kẻ đáng chê trách.

∗ ***Người xét cạn rồi khen ngợi bực đáng khen ngợi** ra sao?* Có người trong đời này khen ngợi Đức Phật và chư Thinh văn đệ tử Phật là bực tu hành chơn chánh tốt đẹp rồi cho là tu hành chơn chánh tốt đẹp. Như thế gọi là người xét cạn rồi khen ngợi bực đáng khen ngợi.

∗ ***Người suy xét cạn rồi không tín ngưỡng với bực không đáng tín ngưỡng** ra sao?* Có người trong đời này không tín ngưỡng phát sanh trong điều kiện tu hành xấu xa, sai

lạc. Như thế gọi là người suy xét cạn rồi không tín ngưỡng với bực không đáng tín ngưỡng.

* ***Người suy xét cạn rồi mới tín ngưỡng bực đáng tín ngưỡng*** *ra sao?* Có người trong đời này làm cho sự tín ngưỡng phát sanh trong điều kiện tu hành chơn chánh tốt đẹp, thời cho là tu hành chơn chánh tốt đẹp. Như thế gọi là người suy xét cạn rồi mới tín ngưỡng với bực đáng tín ngưỡng.

127.

* ***Người chê trách kẻ đáng chê trách hợp thời nhưng không khen ngợi bực đáng khen ngợi hợp thời*** *ra sao?* Trong đời này cũng có người đáng khen ngợi, cũng có người đáng chê trách. Trong hai bực đó mà người nào đáng chê trách thì chê trách đúng thời kỳ. Còn có người đáng khen ngợi mà không khen ngợi đúng thời kỳ. Như thế gọi là người chê trách kẻ đáng chê trách đúng thời kỳ, mà không khen ngợi bực đáng khen ngợi hợp thời.

* ***Người khen ngợi với bực đáng khen ngợi hợp thời mà không chê trách kẻ đáng chê trách hợp thời đó*** *ra sao?* Có người trong đời này đáng khen ngợi cũng có, đáng chê trách cũng có. Trong hai hạng người đó mà người nào đáng khen ngợi thì khen ngợi đúng hợp thời. Nhưng không chê trách kẻ đáng chê trách đúng theo thời. Như thế gọi là người khen ngợi bực đáng khen ngợi hợp thời mà không chê trách kẻ đáng chê trách hợp thời.

* ***Người chê trách kẻ đáng chê trách hợp thời và khen ngợi bực đáng khen ngợi hợp thời đó*** *ra sao?* Có người trong đời này đáng khen cũng có, đáng chê trách cũng có. Trong hai hạng người đó, người nào đáng chê trách thì chê trách đúng theo thời, người nào đáng khen ngợi cũng khen ngợi đúng theo thời, thì thành ra người biết thời, mới giải quyết vấn đề đó trong chỗ đó. Như thế gọi là người đáng chê trách, kẻ đáng chê trách hợp thời và khen ngợi bực đáng khen ngợi hợp thời.

* ***Người không chê trách kẻ đáng chê trách hợp thời cũng không khen ngợi bực đáng khen ngợi hợp thời*** *ra sao?* Có người trong đời này đáng khen ngợi cũng có, đáng chê trách cũng có. Trong hai hạng người đó, nếu ai đối với kẻ đáng chê trách không chê trách theo thời. Còn bực đáng khen ngợi mà người ấy không khen ngợi hợp thời; như vậy mới là người tự nhiên và thường có chánh niệm lương tri. Như thế gọi là người không chê trách kẻ đáng trách hợp thời, cũng không khen ngợi bực đáng khen ngợi hợp thời.

128.

* ***Người sống với quả cần lao chớ không sống với quả phúc*** *ra sao?* Người nào nuôi sống tiến hóa thạnh hành bằng sức lực do sự cố gắng tinh tấn siêng năng, không phải từ nơi quả phúc phát sanh. Như thế gọi là người sống với quả cần lao chứ không sống với quả phúc.

* ***Người sống với quả phúc chẳng phải sống với quả cần lao*** *ra sao?* Chư thiên bực cao cao, luôn đến chư thiên Tha hóa tự tại, gọi là người sống với quả phúc chớ chẳng phải sống với quả cần lao.

* ***Người sống với quả cần lao và quả phúc*** *ra sao?* Nghề sống của người nào tiến hóa thạnh hành do sự cố gắng, tinh tấn, siêng năng cũng có nhờ quả phúc. Như thế gọi là người sống với quả cần lao và quả phúc.

∗ ***Người chẳng phải sống với quả cần lao và chẳng phải sống nhờ quả phúc*** *ra sao?* Tất cả chủng sanh trong địa ngục gọi là người chẳng phải sống với quả cần lao và cũng không đặng sống với quả phúc.

129.

∗ ***Người đi từ chỗ tối đến chỗ tối*** *ra sao?* Có người trong đời này sanh giòng thấp hèn như là: Cận thắng tiện dân, thuộc da, thợ dệt, súc (bình) bông, đỗ phân. Nghèo thiếu cơm ăn áo mặc, xe cộ, nước nôi cho đến bông hoa đồ thoa thơm, nơi nằm ngồi, vật dụng, đèn đuốc luôn chỗ ở, khó kiếm đồ che thân, sống chật vật ráng tay làm hàm nhai mới có cơm ăn vừa đủ miệng, lùn xủn xấu xa thấy không ai muốn ngó, có nhiều bệnh hoạn hoặc tàn phế cụt tay chân, đui, bại. Y hành động thân, khẩu, ý ác. Sau khi chết sa đọa ác đạo, khổ thú, địa ngục. Như thế gọi là người đi từ chỗ tối đến chỗ tối.

∗ ***Người đi từ chỗ tối đến chỗ sáng*** *ra sao?* Có người trong đời này sanh giòng thấp hèn như là: Cận thắng tiện dân, thuộc da, thợ dệt, súc (bình) bông, đỗ phẫn. Nghèo thiếu cơm ăn áo mặc, xe cộ, nước nôi cho đến bông hoa đồ thơm thoa, nơi nằm ngồi, vật dụng, đèn đuốc luôn chỗ ở, khó kiếm đồ che thân, sống chật vật ráng tay làm hàm nhai mới có ăn vừa đủ miệng, lùn xủn xấu xa thấy không muốn ngó, có nhiều bệnh hoạn hoặc tàn phế cụt tay, cụt chân, đui, bại. Y hành động thân, khẩu, ý thiện. Sau khi chết siêu thăng thiên đường nhàn cảnh. Như thế gọi là người đi từ chỗ tối đến chỗ sáng.

∗ ***Người đi từ chỗ sáng đến chỗ tối*** *ra sao?* Có người trong đời này sanh ra nơi dòng cao quí như là: Dòng vua, đại phạm chí, đại gia trưởng nhiều quyền tước, vật thực của cải, đủ kim ngân tài sản lúa gạo, các món vừa theo ý thích và người ấy có sắc đẹp đáng xem chiêm ngưỡng, thân thể tợ màu vàng, sẵn đồ phụ thuộc cần dùng nương ở nghỉ ngơi, vật thơm thoa, bông đèn, vải quí, nước nôi, xe cộ. Y hành động thân, khẩu, ý ác. Sau khi chết sa đọa ác đạo, khổ thú, địa ngục. Như thế gọi là người đi từ chỗ sáng đến chỗ tối.

∗ ***Người đi từ chỗ sáng đến chỗ sáng*** *ra sao?* Có người trong đời này sanh ra trong dòng giống cao quí như là: Dòng vua, đại phạm chí, đại gia trưởng nhiều quyền tước, vật thực của cải, đủ kim ngân tài sản, lúa gạo, các món vừa theo ý thích và người ấy có sắc đẹp đáng xem chiêm ngưỡng, thân thể tợ màu vàng, sẵn đồ phụ thuộc cần dùng nương ở nghỉ ngơi, vật thơm thoa, bông đèn, vải quí, nước nôi xe cộ. Y hành động thân, khẩu, ý thiện. Sau khi chết siêu thăng thiên đường nhàn cảnh. Như thế gọi là người đi từ chỗ sáng đến chỗ sáng.

130.

∗ ***Người từ chỗ thấp đến chỗ thấp*** *ra sao? …* như thế gọi là người từ chỗ thấp đến chỗ thấp.

∗ ***Người từ thấp đến cao*** *ra sao? …* như thế gọi là người từ thấp đến cao.

∗ ***Người từ chỗ cao đến thấp*** *ra sao? …* như thế gọi là người từ chỗ cao đến thấp.

∗ ***Người từ chỗ cao đến chỗ cao*** *ra sao? …* như thế gọi là người từ chỗ cao đến chỗ cao.

Người như tứ chủng mộc *ra sao?*

131.

Cây có bốn thứ như là cây ở giữa xốp, xung quanh thịt chắc; cây ở giữa lõi chắc, xung quanh có dác xốp; cây ở giữa thịt xốp, xung quanh dác cũng xốp; cây ở giữa lõi chắc, xung quanh đều lõi chắc.

132.

Người như bốn thứ cây có hiện bày trong đời.

Tứ chủng nhân như cây *ra sao?* Người giữa xốp, xung quanh thịt chắc, người giữa lõi chắc, xung quanh có dác xốp, người giữa xốp, xung quanh dác cũng xốp, người giữa lõi chắc, xung quanh đều lõi chắc.

- ***Người giữa xốp, xung quanh thịt chắc*** *ra sao?* Có người trong đời này thiếu giới, có pháp tội lỗi, nhưng trong đám của người ấy có giới đức, có pháp tốt đẹp. Như thế gọi là người giữa xốp, xung quanh thịt chắc. Cây ở giữa xốp xung quanh thịt chắc như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.
- ***Người giữa lõi chắc, xung quanh có dác xốp*** *ra sao?* Có người trong đời này đầy đủ giới đức, có pháp tốt đẹp, nhưng phần đông trong bọn phá giới, có pháp ô trược. Như thế gọi là người giữa lõi chắc xung quanh có dác xốp. Cây giữa lõi chắc, xung quanh có dác xốp như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.
- ***Người giữa xốp, xung quanh dác cũng xốp*** *ra sao?* Có người trong đời này là kẻ thiếu giới, có pháp ô trược; cho đến trong bọn của người ấy cũng thiếu giới, có pháp ô trược. Như thế gọi là người giữa xốp xung quanh dác cũng xốp. Cây giữa xốp xung quanh dác cũng xốp như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.
- ***Người giữa lõi chắc xung quanh đều lõi chắc*** *ra sao?* Có người trong đời này tự có giới đức và có pháp tốt đẹp; trong đám của người ấy cũng có giới đức và có pháp tốt đẹp. Như thế gọi là người giữa lõi chắc xung quanh đều lõi chắc. Cây giữa lõi chắc xung quanh đều lõi chắc như thế nào thì người ấy cũng như thế đó.

Người tỷ như bốn thứ cây vẫn có hiện bày trong đời.

133.

* ***Người chấp theo hình thức mà tín trọng trong sắc tướng*** *ra sao?* Có người trong đời này thấy hình sắc cao, không ốm, không mập, hình sắc có thể vóc đều đặn, hoặc hình sắc tốt đẹp không thể chê rồi chấp theo nội trong hình sắc đó mới phát ra sự tín ngưỡng. Như thế gọi là người chấp theo nội trong hình thức mà tín trọng trong sắc tướng.
* ***Người chấp trong phần thinh, tín trọng theo phần thinh đó*** *ra sao?* Có người trong đời này chấp theo trong phần thinh, bằng cách khen ngợi ân đức của người nói khuất lấp, bằng cách tán thán người khác trứ tác, bằng cách nưng bợ trước mặt người, bằng cách khen ngợi mà người khác đem đi quảng cáo với nhau rất nhiều rồi còn phát sanh sự tín trọng. Như thế gọi là người chấp nội trong phần thinh, tín trọng theo phần thinh.
* ***Người chấp trong phần thê thảm, tín trọng theo phần thê thảm*** *ra sao?* Có người trong đời này nhận thấy thê thảm bằng y, bát; nhận thấy thê thảm với chỗ ở hoặc thê thảm với cách khổ hạnh, chấp nội trong phần thê thảm đó rồi mới phát sanh sự tín ngưỡng. Như thế gọi là người chấp trong phần thê thảm tín trọng theo phần thê thảm.
* ***Người chấp nội trong pháp, tín trọng pháp*** *ra sao?* Có người trong đời này đầy đủ giới tịnh tuệ, chấp nội trong pháp, còn làm cho sự tín trọng phát sanh. Như thế gọi là người chấp trong phần pháp tín trọng pháp.

134.

* ***Người hành tự lợi, không hành lợi tha*** *ra sao?* Có người trong đời này thành người tự đầy đủ giới không dẫn dắt người khác cho đặng đầy đủ giới. Tự đầy đủ tịnh, không dẫn dắt người khác cho đặng đầy đủ tịnh. Tự đầy đủ tuệ, không dẫn dắt người khác

cho đặng đầy đủ tuệ. Tự đầy đủ giải thoát, không dẫn dắt người khác đến chỗ giải thoát. Tự mình đến giải thoát tri kiến, không dẫn dắt người khác đến giải thoát tri kiến. Như thế gọi là người hành tự lợi, không hành lợi tha.

* ***Người hành lợi tha, không hành tự lợi*** *ra sao?* Có người trong đời này tự mình không đầy đủ giới mà dẫn dắt cho người khác đặng đầy đủ giới. Tự mình không đầy đủ tịnh mà dẫn dắt cho người khác đặng đầy đủ tịnh. Tự mình không đầy đủ tuệ mà dẫn dắt cho người khác đặng đầy đủ tuệ. Tự mình không đến bực giải thoát mà dẫn dắt người khác đến bực giải thoát. Tự mình không đến bực giải thoát tri kiến mà dẫn dắt cho người khác đến bực giải thoát tri kiến. Như thế gọi là người hành lợi tha mà không hành tự lợi.

* ***Người hành tự lợi và lợi tha*** *ra sao?* Có người trong đời này thành người tự đầy đủ giới rồi dẫn dắt cho người khác đặng đầy đủ giới. Thành người tự đầy đủ tịnh rồi dẫn dắt cho người khác cũng đầy đủ tịnh. Tự đầy đủ tuệ rồi dẫn dắt cho người khác cũng đầy đủ tuệ. Tự đầy đủ giải thoát rồi dẫn dắt cho người khác cũng đầy đủ giải thoát. Tự đầy đủ giải thoát tri kiến rồi dẫn dắt cho người khác đặng đầy đủ giải thoát tri kiến. Như thế gọi là người hành tự lợi và lợi tha.

* ***Người không hành tự lợi và lợi tha*** *ra sao?* Có người trong đời này tự mình không đầy đủ giới và cũng không dìu dắt kẻ khác đến bực đầy đủ giới. Tự không đầy đủ tịnh và cũng không dìu dắt kẻ khác cho đặng đầy đủ tịnh. Tự không đầy đủ tuệ và cũng không dìu dắt cho người khác đến bực đầy đủ tuệ. Tự mình không đến bực giải thoát và không dẫn dắt người khác đến bực giải thoát. Tự mình không đến bực giải thoát tri kiến cũng không dẫn dắt người khác đến bực giải thoát tri kiến. Như thế gọi là người không hành tự lợi và lợi tha.

135.

* ***Người tự tìm nóng nảy hiệp với sự vật làm cho mình nóng nảy*** *ra sao?*

Trong đời này có người lỏa thể, thiếu lễ độ, dùng phẩn, dùng phẩn dính tay, người mời lại thọ thực không đến, người kêu ngừng không ngừng, không thích vật thực mà họ dùng rồi đem lại, không thích vật thực mà họ hồi hướng đến ta, không nhận thọ thỉnh, không thọ cơm xúc trong nồi, không dùng cơm xúc từ trong nồi và trong chảo, không dùng vật thực chỗ có cửa đất ngăn giữa, không dùng vật thực chỗ có cục không thành ngăn giữa, không dùng vật thực mà có chài đâm tiêu ngăn giữa, không dùng vật thực của cả hai người đang ăn, không dùng vật thực của đàn bà có thai, không dùng vật thực của đàn bà đang cho con bú, không dùng vật thực của phụ nữ ở giữa đám nam, không dùng vật thực mà họ gom lại, không dùng vật thực của họ nuôi chó, không dùng vật thực có ruồi đậu từ chòm, không dùng cá thịt, không uống rượu men, nước rượu ngâm.

Người ấy thọ thực chỉ một nhà, tự mình sống bằng một vắt cơm. Thành người ăn hai nhà, tự mình sống bằng hai vắt cơm,… thành người thọ thực bảy nhà, tự sống bằng bảy vắt cơm. Hoặc tự sống bằng cách vật thực họ sắp đặt một chỗ, hoặc tự sống bằng vật thực họ sắp hai chỗ… hoặc tự sống bằng vật thực mà họ sắp bảy chỗ.

Hoặc độ một ngày một bữa, hoặc độ hai ngày một bữa… hoặc độ bảy ngày một bữa. Hoặc người tìm tòi hiệp với cách độ vật thực nữa tháng một lần, vẫn thấy rõ như vậy. Hạng đó, cũng có người ăn rau hoặc có người ăn luá tắt, có người ăn hột ý dĩ, có người ăn da dư, có người ăn mủ cây, có người ăn đọt lúa, có người ăn cơm cháy, có người dùng nước gạo, có người ăn cỏ, có người ăn cứt bò, sống theo gốc cây trong rừng, có người thường ăn trái cây rụng. Hoặc có người mặc vải bố, mặc bố trộn, mặc

thứ vải họ bỏ, mặc vải bỏ theo thây ma, hoặc mặc vải bó ma, hoặc mặc vải vỏ cây, hoặc mặc da cọp, mặc da cọp rọc giữa, mặc nấm cây, mặc vỏ cây dương, hoặc bận vải bằng trái cây, hoặc bận bằng tóc người, hoặc bận vải lông thú dữ, hoặc mặc vải lông chim cú, hoặc mặc vải lông chim cú mèo, hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, tìm hợp nhổ tóc râu, hoặc đứng không cần ngồi, hoặc thích khổ hạnh ngồi chồm hổm, hoặc đứng và đi kinh hành… trên sắt nhọn, thành tựu cách nằm trên sắt nhọn. Hoặc tìm sự tinh tấn trong cách xuống nước rửa tội lúc thì giờ chiều lần thứ ba, hoặc tìm tòi hiệp với cách làm cho thân nóng và cho nóng khắp như thế thấy chẳng ít.

Như vậy gọi là người tự làm cho nóng nảy và tìm kiếm hiệp với sự vật tự làm cho nóng nảy.

* ***Người làm cho kẻ khác nóng nảy, tìm tòi sự vật làm cho kẻ khác nóng nảy*** *ra sao?*

Có người trong đời này giết dê, giết heo, giết chim, giết con chương, sát chim thành thợ săn, thành dân hạ bạc, thành ăn cướp, ăn cướp sát nhân, thành người giết bò, thành người gác khám. Hoặc là có đám người khác làm nghề ác độc. Như thế gọi là người làm cho kẻ khác nóng nảy, tìm tòi theo sự vật làm cho kẻ khác nóng nảy.

* ***Người tự làm nóng nảy tìm tòi theo sự vật nóng nảy và làm cho người khác nóng nảy luôn tìm theo sự vật để cho người khác nóng nảy*** *ra sao?*

Có người trong đời này làm vua đã hưởng ngôi cao sang đặc biệt. Hoặc làm phạm chí quân sư, người đó cho tạo hội trường mới phía đông của kinh đô, cạo râu tóc mặc da cọp luôn móng, thân thoa bằng đề hồ và dầu, gảy lưng bằng sừng con chương và ngự đến hội trường với hoàng hậu cùng phạm chí quân sư, người đó thành tựu sự ngủ nghĩ chỗ đó, trên mặt đất lìa đồ trải; người vào trướng thoa đồ xanh. Đức vua còn sống bằng sữa bò vú một phía của con bò nái mà có con giống như bò nái (tức là bò mẹ trắng bò con cũng trắng, bò mẹ đỏ bò con cũng đỏ). Hoàng hậu sống bằng sữa cái vú thứ hai của bò đó. Phạm chí quân sư sống với sữa cái vú thứ tư đó. Còn bò con thì uống sửa dư của đức vua.

Nhóm của ông giết bò đực bao nhiêu để cúng bùa, giết bò nghé cái bao nhiêu để cúng bùa; giết trừu bằng bao nhiêu để cúng bùa; giết dê bao nhiêu đây để cúng bùa, giết chừng bao nhiêu ngựa đây để cúng bùa. Đốn cây chừng bao nhiêu đây để lập đàn, chọc giây tòng chừng bao nhiêu đây hầu lợi ích cho sự che lợp. Nếu người nào thành đày tớ, kẻ tay sai, thành người trong ban tổ chức của đức vua, người đó bị hành phạt oai hiếp khóc nước mắt đầy mặt phải làm việc khắp hết.

Như thế gọi là người tự làm nóng nảy, tìm sự vật tự làm nóng nảy, làm cho người khác nóng nảy và tìm theo sự vật làm cho người khác nóng nảy.

* ***Người không làm cho ta nóng nảy, không tìm sự vật tự làm nóng nảy, không làm cho người khác nóng nảy và cũng không tìm sự vật làm cho người khác nóng nảy*** *ra sao?*

Người không tự làm nóng nảy, không làm cho người khác nóng nảy, không còn dục vọng diệt trừ phiền não là người mát mẻ hưởng an vui tự đặc biệt trong đời hiện tại.

Như Lai ra trong đời này thành bực Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài tự biết tột đem ra truyền bá pháp, trước sau và chặng giữa đều hay, gồm đủ ý nghĩa văn chương, tuyên bố phạm hạnh trong sạch đầy đủ hoàn toàn.

Quan đại thần hoặc con quan đại thần hoặc người sanh trong một dòng giống nào nếu nghe pháp ấy, người đó khi nghe pháp ấy rồi vẫn có sự tín ngưỡng với Như Lai. Y do nhờ sự tín ngưỡng mới suy xét nhận thấy như vầy: Người thế tục trong đường lối

bụi bặm, xuất gia là dịp rất tốt, cách mà ta ở trong gia đình sẽ hành tịnh hạnh chuyên môn như là ốc xa cừ chùi cho sạch sẽ rất khó đặng thế nào. Ta nên cạo râu tóc, mặc ca-sa ra khỏi nhà, xuất gia thành nhà tu, bực không môn. Như thế với khi khác họ bỏ phần cơm nhiều hoặc ít, bỏ thân thuộc ít hoặc nhiều, cạo râu tóc mặc ca-sa ra khỏi nhà, xuất gia thành bực xuất gia không môn.

Người đó thành người đã tu như thế đầy đủ giới hạnh của chư Phíc-khú trừ sát sanh thành người tránh xa sự sát sanh. Bỏ côn, bỏ gươm giáo, có sự tàm, có sự thương mến, có tâm bi, mong mỏi lợi ích liên quan với chúng sanh. Bỏ sự trộm cướp thành người xa lìa trộm cướp, chỉ ăn đồ họ cho, cần dùng đồ họ cho, tự không làm thành người trộm cướp, thành người trong sạch. Bỏ nghiệp trái nghịch với phạm hạnh, hành theo phạm hạnh, có cách xa lìa nghiệp trái với phạm hạnh, dứt tuyệt sự dâm dục của người thế gian. Bỏ vọng ngôn, xa lìa cách vọng ngôn; chỉ nói thật, thường duy trì lời chắc chắn. Có cách nói bền vững không nói buông thả, không nói gạt, bỏ lưỡng thiệt, nghe đây không đem nói kia, không đem nói đây mà làm cho đám này chia rẽ nhau.

Hoặc nghe kia không đem lại nói đây mà làm cho đám người đó chia rẽ, hoặc thường nhơn chia rẽ nhau. Hoặc đung đúc cho người hòa hợp nhau, hoan hỷ với sự hòa hợp nhau, ưa sự hòa hợp nhau, hoan hỷ với sự hòa hợp nhau, hớn hở với nhóm người hòa hiệp nhau, tường thuật những điều cho người hòa hợp nhau.

Bỏ nói ác, xa lìa ác khẩu chỉ nói những lời không tội lỗi vừa tai, bằng cách đắc nhân tâm của dân chúng, phần nhiều người ưa mến vừa lòng. Bỏ lời thêu dệt, chừa bỏ tuyệt lời ỷ ngữ, nói phải thời, chỉ nói lời chơn thật, nói đúng lý, nói đúng pháp, nói đúng luật, chỉ nói lời có căn cứ, có chỗ dẫn chứng, có chỗ hiệp với lợi ích hợp thời.

Người đó là bực chừa tuyệt khỏi cách xa lìa mầm móng và giống nòi. Thành bực độ một bữa, chừa cách độ tối, tránh khỏi ăn phi thời. Xa lìa múa hát âm nhạc và cũng không coi cách chơi trái với tông giáo, xa lìa sự trang sức và đeo mang tràng hoa bông thơm, đồ thoa da, những đồ sáp chưng dọn thân, trách xa chỗ nằm ngồi cao rộng, tránh thọ vàng bạc, xa lìa thọ lúa gạo sống, tránh thâu phụ nữ đồng nữ, tránh thâu tớ nam tớ nữ, tránh thọ lãnh dê trừu, tránh thọ lãnh gà và heo, tránh thọ lãnh voi trâu lừa ngựa, tránh thọ lãnh ruộng rẫy và đất vườn, tránh xa lãnh xứ và sai khiến, tránh xa sự mua bán, tránh xa gian dối cách đo lường. Xa lìa cách gian trá với sự thâu hối lộ bằng cách làm đồ giả mạo, tránh xa sự chém giết, xòng xiềng, hăm dọa lấy của, ăn cướp có bè đảng và la hét.

Y là bực thích cà-sa tùy thân, đi bát để giúp bụng, y gìn giữ tám món phụ tùng sắp đi theo hướng muốn đi. Chim có cánh có sự nghiệp chỉ là cánh của mình mà thôi, cũng bay đi theo hướng muốn đi như thế nào thì y cũng như thế đó; vẫn vui thích y để hộ thân, đi bát dành để trợ bụng, gìn giữ bao nhiêu phụ tùng sắp đi theo hướng muốn đi. Y có giới đặc biệt thời hưởng trong phần an vui chẳng lỗi bên trong.

Mắt thấy sắc y không chấp theo sắc tướng hiện bày, không thành người chấp theo y báo. Tất cả pháp bất thiện như là tham ác, sân độc tươm theo kẻ không thu thúc môn quyền như là con mắt ấy vẫn không thu thúc nhãn quyền chính là con mắt. Mắt nào làm nhơn để hành thu thúc nhãn quyền chính là con mắt. Vẫn giữ gìn quyền là gìn giữ nhãn; đi đến sự thu thúc quyền chính là thu thúc con mắt.

Tai nghe tiếng… tâm biết cảnh pháp, rồi không thành người chấp theo hình thức, không chấp theo y báo, tất cả pháp bất thiện nhơ bẩn như là tham ác, buồn rầu sẵn tươm theo kẻ không thu thúc quyền tức là không thu thúc tâm; như là tâm nào hành đặng thu thúc quyền, chính là tâm đó vẫn thu thúc quyền đó. Vẫn đến sự thu thúc

quyền, chính là thu thúc tâm đó. Y đã hợp với quyền thu thúc đặc biệt, hưởng chỉ phần an vui mà những phiền não chảy ra đặng.

Y hành lướt đến sự biết khắp, tiến hành lương tri với tất cả sự lay động, lương tri với sự đắp y mang bát, hành lương tri với sự ẩm thực, hành lương tri trong khi đại tiểu, thật hành lương tri với sự đại tiểu oai nghi, người hiệp với giới đặc biệt, hợp với quyền thu thúc đặc biệt hợp với chánh niệm lương tri đặc biệt ấy và hiệp với tri túc đặc biệt, vẫn hưởng nơi nương vắng lặng là rừng bụi núi triền hang, nghĩa địa, đất hoang, nơi trống, đồng cỏ. Y sau khi đi bát dùng rồi ngồi tịnh ngay thân, bổ túc chánh niệm chặt chẽ, y bỏ tham ác đặng, tâm vẫn xa lìa tham ác, còn làm cho tâm trong sạch lìa khỏi tham ác, bỏ sự trở ngại là sân độc, đã bỏ sự trái nghịch tức là sân độc, có tâm không ép bức, có tâm tế trợ lợi ích liên quan với tất cả chúng sanh, còn làm cho tâm trong sạch lìa trở ngại là sân độc và bỏ hôn trầm thùy miên thành người xa lìa hôn trầm thùy miên, có tư tưởng sáng suốt, có chánh niệm lương tri, còn làm cho tâm lìa hôn trầm thùy miên. Bỏ phóng dật thành người có tâm không tán loạn, bực có tâm yên tịnh trong phần trong. Còn làm cho tâm trong sạch lìa trạo hối[3], bỏ hoài nghi, vượt khỏi hoài nghi đặng. Khỏi cần nói tại sao tất cả pháp thiện làm cho tâm trong sạch xa lìa hoài nghi. Y bỏ pháp cái đặng rồi vắng lặng lìa tất cả dục, vắng lặng lìa tất cả pháp bất thiện vào đến sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc, định.

Sanh từ thê thảm thành tựu oai nghi, vì vắng lặng tầm tứ vào nhị thiền. Tâm càng trong sạch, thành pháp độc lập phần trong không có tầm tứ, chỉ còn hỷ lạc sanh từ tịnh.

Vẫn thành tựu oai nghi do chán nản pháp hỷ, thành người có tâm xả, có chánh niệm lương tri và hưởng lạc bằng thân vào đến tam thiền.

Theo đây, chư thánh nhắc rằng là người có tâm xả, có chánh niệm ở yên vui như thế, thành tựu oai nghi bỏ khổ bỏ vui đặng do bỏ khổ lạc vì trước đã diệt ưu hỷ rồi vào đến tứ thiền không có khổ lạc, có niệm trong sạch sanh từ xả, khi tâm đặng tịnh sạch sẽ trong trẻo, không có phiền não, xa lìa tùy phiền não dĩ nhiên dịu dàng thích hợp công chuyện không lay động như thế, người chú tâm theo túc mạng thông người có thể nhớ đặng nhiều kiếp sống như là 1 đời, 2 đời, 3 đời, 4 đời, 5 đời, 6 đời, 7 đời, 8 đời, 9 đời, 10 đời, 30 đời, 40 đời, 50 đời, 100 đời, 1000 đời, một ức đời, hoặc luôn nhiều tiểu kiếp, trung kiếp, đại kiếp.

Biết rằng đời ấy ta tên đó nhà cửa như thế, có màu da như thế, có vật thực như thế, hưởng khổ vui như thế, có tuổi thọ bao nhiêu đó, khi chết lìa đời đó rồi đặng đi sanh cõi kia. Đời đó ta có tên như thế, nhà cửa như thế, có nước da nhan sắc như thế, hưởng khổ vui như thế, hưởng thọ như thế, khi ta tử biệt đời kia đặng sanh lại đời này. Ta nhớ đặng nhiều đời trước luôn cả thái độ cho đến rộng rãi với cách như thế.

Phíc-khú đó khi tâm tịnh trong sạch, trong trẻo không phiền não, xa lìa tùy phiền não yếu ớt thông thường, vững vàng thích hợp công chuyện cho đến không lay động như thế. Y phải chăm tâm cho biết tâm và những chúng sanh hóa sanh. Y thấy đám chúng sanh đang tử biệt và đang tục sinh[4], sang hèn có màu da nhan sắc tốt xấu, bị khổ hưởng vui.

Bằng thiên nhãn trong trẻo hơn con mắt nhân loại, rõ biết nhóm chúng sanh do theo nghiệp là những chúng sanh này có thân nghiệp ác, khẩu nghiệp ác, ý nghiệp ác chê bai bực thánh thành tà kiến, chấp theo hành động tà kiến. Sau khi chết đến khổ thú, bàng sanh, ngạ quỉ và địa ngục.

---

[3] Trạo hối tức Điệu hối.

[4] Tục sinh hay tái tục

Còn những chúng sanh có thân nghiệp thiện, khẩu nghiệp thiện, ý nghiệp thiện không chê bai thánh nhân, đó là chánh kiến, tín ngưỡng theo chánh kiến. Sau khi chết đến cõi vui, thiên đường như thế.

Người vẫn thấy chúng sanh chết rồi tục sinh đặng sang hèn, có màu da tốt xấu, hưởng khổ lạc. Bằng thiên nhãn trong sạch hơn con mắt nhơn loại vẫn thấy các chúng sanh chạy theo nghiệp như thế. Khi tâm tịnh trong sạch không phiền não, xa lìa tùy phiền não đặng pháp thường mềm dịu thích dụng, đình trụ không lay động như thế. Y chăm chú tâm để đặng lậu tận thông mới tỏ ngộ đây là khổ, đây là nhân khổ, đây là diệt khổ, đây là đường lối tiến hành đi đến diệt khổ.

Vẫn biết rõ theo thứ này là lậu, vẫn biết rõ theo sự thật đây là lậu, đây là nhân sanh lậu, đây là diệt lậu, đây là điều tiến hành đến diệt lậu.

Khi y thấy biết cách này tâm thoát ly dục lậu, thoát ly hữu lậu, thoát ly vô minh lậu. Khi tâm đã thoát ly thì có tuệ nhận hiểu rõ thấu rằng sự sanh đã cùng tột, phạm hạnh đã thành, thành tựu sự đáng làm rồi, không còn việc nào khác.

Như thế gọi là người không làm tự nóng nảy, không tìm theo sự vật làm tự nóng nảy và cũng không làm cho người khác nóng nảy, cũng không tìm theo sự vật làm cho người khác nóng nảy.

- ***Người không tự làm nóng nảy luôn không làm cho người khác nóng nảy*** *ra sao?* Người không tự làm nóng nảy luôn không làm cho người khác nóng nảy là người không có ái, đã diệt phiền não, người đã mát mẻ rồi, vẫn là người hưởng an vui, tự đặc biệt, thành tựu oai nghi trong đời hiện đại.

136.

- ***Người có ái dục*** *ra sao?* Người nào chưa trừ ái dục, như thế gọi là người có ái dục.
- ***Người có sân*** *ra sao?* Người nào chưa trừ sân đặng. Như thế gọi là người có sân.
- ***Người có si*** *ra sao?* Người nào chưa trừ si đặng. Như thế gọi là người có si.
- ***Người có ngã mạn*** *ra sao?* Người nào chưa trừ đặng ngã mạn. Như thế gọi là người có ngã mạn.

137.

- ***Người đặng thiền chỉ trong phần trong nhưng không đặng tuệ tỏ ngộ pháp tức là tuệ trưởng*** *ra sao?* Có người trong đời này đắc thiền đến đồng sắc, hoặc đến đồng vô sắc. Nhưng không đặng đạo siêu thế hoặc quả siêu thế. Như thế gọi là người đắc thiền chỉ trong phần trong nhưng không đặng tuệ tỏ ngộ pháp như là tuệ trưởng.
- ***Người có trí tuệ thấy rõ pháp như là tuệ trưởng nhưng bên trong không đắc thiền chỉ*** *ra sao?* Có người trong đời này thành người đắc đạo quả siêu thế. Nhưng không đắc thiền đến đồng sắc, hoặc đến đồng vô sắc. Như thế gọi là người có tuệ thấy rõ pháp như là tuệ trưởng, nhưng bên trong không đắc thiền chỉ.
- ***Người đắc thiền chỉ bên trong và đắc luôn tuệ trưởng quán bên ngoài*** *ra sao?* Có người trong đời này là bực đắc thiền đến đồng sắc, hoặc đến đồng vô sắc. Thành người đắc đạo quả siêu thế. Như thế gọi là người đắc thiền chỉ bên trong và đắc luôn tuệ trưởng quán bên ngoài.
- ***Người không đặng thiền chỉ bên trong và cũng không đắc tuệ trưởng quán thấy rõ pháp*** *ra sao?* Có người trong đời này không phải là người đắc thiền chỉ đến đồng sắc, hoặc đến đồng vô sắc, cũng chẳng phải người đắc đạo quả siêu thế. Như thế gọi là

người chẳng phải bực đắc thiền chỉ bên trong và cũng chẳng phải bực đắc tuệ tỏ ngộ pháp như là tuệ trưởng.

138.

* ***Người đi xuôi chiều hướng*** *ra sao?* Có người trong đời này vẫn hưởng dục, vẫn làm nghiệp nhơ bẩn. Như thế gọi là người đi xuôi theo chiều hướng.

* ***Người đi ngược chiều*** *ra sao?* Có người trong đời này, không hưởng dục và cũng không làm nghiệp nhơ bẩn, người đó dù cho có khổ, có buồn mặt đượm nước, đang khóc lóc; nhưng người ấy vẫn còn hành động trong sạch đầy đủ. Như thế gọi là người đi ngược chiều.

* ***Người đã tự lập*** *ra sao?* Có người trong đời này sanh ra do hết năm triền thấp viên tịch trong đời ấy, cố nhiên không trở lại thế giới đó. Như thế gọi là người đã tự lập.

* ***Người qua đến bờ phạm chí*** *ra sao?* Có người trong đời này đã hành tỏ ngộ đến tâm giải thoát, tuệ giải thoát, lậu không còn bởi tuyệt tất cả lậu, do sự hiểu tột, thành tựu oai nghi trong đời hiện đại. Như thế gọi là người qua đến bờ phạm chí.

139.

* ***Người ít nghe không đặng lợi ích do nghe*** *ra sao?* Nói nghe đây tức là đặng nghe chín loại pháp như là: Khế kinh, Trùng tụng, Văn pháp, Tác phúng tụng, Tự thuyết, Bổn sự, Bổn sanh, Vị tằng hữu, Phương quảng. Bởi người trong đời ít đặng nghe nên không hiểu pháp lý, thời ít đặng hành vừa thích hợp pháp. Như thế gọi là người ít nghe không đặng lợi ích do nghe.

* ***Người ít nghe mà lợi ích do nghe*** *ra sao?* Nói nghe đây tức là đặng nghe chín loại pháp như là: Khế kinh, Trùng tụng, Văn pháp, Tác phúng tụng, Tự thuyết, Bổn sự, Bổn sanh, Vị tằng hữu, Phương quảng. Bởi người trong đời ít nghe, nhưng biết nghĩa lý của kinh và hành thích hợp với pháp. Như thế gọi là người ít nghe mà đặng lợi ích do nghe.

* ***Người đa văn mà không lợi ích do nghe*** *ra sao?* Văn đây tức là Khế kinh, Trùng tụng, Văn pháp, Tác phúng tụng, Tự thuyết, Bổn sự, Bổn sanh, Vị tằng hữu, Phương quảng; của người đa văn mà người đó không biết ý nghĩa pháp lý nhiều và không hành vừa thích hợp với pháp. Như thế gọi là người đa văn nhưng không lợi ích do nghe.

* ***Người đa văn và lợi ích do nghe*** *ra sao?* Đa văn đây tức là Khế Kinh, Trùng Tụng, Văn Pháp, Tác Phúng Tụng, Tự Thuyết, Bổn Sự, Bổn Sanh, Vị Tằng Hữu, Phương Quảng; cũng của người trong đời này biết ý nghĩa pháp lý nhiều, thành người hành thích hợp theo pháp. Như thế gọi là người đa văn và lợi ích do nghe.

140.

* ***Người thành Sa môn không lay động*** *ra sao?* Có người trong đời này gọi là bực dự lưu do sự đã dứt tam triền thời không sa vào ác đạo, khổ thú; thành người nhất định, thành người sẽ đắc chứng sau này. Như thế gọi là người thành Sa môn không lay động.

* ***Bực Sa môn như sen bá biện*** *ra sao?* Có người trong đời này gọi là bậc Nhất lai do dứt tam triền làm cho tham ái, sân, si càng nhẹ. Nếu trở lại đời này chỉ một lần đó thôi, thời sẽ làm cho tột hết khổ. Như thế gọi là bực Sa môn như sen bá biện.

* ***Bực Sa môn như sen trắng*** *ra sao?* Có người trong đời này sanh ra do dứt tuyệt năm triền thấp và sẽ viên tịch nơi cõi Phạm thiên, cố nhiên không trở lại thế giới ấy. Như thế gọi là bực Sa môn như sen trắng.

∗ ***Bực Sa môn ôn hòa trong hành Sa môn** ra sao?* Có người trong đời này đã tự hiểu tột, đã vào đến tịnh giải thoát, tuệ giải thoát, lậu không còn do đã dứt tất cả lậu, trọn thành tựu oai nghi trong đời hiện đại. Như thế gọi là người Sa môn ôn hòa trong chúng Sa môn.

Dứt Xiển minh phần tứ

Xiển minh phần ngũ

Ngũ chủng nhân

141.

∗ Bao nhiêu chủng người đã trình bày mà người nào phạm luật nóng nảy và cũng không biết tịnh giải thoát, tuệ giải thoát, sự thật như thế nào là những pháp để diệt trừ bất thiện ác xấu có thể phát sanh ngay cho người đó quyết hẳn khởi bày mà bực trưởng lão phải chê trách đều do nguyên nhân lậu mới có ra phạm luật và nóng nảy.

Lành thay, quí thay, Ngài nên chừa bỏ lậu hầu làm cho tâm trí tiến hóa như thế mới khỏi lỗi không biết, gọi là sẽ tiến hóa đồng bằng bực người thứ năm.

∗ Người nào phạm luật mà không nóng nảy và cũng không biết tịnh giải thoát, tuệ giải thoát, sự thật như thế nào là những pháp để diệt trừ bất thiện ác xấu có thể phát sanh cho người đó quyết hẳn khởi bày mà bực trưởng lão phải chê trách, đều do nguyên nhân lậu mới có ra phạm luật nhưng không nóng nảy. Lành thay, quí thay, ngài nên chừa bỏ lậu là nguyên nhân phạm luật và bày trừ lậu hầu làm cho tâm trí tiến hóa. Như thế mới khỏi lỗi không biết, gọi là sẽ tiến hóa đồng bằng bực người thứ năm.

∗ Người nào không phạm luật mà nóng nảy và cũng không biết tịnh giải thoát, tuệ giải thoát, sự thật như thế nào là những pháp để diệt trừ bất thiện ác xấu có thể quyết sanh cho người đó hẳn khởi bày mà bực trưởng lão phải chê trách, đều do nguyên nhân lậu mới có ra nóng nảy. Lành thay, quí thay, ngài nên chừa bỏ lậu là nhân nóng nảy và bày trừ lậu hầu làm cho tâm trí tiến hóa. Như thế mới khỏi sai lầm gọi là sẽ tiến hóa đồng bằng bực người thứ năm.

∗ Người nào mà không phạm luật và không nóng nảy nhưng không biết tịnh giải thoát, tuệ giải thoát, sự thật như thế nào là những pháp để diệt trừ bất thiện ác xấu có thể phát sanh cho người đó quyết hẳn có thể khởi bày mà bực trưởng thượng hằng chê trách đều do nguyên nhân lậu mới phát sanh ra phạm luật và nóng nảy không thể có với người đó. Y hằng bày trừ lậu là nguyên nhân sanh ra phạm luật và nóng nảy, hầu làm cho tâm trí tiến hóa.

Như thế mới khỏi lỗi không biết, gọi là sẽ tiến hóa đến đồng bằng bực người thứ năm.

Những bốn chủng người ấy mà người thứ năm đây vẫn tường thuật dạy như thế, hằng dạy như vậy thứ lớp cho đến dứt hết lậu.

142.

∗ ***Người cho rồi coi rẻ** ra sao?* Có người trong đời này tặng, y, bát, thuốc men, nhà cửa và đồ phụ tùng với người nào rồi nói với người khác như vầy: "Người ấy chỉ đặng có cách lấy của người ta cho". Như thế gọi là người cho rồi coi rẻ.

∗ ***Người coi rẻ với cách ở chung** ra sao?* Có người trong đời này tự mình ở chung với người nào đến hai hoặc ba năm, thì coi rẻ người kia bằng cách do ở chung. Như thế gọi là người coi rẻ với cách ở chung.

* ***Người dễ tin*** *ra sao?* Có người trong đời này khi nghe ai khen người khác hoặc chê người khác liền tin theo. Như thế gọi là người dễ tin.

* ***Người nghi hoặc*** *ra sao?* Có người trong đời này đức tin không vững vàng, không chắn chắn sự tin cậy, sự thương không cương quyết, sự tín ngưỡng không cương quyết. Như thế gọi là người nghi hoặc.

* ***Người ngu si khờ khạo*** *ra sao?* Có người trong đời này không biết pháp thiện, không biết pháp đáng chê trách, pháp không đáng chê trách, không thấy pháp ty hạ, pháp tinh vi; không biết pháp tỷ thí trắng đen. Như thế gọi là người ngu si khờ khạo.

Người như chiến sĩ có năm *ra sao?*

143.

Ngũ chủng chiến sĩ:

- Trong đời này có chiến sĩ vừa thấy vọi bụi liền ngừng chuẩn sát, không kềm vững, không thể đối địch. Chiến sĩ như thế là người thứ nhất vẫn có hiện bày trong đời.
- Có chiến sĩ khác vừa thấy vọi bụi còn ráng chịu, nhưng khi thấy chót cờ liền ngừng chuẩn sát, không vững vàng, không thể đối địch. Như thế là người chiến sĩ thứ hai vẫn có hiện bày trong đời.
- Có chiến sĩ khác nữa vừa thấy vọi bụi còn ráng chịu, thấy chót cờ vẫn còn ráng chịu. Nhưng vừa thấy binh đội ồ ạt tiến, liền ngừng chuẩn sát mà không vững vàng, không thể đối địch. Chiến sĩ trong đời này nếu có như vậy thuộc về người thứ ba, vẫn có hiện bày trong đời.
- Có chiến sĩ khác nữa, thấy vọi bụi vẫn ráng chịu, thấy chót cờ vẫn ráng chịu, đến khi nghe tiếng binh đội ồ ạt cũng vẫn còn ráng chịu. Nhưng vừa bị thương dù chút đỉnh vẫn bức rức, rộn ràng. Thấy chiến sĩ như thế là người thứ tư vẫn có hiện bày trong đời.
- Còn có chiến sĩ khác nữa, thấy vọi bụi, ngọn cờ, nghe tiếng binh đội ồ ạt, bị thương dù chút đỉnh cũng vẫn ráng chịu. Chiến sĩ như thế mới thắng giặc đó đặng, gọi là người chiến sĩ thứ năm vẫn có hiện bày trong đời này.

Năm hạng người chiến sĩ này vẫn có hiện bày trong đời.

144.

Người tỷ như năm hạng chiến sĩ có hiện bày trong Phíc-khú Tăng chẳng khác.

Năm hạng Phíc-khú đó *ra sao?*

- Có Phíc-khú trong tông giáo này chỉ vừa thấy vọi bụi liền chìm trong tà tư duy; liền ngừng nghỉ chẳng kềm chế đặng, không tiến tới phạm hạnh, hiện bày người khiếp nhược cùng giới luật rồi xin hoàn tục thành người thường.

  Vậy chứ vọi bụi của Phíc-khú đó cách nào? Tức là nghe đồn rằng làng xóm tên đó có đàn bà con gái, sắc đẹp đáng thương, đáng mến, có nước da và hình vóc rất đẹp. Phíc-khú đó vừa nghe tin ấy liền chìm vào tà tư duy phải ngưng không thể vững vàng, không thể tu luôn phạm hạnh đặng mới hiện bày là kẻ thiệt lực bạc nhược với điều học rồi xin hoàn tục biến chuyển thành người hèn. Như thế gọi là vọi bụi của Phíc-khú đó; cũng như chiến sĩ vừa thấy vọi bụi liền ngừng chuẩn sát, hết vững vàng không thể vào đối địch như thế nào thì Phíc-khú đã nói cũng như thế đó.

  Người như thế có gặp hiện bày trong đời này, người tỷ như chiến sĩ thứ nhất vẫn có trong Tăng Phíc-khú.

- Có Phíc-khú khác nữa như là có vị Phíc-khú trong tông giáo này đã thấy vọi bụi vẫn còn ráng chịu đặng; nhưng vừa thấy ngọn cờ liền chìm trong tà tư duy liền nghỉ không tiến nữa đặng, không thể tu phạm hạnh luôn mới hiện bày là người khiếp nhược với điều học rồi xin hoàn tục trở về làm người thường.

  Ngọn cờ của Phíc-khú đó là chi? Như là Phíc-khú trong tông giáo này khởi nghe đồn trong làng xóm tên đó có đàn bà con gái sắc đẹp đáng xem đáng mến, đầy đủ màu da sắc đẹp. Nhưng khi y đặng thấy đàn bà con gái sắc đẹp đáng xem đáng mến đầy đủ nước da và hình vóc đẹp tự nhiên liền chìm trong tà tư duy, không thể duy trì tu luôn đến phạm hạnh liền hiện ra khiếp nhược với điều học mới xin hoàn tục trở thành người thường. Như thế gọi là ngọn cờ của Phíc-khú ấy.

  Chiến sĩ mà thấy vọi bụi còn ráng chịu đặng nhưng vừa thấy ngọn cờ liền ngừng chuẩn sát mà không đặng vững vàng chẳng có thể vào đối địch đặng như thế nào thì Phíc-khú đó cũng như thế ấy.

  Người tỷ như chiến sĩ thứ hai vẫn có hiện bày trong Tăng Phíc-khú.

- Còn có Phíc-khú Tăng khác nữa như là có vị Phíc-khú trong tông giáo này thấy vọi bụi, ngọn cờ còn ráng chịu đặng, nhưng chỉ vừa nghe tiếng ồ ạt của lực lượng binh đội vang rền liền chìm trong sự nghỉ ngợi sai, ngừng không vững chịu đặng, không đủ sức tiếp tục phạm hạnh, liền hiện ra người khiếp nhược với điều học rồi xin xả giới trở về thường nhơn.

  Cách nghe tiếng ồ ạt lực lượng binh đội của Phíc-khú đó là chi? Tức là phụ nữ trong đời này tìm Phíc-khú nơi chốn rừng bụi hoặc nơi nhà vắng, cười mơn, trêu ghẹo, giao đàm, mạn tiếu mới chìm trong suy nghĩ bậy, không còn vững đặng, chẳng có thể tiếp tục phạm hạnh nữa liền hiện bày khiếp nhược với điều học rồi xin xả giới về thường nhơn. Như thế gọi là cách nghe lực lượng binh đội ồ ạt của Phíc-khú đó.

  Chiến sĩ thấy vọi bụi, ngọn cờ còn ráng chịu đựng, nhưng đến khi nghe tiếng ồ ạt của lượng lực binh đội địch liền ngừng chuẩn sát, không yên trụ, chẳng dám vào đối địch như thế nào, thì Phíc-khú đó cũng như thế ấy, người trong đời này thấy gặp như thế còn so sánh chiến sĩ thứ ba, vẫn có hiện bày trong Phíc-khú Tăng.

- Còn Phíc-khú Tăng khác nữa, như là có vị Phíc-khú trong tông giáo này thấy vọi bụi, ngọn cờ và đặng nghe tiếng lực lượng binh đội ồ ạt vẫn còn ráng chịu. Nhưng đến khi bị thương chút đỉnh thì bức rức nóng nảy bò càng, bò niểng.

  Cách bị thương chút đỉnh của Phíc-khú đó *ra sao?* Tức là có phụ nữ trong đời này tìm Phíc-khú trong rừng, cội cây, nhà vắng, rồi ngồi gần khít, nằm gần khít ôm xiết Phíc-khú đó. Cách bị phụ nữ ngồi sát, nằm sát, ôm xiết cũng không xả giới không hiện bày là người hèn nhát, mới hành dâm. Như thế gọi là cách bị thương chút đỉnh của Phíc-khú đó.

  Chiến sĩ thấy vọi bụi, ngọn cờ, nghe tiếng binh đội rần rộ còn ráng chịu đặng; nhưng mà bức rức nóng nảy bò càng bò niểng do bị thương chút đỉnh như thế nào thì Phíc-khú đó cũng như thế ấy, người mà thấy như vậy vẫn có hiện trong đời. Bực tỷ như chiến sĩ thứ tư đây vẫn có hiện bày trong Tăng Phíc-khú.

- Còn Phíc-khú Tăng khác nữa như là có vị Phíc-khú trong tông giáo này thấy vọi bụi, ngọn cờ, nghe tiếng lực lượng binh đội vang dội và bị thương chút đỉnh cũng vẫn chịu đựng, người đó thắng trận giặc ấy đặng, gọi là người thắng trận đặc biệt. Như thế mới hẳn là thắng trận đắc chứng.

Cách thắng trận của Phíc-khú đó như thế nào? Tức là có phụ nữ trong đời này tìm Phíc-khú ở trong rừng, ở cội cây hoặc nhà trống vắng vẻ rồi ngồi gần, nằm gần, ôm xiết Phíc-khú đó. Mà Phíc-khú đó bị phụ nữ ngồi, nằm gần, ôm xiết chắc rồi tuốt vuột đi khỏi trốn luôn theo ý. Phíc-khú đó vẫn hưởng chỗ nương vắng lặng như là rừng, cội cây, núi, trên chót, trong hang, mã lạng, bóng mát, chỗ trống, đống cỏ; Y đi vào rừng ẩn bóng cây hoặc nhà trống vắng vẻ rồi ngồi kiết già, mình ngay thẳng vững niệm, thẳng thớm, y vẫn trừ tham ác trong đời, có tâm xa lìa tham ác đặng thành tựu oai nghi. Tâm trong sạch lìa tham ác, bỏ giận hờn là sân độc rồi tâm không ép uổng, có sự tương tế bằng cách lợi ích liên quan cả chúng sanh, thành tựu oai nghi, tâm trong sạch lìa giận hờn là sân độc, trừ hôn trầm thuỳ miên, thành người tránh xa hôn trầm, thuỳ miên. Tư tưởng sáng suốt, có chánh niệm lương tri, thành tựu oai nghi.

Tâm trong sạch lìa hôn trầm thuỳ miên, trừ trạo hối thành người không tán loạn, đến bực vắng lặng thân trong thân. Còn làm cho tâm trong sạch lìa trạo hối, trừ hoài nghi, vượt khỏi hoài nghi, không thành người có cách nói rằng thứ nào trong tất cả pháp thiện còn làm cho tâm trong sạch khỏi hoài nghi. Phíc-khú trừ cái, những thứ đó là tuỳ phiền não của tâm, có thể làm cho tuệ yếu ớt đặng, mà vắng lặng ly tất cả dục, xa lìa chư bất thiện vào đến sơ thiền có tầm tứ hỷ và lạc sanh từ tịnh; thành tựu oai nghi do sự vắng lặng tầm tứ đến nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, vẫn thành tựu oai nghi.

Phíc-khú đó khi tâm trong sạch thanh tịnh không có phiền não như ngọn đồi, xa lìa tuỳ phiền não thành lẽ thường mềm dịu vừa việc làm, đã vững vàng, đặng sự không lay động như thế. Tâm còn chăm chú vào thiền thành cơ qua trừ hết tất cả lậu.

Y vẫn biết theo sự thật như vầy, đây là khổ, đây là tập khổ, đây là diệt khổ, đây là đường lối tiến hành đến diệt khổ. Vẫn biết theo sự thật như vầy: Những thế là lậu, đây là nhân phát sanh của lậu, đây là sự diệt lậu, đây là điều mà tiến hành đi đến diệt lậu. Khi y biết chắc như thế nhận thấy như thế, tâm thoát ly ra ngoài dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

Khi tâm thoát ly rồi, y biết rằng đã thoát ly. Vẫn biết rõ rằng đã tuyệt sự sanh, phạm hạnh đã tột, việc đáng làm đã xong xuôi, việc khác như thế không còn. Đây là cách chiến thắng giặc của Phíc-khú đó.

Chiến sĩ thấy vọi bụi, thấy ngọn cờ, đặng nghe tiếng binh đội rầm rộ, bị thương chút đỉnh vẫn cứ chịu đựng; người ấy đã thắng trận, gọi là người thắng trận đặc biệt rồi. Chính như thế mới là cách thắng trận bằng đắc chứng, Phíc-khú đó cũng tỷ như thế ấy, người như vầy vẫn có trong đời này. Bực so sánh với chiến sĩ thứ năm đây có hiện bày trong Tăng Phíc-khú.

Cách tỷ dụ năm người chiến sĩ chỉ có bấy nhiêu đây.

145.

Ngủ chủng Phíc-khú thường đi bát *ra sao?*

- Phíc-khú thường đi bát mà người khờ khạo tối mê,
- Phíc-khú có sự mong mỏi nhơ bẩn, bị sự ham muốn phóng tứ[5] mới thường đi bát.
- Phíc-khú thường đi bát do điên cuồng, vì có tâm tán loạn.
- Phíc-khú thọ trì thường đi bát do nghĩ rằng chi điều của Phíc-khú thọ trì thường đi bát đây là điều mà Đức Phật và chư Thinh văn khen ngợi.

[5] phóng tứ - đây có nghĩa là buông thả tự do, tính tình phóng đãng, không giữ lễ phép.

- Một cách nữa, Phíc-khú thường thọ trì đi bát do chỉ nương một cách thiểu dục, bởi chỉ nương một cách cạo gọt phiền não vì chỉ nương một cách cần hành tốt đẹp ấy.

Bao nhiêu vị Phíc-khú đó, mà Phíc-khú nào thọ trì thường đi bát do chỉ nương một cách thiểu dục, chỉ nương cách tri túc, bởi chỉ nương một cách cạo gọt phiền não do chỉ nương một cách hành tốt đẹp ấy. Phíc-khú đó là bực cao siêu, đặc biệt, thành hướng đạo là người cao tột, thành người đặc biệt hơn bao nhiêu Phíc-khú thọ trì thường đi bát trong những năm hạng này.

Sữa có ra từ bò cái, sữa chua có ra từ nơi sữa, bơ cục có ra từ nơi sữa chua, bơ trong có ra từ nơi bơ cục, đề hồ có ra từ nơi bơ trong.

Những năm thứ thuốc đó, mà vị đề hồ người trong đời này cho là quí như thế nào thì Phíc-khú thọ trì thường đi bát chỉ vì một cách mong mỏi thiểu dục, bởi chỉ nương một cách tri túc, chỉ do vì cách cạo gọt phiền não, chỉ vì cách thật hành như thế. Phíc-khú ấy là bực cao quí đặc biệt, là hướng đạo, là người cao tột, là người đặc biệt trong nhóm thọ trì thường đi bát.

Như thế gọi là năm bực Phíc-khú thọ trì thường đi bát.

146.

Phíc-khú thọ trì cách ngăn vật thực dưng sau khi đã ngồi có năm hạng: phíc-khú giữ ngồi ăn có năm cách; phíc-khú thọ trì y phấn tảo có năm cách; phíc-khú thọ trì ở cội cây có năm cách; phíc-khú thọ trì ở chỗ trống có năm cách; phíc-khú thọ trì ngồi thường có năm cách; phíc-khú thọ trì cách tự sắp ngồi có năm cách; phíc-khú thọ trì ở nghĩa địa có năm cách.

Phíc-khú thọ trì ở nghĩa địa có năm cách *ra sao?*

Phíc-khú thọ trì thường ở nghĩa địa mà tối tăm khờ khạo, Phíc-khú có sự mong mỏi nhơ bẩn, bị sự ham muốn phóng tứ nên thường ở nghĩa địa. Phíc-khú thọ trì thường ở nghĩa địa do suy xét rằng thường ở nghĩa địa là Phật và chư Thinh văn thường tán thán khen ngợi.

Một cách nữa, Phíc-khú thường ở nghĩa địa chỉ do một cách thiểu dục, chỉ do cách tri túc, chỉ do sự cạo gọt phiền não, chỉ do cách thật hành quí tốt đẹp.

Bao nhiêu Phíc-khú thọ trì thường ở nghĩa địa mà Phíc-khú chỉ do cách thiểu dục, chỉ do cách tri túc, chỉ do cách cạo gọt phiền não, chỉ do cách thật hành tốt quí. Phíc-khú như thế là cao thượng, đặc biệt, thành hướng đạo, cao siêu và đặc biệt hơn trong năm hạng Phíc-khú thường ở nghĩa địa.

Sữa có ra từ nơi bò cái, sữa chua có ra từ nơi sữa, bơ cục có ra từ nơi sữa chua, bơ trong có ra từ nơi bơ cục, đề hồ có ra từ nơi bơ trong.

Bao nhiêu thứ thuốc đó mà đề hồ có ra từ bơ trong, người đời cho là quí như thế nào thì bực Phíc-khú thọ trì thường ở nghĩa địa cũng như thế ấy.

Bực thọ trì thường đi bát do chỉ nương cách thiểu dục chỉ nương cách tri túc, chỉ do cạo gọt phiền não, chỉ do cần dụng thật hành tốt đẹp cũng giống như vậy. Phíc-khú như thế là bực quí, đặc biệt, cao thượng, đáng hướng đạo, cao siêu, đặc biệt hơn trong năm bực Phíc-khú thường thọ trì đi bát.

Cách này gọi là Phíc-khú thọ trì thường ở nghĩa địa có năm hạng.

Dứt Xiển minh phần năm

Xiển minh phần lục

Lục chủng nhân

147.

* Bực nào tự tỏ ngộ tất cả đế, trong tất cả pháp mà trước khỏi nghe, luôn cả đắc Toàn giác trong chánh pháp, chuyên môn pháp bảo, thành tựu tất cả lực; nhận thấy là bực vô thượng Chánh đẳng Chánh giác bằng nhứt thế chủng trí.
* Bực nào tự tỏ ngộ chư đế trong tất cả pháp mà không phải do nghe trước. Nhưng không đặng nhất thế chủng trí trong tất cả pháp, cũng không đặng chuyên môn tất cả pháp. Như thế gọi là bực Độc giác hay Duyên giác.
* Bực nào không tự chứng chư đế trong tất cả pháp mà không do nghe trước, nhưng đặng làm cho tận khổ luôn và đắc chứng theo độ Thinh văn. Như thế là đức Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên bằng trí tuệ độ Thinh văn.
* Bực nào không đặng tự ngộ chư đế trong tất cả pháp mà không do nghe trước, cũng thành người làm cho tận khổ trong đời hiện tại, nhưng không chứng theo Thinh văn độ. Bực như thế là La hán, ngoài ra cũng đặng làm tận khổ đó.
* Bực nào không đặng tự ngộ chư đế trong tất cả pháp mà không do nghe trước luôn cả không làm cho tận khổ trong đời này tức là bực Bất huờn, không còn trở lại như lối này. Như thế nên nhận là bực Bất lai do không trở lại như thế này nữa.
* Bực nào không tự ngộ chư đế trong tất cả pháp mà khỏi nghe, luôn cả trong đời này không đặng làm cho tận khổ, còn trở lại như thế này. Bực như vậy nhận là Dự lưu hoặc Nhất lai do cách còn trở lại như thế này.

Dứt Xiển minh phần sáu.

Xiển minh phần thất

Thất chủng nhân

148.

* ***Hạng người chìm cứ chìm luôn*** *ra sao?* Có người trong đời này chỉ hành theo pháp bất thiện, như thế gọi là người chìm càng chìm luôn.
* ***Người trồi lên rồi chìm xuống*** *ra sao?*

  Có người trong đời này trồi lên pháp thiện tức là đức tin tốt đẹp, đặng trồi lên pháp thiện tức là có tâm tốt đẹp, đặng trồi lên pháp thiện tức là pháp quí tốt, đặng trồi lên pháp thiện tức là tinh tấn tốt, đặng trồi lên pháp thiện tức là tuệ tốt.

  Đức tin của người ấy không đặng vững vàng tiến hoá phải thối hoá luôn. Sự tàm của người ấy không vững vàng chẳng tiến thêm dĩ nhiên thối hoá luôn. Sự uý của người đó không vững vàng chẳng tiến hoá trở lại thối hoá luôn. Sự tinh tấn của người đó không đình trụ tiến thêm, lại còn thối hoá luôn. Tuệ của người đó không vững vàng tiến hoá bị thối hoá luôn. Như thế gọi là người trồi lên rồi chìm xuống luôn.
* ***Người trồi lên rồi ngừng lại*** *ra sao?*

  Có người trong đời này đặng trồi lên pháp thiện là đức tin tốt, đối trong pháp thiện có tâm tốt, đối trong pháp thiện là quí tốt, đối trong pháp thiện có cần tốt, đối trong pháp thiện có tuệ tốt.

  Người đó đức tin không thối hoá; pháp tàm của người đó không tiến không thối, pháp uý của người đó không tiến không thối, sự tinh tấn của người đó không tiến không thối, tuệ của người đó không tiến không thối. Như thế gọi là người trồi lên rồi ngừng lại.
* ***Người trồi lên rồi xoay liếc ngó*** *ra sao?*

Có người trong đời này trỗi lên pháp thiện là đức tin đặng tốt, đối với pháp thiện có sự tàm đặng tốt, đối với pháp thiện có sự uý đặng tốt, đối trong pháp thiện có sự tinh tấn đặng tốt, đối trong pháp thiện có đặng tuệ tốt.

Người đó là bực Dự lưu không còn sa đoạ khổ thú, thành người nhứt định, sẽ thành tựu sau này do đã hết tam thiền. Như thế gọi là người trỗi lên rồi xoay liếc ngó.

∗ ***Người trỗi lên rồi lội qua*** *ra sao?*

Có người trong đời này đặng trỗi lên pháp thiện tức là đặng có đức tin tốt, đối trong pháp thiện đặng có tàm cao, đối trong pháp thiện đặng có uý cao, đối trong pháp thiện tinh tấn cao, đối trong pháp thiện tuệ cũng đặng cao.

Người ấy là bực Nhứt lai vì đã hết tam triền và ái, sân, si cũng đặng nhẹ nhàn. Nếu trở lại Dục giới chỉ một lần thời đặng làm cho tuyệt khổ. Như thế gọi là người trỗi lên rồi lội qua.

∗ ***Người trỗi lên rồi lội đến nơi cạn vừa đứng*** *ra sao?*

https://images.mtviet.com/sachvidieuphap/Bo-Phap-Tu.pdf

Có người trong đời này đặng trỗi lên pháp thiện là đức tin cao rất cao, đối trong pháp thiện có sự tàm rất cao, đối trong pháp thiện có sự uý rất cao, đối trong pháp thiện có sự tinh tấn rất cao, đối với pháp thiện đặng trí tuệ cũng cao siêu.

Người đó sẽ hoá sanh vì triền thấp đã dứt hết, sẽ viên tịch thế giới Phạm thiên, không trở lại nơi Dục giới nữa. Như thế gọi là người trỗi lên rồi lội đến chỗ cạn vừa đứng.

∗ ***Người trỗi lên rồi lội đến bờ tịnh chí đứng trên khô*** *ra sao?*

Có người trong đời này trỗi lên pháp thiện là đức tin rất tốt, trỗi lên pháp thiện là tàm rất tốt, trỗi lên pháp thiện là uý rất tốt, trỗi lên pháp thiện là tinh tấn rất tốt, trỗi lên pháp thiện là tuệ rất tốt.

Người ấy đã tự hiểu tột, làm cho tỏ ngộ đến bực tâm giải thoát, tuệ giải thoát, gọi là vô lậu vì tất cả lậu hết rồi, thành tựu oai nghi hiện thế. Như vậy gọi là người trỗi lên rồi lội đến bờ tịnh chí.

149.

∗ ***Người giải thoát lưỡng biên*** *ra sao?* Có người trong đời này, tự mình chạm bát giải thoát thành tựu oai nghi và tất cả lậu của người ấy dứt tuyệt do tuệ tỏ ngộ. Như thế gọi là người giải thoát lưỡng biên.

∗ ***Người giải thoát bằng trí, người kiến chí, người tri kiến tiến hoá, người tuỳ tín hành, người tuỳ pháp hành*** *ra sao?*

Tín quyền của người nào bực hành để làm cho tỏ ngộ quả Dự lưu tột hạng lượng, huấn luyện thánh đạo, đức tin dẫn dắt, có đức tin hướng đạo. Như thế gọi là người tuỳ tín hành.

Người hành để đến quả Dự lưu gọi là người tuỳ tín hành, người vững vàng trong quả gọi là người tín giải hành. Chỉ có bấy nhiêu như thế đó.

Dứt Xiển minh phần bảy

Xiển minh phần bát

Bát chủng nhân

150.

Người đều đủ bốn đạo, đều đủ bốn quả *ra sao?* Bực quả Dự lưu, bực tiến hành hầu đến quả Dự lưu, bực quả Nhất lai, bực tiến hành hầu đến quả Nhất lai, bực Bất lai, bực

tiến hành hầu đến quả Bất lai, bực La hán, bực tiến hành hầu đến quả La hán. Những bực này gọi là người đều đủ bốn đạo bốn quả.

Dứt Xiển minh phần tám

Xiển minh phần cửu

Cửu chủng nhân

151.

* ***Bực Chánh đẳng Chánh giác*** *ra sao?* Có người trong đời này tự rõ biết chư đế trong tất cả pháp mà chẳng phải đã từng nghe trước, đắc bực Nhứt thế chủng trí, biết những pháp đó và chuyên môn trong pháp, đủ tất cả lực. Như thế gọi là bực Chánh Đẳng Chánh Giác *(Sammā Sambuddho).*

* ***Bực Độc giác*** *ra sao?* Có người trong đời này cũng tự chứng cứ chư đế trong tất cả pháp, không do nghe trước. Nhưng không đắc bực Nhất thế chủng trí với tất cả pháp luôn cũng không phải là bực chuyên môn biết tất cả pháp. Như thế gọi là bực Độc giác *(Pacceka Buddha).*

* ***Bực giải thoát lưỡng biên*** *ra sao?* Có người trong đời này tự mình chạm bát giải thoát thành tựu oai nghi và dứt hết tất cả lậu do tỏ ngộ bằng tuệ. Như thế gọi là bực lưỡng biên giải thoát *(ubhato bhāgavimutto).*

* ***Bực giải thoát bằng tuệ*** *ra sao?* Có người trong đời này không đặng chạm bát giải thoát nơi mình mà cũng thành tựu oai nghi do lậu của người ấy đã dứt hết bởi nhận thấy bằng tuệ. Như thế gọi là bực giải thoát bằng tuệ *(paññāvimutto).*

* ***Người thân chứng*** *ra sao?* Có người trong đời này tự thân chạm bát giải thoát, thành tựu oai nghi, người ấy dứt luôn hết tất cả lậu do nhận thấy bằng tuệ. Như thế gọi là người thân chứng *(puggala kāyasakkhī).*

* ***Người kiến chí*** *ra sao?* Có người trong đời này vẫn biết theo sự thật như vầy: Đây là khổ… đây là đường lối tiến hành đến diệt khổ. Một nữa, tất cả pháp của Như Lai truyền bá, người đó thấy bằng tuệ, khéo tiến hành bằng tuệ. Một nữa, người đó cũng dứt lậu phần nào do thấy bằng tuệ. Như thế gọi là người kiến chí *(puggala diṭṭhipatta).*

* ***Người tín giải hành*** *ra sao?* Có người trong đời này vẫn biết theo sự thật như vầy: Đây là khổ… đây là đường lối tiến hành đến diệt khổ. Một nữa, pháp mà đức Như Lai truyền bá, người đó thấy bằng tuệ tiến hành tốt đẹp bằng tuệ. Một nữa, lậu của người ấy có thứ hết do thấy bằng tuệ nhưng không phải như người kiến chí. Như thế gọi là người tín giải hành *(saddhāvimutto).*

* ***Người tuỳ pháp hành*** *ra sao?* Tuệ quyền của bực đã tiến hành hầu tỏ ngộ quả Dự lưu tột hạng lượng, bực như thế vẫn huấn luyện Thánh đạo mà có tuệ dẫn dắt, có tuệ chủ trương. Như thế gọi là người tuỳ pháp hành *(puggala dhammanusārī).* Bực quả vững vàng rồi, gọi là người kiến chí *(puggala diṭṭhipatta).*

* ***Người tuỳ tín hành*** *ra sao?*

  Tín quyền của người nào tiến hành hầu tỏ ngộ quả Dự lưu siêu hạng lượng, vẫn huấn luyện Thánh đạo có đức tin dẫn dắt, có đức tin làm trưởng. Như thế gọi là người tuỳ tín hành *(puggala saddhānusārī).*

  Người tiến hành làm cho tỏ ngộ quả Dự lưu gọi là bực tuỳ tín hành *(puggala saddhānusārī).*

Người đã vững vàng quả Dự lưu gọi là bực tín giải hành *(puggala saddhāvimutto).*

Dứt Xiển minh phần chín

Xiển minh phần thập

Thập chủng nhân

152.

∗ ***Năm bực thánh đắc chứng trong Dục giới** ra sao?*

Năm bực thánh đắc chứng trong Dục giới như là:

- Bực thánh Dự lưu thất lai *(Sattakkhattuparama);*
- Bực thánh Dự lưu lục lai *(Kolaṅkola);*
- Bực thánh Dự lưu nhất thăng lai *(Ekabījī);*
- Bực thánh Nhất lai *(Sakadāgāmī);*
- Bực thành tựu La-hán trong hiện đại.

∗ ***Năm bực xả thân khỏi Dục giới mới thành tựu** ra sao?*

- Bực thánh Trung bang bất hườn *(Antarāparinibbāyī).*
- Bực thánh Sanh bang bất hườn *(Upahaccaparinibbāyī).*
- Bực thánh Vô hành bang bất hườn *(Asaṅkhāraparinibbāyī).*
- Bực thánh Hữu hành bang bất hườn *(Sasaṅkhāraparinibbāyī).*
- Bực thánh Thượng lưu bang bất hườn *(Uddhaṅsotoakaniṭṭhagāmī).*

Dứt Xiển minh phần mười

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

Cách chế định người chỉ có bấy nhiêu

Hoàn mãn Bộ Nhơn Chế Định

18 – 04 – 1975 (07 – 03 – 2518)

Chia phước đến tất cả chúng sanh
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

BỘ NGUYÊN CHẤT NGỮ
(DHĀTUKATHĀ)

BỘ NHÂN CHẾ ĐỊNH
(PUGGALAPAÑÑATTI)

Việt dịch: Sư cả Tịnh Sự

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội
ĐT: 04-37822845 – Fax (04).37822841

Chịu trách nhiệm xuất bản
Nguyễn Công Oánh

Biên tập

Sửa bản in
Mỹ Hà

Trình bày
Tỳ Khưu Siêu Thiện

~~~~~~~~~~

Đối tác liên kết
Thư viện Phật Giáo Nguyên Thuỷ
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, Tp HCM

In lần thứ I số lượng 500 cuốn
Tại xí nghiệp in...
Địa chỉ:
GPXB số:
In xong và nộp lưu chiểu quý ... năm 2012 GPXB số:
Xin xong và nộp lưu chiểu tháng...
~~~~~~~~~~

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

TẠNG VÔ TỶ PHÁP
(ABHIDHAMMAPIṬAKA)

BỘ THỨ NĂM

BỘ NGỮ TÔNG
(KATHĀVATTHU)

CẢO BẢN

Đại Trưởng lão Hòa Thượng Tịnh Sự - Mahāthero Saṅtakicco
Chuyển ngữ từ bản tiếng Pāli - Thái sang tiếng Việt
Năm 1976

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
2012

Dịch giả:
Đại Trưởng lão Hòa Thượng Tịnh Sự
Nguyên Cố Vấn I, kiêm Trưởng Ban Phiên Dịch
Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy *(Theravāda)*
Việt Nam

LỜI GIỚI THIỆU

Bộ Kathāvatthu (Ngữ Tông) là Bộ thứ 5 trong Abhidhammapiṭaka (Tạng Vô Tỷ Pháp), đã được Đức Phật thuyết trên cung trời Tāvatiṃsa (Đạo lợi) vào Hạ thứ 7 sau khi thành Phật. Bộ Kathāvatthu, Đức Phật thuyết suốt 13 ngày *(từ ngày 22 tháng 7 đến ngày mùng 4 tháng 8 năm Kỷ Mão)*, đặng 7.100 pháp uẩn, có 70.000.000 vị Chư thiên chứng quả Thánh. Nội dung bộ Kathāvatthu đã được Đức Phật thuyết để phá các Tà kiến, dị kiến hiểu lệch lạc trong Phật Giáo.

Đức Phật với Nhất thiết chủng trí của mình thấy được tất cả kiến chấp đó, nên Ngài đã thuyết đầy đủ trong bộ Kathāvatthu nầy để bác bỏ, đả phá các Tà kiến, dị kiến sẽ xảy ra trong Phật Giáo sau này. Cho dù hiện tại hay vị lai về sau, bất cứ ai trong Phật Giáo có sự hiểu sai về Pháp giới, có chấp kiến sai lạc về Phật Pháp cũng không nằm ngoài Bộ này. Giống như Kinh Phạm Võng mà Phật Ngài đã thuyết, cho dù quá khứ, hiện tại hay vị lai về sau, bao nhiêu kiến chấp, bao nhiêu chủ thuyết cũng không nằm ngoài Kinh Phạm Võng.

Sau khi Đức Phật viên tịch, khoảng 100 năm sau, chư Tăng chấp sai về Giới Luật. Hơn 200 năm sau, thời vua Asoka (A Dục), chư Tăng chấp sai về Pháp Phật, nên Ngài Moggallaputta Tissa phải đứng ra chỉnh đốn lại tri kiến Phật Pháp, bằng cách sử dụng lý luận trong Bộ Kathāvatthu này để bác bỏ, đả phá các kiến chấp đó. Và để làm sáng tỏ thêm ý nghĩa bác bỏ, đả phá đó, Ngài trước tác 500 câu nhập chung 500 câu của Đức Phật để giải thích cho tường tận. Chính vì lý do này mà một số học giả hiểu lầm cho rằng Bộ Kathāvatthu là do Ngài Moggallaputta Tissa sáng tác. HT. Tịnh Sự nói rằng: Cho dù 1.000 đi nữa, cũng không thể tính thêm 1 pháp uẩn pháp môn gì cả.

Trước đây, chúng tôi học hỏi về Bộ Kathāvatthu với Ngài HT. Tịnh Sự, chúng tôi thắc mắc về cách bác bỏ nữa chừng trong bộ này, Ngài cho biết cách trả lời của Bậc Trí là không bao giờ dồn đối phương đến chân tường, 2 bên đối đáp qua lại thì tự biết mình sai hay đúng là đủ, không cần phải thừa nhận là sai.

Lý luận trong bộ này rất cao siêu, ai nắm được lý pháp siêu lý bộ Song Đối thì có thể hiểu được cách trả lời, cách bác bỏ, cách thừa nhận … được sử dụng trong bộ này.

Bộ Kathāvatthu này được Ngài HT. Tịnh Sự dày công soạn dịch, nay được các đệ tử tôn trọng trí tuệ Ngài, nên ấn tống lại nguyên bản dịch của Hòa Thượng, để học giả, học viên có thể hiểu được sâu xa bản dịch của Ngài, nhất là hiểu đúng ý Phật dạy trong Bộ Kathāvatthu này.

Tôi xin trân trọng giới thiệu với các học giả và học viên môn Thắng Pháp.

Tỳ Khưu Pháp Chất
- Ủy viên Hội Đồng Trị Sự GHPGVN
- Phó Ban Nghi Lễ Trung Ương
- Trụ Trì Chùa Nguyên Thủy Q.2 – Sài Gòn.

LỜI TỰA
BAN ẤN TỐNG PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Hòa thượng Tịnh Sự là vị Cao tăng thạc đức của Phật Giáo Nguyên thủy. Thông thạo chữ Pālī, Thái và chữ Nho. Từng du học ở Thái Lan hơn 10 năm để nghiên cứu văn học Luận tạng Pālī - Abhidhamma, ngày nay một số vị Cao tăng và đệ tử của ngài vẫn còn in đậm dấu ấn một thời vàng son của bậc thầy trên đất Thái. Nhờ sự nghiên cứu Abhidhamma của ngài, nên khi về Việt Nam ngài nổ lực không ngừng phiên dịch và giảng dạy Abhidhamma nhiều khóa cho thế hệ Tăng sĩ trẻ Phật giáo. Chính vì vậy, ngày nay ở Việt Nam có không ít những Chư tăng và Phật tử thông thạo Abhidhamma và hiện tại bộ Tạng này đã và đang được giảng dạy ở Học viện Phật Giáo Việt Nam và lớp Cao Đẳng Phật Giáo tại thành phố Hồ Chí Minh.

Trước năm 1975, Ngài được Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam mời làm trưởng ban phiên dịch. Điểm đáng mừng, gần 20 năm ngài phiên dịch trọn vẹn luận tạng Pālī, gồm 7 bộ, hơn 10 tập, mỗi tập dày khoảng 500 trang. Dịch xong quyển nào ngài cho quay Roneo gởi Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy Việt Nam để lưu trữ; đồng thời ngài cũng dày công biên soạn một số kinh sách quan trọng trong lãnh vực luận tạng để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và học tập Abhidhamma tại Việt Nam.

Tiếp theo dòng chảy khai sơn phá thạch của Đại Trưởng lão Tịnh Sự, sau năm 1975, Thượng tọa Giác Chánh, Thượng tọa Bửu Chánh, Thượng tọa Giác Giới, Thượng tọa Pháp Chất, Thượng tọa Tịnh Thân, Thượng tọa Chánh Minh biên soạn, mở nhiều lớp Abhidhamma trong Chùa hoặc tại Tư gia để đào tạo kiến thức phật học cho Tăng, Tu nữ và Phật tử gieo duyên với Luận tạng. Về phía Cư sĩ, chúng ta cũng không quên sự nghiệp hoằng pháp Abhidhamma của Cô Bảy Vĩnh Phúc, Cô Quỳnh Hương v.v… .

Gần đây khoảng 5 năm qua, lớp Abhidhamma được tổ chức tại Tổ đình Bửu Quang do Cư sĩ Đức Tài (nay là Tỳ Khưu Giác Tuệ) phụ trách giảng dạy. Tỳ Khưu Giác Tuệ là đệ tử thuần thành của Cố Đại Trưởng lão Tịnh Sự, được Ngài dạy và truyền trao môn Abhidhamma rất chu đáo. Trong thời gian qua, Tỳ khưu Giác Tuệ đã đào tạo và tốt nghiệp gần 200 học viên Abhidhamma cấp Tiểu học, Trung học và Cao học. Để làm phong phú Abhidhamma, Thư viện Phật Giáo Nguyên Thủy xin phép Nhà Xuất bản Tôn giáo ấn hành 4 quyển Tự học Vi Diệu Pháp, Tâm Sở, Vi Diệu Pháp - Tâm lý và Triết học Phật giáo, Chú giải Bộ Pháp Tụ, Chú giải Bộ Phân Tích, Chú giải Thuyết Luận Sự - Kathāvatthu v.v... .

Điểm đáng chú ý, những học viên lớp Abhidhamma do Tỳ khưu Giác Tuệ giảng dạy từ cấp Trung học trở lên đều nghiên cứu sâu vào những quyển Chánh tạng Abhidhamma của Cố Đại Trưởng lão Hòa thượng Tịnh Sự. Chính vì thế, 7 bộ Vi Diệu Pháp do chính Hòa thượng dịch còn là cảo bản, in bằng hình thức quay Roneo được các học viên học một cách nghiêm túc; đồng thời Tỳ khưu Giác Tuệ chỉ đạo đánh vi tính, sửa lỗi chính tả để phổ biến trong lớp Abhidhamma để học viên học và làm tài liệu nghiên cứu chính thức.

Nhận thấy bảy bộ Abhidhamma cảo bản (bản đầu tiên chưa chỉnh sửa bằng bất cứ hình thức nào) của Cố Đại Trưởng lão Tịnh Sự phiên dịch quá hay và đáp ứng nhu cầu cho học viên hiện nay, nên Tăng Ni và Phật tử học viên đề nghị chúng tôi thành lập Ban Ấn Tống để in những quyển sách quý giá trên đáp ứng nhu cầu thực tế của học viên; đồng thời muốn bảo tồn tinh hoa, trí tuệ và giá trị tinh thần của Đại Trưởng lão Tịnh Sự đối với tạng Abhidhamma bằng tiếng Việt.

Trước nhất, Ban Ấn Tống sẽ xuất bản và giới thiệu đến quý độc giả quyển Kathāvatthu - NGỮ TÔNG, quyển này là bộ thứ năm trong bảy bộ. Sở dĩ xuất bản quyển này trước vì hai lý do, một là trước đây Ban Tu thư Chùa Nam Tông do cố Hòa thượng Siêu Việt chủ trương, cụ thể thực hiện là Thượng tọa Giác Chánh và Thượng tọa Giác Giới tu chỉnh, biên tập và cho xuất bản sáu bộ, duy nhất bộ Ngữ Tông này chưa thực hiện. Hai là, thời gian qua bộ Kathavatthu bản chú giải do hai dịch

giả xuất bản đó là Tâm An – Minh Tuệ với tựa sách là NHỮNG ĐIỂM DỊ BIỆT, Nguyễn Văn Sáu bản dịch với tựa sách CHÚ GIẢI THUYẾT LUẬN SỰ. Xin thưa hai quyển trên đều là chú giải của hai dịch giả phương tây. Kathavatthu - Ngữ Tông chánh tạng chưa từng xuất bản ở Việt Nam, nên độc giả đọc hai bản chú giải trên và sẽ có một số ngộ nhận quyển Kathavatthu là thời kỳ văn học luận tạng bộ phái.

Như vậy, theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy, bảy bộ luận tạng Pālī do đức Phật thuyết giảng trên cung trời Đạo lợi với tác ý trả hiếu cho mẹ. Trong Tam tạng Pālī, bốn mươi lăm năm hoằng pháp đều ghi nhận hạ thứ bảy, đức Phật nhập hạ ở Cung trời Đạo lợi và toàn bộ những gì Đức Phật giảng bộ Abhidhamma được tôn giả Xá Lợi Phất Sariputta học lại khi Đức Phật trở về thế gian ở địa danh Sankhassa thời nay. Địa danh này ngày nay vẫn thu hút giới Phật giáo đến hành hương, cụ thể là Miến Điện và Thái Lan. Do đó, những ai nói Abhidhamma không phải đức phật giảng ở cõi trời thì không đúng với truyền thống phật giáo Nguyên thủy Theravāda.

Lại nữa, có một số người ngộ nhận bộ thứ năm Kathāvatthu - NGỮ TÔNG bằng bản chú giải 500 học thuyết của Tôn giả Moggalitissa hình thành vào thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch trong thời điểm kết tập tam tạng Pālī lần 3 do vua Asoka bảo trợ. Vì trong bộ này, chúng ta thấy tác giả trình bày những quan điểm của nhiều bộ phái. Ví dụ: Vấn đề Níp bàn. Phái Mahasanghika quan điểm như thế này, Savastivada quan điểm như thế này, Theravāda quan điểm như thế này v.v… độc giả ngộ nhận thời Phật làm sao có những bộ phái như thế này.

Tuy nhiên, Kathāvatthu - Ngữ Tông bằng chánh tạng (chính Phật thuyết), chúng ta không thấy xuất hiện các bộ phái trong bất cứ trường hợp nào. Chỉ thấy xuất hiện Tự ngôn *(Sakavādī)* và Phản ngữ *(Paravādī)*. Đặc điểm chính của Kathāvatthu - Ngữ Tông là phá Tà kiến. Phật nhìn xa trông rộng thấy đời sau chúng sanh lắm Tà kiến nên ngài tự ngôn bằng nhất thiết chủng trí đưa ra 500 loại hình Tà kiến cơ bản, cho đến thời Phật diệt độ gần 300 năm, Tôn giả Moggalitissa dựa trên 500 câu Chánh tạng và đưa ra 500 loại hình Tà kiến đương đại. Tương tự bên kinh tạng, bài kinh Phạm Võng, đức Phật trình bày và giới thiệu các loại Tà kiến cơ bản, đến tận bây giờ chúng ta thấy con người vì si mê phát sanh Tà kiến gì đi nữa cũng không ngoài những Tà kiến trong bài kinh Phạm Võng.

Thực tế, Kathāvatthu - NGỮ TÔNG, chánh tạng có 23 phẩm, sách dày 405 trang, khổ giấy A4 do Hòa thượng Tịnh Sự phiên dịch từ bản Thái Ngữ trước năm 1975 dưới hình thức cảo bản, quay roneo, chưa từng công bố chính thức. Ban Ấn Tống Phật giáo Nguyên thủy lần đầu tiên đánh máy, chỉnh sữa lỗi chính tả, hoàn toàn trung thành với bản dịch của Hòa thượng, xin xuất bản để giới thiệu đến quý độc giả gần xa bản dịch quý giá này.

Rất mong sự góp ý của Quý độc giả, để kỳ tái bản được hoàn chỉnh hơn.

Chúng tôi chân thành tri ân Thượng Tọa Pháp Chất đã nhiệt tâm ủng hộ và trợ giúp phần đối chiếu bản đánh máy với cảo bản. Thầy Ngộ Đạo đã hỗ trợ phần Pāḷi.

Xin tán dương công đức của Chư Tôn Đức Tăng, Quí Cô Tu Nữ và Phật Tử đã đóng góp tịnh tài để xuất bản quyển sách này. Xin cám ơn Học viên Abhidhamma của Tỳ khưu Giác Tuệ đã đánh vi tính bản thảo này và vận động tịnh tài xuất bản tập sách trên.

Nguyện cầu Tam bảo gia hộ đến quý vị thân tâm an lạc, hanh thông mọi việc.

TM. BAN ẤN TỐNG PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Tỳ Khưu Siêu Minh

Gs. Cao Đẳng và Học viện Phật Giáo Việt Nam

LỜI CẢM TƯỞNG

"Chân lý đôi khi có thể bị che mờ
Nhưng không bao giờ bị tắt"

Quả thật vậy, Thầy chúng tôi - Ngài Đại Trưởng lão Hòa Thượng Tịnh Sự, là bậc thầy đã hy sinh công sức, trí tuệ cho việc dịch thuật Tạng Vô Tỷ Pháp - Abhidhammapiṭaka, đến nay chưa in được nguyên bản (cảo bản). Vì vậy, để tiếp bước công việc lợi sanh của Thầy Tổ, chúng tôi xin được góp sức cùng nhiều vị khác để xuất bản bộ Tạng Abhidhamma theo chính bản gốc mà Ngài dịch.

"Tùy năng thế thượng mong danh lợi,
Tiện thị nhân gian nhất hóa công".

Nghĩa là trên đời ai quên được danh, lợi thì là một hóa công ở trần gian. Thầy chúng tôi, Ngài Tịnh Sự, là người không màng danh lợi. Suốt đời tận tụy cho Phật Giáo, nhất là tận tụy trong việc dạy học và dịch thuật tạng Vô Tỷ Pháp.

Vì ân đức cao dày đó, chúng tôi xin noi gương sáng Bậc thầy khả kính.

"Thầy đi Pháp ở nguồn ân,
Con về nối lại kính dâng lên Thầy".

Tỳ Khưu Giác Tuệ (Đức Tài)

Giảng Sư Abhidhamma tại Tổ Đình Bửu Quang.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU.....2
LỜI TỰA.....3
ĐẠI PHẨM THỨ NHẤT.....15
Phần nhân ngữ.....15
Phần thanh tịnh tỷ giáo.....21
Phần tỷ giảo.....24
Phần tứ chủng tỷ.....29
Phần tướng bình đẳng.....32
Ngữ thanh khiết.....32
Cật vấn chế định.....33
Thú hướng cật vấn.....35
Y chế định cật vấn.....40
Phần nghiệp đặng kế.....47
Cật vấn thông.....55
Cật vấn thân tộc.....55
Phần linh tinh.....59
Hoại lìa ngữ (ỷ hư ngữ).....64
Phạm hạnh ngữ.....81
Hạn định ngữ.....88
Nguyên trừ ngữ.....92
Chư tài vật ngữ.....95
Quá khứ uẩn ngữ.....114
Thích hợp ngữ.....118
Niệm xứ ngữ.....122
Hữu vô ngữ.....124

PHẨM THỨ HAI.....127
Tha dẫn ngữ.....128
Bất tri ngữ.....134
Hoài nghi ngữ.....139
Tha tiếp dẫn ngữ.....143
Ngôn chân biết ngữ.....148
Khổ thực ngữ.....154
Tâm trụ ngữ.....154
Nhiệt thấu ngữ.....157
Tùng tiền thứ đệ ngữ.....160

Từ cú ngữ 166
Diệt ngữ 169

PHẨM THỨ BA 171
Lực ngữ 171
Thánh chúng ngữ 174
Giải thoát ngữ 178
Giải thoát ngã mạn ngữ 180
Dệ bát ngữ 182
Dệ bát quyền ngữ 184
Thiên nhãn ngữ 187
Thiên nhĩ ngữ 189
Tùy nghiệp hành trí ngữ 190
Thu thúc ngữ 192
Vô tưởng ngữ 194
Phi tưởng phi phi tưởng ngữ 196

PHẨM THỨ TƯ 199
Cư sĩ ứng cúng ngữ 199
Phát sinh ngữ 200
Phi cảnh lậu ngữ 202
Tùng hiệp ngữ 205
Xả tùng hiệp ngữ 209
Phật do giác ngữ 209
Tướng hảo ngữ 212
Liên quan nhứt định ngữ 214
Tùng hiệp ngữ một nữa 217
Tuyệt trừ chư triền ngữ 222

PHẨM THỨ NĂM 224
Giải thoát ngữ 224
Vô học trí ngữ 225
Huyễn biến ngữ 226
Nhứt định ngữ 228
Đạt thông ngữ 230
Tục trí ngữ 231
Tâm cảnh ngữ 231

Vị lai trí ngữ 232
Hiện tại trí ngữ 233
Quả trí ngữ 234

PHẨM THỨ SÁU 235
Cố nhiên ngữ 235
Y tương sinh ngữ 236
Đế ngữ 238
Vô sắc ngữ 240
Nhập diệt ngữ 241
Hư không ngữ 242
Hư không hữu kiến ngữ 243
Dịa chất hữu kiến ngữ 244
Nhãn quyền hữu kiến ngữ 245
Thân nghiệp hữu kiến ngữ 245

PHẨM THỨ BẢY 247
Yếu hiệp ngữ 247
Tương ưng ngữ 248
Sở hữu tâm ngữ 249
Bố thí ngữ 250
Hưởng dụng thành tựu phước ngữ 252
Tự thử thí ngữ 254
Đại địa nghiệp quả ngữ 256
Lão tử quả ngữ 258
Thánh nghiệp quả ngữ 259
Pháp dị thục quả nhân ngữ 261

PHẨM THỨ TÁM 263
Lục thú hướng ngữ 263
Trung hữu ngữ 264
Dục lạc ngữ 268
Dục ngữ 270
Sắc giới ngữ 271
Vô sắc giới ngữ 272
Sắc giới lục xứ ngữ 273
Vô sắc hữu sắc ngữ 276

Sắc hành động ngữ 277
Mạng quyền ngữ 287
Nghiệp nhân ngữ 289

PHẨM THỨ CHÍN 291
Thành quả ngữ 291
Bất tử cảnh ngữ 292
Sắc hữu tri cảnh ngữ 294
Tùy miên vô hữu cảnh ngữ 295
Trí bất tri cảnh ngữ 297
Quá khứ cảnh ngữ 298
Vị lai cảnh ngữ 299
Tầm liên quan ngữ 300
Tầm bá thinh ngữ 300
Dẫn tâm ngôn ngữ 301
Tâm dẫn thân nghiệp ngữ 302
Quá khứ vị lai hiện tại ngữ 303

PHẨM THỨ MƯỜI 306
Diệt ngữ 306
Sắc đạo ngữ 307
Ngũ thức hội đạo tu ngữ 308
Ngũ thức thiện hỷ ngữ 310
Ngũ thức kiết phược ngữ 312
Nhị giới tùy tề ngữ 313
Giới phi sở hữu tâm ngữ 315
Giới phi tùng hành tâm ngữ 317
Nguyện trì nhân ngữ 318
Biểu tri giới ngữ 319
Vô biểu tri phạm giới ngữ 320

PHẨM THỨ MƯỜI MỘT 322
Tam chủng tiềm thùy ngữ 322
Trí ngữ 326
Trí bất tương ưng tâm ngữ 327
Thử khổ ngữ 328
Thần thông lực ngữ 329

Định ngữ....331
Pháp trụ ngữ....332
Vô thường ngữ....333

PHẨM MƯỜI HAI....335
Thu thúc nghiệp ngữ....335
Nghiệp ngữ....336
Thinh dị thục quả ngữ....337
Lục nhập ngữ....338
Thất lai chí thượng ngữ....339
Lục lai nhứt sanh ngữ....340
Mạng tuyệt ngữ....341
Khổ thú ngữ....342
Thất sanh ngữ....343

PHẨM MƯỜI BA....344
Bát kiếp ngữ....344
Thiện tâm phản chuyển ngữ....345
Vô gián bất hiệp ngữ....346
Quyết định sở nhứt định ngữ....347
Cái ngữ....347
Hội diện ngữ....348
Nhập thiền thích thành cảnh ngữ....349
Phi cảnh ái ngữ....350
Pháp ái vô ký ngữ....351
Pháp ái phi khổ tập ngữ....352

PHẨM MƯỜI BỐN....354
Thiện, bất thiện liên kết ngữ....354
Lục nhập sanh ngữ....356
Vô gián duyên ngữ....357
Thánh sắc ngữ....359
Bất đồng tùy miên ngữ....360
Già cái bất tương ưng tâm ngữ....362
Liên quan luân hồi ngữ....362
Vô ký ngữ....364
Bất liên quan luân hồi ngữ....365

PHẨM MƯỜI LĂM....366
Duyên khởi ngữ....366
Hổ tương duyên ngữ....368
Kỳ gian ngữ....369
Sát-na kỳ gian điểm điểm ngữ....370
Lậu ngữ....371
Lão tử ngữ....371
Tưởng hưởng ngữ....372
Tưởng hưởng ngữ thứ hai....372
Tưởng hưởng ngữ thứ ba....372
Vô tưởng hữu ngữ....374
Nghiệp tạo chứa ngữ....375

PHẨM MƯỜI SÁU....378
Chinh lệ ngữ....378
Phò trì ngữ....379
Lạc phú ngữ....380
Tập đỉnh tác ý ngữ....381
Sắc thành nhân ngữ....383
Sắc hữu nhân ngữ....384
Sắc thành thiện, bất thiện ngữ....385
Sắc thành dị thục quả ngữ....387
Sắc thành sắc giới, vô sắc giới ngữ....388
Sắc ái sắc giới, vô sắc ái vô sắc giới liên quan luân hồi ngữ....389

PHẨM MƯỜI BẢY....391
La hán khí phước ngữ....391
La hán vô phi thời tử ngữ....392
Nhứt thế thử thành do nghiệp ngữ....393
Quyền liên quan ngữ....394
Trừ ra thánh đạo ngữ....395
Bất ưng ngôn tăng thọ cúng dường ngữ....396
Bất ngôn tăng ưng thọ thí ngữ....397
Bất ngôn tăng độ thực ngữ....398
Bất ngôn cúng tăng đa quả ngữ....398
Bất ngôn cúng phật đa quả ngữ....399

Bố thí thanh tịnh ngữ....400

PHẨM MƯỜI TÁM....402
Thế giới nhân loại ngữ....402
Thuyết pháp ngữ....403
Bi ngữ....404
Khí xuất ngữ....404
Nhứt đạo ngữ....405
Thiền đà ngữ....406
Thiền hữu gián ngữ....408
Nhập thiền thính thinh ngữ....410
Nhãn kiến sắc ngữ....411

PHẨM MƯỜI CHÍN....413
Trừ phiền não ngữ....413
Tiêu diệt ngữ....414
Phổ thông quả ngữ....415
An đức ngữ....416
Chân ngữ....418
Thiện ngữ....419
Cực thậm cố nhiên ngữ....419
Quyền ngữ....422

PHẨM HAI MƯƠI....424
Vô cố quyết ngữ....424
Trí ngữ....426
Diêm vương ngữ....426
Bàng sanh ngữ....428
Dạo ngữ....428
Trí ngữ....430

PHẨM HAI MƯƠI MỐT....431
Tông giáo ngữ....431
Bất nghiêm tịnh ngữ....432
Triền ngữ....432
Thần thông ngữ....433
Phật ngữ....434

Chư phương ngữ 434
Pháp ngữ.....435
Nghiệp ngữ.....436

PHẨM HAI MƯƠI HAI 437
Tịch diệt ngữ 437
Thiện tâm ngữ 437
Bất động ngữ 438
Chứng thật pháp ngữ 439
Tam toàn ngữ 440
Vô ký ngữ.....440
Cố hưởng duyên ngữ.....441
Nhứt sát-na ngữ.....442

PHẨM HAI MƯƠI BA 444
Đồng nhu yếu ngữ.....444
La hán nhãn sắc ngữ.....444
Dục tác vương hồn ngữ.....444
Ái thích hợp hành ngữ.....446
Bất hiển minh ngữ.....447
TIỂU SỬ ĐẠI TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG TỊNH SỰ……...…448

BỘ NGỮ TÔNG
(Kathāvatthu)

CUNG KỈNH ĐẾN ĐỨC THẾ TÔN, ỨNG CÚNG, CHÁNH BIẾN TRI

ĐẠI PHẨM THỨ NHẤT

PHẦN NHÂN NGỮ *(PUGGALAKATHĀ)*

1.

* **Tự ngôn** *(Sakavādī):* Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ *(Paravādī)*: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chân thể siêu lý nào mà Ngài nhận thấy đó, thời thuộc là người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
* **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội nhấn mạnh cho rằng nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó mới nói chân thể siêu lý nào mà Ngài nhận đó thì chân thể siêu lý ấy là người, thời tường thuật rằng chân thể siêu lý thật là người. Cũng không nên nói chân thể siêu lý nào mà Ngài nhận thấy đó, chân thể siêu lý ấy là người, vì thế vậy sai! Cũng không nên nói chân thể siêu lý mà Ngài nhận thấy đó là người, thời quyết không nói nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, mà có thể nói thật người nhận thấy được chân thể siêu lý; cũng không nên nói chân thể siêu lý nào mà ngài nhận thấy đó, chân thể siêu lý ấy là người, thế vậy sai.

Dứt phần ngữ thuận (Anuloṃapañcaka)

2.

* Phản ngữ: Ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Chân thể siêu lý nào mà Ngài không nhận đó, chân thể siêu lý ấy là người phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó.
* Phản ngữ: Ngài nên lãnh hội cách nghịch hành *(Paṭikamma),* nếu mà Ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó mới nói chân thể siêu lý nào mà Ngài không nhận thấy đó, chân thể siêu lý ấy là người ư? Có thể nói thật là người không nhận thấy chân thể siêu lý, cũng không nên nói chân thể siêu lý nào mà Ngài không nhận biết đó, chân thể siêu lý ấy là người vì thế vậy sai. Cũng chớ nên nói chân thể siêu lý nào mà Ngài không nhận thấy đó, chân thể siêu lý ấy là người, thời quyết không nên nói không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý; mà có thể nói thật là người không nhận thấy chân thể siêu lý. Cũng không nên nói chân thể siêu lý nào mà Ngài không nhận thấy đó, chân thể siêu lý ấy là người vì thế vậy sai!

Dứt tứ phần nghịch hành (Paṭikammacatukka)

3.

Phản ngữ: Nhưng mà cứ nói hẳn không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, cũng không nên nói thật tướng nào thành chân thể thành siêu lý, không nhận thấy người đó bằng chân thể siêu lý ư? Có lẽ do nhân đó Ngài mới lẹ trí hạn chế người thế này bằng

cấp trí này cũng phải nhấn mạnh cách này. Như thế, tôi mới nhấn mạnh Ngài, mà Ngài bị nhấn mạnh đã đúng lắm. Dù rằng Ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó mới nói thật tướng nào thành chân thể thành siêu lý không nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý. Phải nói rằng không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói thật tướng nào thành chân thể thành siêu lý, không nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý, vì vậy sai. Nhưng nếu không nên nói thật tướng nào thành chân thể thành siêu lý, nhận thấy người đó bằng chân thể siêu lý. Cũng không thể nói không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, mà phải nói rằng không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói thật tướng nào thành chân thể thành siêu lý, không nhận thấy thật là người bằng chân thể siêu lý. Như vậy, đây là sự sai của Ngài.

Dứt Tứ phần chinh lệ (Niggahacatukka)

4.

Phản ngữ: Dù chúng ta nhấn mạnh Ngài, thành ra nhấn mạnh xấu xa, xin Ngài nhận thấy đồng một cách trong chỗ Ngài nhấn mạnh ta, trong bổn phận là phải nói đặng rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý. Nhưng không phải nói thật tướng nào thành chân thể thành siêu lý, tôi nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý. Tôi cũng vẫn là người cấp trí về phần bảo đảm người thế này bằng cấp trí này, mà Ngài không nên nhấn mạnh cách này như thế. Ngài nhấn mạnh ta, ta mới bị hẳn nhấn mạnh xấu tức là nhấn mạnh như vầy: "Dù rằng Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng thật tướng nào thành chân thể thành siêu lý, tôi mới nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý ư?" Phải nói đặng rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không thể nói thật tướng nào thành chân thể thành siêu lý, tôi nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể bằng siêu lý, thế này sai. Nhưng nếu không nên nói rằng thật tướng nào thành chân thể thành siêu lý tôi nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý ư? Cũng không thể nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý mà Ngài tường thật trong vấn đề đó như vầy: "Tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý nhưng không phải nói thật tướng nào thành chân thể thành siêu lý, tôi nhận thấy người ấy theo thật tướng ấy bằng chân thể siêu lý", như đây là sự sai của Ngài.

Dứt phần Tứ chủng dẫn nhận (Upanayacatukka)

5.

Phản ngữ: Tôi không thể bị nhấn mạnh thế này, chính do nhân đó mà Ngài nhấn mạnh tôi rằng dù rằng ông nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, ông mới nói thật tướng nào thành chân thể thành siêu lý, tôi nhận thấy người ấy theo thật tướng ấy bằng chân thể siêu lý ư? Ông mới nói đặng rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không phải nói thật tướng nào thành chân thể thành siêu lý tôi nhận thấy người ấy theo thật tướng ấy bằng chân thể siêu lý như đây sai. Nhưng nếu không phải nói rằng thật tướng nào thành chân thể thành siêu lý, tôi nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý, cũng không cần nói tôi nhận thấy người theo chân thể siêu lý. Ông nên nói tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không phải nói thật tướng nào thành chân thể thành siêu lý, tôi nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý như đây sai. Như vậy mới trở thành sự sai của ông. Chính do nhân đó mà Ngài đã nhấn mạnh bằng cách không đúng cách, trái lại của tôi đã làm đúng, cách dẫn nhập của tôi đặng làm đúng rồi.

Dứt Tứ phần chinh lệ (Nigamacatukka)

Dứt Chinh lệ thứ nhất (Nigaha)

6.

- Phản ngữ: Ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Thật tướng nào thành chân thể siêu lý Ngài không nhận thấy người ấy theo thật tướng ấy bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó.
- Phản ngữ: Ngài nên lãnh hội nhấn mạnh dù ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, mới nói thật tướng nào thành chân thể thành siêu lý, tôi không nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý, mà có thể nói đặng như vầy: "Tôi không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không phải nói thật tướng nào thành chân thể thành siêu lý, tôi không nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý, như thế vậy sai". Nhưng nếu không phải nói rằng thật tướng nào thành chân thể thành siêu lý, tôi không nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý. Cũng không cần nói tôi không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói đặng rằng tôi không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không phải nói thật tướng nào thành chân thể thành siêu lý, tôi không nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý, như vậy sai!

Dứt Ngũ chủng đối lập (Paccanikapañcaka).

7.

- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thật tướng nào là chân thể siêu lý Ngài nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
- **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội nghịch hành dù rằng Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng thật tướng nào là chân thể siêu lý tôi nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý mà Ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói thật tướng nào là chân thể siêu lý; tôi nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý như thế là sai". Nhưng cũng không nên nói rằng thật tướng nào là chân thể siêu lý, tôi nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý, cũng không nên nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý mà Ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy, phải nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý. Nhưng không nên nói thật tướng nào là chân thể siêu lý, tôi nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý như vậy là sai!

Dứt Tứ chủng nghịch hành (Paṭikammacatukka)

8.

Tự ngôn: Ngài cũng còn lập trường như vầy: nên nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không phải nói thật tướng nào là chân thể siêu lý, tôi nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý, như vậy là sai! Do nhân đó ngài vẫn còn bảo vệ lanh lẹ theo phía người như thế, bằng cấp trí như thế, cũng nhấn mạnh như thế. Bởi vậy, chúng tôi mới nhấn mạnh Ngài, chính Ngài đã bị nhấn mạnh đúng, dù rằng Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng thật tướng nào là chân thể siêu lý, tôi nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý mà Ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không thể nói thật tướng nào là chân thể siêu lý, tôi nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý, thế vậy là sai! Nhưng không nên nói rằng thật tướng nào là chân thể siêu lý, tôi nhận thấy người đó theo thật

tướng đó bằng chân thể siêu lý. Cũng không nên nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý mà Ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy: Phải nói là tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói thật tướng nào là chân thể siêu lý, tôi nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý, thế vậy là sự sai của Ngài.

Dứt Tứ chủng chinh lệ (Niggahacatukka)

9.

Tự ngôn: Dù nhấn mạnh mà chúng tôi làm cho Ngài đây thành ra nhấn mạnh xấu xa, Ngài nên nhận thấy cho đồng như nhau. Còn sự nhấn mạnh mà Ngài làm cho chúng tôi trong bổn phận là nên trình bày rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói thật tướng nào là chân thể siêu lý; chúng tôi không nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý. Chúng tôi cũng là người vẫn lẹ trí phần bát bẻ người cách ấy do lẹ trí này mà Ngài không nên nhấn mạnh thế này. Bởi vậy, Ngài nhấn mạnh chúng ta, cho nên chúng ta mới bị nhấn mạnh xấu luôn, tức là nhấn mạnh như vầy: "Dù rằng, ông không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, ông mới nói rằng thật tướng nào là chân thể siêu lý tôi nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý", mà Ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng tôi không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói thật tướng nào là chân thể siêu lý. Chúng tôi không nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý, như vậy là sai"; nhưng không nên nói thật tướng nào là chân thể siêu lý. Tôi không nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý, cũng không nên nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý mà ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng tôi không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói thật tướng nào là chân thể siêu lý. Tôi không nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý như thế, đây là sự sai của Ngài".

Dứt Tứ chủng dẫn nhập (Upanayacatukka)

10.

Tự ngôn: Chúng ta không đáng bị nhấn mạnh cách ấy, chính do nhân đó mà Ngài nhấn mạnh chúng ta như vầy: "Dù rằng ông không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói như vầy: Thật tướng nào là chân thể siêu lý, tôi không nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý mà Ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy: Phải nói rằng, tôi không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói thật tướng nào là chân thể siêu lý, tôi không nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý, thế vậy là sai! Nhưng cũng không nên nói thật tướng nào là chân thể siêu lý, tôi không nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý, cũng không nên nói rằng tôi không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý mà Ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy: Phải nói rằng tôi không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng cũng không nên nói thật tướng nào là chân thể siêu lý, tôi không nhận thấy người đó theo thật tướng đó bằng chân thể siêu lý, như thế vậy là sai! Vì vậy, mới trở thành sự sai của Ngài, chính do nhân đó mới nhấn mạnh mà Ngài đã làm thật không đúng, trái lại, tôi đã làm đặng đúng cách tiến diễn của tôi hẳn là làm đặng trúng.

Dứt Tứ chủng toát yếu (Nigamacatukka)

Dứt Chinh lệ thứ hai (Nigaha)

11.

* **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý *(Sacchikatthaparamattha)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người trong mọi chỗ bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
- **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ *(Nigaha)* dù rằng Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng tôi nhận thấy người trong mọi chỗ bằng chân thể siêu lý mà Ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói tôi nhận thấy người trong mọi chỗ bằng chân thể siêu lý, thế là sai". Nhưng không nên nói tôi nhận thấy người trong mọi chỗ bằng chân thể siêu lý, cũng không nên nói tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý mà Ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy phải nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói rằng tôi nhận thấy người trong mọi chỗ bằng chân thể siêu lý, như vậy là sai.

Dứt Chinh lệ thứ ba (Nigaha)

12.

- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý *(Sacchikatthaparamattha)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người trong mỗi thời bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
- **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ, dù rằng Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng, tôi nhận thấy người trong mỗi thời bằng chân thể siêu lý mà Ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy: "Nên nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói tôi nhận thấy người trong mỗi thời bằng chân thể siêu lý, thế vậy là sai! Nhưng không nên nói rằng tôi nhận thấy người trong mỗi thời bằng chân thể siêu lý, cũng không nên nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý mà Ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng, tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói tôi nhận thấy người trong mỗi thời bằng chân thể siêu lý, như thế vậy là sai".

Dứt Chinh lệ thứ tư (Nigaha)

13.

- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý *(Sacchikatthaparamattha)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người theo mỗi pháp thật tướng bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
- **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ dù rằng Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng tôi nhận thấy người theo mỗi pháp thật tướng bằng chân thể siêu lý mà Ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy phải nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói tôi nhận thấy người theo mỗi pháp thật tướng bằng chân thể siêu lý, như vậy là sai. Nhưng không nên nói rằng tôi nhận thấy người theo mỗi pháp thật tướng bằng chân thể siêu lý, cũng không nên nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý mà Ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng, tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói rằng tôi nhận thấy người theo mỗi thật tướng pháp bằng chân thể siêu lý, thế vậy là sai!

Dứt Chinh lệ thứ năm (Nigaha)

14.

- Phản ngữ: Ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Ngài không nhận thấy người trong mỗi chỗ bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó.

∗ Phản ngữ: Ngài nên lãnh hội chinh lệ dù rằng Ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói như vầy: "Tôi không nhận thấy người trong mỗi chỗ bằng chân thể siêu lý", mà Ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng tôi không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý", nhưng không nên nói như vầy: "Tôi không nhận thấy người trong mỗi chỗ bằng chân thể siêu lý, vậy là sai". Nhưng không nên nói rằng tôi nhận thấy người trong mỗi chỗ bằng chân thể siêu lý, cũng không nên nói tôi không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, mà ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng tôi không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói tôi nhận thấy người trong mỗi chỗ bằng chân thể siêu lý, đó là sai".

Dứt Chinh lệ thứ sáu (Nigaha)

15.

∗ Phản ngữ: Ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Ngài không nhận thấy trong mỗi thời bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói cách đó.

∗ Phản ngữ: Ngài nên lãnh hội chinh lệ dù rằng Ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng tôi không nhận thấy người trong mỗi thời bằng chân thể siêu lý mà Ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng tôi không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không phải nói tôi không nhận thấy người trong mỗi thời bằng chân thể siêu lý, như thế là sai". Nhưng không nên nói rằng tôi không nhận thấy người trong mỗi thời bằng chân thể siêu lý, cũng không nên nói rằng tôi không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, mà Ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng tôi không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói tôi không nhận thấy người trong mỗi thời bằng chân thể siêu lý, thế vậy là sai".

Dứt Chinh lệ thứ bảy (Nigaha)

16.

∗ Phản ngữ: Ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Ngài không nhận thấy người trong mỗi pháp thật tướng bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó.

∗ Phản ngữ: Ngài nên lãnh hội chinh lệ dù rằng Ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng tôi không nhận thấy người trong mỗi pháp thật tướng bằng chân thể siêu lý, mà Ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng tôi không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói rằng tôi không nhận thấy người trong mỗi pháp thật tướng bằng chân thể siêu lý, thế vậy là sai". Nhưng không nên nói tôi không nhận thấy người trong mỗi pháp thật tướng bằng chân thể siêu lý, cũng không nên nói tôi không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, mà Ngài trình bày trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng tôi không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói tôi không nhận thấy người trong mỗi pháp thật tướng bằng chân thể siêu lý".

Dứt Chinh lệ thứ tám (Nigaha)

PHẦN THANH TỊNH TỶ GIÁO *(SUDDHIKASAṄSANDANĀ)*

17.

* **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc là khác, người cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
* **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ dù rằng Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói như vầy: "Sắc là khác, người cũng là khác!". Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng, tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Sắc là khác, người là khác, như thế vậy sai". Nhưng cũng không nên nói rằng: Sắc là khác, người cũng là khác; cũng không nên nói tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng, tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý"; nhưng không nên nói Sắc là khác, người cũng là khác. Như thế vậy sai.

18.

* **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Thọ bằng chân thể siêu lý phải chăng? ... như nhận thấy Tưởng ... như nhận thấy Hành ... như nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thức là khác, người cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
* **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ dù rằng Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Thức là khác, người cũng là khác. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Thức là khác, người cũng là khác, thế vậy sai". Nhưng không nên nói rằng Thức là khác, người cũng là khác; cũng không nên nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói là tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Thức là khác, người cũng là khác, như thế là sai".

19.

Tự ngôn: Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Nhãn xứ bằng chân thể siêu lý phải chăng? ... như nhận thấy Nhĩ xứ ... như nhận thấy Tỷ xứ ... như nhận thấy Thiệt xứ ... như nhận thấy Thân xứ ... như nhận thấy Sắc xứ ... như nhận thấy Thinh xứ ... như nhận thấy Khí xứ ... như nhận thấy Vị xứ ... như nhận thấy Xúc xứ ... như nhận thấy Ý xứ ... như nhận thấy Pháp xứ bằng chân thể siêu lý phải chăng?...

20.

... như nhận thấy Nhãn giới bằng chân thể siêu lý phải chăng?... như nhận thấy Nhĩ giới ... như nhận thấy Tỷ giới ... như nhận thấy Thiệt giới ... như nhận thấy Thân giới ... như nhận thấy Sắc giới ... như nhận thấy Thinh giới ... như nhận thấy Khí Giới *(gandhadhātu)*... như nhận thấy Vị giới ... như nhận thấy Xúc giới ... như nhận thấy Nhãn thức giới ... như nhận thấy Nhĩ thức giới ... như nhận thấy Tỷ thức giới ... như nhận thấy Thiệt thức giới ... như nhận thấy Thân thức giới ... như nhận thấy Ý giới ...

như nhận thấy Ý thức giới ... như nhận thấy Pháp giới bằng chân thể siêu lý phải chăng? ...

21.

- **Tự ngôn:** ... như nhận thấy Nhãn quyền bằng chân thể siêu lý phải chăng? ... như nhận thấy Nhĩ quyền ... như nhận thấy Tỷ quyền ... như nhận thấy Thiệt quyền ... như nhận thấy Thân quyền ... như nhận thấy Ý quyền ... như nhận thấy Mạng quyền ... như nhận thấy Nữ quyền ... như nhận thấy Nam quyền ... như nhận thấy Lạc quyền ... như nhận thấy Khổ quyền ... như nhận thấy Hỷ quyền ... như nhận thấy Xả quyền ... như nhận thấy Tín quyền ... như nhận thấy Cần quyền ... như nhận thấy Niệm quyền ... như nhận thấy Định quyền ... như nhận thấy Tuệ quyền ... như nhận thấy Tri dị tri quyền ... như nhận thấy Tri dĩ tri quyền ... như nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tri cụ tri quyền *(Aññatāvindrīya)* là khác, người cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
- Phản ngữ: Ngài nên lãnh hội chinh lệ *(Nigaha)* dù rằng Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Tri cụ tri quyền *(Aññātāvindrīya)* bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Tri cụ tri quyền là khác, người cũng là khác. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Tri cụ tri quyền là khác, người cũng là khác, thế vậy sai". Nhưng không nên nói Tri cụ tri quyền là khác, người cũng là khác. Cũng không nên nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói rằng Tri cụ tri quyền là khác, người cũng là khác, như vậy là sai".

22.

- Phản ngữ: Ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn, Ngài có phán rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có" và Ngài cũng nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Sắc là khác, người cũng là khác phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó.
- Phản ngữ: Ngài nên lãnh hội nghịch hành *(Paṭikamma)* dù rằng Đức Thế Tôn có phán như vầy: "Bậc người hành hầu tự lợi vẫn có và Ngài cũng nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý", chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Sắc là khác, người cũng là khác. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: Phải nói rằng Đức Thế Tôn phán dạy như vầy: "Bậc người hành tự lợi vẫn có" và tôi cũng nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Sắc là khác, người cũng là khác. Như thế vậy sai. Nhưng không nên nói rằng Sắc là khác, người cũng là khác. Cũng không nên nói như vầy, Đức Thế Tôn phán dạy rằng Bậc người hành hầu tự lợi vẫn có và tôi cũng nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy, nên nói rằng Đức Thế Tôn phán dạy như vầy: "Người hành hầu tự lợi vẫn có và tôi cũng nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Sắc là khác, người cũng là khác như thế vậy là sai ...".

- Phản ngữ: Ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn, Ngài phán dạy rằng: "Bậc người hành tự lợi vẫn có" và Ngài cũng nhận thấy Thọ ... và Ngài cũng nhận thấy Tưởng ... và Ngài cũng nhận thấy Hành ... và Ngài cũng nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý phải chăng?
- Phản ngữ: Ngài nên lãnh hội nghịch hành dù rằng Đức Thế Tôn có phán dạy như vầy: "Bậc người hành hầu tự lợi vẫn có" và Ngài cũng nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Thức là khác, người cũng là khác. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy, nên nói rằng Đức Thế Tôn phán dạy như vầy: "Bậc người hành hầu tự lợi vẫn có", và tôi cũng nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói: "Thức là khác, người cũng là khác" như thế vậy là sai. Nhưng không nên nói rằng Thức là khác, người cũng là khác. Cũng không nên nói rằng Đức Thế Tôn Ngài phán dạy như vầy: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có" và tôi cũng nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý, mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Nên nói là Đức Thế Tôn Ngài phán rằng Bậc người hành hầu tự lợi vẫn có" và tôi cũng nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Thức là khác, người cũng là khác, như thế vậy sai ... .

23.

- Phản ngữ: Ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài phán như vầy: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có" và Ngài cũng nhận thấy Nhãn xứ bằng chân thể siêu lý phải chăng ... và Ngài cũng nhận thấy Nhĩ xứ ... và Ngài cũng nhận thấy Pháp xứ ... bằng chân thể siêu lý phải chăng? ...

24.

Phản ngữ: ... Ngài cũng nhận thấy Nhãn giới bằng chân thể siêu lý phải chăng? ... và Ngài cũng nhận thấy Thân giới ... và Ngài cũng nhận thấy Sắc giới ... và Ngài cũng nhận thấy Xúc giới ... và Ngài cũng nhận thấy Nhãn thức giới ... và Ngài cũng nhận thấy Ý thức giới ... và Ngài cũng nhận thấy Pháp giới bằng chân thể siêu lý phải chăng?

25.

- Phản ngữ: ... và Ngài cũng nhận thấy Nhãn quyền bằng chân thể siêu lý phải chăng? ... và Ngài cũng nhận thấy Nhĩ quyền bằng chân thể siêu lý phải chăng? ... và Ngài cũng nhận thấy Tri cụ tri quyền *(Aññatāvindrīya)* bằng chân thể siêu lý phải chăng? ...
- Phản ngữ: Ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn phán dạy rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có" và Ngài cũng nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Tri cụ tri quyền là khác và người cũng là khác phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó.
- Phản ngữ: Ngài nên lãnh hội nghịch hành dù cho Đức Thế Tôn phán dạy như vầy: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có" và Ngài cũng nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Tri cụ tri quyền là khác, người cũng là khác. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy nên nói rằng Đức Thế Tôn Ngài phán dạy như vầy: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có" và tôi cũng nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý. Nhưng không nên nói Tri cụ tri quyền là khác, người cũng là khác, như thế vậy là sai! Nhưng không nên nói Tri cụ tri quyền là khác, người

cũng là khác; cũng không nên nói như vầy Đức Thế Tôn phán dạy rằng: "Bậc người hành hầu tự lợi vẫn có" và tôi cũng nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Nên nói rằng Đức Thế Tôn phán dạy rằng Bậc người hành để tự lợi vẫn có và tôi cũng nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Tri cụ tri quyền là khác, người cũng là khác, như thế vậy là sai ...

Dứt phần Thanh tịnh tỷ giáo

PHẦN TỶ GIẢO *(OPAMMASAṂSANDANĀ)*

26.

- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Thọ bằng chân thể siêu lý. Sắc là khác, Thọ là khác phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc là khác, người cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
- **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ dù rằng Ngài nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Thọ bằng chân thể siêu lý. Sắc là khác, Thọ cũng là khác (cách đồng nhau). Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý. Chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Sắc là khác, người cũng là khác. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy phải nói rằng tôi nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Thọ bằng chân thể siêu lý; Sắc là khác, Thọ cũng là khác. Tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Sắc là khác, người cũng là khác, cũng không nên nói như vầy, tôi nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Thọ bằng chân thể siêu lý; Sắc là khác, Thọ cũng là khác. Tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Tôi nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Thọ bằng chân thể siêu lý; Sắc là khác, Thọ cũng là khác". Tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Sắc là khác, người cũng là khác như thế vậy là sai!

27.

- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Tưởng bằng chân thể siêu lý ... như nhận thấy Hành ... như nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý. Sắc là khác, Thức cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc là khác, người cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
- **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ dù rằng Ngài nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý. Sắc là khác, Thức cũng là khác (thứ đồng nhau). Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Sắc là khác, người cũng là khác. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy nên nói rằng: "Tôi nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý; Sắc là khác, Thức cũng là khác.

Tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Sắc là khác, người cũng là khác, như thế vậy sai. Mà không nên nói rằng Sắc là khác, người cũng là khác. Cũng không nên nói rằng tôi nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý, Sắc là khác, Thức cũng là khác. Tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: Phải nói rằng tôi nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý, Sắc là khác, Thức cũng là khác. Tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Sắc là khác, người cũng là khác, như thế vậy sai ... .

28.

Tự ngôn: Ngài nhận thấy Thọ bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Tưởng ... như nhận thấy Hành ... như nhận thấy Thức ... như nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý. Thọ là khác, Sắc cũng là khác phải chăng? ...

29.

Tự ngôn: Ngài nhận thấy Tưởng bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Hành ... như nhận thấy Thức, ... như nhận thấy Sắc ... như nhận thấy Thọ bằng chân thể siêu lý. Tưởng là khác, Thọ cũng là khác phải chăng? ...

30.

Tự ngôn: Ngài nhận thấy Hành bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Thức ... như nhận thấy Sắc ... như nhận thấy Thọ ... như nhận thấy Tưởng bằng chân thể siêu lý. Hành là khác, Tưởng cũng là khác phải chăng? ...

31.

- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Sắc ... như nhận thấy Thọ ... như nhận thấy Tưởng ... như nhận thấy Hành bằng chân thể siêu lý. Thức là khác, Hành cũng là khác phải chăng? ... Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thức là khác, người cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói như thế.
- **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ *(Nigaha)* dù rằng Ngài nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Hành bằng chân thể siêu lý. Thức là khác, Hành là khác (thứ đồng nhau). Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Thức là khác, người cũng là khác. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy phải nói rằng: "Tôi nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Hành bằng chân thể siêu lý. Thức là khác, Hành cũng là khác". Tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Thức là khác, người cũng là khác. Như thế vậy sai. Nhưng không nên nói rằng Thức là khác, người cũng là khác; cũng không nên nói rằng tôi nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Hành bằng chân thể siêu lý; Thức là khác, Hành cũng là khác. Tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng tôi nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý", như nhận thấy Hành bằng chân thể siêu lý; Thức là khác, Hành cũng là khác. Tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý. Nhưng không nên nói rằng Thức là khác, người cũng là khác, như thế vậy sai ...

32.

Tự ngôn: Ngài nhận thấy Nhãn xứ bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Nhĩ xứ ... như nhận thấy Pháp xứ bằng chân thể siêu lý; Nhãn xứ là khác, Pháp xứ cũng là khác phải chăng?

33.

Tự ngôn: Ngài nhận thấy Nhĩ xứ ... Ngài nhận thấy Pháp xứ bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Nhãn xứ ... như nhận thấy Ý xứ bằng chân thể siêu lý, Pháp xứ là khác, Ý xứ cũng là khác phải chăng? ...

34.

Tự ngôn: Ngài nhận thấy Nhãn giới bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Nhĩ giới ... như nhận thấy Pháp giới bằng chân thể siêu lý; Nhãn giới là khác, Pháp giới cũng là khác phải chăng?

35.

Tự ngôn: Ngài nhận thấy Nhĩ giới ... Ngài nhận thấy Pháp giới bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Nhãn giới ... như nhận thấy Ý thức giới bằng chân thể siêu lý; Pháp giới là khác, Ý thức giới cũng là khác phải chăng? ...

36.

Tự ngôn: Ngài nhận thấy Nhãn quyền bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Nhĩ quyền ... như nhận thấy Tri cụ tri quyền *(Aññatāvindrīya)* bằng chân thể siêu lý; Nhãn quyền là khác, Tri cụ tri quyền là khác phải chăng? ...

37.

* **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy Nhĩ quyền ... Ngài nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Nhãn quyền ... như nhận thấy Tri dĩ tri quyền *(Aññindrīya)* bằng chân thể siêu lý; Tri cụ tri quyền *(Aññatāvindrīya)* là khác, Tri dĩ tri quyền *(Aññindrīya)* cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Tri cụ tri quyền *(Aññatāvindrīya)* bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tri cụ tri quyền *(Aññatāvindrīya)* là khác, người cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
* **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ dù rằng Ngài nhận thấy Tri cụ tri quyền *(Aññatāvindrīya)* bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Tri dĩ tri quyền *(Aññindrīya)* bằng chân thể siêu lý. Tri cụ tri quyền là khác,Tri dĩ tri quyền cũng là khác (thứ đồng nhau). Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Tri cụ tri quyền là khác, người cũng là khác. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy phải nói rằng tôi nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Tri dĩ tri quyền bằng chân thể siêu lý; Tri cụ tri quyền là khác, Tri dĩ tri quyền là khác. Tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Tri cụ tri quyền là khác, người cũng là khác, như thế vậy là sai. Nhưng không nên nói Tri cụ tri quyền là khác, người cũng là khác; cũng không nên nói tôi nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Tri dĩ tri quyền bằng chân thể siêu lý; Tri cụ tri quyền là khác, Tri dĩ tri quyền cũng là khác. Tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy phải nói rằng tôi nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Tri dĩ tri quyền bằng chân thể siêu lý; Tri cụ tri quyền là khác, Tri dĩ tri quyền cũng là khác. Tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể

siêu lý, nhưng không nên nói Tri cụ tri quyền là khác, người cũng là khác như thế vậy là sai.

38.

- Phản ngữ: Ngài nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Thọ bằng chân thể siêu lý, Sắc là khác, Thọ cũng là khác phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn có phán rằng: "Bậc người hành hầu tự liên quan vẫn có" và Ngài cũng nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Sắc là khác, người cũng là khác phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói cách đó.
- Phản ngữ: Ngài nên lãnh hội nghịch hành dù rằng Ngài nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Thọ bằng chân thể siêu lý; Sắc là khác, Thọ cũng là khác. Đức Thế Tôn có phán rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có" và Ngài cũng nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý. Chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Sắc là khác, người cũng là khác. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: Phải nói rằng tôi nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Thọ bằng chân thể siêu lý. Sắc là khác, Thọ cũng là khác. Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có" và tôi nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Sắc là khác, người cũng là khác. Như thế vậy là sai. Nhưng không nên nói Sắc là khác, người cũng là khác. Cũng không nên nói tôi nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Thọ bằng chân thể siêu lý; Sắc là khác, Thọ cũng là khác. Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có" và tôi vẫn thấy sắc bằng chân thể siêu lý; mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: Phải nói rằng, tôi nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, Sắc là khác, Thọ cũng là khác. Đức Thế Tôn có phán rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có" và tôi nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Sắc là khác, người cũng là khác. Như thế vậy sai. ...

39.

Phản ngữ: Ngài nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Tưởng ... như nhận thấy Hành ... như nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý. Sắc là khác, Thức cũng là khác phải chăng?

40.

Phản ngữ: Ngài nhận thấy Thọ bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Tưởng ... như nhận thấy Hành ... như nhận thấy Thức ... như nhận thấy Sắc bằng chân thể siêu lý. Thọ là khác, Sắc cũng là khác phải chăng?

41.

Phản ngữ: Ngài nhận thấy Tưởng bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Hành ... như nhận thấy Thức ... như nhận thấy Sắc ... như nhận thấy Thọ bằng chân thể siêu lý; Tưởng là khác, Thọ cũng là khác phải chăng? ...

42.

Phản ngữ: Ngài nhận thấy Hành bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Thức ... như nhận thấy Sắc ... như nhận thấy Thọ ... như nhận thấy Tưởng bằng chân thể siêu lý; Hành là khác, Tưởng cũng là khác phải chăng? ...

43.

Phản ngữ: Ngài nhận thấy Thức bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Sắc ... như nhận thấy Thọ ... như nhận thấy Tưởng ... như nhận thấy Hành bằng chân thể siêu lý; Thức là khác, Hành cũng là khác phải chăng? ...

44.

Phản ngữ: Ngài nhận thấy Nhãn xứ bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Nhĩ xứ ... như nhận thấy Pháp xứ bằng chân thể siêu lý. Nhãn xứ là khác, Pháp xứ cũng là khác phải chăng?

45.

Phản ngữ: Ngài nhận thấy Nhĩ xứ ... Pháp xứ bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Nhãn xứ ... như nhận thấy Ý xứ bằng chân thể siêu lý. Pháp xứ là khác, Ý xứ cũng là khác phải chăng? ...

46.

Phản ngữ: Ngài nhận thấy Nhãn giới bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Nhĩ giới ... như nhận thấy Pháp giới bằng chân thể siêu lý. Nhãn giới là khác, Pháp giới cũng là khác phải chăng? ...

47.

Phản ngữ: Ngài nhận thấy Nhĩ giới bằng chân thể siêu lý ... Ngài nhận thấy Pháp giới bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Nhãn giới ... như nhận thấy Ý thức giới bằng chân thể siêu lý; Pháp giới là khác, Ý thức giới cũng là khác phải chăng? ...

48.

Phản ngữ: Ngài nhận thấy Nhãn quyền bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Nhĩ quyền ... như nhận thấy Tri cụ tri quyền *(Aññātāvindrīya)* bằng chân thể siêu lý. Nhãn quyền là khác, Tri cụ tri quyền là khác phải chăng? ...

49.

* Phản ngữ: Ngài nhận thấy Nhĩ quyền ... Tri cụ tri quyền ... bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Nhãn quyền ... như nhận thấy Tri dĩ tri quyền *(Aññindrīya)* bằng chân thể siêu lý; Tri cụ tri quyền *(Aññātāvindrīya)* là khác, Tri dĩ tri quyền *(Aññindrīya)* cũng là khác phải chăng? ... **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Phật Ngài có phán rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có" và Ngài cũng nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Tri cụ tri quyền là khác, người cũng là khác phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó!
* Phản ngữ: Ngài nên lãnh hội nghịch hành, dù rằng Ngài nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Tri dĩ tri quyền bằng chân thể siêu lý; Tri cụ tri quyền là khác, Tri dĩ tri quyền cũng là khác. Đức Thế Tôn Ngài có phán như vầy: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có" và Ngài cũng nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý. Chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Tri cụ tri quyền là khác, người cũng là khác. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: Phải nói rằng tôi nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý. Tri cụ tri quyền là khác, Tri dĩ tri quyền cũng là khác. Đức Phật Ngài có phán rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có" và tôi cũng nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý. Nhưng không nên nói rằng Tri cụ tri quyền là khác, người cũng là khác. Như thế vậy sai. Nhưng chớ nên nói như vầy: "Tri cụ tri quyền là khác, người cũng là khác. Cũng không nên nói rằng tôi nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý như nhận thấy Tri dĩ tri quyền bằng chân thể siêu lý. Tri cụ tri quyền là khác, Tri dĩ tri quyền cũng là khác. Đức Phật Ngài có phán rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có" và tôi nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng tôi nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý, như nhận thấy Tri dĩ tri quyền bằng chân thể siêu lý. Tri cụ tri quyền là khác, Tri dĩ tri quyền cũng là khác. Đức Phật Ngài có phán rằng: "Bậc

người hành để tự lợi vẫn có" và tôi nhận thấy Tri cụ tri quyền bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Tri cụ tri quyền là khác, người cũng là khác, như thế vậy là sai!...

Dứt phần Tỷ giảo (Opammasaṅsandanā)

PHẦN TỨ CHỦNG TỶ *(CATUKKANAYASAṄSANDANĀ)*

50.

- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc là người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
- **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ dù rằng Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Sắc là người, mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng, tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý", nhưng không nên nói Sắc là người, như thế vậy sai. Nhưng không thể nói Sắc là người, cũng không nên nói tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng, tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Sắc là người, như thế vậy sai"...

51.

- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người trong Sắc phải chăng? ... Người ngoài ra Sắc phải chăng? ... Sắc trong người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
- **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ dù rằng Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Sắc trong người, mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng, tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Sắc trong người, như thế vậy sai". Nhưng chớ nói rằng Sắc trong người, cũng chẳng nên nói tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng, tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng chớ nên nói Sắc trong người, như thế vậy sai" ...

52.

- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thọ là người phải chăng? ... Người trong Thọ phải chăng? ... Người ngoài ra Thọ phải chăng? ... Thọ trong người phải chăng? ... Tưởng là người phải chăng? ... Người trong Tưởng phải chăng? ... Người ngoài ra Tưởng phải chăng? ... Tưởng trong người phải chăng? ... Hành là người phải chăng? ... Người trong Hành phải chăng? ... Người ngoài ra Hành phải chăng? ... Hành trong người phải chăng? ... Thức là người phải chăng? ... Người trong Thức phải chăng? ... Người ngoài ra Thức phải chăng? ... Thức trong người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
- **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ dù rằng Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Thức trong người, mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Thức trong người, như thế vậy sai". Nhưng chớ nên nói rằng Thức trong người, cũng không nên nói tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Thức trong người. Như thế vậy sai".

53.

- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nhãn xứ là người phải chăng? ... Người trong Nhãn xứ phải chăng? ... Người ngoài ra Nhãn xứ phải chăng? ... Nhãn xứ trong người phải chăng? ... Pháp xứ là người phải chăng? ... Người trong Pháp xứ phải chăng? ... Pháp xứ trong người phải chăng?...

54.

... Nhãn giới là người phải chăng? ... Người trong Nhãn giới phải chăng? ... Người ngoài ra Nhãn giới phải chăng? ... Nhãn giới trong người phải chăng? ... Pháp giới là người phải chăng? ... Người trong Pháp giới phải chăng? ... Người ngoài ra Pháp giới phải chăng? ... Pháp giới trong người phải chăng? ...

55.

∗ **Tự ngôn:** ... Nhãn quyền là người phải chăng? ... Người trong Nhãn quyền phải chăng? ... Người ngoài ra Nhãn quyền phải chăng? ... Nhãn quyền trong người phải chăng? ... Tri cụ tri quyền là người phải chăng? ... Người trong Tri cụ tri quyền *(Aññātāvindrīya)* phải chăng? ... Người ngoài ra Tri cụ tri quyền phải chăng? ... Tri cụ tri quyền trong người phải chăng? ... Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

∗ **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ dù rằng Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Tri cụ tri quyền trong người, mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng, tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Tri cụ tri quyền trong người, như thế vậy là sai". Nhưng chớ nói rằng Tri cụ tri quyền trong người, cũng không nên nói tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng, tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý, nhưng không nên nói Tri cụ tri quyền trong người, như thế vậy là sai"...

56.

∗ Phản ngữ: Ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? ... **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Đức Phật Ngài có phán rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có", như thế phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Sắc là người phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó.

∗ Phản ngữ: Ngài nên lãnh hội nghịch hành dù rằng Đức Phật Ngài có phán rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có", chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Sắc là người, mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng Đức Phật có phán rằng Bậc người hành để tự lợi vẫn có", nhưng không nên nói Sắc là người, thế vậy là sai. Nhưng chớ nên nói Sắc là người, cũng không nên nói Đức Phật có phán rằng Bậc người hành để tự lợi vẫn có, mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: Phải nói rằng Đức Phật Ngài có phán như vầy: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có", chớ nên nói Sắc là người vì thế vậy sai ...

57.

∗ Phản ngữ: Ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Đức Phật Ngài có phán rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có, như thế vậy phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Người trong Sắc phải chăng? … Người ngoài ra Sắc phải chăng? … Sắc trong người phải chăng? ... Thọ trong người phải chăng? ... Người trong Thọ phải chăng? ... Người ngoài ra Thọ phải chăng? ... Thọ trong người phải chăng?... Tưởng là người phải chăng? ... Người trong Tưởng phải chăng? ... Người ngoài ra Tưởng phải

chăng? ... Tưởng trong người phải chăng? ... Hành là người phải chăng? ... Người trong hành phải chăng? ... Người ngoài ra hành phải chăng? ... Hành trong người phải chăng?... Thức là người phải chăng? ... Người trong Thức phải chăng? ... Thức ngoài ra người phải chăng? ... Thức trong người phải chăng?... **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó.

∗ Phản ngữ: Ngài nên lãnh hội nghịch hành dù cho Đức Phật có phán rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có", chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Thức trong người, mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng Đức Phật có phán như vầy, người hành để tự liên quan vẫn có", mà không nên nói Thức trong người, thế vậy là sai! Nhưng chớ nên nói Thức trong người, cũng chẳng nên nói Đức Phật có phán như vầy: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có", mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy phải nói rằng Đức Thế Tôn Ngài có phán như vầy: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có", nhưng chớ nên nói Thức trong người, như thế vậy sai.

58.

∗ Phản ngữ: Ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Đức Phật Ngài có phán rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có, như thế phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Nhãn xứ là người phải chăng? ... Người trong Nhãn xứ phải chăng? ... Người ngoài ra Nhãn xứ phải chăng? ... Nhãn xứ trong người phải chăng? ... Pháp xứ là người phải chăng? ... Người trong Pháp xứ phải chăng? ... Người ngoài ra Pháp xứ phải chăng? ... Pháp xứ trong người phải chăng?... Nhãn giới là người phải chăng? ... Người trong Nhãn giới phải chăng? ... Người ngoài ra Nhãn giới phải chăng? ... Nhãn giới trong người phải chăng?... Pháp giới là người phải chăng? ... Người trong Pháp giới phải chăng? ... Người ngoài ra Pháp giới phải chăng? ... Pháp giới trong người phải chăng? ...

59.

∗ Phản ngữ: ... Nhãn quyền là người phải chăng? ... Người trong Nhãn quyền phải chăng? ... Người ngoài ra Nhãn quyền phải chăng? ... Nhãn quyền trong người phải chăng? ... Tri cụ tri quyền *(Aññātāvindrīya)* là người phải chăng? ... Người trong Tri cụ tri quyền phải chăng? ... Người ngoài ra Tri cụ tri quyền phải chăng? ... Tri cụ tri quyền trong người phải chăng? ... **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó!

∗ Phản ngữ: Ngài nên lãnh hội nghịch hành dù rằng Đức Phật có phán như vầy: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có", chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Tri cụ tri quyền trong người, mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy phải nói rằng Đức Phật Ngài có phán như vầy: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có", nhưng không nên nói Tri cụ tri quyền trong người, như thế vậy là sai. Nhưng chớ nên nói Tri cụ tri quyền trong người, cũng chẳng nên nói Phật Ngài có phán như vầy: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có", mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy, phải nói rằng Đức Phật có phán như vầy: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có", nhưng chớ nên nói Tri cụ tri quyền trong người, như thế vậy sai ...

Dứt phần Tứ chủng tỷ (Catukkhaṇayasaṅsandanā)

PHẦN TƯỚNG BÌNH ĐẲNG *(LAKKHAṆAYUTTIKATĀ)*

60.

* **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người hữu duyên *(sappaccaya)* phải chăng? ... Người vô duyên *(appaccaya)* phải chăng? ... Người là hữu vi phải chăng? ... Người là vô vi phải chăng? ... Người trường tồn *(sassata)* phải chăng? ... Người vô thường *(asassata)* phải chăng? ... Người hữu tướng *(sanimitta)* phải chăng? ... Người vô tướng *(animitta)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó... dón gọn *(saṅkhitta).*

61.

* Phản ngữ: Ngài không nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Phật có phán rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có", như thế phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Người hữu duyên phải chăng? ... Người vô duyên phải chăng? ... Người là hữu vi phải chăng? ... Người là vô vi phải chăng? ... Người là trường tồn phải chăng? ... Người không trường tồn phải chăng? ... Người hữu tướng phải chăng? ... Người vô tướng phải chăng? ... **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó... dón gọn *(Saṅkhitta).*

Dứt phần Tướng bình đẳng

NGỮ THANH KHIẾT *(VOCANASODHANA)*

62.

* **Tự ngôn:** Người là thật tướng mà nhận thấy đặng, thật tướng chỗ nhận thấy đặng cũng là người phải chăng? Phản ngữ: Người là thật tướng hoặc có chổ nhận thấy đặng thành người hoặc không thành người.
* **Tự ngôn:** Hoặc có người là thật tướng mà nhận thấy đặng, hoặc thành thật tướng mà nhận thấy không đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói cách đó ...

63.

* **Tự ngôn:** Người là thật tướng chắc thật (chân thể), thật tướng chắc chắn cũng là người phải chăng? Phản ngữ: Người là thật tướng chỗ chắc chắn, nhưng thật tướng lối chắc chắn cũng có thành người, cũng không thành người.
* **Tự ngôn:** Cũng có người là thật tướng chắc chắn, cũng có người là phi thật tướng chắc chắn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

64.

* **Tự ngôn:** Người là thật tướng chỗ đang gặp gỡ, thật tướng chỗ đang gặp gỡ cũng là người phải chăng? Phản ngữ: Người là thật tướng chỗ đang gặp gỡ, nhưng thật tướng chỗ đang gặp gỡ hoặc thành người, hoặc không thành người.
* **Tự ngôn:** Cũng có người thành thật tướng chỗ đang gặp gỡ, cũng có không thành thật tướng chỗ đang gặp gỡ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

65.

* **Tự ngôn:** Người thành thật tướng đang hiện bày, thật tướng đang hiện bày đang thành người phải chăng? Phản ngữ: Người thành thật tướng chỗ đang hiện bày; nhưng thật tướng chỗ đang hiện bày hoặc thành người, hoặc không thành người.
* **Tự ngôn:** Có người thành thật tướng đang hiện bày, cũng có không thành thật tướng đang hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

66.

* **Tự ngôn:** Người thành thật tướng đang có, thật tướng đang có cũng thành người phải chăng? Phản ngữ: Người thành thật tướng đang có, nhưng thật tướng đang có hoặc thành người hoặc không thành người.
* **Tự ngôn:** Có người thành thật tướng đang có, hoặc không thành thật tướng đang có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

67.

* **Tự ngôn:** Người thành thật tướng chổ đang có, nhưng thật tướng chỗ đang có không thành người tất cả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thành thật tướng chổ đang có, nhưng thật tướng chỗ đang không có không thành người tất cả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó! ... rút gọn *(saṅkhitta).*

Dứt Ngữ thanh khiết

CẬT VẤN CHẾ ĐỊNH *(PAÑÑATTĀNUYOGA)*

68.

* **Tự ngôn:** Người gọi là sắc do Sắc giới *(Rūpadhātu)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người gọi là hữu dục do Dục giới *(Kāmadhātu)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

69.

* **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh gọi là hữu sắc do Sắc giới *(Rūpādhātu)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh gọi là hữu dục do Dục giới *(Kāmadhātu)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

70.

* **Tự ngôn:** Người gọi là vô sắc bởi Vô sắc giới *(Arūpadhātu)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người gọi là hữu dục do Dục giới *(Kāmadhātu)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh gọi là vô sắc do Vô sắc giới *(Arūpadhātu)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh gọi là hữu dục do Dục giới *(Kāmadhātu)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

71.

Tự ngôn: Tất cả chúng sanh gọi là hữu sắc do Sắc giới *(Rūpadhātu)*; tất cả chúng sanh gọi là Vô Sắc do Vô sắc giới *(Arūpadhātu)*; và có người đã lướt khỏi Sắc giới vào đến Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

72.

* **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh gọi là hữu sắc do Sắc giới *(Rūpadhātu)*; Tất cả chúng sanh gọi là vô sắc do Vô sắc giới *(Arūpadhātu);* và có người đã lướt khỏi Sắc giới vào đến Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chúng sanh hữu sắc đã tiêu diệt, thì chúng sanh vô sắc mới sanh lên phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

73.

* **Tự ngôn:** Định đặt gọi mình hay gọi thân thể, gọi thân thể hay gọi mình gồm chung lại cũng là thân. Chế định cả hai cách như thế cũng là một thứ, một ý nghĩa đồng nhau, giống như nhau phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Định đặt rằng người hoặc gọi linh hồn, hay gọi linh hồn hoặc gọi người, chung quy cũng là người, cả hai chế định như thế cũng một cách, một ý nghĩa hẳn đồng như nhau phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thân là khác, người cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Linh hồn là khác, thân thể là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
* **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ dù cho định đặt gọi mình, gọi thân thể, hoặc gọi thân thể hay gọi mình gồm chung lại là thân, cả hai chế định như thế cũng một thứ, một ý nghĩa, đều đồng bằng như nhau. Định đặt là người hoặc linh hồn, hoặc gọi linh hồn hay gọi người chung quy cũng là người, chế định cả hai như thế cũng một thứ, một ý nghĩa đều đồng bằng như nhau. Nói thân là khác, người cũng là khác. Chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng linh hồn là khác, thân thể cũng là khác. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: Phải nói rằng định đặt gọi mình hoặc thân thể hay gọi thân thể hoặc gọi mình, chung quy lại là thân. Chế định cả hai thứ ấy cũng một thứ, có một ý nghĩa vẫn đều đồng như nhau. Chế định gọi thân hoặc gọi linh hồn, hay gọi linh hồn hoặc gọi thân, chung quy chế định cả hai thứ như thế cũng một cách, một nghĩa đều đồng như nhau. Thân là khác, người là khác. Nhưng không nên nói rằng linh hồn là khác, thể xác là khác, như thế vậy là sai. Nhưng chớ nên nói rằng linh hồn là khác, thể xác là khác; cũng không nên nói như vầy: định đặt gọi mình hay gọi thân thể, hoặc gọi thân thể hay gọi mình, chung quy lại là thân. Chế định cả hai cách này lại cũng một thứ, một nghĩa đồng bằng như nhau. Định đặt là thân hoặc gọi linh hồn; hay gọi linh hồn hoặc gọi thân chung quy lại là người. Chế định cả hai cũng như một thứ, một ý nghĩa đồng bằng như nhau. Thân thể là khác, người cũng là khác. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: Phải nói rằng định đặt gọi mình hay gọi thân thể, hoặc gọi thân thể hay gọi mình, chung quy lại là thân. Chế định cả hai thứ như thế cũng là một thứ, một ý nghĩa đều đồng như nhau. Định đặt thân hoặc gọi linh hồn, hay gọi linh hồn hoặc gọi thân chung quy là người, chế định cả hai thứ như thế cũng là một thứ, một ý nghĩa đều đồng như nhau. Gọi thân là khác, người cũng là khác, nhưng chớ nên nói như thế này: Linh hồn là khác, thể xác là khác, như thế vậy là sai.

74.

* Phản ngữ: Định đặt gọi mình hay gọi thân thể, hoặc gọi thân thể hay gọi mình, chung quy là thân, chế định cả 2 như thế cũng một cách, một nghĩa lý, đều đồng bằng như nhau phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có", như thế phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thân là khác, người cũng là khác phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó.
* Phản ngữ: Ngài nên lãnh hội nghịch hành dù rằng định đặt gọi mình hay gọi thân thể, hoặc gọi thân thể hay gọi mình chung quy cũng là thân. Chế định cả hai như thế cũng một thứ, một nghĩa đều đồng như nhau. Đức Thế Tôn có phán rằng: "Bậc người hành để tự liên quan đang có", chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Thân là khác, người cũng là khác. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: Phải nói rằng định đặt gọi mình, hay gọi thân thể, hoặc gọi thân thể hay gọi mình, chung quy lại là thân. Chế định

cả hai thứ như thế cũng một cách, một ý nghĩa đều đồng như nhau. Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có"; nhưng không nên nói thân là khác, người cũng là khác như thế vậy là sai, nhưng không nên nói thân là khác, người cũng là khác. Cũng chớ nói rằng chế định gọi mình hay gọi thân thể, hoặc gọi thân thể hay gọi mình, chung quy cũng là thân. Chế Định cả hai như thế cũng một thứ một nghĩa đều đồng như nhau. Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có". Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy phải nói rằng định đặt gọi mình hay gọi thân thể hoặc gọi thân thể hay gọi mình, quy chung lại chỉ là thân; chế định cả hai như thế cũng một thứ, một ý nghĩa đều đồng như nhau. Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Bậc người hành để tự lợi vẫn có". Nhưng không nên nói rằng: "Thân là khác, người cũng là khác", như thế vậy là sai.

Dứt Chế định cật vấn

THÚ HƯỚNG CẬT VẤN *(GATIANUYOGA)*

76.

* **Tự ngôn:** Người luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chính người đó luôn chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

77.

* **Tự ngôn:** Người luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

78.

* **Tự ngôn:** Người luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chính tự người đó luôn tự người khác luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

79.

* **Tự ngôn:** Người luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chính người đó cũng không đặng luân chuyển đi, người khác cũng không đặng luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

80.

* **Tự ngôn:** Người luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chính người đó luân chuyển đi, người khác luân chuyển đi cũng chính người đó luôn người khác luân chuyển đi. Người đó không đặng luân chuyển đi, người khác cũng không đặng luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

81.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng người luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Người đó luân chuyển đi 7 lần là quá rồi sẽ thành người làm cho tận khổ đặng, bởi hết tất cả triền", như thế vẫn có nghe thật phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu cách đó thì người cũng luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác; khỏi thế giới khác đến thế giới này chớ gì?

82.

- Phản ngữ: Không nên nói rằng người luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này Chư Phíc-khú[1], cách luân chuyển đi của tất cả chúng sanh kẻ có vô minh là đồ phòng ngại, có Ái là đồ ràng rịch, luân chuyển luân hồi vô thủy vô chung", như thế là vẫn có nghe chắc thật phải không? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu cách đó người cũng luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này chớ gì?

83.

- **Tự ngôn:** Người luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chính người đó luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
- **Tự ngôn:** Chính người đó luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Có người thành nhân loại rồi thành Chư thiên cũng có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhân loại cũng chính người đó, Chư thiên cũng chính người đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nhân loại cũng chính người đó, Chư thiên cũng chính người đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người thành nhân loại rồi thành Chư thiên, thành Chư thiên rồi thành nhân loại. Nhân loại sanh lên Chư thiên thành người khác, rồi sanh về nhân loại cũng là người khác (thành người riêng người). Còn nói chính người đó luân chuyển đi như thế là sai; còn nếu nói người luân chuyển đi chính người đó vượt khỏi thế giới này đi đến thế giới khác chẳng phải người khác, nếu như vậy thì sự chết sẽ không có, dĩ nhiên sát sanh cũng sẽ nhận thấy không đặng, nghiệp vẫn có, quả của nghiệp vẫn có, quả tất cả của nghiệp đã làm vẫn có, thiện và bất thiện vẫn cho quả. Nói rằng: "Chính người đó luân chuyển đi vậy là sai"...
- **Tự ngôn:** Chính người đó luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Có người thành nhân loại rồi thành dạ xoa ... thành ngạ quỉ ... thành địa ngục ... thành bàng sanh ... thành lừa ... thành lạc đà ... thành bò ... thành heo ... thành trâu cũng có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

[1] Phíc – Khú: Tỷ Kheo, Tỳ Khưu hay Sa Môn.

- **Tự ngôn:** Nhân loại chính là người đó, trâu cũng chính là người đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nhân loại cũng chính là người đó, trâu cũng chính là người đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người thành nhân loại rồi thành con trâu, thành con trâu rồi thành nhân loại, là người sanh làm nhân loại thì con trâu là khác, người sanh làm nhân loại cũng là khác. Nói rằng chính người đó luân chuyển đi thế vậy là sai ... Nếu nói người luân chuyển đi, chính người đó vượt khỏi thế giới này đi đến thế giới khác, chẳng phải người khác; nếu như vậy sự chết sẽ không có. Tuy nhiên sát sanh cũng sẽ nhận thấy không đặng, nghiệp vẫn có, quả của nghiệp vẫn có, quả của tất cả nghiệp đã làm vẫn có, thì thiện và bất thiện vẫn cho quả. Còn nói rằng: "Chính người đó luân chuyển đi, thế vậy là sai"...
- **Tự ngôn:** Chính người đó luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Có người đã làm vua rồi làm phạm chí cũng có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Làm vua cũng chính là người đó, làm phạm chí cũng chính là người đó chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Có người làm vua rồi làm thương gia ... làm cận thắng tiện dân cũng có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Làm vua cũng chính là người đó, làm cận thắng tiện dân cũng chính là người đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Có người làm phạm chí rồi làm thương gia, làm cận thắng tiện dân ... làm vua cũng có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Phạm chí cũng chính là người đó, vua cũng chính là người đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Có người làm thương gia rồi làm cận thắng tiện dân ... làm vua ... rồi làm phạm chí cũng có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thương gia chính cũng là người đó, phạm chí chính cũng là người đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Có người làm cận thắng tiện dân rồi làm vua ... làm thương gia cũng có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cận thắng tiện dân cũng là người đó, thương gia chính cũng người đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tự người đó luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người cụt tay thì thành người cụt tay phải chăng? Người cụt chân thì thành người cụt chân phải chăng? Người cụt tay và chân thì thành người cụt tay và chân phải chăng? Người lỗ tai vảnh ... người lỗ mũi hỉnh lên ... người có tai vảnh và mủi hỉnh lên ... người cụt ngón tay ngón chân ... người cụt ngón tay cái, ngón chân cái ... người đứt gân to ... người tay quấu ... người tay xòe ... người bệnh suyển ... người lé ... người bệnh lác ... người có trái rạ, ... người có lác voi, ... người ho lao ... người phong xù ... con lạc đà ... con bò ... con lừa ... con heo ... con trâu cũng chỉ thành con trâu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

84.

* Phản ngữ: Không nên nói rằng: "Tự người đó luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng"? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Người thành Dự Lưu vượt khỏi thế giới nhân loại vào đến thế giới Chư thiên, rồi chỉ vẫn thành Dự Lưu dĩ nhiên trong thế giới Chư thiên đó chẳng phải hay sao? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Dầu rằng bực người thành tựu Dự Lưu vượt khỏi thế giới nhân loại vào đến thế giới Chư thiên rồi chỉ vẫn là Dựu Lưu dĩ nhiên trong thế giới Chư thiên đó. Chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng tự người đó luân chuyển ra khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này.

85.

* **Tự ngôn:** Ngài đã nhứt định rằng bực người thành tựu Dự Lưu lướt khỏi thế giới nhân loại vào đến thế giới Chư thiên rồi hẳn là chỉ nhập lưu dĩ nhiên trong thế giới Chư thiên đó, và do nhân đó chính người đó luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ngài nhứt định rằng bực thành tựu Dựu Lưu vượt khỏi thế giới nhân loại vào đến thế giới Chư thiên rồi còn thành nhân loại ở tại thế giới Chư thiên đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

86.

* **Tự ngôn:** Tự người đó luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Không thành khác, không thay đổi mà luân chuyển đi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

87.

* **Tự ngôn:** Không thành ra khác, không thay đổi mà luân chuyển đi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người cụt tay thì thành người cụt tay phải chăng? Người cụt chân thì thành người cụt chân phải chăng? ... người có lỗ tai vảnh ... người có lỗ mũi hỉnh lên ... Người có tai vảnh, lỗ mũi hỉnh lên ... người cụt ngón tay và ngón chân ... người cụt ngón chân và ngón tay cái ... người đứt gân to ... người tay quấu ... người tay xòe ... người bệnh suyễn ... người lé ... người bịnh lác ... người có trái rạ ... người có lác voi ... người ho lao ... người phong xù ... con lạc đà ... con lừa ... con bò ... con heo ... con trâu cũng chỉ thành con trâu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

88.

* **Tự ngôn:** Tự người đó luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành người có hình sắc luân chuyển đi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành người có hình sắc luân chuyển đi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Linh hồn cũng cái đó, thể xác cũng cái đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
* **Tự ngôn:** Thành người có Thọ ... thành người có Tưởng ... thành người có Hành ... thành người có Thức luân chuyển đi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành người có thức luân chuyển đi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Linh hồn cũng là cái đó, thể xác cũng là cái đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

89.

* **Tự ngôn:** Tự người đó luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành người vô Sắc luân chuyển đi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành người vô Sắc luân chuyển đi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hồn là khác, xác cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành người vô Thọ ... thành người vô Tưởng ... thành người vô Hành ... thành người vô Thức luân chuyển đi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành người vô Thức luân chuyển đi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hồn là khác, xác cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

90.

* **Tự ngôn:** Chính người đó luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc luân chuyển đi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc luân chuyển đi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hồn cũng là cái đó, xác cũng là cái đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng ... Hành ... Thức luân chuyển đi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thức luân chuyển đi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hồn cũng cái đó, xác cũng cái đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

91.

* **Tự ngôn:** Chính người đó luân chuyển đi khỏi thế giới này đến thế giới khác, khỏi thế giới khác đến thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc không luân chuyển đi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc không luân chuyển đi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hồn là khác, xác cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng ... Hành ... Thức không luân chuyển đi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thức không luân chuyển đi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hồn là khác, xác cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó... dón gọn *(saṅkhitta).*
* **Tự ngôn:** Dả như người chết đi trong khi tất cả uẩn diệt mất đi cũng là đoạn kiến mà Đức Phật Ngài đã chưa hẳn. Dù cho người không diệt mất trong khi các uẩn diệt mất. Nếu mà người không chết mất trong khi các uẩn diệt đi thì người cũng sẽ trường tồn (nếu vậy) sẽ đồng như Níp-bàn.

Dứt thú hướng cật vấn

Y CHẾ ĐỊNH CẬT VẤN *(UPĀDĀPAÑÑATTĀNUYOGA)*

92.

* **Tự ngôn:** Do nương Sắc mới chế định người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc vô thường là hữu vi nương duyên sanh ra vẫn có sự mất đi, dĩ nhiên có hoại cố nhiên tiêu tan, vẫn phải diệt, thay đổi là lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cho đến người cũng không trường tồn là hữu vi do nhờ duyên sanh ra, lẽ thường phải mất đi, lẽ phải hư hoại, dĩ nhiên phải tiêu tan, cố nhiên phải diệt mất thay đổi là lối thường phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Do nương Thọ, ... do nương Tưởng, ... do nương Hành, ... do nương Thức mới chế định ra người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thức vô thường thành hữu vi nương duyên sanh ra vẫn có sự mất đi, ... vẫn có hư hao, ... vẫn có tiêu tan, ... vẫn có diệt đi, ... vẫn có biến đổi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người cũng phải vô thường thành hữu vi nương duyên mới sanh ra, vẫn phải có mất, vẫn có hư, vẫn có tan rã, vẫn có diệt đi, vẫn có thay đổi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

93.

* **Tự ngôn:** Do nương Sắc mới chế định ra người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nương sắc xanh mới chế định ra người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Do nương sắc vàng ... do nương sắc đỏ ... do nương sắc trắng ... do nương sắc thấy đặng ... do nương sắc thấy không đặng ... do nương sắc đụng không đặng mới chế định ra người đụng không đặng phải chăng. Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

94.

* **Tự ngôn:** Do nương Thọ mới chế định ra người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nương Thọ thiện mới chế định ra người thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
* **Tự ngôn:** Do nương Thọ thiện mới chế định ra người thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thọ thiện có dị thục quả, có quả đáng mong mỏi, có quả đáng ưa thích, có quả đáng bành tướng tâm, có quả vô hại, lợi ích an vui, quả dị thục lạc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
* **Tự ngôn:** Cho đến người thiện cũng có dị thục quả, có quả đáng mong mỏi, có quả đáng ưa thích, có quả đáng mở mang tâm, có quả vô hại lợi ích an vui và dị thục quả lạc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

95.

* **Tự ngôn:** Do nương Thọ mới chế định ra người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nương Thọ bất thiện mới chế định ra người bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
* **Tự ngôn:** Do nương Thọ bất thiện mới chế định ra người bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thọ bất thiện có dị thục quả, có quả không đáng mong mỏi, có quả không đáng ưa thích, có quả không đáng mở mang tâm, có quả hại có tăng thêm khổ và có quả dị thục khổ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Cho đến người bất thiện cũng có dị thục quả không đáng mong mỏi, có quả không đáng ưa thích, có quả không đáng mở mang tâm, có quả hại có khổ tăng thêm và có dị thục quả khổ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

96.

- **Tự ngôn:** Do nương Thọ mới chế định ra người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do nương Thọ vô ký mới chế định thành người vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
- **Tự ngôn:** Do nương Thọ vô ký mới chế định thành người vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thọ vô ký không thường, thành hữu vi nương duyên mới sanh ra, lẽ thường có sự mất, vẫn có sự suy đổi, vẫn có sự tan rã, vẫn có sự diệt mất và vẫn có sự đổi thay phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cho đến người vô ký cũng không trường tồn, thành hữu vi nương duyên sanh ra, vẫn có sự mất, vẫn có sự suy đổi, vẫn có sự tan rã, vẫn có sự tiêu diệt và vẫn có sự đổi thay phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó …
- **Tự ngôn:** Do nương Tưởng ... do nương Hành .... do nương Thức mới chế định ra người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do nương Thức thiện mới chế định thành người thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó .
- **Tự ngôn:** Do nương Thức thiện mới chế định thành người thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thức thiện có dị thục quả, có quả đáng mong mỏi, quả đáng ưa thích, quả đáng mở mang tâm, quả không hại lợi ích an vui, có quả dị thục lạc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi
- **Tự ngôn:** Cho đến người thiện cũng có dị thục quả, có quả đáng mong mỏi, có quả đáng ưa thích, có quả đáng mở mang tâm, có quả không hại lợi ích an vui, có quả dị thục lạc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

97.

- **Tự ngôn:** Do nương Thức mới chế định ra người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi
- **Tự ngôn:** Do nương Thức bất thiện mới chế định thành người bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Do nương Thức bất thiện mới chế định thành người bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thức bất thiện có dị thục quả, có quả không đáng mong mỏi, có quả không đáng ưa thích, có quả không đáng mở mang tâm, có quả hại, có khổ càng thêm và có quả dị thục phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cho đến người bất thiện cũng có quả dị thục, quả không đáng mong mỏi, có quả không đáng ưa thích, có quả không đáng mở mang tâm, có quả hại, có khổ càng thêm và có dị thục quả khổ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

98.

- **Tự ngôn:** Do nương Thức mới chế định ra người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do nương Thức vô ký mới chế định thành người vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Do nương Thức vô ký mới chế định thành người vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Thức vô ký không bền, thành hữu vi nương duyên mới sanh ra thành hữu tận, vẫn có sự hư hoại, vẫn có sự rã tan, vẫn có sự tiêu diệt và vẫn có sự đổi thay phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đến đổi người vô ký cũng không trường tồn, là hữu vi nương duyên sanh ra vẫn phải hữu tận, có sự hoại hư, phải tan rã, có sự diệt mất và vẫn có đổi thay phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

99.

* **Tự ngôn:** Do nương nhãn mới gọi là người hữu nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi nhãn diệt đi rồi mới gọi là người có nhãn đã diệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói như thế đó ...
* **Tự ngôn:** Do nương nhĩ ... do nương tỷ ... do nương thiệt... do nương thân ... do nương ý mới gọi là người có ý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi ý đã diệt mới gọi là người có ý đã diệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

100.

* **Tự ngôn:** Do nương Tà kiến mới gọi là người Tà kiến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi người Tà kiến đã diệt mới gọi là người Tà kiến đã diệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

101.

* **Tự ngôn:** Do nương tà tư duy ... do nương tà ngữ ... do nương tà nghiệp ... do nương tà mạng ... do nương tà tinh tấn ... do nương tà niệm ... do nương tà định mới gọi là người tà định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi tà định đã diệt mới gọi là người có tà định đã diệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

102.

* **Tự ngôn:** Do nương Chánh kiến mới gọi là người Chánh kiến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nương Chánh tư duy ... do nương Chánh ngữ ... do nương Chánh nghiệp ... do nương Chánh mạng ... do nương Chánh tinh tấn ... do nương Chánh niệm ... do nương Chánh định mới gọi là người có Chánh định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi Chánh định đã diệt thời gọi là người có Chánh định đã diệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

103.

* **Tự ngôn:** Do nương Sắc, do nương Thọ mới chế định là người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nương Nhị uẩn mới chế định là người Nhị phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Do nương Sắc, do nương Thọ, do nương Tưởng, do nương Hành, do nương Thức mới chế định ra người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nương Ngũ uẩn mới chế định ra người Ngũ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

104.

* **Tự ngôn:** Do nương Nhãn xứ, do nương Nhĩ xứ, mới chế định ra người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Do nương Nhị xứ mới chế định là người Nhị phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

105.

- **Tự ngôn:** Do nương Nhãn xứ, do nương Nhĩ xứ ... do nương Pháp xứ mới chế định ra người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do nương Thập nhị xứ mới chế định ra người Thập nhị phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

106.

- **Tự ngôn:** Do nương Nhãn giới, do nương Nhĩ giới mới chế định ra người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do nương Nhị giới mới chế định ra người Nhị phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

107.

- **Tự ngôn:** Do nương Nhãn giới, do nương Nhĩ giới ... do nương Pháp giới mới chế định ra người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do nương Thập bát giới mới chế định ra người Thập bát phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

108.

- **Tự ngôn:** Do nương Nhãn quyền, do nương Nhĩ quyền mới chế định ra người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do nương Nhị quyền mới chế định ra người Nhị phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

109.

- **Tự ngôn:** Do nương Nhãn quyền, do nương Nhĩ quyền ... do nương Tri cụ tri quyền *(aññātāvindrīya)* mới chế định ra người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do nương Nhị thập nhị quyền mới chế định ra người Nhị thập nhị phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

110.

- **Tự ngôn:** Do nương Nhứt uẩn hữu mới chế định ra người Nhứt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do nương Tứ uẩn hữu mới chế định ra người Tứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

111.

- **Tự ngôn:** Do nương Nhứt uẩn hữu mới chế định ra người Nhứt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do nương Ngũ uẩn hữu mới chế định ra người Ngũ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

112.

- **Tự ngôn:** Trong Nhứt uẩn hữu chỉ có người Nhứt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trong Tứ uẩn hữu chỉ có người Tứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

113.

- **Tự ngôn:** Trong Nhứt uẩn hữu chỉ có người Nhứt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trong Ngũ uẩn hữu chỉ có người Ngũ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

114.

- **Tự ngôn:** Do nương cội cây mới mới chế định ra bóng cây phải chăng? Thế nào thì chính thế đó do nương Sắc mới chế định ra người phải chăng?
- **Tự ngôn:** Do nương cội cây mới chế định ra bóng cây, tuy nhiên cội cây cũng không trường tồn thì bóng cây cũng không trường tồn, thế nào thì chính thế đó do nương Sắc mới chế định ra người mà sắc không trường tồn thì người cũng không trường tồn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Do nương cội cây mới chế định ra bóng cây; cây là khác bóng cũng là khác, như thế nào thì cũng như thế đó do nương Sắc mới chế định ra người, sắc là khác người cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Do nương thôn quê mới chế định ra người thôn quê, thôn quê là khác, người thôn quê cũng là khác; như thế nào thì cũng vậy do nương Sắc mới chế định ra người, thì sắc là khác, người là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Do nương quốc gia mới chế định ra vua, như thế nào thì giống như thế đó do nương Sắc mới chế định ra người phải chăng?
- **Tự ngôn:** Do nương quốc gia mới chế định ra vua, quốc gia là khác vua cũng khác. Như thế nào thì cũng như thế đó do nương Sắc mới chế định ra người; sắc là khác, người cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Cái còng (chân) không phải là người bị còng chân. Cái còng chân có với người nào thì riêng người đó gọi là người bị còng. Như thế nào thì cũng như thế đó sắc không phải người có sắc, sắc có với người nào thì riêng người đó gọi là người có sắc phải chăng?
- **Tự ngôn:** Cái còng (chân) không phải người bị còng chân. Cái còng chân có với người nào thì riêng người đó gọi là người bị còng chân. Cái còng chân là khác, người bị còng chân cũng là khác; như thế nào thì cũng như thế đó, sắc không phải là người có sắc, sắc có với người nào thì riêng người đó gọi là người có sắc. Sắc là khác, người có sắc cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

115.

- **Tự ngôn:** Chế định ra người do trong mỗi cái tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Mỗi cái tâm chỉ sanh ra cho một người, từ tái tục cho đến già, đến chết, luôn sanh ra nữa phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Khi cái tâm thứ hai sanh ra không nên nói rằng người đó hoặc người khác phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khi cái tâm thứ hai sanh ra không nên nói rằng con trai hoặc con gái phải chăng? Phản ngữ: Nên nói.
- **Tự ngôn:** Xin Ngài lãnh hội chinh lệ dù rằng khi cái tâm thứ hai sanh ra không nên nói là người đó hoặc người khác. Chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng khi cái tâm thứ hai sanh ra không nên nói rằng con trai hay con gái. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Nên nói rằng khi cái tâm thứ hai sanh ra không đặng nói là người đó hay người khác. Nhưng nên nói là con trai hoặc con gái, như thế vậy là sai". Dù rằng khi cái tâm thứ hai sanh ra nên nói là con trai hoặc con gái, chính do nhân đó Ngài mới nói rằng khi cái tâm thứ hai sanh ra nên nói rằng người đó hoặc người khác. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy phải nói rằng khi cái tâm thứ hai sanh ra không nên nói là người đó hay người khác, nhưng nên nói là con trai hoặc con gái như thế vậy là sai.

116.

- **Tự ngôn:** Khi cái tâm thứ hai sanh ra không nên nói rằng người đó hay là người khác phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khi cái tâm thứ hai sanh ra không nên nói rằng là nữ hoặc nam ... hay cư sĩ hoặc xuất gia ... hay là Chư thiên hoặc nhân loại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Xin Ngài lãnh hội chinh lệ dù rằng khi cái tâm thứ hai sanh ra không thể nói là người này hay người khác. Chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng khi cái tâm thứ hai sanh không thể nói là Chư thiên hay nhân loại. Mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Khi cái tâm thứ hai sanh không thể nói đó là người này hay người khác, mà phải nói rằng đó là Chư thiên hay nhân loại, như thế vậy là sai". Dù cho rằng khi cái tâm thứ hai sanh ra nên nói là Chư thiên hay nhân loại, chính do nhân đó, Ngài mới nói là khi cái tâm thứ hai sanh ra nên nói đặng là người đó hoặc người khác, mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng khi cái tâm thứ hai sanh ra không nên nói là người đó hay người khác, nhưng nên nói là Chư thiên hoặc nhân loại, như thế vậy là sai".

117.

- Phản ngữ: Không nên nói Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Người nào thấy, thấy sắc nào, thấy bằng con mắt nào mới nên nói rằng người đó thấy, thấy sắc đó, thấy với con mắt đó phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Dù rằng người nào thấy, thấy sắc nào, thấy bằng con mắt nào mới nói đặng là người đó thấy, thấy sắc đó, thấy bằng con mắt đó. Chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý.

118.

- Phản ngữ: Không nên nói rằng Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Người nào nghe ... Người nào ngửi ... Người nào nếm ... Người nào đụng ... Người nào biết, biết cảnh pháp đó, biết bằng tâm đó phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Dù rằng người nào biết, biết cảnh pháp nào, biết bằng tâm nào mới nói đặng là người đó biết, biết cảnh pháp đó bằng tâm đó. Chính do nhân ấy, Ngài mới nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý.

119.

- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người nào chẳng đặng thấy, chẳng đặng thấy sắc nào, chẳng đặng thấy với con mắt nào, không nên nói rằng người đó thấy, không nên nói rằng thấy sắc đó, không nên nói rằng thấy với con mắt đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dù rằng người nào chẳng đặng thấy, chẳng đặng thấy sắc nào, chẳng đặng thấy bằng con mắt nào, không nên nói rằng người đó thấy, không nên nói rằng thấy sắc đó, không nên nói rằng thấy bằng con mắt đó, cũng không nên nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý.

120.

- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người nào chẳng đặng nghe ... Người nào chẳng đặng ngửi ... Người nào chẳng đặng nếm ... Người nào chẳng đặng đụng ... Người nào chẳng đặng biết**,** chẳng đặng biết cảnh pháp nào, chẳng đặng biết bằng ý nào, không nên nói rằng người đó biết, không nên nói rằng biết cảnh pháp đó, không nên nói biết bằng ý đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Dù rằng người nào không đặng biết, không đặng biết cảnh pháp nào, không đặng biết với ý nào, không nên nói rằng người đó biết, không nên nói rằng biết cảnh pháp đó, không nên nói rằng biết bằng ý đó, cũng chớ nói rằng tôi nhận thấy người bằng chân thể siêu lý.

121.

* Phản ngữ: Không nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn có phán như vậy: "Này chư Phíc-khú, ta thấy tất cả chúng sanh đang tử, đang sanh hoặc hèn hạ, hoặc cao sang, hoặc có nhan sắc tốt, hoặc có nhan sắc xấu, hoặc thành lạc thú, hoặc thành khổ thú bằng Thiên nhãn trong sạch hơn mắt của nhân loại, vẫn biết rõ tất cả chúng sanh động tác theo nghiệp", như thế là nghe có thật phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó cũng nhận thấy người đặng theo chân thể siêu lý chớ gì?
* **Tự ngôn:** Ngài đã nhứt định rằng Đức Thế Tôn có phán như vầy: "Này Chư Phíc-khú, ta thấy tất cả chúng sanh đang tử đang sanh, hoặc thấp hèn, hoặc cao sang, hoặc có nhan sắc tốt, hoặc có nhan sắc xấu, hoặc thành lạc thú, hoặc thành khổ thú, thấy bằng Thiên nhãn trong sạch hơn con mắt của nhân loại, vẫn biết rõ tất cả chúng sanh tác động theo nghiệp", như thế chính do nhân đó, Ngài mới nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài thấy sắc hoặc thấy người bằng Thiên nhãn trong sạch hơn con mắt của nhân loại. Phản ngữ: Ngài thấy sắc.
* **Tự ngôn:** Sắc là người, sắc tử, sắc sanh, sắc động tác theo nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài thấy sắc hoặc thấy người bằng Thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt của nhân loại. Phản ngữ: Ngài thấy người.
* **Tự ngôn:** Người là sắc như Sắc xứ, như là Sắc giới *(rūpadhātu)*, như là sắc xanh, như là sắc vàng, như là sắc đỏ, như là sắc trắng, như là đồ đạc biết với con mắt, chạm đến con mắt, đưa ra đến đường con mắt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài thấy sắc hoặc thấy người bằng Thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt của nhân loại. Phản ngữ: Ngài thấy cả hai thứ.
* **Tự ngôn:** Cả hai thứ như là Sắc, như là Sắc xứ, như là Sắc giới; cả hai thứ như là màu xanh, cả hai thứ như là màu vàng, cả hai thứ như là màu đỏ, cả hai thứ như là màu trắng, cả hai thứ như là đồ đạc biết đặng bằng mắt, cả hai thứ chạm nơi nhân, cả hai thứ đưa đến đường lối của mắt, cả hai thứ tử, cả hai thứ sanh, cả hai thứ động tác theo nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Y chế định cật vấn

PHẦN NGHIỆP ĐẶNG KẾ *(KĀLYĀṆAVAGGA)*

122.

* Phản ngữ: Ngài nhận thấy nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Ngài nhận thấy người làm, người tạo nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

123.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy nghiệp tốt, nghiệp xấu như thế mới nhận thấy người làm, người tạo nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người làm, kẻ sáng tạo người đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người làm, kẻ sáng tạo người đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách làm tột nơi khổ, không có sự dứt nơi luân hồi, cũng không có sự viên tịch, cũng không có với các người ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

124.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy nghiệp tốt, nghiệp xấu như thế mới nhận thấy người làm, người tạo nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy người như thế mới nhận thấy kẻ làm, kẻ sáng tạo người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

125.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy nghiệp tốt xấu như thế mới nhận thấy kẻ làm, kẻ sáng tạo nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy Níp-bàn như thế mới nhận thấy kẻ làm, kẻ sáng tạo Níp-bàn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

126.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy nghiệp tốt, nghiệp xấu như thế mới nhận thấy kẻ làm, kẻ sáng tạo nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy Đại địa như thế mới nhận thấy kẻ làm, người tạo Đại địa phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

127.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy nghiệp tốt, nghiệp xấu như thế mới nhận thấy kẻ làm, người sáng tạo nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy biển cả như thế mới nhận thấy kẻ làm, kẻ sáng tạo biển cả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

128.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy nghiệp tốt, nghiệp xấu như thế mới nhận thấy kẻ làm, người sáng tạo nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy núi Tu Di như thế mới nhận thấy kẻ làm, người sáng tạo núi Tu Di phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

129.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy nghiệp tốt, nghiệp xấu như thế mới nhận thấy kẻ làm, người sáng tạo nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy nước như thế mới nhận thấy kẻ làm, người sáng tạo nước phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

130.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy nghiệp tốt, nghiệp xấu như thế mới nhận thấy kẻ làm, người sáng tạo nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy lửa như thế mới nhận thấy kẻ làm, người sáng tạo lửa phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

131.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy nghiệp tốt, nghiệp xấu như thế mới nhận thấy kẻ làm, người sáng tạo nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy gió, như thế mới nhận thấy kẻ làm, người sáng tạo gió phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

132.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy nghiệp tốt, nghiệp xấu, như thế mới nhận thấy kẻ làm, người sáng tạo nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy cỏ cây và rừng bụi như thế mới nhận thấy kẻ làm người sáng tạo cỏ cây rừng bụi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

133.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy nghiệp tốt, nghiệp xấu như thế mới nhận thấy kẻ làm, người sáng tạo nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nghiệp tốt, nghiệp xấu là khác, kẻ làm người tạo nghiệp tốt, nghiệp xấu cũng là khác chớ gì? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

134.

* Phản ngữ: Ngài nhận thấy quả của nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Ngài nhận thấy người hưởng quả của nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy quả của nghiệp tốt, nghiệp xấu thế đó mới nhận thấy kẻ hưởng quả của nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy kẻ hưởng, người là kẻ hưởng quả đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy kẻ hưởng, người là kẻ hưởng quả đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách làm cho tận khổ không có, sự dứt luân hồi cũng không có, sự viên tịch cũng không có với những người đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy quả của nghiệp tốt, nghiệp xấu, thế đó mới nhận thấy người là kẻ hưởng quả của nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy người, thế đó mới nhận thấy kẻ hưởng là người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy quả của nghiệp tốt, nghiệp xấu, thế đó mới nhận thấy người là kẻ hưởng quả của nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy Níp-bàn, như vậy mới nhận thấy người hưởng Níp-bàn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy quả của nghiệp tốt, nghiệp xấu, như thế mới nhận thấy người là kẻ hưởng quả của nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy Đại địa, do nhận thấy Đại Hải, do nhận thấy núi Tu Di, do nhận thấy nước, do nhận thấy lửa, do nhận thấy gió, do nhận thấy cỏ, cây, rừng, bụi

như thế mới nhận thấy người là kẻ hưởng cỏ cây rừng bụi chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

- **Tự ngôn:** Do nhận thấy quả của nghiệp tốt, nghiệp xấu, thế đó mới nhận thấy người là kẻ hưởng quả của nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Quả của nghiệp tốt, nghiệp xấu là khác, người là kẻ hưởng quả của nghiệp tốt, nghiệp xấu cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

135.

- Phản ngữ: Ngài nhận thấy vui là tiên[2] phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Ngài nhận thấy người là kẻ hưởng vui, đó là tiên phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

136.

- **Tự ngôn:** Do nhận thấy vui là tiên, như thế mới nhận thấy người thuộc kẻ hưởng vui là tiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy kẻ hưởng, người thuộc kẻ hưởng vui là tiên đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy kẻ hưởng, Ngài thuộc kẻ hưởng vui là tiên đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cách làm cho tột hết khổ không có, sự dứt đứt của luân hồi không có, sự viên tịch cũng không có với những người đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

137.

- **Tự ngôn:** Do nhận thấy người vui là tiên, bởi thế nhận thấy người thuộc kẻ hưởng vui là tiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do nhận thấy người như thế mới thấy kẻ hưởng là người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

138.

- **Tự ngôn:** Do nhận thấy vui là tiên, như thế mới nhận thấy người thuộc kẻ hưởng vui là tiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do nhận thấy Níp-bàn, như thế mới nhận thấy người là kẻ hưởng Níp-bàn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

139.

- **Tự ngôn:** Do nhận thấy vui sướng là tiên, như thế mới nhận thấy người thuộc kẻ hưởng vui là tiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do nhận thấy Đại địa ... do nhận thấy Đại Hải, do nhận thấy núi Tu Di, do nhận thấy nước, do nhận thấy lửa, do nhận thấy gió ... do nhận thấy cỏ cây rừng bụi như thế mới nhận thấy người là kẻ hưởng cỏ cây rừng bụi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

140.

- **Tự ngôn:** Do nhận thấy an vui là tiên, như thế mới nhận thấy người thuộc kẻ hưởng an vui là tiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** An vui là tiên là khác, người thuộc kẻ hưởng an vui là tiên thì khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

141.

---

[2] Tiên: Chư thiên

* Phản ngữ: Ngài nhận thấy an vui của nhân loại phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Ngài nhận thấy người thuộc kẻ hưởng an vui của nhân loại phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

142.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy an vui của nhân loại, như thế mới nhận thấy người thuộc kẻ hưởng an vui của nhân loại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người thuộc kẻ hưởng an vui của nhân loại đó phải chăng?. Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy kẻ hưởng, người thuộc kẻ hưởng an vui của nhân loại đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách làm cho tận nơi khổ không có, sự đoạn luân hồi cũng không có, sự viên tịch cũng không có với những người đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

143.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy an vui của nhân loại, thế đó mới nhận thấy người thuộc kẻ hưởng an vui của nhân loại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy người, thế đó mới nhận thấy kẻ hưởng là người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

144.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy an vui của nhân loại, thế đó mới nhận thấy người là kẻ hưởng an vui của nhân loại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhận thấy Níp-bàn thế đó mới nhận thấy người là kẻ hưởng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

145.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy an vui của nhân loại, thế đó mới nhận thấy người là kẻ hưởng an vui của nhân loại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy Đại địa ... do nhận thấy Đại Hải ... do nhận thấy núi Tu Di ... do nhận thấy nước ... do nhận thấy lửa ... do nhận thấy gió ... do nhận thấy cỏ cây rừng bụi, thế đó mới nhận thấy người là kẻ hưởng cỏ cây rừng bụi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

146.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy an vui của nhân loại thế đó mới nhận thấy người là kẻ hưởng an vui của nhân loại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** An vui của nhân loại là khác, người thuộc kẻ hưởng an vui của nhân loại cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

147.

* Phản ngữ: Ngài nhận thấy khổ, có trong khổ thú phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Ngài nhận thấy người là kẻ hưởng trong cõi khổ thú phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

148.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy khổ tại trong cõi khổ thú thế đó mới nhận thấy người thuộc kẻ hưởng trong cõi khổ thú phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy kẻ hưởng, người là kẻ hưởng khổ trong khổ thú đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

∗ **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy kẻ hưởng, người là kẻ hưởng khổ trong cõi khổ thú đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Cách làm tận khổ không có, sự dứt luân hồi cũng không có, đến sự viên tịch cũng không có với những người đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

149.

∗ **Tự ngôn:** Do nhận thấy khổ ở trong cõi khổ thú, thế đó mới nhận thấy người là kẻ hưởng khổ trong cõi khổ thú phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Bởi nhận thấy người thế đó mới nhận thấy kẻ hưởng là người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

150.

∗ **Tự ngôn:** Do nhận thấy khổ trong khổ thú thế đó mới nhận thấy người là kẻ hưởng khổ trong cõi khổ thú phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Do nhận thấy Níp-bàn thế đó mới nhận thấy người là kẻ hưởng Níp-bàn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

151.

∗ **Tự ngôn:** Do nhận thấy khổ trong cõi khổ thú, thế đó mới nhận thấy người là kẻ hưởng khổ trong cõi khổ thú phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Do nhận thấy Đại địa ... do nhận thấy Đại Hải ... do nhận thấy núi Tu Di ... do nhận thấy nước ... do nhận thấy lửa ... do nhận thấy gió ... do nhận thấy cỏ cây rừng bụi thế đó mới nhận thấy người là kẻ sử dụng cỏ cây và rừng bụi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

152.

∗ **Tự ngôn:** Do nhận thấy khổ trong cõi khổ thú, thế đó mới nhận thấy người chịu khổ trong cõi khổ thú phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Khổ trong cõi khổ thú là khác, người là kẻ chịu khổ trong cõi khổ thú cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

153.

∗ **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy khổ trong cõi Địa ngục phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Ngài nhận thấy người là kẻ chịu khổ trong Địa ngục phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

154.

∗ **Tự ngôn:** Do nhận thấy khổ trong Địa ngục thế đó mới nhận thấy người là kẻ chịu khổ trong Địa ngục phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy kẻ chịu là người thuộc kẻ chịu khổ trong Địa ngục đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

∗ **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy kẻ chịu, người là kẻ chịu khổ trong Địa ngục đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Cách làm cho tận khổ không có, sự dứt luân hồi cũng không có, sự viên tịch cũng không có với những người đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

155.

∗ **Tự ngôn:** Do nhận thấy khổ trong Địa ngục, như thế mới nhận thấy người là kẻ chịu khổ trong Địa ngục phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Do nhận thấy người, thế đó mới nhận thấy kẻ hưởng là người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

156.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy khổ trong Địa ngục, thế đó mới nhận thấy người là kẻ chịu khổ trong Địa ngục phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy Níp-bàn, thế đó mới nhận thấy người là kẻ hưởng Níp-bàn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

157.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy khổ trong Địa ngục, thế đó mới nhận thấy người là kẻ chịu khổ trong Địa ngục phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nhận thấy Đại địa. ... do nhận thấy Đại Hải, do nhận thấy núi Tu Di, do nhận thấy nước, do nhận thấy lửa, do nhận thấy gió, do nhận thấy cỏ cây rừng bụi, thế đó mới nhận thấy người là kẻ sử dụng cỏ cây rừng bụi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

158.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy khổ trong Địa ngục, thế đó mới nhận thấy người là kẻ chịu khổ trong Địa ngục phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khổ trong Địa ngục là khác, người thuộc kẻ chịu khổ trong Địa ngục cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

159.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy nghiệp tốt, nghiệp xấu; thế đó mới nhận thấy người làm kẻ tạo người hưởng quả nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người đó làm, tự người đó hưởng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người đó làm, tự người đó hưởng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** An vui và khổ sở tự mình làm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

160.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy nghiệp tốt, nghiệp xấu, thế đó mới nhận thấy kẻ làm người tạo, kẻ hưởng quả nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác làm người khác hưởng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người khác làm người khác hưởng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vui và khổ người khác làm cho phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

161.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy nghiệp tốt, nghiệp xấu, thế đó mới nhận thấy kẻ làm người sáng tạo, kẻ hưởng quả nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người đó và người khác làm, người đó và người khác hưởng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người đó và người khác làm, người đó và người khác hưởng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vui và khổ cũng có tự mình làm, cũng có người khác làm cho phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

162.

* **Tự ngôn:** Do nhận thấy nghiệp tốt, nghiệp xấu, thế đó mới nhận thấy người là kẻ sáng tạo kẻ hưởng quả nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Người đó làm cũng chẳng phải, tự người đó hưởng cũng chẳng phải, người khác làm cũng chẳng phải, người khác hưởng cũng chẳng phải ư? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người đó làm cũng chẳng phải, người đó tự hưởng cũng chẳng phải, người khác làm cũng chẳng phải, người khác hưởng cũng chẳng phải ư? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vui và khổ nương thật tướng chẳng phải cách làm của tự mình, chẳng phải cách làm của người khác sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

163.

- **Tự ngôn:** Do nhận thấy nghiệp tốt, nghiệp xấu thế đó mới nhận thấy người là kẻ làm, kẻ tạo, kẻ hưởng quả của nghiệp tốt, nghiệp xấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người đó làm, tự người đó hưởng; người khác làm thời người khác hưởng; người đó và người khác làm thời người đó và người khác hưởng. Người đó làm cũng chẳng phải, chính người đó hưởng cũng chẳng phải. Người khác làm cũng chẳng phải, người khác hưởng cũng chẳng phải ư? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người đó làm, chính người đó hưởng. Người khác làm thì người khác hưởng. Người đó và người khác làm thời người đó và người khác hưởng. Người đó làm cũng chẳng phải, người đó tự hưởng cũng chẳng phải. Người khác làm cũng chẳng phải, người khác hưởng cũng chẳng phải ư? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vui và khổ tự mình làm, vui và khổ người khác làm cho; vui và khổ tự mình làm và cũng có người làm cho; vui và khổ nương thật tướng chớ chẳng phải cách làm của tự mình, chẳng phải cách làm của người khác mới sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

164.

- Phản ngữ: Nghiệp vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Người là kẻ làm nghiệp cũng vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Do nghiệp vẫn có, thế đó người là kẻ làm nghiệp mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Kẻ sáng tạo, người là kẻ làm nghiệp đó cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Kẻ sáng tạo, người là kẻ làm nghiệp đó cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cách làm cho tận khổ không có, sự dứt biệt luân hồi cũng không có, sự viên tịch cũng không có với những người đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Do nghiệp vẫn có, thế đó người là kẻ làm nghiệp mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do người vẫn có, thế đó kẻ tạo nghiệp mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Do nghiệp cũng có, thế đó người là kẻ tạo nghiệp mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do Níp-bàn vẫn có, thế đó người tạo Níp-bàn cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Do nghiệp vẫn có, thế đó người là kẻ làm nghiệp quả vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Do Đại địa vẫn có ... do Đại Hải vẫn có ... do núi Tu Di vẫn có ... do nước vẫn có ... do lửa vẫn có ... do gió vẫn có ... do cỏ cây rừng bụi vẫn có, thế đó người tạo cỏ cây và rừng bụi mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Do nghiệp vẫn có, người là kẻ làm nghiệp mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nghiệp là khác, người thuộc kẻ làm nghiệp cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Dị thục quả vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người là kẻ hưởng quả vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Do quả vẫn có, thế đó người là kẻ hưởng quả mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Kẻ hưởng, người là kẻ hưởng quả đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Kẻ hưởng, người là kẻ hưởng quả đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách làm tận khổ không có, sự dứt luân hồi cũng không có, viên tịch cũng không có với những người đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Do quả vẫn có, thế đó người là kẻ hưởng quả mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do người vẫn có, thế đó kẻ hưởng là người mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Do quả vẫn có, thế đó người là kẻ hưởng quả mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do Níp-bàn vẫn có, thế đó người là kẻ hưởng Níp-bàn vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó..
* **Tự ngôn:** Do quả vẫn có, thế đó người là kẻ hưởng quả mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do Đại địa vẫn có ... do đại hải vẫn có ... do núi Tu Di vẫn có ... do nước vẫn có ... do lửa vẫn có ... do gió vẫn có ... do cây rừng bụi vẫn có, thế đó kẻ sử dụng cỏ cây và rừng bụi vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Do quả vẫn có, thế đó người là kẻ hưởng quả mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Quả là khác, người thuộc kẻ hưởng quả cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó... rút gọn *(Saṅkhitta).*

Dứt Phần nghiệp đáng kể.

CẬT VẤN THÔNG *(ABHIÑÑĀNUYOGA)*

165.

- Phản ngữ: Không nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Có người hiện thần thông đặng cũng vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Dù rằng có người hiện thần thông đặng vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý.
- Phản ngữ: Không nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Có người nghe tiếng bằng Nhĩ giới như tiên đặng ... biết Tâm của người khác đặng ... nhớ kiếp trước đặng ... thấy sắc bằng con mắt như tiên đặng ... làm cho rõ sự tuyệt lậu đặng vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Dầu rằng có người làm cho rõ sự dứt tuyệt hết lậu đặng vẫn có, chính do nhân đó Ngài mới nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý.
- **Tự ngôn:** Ngài đã nhứt định rằng cũng có người hiện thần thông đặng vẫn có và do nhân đó mới nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người nào hiện thần thông đặng thì chính kẻ đó là người còn kẻ nào hiện thần thông không đặng thì kẻ đó không phải là người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người nào nghe tiếng bằng Nhĩ giới như tiên đặng ... kẻ nào biết tâm người khác đặng ... kẻ nào nhớ đời trước đặng ... kẻ nào thấy sắc bằng con mắt như tiên đặng ... kẻ nào làm cho rõ sự hết lậu đặng thì kẻ đó là người; còn kẻ nào làm cho rõ hết lậu không đặng thì kẻ đó không là người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Cật vấn thông (Abhiññānuyoga)

CẬT VẤN THÂN TỘC *(ÑĀTAKĀNUYOGA)*

166.

- Phản ngữ: Không nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Mẹ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Dù rằng mẹ vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý.
- Phản ngữ: Không nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Cha vẫn có ... anh vẫn có ... chị vẫn có ... vua vẫn có ... phạm chí vẫn có ... thương gia vẫn có ... cận thắng tiện dân vẫn có ... cư sĩ vẫn có ... xuất gia vẫn có ... Chư thiên vẫn có ... Nhân loại vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Dù rằng nhân loại vẫn có, chính do nhân đó Ngài mới nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý.

167.

- **Tự ngôn:** Ngài đã nhứt định là mẹ vẫn có và do nhân mới nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Cũng có người trước không thành mẹ, sau mới thành mẹ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cũng có người vốn trước không thành người, sau mới thành người vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Cũng có người trước kia không thành cha ... không thành anh em, không thành chị em, không thành vua, không thành phạm chí, không thành thương gia, không thành cận thắng tiện dân, không thành cư sĩ, không thành xuất gia, không thành Chư thiên, không thành nhân loại rồi thành nhân loại vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cũng có người vốn trước kia không thành người rồi sau mới thành người vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

168.

* **Tự ngôn:** Ngài đã nhứt định rằng mẹ vẫn có, và do nhân đó mới nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cũng có người vốn trước kia thành mẹ rồi sau không thành mẹ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cũng có người vốn trước thành người rồi sau không thành người vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Cũng có người trước kia thành cha, thành anh em, thành chị em, thành vua, thành phạm chí, thành thương gia, thành cận thắng tiện dân, thành cư sĩ, thành xuất gia, thành Chư thiên, thành nhân loại rồi không thành nhân loại vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cũng có người trước kia thành người rồi sau không thành người vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

169.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Người đắc Dự Lưu vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Dù rằng người đắc Dự Lưu vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý.
* Phản ngữ: Không nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Người đắc Nhứt Lai vẫn có ... Người đắc Bất Lai vẫn có ... Người đắc La Hán vẫn có ... Người đắc Ứng cúng giải thoát lưỡng biên *(Ubhatobhāgavimutta)* vẫn có ... Người đắc Ứng cúng bằng tuệ giải thoát *(paññāvimutta)* vẫn có ... Người đắc Thánh nhân thân chứng *(Kāyakkhī)* vẫn có ... Người đắc Thánh nhân kiến chí *(diṭṭhapatta)* vẫn có ... Người đắc Thánh nhân tín giải hành *(Saddhāvimutta)* vẫn có ... Người đắc Thánh nhân tùy pháp hành *(dhammānusārī)* vẫn có, người đắc Thánh nhân tùy tín hành *(saddhānusārī)* vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: dù rằng người đắc Thánh nhân tùng du đức tin *(Saddhānusārī)* vẫn có, chính do nhân đó Ngài mới nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý.

170.

* **Tự ngôn:** Ngài đã nhứt định rằng người đắc Dự Lưu vẫn có và do nhân đó mới nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cũng có người trước kia không thành Dự Lưu sau mới thành Dự Lưu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Cũng có người trước kia không thành người, sau thành người vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Cũng có người trước kia không thành Nhứt Lai ... không thành Bất Lai ... không thành La Hán ... không thành Ứng cúng giải thoát lưỡng biên *(Ubhatobhāgavimutta)* ... không thành Ứng cúng giải thoát bằng tuệ *(Paññāvimutta)* ... không thành Thánh nhân thân chứng *(Kāyasakkhī)* ... không thành Thánh nhân kiến chí *(Diṭṭhipatta)* ... không thành Thánh nhân Tín giải hành *(Saddhāvimutta)* ... không thành Thánh nhân tùy pháp hành *(Dhammānusārī)*... không thành Thánh nhân tùy tín hành *(Saddhānusārī),* rồi mới thành Thánh nhân tùy tín hành vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cũng có người trước kia không thành người, sau thành người vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

171.

- **Tự ngôn:** Ngài đã nhứt định rằng người bực Dự Lưu vẫn có và do nhân đó mới nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Có người trước kia thành Dự Lưu, rồi sau không thành Dự Lưu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Có người trước kia thành người rồi sau không thành người vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Có người trước kia thành Nhứt Lai ... thành Bất Lai rồi sau không thành Bất Lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Có người trước kia thành người rồi sau không thành người vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

172.

- Phản ngữ: Không nên nói rằng đặng thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Thánh nhân bốn đôi, tám chủng vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Dù rằng thánh nhân bốn đôi, tám chủng vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý.

173.

- **Tự ngôn:** Ngài đã nhứt định rằng thánh nhân bốn đôi, tám chủng vẫn có và do nhân đó mới nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thánh nhân bốn đôi, tám chủng phát hiện ra đặng do sự phát hiện của Phật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người phát hiện đặng do sự phát hiện của Phật phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người phát hiện ra đặng do sự phát hiện của Phật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sau khi Đức Thế Tôn viên tịch, người tiêu diệt, vẫn không có người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

174.

- **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người phi hữu vi phi vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Người phi hữu vi phi vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Còn phần chót thứ ba, ngoài ra hữu vi và vô vi nữa phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Còn phần chót thứ ba ngoài ra hữu vi và vô vi nữa phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, giới *(Dhātu)* này có hai thứ. Hai thứ đó ra sao? Một là giới hữu vi, hai là giới vô vi đó thôi. Hai thứ giới như thế chắc thật vẫn có nghe phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói rằng: "Còn phần chót thứ ba, ngoài ra hữu vi và vô vi nữa chớ gì?
* **Tự ngôn:** Người là phi hữu vi phi vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hữu vi là khác, vô vi cũng là khác, người cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tất cả uẩn là hữu vi, Níp-bàn là vô vi, người là phi hữu vi phi vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tất cả uẩn là khác, Níp-bàn là khác, người cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc là hữu vi, Níp-bàn là vô vi, còn người phi hữu vi phi vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc là khác, Níp-bàn là khác, người cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng ... Hành ... Thức là hữu vi, Níp-bàn là vô vi, còn người là phi hữu vi phi vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thức là khác, Níp-bàn là khác, người cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

175.

* **Tự ngôn:** Người có sự sanh ra hiện bày, có sự tiêu tàn rõ rệt, khi đang trụ có sự thay đổi hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, pháp hữu vi có ba tướng *(Lakkhaṇa)* hữu vi thế này tức là tất cả pháp hữu vi có sự sanh ra rõ rệt, có sự hư hoại rõ rệt, đang khi còn có sự thay đổi rõ rệt". Như thế người cũng có sự sanh ra hiện bày, sự hư hoại cũng rõ rệt, đang khi đình trụ có sự đổi thay cũng rõ rệt. Như thế đó thì người cũng là hữu vi chớ gì?
* **Tự ngôn:** Sự sanh ra của người không hiện bày, sự hư hoại của người không hiện bày, đang khi còn có sự thay đổi cũng không hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, pháp vô vi có trạng thái vô vi ba cách như vầy: sự sanh ra của tất cả pháp vô vi không hiện bày, sự hoại hư không hiện bày, khi đình trụ sự thay đổi không hiện bày". Như thế thì sự phát sanh của người cũng không hiện bày, sự hư hao cũng không hiện bày, khi đình trụ sự đổi thay cũng không hiện bày. Nếu thế đó thì người cũng là vô vi chớ gì?

176.

* **Tự ngôn:** Bực đã viên tịch vẫn còn có trong Níp-bàn, hay là không có trong Níp-bàn? Phản ngữ: Vẫn còn có trong Níp-bàn.

* **Tự ngôn:** Bực viên tịch là người trường tồn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Bực đã viên tịch không có trong Níp-bàn.
* **Tự ngôn:** Bực đã viên tịch là người diệt mất phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Cật vấn thân tộc (Ñātakānuyoga)

PHẦN LINH TINH *(PAKIṆṆAKA)*

177.

* **Tự ngôn:** Người nương chi mà vững còn? Phản ngữ: Nương hữu *(Bhāva)* mà vững còn.
* **Tự ngôn:** Hữu không bền thành hữu vi nương duyên sanh ra, có sự phải mất đi, phải hư hoại, phải rã tan, phải diệt đi, phải đổi thay phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tuy nhiên người cũng không bền, thuộc hữu vi, nương duyên sanh ra phải có sự mất, phải hư hoại, phải rã tan, phải diệt đi phải biến đổi theo lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dĩ nhiên người cũng không bền, thuộc hữu vi nương duyên sanh ra, vẫn phải có sự mất, phải hư hoại, phải rã tan, phải diệt đi, phải đổi thay theo lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

178.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Có người đang hưởng vui sướng, cũng biết rõ rằng ta đang hưởng vui sướng vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Dù rằng có người đang hưởng vui sướng cũng biết rõ rằng ta đang hưởng vui sướng vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý.
* Phản ngữ: Không nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Có người đang hưởng đau khổ cũng biết rõ rằng ta đang hưởng đau khổ ... đang hưởng phi khổ phi lạc cũng biết rõ ta đang hưởng phi khổ phi lạc vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: dù rằng có người đang hưởng phi khổ phi lạc cũng biết rõ ta đang hưởng phi khổ phi lạc vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý.
* **Tự ngôn:** Ngài đã nhứt định rằng có người đang hưởng vui sướng cũng biết rõ ta đang hưởng vui sướng vẫn có và do nhân đó mới nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người nào đang hưởng vui sướng cũng biết rõ ta đang hưởng vui sướng thì chính người đó là người. Còn người nào đang hưởng vui sướng mà không biết ta đang hưởng vui sướng thì người ấy không phải là người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người nào đang hưởng đau khổ ... Người nào đang hưởng phi khổ phi lạc cũng biết rõ ta đang hưởng phi khổ phi lạc thì chính người đó là người. Còn người nào

đang hưởng phi khổ phi lạc mà không biết rõ ta đang hưởng phi khổ phi lạc thì người ấy chẳng phải là người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Ngài đã nhứt định rằng có người đang hưởng vui sướng cũng biết rõ ta đang hưởng vui sướng vẫn có, và do nhân đó mới nói nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Lạc thọ là khác, người đang hưởng lạc thọ cũng biết rõ ta đang hưởng lạc thọ cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khổ thọ là khác ... phi khổ phi lạc thọ là khác; người đang hưởng phi khổ phi lạc thọ mà biết rõ ta đang hưởng phi khổ phi lạc thọ cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

179.

* Phản ngữ: Không nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Có người đang quan sát thấy Thân trong Thân vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** dù rằng có người quán tưởng thấy Thân trong Thân vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý.
* Phản ngữ: Không nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Có người đang quán sát thấy Thọ trong Thọ ... đang quán sát thấy tâm trong tâm ... đang quán sát thấy pháp trong pháp phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: dù rằng có người quán sát thấy pháp trong pháp vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý.
* **Tự ngôn:** Ngài đã nhứt định rằng có người quán sát thấy Thân trong Thân vẫn có và do nhân đó mới nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người nào quán sát thấy Thân trong Thân thì ngươi đó là người, còn người nào không quán sát thấy Thân trong Thân thì người ấy không phải là người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người nào quán sát thấy Thọ trong Thọ ... Người nào quán sát thấy tâm trong tâm ... Người nào quán sát thấy pháp trong pháp thì chính người đó là người. Còn người nào không quán sát thấy pháp trong pháp thời người đó không phải là người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Ngài đã xác định rằng có người là bực đang quán sát thấy Thân trong Thân vẫn có và do nhân đó mới nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thân là khác, người quán tưởng thấy Thân trong Thân cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thọ là khác ... tâm là khác ... pháp là khác. Người mà quán sát đang thấy pháp trong pháp cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

180.

* **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn phán rằng: "Này Không Vương *(Nogaraja)* người nên thành người hằng có chánh niệm, nhận thấy sự vật bằng lối tiêu diệt, (nhổ) bỏ kiến thức ngã chấp, ngươi nên phải là người lướt khỏi Diêm Vương, ngươi phải là người cho đặng

bằng với thái độ ấy. Bởi vì Diêm Vương không ngó thấy những người đang nhận thấy đời như vậy". Vẫn có nghe thật như thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý chớ gì?

181.

- **Tự ngôn:** Người nhận thấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chung với sắc mà nhận thấy hay là trừ ra sắc mới nhận thấy. Phản ngữ: Chung với Sắc mới nhận thấy.
- **Tự ngôn:** Linh hồn là đó, thân xác cũng là đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Trừ ra sắc mới nhận thấy.
- **Tự ngôn:** Linh hồn là khác, thân xác cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người nhận thấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ở phía trong mới nhận thấy, hay là ra phía ngoài rồi mới nhận thấy. Phản ngữ: Ở phía trong mới nhận thấy.
- **Tự ngôn:** Linh hồn cũng cái đó, thân xác cũng cái đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Ra phía ngoài rồi mới nhận thấy.
- **Tự ngôn:** Linh hồn là khác, thể xác cũng là khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

182.

- Phản ngữ: chớ nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn thường phán lời chắc chắn, phán đúng thời, đúng việc chân thật, nói đúng đắn không sai chạy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn có phán rằng: "Bực người hành để tự liên quan vẫn có", Thế vậy có nghe chắc thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý chớ gì?
- Phản ngữ: Không nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn có thường phán lời chắc chắn, phán lời hợp thời hợp việc chân thật, nói đúng đắn không sai chạy phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, chỉ có 1 hạng người ra đời sanh ra để liên quan với nhiều người đặng an vui cho nhiều người, để tế độ cho đời hầu lợi ích đặng liên quan đến sự vui cho tất cả Chư thiên và nhân loại", thế vậy có nghe chắc thật phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó cũng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý chớ gì!

183.

- **Tự ngôn:** Nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn có thường phán lời chắc chắn, phán thích hợp thời, phán chuyện chân thật, Ngài nói đúng đắn không sai chạy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn có phán rằng: "Tất cả pháp là vô ngã", như vậy có nghe chắc thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý chớ gì.

184.

* **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn thường phán lời chắc chắn, phán thích hợp thời, phán công chuyện chắc thật, nói đúng đắn không sai chạy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn ngài có phán rằng: "Thánh Tăng không Hoài nghi, không nghi hoặc rằng khi sanh những khổ đã sanh lên, khi diệt những khổ đó diệt mất. Trong điều này Thánh Tăng tự nhận rõ quyết khỏi cần nhờ người khác; những thế vậy Đức Ca Chiên Diên *(Kaccāna)* mới thành Chánh kiến", như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý chớ gì!

185.

* **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Phíc-khú Ni Điện Quang *(Vajirā)* nói với Mara *(Māra)* rằng: Này Mara *(Māra)* Ngài gọi là chúng sanh phải chăng ư? Đó là sự nhận thấy của Ngài phải chăng? Đây chỉ là khối hành vi, mà trong hành vi này không có chi là chúng sanh, do gom phần chung lại mới đặng gọi là xe, thế nào thì thân Ngũ uẩn đang còn chế định gọi là chúng sanh cũng như thế ấy. Chớ kỳ thật chỉ có khổ sanh ra, tạm đình trụ rồi liền diệt mất, ngoài ra không có chi sanh cũng không có chi khác diệt. Đây là bài Kinh vẫn có thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý.

186.

* **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức A Nan Đa bạch hỏi Thế Tôn rằng: "Đức Thế Tôn, Ngài nói thế giới tiêu hoại, mà thế giới tiêu hoại vậy chớ do nhân chi mà thế giới tiêu hoại?" Đức Phật Ngài phán rằng "Này A Nan Đa, tự nó hoặc tại có thứ liên quan với nó, như thế mới đặng nói là thế giới hoại; thế này A Nan Đa, tự nó hay tự thứ liên quan với nó. Nhãn tự tiêu hoại hoặc do thứ liên quan tiêu hoại, sắc tiêu hoại ... Nhãn thức tiêu hoại ... Nhãn xúc tiêu hoại ... Bởi do Nhãn xúc làm duyên phát sanh ra sự biết hưởng cảnh hoặc Sướng, hoặc Khổ, hoặc Phi Khổ Phi Lạc; cái nào thì cái ấy tiêu diệt hoặc thứ liên quan với nó. Nhĩ tiêu hoại ... Thinh tiêu hoại ... Tỷ tiêu hoại ... Khí tiêu hoại ... Thiệt tiêu hoại ... Vị tiêu hoại ... Thân tiêu hoại ... Ý tiêu hoại ... Pháp tiêu hoại ... Ý thức tiêu hoại ... Ý xúc tiêu hoại ... Bởi do Ý xúc làm duyên phát sanh ra sự biết hưởng cảnh sướng hoặc khổ, hoặc phi khổ phi lạc; cái nào thì cái ấy tiêu diệt hoặc thứ liên quan với nó. Này A Nan Đa tiêu diệt tự nó hoặc do cái khác liên quan, như thế mới gọi là đời tiêu diệt". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý chớ gì?

187.

* **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn phán lời chắc, phán hợp thời, phán công chuyện thật, thuyết đúng đắn không sai chạy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn có phán rằng: "Này Chư Phíc-khú, khi ta đang còn đáng có lời nói như vậy: "Của mà liên quan với ta là của ta phải chăng?" Chư Phíc-khú bạch rằng:

"Dạ phải như thế đó". Đức Phật phán rằng: "khi của mà liên quan với ta dù đang còn phải có lời nói như vầy ta là của ta phải chăng?". Đáp rằng: "Dạ phải như thế đó". Phật phán rằng: "Này Chư Phíc-khú, ta và luôn của liên quan với ta, sẽ nhận thấy không đặng bằng sự thành của thật, bằng sự thành của Chắc, nhân sở y của kiến thức như vầy thế giới cũng là cái đó, ta cũng là cái đó. Sau khi chết ta sẽ thành người khác lâu dài, vững chắc, cố nhiên không thay đổi, sẽ đình trụ thế đó quyết một chỗ luôn luôn, như thế cũng là pháp tiểu nhân đầy đủ hoàn toàn phải chăng?". Bạch lại rằng: "Dạ chẳng phải thành chi chi khác, dạ đó là pháp của tiểu nhân, đầy đủ hết". Như thế là bài Kinh vẫn có thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý chớ gì!

188.

∗ **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn thường có phán lời thật, phán công chuyện có thật, nói đúng đắn, nói không sai chạy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn có phán rằng: "Này Giáo trưởng, Tam chủng Giáo chủ đây vẫn hiện trong đời. Tam chủng Giáo chủ ra sao? Cũng có Giáo chủ trong đời này chế định ngã là đồ chơn thật chắc chắn cả đời này và đời sau. Một nửa, cũng có Giáo chủ trong đời này chế định ngã là đồ chơn thật chắc chắn chỉ trong đời hiện tại không chế định như thế trong đời sau. Một nửa, cũng có Giáo chủ trong đời này không chế định ngã là đồ chơn thật chắc chắn luôn trong đời này và cả đời trong đời sau. Trong Tam chủng Giáo chủ đó mà Giáo chủ chế định ngã là đồ chơn thật chắc chắn cả trong đời này luôn đến trong đời sau, thế gọi là thường kiến. Vị Giáo chủ chế định ngã là đồ chân thật chắc chắn chỉ trong đời này, chớ không chế định thế đó trong đời sau, như vậy gọi là đoạn kiến. Còn bực Giáo chủ mà không chế định ngã là đồ chơn thật chắc chắn cả trong đời này luôn đến đời sau, như thế gọi là Phật Toàn Giác. Này Trưởng giáo, chính là Tam chủng Giáo chủ như đây vẫn có đang hiện trong đời". Như thế vẫn có nghe thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu thế đó không nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý chớ gì!

189.

∗ **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn thường có phán lời chắc, phán hợp thời, phán công chuyện có thật, nói đúng đắn, nói không sai chạy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn phán rằng: "Nồi đề hồ phải chăng?" Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Ai ai làm nồi vẫn có đề hồ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

∗ **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý chớ gì?

190.

∗ **Tự ngôn:** Ngài nhận thấy người bằng chân thể siêu lý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn thường phán lời chắc, phán hợp thời, phán chuyện có thật, nói đúng đắn, nói không sai chạy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài phán rằng: "Nồi dầu ... nồi mật ... nồi nước mía ... nồi sửa ... nồi nước ... mâm nước uống ... bình nước uống ... ca nước uống ... bát cơm ... và nồi cháo bổ phải chăng?" Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Có thứ cháo bổ là đồ trường tồn vĩnh viễn, bền chắc, dĩ nhiên không thay đổi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nếu thế vậy cũng không nên nói rằng nhận thấy người đặng bằng chân thể siêu lý chớ gì?

Dứt Phần Nhân ngữ (Puggalakathā)

Nếu tập này, vị nào học hay nghiên cứu mà nhận hiểu chưa đặng, xin yêu cầu học và nghiên cứu khởi phần Pháp Tụ Xiển Minh luôn hiểu rồi 4 bộ trước mới có thể dễ nhận hiểu Bộ Ngữ Tông thuộc về bộ thứ 5 này. Rồi các phần sau sẽ thành ra không khó. Hay là quý vị học hoặc nghiên cứu thứ tự theo 3 lớp học siêu lý nhớ kỷ theo bảng nêu tiếp tục xem vào Chánh tạng Diệu Pháp.

HOẠI LÌA NGỮ (Ỷ HƯ NGỮ) *(PARIHANIKATHA)*

191.

* **Tự ngôn:** *(Sakavādī)* La Hán hoại lìa (ỷ hư) quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: *(Paravādī):* Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán hoại lìa (ỷ hư) quả La Hán trong tất cả hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** La Hán hoại lìa quả La Hán trong tất cả hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhân hoại của La Hán trong tất cả hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán trong mỗi thời phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhân hoại của La Hán trong mỗi thời phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán chính mỗi vị hoại lìa (ỷ hư) La Hán quả đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán chính mỗi vị hoại lìa La Hán quả đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhân hoại của bực La Hán có đặng mỗi vị phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

192.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa *(Parihāyati)* La Hán quả đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán khi hoại lìa La Hán quả vẫn hoại lìa cả bốn quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Phú Trưởng Giả vẫn duy trì chức Phú Trưởng Giả bằng bốn ức tài vật, nếu khi hết một ức tài vật thì hoại lìa chức vị phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Vẫn hoại lìa tài sản tất cả phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Phú Trưởng Giả vẫn duy trì chức Phú Trưởng Giả bằng bốn ức tài vật, nếu hết một ức tài vật thì thành người đáng sẽ hoại lìa tài vật tất cả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán nếu khi hoại lìa quả La Hán thời thành người đáng sẽ hoại lìa cả 4 quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

193.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa (ỷ hư) quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhập Lưu hoại lìa quả Nhập Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

194.

* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai hoại lìa (ỷ hư) quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

195.

* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai hoại lìa (ỷ hư) quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi... .
* **Tự ngôn:** Bực Nhập Lưu hoại lìa quả Nhập Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

196.

* **Tự ngôn:** Bực Nhập Lưu vẫn không hoại lìa (ỷ hư) quả Nhập Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai vẫn không hoại lìa (ỷ hư) quả Nhất Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán vẫn không hoại lìa (ỷ hư) quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai vẫn không hoại lìa quả Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

197.

* **Tự ngôn:** Bực Nhập Lưu vẫn không hoại lìa (ỷ hư) quả Nhập Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai vẫn không hoại lìa quả Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai vẫn không hoại lìa quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai vẫn không hoại lìa quả Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

198.

* **Tự ngôn:** Bực Nhập Lưu vẫn không hoại lìa quả Nhập Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai vẫn không hoại lìa quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

199.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa (ỷ hư) quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán khi hoại lìa quả La Hán thời nương tựa pháp chi? Phản ngữ: Trong quả Bất Lai.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai khi hoại lìa quả Bất Lai thì nương tựa pháp chi? Phản ngữ: Trong quả Nhứt Lai.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai khi hoại lìa quả Nhứt Lai thời nương tựa trong pháp chi? Phản ngữ: Trong quả Dự Lưu.
* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu khi hoại lìa quả Dự Lưu thời nương tựa địa vị phàm phu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ *(Nigaha)* dù rằng bực La Hán khi hoại lìa quả La Hán nương tựa trong quả Bất Lai. Bực Bất Lai khi hoại lìa quả Bất Lai thời nương tựa quả Nhứt Lai. Bực Nhứt Lai khi hoại lìa quả Nhứt Lai thời nương tựa Quả Dự Lưu; Chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Bực Nhập Lưu khi hoại lìa quả Nhập Lưu thời nương tựa địa vị phàm phu.

200.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán khi hoại lìa quả La Hán thời nương tựa Quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tách lìa quả Dự Lưu Ngài cũng làm cho tỏ ngộ La Hán quả nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán và bực Dự Lưu, ai trừ phiền não nhiều hơn? Phản ngữ: Bực La Hán.
* **Tự ngôn:** Dù rằng bực La Hán trừ phiền não nhiều hơn và hoại lìa quả La Hán đặng; chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng bực Dự Lưu hoại lìa quả Dự Lưu đặng.

201.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán và bực Nhứt Lai, ai trừ phiền não nhiều hơn? Phản ngữ: Bực La Hán.
* **Tự ngôn:** Dù rằng bực La Hán trừ phiền não nhiều hơn và hoại lìa quả La Hán đặng, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng bực Nhứt Lai hoại lìa quả Nhứt Lai đặng.

202.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Bất Lai hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực La Hán hay Bực Bất Lai, ai trừ phiền não nhiều hơn? Phản ngữ: Bực La Hán.
- **Tự ngôn:** Dù rằng bực La Hán trừ phiền não đặng nhiều hơn và hoại lìa quả La Hán đặng, chính do nhân đó Ngài nên nói rằng bực Bất Lai hoại lìa quả Bất Lai đặng.

203.

- **Tự ngôn:** Bực Bất Lai hoại lìa quả Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực Bất Lai và bực Dự Lưu, ai trừ phiền não nhiều hơn? Phản ngữ: Bực Bất Lai.
- **Tự ngôn:** Dù rằng bực Bất Lai trừ phiền não đặng nhiều hơn và hoại lìa quả Bất Lai đặng, chính do nhân đó Ngài nên nói là bực Dự Lưu hoại lìa quả Dự Lưu đặng.

204.

- **Tự ngôn:** Bực Bất Lai hoại lìa (ỷ hư) quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực Bất Lai và bực Nhứt Lai, ai trừ phiền não nhiều hơn? Phản ngữ: Bực Bất Lai.
- **Tự ngôn:** Dù rằng bực Bất Lai trừ phiền não nhiều hơn và hoại lìa quả Bất Lai đặng. Do nhân đó mới nói rằng bực Nhứt Lai hoại lìa quả Nhứt Lai đặng.

205.

- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai hoại lìa (ỷ hư) quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai và bực Dự Lưu, ai trừ phiền não nhiều hơn? Phản ngữ: Bực Nhứt Lai.
- **Tự ngôn:** Dù rằng bực Nhứt Lai trừ phiền não nhiều hơn và hoại lìa quả Nhứt Lai đặng, chính do nhân đó Ngài nên nói rằng bực Dự Lưu hoại lìa quả Dự Lưu đặng.

206.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đạo tu tiến của bực La Hán và bực Dự Lưu, ai cao thượng? Phản ngữ: Bực La Hán.
- **Tự ngôn:** Dù rằng Đạo tu tiến của bực La Hán cao thượng hơn và hoại lìa (ỷ hư) quả La Hán đặng, chính do nhân đó Ngài nên nói rằng bực Dự Lưu hoại lìa quả Dự Lưu đặng.

207.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tu (Tứ) Niệm xứ ... Tu (Tứ) Chánh cần ... Tu (Tứ) Như ý túc ... Tu (Ngũ) Quyền ... Tu (Ngũ) Lực ... Tu (Thất) Giác chi của bực La Hán và bực Dự Lưu, ai cao thượng hơn? **Tự ngôn:** Bực La Hán.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Tu (Thất) Giác chi của bực La Hán cao thượng hơn và bực La Hán hoại lìa (ỷ hư) quả La Hán đặng, chính do nhân đó Ngài nên nói rằng bực Dự Lưu hoại lìa quả Dự Lưu đặng.

208.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai hoại lìa (ỷ hư) quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đạo tu tiến ... Giác chi tu tiến của bực La Hán và bực Nhứt Lai, ai cao thượng hơn? Phản ngữ: của bực La Hán.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Giác chi tu tiến của La Hán cao thượng hơn và bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng, chính do nhân đó, Ngài nên nói rằng bực Nhứt Lai hoại lìa quả Nhứt Lai đặng.

209.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa (ỷ hư) quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đạo tu tiến ... Giác chi tu tiến của bực La Hán và bực Bất Lai, ai cao thượng hơn? Phản ngữ: của bực La Hán.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Giác chi tu tiến của bực La Hán cao thượng hơn và bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng, chính do nhân đó Ngài nên nói rằng bực Bất Lai hoại lìa quả Bất Lai đặng.

210.

* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đạo tu tiến ... Giác chi tu tiến của bực Bất Lai và bực Dự Lưu, ai cao thượng hơn? Phản ngữ: của bực Bất Lai.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Giác chi tu tiến của bực Bất Lai cao thượng hơn và bực Bất Lai hoại lìa quả Bất Lai đặng, chính do nhân đó Ngài nên nói rằng bực Dự Lưu hoại lìa quả Dự Lưu đặng.

211.

* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đạo tu tiến ... Giác chi tu tiến của bực Bất Lai hay Bực Nhứt Lai ai cao siêu hơn? Phản ngữ: Bực Bất Lai.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Giác chi tu tiến của bực Bất Lai cao siêu hơn và bực Bất Lai hoại lìa quả Bất Lai đặng, chính do nhân đó, Ngài nên nói rằng bực Nhứt Lai hoại lìa quả Nhứt Lai đặng.

212.

- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai hoại lìa (ỷ hư) quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đạo tu tiến ... Giác chi tu tiến của bực Nhứt Lai hay Bực Dự Lưu, ai cao siêu hơn. Phản ngữ: của bực Nhứt Lai.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Giác chi tu tiến của bực Nhứt Lai cao siêu hơn và bực Nhứt Lai hoại lìa quả Nhứt Lai đặng, chính do nhân đó Ngài nên nói rằng bực Dự Lưu hoại lìa quả Dự Lưu đặng.

213.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán thấy Khổ rồi, Ngài hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu thấy Khổ rồi, Ngài hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực La Hán thấy Tập rồi, Ngài hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu thấy Tập rồi, Ngài hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực La Hán thấy Diệt rồi, Ngài hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu thấy Diệt rồi, Ngài hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực La Hán thấy Đạo rồi, Ngài hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu thấy Đạo rồi, Ngài hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực La Hán thấy Tứ đế rồi, Ngài hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu thấy Tứ đế rồi, Ngài hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

214.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán thấy Khổ rồi Ngài hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai thấy Khổ rồi Ngài hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực La Hán thấy Tập rồi ... thấy Diệt rồi ... thấy Đạo rồi ... thấy Tứ đế rồi, Ngài hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai thấy Tứ đế rồi, Ngài hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

215.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán thấy Khổ rồi Ngài hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Bất Lai thấy Khổ rồi Ngài hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Bực La Hán thấy Tập rồi ... thấy Diệt rồi ... thấy Đạo rồi ... thấy Tứ đế rồi, Ngài hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai thấy Tứ đế rồi Ngài hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

216.

* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai thấy Khổ rồi Ngài hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu thấy Khổ rồi Ngài hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai thấy Tập rồi ... thấy Diệt rồi ... thấy Đạo rồi ... thấy Tứ đế rồi, Ngài hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu thấy Tứ đế rồi Ngài hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai thấy Khổ rồi Ngài hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai thấy Khổ rồi Ngài hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai thấy Tập rồi ... thấy Diệt rồi ... thấy Đạo rồi ... thấy Tứ đế rồi, Ngài hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai thấy Tứ đế rồi Ngài hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

217.

* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai thấy Khổ rồi Ngài hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu thấy Khổ rồi, Ngài hoại lìa quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai thấy Tập rồi ... thấy Diệt rồi ... thấy Đạo rồi ... thấy Tứ đế rồi Ngài hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu thấy Tứ đế rồi Ngài hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

218.

* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu thấy Khổ rồi, Ngài vẫn không hoại lìa quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán thấy Khổ rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu thấy Tập rồi ... thấy Diệt rồi ... thấy Đạo rồi ... thấy Tứ đế rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán thấy Tứ đế rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

219.

* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai thấy Khổ rồi ... thấy Tứ đế rồi Ngài vẫn không hoại lìa (ỷ hư) quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán thấy Tứ đế rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

220.

- **Tự ngôn:** Bực Bất Lai thấy Khổ rồi ... thấy Tứ đế rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực La Hán thấy Tứ đế rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

221.

- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu thấy Khổ rồi ... thấy Tứ đế rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Bất Lai thấy Khổ rồi ... thấy Tứ đế rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

222.

- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai thấy Khổ rồi ... thấy Tứ đế rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Bất Lai thấy Khổ rồi ... thấy Tứ đế rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

223.

- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu thấy Khổ rồi ... thấy Tứ đế rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai thấy Khổ rồi ... thấy Tứ đế rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

224.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán trừ Ái dục tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu trừ Thân kiến tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực La Hán trừ Ái dục tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu trừ Hoài nghi tuyệt rồi ... trừ Giới cấm thủ tuyệt rồi ... trừ dục mà làm nhân đưa đến khổ thú cũng tuyệt rồi ... trừ Sân mà làm nhân đi đến khổ thú cũng tuyệt rồi ... trừ Si mà làm nhân đi đến khổ thú cũng tuyệt rồi thời Ngài hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực La Hán trừ Sân tuyệt rồi ... trừ Si tuyệt rồi ... trừ Ngã mạn tuyệt rồi ... trừ Tà kiến tuyệt rồi ... trừ Hoài nghi tuyệt rồi ... trừ Hôn trầm tuyệt rồi ... trừ Phóng dật tuyệt rồi ... trừ Vô tàm tuyệt rồi ... trừ Vô úy tuyệt rồi hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu trừ Thân kiến tuyệt rồi Ngài hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực La Hán trừ Vô úy tuyệt rồi Ngài hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu trừ Hoài nghi tuyệt rồi ... trừ Giới cấm thủ tuyệt rồi ... trừ Ái dục mà làm nhân đi đường khổ thú tuyệt rồi, trừ Si mà làm nhân đi khổ thú cũng tuyệt rồi thời Ngài hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

225.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán trừ Ái dục tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Bực La Hán trừ Ái dục tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai trừ Hoài nghi tuyệt rồi ... trừ Giới cấm thủ tuyệt rồi ... trừ Ái dục thứ thô cũng tuyệt rồi ... trừ Sân độc thứ thô cũng tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán trừ Sân tuyệt rồi ... trừ Vô úy tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi ... trừ Sân độc thứ thô cũng tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

226.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán trừ Ái dục tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán trừ Ái dục tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai trừ Hoài nghi tuyệt rồi ... trừ Giới cấm thủ tuyệt rồi ... trừ Dục ái *(kāmarāga)* thứ vi tế tuyệt rồi ... trừ Sân độc thứ vi tế tuyệt rồi Ngài hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán trừ Sân tuyệt rồi ... trừ Vô úy tuyệt rồi Ngài hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi ... trừ Sân độc thứ vi tế tuyệt rồi Ngài hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

227.

* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu trừ Thân kiến tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu trừ Hoài nghi tuyệt rồi ... trừ Si mà làm nhân đi khổ thú tuyệt rồi Ngài hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai trừ Hoài nghi tuyệt rồi ... trừ Sân độc thứ vi tế tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu trừ Thân kiến tuyệt rồi ... trừ Si mà làm nhân đi khổ thú tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

228.

* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai trừ Hoài nghi tuyệt rồi ... trừ Giới cấm thủ tuyệt rồi ... trừ nhục dục *(kāmarāga)* thứ thô tuyệt rồi ... trừ Sân độc thứ thô tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực Bất Lai trừ Hoài nghi tuyệt rồi ... trừ Sân độc thứ vi tế tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Bất Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi ... trừ Sân độc thứ thô tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

229.

- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu trừ Thân kiến tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu trừ Hoài nghi tuyệt rồi ... trừ Si mà làm nhân đi khổ thú cũng tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai trừ Hoài nghi tuyệt rồi ... trừ nhục dục *(kāmarāga)* thứ thô tuyệt rồi ... trừ Sân độc thứ thô tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Nhứt Lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu trừ Thân kiến tuyệt rồi, trừ Si mà làm nhân đi khổ thú tuyệt rồi, Ngài hoại lìa quả Dự Lưu đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

230.

- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu trừ Thân kiến tuyệt rồi, Ngài vẫn không hoại lìa quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực La Hán trừ Ái dục tuyệt rồi, Ngài vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu trừ Thân kiến tuyệt rồi, Ngài vẫn không hoại lìa quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực La Hán trừ Sân tuyệt rồi ... trừ Vô úy tuyệt rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu trừ Hoài nghi tuyệt rồi ... trừ Si mà làm nhân đi khổ thú tuyệt rồi, Ngài vẫn không hoại lìa quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực La Hán trừ Ái dục tuyệt rồi ... trừ Vô úy tuyệt rồi Ngài vẫn hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

231.

- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi, Ngài vẫn không hoại lìa quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực La Hán trừ Ái *(rāga)* tuyệt rồi ... trừ Vô úy tuyệt rồi, Ngài vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai trừ Hoài nghi tuyệt rồi ... trừ Sân độc thứ thô tuyệt rồi, Ngài vẫn không hoại lìa quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi...
- **Tự ngôn:** Bực La Hán trừ dục tuyệt rồi ... trừ Vô úy tuyệt rồi, Ngài vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

232.

- **Tự ngôn:** Bực Bất Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi, Ngài vẫn không hoại lìa quả Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán trừ Ái *(rāga)* tuyệt rồi ... trừ Vô úy tuyệt rồi, Ngài vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai trừ Hoài nghi tuyệt rồi ... trừ Sân độc thứ vi tế đã tuyệt, Ngài vẫn không hoại lìa quả Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán trừ Ái *(rāga)* tuyệt rồi ... trừ Vô úy tuyệt rồi, Ngài vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

233.

* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu trừ Thân kiến tuyệt rồi, Ngài vẫn không hoại lìa quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai trừ Thân kiến đã tuyệt rồi ... trừ Sân thứ vi tế đã tuyệt, Ngài vẫn không hoại lìa quả Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu trừ Hoài nghi tuyệt rồi ... trừ Si mà làm nhân đi khổ thú tuyệt rồi Ngài vẫn không hoại lìa (ỷ hư) quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi ... trừ Sân độc vi tế đã tuyệt rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

234.

* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi ... trừ Sân độc thứ vi tế đã tuyệt, Ngài vẫn không hoại lìa quả Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai trừ Hoài nghi tuyệt rồi ... trừ Sân độc thứ thô đã tuyệt, Ngài vẫn không hoại lìa quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi ... trừ Sân độc thứ vi tế đã tuyệt rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

235.

* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu trừ Thân kiến tuyệt rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi ... trừ Sân độc thứ thô tuyệt rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu trừ Hoài nghi đã tuyệt ... trừ Si mà làm nhân đi khổ thú tuyệt rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai trừ Thân kiến tuyệt rồi ... trừ Sân độc thứ thô tuyệt rồi Ngài vẫn không hoại lìa quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

236.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ái dục mà bực La Hán trừ tuyệt rồi, nhổ tận gốc lên rồi làm cho thành như cây thốt nốt cùn luôn, làm cho sau này không sanh đặng, làm cho có cái không sanh nữa đã thành lẽ dĩ nhiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu là Ái *(rāga)* của bực La Hán trừ tuyệt rồi, đã nhổ gốc làm cho thành như cây thốt nốt vót luôn, làm cho có cách sau này không sanh đã thành lẽ thường, thời không nên nói rằng bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng.

237.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sân mà bực La Hán trừ tuyệt rồi. Si ... Ngã mạn ... Tà kiến ... Hoài nghi ... Hôn trầm ... Phóng dật ... Vô tàm ... và Vô úy mà bực La Hán trừ tuyệt rồi, đã nhổ gốc

lên làm cho thành như cây thốt nốt đứt ngọn, làm cho không sanh đặng sau này, làm cho có cách sau này không sanh nữa, đã thành lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Nếu mà Vô tàm của bực La Hán đã tuyệt, nhổ gốc rồi làm cho thành như cây thốt nốt đứt ngọn, làm cho sau này không sanh lên đặng, làm cho có cách sau này không sanh nữa, đã thành lẽ dĩ nhiên thời không nên nói rằng bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng.

238.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khi trừ tuyệt những Ái dục, La Hán còn đạo cho sanh lên rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà khi trừ Ái dục, La Hán còn đạo đã sanh ra thời không nên nói rằng bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng.

239.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khi trừ tuyệt Ái dục, bực La Hán đã cho Tứ niệm xứ sanh ra ... đã cho Tứ chánh cần sanh ra ... đã cho Tứ như ý túc sanh ra ... đã cho Ngũ quyền sanh ra ... đã cho Ngũ lực sanh ra, đã cho Thất giác chi sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dù cho trừ tuyệt Ái dục mà vị La Hán đã cho Thất giác chi sanh ra thời cũng không nên nói rằng bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng.

240.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khi trừ tuyệt Sân, khi trừ tuyệt Vô úy, vị La Hán cho quả sanh ra ... đã cho Thất giác chi sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dù cho trừ tuyệt Vô tàm mà vị La Hán đã cho Thất giác chi sanh ra thời cũng không nên nói rằng bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng.

241.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán thành bực đã xa lìa Tham ái, Sân, Si; đã xong việc đáng làm, rồi trách nhiệm, đã đắc chứng tự lợi, đồ cột gịch trong hữu *(bhāva)* đứt hết hoàn toàn rồi, đã giải thoát đặc biệt bởi biết đúng chốt then đã nhổ lên rồi, mương rãnh đều đã lấp, sào huy lệ (vẫy nước mắt) nhổ lên rồi, thành người không có then chốt, nên bực thánh, hạ cờ ngã mạn, bỏ gánh nặng rồi, đã hết đồ ràng buộc, đã có thắng lợi tốt quý đặc biệt, Ngài chăm chú biết khổ rồi đã trừ tập đế, đặng rõ diệt đế, còn làm cho đạo đã đặng phát sanh, đã rất biết pháp đáng biết, đã chăm chú biết pháp nơi đáng chăm chú biết, trừ pháp đáng đã trừ rồi, trau dồi pháp đáng trau dồi, đã làm cho rõ thấu pháp rõ thấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dù rằng La Hán thành bực đã xa lìa Ái dục, Tham, Sân, Si ... đã làm cho rõ rệt pháp đáng rõ rệt thời chớ nên nói bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng.

242.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: La Hán bực giải thoát hợp thời kỳ hoại lìa quả La Hán đặng. La Hán bực giải thoát phi thời vẫn không hoại lìa quả La Hán.
- **Tự ngôn:** La Hán bực giải thoát hợp thời hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** La Hán bực giải thoát phi thời hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** La Hán bực giải thoát phi thời không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán bực giải thoát hợp thời vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

243.

- **Tự ngôn:** La Hán bực giải thoát hợp thời trừ Ái *(rāga)* tuyệt rồi. La Hán bực giải thoát hợp thời hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán bực giải thoát hợp thời trừ Ái dục *(rāga)* tuyệt rồi. La Hán bực phi thời giải thoát hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** La Hán bực thời giải thoát trừ Sân tuyệt rồi ... trừ Vô úy tuyệt rồi. La Hán bực thời giải thoát hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán bực phi thời giải thoát trừ Sân tuyệt rồi ... trừ Vô úy tuyệt rồi, La Hán bực phi thời giải thoát hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Khi trừ tuyệt Ái dục rồi bực La Hán là người thời giải thoát đã đặng làm cho đạo phát sanh, La Hán bực giải thoát hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khi trừ tuyệt những Ái dục *(rāga)* La Hán bực phi thời giải thoát đã làm cho đạo sanh ra, thì La Hán bực phi thời giải thoát hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Khi trừ tuyệt những Ái dục thành La Hán bực thời giải thoát, đã còn làm cho (Tứ) Niệm xứ phát sanh ... đã còn làm cho Tứ chánh cần phát sanh, đã còn làm cho Tứ như ý túc sanh ra, đã còn làm cho Ngũ quyền sanh ra ... đã còn làm cho Ngũ lực sanh ra ... đã còn làm cho Thất giác chi sanh ra, La Hán bực thời giải thoát hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khi trừ tuyệt những Ái dục *(rāga)* La Hán bực phi thời giải thoát đã còn làm cho Niệm xứ sanh ra ... đã còn làm cho Giác chi sanh ra ... La Hán bực phi thời giải thoát hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Khi trừ tuyệt những Sân ... khi trừ tuyệt những Vô úy ... vị La Hán bực thời giải thoát đã còn làm cho đạo sanh ra ... đã còn làm cho Giác chi sanh ra, vị La Hán bực thời giải thoát hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khi trừ tuyệt những Vô úy, vị La Hán bực phi thời giải thoát đã còn làm cho đạo sanh ra ... đã còn làm cho Giác chi sanh ra, vị La Hán bực phi thời giải thoát hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

244.

- **Tự ngôn:** vị La Hán bực thời giải thoát địa vị đã xa lìa Ái dục, Sân, Si, đã làm xong việc đáng làm, rồi trách nhiệm, đắc chứng tự lợi, xong rồi cơ quan ràng buộc trong hữu *(bhāva)*, đã hoàn toàn dứt hết, giải thoát đặc biệt rồi do hiểu biết đúng đắn, then chốt đã gở rồi, nương rãnh đã lấp, sào huy lệ (vẩy nước mắt) nhổ lên rồi, thành người không có then chốt, nên bực Thánh hạ cờ Ngã mạn, bỏ gánh nặng rồi, đã hết đồ ràng buộc, đã có thắng lợi tốt quý đặc biệt. Ngài chăm chú biết Khổ rồi, đã trừ Tập, hành đặng rõ Níp-bàn, Đạo đã đặng phát sanh, đã rất biết pháp đáng biết, đã chăm chú biết pháp nơi đáng chăm chú biết, đã trừ pháp đáng rõ thấu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** vị La Hán bực phi thời giải thoát là người đã xa lìa Tham ái, Sân, Si ... đã làm cho tỏ ngộ pháp đáng tỏ ngộ, vị La Hán bực phi thời giải thoát hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

245.

* **Tự ngôn:** vị La Hán bực phi thời giải thoát đã trừ tuyệt Ái dục, La Hán bực phi thời giải thoát không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** vị La Hán bực thời giải thoát đã trừ tuyệt Ái dục, vị La Hán bực thời giải thoát vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** vị La Hán bực phi thời giải thoát đã trừ tuyệt Sân ... đã trừ tuyệt Vô úy, vị La Hán bực phi thời giải thoát vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** vị La Hán bực thời giải thoát đã trừ tuyệt Vô úy, vị La Hán bực thời giải thoát vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khi trừ tuyệt Ái dục, vị La Hán bực phi thời giải thoát đã còn làm cho đạo sanh ra ... Giác chi sanh ra thì vị La Hán bực phi thời giải thoát vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hầu trừ tuyệt Ái dục, vị La Hán bực thời giải thoát đã còn làm cho đạo sanh ra ... đã còn làm cho giác chi sanh ra, vị La Hán bực thời giải thoát vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Để trừ tuyệt Sân ... hầu trừ tuyệt Vô úy, vị La Hán bực phi thời giải thoát đã còn làm cho đạo sanh ra ... đã còn làm cho Giác chi sanh ra, vị La Hán bực phi thời giải thoát vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hầu trừ tuyệt Vô tàm, vị La Hán bực thời giải thoát đã còn làm cho đạo sanh ra ... đã còn làm cho Giác chi sanh ra, vị La Hán bực thời giải thoát vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** vị La Hán bực phi thời giải thoát người đã xa lìa Ái dục, Sân, Si ... đã làm cho rõ rệt pháp đáng rõ rệt, vị La Hán bực phi thời giải thoát vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** vị La Hán bực thời giải thoát thành người đã xa lìa Ái dục, Sân, Si ... đã làm cho rõ rệt pháp đáng rõ rệt, vị La Hán bực thời giải thoát vẫn không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

246.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Xá-Lợi-Phất Trưởng lão đã hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đức Mục Kiền Liên Trưởng lão ... Đức Đại Ca Diếp Trưởng lão ... Đức Đại Ca Chiên Diên Trưởng lão ... Đức Đại Cu Si La Li Trưởng lão ... Đức Đại Li Bàn Đa Trưởng lão đã hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đức Mục Kiền Liên Trưởng lão không hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Xá Lợi Phất Trưởng lão không hoại lìa quả La Hán thì chớ nên nói rằng bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng.
* **Tự ngôn:** Đức Đại Mục Kiền Liên Trưởng lão ... Đức Đại Ca-Diếp Trưởng lão ... Đức Ma Ha Ca Chiên Diên Trưởng lão ... Đức Ma Ha Ku Si Trưởng lão ... Đức Ma Ha Ly Bàn Đa Trưởng lão không có hoại lìa quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Đại Mục Kiền Liên Trưởng lão ... Đức Ly Bàn Đa Trưởng lão không hoại lìa quả La Hán thời chớ nói rằng bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng.

247.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn có phán rằng: "Tiến hành mà Đức Đại Sa Môn đã bố cáo phải có cao và thấp, nhưng người hành đi đến bờ chẳng phải đặng hai lần; bờ bên này mà người tiến hành sẽ đặng biết nhưng chẳng phải một lần". Thế là vẫn có nghe chắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó, cũng không nên nói rằng bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng chớ gì.

248.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Những phiền não luân hồi mà bực La Hán đã cắt đứt cũng còn thứ nào sẽ cắt đứt nữa phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Những phiền não luân hồi mà La Hán đã cắt có thứ cũng còn sẽ cần cắt nữa phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn có phán rằng: "Bực đã thành tựu việc đáng làm, người xa lìa Ái, không còn phiền não chấp trước. Những phiền não luân hồi mà Ngài đã cắt không còn cái nào, mà sẽ cắt nữa. Ngài đã rút khỏi hồ nước và vòng xích rồi". Như đây là vẫn có nghe chắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó, thời không nên nói rằng những phiền não luân hồi mà La Hán đã cắt cũng còn có thứ sẽ cắt nữa chớ gì?

249.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Việc làm cần phải trở lại tạo nữa còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Việc đã làm cần trở lại đào tạo nữa còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn có phán rằng: "Việc mà đã làm rồi trở lại tạo không có, việc khác mà cần phải làm nữa cũng không có với bực Phíc-khú đã có tâm vắng lặng chơn chánh giải thoát rồi đó. Bao nhiêu sắc, thinh, khí, vị, xúc, pháp tất cả mỗi thứ mà đáng mong mỏi và không đáng mong mỏi không thể làm cho Tâm của bực đã giải thoát vững vàng chắc chắn phải rúng động đặng như núi toàn bằng tảng đá vẫn không lay động vì gió cũng như thế đó. Bởi vì Phíc-khú ấy quán thấy các thứ tâm chỉ là sự tiêu mất". Thế này là vẫn nghe chắc chắn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thế đó cũng không nên nói rằng việc mà đã làm cần trở lại tạo nữa vẫn có chớ gì!

250.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, những năm Pháp này nếu hiện hành đầy đủ thời phải hoàn toàn hư hại cho vị Phíc-khú bực thời giải thoát. Năm pháp đó ra sao? Như là sự vong hoài *(rāmatā)* trong cách đàm luận, sự vong hoài trong cách ngủ nghỉ, sự vong hoài trong lúc nằm ngồi, không quán cách nào cho tâm giải thoát. Này Chư Phíc-khú, chính là năm pháp này đây vẫn hiện hành đầy đủ hầu có sự hư hoại đến Phíc-khú bực thời giải thoát". Thế vậy là vẫn có nghe thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* Phản ngữ: Nếu thế đó thì bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng chớ gì!

251.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán có sự vui thích trong công việc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán có sự vui thích trong công việc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán còn Ái, có Dục ái, nền tảng Dục ái, Dục ái triền, Dục bộc, Dục phối, Dục dục cái phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán còn có sự vui thích trong cách đàm luận ... có sự vui thích trong cách ngủ nghỉ, có sự vui thích trong cách nằm ngồi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán còn có sự vui thích trong cách nằm ngồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán còn có Ái, Dục ái, nguyên nhân Dục ái, Dục ái triền, Dục bộc, Dục phối, Dục dục cái phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

252.

* **Tự ngôn:** La Hán hoại lìa (ỷ hư) quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán khi hoại lìa quả La Hán bị cái chi xung đột mới hoại? Phản ngữ: bị Ái xung đột mới hoại.
* **Tự ngôn:** Cách xung đột phát sanh do nương chi sanh ra? Phản ngữ: Phát sanh do nương tùy miên!
* **Tự ngôn:** Bực La Hán còn tùy miên phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán còn tùy miên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán còn có Dục ái tùy miên, Phẫn nhuế tùy miên, Ngã mạn tùy miên, Tà kiến tùy miên, Hoài nghi tùy miên, Hữu ái tùy miên, Vô minh tùy miên phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Bực La Hán bị Sân dính dấp mới hoại ... bị Si dính dấp mới hoại...
* **Tự ngôn:** Sự dính dấp phát sanh bởi do chi? Phản ngữ: Phát sanh bởi do tùy miên.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán còn tùy miên phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán còn tùy miên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán còn Dục ái tùy miên ... Vô minh tùy miên phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

253.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi La Hán hoại lìa quả La Hán có chi mồi nối ra? Phản ngữ: Ái dục mồi nối ra.
* **Tự ngôn:** Thân kiến mồi nối ra phải chăng? Hoài nghi mồi nối ra phải chăng? Giới cấm thủ mồi nối ra phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sân mồi nối ra phải chăng? Si mồi nối ra phải chăng? Thân kiến mồi nối ra phải chăng? Hoài nghi mồi nối ra phải chăng? Giới cấm thủ mồi nối ra phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

254.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán vẫn còn chấp chứa phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Bực La Hán nghỉ chất chứa rồi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đang còn trừ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đang còn chấp cứng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đang còn rửa ráy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đang còn ham muốn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đang còn hạn chế cái tối phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đang còn tối tăm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đang còn chất chứa cũng không phải, đang nghỉ chất chứa cũng không phải, nhưng là bực đã nghỉ chất chứa vững vàng có phải vậy chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dù rằng bực La Hán đang còn chất chứa cũng chẳng phải, đang nghỉ chất chứa cũng chẳng phải; chỉ là người đã nghỉ chất chứa vững vàng, cũng chớ nên nói bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán còn đang trừ cũng chẳng phải, còn đang chấp cứng cũng chẳng phải, chỉ là bực đã trừ tuyệt vững vàng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dù rằng bực La Hán còn đang trừ cũng chẳng phải, còn đang chấp cứng cũng chẳng phải, chỉ là bực đã tuyệt vững vàng, cũng chớ nói rằng bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng!
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đang còn rửa ráy cũng chẳng phải, đang còn ưa muốn cũng chẳng phải, chỉ là bực đã rửa ráy vững vàng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bực La Hán đang còn rửa ráy cũng chẳng phải, đang còn ham muốn cũng chẳng phải, chỉ là bực đã rửa ráy vững vàng thời chớ nên nói bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đang còn hạn chế sự tối cũng chẳng phải, đang còn tối mê cũng không phải, chỉ là bực đã hạn chế sự tối vững vàng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bực La Hán đang còn hạn chế sự tối cũng chẳng phải, đang còn tối mê cũng chẳng phải, chỉ là bực đã hạn chế sự tối vững vàng thời không nên nói rằng bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng.

Dứt Hư Mạn Ngữ (Parihānikathā)

PHẠM HẠNH NGỮ *(BRAHMACARIYAKATHA)*

255.

- **Tự ngôn:** Cách hành phạm hạnh không có trên Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chư thiên thành người khờ khạo, người câm, không mở mang, dùng tiếng câm, không đủ sức sẽ biết lời nói tốt xấu. Chư thiên không tín ngưỡng với Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, không đến ngồi gần với Đức Phật, không xin hỏi với Đức Phật, đã không ưa thích cách Phật Ngài đáp trong vấn đề. Chư thiên hết nương nghiệp bận bịu, phiền não bận bịu, quả bận bịu, không đức tin, không có sự ưa thích, thành người có vấn đề hèn, thành người không đáng tiến đến sự nhất định đường lối chơn chánh trong tất cả pháp thiện. Chư thiên là người sát mẫu, là người sát phụ, là người sát La Hán, là người chích Phật thân huyết, là người phá hòa hợp Tăng. Chư thiên là người sát sanh, là người trộm cướp, là người tà dâm, là người vọng ngôn, là người lưỡng thiệt, là người ác khẩu, là người ỷ ngữ, là người tham ác, là người Sân độc, là người Tà kiến ác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chư thiên không thành người khờ khạo, không câm, mở mang, không dùng tiếng câm, đủ sự sẽ biết lời nói tốt xấu. Chư thiên tín ngưỡng với Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, nên đến ngồi gần với Đức Phật, nên xin hỏi với Đức Phật, đã ưa thích cách Phật Ngài đáp trong vấn đề. Chư thiên còn nương nghiệp bận bịu, phiền não bận bịu, quả bận bịu, có đức tin, có sự ưa thích, thành người có vấn đề sang, thành người đáng tiến tới sự nhất định đường lối chơn chánh trong tất cả pháp thiện. Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dù rằng Chư thiên không phải người khờ khạo, không câm, thành người mở mang trí tuệ, không dùng tiếng câm, có đủ sức sẽ biết ý nghĩa của lời tốt xấu ... Chư thiên tín ngưỡng với Phật bảo ... cũng vẫn có Chánh kiến thời không nên nói rằng cách hành phạm hạnh không có với hàng Chư thiên.

256.

- Phản ngữ: Cách hành phạm hạnh vẫn có với Chư thiên phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Trong hàng Chư thiên đó có sự xuất gia, cạo tóc, đắp y, mang bát, có Phật ra đời, có Bích Chi Phật sanh ra, bốn đôi của Thinh Văn ra đời đặng trong nhóm Chư thiên phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

257.

- **Tự ngôn:** Bởi trong nhóm Chư thiên không có cách xuất gia, như thế cách hành phạm hạnh mới không có trong nhóm Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trong chỗ nào có cách xuất gia thời chỗ đó có hành phạm hạnh, nếu chỗ nào không có cách xuất gia thì không có cách hành phạm hạnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trong chỗ nào có cách xuất gia thì trong chỗ đó có cách hành phạm hạnh. Nếu chỗ nào không có cách xuất gia thì chỗ đó không có cách hành phạm hạnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người nào xuất gia thì người đó có hành phạm hạnh, nếu người nào không xuất gia thì không có cách hành phạm hạnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

258.

- **Tự ngôn:** Vì trong đám Chư thiên không có cách xuống tóc, thế vậy cách hành phạm hạnh mới không có trong đám Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Trong chỗ nào có cách xuống tóc thì trong chỗ đó có cách hành phạm hạnh, nếu nơi nào không có cách xuống tóc thì nơi đó không có cách hành phạm hạnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trong chỗ nào có cách xuống tóc thì trong chỗ đó có cách hành phạm hạnh, còn chỗ nào không có cách xuống tóc thì chỗ đó không có cách hành phạm hạnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người nào xuống tóc thì người đó có cách hành phạm hạnh còn người nào không có xuống tóc thì người đó không có cách hành phạm hạnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

259.

* **Tự ngôn:** Bởi trong hàng Chư thiên không có cách mặc y hoại sắc, thế vậy sự hành phạm hạnh mới không có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nơi nào có cách mặc y hoại sắc thời chỗ đó có cách hành phạm hạnh, còn nơi nào không có cách mặc y hoại sắc thì nơi đó không có cách hành phạm hạnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chỗ nào có mặc áo cà sa thì chỗ đó có cách hành phạm hạnh, còn chỗ nào không có mặc áo cà sa thì chỗ đó không có cách hành phạm hạnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người nào mặc áo cà sa thì người đó có cách hành phạm hạnh, còn người nào không mặc áo cà sa thời người đó không có cách hành phạm hạnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

260.

* **Tự ngôn:** Bởi trong hàng Chư thiên không có trì bình bởi vậy cách hành phạm hạnh mới không có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chỗ nào có cách trì bình thời chỗ đó có cách hành phạm hạnh, còn chỗ nào không có cách trì bình thời chỗ đó không có cách hành phạm hạnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chỗ nào có cách trì bình thì chỗ đó có cách hành phạm hạnh, còn chỗ nào không có cách trì bình thì chỗ đó không có cách hành phạm hạnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người nào trì bình thời người đó có cách hành phạm hạnh còn người nào không trì bình thời người đó không có cách hành phạm hạnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

261.

* **Tự ngôn:** Vì Đức Toàn Giác không ra đời trong cõi Chư thiên, bởi vậy sự hành phạm hạnh mới không có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tất cả Bực Toàn Giác ra đời cõi nào thì trong cõi đó có cách hành phạm hạnh, còn bực Toàn Giác không ra đời cõi nào thì cõi ấy không có cách hành phạm hạnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đức Toàn Giác ra đời trong chỗ nào thì chỗ đó có cách hành phạm hạnh, còn Ngài không ra đời chỗ nào thì chỗ đó không có cách hành phạm hạnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài giáng sinh nơi vườn Lâm Tì Ni, thành đạo dưới cội Bồ đề, Ngài chuyển Pháp Luân gần thành Ba La Nại. Trong những chỗ đó có cách hành tịnh hạnh, còn những chỗ khác không có cách hành tịnh hạnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

262.

- **Tự ngôn:** Do Đức Độc Giác không ra đời trong hàng Chư thiên, bởi vậy cách hành phạm hạnh mới không có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Độc Giác ra đời chỗ nào thì chỗ đó có cách hành phạm hạnh, còn chỗ nào Ngài không ra đời thì nơi đó không có cách hành phạm hạnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vị Độc Giác ra đời chỗ nào thì trong chỗ đó có cách hành phạm hạnh, còn chỗ nào Ngài không ra đời thì chỗ đó không có cách hành phạm hạnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Độc Giác ra đời nơi trung quốc thì chính nơi trung quốc đó mới có cách hành tịnh hạnh, còn chỗ khác chẳng có cách hành tịnh hạnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

263.

- **Tự ngôn:** Do bốn đôi Thinh Văn không ra đời trong hàng Chư thiên, bởi thế cách hành phạm hạnh mới không có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bốn đôi Thinh Văn ra đời chỗ nào thì chỗ đó có cách hành tịnh hạnh, còn chỗ nào mà bốn đôi Thinh Văn không ra đời thì chỗ đó không có cách hành tịnh hạnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chỗ nào bốn đôi Thinh Văn ra đời thì chỗ đó có cách hành tịnh hạnh, còn chỗ nào không có bốn đôi Thinh Văn ra đời thì chỗ đó không có cách hành tịnh hạnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bốn đôi Thinh Văn ra đời trong đô thành thì dân chúng trong đô thành ấy có cách hành phạm hạnh, còn chỗ khác không có cách hành tịnh hạnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

264.

- Phản ngữ: Cách hành tịnh hạnh vẫn có trong hàng Chư thiên phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Cách hành tịnh hạnh vẫn có trong hàng Chư thiên phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

265.

- Phản ngữ: Cách hành tịnh hạnh vẫn có trong nhân loại phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Cách hành tịnh hạnh vẫn có trong mỗi nhóm nhân loại phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

266.

- Phản ngữ: Cách hành tịnh hạnh vẫn có trong hàng Chư thiên phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Cách hành tịnh hạnh vẫn có trong hàng Chư thiên bực vô tưởng phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

267.

- Phản ngữ: Cách hành tịnh hạnh vẫn có trong nhân loại phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Cách hành tịnh hạnh vẫn có trong nhân loại, dân biên giới, người biên cương, kẻ dã man, người không biết ngữ ngôn là những nơi mà Phíc-khú, Phíc-khú Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đi không đến phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

268.

- Phản ngữ: Cách hành tịnh hạnh vẫn có trong hàng Chư thiên phải chăng? **Tự ngôn:** Cũng có chỗ có, cũng có chỗ không.

* Phản ngữ: Trong hàng Chư thiên Vô tưởng, chỗ cách hành tịnh hạnh cũng có, chỗ không có (cách hành tịnh hạnh) cũng có và hàng Chư thiên Hữu tưởng chỗ có cách hành phạm hạnh cũng có, chỗ không có (cách hành phạm hạnh) cũng có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Trong hàng Chư thiên chỗ có cách hành phạm hạnh cũng có, cũng có chỗ không có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Chỗ nào có, chỗ nào không? **Tự ngôn:** Cách hành phạm hạnh không có trong hàng Chư thiên Vô tưởng, nhưng có trong hàng Chư thiên Hữu tưởng.
* Phản ngữ: Cách hành phạm hạnh không có trong hàng Chư thiên Vô tưởng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Cách hành phạm hạnh không có trong hàng Chư thiên Hữu tưởng phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Cách hành phạm hạnh có trong hàng Chư thiên Hữu tưởng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Cách hành phạm hạnh có trong hàng Chư thiên Vô tưởng phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

269.

* Phản ngữ: Cách hành phạm hạnh có trong nhân loại phải chăng? **Tự ngôn:** Có chỗ cũng có, có chỗ cũng không.
* Phản ngữ: Trong dân chúng bọn người ở biên cương ranh giới, người rừng không biết ngữ ngôn, những chỗ mà Phíc-khú, Phíc-khú Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đi không đến; có chỗ có cách hành phạm hạnh, có chỗ cũng không có. Còn trong chỗ dân chúng ở đông đảo (trung quốc) cũng có chỗ có cách hành phạm hạnh, cũng có chỗ không có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

270.

* Phản ngữ: Trong nhân loại cũng có chỗ có cách hành phạm hạnh, cũng có chỗ không có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Chỗ nào có, chỗ nào không có? **Tự ngôn:** Cách hành phạm hạnh không có nơi chỗ dân chúng ở biên cương ranh giới, người rừng không biết ngữ ngôn mà Phíc-khú, Phíc-khú Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đi không đến, còn trong chỗ dân chúng ở đông đảo mới có cách hành tịnh hạnh.
* Phản ngữ: Cách hành tịnh hạnh không có trong thôn quê, dân ở biên cương ranh giới là người rừng không biết ngữ ngôn mà Phíc-khú, Phíc-khú Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đi không đến phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Cách hành phạm hạnh không có trong chỗ dân chúng đông đảo (trung quốc) phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Cách hành phạm hạnh có trong chỗ dân chúng ở đông đảo (trung quốc) phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Cách hành phạm hạnh có trong chỗ dân chúng ở biên cương ranh giới; không có với người ở rừng không biết ngữ ngôn mà Phíc-khú, Phíc-khú Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đi không đến phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

271.

* Phản ngữ: Cách hành phạm hạnh có trong hàng Chư thiên phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, nhân loại ở Nam Thiện Bộ Châu ăn trùm cả nhân loại ở Bắc Cu Lô Châu và Chư thiên ở cõi Trời Đạo lợi bằng 3

cách. Ba cách đó là những chi? Một là hùng dũng, hai là có chánh niệm, ba là có cách hành phạm hạnh". Thế vậy vẫn có nghe thật phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

- Phản ngữ: Nếu thế đó có cách hành phạm hạnh cũng không có trong hàng Chư thiên chớ gì.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn có phán tại Xá Vệ Quốc như vầy: "Có cách hành phạm hạnh nơi chỗ này phải chăng?" Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Có hành phạm hạnh chỉ có nơi Xá Vệ Quốc, còn chỗ khác không có hành phạm hạnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực Bất Lai đã trừ năm phần triền thứ thấp rồi mà còn năm phần triền thứ vi tế (phần cao) trừ không đặng; khi Ngài lướt khỏi thế giới này đã sanh lên hàng Chư thiên kết quả sanh lên chỗ nào? Phản ngữ: Chính trong hàng Chư thiên đó.
- **Tự ngôn:** Nếu mà bực Bất Lai trừ năm phần triền thứ thấp đặng rồi nhưng còn năm phần triền bậc cao trừ không đặng khi Ngài lướt khỏi thế giới này sanh lên hàng Chư thiên đó rồi sự kết quả cũng sanh trong hàng Chư thiên đó, thời không thể nói rằng cách hành phạm hạnh không có trong hàng Chư thiên.
- **Tự ngôn:** Bực Bất Lai trừ năm thứ triền bậc thấp đặng rồi nhưng chưa trừ năm thứ triền bậc cao, khi Ngài vượt khỏi thế giới này sanh trong hàng Chư thiên đó rồi có cách xuống tóc nơi chỗ nào ... xả trách nhiệm nơi chỗ nào ... có cách chăm chú biết Khổ nơi chỗ nào ... có cách trừ phiền não nơi chỗ nào ... có cách làm cho rõ thấu Diệt *(nirodha)* nơi chỗ nào ... có cách thấu đáo Pháp không buông lung nơi chỗ nào. Phản ngữ: Chính trong hàng Chư thiên đó ...
- **Tự ngôn:** Nếu mà bực Bất Lai trừ triền bực thấp đặng rồi, mà chưa trừ năm thứ triền bậc cao đặng thì khi Ngài vượt khỏi thế giới này đã sanh trong hàng Chư thiên đó có cách thấu suốt pháp, chẳng buông lung trong hàng Chư thiên đó thì không nên nói rằng cách hành phạm hạnh không có trong hàng Chư thiên.
- **Tự ngôn:** Bực Bất Lai trừ năm thứ triền bậc thấp đặng rồi, nhưng còn năm thứ triền bậc cao trừ không đặng, khi Ngài vượt khỏi thế giới này sanh trong hàng Chư thiên đó rồi, kết quả cũng sanh trong hàng Chư thiên đó, cách xả trách nhiệm cũng trong hàng Chư thiên đó, cách chăm chú biết Khổ cũng trong hàng Chư thiên đó, cách trừ phiền não cũng trong hàng Chư thiên đó, cách làm cho rõ Diệt cũng trong hàng Chư thiên đó, cách thấu suốt pháp không buông lung cũng trong hàng Chư thiên đó, thời do lý nào mà Ngài nói rằng cách hành phạm hạnh không có trong hàng Chư thiên?
- Phản ngữ: Cũng do Bực Bất Lai làm cho rõ quả trong hàng Chư thiên đó bằng với đạo mà Ngài làm cho đã sanh chính trong thế giới này.

272.

- **Tự ngôn:** Bực Bất Lai làm cho rõ quả trong hàng Chư thiên đó bằng đường lối mà Ngài đã làm cho sanh tại trong thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu làm cho rõ rệt quả trong thế giới này với đường lối mà Ngài đã làm cho sanh ra trong hàng Chư thiên đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực Bất Lai làm cho rõ rệt quả trong hàng Chư thiên đó theo đường lối mà Ngài đã làm cho sanh trong thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai là người sẽ viên tịch trong thế giới này làm cho rõ rệt quả tại trong thế giới này theo đường lối mà Ngài đã làm cho sanh ra trong hàng Chư thiên đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu làm cho quả tại thế giới này theo đường lối mà Ngài đã làm cho sanh ra trong thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai làm cho rõ rệt quả trong hàng Chư thiên đó theo đường lối mà Ngài làm cho đã sanh trong hàng Chư thiên đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai là bực sẽ viên tịch trong thế giới này làm cho rõ rệt quả tại trong thế giới này theo đường lối mà Ngài đã làm cho phát sanh trong thế giới này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai làm cho rõ rệt quả trong hàng Chư thiên đó theo đường lối mà Ngài đã làm cho phát sanh trong hàng Chư thiên đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

273.

* **Tự ngôn:** Bực người trong đời này sẽ không còn đạo cho phát sanh và trừ tất cả phiền não nữa phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người hành hầu làm cho rõ quả Dự Lưu sẽ không còn làm cho đạo sanh ra và trừ tất cả phiền não nữa phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực người trong đời này sẽ không còn đạo sanh ra và trừ tất cả phiền não nữa phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai ... Bực người hành để làm cho rõ quả La Hán sẽ không còn đạo sanh ra và trừ tất cả phiền não nữa phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

274.

* **Tự ngôn:** Bực người hành để làm cho rõ quả Dự Lưu còn Đạo cho phát sanh và trừ tất cả phiền não không trước không sau phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người trong đời này làm cho đạo phát sanh và trừ tất cả phiền não không trước không sau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực người hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai ... Bực người hành để làm cho rõ quả La Hán làm cho đạo phát sanh và trừ tất cả phiền não không trước không sau phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người trong đời này còn làm cho Đạo phát sanh và trừ tất cả phiền não không trước không sau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

275.

* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai có bổn phận đã làm, có sự tu tiến đã trau dồi mới sanh lên trong hàng Chư thiên đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán khỏi sanh nữa phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán khỏi sanh nữa phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán có kiếp mới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** La Hán có kiếp mới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán đã đến hữu *(bhāva)*, ly hữu *(vibhāva)*; đi đến thú hướng *(gati)*, ly thú hướng; đi đến hành *(saṅkhāra)*, đi đến ly hành; đi đến xuất thế, ly xuất thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

276.

* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai là người có bổn phận mà đã làm, có tu tiến mà đã trau dồi, nhưng thành người có trách nhiệm mà đã chưa bỏ xuống, lướt sanh trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Bực Bất Lai sẽ phải còn đạo sanh ra nữa hầu nghĩ phận sự phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

277.

∗ **Tự ngôn:** Bực Bất Lai là người có bổn phận mà làm rồi có cách tu mà đã trau dồi, mà thành người có khổ chưa đặng quyết biết ... có phiền não chưa trừ, có diệt chưa đặng làm cho rõ ... có pháp không lừng lẫy mà chưa đặng thấu suốt lướt sanh trong hàng Chư thiên đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Bực người Bất Lai sẽ phải còn đạo sanh ra nữa mới thấu suốt pháp không lừng lẫy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

278.

∗ **Tự ngôn:** Bực Bất Lai là người có phận sự đã làm, có cách tu tiến đã trau dồi, nhưng thành người có trách nhiệm mà chưa xả, lướt sanh trong hàng Chư thiên đó sẽ không còn đạo sanh nữa hầu xả trách nhiệm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Thành người có trách nhiệm mà không xả rồi viên tịch trong hàng Chư thiên đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

∗ **Tự ngôn:** Bực Bất Lai là người có bổn phận đã làm rồi, có tu tiến đã trau dồi nhưng thành người có khổ mà chưa đặng chăm chú biết ... có phiền não mà chưa đặng trừ … có Diệt mà chưa đặng làm cho tỏ … có pháp không lừng lẫy mà chưa đặng thông thấu, lướt sanh trong hàng Chư thiên đó sẽ không còn đạo sanh nữa, để thấu suốt pháp không lừng lẫy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Bực có pháp không lừng lẫy đã không thấu suốt, mà viên tịch trong Chư thiên đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

∗ Phản ngữ: Con chương bị mũi tên bắn dù đi đặng xa cũng phải chết như thế nào thì bực Bất Lai cũng sẽ làm cho rõ quả trong hàng Chư thiên đó theo đạo mà Ngài đã đặng sanh trong thế giới này như thế.

∗ **Tự ngôn:** Con chương mà bị mũi tên bắn dù đi đặng rất xa, cũng vẫn có mũi tên dính chết như thế nào, thì bực Bất Lai cũng vẫn có mũi tên dính viên tịch trong hàng Chư thiên đó do đạo mà Ngài đã đặng sanh trong thế giới này như vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Phạm hạnh ngữ

HẠN ĐỊNH NGỮ *(ODHISOKATHA)*

279.

* **Tự ngôn:** Người trừ phiền não từ phần phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người hành để làm cho rõ quả Nhập Lưu trừ những chi mới đặng thấy Khổ? Phản ngữ: Trừ Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ và bao nhiêu phiền não trong phần đồng sanh[3].
* **Tự ngôn:** Bực thành Dự Lưu chỉ một phần, một phần nữa không thành Dự Lưu, một phần đắc chứng ... đặng riêng phần ... đến trụ chỉ ... làm cho rõ ... vẫn vào đến ... vẫn chạm bằng thân đối với quả Dự Lưu, một phần thành Dự Lưu Thất Lai *(Sattakhattu-parama)* ... Bực Dự Lưu Lục Lai *(Kolaṅkola)* ... Bực Dự Lưu Nhứt Lai *(Ekabījī)* ... sẵn có với sự kính trọng Phật bảo không lay động ... Pháp bảo ... Tăng bảo ... hiệp với giới thành nhứt định của Thánh Nhơn, nhưng một phần nữa không hiệp với giới nhứt định của Thánh Nhơn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người hành để làm cho rõ quả Dự Lưu trừ đặng cái chi bằng cách thấy Tập? Phản ngữ: Trừ Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ và tất cả phiền não cũng có thứ có phần trừ, có phần không trừ đặng.
* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu có phần thành Dự Lưu, có phần không thành Dự Lưu ... có phần hiệp với Thánh giới nhứt định, cũng có phần không hiệp với Thánh giới nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người hành hầu làm cho rõ quả Dự Lưu trừ đặng cái chi bằng cách thấy Diệt? Phản ngữ: Trừ Hoài nghi, Giới cấm thủ và tất cả phiền não cũng có thứ phần trừ, cũng có thứ phần không trừ đặng.
* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu có phần thành Dự Lưu, có phần không thành Dự Lưu ... có phần hiệp với Thánh giới nhứt định, có phần không hiệp với Thánh giới nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người hành hầu làm cho rõ quả Dự Lưu trừ đặng cái chi bằng cách thấy Đạo? Phản ngữ: Trừ Giới cấm thủ và bao nhiêu những phiền não chung bọn với nhau đặng.
* **Tự ngôn:** Bực thành Dự Lưu chỉ một phần, còn một phần nữa không thành Dự Lưu, một phần đắc chứng ... đặng riêng phần ... đến trụ chỉ ... làm cho rõ ... vẫn vào đến ... vẫn chạm bằng thân đối với quả Dự Lưu, nhưng một phần nữa vẫn không xúc chạm bằng thân với quả Dự Lưu, một phần thành Dự Lưu Thất Lai *(Sattakhattuparama)* ... Bực Dự Lưu Lục Lai *(Kalaṅkola)* ... Bực Dự Lưu Nhứt Lai *(Ekabījī)* ... sẵn có với sự kính trọng Phật bảo không lay động ... Pháp bảo ... Tăng bảo ... hiệp với giới Nhứt Định của Thánh nhân, nhưng một phần nữa không hiệp với giới Nhứt Định của Thánh nhân phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

280.

* **Tự ngôn:** Người hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai trừ đặng cái chi mới nhận thấy Khổ? Phản ngữ: Trừ Dục ái thứ thô, Sân độc thứ thô và những phiền não đồng sanh với nhau chung một bọn.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai có chỉ phần nào, còn một phần nữa không thành bực Nhứt Lai, một phần đắc chứng ... đặng riêng phần ... đến trụ chỉ ... làm cho rõ ... vẫn vào đến

[3] Từ "đồng sanh" sau này được Trưởng lão Tịnh Sự điều chỉnh thành "câu sanh".

... vẫn đụng chạm với thân bằng quả Nhứt Lai, nhưng một phần nữa không đặng với thân của quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

- **Tự ngôn:** Người hành để làm cho rõ rệt quả Nhứt Lai trừ đặng những chi mới thấy Tập? Phản ngữ: Trừ Dục ái thứ thô, Sân độc thứ thô và những phiền não một phần trong bọn với nhau đặng.
- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai thành chỉ có một phần, còn một phần nữa không thành Nhứt Lai, một phần đắc chứng ... đặng riêng phần ... đến trụ chỉ ... làm cho rõ ... vẫn vào đến ... vẫn đụng chạm với thân bằng quả Nhứt Lai, nhưng một phần khác vẫn không đụng chạm với thân bằng quả của Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai trừ những chi mà đặng thấy Diệt? Phản ngữ: Trừ Sân độc thứ thô, trừ những phiền não phần đồng sanh chung.
- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai chỉ một phần, còn một phần nữa không thành Nhứt Lai, một phần đắc chứng ... đặng riêng phần ... đến trụ chỉ ... làm cho rõ ... vẫn vào đến ... vẫn chạm đến thân bằng quả Nhứt Lai nhưng một phần nữa vẫn không đụng chạm đến thân bằng quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai đặng trừ cái chi mới thấy đặng Đạo? Phản ngữ: trừ Sân độc thứ thô và những phiền não một phần chung nhau đặng.
- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai chỉ một phần, một phần nữa không thành bực Nhứt Lai, một phần đắc chứng ... đặng riêng phần ... đến trụ chỉ ... làm cho rõ ... vẫn vào đến ... vẫn chạm với thân bằng quả Nhứt Lai, nhưng một phần nữa vẫn không chạm với thân bằng quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

281.

- **Tự ngôn:** Bực người hành để làm cho rõ quả Bất Lai trừ đặng cái chi mới thấy đặng Khổ? Phản ngữ: Trừ Dục ái thứ vi tế, Sân độc thứ vi tế và những phần phiền não đồng chung nhau đặng.
- **Tự ngôn:** Người thành bực Bất Lai chỉ một phần, còn một phần nữa không thành bực Bất Lai, một phần đắc chứng ... đặng riêng phần ... đến trụ chỉ ... làm cho rõ ... vẫn vào đến ... vẫn đụng chạm với thân bằng quả Bất Lai, nhưng một phần khác không đụng chạm với thân bằng quả Bất Lai. Một phần thành bực Bất Lai Trung bang bất hườn *(Antarāparinibbāyī)* ... Bực Sanh bang bất hườn *(Upahaccapparinibbāyī)* ... Bực Vô hành bang bất hườn *(Asaṅkhāraparinibbāyī)* ... Bực Hữu hành bang bất hườn *(Sasaṅkhāraparinibbāyī)* ... Bực Thượng lưu bang bất hườn *(Uddhaṁsoto akaniṭṭhagāmī)*, nhưng một phần không thành bực Bất Lai Thượng lưu bang bất hườn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực người hành để làm cho rõ quả Bất Lai trừ đặng cái chi mới thấy Tập? Phản ngữ: Trừ Dục ái thứ vi tế, Sân độc thứ vi tế và phiền não thứ chung nhau đặng một nhân.
- **Tự ngôn:** Người thành bực Bất Lai chỉ một phần, còn một phần nữa không thành bực Bất Lai ... một phần bực Bất Lai Thượng lưu bang bất hườn ... một phần nữa không thành bực Bất Lai Thượng lưu bang bất hườn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực người hành để làm cho rõ quả Bất Lai trừ đặng cái chi mới thấy Diệt *(nirodha)?* Phản ngữ: Trừ Sân độc thứ vi tế và những thứ phiền não chung nhau đặng một phần.
- **Tự ngôn:** Người thành bực Bất Lai chỉ một phần, còn một phần nữa không thành bực Bất Lai ... một phần nữa thành bực Bất Lai Thượng lưu bang bất hườn nhưng một

phần nữa không thành bực Bất Lai Thượng lưu bang bất hườn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Bực người hành để làm cho rõ quả Bất Lai trừ đặng cái chi mới thấy đặng Đạo? Phản ngữ: Trừ những phần phiền não chung nhau đặng.
* **Tự ngôn:** Bực người Bất Hườn chỉ một phần, còn một phần nữa không thành bực Bất Hườn, một phần đắc chứng ... đặng riêng phần ... đến trụ chỉ ... làm cho rõ ... vẫn vào đến ... đụng chạm với thân bằng quả Bất Hườn, một phần khác không đụng với thân bằng quả Bất Hườn, một phần Bực Bất Lai Trung bang bất hườn (*antarāparinibbāyī)* ... Bực Sanh bang bất hườn *(Upahaccaparinibbāyī)* ... Bực Vô hành bang bất hườn *(Asaṅkhāraparinibbāyī)* ... Bực Hữu hành bang bất hườn *(Sasaṅkhāraparinibbāyī)* ... Bực Thượng Lưu Bất Hườn *(Uddhaṁsoto akaniṭṭhagāmī)*, nhưng một phần nữa không thành bực Thượng lưu bang bất hườn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

282.

* **Tự ngôn:** Người hành để làm cho rõ quả La Hán đặng trừ cái chi mới thấy Khổ? Phản ngữ: Trừ Sắc ái, Vô sắc ái, Ngã mạn, Phóng dật, Vô minh và những phần phiền não đồng chung nhau một phần đặng.
* **Tự ngôn:** Bực thành La Hán chỉ một phần, còn một phần nữa không thành La Hán, một phần đắc chứng ... đặng riêng phần ... đến trụ chỉ ... làm cho rõ ... vẫn vào đến ... đụng chạm với thân bằng quả La Hán, nhưng một phần nữa không đụng chạm với thân bằng quả La Hán, đã thành bực xa lìa Ái, Sân, Si, đã làm xong việc đáng làm, đã buông trách nhiệm, chứng rồi tự lợi, tuyệt hết mọi cơ quan ràng buộc trong hữu *(bhāva)* rồi, đã thoát ly đặc biệt do kiểu chơn chánh, đã rõ then chốt, lấp rồi mương rãnh, đã nhổ sào nêu, thành người không có then chốt chận, đến bực Thánh, hạ cờ ngã mạn, đã để xuống gánh nặng, dứt rồi dây buộc, chiến thắng đặc biệt rồi, Ngài đã quyết hiểu Khổ, trừ Tập rồi, đã làm cho Diệt rõ rệt, Đạo đã sanh, hiểu những pháp đáng biết tột, chăm chú rõ pháp đáng chăm chú biết, đã trừ những pháp đáng trừ, bồi bổ những pháp đáng bồi bổ, làm cho rõ rệt những pháp đáng làm rõ rệt, một phần làm cho rõ rệt những pháp đáng làm cho rõ rệt, nhưng phần khác không làm cho rõ rệt với pháp đáng làm cho rõ rệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực người hành để làm cho rõ quả La Hán đặng trừ cái chi mới thấy Tập? Phản ngữ: Trừ Sắc ái, Vô sắc ái, Ngã mạn, Phóng dật, Vô minh và những phần phiền não đồng chung đặng.
* **Tự ngôn:** Bực thành La Hán chỉ một phần, còn một phần nữa không thành La Hán, … một phần làm cho rõ rệt, nhưng một phần nữa chưa làm cho rõ rệt với pháp đáng làm cho rõ rệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực người hành để làm cho rõ quả La Hán do đặng trừ cái chi mới thấy Diệt *(nirodha)*? Phản ngữ: Do trừ Ngã mạn, Phóng dật, Vô minh và những phiền não một phần chung nhau đặng.
* **Tự ngôn:** Người thành La Hán chỉ một phần, còn một phần nữa không thành La Hán, ... một phần đã làm cho rõ rệt với pháp đáng làm cho rõ rệt, nhưng còn một phần nữa chưa làm cho rõ rệt với pháp đáng làm cho rõ rệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực người hành để làm cho tỏ rõ quả La Hán do đặng trừ cái chi mới thấy Đạo? Phản ngữ: Trừ Phóng dật, Vô minh và những phiền não phần đồng nhau đặng.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán chỉ một phần, còn một phần nữa không thành La Hán, một phần đắc chứng ... đặng riêng phần ... đến trụ chỉ ... làm cho rõ ... vẫn vào đến ... đụng

chạm với thân của quả La Hán, nhưng một phần nữa không đụng chạm với thân bằng quả La Hán, đã thành bực xa lìa Ái, Sân, Si, đã làm xong việc đáng làm, đã buông trách nhiệm, chứng rồi tự lợi, tuyệt hết mọi cơ quan ràng buộc trong hữu *(bhāva)* rồi, đã thoát ly đặc biệt do kiểu chơn chánh, đã rõ then chốt, lấp rồi mương rãnh, đã nhổ sào nêu, thành người không có then chốt chận, đến bực Thánh, hạ cờ ngã mạn, đã để xuống gánh nặng, dứt rồi dây buộc, chiến thắng đặc biệt rồi, Ngài đã quyết hiểu Khổ, trừ Tập rồi, đã làm cho Diệt rõ rệt, Đạo đã sanh, hiểu những pháp đáng biết tột, chăm chú rõ pháp đáng chăm chú biết rõ, đã trừ những pháp đáng trừ, bồi bổ những pháp đáng bồi bổ, làm cho rõ rệt những pháp đáng làm rõ rệt, một phần làm rõ rệt những pháp đáng làm cho rõ rệt, nhưng phần khác không làm cho rõ rệt với pháp đáng làm cho rõ rệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

283.

- Phản ngữ: Không nên nói rằng người trừ phiền não đặng từ phần phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Người có trí nên hạn chế ô uế của mình mỗi lần từ chút, mỗi sát-na theo thứ lớp, như thợ vàng trui ten của vàng"; thế này vẫn có nghe chắc thật phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó người trừ phiền não cũng từ phần chớ gì!

284.

- **Tự ngôn:** Người trừ phiền não từ phần đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn có phán rằng: "Đầy đủ với cách đến, đầy đủ bằng cách thấy của Ngài (bực Dự Lưu) trừ đặng 3 pháp tức là Thân kiến, Hoài nghi và Giới cấm thủ mà vẫn còn chừng một chút Ngài cũng xa lìa tứ ác thú, không thể thành người tạo nghiệp vô gián", như thế vẫn có nghe thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói người trừ phiền não từ phần đặng chớ gì!

285.

- **Tự ngôn:** Người trừ phiền não từ phần đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, trong khi nào pháp nhãn xa lìa bụi trần phát sanh rồi, đối với Thánh Thinh Văn cho rằng mỗi một thứ nào lẽ thường có sanh ra tất cả thứ đó dĩ nhiên phải có diệt mất, này chư Phíc-khú, hiệp với cách phát sanh của Dự Lưu đó là Thánh Thinh Văn trừ đặng ba cách triền tức là Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ", như đây vẫn có nghe thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói người trừ phiền não từ phần đặng chớ gì?

Dứt Hạn định ngữ (Odhisokathā)

NGUYÊN TRỪ NGỮ *(JAHATIKATHA)*

286.

* **Tự ngôn:** Phàm phu trừ Dục ái và Sân độc đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trừ đặng dứt hết trừ đặng không còn dư, trừ đặng luôn cả gốc rễ, trừ đặng luôn cả Ái, trừ đặng luôn cả Thùy miên, trừ đặng bằng Thánh tuệ, trừ đặng bằng Thánh đạo, trừ luôn pháp bất chuyển động và pháp làm cho sáng tỏ quả Bất Hườn đều trừ đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

287.

* **Tự ngôn:** Phàm phu hạn chế Dục ái và Sân độc đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hạn chế đặng hết tuyệt, hạn chế đặng không còn phần còn dư, hạn chế đặng không còn mầm mống, hạn chế đặng luôn gốc rễ, hạn chế đặng luôn Ái, hạn chế luôn đặng có Thùy miên, hạn chế bằng Thánh trí, hạn chế bằng Thánh đạo, hạn chế cho đến pháp bất chuyển động, làm cho rõ quả Bất Hườn đều hạn chế đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

288.

* **Tự ngôn:** Bực hành để làm cho rõ quả Bất Hườn trừ Dục ái, và Sân độc đặng và người đó trừ đặng hết cả, trừ đặng không còn dư sót ... đến pháp làm cho rõ quả Bất Hườn cũng trừ luôn đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Phàm phu trừ Dục ái và Sân độc đặng và họ trừ đặng hết không còn dư ... đến pháp làm cho rõ quả Bất Hườn cũng trừ đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

289.

* **Tự ngôn:** Người hành để làm cho rõ rệt quả Bất Hườn đè nén Dục ái, Sân độc đặng và người đó đè nén đặng hết không còn dư ... đến pháp làm cho rõ quả Bất Hườn đè nén cũng đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Phàm phu đè nén Dục ái, Sân độc đặng và họ đè nén đặng hết không còn dư ... đến pháp làm cho rõ quả Bất Hườn đè nén cũng đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

290.

* **Tự ngôn:** Phàm phu trừ Dục ái và Sân độc đặng, nhưng họ sẽ không thể trừ hết đặng, sẽ trừ không còn dư cũng không thể đặng, trừ không còn nộc cũng không đặng, sẽ trừ luôn gốc rễ cũng không đặng, sẽ trừ luôn Ái cũng chẳng đặng, sẽ trừ luôn tùy miên cũng chẳng đặng, sẽ trừ bằng Chánh tuệ cũng chẳng đặng, sẽ trừ bằng Thánh đạo cũng chẳng đặng, sẽ trừ luôn pháp không lừng lẫy và pháp sẽ làm cho rõ rệt quả Bất Hườn cũng chẳng đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người hành để làm cho rõ quả Bất Hườn, trừ Dục ái và Sân độc đặng, nhưng người đó sẽ trừ đặng hết trọi cũng không đặng ... sẽ làm cho rõ quả Bất Hườn cũng không đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

291.

* **Tự ngôn:** Người hành để làm cho rõ quả Bất Hườn đè nén Dục ái và Sân độc đặng, nhưng người đó sẽ đè nén cho hết trọi cũng không đặng và đè nén không còn phần dư cũng không đặng ... đến pháp sẽ làm cho rõ quả Bất Hườn đè nén cũng không đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

292.

* **Tự ngôn:** Phàm phu trừ Dục ái và Sân độc đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Do bằng đạo nào? Phản ngữ: Bằng đạo phần Sắc giới.
- **Tự ngôn:** Đạo phần Sắc giới thành nhân đưa ra khỏi hành vi luân hồi cho đến rốt ráo, cho đến đắc chứng, cho đến Níp-bàn, không thành cảnh của lậu, không thành cảnh của triền, không thành cảnh của phược, không thành cảnh của bộc, không thành cảnh của phối, không thành cảnh của cái, không thành cảnh của khinh thị, không thành cảnh của thủ và không thành cảnh của phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đạo phần Sắc giới không thành nhân đưa ra khỏi luân hồi không thành pháp đưa đến rốt ráo, không thành pháp đưa đến đắc chứng, không thành pháp đến Níp-bàn, thành cảnh của lậu, thành cảnh của triền ... thành cảnh của phiền não phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dù rằng đạo phần Sắc giới không thành nhân đưa ra khỏi luân hồi, không thành pháp đưa đến rốt ráo, không thành pháp đưa đến đắc chứng, không thành pháp đưa đến Níp-bàn, thành cảnh của lậu, thành cảnh của triền ... thành cảnh của phiền não thời không nên nói rằng phàm phu trừ Dục ái và Sân độc đặng bằng đạo thuộc phần Sắc giới.

293.

- **Tự ngôn:** Người hành đặng làm cho rõ quả Bất Hườn trừ Dục ái và Sân độc đặng bằng đạo Bất Hườn và đạo đó là nhân đưa khỏi luân hồi, đưa đến rốt ráo đến đắc chứng, đến Níp-bàn, không thành cảnh của lậu, không thành cảnh của triền ... không thành cảnh của phiền não phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Phàm phu trừ Dục ái và Sân độc đặng bằng đạo phần Sắc giới và đạo đó thành nhân đưa ra khỏi luân hồi đến rốt ráo cho đến đắc chứng, cho đến Níp-bàn, không thành cảnh của lậu, không thành cảnh của triền ... không thành cảnh của Phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

294.

- **Tự ngôn:** Phàm phu trừ Dục ái và Sân độc đặng bằng đạo phần Sắc giới và đạo đó không thành nhân đưa ra khỏi luân hồi, không thành pháp đưa đến rốt ráo, không thành pháp đưa đến đắc chứng, không thành pháp đưa đến Níp-bàn, thành cảnh của lậu, thành cảnh của triền ... thành cảnh của phiền não phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người hành đặng làm cho rõ quả Bất Hườn trừ Dục ái và Sân độc đặng bằng đạo Bất Hườn nhưng đạo đó không thành nhân đưa ra khỏi luân hồi, không thành pháp đưa đến rốt ráo, không thành pháp đưa đến đắc chứng, không thành pháp đưa đến Níp-bàn, thành cảnh của lậu, thành cảnh của triền ... thành cảnh của phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

295.

- **Tự ngôn:** Phàm phu thành người xa lìa sự mong mỏi trong tất cả dục, vẫn sống trong quả Bất Hườn, đầy đủ với cách đắc pháp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vẫn sống trong quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

296.

- **Tự ngôn:** Phàm phu thành người xa lìa mong mỏi trong tất cả dục, vẫn sống trong quả Bất Hườn, hiệp với cách đắc pháp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Còn làm cho tất cả đạo sanh ra đặng không trước không sau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Còn làm cho tất cả đạo sanh ra đặng không trước không sau phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Làm cho rõ tất cả quả Sa Môn đặng không trước không sau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Làm cho rõ tất cả quả Sa Môn đặng không trước không sau phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành cách hội hợp của tam xúc, của tam thọ, của tam tư *(cetanā),* của tam tâm, của tam tín, của tam cần, của tam niệm, của tam định, của tam tuệ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

297.

* **Tự ngôn:** Phàm phu là bực xa lìa sự mong mỏi trong tất cả dục, vẫn sống trong quả Bất Hườn chung với cách đắc pháp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bằng đạo Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bằng đạo Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bằng đạo nào? Phản ngữ: Bằng đạo Bất Lai.
* **Tự ngôn:** Trừ Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ đặng bằng đạo Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trừ Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ đặng bằng đạo Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài chứng quả Dự Lưu do trừ tam triền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài chứng quả Dự Lưu do trừ tam triền thời không nên nói là trừ Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ đặng do đạo Bất Lai ...
* **Tự ngôn:** Trừ Dục ái thứ thô, Sân độc thứ thô đặng bằng đạo Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trừ Dục ái thứ thô, Sân độc thứ thô đặng bằng đạo Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài chứng quả Nhứt Lai do sự nhẹ nhàng của Dục ái và Sân độc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài chứng quả Nhứt Lai do sự nhẹ nhàng của Dục ái và Sân độc thời không nên nói rằng trừ Dục ái thứ thô và Sân độc thứ thô bằng đạo Bất Lai đặng.

298.

* **Tự ngôn:** Phàm phu là bực xa lìa sự mong mỏi trong tất cả dục *(kāma),* vẫn sống trong quả Bất Lai đồng với cách chứng pháp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Mỗi một người nào chứng pháp đặng thì những người ấy vẫn sống trong quả Bất Lai đồng với cách chứng pháp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

299.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng phàm phu trừ Dục ái và Sân độc đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn có phán rằng: "Trong thuở quá khứ có sáu vị Giáo chủ là người có quyền tước, hết sự giận hờn, trong sạch do bi, thoát ly sự liên quan trong dục, đã chận Ái dục vào đến thế giới Phạm Thiên", như thế vẫn có nghe thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó, phàm phu cũng trừ Ái dục và Sân độc đặng chớ gì?

300.

* **Tự ngôn:** Phàm phu trừ Ái dục và Sân độc đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này Chư Phíc-khú chính là vị Phíc-khú tên Hảo Nhân *(Sunetta)* có số thọ như thế, sống dài như thế, nhưng cũng không đặng giải thoát sanh, lão, tử, sầu, khóc, khổ, ưu, ai. Ta tường thuật rằng là người không giải thoát khổ, điều đó tại sao? Cũng bởi không biết theo, không thấu suốt cả bốn pháp. Bốn pháp đó ra sao? Bởi không biết theo, không thấu suốt thứ Giới mà thành Thánh, thứ Định mà thành Thánh, thứ Tuệ mà thành Thánh, thứ Giải thoát mà thành Thánh. Này chư Phíc-khú, Giới mà thành Thánh, Định mà thành Thánh, Tuệ mà thành Thánh, Giải thoát mà thành Thánh, đây ta đã biết theo thấu suốt rồi, ta mới rút Ái trong hữu *(bhāva)* bỏ rồi, và Ái mà sẽ dẫn đi đến hữu *(bhāva)* đã hết, thế vậy không có đời mới". Như đây (Đức Thế Tôn phán lời này rồi sau mới thuyết bài kệ sau như vầy) những pháp này tức là Giới, Định, Tuệ, Giải thoát là pháp cao thượng mà Đức Cồ-Đàm *(Gotama)* bực có quyền tước, Ngài đã hiểu theo rồi, Đức Phật Ngài đã hiểu tột bằng cách như thế này nên Ngài mới truyền bá Pháp cho chư Phíc-khú là Giáo chủ bực đã làm tận nơi khổ, bậc có mắt huệ, đã hoàn toàn vắng lặng. Như đây là vẫn có nghe chắc thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói rằng phàm phu trừ Ái dục và Sân độc đặng chớ gì!

Dứt Nguyên trừ ngữ (Jahatikathā)

CHƯ TÀI VẬT NGỮ *(SABBAMATTHITIKATHA)*

301.

- **Tự ngôn:** Tất cả vật chất vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vật chất tất cả vẫn có trong thân thể phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vật chất tất cả vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vật chất tất cả vẫn có trong mỗi thời phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vật chất tất cả vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vật chất tất cả vẫn có nương hình mạo tất cả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vật chất tất cả vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vật chất tất cả vẫn có trong pháp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vật chất vẫn có tất cả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vật chất tất cả nói là vẫn có do giải rằng không hiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vật chất tất cả vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu vật chất không có cũng gọi là vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vật chất vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự thấy như thế là nhận thấy vật chất tất cả vẫn có như đây thành Tà kiến và nói nhận thấy như nói đây thành Chánh kiến, thế vậy cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

302.

* **Tự ngôn:** Quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Quá khứ đã diệt rồi, đã lìa rồi, đã thay đổi rồi, mặt trời lặn rồi tiêu mất hết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà quá khứ đã diệt rồi, lìa rồi, đổi thay rồi, mặt trời đã lặn, đã tiêu mất thời không nên nói là vẫn có quá khứ.

303.

* **Tự ngôn:** Bậc Bất Hườn vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vị lai chưa sanh, chưa thành, chưa ra đủ, chưa sanh ra, chưa phát ra, chưa hiện ra phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà vị lai chưa sanh, chưa thành, chưa có đủ, chưa sanh ra, chưa phát ra, chưa hiện bày thời không nên nói có vị lai.

304.

* **Tự ngôn:** Hiện tại đang có, hiện tại chưa diệt, chưa lìa mất, chưa biến đổi, chưa lặn, chưa tiêu mất phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Quá khứ vẫn có, quá khứ chưa diệt, chưa xa lìa, chưa đổi thay, chưa lặn mất, chưa tiêu diệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

305.

* **Tự ngôn:** Hiện tại vẫn có, hiện tại đã sanh, đã thành tựu, đã sanh đủ, đã sanh ra, đã phát ra, đã hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vị lai vẫn có, vị lai đã sanh, đã thành tựu, đã sanh đủ, đã sanh ra, đã phát ra, đã hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

306.

* **Tự ngôn:** Quá khứ vẫn có, quá khứ đã diệt, đã lìa khỏi đã đổi thay, đã lặn rồi, đã tiêu mất phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hiện tại vẫn có, hiện tại đã diệt mất, đã lìa rồi, đã đổi thay, mặt trời đã lặn, đã tiêu mất phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

307.

* **Tự ngôn:** Vị lai vẫn có, vị lai chưa sanh, chưa thành tựu, chưa sanh đủ, chưa sanh ra, chưa phát ra, chưa hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hiện tại vẫn có, hiện tại chưa sanh, chưa thành tựu, chưa sanh đủ, chưa sanh ra, chưa phát sanh, chưa hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

308.

* **Tự ngôn:** Sắc quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc quá khứ đã diệt, đã lìa, đã đổi thay, đã lặn mất, đã tiêu diệt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà sắc quá khứ đã diệt, đã tiêu mất, cũng không nên nói rằng sắc quá khứ vẫn có.

309.

* **Tự ngôn:** Sắc vị lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc vị lai chưa sanh, chưa thành tựu, chưa sanh đủ, chưa phát sanh, chưa hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà sắc vị lai chưa sanh ... chưa hiện bày thời không nên nói vẫn có sắc vị lai.

310.

- **Tự ngôn:** Sắc hiện tại vẫn có, sắc hiện tại chưa diệt, chưa lìa mất, chưa đổi thay, chưa lặn mất, chưa tiêu diệt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc quá khứ vẫn có, sắc quá khứ chưa diệt, chưa thay đổi, chưa lặn, chưa tiêu mất phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

311.

- **Tự ngôn:** Sắc hiện tại vẫn có, sắc hiện tại đã sanh, sắc hiện tại đã thành tựu, sanh đủ rồi, đã sanh ra, đã phát sanh đã hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc vị lai vẫn có, sắc vị lai đã sanh, đã thành tựu, sanh đủ rồi, đã sanh ra, đã phát sanh, đã hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

312.

- **Tự ngôn:** Sắc quá khứ vẫn có, sắc quá khứ đã diệt, đã lìa, đã thay đổi, đã lặn mất, đã tiêu mất rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc hiện tại vẫn có, sắc hiện tại đã diệt, đã lìa, đã đổi thay, đã lặn mất, tiêu mất rồi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

313.

- **Tự ngôn:** Sắc vị lai vẫn có, sắc vị lai chưa sanh, chưa thành tựu, chưa sanh đủ, chưa sanh ra, chưa phát ra, chưa hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc hiện tại vẫn có, sắc hiện tại chưa sanh, chưa thành tựu, chưa sanh đủ, chưa sanh ra, chưa phát ra, chưa hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

314.

- **Tự ngôn:** Thọ quá khứ vẫn có phải chăng? ... Tưởng ... Hành ... Thức quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thức quá khứ đã diệt, đã lìa, đã đổi thay, đã lặn, tiêu diệt rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thức quá khứ đã diệt ... tiêu mất rồi, thời không nên nói rằng vẫn có thức quá khứ.

315.

- **Tự ngôn:** Thức vị lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thức vị lai chưa sanh, chưa thành tựu, chưa sanh đủ, chưa sanh ra, chưa phát ra, chưa hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà thức vị lai chưa sanh ... chưa hiện bày thời không nên nói có thức vị lai.

316.

- **Tự ngôn:** Thức hiện tại vẫn có, thức hiện tại chưa diệt ... chưa tiêu mất phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thức quá khứ vẫn có, thức quá khứ chưa diệt ... chưa tiêu mất phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

317.

- **Tự ngôn:** Thức hiện tại vẫn có, thức hiện tại đã sanh, đã thành tựu ... đã hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thức vị lai vẫn có ... thức vị lai đã sanh ... đã hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

318.

* **Tự ngôn:** Thức quá khứ vẫn có, thức quá khứ đã diệt ... tiêu mất rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thức hiện tại vẫn có, thức hiện tại diệt rồi ... tiêu mất rồi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

319.

* **Tự ngôn:** Thức vị lai vẫn có, thức vị lai chưa sanh ... chưa hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thức hiện tại vẫn có, thức hiện tại chưa sanh ... chưa thành tựu ... chưa hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

320.

* **Tự ngôn:** Chế định là hiện tại, hoặc là sắc cũng vậy. Gọi sắc hoặc gọi hiện tại cũng vậy, chung quy chỉ đến sắc hiện tại, cả hai chế định này cũng đồng một thứ, một ý nghĩa đều đồng như nhau phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc hiện tại khi diệt rồi vẫn bỏ cách thành hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vẫn bỏ cách thành sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

321.

* **Tự ngôn:** Chế định gọi hiện tại hoặc gọi sắc cũng vậy, gọi sắc hoặc gọi hiện tại cũng vậy, chung lại chỉ là sắc hiện tại, cả hai chế định này cũng một thứ, ý nghĩa có một, đều đồng như nhau phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc hiện tại khi diệt rồi vẫn không bỏ cách thành sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vẫn không bỏ cách thành hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Vải trắng cả hai chế định này cũng một thứ, ý nghĩa có một đều đồng như nhau phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Vải trắng khi bị nhuộm vẫn bỏ cách thành vải trắng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Vẫn bỏ cách thành vải phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Chế định gọi trắng hoặc gọi vải cũng vậy. Gọi vải hoặc gọi trắng cũng vậy, chung quy là vải trắng, cả hai chế định này cũng một thứ, ý nghĩa có một, đều đồng như nhau phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Vải trắng khi bị nhuộm vẫn không bỏ cách thành vải phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Vẫn không bỏ cách thành vải trắng phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

322.

* **Tự ngôn:** Sắc nhuộm không bỏ sự thành sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc trường tồn, vĩnh viễn chịu đựng, có cách không thay đổi là thường phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bởi sắc nhuộm bỏ sự thành sắc, thế đó sắc mới gọi là không bền, không trường tồn, không chịu đựng, có cách đổi thay là thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà sắc không trường tồn, không vĩnh viễn, không chịu đựng, có cách đổi thay là lẽ thường thời không nên nói rằng sắc vẫn không bỏ sự thành sắc.

323.

- **Tự ngôn:** Vì Níp-bàn vẫn không bỏ sự thành Níp-bàn, như thế Níp-bàn mới gọi là thường, vĩnh viễn chịu đựng, có cách không thay đổi là lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vì sắc vẫn không bỏ sự thành sắc như thế sắc mới gọi là thường hằng còn chịu đựng, có cái không thay đổi là lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

324.

- **Tự ngôn:** Vì sắc vẫn không bỏ sự thành sắc, như thế sắc mới gọi là vô thường, không bền vững, không chịu đựng, có đổi thay là lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vì Níp-bàn vẫn không bỏ sự thành Níp-bàn, thế thì Níp-bàn phải gọi là vô thường, không còn hoài, không chịu đựng, có đổi thay là lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

325.

- **Tự ngôn:** Quá khứ vẫn có, quá khứ vẫn không bỏ sự quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vị lai vẫn có, vị lai vẫn không bỏ sự thành vị lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Quá khứ vẫn có, quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Hiện tại vẫn có, hiện tại vẫn không bỏ sự thành hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

326.

- **Tự ngôn:** Vị lai vẫn có, vị lai vẫn không bỏ sự thành vị lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Quá khứ vẫn có, quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

327.

- **Tự ngôn:** Hiện tại vẫn có, hiện tại vẫn không bỏ sự thành hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Quá khứ vẫn có, quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

328.

- **Tự ngôn:** Quá khứ vẫn có, quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Quá khứ trường tồn vĩnh viễn chịu đựng có cái không thay đổi là lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Quá khứ vô thường, không trường tồn, không chịu đựng, có cái thay đổi là lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà quá khứ vô thường, không trường tồn chẳng chịu đựng, có cái đổi thay là lẽ thường thời không nên nói rằng quá khứ vẫn có, quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ.

329.

- **Tự ngôn:** Vì Níp-bàn vẫn có, Níp-bàn vẫn không bỏ sự thành Níp-bàn, thế vậy Níp-bàn mới gọi là trường tồn vĩnh viễn, bền vững, có cái không thay đổi là lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Vì quá khứ vẫn có, quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ, thế vậy quá khứ mới gọi là trường tồn, vĩnh viễn, hằng còn, bền chắc, có cái không thay đổi là lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

330.

* **Tự ngôn:** Vì quá khứ vẫn có, quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ, thế thì quá khứ mới gọi là vô thường, không bền vững, không chịu đựng, có cái thay đổi là lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vì Níp-bàn vẫn có, Níp-bàn vẫn không bỏ sự thành Níp-bàn, bởi vậy Níp-bàn mới gọi là vô thường không bền vững, không chịu đựng, có cái thay đổi là lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

331.

* **Tự ngôn:** Sắc quá khứ vẫn có, sắc quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc vị lai vẫn có, sắc vị lai vẫn không bỏ sự thành vị lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc quá khứ vẫn có, sắc quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc hiện tại vẫn có, sắc hiện tại vẫn không bỏ sự thành hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

332.

* **Tự ngôn:** Sắc vị lai vẫn có, sắc vị lai vẫn không bỏ sự thành vị lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc quá khứ vẫn có, sắc quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

333.

* **Tự ngôn:** Sắc hiện tại vẫn có, sắc hiện tại vẫn không bỏ sự thành hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc quá khứ vẫn có, sắc quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

334.

* **Tự ngôn:** Sắc quá khứ vẫn có, sắc quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc quá khứ trường tồn, vĩnh viễn, kiên cố, không thay đổi là lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc quá khứ không bền, không vĩnh viễn, không kiên cố, có cái thay đổi là lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà sắc quá khứ vô thường ... dĩ nhiên thay đổi thời không nên nói rằng sắc quá khứ vẫn có, sắc quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ.

335.

* **Tự ngôn:** Níp-bàn vẫn có, Níp-bàn vẫn không bỏ sự thành Níp-bàn, Níp-bàn trường tồn vĩnh cửu kiên cố tự nhiên không thay đổi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc quá khứ vẫn có, sắc quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ, sắc quá khứ trường tồn, vĩnh viễn kiên cố tự nhiên không thay đổi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

336.

- **Tự ngôn:** Sắc quá khứ vẫn có, sắc quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ, sắc quá khứ không bền không trường tồn, không kiên cố, dĩ nhiên thay đổi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Níp-bàn vẫn có, Níp-bàn vẫn không bỏ sự thành Níp-bàn thời Níp-bàn không trường tồn, không bền vững, không kiên cố dĩ nhiên thay đổi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

337.

Tự ngôn: Thọ quá khứ vẫn có ... Tưởng quá khứ vẫn có ... Hành quá khứ vẫn có ... phải chăng?

338.

- **Tự ngôn:** Thức quá khứ vẫn có ... Thức quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thức vị lai vẫn có, thức vị lai không bỏ sự thành vị lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thức quá khứ vẫn có, thức quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thức hiện tại vẫn có, thức hiện tại vẫn không bỏ sự thành hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

339.

- **Tự ngôn:** Thức vị lai vẫn có, thức vị lai vẫn không bỏ sự thành vị lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thức quá khứ vẫn có, thức quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

340.

- **Tự ngôn:** Thức hiện tại vẫn có, thức hiện tại vẫn không bỏ sự thành hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thức quá khứ vẫn có, thức quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

341.

- **Tự ngôn:** Thức quá khứ vẫn có, thức quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thức quá khứ trường tồn vĩnh viễn, kiên cố, tự nhiên không thay đổi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thức quá khứ không bền, không vĩnh viễn, không kiên cố, thay đổi dĩ nhiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà thức quá khứ vô thường, không vĩnh viễn, không nhứt định, có cái thay đổi lẽ thường, thời không nên nói rằng thức quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ.

342.

- **Tự ngôn:** Níp-bàn vẫn có, Níp-bàn vẫn không bỏ sự thành Níp-bàn thời Níp-bàn trường tồn, vĩnh viễn, kiên cố, tự nhiên không thay đổi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thức quá khứ vẫn có, thức quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ, thời Thức quá khứ trường tồn, vĩnh viễn, kiên cố, tự nhiên không thay đổi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

343.

* **Tự ngôn:** Thức quá khứ vẫn có, thức quá khứ vẫn không bỏ sự thành quá khứ, nên thức quá khứ vô thường, không vĩnh viễn, không kiên cố, thay đổi là lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Níp-bàn vẫn có, Níp-bàn vẫn không bỏ sự thành Níp-bàn thời Níp-bàn là vô thường, không vĩnh viễn, không kiên cố, thay đổi như thường phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

344.

* **Tự ngôn:** Quá khứ chẳng phải thật tướng mà hẳn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dù rằng quá khứ phi thật tướng hẳn có thì nói rằng quá khứ vẫn có cũng sai, hay là nói rằng chơn tướng phi quá khứ vẫn có; câu nói quá khứ vẫn có cũng sai.
* **Tự ngôn:** Vị lai phi thật tướng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà vị lai phi thật tướng vẫn có; câu nói vị lai vẫn có cũng sai, nếu mà nói thật tướng phi vị lai vẫn có; câu nói vị lai vẫn có cũng sai.

345.

* **Tự ngôn:** Thành vị lai rồi mới thành hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vị lai cũng chính là cái đó, hiện tại cũng chính là cái đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vị lai cũng chính là cái đó, hiện tại cũng chính là cái đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vật chất thành (vị lai) rồi thành (hiện tại) gọi là đã thành mới vẫn thành phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vật chất thành (vị lai) rồi thành (hiện tại) gọi là thành rồi, mới vẫn thành phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vật chất không thành (vị lai) rồi không thành (hiện tại) là đã không thành, vẫn không thành phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

346.

* **Tự ngôn:** Thành hiện tại rồi mới thành vị lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hiện tại cũng chính cái đó, vị lai cũng chính là cái đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Hiện tại cũng chính là cái đó, vị lai cũng chính là cái đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đồ thành (hiện tại) rồi thành (quá khứ) gọi là đã thành đồ thành phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đồ thành (hiện tại) rồi thành (vị lai) gọi là thành mới vẫn thành phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đồ không thành (hiện tại) rồi không thành (vị lai) mà không thành rồi không thành phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

347.

* **Tự ngôn:** Thành vị lai rồi mới thành hiện tại, thành hiện tại rồi mới thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vị lai cũng chính là cái đó, hiện tại cũng chính là cái đó, quá khứ cũng chính là cái đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vị lai cũng chính là cái đó, hiện tại cũng chính là cái đó, quá khứ cũng chính là cái đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Đồ mà thành (vị lai) rồi thành (hiện tại) gọi là thành mới đang thành phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đồ mà thành (vị lai) rồi thành (hiện tại) gọi là thành mới đang thành phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đồ mà thành (vị lai) rồi không thành (hiện tại) gọi là thành rồi không thành phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

348.

- **Tự ngôn:** Nhãn quá khứ vẫn có, sắc, Nhãn thức, ánh sáng tác ý quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người thấy sắc quá khứ đặng bằng nhãn quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nhĩ quá khứ vẫn có, thinh, Nhĩ thức, hư không, tác ý quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người nghe tiếng quá khứ đặng bằng nhĩ quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tỷ quá khứ vẫn có, khí, Tỷ thức, gió, tác ý quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người hưởi hơi quá khứ đặng bằng tỷ quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thiệt quá khứ vẫn có, vị, Thiệt thức, nước, tác ý quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người nếm vị quá khứ đặng bằng lưỡi quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thân quá khứ vẫn có, xúc, Thân thức, đất, tác ý quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người đụng chạm xúc quá khứ đặng bằng thân quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Ý quá khứ vẫn có, cảnh pháp, ý thức, vật chất *(vatthu)*, tác ý quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người biết cảnh pháp quá khứ đặng bằng ý quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

349.

- **Tự ngôn:** Nhãn vị lai vẫn có, sắc, Nhãn thức, ánh sáng, tác ý vị lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người nhận thấy sắc vị lai đặng bằng nhãn vị lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nhĩ ... Tỷ ... Thiệt ... Thân ... Ý vị lai vẫn có, cảnh pháp, ý thức, vật *(vatthu)*, tác ý vị lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người biết cảnh pháp vị lai đặng bằng ý vị lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

350.

- **Tự ngôn:** Nhãn hiện tại vẫn có, sắc, Nhãn thức, ánh sáng, tác ý hiện tại vẫn có, người thấy sắc hiện tại đặng bằng Níp-bàn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhãn quá khứ vẫn có, sắc, Nhãn thức, ánh sáng, tác ý vẫn có ... Người thấy sắc quá khứ đặng bằng nhãn quá khứ chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Nhĩ ... Tỷ ... Thiệt ... Thân ... Ý Níp-bàn vẫn có, cảnh pháp, ý thức, vật *(vatthu)*, tác ý Níp-bàn vẫn có, người biết sắp Níp-bàn đặng bằng ý hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ý quá khứ vẫn có, cảnh pháp, ý thức, vật *(vatthu)*, tác ý quá khứ vẫn có, người biết cảnh pháp quá khứ đặng bằng ý quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

351.

* **Tự ngôn:** Nhãn hiện tại vẫn có, sắc, Nhãn thức, ánh sáng, tác ý hiện tại vẫn có, người thấy sắc hiện tại đặng bằng nhãn hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn vị lai vẫn có, sắc, Nhãn thức, ánh sáng, tác ý vị lai có, người thấy sắc vị lai đặng bằng nhãn vị lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhĩ ... Tỷ ... Thiệt ... Thân ... Ý hiện tại vẫn có, cảnh pháp, ý thức, vật *(vatthu)*, tác ý hiện tại vẫn có, người biết cảnh pháp hiện tại đặng bằng ý hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ý vị lai vẫn có, cảnh pháp, ý thức, vật *(vatthu)*, tác ý vị lai vẫn có, người rõ cảnh pháp vị lai đặng bằng ý vị lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

352.

* **Tự ngôn:** Nhãn quá khứ vẫn có sắc, Nhãn thức, ánh sáng, tác ý quá khứ vẫn có, nhưng người thấy sắc quá khứ bằng nhãn quá khứ không đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn hiện tại vẫn có, sắc, Nhãn thức, ánh sáng, tác ý hiện tại vẫn có, những người thấy sắc hiện tại không đặng bằng nhãn hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhĩ ... Tỷ ... Thiệt ... Thân ... Ý quá khứ vẫn có, cảnh pháp, ý thức, vật *(vatthu)*, tác ý quá khứ vẫn có, nhưng người biết cảnh pháp quá khứ không đặng bằng ý quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ý hiện tại vẫn có, cảnh pháp, ý thức, vật *(vatthu)*, tác ý hiện tại vẫn có, nhưng người biết cảnh pháp hiện tại không đặng bằng ý hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

353.

* **Tự ngôn:** Nhãn vị lai vẫn có, sắc, Nhãn thức, ánh sáng, tác ý vị lai vẫn có, nhưng người thấy sắc vị lai không đặng bằng nhãn vị lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn hiện tại vẫn có, sắc, Nhãn thức, ánh sáng, tác ý hiện tại vẫn có, nhưng người thấy sắc hiện tại không đặng bằng nhãn hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhĩ ... Tỷ ... Thiệt ... Thân ... Ý vị lai vẫn có, cảnh pháp, ý thức, vật chất *(vatthu)*, tác ý vị lai vẫn có, nhưng người biết cảnh pháp vị lai không đặng bằng ý vị lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ý hiện tại vẫn có, cảnh pháp, ý thức, vật chất *(vatthu)*, tác ý hiện tại vẫn có, nhưng người biết cảnh pháp hiện tại không đặng bằng ý hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

354.

* **Tự ngôn:** Trí quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người làm việc đáng làm bằng trí đặng, bằng trí quá khứ đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó..

- **Tự ngôn:** Người làm việc mà đáng làm bằng trí đặng, bằng trí quá khứ đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người chăm chú biết Khổ đặng, trừ Tập đặng, làm cho rõ Diệt đặng, còn làm cho Đạo phát sanh đặng bằng trí quá khứ đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

355.

- **Tự ngôn:** Trí vị lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người làm việc đáng làm bằng trí đặng, bằng trí vị lai đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người làm việc đáng làm bằng trí đặng bằng trí vị lai đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- Phản ngữ: Người chăm chú biết Khổ đặng, trừ Tập đặng, làm cho rõ Diệt đặng, làm cho đạo sanh đặng bằng trí vị lai đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

356.

- **Tự ngôn:** Trí hiện tại vẫn có, người làm việc đáng làm bằng trí đặng, bằng trí hiện tại đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trí quá khứ vẫn có, người làm việc đáng làm bằng trí đặng, bằng trí quá khứ đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trí hiện tại vẫn có, người chăm chú biết Khổ đặng, trừ Tập đặng, làm cho Diệt tỏ rõ đặng, còn làm cho Đạo sanh đặng, bằng trí hiện tại đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trí quá khứ vẫn có, người chăm chú biết Khổ đặng, trừ Tập đặng, làm cho rõ Diệt đặng, còn làm cho Đạo sanh đặng bằng trí quá khứ đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trí hiện tại vẫn có, người làm việc đáng làm bằng trí đặng, với trí hiện tại đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trí vị lai vẫn có, người làm việc đáng làm bằng trí với trí vị lai đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
- **Tự ngôn:** Trí hiện tại vẫn có, người chăm chú biết Khổ đặng, trừ Tập đặng, làm cho rõ Diệt đặng, còn làm cho đạo sanh đặng bằng trí hiện tại đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trí vị lai vẫn có, người chăm chú biết Khổ đặng, trừ Tập đặng, làm cho rõ Diệt đặng, còn làm cho đạo phát sanh đặng bằng trí vị lai đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

357.

- **Tự ngôn:** Trí quá khứ vẫn có, nhưng người làm việc đáng làm bằng trí không đặng với trí đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trí hiện tại vẫn có, nhưng người làm việc đáng làm bằng trí không đặng với trí hiện tại đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trí quá khứ vẫn có, người chăm chú hiểu rõ Khổ không đặng, trừ Tập không đặng, làm cho rõ Diệt không đặng, còn làm cho Đạo phát sanh không đặng bằng trí quá khứ đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trí hiện tại vẫn có, nhưng người chăm chú biết Khổ không đặng, trừ Tập không đặng, làm cho rõ Diệt không đặng, còn làm cho Đạo phát sanh không đặng bằng trí hiện tại đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

358.

* **Tự ngôn:** Trí vị lai vẫn có, nhưng người làm việc đáng làm bằng trí không đặng với trí vị lai đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí hiện tại vẫn có nhưng người làm việc đáng làm bằng trí không đặng với trí hiện tại đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trí vị lai vẫn có, nhưng người chăm chú biết Khổ không đặng, trừ Tập không đặng, làm cho rõ Diệt không đặng, còn làm cho Đạo phát sanh không đặng với trí vị lai đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí hiện tại vẫn có, nhưng người chăm chú biết Khổ không đặng, trừ Tập không đặng, làm cho rõ Diệt không đặng, không làm cho đạo phát sanh đặng do trí hiện tại đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

359.

* **Tự ngôn:** Ái dục quá khứ của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán gọi là có Ái dục *(rāga)* bằng Ái dục đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sân quá khứ của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán gọi là có Sân bằng Sân đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Si quá khứ của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán gọi là có Si bằng Si đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Ngã mạn quá khứ của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán gọi là có Ngã mạn bằng Ngã mạn quá khứ đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tà kiến quá khứ của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán gọi là có Tà kiến bằng Tà kiến đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Hoài nghi quá khứ của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán gọi rằng có Hoài nghi bằng Hoài nghi đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Hôn trầm quá khứ của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán gọi là có Hôn trầm bằng Hôn trầm đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Phóng dật quá khứ của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán gọi là có Phóng dật bằng Phóng dật đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó..
* **Tự ngôn:** Vô tàm quá khứ của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán gọi là có Vô tàm bằng Vô tàm đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô úy quá khứ của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán gọi là có Vô úy bằng Vô úy đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

360.

* **Tự ngôn:** Thân kiến quá khứ của bực Bất Lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai gọi là có kiến thức *(diṭṭhi)* bằng kiến thức đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

- **Tự ngôn:** Hoài nghi, Giới cấm thủ, Ái dục thứ vi tế, Sân độc thứ quá khứ của bực Bất Lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Bất Lai gọi là có tâm Sân độc bằng Sân độc đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

361.

- **Tự ngôn:** Thân kiến quá khứ của bực Nhứt Lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai gọi là có kiến thức *(diṭṭhi)* bằng kiến thức đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Hoài nghi, Giới cấm thủ, Ái dục *(rāga)* thứ thô, Sân độc thứ thô quá khứ của Nhứt Lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai gọi là có tâm Sân bằng Sân đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

362.

- **Tự ngôn:** Thân kiến quá khứ của bực Dự Lưu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu gọi là có kiến thức *(diṭṭhi)* bằng kiến thức đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Hoài nghi, Giới cấm thủ, Ái dục *(rāga)* sa đọa khổ thú, sân sa đọa khổ thú, si sa đọa khổ thú thuộc quá khứ của bực Dự Lưu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dự Lưu gọi là có Si bằng Si đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

363.

- **Tự ngôn:** Ái tình *(rāga)* quá khứ của phàm phu vẫn có, phàm phu gọi là có ái tình bằng ái tình đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ái tình *(rāga)* quá khứ của La Hán vẫn có, bực La Hán gọi là có ái tình bằng ái tình đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
- **Tự ngôn:** Sân quá khứ của phàm phu vẫn có ... Vô úy quá khứ của phàm phu vẫn có, phàm phu gọi là có Vô úy bằng Vô úy đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô úy quá khứ của La Hán vẫn có, bực La Hán gọi là có Vô úy bằng Vô úy đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

364.

- **Tự ngôn:** Thân kiến quá khứ của phàm phu vẫn có, phàm phu gọi là có kiến thức *(diṭṭhi)* bằng kiến thức đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thân kiến quá khứ của Bất Lai vẫn có, bực Bất Lai gọi kiến thức *(diṭṭhi)* bằng kiến thức đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Hoài nghi quá khứ của phàm phu vẫn có ... Sân thứ vi tế quá khứ của phàm phu vẫn có, phàm phu gọi là có tâm Sân độc bằng Sân độc đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sân thứ vi tế quá khứ của Bất Lai vẫn có, bực Bất Lai mà có tâm Sân độc bằng Sân độc đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

365.

- **Tự ngôn:** Thân kiến quá khứ của phàm phu vẫn có, phàm phu gọi là người có kiến thức *(diṭṭhi)* bằng kiến thức đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thân kiến quá khứ của bực Nhứt Lai vẫn có, bực Nhứt Lai có kiến thức *(diṭṭhi)* bằng kiến thức đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Hoài nghi quá khứ của phàm phu vẫn có ... Sân độc thứ quá khứ của phàm phu vẫn có, phàm phu gọi là có tâm Sân độc bằng Sân độc đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sân độc thứ thô quá khứ của Nhứt Lai vẫn có, bực Nhứt Lai gọi là có tâm Sân độc bằng Sân độc đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

366.

* **Tự ngôn:** Thân kiến quá khứ của phàm phu vẫn có, phàm phu gọi là có sở kiến *(diṭṭhi)* bằng sở kiến đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thân kiến quá khứ của Dự Lưu vẫn có, bực Dự Lưu gọi là có kiến thức bằng kiến thức đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Hoài nghi quá khứ của phàm phu vẫn có ... Si đọa khổ thú quá khứ của phàm phu vẫn có, phàm phu gọi là có Si bằng Si đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Si đọa khổ thú của Dự Lưu vẫn có, bực Dự Lưu gọi là có Si bằng Si đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

367.

* **Tự ngôn:** Tình dục *(rāga)* quá khứ của La Hán vẫn có, nhưng La Hán gọi là có tình dục *(rāga)* bằng tình dục đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tình dục quá khứ của phàm phu vẫn có, nhưng phàm phu gọi là có tình dục bằng tình dục đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sân quá khứ của La Hán vẫn có ... Vô úy quá khứ của La Hán vẫn có, nhưng La Hán gọi là có Vô úy bằng Vô úy đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô úy quá khứ của phàm phu vẫn có, phàm phu gọi là có Vô úy bằng Vô úy đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

368.

* **Tự ngôn:** Thân kiến quá khứ của Bất Lai vẫn có, nhưng Bực Bất Lai gọi là có kiến thức *(Diṭṭhi)* bằng kiến thức đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thân kiến quá khứ của phàm phu vẫn có, phàm phu gọi là có kiến thức bằng kiến thức đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Hoài nghi quá khứ của Bất Lai vẫn có ... Sân độc thứ vi tế quá khứ của Bất Lai vẫn có, nhưng bực Bất Lai gọi là có tâm Sân bằng Sân độc đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sân độc thứ vi tế quá khứ của phàm phu vẫn có, nhưng phàm phu gọi là có tâm Sân độc bằng Sân độc đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

369.

* **Tự ngôn:** Thân kiến quá khứ của bực Nhứt Lai vẫn có, bực Nhứt Lai gọi là có kiến thức *(diṭṭhi)* bằng kiến thức đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thân kiến quá khứ của phàm phu vẫn có, phàm phu gọi là có kiến thức bằng kiến thức đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Hoài nghi quá khứ của bực Nhứt Lai vẫn có ... Sân độc thứ thô quá khứ của bực Nhứt Lai vẫn có, nhưng Bực Nhứt Lai gọi là có tâm Sân độc bằng Sân độc đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sân độc thứ thô quá khứ của phàm phu vẫn có, nhưng phàm phu gọi là có tâm Sân độc bằng Sân độc đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

370.

- **Tự ngôn:** Thân kiến quá khứ của Dự Lưu vẫn có, nhưng Dự Lưu gọi là có kiến thức *(diṭṭhi)* bằng kiến thức đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thân kiến quá khứ của phàm phu vẫn có, nhưng phàm phu có kiến thức bằng kiến thức đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Hoài nghi quá khứ của Dự Lưu vẫn có ... Si đọa khổ thú quá khứ của Dự Lưu vẫn có, nhưng bực Dự Lưu gọi là có Si bằng Si phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Si đọa khổ thú quá khứ của phàm phu vẫn có, nhưng phàm phu gọi là có Si bằng Si đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

371.

- **Tự ngôn:** Tay quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khi tay quá khứ vẫn có cách nắm lại, cách buông ra, vẫn còn hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chân quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khi chân quá khứ vẫn có cách bước đi cách thối lui, vẫn còn hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đầu gối quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu đầu gối quá khứ vẫn có, thời cách giở lên, cách đi vẫn còn hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Cái bụng quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu cái bụng quá khứ vẫn có thời sự đói, sự khát, vẫn còn hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thân quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thân quá khứ còn vào đến cách giở lên và cách lạy quỳ, cho đến cách cắt và làm hoại, còn thành miếng mồi của quạ, của kên kên, của diều phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thuốc độc phải vào, khí giới phải vào, lửa phải vào, trong thân quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thân quá khứ còn sẽ giam cầm, gông cùm, còng xiềng, giam bằng khám, quản thúc trong một thôn, trong một ấp, vẫn còn biện bày phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

372.

- **Tự ngôn:** Nước quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người làm việc cần dùng nước đặng bằng nước đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Lửa quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người làm việc mà cần dùng lửa đặng bằng lửa đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Gió quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người làm việc cần dùng gió đặng bằng gió đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

373.

- **Tự ngôn:** Sắc uẩn quá khứ vẫn có, Sắc uẩn vị lai vẫn có, Sắc uẩn hiện tại vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc uẩn thành ba phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Ngũ uẩn thành quá khứ vẫn có, Ngũ uẩn thành vị lai vẫn có, Ngũ uẩn thành hiện tại vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Uẩn thành mười lăm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

374.

* **Tự ngôn:** Nhãn xứ quá khứ vẫn có, Nhãn xứ vị lai vẫn có, Nhãn xứ hiện tại vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn xứ thành ba phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thập nhị xứ thành quá khứ vẫn có, Thập nhị xứ thành vị lai vẫn có, Thập nhị xứ thành hiện tại vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Xứ thành ba mươi sáu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

375.

* **Tự ngôn:** Nhãn giới quá khứ vẫn có, Nhãn giới vị lai vẫn có, Nhãn giới hiện tại vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn giới thành ba phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thập bát giới thành quá khứ vẫn có, Thập bát giới thành vị lai vẫn có, Thập bát giới thành hiện tại vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Giới thành năm mươi bốn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

376.

* **Tự ngôn:** Nhãn quyền quá khứ vẫn có, Nhãn quyền vị lai vẫn có, Nhãn quyền hiện tại vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn quyền thành ba phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhị thập nhị quyền thành quá khứ vẫn có, Nhị thập nhị quyền thành vị lai vẫn có, Nhị thập nhị quyền thành hiện tại vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Quyền thành sáu mươi sáu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

377.

* **Tự ngôn:** Đức Chuyển luân thánh vương quá khứ vẫn có, đức Chuyển luân thánh vương vị lai vẫn có, đức Chuyển luân thánh vương hiện tại vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cả ba vị Chuyển luân thánh vương đều đồng gặp nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

378.

* **Tự ngôn:** Phật Toàn Giác quá khứ vẫn có, Phật Toàn Giác vị lai vẫn có, Phật Toàn Giác hiện tại vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cả ba vị Phật Toàn Giác đều đồng gặp nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

379.

* **Tự ngôn:** Quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự vật vẫn thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Sự vật vẫn thành quá khứ cũng có, không thành quá khứ cũng có.
* **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ *(nigaha)* nếu mà quá khứ vẫn có, sự vật vẫn có thành quá khứ cũng có, không thành quá khứ cũng có. Do nhân đó, quá khứ cũng không thành quá khứ, sự vật phi quá khứ cũng thành quá khứ mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Nên nói rằng quá khứ vẫn có, đồ đạc vẫn có, thành quá khứ cũng có, không thành quá khứ cũng có. Do nhân đó, quá khứ cũng không thành quá khứ, sự vật phi quá khứ cũng thành quá khứ như thế vậy sai". Nhưng không nên nói

rằng quá khứ không thành quá khứ, đồ đạc phi quá khứ thành quá khứ; cũng không nên nói rằng quá khứ vẫn có, đồ đạc vẫn có, thành quá khứ cũng có, không thành quá khứ cũng có, mà tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng quá khứ vẫn có, đồ đạc vẫn có, thành quá khứ vẫn có, không thành quá khứ vẫn có". Do nhân đó quá khứ cũng không thành quá khứ, đồ đạc phi quá khứ cũng thành quá khứ, như thế vậy là sai.

380.

- **Tự ngôn:** Vị lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đồ đạc vẫn có thành vị lai phải chăng? Phản ngữ: Đồ đạc vẫn có, thành vị lai cũng có, không thành vị lai cũng có.
- **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ *(nigaha)* nếu mà quá khứ vẫn có, đồ đạc vẫn có, thành vị lai cũng có, không thành vị lai cũng có. Do nhân đó vị lai cũng không thành vị lai, đồ đạc khi vị lai cũng thành vị lai, mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vầy: "Nên nói rằng vị lai vẫn có, đồ đạc vẫn có, thành vị lai cũng có, không thành vị lai cũng có, do nhân đó vị lai cũng không thành vị lai, đồ đạc phi vị lai cũng thành vị lai, như vậy là sai". Nhưng không nên nói rằng vị lai không thành vị lai, đồ đạc phi vị lai thành vị lai, cũng không nên nói rằng vị lai vẫn có, đồ đạc vẫn có, thành vị lai cũng có, không thành vị lai cũng có, do nhân đó vị lai cũng không thành vị lai, đồ đạc phi vị lai cũng thành vị lai, như thế vậy là sai. Nhưng không nên nói rằng vị lai không thành vị lai, đồ đạc phi vị lai thành vị lai, cũng không nên nói rằng vị lai vẫn có, đồ đạc vẫn có, thành vị lai cũng có, không thành vị lai cũng có, mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vậy: "Phải nói rằng vị lai vẫn có, đồ đạc vẫn có, thành vị lai cũng có, không thành vị lai cũng có. Do nhân đó vị lai cũng không thành vị lai, đồ đạc phi vị lai cũng thành vị lai như thế là sai"

381.

- **Tự ngôn:** Hiện tại vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đồ đạc vẫn có thành hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Đồ đạc có thành hiện tại cũng có, không thành hiện tại cũng có.
- **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ *(nigaha)* nếu mà hiện tại vẫn có, đồ đạc vẫn có, thành hiện tại vẫn có, không thành hiện tại cũng có. Do nhân đó hiện tại cũng không thành hiện tại, đồ đạc phi hiện tại cũng không thành hiện tại; mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vậy: "Phải nói rằng hiện tại vẫn có, đồ đạc vẫn có, thành hiện tại vẫn có, không thành hiện tại vẫn có. Do nhân đó hiện tại cũng không thành hiện tại, đồ đạc không thành hiện tại cũng thành hiện tại, như thế là sai". Nhưng không nên nói rằng hiện tại không thành hiện tại, đồ đạc phi hiện tại thành hiện tại, cũng không nên nói rằng hiện tại vẫn có, đồ đạc vẫn có, thành hiện tại cũng có, không thành hiện tại cũng có, mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vậy: "Phải nói rằng hiện tại vẫn có, đồ đạc vẫn có, thành hiện tại cũng có, không thành hiện tại vẫn có". Do nhân đó hiện tại cũng không thành hiện tại, đồ đạc phi hiện tại cũng thành hiện tại, như thế là sai.

382.

- **Tự ngôn:** Níp-bàn vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đồ đạc vẫn có thành Níp-bàn phải chăng? Phản ngữ: Đồ đạc vẫn có, thành Níp-bàn vẫn có, không thành Níp-bàn vẫn có.
- **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ *(Nigaha)* nếu mà Níp-bàn vẫn có, đồ đạc vẫn có, thành Níp-bàn cũng có, không thành Níp-bàn cũng có. Do nhân đó Níp-bàn cũng không thành Níp-bàn, đồ đạc phi Níp-bàn cũng không thành Níp-bàn; mà Ngài tường

thuật trong vấn đề đó như vầy: "Phải nói rằng Níp-bàn vẫn có, vật chất vẫn có, thành Níp-bàn vẫn có, không thành Níp-bàn vẫn có". Do nhân đó Níp-bàn cũng không thành Níp-bàn, vật chất phi Níp-bàn cũng thành Níp-bàn, như thế là sai. Nhưng không nên nói rằng Níp-bàn không thành Níp-bàn, vật chất phi Níp-bàn thành Níp-bàn, cũng không nên nói rằng Níp-bàn vẫn có, vật chất vẫn có, thành Níp-bàn vẫn có, không thành Níp-bàn vẫn có; mà Ngài tường thuật trong vấn đề đó như vậy: "Phải nói rằng Níp-bàn vẫn có, vật chất vẫn có, thành Níp-bàn vẫn có, không thành Níp-bàn vẫn có". Do nhân đó Níp-bàn cũng không thành Níp-bàn, vật chất phi Níp-bàn cũng thành Níp-bàn, như thế là sai.

383.

* Phản ngữ: Không nên nói rằng quá khứ vẫn có, vị lai vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, mỗi một Sắc nào luôn cả quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc bên trong, hoặc bên ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc gần, hoặc xa, như thế đều gọi là Sắc uẩn. Mỗi một Thọ nào ... mỗi một Tưởng nào ... mỗi một Hành nào ... mỗi một Thức nào ... luôn cả quá khứ, vị lai, hiện tại hoặc bên trong, hoặc bên ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc gần, hoặc xa, như thế đều gọi là Thức uẩn". Như vậy vẫn có nghe chắc thật phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó thì quá khứ vẫn có, vị lai vẫn có chớ gì!

384.

* **Tự ngôn:** Quá khứ vẫn có, vị lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, đường lối của ngôn ngữ, đường lối của tên, đường lối của chế định, cả ba cách này bực Sa Môn phạm chí biết tất cả không phủ nhận, không từng phủ nhận, không ghét gớm, sẽ không ghét gớm, không đặng chống đối; thế nào là ba cách:
  a. Sắc nào đã luống qua, đã diệt đi, lìa khỏi rồi, đã thay đổi, sắc đó họ tường thuật với nhau rằng đặng có rồi, họ nói rằng đặng có rồi, họ chế định rằng đặng có rồi, nhưng sắc đó họ không tường thuật với nhau rằng vẫn có, họ không tường thuật với nhau sẽ có. Thọ nào ... Tưởng nào ... Hành nào ... Thức nào đã luống qua, đã diệt rồi, đã lìa rồi, thay đổi rồi, thức đó họ tường thuật với nhau rằng đặng có rồi, họ gọi rằng đặng có rồi, họ định đặt rằng có rồi, nhưng thức đó họ không tường thuật nhau rằng vẫn có, họ không tường thuật nhau rằng sẽ có.
  b. Sắc nào chưa sanh, chưa hiện bày, sắc đó họ tường thuật nhau rằng sẽ có, họ gọi rằng sẽ có, họ định đặt rằng sẽ có, sắc đó họ không tường thuật rằng vẫn có, họ không tường thuật nhau đặng có rồi. Thọ nào ... Tưởng nào ... Hành nào ... Thức nào chưa sanh, chưa hiện bày thức đó họ tường thuật rằng sẽ có, họ gọi rằng sẽ có, họ định đặt rằng sẽ có, nhưng không nói nhau rằng vẫn có, họ không nói nhau rằng đặng có.
  c. Sắc nào đã sanh, hiện bày rồi, sắc đó họ nói nhau vẫn có, họ kêu là vẫn có, họ định đặt rằng vẫn có, nhưng họ không nói nhau rằng đặng có rồi, họ không nói nhau rằng sẽ có. Thọ nào ... Tưởng nào ... Hành nào ... Thức nào đã sanh, hiện khởi, thức đó họ gọi nhau rằng vẫn có, họ kêu rằng vẫn có, họ cho rằng vẫn có, nhưng thức đó họ không nói nhau là đã đặng có, không gọi nhau là sẽ có.

  Này chư Phíc-khú, lối của ngôn, lối của ngữ, lối của danh, của định đặt, chính những ba cách này mà Sa Môn, Phạm Chí, bực tất cả không phủ nhận, không từng phủ

nhận, không đáng ghét gớm, sẽ không ghét gớm, không đặng chống đối, dù người thành ra cao kỳ, dân cường ngạnh, kẻ vô nhân kiến, vô hành kiến, vô kiến cũng đặng trong hệ đường lối ngữ, đường lối danh, đường lối định đặt, cả ba cách này mà ta không nên chê bai, ta không nên chống đối, điều đó do nhân chi? Bởi sợ cách chê trách, cách tranh biện; Cách này vẫn có nghe thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

*** Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói rằng quá khứ vẫn có, vị lai vẫn có chớ gì.

385.

∗ **Tự ngôn:** Quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Ngài Phắc-Gú-Ná *(Phagguna)* hỏi Đức Thế Tôn như vầy: "Bạch Ngài, người sau khi Chư Phật đã viên tịch qua rồi, có pháp cơ quan cao siêu mà đã chặt rồi, có đường mà đã chặt rồi, có luân hồi mà đã hạn chế, lướt tất cả khổ đặng rồi cho hiện bày, nên cho hiện bày, đặng bằng nhãn nào thì nhãn đó vẫn có phải chăng? ... Thiệt đó vẫn có phải chăng? ... Người mà sau khi Chư Phật đã viên tịch rồi, có pháp cơ quan cao siêu mà chặt rồi, có đường lối mà đã chặt, có luân hồi mà đã hạn chế, đã lướt đặng tất cả khổ cho hiện bày, phải cho hiện bày đặng bằng ý nào thì ý đó vẫn có phải chăng? Này Phắc-Gú-Ná, người mà sau khi Chư Phật đã viên tịch rồi, có pháp cơ quan cao mà đã chặt, có đường lối mà đã chặt, có luân hồi mà đã hạn chế, đã lướt đặng tất cả khổ cho hiện bày đặng bằng nhãn nào thời nhãn đó vẫn không có đâu ... Thiệt đó vẫn không có đâu ... Người mà sau khi Chư Phật đã viên tịch có pháp cơ quan cao siêu mà đã chặt, có đường lối mà đã chặt, có luân hồi mà đã hạn chế, lướt khỏi tất cả khổ đặng rồi cho hiện bày, phải cho hiện bày đặng bằng ý nào thì ý đó vẫn không có đâu". Như thế vẫn có nghe thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu thế đó không nên nói rằng quá khứ vẫn có chớ gì!

386.

∗ **Tự ngôn:** Quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Ngài Nanh-Đá-Cá *(Nandaka)* có tường thuật rằng: "Tham đặng có rồi trong khi trước, điều đó đã thành sự không tốt. Tham đó bây giờ vẫn không có, điều đó thành sự tốt. Sân đã đặng có rồi trong khi trước ... Si đã đặng có rồi trong khi trước, điều đó đã đặng thành sự không tốt. Si đó bây giờ vẫn không có, điều đó thành sự tốt". Như thế vẫn có nghe thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói rằng quá khứ vẫn có chớ gì!

387.

∗ Phản ngữ: Chớ nên nói rằng quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, nếu mà sự vui, sự hớn hở, sự muốn vẫn có trong Đoàn thực, Thức cũng đã vững vàng, đã tươi tốt, do Đoàn thực đó thức đã vững vàng, đã tươi tốt trong chỗ nào thì sự đè nén của danh sắc cũng vẫn có trong nơi ấy, sự đè nén của danh sắc vẫn có trong chỗ nào thì sự tăng tiến của Hành tất cả cũng vẫn có trong nơi đó, sự tăng tiến của chư hành vẫn có trong nơi nào thì cách sanh trong tân hữu *(bhāva)* sau này cũng vẫn có trong nơi đó, cách sanh của tân hữu *(bhāva)* sau này cũng vẫn có trong nơi nào thì Sanh, Lão, Tử cũng còn vẫn có sau này, trong khi đó Sanh, Lão, Tử còn vẫn có sau này trong nơi nào thời ta tường thuật rằng chỗ đó còn có Sầu, còn có bụi bặm, còn có sự ép chế. Này chư Phíc-khú, nếu mà sự mừng, sự phấn khởi, sự ham muốn vẫn còn trong Xúc thực ... trong Tư thực ... trong Thức thực thì ta cho rằng chỗ đó còn có Sầu, có bụi bặm, có sự ép uổng, có sự bực bội. Như thế vẫn có nghe chắc thật phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Nếu thế đó thì cũng không nên nói rằng vị lai vẫn có chớ gì ?

388.

* **Tự ngôn:** Vị lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, nếu mà sự vui thích, sự hớn hở, sự ham muốn vẫn không có với Đoàn Thực, thì Thức cũng đã không đình trụ, đã không tươi tốt do với Đoàn thực đó, Thức đã không cố gắng vững vàng, đã không tươi tốt trong nơi nào thì sự dằn xuống của danh sắc cũng vẫn không có trong chỗ đó. Nếu sự dằn xuống của danh sắc không có nơi chỗ nào thì sự tăng tiến của chư hành cũng vẫn không có nơi chỗ đó, sự tăng tiến của chư hành không có nơi chỗ nào thì cách sanh trong tân hữu *(bhāva)* sau này cũng không có nơi chỗ đó. Cách sanh tân hữu *(bhāva)* sau này không có nơi chỗ nào thì Sanh, Lão, Tử sau này cũng không có nơi chỗ đó. Mà Sanh, Lão, Tử sau này không có nơi chỗ nào thì ta nói rằng chỗ đó không có Sầu, không có trần lao, không có sự áp bức. Này chư Phíc-khú, nếu mà sự vui, sự mừng, sự phớn phở, sự ham muốn không có với Xúc thực ... với Tư thực... với Thức thực ... Ta nói rằng chỗ đó không có Sầu, không có trần lao, không có áp bức. Thế vậy vẫn có nghe thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói rằng vị lai vẫn có chớ gì ?

Dứt Chư tài vật ngữ

QUÁ KHỨ UẨN NGỮ *(ATITAKHANDHADIKATHA)*

389.

* Phản ngữ: Quá khứ thành uẩn phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Quá khứ thành xứ phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Quá khứ thành giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Quá khứ thành uẩn, xứ, giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

390.

* Phản ngữ: Vị lai thành uẩn phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Vị lai vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Vị lai thành xứ phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Vị lai vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Vị lai thành giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Vị lai vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Vị lai thành uẩn, xứ, giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Vị lai vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

391.

* Phản ngữ: Hiện tại thành uẩn, hiện tại vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Quá khứ thành uẩn, quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Hiện tại thành xứ, hiện tại vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Quá khứ thành xứ, quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

- Phản ngữ: Hiện tại thành giới, hiện tại vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Quá khứ thành giới, quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Hiện tại thành uẩn, xứ, giới; hiện tại vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Quá khứ thành uẩn, xứ, giới; quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

392.

- Phản ngữ: Hiện tại thành uẩn, hiện tại vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Vị lai thành uẩn, vị lai vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Hiện tại thành xứ, hiện tại vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Vị lai thành xứ, vị lai vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Hiện tại thành giới, hiện tại vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Vị lai thành giới, vị lai vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Hiện tại thành uẩn, xứ, giới, hiện tại vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Vị lai thành uẩn, xứ, giới, vị lai vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

393.

- Phản ngữ: Quá khứ thành uẩn, quá khứ vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Hiện tại thành uẩn, hiện tại vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Quá khứ thành xứ, quá khứ vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Hiện tại thành xứ, hiện tại vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Quá khứ thành giới, quá khứ vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Hiện tại thành giới, hiện tại vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Quá khứ thành uẩn, xứ, giới; quá khứ vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Hiện tại thành uẩn, xứ, giới; hiện tại vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

394.

- Phản ngữ: Vị lai thành uẩn, vị lai vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Hiện tại thành uẩn, hiện tại vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Vị lai thành xứ ... Vị lai thành giới ... Vị lai thành uẩn, xứ, giới, vị lai vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Hiện tại thành uẩn, xứ, giới, hiện tại vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

395.

- Phản ngữ: Sắc quá khứ thành uẩn phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Sắc quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Sắc quá khứ thành xứ phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Sắc quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

* Phản ngữ: Sắc quá khứ thành giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Sắc quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Sắc quá khứ thành uẩn, xứ, giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Sắc quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

396.

* Phản ngữ: Sắc vị lai thành uẩn phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Sắc vị lai vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Sắc vị lai thành xứ phải chăng? ... Sắc vị lai thành giới phải chăng? ... Sắc vị lai thành uẩn, xứ, giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Sắc vị lai vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

397.

* Phản ngữ: Sắc hiện tại thành uẩn, sắc hiện tại vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Sắc quá khứ thành uẩn, sắc quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Sắc hiện tại thành xứ ... Sắc hiện tại thành giới ... Sắc hiện tại thành uẩn, xứ, giới, sắc hiện tại vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Sắc quá khứ thành uẩn, xứ, giới, sắc quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

398.

* Phản ngữ: Sắc hiện tại thành uẩn, sắc hiện tại vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Sắc vị lai thành uẩn, sắc vị lai vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Sắc hiện tại thành xứ ... Sắc hiện tại thành giới ... Sắc hiện tại thành uẩn xứ giới, sắc hiện tại vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Sắc vị lai thành uẩn xứ giới, sắc vị lai vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó..

399.

* Phản ngữ: Sắc quá khứ thành uẩn, sắc quá khứ không có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Sắc hiện tại thành uẩn, sắc hiện tại vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Sắc quá khứ thành xứ ... Sắc quá khứ thành giới ... Sắc quá khứ thành uẩn xứ giới, sắc quá khứ vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Sắc hiện tại thành uẩn xứ giới, sắc hiện tại vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Sắc vị lai thành uẩn, sắc vị lai vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Sắc hiện tại thành uẩn, sắc hiện tại không có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Sắc vị lai thành xứ ... Sắc vị lai thành giới ... Sắc vị lai thành uẩn xứ giới, sắc vị lai vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Sắc hiện tại thành uẩn xứ giới, sắc hiện tại vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

400.

* Phản ngữ: Thọ quá khứ ... Tưởng quá khứ ... Hành quá khứ ... Thức quá khứ thành uẩn phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thức quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Thức quá khứ thành xứ ... Thức quá khứ thành giới ... Thức quá khứ thành uẩn xứ giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thức quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

401.

* Phản ngữ: Thức vị lai thành uẩn phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thức vị lai vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Thức vị lai thành xứ ... Thức vị lai thành giới ... Thức vị lai thành uẩn xứ giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thức vị lai vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

402.

* Phản ngữ: Thức hiện tại thành uẩn, thức hiện tại vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thức quá khứ thành uẩn, thức quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Thức hiện tại thành xứ ... Thức hiện tại thành giới ... Thức hiện tại thành uẩn xứ giới, thức hiện tại vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thức quá khứ thành uẩn, xứ, giới; thức quá khứ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

403.

* Phản ngữ: Thức hiện tại thành uẩn, thức hiện tại vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thức vị lai thành uẩn, thức vị lai vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Thức hiện tại thành xứ ... Thức hiện tại thành giới, thức hiện tại thành uẩn xứ giới, thức hiện tại vẫn có phải chăng?
* Phản ngữ: Thức vị lai thành uẩn, xứ, giới; thức vị lai vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

404.

* Phản ngữ: Thức quá khứ thành uẩn, thức quá khứ không có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thức hiện tại thành uẩn, thức hiện tại không có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Thức quá khứ thành xứ ... Thức quá khứ thành giới ... Thức quá khứ thành uẩn xứ giới, thức quá khứ không có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thức hiện tại thành uẩn, xứ, giới; thức hiện tại vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

405.

* Phản ngữ: Thức vị lai thành uẩn, thức vị lai không có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thức hiện tại thành uẩn, thức hiện tại không có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Thức vị lai thành xứ ... Thức vị lai thành giới ... Thức vị lai thành uẩn, xứ, giới; thức vị lai vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Thức hiện tại thành uẩn, xứ, giới; thức hiện tại không có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

406.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói rằng uẩn xứ giới thành quá khứ, hoặc thành vị lai, như thế vẫn không có đâu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, lối của ngữ, cách kêu tên, lối chế định. Ba cách này mà Sa Môn, Bà La Môn và tất cả bực hiểu biết không phủ nhận, không từng phủ nhận, không đáng ghét, sẽ không ghét, không đặng bày bác ...". Như thế vẫn có nghe thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó uẩn, xứ, giới thành quá khứ và vị lai như thế cũng vẫn có chớ gì!

407.

* Phản ngữ: Uẩn xứ giới mà thành quá khứ và vị lai những thế không có đâu phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, sắc mỗi một thứ mà thành quá khứ, hiện tại, vị lai ... như thế gọi là Sắc uẩn. Thọ mỗi thứ nào ... Tưởng mỗi thứ nào ... Hành mỗi thứ nào ... Thức mỗi thứ nào, mà thành quá khứ, hiện tại, vị lai. Như thế gọi là Thức uẩn". Như vậy vẫn có nghe thật phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó cũng không nên nói rằng uẩn, xứ, giới thành quá khứ và vị lai, như vậy vẫn không có chứ gì!

Dứt Quá khứ uẩn ngữ

THÍCH HỢP NGỮ *(EKACCAMATTHITIKATHA)*

408.

* **Tự ngôn:** Quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Hoặc thứ có quá khứ, hoặc thứ không có quá khứ.
* **Tự ngôn:** Có thứ quá khứ đã diệt rồi, có thứ quá khứ chưa diệt mất, có thứ đã lìa, có thứ chưa lìa mất, có thứ sụp tối rồi, có thứ chưa sụp tối, có thứ đã tiêu mất, có thứ chưa tiêu mất phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

409.

* **Tự ngôn:** Quá khứ có phần vẫn có, có phần không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp mà chưa cho quả chỗ thành quá khứ có thứ vẫn có, có thứ vẫn không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

410.

* **Tự ngôn:** Quá khứ có thứ cũng có, có thứ cũng không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp thành quả rồi mới thành quá khứ cũng có thứ có, có thứ không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

411.

* **Tự ngôn:** Quá khứ cũng có thứ có, cũng có thứ không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp mà không thành quả quá khứ có thứ cũng có, có thứ cũng không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

412.

- **Tự ngôn:** Quá khứ cũng có thứ có, cũng có thứ không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cái chi có, cái chi không có? Phản ngữ: Pháp mà chưa thành chỗ thành quá khứ vẫn có, pháp mà đã cho quả thì là quá khứ không có.

413.

- **Tự ngôn:** Pháp mà chưa cho quả đã luống qua, những pháp ấy vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp mà đã thành quả qua khỏi rồi, pháp ấy vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

414.

- **Tự ngôn:** Pháp mà chưa cho quả luống qua rồi, những pháp đó vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp mà không có quả đã luống qua rồi, những pháp đó còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

415

- **Tự ngôn:** Pháp mà đã cho quả qua khỏi rồi, những pháp đó không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp mà chưa cho quả đã luống qua, những pháp đó vẫn không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Pháp mà đã cho quả luống qua rồi, những pháp đó vẫn không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp mà không có quả luống qua rồi, những pháp đó vẫn không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

416.

- **Tự ngôn:** Pháp mà chưa cho quả luống qua rồi, những pháp đó vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp mà chưa cho quả chỗ thành quá khứ, đã diệt rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà pháp chưa cho quả chỗ thành quá khứ đã diệt đi, cũng không nên nói rằng pháp mà không cho quả chỗ thành quá khứ đã diệt đi, những pháp đó vẫn còn có.

417.

- **Tự ngôn:** Pháp mà chưa cho quả chỗ thành quá khứ đã diệt mất, những pháp đó vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp nào đã cho quả thuộc quá khứ diệt mất rồi, những pháp đó còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Pháp mà chưa cho quả thuộc quá khứ đã diệt mất, những pháp đó vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp mà không có quả quá khứ đã diệt mất, nhưng pháp đó vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Pháp mà đã cho quả thuộc quá khứ diệt mất rồi, những pháp đó không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp nào chưa cho quả thuộc quá khứ diệt mất rồi, những pháp đó không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Pháp đã cho quả thuộc quá khứ diệt mất rồi, những pháp đó không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp mà không có quả thuộc quá khứ diệt mất rồi, những pháp đó vẫn không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

418.

* **Tự ngôn:** Pháp mà chưa cho quả thuộc về quá khứ diệt mất rồi, những pháp đó còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp mà đã cho quả thuộc quá khứ diệt mất rồi, những pháp đó không còn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp mà đã cho quả một phần nào, chưa cho quả một phần thuộc quá khứ diệt mất rồi, những pháp đó có phần có, có phần không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

419.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng pháp mà chưa cho quả đã luống qua, những pháp đó vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Pháp mà chưa cho quả thuộc về quá khứ, còn sẽ cho quả chẳng phải phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà pháp chưa cho quả thuộc về quá khứ, còn sẽ cho quả, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng pháp mà chưa cho quả luống qua rồi, những pháp đó vẫn còn có.
* **Tự ngôn:** Pháp mà chưa cho quả luống qua rồi, những pháp đó vẫn có giải như vầy: "Còn sẽ cho quả" phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Gọi là hiện tại vì giải rằng còn sẽ cho quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Gọi rằng hiện tại vì giải rằng còn sẽ cho quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp mà thành hiện tại cũng gọi là không có do giải sẽ diệt mất luôn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

420.

* **Tự ngôn:** Vị lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Có thứ có, có thứ không có.
* **Tự ngôn:** Vị lai có thứ đã sanh, có thứ chưa sanh, có thứ đã sanh có thứ chưa sanh đầy đủ, có thứ đã sanh ra, có thứ chưa, có thứ đã hiện bày, có thứ chưa hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

421.

* **Tự ngôn:** Vị lai có thứ vẫn có, có thứ vẫn không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp sẽ sanh là vị lai, có thứ cũng có, có thứ cũng không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Cũng có thứ vị lai ... Pháp phi sẽ sanh *(anuppādino)*.

422.

* **Tự ngôn:** Vị lai có thứ có, có thứ không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** cái chi có, cái chi không có? Phản ngữ: Pháp sẽ sanh thuộc vị lai vẫn có, Pháp phi sẽ sanh thành vị lai không có.
* **Tự ngôn:** Pháp sẽ sanh thời thành vị lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp phi sẽ sanh thì thành vị lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

- **Tự ngôn:** Pháp phi sẽ sanh mà thành vị lai vẫn không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp sẽ sanh mà thành vị lai vẫn không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Pháp sẽ sanh thời thành vị lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp sẽ sanh mà thành vị lai chưa sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà pháp sẽ sanh *(uppādino)* thành vị lai chưa sanh thời không nên nói rằng pháp sẽ sanh mà thành vị lai vẫn có.

423.

- **Tự ngôn:** Pháp sẽ sanh thời thành vị lai chưa sanh, những pháp đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp phi sẽ sanh thành vị lai chưa sanh, những pháp đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Pháp phi sẽ sanh là vị lai chưa sanh vẫn không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp sẽ sanh thuộc vị lai chưa sanh vẫn chưa có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

424.

- Phản ngữ: Không nên nói pháp sẽ sanh thành vị lai vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Pháp sẽ sanh thành vị lai sẽ sanh ra phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Dù rằng pháp sẽ sanh thành vị lai sẽ sanh ra, chính do đó Ngài mới nói rằng pháp sẽ sanh thành vị lai vẫn có.

425.

- **Tự ngôn:** Pháp sẽ sanh là vị lai gọi rằng có, bởi vì như vầy: "Sẽ sanh ra" phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Gọi rằng hiện tại do có giải rằng sẽ phát sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Gọi là hiện tại do có giải rằng sẽ phát sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp thành hiện tại gọi là không có, bởi do giải rằng "diệt" phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Phần thích hợp ngữ

NIỆM XỨ NGỮ *(SATIPAṬṬHANAKATHA)*

426.

* **Tự ngôn:** Tất cả pháp thành Niệm xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tất cả pháp thành Niệm quyền, thành Niệm lực, thành Niệm, thành Niệm giác chi, thành đạo độc đoán, thành nhân đưa đến sự dứt hết, thành nhân đưa đến việc đắc chứng, thành nhân đưa đến Níp-bàn, không thành cảnh của lậu, không thành cảnh của triền, không thành cảnh của phược, không thành cảnh của bộc, không thành cảnh của phối, không thành cảnh của cái, không thành cảnh của khinh thị, không thành cảnh của thủ, không thành cảnh của phiền não. Tất cả pháp thành niệm Phật, thành niệm Pháp, thành niệm Tăng, thành niệm giới, thành niệm thí, thành niệm (chư) Thiên, thành niệm tức quan, thành niệm tử, thành niệm thân, thành niệm tịnh (Níp-bàn) phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

427.

* **Tự ngôn:** Tất cả pháp thành Niệm xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn xứ thành Niệm xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhãn xứ thành Niệm xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn xứ thành Niệm, thành Niệm quyền, thành Niệm lực, thành Chánh niệm, thành Niệm giác chi, thành đạo độc đoán, thành nhân đến sự dứt tuyệt, thành nhân đến sự đắc chứng, thành nhân đưa đến Níp-bàn, không thành cảnh của Lậu, không thành cảnh của triền ... không thành cảnh của Phiền não. Nhãn xứ thành Niệm Phật, thành Niệm Pháp, thành Niệm Tăng, thành Niệm giới, thành Niệm thí, thành Niệm (chư) Thiên, thành Niệm số tức quan, thành Niệm tử, thành Niệm thân, thành Niệm tịnh (Níp-bàn) phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhĩ xứ ... Tỷ xứ ... Thiệt xứ ... Thân xứ ... Sắc xứ ... Thinh xứ ... Khí xứ ... Vị xứ ... Xúc xứ ... Ái tình *(rāga)*..., Sân, Si, Ngã mạn, Tà kiến, Hoài nghi, Hôn trầm, Điệu cử, Vô tàm ... Vô úy thành Niệm xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô úy thành Niệm xứ phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô úy thành Niệm, thành Niệm quyền, thành Niệm lực, thành Chánh niệm ... thành Niệm thân, thành Niệm tịnh (Níp-bàn) phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

428.

* **Tự ngôn:** Niệm thành Niệm xứ và Niệm đó thành Niệm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn xứ thành Niệm xứ và Nhãn xứ thành Niệm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Niệm thành Niệm xứ và Niệm đó thành Niệm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhĩ xứ ... Thân xứ, Sắc xứ ... Xúc xứ, Ái tình *(rāga)* Sân, Si, Ngã mạn ... Vô úy thành Niệm xứ, và Vô úy thành Niệm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

429.

* **Tự ngôn:** Nhãn xứ thành Niệm xứ, nhưng Nhãn xứ đó thành Niệm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Niệm thành Niệm xứ, nhưng Niệm đó không thành Niệm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nhĩ xứ ... Thân xứ, Sắc xứ ... Xúc xứ, Ái tình *(rāga)* Si ... Vô úy thành Niệm, thành Niệm xứ, nhưng Vô úy đó không thành Niệm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Niệm thành Niệm xứ, nhưng Niệm đó không thành Niệm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

430.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng tất cả pháp thành Niệm phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Niệm mở mối chư pháp đặng đình trụ phải chăng? **Tự ngôn:** Nếu mà Niệm mở mối chư pháp đình trụ vững vàng đặng, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng tất cả pháp thành Niệm.

431.

- **Tự ngôn:** Do Niệm mở mối chư pháp đặng đình trụ, như đó chư pháp mới gọi là Niệm xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do Xúc mở mối chư pháp đình trụ đặng, như thế mới là xúc vị trí *(Phassapaṭṭhāna)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

432.

- **Tự ngôn:** Tất cả pháp thành Niệm xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do Thọ ... do Tưởng ... Tư *(Cetanā)* ... Tâm mở mối tất cả pháp vững vàng đặng, thế đó tất cả pháp mới gọi là Tâm xứ *(Cittapaṭṭhāna)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

433.

- **Tự ngôn:** Tất cả pháp thành Niệm xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh thành bực Niệm vững vàng là người hiệp với Niệm, người kiên cố với Niệm thì Niệm là pháp đương nhiên đưa đến vững vàng cho tất cả chúng sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

434.

- **Tự ngôn:** Tất cả pháp thành Niệm xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, những người nào không đặng hưởng Niệm thân, những người đó không đặng hưởng bất tử *(amata)*. Những người nào hưởng Niệm thân thì những người đó đặng hưởng bất tử *(amata)*". Thế đó vẫn có nghe thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chúng sanh tất cả tiến hóa, tiến hành, sử dụng, huấn luyện làm cho nhiều bằng Niệm thân phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

435.

- **Tự ngôn:** Pháp tất cả thành Niệm xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, đây là đạo, con đường độc đạo *(ekāyana)* có thể làm cho trong sạch nơi tất cả chúng sanh, hầu lướt đến thế giới Chư thiên đặng phá diệt nơi khổ và ưu, hầu chứng Thánh Đạo cơ quan ra khỏi khổ đế làm cho rõ Níp-bàn, đây là Tứ niệm xứ". Thế vậy vẫn có nghe thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tất cả pháp thành đạo độc đoán *(ekāyanamagga)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

436.

- **Tự ngôn:** Tất cả pháp thành Niệm xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, thất báu *(Ratana)* hiện bày do Chuyển luân thánh vương xuất hiện. Thất báu *(Ratana)* là chi? Một là xe ngọc báu phát hiện, hai là tượng ngọc báu xuất hiện, ba là ngựa ngọc báu phát hiện, bốn là ngọc báu như ý phát hiện, năm là ngọc nữ phát hiện, sáu là gia trưởng báu phát hiện, bảy là binh ngọc báu phát hiện do Chuyển luân thánh vương ra đời. Này chư Phíc-khú, bảy cách báu là: Niệm Giác chi hiện bày do Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri ra đời. Thế nào là bảy cách báu: thứ nhất là Niệm Giác chi hiện bày, báu thứ hai là Trạch pháp Giác chi hiện bày, báu thứ ba là Cần Giác chi hiện bày, báu thứ bốn là Hỷ Giác chi hiện bày, báu thứ năm là An tịnh Giác chi hiện bày, báu thứ sáu là Định Giác chi hiện bày, báu thứ bảy là Xả Giác chi hiện bày. Này chư Phíc-khú, nhưng bảy cách là giác chi này phát hiện do Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri ra đời". Thế này vẫn có nghe thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tất cả pháp thành báu là Niệm Giác chi hiện bày, do Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Ngài ra đời phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tất cả pháp thành Niệm xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tất cả pháp thành Chánh cần ... thành Như ý túc ... thành (Ngũ) Quyền ... thành (Ngũ) lực ... thành Giác chi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Niệm xứ ngữ

HỮU VÔ NGỮ *(HEVATTHITIKATHĀ)*

437.

* **Tự ngôn:** Quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: vẫn có bằng tướng trạng *(bhāva)* cách này, không có bằng trạng thái thứ này.
* **Tự ngôn:** Chính là có cũng có, chính là không có cũng đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chính là có cũng đó, chính là không có cũng đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ý nghĩa rằng có cũng là ý nghĩa không có, ý nghĩa không có cũng là ý nghĩa có. Sự vẫn có cũng là sự vẫn không có, sự vẫn không có cũng là sự vẫn có. Chế định rằng có hoặc là vẫn không có cũng vậy, nói vẫn không có hoặc nói vẫn có cũng vậy; cả hai chế định này cũng một thứ, có một ý nghĩa đồng như nhau giống nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

438.

* **Tự ngôn:** Vị lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: vẫn có với trạng thái cách này, không có với trạng thái cách này.
* **Tự ngôn:** Chính là có cũng đó, chính là không có cũng đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chính là có cũng đó, chính là không có cũng đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ý nghĩa nói có là ý nghĩa nói không có, ý nghĩa nói không có là ý nghĩa nói có. Sự có cũng là sự không có, sự không có cũng là sự có. Chế định gọi có hoặc gọi không có cũng vậy. Nói không có hoặc nói có cũng vậy, cả hai chế định này cũng một thứ, một ý nghĩa đều đồng như nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

439.

- **Tự ngôn:** Hiện tại vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Có với trạng thái cách này, không có với trạng thái cách này.
- **Tự ngôn:** Chính là có cũng đó, chính là không có cũng đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Có chính cũng là đó, không có chính cũng là đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ý nghĩa nói có cũng là ý nghĩa nói không có ... đều đồng như nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

440.

- **Tự ngôn:** Quá khứ vẫn có với trạng thái thứ này, không có với trạng thái thứ này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Có với trạng thái cách nào, không có với trạng thái cách nào? Phản ngữ: Quá khứ có với trạng thái gọi quá khứ, quá khứ không có với trạng thái gọi vị lai, quá khứ không có với trạng thái gọi hiện tại.
- **Tự ngôn:** Có chính cũng là đó, không có chính cũng là đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó…
- **Tự ngôn:** Có cũng chính là đó, không có cũng chính là đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ý nghĩa nói có cũng là ý nghĩa nói không có, ý nghĩa nói không có cũng là ý nghĩa nói có; sự vẫn có cũng là sự vẫn không có; sự không có cũng là sự có. Định đặt rằng có hoặc nói là không có cũng vậy, nói không có hay là nói có cũng vậy, nói có hay là nói không có cũng vậy, chế định cả hai đây cũng một thứ, một ý nghĩa đều đồng như nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

441.

- **Tự ngôn:** Vị lai vẫn có với trạng thái cách này, không có với trạng thái cách này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vị lai vẫn có với trạng thái cách nào, không có với trạng thái cách nào? Phản ngữ: Vị lai có với trạng thái gọi vị lai, vị lai không có với trạng thái gọi quá khứ, vị lai không có với trạng thái gọi hiện tại.
- **Tự ngôn:** Có chính cũng là đó, không có cũng chính là đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Có chính cũng là đó, không có cũng chính là đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ý nghĩa nói có cũng là ý nghĩa nói không, ý nghĩa nói không cũng là ý nghĩa nói có ... đều đồng như nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

442.

- **Tự ngôn:** Hiện tại vẫn có bằng trạng thái cách này, không có bằng trạng thái cách này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Có bằng trạng thái cách nào, không có bằng trạng thái cách nào? Phản ngữ: Hiện tại vẫn có với trạng thái hiện tại, hiện tại không có với trạng thái gọi quá khứ, hiện tại không có với trạng thái gọi vị lai.
- **Tự ngôn:** Có chính cũng là đó, không có chính cũng là đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Có chính cũng là đó, không có chính cũng là đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Ý nghĩa nói có cũng là ý nghĩa nói không có ... đều đồng như nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

443.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng quá khứ vẫn có với trạng thái thứ này, không có với trạng thái thứ này. Vị lai có với trạng thái thứ này, không có với trạng thái thứ này. Hiện tại có với trạng thái thứ này, không có với trạng thái thứ này phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Quá khứ có với trạng thái gọi vị lai, quá khứ có với trạng thái gọi hiện tại. Vị lai có với trạng thái gọi quá khứ, vị lai có với trạng thái gọi hiện tại. Hiện tại có với trạng thái gọi quá khứ, hiện tại có với trạng thái gọi vị lai phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó quá khứ, cũng có với trạng thái thứ này, không có với trạng thái thứ này. Vị lai có với trạng thái thứ này, không có với trạng thái thứ này. Hiện tại có với trạng thái thứ này, không có với trạng thái thứ này chớ gì!

444.

* **Tự ngôn:** Sắc vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Vẫn có với trạng thái thứ này, không có với trạng thái thứ này.
* **Tự ngôn:** Có cũng chính là đó, không có cũng chính là đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Có chính cũng là đó, không có chính cũng là đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ý nghĩa gọi có cũng là ý nghĩa gọi không. Ý nghĩa gọi không cũng là ý nghĩa gọi có. Sự có cũng là sự không, sự không cũng là sự có. Chế định gọi rằng có hoặc gọi rằng không cũng vậy. Nói không có hoặc gọi có cũng vậy. Cả hai chế định này cũng một thứ, một ý nghĩa đều đồng như nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng ... Hành ... Thức vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Vẫn có với trạng thái thứ này, không có với trạng thái thứ này.
* **Tự ngôn:** Có cũng chính là đó, không có cũng chính là đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Có cũng chính là đó, không có cũng chính là đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ý nghĩa nói có cũng tức là ý nghĩa nói không ... đều đồng như nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc vẫn có với trạng thái thứ này, không có với trạng thái thứ này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc vẫn có với trạng thái cách nào, không có với trạng thái cách nào? Phản ngữ: Sắc vẫn có với trạng thái gọi là Sắc, Sắc không có với trạng thái gọi là Thọ... Sắc không có với trạng thái gọi là Tưởng ... Sắc không có với trạng thái gọi là Hành ... Sắc không có với trạng thái gọi là Thức.
* **Tự ngôn:** Có chính cũng là đó, không có chính cũng là đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Có cũng chính là đó, không có cũng chính là đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ý nghĩa nói có cũng là ý nghĩa nói không ... đều đồng như nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

- **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng ... Hành ... Thức có với trạng thái thứ này, không có với trạng thái thứ này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Có với trạng thái thứ nào, không có với trạng thái thứ nào? Phản ngữ: Thức vẫn có với trạng thái gọi Thức, Thức không có với trạng thái gọi Sắc ... Thức không có với trạng thái gọi Thọ ... Thức không có với trạng thái gọi Tưởng ... Thức không có với trạng thái gọi Hành.
- **Tự ngôn:** Có cũng chính là đó, không có cũng chính là đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Có chính cũng là đó, không có cũng chính là đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ý nghĩa nói có cũng là ý nghĩa nói không ... đều đồng như nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

445.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng Sắc có với trạng thái thứ này, không có với trạng thái thứ này. Thọ ... Tưởng ... Hành ... Thức có với trạng thái thứ này, không có với trạng thái thứ này phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Sắc có với trạng thái gọi Thọ ... Sắc có với trạng thái gọi Tưởng ... Sắc có với trạng thái gọi Hành ... Sắc có với trạng thái gọi Thức. Thọ, Tưởng, Hành, Thức có với trạng thái gọi Sắc. Thức có với trạng thái gọi Thọ ... Thức có với trạng thái gọi Hành phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Nếu thế đó thì Sắc cũng vẫn có với trạng thái thế này không có với trạng thái thế này. Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng vẫn có với trạng thái thế này, không có với trạng thái thế này chớ gì!

Dứt Hữu vô ngữ
Dứt Đại phẩm thứ nhất

PHẨM THỨ HAI

THA DẪN NGỮ *(PARŪPAHĀRAKATHĀ)*

446.

* **Tự ngôn:** Sự xuất tinh của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ái tình, tình dục, sự phát khởi Ái dục, Dục triền, Dục bộc, Dục phối, Dục dục cái của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

447.

* **Tự ngôn:** Ái tình, Ái dục, sự phát khởi Ái dục, Ái dục triền, Dục bộc, Dục phối, Dục dục cái không có với La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Ái tình, tình dục, sự phát khởi tình dục, Ái dục triền, Dục bộc, Dục phối, Dục dục cái không có với La Hán thời không nên nói rằng sự xuất tinh của La Hán vẫn có.

448.

* **Tự ngôn:** Sự xuất tinh của phàm phu vẫn có và Ái tình, Ái dục, sự phát khởi của Ái dục, Ái dục triền, Dục bộc, Dục phối, Dục dục cái của họ cũng còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự xuất tinh của La Hán vẫn có và Ái tình, Ái dục, sự phát khởi của Ái dục, Dục dục cái của Ngài cũng còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

449.

* **Tự ngôn:** Sự xuất tinh của La Hán vẫn còn có, nhưng Ái tình, Ái dục, sự phát khởi của Ái dục ... Dục dục cái không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự xuất tinh của phàm phu vẫn có, nhưng Ái tình, Ái dục, sự phát khởi Ái dục ... Dục dục cái không có với họ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

450.

* **Tự ngôn:** Sự xuất tinh của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Giải ý nghĩa bằng cách nào? Phản ngữ: Giải ý nghĩa bằng cách như vầy: "Thiên Ma vào làm cách xuất tinh của La Hán".

451.

* **Tự ngôn:** Thiên Ma *(Māra devatā)* vào xuất tinh của La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thiên Ma vẫn có sự xuất tinh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

452.

* **Tự ngôn:** Thiên Ma không có cách xuất tinh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Thiên Ma không có cách xuất tinh thời không nói Thiên Ma vào xuất tinh nơi La Hán.

453.

* **Tự ngôn:** Thiên Ma vào xuất tinh nơi La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thiên Ma tự xuất tinh và vào làm cho người khác xuất tinh đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

454.

* **Tự ngôn:** Thiên Ma tự xuất tinh và vào làm cho người khác xuất tinh không đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Thiên Ma tự xuất tinh và vào làm cho người khác xuất tinh không đặng thời không nên nói Thiên Ma vào làm xuất tinh nơi La Hán.

455.

* **Tự ngôn:** Thiên Ma vào làm cách xuất tinh nơi La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhập vào theo chưng lông phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

456.

* **Tự ngôn:** Thiên Ma vào làm cách xuất tinh nơi La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bởi do nhân chi? Phản ngữ: Vì sẽ làm cho Ngài phải bị Hoài nghi.
* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

457.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi trong Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, Hoài nghi điều học, Hoài nghi đời quá khứ, Hoài nghi đời vị lai, Hoài nghi cả đời quá khứ và vị lai, Hoài nghi pháp Y tương sinh phải nương nhau mới có sanh ra, những cách ấy còn phát sanh cho La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

458.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, Hoài nghi điều học, Hoài nghi đời quá khứ, Hoài nghi đời vị lai, Hoài nghi cả đời quá khứ và vị lai, Hoài nghi pháp Y tương sinh phải trợ nhau mới có sanh ra, những cách ấy không có phát sanh với La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà sự Hoài nghi Phật bảo ... Sự Hoài nghi pháp Y tương sinh phải trợ nhau mới sanh ra; những cách ấy chẳng có với La Hán thời không nên nói rằng La Hán còn có sự Hoài nghi.

459.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của phàm phu còn có và sự Hoài nghi Phật bảo ... Hoài nghi pháp Y tương sinh là phải do duyên trợ mới có ra của họ vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán còn sự Hoài nghi và Hoài nghi Phật bảo ... Hoài nghi pháp Y tương sinh là pháp phải do trợ mới sanh ra như thế của Ngài cũng còn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

460.

* **Tự ngôn:** La Hán còn sự Hoài nghi, nhưng sự Hoài nghi Phật bảo ... Hoài nghi pháp Y tương sinh là pháp phải do nhân trợ mới sanh ra, như thế của Ngài không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của phàm phu vẫn có, nhưng sự Hoài nghi Phật bảo ... Sự Hoài nghi pháp Y tương sinh là pháp do nhân trợ mới sanh ra, như thế của họ không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của phàm phu vẫn có, nhưng sự Hoài nghi Phật bảo ... Sự Hoài nghi pháp Y tương sinh là pháp do nhân trợ mới sanh ra, như thế của họ không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

461.

* **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của La Hán vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của La Hán thành quả của những gì? Thành quả của cách ăn, cách uống, cách nhai, cách liếm.
* **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của La Hán thành quả của sự ăn, uống, nhai, liếm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Mỗi một người nào còn ăn, còn uống, còn nhai, còn liếm thời cách xuất tinh của mỗi một người ấy vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

462.

* **Tự ngôn:** Mỗi một người nào còn ăn, còn uống, còn nhai, còn liếm thời cách xuất tinh của mỗi một người ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Anh hài (con nít mới sanh) còn ăn, còn uống, còn nhai, còn liếm thời cách xuất tinh vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

463.

* **Tự ngôn:** Hạng phi nam nữ còn ăn, còn uống, còn nhai, còn liếm thời cách xuất tinh của người phi nam nữ vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

464.

* **Tự ngôn:** Hàng Chư thiên còn ăn, còn uống, còn nhai, còn liếm thời cách xuất tinh của hàng Chư thiên vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

465.

* **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của La Hán là quả của sự ăn, sự uống, sự nhai, sự liếm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự thành tựu quả của Ngài vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

466.

* **Tự ngôn:** Đại tiện, tiểu tiện của La Hán là quả của sự ăn, sự uống, sự nhai, sự liếm thời sự thành tựu quả của Ngài vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của La Hán là quả của sự ăn uống, sự nhai, sự liếm thời sự thành quả của Ngài vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

467.

* **Tự ngôn:** Sự xuất tinh của La Hán là quả của cách ăn uống, cách nhai, cách liếm, nhưng sự thành tựu quả không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đại tiện, tiểu tiện của La Hán là quả của cách ăn, cách uống, cách nhai, cách liếm nhưng sự thành tựu quả không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

468.

* **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán đáng hưởng pháp dâm dục, đáng còn làm cho pháp dâm dục sanh ra, đáng nằm nơi chỗ nằm, ép bức với con, đáng dùng vải nỉ và nhuyễn, đáng hứng thú mùi bông thơm và đồ thơm tho mình, đáng vui thích với vàng bạc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

469.

* **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của phàm phu vẫn có nên phàm phu phải hưởng dâm dục, còn làm cho pháp dâm dục phát sanh ... phải ưa thích bạc vàng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của La Hán vẫn có thời La Hán phải hưởng dâm dục, còn làm cho pháp dâm dục phát sanh ... phải ưa thích bạc vàng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

470.

* **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của La Hán vẫn còn, nhưng La Hán sẽ phải hưởng dâm dục, sẽ phải làm cho pháp dâm dục sanh lên ... và sẽ phải ưa thích bạc vàng đều không có đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của phàm phu vẫn có, nhưng phàm phu sẽ phải hưởng dâm dục, sẽ phải còn cho pháp dâm dục phát sanh sẽ phải nằm nơi chỗ nằm mà ép bức với con, sẽ phải dùng vải nỉ nhuyễn, sẽ phải chưng bông và đồ thơm thoa và sẽ phải vui thích với bạc vàng cũng chẳng có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

471.

* **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ái mà La Hán đã trừ tuyệt rút rễ hết làm cho đặng như thốt nốt đứt đọt, làm cho sau này không còn sanh ra nữa là lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Ái của La Hán đã trừ tuyệt rút rễ hết, làm cho như cây thốt nốt đứt đọt, làm cho sau này không còn sanh nữa theo lẽ thường thời không nên nói rằng cách xuất tinh La Hán vẫn còn.

472.

* **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của La Hán vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sân, ... Si, Ngã mạn, Tà kiến, Hoài nghi, Hôn trầm, Điệu cử, Vô tàm ... Vô úy mà La Hán đã tuyệt trừ nhổ hết rễ làm như cây thốt nốt đứt đọt không còn sanh nữa sau này tự nhiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Vô úy của La Hán đã tuyệt trừ nhổ hết rễ làm cây thốt nốt đứt đọt không còn sanh lại sau này nữa là lẽ thường thời cũng không nên nói rằng cách xuất tinh của La Hán còn.

473.

* **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của La Hán vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đạo La Hán phát sanh trừ tuyệt Ái phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đạo La Hán đã sanh để trừ tuyệt Ái thời cũng không nên nói cách xuất tinh của La Hán vẫn còn.

474.

* **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của La Hán vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán đã làm Niệm xứ phát sanh ... Chánh cần phát sanh, Như ý túc phát sanh, Quyền phát sanh, lực phát sanh ... Giác chi phát sanh hầu trừ tuyệt Ái phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà La Hán đã làm cho Giác chi phát sanh hầu trừ tuyệt Ái thời không nên nói cách xuất tinh của La Hán vẫn còn.

475.

* **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của La Hán vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đạo La Hán đã sanh ... Giác chi đã sanh hầu trừ tuyệt Sân ... đặng trừ tuyệt Si ... đặng trừ tuyệt Vô úy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu nói La Hán đã làm cho Giác chi phát sanh để trừ Vô úy thời không nên nói cách xuất tinh của La Hán vẫn có.

476.

- **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán là bực đã xa lìa Ái, Sân, Si việc làm đã xong, hết phận sự, đã chứng tự lợi, đã hoàn tất đứt cơ quan ràng buộc trong hữu *(bhāva)*, giải thoát đặc biệt do chơn trí, đã rút chốt lấp cống rồi, nhổ cột cừ lên thành bực không có then chốt, đắc Thánh, hạ cờ ngã mạn, buông bỏ phận sự, dứt cơ quan ràng buộc, đã thắng đặc biệt, Ngài quyết hiểu Khổ rồi, đã trừ Tập, làm cho rõ Diệt, Đạo đặng sanh, hiểu pháp rốt ráo đáng hiểu biết, chăm chú hiểu pháp đáng hiểu, bày trừ pháp đáng bày trừ, trau dồi pháp đáng trau dồi, đã làm cho rõ rệt pháp đáng rõ rệt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà La Hán đã thành bực lìa Ái, Sân, Si, việc làm đã xong ... đã làm cho rõ pháp đáng làm cho rõ rồi thời không nên nói: "Cách xuất tinh của La Hán vẫn có".

477.

- **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Cách xuất tinh của La Hán bực rành trong pháp của mình (bực Tuệ Giải Thoát) vẫn có. Nhưng cách xuất tinh không có với La Hán bực rành trong pháp khác (bực Lưỡng Biên Giải Thoát) *(Ubhatovimutti)*.
- **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của La Hán bực rành (khôn khéo) trong pháp của mình vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của La Hán bực rành trong pháp khác có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

478.

- **Tự ngôn:** Cách xuất tinh không có với La Hán bực khôn khéo trong pháp khác phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cách xuất tinh không có với La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

479.

- **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình trừ tuyệt Ái, nhưng cách xuất tinh của Ngài vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp khác đã trừ tuyệt Ái, nhưng cách xuất tinh của Ngài vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

480.

- **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình trừ tuyệt Sân, trừ tuyệt Si, trừ tuyệt Vô úy rồi nhưng cách xuất tinh của Ngài vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp khác đã trừ tuyệt Vô úy, nhưng cách xuất tinh của Ngài vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

481.

- **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình, cho đã sanh, ... Giác chi đã phát sanh hầu trừ tuyệt Ái ... trừ tuyệt Sân ... trừ tuyệt Si ... trừ tuyệt Vô úy. Nhưng cách xuất tinh của Ngài vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp khác, Giác chi đã sát sanh hầu trừ tuyệt Vô úy. Nhưng cách xuất tinh của Ngài vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

482.

- **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình thành bực xa lìa Ái, Sân, Si rồi ... làm cho rõ pháp đáng rõ, nhưng cách xuất tinh của Ngài vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp khác thành người xa lìa Ái, Sân, Si rồi ... làm cho rõ rệt pháp đáng rõ rệt. Nhưng cách xuất tinh của Ngài vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

483.

- **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp khác trừ tuyệt Ái rồi và cách xuất tinh cũng không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình, đã trừ tuyệt Ái và cách xuất tinh cũng không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

484.

- **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp khác, đã trừ tuyệt Sân, trừ tuyệt Si rồi ... đã trừ tuyệt Vô úy và cách xuất tinh cũng không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình, đã trừ tuyệt Vô úy và cách xuất tinh không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

485.

- **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp khác, đạo đã sanh ... Giác chi đã phát sanh hầu trừ Ái ... tuyệt Sân, đã dứt hết Si ... Đạo đã sanh ... Giác chi đã phát sanh rồi hầu trừ tuyệt Vô úy và cách xuất tinh không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình, Giác chi đã sanh đặng tuyệt trừ Vô úy và cách xuất tinh của Ngài không có đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

486.

- **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp khác là người xa lìa Ái, Sân, Si ... đã làm cho pháp đáng rõ rệt đã rõ rệt và cách xuất tinh không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình thành người xa lìa Ái, Sân, Si ... đã làm cho pháp đáng rõ rệt đã rõ rệt và cách xuất tinh không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

487.

- **Tự ngôn:** Cách xuất tinh của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, vị còn phàm phu đầy đủ giới đức, có chánh niệm lương tri, tiến sự vắng lặng thời tinh dịch của những vị ấy vẫn không xuất tinh đến đổi đạo sĩ nào dù ngoài Phật giáo mà thành bực xa lìa trong tình dục rồi thì tinh dịch của những bực đạo sĩ đó không xuất ra. Này chư Phíc-khú, điều mà tinh dịch của La Hán sẽ phải xuất đây là phi cơ sở, phi nhân dịp mới sẽ hiện bày đặng". Như thế là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói cách xuất tinh của La Hán vẫn có.

488.

- Phản ngữ: Không nên nói cách dẫn vào của người khác La Hán phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Người khác phải dẫn đem vào nơi y bát, chỗ nghỉ ngơi, thuốc men, các vật dụng với La Hán phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Nếu người khác phải đem vào nơi y bát chỗ nghỉ ngơi, thuốc men, các vật dụng với La Hán; bằng nhân đó Ngài mới nói rằng có cách đem vào của người khác cho La Hán.

489.

* **Tự ngôn:** Do người khác phải đem vào nơi y bát, chỗ nghỉ ngơi, thuốc men, vật dụng cho La Hán. Bởi thế đó mới có cách đem vào của người khác cho La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác phải đem vào thời bực Sơ quả, Nhị quả, Tam quả hoặc La Hán quả cho La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Tha dẫn ngữ (Parūpahārakathā)

BẤT TRI NGỮ *(AÑÑĀṆAKATHĀ)*

490.

* **Tự ngôn:** Sự bất tri của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bất tri *(avijjā)*, bất tri bộc, bất tri phối, bất tri tùy miên, bất tri yểm, bất tri triền, bất tri cái của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

491.

* **Tự ngôn:** Bất tri *(avijjā)*, bất tri bộc, bất tri phối, bất tri tùy miên, bất tri yểm, bất tri triền, bất tri cái không có với La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bất tri, bất tri bộc, bất tri phối, bất tri tùy miên, bất tri yểm, bất tri triền, bất tri cái không có với La Hán thời chớ nên nói sự bất tri của La Hán vẫn có.

492.

* **Tự ngôn:** Sự bất tri của phàm phu vẫn có và bất tri, bất tri bộc, bất tri phối, bất tri tùy miên, bất tri yểm, bất tri triền, bất tri cái của họ cũng có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự bất tri của La Hán vẫn có và bất tri, bất tri bộc, bất tri phối, bất tri tùy miên, bất tri yểm, bất tri triền, bất tri cái của Ngài cũng có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

493.

* **Tự ngôn:** Sự bất tri của La Hán vẫn có, nhưng bất tri, bất tri bộc, bất tri phối, bất tri tùy miên, bất tri yểm, bất tri triền, bất tri cái không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự bất tri của phàm phu vẫn có, nhưng bất tri, bất tri bộc, bất tri phối, bất tri tùy miên, bất tri yểm, bất tri triền, bất tri cái không có với họ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

494.

* **Tự ngôn:** Sự bất tri của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán mà sự bất tri yểm phải sát sanh, phải trộm cướp, phải vọng ngôn, phải ác khẩu, phải lưỡng thiệt, phải ăn cả xóm, phải ăn cướp một nhà, phải chận đón đường vắng, tìm kiếm vợ của người khác, phải giết dân vườn, phải giết kẻ chợ ư? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

495.

* **Tự ngôn:** Sự bất tri của phàm phu vẫn có và phàm phu bất tri yểm phải sát sanh, phải trộm cướp, phải giết dân phải giết kẻ chợ ư? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự không biết của La Hán vẫn có và La Hán mà không nhàm chán phải sát sanh, phải trộm cướp, phải giết dân, phải giết kẻ chợ ư? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

496.

* **Tự ngôn:** Sự không biết của La Hán vẫn có, nhưng La Hán kẻ bị sự không biết nhàm chán mới sát sanh, trộm cắp, giết dân vườn, giết người chợ cũng chẳng có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự không biết của phàm phu vẫn có, nhưng phàm phu sẽ không biết nhàm chán nên sát sanh, trộm cắp ... giết kẻ người chợ cũng không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

497.

* **Tự ngôn:** Sự không biết của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự không biết trong Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo không biết điều học, không biết đời vị lai, không biết đời quá khứ, không biết cả đời quá khứ-vị lai, không biết pháp Y tương sinh do trợ nhau mới sanh ra, như thế của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

498.

* **Tự ngôn:** Sự không biết Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, không biết điều học, không biết đời vị lai, không biết đời quá khứ, không biết cả đời quá khứ và vị lai, không biết pháp Y tương sinh là do trợ nhau mới có ra, như thế không có với La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dù rằng sự không biết Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, không biết pháp Y tương sinh là pháp do duyên trợ mới có như thế không có với La Hán thời chớ nên nói rằng sự không biết của La Hán vẫn có.

499.

* **Tự ngôn:** Sự không biết của phàm phu vẫn có và không biết Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo ... không biết pháp Y tương sinh do duyên trợ mới sanh ra, như thế của phàm phu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự không biết của La Hán vẫn có và không biết Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo ... không biết pháp Y tương sinh là do duyên trợ mới có ra, như thế của Ngài cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

500.

* **Tự ngôn:** Sự không biết của La Hán vẫn có, nhưng sự không biết Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo ... không biết pháp Y tương sinh là do duyên trợ mới có ra, như thế không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự không biết của phàm phu vẫn có và không biết Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo ... không biết pháp Y tương sinh do duyên trợ mới sanh ra, như thế không có với họ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

501.

* **Tự ngôn:** Sự không biết của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ái mà La Hán đã tuyệt trừ, nhổ gốc rồi, làm như cây thốt nốt đứt ngọn không sanh đặng nữa, dĩ nhiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu Ái mà La Hán đã tuyệt trừ, nhổ gốc rồi, làm như cây thốt nốt đứt ngọn không sanh đặng nữa, dĩ nhiên sau này không sanh lại nữa thời không nên nói rằng sự không biết của La Hán vẫn có.
* **Tự ngôn:** Sân ... Si ... Vô úy mà La Hán đã tuyệt trừ nhổ gốc rễ rồi, làm như cây thốt nốt đứt đọt, dĩ nhiên sau này chẳng còn phát sanh nữa phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Vô úy của La Hán đã tuyệt trừ, nhổ gốc rồi làm như cây thốt nốt đứt ngọn, dĩ nhiên sau này không sanh lên lại nữa, thời không nên nói rằng sự không biết của La Hán vẫn có.

502.

* **Tự ngôn:** Sự không biết của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán đạo đã phát sanh rồi ... Giác chi đã phát sanh đã hầu trừ tuyệt Ái phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà La Hán đã làm cho Giác chi phát sanh hầu trừ Ái thời không nên nói rằng sự bất tri của La Hán vẫn có.

503.

* **Tự ngôn:** Sự bất tri của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán đã làm cho đạo phát sanh ... Giác chi đã phát sanh hầu trừ tuyệt Sân ... trừ tuyệt Vô úy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà La Hán đã làm cho Giác chi phát sanh hầu trừ Vô úy thời không nên nói sự bất tri của La Hán vẫn có.

504.

* **Tự ngôn:** Sự bất tri của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán là bực xa lìa Ái, Sân, Si rồi ... làm cho rõ pháp đáng rõ rệt rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà La Hán là bực xa lìa Ái, Sân, Si ... đã làm cho trong pháp đáng rõ rệt thời không nên nói rằng sự bất tri của La Hán vẫn có.

505.

* **Tự ngôn:** Sự không biết của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Sự không biết của La Hán là bực khôn khéo trong pháp của mình vẫn có. Nhưng sự không biết chẳng có với La Hán người khôn khéo trong pháp khác.
* **Tự ngôn:** Sự vô tri của La Hán người khôn khéo trong pháp của Ngài vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự vô tri của La Hán bực khôn khéo trong pháp khác có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

506.

* **Tự ngôn:** Sự vô tri không có với La Hán bực khôn khéo trong pháp khác phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự vô tri không có với La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

507.

* **Tự ngôn:** La Hán người khôn khéo trong pháp của mình đã trừ tuyệt Ái, nhưng sự vô tri của Ngài vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán người lanh lợi trong pháp khác đã trừ tuyệt Ái, nhưng sự vô tri của Ngài vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

508.

- **Tự ngôn:** La Hán người lanh lợi trong pháp của mình đã trừ tuyệt Sân, trừ tuyệt Si rồi ... trừ tuyệt Vô úy, nhưng sự vô tri của Ngài vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán người lanh lợi trong pháp khác đã trừ tuyệt Vô úy, nhưng sự bất tri của Ngài vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

509.

- **Tự ngôn:** La Hán người lanh lợi trong pháp của mình, đạo đã phát sanh, Giác chi đã phát sanh hầu trừ tuyệt Ái, nhưng sự vô tri của Ngài vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán bực lanh lợi trong pháp khác, Giác chi đã từng sanh tuyệt trừ Ái, nhưng sự vô tri của Ngài vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

510.

- **Tự ngôn:** La Hán bực lanh lợi trong pháp của mình làm cho đạo từng sanh ... Giác chi đã phát đặng tuyệt trừ Sân, hầu trừ tuyệt Vô úy, nhưng sự vô tri của Ngài vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán bực lanh lợi trong pháp khác, Giác chi đã từng phát sanh đặng tuyệt trừ Vô úy, nhưng sự vô tri của Ngài vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

511.

- **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình thành người xa lìa Ái, Sân, Si rồi ... đã làm cho rõ pháp đáng rõ, nhưng sự bất tri của Ngài vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán người lanh lợi trong pháp khác thành bực xa lìa Ái, Sân, Si rồi ... đã làm cho pháp đáng rõ rệt đã rõ rệt, và sự vô tri của Ngài vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

512.

- **Tự ngôn:** La Hán người khôn lanh trong pháp khác đã trừ Ái và sự vô tri không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán người lanh thạo trong pháp của mình, đã tuyệt trừ và sự vô tri chẳng có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

513.

- **Tự ngôn:** La Hán bực lanh lợi trong pháp khác đã trừ Sân ... trừ tuyệt Vô úy rồi và sự bất tri không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán bực lanh lợi trong pháp của mình, đã tuyệt trừ Sân và sự vô tri chẳng có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

514.

- **Tự ngôn:** La Hán bực lanh lợi trong pháp khác đã làm đạo sanh ... Giác chi đã phát ... đặng trừ Ái, đạo đã từng ... Giác chi đã từng có đặng trừ tuyệt Vô úy và sự bất tri không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán bực lanh lợi trong pháp của mình, Giác chi đã sanh đặng tuyệt trừ Vô úy và sự không biết chẳng có đến Ngài phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

515.

* **Tự ngôn:** La Hán người khôn ngoan trong pháp khác bực xa lìa Ái, Sân, Si rồi ... đã làm cho rõ rệt pháp đáng rõ rệt và sự vô tri chẳng có đến Ngài phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán người lanh lợi trong pháp của mình, thành bực xa lìa Ái, Sân, Si rồi ... đã làm cho rõ pháp đáng rõ và sự vô tri chẳng có đến Ngài phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

516.

* **Tự ngôn:** Sự vô tri của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, ta nói lậu tận dành riêng cho bực đang thấy, đang biết, không nói đến cho người chẳng phải đang thấy đang biết". Nhưng người đang thấy đang biết thế nào mới có đặng sự lậu tận; người đặng thấy đang biết như vầy: "Cách này là Sắc, cách này là sự sanh của Sắc, cách này là sự diệt của Sắc; cách này Thọ ... cách này Tưởng ... cách này Hành ... cách này Thức. Này chư Phíc-khú, sự thấy, sự biết như thế này đây mới có đặng sự lậu tận như vậy". Đây thật là bài Kinh vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói rằng sự vô tri của La Hán vẫn có.

517.

* **Tự ngôn:** Sự vô tri của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Như Lai nói sự lậu tận dành riêng cho người đang thấy, đang biết, không nói để cho người chẳng phải đang thấy đang biết; mà đang thấy đang biết như thế nào mới đặng sự lậu tận? Người đang thấy đang biết như vầy: "Đây là khổ, đây là nhân sanh của khổ, đây là pháp diệt khổ, đây là con đường đi đến diệt khổ, như thế vậy mới đặng sự tận lậu; này chư Phíc-khú, sự thấy biết như thế ấy mới đặng lậu tận". Chính đây là bài Kinh thật vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà như thế cũng không nên nói rằng không biết của La Hán vẫn có.

518.

* **Tự ngôn:** Sự vô tri của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, người khi nào không biết thấu suốt bằng trí, không chăm chú biết, không mửa ra, không bài trừ cả sự vật, thật là người không đáng sẽ hết khổ. Khi chừng nào mà nên biết tột bằng trông vào hiểu rõ, ói ra sự bài trừ cả sự vật mới thành người kẻ hết khổ". Như đây là bài Kinh vẫn có thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói rằng sự vô tri của La Hán vẫn có.

519.

* **Tự ngôn:** Sự vô tri của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Đắc Sơ đạo đồng thời trừ ba pháp đặng tức là Thân kiến, Hoài nghi và Giới cấm thủ mà cũng vẫn còn có mỗi thứ nào Ngài mới xa lìa tất cả tứ thủ và thành bực không thể làm sự trái với sáu cách cơ sở. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói rằng sự vô tri của La Hán vẫn có.

520.

* **Tự ngôn:** Sự vô tri của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, khi nào con mắt thấy pháp mà xa lìa bụi trần phát sanh Thánh Tăng, như vầy trong mỗi một món nào dĩ nhiên sanh ra cả món ấy cố nhiên phải có diệt. Như thế trong khi đó với sự sanh ra của

thấy (*dassana),* Thánh Tăng cũng trừ tam triền như là Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ. Đây là kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu cách đó cũng không nên nói sự vô tri của La Hán vẫn có.

521.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng sự vô tri của La Hán vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: La Hán có thể không biết tên và thân tộc của tất cả nhân và phụ nữ, cũng không thể biết đường đi trúng trật, cũng có thể không biết tên cỏ cây, cũng có thể không biết tất cả bụi cho đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà La Hán có thể không biết tất cả tên và thân tộc của nam nữ, cũng có thể không biết đường trúng trật, cũng có thể không biết tên rừng bụi cỏ cây. Chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng sự vô tri của La Hán vẫn có.
* **Tự ngôn:** Vì La Hán cũng có thể không biết tên và giòng giống của tất cả nam nữ, có thể không biết đường đi trúng trật, có thể không biết rõ tên rừng rú cỏ cây. Như thế thì sự vô tri của La Hán mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán có thể không hiểu Sơ quả, Nhị quả, Tam quả hoặc Tứ quả cũng đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Vô tri ngữ (Aññāṇakathā)

HOÀI NGHI NGỮ *(KAṄKHĀKATHĀ)*

522.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hoài nghi, Hoài nghi yểm, Hoài nghi triền, Hoài nghi cái của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

523.

* **Tự ngôn:** Hoài nghi, Hoài nghi yểm, Hoài nghi triền, Hoài nghi cái của La Hán không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Hoài nghi, Hoài nghi yểm, Hoài nghi triền, Hoài nghi cái của La Hán không có thời chớ nói rằng sự Hoài nghi của La Hán vẫn có.

524.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của phàm phu vẫn có và Hoài nghi, Hoài nghi yểm, Hoài nghi triền, Hoài nghi cái của họ cũng vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán vẫn có và Hoài nghi, Hoài nghi yểm, Hoài nghi triền, Hoài nghi cái của Ngài cũng vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

525.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán vẫn có, nhưng Hoài nghi, Hoài nghi yểm, Hoài nghi triền, Hoài nghi cái của Ngài không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của phàm phu vẫn có mà Hoài nghi, Hoài nghi yểm, Hoài nghi triền, Hoài nghi cái của họ vẫn không có chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

526.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi trong Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, Hoài nghi điều học, Hoài nghi đời vị lai, Hoài nghi đời quá khứ, Hoài nghi cả đời vị lai và quá khứ, Hoài nghi

pháp Y tương sinh do duyên trợ mới có ra như thế của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

527.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi trong Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo ... Hoài nghi pháp Y tương sinh là do duyên trợ mới có ra như thế của La Hán không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Hoài nghi trong Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo ... Hoài nghi pháp Y tương sinh bởi do duyên trợ mới ra như thế của La Hán không có thời chớ nên nói rằng sự Hoài nghi của La Hán vẫn có.

528.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của phàm phu vẫn có, Hoài nghi, Hoài nghi Phật bảo, Hoài nghi Pháp bảo ... Hoài nghi pháp Y tương sinh bởi duyên trợ mới có ra, như thế của họ cũng vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán vẫn còn có và Hoài nghi trong Phật bảo, Pháp bảo ... Hoài nghi pháp Y tương sinh bởi vì pháp phải nhờ duyên trợ mới ra, như thế của Ngài vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

529.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán vẫn có, nhưng Hoài nghi trong Phật bảo, Pháp bảo ... Hoài nghi pháp Y tương sinh do duyên trợ mới ra, như thế của Ngài vẫn không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của phàm phu vẫn có mà Sự Hoài nghi trong Phật bảo, Pháp bảo ... Hoài nghi pháp Y tương sinh do duyên trợ mới có ra, như thế của họ không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

530.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ái mà La Hán đã trừ tuyệt, nhổ gốc rồi làm như cây thốt nốt đứt đọt dĩ nhiên làm cho sau này không sanh ra được nữa phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Ái của La Hán đã đứt tuyệt nhổ gốc rễ rồi, làm như cây thốt nốt đứt ngọn dĩ nhiên không đặng sanh ra sau này nữa thời khỏi cần nói sự Hoài nghi của La Hán vẫn có.

531.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sân ... Si ... Vô úy mà La Hán đã tuyệt trừ, đạo La Hán đã sanh ... Giác chi đã có rồi đặng trừ tuyệt Ái phải chăng? ... Đạo đã từng sanh ... Giác chi đã từng có hầu trừ tuyệt Sân ... đặng trừ tuyệt Vô úy ... La Hán là bực xa lìa Ái, Sân, Si, rồi đã làm cho rõ pháp đáng rõ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà La Hán là bực đã xa lìa Ái, Sân, Si ... đã làm cho rõ rệt pháp đáng làm cho rõ rệt thời không nên nói sự Hoài nghi của La Hán vẫn có.

532.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Sự Hoài nghi của La Hán, bực khôn khéo trong pháp của mình vẫn có, nhưng sự Hoài nghi không có với La Hán bực khôn khéo trong pháp khác.
* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán bực khôn khéo trong pháp khác vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

533.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi không có với La Hán bực khôn khéo trong pháp khác phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi không có với La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

534.

* **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình, diệt trừ Ái nhưng sự Hoài nghi của Ngài vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán bực không khéo trong pháp khác đã tuyệt trừ Ái nhưng sự Hoài nghi của Ngài vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

535.

Tự ngôn: La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình đã tuyệt trừ Sân ... tuyệt trừ Si rồi ... tuyệt trừ Vô úy ... Đạo đã sanh ... Giác chi đã từng có ra đặng tuyệt trừ Ái ... Đạo đặng sanh ... Giác chi đã từng sanh đặng tuyệt trừ Sân ... tuyệt trừ Vô úy phải chăng?...

536.

* **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình người đã xa lìa Ái, Sân, Si, làm cho rõ rệt pháp đáng làm rõ rệt, nhưng sự Hoài nghi của Ngài vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp khác thành người xa lìa Ái, Sân, Si rồi ... đã làm cho rõ pháp đáng làm cho rõ, nhưng Hoài nghi của Ngài vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

537.

* **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp khác đã trừ Ái và sự Hoài nghi của Ngài cũng không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình đã tuyệt trừ và sự Hoài nghi của Ngài cũng không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

538.

Tự ngôn: La Hán khôn khéo trong pháp khác đã tuyệt trừ Sân ... tuyệt trừ Si rồi ... đã tuyệt trừ Vô úy ... Đạo đã sanh ... Giác chi đã từng có ra hầu tuyệt trừ Sân ... trừ tuyệt đặng Vô úy phải chăng?

539.

* **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp khác thành người đã xa lìa Ái, Sân, Si, từng làm cho rõ pháp đáng làm cho rõ và sự Hoài nghi của Ngài cũng không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình, thành người đã xa lìa Ái, Sân, Si ... từng làm cho rõ pháp đáng làm cho rõ và sự Hoài nghi của Ngài cũng không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

540.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng này chư Phíc-khú, Như Lai nói lậu tận dành riêng cho người đang thấy, đang rõ, chớ không nói để cho người chẳng phải đang thấy đang rõ; mà người đang thấy bằng cách nào mới đặng sự lậu tận? người đang thấy đang rõ như vầy: "Đây là Sắc ... Đây là cách diệt của Thức. Này chư Phíc-khú, người đang thấy đang tỏ ngộ như thế mới đặng sự lậu tận. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói rằng sự Hoài nghi của La Hán vẫn có.

541.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Như Lai thuyết sự lậu tận dành riêng cho người đang thấy đang rõ, chớ không thuyết cho người chẳng phải đang thấy đang rõ. Mà người đang thấy đang rõ như thế nào mới đặng sự tận lậu? Người đang thấy đang rõ như vầy: "Đây là khổ ... đây là con đường đi đến diệt khổ, như thế mới đặng sự tận lậu. Này chư Phíc-khú, người đang thấy đang rõ như thế này mới đặng có sự tận lậu". Đây là bài Kinh vẫn chắc có thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói rằng sự Hoài nghi của La Hán vẫn có.

542.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, người không hiểu bằng tuệ cao siêu, không chăm chú rõ, chẳng không bài trừ cả sự vật, vẫn là người không đáng để đặng khổ, khi nào rõ bằng tuệ cao siêu, chăm chú hiểu rõ, ói mửa tất cả sự vật mới thành người đáng làm cho hết khổ". Đây là bài Kinh vẫn có chắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói rằng sự Hoài nghi của La Hán vẫn có.

543.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Sơ đạo đồng thời khi ứng của Ngài ... thành người không thể sẽ làm sai cơ sở cách nặng". Đây là bài Kinh thật vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói rằng: "Sự Hoài nghi của La Hán vẫn có".

544.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, khi nào con mắt thấy pháp mà xa lìa bụi trần phát sanh Thánh Tăng như vầy mỗi một sự nào sanh ra thì những sự vật tự nhiên sẽ diệt theo lẽ thường. Như thế trong khi đó đồng sanh ra nơi thấy, thời Thánh Tăng cũng bài trừ đặng ba cách như là Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ". Bài Kinh thế này thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói rằng sự Hoài nghi của La Hán vẫn có.

545.

* **Tự ngôn:** Sự Hoài nghi của La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Chính khi nào tất cả pháp hiện bày cho phạm chí người đang có sự tinh tấn, tất cả Hoài nghi của phạm chí ấy vẫn thoạt mất, bởi do biết pháp luôn cả nhân. Chính khi nào tất cả pháp hiện bày cho phạm chí bực đặng tinh tấn, khi đó tất cả sự Hoài nghi của phạm chí ấy vẫn tiêu diệt do đặng biết đến sự mất của tất cả duyên. Mà khi nào tất cả pháp hiện bày cho phạm chí bực đang tinh tấn, khi ấy phạm chí đó vẫn hạn chế ma và tọa cụ ma *(Māra)* đặng như mặt trời mọc hạn chế tối, còn làm cho hư không sáng rỡ thế đó.

  Sự Hoài nghi trong đời này hoặc đời khác, lịch sử ta hoặc lịch sử người khác, chẳng hạn cách nào người có sự tinh tấn phẩm hạnh tốt đẹp, vẫn bài trừ những sự Hoài nghi đó đều đặng hết.

  Những người nào lướt đặng tất cả sự Hoài nghi, trong khi những người đang có sự Hoài nghi thành bực không có sự Hoài nghi không trở ngại bố thí thì chỗ cho của

người ấy có quả phúc rất nhiều. Cách thuyết pháp trong Tôn giáo này dĩ nhiên như thế, chư Thinh Văn đó vị nào hoặc sẽ còn Hoài nghi chúng tôi xin làm lễ Đức Phật bực cao tột, Ngài vượt khỏi dòng luân hồi và Ngài đoạn đứt sự Hoài nghi đặng". Như đây là bài Kinh vẫn có thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói rằng sự Hoài nghi của La Hán vẫn có.

546.

* Phản ngữ: Không nên nói rằng sự Hoài nghi của La Hán vẫn còn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: La Hán có thể Hoài nghi trong tên và họ của nhiều người nam nữ, có thể Hoài nghi đường đi trúng trật, có thể Hoài nghi tên của rừng bụi cỏ cây cũng đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà La Hán có thể Hoài nghi trong tên và họ của nhiều người nam nữ, có thể Hoài nghi đường đi trúng trật, có thể Hoài nghi tên của rừng núi cỏ cây cũng đặng. Chính do nhân đó, Ngài phải nói rằng sự Hoài nghi của La Hán vẫn có.
* **Tự ngôn:** Bởi La Hán có thể Hoài nghi trong tên và họ của nhiều kẻ nam nữ, có thể Hoài nghi đường đi trúng trật, có thể Hoài nghi tên rừng bụi cỏ cây cũng đặng, thế đó thì Sự Hoài nghi của La Hán mới còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán có thể Hoài nghi trong Sơ quả, Nhị quả, Tam quả hoặc trong quả La Hán cũng đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Hoài nghi ngữ

THA TIẾP DẪN NGỮ *(PARAVITĀRAṆAKATHĀ)*

547.

* **Tự ngôn:** Cách tiếp độ của người khác thuộc phần La Hán vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán mà người khác phải tiếp dẫn đi đặng, mà người phải dẫn đi đặng nương nhờ người khác, nương đổ kẻ khác, biết không thấy, Si mê không biết mình phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

548.

* **Tự ngôn:** La Hán mà người khác không phải dẫn đi đặng người khác không phải dẫn đi đặng, không y chỉ người khác, nương đỡ kẻ khác, biết thấy không si mê vẫn biết mình phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà La Hán người khác không phải dẫn đi đặng, người không thể dắt đi đặng, không nương người khác, không dựa người khác, sự biết thấy chẳng mê mờ, vẫn biết mình, thời không phải rằng cách dẫn dắt của người khác dành riêng La Hán vẫn có.

549.

* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác thuộc về phàm phu có và họ có người khác phải dẫn đi đặng, có người khác dắt đi đặng, nương người khác, dựa người khác, không biết, không thấy, còn mê mờ, thiếu lương tri phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách dẫn dắt của người khác thuộc về La Hán vẫn còn, Ngài có người khác phải dắt, có người khác phải dẫn đi, nương người khác, dựa người khác, không biết, không thấy, tối tăm, thiếu lương tri phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

550.

* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác dành riêng La Hán vẫn còn có, nhưng Ngài mà người khác không phải dắt đi đặng, mà người khác không phải dẫn đi đặng, không nương người khác, không dựa người khác, sự thấy biết chẳng mờ tối, vẫn có lương tri phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác thuộc phần phàm phu vẫn có, nhưng họ đối với người khác không phải dẫn đi đặng, đối với người khác không phải dắt đi đặng, không nương người khác, không dựa người khác, sự thấy biết chẳng mờ tối, vẫn lương tri phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

551.

* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác thuộc phần La Hán vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác trong Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, trong điều học, trong đời vị lai, đời quá khứ, hay luôn cả đời quá khứ vị lai cùng trong pháp Y tương sinh nó phải nương trợ mới sanh ra, riêng phần La Hán vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

552.

* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác trong Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo ... trong pháp Y tương sinh là pháp do duyên trợ mới có ra (tiếp dẫn như thế) không có với La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà cách tiếp dẫn của người khác trong Phật bảo, Pháp bảo ... trong pháp Y tương sinh là pháp do nhờ nhau mới sanh ra thì không có với La Hán, vậy chớ nói rằng cách tiếp dẫn của người khác thuộc về La Hán vẫn còn có.

553.

* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác thuộc về phàm phu vẫn có và cách tiếp dẫn của người khác trong Phật bảo, Pháp bảo ... trong pháp Y tương sinh là pháp do trợ mới có ra thuộc về phàm phu đó cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách dẫn dắt của người khác thuộc phần La Hán cũng có và cách tiếp dẫn người khác trong Phật bảo, Pháp bảo ... Pháp Y tương sinh là pháp nương nhờ mới sanh ra thuộc về La Hán đó cũng còn vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

554.

* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác về phần La Hán còn có, nhưng cách tiếp dẫn của người khác trong Phật bảo, Pháp bảo ... trong pháp Y tương sinh là pháp nhờ nhau mới có ra không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác thuộc về phàm phu vẫn có, nhưng cách tiếp dẫn của người khác trong Phật bảo, Pháp bảo ... trong pháp Y tương sinh là pháp nhờ nhau mới có ra thì không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác thuộc về phàm phu vẫn có, nhưng cách tiếp dẫn của người khác trong Phật bảo, Pháp bảo ... trong pháp Y tương sinh là pháp do trợ mới có ra, không có với người đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

555.

* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác thuộc về La Hán còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ái mà La Hán đã trừ tuyệt, nhổ gốc rễ rồi làm cho cây thốt nốt đứt đọt, dĩ nhiên không còn sanh lại sau này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu Ái mà La Hán đã tuyệt trừ, nhổ gốc rễ rồi, làm cho cây thốt nốt đứt đọt, dĩ nhiên sau này không sanh nữa thời nên nói cách tiếp dẫn của người khác thuộc về La Hán vẫn có ... Sân ... Si ... Vô úy mà La Hán đã tuyệt trừ phải chăng?...

556.

* **Tự ngôn:** La Hán đã từng phát sanh đạo ... Giác chi từng sanh ... hầu trừ tuyệt Ái ... Đạo đã từng sanh ... Giác chi đã từng sanh đặng trừ tuyệt Sân ... đặng trừ tuyệt Vô úy phải chăng?

557.

* **Tự ngôn:** La Hán bực đã xa lìa Ái, Sân, Si rồi ... đã làm cho rõ rệt pháp đáng rõ rệt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà La Hán là bực đã xa lìa Ái, Sân, Si ... đã làm cho rõ rệt pháp đáng làm cho rõ rệt thời không nên nói cách tiếp dẫn của người khác thuộc phần La Hán vẫn còn có.

558.

* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác thuộc phần La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Cách tiếp dẫn của người khác thuộc về La Hán bực khôn khéo trong pháp của mình vẫn còn có, nhưng cách tiếp dẫn của người khác không có với bực La Hán khôn khéo trong pháp khác.
* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác thuộc về bực La Hán khôn khéo trong pháp của mình vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác thuộc về bực La Hán khôn khéo trong pháp khác vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

559.

* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác không có với bực La Hán khôn khéo trong pháp khác phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác không có với bực La Hán khôn khéo trong pháp của mình phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

560.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán khôn khéo trong pháp của mình đã tuyệt trừ Ái, nhưng cách tiếp dẫn của người khác dành riêng Ngài vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán khôn khéo trong pháp khác đã trừ tuyệt Ái nhưng cách tiếp dẫn của người khác dành riêng Ngài vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

561.

Tự ngôn: Bực La Hán khôn khéo trong pháp của mình trừ tuyệt Sân ... trừ tuyệt Si rồi ... trừ tuyệt Vô úy rồi ...

562.

Tự ngôn: Bực La Hán khôn khéo trong pháp của mình, đạo đã từng sanh ... Giác chi đã từng sanh ... hầu trừ tuyệt Ái, đạo đã từng sanh ... Giác chi đã từng sanh đặng tuyệt trừ Sân ... hầu trừ tuyệt Vô úy ...

563.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán khôn khéo trong pháp của mình người đã xa lìa Ái, Sân, Si ... từng làm cho rõ pháp đáng cho rõ, nhưng cách tiếp dẫn của người khác dành riêng cho Ngài vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán khôn khéo trong pháp khác thành người đã xa lìa Ái, Sân, Si, từng làm cho rõ pháp đáng làm cho rõ nhưng cách tiếp dẫn của người khác dành riêng Ngài vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

564.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán khôn khéo trong pháp khác đã trừ Ái và cách tiếp dẫn của người khác cũng không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán khôn khéo trong pháp của mình đã tuyệt trừ cách tiếp dẫn của người khác không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó..
* **Tự ngôn:** Bực La Hán khôn khéo trong pháp khác đã tuyệt trừ Sân ... tuyệt trừ Si rồi ... tuyệt trừ Vô úy rồi...

565.

Tự ngôn: Bực La Hán khôn khéo trong pháp khác, Đạo từng sanh ... Giác chi đã từng sanh ... đặng tuyệt trừ Ái từng sanh ... Giác chi đã từng sanh ... đặng tuyệt trừ Sân ... đặng tuyệt trừ Vô úy...

566.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán khôn khéo trong pháp khác thành đã xa lìa Ái, Sân, Si ... từng làm cho rõ pháp đáng làm cho rõ cách tiếp dẫn của người khác cũng không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán khôn khéo trong pháp của mình thành người xa lìa Ái, Sân, Si ... từng làm cho rõ pháp đáng làm cho rõ và tiếp dẫn của người khác cũng không có với Ngài phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

567.

* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác dành riêng La Hán vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Như Lai nói lậu tận dành riêng cho người đang thấy đang biết, chớ không nói để cho người chẳng phải đang thấy đang biết mà người đang thấy đang biết thế nào mới có đặng lậu tận, bực đang thấy đang biết như vầy cách này là Sắc ... cách này là lối diệt của Thức ... Này chư Phíc-khú, bực đang thấy đang biết như đây mới đặng có sự tận lậu". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói rằng cách tiếp dẫn của người khác dành riêng La Hán vẫn còn có.

568.

* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác dành riêng La Hán vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Như Lai thuyết lậu tận dành riêng cho bực đang rõ, đang thấy, chớ không thuyết cho người chẳng phải đang rõ, chẳng phải đang thấy". Bực đang rõ, đang thấy thế nào mới có sự lậu tận? Bực đang rõ, đang thấy như vầy: "Đây là khổ ... đây là nhân sanh khổ ... đây là pháp diệt khổ ... đây là con đường diệt khổ ... như thế này mới có sự tận lậu. Này chư Phíc-khú, người đang rõ đang thấy như đây mới có sự tận lậu. Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó không nên nói rằng cách tiếp dẫn của người khác dành riêng La Hán vẫn còn có.

569.

* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác dành riêng cho La Hán vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, người mà không biết bằng trí cao siêu, không chăm chú hiểu, không ói mửa, không bài trừ tất cả sự vật thời

thành người không đáng cho sự dứt khổ, chừng nào biết bằng tuệ cao siêu, chăm chú rõ, ói mửa ra, bài trừ tất cả sự vật thì mới thành người đáng cho sự dứt khổ". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói rằng cách tiếp dẫn của người khác dành cho La Hán vẫn còn có.

570.

* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác dành riêng cho La Hán vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Đồng thời đắc Sơ đạo, bực Nhứt Lai ... thành người sẽ không làm sáu cách sái ý nghĩa rồi". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói rằng cách tiếp dẫn của người khác dành cho La Hán vẫn có.

571.

* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác dành cho La Hán vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, trông vào con mắt thấy pháp mà xa lìa bụi trần đặng sanh ra với Thánh Tăng cho rằng mỗi sự vật nào lẽ thường phát sanh ra tất cả này dĩ nhiên phải diệt mất; như vậy, trong khi đó đồng thời sanh nơi thấy, thời Thánh Tăng mới bày trừ tam triền như là Tà kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ". Đây là bài Kinh vẫn thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói rằng cách tiếp dẫn của người khác dành cho La Hán vẫn còn có.

572.

* **Tự ngôn:** Cách tiếp dẫn của người khác dành cho La Hán còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này Dhotaka, Như Lai không cần làm cho sẽ cởi mở ai ai chỗ có sự Hoài nghi trong nhưng khi Ngài biết pháp đặc biệt bằng tuệ cao siêu thời khỏi bộc *(ogha)* này đặng bằng cách thế ấy". Đây là bài Kinh vẫn có thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói rằng cách tiếp dẫn của người khác dành cho La Hán vẫn còn có.

573.

* Phản ngữ: Không nên nói rằng cách tiếp dẫn của người khác dành cho La Hán vẫn còn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Người khác phải giới thiệu tên họ của nam nữ, phải chỉ dẫn đường đi trúng trật và những tên rừng bụi cỏ cây cho La Hán phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà người khác phải giới thiệu tên họ của những nam nữ, phải chỉ bảo đường đi trúng trật và những tên rừng bụi cỏ cây cho La Hán. Chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng cách tiếp dẫn của người khác dành cho La Hán vẫn còn có.

574.

* **Tự ngôn:** Do người khác phải giới thiệu tên họ những nam nữ, phải chỉ dẫn đường đi trúng trật và những tên rừng bụi cỏ cây cho La Hán, đó là cách tiếp dẫn của người khác dành cho La Hán mới còn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác phải tiếp dẫn Sơ quả, Nhị quả, Tam quả hoặc Tứ quả cho La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Tha Tiếp Dẫn Ngữ

NGÔN CHÂN BIẾT NGỮ *(VACIBHEDAKATHĀ)*

575.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập thiền trong tất cả cõi vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

576.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập thiền trong tất cả thì giờ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

577.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập tất cả thiền vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

578.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách nói năng vẫn có trong tất cả các bực nhập thiền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

579.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách lay động thân của người nhập thiền vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

580.

* **Tự ngôn:** Cách lay động không có với người nhập thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách nói năng không có với người nhập thiền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

581.

* **Tự ngôn:** Khẩu của người nhập thiền vẫn có, cách nói năng cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thân của người nhập thiền vẫn có, cách lay động thân đặng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

582.

* **Tự ngôn:** Thân của người nhập thiền vẫn có, nhưng cách lay động bằng thân không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khẩu của người nhập thiền vẫn có, nhưng cách nói năng không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

583.

* **Tự ngôn:** Khi biết rằng Khổ thời nói là Khổ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi biết rằng Tập *(Samudaya)* thời nói là Tập phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

584.

* **Tự ngôn:** Khi biết rằng Khổ thời nói là Khổ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Khi biết rằng Diệt *(nirodha)* thời nói là Diệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

585.

∗ **Tự ngôn:** Khi biết rằng Khổ thời nói là Khổ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Khi biết là Đạo thời nói rằng Đạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

586.

∗ **Tự ngôn:** Khi biết rằng Tập cũng không nói rằng Tập phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Khi biết rằng Khổ cũng không nói rằng Khổ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

587.

∗ **Tự ngôn:** Khi biết rằng Diệt cũng không nói là Diệt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Khi biết là khổ cũng không nói rằng khổ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

588.

∗ **Tự ngôn:** Khi biết là Đạo cũng không nói rằng Đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Khi biết rằng Khổ cũng không nói là Khổ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

589.

∗ **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Trí có chi làm cảnh? Phản ngữ: Trí có đế làm cảnh.

∗ **Tự ngôn:** Nhĩ thức có đế làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

590.

∗ **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nhĩ thức có chi làm cảnh? Phản ngữ: Nhĩ thức có tiếng làm cảnh.

∗ **Tự ngôn:** Trí có tiếng làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

591.

∗ **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có, tuệ có đế làm cảnh, Nhĩ thức có thinh làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu mà tuệ có đế làm cảnh, Nhĩ thức có thinh làm cảnh, không nên nói rằng cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có.

592.

∗ **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có, tuệ có đế làm cảnh, Nhĩ thức có thinh làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Cách tập hợp của nhị xúc, của nhị thọ, của nhị tưởng, nhị tư, của nhị tâm thành đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

593.

∗ **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập thiền mà có đề mục đất làm cảnh vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

594.

∗ **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập thiền mà có nước làm cảnh ... lửa làm cảnh ... có gió làm cảnh, có ánh sáng làm cảnh, có màu làm cảnh, có màu đỏ làm cảnh, có màu trắng làm cảnh ... của nhập thiền Không vô biên xứ, nhập thiền Thức vô biên xứ, nhập

thiền Vô sở hữu xứ, nhập thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

595.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng không có với người nhập thiền đề mục đất phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà cách nói năng không có với người nhập thiền đề mục đất thời không nên nói rằng cách nói năng của người nhập thiền vẫn có.

596.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng không có với người nhập thiền đề mục nước ... đề mục trắng ... không có với người nhập thiền Không vô biên xứ, nhập thiền Thức vô biên xứ, nhập thiền Vô sở hữu xứ, nhập thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà cách nói năng không có với người nhập thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì chớ cho rằng cách nói năng của người nhập thiền vẫn có.

597.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng của người nhập thiền vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách nói năng của người nhập thiền phàm vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

598.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng của người nhập thiền vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách nói năng của người nhập Sơ thiền bực phàm phu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Cách nói năng của người nhập thiền vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách nói năng của người nhập Nhị thiền ... Tam thiền ... Tứ thiền phàm phu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

599.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng không có với người nhập thiền phàm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà cách nói năng không có với người nhập thiền phàm, thời chớ gọi rằng cách nói năng của người nhập thiền vẫn có.

600.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng không có với người nhập Sơ thiền phàm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà cách nói năng không có với người nhập Sơ thiền phàm thời chớ cho rằng cách nói năng của người nhập thiền vẫn có.

601.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng không có với người nhập Nhị thiền ... Tam thiền ... Tứ thiền phàm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà cách nói năng không có với bực nhập Tứ thiền phàm thời chớ cho rằng cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có.

602.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng của người nhập Sơ thiền siêu thế vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách nói năng của người nhập Sơ thiền siêu thế vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

603.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập Sơ thiền siêu thế vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách nói năng của người nhập Nhị thiền, Tam thiền ... Tứ thiền phàm vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

604.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng không có với người nhập Sơ thiền siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách nói năng không có với người nhập Sơ thiền siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

605.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng không có với người nhập Nhị thiền, Tam thiền ... Tứ thiền phàm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách nói năng không có với người nhập Sơ thiền siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

606.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng của người nhập Sơ thiền siêu thế vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách nói năng của người nhập Nhị thiền siêu thế vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

607.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập Sơ thiền siêu thế vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực Tam thiền ... Tứ thiền siêu thế vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

608.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng không có với bực nhập Nhị thiền siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách nói năng không có với bực nhập Sơ thiền siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

609.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng không có với bực nhập Tam thiền, Tứ thiền siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách nói năng không có với bực nhập Sơ thiền siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

610.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn có phán: Tầm, Tứ là khẩu hành và Tầm, Tứ của bực nhập Sơ thiền cũng vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Đức Thế Tôn có phán: Tầm, Tứ là khẩu hành và Tầm, Tứ của bực nhập Sơ thiền cũng vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có.

611.

* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn có phán: "Tầm, Tứ là khẩu hành và Tầm, Tứ của bực nhập Sơ thiền vẫn có nên cách nói năng của bực nhập Sơ thiền mới có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Tầm, Tứ của bực nhập Sơ thiền bằng đề mục đất thời cách nói năng của người ấy mới có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

612.

* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán: "Tầm, Tứ là khẩu hành và Tầm, Tứ của bực nhập Sơ thiền vẫn có nên cách nói năng của bực nhập Sơ thiền ấy mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tầm, Tứ của bực nhập Sơ thiền cảnh đề mục nước ... cảnh đề mục lửa ... cảnh đề mục gió, cảnh đề mục màu xanh, cảnh đề mục màu vàng, cảnh đề mục màu đỏ ... cảnh đề mục màu trắng đó cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

613.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng cách nói năng của bực nhập Nhị thiền vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán lời nói là có Tầm làm sở sanh và Tầm, Tứ của bực nhập Sơ thiền cũng vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Nói năng là có Tầm làm sở sanh và Tầm, Tứ của bực nhập Sơ thiền cũng vẫn có, chính do nhân đó Ngài mới gọi rằng cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có.

614.

* **Tự ngôn:** Do Đức Thế Tôn Ngài phán: "Cách nói năng là có Tầm làm sở sanh và Tầm, Tứ của bực nhập Sơ thiền cũng vẫn có, bởi thế đó nên cách nói năng của bực nhập Sơ thiền mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Ngôn ngữ là có tưởng làm sở sanh và Tưởng của bực nhập Nhị thiền cũng vẫn có thời Tầm, Tứ bậc nhập Nhị thiền đó cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

615.

* **Tự ngôn:** Do Đức Thế Tôn Ngài phán: "Ngôn Ngữ là có Tầm làm sở sanh và Tầm, Tứ của bực nhập Sơ thiền cũng vẫn có, bởi thế cách nói năng của bực nhập Sơ thiền ấy mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Ngôn Ngữ là có tưởng làm sở sanh và Tưởng của bực nhập Tam thiền ... Tứ thiền ... nhập Không vô biên xứ ... nhập Thức vô biên xứ ... nhập Vô sở hữu xứ cũng vẫn có Tầm, Tứ của bực nhập Không vô biên xứ ấy mới vẫn còn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

616.

* **Tự ngôn:** Cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Câu nói: "Ngôn ngữ của người nhập Sơ thiền là pháp thường đã diệt. Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà nói rằng: "Ngôn ngữ của người nhập Sơ thiền là thường đã diệt, đây là bài Kinh vẫn thật có, thời chớ nên cho cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có".

617.

* **Tự ngôn:** Nói rằng: "Ngôn ngữ của bực nhập Sơ thiền là thường đã diệt mất thế này là bài Kinh vẫn thật có, như vậy cách nói năng của bực ấy cũng vẫn có phải chăng"? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nói rằng: "Tầm, Tứ của bực nhập Nhị thiền là pháp thường đã diệt, đây là bài Kinh hẳn thật có như thế đó thì Tầm, Tứ của bực nhập Nhị thiền vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

618.

- **Tự ngôn:** Nói rằng: "Ngôn Ngữ của bực nhập Sơ thiền là thường đã diệt mất, đây là bài Kinh hẳn có, nếu như thế đó thì nói năng của bực ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nói rằng hỷ của bực nhập Tam thiền là pháp thường đã diệt mất, thở ra thở vô của bực nhập Tứ thiền là pháp thường đã diệt mất, Sắc Tưởng của bực nhập Không vô biên xứ là pháp thường đã diệt mất, Thức vô biên xứ Tưởng của bực Vô sở hữu xứ là pháp thường đã diệt, Vô sở hữu xứ Tưởng của bực nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ là pháp thường đã diệt, Tưởng và Thọ của bực nhập thiền Diệt thọ tưởng là pháp thường đã diệt". Như đây là bài Kinh vẫn thật có, nếu như thế đó thời Tưởng và Thọ của bực nhập Thiền Diệt *(nirodha)* ấy cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

619.

- Phản ngữ: Chớ cho rằng cách nói năng của bực nhập Sơ thiền vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Thinh là đối lập của Sơ thiền" phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà Đức Thế Tôn có phán: "Thinh là thành đối lập của Sơ thiền, chính do nhân đó Ngài mới cho rằng cách nói năng vẫn có đối với bực nhập thiền.

620.

- **Tự ngôn:** Do Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Thinh là thành đối lập của Sơ thiền, bởi thế cách nói năng của bực nhập Sơ thiền mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Tầm, Tứ là cừu địch của Nhị thiền ... phán rằng Hỷ là cừu địch của Tam thiền, phán rằng hơi thở ra vô là cừu địch của Tứ thiền, phán rằng sắc tưởng là cừu địch của bực nhập Không vô biên xứ, phán rằng Không vô biên xứ Tưởng là cừu địch của bực nhập Vô sở hữu xứ, phán rằng Vô sở hữu xứ Tưởng là cừu địch của bực nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ ... phán rằng Tưởng và Thọ là cừu địch của bực nhập thiền Diệt, Tưởng và Thọ của bực nhập thiền Diệt ấy mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

621.

- Phản ngữ: Chớ cho rằng cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này Ānanda, Abhibhū của Đức Thế Tôn Ứng Cúng Chánh Biến Tri hiệu là Sikhī, vị tại cõi Phạm Thiên, bố cáo luôn vũ trụ bằng lời như vầy phải nên mở đầu, nên tiến hóa, nên hiệp với sự tinh tấn trong áo, nên hạn chế tọa cụ của vua Diêm Vương như là nhà lợp tranh, thế đó mới là bực không dễ duôi trong pháp luật này, sanh tử luân hồi, mới làm cho tột hết khổ". Đây là bài Kinh thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó thời cách nói năng của bực nhập thiền vẫn có.

Dứt Ngôn phân biệt ngữ

KHỔ THỰC NGỮ *(DUKKHĀHĀRAKATHĀ)*

622.

* **Tự ngôn:** Cách nói rằng khổ là chi của đạo, liên quan đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Mỗi người mà trình bày lời khổ kêu cho đặng đạo phát sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

623.

* **Tự ngôn:** Mỗi người mà trình bày lời khổ gọi là cho đạo phát sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tiểu nhân mà trình bày lời khổ cũng gọi là cho đạo phát sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người giết mẹ ... Người giết cha, người giết La Hán, người trích máu thân Phật, người phá hòa hợp Tăng, trình bày lời nói năng gọi là cho đạo phát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Khổ thực ngữ

TÂM TRỤ NGỮ *(CITTAṬṬHITIKATHĀ)*

624.

* **Tự ngôn:** Mỗi tâm trụ luôn cả ngày phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nửa ngày thành sát-na sanh, nửa ngày thành sát-na trụ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

625.

* **Tự ngôn:** Mỗi tâm trụ đặng luôn 2 ngày phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Một ngày thành sát-na sanh; một ngày nữa thành sát-na trụ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

626.

* **Tự ngôn:** Mỗi tâm trụ luôn 4 ngày phải chăng? ... Trụ luôn 8 ngày phải chăng? Trụ luôn 10 ngày phải chăng? Trụ luôn 20 ngày phải chăng? Trụ cả tháng phải chăng? Trụ luôn 2 tháng phải chăng? Trụ luôn 4 tháng phải chăng? Trụ luôn 8 tháng phải chăng? Trụ luôn 10 tháng phải chăng? Trụ luôn 1 năm phải chăng? Trụ luôn 2 năm phải chăng? Trụ luôn 4 năm phải chăng? Trụ luôn 8 năm phải chăng? Trụ luôn 10 năm phải chăng? Trụ luôn 20 năm phải chăng? Trụ luôn 30 năm phải chăng? Trụ luôn 40 năm phải chăng? Trụ luôn 50 năm phải chăng? Trụ luôn 100 năm phải chăng? Trụ luôn 200 năm phải chăng? trụ luôn 400 năm phải chăng? trụ luôn 500 năm phải chăng? Trụ luôn 1000 năm phải chăng? Trụ luôn 2000 năm phải chăng? Trụ luôn 4000 năm phải chăng? trụ luôn 8000 năm phải chăng? Trụ luôn 10000 năm phải chăng? Trụ luôn đại kiếp phải chăng? trụ luôn 2 đại kiếp phải chăng? Trụ luôn 4 đại kiếp phải chăng? Trụ luôn 8 đại kiếp phải chăng? Trụ luôn 16 đại kiếp phải chăng? Trụ luôn 32 đại kiếp phải chăng? trụ luôn 64 đại kiếp phải chăng? Trụ luôn 500 đại kiếp phải chăng? Trụ luôn 1000 đại kiếp phải chăng? Trụ luôn 2000 đại kiếp phải chăng? Trụ luôn 4000 đại kiếp phải chăng? trụ luôn 8000 đại kiếp phải chăng? Trụ luôn 16.000 đại kiếp phải chăng? Trụ luôn 20.000 đại kiếp phải chăng? Trụ luôn 60.000 đại kiếp phải chăng? ... Trụ luôn 84.000 đại kiếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** 2000 đại kiếp là sát-na sanh và nửa 84.000 đại kiếp là sát-na hoại phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

627.

- **Tự ngôn:** Mỗi tâm trụ luôn mỗi ngày phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Những pháp khác mà sanh ra rồi diệt mất tuy nhiên nhiều trong 1 ngày vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Những pháp có thay đổi đi mau hơn tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

628.

- **Tự ngôn:** Những pháp đó biến đổi đi mau hơn tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Như Lai quan sát không thấy pháp khác dù một chút nào mà biến chuyển đi bằng tâm đâu, dù cách so sánh tâm đặng biến đổi đi mau phần nào không dễ làm cho biết". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói những pháp ấy biến đổi đi mau hơn tâm.

629.

- **Tự ngôn:** Những pháp đó biến đổi đi mau hơn tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, khỉ trong rừng rậm chụp nhánh cây này rồi buông ra chụp nhánh cây kia, chụp nhánh cây kia rồi buông chụp nhánh cây nọ, như thế thời pháp gọi tâm hoặc gọi ý, hoặc gọi ý thức cũng như thế này, cái khác sanh lên liền diệt mất đi luôn cả đêm ngày". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói rằng những pháp đó biến đi mau hơn tâm.

630.

- **Tự ngôn:** Mỗi cái tâm trụ đặng luôn một ngày phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhãn thức trụ đặng luôn một ngày phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nhĩ thức ... Tỷ thức, Thiệt thức, tâm bất thiện, tâm đồng sanh với Ái, tâm đồng sanh với Sân, tâm đồng sanh với Si, tâm đồng sanh với Ngã mạn, tâm đồng sanh với Tà kiến, tâm đồng sanh với Hoài nghi, tâm đồng sanh với Thụy miên, tâm đồng sanh với Phóng dật, tâm đồng sanh với Vô tàm, tâm đồng sanh với Vô úy trụ đặng luôn 1 ngày phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

631.

- **Tự ngôn:** Mỗi tâm trụ đặng luôn 1 ngày phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người thấy sắc bằng con mắt với tâm nào thời nghe tiếng bằng (lỗ) tai cùng 1 cái tâm đó vậy ... ngửi hơi bằng lỗ mũi, nếm vị bằng lưỡi, đụng cảnh xúc bằng thân ... biết cảnh pháp bằng tâm cùng 1 cái tâm đó phải chăng? ... Người biết cảnh pháp bằng tâm với tâm nào thời thấy sắc bằng nhãn cùng 1 cái tâm đó phải chăng? ... Nghe tiếng bằng tai, hửi hơi bằng mũi, nếm vị bằng lưỡi, đụng chạm cảnh xúc bằng thân cùng 1 cái tâm đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

632.

- **Tự ngôn:** Mỗi cái tâm trụ đặng luôn 1 ngày phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người bước đi bằng tâm nào thời thối lui cùng 1 cái tâm ấy, thối lui bằng tâm nào thời bước tới cùng 1 cái tâm ấy, ngó coi bằng tâm nào thời xoay mặt hay xoay trái cùng 1 cái tâm ấy, xoay mặt xoay trái bằng tâm nào thời dòm ngó cùng 1 cái tâm

ấy, co vô bằng tâm nào thời bước ra cùng 1 cái tâm ấy, bước ra với tâm nào thời co vô cùng 1 cái tâm ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

633.

* **Tự ngôn:** Chư thiên sanh lên trong cõi Không vô biên xứ có 1 cái tâm trụ luôn kiếp sống phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tất cả nhơn loại cũng có 1 cái tâm trụ luôn cả kiếp sống phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

634.

* **Tự ngôn:** Chư thiên bực sanh lên cõi Không vô biên xứ có 1 cái tâm trụ luôn kiếp sống phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chư thiên bực Tứ đại thiên vương ... Chư thiên cõi Đạo lợi ... Chư thiên cõi Dạ ma ... Chư thiên cõi Đẩu xuất .. Chư thiên cõi Hóa lạc ... Chư thiên cõi Tha hóa tự tại ... Chư thiên cõi Phạm chúng ... Chư thiên cõi Phạm phụ ... Chư thiên cõi Đại phạm ... Chư thiên cõi Thiểu quang ... Chư thiên cõi Vô lượng quang ... Chư thiên cõi Biến quang ... Chư thiên cõi Thiểu tịnh ... Chư thiên cõi Vô lượng tịnh ... Chư thiên cõi Quảng quả ... Chư thiên cõi Vô phiền ... Chư thiên cõi Vô nhiệt ... Chư thiên cõi Thiện kiến ... Chư thiên cõi Thiện hiện ... Chư thiên cõi Sắc cứu cánh có 1 cái tâm trụ luôn kiếp sống phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

635.

* **Tự ngôn:** Chư thiên bực sanh lên cõi Không vô biên xứ số thọ chừng 20.000 đại kiếp mà những Chư thiên đó chỉ có 1 cái tâm trụ luôn 20.000 đại kiếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tất cả nhân loại tuổi chừng 100 (năm) mà những nhơn loại đó cũng chỉ có 1 cái tâm trụ luôn 100 năm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

636.

* **Tự ngôn:** Chư thiên bực sanh lên cõi Không vô biên xứ sống chừng 20.000 đại kiếp mà những Chư thiên ấy chỉ có 1 cái tâm trụ luôn 20.000 đại kiếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chư thiên cõi Tứ thiên vương sống chừng 500 năm, mà những Chư thiên ấy cũng chỉ có 1 cái tâm trụ luôn 500 năm ... (cõi Đẩu xuất) trụ luôn 1.000 năm ... trụ luôn 2.000 năm ... trụ luôn 4.000 năm ... trụ luôn 8.000 năm ... trụ luôn 16.000 năm ... (Phạm chúng) trụ luôn 1/3 đại kiếp ... (Phạm phụ) trụ luôn 1/2 đại kiếp ... (Đại phạm) trụ luôn 1 đại kiếp ... (Thiểu quang thiên) trụ luôn 2 đại kiếp ... (Vô lượng quang thiên) trụ luôn 4 đại kiếp ... (Biến quang thiên hay Quang Âm thiên) trụ luôn 8 đại kiếp ... (Thiểu Thịnh thiên) trụ luôn 16 đại kiếp ... (Vô lượng tịnh thiên) trụ luôn 32 đại kiếp ... (Biến Tịnh thiên) trụ luôn 64 đại kiếp ... (Quảng quả thiên) trụ luôn 500 đại kiếp ... (Vô phiền thiên) trụ luôn 1.000 đại kiếp ... (Vô nhiệt thiên) trụ luôn 2.000 đại kiếp ... (Thiện hiện thiên) trụ luôn 4.000 đại kiếp ... (Thiện kiến thiên) trụ luôn 8.000 đại kiếp ... (Sắc cứu cánh thiên) trụ luôn 16.000 đại kiếp. Tâm của Chư thiên ấy trụ luôn 16.000 đại kiếp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

637.

* Phản ngữ: Tâm của Chư thiên bực sanh trong cõi Không vô biên xứ sanh lên chút xíu chút xíu, diệt mất chút xíu chút xíu phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Chư thiên bực sanh trong cõi Không vô biên xứ sanh lên một chút một chút, diệt cũng một chút một chút phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

638.

* **Tự ngôn:** Chư thiên sanh trong cõi Không vô biên xứ có 1 cái tâm trụ luôn kiếp sống phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chư thiên sanh trong cõi Không vô biên xứ tái tục bằng cái tâm nào thời tử bằng cái tâm ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Tâm trụ ngữ

NHIỆT THẤU NGỮ *(KUKKUḶAKATHĀ)*

639.

* **Tự ngôn:** Chư hành như nhiệt thấu không có chặng hở phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Lạc thọ sướng thân vui tâm, lạc thành tiên, lạc của nhơn loại, lạc trong lợi lộc, lạc trong cúng dường, lạc trong cách đi, lạc trong cách nằm, lạc trong sự thành đại, lạc trong sự thành trưởng, lạc của cư sĩ, lạc của Sa Môn, lạc của hữu lậu, lạc vô lậu, lạc hữu thủ, lạc vô thủ, lạc hữu vật, lạc vô vật, lạc hữu hỷ, lạc vô hỷ, lạc trong thiền, lạc giải thoát, lạc trong dục, lạc trong cách xuất gia, lạc sanh từ nơi sự thức tỉnh *(Viveka)*, lạc vắng lặng, lạc đắc chứng đều vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà lạc thọ ... Lạc sanh từ nơi sự đắc chứng vẫn có thời không cần nói rằng chư hành như nhiệt thấu không có chặng hở.

640.

* **Tự ngôn:** Chư hành như nhiệt thấu không có chặng hở phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chư hành là khổ thọ thành khổ thân khổ tâm, thành sự sầu, sự khóc, khổ, ưu, ai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

641.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng chư hành như nhiệt thấu không chặng xen hở phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, tất cả sự vật là đồ nóng, cái chi gọi rằng tất cả sự vật là đồ nóng? Này chư Phíc-khú, con mắt là đồ nóng, các sắc là đồ nóng, Nhãn thức là đồ nóng, Nhãn xúc là đồ nóng, dù cho sự biết hưởng cảnh thế nào dù thành lạc, dù thành khổ, dù phi lạc phi khổ phát sanh do Nhãn xúc duyên cho đến cái đó cũng thành đồ nóng; nóng bằng cách nào? nóng với lửa ái, nóng với lửa sân, nóng với lửa si, nóng với lửa độc, nóng với sanh, với lão tử, với sầu, với khóc, với khổ, với ưu, với ai. Như Lai trình bày như vầy tất cả sự vật là của như thế này nhĩ là đồ nóng, tất cả thinh là đồ nóng ... Tỷ là đồ nóng, tất cả hơi là đồ nóng ... Lưỡi là đồ nóng, tất cả vị là đồ nóng ... Thân là đồ nóng, tất cả cảnh xúc là đồ nóng ... Ý là đồ nóng ... Cảnh pháp là đồ nóng ... Ý thức là đồ nóng, Ý xúc là đồ nóng, hết hưởng cảnh thế nào dù thành lạc, dù thành khổ, hoặc phi lạc phi khổ phát sanh do Ý xúc làm duyên; tuy nhiên cái đó cũng là đồ nóng với chi? Nóng với lửa ái, nóng với lửa sân, nóng với lửa si, nóng với sanh, với lão tử, với sầu, với khóc, với khổ, với ưu, với ai. Như Lai thuyết rằng tất cả sự vật là đồ nóng thế vậy. Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó chư hành cũng là như nhiệt thấu không có chặng hở chớ gì?

642.

* **Tự ngôn:** Chư hành như nhiệt thấu không có chặng hở phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, ngũ dục, cách này là chi? Là tất cả sắc nó thành cảnh của Nhãn thức đáng mong mỏi, đáng ưa mến, có trạng thái đáng thương, xúc động, thành chỗ đình trụ sự tình dục. Tất cả thứ tiếng mà thành cảnh của Nhĩ thức ... Tất cả thứ hơi mà thành cảnh của Tỷ thức ... Tất cả mà thành cảnh của Thiệt thức ... Tất cả thứ xúc chạm mà thành của Thân thức chỗ đáng mong mỏi, đáng ưa, đáng mến, có trạng thái đáng thương xúc động dục thành chỗ đình trụ sự tình dục. Này chư Phíc-khú, ngũ dục lạc những năm cách như thế". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói chư hành như nhiệt thấu không có chặng xen hở.

643.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng chư hành như nhiệt thấu không có chặng xen hở phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, thành lợi lộc của các ngươi, các người đặng tốt rồi, sát-na đặng cách phẩm hạnh tốt các ngươi thấu đáo rồi. Này Chư Phíc-khú, Như Lai đặng thấy Địa ngục tên là Lục xúc nhập *(Chaphassāyatanikā)*, trong Địa ngục Lục xúc nhập đó, người thấy sắc một cách nào bằng nhãn vẫn thấy chỉ là sắc mà có trạng thái không đáng mong mỏi, chẳng đặng thấy sắc mà có trạng thái đáng mong mỏi, vẫn thấy chỉ là sắc mà có trạng thái không đáng mến. Không đặng thấy sắc mà có trạng thái đáng mến, vẫn thấy chỉ là sắc mà có trạng thái không đáng ưa, không đặng thấy sắc mà có trạng thái đáng ưa. Nghe mỗi thứ tiếng nào bằng nhĩ ... Ngửi hơi mỗi thứ nào bằng tỷ ... Nếm vị mỗi thứ nào bằng thiệt ... Đụng chạm xúc mỗi một thứ nào bằng thân ... Hiểu biết cảnh pháp của mỗi một thứ nào bằng tâm ... Vẫn hiểu biết chỉ là cảnh pháp mà có trạng thái không đáng mong mỏi. Không đặng hiểu biết cảnh pháp mà có trạng thái đáng mong mỏi, vẫn hiểu biết chỉ là cảnh pháp mà có trạng thái không đáng mến, không đặng hiểu biết cảnh pháp mà có trạng thái đáng mến, vẫn hiểu biết chỉ là cảnh pháp mà có trạng thái không đáng vừa lòng. Không đặng hiểu biết cảnh pháp mà có trạng thái đáng vừa lòng". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó thì chư hành như nhiệt thấu không có chặng hở chớ gì!

644.

* **Tự ngôn:** Chư hành như nhiệt thấu không có chặng xen hở phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, thành lợi lộc của các ngươi, các ngươi đặng tốt rồi đang lúc thật hành phạm hạnh các ngươi đã thấu suốt. Này chư Phíc-khú, Như Lai đặng thấy Thiên đường tên là Lục xúc nhập *(Chaphassāyatanikā)*, trong thiên đường gọi là Lục xúc nhập đó như là người thấy sắc mỗi một thứ nào bằng con mắt vẫn thấy chỉ là sắc mà có trạng thái đáng mong mỏi không đặng thấy sắc mà có trạng thái không đáng mong mỏi, vẫn chỉ là sắc mà có trạng thái đáng ưa mến, không đặng thấy sắc mà có trạng thái không đáng ưa thích, vẫn thấy chỉ là sắc mà có trạng thái đáng vừa lòng, không đặng thấy sắc mà có trạng thái đáng vừa lòng. Nghe mỗi một thứ tiếng nào bằng nhĩ ... ngửi hơi nào bằng mũi ... nếm mỗi một thứ vị nào bằng lưỡi ... Chạm xúc mỗi một thứ nào bằng thân ... hiểu biết pháp mỗi một thứ nào bằng tâm, vẫn hiểu biết chỉ là cảnh pháp mà có trạng thái mong

mỏi, không đặng hiểu biết cảnh pháp mà có trạng thái đáng mong mỏi, vẫn hiểu biết chỉ cảnh pháp mà đáng ưa thích, đặng hiểu biết cảnh pháp mà có trạng thái không đáng ưa thích, vẫn hiểu biết chỉ là cảnh pháp mà có trạng thái đáng vừa, không đặng hiểu biết cảnh pháp mà có trạng thái không đáng vừa lòng". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói chư hành như nhiệt thấu có chặng xen hở.

645.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng chư hành như nhiệt thấu không có chặng xen hở ư? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Sự vật nào không bền, sự vật đó Đức Thế Tôn Ngài phán là chư hành vô thường phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu nói sự vật nào không bền thì sự vật đó Đức Thế Tôn phán là khổ, chư hành vô thường. Chính do nhân đó, Ngài mới phán rằng chư hành như nhiệt thấu không có chặng xen hở.

646.

* **Tự ngôn:** Chư hành như nhiệt thấu không có chặng xen hở phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bố thí có quả phúc không đáng mong mỏi, có quả phúc không ưa mến, có quả phúc không thành chỗ vừa lòng, có quả phúc hữu hại, có khổ thành lời, có khổ thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** (Ngũ) Giới ... thanh tịnh giới (bát quan trai) ... tu tiến ... phạm hạnh có quả không đáng mong mỏi, có quả không đáng ưa thích, có quả không thành chỗ vừa lòng, có quả hữu hại, có khổ thành lời, có khổ thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bố thí có quả đáng mong mỏi, có quả đáng ưa thích, có quả thành chỗ vừa lòng, có quả không hữu hại, có lạc thành lời, có lạc thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu nói rằng bố thí có quả đáng mong mỏi, có quả đáng ưa thích, có quả thành chỗ vừa lòng, có quả không hữu hại, có vui làm lời, có vui thành dị thục quả thời không nên nói rằng chư hành như nhiệt thấu không có chặng xen hở.
* **Tự ngôn:** (Ngũ) Giới ... thanh tịnh giới ... tu tiến ... phạm hạnh có quả đáng mong mỏi, có quả đáng ưa thích, có quả thành chỗ vừa lòng, có quả không hữu hại, có vui làm lời, có vui thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà nói tịnh hạnh có quả đáng mong mỏi, có quả đáng ưa thích, có quả thành chỗ vừa lòng, có quả không hữu hại, có vui làm lời, có vui thành dị thục quả thời không nên nói chư hành như nhiệt thấu không có chặng xen hở.

647.

* **Tự ngôn:** Chư hành như nhiệt thấu không có chặng xen hở phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Sự vắng lặng của người đã ưa thích rồi, bực có pháp mà đã đặng nghe thấy thành lạc, sự không ép uổng tức là sự thu thúc trong tất cả chúng sanh thành vui trong lời, sự phai tình dục tức là sự lướt bỏ tất cả dục đặng thành vui trong đời, sự mà vẫn cống cao ngã mạn ra khỏi đặng. Chính đây là cái vui cao thượng, sự vui vô thượng đó ta đã đặng đến, đó là chỗ vui đầy đủ. Tam minh ta đã đặng chứng theo thứ lớp, chính điều này là vui cao thượng". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời cũng không nên nói chư hành là nhiệt thấu không có chặng xen hở.

Dứt Nhiệt thấu ngữ

TÙNG TIỀN THỨ ĐỆ NGỮ *(ANUPUBBĀBHISAMAYAKATHĀ)*

648.

* **Tự ngôn:** Cách chứng pháp là cách chứng theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người có thể cho đạo Thất Lai sanh đặng theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người có thể cho đạo Thất Lai sanh đặng theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người làm cho tỏ nơi quả đặng theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

649.

* **Tự ngôn:** Cách chứng pháp là cách chứng theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người có thể cho đạo Nhứt Lai sanh đặng theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người có thể cho đạo Nhứt Lai sanh đặng theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người làm cho rõ nơi quả Nhứt Lai đặng theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

650.

* **Tự ngôn:** Cách chứng pháp là cách chứng theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người có thể cho đạo Bất Lai sanh đặng theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người có thể cho đạo Bất Lai sanh đặng theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người làm cho rõ đặng quả Bất Lai theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

651.

* **Tự ngôn:** Cách chứng pháp là cách chứng theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người có thể cho đạo La Hán sanh đặng theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người có thể cho đạo La Hán sanh đặng theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người làm cho rõ quả La Hán đặng theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

652.

- **Tự ngôn:** Người thật hành để đặng làm cho rõ rệt quả Thất Lai, tuyệt trừ chi đặng với cách thấy khổ. Phản ngữ: Trừ Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ và những phiền não đồng bọn đặng 1/4.
- **Tự ngôn:** Trong 1/4 thành bực Thất Lai; còn 3/4 nữa không thành tựu Thất Lai. Trong 1/4 đến, đặng, chứng, làm cho rõ, vẫn vào đến đang đụng chạm với danh thân cùng quả Thất Lai; trong 3/4 nữa không đụng chạm với danh thân cùng quả Thất Lai. Trong 1/4 thành tựu Thất Sanh bực Thất Lai, bực Lục Lai, bực Nhứt Lai hiệp với đức tin, bất động trong Phật bảo ... trong Pháp bảo ... trong Tăng bảo hiệp cùng với Thánh giới chắc; còn trong 3/4 nữa không hiệp với Thánh giới chắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người bực thật hành hầu làm cho rõ quả Thất Lai tuyệt trừ chi đặng bằng cách thấy Tập ... bằng cách thấy Diệt ... bằng cách thấy Đạo. Phản ngữ: Tuyệt trừ Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ và những phiền não đồng bọn nhau đặng 1/4.
- **Tự ngôn:** Trong 1/4 thành tựu Thất Lai; còn 3/4 nữa không thành tựu bực Thất Lai. Trong 1/4 đến, đặng, chứng, làm cho rõ rệt, vẫn vào đến, đụng chạm với danh thân cùng quả Thất Lai; Trong 3/4 nữa vẫn không đụng chạm với danh thân cùng quả Thất Lai. Trong 1/4 thành tựu bực Thất Sanh Thất Lai *(Sattakhattuparama)*, bực Lục Sanh Thất Lai *(Kolaṅkola)*, bực Nhứt Sanh Thất Lai *(Ekabījī)* hợp với sự đức tin không biến chuyển thay đổi trong Phật bảo ... trong Pháp bảo ... trong Tăng bảo ... hiệp với Thánh giới; còn 3/4 nữa không hiệp với Thánh giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

653.

- **Tự ngôn:** Bực thật hành hầu làm cho tỏ quả Nhứt Lai trừ tuyệt chi đặng bằng cách thấy khổ? Phản ngữ: Tuyệt trừ Ái dục thứ thô và bao nhiêu phiền não đồng bọn đặng trong 1/4.
- **Tự ngôn:** Trong 1/4 thành Thất Lai; còn trong 3/4 nữa không thành bực Nhứt Lai. Trong 1/4 đến, đặng, chứng, làm cho rõ, vẫn vào đến, đang đụng chạm với danh thân cùng quả Nhứt Lai; còn trong 1/4 nữa vẫn không đụng chạm đến danh thân thành quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thật hành hầu làm cho tỏ từng quả Nhứt Lai tuyệt trừ chi bằng cách thấy Tập ... bằng cách thấy Diệt ... bằng cách thấy Đạo.
- Phản ngữ: Tuyệt trừ Ái dục thứ thô, Sân độc thứ thô và những phiền não đồng bọn đặng 1/4.
- **Tự ngôn:** Trong 1/4 thành Nhứt Lai, còn 3/4 nữa không thành Nhứt Lai trong 1/4 đến, đặng, chứng, làm cho rõ, vẫn vào đến đụng chạm với danh thân cùng quả Nhứt Lai; còn 3/4 nữa vẫn không đụng chạm với danh thân cùng quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

654.

- **Tự ngôn:** Bực thật hành hầu làm cho rõ cùng quả Bất Lai tuyệt trừ chi đặng với cách thấy khổ? Phản ngữ: Tuyệt trừ Ái dục thứ vi tế, Sân độc thứ vi tế và những phiền não đồng bọn đặng 1/4.
- **Tự ngôn:** Trong 1/4 thành bực Bất Lai, còn trong 3/4 nữa không thành bực Bất Lai. Trong 1/4 đến, đặng, chứng, làm cho rõ, vẫn vào đến, vẫn đụng chạm với danh thân cùng quả Bất Lai; Trong 3/4 vẫn không đụng chạm với danh thân cùng quả Bất Lai. Trong thành bực Trung bang bất hườn *(Antarāparinibbāyī)* ... Bực Sanh bang bất hườn *(Upahaccaparinibbāyī)* ... Bực Vô hành bang bất hườn, bực Hữu hành bang bất hườn

... Bực Thượng lưu bang bất hườn ... Trong 3/4 không thành bực Bất Lai Thượng lưu bang bất hườn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Bực thật hành để làm cho rõ quả Bất Lai tuyệt trừ chi bằng cách thấy Tập *(Samudaya)* ... bằng cách thấy Diệt *(nirodha)* ... bằng cách thấy Đạo? Phản ngữ: Tuyệt trừ Ái dục thứ vi tế, Sân độc thứ vi tế và những phiền não đồng bọn đặng 1/4.
* **Tự ngôn:** Trong 1/4 thành Bất Lai; còn trong 3/4 nữa không thành bực Bất Lai. Trong 1/4 đến, đặng, chứng, làm cho rõ, vẫn vào đến, đụng chạm đến danh thân cùng quả Bất Lai. Trong 3/4 nữa không đụng chạm đến danh thân cùng quả Bất Lai. Trong 1/4 Bực Trung bang bất hườn *(Antarāparinibbāyī)* ... Bực Sanh bang bất hườn *(Upahaccaparinibbāyī)* ... Bực Vô hành bang bất hườn *(Asaṅkhāraparinibbāyī)* ... Bực Hữu hành bang bất hườn *(Sasaṅkhānibbāyī)* ... bực Thượng lưu bang bất hườn *(Uddhaṅsotoakaniṭṭhagāmī)*. Còn 3/4 nữa không thành Bực Bất Lai Thượng lưu bang bất hườn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

655.

* **Tự ngôn:** Bực thật hành đặng làm cho rõ La Hán quả tuyệt trừ chi đặng bằng cách thấy khổ. Phản ngữ: Tuyệt trừ Sắc ái, Vô sắc ái, Ngã mạn, Phóng dật, Vô minh và những phiền não đồng bọn đặng trong 1/4.
* **Tự ngôn:** Trong 1/4 thành La Hán, trong 3/4 mà không thành La Hán. Trong 1/4 đến, đặng, chứng, làm cho rõ, vẫn vào đến, vẫn đụng chạm với danh thân cùng quả La Hán. Trong 3/4 nữa vẫn không đụng chạm với danh thân cùng quả La Hán. Trong 1/4 thành bực đã xa lìa Ái, Sân, Si, việc đáng làm đã xong, bỏ gánh nặng rồi, đã chứng tự lợi, đã trọn tuyệt máy móc ràng buộc trong đời, đã giải thoát đặc biệt do hiểu chân chánh, cột trụ nhổ chốt lên rồi, đã lấp mương rãnh, đã nhổ cột hàng rào thành người không có then chốt, thành Thánh đã xuống cờ (ngã mạn), để gánh nặng xuống rồi, đã đứt cơ quan ràng buộc, thắng cách quý đẹp rồi, Ngài đã chăm chú rõ Khổ, đã trừ Tập, đã làm cho rõ Diệt, cho đặng Đạo phát sanh, đã hiểu thấu với pháp đáng thấu hiểu, chăm chú biết pháp đáng chăm chú biết, đã trừ những pháp đáng trừ, trau dồi những pháp đáng trau dồi ... đã làm cho rõ pháp đáng làm cho rõ; còn trong 3/4 nữa chưa phải làm cho rõ pháp đáng làm cho rõ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực thật hành đã làm cho rõ quả La Hán tuyệt trừ chi đặng bằng cách thấy Tập ... bằng cách thấy Diệt ... bằng cách thấy Đạo? Phản ngữ: Tuyệt trừ Sắc ái, Vô sắc ái, Ngã mạn, Phóng dật, Vô minh và những phiền não đồng bọn đặng 1/4.
* **Tự ngôn:** Trong 1/4 thành La Hán; còn trong 3/4 nữa không thành La Hán. Trong 1/4 đến, đặng, chứng, làm cho rõ, vẫn vào đến, vẫn đụng chạm với danh thân cùng quả La Hán. Trong 3/4 nữa vẫn không đụng chạm với danh thân cùng quả La Hán. Trong 1/4 thành bực đã xa lìa Ái, Sân, Si, việc đáng làm đã làm xong, buông gánh nặng xuống rồi, đã chứng tự lợi, đã hoàn dứt cơ quan buộc ràng trong hữu *(bhāva)*, đã giải thoát đặc biệt do hiểu đúng, đã rút chốt then, đã lấp bít rạch mương, nhổ trụ rào rồi, thành bực không có chốt then và Thánh xuống cờ (ngã mạn), đã hết cơ quan ràng buộc, thấy cách rất quý tốt rồi, Ngài đã chăm chú rõ Khổ, trừ tuyệt Tập rồi, đã làm rõ rệt, Đạo đã phát sanh, hiểu tột cùng pháp chỗ đáng hiểu, chăm chú hiểu pháp đáng chăm chú hiểu, đã trừ tuyệt Pháp đáng trừ tuyệt, đã trau dồi pháp đáng trau dồi, đã làm cho rõ pháp đáng làm cho rõ. Còn trong 1/4 nữa chưa đặng làm cho rõ cùng pháp đáng làm cho rõ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

656.

* **Tự ngôn:** Bực thật hành đặng làm cho rõ quả Thất Lai, thấy khổ nên nói rằng bực đã tiến hành phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi đã thấy Khổ nên nói rằng bực đã đình trụ trong quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khi thấy Tập ... Khi thấy Diệt ... nên nói rằng bực đã tiến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi đã thấy Diệt nên nói rằng bực đã đình trụ trong quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

657.

* **Tự ngôn:** Bực thật hành đặng làm cho rõ cùng quả Thất Lai thấy Đạo nên nói rằng bực đã tiến hành, khi đã thấy Đạo nên nói bực đã trụ trong quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi thấy Khổ nên nói rằng bực đã tiến hành, khi đã thấy Khổ nên nói rằng bực đã đình trụ trong quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khi thấy Đạo nên nói rằng bực đã tiến hành, khi đã thấy Đạo nên nói rằng bực đã đình trụ trong quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi thấy Tập ... Khi thấy Diệt nên nói rằng bực đã tiến hành khi thấy Diệt rồi nên nói rằng bực đã đình trụ trong quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

658.

* **Tự ngôn:** Bực thật hành đặng làm cho rõ quả Thất Lai, khi Khổ nên nói rằng người đã tiến hành, khi đã thấy khổ không nên nói rằng thành bực đáng nói là người đã đình trụ trong quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi đã thấy Đạo nên nói rằng bực đã tiến hành, khi đã thấy Tập không nên nói rằng thành bực nên nói là người đã đình trụ trong quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khi thấy Tập ... Khi thấy Diệt nên nói là bực đã tiến hành khi đã thấy Diệt không nên nói là thành bực đáng cho là đã đình trụ trong quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi thấy Đạo nên nói rằng bực đã tiến hành, khi đã thấy Đạo không nên nói rằng thành bực mà đáng cho là đã đình trụ trong quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

659.

* **Tự ngôn:** Bực thật hành đặng làm cho rõ quả Thất Lai, khi thấy khổ nên nói là bực đã tiến hành, khi đã thấy khổ không nên nói rằng thành bực mà nên cho là đã đình trụ trong quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách thấy Khổ vô ích phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khi thấy Tập ... Khi thấy Diệt nên nói người đã tiến hành, khi đã thấy Diệt không nên nói rằng thành bực đáng cho là đã đình trụ trong quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách thấy Diệt vô ích phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

660.

* Phản ngữ: Khi đã thấy Khổ, Tứ đế cũng thành cái đặng thấy rồi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thấy Khổ đế thành Tứ đế phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

661.

* **Tự ngôn:** Khi đã thấy Sắc uẩn bằng sự vô thường, Ngũ uẩn cũng thành cái đặng thấy bằng sự vô thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thấy Sắc uẩn thành 5 uẩn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

662.

* **Tự ngôn:** Khi đã thấy Nhãn xứ bằng sự vô thường thì Thập nhị xứ cũng thành cái đặng thấy bằng sự vô thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn xứ thành Thập nhị xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

663.

* **Tự ngôn:** Khi đã thấy Nhãn giới bằng sự vô thường thì Thập bát giới cũng thành cái đặng thấy bằng sự vô thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn giới thành Thập bát giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

664.

* **Tự ngôn:** Khi đã thấy Nhãn quyền bằng sự vô thường thì Nhị thập nhị quyền cũng thành cái đặng thấy bằng sự vô thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn quyền thành Nhị thập nhị quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

665.

* **Tự ngôn:** Người làm cho rõ quả Thất Lai đặng bằng Tứ Trí phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Quả Thất Lai thành bốn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người làm cho rõ quả Thất Lai đặng bằng Bát Trí phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Quả Thất Lai thành tám phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người làm cho rõ quả Thất Lai đặng bằng Thập nhị Trí phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Quả Thất Lai thành thập nhị phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người làm cho rõ quả Thất Lai bằng Tứ thập tứ Trí phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Quả Thất Lai thành Tứ thập tứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người làm cho rõ quả Thất Lai đặng bằng Thất thập thất Trí phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Quả Thất Lai thành Thất thập thất phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

666.

* Phản ngữ: Không nên nói rằng đắc chứng pháp theo thứ lớp phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, đại hải lài theo thứ lớp, xuống theo thứ lớp, sâu theo thứ lớp không thể sâu thành búng tại vựa mé đâu; như thế nào thời trong pháp luật này cũng hẳn như thế ấy thành cách làm theo thứ lớp, thành cách tu theo thứ lớp, chẳng đặng thành cách thông suốt hiểu biết khắp cả chỉ nơi tại ban đầu". Như đây là bài Kinh vẫn có thật phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó thì cách đắc chứng pháp cũng thành cách đắc chứng theo thứ lớp chớ gì!

667.

- Phản ngữ: Không nên nói rằng đắc chứng pháp theo thứ lớp phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Bực trí thức phải cạo bợn nhơ của mình mỗi khi từ chút từ chút, mỗi mỗi khi theo thứ lớp như thợ vàng cạo vàng ten thế đó". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó thì cách đắc chứng pháp cũng thành cách đắc chứng theo thứ lớp chớ gì!

668.

- **Tự ngôn:** Cách đắc chứng pháp thành cách đắc chứng theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ngài Gavampati Trưởng thượng đặng thuyết cùng chư Phíc-khú như vầy: "Lời này tôi đặng nghe bằng chánh thức, đặng thọ bằng chánh thức từ Đức Thế Tôn như vầy, này chư Phíc-khú, người nào thấy khổ người đó vẫn thấy nhân sanh của khổ luôn, vẫn thấy tiến hành làm cho đến pháp thành chỗ diệt của khổ luôn. Người nào thấy nhân sanh của khổ, người ấy vẫn thấy khổ luôn, vẫn thấy pháp thành chỗ diệt của khổ luôn, vẫn thấy lối tiến hành cho đến pháp thành chỗ diệt khổ luôn. Người nào thấy pháp thành chỗ diệt của khổ người ấy vẫn thấy khổ luôn, vẫn thấy nhân sanh ra của khổ luôn, vẫn thấy lối tiến hành cho đến pháp thành chỗ diệt của khổ luôn. Người nào thấy lối tiến hành cho đến pháp thành chỗ diệt của khổ thời người ấy vẫn thấy khổ luôn, vẫn thấy nhân sanh của khổ luôn, vẫn thấy pháp thành chỗ diệt của khổ luôn". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói rằng cách đắc chứng pháp thành cách đắc chứng theo thứ lớp.

669.

- **Tự ngôn:** Cách đắc chứng pháp thành cách đắc chứng theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Đồng với cách đến, đồng với thấy của Ngài (Thất Lai) Ngài ... thành là bực không nên làm sự trái địa phương 6 cách nặng nề". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói rằng cách đắc chứng pháp là cách đắc chứng theo thứ lớp.

670.

- **Tự ngôn:** Cách đắc chứng pháp thành cách đắc chứng theo thứ lớp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, khi nào pháp Nhãn ly trần đặng sanh cho bực Thánh Thinh Văn như vầy, mỗi một cái nào có sanh ra, cố nhiên những cái đó phải có diệt dĩ nhiên đồng thời sanh ra của đạo Thất Lai, Thánh Thinh Văn đó tuyệt trừ tam triền đặng tức là Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói rằng cách đắc chứng pháp là cách đắc chứng theo thứ lớp.

Dứt Tùng tiền thứ đệ ngữ

TỪ CÚ NGỮ *(VOHĀRAKATHĀ)*

671.

* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài giảng thuyết nơi của Phật thành siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài giảng thuyết nơi của Phật đối chiếu nhĩ thành thời hiệp thế, thâu biết đặng với thức thời thành siêu thế, thâu biết không đặng thời thành hiệp thế. Chư Thinh Văn thâu biết đặng, tất cả phàm phu thâu biết không đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

672.

* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài giảng thuyết nơi của Phật đối chiếu nhĩ mà thành hiệp thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu nói rằng Đức Thế Tôn Ngài giảng thuyết nơi của Phật đối chiếu nhĩ mới thành hiệp thế thời không nên nói rằng Đức Thế Tôn giảng thuyết nơi của Phật thành siêu thế.

673.

* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài giảng thuyết nơi của Phật thâu biết đặng bằng thức chỗ thành hiệp thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài giảng thuyết nơi của Phật thâu nhận biết đặng bằng thức mà thành hiệp thế thời không nên nói rằng Đức Thế Tôn giảng thuyết trong nơi của Phật thành siêu thế.

674.

* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài giảng thuyết nơi của Phật, tất cả phàm phu nhận biết đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà phàm phu nhận biết Đức Thế Tôn giảng thuyết nơi của Phật đặng thời không nên nói rằng Đức Thế Tôn giảng thuyết nơi của Phật là siêu thế.

675.

* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn giảng thuyết nơi của Phật là siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành đạo, thành quả, thành Níp-bàn, thành đạo Thất Lai, thành quả Thất Lai, thành đạo Nhứt Lai, thành quả Nhứt Lai, thành đạo Bất Lai, thành quả Bất Lai, thành đạo Ứng Cúng, thành quả Ứng Cúng, thành Niệm xứ, thành Chánh cần, thành Như ý túc, thành Quyền, thành Lực, thành Giác chi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

676.

* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài giảng thuyết nơi của Phật là siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ai ai vẫn có nghe Thế Tôn giảng thuyết nơi của Phật đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp siêu thế phải nhận biết đặng bằng nhĩ đối chiếu nơi nhĩ đem vào rạch của nhĩ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

677.

* **Tự ngôn:** Pháp siêu thế không phải nhận biết đặng bằng nhĩ, không đối chiếu nơi nhĩ, không đến vào rạch của nhĩ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu mà pháp siêu thế không phải nhận biết đặng bằng nhĩ, không đối chiếu nơi nhĩ, không đến vào rạch của nhĩ thời không nên nói rằng Đức Thế Tôn Ngài giảng thuyết của Phật thành siêu thế.

678.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn giảng thuyết của Phật là siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Ai ai chỗ phải nghe trong Thế Tôn giảng thuyết nơi của Phật, ai ai cũng vui mừng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Pháp siêu thế thành chỗ trụ của ái, thành chỗ trụ của vui mừng, thành chỗ trụ của thương mến, thành chỗ trụ của say sưa, thành chỗ trụ của nhục phục phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

679.

∗ **Tự ngôn:** Pháp siêu thế không thành chỗ trụ của ái, không thành chỗ trụ của sự vui mừng, không thành chỗ trụ của sự ưa thích, không thành chỗ trụ của sự nhiễm đắm, không thành chỗ trụ của sự nhục phục (nệm lúng) phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu mà pháp siêu thế không thành chỗ trụ của ái, không thành chỗ trụ của sự vui mừng, không thành chỗ trụ của sự ưa mến, không thành chỗ trụ của sự say sưa, không thành chỗ trụ của sự nhiễm đắm, không thành chỗ trụ của sự nằm sấp, thời không nên nói rằng Đức Thế Tôn Ngài giảng thuyết nơi của Phật thành siêu thế.

680.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn giảng thuyết của Phật thành siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn giảng thuyết nơi của Phật ai ai cũng phản đối vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Pháp siêu thế thành chỗ trụ của sân, thành chỗ trụ của sự chống đối, thành chỗ trụ của sự đụng chạm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

681.

∗ **Tự ngôn:** Pháp siêu thế không thành chỗ trụ của sân, không thành chỗ trụ của sự chống đối, không thành chỗ trụ của sự đụng chạm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu mà pháp siêu thế không thành chỗ trụ của sân, không thành chỗ trụ của sự phản đối, không thành chỗ trụ của sự đụng chạm thời không nên nói rằng Đức Thế Tôn Ngài giảng thuyết của Phật là siêu thế.

682.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài giảng của Phật thành siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài giảng thuyết của Phật ai ai phải mê vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Pháp siêu thế thành chỗ trụ của si, làm sự vô tri, làm cho đui, thành chỗ điêu tàn mất trí, thành đảng của sự chật hẹp, không hiện hành hiệp tác để đặng Níp-bàn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

683.

∗ **Tự ngôn:** Pháp siêu thế không thành chỗ trụ của si, không làm sự vô tri, không làm cho đui mù thành chỗ tiến hóa của tuệ, không thành bè đảng của sự hẹp hòi, hiện hành hiệp tác để đặng Níp-bàn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu mà pháp siêu thế không thành chỗ trụ của si, không làm sự vô tri, không làm cho đui mù, thành chỗ tiến hóa của tuệ, thành bạn đảng của sự hẹp hòi, hiện

hành hợp tác hầu đặng Níp-bàn thời không nên nói rằng Đức Thế Tôn giảng thuyết của Phật là siêu thế.

684.

* **Tự ngôn:** Thế Tôn giảng thuyết của Phật thành siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Mỗi một người nào nghe Đức Thế Tôn giảng thuyết của Phật tất cả những người đó gọi là làm cho đạo sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

685.

* **Tự ngôn:** Mỗi một người nào nghe Đức Thế Tôn giảng thuyết của Phật, tất cả người đó gọi là làm cho đạo đặng sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tiểu nhân nghe Đức Thế Tôn Ngài giảng thuyết nơi của Phật thời tiểu nhân cũng gọi là có thể làm cho đạo phát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người sát mẫu ... Người sát phụ ... Người sát La Hán ... Người chích máu thân Phật ... Người phá hòa hợp Tăng vẫn nghe Đức Thế Tôn giảng thuyết của Phật thời người phá hòa hợp Tăng cũng là có thể làm cho đạo phát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

686.

* Phản ngữ: Đống gạo hoặc đống vàng, dùng gậy vàng chỉ bởi đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Như thế vậy pháp mà thành hiệp thế hoặc thành siêu thế, Đức Thế Tôn Ngài thuyết bằng cách giảng giải thì thành siêu thế.

687.

* **Tự ngôn:** Đống gạo hoặc đống vàng dùng gậy cây thù đủ chỉ bảo cũng đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Như thế đó pháp mà thành hiệp thế hay thành siêu thế, Đức Thế Tôn Ngài nói bằng cách giảng thuyết thời thành hiệp thế.

688.

* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài giảng thuyết nơi của Phật giải pháp hiệp thế thời thành hiệp thế, nếu giải pháp siêu thế thành siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi giải pháp hiệp thế Ngài giảng thuyết đó xúc chạm nhĩ thời thành hiệp thế, khi thuyết pháp siêu thế thời chạm nhĩ thành siêu thế. Khi thuyết pháp hiệp thế, tất cả người nhận biết đặng bằng thức thời thành hiệp thế, khi thuyết pháp siêu thế cũng nhận biết đặng bằng thức thì thành siêu thế. Khi thuyết pháp hiệp thế tất cả phàm phu nhận biết đặng, khi thuyết pháp siêu thế tất cả bực Thinh Văn nhận biết đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

689.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng Đức Thế Tôn giảng thuyết nơi của Phật thời khi thuyết pháp hiệp thế cũng thành hiệp thế; khi thuyết pháp siêu thế cũng thành siêu thế phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn thuyết cả pháp hiệp thế và siêu thế phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài thuyết cả pháp hiệp thế và siêu thế, chính do nhân đó, ông mới nói rằng Đức Thế Tôn giảng thuyết nơi của Phật thời khi thuyết pháp hiệp thế cũng thành hiệp thế, khi thuyết pháp siêu thế cũng thành siêu thế.

690.

- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài giảng thuyết nơi của Phật, khi thuyết pháp hiệp thế mới thành hiệp thế, khi thuyết pháp siêu thế mới thành siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khi thuyết đạo mới thành đạo, khi thuyết pháp phi đạo mới thành pháp phi đạo, khi thuyết của quả mới thành quả, khi thuyết pháp phi quả mới thành pháp phi quả, khi thuyết Níp-bàn mới thành Níp-bàn, khi thuyết pháp Phi Níp-bàn cũng thành pháp Phi Níp-bàn, khi thuyết hữu vi mới thành hữu vi, khi thuyết vô vi mới thành vô vi, khi thuyết sắc pháp mới thành sắc pháp, khi thuyết vô sắc mới thành vô sắc, khi thuyết thọ mới thành thọ, khi thuyết pháp phi thọ mới thành pháp phi thọ, khi thuyết tưởng mới thành tưởng, khi thuyết pháp phi tưởng mới thành pháp phi tưởng, khi thuyết hành mới thành hành, khi thuyết pháp phi hành mới thành pháp phi hành, khi thuyết thức mới thành thức, khi thuyết pháp phi thức mới thành pháp phi thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Từ cú ngữ

DIỆT NGỮ *(NIRODHAKATHĀ)*

691.

- **Tự ngôn:** Diệt *(nirodha)* thành hai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khổ diệt *(Dukkhanirodha)* thành hai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Khổ diệt thành hai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Diệt đế thành hai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Diệt đế thành hai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khổ đế thành hai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Diệt đế thành hai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tập đế thành hai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Diệt đế thành hai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đạo đế thành hai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Diệt đế thành hai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sở y *(taṇa)* thành hai phải chăng? ... Bí mật *(leṇa)* thành hai phải chăng? ... Hữu y *(saraṇa)* thành hai phải chăng? ... Sở tiêu *(parāyana)* thành hai phải chăng? ... Sở kiên cố *(accuta)* thành hai phải chăng? ... Bất tử *(amata)* thành hai phải chăng? ... Níp-bàn thành hai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Níp-bàn thành hai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Có sự cao và thấp, có sự thô thiển và tinh vi *(paṇīta)*, sự thái quá và bất cập, ranh giới sự chia khác, lằn giữa của Níp-bàn cả hai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

692.

- **Tự ngôn:** Diệt *(nirodha)* thành hai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Hành chỗ còn không diệt với tuệ thành cơ quan quán sát (trí siêu thế) sẽ quan sát rồi cho diệt đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà hành có chỗ còn không diệt với tuệ thành cơ quan quán sát sẽ quán sát rồi cho diệt đặng thời không nên nói rằng diệt *(nirodha)* thành hai.

693.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng Diệt *(nirodha)* thành hai phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Chư hành có chỗ còn không diệt với tuệ thành cơ quan quán sát luôn chỗ đã diệt với tuệ thành cơ quan quán sát đều cũng tan nát đi hết rồi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Chư hành có chỗ còn không diệt với tuệ thành đồ quán sát luôn chỗ đã diệt với tuệ thành cơ quan quán sát đều cũng tan nát đi hết rồi. Chính do nhân đó, ông mới nói rằng diệt *(nirodha)* thành hai.

694.

* **Tự ngôn:** Diệt *(nirodha)* thành hai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hành mà đã diệt với tuệ thành cơ quan quát sát gọi là đã diệt do nương Thánh Đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tuy nhiên hành mà còn không diệt với tuệ thành cơ quan quán sát cũng gọi là đã diệt do nương Thánh Đạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

695.

* **Tự ngôn:** Diệt thành hai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hành mà đã diệt với tuệ thành cơ quan quán sát vẫn không sanh ra đặng nữa phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hành mà chẳng đặng diệt bằng tuệ thành cơ quan quán sát cũng vẫn không sanh nữa đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không cần nói rằng Diệt *(nirodha)* thành hai.

Dứt Diệt ngữ

Hoàn thành phẩm thứ hai.

PHẨM THỨ BA

LỰC NGỮ *(BALAKATHĀ)*

696.

* **Tự ngôn:** Như Lai lực đi khắp cả Thinh Văn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Như Lai lực cũng là Thinh Văn lực, Thinh Văn lực cũng là Như Lai lực phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

697.

* **Tự ngôn:** Như Lai lực đi khắp cả Thinh Văn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Như Lai lực cái đó Thinh Văn lực cũng cái đó ư? Thinh Văn lực cái đó Như Lai lực cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

698.

* **Tự ngôn:** Như Lai lực đi khắp cả Thinh Văn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Như Lai lực thế nào Thinh Văn lực cũng thế đó, Thinh Văn lực thế nào Như Lai lực cũng thế đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

699.

* **Tự ngôn:** Như Lai lực đi khắp cả Thinh Văn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Câu khởi, bài khởi, cách thuyết pháp, cách giảng pháp của Như Lai thế nào thì câu khởi, bài khởi, cách thuyết pháp, cách giảng pháp của Thinh Văn cũng thế đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

700.

* **Tự ngôn:** Như Lai lực đi khắp cả Thinh Văn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn là ngôi Tập Tri *(Jina)*, ngôi Giáo chủ, bực Chánh Biến Tri, ngôi Toàn Giác, bực Toàn Kiến, ngôi Pháp Chủ, bực Pháp Sở Y *(Dhammapaṭisaraṇa)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thinh Văn cũng là ngôi Tập Tri *(Jina)*, ngôi Giáo chủ, bực Chánh Biến Tri, ngôi Toàn Giác, bực Toàn Kiến, ngôi Pháp Chủ, bực Pháp Sở Y phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

701.

* **Tự ngôn:** Như Lai lực đi khắp luôn Thinh Văn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Như Lai là bực có thể cho đạo chưa sanh phát sanh đặng, thành bực có thể cho đạo chưa phát hiện phát hiện đặng, là bực tường thuật đạo mà ai ai không từng tường thuật đặng, là bực biết đạo, là bực rõ đạo, là bực khôn khéo trong đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thinh Văn là bực có thể cho đạo chưa sanh phát sanh đặng, thành bực có thể cho đạo chưa phát hiện phát hiện đặng, là bực tường thuật đạo mà ai ai không tường thuật đặng, là bực biết đạo, là bực rõ đạo, là bực khôn khéo trong đạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

702.

* **Tự ngôn:** Như Lai lực tức là cách biết theo thật với sự thái quá và bất cập của quyền *(indrīya)* đi khắp đến Thinh Văn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thinh Văn thành bực Toàn Tri, thành bực Toàn Kiến *(Sabbadassāvī)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

703.

* Phản ngữ: Bực Thinh Văn biết thị sở *(ṭhāna)* và phi sở *(aṭhāna)* phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà bực Thinh Văn biết thị sở và phi sở, chính do nhân đó, ông mới nói rằng Như Lai lực tức là cách biết theo thật với thị sở và phi sở đi khắp đến bực Thinh Văn như thế.

704.

* Phản ngữ: Bực Thinh Văn biết dị thục quả thành tựu đặc biệt bằng cách đúng chỗ (ṭhāna), theo nhân nghiệp nguyện sắp *(kammasamādāna)* theo luôn cả quá khứ, hiện tại, vị lai phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà bực Như Lai biết dị thục quả thành tựu đặc biệt bằng đúng sở *(ṭhāna)* theo nhân của nghiệp nguyện sắp *(kammasamādāna)* luôn cả quá khứ, hiện tại và vị lai thì chính do nhân đó, ông mới nói rằng Như Lai lực tức là cách biết theo thật dị thục quả thành tựu đặc biệt bằng phải sở với nhân của nghiệp nguyện sắp luôn cả quá khứ, hiện tại và vị lai đi khắp luôn bực Thinh Văn.

705.

* Phản ngữ: Bực Thinh Văn biết tiến hành mà dẫn đi đến tất cả thú hướng *(gati)* phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu nói rằng bực Thinh Văn biết tiến hành mà vẫn đi đến tất cả thú hướng *(gati)*, chính do nhân đó, ông mới nói rằng Như Lai lực là cách biết theo thật tiến hành nó sẽ dẫn đi trong tất cả thú hướng *(gati)* khắp luôn đến Thinh Văn như vậy.

706.

* Phản ngữ: Bực Thinh Văn biết vũ trụ có giới hạn khác khác, có giới hạn không phải là ít phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu nói rằng bậc Thinh Văn biết vũ trụ có giới hạn khác khác, có giới hạn chẳng phải ít, chính do nhân đó, ông mới nói rằng Như Lai lực tức là cách biết theo thật, chính vũ trụ nó có giới hạn khác khác, có giới hạn không phải ít luôn đến Thinh Văn.

707.

* Phản ngữ: Thinh Văn là bực biết nết na khác nhau của tất cả chúng sanh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà bực Thinh Văn biết tánh nết khác nhau nơi tất cả chúng sanh, chính do nhân đó, ông mới nói rằng Như Lai lực là cách biết theo thật cùng tánh nết khác nhau nơi tất cả chúng sanh thì trùm luôn đến Thinh Văn.

708.

* Phản ngữ: Bực Thinh Văn biết sự phiền muộn, sự hớn hở, cách xuất của thiền, giải thoát, định và nhập thiền phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà bực Thinh Văn biết sự phiền muộn, sự hớn hở, cách xuất của thiền giải thoát, định và nhập thiền; chính do nhân đó, ông mới nói Như Lai lực tức là cách biết theo thật với sự buồn rầu, sự vui vẻ, cách xuất thiền, giải thoát, định và nhập thiền thì trùm khắp với Thinh Văn.

709.

* Phản ngữ: Bực Thinh Văn Trí biết thành cơ quan nhớ đến uẩn chỗ từng nương ở trong thuở trước phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà bực Thinh Văn Trí biết thành cơ quan nhớ đến uẩn chỗ từng nương ở trong thuở trước; chính do nhân đó, ông mới nói Như Lai lực tức là cách biết theo

thật cùng trí thành cơ quan nhớ đến uẩn chỗ từng nương ở trong khi trước thời đi luôn cả với bực Thinh Văn.

710.

∗ Phản ngữ: Bực Thinh Văn biết sanh tử của tất cả chúng sanh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Nếu mà bực Thinh Văn biết sanh tử của tất cả chúng sanh chính do nhân đó, ông mới nói Như Lai lực là cách biết theo thật sự sanh tử của tất cả chúng sanh thời đi luôn đến bực Thinh Văn.

711.

∗ Phản ngữ: Tất cả lậu của Như Lai và cả bực Thinh Văn đều cũng mất đi hết phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Có nhân chi chi mà làm cho khác nhau giữa sự dứt lậu của Như Lai với sự dứt lậu của bực Thinh Văn hay là trong chặng giữa của sự giải thoát của Như Lai với sự giải thoát của bực Thinh Văn phải chăng? **Tự ngôn:** Không có.

∗ Phản ngữ: Nếu mà không có nhân chi chi làm cho khác nhau trong chặng giữa sự dứt lậu của Như Lai với sự dứt lậu của bực Thinh Văn, hay là trong giữa sự giải thoát của Như Lai với sự giải thoát của bực Thinh Văn. Chính do nhân đó, ông mới nói rằng Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sự dứt mất của tất cả lậu thời đi luôn với bực Thinh Văn.

712.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sự dứt mất của tất cả lậu luôn khắp đến bực Thinh Văn phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong phải sở *(ṭhāna)* và chẳng phải sở *(aṭhāna)* đi luôn khắp với bực Thinh Văn phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

713.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sự dứt mất của tất cả lậu luôn trùm bực Thinh Văn phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sanh tử của tất cả chúng sanh luôn trùm đến bực Thinh Văn phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

714.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong phải chỗ *(ṭhāna)* và phi chỗ *(aṭhāna)* không đi luôn đến bực Thinh Văn phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sự dứt mất của tất cả lậu đó không đi luôn đến bực Thinh Văn phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

715.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sanh và tử của tất cả chúng sanh, không đi luôn đến bực Thinh Văn phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sự dứt tuyệt của tất cả lậu, không đi luôn đến bực Thinh Văn phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

716.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật đối với sự thái quá và bất cập của quyền, không đi khắp đến bực Thinh Văn phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong phải cơ sở *(ṭhāna)* và phi cơ sở *(aṭhāna)*, không đi khắp với bực Thinh Văn phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

717.

* Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật đối sự thái quá và bất cập của quyền, không đi luôn đến bực Thinh Văn phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sự dứt mất của tất cả lậu, không đi khắp đến bực Thinh Văn phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

718.

* Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong phải cơ sở và phi cơ sở *(aṭhāna)*, đi khắp đến bực Thinh Văn phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Như Lai lực là cách biết theo thật đối với sự thái quá và bất cập của quyền, không đi luôn đến bực Thinh Văn phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

719.

* Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sự dứt mất của tất cả lậu đi khắp đến Thinh Văn phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật cùng sự thái quá và bất cập của quyền, đi khắp đến Thinh Văn phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

Dứt Lực ngữ

THÁNH CHÚNG NGỮ *(ARIYANTIKATHĀ)*

720.

* **Tự ngôn:** Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong phải cơ sở và phi cơ sở *(aṭhāna)* thành ra Thánh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành đạo, thành quả, thành Níp-bàn, thành đạo Dự Lưu, thành quả Dự Lưu, thành đạo Nhứt Lai, thành quả Nhứt Lai, thành đạo Bất Hườn, thành quả Bất Hườn, thành đạo Ứng Cúng, thành quả Ứng Cúng, thành Niệm xứ, thành Chánh cần, thành Như ý túc, thành Quyền, thành Lực, thành Giác chi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

721.

* **Tự ngôn:** Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong phải cơ sở và phi cơ sở *(aṭhāna)* thành Thánh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Có tiêu diệt *(suññata)* thành cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Có tiêu diệt thành cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Như Lai lưu ý phải xứ sở *(ṭhāna)* và phi xứ sở luôn, lưu ý lối tiêu diệt luôn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài lưu ý lối phải cơ sở và phi cơ sở *(aṭhāna)* luôn, Ngài lưu ý lối tiêu diệt luôn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành sự hội hiệp của hai cái xúc, của hai cái tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong phải cơ sở và phi cơ sở *(aṭhāna)* thành Thánh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Có vô chứng *(animitta)* làm cảnh phải chăng? ... Có phi nội *(appaṇihita)* làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Có phi nội *(appaṇihita)* làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Như Lai Ngài lưu ý lối phải cơ sở và phi cơ sở *(aṭhāna)* luôn, Ngài lưu ý lối phi nội luôn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Như Lai Ngài lưu ý lối phải cơ sở và phi cơ sở luôn, Ngài lưu ý lối phi nội luôn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành sự hội hiệp của hai thứ xúc, hai cái tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

722.

- **Tự ngôn:** Niệm xứ thành Thánh có tiêu diệt *(suññata)* thành cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong phải cơ sở và phi cơ sở thành Thánh, có tiêu diệt làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Niệm xứ thành Thánh, có vô chứng làm cảnh ... có phi nội làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong phải cơ sở và phi cơ sở thành Thánh có phi nội làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

723.

- **Tự ngôn:** Chánh cần, Như ý túc, Quyền, Lực, Giác chi thành Thánh có tiêu diệt làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong phải cơ sở và phi cơ sở thành Thánh có tiêu diệt làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Giác chi thành Thánh có vô chứng làm cảnh ... có phi nội làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong phải cơ sở và phi cơ sở thành Thánh có phi nội làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

724.

- **Tự ngôn:** Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong phải cơ sở và phi cơ sở thành Thánh nhưng không nên nói rằng có tiêu diệt thành cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Niệm xứ thành Thánh nhưng không nên nói có tiêu diệt làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong phải cơ sở và phi cơ sở thành Thánh, nhưng không nên nói có vô chứng làm cảnh ... có phi nội làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Niệm xứ thành Thánh nhưng không nên nói có phi nội làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong phải cơ sở và phi cơ sở thành Thánh nhưng không nên nói có tiêu diệt làm cảnh ... có vô chứng làm cảnh ... có phi nội làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chánh cần ... Giác chi thành Thánh nhưng không nên nói có phi nội làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

725.

- **Tự ngôn:** Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sanh và tử của tất cả chúng sanh thành Thánh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành đạo, thành quả, thành Níp-bàn, thành đạo Dự Lưu, thành quả Dự Lưu ... thành Giác chi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

726.

- **Tự ngôn:** Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sanh và tử của tất cả chúng sanh thành Thánh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Có tiêu diệt làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Có tiêu diệt làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Như Lai lưu ý về sanh và tử của tất cả chúng sanh luôn, Ngài lưu ý lối tiêu diệt luôn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đức Như Lai lưu ý lối sanh và tử của tất cả chúng sanh luôn, Ngài lưu ý lối tiêu diệt luôn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành sự tụ tập của hai thứ xúc, của hai cái tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sanh và tử của tất cả chúng sanh thành Thánh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Có vô chứng làm cảnh ... có phi nội làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Có phi nội làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Như Lai lưu ý lối sanh và tử của tất cả chúng sanh luôn, Ngài lưu ý lối phi nội luôn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đức Như Lai Ngài lưu ý lối sanh và tử của tất cả chúng sanh luôn, Ngài lưu ý lối phi nội luôn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành sự hội họp của hai thứ xúc, của hai cái tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

727.

- **Tự ngôn:** Niệm xứ thành Thánh có tiêu diệt làm cảnh ... có vô chứng làm cảnh ... có phi nội làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sanh và tử của tất cả chúng sanh thành Thánh, có phi nội làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chánh cần ... Giác chi thành Thánh có tiêu diệt làm cảnh ... có vô chứng làm cảnh ... có phi nội làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sanh và tử của tất cả chúng sanh, thành Thánh có phi nội làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

728.

- **Tự ngôn:** Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sanh và tử của tất cả chúng sanh thành Thánh, nhưng không nên nói có tiêu diệt làm cảnh ... có vô chứng làm cảnh ... có phi nội làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Niệm xứ thành Thánh nhưng không nên nói có phi nội làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

729.

- **Tự ngôn:** Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sanh và tử của tất cả chúng sanh, thành Thánh nhưng không nên nói có tiêu diệt làm cảnh ... có vô chứng làm cảnh ... có phi nội làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chánh cần ... Giác chi thành Thánh nhưng không nên nói có phi nội làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

730.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sự tận của tất cả lậu thành Thánh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong phải cơ sở và phi cơ sở *(aṭhāna)* thành Thánh phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

731.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sự tận của tất cả lậu thành Thánh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sanh và tử của tất cả chúng sanh thành Thánh phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

732.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong phải cơ sở và phi cơ sở không nên nói rằng thành Thánh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sự tận tất cả lậu thời không nên nói rằng thành Thánh phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

733.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sanh và tử của tất cả chúng sanh, không nên nói rằng thành Thánh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sự tận tất cả lậu thời không nên nói rằng thành Thánh phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

734.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sự tận tất cả lậu thành Thánh có tiêu diệt làm cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong phải cơ sở và phi cơ sở cũng thành Thánh có tiêu diệt làm cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sự tận tất cả lậu thành Thánh có vô chứng làm cảnh ... có phi nội làm cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong cơ sở trúng và phi cơ sở cũng thành Thánh có phi nội làm cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

735.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sự tận tất cả lậu thành Thánh có tiêu diệt làm cảnh ... có vô chứng làm cảnh ... có phi nội làm cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sanh và tử của tất cả chúng sanh thời thành Thánh có phi nội làm cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

736.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong phải cơ sở và phi cơ sở thành Thánh nhưng không nên nói có tiêu diệt làm cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sự tận tất cả lậu thành Thánh nhưng không nên nói rằng có tiêu diệt làm cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách hiểu theo thật trong phải cơ sở và phi cơ sở *(aṭhāna)* thành Thánh nhưng không nên nói có vô chứng làm cảnh ... có phi nội làm cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sự tận tất cả lậu cũng thành Thánh, nhưng không nên nói có phi nội làm cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

737.

* Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sanh và tử của tất cả chúng sanh thành Thánh nhưng không nên nói có tiêu diệt làm cảnh ... có vô chứng làm cảnh ... có phi nội làm cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Như Lai lực tức là cách biết theo thật trong sự tận lậu tất cả cũng thành Thánh nhưng không nên nói có phi nội làm cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

Dứt Thánh chúng ngữ

GIẢI THOÁT NGỮ *(VIMUCCATIKATHĀ)*

738.

* **Tự ngôn:** Tâm có Ái *(rāga)* giải thoát đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tâm đồng sanh với Ái, sanh chung với Ái, hỗn hợp với Ái, tương ưng với Ái, hiện chung với Ái, chuyển đi theo Ái thành bất thiện, thành hiệp thế, thành cảnh của lậu, thành cảnh của triền, thành cảnh của phược, thành cảnh của bộc, thành cảnh của phối, thành cảnh của cái, thành cảnh của khinh thị, thành cảnh của thủ, thành cảnh của phiền não giải thoát đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

739.

* **Tự ngôn:** Tâm có Xúc giải thoát đặng, giải thoát cả hai tức là Xúc và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tâm có Ái giải thoát đặng, giải thoát cả hai tức là cả Ái và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

740.

* **Tự ngôn:** Tâm có Thọ ... Tâm có Tưởng ... Tâm có Tư ... Tâm có Tuệ giải thoát đặng, giải thoát cả hai thứ tức là cả Tuệ và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tâm có Ái giải thoát đặng, giải thoát cả hai tức là cả Ái và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

741.

* **Tự ngôn:** Tâm có Xúc, có Ái giải thoát đặng, giải thoát cả hai tức là cả Xúc và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Giải thoát cả hai tức là cả Ái và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

742.

* **Tự ngôn:** Tâm có Thọ, có Ái ... Tâm có Tưởng, có Ái ... Tâm có Tuệ, có Ái giải thoát đặng, giải thoát cả hai tức là cả Tuệ và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Giải thoát cả hai tức là cả Ái và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

743.

* **Tự ngôn:** Tâm có Sân giải thoát đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tâm đồng sanh với Sân, sanh chung với Sân, hỗn hợp với Sân, tương ưng với Sân hiện chung với Sân, biến chuyển đi theo Sân, thành bất thiện, thành vô ký, thành cảnh của lậu ... thành cảnh của phiền não giải thoát đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

744.

* **Tự ngôn:** Tâm có Xúc giải thoát đặng, giải thoát cả hai tức là cả Xúc và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tâm có Sân giải thoát đặng, giải thoát cả hai tức là cả Sân và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

745.

* **Tự ngôn:** Tâm có Thọ ... Tâm có Tưởng ... Tâm có Tư ... Tâm có Tuệ giải thoát đặng, giải thoát cả hai tức là luôn cả Tuệ và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tâm có Sân giải thoát đặng, giải thoát cả hai tức là luôn cả Sân và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

746.

* **Tự ngôn:** Tâm có Xúc, có Sân giải thoát đặng, giải thoát cả hai tức là luôn cả Xúc và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Giải thoát cả hai tức là luôn cả Sân và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

747.

* **Tự ngôn:** Tâm có Thọ, có Sân ... Tâm có Tưởng, có Sân ... Tâm có Tư, có Sân ... Tâm có Tuệ, có Sân giải thoát đặng, giải thoát cả hai tức là luôn cả Tuệ và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Giải thoát cả hai tức là luôn cả Sân và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

748.

* **Tự ngôn:** Tâm có Si giải thoát đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tâm đồng sanh với Si sanh chung với Si, hỗn hợp với Si, tương ưng với Si, đồng hiện với Si, chuyển đi theo Si thành bất thiện, thành hiệp thế, thành cảnh của lậu ... thành cảnh của phiền não giải thoát đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

749.

* **Tự ngôn:** Tâm có Xúc giải thoát đặng, giải thoát cả hai tức là luôn cả Xúc và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tâm có Si giải thoát đặng, giải thoát cả hai tức là luôn cả Si và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

750.

* **Tự ngôn:** Tâm có Thọ ... Tâm có Tưởng ... Tâm có Tư ... Tâm có Tuệ giải thoát đặng, giải thoát cả hai tức là luôn cả Tuệ và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tâm có Si giải thoát đặng, giải thoát cả hai tức là luôn cả Si và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

751.

* **Tự ngôn:** Tâm có Xúc, có Si giải thoát đặng, giải thoát cả hai tức là luôn cả Xúc và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Giải thoát cả hai tức là luôn cả Si và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

752.

* **Tự ngôn:** Tâm có Thọ, có Si ... Tâm có Tưởng, có Si ... Tâm có Tư, có Si ... Tâm có Tuệ, có Si, giải thoát đặng, giải thoát cả hai tức là luôn cả Tuệ và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Giải thoát cả hai tức là luôn cả Si và Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

753.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng tâm có Ái, có Sân, có Si giải thoát đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tâm xa lìa Ái, xa lìa Sân, xa lìa Si, dứt phiền não là giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó tâm có Ái, có Sân, có Si cũng giải thoát đặng chớ gì !

Dứt Giải thoát ngữ

GIẢI THOÁT NGÃ MẠN NGỮ *(VIMUCCAMANAKATHA)*

754.

* **Tự ngôn:** Tâm mà đã giải thoát còn đang giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Một phần đã giải thoát, một phần nữa chưa đặng giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

755.

* **Tự ngôn:** Một phần đã giải thoát, một phần nữa chưa giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Một phần thành Dự Lưu, một phần nữa không thành Dự Lưu, một phần đến rồi đã đặng, về phần đã đắc chứng, đã làm cho rõ, đang vào đến, đang đụng chạm với thân thuộc quả Dự Lưu, một phần nữa vẫn không đụng chạm với thân cùng quả Dự Lưu, một phần thành bực Thất Lai *(Sattakhattuparama),* bực Lục Lai *(Kolaṅkola),* bực Nhứt Lai *(Ekabījī)* hiệp với sự đức tin mà không lay động trong Phật bảo ... Pháp bảo ... Tăng bảo ... hiệp với Thánh giới nhứt định, một phần nữa không hiệp với Thánh giới nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

756.

* **Tự ngôn:** Một phần đã giải thoát, một phần nữa chưa giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Một phần thành Nhứt Lai, một phần nữa không thành Nhứt Lai, một phần đã đến, đã đặng trọn đắc chứng rồi, đã làm cho rõ rệt, vẫn vào đến, vẫn đụng chạm với thân cùng quả Nhứt Lai, một phần nữa vẫn không đụng chạm với thân cùng quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

757.

* **Tự ngôn:** Một phần đã giải thoát, một phần nữa chưa giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Một phần thành bực Bất Lai, một phần không thành bực Bất Lai, một phần đã đến, đã đặng trọn, đã đắc chứng, đã làm cho rõ, vẫn vào đến, vẫn đụng chạm với thân cùng quả Bất Lai, một phần nữa vẫn không đụng chạm với thân cùng quả Bất Lai, một phần nữa thành Bất Lai, bực Trung bang bất hườn *(Antarāparinibbāyī)*, bực Sanh bang bất hườn *(Upahaccaparinibbāyī)*, bực Vô hành bang bất hườn *(Asaṅkhāra-parinibbāyī)*, bực Hữu hành bang bất hườn *(Sasaṅkhārāparinibbāyī)*, bực Thượng lưu bang bất hườn *(Uddhaṁsoto akanitthagāmī),* một phần nữa không thành bực Bất Lai Thượng lưu bang bất hườn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

758.

- **Tự ngôn:** Một phần đã giải thoát, một phần nữa chưa giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Một phần thành La Hán, một phần nữa không thành La Hán, một phần đã đến, đã đặng trọn, đã đắc chứng, đã làm cho rõ, vẫn vào đến, vẫn đụng chạm với thân cùng quả La Hán, một phần nữa vẫn không đụng chạm với thân cùng quả La Hán, một phần đã xa lìa Ái, Sân, Si ... một phần đã làm cho rõ pháp đáng làm cho rõ, một phần nữa không làm cho rõ pháp đáng làm cho rõ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

759.

- **Tự ngôn:** Tâm mà đã giải thoát, vẫn còn giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tâm đã giải thoát trong sát-na sanh, vẫn còn giải thoát trong sát-na diệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

760.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng tâm đã giải thoát còn đang giải thoát phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng khi người ấy đang biết thế này, đang thấy thế này, tâm vẫn giải thoát xa lìa Dục lậu, tâm vẫn giải thoát xa lìa Hữu lậu, tâm vẫn giải thoát xa lìa Vô minh lậu. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó, Tâm đã giải thoát cũng còn đang giải thoát chớ gì!

761.

- **Tự ngôn:** Tâm đã giải thoát còn đang giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Người ấy khi tâm đã đình trụ, thành tâm thanh tịnh trong sạch không có phiền não cơ quan nịnh hót, xa lìa tùy phiền não thành tâm mềm vừa với công chuyện, đến sự thành tâm không lay động đã đình trụ thế này, vẫn hướng tâm đặng đi đến tuệ, thành cơ quan tuyệt mất lậu". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó, thời không nên nói tâm đã giải thoát còn đang giải thoát.

762.

- **Tự ngôn:** Tâm đang giải thoát vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tâm đang dục vọng, đang chống báng, đang tối tăm, đang phiền muộn vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tâm chỉ có đã dục vọng và đã không dục vọng, đã chống đối và đã không chống đối, đã tối tăm và đã không tối tăm, đã dứt và đã không dứt, đã bể và đã không bể mà duyên đã trợ và duyên đã không trợ bao nhiêu đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà tâm chỉ có đã dục vọng và đã không dục vọng, đã chống đối và đã không chống đối, đã tối tăm và đã không tối tăm, đã dứt và đã không dứt, đã bể và đã không bể mà duyên đã trợ và duyên *(paccaya)*, đã không trợ bao nhiêu đó thời không nên nói rằng tâm đang giải thoát vẫn có.

Dứt Giải thoát ngã mạn ngữ

ĐỆ BÁT NGỮ *(AṬṬHAMAKA KATHA)*

763.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám đã bài trừ cơ quan bao trùm tức là Tà kiến đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám thành bực Dự Lưu, thành bực đã đến, đặng phần rồi, đã đắc chứng, đã làm cho rõ, vẫn vào đến, vẫn đụng chạm với thân thuộc quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

764.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám đã bài trừ cơ quan vây phủ tức là Hoài nghi đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám thành Dự Lưu, thành bực đã đến ... vẫn đụng chạm với thân cùng quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

765.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám đã bài trừ cơ quan vây phủ tức là Tà kiến đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám đã bài trừ tùy miên tức là Tà kiến, đặng rồi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người thứ tám bài trừ cơ quan vây phủ tức là Tà kiến đặng rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám bài trừ tùy miên tức là Hoài nghi ... Giới cấm thủ, khinh thị đặng rồi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

766.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám bài trừ cơ quan vây phủ tức là Hoài nghi đặng rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám bài trừ tùy miên tức là Hoài nghi đặng rồi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người thứ tám bài trừ cơ quan vây phủ tức là Hoài nghi đặng rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám bài trừ tùy miên tức là Tà kiến ... Giới cấm thủ, khinh thị đặng rồi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

767.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám bài trừ tùy miên tức là Tà kiến chưa đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám bài trừ cơ quan vây phủ tức là Tà kiến chưa đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người thứ tám bài trừ tùy miên tức là Tà kiến chưa đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám bài trừ cơ quan vây phủ tức là Hoài nghi chưa đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người thứ tám bài trừ tùy miên tức là Hoài nghi ... Giới cấm thủ, khinh thị chưa đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám bài trừ cơ quan vây phủ tức là Tà kiến chưa đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người thứ tám bài trừ Giới cấm thủ, khinh thị chưa đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám bài trừ cơ quan vây phủ tức là Hoài nghi chưa đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

768.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám bài trừ cơ quan vây phủ tức là Tà kiến đặng rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám đã làm cho đạo phát sanh để bài trừ cơ quan vây phủ tức là Tà kiến phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người thứ tám bài trừ cơ quan vây phủ tức là Tà kiến đặng rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám đã làm cho Niệm xứ phát sanh ... Chánh cần ... Giác chi phát sanh để bài trừ cơ quan vây phủ tức là Tà kiến phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

769.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám bài trừ cơ quan vây phủ tức là Hoài nghi đặng rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám đã làm cho đạo phát sanh ... đã làm cho Giác chi phát sanh để bài trừ cơ quan vây phủ tức là Hoài nghi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

770.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám không đặng làm cho đạo phát sanh để bài trừ cơ quan vây phủ tức là Tà kiến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cơ quan vây phủ tức là Tà kiến mà người thứ tám bài trừ đặng rồi với pháp phi đạo thành hiệp thế, thành cảnh của lậu, thành cảnh của phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người thứ tám không đặng làm cho Niệm xứ ... Giác chi sanh ra để bài trừ cơ quan vây phủ tức là Tà kiến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cơ quan vây phủ tức là Tà kiến mà người thứ tám đã bài trừ đặng bằng pháp phi đạo thành hiệp thế, thành cảnh của lậu ... thành cảnh của phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

771.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám đã không đặng làm cho đạo phát sanh ... không đặng làm cho Niệm xứ ... không đặng làm cho Giác chi phát sanh để bài trừ cơ quan vây phủ tức là Hoài nghi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cơ quan vây phủ tức là Hoài nghi mà người thứ tám đã bài trừ đặng bằng pháp phi đạo thành hiệp thế, thành cảnh của lậu ... thành cảnh của phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

772.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng người thứ tám bài trừ cơ quan vây phủ tức là Tà kiến đặng rồi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Cơ quan vây phủ tức là Tà kiến còn sẽ sanh phải chăng? **Tự ngôn:** Sẽ không sanh nữa.
* Phản ngữ: Nếu nói rằng sẽ không sanh nữa, chính do nhân đó mới nói người thứ tám bài trừ cơ quan vây phủ tức là Tà kiến đặng rồi.

773.

* Phản ngữ: Chớ nên nói người thứ tám bài trừ cơ quan vây phủ tức là Hoài nghi đặng rồi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Cơ quan vây phủ tức là Hoài nghi còn sẽ sanh ra phải chăng? **Tự ngôn:** Sẽ không phát sanh.
* Phản ngữ: Nếu mà nói sẽ không phát sanh, chính do nhân đó mới nói người thứ tám bài trừ cơ quan vây phủ tức là Hoài nghi đặng rồi.

774.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám gọi là bài trừ cơ quan vây phủ tức là Tà kiến đặng rồi do giải rằng sẽ không sanh nữa phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám gọi là bài trừ tùy miên tức là Tà kiến đặng rồi do giải rằng sẽ không sanh nữa phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

775.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám gọi là bài trừ cơ quan vây phủ tức là Tà kiến đặng rồi do giải rằng sẽ không sanh nữa phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám gọi là bài trừ tùy miên tức là Hoài nghi ... Giới cấm thủ, khinh thị đặng rồi do giải rằng sẽ không sanh nữa phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

776.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám gọi là bài trừ cơ quan vây phủ tức là Hoài nghi đặng rồi do giải rằng sẽ không phát sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám gọi là bài trừ tùy miên tức là Hoài nghi ... Giới cấm thủ, khinh thị đặng rồi do giải rằng sẽ không phát sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

777.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám gọi là bài trừ cơ quan vây phủ tức là Tà kiến đặng rồi do giải rằng sẽ không phát sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người bực Chuyển Biến *(Gotrabhū)* gọi là bài trừ cơ quan vây phủ tức là Tà kiến đặng rồi do giải rằng sẽ không phát sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

778.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám gọi là bài trừ cơ quan vây phủ tức là Hoài nghi đặng rồi do giải rằng sẽ không phát sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người bực Chuyển Biến *(Gotrabhū)* gọi là bài trừ cơ quan vây phủ tức là Hoài nghi đặng rồi do giải rằng sẽ không phát sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Đệ bát ngữ (Aṭṭhamakakathā)

ĐỆ BÁT QUYỀN NGỮ *(AṬṬHAMAKASSAINDRIYAKATHA)*

779.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám không có Tín quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám không có đức tin phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

780.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám không có Cần quyền ... không có Niệm quyền ... không có Định quyền ... không có Tuệ quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám không có tuệ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

781.

- **Tự ngôn:** Người thứ tám có đức tin phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người thứ tám có Tín quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người thứ tám có Cần ... có Niệm ... có Định ... có Tuệ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người thứ tám có Tuệ quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

782.

- **Tự ngôn:** Người thứ tám có ý, có Ý quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người thứ tám có đức tin, có Tín quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người thứ tám có ý, có Ý quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người thứ tám có tuệ, có Tuệ quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

783.

- **Tự ngôn:** Người thứ tám có hỷ (thọ), có Hỷ quyền ... có Mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người thứ tám có đức tin có Tín quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người thứ tám có mạng, có Mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người thứ tám có cần ... có tuệ, có Tuệ quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

784.

- **Tự ngôn:** Người thứ tám có đức tin nhưng không có Tín quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người thứ tám có ý nhưng không có Ý quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

785.

- **Tự ngôn:** Người thứ tám có đức tin nhưng không có Tín quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người thứ tám có hỷ (thọ) nhưng không có Hỷ quyền ... có mạng nhưng không có Mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

786.

- **Tự ngôn:** Người thứ tám có tuệ nhưng không có Tuệ quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người thứ tám có ý nhưng không có Ý quyền ... có hỷ (thọ) nhưng không có Hỷ quyền ... có mạng nhưng không có Mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

787.

- **Tự ngôn:** Người thứ tám có Tín quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người thứ tám thành người không có đức tin phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người thứ tám không có Cần quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người thứ tám thành người lười biếng, bỏ sự Tinh tấn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người thứ tám không có Niệm quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám thành người thất niệm, không có lương tri phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người thứ tám không có Định quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám thành người không có định, có tâm yếu ớt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

788.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám không có Tuệ quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám thành người có trí thô sơ, khờ khạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

789.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám có đức tin và đức tin ấy thành nhân xuất luân hồi *(niyyānika)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu nói rằng người thứ tám có đức tin và đức tin ấy thành cơ quan xuất luân hồi thời không nên nói người thứ tám không có Tín quyền.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám có cần và cần ấy thành nhân xuất luân hồi ... có niệm và niệm ấy thành nhân xuất luân hồi, có định và định ấy thành nhân xuất luân hồi, có tuệ và tuệ ấy thành nhân xuất luân hồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu nói rằng người thứ tám có tuệ và tuệ ấy thành nhân xuất luân hồi thời không nên nói người thứ tám không có Tuệ quyền.

790.

* **Tự ngôn:** Người bực thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai *(Sakadāgāmiphala)* có đức tin có Tín quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám có đức tin, có Tín quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Tiến Hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai có tuệ, có Tuệ quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám có tuệ, có Tuệ quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

791.

* **Tự ngôn:** Bực thật hành để làm cho rõ quả Bất Lai ... Bực thật hành để làm cho rõ quả La Hán có đức tin, có Tín quyền ... có tuệ, có Tuệ quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám có tuệ, có Tuệ quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

792.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám có đức tin nhưng không có Tín quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai có đức tin nhưng không có Tín quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người thứ tám có tuệ nhưng không có Tuệ quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai có tuệ nhưng không có Tuệ quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

793.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám có đức tin nhưng không có Tín quyền ... có tuệ nhưng không có Tuệ quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực thật hành để làm cho rõ quả Bất Lai ... bực thật hành để làm cho rõ quả La Hán có tuệ nhưng không có Tuệ quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

794.

* **Tự ngôn:** Người thứ tám không có Ngũ quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Quyền đây có năm cách. Năm cách đó ra sao? Một là Tín quyền, hai là Cần quyền, ba là Niệm quyền, bốn là Định quyền, năm là Tuệ quyền. Đây là Ngũ quyền, này chư Phíc-khú, do sự đầy đủ của năm quyền này mới thành La Hán, sụt hơn đó cũng thành bực thật hành để làm cho rõ quả La Hán, sụt hơn đó cũng thành bực Bất Lai, sụt hơn đó cũng thành bực thật hành để làm cho rõ quả Bất Lai, sụt hơn đó cũng thành Nhứt Lai, sụt hơn đó cũng thành bực thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai, sụt hơn nữa cũng thành bực Thất Lai, sụt hơn đó cũng thành bực thật hành để làm cho rõ quả Thất Lai. Này chư Phíc-khú, người nào không có Ngũ quyền này thì đối với các cách Như Lai gọi người ấy là người bên ngoài, thành bực đình trụ trong phía phàm phu". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thứ tám thành người bên ngoài, thành bực đình trụ trong phía phàm phu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó người thứ tám cũng có Ngũ quyền chớ gì !

Dứt Đệ bát quyền ngữ

THIÊN NHÃN NGỮ *(DIBBACAKKHUKATHA)*

795.

* **Tự ngôn:** Nhục nhãn *(Maṁsacakkhu)* đã có pháp ủng hộ thì thành Thiên nhãn *(Dibbacakkhu)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhục nhãn cũng là Thiên nhãn, Thiên nhãn cũng là Nhục nhãn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

796.

* **Tự ngôn:** Nhục nhãn đã có pháp bảo trợ thời thành Thiên nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhục nhãn như thế nào thời Thiên nhãn cũng như thế ấy, Thiên nhãn như thế thì Nhục nhãn cũng như thế ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

797.

* **Tự ngôn:** Nhục nhãn đã có pháp bảo trợ thời thành Thiên nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhục nhãn cái đó Thiên nhãn cũng cái đó, Thiên nhãn cái đó Nhục nhãn cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

798.

* **Tự ngôn:** Nhục nhãn mà pháp đã ủng hộ thời thành Thiên nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Tánh chất quyền lực cảnh giới *(gocara)* của Nhục nhãn như thế nào thời tánh chất quyền lực cảnh giới của Thiên nhãn cũng như thế ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

799.

* **Tự ngôn:** Nhục nhãn mà pháp đã ủng hộ thành Thiên nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành do thủ rồi thành phi do thủ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

800.

* **Tự ngôn:** Thành do thủ rồi thành phi do thủ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Dục giới rồi thành Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

801.

* **Tự ngôn:** Thành Dục giới rồi thành Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Sắc giới rồi thành Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

802.

* **Tự ngôn:** Thành Sắc giới rồi thành Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành liên quan luân hồi *(pariyāpannā)* rồi thành bất liên quan luân hồi *(apariyāpannā)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

803.

* **Tự ngôn:** Nhục nhãn mà pháp đã ủng hộ thời thành Thiên nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thiên nhãn mà pháp đã ủng hộ rồi cũng thành Nhục nhãn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

804.

* **Tự ngôn:** Nhục nhãn mà pháp đã ủng hộ rồi thành Thiên nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thiên nhãn mà pháp đã ủng hộ rồi thành Tuệ nhãn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

805.

* **Tự ngôn:** Nhục nhãn mà pháp hộ trợ rồi thành Thiên nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thiên nhãn mà pháp bảo trợ rồi thành Nhục nhãn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

806.

* **Tự ngôn:** Nhục nhãn mà pháp bảo trợ rồi thành Thiên nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn chỉ có hai thứ đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

807.

* **Tự ngôn:** Nhãn chỉ có hai thứ đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Nhãn có ba tức là Nhục nhãn, Thiên nhãn và Tuệ nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng nhãn có ba tức là Nhục nhãn, Thiên nhãn và Tuệ nhãn thì cũng không nên nói rằng nhãn chỉ có hai thứ đó.

808.

- **Tự ngôn:** Nhãn chỉ có hai thứ đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, nhãn theo đây có ba thứ. Ba thứ đó ra sao? Nhục nhãn, Thiên nhãn,Tuệ nhãn; nhãn có ba thứ như đây vậy.
- **Tự ngôn:** Đức Phật - bực Thượng Thiện *(Purisuttama)*- có phán: "Nhãn đây có ba tức là Nhục nhãn, Thiên nhãn và Tuệ nhãn đã sắp chót vót, sự phát sanh của Nhục nhãn thành nẻo của Thiên nhãn thời khi nào trí tức là Tuệ nhãn chót vót đã phát sanh lên thì khi ấy vẫn vượt khỏi tất cả khổ do cách đặng nhãn ấy". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó không nên nói nhãn chỉ có hai thứ đó.

Dứt Thiên nhãn ngữ

THIÊN NHĨ NGỮ *(DIBBASOTA KATHĀ)*

809.

- **Tự ngôn:** Nhục nhĩ mà pháp đã hộ trợ thành Thiên nhĩ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhục nhĩ cũng là Thiên nhĩ, Thiên nhĩ cũng là Nhục nhĩ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

810.

- **Tự ngôn:** Nhục nhĩ *(Maṅsato)* mà pháp đã hộ trợ thành Thiên nhĩ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhục nhĩ như thế nào thì Thiên nhĩ cũng như thế đó; Thiên nhĩ như thế nào thì Nhục nhĩ cũng như thế đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

811.

- **Tự ngôn:** Nhục nhĩ mà pháp đã hộ trợ thành Thiên nhĩ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhục nhĩ cái đó Thiên nhĩ cũng cái đó vậy. Thiên nhĩ cái đó, Nhục nhĩ cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

812.

- **Tự ngôn:** Nhục nhĩ mà pháp đã hộ trợ thành Thiên nhĩ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tánh chất quyền lực cảnh giới của Nhục nhĩ như thế nào thời tánh chất quyền lực cảnh giới của Thiên nhĩ cũng như thế đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

813.

- **Tự ngôn:** Nhục nhĩ mà pháp hộ trợ rồi thành Thiên nhĩ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành do thủ rồi thành phi do thủ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

814.

- **Tự ngôn:** Thành do thủ rồi thành phi do thủ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành Dục giới rồi thành Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

815.

* **Tự ngôn:** Thành Dục giới rồi thành Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Sắc giới rồi thành Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

816.

* **Tự ngôn:** Thành Sắc giới rồi thành Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành liên quan luân hồi rồi thành bất liên quan luân hồi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

817.

* **Tự ngôn:** Nhục nhĩ mà pháp hộ trợ rồi thành Thiên nhĩ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thiên nhĩ mà pháp hộ trợ rồi cũng thành Nhục nhĩ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

818.

* **Tự ngôn:** Nhục nhĩ mà pháp hộ trợ rồi thành Thiên nhĩ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhĩ chỉ có một thứ đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

819.

* **Tự ngôn:** Nhĩ chỉ có một thứ đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Nhĩ chỉ có 2 thứ tức là Nhục nhĩ và Thiên nhĩ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng nhĩ chỉ có 2 thứ tức là Nhục nhĩ và Thiên nhĩ thời không nên nói nhĩ chỉ có 2 thứ đó!

Dứt Thiên nhĩ ngữ

TÙY NGHIỆP HÀNH TRÍ NGỮ *(YATHAKAMMUPAGATAÑAṆAKATHA)*

820.

* **Tự ngôn:** Tùy nghiệp hành trí thành Thiên nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Làm để trong lòng cùng sự mà chúng sanh hành vi theo nghiệp luôn, thấy sắc đặng bằng Thiên nhãn luôn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

821.

* **Tự ngôn:** Làm để trong lòng cùng sự mà chúng sanh hành vi theo nghiệp luôn, thấy sắc đặng bằng Thiên nhãn luôn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành cách tập hợp của 2 cái xúc, của 2 thứ tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

822.

* **Tự ngôn:** Tùy nghiệp hành trí thành Thiên nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Làm trong tâm cùng nói rằng: "Chúng sanh những đây hả các Ngài", luôn như thế làm trong tâm cùng nói rằng: "Thành người hiệp với thân ác", luôn như thế làm để trong tâm cùng nói rằng: "Thành người hiệp với khẩu ác", luôn như thế làm để trong tâm cùng nói rằng: "Thành người hiệp với ý ác", luôn như thế làm để trong tâm cùng nói rằng: "Thành người mắng nhiếc chư Thánh", luôn như thế làm để trong tâm cùng nói rằng: "Thành Tà kiến", luôn như thế làm để trong tâm cùng nói rằng: "Nguyện sắp đặt nghiệp tức là Tà kiến", luôn như thế làm để trong tâm cùng nói rằng: "Những chúng sanh đó đã vào đến nơi khổ thú, cảnh khổ Ngạ quỉ, Địa ngục sau khi

chết", luôn như thế làm để trong tâm cùng nói rằng: "Hay là những chúng sanh này các Ngài", luôn như thế làm để trong tâm cùng nói rằng: "Thành người hiệp với thân thiện", luôn như thế làm để trong tâm cùng nói rằng: "Thành người hiệp với khẩu thiện", luôn như thế làm để trong tâm cùng nói rằng: "Thành người hiệp với ý thiện", luôn như thế làm để trong tâm cùng nói rằng: "Thành người không mắng nhiếc chư Thánh", luôn như thế làm để trong tâm cùng nói rằng: "Thành Chánh kiến", luôn như thế làm để trong tâm cùng nói rằng: "Nguyện sắp nghiệp tức là Chánh kiến", luôn như thế làm để trong tâm cùng nói rằng: "Những chúng sanh đó đã vào đến nơi lạc thú, thiên đường lúc sau khi chết rồi", như thế luôn thấy sắc bằng Thiên nhãn luôn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

823.

- **Tự ngôn:** Tùy nghiệp hành trí thành Thiên nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Làm để trong tâm cùng nói rằng: "Những chúng sanh đây hả các Ngài", như thế luôn ... làm để trong tâm cùng nói rằng: "Những chúng sanh đó đã đặng vào đến nơi lạc thú, thiên đường sau khi chết rồi", như thế luôn thấy sắc bằng Thiên nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành cách hội hiệp của hai thứ xúc, của hai thứ tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

824.

- **Tự ngôn:** Tùy nghiệp hành trí thành Thiên nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cũng có người thành bực không có Thiên nhãn, thành bực đã không đắc trọn phần, không đắc chứng, đã không làm cho tỏ Thiên nhãn nhưng biết đặng sự vật nơi tất cả chúng sanh hiện hành theo nghiệp vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu nói cũng có người thành bực không có Thiên nhãn, thành bực đã không đắc trọn, đã không chứng, đã không làm cho tỏ Thiên nhãn nhưng đặng biết sự vật nơi tất cả chúng sanh hiện thành theo nghiệp vẫn có thời không nên nói rằng tùy nghiệp hành trí là Thiên nhãn.

825.

- **Tự ngôn:** Tùy nghiệp hành trí là Thiên nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ngài Xá Lợi Phất *(Sāriputta)* biết sự vật nơi tất cả chúng sanh hiện hành theo nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Ngài Xá Lợi Phất biết sự vật nơi tất cả chúng sanh hiện hành theo nghiệp thời không nên nói tùy nghiệp hành trí là Thiên nhãn.

826.

- **Tự ngôn:** Ngài Xá Lợi Phất biết sự vật nơi tất cả chúng sanh hiện hành theo nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ngài Xá Lợi Phất có Thiên nhãn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

827.

- **Tự ngôn:** Ngài Xá Lợi Phất có Thiên nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ngài Xá Lợi Phất có nói lời như vầy: "Cách lập hy vọng hầu đặng tiền kiếp trí *(pubbenivāsañāṇa)*, thiên nhãn trí *(dibbacakkhuñāṇa)*, tha tâm trí *(cetopariyañāṇa)*, thần túc *(iddhividhi)*, sự trong ngần của nhĩ giới và trí tử sanh *(cutūppātañāṇa)* của ta chưa có". Như đây thật là bài Kinh vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói tùy nghiệp hành trí là Thiên nhãn như đây.

Dứt Tùy nghiệp hành trí ngữ

THU THÚC NGỮ *(SAṂVARAKATHA)*

828.

* **Tự ngôn:** Sự thu thúc vẫn có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự không thu thúc cũng vẫn có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

829.

* **Tự ngôn:** Sự không thu thúc không có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự thu thúc cũng không có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

830.

* **Tự ngôn:** Giới là sự thu thúc từ nơi sự không thu thúc phải chăng? Sự thu thúc vẫn có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Giới là sự thu thúc từ nơi sự không thu thúc nào thì sự không thu thúc ấy cũng vẫn có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Ngài nên lãnh hội chinh lệ *(niggaha)* nếu mà giới là sự thu thúc từ nơi sự không thu thúc, thời sự thu thúc vẫn có trong hàng Chư thiên. Chính do nhân đó (Ngài) mới nói rằng giới là sự thu thúc từ nơi sự không thu thúc nào thì sự không thu thúc ấy cũng vẫn có trong hàng Chư thiên, mà Ngài nói trong vấn đề đó như vầy: "Nên nói rằng giới là sự thu thúc từ nơi sự không thu thúc mà sự thu thúc vẫn có trong hàng Chư thiên nhưng không nên nói giới là sự thu thúc từ nơi sự không thu thúc nào thì sự không thu thúc ấy cũng vẫn có trong hàng Chư thiên như thế là sai! Nhưng nếu không nên nói rằng giới là sự thu thúc từ nơi sự không thu thúc nào thì sự không thu thúc ấy cũng vẫn có trong hàng Chư thiên, cũng không nên nói giới là sự thu thúc từ nơi sự không thu thúc mà sự thu thúc vẫn có trong hàng Chư thiên. Chỗ Ngài nói trong vấn đề đó như vầy: "Nên nói đặng rằng giới là sự thu thúc từ nơi sự không thu thúc mà sự thu thúc vẫn có trong hàng Chư thiên, nhưng không nên nói rằng giới là sự thu thúc từ nơi sự không thu thúc nào thì sự không thu thúc ấy cũng vẫn có trong hàng Chư thiên như thế vậy là sai!

831.

* **Tự ngôn:** Sự thu thúc vẫn có trong nhân loại, sự không thu thúc cũng vẫn có trong đám nhân loại ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự thu thúc vẫn có trong hàng Chư thiên, sự không thu thúc cũng vẫn có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

832.

* **Tự ngôn:** Sự thu thúc vẫn có trong hàng Chư thiên, sự không thu thúc vẫn không có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự thu thúc vẫn có trong nhân loại, sự không thu thúc không có trong nhân loại phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

833.

* **Tự ngôn:** Cách tránh xa sát sanh vẫn có trong Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sát sanh cũng vẫn có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

- **Tự ngôn:** Cách tránh xa nhân thành cơ sở của sự dễ duôi như là uống nước say tức là rượu và men vẫn có trong Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhân thành chỗ cơ sở của sự dễ duôi như là uống nước say tức là rượu và men cũng vẫn có trong Chư thiên ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

834.

- **Tự ngôn:** Sát sanh vẫn không có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cách tránh xa sát sanh cũng không có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nhân thành cơ sở của sự dễ duôi là uống nước say tức là rượu và men không có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cách tránh xa nhân thành cơ sở của sự dễ duôi là uống nước say tức là rượu và men cũng không có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

835.

- **Tự ngôn:** Cách tránh xa sát sanh vẫn có trong nhân loại, sát sanh cũng vẫn có trong nhân loại đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cách tránh xa sát sanh vẫn có trong hàng Chư thiên, sát sanh cũng vẫn có trong hàng Chư thiên ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Cách tránh xa nhân thành cơ sở của sự dễ duôi là uống nước say tức là rượu và men vẫn có trong nhân loại, thành nhân cơ sở của sự dễ duôi là uống nước say tức là rượu và men cũng vẫn có trong nhân loại đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cách tránh xa nhân cơ sở của sự dễ duôi là uống nước say tức là rượu và men vẫn có trong hàng Chư thiên, nhân thành cơ sở của sự dễ duôi là uống nước say tức là rượu và men cũng vẫn có trong hàng Chư thiên ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

836.

- **Tự ngôn:** Cách tránh xa sát sanh vẫn có trong hàng Chư thiên, sát sanh không có trong hàng Chư thiên ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cách tránh xa sát sanh vẫn có trong nhân loại, sát sanh không có trong nhân loại ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Cách tránh xa nhân thành cơ sở của sự dễ duôi là uống nước say tức là rượu và men vẫn có trong hàng Chư thiên; nhân thành cơ sở của sự dễ duôi là uống nước say tức là rượu và men không có trong hàng Chư thiên đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cách tránh xa nhân thành cơ sở của sự dễ duôi là uống nước say tức là rượu và men vẫn có trong nhân loại; nhân thành cơ sở của sự dễ duôi là uống nước say tức là rượu và men không có trong nhân loại ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

837.

- Phản ngữ: Sự thu thúc không có trong hàng Chư thiên phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Tất cả Chư thiên thành bực sát sanh, thành bực thu đạo, thành bực tà dâm, thành bực vọng ngữ, thành bực đình trụ trong sự dễ duôi là uống nước say tức là rượu và men phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Nếu cách ấy thời sự thu thúc cũng vẫn có trong hàng Chư thiên chứ gì!

Dứt Thu thúc ngữ

VÔ TƯỞNG NGỮ *(ASAÑÑAKATHA)*

838.

* **Tự ngôn:** Tưởng vẫn có trong chúng sanh vô tưởng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành tưởng hữu *(saññābhava)*, thành tưởng thú hướng *(saññāgati)*, thành tưởng ngã trụ *(saññāsattāvāsa)*, thành tưởng luân hồi, thành tưởng sinh *(saññāyoni)*, thành tưởng tự thân báo *(saññāttabhāvapaṭilābha)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

839.

* **Tự ngôn:** Thành vô tưởng hữu, thành vô tưởng thú hướng, thành vô tưởng tự trụ, thành vô tưởng luân hồi, thành vô tưởng sinh, thành vô tưởng tự thân báo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu nói thành vô tưởng hữu, thành vô tưởng thú hướng *(gati)*, thành vô tưởng tự trụ, thành vô tưởng luân hồi, thành vô tưởng sinh, thành vô tưởng tự thân báo thời không nên nói tưởng vẫn có trong chúng sanh vô tưởng.

840.

* **Tự ngôn:** Tưởng vẫn có trong chúng sanh vô tưởng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Ngũ uẩn hữu, thành ngũ uẩn thú *(gati)*, chúng sanh trụ *(sattāvāsa)*, luân hồi, sinh *(yoni)*, ngã thân báo *(attabhāvapaṭilābha)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

841.

* **Tự ngôn:** Thành Nhứt uẩn hữu, thành nhứt uẩn thú *(gati)*, chúng sanh trụ, luân hồi, sinh *(yoni)*, ngã thân báo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu nói thành nhứt uẩn hữu, thú *(gati)*, chúng sanh trụ, luân hồi, sinh *(yoni)*, ngã thân báo thời không nên nói tưởng vẫn có trong chúng sanh vô tưởng.

842.

* **Tự ngôn:** Tưởng vẫn có trong chúng sanh vô tưởng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Làm việc mà phải làm với tưởng, đặng với tưởng ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

843.

* **Tự ngôn:** Tưởng vẫn có trong tất cả nhân loại và đó thành tưởng hữu, thành tưởng thú *(gati)*, thành tưởng chúng sanh trụ, thành tưởng luân hồi, thành tưởng sinh *(yoni)*, thành tưởng tự thân báo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tưởng vẫn có trong chúng sanh vô tưởng và đó thành tưởng hữu, thành tưởng thú *(gati)*, thành tưởng chúng sanh trụ, thành tưởng luân hồi, thành tưởng sinh *(yoni)* thành tưởng tự thân báo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

844.

* **Tự ngôn:** Tưởng vẫn có trong tất cả nhân loại và đó thành Ngũ uẩn hữu, thú *(gati)*, chúng sanh trụ, luân hồi, sinh *(yoni)*, ngã thân báo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tưởng vẫn có trong tất cả vô tưởng và thành Ngũ uẩn hữu, thú *(gati)*, chúng sanh trụ, luân hồi, sinh *(yoni)*, tưởng tự thân báo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

845.

* **Tự ngôn:** Tưởng vẫn có trong tất cả nhân loại, làm việc mà phải làm với tưởng, đặng với Tưởng ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Tưởng vẫn có trong cả người vô tưởng, làm việc mà phải làm với tưởng, đặng với tưởng ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

846.

- **Tự ngôn:** Tưởng vẫn có trong tất cả người vô tưởng và đó thành vô tưởng hữu, thành vô tưởng thú *(gati)*, thành vô tưởng chúng sanh trụ, thành vô tưởng luân hồi, thành vô tưởng sinh *(yoti)*, thành vô tưởng tự thân báo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tưởng vẫn có trong tất cả nhân loại và đó thành vô tưởng hữu, thành vô tưởng tự thân báo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó... .

847.

- **Tự ngôn:** Tưởng vẫn có trong tất cả người vô tưởng và đó thành nhất uẩn hữu, thú *(gati)*, chúng sanh trụ, luân hồi, sinh, tự thân báo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tưởng vẫn có trong tất cả nhân loại và đó thành Nhất uẩn hữu ... tự thân báo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

848.

- **Tự ngôn:** Tưởng vẫn có trong tất cả người vô tưởng nhưng làm việc mà phải làm với tưởng không đặng với tưởng ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tưởng vẫn có trong tất cả người nhân loại, nhưng làm việc chỗ phải làm với tưởng mà không đặng với tưởng ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

849.

- Phản ngữ: chớ nên nói rằng tưởng vẫn có trong tất cả người vô tưởng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Chư thiên gọi chúng sanh vô tưởng vẫn có, thời những Chư thiên ấy vẫn tử biệt loại ấy do sự phát sanh của tưởng". Như đây là bài Kinh vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu cách đó, tưởng vẫn có trong tất cả người vô tưởng chớ gì!

850.

- **Tự ngôn:** Tưởng vẫn có trong tất cả người vô tưởng phải chăng? Phản ngữ: Có lúc có, có lúc không có.
- **Tự ngôn:** Có lúc thành chúng sanh hữu tưởng, có lúc thành chúng sanh vô tưởng, có lúc thành tưởng hữu, có lúc thành vô tưởng hữu, có lúc thành Ngũ uẩn hữu, có lúc thành nhất uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

851.

- **Tự ngôn:** Tưởng có lúc có, có lúc không có trong tất cả người vô tưởng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vẫn có trong lúc nào, không có trong lúc nào? Phản ngữ: Vẫn có trong lúc tử, trong lúc sinh, không có trong lúc trụ.
- **Tự ngôn:** Thành người vô tưởng trong khi tử, trong khi sanh, thành người vô tưởng trong khi trụ; thành người tưởng hữu trong khi tử, trong khi sanh; thành Vô tưởng hữu trong khi trụ, thành Ngũ uẩn hữu trong khi tử, trong khi sanh; thành nhất uẩn hữu trong khi trụ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Vô tưởng hữu ngữ

PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG NGỮ *(NEVASAÑÑĀNASAÑÑĀYATANAKATHĀ)*

852.

* **Tự ngôn:** Không nên nói rằng tưởng vẫn có trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành vô tưởng hữu, thành vô tưởng thú *(gati)*, thành vô tưởng sinh y, thành vô tưởng luân hồi, thành vô tưởng sinh *(yoni)*, thành vô tưởng tự thân báo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

853.

* **Tự ngôn:** Thành tưởng hữu, tưởng thú, tưởng sanh y *(sattavāsa)*, tưởng luân hồi, tưởng sinh, tưởng tự thân báo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu nói thành tưởng hữu, thành tưởng thú ... thành Tưởng tự thân báo thời không nên nói không cho rằng tưởng vẫn có trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu.

854.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói rằng tưởng vẫn có trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành nhứt uẩn hữu, thú *(gati)* ... tự thân báo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành Tứ uẩn hữu, thành tứ uẩn thú ... tự thân báo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu nói thành Tứ uẩn hữu, thú ... Ngã thân báo thời không nên nói rằng không cho rằng tưởng vẫn có trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu.

855.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng tưởng vẫn có trong tất cả người vô tưởng và đó thành vô tưởng hữu, thành vô tưởng thú, thành vô tưởng sinh y, thành vô tưởng luân hồi, thành vô tưởng sinh, thành vô tưởng tự thân báo phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi....
* Phản ngữ: Chớ nói tưởng vẫn có trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu và đó cũng là Vô tưởng hữu, thành vô tưởng thú, thành vô tưởng sinh y, thành vô tưởng luân hồi, thành vô tưởng sinh, thành vô tưởng tự thân báo phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Chớ nói rằng tưởng vẫn có trong tất cả người vô tưởng và đó, thú ... tự thân báo phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi...
* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng tưởng vẫn có trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu và đó cũng là nhứt uẩn hữu, thú, sinh y, luân hồi, sinh, tự thân báo phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

856.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói rằng tưởng vẫn có trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu và đó là tưởng hữu, tưởng thú ... Tưởng tự thân báo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi...
* **Tự ngôn:** Không nên nói rằng tưởng vẫn có trong tất cả người vô tưởng và đó là tưởng hữu, tưởng thú ... Tưởng tự thân báo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

857.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói rằng tưởng vẫn có trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu và đó là Tứ uẩn hữu, thú *(gati)* ... tự thân báo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi...
* **Tự ngôn:** Không nên nói rằng tưởng vẫn có trong tất cả người vô tưởng và đó là Tứ uẩn hữu ... tự thân báo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

858.

- **Tự ngôn:** Chớ nên nói rằng tưởng vẫn có trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu là Tứ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu nói Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu là Tứ uẩn hữu thời không nên nói: "Chớ cho rằng tưởng vẫn có trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu".

859.

- **Tự ngôn:** Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu là Tứ uẩn hữu nhưng không nên nói tưởng vẫn có trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Không vô biên xứ hữu là Tứ uẩn hữu nhưng không nên nói tưởng vẫn có trong Không vô biên xứ hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

860.

- **Tự ngôn:** Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu là Tứ uẩn hữu nhưng không nên nói tưởng vẫn có trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thức vô biên xứ hữu ... Vô sở hữu xứ hữu là Tứ uẩn hữu nhưng không nên nói tưởng vẫn có trong Vô sở hữu xứ hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

861.

- **Tự ngôn:** Không vô biên xứ hữu là Tứ uẩn hữu, Tưởng vẫn có trong hữu ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu là Tứ uẩn hữu thì tưởng vẫn có trong hữu ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thức vô biên xứ hữu, ... Vô sở hữu xứ hữu là Tứ uẩn hữu, Tưởng vẫn có trong Hữu ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu là Tứ uẩn hữu thì tưởng vẫn có trong hữu ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

862.

- **Tự ngôn:** Chớ nói rằng tưởng vẫn có hoặc là không có trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu là Tứ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu nói Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu là Tứ uẩn hữu thời cũng không nên nói: "Chớ nói rằng tưởng vẫn có hay là không có trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu".

863.

- **Tự ngôn:** Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu là Tứ uẩn hữu nhưng không nên nói tưởng vẫn có hay là không có trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Không vô biên xứ hữu, ... Thức vô biên xứ hữu, ... Vô sở hữu xứ hữu là Tứ uẩn hữu nhưng không nên nói rằng tưởng vẫn có hay là không có trong Vô sở hữu xứ hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

864.

- **Tự ngôn:** Không vô biên xứ hữu là Tứ uẩn hữu thì tưởng vẫn có trong hữu ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu là Tứ uẩn hữu thì tưởng vẫn có trong hữu ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Thức vô biên xứ hữu ... Vô sở hữu xứ hữu là Tứ uẩn hữu thì tưởng vẫn có trong hữu ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu là Tứ uẩn hữu, tưởng vẫn có trong hữu ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

865.

* Phản ngữ: Chớ nói rằng trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu không đáng nói có tưởng hoặc không có tưởng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thành Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu nói thành Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu chính do nhân đó mới nói rằng trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu chẳng đáng nói có tưởng hoặc không Tưởng.

866.

* **Tự ngôn:** Do giải rằng thành Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu mới chẳng đáng nói vẫn có tưởng hay không có tưởng trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do giải rằng thành phi khổ phi lạc thọ mới chẳng đáng nói là thọ hay phi thọ trong phi khổ phi lạc thọ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Phi tưởng phi phi tưởng xứ ngữ

Dứt phẩm thứ ba.

PHẨM THỨ TƯ

CƯ SĨ ỨNG CÚNG NGỮ *(GAHISSA ARAHĀTIKATHĀ)*

867.

* **Tự ngôn:** Cư sĩ đáng thành La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán Cư sĩ vẫn còn có triền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
* **Tự ngôn:** La Hán Cư sĩ không còn triền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu nói La Hán Cư sĩ không có triền, thời không nên nói cư sĩ đáng thành La Hán đặng.

868.

* **Tự ngôn:** Cư sĩ đáng thành La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán Cư sĩ đã trừ tuyệt triền, nhổ gốc rễ rồi, làm cho đặng như cây thốt nốt đứt đọt không còn sanh ra nữa sau này đã là lẽ thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu nói cư sĩ La Hán đã trừ tuyệt triền, nhổ gốc rễ rồi làm như cây thốt nốt đứt đọt cho sau này không sanh đặng nữa đã lẽ thường thời không nên nói rằng cư sĩ đáng thành La Hán đặng.

869.

* **Tự ngôn:** Cư sĩ đáng thành La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cư sĩ ra sao mới không đặng trừ cư sĩ triền rồi thành bực làm cho khỏi nơi khổ đặng, chính ngay trong hiện tại vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không có.
* **Tự ngôn:** Nếu nói cư sĩ ra sao chưa đặng trừ cư sĩ triền, rồi thành bực làm cho khỏi nơi khổ ngay trong hiện tại chẳng có thời không nên nói rằng cư sĩ đáng thành La Hán đặng như thế.

870.

* **Tự ngôn:** Cư sĩ đáng thành La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Kẻ ngoại đạo người giống Độc *(sacchagotto)* đến đảnh lễ Đức Phật rồi bạch như vầy: "Dạ, bạch Đức Gotama, cư sĩ chi chi mà còn chưa đặng trừ cư sĩ triền rồi thành bực làm cho khỏi nơi khổ đặng bởi thân hoại vẫn có phải chăng? Đức thế Tôn ngài phán rằng, nầy họ Độc *(sacchagotto)*, không có cư sĩ chi chi mà chưa đặng trừ cư sĩ triền rồi thành bực làm cho khỏi nơi khổ đặng vì thân hoại". Thế nầy là bài Kinh vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói cư sĩ đáng thành La Hán đặng như thế.

871.

* **Tự ngôn:** Cư sĩ đáng thành La Hán đặng phải chăng?
* **Tự ngôn:** La Hán phải hưởng pháp dục, phải còn pháp dục cho sanh lên, phải nằm mà nơi nằm chen chúc với con, phải dùng vải nhung và nhuyễn, phải chưng diện bằng bông đồ thơm, đồ thoa xức, phải ưa thích bạc vàng, phải thu nhận dê, trừu, gà, heo, phải thâu nhận voi, bò, ngựa, la, phải thâu nhận chim chá-cô, chim âm-thuần, gà đuôi công, phải có kẹp bướm, có tủ màu vàng, chữ vải trắng, có dây đai dài, phải thành người giữ nhà trọn đời phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

872.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng cư sĩ đáng thành La Hán đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Ông Tước Lộc công tử *(Yasakulaputta)*, ông Ngôn Ngữ gia trưởng *(Uttiya gahapati)*, ông Kiều Lương thanh niên *(Setumāṇavo)* đắc chứng La Hán luôn khi còn cư sĩ phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà nói ông Tước Lộc công tử, ông Ngôn Ngữ gia trưởng, ông Kiều Lương thanh niên đắc chứng La Hán luôn khi còn cư sĩ, chính do nhân đó, Ngài mới nói cư sĩ đáng thành La Hán đặng.

Dứt Cư Sĩ Ứng Cúng ngữ

PHÁT SINH NGỮ *(UPAPATTIKATHA)*

873.

* **Tự ngôn:** Thành La Hán đồng với cách thoát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Dự Lưu đồng với cách thoát sanh cũng đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

874.

* **Tự ngôn:** Thành La Hán chung với cách thoát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Nhứt Lai chung với cách thoát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

875.

* **Tự ngôn:** Thành La Hán chung với cách thoát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Bất Lai đồng với cách thoát sanh cũng đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

876.

* **Tự ngôn:** Thành Dự Lưu hợp với cách thoát sanh không đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu nói thành Dự Lưu hợp với cách thoát sanh không đặng cũng không nên nói thành La Hán hợp với cách thoát sanh đặng.

877.

* **Tự ngôn:** Thánh Nhứt Lai hợp với cách thoát sanh không đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu nói thành Nhứt Lai hợp với cách thoát sanh không đặng thời không nên nói thành La Hán hợp với cách thoát sanh đặng.

878.

* **Tự ngôn:** Thành Bất Lai hợp với cách thoát sanh không đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu nói thành bực Bất Lai đồng đều với cách thoát sanh không đặng thời không nên nói thành La Hán đồng đều với cách thoát sanh đặng.

879.

- **Tự ngôn:** Thành La Hán đều đồng với cách thoát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Xá Lợi Phất Trưởng lão thành La Hán đồng đều với cách thoát sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đức Mục Kiền Liên Trưởng lão ... Đức Đại Ca Diếp Trưởng lão ... Đức Đại Ca Chiên Diên Trưởng lão ... Đức Đại Cu Hy La Trưởng lão, Đức Ly Bàn Đa Trưởng lão thành La Hán đều đồng với cách thoát sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

880.

- **Tự ngôn:** Đức Xá Lợi Phất Trưởng lão không đặng thành La Hán đồng đều với cách thoát sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu nói Đức Xá Lợi Phất Trưởng lão không đặng thành La Hán đều đồng với cách thoát sanh thời không nên nói thành La Hán đều đồng với cách thoát sanh đặng.

881.

- **Tự ngôn:** Đức Đại Mục Kiền Liên Trưởng lão ... Đức Đại Ca Diếp Trưởng lão, Đức Đại Ca Chiên Diên Trưởng lão, Đức Đại Cu Ly Bàn Đa Trưởng lão...

882.

- **Tự ngôn:** Đức Ma-ha-banh-tha-ka *(Mahāpañṭhaka)* Trưởng lão không đặng thành La Hán đều đồng với cách thoát sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu nói Đức Mahāpañṭhaka Trưởng lão không đặng thành La Hán đồng đều với cách thoát sanh thời cũng không nên nói thành La Hán đồng đều với cách thoát sanh đặng.

883.

- **Tự ngôn:** Thành La Hán đồng đều với cách thoát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Làm cho rõ ngôi La Hán đặng bằng thứ tâm tìm kiếm cách thoát sanh mà thành hiệp thế có lậu ... hiệp với phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

884.

- **Tự ngôn:** Thành La Hán đồng đều với cách thoát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thứ tâm tìm tòi cách thoát sanh thành nhân đưa ra khỏi luân hồi cho đến sự tuyệt mất, cho đến sự đắc chứng, cho đến Níp-bàn, không thành cảnh của lậu ... không thành cảnh của phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

885.

- **Tự ngôn:** Tâm tìm kiếm cách thoát sanh không thành nhân đưa ra khỏi luân hồi, không thành pháp cho đến sự dứt tuyệt, không thành pháp cho đến sự đắc chứng, không thành pháp cho đến Níp-bàn, thành cảnh của lậu ... thành cảnh của phiền não phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu nói tâm tìm cách thoát sanh không thành nhân đưa khỏi luân hồi, không thành pháp làm cho đến sự dứt đi, không thành pháp làm cho đến sự đắc chứng, không thành pháp làm cho đến Níp-bàn, còn thành cảnh của lậu, thành cảnh của phiền não thời không nên nói thành La Hán đồng đều với cách thoát sanh đặng.

886.

* **Tự ngôn:** Thành La Hán đồng đều với cách thoát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trừ Ái đặng, trừ Sân đặng, trừ Si đặng ... trừ Vô úy đặng bằng tâm tìm kiếm cách thoát sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

887.

* **Tự ngôn:** Thành La Hán đồng đều với cách thoát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tâm tìm tòi cách thoát sanh thành đạo ... thành Niệm xứ, thành Chánh cần, thành Như ý túc, thành Quyền, thành lực, thành Giác chi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

888.

* **Tự ngôn:** Thành La Hán đồng đều với cách thoát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chăm chú biết Khổ, trừ Tập, làm cho rõ Diệt, có thể làm cho rõ Đạo phát sanh bằng tâm tìm tòi cách thoát sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

889.

* **Tự ngôn:** Thành La Hán đều đồng với cách thoát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tâm tử là tâm đạo, tâm tìm tòi cách thoát sanh là tâm quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

Dứt Phát sanh ngữ

PHI CẢNH LẬU NGỮ *(ANASAVAKATHA)*

890.

* **Tự ngôn:** Tất cả pháp của La Hán không thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành đạo, thành quả, thành Níp-bàn, thành đạo Dự Lưu, thành quả Dự Lưu, thành đạo Nhứt Lai, thành quả Nhứt Lai, thành đạo Bất Hườn, thành quả Bất Hườn, thành đạo Ứng Cúng, thành quả Ứng Cúng, thành Niệm xứ, thành Chánh cần, thành Như ý túc, thành Quyền, thành Lực, thành Giác chi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

891.

* **Tự ngôn:** Tất cả pháp của La Hán không thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn của La Hán không thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhãn của La Hán không thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành đạo, thành quả, thành Níp-bàn, thành đạo Dự Lưu, thành quả Dự Lưu ... thành Giác chi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhĩ của La Hán ... Tỷ của La Hán ... Thiệt của La Hán ... Thân của La Hán không thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

892.

* **Tự ngôn:** Thân của La Hán không thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Thành đạo, thành quả, thành Níp-bàn, thành đạo Dự Lưu, thành quả Dự Lưu ... thành Giác chi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

893.

* **Tự ngôn:** Thân của La Hán không thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thân của La Hán còn vào đến cách nâng đỡ và đè nén, còn vào đến cách chặt phá, còn vào cách cắt đoạn và phá hư dành cho cả bầy quạ, bầy diều hâu, kên kên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp mà không thành cảnh của lậu có thể vào đến cách nâng đỡ và cách đè nén, còn vào đến cách chặt phá, cắt đoạn và phá hư dành cho cả bầy quạ, bầy diều hâu, bầy kên kên phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

894.

* **Tự ngôn:** Chất độc có thể vào, khí giới có thể vào, lửa có thể vào trong thân của La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chất độc, binh khí, lửa có thể vào trong pháp mà không thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

895.

* **Tự ngôn:** Thân của La Hán còn sẽ giam cầm bằng đồ giam cầm tức là cái còng, bằng đồ giam cầm tức là dây, bằng đồ giam cầm tức là còng chân, bằng đồ giam cầm tức là nhà, bằng đồ giam cầm tức là tập trung thôn, bằng đồ giam cầm tức là phủ, bằng đồ giam cầm tức là nông thôn, với đồ giam cầm năm cách đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp mà không thành cảnh của lậu sẽ còn giam hãm bằng đồ giam cầm tức là cái còng, bằng đồ giam cầm tức là dây, bằng đồ giam cầm tức là còng chân, bằng đồ giam cầm tức là nhà, bằng đồ giam cầm tức là tập trung thôn, bằng đồ giam cầm tức là phủ, bằng đồ giam cầm tức là nông thôn, với đồ giam cầm năm cách đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

896.

* **Tự ngôn:** Dả như nói rằng La Hán cho y đến phàm phu thì y đó không thành cảnh của lậu rồi thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Y ấy không thành cảnh của lậu rồi thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Của không thành cảnh lậu cái đó, của thành cảnh lậu cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Của không thành cảnh lậu cái đó, của thành cảnh lậu cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đạo không thành cảnh lậu rồi sau thành cảnh lậu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Quả, Niệm xứ, Chánh cần, Như ý túc, Quyền, Lực, Giác chi không thành cảnh của lậu rồi sau thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

897.

* **Tự ngôn:** Dả như La Hán cho bát, cho tọa cụ, cho thuốc men, vật dụng đến phàm phu thì thuốc men, vật dụng đó không thành cảnh của lậu rồi sau thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thuốc men, vật dụng đó không thành cảnh của lậu rồi sau thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Của mà không thành cảnh của lậu cái đó, của mà thành cảnh của lậu cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Của mà không thành cảnh của lậu cái đó, mà thành cảnh của lậu cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đạo không thành cảnh của lậu rồi sau thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Quả, Niệm xứ, Chánh cần, Như ý túc, Quyền, Lực, Giác chi không thành cảnh của lậu rồi sau thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

898.

Tự ngôn: Dả như phàm phu dưng y đến La Hán thì y đó thành cảnh của lậu rồi sau không thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

899.

* **Tự ngôn:** Y ấy thành cảnh của lậu rồi sau không thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Của mà thành cảnh của lậu cái đó, của mà không thành cảnh của lậu cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Của mà thành cảnh lậu cái đó, của mà không thành cảnh lậu cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ái thành cảnh của lậu rồi sau không thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sân, Si … Vô úy thành cảnh của lậu rồi sau không thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

900.

Tự ngôn: Dả như phàm phu dâng bát, dâng thuốc, các thứ vật dụng đến La Hán, vậy thuốc và các thứ vật dụng đó trước thành cảnh của lậu rồi sau không thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

901.

* **Tự ngôn:** Thuốc luôn cả vật dụng đó thành cảnh của lậu rồi sau không thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Của mà thành cảnh của lậu cái đó, của mà không thành cảnh của lậu cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Của mà thành cảnh của lậu cái đó, của mà không thành cảnh của lậu cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ái thành cảnh của lậu rồi sau không thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sân ... Si ... Vô úy thành cảnh của lậu rồi sau không thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

902.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng tất cả pháp của La Hán không thành cảnh của lậu phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: La Hán thành bực không có lậu phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu nói La Hán thành bực không có lậu chính do nhân đó mới nói rằng tất cả pháp của La Hán không thành cảnh lậu như thế.

Dứt Phi cảnh lậu ngữ

TÙNG HIỆP NGỮ *(SAMANNAGATAKATHA)*

903.

* **Tự ngôn:** La Hán tùng hiệp với tứ quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán tùng hiệp với tứ Xúc, với tứ Thọ, với tứ Tưởng, với tứ Tầm, với tứ Tín, với tứ Cần, với tứ Niệm, với tứ Định, với tứ Tuệ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

904.

* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai có tùng hiệp với tam đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai có tùng hiệp với tam Xúc ... với tam Tuệ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

905.

* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai tùng hiệp với nhị quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai tùng hiệp với nhị Xúc ... với nhị Tuệ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

906.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán tùng hiệp với quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán thành Dự Lưu, bực Thất Lai, bực Lục Lai, bực Nhứt Lai *(Ekabījī)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán tùng hiệp với quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán thành bực Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán tùng hiệp với quả Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán thành bực Bất Lai Trung bang bất hườn *(Antarāparinibbāyī)*, bực Sanh bang bất hườn *(Upahaccaparinibbāyī)*, bực Vô hành bang bất hườn *(Asaṅkhāraparinibbāyī)*, bực Hữu hành bang bất hườn (Sasaṅkharaparinibbāyī), bực Thượng lưu bang bất hườn *(Uddhasoto akaniṭṭhagāmī)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

907.

* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai tùng hiệp với quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai thành Dự Lưu Thất Lai *(Sattakhatuparana)*, bực (Dự Lưu) Lục Lai *(Kolaṅkola)*, bực (Dự Lưu) Nhứt Lai *(Ekabījī)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai tùng hiệp với quả Nhứt lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai thành bực Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

908.

* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai tùng hiệp với quả Thất Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai thành bực Dự Lưu Thất Lai *(satakhatuparana)*, bực (Dự Lưu) Lục Lai, bực (Dự Lưu) Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

909.

* **Tự ngôn:** Bực tùng hiệp với quả Dự Lưu thời gọi là hoàn thành Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán tùng hiệp với quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đó cũng là bực Dự Lưu đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

910.

- **Tự ngôn:** Bực tùng hiệp với quả Nhứt Lai nên nói là hoàn thành Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** vị La Hán tùng hiệp với quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** vị La Hán đó cũng là vị Nhứt Lai đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

911.

- **Tự ngôn:** Bực tùng hiệp với quả Bất Lai nói là hoàn thành Bất Hườn *(Anagami)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** vị La Hán tùng hiệp với quả Bất Hườn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** vị La Hán đó cũng là vị Bất Hườn đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

912.

- **Tự ngôn:** Bực tùng hiệp với quả Dự Lưu nói là hoàn thành Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vị Bất Lai tùng hiệp với quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vị Bất Lai đó cũng là vị Dự Lưu đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

913.

- **Tự ngôn:** Bực tùng hiệp với quả Nhứt Lai nên nói hoàn thành Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Bất Lai tùng hiệp với quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vị Bất Lai đó cũng là vị Nhứt Lai đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

914.

- **Tự ngôn:** Bực tùng hiệp với quả Dự Lưu nên nói thành tựu Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai tùng hiệp với quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vị Nhứt Lai đó cũng là vị Dự Lưu đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

915.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán tùng hiệp với quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực La Hán đã lướt qua khỏi quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu nói La Hán đã lướt qua khỏi quả Dự Lưu thời không nên nói rằng bực La Hán tùng hiệp với quả Dự Lưu.

916.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán đã vượt khỏi quả Dự Lưu còn gọi là tùng hiệp với quả Dự Lưu đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực La Hán đã vượt khỏi đạo Dự Lưu, vượt khỏi Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ, khinh thị, ái mà thành sa đọa khổ thú, sân mà thành sa đọa khổ thú, si mà thành sa đọa khổ thú, hết rồi mà còn gọi là tùng hiệp với si mà thành sa đọa khổ thú đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

917.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán tùng hiệp với quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực La Hán đã vượt khỏi quả Nhứt Lai rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu nói bực La Hán đã vượt khỏi quả Nhứt Lai thời không nên nói rằng bực La Hán tùng hiệp với quả Nhứt Lai.

918.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán vượt khỏi quả Nhứt Lai rồi còn gọi là tùng hiệp với quả Nhứt Lai ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đã vượt khỏi đạo Nhứt Lai, vượt khỏi dục ái thứ thô, Sân độc thứ thô rồi còn gọi là tùng hiệp với sân thứ thô đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

919.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán tùng hiệp với quả Bất Hườn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đã vượt khỏi quả Bất Hườn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu nói bực La Hán đã vượt khỏi quả Bất Hườn thời không nên nói rằng La Hán tùng hiệp với quả Bất Hườn.

920.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán vượt khỏi quả Bất Hườn rồi còn gọi là tùng hiệp với quả Bất Hườn đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đã vượt khỏi đạo Bất Hườn, vượt khỏi dục ái thứ vi tế, Sân độc thứ vi tế rồi còn gọi là tùng hiệp với Sân độc thứ vi tế đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

921.

* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai tùng hiệp với quả Thất Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai vượt khỏi quả Thất Lai rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bực Bất Lai đã vượt khỏi quả Thất Lai thời không nên nói bực Bất Lai tùng hiệp với quả Thất Lai.

922.

* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai vượt khỏi quả Thất Lai rồi còn gọi là tùng hiệp với quả Thất Lai đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai đã vượt khỏi đạo Thất Lai vượt khỏi Thân kiến ... Si mà thành đưa đi ác thú rồi còn gọi là tùng hiệp với si, mà thành sa đoạ ác thú đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

923.

* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai tùng hiệp với quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai vượt khỏi quả Nhứt Lai rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bực Bất Lai đã vượt khỏi quả Nhứt Lai thời không nên hỏi bực Bất Lai tùng hiệp với quả Nhứt Lai.

924.

* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai vượt khỏi quả Nhứt Lai rồi còn gọi tùng hiệp với quả Nhứt Lai đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai đã vượt khỏi đạo Nhứt Lai, khỏi dục ái thứ thô, Sân độc thứ thô rồi còn gọi là tùng hiệp với Sân độc thứ thô ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

925.

* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai tùng hiệp với quả Thất Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai vượt khỏi quả Thất Lai rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai đã vượt khỏi quả Thất Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu mà bực Nhứt Lai đã vượt khỏi quả Thất Lai thời không nên nói bực Nhứt Lai tùng hiệp với quả Thất Lai.

926.

* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai đã vượt khỏi quả Thất Lai còn gọi là tùng hiệp với quả Thất Lai ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai đã vượt khỏi đạo Thất Lai, vượt khỏi Thân kiến ... Si thành đi khổ thú rồi còn gọi là tùng hiệp với si mà đưa đi khổ thú ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

927.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng La Hán tùng hiệp với tứ quả phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Bực La Hán đã đặng tứ quả rồi và không hoại lìa tứ quả ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà bực La Hán đặng tứ quả và không hoại lìa tứ quả ấy, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng bực La Hán tùng hiệp với tứ quả.

928.

* Phản ngữ: Chớ nên nói bực Bất Lai tùng hiệp với tam quả phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Bực Bất Lai đã đặng tam quả và không hoại lìa tam quả ấy phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà bực Bất Lai đặng tam quả và không hoại lìa tam quả ấy, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng bực Bất Lai tùng hiệp với tam quả.

929.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng bực Nhứt Lai tùng hiệp với nhị quả phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Bực Nhứt Lai đã đặng nhị quả và không hoại lìa nhị quả ấy phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà bực Nhứt Lai đã đặng nhị quả và không hoại lìa nhị quả ấy, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng bực Nhứt Lai tùng hiệp với nhị quả.

930.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán đã đặng tứ quả và không hoại lìa tứ quả ấy, bởi nhân đó, bực La Hán mới gọi là tùng hiệp với tứ quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đã đặng tứ đạo và không hoại lìa tứ đạo ấy, chính do nhân đó, bực La Hán mới gọi là tùng hiệp với tứ đạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

931.

* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai đã đặng tam quả và không hoại lìa tam quả ấy, chính do nhân đó, bực Bất Lai mới gọi là tùng hiệp với tam quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Bất Lai đã đặng tam đạo và không hoại lìa tam đạo ấy, do nhân đó, bực Bất Lai mới gọi là tùng hiệp với tam đạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

932.

* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai đã đặng nhị quả và không hoại lìa nhị quả ấy, do nhân đó, bực Nhứt Lai mới gọi là tùng hiệp với nhị quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi

* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai đã đặng nhị đạo và không hoại lìa nhị đạo ấy, do nhân đó, bực Nhứt Lai mới gọi là tùng hiệp với nhị đạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Tùng hiệp ngữ

XẢ TÙNG HIỆP NGỮ *(UPEKKHĀSAMANNĀGATAKATHĀ)*

933.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán tùng hiệp với lục xả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán tùng hiệp với lục xúc, lục thọ, lục tưởng ... Lục tuệ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

934.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán tùng hiệp với lục xả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán vẫn thấy sắc bằng nhãn, còn nghe tiếng bằng nhĩ, còn hửi hơi bằng tỷ, còn nếm vị bằng thiệt, còn đụng chạm bằng thân, còn biết cảnh pháp bằng tâm đặng ... vẫn biết cảnh pháp bằng tâm, còn thấy sắc bằng nhãn đặng, còn nghe tiếng bằng nhĩ đặng, còn hửi hơi bằng mũi đặng, còn nếm vị bằng lưỡi đặng, còn đụng chạm xúc bằng thân đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

935.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán tùng hiệp với lục xả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tùng hiệp đình trụ với lục xả, lục xả hiện thường thường đều đồng không trộn nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

936.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng bực La Hán tùng hiệp với lục xả phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Bực La Hán có lục xả phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà bực La Hán có lục xả, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng bực La Hán tùng hiệp với lục xả.

Dứt Xả tùng hiệp ngữ

PHẬT DO GIÁC NGỮ *(BODHIYA BUDDHOTIKAKATHA)*

937.

* **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ là cơ quan đắc chứng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi tuệ là cơ quan đắc chứng đã diệt rồi, đã xa lìa, đã im lặng thời trở thành bực Phi Phật phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

938.

* **Tự ngôn:** Gọi Phật do tuệ là cơ quan đắc chứng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Gọi Phật do tuệ là cơ quan đắc chứng sở thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

939.

* **Tự ngôn:** Gọi Phật do tuệ là cơ quan đắc chứng sở thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Còn làm việc mà phải làm bằng tuệ là cơ quan đắc chứng, đặng với tuệ là cơ quan đắc chứng ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

940.

* **Tự ngôn:** Còn làm việc mà phải làm với tuệ là cơ quan đắc chứng, đặng với tuệ là cơ quan đắc chứng đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Còn chăm chú biết Khổ, trừ Tập, làm cho rõ Diệt, còn làm cho Đạo phát sanh đặng với tuệ là cơ quan đắc chứng đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

941.

* **Tự ngôn:** Gọi Phật do tuệ là cơ quan đắc chứng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Gọi Phật do tuệ là cơ quan đắc chứng nơi thành vị lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

942.

* **Tự ngôn:** Gọi Phật do tuệ là cơ quan đắc chứng nơi thành vị lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Làm việc mà phải làm với tuệ là cơ quan đắc chứng, đặng với tuệ làm cơ quan đắc chứng ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

943.

* **Tự ngôn:** Làm việc mà phải làm với tuệ là cơ quan đắc chứng, đặng với tuệ là cơ quan đắc chứng ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chăm chú biết Khổ ... còn làm cho Đạo phát sanh đặng với tuệ là cơ quan đắc chứng ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

944.

* **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ là cơ quan đắc chứng chỗ thành hiện tại, làm việc thì phải làm với tuệ là cơ quan đắc chứng, đặng với tuệ là cơ quan đắc chứng ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ là cơ quan đắc chứng chỗ thành quá khứ, làm việc thì phải làm với tuệ là cơ quan chứng, đặng với tuệ là cơ quan chứng đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

945.

* **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ là cơ quan chứng nơi thành hiện tại, chăm chú biết Khổ, trừ Tập, làm cho rõ Diệt, còn làm cho Đạo sanh đặng bằng tuệ là cơ quan chứng ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ thành cơ quan chứng nơi thành quá khứ, chăm chú biết Khổ còn làm cho Đạo sanh đặng bằng Tuệ thành cơ quan chứng ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

946.

* **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ làm cơ quan chứng nơi thành hiện tại, làm việc thời phải làm với tuệ là cơ quan chứng, đặng với tuệ là cơ quan chứng ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ làm cơ quan chứng nơi thành quá khứ, làm việc thời phải làm với tuệ thành cơ quan chứng, đặng với tuệ thành cơ quan chứng ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

947.

- **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ thành cơ quan chứng nơi thành hiện tại, chăm chú biết Khổ ... còn làm cho Đạo sanh đặng bằng tuệ thành cơ quan chứng đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ thành cơ quan chứng nơi thành vị lai, chăm chú biết Khổ ... còn làm cho Đạo sanh đặng bằng Tuệ thành cơ quan chứng đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

948.

- **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ thành cơ quan chứng chỗ thành quá khứ, nhưng làm việc thì phải làm với tuệ thành cơ quan chứng, không đặng với tuệ thành cơ quan chứng đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ thành cơ quan chứng mà thành hiện tại, nhưng làm việc thì phải làm việc với tuệ thành cơ quan chứng, không đặng với tuệ thành cơ quan chứng đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

949.

- **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ thành cơ quan chứng nơi thành quá khứ, nhưng chăm chú biết Khổ ... còn làm cho Đạo phát sanh không đặng với tuệ thành cơ quan chứng đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ thành cơ quan chứng nơi thành hiện tại, nhưng chăm chú biết Khổ ... còn làm cho Đạo phát sanh không đặng bằng Tuệ thành cơ quan chứng đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

950.

- **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ thành cơ quan chứng chỗ thành vị lai, nhưng làm việc thì phải làm với tuệ thành cơ quan chứng không đặng với tuệ thành cơ quan chứng đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ thành cơ quan chứng thuộc về hiện tại nhưng làm việc thì phải làm với tuệ thành cơ quan chứng không đặng với tuệ thành cơ quan chứng đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

951.

- **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ thành cơ quan chứng nơi thành vị lai, nhưng chăm chú biết Khổ ... còn cho Đạo sanh không đặng bằng tuệ thành cơ quan chứng đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ thành cơ quan chứng thuộc về hiện tại nhưng chăm chú biết Khổ ... còn cho Đạo phát sanh không đặng bằng tuệ thành cơ quan chứng đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

952.

- **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ thành cơ quan chứng thuộc về quá khứ, gọi là Phật do tuệ thành cơ quan chứng thuộc về vị lai, gọi là Phật do tuệ thành cơ quan chứng thuộc về hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ thành cơ quan chứng cả ba phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

953.

- **Tự ngôn:** Gọi là Phật do tuệ thành cơ quan chứng cả ba phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tập hợp, đình trụ với tuệ thành cơ quan chứng cả ba, tuệ thành cơ quan chứng cả ba hiện thường thường đồng đều không lộn xộn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

954.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng gọi là Phật do tuệ thành cơ quan đắc chứng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Gọi là Phật do cách đặng tuệ thành cơ quan đắc chứng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà gọi rằng Phật do cách đặng tuệ là cơ quan đắc chứng, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng gọi là Phật do tuệ thành cơ quan đắc chứng.

955.

* **Tự ngôn:** Gọi là Phật do cách đặng tuệ là cơ quan đắc chứng, bởi thế đó mới gọi là Phật do tuệ là cơ quan đắc chứng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Gọi là Giác *(Bodhi)* cũng do cách đặng tuệ thành cơ quan đắc chứng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Phật do giác ngữ

TƯỚNG HẢO NGỮ *(LAKKHAṆAKATHĀ)*

956.

* **Tự ngôn:** Người hiệp với tướng hảo là Bồ tát *(Bodhisatta)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người hiệp với tướng hảo phần nào là Bồ tát phần nấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

957.

* **Tự ngôn:** Người hiệp với tướng hảo là Bồ tát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người hiệp với tướng hảo trong một phần ba là Bồ tát trong một phần ba phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

958.

* **Tự ngôn:** Người hiệp với tướng hảo là Bồ tát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người hiệp với phân nửa tướng hảo là Bồ tát phân nửa phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

959.

* **Tự ngôn:** Người hiệp với tướng hảo là Bồ tát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chuyển luân thánh vương là người hiệp với tướng hảo thì Chuyển luân thánh vương cũng là Bồ tát phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

960.

* **Tự ngôn:** Chuyển luân thánh vương là người hiệp với tướng hảo thời Chuyển luân thánh vương cũng là Bồ tát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thu thúc thân, thu thúc hạnh, cách tường thuật pháp, cách giải pháp của Bồ tát như thế nào thời cách thu thúc thân, thu thúc hạnh, cách thuyết pháp, cách giải pháp của Chuyển luân thánh vương cũng như thế đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

961.

Tự ngôn: Khi Bồ tát giáng sanh, hàng Chư thiên đỡ trước, nhơn loại đỡ sau như thế nào thì khi Chuyển luân thánh vương sanh ra, Chư thiên cũng bồng trước, nhơn loại bồng sau giống như thế đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

962.

Tự ngôn: Khi Bồ tát sanh ra, Tứ thiên vương bồng rồi để trước mặt mẹ tâu rằng: "Muôn tâu lệnh Hoàng hậu, nên mừng Thái tử, bực có đại thế lực của Ngài đã phát sanh", như thế nào thì khi Chuyển luân thánh vương sanh ra Tứ thiên vương cũng bồng để trước mặt bà mẹ tâu rằng muôn tâu lệnh Hoàng hậu nên vui mừng vị Thái tử có đại thế lực của Đức vua đã sanh ra giống nhau như thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

963.

Tự ngôn: Khi Bồ tát sanh ra, cả hai vòi nước là giọt nước mát và giọt nước nóng hiện ra trên hư không thuộc về nước tắm của Bồ tát và bà mẹ như thế nào thì khi Chuyển luân thánh vương sanh ra, cả hai vòi nước tức là vòi nước mát và vòi nước nóng cũng hiện ra trên không thuộc về nước tắm của Chuyển luân thánh vương và bà mẹ thế đó giống như nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

964.

Tự ngôn: Đức Bồ tát vừa mới sanh ra rồi đó cũng đứng dậy đặng với cả hai chân bằng phẳng, day mặt hướng Bắc đi đặng bảy bước, có bạch liên đỡ dưới chân, Ngài xem tất cả hướng và Ngài buông lời hùng dũng như vầy: "Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn, thử sanh cùn thế vô hữu hậu lai", như đây thế nào thì bực Chuyển luân thánh vương mới vừa sanh ra rồi cũng đứng đặng cả hai chân thẳng, day mặt phía Bắc, Ngài đi đặng bảy bước, có bông sen trắng đỡ dưới chân, Ngài ngó đủ hướng và phát lời hùng dũng như vầy: "Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn, thử sanh cùn thế vô hữu hậu lai" giống như thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

965.

Tự ngôn: Khi Đức Bồ tát giáng sanh vẫn hiện ánh sáng to, hào quang lớn, vũ trụ chuyển động mạnh như thế nào thời khi Chuyển luân thánh vương sanh ra, cũng vẫn hiện ánh sáng to, hào quang lớn, vũ trụ chuyển động mạnh giống nhau như thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

966.

Tự ngôn: Thân thể theo thường của Đức Bồ tát hào quang sáng ra một sải khắp đều thế nào thì thân của Chuyển luân thánh vương theo thường cũng có hào quang chói ra một sải khắp cùng giống nhau như thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

967.

Tự ngôn: Đức Bồ tát Ngài thấy đại mộng như thế nào thời Chuyển luân thánh vương cũng thấy đại mộng giống nhau như thế đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

968.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng bực hiệp với tướng hảo thành Bồ tát phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, tướng đại trượng phu của bực đại nhân có 32 cách này nơi bực đại nhân người tùng hiệp chỉ có 2 chí hướng chớ không khác ngoài, tức là nếu ở tại gia sẽ đặng thành bực Chuyển luân thánh vương, người giữ pháp thành Pháp Vương trùm luôn 5 châu tột đến 4 biển, có tài trí phương lược kế hoạch là nhân vững chắc của dân chúng. Ngài tùng hiệp với thất bảo mà thất bảo này vẫn sanh với y như là xa ngọc, tượng ngọc, mã ngọc, ngọc như ý, ngọc nữ, khố trưởng ngọc, binh trưởng ngọc, thành 7 thứ và y có cả ngàn Thái tử lanh lẹ dũng cảm đủ sức dày xéo binh bộ, chinh phục rất hoàn toàn trùm khắp Trái Đất này mà có thế giới thành ranh rấp, trị bằng Chánh Pháp, không phải dùng quyền phạt, không phải dùng gươm đao. Nhưng nếu xuất gia thành Không Môn, sẽ chứng Ứng

Cúng Chánh Biến Tri, bực đã giữ nhà là phiền não trong đời. Như đây là bài Kinh vẫn có thật phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Nếu thế đó thì bực tùng hiệp với tướng hảo cũng là Bồ tát chớ gì!

Dứt Tướng hảo ngữ

LIÊN QUAN NHỨT ĐỊNH NGỮ *(NIYĀMOKKANTIKATHĀ)*

969.

* **Tự ngôn:** Đức Bồ tát đặng vào đường lối chắc chắn (Thánh Đạo) đã có phẩm hạnh tốt đối với trong Tông giáo của Đức Phật hiệu là Ca Diếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Bồ tát là Thinh Văn của Đức Phật hiệu là Ca Diếp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

970.

* **Tự ngôn:** Đức Bồ tát là Thinh Văn của Đức Phật hiệu là Ca Diếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Thinh Văn rồi mới thành Phật phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

971.

* **Tự ngôn:** Thành Thinh Văn rồi mới thành Phật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành bực đắc chứng bằng cách nghe theo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

972.

* **Tự ngôn:** Thành bực đắc chứng bằng cách nghe theo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Phật là bực tự chứng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu Đức Phật là bực tự chứng thời không nên nói thành bực đắc chứng bằng cách nghe theo.

973.

* **Tự ngôn:** Đức Bồ tát đặng theo dõi đường lối nhứt định đã có phẩm hạnh tốt trong Tông giáo của Đức Phật hiệu là Ca Diếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Phật chỉ đặng chứng 3 quả phổ thông nữa đó nơi cây Bồ đề phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

974.

* **Tự ngôn:** Đức Phật đặng chứng 4 quả thông thường nơi cây Bồ đề phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Phật đặng chứng cả 4 quả nơi cây Bồ đề thời không nên nói Đức Bồ tát đặng theo dõi đường lối nhứt định đã có phẩm hạnh trong Tông giáo của Đức Phật hiệu là Ca Diếp.

975.

* **Tự ngôn:** Đức Bồ tát đặng theo dõi đường lối nhứt định đã có phẩm hạnh tốt trong Tông giáo của Đức Phật hiệu là Ca Diếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bồ tát đặng làm khổ hạnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người bực đến đầy đủ bằng thấy *(dassana)* phải làm khổ hạnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

976.

- **Tự ngôn:** Đức Bồ tát đặng làm sự tinh tấn cách khác, đặng tín ngưỡng Tông giáo khác phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người bực vào đến đầy đủ bằng thấy *(dassana)* phải tín ngưỡng Tông giáo khác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

977.

- **Tự ngôn:** Ngài Ānanda đặng theo dõi con đường nhứt định, đã có phẩm hạnh tốt trong Tông giáo của Phật, Ngài thành Thinh Văn của Phật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Bồ tát đặng theo dõi con đường chắc chắn, đã có phẩm hạnh tốt trong Tông giáo của Phật hiệu là Ca Diếp, Đức Bồ tát thành Thinh Văn của Đức Phật hiệu là Ca Diếp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

978

- **Tự ngôn:** Ngài Tâm Trưởng *(Citta),* Ngài Thủ Công *(Hatthaka)* dâng nước Alavaka đặng theo dõi đường lối nhứt định, đã có phẩm hạnh tốt trong Tông giáo của Đức Phật thời Ngài Tâm trưởng, Ngài Thủ Công dâng nước Alavaka thành Thinh Văn của Đức Phật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Bồ tát đặng theo dõi đường lối quyết định đã có phẩm hạnh tốt trong Tông giáo của Đức Phật hiệu là Ca Diếp thời Đức Bồ tát cũng thành Thinh Văn của Đức Phật Ca Diếp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

979.

- **Tự ngôn:** Đức Bồ tát đặng theo đường lối quyết định đã có phẩm hạnh tốt trong Tông giáo của Đức Phật hiệu là Ca Diếp nhưng không thành Thinh Văn của Đức Phật Ca Diếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Ānanda đặng theo đường lối nhứt định đã có phẩm hạnh tốt trong Tông giáo của Đức Phật nhưng không thành Thinh Văn của Đức Phật phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

980.

- **Tự ngôn:** Đức Bồ tát đặng theo đường lối nhứt định, đã có phẩm hạnh tốt trong Tông giáo của Đức Phật hiệu là Ca Diếp, nhưng không thành Thinh Văn của Đức Phật Ca Diếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ngài Tâm trưởng, Ngài Thủ Công dâng nước Alavaka đặng theo đường lối, đã có phẩm hạnh tốt trong Tông giáo của Đức Phật nhưng không thành Thinh Văn của Đức Phật phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

981.

- **Tự ngôn:** Đức Bồ tát đặng theo đường lối nhứt định, đã có phẩm hạnh tốt trong Tông giáo của Đức Phật hiệu là Ca Diếp nhưng không thành Thinh Văn của Đức Phật Ca Diếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành Thinh Văn qua một đời rồi trở thành người Phi Thinh Văn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

982.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng Đức Bồ tát đặng theo đường lối nhứt định đã có phẩm hạnh tốt trong Tông giáo của Đức Phật hiệu là Ca Diếp phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này Ānanda, Như Lai đặng phẩm hạnh tốt trong Đức Phật hiệu là Ca Diếp để sau này đắc chứng". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Nếu thế đó, Đức Bồ tát cũng đặng theo đường lối nhứt định đã có phẩm hạnh tốt trong Tông giáo của Đức Phật hiệu là Ca Diếp chớ gì!

983.

∗ **Tự ngôn:** Đức Bồ tát đặng theo đường lối nhứt định đã có phẩm hạnh tốt trong Tông giáo của Đức Phật hiệu là Ca Diếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Như Lai là bực trùm chứa đủ tất cả pháp là bực rõ tất cả pháp, đã không chấp trước trong tất cả pháp, bài trừ tất cả pháp hiệp thế, đã giải thoát trọn dứt tuyệt nơi ái. Như Lai đã tự biết bằng tuệ cao tột, sẽ phải dẫn chứng Tông giáo nào đâu. Như Lai không có thầy cũng không có bực nào sẽ bằng Như Lai trong đời này luôn cả Chư thiên không có người sánh kịp Như Lai bởi Như Lai là Ứng Cúng trong đời. Như Lai là Giáo chủ mà không có Giáo chủ nào hơn nữa. Chỉ có Như Lai thành Chánh Đẳng Chánh Giác, thành bực mất rồi, thành bực tắt rồi. Như Lai sẽ đi đến nước của dân Kāsī đặng làm cho Pháp Xa hiện hành. Như Lai sẽ trổi nhạc bất tử cho nghe dội trong đời tối này. (Ngài Upakā nói rằng): "Này em, theo mà Ngài Cấp Trí đây Ngài cũng đáng là Vô Lượng Thế Tôn". (Phật phán): "Người như ta đây đã đến luôn sự dứt lậu thành bực gọi là Thế Tôn. Này Upakā, Như Lai đã thắng tất cả pháp tội, do đó, Như Lai mới gọi là Thế Tôn". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu cách đó thời không nên nói rằng Đức Bồ tát đặng theo đường lối nhứt định đã có phạm hạnh tốt trong Tông giáo của Đức Phật hiệu là Ca Diếp chớ gì!

984.

∗ **Tự ngôn:** Đức Bồ tát đặng nhận đường lối nhứt định đã có phẩm hạnh tốt trong Tông giáo của Đức Phật hiệu là Ca Diếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

*** Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, nhãn, trí, tuệ, minh, ánh sáng đã đặng sanh cho Như Lai trong pháp tất cả mà không đặng đã từng nghe trong lúc trải qua như vầy đây là Khổ Thánh đế như thế, nhắc nữa nhãn ... ánh sáng đã đặng sanh cho Như Lai trong tất cả pháp mà chẳng đặng đã từng nghe trong trải qua trước như vầy Khổ Thánh đế này đây mà ta phải chăm chú biết như thế ... gọi là Khổ Thánh đế này đây mà Như Lai đã đặng chăm chú hiểu như thế đó ... gọi đây là Khổ Tập Thánh đế đây nè mà Như Lai phải trừ tuyệt như thế ... nói Khổ Tập Thánh đế đây nè mà Như Lai đã trừ đặng như vậy ... nói đây là Khổ diệt Thánh đế như thế ... nói Khổ diệt Thánh đế đây nè mà Như Lai phải làm cho tỏ như thế ... nói Khổ diệt Thánh đế đây nè mà Như Lai đặng làm cho tỏ rồi như thế ... nói đây là Khổ diệt con đường lối tiến hành Thánh đế như thế ... nói Khổ diệt đường lối tiến hành Thánh đế đây nè mà Như Lai phải cho sanh như thế. Một nửa nhãn, trí, tuệ, minh và ánh sáng đã đặng phát sanh cho Như Lai trong tất cả pháp mà Như Lai không đặng đã từng nghe trong thuở trước bằng Khổ diệt đường lối thật hành đến Thánh đế đây nè mà Như Lai đã cho sanh. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói Đức Bồ tát đặng nhận đường lối nhứt định đã có phẩm hạnh trong sạch trong Tông giáo của Đức Phật hiệu là Ca Diếp.

Dứt Liên quan nhứt định ngữ

TÙNG HIỆP NGỮ MỘT NỮA *(APARĀPĪ SAMANNĀGATAKATHĀ)*

985.

* **Tự ngôn:** Người bực thật hành để làm cho rõ quả La Hán thành bực tùng hiệp với 3 quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán là bực hiệp với tứ xúc, tứ thọ, tứ tưởng, tứ tư, tứ tâm, tứ tín, tứ cần, tứ niệm, tứ định, tứ tuệ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

986.

* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Lai là bực hiệp với 2 quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Lai là người hiệp với tam xúc, tam thọ ... tam tuệ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

987.

* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai là người hiệp với quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai là người hiệp với nhị xúc, nhị thọ ... nhị tuệ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

988.

* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán là bực hiệp với đạo Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán là bực Dự Lưu Thất Lai *(Sotāpanno sattakkhattumparamo)*, bực Lục Lai *(Kolaṅkola)*, bực Nhứt Lai *(Ekabījī)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

989.

* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán là người hiệp với quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán là bực Nhứt Lai *(sakadāgāmī)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

990.

* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán là bực hiệp với quả Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán thành bực Bất Lai người Trung bang bất hườn *(Anāgāmī Antarāparinibbāyī)*, người Sanh bang bất hườn *(Upahaccaparinibbāyī)*, người Vô hành bang bất hườn *(Asaṅkhāraparinibbāyī)*, người Hữu hành bang bất hườn *(Sasaṅkhāraparinibbāyī)*, người Thượng lưu bang bất hườn *(Uddhaṁsoto akaniṭṭhagāmī)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

991.

* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Lai là người hiệp với quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Lai là bực Dự Lưu người Thất Lai *(Sattakkhattumparamo)*, người Lục Lai *(Kolaṅkola)*, người Nhứt Lai *(Ekabījī)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

992.

* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn là người hiệp với quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn là bực Nhứt Lai *(Sakadāgāmī)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

993.

* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai là người hiệp với quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai là bực Dự Lưu người Thất Lai, người Lục Lai, người Nhứt Lai *(Ekabījī)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

994.

* **Tự ngôn:** Bực hiệp với quả Dự Lưu phải gọi là thành tựu Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán là người hiệp với quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán vị đó thành tựu Dự Lưu cũng vị đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

995.

* **Tự ngôn:** Bực hiệp với quả Nhứt Lai phải gọi là thành tựu Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán là người hiệp với quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực thật hành để làm cho rõ quả La Hán vị đó, thành tựu Nhứt Lai cũng vị đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

996.

* **Tự ngôn:** Bực hiệp với quả Bất Hườn mới gọi thành tựu Bất Hườn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán là người hiệp với quả Bất Hườn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực thật hành để làm cho rõ quả La Hán vị ấy, thành tựu Bất Hườn cũng vị ấy vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

997.

* **Tự ngôn:** Bực hiệp với quả Dự Lưu mới gọi thành tựu quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn là người hiệp với quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn vị đó, thành tựu Dự Lưu cũng vị đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

998.

* **Tự ngôn:** Bực hiệp với quả Nhứt Lai mới gọi là bực Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn là người hiệp với quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn vị đó, Nhứt Lai cũng vị đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

999.

- **Tự ngôn:** Bực hiệp với quả Dự Lưu mới gọi thành tựu Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai là người hiệp với quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực thực hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai vị đó, thành tựu Dự Lưu cũng vị đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1000.

- **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán là bực hiệp với quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán đã vượt khỏi quả Dự Lưu rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán đã vượt khỏi quả Dự Lưu rồi thời không nên nói bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán là bực hiệp với quả Dự Lưu.

1001.

- **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán đã vượt khỏi quả Dự Lưu nhưng còn hiệp với quả Dự Lưu ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán đã vượt khỏi đạo Dự Lưu, vượt khỏi Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ, khinh thị, ái mà đưa đến khổ thú, Sân mà đưa đến khổ thú, Si thành chỗ đưa đến khổ thú đã vượt khỏi rồi nhưng còn hiệp với Si thành chỗ đưa đến khổ thú ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1002.

- **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán là bực hiệp với quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán đã vượt khỏi quả Nhứt Lai rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán đã vượt khỏi quả Nhứt Lai thời không nên nói bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán là người hiệp với quả Nhứt Lai.

1003.

- **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán đã vượt khỏi quả Nhứt Lai, nhưng còn hiệp với quả Nhứt Lai ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán đã vượt khỏi đạo Nhứt Lai, vượt khỏi Ái dục thứ thô, Sân độc thứ thô rồi nhưng còn hiệp với Sân độc thứ thô đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1004.

- **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán là bực hiệp với quả Bất Hườn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán đã vượt khỏi quả Bất Hườn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán, đã vượt khỏi quả Bất Hườn thời không nên nói bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán là bực hiệp với quả Bất Hườn.

1005.

- **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán đã vượt khỏi quả Bất Hườn nhưng còn hiệp với quả Bất Hườn ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán đã vượt khỏi đạo Bất Hườn vượt khỏi Ái dục thứ vi tế, Sân độc thứ vi tế rồi nhưng còn hiệp với Sân độc thứ vi tế ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1006.

* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán là bực hiệp với quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán đã vượt khỏi quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bực người thật hành hầu làm cho rõ quả Bất Hườn đã vượt khỏi quả Dự Lưu thời không nên nói bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn là bực hiệp với quả Dự Lưu.

1007.

* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn đã vượt khỏi quả Dự Lưu, nhưng còn hiệp với quả Dự Lưu ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn đã vượt khỏi đạo Dự Lưu, vượt khỏi Thân kiến ... Si mà thành khổ thú rồi nhưng còn hiệp với Si sa đọa khổ thú ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1008.

* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Lai là bực hiệp với quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn, đã vượt khỏi quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn đó vượt khỏi quả Nhứt Lai thời không nên nói bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn là bực hiệp với quả Nhứt Lai.

1009.

* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán, đã vượt khỏi quả Nhứt Lai nhưng còn hiệp với quả Nhứt Lai ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn, đã vượt khỏi đạo Nhứt Lai, vượt khỏi Ái dục thứ thô, Sân độc thứ thô rồi mà còn hiệp với Sân độc thứ thô ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1010.

* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai là người hiệp với quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai, đã vượt khỏi quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai đã vượt khỏi quả Dự Lưu thời không nên nói bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai là người hiệp với quả Dự Lưu.

1011.

* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai đã vượt khỏi quả Dự Lưu mà còn hiệp với quả Dự Lưu ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai đã vượt khỏi đạo Dự Lưu, vượt khỏi Thân kiến ... Si mà thành khổ thú nhưng còn hiệp với Si mà thành khổ thú ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1012.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán là bực hiệp với ba quả phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán, đã đặng ba quả và không hoại lìa ba quả ấy phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán đã đặng ba quả và không hoại lìa ba quả ấy, chính do nhân đó, Ngài mới nói bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán là bực hiệp với ba quả.

1013.

- Phản ngữ: Chớ nên nói bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn là bực hiệp với nhị quả phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn đã đặng nhị quả và không hoại lìa nhị quả ấy phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn đã đặng nhị quả và không hoại lìa nhị quả ấy, chính do nhân đó, Ngài mới nói bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn là bực hiệp với nhị quả.

1014.

- Phản ngữ: Chớ nên nói bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai là bực hiệp với quả Dự Lưu phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai đã đặng Quả Dự Lưu và không hoại lìa quả Dự Lưu ấy phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai đã đặng Quả Dự Lưu và không hoại lìa quả Dự Lưu ấy, chính do nhân đó, Ngài mới nói bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai là bực hiệp với quả Dự Lưu.

1015.

- **Tự ngôn:** Do bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán đã đặng tam quả mà không hoại lìa tam quả ấy thế đó, bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán mới là bực hiệp với tam quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bởi bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán, đã đặng tứ đạo và không hoại lìa tứ đạo ấy thế đó bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán mới là bực hiệp với tứ đạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1016.

- **Tự ngôn:** Bởi bực người thật hành hầu làm cho rõ quả Bất Hườn đã đặng nhị quả và không hoại lìa nhị quả ấy thế đó, bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn mới gọi là bực hiệp với nhị quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bởi bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Hườn đã đặng tam đạo và không hoại lìa tam đạo ấy thế đó, bực người thật hành để làm cho rõ đạo Bất Hườn mới là bực hiệp với tam đạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó…

1017.

- **Tự ngôn:** Bởi bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai đã đặng quả Dự Lưu và không hoại lìa quả Dự Lưu ấy, bởi thế bực người thực hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai mới là bực hiệp với quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bởi bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai, đã đặng nhị đạo và không hoại lìa nhị đạo đó, bởi thế bực người thật hành để làm cho rõ đạo Nhứt Lai mới là bực hiệp với nhị đạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Tùng hiệp ngữ (một nữa)

TUYỆT TRỪ CHƯ TRIỀN NGỮ *(SABBASAÑÑOJANAPPAHĀNAKATHĀ)*

1018.

* **Tự ngôn:** Cách bài trừ tất cả triền gọi là quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tất cả triền bài trừ đặng bằng đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1019.

* **Tự ngôn:** Tất cả triền trừ đặng bằng La Hán đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ, cũng trừ đặng bằng đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1020.

* **Tự ngôn:** Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ cũng trừ đặng bằng đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài phán cách trừ tam triền là quả Dự Lưu? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài phán cách trừ tam triền là quả Dự Lưu thời không nên nói tất cả triền trừ đặng bằng đạo La Hán.
* **Tự ngôn:** Tất cả triền trừ đặng bằng đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ái dục thứ thô, Sân độc thứ thô cũng trừ đặng bằng đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1021.

* **Tự ngôn:** Ái dục thứ thô, Sân độc thứ thô cũng bài trừ đặng bằng đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài phán sự nhẹ nhàng của Ái dục và Sân độc là quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài phán sự nhẹ nhàng của Ái dục và Sân độc là quả Nhứt Lai thời không nên nói tất cả triền trừ đặng bằng đạo La Hán như thế.
* **Tự ngôn:** Tất cả triền trừ đặng bằng đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ái dục thứ vi tế, Sân độc thứ vi tế cũng trừ đặng bằng đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1023.

* **Tự ngôn:** Ái dục thứ vi tế, Sân độc thứ vi tế cũng trừ đặng bằng quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài phán cách trừ không có phần dư của Ái dục và Sân độc là quả Bất Hườn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài phán cách trừ không đặng phần dư của Ái dục và Sân độc là quả Bất Hườn thời không nên nói tất cả triền bài trừ đặng bằng La Hán đạo.

1024.

* **Tự ngôn:** Tất cả triền trừ đặng bằng đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài phán cách trừ không có phần dư của Sắc ái, Vô sắc ái, Ngã mạn, Phóng dật[4] và vô minh gọi là quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

[4] Từ "phóng dật" sau này được Trưởng Lão Tịnh Sự chỉnh lại thành "điệu cử"

- **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài phán cách trừ không có phần dư của Sắc ái, Vô sắc ái, Ngã mạn, Phóng dật và Vô minh gọi là La Hán quả thời không nên nói tất cả triền trừ đặng bằng đạo La Hán.

1025.

- Phản ngữ: Chớ nên nói cách trừ tất cả triền gọi là quả La Hán phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Bực La Hán đã có hoại mất tất cả triền phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà bực La Hán đã có hoại hết tất cả triền, chính do nhân đó, Ngài mới nói cách trừ tất cả triền gọi là quả La Hán như thế.

Dứt Tuyệt trừ chư triền ngữ
Hết Phẩm thứ tư

PHẨM THỨ NĂM

GIẢI THOÁT NGỮ *(VIMUTTAKATHĀ)*

1026.

* **Tự ngôn:** Trí giải thoát gọi là đã giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát chẳng hạng thứ nào đều gọi là đã giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát gọi là đã giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí trong khi phản khán gọi là đã giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát gọi là đã giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của người Chuyển Biến *(Gotrabhū)* gọi là đã giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1027.

* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người thật hành để làm cho rõ quả Dự Lưu gọi là đã giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí của bực Dự Lưu là trí của người đến, đắc đơn độc, chứng, làm cho rõ quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai gọi là đã giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí của bực Nhứt Lai là trí của người đến, đắc đơn độc, chứng, làm cho rõ quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Lai gọi là đã giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí của bực Bất Lai, trí của bực người đến, đắc đơn độc, chứng, làm cho rõ quả Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán gọi là đã giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí của La Hán gọi là trí của bực đến, đắc đơn độc, chứng, làm cho rõ quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1028.

* **Tự ngôn:** Trí của bực người có sự hội hợp với quả Dự Lưu gọi là đã giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người thật hành để làm cho rõ quả Dự Lưu gọi là đã giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người có sự hội hợp với quả Nhứt Lai gọi là đã giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai gọi là đã giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người có sự hội hợp với quả Bất Lai gọi là đã giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người thật hành để làm cho rõ quả Bất Lai gọi là đã giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người có sự hội hiệp với quả La Hán gọi là đã giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán gọi là đã giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1029.

* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người có sự hội hợp với quả Dự Lưu gọi là đã giải thoát và đó là trí của bực chứng quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người thật hành để làm cho rõ quả Dự Lưu gọi là đã giải thoát và đó là trí của bực chứng quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người có sự hội hiệp với quả Nhứt Lai gọi là đã giải thoát và đó là trí của bực chứng quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai gọi là đã giải thoát và đó là trí của bực chứng quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người có sự hội hợp với quả Bất Lai gọi là đã giải thoát và đó là trí của bực chứng quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người thật hành đó làm cho rõ quả Bất Lai gọi là đã giải thoát và đó là trí của bực chứng quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người có sự hội hợp với quả La Hán gọi rằng đã giải thoát và đó là trí của bực người chứng quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí giải thoát của bực người thật hành để làm cho rõ quả La Hán gọi là đã giải thoát và đó là trí của bực người chứng quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Giải thoát ngữ

VÔ HỌC TRÍ NGỮ *(ASEKKHAÑĀṆAKATHĀ)*

1030.

* **Tự ngôn:** Bực hữu học có trí của bực vô học phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực hữu học biết thấy pháp của bực vô học đặng, vẫn vào đến, vẫn đụng chạm với thân, chính pháp của bực hữu học đã tự thấy đã hiểu, đã làm cho rõ đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Pháp của bực vô học mà bực hữu học biết không đặng, thấy không đặng, khi không đặng thấy, không đặng biết cũng vào đến không đặng, đụng chạm đến thân không đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu nói pháp của bực vô học mà bực hữu học biết không đặng, thấy không đặng, khi không đặng thấy, không đặng biết, không đặng làm cho rõ cũng vào đến không đặng, đụng chạm với thân không đặng thời không nên nói bực hữu học có trí của bực vô học.

1031.

* **Tự ngôn:** Bực vô học có trí của bực vô học, bực vô học quyết thấy pháp của bực vô học đặng, vẫn vào đến, vẫn đụng chạm với thân; chính Pháp của bực vô học đã tự thấy, đã biết rõ, đã làm cho rõ đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

https://images.mtvnet.com/sachvidieuphap/Bo-Phap-Tu.pdf

* **Tự ngôn:** Bực hữu học có trí của bực vô học, bực hữu học biết thấy pháp của bực vô học đặng, vẫn vào đến, vẫn đụng chạm với thân, chính pháp của bực vô học mà đã tự thấy, đã biết, đã làm cho rõ đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1032.

* **Tự ngôn:** Bực hữu học có trí của bực vô học, nhưng pháp của bực vô học thời bực hữu học biết không đặng, thấy không đặng, khi chẳng đặng thấy, chẳng đặng biết, chẳng đặng làm cho rõ, cũng vào đến không đặng, đụng chạm đến thân không đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực vô học có trí của bực vô học nhưng pháp của bực vô học mà bực vô học biết không đặng, thấy không đặng, khi chẳng đặng thấy, chẳng đặng biết, chẳng đặng làm cho rõ, cũng vào không đặng, đụng chạm với thân không đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1033.

* **Tự ngôn:** Bực hữu học có trí của bực vô học phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người Chuyển Biến *(Gotrabhū)* có trí trong đạo Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Dự Lưu có trí trong quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai ... để làm cho rõ quả Bất Lai ... để làm cho rõ quả La Hán có trí trong quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1034.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng bực hữu học có trí của bực vô học phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Ngài Ānanda khi chưa thành hữu học cũng biết đặng rằng Đức Xá Lợi Phất Trưởng lão, Đức Đại Mục Kiền Liên Trưởng lão, có công đức cao tột phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Ngài Ānanda khi chưa thành hữu học cũng biết đặng rằng Phật có công đức cao tột, biết đặng rằng Đức Xá Lợi Phất Trưởng lão, Đức Đại Mục Kiền Liên Trưởng lão có công đức cao tột, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng bực hữu học có trí của bực vô học.

Dứt vô học trí ngữ

HUYỄN BIẾN NGỮ *(VIPARĪTA KATHĀ)*

1035.

* **Tự ngôn:** Bực nhập thiền có cảnh đề mục đất, có sự biết huyễn biến *(viparita)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Có sự thấy sai trong chân tướng chỗ vô thường cho là thường phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Có sự thấy sai trong thật tướng nơi thành khổ cho là lạc phải chăng? ... có sự thấy sai trong thật tướng nơi thành vô ngã cho là hữu ngã ... có sự thấy sai trong chơn tướng chỗ không đẹp cho là đẹp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1036.

- **Tự ngôn:** Bực nhập thiền có cảnh đề mục đất, có sự biết huyễn biến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà thành thiện thời không nên nói bực nhập thiền có cảnh đề mục đất có sự biết huyễn biến.

1037.

- **Tự ngôn:** Thật tướng nơi vô thường thấy là thường, thành sự thấy sai và đó là bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực nhập thiền có cảnh đề mục đất, có sự biết huyễn biến và đó là bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thật tướng nơi thành khổ thấy rằng là lạc ... thật tướng nơi thành vô ngã thấy là hữu ngã, thật tướng nơi không tốt đẹp thấy là tốt đẹp, thành sự thấy sai và đó là bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực nhập thiền có cảnh đề mục đất có sự biết huyễn biến và đó là bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1038.

- **Tự ngôn:** Bực nhập thiền có cảnh đề mục đất có sự biết huyễn biến đó là thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thật tướng nơi vô thường thấy là thường và đó là thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực nhập thiền có đề mục đất, có sự biết huyễn biến và đó là thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chơn tướng mà thành khổ thấy cho là lạc ... chơn tướng nơi thành vô ngã thấy rằng là hữu ngã, chơn tướng nơi không đẹp thấy rằng tốt đẹp, thành sự thấy sai và đó là thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1039.

- **Tự ngôn:** Bực nhập thiền có cảnh đề mục đất, có sự biết huyễn biến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực La Hán phải nhập thiền có cảnh đề mục đất phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà bực La Hán phải nhập thiền có cảnh đề mục đất thời không nên nói bực nhập thiền có cảnh đề mục đất có sự biết huyễn biến.

1040.

- **Tự ngôn:** Bực nhập thiền có cảnh đề mục đất có sự biết huyễn biến, bực La Hán phải nhập thiền có cảnh đề mục đất phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực La Hán còn có sự vẫn thấy sai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1041.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán còn có sự vẫn thấy sai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực La Hán còn có sự công nhận sai, có sự suy xét sai, vẫn có sự thấy sai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1042.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán không có sự công nhận sai, không suy xét sai, không nhận thấy sai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu mà bực La Hán không có sự công nhận sai, không có sự suy xét sai, không có sự nhận thấy sai thời không nên nói bực La Hán còn có sự vẫn nhận thấy sai.

1043.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói bực nhập thiền có cảnh đề mục đất có sự biết huyễn biến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đề mục đất hiện cho bực đang nhập thiền có cảnh đề mục đất chỉ thành đất luôn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó bực nhập thiền có đề mục đất cũng có sự biết huyễn biến chớ gì!

1044.

* **Tự ngôn:** Bực nhập thiền có cảnh đề mục đất có sự biết huyễn biến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đất vẫn có và người mà nhập đề mục đất từ đất cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà đất vẫn có và người mà nhập đề mục đất từ đất cũng vẫn có thời không nên nói bực nhập thiền có cảnh đề mục đất có sự biết huyễn biến.

1045.

* **Tự ngôn:** Đất vẫn có nhưng sự biết của bực nhập đề mục đất từ đất thành sự biết huyễn biến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Níp-bàn vẫn có nhưng sự biết của bực nhập thiền có cảnh Níp-bàn từ Níp-bàn cũng là sự biết huyễn biến phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nếu cách đó thời không nên nói bực nhập thiền có cảnh đề mục đất có sự biết huyễn biến.

Dứt Huyễn biến ngữ

NHỨT ĐỊNH NGỮ *(NIYĀMA KATHĀ)*

1046.

* **Tự ngôn:** Bực người bất định (phàm phu) có trí để đi đến con đường nhứt định (Thánh Đạo) phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người Nhứt định (Thánh nhân) có trí để đi đến pháp hiệp thế mà chẳng phải con đường nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

1047.

* **Tự ngôn:** Bực người Nhứt định không có trí để đi đến pháp hiệp thế mà không phải đường lối nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người bất định không có trí để đi đến con đường nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1048.

* **Tự ngôn:** Bực người bất định có trí để đi đến con đường nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người Nhứt định có trí để đi đến con đường nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1049.

* **Tự ngôn:** Bực người Nhứt định không có trí để đi đến con đường nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Bực người bất định không có trí để đi đến con đường nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1050.

- **Tự ngôn:** Bực người bất định có trí để đi đến con đường nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người bất định có trí để đi đến pháp hiệp thế không phải đường lối nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1051.

- **Tự ngôn:** Bực người bất định có trí để đi đến pháp hiệp thế mà chẳng phải con đường nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người bất định không có trí để đi đến con đường nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1052.

- **Tự ngôn:** Bực người bất định có trí để đi đến con đường nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người bất định có con đường nhứt định hầu đi đến đường nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1053.

- **Tự ngôn:** Bực người bất định có trí để đi đến con đường nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người bất định có Niệm xứ, Chánh cần, Như ý túc, Quyền, Lực, Giác chi để đi đến con đường nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1054.

- **Tự ngôn:** Bực người bất định không có con đường nhứt định để đi đến đường nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà bực người bất định không có con đường nhứt định để đi đến đường nhứt định thời không nên nói bực người bất định có trí để đi đến con đường nhứt định.

1055.

- **Tự ngôn:** Bực người bất định không có Niệm xứ ... Giác chi để đi đến đường lối nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà bực người bất định không có Giác chi để đi đến đường lối nhứt định thời không nên nói bực người bất định có trí để đến đường nhứt định.

1056.

- **Tự ngôn:** Bực người bất định có trí để đi đến đường lối nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người Chuyển Biến *(Gotrabhū)* có trí trong đạo Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1057.

- **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Dự Lưu có trí trong quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai ... để làm cho rõ quả Bất Lai ... để làm cho rõ quả La Hán có trí trong quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1058.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng bực người bất định có trí để đi đến con đường bất định phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Người này sẽ bước vào đến con đường nhứt định để đặng đúng sự, người này là bực đáng để sẽ chứng pháp này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài có phán người này sẽ bước xuống đến con đường nhứt định để đặng đúng sự, người này là bực đáng để đặng sẽ chứng pháp. Chính do nhân đó Ngài mới nói rằng bực người bất định có trí để đi đến con đường nhứt định.

Dứt Nhứt định ngữ

ĐẠT THÔNG NGỮ *(PAṬISAMBHIDĀKATHĀ)*

1059.

* **Tự ngôn:** Sự biết tất cả thành đạt thông phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự biết chế định *(sammati)* là đạt thông phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự biết chế định là đạt thông phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Mỗi một hạng người nào biết chế định tất cả bực người ấy thành bực đã đến đạt thông phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự biết tất cả là đạt thông phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự biết trong cách chăm chú hiểu tâm của người khác thành đạt thông phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự biết trong cách chăm chú tâm người khác thành đạt thông phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Mỗi một hạng người nào biết tâm của người khác, tất cả hạng người ấy thành bực đã đến đạt thông phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1060.

* **Tự ngôn:** Sự biết tất cả thành đạt thông phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tuệ tất cả thành đạt thông phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó..
* **Tự ngôn:** Tuệ tất cả thành đạt thông phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực nhập thiền có cảnh đề mục đất cũng có tuệ đó thành đạt thông phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực nhập thiền có cảnh đề mục nước ... có cảnh đề mục lửa ... có cảnh đề mục gió ... có cảnh đề mục màu xanh ... có cảnh đề mục màu vàng ... có cảnh đề mục màu đỏ ... có cảnh đề mục màu trắng ... Bực nhập thiền Không vô biên xứ ... Bực nhập thiền Thức vô biên xứ ... Bực nhập thiền Vô sở hữu xứ ... Bực nhập thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ ... Người bố thí ... Người dâng y... Người dâng bát ... Người dâng tọa cụ ... Người dâng y dược vật dụng cũng có tuệ mà tuệ ấy thành đạt thông phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1061.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng sự biết tất cả thành đạt thông phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Tuệ mà thành siêu thế vẫn có, tuệ ấy không thành đạt thông phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó sự biết tất cả cũng thành đạt thông chớ gì!

Dứt Đạt thông ngữ

TỤC TRÍ NGỮ *(SAMMATIÑĀṆA KATHĀ)*

1062.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng tục trí *(sammatiñāṇa)* chỉ có đế làm cảnh, không có pháp khác làm cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Bực người nhập thiền có cảnh đề mục đất có trí và đề mục đất là tục đế phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà bực người nhập thiền cảnh đề mục đất có trí và đề mục đất là tục đế, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng tục trí chỉ có đế làm cảnh chớ không có pháp khác làm cảnh.

1063.

- Phản ngữ: Chớ nên nói tục trí chỉ có đế làm cảnh không có pháp khác làm cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Bực người nhập thiền cảnh đề mục nước ... cảnh đề mục lửa ... Bực người đang dâng y dược, vật dụng có trí và y dược vật dụng là tục đế phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà bực người vẫn cho y dược vật dụng có trí và y dược vật dụng thành tục đế, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng tục trí chỉ có đế làm cảnh không có pháp khác làm cảnh.

1064.

- **Tự ngôn:** Tục trí chỉ có đế làm cảnh không có pháp khác làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chăm chú biết Khổ đặng, trừ Tập đặng, làm cho Diệt rõ đặng, còn làm cho Đạo sanh đặng bằng trí ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Tục trí ngữ

TÂM CẢNH NGỮ *(CITTĀRAMMAṆA KATHĀ)*

1065.

- **Tự ngôn:** Sự rõ trong cách chăm chú biết tâm người khác chỉ có tâm làm cảnh, không có pháp khác làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cũng có người khi tâm có ái cũng biết rõ là tâm có ái phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà cũng có người khi tâm có ái cũng biết rõ là tâm có ái thời không nên nói sự hiểu trong cách chăm chú biết tâm của người khác chỉ có tâm làm cảnh, không có pháp khác làm cảnh.
- **Tự ngôn:** Cũng có người khi tâm xa lìa ái cũng biết rằng tâm xa lìa ái ... khi tâm có sân ... khi tâm có si, khi tâm lìa si, khi tâm thùy miên, khi tâm Phóng dật, khi tâm đáo đại, khi tâm phi đáo đại, khi tâm hữu thượng, khi tâm vô thượng, khi tâm định, khi tâm phi định, khi tâm giải thoát, khi tâm chưa giải thoát cũng biết rõ là tâm chưa giải thoát phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà có người khi tâm chưa giải thoát cũng biết rõ tâm chưa giải thoát thời không nên nói sự hiểu trong cách chăm chú biết tâm của người khác chỉ có tâm làm cảnh, không có pháp khác làm cảnh.

1066.

* **Tự ngôn:** Sự hiểu chăm chú biết tâm người khác phải nói rằng sự hiểu trong cảnh tức là Xúc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà sự hiểu trong cách chăm chú biết tâm người khác phải nói rằng sự biết trong cảnh tức là Xúc thời không nên nói sự hiểu trong cách chăm chú biết tâm người khác chỉ có tâm làm cảnh, không có pháp khác làm cảnh.
* **Tự ngôn:** Sự hiểu trong cách chăm chú biết tâm người khác phải nói rằng sự biết trong cảnh tức là Thọ, nói sự biết trong cảnh tức là Tưởng, nói sự biết trong cảnh tức là Tư, nói sự biết trong cảnh tức là Tầm, nói sự biết trong cảnh tức là Tín, nói sự biết trong cảnh tức là Cần, nói sự biết trong cảnh tức là Niệm, nói sự biết trong cảnh tức là Định, nói sự biết trong cảnh tức là Tuệ, nói sự biết trong cảnh tức là Ái ... nói sự biết trong cảnh tức là Sân ... nói sự biết trong cảnh tức là Vô úy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà sự hiểu trong cách chăm chú biết tâm người khác phải nói rằng sự biết trong cảnh tức là Vô úy thời không nên nói sự hiểu trong cách chăm chú biết tâm người khác chỉ có tâm làm cảnh, không có pháp khác làm cảnh.

1067.

* **Tự ngôn:** Sự hiểu trong cách chăm chú biết tâm người khác không nên nói sự biết trong cảnh tức là Xúc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành sự hiểu trong cách chăm chú biết Xúc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự hiểu trong cách chăm chú biết tâm người khác không nên nói sự biết trong cảnh tức là Thọ ... không nên nói sự biết trong cảnh tức là Tưởng ... không nên nói sự biết trong cảnh tức là Vô úy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành sự hiểu trong cách chăm chú biết Vô úy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1068.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng sự hiểu trong cách chăm chú biết tâm người khác chỉ có tâm làm cảnh, không có pháp khác làm cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thành sự hiểu trong cách chăm chú biết tâm người khác phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà thành sự hiểu trong cách chăm chú biết tâm người khác, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng sự hiểu trong cách chăm chú biết tâm người khác chỉ có tâm làm cảnh chớ không có pháp khác làm cảnh.

Dứt Tâm cảnh ngữ

VỊ LAI TRÍ NGỮ *(ANĀGATAÑĀṆAKATHĀ)*

1069.

* **Tự ngôn:** Sự biết vị lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vị lai biết đặng bằng căn *(mūla)*, biết đặng bằng nhân *(hetu)*, biết đặng bằng sự tích *(nidāna)*, biết đặng bằng nghiệp hữu *(sambhavato)*, biết đặng bằng sanh hữu *(pabhavato)*, biết đặng bằng sở y sinh *(samuṭṭhāna)*, biết đặng bằng vật thực, biết đặng bằng cảnh, biết đặng bằng duyên *(paccaya)*, biết đặng bằng tập *(samudaya)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1070.

* **Tự ngôn:** Sự biết quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Biết sự thành Nhân duyên *(Hetupaccaya)* nơi vị lai đặng, biết sự thành Cảnh duyên *(Ārammaṇapaccaya)* nơi vị lai đặng, biết sự thành Trưởng duyên *(Adhipaṭipaccaya)* nơi vị lai đặng, biết sự thành Vô Gián duyên *(Anantarapaccaya)* nơi vị lai đặng, biết sự thành Liên Tiếp duyên *(Samanantarapaccaya)* nơi vị lai đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1071.

* **Tự ngôn:** Trí vị lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Biến Chuyển *(Gotrabhū)* có trí trong đạo Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Dự Lưu có trí trong quả Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực người thật hành để làm cho rõ quả Nhứt Lai ... để làm cho rõ quả Bất Lai ... để làm cho rõ quả La Hán có trí trong quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1072.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói rằng trí vị lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này Ānanda, ba thứ nạn sẽ sanh đến thành Hoa Thị *(Pātalīputta)* tức là từ nơi lửa, hay từ nơi nước, hoặc từ nơi cách chia rẽ sự đoàn kết". Như đây là bài Kinh vẫn có thật phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó, vị lai trí cũng vẫn có chớ gì!

Dứt Vị lai trí ngữ

HIỆN TẠI TRÍ NGỮ *(PACCUPPANNAKATHĀ)*

1073.

* **Tự ngôn:** Hiện tại trí vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người trí biết đặng bằng trí đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người trí biết đặng bằng trí đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người trí biết đặng trí đó là sự biết bằng trí đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người trí biết đặng trí đó là sự biết bằng trí đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí đó là cảnh của trí đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trí đó là cảnh của trí đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người đụng chạm xúc đó đặng bằng Xúc đó, hưởng thọ đó bằng Thọ đó, nhớ cái tưởng đó bằng Tưởng đó, cố quyết đó bằng Tư *(cetanā)* đó, suy xét tâm đó đặng bằng Tâm đó, nghĩ ngợi đó đặng bằng Tầm đó, gìn giữ đó bằng Tứ đó, hưởng mừng đó đặng bằng Hỷ đó, nhớ đặng đó bằng Niệm đó, biết rõ tuệ đó đặng bằng Tuệ đó, chặt gươm đó đặng bằng gươm đó, chém phản đó đặng bằng phản đó, cào cái bồ cào đó đặng bằng bồ cào đó phải chăng? Chặt dao đó bằng dao đó phải chăng? May kim đó đặng bằng kim đó phải chăng? Chà sát ngọc hành đó đặng bằng ngọc hành đó phải chăng? Chà sát âm hộ đó đặng bằng âm hộ đó phải chăng? Chà cái đầu đó đặng bằng cái đầu đó phải chăng? Rửa phẩn đó đặng bằng phẩn đó phải chăng? Rửa mũi dãi đó bằng mũi dãi đó phải chăng? Rửa đàm đó đặng bằng đàm đó phải chăng? Rửa mủ

đó đặng bằng mủ đó phải chăng? Rửa máu đó đặng bằng máu đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1074.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng trí biết hiện tại hẳn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Khi người tu đang tỏ ngộ thấy các pháp hành vi bằng vô thường, dĩ nhiên cái trí đó người tu ấy cũng đặng thấy bằng sự thành đồ vô thường luôn phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà khi người tu đang tỏ ngộ thấy các pháp hành vi bằng vô thường, dĩ nhiên cái trí đó người tu ấy cũng đặng thấy bằng sự thành đồ vô thường luôn. Chính do nhân đó Ngài mới nói rằng trí hiện tại vẫn có.

Dứt Hiện tại trí ngữ

QUẢ TRÍ NGỮ *(PHALAÑĀNAKATHĀ)*

1075.

* **Tự ngôn:** Bực Thinh Văn có quả trí phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách biết sự thái quá, sự bất cập của quả, cách biết sự thái quá sự bất cập của quyền, cách biết sự thái quá sự bất cập của người bực Thinh Văn vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Thinh Văn có quả trí phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách chế định uẩn, cách chế định xứ, cách chế định giới, cách chế định đế, cách chế định quyền, cách chế định người của bực Thinh Văn vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Thinh Văn có quả trí phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Thinh Văn thành bực Phật, thành bực Giáo chủ, thành Chánh Đẳng Chánh Giác, thành bực Toàn Giác, thành bực thấy tất cả pháp, thành Giáo chủ của pháp, thành chỗ nương đỡ hiện bày của pháp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Thinh Văn có quả trí phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Thinh Văn là bực làm cho đạo chưa sanh đặng sanh, là bực làm cho đạo chưa sanh đặng sanh đầy đủ, là bực tường thuật đạo mà ai ai chưa đặng tường thuật thành bực biết đạo, thành bực biết rõ đạo, thành bực khôn khéo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1076.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng bực Thinh Văn có quả trí phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Bậc Thinh Văn là người không có trí phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó.
* Phản ngữ: Nếu thế đó bậc Thinh Văn cũng có quả trí chớ gì!

Dứt Quả trí ngữ

Dứt Phẩm thứ năm

PHẨM THỨ SÁU

CỐ NHIÊN NGỮ *(NIYĀMAKATHĀ)*

1077.

- **Tự ngôn:** Cố nhiên là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Níp-bàn là tí hộ (che chở) *(tānaṃ)*, bí mật *(lenaṃ)*, hữu y *(saranaṃ)*, hữu Tức *(parayānaṃ)*, cố định *(accutaṃ)*, bất tử *(amata)*, phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

1078.

- **Tự ngôn:** Cố nhiên *(niyāma)* là vô vi, Níp-bàn cũng vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tí hộ *(tāṇaṃ)* cũng hai thứ, bí mật cũng hai thứ, hữu y cũng hai thứ, hữu Tức cũng hai thứ, cố định cũng hai thứ, bất tử cũng hai thứ, Níp-bàn cũng hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Níp-bàn cũng hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Có sự cao và thấp, có sự ty hạ và tinh lương, có sự sâu xa và cạn bợn, có ranh rấp mương rãnh chia ra khúc, hay là có lớp giữa của Níp-bàn hai thứ có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1079.

- **Tự ngôn:** Cố nhiên là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cũng có hạng người vào đến cố nhiên, đặng cố nhiên, cố nhiên còn làm cho sanh, cho đồng sanh, cho đình trụ, cho đồng trụ, cho sanh ra, cho càng sanh ra, cho đồng sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cũng có hạng người vào đến vô vi, đặng vô vi, còn làm cho vô vi sanh, cho đồng sanh, cho còn vững, cho đồng trụ, cho sanh ra, cho rất sanh ra, cho sanh, cho sanh đều đủ đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1080.

- **Tự ngôn:** Cố nhiên là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đạo là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đạo là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cố nhiên là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Dự Lưu cố nhiên là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đạo Dự Lưu là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đạo Dự Lưu là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dự Lưu cố nhiên là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nhứt Lai cố nhiên ... Bất Lai cố nhiên ... La Hán cố nhiên là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán đạo là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** La Hán đạo là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán cố nhiên là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1081.

* **Tự ngôn:** Dự Lưu cố nhiên là vô vi ... La Hán cố nhiên là vô vi, Níp-bàn cố nhiên là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô vi thành năm thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô vi thành năm thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tí hộ (*tānaṃ)* thành năm thứ ... có lớp chặng giữa của Níp-bàn năm thứ đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1082.

* **Tự ngôn:** Cố nhiên là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tà cố nhiên là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tà cố nhiên là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh cố nhiên là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1083.

* Phản ngữ: Không nên nói rằng cố nhiên là vô vi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Khi cố nhiên phát sanh ra rồi diệt mất thì người cũng là vẫn bất cố nhiên phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó cố nhiên cũng là vô vi chớ gì!
* **Tự ngôn:** Khi tà cố nhiên sanh ra rồi diệt mất người cũng bất cố nhiên phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó tà cố nhiên cũng sẽ là vô vi luôn chớ gì.

Dứt Cố nhiên ngữ

Y TƯƠNG SINH NGỮ *(PAṬICCASAMUPPĀDA KATHĀ)*

1084.

* **Tự ngôn:** Y tương sinh là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Níp-bàn, thành tí hộ *(tānaṃ)*, thành bí mật *(lena)* thành hữu y *(saraṇa)*, thành hữu Tức *(parāyana)*, thành cố định *(accuta)*, thành bất tử *(amata)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Y tương sinh là vô vi, Níp-bàn cũng là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tí hộ *(tāṇa)* cũng là hai thứ, bí mật *(leṇa)* cũng là hai thứ, hữu y *(saraṇa)* cũng là hai thứ, hữu Tức *(parāyana)* cũng là hai thứ, cố định *(accuta)* cũng là hai thứ, bất tử cũng là hai thứ, Níp-bàn cũng là hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Níp-bàn cũng thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Có sự cao và thấp, có sự ty hạ và tinh lương, có sự cao thượng và thấp thỏi, có sự chia khác, có ranh rấp và đường mương, có từng ngăn chặng giữa của hai thứ Níp-bàn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1085.

* **Tự ngôn:** Y tương sinh là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô minh cũng là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

- **Tự ngôn:** Vô minh là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Y tương sinh cũng là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Y tương sinh là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Hành sanh ra do Vô minh làm duyên cũng là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Hành sanh ra do Vô minh làm duyên là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Y tương sinh là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Y tương sinh là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thức sanh ra do Hành làm duyên cũng là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thức sanh ra do Hành làm duyên là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Y tương sinh cũng là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Y tương sinh là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Danh Sắc sanh ra do Thức làm duyên cũng là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Danh Sắc sanh ra do Thức làm duyên là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Y tương sinh cũng là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Y tương sinh là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Lão tử có ra do Sanh làm duyên cũng là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Lão tử có ra do Sanh làm duyên cũng là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Y tương sinh cũng là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1086.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng Y tương sinh là vô vi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Lão tử có ra do Sanh làm duyên. Dù cho tất cả Như Lai sẽ ra đời hay không ra đời, thể tướng ấy vẫn đình trụ, là pháp trụ cố nhiên, tức là pháp ấy sanh ra do pháp ấy làm duyên, Như Lai chứng trí tột, xét gặp bằng trí tột với thể tướng ấy, khi đã chứng với trí tột xét gặp bằng trí tột rồi mới nói ra, diễn giải, bố cáo, truyền bá, bành trướng, phân bày cho dễ và đặng chỉ rằng Lão tử có ra do Sanh làm duyên. Này chư Phíc-khú, Sanh có ra do Hữu làm duyên ... Hành có ra do Vô minh làm duyên ... dù cho Chư Như Lai sẽ ra đời hoặc không ra đời cũng thế, vì bản thế ấy vẫn có đình trụ ... và đặng chỉ rằng Hành có ra do Vô minh làm duyên; chư Phíc-khú, sự chắc thật, sự không thay đổi, sự không thành ra khác tức là pháp này sanh ra do pháp nọ làm duyên, pháp thật thể ấy như nói đây thế nào thì Như Lai nói Y tương sinh". Đây là bài Kinh hẳn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó thì Y tương sinh cũng là vô vi chớ gì!

1087.

- **Tự ngôn:** Y tương sinh có câu rằng: "Vô minh duyên Hành" như thế thật tướng nào là pháp trụ thành pháp cố nhiên trong duyên đó, thật tướng đó là vô vi thì Níp-bàn cũng là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tí hộ *(tāṇa)* cũng thành hai thứ ... hay là giữa chặn của Níp-bàn hai thứ đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1088.

* **Tự ngôn:** Y tương sinh có câu rằng: "Vô minh duyên Hành ... thế này thì thật tướng nào thành pháp trụ, thành pháp cố nhiên trong duyên ấy, thật tướng ấy thành vô vi. Y tương sinh có câu nửa rằng: "Hành duyên Thức", như thế thì thật tướng nào thành pháp trụ, thành pháp cố nhiên trong duyên ấy, thật tướng ấy cũng là vô vi, Níp-bàn cũng là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô vi thành ba thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô vi thành ba thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tí hộ *(tāṇa)* cũng thành ba thứ ... có chặng giữa của Níp-bàn ba thứ ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1089.

* **Tự ngôn:** Y tương sinh có câu rằng: "Vô minh duyên Hành như thế thật tướng nào thành pháp trụ, thành pháp cố nhiên trong duyên ấy, thật tướng ấy là vô vi. Có câu nữa rằng : "Hành duyên Thức", như thế thật tướng nào thành pháp trụ, thành pháp cố nhiên trong duyên ấy thì thật tướng ấy cũng là vô vi ... Y tương sinh có câu nữa rằng: "Sanh duyên Lão tử", như thế thật tướng nào thành pháp trụ, thành pháp cố nhiên trong duyên ấy, thật tướng ấy cũng là vô vi, Níp-bàn cũng là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô vi thành mười hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô vi thành mười hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tí hộ *(tāṇa)* cũng thành mười hai thứ ... Bí mật cũng thành mười hai thứ ... có chặng giữa của Níp-bàn mười hai thứ đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Y tương sinh ngữ

ĐẾ NGỮ *(SACCA KATHA)*

1090.

* **Tự ngôn:** Tứ đế là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tí hộ *(taṇa)* cũng có bốn, bí mật *(leṇa)* cũng có bốn, hữu y *(saraṇa)* cũng có bốn, hữu Tức *(parāyana)* cũng có bốn, cố định *(accuta)* cũng có bốn, bất tử *(amata)* cũng có bốn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Níp-bàn cũng bốn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Có sự cao và thấp, có ty hạ và tinh lương, có cao siêu và hèn hạ, có ranh rấp hoặc có sự chia khác, hay khe rãnh hoặc ngăn chặng giữa của Níp-bàn bốn thứ đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1091.

* **Tự ngôn:** Khổ đế là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khổ đế là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khổ đế là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khổ thân, khổ tâm, sầu, khóc, khổ, ưu, ai là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

- **Tự ngôn:** Tập đế là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tập đế là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tập đế là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dục ái, Hữu ái, Ly hữu ái là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đạo đế là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đạo là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đạo đế là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chánh kiến ... Chánh định là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1092.

- **Tự ngôn:** Khổ là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khổ đế là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Khổ thân, khổ tâm, sầu, khóc, khổ, ưu, ai là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khổ đế là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tập là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tập đế là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Dục ái, Hữu ái, Ly hữu ái là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tập đế là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đạo là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đạo đế là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chánh kiến ... Chánh định là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đạo đế là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1093.

- **Tự ngôn:** Diệt đế là vô vi, Diệt là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khổ đế là vô vi, Khổ là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Diệt đế là vô vi, Diệt là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tập đế là vô vi, Tập là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Diệt đế là vô vi, Diệt là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đạo đế là vô vi, Đạo là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1094.

- **Tự ngôn:** Khổ đế là vô vi, Khổ là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Diệt đế là vô vi, Diệt là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tập đế là vô vi, Tập là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Diệt đế là vô vi, Diệt là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đạo đế là vô vi, Đạo là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Diệt đế là vô vi, Diệt là hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1095.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng Tứ đế là vô vi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, bốn thứ này chắc thật không sai, không thành thứ khác. Bốn thứ đó là chi? Tức là khổ Đế chắc thật không sai

khác, không thành thứ khác ... tức là Khổ Tập đế, tức là Khổ Tập ... tức là Khổ diệt.. tức là con đường tiến hành đi đến Diệt Khổ chắc thật không sai, không thành thứ khác. Này chư Phíc-khú, chỉ có bốn thứ này chắc thật không sai không thành thứ khác". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Nếu thế đó thì Tứ đế cũng là vô vi chớ gì!

Dứt Đế ngữ

VÔ SẮC NGỮ *(ĀPUPPA KATHĀ)*

1096.

* **Tự ngôn:** Không vô biên xứ là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Níp-bàn, thành tí hộ, thành bí mật, thành sở y, thành hữu tức, thành cố định, thành bất tử phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Không vô biên xứ thành vô vi, Níp-bàn thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tí hộ thành hai thứ ... có bực chặng giữa của Níp-bàn hai thứ đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Không vô biên xứ là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Không vô biên xứ thành hữu, thành thú hướng *(gati)*, thành chúng sanh trụ, thành hành, thành sanh, thành chỗ nương của thức, thành cách đặng thân *(attabhāva)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô vi thành hữu, thành thú hướng, thành chúng sanh trụ, thành hành, thành sinh, thành chỗ trụ của thức, thành cách đặng thân phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nghiệp làm nhân đưa đến Không vô biên xứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nghiệp làm nhân đưa đến vô vi vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vẫn có chúng sanh vào đến Không vô biên xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vẫn có chúng sanh vào đến vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1097.

* **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh sanh, lão, tử, thác, tái tục trong Không vô biên xứ đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh sanh, lão, tử, thác, tái tục trong vô vi đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1098.

* **Tự ngôn:** Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có trong Không vô biên xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Không vô biên xứ là Tứ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô vi là Tứ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1099.

* Phản ngữ: Không nên nói rằng Tứ Vô sắc là vô vi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Tứ Vô Sắc, Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng là thật tướng không lay động phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu Tứ Vô Sắc, Đức Thế Tôn Ngài có phán là thật tướng không lay động, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Tứ Vô sắc là vô vi.

Dứt Vô sắc ngữ

NHẬP DIỆT NGỮ *(NIRODHASAMĀPATTI KATHĀ)*

1100.

* **Tự ngôn:** Nhập diệt là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Níp-bàn, thành tí hộ (che chở), thành bí mật, thành hữu y, thành hữu Tức, thành cố định, thành bất tử phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhập diệt là vô vi, Níp-bàn cũng là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tí hộ (che chở) thành hai thứ ... có ngăn chặng giữa của Níp-bàn hai thứ đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhập diệt là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Có nhóm người nhập diệt đặng diệt, còn cho diệt sanh ra, cho diệt sanh đủ, cho đình trụ, cho đình trụ đủ, cho phát sanh, cho phát sanh cách tột, cho sanh ra, cho sanh ra đầy đủ đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Có nhóm người vào vô vi, đắc vô vi, làm cho vô vi sanh ra, cho sanh đầy đủ, cho đình trụ, cho đình trụ đều đủ, cho phát sanh, cho phát sanh cách tột, cho sanh ra, cho sanh ra đều đủ đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự trong sạch, sự xuất khỏi diệt hiện bày đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự trong trẻo, sự xuất khỏi vô vi hiện bày đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực nhập Diệt có khẩu hành diệt mất trước rồi từ đó thân hành diệt, từ đó tâm hành diệt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực nhập vô vi cũng có khẩu hành diệt trước rồi từ đó thân hành diệt, từ đó tâm hành diệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực xuất khỏi diệt có tâm hành phát sanh ra trước, từ đó thân hành phát sanh, từ đó khẩu hành phát sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người xuất ra khỏi vô vi cũng có tâm hành sanh trước, từ đó tâm hành phát sanh, từ đó khẩu hành phát sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1101.

* **Tự ngôn:** Tam xúc tức là tiêu diệt xúc, vô chứng xúc, phi nội xúc vẫn đụng chạm với người đã ra khỏi diệt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tam xúc tức tiêu diệt xúc, vô chứng xúc, phi nội xúc vẫn đụng chạm người mà đã xuất khỏi vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1102.

* **Tự ngôn:** Tâm của người xuất ra khỏi diệt rồi dĩ nhiên chống lại, nghiêng lại phản khán, chăm chú phản khán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Tâm của bực đã ra khỏi vô vi cũng dĩ nhiên chống vào phản khán, nghiêng vào phản khán, chăm chú vào phản khán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1103.

* Phản ngữ: Chớ nên nói nhập diệt là vô vi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nhập diệt là hữu vi phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó nhập diệt cũng là vô vi chớ gì!

Dứt nhập diệt ngữ

HƯ KHÔNG NGỮ *(ĀKĀSA KATHĀ)*

1104.

* **Tự ngôn:** Hư không là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Níp-bàn, thành tí hộ (che chở), thành bí mật, thành hữu y, thành hữu Tức, thành cố định, thành bất tử phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1105.

* **Tự ngôn:** Hư không là vô vi, Níp-bàn là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tí hộ thành hai thứ ... có chặng giữa của Níp-bàn hai thứ đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1106.

* **Tự ngôn:** Hư không là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Có nhóm người làm cho phi hư không đặng thành hư không phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Có nhóm người làm hữu vi cho đặng thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1107.

* **Tự ngôn:** Có nhóm người làm cho hư không đặng thành phi hư không phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Có nhóm người làm cho vô vi đặng thành hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1108.

* **Tự ngôn:** Trong hư không, tất cả chim bay đi đặng, mặt trăng và mặt trời dạo đi đặng, tất cả sao dạo đi đặng, bực có thần thông hiện phép đặng, tất cả người lay động tay đặng, vỗ tay đặng, liệng cục đá đi đặng, liệng trái cầu đi đặng, hiện thông đi đặng, bắn tên đi đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong vô vi, tất cả chim cũng bay đặng, mặt trăng và mặt trời cũng dạo đi đặng, tất cả sao cũng dạo đi đặng, bực có thần thông cũng hiện phép đặng, cũng liệng cục đá đi đặng, cũng liệng trái cầu đi đặng, cũng hiện thần thông đi đặng, cũng bắn mũi tên đi đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1109.

* **Tự ngôn:** Tất cả người bao hư không làm cho thành nhà, làm cho thành kho đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Tất cả người bao vô vi làm cho thành nhà, làm cho thành kho đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1110.

* **Tự ngôn:** Khi đang đào giếng, chỗ phi hư không rồi trở thành hư không đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hữu vi cũng trở thành vô vi đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1111.

* **Tự ngôn:** Khi giếng trống đang bị bít, kho trống đang đựng cho đầy, nồi không để đồ rang đầy thì hư không nó lòn lỏi đi đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô vi nó cũng lòn lỏi đi đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1112.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng hư không thành vô vi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Hư không thành hữu vi phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó hư không cũng thành vô vi chớ gì!

Dứt Hư không ngữ

HƯ KHÔNG HỮU KIẾN NGỮ *(ĀKĀSA SANIDASSANATIKATHĀ)*

1113.

* **Tự ngôn:** Hư không thành hữu kiến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Sắc, thành Sắc xứ, thành Sắc giới, thành màu xanh, thành màu vàng, thành màu đỏ, thành màu trắng, bị Nhãn thức biết, đối chiếu nơi nhãn, đến vào rạch của nhãn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1114.

* **Tự ngôn:** Hư không thành hữu kiến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nương nhãn và hư không mới phát sanh Nhãn thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1115.

* **Tự ngôn:** Nương nhãn và hư không mới sanh ra Nhãn thức phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nói rằng nương nhãn và hư không mới sanh ra Nhãn thức. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Không có !
* **Tự ngôn:** Nói rằng nương nhãn và sắc mới sanh ra Nhãn thức. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà nói rằng nương nhãn và sắc mới sanh ra Nhãn thức. Như đây là bài Kinh vẫn thật có thời không nên nói rằng nương nhãn và hư không mới sanh ra Nhãn thức.

1116.

* Phản ngữ: Không nên nói hư không thành hữu kiến phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Ngài thấy lỗ trống giữa hai cây, lỗ trống giữa hai cột, lỗ ván, lỗ cửa phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Ngài thấy lỗ giữa hai cây, lỗ giữa hai cột, lỗ ván, lỗ cửa sổ. Chính do nhân đó (Ngài) mới nói hư không thành hữu kiến.

Dứt Hư không hữu kiến ngữ

ĐỊA CHẤT HỮU KIẾN NGỮ *(PATHAVI DHATU SANIDASSANATAYADIKATHA)*

1117.

* **Tự ngôn:** Địa chất là hữu kiến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Sắc, thành Sắc xứ, thành Sắc giới, thành màu xanh, thành màu vàng, thành màu đỏ, thành màu trắng, bị Nhãn thức biết, đối chiếu nơi nhãn, đến vào rạch của nhãn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1118.

* **Tự ngôn:** Địa chất là hữu kiến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nương nhãn và địa chất, Nhãn thức mới phát sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1119.

* **Tự ngôn:** Nương nhãn và địa chất, Nhãn thức mới phát sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nói rằng nương nhãn và địa chất, mới phát sanh Nhãn thức. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Không có!
* **Tự ngôn:** Nói rằng nương nhãn và sắc, mới phát sanh Nhãn thức. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà nói rằng nương nhãn và sắc mới phát sanh Nhãn thức. Như đây là bài Kinh vẫn thật có thời không nên nói rằng nương nhãn và địa chất, mới sanh ra Nhãn thức.

1120.

* Phản ngữ: Không nên nói địa chất là hữu kiến phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Ngài thấy đất, thấy đá, thấy núi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Ngài thấy đất, thấy đá, thấy núi; chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng chất đất là hữu kiến...
* Phản ngữ: Không nên nói chất nước là hữu kiến phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Ngài thấy nước phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Ngài thấy nước, chính do nhân đó, Ngài mới nói chất nước là hữu kiến ...
* Phản ngữ: Không nên nói chất lửa là hữu kiến phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Ngài vẫn thấy ngọn lửa phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Ngài vẫn thấy ngọn lửa, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng chất lửa là hữu kiến...
* Phản ngữ: Không nên nói chất gió là hữu kiến phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Ngài thấy cây cối vẫn bị gió ngã phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Ngài thấy cây cối vẫn bị gió ngã, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng phong chất là hữu kiến.

Dứt Địa chất hữu kiến ngữ

NHÃN QUYỀN HỮU KIẾN NGỮ
(CAKKHUNDRIYA SANIDASSANANTI ADI KATHA)

1121.

* **Tự ngôn:** Nhãn quyền thành hữu kiến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Sắc, thành Sắc xứ, thành Sắc giới, vào đến sông của nhãn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó..

1122.

* **Tự ngôn:** Nhãn quyền là hữu kiến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nương nhãn và Nhãn quyền mới phát sanh Nhãn thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1123.

* **Tự ngôn:** Nương nhãn và Nhãn quyền mới phát sanh Nhãn thức phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nói rằng nương nhãn và Nhãn quyền mới phát sanh Nhãn thức. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Không có!
* **Tự ngôn:** Nói rằng nương nhãn và sắc mới phát sanh Nhãn thức. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà nói rằng nương nhãn và sắc mới phát sanh Nhãn thức như đây là bài Kinh vẫn thật có thời không nên nói nương nhãn và Nhãn quyền mới phát sanh Nhãn thức.

1124.

* Phản ngữ: Không nên nói Ngũ quyền là hữu kiến phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Ngài thấy nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Ngài thấy nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân chính do nhân đó, Ngài mới nói Ngũ quyền là hữu kiến..

Dứt Nhãn quyền hữu kiến ngữ

THÂN NGHIỆP HỮU KIẾN NGỮ *(KAYAKAMMA SANIDASSANANTIKATHA)*

1125.

* **Tự ngôn:** Thân nghiệp là hữu kiến phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Sắc, thành Sắc xứ, thành Sắc giới, thành màu xanh, thành màu vàng, thành màu đỏ, thành màu trắng, Nhãn thức biết đặng, đối chiếu nhãn, vào đến sông của nhãn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thân nghiệp là hữu kiến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nương nhãn và thân nghiệp mới phát sanh Nhãn thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nương nhãn và thân nghiệp mới sanh ra Nhãn thức phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nói rằng nương nhãn và thân nghiệp mới sanh ra Nhãn thức; như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Không có.
* **Tự ngôn:** Nói rằng nương nhãn và sắc mới sanh ra Nhãn thức, như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu mà nói rằng nương nhãn và sắc mới sanh ra Nhãn thức như đây là bài Kinh vẫn thật có thời không nên nói nương nhãn và thân nghiệp mới sanh ra Nhãn thức.

1126.

* Phản ngữ: Chớ nên nói thân nghiệp thành hữu kiến phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Ngài thấy cách bước đi tới, bước đi lui, ngó qua, ngó lại, ngay tay phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Ngài thấy cách bước tới bước lui, ngó qua ngó lại, ngay tay. Chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng thân nghiệp là hữu kiến.

Dứt Thân nghiệp hữu kiến ngữ

Mười một bài kệ tóm lược từ địa chất hữu kiến ngữ ... đến thân nghiệp hữu kiến ngữ.

Hết Phẩm thứ sáu

PHẨM THỨ BẢY

YẾU HIỆP NGỮ *(SAṄGAHITA KATHA)*

1127.

* **Tự ngôn:** Có phần pháp yếu hiệp với phần pháp không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Có phần pháp yếu hiệp đặng sắp vào đầu đề đặng, đã liên quan với phần pháp vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà có phần pháp yếu hiệp đặng sắp vào đầu đề đặng, đã liên quan với phần pháp vẫn có thời không nên nói có phần pháp mà Ngài yếu hiệp với phần pháp không có.

1128.

* **Tự ngôn:** Nhãn xứ kể vào đặng trong uẩn nào? Phản ngữ: Kể vào đặng trong Sắc uẩn.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Nhãn xứ kể vào đặng trong Sắc uẩn, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Nhãn xứ yếu hiệp vào với Sắc uẩn.
* **Tự ngôn:** Nhĩ xứ ... Tỷ xứ ... Thiệt xứ ... Thân xứ kể vào đặng trong uẩn nào? Phản ngữ: Kể vào đặng trong Sắc uẩn.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Thân xứ kể vào đặng trong Sắc uẩn, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Thân xứ yếu hiệp vào với Sắc uẩn.

1129.

* **Tự ngôn:** Sắc xứ ... Thinh xứ ... Khí xứ ... Vị xứ ... Xúc xứ ... kể vào đặng trong uẩn nào? Phản ngữ: Kể vào đặng trong Sắc uẩn.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Xúc xứ kể vào đặng trong Sắc uẩn, chính do nhân đó Ngài mới nói Xúc xứ yếu hiệp vào với Sắc uẩn.

1130.

* **Tự ngôn:** Lạc thọ kể vào đặng trong uẩn nào? Phản ngữ: Kể vào đặng trong Thọ uẩn.
* **Tự ngôn:** Nếu mà lạc thọ kể vào đặng trong Thọ uẩn, chính do nhân đó mới nói rằng lạc thọ yếu hiệp vào với Thọ uẩn.
* **Tự ngôn:** khổ thọ ... phi khổ phi lạc thọ kể vào đặng trong uẩn nào? Phản ngữ: Kể vào đặng trong Thọ uẩn.
* **Tự ngôn:** Nếu mà phi khổ phi lạc thọ kể vào đặng trong Thọ uẩn, chính do nhân đó mới nói rằng phi khổ phi lạc thọ yếu hiệp vào với Thọ uẩn.

1131.

* **Tự ngôn:** Tưởng sanh từ Nhãn xúc kể vào đặng trong uẩn nào? Phản ngữ: kể vào đặng trong Tưởng uẩn.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Tưởng sanh từ Nhãn xúc kể vào đặng trong Tưởng uẩn, chính do nhân đó mới nói rằng Tưởng sanh từ Nhãn xúc yếu hiệp vào với Tưởng uẩn.
* **Tự ngôn:** Tưởng sanh từ Nhĩ xúc ... Tưởng sanh từ Ý xúc kể vào đặng trong uẩn nào? Phản ngữ: Kể vào đặng trong Tưởng uẩn.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Tưởng sanh từ Ý xúc kể vào đặng trong Tưởng chính do nhân đó mới nói rằng Tưởng sanh từ Ý xúc yếu hiệp vào với Tưởng uẩn.

1132.

* **Tự ngôn:** Tư *(Cetanā)* sanh từ Nhãn xúc ... Tư sanh từ Ý xúc kể vào đặng trong uẩn nào? Phản ngữ: kể vào đặng trong Hành uẩn.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Tư sanh từ Ý xúc vào đặng trong Hành uẩn, chính do nhân đó mới nói rằng Tư sanh từ Ý xúc yếu hiệp vào với Hành uẩn.

1133.

* **Tự ngôn:** Nhãn thức ... Ý thức kể vào đặng trong uẩn nào? Phản ngữ: Kể vào đặng trong Thức uẩn.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Ý thức kể vào đặng trong Thức uẩn, chính do nhân đó mới nói rằng Ý thức yếu hiệp vào với Thức uẩn. Phản ngữ: Những pháp ấy Ngài yếu hiệp vào với pháp ấy cũng như đôi bò tế, hoặc cùng với vòng hoa hay dây ràng gồm chung lại, hay cái bát và dây áo gồm chung lại, hay chó và dây buộc gồm chung lại.
* **Tự ngôn:** Nếu mà đôi bò tế hoặc cùng với vòng hoa hay dây ràng gồm chung lại, hay cái bát và dây áo gồm chung lại, hay chó và dây buộc gồm chung lại. Chính do nhân đó mới nói rằng cũng có những pháp mà Ngài yếu hiệp với những pháp vẫn có.

Dứt Yếu hiệp ngữ

TƯƠNG ƯNG NGỮ *(SAMPAYUTTA KATHĀ)*

1134.

* **Tự ngôn:** Cũng có những pháp mà tương ưng với những pháp không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cũng có những pháp mà đồng sanh, đồng diệt, đồng cảnh và đồng vật với những pháp khác vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà cũng có những pháp đồng sanh, đồng diệt, đồng cảnh và đồng vật với những pháp khác vẫn có thời không nên nói hoặc những pháp tương ưng với những pháp không có.

1135.

* **Tự ngôn:** Thọ uẩn đồng sanh với Tưởng uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Thọ uẩn đồng sanh với Tưởng uẩn, chính do nhân đó, Ngài mới nói Thọ uẩn tương ưng với Tưởng uẩn.
* **Tự ngôn:** Thọ uẩn đồng sanh với Hành uẩn và Thức uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Thọ uẩn đồng sanh với Thức uẩn, chính do nhân đó, Ngài mới nói Thọ uẩn tương ưng với Thức uẩn.
* **Tự ngôn:** Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn đồng sanh với Thọ uẩn, Tưởng uẩn và Hành uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Thức uẩn đồng sanh với Hành uẩn, chính do nhân đó, Ngài mới nói Thức uẩn tương ưng với Hành uẩn.
* Phản ngữ: Dầu đang ướt đang tươm trong mè, vị đang ướt đang tươm trong mía như thế nào thì những pháp ấy cũng đang trộn đang tươm với pháp ấy thế đó phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

Dứt Tương ưng ngữ

SỞ HỮU TÂM NGỮ *(CETASIKA KATHĀ)*

1136.

- **Tự ngôn:** Pháp Sở hữu Tâm không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cũng có thứ pháp đồng sanh, đồng diệt, đồng cảnh và đồng vật với tâm cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà cũng có thứ pháp đồng sanh, đồng diệt, đồng cảnh và đồng vật với Tâm vẫn có thời không nên nói pháp Sở hữu Tâm không có.

1137.

- **Tự ngôn:** Xúc đồng sanh với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Xúc đồng sanh với Tâm, chính do nhân đó mới nói Xúc là Sở hữu Tâm.
- **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng ... Tư ... Tín, Cần, Niệm, Định, Tuệ, Ái, Sân, Si ... Vô úy đồng sanh với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Vô úy đồng sanh với Tâm, chính do nhân đó, Ngài mới nói Vô úy là Sở hữu Tâm.
- Phản ngữ: Bởi lập chú giải rằng sanh chung với Tâm mới gọi là Sở hữu Tâm phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Do lập chú giải rằng sanh chung với Xúc mới gọi là Sở hữu Xúc phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Do lập chú giải rằng sanh chung với Tâm mới gọi là Sở hữu Tâm phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Do sắp chú giải rằng sanh chung với Thọ ... với Tưởng ... với Tư ... với Tín, với Cần, với Niệm, với Định, với Tuệ, với Ái, với Sân, với Si ... với Vô úy cũng gọi là Sở hữu Vô úy phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp Sở hữu Tâm không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Tâm ấy và bao nhiêu Pháp sở hữu vẫn hiện với người biết rõ bằng sự vô ngã, khi rõ cả hai pháp ấy đều biết thô và tế rồi cũng thành người Chánh kiến biết rõ rằng có cái tiêu mất là lẽ thường". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó, pháp Sở hữu Tâm cũng vẫn có chớ gì!

1138.

- **Tự ngôn:** Pháp Sở hữu Tâm không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này Kê Quách *(Kevatta)* Tỷ Khưu trong pháp luật này có thể độ đoán đặng Tâm, Sở hữu Tâm cho đến cách suy xét nghĩ ngợi của người khác, chúng sanh khác rằng tâm của y hoặc như thế này, hoặc như thế kia, hay như thế nọ". Đây là bài Kinh hẳn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thì pháp Sở hữu Tâm cũng vẫn có chớ gì!

Dứt Sở hữu Tâm ngữ

BỐ THÍ NGỮ *(DANA KATHA)*

1139.

- **Tự ngôn:** Bố thí tức là pháp Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sẽ cho pháp Sở hữu Tâm với những người khác cũng đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sẽ cho pháp Sở hữu Tâm đến những người khác cũng đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sẽ cho Xúc đến các người khác cũng đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sẽ cho Thọ ... Tưởng, Tư, Tín, Cần, Niệm, Định ... Tuệ đến các người khác cũng đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1140.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng bố thí là pháp Sở hữu Tâm phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Bố thí có quả không đáng mong mỏi, có quả không đáng ưa thích, có quả không đáng vừa lòng, có quả độc hại, có khổ thành lời, có khổ thành dị thục quả phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Bố thí có quả đáng mong mỏi, có quả đáng ưa thích, có quả đáng vừa lòng, có quả không độc hại, có lạc làm lời, có lạc thành dị thục quả phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà bố thí có quả đáng mong mỏi, có quả đáng ưa thích, có quả trổ vừa lòng, có quả không độc hại, có vui làm lời, có vui thành dị thục quả. Chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng bố thí tức là pháp Sở hữu Tâm.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán: "Bố thí có quả đáng mong mỏi và bố thí cũng là y áo" phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bố thí có quả đáng mong mỏi, có quả đáng ưa thích, có quả đáng vừa lòng, có quả không độc hại, có vui làm lời, có vui thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn có phán rằng: "Bố thí là quả đáng mong mỏi và bố thí cũng là khất thực, tọa cụ, y dược, vật dụng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Y dược, vật dụng có quả đáng mong mỏi, có quả đáng ưa thích, có quả trổ vừa lòng, có quả không độc hại, có vui làm lời, có vui thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1141.

- Phản ngữ: Chớ nên nói bố thí tức là pháp Sở hữu Tâm phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Những pháp này tức là đức tin, tầm và bố thí thành thiện đi theo trượng phu, chính ba cách này pháp này chư hiền giả tường thuật rằng là con đường đi đến Chư thiên, vì người đã đến Chư thiên đặng bằng ba pháp này". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó, bố thí cũng là pháp Sở hữu Tâm chớ gì!

1142.

- Phản ngữ: Chớ nên nói bố thí là pháp Sở hữu Tâm phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, năm cách bố thí này là đại thí hiện bày rằng đặc biệt, hiện bày bằng ban đêm, hiện bày thành thị tộc, thành pháp cổ truyền mà Sa Môn, Bà La Môn tất cả bực biết không đặng phủ nhận, không

từng phủ nhận, vẫn không chê ghét, sẽ không chê ghét, đã không bắt bẻ. Ngũ bố thí là chi? Này chư Phíc-khú, Thánh Tăng trong pháp luật này trừ sát sanh là bực đã tuyệt trừ xa sát sanh, Thánh Tăng bực đã trừ tuyệt xa sát sanh gọi là bố thí vô nạn cho sự thành người không có oan trái, cho sự không ép uổng với vô lượng chúng sanh. Khi bố thí vô nạn cho sự thành người không oan trái, cho sự không ép uổng với vô lượng chúng sanh rồi vẫn thành người có phần nơi không nạn, sự không oan trái, sự khỏi ép uổng vô lượng chúng sanh cũng là bố thí làm đầu mới thành ra đại thí hiện bày là rất đặc biệt, hiện bày trong đêm tối, hiện bày là thị tộc, thành pháp cổ truyền mà Sa Môn, Bà La Môn các bực hiểu biết không đặng xóa bỏ, không từng xóa bỏ, vẫn không chê ghét, vẫn không ghét gớm, sẽ không ghét gớm, đã không phản đối. Này chư Phíc-khú, còn điều khác nữa Thánh Tăng trừ trộm cướp ... trừ tà dâm ... trừ vọng ngôn ... trừ cơ sở mà chỗ trụ của sự dễ duôi tức là uống rượu, ăn men thành bực tuyệt trừ rồi lìa cơ sở mà thành nơi chỗ nương tựa của sự dễ duôi như là uống nước say tức là uống rượu, ăn men, Thánh Tăng bực đã chừa tuyệt rồi lìa cơ sở mà nơi nương tựa của sự dễ duôi như là uống nước say tức là rượu và men; gọi là cho vô nạn, cho sự không oan trái, cho sự không ép uổng với vô lượng chúng sanh. Khi cho vô nạn, cho sự không oan trái, cho sự không ép uổng với vô lượng chúng sanh rồi mới thành bực có phần nơi sự không nạn, sự không oan trái, sự không ép uổng, đặng vô lượng sự không ép uổng. Đây là bố thí năm điều đầy đủ thời thành đại thí hiện bày rằng rất tột, hiện bày đêm tối, hiện bày là thị tộc, thành pháp cổ truyền mà Sa Môn, Bà La Môn và tất cả bực hiểu biết không đặng xóa bỏ, không từng xóa bỏ, vẫn không ghét gớm, sẽ không ghét gớm, đã không chống báng. Này chư Phíc-khú, chính năm cách bố thí này là đại thí hiện bày rằng rất tột, hiện bày bằng ban đêm, hiện rằng là thị tộc, thành pháp cổ truyền mà Sa Môn, Bà La Môn tất cả không đặng xóa bỏ, không từng xóa bỏ, vẫn không ghét gớm, sẽ không ghét gớm, đã không chống báng. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Nếu thế đó thì bố thí cũng là pháp Sở hữu Tâm chớ gì.

1143.

∗ **Tự ngôn:** Chớ nói rằng bố thí là pháp đồ làm phước *(deyyadhamma)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Cũng có người trong đời này vẫn cho cơm, cho nước, cho vải, cho xe tàu, cho bông cây, cho đồ thơm, cho đồ thoa, cho chỗ nằm, cho chỗ nghĩ, cho đèn đuốc". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu thế đó thì bố thí cũng là pháp của Sở hữu Tâm chớ gì.

1144.

∗ Phản ngữ: Bố thí là pháp sự vật làm phước phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Sự vật làm phước có quả đáng mong mỏi, có quả đáng ưa thích, có quả đáng vừa lòng, có quả không độc hại, có vui làm lời, có lạc thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

∗ Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Bố thí có quả đáng mong mỏi và bố thí cũng là y áo" phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Y áo có quả đáng mong mỏi, có quả đáng ưa thích, có quả đáng vừa lòng, có quả không độc hại, có vui làm lời, có lạc thành dị thục quả phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Bố thí có quả đáng mong mỏi và bố thí tức là để bát, cho tọa cụ, thuốc men, vật dụng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Cho thuốc, cho vật dụng có quả đáng mong mỏi, có quả đáng ưa thích, có quả đáng vừa lòng, có quả không độc hại, có vui làm lời, có lạc thành dị thục quả phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

Nếu thế đó thời không nên nói bố thí là pháp đáng cho *(deyyadhamma)*

Dứt Bố thí ngữ

HƯỞNG DỤNG THÀNH TỰU PHƯỚC NGỮ *(PARIBHOGA MAYAPUÑÑA KATHĀ)*

1145.

* **Tự ngôn:** Phước thành tựu từ nơi cách hưởng dụng tiến hóa đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Xúc thành tựu từ nơi cách hưởng dụng tiến hóa đặng phải chăng? ... Thọ, Tưởng, Tư, Tâm, Tín, Cần, Niệm, Định, Tuệ thành tựu từ nơi cách hưởng dụng tiến hóa đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1146.

* **Tự ngôn:** Phước thành tựu từ nơi cách hưởng dụng tiến hóa đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tiến hóa đặng như mây bò, mây leo, như cây cối, như cỏ, như ruột của đăng tâm thảo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1147.

* **Tự ngôn:** Phước thành tựu từ nơi cách hưởng dụng tiến hóa phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trẻ con bố thí rồi không lưu ý, cũng thành tựu phước đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành tựu đặng với người không nhớ, thành đặng với người không bận bịu, thành đặng với người không lưu ý, thành đặng với người không để vào lòng, thành đặng với người không chủ ý, thành đặng với người không mong mỏi, thành đặng với người cố tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Phước thành đặng với người nhớ đến, thành đặng với người bận bịu, thành đặng với người lưu ý, thành đặng với người để trong lòng, thành đặng với người chú ý, thành đặng với người mong mỏi, thành đặng với người cố tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà phước thành đặng với người nhớ đến, thành đặng với người bận bịu, thành đặng với người lưu ý, thành đặng với người để trong lòng, thành đặng với người chú ý, thành đặng với người mong mỏi, thành đặng với người cố tâm thời không nên nói phước thành tựu từ cách hưởng dụng tiến hóa đặng.

1148.

* **Tự ngôn:** Phước thành đặng từ nơi cách hưởng dụng tiến hóa đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trẻ nhỏ dâng cúng đang nghĩ ngợi dục tầm *(kāmavitakka)* đang nghĩ ngợi Sân độc tầm, đang nghĩ ngợi đố kỵ tầm cũng thành phước đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Thành cách hội hiệp của nhị xúc, nhị tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành cách hội hiệp của nhị xúc ... của nhị tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp mà thành thiện và bất thiện, chỗ có lỗi và không lỗi, nơi thô và tế, chỗ thành phía đen và phía trắng, gồm nhau lại đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Pháp mà thành thiện và bất thiện, chỗ có lỗi và không lỗi, nơi ty hạ và tinh lương, chỗ thành phía đen và phía trắng, gồm chung nhau đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, bốn cách xa nhau rất xa nhau. Bốn cách đó như thế nào? Một là trời và đất xa nhau rất xa nhau, hai là bờ biển bên này và bên kia xa nhau rất xa nhau, ba là phía mặt trời mọc và phía mặt trời lặn xa nhau rất xa nhau, bốn là pháp của hiền triết và pháp của phi hiền triết xa nhau rất xa nhau. Này chư Phíc-khú, bốn pháp này đây xa nhau rất xa nhau.
  Trên trời với mặt đất xa nhau, mé biển nó cũng là xa nhau, phía Đông và phía Tây cũng xa nhau, pháp của hiền triết với pháp của phi hiền triết nên nói là xa nhau hơn đó nữa.
  Hội hợp của nhóm hiền triết vĩnh viễn nhất định vẫn đặng luôn cho đến trọn đời. Nhưng hội hiệp của đám phi hiền triết vẫn hư mau lẹ, vì thế đó cho nên pháp của hiền triết mới xa cách phi hiền triết". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói pháp chỗ thành thiện và bất thiện, nơi có lỗi và không lỗi, chỗ ty hạ và tinh lương, nơi thành phía đen và phía trắng gôm lại nhau đặng.

1149.

- Phản ngữ: Chớ nên nói phước thành tựu từ nơi cách hưởng dụng tiến hóa đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Những người nào lập vườn, tạo rừng, bắc cầu, đào hồ nước, giếng nước, tạo chỗ nghĩ ngơi để làm phước, thì phước vẫn tiến hóa nhiều với những người ấy mỗi khi, luôn cả ngày đêm. Những người đó vững vàng trong pháp, đầy đủ giới, sẽ đến Thiên đường". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó thì phước thành tựu từ nơi cách hưởng dụng tiến hóa đặng chớ gì!

1150.

- Phản ngữ: Chớ nên nói phước từ nơi cách hưởng dụng thành tựu đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, đường nước là phước, đường nước tức là thiện, bốn cách này đem lại sự an vui, có cảnh tốt, có dị thục quả lạc, còn làm cho chúng sanh đến Thiên đường, đều để quả đáng mong mỏi, đặng quả đáng ưa thích, đặng quả đáng vừa lòng, đặng lợi ích, đặng sự an vui. Bốn cách như thế nào? Này chư Phíc-khú, Phíc-khú khi dùng y của người nào, họ vẫn đặng tâm định vô lượng. Con đường nước là phước, con đường nước là thiện của người ấy cũng đặng không lường, dẫn đến sự an vui có cảnh tốt đẹp, có dị thục quả lạc, còn làm cho chúng sanh đến Thiên đường, đồng đều đặng quả đáng mong mỏi, đặng quả đáng ưa thích,

đặng quả đáng vừa lòng, đặng lợi ích, đặng sự an vui, mà Phíc-khú khi thọ hưởng ... khi dùng tọa cụ ... khi dùng thuốc men vật dụng của người nào thì họ vẫn đặng tâm định vô lượng như là con đường nước tức là phước, con đường nước tức là thiện của người ấy cũng đặng vô lượng đưa đến sự an vui có cảnh tốt đẹp, có dị thục quả lạc, còn làm cho chúng sanh đi Thiên đường vẫn đồng đều đặng quả đáng mong mỏi, đáng ưa thích, đặng quả đáng vừa lòng, đặng lợi ích, hầu đặng sự an vui. Này chư Phíc-khú, con đường nước tức là phước, con đường nước tức là thiện; bốn cách này vậy nó đưa đến sự an vui có cảnh giới tốt đẹp, có dị thục quả lạc, còn làm cho chúng sanh đi Thiên đường, vẫn đồng đều đặng quả đáng mong mỏi, đặng quả đáng ưa thích, đặng quả đáng vừa lòng, đặng lợi ích hầu đặng sự an vui". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Nếu thế đó thì phước cũng thành tựu từ nơi cách hưởng dùng tiến hóa đặng chớ gì.

1151.

* **Tự ngôn:** Phước thành tựu từ nơi cách hưởng dụng tiến hóa đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trẻ em bố thí đến bực đáng thọ hưởng rồi không hưởng dùng mà hủy bỏ thành phước đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà trẻ nhỏ bố thí cho hạng đáng thọ rồi không hưởng dùng mà hủy bỏ hư hao mất cũng thành phước đặng thời không nên nói phước thành tựu từ nơi cách hưởng dụng tiến hóa đặng.

1152.

* **Tự ngôn:** Phước thành tựu từ cách hưởng dụng tiến hóa đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trẻ nhỏ bố thí trong khi kẻ đáng thọ, rồi bị vua, quan thâu đi mất, hoặc bị cướp giựt đi mất hoặc lửa cháy tiêu, hoặc nước cuốn đi mất, hoặc người thừa kế không ưa thích đem đi mất rồi cũng thành phước đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà trẻ nhỏ bố thí đến hạng đáng thọ rồi bị vua, quan thâu đi mất hoặc bị trộm cướp mất, hoặc lửa cháy tiêu, hoặc nước cuốn đi mất, hoặc kẻ thừa kế không ưa thích đem đi mất cũng thành phước đặng thời không nên nói phước thành tựu chỉ có cách hưởng dụng mới tiến hóa đặng.

Dứt Hưởng dụng thành tựu phước ngữ

TỰ THỬ THÍ NGỮ *(ITODINNAKATHĀ)*

1153.

* **Tự ngôn:** Những người đi đến đời khác còn cho thân thể hiện hành đặng trong đời khác đó do người ấy bố thí trong đời này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi bố thí y từ đời này thì hưởng dụng y đó trong đời sau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khi để bát từ đời này ... khi dâng tọa cụ từ đời này ... khi dâng thuốc ngừa bệnh từ đời này ... khi cho đồ nhai từ đời này ... khi cho đồ ăn từ đời này ... khi cho đồ uống từ đời này cũng hưởng đồ uống đó trong đời sau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1154.

- **Tự ngôn:** Những người đi đến đời khác đặng còn thân thể hiện hành đặng trong đời khác do người đã bố thí từ đời này phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người khác thành người làm cho người khác vui và khổ, người khác làm cho người khác hưởng quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1155.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng những người đi đến đời khác còn thân thể hiện hành đặng trong đời khác đó do người ấy đã bố thí từ đời này phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Loài Ngạ quỉ thấy họ bố thí hầu lợi ích cho mình vẫn tùy hỷ, vẫn làm cho tâm tín ngưỡng, vẫn còn làm cho hỷ phát sanh vẫn đặng vui phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà Ngạ quỉ thấy họ bố thí hầu lợi ích cho mình, vẫn có tâm trong sạch, vẫn phát sanh mừng, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng những người đi đến đời khác còn thân thể hiện hành đi đặng trong đời khác đó do người đã bố thí từ đời này.

1156.

- Phản ngữ: Chớ nói rằng những người đi đến đời khác còn thân thể hiện hành trong đời khác đó do người đã bố thí từ đời này phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Mưa rớt xuống nơi gò vẫn chảy đến xuống chỗ hũng như thế nào thì người đã bố thí từ đời này vẫn vào đến thành tựu cho những người đã quá vãng chính như thế vậy. Đường nước đầy đủ chảy luôn đến biển cho đầy đủ đặng như thế nào thì người đã bố thí từ đời này vẫn vào đến thành tựu cho những người đã quá vãng như thế đó vậy. Nông nghiệp không có trong thế giới Ngạ quỉ đâu, chăn nuôi cũng không có nơi đó, thương nghiệp cũng như thế đó, cách mua bán bằng tiền bạc cũng không có với người khác rồi tức là người đã chết vẫn còn thân hiện hành trong thế giới Ngạ quỉ đó, do người đã bố thí từ đời này". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó những người đi vào đời khác cũng còn thân thể hiện hành trong đời khác đó do người đã bố thí từ đời này chớ gì!

1157.

- Phản ngữ: Chớ nên nói những người đi đến đời khác còn thân thể cho hiện hành đặng trong đời khác đó, do người đã bố thí từ đời này phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, cha mẹ nhận thấy cơ nguyên năm cách mới hy vọng con thời sẽ sanh trong thân tộc. Năm nguyên sở như thế nào? (1) Ta đã nuôi y rồi y sẽ đáp lại nuôi ta; (2) y sẽ giúp làm việc cho ta; (3) tông tộc sẽ vẫn còn lâu dài; (4) y sẽ coi chừng của cải tài sản nối truyền; (5) hoặc khi ta đã qua đời thì y sẽ làm phước hồi hướng cho. Này chư Phíc-khú, cha mẹ ngó thấy năm cách sở nhân này đây mới hy vọng con thì sẽ sanh trong thân tộc. Trí thức nhìn thấy năm sở nhân mới hy vọng con như là ta nuôi y đã; rồi y sẽ nuôi ta đáp lại. Y sẽ giúp việc cho ta, thân tộc sẽ trường tồn vĩnh viễn, y sẽ chăm nom tài sản nối truyền, hoặc khi ta quá vãng rồi y sẽ làm phước hồi hướng cho; tất cả trí thức ngó thấy năm sở nhân này mới hy vọng con.

  Vì thế đó người hiền triết bực hoàn toàn mới thành người thi ân đáp nghĩa, khi nhớ đến ơn bảo vệ mà Ngài đã làm trước vẫn nuôi cha mẹ, làm việc của Ngài theo cơ sở mà Ngài là tổ tiên người con giữ chức ngôn thì cha mẹ đã nuôi rồi nuôi đáp lại, không làm cho giồng giống điêu tàn, có đức tin, đầy đủ giới, thành người con đáng khen ngợi. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Nếu thế đó thì những người đi đến đời khác còn thân thể hiện hành đặng trong đời khác do người đã bố thí từ đời này chớ gì.

Dứt Từ thứ thí ngữ

ĐẠI ĐỊA NGHIỆP QUẢ NGỮ *(PATHAVĪKAMMAVIPĀKATIKATHĀ)*

1158.

* **Tự ngôn:** Đại địa là quả của nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đại địa có lạc thọ, có khổ thọ, có phi khổ phi lạc thọ, tương ưng lạc thọ, tương ưng khổ thọ, tương ưng phi khổ phi lạc thọ, tương ưng Xúc, tương ưng Thọ, tương ưng Tưởng, tương ưng Tư, tương ưng Tâm, có biết cảnh, có nhớ tưởng, có sự bận lòng, sự lưu ý, sự để lòng, sự chú tâm, sự mong mỏi, sự cố tâm của Đại địa ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đại địa không có lạc thọ, không có khổ thọ, không có phi khổ phi lạc thọ, bất tương ưng lạc thọ, bất tương ưng khổ thọ, bất tương ưng phi khổ phi lạc thọ, bất tương ưng Xúc, bất tương ưng Thọ, bất tương ưng Tưởng, bất tương ưng Tư *(cetanā)*, bất tương ưng Tâm, không biết cảnh, có sự nhớ tưởng, có sự bận lòng, có sự lưu tâm, có sự chứa để trong tâm, có sự chú ý, sự hy vọng, sự cố tâm, của Đại địa ấy đều không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đại địa không có lạc thọ, không có khổ thọ ... không có biết cảnh, không có sự nhớ tưởng ... sự quyết tâm của Đại địa ấy đều không có thời không nên nói Đại địa là quả của nghiệp.

1159.

* **Tự ngôn:** Xúc là quả của nghiệp và Xúc có lạc thọ, có khổ thọ, có phi khổ phi lạc thọ, tương ưng lạc thọ, tương ưng khổ thọ, tương ưng phi khổ phi lạc thọ, tương ưng Xúc, tương ưng Thọ, tương ưng Tưởng, tương ưng Tư, tương ưng Tâm, biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố ý của Xúc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đại địa là quả của nghiệp và Đại địa có lạc thọ, có khổ thọ, có phi khổ phi lạc thọ, tương ưng lạc thọ, tương ưng khổ thọ, tương ưng phi khổ phi lạc thọ, tương ưng Xúc, tương ưng Thọ, tương ưng Tưởng, tương ưng Tư *(Cetanā)*, tương ưng Tâm, có biết cảnh, sự nhớ tưởng, sự bận lòng, sự lưu ý, sự để ý, sự chú ý, sự mong mỏi, sự cố tâm của Đại địa vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1160.

* **Tự ngôn:** Đại địa là quả của nghiệp, nhưng Đại địa không có lạc thọ, không có khổ thọ ... không biết cảnh, không có sự nhớ tưởng ... sự cố ý của Đại địa ấy đều không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Xúc là quả của nghiệp, nhưng Xúc không có lạc thọ, không có khổ thọ ... không biết cảnh, không nhớ tưởng ... sự cố ý của Xúc ấy đều không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1161.

* **Tự ngôn:** Đại địa thành nghiệp quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đại địa cử động đặng, bước đạp đặng, chặc đặng, phá hoại đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nghiệp quả cử động đặng, dậm bước đặng, chặc đặng, phá hoại đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1162.

- **Tự ngôn:** Đại địa sẽ tăng gia, sẽ gia bội, sẽ đa lượng, kẻ kiến trúc, sẽ tăng cường cũng làm đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nghiệp quả người sẽ gia tăng, sẽ gia bội, sẽ chế tạo, sẽ kiến trúc, sẽ tăng cường cũng làm đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1163.

- **Tự ngôn:** Đại địa đi khắp cho mọi người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nghiệp quả đi khắp cho mọi người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1164.

- **Tự ngôn:** Nghiệp quả đi khắp cho mọi người phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Hầm của tức là phước không đi khắp mọi người, trộm cướp không đặng, người có nó sẽ nên chết thành thật tướng, đáng làm phước, người ấy phải thành thiện". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói nghiệp quả đi khắp cho mọi người.

1165.

- **Tự ngôn:** Đại địa thành nghiệp quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đại địa sẵn có trước, vững vàng sau rồi tất cả chúng sanh mới sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Quả phát sanh trước, qua sau tất cả chúng sanh mới làm nghiệp để đặng quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1166.

- **Tự ngôn:** Đại địa thành quả nơi nghiệp của tất cả chúng sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh hưởng dụng Đại địa phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh hưởng dụng Đại địa phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Có thứ hưởng dụng Đại địa rồi viên tịch vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Có thứ chưa hết nghiệp quả cũng viên tịch vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1167.

- **Tự ngôn:** Đại địa thành quả nơi nghiệp của chúng sanh bực sẽ thành Chuyển luân thánh vương phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Mỗi chúng sanh hưởng dụng Đại địa phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Mỗi chúng sanh hưởng dụng quả nơi nghiệp của bực sẽ thành Chuyển luân thánh vương phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Mỗi chúng sanh hưởng dụng quả nơi nghiệp của bực sẽ thành Chuyển luân thánh vương phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Mỗi chúng sanh hưởng dụng Xúc, Thọ, Tư, Tâm, Tín, Cần, Niệm, Định, Tuệ của bực sẽ thành Chuyển luân thánh vương phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1168.

- Phản ngữ: Chớ nên nói Đại địa thành nghiệp quả phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Nghiệp có thể làm cho chúng sanh đều đồng đặng thành lớn lao, nghiệp có thể làm cho chúng sanh đều đồng đặng, sự thành Đại chủ vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà nghiệp có thể làm cho chúng sanh đều đồng đặng lớn lao, nghiệp có thể làm cho chúng sanh đều đồng đặng thành Đại chủ vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Đại địa thành nghiệp quả.

Dứt Đại địa nghiệp quả ngữ

LÃO TỬ QUẢ NGỮ *(JARĀMARAṆAVIPĀKOTIKATHĀ)*

1169.

* **Tự ngôn:** Lão tử thành quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Lão tử có lạc thọ, có khổ thọ, có phi khổ phi lạc thọ, tương ưng lạc thọ, tương ưng khổ thọ, tương ưng phi khổ phi lạc thọ, tương ưng Xúc, tương ưng Thọ, tương ưng Tưởng, tương ưng Tư, tương ưng Tâm, có biết cảnh, có sự nhớ tưởng, có bận lòng, sự lưu ý, sự để ý, sự chú ý, sự mong mỏi, sự quyết tâm của Lão tử đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Lão tử không có lạc thọ, không có khổ thọ ... không biết cảnh, không có sự nhớ tưởng ... sự cố ý của Lão tử đó đều có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Lão tử không có lạc thọ, không có khổ thọ ... không có biết cảnh, không có nhớ tưởng ... và sự cố ý của Lão tử đó đều không có thời không nên nói rằng Lão tử thành quả.

1170.

* **Tự ngôn:** Xúc thành quả và Xúc có lạc thọ, có khổ thọ ... có biết cảnh, có nhớ tưởng ... sự quyết tâm của Xúc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Lão tử thành quả và Lão tử có lạc thọ, có khổ thọ ... có biết cảnh, có sự nhớ tưởng ... và sự cố ý của Lão tử vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1171.

* **Tự ngôn:** Lão tử thành quả nhưng Lão tử không có lạc thọ, không có khổ thọ ... không biết cảnh, không có nhớ tưởng ... và có sự quyết tâm của Lão tử đó đều không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Xúc thành quả nhưng Xúc không có lạc thọ, không có khổ thọ ... không biết cảnh, không có nhớ tưởng ... sự cố tâm của Lão tử ấy đều không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó?

1172.

* **Tự ngôn:** Lão tử nơi nghiệp bất thiện thành quả của nghiệp bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Lão tử nơi nghiệp thiện thành quả của nghiệp thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1173.

* **Tự ngôn:** Lão tử nơi nghiệp thiện không nên nói thành quả của nghiệp thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Lão tử nơi nghiệp bất thiện không nên nói thành quả của nghiệp bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1174.

* **Tự ngôn:** Lão tử nơi nghiệp bất thiện thành quả của nghiệp bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Lão tử nơi nghiệp thiện thành quả của nghiệp bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1175.

* **Tự ngôn:** Lão tử nơi nghiệp bất thiện không thể nói thành quả của nghiệp thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Lão tử nơi nghiệp thiện không thể nói thành quả của nghiệp bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1176.

* **Tự ngôn:** Lão tử nơi nghiệp thiện và nghiệp bất thiện thành quả của nghiệp bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Lão tử nơi nghiệp thiện và nghiệp bất thiện thành quả của nghiệp thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1177.

* **Tự ngôn:** Lão tử nơi nghiệp thiện và nghiệp bất thiện không thể nói thành quả của nghiệp thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Lão tử của nghiệp thiện và nghiệp bất thiện không thể nói thành quả của nghiệp bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1178.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng Lão tử thành quả phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nghiệp có thể làm cho chúng sanh thành người màu da xấu xa, nghiệp có thể làm cho chúng sanh thành người chết yểu vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà nghiệp có thể làm cho chúng sanh thành người nước da xấu xa, nghiệp có thể làm cho chúng sanh thành người đoản thọ; chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Lão tử thành quả.

Dứt Lão tử quả ngữ

THÁNH NGHIỆP QUẢ NGỮ *(ARIYADHAMMA VIPĀKA KATHĀ)*

1179.

* **Tự ngôn:** Quả nơi Thánh nghiệp không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sa Môn quả có quả nhiều, Phạm Thiên quả có quả nhiều phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Sa Môn quả có quả nhiều, Phạm Thiên quả có quả nhiều thời không nên nói rằng quả nơi Thánh nghiệp không có.

1180.

* **Tự ngôn:** Quả của Thánh nghiệp không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Quả Dự Lưu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà quả Dự Lưu vẫn có thời không nên nói quả của Thánh nghiệp không có.
* **Tự ngôn:** Quả Nhứt Lai ... quả Bất Lai, quả La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà quả La Hán vẫn có thời không nên nói quả của Thánh nghiệp không có.

1181.

- **Tự ngôn:** Quả Dự Lưu không thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Quả của bố thí không thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Quả Dự Lưu không thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Quả của giới ... quả của tu tiến không thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Quả Nhứt Lai ... quả Bất Lai ... quả La Hán không thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Quả của bố thí không thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Quả La Hán không thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Quả của giới ... quả của tu tiến không thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1182.

- **Tự ngôn:** Quả của bố thí thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Quả Dự Lưu thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Quả của bố thí thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Quả Nhứt Lai ... quả Bất Lai ... quả La Hán thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Quả của giới ... quả của tu tiến thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Quả Dự Lưu thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Quả của tu tiến thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Quả Nhứt Lai ... quả Bất Lai ... quả La Hán thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1183.

- **Tự ngôn:** Thiện Dục giới có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thiện siêu thế có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thiện Sắc giới, Thiện Vô sắc giới có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thiện siêu thế có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1184.

- **Tự ngôn:** Thiện siêu thế không có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thiện Dục giới không có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thiện siêu thế không có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thiện Sắc giới ... Thiện Vô sắc giới không có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1185.

- Phản ngữ: Thiện Dục giới có dị thục quả thành nhân sanh tử *(ācayagāmino)* phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi

* Phản ngữ: Thiện siêu thế thành pháp có dị thục quả thành nhân sanh tử phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Thiện Sắc giới ... Thiện Vô sắc giới thành pháp có dị thục quả thành nhân sanh tử *(ācayagāmino)* phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thiện siêu thế thành pháp có dị thục quả thành nhân sanh tử phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

1186.

* Phản ngữ: Thiện siêu thế thành pháp có dị thục quả nhưng thành nhân đến Níp-bàn *(Apacayagamino)* phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thiện Dục giới thành pháp có dị thục quả nhưng thành nhân có đến Níp-bàn phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Thiện siêu thế thành pháp có dị thục quả nhưng thành nhân đến Níp-bàn phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thiện Sắc giới ... Thiện Vô sắc giới thành pháp có dị thục quả mà thành nhân đến Níp-bàn phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

Dứt Thánh nghiệp quả ngữ

PHÁP DỊ THỤC QUẢ NHÂN NGỮ

(VIPĀKO VIPĀKADHAMMADHAMMOTI KATHĀ)

1187.

* **Tự ngôn:** Dị thục quả thành pháp mà làm nhân của quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dị thục quả cũng thành pháp mà làm nhân của quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Dị thục quả đó cũng thành pháp mà làm nhân của quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi thành như thế dị thục quả đó cũng không có cách làm nơi tột khổ, không có sự đứt đoạn của luân hồi, không có phi y sinh nhập Níp-bàn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1188.

* **Tự ngôn:** Dị thục quả thành pháp mà làm nhân của quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nói rằng dị thục quả hay là pháp mà thành nhân của quả cũng vậy, nói rằng pháp mà thành nhân của quả hay là dị thục quả cũng vậy, hai câu này cũng một cách như nhau, đồng nhau, bằng nhau, giống nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1189.

* **Tự ngôn:** Dị thục quả thành pháp mà làm nhân của quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dị thục quả với pháp mà làm nhân của quả; pháp làm nhân của quả với dị thục quả đồng sanh chung nhau, hòa nhau, tương ưng nhau, đồng sanh, đồng diệt, đồng vật, đồng cảnh với nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1190.

- **Tự ngôn:** Dị thục quả thành pháp mà làm nhân của quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bất thiện cái đó, dị thục quả của bất thiện cũng cái đó vậy. Thiện cái đó, dị thục quả của thiện cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1191.

- **Tự ngôn:** Dị thục quả thành pháp mà làm nhân của quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người sát sanh bằng cái tâm nào cũng cháy trong Địa ngục bằng cái tâm ấy vậy, người bố thí bằng cái tâm nào cũng vui vầy trong Thiên đường bằng cái tâm đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1192.

- Phản ngữ: Không nên nói dị thục quả thành pháp mà làm nhân của quả phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Dị thục quả tức là Tứ uẩn, phần pháp danh *(nāmadhamma)* thành Hổ tương duyên *(Aññamaññapaccaya)* phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà dị thục quả tức là Tứ uẩn, phần pháp danh thành Hổ tương duyên, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng dị thục quả thành pháp mà làm nhân của quả.

Dứt Pháp dị thục quả, dị thục nhân ngữ

Dứt Phẩm thứ bảy

PHẨM THỨ TÁM

LỤC THÚ HƯỚNG NGỮ

1193.

* **Tự ngôn:** Lục đạo *(gati)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài phán: "Có năm, tức là Địa ngục, Bàng sanh, Ngạ quỉ, Nhân loại và Chư thiên" phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài có phán: "Có năm, tức là Địa ngục, Bàng sanh, Ngạ quỉ, Nhân loại và Chư thiên" thời không nên nói rằng có lục đạo *(gati).*

1194.

* **Tự ngôn:** Lục đạo *(gati)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thứ A Tu La thứ nhĩ thính *(kālakañjikā),* A Tu La thứ nhĩ thính có hình dáng như nhau, có cách hưởng cảnh đồng một thứ, có vật thực đồng một thứ, tuổi bằng nhau với thứ Ngạ quỉ, gả cưới với Ngạ quỉ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà thứ A Tu La nhĩ thính có hình vóc giống nhau, có cách hưởng cảnh đồng một thứ, có vật thực đồng một thứ, có tuổi thọ bằng với Ngạ quỉ, cưới gả với Ngạ quỉ thời không nên nói là lục đạo *(gati).*

1195.

* **Tự ngôn:** Lục đạo *(gati)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đám A Tu La thuộc dân chúng A Tu La Vương *(Vepacitti)* có thân thể giống nhau, có cách hưởng cảnh đồng nhau, vật thực đồng nhau, tuổi thọ bằng nhau với Chư thiên, cưới gả với hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà thứ A Tu La đám Thiên Vương có hình vóc giống nhau, cách hưởng cảnh đồng nhau, vật thực đồng nhau, tuổi thọ bằng nhau với Chư thiên, cưới gả với Chư thiên thời không nên nói rằng có lục đạo *(gati).*

1196.

* **Tự ngôn:** Lục đạo *(gati)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thứ A Tu La dân chúng A Tu La Vương từng làm Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà thứ A Tu La dân chúng A Tu La Vương từng làm Chư thiên thời không nên nói là lục đạo *(gati).*

1197.

* Phản ngữ: Chớ nên nói lục đạo *(gati)* phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Có A Tu La phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu nói có A Tu La, chính do nhân đó, Ngài mới nói có lục đạo *(gati).*

Dứt Lục đạo ngữ

TRUNG HỮU NGỮ *(ANTARĀBHAVA KATHĀ)*

1198.

- **Tự ngôn:** Trung hữu *(antarābhava)* vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành Dục hữu *(kamabhava)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành Sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành Vô sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1199.

- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có trong chặng giữa của Dục hữu và Sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có trong chặng giữa của Sắc hữu và Vô sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1200.

- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn không có trong chặng giữa của Dục hữu và Sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Trung hữu vẫn không có trong Dục hữu và Sắc hữu thời không nên nói Trung hữu vẫn có.
- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn không có trong chặng giữa của Sắc hữu với Vô sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Trung hữu vẫn không có trong chặng giữa Sắc hữu với Vô sắc hữu thời không nên nói Trung hữu vẫn có.

1201.

- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trung hữu đó thành sanh nơi trước, thành nơi lục đạo, thành thức trụ thứ tám, thành chúng sanh cư trụ thứ mười phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trung hữu thành hữu, thành đạo *(gati)*, thành chúng sanh cư trụ, thành luân hồi, thành sanh, thành thức trụ, thành cách đặng thân thể phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nghiệp mà làm cho chúng sanh đến Trung hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chúng sanh bực vào đến Trung hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh đang sanh, đang già, đang chết, đang thác, đang tái tục, trong Trung hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức có trong Trung hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trung hữu thành Ngũ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1202.

- **Tự ngôn:** Dục hữu vẫn có, Dục hữu thành hữu, thành đạo, thành chúng sanh nương ở, thành luân hồi, thành sanh, thành thức trụ, thành cách đặng thân thể phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có, Trung hữu thành hữu, thành đạo, thành chúng sanh nương ở, thành luân hồi, thành sanh, thành thức trụ, thành cách đặng thân thể phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nghiệp mà làm cho chúng sanh vào đến Dục hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nghiệp mà cho chúng sanh vào đến Trung hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chúng sanh, bực vào đến Dục hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chúng sanh bực vào đến Trung hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh đang sanh, đang già, đang chết, đang tử, đang tái tục trong Dục hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh đang sanh, đang già, đang chết, đang tử, đang tái tục trong Trung hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có trong Dục hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có trong Trung hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Dục hữu thành Ngũ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trung hữu thành Ngũ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1203.

- **Tự ngôn:** Sắc hữu vẫn có, Sắc hữu thành hữu, thành đạo *(gati)* thành chúng sanh cư trụ, thành luân hồi, thành sanh, thành thức trụ, thành cách đặng thân thể phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có, Trung hữu thành hữu, thành đạo, thành chúng sanh nương ở, thành luân hồi, thành sanh, thành thức trụ, thành cách đặng thân thể phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nghiệp mà làm cho chúng sanh vào đến Sắc hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nghiệp mà làm cho chúng sanh vào đến Trung hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chúng sanh bực vào đến Sắc hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chúng sanh bực vào đến Trung hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh đang sanh, đang lão, đang tử, đang chết, đang tái tục trong Sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh đang sanh, đang lão, đang tử, đang chết, đang tái tục trong Trung hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có trong Sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có trong Trung hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc hữu thành Ngũ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trung hữu thành Ngũ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1204.

* **Tự ngôn:** Vô sắc hữu vẫn có, Vô sắc hữu thành hữu, thành đạo, thành chúng sanh nương ở, thành luân hồi, thành sanh, thành thức trụ, thành cách đặng thân thể phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có, Trung hữu thành hữu, thành đạo, thành chúng sanh nương ở, thành luân hồi, thành sanh, thành thức trụ, thành cách đặng thân thể phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nghiệp làm cho chúng sanh vào đến Vô sắc hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nghiệp mà làm cho chúng sanh vào đến Trung hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chúng sanh bực vào đến Vô sắc hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chúng sanh bực vào đến Trung hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh đang sanh, đang lão, đang tử, đang chết, đang tái tục trong Vô sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh đang sanh, đang lão, đang tử, đang chết, đang tái tục trong Trung hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có trong Vô sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có trong Trung hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô sắc hữu thành Tứ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trung hữu thành Tứ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1205.

* **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có chỉ về phần tất cả chúng sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn không có chỉ về phần tất cả chúng sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Trung hữu vẫn không có chỉ về phần tất cả chúng sanh thời không nên nói Trung hữu vẫn có.

1206.

* **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có riêng cho những người tạo vô gián nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn không có về phần những người tạo nghiệp vô gián phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Trung hữu vẫn không có về phần những người tạo nghiệp vô gián thời không nên nói Trung hữu vẫn có.

1207.

- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có về phần những người không tạo nghiệp vô gián phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có thuộc về những người tạo nghiệp vô gián phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn không có về phần những người tạo nghiệp vô gián phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn không có thuộc về phần những người không tạo nghiệp vô gián phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có về phần những người vào Địa ngục ... về phần những người đến vô tưởng ... về phần những người đến Vô sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn không có về phần những người đến Vô sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Trung hữu vẫn không có về phần những người đến Vô sắc hữu thời không nên nói Trung hữu vẫn có.

1208.

- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có thuộc về những người không đến Vô sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có dành riêng những người vào đến Vô sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn không có dành riêng những người đến Vô sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trung hữu vẫn có dành riêng những người không đến Vô sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1209.

- Phản ngữ: Chẳng nên nói Trung hữu vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Bực người Trung bang bất hườn *(antarāparinibbāyī)* vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà bực người Trung bang bất hườn vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói Trung hữu vẫn có.
- **Tự ngôn:** Nói rằng Trung hữu *(Antarābhava)* vẫn có do giải rằng bực người Trung bang bất hườn *(Antarāparinibbāyī)* vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do giải rằng: "Bực người Sanh bang bất hườn *(Upahacca parinibbayi)* vẫn có, Sanh Bang Hữu *(Upahaccabhava)* cũng là vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trung hữu nói là vẫn có do giải rằng: "Bực người Trung bang bất hườn vẫn có" phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do giải rằng: "Bực người Vô hành bang bất hườn *(Asaṅkhāraparinibbāyī)* vẫn có ... Bực người Hữu hành bang bất hườn *(Sasaṅkharaparinibbāyī)* vẫn có thời cũng là Hữu hành hữu *(sasaṅkharabhava)* vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Trung hữu ngữ

DỤC LẠC NGỮ *(KĀMAGUṆA KATHĀ)*

1210.

- **Tự ngôn:** Bao nhiêu ngũ dục lạc đó thành Dục giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự vừa lòng liên quan với ngũ dục lạc đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà sự vừa lòng liên quan với ngũ dục lạc đó vẫn có thời không nên nói bao nhiêu ngũ dục lạc đó thành Dục giới.
- **Tự ngôn:** Sự dục vọng liên quan với ngũ dục lạc, sự dục vọng do mãnh lực của sự vừa lòng với ngũ dục lạc đó, sự nghĩ ngợi liên quan với ngũ dục lạc đó, sự dục vọng liên quan với ngũ dục lạc đó, sự dục vọng bằng mãnh lực của sự nghĩ ngợi liên quan với ngũ dục lạc đó, pháp Hỷ liên quan với ngũ dục lạc đó, Hỷ thọ liên quan với ngũ dục lạc đó, pháp Hỷ và Hỷ thọ liên quan với ngũ dục lạc đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà pháp Hỷ và Hỷ thọ liên quan với ngũ dục lạc đó vẫn có thời không nên nói chỉ có ngũ dục lạc đó là Dục giới *(Kāmadhātu).*

1211.

- **Tự ngôn:** Chỉ có ngũ dục lạc đó là Dục giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhãn của tất cả nhân loại không thành Dục giới *(Kāmadhātu)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý của tất cả nhân loại không thành Dục giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Ý của tất cả nhân loại không thành Dục giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Ngũ dục lạc trong đời có ý *(mano)* là thứ sáu, Chư Phật đã bố cáo rồi, người mửa ói sự vừa lòng trong ngũ dục lạc và ý ấy rồi vẫn xa lìa khổ đặng bằng tánh cách này". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói ý của tất cả nhân loại không thành Dục giới.

1212.

- **Tự ngôn:** Chỉ có ngũ dục lạc đó thành Dục giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ngũ dục lạc thành hữu *(bhava),* thành đạo *(gati),* thành chúng sanh nương ở, thành luân hồi, thành sanh, thành thức trụ, thành cách đặng thân thể phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nghiệp có thể làm cho chúng sanh vào đến dục lạc vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chúng sanh kẻ vào đến dục lạc vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh đang sanh, đang lão, đang tử, đang chết, đang tái tục trong dục lạc *(kāmaguṇa)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có trong dục lạc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Dục Lạc thành Ngũ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chư Phật vẫn ra đời, tất cả Chư Phật Độc Giác vẫn ra đời, đôi Thinh Văn vẫn ra đời trong dục lạc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

- **Tự ngôn:** Dục giới thành hữu, thành đạo *(gati),* thành chỗ ở chúng sanh, thành luân hồi, thành sanh, thành thức trụ, thành cách đặng thân thể phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dục lạc thành hữu, thành đạo *(gati),* thành chỗ ở chúng sanh, thành luân hồi, thành sanh, thành thức trụ, thành cách đặng thân thể phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nghiệp có thể làm cho chúng sanh vào đến Dục giới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nghiệp có thể làm cho chúng sanh vào đến dục lạc vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó....
- **Tự ngôn:** Chúng sanh bực vào đến Dục giới cũng có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chúng sanh vào đến dục lạc vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh sanh, lão, tử, chết, tái tục trong 1 giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh sanh, lão, tử, chết, tái tục trong 1 lạc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có trong Dục giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có trong dục lạc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Dục giới thành Ngũ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dục Lạc thành Ngũ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chư Phật ra đời, Chư Phật Độc Giác ra đời và đôi Thinh Văn ra đời trong Dục giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chư Phật ra đời, Chư Phật Độc Giác ra đời và đôi Thinh Văn ra đời trong dục lạc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1213.

- Phản ngữ: Chẳng nên nói chỉ có ngũ dục lạc ấy thành Dục giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, dục lạc đây có năm thứ, mà năm thứ chi? (1) Sắc nó thành cảnh nơi Nhãn thức mà đáng mong mỏi, đáng ưa mến, đáng mừng lòng, đáng thương, động dục, thành chỗ trụ của sự vọng dục. (2) Thinh là cảnh của Nhĩ thức. (3) Khí là cảnh của Tỷ thức. (4) Vị là cảnh của Thiệt thức, (5) Xúc là cảnh của Thân thức mà đáng mong mỏi, đáng mến, đáng vừa lòng, đáng thương, động dục, là chỗ nương đỡ của sự vọng dục. Này chư Phíc-khú, dục lạc chỉ có năm thứ như vậy". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó thời chỉ có ngũ dục lạc đó thành Dục giới chớ gì.

Dứt Dục lạc ngữ

DỤC NGỮ *(KAMAKATHA)*

1214.

- **Tự ngôn:** Chỉ có Ngũ xứ đó thành dục phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự vừa lòng liên quan với Ngũ xứ đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà sự vừa lòng liên quan với xứ đó vẫn có thời không nên nói chỉ có năm xứ đó thành dục.
- **Tự ngôn:** Sự vọng dục liên quan với Ngũ xứ đó, sự vọng dục do mãnh lực vừa lòng liên quan với Ngũ xứ đó, sự nghĩ ngợi liên quan với Ngũ xứ đó, sự dục vọng liên quan với Ngũ xứ đó, sự vọng dục bằng mãnh lực vui mừng liên quan với Ngũ xứ đó, pháp Hỷ liên quan với Ngũ xứ đó, Hỷ thọ liên quan với Ngũ xứ đó, pháp Hỷ và Hỷ thọ liên quan với Ngũ xứ đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà pháp Hỷ và Hỷ thọ liên quan với Ngũ xứ đó vẫn có thời không nên nói chỉ có Ngũ xứ đó thành dục.

1215.

- Phản ngữ: Chẳng nên nói chỉ có năm thứ đó thành dục phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, dục lạc đây có năm thứ. Năm thứ như thế nào? Sắc là cảnh của Nhãn thức ... Xúc là cảnh của Thân thức mà đáng mong mỏi, đáng ưa thích, đáng vừa lòng, đáng thương, động dục, thành sở trụ của sự vui mừng. Này chư Phíc-khú, dục lạc có năm thứ như thế vậy". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó thời chỉ có Ngũ xứ ấy thành dục chớ gì!

1216.

- **Tự ngôn:** Chỉ có Ngũ xứ ấy thành dục phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, dục lạc đây có năm thứ. Năm thứ ra sao? Sắc mà thành cảnh của Nhãn thức ... Xúc mà thành cảnh của Thân thức chỗ đáng mong mỏi, đáng ưa thích, đáng vừa lòng, đáng thương, động dục, thành sở trụ của sự vui mừng. Này chư Phíc-khú, đây là năm thứ ngũ dục. Còn một nửa, cả bốn thứ này không phải dục (nhưng) cả năm thứ này gọi trong luật của bực Thánh là ngũ dục. Sự vọng dục do mãnh lực, sự nghĩ ngợi thành dục của trượng phu, sự vật tốt đẹp trong đời không phải dục, sự ham muốn do mãnh lực, sự nghĩ ngợi thành dục của trượng phu, sự vật tốt đẹp vẫn đình trụ trong đời. Chính thế đó, trượng phu, sự vật tốt đẹp vẫn đình trụ trong đời. Chính thế đó, nhưng mà bực trí thức vẫn hạn chế sự vừa lòng trong sự vật tốt đẹp này". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói chỉ có Ngũ xứ ấy thành dục.

Dứt Dục ngữ

SẮC GIỚI NGỮ *(RUPADHATU KATHA)*

1217.

- **Tự ngôn:** Sắc Pháp thành Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc thành hữu *(bhāva)*, thành đạo *(gati)*, thành chúng sanh sở trụ, thành luân hồi, thành sanh, thành thức trụ, thành cách đặng thân thể phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nghiệp có thể làm cho chúng sanh vào đến Sắc giới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chúng sanh bực vào đến sắc vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh đang sanh, lão, tử, đang chết, đang tái tục trong sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có trong sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc thành Ngũ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1218.

- **Tự ngôn:** Sắc giới thành hữu, thành đạo ... thành cách đặng thân thể phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc thành hữu, thành đạo ... thành cách đặng thân thể phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nghiệp còn làm cho chúng sanh vào đến Sắc giới *(rūpadhātu)* vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nghiệp còn làm cho chúng sanh vào đến sắc vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chúng sanh bực vào đến Sắc giới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chúng sanh bực vào đến sắc vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh đang sanh, lão, tử, đang chết, đang tái tục trong Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh đang sanh, lão, tử, đang chết, đang tái tục trong sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có trong Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có trong sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc giới thành Ngũ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc thành Ngũ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc pháp thành Sắc giới, sắc vẫn có trong Dục giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dục giới cái đó, Sắc giới cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Dục giới cái đó, Sắc giới cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người hiệp với Dục hữu thành người hiệp với cả hai hữu Tức là Dục hữu và Sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Sắc giới ngữ

VÔ SẮC GIỚI NGỮ *(ARŪPADHĀTU KATHĀ)*

1219.

* **Tự ngôn:** Vô sắc pháp thành Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thọ thành hữu, thành đạo *(gati)*, thành sở trụ chúng sanh, thành luân hồi, thành sanh, thành thức trụ, thành cách đặng thân thể phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nghiệp còn làm cho chúng sanh vào đến Thọ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chúng sanh bực vào đến Thọ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh đang sanh, lão, tử, đang chết, đang tái tục trong Thọ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có trong Thọ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thọ thành Tứ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1220.

* **Tự ngôn:** Vô sắc giới thành hữu, thành đạo, thành cách đặng thân thể phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thọ thành hữu, thành đạo *(gati)* ... thành cách đặng thân thể phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nghiệp còn cho chúng sanh vào đến Vô sắc hữu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nghiệp còn cho chúng sanh vào đến Thọ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chúng sanh bực vào đến Vô sắc giới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chúng sanh bực vào đến Thọ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh đang sanh, lão, tử, đang chết, đang tái tục trong Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh đang sanh, lão, tử, đang chết, đang tái tục trong Thọ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thọ Tưởng Hành Thức vẫn có trong Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thọ Tưởng Hành Thức vẫn có trong Thọ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô sắc giới thành Tứ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thọ thành Tứ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô Sắc Pháp thành Vô sắc giới, Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có trong Dục giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dục giới cái đó, Vô sắc giới cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Dục giới cái đó, Vô sắc giới cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người hiệp với Dục hữu thành người hiệp với Nhị hữu Tức là Dục hữu và Vô sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Sắc Pháp thành Sắc giới, Vô Sắc Pháp thành Vô sắc giới, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có trong Dục giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dục giới cái đó, Sắc giới cũng cái đó vậy, Vô sắc giới cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Dục giới cái đó, Sắc giới cũng cái đó vậy, Vô sắc giới cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người hiệp với Dục hữu thành người hiệp với Tam hữu Tức là Dục hữu, Sắc hữu và Vô sắc hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Vô sắc giới ngữ

SẮC GIỚI LỤC XỨ NGỮ (*RŪPADHĀTUYĀ ĀYATANA KATHĀ*)

1221.

* **Tự ngôn:** Thân thể mà đặng lục xứ vẫn có trong Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thân thể đó có Tỷ xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Khí xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Thiệt xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Vị xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Thân xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Xúc xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1222.

* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó không có Khí xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó không có Tỷ xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó không có Vị xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó không có Thiệt xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó không có Xúc xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó không có Thân xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1223.

* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Nhãn xứ và luôn Sắc xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Tỷ xứ và luôn Khí xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Nhãn xứ và luôn Sắc xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Thiệt xứ và luôn Vị xứ ... Trong Sắc giới đó Thân xứ và luôn Xúc xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1224.

* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Nhĩ xứ và luôn Thinh xứ ... trong Sắc giới đó có Ý xứ và luôn Pháp xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Tỷ xứ và luôn Khí xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có có Ý xứ và luôn Pháp xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Thiệt xứ và luôn Vị xứ ... trong Sắc giới đó có Thân xứ và luôn Xúc xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1225.

* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Tỷ xứ nhưng không có Khí xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Nhãn xứ nhưng không có Sắc xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Tỷ xứ nhưng không có Khí xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Nhĩ xứ nhưng không có Thinh xứ ... trong Sắc giới đó có Ý xứ nhưng không có Pháp xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1226.

* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Thiệt xứ nhưng không có Vị xứ ... trong Sắc giới đó có Thân xứ nhưng không có Xúc xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Nhãn xứ nhưng không có Sắc xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Thân xứ nhưng không có Xúc xứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Nhĩ xứ nhưng không có Thinh xứ ... trong Sắc giới đó có Ý xứ nhưng không có Pháp xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1227.

* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Nhãn xứ, có Sắc xứ và thấy sắc ấy đặng bằng nhãn đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Tỷ xứ, có Khí xứ và ngửi hơi ấy bằng mũi đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Nhãn xứ, có Sắc xứ và thấy sắc đó đặng bằng mắt ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Thiệt xứ, có Vị xứ và nếm vị đó đặng bằng lưỡi ấy ... trong Sắc giới đó có Thân xứ, có Xúc xứ và đụng chạm cảnh xúc đó đặng bằng thân ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1228.

* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Nhĩ xứ, có Thinh xứ ... trong Sắc giới đó có Ý xứ, có Pháp xứ và hiểu rõ pháp đó đặng bằng ý ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Tỷ xứ, có Khí xứ và ngửi hơi ấy đặng bằng mũi ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Ý xứ, có Pháp xứ và hiểu rõ pháp đó đặng bằng ý ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Thiệt xứ, có Vị xứ ... trong Sắc giới đó có Thân xứ có Xúc xứ và đụng chạm cảnh xúc đó đặng bằng thân đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1229.

* **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Tỷ xứ, có Khí xứ nhưng ngửi hơi ấy bằng mũi ấy không đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Nhãn xứ, có Sắc xứ nhưng thấy sắc đó bằng mắt ấy không đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Tỷ xứ, có Khí xứ nhưng ngửi hơi đó bằng mũi ấy không đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Nhĩ xứ, có Thinh xứ ... trong Sắc giới đó có Ý xứ, có Pháp xứ nhưng hiểu biết pháp đó bằng ý ấy không đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1230.

- **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Thiệt xứ, có Vị xứ ... trong Sắc giới đó có Thân xứ, có Xúc xứ nhưng đụng chạm xúc đó bằng thân ấy không đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Nhãn xứ, có Sắc xứ nhưng thấy sắc đó bằng con mắt ấy không đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Thân xứ, có Xúc xứ nhưng đụng chạm đó bằng thân ấy không đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Nhĩ xứ, có Thinh xứ ... trong Sắc giới đó có Ý xứ, có Pháp xứ nhưng hiểu biết pháp đó bằng ý ấy không đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1231.

- **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Tỷ xứ, có Khí xứ hửi hơi đó đặng bằng mũi ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có hơi sanh ra từ rễ cây, hơi sanh ra từ lõi cây, hơi sanh ra từ vỏ cây, hơi sanh ra từ lá cây, hơi sanh ra từ bông cây, hơi sanh ra từ trái cây, hơi sống, hơi độc, hơi thơm, hơi hôi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1232.

- **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Thiệt xứ, có Vị xứ và nếm vị đó đặng bằng lưỡi ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có vị sanh từ rễ cây, vị sanh từ thân cây, vị sanh từ vỏ cây, vị sanh từ lá cây, vị sanh từ cây, vị sanh từ trái cây, vị chua, vị ngọt, vị đắng, vị cay, vị mặn, vị dở, vị nhẩn, vị tốt, vị không tốt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1233.

- **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có Thân xứ, có Xúc xứ và người đụng chạm xúc đó bằng thân ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trong Sắc giới đó có xúc cứng, xúc mềm, xúc tế, xúc thô, xúc lạc, xúc khổ, nặng, nhẹ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1234.

- Phản ngữ: Chẳng nên nói rằng thân thể mà có lục xứ vẫn có trong Sắc giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Trong Sắc giới đó có Tỷ điểm *(Nimitta)* có Thiệt điểm, có Thân điểm phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà trong Sắc giới đó có Tỷ điểm, Thiệt điểm, Thân điểm. Chính do nhân đó, Ngài mới nói thân thể mà có Lục xứ vẫn có trong Sắc giới.

Dứt Sắc giới (lục) xứ ngữ

VÔ SẮC HỮU SẮC NGỮ *(ARUPE RUPAKATHA)*

1235.

- **Tự ngôn:** Sắc vẫn có trong tất cả chúng sanh vô sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành sắc hữu, thành sắc đạo *(rūpagati)*, thành sắc chúng sanh trụ, thành sắc luân hồi, thành sanh của sắc chúng sanh, thành cách đặng thân thể của sắc chúng sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vô sắc hữu thành vô sắc đạo *(gati)*, vô sắc chúng sanh trụ, vô sắc luân hồi, thành sanh của chúng sanh vô sắc, thành cách đặng thân thể chúng sanh vô sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà thành Vô sắc hữu ... thành cách đặng thân thể của chúng sanh vô sắc thời không nên nói sắc vẫn có trong tất cả chúng sanh vô sắc.

1236.

- **Tự ngôn:** Sắc vẫn có trong tất cả chúng sanh vô sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành hữu, thành đạo, thành chúng sanh trụ, thành luân hồi, thành sanh, thành thức trụ, thành cách đặng thân thể của chúng sanh Ngũ uẩn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành hữu ... thành cách đặng thân thể của chúng sanh có Tứ uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà thành hữu, thành đạo ... thành cách đặng thân thể của chúng sanh Tứ uẩn thời không nên nói sắc vẫn có trong tất cả chúng sanh vô sắc.

1237.

- **Tự ngôn:** Sắc vẫn có trong Sắc giới và Sắc giới đó thành sắc hữu, thành sắc đạo, thành sắc chúng sanh trụ, thành sắc luân hồi, thành sắc sanh của chúng sanh hữu sắc, thành cách đặng thân thể của chúng sanh hữu sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc vẫn có trong chúng sanh vô sắc và chúng sanh vô sắc đó thành sắc hữu, thành sắc đạo ... thành cách đặng thân thể của chúng sanh hữu sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc vẫn có trong Sắc giới và Sắc giới ấy thành Ngũ uẩn hữu, thành đạo *(gati)*, thành cách đặng thân thể của chúng sanh Ngũ uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc vẫn có trong tất cả chúng sanh vô sắc và Vô Sắc ấy thành Ngũ uẩn hữu, thành đạo ... thành cách đặng thân thể của chúng sanh Ngũ uẩn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1238.

- **Tự ngôn:** Sắc vẫn có trong tất cả chúng sanh vô sắc và chúng sanh vô sắc ấy thành vô sắc hữu, thành Vô sắc đạo, thành Vô sắc chúng sanh trụ, thành Vô sắc luân hồi, thành sanh của chúng sanh vô sắc, thành cách đặng thân thể của chúng sanh vô sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc vẫn có trong Vô sắc giới và Vô sắc giới đó thành Vô sắc hữu, thành Vô sắc đạo *(gati)* ... thành cách đặng thân thể của chúng sanh vô sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1239.

- **Tự ngôn:** Sắc vẫn có trong tất cả chúng sanh vô sắc và chúng sanh vô sắc đó thành Tứ uẩn hữu, thành đạo *(gati)* ... thành cách đặng thân thể của chúng sanh Tứ uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Sắc vẫn có trong Vô sắc giới và Vô sắc giới đó thành Tứ uẩn hữu, thành đạo *(gati)* ... thành cách đặng thân thể của chúng sanh Tứ uẩn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1240.

* **Tự ngôn:** Sắc vẫn có trong tất cả chúng sanh vô sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài phán cách xuất đi của tất cả sắc là vô sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn có phán cách ra đi của tất cả sắc là vô sắc thời không nên nói sắc vẫn có trong tất cả chúng sanh vô sắc.

1241.

* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài phán cách xuất đi của tất cả sắc là vô sắc, nhưng sắc cũng còn vẫn có trong tất cả chúng sanh vô sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán cách xuất đi của tất cả dục là ly dục, nhưng tất cả dục cũng còn vẫn có trong đám ly dục; tất cả lậu cũng còn vẫn có trong đám người không có lậu; pháp hiệp thế cũng vẫn còn có trong tất cả pháp siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Vô sắc hữu, sắc hữu.

SẮC HÀNH ĐỘNG NGỮ *(RUPAṂ KAMMANTI KATHA)*

1242.

* **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà phát triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp biết cảnh có sự nhớ tưởng, có sự bận lòng, có sự lưu ý, có sự để ý, có sự chú ý, sự mong mỏi, sự cố tâm của thân nghiệp đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thân nghiệp có thành pháp không biết cảnh, không nhớ tưởng, không bận lòng, không lưu ý, không để ý, không chú ý, sự mong mỏi và sự cố tâm của thân nghiệp đó đều không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà thân nghiệp đó thành pháp không biết cảnh, không nhớ tưởng ... sự cố ý của thân nghiệp đó đều không có thời không nên nói rằng thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện, thành sắc, thành thiện.

1243.

* **Tự ngôn:** Xúc nơi tiến triển với tâm thiện thành thiện, thành pháp biết cảnh, có nhớ tưởng ... sự cố tâm của Xúc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện, thành pháp biết cảnh, có nhớ tưởng ... và sự cố tâm của thân nghiệp đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng, Tư, Tín, Cần, Niệm, Định ... Tuệ mà tiến triển bằng tâm thiện, thành thiện, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng và sự cố tâm của Tuệ đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... và sự cố tâm của thân nghiệp đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó..

1244.

- **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc thành thiện nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của pháp đó không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Xúc mà tiến triển bằng tâm thiện thành thiện, nhưng thành pháp không biết cảnh, không nhớ tưởng ... và sự cố tâm của Xúc ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện, nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của thân nghiệp đó không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng, Tư, Tín, Cần, Niệm, Định ... Tuệ mà tiến triển bằng tâm thiện thành thiện, nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Tuệ đó không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1245.

- **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc mà tiến triển bằng tâm thiện không kể thứ nào tất cả thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1246.

- **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc xứ mà tiến triển bằng tâm thiện thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thinh xứ ... Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ ... Địa chất, Thủy chất, Hỏa chất, Phong chất mà tiến triển bằng tâm thiện thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1247.

- **Tự ngôn:** Sắc xứ thành chỗ tiến triển bằng tâm thiện thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện, thành sắc, thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thinh xứ ... Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ ... Địa chất, Thủy chất, Hỏa chất, Phong chất mà tiến triển bằng tâm thiện thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1248.

- **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện, không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc xứ mà tiến triển bằng tâm thiện thành thiện mà không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện mà không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Thinh xứ ... Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ ... Địa chất, Thủy chất, Hỏa chất ... Phong chất mà tiến triển bằng tâm thiện thành thiện mà không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1249.

- **Tự ngôn:** Sắc xứ tiến triển bằng tâm thiện thành vô ký và không có biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành vô ký và không có biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thinh xứ ... Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ ... Địa chất, Thủy chất, Hỏa chất, Phong chất mà tiến triển bằng tâm thiện thành vô ký không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành vô ký không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1250.

- **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện, thành bất tương ưng Xúc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc xứ mà tiến triển bằng tâm thiện thành thiện, bất tương ưng Xúc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện bất tương ưng Xúc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thinh xứ ... Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ ... Địa chất, Thủy chất, Hỏa chất ... Phong chất mà tiến triển bằng tâm thiện thành bất tương ưng Xúc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1251.

- **Tự ngôn:** Sắc xứ mà tiến triển bằng tâm thiện thành vô ký bất tương ưng Xúc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành vô ký bất tương ưng Xúc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thinh xứ ... Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ ... Địa chất, Thủy chất, Hỏa chất ... Phong chất mà tiến triển bằng tâm thiện thành vô ký bất tương ưng Xúc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành vô ký bất tương ưng Xúc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1252.

- **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện bất tương ưng Xúc luôn cả không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc xứ mà tiến triển bằng tâm thiện thành thiện, bất tương ưng Xúc và không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện bất tương ưng Xúc luôn cả không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thinh xứ ... Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ ... Địa Chất, Thủy Chất .. Phong Chất mà tiến triển bằng tâm thiện thành thiện, bất tương ưng Xúc, đều không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1253.

- **Tự ngôn:** Sắc xứ mà tiến triển bằng tâm thiện, thành vô ký, bất tương ưng Xúc đều không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành vô ký, bất tương ưng Xúc đều không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thinh xứ ... Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ ... Địa chất, Thủy chất, Hỏa chất ... Phong chất mà tiến triển bằng tâm thiện thành vô ký bất tương ưng Xúc đều không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành vô ký, bất tương ưng Xúc đều không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1254.

* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành hữu tri cảnh *(sārammaṇa),* sự nhớ ... sự cố tâm của khẩu nghiệp đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp thành bất tri cảnh, sự nhớ ... sự cố tâm của khẩu nghiệp ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà khẩu nghiệp đó thành bất tri cảnh, sự nhớ ... và sự cố tâm của khẩu nghiệp đó không có thời không nên nói khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện.

1255.

* **Tự ngôn:** Xúc mà tiến triển bằng tâm thiện thành thiện, thành hữu tri cảnh và sự nhớ ... sự cố tâm của Xúc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện, thành hữu tri cảnh, sự nhớ ... và sự cố tâm của khẩu nghiệp vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng, Tư, Tín, Cần, Niệm, Định ... Tuệ mà tiến triển với tâm thiện thành thiện, thành hữu tri cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Tuệ đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện, thành hữu tri cảnh, sự nhớ tưởng ... và sự cố tâm của khẩu nghiệp đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1256.

* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện nhưng bất tri cảnh, sự nhớ tưởng ... và sự cố tâm của khẩu nghiệp ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Xúc mà tiến triển bằng tâm thiện thành thiện nhưng bất tri cảnh, sự nhớ tưởng và sự cố tâm của Xúc ấy đều không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện nhưng không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của khẩu nghiệp đó không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng, Tư, Tín, Cần, Niệm, Định ... Tuệ mà tiến triển với tâm thiện thành thiện nhưng không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Tuệ đó không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1257.

* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm thiện thành sắc, thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Sắc mà tiến triển bằng tâm thiện chẳng hạng thứ nào tất cả thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
Khẩu nghiệp không rộng như cách thân nghiệp.

1258.

∗ **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Thành hữu tri cảnh, sự nhớ tưởng, sự buộc lòng, sự lưu ý, sự để ý, sự chú ý, sự mong mỏi và sự cố tâm của thân nghiệp đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

∗ **Tự ngôn:** Thân nghiệp đó thành pháp bất tri cảnh, sự nhớ tưởng, sự buộc lòng, sự lưu tâm, sự để ý, sự chú ý, sự mong mỏi và sự cố tâm của thân nghiệp ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu mà thân nghiệp ấy thành pháp bất tri cảnh, sự nhớ tưởng, sự buộc lòng, sự lưu ý, sự để tâm, sự chú ý, sự mong mỏi và sự cố tâm của thân nghiệp ấy không có thời không nên nói thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành bất thiện.

1259.

∗ **Tự ngôn:** Xúc mà tiến triển với tâm bất thiện, thành bất thiện, thành pháp tri cảnh, sự nhớ tưởng ... và sự cố tâm của xúc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành bất thiện, thành tri cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của thân nghiệp đó không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

∗ **Tự ngôn:** Thọ, Tưởng, Tư, Ái, Sân, Si, Ngã mạn, Tà kiến, Hoài nghi, Hôn trầm, Điệu cử, Vô tàm ... Vô úy mà tiến triển với tâm bất thiện thành bất thiện, thành pháp hữu tri cảnh, sự nhớ tưởng và sự cố tâm của Vô úy ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện, thành sắc, thành bất thiện, thành hữu tri cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của thân nghiệp ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1260.

∗ **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành bất thiện nhưng bất tri cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của thân nghiệp ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Xúc mà tiến triển với tâm bất thiện thành bất thiện, nhưng bất tri cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Xúc đó không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

∗ **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển thành tâm bất thiện thành sắc, thành bất thiện nhưng bất tri cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của thân nghiệp đó không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng, Tư, Ái, Sân, Si, Ngã mạn, Tà kiến, Hoài nghi, Hôn trầm, Điệu cử, Vô tàm ... Vô úy mà tiến triển với tâm bất thiện thành bất thiện, nhưng bất tri cảnh, sự nhớ tưởng, sự cố tâm của Vô úy đó không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1261.

∗ **Tự ngôn:** Thân nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Sắc mà tiến triển bằng tâm bất thiện chẳng hạng thứ nào tất cả thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1262.

* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành pháp hữu tri cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của khẩu nghiệp đó không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp đó thành pháp bất tri cảnh, sự nhớ tưởng, sự cố tâm của khẩu nghiệp ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà khẩu nghiệp ấy thành pháp bất tri cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của khẩu nghiệp ấy không có thời chớ nên nói khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện, thành sắc, thành bất thiện.

1263.

* **Tự ngôn:** Xúc mà tiến triển với tâm bất thiện thành bất thiện, thành pháp hữu tri cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Xúc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc thành bất thiện, thành tri cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của khẩu nghiệp đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng, Tư, Ái, Sân, Si, Ngã mạn, Tà kiến, Hoài nghi, Hôn trầm, Điệu cử, Vô tàm ... Vô úy mà tiến triển với tâm bất thiện thành bất thiện, thành pháp hữu tri cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Vô úy đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc thành bất thiện, thành hữu tri cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của khẩu nghiệp đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1264.

* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện, thành sắc, thành bất thiện, nhưng không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của khẩu nghiệp đó không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Xúc mà tiến triển với tâm bất thiện thành bất thiện nhưng thành pháp bất tri cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Xúc ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành bất thiện, nhưng không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của khẩu nghiệp đó không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng, Tư, Ái, Sân, Si, Ngã mạn, Tà kiến, Hoài nghi, Hôn trầm, Điệu cử, Vô tàm ... Vô úy mà tiến triển với tâm bất thiện thành bất thiện nhưng không biết cảnh, sự nhớ tưởng, sự cố tâm của Vô úy đó không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1265.

* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc mà tiến triển bằng tâm bất thiện chẳng hạng thứ nào tất cả thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1266.

- **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc xứ mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thinh xứ ... Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ, Địa chất, Thủy chất, Hỏa chất, Phong chất, nước tinh, nước mắt, máu ... mồ hôi mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1267.

- **Tự ngôn:** Sắc xứ mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thinh xứ ... Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ ... Địa chất, Thủy chất, Hỏa chất, Phong chất, nước tinh, nước mắt, máu ... mồ hôi mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1268.

- **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành bất thiện mà không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc xứ mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành bất thiện mà không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành bất thiện mà không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thinh xứ ... Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ ... Địa chất, Thủy chất, Hỏa chất ... Phong chất, nước tinh, nước mắt, máu ... mồ hôi mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành bất thiện không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1269.

- **Tự ngôn:** Sắc xứ mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành vô ký không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành vô ký mà không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thinh xứ ... Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ, Địa chất, Thủy chất, Hỏa chất … Phong chất, nước tinh, nước mắt, máu ... mồ hôi mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành vô ký không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành vô ký không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1270.

- **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành bất thiện, mà bất tương ưng Xúc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc xứ mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành bất thiện mà bất tương ưng Xúc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành bất thiện mà bất tương ưng Xúc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thinh xứ ... Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ, Địa chất, Thủy chất, Hỏa chất .. Phong chất, nước tinh, nước mắt, máu ... mồ hôi mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành bất thiện mà bất tương ưng Xúc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1271.

* **Tự ngôn:** Sắc xứ mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành vô ký mà bất tương ưng Xúc đều không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện, thành Sắc, thành vô ký mà bất tương ưng Xúc đều không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thinh xứ ... Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ, Địa chất, Thủy chất, Hỏa chất, Phong chất, nước tinh, nước mắt, máu ... mồ hôi mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành vô ký mà bất tương ưng Xúc không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành vô ký đều bất tương ưng Xúc luôn không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1272.

* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành bất thiện mà bất tương ưng Xúc đều không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc xứ mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành bất thiện mà bất tương ưng Xúc đều không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành bất thiện, mà bất tương ưng Xúc đều không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thinh xứ ... Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ ... Địa chất, Thủy chất, Hỏa chất, Phong chất, nước tinh, nước mắt, máu ... mồ hôi mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành bất thiện mà bất tương ưng Xúc luôn không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1273.

* **Tự ngôn:** Sắc xứ mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành vô ký mà bất tương ưng Xúc luôn không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành vô ký đều bất tương ưng Xúc luôn không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thinh xứ, Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ, Địa chất, Thủy chất, Hỏa chất, Phong chất, nước tinh, nước mắt, máu, mồ hôi mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành vô ký mà bất tương ưng Xúc đều không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khẩu nghiệp mà tiến triển bằng tâm bất thiện thành sắc, thành vô ký mà bất tương ưng Xúc luôn không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1274.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng sắc cũng thành thiện, cũng thành bất thiện phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thân nghiệp, khẩu nghiệp cũng thành thiện, cũng thành bất thiện phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà thân nghiệp, khẩu nghiệp cũng thành thiện, cũng thành bất thiện, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng sắc cũng thành thiện, cũng thành bất thiện

1275.

* **Tự ngôn:** Sắc cũng thành thiện, cũng thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Nhãn xứ cũng thành thiện, cũng thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc cũng thành thiện, cũng thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhĩ xứ ... Tỷ xứ, Thiệt xứ, Thân xứ, Sắc xứ, Thinh xứ, Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ, Địa chất, Thủy chất, Hỏa chất, Phong chất, nước tinh, nước mắt, máu ... mồ hôi cũng thành thiện, cũng thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1276.

- **Tự ngôn:** Thân thành sắc, thân nghiệp cũng thành sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ý thành sắc, ý nghiệp cũng thành sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1277.

- **Tự ngôn:** Ý thành phi sắc, ý nghiệp cũng thành phi sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thân thành phi sắc, thân nghiệp cũng thành phi sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1278.

- **Tự ngôn:** Thân thành sắc, nhưng thân nghiệp thành phi sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ý thành sắc, nhưng ý nghiệp thành phi sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1279.

- **Tự ngôn:** Ý thành phi sắc, ý nghiệp cũng thành phi sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thân thành phi sắc, thân nghiệp cũng thành phi sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1280.

- **Tự ngôn:** Do thân thành sắc, vì thế thân nghiệp mới thành sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do Nhãn xứ thành sắc vì thế Nhãn thức mới thành sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Do thân thành sắc bởi thế thân nghiệp mới thành sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do Nhĩ xứ thành sắc vì thế Nhĩ thức mới thành sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:.** Do thân thành sắc vì thế thân nghiệp mới thành sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do Tỷ xứ thành sắc vì thế Tỷ thức mới thành sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Do thân thành sắc vì thế thân nghiệp mới thành sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do Thiệt xứ thành sắc vì thế Thiệt thức mới thành sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Do thân thành sắc vì thế thân nghiệp mới thành sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Do Thân xứ thành sắc vì thế Thân thức mới thành sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1281.

∗ **Tự ngôn:** Sắc thành nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Như Lai tường thuật Tư *(Cetanā)* thành nghiệp, người tính rồi mới làm nghiệp bằng thân khẩu ý". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói sắc thành nghiệp.

1282.

∗ **Tự ngôn:** Sắc thành nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này Ānanda, khi thân vẫn có khổ, lạc mà thành bên trong vẫn sanh ra do Thân tư *(Kāyasañcetanā)* làm nhân hoặc khi nói năng vẫn có lạc khổ mà thành bên trong vẫn phát sanh do Khẩu tư làm nhân hoặc khi tâm tính vẫn có lạc, khổ mà thành bên trong vẫn sanh ra do Ý tư làm nhân". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói sắc thành nghiệp.

1283.

∗ **Tự ngôn:** Sắc thành nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Thân tư ba thứ thành thân nghiệp phía bất thiện có khổ làm lời, có khổ thành dị thục quả. Khẩu tư có bốn thứ thành khẩu nghiệp phía bất thiện có khổ làm lời, có khổ thành quả. Ý tư ba thứ thành ý nghiệp phía bất thiện có khổ làm lời, có khổ thành quả. Này chư Phíc-khú, Thân tư ba thứ thành thân nghiệp phía thiện có lạc làm lời, có lạc thành quả. Khẩu tư bốn thứ thành khẩu nghiệp phía thiện có lạc làm lời, có vui thành quả. Ý tư ba thứ thành ý nghiệp phía thiện có vui làm lời, có lạc thành quả". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói sắc thành nghiệp.

1284.

∗ **Tự ngôn:** Sắc thành nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này Ānanda, nếu thành tựu kẻ phi trượng phu đây bị Thâm Giang Tử ngoại giáo hỏi cách này nên giải thế này rằng Em Thâm Giang Tử, người làm nghiệp mà hiện hành với Tư bằng thân khẩu ý thành nghiệp mới sẽ cho đặng hưởng vui. Ý vẫn sẽ đặng hưởng sự vui, người làm nghiệp hiện hành với Tư bằng thân khẩu ý, thành nghiệp mà sẽ cho đặng hưởng sự khổ, họ vẫn sẽ đặng hưởng sự khổ, người làm nghiệp hiện hành theo Tư bằng thân khẩu ý thành nghiệp mà sẽ cho đặng hưởng phi khổ phi lạc, họ vẫn sẽ đặng hưởng phi khổ phi lạc. Này Ānanda, thành tựu kẻ phi trượng phu khi giải như đây gọi là đáng giải theo đúng với Thâm Giang Tử Ngoại giáo *(Moghapuriso)*. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói sắc thành nghiệp.

Dứt Sắc hành động ngữ

MẠNG QUYỀN NGỮ *(JIVITINDRIYAKATHA)*

1285.

- **Tự ngôn:** Sắc mạng quyền không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Số thọ, sự vững còn, sự đang hiện hành, thái độ đang hiện hành, cách đang liên tiếp, phẩm hạnh đang hành vi, sự đang dinh dưỡng, không có với tất cả sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Số thọ, sự vững còn, sự đang hiện hành, thái độ đang hiện hành, tư cách đang liên tiếp, đang hành vi, sự đang dinh dưỡng có với tất cả sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà tuổi thọ, sự đang vững còn, sự đang hiện hành, thái độ đang hiện hành, sự đang liên tiếp nhau, sự đang hành vi, sự đang dinh dưỡng có với tất cả sắc thời không nên nói Sắc mạng quyền không có.

1286.

- **Tự ngôn:** Tuổi thọ, sự đang còn, sự đang hiện hành, thái độ đang hiện hành, tánh cách liên tiếp nhau, sự đang hành vi, sự dinh dưỡng có với tất cả danh pháp và Phi Sắc mạng quyền vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Số thọ, sự đang còn, sự đang hiện hành, thái độ đang hiện hành, cách đang liên tiếp nhau, sự đang hành vi, sự đang dinh dưỡng có với tất cả sắc pháp và Sắc mạng quyền vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1287.

- **Tự ngôn:** Tuổi thọ, sự đang còn, sự đang hiện hành, thái độ đang hiện hành, tánh cách liên tiếp nhau, sự đang hành động, sự đang dinh dưỡng có với tất cả sắc pháp, nhưng Sắc mạng quyền không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Số thọ, sự đang còn, sự đang hiện hành, thái độ đang hiện hành, tánh cách đang liên tiếp nhau, sự đang hành vi, sự đang dinh dưỡng vẫn có với tất cả danh pháp, nhưng Phi Sắc mạng quyền vẫn không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1288.

- **Tự ngôn:** Số thọ của tất cả danh pháp thành Phi Sắc mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Số thọ của tất cả sắc pháp thành Sắc mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1289.

- **Tự ngôn:** Số thọ của tất cả sắc pháp chớ nói là thành Sắc mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Số thọ của tất cả danh pháp chẳng nên nói rằng thành Phi Sắc mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1290.

- **Tự ngôn:** Số thọ của tất cả sắc pháp thành Phi Sắc mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Số thọ của tất cả danh pháp thành Sắc mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1291.

- **Tự ngôn:** Số thọ của tất cả danh pháp chẳng nên nói thành Sắc mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Số thọ của tất cả sắc pháp chớ nên nói thành Phi Sắc mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1292.

∗ **Tự ngôn:** Số thọ của sắc pháp và tất cả danh pháp thành Phi Sắc mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Số thọ của sắc pháp và tất cả danh pháp thành Sắc mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1293.

∗ **Tự ngôn:** Số thọ của sắc pháp và tất cả danh pháp chớ nên nói thành Sắc mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Số thọ của sắc pháp và tất cả danh pháp không thể nói thành Phi Sắc mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1294.

∗ **Tự ngôn:** Sắc mạng quyền không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Người nhập thiền Diệt không có Sắc mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1295.

∗ **Tự ngôn:** Bực nhập thiền Diệt có Sắc mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu mà bực nhập thiền Diệt có Sắc mạng quyền thời không nên nói Sắc mạng quyền không có.

1296.

∗ **Tự ngôn:** Bực nhập thiền Diệt có Sắc mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Liên quan trong uẩn nào? Phản ngữ: Liên quan trong Hành uẩn.

∗ **Tự ngôn:** Bực nhập thiền Diệt có Hành uẩn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

∗ **Tự ngôn:** Bực nhập thiền Diệt có Hành uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Bực nhập thiền Diệt có Thọ uẩn ... Tưởng uẩn ... Thức uẩn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1297.

∗ **Tự ngôn:** Bực nhập thiền Diệt có Thọ uẩn ... Tưởng uẩn ... Thức uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Phi bực nhập thiền Diệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1298.

∗ **Tự ngôn:** Sắc mạng quyền không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh vô tưởng không có Mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

∗ **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh vô tưởng có Mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu mà chúng sanh vô tưởng có Mạng quyền thời không nên nói Sắc mạng quyền không có.

1299.

∗ **Tự ngôn:** Chúng sanh vô tưởng có Mạng quyền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Liên hệ với uẩn nào? Phản ngữ: Liên hệ với Hành uẩn.

∗ **Tự ngôn:** Chúng sanh vô tưởng có Hành uẩn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

∗ **Tự ngôn:** Chúng sanh vô tưởng có Hành uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Chúng sanh vô tưởng có Thọ uẩn ... Tưởng uẩn ... Thức uẩn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chúng sanh vô tưởng có Thọ uẩn ... Tưởng uẩn ... Thức uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Ngũ uẩn hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1300.

* **Tự ngôn:** Mạng quyền mà tiến triển bằng cái tâm tìm kiếm, tái tục diệt đi một phần, trong khi cái tâm tìm kiếm tái tục diệt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Xúc mà tiến triển bằng cái tâm tìm kiếm tái tục diệt đi một phần trong khi cái tâm tìm kiếm tái tục phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1301.

* **Tự ngôn:** Xúc mà tiến triển bằng cái tâm tìm kiếm tái tục diệt đi hết trong khi cái tâm tìm kiếm tái tục diệt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Mạng quyền mà tiến triển bằng cái tâm tìm kiếm tái tục diệt đi hết trong khi cái tâm tìm kiếm tái tục diệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1302.

* Phản ngữ: Mạng quyền thành hai thứ phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Người đang sống với hai thứ Mạng quyền, chết bằng hai thứ chết phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

Dứt Mạng quyền ngữ

NGHIỆP NHÂN NGỮ *(KAMMA HETU KATHĀ)*

1303.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng do nhân của nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu hoại lìa quả Dự Lưu đặng do nhân của nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng do nhân của nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai ... Bực Bất Lai hoại lìa quả Bất Lai đặng do nhân của nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1304.

* **Tự ngôn:** Bực Dự Lưu không hoại lìa quả Dự Lưu do nhân của nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán không hoại lìa quả La Hán do nhân của nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực Nhứt Lai ... Bực Bất Lai chẳng hoại lìa quả Bất Lai do nhân của nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán chẳng hoại lìa quả La Hán do nhân của nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1305.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng do nhân của nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Do nhân của nghiệp là sát sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Do nhân của nghiệp tức là trộm cướp ... do nhân của nghiệp tức là tà dâm, do nhân của nghiệp tức là vọng ngôn, do nhân của nghiệp tức là lưỡng thiệt, do nhân của nghiệp tức là ác khẩu, do nhân của nghiệp tức là ỷ ngữ, do nhân của nghiệp tức là giết mẹ, do nhân của nghiệp tức là giết cha, do nhân của nghiệp tức là giết La Hán, do nhân của nghiệp tức là chích máu thân Phật, do nhân của nghiệp tức là phá hòa hợp Tăng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Do nhân của nghiệp thế nào? Phản ngữ: Do bày lời ăn hiếp chư La Hán.
- **Tự ngôn:** Bực La Hán hoại lìa quả La Hán đặng do nhân của nghiệp tức là cách nói ăn hiếp chư La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chẳng hạng người nào mà nói ăn hiếp La Hán vẫn làm cho rõ quả La Hán đặng mỗi người phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Nghiệp nhân ngữ
Hoàn tất phẩm thứ tám

PHẨM THỨ CHÍN

THÀNH QUẢ NGỮ *(ĀNISAṂSA KATHĀ)*

1306.

* **Tự ngôn:** Bực thấy thành quả (trong Níp-bàn) trừ triền đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người đang tác ý đối chư hành theo sự thành của vô thường trừ triền đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà người vẫn tác ý với chư hành theo sự thành của vô thường trừ triền đặng thời không nên nói người thấy thành quả (trong Níp-bàn) trừ triền đặng ... Người vẫn tác ý với chư hành theo sự thành khổ não ... theo sự thành bệnh, theo sự thành mụt nhọt, theo sự thành mũi tên, theo sự thành khó khăn, theo sự thành tật nguyền, theo sự thành như người khác, theo sự thành của gạt gẫm, theo sự thành của hẹp hòi, theo sự thành đồ ép uổng, theo sự thành nạn, theo sự thành trở ngại, theo sự thành đồ lay động, theo sự thành đồ mụt lở, theo sự thành đồ không bền vững, theo sự không thành chỗ chống cự, theo sự không thành chỗ ẩn trốn, theo sự không thành chỗ nương tựa, theo sự không thành chỗ hạn chế nạn, theo sự không thành đồ trống, theo sự thành đồ không, theo sự thành đồ tiêu mất, theo sự thành vô ngã, theo sự thành lỗi ... theo sự thành đồ có đổi thay lẽ thường trừ triền đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà người vẫn tác ý với chư hành bằng sự thành đồ thay đổi thông thường trừ triền đặng thời không nên nói người thấy thành quả (trong Níp-bàn) trừ triền đặng.
* **Tự ngôn:** Người vẫn tác ý với chư hành theo sự thành đồ không bền luôn, thành bực thấy, thành quả trong Níp-bàn luôn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người vẫn tác ý với chư hành theo sự thành đồ vô thường luôn, thành bực thấy kết quả trong Níp-bàn luôn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành cách hội hiệp của hai thứ xúc ... của hai thứ tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người vẫn tác ý với chư hành theo sự thành khổ ... theo sự thành bịnh ... theo sự thành của cách biến đi thông thường luôn thấy kết quả trong Níp-bàn luôn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người vẫn tác ý với chư hành bằng sự thành đồ biến đi thông thường luôn, thành bực thấy kết quả trong Níp-bàn luôn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành cách hội hiệp của hai thứ xúc ... của hai thứ tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1307.

* Phản ngữ: Chớ nói rằng người thấy kết quả (trong Níp-bàn) trừ triền đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Phíc-khú trong pháp luật này thành bực quán thấy lạc biết là lạc, có sự ghi nhớ là lạc, chăm chú theo thường thường luôn luôn, không lộn xộn, vẫn để tuệ vào trong Níp-bàn". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Nếu thế đó bực thấy kết quả (trong Níp-bàn) cũng trừ triền đặng chớ gì.

Dứt Thành quả ngữ

BẤT TỬ CẢNH NGỮ *(AMATĀRAMMAṆAKATHĀ)*

1308.

* **Tự ngôn:** triền có bất tử *(amata)* làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bất tử *(amata)* thành cảnh của triền, thành cảnh của phược, thành cảnh của bộc, thành cảnh của phối, thành cảnh của cái, thành cảnh của khinh thị, thành cảnh của thủ, thành cảnh của phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bất tử không thành cảnh của triền, không thành cảnh của phược ... không thành cảnh của phiền não phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bất tử không thành cảnh của triền ... không thành cảnh của phiền não thời không nên nói triền có bất tử là cảnh.

1309.

* **Tự ngôn:** Ái *(rāga)* mong mỏi bất tử phát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bất tử nơi trụ của ái, cái tâm đáng vui phải ưa mến, phải say mê, phải buộc trói, đáng vẫn lún sụp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bất tử không thành nơi trụ của ái mà tâm không đáng vui, không đáng ưa, không đáng say mê, không bị ràng buộc, không phải vẫn lún sụp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bất tử không thành nơi trụ của ái mà tâm không đáng vui, không đáng ưa thích, không đáng say mê, không đáng ràng buộc, không phải vẫn lún sụp thời không nên nói ái mong mỏi bất tử phát sanh đặng.

1310.

* **Tự ngôn:** Sân mong mỏi bất tử *(amata)* phát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bất tử thành sở trụ của sanh, thành sở trụ của sự giận duỗi, thành sở trụ của sự quở trách phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bất tử không thành sở trụ của sân, không thành sở trụ của sự giận, không thành sở trụ của sự quở trách phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bất tử không thành sở trụ của sân, không thành sở trụ của sự giận, không thành sở trụ của sự quở trách thời không nên nói sân mong mỏi bất tử sanh đặng.

1311.

* **Tự ngôn:** Si mong mỏi bất tử sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bất tử thành sở trụ của si, làm sự không biết, làm sự không thấy liên quan với sự diệt mất của tuệ, hành động trong phía phá tuệ, không hành động hầu đặng Níp-bàn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bất tử không thành chỗ trụ của si, không làm sự bất tri liên quan với sự tiến hóa của tuệ, không hiện hành trong phía phá tuệ, hành động để đặng Níp-bàn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bất tử không thành sở trụ của si, không làm sự bất tri ... hành động để đặng Níp-bàn thời không nên nói si mong mỏi bất tử phát sanh đặng.

1312.

- **Tự ngôn:** triền mong mỏi sắc phát sanh đặng và sắc làm cảnh của triền, làm cảnh của phược ... làm cảnh của phiền não phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** triền mong mỏi bất tử sanh ra đặng và bất tử thành cảnh của triền, thành cảnh của phược ... thành cảnh của phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1313.

- **Tự ngôn:** Ái mong mỏi Sắc phát sanh đặng, sắc thành sở trụ của ái mà tâm phải vui phải ưa, phải say mê, phải ràng buộc, phải hằng lún sụp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ái mong mỏi bất tử sanh đặng và bất tử thành sở trụ của ái mà tâm phải vui ... phải hằng lún sụp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1314.

- **Tự ngôn:** Sân mong mỏi sắc phát sanh đặng và sắc là nơi trụ của sân, thành nơi trụ của sự giận hờn, thành nơi trụ của sự quở trách phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sân mong mỏi bất tử sanh ra đặng và bất tử thành sở trụ của sân, thành sở trụ của sự giận hờn, thành sở trụ của sự quở trách phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1315.

- **Tự ngôn:** Si mong mỏi sắc sanh ra đặng và sắc thành sở trụ của si, làm sự bất tri ... không hành động để đặng Níp-bàn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Si mong mỏi bất tử sanh ra đặng và bất tử thành sở trụ của si, làm sự bất tri ... không hành động để đặng Níp-bàn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1316.

- **Tự ngôn:** triền mong mỏi bất tử sanh ra đặng, nhưng bất tử không thành cảnh của triền, không thành cảnh của phược, không thành cảnh của bộc, không thành cảnh của phối, không thành cảnh của cái, không thành cảnh của khinh thị, không thành cảnh của thủ, không thành cảnh của phiền não phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** triền mong mỏi sắc sanh ra đặng, nhưng sắc không thành cảnh của triền, không thành cảnh của phược ... không thành cảnh của phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1317.

- **Tự ngôn:** Ái mong mỏi bất tử sanh ra đặng, nhưng bất tử không thành sở trụ của ái mà tâm không phải vui mừng, không phải ưa thích, không phải say mê, không đáng ràng buộc, không phải hằng lún sụp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ái mong mỏi sắc sanh ra đặng nhưng sắc không thành sở trụ của ái mà tâm không đáng vui mừng ... không hay thường lún sụp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1318.

- **Tự ngôn:** Sân mong mỏi bất tử sanh ra đặng và bất tử không thành sở trụ của sân, không thành sở trụ của sự giận hờn, không thành sở trụ của sự quở trách phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sân mong mỏi sắc sanh ra đặng, nhưng sắc không thành sở trụ của sân, không thành sở trụ của sự giận hờn, không thành sở trụ của sự quở trách phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1319.

- **Tự ngôn:** Si mong mỏi bất tử *(amata)* sanh ra đặng nhưng bất tử không thành sở trụ của Si, không làm sự bất tri ... hành động để đặng Níp-bàn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Si mong mỏi bất tử *(amata)* sanh ra đặng, nhưng bất tử không thành sở trụ của si, không làm sự bất tri ... hành động để đặng Níp-bàn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1320.

- Phản ngữ: Chớ nói rằng triền có bất tử làm cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "(Phàm phu...) tưởng tượng biết Níp-bàn theo sự thành Níp-bàn, khi tưởng tượng biết Níp-bàn thành Níp-bàn rồi, vẫn quan trọng Níp-bàn, vẫn quan trọng trong Níp-bàn, vẫn quan trọng thành sự biết Níp-bàn ... vẫn quan trọng biết Níp-bàn là của ta, vẫn thỏa thích Níp-bàn". Như đây là bài Kinh vẫn có thật phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó thì triền cũng có bất tử làm cảnh chớ gì.

Dứt Bất tử cảnh ngữ

SẮC HỮU TRI CẢNH NGỮ *(RŪPAṂ SĀRAMMAṆANTI KATHĀ)*

1321.

- **Tự ngôn:** Sắc thành pháp có biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng, sự buộc lòng, sự lưu ý, sự để ý, sự chú ý, sự mong mỏi, sự cố tâm của Sắc đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng, sự buộc lòng ... sự cố tâm của Sắc đó không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu sự nhớ tưởng, sự buộc lòng ... sự cố tâm của Sắc đó không có thời không nên nói Sắc thành pháp có biết cảnh.

1322.

- **Tự ngôn:** Xúc thành pháp có biết cảnh, sự nhớ tưởng, sự buộc lòng ... sự cố tâm của Xúc đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc thành pháp có cảnh, sự nhớ tưởng, sự buộc lòng, ... sự cố tâm của Sắc đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1323.

- **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng, Tư, Tầm, Tín, Cần, Niệm, Định, Tuệ, Ái, Sân, Si, Ngã mạn, Tà kiến, Hoài nghi, Hôn trầm, Điệu cử, Vô tàm ... Vô úy thành pháp có biết cảnh, sự nhớ tưởng, sự buộc lòng ... sự cố tâm của Vô úy đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc thành pháp có biết cảnh, sự nhớ tưởng, sự buộc lòng ... sự cố tâm của Sắc đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1324.

- **Tự ngôn:** Sắc thành pháp có biết cảnh nhưng sự nhớ tưởng, sự buộc lòng ... sự cố tâm của Sắc đó không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Xúc thành pháp có biết cảnh, nhưng sự nhớ tưởng, sự buộc lòng ... sự cố tâm của Xúc ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1325.

- **Tự ngôn:** Sắc thành pháp có biết cảnh nhưng sự nhớ tưởng, sự buộc lòng ... sự cố tâm của Sắc đó không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thọ, Tưởng ... Vô úy thành pháp có biết cảnh, nhưng sự nhớ tưởng, sự buộc lòng ... sự cố tâm của Vô úy đó không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1326.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng Sắc thành pháp có biết cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Sắc thành pháp hữu duyên *(sapaccaya)* phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà sắc thành pháp hữu duyên, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Sắc thành pháp có biết cảnh.

Dứt Sắc hữu tri cảnh ngữ

TÙY MIÊN VÔ HỮU CẢNH NGỮ *(ANUSAYA ANĀRAMMAṆĀTI KATHĀ)*

1327.

- **Tự ngôn:** tùy miên thành pháp không có biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành Sắc, thành Níp-bàn, thành Nhãn xứ ... thành Xúc xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1328.

- **Tự ngôn:** Dục ái tùy miên thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dục ái che đậy *(kāmarāgapariyuṭṭhāna)*, Dục ái triền, Dục bộc, Dục phối, Dục dục cái thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Dục ái, Dục ái che đậy, Dục ái triền, Dục bộc, Dục phối, Dục dục cái thành pháp có biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dục ái tùy miên thành pháp có biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1329.

- **Tự ngôn:** Dục ái tùy miên thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Liên hệ trong uẩn nào? Phản ngữ: Liên hệ trong Hành uẩn.
- **Tự ngôn:** Hành uẩn thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Hành uẩn thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Thức uẩn thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1330.

- **Tự ngôn:** Dục ái tùy miên liên quan trong Hành uẩn nhưng thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dục ái liên quan trong Hành uẩn nhưng thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Dục ái liên quan trong Hành uẩn và thành pháp biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dục ái tùy miên liên quan trong Hành uẩn và thành pháp biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1331.

* **Tự ngôn:** Dục ái tùy miên liên quan trong Hành uẩn nhưng thành pháp không biết cảnh, phần Dục ái liên quan trong Hành uẩn và thành pháp biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hành uẩn một phần thành pháp biết cảnh, nhưng một phần nữa thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Hành uẩn một phần thành pháp biết cảnh, nhưng một phần thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Thức uẩn một phần thành pháp biết cảnh nhưng một phần nữa thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1332.

* **Tự ngôn:** Phẩn tùy miên, Ngã mạn tùy miên, Tà kiến tùy miên, Hoài nghi tùy miên, Hữu ái tùy miên, Vô minh tùy miên thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô minh, Vô minh bộc, Vô minh phối, Vô minh tùy miên, Vô minh che ngăn, Vô minh triền, Vô minh cái thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô minh, Vô minh bộc, Vô minh phối ... Vô minh cái thành pháp biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô minh tùy miên thành pháp biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1333.

* **Tự ngôn:** Vô minh tùy miên thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Liên quan trong uẩn nào? Phản ngữ: Liên quan trong Hành uẩn.
* **Tự ngôn:** Hành uẩn thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Hành uẩn thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Thức uẩn thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1334.

* **Tự ngôn:** Vô minh tùy miên liên quan trong Hành uẩn nhưng thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô minh liên quan trong Hành uẩn, nhưng thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô minh liên quan trong Hành uẩn, nhưng thành pháp biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô minh tùy miên liên quan trong Hành uẩn và thành pháp biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1335.

- **Tự ngôn:** Vô minh tùy miên liên quan trong Hành uẩn nhưng thành pháp không biết cảnh, còn phần Vô minh liên quan trong Hành uẩn và thành pháp biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Hành uẩn một phần thành pháp biết cảnh nhưng một phần nữa thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Hành uẩn một phần thành pháp biết cảnh nhưng một phần nữa thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Thức uẩn một phần thành pháp biết cảnh, nhưng một phần nữa thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1336.

- Phản ngữ: Chẳng nên nói tùy miên thành pháp không biết cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Phàm phu khi tâm thành thiện và vô ký đang hiện hành có thể nói đặng rằng thành người có tùy miên phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Cảnh của tùy miên ấy vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Nếu thế đó tùy miên cũng thành pháp không biết cảnh chớ gì.

1337.

- **Tự ngôn:** Phàm phu khi tâm thành thiện và vô ký đang hiện hành nên nói đặng rằng thành người hữu ái phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cảnh của ái đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó ái cũng thành pháp không biết cảnh chớ gì.

Dứt tùy miên bất tri cảnh ngữ

TRÍ BẤT TRI CẢNH NGỮ *(ÑĀṆAṂ ANĀRAMMAṆANTIKATHĀ)*

1338.

- **Tự ngôn:** Trí là pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành Sắc, thành Níp-bàn, thành Nhãn xứ ... thành Xúc xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trí thành pháp bất tri cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tuệ, Tuệ quyền, Tuệ lực, Chánh kiến, Trạch pháp Giác chi thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tuệ, Tuệ quyền, Tuệ lực, Chánh kiến, Trạch pháp Giác chi thành pháp biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trí thành pháp biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1339.

- **Tự ngôn:** Trí thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Liên quan trong uẩn nào? Phản ngữ: Liên quan trong Hành uẩn.
- **Tự ngôn:** Hành uẩn thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Hành uẩn thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Thức uẩn thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1340.

* **Tự ngôn:** Trí liên quan trong Hành uẩn, nhưng thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tuệ liên quan trong Hành uẩn, nhưng thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tuệ liên quan trong Hành uẩn và thành pháp biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trí liên quan trong Hành uẩn thành pháp biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1341.

* **Tự ngôn:** Trí liên quan trong Hành uẩn nhưng thành pháp không biết cảnh, phần tuệ liên quan trong Hành uẩn và thành pháp biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hành uẩn một phần thành pháp biết cảnh nhưng một phần nữa thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.
* **Tự ngôn:** Hành uẩn một phần thành pháp biết cảnh nhưng một phần nữa thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Thức uẩn một phần thành pháp biết cảnh, nhưng một phần nữa thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1342.

* Phản ngữ: Chớ nói rằng trí thành pháp không biết cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Bực La Hán, người đáo bỉ ngạn bằng Nhãn thức mới nên nói rằng có trí phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Cảnh của trí đó có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó, trí cũng thành pháp không biết cảnh chớ gì.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán người đáo bỉ ngạn bằng Nhãn thức mới nên nói có tuệ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cảnh của tuệ đó có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó tuệ cũng thành pháp không biết cảnh chớ gì.

Dứt Trí bất tri cảnh ngữ

QUÁ KHỨ CẢNH NGỮ *(ATĪTĀRAMMAṆAKATHĀ)*

1343.

* **Tự ngôn:** Tâm mà biết cảnh quá khứ thành pháp bất tri cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Có cảnh quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà có cảnh quá khứ thời không nên nói tâm biết cảnh quá khứ thành pháp không biết cảnh và thế đó cách tường thuật rằng tâm biết cảnh quá khứ thành pháp không biết cảnh mới sai, hoặc nếu mà tâm thành pháp không biết cảnh thời không nên nói có cảnh quá khứ và thế đó cách tường thuật rằng tâm mà thành pháp không biết cảnh, thành pháp biết cảnh quá khứ mới sai.

1344.

* **Tự ngôn:** Tâm mà biết cảnh quá khứ thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự cố tâm và mong mỏi quá khứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà sự nhớ tưởng ... sự cố tâm và sự mong mỏi quá khứ vẫn có thời không nên nói tâm biết cảnh quá khứ thành pháp không biết cảnh.

Dứt Quá khứ cảnh ngữ

VỊ LAI CẢNH NGỮ *(ANĀGATĀRAMMAṆA KATHĀ)*

1345.

* **Tự ngôn:** Tâm biết cảnh vị lai thành pháp bất tri cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Có cảnh vị lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà có cảnh vị lai thời không nên nói tâm biết cảnh vị lai là pháp bất tri cảnh và như thế cách tường thuật rằng tâm biết cảnh vị lai là pháp không biết cảnh mới sai! Hoặc nếu mà tâm là pháp không biết cảnh thời không nên nói tâm biết cảnh vị lai và như thế cách tường thuật rằng tâm thành pháp không biết cảnh là pháp biết cảnh vị lai mới sai.

1346.

* **Tự ngôn:** Tâm mà biết cảnh vị lai thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự cố tâm và mong mỏi vị lai vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà sự nhớ tưởng ... sự cố tâm và sự mong mỏi vị lai vẫn có thời không nên nói tâm biết cảnh vị lai là pháp không biết cảnh.

1347.

* **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự cố tâm, sự mong mỏi hiện tại vẫn có và tâm biết cảnh hiện tại thành pháp biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự cố tâm, sự mong mỏi quá khứ vẫn có và tâm biết cảnh quá khứ thành pháp biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1348.

* **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự cố tâm hy vọng hiện tại vẫn có và tâm biết cảnh hiện tại thành pháp biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự cố tâm, hy vọng vị lai vẫn có và tâm biết cảnh vị lai thành pháp biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1349.

* **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự cố tâm, sự mong mỏi quá khứ vẫn có, nhưng tâm biết cảnh quá khứ thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự cố tâm, sự hy vọng hiện tại vẫn có nhưng tâm biết cảnh hiện tại thành pháp bất tri cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1350.

* **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự cố tâm, sự mong mỏi vị lai vẫn có, nhưng tâm biết cảnh vị lai thành pháp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự cố tâm, sự mong mỏi hiện tại vẫn có nhưng tâm biết cảnh hiện tại thành pháp bất tri cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1351.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng tâm biết cảnh quá khứ vị lai là pháp bất tri cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Quá khứ và vị lai vẫn không có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà quá khứ và vị lai vẫn không có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng tâm biết cảnh quá khứ và vị lai thành pháp không biết cảnh ...

Dứt Vị lai cảnh ngữ

TẦM LIÊN QUAN NGỮ *(VITAKKĀNUPATITA KATHĀ)*

1352.

* **Tự ngôn:** Mỗi cái tâm đều liên quan với Tầm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Mỗi cái tâm đều liên quan với Tứ, liên quan với (pháp) hỷ, liên quan với lạc, liên quan với khổ, liên quan với Hỷ thọ, liên quan với Ưu thọ, liên quan với Xả thọ, liên quan với Tín, liên quan với Cần, liên quan với Niệm, liên quan với Định, liên quan với Tuệ, liên quan với Ái, liên quan với Sân ... liên quan với Vô úy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1353.

* **Tự ngôn:** Mỗi cái tâm đều liên quan với Tầm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Định mà không có Tầm, chỉ có Tứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu định mà không có Tầm chỉ có Tứ vẫn có, thời không nên nói rằng mỗi cái tâm đều liên quan với Tầm.

1354.

* **Tự ngôn:** Mỗi cái tâm đều liên quan với Tầm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Định mà không có Tầm, không có Tứ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà định không có Tầm không có Tứ vẫn có thời không nên nói mỗi cái tâm đều liên quan với Tầm.

1355.

* **Tự ngôn:** Mỗi cái tâm liên quan với Tầm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán: "Định có ba thứ như là: định có Tầm có Tứ, định không Tầm có Tứ, định không Tầm không Tứ" thời không nên nói rằng mỗi cái tâm đều liên quan với Tầm.

Dứt Tầm liên quan ngữ

TẦM BÁ THINH NGỮ *(VITAKKAVIPPHĀRASADDA KATHĀ)*

1356.

* **Tự ngôn:** Trong mỗi khi suy xét, đang nghĩ ngợi sự Tầm phún ra phát sanh tiếng (nói) phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Mỗi khi đang đụng chạm Xúc bủa ra mới sanh tiếng, mỗi khi hưởng cảnh, mỗi khi nhớ cảnh, trong khi chú ý, trong khi nghĩ ngợi, trong khi nhớ tưởng, trong khi hiểu rõ sự phún ra của Thọ, Tưởng, Tư, Tâm, Niệm, Tuệ mới sanh ra tiếng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1357.

- **Tự ngôn:** Mỗi khi nghĩ ngợi, đang suy xét thời sự phún ra của Tầm phát sanh thành tiếng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự phún ra của Tầm thành tiếng mà phải biết đặng với Nhĩ thức, chạm nhĩ vào đến suối của nhĩ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự phún ra của Tầm không thành tiếng mà phải biết đặng với Nhĩ thức, không đối chiếu với nhĩ, không vào đến suối của nhĩ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà sự phún ra của Tầm không thành thinh mà phải biết đặng với Nhĩ thức, không xúc chạm với nhĩ, không đến vào suối của nhĩ thời không nên nói trong mỗi khi suy xét, mỗi khi nghĩ ngợi thì sự phún ra của Tầm phát sanh thành thinh.

Dứt Tầm bá thinh ngữ

DẪN TÂM NGÔN NGỮ *(NA YATHACITTASSA VACATI KATHA)*

1358.

- **Tự ngôn:** Người không có nghĩ ngợi chi cũng có nói năng đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người không có Xúc, không có Thọ, không có Tưởng, không có Tư, không có Tâm cũng nói năng đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người có Xúc, có Thọ, có Tưởng, có Tư, có Tâm mới nói năng đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà người có Xúc ... có Tâm mới nói năng đặng thời không nên nói người không có nghĩ ngợi chi cũng nói năng đặng.

1359.

- **Tự ngôn:** Người không có nghĩ ngợi chi cũng nói năng đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người trong khi không nghĩ ngợi, không bận lòng ... không cố ý cũng nói năng đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người đang nghĩ ngợi, đang bận lòng, đang cố tâm mới nói năng đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà người đang nghĩ ngợi, đang bận lòng mới nói năng đặng thời không nên nói người không có sự nghĩ ngợi chi có nói năng đặng.

1360.

- **Tự ngôn:** Người không có sự nghĩ ngợi chi cũng nói năng đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nói năng có tâm làm nhân sở sanh chung với tâm, sanh đồng sát-na với tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà nói năng có tâm làm nhân sở sanh đồng với tâm sanh chung sát-na với tâm thời không nên nói rằng người không có sự nghĩ ngợi chi cũng nói năng đặng.

1361.

- **Tự ngôn:** Người không có sự nghĩ ngợi chi cũng nói năng đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người không có mong mỏi sẽ nhắc cũng nhắc đặng, không mong mỏi sẽ trình bày cũng trình bày đặng, không mong mỏi sẽ kêu cũng kêu đặng, không mong mỏi sẽ nói cũng nói đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Người mong mỏi sẽ tường thuật mới tường thuật đặng, mong mỏi sẽ trình bày mới trình bày đặng, mong mỏi sẽ kêu mới kêu đặng, mong mỏi sẽ nói mới nói đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu người mong mỏi sẽ tường thuật mới tường thuật đặng, mong mỏi sẽ trình bày mới trình bày đặng, mong mỏi sẽ kêu mới kêu đặng, tính nói mới nói đặng thời không nên nói rằng người không có sự nghĩ ngợi chi cũng nói năng đặng.

1362.

* Phản ngữ: Không nên nói rằng người không có sự nghĩ ngợi chi cũng nói năng đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Cũng có người tính sẽ nói tường thuật cách này rồi tường thuật sai cách khác, tính sẽ kêu bằng cách này rồi kêu sai cách khác, tính sẽ kêu cách này rồi kêu sai cách khác, tính sẽ nói cách này rồi nói sai cách khác vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà cũng có người tính sẽ trình bày cách này mà trình bày sai cách khác ... tính sẽ nói cách này mà nói sai cách khác vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng người có sự nghĩ ngợi chi cũng nói năng đặng.

Dứt Tâm ngôn ngữ

TÂM DẪN THÂN NGHIỆP NGỮ
(NA YATHĀ CITTASSA KĀYAKAMMANTIKATHĀ)

1363.

* **Tự ngôn:** Người không có sự nghĩ ngợi chi cũng có thân nghiệp đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người không có Xúc ... không có Tâm cũng có thân nghiệp đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người có Xúc ... có Tâm mới có thân nghiệp đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà người có Xúc ... có Tâm mới có thân nghiệp đặng thời không nên nói người không có sự nghĩ ngợi chi cũng có thân nghiệp đặng.

1364.

* **Tự ngôn:** Người không có sự nghĩ ngợi chi cũng có thân nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người đang không nghĩ ngợi ... đang không cố tâm cũng có thân nghiệp đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người đang nghĩ ngợi ... đang cố tâm mới có thân nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà người đang nghĩ ngợi, đang cố tâm mới có thân nghiệp thời không nên nói rằng người không có sự nghĩ ngợi chi cũng có thân nghiệp đặng.

1365.

* **Tự ngôn:** Người không có sự nghĩ ngợi chi cũng có thân nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thân nghiệp có tâm làm nhân sở sanh chung với tâm, sanh đồng sát-na với tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu mà thân nghiệp có tâm làm nhân sở sanh chung với tâm, sanh đồng sát-na với tâm thời không nên nói người không có sự nghĩ ngợi chi cũng có thân nghiệp đặng.

1366.

* **Tự ngôn:** Người không có sự nghĩ ngợi chi cũng có thân nghiệp đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người không hy vọng, người không tính sẽ bước đi tới cũng bước đi tới đặng, không tính sẽ thối lui cũng thối lui đặng, không tính sẽ dòm ngó cũng dòm ngó đặng, không tính nghiêng xem cũng nghiêng xem đặng, không tính sẽ co tay cũng sẽ co tay đặng, không tính sẽ ngay tay cũng ngay tay đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người tính sẽ bước tới mới bước tới đặng, tính sẽ thối lui mới thối lui đặng, tính sẽ dòm ngó mới dòm ngó đặng, tính sẽ nghiêng xem mới nghiêng xem đặng, tính sẽ co tay mới co tay đặng, tính sẽ ngay tay mới ngay tay đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà người tính sẽ bước tới mới bước tới đặng ... tính sẽ ngay tay mới ngay tay đặng thời không nên nói người không có sự nghĩ ngợi chi cũng có thân nghiệp đặng.

1367.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng người không có sự nghĩ ngợi chi cũng có thân nghiệp phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Cũng có người tính sẽ đi một nơi rồi đi sai một nẻo ... tính sẽ ngay tay một phía rồi ngay tay sai phía khác vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà cũng có người tính đi một nơi rồi đi sai một nẻo khác ... tính sẽ ngay tay một phía rồi ngay tay sai phía khác vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng người không có sự nghĩ ngợi chi cũng có thân nghiệp đặng.

Dứt Dẫn tâm thân nghiệp ngữ

QUÁ KHỨ VỊ LAI HIỆN TẠI NGỮ *(ATITANAGATAPACCUPANNA KATHA)*

1368.

* **Tự ngôn:** Người thành bực hiệp với quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Quá khứ diệt rồi, lìa khỏi rồi, biến mất rồi, trời lặn rồi, tiêu mất đi rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà quá khứ đã diệt đi rồi, lìa mất rồi, biến mất rồi, trôi lặn rồi, đã tiêu diệt rồi thời không nên nói người thành bực hiệp với quá khứ.

1369.

* **Tự ngôn:** Người thành bực hiệp với vị lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vị lai chưa đặng sanh, chưa đặng thành, chư đặng sanh đủ, chưa đặng sanh ra, chưa đặng sanh lên, chưa đặng hiện bày phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà vị lai chưa sanh, chưa thành, chưa sanh đều, chưa đặng sanh ra, chưa đặng phát, chưa đặng hiện bày thời không nên nói người thành bực hiệp với vị lai.

1370.

* **Tự ngôn:** Người thành bực hiệp với Sắc uẩn nơi quá khứ, thành bực hiệp với Sắc uẩn nơi vị lai, thành bực hiệp với Sắc uẩn nơi hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành bực hiệp với 3 Sắc uẩn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực thành người hiệp với ngũ uẩn nơi quá khứ, thành người hiệp với ngũ uẩn nơi vị lai, thành người hiệp với ngũ uẩn nơi hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành người hiệp với 15 uẩn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1371.

* **Tự ngôn:** Bực thành người hiệp với Nhãn xứ nơi quá khứ, thành người hiệp với Nhãn xứ nơi vị lai, thành người hiệp với Nhãn xứ nơi hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành người hiệp với 3 Nhãn xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực thành người hiệp với Thập nhị xứ nơi quá khứ, thành người hiệp với Thập nhị xứ nơi vị lai, thành người hiệp với Thập nhị xứ nơi hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành người hiệp với 16 xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1372.

* **Tự ngôn:** Bực thành người hiệp với Nhãn giới nơi quá khứ, thành người hiệp với Nhãn giới nơi vị lai, thành người hiệp với Nhãn giới nơi hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành người hiệp với 3 Nhãn giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực thành người hiệp với Thập bát giới nơi quá khứ, thành người hiệp với Thập bát giới nơi vị lai, thành người hiệp với Thập bát giới nơi hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành người hiệp với 54 giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1373.

* **Tự ngôn:** Bực thành người hiệp với Nhãn quyền nơi quá khứ, thành người hiệp với Nhãn quyền nơi vị lai, thành người hiệp với Nhãn quyền nơi hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành người hiệp với 3 Nhãn quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực thành người hiệp với Nhị thập nhị quyền nơi quá khứ, thành người hiệp với hai Nhị thập nhị quyền nơi vị lai, thành người hiệp với Nhị thập nhị quyền nơi hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành người hiệp với 66 Quyền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1374.

* Phản ngữ: Chớ nói rằng người hiệp với quá khứ và vị lai phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Bực người có thường chăm chú Bát giải thoát (Bát thiền) người đặng theo mong mỏi là Tứ thiền, người có thường đặng Tùng tiền trụ cửu thiền vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà bực người có thường chăm chú Bát giải thoát, người đặng theo mong mỏi là Tứ thiền, người có thường đặng Tùng tiền trụ cửu thiền vẫn có, chính do nhân đó, mới nói rằng bực người hiệp với quá khứ và vị lai.

Dứt Quá khứ, vị lai, hiện tại ngữ
Hết phẩm thứ chín

PHẨM THỨ MƯỜI

DIỆT NGỮ *(NIRODHA KATHA)*

1375.

* **Tự ngôn:** Khi Ngũ uẩn mà tìm kiếm tái tục còn chưa diệt kịp, Ngũ uẩn mà thành tố *(kiriyā)* cũng sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành sự hội hiệp của mười Uẩn mà mười Uẩn đến gặp nhau đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành sự hội hiệp của mười Uẩn mà mười Uẩn đến gặp nhau đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành sự hội hiệp của nhị xúc, của nhị tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1376.

* **Tự ngôn:** Khi Ngũ uẩn mà tìm kiếm tái tục chưa diệt kịp, Ngũ uẩn mà thành tố *(kiriyā)* cũng sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành sự hội hiệp của chín Uẩn thời chín Uẩn đến gặp nhau đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành sự hội hiệp của chín Uẩn thì chín Uẩn đến gặp nhau đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành sự hội hiệp của nhị xúc, của nhị tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1377.

* **Tự ngôn:** Khi Ngũ uẩn mà tìm kiếm tái tục còn chưa diệt kịp thời trí mà thành tố *(kiriyā)* cũng sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành sự hội hiệp của sáu Uẩn thì sáu Uẩn đến gặp nhau đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành sự hội hiệp của sáu Uẩn thì sáu Uẩn đến gặp nhau đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành sự hội hiệp của nhị xúc ... của nhị tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1378.

* **Tự ngôn:** Khi Ngũ uẩn mà tìm kiếm tái tục diệt mất rồi, đạo cũng sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người đã chết còn làm cho đạo sanh ra đặng, bực người thác rồi còn cho đạo phát sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Diệt ngữ

SẮC ĐẠO NGỮ *(RUPAṂ MAGGOTI KATHA)*

1379.

- **Tự ngôn:** Sắc của bực người có đầy đủ với đạo thành đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc đó thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng, sự bận lòng, sự lưu tâm, sự tác ý ... sự chú ý, sự mong mỏi, sự cố tâm của sắc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc đó thành pháp không biết cảnh ... sự nhớ tưởng, sự cố tâm của sắc ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Sắc đó thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố ý của Sắc ấy không có thời không nên nói Sắc của bực người có sự đầy đủ với đạo thành đạo.

1380.

- **Tự ngôn:** Chánh ngữ là đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chánh ngữ đó là pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố ý của Chánh ngữ ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chánh ngữ ấy là pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Chánh ngữ ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Chánh ngữ đó thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Chánh ngữ đó không có thời không nên nói Chánh ngữ là đạo...

1381.

- **Tự ngôn:** Chánh nghiệp ... Chánh mạng là đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chánh nghiệp đó thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Chánh nghiệp ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chánh mạng đó là pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Chánh mạng đó không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Chánh mạng ấy là pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng, sự cố tâm của Chánh mạng ấy không có thời không nên nói Chánh mạng là đạo.

1382.

- **Tự ngôn:** Chánh kiến là đạo và Chánh kiến đó thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Chánh kiến ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chánh ngữ là đạo và Chánh ngữ ấy thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Chánh ngữ ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chánh kiến là đạo và Chánh kiến ấy thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Chánh kiến ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chánh nghiệp ... Chánh mạng là đạo và Chánh mạng đó thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng và sự cố tâm của Chánh mạng đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chánh tư duy ... Chánh tinh tấn ... Chánh niệm ...

1383.

- **Tự ngôn:** Chánh định là đạo và Chánh định ấy thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Chánh định ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chánh ngữ là đạo và Chánh ngữ ấy thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Chánh ngữ ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chánh định là đạo và Chánh định ấy thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Chánh định ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi

* **Tự ngôn:** Chánh nghiệp ... Chánh mạng là đạo và Chánh mạng ấy thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Chánh mạng ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1384.

* **Tự ngôn:** Chánh ngữ là đạo và Chánh ngữ ấy thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Chánh ngữ ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh kiến là đạo và Chánh kiến ấy thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Chánh kiến ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chánh ngữ là đạo và Chánh ngữ ấy thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Chánh ngữ ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi
* **Tự ngôn:** Chánh tư duy ... Chánh tinh tấn ... Chánh niệm ... Chánh định là đạo và Chánh định ấy thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Chánh định ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1385.

* **Tự ngôn:** Chánh nghiệp ... Chánh mạng là đạo và Chánh mạng ấy thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Chánh mạng ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh kiến ... Chánh tư duy, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, ... Chánh định là đạo và Chánh định ấy thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Chánh định ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1386.

* Phản ngữ: Chớ nói rằng sắc của bực người có sự đầy đủ với đạo là đạo phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng là đạo phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng là đạo, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng sắc của bực người có sự đầy đủ với đạo là đạo.

Dứt Sắc đạo ngữ

NGŨ THỨC HỘI ĐẠO TU NGỮ
(PAÑCAVIÑÑAṆASAMAṄGIMAGGABHAVANAKATHA)

1387.

* **Tự ngôn:** Bực người có đầy đủ với Ngũ thức có thể làm cho đạo phát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Năm Thức có pháp mà sanh ra rồi thành vật, có pháp mà sanh ra rồi thành cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Ngũ thức có pháp sanh ra rồi thành vật, có pháp sanh ra rồi thành cảnh thời không nên nói bực người có sự đầy đủ với Ngũ thức có thể làm cho đạo phát sanh đặng.

1388.

- **Tự ngôn:** Ngũ thức có pháp mà sanh trước thành vật, có pháp mà sanh trước thành cảnh, có pháp bên trong thành vật, có pháp bên ngoài thành cảnh, có pháp chưa hư hoại thành vật, có pháp chưa hư hoại thành cảnh, có các vật, có các cảnh, không hưởng cảnh với nhau, không tác ý không sanh, không có tiếp thâu không sanh, sanh không trước không sau, sanh ra không liên tiếp nhau phải chăng? ... Ngũ thức không có sự buộc lòng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Ngũ thức không có sự ràng buộc lòng thời không nên nói bực người có sự đầy đủ Ngũ thức có thể làm cho đạo phát sanh đặng.

1389.

- **Tự ngôn:** Người có bực đầy đủ với Ngũ thức còn cho đạo phát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhãn thức mở mối cho sự trống không sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nhãn thức mở mối sự luống không sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Do nương nhãn và sự trống không mới sanh ra Nhãn thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Do nương nhãn và sự thành của trống không mới sanh ra Nhãn thức phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nói rằng do nương nhãn và sự trống không mới sanh ra Nhãn thức. Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Không có.
- **Tự ngôn:** Nói rằng do nương nhãn và tất cả sắc thì Nhãn thức mới sanh ra. Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà nói rằng "Do nương nhãn và tất cả sắc, Nhãn thức mới phát sanh". Như đây là bài Kinh vẫn thật có thời không nên nói do nương nhãn và sự trống không mới sanh ra Nhãn thức.

1390.

- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với Nhãn thức còn cho đạo sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhãn thức mở mối quá khứ và vị lai sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với Nhãn thức còn cho đạo sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhãn thức mở mối Xúc, mở mối Thọ, mở mối Tưởng, mở mối Tư, mở mối Tâm, mở mối Nhãn ... mở mối Thân, mở mối Thinh ... mở mối Xúc sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với Ý thức còn cho đạo sanh đặng và Ý thức mở mối sự trống không sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với Nhãn thức còn cho đạo sanh đặng và Nhãn thức mở mối sự trống không sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với Ý thức còn cho đạo sanh đặng và Ý thức mở mối quá khứ và vị lai sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với Nhãn thức còn cho đạo sanh đặng và Nhãn thức mở mối quá khứ cùng vị lai sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với Ý thức còn cho đạo sanh đặng và Ý thức mở mối Xúc ... mở mối cảnh xúc sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với Nhãn thức còn cho đạo sanh đặng và Nhãn thức mở mối Xúc ... mở mối cảnh xúc sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1391.

* Phản ngữ: Chớ nói rằng bực người có sự đầy đủ với Ngũ thức còn cho đạo sanh ra đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng "Này chư Phíc-khú, Phíc-khú trong pháp luật này đã thấy sắc bằng mắt thành người không chấp tướng, không chấp theo hình thức ... Tai đã nghe tiếng ... Mũi đã hưởi hơi ... Lưỡi đã nếm vị ... đụng chạm cảnh xúc bằng thân rồi thành người không chấp tướng, không chấp theo hình thể''. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó thì bực người có sự đầy đủ với Ngũ thức cũng còn cho đạo sanh đặng chớ gì.

Dứt Ngũ thức hội đạo tu ngữ

NGŨ THỨC THIỆN HỶ NGỮ *(PAÑCAVIÑÑAṆA KUSALAPITI KATHA)*

1392.

* **Tự ngôn:** Ngũ thức thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ngũ thức có pháp mà đã sanh ra thành vật, có pháp mà đã sanh ra thành cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Ngũ thức có pháp mà đã sanh ra thành vật, có pháp mà đã sanh ra thành cảnh, thời không nên nói Ngũ thức thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có.
* **Tự ngôn:** Ngũ thức có pháp mà sanh ra trước thành vật, có pháp mà sanh ra trước thành cảnh, có pháp bên trong thành vật, có pháp bên ngoài thành cảnh, có pháp mà chưa hoại thành vật, có vật, có pháp mà chưa hoại thành cảnh, có các vật, có các cảnh, không hưởng cảnh thay nhau, không chú ý thời không sanh ra, không có tác ý sanh ra không đặng, không có tâm Tiếp thâu thời không sanh ra đặng, sanh không trước không sau, sanh liên tiếp của hỗ tương không đặng phải chăng? ... Ngũ thức không có sự buộc lòng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Ngũ thức không có sự buộc lòng thời không nên nói Ngũ thức thành thiện cũng đặng, thành bất thiện cũng đặng như đây.

1393.

* **Tự ngôn:** Nhãn thức thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn thức mở mối sự trống không sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhãn thức mở mối sự trống không sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nương nhãn và sự trống không, Nhãn thức mới sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Do nương nhãn và sự trống không, Nhãn thức mới sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Nói rằng do nương nhãn và sự trống không, Nhãn thức mới sanh. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Không có.
- **Tự ngôn:** Nói rằng do nương nhãn và tất cả sắc, Nhãn thức mới sanh. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà nói rằng do nương nhãn và tất cả sắc, Nhãn thức mới sanh. Như đây là bài Kinh thật có thời không nên nói do nương nhãn và sự trống không, Nhãn thức mới sanh ra.

1394.

- **Tự ngôn:** Nhãn thức thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhãn thức mở mối quá khứ và vị lai sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nhãn thức thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhãn thức mở mối xúc ... mở mối tâm ... mở mối nhãn ... mở mối thân ... mở mối thinh ... mở mối cảnh xúc sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Ý thức thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có và Ý thức mở mối sự trống không sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhãn thức thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có và Nhãn thức mở mối sự trống không sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Ý thức thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, và Ý thức mở mối quá khứ và vị lai sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhãn thức thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, Nhãn thức mở mối quá khứ và vị lai sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Ý thức thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có Ý thức mở mối xúc ... mở mối Tâm, mở mối nhãn ... mở mối thân ... mở mối thinh ... mở mối cảnh xúc sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhãn thức thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, Nhãn thức mở mối xúc, mở mối cảnh xúc sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1395.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng Ngũ thức thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Phíc-khú trong pháp luật này thấy sắc bằng Nhãn thành người chấp tướng ... không thành người chấp tướng ... nghe tiếng bằng tai ... đụng chạm cảnh xúc bằng thân thành người chấp tướng ... không thành người chấp tướng". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó Ngũ thức thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có chớ gì.

Dứt Ngũ thức thiện hỷ ngữ

NGŨ THỨC KIẾT PHƯỢC NGỮ *(PAÑCAVIÑÑAṆA SABHOGATI KATHA)*

1396.

* **Tự ngôn:** Ngũ thức có sự kiết phược phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ngũ thức có pháp mà sanh ra rồi thành vật, có pháp mà sanh ra rồi thành cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Ngũ thức có pháp sanh ra rồi thành vật, có pháp sanh ra rồi thành cảnh thời không nên nói Ngũ thức có sự kiết phược.
* **Tự ngôn:** Ngũ thức có pháp mà sanh ra rồi thành vật, có pháp mà sanh ra rồi thành cảnh, có pháp bên trong thành vật, có pháp bên ngoài thành cảnh, có pháp mà chưa hoại thành vật, có pháp mà chưa hoại thành cảnh, có những các vật, có những các cảnh, không thay nhau hưởng cảnh, không có sự chú ý không sanh ra đặng, không tác ý không sanh ra, chẳng gặp với tâm Tiếp thâu thời không sanh, sanh ra chẳng đặng không trước sau phải chăng? Ngũ thức hỗ tương liên tiếp sanh ra không đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Ngũ thức thay nhau sanh ra liên tiếp không đặng thời không nên nói Ngũ thức có sự kiết phược.

1397.

* **Tự ngôn:** Nhãn thức có sự kiết phược phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn thức mở mối sự trống không sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhãn thức mở mối sự trống không sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Do nương nhãn và sự trống không mới sanh ra Nhãn thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Do nương nhãn và sự trống không mới sanh ra Nhãn thức phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nói rằng do nương Nhãn thức và sự trống không mới sanh ra Nhãn thức. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Không có.
* **Tự ngôn:** Nói rằng do nương nhãn và tất cả sắc, mới sanh ra Nhãn thức. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà nói rằng do nương nhãn và tất cả sắc, Nhãn thức mới phát sanh. Như đây là bài Kinh vẫn thật có thời không nên nói do nương nhãn và sự trống không mới phát sanh Nhãn thức.

1398.

* **Tự ngôn:** Nhãn thức có sự kiết phược phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn thức mở mối quá khứ và vị lai sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhãn thức có sự kiết phược phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn thức mở mối Xúc ... mở mối cảnh xúc sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Ý thức có sự kiết phược và Ý thức mở mối sự trống không sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn thức có sự kiết phược và Nhãn thức mở mối sự trống không sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Ý thức có sự kiết phược, Ý thức mở mối quá khứ và vị lai sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn thức có sự kiết phược và Nhãn thức mở mối quá khứ và vị lai sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Ý thức có sự kiết phược, Ý thức mở mối xúc ... mở mối cảnh xúc sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn thức có sự kiết phược, Nhãn thức mở mối xúc ... mở mối cảnh xúc sanh ra đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1399.

* Phản ngữ: Chớ nói rằng Ngũ thức có sự kiết phược phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn có phán rằng "Này chư Phíc-khú, Phíc-khú trong pháp luật này thấy sắc bằng nhãn thành người chấp tướng ... thành người không chấp tướng ... đụng chạm xúc bằng thân thành người chấp tướng ... thành người không chấp tướng". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó Ngũ thức cũng có sự kiết phược chớ gì.

Dứt Ngũ thức kiết phược ngữ

NHỊ GIỚI TÙY TỀ NGỮ *(DVIHI SILEHI SAMANNAGATOTI KATHA)*

1400.

* **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo thành người hiệp với 2 thứ giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo thành người hiệp với 2 thứ Xúc, với 2 thứ Thọ, với 2 thứ Tưởng, với 2 thứ Tư, với 2 thứ Tâm, với 2 thứ Tín, với 2 thứ Cần, với 2 thứ Niệm, với 2 thứ Định, với 2 thứ Tuệ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1401.

* **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo, thành người hiệp với giới mà thành hiệp thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo, thành người hiệp với Xúc mà thành hiệp thế, với Thọ mà thành hiệp thế, với Tưởng mà thành hiệp thế, với Tư mà thành hiệp thế, với Tâm mà thành hiệp thế, với Tín mà thành hiệp thế, với Cần mà thành hiệp thế, với Niệm mà thành hiệp thế, với Định mà thành hiệp thế, với Tuệ mà thành hiệp thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1402.

* **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo thành người hiệp với giới *(sīla)* luôn cả thành hiệp thế và siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo là người hiệp với Xúc thành luôn cả hiệp thế và siêu thế ... thành người hiệp thế với Tuệ luôn cả hiệp thế và siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo hiệp với giới mà thành hiệp thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo thành phàm phu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1403.

- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo thành người hiệp với Chánh ngữ mà thành hiệp thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo thành người hiệp với Chánh kiến mà thành hiệp thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo thành người hiệp với Chánh ngữ mà thành hiệp thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo thành người hiệp với Chánh tư duy mà thành hiệp thế ... với Chánh tinh tấn mà thành hiệp thế ... với Chánh niệm mà thành hiệp thế ... với Chánh định mà thành hiệp thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo thành người hiệp với Chánh nghiệp mà thành hiệp thế ... với Chánh mạng mà thành hiệp thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo thành người hiệp với Chánh kiến mà thành hiệp thế ... với Chánh định mà thành hiệp thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1404.

- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo thành người hiệp với Chánh ngữ, thành luôn hiệp thế và siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo thành người hiệp với Chánh kiến, thành luôn hiệp thế và siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo thành người hiệp với Chánh ngữ, thành luôn hiệp thế và siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo thành người hiệp với Chánh tư duy, thành luôn hiệp thế và siêu thế ... với Chánh tinh tấn thành luôn hiệp thế và siêu thế ... với Chánh niệm thành luôn hiệp thế và siêu thế ... với Chánh định thành luôn hiệp thế và siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo thành người hiệp với Chánh nghiệp thành luôn hiệp thế và siêu thế phải chăng?

1405.

- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo, thành người hiệp với Chánh mạng, thành luôn cả hiệp thế và siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo thành người hiệp với Chánh kiến, thành luôn cả hiệp thế và siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo thành người hiệp với Chánh mạng, thành luôn cả hiệp thế và siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người có sự đầy đủ với đạo, thành người hiệp với Chánh tư duy, thành luôn cả hiệp thế và siêu thế ... và Chánh định thành luôn cả hiệp thế và siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1406.

- Phản ngữ: Chớ nên nói bực người có sự đầy đủ với đạo thành người hiệp với hai thứ Giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Khi giới mà thành hiệp thế đã diệt rồi, đạo mới phát sanh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Bực người thiếu giới, có giới (bị) đứt, có giới lủng, còn cho đạo sanh đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

* Phản ngữ: Nếu thế đó bực người có sự đầy đủ với đạo thành người hiệp với hai thứ giới chứ gì.

Dứt Nhị giới tùy tề ngữ

GIỚI PHI SỞ HỮU TÂM NGỮ *(SILAṂ ACETASIKANTI KATHA)*

1407.

* **Tự ngôn:** Giới không thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Sắc, thành Níp-bàn, thành Nhãn xứ ... thành Thân xứ ... thành Sắc xứ ... thành Xúc xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Giới không thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Xúc không thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Giới không thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng ... Tư ... Tín ... Cần ... Niệm ... Định ... Tuệ không thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1408.

* **Tự ngôn:** Xúc thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Giới thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng ... Tư ... Tín ... Cần ... Niệm ... Định ... Tuệ thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Giới thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1409.

* **Tự ngôn:** Giới không thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Giới có quả không đáng mong mỏi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Giới có quả đáng mong mỏi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Giới có quả đáng mong mỏi thời không nên nói giới không thành Sở hữu Tâm.

1410.

* **Tự ngôn:** Đức tin có quả đáng mong mỏi và đức tin thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Giới có quả đáng mong mỏi và giới thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Cần, Niệm, Định ... Tuệ có quả đáng mong mỏi và Tuệ thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Giới có quả đáng mong mỏi và giới thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1411.

* **Tự ngôn:** Giới có quả đáng mong mỏi, nhưng giới không thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Tin có quả đáng mong mỏi nhưng đức tin thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Giới có quả đáng mong mỏi nhưng giới không thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Cần, Niệm, Định, Tuệ có quả đáng mong mỏi nhưng Tuệ không thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1412.

* **Tự ngôn:** Giới không thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Không có quả, không có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Giới có quả, có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà giới có quả, có dị thục quả thời không nên nói giới không thành Sở hữu Tâm ...

1413.

* **Tự ngôn:** Nhãn xứ không thành Sở hữu Tâm và không có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Giới không thành Sở hữu Tâm và không có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhĩ xứ ... Thân xứ ... Sắc xứ ... Xúc xứ không thành Sở hữu Tâm và không có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Giới không thành Sở hữu Tâm và không có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1414.

* **Tự ngôn:** Giới không thành Sở hữu Tâm nhưng có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn xứ không thành Sở hữu Tâm, nhưng có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Giới không thành Sở hữu Tâm nhưng có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhĩ xứ ... Thân xứ ... Sắc xứ ... Xúc xứ không thành Sở hữu Tâm nhưng có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1415.

* **Tự ngôn:** Chánh ngữ không thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh kiến không thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chánh ngữ không thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh tư duy ... Chánh tinh tấn ... Chánh niệm ... Chánh định không thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chánh nghiệp ... Chánh mạng không thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh kiến không thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chánh mạng không thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh tư duy ... Chánh tinh tấn ... Chánh niệm ... Chánh định không thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1416.

* **Tự ngôn:** Chánh kiến thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh ngữ thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Chánh kiến thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh nghiệp ... Chánh mạng thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chánh tư duy ... Chánh tinh tấn ... Chánh niệm ... Chánh định thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh ngữ thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chánh định thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh nghiệp ... Chánh mạng thành Sở hữu Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1417.

* Phản ngữ: Chớ nên nói giới không thành Sở hữu Tâm phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Khi giới sanh ra rồi diệt mất, bực người có giới sanh ra rồi diệt đó, thành người thiếu giới phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó giới cũng không thành Sở hữu Tâm chớ gì.

Dứt Giới phi sở hữu tâm ngữ

GIỚI PHI TÙNG HÀNH TÂM NGỮ *(SILAṂ NA CITTANUPARIVATTITI KATHA)*

1418.

* **Tự ngôn:** Giới không sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Sắc, thành Níp-bàn, thành Nhãn xứ ... thành Xúc xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Giới không sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Xúc không sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Giới không sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng ... Tư ... Tín, Cần, Niệm, Định, Tuệ không sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1419.

* **Tự ngôn:** Xúc sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Giới sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng ... Tư, Tín, Cần, Niệm, Định ... Tuệ sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Giới sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1420.

* **Tự ngôn:** Chánh ngữ không sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh kiến không sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chánh ngữ không sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh tư duy ... Chánh tinh tấn ... Chánh niệm ... Chánh định không sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chánh nghiệp ... Chánh mạng không sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Chánh kiến không sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chánh mạng không sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh tư duy ... Chánh tinh tấn ... Chánh niệm ... Chánh định không sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1421.

* **Tự ngôn:** Chánh kiến sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh ngữ sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chánh kiến sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh nghiệp ... Chánh mạng sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1422.

* **Tự ngôn:** Chánh tư duy ... Chánh tinh tấn ... Chánh niệm ... Chánh định sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh ngữ sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chánh định sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh nghiệp ... Chánh mạng sanh gần theo Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1423.

* Phản ngữ: Chớ nói rằng giới không sanh gần theo Tâm phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Khi giới phát sanh rồi diệt đi, bực người có Giới diệt rồi đó thành người thiếu Giới phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó giới cũng không sanh theo Tâm chớ gì.

Dứt Giới phi tùng hành Tâm ngữ

NGUYỆN TRÌ NHÂN NGỮ *(SAMADANAHETUKAKATHA)*

1424.

* **Tự ngôn:** Giới mà có cách nguyện trì làm nhân tiến hóa đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Tâm, Tín, Cần, Niệm, Định, Tuệ mà có cách nguyện trì thành nhân tiến hóa đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1425.

* **Tự ngôn:** Giới mà có cách nguyện trì thành nhân tiến hóa đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tiến hóa đặng như mây bò, tiến hóa đặng như dây mây leo, tiến hóa đặng như cây cối, tiến hóa đặng như cỏ, tiến hóa đặng như Đăng tâm thảo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1426.

* **Tự ngôn:** Giới mà có nguyện trì thành nhân tiến hóa đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Khi người đã nguyện trì giới đang nghĩ ngợi dục tầm, đang nghĩ ngợi Sân độc tầm, đang nghĩ ngợi tàn hại tầm thì giới cũng tiến hóa đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành cách hiệp nhau của hai thứ xúc ... của hai thứ tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành cách hiệp nhau của hai thứ xúc ... của hai thứ tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp mà thành thiện và bất thiện, có lỗi và không lỗi, hèn hạ và tinh vi, đen và trắng, đối lập, đến gặp nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Pháp mà thành thiện và bất thiện, có lỗi và không lỗi, thô sơ và vi tế, đen và trắng, thành đối lập nhau, đến gặp nhau phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng "Này chư Phíc-khú, có bốn cách đây xa nhau rất xa nhau. Bốn cách chi? Cách thứ nhất trời và đất xa nhau rất xa nhau ... do nhân thế đó, pháp của hiền triết mới xa lìa phi hiền triết". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói pháp mà thành thiện và bất thiện, có lỗi và không lỗi, thô thiển và vi tế, đen và trắng đối lập nhau, lại gặp nhau đặng.

1427.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng giới mà có cách nguyện trì thành nhân tiến hóa đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Hạng người nào đào tạo vườn, đào tạo rừng ... những người ấy đình trụ trong pháp đầy đủ với giới, vẫn sẽ đi đến Thiên đường". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó thì giới mà có cách nguyện trì thành nhân cũng tiến hóa đặng chớ gì.

Dứt Nguyện trì nhân ngữ

BIỂU TRI GIỚI NGỮ *(VIÑÑATTI SILANTI KATHA)*

1428.

- **Tự ngôn:** Biểu tri *(viññatti)* thành giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành Tư *(Cetanā)* cơ quan tránh xa sát sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành Tư cơ quan tránh xa trộm cướp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành Tư *(Cetanā)* cơ quan tránh xa tà dâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành Tư cơ quan tránh xa vọng ngữ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành Tư cơ quan tránh xa rượu và chất say phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Cách lạy lục thành giới, cách ngước lên thọ giới, cách chấp tay xá thành giới, tôn kính thành giới, cách dưng tọa cụ thành giới, cách cho chỗ nằm thành giới, cách cho nước rửa chân thành giới, cách cho giầy thành giới, cách cho choàng tắm thành giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Thành Tư cơ quan tránh xa sát sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành Tư cơ quan tránh xa rượu với các chất say phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1429.

* Phản ngữ: Chớ nói biểu tri thành giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thành sự thiếu giới phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó biểu tri cũng thành giới chớ gì!

Dứt Biểu tri giới ngữ

VÔ BIỂU TRI PHẠM GIỚI NGỮ *(AVIÑÑATTI DUSSIYANTI KATHA)*

1430.

* **Tự ngôn:** Vô biểu tri *(aviññatti)* thành sự phá giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành sát sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành trộm cướp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành tà dâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành vọng ngữ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành uống rượu, dùng chất say phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành nguyện trì nghiệp tội rồi vẫn bố thí thì phước và tội cả hai thứ đều tiến hóa đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Phước và tội cả hai thứ đều tiến hóa đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành cách hiệp nhau của hai thứ xúc ... của hai thứ tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành cách hội nhau của hai thứ xúc ... của hai thứ tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp mà thành thiện và bất thiện, có lỗi và không lỗi, ty hạ và tinh lương *(panita)*, đen và trắng, thành đối lập nhau, đến gặp nhau đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Pháp mà thành thiện và bất thiện, có lỗi và không có lỗi, ty hạ và tinh lương, đen và trắng, thành đối lập nhau, đến gặp nhau đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng "Này chư Phíc-khú, bốn cách đây xa nhau rất xa nhau. Bốn cách chi? Một là trời và đất xa nhau rất xa nhau ... do thế đó pháp của hiền triết mới cách xa phi hiền triết". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói pháp mà thành thiện và bất thiện, có lỗi và không lỗi, ty hạ và tinh lương, đen và trắng, thành đối lập nhau, đến gặp nhau đặng.
* **Tự ngôn:** Khi người nguyện tri nghiệp tội rồi mà vẫn dưng y, vẫn để bát, vẫn dưng tọa cụ, dưng thuốc ngừa bệnh, cùng vật dụng, vẫn lễ bái bực đáng lễ bái, vẫn tiếp đãi với bực đáng tiếp đãi, chấp tay cung kỉnh bực đáng cung kỉnh, tôn trọng bực đáng tôn trọng, cho tọa cụ bực đáng cho tọa cụ, giúp đường đi cho bực đáng giúp đường đi thì phước và tội cả hai thứ vẫn tiến hóa đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

- **Tự ngôn:** Phước và tội cả hai thứ đều tiến hóa đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cách hội nhau của hai thứ xúc ... của hai thứ tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành cách hội nhau của hai thứ xúc ... của hai thứ tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nghiệp mà thành thiện và thành bất thiện, có lỗi và không lỗi, ty hạ và tinh lương, đen và trắng, thành đối lập nhau, đến gặp nhau đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Pháp mà thành thiện và bất thiện, có lỗi và không lỗi ty hạ và tinh lương, đen và trắng, thành đối lập nhau, đến gặp nhau đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, bốn cách này xa nhau rất xa nhau. Bốn cách chi? Một là trời và đất xa nhau rất xa nhau ... do thế đó pháp của hiền triết xa phi hiền triết". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói pháp mà thành thiện và bất thiện, có lỗi và không lỗi, ty hạ và tinh lương, đen và trắng, đối lập nhau đến gặp nhau đặng.

1431.

- Phản ngữ: Chớ nói rằng vô biểu tri thành sự phá giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Người thành kẻ nguyện trì nghiệp tội để rồi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà người thành kẻ nguyện trì nghiệp tội để rồi, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng vô biểu tri thành sự phá giới như vậy.

Dứt Vô biểu tri phá giới ngữ
Hết phẩm thứ mười
Dứt 15.000 chữ phần thứ hai

PHẨM THỨ MƯỜI MỘT

TAM CHỦNG TIỀM THÙY NGỮ *(TISSOPI ANUSAYA KATHA)*

1432.

- **Tự ngôn:** Tiềm thùy thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành vô ký tức là dị thục quả, thành vô ký tức là tố *(kiriyā)*, thành Sắc, thành Níp-bàn, thành Nhãn xứ ... thành Xúc xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1433.

- **Tự ngôn:** Dục ái tiềm thùy thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dục ái, Dục ái già cái (che ngăn), Dục ái triền, Dục bộc, Dục phối, Dục dục cái thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Dục ái, Dục ái già cái (che ngăn), Dục dục cái thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dục ái tùy miên thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1434.

- **Tự ngôn:** Phẫn tùy miên thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Phẫn, Phẫn già cái (che ngăn), Phẫn triền thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Phẫn, Phẫn già cái, Phẫn triền thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Phẫn tùy miên thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1435.

- **Tự ngôn:** Ngã mạn tùy miên thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ngã mạn, Ngã mạn già cái, Ngã mạn triền thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Ngã mạn, Ngã mạn già cái, Ngã mạn triền thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ngã mạn tùy miên thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1436.

- **Tự ngôn:** Tà kiến tùy miên thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tà kiến, Tà kiến bộc, Tà kiến phối, Tà kiến già cái, Tà kiến triền thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tà kiến, Tà kiến bộc, Tà kiến phối, Tà kiến già cái, Tà kiến triền thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tà kiến tùy miên thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1437.

- **Tự ngôn:** Hoài nghi tùy miên thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Hoài nghi, Hoài nghi già cái, Hoài nghi triền, Hoài nghi cái thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Hoài nghi, Hoài nghi già cái, Hoài nghi triền, Hoài nghi cái thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Hoài nghi tùy miên thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1438.

- **Tự ngôn:** Hữu ái tùy miên thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Hữu ái, Hữu ái già cái, Hữu ái triền thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Hữu ái, Hữu ái già cái, Hữu ái triền thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Hữu ái tùy miên thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1439.

- **Tự ngôn:** Vô minh tùy miên thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô minh, Vô minh bộc, Vô minh phối, Vô minh già cái, Vô minhtriền, Vô minh cái thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vô minh, Vô minh bộc, Vô minh phối, Vô minh già cái, Vô minh triền, Vô minh cái thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô minh tùy miên thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1440.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng tùy miên thành vô ký phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Phàm phu khi tâm mà thành thiện và vô ký đang hiện hành nên nói rằng người có tùy miên phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Pháp mà thành thiện và bất thiện đến gặp nhau phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Nếu thế đó tùy miên cũng thành vô ký chớ gì.
- **Tự ngôn:** Phàm phu khi tâm mà thành thiện và vô ký đang hiện hành nên nói rằng người có Ái phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp mà thành thiện và thành bất thiện đều gặp nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó Ái cũng thành vô ký chớ gì.

1441.

- **Tự ngôn:** tùy miên thành vô nhân *(Ahetuka)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành Sắc, thành Níp-bàn, thành Nhãn xứ ... thành Xúc xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Dục ái tùy miên thành vô nhân phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dục ái, Dục ái già cái, Dục ái triền ... Dục dục cái thành vô nhân phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Dục ái, Dục ái già cái ... Dục dục cái thành hữu nhân *(Sahetuka)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dục ái tùy miên thành hữu nhân phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Phẫn tùy miên, Ngã mạn tùy miên, Tà kiến tùy miên, Hoài nghi tùy miên, Hữu ái tùy miên, Vô minh tùy miên thành vô nhân phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô minh, Vô minh bộc, Vô minh phối, Vô minh già cái, Vô minh triền, Vô minh cái thành vô nhân phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô minh, Vô minh bộc ... Vô minh cái thành hữu nhân phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô minh tùy miên thành hữu nhân phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1442.

* Phản ngữ: Chớ nên nói tùy miên thành vô nhân phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Phàm phu khi tâm mà thành thiện và vô ký đang hiện hành nên nói rằng người có tùy miên phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Tùy miên thành hữu nhân bằng nhân thứ đó phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó tùy miên cũng thành vô nhân chớ gì.
* **Tự ngôn:** Phàm phu khi tâm mà thành thiện và thành vô ký đang hiện hành nên nói rằng người có Ái phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ái thành hữu nhân bằng nhân cái đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó Ái cũng là vô nhân chớ gì.

1443.

* **Tự ngôn:** tùy miên bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Sắc, thành Níp-bàn, thành Nhãn xứ ... thành Xúc xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Dục ái tùy miên bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dục ái, Dục ái già cái, Dục ái triền, Dục bộc, Dục phối, Dục dục cái bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Dục ái, Dục ái già cái ... Dục dục cái tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dục ái tùy miên tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1444.

* **Tự ngôn:** Dục ái tùy miên bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Liên quan trong uẩn nào? Phản ngữ: Liên quan trong Hành uẩn.
* **Tự ngôn:** Hành uẩn bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Hành uẩn bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thọ uẩn, Tưởng uẩn bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1445.

* **Tự ngôn:** Dục ái tùy miên liên quan trong Hành uẩn nhưng bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dục ái liên quan trong Hành uẩn nhưng bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

- **Tự ngôn:** Dục ái liên quan trong Hành uẩn và tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dục ái tùy miên liên quan trong Hành uẩn và tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1446.

- **Tự ngôn:** Dục ái tùy miên liên quan trong Hành uẩn nhưng bất tương ưng Tâm, phần Dục ái liên quan trong Hành uẩn và tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Hành uẩn một phần tương ưng với Tâm, một phần nữa bất tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Hành uẩn một phần tương ưng với Tâm, một phần nữa bất tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thọ uẩn, Tưởng uẩn một phần tương ưng với Tâm, một phần nữa bất tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1447.

- **Tự ngôn:** Phẫn tùy miên, Ngã mạn tùy miên, Tà kiến tùy miên, Hoài nghi tùy miên, Hữu ái tùy miên, Vô minh tùy miên bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô minh, Vô minh bộc, Vô minh phối, Vô minh cái bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vô minh, Vô minh bộc, Vô minh phối, Vô minh cái bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô minh tùy miên tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vô minh tùy miên bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Liên quan trong uẩn nào? Phản ngữ: Liên quan trong Hành uẩn.
- **Tự ngôn:** Hành uẩn bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Hành uẩn bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thọ uẩn, Tưởng uẩn bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vô minh tùy miên liên quan trong Hành uẩn nhưng bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô minh liên quan trong Hành uẩn nhưng bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vô minh liên quan trong Hành uẩn tương ưng tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô minh tùy miên liên quan trong Hành uẩn tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vô minh tùy miên liên quan trong Hành uẩn nhưng bất tương ưng Tâm, phần Vô minh liên quan trong Hành uẩn và tương ưng tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Hành uẩn một phần tương ưng với Tâm, một phần nữa bất tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Hành uẩn một phần tương ưng với Tâm, một phần nữa bất tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thọ uẩn, Tưởng uẩn một phần tương ưng với Tâm, một phần nữa bất tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1448.

* Phản ngữ: Chẳng nên nói tùy miên bất tương ưng Tâm phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Phàm phu khi tâm mà thành thiện và thành vô ký đang hiện hành nên nói rằng người đó có tùy miên phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: tùy miên tương ưng với Tâm phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó, tùy miên cũng bất tương ưng Tâm chớ gì.
* **Tự ngôn:** Phàm phu trong khi tâm mà thành thiện và thành vô ký đang hiện hành nên nói rằng người có Ái phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ái tương ưng với Tâm đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó, Ái cũng bất tương ưng Tâm chớ gì.

Dứt Tam chủng tùy miên ngữ

TRÍ NGỮ *(ÑĀṆA KATHĀ)*

1449.

* **Tự ngôn:** Đến sự không biết sẽ lìa đi rồi khi tâm mà thành bất tương ưng trí đang hiện hành, không nên nói người có sự biết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi Ái lìa đi rồi không nên nói rằng người đó xa lìa Ái phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đến sự không biết sẽ lìa đi rồi, khi tâm mà thành bất tương ưng trí đang hiện hành không nên nói người có sự biết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi Sân lìa đi rồi ... khi Si lìa đi rồi ... khi phiền não lìa đi rồi không nên nói người hết phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1450.

* **Tự ngôn:** Khi Ái lìa đi rồi nên nói rằng người xa lìa Ái phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi sự không biết lìa đi rồi thời tâm mà thành bất tương ưng trí sẽ vẫn hiện hành thời nên nói rằng người có sự biết phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khi Sân lìa đi rồi ... khi Si lìa đi rồi ... khi phiền não lìa đi rồi ... nên nói rằng người hết phiền não phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi sự không biết lìa đi rồi đến tâm mà thành bất tương ưng trí sẽ vẫn hiện hành thời không nên nói người có sự biết phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Khi sự không biết lìa đi rồi đến tâm mà thành bất tương ưng trí sẽ vẫn hiện hành thời không nên nói người có sự biết phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Gọi rằng người có sự biết thành quá khứ gọi là người có sự biết bằng sự biết mà diệt rồi, lìa đi rồi, đã vắng lặng phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

Dứt Trí ngữ (Ñāṇa kathā)

TRÍ BẤT TƯƠNG ƯNG TÂM NGỮ *(ÑĀṆAṂ CITTAVIPPAYUTTANTI KATHĀ)*

1451.

- **Tự ngôn:** Trí bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành Sắc, thành Níp-bàn, thành Nhãn xứ ... thành Xúc xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trí bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tuệ, Tuệ quyền, Tuệ lực, Chánh kiến, Trạch pháp Giác chi cũng bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tuệ, Tuệ quyền, Tuệ lực, Chánh kiến, Trạch pháp Giác chi tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trí cũng tương ưng với tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1452.

- **Tự ngôn:** Trí bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Liên quan trong uẩn nào? Phản ngữ: Liên quan trong Hành uẩn.
- **Tự ngôn:** Hành uẩn bất tương ưng tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Hành uẩn bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thọ uẩn, Tưởng uẩn bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trí liên quan trong Hành uẩn nhưng bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tuệ liên quan trong Hành uẩn nhưng bất tương ưng Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tuệ liên quan trong Hành uẩn và tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trí liên quan trong Hành uẩn và tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trí liên quan trong Hành uẩn nhưng bất tương ưng Tâm, phần Tuệ liên quan trong Hành uẩn và tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Hành uẩn một phần tương ưng với Tâm, một phần nữa bất tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Hành uẩn một phần tương ưng với Tâm, một phần nữa bất tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thọ uẩn, Tưởng uẩn một phần tương ưng với Tâm, một phần nữa bất tương ưng với Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1453.

- Phản ngữ: Chớ nói rằng trí bất tương ưng Tâm phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Bực La Hán người đầy đủ Nhãn thức nên nói rằng người có trí phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Trí tương ưng với Tâm ấy phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Nếu thế đó trí cũng bất tương ưng Tâm chớ gì.
- **Tự ngôn:** Bực La Hán người đầy đủ với Nhãn thức nên nói rằng người có tuệ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tuệ tương ưng với Tâm ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó tuệ cũng bất tương ưng Tâm chớ gì.

Dứt Trí bất tương ưng Tâm ngữ

THỬ KHỔ NGỮ *(IDAṂDUKKHANTI KATHĀ)*

1454.

* **Tự ngôn:** Khi nhắc nói đây là Khổ, Trí gọi đây là khổ cũng hiện hành phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi nhắc nói đây là Tập, Trí gọi đây là Tập cũng hiện hành phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khi nhắc nói đây là Khổ, Trí gọi đây là Khổ cũng hiện hành phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi nhắc nói đây là Diệt, Trí gọi đây là Diệt cũng hiện hành phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khi bày nói đây là Khổ, Trí gọi đây là Khổ cũng hiện hành đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi bày nói đây là Đạo, Trí gọi đây là Đạo cũng hiện hành phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1455.

* **Tự ngôn:** Khi bày nói đây là Tập nhưng Trí không hiện hành rằng đây là Tập phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi bày nói đây là Khổ nhưng Trí không hiện hành rằng đây là Khổ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khi bày nói đây là Diệt ... đây là Đạo nhưng Trí không hiện hành rằng đây là Đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi bày nói đây là Khổ, nhưng Trí không hiện hành rằng đây là Khổ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1456.

* **Tự ngôn:** Khi bày lời nói đây là Khổ, Trí gọi đây là Khổ cũng hiện hành phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi bày nói Sắc Vô Thường, Trí gọi Sắc Vô Thường cũng hiện hành phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khi bày lời nói đây là Khổ, Trí gọi đây là Khổ cũng hiện hành phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi bày nói Thọ ... Tưởng, Hành ... Thức Vô Thường, Trí gọi Thức Vô Thường cũng hiện hành phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1457.

* **Tự ngôn:** Khi bày nói đây là Khổ, Trí gọi đây là Khổ cũng hiện hành phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi bày nói Sắc là vô ngã, Trí gọi Sắc là vô ngã cũng hiện hành phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khi bày nói đây là Khổ, Trí gọi đây là Khổ cũng hiện hành phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khi bày nói Thọ ... Tưởng ... Hành ... Thức là vô ngã, Trí gọi Thức là vô ngã cũng hiện hành phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1458.

* **Tự ngôn:** Khi bày nói Sắc là vô thường, nhưng Trí không hiện hành rằng Sắc là vô thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Khi bày nói đây là khổ, nhưng Trí không hiện hành rằng đây là Khổ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Khi bày nói Thọ ... Tưởng ... Hành ... Thức là vô thường nhưng Trí không hiện hành rằng Thức là vô thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khi bày nói đây là Khổ nhưng Trí không hiện hành rằng đây là Khổ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Khi bày nói Sắc là vô ngã nhưng Trí không hiện hành rằng Sắc là vô ngã phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khi bày nói đây là Khổ nhưng Trí không hiện hành rằng đây là Khổ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Khi bày nói Thọ ... Tưởng ... Hành ... Thức là vô ngã nhưng Trí không hiện hành rằng Thức là vô ngã phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khi bày nói đây là Khổ nhưng Trí không hiện hành rằng đây là Khổ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1459.

- **Tự ngôn:** Khi bày nói đây là Khổ, Trí gọi rằng đây là Khổ cũng hiện hành phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trí gọi "I", Trí gọi "Daṃ", Trí gọi "Du" và Trí gọi "Khaṃ" cũng hiện hành phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Thứ khổ ngữ (Idaṃdukkhanti kathā)

THẦN THÔNG LỰC NGỮ *(IDDHIBALA KATHĀ)*

1460.

- **Tự ngôn:** Người hiệp với sức của thần thông phải sống đặng luôn đại kiếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Số thọ ấy thành tựu theo thần thông, cõi ấy thành tựu theo thần thông, cách đặng thân thể ấy thành tựu theo thần thông phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực hiệp với sức thần thông phải sống đặng luôn đại kiếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Phải sống luôn đại kiếp mà thành quá khứ, phải sống luôn đại kiếp mà thành vị lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực mà hiệp với thần thông phải sống luôn đại kiếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Phải sống luôn hai đại kiếp, phải sống luôn ba đại kiếp, phải sống luôn bốn đại kiếp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực hiệp với sức thần thông, phải sống luôn đại kiếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Phải sống trong khi sanh mạng tức là sanh mạng phần dư ra, vẫn còn có phải chăng? Hay là sống trong khi sanh mạng tức là sanh mạng phần dư ra vẫn không có. Phản ngữ: Phải sống trong khi sanh mạng tức là sanh mạng phần còn dư vẫn còn có.

* **Tự ngôn:** Nếu mà phải sống trong khi sanh mạng tức là sanh mạng phần dư ra vẫn còn có, thời không nên nói rằng bực hiệp với sức thần thông phải sống luôn đại kiếp như thế ...
* Phản ngữ: Phải sống luôn trong khi sanh mạng tức là sanh mạng phần còn dư vẫn không có. **Tự ngôn:** Người chết rồi vẫn phải sống, người đã tử biệt vẫn phải sống phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1461.

* **Tự ngôn:** Bực hiệp với sức thần thông phải sống luôn cả kiếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người phải đặng gìn giữ để bằng thần thông như vầy: "Xúc đã sanh đừng diệt đi như thế" phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người phải đặng để gìn giữ bằng thần thông như vầy "Thọ đã sanh ... Tưởng đã sanh ... Tư đã sanh ... Tâm đã sanh ... Tín đã sanh, Cần đã sanh, Niệm đã sanh, Định đã sanh ... Tuệ đã sanh đừng diệt mất như thế" phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1462.

* **Tự ngôn:** Bực hiệp với sức thần thông phải sống luôn cả kiếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực phải đặng gìn giữ để lại bằng thần thông như vầy: "Sắc phải thành đồ vĩnh viễn như thế" phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực phải đặng gìn giữ để lại bằng thần thông như vầy "Thọ ... Tưởng ... Hành … Thức trọn thành vĩnh viễn như thế "phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1463.

* **Tự ngôn:** Bực hiệp với sức thần thông phải sống cả kiếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực phải đặng gìn giữ để lại bằng thần thông như vầy: "Tất cả chúng sanh lẽ thường phải sanh mà đừng cho sanh như thế" phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực duy trì để lại đặng bằng thần thông như vầy: "Tất cả chúng sanh lẽ thường phải sanh mà đừng cho sanh ... tất cả chúng sanh có bệnh hoạn là lẽ thường nhưng không cho bệnh hoạn ... tất cả chúng sanh có sự chết là lẽ thường nhưng đừng cho chết như thế" phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1464.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng bực người hiệp với thần thông phải sống cả kiếp phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này Ānanda, Tứ như ý túc mỗi một người nào trau dồi làm cho nhiều, làm cho thành như mũ, làm cho thành chỗ nương, làm cho kiên cố, đầy đúng nhuần nhãn, rành rẽ rồi, thời người ấy hy vọng phải sống luôn cả kiếp hoặc hơn cả kiếp". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó bực người hiệp với sức thần thông cũng phải sống luôn cả kiếp chớ gì.

1465.

* **Tự ngôn:** Bực hiệp với sức thần thông đặng sống luôn cả kiếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng "Này chư Phíc-khú, bốn thứ pháp không có những ai dù cho Sa Môn hoặc Bà La Môn hay Chư thiên, Ma Vương cùng Phạm Thiên cho đến tất cả người trong đời không ai bảo đảm đặng". Bốn pháp chi? (1) Sự già của người, dĩ nhiên mà bảo đừng già như thế không có một ai dù cho Sa Môn, Bà La Môn, Chư thiên, Ma Vương cho đến Phạm Thiên luôn cả người trong đời không ai sẽ là người bảo đảm đặng. (2) Sự đau theo lẽ thường của người mà bảo đừng đau ... (3) Sự chết theo lẽ thường của người mà bảo đừng chết. (4) Những tội ác ẩn theo phiền não làm nhơn sanh đời mới có cái khổ làm lời, có dị thục quả thành khổ hiện hành để cho sanh, lão, tử sau này cũng do hành động của người khi trước mà đừng cho quả của tất cả nghiệp ấy sanh ra, như thế chẳng có một ai dù cho Sa Môn, Bà La Môn, Chư thiên, Ma Vương, Phạm Thiên luôn cả trong đời sẽ không ai bảo đảm đặng. Này chư Phíc-khú, chính bốn pháp này không có một ai dù Sa Môn, Bà La Môn, Chư thiên, Ma Vương, Phạm Thiên cho đến cả trong đời không ai sẽ là người bảo đảm đặng". Đây là bài Kinh hẳn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó không nên nói người hiệp với sức thần thông đặng sống luôn cả kiếp chớ gì.

Dứt Thần thông lực ngữ

ĐỊNH NGỮ *(SAMĀDHI KATHĀ)*

1466.

* **Tự ngôn:** Tâm liên tiếp thành định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tâm liên tiếp *(santati)* phần quá khứ thành định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tâm liên tiếp thành Định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tâm liên tiếp nơi vị lai thành định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tâm liên tiếp thành Định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Quá khứ cũng đã diệt, vị lai cũng sẽ sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà quá khứ đã diệt, vị lai sẽ sanh thời không nên nói tâm liên tiếp *(Santati)* thành Định.

1467.

* Phản ngữ: Định hành vi trong mỗi sát-na tâm phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Bực người đầy đủ với Nhãn thức gọi là người nhập thiền phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Bực người đầy đủ với Nhĩ thức ... Người đầy đủ với Tỷ thức ... Người đầy đủ với Thiệt thức ... Người đầy đủ với Thân thức ... Người đầy đủ với tâm bất thiện ... Người đầy đủ với tâm đồng sanh Ái ... Người đầy đủ với tâm đồng sanh Sân ... Người đầy đủ với tâm đồng sanh Si ... Người đầy đủ với tâm đồng sanh Vô úy gọi là người nhập thiền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1468.

* **Tự ngôn:** Tâm liên tiếp *(Santati)* là định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự liên tiếp của tâm bất thiện là định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Tâm liên tiếp đồng sanh với Ái ... đồng sanh với Sân ... đồng sanh với Si ... đồng sanh với Vô úy thành định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1469.

* Phản ngữ: Chớ nói rằng tâm liên tiếp thành định phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng "Này Pháp hiền đệ, Chư Ni Kiền Tử, Như Lai đây có thể sẽ làm cho thân không lay động, miệng không nói năng, thành người chỉ thọ lạc luôn 7 ngày đêm". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó thì tâm liên tiếp cũng là định chớ gì.

Dứt Định ngữ

PHÁP TRỤ NGỮ *(DHAMMAṬṬHITATĀ KATHĀ)*

1470.

* **Tự ngôn:** Pháp trụ là trạng thái đã thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự đình trụ của pháp đó cũng là trạng thái đã thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự đình trụ của pháp đó cũng là trạng thái đã thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự đình trụ đó hẳn không có cách làm cho tuyệt khổ, không có cách dứt tuyệt luân hồi, không có Níp-bàn Phi y sinh *(Anupādā)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1471.

* **Tự ngôn:** Sự trụ của pháp là trạng thái đã thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự trụ, cách vững vàng của Sắc đó cũng là trạng thái đã thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự đình trụ là cách vững vàng của Sắc đó cũng là trạng thái đã thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự đình trụ những đó vậy không có cách làm cho tuyệt khổ, không có cách dứt luân hồi, không có Níp-bàn phi y sinh *(Anupādā)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự đình trụ của Thọ ... sự đình trụ của Tưởng ... sự đình trụ của Hành ... sự đình trụ của Thức là trạng thái đã thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự đình trụ cách vững vàng của Thức đó cũng là trạng thái đã thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự đình trụ cách vững vàng của Thức đó cũng là trạng thái đã thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự đình trụ những đó vậy không thể làm cho tuyệt khổ, không có dứt luân hồi, chẳng có Níp-bàn phi thủ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Pháp trụ ngữ

VÔ THƯỜNG NGỮ *(ANICCATĀKATHĀ)*

1472.

- **Tự ngôn:** Vô thường là trạng thái đã thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự không bền của vô thường đó cũng là trạng thái đã thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự không bền của vô thường đó cũng là trạng thái đã thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự vô thường những đó vậy không có cách tuyệt khổ, không có dứt luân hồi, không có Níp-bàn phi y sinh *(Anupādā)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1473.

- **Tự ngôn:** Lão là trạng thái đã thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự già của lão đó cũng là thái độ đã thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự già của lão đó cũng là trạng thái đã thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự già những đó vậy không có cách tuyệt khổ, chẳng có sự dứt luân hồi, không có Níp-bàn phi y sinh *(anupādā)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1474.

- **Tự ngôn:** Tử là trạng thái đã thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** cái chết của tử đó cũng là trạng thái đã thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** cái chết của tử đó cũng là trạng thái đã thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** cái chết những đó vậy không có cách tuyệt khổ, chẳng có sự dứt luân hồi, không có Níp-bàn phi y sinh *(anupādā)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1475.

- **Tự ngôn:** Sắc là trạng thái đã thành tựu nhưng sự vô thường của Sắc cũng có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự vô thường là trạng thái đã thành tựu, nhưng sự không bền của vô thường cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc là trạng thái đã thành tựu nhưng sự già của Sắc cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Lão là trạng thái đã thành tựu nhưng sự già của lão cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc là trạng thái đã thành tựu nhưng sự bể, sự hư của Sắc cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tử là trạng thái đã thành tựu nhưng sự bể, sự hư của tử cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng ... Hành ... Thức là trạng thái đã thành tựu nhưng sự vô thường của Thức cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô thường là trạng thái đã thành tựu nhưng sự không thường của vô thường cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thức là trạng thái đã thành tựu nhưng sự lão của Thức cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Lão là trạng thái đã thành tựu nhưng sự già của lão cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thức là trạng thái đã thành tựu nhưng sự bể, sự hư của Thức ấy cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tử là trạng thái đã thành tựu nhưng sự bể, sự hư của tử cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Vô Thường ngữ
Hết phẩm thứ mười một

PHẨM MƯỜI HAI

THU THÚC NGHIỆP NGỮ *(SAṂVARO KAMMANTI KATHĀ)*

1476.

- **Tự ngôn:** Sự thu thúc thành nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự thu thúc trong Nhãn quyền thành nhãn nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự thu thúc trong Nhĩ quyền ... sự thu thúc trong Tỷ quyền ... sự thu thúc trong Thiệt quyền ... sự thu thúc trong Thân quyền thành thân nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự thu thúc trong Thân quyền thành thân nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự thu thúc trong Nhãn quyền thành nhãn nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự thu thúc Thân quyền thành thân nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự thu thúc Nhĩ quyền ... sự thu thúc Tỷ quyền ... sự thu thúc Thiệt quyền thành thiệt nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự thu thúc Ý quyền thành ý nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự thu thúc Ý quyền thành ý nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự thu thúc Nhãn quyền thành nhãn nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự thu thúc Ý quyền thành ý nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự thu thúc Nhĩ quyền ... sự thu thúc Tỷ quyền ... sự thu thúc Thiệt quyền ... sự thu thúc Thân quyền thành thân nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1477.

- **Tự ngôn:** Sự không thu thúc thành nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự không thu thúc Nhãn quyền thành nhãn nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự không thu thúc Nhĩ quyền ... sự không thu thúc Tỷ quyền ... sự không thu thúc Thiệt quyền ... sự không thu thúc Thân quyền thành thân nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự không thu thúc Thân quyền thành thân nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự không thu thúc Nhãn quyền thành nhãn nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự không thu thúc Thân quyền thành thân nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự không thu thúc Nhĩ quyền ... sự không thu thúc Tỷ quyền ... sự không thu thúc Thiệt quyền thành thiệt nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Sự không thu thúc Ý quyền thành ý nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự không thu thúc Ý quyền thành ý nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự không thu thúc Nhãn quyền thành nhãn nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự không thu thúc Ý quyền thành ý nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự không thu thúc Nhĩ quyền ... sự không thu thúc Tỷ quyền, sự không thu thúc Thiệt quyền ... sự không thu thúc Thân quyền thành thân nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1478.

* Phản ngữ: Không nên nói rằng sự thu thúc hoặc không thu thúc đều thành nghiệp phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng "Này chư Phíc-khú, Phíc-khú trong pháp luật này đã thấy sắc bằng nhãn thành người chấp tướng ... hay không thành người chấp tướng ... đã nghe tiếng bằng nhĩ ... đã hiểu cảnh pháp bằng tâm thành người chấp tướng ... không thành người chấp tướng". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó thì sự thu thúc hoặc không thu thúc cũng thành nghiệp chớ gì.

Dứt Thu thúc nghiệp ngữ

NGHIỆP NGỮ *(KAMMAKATHĀ)*

1479.

* **Tự ngôn:** Tất cả nghiệp đều có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tất cả sở hữu Tư đều có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tất cả Sở hữu Tư đều có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sở hữu Tư mà thành dị thục vô ký quả cũng có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tất cả Sở hữu Tư đều có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sở hữu Tư mà thành vô ký tố *(kiriyā)* cũng có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tất cả Sở hữu Tư đều có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sở hữu Tư mà thành vô ký quả phần Dục giới cũng có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tất cả Sở hữu Tư đều có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sở hữu Tư mà thành vô ký quả thuộc Sắc giới, thuộc Vô sắc giới, thuộc siêu thế cũng có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tất cả Sở hữu Tư đều có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sở hữu Tư mà thành vô ký tố *(kiriyā)* thuộc Sắc giới, thuộc Vô sắc giới cũng có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1480.

* **Tự ngôn:** Sở hữu Tư mà thành vô ký quả không có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu mà Sở hữu Tư thành vô ký quả không có dị thục quả thời không nên nói rằng tất cả sở hữu Tư đều có dị thục quả.

1481.

* **Tự ngôn:** Sở hữu Tư mà thành vô ký tố *(kiriyā)* không có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Sở hữu Tư thành vô ký tố không có dị thục quả cũng không nên nói rằng tất cả sở hữu Tư đều có dị thục quả.

1482.

* **Tự ngôn:** Sở hữu Tư thành vô ký quả thuộc Dục giới, thuộc Sắc giới, thuộc Vô sắc giới, thuộc siêu thế không có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Sở hữu Tư thành vô ký quả thuộc siêu thế không có dị thục quả cũng không nên nói tất cả sở hữu Tư đều có dị thục quả.

1483.

* **Tự ngôn:** Sở hữu Tư thành vô ký tố thuộc Dục giới, thuộc Sắc giới, thuộc Vô sắc giới không có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Sở hữu Tư thành vô ký tố thuộc Vô sắc giới không có dị thục quả thời không nên nói tất cả sở hữu Tư đều có dị thục quả.

1484.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng tất cả nghiệp đều có dị thục quả phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng "Này chư Phíc-khú, Như Lai không nói tất cả nghiệp mà làm với sự cố ý mà người đã làm chất chứa rồi sẽ tiêu mất bằng cách không hưởng quả bởi vì nghiệp ấy vẫn cho quả trong hiện tại, hoặc thân sau hay thân luôn về sau". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó tất cả nghiệp cũng có dị thục quả chớ gì.

Dứt Nghiệp ngữ

THINH DỊ THỤC QUẢ NGỮ *(SADDO VIPĀKOTI KATHĀ)*

1485.

* **Tự ngôn:** Thinh là dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thinh là quả người hưởng lạc, thành quả của người hưởng khổ, thành quả của người hưởng phi khổ phi lạc, tương ưng với lạc thọ, tương ưng với khổ thọ, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ, tương ưng với Xúc, tương ưng với Thọ, tương ưng với Tưởng, tương ưng với Tư, tương ưng với Tâm, có biết cảnh, có sự nhớ tưởng, có sự buộc lòng, có sự chú ý, có sự lưu ý, sự chăm chú, sự mong mỏi, sự cố tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thinh không thành quả của người hưởng lạc, không thành quả của người hưởng khổ ... không biết cảnh, không nhớ tưởng ... không có sự cố quyết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà thinh không thành quả của người hưởng lạc... không biết cảnh, không nhớ tưởng ... không cố quyết thời không nên nói thinh thành dị thục quả.

1486.

* **Tự ngôn:** Xúc thành dị thục quả, thành quả của người hưởng lạc ... biết cảnh, có sự nhớ tưởng, sự cố quyết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Thinh thành dị thục quả, thinh thành quả của người hưởng lạc ... có biết cảnh, có sự nhớ tưởng … sự cố quyết phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1487.

* **Tự ngôn:** Thinh thành dị thục quả nhưng thinh không thành quả của người thọ lạc ... không biết cảnh, không nhớ tưởng ... không có sự cố quyết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Xúc thành dị thục quả nhưng Xúc không thành quả của người thọ lạc, không thành quả của người thọ khổ ... không biết cảnh, không nhớ tưởng ... không có sự cố quyết phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1488.

* Phản ngữ: Chớ nói rằng thinh thành dị thục quả phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Như Lai đây là bực Hữu Thinh, tiếng như Phạm Thiên, tiếng nói có giọng hay như tiếng chim ca lăng tần già do nghiệp đã làm đặng chất chứa rồi, đã đặng tăng thêm thành nghiệp quảng hượt". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó, thinh cũng thành dị thục quả chớ gì.

Dứt Thinh dị thục quả ngữ

LỤC NHẬP NGỮ *(SAḶĀYATANA KATHĀ)*

1489.

* **Tự ngôn:** Nhãn nhập thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn nhập thành quả của người thọ lạc, thành quả của người thọ khổ ... biết cảnh, có sự nhớ tưởng... có sự quyết tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhãn nhập không thành quả của người thọ lạc ... không biết cảnh, không nhớ tưởng ... không cố quyết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Nhãn nhập không phải quả của người thọ lạc ... không biết, không nhớ tưởng, không có sự cố quyết thời không nên nói Nhãn nhập thành dị thục quả...
* **Tự ngôn:** Xúc thành dị thục quả, Xúc thành quả của người thọ lạc ... có biết cảnh, có sự nhớ tưởng ... có sự cố quyết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn nhập thành dị thục quả, Nhãn nhập thành quả của người thọ lạc ... có biết cảnh, có sự nhớ tưởng ... có sự cố quyết phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhãn nhập thành dị thục quả, nhưng Nhãn nhập không thành quả của người thọ lạc ... không biết cảnh, không nhớ tưởng, không có sự cố quyết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Xúc thành dị thục quả nhưng Xúc không thành quả của người thọ lạc ... không biết cảnh, không nhớ tưởng ... không có sự cố quyết phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó... Nhĩ nhập ... Tỷ nhập ... Thiệt nhập ...

1490.

* **Tự ngôn:** Thân nhập thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thân nhập thành quả của người thọ lạc ... biết cảnh, có sự nhớ tưởng ... có sự cố ý phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

- **Tự ngôn:** Thân nhập không thành quả nơi người thọ lạc ... không biết cảnh, không nhớ tưởng ... không cố quyết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Thân nhập không thành quả nơi người thọ lạc ... không biết cảnh, không nhớ tưởng ... sự cố tâm thời không nên nói Thân nhập thành dị thục quả...
- **Tự ngôn:** Xúc thành dị thục quả, Xúc thành quả nơi người thọ lạc ... có biết cảnh, có sự nhớ tưởng ... có cố quyết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thân nhập thành dị thục quả, Thân nhập thành quả nơi người thọ lạc ... có biết cảnh, có nhớ tưởng ... có cố quyết phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thân nhập thành dị thục quả nhưng Thân nhập không thành quả nơi người thọ lạc ... không biết cảnh, không nhớ tưởng ... không cố quyết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Xúc thành dị thục quả nhưng Xúc không thành quả nơi người thọ lạc ... không biết cảnh, không nhớ tưởng ... không cố quyết phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1491.

- Phản ngữ: Chớ nói rằng Lục nhập thành dị thục quả phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Lục nhập sanh do tạo nghiệp để lại phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà Lục nhập sanh do nghiệp để lại, chính do nhân đó mới nói rằng Lục nhập thành dị thục quả.

Dứt Lục nhập ngữ

THẤT LAI CHÍ THƯỢNG NGỮ *(SATTAKKHATTUPARAMAKATHĀ)*

1492.

- **Tự ngôn:** Bực người Thất Lai Chí Thượng *(Sattakkhattuparama)* thành bực quyết định sanh bảy lần mới tột phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người Thất Lai Chí Thượng có thể sát phụ, sát mẫu, sát La Hán, chích Phật thân huyết và phá hòa hợp Tăng đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1493.

- **Tự ngôn:** Bực người Thất Lai Chí Thượng thành bực quyết định sanh bảy lần là tột phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người Thất Lai Chí Thượng là bực không đáng để cho đắc chứng nghiệp trong chặng giữa phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực người Thất Lai Chí Thượng thành bực không đáng để đắc chứng pháp trong chặng giữa phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người Thất Lai Chí Thượng đó có thể sát phụ, sát mẫu, sát La Hán, chích Phật thân huyết, phá hòa hợp Tăng đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1494.

- **Tự ngôn:** Bực người Thất Lai Chí Thượng thành bực nhứt định sanh bảy lần là rất tột phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thông dụng nơi nhứt định bực người Thất Lai Chí Thượng sắp để sanh bảy lần rất tột vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Niệm xứ, Chánh cần, Như ý túc, Quyền, lực, Giác chi, mà nhứt định bực người Thất Lai Chí Thượng sắp đặt sanh bảy lần thành tột vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1495.

* **Tự ngôn:** Thông thường chỗ nhứt định bực người Thất Lai Chí Thượng sắp đặt sanh bảy lần thành tột không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà chỗ thông dụng nhứt định, bực người Thất Lai Chí Thượng sắp đặt sanh bảy lần thành tột không có thời không nên nói bực người Thất Lai Chí Thượng thành người quyết định sanh bảy lần mới tột.

1496.

* **Tự ngôn:** Niệm xứ ... Giác chi mà nhứt định bực người Thất Lai Chí Thượng sắp đặt sanh bảy lần thành tột không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Giác chi nơi nhứt định bực người Thất Lai Chí Thượng sắp đặt sanh bảy lần thành tột không có thời không nên nói bực người Thất Lai Chí Thượng thành bực quyết định sanh bảy lần thành tột.

1497.

* **Tự ngôn:** Bực người Thất Lai Chí Thượng thành bực quyết định sanh bảy lần là tột phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đối với Nhứt Lai có nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đối với Bất Lai có nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đối với La Hán có nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đối với nhứt định chi? Phản ngữ: Đối với Dự Lưu nhứt định.

1498.

* **Tự ngôn:** Bực người Thất Lai Chí Thượng thành bực nhứt định sanh bảy lần mới tột phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Mỗi một người nào lướt đến Dự Lưu nhứt định thời tất cả người ấy thành bực nhứt định sanh bảy lần mới tột phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1499.

* Phản ngữ: Chớ nói rằng bực người Thất Lai Chí Thượng thành bực nhứt định sanh bảy lần mới tột phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Người ấy thành Thất Lai Chí Thượng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà người ấy thành Thất Lai Chí Thượng, chính do nhân đó mới nói rằng bực người Thất Lai Chí Thượng thành bực nhứt định sanh bảy lần mới tột.

Dứt Thất Lai Chí Thượng ngữ

LỤC LAI NHỨT SANH NGỮ *(KOLAṄKOLA EKAVĪJĪ KATHĀ)*

1500.

* Phản ngữ: Chớ nên nói bực người Lục Lai *(Kolaṅkola)* thành bực nhứt định sanh hai, ba lần nữa phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Người đó thành Lục Lai phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà người đó thành Lục Lai *(Kolaṅkola)*, chính do nhân đó mới nói rằng bực người Lục Lai thành bực nhứt định sanh hai, ba lần nữa.

1501.

* Phản ngữ: Chớ nói rằng bực người Nhứt Lai *(Ekabījī)* là bực nhứt định sanh nữa chỉ một lần nữa chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Người đó thành Nhứt Lai *(Ekabījī)* phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà người đó thành bực Nhứt Lai *(Ekabījī)*, chính do nhân đó mới nói rằng bực người nhứt sanh là bực nhứt định sanh chỉ một lần nữa.

Dứt Lục Lai nhứt sanh ngữ

MẠNG TUYỆT NGỮ *(JĪVITAVOROPANAKATHĀ)*

1502.

* **Tự ngôn:** Bực người có tài sản tà kiến *(Diṭṭhisampanno)* có thể quyết giết mạng chúng sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người có tài sản tà kiến có thể cố giết cha ... có thể cố giết mẹ ... có thể quyết giết La hán ... có thể chích Phật thân huyết ... có thể phá hoà hợp Tăng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1503.

* **Tự ngôn:** Bực người có tài sản tà kiến có thể quyết giết mạng sống của chúng sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người có tài sản tà kiến thành người không cung kỉnh Tông giáo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành người không cung kỉnh trong ngôi Pháp ... thành người không cung kỉnh ngôi Tăng ... thành người không cung kỉnh trong điều học phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1504.

* **Tự ngôn:** Bực người có tài sản tà kiến thành người có sự cung kỉnh trong Tông giáo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bực người có tài sản tà kiến thành người cung kỉnh trong Tông giáo thời không nên nói bực người có tài sản tà kiến có thể cố giết chúng sanh.
* **Tự ngôn:** Bực người có tài sản tà kiến thành người cung kỉnh trong ngôi Pháp ... trong ngôi Tăng ... trong điều học phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bực người có tài sản tà kiến thành người cung kỉnh trong điều học thời không nên nói bực người có tài sản tà kiến có thể cố giết chúng sanh.

1505.

* **Tự ngôn:** Bực người có tài sản tà kiến thành người không cung kỉnh trong Tông giáo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người có tài sản tà kiến có thể ỉa có giọt, đái có giọt, khạc đàm có giọt nơi tháp Phật, có thể tạo tháp Phật để phía trái bên đường phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1506.

* **Tự ngôn:** Bực người có tài sản tà kiến có thể cố giết chúng sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, đại hải gìn giữ thật tướng vẫn không bờ mé như thế nào thì hàng Thinh Văn của ta không luống phạm điều học đó mà ta chế định để cho Chư Thinh Văn, dù cho vì nhân của mạng sống chính như thế đó vậy. Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói bực người có tài sản Tà kiến có thể cố giết chúng sanh.

Dứt Mạng tuyệt ngữ

KHỔ THÚ NGỮ *(DUGGATIKATHĀ)*

1507.

∗ **Tự ngôn:** Bực người có tài sản tà kiến bài trừ khổ thú đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Bực người có tài sản tà kiến phải vui thích trong sắc của chúng sanh mà sanh trong ác đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu mà bực người có tài sản tà kiến phải ưa thích trong sắc của chúng sanh mà sanh trong ác đạo thời không nên nói rằng bực người có tài sản tà kiến bài trừ khổ thú đặng.

1508.

∗ **Tự ngôn:** Bực người có tài sản tà kiến bài trừ khổ thú đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Bực người có tài sản tà kiến mới ưa thích trong thinh ... trong khí ... trong vị ... trong xúc của chúng sanh mới sanh trong ác đạo ... mới hành dâm với nàng phi nhân, với nàng bàng sanh, với nàng rồng, với dê, với gà, với heo, với tượng, với bò, với ngựa, với con la ... với chim chá cô, con công, con phụng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu mà bực người có tài sản tà kiến phải thương chim chá cô, chim công, chim phụng thời không nên nói bực người đến đầy đủ với Tà kiến bài trừ khổ thú đặng.

1509.

∗ **Tự ngôn:** Bực người có tài sản tà kiến bài trừ khổ thú đặng nhưng bực người có tài sản Tà kiến nên ưa thích trong sắc của chúng sanh mà sanh trong ác đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Bực La Hán bài trừ khổ thú đặng nhưng bực La Hán nên vui thích trong sắc của chúng sanh mà sanh trong ác đạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

∗ **Tự ngôn:** Bực người có tài sản Tà kiến bài trừ khổ thú đặng nhưng bực người có tài sản Tà kiến phải vui thích trong thinh ... trong khí ... trong vị ... trong xúc của chúng sanh mà sanh trong ác đạo ... phải thọ chim chá cô, con công và con phụng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Bực La Hán bài trừ khổ thú đặng nhưng Bực La Hán phải thọ chim chá cô, con khỉ và con công phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1510.

∗ **Tự ngôn:** Bực La Hán bài trừ khổ thú đặng và La Hán không phải vui thích trong Sắc chúng sanh mà sanh trong ác đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Bực người có tài sản tà kiến bài trừ khổ thú đặng và bực người có tài sản Tà kiến không thể vui thích trong sắc của chúng sanh mà sanh trong ác đạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

∗ **Tự ngôn:** Bực La Hán bài trừ khổ thú đặng và La Hán không thể vui thích trong thinh ... trong khí ... trong vị ... trong xúc của chúng sanh mà sanh trong ác thú ... không thể

hưởng pháp dục với nàng phi nhân, với bàng sanh cái, với rồng cái, không thể thọ dê, không thể thọ gà và heo, không thể thọ voi, bò, ngựa và la ... không thể thọ chim chá cô, chim trĩ và chim công phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Bực người có tài sản tà kiến bài trừ khổ thú đặng và bực người có tài sản Tà kiến không thể thọ chim chá cô, chim trĩ và chim công phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1511.

* Phản ngữ: Chớ nói rằng bực người có tài sản Tà kiến bài trừ khổ thú đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Bực người có tài sản tà kiến phải vào đến Địa ngục ... phải vào đến Bàng sanh ... phải đến cõi Ngạ quỉ phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó bực người có tài sản Tà kiến cũng bài trừ khổ thú đặng chớ gì.

Dứt khổ thú ngữ

THẤT SANH NGỮ *(SATTAMABHAVIKAKATHĀ)*

1512.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói bực người có bảy đời là tột, bài trừ khổ thú đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người có bảy đời là tột phải vào Địa ngục, phải đến Bàng sanh, phải sanh Ngạ quỉ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó bực người Thất Sanh cũng bài trừ khổ thú đặng chớ gì.

Dứt Thất sanh ngữ

Hết Phẩm mười hai

PHẨM MƯỜI BA

BÁT KIẾP NGỮ *(KAPPAṬṬHA KATHĀ)*

1513.

* **Tự ngôn:** Bực người Bát Kiếp *(kappaṭṭha)* phải sống còn đặng luôn cả kiếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Kiếp sống còn đặng luôn, Đức Phật ra đời đặng luôn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực người Bát Kiếp phải sống còn đặng luôn cả kiếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Kiếp sống còn đặng luôn, Tăng chia nhau đặng luôn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực người Bát Kiếp phải sống còn đặng luôn cả kiếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Kiếp sống còn đặng luôn, bực người Bát Kiếp tạo nghiệp mà thành nhân sống còn cả kiếp đặng luôn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực người Bát Kiếp phải sống còn đặng luôn cả kiếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Kiếp sống còn đặng luôn, bực người Bát Kiếp chết đặng luôn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực người Bát Kiếp phải sống còn đặng luôn cả kiếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Phải sống còn luôn kiếp thành phần quá khứ, phải sống còn luôn kiếp thành phần vị lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực người Bát Kiếp phải sống còn đặng luôn cả kiếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Phải sống còn luôn 2 kiếp, phải sống còn luôn 3 kiếp, phải sống còn luôn 4 Kiếp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực người Bát Kiếp phải sống còn đặng luôn cả kiếp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người Bát Kiếp khi kiếp đang bị lửa cháy thời đi đâu? Phản ngữ: Đi đến thế giới khác.
* **Tự ngôn:** Thành người đã chết mất hay là đi đến hư không đặng. Phản ngữ: Thành người đã chết mất.
* **Tự ngôn:** Nghiệp mà thành nhân sống còn luôn kiếp là nghiệp cho quả đời sau sau luôn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đi đến hư không đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người Bát Kiếp là người có thần thông phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực người Bát Kiếp là người có thần thông phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Bực người Bát Kiếp đặng tiến hóa Dục như ý túc, đặng tiến hóa Cần như ý túc, đặng tiến hóa Tâm như ý túc, đặng tiến hóa Thẩm như ý túc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1514.

* Phản ngữ: Chớ nói rằng bực người Bát Kiếp phải sống còn đặng luôn cả kiếp phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Bực người Bát Kiếp tức là người phá hòa hợp Tăng, sẽ phải đi ác đạo, sẽ phải đi Địa ngục, người ưa thích trong cách chia bọn, không nương đỗ trong Pháp, vẫn tránh xa Pháp, thành biên cương, thành cõi an khương lìa hành giả, y đã còn làm cho Tăng hòa phân tán, sẽ chôn vùi trong lửa Địa ngục luôn cả kiếp". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó, bực người Bát Kiếp cũng phải sống còn đặng luôn cả kiếp chớ gì.

Dứt Bát kiếp ngữ

THIỆN TÂM PHẢN CHUYỂN NGỮ *(KUSALACITTA PATILĀBHA KATHĀ)*

1515.

* **Tự ngôn:** Bực người Bát Kiếp không thể trở đặng tâm thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người Bát Kiếp có thể bố thí phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bực người Bát Kiếp có thể bố thí thời không nên nói bực người Bát Kiếp không thể trở đặng tâm thiện.

1516.

* **Tự ngôn:** Bực người Bát Kiếp không thể trở đặng tâm thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người Bát Kiếp có thể cho y ... có thể cho bát ... có thể cho tọa cụ ... có thể cho y dược, vật dụng, có thể cho đồ nhai, có thể cho đồ ăn, có thể cho đồ uống, có thể lạy Pháp, có thể đem đến bông cây, đồ thơm, đồ thoa nơi tháp ... có thể sắp cách cúng dường bảo tháp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bực người Bát Kiếp có thể sắp cách cúng dường bảo tháp thời không nên nói bực người Bát Kiếp không thể trở đặng tâm thiện. Như đây...

1517.

* Phản ngữ: Bực người Bát Kiếp có thể trở đặng tâm thiện phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Bực người Bát Kiếp có thể phản chuyển đặng tâm thiện mà thành cách ra khỏi tâm bất thiện là nhân sống còn luôn cả kiếp đó phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Có thể trở đặng tâm thiện thành ra Sắc giới ... thành ra Vô sắc giới ... thành ra siêu thế phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

Dứt Tâm thiện phản chuyển ngữ

VÔ GIÁN BẤT HIỆP NGỮ *(ANANTARĀPAYUTTA KATHĀ)*

1518.

- Phản ngữ: Bực người sai khiến làm nghiệp vô gián có thể lướt vào đến chánh nhứt định *(Sammattaniyāma)* đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Có thể lướt vào đến tà nhứt định *(Micchattaniyāma)* và chánh nhứt định đặng cả hai thứ phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Bực người sai khiến tạo nghiệp vô gián có thể lướt vào đến chánh nhứt định đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nghiệp đó đặng sai khiến cho làm rồi đã gây sự ép uổng tâm, đã cho sự buồn rầu sanh ra phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà nghiệp đó đặng sai cho làm rồi gây sự ép uổng tâm rồi và đã làm cho tâm buồn rầu sanh ra thời không nên nói bực người dạy cho tạo nghiệp vô gián có thể lướt vào đến chánh nhứt định đặng.

1519.

- **Tự ngôn:** Bực người dạy cho tạo nghiệp vô gián thành người không đáng sẽ lướt đến chánh nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Họ đặng giết mẹ, đặng giết cha, đặng giết La Hán, đặng chích máu thân Phật, còn phá hòa hợp Tăng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực người dạy cho tạo nghiệp vô gián đã nghĩ nghiệp ấy đã đặng bớt tâm ép uổng, hạn chế đặng ưu sầu thành người không đáng sẽ lướt đến chánh nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Họ đặng giết mẹ, đặng giết cha ... còn làm cho Tăng chia rẽ nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực người dạy cho họ tạo nghiệp vô gián đã nghĩ nghiệp ấy rồi, đã bớt đặng tâm ép uổng, hạn chế sự sầu não rồi thời thành người không đáng sẽ lướt đến chánh nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nghiệp đó đã đặng bỏ qua, sự ép uổng tâm cũng đã đặng bớt, sự sầu não cũng hạn chế rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà nghiệp đó đã đặng dứt nghỉ, sự ép uổng tâm cũng đặng bớt rồi, sự buồn rầu cũng đã đặng hạn chế thời không nên nói rằng bực người sai cho kẻ khác tạo nghiệp vô gián, đã dứt nghỉ nghiệp ấy bớt tâm ép uổng rồi, đã hạn chế sự ưu sầu, đặng thành người không đáng để sẽ lướt đến chánh nhứt định.

1520.

- Phản ngữ: Bực người sai cho nghiệp vô gián có thể lướt đến chánh nhứt định phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Họ đặng sai cho làm nghiệp đó rồi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà họ đặng sai cho làm nghiệp đó rồi thời không nên nói bực người sai cho làm nghiệp vô gián có thể lướt đến chánh nhứt định đặng.

Dứt Vô gián bất hiệp ngữ

QUYẾT ĐỊNH SỞ NHỨT ĐỊNH NGỮ *(NIYATASSA NIYĀMA KATHĀ)*

1521.

- **Tự ngôn:** Bực người đã quyết định vẫn lướt đến lối nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người đã nhứt định trong tà lướt đến chánh nhứt định đặng, bực người đã nhứt định trong chánh cũng lướt đến tà nhứt định đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực người đã quyết định vẫn lướt đến lối nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đã làm cho đạo phát sanh rồi mới lướt đến lối nhứt định sau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đã làm cho Sơ đạo phát sanh rồi mới lướt đến Thất Lai Nhứt Định sau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đã làm cho đạo Nhứt Lai ... Đạo Bất Lai ... Đạo La Hán đã sanh rồi mới lướt đến La Hán Nhứt Định sau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực người làm cho Niệm xứ ... Chánh cần ... Như ý túc ... Quyền ... Lực ... Giác chi phát sanh ra rồi mới lướt đến lối nhứt định sau này phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1522.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng bực người đã quyết định vẫn lướt đến lối nhứt định phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Bồ tát không thành người đáng sẽ đắc chứng pháp trong đời đó phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Nếu thế đó bực người đã quyết định cũng vẫn lướt đến lối nhứt định chớ gì.

Dứt Quyết định sở nhứt định ngữ

CÁI NGỮ *(NĪVUTAKATHĀ)*

1523.

- **Tự ngôn:** Người thành bực có Tâm mà cái *(nīvaraṇa)* đã che ngăn bài trừ cái phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người thành bực đã có tâm Ái bài trừ Ái, thành bực đã có tâm Sân độc bài trừ Sân, thành bực đã có tâm Si bài trừ Si, thành bực đã có tâm phiền toái bài trừ phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người bài trừ Ái bằng Ái, bài trừ Sân bằng Sân, bài trừ Si bằng Si, bài trừ phiền não bằng phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Ái cũng tương ưng với tâm, đạo cũng tương ưng với tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành sự hội hiệp của nhị xúc ... của nhị tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Ái thành bất thiện, đạo thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp thành thiện và pháp thành bất thiện, pháp có lỗi và pháp không có lỗi, pháp thô sơ và pháp vi tế, pháp đen và pháp trắng nó thành đối lập nhau, đến gặp nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Pháp thành thiện và pháp thành bất thiện, pháp có lỗi và pháp không lỗi, pháp thô sơ và pháp vi tế, pháp đen và pháp trắng mà thành cừu địch nhau, đến gặp nhau phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, bốn cách này xa nhau rất xa nhau. Bốn cách đó là chi? Trời và đất là điều thứ nhứt xa nhau rất xa nhau ... bởi thế đó pháp của trí thức mới xa lìa phi trí thức". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói pháp thành thiện và thành bất thiện ... đến gặp nhau chớ gì.

1524.

* **Tự ngôn:** Người thành bực có Tâm cái đã che ngăn bài trừ cái phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Phíc-khú đó trong lúc tâm đã đình trụ thành tâm thanh tịnh trong sạch, không có phiền não là cơ quan nịnh hót, có Tùy phiền não đã lìa rồi thành tâm nhu nhuyến thích hợp với công chuyện, đình trụ đã dẫn đến pháp dĩ nhiên không lay động, thế này vẫn chong tâm đến để đặng trí thành cơ quan dứt hết tất cả lậu". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói người thành bực có cái mà đã trùm che rồi bài trừ cái.

1525.

* Phản ngữ: Chớ nên nói người thành bực có Tâm cái đã che ngăn rồi bài trừ cái phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Phíc-khú ấy vẫn biết thế này, vẫn thấy thế này tâm giải thoát có thể lìa Dục lậu và tâm giải thoát có thể lìa Vô minh lậu". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó người cũng thành bực đã có tâm cái trùm che rồi mới bài trừ cái chớ gì.

Dứt cái ngữ

HỘI DIỆN NGỮ *(SAMMUKHĪBHŪTA KATHĀ)*

1526.

* **Tự ngôn:** Người thành bực có tâm hội hiệp với triền bài trừ triền đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thành bực đã có tâm Ái rồi bài trừ Ái, thành bực đã có tâm Sân độc rồi bài trừ Sân độc, thành bực đã có tâm Si rồi bài trừ Si, thành bực đã có tâm phiền toái rồi bài trừ phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người bài trừ Ái bằng Ái, bài trừ Sân bằng Sân, bài trừ Si bằng Si, bài trừ phiền não bằng Phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Ái cũng tương ưng với tâm, đạo cũng tương ưng với tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành sự hội hiệp của nhị xúc ... của nhị tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Ái thành bất thiện, đạo thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Pháp thành thiện và pháp thành bất thiện, pháp có lỗi và pháp không lỗi, pháp thô sơ và pháp vi tế, pháp đen và pháp trắng mà thành cừu địch nhau lại gặp nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Pháp thành thiện và pháp thành bất thiện, pháp có lỗi và pháp không có lỗi, pháp thô sơ và pháp vi tế, pháp đen và pháp trắng mà thành cừu địch nhau, đến gặp nhau phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, bốn cách này xa nhau rất xa nhau. Bốn cách đó là chi? Tức là trời và đất, đây là cách thứ nhứt xa nhau rất xa nhau ... vì thế đó nên pháp của trí thức mới xa lìa phi trí thức". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói pháp thành thiện và pháp thành bất thiện đến gặp nhau.

1527.

* **Tự ngôn:** Người thành bực có tâm hội hiệp với triền mới bài trừ triền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Phíc-khú đó trong lúc tâm đã đình trụ ... thế này tâm chăm chú để đặng trí thành cơ quan tuyệt dứt tất cả Lậu". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói bực người có tâm hiệp hội với triền bài trừ triền.

1528.

* Phản ngữ: Chớ nên nói người có tâm hiệp hội với triền bài trừ triền phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Khi Phíc-khú đó đang biết thế này, đang thấy thế này tâm vẫn giải thoát hẳn lìa Dục lậu ... Tâm vẫn giải thoát hẳn lìa Vô minh lậu". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó người cũng thành bực có tâm hội hiệp với triền bài trừ triền chớ gì.

Dứt Hội diện ngữ

NHẬP THIỀN THÍCH THÀNH CẢNH NGỮ *(SAMĀPANNO ASSĀDETI KATHĀ)*

1529.

* **Tự ngôn:** Bực nhập thiền vẫn vui thích, sự vui thích ưa mến trong thiền là có thiền thành cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thiền đó thành cảnh của thiền đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thiền đó thành cảnh của thiền đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người đụng chạm Xúc đó bằng Xúc đó, hưởng Thọ đó bằng Thọ đó, nhớ Tưởng đó bằng Tưởng đó, Tư cố quyết đó bằng Tư đó, Tâm tính đó bằng Tâm đó, suy xét Tầm đó bằng Tầm đó, Tứ gìn giữ đó bằng Tứ đó, hưởng Hỷ đó bằng Hỷ đó, nhớ Niệm đó bằng Niệm đó, tỏ ngộ Tuệ đó bằng Tuệ đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự vui mừng ưa thích trong thiền cũng tương ưng với tâm mà thiền cũng tương ưng với tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Thành sự hội hiệp của nhị xúc ... của nhị tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự vui thích trong thiền thành bất thiện mà thiền là thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp thành thiện và thành bất thiện, pháp có lỗi và pháp không lỗi, pháp thô sơ và pháp vi tế, pháp đen và pháp trắng mà thành cừu địch nhau, đến gặp nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Pháp thành thiện và thành bất thiện, pháp có lỗi và pháp không lỗi, pháp thô sơ và pháp vi tế, pháp đen và pháp trắng mà thành cừu địch nhau, đến gặp nhau phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, bốn cách này xa nhau rất xa nhau. Bốn cách đó là chi? Cách thứ nhứt trời và đất xa nhau rất xa nhau ... bởi thế đó nên pháp của trí thức mới xa lìa phi trí thức". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói pháp thành thiện và pháp thành bất thiện, pháp có lỗi và pháp không lỗi, pháp thô sơ và pháp vi tế, pháp đen và pháp trắng mà thành cừu địch nhau, đến gặp nhau.

1530.

* Phản ngữ: Chớ nói rằng người nhập thiền vẫn vui mừng mà sự vui mừng ưa thích trong thiền là có thiền làm cảnh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Phíc-khú trong pháp luật này tĩnh ly chư dục đắc Sơ thiền, y vui mừng trong thiền ấy, ưa thích thiền ấy và gặp sự vui mừng lòng với thiền ấy. Đắc chứng Nhị thiền bên trong thanh tịnh do vắng lặng Tầm, Tứ ... Đắc Tam thiền ... Đắc Tứ thiền ... y vui mừng với thiền ấy, ưa thích thiền ấy và gặp sự mừng lòng với thiền ấy". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó bực nhập thiền cũng vui thích mà sự vui thích, ưa mến trong thiền ấy cũng có thiền làm cảnh chớ gì!

Dứt nhập thiền thích thành cảnh ngữ

PHI CẢNH ÁI NGỮ *(ASĀTARĀGA KATHĀ)*

1531.

* **Tự ngôn:** Cách vui mừng trong sự vật không ưa thích vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh thành người rất ưa thích trong khổ vẫn có, cũng có thứ ưa thích hy vọng tìm tòi kiếm khổ, chui vùi trong khổ sống còn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tất cả chúng sanh thành bực người rất vui thích trong lạc, vẫn cũng có thứ ưa hy vọng tìm kiếm tầm lạc, trầm miếng sống còn theo lạc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà tất cả chúng sanh thành người rất ưa thích lạc cũng có thứ ưa hy vọng tìm kiếm tầm lạc, trầm miếng đình trụ trong lạc thời không nên nói cách vui thích trong sự vật không đáng ưa mến vẫn có như đây.

1532.

- **Tự ngôn:** Cách vui thích trong sự vật không ưa thích vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ái tùy miên nương trong khổ thọ, Phẫn tùy miên nương trong lạc thọ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Ái tùy miên ngủ ngầm trong lạc thọ, Phẫn tùy miên ngủ ngầm trong khổ thọ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Ái tùy miên ngủ ngầm trong lạc thọ, Phẫn tùy miên ngủ ngầm trong khổ thọ thời không nên nói cách vui thích trong sự vật không ưa vẫn có như đây.

1533.

- Phản ngữ: Chớ nên nói sự ưa thích trong sự vật không vừa lòng vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Người đó gặp sự vui thích hoặc sự buồn bã thế này rồi thọ hưởng cách nào một cách, hoặc khổ hoặc lạc, hoặc phi khổ phi lạc, họ hớn hở dồi dào trầm miếng đình trụ theo thọ ấy". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó cách ưa thích trong sự vật không vừa lòng cũng vẫn có chớ gì.

Dứt Phi cảnh ái ngữ

PHÁP ÁI VÔ KÝ NGỮ *(DHAMMATAṂHĀ ABYĀKATĀTIKATHĀ)*

1534.

- **Tự ngôn:** Pháp ái là vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành vô ký quả, thành vô ký tố, thành Sắc, thành Níp-bàn, thành Nhãn xứ ... thành Xúc xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1535.

- **Tự ngôn:** Pháp ái thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc ái thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Pháp ái thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thinh ái ... Khí ái, Vị ái ... Xúc ái thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1536.

- **Tự ngôn:** Sắc ái là bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp ái là bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thinh ái ... Xúc ái thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp ái thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1537.

- **Tự ngôn:** Pháp ái thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ái mà Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng là bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu Ái mà Đức Thế Tôn Ngài có phán là bất thiện thời không nên nói pháp Ái là vô ký.

1538.

- **Tự ngôn:** Pháp ái thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Sự Tham, Đức Thế Tôn Ngài có phán là bất thiện và Pháp ái cũng là sự tham phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà sự tham, Đức Thế Tôn Ngài có phán là bất thiện và pháp Ái cũng là sự tham thời không nên nói pháp Ái là vô ký.

1539.

* **Tự ngôn:** Tham tức là pháp Ái thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tham tức là Sắc ái thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tham tức là pháp Ái thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tham tức là Thinh ái ... tức là Xúc ái thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1540.

* **Tự ngôn:** Tham là Sắc ái thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tham tức là pháp Ái thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tham tức là Thinh ái ... tức là Xúc ái thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tham tức là pháp Ái thành pháp bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1541.

* **Tự ngôn:** Pháp ái thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Ái nào làm sự sanh nữa hành động cùng với sự vọng dục với mãnh lực sự phơi phới, rất phơi phới trong cảnh ấy. Ái như trình bày đây tức là Dục ái, Hữu ái, Ly hữu ái". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói pháp Ái là vô ký.

1542.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng pháp Ái là vô ký phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nó thành Ái trong pháp phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà nó thành Ái trong pháp, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng pháp Ái là vô ký.

Dứt Pháp ái vô ký ngữ

PHÁP ÁI PHI KHỔ TẬP NGỮ *(DHAMMATAṆHĀ NA DUKKHASAMUDAYOTI KATHĀ)*

1543.

* **Tự ngôn:** Pháp ái không thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc ái không thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Pháp ái không thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thinh ái ... Khí ái ... Vị ái ... Xúc ái thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1544.

* **Tự ngôn:** Sắc ái thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp ái thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

- **Tự ngôn:** Thinh ái ... Khí ái ... Vị ái ... Xúc ái thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp ái thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Pháp ái không thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Ái, Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Thành Khổ Tập" phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Ái, Đức Thế Tôn Ngài có nói: "là Khổ Tập" thời không nên nói pháp Ái không thành Khổ Tập.

1545.

- **Tự ngôn:** Pháp ái không thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự tham, Đức Thế Tôn Ngài có nói là Khổ Tập và pháp Ái cũng là sự tham phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà sự tham, Đức Thế Tôn Ngài có nói là Khổ Tập và pháp Ái cũng là tham thời không nên nói pháp Ái không thành Khổ Tập.

1546.

- **Tự ngôn:** Tham tức là pháp Ái không thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tham tức là Sắc ái không thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tham tức là pháp Ái không thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tham tức là Thinh ái, tức là Khí ái ... tức là Vị ái ... tức là Xúc ái không thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1547.

- **Tự ngôn:** Tham tức là Sắc ái thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tham tức là pháp Ái thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tham tức là Thinh ái ... tức là Xúc ái thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tham tức là pháp Ái thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1548.

- **Tự ngôn:** Pháp ái không thành Khổ Tập phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Ái nào làm cho sanh nữa hành vi với sự vọng dục, với mãnh lực hớn hở, rất hớn hở trong cảnh đó. Ái như nói đây tức là Dục ái, hữu Ái, Ly hữu Ái". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói pháp Ái không thành Khổ Tập như đây.

1549.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng pháp Ái không thành Khổ Tập phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nó thành Ái trong pháp phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà nó thành Ái trong pháp thời không nên nói pháp Ái không thành Khổ Tập như đây.

Dứt Pháp ái phi khổ tập ngữ
Dứt Phẩm thứ mười ba

PHẨM MƯỜI BỐN

THIỆN, BẤT THIỆN LIÊN KẾT NGỮ

(KUSALĀKUSALAPAṬISANDAHANA KATHĀ)

1550.

* **Tự ngôn:** Thiện căn nối theo Bất thiện căn đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự cố tâm khi nào phát sanh của bất thiện, sự nhớ tưởng ... chính sự cố tâm ấy để đặng phát sanh của thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Căn Thiện nối theo căn Bất thiện đặng nhưng không nên nói sự nhớ tưởng ... sự cố tâm chi để đặng phát sanh của bất thiện, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm, chính cái đó để đặng sự phát sanh của thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thiện phát sanh cho người không nhớ tưởng ... không cố tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thiện phát sanh cho người đang nhớ tưởng ... Người đang cố tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Thiện phát sanh cho những người đang nhớ tưởng đang cố tâm thời không nên nói căn Thiện nối theo căn Bất thiện.

1551.

* **Tự ngôn:** Căn Thiện nối theo căn Bất thiện đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bất thiện vẫn sanh ra cho người tác ý không khéo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thiện sanh ra với người tác ý không khéo *(ayoniso manasikāra)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thiện sanh ra cho người tác ý khéo *(yoniso manasikāra)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà thiện sanh ra cho người tác ý khéo thời không nên nói căn Thiện nối theo căn Bất thiện đặng như đây.

1552.

* **Tự ngôn:** Căn Thiện vẫn nối theo căn Bất thiện đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ly dục tưởng *(Nekkhammasaññā)* sanh đặng theo thứ lớp của dục tưởng *(kāmasaññā)*, phi Sân độc tưởng phát sanh theo thứ lớp của Sân độc tưởng, bất hại tưởng phát sanh theo thứ lớp của độc hại tưởng, Từ phát sanh theo thứ lớp của Sân độc, Bi phát sanh theo thứ lớp của độc hại, Tùy hỷ phát sanh theo thứ lớp của ganh ty, Xả phát sanh theo thứ lớp của phẫn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1553.

* **Tự ngôn:** Căn Bất thiện nối tiếp căn Thiện đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự cố tâm nào để làm cho sanh của thiện sự nhớ tưởng ... sự cố tâm ấy hầu để sanh ra cho căn Bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

- **Tự ngôn:** Căn Bất thiện nối căn Thiện đặng nhưng không nên nói sự nhớ tưởng ... sự cố tâm nào có thể phát sanh của thiện thì sự nhớ tưởng ... sự cố tâm ấy để đặng phát sanh của bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Căn Bất thiện sanh ra cho người không nhớ tưởng ... người không cố ý phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bất thiện phát sanh cho người đang nhớ tưởng ... người đang cố ý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà bất thiện sanh ra cho người đang nhớ tưởng ... người đang cố ý thời không nên nói căn Bất thiện tiếp nối căn Thiện đặng.

1554.

- **Tự ngôn:** Căn Bất thiện tiếp nối căn Thiện đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thiện sanh ra cho người tác ý khéo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bất thiện sanh ra cho người tác ý khéo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bất thiện sanh ra cho người tác ý không khéo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà bất thiện sanh ra cho người tác ý không khéo thời không nên nói căn Bất thiện vẫn tiếp nối căn Thiện đặng như đây.

1555.

- **Tự ngôn:** Căn Bất thiện tiếp nối căn Thiện đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Dục tưởng sanh ra đặng theo thứ lớp của ly dục tưởng, Sân độc tưởng sanh ra đặng theo thứ lớp của vô Sân độc tưởng, độc hại tưởng sanh ra đặng theo thứ lớp của bất hại tưởng, Sân độc phát sanh đặng theo thứ lớp của Từ, độc hại phát sanh đặng theo thứ lớp của Bi, ganh tỵ phát sanh đặng theo thứ lớp của Tùy hỷ, phẫn phát sanh đặng theo thứ lớp của Xả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1556.

- Phản ngữ: Chớ nên nói căn Thiện nối tiếp căn Bất thiện đặng, căn Bất thiện nối tiếp căn Thiện đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Tâm vọng dục ngay vật chất đó cũng phải vọng dục ngay trong vật chất ấy. Phai lãng vọng dục ngay trong vật nào cũng vọng dục ngay trong vật ấy phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà tâm vọng dục ngay trong vật nào cũng dời đổi vọng dục ngay trong vật ấy; dời đổi vọng dục ngay trong vật nào thời vọng dục ngay trong vật ấy. Chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng căn Thiện nối tiếp căn Bất thiện đặng, căn Bất thiện nối tiếp căn Thiện đặng.

Dứt Thiện, bất thiện liên kết ngữ

LỤC NHẬP SANH NGỮ *(SAḶĀYATANUPPATTI KATHĀ)*

1557.

* **Tự ngôn:** Lục nhập sanh trong thai mẹ không trước không sau phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người có thân thể lớn nhỏ đều đủ, có quyền mà không đều đồng vào trong thai mẹ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1558.

* **Tự ngôn:** Nhãn nhập phát sanh đồng với cái tâm tìm kiếm tái tục phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tay, chân, đầu, lỗ tai, lỗ mũi, miệng, răng cũng sanh ra đồng đều với cái tâm tìm kiếm tái tục phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhĩ nhập ... Tỷ nhập ... Thiệt nhập sanh ra đồng với cái tâm tìm kiếm tái tục phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tay, chân, đầu, lỗ tai, lỗ mũi, miệng, răng cũng lập thành đồng với cái tâm tìm kiếm tái tục phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1559.

* Phản ngữ: Nhãn nhập phát sanh cho chúng sanh những người ở trong thai mẹ nơi phía sau phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Chúng sanh người ở trong thai mẹ tạo nghiệp để đặng nhãn trong bụng mẹ phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nhĩ nhập ... Tỷ nhập ... Thiệt nhập sanh cho chúng sanh người ở trong thai mẹ nơi phía sau phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Chúng sanh người ở trong thai mẹ đó tạo nghiệp để đặng lưỡi trong thai mẹ phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Tóc, lông, móng, răng, xương sanh cho chúng sanh người ở trong bụng mẹ nơi phía sau phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Chúng sanh người ở trong bụng mẹ tạo nghiệp để đặng xương trong bụng mẹ phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

1560.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói tóc, lông, móng, răng, xương sanh cho chúng sanh người ở trong thai mẹ nơi phía sau phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Chúng sanh người sanh trong thai mẹ sơ khởi thành tinh trùng, từ nơi tinh trùng trên thành như bọt, từ nơi những bọt biến thành cục thịt nhỏ, từ nơi cục thịt nhỏ biến thành cục thịt lớn, từ nơi cục thịt lớn phát hiện ra ngũ chi cho đến tóc, lông và trong thời gian bà mẹ ăn vật chi như là cơm nước và đồ ăn với cơm thời con trẻ ở trong thai mẹ đó lớn lên do vật thực mẹ ăn như là cơm nước và đồ ăn với cơm của bà mẹ đứa trẻ ăn. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó tóc, lông, móng, răng, xương cũng sanh cho chúng sanh nương ở trong thai mẹ nơi phía sau chớ gì.

Dứt Lục nhập sanh ngữ

VÔ GIÁN DUYÊN NGỮ *(ANANTARAPACCAYAKATHĀ)*

1561.

- **Tự ngôn:** Nhĩ thức sanh ra đặng trong thứ lớp của Nhãn thức phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự cố ý cái chi để đặng sanh ra của Nhãn thức, sự nhớ tưởng ... sự cố ý ấy để đặng phát sanh ra Nhĩ thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bởi Nhĩ thức sanh ra đặng trong thứ lớp của Nhãn thức, thế đó mới không nên nói sự nhớ tưởng ... sự cố ý nào để đặng phát sanh ra Nhãn thức, sự nhớ tưởng ... sự cố ý để đặng phát sanh ra Nhĩ thức phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhĩ thức phát sanh cho người đang không nhớ tưởng ... Người không cố ý phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nhĩ thức phát sanh cho người đang nhớ tưởng ... cho người đang cố ý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Nhĩ thức vẫn sanh ra cho người đang nhớ tưởng ... Người đang cố ý thời không nên nói rằng Nhĩ thức sanh đặng trong thứ lớp của Nhãn thức.

1562.

- **Tự ngôn:** Nhĩ thức sanh ra đặng trong thứ lớp của Nhãn thức phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhãn thức vẫn sanh cho người tác ý với ấn chứng là sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhĩ thức sanh cho người tác ý với ấn chứng là sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1563.

- **Tự ngôn:** Nhãn thức chỉ có sắc làm cảnh, không có thứ khác làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhĩ thức chỉ có sắc làm cảnh, không có thứ khác làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nhãn thức phát sanh do nương nhãn và sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhĩ thức sanh ra do nương nhãn và sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nhĩ thức sanh ra do nương nhãn và sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nói rằng Nhĩ thức sanh ra do nương nhãn và sắc. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Không có.
- **Tự ngôn:** Nói rằng Nhãn thức sanh ra do nương nhãn và sắc. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà nói rằng Nhãn thức sanh ra do nương nhãn và sắc, như đây là bài Kinh vẫn thật có thời không nên nói rằng Nhĩ thức sanh ra do nương nhãn và sắc.
- **Tự ngôn:** Nhĩ thức sanh đặng trong thứ lớp của Nhãn thức phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhãn thức cái đó, Nhĩ thức cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1564.

- **Tự ngôn:** Thiệt thức sanh ra đặng trong thứ lớp của Nhĩ thức ... Thiệt thức sanh ra đặng trong thứ lớp của Tỷ thức ...

1565.

- **Tự ngôn:** Thân thức sanh ra đặng trong thứ lớp của Thiệt thức phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự cố ý cái nào để đặng sanh ra của Thiệt thức, sự nhớ tưởng ... sự cố ý đó để đặng phát sanh cho Thân thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Do Thân thức sanh ra đặng trong thứ lớp của Thiệt thức thế đó mới không nên nói sự nhớ tưởng ... sự cố ý cái nào để đặng sanh ra của Thiệt thức, sự nhớ tưởng ... sự cố ý đó để đặng sanh ra của Thân thức phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thân thức sanh ra cho người khi không nhớ tưởng ... người khi không cố ý phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thân thức vẫn phát sanh cho người đang nhớ tưởng ... người đang cố ý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Thân thức vẫn phát sanh cho người bực đang nhớ tưởng ... bực đang cố ý thời không nên nói Thân thức sanh ra đặng trong thứ lớp của Thiệt thức.

1566.

- **Tự ngôn:** Thân thức sanh ra đặng trong thứ lớp của Thiệt thức phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thiệt thức vẫn sanh ra cho bực người tác ý với ấn chứng là vị phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thân thức sanh ra do bực người tác ý với ấn chứng là vị phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thiệt thức chỉ có vị làm cảnh, còn thứ khác làm cảnh không đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thân thức chỉ có vị làm cảnh, không có thứ khác làm cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thiệt thức sanh ra đặng do nhờ miếng ăn và vị phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thân thức sanh ra đặng do nương miếng ăn và vị phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thân thức sanh ra đặng do nương đồ ăn và vị phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nói rằng Thân thức sanh ra đặng do nương đồ ăn và vị. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Không có.
- **Tự ngôn:** Nói rằng Thiệt thức sanh ra đặng do nương đồ ăn và vị. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà nói rằng: "Thiệt thức sanh ra do nương đồ ăn và vị, như đây là bài Kinh vẫn thật có thời không nên nói Thân thức sanh ra do nương vật ăn và vị.
- **Tự ngôn:** Thân thức sanh ra đặng trong thứ lớp của Thiệt thức phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thiệt thức cái đó, Thân thức cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1567.

- Phản ngữ: Chớ nói rằng Ngũ thức sanh ra trong thứ lớp cùng nhau với nhau phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Cũng có người múa hát đờn ca, thấy sắc luôn, nghe tiếng luôn, hửi hơi luôn, nếm vị luôn, đụng chạm xúc luôn vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà có người múa hát, nổi nhạc thấy sắc luôn, nghe tiếng luôn, hửi hơi luôn, nếm vị luôn, đụng chạm xúc luôn vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Ngũ thức sanh ra trong thứ lớp cùng nhau vậy.

Dứt Vô Gián duyên ngữ

THÁNH SẮC NGỮ *(ARIYARŪPA KATHĀ)*

1568.

* **Tự ngôn:** Thánh sắc nương Sắc tứ đại sung phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thánh sắc thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc tứ đại sung thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc tứ đại sung thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc Thánh thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc Thánh nương sắc Tứ đại sung phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc Thánh thành phi cảnh lậu *(anāsava)*, thành phi cảnh triền *(asaññojaniya)*, thành phi cảnh phược *(anoganthanīya)*, thành phi cảnh bộc *(anoghanīya)*, thành phi cảnh phối *(ayoganīya)*, thành phi cảnh cái *(anīvaranīya)*, thành phi cảnh khinh thị *(aparāmaṭṭha)*, thành phi cảnh thủ *(anupādāniya)*, thành phi cảnh phiền não *(asaṅkilesika)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc tứ đại sung thành phi cảnh lậu ... thành phi cảnh phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc tứ đại sung thành cảnh lậu, thành cảnh triền ... thành cảnh phiền não phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc Thánh thành cảnh lậu, thành cảnh triền ... thành cảnh phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1569.

* Phản ngữ: Chớ nên nói sắc Thánh nương sắc Tứ đại sung phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, sắc mỗi thứ nào như là sắc Tứ đại sung và sắc mà nương Tứ đại sung". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó sắc Thánh cũng nương sắc Tứ đại sung chớ gì.

Dứt Sắc Thánh ngữ

BẤT ĐỒNG TÙY MIÊN NGỮ *(AÑÑO ANUSAYOTI KATHĀ)*

1570.

* **Tự ngôn:** Dục ái tùy miên là một thứ, Dục ái già cái *(Kāmarāgapariyuṭṭhāna)* cũng là một thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dục ái là một thứ, Dục ái già cái cũng là một thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Dục ái cái đó, Dục ái già cái cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dục ái tùy miên cái đó, Dục ái già cái cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1571.

* **Tự ngôn:** Phẫn tùy miên là một thứ, Phẫn già cái cũng là một thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Phẫn là một thứ, Phẫn già cái cũng là một thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Phẫn là cái đó, Phẫn già cái cũng là cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Phẫn tùy miên là cái đó, Phẫn già cái cũng là cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1572.

* **Tự ngôn:** Ngã mạn tùy miên là một thứ, Ngã mạn già cái cũng là một thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ngã mạn là một thứ, Ngã mạn già cái cũng là một thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Ngã mạn là cái đó, Ngã mạn già cái cũng là cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ngã mạn tùy miên là cái đó, Ngã mạn già cái cũng là cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1573.

* **Tự ngôn:** Tà kiến tùy miên là một thứ, Tà kiến già cái cũng là một thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tà kiến là một thứ, Tà kiến già cái cũng là một thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tà kiến là cái đó, Tà kiến già cái cũng là cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tà kiến tùy miên là cái đó, Tà kiến già cái cũng là cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1574.

* **Tự ngôn:** Hoài nghi tùy miên là một thứ, Hoài nghi già cái cũng là một thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hoài nghi là một thứ, Hoài nghi già cái cũng là một thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Hoài nghi là cái đó, Hoài nghi già cái cũng là cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Hoài nghi tùy miên là cái đó, Hoài nghi già cái cũng là cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1575.

- **Tự ngôn:** Hữu ái tùy miên là một thứ, hữu Ái già cái cũng là một thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** hữu Ái là một thứ, hữu Ái già cái cũng là một thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** hữu Ái là cái đó, hữu Ái già cái cũng là cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Hữu ái tùy miên là cái đó, hữu Ái già cái cũng là cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1576.

- **Tự ngôn:** Vô minh tùy miên là một thứ, Vô minh già cái cũng là một thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô minh là một thứ, Vô minh già cái cũng là một thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vô minh là cái đó, Vô minh già cái cũng là cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô minh tùy miên là cái đó, Vô minh già cái cũng là cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1577.

- Phản ngữ: Chớ nên nói tùy miên là một thứ, già cái cũng là một thứ phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Phàm phu trong khi tâm thành thiện hoặc vô ký đang hành động có thể nói rằng người ấy có tùy miên phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Có thể nói người ấy có tâm do già cái trùm che phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Nếu thế đó tùy miên cũng một thứ, già cái cũng là một thứ chớ gì.
- **Tự ngôn:** Phàm phu trong khi tâm thành thiện hoặc vô ký đang hành vi có thể nói rằng người ấy có ái phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nên nói có tâm mà già cái trùm che phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó ái cũng một thứ, già cái cũng một thứ chớ gì.

Dứt Bất đồng tùy miên ngữ

GIÀ CÁI BẤT TƯƠNG ƯNG TÂM NGỮ *(PARIYUṬṬHĀNA CITTAVIPPAYUTTANTI KATHĀ)*

1578.

* **Tự ngôn:** già cái *(Pariyuṭṭhāna)* bất tương ưng tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Sắc, thành Níp-bàn, thành Nhãn xứ ... thành Xúc xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** già cái bất tương ưng tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tâm có Ái, tâm có Sân, tâm có Si ... Tâm thành bất thiện, tâm phiền toái không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tâm hữu Ái, tâm hữu Sân, tâm hữu Si ... Tâm thành bất thiện, tâm phiền toái vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà tâm có Ái, tâm có Sân, tâm có Si ... Tâm thành bất thiện, tâm phiền toái vẫn có thời không nên nói già cái bất tương ưng tâm như đây.

Dứt già cái bất tương ưng tâm ngữ

LIÊN QUAN LUÂN HỒI NGỮ *(PARIYĀPANNA KATHĀ)*

1579.

* **Tự ngôn:** Sắc ái vẫn ngủ ngầm trong Sắc giới, liên quan trong Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc ái thành pháp tìm tòi tài sản, thành pháp tìm tòi đi sanh, thành pháp cơ quan trụ lạc trong hiện đời *(diṭṭhadhamma)* đồng đáo, sanh chung, điều hòa, tương ưng, đồng sanh, đồng diệt, đồng cảnh, đồng căn với tâm, tìm tòi tài sản với tâm, tìm tòi đi sanh với tâm, thành cơ quan trụ lạc kiến pháp *(diṭṭhadhamma)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Dục ái không thành pháp tìm tòi tài sản, không thành pháp tìm tòi đi sanh, không thành pháp cơ quan trụ lạc trong hiện đời, sẽ đồng đáo, sanh chung, điều hòa, tương ưng, đồng sanh, đồng diệt, đồng vật, đồng cảnh với cái tâm phi tìm tòi tài sản, với cái tâm phi tìm tòi đi sanh, với cái tâm phi cơ quan trụ lạc trong hiện đời phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Dục ái không thành pháp tìm tòi tài sản, không thành pháp tìm tòi đi sanh, không thành pháp cơ quan trụ lạc trong hiện đời ... sẽ đồng cảnh ... với tâm Phi cơ quan trụ lạc hiện đời thời không nên nói Sắc ái vẫn ngủ ngầm trong Sắc giới, liên quan trong Sắc giới.

1580.

* **Tự ngôn:** Sắc ái ngủ ngầm trong Sắc giới, liên quan trong Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thinh ái ngủ ngầm trong Thinh giới, liên quan trong Thinh giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc ái ngủ ngầm trong Sắc giới, liên quan trong Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khí ái ... Vị ái ... Xúc ái ngủ ngầm trong Xúc giới, liên quan trong Xúc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1581.

- **Tự ngôn:** Thinh ái ngủ ngầm trong Thinh giới, nhưng không nên nói liên quan trong Thinh giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc ái ngủ ngầm trong Sắc giới, nhưng không nên nói liên quan trong Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Khí ái ... Vị ái ... Xúc ái ngủ ngầm trong Xúc giới, nhưng không nên nói liên quan trong Xúc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc ái ngủ ngầm trong Sắc giới, nhưng không nên nói liên quan trong Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1582.

- **Tự ngôn:** Vô sắc ái ngủ ngầm trong Vô sắc giới, liên quan trong Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô sắc ái thành pháp tìm tòi tài sản, thành pháp tìm tòi đi sanh, thành pháp cơ quan trụ lạc hiện đời, đồng đáo, sanh chung, điều hòa, tương ưng, đồng sanh, đồng diệt, đồng vật, đồng cảnh với cái tâm tìm tòi tài sản, với cái tâm tìm tòi đi sanh, với cái tâm thành cơ quan trụ lạc trong hiện thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vô sắc ái sẽ thành pháp tìm tòi tài sản, sẽ thành pháp tìm tòi đi sanh, sẽ thành pháp cơ quan trụ lạc trong hiện đời ... sẽ đồng cảnh ... với tâm thành cơ quan trụ lạc hiện đời cũng chẳng phải đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Sắc ái không thành pháp tìm tòi tài sản, không thành pháp tìm tòi đi sanh ... phi đồng cảnh ... chẳng phải với tâm thành cơ quan trụ pháp lạc trong hiện đời thời không nên nói Vô sắc ái ngủ ngầm trong Vô sắc giới, liên quan trong Vô sắc giới.

1583.

- **Tự ngôn:** Vô sắc ái ngủ ngầm trong Vô sắc giới, liên quan trong Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thinh ái ngủ ngầm trong Thinh giới, liên quan trong Thinh giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vô sắc ái ngủ ngầm trong Vô sắc giới, liên quan trong Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Khí ái ... Vị ái ... Xúc ái ngủ ngầm trong Xúc giới, liên quan trong Xúc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1584.

- **Tự ngôn:** Thinh ái ngủ ngầm trong Thinh giới, nhưng không nên nói liên quan trong Thinh giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô sắc ái ngủ ngầm trong Vô sắc giới nhưng không nên nói liên quan trong Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Khí ái ... Vị ái ... Xúc ái ngủ ngầm trong Xúc giới nhưng không nên nói liên quan trong Xúc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô sắc ái ngủ ngầm trong Vô sắc giới nhưng không nên nói liên quan trong Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1585.

- Phản ngữ: Chớ nên nói rằng Sắc ái ngủ ngầm trong Sắc giới, liên quan trong Sắc giới; Vô sắc ái ngủ ngầm trong Vô sắc giới liên quan trong Vô sắc giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Dục ái ngủ ngầm trong Dục giới, liên quan trong Dục giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Nếu mà Dục ái ngủ ngầm trong Dục giới, liên quan trong Dục giới, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Sắc ái ngủ ngầm trong Sắc giới, liên quan trong Sắc giới; Vô sắc ái ngủ ngầm trong Vô sắc giới liên quan trong Vô sắc giới.

Dứt Liên quan luân hồi ngữ

VÔ KÝ NGỮ *(ABYĀKATA KATHĀ)*

1586.

* **Tự ngôn:** Tà kiến là vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành vô ký, thành vô ký tố, thành sắc, thành Níp-bàn, thành Nhãn xứ ... thành Xúc xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tà kiến là vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Xúc mà tương ưng với Tà kiến thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tà kiến thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng ... Tư ... Tâm mà tương ưng với Tà kiến thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1587.

* **Tự ngôn:** Xúc mà tương ưng với Tà kiến thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tà kiến thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng, Tư, Tâm mà tương ưng với Tà kiến thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tà kiến thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1588.

* **Tự ngôn:** Tà kiến thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tà kiến không có quả, không có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tà kiến có quả, có dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Tà kiến có quả, có dị thục quả thời không nên nói Tà kiến là vô ký.

1589.

* **Tự ngôn:** Tà kiến là vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tất cả lỗi, Đức Thế Tôn Ngài phán là có Tà kiến thành thứ rất hơn hết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà tất cả lỗi, Đức Thế Tôn Ngài nói có Tà kiến rất hơn hết, thời không nên nói Tà kiến là vô ký.

1590.

* **Tự ngôn:** Tà kiến là vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này Vaccha, chính Tà kiến là bất thiện, Chánh kiến là thiện". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói Tà kiến là vô ký.

1591.

* **Tự ngôn:** Tà kiến là vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này Punna, ta nói thú hướng *(gati)* của bực người thành Tà kiến chỉ một thứ nào trong hai thứ là địa ngục hoặc bàng sanh". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói Tà kiến là vô ký như đây.

1592.

- Phản ngữ: Chớ nên nói Tà kiến là vô ký phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này Vaccha, nói rằng đời này bên đây, ta không đặng dự ngôn, nói rằng đời này tiêu mất đây ta cũng không đặng dự ngôn, nói rằng đời này có chỗ tột nói rằng đời này không có chỗ tột, nói rằng linh hồn cái đó khác mạng sống cũng cái đó, nói rằng linh hồn khác mạng sống khác, nói rằng chúng sanh sau khi chết vẫn còn, nói rằng chúng sanh sau khi chết không còn, nói rằng chúng sanh sau khi chết còn cũng có, không còn cũng có, nói rằng chúng sanh sau khi chết còn cũng không phải, không còn cũng không phải, như đây Ta cũng không đặng dự ngôn". Thế này là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó Tà kiến cũng là vô ký chớ gì.

1593.

- **Tự ngôn:** Tà kiến là vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, hoặc thân nghiệp nào mà thành Tà kiến nguyện vọng cho đầy đủ theo Tà kiến ... hoặc khẩu nghiệp nào ... hoặc ý nghiệp nào ... mà người Tà kiến nguyện vọng cho đầy đủ theo Tà kiến, hoặc Tư *(cetanā)* nào, hoặc hy vọng nào, hoặc sự quyết tâm nào, hoặc những hành *(Saṅkhāra)* nào của người Tà kiến, tất cả những pháp ấy vẫn hành vi đều để quả mà không đáng mong mỏi, không đáng ưa, không đáng thích ý, hầu để đồ mà không thành liên quan lợi ích để đặng khổ". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói Tà kiến là vô ký chớ gì.

Dứt Vô ký ngữ

BẤT LIÊN QUAN LUÂN HỒI NGỮ *(APARIYĀPANNA KATHĀ)*

1594.

- **Tự ngôn:** Tà kiến thành bất liên quan luân hồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành đạo, thành quả, thành Níp-bàn, thành đạo Dự Lưu, thành quả Dự Lưu, thành đạo Nhứt Lai, thành quả Nhứt Lai, thành đạo Bất Lai, thành quả Bất Lai, thành đạo La Hán, thành quả La Hán, thành Niệm xứ, thành Chánh cần, thành Như ý túc, thành Quyền, thành Lực, thành Giác chi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1595.

- Phản ngữ: Chớ nên nói Tà kiến là bất liên quan luân hồi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Phàm phu có thể nói rằng người xa lìa vọng dục trong tất cả dục phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nên nói rằng người xa lìa Tà kiến phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Nếu thế đó Tà kiến thành bất liên quan luân hồi chớ gì.

Dứt Bất liên quan luân hồi ngữ

Hết Phẩm mười bốn

PHẨM MƯỜI LĂM

DUYÊN KHỞI NGỮ *(PACCAYA KATHĀ)*

1596.

* **Tự ngôn:** Sự thành duyên *(paccaya)* Ngài sắp hạn chế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thẩm *(vimansā)* thành nhân và thành trưởng luôn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà thẩm thành nhân *(hetu)* và thành trưởng *(adhipati)* luôn, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng thành duyên bằng Nhân duyên *(Hetupaccaya)* và thành duyên bằng Trưởng duyên *(adhipatipaccaya).*

1597.

* **Tự ngôn:** Dục trưởng thành trưởng của pháp đồng sanh *(sahajātadhamma)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Dục trưởng *(chandādhipati)* thành trưởng nơi pháp đồng sanh, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng thành duyên bằng Trưởng duyên và thành duyên bằng Đồng Sanh duyên.

1598.

* **Tự ngôn:** Cần trưởng *(Viriyadhipati)* thành trưởng nơi pháp đồng sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Cần trưởng thành trưởng nơi pháp đồng sanh, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng thành duyên bằng Trưởng duyên và thành duyên bằng Đồng Sanh duyên.
* **Tự ngôn:** Cần trưởng thành trưởng nơi pháp đồng sanh và thành quyền luôn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Cần trưởng thành trưởng nơi pháp đồng sanh và thành quyền luôn, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng thành duyên bằng Trưởng duyên và thành duyên bằng Quyền duyên.

1599.

* **Tự ngôn:** Cần trưởng thành trưởng nơi pháp đồng sanh và thành chi của đạo luôn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Cần trưởng thành trưởng nơi pháp đồng sanh và thành chi của đạo luôn, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng thành duyên bằng Trưởng duyên và thành duyên bằng Đạo duyên *(Maggapaccaya).*

1600.

* **Tự ngôn:** Tâm trưởng thành trưởng nơi pháp đồng sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Tâm trưởng *(Cittādhipati)* thành trưởng nơi pháp đồng sanh, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng thành duyên bằng Trưởng duyên và thành duyên bằng Đồng Sanh duyên *(Sahajātapaccaya).*

1601.

* **Tự ngôn:** Tâm trưởng thành trưởng nơi pháp đồng sanh và thành thực *(āhāra)* luôn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu mà Tâm trưởng thành trưởng nơi pháp đồng sanh và thành thực luôn, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng thành duyên bằng Trưởng duyên và thành duyên bằng Thực duyên *(Āhārapaccaya).*

1602.

∗ **Tự ngôn:** Tâm trưởng thành trưởng nơi pháp đồng sanh và thành quyền luôn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu mà Tâm trưởng thành trưởng nơi pháp đồng sanh và thành quyền luôn, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng thành duyên bằng Trưởng duyên *(Adhipatipaccaya)* và thành duyên bằng Quyền duyên *(Indrīyapaccaya).*

1603.

∗ **Tự ngôn:** Thẩm trưởng *(Vimaṅsādhipati)* thành trưởng nơi pháp đồng sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu mà Thẩm trưởng thành trưởng nơi pháp đồng sanh, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng thành duyên bằng Trưởng duyên và thành duyên bằng Đồng Sanh duyên.

1604.

∗ **Tự ngôn:** Thẩm trưởng thành trưởng nơi pháp đồng sanh và thành quyền luôn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu mà Thẩm trưởng thành trưởng nơi pháp đồng sanh và thành quyền luôn, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng thành duyên bằng Trưởng duyên và thành duyên bằng Quyền duyên.

1605.

∗ **Tự ngôn:** Thẩm trưởng thành trưởng nơi pháp đồng sanh và thành chi của đạo luôn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu mà Thẩm trưởng làm Trưởng nơi pháp đồng sanh và thành chi của đạo luôn, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng thành duyên bằng Trưởng duyên và thành duyên bằng Đạo duyên.

1606.

∗ **Tự ngôn:** Sát-na phản khán làm Pháp Thánh *(ariyadhamma)* cho nặng, phát sanh ra và làm Pháp Thánh ấy cho thành cảnh luôn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu mà sát-na phản khán *(paccavekkhaṇā)* làm Thánh Pháp *(ariyadhamma)* cho đặng phát sanh ra và làm Thánh Pháp đó cho thành cảnh luôn, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng (Thánh Pháp) thành duyên bằng Trưởng duyên và thành duyên bằng Cảnh duyên *(ārammaṇapaccaya).*

1607.

∗ **Tự ngôn:** Pháp thiện trước kia thành duyên bằng Vô Gián duyên *(Anantarapaccaya)* nơi pháp đồng sanh sau sau và thành cố hưởng *(āsevana)* luôn đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu mà pháp thiện trước trước thành duyên bằng Vô Gián duyên của pháp thiện sau sau và thành cố hưởng luôn, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng thành duyên bằng Vô Gián duyên và thành duyên bằng Cố Hưởng duyên *(Āsevanapaccaya).*

1608.

∗ **Tự ngôn:** Pháp bất thiện trước trước thành duyên bằng Vô Gián duyên của pháp bất thiện sau sau và thành cố hưởng luôn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu mà pháp bất thiện trước trước thành duyên bằng Vô Gián duyên của pháp bất thiện sau sau và thành cố hưởng luôn, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng thành duyên bằng Vô Gián duyên và thành duyên bằng Cố Hưởng duyên[5].

1609.

* **Tự ngôn:** Pháp vô ký tố *(kiriyā)* sanh trước trước thành duyên bằng Vô Gián duyên cho pháp vô ký tố sanh sau sau mà thành cố hưởng luôn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà pháp vô ký tố trước trước thành duyên bằng Vô Gián duyên của pháp vô ký tố sau sau và thành cố hưởng luôn, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng thành duyên bằng Vô Gián duyên và thành duyên bằng Cố Hưởng duyên *(Āsevanapaccaya).*

1610.

* Phản ngữ: Chớ nên nói sự thành duyên Ngài hạn chế phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thành duyên bằng Nhân duyên cũng đặng, thành duyên bằng Cảnh duyên cũng đặng, thành duyên bằng Vô Gián duyên cũng đặng, thành duyên bằng Liên Tiếp duyên cũng đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó thì sự thành duyên Ngài cũng hạn chế chớ gì.

Dứt Duyên khởi ngữ

HỖ TƯƠNG DUYÊN NGỮ *(AÑÑAMAÑÑAPACCAYAKATHĀ)*

1611.

* **Tự ngôn:** Hành sanh do Vô minh làm duyên trọn đó không nên nói hẳn do Hành làm duyên mới sanh ra Vô minh đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô minh sanh chung với Hành phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Vô minh sanh chung với Hành, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng tuy nhiên do Vô minh làm duyên mới sanh Hành đặng, tuy nhiên do Hành làm duyên mới sanh Vô minh đặng.

1612.

* **Tự ngôn:** Thủ sanh do Ái làm duyên trọn đó không nên nói hẳn do Thủ làm duyên mới sanh Ái đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ái sanh đồng với Thủ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Ái sanh chung với Thủ, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng hẳn do Ái làm duyên mới sanh ra Thủ đặng, hẳn do Thủ làm duyên thời Ái sanh đặng.

1613.

* Phản ngữ: Lời nói: "Này chư Phíc-khú, do Lão và Tử làm duyên mới sinh ra Sanh *(jāti),* do Sanh làm duyên mới có Hữu". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Không có.
* Phản ngữ: Nếu thế đó Hành cũng sanh do Vô minh làm duyên trọn đó không nên nói hẳn bởi Hành làm duyên Vô minh mới sanh đặng; Thủ sanh do Ái làm duyên trọn đó không nên nói hẳn do Thủ làm duyên mới sanh ra Ái đặng.

---

[5] "Cố Hưởng duyên" sau này được Trưởng Lão Tịnh Sự điều chỉnh thành "Trùng Dụng duyên"

1614.

- **Tự ngôn:** Lời nói: "Này chư Phíc-khú, do Thức làm duyên mới sanh ra Danh Sắc, hẳn do Sanh Sắc làm duyên thời mới sanh Thức đặng". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó Hành cũng sanh ra hẳn do Vô minh làm duyên,Vô minh cũng sanh ra hẳn do Hành làm duyên, Thủ cũng sanh ra hẳn do Ái làm duyên, Ái cũng sanh ra hẳn do Thủ làm duyên chớ gì.

Dứt Hổ tương duyên ngữ

KỲ GIAN NGỮ *(ADDHĀKATHĀ)*

1615.

- **Tự ngôn:** Kỳ gian *(Addhā)* đã thành tựu thật tướng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành Sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành Thọ ... thành Tưởng ... thành Hành ... thành Thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Kỳ gian quá khứ thật tướng thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành Sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành Thọ ... thành Tưởng ... thành Hành ... thành Thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Kỳ gian *(Addhā)* vị lai thành tựu thật tướng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành Sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành Thọ ... thành Tưởng ... thành Hành ... thành Thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Kỳ gian hiện tại là thành tựu thật tướng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành Sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành Thọ ... thành Tưởng ... thành Hành ... thành Thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức nơi quá khứ thành Kỳ gian phần quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Kỳ gian phần quá khứ thành năm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức chỗ thành vị lai thành Kỳ gian phần vị lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Kỳ gian phần vị lai thành năm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức nơi thành hiện tại là Kỳ gian phần hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Kỳ gian phần hiện tại thành năm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Ngũ uẩn mà thành quá khứ là Kỳ gian phần quá khứ; Ngũ uẩn mà thành vị lai là Kỳ gian phần vị lai, Ngũ uẩn mà thành hiện tại là Kỳ gian phần hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Kỳ gian thành mười lăm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Thập nhị xứ mà thành quá khứ là Kỳ gian phần quá khứ, Thập nhị xứ mà thành vị lai là Kỳ gian phần vị lai, Thập nhị xứ mà thành hiện tại là Kỳ gian phần hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Kỳ gian có ba mươi sáu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thập bát giới mà thành quá khứ là Kỳ gian phần quá khứ, Thập bát giới mà thành vị lai là Kỳ gian phần vị lai, Thập bát giới mà thành hiện tại là Kỳ gian phần hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Kỳ gian thành năm mươi bốn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhị thập nhị quyền mà thành quá khứ là Kỳ gian phần quá khứ, Nhị thập nhị quyền mà thành vị lai là Kỳ gian phần vị lai, Nhị thập nhị quyền mà thành hiện tại là Kỳ gian phần hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Kỳ gian *(addhā)* thành lục thập lục (66) phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1616.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng: "Kỳ gian *(addhā)* là thật tướng thành tựu phải chăng?" **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Ngữ Tông *(kathāvatthu)* có ba thứ. Ba thứ ra sao? Người nên thuật lời mở mối Kỳ gian phần quá khứ như vầy: "Kỳ gian mà đã luống qua thành rồi thế này" hoặc như đây nên tường thuật mở mối Kỳ gian phần vị lai như vầy: "Kỳ gian phần vị lai sẽ là thế này" hoặc như đây nên tường thuật mở mối Kỳ gian phần hiện tại hiện nay như vầy: "Hiện tại vẫn là trong hiện nay thế này" hoặc như đây. Này chư Phíc-khú, Ngữ Tông *(kathāvatthu)* có ba thứ như thế vậy". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó Kỳ gian cũng là chân tướng thành tựu chớ gì.

Dứt Kỳ gian ngữ

SÁT-NA KỲ GIAN ĐIỂM ĐIỂM NGỮ *(KHAṆALAYAMUHUTTA KATHĀ)*

1617.

* **Tự ngôn:** Sát-na *(khaṇa)* thành thật tướng thành tựu, Kỳ gian *(laya)* là thật tướng thành tựu, Điểm điểm *(muhutta)* là thật tướng thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành Thọ ... thành Tưởng ... thành Hành ... thành Thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1618.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng Điểm điểm *(muhutta)* là thật tướng thành tựu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Ngữ Tông *(Kathāvatthu)* có 3 thứ. Ba thứ ra sao? Người nên nói mở mối Kỳ gian *(addhā)* phần quá khứ như vầy "Kỳ gian mà đã qua đặng thành rồi thế này", hoặc như đây nên nói mởi mối Kỳ gian phần vị lai như vầy: "Kỳ gian phần vị lai sẽ là thế này", hoặc như

đây nên tường thuật mở mối Kỳ gian hiện tại nơi bây giờ như vầy: "Hiện Tại vẫn có nơi bây giờ thế này", hoặc như đây. Này chư Phíc-khú, Ngữ Tông ba thứ như thế này vậy. Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Nếu thế đó Điểm điểm (chút xíu) cũng là thật tướng thành tựu chớ gì.

Dứt Sát-na kỳ gian ddiểm điểm ngữ

LẬU NGỮ *(ĀSAVA KATHĀ)*

1619.

* **Tự ngôn:** Tứ lậu không thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành đạo, thành quả, thành Níp-bàn, thành Sơ đạo, thành Sơ quả ... thành Giác chi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chớ nên nói Tứ lậu không thành cảnh của lậu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Những lậu ấy thành cảnh của lậu bằng những lậu nào thì những lậu ấy vẫn có một phần khác nửa phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nếu thứ đó thì Tứ lậu cũng không thành cảnh của lậu chớ gì.

Dứt Lậu ngữ

LÃO TỬ NGỮ *(JARĀMARAṆA KATHĀ)*

1620.

* **Tự ngôn:** Lão tử của pháp siêu thế cũng thành siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành đạo, thành quả, thành Níp-bàn, thành Sơ đạo, thành Sơ quả ... thành Giác chi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Lão tử của Sơ đạo cũng thành Sơ đạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Lão tử của Sơ đạo cũng thành Sơ đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Lão tử Sơ quả cũng thành Sơ quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Lão tử của đạo Nhứt Lai ... của quả Nhứt Lai ... của đạo Bất Lai ... của quả Bất Lai ... của đạo La Hán cũng thành đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Lão tử của đạo La Hán cũng thành đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Lão tử của quả La Hán cũng thành quả La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Lão tử của Niệm xứ, của Chánh cần, của Như ý túc, của Quyền, của lực ... Lão tử của Giác chi cũng thành Giác chi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1621.

* Phản ngữ: Chớ nên nói Lão tử của pháp siêu thế cũng thành siêu thế phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Thành hiệp thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó cũng thành siêu thế chớ gì.

Dứt Lão tử ngữ

TƯỞNG HƯỞNG NGỮ *(SAÑÑĀVEDAYITA KATHĀ)*

1622.

* **Tự ngôn:** Tưởng hưởng nhập thiền Diệt thành siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành đạo, thành quả, thành Níp-bàn, thành Sơ đạo, thành Sơ quả ... thành Giác chi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Chớ nói rằng Tưởng hưởng *(Saññāvedayita)* nhập thiền Diệt thành siêu thế phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thành hiệp thế phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó cũng thành siêu thế chớ gì.

Dứt Tưởng hưởng ngữ

TƯỞNG HƯỞNG NGỮ THỨ HAI *(DUTIYASAÑÑĀVEDAYITAKATHĀ)*

1623.

* **Tự ngôn:** Tưởng hưởng nhập thiền Diệt thành hiệp thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành Thọ ... thành Tưởng ... thành Hành ... thành Thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành Dục giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1624.

* Phản ngữ: Chớ nên nói Tưởng hưởng nhập thiền Diệt thành hiệp thế phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thành siêu thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó cũng là hiệp thế chớ gì.

Dứt Tưởng hưởng ngữ thứ hai

TƯỞNG HƯỞNG NGỮ THỨ BA *(TATIYA SAÑÑĀ VEDAYITA KATHĀ)*

1625.

* **Tự ngôn:** Bực người nhập thiền Diệt thọ tưởng đáng chết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Xúc mà sanh trong khi chết lần chót, Thọ mà sanh trong khi chết lần chót, Tưởng mà sanh trong khi chết lần chót, Tư mà sanh trong khi chết lần chót, Tâm mà sanh trong khi chết lần chót của bực người nhập thiền Diệt thọ tưởng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

- **Tự ngôn:** Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Tâm mà sanh trong khi chết lần chót của người nhập thiền Diệt thọ tưởng không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Tâm sanh trong khi chết lần chót của người nhập thiền Diệt thọ tưởng không có, thời không nên nói người nhập thiền Diệt thọ tưởng đáng chết như đây.

1626.

- **Tự ngôn:** Bực người nhập thiền Diệt thọ tưởng đáng chết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Tâm của người nhập thiền Diệt thọ tưởng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Tâm của người nhập thiền Diệt thọ tưởng không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người không có Xúc có cách đáng làm cho chết, bực người không có Thọ có cách làm cho chết ... bực người không có Tâm có cách làm cho chết phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực người có Xúc có cách đáng làm cho chết ... bực người có Tâm có cách làm cho chết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà bực người có Xúc có cách làm cho chết ... bực người có Tâm có cách làm cho chết thời không nên nói bực người nhập thiền Diệt thọ tưởng đáng làm cho chết như đây.

1627.

- **Tự ngôn:** Bực người nhập thiền Diệt thọ tưởng đáng làm cho chết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thuốc độc đáng vào rồi, gươm bén đáng vào rồi, lửa đáng vào rồi trong thân của người nhập thiền Diệt thọ tưởng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thuốc độc không thể vào, gươm bén không thể vào, lửa không thể vào trong thân thể của bực người nhập thiền Diệt thọ tưởng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó, thuốc độc không thể vào, gươm đao không thể vào, lửa không thể vào trong thân thể của bực Diệt thọ tưởng thời không nên nói bực nhập thiền Diệt thọ tưởng có thể làm cho chết ...

1628.

- **Tự ngôn:** Bực nhập thiền Diệt thọ tưởng có thể làm cho chết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thuốc độc có thể đem vào, gươm đao có thể đem vào, lửa có thể đem vào trong thân của bực nhập thiền Diệt thọ tưởng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Không đặng nhập Diệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Bực người nhập thiền Diệt thọ tưởng không thể làm cho chết phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Dĩ nhiên là thành nhân thông dụng là bực người nhập thiền Diệt thọ tưởng không thể làm cho chết vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không có.
- Phản ngữ: Nếu nói dĩ nhiên vẫn thành nhân thông dụng rằng bực người nhập thiền Diệt thọ tưởng không thể làm cho chết không có thời không nên nói bực nhập thiền Diệt thọ tưởng không thể làm cho chết ...

1629.

* **Tự ngôn:** Bực người đầy đủ với Nhãn thức không thể làm cho chết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dĩ nhiên mà thành nhân thông dụng rằng bực đầy đủ với Nhãn thức không thể làm cho chết vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không có.
* **Tự ngôn:** Nói rằng dĩ nhiên mà thành nhân thông dụng như vầy: "Bực đầy đủ với Nhãn thức không thể làm cho chết không có, thời không nên nói người đầy đủ Nhãn thức không thể làm cho chết".

Dứt Tưởng hưởng ngữ thứ ba

VÔ TƯỞNG HỮU NGỮ *(ASAÑÑĀSATTUPIKA KATHĀ)*

1630.

* **Tự ngôn:** Nhập thiền Diệt thọ tưởng là nhân cho vào đến Vô tưởng hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Căn Thiện tức là Vô tham, căn Thiện tức là Vô sân, căn Thiện tức là Vô si, Tín, Cần, Niệm, Định, Tuệ của bực nhập thiền Diệt thọ tưởng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Căn Thiện tức là căn Vô tham, căn Thiện tức là Vô sân ... Tuệ bực người nhập thiền không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà căn Thiện tức là Vô tham, căn Thiện tức là Vô sân, căn Thiện tức là Vô si, Tín, Cần, Niệm, Định, Tuệ của bực người nhập thiền Diệt thọ tưởng không có thời không nên nói nhập thiền Diệt thọ tưởng là nhân làm cho đến Vô tưởng hữu.

1631.

* **Tự ngôn:** nhập thiền Diệt thọ tưởng là nhân cho vào đến Vô tưởng hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Tâm của bực người nhập thiền Diệt thọ tưởng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Tâm của bực người nhập thiền Diệt thọ tưởng không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực người không có Xúc cũng có cách tiến hóa đạo đặng ... bực người không có Tâm cũng có cách tiến hóa đạo đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực người có Xúc có cách tiến hóa đạo đặng ... bực người có Tâm có cách tiến hóa đạo đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bực người có Xúc có cách tiến hóa đạo đặng ... bực người có Tâm có cách tiến hóa đạo đặng thời không nên nói nhập thiền Diệt thọ tưởng là nhân làm cho đến Vô tưởng hữu.

1632.

* **Tự ngôn:** nhập thiền Diệt thọ tưởng là nhân cho đến Vô tưởng hữu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Mỗi một người nào nhập thiền Diệt thọ tưởng tất cả những người ấy thành người vào đến Vô tưởng hữu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1633.

- Phản ngữ: Chớ nên nói nhập thiền Diệt thọ tưởng là nhân làm cho đến Vô tưởng hữu phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Dù trong lúc nhập Diệt này, bực nhập cũng không có Tưởng dĩ nhiên người vào đến Vô tưởng hữu ấy cũng không có Tưởng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Dù rằng trong lúc nhập thiền Diệt này người vào cũng không có Tưởng, dĩ nhiên bực vào đến Vô tưởng hữu đó cũng không có Tưởng, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng nhập Diệt thọ tưởng là nhân làm cho đến Vô tưởng hữu.

Dứt Vô tưởng hữu ngữ

NGHIỆP TẠO CHỨA NGỮ *(KAMMŪPACAYA KATHĀ)*

1634.

- **Tự ngôn:** Nghiệp là một thứ, sự chất chứa của nghiệp cũng là một thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Xúc là một thứ, sự chất chứa của Xúc cũng là một thứ? Thọ là một thứ, sự chất chứa của Thọ cũng là một thứ? Tưởng là một thứ, sự chất chứa của Tưởng cũng là một thứ? Tư là một thứ, sự chất chứa của Tư cũng là một thứ? Tâm là một thứ, sự chất chứa của Tâm cũng là một thứ? Tín là một thứ, sự chất chứa của Tín cũng là một thứ? Cần là một thứ, sự chất chứa của Cần cũng là một thứ? Niệm là một thứ, sự chất chứa của Niệm cũng là một thứ? Định là một thứ, sự chất chứa của Định cũng là một thứ? Tuệ là một thứ, sự chất chứa của Tuệ cũng là một thứ? Ái là một thứ, sự chất chứa của Ái cũng là một thứ? ... Vô úy là một thứ, sự chất chứa của Vô úy cũng là một thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1635.

- **Tự ngôn:** Nghiệp là một thứ, sự chất chứa của nghiệp cũng là một thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự chất chứa của nghiệp sanh chung với nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự chất chứa của nghiệp sanh chung với nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự chất chứa của nghiệp mà thành thiện đồng sanh với nghiệp mà thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự chất chứa của nghiệp mà thành thiện, đồng sanh với nghiệp mà thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự chất chứa của nghiệp mà tương ưng với lạc thọ đồng sanh với nghiệp tương ưng lạc thọ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự chất chứa nghiệp mà tương ưng với khổ thọ ... mà tương ưng với phi khổ phi lạc đồng sanh với nghiệp mà tương ưng với phi khổ phi lạc thọ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự chất chứa của nghiệp đồng sanh với nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự chất chứa của nghiệp mà thành bất thiện đồng sanh với nghiệp thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Sự chất chứa của nghiệp mà thành bất thiện đồng sanh với nghiệp thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự chất chứa của nghiệp mà đồng sanh với lạc thọ, đồng sanh với nghiệp tương ưng lạc thọ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự chất chứa của nghiệp mà tương ưng với khổ thọ ... mà tương ưng với phi khổ phi lạc thọ đồng sanh với nghiệp tương ưng với phi khổ phi lạc thọ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1636.

* **Tự ngôn:** Nghiệp đồng sanh với Tâm và tâm biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự chất chứa của nghiệp đồng sanh với Tâm và sự chất chứa của nghiệp biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự chất chứa của nghiệp đồng sanh với Tâm nhưng sự chất chứa của nghiệp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nghiệp đồng sanh với Tâm nhưng nghiệp không biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1637.

* **Tự ngôn:** Nghiệp đồng sanh với Tâm và khi tâm diệt, nghiệp cũng hư hoại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự chất chứa của nghiệp đồng sanh với Tâm và khi tâm diệt cách chất chứa của nghiệp cũng hư hoại phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1638.

* **Tự ngôn:** Sự chất chứa của nghiệp đồng sanh với Tâm nhưng khi tâm diệt thời sự chất chứa của nghiệp không hư hoại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nghiệp đồng sanh với Tâm, nhưng khi tâm diệt nghiệp không hư hoại phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nghiệp có sự chất chứa của nghiệp cũng có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nghiệp cái đó, sự chất chứa của nghiệp cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nghiệp có cách chất chứa của nghiệp cũng có, và dị thục quả cũng sanh từ sự chất chứa của nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nghiệp cái đó, sự chất chứa của nghiệp cũng cái đó vậy, dị thục quả của nghiệp cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khi nghiệp có sự chất chứa của nghiệp cũng có và dị thục quả cũng sanh từ sự chất chứa của nghiệp luôn cả dị thục quả cũng biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự chất chứa của nghiệp có biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự chất chứa của nghiệp không có biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dị thục quả không có biết cảnh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nghiệp là một thứ, sự chất chứa của nghiệp cũng là một thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này Puṇṇa, cũng có người trong đời này tạo chứa thân hành mà hoặc có sự ép uổng, hoặc không có sự ép uổng; tạo chứa khẩu

hành ... Ý hành mà có sự ép uổng hoặc không có sự ép uổng. Người ấy khi tạo chứa thân hành mà hoặc có sự ép uổng hoặc không ép uổng; tạo chứa khẩu hành ... Ý hành mà hoặc đã có sự ép uổng hoặc không ép uổng vẫn vào đến thế giới hoặc ép uổng hoặc không ép uổng; tất cả xúc hoặc có ép uổng hoặc không ép uổng, vẫn đụng chạm bực người vào thế giới hoặc có ép uổng hoặc không ép uổng, người ấy là bực mà tất cả xúc chỗ có ép uổng hoặc không ép uổng đã đụng chạm vẫn hứng chịu hoặc có ép uổng hoặc không ép uổng vui và khổ trộn lẫn nhau như nơi nhân loại, có hạng Chư thiên và có thứ trong đường ác đạo bị hình phạt vẫn còn. Này Puṇṇa sự đưa đến của chúng sanh lớn nhỏ thành như thế này, họ làm nghiệp chi thời họ đến theo nghiệp ấy, tất cả xúc vẫn đụng chạm người đã vào đến ấy. Này Puṇṇa, ta nói rằng tất cả chúng sanh thành người hưởng thừa kế, tất cả chúng sanh là người lãnh di sản của nghiệp vẫn có bằng cách thế này". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói nghiệp là một thứ, sự chứa để của nghiệp cũng là một thứ.

Dứt Nghiệp tạo chứa ngữ
Hết Phẩm mười lăm
Dứt 15.000 chữ phần thứ ba

PHẨM MƯỜI SÁU

CHINH LỆ NGỮ *(NIGGAHA KATHĀ)*

1639.

* **Tự ngôn:** Người khác đè nén tâm của người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác đè nén đặng tâm của người khác đừng vọng dục, đừng độc hại, đừng tối mê, đừng phiền muộn như đây phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người khác đè nén tâm của người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác đè nén đặng như là Xúc mà đã sanh ra cho người khác đừng diệt mất đi như đây phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người khác đè nén đặng như là Thọ mà đã sanh ra ... Tưởng mà đã sanh ra ... Tư mà đã sanh ra, Tâm mà đã sanh ra, Tín mà đã sanh ra, Cần mà đã sanh ra, Niệm mà đã sanh ra, Định mà đã sanh ra ... Tuệ mà đã sanh ra cho người khác đừng diệt mất đi như thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1640.

* **Tự ngôn:** Người khác đè nén tâm của người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác bài trừ Ái, bài trừ Sân ... bài trừ Vô úy hầu lợi ích cho người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1641.

* **Tự ngôn:** Người khác đè nén tâm của người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác tiến hóa Đạo, tiến hóa Niệm xứ ... tiến hóa Giác chi hầu lợi ích cho người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1642.

* **Tự ngôn:** Người khác vẫn đè nén tâm của người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác chăm chú biết Khổ, bài trừ Tập, làm cho rõ Diệt, còn làm cho Đạo phát sanh hầu lợi ích cho người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1643.

* **Tự ngôn:** Người khác đè nén tâm của người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác thành người làm cho người khác vui và khổ, người khác làm cho một người khác nửa hưởng quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1644.

* **Tự ngôn:** Người khác đè nén tâm của người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Người tạo tội với tự mình vẫn sầu khổ với chính mình, tự mình không làm tội chính mình vẫn sạch sẽ, sự sạch sẽ hay không

sạch sẽ thành của phần mình, người khác sẽ làm cho người khác trong sạch không đặng". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu thế đó cũng không nên nói người khác đè nén tâm đặng cho người khác như thế vậy.

1645.

* Phản ngữ: Chớ nên nói người khác đè nén tâm của người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* Phản ngữ: Người bực đắc chứng sự thành người có sức mạnh vẫn có, người mà thành bực có sự chuyên môn vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà người bực đắc chứng sự thành người có sức mạnh vẫn có, người mà thành bực có sự chuyên môn vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng người khác đè tâm của người khác đặng.

Dứt Chinh lệ ngữ

PHÒ TRÌ NGỮ *(PAGGAHA KATHĀ)*

1646.

* **Tự ngôn:** Người khác phò trì *(paggaha)* tâm của người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác phò trì đặng như vầy: "Tâm của người khác đừng vọng dục, đừng độc hại, đừng tối mê, đừng phiền muộn như thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1647.

* **Tự ngôn:** Người khác phò trì tâm của người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác còn làm cho căn thiện là Vô tham sanh ra, còn làm cho căn thiện là Vô sân sanh ra, còn làm cho căn thiện là Vô si sanh ra, còn làm cho Tín sanh ra, còn làm cho Cần sanh ra, còn cho Niệm sanh ra, còn cho Định sanh ra, còn làm cho Tuệ sanh ra cho người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1648.

* **Tự ngôn:** Người khác phò trì tâm của người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác phò trì để đặng như vầy: "Xúc mà đã sanh ra cho người khác đừng diệt mất như thế" phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người khác phò trì để đặng như vầy: "Thọ mà đã sanh ra ... Tuệ mà đã sanh ra cho người khác đừng diệt mất như thế" phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1649.

* **Tự ngôn:** Người khác phò trì tâm của người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác bài trừ Ái, bài trừ Sân, bài trừ Si ... bài trừ Vô úy hầu lợi ích cho người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1650.

* **Tự ngôn:** Người khác phò trì tâm của người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác tiến hóa Đạo, tiến hóa Niệm xứ ... tiến hóa Giác chi hầu lợi ích cho người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1651.

* **Tự ngôn:** Người khác phò trì tâm của người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác chăm chú biết Khổ ... còn cho Đạo phát sanh hầu lợi ích cho người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1652.

* **Tự ngôn:** Người khác phò trì tâm của người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác thành bực làm cho người khác lạc, khổ; người khác làm cho một người khác nữa hưởng quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người khác phò trì tâm của người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Người tự mình ... người khác làm cho người khác trong sạch không đặng". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói người khác phò trì tâm của người khác đặng. Phản ngữ: Phải rồi.

1653.

* Phản ngữ: Chớ nên nói người khác phò trì tâm của người khác đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Bực người đắc chứng thành người sức mạnh vẫn có, mà thành bực chuyên môn vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà bực người đắc chứng thành kẻ sức mạnh vẫn có, người mà thành bực chuyên môn vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng người khác phò trì tâm của người khác đặng.

Dứt Phò trì ngữ

LẠC PHÚ NGỮ *(SUKHĀNUPYADĀNA KATHĀ)*

1654.

* **Tự ngôn:** Người khác giao sự vui cho người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác giao sự khổ cho người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người khác giao sự khổ cho người khác không đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác giao sự vui cho người khác không đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người khác giao sự vui cho người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Người khác giao sự vui của mình cho người khác, giao sự vui của người khác khác, hoặc giao sự vui của người hưởng đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người khác giao sự vui của mình cho người khác cũng chẳng phải, giao sự vui của người khác khác cũng chẳng phải, giao sự vui của bực người hưởng đó cũng chẳng phải phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà người khác giao sự vui của mình cho người khác cũng không phải, giao sự vui của người khác khác cũng không phải, giao sự vui của bực người hưởng đó cũng không phải thời không nên nói người khác giao sự vui cho người khác đặng.

1655.

* **Tự ngôn:** Người khác giao sự vui cho người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người khác thành bực làm cho người khác lạc và khổ, người khác làm cho một người khác nữa hưởng quả đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1656.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói người khác giao sự vui cho người khác đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ngài Udāyī có nói như vầy: "Đức Thế Tôn của chúng ta, Ngài hạn chế tất cả pháp khổ cho người đặng nhiều ư? Đức Thế Tôn của chúng ta, Ngài bố thí tất cả pháp lạc cho người rất nhiều ư? Đức Thế Tôn của chúng ta, Ngài ban bố pháp lành cho tất cả rất nhiều ư". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó người khác cũng giao sự vui cho người khác đặng chớ gì.

Dứt Lạc phú ngữ

TẬP ĐỈNH TÁC Ý NGỮ *(ADHIGGAYHAMANASIKĀRA KATHĀ)*

1657.

* **Tự ngôn:** Tác ý gom vót *(adhiggayha)* đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hiểu rõ nơi Tâm ấy bằng Tâm ấy đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Hiểu rõ nơi Tâm ấy bằng Tâm ấy đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hiểu rõ nơi Tâm ấy bằng Tâm ấy, nói tâm như thế đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Hiểu rõ nơi Tâm ấy bằng Tâm ấy, nói Tâm như thế đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tâm ấy thành cảnh của Tâm ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tâm ấy thành cảnh của Tâm ấy phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đụng chạm Xúc ấy bằng Xúc ấy ... bằng Thọ ấy ... bằng Tưởng ấy ... bằng Tư ấy ... bằng Tâm ấy, bằng Tầm ấy ... bằng Tứ ấy ... bằng Hỷ ấy ... bằng Niệm ấy ... hiểu rõ Tuệ ấy bằng Tuệ ấy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đang tác ý quá khứ như vầy, quá khứ vẫn như đây. Cũng tác ý vị lai như vầy, vị lai như đây đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đang tác ý quá khứ như vầy, quá khứ vẫn như đây. Cũng tác ý vị lai như vầy, vị lai vẫn như đây đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Thành cách hội hợp của nhị xúc ... của nhị tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đang tác ý quá khứ như vầy, quá khứ vẫn như đây, cũng tác ý hiện tại như vầy, hiện tại như đây đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đang tác ý quá khứ như vầy, quá khứ vẫn như đây, cũng tác ý hiện tại như vầy, hiện tại như đây đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành cách hội hiệp của nhị xúc ... của nhị tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đang tác ý quá khứ như vầy, quá khứ vẫn như đây, cũng tác ý vị lai như vầy, vị lai như đây, cũng tác ý hiện tại như vầy, hiện tại như đây đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đang tác ý quá khứ như vầy, quá khứ vẫn như đây, cũng tác ý vị lai như vầy, vị lai như đây đặng, tác ý hiện tại như vầy, hiện tại như đây đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành cách hội hiệp của tam Xúc ... của tam Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đang tác ý vị lai như vầy, vị lai vẫn như đây, cũng tác ý quá khứ như vầy, quá khứ như đây đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đang tác ý vị lai như vầy, vị lai vẫn như đây, cũng tác ý quá khứ như vầy, quá khứ như đây đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành cách hội hiệp của nhị xúc ... của nhị tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đang tác ý vị lai như vầy, vị lai vẫn như đây, cũng tác ý hiện tại như vầy, hiện tại như đây đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đang tác ý vị lai như vầy, vị lai vẫn như đây, cũng tác ý hiện tại như vầy, hiện tại như đây đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành cách hội hiệp của nhị xúc ... của nhị tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đang tác ý vị lai như vầy, vị lai vẫn như đây, cũng tác ý quá khứ như vầy, quá khứ như đây, tác ý hiện tại như vầy, hiện tại như đây đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đang tác ý vị lai như vầy, vị lai vẫn như đây, cũng tác ý quá khứ như vầy, quá khứ đặng như đây, tác ý hiện tại như vầy, hiện tại như đây đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành cách hội hiệp của tam Xúc ... của tam Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đang tác ý hiện tại như vầy, hiện tại vẫn như đây, cũng tác ý vị lai như vầy, vị lai đặng như đây phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đang tác ý hiện tại như vầy, hiện tại vẫn như đây, cũng tác ý quá khứ như vầy, quá khứ đặng như đây phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành cách hội hiệp của nhị xúc ... của nhị tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đang tác ý hiện tại như vầy, hiện tại vẫn như đây, cũng tác ý vị lai như vầy, vị lai đặng như đây phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Đang tác ý hiện tại như vầy, hiện tại vẫn như đây, cũng tác ý vị lai như vầy, vị lai đặng như đây phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành cách hội hiệp của nhị xúc ... của nhị tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đang tác ý hiện tại như vầy, hiện tại vẫn như đây, cũng tác ý quá khứ như vầy, quá khứ đặng như đây, cũng tác ý vị lai như vầy, vị lai đặng như đây phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đang tác ý hiện tại như vầy, hiện tại vẫn như đây, cũng tác ý quá khứ như vầy, quá khứ đặng như đây, cũng tác ý vị lai như vầy, vị lai đặng như đây phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành cách hội hiệp của tam Xúc ... của tam Tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1658.

* Phản ngữ: Chớ nói rằng tác ý gom vót đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Khi nào thấy bằng tuệ như vầy, chư hành vô thường khi đó vẫn chán khổ. Đây là con đường trong sạch. Khi nào thấy bằng trí tuệ như vầy, chư hành là khổ, khi đó mới chán nản khổ, đây là con đường trong sạch. Khi nào thấy bằng tuệ như vầy: tất cả pháp vô ngã. Khi đó mới chán trong khổ. Đây là con đường thanh tịnh". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó thời tác ý gom vót *(adhiggayha manasikāra)* đặng chớ gì.

Dứt Tập đỉnh tác ý ngữ

SẮC THÀNH NHÂN NGỮ *(RŪPAṂ HETŪTI KATHĀ)*

1659.

* **Tự ngôn:** Sắc thành nhân phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành nhân tức là Vô tham phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thành nhân tức là Vô sân ... thành nhân tức là Vô si, thành nhân tức là Tham, thành nhân tức là Sân, thành nhân tức là Si phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc thành nhân phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc đó không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà sắc thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Sắc đó không có thời không nên nói sắc thành nhân.

1660.

* Phản ngữ: Vô tham thành nhân, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Vô tham ấy vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Sắc thành nhân, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng, sự cố ý của sắc ấy vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Vô sân thành nhân, Vô si thành nhân, Tham thành nhân, Sân thành nhân, Si thành nhân, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Si ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc thành nhân, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1661.

* **Tự ngôn:** Sắc thành nhân, thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô tham thành nhân, nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Vô tham ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc thành nhân nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô sân thành nhân, Vô si thành nhân, Tham thành nhân, Sân thành nhân, Si thành nhân, nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Si ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1662.

* Phản ngữ: Chớ nên nói Sắc thành nhân phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Tất cả Sắc tứ đại sung thành nhân, thành nơi nương tựa của tất cả Sắc Y sinh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Sắc tứ đại sung thành nhân bằng cách nương đỡ của tất cả Sắc Y sinh, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Sắc thành nhân.

Dứt Sắc thành nhân ngữ

SẮC HỮU NHÂN NGỮ *(RŪPASAHETUKANTI KATHĀ)*

1663.

* **Tự ngôn:** Sắc thành pháp hữu nhân phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc thành pháp hữu nhân bằng nhân Vô tham phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc thành pháp hữu nhân bằng nhân Vô sân ... bằng nhân là Vô si ... bằng nhân là Tham ... bằng nhân là Sân ... bằng nhân là Si phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1664.

* **Tự ngôn:** Sắc thành pháp hữu nhân phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà sắc thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy không có thời không nên nói Sắc thành pháp hữu nhân.

1665.

* **Tự ngôn:** Vô tham thành pháp hữu nhân, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Vô tham ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc thành pháp hữu nhân, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Vô sân thành pháp hữu nhân ... Vô si, Tín, Cần, Niệm, Định, Tuệ, Tham, Sân, Si, Ngã mạn, Tà kiến, Hoài nghi, Hôn trầm, Điệu cử, Vô tàm, Vô úy thành pháp hữu nhân, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố ý của Vô úy ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc thành pháp hữu nhân, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1666.

* **Tự ngôn:** Sắc thành pháp hữu nhân, nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô tham thành pháp hữu nhân, nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Vô tham ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc thành pháp hữu nhân, nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của pháp ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô sân thành pháp hữu nhân ... Vô úy thành pháp hữu nhân nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Vô úy ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1667.

* Phản ngữ: Chớ nên nói rằng sắc thành pháp hữu nhân phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Sắc thành pháp hữu duyên *(sappaccaya)* phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà sắc thành pháp hữu duyên, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Sắc thành pháp hữu nhân.

Dứt Sắc hữu nhân ngữ

SẮC THÀNH THIỆN, BẤT THIỆN NGỮ *(RŪPAṂ KUSALĀKUSALANTI KATHĀ)*

1668.

* **Tự ngôn:** Sắc thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà sắc thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy không có thời không nên nói sắc thành thiện.

1669.

* **Tự ngôn:** Vô tham thành thiện, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Vô tham ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc thành thiện, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô sân thành thiện ... Vô si thành thiện ... Tín, Cần, Niệm, Định ... Tuệ thành thiện, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Tuệ đó vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc thành thiện, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1670.

- **Tự ngôn:** Sắc thành thiện nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố ý của sắc ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô tham thành thiện nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Vô tham ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc thành thiện nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô sân thành thiện ... Tuệ thành thiện, nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Tuệ ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1671.

- **Tự ngôn:** Sắc thành bất thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà sắc thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy không có thời không nên nói Sắc thành bất thiện.

1672.

- **Tự ngôn:** Tham thành bất thiện, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Tham ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc thành bất thiện, thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sân, Si, Ngã mạn ... Vô úy thành bất thiện, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Vô úy ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc thành bất thiện, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1673.

- **Tự ngôn:** Sắc thành bất thiện nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tham thành bất thiện nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Tham ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc thành bất thiện nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sân, Si, Ngã mạn ... Vô úy thành bất thiện nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Vô úy ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1674.

- Phản ngữ: Chớ nên nói sắc hoặc thành thiện hoặc thành bất thiện phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Thân nghiệp, khẩu nghiệp hoặc thành thiện, hoặc thành bất thiện phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà thân nghiệp, khẩu nghiệp hoặc thành thiện, hoặc thành bất thiện, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng sắc hoặc thành thiện hoặc thành bất thiện.

Dứt Sắc thành thiện, bất thiện ngữ

SẮC THÀNH DỊ THỤC QUẢ NGỮ *(RŪPAṂ VIPĀKOTI KATHĀ)*

1675.

- **Tự ngôn:** Sắc thành dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc thành chỗ trụ của lạc thọ, thành chỗ trụ của khổ thọ, thành chỗ trụ của phi khổ phi lạc thọ, tương ưng với lạc thọ, tương ưng với khổ thọ, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ, tương ưng với Xúc ... tương ưng với Tâm thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc không thành sở trụ của lạc thọ, không thành sở trụ của khổ thọ ... thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà sắc không thành sở trụ của lạc thọ, không thành sở trụ của khổ thọ ... thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy không có thời không nên nói sắc thành dị thục quả.

1676.

- **Tự ngôn:** Xúc thành dị thục quả, Xúc thành sở trụ của lạc thọ, thành sở trụ của khổ thọ ... thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Xúc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc thành dị thục quả, Sắc thành sở trụ của lạc thọ, thành sở trụ của khổ thọ ... thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1677.

- **Tự ngôn:** Sắc thành dị thục quả nhưng Sắc không thành sở trụ của lạc thọ, không thành sở trụ của khổ thọ ... thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Xúc thành dị thục quả nhưng Xúc không thành sở trụ của lạc thọ, không thành sở trụ của khổ thọ ... thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của sắc ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1678.

- Phản ngữ: Chớ nên nói Sắc thành dị thục quả phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Sắc tức là Tâm và Sở hữu Tâm mà phát sanh ra do người tạo nghiệp để thành dị thục quả phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà pháp tức là Tâm và Sở hữu Tâm nơi sanh ra do người tạo nghiệp để thành dị thục quả, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Sắc mà sanh ra do người tạo nghiệp để thành dị thục quả.

Dứt Sắc thành dị thục quả ngữ

SẮC THÀNH SẮC GIỚI, VÔ SẮC GIỚI NGỮ
(RŪPAṂ RŪPĀVACARĀRŪPAVACARANTI KATHĀ)

1679.

* **Tự ngôn:** Sắc thành Sắc giới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc thành pháp tìm kiếm tài sản, thành pháp tìm kiếm đi sanh, thành pháp cơ quan trụ, thành lạc hiện đời *(diṭṭhadhammasukha)* đồng đáo, sanh chung, hòa hợp, tương ưng, đồng sanh, đồng diệt, đồng vật, đồng căn với cái tâm tìm tòi tài sản, với cái tâm tìm tòi đi sanh, với cơ quan trụ thành lạc trong hiện đời phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc không thành pháp tìm tòi tài sản, không thành pháp tìm kiếm đi sanh, không thành pháp cơ quan trụ, thành lạc trong hiện thế, sẽ thành pháp đồng đáo, hiệp sanh, điều hòa, tương ưng, đồng sanh, đồng diệt, đồng vật, đồng cảnh với cái tâm tìm tòi tài sản cũng không có với cái tâm tìm kiếm đi sanh cũng không có, với cơ quan trụ thành lạc trong hiện tại cũng không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Sắc không thành pháp tìm tòi tài sản, không thành pháp tìm tòi đi sanh, không thành pháp cơ quan trụ thành lạc trong hiện đời, sẽ thành pháp đồng đáo, đồng cảnh với tâm cơ quan trụ thành lạc trong hiện đời cũng không có, thời không nên nói sắc thành Sắc giới vẫn có.

1680.

* **Tự ngôn:** Sắc thành Vô sắc giới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc thành pháp tìm tòi tài sản, thành pháp tìm tòi đi sanh, thành pháp cơ quan trụ, thành lạc trong đời này, đồng đáo, sanh chung, điều hòa, tương ưng, đồng sanh, đồng diệt, đồng vật, đồng cảnh với cái tâm tìm tòi tài sản, với cái tâm tìm tòi đi sanh, với cái tâm cơ quan trụ thành lạc trong đời này phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc không thành pháp tìm tòi tài sản, không thành pháp tìm kiếm đi sanh, không thành pháp cơ quan trụ, thành lạc trong đời này sẽ thành pháp đồng đáo ... đồng cảnh ... với tâm cơ quan trụ, thành lạc trong đời này cũng không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Sắc không thành pháp tìm tòi tài sản, không thành pháp tìm kiếm đi sanh, không thành pháp cơ quan trụ, thành lạc trong đời này, sẽ thành pháp đồng đáo ... đồng vật, đồng cảnh ... với tâm cơ quan trụ thành lạc trong đời này cũng không có đặng thời không nên nói Sắc thành Vô sắc giới vẫn có.

1681.

* Phản ngữ: Chớ nên nói sắc thành Sắc giới vẫn có, sắc thành Vô sắc giới vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Sắc mà sanh ra do sự nơi người đặng làm nghiệp thuộc Dục giới để lại, thành Dục giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Sắc phát sanh ra do sự nơi người đặng làm nghiệp thuộc Dục giới để lại thành Dục giới, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Sắc mà sanh ra do nơi người tạo nghiệp thuộc Sắc giới để lại thành Sắc giới, Sắc mà sanh ra do nơi người tạo nghiệp thuộc về Vô sắc giới để lại thành Vô sắc giới.

Dứt Sắc thành Sắc giới, Vô sắc giới ngữ

SẮC ÁI SẮC GIỚI, VÔ SẮC ÁI VÔ SẮC GIỚI LIÊN QUAN LUÂN HỒI NGỮ
(RŪPARĀGO RŪPADHĀTU PARIYĀPANNOTI ĀDI KATHĀ)

1682.

- **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong sắc liên quan trong Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong sắc thành pháp tìm tòi tài sản, thành pháp tìm kiếm đi sanh, thành pháp cơ quan trụ, thành lạc trong đời này, đồng đáo, sanh chung, điều hòa, tương ưng, đồng sanh, đồng diệt, đồng vật, đồng cảnh với cái tâm tìm tòi tài sản, với cái tâm tìm kiếm đi sanh, với cái tâm cơ quan trụ thành lạc trong đời này phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong sắc không thành pháp tìm tòi tài sản, không thành pháp tìm kiếm đi sanh, không thành pháp cơ quan trụ, thành lạc trong đời này, sẽ thành pháp đồng đáo ... đồng vật, đồng cảnh ... cùng với tâm cơ quan trụ, thành lạc trong đời này cũng chẳng có đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà sự vọng dục trong sắc không thành pháp tìm tòi tài sản, không thành pháp tìm kiếm đi sanh, không thành pháp cơ quan đình trụ, thành lạc trong đời này, sẽ thành pháp đồng đáo, ... đồng vật, đồng cảnh ... với tâm cơ quan trụ thành lạc trong đời này cũng chẳng đặng thời không nên nói sự vọng dục trong sắc liên quan trong Sắc giới.

1683.

- **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong sắc liên quan trong Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong thinh, liên quan trong Thinh giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong sắc liên quan trong Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong khí ... sự vọng dục trong vị ... sự vọng dục trong xúc liên quan trong Xúc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1684.

- **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong thinh không nên nói liên quan trong Thinh giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong sắc không nên nói liên quan trong Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong khí ... sự vọng dục trong vị ... sự vọng dục trong xúc không nên nói liên quan trong Xúc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong sắc không nên nói liên quan trong Sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1685.

- **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong vô sắc liên quan trong Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong vô sắc không nên nói liên quan trong Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong vô sắc liên quan trong Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong vô sắc thành pháp tìm tòi tài sản, thành pháp tìm tòi đi sanh, thành pháp cơ quan trụ, thành lạc trong đời này, đồng đáo, sanh chung, điều hòa, tương ưng, đồng sanh, đồng diệt, đồng vật, đồng cảnh với cái tâm tìm tòi tài sản, với cái tâm tìm kiếm đi sanh, với cái tâm cơ quan trụ thành lạc trong đời này phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong vô sắc không thành pháp tìm tòi tài sản, không thành pháp tìm kiếm đi sanh, không thành pháp cơ quan trụ, thành lạc trong đời này mà thành pháp đồng đáo, ... đồng vật, đồng cảnh ... với tâm cơ quan trụ thành lạc trong đời này cũng không có đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà sự vọng dục trong sắc không thành pháp tìm tòi tài sản, không thành pháp tìm kiếm đi sanh, không thành pháp cơ quan trụ, thành lạc trong đời này, sẽ thành pháp đồng đáo, hiệp sanh, điều hòa, tương ưng, đồng sanh, đồng diệt, đồng vật, đồng cảnh với cái tâm tìm tòi tài sản cũng chẳng có đặng, với cái tâm tìm tòi đi sanh cũng chẳng có đặng, với tâm cơ quan trụ thành lạc trong đời này cũng chẳng có đặng thời không nên nói sự vọng dục trong Vô Sắc liên quan trong Vô sắc giới.

1686.

* **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong vô sắc liên quan Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong Thinh liên quan trong Thinh giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong vô sắc liên quan trong Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong khí ... sự vọng dục trong vị ... sự vọng dục trong xúc liên quan trong Xúc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1687.

* **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong thinh không nên nói liên quan trong Thinh giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong vô sắc không nên nói liên quan trong Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong khí ... sự vọng dục trong vị ... sự vọng dục trong xúc không nên nói liên quan trong Xúc giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự vọng dục trong vô sắc không nên nói liên quan trong Vô sắc giới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1688.

* Phản ngữ: Chớ nên nói sự vọng dục trong sắc liên quan trong Sắc giới, sự vọng dục trong vô sắc liên quan trong Vô sắc giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Sự vọng dục trong dục liên quan trong Dục giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà sự vọng dục trong dục liên quan trong Dục giới, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng sự vọng dục trong sắc liên quan trong Sắc giới, sự vọng dục trong vô sắc liên quan trong Vô sắc giới.

Dứt Sắc ái Sắc giới, Vô sắc ái Vô sắc giới liên quan luân hồi ngữ

Hết phẩm mười sáu

PHẨM MƯỜI BẢY

LA HÁN KHÍ PHƯỚC NGỮ *(ATTHI ARAHATO PUÑÑUPACAYOTI KATHA)*

1689.

- **Tự ngôn:** La Hán có cách bỏ hết phước *(puññūpacayo)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán có cách bỏ hết tội *(apuññūpacayo)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** La Hán không có cách bỏ hết tội phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán không có cách bỏ hết phước phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1690.

- **Tự ngôn:** La Hán có cách bỏ hết phước phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán còn tạo đủ phước hành *(puññābhisaṅkhāra)*, còn tạo đủ bất động hành *(āneñjābhisaṅkhāra)* còn tạo nghiệp mà thành để đi chỗ sanh để hậu hữu, để đặng thành đại, để đặng thành trưởng *(adhipati)*, để đặng tài sản lớn, để đặng bè đảng nhiều, để đặng sự đẹp trong tiên, để đặng sự đẹp trong nhân loại phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1691.

- **Tự ngôn:** La Hán có cách bỏ hết phước phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** La Hán còn đang bỏ hết phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** La Hán đang nghỉ bỏ hết phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** La Hán đang bỏ tuyệt phải chăng? ... La Hán còn đang chấp cứng phải chăng? ... La Hán đang chùi rửa phải chăng? ... La Hán đang vùi lấp phải chăng? ... La Hán đang hạn chế phải chăng? ... La Hán đang thơm đầy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** La Hán đang chất chứa cũng chẳng phải, đang nghỉ chất chứa cũng chẳng phải, nhưng La Hán là người đã nghỉ trừ bỏ, đang bảo trì phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà La Hán chẳng phải đang chấp chứa, chẳng phải đang nghỉ chấp chứa nhưng thành người đã nghỉ chừa bỏ, đang bảo trì thời không nên nói La Hán có cách bỏ hết phước.

1692.

- **Tự ngôn:** La Hán đang bỏ dứt cũng chẳng phải, đang chấp chứa cũng chẳng phải nhưng là bực đã bỏ dứt, đang bảo trì, chẳng phải đang chùi rửa, chẳng phải đang vùi lấp nhưng thành bực đã chùi rửa, đang bảo trì, chớ chẳng phải đang hạn chế, chẳng phải đang thơm đầy nhưng thành người đã hạn chế đang bảo trì phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà La Hán chẳng phải đang hạn chế, chẳng phải đang thơm đầy nhưng là bực đã hạn chế, đang bảo trì thời không nên nói La Hán có cách bỏ hết phước.

1693.

- Phản ngữ: La Hán không có cách bỏ hết phước phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: La Hán phải bố thí phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu La Hán phải bố thí, thời không nên nói La Hán không có cách bỏ hết phước.

1694.

* Phản ngữ: La Hán phải cho y ... phải cho bát, phải cho tọa cụ, phải cho thuốc men và vật dụng, phải cho đồ nhai, phải cho đồ ăn, phải cho đồ uống, phải lạy tháp, phải dưng đồ trang điểm, phải dưng đồ thơm thoa xức, phải dưng đồ thoa chà nơi tháp, phải cúng dường bảo tháp phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà La Hán phải cúng dường tháp, thời không nên nói La Hán không có cách bỏ hết phước.

Dứt La Hán khí phước ngữ

LA HÁN VÔ PHI THỜI TỬ NGỮ *(NATTHI ARAHATO AKALAMACCUTI KATHA)*

1695.

* **Tự ngôn:** La Hán không có tử phi thời phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán không có chết phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** La Hán có chết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán có chết phi thời phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** La Hán không có chết phi thời phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người mà giết mạng sống La Hán đó giết trong khi mạng sống như là mạng sống phần mà còn dư vẫn có, hoặc giết trong khi mạng sống như là mạng sống nơi phần không dư vẫn có. Phản ngữ: Giết trong khi mạng sống tức là mạng sống phần mà còn dư vẫn có.
* **Tự ngôn:** Nếu mà giết trong khi mạng sống như là mạng sống phần mà còn dư cũng có, thời không nên nói La Hán không có chết phi thời. Phản ngữ: Giết trong khi mạng sống tức là mạng sống phần mà không dư vẫn có.
* **Tự ngôn:** La Hán không chết phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1696.

* **Tự ngôn:** La Hán không có chết phi thời phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thuốc độc, gươm đao, lửa, không thể vào đến thân của La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thuốc độc, gươm đao, lửa có thể vào trong thân của La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà thuốc độc, gươm đao, lửa có thể vào trong thân của La Hán đặng thời không nên nói La Hán chẳng chết phi thời.

1697.

* **Tự ngôn:** Thuốc độc, gươm đao, lửa không có thể vào đến trong thân thể của La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** La Hán không chết phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1698.

* Phản ngữ: La Hán có thể chết phi thời phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Như Lai không nói cách mà nghiệp nó hành vi bằng cố quyết mà người đã làm, đã chừa bỏ, sẽ hết đi, vì không đặng hưởng quả nhưng chính nghiệp ấy sẽ cho quả chỉ trong hiện đời hoặc

trong đời sau này, hay trong đời sau này luôn luôn". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Nếu thế đó thì La Hán cũng không có chết phi thời chớ gì.

Dứt La Hán vô phi thời tử ngữ

NHỨT THẾ THỬ THÀNH DO NGHIỆP NGỮ
(SABBAMIDAṂ KAMMATOTI KATHĀ)

1699.

* **Tự ngôn:** Tất cả vật đây đều thành do nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dù cho nghiệp cũng thành do nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tất cả vật đây thành đều do nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vật tất cả đây thành đều do nhân tạo để trong khi trước phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tất cả vật đây thành đều do nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tất cả vật đây thành do dị thục quả của nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tất cả vật đây thành do dị thục quả của nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người phải sát sanh do dị thục quả của nghiệp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sát sanh có quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dị thục quả của nghiệp có quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Dị thục quả của nghiệp không có quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sát sanh không có quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người phải trộm cướp ... phải vọng ngôn, phải lưỡng thiệt, phải ác khẩu, phải ỷ ngữ, phải cắt vách lén trộm, phải đại cướp, phải cướp nhà lẻ, phải đón đường vắng, phải lấy vợ người, phải giết lối xóm, phải giết dân chúng do nghiệp dị thục quả phải chăng? Phải bố thí, phải cho y áo, phải cho bát, phải cho tọa cụ, phải cho thuốc men và vật dùng bởi nghiệp dị thục quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thuốc men, vật dụng có quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nghiệp dị thục có quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nghiệp dị thục không có quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thuốc men, vật dụng không có quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1700.

* Phản ngữ: Chớ nên nói tất cả vật đây thành do nghiệp phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Đời hành vi do nghiệp, chúng sanh hành vi do nghiệp, tất cả chúng sanh có nghiệp là cơ quan mật thiết như khía trái khế của xe nơi đang chạy, như thế người đặng chức phận ngợi khen do nghiệp và gặp sự suy đồi cho đến bị giết bị cầm tù cũng do nghiệp, người biết rõ cái nghiệp đó là cơ quan làm cho khác nhau, như vậy rồi làm sao mà dám nói rằng nghiệp không có trong đời". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Nếu thế đó tất cả vật đây cũng là nghiệp chớ gì.

Dứt Nhứt thế thử thành do nghiệp ngữ

QUYỀN LIÊN QUAN NGỮ *(INDRIYABADDHA KATHĀ)*

1701.

* Phản ngữ: Sự vật chỉ liên quan với quyền ấy thành khổ phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự vật chỉ liên quan với quyền đó vô thường thành hữu vi, nương duyên sanh ra, có sự mất là thường, có sự hủy hoại là thường, có sự tan rã là thường, có sự diệt mất là thường, có sự biến đổi là thường phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự vật không liên quan với quyền cũng vô thường, thành hữu vi nương duyên sanh ra, có sự mất đi dĩ nhiên, có sự hư hao dĩ nhiên, có sự tan rã dĩ nhiên, có sự diệt mất dĩ nhiên, có sự biến đổi dĩ nhiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà sự vật không liên quan với quyền cũng vô thường thành hữu vi, nương duyên sanh ra, có sự mất đi dĩ nhiên, có sự hư hoại dĩ nhiên, có sự tan rã dĩ nhiên, có sự diệt mất dĩ nhiên, có sự biến đổi dĩ nhiên thời không nên nói sự vật chỉ liên quan với quyền đó thành khổ.

1702.

* **Tự ngôn:** Sự vật không liên quan với quyền cũng vô thường thành hữu vi nương duyên sanh ra ... có sự biến đổi là lẽ thường nhưng nó không thành khổ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự vật liên quan với quyền cũng vô thường, thành hữu vi ... có sự biến đổi là lẽ dĩ nhiên, nhưng nó không thành khổ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự vật liên quan với quyền cũng vô thường thành hữu vi, có sự biến đổi là dĩ nhiên và nó thành khổ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự vật không liên quan với quyền vô thường, thành hữu vi ... có sự biến đổi là dĩ nhiên và nó thành khổ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1703.

* **Tự ngôn:** Sự vật chỉ liên quan với quyền đó thành khổ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự vật nào vô thường, sự vật ấy Đức Thế Tôn Ngài phán rằng là khổ, sự vật không liên quan với quyền cũng vô thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà thứ nào vô thường, thứ ấy Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng là khổ, thứ vật nào không liên quan với quyền cũng vô thường, thời không nên nói sự vật chỉ liên quan với quyền đó thành khổ.

1704.

* Phản ngữ: Chớ nên nói sự vật chỉ liên quan với quyền đó mới thành khổ phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Người giữ hạnh tốt trong Phật Giáo hầu chăm chú biết khổ mà liên quan với quyền thế nào thời vẫn hành phạm hạnh trong Phật Giáo hầu chăm chú biết khổ nơi không liên quan với quyền như thế đó phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

* Phản ngữ: Khổ liên quan với quyền mà bực Thánh đã chăm chú rõ vẫn không sanh nữa như thế nào thì khổ mà không liên quan với quyền của bực Thánh đã chăm chú hiểu thời không sanh nữa thế đó phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó thời sự vật chỉ liên quan với quyền ấy thành khổ chớ gì.

Dứt Quyền liên quan ngữ

TRỪ RA THÁNH ĐẠO NGỮ *(ṬHAPETVĀ ARIYAMAGGANTI KATHĀ)*

1705.

* **Tự ngôn:** Trừ ra Thánh Đạo, hành mà ngoài ra thành khổ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Dù Khổ Tập cũng là khổ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Dù là Khổ Tập cũng là khổ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thánh đế chỉ có ba đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thánh đế chỉ có ba đó phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài thuyết để Tứ Thánh đế tức là: Khổ, Khổ tập *(dukkhasamudaya)*, Khổ diệt *(dukkhanirodha)*, Khổ diệt Tiến hành *(dukkhanirodhagāminīpatīpadā)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài thuyết để bốn Thánh đế là Khổ, Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt Tiến hành thời không nên nói Thánh đế chỉ có ba đó.

1706.

* **Tự ngôn:** Dĩ nhiên Khổ tập cũng là khổ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Theo ý nghĩa nói cách nào? Phản ngữ: Theo ý nghĩa vô thường.
* **Tự ngôn:** Thánh Đạo vô thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thánh Đạo thành khổ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thánh Đạo vô thường nhưng Thánh Đạo đó không thành khổ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Khổ Tập vô thường nhưng Khổ tập đó không thành khổ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Khổ Tập vô thường và Khổ tập đó thành khổ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thánh Đạo vô thường và Thánh Đạo đó thành khổ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1707.

* Phản ngữ: Chớ nên nói trừ Thánh Đạo, hành ngoài ra thành khổ phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thánh Đạo đó thành Tiến hành diệt khổ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Thánh Đạo đó thành Tiến hành diệt khổ, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng trừ Thánh Đạo, hành mà ngoài ra thành khổ.

Dứt Trừ ra Thánh Đạo ngữ

BẤT ƯNG NGÔN TĂNG THỌ CÚNG DƯỜNG NGỮ
(NA VATTABBAṂ SAṄGHO DUKKHINAṂ PAṬIGGAṆHATITI KATHA)

1708.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói Tăng bảo thọ của làm phước đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tăng bảo là bực đáng cúng dường, thành bực đáng nghinh tiếp, thành bực đáng với của làm phước, thành bực đáng chấp tay cung kỉnh, thành phước điền cao thượng của đời phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Tăng bảo thành bực đáng với của cúng dường, thành bực đáng nghinh tiếp, thành bực đáng làm phước, thành bực đáng kỉnh xá, thành phước điền cao thượng của đời, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Tăng bảo thọ của làm phước đặng.

1709.

* **Tự ngôn:** Không nên nói Tăng bảo thọ của làm phước đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài phán bốn đôi của trượng phu, tám bực người trượng phu là thành bực đáng của làm phước phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài phán bốn đôi trượng phu, 8 bực người trượng phu là thành bực đáng của làm phước, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Tăng bảo thọ của làm phước đặng.

1710.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói Tăng bảo thọ của làm phước đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cũng có bọn người nơi dưng cúng đến Tăng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà có bọn người nơi dưng cúng cho Tăng vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Tăng bảo thọ của làm phước đặng.
* **Tự ngôn:** Hoặc có người mà dưng y ... dưng bát, dưng tọa cụ, dưng y dược, vật dụng, dưng đồ nhai, dưng đồ hưởng ... dưng nước uống đến Tăng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà hoặc bọn người dưng nước uống đến chư Tăng vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Tăng bảo thọ của làm phước đặng.

1711.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói Tăng bảo thọ của làm phước đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Tăng bảo bực đến đầy đủ với định vẫn thọ của làm phước như lửa thọ cách cúng dường, như Đại địa chứa nước mưa từ mây lớn". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó Tăng bảo cũng thọ của làm phước đặng chớ gì.

1712.

* Phản ngữ: Tăng bảo thọ của làm phước đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đạo thọ đặng phải chăng? Quả thọ đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

Dứt Bất ưng ngôn Tăng thọ cúng dường ngữ

BẤT NGÔN TĂNG ƯNG THỌ THÍ NGỮ
(NA VATTABBAṂ SAṄGHO DAKKHIṆAṂ VISODHETĪTI KATHĀ)

1713.

* **Tự ngôn:** Không nên nói Tăng còn làm của phước cho trong sạch đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tăng bực người đáng cúng dường, bực người đáng nghinh tiếp, bực người đáng làm phước, bực người đáng chấp tay cung kỉnh, thành phước điền cao thượng của đời phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Tăng thành bực đáng cúng dường ... thành phước điền cao thượng của đời thì chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Tăng có thể làm cho phước trong sạch.

1714.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói rằng Tăng còn làm cho bố thí trong sạch đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài nói bốn đôi trượng phu, tám người trượng phu là thành người đáng làm phước phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài có nói bốn đôi trượng phu, tám người trượng phu là thành người đáng làm phước, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Tăng có thể làm phước trong sạch đặng.

1715.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói rằng Tăng còn làm cho phước trong sạch đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cũng có bọn người mà dưng cúng bố thí cho Tăng rồi thỏa thích phước vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà cũng có số người đã dưng cúng, bố thí đến Tăng rồi thỏa thích phước vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Tăng còn cho làm phước trong sạch đặng.

1716.

* **Tự ngôn:** Cũng có người dưng y ... dưng bát, dưng tọa cụ, dưng y dược vật dụng, dưng đồ nhai, dưng đồ độ (thực), dưng nước uống đến Tăng rồi thỏa thích phước vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà cũng có số người khi đã dưng nước, đồ uống đến Tăng thỏa thích phước vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Tăng có thể cho phước trong sạch đặng.

1717.

* Phản ngữ: Tăng có thể cho phước trong sạch đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đạo có thể cho phước trong sạch đặng phải chăng? Quả có thể cho phước trong sạch phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

Dứt Bất ngôn Tăng ưng thọ thí ngữ

BẤT NGÔN TĂNG ĐỘ THỰC NGỮ
(NA VATTABBAṂ SAṄGHO BHUÑJATĪTI KATHĀ)

1718.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói Tăng độ uống nhai liếm đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cũng có số người làm Yết ma, diễn giảng, nấu cháo và nấu nước phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà có người là yết ma, diễn giảng, nấu cháo và nấu nước vẫn có, chính do nhân đó, Ngài mới nói rằng Tăng độ, uống nhai, liếm đặng.

1719.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói Tăng độ uống nhai liếm đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài nói đoàn thể thực phẩm, đáo biệt thực phẩm, quá đa thực phẩm, bất đa thực phẩm sắp để phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài đặt để đoàn thể thực phẩm, đáo biệt thực phẩm, quá đa thực phẩm, bất đa thực phẩm chính do nhân đó mới nói rằng Tăng độ uống nhai liếm đặng.

1720.

* **Tự ngôn:** Không nên nói Tăng độ uống nhai liếm đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có chế tám thứ nước uống như là: nước trái xoài *(ambapānaṃ)*, nước trái trâm *(jambūpānaṃ)*, nước trái chuối có hột *(cocapānaṃ)*, nước trái chuối không hột *(mocapānaṃ)*, nước trái viết *(madhupānaṃ)*, nước trái thị *(muddikapānaṃ)*, nước củ sen *(sālukapānaṃ)*, nước trái thanh trà *(phārusakapanaṃ)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu Đức Thế Tôn Ngài có chế để tám thứ nước uống như là nước trái xoài, nước trái trâm, nước trái chuối có hột, nước trái chuối không hột, nước trái viết, nước trái thị, nước củ sen, nước trái thanh trà thì chính do nhân đó mới nói rằng Tăng độ nhai liếm đặng.

1721.

* Phản ngữ: Tăng độ nhai liếm đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đạo *(magga)* nhai liếm đặng phải chăng? Quả độ nhai liếm đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

Dứt Bất ngôn Tăng độ thực ngữ

BẤT NGÔN CÚNG TĂNG ĐA QUẢ NGỮ
(NA VATTABBAṂ SAṄGHASSA DINNAṂ MAHAPPHALANTI KATHĀ)

1722.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói bố thí cúng dường đến Tăng có quả phước phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tăng thành bực đáng cúng dường, thành bực đáng nghinh tiếp, thành bực đáng làm phước, thành bực đáng xá kỉnh, thành phước điền cao thượng của đời phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Tăng thành bực đáng cúng dường, thành bực đáng nghinh tiếp ... thành phước điền cao thượng của đời, chính do nhân đó mới có nói rằng bố thí cúng dường Tăng có quả nhiều.

1723.

- **Tự ngôn:** Chớ nên nói bố thí cúng dường đến Tăng có quả nhiều phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có nói bốn đôi trượng phu, tám người trượng phu thành bực đáng làm phước phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài nói bốn đôi trượng phu, tám người trượng phu là thành bực đáng làm phước, chính do nhân đó mới nói có nói rằng bố thí cúng dường đến Tăng có quả nhiều.

1724.

- **Tự ngôn:** Chớ nên nói bố thí đến Tăng có quả nhiều phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này Gotami, người nên dưng đến Tăng, khi người dưng đến Tăng rồi sẽ đặng gọi là cúng dường Như Lai tức là cúng dường Tăng luôn". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó cúng dường đến Tăng cũng có quả nhiều chớ gì.

1725.

- **Tự ngôn:** Chớ nên nói cúng dường đến Tăng có quả nhiều phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Đế Thích là chúa của Chư thiên cầu hỏi với Phật như vầy: "Tất cả nhân loại người sẽ cúng dường là người tìm phước khi sẽ làm phước phần đạt luân hồi, bố thí nơi đâu mới sẽ có quả nhiều? Đức Thế Tôn Ngài phán rằng: "Bực người đình trụ trong bốn quả và bực người đình trụ trong bốn đạo, đây gọi là Tăng thành người chơn chánh, gìn giữ Giới, Định, Tuệ. Tất cả nhân loại người sẽ cúng dường bực làm phước hầu sẽ làm phước phần đạt luân hồi bố thí đến Tăng đây mới sẽ có quả nhiều như vậy. Kỳ thật Tăng đây rộng rãi to tát không bờ mé cũng như biển cả, những Ngài ấy là bực rất đặc biệt thành đệ tử của Phật, thành anh hùng của dũng nhân, thành bực làm cho sáng suốt vẫn truyền bá pháp. Người nào bố thí hồi hướng Tăng, những người ấy gọi là đã bố thí tốt, đã cúng dường tốt, đã cúng tế tốt, bố thí mà đã quyết ngay trong Tăng đó có quả nhiều thì Đức Phật Ngài khen ngợi, những người nào nhớ đến cách cúng dường thế này thành bực có sự vui mừng dạo đi trong đời, hạn chế trần uế tức là sự bỏn xẻn luôn cả gốc rễ, thành bực mà trí thức không chê trách vào đến cơ sở *(ṭhāna)* tức là Thiên đường". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó, bố thí cúng dường đến Tăng thời có quả nhiều chớ gì.

Dứt Bất ngôn cúng Tăng đa quả ngữ

BẤT NGÔN CÚNG PHẬT ĐA QUẢ NGỮ

(NA VATTABBAṂ BUDDHASSA DINNAṂ MAHAPPHALANTI KATHĀ)

1726.

- **Tự ngôn:** Chớ nên nói cúng dường đến Phật có quả nhiều phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Phật là chúa của nhân thiên, thành bực rất đặc biệt, thành trưởng, thành bực Chí Thượng, thành bực Chí Tôn của nhân thiên không ai so, không ai sánh, không ai bằng, không ai tương đương, không ai giống phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Phật là chúa của Nhân Thiên thành người rất đặc biệt, thành trưởng, thành bực Chí Thượng, thành bực Chí Tôn của Nhân Thiên không có ai so, không có

ai sánh, không ai bằng, không ai tương đương, không ai giống. Chính do nhân đó mới có nói rằng cúng dường đến Phật có quả nhiều.

1727.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói cúng dường đến Phật có quả nhiều phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ai ai mà tương đương Đức Phật bằng Giới, bằng Định, bằng Tuệ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không có.
* **Tự ngôn:** Nếu mà ai ai đặng như Đức Phật bằng Giới, bằng Định, bằng Tuệ không có. Chính do nhân đó mới nói rằng cúng dường đến Phật có quả nhiều.

1728.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói cúng dường đến Phật có quả nhiều phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Hoặc đời này hay đời khác không có người sẽ đặc biệt hơn, hoặc sẽ sánh kịp Phật người đã đến sự tột của bực đáng cúng dường với đám người cần dùng phước tìm tòi quả rộng lớn". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó cúng dường đến Phật thời có quả nhiều chớ gì.

Dứt Bất ngôn cúng Phật đa quả ngữ

BỐ THÍ THANH TỊNH NGỮ *(DAKKHIṆĀVISUDDHI KATHĀ)*

1729.

* **Tự ngôn:** Bố thí trong sạch chỉ thuộc phần người cúng, không trong sạch đặng thuộc phần người thọ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cũng có hạng người thọ mà thành bực đáng cúng dường, thành bực đáng nghinh tiếp, thành bực đáng làm phước, thành bực đáng chấp tay kính xá, thành phước điền cao thượng của đời vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà có bực thọ thí thành người đáng cúng dường, thành người đáng nghinh tiếp, thành người đáng làm phước, thành người đáng chấp tay kính xá, thành phước điền cao thượng của đời vẫn có thời không nên nói bố thí trong sạch chỉ đặng nơi phía cúng, không đặng trong sạch nơi phía thọ.

1730.

* **Tự ngôn:** Bố thí trong sạch đặng chỉ nơi phía thí, không trong sạch đặng nơi phía thọ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài nói bốn cặp trượng phu, tám người trượng phu là thành bực đáng làm phước phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn nói bốn cặp trượng phu, tám người trượng phu là bực đáng làm phước thời không nên nói bố thí trong sạch chỉ đặng bên cúng, không đặng trong sạch bên thọ.

1731.

* **Tự ngôn:** Bố thí trong sạch chỉ đặng bên cúng, không trong sạch đặng về bên thọ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cũng có hạng người cúng dường đến Sơ quả rồi thỏa thích phước vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Nếu mà cũng có hạng người cúng dường đến Dự Lưu rồi thỏa thích phước vẫn có thời không nên nói bố thí trong sạch chỉ đặng về phần cúng, không trong sạch đặng về phần thọ.
- **Tự ngôn:** Cũng có hạng người cúng dường đến bực Nhứt Lai ... đến bực Bất Lai, đến bực La Hán rồi thỏa thích vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà có hạng người cúng dường đến La Hán rồi thỏa thích phước vẫn có thời không nên nói bố thí trong sạch chỉ đặng phía thí, không trong sạch đặng theo phía thọ.

1732.

- **Tự ngôn:** Bố thí trong sạch chỉ đặng phía thọ, không trong sạch với phía thí phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người khác thành kẻ làm cho người khác khổ, lạc, mà người khác làm cho một người làm, nhưng một người khác nửa hưởng quả phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bố thí trong sạch đặng chỉ về phần thí, không trong sạch đặng về phần thọ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này Ānanda, bố thí trong sạch cho bốn thứ. Bốn thứ ra sao? Bố thí mà trong sạch phía người thí, không trong sạch về phía người thọ vẫn có. Bố thí mà trong sạch về phía người thọ, nhưng không trong sạch về phía người thí vẫn có. Bố thí mà không trong sạch cả kẻ thí và người thọ vẫn có. Bố thí mà trong sạch cả kẻ thí luôn người thọ cũng có. Vậy bố thí mà trong sạch phần người thí, nhưng không trong sạch về phần người thọ ra sao? Người thí trong đời này là bực có giới, có pháp lương hảo *(kālyāṇa)* nhưng người thọ là bực phá giới có pháp tội; đây là bố thí trong sạch về phần người thí mà không trong sạch về phần người thọ.

  Còn bố thí trong sạch bên người thọ mà không trong sạch về phần người thí ra sao? như là người bố thí trong đời này là kẻ phá giới, có pháp tội nhưng bực thọ thí có giới và có pháp lương hảo *(kālyāṇa)*, thế này là bố thí trong sạch bên người thọ nhưng không trong sạch phía người thí.

  Còn bố thí trong sạch cả người thí và người thọ ra sao? như người bố thí trong đời này là kẻ phá giới có pháp tội và bực thọ thí cũng là người phá giới có pháp tội; cách này gọi là bố thí không trong sạch cả kẻ thí luôn người thọ.

  Còn bố thí trong sạch cả kẻ thí luôn người thọ ra sao? Như người bố thí trong đời này là bực có giới, có pháp lương hảo *(kālyāṇa)* và người thọ thí cũng là bực có giới có pháp lương hảo; cách này là bố thí trong sạch cả bên bố thí luôn phần thọ thí. Này Ananda, bố thí có bốn cách như thế này vậy". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói bố thí trong sạch chỉ đặng về phần thí, không trong sạch đặng về phần thọ thí.

Dứt Bố thí thanh tịnh ngữ
Dứt phẩm thứ mười bảy

PHẨM MƯỜI TÁM

THẾ GIỚI NHÂN LOẠI NGỮ *(MANUSSA LOKA KATHĀ)*

1733.

* **Tự ngôn:** Không nên nói Đức Thế Tôn Ngài vẫn đang bảo trì trong thế giới nhân loại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tòng lâm, chùa, nhà hội, đô thành, tỉnh, thôn quê nơi Phật Ngài từng ngự mà thành pháp vẫn còn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà tòng lâm, chùa, nhà hội, đô thành, tỉnh, thôn quê mà Đức Phật Ngài đã từng ngự mà thành pháp vẫn có, chính do nhân đó mới có nói rằng Đức Phật đã từng vẫn bảo trì trong thế giới Nhân loại.

1734.

* **Tự ngôn:** Không nên nói Đức Thế Tôn Ngài vẫn từng bảo trì trong thế giới nhân loại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn đản sanh nơi vườn Lâm Tì Ni, đắc chứng nơi cội cây Bồ đề, chuyển Pháp Luân nơi thành Ba La Nại, dự tịch nơi tháp Ba-van *(Paval)*, viên tịch nơi thành Kusinārā phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn đản sanh nơi vườn Lumbini ... viên tịch nơi thành Kusinārā, chính do nhân đó mới có nói rằng Đức Thế Tôn Ngài vẫn đặng bảo trì trong thế giới nhân loại.

1735.

* **Tự ngôn:** Chớ nên nói Đức Thế Tôn Ngài đã đặng bảo trì trong thế giới nhân loại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, một thuở nọ Như Lai ngự nơi cây sala lớn trong xứ Mỹ Yên *(Subhagavana)* gần thành Tối Cao *(Ukkaṭṭha)*. Này chư Phíc-khú, lúc nọ, Như Lai vừa đắc chứng tạm trụ nơi cây dương dung thọ *(Ajapālanigrodha)* làng Thượng Thời *(Uruvelā)*. Này chư Phíc-khú, lúc nọ, Như Lai tạm trụ nơi vườn Trúc Lâm *(Veḷuvana)* ở nơi Tòng Thử *(Kaḷandaka)* gần thành Vương Xá. Này chư Phíc-khú, lúc nọ, Như Lai tạm trụ nơi chùa Kỳ Viên của Cấp Cô Độc Trưởng Giả gần thành Xá Vệ. Này chư Phíc-khú, lúc nọ, Như Lai ngự nơi nhà khách đỉnh *(sāla)* Đại Tòng Lâm gần thành Vesālī". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thì Đức Thế Tôn Ngài cũng vẫn đặng bảo trì trong thế giới nhân loại chớ gì.

1736.

* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài vẫn đã đặng bảo trì trong thế giới nhân loại phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn ra đời, Ngài tiến hóa trong đời nhưng Ngài là bực không ô cấu trầm miếng trong đời, Ngài vẫn giá lâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài sanh trong đời, Ngài tiến hóa trong đời nhưng Ngài là bực mà đời không ô cấu chi phối, vẫn giá lâm đời thời không nên nói Đức Thế Tôn Ngài đã vẫn bảo trì trong thế giới nhân loai.

Dứt Thế giới nhân loại ngữ

THUYẾT PHÁP NGỮ *(DHAMMA DESANĀ KATHĀ)*

1737.

- **Tự ngôn:** Không nên nói Pháp bảo mà Đức Thế Tôn Ngài đã thuyết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vậy chớ ai thuyết để lại? Phản ngữ: Do Đức Phật hóa hiện thành bực Chiến Thắng, thành bực Tông giáo, thành bực Chánh Đẳng Chánh Giác, thành bực Toàn Giác, thành bực Chánh Biến Tri, thành bực Pháp Chủ, thành bực Pháp Quy Y phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chớ nên nói Pháp bảo mà Đức Thế Tôn Ngài đã thuyết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vậy chớ ai thuyết để? Phản ngữ: Đức Ānanda thuyết để.
- **Tự ngôn:** Đức Ānanda là bực Chiến Thắng, bực Tông giáo, bực Chánh Đẳng Chánh Giác, bực Toàn Giác, bực Chánh Biến Tri, bực Pháp Chủ, bực Pháp Quy Y phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1738.

- **Tự ngôn:** Chớ nên nói Pháp bảo mà Đức Thế Tôn Ngài đã thuyết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này Xá Lợi Phất, Như Lai phải thuyết pháp hoặc yếu lược, hoặc quảng khoát, hay cả yếu lược và quảng khoát do người hiểu vừa đến pháp khó tìm". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời Pháp bảo mà Đức Thế Tôn Ngài đã thuyết chớ gì.

1739.

- **Tự ngôn:** Chớ nên nói Pháp bảo mà Đức Thế Tôn Ngài đã thuyết phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Như Lai thuyết pháp để đặng sự rất hiểu chớ không thuyết để đặng sự rất không hiểu. Như Lai thuyết pháp đi đôi với huyền áo *(pāṭihāriya)*, không thuyết khuyết điểm huyền áo *(patihariya)* và theo lối mà Như Lai thuyết pháp để đặng sự rất hiểu, không thuyết để cho sự rất không hiểu, thuyết pháp có nhân, không thuyết pháp khuyết điểm nhân, thuyết pháp có huyền áo, không thuyết pháp khuyết điểm huyền áo *(pāṭihāriya)*, lời giáo huấn của Như Lai mới làm theo thời các ngươi đáng mà vui thích, đáng mà sẽ ưa thích, đáng sẽ vui, Đức Thế Tôn là bực tự chứng bằng cách chơn thật, Pháp bảo mà Ngài thuyết đã rành, Tăng bảo đã thật hành tốt, thế vậy Đức Thế Tôn đang thuyết giáo mới đặng muôn vũ trụ chuyển động". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó, thời Pháp bảo mà Đức Thế Tôn Ngài đã thuyết chớ gì.

Dứt Thuyết Pháp ngữ

BI NGỮ *(KARUṆĀ KATHĀ)*

1740.

* **Tự ngôn:** Bi của Đức Thế Tôn không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Từ của Đức Thế Tôn không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bi của Đức Thế Tôn không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tùy hỷ ... Xả của Đức Thế Tôn không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1741.

* **Tự ngôn:** Bi của Đức Thế Tôn vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bi của Đức Thế Tôn vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tùy hỷ ... Xả của Đức Thế Tôn vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bi của Đức Thế Tôn vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1742.

* **Tự ngôn:** Bi của Đức Thế Tôn không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn chẳng phải hiệp với đức bi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài hiệp với đức bi, Ngài liên quan đời, Ngài tế độ đời, Ngài hành động lợi ích cho đời phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài hiệp với đức bi, Ngài liên quan đời, Ngài tế độ đời, Ngài làm lợi ích cho đời thời không nên nói là bi của Đức Thế Tôn không có.

1743.

* **Tự ngôn:** Bi của Đức Thế Tôn không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn đã nhập thiền Đại bi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài đã nhập thiền Đại Bi thời không nên nói bi của Đức Thế Tôn không có.

1744.

* Phản ngữ: Bi của Đức Thế Tôn vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn có ái phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó, bi của Đức Thế Tôn không có chớ gì.

Dứt Bi ngữ

KHÍ XUẤT NGỮ *(GANDHAJĀTI KATHĀ)*

1745.

* **Tự ngôn:** Đại tiểu của Đức Thế Tôn thơm hơn hơi khác phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài độ đồ thơm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài độ cơm và bánh đậu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn độ cơm và bánh đậu, thời không nên nói đại tiểu của Ngài thơm hơn các hơi khác.

1746.

* **Tự ngôn:** Đại tiểu của Ngài thơm hơn các hơi khác phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Cũng có hạng người tắm, thoa, chấm đại tiểu của Đức Thế Tôn cất để trong hộp, nhét vào chai bày bán nơi chợ, làm việc bằng đồ thơm với hơi ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Khí xuất ngữ

NHỨT ĐẠO NGỮ *(EKAMAGGA KATHĀ)*

1747.

* **Tự ngôn:** Bốn quả thông thường làm cho rõ đặng bằng Thánh Đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành sự hội hiệp của Tứ Xúc ... Tứ Tuệ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bốn đạo phổ thông làm cho rõ đặng chỉ bằng Thánh Đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bằng đạo Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bằng đạo Nhứt Lai ... bằng đạo Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bằng đạo nào? Phản ngữ: Bằng đạo La Hán.
* **Tự ngôn:** Bài trừ Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ bằng đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trừ Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ bằng đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn nói cách trừ tam triền là Sơ quả phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn nói cách trừ tam triền là quả Dự Lưu thời không nên nói trừ Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ, khinh thị bằng đạo La Hán đặng.
* **Tự ngôn:** Trừ Dục ái thứ thô *(Kāmarāga oḷārika),* Sân độc thứ thô đặng bằng đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trừ Dục ái thứ thô, Sân độc thứ thô đặng bằng đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn nói sự nhẹ nhàng của Dục ái và Sân độc là quả Nhứt Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn nói sự nhẹ nhàng của Dục ái và Sân độc là quả Nhứt Lai thời không nên nói trừ Dục ái thứ thô, Sân độc thứ thô đặng bằng đạo La Hán.
* **Tự ngôn:** Trừ Tham ái thứ vi tế, Sân độc thứ vi tế đặng bằng đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trừ Dục ái thứ vi tế, Sân độc thứ vi tế đặng bằng đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn nói cách trừ Dục ái và Sân độc bằng cách không còn sót là quả Bất Lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài nói cách trừ Dục ái, Sân độc bằng cách không còn sót là quả Bất Lai thời không nên nói trừ Dục ái thứ vi tế, Sân độc thứ vi tế đặng bằng đạo La Hán.

1748.

* Phản ngữ: Chớ nên nói tứ quả thông thường làm cho rõ đặng chỉ với Thánh Đạo phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Đạo Dự Lưu, Đức Thế Tôn Ngài đã cho sanh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài thành bực Dự Lưu phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Đạo Nhứt Lai ... Đạo Bất Lai, Đức Thế Tôn Ngài đã cho sanh phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài thành bực Bất Lai phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

1749.

* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài làm cho rõ tứ quả phổ thông chỉ với Thánh Đạo, nhưng tất cả bực Thinh Văn làm cho rõ tứ quả phổ thông bằng tứ Thánh Đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực Thinh Văn thấy pháp mà Đức Thế Tôn không đặng thấy chứng pháp mà Đức Thế Tôn không đặng chứng, làm cho rõ pháp mà Đức Thế Tôn không đặng làm cho rõ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Đạo ngữ

THIỀN ĐÀ NGỮ *(JHĀNASAṄKANTI KATHĀ)*

1750.

* **Tự ngôn:** Hành giả lướt đến từ bực thiền, khỏi từ bực thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Lướt đến Tam thiền từ Sơ thiền đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Hành giả lướt đến từ bực thiền, lìa từ bực thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Lướt đến Tứ thiền từ Nhị thiền đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1751.

* **Tự ngôn:** Lướt đến Nhị thiền từ Sơ thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự cố tâm nào đặng sự sanh ra của Sơ thiền, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm ấy để đặng sanh ra của Nhị thiền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Hành giả lướt đến Nhị thiền chính từ Sơ thiền nhưng không nên nói sự nhớ tưởng ... sự cố ý nào để đặng phát sanh của Sơ thiền, sự nhớ tưởng ... chính sự cố ý ấy để phát sanh ra của Nhị thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhị thiền sanh ra đặng với hành giả người vẫn không nhớ đến ... phát sanh ra của hành giả người vẫn không cố ý phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhị thiền vẫn sanh ra cho hành giả người nhớ tưởng vẫn sanh ra cho hành giả người cố ý phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Nhị thiền vẫn sanh ra cho hành giả người đang nhớ đến ... sanh ra cho hành giả người đang cố ý, thời không nên nói hành giả lướt đến Nhị thiền từ Sơ thiền.
* **Tự ngôn:** Hành giả lướt đến Nhị thiền từ Sơ thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Sơ thiền phát sanh cho hành giả bực tác ý với tất cả dục bằng sự thành đồ có lỗi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhị thiền cũng phát sanh cho hành giả bực tác ý với tất cả dục bằng sự thành đồ có lỗi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sơ thiền có Tầm có Tứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhị thiền cũng có Tầm có Tứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Hành giả lướt đến Nhị thiền từ Sơ thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sơ thiền cái đó Nhị thiền cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1752.

- **Tự ngôn:** Hành giả lướt đến Tam thiền từ Nhị thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự cố ý nào để đặng sanh ra của Nhị thiền, sự nhớ tưởng ... chính sự cố ý ấy để đặng sanh ra của Tam thiền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Hành giả lướt đến Tam thiền chính từ Nhị thiền, nhưng không nên nói sự nhớ tưởng, sự cố ý nào để đặng phát sanh của Nhị thiền, sự nhớ tưởng ... chính sự cố ý ấy để đặng phát sanh của Tam thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tam thiền vẫn phát sanh cho hành giả người vẫn không nhớ đến ... phát sanh cho hành giả người vẫn không quyết tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tam thiền vẫn phát sanh cho hành giả bực vẫn nhớ đến ... phát sanh cho hành giả bực vẫn quyết tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Nhị thiền phát sanh cho hành giả người vẫn nhớ đến ... phát sanh cho hành giả người vẫn quyết tâm thời không nên nói hành giả lướt đến Tam thiền từ Nhị thiền.
- **Tự ngôn:** Hành giả lướt đến Tam thiền từ Nhị thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhị thiền phát sanh cho hành giả bực tác ý với Tầm và Tứ, thành sự thành pháp có lỗi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tam thiền phát sanh cho hành giả người tác ý với Tầm và Tứ bằng sự thành pháp có lỗi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Nhị thiền còn có Hỷ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tam thiền cũng còn có Hỷ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Hành giả lướt đến Tam thiền từ Nhị thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nhị thiền cái đó Tam thiền cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1753.

- **Tự ngôn:** Hành giả lướt đến Tứ thiền từ Tam thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự quyết tâm nào để đặng phát sanh của Tam thiền, sự nhớ tưởng ... sự quyết tâm, chính cái đó để đặng phát sanh của Tứ thiền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Hành giả lướt đến Tứ thiền chính từ Tam thiền, nhưng không nên nói sự nhớ tưởng ... sự quyết tâm nào để đặng phát sanh của Tam thiền, sự nhớ tưởng ... sự quyết tâm ấy để đặng phát sanh của Tứ thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Tứ thiền phát sanh cho hành giả người vẫn không nhớ đến ... phát sanh cho hành giả bực người vẫn không quyết tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tứ thiền phát sanh cho hành giả người vẫn nhớ đến ... phát sanh cho hành giả bực người vẫn quyết tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Tứ thiền phát sanh cho hành giả bực người vẫn nhớ đến ... phát sanh cho hành giả bực người vẫn quyết tâm thời không nên nói hành giả lướt đến Tứ thiền từ Tam thiền.
* **Tự ngôn:** Hành giả lướt đến Tứ thiền từ Tam thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tam thiền phát sanh cho hành giả bực người tác ý với Hỷ bằng sự thành pháp có lỗi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tứ thiền cũng phát sanh cho hành giả bực người tác ý với Hỷ bằng sự thành pháp có lỗi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tam thiền đồng đáo với Lạc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tứ thiền cũng đồng đáo với Lạc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Hành giả lướt đến Tứ thiền từ Tam thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tam thiền cái đó Tứ thiền cũng cái đó vậy phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1754.

* Phản ngữ: Chớ nên nói hành giả lướt đến mỗi thứ thiền từ mỗi thứ thiền phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Phíc-khú trong pháp luật này đã vắng lặng hẳn lìa dục vẫn vào đến Tứ thiền". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu thế đó hành giả cũng lướt đến mỗi thiền từ mỗi thiền chớ gì.

Dứt Thiền đà ngữ

THIỀN HỮU GIÁN NGỮ *(JHĀNANTARIKA KATHĀ)*

1755.

* **Tự ngôn:** Thiền hữu gián *(jhānantarika)* vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Xúc hữu gián vẫn có phải chăng? ... Tuệ hữu gián vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thiền hữu gián vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thiền hữu gián vẫn có trong chặng giữa Nhị thiền và Tam thiền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thiền hữu gián vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thiền hữu gián vẫn có trong chặng giữa Tam thiền và Tứ thiền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1756.

* **Tự ngôn:** Thiền hữu gián vẫn có trong chặng giữa Nhị thiền và Tam thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà thiền hữu gián không có trong chặng giữa Nhị thiền và Tam thiền thời không nên nói Thiền hữu gián vẫn có.

- **Tự ngôn:** Thiền hữu gián không có trong chặng giữa Tam thiền và Tứ thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà thiền hữu gián không có trong chặng giữa Tam thiền và Tứ thiền thời không nên nói thiền hữu gián vẫn có.

1757.

- **Tự ngôn:** Thiền hữu gián vẫn có trong chặng giữa Sơ thiền và Nhị thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thiền hữu gián vẫn có trong chặng giữa Nhị thiền và Tam thiền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thiền hữu gián vẫn có trong chặng giữa Sơ thiền và Nhị thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thiền hữu gián vẫn có trong chặng giữa Tam thiền và Tứ thiền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1758.

- **Tự ngôn:** Thiền hữu gián không có trong chặng giữa Nhị thiền và Tam thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thiền hữu gián không có trong chặng giữa Sơ thiền và Nhị thiền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thiền hữu gián không có trong chặng giữa Tam thiền và Tứ thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thiền hữu gián không có trong chặng giữa Sơ thiền và Nhị thiền phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1759.

- **Tự ngôn:** Định không có Tầm chỉ có Tứ thành thiền hữu gián phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Định có Tầm có Tứ thành thiền hữu gián phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Định mà không có Tầm chỉ có Tứ thành thiền hữu gián phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Định mà vô Tầm vô Tứ thành thiền hữu gián phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1760.

- **Tự ngôn:** Định hữu Tầm hữu Tứ không thành thiền hữu gián phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Định vô Tầm hữu Tứ không thành thiền hữu gián phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Định vô Tầm vô Tứ không thành thiền hữu gián phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Định vô Tầm hữu Tứ không thành thiền hữu gián phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1761.

- **Tự ngôn:** Định vô Tầm hữu Tứ có trong chặng giữa thiền cả hai mà phát sanh thành khối phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Khi Định vô Tầm hữu Tứ vẫn hành vi Sơ thiền đã diệt, Nhị thiền cũng chưa sanh ra phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà khi Định vô Tầm hữu Tứ vẫn hành vi Sơ thiền đã diệt rồi, Nhị thiền cũng chưa phát sanh thời không nên nói Định vô Tầm hữu Tứ thành thiền hữu gián vẫn có trong chặng giữa thiền cả hai mà phát sanh thành khối.

1762.

* Phản ngữ: Định vô Tầm hữu Tứ không thành thiền hữu gián phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Định vô Tầm hữu Tứ thành Sơ thiền ... thành Nhị thiền ... thành Tam thiền ... thành Tứ thiền phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó, Định vô Tầm hữu Tứ cũng thành thiền hữu gián chớ gì.

1763.

* **Tự ngôn:** Định vô Tầm hữu Tứ thành thiền hữu gián phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có thuyết ba thứ Định là Định hữu Tầm hữu Tứ, Định vô Tầm hữu Tứ, Định vô Tầm vô Tứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài có phán Định có ba thứ như là Định hữu Tầm hữu Tứ, Định vô Tầm hữu Tứ, Định vô Tầm vô Tứ, thời không nên nói Định vô Tầm hữu Tứ thành thiền hữu gián.

Dứt Thiền hữu gián ngữ

NHẬP THIỀN THÍNH THINH NGỮ *(SAMAPANNO SADDAṂ SUṆATITI KATHA)*

1764.

* **Tự ngôn:** Bực nhập thiền nghe tiếng đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực nhập thiền thấy sắc bằng nhãn ... nghe tiếng bằng nhĩ ... hửi hơi bằng tỷ ... nếm vị bằng thiệt ... đụng chạm bằng thân đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực nhập thiền nghe tiếng đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực nhập thiền thành bực đầy đủ với Nhĩ thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Định có với người mà đầy đủ bằng Ý thức phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Định có cho người đầy đủ với Ý thức thời không nên nói người nhập thiền nghe tiếng đặng.

1765.

* **Tự ngôn:** Định có với người đầy đủ Ý thức, người mà đầy đủ Ý thức nghe tiếng đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Định có với người đều đủ Ý thức, người đều đủ với Nhĩ thức nghe tiếng đặng thời không nên nói bực nhập thiền nghe tiếng đặng.
* **Tự ngôn:** Định có với người đều đủ với Ý thức, người đều đủ với Nhĩ thức nghe tiếng đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành sự hội hiệp của nhị xúc ... của nhị tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1766.

* Phản ngữ: Chớ nên nói bực nhập thiền nghe tiếng đặng phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài nói: "Tiếng là đối lập với Sơ thiền" phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài có nói: "Tiếng là đối lập với Sơ thiền, chính do nhân đó mới có nói rằng bực nhập thiền nghe tiếng đặng".
* **Tự ngôn:** Bởi Đức Thế Tôn Ngài nói tiếng là đối lập với Sơ thiền bởi thế người nhập thiền mới nghe tiếng đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài nói rằng: "Tầm, Tứ là cừu địch với Nhị thiền thì Tầm, Tứ mới vẫn có với Nhị thiền ấy" phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bởi Đức Thế Tôn Ngài nói thinh là đối lập với Sơ thiền như thế người mà nhập thiền mới nghe tiếng đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có nói: "Hỷ là cừu địch Tam thiền, nói hơi thở ra vô là cừu địch với Tứ thiền, nói sắc tưởng là cừu địch với người nhập thiền Không vô biên xứ, nói tưởng Không vô biên xứ là cừu địch với người nhập thiền Thức vô biên xứ, nói tưởng Thức vô biên xứ là cừu địch với người nhập thiền Vô sở hữu xứ, nói tưởng Vô sở hữu xứ là cừu địch với người nhập thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nói tưởng và Thọ là cừu địch với người nhập thiền Diệt thọ tưởng, Tưởng và Thọ mới vẫn có với người nhập thiền Diệt thọ tưởng đó phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt nhập thiền thính thinh ngữ

NHÃN KIẾN SẮC NGỮ *(CAKKHUNĀ RŪPAṂ PASSATĪTI KATHĀ)*

1767.

* **Tự ngôn:** Người thấy Sắc bằng nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thấy Sắc bằng Sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thấy Sắc bằng Sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thâu biết Sắc bằng Sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thâu biết Sắc bằng Sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sắc thành Ý thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người thấy sắc bằng nhãn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự quyết tâm của nhãn vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự quyết tâm của nhãn không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà sự nhớ tưởng ... sự quyết tâm của nhãn không có thời không nên nói người thấy sắc bằng nhãn.

1768.

* **Tự ngôn:** Người nghe tiếng bằng nhĩ ... Người hửi hơi bằng tỷ ... Người nếm vị bằng thiệt phải chăng? ....

1769.

* **Tự ngôn:** Người đụng chạm bằng thân phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đụng chạm Sắc bằng Sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đụng chạm Sắc bằng Sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thâu biết Sắc bằng Sắc phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

- **Tự ngôn:** Thâu biết Sắc bằng Sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc thành Ý thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người đụng chạm xúc bằng thân phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự quyết tâm của thân vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự nhớ tưởng ... sự cố ý của thân không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà sự nhớ tưởng ... sự cố ý của thân không có thời không nên nói người đụng chạm bằng thân ...

1770.

- Phản ngữ: Chớ nên nói người thấy sắc bằng nhãn ... đụng chạm xúc bằng thân phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Phíc-khú trong pháp luật này thấy sắc bằng nhãn ... đụng chạm xúc bằng thân". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời người cũng thấy sắc bằng nhãn, đụng chạm xúc bằng thân chớ gì.

Dứt Nhân kiến Sắc ngữ

PHẨM MƯỜI CHÍN

TRỪ PHIỀN NÃO NGỮ *(KILESAJAHANA KATHA)*

1771.

- **Tự ngôn:** Người trừ phiền não nơi thành quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Còn làm cho pháp diệt rồi diệt mất đi, làm cho pháp lìa rồi lìa mất đi, làm cho pháp hết rồi hết đi, còn làm cho pháp rơi rồi rơi mất đi, còn làm cho pháp rơi khuất rồi rơi khuất mất đi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người trừ phiền não quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Quá khứ đã diệt rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà quá khứ đã diệt thời không nên nói người trừ phiền não quá khứ.
- **Tự ngôn:** Trừ phiền não nơi quá khứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Quá khứ vẫn không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà quá khứ vẫn không có thời không nên nói người trừ phiền não quá khứ.

1772.

- **Tự ngôn:** Người trừ phiền não vị lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Có thể làm cho pháp chưa sanh không cho sanh, còn làm cho pháp chưa sanh đầy đủ không đặng sanh đầy đủ, còn làm cho pháp chưa sanh không cho sanh, còn làm cho pháp không hiện không cho hiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người trừ phiền não vị lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp mà thành vị lai chưa sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà pháp vị lai chưa sanh thời không nên nói người trừ phiền não vị lai.
- **Tự ngôn:** Người trừ phiền não vị lai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vị lai vẫn không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà vị lai không có thời không nên nói người trừ phiền não vị lai.

1773.

- **Tự ngôn:** Người trừ phiền não hiện tại phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người thành bực vọng dục rồi trừ Ái, thành người Sân độc ác rồi trừ Sân, thành người si rồi trừ Si, thành người phiền toái rồi trừ phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người trừ ái bằng ái, trừ sân bằng sân, trừ si bằng si, trừ phiền não bằng phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Ái tương ưng với tâm, đạo cũng tương ưng với tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành sự hội hiệp của nhị xúc ... của nhị tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Ái thành bất thiện, đạo thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Pháp thiện và pháp bất thiện, pháp có lỗi và pháp không có lỗi, pháp thô thiển và pháp tinh vi, pháp đen và trắng, thành đối lập nhau đến gặp nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Pháp thành thiện và pháp thành bất thiện ... pháp đen và pháp trắng mà thành cừu địch nhau đến gặp nhau phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, nền tảng bốn cách này xa nhau rất xa nhau. Bốn cách ra sao? Trời và đất, đây là cách thứ nhứt mà xa nhau rất xa nhau ... bởi thế đó pháp của hiền triết mới xa lìa pháp phi hiền triết". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói pháp thiện và pháp bất thiện ... đến gặp nhau chớ gì.

1774.

* Phản ngữ: Chớ nên nói người trừ phiền não nơi quá khứ, trừ phiền não nơi vị lai, trừ phiền não nơi hiện tại phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Người mà trừ phiền não đặng không có phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó người cũng trừ phiền não quá khứ, trừ phiền não vị lai, trừ phiền não hiện tại chớ gì.

Dứt Trừ phiền não ngữ

TIÊU DIỆT NGỮ *(SUÑÑATA KATHA)*

1775.

* **Tự ngôn:** Sự trống *(suññatā)* liên quan trong Hành uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp Vô chứng *(Animitta)* cũng liên quan trong Hành uẩn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự trống liên quan trong Hành uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp Vô chứng cũng liên quan trong Hành uẩn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Pháp Vô chứng không nên nói liên quan trong Hành uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự trống cũng không nên nói liên quan trong Hành uẩn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Pháp Vô chứng *(Animitta)* không nên nói liên quan trong Hành uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sự trống không *(suññatā)* cũng không nên nói liên quan trong Hành uẩn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự trống không liên quan trong Hành uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Hành uẩn Phi pháp vô thường, Phi pháp hữu vi, Phi pháp y tương sinh *(paṭiccasamuppāda)*, Phi pháp cùng tận *(khayadhamma)*, Phi pháp suy đồi *(vaya-dhamma)*, Phi pháp ly ái *(virāga)*, Phi pháp diệt *(nirodha)*, Phi pháp biến đổi *(vipariṇāma)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Hành uẩn thành pháp vô thường, thành pháp hữu vi, thành pháp y tương sinh, thành pháp cùng tận, thành pháp suy đồi, thành pháp ly ái, thành pháp diệt, thành pháp biến đổi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Hành uẩn vô thường ... có sự đổi thay thời không nên nói sự trống liên quan trong Hành uẩn.

1776.

- **Tự ngôn:** Sự trống của Sắc uẩn liên quan trong Hành uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự trống của Hành uẩn liên quan trong Sắc uẩn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự trống của Thọ uẩn ... sự trống của Tưởng uẩn ... sự trống của Thức uẩn liên quan trong Hành uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự trống của Hành uẩn liên quan trong Thức uẩn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1777.

- **Tự ngôn:** Sự trống của Hành uẩn không nên nói liên quan trong Sắc uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự trống của Sắc uẩn không nên nói liên quan trong Hành uẩn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sự trống của Hành uẩn không nên nói liên quan trong Thọ uẩn ... liên quan trong Tưởng uẩn ... liên quan trong Thức uẩn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sự trống của Thức uẩn không nên nói liên quan trong Hành uẩn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1778.

- Phản ngữ: Chớ nên nói sự trống liên quan trong Hành uẩn phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Hành đây trống *(suññata)* tự lìa hoặc lìa cái ngã *(atta)"*. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó thì sự Trống *(suññatā)* cũng liên quan trong Hành uẩn chớ gì.

Dứt Tiêu diệt ngữ

PHỔ THÔNG QUẢ NGỮ *(SĀMAÑÑA PHALA KATHĀ)*

1779.

- **Tự ngôn:** Phổ Thông Quả là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành Níp-bàn, thành chỗ chống cự *(tānaṃ)*, thành chỗ tàn nặc (che dấu) *(lenaṃ)*, thành sở y *(saraṇaṃ)*, thành trình tự *(parāyana)*, thành cơ sở *(ṭhāna)*, mà không uyển chuyển *(accuta)*, thành bất tử *(amata)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Quả thông thường thành vô vi, Níp-bàn cũng thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chỗ chống cự *(tāṇaṃ)* thành hai thứ ... chỗ tàn nặc *(ḷenam)* cũng thành hai thứ, sở y *(saraṇaṃ)* cũng thành hai thứ, trình tự *(parāyana)* cũng thành hai thứ, bất tử *(amata)* cũng thành hai thứ, Níp-bàn cũng thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1780.

- **Tự ngôn:** Quả Phổ Thông thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Phổ Thông thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

* **Tự ngôn:** Phổ Thông thành hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Quả Phổ Thông thành hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Quả Dự Lưu thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đạo Dự Lưu thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đạo Dự Lưu thành hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Quả Dự Lưu thành hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Quả Nhứt Lai ... Quả Bất Lai ... Quả La Hán thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đạo La Hán thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đạo La Hán thành hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Quả La Hán thành hữu vi phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Quả Dự Lưu thành vô vi, Quả Nhứt Lai ... Quả Bất Lai ... Quả La Hán thành vô vi, Níp-bàn thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô vi thành năm thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô vi thành năm thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chỗ chống cự thành năm thứ, nơi tàn nặc cũng thành năm thứ, sở y cũng thành năm thứ, trình tự cũng thành năm thứ, cơ sở mà không uyển chuyển cũng thành năm thứ, bất tử cũng thành năm thứ, Níp-bàn cũng thành năm thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Quả Phổ Thông ngữ

ÂN ĐỨC NGỮ *(PATTIKATHA)*

1781.

* **Tự ngôn:** Cách đặng *(patti)* thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Níp-bàn, thành chỗ chống cự, thành chỗ tàn nặc, thành sở y, thành trình tự, thành cơ sở mà bất di động, thành bất tử phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Cách đặng thành vô vi, Níp-bàn cũng thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chỗ để kháng (chống cự) thành hai thứ, chỗ tàn nặc (che dấu) cũng thành hai thứ, sở y cũng thành hai thứ, nơi trình tự cũng thành hai thứ, cơ sở bất di động cũng thành hai thứ, bất tử cũng thành hai thứ, Níp-bàn cũng thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1782.

* **Tự ngôn:** Cách đặng y *(cīvara)* thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Níp-bàn ... thành bất tử phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Cách đặng y thành vô vi, Níp-bàn cũng thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Nơi để kháng (chống cự) thành hai thứ, nơi tàn nặc cũng thành hai thứ, sở y cũng thành hai thứ, nơi trình tự cũng thành hai thứ, cơ sở mà bất di động cũng thành hai thứ, bất tử cũng thành hai thứ, Níp-bàn cũng thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Cách đặng bát ... tọa cụ, y dược, vật dụng thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành Níp-bàn ... thành bất tử phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Cách đặng y dược, vật dụng thành vô vi, Níp-bàn cũng thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nơi để kháng (chống cự) thành hai thứ ... Níp-bàn cũng thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Cách đặng y thành vô vi, cách đặng bát ... tọa cụ, cách đặng y dược vật dụng cũng thành vô vi, Níp-bàn cũng thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô vi thành năm thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vô vi thành năm thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chỗ để kháng (chống cự) thành năm thứ ... Níp-bàn cũng thành năm thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1783.

- **Tự ngôn:** Cách đặng Sơ thiền thành vô vi phải chăng? (nên phân rộng như mỗi thứ), cách đặng Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, thiền Không vô biên xứ, thiền Thức vô biên xứ, thiền Vô sở hữu xứ, thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ ... Sơ đạo Sơ quả, Nhị đạo Nhị quả, Tam đạo Tam quả, La Hán đạo La Hán quả thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành Níp-bàn ... thành cơ sở bất di động, thành bất tử phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Cách đặng quả La Hán thành vô vi, Níp-bàn cũng thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nơi để kháng (chống cự) thành hai thứ ... Níp-bàn cũng thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Cách đặng Sơ đạo thành vô vi, cách đặng Sơ quả thành vô vi ... cách đặng La Hán đạo thành vô vi, cách đặng La Hán quả thành vô vi, Níp-bàn thành vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô vi thành chín thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vô vi thành chín thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nơi để kháng thành chín thứ ... Níp-bàn cũng thành chín thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1784.

- Phản ngữ: Chớ nên nói cách đặng thành vô vi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Cách đặng thành Sắc, thành Thọ, thành Tưởng, thành Hành, thành Thức phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

* Phản ngữ: Nếu thế đó cách đặng thành vô vi chớ gì.

Dứt Ân đức ngữ

CHÂN NGỮ *(TATHATA KATHA)*

1785.

* **Tự ngôn:** Sự thành thứ đó *(tathatā)* của tất cả pháp là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Níp-bàn ... thành bất tử phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sự thành thứ đó *(tathatā)* của tất cả pháp là vô vi, Níp-bàn cũng là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nơi để kháng (chống cự) thành hai thứ ... Níp-bàn cũng thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1786.

* **Tự ngôn:** Sắc có sự thành Sắc, sự thành Sắc cũng là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Níp-bàn ... thành bất tử phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc có sự thành Sắc, sự thành Sắc cũng là vô vi, Níp-bàn cũng là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô vi thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Sở để kháng *(Tāṇaṃ)* thành hai thứ ... Níp-bàn cũng thành hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thọ có sự thành *(tathatā)* Thọ, sự thành Thọ ... Tưởng có sự thành Tưởng, sự thành Tưởng ... Hành có sự thành Hành, sự thành Hành ... Thức có sự thành Thức, sự thành thức là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thành Níp-bàn ... thành bất tử phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Sắc có sự thành Sắc, sự thành Sắc là vô vi ... Thức có sự thành Thức, sự thành Thức là vô vi ... Níp-bàn cũng là vô vi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Vô vi thành sáu thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Vô vi thành sáu thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chỗ để kháng thành sáu thứ ... Níp-bàn cũng thành 6 thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1787.

* Phản ngữ: Chớ nên nói sự thành thứ đó *(tathatā)* của tất cả pháp là vô vi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Sự thành thứ đó *(tathatā)* của tất cả pháp thành Sắc, thành Thọ, thành Tưởng, thành Hành, thành Thức phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó sự thành thứ ấy *(tathatā)* của tất cả pháp cũng là vô vi chớ gì.

Dứt Chân ngữ

THIỆN NGỮ *(KUSALA KATHA)*

1788.

- **Tự ngôn:** Níp-bàn giới *(Nibbānadhātu)* thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Níp-bàn giới thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự quyết tâm của Níp-bàn ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Níp-bàn thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự quyết tâm của Níp-bàn ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Níp-bàn giới thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự quyết tâm của Níp-bàn giới đó không có thời không nên nói Níp-bàn giới là thiện.

1789.

- **Tự ngôn:** Vô tham là thiện thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự quyết tâm của Vô tham ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Níp-bàn giới thành thiện, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự quyết tâm của Níp-bàn giới ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Vô sân thành thiện ... Vô si thành thiện ... Tín, Cần, Niệm, Định ... Tuệ thành thiện, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự quyết tâm của Tuệ ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Níp-bàn giới thành thiện, thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng, sự cố tâm của Níp-bàn giới ấy vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1790.

- **Tự ngôn:** Níp-bàn giới thành thiện, thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng, sự cố tâm của Níp-bàn giới ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô tham thành thiện nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự cố tâm của Vô tham ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Níp-bàn giới thành thiện nhưng thành pháp biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự quyết tâm của Níp-bàn giới ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Vô sân thành thiện ... Vô si thành thiện ... Tín, Cần, Niệm, Định … Tuệ thành thiện nhưng thành pháp không biết cảnh, sự nhớ tưởng ... sự quyết tâm của Tuệ ấy không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1791.

- Phản ngữ: Chớ nói rằng Níp-bàn giới thành thiện phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Níp-bàn giới thành pháp không lỗi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà Níp-bàn giới thành pháp không lỗi, chính do nhân đó mới có nói rằng Níp-bàn giới thành thiện.

Dứt Thiện ngữ

CỰC THẬM CỐ NHIÊN NGỮ *(ACCANTA NIYAMA KATHA)*

1792.

- **Tự ngôn:** Phàm phu chỉ có lỗi nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực người sát mẫu thành người chỉ có lỗi nhứt định, người sát phụ ... Người sát La Hán ... Người chích Phật thân huyết ... Người phá hòa hợp Tăng thành người chỉ thuộc về nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Phàm phu chỉ có lỗi nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Hoài nghi đáng sanh cho người chỉ có lỗi nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Hoài nghi phải sanh cho người chỉ có lỗi nhứt định thời không nên nói phàm phu chỉ có lỗi nhứt định.

1793.

* **Tự ngôn:** Hoài nghi không phải sanh cho người chỉ có lỗi nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trừ Hoài nghi đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trừ Hoài nghi đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trừ đặng do đạo Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trừ đặng do đạo Nhứt Lai ... trừ đặng do đạo Bất Lai ... trừ đặng do đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trừ đặng do đạo nào? Phản ngữ: Bằng đạo phía bất thiện.
* **Tự ngôn:** Đạo phía bất thiện thành pháp dẫn ra cho đến sự hết khổ, cho đến sự đắc chứng, cho đến Níp-bàn không thành cảnh của lậu ... không thành cảnh của phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đạo phía bất thiện không thành pháp dẫn ra ... thành cảnh của phiền não phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà đạo phía bất thiện không thành pháp dẫn ra ... thành cảnh của phiền não thời không nên nói Hoài nghi mà bực người nhứt định theo một lối trừ đặng bằng đạo phía bất thiện.

1794.

* **Tự ngôn:** Đoạn kiến *(ucchedadiṭṭhi)* phải sanh cho người nhứt định bằng thường kiến *(sassasadiṭṭhi)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà đoạn kiến phải sanh cho bực người nhứt định bằng thường kiến thời không nên nói phàm phu chỉ có nhứt định theo một lối.

1795.

* **Tự ngôn:** Đoạn kiến không phải sanh cho những người nhứt định bằng thường kiến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trừ đoạn kiến đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trừ đoạn kiến đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Trừ đặng bằng đạo Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trừ đặng bằng đạo Nhứt Lai ... bằng đạo Bất Lai ... bằng đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Trừ đặng bằng đạo nào? Phản ngữ: Trừ đặng bằng đạo phía bất thiện.
* **Tự ngôn:** Đạo phía bất thiện ... cũng không nên nói đoạn kiến mà người nhứt định với thường kiến trừ đặng bằng đạo phía bất thiện.

1796.

* **Tự ngôn:** Thường kiến phải sanh cho những người nhứt định bằng đoạn kiến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà thường kiến phải sanh cho bực người nhứt định với đoạn kiến thời không nên nói phàm phu chỉ có về phần lối nhứt định.

1797.

* **Tự ngôn:** Thường kiến không phải sanh cho những người nhứt định với đoạn kiến phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Thường kiến không phải sanh cho những người nhứt định với đoạn kiến phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trừ thường kiến đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trừ đặng bằng đạo Dự Lưu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trừ đặng bằng đạo Nhứt Lai ... bằng đạo La Hán phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bằng đạo nào? Phản ngữ: Bằng đạo phía bất thiện.
- **Tự ngôn:** Bằng đạo phía bất thiện ... thời không nên nói thường kiến mà những người nhứt định với đoạn kiến trừ đặng bằng đạo phía bất thiện.

1798.

- Phản ngữ: Không nên nói phàm phu có sự nhứt định bằng một phía phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, có người trong đời này là kẻ hiệp với pháp phe bất thiện, chỉ thành pháp theo phía đen, người ấy thành bực đã trầm miếng một lần thời cũng vẫn tự chìm đó". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó phàm phu cũng có sự nhứt định theo một phía chớ gì.

1799.

- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, có người trong đời này là kẻ hiệp với pháp phe bất thiện, chỉ thành pháp theo phía đen, người ấy thành bực đã trầm miếng một lần thời cũng vẫn tự chìm đó, do giải như vầy và theo nhân ấy Ngài mới xác định rằng phàm phu có sự nhứt định chỉ theo một phía ư". Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, có người trong đời này đã trồi lên hụp xuống". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người trồi lên rồi trở hụp xuống mỗi lần phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1800.

- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, có người trong đời này thành kẻ hiệp với phần pháp bất thiện, chỉ theo phía đen, người ấy đã thành kẻ đã chìm một lần thời vẫn tự chìm. Do phân giải như đây và theo nhân đó Ngài mới xác định rằng phàm phu có sự nhứt định chỉ theo một phần phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, có người trong đời này đã trồi lên kềm vững thân, đã trồi lên thấy rõ xoay coi, lội qua, đã trồi lên đi đến nơi chỗ đặng". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người đã trồi lên mỗi lần đi đến nơi chỗ đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Cực thậm cố nhiên ngữ

QUYỀN NGỮ *(INDRIYA KATHA)*

1801.

* **Tự ngôn:** Tín quyền mà thành hiệp thế không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức tin thành hiệp thế không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Cần quyền, Tín quyền ... Định quyền ... Tuệ quyền mà thành hiệp thế không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tuệ mà thành hiệp thế không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1802.

* **Tự ngôn:** Đức tin có thành hiệp thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tín quyền có thành hiệp thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Cần ... Niệm ... Định ... Tuệ có thành hiệp thế phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tuệ quyền có thành hiệp thế phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1803.

* **Tự ngôn:** Ý mà thành hiệp thế vẫn có, Ý quyền mà thành hiệp thế cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức tin mà thành hiệp thế vẫn có, Tín quyền mà thành hiệp thế cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Ý mà thành hiệp thế vẫn có, Ý quyền mà thành hiệp thế cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tuệ mà thành hiệp thế vẫn có, Tuệ quyền mà thành hiệp thế cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1804.

* **Tự ngôn:** Hỷ mà thành hiệp thế vẫn có, Hỷ quyền mà thành hiệp thế cũng vẫn có ... Mạng mà thành hiệp thế vẫn có, Mạng quyền mà thành hiệp thế cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức tin mà thành hiệp thế vẫn có, Tín quyền mà thành hiệp thế cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Mạng mà thành hiệp thế vẫn có, Mạng quyền mà thành hiệp thế cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tuệ thành hiệp thế vẫn có, Tuệ quyền thành hiệp thế cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1805.

* **Tự ngôn:** Đức tin thành hiệp thế vẫn có, nhưng Tín quyền mà thành hiệp thế không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ý thành hiệp thế vẫn có, nhưng Ý quyền mà thành hiệp thế không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tuệ thành hiệp thế vẫn có, nhưng Tuệ quyền thành hiệp thế không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ý thành hiệp thế vẫn có, nhưng Ý quyền thành hiệp thế không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đức tin thành hiệp thế vẫn có, nhưng Tín quyền thành hiệp thế không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Hỷ thành hiệp thế vẫn có, nhưng Hỷ quyền thành hiệp thế không có phải chăng? ... Mạng thành hiệp thế vẫn có, nhưng Mạng quyền thành hiệp thế không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tuệ thành hiệp thế vẫn có, nhưng Tuệ quyền thành hiệp thế không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Mạng thành hiệp thế vẫn có, nhưng Mạng quyền thành hiệp thế không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1806.

- **Tự ngôn:** Đức tin thành siêu thế vẫn có, Tín quyền thành siêu thế cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức tin thành hiệp thế vẫn có, Tín quyền thành hiệp thế cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Cần thành siêu thế vẫn có ... Tuệ thành siêu thế vẫn có Tuệ quyền thành siêu thế cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tuệ thành hiệp thế vẫn có, Tuệ quyền thành hiệp thế cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1807.

- **Tự ngôn:** Đức tin thành hiệp thế vẫn có, nhưng Tín quyền thành hiệp thế không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức tin thành siêu thế vẫn có, nhưng Tín quyền thành siêu thế không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Cần thành hiệp thế vẫn có ... Tuệ thành hiệp thế vẫn có nhưng Tuệ quyền thành hiệp thế không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tuệ thành siêu thế vẫn có, nhưng Tuệ quyền thành siêu thế không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1808.

- **Tự ngôn:** Ngũ quyền thành hiệp thế không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Như Lai khi quan sát trong đời bằng Phật nhãn, chính đã đặng thấy nơi tất cả chúng sanh cũng có hạng người ít bụi trần trong nhãn, cũng có hạng người nhiều bụi trần trong nhãn, cũng có hạng người quyền đã già, cũng có hạng người quyền còn non, cũng có hạng người thái độ tốt, cũng có hạng người thái độ xấu, cũng có hạng người sẽ để cho tỏ ngộ, cũng có hạng người sẽ khó cho tỏ ngộ đặng, cũng có hạng người thấy lỗi và thấy nạn trong đời sau". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó Ngũ quyền thành hiệp thế cũng có chớ gì.

Dứt Quyền ngữ

Dứt Phẩm thứ mười chín

PHẨM HAI MƯƠI

VÔ CỐ QUYẾT NGỮ *(ASAÑCICCA KATHA)*

1809.

* **Tự ngôn:** Người sát mẫu bằng cách không phải cố tâm, bằng cách không phải cố quyết thời thành kẻ gọi là tạo nghiệp vô gián phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người sát sanh không phải bằng cách cố ý thành người gọi là sát sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người giết mẹ do không cố quyết thành người gọi là tạo nghiệp vô gián phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người lấy đồ đạc của họ không cho ... nói láo bằng cách không cố quyết thời thành người gọi là vọng ngữ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1810.

* **Tự ngôn:** Người sát sanh bằng cách chẳng phải cố quyết không thành người gọi là sát sanh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người sát phụ với cách không phải cố quyết không thành người gọi là tạo nghiệp vô gián phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Người lấy của mà chủ không cho ... nói láo bằng cách không cố ý thì không gọi là người vọng ngữ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Kẻ sát phụ bằng cách không cố ý thì không gọi là người tạo nghiệp vô gián phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1811.

* **Tự ngôn:** Kẻ sát phụ bằng cách không cố quyết gọi là người tạo nghiệp vô gián phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Lời nói rằng: "Người sát mẫu bằng cách không ngoan cố gọi là người tạo nghiệp vô gián". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Không có.
* **Tự ngôn:** Nói rằng: "Người cố giết mẹ gọi là người tạo nghiệp vô gián". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà nói rằng: "Người cố ý giết mẹ gọi là người tạo nghiệp vô gián". Như đây là bài Kinh vẫn có thật thời không nên nói kẻ sát mẫu bằng cách không cố quyết gọi là người tạo nghiệp vô gián.

1812.

* Phản ngữ: Không nên nói kẻ giết mẹ gọi là người tạo nghiệp vô gián phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Họ đã đặng sát mẫu phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà họ đã đặng sát mẫu, chính do nhân đó mới có nói rằng kẻ sát mẫu gọi là người tạo nghiệp vô gián.
* Phản ngữ: Không nên nói kẻ sát phụ gọi là người tạo nghiệp vô gián phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Họ đã đặng sát phụ rồi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà họ đã đặng sát phụ, chính do nhân đó mới có nói rằng kẻ sát phụ gọi là người tạo nghiệp vô gián.

- Phản ngữ: Chớ nói rằng kẻ giết La Hán gọi là tạo nghiệp vô gián phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Họ đã đặng giết La Hán rồi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà họ đã đặng giết La Hán, chính do nhân đó mới có nói rằng kẻ giết La Hán mới gọi là người tạo nghiệp vô gián.
- Phản ngữ: Chớ nói rằng kẻ chích Phật thân huyết gọi là người tạo nghiệp vô gián phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Họ đã đặng chích Phật thân huyết rồi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu mà họ đã đặng chích Phật thân huyết rồi, chính do nhân đó mới có nói rằng kẻ chích Phật thân huyết gọi là người tạo nghiệp vô gián.
- **Tự ngôn:** Kẻ phá hòa hợp Tăng gọi là người tạo nghiệp vô gián phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Kẻ phá hòa hợp Tăng gọi là người tạo tất cả nghiệp vô gián phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Kẻ phá hòa hợp Tăng gọi là người tạo tất cả nghiệp vô gián phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Người thành bực có sự trọng hệ là trúng pháp làm cho Tăng chia rẽ nhau gọi là người tạo nghiệp vô gián phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Người thành bực có sự quan trọng rằng nhằm trúng pháp làm cho Tăng chia rẽ nhau gọi là người tạo nghiệp vô gián phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này U PāLī, kẻ phá hòa hợp Tăng mà sẽ phải đi đường ác, sẽ phải đi Địa ngục, đình trụ luôn cả kiếp sửa đổi không đặng vẫn có, bực người phá hòa hợp Tăng mà không phải đi vào ác đạo, không cần đi Địa ngục, không phải chịu luôn cả kiếp, chẳng phải người sửa đổi không đặng vẫn có". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói người thành bực có sự trọng hệ là trúng nhằm pháp làm cho Tăng chia rẽ gọi là người tạo nghiệp vô gián *(anantarikakamma).*

1813.

- Phản ngữ: Không nên nói bực người có sự quan trọng rằng bị trúng pháp làm cho Tăng chia rẽ gọi là người tạo nghiệp vô gián phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Bực người phá hòa hợp Tăng thành kẻ sẽ phải đi ác đạo, sẽ phải đi Địa ngục ở chịu luôn cả kiếp, họ thành người ưa thích cách chia rẽ, không gìn giữ theo pháp, vẫn xa lìa pháp, thành biên cương xa lìa phối *(yoga)*, họ phá hòa hợp Tăng, vẫn cháy trong Địa ngục luôn cả kiếp". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó thì kẻ phá hòa hợp Tăng cũng gọi là người tạo nghiệp vô gián chớ gì.

Dứt Vô cố quyết ngữ

TRÍ NGỮ *(ÑAṆAKATHA)*

1814.

* **Tự ngôn:** Trí không có với phàm phu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tuệ, thái độ hiểu rõ, sự nghiên cứu, sự lựa chọn, sự trạch pháp, sự chăm chú tiêu chuẩn, sự vào chăm chú, sự vào chăm chú trong phần không có với phàm phu phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tuệ, thái độ hiểu rõ, sự nghiên cứu ... sự vào chăm chú biết phần của phàm phu vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà tuệ, thái độ hiểu rõ, sự nghiên cứu ... sự vào chăm chú riêng phần của phàm phu vẫn có thời không nên nói trí không có với phàm phu.

1815.

* **Tự ngôn:** Trí không có với phàm phu phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Phàm phu có thể nhập Sơ thiền phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà phàm phu có thể nhập Sơ thiền thời không nên nói trí không có với phàm phu.

1816.

* **Tự ngôn:** Phàm phu có thể nhập Nhị thiền ... Tam thiền ... Tứ thiền ... có thể nhập Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Phàm phu có thể bố thí, có thể dưng y ... có thể cúng bát, có thể cúng tọa cụ ... có thể cúng Y dược vật dụng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà phàm phu có thể cúng y dược, vật dụng thời không nên nói trí không có với phàm phu.

1817.

* Phản ngữ: Trí của phàm phu vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Phàm phu chăm chú biết Khổ, trừ Tập, làm cho rõ Diệt, còn làm cho Đạo phát sanh bằng tuệ ấy phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...

Dứt Trí ngữ

DIÊM VƯƠNG NGỮ *(NIRAYAPALAKATHA)*

1818.

* **Tự ngôn:** Vua Diêm Vương không có trong tất cả Địa ngục phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách tổ chức không có trong tất cả Địa ngục phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Cách tổ chức vẫn có trong tất cả Địa ngục phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Diêm Vương vẫn có trong tất cả Địa ngục phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1819.

* **Tự ngôn:** Cách tổ chức vẫn có trong nhân loại và bực người tổ chức cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tổ chức vẫn có trong tất cả Địa ngục và bực người tổ chức cũng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tổ chức vẫn có trong tất cả Địa ngục nhưng bực người tổ chức không có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Tổ chức vẫn có trong nhân loại nhưng bực người tổ chức không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1820.

∗ Phản ngữ: Vua Diêm Vương vẫn có trong tất cả Địa ngục phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

∗ Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Pháp Chủ cũng không đặng giết Chúa Ngạ quỉ, không đặng giết Nguyệt Vương, Diêm Vương và Đa Văn Thiên Vương, cũng không đặng giết nghiệp của người khác, giết người hết phước lìa đời này và vào đến đời khác trong Địa ngục những đó đó". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu thế đó vua Diêm Vương cũng không có trong tất cả Địa ngục chớ gì.

1821.

∗ **Tự ngôn:** Vua Diêm Vương không có trong tất cả Địa ngục phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, hàng Diêm Vương có thể làm cho chúng sanh trong Địa ngục ấy thọ nghiệp sắp đặt mà gọi là cơ quan giam cầm năm cách như là đóng đinh, sắt nóng, một phía bên tay đóng đinh sắt nóng, một phía bên tay nữa đóng đinh sắt nóng, một phía chân đóng đinh sắt nóng, một phía chân nữa đóng đinh sắt nóng ngay giữa ngục. Chúng sanh trong Địa ngục ấy hưởng chịu khổ cay nóng ở trong Địa ngục ấy và sẽ còn chưa chết luôn thời gian mà nghiệp tội ấy chưa hết". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu thế đó vua Diêm Vương cũng không có ở trong tất cả Địa ngục chớ gì.

1822.

∗ **Tự ngôn:** Vua Diêm Vương không có trong tất cả Địa ngục phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, hàng Diêm Vương bắt chúng sanh trong Địa ngục nằm sắp trải rồi dẫn nhau kéo bừa sắt... Chư Diêm Vương dựng chúng sanh trong ngục đó chân trở lên đầu trở xuống rồi kéo bằng câu liêm ... chư Diêm Vương chất chúng sanh trong ngục đó vào trong xe rồi chạy tới chạy lui trên mặt đất mà lửa đã cháy liên tiếp có ngọn bằng nhau sáng chói ... Chư Diêm Vương còn làm cho chúng sanh trong Địa ngục đó gạn lên gạn xuống với núi lửa to mà lửa đã khắp liền có ngọn thành như nhau, ánh sáng chói hừng ... Chư Diêm Vương bắt chúng sanh trong Địa ngục đó dựng chân lên đầu xuống để vào trong nồi đồng nóng đỏ mà lửa đã liên tiếp đầy có ngọn đồng nhau, có ánh sáng suốt, họ vùi lửa có thân như bọt trong nồi đồng ấy và cả nơi cháy lấp có thân thể như bọt ở trong nồi đồng ấy, có khi nổi phù lên phía trên, có khi chìm xuống phía dưới, có khi vụt quăng đi, họ hưởng chịu cái khổ ... Tất cả Diêm Vương vẫn để vào nơi chúng sanh Địa ngục đó trong Đại địa Ngục thời chính Địa ngục đó có bốn góc, bốn cửa chia phân định thành mỗi phần có vách sắt giáp vòng toàn bằng sắt, nền của Đại Ngục đó cũng đều bằng sắt hiệp với sự nóng bốc lên thành ngọn tỏa đi cả trăm dặm đặt chung quanh trong mỗi thời giờ". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

∗ **Tự ngôn:** Nếu thế đó thì Diêm Vương cũng vẫn có trong tất cả Địa ngục chớ gì.

Dứt Diêm Vương ngữ

BÀNG SANH NGỮ *(TIRACCHANAKATHA)*

1823.

* **Tự ngôn:** Bàng sanh vẫn có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chư thiên vẫn có trong loại bàng sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bàng sanh vẫn có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cõi Trời là nơi sanh ra của bàng sanh phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bàng sanh vẫn có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bò cào, châu chấu, muỗi, ruồi, rắn, rít, bò kẹp, con lãi vẫn có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1824.

* Phản ngữ: Bàng sanh không có trong hàng Chư thiên phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Thần tượng, xe tiên mà sánh bằng 1000 con ngựa vẫn có trong hàng Chư thiên phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Tượng vóc đặc biệt gọi là thần mã, xe tiên mà sánh với 1000 con Ngựa vẫn có trong Chư thiên ấy, chính do nhân đó mới có nói rằng bàng sanh vẫn có trong hàng Chư thiên.

1825.

* **Tự ngôn:** Bàng sanh vẫn có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Những loại tượng, những loại ngựa, người cắt cỏ nuôi tượng, người quản lý bực làm đồ ăn cho chúng sanh vẫn có trong hàng Chư thiên phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó loài bàng sanh cũng vẫn không có trong Chư thiên chớ gì.

Dứt Bàng sanh ngữ

ĐẠO NGỮ *(MAGGAKATHA)*

1826.

* **Tự ngôn:** Đạo có năm chi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán: "Đạo có tám chi như là Chánh kiến ... Chánh định" phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài có phán đạo có tám chi tức là Chánh kiến ... Chánh định, thời không nên nói đạo có năm Chi.
* **Tự ngôn:** Đạo có năm chi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Bao nhiêu đường *(magga)* mà con đường có tám chi đặc biệt cùng tột; bao nhiêu đế mà có Tứ đế đặc biệt cùng tột, bao nhiêu pháp mà có pháp ly dục cùng tột, bao nhiêu nhị cú *(pada)* Đức Thế Tôn Ngài có nhãn đặc biệt cùng tột". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thì đạo cũng có tám chi chớ gì.

1827.

* **Tự ngôn:** Chánh ngữ là chi của đạo nhưng Chánh ngữ ấy không thành đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Chánh kiến là chi của đạo nhưng Chánh kiến ấy không thành đạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chánh ngữ là chi của đạo nhưng Chánh ngữ ấy không thành đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chánh tư duy ... Chánh tinh tấn ... Chánh niệm ... Chánh định là chi của đạo nhưng Chánh định không thành đạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chánh nghiệp ... Chánh mạng là chi của đạo nhưng Chánh mạng đó không thành đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chánh kiến ... Chánh định là chi của đạo nhưng Chánh định ấy không thành đạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1828.

- **Tự ngôn:** Chánh kiến là chi của đạo và Chánh kiến ấy thành đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chánh ngữ là chi của đạo và Chánh ngữ ấy thành đạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chánh kiến là chi của đạo và Chánh kiến ấy thành đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chánh nghiệp ... Chánh mạng là chi của đạo và Chánh mạng ấy thành đạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Chánh tư duy ... Chánh tinh tấn ... Chánh niệm ... Chánh định là chi của đạo và Chánh định ấy thành đạo phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Chánh ngữ ... Chánh nghiệp ... Chánh mạng thành chi của đạo và Chánh mạng ấy thành đạo phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1829.

- Phản ngữ: Thánh Đạo có bát chi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Hoặc thân nghiệp, khẩu nghiệp, thân thể của người ấy thành tính cách trong sạch chỉ trong thuở trước đó. Thánh Đạo có 8 chi này vẫn đến sự đầy đủ bằng tu tiến của người ấy bằng cách thế này". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó thì đạo cũng có ngũ chi chớ gì.

1830.

- **Tự ngôn:** Đạo có năm chi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này Subhadda, Thánh Đạo có tám chi không thể có trong pháp luật khác vậy, dù Sa Môn cũng kiếm không đặng trong pháp luật ấy, dù Sa Môn thứ hai cũng kiếm không đặng trong pháp luật ấy, dù Sa Môn thứ ba cũng kiếm không đặng trong pháp luật ấy, dù Sa Môn thứ tư cũng kiếm không đặng trong pháp luật ấy, thời Thánh Đạo chẳng phải có tám chi trong pháp luật nào đâu. Còn Bát Chi Đạo có trong pháp luật nào, thì Sa Môn cũng kiếm đặng trong pháp luật ấy, dù Sa Môn thứ hai ... dù Sa Môn thứ ba ... dù Sa Môn thứ tư cũng kiếm đặng trong pháp luật ấy. Này Subhadda, Thánh Đạo có tám chi vẫn kiếm đặng trong pháp luật này đây, Sa Môn thứ hai, Sa Môn thứ ba, Sa Môn thứ tư vẫn tìm đặng trong pháp luật này xử phạt bằng Giáo chủ khác khác, ngoài ra tất cả Sa Môn". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thì đạo cũng có tám chi chớ gì.

Dứt Đạo ngữ

TRÍ NGỮ *(ÑAṆA KATHA)*

1831.

- **Tự ngôn:** Trí siêu thế có mười hai tông *(vatthu)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Siêu thế Trí thành mười hai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trí siêu thế thành mười hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đạo Dự Lưu thành mười hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đạo Dự Lưu thành mười hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Quả Dự Lưu thành mười hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đạo Nhứt Lai thành mười hai thứ phải chăng ... Đạo Bất Lai ... Đạo La Hán thành 12 thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đạo La Hán thành mười hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đạo La Hán thành mười hai thứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1832.

- Phản ngữ: Chớ nên nói Trí siêu thế có mười hai tông *(vatthu)* phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, nhãn đã sanh ra, tuệ đã sanh ra, minh đã sanh ra, ánh sáng đã sanh ra cho Như Lai trong tất cả pháp mà Như Lai không từng đặng nghe trong thuở trước rằng đây là khổ, thành của thật thứ đặc biệt, như đây này chư Phíc-khú nhãn đã sanh ... ánh sáng đã phát ra cho Như Lai trong tất cả pháp mà Như Lai không từng đặng nghe trong khi trước. Đây cũng là khổ mà thành của thật thứ đặc biệt chính đây vậy mà Như Lai có thể chăm chú biết như đây ... cũng là khổ mà thành của thật thứ đặc biệt chính là đây vậy, mà Như Lai chăm chú đã biết như đây ... rằng đây là nhân sanh của khổ thành của thật thứ đặc biệt như đây ... rằng nhân phát sanh của khổ mà thành của thật thứ đặc biệt chính đây vậy mà Như Lai có thể trừ bỏ như đây ... rằng nhân phát sanh của khổ mà thành của thật thứ đặc biệt chính thế này mà Như Lai đã trừ rằng đây phát hành chỗ diệt khổ thành của thật thứ đặc biệt như đây ... rằng pháp thành chỗ diệt khổ mà thành của thật thứ đặc biệt chính như thế đó, vậy mà Như Lai có thể làm cho rõ như đây ... rằng pháp thành chỗ diệt khổ mà thành của thật thứ đặc biệt thế này mà Như Lai đã làm cho rõ như đây ... rằng đây tiến hành cho đến pháp thành chỗ diệt khổ thành của thật thứ đặc biệt như đây ... rằng tiến hành cho đến pháp thành chỗ diệt mà thành của thật thứ đặc biệt chính như thế mà Như Lai có thể phát sanh như đây ... rằng tiến hành mà cho đến pháp thành chỗ diệt khổ thành đồ thật thứ đặc biệt chính như thế mà Như Lai đã cho phát sanh". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Nếu thế đó thì Trí siêu thế cũng có mười hai tông *(vatthu)* chớ gì.

Dứt Trí ngữ
Rồi Phẩm thứ hai mươi
Đủ 15000 chữ phần thứ tư.

PHẨM HAI MƯƠI MỐT

TÔNG GIÁO NGỮ *(SASANAKATHA)*

1833.

* **Tự ngôn:** Tông giáo uyển chuyển mới đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Niệm xứ uyển chuyển mới đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tông giáo uyển chuyển mới đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Chánh cần ... Như ý túc ... Quyền ... Lực ... Giác chi uyển chuyển mới đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tông giáo trong khi trước thành bất thiện uyển chuyển cho đặng sau này thành thiện phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tông giáo thành cảnh lậu ... thành cảnh triền, thành cảnh phược, thành cảnh bộc, thành cảnh phối, thành cảnh cái, thành cảnh khinh thị, thành cảnh thủ ... thành cảnh phiền não trong khi trước uyển chuyển cho đặng thành phi cảnh phiền não sau này phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1834.

* **Tự ngôn:** Người thế nào mà uyển chuyển Tông giáo của Như Lai đặng mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người thế nào mà uyển chuyển Niệm xứ đặng mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Hoặc có người uyển chuyển Chánh cần ... Như ý túc ... Quyền ... Lực ... Giác chi đặng mới vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Cũng có người uyển chuyển Tông giáo trong khi trước đã thành bất thiện làm cho sau này thành thiện đặng vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Cũng có người uyển chuyển Tông giáo vốn thành cảnh lậu ... vốn thành cảnh phiền não trong khi trước mà làm cho đặng thành phi cảnh phiền não sau này vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1835.

* **Tự ngôn:** Tông giáo của Đức Thế Tôn sẽ uyển chuyển mới nữa đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Niệm xứ sẽ uyển chuyển mới nữa đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Chánh cần, Như ý túc, Quyền, Lực ... Giác chi sẽ uyển chuyển mới nữa đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tông giáo mà trong khi trước thành bất thiện sẽ uyển chuyển cho đặng thành thiện sau này phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Tông giáo mà thành cảnh lậu ... mà thành cảnh phiền não trong khi trước sẽ uyển chuyển cho thành phi cảnh lậu sau này đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Tông giáo ngữ

BẤT NGHIÊM TỊNH NGỮ *(AVIVITTATHA)*

1836.

- **Tự ngôn:** Phàm phu đã không vắng lặng lìa pháp có ba giới *(dhātu)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Phàm phu đã không vắng lặng lìa Xúc có ba giới ... lìa Thọ, lìa Tưởng, lìa Tư, lìa Tâm, lìa Tín, lìa Cần, lìa Niệm, lìa Định, lìa Tuệ có ba giới *(dhātu)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Phàm phu đã không vắng lặng lìa pháp có ba giới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Trong sát-na nào phàm phu cho y trong sát-na ấy cũng vẫn vào đến Sơ thiền ... cũng vẫn vào đến nhập Không vô biên xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Trong sát-na nào phàm phu cho bát ... cho tọa cụ ... cho y dược vật dụng trong sát-na ấy cũng vẫn vào đến Sơ thiền, cũng vẫn vào đến nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó.

https://images.mtviet.com/sachvidieuphap/Bo-Phap-Tu.pdf

1837.

- Phản ngữ: Chớ nên nói phàm phu đã không vắng lặng lìa pháp cho tam giới phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Pháp mà sẽ cho vào đến Sắc giới và Vô sắc giới mà phàm phu chăm chú đã biết phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Nếu thế đó thì phàm phu cũng đã không vắng lặng lìa pháp có tam giới *(dhatu)* chớ gì.

Dứt Bất nghiêm tịnh ngữ

TRIỀN NGỮ *(SAÑÑOJANAKATHA)*

1838.

- **Tự ngôn:** Cách mà hành giả chưa đặng trừ triền thứ nào rồi chứng La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cách mà hành giả chưa đặng trừ Thân kiến ... chưa đặng trừ Hoài nghi ... chưa đặng trừ Giới cấm thủ ... chưa đặng trừ Ai, chưa đặng trừ Sân, chưa đặng trừ Si ... chưa đặng trừ Vô úy thứ nào rồi đắc chứng La Hán vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1839.

- **Tự ngôn:** Cách mà hành giả chưa đặng trừ triền thứ nào rồi đắc chứng La Hán quả vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bực La Hán còn có Ái, còn có Sân, còn có Si, còn có Ngã mạn, còn có vong ân, còn có bực tức, còn có phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Bực La Hán đã hết Ái, đã hết Sân, đã hết Si, đã hết Ngã mạn, đã hết vong ân, đã hết so sánh *(paḷasa),* đã hết bực tức, đã hết phiền não phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà bực La Hán đã hết Ái ... đã hết phiền não thời không nên nói cách mà hành giả chưa trừ triền thứ nào rồi đắc quả La Hán vẫn có.

1840.

* Phản ngữ: Không nên nói cách mà hành giả chưa đặng trừ triền thứ nào rồi đắc chứng quả La Hán vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Bực La Hán biết tất cả bản tánh của Phật phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó thì cách mà hành giả chưa đặng trừ triền thứ nào rồi đắc chứng La Hán vẫn có chớ gì.

Dứt triền ngữ

THẦN THÔNG NGỮ *(IDDHIKATHA)*

1841.

* **Tự ngôn:** Thần thông thành nhân, thành tựu sự mong mỏi của Đức Phật phải chăng? Của Thinh Văn vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thần thông thành nhân thành tựu sự mong mỏi như vầy: "Cây trọn không có lá hằng thường như đây của Đức Phật? Của Thinh Văn vẫn có" phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thần thông thành nhân thành tựu sự mong mỏi là cây trọn không có lá hằng thường như đây của Đức Phật phải chăng? Của Thinh Văn vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thần thông thành nhân thành tựu sự mong mỏi của Đức Phật hoặc của Thinh Văn vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thần thông thành nhân thành tựu sự mong mỏi như vầy: "Xúc đã phát sanh đừng diệt mất như đây của Đức Phật hoặc của Thinh Văn vẫn có" phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thần thông thành nhân thành tựu sự mong mỏi như vầy: "Thọ ... Tưởng ... Tư ... Tâm, Tín, Cần, Niệm, Định ... Tuệ đã phát sanh đừng diệt mất đi như đây của Phật hoặc của Thinh Văn vẫn có" phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1842.

* **Tự ngôn:** Thần thông làm nhân thành tựu sự mong mỏi nhu yếu của Đức Phật hoặc của Thinh Văn vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thần thông làm nhân thành tựu sự nhu yếu như vầy: "Sắc trọn thành đồ trường tồn, Thọ, Tưởng, Hành, Thức trọn thành đồ trường tồn như đây của Đức Phật hoặc của Thinh Văn vẫn có" phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1843.

* **Tự ngôn:** Thần thông làm nhân thành tựu sự nhu yếu của Đức Phật hoặc của Thinh Văn vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Thần thông làm nhân thành tựu sự nhu yếu như vầy: "Tất cả chúng sanh có sự sanh theo lẽ thường đừng sanh ghen như đây ... rằng tất cả chúng sanh vẫn có sự già là thường đừng cho già như đây ... rằng tất cả chúng sanh vẫn có sự đau là lẽ thường đừng đau ghen như đây ... rằng tất cả chúng sanh phải có sự chết theo lẽ thường đừng chết ghen như đây của Đức Phật hoặc của Thinh Văn vẫn có" phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1844.

* Phản ngữ: Chớ nên nói thần thông làm nhân thành tựu sự nhu yếu của Đức Phật hoặc của Thinh Văn vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.

* Phản ngữ: Ngài Pilindavaccha có nguyện: "Hoàng cung của Đức vua bực Đại Nguyên Soái hiệu là Bimbīsāra (Bình Sa Vương) rằng trọn thành vàng như thế và hoàng cung ấy cũng đặng thành vàng thật" phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Ngài Pilindavaccha có nguyện Hoàng Cung của Đức vua Ma Khất bực Đại Nguyên Soái hiệu Bình Sa Vương rằng trọn thành vàng như thế và hoàng cung ấy cũng đặng thành vàng chắc chắn, chính do nhân đó mới có nói rằng thần thông làm nhân thành tựu sự nhu yếu của Đức Phật hoặc của Thinh Văn vẫn có.

Dứt Thần thông ngữ

PHẬT NGỮ *(BUDDHAKATHA)*

1845.

* **Tự ngôn:** Phật cùng Phật với nhau còn có dư thiếu khác nhau phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bằng Niệm xứ phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bằng Chánh cần phải chăng? ... bằng Như ý túc, bằng Quyền, bằng Lực, bằng Giác chi, bằng sự chuyên môn ... bằng tri kiến Toàn Giác phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Phật ngữ

CHƯ PHƯƠNG NGỮ *(SABBAD DISĀKATHĀ)*

1846.

* **Tự ngôn:** Phật Ngài ngự trong tất cả hướng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Phật Ngài ngự hướng Đông phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đức Phật Ngài ngự trong hướng Đông phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Phật vị ấy hiệu là chi? Sanh ra sao? Giòng giống chi? Mẹ cha của Đức Phật ấy có tên là chi? Đôi Thinh Văn của Phật ấy có tên là chi? Người ủng hộ của Đức Phật ấy tên là chi? Đức Phật vị ấy mặc y thế nào? Mang bát như thế nào? Ngự nơi nhà nào? Hoặc trong xã nào? Hoặc trong thành nào? Hoặc trong nước nào? Hoặc trong thôn quê nào? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đức Phật Ngài ngự trong hướng Nam ... hướng Tây ... hướng Bắc ... hướng Dưới phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đức Phật Ngài ngự ở hướng Dưới phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Phật ấy hiệu là chi? ... Ngự trong thôn quê nào? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đức Phật Ngài ngự trong hướng Trên phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đức Phật Ngài ngự trong hướng Trên phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Ngự ở từng Tứ thiên vương phải chăng? Ngự ở trong từng Đao Lợi phải chăng? Ngự ở trong từng Dạ ma phải chăng? Ngự ở trong từng Đẩu xuất phải chăng? Ngự trong từng Hóa lạc phải chăng? Ngự trong từng Tha hóa tự tại phải chăng? ... Ngự trong cõi Phạm Thiên phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Chư phương ngữ

PHÁP NGỮ *(DHAMMAKATHĀ)*

1847.

- **Tự ngôn:** Tất cả pháp thành nhứt định *(niyata)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành tà nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành chánh nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Khối mà thành bất định không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Khối mà thành bất định vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà khối mà thành bất định vẫn có thời không nên nói pháp tất cả thành nhứt định.

1848.

- **Tự ngôn:** Pháp tất cả thành nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Phật có thuyết ba khối *(rāsī):* Một là khối tà nhứt định, hai là khối chánh nhứt định, ba là khối mà thành bất định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn có thuyết ba khối như là: Một là khối thành tà nhứt định, hai là khối thành chánh nhứt định, ba là khối thành bất định thời không nên nói pháp tất cả thành nhứt định.

1849.

- **Tự ngôn:** Sắc thành nhứt định theo nghĩa là Sắc phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành tà nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành chánh nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng ... Hành ... Thức thành nhứt định theo ý nghĩa là Thức phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành tà nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành chánh nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1850.

- Phản ngữ: Chớ nên nói Sắc thành nhứt định theo ý nghĩa là Sắc ... Thọ ... Tưởng ... Hành ... Thức thành nhứt định theo ý nghĩa Thức phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Sắc thành Thọ, thành Tưởng, thành Hành, thành Thức, Thọ, Tưởng, Hành ... Thức thành Sắc, thành Thọ, thành Tưởng, thành Hành phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Nếu thế đó thì Sắc cũng thành nhứt định theo ý nghĩa là Sắc, Thọ ... Tưởng ... Hành ... Thức thành nhứt định bằng ý nghĩa là Thức chớ gì.

Dứt Pháp ngữ

NGHIỆP NGỮ *(KAMMAKATHĀ)*

1851.

- **Tự ngôn:** Nghiệp tất cả thành nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành tà nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành tà nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành chánh nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Khối mà thành bất định không có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Khối mà thành bất định vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu nói khối mà thành bất định vẫn có thời không nên nói nghiệp tất cả thành nhứt định.

1852.

- **Tự ngôn:** Nghiệp tất cả thành nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn có nói ba khối là khối tà nhứt định, khối chánh nhứt định và khối bất định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài nói có ba khối như là khối tà nhứt định, khối chánh nhứt định và khối bất định thời không nên nói nghiệp tất cả thành nhứt định.

1853.

- **Tự ngôn:** Kim thế hiện tại nghiệp *(diṭṭhadhammavedanīya)* thành nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành tà nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành chánh nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Hậu sanh nghiệp *(Upapajjavedanīyakamma)* ... Hậu hậu thế nghiệp *(aparāpariyavedanīyakamma)* thành nhứt định bằng ý nghĩa Hậu hậu thế *(aparāpariyavedanīya)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thành tà nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Thành chánh nhứt định phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1854.

- Phản ngữ: Chớ nên nói Kim thế hiện tại nghiệp *(diṭṭhadhammavedanīyakamma)* thành nhứt định bằng ý nghĩa Kim thế hiện tại, Hậu sanh nghiệp *(diṭṭhadhammavedanīya uppajjavedanīyakamma)* ... Hậu thế nghiệp (*aparāpariyavedanīyakamma)* thành nhứt định bằng ý nghĩa Hậu hậu thế *(Aparāpariyavedanīya)* phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Kim thế hiện tại nghiệp thành Hậu sanh nghiệp *(uppajjavedanīya-kamma)*, thành Hậu hậu thế nghiệp *(aparāpariyavedanīyakamma)* ... Hậu sanh nghiệp thành Kim thế hiện tại nghiệp, thành Hậu hậu thế nghiệp *(aparāpaniyavedanīyakamma)* ... Hậu hậu thế nghiệp thành Kim thế hiện tại nghiệp, thành Hậu sanh nghiệp phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Nếu thế đó Kim thế hiện tại nghiệp cũng thành nhứt định bằng ý nghĩa Kim Thế hiện tại Hậu sanh nghiệp ... Hậu hậu thế nghiệp cũng thành nhứt định bằng ý nghĩa Hậu hậu thế chớ gì.

Dứt Nghiệp ngữ

Dứt Phẩm thứ hai mươi mốt

PHẨM HAI MƯƠI HAI

--

TỊCH DIỆT NGỮ *(PARINIBBĀNA KATHĀ)*

1855.

* **Tự ngôn:** Cách mà La Hán còn trừ triền thứ nào rồi tịch diệt vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách mà vị La Hán còn trừ Thân kiến ... còn trừ Vô úy thứ nào rồi tịch diệt vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1856.

* **Tự ngôn:** Cách mà La Hán còn trừ triền thứ nào rồi tịch diệt vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán còn có Ái ... vẫn còn có phiền não phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đã dứt Ái ... dứt phiền não rồi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bực La Hán đã dứt Ái ... hết phiền não rồi thời không nên nói cách mà bực La Hán còn trừ triền thứ nào rồi tịch diệt vẫn có.

1857.

* Phản ngữ: Không nên nói cách mà La Hán còn trừ triền thứ nào rồi tịch diệt vẫn có phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Bực La Hán hiểu tất cả bản tánh của Phật phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
* Phản ngữ: Nếu thế đó thì cách mà bực La Hán còn trừ triền thứ nào rồi tịch diệt cũng vẫn có chớ gì.

Dứt Tịch diệt ngữ

THIỆN TÂM NGỮ *(KUSALACITTA KATHĀ)*

1858.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán có tâm thành thiện tịch diệt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán vẫn tạo chứa phước hành *(puññābhisaṅkhāra)* vẫn tạo chứa bất động hành *(āneñjābhisaṅkhāra)* vẫn tạo nghiệp mà hành vi để đặng thú hướng *(gati)*, để đặng hữu *(bhava)*, để đặng sự thành to lớn, để đặng sự thành trưởng, để đặng tài sản lớn, để đặng bè đảng nhiều, để đặng sự tốt đẹp nơi tiên, để đặng sự tốt đẹp trong nhân loại tịch diệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1859.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán có tâm thành thiện tịch diệt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán vẫn tích trữ, vẫn nghỉ tích trữ, vẫn trừ tuyệt, vẫn chấp cứng, vẫn rửa sạch, vẫn trầm miếng, vẫn hạn chế ... vẫn thơm bừng tịch diệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán vẫn tích tụ cũng không phải, vẫn nghỉ tích tụ cũng không phải, nhưng thành bực đã nghỉ tích tụ, vẫn bảo trì phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

* **Tự ngôn:** Nếu mà bực La Hán vẫn tích tụ cũng chẳng phải, vẫn nghỉ tích tụ cũng chẳng phải nhưng thành bực đã nghỉ tích tụ, vẫn bảo trì thời không nên nói bực La Hán có tâm thành thiện tịch diệt.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đang trừ tuyệt cũng chẳng phải, đang chấp cứng cũng chẳng phải, nhưng thành bực đã trừ tuyệt, đang bảo trì mà đang rửa sạch cũng chẳng phải, đang trầm miếng cũng chẳng phải nhưng thành bực đã rửa sạch, vẫn bảo trì, mà đang hạn chế cũng chẳng phải, đang thơm bừng cũng chẳng phải nhưng thành bực đã hạn chế vẫn bảo trì phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bực La Hán đang hạn chế cũng chẳng phải, đang thơm bừng cũng chẳng phải nhưng thành bực đã hạn chế đang bảo trì, nhưng không nên nói bực La Hán có tâm thành thiện tịch diệt.

1860.

* Phản ngữ: Không nên nói bực La Hán có tâm thành thiện tịch diệt phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Bực La Hán có Chánh niệm vững vàng, có Chánh niệm Lương Tri tịch diệt phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà bực La Hán có Chánh niệm vững vàng, có Chánh niệm Lương Tri tịch diệt, chính do nhân đó mới có nói rằng bực La Hán có tâm thành thiện tịch diệt.

Dứt Thiện tâm ngữ

BẤT ĐỘNG NGỮ *(ĀNEÑJA KATHĀ)*

1861.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán đình trụ trong sự thành người có tâm tự nhiên tịch diệt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bực La Hán đình trụ trong sự thành người có tâm tự nhiên *(pakati)* Tịch Diệt *(Parinibbāna)* thời không nên nói bực La Hán đình trụ trong sự thành người không lay chuyển tịch diệt.

1862.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán đình trụ trong sự thành người không lay động *(āneñja)* tịch diệt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đình trụ trong tâm tố *(kiriyā)* tịch diệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đình trụ trong tâm quả tịch diệt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bực La Hán đình trụ trong tâm quả tịch diệt thời không nên nói bực La Hán đình trụ trong sự thành người bất động tịch diệt *(āneñjaparinibbāna)* như thế.

1863.

* **Tự ngôn:** Bực La Hán đình trụ trong sự thành người bất động tịch diệt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đình trụ trong tâm mà thành vô ký tố *(abyākatakiriyā)* tịch diệt phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Bực La Hán đình trụ trong tâm mà thành phần vô ký quả tịch diệt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà bực La Hán đình trụ trong tâm mà thành vô ký quả tịch diệt thời không nên nói bực La Hán đình trụ trong sự thành người bất động tịch diệt

1864.

- **Tự ngôn:** Bực La Hán đình trụ trong sự thành người bất động tịch diệt phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn xuất Tứ thiền rồi mới tịch diệt trong thứ lớp từ từng thời phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Đức Thế Tôn xuất Tứ thiền rồi mới tịch diệt trong thứ lớp từ từng thời không nên nói bực La Hán đình trụ trong sự thành người bất động tịch diệt.

Dứt Bất động ngữ

CHỨNG THẬT PHÁP NGỮ *(DHAMMĀBHISAMAYAKATHĀ)*

1865.

- **Tự ngôn:** Cách chứng pháp có với chúng sanh người ở trong thai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cách thuyết Pháp, cách thính Pháp, cách đàm luận Pháp, cách gạn hỏi, cách nguyện giới, sự thu thúc dè dặt trong tất cả quyền, sự tri độ thực, cách hiệp tinh tấn cơ quan vẫn thức trong sơ canh và mạt canh của đêm có với chúng sanh người ở trong thai phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Cách thuyết Pháp ... cách hiệp tinh tấn cơ quan thức trong sơ canh và mạt canh của đêm không có với chúng sanh bực ở trong thai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà cách thuyết Pháp, cách thính Pháp ... cách hiệp tinh tấn cơ quan thức trong sơ canh và mạt canh của đêm không có với chúng sanh người ở trong thai thời không nên nói cách chứng pháp có với chúng sanh người ở trong thai.

1866.

- **Tự ngôn:** Cách chứng Pháp có với chúng sanh người ở trong thai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** duyên để đặng sự phát sanh ra của Chánh kiến có hai thứ, tức là thinh từ nơi người khác và tác ý khéo *(yoniso manasikāra)* phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà duyên để đặng sự phát sanh của Chánh kiến có hai, tức là thinh từ nơi người khác và tác ý khéo thời không nên nói cách chứng Pháp có với chúng sanh người ở trong thai.

1867.

- **Tự ngôn:** Cách chứng pháp có với chúng sanh người ở trong thai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Cách chứng pháp có với bực người đã ngủ, người đã dễ duôi, người thất niệm, người không có lương tri phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Chứng thật Pháp ngữ

TAM TOÀN NGỮ *(TISSOPI KATHĀ)*

1868.

* **Tự ngôn:** Cách đắc quả La Hán có với chúng sanh người ở trong thai phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách đắc quả La Hán có với người đang ngủ, người đang dễ duôi, người thất niệm, người vô lương tri phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Cách chứng pháp có với người chiêm bao phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách chứng pháp có với người ngủ mê, người dễ duôi, người thất niệm, người vô lương tri phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Cách đắc quả La Hán có với người chiêm bao phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Cách chứng quả La Hán có với người ngủ mê, người dễ duôi, người thất niệm, người vô lương tri phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói như thế ...

Dứt Tam toàn ngữ

VÔ KÝ NGỮ *(ABYĀKATA KATHĀ)*

1869.

* **Tự ngôn:** Tâm của người chiêm bao mỗi thứ đều thành vô ký phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Người chiêm bao sát sanh đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà người chiêm bao có thể sát sanh đặng thời không nên nói tâm của người chiêm bao mỗi thứ đều là vô ký.

1870.

* **Tự ngôn:** Người chiêm bao có thể trộm cắp ... chiêm bao có thể vọng ngôn, chiêm bao có thể lưỡng thiệt, chiêm bao có thể nói ác khẩu, chiêm bao có thể ỷ ngữ, chiêm bao có thể khoét vách, chiêm bao có thể ăn cướp to, chiêm bao có thể ăn cướp chỉ một nhà, chiêm bao có thể đón đường vắng, chiêm bao có thể tà dâm, chiêm bao có thể giết chòm xóm, chiêm bao có thể giết dân thôn quê, chiêm bao có thể hành dâm, tinh của người chiêm bao có thể chảy ra đặng, chiêm bao có thể bố thí, chiêm bao có thể dưng y, chiêm bao có thể dưng bát, chiêm bao có thể tọa cụ, chiêm bao có thể dưng y dược vật dụng, chiêm bao có thể cho đồ nhai, chiêm bao có thể cho đồ ăn, chiêm bao có thể cho đồ uống, chiêm bao có thể lạy tháp, chiêm bao có thể đem đồ trang sức, chiêm bao có thể đem đồ thơm, chiêm bao có thể đem đồ thoa nơi bảo tháp ... chiêm bao có thể cúng dường Bảo Tháp phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu mà người chiêm bao có thể cúng dường bảo tháp thời không thể nói tâm của người chiêm bao mỗi thứ đều là vô ký.

1871.

* Phản ngữ: Chớ nên nói tâm của người chiêm bao mỗi thứ đều thành vô ký phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Đức Thế Tôn Ngài phán: "Tâm của người chiêm bao là thành không nên chỉ chút lỗi phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
* Phản ngữ: Nếu mà Đức Thế Tôn Ngài phán tâm của người chiêm bao rằng là không nên chỉ chút lỗi, chính do nhân đó mới có nói tâm của người chiêm bao mỗi thứ đều là vô ký.

Dứt Vô ký ngữ

CỐ HƯỞNG DUYÊN NGỮ *(ĀSEVANAPACCAYATĀ KATHĀ)*

1872.

- **Tự ngôn:** Sự thành Cố Hưởng duyên *(Āsevanapaccaya)* không có những chi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, sát sanh mà người đã giao kết, đã huấn luyện làm cho nhiều rồi vẫn phải đi luôn đến Địa ngục, hành vi đầy đủ hầu sanh bàng sanh, hành vi đầy đủ để đặng bản chất của ngạ quỉ, quả của sát sanh mà rất nhẹ nhàng cũng hành vi đều để sự thành người sanh trong nhân loại đoản thọ". Đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thì sự thành Cố Hưởng duyên có thứ cũng vẫn có chớ gì.

1873.

- **Tự ngôn:** Sự thành Cố Hưởng duyên không có những chi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, trộm cướp mà người đã giao kết, đã huấn luyện làm cho nhiều rồi vẫn thành đều đi để đến Địa ngục, hành vi đều đặng đầu thai bàng sanh hành vi đều đặng bản chất của ngạ quỉ, dù quả của trộm cướp thứ mà nhẹ tột thời cũng đều để tàn hại vật thực khi làm nhân loại ... Quả của tà dâm cách nhẹ tột bực cũng hành vi đều để sự thành người có cừu thú, có oan trái trong khi làm người ... Quả của vọng ngôn thứ nhẹ tột bực cũng hiện hành đều bị sự nói dối với lời không thật trong khi làm nhân loại ... Quả của lưỡng thiệt cách nhẹ tột bực cũng hiện hành đồng để sự chia rẽ bạn trong khi sanh làm nhân loại ... Quả của sự ác khẩu thứ nhẹ tột bực cũng hiện hành đều để sự bị tiếng không vừa lòng trong khi sanh làm nhân loại ... Quả của cách ỷ ngữ thứ nhẹ tột bực cũng hiện hành đều để sự thành người nói ra không ai tin cậy trong khi sanh làm nhân loại ... Cách ẩm tửu mà người đã hưởng ... Quả của sự ẩm tửu thứ nhẹ tột bực cũng hiện hành đều để thành người điên trong khi sanh làm nhân loại". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thì sự thành Cố Hưởng duyên mỗi thứ nào đều cũng vẫn có chớ gì.

1874.

- **Tự ngôn:** Sự thành Cố Hưởng duyên không có những chi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Tà kiến mà người đã huấn luyện làm cho nhiều rồi vẫn hiện hành hầu đến Địa ngục thành nơi đều đủ để đầu thai bàng sanh, hiện hành đều để bản chất nơi ngạ quỉ". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thì sự thành Cố Hưởng duyên cũng vẫn có chớ gì.

1875.

- **Tự ngôn:** Sự thành Cố Hưởng duyên không có những chi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, sự nghĩ ngợi sai *(micchāsaṅkappa)* ... sự cố quyết sai *(micchāsamādhi)* mà người đã hưởng, đã huấn luyện làm cho nhiều rồi ... Hiện hành đều để tánh chất nơi ngạ quỉ". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thì thứ thành Cố Hưởng duyên cũng vẫn có chớ gì.

1876.

* **Tự ngôn:** Sự thành Cố Hưởng duyên chẳng có chi chi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Chánh kiến mà người đã hưởng, đã huấn luyện làm cho nhiều rồi vẫn cương quyết đến bất tử *(amata)*, có bất tử là nơi đi phía trước, có bất tử là hoàn tất". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thì sự thành Cố Hưởng duyên cũng vẫn có chớ gì.

1877.

* **Tự ngôn:** Sự thành Cố Hưởng duyên không có những chi phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Thế Tôn Ngài có phán rằng: "Này chư Phíc-khú, Chánh tư duy mà người đã hưởng, đã huấn luyện làm cho nhiều rồi ... Chánh tinh tấn mà người đã hưởng phần nhiều, đã huấn luyện làm cho nhiều rồi, vẫn cương quyết đến bất tử *(amata)*, có bất tử làm nơi hiện hành trong phía trước, có bất tử là hoàn toàn tốt". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó hoặc thứ thành Cố Hưởng duyên cũng vẫn có chớ gì.

Dứt Cố Hưởng duyên ngữ

NHỨT SÁT-NA NGỮ *(KHAṆIKA KATHĀ)*

1878.

* **Tự ngôn:** Pháp tất cả hiện hành trong một cái sát-na tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đại địa, Đại Hải, núi Tu Di, nước, lửa, gió, cỏ cây và tòng lâm vẫn toàn bảo trì trong tâm phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1879.

* **Tự ngôn:** Pháp tất cả hiện hành trong một sát-na của tâm phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nhãn xứ đồng sanh với Nhãn thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Nhãn xứ đồng sanh với Nhãn thức phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Xá Lợi Phất có lưu ngôn như vầy: "Này em, nhãn mà thành pháp bên trong còn chưa diệt mất nhưng sắc mà thành pháp bên trong chưa đặng đến dòng sông và cách gom mà hòa hợp cũng chưa có sự hiện bày đặng thành Thức mà hòa hợp cũng chưa có trước. Nhãn mà thành pháp bên trong còn chưa đặng diệt với Sắc mà thành pháp bên ngoài lại đến với dòng, nhưng cách gom mà hòa hợp nhau chưa có sự hiện của sự thành thức mà hòa hợp nhau cũng chưa có trước thời chính trong khi nào nhãn mà thành pháp bên trong còn không đặng hoại đi luôn. Sắc mà thành pháp bên ngoài cũng lại đến xuống giòng luôn, cách gom góp mà hòa hợp nhau cũng có luôn thế này, sự hiện bày của sự thành thức mà hòa hợp nhau mới có". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói Nhãn xứ sanh chung với Nhãn thức.

1880.

* **Tự ngôn:** Nhĩ xứ ... Tỷ xứ ... Thiệt xứ ... Thân xứ sanh chung với Thân thức phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Thân xứ sanh chung với Thân thức phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Đức Xá Lợi Phất có để lời như vầy: "Này em, thân mà thành pháp bên trong chưa đặng hoại đi nhưng Xúc mà thành pháp bên ngoài chưa đến vào giòng và cách tom góp mà hòa hợp nhau cũng chưa có ... Thân mà thành pháp bên trong chưa đặng diệt hoại với Xúc mà thành pháp bên ngoài cũng lại đến giòng luôn nhưng cách tom góp mà hòa hợp nhau chưa có ... thời chính trong khi nào thân mà thành pháp bên trong chưa đặng hoại mất, Xúc cũng lại đến giòng luôn, cách tom góp mà hòa hợp nhau cũng có luôn thế này, sự hiện bày của sự thành Thức mà hòa trộn nhau mới có". Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu thế đó thời không nên nói Thân xứ sanh đồng chung với Thân thức.

1881.

- Phản ngữ: Nên nói pháp tất cả hiện hành trong một sát-na tâm phải chăng? **Tự ngôn:** Phải rồi.
- Phản ngữ: Pháp tất cả trường tồn vĩnh viễn nhứt định có cái không đổi thay đi thành lẽ thường phải chăng? **Tự ngôn:** Không nên nói thế đó...
- Phản ngữ: Nếu thế đó tất cả pháp cũng hiện hành trong một sát-na tâm chớ gì.

Dứt Sát-na ngữ

Rồi Phẩm thứ hai mươi hai

PHẨM HAI MƯƠI BA

ĐỒNG NHU YẾU NGỮ *(EKĀDHIPPĀYA KATHĀ)*

1882.

* **Tự ngôn:** Người có thể hưởng pháp hành dâm *(methuno)* với sự nhu yếu đồng nhau phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Có thể thành người Phi Sa Môn, có thể thành người Phi Phíc-khú, có thể thành người đã đứt rễ, có thể thành bất cộng trụ *(pārājika)* bằng sự nhu yếu đồng nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1883.

* **Tự ngôn:** Người có thể hưởng pháp hành dâm bằng sự nhu yếu đồng nhau phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Có thể sát sanh, có thể trộm cướp, có thể vọng ngôn, có thể lưỡng thiệt, có thể ác khẩu, có thể ỷ ngữ, có thể cắt vách, có thể cướp lớn, có thể cướp chỉ một nhà, có thể chặn đường nguy, có thể tà dâm, có thể giết chòm xóm, có thể giết dân thôn quê bằng sự nhu yếu đồng nhau phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Đồng nhu yếu ngữ

LA HÁN NHÃN SẮC NGỮ *(ARAHANTAVAṆṆA KATHĀ)*

1884.

* **Tự ngôn:** Tất cả phi nhân hành dâm với La Hán đều đặng phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Tất cả phi nhân sát sanh ... trộm cướp, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, cách vách, ăn cướp lớn, ăn cướp 1 nhà, chận đường nguy, tà dâm, giết chòm xóm ... giết thôn quê bằng hạng La Hán đặng phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt La Hán nhan sắc ngữ

DỤC TÁC VƯƠNG HỒN NGỮ *(ISSARIYAKAMAKARIKAKATHA)*

1885.

* **Tự ngôn:** Đức Bồ tát đi đến khổ hình nhân làm cho sự ưa trong sự thành lớn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Bồ tát đi đến Địa ngục như là đi đến Địa ngục Đẳng Hượt, đi đến Địa ngục Hắc Thằng, đi đến Địa ngục Chúng Hiệp, đi đến Địa ngục Hào Kiếu, đi đến Địa ngục Đại Kiếu, đi đến Địa ngục Viêm Nhiệt ... đi đến Địa ngục Vô Gián do nhân làm sự ưa trong thành lớn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1886.

* **Tự ngôn:** Đức Bồ tát đi đến khổ hình nhân làm cho sự ưa trong sự thành lớn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.

- **Tự ngôn:** Nói rằng Đức Bồ tát đi đến khổ hình nhân làm cho ưa trong sự thành lớn. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Không có.
- **Tự ngôn:** Nếu mà nói rằng Đức Bồ tát đi đến khổ hình nhân làm cho ưa trong sự thành lớn. Như đây không thành bài Kinh thật có thời không nên nói Đức Bồ tát đi đến khổ hình nhân làm cho mến trong sự thành lớn.

1887.

- **Tự ngôn:** Đức Bồ tát cương quyết đến sự thành người nằm trong thai nhân làm cho ưa mến trong sự thành lớn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Bồ tát phải đi đến Địa ngục, phải vào đến đầu thai bàng sanh nhân làm cho ưa thích trong sự thành lớn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1888.

- **Tự ngôn:** Đức Bồ tát quyết đến thành người nằm trong thai nhân ưa mến trong sự làm lớn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Bồ tát có thần thông phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đức Bồ tát có thần thông phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Đức Bồ tát đặng huấn luyện Như ý túc tức là Dục *(Chanda)* phải chăng? ... đặng huấn luyện Như ý túc tức là Cần ... Như ý túc tức là Tâm ... Như ý túc tức là Thẩm *(Vimaṅsā)* phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Đức Bồ tát quyết đến thành người nằm trong thai nhân ưa thích trong sự làm lớn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nói rằng Đức Bồ tát quyết định đến sự thành người nằm trong thai nhân làm ưa thích trong sự lớn. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Không có.
- **Tự ngôn:** Nếu mà nói rằng cương quyết thành người vào nằm trong thai nhân ưa thích sự làm lớn. Như đây không phải là bài Kinh vẫn thật có thời không nên nói Đức Bồ tát cương quyết sự thành người vào nằm trong thai nhân ưa thích sự làm lớn.

1889.

- **Tự ngôn:** Bồ tát làm khổ hạnh nhân ưa sự làm lớn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Bồ tát trở lại sự nhận thấy như vầy: "Trong đời trường tồn, trở lại nhận thấy như vầy đời vô thường, rằng đời có chỗ tột ... rằng đời không có chỗ tột; rằng mạng sống *(sarīra)* cái đó sinh mạng *(sarīra)* cũng cái đó; rằng mạng sống là khác, sinh mạng cũng là khác; rằng chúng sanh sau khi chết sanh nữa, rằng chúng sanh sau khi chết không sanh nữa; rằng chúng sanh sau khi chết sanh nữa cũng có, không sanh nữa cũng có; rằng chúng sanh sau khi chết sanh nữa cũng chẳng phải, không sanh nữa cũng chẳng phải". Như đây là nhân làm cho ưa thích trong sự thành lớn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

1890.

- **Tự ngôn:** Đức Bồ tát thành khổ hạnh nhân làm cho ưa trong sự thành lớn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nói rằng Đức Bồ tát hành khổ hạnh thành nhân làm cho ưa trong sự thành lớn. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà nói Đức Bồ tát hành khổ hạnh nhân làm ưa trong sự thành lớn không phải bài Kinh vẫn thật có thời không nên nói Đức Bồ tát hành khổ hạnh nhân làm ưa thích trong sự thành lớn.

1891.

* **Tự ngôn:** Đức Bồ tát đặng hành tinh tấn thứ khác nữa, phụng hiến Giáo chủ khác nhân làm ưa trong sự thành lớn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Đức Bồ tát trở lại nhận thấy rằng đời trường tồn ... thấy rằng chúng sanh sau khi chết sanh nữa cũng chẳng phải, không sanh nữa cũng chẳng phải. Như đây là nhân làm cho ưa thích trong sự thành lớn phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Đức Bồ tát phụng hiến Giáo chủ khác nhân làm ưa thích trong sự thành lớn phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Nói rằng Đức Bồ tát phụng hiến Giáo chủ khác nhân làm cho ưa thích trong sự thành lớn. Như đây là bài Kinh vẫn thật có phải chăng? Phản ngữ: Không có.
* **Tự ngôn:** Nếu mà nói rằng Đức Bồ tát phụng hiến Giáo chủ khác làm nhân ưa thích trong sự thành lớn. Như đây không thành bài Kinh vẫn thật có thời không nên nói Đức Bồ tát phụng hiến Giáo chủ khác làm nhân cho ưa thích trong sự thành lớn.

Dứt Dục tác vương hồn ngữ

ÁI THÍCH HỢP HÀNH NGỮ *(RĀGAPAṬIRŪPAKĀDIKATHĀ)*

1892.

* **Tự ngôn:** Pháp chẳng phải Ái nhưng so sánh với Ái vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp chẳng phải Xúc nhưng so sánh với Xúc vẫn có phải chăng? Pháp chẳng phải Thọ nhưng so sánh với Thọ vẫn có phải chăng? Pháp chẳng phải Tưởng nhưng so sánh với Tưởng vẫn có phải chăng? Pháp chẳng phải Tư nhưng so sánh với Tư vẫn có phải chăng? Pháp chẳng phải Tâm nhưng so sánh với Tâm vẫn có phải chăng? Pháp chẳng phải Tín nhưng so sánh với Tín vẫn có phải chăng? Pháp chẳng phải Cần nhưng so sánh với Cần vẫn có phải chăng? Pháp chẳng phải Niệm nhưng so sánh với Niệm vẫn có phải chăng? Pháp chẳng phải Định nhưng so sánh với Định vẫn có phải chăng? Pháp chẳng phải Tuệ nhưng so sánh với Tuệ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
* **Tự ngôn:** Pháp chẳng phải Sân nhưng tương đương với Sân vẫn có phải chăng? Pháp chẳng phải Si mà tương đương với Si vẫn có phải chăng? Pháp chẳng phải phiền não mà tương đương với phiền não vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
* **Tự ngôn:** Pháp chẳng phải Xúc mà tương đương với Xúc vẫn có phải chăng? ... Pháp chẳng phải Tuệ nhưng tương đương với Tuệ vẫn có phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...

Dứt Ái thích hợp hành ngữ

BẤT HIỂN MINH NGỮ *(APARINIPPHANNA KATHĀ)*

1893.

- **Tự ngôn:** Sắc thành bất hiển minh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Sắc phi vô thường, phi hữu vi, phi pháp y sinh, phi pháp tận, phi pháp tiêu hoại, phi pháp đạm bạc, phi pháp diệt tận, phi pháp chuyển biến phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Sắc thành vô thường, thành hữu vi, thành y sinh, thành pháp tiêu hoại, thành pháp tận tuyệt, thành pháp đạm bạc, thành pháp diệt vong, thành pháp biến chuyển phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà sắc thành vô thường, thành hữu vi ... thành pháp biến chuyển thời không nên nói sắc thành bất hiển minh như thế.

1894.

- **Tự ngôn:** Bao nhiêu khổ đó thành hiển minh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thứ nào vô thường thứ ấy Đức Thế Tôn Ngài nói là khổ, sắc cũng vô thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà thứ nào vô thường thứ đó Đức Thế Tôn Ngài nói rằng khổ và sắc cũng vô thường thời không nên nói những khổ ấy là hiển minh.

1895.

- **Tự ngôn:** Thọ ... Tưởng, Hành, Thức ... Nhãn xứ ... Pháp xứ ... Nhãn giới ... Pháp giới ... Nhãn quyền ...

1896.

- **Tự ngôn:** Tri cụ tri quyền *(aññātāvindriya)* thành Phi hiển minh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Tri cụ tri quyền chẳng phải pháp vô thường ... chẳng phải pháp Biến chuyển phải chăng? Phản ngữ: Không nên nói thế đó...
- **Tự ngôn:** Tri cụ tri quyền thành pháp vô thường, thành hữu vi ... thành pháp có biến chuyển phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà Tri cụ tri quyền thành pháp vô thường, thành hữu vi, thành y sinh, thành pháp tận tuyệt, thành pháp tiêu hoại, thành pháp đạm bạc, thành pháp diệt vong, thành pháp biến chuyển thời không nên nói Tri cụ tri quyền thành bất hiển minh.

1897.

- **Tự ngôn:** Những khổ ấy thành hiển minh phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Thứ nào vô thường thứ đó Đức Thế Tôn Ngài nói là khổ, Tri cụ tri quyền cũng vô thường phải chăng? Phản ngữ: Phải rồi.
- **Tự ngôn:** Nếu mà thứ nào vô thường thứ đó Đức Thế Tôn Ngài mới nói là khổ, Tri cụ tri quyền cũng vô thường thời không nên nói những khổ ấy thành hiển minh.

Dứt bất hiển minh ngữ
Hoàn tất phẩm thứ hai mươi ba

HOÀN MÃN BỘ NGỮ TÔNG
Ngày 18 – 11 – 2519, năm Ất Mão

Mong cầu quý vị hảo tâm ủng hộ!
Hồi hướng phước đến Tứ đại thiên vương, và tất cả chúng sanh, nhất là các vị Chư thiên có oai lực hộ trì tạng Diệu Pháp đặng thạnh hành.



TIỂU SỬ ĐẠI TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG TỊNH SỰ

(MAHĀTHERO – SAṄTAKICCO)

(1913 - 1984)

1. SINH RA VÀ LỚN LÊN

Hòa thượng Tịnh Sự, thế danh là Võ Văn Đang, sinh năm Quí Sửu (1913), trong một gia đình có truyền thống Nho giáo, tại một vùng quê miền Nam, xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ Ngài là cụ Võ Văn Tỏ, thân mẫu là cụ Trần Thị Thông.

2. XUẤT GIA HÀNH ĐẠO

Năm 7 tuổi Ngài đã học chữ Nho. Rất thông minh, Ngài được người đương thời gọi là "Thần đồng Lê Quí Đôn". Do túc duyên sẵn có từ nhiều đời, đến năm 12 tuổi Ngài xuất gia và thọ giới Sa Di tại chùa Bửu Hưng (Sa Đéc). Thấy Ngài quá thông minh nên Bổn sư đặt pháp danh là Thích Huệ Lực.

Năm 20 tuổi, Ngài thọ giới Tỳ kheo tại chùa Kim Huê, Sa Đéc. Đến năm 25 tuổi Ngài được bổ nhiệm về trụ trì tại chùa Phước Định, Chợ Lách. Năm 30 tuổi Ngài trụ trì chùa Viên Giác, Vĩnh Long. Năm 35 tuổi duyên lành đối với Phật giáo Nam Tông đã chín mùi, Ngài được du học tại Chùa Tháp Campuchia, thọ giới theo Phật giáo Nam Tông tại chùa Kùm Pung (Treyloko) ở Trà Pét.

Từ Campuchia Ngài có thiện duyên du học tại Thái Lan, thọ giới Tỳ kheo tại chùa Pakknam Bangkok. Ngài được thầy tế độ ban pháp danh là Tịnh Sự *(Saṅtakicco)* vì thấy Ngài chuyên tâm hành đạo. Tại xứ Phật giáo Thái Lan này, Ngài đã thực hành hạnh đầu đà, tu thiền Minh Sát và học A Tỳ Đàm (Abhidhamma) trong bảy năm. Rời Thái Lan về Việt Nam, Ngài trở lại trụ trì chùa Viên Giác - Vĩnh Long. Ngài bắt đầu mở mang truyền bá giáo pháp Nguyên Thủy. Ngài dạy Pháp học A Tỳ Đàm Pāli (Abhidhamma) và Pháp hành Tứ niệm xứ.

3. SỰ NGHIỆP TRUYỀN BÁ TẠNG ABHIDHAMMA

Muốn cho môn học Abhidhamma được truyền bá rộng rãi nên vào năm 59 tuổi Ngài về trụ trì chùa Siêu Lý - Sài Gòn. Mở trường chuyên dạy về môn Abhidhamma và dịch các bộ sách Giáo Khoa Phật Học như Vi Diệu Pháp Tiểu học, Trung học, Cao học và Chánh Tạng Abhidhamma.

Ngài đã đào tạo nhiều thế hệ học trò Vi Diệu Pháp. Các thế hệ đệ tử này đã kế thừa sự nghiệp của Ngài truyền bá môn Abhidhamma khắp nơi. Những thế hệ đệ tử Vi Diệu Pháp đầu tiên hiện nay còn những vị tiêu biểu như TT. Giác Chánh, TT. Pháp Chất, Đại đức Giác Tuệ (Đức Tài), cư

sĩ Vĩnh Phúc, cư sĩ Trần Quỳnh Hương đã có công đức duy trì và phát triển môn học Abhidhamma.

Về phương diện đào tạo Tăng tài, Ngài đã từng làm thầy Tế độ truyền giới xuất gia cho hàng trăm Sa Di, Tỳ Kheo. Họ đã tiếp nối được sự nghiệp truyền bá giáo pháp của Ngài một cách tốt đẹp.

Không những chỉ đào tạo Tăng tài mà Ngài còn xây dựng rất nhiều cơ sở tự viện: chùa Viên Giác (Vĩnh Long), chùa Long Linh, chùa Giác Phước, chùa Pháp Độ, chùa Trúc Lâm, chùa Siêu Lý v.v… .

4. NHỮNG TÁC PHẨM DỊCH THUẬT

Điểm nổi bật nhất trong sự nghiệp hoằng pháp của Hòa thượng là Ngài đã dịch hoàn thành Tạng Vô Tỷ Pháp - Abhidhamma (Diệu Pháp, Thắng Pháp, A Tỳ Đàm, Vi Diệu Pháp) gồm:

1) Bộ Pháp Tụ *(Dhammasaṅgani).*
2) Bộ Phân Tích *(Vibhaṅga).*
3) Bộ Nguyên Chất Ngữ *(Dhātukathā).*
4) Bộ Nhân Chế Định *(Puggalapaññatti).*
5) Bộ Ngữ Tông *(Kathāvatthu).*
6) Bộ Song Đối *(Yamakaṃ).*
7) Bộ Vị Trí *(Paṭṭhāna).*

Đó là phần chánh tạng Abhidhamma. Sau đây là những dịch phẩm giáo khoa Adhidhamma được giảng dạy tại các trường Phật Học Thái Lan:

1) Vi Diệu Pháp Sơ Cấp.
2) Vi Diệu Pháp Trung Cấp.
3) Vi Diệu Pháp Cao Cấp.
4) Diệu Pháp Lý Hợp.

Sự nghiệp đạo pháp của Ngài vô cùng to lớn. Nhất là Ngài đã dành hết đời mình để phiên dịch trọn Tạng Vi Diệu Pháp (Luận Tạng Pālī). Qua công hạnh này, Ngài là một ngôi sao mà càng nhìn chúng ta càng thấy sáng hơn.

5. VIÊN TỊCH

Đêm mùng 6 tháng 5 năm Giáp Tý, Ngài thọ bệnh. Nửa đêm hôm ấy Ngài cho gọi Chư Tăng để ban di huấn và gởi lời sám hối đến Tăng chúng gần xa. Rồi Ngài an trú chánh niệm và viên tịch lúc 6 giờ 15' sáng ngày 7 tháng 5 năm Giáp Tý (tức 05-06-1984), hưởng thọ 72 tuổi, hành đạo 52 năm.

Trước khi viên tịch Ngài đã giảng về sự khổ, rồi mỉm cười tắt hơi thở cuối cùng. Ngài ra đi nhưng sự nghiệp đạo pháp của Ngài vẫn còn ở lại với hậu tấn ngưỡng cầu giải thoát khổ đau, để hằng an vui tự tại nơi Niết Bàn tịch tịnh.

Để tỏ lòng biết ơn bậc ân sư khả kính, Tăng Ni và Phật tử xây tháp tưởng niệm tôn thờ Hòa thượng tại chùa Viên Giác. Hằng năm, Tổ đình Viên Giác, Chùa Siêu Lý - Vĩnh Long, Chùa Siêu Lý - Sài Gòn, Chùa Bửu Đức tổ chức lễ tưởng niệm ân đức cao dày của Hòa thượng Tịnh Sự.

BỘ NGỮ TÔNG

(Kathāvatthu)

Đại Trưởng lão Tịnh Sự
Việt dịch.

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
P. Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04-37822845 – Fax (04).37822841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com
Chịu trách nhiệm xuất bản: Nguyễn Công Oánh

Biên Tập: Lê Hồng Sơn

Sửa bản in
Mỹ Hà

Trình bày
Tỳ khưu Siêu Thiện

Đối tác liên kết :
THƯ VIỆN PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
171/8 Quốc Lộ 1A – P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, TP. HCM
Điện thoại: 7290248
www.phatgiaonguyenthuy.com
www.phatgiaonguyenthuy.net

In lần thứ I số lượng 500 cuốn 20.5 cm x 29 cm
Tại xí nghiệp in Fahasa, 774 Trường Chinh, P.15, Q.Tân Bình.
GPXB số : 490-2011/CXB/15-81/TG ngày 20/06/2011
In xong và nộp lưu chiểu quý ... năm 2011 GPXB số :
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2011

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

TẠNG VÔ TỶ PHÁP
(ABHIDHAMMAPIṬAKA)

BỘ THỨ SÁU

BỘ SONG ĐỐI
(YAMAKA)

QUYỂN THƯỢNG
VÀ
QUYỂN HẠ

CẢO BẢN

Đại Trưởng lão Hòa thượng Tịnh Sự - Mahāthero Saṅtakicco
Chuyển ngữ từ bản tiếng Pāli - Thái sang tiếng Việt
Phật lịch 2519 – Dương lịch 1975

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
2012

BỘ THỨ SÁU

BỘ SONG ĐỐI
(YAMAKA)

Dịch giả:
Đại Trưởng lão Hòa thượng Tịnh Sự
Nguyên Cố vấn I, kiêm Trưởng Ban Phiên dịch
Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy *(Theravāda)* - Việt Nam

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. ĐT: 04.37822845 – Fax (04).37822841
Chịu trách nhiệm xuất bản: Nguyễn Công Oánh
Biên tập: Đỗ Thị Quỳnh
Trình bày: Tỳ kheo Siêu Thiện
Trình bày bìa: Mỹ Hà
Đối tác liên kết: Thư viện Phật Giáo Nguyên Thuỷ, 171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu, Q.Thủ Đức, TpHCM.

In 500 bản, khổ 20.5 x 29 cm tại xí nghiệp in FaHaSa số 774 Trường Chinh, Q.Tân Bình, Tp.HCM. ĐT: (84.8) 38153297 – Fax: (84.8) 38153297. Số xuất bản: 24-2012/CXB/82-02/TG ngày 29/02/2012.
Xin xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2012.

MỤC LỤC

CĂN SONG **7**
Xiển Thuật Căn Song 7
Khởi Phần Xiển Minh 10

UẨN SONG **17**
Phần định danh 17
Phần Xiển Thuật 17
Phần Xiển Minh 19
Phần Hành Vi Uẩn Song 28
Phần Hành Vi Sanh 28
Phần Hành Vi Diệt 37
Phần Hành Vi Sanh Diệt 45
Phần Đạt Tri 53

XỨ SONG **56**
Phần Định Danh 56
Phần Xiển Thuật 56
Phần Xiển Minh 59
Phần Hành Vi 63
Phần Hành Vi Sanh 63
Phần Hành Vi Diệt 102
Phần Hành Vi Sanh Và Diệt 131
Phần Đạt Tri 148
Phần Định Danh *(Paññattivara)* 150
Phần Xiển Thuật *(Uddesavara)* 150
Phần Xiển Minh *(Niddesavara)* 151
Phần Hành Vi *(Pavattivara)* 155
Phần Sanh *(Uppadavāra)* 155
Phần Đạt Tri *(Pariññavara)* 156

ĐẾ SONG **157**
Phần Định Danh *(Paññattivara)* 157
Phần Xiển Thuật *(Uddesavāra)* 157
Phần Xiển Minh *(Niddesavara)* 158
Phần Hành Vi *(Pavattivara)* 161
Phần Sanh *(Uppadavāra)* 161
Phần Diệt *(Nirodhavāra)* 177
Phần Sanh Và Diệt *(Uppādanirodhavāra)* 189
Phần Đạt Tri *(Pariññavara)* 197
Phần Định Danh *(Paññattivara)* 199
Phần Xiển Thuật *(Uddeasavāra)* 199
Phần Xiển Minh *(Niddesavāra)* 200
Phần Bình Nhựt *(Pavattivara)* 202
Phần Sanh *(Uppadavāra)* 202
Phần Diệt *(Nirodhavāra)* 216
Phần Sanh Diệt *(Uppādanirodhavāra)* 228
Phần Đạt Tri *(Patinnivara)* 235

TÙY MIÊN SONG **236**
Phần Tùy Miên *(Anusayavāra)* 236

Phần Tự Y Tùy Miên *(Sanusayavāra)* 268
Phần Trừ Tùy Miên *(Pajahanavāra)*....296
Phần Đạt Trừ *(Pariññavara)* 327
Phần Đã Trừ *(Pahinavara)*....357
Phần Vẫn Sanh *(Uppajjanavara)* 385
Phần Giới *(Dhatuvara)*....385

TÂM SONG 399
Phần Xiển Thuật *(Puggalavāruddeso)* 399
Xiển Thuật Phần Nhân 399
Xiển Thuật Phần Pháp *(Dhammavāruddeso)* 402
Xiển Thuật Phần Người Và Pháp *(Puggaladhammavāruddeso)* 404
Xiển Thuật Phần Hỗn Tạp *(Missakavāruddeso)* 406
Phần Xiển Minh....407
Xiển Minh Phần Nhân *(Puggalavāraniddeso)* 407
Xiển Minh Phần Pháp *(Dhammavāraniddeso)* 412
Xiển Minh Phần Người Và Pháp *(Puggaladhammavāraniddeso)* 416

PHÁP SONG....420
Phần Án Trí *(Paññattivāra)* 420
Phần Xiển Thuật *(Uddesavāra)*....420
Phần xiển Minh *(Niddesavāra)* 421
Phần Hành Vi *(Pavattivāra)*....424
Phần Hành Vi Sanh 424
Phần Diệt *(Nirodhavāra)*....439
Phần Sanh Diệt *(Uppādanirodhavāra)*....454
Phần Tu Tiến *(Bhavanavara)* 470

QUYỀN SONG 471
Phần Án Trí *(Paññattivāra)* 471
Xiển Thuật *(Uddesa)* 471
Phần Xiển Minh *(Niddesa)*....479
Phần Hành Vi *(Pavattivāra)*....502
Phần Hành Vi Sanh 502
Phần Chu Tường *(Pariññāvāra)* 660

BỘ THỨ SÁU

BỘ SONG ĐỐI
(YAMAKA)

QUYỂN THƯỢNG

CẢO BẢN

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA
CUNG KỈNH ĐẾN ĐỨC THẾ TÔN, ỨNG CÚNG, CHÁNH BIẾN TRI

CĂN SONG

Xiển Thuật Căn Song

1.

* Mỗi pháp nào là thiện, những pháp ấy đều gọi căn thiện? Hay là căn nào là căn thiện đều gọi là pháp thiện?
* Mỗi pháp nào là thiện, pháp ấy đều đồng căn với căn thiện? Hay là căn nào đồng căn với căn thiện, những căn ấy đều là pháp thiện?
* Mỗi pháp nào đồng căn với căn thiện những pháp ấy đều gọi là căn hỗ tương với căn thiện? Hay là căn nào hỗ tương với căn thiện, những căn ấy đều gọi là pháp thiện?
* Mỗi pháp nào là thiện, những pháp ấy đều gọi căn là căn thiện? Hay là căn nào gọi căn là căn thiện, những căn ấy đều là pháp thiện?
* Mỗi pháp nào là thiện, những pháp ấy đều gọi căn là căn đồng với căn thiện? Hay là căn nào gọi căn là căn đồng với căn thiện, những căn ấy đều là pháp thiện?
* Mỗi pháp nào là căn gọi căn đồng với căn thiện, những pháp ấy đều là căn gọi căn hỗ tương với căn thiện? Hay là căn nào là căn gọi căn hỗ tương với căn thiện những căn ấy đều là pháp thiện?
* Mỗi pháp nào là thiện, những pháp ấy đều có căn thiện? Hay là căn nào có căn thiện, những căn ấy đều là pháp thiện?
* Mỗi pháp nào là thiện, những pháp ấy đều có căn đồng với căn thiện? Hay là căn nào có căn đồng với căn thiện, những căn ấy đều là pháp thiện?
* Mỗi pháp nào có căn đồng với căn thiện, những pháp ấy đều có căn hỗ tương với căn thiện? Hay là căn nào có căn hỗ tương với căn thiện, những căn ấy đều là pháp thiện?
* Mỗi pháp nào là thiện, những pháp ấy đều có căn gọi căn thiện? Hay là căn nào có căn gọi căn thiện, những căn ấy đều là pháp thiện?
* Mỗi pháp nào là thiện, những pháp ấy đều có căn gọi căn đồng với căn thiện? Hay là căn nào có căn gọi căn đồng với căn thiện, những căn ấy đều là pháp thiện?
* Mỗi pháp nào có căn gọi căn đồng với căn thiện, những pháp ấy đều có căn gọi căn hỗ tương với căn thiện? Hay là căn nào có căn gọi căn hỗ tương với căn thiện, những căn ấy đều là pháp thiện?

2.

* Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều gọi căn bất thiện? Hay là căn nào là bất thiện, những căn ấy đều gọi pháp bất thiện?
* Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều đồng căn với căn bất thiện? Hay là căn nào đồng căn với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?

* Mỗi pháp nào đồng căn với căn bất thiện, những pháp ấy đều gọi căn hỗ tương với căn bất thiện? Hay là căn nào gọi căn hỗ tương với căn bất thiện, những căn ấy đều gọi pháp bất thiện?
* Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều gọi căn là căn bất thiện? Hay là căn nào gọi căn là căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?
* Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều gọi căn là căn đồng với căn bất thiện? Hay là căn nào gọi căn là căn đồng với căn bất thiện những căn ấy đều là pháp bất thiện?
* Mỗi pháp nào là căn gọi căn đồng với căn bất thiện, những pháp ấy đều là căn gọi căn hỗ tương với căn bất thiện? Hay là căn nào gọi căn là căn hỗ tương với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?
* Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều có căn bất thiện? Hay là căn nào có căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?
* Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều có căn đồng với căn bất thiện? Hay là căn nào có căn đồng với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?
* Mỗi pháp nào có căn đồng với căn bất thiện, những pháp ấy đều có căn hỗ tương với căn bất thiện? Hay là căn nào có căn hỗ tương với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?
* Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều có căn gọi là căn bất thiện? Hay là căn nào có căn gọi căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?
* Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều có căn gọi căn đồng với căn bất thiện? Hay là căn nào có căn gọi căn đồng với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?
* Mỗi pháp nào có căn gọi căn đồng với căn bất thiện, những pháp ấy đều có căn gọi căn hỗ tương với căn bất thiện? Hay là căn nào có căn gọi căn hỗ tương với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?

3.

* Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều gọi căn vô ký? Hay là căn nào là vô ký, những căn ấy đều gọi pháp vô ký?
* Mỗi pháp nào là vô ký, pháp ấy đều đồng căn với căn vô ký? Hay là căn nào đồng căn với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?
* Mỗi pháp nào đồng căn với căn vô ký, những pháp ấy đều gọi căn hỗ tương với căn vô ký? Hay là căn nào hỗ tương với căn vô ký, những căn ấy đều gọi pháp vô ký?
* Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều gọi căn là căn vô ký? Hay là căn nào gọi căn là căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?
* Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều gọi căn là căn đồng với căn vô ký? Hay là căn nào gọi căn là căn đồng với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?
* Mỗi pháp nào là căn gọi căn đồng với căn vô ký, những pháp ấy là căn gọi căn hỗ tương với căn vô ký? Hay là căn nào là căn gọi căn hỗ tương với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

- Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều có căn vô ký? Hay là căn nào có căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?
- Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều có căn đồng với căn vô ký? Hay là căn nào có căn đồng với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?
- Mỗi pháp nào có căn đồng với căn vô ký, những pháp ấy đều có căn hỗ tương với căn vô ký? Hay là căn nào có căn hỗ tương với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?
- Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều có căn gọi căn vô ký? Hay là căn nào có căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký.
- Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều có căn gọi căn đồng với căn vô ký? Hay là căn nào có căn gọi căn đồng với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?
- Mỗi pháp nào có căn gọi căn đồng với căn vô ký, những pháp ấy đều có căn gọi căn hỗ tương với căn vô ký? Hay là căn nào có căn gọi căn hỗ tương với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

4.

- Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều gọi căn danh? Hay là căn nào là căn danh, đều gọi danh pháp?
- Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều đồng căn với căn danh? Hay là căn nào đồng căn với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?
- Mỗi pháp nào đồng căn với căn danh, những pháp ấy đều gọi căn hỗ tương với căn danh? Hay là căn nào hỗ tương với căn danh, những căn ấy đều gọi danh pháp?
- Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều gọi căn là căn danh? Hay là căn nào gọi căn là căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?
- Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều gọi căn là căn đồng với căn danh. Hay là căn nào gọi căn là căn đồng với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?
- Mỗi pháp nào là căn gọi căn đồng với căn danh những pháp ấy đều là căn gọi căn hỗ tương với căn danh? Hay là căn nào gọi căn hỗ tương với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?
- Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều có căn danh? Hay là căn nào có căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?
- Mỗi pháp nào có căn đồng với căn danh, những pháp ấy đều có căn hỗ tương với căn danh? Hay là căn nào có căn hỗ tương với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?
- Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều gọi căn là căn danh? Hay là căn nào có căn gọi căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?
- Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều có căn đồng với căn danh? Hay là căn nào có căn đồng với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?
- Mỗi pháp nào có căn đồng với căn danh, những pháp ấy đều có căn hỗ tương với căn danh? Hay là căn nào có căn hỗ tương với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?
- Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều có căn gọi căn danh? Hay là căn nào có căn gọi căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

5.

- Mỗi pháp nào là thiện những pháp ấy là nhơn thiện... nhơn duyên thiện... bổn sanh thiện... nguồn gốc thiện... nguyên nhân thiện... vật thực thiện... cảnh thiện... duyên thiện... căn nguyên thiện.

Căn, nhơn, nhơn duyên, bổn sanh, nguồn gốc, nguyên nhân, vật thực, cảnh, duyên, căn nguyên...

Dứt phần xiển thuật căn song

Khởi Phần Xiển Minh

6.

∗ *Mỗi pháp nào là thiện, những pháp ấy đều là căn thiện phải chăng?* Căn thiện chỉ có 3 mà thôi, những pháp thiện ngoài ra đó, là phi căn thiện...

Hay là căn nào là thiện, những căn ấy đều là pháp thiện phải chăng? Phải rồi...

∗ *Mỗi pháp nào là thiện, những pháp ấy đều là căn đồng với căn thiện phải chăng?* Phải rồi...

Hay là căn nào nương căn đồng với căn thiện, những căn ấy đều là pháp thiện phải chăng? Sắc do thiện làm sở sanh nương căn đồng nhau với căn thiện mà phi thiện, còn thiện nương căn đồng với căn thiện và cũng là thiện.

∗ *Mỗi pháp nào đồng căn với căn thiện, những pháp ấy đều là căn hỗ tương với căn thiện phải chăng?* Những căn nào đồng sanh với căn thiện là căn đồng và là căn hỗ tương với căn thiện; còn những pháp đồng sanh ngoài ra căn thiện, căn đồng với căn thiện mà phi căn hỗ tương.

Hay là căn nào là căn hỗ tương với căn thiện, những căn ấy đều là pháp thiện phải chăng: Phải rồi...

7.

∗ *Mỗi pháp nào là thiện, những pháp ấy đều là căn gọi căn thiện phải chăng?* Căn gọi căn thiện chỉ có 3 mà thôi, những pháp thiện ngoài ra đó, là phi căn thiện.

Hay là những căn là căn thiện, những căn ấy đều là pháp thiện phải chăng? Phải rồi...

∗ *Mỗi pháp nào là thiện, những pháp ấy đều là căn gọi căn đồng với căn thiện phải chăng?* Phải rồi...

Hay là căn nào nương căn đồng với căn thiện, những căn ấy đều là pháp thiện phải chăng? Sắc do thiện làm sở sanh, nương căn gọi căn đồng nhau với căn thiện mà phi thiện, còn thiện nương căn gọi căn đồng với căn thiện và cũng là thiện.

∗ *Mỗi pháp nào gọi căn là căn đồng với căn thiện, những pháp ấy đều là căn gọi căn hỗ tương với căn thiện phải chăng?* Những căn nào gọi căn đồng với căn thiện, là căn gọi căn đồng và căn hỗ tương với căn thiện, còn những pháp ngoài ra căn thiện, là căn gọi căn đồng với căn thiện mà phi căn gọi căn hỗ tương.

Hay là căn nào gọi căn là căn hỗ tương với căn thiện những căn ấy đều là pháp thiện phải chăng? Phải rồi...

8.

∗ *Mỗi pháp nào là thiện, những pháp ấy đều có căn thiện phải chăng?* Phải rồi...

Hay là căn nào có nương căn thiện, những căn ấy đều là pháp thiện phải chăng? Sắc do thiện làm sở sanh, có nương căn thiện mà phi thiện, còn thiện có nương căn thiện và cũng là thiện.

∗ Mỗi pháp nào là thiện, những pháp ấy đều có căn đồng với căn thiện phải chăng? Phải rồi...

Hay là căn nào có nương căn đồng với căn thiện, những căn ấy đều là pháp thiện phải chăng? Sắc do thiện làm sở sanh, có nương căn đồng nhau với căn thiện mà phi thiện, còn thiện có nương căn đồng với căn thiện và cũng là thiện.

∗ *Mỗi pháp nào có căn đồng với căn thiện, những pháp ấy đều có căn hỗ tương với căn thiện phải chăng?* Những căn nào có căn đồng sanh với căn thiện, là căn đồng và căn hỗ tương với căn thiện, còn những pháp ngoài ra căn thiện có căn đồng với căn thiện mà phi căn hỗ tương.

Hay là căn nào có căn hỗ tương với căn thiện, những căn ấy đều là pháp thiện phải chăng? Phải rồi...

9.

∗ *Mỗi pháp nào là thiện, những pháp ấy đều có căn gọi căn thiện phải chăng?* Phải rồi…

Hay là căn nào có nương căn gọi căn thiện, những căn ấy đều là pháp thiện phải chăng? Sắc do Thiện làm sở sanh, có nương căn gọi căn thiện mà phi thiện, còn thiện có nương căn gọi căn thiện và cũng là thiện.

∗ *Mỗi pháp nào là thiện, những pháp ấy đều có căn gọi căn đồng với căn thiện phải chăng?* Phải rồi...

Hay là căn nào có nương căn gọi căn đồng với căn thiện, những căn ấy đều là pháp thiện phải chăng? Sắc do thiện làm sở sanh, có nương căn gọi căn đồng nhau với căn thiện mà phi thiện, còn thiện có nương căn gọi căn đồng với căn thiện và cũng là thiện.

∗ *Mỗi pháp nào có căn gọi căn đồng với căn thiện, những pháp ấy đều có căn gọi căn hỗ tương với căn thiện phải chăng?* Những căn nào có căn gọi căn đồng sanh với căn thiện là căn gọi căn đồng và căn hỗ tương với căn thiện, còn những pháp ngoài ra căn thiện, có căn gọi căn đồng với căn thiện mà phi căn gọi căn hỗ tương.

Hay là căn nào có căn gọi căn hỗ tương với căn thiện những căn ấy đều là pháp thiện phải chăng? Phải rồi...

10.

∗ *Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều là căn bất thiện phải chăng?* Căn bất thiện chỉ có 3 mà thôi, những pháp bất thiện ngoài ra đó, là phi căn bất thiện.

Hay là căn nào là bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện phải chăng? Phải rồi...

∗ *Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều là căn đồng với căn bất thiện phải chăng?* Bất thiện vô nhơn không đồng với căn bất thiện. Bất thiện hữu nhơn mới đồng căn với căn bất thiện.

Hay là căn nào nương căn đồng với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện phải chăng? Sắc do bất thiện làm sở sanh nương căn đồng với căn bất thiện mà phi thiện, còn bất thiện nương căn đồng với căn bất thiện và cũng là bất thiện.

∗ *Mỗi pháp nào đồng căn với căn bất thiện, những pháp ấy đều là căn hỗ tương với căn bất thiện phải chăng?* Những căn nào đồng sanh với căn bất thiện, là căn đồng và căn hỗ tương với căn bất thiện, còn những pháp đồng sanh ngoài ra căn bất thiện là căn đồng với căn bất thiện mà phi căn hỗ tương.

Hay là căn nào là căn hỗ tương với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện phải chăng? Phải rồi...

11.

∗ *Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều là căn gọi căn bất thiện phải chăng?* Căn gọi căn bất thiện chỉ có 3 mà thôi, những pháp bất thiện ngoài ra đó, là phi căn bất thiện.

Hay là căn nào gọi căn là căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện phải chăng? Phải rồi...

∗ *Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều là căn gọi căn đồng với căn bất thiện phải chăng?* Bất thiện vô nhơn không nương căn gọi căn đồng với căn bất thiện.

Hay là căn nào nương căn đồng với căn bất thiện những căn ấy đều là pháp bất thiện phải chăng? Sắc do bất thiện làm sở sanh, nương căn gọi căn đồng nhau với căn bất thiện mà phi bất thiện, còn bất thiện nương căn gọi căn đồng với căn bất thiện và cũng là bất thiện.

∗ *Mỗi pháp nào gọi căn là căn đồng với căn bất thiện, những pháp ấy đều là căn gọi căn hỗ tương với căn bất thiện phải chăng?* Những căn gọi căn đồng sanh với căn bất thiện, là căn gọi căn đồng với căn hỗ tương và căn bất thiện, còn những pháp ngoài ra căn bất thiện, là căn gọi căn đồng với căn bất thiện mà phi căn gọi căn hỗ tương.

Hay là căn nào gọi căn là căn hỗ tương với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện phải chăng? Phải rồi...

12.

∗ *Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều có căn bất thiện phải chăng?* Bất thiện vô nhơn không có căn bất thiện, còn bất thiện hữu nhơn mới có căn bất thiện.

Hay là căn nào có nương căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện phải chăng? Sắc do bất thiện làm sở sanh, có nương căn bất thiện mà phi bất thiện, còn bất thiện có nương căn bất thiện và cũng là bất thiện.

∗ Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều có căn đồng với căn bất thiện phải chăng? Bất thiện vô nhơn không có căn đồng với căn bất thiện, bất thiện hữu nhân mới có căn đồng với căn bất thiện.

Hay là căn nào có nương căn đồng với căn bất thiện, những căn ấy đều là bất thiện phải chăng? Sắc do bất thiện làm sở sanh, có nương căn đồng với căn bất thiện, mà phi bất thiện, còn bất thiện có nương căn đồng với căn bất thiện và cũng là bất thiện.

∗ *Mỗi pháp có căn đồng với căn bất thiện, những pháp ấy đều có căn hỗ tương với căn bất thiện phải chăng?* Những căn nào có căn đồng sanh với căn bất thiện, là căn đồng và căn hỗ tương với căn bất thiện, còn những pháp ngoài ra căn bất thiện, có căn đồng với căn bất thiện mà phi căn hỗ tương.

Hay là căn nào có căn hỗ tương với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện phải chăng? Phải rồi...

13.

∗ *Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều có căn gọi căn bất thiện phải chăng?* Bất thiện vô nhơn không có căn gọi căn bất thiện, còn bất thiện hữu nhơn mới có căn gọi căn bất thiện.

Hay là căn nào có nương căn gọi căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện phải chăng? Sắc do bất thiện làm sở sanh, có nương căn gọi căn bất thiện, mà phi bất thiện, còn bất thiện có nương căn gọi căn bất thiện và cũng là bất thiện.

* *Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều có căn gọi căn đồng với căn bất thiện phải chăng?* Bất thiện vô nhơn không có căn gọi căn đồng với căn bất thiện, bất thiện hữu nhơn mới có căn gọi căn đồng với căn bất thiện.

  Hay là căn nào có nương căn gọi căn đồng với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện phải chăng? Sắc do bất thiện làm sở sanh có nương căn gọi căn đồng với căn bất thiện, còn bất thiện có nương căn gọi căn đồng với căn bất thiện và cũng là bất thiện.

* *Mỗi pháp nào có căn gọi căn đồng với căn bất thiện, những pháp ấy đều có căn gọi căn hỗ tương với căn bất thiện phải chăng?* Những căn nào có căn gọi căn đồng sanh với căn bất thiện là căn gọi căn đồng và căn hỗ tương với căn bất thiện, còn những pháp ngoài ra căn bất thiện, có căn gọi căn đồng với căn bất thiện mà phi căn gọi căn hỗ tương.

  Hay là căn nào có căn gọi căn hỗ tương với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện phải chăng? Phải rồi...

14.

* *Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều là căn vô ký phải chăng?* Căn vô ký chỉ có 3 mà thôi, những pháp vô ký ngoài ra đó, là phi căn vô ký.

  Hay là căn nào là vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký phải chăng? Phải rồi...

* *Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều là căn đồng với căn vô ký phải chăng?* Vô ký vô nhơn không đồng với căn vô ký, vô ký hữu nhơn mới đồng căn với căn vô ký.

  Hay là căn nào đồng căn với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký phải chăng? Phải rồi...

* *Mỗi pháp nào đồng căn với căn vô ký, những pháp ấy đều là căn hỗ tương với căn vô ký phải chăng?* Những căn nào đồng sanh với căn vô ký, là căn đồng và căn hỗ tương với căn vô ký, còn những pháp đồng sanh ngoài ra căn vô ký, là căn đồng với căn vô ký mà phi căn hỗ tương.

  Hay là căn nào là căn hỗ tương với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký phải chăng? Phải rồi...

15.

* *Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều là căn gọi căn vô ký phải chăng?* Căn vô ký chỉ có 3 mà thôi, những pháp ngoài ra đó, là phi căn vô ký.

  Hay là căn nào gọi căn là căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký phải chăng? Phải rồi...

* *Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều là căn gọi căn đồng với căn vô ký phải chăng?* Vô ký vô nhơn không đồng căn với căn vô ký, vô ký hữu nhơn mới đồng căn với căn vô ký.

  Hay là căn nào gọi căn đồng với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký phải chăng? Phải rồi...

∗ *Mỗi pháp nào đồng căn với căn vô ký, những pháp ấy đều là căn hỗ tương với căn vô ký phải chăng?* Những căn nào đồng sanh với căn vô ký, là căn đồng và căn hỗ tương với căn vô ký, còn những pháp đồng sanh ngoài ra căn vô ký, là căn gọi căn đồng với căn vô ký mà phi căn hỗ tương.

Hay là căn nào gọi căn là căn hỗ tương với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký phải chăng? Phải rồi...

16.

∗ *Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều có căn vô ký phải chăng?* Vô ký vô nhơn không có căn vô ký, vô ký hữu nhơn mới có căn vô ký.

Hay là căn nào có căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký phải chăng? Phải rồi...

∗ *Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều có căn đồng nhau với căn vô ký phải chăng?* Vô ký vô nhơn không có căn đồng với căn vô ký, vô ký hữu nhơn mới có căn đồng với căn vô ký.

Hay là căn nào có căn đồng với căn vô ký những căn ấy đều là pháp vô ký phải chăng? Phải rồi...

∗ *Mỗi pháp nào có căn đồng với căn vô ký, những pháp ấy đều có căn hỗ tương với căn vô ký phải chăng?* Những căn nào có căn đồng sanh với căn vô ký, là căn đồng và căn hỗ tương với căn vô ký, có căn đồng với căn vô ký mà phi căn hỗ tương.

Hay là căn nào có căn hỗ tương với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký phải chăng? Phải rồi...

17.

∗ *Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều có căn gọi căn vô ký phải chăng?* Vô ký vô nhơn không có căn gọi căn vô ký, vô ký hữu nhơn mới có căn gọi căn vô ký.

Hay là căn nào có căn gọi căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký phải chăng? Phải rồi...

∗ *Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều có căn gọi căn đồng với căn vô ký phải chăng?* Vô ký hữu nhơn mới có căn gọi căn đồng với căn vô ký.

Hay là căn nào có căn gọi căn đồng với căn vô ký; những căn ấy đều là pháp vô ký phải chăng? Phải rồi...

∗ *Mỗi pháp nào có căn gọi căn đồng với căn vô ký, những pháp ấy đều có căn gọi căn hỗ tương với căn vô ký phải chăng?* Những căn nào có căn gọi căn đồng sanh với căn vô ký, là căn gọi căn đồng và căn hỗ tương với căn vô ký. Còn những pháp ngoài ra căn vô ký, có căn gọi căn đồng với căn vô ký mà phi căn hỗ tương.

Hay là căn nào có căn gọi căn hỗ tương với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký phải chăng? Phải rồi...

18.

∗ *Mỗi pháp nào là danh những pháp ấy đều là căn danh phải chăng?* Căn danh chỉ có 9 mà thôi, còn danh pháp ngoài ra đó, là phi căn danh.

Hay là căn nào là căn danh, những căn ấy đều là danh pháp phải chăng? Phải rồi...

∗ *Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều là căn đồng với căn danh phải chăng?* Danh pháp vô nhơn không đồng căn với căn danh, còn danh pháp hữu nhơn mới đồng căn với căn danh.

Hay là căn nào nương căn đồng với căn danh, những căn ấy đều là căn danh phải chăng? Sắc do danh làm sở sanh nương căn đồng nhau với căn danh mà phi danh, còn danh pháp nương căn đồng với căn danh và cũng là danh.

∗ *Mỗi pháp nào đồng căn với căn danh, những pháp ấy đều là căn hỗ tương với căn danh phải chăng?* Những căn nào đồng sanh với căn danh, là căn đồng và căn hỗ tương với căn danh, còn những pháp đồng sanh ngoài ra căn danh, là căn đồng với căn danh mà phi căn hỗ tương.

Hay là căn nào là căn hỗ tương với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp phải chăng? Phải rồi...

19.

∗ *Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều là căn gọi căn danh phải chăng?* Căn gọi căn danh chỉ có 9 mà thôi, còn những pháp ngoài ra đó, là phi căn danh.

Hay là căn nào gọi căn là căn danh, những căn ấy đều là danh pháp phải chăng? Phải rồi...

∗ *Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều là căn gọi căn đồng với căn danh phải chăng?* Danh pháp vô nhơn không nương căn gọi căn đồng với căn danh còn danh pháp hữu nhơn mới có nương căn gọi căn đồng với căn danh.

Hay là căn nào gọi căn đồng với căn danh, những căn ấy đều là căn gọi căn danh phải chăng? Sắc do danh làm sở sanh nương căn gọi căn đồng nhau với căn danh mà phi danh, còn danh pháp nương căn gọi căn đồng với căn danh và cũng là danh.

∗ *Những pháp nào nương căn gọi căn đồng với căn danh, những pháp ấy đều là căn gọi căn hỗ tương với căn danh phải chăng?* Những căn nào gọi căn đồng sanh với căn danh, là căn gọi căn đồng và căn hỗ tương với căn danh, còn những pháp đồng sanh ngoài ra căn danh, là căn gọi căn đồng với căn danh mà phi căn hỗ tương.

Hay là căn nào gọi căn hỗ tương với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp phải chăng? Phải rồi...

20.

∗ *Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều có căn danh phải chăng?* Danh pháp vô nhơn không có căn danh, còn danh pháp hữu nhơn mới có căn danh.

Hay là căn nào có nương căn danh, những căn ấy đều là danh pháp phải chăng? Sắc do danh hữu nhơn làm sở sanh, có nương căn danh mà phi danh, còn danh hữu nhơn có nương căn danh và cũng là danh.

∗ *Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều có căn đồng với căn danh phải chăng?* Danh pháp vô nhơn không có căn đồng với căn danh, còn danh pháp hữu nhơn mới có căn đồng với căn danh.

Hay là căn nào có nương căn đồng với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp phải chăng? Sắc do danh hữu nhơn làm sở sanh, có nương căn đồng nhau với căn danh mà phi danh, còn danh hữu nhơn có nương căn đồng với căn danh và cũng là danh.

∗ *Mỗi pháp có căn đồng với căn danh, những pháp ấy đều có căn hỗ tương với căn danh phải chăng?* Những căn nào có căn đồng sanh với căn danh, là căn đồng và căn hỗ tương với căn danh, còn những pháp ngoài ra căn danh có căn đồng với căn danh mà phi căn hỗ tương.

Hay là căn nào có căn hỗ tương với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp phải chăng? Phải rồi...

21.

∗ *Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều có căn gọi căn danh phải chăng?* Danh pháp vô nhơn không có căn gọi là căn danh đó còn danh pháp hữu nhơn mới có căn gọi căn danh.

Hay là căn nào có nương căn gọi căn danh, những căn ấy đều là danh pháp phải chăng? Sắc do danh hữu nhơn làm sở sanh, có nương căn gọi căn danh mà phi danh, còn danh hữu nhơn có nương căn danh và cũng là danh.

∗ *Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều có căn gọi căn đồng với căn danh phải chăng?* Danh pháp vô nhơn không có căn gọi căn đồng với căn danh, còn danh pháp hữu nhơn mới có căn gọi căn đồng với căn danh.

Hay là căn nào có nương căn gọi căn đồng với căn danh những căn ấy đều là danh pháp phải chăng? Sắc do danh hữu nhơn làm sở sanh, có nương căn gọi căn đồng với căn danh mà phi danh; còn danh hữu nhơn có nương căn gọi căn đồng với căn danh và cũng là danh.

∗ *Mỗi pháp nào có căn gọi căn đồng với căn danh, những pháp ấy đều có căn gọi căn hỗ tương với căn danh phải chăng?* Những căn nào có căn gọi căn đồng sanh với căn danh, là căn gọi căn đồng và căn hỗ tương với căn danh, còn những pháp ngoài ra căn danh có căn gọi căn đồng với căn danh mà phi căn gọi căn hỗ tương.

Hay là căn nào có căn gọi căn hỗ tương với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp phải chăng? Phải rồi...

22.

∗ Mỗi pháp nào là thiện, những pháp ấy là nhơn thiện... Nhơn duyên thiện, Bổn sanh thiện, nguồn gốc thiện, nguyên nhân thiện, vật thực thiện, cảnh thiện, duyên thiện, căn nguyên thiện.

∗ Mỗi pháp nào bất thiện, mỗi pháp nào là vô ký... Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều là nhơn danh... nhơn duyên danh, bổn sanh danh, nguồn gốc danh, nguyên nhân danh, vật thực danh, cảnh danh, duyên danh, căn nguyên danh...

Căn, nhơn, nhơn duyên, bổn sanh, nguồn gốc, nguyên nhân, vật thực, cảnh, duyên, căn nguyên...

Dứt phần Căn song.

UẨN SONG

PHẦN ĐỊNH DANH

23.

Năm uẩn: sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn...

Phần Xiển Thuật

24.

Sắc, sắc uẩn? Sắc uẩn, sắc?... Thọ, thọ uẩn? Thọ uẩn, thọ?... Tưởng, tưởng uẩn? Tưởng uẩn, tưởng?... Hành, hành uẩn? Hành uẩn, hành?... Thức, thức uẩn? Thức uẩn, thức?...

25.

Phi sắc, phi sắc uẩn? Phi sắc uẩn, phi sắc?... Phi thọ, phi thọ uẩn? Phi thọ uẩn, phi thọ?... Phi tưởng, phi tưởng uẩn? Phi tưởng uẩn, phi tưởng?... Phi hành, phi hành uẩn? Phi hành uẩn, phi hành?... Phi thức, phi thức uẩn? Phi thức uẩn, phi thức?...

26.

* Sắc, sắc uẩn? Uẩn, thọ uẩn?... Sắc, sắc uẩn? Uẩn, tưởng uẩn?... Sắc, sắc uẩn? Uẩn, hành uẩn?... Sắc, sắc uẩn? Uẩn, thức uẩn?...
* Thọ, thọ uẩn? Uẩn, sắc uẩn?... Thọ, thọ uẩn? Uẩn, tưởng uẩn?... Thọ, thọ uẩn? Uẩn, hành uẩn?... thọ, thọ uẩn? Uẩn, thức uẩn?...
* Tưởng, tưởng uẩn? Uẩn, sắc uẩn?... Tưởng, tưởng uẩn?... Uẩn, thọ uẩn? Tưởng, tưởng uẩn? Uẩn, hành uẩn?... Tưởng, tưởng uẩn? Uẩn, thức uẩn?...
* Hành, hành uẩn? Uẩn, sắc uẩn?... Hành, hành uẩn? Uẩn, thọ uẩn?... Hành, hành uẩn? Uẩn, tưởng uẩn?... Hành, hành uẩn? Uẩn, thức uẩn?...
* Thức, thức uẩn? Uẩn, sắc uẩn?... Thức, thức uẩn? Uẩn, thọ uẩn?... Thức, thức uẩn? Uẩn, tưởng uẩn?... Thức, thức uẩn? Uẩn, hành uẩn? …

27.

* Phi sắc, phi sắc uẩn? - Phi uẩn, phi thọ uẩn?...
* Phi sắc, phi sắc uẩn? - Phi uẩn, phi tưởng uẩn?...
* Phi sắc, phi sắc uẩn? - Phi uẩn, phi hành uẩn?...
* Phi sắc, phi sắc uẩn? - Phi uẩn, phi thức uẩn?...
* Phi thọ, phi thọ uẩn? - Phi uẩn, phi sắc uẩn?...
* Phi thọ, phi thọ uẩn? - Phi uẩn, phi tưởng uẩn?...
* Phi thọ, phi thọ uẩn? - Phi uẩn, phi hành uẩn?...
* Phi thọ, phi thọ uẩn? - Phi uẩn, phi thức uẩn?...
* Phi tưởng, phi tưởng uẩn? - Phi uẩn, phi sắc uẩn?...
* Phi tưởng, phi tưởng uẩn? - Phi uẩn, phi thọ uẩn?...
* Phi tưởng, phi tưởng uẩn? - Phi uẩn, phi hành uẩn?...
* Phi tưởng, phi tưởng uẩn? - Phi uẩn, phi thức uẩn?...
* Phi hành, phi hành uẩn? - Phi uẩn, phi sắc uẩn?...
* Phi hành, phi hành uẩn? - Phi uẩn, phi thọ uẩn?...
* Phi hành, phi hành uẩn? - Phi uẩn, phi tưởng uẩn?...
* Phi hành, phi hành uẩn? - Phi uẩn, phi thức uẩn?...

* Phi thức, phi thức uẩn? - Phi uẩn, phi sắc uẩn?...
* Phi thức, phi thức uẩn? - Phi uẩn, phi thọ uẩn?...
* Phi thức, phi thức uẩn? - Phi uẩn, phi tưởng uẩn?...
* Phi thức, phi thức uẩn? - Phi uẩn, phi hành uẩn?...

28.

Sắc, uẩn? Uẩn, sắc?... Thọ, uẩn? Uẩn, thọ?... Tưởng, uẩn? Uẩn, tưởng?... Hành, uẩn? Uẩn, hành?... Thức, uẩn? Uẩn, thức?...

29.

Phi sắc, phi uẩn? Phi uẩn, phi sắc?... Phi thọ, phi uẩn? Phi uẩn, phi thọ?... Phi tưởng, phi uẩn? Phi uẩn, phi tưởng?... Phi hành, phi uẩn? Phi uẩn, phi hành?... Phi thức, phi uẩn? Phi uẩn, phi thức?...

30.

Sắc, uẩn? Uẩn, thọ?... Sắc, uẩn? Uẩn, tưởng?... Sắc, uẩn? Uẩn, hành?... Sắc, uẩn? Uẩn, thức?... Thọ, uẩn? Uẩn, Sắc?...Thọ, uẩn? Uẩn, tưởng?... Thọ, uẩn? Uẩn, hành?... Thọ, uẩn? Uẩn, thức?... Tưởng, uẩn? Uẩn, sắc?... Tưởng, uẩn? Uẩn, thọ?... Tưởng, uẩn? Uẩn, hành?... Tưởng, uẩn? Uẩn, thức?... Hành, uẩn? Uẩn, sắc?... Hành, uẩn? Uẩn, thọ?... hành uẩn? Uẩn, tưởng? hành, uẩn? Uẩn, thức?... Thức, uẩn? Uẩn, sắc?... Thức, uẩn? Uẩn, thọ?... Thức, uẩn? Uẩn, tưởng?... Thức, uẩn? Uẩn, hành?

31.

* Phi sắc, phi uẩn? - Phi uẩn, phi thọ?...
* Phi sắc, phi uẩn? - Phi uẩn, phi tưởng?...
* Phi sắc, phi uẩn? - Phi uẩn, phi hành?...
* Phi sắc, phi uẩn? - Phi uẩn, phi thức?...

* Phi thọ, phi uẩn? - Phi uẩn, phi sắc?...
* Phi thọ, phi uẩn? - Phi uẩn, phi tưởng?...
* Phi thọ, phi uẩn? - Phi uẩn, phi hành?...
* Phi thọ, phi uẩn? - Phi uẩn, phi thức?...

* Phi tưởng, phi uẩn? - Phi uẩn, phi sắc?...
* Phi tưởng, phi uẩn? - Phi uẩn, phi thọ?...
* Phi tưởng, phi uẩn? - Phi uẩn, phi hành?...
* Phi tưởng, phi uẩn? - Phi uẩn, phi thức?...

* Phi hành, phi uẩn? - Phi uẩn, phi sắc?...
* Phi hành, phi uẩn? - Phi uẩn, phi thọ?...
* Phi hành, phi uẩn? - Phi uẩn, phi tưởng?...
* Phi hành, phi uẩn? - Phi uẩn, phi thức?...

* Phi thức, phi uẩn? - Phi uẩn, phi sắc?...
* Phi thức, phi uẩn? - Phi uẩn, phi thọ?...
* Phi thức, phi uẩn? - Phi uẩn, phi tưởng?...
* Phi thức, phi uẩn? - Phi uẩn, phi hành?...

Phần Xiển Minh

32.

Sắc, sắc uẩn phải chăng? Sắc ái, sắc mãn ý gọi sắc mà không gọi sắc uẩn, còn sắc uẩn gọi sắc cũng phải và sắc uẩn cũng phải.

Sắc uẩn, sắc phải chăng? Phải rồi...

33.

Thọ, thọ uẩn phải chăng? Phải rồi...

Thọ uẩn, thọ phải chăng? Phải rồi...

34.

Tưởng, tưởng uẩn phải chăng? Kiến tưởng gọi tưởng mà không gọi tưởng uẩn, còn tưởng uẩn gọi tưởng cũng phải và tưởng uẩn cũng phải.

Tưởng uẩn, tưởng phải chăng? Phải rồi...

35.

Hành, hành uẩn phải chăng? Trừ hành uẩn rồi, hành ngoài ra đó, gọi hành mà không gọi hành uẩn, còn hành uẩn gọi hành cũng phải,

Hành uẩn, hành phải chăng? Phải rồi...

36.

Thức, thức uẩn phải chăng? Phải rồi...

Thức uẩn, thức phải chăng? Phải rồi...

37.

Phi sắc, phi sắc uẩn phải chăng? Phải rồi...

Phi uẩn, phi sắc phải chăng? Sắc ái, sắc mãn ý, phi sắc uẩn mà còn gọi là sắc trừ ra sắc và sắc uẩn rồi, những pháp chơn tướng ngoài ra đó, phi sắc uẩn và phi sắc.

38.

Phi thọ, phi thọ uẩn phải chăng? Phải rồi...

Phi thọ uẩn, phi thọ phải chăng? Phải rồi...

39.

Phi tưởng, phi tưởng uẩn phải chăng? Phải rồi...

Phi tưởng uẩn, phi tưởng phải chăng? Kiến tưởng phi tưởng uẩn mà còn gọi là tưởng trừ ra tưởng và tưởng uẩn rồi. Những pháp chơn tướng ngoài ra đó, phi tưởng uẩn và phi tưởng.

40.

Phi hành, phi hành uẩn phải chăng? Phải rồi...

Phi hành uẩn, phi hành phải chăng? Trừ ra hành uẩn rồi những pháp ngoài ra đó, phi hành uẩn mà còn gọi là hành, còn trừ ra hành và hành uẩn, những pháp chơn tướng ngoài ra đó, phi hành uẩn và phi hành.

41.

Phi thức, phi thức uẩn phải chăng? Phải rồi...

Phi thức uẩn, phi thức phải chăng? Phải rồi...

Phần Câu Lọc Căn Luân

42.

* Sắc, sắc uẩn phải chăng? Sắc ái, sắc mãn ý gọi sắc mà không gọi sắc uẩn, còn sắc uẩn gọi sắc cũng phải và sắc uẩn cũng phải.
* Uẩn, thọ uẩn phải chăng? Thọ uẩn gọi uẩn cũng phải và thọ uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thọ uẩn.

43.

* Sắc, sắc uẩn phải chăng? Sắc ái, sắc mãn ý gọi sắc mà không gọi sắc uẩn, còn sắc uẩn gọi sắc cũng phải và sắc uẩn cũng phải.
* Uẩn, tưởng uẩn phải chăng? Tưởng uẩn gọi uẩn cũng phải và tưởng uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi tưởng uẩn.

44.

* Sắc, sắc uẩn phải chăng? Sắc ái, sắc mãn ý gọi sắc mà không gọi sắc uẩn, còn sắc uẩn gọi sắc cũng phải và sắc uẩn cũng phải.
* Uẩn, hành uẩn phải chăng? Hành uẩn gọi uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi hành uẩn.

45.

* Sắc, sắc uẩn phải chăng? Sắc ái, sắc mãn ý gọi sắc mà không gọi sắc uẩn, còn sắc uẩn gọi sắc cũng phải và sắc uẩn cũng phải.
* Uẩn, thức uẩn phải chăng? Thức uẩn gọi uẩn cũng phải còn những uẩn ngoài ra, gọi uẩn mà không gọi thức uẩn.

46.

* Thọ, thọ uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Uẩn, sắc uẩn phải chăng? Sắc uẩn gọi uẩn cũng phải và sắc uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi sắc uẩn.

47.

* Thọ, thọ uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Uẩn, tưởng uẩn phải chăng? Tưởng uẩn gọi uẩn cũng phải và tưởng uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi tưởng uẩn.

48.

* Thọ, thọ uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Uẩn, hành uẩn phải chăng? Hành uẩn gọi uẩn cũng phải và hành uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà uẩn mà không gọi hành uẩn.

49.

* Thọ, thọ uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Uẩn, thức uẩn phải chăng? Thức uẩn gọi uẩn cũng phải và thức uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thức uẩn.

50.

* Tưởng, tưởng uẩn phải chăng? Kiến tưởng gọi tưởng mà không gọi tưởng uẩn, còn tưởng uẩn gọi tưởng cũng phải và tưởng uẩn cũng phải.
* Uẩn sắc uẩn phải chăng? Sắc uẩn gọi uẩn cũng phải và sắc uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi sắc uẩn.

51.

∗ Tưởng, tưởng uẩn phải chăng? Kiến tưởng gọi tưởng mà không gọi tưởng uẩn, còn tưởng uẩn gọi tưởng cũng phải và tưởng uẩn cũng phải.

∗ Uẩn, thọ uẩn phải chăng? Thọ uẩn gọi uẩn cũng phải và thọ uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thọ uẩn.

52.

∗ Tưởng, tưởng uẩn phải chăng? Kiến tưởng gọi tưởng mà không gọi tưởng uẩn, còn tưởng uẩn gọi tưởng cũng phải và tưởng uẩn cũng phải.

∗ Uẩn, hành uẩn phải chăng? Hành uẩn gọi uẩn cũng phải và hành uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi hành uẩn.

53.

∗ Tưởng, tưởng uẩn phải chăng? Kiến tưởng gọi tưởng mà không gọi tưởng uẩn, còn tưởng uẩn gọi tưởng cũng phải và tưởng uẩn cũng phải.

∗ Uẩn, thức uẩn phải chăng? Thức uẩn gọi uẩn cũng phải và thức uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thức uẩn.

54.

∗ Hành, hành uẩn phải chăng? Trừ hành uẩn rồi, hành ngoài ra đó, gọi hành mà không gọi hành uẩn, còn hành uẩn gọi hành cũng phải và hành uẩn cũng phải.

∗ Uẩn, sắc uẩn phải chăng? Sắc uẩn gọi uẩn cũng phải và sắc uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi sắc uẩn.

55.

∗ Hành, hành uẩn phải chăng? Trừ hành uẩn rồi, hành ngoài ra đó, gọi hành mà không gọi hành uẩn, còn hành uẩn gọi hành cũng phải và hành uẩn cũng phải.

∗ Uẩn thọ uẩn phải chăng? Thọ uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thọ uẩn.

56.

∗ Hành, hành uẩn phải chăng? Trừ hành uẩn rồi, hành ngoài ra đó, gọi hành mà không gọi hành uẩn, còn hành uẩn gọi hành cũng phải và hành uẩn cũng phải.

∗ Uẩn, tưởng uẩn phải chăng? Tưởng uẩn gọi uẩn cũng phải còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi tưởng uẩn.

57.

∗ Hành, hành uẩn phải chăng? Trừ hành uẩn rồi, hành ngoài ra đó, gọi hành mà không gọi hành uẩn, còn hành uẩn gọi hành cũng phải và hành uẩn cũng phải.

∗ Uẩn, thức uẩn phải chăng? Thức uẩn gọi uẩn cũng phải và thức uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thức uẩn.

58.

∗ Thức, thức uẩn phải chăng? Phải rồi...

∗ Uẩn, sắc uẩn phải chăng? Sắc uẩn gọi sắc cũng phải và sắc uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi sắc uẩn.

59.

∗ Thức, thức uẩn phải chăng? Phải rồi...

* Uẩn, thọ uẩn phải chăng? Thọ uẩn gọi uẩn cũng phải và thọ uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thọ uẩn.

60.

* Thức, thức uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Uẩn, tưởng uẩn phải chăng? Tưởng uẩn gọi tưởng cũng phải và tưởng uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi tưởng uẩn.

61.

* Thức, thức uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Uẩn, hành uẩn phải chăng? Hành uẩn gọi uẩn cũng phải và hành uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi hành uẩn.

62.

* Phi sắc, phi sắc uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi uẩn, phi thọ uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi sắc, phi sắc uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi uẩn, phi tưởng uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi sắc, phi sắc uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi uẩn, phi hành uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi sắc, phi sắc uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi thức, phi thức uẩn phải chăng? Phải rồi...

63.

* Phi thọ, phi thọ uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi uẩn, phi sắc uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi thọ, phi thọ uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi uẩn, phi tưởng uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi thọ, phi thọ uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi uẩn, phi hành uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi thọ, phi thọ uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi thức, phi thức uẩn phải chăng? Phải rồi...

64.

* Phi tưởng, phi tưởng uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi uẩn, phi sắc uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi tưởng, phi tưởng uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi uẩn, phi thọ uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi tưởng, phi tưởng uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi uẩn, phi hành uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi tưởng, phi tưởng uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi uẩn, phi thức uẩn phải chăng? Phải rồi...

65.

* Phi hành, phi hành uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi uẩn, phi sắc uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi hành, phi hành uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi uẩn, phi thọ uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi hành, phi hành uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi uẩn, phi tưởng uẩn phải chăng? Phải rồi...

* Phi hành, phi hành uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi uẩn, phi thức uẩn phải chăng? Phải rồi...

66.

* Phi thức, phi thức uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi uẩn, phi sắc uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi thức, phi thức uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi uẩn, phi thọ uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi thức, phi thức uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi uẩn, phi tưởng uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi thức, phi thức uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Phi uẩn, phi hành uẩn phải chăng? Phải rồi...

67.

Sắc, uẩn phải chăng? Phải rồi...

Uẩn, sắc uẩn phải chăng? Sắc uẩn gọi uẩn cũng phải và sắc uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi sắc uẩn.

68.

Thọ, uẩn phải chăng? Phải rồi...

Uẩn, thọ uẩn phải chăng? Thọ uẩn gọi uẩn cũng phải và thọ uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thọ uẩn.

69.

Tưởng, uẩn phải chăng? Phải rồi...

Uẩn, tưởng uẩn phải chăng? Tưởng uẩn gọi uẩn cũng phải và tưởng uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi tưởng uẩn.

70.

Hành, uẩn phải chăng? Phải rồi...

Uẩn, hành uẩn phải chăng? Hành uẩn gọi uẩn cũng phải và hành uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi hành uẩn.

71.

Thức, uẩn phải chăng? Phải rồi...

Uẩn, thức uẩn phải chăng? Thức uẩn gọi uẩn cũng phải và thức uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thức uẩn.

72.

Phi sắc, phi uẩn phải chăng? Trừ sắc rồi, những uẩn ngoài ra đó, phi sắc mà còn gọi là uẩn. Trừ ra sắc và uẩn rồi những pháp ngoài ra đó, phi sắc cũng phải và phi uẩn cũng phải

Phi uẩn, phi sắc uẩn phải chăng? Phải rồi...

73.

Phi thọ, phi uẩn phải chăng? Trừ ra thọ, những uẩn ngoài ra đó, phi thọ mà còn gọi là uẩn, trừ ra thọ và uẩn rồi những pháp ngoài ra đó, phi thọ cũng phải và phi uẩn cũng phải

Phi uẩn, phi thọ uẩn phải chăng? Phải rồi...

74.

Phi tưởng, phi uẩn phải chăng? Trừ ra tưởng rồi, những uẩn ngoài ra đó, phi tưởng mà còn gọi là uẩn, trừ ra tưởng và uẩn rồi, những pháp ngoài ra đó, phi tưởng cũng phải và phi uẩn cũng phải

Phi uẩn, phi tưởng uẩn phải chăng? Phải rồi...

75.

Phi hành, phi uẩn phải chăng? Trừ ra hành rồi, những uẩn ngoài ra đó, phi hành mà còn gọi là uẩn. Trừ ra hành và uẩn rồi những pháp ngoài ra đó, phi hành cũng phải và phi uẩn cũng phải.

Phi uẩn, phi hành uẩn phải chăng? Phải rồi...

76.

Phi thức, phi thức uẩn phải chăng? Trừ ra thức rồi những uẩn ngoài ra đó, phi thức mà còn gọi là uẩn, trừ ra thức và uẩn rồi, những pháp ngoài ra đó, phi thức cũng phải và phi uẩn cũng phải.

77.

* Sắc, uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Uẩn, thọ uẩn phải chăng? Thọ uẩn gọi uẩn cũng phải và thọ uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thọ uẩn.

78.

* Sắc, uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Uẩn, tưởng uẩn phải chăng? Tưởng uẩn gọi uẩn cũng phải và tưởng uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi tưởng uẩn.

79.

* Sắc, uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Uẩn, hành uẩn phải chăng? Hành uẩn gọi uẩn cũng phải còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi là hành uẩn.

80.

* Sắc, uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Uẩn, thức uẩn phải chăng? Thức uẩn gọi uẩn cũng phải và thức uẩn cũng phải còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi là thức uẩn.

81.

* Thọ, uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Uẩn, sắc uẩn phải chăng? Sắc uẩn gọi uẩn cũng phải và sắc uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi sắc uẩn.

82.

* Thọ, uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Uẩn, tưởng uẩn phải chăng? Tưởng uẩn gọi uẩn cũng phải và tưởng uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi là tưởng uẩn.

83.

* Thọ, uẩn phải chăng? Phải rồi...
* Uẩn, hành uẩn phải chăng? Hành uẩn gọi uẩn cũng phải và hành uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi là hành uẩn.

84.

* Thọ, uẩn phải chăng? Phải rồi...

∗ Uẩn, thức uẩn phải chăng? Thức uẩn gọi uẩn cũng phải và thức uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi là thức uẩn.

85.

∗ Tưởng, uẩn phải chăng? Phải rồi...

∗ Uẩn, sắc uẩn phải chăng? Sắc uẩn gọi uẩn cũng phải và sắc uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi là sắc uẩn.

86.

∗ Tưởng, uẩn phải chăng? Phải rồi...

∗ Uẩn, thọ uẩn phải chăng? Thọ uẩn gọi uẩn cũng phải và thọ uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi là thọ uẩn.

87.

∗ Tưởng, uẩn phải chăng? Phải rồi...

∗ Uẩn, hành uẩn phải chăng? Hành uẩn gọi uẩn cũng phải và hành uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi là hành uẩn.

88.

∗ Tưởng, uẩn phải chăng? Phải rồi...

∗ Uẩn, thức uẩn phải chăng? Thức uẩn gọi uẩn cũng phải và thức uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thức uẩn.

89.

∗ Hành, uẩn phải chăng? Phải rồi...

∗ Uẩn, sắc uẩn phải chăng? Sắc uẩn gọi uẩn cũng phải và sắc uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi sắc uẩn.

90.

∗ Hành, uẩn phải chăng? Phải rồi...

∗ Uẩn, thọ uẩn phải chăng? Thọ uẩn gọi uẩn cũng phải và thọ uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thọ uẩn.

91.

∗ Hành, uẩn phải chăng? Phải rồi...

∗ Uẩn, tưởng uẩn phải chăng? Tưởng uẩn gọi uẩn cũng phải và tưởng uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi là tưởng uẩn.

92.

∗ Hành, uẩn phải chăng? Phải rồi...

∗ Uẩn, thức uẩn phải chăng? Thức uẩn gọi uẩn cũng phải và thức uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thức uẩn.

93.

∗ Thức, uẩn phải chăng? Phải rồi...

∗ Uẩn, sắc uẩn phải chăng? Sắc uẩn gọi uẩn cũng phải và sắc uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi sắc uẩn.

94.

∗ Thức, uẩn phải chăng? Phải rồi...

∗ Uẩn, thọ uẩn phải chăng? Thọ uẩn gọi uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thọ uẩn.

95.

* Thức, uẩn phải chăng? Phải rồi...

* Uẩn, tưởng uẩn phải chăng? Tưởng uẩn gọi uẩn cũng phải và tưởng uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn cũng phải và thức uẩn cũng phải.

96.

* Thức, uẩn phải chăng? Phải rồi...

* Uẩn, hành uẩn phải chăng? Hành uẩn gọi uẩn cũng phải và hành uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi hành uẩn.

97.

* Phi sắc, phi uẩn phải chăng? Trừ ra sắc rồi, những uẩn ngoài ra đó, phi sắc mà còn gọi là uẩn. Trừ ra sắc và uẩn rồi, những pháp ngoài ra đó, phi sắc cũng phải và phi uẩn cũng phải.

* Phi uẩn, phi thọ uẩn phải chăng? Phải rồi...

98.

* Phi sắc, phi uẩn phải chăng? Trừ ra sắc rồi những uẩn ngoài ra đó, phi sắc mà còn gọi là uẩn. Trừ ra sắc và uẩn rồi, những pháp ngoài ra đó, phi sắc cũng phải và phi uẩn cũng phải.

* Phi uẩn, phi tưởng uẩn phải chăng? Phải rồi...

99.

* Phi sắc, phi uẩn cũng phải chăng? Trừ ra sắc, những uẩn ngoài ra đó, phi sắc mà còn gọi là uẩn. Trừ ra sắc và uẩn rồi, những pháp ngoài ra đó, phi sắc cũng phải và phi uẩn cũng phải.

* Phi uẩn, phi hành uẩn phải chăng? Phải rồi...

100.

* Phi sắc, phi uẩn phải chăng? Trừ ra sắc rồi, những uẩn ngoài ra đó, phi sắc mà còn gọi là uẩn, trừ ra sắc và uẩn rồi, những pháp ngoài ra đó, phi sắc cũng phải và phi uẩn cũng phải.

* Phi uẩn, phi thức uẩn phải chăng? Phải rồi...

101.

* Phi thọ, phi uẩn phải chăng? Trừ ra thọ rồi những uẩn ngoài ra đó, phi thọ mà còn gọi là uẩn, trừ ra thọ và uẩn rồi, những pháp ngoài ra đó, phi thọ cũng phải và phi uẩn cũng phải.

* Phi uẩn, phi sắc uẩn phải chăng? Phải rồi...

102.

* Phi thọ, phi uẩn phải chăng? Trừ ra thọ rồi, những uẩn ngoài ra đó, phi thọ mà còn gọi là uẩn. Trừ ra thọ và uẩn rồi, những pháp ngoài ra đó, phi thọ cũng phải và phi uẩn cũng phải.

* Phi uẩn, phi tưởng uẩn phải chăng? Phải rồi...

103.

* Phi thọ, phi uẩn phải chăng? Trừ ra thọ rồi, những uẩn ngoài ra đó, phi thọ mà còn gọi là uẩn. Trừ ra thọ và uẩn rồi, những pháp ngoài ra đó, phi thọ cũng phải và phi uẩn cũng phải.

∗ Phi uẩn, phi hành uẩn phải chăng? Phải rồi...

104.

∗ Phi thọ, phi uẩn phải chăng? Trừ ra thọ rồi, những uẩn ngoài ra đó, phi thọ mà còn gọi là uẩn. Trừ ra thọ và uẩn rồi, những pháp ngoài ra đó, phi thọ cũng phải và phi uẩn cũng phải.

∗ Phi uẩn, phi thức uẩn phải chăng? Phải rồi...

105.

∗ Phi tưởng, phi uẩn phải chăng? Trừ ra tưởng rồi, những uẩn ngoài ra đó, phi tưởng mà còn gọi là uẩn, trừ ra tưởng và uẩn rồi, những pháp ngoài ra đó, phi tưởng cũng phải và phi uẩn cũng phải.

∗ Phi uẩn, phi sắc uẩn phải chăng? Phải rồi...

106.

∗ Phi tưởng, phi uẩn phải chăng? Trừ ra tưởng rồi, những uẩn ngoài ra đó, phi tưởng mà còn gọi là uẩn, trừ ra tưởng và uẩn rồi, những pháp ngoài ra đó, phi tưởng cũng phải và phi uẩn cũng phải.

∗ Phi uẩn, phi hành uẩn phải chăng? Phải rồi...

107.

∗ Phi tưởng, phi uẩn phải chăng? Trừ ra tưởng rồi, những uẩn ngoài ra đó, phi tưởng mà còn gọi là uẩn, trừ ra tưởng và uẩn rồi, những pháp ngoài ra đó, phi tưởng cũng phải và phi uẩn cũng phải.

∗ Phi uẩn, phi hành uẩn phải chăng. Phải rồi...

108.

∗ Phi tưởng, phi uẩn phải chăng? Trừ ra tưởng rồi, những uẩn ngoài ra đó, phi tưởng mà còn gọi là uẩn, trừ ra tưởng và uẩn rồi, những pháp ngoài ra đó, phi tưởng uẩn cũng phải và phi uẩn cũng phải.

∗ Phi uẩn, phi thức uẩn phải chăng? Phải rồi...

109.

∗ Phi hành, phi uẩn phải chăng? Phải rồi...

∗ Phi uẩn, phi sắc uẩn phải chăng? Phải rồi...

110

∗ Phi hành, phi uẩn phải chăng, Phải rồi...

∗ Phi uẩn, phi thọ uẩn phải chăng? Phải rồi...

111.

∗ Phi hành, phi uẩn phải chăng? Phải rồi...

∗ Phi uẩn, phi tưởng uẩn phải chăng? Phải rồi...

112.

∗ Phi hành, phi uẩn phải chăng? Phải rồi...

∗ Phi uẩn, phi thức uẩn phải chăng? Phải rồi...

113.

∗ Phi thức, phi uẩn phải chăng? Trừ ra thức rồi, những uẩn ngoài ra đó, phi thức mà còn gọi là uẩn; trừ ra thức và uẩn rồi, những pháp ngoài ra đó, phi thức cũng phải và phi uẩn cũng phải

* Phi uẩn, phi sắc uẩn phải chăng? Phải rồi...

114.

* Phi thức, phi uẩn phải chăng? Trừ ra thức rồi, những uẩn ngoài ra đó, phi thức mà còn gọi là uẩn. Trừ ra thức và uẩn rồi, những pháp ngoài ra đó, phi thức cũng phải và phi uẩn cũng phải.

* Phi uẩn, phi thọ uẩn phải chăng? Phải rồi...

115.

* Phi thức, phi uẩn phải chăng? Trừ ra thức rồi, những uẩn ngoài ra đó, phi thức mà còn gọi là uẩn, trừ ra thức và uẩn rồi, những pháp ngoài ra đó, phi thức cũng phải và phi uẩn cũng phải...

* Phi uẩn, phi tưởng uẩn phải chăng? Phải rồi...

116.

* Phi thức, phi uẩn phải chăng? Trừ ra thức rồi những uẩn ngoài ra đó, phi thức mà còn gọi là uẩn, trừ ra thức và uẩn rồi, những pháp ngoài ra đó, phi thức cũng phải và phi uẩn cũng phải.

* Phi uẩn, phi hành uẩn phải chăng? Phải rồi...

Dứt phần định danh

PHẦN HÀNH VI UẨN SONG

Phần Hành Vi Sanh

117.

*Sắc uẩn **đang sanh** với người nào, thời thọ uẩn **đang sanh** với người ấy phải chăng?* Người đang sanh cõi Vô tưởng, sắc uẩn đang sanh mà thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn, sắc uẩn đang sanh và thọ uẩn cũng đang sanh.

Hay là thọ uẩn đang sanh với người nào, thời sắc uẩn đang sanh với người ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Vô sắc, thọ uẩn đang sanh mà sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy, còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn, thọ uẩn đang sanh và sắc uẩn cũng đang sanh.

118.

Sắc uẩn đang sanh với cõi nào, thời thọ uẩn đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, sắc uẩn đang sanh mà thọ uẩn cũng chẳng phải đang sanh với cõi ấy, còn cõi Ngũ uẩn, sắc uẩn đang sanh và thọ uẩn cũng đang sanh.

Hay là thọ uẩn đang sanh với cõi nào, thời sắc uẩn đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, thọ uẩn đang sanh mà sắc uẩn chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn thọ uẩn đang sanh và sắc uẩn cũng đang sanh.

119.

Sắc uẩn đang sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn đang sanh với người ấy, cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Vô tưởng, với cõi Vô tưởng sắc uẩn đang sanh mà thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy, còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn với cõi Ngũ uẩn, sắc uẩn đang sanh và thọ uẩn cũng đang sanh.

Hay là thọ đang sanh với người nào, cõi nào, thời sắc uẩn đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người thọ uẩn đang sanh cõi Vô sắc, với cõi Vô sắc, thọ uẩn đang sanh mà sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy, còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn, với cõi Ngũ uẩn, thọ uẩn đang sanh và sắc uẩn cũng đang sanh.

120.

Sắc uẩn ***chẳng phải đang sanh*** *với người nào, thời thọ uẩn* ***chẳng phải đang sanh*** *với người ấy phải chăng?* Người đang sanh cõi Vô sắc, sắc uẩn chẳng phải đang sanh mà thọ uẩn đang sanh với người ấy, còn tất cả người đang tử, sắc uẩn chẳng phải đang sanh và thọ uẩn cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Vô tưởng, thọ uẩn chẳng phải đang sanh mà sắc uẩn đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử, thọ uẩn chẳng phải đang sanh và sắc uẩn cũng chẳng phải đang sanh.

121.

Sắc uẩn chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời thọ uẩn chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh.

Hay là thọ uẩn chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời Sắc uẩn chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh.

122.

Sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Vô sắc với cõi Vô sắc, sắc uẩn chẳng phải đang sanh mà thọ uẩn đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử sắc uẩn chẳng phải đang sanh và thọ uẩn cũng chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy.

Hay là thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Vô tưởng với cõi Vô tưởng, thọ uẩn chẳng phải đang sanh, mà sắc uẩn đang sanh với người ấy cõi ấy; còn tất cả người đang tử thọ uẩn chẳng phải đang sanh và sắc uẩn cũng chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy.

123.

Sắc uẩn ***từng sanh*** *với người nào, thời thọ uẩn* ***từng sanh*** *với người ấy phải chăng?* Phải rồi...

Hay là thọ uẩn từng sanh với người nào, thời sắc uẩn từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

124.

Sắc uẩn từng sanh với cõi nào, thời thọ uẩn từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, sắc uẩn từng sanh mà thọ uẩn không từng sanh với cõi ấy, còn cõi Ngũ uẩn sắc uẩn từng sanh mà thọ uẩn cũng từng sanh với cõi ấy.

Hay là thọ uẩn từng sanh với cõi nào, thời sắc uẩn từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, thọ uẩn từng sanh mà sắc uẩn không từng sanh với cõi ấy, còn cõi Ngũ uẩn, sắc uẩn từng sanh và thọ uẩn cũng từng sanh với cõi ấy.

125.

Sắc uẩn từng sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô tưởng với cõi Vô tưởng, sắc uẩn từng sanh mà thọ uẩn không

từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người ngũ uẩn với cõi Ngũ uẩn, sắc uẩn từng sanh và thọ uẩn cũng từng sanh.

Hay là thọ uẩn từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc uẩn từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô sắc với cõi Vô sắc, thọ uẩn từng sanh mà sắc uẩn không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người ngũ uẩn với cõi Ngũ uẩn, thọ uẩn từng sanh và sắc uẩn cũng từng sanh.

126.

Sắc uẩn ***không từng sanh*** *với người nào, thời thọ uẩn* ***không từng sanh*** *với người ấy phải chăng?* Không có...

Hay là thọ uẩn không từng sanh với người nào, thời sắc uẩn không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có...

127.

Sắc uẩn không từng sanh với cõi nào, thời thọ uẩn không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Từng sanh...

Hay là thọ uẩn không từng sanh với cõi nào, thời sắc uẩn không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Từng sanh...

128.

Sắc uẩn không từng sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô sắc với cõi Vô sắc, sắc uẩn không từng sanh mà thọ uẩn từng sanh. Còn người tịnh cư với cõi Tịnh cư, sắc uẩn không từng sanh và thọ uẩn cũng không từng sanh.

Hay là thọ uẩn không từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc uẩn không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô tưởng với cõi Vô tưởng, thọ uẩn không từng sanh, mà sắc uẩn từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người tịnh cư với cõi Tịnh cư, thọ uẩn không từng sanh và sắc uẩn cũng không từng sanh.

129.

Sắc uẩn ***sẽ sanh*** *với người nào, thời thọ uẩn* ***sẽ sanh*** *với người ấy phải chăng?* Phải rồi...

Hay là thọ uẩn sẽ sanh với người nào, thời sắc uẩn sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người sẽ sanh cõi Vô sắc, rồi nhập Níp-bàn với cõi Vô sắc, thọ uẩn sẽ sanh mà sắc uẩn sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, thọ uẩn sẽ sanh và sắc uẩn cũng sẽ sanh với người ấy.

130.

Sắc uẩn sẽ sanh với cõi nào, thời thọ uẩn sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, sắc uẩn sẽ sanh mà thọ uẩn sẽ không sanh với cõi ấy, còn cõi Ngũ uẩn, sắc uẩn sẽ sanh mà thọ uẩn cũng sẽ sanh với cõi ấy.

Hay là thọ uẩn sẽ sanh với cõi nào, thời sắc uẩn sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, thọ uẩn sẽ sanh, mà sắc uẩn sẽ không sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, thọ uẩn sẽ sanh, mà sắc uẩn cũng sẽ không sanh với cõi ấy.

131.

Sắc uẩn sẽ sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi Vô tưởng, sắc uẩn sẽ sanh mà thọ uẩn sẽ

không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với cõi ngũ uẩn, sắc uẩn sẽ sanh và thọ uẩn cũng sẽ sanh với người ấy cõi ấy.

Hay là thọ uẩn sẽ sanh với người nào cõi nào, thời sắc uẩn sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ sanh, mà sắc uẩn sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc uẩn sẽ sanh và thọ uẩn cũng sẽ sanh với người ấy cõi ấy.

132.

*Sắc uẩn **sẽ không sanh** với người nào, thời thọ uẩn **sẽ không sanh** với người ấy phải chăng?* Người sẽ sanh cõi Vô sắc rồi nhập Níp-bàn cõi Vô sắc, sắc uẩn sẽ không sanh, mà thọ uẩn sẽ sanh với người ấy. Còn những người kiếp chót, sắc uẩn sẽ không sanh và thọ uẩn cũng sẽ không sanh với người ấy.

Hay là thọ uẩn sẽ không sanh với người nào, thời sắc uẩn sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

133.

Sắc uẩn sẽ không sanh với cõi nào, thời thọ uẩn sẽ không sanh với cõi ấy phải chăng? Sẽ sanh...

Hay là thọ uẩn sẽ không sanh với cõi nào, thời sắc uẩn sẽ không sanh với cõi ấy phải chăng? Sẽ sanh...

134.

Sắc uẩn sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc uẩn sẽ không sanh mà thọ uẩn sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn những người kiếp chót với những cõi ấy, sắc uẩn sẽ không sanh và thọ uẩn cũng sẽ không sanh với người ấy cõi ấy.

Hay là thọ uẩn sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời sắc uẩn sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, thọ uẩn sẽ không sanh mà sắc uẩn sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn những người kiếp chót với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ không sanh và sắc uẩn cũng sẽ không sanh với người ấy cõi ấy.

135.

*Sắc uẩn **đang sanh** với người nào, thời thọ uẩn **từng sanh** với người ấy phải chăng?* Phải rồi...

Hay là thọ uẩn từng sanh với người nào, thời sắc uẩn đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người đang sanh cõi Vô sắc, thọ uẩn từng sanh mà sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn, cõi nhứt uẩn, thọ uẩn từng sanh và sắc uẩn cũng đang sanh.

136.

Thọ uẩn đang sanh với người nào, thời tưởng uẩn từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tưởng uẩn từng sanh với người nào, thời thọ uẩn đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người đang sanh cõi Vô tưởng, tưởng uẩn từng sanh mà thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, tưởng uẩn từng sanh và thọ uẩn cũng đang sanh.

137.

Sắc uẩn đang sanh với cõi nào, thời thọ uẩn từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, sắc uẩn đang sanh mà thọ uẩn không từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, sắc uẩn đang sanh và thọ uẩn cũng từng sanh.

Hay là thọ uẩn từng sanh với cõi nào, thời sắc uẩn đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, thọ uẩn từng sanh và sắc uẩn chẳng phải đang sanh, còn cõi Ngũ uẩn, thọ uẩn từng sanh và sắc uẩn cũng đang sanh.

138.

Thọ uẩn đang sanh với cõi nào, thời tưởng uẩn từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tưởng uẩn từng sanh với cõi nào, thời thọ uẩn đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

139.

Sắc uẩn đang sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư, cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc uẩn đang sanh mà thọ uẩn không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc uẩn đang sanh và thọ uẩn cũng từng sanh.

Hay là thọ uẩn từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc uẩn đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn và người vô sắc với những cõi ấy, thọ uẩn từng sanh và sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, thọ uẩn từng sanh và sắc uẩn cũng đang sanh.

140.

Thọ uẩn đang sanh với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, thọ uẩn đang sanh mà tưởng uẩn không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, thọ uẩn đang sanh và tưởng uẩn cũng từng sanh.

Hay là tưởng uẩn từng sanh với người nào, cõi nào, thời thọ uẩn đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, tưởng uẩn từng sanh mà thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, tưởng uẩn từng sanh và thọ uẩn cũng đang sanh.

141.

Sắc uẩn ***chẳng phải đang sanh*** *với người nào, thời thọ uẩn* ***không từng sanh*** *với người ấy phải chăng?* Từng sanh...

Hay là thọ uẩn không từng sanh với người nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có...

142.

Thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người nào, thời tưởng uẩn không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

Hay là tưởng uẩn không từng sanh với người nào, thời thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.

143.

Sắc uẩn chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời thọ uẩn không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Từng sanh...

Hay là thọ uẩn không từng sanh với cõi nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh...

144.

Thọ uẩn chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời tưởng uẩn không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tưởng uẩn không từng sanh với cõi nào, thời thọ uẩn chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

145.

Sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn và người vô sắc với những cõi ấy, sắc uẩn chẳng phải đang sanh mà thọ uẩn từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn cõi Tịnh cư và người từ cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc uẩn chẳng phải đang sanh mà thọ uẩn cũng không từng sanh.

Hay là thọ uẩn không từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư, cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn không từng sanh mà sắc uẩn đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn cõi Tịnh cư và người đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn không từng sanh và sắc uẩn cũng chẳng phải đang sanh.

146.

Thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, thọ uẩn chẳng phải đang sanh mà tưởng uẩn từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn cõi Tịnh cư và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn chẳng phải đang sanh và tưởng uẩn cũng không từng sanh.

Hay là tưởng uẩn không từng sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn không đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, tưởng uẩn không từng sanh mà thọ uẩn đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn cõi Tịnh cư và nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, tưởng uẩn không từng sanh mà thọ uẩn cũng chẳng phải đang sanh.

147.

*Sắc uẩn **đang sanh** với người nào, thời thọ uẩn **sẽ sanh** với người ấy phải chăng?* Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, sắc uẩn đang sanh mà thọ uẩn sẽ không sanh với người ấy. Còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn, cõi Vô tưởng mà ngoài ra đó, sắc uẩn đang sanh mà thọ uẩn cũng sẽ sanh.

Hay là thọ uẩn sẽ sanh với người nào, thời sắc uẩn đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người tử và người đang sanh cõi Vô sắc, thọ uẩn sẽ sanh mà sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn, cõi Vô tưởng, thọ uẩn sẽ sanh và sắc uẩn cũng đang sanh.

148.

Thọ uẩn đang sanh với người nào, thời tưởng uẩn sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh, thọ uẩn đang sanh mà tưởng uẩn sẽ không sanh với người ấy. Ngoài ra đó, thọ uẩn đang sanh và tưởng uẩn cũng sẽ sanh.

Hay là tưởng uẩn sẽ sanh với người nào, thời thọ uẩn đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người đang sanh cõi Vô tưởng, tưởng uẩn sẽ sanh mà

thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, tưởng uẩn sẽ sanh và thọ uẩn cũng đang sanh.

149.

Sắc uẩn đang sanh với cõi nào, thời thọ uẩn sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, sắc uẩn đang sanh mà thọ uẩn sẽ không sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, sắc uẩn đang sanh và thọ uẩn cũng sẽ sanh.

Hay là thọ uẩn sẽ sanh với cõi nào, thời sắc uẩn đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, thọ uẩn sẽ sanh, mà sắc uẩn chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, thọ uẩn sẽ sanh và sắc uẩn cũng đang sanh.

150.

Thọ uẩn đang sanh với cõi nào, thời tưởng uẩn sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tưởng uẩn sẽ sanh với cõi nào, thời thọ uẩn đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

151.

Sắc uẩn đang sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ sanh với người ấy, cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn và người đang sanh cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc uẩn đang sanh mà thọ uẩn sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc uẩn đang sanh và thọ uẩn cũng sẽ sanh.

Hay là thọ uẩn sẽ sanh với người nào cõi nào, thời sắc uẩn đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn và người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ sanh mà sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ sanh và sắc uẩn cũng đang sanh.

152.

Thọ uẩn đang sanh với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh, với những cõi ấy, thọ uẩn đang sanh mà tưởng uẩn sẽ không sanh với người ấy cõi ấy, còn người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, thọ uẩn đang sanh và tưởng uẩn cũng sẽ sanh.

Hay là tưởng uẩn sẽ sanh với người nào, cõi nào, thời thọ uẩn đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ sanh mà thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ sanh và thọ uẩn cũng đang sanh.

153.

*Sắc uẩn **chẳng phải đang sanh** với người nào, thời thọ uẩn **sẽ không sanh** với người ấy phải chăng?* Tất cả người đang tử và người đang sanh cõi Vô sắc, sắc uẩn chẳng phải đang sanh mà thọ uẩn sẽ sanh với người ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn cõi Ngũ uẩn và người kiếp chót cõi Vô sắc, sắc uẩn chẳng phải đang sanh mà thọ uẩn cũng sẽ không sanh.

Hay là thọ uẩn sẽ không sanh với người nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, thọ uẩn sẽ không sanh mà sắc uẩn đang sanh với người ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn cõi Ngũ uẩn và người kiếp chót cõi Vô sắc, thọ uẩn sẽ không sanh và sắc uẩn cũng chẳng phải đang sanh.

154.

Thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người nào, thời tưởng uẩn sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người đang sanh cõi Vô tưởng, thọ uẩn chẳng phải đang sanh mà tưởng uẩn sẽ sanh với người ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn, thọ uẩn chẳng phải đang sanh và tưởng uẩn sẽ không sanh.

Hay là tưởng uẩn sẽ không sanh với người nào, thời thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, tưởng uẩn sẽ không sanh mà thọ uẩn đang sanh với người ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn, tưởng uẩn sẽ không sanh và thọ uẩn cũng chẳng phải đang sanh.

155.

Sắc uẩn chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời thọ uẩn sẽ không sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh...

Hay là thọ uẩn sẽ không sanh với cõi nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh...

156.

Thọ uẩn chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời tưởng uẩn sẽ không sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tưởng uẩn sẽ không sanh với cõi nào, thời thọ uẩn chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

157.

Sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn và người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc uẩn chẳng phải đang sanh mà thọ uẩn sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc và người đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc uẩn chẳng phải đang sanh mà thọ uẩn cũng sẽ không sanh.

Hay là thọ uẩn sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn và người đang sanh cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ không sanh mà sắc uẩn đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc người đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ không sanh mà sắc uẩn cũng chẳng phải đang sanh.

158.

Thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, thọ uẩn chẳng phải đang sanh mà tưởng uẩn sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn và nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn chẳng phải đang sanh và tưởng uẩn cũng sẽ không sanh.

Hay là tưởng uẩn sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ không sanh mà thọ uẩn đang sanh với người ấy cõi ấy, còn người đang nhập Níp-bàn và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ không sanh và thọ uẩn cũng chẳng phải đang sanh.

159.

*Sắc uẩn **từng sanh** với người nào, thời thọ uẩn **sẽ sanh** với người ấy phải chăng?* Người kiếp chót, sắc uẩn từng sanh mà thọ uẩn sẽ không sanh với người ấy, còn người ngoài ra đó, sắc uẩn từng sanh và thọ uẩn cũng sẽ sanh.

Hay là thọ uẩn sẽ sanh với người nào, thời sắc uẩn từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

160.

Thọ uẩn từng sanh với người nào, thời tưởng uẩn sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót thọ uẩn từng sanh mà tưởng uẩn sẽ không sanh với người ấy. Còn người ngoài ra đó, thọ uẩn từng sanh và tưởng uẩn cũng sẽ sanh.

Hay là tưởng uẩn sẽ sanh với người nào, thời thọ uẩn từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

161.

Sắc uẩn từng sanh với cõi nào, thời thọ uẩn sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, sắc uẩn từng sanh mà thọ uẩn sẽ không sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, sắc uẩn từng sanh và thọ uẩn cũng sẽ sanh.

Hay là thọ uẩn sẽ sanh với cõi nào, thời sắc uẩn từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, thọ uẩn sẽ sanh mà sắc uẩn không từng sanh với cõi ấy, còn cõi Ngũ uẩn, thọ uẩn sẽ sanh và sắc uẩn cũng từng sanh.

162.

Thọ uẩn từng sanh với cõi nào, thời tưởng uẩn sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tưởng uẩn sẽ sanh với cõi nào, thời thọ uẩn từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

163.

Sắc uẩn từng sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Ngũ uẩn và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc uẩn từng sanh mà thọ uẩn sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc uẩn từng sanh mà thọ uẩn cũng sẽ sanh.

Hay là thọ uẩn sẽ sanh với người nào cõi nào, thời sắc uẩn từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ sanh mà sắc uẩn không từng sanh với người ấy cõi ấy, còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ sanh và sắc uẩn cũng từng sanh.

164.

Thọ uẩn từng sanh với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót với những cõi ấy, thọ uẩn từng sanh mà tưởng uẩn sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, thọ uẩn từng sanh mà tưởng uẩn cũng sẽ sanh.

Hay là tưởng uẩn sẽ sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

165.

*Sắc uẩn **không từng sanh** với người nào, thời thọ uẩn **sẽ không sanh** với người ấy phải chăng?* Không có...

Hay là thọ uẩn sẽ không sanh với người nào, thời sắc uẩn không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh...

166.

Thọ uẩn không từng sanh với người nào, thời tưởng uẩn sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Không có...

Hay là tưởng uẩn sẽ không sanh với người nào, thời thọ uẩn không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh...

167.

Sắc uẩn không từng sanh với cõi nào, thời thọ uẩn sẽ không sanh với cõi ấy phải chăng? Sẽ sanh...

Hay là thọ uẩn sẽ không sanh với cõi nào, thời sắc uẩn không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Từng sanh...

168.

Thọ uẩn không từng sanh với cõi nào, thời tưởng uẩn sẽ không sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tưởng uẩn sẽ không sanh với cõi nào, thời thọ uẩn không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

169.

Sắc uẩn không từng sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô sắc với những cõi ấy, sắc uẩn không từng sanh mà thọ uẩn sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư và người kiếp chót cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc uẩn không từng sanh mà thọ uẩn cũng sẽ không sanh.

Hay là thọ uẩn sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời sắc uẩn không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Ngũ uẩn và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ không sanh mà sắc uẩn từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư và người kiếp chót cõi Vô sắc với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ không sanh và sắc uẩn cũng không từng sanh.

170.

Thọ uẩn không từng sanh với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tưởng uẩn sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ không sanh mà thọ uẩn từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ không sanh mà thọ uẩn cũng không từng sanh.

Dứt phần hành vi sanh

Phần Hành Vi Diệt

171.

*Sắc uẩn **đang diệt** với người nào, thời thọ uẩn **đang diệt** với người ấy phải chăng?* Người đang tử cõi Vô tưởng, sắc uẩn đang diệt mà thọ uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người đang tử cõi Ngũ uẩn, sắc uẩn đang diệt và thọ uẩn cũng đang diệt.

Hay là thọ uẩn đang diệt với người nào, thời sắc uẩn đang diệt với người ấy phải chăng? Người đang tử cõi Vô sắc, thọ uẩn đang diệt mà sắc uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người đang tử cõi Ngũ uẩn, thọ uẩn đang diệt và sắc uẩn cũng đang diệt.

172.

Sắc uẩn đang diệt với cõi nào, thời thọ uẩn đang diệt với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, sắc uẩn đang diệt mà thọ uẩn chẳng phải đang diệt với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, sắc uẩn đang diệt mà thọ uẩn cũng đang diệt.

Hay là thọ uẩn đang diệt với cõi nào, thời sắc uẩn đang diệt với cõi ấy phải chăng? Cõi vô Sắc, thọ uẩn đang diệt mà sắc uẩn chẳng phải đang diệt với cõi ấy, còn cõi Ngũ uẩn, thọ uẩn đang diệt và sắc uẩn cũng đang diệt.

173.

Sắc uẩn đang diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Vô tưởng với cõi ấy, sắc uẩn đang diệt mà thọ uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang tử cõi Ngũ uẩn, sắc uẩn đang diệt và thọ uẩn cũng đang diệt.

Hay là thọ uẩn đang diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Vô sắc với những cõi ấy, thọ uẩn đang diệt mà sắc uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang tử cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, thọ uẩn đang diệt và sắc uẩn cũng đang diệt.

174.

*Sắc uẩn **chẳng phải đang diệt** với người nào, thời thọ uẩn **chẳng phải đang diệt** với người ấy phải chăng?* Người đang tử cõi Vô sắc, sắc uẩn chẳng phải đang diệt mà thọ uẩn đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh, sắc uẩn chẳng phải đang diệt và thọ uẩn cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là thọ uẩn chẳng phải đang diệt với người nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người đang tử cõi Vô tưởng, thọ uẩn chẳng phải đang diệt mà sắc uẩn đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh, thọ uẩn chẳng phải đang diệt và sắc uẩn cũng chẳng phải đang diệt.

175.

Sắc uẩn chẳng phải đang diệt với cõi nào, thời thọ uẩn chẳng phải đang diệt với cõi ấy phải chăng? Đang diệt...

Hay là thọ uẩn chẳng phải đang diệt với cõi nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang diệt với cõi ấy phải chăng? Đang diệt...

176.

Sắc uẩn chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Vô sắc, sắc uẩn chẳng phải đang diệt mà thọ uẩn đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang sanh với những cõi ấy, sắc uẩn chẳng phải đang diệt và thọ uẩn cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là thọ uẩn chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn chẳng phải đang diệt mà sắc uẩn đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang sanh với những cõi ấy, thọ uẩn chẳng phải đang diệt sắc uẩn cũng chẳng phải đang diệt.

177.

*Sắc uẩn **từng diệt** với người nào, thời thọ uẩn **từng diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi...

Hay là thọ uẩn từng diệt với người nào, thời sắc uẩn từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

178.

Sắc uẩn từng diệt với cõi nào, thời thọ uẩn từng diệt với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, sắc uẩn từng diệt mà thọ uẩn không từng diệt với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn sắc uẩn từng diệt và thọ uẩn cũng từng diệt.

Hay là thọ uẩn từng diệt với cõi nào, thời sắc uẩn từng diệt với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, thọ uẩn từng diệt mà sắc uẩn không từng diệt với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, thọ uẩn từng diệt và sắc uẩn cũng từng diệt.

179.

Sắc uẩn từng diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, sắc uẩn từng diệt mà thọ uẩn không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi phàm ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc uẩn từng diệt và thọ uẩn cũng từng diệt.

Hay là thọ uẩn từng diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, thọ uẩn từng diệt mà sắc uẩn không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi phàm ngũ uẩn với những cõi ấy, thọ uẩn từng diệt và sắc uẩn cũng từng diệt.

180.

*Sắc uẩn **không từng diệt** với người nào, thời thọ uẩn **không từng diệt** với người ấy phải chăng?* Không có...

Hay là thọ uẩn không từng diệt với người nào, thời sắc uẩn không từng diệt với người ấy phải chăng? Không có...

181.

Sắc uẩn không từng diệt với cõi nào, thời thọ uẩn không từng diệt với cõi ấy phải chăng? Từng diệt...

Hay là thọ uẩn không từng diệt với cõi nào, thời sắc uẩn không từng diệt với cõi ấy phải chăng? Từng diệt...

182.

Sắc uẩn không từng diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc uẩn không từng diệt mà thọ uẩn từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư với những cõi ấy, sắc uẩn không từng diệt và thọ uẩn cũng không từng diệt.

Hay là thọ uẩn không từng diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, thọ uẩn không từng diệt mà sắc uẩn từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư với những cõi ấy, thọ uẩn không từng diệt và sắc uẩn cũng không từng diệt.

183.

*Sắc uẩn **sẽ diệt** với người nào, thời thọ uẩn **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi...

Hay là thọ uẩn sẽ diệt với người nào, thời sắc uẩn sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Vô sắc, người đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi nhập Níp-bàn, thọ uẩn sẽ diệt mà sắc uẩn sẽ không diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, thọ uẩn sẽ diệt và sắc uẩn cũng sẽ diệt.

184.

Sắc uẩn sẽ diệt với cõi nào, thời thọ uẩn sẽ diệt với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, sắc uẩn sẽ diệt mà thọ uẩn sẽ không diệt với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, sắc uẩn sẽ diệt và thọ uẩn cũng sẽ diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ diệt với cõi nào, thời sắc uẩn sẽ diệt với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, thọ uẩn sẽ diệt mà sắc uẩn sẽ không diệt với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, thọ uẩn sẽ diệt và sắc uẩn cũng sẽ diệt.

185.

Sắc uẩn sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, sắc uẩn sẽ diệt mà thọ uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc uẩn sẽ diệt và thọ uẩn cũng sẽ diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ diệt mà sắc uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ diệt và sắc uẩn cũng sẽ diệt.

186.

*Sắc uẩn **sẽ không diệt** với người nào, thời thọ uẩn **sẽ không diệt** với người ấy phải chăng?* Người kiếp chót đang sanh cõi Vô sắc và người đang tử sẽ sanh lên cõi Vô sắc rồi nhập Níp-bàn, sắc uẩn sẽ không diệt mà thọ uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn, sắc uẩn sẽ không diệt và thọ uẩn cũng sẽ không diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ không diệt với người nào, thời sắc uẩn sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

187.

Sắc uẩn sẽ không diệt với cõi nào, thời thọ uẩn sẽ không diệt với cõi ấy phải chăng? Sẽ diệt...

Hay là thọ uẩn sẽ không diệt với cõi nào, thời sắc uẩn sẽ không diệt với cõi ấy phải chăng? Sẽ diệt...

188.

Sắc uẩn sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc uẩn sẽ không diệt mà thọ uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn với những cõi ấy, sắc uẩn sẽ không diệt và thọ uẩn cũng sẽ không diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, thọ uẩn sẽ không diệt mà sắc uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ không diệt và sắc uẩn sẽ không diệt.

189.

*Sắc uẩn **đang diệt** với người nào, thời thọ uẩn **từng diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi...

Hay là thọ uẩn từng diệt với người nào, thời sắc uẩn đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh tử cõi Vô sắc, thọ uẩn từng diệt mà sắc uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người đang tử cõi Ngũ uẩn cõi Vô tưởng, thọ uẩn từng diệt và sắc uẩn cũng đang diệt với người ấy.

190.

Thọ uẩn đang diệt với người nào, thời tưởng uẩn từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tưởng uẩn từng diệt với người nào, thời thọ uẩn đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người đang tử cõi Vô tưởng, tưởng uẩn từng diệt mà thọ uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, tưởng uẩn từng diệt và thọ uẩn cũng đang diệt.

191.

Sắc uẩn đang diệt với cõi nào, thời thọ uẩn từng diệt với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, sắc uẩn đang diệt mà thọ uẩn không từng diệt với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, sắc uẩn đang diệt và thọ uẩn cũng từng diệt.

Hay là thọ uẩn từng diệt với cõi nào, thời sắc uẩn đang diệt với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, thọ uẩn từng diệt mà sắc uẩn chẳng phải đang diệt với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, thọ uẩn từng diệt và sắc uẩn cũng đang diệt.

192.

Thọ uẩn đang diệt với cõi nào, thời tưởng uẩn từng diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tưởng uẩn từng diệt với cõi nào, thời thọ uẩn đang diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

193.

Sắc uẩn đang diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang nhập Níp-bàn cõi Tịnh cư, người đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc uẩn đang diệt mà thọ uẩn không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang tử cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc uẩn đang diệt và thọ uẩn cũng từng diệt.

Hay là thọ uẩn từng diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, thọ uẩn từng diệt mà sắc uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang tử cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, thọ uẩn từng diệt mà sắc uẩn cũng đang diệt.

194.

Thọ uẩn đang diệt với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang Níp-bàn cõi Tịnh cư với những cõi ấy, thọ uẩn đang diệt mà tưởng uẩn không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, thọ uẩn đang diệt và tưởng uẩn cũng từng diệt.

Hay là tưởng uẩn từng diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, tưởng uẩn từng diệt mà thọ uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, tưởng uẩn từng diệt và thọ uẩn cũng đang diệt.

195.

Sắc uẩn ***chẳng phải đang diệt*** *với người nào, thời thọ uẩn* ***không từng diệt*** *với người ấy phải chăng?* Từng diệt...

Hay là thọ uẩn không từng diệt với người nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

196.

Thọ uẩn chẳng phải đang diệt với người nào, thời tưởng uẩn không từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt...

Hay là tưởng uẩn không từng diệt với người nào, thời thọ uẩn không phải đang diệt với người ấy phải chăng? Không có..

197.

Sắc uẩn trong cõi nào nên sắp cho đầy đủ.

198.

Sắc uẩn chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc uẩn chẳng phải đang diệt mà thọ uẩn từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư, cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc uẩn chẳng phải đang diệt và thọ uẩn cũng không từng diệt.

Hay là thọ uẩn không từng diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang Níp-bàn cõi Tịnh cư, người đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn không từng diệt mà sắc uẩn đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư, cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn không từng diệt và sắc uẩn cũng chẳng phải đang diệt.

199.

Thọ uẩn chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, thọ uẩn chẳng phải đang diệt mà tưởng uẩn từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn chẳng phải đang diệt và tưởng uẩn cũng không từng diệt.

Hay là tưởng uẩn không từng diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang Níp-bàn cõi Tịnh cư với những cõi ấy, tưởng uẩn không từng diệt mà thọ uẩn đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, tưởng uẩn không từng diệt và thọ uẩn cũng chẳng phải đang diệt.

200.

*Sắc uẩn **đang diệt** với người nào, thời thọ uẩn **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Người đang nhập Níp-bàn cõi Ngũ uẩn, sắc uẩn đang diệt mà thọ uẩn sẽ không diệt với người ấy. Còn người tử cõi Ngũ uẩn, cõi Vô tưởng mà ngoài ra đó, sắc uẩn đang diệt và thọ uẩn cũng sẽ diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ diệt với người nào, thời sắc uẩn đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh, người đang tử cõi Vô sắc, thọ uẩn sẽ diệt mà sắc uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người đang tử cõi Ngũ uẩn, cõi Vô tưởng, thọ uẩn sẽ diệt mà sắc uẩn cũng đang diệt.

201.

Thọ uẩn đang diệt với người nào, thời tưởng uẩn sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người đang nhập Níp-bàn, thọ uẩn đang diệt mà tưởng uẩn sẽ không diệt với người ấy. Còn người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó, thọ uẩn đang diệt và tưởng uẩn cũng sẽ diệt.

Hay là tưởng uẩn sẽ diệt với người nào, thời thọ uẩn đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh, người đang tử cõi Vô tưởng, tưởng uẩn sẽ diệt mà thọ

uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy còn người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn tưởng uẩn sẽ diệt và thọ uẩn cũng đang diệt.

202.

Sắc uẩn đang diệt với cõi nào...

203.

Sắc uẩn đang diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang nhập Níp-bàn cõi Ngũ uẩn, người đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc uẩn đang diệt mà thọ uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang tử cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc uẩn đang diệt và thọ uẩn cũng sẽ diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ diệt mà sắc uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy, thọ uẩn sẽ diệt và sắc uẩn cũng đang diệt.

204.

Thọ uẩn đang diệt với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang nhập Níp-bàn với những cõi ấy, thọ uẩn đang diệt mà tưởng uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, thọ uẩn đang diệt mà tưởng uẩn cũng sẽ diệt.

Hay là tưởng uẩn sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ diệt mà thọ uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ diệt và thọ uẩn cũng đang diệt.

205.

*Sắc uẩn **chẳng phải đang diệt** với người nào, thời thọ uẩn **sẽ không diệt** với người ấy phải chăng?* Tất cả người đang sanh và người đang tử cõi Vô sắc, sắc uẩn chẳng phải đang diệt mà thọ uẩn sẽ diệt với người ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn cõi Vô sắc, sắc uẩn chẳng phải đang diệt và thọ uẩn cũng sẽ không diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ không diệt với người nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người đang nhập Níp-bàn cõi Ngũ uẩn, thọ uẩn sẽ không diệt mà sắc uẩn đang diệt với người ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn cõi Vô sắc, thọ uẩn sẽ không diệt và sắc uẩn cũng chẳng phải đang diệt.

206.

Thọ uẩn chẳng phải đang diệt với người nào, thời tưởng uẩn sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Sẽ diệt.

Hay là tưởng uẩn sẽ không diệt với người nào, thời thọ uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Đang diệt.

207.

Sắc uẩn chẳng phải đang diệt với cõi nào...

208.

Sắc uẩn chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc uẩn chẳng phải đang diệt mà thọ uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn cõi Vô sắc, người đang sanh cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc uẩn chẳng phải đang diệt và thọ uẩn cũng sẽ không diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang nhập Níp-bàn cõi Ngũ uẩn, người đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ không diệt mà sắc uẩn đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn cõi Vô sắc, người đang sanh cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ không diệt và sắc uẩn cũng chẳng phải đang diệt.

209.

Thọ uẩn chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, thọ uẩn chẳng phải đang diệt mà tưởng uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn chẳng phải đang diệt và tưởng uẩn cũng sẽ không diệt.

Hay là tưởng uẩn sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang nhập Níp-bàn với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ không diệt, mà thọ uẩn đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, tưởng uẩn sẽ không diệt và thọ uẩn chẳng phải đang diệt.

210.

*Sắc uẩn **từng diệt** với người nào, thời thọ uẩn **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Người đang nhập Níp-bàn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, sắc uẩn từng diệt mà thọ uẩn sẽ không diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, sắc uẩn từng diệt và thọ uẩn cũng sẽ diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ diệt với người nào, thời sắc uẩn từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

211.

Thọ uẩn từng diệt với người nào, thời tưởng uẩn sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người đang nhập Níp-bàn thọ uẩn từng diệt mà tưởng uẩn sẽ không diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, thọ uẩn từng diệt và tưởng uẩn cũng sẽ diệt.

Hay là tưởng uẩn sẽ diệt với người nào, thời thọ uẩn từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

212.

Sắc uẩn từng diệt với cõi nào...

213.

Sắc uẩn từng diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang nhập Níp-bàn cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc uẩn từng diệt nhưng thọ uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc uẩn từng diệt và thọ uẩn cũng sẽ diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ diệt mà sắc uẩn không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ diệt và sắc uẩn cũng từng diệt.

214.

Thọ uẩn từng diệt với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang nhập Níp-bàn với những cõi ấy, thọ uẩn từng diệt mà tưởng uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, thọ uẩn từng diệt và tưởng uẩn cũng sẽ diệt.

Hay là tưởng uẩn sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ diệt mà thọ uẩn không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài mà đó với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ diệt và thọ uẩn cũng từng diệt.

215.

*Sắc uẩn **không từng diệt** với người nào, thời thọ uẩn **sẽ không diệt** với người ấy phải chăng?* Không có...

Hay là thọ uẩn sẽ không diệt với người nào, thời sắc uẩn không từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt...

216.

Thọ uẩn không từng diệt với người nào, thời tưởng uẩn sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Không có...

Hay là tưởng uẩn sẽ không diệt với người nào, thời thọ uẩn không từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt...

217.

Sắc uẩn không từng diệt với cõi nào...

218.

Sắc uẩn không từng diệt với người nào, cõi nào, thời thọ uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc uẩn không từng diệt mà thọ uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn cõi Tịnh cư, cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc uẩn không từng diệt và thọ uẩn cũng sẽ không diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang nhập Níp-bàn cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ không diệt mà sắc uẩn từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn cõi Tịnh cư cõi Vô sắc với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ không diệt và sắc uẩn cũng không từng diệt.

219.

Thọ uẩn không từng diệt với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, thọ uẩn không từng diệt mà tưởng uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn không từng diệt và tưởng uẩn cũng sẽ không diệt.

Hay là tưởng uẩn sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang nhập Níp-bàn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ không diệt mà thọ uẩn từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn cõi Tịnh cư người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ không diệt và thọ uẩn cũng không từng diệt.

Dứt phần hành vi diệt.

Phần Hành Vi Sanh Diệt

220.

*Sắc uẩn **đang sanh** với người nào, thời thọ uẩn **đang diệt** với người ấy phải chăng?* Không phải...

Hay là thọ uẩn đang diệt với người nào, thời sắc uẩn đang sanh với người ấy phải chăng? Không phải...

221.

Thọ uẩn đang sanh với người nào, thời tưởng uẩn đang diệt với người ấy phải chăng? Không phải...

Hay là tưởng uẩn đang diệt với người nào, thời thọ uẩn đang sanh với người ấy phải chăng? Không phải...

222.

Sắc uẩn đang sanh với cõi nào, thời thọ uẩn đang diệt với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng sắc uẩn đang sanh mà thọ uẩn chẳng phải đang diệt với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn sắc uẩn đang sanh và thọ uẩn cũng đang diệt.

Hay là thọ uẩn đang diệt với cõi nào, thời sắc uẩn đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, thọ uẩn đang diệt mà sắc uẩn chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, thọ uẩn đang diệt và sắc uẩn cũng đang sanh.

223.

Thọ uẩn đang sanh với cõi nào, thời tưởng uẩn đang diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tưởng uẩn đang diệt với cõi nào, thời thọ uẩn đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

224.

Sắc uẩn đang sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải...

Hay là thọ uẩn đang diệt với người nào cõi nào, sắc uẩn đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải...

225.

Thọ uẩn đang sanh với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải...

Hay là tưởng uẩn đang diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải...

226.

*Sắc uẩn **chẳng phải đang sanh** với người nào, thời thọ uẩn **chẳng phải đang diệt** với người ấy phải chăng?* Người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, sắc uẩn, chẳng phải đang sanh mà thọ uẩn đang diệt với người ấy. Còn người đang sanh cõi Vô sắc người đang tử cõi Vô tưởng, thọ uẩn chẳng phải đang sanh và thọ uẩn cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là thọ uẩn chẳng phải đang diệt với người nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn, cõi Vô tưởng, thọ uẩn chẳng phải đang diệt mà sắc uẩn đang sanh với người ấy. Còn người đang sanh cõi Vô sắc, người đang tử cõi Vô tưởng, thọ uẩn chẳng phải đang diệt và sắc uẩn cũng chẳng phải đang sanh.

227.

Thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người nào, thời tưởng uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, thọ uẩn chẳng phải đang sanh mà tưởng uẩn đang diệt với người ấy. Còn người nương cõi Vô tưởng, thọ uẩn chẳng phải đang sanh và tưởng uẩn cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là tưởng uẩn chẳng phải đang diệt với người nào, thời thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, tưởng uẩn chẳng phải đang diệt mà thọ uẩn đang sanh với người ấy. Còn người nương cõi Vô tưởng, tưởng uẩn chẳng phải đang diệt mà thọ uẩn cũng chẳng phải đang sanh.

228.

Sắc uẩn chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời thọ uẩn chẳng đang diệt với cõi ấy phải chăng? Đang diệt...

Hay là thọ uẩn chẳng phải đang diệt với cõi nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh...

229.

Thọ uẩn chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời tưởng uẩn chẳng phải đang diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tưởng uẩn chẳng phải đang diệt với cõi nào, thời thọ uẩn chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

230.

Sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc uẩn chẳng phải đang sanh mà thọ uẩn đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Vô sắc, người đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc uẩn chẳng phải đang sanh và thọ uẩn cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là thọ uẩn chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn chẳng phải đang diệt mà sắc uẩn đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Vô sắc, người đang sanh cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn chẳng phải đang diệt và sắc uẩn cũng chẳng phải đang sanh.

231.

Thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, thọ uẩn chẳng phải đang sanh mà tưởng uẩn đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn chẳng phải đang sanh và tưởng uẩn cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là tưởng uẩn chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, tưởng uẩn chẳng phải đang diệt mà thọ uẩn đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, thọ uẩn chẳng phải đang sanh và tưởng uẩn cũng chẳng phải đang diệt.

232.

*Sắc uẩn **từng sanh** với người nào, thời thọ uẩn **từng diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi...

Hay là thọ uẩn từng diệt với người nào, thời sắc uẩn từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

233.

Thọ uẩn từng sanh với người nào, thời tưởng uẩn từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tưởng uẩn từng diệt với người nào, thời thọ uẩn từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

234.

Sắc uẩn từng sanh với cõi nào...

235.

Sắc uẩn từng sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, sắc uẩn từng sanh mà thọ uẩn không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc uẩn từng sanh và thọ uẩn cũng từng diệt.

Hay là thọ uẩn từng diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, thọ uẩn từng diệt mà sắc uẩn không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, thọ uẩn từng diệt và sắc uẩn cũng từng sanh.

236.

Thọ uẩn từng sanh với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tưởng uẩn từng diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

237.

*Sắc uẩn **không từng sanh** với người nào, thời thọ uẩn **không từng diệt** với người ấy phải chăng?* Không có...

Hay là thọ uẩn không từng diệt với người nào, thời sắc uẩn không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có...

238.

Thọ uẩn không từng sanh với người nào, thời tưởng uẩn không từng diệt với người ấy phải chăng? Không có...

Hay là tưởng uẩn không từng diệt với người nào, thời thọ uẩn không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có...

239.

Sắc uẩn không từng sanh với cõi nào...

240.

Sắc uẩn không từng sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc uẩn không từng sanh mà thọ uẩn từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư với những cõi ấy, sắc uẩn không từng sanh mà thọ uẩn không từng diệt.

Hay là thọ uẩn không từng diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, thọ uẩn không từng diệt mà sắc uẩn từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi tịnh cư với những cõi ấy, thọ uẩn không từng diệt mà sắc uẩn cũng không từng sanh với người ấy cõi ấy.

241.

Thọ uẩn không từng sanh với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tưởng uẩn không từng diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

242.

*Sắc uẩn **sẽ sanh** với người nào, thời thọ uẩn **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi...

Hay là thọ uẩn sẽ diệt với người nào, thời sắc uẩn sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh và người sẽ sanh cõi Vô sắc rồi nhập Níp-bàn, thọ uẩn sẽ diệt mà sắc uẩn chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, thọ uẩn sẽ diệt và sắc uẩn cũng sẽ sanh.

243.

Thọ uẩn sẽ sanh với người nào, thời tưởng uẩn sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tưởng uẩn sẽ diệt với người nào, thời thọ uẩn sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh, tưởng uẩn sẽ diệt mà thọ uẩn sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, tưởng uẩn sẽ diệt và thọ uẩn cũng sẽ sanh.

244.

Sắc uẩn sẽ sanh với cõi nào...

245.

Sắc uẩn sẽ sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, sắc uẩn sẽ sanh mà thọ uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc uẩn sẽ sanh và thọ uẩn cũng sẽ diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ diệt mà sắc uẩn sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ diệt mà sắc uẩn cũng sẽ sanh với người ấy cõi ấy.

246.

Thọ uẩn sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tưởng uẩn sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ diệt mà thọ uẩn sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ diệt và thọ uẩn cũng sẽ sanh.

247.

*Sắc uẩn **sẽ không sanh** với người nào, thời thọ uẩn **sẽ không diệt** với người ấy phải chăng?* Người kiếp chót đang sanh và người nào sẽ sanh cõi Vô sắc rồi nhập Níp-bàn, sắc uẩn sẽ không sanh mà thọ uẩn sẽ diệt với người ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn sắc uẩn sẽ không sanh và thọ uẩn sẽ không diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ không diệt với người nào, thời sắc uẩn sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

248.

Thọ uẩn sẽ không sanh với người nào, thời tưởng uẩn sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh, thọ uẩn sẽ không sanh mà tưởng uẩn sẽ diệt với người ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn, thọ uẩn sẽ không sanh và tưởng uẩn cũng sẽ không diệt.

Hay là tưởng uẩn sẽ không diệt với người nào, thời thọ uẩn sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

249.

Sắc uẩn sẽ không sanh với cõi nào...

250.

Sắc uẩn sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc uẩn sẽ không sanh mà thọ uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn với những cõi ấy, sắc uẩn sẽ không sanh và thọ uẩn sẽ không diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, thọ uẩn sẽ không diệt mà sắc uẩn sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ không diệt và sắc uẩn cũng sẽ không sanh.

251.

Thọ uẩn sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ không sanh mà tưởng uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ không sanh và tưởng uẩn cũng sẽ không diệt.

Hay là tưởng uẩn sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

252.

*Sắc uẩn **đang sanh** với người nào, thời thọ uẩn **từng diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi...

Hay là thọ uẩn từng diệt với người nào, thời sắc uẩn đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử người đang sanh cõi Vô sắc, thọ uẩn từng diệt mà sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn cõi Vô tưởng, thọ uẩn từng diệt và Sắc uẩn cũng đang sanh.

❖ Trong phần sanh, Phật Ngài phân Uẩn song hiện tại - quá khứ như thế nào thì phần sanh và diệt này cũng phân như thế đó.

253.

Sắc uẩn đang sanh với người nào, thời thọ uẩn sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là thọ uẩn sẽ diệt với người nào, thời sắc uẩn đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người đang sanh cõi Vô sắc, thọ uẩn sẽ diệt mà sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn cõi Vô tưởng, thọ uẩn sẽ diệt và sắc uẩn cũng đang sanh.

254.

Thọ uẩn đang sanh với người nào, thời tưởng uẩn sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tưởng uẩn sẽ diệt với người nào, thời thọ uẩn đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử người đang sanh cõi Vô tưởng, tưởng uẩn sẽ diệt mà thọ

uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, tưởng uẩn sẽ diệt và thọ uẩn cũng đang sanh.

255.

Sắc uẩn đang sanh với cõi nào...

256.

Sắc uẩn đang sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Vô tưởng với cõi ấy, sắc uẩn đang sanh mà thọ uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc uẩn đang sanh và thọ uẩn cũng sẽ diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, đang sanh cõi Vô sắc với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ diệt mà sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ diệt và sắc uẩn cũng đang sanh.

257.

Thọ uẩn đang sanh với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tưởng uẩn sẽ diệt với người nào, cõi nào, thời thọ uẩn đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ diệt mà thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ diệt và thọ uẩn cũng đang sanh.

258.

*Sắc uẩn **chẳng phải đang sanh** với người nào, thời thọ uẩn **sẽ không diệt** với người ấy phải chăng?* Tất cả người đang tử và người đang sanh cõi Vô sắc, sắc uẩn chẳng phải đang sanh mà thọ uẩn sẽ diệt với người ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn sắc uẩn chẳng phải đang sanh và thọ uẩn cũng sẽ không diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ không diệt với người nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

259.

Thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người nào, thời tưởng uẩn sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người đang sanh cõi Vô tưởng, thọ uẩn chẳng phải đang sanh mà tưởng uẩn sẽ diệt với người ấy? Còn người đang nhập Níp-bàn, thọ uẩn chẳng phải đang sanh và tưởng uẩn cũng sẽ không diệt.

Hay là tưởng uẩn sẽ không diệt với người nào, thời thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

260.

Sắc uẩn chẳng phải đang sanh với cõi nào...

261.

Sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn đang sanh cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc uẩn chẳng phải đang sanh mà thọ uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn, đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc uẩn chẳng phải đang sanh mà thọ uẩn cũng sẽ không diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ không diệt mà sắc uẩn đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập

Níp-bàn, người đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ không diệt và sắc uẩn cũng chẳng phải đang sanh.

262.

Thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, thọ uẩn chẳng phải đang sanh mà tưởng uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy, Còn người đang nhập Níp-bàn và người đang sanh cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn chẳng phải đang sanh và tưởng uẩn cũng sẽ không diệt.

Hay là tưởng uẩn sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

263.

*Sắc uẩn **từng sanh** với người nào, thời thọ uẩn **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Người đang nhập Níp-bàn, sắc uẩn từng sanh mà thọ uẩn không diệt với người ấy. Còn người ngoài ra đó, sắc uẩn từng sanh và thọ uẩn cũng sẽ diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ diệt với người nào, thời sắc uẩn từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

264.

Thọ uẩn từng sanh với người nào, thời tưởng uẩn sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người đang nhập Níp-bàn, thọ uẩn từng sanh mà tưởng uẩn sẽ không diệt với người ấy. Còn người ngoài ra đó, thọ uẩn từng sanh và tưởng uẩn cũng sẽ diệt.

Hay là tưởng uẩn sẽ diệt với người nào, thời thọ uẩn từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

265.

Sắc uẩn từng sanh với cõi nào...

266.

Sắc uẩn từng sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người đang nhập Níp-bàn cõi Ngũ uẩn và người cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc uẩn từng sanh mà thọ uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc uẩn từng sanh và thọ uẩn cũng sẽ diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ diệt mà sắc uẩn không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ diệt và sắc uẩn cũng từng sanh.

267.

Thọ uẩn từng sanh với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang nhập Níp-bàn với những cõi ấy, thọ uẩn từng sanh mà tưởng uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, thọ uẩn từng sanh và tưởng uẩn cũng sẽ diệt.

Hay là tưởng uẩn sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ diệt mà thọ uẩn không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ diệt và thọ uẩn cũng từng sanh.

268.

Sắc uẩn ***không từng sanh*** *với người nào, thời thọ uẩn* ***không diệt*** *với người ấy phải chăng?* Không có...

Hay là thọ uẩn sẽ không diệt với người nào, thời sắc uẩn không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh...

269.

Thọ uẩn không từng sanh với người nào, thời tưởng uẩn sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Không có...

Hay là tưởng uẩn sẽ không diệt với người người nào, thời thọ uẩn không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh...

270.

Sắc uẩn không từng sanh với cõi nào...

271.

Sắc uẩn không từng sanh với người nào cõi nào, thời thọ uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc uẩn không từng sanh mà thọ uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn cõi Tịnh cư, cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc uẩn không từng sanh và thọ uẩn cũng sẽ không diệt.

Hay là thọ uẩn sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời sắc uẩn không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang nhập Níp-bàn cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ không diệt mà sắc uẩn từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập Níp-bàn cõi Tịnh cư, cõi Vô sắc với những cõi ấy, thọ uẩn sẽ không diệt và sắc uẩn cũng không từng sanh.

272.

Thọ uẩn không từng sanh với người nào cõi nào, thời tưởng uẩn sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, thọ uẩn không từng sanh mà tưởng uẩn sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang Níp-bàn cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thọ uẩn không từng sanh và tưởng uẩn cũng sẽ không diệt.

Hay là tưởng uẩn sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời thọ uẩn không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang nhập Níp-bàn với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ không diệt mà thọ uẩn từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang Níp-bàn cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, tưởng uẩn sẽ không diệt và thọ uẩn cũng không từng sanh.

Dứt phần hành vi sanh và diệt

PHẦN ĐẠT TRI

273.

* *Người đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn, thời người ấy đang đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn phải chăng?* Phải rồi..

Hay là người nào đang đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn, thời người ấy đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào chẳng phải đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn, thời người ấy chẳng phải đang đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn phải chăng?* Phải rồi...

Hay là người nào chẳng phải đang đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn thời người ấy chẳng phải đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn phải chăng? Phải rồi...

274.

∗ *Người nào đã từng đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn thời người ấy cũng từng đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào đã từng đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn thời người ấy đã từng đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào không từng đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn thời người ấy cũng không từng đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn phải chăng? Phải rồi.*

Hay là người nào không từng đạt tri thọ uẩn, thời người ấy không từng đạt tri sắc uẩn phải chăng? Phải rồi.

275.

∗ *Người nào sẽ đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn thời người ấy sẽ đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn phải chăng?* Phải rồi...

Hay là người nào sẽ đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn, thời người ấy sẽ đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn phải chăng? Phải rồi...

∗ *Người nào sẽ không đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn, thời người ấy sẽ không đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn phải chăng?* Phải rồi...

Hay là người nào sẽ không đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn, thời người ấy sẽ không đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn phải chăng? Phải rồi...

276.

∗ *Người nào đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn thời người ấy đã từng đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn phải chăng?* Không phải...

Hay là người nào đã từng đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn thời người ấy đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào chẳng phải đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn thời người ấy không từng đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn phải chăng?* Bực La-hán quả chẳng phải đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn mà đã từng đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn. Còn những người ngoài ra đạo quả La-hán đều chẳng phải đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn và cũng không từng đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn.

Hay là người nào không từng đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn thì người ấy chẳng phải đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn phải chăng? Bực La-hán đạo chẳng phải từng đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn mà đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn. Còn những người ngoài ra đạo quả La-hán đều không từng đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn và cũng chẳng phải đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn.

277.

∗ *Người nào đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn thời người ấy sẽ đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn phải chăng?* Không phải...

Hay là người nào sẽ đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn thời người ấy đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn phải chăng? Không phải...

∗ *Người nào chẳng phải đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn thời người ấy sẽ không đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn phải chẳng?* Người nào sẽ đắc đạo, người ấy chẳng phải đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn mà sẽ đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn. Còn bực La-hán (quả) và phàm phu vô phần, chẳng phải đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn và cũng sẽ không đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn.

Hay là người nào sẽ không đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn, thời người ấy chẳng phải đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn phải chăng? Bực La-hán đạo sẽ không đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn mà đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn. Còn bực La-hán (quả) và phàm phu vô phần sẽ không đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn và cũng chẳng phải đang đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn.

278.

∗ *Người nào đã từng đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn, thời người ấy cũng sẽ đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn phải chăng?* Không phải...

Hay là người nào sẽ đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn thời người ấy cũng từng đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn phải chăng? Không phải...

∗ *Người nào không từng đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn thời người ấy sẽ không đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn phải chăng?* Bực sẽ đắc đạo không từng đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn mà sẽ đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn. Còn bực La-hán đạo và phàm phu vô phần không từng đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn và cũng sẽ không đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn.

Hay là người nào sẽ không đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn thời người ấy không từng đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn phải chăng? Bực La-hán quả sẽ không đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn mà từng đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn. Còn bực La-hán đạo và phàm phu vô phần sẽ không đạt tri (trừ tuyệt) thọ uẩn và cũng không từng đạt tri (trừ tuyệt) sắc uẩn.

Dứt phần đạt tri và dứt phần uẩn song

XỨ SONG

PHẦN ĐỊNH DANH

279.

Thập nhị xứ là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ.

Phần Xiển Thuật

280.

- Nhãn, nhãn xứ phải chăng? Nhãn xứ, nhãn phải chăng?
- Nhĩ, nhĩ xứ phải chăng? Nhĩ xứ, nhĩ phải chăng?
- Tỷ, tỷ xứ phải chăng? Tỷ xứ, tỷ phải chăng?
- Thiệt, thiệt xứ phải chăng? Thiệt xứ, thiệt phải chăng?
- Thân, thân xứ phải chăng? Thân xứ, thân phải chăng?
- Sắc, sắc xứ phải chăng? Sắc xứ, sắc phải chăng?
- Thinh, thinh xứ phải chăng? Thinh xứ, thinh phải chăng?
- Khí, khí xứ phải chăng? Khí xứ, khí phải chăng?
- Vị, vị xứ phải chăng? Vị xứ, vị phải chăng?
- Xúc, xúc xứ phải chăng? Xúc xứ, xúc phải chăng?
- Ý, ý xứ phải chăng? Ý xứ, ý phải chăng?
- Pháp, pháp xứ phải chăng? Pháp xứ, pháp phải chăng?

281.

- Phi nhãn, phi nhãn xứ phải chăng? Phi nhãn xứ, phi nhãn phải chăng?
- Phi nhĩ, phi nhĩ xứ phải chăng? Phi nhĩ xứ, phi nhĩ phải chăng?
- Phi tỷ, phi tỷ xứ phải chăng? Phi tỷ xứ, phi tỷ phải chăng?
- Phi thiệt, phi thiệt xứ phải chăng? Phi thiệt xứ, phi thiệt phải chăng?
- Phi thân, phi thân xứ phải chăng? Phi thân xứ, phi thân phải chăng?
- Phi sắc, phi sắc xứ phải chăng? Phi sắc xứ, phi sắc phải chăng?
- Phi thinh, phi thinh xứ phải chăng? Phi thinh xứ, phi thinh phải chăng?
- Phi khí, phi khí xứ phải chăng? Phi khí xứ, phi khí phải chăng
- Phi vị, phi vị xứ phải chăng? Phi vị xứ, phi vị phải chăng?
- Phi xúc, phi xúc xứ phải chăng? Phi xúc xứ, phi xúc phải chăng?
- Phi ý, phi ý xứ phải chăng? Phi ý xứ, phi ý phải chăng?
- Phi pháp, phi pháp xứ phải chăng? Phi pháp xứ, phi pháp phải chăng?

282.

- Nhãn, nhãn xứ phải chăng?
- Xứ, nhĩ xứ phải chăng?
- Nhãn, nhãn xứ phải chăng?

- Xứ, tỷ xứ phải chăng?
- Nhãn, nhãn xứ phải chăng?
- Xứ, thiệt xứ phải chăng?... Xứ, pháp xứ phải chăng?
- Nhĩ, nhĩ xứ phải chăng?
- Xứ, nhãn xứ phải chăng?
- Nhĩ, nhĩ xứ phải chăng?
- Xứ, tỷ xứ phải chăng?... Xứ pháp xứ phải chăng?
- Tỷ, tỷ xứ phải chăng?... Xứ, pháp xứ phải chăng?
- Pháp, pháp xứ phải chăng?
- Xứ, nhãn xứ phải chăng?
- Pháp, pháp xứ phải chăng?
- Xứ, nhĩ xứ phải chăng?... Xứ, ý xứ phải chăng?

Nên kết cách phần nhãn.

283.

- Phi nhãn, phi nhãn xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi nhĩ xứ phải chăng?
- Phi nhãn, phi nhãn xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi tỷ xứ phải chăng?
- Phi nhãn, phi nhãn xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi thiệt xứ phải chăng? Phi xứ, phi pháp xứ phải chăng?
- Phi nhĩ, phi nhĩ xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi nhãn xứ phải chăng?
- Phi nhĩ, phi nhĩ xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi tỷ xứ phải chăng?... Phi xứ phi pháp xứ phải chăng?
- Phi tỷ, phi tỷ xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi pháp xứ phải chăng?
- Phi pháp, phi pháp xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi nhãn xứ phải chăng?
- Phi pháp, phi pháp xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi nhĩ xứ phải chăng?... Phi xứ phi ý xứ phải chăng?

Nên kết cách phần nhãn.

284.

- Nhãn, là xứ phải chăng?
- Xứ, là nhãn phải chăng?
- Nhĩ, tức là xứ phải chăng?
- Xứ, tức là nhĩ phải chăng?
- Tỷ, tức là xứ phải chăng?
- Xứ, tức là tỷ phải chăng?
- Thiệt, tức là xứ phải chăng?
- Xứ, tức là thiệt phải chăng?
- Thân, tức là xứ phải chăng?
- Xứ, tức là thân phải chăng?
- Sắc, tức là xứ phải chăng?
- Xứ, tức là sắc phải chăng?

- Thinh, tức là xứ phải chăng?
- Xứ, tức là thinh phải chăng?

- Khí, tức là xứ phải chăng?
- Xứ, tức là khí phải chăng?

- Vị, tức là xứ phải chăng?
- Xứ, tức là vị phải chăng?

- Xúc, tức là xứ phải chăng?
- Xứ, tức là xúc phải chăng?

- Ý, tức là xứ phải chăng?
- Xứ, tức là ý phải chăng?

- Pháp, tức là xứ phải chăng?
- Xứ, tức là pháp phải chăng?

285.

- Phi nhãn, phi xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi nhãn phải chăng?

- Phi nhĩ, phi xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi nhĩ phải chăng?

- Phi tỷ, phi xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi tỷ phải chăng?

- Phi Thiệt, phi xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi thiệt phải chăng?

- Phi thân, phi xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi thân phải chăng?

- Phi sắc, phi xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi sắc phải chăng?

- Phi thinh, phi xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi thinh phải chăng?

- Phi khí, phi xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi khí phải chăng?

- Phi vị, phi xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi vị phải chăng?

- Phi Xúc, phi xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi xúc phải chăng?

- Phi ý, phi xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi ý phải chăng

- Phi pháp, phi xứ phải chăng?
- Phi xứ, phi pháp phải chăng?

286.

- Nhãn là xứ phải chăng? Xứ là nhĩ phải chăng?

- Nhãn là xứ phải chăng? Xứ là pháp nhãn phải chăng?
- Nhĩ là xứ phải chăng? Xứ là nhãn phải chăng?
- Nhĩ là xứ phải chăng? Xứ là pháp phải chăng?
- Tỷ là xứ phải chăng? Xứ là nhãn phải chăng?
- Xứ là pháp nhãn phải chăng? Pháp là xứ phải chăng?
- Xứ là nhãn phải chăng? Pháp là xứ phải chăng?
- Xứ là nhĩ phải chăng?... Xứ là ý phải chăng?
  (Cakam phan ditabbaṃ)

287.

- Phi nhãn, phi xứ phải chăng? Phi xứ, phi nhĩ phải chăng?
- Phi nhãn, phi xứ phải chăng? Phi xứ, phi pháp phải chăng?
- Phi nhĩ, phi xứ phải chăng? Phi xứ, phi nhãn phải chăng?
- Phi xứ, phi pháp phải chăng?
- Phi tỷ, phi xứ phải chăng? Phi xứ, phi nhãn phải chăng?
- Phi xứ, phi pháp phải chăng?
- Phi pháp, phi xứ phải chăng? Phi xứ, phi nhãn phải chăng?
- Phi pháp, phi xứ phải chăng? Phi xứ phi nhĩ phải chăng?
  Phi xứ, phi ý phải chăng?
  (Cakam phanditabbaṃ)

Dứt phần xiển thuật

Phần Xiển Minh

288.

∗ *Nhãn là nhãn xứ phải chăng?* Thiên nhãn, tuệ nhãn, gọi là nhãn mà không gọi là nhãn xứ, còn nhãn xứ gọi nhãn cũng phải và nhãn xứ cũng phải.

Nhãn xứ là nhãn phải chăng? Phải rồi...

∗ *Nhĩ là nhĩ xứ phải chăng?* Thiên nhĩ, ái nhĩ, gọi là nhĩ mà không gọi nhĩ xứ. Còn nhĩ xứ gọi nhĩ cũng phải và nhĩ xứ cũng phải.

Nhĩ xứ là nhĩ phải chăng? Phải rồi...

∗ *Tỷ là tỷ xứ phải chăng?* Phải rồi...

Tỷ xứ là tỷ phải chăng? Phải rồi...

∗ *Thiệt là thiệt xứ phải chăng?* Phải rồi...

Thiệt xứ là thiệt phải chăng? Phải rồi...

∗ *Thân là thân xứ phải chăng?* Trừ thân xứ rồi, thân ngoài ra đó, gọi thân mà không gọi thân xứ, còn thân xứ gọi thân cũng phải và thân xứ cũng phải.

Thân xứ là thân phải chăng? Phải rồi...

∗ *Sắc là sắc xứ phải chăng?* Trừ sắc xứ ra rồi, sắc mà ngoài ra đó, gọi sắc mà không gọi sắc xứ, còn sắc xứ gọi sắc cũng phải và sắc xứ cũng phải.

Sắc xứ là sắc phải chăng? Phải rồi...

∗ *Thinh là thinh xứ phải chăng?* Phải rồi...

Thinh xứ là thinh phải chăng? Phải rồi...

∗ *Khí là khí xứ phải chăng?* Giới khí, định khí, tuệ khí gọi là khí mà không gọi khí xứ, còn khí xứ gọi khí cũng phải và khí xứ cũng phải.

Khí xứ là khí phải chăng? Phải rồi...

∗ *Vị là vị xứ phải chăng?* Nghĩa vị, pháp vị, giải thoát vị, gọi vị mà không gọi vị xứ còn vị xứ gọi vị cũng phải và vị xứ cũng phải.

Vị xứ là vị phải chăng? Phải rồi...

∗ *Xúc là xúc xứ phải chăng?* Phải rồi...

Xúc xứ là xúc phải chăng? Phải rồi...

∗ *Ý là ý xứ phải chăng?* Phải rồi...

Ý xứ là ý phải chăng? Phải rồi...

∗ *Pháp là pháp xứ phải chăng?* Trừ pháp xứ rồi, pháp mà ngoài ra đó, gọi pháp mà không gọi pháp xứ, còn pháp xứ gọi pháp cũng phải và pháp xứ cũng phải.

Pháp xứ là pháp phải chăng? Phải rồi...

289.

∗ *Phi nhãn, phi nhãn xứ phải chăng?* Phải rồi...

Phi nhãn xứ phi nhãn phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn, không gọi nhãn xứ mà gọi là nhãn. Còn trừ ra nhãn và nhãn xứ rồi ngoài ra đó, phi nhãn và phi nhãn xứ.

∗ *Phi nhĩ, phi nhĩ xứ phải chăng?* Phải rồi...

Phi nhĩ xứ, phi nhĩ phải chăng? Thiên nhĩ, ái nhĩ là phi nhĩ xứ. Chỉ gọi là nhĩ. Còn trừ ra nhĩ và nhĩ xứ rồi, ngoài ra đó, gọi là phi nhĩ và phi nhĩ xứ.

∗ *Phi tỷ, phi tỷ xứ phải chăng?* Phải rồi...

Phi tỷ xứ phi tỷ phải chăng? Phải rồi...

∗ *Phi thiệt, phi thiệt xứ phải chăng?* Phải rồi...

Phi thiệt xứ phi thiệt phải chăng? Phải rồi.

∗ *Phi thân, phi thân xứ phải chăng?* Phải rồi...

Phi thân xứ, phi thân phải chăng? Trừ ra thân xứ rồi, thân mà ngoài ra đó, phi thân xứ chỉ gọi là thân. Nếu trừ ra thân và thân xứ rồi ngoài ra đó, gọi phi thân và phi thân xứ.

∗ *Phi sắc, phi sắc xứ phải chăng?* Phải rồi... phi sắc xứ, phi sắc phải chăng? Trừ ra sắc xứ rồi, sắc ngoài ra đó, phi sắc xứ mà còn gọi là sắc. Nếu mà trừ ra sắc và sắc xứ rồi ngoài ra đó, phi sắc và phi sắc xứ.

∗ *Phi thinh, phi thinh xứ phải chăng?* Phải rồi...

Phi thinh xứ, phi thinh phải chăng? Phải rồi...

∗ *Phi khí, phi khí xứ phải chăng?* Phải rồi...

Phi khí xứ, phi khí phải chăng? Giới khí, định khí, tuệ khí, phi khí xứ mà còn gọi là khí. Nếu trừ ra khí và khí xứ rồi, pháp ngoài ra đó, mới gọi phi khí và phi khí xứ.

∗ *Phi vị, phi vị xứ phải chăng?* Phải rồi...

Phi vị xứ, phi vị phải chăng? Nghĩa vị, pháp vị, giải thoát vị, phi vị xứ mà còn gọi là vị. Còn trừ ra vị và vị xứ rồi, ngoài ra đó, mới gọi phi vị và phi vị xứ.

* *Phi xúc, phi xúc xứ phải chăng?* Phải rồi...

  Phi xúc xứ, phi xúc phải chăng? Phải rồi...

* *Phi ý, phi ý xứ phải chăng?*

  Phi ý xứ, phi ý phải chăng? Phải rồi...

* *Phi pháp, phi pháp xứ phải chăng?* Phải rồi...

  Phi pháp xứ phi pháp phải chăng? Trừ ra pháp xứ rồi... pháp ngoài ra đó, phi pháp xứ mà còn gọi là pháp. Nếu trừ pháp và pháp xứ rồi, ngoài ra đó, mới gọi phi pháp và phi pháp xứ.

290.

* Nhãn là nhãn xứ phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn, gọi nhãn mà không gọi nhãn xứ, còn nhãn xứ gọi nhãn cũng phải và nhãn xứ cũng phải.
* Xứ là nhĩ xứ phải chăng? Nhĩ xứ gọi xứ cũng phải và nhĩ xứ cũng phải. Còn xứ ngoài ra đó, gọi xứ mà không gọi nhĩ xứ.
* Nhãn là nhãn xứ phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn gọi nhãn mà không gọi nhãn xứ. Còn nhãn xứ gọi nhãn cũng phải và nhãn xứ cũng phải.
* Xứ là tỷ xứ phải chăng? Tỷ xứ gọi xứ cũng phải và tỷ xứ cũng phải. Còn xứ ngoài ra đó, gọi xứ mà không gọi tỷ xứ.
* Xứ là pháp xứ phải chăng? Pháp xứ gọi là xứ cũng phải và pháp xứ cũng phải. Còn những xứ ngoài ra đó, gọi xứ chớ không gọi pháp xứ. Nhĩ... tỷ... pháp là pháp xứ phải chăng? Trừ pháp xứ rồi pháp ngoài ra đó, gọi là pháp chớ không gọi pháp xứ. Còn pháp xứ gọi pháp cũng phải và pháp xứ cũng phải.
* Xứ là nhãn xứ phải chăng? Nhãn xứ gọi xứ cũng phải và nhãn xứ cũng phải. Còn xứ ngoài ra đó, gọi xứ mà không gọi nhãn xứ.
* Pháp gọi pháp xứ phải chăng? Trừ ra pháp xứ rồi pháp ngoài ra đó, phi pháp xứ. Còn pháp xứ gọi pháp cũng phải và pháp xứ cũng phải. Xứ gọi nhĩ xứ phải chăng?... Xứ gọi ý xứ phải chăng? Ý xứ gọi xứ cũng phải và ý xứ cũng phải. Còn xứ ngoài ra đo gọi là xứ mà phi ý xứ (người có trí nên kết phần nhãn từ câu thành căn).

291.

* Phi nhãn, phi nhãn xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi xứ, phi nhĩ xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi nhãn, phi nhãn xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi xứ, phi tỷ xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi xứ, phi pháp xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi nhĩ, phi nhĩ xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi xứ, phi nhãn xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi xứ, phi pháp xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi tỷ, phi tỷ xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi pháp, phi pháp xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi xứ, phi nhãn xứ phải chăng? Phải rồi...

* Phi pháp, phi pháp xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi xứ, phi nhĩ xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi xứ, phi ý xứ phải chăng? Phải rồi...
(Kết phần nhãn sau mỗi câu đều thêm hai chữ phải rồi).

292.

* Nhãn là nhãn xứ phải chăng? Phải rồi... Xứ là nhãn phải chăng? Nhãn xứ gọi xứ cũng phải và nhãn xứ cũng phải. Còn xứ ngoài ra đó, gọi xứ mà không gọi là nhãn xứ.
* Nhĩ là xứ phải chăng? Phải rồi...
* Tỷ... Thiệt... Thân... Sắc... Thinh... Khí... Vị... Xúc... Ý... Pháp là xứ phải chăng? Phải rồi...
* Xứ là pháp xứ phải chăng? Pháp xứ gọi xứ cũng phải và pháp xứ cũng phải. Còn xứ ngoài ra đó, gọi xứ mà không gọi pháp xứ.

293.

* Phi nhãn phi xứ phải chăng? Trừ ra nhãn rồi xứ ngoài ra đó, phi nhãn mà còn gọi là xứ trừ ra nhãn và xứ rồi ngoài ra đó, phi nhãn và phi xứ.
* Phi xứ, phi nhãn xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi nhĩ, phi xứ phải chăng? Trừ ra nhĩ... trừ ra tỷ... trừ ra thiệt rồi là phi xứ.
* Phi thân, phi thân xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi xứ, phi thân xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi sắc, phi xứ phải chăng? Trừ ra sắc... trừ ra thinh, trừ ra khí, trừ ra vị, trừ ra xúc,... là phi xứ.
* Phi ý, phi xứ phải chăng? Trừ ra ý rồi, xứ ngoài ra đó, phi ý mà còn gọi là xứ. Còn trừ ra ý và xứ rồi, phi ý và phi xứ.
* Phi xứ, phi ý xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi pháp, phi xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi xứ, phi pháp xứ phải chăng? Phải rồi...

294.

* Nhãn là xứ phải chăng? Phải rồi...
* Xứ là nhĩ xứ phải chăng? Nhĩ xứ gọi xứ cũng phải, nhĩ xứ cũng phải. Còn xứ ngoài ra đó, gọi là xứ mà không gọi nhĩ xứ.
* Nhãn là xứ phải chăng? Phải rồi... Xứ gọi tỷ xứ phải chăng?... Xứ gọi pháp xứ phải chăng? Pháp xứ gọi xứ cũng phải và pháp xứ cũng phải. Còn ngoài ra đó, gọi xứ mà không gọi pháp xứ, nhĩ gọi xứ phải chăng? Phải rồi...
* Xứ gọi nhãn xứ phải chăng? Phi nhãn xứ...
* Xứ gọi pháp xứ phải chăng?... Phi pháp xứ, tỷ xứ, thiệt xứ...
* Pháp gọi xứ phải chăng? Phải rồi...
* Xứ gọi nhãn xứ phải chăng?... Xứ gọi ý xứ phải chăng?
Ý xứ gọi xứ cũng phải và ý xứ cũng phải. Còn xứ ngoài ra đó, gọi là xứ mà không gọi ý xứ
(Nên kết cách phần nhãn).

295.

* Phi nhãn phi xứ phải chăng? Trừ ra nhãn rồi xứ mà ngoài ra đó, phi nhãn mà còn gọi là xứ. Trừ ra nhãn và xứ rồi ngoài ra đó, phi nhãn và phi xứ.
* Phi xứ, phi nhĩ xứ phải chăng? Phải rồi...

* Phi nhãn phi xứ phải chăng? Trừ ra nhãn rồi, xứ mà ngoài ra đó, phi nhãn mà còn gọi là xứ. Trừ ra nhãn và xứ rồi ngoài ra đó, phi nhãn và phi xứ.
* Phi xứ, phi tỷ xứ phải chăng? Phi xứ, phi pháp xứ phải chăng? Phải rồi... Phi nhĩ, phi nhĩ xứ phải chăng? Trừ ra nhĩ... Trừ ra tỷ... Trừ ra thiệt... là phi xứ.
* Phi thân, phi thân xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi xứ, phi nhãn xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi pháp, phi xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi xứ, phi nhãn xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi pháp, phi xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi xứ, phi nhĩ xứ phải chăng? Phải rồi...
* Phi xứ, phi ý xứ phải chăng? Phải rồi....?.

Dứt phần định danh

PHẦN HÀNH VI

Phần Hành Vi Sanh

296.

*Nhãn xứ **đang sanh** với người nào, thời nhĩ xứ **đang sanh** với người ấy phải chăng?* Người hữu nhãn mà vô nhĩ đang sanh nhãn xứ đang sanh mà nhĩ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn hữu nhĩ đang sanh nhãn xứ đang sanh mà nhĩ xứ cũng đang sanh.

Hay là nhĩ xứ đang sanh với người nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhĩ mà vô nhãn đang sanh nhĩ xứ đang sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhĩ và hữu nhãn đang sanh, nhĩ xứ và nhãn xứ cũng đang sanh.

297.

Nhãn xứ đang sanh với người nào, thời tỷ xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhãn vô tỷ đang sanh nhãn xứ đang sanh mà tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn hữu tỷ đang sanh, nhãn xứ đang sanh và tỷ xứ cũng đang sanh.

Hay là tỷ xứ đang sanh với người nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tỷ vô nhãn đang sanh, tỷ xứ đang sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ hữu nhãn đang sanh tỷ xứ đang sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

298.

Nhãn xứ đang sanh với người nào, thời sắc xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là sắc xứ đang sanh với người nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu sắc mà vô nhãn đang sanh, Sắc xứ đang sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh sắc xứ đang sanh mà nhãn xứ cũng đang sanh.

299.

Nhãn xứ đang sanh với người nào, thời ý xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là ý xứ đang sanh với người nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tâm mà vô nhãn đang sanh, ý xứ đang sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh, ý xứ đang sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

300.

Nhãn xứ đang sanh với người nào, thời pháp xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ đang sanh với người nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhãn đang sanh pháp xứ đang sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh, pháp xứ đang sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

301.

Tỷ xứ đang sanh với người nào, thời sắc xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là sắc xứ đang sanh với người nào, thời tỷ xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu sắc mà vô tỷ đang sanh, sắc xứ đang sanh mà tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh sắc xứ đang sanh mà tỷ xứ cũng đang sanh.

302.

Tỷ xứ đang sanh với người nào, thời ý xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là ý xứ đang sanh với người nào, thời tỷ xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tâm mà vô tỷ đang sanh ý xứ đang sanh mà tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh và tỷ xứ cũng đang sanh.

303.

Tỷ xứ đang sanh với người nào, thời pháp xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ đang sanh với người nào, thời tỷ xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô tỷ đang sanh, pháp xứ đang sanh mà tỷ xứ chẳng phải đang sanh. Còn người hữu tỷ đang sanh, pháp xứ đang sanh và tỷ xứ cũng đang sanh.

304.

Sắc xứ đang sanh với người nào, thời ý xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô tâm đang sanh, sắc xứ đang sanh mà ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu sắc hữu tâm đang sanh sắc xứ đang sanh và ý xứ cũng đang sanh.

Hay là ý xứ đang sanh với người nào, thời sắc xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô sắc đang sanh ý xứ đang sanh mà sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tâm hữu sắc đang sanh ý xứ đang sanh và sắc xứ cũng đang sanh.

305.

Sắc xứ đang sanh với người nào, thời pháp xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ đang sanh với người nào, thời sắc xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô sắc đang sanh, pháp xứ đang sanh mà sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu sắc đang sanh, pháp xứ đang sanh và sắc xứ cũng đang sanh.

306.

Ý xứ đang sanh với người nào, thời pháp xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ đang sanh với người nào, thời ý xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô tâm đang sanh, pháp xứ đang sanh mà ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tâm đang sanh, pháp xứ đang sanh và ý xứ cũng đang sanh.

307.

Nhãn xứ đang sanh với cõi nào, thời nhĩ xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là nhĩ xứ đang sanh với cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

308.

Nhãn xứ đang sanh với cõi nào, thời tỷ xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, nhãn xứ đang sanh mà tỷ xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, nhãn xứ đang sanh và tỷ xứ cũng đang sanh.

Hay là tỷ xứ đang sanh với cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

309.

Nhãn xứ đang sanh với cõi nào, thời sắc xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là sắc xứ đang sanh với cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng sắc xứ đang sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, sắc xứ đang sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

310.

Nhãn xứ đang sanh với cõi nào, thời ý xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là ý xứ đang sanh với cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, ý xứ đang sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, ý xứ đang sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

311.

Nhãn xứ đang sanh với cõi nào, thời pháp xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là pháp xứ đang sanh với cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng và cõi Vô sắc, pháp xứ đang sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, pháp xứ đang sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

312.

Tỷ xứ đang sanh với cõi nào, thời sắc xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là sắc xứ đang sanh với cõi nào, thời tỷ xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, sắc xứ đang sanh mà tỷ xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, sắc xứ đang sanh và tỷ xứ cũng đang sanh.

❖ Nên biết rằng tỷ xứ đang sanh trong cõi nào, thời ý xứ và pháp xứ cũng đang sanh trong cõi ấy. Tóm tắt phần sau này.

313.

Tỷ xứ đang sanh với cõi nào, thời pháp xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là pháp xứ đang sanh với cõi nào, thời tỷ xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và cõi Vô sắc, pháp xứ đang sanh mà tỷ xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, pháp xứ đang sanh và tỷ xứ cũng đang sanh.

314.

Sắc xứ đang sanh với cõi nào, thời ý xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, sắc xứ đang sanh mà ý xứ chẳng phải đang sanh. Còn cõi Ngũ uẩn, sắc xứ đang sanh và ý xứ cũng đang sanh.

Hay là ý xứ đang sanh với cõi nào, thời sắc xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, ý xứ đang sanh mà sắc xứ chẳng phải đang sanh. Còn cõi Ngũ uẩn, ý xứ đang sanh và sắc xứ cũng đang sanh.

315.

Sắc xứ đang sanh với cõi nào, thời pháp xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là pháp xứ đang sanh cõi nào, thời sắc xứ đang sanh cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc pháp xứ đang sanh mà sắc xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn và cõi Vô tưởng pháp xứ đang sanh và sắc xứ cũng đang sanh.

316.

Ý xứ đang sanh với cõi nào, thời pháp xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ đang sanh với cõi nào, thời ý xứ đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, pháp xứ đang sanh mà ý xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn pháp xứ đang sanh và ý xứ cũng đang sanh.

317.

Nhãn xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhãn vô nhĩ đang sanh với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh mà nhĩ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn và hữu nhĩ đang sanh với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh và nhĩ xứ cũng đang sanh.

Hay là nhĩ xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhĩ vô nhãn đang sanh với những cõi ấy, nhĩ xứ đang sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhĩ hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, nhĩ xứ đang sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

(Xứ nào đồng nhau tóm tắt chung lại cho gọn).

318.

Ý xứ đồng sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô tâm đang sanh với cõi ấy, pháp xứ đang sanh mà ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tâm đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ đang sanh và ý xứ cũng đang sanh.

319.

*Nhãn xứ **chẳng phải đang sanh** với người nào, thời nhĩ xứ **chẳng phải đang sanh** với người ấy phải chăng?* Người vô nhãn hữu nhĩ đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà nhĩ xứ đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn vô nhĩ đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và nhĩ xứ cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là nhĩ xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhĩ hữu nhãn đang sanh, nhĩ xứ chẳng phải đang

sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhĩ vô nhãn đang sanh, nhĩ xứ chẳng phải đang sanh và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

320.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhãn hữu tỷ đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà tỷ xứ đang sanh với người ấy, còn tất cả người đang tử và người vô nhãn vô tỷ đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và tỷ xứ cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô tỷ mà hữu nhãn đang sanh, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tỷ vô nhãn đang sanh, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và nhãn xứ chẳng phải đang sanh.

321.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhãn và hữu sắc đang sanh nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà sắc xứ đang sanh. Còn tất cả người đang tử, người vô sắc đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà sắc xứ chẳng phải đang sanh.

Hay là sắc xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

322.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhãn hữu tâm đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà ý xứ đang sanh. Còn tất cả người đang tử và người vô tâm đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và ý xứ cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

323.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời pháp xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhãn đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ đang sanh. Còn tất cả người đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là pháp xứ cũng chẳng phải đang sanh với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

324.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô tỷ mà hữu sắc đang sanh, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà sắc xứ đang sanh. Còn tất cả người đang tử và người vô sắc đang sanh, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và sắc xứ cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là sắc xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

325.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô tỷ hữu tâm đang sanh, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà ý xứ đang sanh. Còn tất cả người đang tử và người vô tâm đang sanh, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và ý xứ cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

326.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời pháp xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô tỷ đang sanh, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ chẳng phải đang sanh.

Hay là pháp xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

327.

Sắc xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô sắc đang sanh, sắc xứ chẳng phải đang sanh, mà ý xứ đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử, sắc xứ chẳng phải đang sanh mà ý xứ cũng chẳng phải đang sanh với người ấy.

Hay là ý xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô tâm đang sanh, ý xứ chẳng phải đang sanh mà sắc xứ đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử, ý xứ chẳng phải đang sanh và sắc xứ cũng chẳng phải đang sanh.

328.

Sắc xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời pháp xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô sắc đang sanh, sắc xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử, sắc xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là pháp xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

329.

Ý xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời pháp xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô tâm đang sanh, ý xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử ý xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là pháp xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

330.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời nhĩ xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nhĩ xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

331.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tỷ xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà nhãn xứ đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, cõi Vô sắc, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

332.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời sắc xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà sắc xứ đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô sắc, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và sắc xứ cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là sắc xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

333.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời ý xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà ý xứ đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và ý xứ cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

334.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời pháp xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh...

Hay là pháp xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Không có...

335.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời sắc xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà sắc xứ đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô sắc, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và sắc xứ cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là sắc xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

336.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời ý xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và cõi Vô sắc, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà ý xứ đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và ý xứ cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

337.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời pháp xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh...

Hay là pháp xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Không có...

338.

Sắc xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời ý xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh...

Hay là ý xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời sắc xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh...

339.

Sắc xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời pháp xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh...

Hay là pháp xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời sắc xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Không có...

340.

Ý xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời pháp xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh...

Hay là pháp xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời ý xứ chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Không có...

341.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô nhãn hữu nhĩ đang sanh với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà nhĩ xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn vô nhĩ đang sanh với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và nhĩ xứ cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là nhĩ xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô nhĩ hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, nhĩ xứ chẳng phải đang sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhĩ vô nhãn đang sanh với những cõi ấy, nhĩ xứ chẳng phải đang sanh và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.v.v…

342.

Ý xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô tâm đang sanh với những cõi ấy, ý xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử với những cõi ấy, ý xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là pháp xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

343.

*Nhãn xứ **từng sanh** với người nào, thời nhĩ xứ **từng sanh** với người ấy phải chăng?* Phải rồi...

Hay là nhĩ xứ từng sanh với người nào, thời nhãn xứ từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

344.

Nhãn xứ từng sanh với người nào, thời tỷ xứ... sắc xứ, ý xứ, pháp xứ từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ từng sanh với người nào, thời nhãn xứ từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

345.

Tỷ xứ... sắc xứ, ý xứ từng sanh với người nào, thời pháp xứ từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ từng sanh với người nào, thời ý xứ từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

346.

Nhãn xứ từng sanh với cõi nào... (những xứ sau cũng thế, chỉ đổi tên và thời...)

347.

Nhãn xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là nhĩ xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

348.

Nhãn xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ từng sanh mà tỷ xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới với những cõi ấy, nhãn xứ từng sanh và tỷ xứ cũng từng sanh.

Hay là tỷ xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

349.

Nhãn xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là sắc xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ từng sanh mà nhãn xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc xứ từng sanh và nhãn xứ cũng từng sanh.

350.

Nhãn xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là ý xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ từng sanh mà nhãn xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, ý xứ từng sanh và nhãn xứ cũng từng sanh.

351.

Nhãn xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng, cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ từng sanh mà nhãn xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp xứ từng sanh và nhãn xứ cũng từng sanh.

352.

Tỷ xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là sắc xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, sắc xứ từng sanh mà tỷ xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới với những cõi ấy, sắc xứ từng sanh và tỷ xứ cũng từng sanh.

353.

Tỷ xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là ý xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới, cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ từng sanh mà tỷ xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới với những cõi ấy, ý xứ từng sanh và tỷ xứ cũng từng sanh.

354.

Tỷ xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới, cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ từng sanh mà tỷ xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới với những cõi ấy, pháp xứ và tỷ xứ từng sanh.

355.

Sắc xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ từng sanh mà ý xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc xứ từng sanh và ý xứ cũng từng sanh.

Hay là ý xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ từng sanh mà sắc xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, ý xứ từng sanh và sắc xứ cũng từng sanh.

356.

Sắc xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ từng sanh mà sắc xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn, cõi Vô tưởng với những cõi ấy, pháp xứ từng sanh mà ý xứ cũng từng sanh.

357.

Ý xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, pháp xứ từng sanh mà ý xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp xứ từng sanh và ý xứ cũng từng sanh.

358.

Nhãn xứ ***không từng sanh*** *với người nào, thời nhĩ xứ* ***không từng sanh*** *với người ấy phải chăng?* Không có...

Hay là nhĩ xứ không từng sanh với người nào, thời nhãn xứ không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có... tóm tắt.

359.

Ý xứ không từng sanh với người nào, thời pháp xứ không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có...

Hay là pháp xứ không từng sanh với người nào, thời ý xứ không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có...

360.

Nhãn xứ không từng sanh cõi nào .v.v...

361.

Nhãn xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là nhĩ xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

362.

Nhãn xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tỷ xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới, luôn những cõi ấy, tỷ xứ không từng sanh mà nhãn xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư, cõi Vô tưởng, cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ không từng sanh mà nhãn xứ không từng sanh.

363.

Nhãn xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ không từng sanh mà sắc xứ từng sanh với người ấy, cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư, cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ không từng sanh và sắc xứ cũng không từng sanh.

Hay là sắc xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

364.

Nhãn xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ không từng sanh mà ý xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư, cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ không từng sanh và ý xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy.

Hay là ý xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

365.

Nhãn xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng, cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ không từng sanh mà pháp xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư với những cõi ấy, nhãn xứ không từng sanh và pháp xứ cũng không từng sanh.

Hay là pháp xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

366.

Tỷ xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ không từng sanh mà sắc xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư, cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ không từng sanh và sắc xứ cũng không từng sanh.

Hay là sắc xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

367.

Tỷ xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới, cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ không từng sanh mà ý xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư, cõi Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ xứ không từng sanh và ý xứ cũng không từng sanh.

Hay là ý xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

368.

Tỷ xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ không từng sanh mà pháp xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư với những cõi ấy, tỷ xứ không từng sanh và pháp xứ cũng không từng sanh.

Hay là pháp xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

369.

Sắc xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ không từng sanh mà ý xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư với những cõi ấy, sắc xứ không từng sanh và ý xứ cũng không từng sanh.

Hay là ý xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, ý xứ không từng sanh mà sắc xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư với những cõi ấy, ý xứ không từng sanh và sắc xứ cũng không từng sanh.

370.

Sắc xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, mà pháp xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư với những cõi ấy, sắc xứ không từng sanh mà pháp xứ cũng không từng sanh với người ấy cõi ấy.

Hay là pháp xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

371.

Ý xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, ý xứ không từng sanh mà pháp xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư với những cõi ấy, ý xứ không từng sanh và pháp xứ cũng không từng sanh.

Hay là pháp xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

372.

*Nhãn xứ **sẽ sanh** với người nào, thời nhĩ xứ **sẽ sanh** với người ấy phải chăng?* Phải rồi...

Hay là nhĩ xứ sẽ sanh với người nào, thời nhãn xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi..

373.

Nhãn xứ sẽ sanh với người nào, thời tỷ xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sẽ sanh lên cõi Sắc giới rồi viên tịch, nhãn xứ sẽ sanh mà tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nhãn xứ sẽ sanh và tỷ xứ cũng sẽ sanh.

Hay là tỷ xứ sẽ sanh với người nào, thời nhãn xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

374.

Nhãn xứ sẽ sanh với người nào, thời sắc xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là sắc xứ sẽ sanh với người nào, thời nhãn xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi….

Nhãn xứ sẽ sanh với người nào, thời pháp xứ, ý xứ sẽ sanh với người ấy.

Các phần sau này giống như hai phần trước.

375.

Nhãn xứ sẽ sanh với người nào, thời pháp xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào, thời nhãn xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, pháp xứ sẽ sanh mà nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn người ngoài ra đó, pháp xứ sẽ sanh và nhãn xứ cũng sẽ sanh.

376.

Tỷ xứ sẽ sanh với người nào, thời sắc xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là sắc xứ sẽ sanh với người nào, thời tỷ xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi... Người nào sẽ sanh cõi Sắc giới rồi viên tịch, sắc xứ sẽ sanh mà tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn người ngoài ra đó, sắc xứ sẽ sanh và tỷ xứ cũng sẽ sanh.

377.

Tỷ xứ sẽ sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào, thời tỷ xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sẽ sanh cõi Sắc giới, cõi Vô sắc, rồi viên tịch, pháp xứ sẽ sanh mà tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn người ngoài ra đó, pháp xứ sẽ sanh và tỷ xứ cũng sẽ sanh.

378.

Sắc xứ sẽ sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào, thời sắc xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sẽ sanh lên cõi Vô sắc rồi viên tịch, pháp xứ sẽ sanh mà sắc xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, pháp xứ sẽ sanh và sắc xứ cũng sẽ sanh?

379.

Ý xứ sẽ sanh với người nào, thời pháp xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào, thời ý xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

380.

Nhãn xứ sẽ sanh với cõi nào.v.v…

381.

Nhãn xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là nhĩ xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

382.

Nhãn xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ sanh mà tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy, còn người nương cõi Dục giới với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ sanh và tỷ xứ cũng sẽ sanh.

Hay là tỷ xứ sẽ sanh với người nào, thời nhãn xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

383.

Nhãn xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là sắc xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ sanh mà nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc xứ sẽ sanh và nhãn xứ cũng sẽ sanh.

384.

Nhãn xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là ý xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ sẽ sanh mà nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, ý xứ sẽ sanh và nhãn xứ cũng sẽ sanh.

385.

Nhãn xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng, cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh mà nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh và nhãn xứ cũng sẽ sanh.

386.

Tỷ xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là sắc xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, sắc xứ sẽ sanh mà tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới với những cõi ấy, sắc xứ sẽ sanh và tỷ xứ cũng sẽ sanh.

387.

Tỷ xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới, cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh

mà tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh và tỷ xứ cũng sẽ sanh.

388.

Sắc xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, sắc xứ sẽ sanh mà ý xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc xứ sẽ sanh và ý xứ cũng sẽ sanh.

Hay là ý xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ sẽ sanh mà sắc xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, ý xứ sẽ sanh và sắc xứ cũng sẽ sanh.

389.

Sắc xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh mà sắc xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh và sắc xứ cũng sẽ sanh.

390.

Ý xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh mà ý xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh và ý xứ cũng sẽ sanh.

391.

Nhãn xứ ***sẽ không sanh*** *với người nào, thời nhĩ xứ* ***sẽ không sanh*** *với người ấy phải chăng?* Phải rồi...

Hay là nhĩ xứ sẽ không sanh với người nào, thời nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

392.

Nhãn xứ sẽ không sanh với người nào, thời tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tỷ xứ sẽ không sanh với người nào, thời nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Người nào sẽ sanh lên cõi Sắc giới rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người sẽ sanh lên cõi Vô sắc rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không sanh và nhãn xứ cũng sẽ không sanh.

393.

Nhãn xứ sẽ không sanh với người nào, thời sắc xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là sắc xứ sẽ không sanh với người nào, thời nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

394.

Nhãn xứ sẽ không sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Người nào sẽ sanh lên cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ sẽ không sanh mà

pháp xứ sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót, nhãn xứ sẽ không sanh và pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào, thời nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

395.

Tỷ xứ sẽ không sanh với người nào, thời sắc xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Người nào sẽ sanh lên cõi Sắc giới rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không sanh mà sắc xứ sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người nào sẽ sanh lên cõi Vô sắc rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không sanh và sắc xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là sắc xứ sẽ không sanh với người nào, thời tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

396.

Tỷ xứ sẽ không sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Người nào sẽ sanh cõi Sắc giới, cõi Vô sắc, rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không sanh mà pháp xứ sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót, tỷ xứ sẽ không sanh và pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào, thời tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

397.

Sắc xứ sẽ không sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Người nào sẽ sanh lên cõi Vô sắc, rồi viên tịch, sắc xứ sẽ không sanh mà pháp xứ sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót, sắc xứ sẽ không sanh và pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào, thời sắc xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

398.

Ý xứ sẽ không sanh với người nào, thời pháp xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào, thời ý xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

399.

Nhãn xứ sẽ không sanh với cõi nào.....

400.

Nhãn xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nhĩ xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

401.

Nhãn xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là tỷ xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không sanh mà nhãn xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót cõi Ngũ uẩn

người nương cõi Vô tưởng, cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không sanh và nhãn xứ cũng sẽ không sanh.

402.

Nhãn xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, nhãn xứ sẽ không sanh mà sắc xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót cõi Ngũ uẩn người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không sanh và sắc xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là sắc xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

403.

Nhãn xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không sanh mà ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không sanh và ý xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là ý xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

404.

Nhãn xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng, cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không sanh mà pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không sanh và pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

405.

Tỷ xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không sanh mà nhãn xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn kiếp chót cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không sanh và sắc xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là sắc xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

406.

Tỷ xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới, cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không sanh mà ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không sanh và ý xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là ý xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

407.

Tỷ xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới, cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không sanh mà pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không sanh mà pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

408.

Sắc xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không sanh mà ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót người với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không sanh và ý xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là ý xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

409.

Sắc xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không sanh mà pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không sanh và pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

410.

Ý xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, ý xứ sẽ không sanh mà pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót với những cõi ấy, ý xứ sẽ không sanh và pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

411.

*Nhãn xứ **đang sanh** với người nào, thời nhĩ xứ **từng sanh** với người ấy phải chăng?* Phải rồi...

Hay là nhĩ xứ từng sanh với người nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, nhĩ xứ từng sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh, nhĩ xứ từng sanh mà nhãn xứ cũng đang sanh.

412.

Nhãn xứ đang sanh với người nào, thời tỷ xứ... sắc xứ, ý xứ, pháp xứ từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ từng sanh với người nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, pháp xứ từng sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh, pháp xứ từng sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

413.

Tỷ xứ đang sanh với người nào, thời sắc xứ... ý xứ, pháp xứ từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ từng sanh với người nào, thời tỷ xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ đang sanh, pháp xứ từng sanh mà tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh, pháp xứ từng sanh mà tỷ xứ cũng đang sanh.

414.

Sắc xứ đang sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ... từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ từng sanh với người nào, thời sắc xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô sắc đang sanh, pháp xứ từng sanh, sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu sắc đang sanh, pháp xứ từng sanh và sắc xứ cũng đang sanh.

415.

Ý xứ đang sanh với người nào, thời pháp xứ từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ từng sanh với người nào, thời ý xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tâm đang sanh, pháp xứ từng sanh và ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tâm đang sanh, pháp xứ từng sanh và ý xứ cũng đang sanh.

416.

Nhãn xứ đang sanh với cõi nào v.v…

417.

Nhãn xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh mà nhĩ xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh ngoài ra đó, nhãn xứ đang sanh và nhĩ xứ cũng từng sanh.

Hay là nhĩ xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang từ cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, nhĩ xứ từng sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, nhĩ xứ từng sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

418.

Nhãn xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Sắc giới với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh mà tỷ xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh và tỷ xứ cũng từng sanh.

Hay là tỷ xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tử cõi Dục giới và người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, tỷ xứ từng sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh cõi Dục giới, tỷ xứ từng sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

419.

Nhãn xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh mà sắc xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh và sắc xứ cũng từng sanh.

Hay là sắc xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ từng sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, sắc xứ từng sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

420.

Nhãn xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh mà ý

xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh và ý xứ cũng từng sanh.

Hay là ý xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ từng sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, ý xứ từng sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

421.

Nhãn xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh mà pháp xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh và pháp xứ cũng từng sanh.

Hay là pháp xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ từng sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ từng sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

422.

Tỷ xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là sắc xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Dục giới, người vô tưởng đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, sắc xứ từng sanh mà tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh, sắc xứ từng sanh và tỷ xứ cũng đang sanh.

423.

Tỷ xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là ý xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Dục giới, người vô tỷ đang sanh cõi Dục giới người nương cõi Sắc giới, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ từng sanh mà tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy? Còn người hữu tỷ đang sanh với những cõi ấy, ý xứ từng sanh và tỷ xứ cũng từng sanh.

424.

Tỷ xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ từng sanh mà tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ từng sanh và tỷ xứ cũng đang sanh.

425.

Sắc xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ đang sanh mà ý xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc xứ đang sanh và ý xứ cũng đang sanh.

Hay là ý xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ từng sanh mà sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, ý xứ từng sanh và sắc xứ cũng đang sanh.

426.

Sắc xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, sắc xứ đang sanh mà pháp xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu sắc đang sanh mà ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc xứ đang sanh và pháp xứ cũng từng sanh.

Hay là pháp xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử người đang sanh cõi Vô sắc, pháp xứ từng sanh, mà sắc xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy.... pháp xứ từng sanh và sắc xứ cũng đang sanh.

427.

Ý xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, ý xứ đang sanh mà pháp xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tâm đang sanh mà ngoài ra đó, ý xứ đang sanh và pháp xứ cũng từng sanh.

Hay là pháp xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tâm đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ từng sanh mà ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tâm đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ từng sanh và ý xứ cũng đang sanh.

428.

*Nhãn xứ **chẳng phải đang sanh** với người nào, thời tỷ xứ **không từng sanh** với người ấy phải chăng?* Phải rồi...

Hay là nhĩ xứ không từng sanh với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có

429.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời tỷ xứ... sắc xứ, ý xứ, pháp xứ không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh...

Pháp xứ không từng sanh với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.

430.

Tỷ xứ... sắc xứ... ý xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời pháp xứ không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh...

Hay là pháp xứ không từng sanh với người nào, thời ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.

431.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào...

432.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà nhĩ xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô tưởng, cõi

Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và nhĩ xứ cũng không từng sanh.

Hay là nhĩ xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, nhĩ xứ không từng sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư người nương cõi Vô tưởng cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhĩ xứ không từng sanh và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

433.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Dục giới, người vô tâm đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà tỷ xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang tử cõi Sắc giới, người nương cõi Vô tưởng, cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và tỷ xứ cũng không từng sanh.

Hay là tỷ xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ không từng sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang tử cõi Sắc giới, cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ không từng sanh và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

434.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà sắc xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và sắc xứ cũng không từng sanh.

Hay là sắc xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, sắc xứ không từng sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ không từng sanh mà nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

435.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà ý xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và ý xứ cũng không từng sanh.

Hay là ý xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, ý xứ không từng sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ không từng sanh và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

436.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ từng sanh với người ấy cõi

ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng không từng sanh.

Hay là pháp xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp xứ không từng sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp xứ không từng sanh và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

437.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ không từng sanh với người ấy phải chăng? Người đang tử cõi Dục giới, người đang sanh cõi Dục giới người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà sắc xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư, cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và sắc xứ cũng không từng sanh.

Hay là sắc xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

438.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Dục giới, người vô tỷ đang sanh cõi Dục giới người nương cõi Sắc giới, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà ý xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư, cõi Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và ý xứ cũng không từng sanh.

Hay là ý xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

439.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô tỷ đang sanh với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng không từng sanh.

Hay là pháp xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

440.

Sắc xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư, người đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang sanh và ý xứ cũng không từng sanh.

Hay là ý xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư, cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ không từng sanh mà sắc xứ đang sanh với người ấy cõi ấy.... ý xứ không từng sanh và sắc xứ cũng chẳng phải đang sanh.

441.

Sắc xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử người đang sanh cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ từng sanh với người ấy cõi ấy.

Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng không từng sanh.

Hay là pháp xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp xứ không từng sanh mà sắc xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp xứ không từng sanh và sắc xứ cũng chẳng phải đang sanh.

442.

Ý xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tâm đang sanh với những cõi ấy, ý xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, ý xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng không từng sanh.

Hay là pháp xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp xứ không từng sanh mà ý xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp xứ không từng sanh và ý xứ cũng chẳng phải đang sanh.

443.

*Nhãn xứ **đang sanh** với người nào thời nhĩ xứ **sẽ sanh** với người ấy phải chăng?* Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, và người đang sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ đang sanh mà nhĩ xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh mà ngoài ra đó, nhãn xứ đang sanh và nhĩ xứ cũng sẽ sanh.

Hay là nhĩ xứ sẽ sanh với người nào thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh, nhĩ xứ sẽ sanh mà nhãn xứ không đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh, nhĩ xứ sẽ sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

444.

Nhãn xứ đang sanh với người nào thời tỷ xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn và người đang sanh cõi Sắc giới rồi viên tịch, nhãn xứ đang sanh mà tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy; còn người hữu nhãn đang sanh mà ngoài ra đó, nhãn xứ đang sanh và tỷ xứ cũng sẽ sanh.

Hay là tỷ xứ sẽ sanh với người nào thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh, tỷ xứ sẽ sanh mà nhãn xứ chẳng đang sanh với người ấy; còn người hữu nhãn đang sanh, tỷ xứ sẽ sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

445.

Nhãn xứ đang sanh với người nào thời sắc xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn và người đang sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ đang sanh mà sắc xứ sẽ không sanh với người ấy; còn người hữu nhãn đang sanh mà ngoài ra đó, nhãn xứ đang sanh và sắc xứ cũng sẽ sanh.

Hay là sắc xứ sẽ sanh với người nào thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh, sắc xứ sẽ sanh mà nhãn xứ chẳng đang sanh với người ấy; còn người hữu nhãn đang sanh, sắc xứ sẽ sanh và nhãn xứ

cũng đang sanh.

446.

Nhãn xứ đang sanh với người nào thời ý xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, nhãn xứ đang sanh mà ý xứ sẽ không sanh với người ấy; còn người hữu nhãn đang sanh mà ngoài ra đó, nhãn xứ đang sanh và ý xứ cũng sẽ sanh.

Hay là ý xứ sẽ sanh với người nào thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh, ý xứ sẽ sanh mà nhãn xứ không đang sanh với người ấy; còn người hữu nhãn đang sanh, ý xứ sẽ sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

447.

Nhãn xứ đang sanh với người nào thời pháp xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, nhãn xứ đang sanh mà pháp xứ sẽ không sanh với người ấy; còn người hữu nhãn đang sanh mà ngoài ra đó, nhãn xứ đang sanh và pháp xứ cũng sẽ sanh.

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh, pháp xứ sẽ sanh mà nhãn xứ chẳng đang sanh với người ấy; còn người hữu nhãn đang sanh, pháp xứ sẽ sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

448.

Tỷ xứ đang sanh với người nào thời sắc xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới và người đang sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, tỷ xứ đang sanh mà sắc xứ sẽ không sanh với người ấy; còn người hữu tỷ đang sanh, tỷ xứ đang sanh và sắc xứ cũng sẽ sanh.

Hay là sắc xứ sẽ sanh với người nào thời tỷ xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô tỷ đang sanh, sắc xứ sẽ sanh mà tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy; còn người hữu tỷ đang sanh, sắc xứ sẽ sanh và tỷ xứ cũng đang sanh.

449.

Tỷ xứ đang sanh với người nào thời ý xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới, tỷ xứ đang sanh mà ý xứ sẽ không sanh với người ấy; còn người hữu tỷ đang sanh mà ngoài ra đó, tỷ xứ đang sanh và ý xứ cũng sẽ sanh.

Hay là ý xứ sẽ sanh với người nào thời tỷ xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô tỷ đang sanh, ý xứ sẽ sanh mà tỷ xứ chẳng đang sanh với người ấy; còn người hữu tỷ đang sanh, ý xứ sẽ sanh và tỷ xứ cũng đang sanh.

450.

Tỷ xứ đang sanh với người nào thời pháp xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới, tỷ xứ đang sanh mà pháp xứ sẽ không sanh với người ấy; còn người hữu tỷ đang sanh mà ngoài ra đó, tỷ xứ đang sanh và pháp xứ cũng sẽ sanh.

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào thời tỷ xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô tỷ đang sanh, pháp xứ sẽ sanh mà tỷ xứ chẳng đang sanh với người ấy; còn người hữu tỷ đang sanh, pháp xứ sẽ sanh và tỷ xứ cũng đang sanh.

451.

Sắc xứ đang sanh với người nào thời ý xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người

kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, sắc xứ đang sanh mà ý xứ sẽ không sanh với người ấy; còn người hữu sắc đang sanh mà ngoài ra đó, sắc xứ đang sanh và ý xứ cũng sẽ sanh.

Hay là ý xứ sẽ sanh với người nào, thì sắc xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô sắc đang sanh, ý xứ sẽ sanh mà sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy; còn người hữu sắc đang sanh, ý xứ sẽ sanh và sắc xứ cũng đang sanh.

452.

Sắc xứ đang sanh với người nào, thời pháp xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn sắc xứ đang sanh mà pháp xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn người hữu sắc đang sanh mà ngoài ra đó, sắc xứ đang sanh và pháp xứ cũng sẽ sanh.

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào, thời sắc xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô sắc đang sanh, pháp xứ sẽ sanh mà sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu sắc đang sanh, pháp xứ sẽ sanh và sắc xứ cũng đang sanh.

453.

Ý xứ đang sanh với người nào, thời pháp xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh, ý xứ đang sanh mà pháp xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn người hữu tâm đang sanh mà ngoài ra đó, ý xứ đang sanh và pháp xứ cũng sẽ sanh.

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào, thời ý xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử người vô tâm đang sanh pháp xứ sẽ sanh mà ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tâm đang sanh, pháp xứ sẽ sanh và ý xứ cũng đang sanh.

454.

Sắc xứ đang sanh với cõi nào...

455.

Nhãn xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh mà nhĩ xứ cũng sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh và nhĩ xứ cũng sẽ sanh.

Hay là nhĩ xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, nhĩ xứ sẽ sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy với những õi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh cõi Dục giới, nhĩ xứ sẽ sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

456.

Nhãn xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới, người đang sanh cõi Sắc giới với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh mà tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh cõi Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh mà tỷ xứ cũng sẽ sanh.

Hay là tỷ xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Dục giới, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới vói những cõi ấy, tỷ xứ sẽ sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy.

Còn người hữu nhãn đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

457.

Nhãn xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh mà sắc xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh mà sắc xứ cũng sẽ sanh.

Hay là sắc xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ sẽ sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, sắc xứ sẽ sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

458.

Nhãn xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh mà ý xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh và ý xứ cũng sẽ sanh.

Hay là ý xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Vô sắc giới những cõi ấy, ý xứ sẽ sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, ý xứ sẽ sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

459.

Nhãn xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh mà pháp xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh mà pháp xứ cũng sẽ sanh.

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với những cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh và nhãn xứ cũng đang sanh.

460.

Tỷ xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, tỷ xứ đang sanh mà sắc xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ xứ đang sanh và sắc xứ cũng sẽ sanh.

Hay là sắc xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ cũng sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Dục giới, người vô tỷ đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, sắc xứ sẽ sanh mà tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh với những cõi ấy, sắc xứ sẽ sanh và tỷ xứ cũng đang sanh.

461.

Tỷ xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, tỷ xứ đang sanh mà ý xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ xứ đang sanh mà ý xứ cũng sẽ sanh.

Hay là ý xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Dục giới người vô tỷ đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Sắc giới, cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ sẽ sanh mà tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh với những cõi ấy, ý xứ sẽ sanh và tỷ xứ cũng đang sanh.

462.

Tỷ xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, tỷ xứ đang sanh mà pháp xứ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ xứ đang sanh mà pháp xứ cũng sẽ sanh.

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô tỷ đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh và tỷ xứ chẳng phải đang sanh với những người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh và tỷ xứ cũng đang sanh.

463.

Sắc xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, người đang sanh cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ đang sanh mà ý xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc xứ đang sanh và ý xứ cũng sẽ sanh.

Hay là ý xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ sẽ sanh mà sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, ý xứ sẽ sanh và sắc xứ cũng đang sanh.

464.

Sắc xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc xứ đang sanh mà pháp xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu sắc đang sanh mà ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc xứ đang sanh mà pháp xứ cũng sẽ sanh.

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô sắc đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh mà sắc xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu sắc đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh và sắc xứ cũng đang sanh.

465.

Ý xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh với những cõi ấy, ý xứ đang sanh mà pháp xứ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tâm đang sanh mà ngoài ra đó với những cõi ấy, ý xứ đang sanh và pháp xứ sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử người vô tâm đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh mà ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tâm đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh và ý xứ cũng đang sanh.

466.

*Nhãn xứ **chẳng phải đang sanh** với người nào, thời nhĩ xứ **sẽ không sanh** với người ấy phải chăng?* Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà nhĩ xứ sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn

người kiếp chót cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và nhĩ xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là nhĩ xứ sẽ không sanh với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn và người nào đang sanh sẽ sanh lên cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhĩ xứ sẽ không sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc, người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhĩ xứ sẽ không sanh và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

467.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà tỷ xứ sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới rồi viên tịch, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và tỷ xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là tỷ xứ sẽ không sanh với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn và người nào đang sanh sẽ sanh cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không sanh và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh

468.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời sắc xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà sắc xứ sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và sắc xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là sắc xứ sẽ không sanh với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn và người nào đang sanh sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch sắc xứ sẽ không sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, sắc xứ sẽ không sanh mà nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

469.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời ý xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà ý xứ sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn người kiếp chót cõi Vô sắc, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và ý xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là ý xứ sẽ không sanh với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, ý xứ sẽ không sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc, ý xứ sẽ không sanh và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

470.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời pháp xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô tâm đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn,

người kiếp chót cõi Vô sắc, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn pháp xứ sẽ không sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc, pháp xứ sẽ không sanh và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

471.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời sắc xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô tỷ đang sanh, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà sắc xứ sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Dục giới, người kiếp chót cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc, rồi viên tịch, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và sắc xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là sắc xứ sẽ không sanh với người nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới và người nào đang sanh sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, sắc xứ sẽ không sanh mà tỷ xứ đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Dục giới, người kiếp chót cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, sắc xứ sẽ không sanh và tỷ xứ chẳng phải đang sanh.

472.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô tỷ đang sanh, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Dục giới, người kiếp chót cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới, pháp xứ sẽ không sanh mà tỷ xứ đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Dục giới, người kiếp chót cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới, pháp xứ sẽ không sanh và tỷ xứ cũng chẳng phải đang sanh.

473.

Sắc xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử người vô sắc đang sanh, sắc xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc, sắc xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào, thời sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, pháp xứ sẽ không sanh mà sắc xứ đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc pháp xứ sẽ không sanh và sắc xứ cũng chẳng phải đang sanh.

474.

Ý xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời pháp xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô tâm đang sanh, ý xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch, ý xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào, thời ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh pháp xứ sẽ không sanh mà ý xứ đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch pháp xứ sẽ không sanh và ý xứ cũng chẳng phải đang sanh.

475.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào...

476.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà nhĩ xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô tưởng, cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và nhĩ xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là nhĩ xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhĩ xứ sẽ không sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô tưởng cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhĩ xứ sẽ không sanh và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

477.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Dục giới, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà tỷ xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Dục giới người đang tử cõi Sắc giới, người nương cõi Vô tưởng, vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và tỷ xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là tỷ xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới, người đang sanh cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Dục giới, người đang tử cõi Sắc giới, người nương cõi Vô tưởng, cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không sanh và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

478.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không sanh mà sắc xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và sắc xứ sẽ không sanh.

Hay là sắc xứ sẽ không sanh với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không sanh và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

479.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp

chót cõi Vô sắc, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và ý xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là ý xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, ý xứ sẽ không sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ sẽ không sanh và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

480.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không sanh mà nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không sanh và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

481.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Dục giới, người vô tỷ đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà sắc xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Dục giới, người kiếp chót cõi Sắc giới, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và sắc xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là sắc xứ sẽ không sanh với người nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không sanh mà tỷ xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Dục giới, người kiếp chót cõi Sắc giới, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không sanh và tỷ xứ cũng chẳng phải đang sanh.

482.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Dục giới, người vô tỷ đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới, với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Dục giới, người kiếp chót cõi Sắc giới, cõi Vô sắc người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và ý xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là ý xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, ý xứ sẽ không sanh mà tỷ xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Dục giới, người kiếp chót cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới, người nương cõi Vô tưởng, ý xứ sẽ không sanh và tỷ xứ cũng chẳng phải đang sanh.

483.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời pháp xứ sẽ không sanh người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử người vô tỷ đang sanh với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên

tịch cõi Dục giới, người kiếp chót cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không sanh mà tỷ xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Dục giới, người kiếp chót cõi Sắc giới, cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không sanh và tỷ xứ cũng chẳng phải đang sanh.

484.

Sắc xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang sanh mà ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc, người đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang sanh và ý xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là ý xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, người đang sanh cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ sẽ không sanh mà sắc xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc, người đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ sẽ không sanh và sắc xứ cũng chẳng phải đang sanh.

485.

Sắc xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người đang sanh cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không sanh mà sắc xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không sanh và sắc xứ cũng chẳng phải đang sanh.

486.

Ý xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô tâm đang sanh với những cõi ấy, ý xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch với những cõi ấy, ý xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không sanh mà ý xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không sanh và ý xứ cũng chẳng phải đang sanh.

487.

*Nhãn xứ **từng sanh** với người nào, thời nhĩ xứ **sẽ sanh** với người ấy phải chăng?* Người kiếp chót và người nào sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ từng sanh mà

nhĩ xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn người ngoài ra đó, nhãn xứ từng sanh và nhĩ xứ cũng sẽ sanh.

Hay là nhĩ xứ sẽ sanh với người nào, thời nhãn xứ từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi!

488.

Nhãn xứ từng sanh với người nào, thời tỷ xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót và người nào sẽ sanh cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới rồi viên tịch, nhãn xứ từng sanh mà tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn người ngoài ra đó, nhãn xứ từng sanh và tỷ xứ cũng sẽ sanh.

Hay là tỷ xứ sẽ sanh với người nào, thời nhãn xứ từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi!

489.

Nhãn xứ từng sanh với người nào, thời sắc xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót và người nào sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ từng sanh mà sắc xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nhãn xứ từng sanh và sắc xứ cũng sẽ sanh.

Hay là sắc xứ sẽ sanh với người nào, thời nhãn xứ từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi!

490.

Nhãn xứ từng sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót nhãn xứ từng sanh mà pháp xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nhãn xứ từng sanh và pháp xứ cũng sẽ sanh.

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào, thời nhãn xứ từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi!

491.

Tỷ xứ từng sanh với người nào, thời sắc xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót và người nào sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, tỷ xứ từng sanh mà sắc xứ sẽ không sanh với người ấy, những người ngoài ra đó, tỷ xứ từng sanh và sắc xứ cũng sẽ sanh.

Hay là sắc xứ sẽ sanh với người nào, thời tỷ xứ từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi!

492.

Tỷ xứ từng sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót, tỷ xứ từng sanh mà pháp xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, tỷ xứ từng sanh và pháp xứ cũng sẽ sanh.

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào, thời tỷ xứ từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi!

493.

Sắc xứ từng sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót, sắc xứ từng sanh mà pháp xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, sắc xứ từng sanh và pháp xứ cũng sẽ sanh.

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào, thời sắc xứ từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi!

494.

Ý xứ từng sanh với người nào, thời pháp xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót, ý xứ từng sanh mà pháp xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, ý xứ từng sanh và pháp xứ cũng sẽ sanh.

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào, thời ý xứ từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi!

495.

Nhãn xứ từng sanh với cõi nào...

496.

Nhãn xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhãn xứ từng sanh mà nhĩ xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn, mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ từng sanh và nhĩ xứ cũng sẽ sanh.

Hay là nhĩ xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

497

Nhãn xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Dục giới và người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, nhãn xứ từng sanh mà tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ từng sanh và tỷ xứ cũng sẽ sanh.

Hay là tỷ xứ... Phải rồi!

498.

Nhãn xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhãn xứ từng sanh mà sắc xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ từng sanh và sắc xứ cũng sẽ sanh.

Hay là sắc xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, sắc xứ sẽ sanh mà nhãn xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc xứ sẽ sanh và nhãn xứ cũng từng sanh.

499.

Nhãn xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhãn xứ từng sanh mà ý xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn những người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ từng sanh và ý xứ cũng sẽ sanh

Hay là ý xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ sẽ sanh mà nhãn xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, ý xứ sẽ sanh và nhãn xứ cũng từng sanh.

500.

Nhãn xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhãn xứ từng sanh mà pháp xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ từng sanh và pháp xứ cũng sẽ sanh.

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng, cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ

sanh mà nhãn xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh và nhãn xứ cũng từng sanh.

501.

Tỷ xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Dục giới với những cõi ấy, tỷ xứ từng sanh mà sắc xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ xứ từng sanh và nhãn xứ cũng sẽ sanh.

Hay là sắc xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, sắc xứ sẽ sanh mà tỷ xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới với những cõi ấy, sắc xứ sẽ sanh và tỷ xứ cũng từng sanh.

502.

Tỷ xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Dục giới với những cõi ấy, tỷ xứ từng sanh mà pháp xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ xứ từng sanh và pháp xứ cũng sẽ sanh.

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới, cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh mà tỷ xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh và tỷ xứ cũng từng sanh.

503.

Sắc xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ từng sanh mà ý xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc xứ từng sanh và ý xứ cũng sẽ sanh.

Hay là ý xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ sẽ sanh mà sắc xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang tử cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, ý xứ sẽ sanh và sắc xứ cũng từng sanh.

504.

Sắc xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc xứ từng sanh mà pháp xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ từng sanh và pháp xứ cũng sẽ sanh.

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh mà sắc xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn, nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh và sắc xứ cũng từng sanh.

505.

Ý xứ từng sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót với những cõi ấy, ý xứ từng sanh mà pháp xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, ý xứ từng sanh và pháp xứ cũng sẽ sanh.

Hay là pháp xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh mà ý xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp xứ sẽ sanh và ý xứ cũng từng sanh.

506.

*Nhãn xứ **không từng sanh** với người nào, thời nhĩ xứ **sẽ không sanh** với người ấy phải chăng?* Không có!

Hay là nhĩ xứ sẽ không sanh với người nào, thời nhãn xứ không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh!

507.

Nhãn xứ không từng sanh với người nào, thời tỷ xứ... sắc xứ, ý xứ, pháp xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Không có!

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào, thời nhãn xứ không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh!

508.

Tỷ xứ... sắc xứ, ý xứ không từng sanh với người nào, thời pháp xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Không có!

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào, thời ý xứ không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh!

509.

Nhãn xứ không từng sanh với cõi nào...

510.

Nhãn xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là nhĩ xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhĩ xứ sẽ không sanh mà nhãn xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư, nương cõi Vô tưởng, nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhĩ xứ sẽ không sanh và nhãn xứ cũng không từng sanh.

511.

Nhãn xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là tỷ xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Dục giới, người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không sanh mà nhãn xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư, nương cõi Vô tưởng, nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không sanh và nhãn xứ cũng không từng sanh.

512.

Nhãn xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, nhãn xứ không từng sanh mà sắc xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư, nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ không từng sanh và sắc xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là sắc xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không sanh mà nhãn xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư,

nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không sanh và nhãn xứ cũng không từng sanh.

513.

Nhãn xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ không từng sanh mà ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư, người kiếp chót cõi Vô sắc, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ không từng sanh và ý xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là ý xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, ý xứ sẽ không sanh mà nhãn xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư, người kiếp chót cõi Vô sắc, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ sẽ không sanh và nhãn xứ cũng không từng sanh.

514.

Nhãn xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng, nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ không từng sanh mà pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư, người kiếp chót cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ không từng sanh và pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời nhãn xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không sanh mà nhãn xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư và người kiếp chót cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không sanh và nhãn xứ cũng không từng sanh.

515.

Tỷ xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ không từng sanh mà sắc xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót cõi Sắc giới, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ không từng sanh và sắc xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là sắc xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Dục giới với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không sanh mà tỷ xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót cõi Sắc giới, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không sanh và tỷ xứ cũng không từng sanh.

516.

Tỷ xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới, nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ không từng sanh mà ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót cõi Sắc giới, cõi Vô sắc và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ xứ không từng sanh và ý xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là ý xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Dục giới với những cõi ấy, ý xứ sẽ không sanh mà tỷ xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót cõi Sắc giới, cõi Vô sắc và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ sẽ không sanh và tỷ xứ cũng không từng sanh.

517.

Tỷ xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới, nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ không từng sanh mà pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn ngời kiếp chót cõi Sắc giới, cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ không từng sanh và pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Dục giới với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không sanh mà tỷ xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót cõi Sắc giới, cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không sanh và tỷ xứ cũng không từng sanh.

518.

Sắc xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ không từng sanh mà ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Người nương cõi Tịnh cư và người kiếp chót cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ không từng sanh và ý xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là ý xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ sẽ không sanh mà sắc xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư, người kiếp chót cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ sẽ không sanh và sắc xứ cũng không từng sanh.

519.

Sắc xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ không từng sanh mà pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư và người kiếp chót cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ không từng sanh và pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không sanh mà sắc xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư và người kiếp chót cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không sanh và sắc xứ cũng không từng sanh.

520.

Ý xứ không từng sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, ý xứ không từng sanh mà pháp xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư với những cõi ấy, ý xứ không từng sanh và pháp xứ cũng sẽ không sanh.

Hay là pháp xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không sanh mà ý xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không sanh và ý xứ cũng không từng sanh.

Dứt phần hành vi sanh

Phần Hành Vi Diệt

521.

*Nhãn xứ **đang diệt** với người nào, thời nhĩ xứ **đang diệt** với người ấy phải chăng?* Người hữu nhãn vô nhĩ đang tử, nhãn xứ đang diệt mà nhĩ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu nhãn hữu nhĩ đang tử, nhãn xứ đang diệt và nhĩ xứ cũng đang diệt.

Hay là nhĩ xứ đang diệt với người nào, thời nhãn xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Người hữu nhĩ vô nhãn đang tử, nhĩ xứ đang diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu nhĩ hữu nhãn đang tử, nhĩ xứ đang diệt và nhãn xứ cũng đang diệt.

522.

Nhãn xứ đang diệt với người nào, thời tỷ xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Người hữu nhãn vô tỷ đang tử, nhãn xứ đang diệt mà tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu nhãn hữu tỷ đang tử, nhãn xứ đang diệt và tỷ xứ cũng đang diệt.

Hay là tỷ xứ đang diệt với người nào, thời nhãn xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Người hữu tỷ vô nhãn đang tử, tỷ xứ đang diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu tỷ hữu nhãn đang tử, tỷ xứ đang diệt và nhãn xứ cũng đang diệt.

523.

Nhãn xứ đang diệt với người nào, thời sắc xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là sắc xứ đang diệt với người nào, thời nhãn xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Người hữu sắc vô nhãn đang tử, sắc xứ đang diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu nhãn đang tử, sắc xứ đang diệt và nhãn xứ cũng đang diệt.

524.

Nhãn xứ đang diệt với người nào, thời ý xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là ý xứ đang diệt với người nào, thời nhãn xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Người hữu tâm vô nhãn đang tử, ý xứ đang diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu nhãn đang tử, ý xứ đang diệt và nhãn xứ cũng đang diệt.

525.

Nhãn xứ đang diệt với người nào, thời pháp xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là pháp xứ đang diệt với người nào, thời nhãn xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô nhãn đang tử, pháp xứ đang diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang diệt. Còn người hữu nhãn đang tử, pháp xứ đang diệt và nhãn xứ cũng đang diệt.

526.

Tỷ xứ đang diệt với người nào, thời sắc xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là sắc xứ đang diệt với người nào, thời tỷ xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Người hữu sắc vô tỷ đang tử, sắc xứ đang diệt mà tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu tỷ đang tử, sắc xứ đang diệt và tỷ xứ cũng đang diệt.

527.

Tỷ xứ đang diệt với người nào, thời ý xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là ý xứ đang diệt với người nào, thời tỷ xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Người hữu tâm vô tỷ đang tử, ý xứ đang diệt mà tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu tỷ đang tử, ý xứ đang diệt và tỷ xứ cũng đang diệt.

528.

Tỷ xứ đang diệt với người nào, thời pháp xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là pháp xứ đang diệt với người nào, thời tỷ xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô tỷ đang tử, pháp xứ đang diệt mà tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu tỷ đang tử, pháp xứ đang diệt và tỷ xứ cũng đang diệt.

529.

Sắc xứ đang diệt với người nào, thời ý xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Người hữu sắc vô tâm đang tử, sắc xứ đang diệt mà ý xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu sắc hữu tâm đang tử, sắc xứ đang diệt và ý xứ cũng đang diệt.

Hay là ý xứ đang diệt với người nào, thời sắc xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô sắc đang tử, ý xứ đang diệt mà sắc xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu sắc hữu tâm đang tử, ý xứ đang diệt và sắc xứ cũng đang diệt.

530.

Sắc xứ đang diệt với người nào, thời pháp xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là pháp xứ đang diệt với người nào, thời sắc xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô sắc đang tử, pháp xứ đang diệt mà sắc xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu sắc đang tử, pháp xứ đang diệt và sắc xứ cũng đang diệt.

531.

Ý xứ đang diệt với người nào, thời pháp xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là pháp xứ đang diệt với người nào, thời ý xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô tâm đang tử, pháp xứ đang diệt mà ý xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu tâm đang tử, pháp xứ đang diệt và ý xứ cũng đang diệt.

532.

Nhãn xứ đang diệt với người nào...

Trong phần sanh, diệt, sanh và diệt; đều giống nhau như các phần nói về cõi.

533.

Nhãn xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng?... Tỷ xứ, sắc xứ, ý xứ, pháp xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phân ra cho rộng đồng nhau về những câu trong phần người và cõi.

534.

Nhãn xứ ***chẳng phải đang diệt*** *với người nào, thời nhĩ xứ* ***chẳng phải đang diệt*** *với người ấy phải chăng?* Người vô nhãn hữu nhĩ đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà nhĩ xứ đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh và người vô nhãn vô nhĩ đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang diệt và nhĩ xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là nhĩ xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô nhĩ hữu nhãn đang tử, nhĩ xứ chẳng phải đang diệt

mà nhãn xứ đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh và người vô nhãn vô nhĩ đang tử, nhĩ xứ chẳng phải đang diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang diệt.

535.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô nhãn hữu tỷ đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà tỷ xứ đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh và người vô nhãn vô tỷ đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang diệt và tỷ xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô tỷ hữu nhãn đang tử, tỷ xứ chẳng phải đang diệt, mà nhãn xứ đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh và người vô tỷ vô nhãn đang tử, tỷ xứ chẳng phải đang diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang diệt.

536.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời sắc xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô nhãn hữu sắc đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà sắc xứ đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh và người vô sắc đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang diệt và sắc xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là sắc xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

537.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời ý xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô nhãn hữu tâm đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà ý xứ đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh và người vô tâm đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang diệt và ý xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là ý xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

538.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời pháp xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô nhãn đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà pháp xứ đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang diệt và pháp xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

539.

Tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời sắc xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô tỷ hữu sắc đang tử, tỷ xứ chẳng phải đang diệt mà sắc xứ đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh và người vô sắc đang tử, tỷ xứ chẳng phải đang diệt và sắc xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là sắc xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

540.

Tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời ý xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô tỷ hữu tâm đang tử, tỷ xứ chẳng phải đang diệt mà ý xứ đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh và người vô tâm đang tử, tỷ xứ chẳng phải đang diệt và ý xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là ý xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

541.

Tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời pháp xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô tỷ đang tử, tỷ xứ chẳng phải đang diệt mà pháp xứ đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh, tỷ xứ chẳng phải đang diệt và pháp xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

542.

Sắc xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời ý xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô sắc đang tử, sắc xứ chẳng phải đang diệt mà ý xứ đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh, sắc xứ chẳng phải đang diệt và ý xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là ý xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời sắc xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô tâm đang tử, ý xứ chẳng phải đang diệt mà sắc xứ đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh, ý xứ chẳng phải đang diệt và sắc xứ cũng chẳng phải đang diệt.

543.

Sắc xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời pháp xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô sắc đang tử, sắc xứ chẳng phải đang diệt mà pháp xứ đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh, sắc xứ chẳng phải đang diệt và pháp xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời sắc xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

544.

Ý xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời pháp xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô tâm đang tử, ý xứ chẳng phải đang diệt mà pháp xứ đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh, ý xứ chẳng phải đang diệt và pháp xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời ý xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

545.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với cõi nào...

546.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào...

Trong phần người, người và cõi đều giống nhau..

547.

* *Nhãn xứ từng diệt với người nào, thời nhĩ xứ từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!*

Trong phần sanh, phần diệt, phần sanh và diệt đều cho thuận tùng *(anuloma)* hay đối lập *(paccanika)* cũng như nhau.

548.

*Nhãn xứ **sẽ diệt** với người nào, thời nhĩ xứ **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi!

Hay là nhĩ xứ sẽ diệt với người nào, thời nhãn xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

549.

Nhãn xứ sẽ diệt với người nào, thời tỷ xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Sắc giới và người nào đang tử sẽ sanh cõi Sắc giới rồi viên tịch, nhãn xứ sẽ diệt mà tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn người ngoài ra đó, nhãn xứ sẽ diệt và tỷ xứ cũng sẽ diệt.

Hay là tỷ xứ sẽ diệt với người nào, thời nhãn xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

550.

Nhãn xứ sẽ diệt với người nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là sắc xứ sẽ diệt với người nào, thời nhãn xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

551.

Nhãn xứ sẽ diệt với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào, thời nhãn xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, pháp xứ sẽ diệt mà nhãn xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, pháp xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng sẽ diệt.

552.

Tỷ xứ sẽ diệt với người nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là sắc xứ sẽ diệt với người nào, thời tỷ xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Sắc giới và người nào đang tử sẽ sanh cõi Sắc giới rồi viên tịch, sắc xứ sẽ diệt mà tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, sắc xứ sẽ diệt và tỷ xứ cũng sẽ diệt.

553.

Tỷ xứ sẽ diệt với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào, thời tỷ xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Sắc giới, cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Sắc giới, cõi Vô sắc rồi viên tịch, pháp xứ sẽ diệt mà tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, pháp xứ sẽ diệt và tỷ xứ cũng sẽ diệt.

554.

Sắc xứ sẽ diệt với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, pháp xứ sẽ diệt mà sắc xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn người ngoài ra đó, pháp xứ sẽ diệt và sắc xứ cũng sẽ diệt.

555.

Ý xứ sẽ diệt với người nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào, thời ý xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

556.

Nhãn xứ sẽ diệt với cõi nào...

557.

Nhãn xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là nhĩ xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

558.

* *Nhãn xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng?* Người nương cõi Sắc giới... Cõi Dục giới... Cõi Vô tưởng... Cõi Ngũ uẩn... Cõi Vô sắc... Cõi Ngũ uẩn, cõi Vô tưởng, cõi Vô sắc... Cõi Ngũ uẩn...

  Hay là tỷ xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!
* *Nhãn xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng?* Phải rồi!

  Hay là tỷ xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô tưởng… người nương cõi ngũ uẩn và cõi ngũ uẩn…
* *Nhãn xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng?* Phải rồi!

  Hay là ý xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô sắc… người nương cõi ngũ uẩn và cõi ngũ uẩn…
* *Nhãn xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng?* Phải rồi!

  Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô tưởng, người vô sắc… người nương cõi ngũ uẩn và cõi ngũ uẩn …

559.

* *Tỷ xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng?* Phải rồi!

  Hay là sắc xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới... Cõi Dục giới, cõi Sắc giới, cõi Vô sắc... Cõi Dục giới.
* *Tỷ xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng?* Phải rồi!

  Hay là ý xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi sắc giới, cõi vô sắc giới … cõi dục giới …
* *Tỷ xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng?* Phải rồi!

  Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi sắc giới, cõi vô sắc giới -nt-cõi dục giới -nt-

560.

∗ *Sắc xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng?* Người nương cõi vô tưởng … người nương cõi ngũ uẩn và cõi ngũ uẩn…

Hay là ý xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi vô sắc … người nương cõi ngũ uẩn và cõi ngũ uẩn …

∗ *Sắc xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng?* Phải rồi!

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi vô sắc… người nương cõi ngũ uẩn và cõi ngũ uẩn, người nương cõi vô tưởng và cõi vô tưởng…

561.

Ý xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng... Người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt và ý xứ cũng sẽ diệt.

(Về người và cõi trong phần sanh như thế nào, thì về phần diệt này cũng như thế ấy...)

562.

*Nhãn xứ **sẽ không diệt** với người nào, thời nhĩ xứ **sẽ không diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi!

Hay là nhĩ xứ sẽ không diệt với người nào, thời nhãn xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

563.

Nhãn xứ sẽ không diệt với người nào, thời tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là tỷ xứ sẽ không diệt với người nào, thời nhãn xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Sắc giới và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không diệt mà nhãn xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh lên cõi Vô sắc rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng sẽ không diệt.

564.

Nhãn xứ sẽ không diệt với người nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là sắc xứ sẽ không diệt với người nào, thời nhãn xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

565.

Nhãn xứ sẽ không diệt với người nào, thời ý xứ.. pháp xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ sẽ không diệt mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch, nhãn xứ sẽ không diệt và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào, thời nhãn xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

566.

*Tỷ xứ sẽ không diệt với người nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng?*Người kiếp chót đang sanh cõi Sắc giới và người nào đang tử sẽ sanh cõi Sắc giới rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không diệt mà sắc xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không diệt và sắc xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là sắc xứ sẽ không diệt với người nào, thời tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

567.

Tỷ xứ sẽ không diệt với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Sắc giới, cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không diệt mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch, tỷ xứ sẽ không diệt và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào, thời tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

568.

Sắc xứ sẽ không diệt với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, sắc xứ sẽ không diệt mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch, sắc xứ sẽ không diệt và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

569.

Ý xứ sẽ không diệt với người nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào, thời ý xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

570.

Nhãn xứ sẽ không diệt với cõi nào...

571.

Nhãn xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là nhĩ xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

572.

Nhãn xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là tỷ xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không diệt mà nhãn xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô tưởng, nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng sẽ không diệt.

573.

Nhãn xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, nhãn xứ sẽ không diệt mà sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn và người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không diệt và sắc xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là sắc xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

574.

Nhãn xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không diệt mà ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không diệt và ý xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là ý xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

575.

Nhãn xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng, nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không diệt mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không diệt và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

576.

Tỷ xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không diệt mà sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn và người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không diệt và sắc xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là sắc xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

577.

Tỷ xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới, nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không diệt mà ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không diệt và ý xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là ý xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

578.

Tỷ xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới, nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không diệt mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không diệt và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

579.

Sắc xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không diệt mà ý xứ

sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không diệt và ý xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là ý xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ sẽ không diệt mà sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch với những cõi ấy, ý xứ sẽ không diệt và sắc xứ cũng sẽ không diệt.

580.

Sắc xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không diệt mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không diệt và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

581.

Ý xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với cõi ấy, ý xứ sẽ không diệt mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch với những cõi ấy, ý xứ sẽ không diệt và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

582.

*Nhãn xứ **đang diệt** với người nào, thời nhĩ xứ **từng diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi!

Hay là nhĩ xứ từng diệt với người nào, thời nhãn xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô nhãn đang tử, nhĩ xứ từng diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu nhãn đang tử, nhĩ xứ từng diệt và nhãn xứ cũng đang diệt.

583.

Nhãn xứ đang diệt với người nào, thời tỷ xứ... sắc xứ, ý xứ, pháp xứ từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là pháp xứ từng diệt với người nào, thời nhãn xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô nhãn đang tử, pháp xứ từng diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu nhãn đang tử, pháp xứ từng diệt và nhãn xứ cũng đang diệt.

584.

Tỷ xứ đang diệt với người nào, thời sắc xứ... ý xứ, pháp xứ từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là pháp xứ từng diệt với người nào, thời tỷ xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô tỷ đang tử, pháp xứ từng diệt mà tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu tỷ đang tử, pháp xứ từng diệt và tỷ xứ cũng đang diệt.

585.

Sắc xứ đang diệt với người nào, thời ý xứ... pháp xứ từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là pháp xứ từng diệt với người nào, thời sắc xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô sắc đang tử, pháp xứ từng diệt mà sắc xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu sắc đang tử, pháp xứ từng diệt và sắc xứ cũng đang diệt.

586.

Ý xứ đang diệt với người nào, thời pháp xứ từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là pháp xứ từng diệt với người nào, thời ý xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô tâm đang tử, pháp xứ từng diệt mà ý xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu tâm đang tử, pháp xứ từng diệt và ý xứ cũng đang diệt.

587.

Nhãn xứ đang diệt với cõi nào...

588.

Nhãn xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt mà nhĩ xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang tử mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt và nhĩ xứ cũng từng diệt.

Hay là nhĩ xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn và người vô nhãn đang tử cõi Dục giới với những cõi ấy, nhĩ xứ từng diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang tử với những cõi ấy, nhĩ xứ từng diệt và nhãn xứ cũng đang diệt.

589.

Nhãn xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Sắc giới với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt mà tỷ xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang tử cõi Dục giới với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt và tỷ xứ cũng từng diệt.

Hay là tỷ xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Dục giới và người vô nhãn đang tử cõi Dục giới với những cõi ấy, tỷ xứ từng diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang tử cõi Dục giới với những cõi ấy, tỷ xứ từng diệt và nhãn xứ cũng đang diệt.

590.

Nhãn xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt mà sắc xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người... nhãn xứ đang diệt và sắc xứ cũng từng diệt.

Hay là sắc xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang tử cõi Dục giới và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ từng diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang tử với những cõi ấy, sắc xứ từng diệt và nhãn xứ cũng đang diệt.

591.

Nhãn xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt mà ý xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang tử mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt và ý xứ cũng từng diệt.

Hay là ý xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang tử cõi Dục giới và người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ từng diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang tử với những cõi ấy, ý xứ từng diệt và nhãn xứ cũng đang diệt.

592.

Nhãn xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt mà pháp xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang tử mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt và pháp xứ cũng từng diệt.

Hay là pháp xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô nhãn đang tử với những cõi ấy, pháp xứ từng diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang tử với những cõi ấy, pháp xứ từng diệt và nhãn xứ cũng đang diệt.

593.

Tỷ xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là sắc xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Dục giới, người vô tỷ đang tử cõi Dục giới và người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, sắc xứ từng diệt mà tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang tử với những cõi ấy, sắc xứ từng diệt và tỷ xứ cũng đang diệt.

594.

Tỷ xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là ý xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Dục giới, người vô tỷ đang tử cõi Dục giới, người nương cõi Sắc giới và cõi Vô sắc giới với những cõi ấy, ý xứ từng diệt mà tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang tử với những cõi ấy, ý xứ từng diệt và tỷ xứ cũng đang diệt.

595.

Tỷ xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là pháp xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô tỷ đang tử với những cõi ấy, thời pháp xứ từng diệt mà tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang tử với những cõi ấy, pháp xứ từng diệt và tỷ xứ cũng đang diệt.

596.

Sắc xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Tịnh cư và người nương cõi Vô tưởng với những cõi

ấy, sắc xứ đang diệt mà ý xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang tử cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, ý xứ từng diệt và sắc xứ cũng đang diệt.

Hay là ý xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ từng diệt mà sắc xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang tử cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, ý xứ từng diệt và sắc xứ cũng đang diệt.

597.

Sắc xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, sắc xứ đang diệt mà pháp xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu sắc đang tử mà ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc xứ đang diệt và pháp xứ cũng từng diệt.

Hay là pháp xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô sắc đang tử với những cõi ấy, pháp xứ từng diệt mà sắc xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu sắc đang tử với những cõi ấy, pháp xứ từng diệt và sắc xứ cũng đang diệt.

598.

Ý xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, ý xứ đang diệt mà pháp xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tâm đang tử mà ngoài ra đó với những cõi ấy, ý xứ đang diệt và pháp xứ cũng từng diệt.

Hay là pháp xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô tâm đang tử với những cõi ấy, pháp xứ từng diệt mà ý xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tâm đang tử với những cõi ấy, pháp xứ từng diệt và ý xứ cũng đang diệt.

599.

*Nhãn xứ **chẳng phải đang diệt** với người nào, thời nhĩ xứ **không từng diệt** với người ấy phải chăng?* Từng diệt!

Hay là nhĩ xứ không từng diệt với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Không có!

600.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời tỷ xứ... sắc xứ, ý xứ, pháp xứ không từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt!

Hay là pháp xứ không từng diệt với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Không có!

601.

Tỷ xứ... sắc xứ, ý xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời pháp xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Từng diệt!

Hay là pháp xứ không từng diệt với người nào, thời ý xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Không có!

602.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với cõi nào...

603.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ không từng diệt với người ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn và người vô nhãn đang tử cõi Dục giới với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà nhĩ xứ từng diệt với người ấy

cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô tưởng cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang diệt và nhĩ xứ cũng không từng diệt.

Hay là nhĩ xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, nhĩ xứ không từng diệt mà nhãn xứ đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô tưởng và người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhĩ xứ không từng diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

604.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Dục giới, người vô nhãn đang tử cõi Dục giới với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà tỷ xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Sắc giới, người nương cõi Vô tưởng, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang diệt và tỷ xứ cũng không từng diệt.

Hay là tỷ xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ không từng diệt mà nhãn xứ đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Sắc giới, người nương cõi Vô tưởng, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ không từng diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang diệt.

605.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang tử cõi Dục giới và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà sắc xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư và người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang diệt và sắc xứ cũng không từng diệt.

Hay là sắc xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, sắc xứ không từng diệt mà nhãn xứ đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư và người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ không từng diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang diệt.

606.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang tử cõi Dục giới và người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà ý xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang diệt và ý xứ cũng không từng diệt.

Hay là ý xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, ý xứ không từng diệt mà nhãn xứ đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ không từng diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang diệt.

607.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang tử cõi

Dục giới và người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà pháp xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải diệt và pháp xứ cũng không từng diệt.

Hay là pháp xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp xứ không từng diệt mà nhãn xứ đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp xứ không từng diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang diệt.

608.

Tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Dục giới, người vô tỷ đang tử cõi Dục giới và người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang diệt mà sắc xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư và người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang diệt và sắc xứ cũng không từng diệt.

Hay là sắc xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

609.

Tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Dục giới, người vô tỷ đang tử cõi Dục giới và người nương cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang diệt mà ý xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang diệt và ý xứ cũng không từng diệt.

Hay là ý xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

610.

Tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô tỷ đang tử với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang diệt mà pháp xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải dang diệt và pháp xứ cũng không từng diệt.

Hay là pháp xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

611.

Sắc xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn và người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang diệt mà ý xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư và người đang sanh cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang diệt và ý xứ cũng không từng diệt.

Hay là ý xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Tịnh cư và người đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ không từng diệt mà sắc xứ đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư và người đang sanh cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ không từng diệt và sắc xứ cũng chẳng phải đang diệt.

612.

Sắc xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người đang tử cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang diệt mà pháp xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang diệt và pháp xứ cũng không từng diệt.

Hay là pháp xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp xứ không từng diệt mà sắc xứ đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp xứ không từng diệt và sắc xứ cũng chẳng phải đang diệt.

613.

Ý xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô tâm đang tử với những cõi ấy, ý xứ chẳng phải đang diệt mà pháp xứ từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, ý xứ chẳng phải đang diệt và pháp xứ cũng không từng diệt.

Hay là pháp xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp xứ không từng diệt mà ý xứ đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp xứ không từng diệt và ý xứ cũng chẳng phải đang diệt.

614.

*Nhãn xứ **đang diệt** với người nào, thời nhĩ xứ **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ đang diệt mà nhĩ xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn người hữu nhãn đang tử mà ngoài ra đó, nhãn xứ đang diệt và nhĩ xứ cũng sẽ diệt.

Hay là nhĩ xứ sẽ diệt với người nào, thời nhãn xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô nhãn đang tử, nhĩ xứ sẽ diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu nhãn đang tử, nhĩ xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng đang diệt.

615.

Nhãn xứ đang diệt với người nào, thời tỷ xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn và người nào đang tử sẽ sanh cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới rồi viên tịch, nhãn xứ đang diệt mà tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn người hữu nhãn đang tử mà ngoài ra đó, nhãn xứ đang diệt và tỷ xứ cũng đang diệt.

Hay là tỷ xứ với người nào...

616.

*Nhãn xứ đang diệt với người nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng?*Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ đang diệt mà sắc xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn người hữu nhãn đang tử mà ngoài ra đó, nhãn xứ đang diệt và sắc xứ cũng sẽ diệt.

Hay là sắc xứ với người nào...

617.

Nhãn xứ đang diệt với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, nhãn xứ đang diệt mà pháp xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn người hữu nhãn đang tử mà ngoài ra đó, nhãn xứ đang diệt và pháp xứ cũng sẽ diệt.

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào, thời nhãn xứ đang diệt với người ấy phải chăng?...

618.

Tỷ xứ đang diệt với người nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, tỷ xứ đang diệt mà sắc xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn người hữu tỷ đang tử mà ngoài ra đó, tỷ xứ đang diệt và sắc xứ cũng sẽ diệt.

Hay là sắc xứ sẽ diệt với người nào, thời tỷ xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô tỷ đang tử, sắc xứ sẽ diệt mà tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu tỷ đang tử, sắc xứ sẽ diệt và tỷ xứ cũng đang diệt.

619.

Tỷ xứ đang diệt với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới, tỷ xứ đang diệt mà pháp xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn người đang tử mà ngoài ra đó, tỷ xứ đang diệt và pháp xứ cũng sẽ diệt.

Hay là pháp xứ với người nào...

620.

Sắc xứ đang diệt với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, sắc xứ đang diệt mà pháp xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn người hữu sắc đang tử mà ngoài ra đó, sắc xứ đang diệt và pháp xứ cũng sẽ diệt.

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào, thời sắc xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô sắc đang tử, pháp xứ sẽ diệt mà sắc xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu sắc đang tử, pháp xứ sẽ diệt và sắc xứ cũng đang diệt.

621.

Ý xứ đang diệt với người nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch, ý xứ đang diệt mà pháp xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn người hữu tâm đang tử mà ngoài ra đó, ý xứ đang diệt và pháp xứ cũng sẽ diệt.

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào, thời ý xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô tâm đang tử, pháp xứ sẽ diệt mà ý xứ chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người hữu tâm đang tử, pháp xứ sẽ diệt và ý xứ cũng đang diệt.

622.

Nhãn xứ đang diệt với cõi nào...

623.

Nhãn xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt mà nhĩ xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang tử với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt và nhĩ xứ cũng sẽ diệt.

Hay là nhĩ xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn và người vô nhãn đang tử cõi Dục giới với

những cõi ấy, nhĩ xứ sẽ diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang tử với những cõi ấy, nhĩ xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng đang diệt.

624.

Nhãn xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới và người đang tử cõi Sắc giới với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt mà tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang tử cõi Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt và tỷ xứ cũng sẽ diệt.

Hay là tỷ xứ đang diệt với người nào cõi nào...

Trong 3 phần (hiện tại, quá khứ, vị lai) trước, thì ở đây phần quá khứ và hiện tại này giống như hai phần trước, còn về phần vị lai sẽ giải tiếp.

625.

Nhãn xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt mà sắc xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang tử mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt và sắc xứ cũng sẽ diệt.

Hay là sắc xứ sẽ diệt với người nào cõi nào...

626.

Nhãn xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt mà ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang tử mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt và ý xứ cũng sẽ diệt.

Hay là ý xứ sẽ diệt với người nào cõi nào?...

627.

Nhãn xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt mà pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang tử mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ đang diệt và pháp xứ cũng sẽ diệt.

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô nhãn đang tử với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang tử với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng đang diệt.

628.

Tỷ xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới với những cõi ấy, tỷ xứ đang diệt mà sắc xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang tử mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ xứ đang diệt và sắc xứ cũng sẽ diệt.

Hay là sắc xứ đang diệt với người nào cõi nào...

629.

Tỷ xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới với những cõi ấy, tỷ xứ đang diệt mà pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang tử mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ xứ đang diệt và pháp xứ cũng sẽ diệt.

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời...

630.

Sắc xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn và người đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ đang diệt mà ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang tử cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc xứ đang diệt và ý xứ cũng sẽ diệt.

Hay là ý xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời...

631.

Sắc xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc xứ đang diệt mà pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu sắc đang tử mà ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc xứ đang diệt và pháp xứ cũng sẽ diệt.

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô sắc đang tử với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt mà sắc xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu sắc đang tử với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt và sắc xứ cũng đang diệt.

632.

Ý xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch với những cõi ấy, ý xứ đang diệt mà pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tâm đang tử mà ngoài ra đó với những cõi ấy, ý xứ đang diệt và pháp xứ cũng sẽ diệt.

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô tâm đang tử với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt mà ý xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tâm đang tử với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt và ý xứ cũng đang diệt.

633.

*Nhãn xứ **chẳng phải đang diệt** với người nào, thời nhĩ xứ **sẽ không diệt** với người ấy phải chăng?* Tất cả người đang sanh và người vô nhãn đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà nhĩ xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người kiếp chót cõi Vô sắc, nhãn xứ chẳng phải đang diệt và nhĩ xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là nhĩ xứ sẽ không diệt với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhĩ xứ sẽ không diệt mà nhãn xứ đang diệt với người ấy. Còn người kiếp chót cõi Vô sắc, nhĩ xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang diệt.

634.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô nhãn đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà tỷ xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người kiếp chót đang sanh cõi Sắc giới và người kiếp chót cõi Vô sắc, nhãn xứ chẳng phải đang diệt và tỷ xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là tỷ xứ sẽ không diệt với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn và người nào đang tử sẽ sanh cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không diệt mà nhãn xứ đang diệt với người ấy. Còn người kiếp chót đang sanh cõi Sắc giới và người kiếp chót cõi Vô sắc, tỷ xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang diệt.

635.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô nhãn đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà sắc xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người kiếp chót cõi Vô sắc, nhãn xứ chẳng phải đang diệt và sắc xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là sắc xứ sẽ không diệt với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, sắc xứ sẽ không diệt mà nhãn xứ đang diệt với người ấy. Còn người kiếp chót cõi Vô sắc, sắc xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang diệt.

636.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô nhãn đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Vô sắc, nhãn xứ chẳng phải đang diệt và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, pháp xứ sẽ không diệt mà nhãn xứ đang diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Vô sắc, pháp xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang diệt.

637.

Tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô tỷ đang tử, tỷ xứ chẳng phải đang diệt mà sắc xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Sắc giới và người kiếp chót cõi Vô sắc, tỷ xứ chẳng phải đang diệt và sắc xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là sắc xứ sẽ không diệt với người nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, sắc xứ sẽ không diệt mà tỷ xứ đang diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Sắc giới và người kiếp chót cõi Vô sắc, sắc xứ sẽ không diệt và tỷ xứ cũng chẳng phải đang diệt.

638.

Tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô tỷ đang tử, tỷ xứ chẳng phải đang diệt mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới, tỷ xứ chẳng phải đang diệt và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới, pháp xứ sẽ không diệt mà tỷ xứ đang diệt với người ấy. Còn người viên tịch cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới, pháp xứ sẽ không diệt và tỷ xứ cũng chẳng phải đang diệt.

639.

Sắc xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô sắc đang tử, sắc xứ chẳng phải đang diệt mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Vô sắc, sắc xứ chẳng phải đang diệt và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào, thời sắc xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, pháp xứ sẽ không diệt mà sắc

xứ đang diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Sắc giới, pháp xứ sẽ không diệt và sắc xứ cũng chẳng phải đang diệt.

640.

Ý xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Sẽ diệt!

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào, thời ý xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Đang diệt!

641.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với cõi nào...

642.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn và người vô nhãn đang tử cõi Dục giới với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà nhĩ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Vô tưởng, cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang diệt và nhĩ xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là nhĩ xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhĩ xứ sẽ không diệt mà nhãn xứ đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Vô tưởng, cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhĩ xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang diệt.

643.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Dục giới và người vô nhãn đang tử cõi Dục giới với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà tỷ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Sắc giới và người nương cõi Vô tưởng, cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang diệt và tỷ xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là tỷ xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới và người đang tử cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không diệt mà nhãn xứ đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Sắc giới và người nương cõi Vô tưởng, cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang diệt.

644.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang tử cõi Dục giới và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang diệt và sắc xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là sắc xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không diệt mà nhãn xứ đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang diệt.

645.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang tử cõi Dục giới và người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Vô sắc và người nương

cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang diệt và ý xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là ý xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, ý xứ sẽ không diệt mà nhãn xứ đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Vô sắc và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang diệt.

646.

Nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô nhãn đang tử với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang diệt mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Vô sắc với những cõi ấy...

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không diệt mà nhãn xứ đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang diệt.

647.

Tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Dục giới, người vô tỷ đang tử cõi Dục giới và người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang diệt mà sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Sắc giới và người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang diệt và sắc xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là sắc xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không diệt mà tỷ xứ đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Sắc giới và người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không diệt và tỷ xứ cũng chẳng phải đang diệt.

648.

Tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Dục giới, người vô tỷ đang tử cõi Dục giới và người nương cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang diệt mà ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang diệt và ý xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là ý xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới với những cõi ấy, ý xứ sẽ không diệt mà tỷ xứ đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ sẽ không diệt và tỷ xứ cũng chẳng phải đang diệt.

649.

Tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô tỷ đang tử với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang diệt mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang diệt và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không diệt mà tỷ xứ đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không diệt và tỷ xứ cũng chẳng phải đang diệt.

650.

Sắc xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Ngũ uẩn và người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang diệt mà ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Vô sắc và người vô tưởng đang sanh với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang diệt và ý xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là ý xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn và người đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy. ý xứ sẽ không diệt mà sắc xứ đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Vô sắc giới và người đang sanh cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ sẽ không diệt và sắc xứ cũng chẳng phải đang diệt.

651.

Sắc xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và người vô sắc đang tử với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang diệt mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang diệt và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không diệt mà sắc xứ đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không diệt và sắc xứ cũng chẳng phải đang diệt.

652.

Ý xứ chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sẽ diệt!

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Đang diệt!

653.

Nhãn xứ từng diệt với người nào, thời nhĩ xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn và người kiếp chót cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ từng diệt mà nhĩ xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nhãn xứ từng diệt và nhĩ xứ cũng sẽ diệt.

Hay là nhĩ xứ sẽ diệt với người nào, thời nhãn xứ từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi!

654.

Nhãn xứ từng diệt với người nào, thời tỷ xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới, người kiếp chót cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới và người nào đang tử sẽ sanh cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới rồi viên tịch, nhãn xứ từng diệt mà tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn người mà ngoài ra đó, nhãn xứ từng diệt và tỷ xứ cũng sẽ diệt.

Hay là tỷ xứ từng diệt với người nào...? Phải rồi!

655.

Nhãn xứ ***từng diệt*** *với người nào, thời sắc xứ* ***sẽ diệt*** *với người ấy phải chăng?* Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ từng diệt mà sắc xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn người mà ngoài ra đó, nhãn xứ từng diệt và sắc xứ cũng sẽ diệt.

Hay là sắc xứ từng diệt với người nào...? Phải rồi!

656.

Nhãn xứ từng diệt với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch, nhãn xứ từng diệt mà pháp xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nhãn xứ từng diệt và pháp xứ cũng sẽ diệt.

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào...? Phải rồi!

657.

Tỷ xứ từng diệt với người nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, tỷ xứ từng diệt và sắc xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn người mà ngoài ra đó, tỷ xứ từng diệt và sắc xứ cũng sẽ diệt.

Hay là sắc xứ...? Phải rồi.

658.

Tỷ xứ từng diệt với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch, tỷ xứ từng diệt mà pháp xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn người mà ngoài ra đó, ý xứ từng diệt và pháp xứ cũng sẽ diệt.

Hay là pháp xứ...? Phải rồi.

659.

Sắc xứ từng diệt với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch, sắc xứ từng diệt mà pháp xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn người ngoài ra đó, sắc xứ từng diệt mà pháp xứ cũng sẽ diệt.

Hay là pháp xứ...? Phải rồi.

660.

Ý xứ từng diệt với người nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người đang viên tịch, ý xứ từng diệt mà pháp xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn người mà ngoài ra đó, ý xứ từng diệt mà pháp xứ cũng sẽ diệt.

Hay là pháp xứ...? Phải rồi...

661.

Nhãn xứ từng diệt với cõi nào...

662.

*Nhãn xứ từng diệt với người nào cõi nào; thời nhĩ xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng?*Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy; nhãn xứ từng diệt mà nhĩ xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó, nhãn xứ từng diệt và nhĩ xứ cũng sẽ diệt.

Hay là nhĩ xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, nhĩ xứ sẽ diệt mà nhãn xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhĩ xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng từng diệt.

663.

Nhãn xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới, người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, nhãn xứ từng diệt mà tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ từng diệt mà tỷ xứ cũng sẽ diệt.

Hay là tỷ xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

664.

Nhãn xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhãn xứ từng diệt mà sắc xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ từng diệt và sắc xứ cũng sẽ diệt.

Hay là sắc xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ sẽ diệt mà nhãn xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng từng diệt.

665.

Nhãn xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhãn xứ từng diệt mà ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ từng diệt và ý xứ cũng sẽ diệt.

Hay là ý xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ sẽ diệt mà nhãn xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, ý xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng từng diệt.

666.

Nhãn xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhãn xứ từng diệt mà pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn xứ từng diệt và pháp xứ cũng sẽ diệt.

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô tưởng cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt mà nhãn xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt mà nhãn xứ cũng từng diệt.

667.

Tỷ xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới với những cõi ấy, tỷ xứ từng diệt mà sắc xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ xứ từng diệt và sắc xứ cũng sẽ diệt.

Hay là sắc xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, sắc xứ sẽ diệt mà tỷ xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới với những cõi ấy, sắc xứ sẽ diệt và tỷ xứ cũng từng diệt.

668.

Tỷ xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới với những cõi ấy, tỷ xứ từng diệt mà pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ xứ từng diệt và pháp xứ cũng sẽ diệt.

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới, cõi Vô sắc giới với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt mà tỷ xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt và tỷ xứ cũng từng diệt.

669.

Sắc xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy, cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ từng diệt mà ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy, còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc xứ từng diệt và ý xứ cũng sẽ diệt. *(arupavacaraṃ erupanaṃ).*

Hay là ý xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ sẽ diệt mà sắc xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, ý xứ sẽ diệt và sắc xứ cũng từng diệt.

670.

Sắc xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc xứ từng diệt mà pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn ngoài ra đó, người vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ từng diệt và pháp xứ cũng sẽ diệt.

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt mà sắc xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt và sắc xứ cũng từng diệt.

671.

Ý xứ từng diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch với những cõi ấy, ý xứ từng diệt mà pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, ý xứ từng diệt và pháp xứ cũng sẽ diệt.

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt mà ý xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt mà ý xứ cũng từng diệt.

672.

Nhãn xứ ***không từng diệt*** *với người nào thì nhĩ xứ* ***sẽ không diệt*** *với người ấy phải chăng?* Không có...

Hay là nhĩ xứ sẽ không diệt với người nào, thời nhãn xứ không từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt...

673.

Nhãn xứ không từng diệt với người nào, thời tỷ xứ... sắc xứ, ý xứ, pháp xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Không có...

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào, thời nhãn xứ không từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt...

674.

Tỷ xứ... sắc xứ, ý xứ không từng diệt với người nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào, thời ý xứ không từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt...

675.

Nhãn xứ không từng diệt với cõi nào...

676.

Nhãn xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô tưởng, nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ không từng diệt và nhĩ xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là nhĩ xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhĩ xứ sẽ không diệt mà nhãn xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư người nương cõi Vô tưởng và người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhĩ xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng không từng diệt.

677.

Nhãn xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tỷ xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới, người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không diệt mà nhãn xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư, nương cõi Vô tưởng, nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng không từng diệt.

678.

Nhãn xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ không từng diệt mà sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ không từng diệt và sắc xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là sắc xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không diệt mà nhãn xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng không từng diệt.

679.

Nhãn xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ không từng diệt mà ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang

viên tịch cõi Tịnh cư người đang viên tịch cõi Vô sắc, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ không từng diệt và ý xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là ý xứ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, ý xứ sẽ không diệt mà nhãn xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư, người đang viên tịch cõi Vô sắc, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng không từng diệt.

680.

Nhãn xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đanh sanh cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô tưởng, nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ không từng diệt mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư người đang viên tịch cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ không từng diệt và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không diệt mà nhãn xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư, người đang viên tịch cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng không từng diệt.

681.

Tỷ xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ không từng diệt mà sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ không từng diệt và sắc xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là sắc xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không diệt mà tỷ xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Sắc giới, nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không diệt và tỷ xứ sẽ không từng diệt.

682.

Tỷ xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới, cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ không từng diệt mà ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Sắc giới, cõi Vô sắc, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ xứ không từng diệt và ý xứ cũng sẽ không diệt?

Hay là ý xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới với những cõi ấy, ý xứ sẽ không diệt mà tỷ xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Sắc giới, cõi Vô sắc, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ sẽ không diệt và tỷ xứ cũng không từng diệt.

683.

Tỷ xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ không từng diệt mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Sắc giới, cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ không từng diệt và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Dục giới với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không diệt mà tỷ xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Sắc giới, cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không diệt và tỷ xứ cũng không từng diệt.

684.

Sắc xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ không từng diệt mà ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư, người đang viên tịch cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ không từng diệt và ý xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là ý xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, thời ý xứ sẽ không diệt mà sắc xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư người đang viên tịch cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ sẽ không diệt và sắc xứ cũng không từng diệt.

685.

Sắc xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ không từng diệt mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư, người đang viên tịch cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ không từng diệt và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không diệt mà sắc xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư và người đang viên tịch cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không diệt và sắc xứ cũng không từng diệt.

686.

Ý xứ không từng diệt với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Tịnh cư và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ không từng diệt mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, ý xứ không từng diệt và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang viên tịch với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không diệt mà ý xứ từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp xứ sẽ không diệt và ý xứ cũng không từng diệt.

Dứt phần hành vi diệt

Phần Hành Vi Sanh Và Diệt

687.

Nhãn xứ ***đang sanh*** *với người nào, thời nhĩ xứ* ***đang diệt*** *với người ấy phải chăng?* Không phải!

Hay là nhĩ xứ đang diệt với người nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Không phải!

688.

Nhãn xứ đang sanh với người nào, thời tỷ xứ, sắc xứ, pháp xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Không phải!

Hay là pháp xứ đang diệt với người nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Không phải!

689.

Ý xứ đang sanh với người nào, thời pháp xứ đang diệt với người ấy phải chăng? Không phải!

Hay là pháp xứ đang diệt với người nào, thời ý xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Không phải!

690.

Nhãn xứ đang sanh với cõi nào...

Lời quyết định trong phần cõi thì không hiệp với những câu có chữ 'Không phải'; vì trong phần cõi hiệp với tất cả lời.

Ngoài ra phần cõi là phần người, người và cõi tất cả đều đồng nhau.

691.

Sắc xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải!

Hay là nhĩ xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải!

692.

Ý xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải!

Hay là pháp xứ đang diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải!

693.

Nhãn xứ ***chẳng phải đang sanh*** *với người nào, thời nhĩ xứ* ***chẳng phải đang diệt*** *với người ấy phải chăng?* Người hữu nhĩ đang tử, sắc xứ chẳng phải đang sanh mà nhĩ xứ đang diệt với người ấy. Còn người vô nhãn đang sanh và người vô nhĩ đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và nhĩ xứ chẳng phải đang diệt.

Hay là nhĩ xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhãn đang sanh, nhĩ xứ chẳng phải đang diệt mà nhãn xứ đang sanh với người ấy. Còn người vô nhĩ đang tử và người vô nhãn đang sanh, nhĩ xứ chẳng phải đang diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

694.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô tỷ đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà tỷ xứ

đang diệt với người ấy. Còn người vô nhãn đang sanh và người vô tỷ đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và tỷ xứ chẳng phải đang diệt.

Hay là tỷ xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhãn đang sanh, tỷ xứ chẳng phải đang diệt mà nhãn xứ đang sanh với người ấy. Còn người vô tỷ đang tử và người vô nhãn đang sanh, tỷ xứ chẳng phải đang diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

695.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời sắc xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người hữu sắc đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà sắc xứ đang diệt với người ấy. Còn người vô nhãn đang sanh và người vô sắc đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và sắc xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là sắc xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhãn đang sanh, sắc xứ chẳng phải đang diệt mà nhãn xứ đang sanh với người ấy. Còn người vô sắc đang tử và người vô nhãn đang sanh, sắc xứ chẳng phải đang diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

696.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời ý xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người hữu tâm đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà ý xứ đang diệt với người ấy. Còn người vô nhãn đang sanh và người vô tâm đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và ý xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là ý xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhãn đang sanh, ý xứ chẳng phải đang diệt mà nhãn xứ đang sanh với người ấy. Còn người vô tâm đang tử và người vô nhãn đang sanh, ý xứ chẳng phải đang diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

697.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời pháp xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ đang diệt với người ấy. Còn người vô nhãn đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhãn đang sanh, pháp xứ chẳng phải đang diệt mà nhãn xứ đang sanh với người ấy. Còn người vô nhãn đang sanh, pháp xứ chẳng phải đang diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

698.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời sắc xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người hữu sắc đang tử tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà sắc xứ đang diệt với người ấy. Còn người vô tỷ đang sanh, người vô sắc đang tử, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và sắc xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là sắc xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tỷ đang sanh, sắc xứ chẳng phải đang diệt mà tỷ xứ đang sanh với người ấy. Còn người vô sắc đang tử, người vô tỷ đang sanh, sắc xứ chẳng phải đang diệt và tỷ xứ cũng chẳng phải đang sanh.

699.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời ý xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người vô tâm đang tử, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà ý xứ đang diệt

với người ấy. Còn người vô tỷ đang sanh, người vô tâm đang tử, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và ý xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là ý xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tỷ đang sanh ý xứ chẳng phải đang diệt mà tỷ xứ đang sanh với người ấy. Còn người vô tâm đang tử, người vô tỷ đang sanh, ý xứ chẳng phải đang diệt và tỷ xứ cũng chẳng phải đang sanh.

700.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời pháp xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ đang diệt với người ấy. Còn người vô tỷ đang sanh, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tỷ đang sanh, pháp xứ chẳng phải đang diệt mà tỷ xứ đang sanh với người ấy. Còn người vô tỷ đang sanh, pháp xứ chẳng phải đang diệt và tỷ xứ cũng chẳng phải đang sanh.

701.

Sắc xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời ý xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Người hữu tâm đang tử, sắc xứ chẳng phải đang sanh mà ý xứ đang diệt với người ấy. Còn người vô sắc đang sanh, người vô tâm đang tử, sắc xứ chẳng phải đang sanh và ý xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là ý xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu sắc đang sanh, ý xứ chẳng phải đang diệt mà sắc xứ đang sanh với người ấy. Còn người vô tâm đang tử, người vô sắc đang sanh, ý xứ chẳng phải đang diệt và sắc xứ cũng đang sanh.

702.

Sắc xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời pháp xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, sắc xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ đang diệt với người ấy. Còn người vô sắc đang sanh, sắc xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu sắc đang sanh, pháp xứ chẳng phải đang diệt mà sắc xứ đang sanh với người ấy. Còn người vô sắc đang sanh, pháp xứ chẳng phải đang diệt và sắc xứ cũng chẳng phải đang sanh.

703.

Ý xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời pháp xứ chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, ý xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ đang diệt với người ấy. Còn người vô tâm đang sanh, ý xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp xứ chẳng phải đang diệt với người nào, thời ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tâm đang sanh, pháp xứ chẳng phải đang diệt mà ý xứ đang sanh với người ấy. Còn người vô tâm đang sanh, pháp xứ chẳng phải đang diệt và ý xứ cũng chẳng phải đang sanh.

704.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào...

705.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào.

Trong phần người, người và cõi đều giống nhau.

706.

*Nhãn xứ **từng sanh** với người nào, thời nhĩ xứ **từng diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi...

Hay là nhĩ xứ từng diệt với người nào, thời nhãn xứ từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

(Câu hỏi về quá khứ trong phần sanh, phần diệt, phần sanh và diệt dầu cho thuận tùng hay đối lập cũng giống như trước).

707.

*Nhãn xứ **sẽ sanh** với người nào, thời nhĩ xứ **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi...

Hay là nhĩ xứ sẽ diệt với người nào, thời nhãn xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi... Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn và người nào đang sanh sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhĩ xứ sẽ diệt mà nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn người ngoài ra đó, nhĩ xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng sẽ sanh.

708.

Nhãn xứ sẽ sanh với người nào, thời tỷ xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người nào đang tử sẽ sanh cõi Sắc giới rồi viên tịch, nhãn xứ sẽ sanh mà tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn người ngoài ra đó, nhãn xứ sẽ sanh và tỷ xứ cũng sẽ diệt.

Hay là tỷ xứ sẽ diệt với người nào, thời nhãn xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới và người nào sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ diệt mà nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn người ngoài ra đó, tỷ xứ sẽ diệt mà nhãn xứ cũng sẽ sanh.

709.

Nhãn xứ sẽ sanh với người nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là sắc xứ sẽ diệt với người nào, thời nhãn xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn và người nào đang sanh, sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, sắc xứ sẽ diệt mà nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn người ngoài ra đó, sắc xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng sẽ sanh.

710.

Nhãn xứ sẽ sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào, thời nhãn xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh và người nào sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, pháp xứ sẽ diệt mà nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn người ngoài ra đó, pháp xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng sẽ sanh.

711.

Tỷ xứ sẽ sanh với người nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là sắc xứ sẽ diệt với người nào, thời tỷ xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn và người nào đang sanh sẽ sanh cõi Sắc giới, cõi Vô sắc, rồi viên tịch, sắc xứ sẽ diệt mà tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn người ngoài ra đó, sắc xứ sẽ diệt và tỷ xứ cũng sẽ sanh.

712.

Tỷ xứ sẽ sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào, thời tỷ xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh và người nào sẽ sanh cõi Sắc giới, cõi Vô sắc rồi viên tịch pháp xứ sẽ diệt mà tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn người ngoài ra đó, pháp xứ sẽ diệt và tỷ xứ cũng sẽ sanh.

713.

Sắc xứ sẽ sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào, thời sắc xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh và người nào sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, pháp xứ sẽ diệt mà sắc xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn người ngoài ra đó, pháp xứ sẽ diệt và sắc xứ cũng sẽ sanh.

714.

Ý xứ sẽ sanh với người nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào, thời ý xứ sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh pháp xứ sẽ diệt mà ý xứ sẽ không sanh với người ấy. Còn người ngoài ra đó, pháp xứ sẽ diệt và ý xứ cũng sẽ sanh.

715.

Nhãn xứ sẽ sanh với cõi nào...

716.

Nhãn xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là nhĩ xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhĩ xứ sẽ diệt mà nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhĩ xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng sẽ sanh.

717.

Nhãn xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ sanh mà tỷ xứ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ sanh và tỷ xứ cũng sẽ diệt.

Hay là tỷ xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ diệt mà nhãn xứ cũng sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng sẽ sanh.

718.

Nhãn xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là sắc xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ sẽ diệt mà nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng sẽ sanh.

719.

Nhãn xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là ý xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ sẽ diệt mà nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, ý xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng sẽ sanh.

720.

Nhãn xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn người nương cõi Vô tưởng người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt mà nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng sẽ sanh.

721.

Tỷ xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là sắc xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, sắc xứ sẽ diệt mà tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, sắc xứ sẽ diệt và tỷ xứ cũng sẽ sanh.

722.

Tỷ xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào, thời tỷ xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Sắc giới người nương vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt mà tỷ xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt và tỷ xứ cũng sẽ sanh.

723.

Sắc xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ sẽ sanh mà ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, sắc xứ sẽ sanh và ý xứ cũng sẽ diệt.

Hay là ý xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ sẽ diệt mà sắc xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy? Còn người ngoài ra đó, nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, ý xứ sẽ diệt và sắc xứ cũng sẽ sanh.

724.

Sắc xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt mà sắc xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn người nương cõi Vô tưởng mà ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt và sắc xứ cũng sẽ sanh.

725.

Ý xứ sẽ sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt mà ý xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn, nương cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt và ý xứ cũng sẽ sanh.

726.

*Nhãn xứ **sẽ không sanh** với người nào, thời tỷ xứ **sẽ không diệt** với người ấy phải chăng?* Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn người nào đang sanh sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ sẽ không sanh mà nhĩ xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ sẽ không sanh mà nhĩ xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là nhĩ xứ sẽ không diệt với người nào, thời nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi…

727.

Nhãn xứ sẽ không sanh với người nào, thời tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới, người nào đang sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ sẽ không sanh mà tỷ xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Dục giới, người kiếp chót cõi Sắc giới, cõi Vô sắc, người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ sẽ không sanh và tỷ xứ sẽ không diệt.

Hay là tỷ xứ sẽ không diệt với người nào, thời nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Người nào đang tử sẽ sanh cõi Sắc giới rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không diệt mà nhãn xứ sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Dục giới người kiếp chót cõi Sắc giới, cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng sẽ không sanh.

728.

Nhãn xứ sẽ không sanh với người nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn người nào đang sanh sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ sẽ không sanh mà sắc xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ sẽ không sanh và sắc xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là sắc xứ sẽ không diệt với người nào, thời nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi…

729.

Nhãn xứ sẽ không sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh người nào sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch,

nhãn xứ sẽ không sanh mà pháp xứ sẽ không diệt với người ấy? Còn người đang viên tịch, nhãn xứ sẽ không sanh và pháp xứ sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ với người nào... Phải rồi...

730.

Tỷ xứ sẽ không sanh với người nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn và người nào đang sanh sẽ sanh cõi Sắc giới, cõi Vô sắc rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không sanh mà sắc xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn người kiếp chót cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không sanh và sắc xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là sắc... xứ với người nào... Phải rồi...

731.

Tỷ xứ sẽ không sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh, người nào sẽ sanh cõi Sắc giới, cõi Vô sắc rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không sanh mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch, tỷ xứ sẽ không sanh và pháp xứ cũng sẽ không diệt với người ấy.

Hay là pháp xứ... với người nào... ? Phải rồi…

732.

Sắc xứ sẽ không sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh và người nào sẽ sanh lên cõi Vô sắc rồi viên tịch, sắc xứ sẽ không sanh và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ... với người nào... ? Phải rồi…

733.

Ý xứ sẽ không sanh với người nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh, ý xứ sẽ không sanh mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch, ý xứ sẽ không sanh và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào, thời ý xứ sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi…

734.

Nhãn xứ sẽ không sanh với cõi nào...

735.

Nhãn xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không sanh mà nhĩ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn người nương cõi Vô tưởng, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không sanh và nhĩ xứ cũng không diệt.

Hay là nhĩ xứ... với người nào cõi nào. Phải rồi…

736.

Nhãn xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không sanh mà tỷ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Dục giới, người kiếp chót cõi Sắc giới, người nương cõi Vô tưởng, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không sanh và tỷ xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là tỷ xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ

không diệt mà nhãn xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Dục giới, người kiếp chót cõi Sắc giới, người nương cõi Vô tưởng nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng sẽ không sanh.

737.

Nhãn xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không sanh mà sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không sanh và sắc xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là sắc xứ... với người nào cõi nào... Phải rồi...

738.

Nhãn xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không sanh mà ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không sanh và ý xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là ý xứ... với người nào cõi nào... Phải rồi...

739.

Nhãn xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô tưởng, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không sanh mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch với những cõi ấy, nhãn xứ sẽ không sanh và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ... với người nào cõi nào... Phải rồi...

740.

Tỷ xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không sanh mà sắc xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không sanh và sắc xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là sắc xứ... với người nào cõi nào... Phải rồi...

741.

Tỷ xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Sắc giới, cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ sanh mà ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không sanh và ý xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là ý xứ... với người nào cõi nào... Phải rồi...

742.

Tỷ xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Sắc giới, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ sẽ không sanh mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không sanh và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ... với người nào cõi nào... Phải rồi...

743.

Sắc xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không sanh mà ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không sanh và ý xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là ý xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ sẽ không diệt mà sắc xứ sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch với những cõi ấy, ý xứ sẽ không diệt và sắc xứ cũng sẽ không sanh.

744.

Sắc xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không sanh mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch với những cõi ấy, sắc xứ sẽ không sanh và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ... với người nào cõi nào... Phải rồi...

745.

Ý xứ sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ sẽ không sanh mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch với những cõi ấy, ý xứ sẽ không sanh và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào, thời ý xứ sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

746.

*Nhãn xứ **đang sanh** với người nào, thời nhĩ xứ **từng diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi...

Hay là nhĩ xứ từng diệt với người nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh, nhĩ xứ từng diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh, nhĩ xứ từng diệt và nhãn xứ cũng đang sanh.

(Những câu hỏi quá khứ trong phần sanh hiện tại như thế nào, kể luôn thuận hay nghịch thì trong phần sanh diệt cũng đều như thế đó).

747.

*Nhãn xứ **đang sanh** với người nào, thời nhĩ xứ **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi...

Hay là nhĩ xứ sẽ diệt với người nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh, nhĩ xứ sẽ diệt và nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh, nhĩ xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng đang sanh.

748.

Nhãn xứ đang sanh với người nào, thời tỷ xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Sắc giới, nhãn xứ đang sanh mà tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh mà ngoài ra đó, nhãn xứ đang sanh mà tỷ xứ cũng sẽ diệt.

Hay là tỷ xứ sẽ diệt với người nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh, tỷ xứ sẽ diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh, tỷ xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng đang sanh.

749.

Nhãn xứ đang sanh với người nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là sắc xứ sẽ diệt với người nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh, sắc xứ sẽ diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh, sắc xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng đang sanh.

750.

Sắc xứ đang sanh với người nào, thời ý xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là ý xứ sẽ diệt với người nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, ý xứ sẽ diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh, ý xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng đang sanh.

751.

Nhãn xứ đang sanh với người nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh, pháp xứ sẽ diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh, pháp xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng đang sanh.

752.

Tỷ xứ đang sanh với người nào, thời sắc xứ... ý xứ, pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi…

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào, thời tỷ xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ đang sanh, pháp xứ sẽ diệt mà tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh, pháp xứ sẽ diệt và tỷ xứ cũng đang sanh.

753.

Sắc xứ đang sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi…

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào, thời sắc xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô sắc đang sanh, pháp xứ sẽ diệt mà sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu sắc đang sanh, pháp xứ sẽ diệt và sắc xứ cũng đang sanh.

754.

Ý xứ đang sanh với người nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi…

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào, thời ý xứ đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tâm đang sanh, pháp xứ sẽ diệt mà ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy ; còn người hữu tâm đang sanh, pháp xứ sẽ diệt và ý xứ cũng đang sanh.

755.

Nhãn xứ đang sanh với cõi nào?...

756.

Nhãn xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi…

Hay là nhĩ xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, nhĩ xứ sẽ diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, nhĩ xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng đang sanh.

757.

Nhãn xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người sắc giới đang sanh với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh mà tỷ xứ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, nhãn xứ đang sanh và tỷ xứ cũng sẽ diệt.

Hay là tỷ xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Dục giới, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới tỷ xứ sẽ diệt mà nhãn xứ cũng đang sanh.

758.

Nhãn xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi…

Hay là sắc xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ sẽ diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, sắc xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng đang sanh.

759.

Nhãn xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là ý xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ sẽ diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với những cõi ấy, ý xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng đang sanh.

760.

Nhãn xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt mà nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt và nhãn xứ cũng đang sanh.

761.

Tỷ xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là sắc xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Dục giới, người vô tỷ đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, sắc xứ sẽ diệt mà tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh với những cõi ấy, sắc xứ sẽ diệt và tỷ xứ cũng đang sanh?

762.

Tỷ xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là ý xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Dục giới, người vô tỷ đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Sắc giới, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ sẽ diệt mà tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn hữu tỷ đang sanh với những cõi ấy, ý xứ sẽ diệt và tỷ xứ cũng đang sanh.

763.

Tỷ xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô tỷ đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt mà tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt và tỷ xứ cũng đang sanh.

764.

Sắc xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô tưởng đang sanh với những cõi ấy, sắc xứ đang sanh mà ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy. Còn người ngũ uẩn đang sanh với những cõi ấy, sắc xứ đang sanh và ý xứ cũng sẽ diệt.

Hay là ý xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, đang nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, ý xứ sẽ diệt mà sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người đang sanh cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, ý xứ sẽ diệt và sắc xứ cũng đang sanh.

765.

Sắc xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người đang sanh cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt mà sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu sắc đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt và sắc xứ cũng đang sanh.

766.

Ý xứ đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

Hay là pháp xứ sẽ diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô tâm đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt mà ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tâm đang sanh với những cõi ấy, pháp xứ sẽ diệt và ý xứ cũng đang sanh.

767.

*Nhãn xứ **chẳng phải đang sanh** với người nào, thời nhĩ xứ **sẽ không diệt** với người ấy phải chăng?* Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà nhĩ xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn người kiếp chót cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và nhĩ xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là nhĩ xứ chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

768.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà tỷ xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người kiếp chót cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Sắc giới rồi viên tịch, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và tỷ xứ sẽ không diệt.

Hay là tỷ xứ sẽ không diệt với người nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Sắc giới, tỷ xứ sẽ không diệt mà nhãn xứ đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn người kiếp chót cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Sắc giới, cõi Vô sắc rồi viên tịch, tỷ xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng chẳng phải đang sanh.

769.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà sắc xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và sắc xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là sắc xứ... với người nào... Phải rồi...

770.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng sẽ không diệt với người ấy.

Hay là pháp xứ... với người nào... Phải rồi...

771.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô tỷ đang sanh, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà sắc xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và sắc xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là sắc xứ... với người nào... Phải rồi...

772.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô tỷ đang sanh, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ... với người nào... Phải rồi...

773.

Sắc xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời ý xứ... pháp xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô sắc đang sanh, sắc xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch, sắc xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ... với người nào... Phải rồi...

774.

Ý xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô tâm đang sanh, ý xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy. Còn người đang viên tịch, ý xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào, thời ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

775.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với cõi nào...?

776.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời nhĩ xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà nhĩ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô tưởng, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và nhĩ xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là nhĩ xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

777.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời tỷ xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Dục giới, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà tỷ xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Dục giới, đang tử cõi Sắc giới, nương cõi Vô tưởng, nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và tỷ xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là tỷ xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ không diệt mà nhãn xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Dục giới, đang tử cõi Sắc giới, nương cõi Vô tưởng, nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ sẽ không diệt và nhãn xứ cũng sẽ không sanh.

778.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới, nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi ngũ ẩn, nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và sắc xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là sắc xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

779.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người vô nhãn đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch, nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh và ý xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là ý xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

780.

Nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô nhãn đang sanh với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch với những cõi ấy, nhãn xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời nhãn xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

781.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời sắc xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Dục giới, người vô tỷ đang sanh cõi Dục giới, người nương cõi Sắc giới với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà sắc xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và sắc xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là sắc xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

782.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Sắc giới, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang sanh mà ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch, người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và ý xứ cũng sẽ không diệt?

Hay là ý xứ không diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

783.

Tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô tỷ đang sanh với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch với những cõi ấy, tỷ xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời tỷ xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

784.

Sắc xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời ý xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn, người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang sanh mà ý xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch, người đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang sanh mà ý xứ cũng sẽ diệt.

Hay là ý xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô tưởng đang sanh với những cõi ấy, ý xứ sẽ không diệt mà sắc xứ đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch, người đang tử cõi Vô tưởng với những cõi ấy, ý xứ sẽ không diệt và sắc xứ cũng chẳng phải đang sanh.

785.

Sắc xứ chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô sắc đang sanh với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch với những cõi ấy, sắc xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời sắc xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

786.

Ý xứ chẳng phải đang sanh với người nào, thời pháp xứ sẽ không diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người vô tâm đang sanh với những cõi ấy, ý xứ chẳng phải đang sanh mà pháp xứ sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch với những cõi ấy, ý xứ chẳng phải đang sanh và pháp xứ cũng sẽ không diệt.

Hay là pháp xứ sẽ không diệt với người nào cõi nào, thời ý xứ chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

787.

*Nhãn xứ **từng sanh** với người nào, thời nhĩ xứ **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Người đang viên tịch cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót cõi Vô sắc và người nào đang tử sẽ sanh cõi Vô sắc rồi viên tịch sắc xứ từng sanh mà nhĩ xứ không diệt với người ấy. Còn người mà ngoài ra đó, sắc xứ từng sanh mà nhĩ xứ cũng sẽ diệt.

Hay là nhĩ xứ sẽ diệt với người nào, thời nhãn xứ từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

Những câu hỏi quá khứ - vị lai trong phần diệt nói về người, cõi hoặc người và cõi, thuận hay nghịch đã phân như thế nào, thời phần quá khứ - vị lai trong sanh diệt cũng như thế đó.

Dứt phần hành vi sanh và diệt

PHẦN ĐẠT TRI

788.

* *Người nào đang đạt tri (tuyệt trừ) nhãn xứ thời người ấy đang đạt tri (tuyệt trừ) nhĩ xứ phải chăng?* Phải rồi...

  Hay là người nào đang đạt tri (tuyệt trừ) nhãn xứ phải chăng? Phải rồi...

* *Người nào chẳng phải đang đạt tri (tuyệt trừ) nhãn xứ thời người ấy chẳng phải đang đạt tri (tuyệt trừ) nhĩ xứ phải chăng?* Phải rồi...

  Hay là người nào chẳng phải đang đạt tri (tuyệt trừ) nhĩ xứ thời người ấy chẳng phải đang đạt tri nhãn xứ phải chăng? Phải rồi...

789.

* *Người nào từng đạt tri (tuyệt trừ) nhãn xứ thời người ấy từng đạt tri (tuyệt trừ) nhĩ xứ phải chăng?* Phải rồi...

  Hay là người nào từng đạt tri (tuyệt trừ) nhĩ xứ thời người ấy từng đạt tri (tuyệt trừ) nhãn xứ phải chăng? Phải rồi...

* *Người nào không từng đạt tri (tuyệt trừ) nhãn xứ thời người ấy không từng đạt tri (tuyệt trừ) nhĩ xứ phải chăng?* Phải rồi...

  Hay là người nào không từng đạt tri (tuyệt trừ) nhĩ xứ thời người ấy không từng đạt tri nhãn xứ phải chăng? Phải rồi...

790.

* *Người nào sẽ đạt tri (tuyệt trừ) nhãn xứ thời người ấy sẽ đạt tri nhĩ xứ phải chăng?* Phải rồi...

  Hay là người nào sẽ đạt tri nhĩ xứ thì người ấy sẽ đạt tri nhãn xứ phải chăng? Phải rồi...

* *Người nào sẽ không đạt tri nhãn xứ thời người ấy sẽ không đạt tri nhãn xứ phải chăng?* Phải rồi...

  Hay là người nào sẽ không đạt tri nhĩ xứ thời người ấy sẽ không đạt tri nhãn xứ phải chăng? Phải rồi...

791.

* *Người nào đang đạt tri nhãn xứ thời người ấy từng đạt tri nhĩ xứ phải chăng?* Không phải...

  Hay là người nào từng đạt tri nhĩ xứ thời người ấy đang đạt tri nhãn xứ phải chăng? Không phải...

* *Người nào chẳng phải đang đạt tri nhãn xứ thời người ấy không từng đạt tri nhĩ xứ phải chăng?* La-hán quả chẳng phải đang đạt tri nhãn xứ mà từng đạt tri nhĩ xứ. Còn ngoài ra La-hán quả và đạo cao tột đều chẳng phải đang đạt tri nhãn xứ và cũng không từng đạt tri nhĩ xứ.

  Hay là người nào không từng đạt tri nhĩ xứ thời người ấy chẳng phải đang đạt tri nhãn xứ phải chăng? Bực cao tột không từng đạt tri nhĩ xứ mà đang đạt tri nhãn xứ. Còn ngoài ra La-hán quả và đạo cao tột đều không từng đạt tri nhãn xứ và cũng chẳng phải đang đạt tri nhãn xứ.

792.

∗ *Người nào đang đạt tri nhãn xứ, thời người ấy sẽ đạt tri nhĩ xứ phải chăng?* Không phải...

Hay là người nào sẽ đạt tri nhĩ xứ, thời người ấy đang đạt tri nhãn xứ phải chăng? Phải rồi...

∗ *Người nào chẳng phải đang đạt tri nhãn xứ, thời người ấy sẽ không đạt tri nhĩ xứ phải chăng?* Người nào sẽ đắc đạo chẳng phải đang đạt tri mà sẽ đạt tri nhĩ xứ. Còn bực La-hán và phàm phu vô phần chẳng phải đang đạt tri nhãn xứ và cũng sẽ không đạt tri nhĩ xứ.

Hay là người nào sẽ không đạt tri nhĩ xứ thời người ấy chẳng phải đang đạt tri nhãn xứ phải chăng? Bực cao tột sẽ không đạt tri nhãn xứ. Còn bực La-hán và phàm phu vô phần sẽ không đạt tri nhĩ xứ và cũng chẳng phải đang đạt tri nhãn xứ.

793.

∗ *Người nào từng đạt tri nhãn xứ thời người ấy sẽ đạt tri nhĩ xứ phải chăng?* Không phải...

Hay là người nào sẽ đạt tri nhĩ xứ thời người ấy từng đạt tri nhãn xứ phải chăng? Không phải...

∗ *Người nào không từng đạt tri nhãn xứ thời người ấy sẽ không đạt tri nhĩ xứ phải chăng?* Bực sẽ đắc đạo tột không từng đạt tri nhãn xứ mà sẽ đạt tri nhĩ xứ. Còn bực đạo cao tột và phàm phu vô phần đều không từng đạt tri nhãn xứ và cũng sẽ không đạt tri nhĩ xứ.

Hay là người nào sẽ không đạt tri nhĩ xứ thời người ấy không từng đạt tri nhãn xứ phải chăng? La-hán quả sẽ không đạt tri nhĩ xứ nhưng từng đạt tri nhãn xứ. Còn đạo cao tột và phàm phu vô phần sẽ không đạt tri nhĩ xứ và cũng không từng đại tri nhãn xứ.

Dứt phần đạt tri xứ song.

GIỚI SONG
(Dhātu yamaka)

PHẦN ĐỊNH DANH *(PAÑÑATTIVARA)*

794.

Thập bát giới là: nhãn giới *(cakkhudhātu),* nhĩ giới *(sotadhātu),* tỷ giới *(ghānadhātu),* thiệt giới *(jivhādhātu),* thân giới *(kāyadhātu),* sắc giới *(rūpadhātu),* thinh giới *(saddadhātu),* khí giới *(gandhadhātu),* vị giới *(rasadhātu),* xúc giới *(phoṭṭhabbadhātu),* nhãn thức giới *(cakkhuviññaṇadhātu),* nhĩ thức giới *(sotaviññaṇadhātu),* tỷ thức giới *(ghānaviññaṇadhātu),* thiệt thức giới *(jivhāviññaṇadhātu),* thân thức giới *(kāyaviññaṇadhātu),* ý giới *(manodhātu),* ý thức giới *(manoviññaṇadhātu),* pháp giới *(dhammadhātu).*

Phần Xiển Thuật *(Uddesavara)*

795.

* Nhãn là giới phải chăng? Nhãn giới là nhãn phải chăng?
* Nhĩ là giới phải chăng? Nhĩ giới là nhĩ phải chăng?
* Nhãn thức là nhãn thức giới phải chăng? Nhãn thức giới là nhãn thức phải chăng?
* Ý là ý giới phải chăng? Ý giới là ý phải chăng?
* Ý thức là ý thức giới phải chăng? Ý thức giới là ý thức phải chăng?
* Pháp là pháp giới phải chăng? Pháp giới là pháp phải chăng?

796.

* Phi nhãn, phi nhãn giới phải chăng? Phi nhãn giới, phi nhãn phải chăng?
* Phi nhĩ, phi nhĩ giới phải chăng? Phi nhĩ giới, phi nhĩ phải chăng?
* Phi nhãn thức, phi nhãn thức giới phải chăng? Phi nhãn thức giới, phi nhãn thức phải chăng?
* Phi ý, phi ý giới phải chăng? Phi ý giới, phi ý phải chăng?
* Phi ý thức, phi ý thức giới phải chăng? Phi ý thức giới, phi ý thức phải chăng?
* Phi pháp, phi pháp giới phải chăng? Phi pháp giới, phi pháp phải chăng?

797.

* Nhãn là nhãn giới phải chăng? Giới là nhĩ giới phải chăng?
* Nhãn là nhãn giới phải chăng? Giới là pháp giới phải chăng?

Trong phần căn luân của xứ song phân giải rộng như thế nào thì trong phần căn luân *(cakka)* của giới song cũng nên sắp đặt như thế đó.

798.

* Phi nhãn, phi nhãn giới phải chăng? Phi giới phi nhĩ giới phải chăng?
* Phi nhãn, phi nhãn giới phải chăng? Phi giới, phi tỷ giới phải chăng?
* Phi nhãn, phi nhãn giới phải chăng? Phi giới, phi pháp giới phải chăng?
* Phi pháp, phi pháp giới phải chăng? Phi giới, phi nhãn giới phải chăng?
* Phi pháp, phi pháp giới phải chăng? Phi giới, phi ý thức giới phải chăng?

Nên nói theo cách xoay chuyển *(Cakkaṃ bandhitabbaṃ).*

799.

* Nhãn là giới phải chăng? Giới là nhãn phải chăng?

* Nhĩ là giới phải chăng? Giới là nhĩ phải chăng? Tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc.
* Nhãn thức là giới phải chăng? Giới là nhãn thức phải chăng? Nhĩ thức là giới phải chăng? Giới là nhĩ thức phải chăng? Tỷ thức, thiệt thức, thân thức.
* Ý là giới phải chăng? Giới là ý phải chăng?
* Ý thức là giới phải chăng? Giới là ý thức phải chăng?
* Pháp là giới phải chăng? Giới là pháp phải chăng?

800.

* Phi nhãn, phi giới phải chăng? Phi giới, phi nhãn phải chăng?
* Phi nhĩ, phi giới phải chăng? Phi giới, phi nhĩ phải chăng? Phi tỷ, phi thiệt, phi thân, phi sắc, phi thinh, phi khí, phi vị, phi xúc.
* Phi nhãn thức, phi giới phải chăng? Phi giới, phi nhãn thức phải chăng?
* Phi nhĩ thức, phi tỷ thức, phi thiệt thức, phi thân thức, phi giới phải chăng? Phi giới, phi thân thức phải chăng?
* Phi ý, phi giới phải chăng? Phi giới, phi ý phải chăng?
* Phi ý thức, phi giới phải chăng? Phi giới, phi ý thức phải chăng?
* Phi pháp, phi giới phải chăng? Phi giới, phi pháp phải chăng?

801.

* Nhãn là giới phải chăng? Giới là nhĩ phải chăng?
* Nhãn là giới phải chăng? Giới là pháp phải chăng?...
* Pháp là giới phải chăng? Giới là nhãn phải chăng?...
* Pháp là giới phải chăng? Giới là ý thức phải chăng?

Nên nói theo cách xoay chuyển (*Cakkaṃ bandhitabbaṃ).*

802.

* Phi nhãn, phi giới phải chăng? Phi giới, phi nhĩ phải chăng?
* Phi nhãn, phi giới phải chăng? Phi giới, phi tỷ phải chăng?...
* Phi nhãn, phi giới phải chăng? Phi giới, phi pháp phải chăng?
* Phi pháp, phi giới phải chăng? Phi giới, phi nhãn phải chăng?
* Phi pháp, phi giới phải chăng? Phi giới, phi ý thức phải chăng?

Nên nói theo cách xoay chuyển (*Cakkaṃ bandhitabbaṃ)*..

Dứt phần xiển thuật

Phần Xiển Minh *(Niddesavara)*

Phần Câu Lọc ***(Padasodhanavāra)***

803.

* *Nhãn là nhãn giới phải chăng?* Thiên nhãn *(dibbacakkhu),* tuệ nhãn *(paññācakkhu)* gọi là nhãn mà không gọi là nhãn giới. Còn nhãn giới gọi nhãn cũng phải, gọi nhãn giới cũng phải.
  Nhãn giới là nhãn phải chăng? Phải rồi.
* *Nhĩ là nhĩ giới phải chăng?* Thiên nhĩ *(dibbasota),* ái nhĩ *(taṅhāsota)* gọi là nhĩ, mà không gọi là nhĩ giới. Còn nhĩ giới gọi nhĩ cũng phải, gọi nhĩ giới cũng phải.
  Nhĩ giới là nhĩ phải chăng? Phải rồi.
* *Tỷ là tỷ giới phải chăng?* Phải rồi.
  Tỷ giới là tỷ phải chăng? Phải rồi.

  Thiệt cũng như tỷ giới.

∗ *Thân là thân giới phải chăng?* Trừ ra thân giới rồi, thân mà ngoài ra đó, gọi là thân mà còn gọi phi thân giới. Còn thân giới gọi là thân cũng phải, gọi thân giới cũng phải.
Thân giới là thân phải chăng? Phải rồi.

∗ *Sắc là sắc giới phải chăng?* Trừ ra sắc giới rồi, sắc mà ngoài ra đó, gọi là sắc mà không gọi là sắc giới. Còn sắc giới gọi sắc cũng phải và gọi sắc giới cũng phải.
Sắc giới là sắc phải chăng? Phải rồi.

Thinh cũng đồng như tỷ.

∗ *Khí là khí giới phải chăng?* Giới hương *(sīlagandha)*, định hương *(samdhigandha)*, huệ hương *(paññā gandha)* gọi là khí *(gandha)* mà còn gọi phi khí giới *(gandhadhātu)*. Còn khí giới gọi khí cũng phải, gọi khí giới cũng phải.
Khí giới là khí phải chăng? Phải rồi.

∗ *Vị là vị giới phải chăng?* Nghĩa lý vị *(attharasa)*, pháp vị *(dhammarasa)*, giải thoát vị *(vimuttirasa)* gọi là vị mà còn gọi phi vị giới. Còn vị giới gọi vị cũng phải, gọi vị giới cũng phải.
Vị giới là vị phải chăng? Phải rồi.

Xúc cũng đồng như tỷ.

∗ *Nhãn thức là nhãn thức giới phải chăng?* Phải rồi.
Nhãn thức giới là nhãn thức phải chăng? Phải rồi.

Nhĩ thức... tỷ thức, thiệt thức, thân thức.

∗ *Ý là ý giới phải chăng?* Trừ ra ý giới rồi, ý mà ngoài ra đó, gọi là ý mà còn gọi phi ý giới. Còn ý giới gọi là ý cũng phải và gọi là ý giới cũng phải.
Ý giới là ý phải chăng? Phải rồi.

∗ *Ý thức là ý thức giới phải chăng?* Phải rồi.
Ý thức giới là ý thức phải chăng? Phải rồi.

∗ *Pháp là pháp giới phải chăng?* Trừ ra pháp giới rồi, pháp mà ngoài ra đó, gọi là pháp mà còn gọi là phi pháp giới. Còn pháp giới gọi là pháp cũng phải gọi là pháp giới cũng phải.
Pháp giới là pháp phải chăng? Phải rồi.

804.

∗ *Phi nhãn, phi nhãn giới phải chăng?* Phải rồi.
Phi nhãn giới, phi nhãn phải chăng? Thiên nhãn *(dibbacakkhu)*, tuệ nhãn *(paññācakkhu)* là phi nhãn giới mà còn gọi là nhãn. Trừ ra nhãn và nhãn giới rồi, giới mà ngoài ra đó, là phi nhãn và phi nhãn giới.

∗ *Phi nhĩ, phi nhĩ giới phải chăng?* Phải rồi.
Phi nhĩ giới, phi nhĩ phải chăng? Thiên nhĩ *(dibbasota)*, *ái* nhĩ *(taṅhāsota)* là phi nhĩ giới mà còn gọi là nhĩ. Còn trừ ra nhĩ và nhĩ giới rồi, giới mà ngoài ra đó, là phi nhĩ và phi nhĩ giới.

∗ *Phi tỷ, phi tỷ giới phải chăng?* Phải rồi.
Phi tỷ giới, phi tỷ phải chăng? Phải rồi.

Trong hai phần, Đức Phật Ngài nói dón gọn và đáp là phải *(yaṃ saṃjittaṃ ubhato āmantā)*.

∗ *Phi thiệt... phi thân, phi thân giới phải chăng?*

Phi thân giới, phi thân phải chăng? Trừ ra thân giới rồi, thân mà ngoài ra đó, là phi thân giới mà còn gọi là thân. Còn trừ ra thân và thân giới rồi, thân mà ngoài ra đó, gọi là phi thân và còn gọi là phi thân giới.

- *Phi sắc, phi sắc giới phải chăng?* Phải rồi.
  Phi sắc giới, phi sắc phải chăng? Trừ ra Sắc giới rồi, sắc mà ngoài ra đó gọi là phi sắc mà còn gọi là sắc. Còn trừ ra sắc và sắc giới rồi, sắc mà ngoài ra đó, gọi là phi sắc và còn gọi là phi sắc giới.
- *Phi thinh... phi khí, phi khí giới phải chăng?* Phải rồi.
  Phi khí giới, phi khí phải chăng? Giới hương *(sīlagandha)*, định hương *(samadhigandha), tuệ hương (paññādandha)* là phi khí giới mà còn gọi là khí. Còn trừ ra khí và khí giới rồi, khí mà ngoài ra đó, gọi là phi khí và còn gọi là phi khí giới.
- *Phi vị, phi vị giới phải chăng?* Phải rồi.
  Phi vị giới, phi vị phải chăng? Nghĩa lý vị *(attharasa)*, pháp vị *(dhammarasa)*, giải thoát vị *(vimuttirasa)* là phi vị giới mà còn gọi là vị. Còn trừ ra vị và vị giới rồi, vị mà ngoài ra đó, gọi là phi vị và gọi là phi vị giới.
- *Phi xúc... phi nhãn thức, phi nhãn thức giới phải chăng?* Phải rồi.
  Phi nhãn thức giới, phi nhãn thức phải chăng? Phải rồi.
- *Phi nhĩ thức, phi tỷ thức, phi thiệt thức, phi thân thức, phi ý, phi ý giới phải chăng?* Phải rồi.
  Phi ý giới, phi ý phải chăng? Trừ ra ý giới rồi, ý mà ngoài ra đó, là phi ý giới mà còn gọi là ý. Còn trừ ra ý và ý giới rồi, ý mà ngoài ra đó, gọi là phi ý và còn gọi là phi ý giới.
- *Phi ý thức, phi ý thức giới phải chăng?* Phải rồi.
  Phi ý thức giới, phi ý thức phải chăng? Phải rồi.
- *Phi pháp, phi pháp pháp giới phải chăng?* Phải rồi.
  Phi pháp giới, phi pháp phải chăng? Trừ ra pháp giới rồi, pháp mà ngoài ra đó, gọi là phi pháp giới, mà còn gọi là pháp. Còn trừ ra pháp và pháp giới rồi, pháp mà ngoài ra đó, gọi là phi pháp và còn gọi là phi pháp giới.

Phần Câu Lọc Căn Luân *(Padasodhanamūlacakkavāra)*

805.

- *Nhãn là nhãn giới phải chăng?* Thiên nhãn *(dibbacakkhu)*, tuệ nhãn (*paññācakkhu)* gọi là nhãn mà không gọi là nhãn giới. Còn nhãn giới gọi là nhãn cũng phải và gọi là nhãn giới cũng phải.

  Giới là nhĩ giới phải chăng? Nhĩ giới gọi là giới cũng phải, gọi là nhĩ giới cũng phải. Còn giới mà ngoài ra đó, gọi là giới mà phi nhĩ giới.

- *Nhãn là nhãn giới phải chăng?* Thiên nhãn, tuệ nhãn gọi là nhãn mà phi nhãn giới. Còn nhãn giới gọi là nhãn cũng phải và gọi nhãn giới cũng phải.

  Giới là tỷ giới phải chăng?... Giới là pháp giới phải chăng? Pháp giới gọi giới cũng phải và gọi pháp giới cũng phải. Còn giới mà ngoài ra đó, gọi là giới mà phi pháp giới.

Trong phần định danh của xứ song như thế nào thì trong phần định danh của giới song cũng nên nói theo cách xoay chuyển như thế đó *(yathā āyatanayamake paññatti evaṃ dhātuyamakepi paññatti cakkaṃ bandhitabbaṃ).*

806.

∗ *Phi nhãn, phi nhãn giới phải chăng?* Phải rồi.
∗ *Phi giới, phi nhĩ giới phải chăng?* Phải rồi.
∗ *Phi giới, phi tỷ giới phải chăng?*... Phi giới, phi pháp giới phải chăng? Phải rồi.

Trong hai phần của giới song ngoài ra thì đáp là phải rồi.
Nên nói theo cách xoay chuyển *(cakkaṃ bandhitabbaṃ sabbe āmantā ubhatopi sesepi).*

Phần Thuần Giới *(Suddhadhātuvāra)*
807.

∗ Nhãn là giới phải chăng? Phải rồi.
∗ Giới là nhãn giới phải chăng? Nhãn giới gọi là giới cũng phải, gọi là nhãn giới cũng phải. Còn giới mà ngoài ra đó, gọi là giới mà phi nhãn giới.
∗ Nhĩ là giới phải chăng? Phải rồi...

Tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc.

∗ Nhãn thức là giới phải chăng? Phải rồi.
∗ Giới là nhãn thức giới phải chăng? Nhãn thức giới gọi là giới cũng phải, gọi là nhãn thức giới cũng phải. Còn giới mà ngoài ra đó, là phi nhãn thức giới.

Nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức.

∗ Ý là giới phải chăng? Phải rồi.
∗ Giới là ý giới phải chăng? Ý giới gọi là giới cũng phải, gọi là ý giới cũng phải. Còn giới mà ngoài ra đó, gọi là giới mà phi ý giới.

∗ Ý thức là giới phải chăng? Phải rồi.
∗ Giới là ý thức giới phải chăng? Ý thức giới gọi là giới cũng phải, gọi là ý thức giới cũng phải. Còn giới mà ngoài ra đó, gọi là giới mà phi ý thức giới.

∗ Pháp là giới phải chăng? Phải rồi.
∗ Giới là pháp giới phải chăng? Pháp giới gọi là giới cũng phải, gọi là pháp giới cũng phải. Còn giới mà ngoài ra đó, gọi là giới mà phi pháp giới.

808.

∗ Phi nhãn, phi giới phải chăng? Trừ ra nhãn rồi, giới mà ngoài ra đó, là phi nhãn mà còn gọi là giới. Còn trừ ra nhãn và giới rồi, giới mà ngoài ra đó, là phi nhãn và phi giới.

∗ Phi giới, phi nhãn giới phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nhĩ, phi giới phải chăng? Trừ ra nhĩ rồi... trừ ra tỷ rồi... trừ ra thiệt rồi...
∗ Phi thân, phi giới phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi giới, phi thân giới phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi sắc, phi giới phải chăng? Trừ ra sắc rồi... Trừ ra thinh, khí, vị, xúc, nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý, ý thức rồi...

∗ Phi pháp, phi giới phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi giới, phi pháp giới phải chăng? Phải rồi.

Phần Thuần Giới Căn Luân *(Suddhadhātu Mūlacakkavāra).*

809.

* Nhãn là giới phải chăng? Phải rồi.
* Giới là nhĩ giới phải chăng? Nhĩ giới gọi giới cũng phải, gọi nhĩ giới cũng phải. Còn giới mà ngoài ra đó, gọi là giới mà phi nhĩ giới.

* Nhãn là giới phải chăng? Phải rồi.
* Giới là tỷ giới phải chăng?... Giới là pháp giới phải chăng? Pháp giới gọi giới cũng phải, gọi pháp giới cũng phải. Còn giới mà ngoài ra đó, gọi là giới mà phi pháp giới.

Nên nói theo cách xoay chuyển *(cakkaṃ bandhitabbaṃ).*

810.

* Phi nhãn, phi giới phải chăng? Trừ ra nhãn rồi, giới mà ngoài ra đó, là phi nhãn mà gọi là giới. Còn trừ ra nhãn và giới rồi, pháp mà ngoài ra đó, là phi nhãn và phi giới.
* Phi giới phi nhĩ giới phải chăng? Phải rồi.
* Phi nhãn, phi giới phải chăng? Trừ ra nhãn rồi, giới mà ngoài ra đó, là phi nhãn mà còn gọi là giới. Còn trừ ra nhãn và giới rồi, pháp mà ngoài ra đó, là phi nhãn và phi giới.
* Phi giới, phi tỷ giới phải chăng?... Phi giới, phi pháp giới phải chăng? Phải rồi...
* Phi pháp, phi giới phải chăng? Phải rồi.
* Phi giới, phi nhãn giới phải chăng? Phải rồi.
* Phi pháp, phi giới phải chăng? Phải rồi.
* Phi giới, phi nhãn giới phải chăng? Phải rồi.
* Phi pháp, phi giới phải chăng? Phải rồi.
* Phi giới, phi nhĩ giới phải chăng?... Phi giới, phi ý thức giới phải chăng? Phải rồi.

Nên nói theo cách xoay chuyển *(cakkaṃ bandhitabbaṃ)* phần định danh của xứ song như thế nào thì phần định danh của giới song nên phân rộng như thế đó *(yathā āyatanayamakassa paññatti evaṃ Dhātuyamakassa paññatti vitthāretabbā).*

Dứt phần định danh

PHẦN HÀNH VI *(PAVATTIVARA)*

Phần Sanh *(Uppadavāra)*

811.

Nhãn giới ***đang sanh*** *với người nào, thời nhĩ giới* ***đang sanh*** *với người ấy phải chăng?* Người hữu nhãn, vô nhĩ đang sanh, nhãn giới đang sanh mà nhĩ giới chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn hữu nhĩ đang sanh, nhãn giới đang sanh và nhĩ giới cũng đang sanh.

Hay là nhĩ giới đang sanh với người nào, thời nhãn giới đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhĩ vô nhãn đang sanh, nhĩ giới đang sanh mà nhãn giới chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhĩ hữu nhãn đang sanh, nhĩ giới đang sanh và nhãn giới cũng đang sanh.

812.

Nhãn giới đang sanh với người nào, thời tỷ giới đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhãn vô tỷ đang sanh, nhãn giới đang sanh mà tỷ giới chẳng phải đang sanh

với người ấy. Còn người hữu nhãn hữu tỷ đang sanh, nhãn giới đang sanh và tỷ giới cũng đang sanh.

Hay là tỷ giới đang sanh với người nào, thời nhãn giới đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tỷ vô nhãn đang sanh, tỷ giới đang sanh mà nhãn giới chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ hữu nhãn đang sanh, tỷ giới đang sanh và nhãn giới cũng đang sanh.

813.

Nhãn giới đang sanh với người nào, thời sắc giới đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là sắc giới đang sanh với người nào, thời nhãn giới đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu sắc vô nhãn đang sanh, sắc giới đang sanh mà nhãn giới chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu sắc hữu nhãn đang sanh, sắc giới đang sanh và nhãn giới cũng đang sanh.

814.

Nhãn giới đang sanh với người nào, thời ý thức giới đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý thức giới đang sanh với người nào, thời nhãn giới đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tâm vô nhãn đang sanh, ý thức giới đang sanh mà nhãn giới chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tâm hữu nhãn đang sanh, ý thức giới đang sanh và nhãn giới cũng đang sanh.

815.

Nhãn giới đang sanh với người nào, thời pháp giới đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp giới đang sanh với người nào, thời nhãn giới đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhãn đang sanh, pháp giới đang sanh mà nhãn giới chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh, pháp giới đang sanh và nhãn giới cũng đang sanh.

Xứ song, Phật Ngài phân ra như thế nào thì trong giới song cũng nên phân theo như thế đó *(yathā āyatanayamakam vibhattaṃ evaṃ dhātuyamakampi vibhajitabbaṃ sadisaṃ kātabbaṃ).*

PHẦN ĐẠT TRI *(PARIÑÑAVARA)*

816.

Người nào đang đạt trừ nhãn giới, thời người đó cũng đang đạt trừ nhĩ giới phải chăng? Phải rồi...

Dứt phần đạt tri (Pariññāvāro niṭṭhito)

Phần chót của giới song nên hoàn thành đầy đủ *(dhātu yamakaṃ paripuṇṇaṃ peyyālena).*

Dứt Giới song
Dhātuyamakaṃ niṭṭhitaṃ.

ĐẾ SONG
(Saccayamaka)

PHẦN ĐỊNH DANH *(PAÑÑATTIVARA)*

Tứ đế là : Khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế.

Phần Xiển Thuật *(Uddesavāra)*

817.

* Khổ là khổ đế phải chăng? Khổ đế là khổ phải chăng?
* Tập là tập đế phải chăng? Tập đế là tập phải chăng?
* Diệt là diệt đế phải chăng? Diệt đế là diệt phải chăng?
* Đạo là đạo đế phải chăng? Đạo đế là đạo phải chăng?

818.

* Phi khổ, phi khổ đế phải chăng? Phi khổ đế, phi khổ phải chăng?
* Phi tập, phi tập đế phải chăng? Phi tập đế, phi tập phải chăng?
* Phi diệt, phi diệt đế phải chăng? Phi diệt đế, phi diệt phải chăng?
* Phi đạo, phi đạo đế phải chăng? Phi đạo đế, phi đạo phải chăng?

819.

* Khổ là khổ đế phải chăng? Đế là tập đế phải chăng?
* Khổ là khổ đế phải chăng? Đế là diệt đế phải chăng?
* Khổ là khổ đế phải chăng? Đế là đạo đế phải chăng?

* Tập là tập đế phải chăng? Đế là khổ đế phải chăng?
* Tập là tập đế phải chăng? Đế là diệt đế phải chăng?
* Tập là tập đế phải chăng? Đế là đạo đế phải chăng?

* Diệt là diệt đế phải chăng? Đế là khổ đế phải chăng?
* Diệt là diệt đế phải chăng? Đế là tập đế phải chăng?
* Diệt là diệt đế phải chăng? Đế là đạo đế phải chăng?

* Đạo là đạo đế phải chăng? Đế là khổ đế phải chăng?
* Đạo là đạo đế phải chăng? Đế là tập đế phải chăng?
* Đạo là đạo đế phải chăng? Đế là diệt đế phải chăng?

820.

* Phi khổ, phi khổ đế phải chăng? Phi đế, phi tập đế phải chăng?
* Phi khổ, phi khổ đế phải chăng? Phi đế, phi diệt đế phải chăng?
* Phi khổ, phi khổ đế phải chăng? Phi đế, phi đạo đế phải chăng?

* Phi tập, phi tập đế phải chăng? Phi đế, phi khổ đế phải chăng?
* Phi tập, phi tập đế phải chăng? Phi đế, phi diệt đế phải chăng?
* Phi tập, phi tập đế phải chăng? Phi đế, phi đạo đế phải chăng?

* Phi diệt, phi diệt đế phải chăng? Phi đế, phi khổ đế phải chăng?
* Phi diệt, phi diệt đế phải chăng? Phi đế, phi tập đế phải chăng?
* Phi diệt, phi diệt đế phải chăng? Phi đế, phi đạo đế phải chăng?

* Phi đạo, phi đạo đế phải chăng? Phi đế, phi khổ đế phải chăng?

* Phi đạo, phi đạo đế phải chăng? Phi đế, phi tập đế phải chăng?
* Phi đạo, phi đạo đế phải chăng? Phi đế, phi diệt đế phải chăng?

821.

* Khổ là đế phải chăng? Đế là khổ phải chăng?
* Tập là đế phải chăng? Đế là tập phải chăng?
* Diệt là đế phải chăng? Đế là diệt phải chăng?
* Đạo là đế phải chăng? Đế là đạo phải chăng?

822.

* Phi khổ, phi đế phải chăng? Phi đế, phi khổ phải chăng?
* Phi tập, phi đế phải chăng? Phi đế, phi tập phải chăng?
* Phi diệt, phi đế phải chăng? Phi đế, phi diệt phải chăng?
* Phi đạo, phi đế phải chăng? Phi đế, phi đạo phải chăng?

823.

* Khổ là khổ đế phải chăng? Đế là tập phải chăng?
* Khổ là đế phải chăng? Đế là diệt phải chăng?
* Khổ là đế phải chăng? Đế là đạo phải chăng?
* Tập là đế phải chăng? Đế là khổ phải chăng?...
* Đế là đạo phải chăng? Diệt là đế phải chăng?
* Đế là khổ phải chăng? Đế là đạo phải chăng?
* Đạo là đế phải chăng? Đế là khổ phải chăng?
* Đạo là đế phải chăng? Đế là tập phải chăng?
* Đạo là đế phải chăng? Đế là diệt phải chăng?

824.

* Phi khổ, phi đế phải chăng? Phi đế, phi tập phải chăng?
* Phi khổ, phi đế phải chăng? Phi đế, phi diệt phải chăng?
* Phi khổ, phi đế phải chăng? Phi đế, phi đạo phải chăng?
* Phi tập, phi đế phải chăng? Phi đế, phi khổ phải chăng? ... Phi đế, phi đạo phải chăng?
* Phi diệt, phi đế phải chăng? Phi đế, phi khổ phải chăng?... Phi đế, phi đạo phải chăng?
* Phi đạo, phi đế phải chăng? Phi đế, phi khổ phải chăng?
* Phi đạo, phi đế phải chăng? Phi đế, phi tập phải chăng?
* Phi đạo, phi đế phải chăng? Phi đế, phi diệt phải chăng?

Dứt phần xiển thuật

Phần Xiển Minh *(Niddesavara)*

Phần Câu Lọc *(Padasodhanavāra)*

825.

* *Khổ là khổ đế phải chăng?* Phải rồi.
  Khổ đế là khổ phải chăng? Trừ ra khổ thân khổ tâm rồi, khổ đế mà ngoài ra đó, gọi là khổ đế mà phi khổ. Còn khổ thân khổ tâm gọi là khổ cũng phải, gọi là khổ đế cũng phải.
* *Tập là tập đế phải chăng?* Trừ ra tập đế rồi, tập mà ngoài ra đó, gọi là tập mà phi tập đế. Còn tập đế gọi là tập cũng phải, gọi là tập đế cũng phải.

Tập đế là tập phải chăng? Phải rồi.

* *Diệt là diệt đế phải chăng?* Trừ ra diệt đế rồi, diệt mà ngoài ra đó, gọi là diệt mà phi diệt đế. Còn diệt đế gọi là diệt cũng phải, gọi là diệt đế cũng phải.
  Diệt đế là diệt phải chăng? Phải rồi.
* *Đạo là đạo đế phải chăng?* Trừ ra đạo đế rồi, đạo mà ngoài ra đó, gọi là đạo mà phi đạo đế. Còn đạo đế gọi là đạo cũng phải, gọi là đạo đế cũng phải.
  Đạo đế là đạo phải chăng? Phải rồi.

826.

* *Phi khổ, phi khổ đế phải chăng?* Trừ ra khổ thân khổ tâm rồi, khổ đế mà ngoài ra đó, là phi khổ mà còn gọi là khổ đế. Còn trừ ra khổ và khổ đế rồi, khổ mà ngoài ra là phi khổ và phi khổ đế.
  Phi khổ đế, phi khổ phải chăng? Phải rồi.
* *Phi tập, phi tập đế phải chăng?* Phải rồi.
  Phi tập đế, phi tập phải chăng? Trừ ra tập đế rồi, tập mà ngoài ra đó, là phi tập đế mà còn gọi là tập. Còn trừ ra tập và tập đế rồi, pháp mà ngoài ra đó, là phi tập và phi tập đế.
* *Phi diệt, phi diệt đế phải chăng?* Phải rồi.
  Phi diệt đế, phi diệt phải chăng? Trừ ra diệt đế rồi, diệt mà ngoài ra đó, là phi diệt đế mà còn gọi là diệt. Còn trừ ra diệt và diệt đế rồi, pháp mà ngoài ra đó, là phi diệt và phi diệt đế.
* *Phi đạo, phi đạo đế phải chăng?* Phải rồi.
  Phi đạo đế, phi đạo phải chăng? Trừ ra đạo đế rồi, đạo mà ngoài ra đó, là phi đạo đế mà còn gọi là đạo. Còn trừ ra đạo và đạo đế rồi, pháp mà ngoài ra đó, là phi đạo và phi đạo đế.

Dứt phần câu lọc

Phần Câu Lọc Căn Luân *(Padasodhanamūlacakkavāra)*.

827.

* Khổ là khổ đế phải chăng? Phải rồi.
* Đế là tập đế phải chăng? Tập đế gọi là đế cũng phải, gọi là tập đế cũng phải. Còn đế mà ngoài ra đó, gọi là đế mà phi tập đế.
* Khổ là khổ đế phải chăng? Phải rồi.
* Đế là diệt đế phải chăng?... Đế là đạo đế phải chăng? Đạo đế gọi là đế cũng phải, gọi là đạo đế cũng phải. Còn đế mà ngoài ra đó, gọi là đế mà phi đạo đế.
* Tập là tập đế phải chăng? Trừ ra tập đế rồi, tập mà ngoài ra đó, gọi là tập mà phi tập đế. Còn tập đế gọi tập cũng phải, gọi tập đế cũng phải.
* Đế là khổ đế phải chăng?... Đế là diệt đế phải chăng?... Đế là đạo đế phải chăng? Đạo đế gọi đế cũng phải, gọi đạo đế cũng phải. Còn đế mà ngoài ra đó, gọi đế mà phi đạo đế.
* Diệt là diệt đế phải chăng? Trừ ra diệt đế rồi, diệt mà ngoài ra đó, gọi là diệt mà phi diệt đế. Còn diệt đế gọi diệt cũng phải, gọi diệt đế cũng phải.
* Đế là khổ đế phải chăng?... Đế là tập đế phải chăng?... Đế là đạo đế phải chăng? Đạo đế gọi đế cũng phải, gọi đạo đế cũng phải. Còn đế mà ngoài ra đó, gọi đế mà phi đạo đế.
* Đạo là đạo đế phải chăng? Trừ ra đạo đế rồi, đạo mà ngoài ra đó, gọi là đạo mà phi đạo đế. Còn đạo đế gọi là đạo cũng phải, gọi là đạo đế cũng phải.

* Đế là khổ đế phải chăng?... Đế là tập đế phải chăng?... Đế là diệt đế phải chăng? Diệt đế gọi đế cũng phải, gọi diệt đế cũng phải. Còn đế mà ngoài ra đó, gọi đế mà phi diệt đế.

828.

* Phi khổ, phi khổ đế phải chăng? Trừ khổ thân khổ tâm ra rồi, khổ đế mà ngoài ra đó, là phi khổ mà còn gọi là khổ đế. Còn trừ ra khổ và khổ đế rồi, pháp mà ngoài ra đó, là phi khổ và phi khổ đế.
* Phi đế, phi tập đế phải chăng? Phải rồi.
* Phi khổ, phi khổ đế phải chăng? Trừ ra khổ thân khổ tâm rồi, khổ mà ngoài ra đó, là phi khổ mà còn gọi là khổ đế. Còn trừ ra khổ và khổ đế rồi, pháp mà ngoài ra đó, là phi khổ và phi khổ đế.
* Phi đế, phi diệt đế phải chăng?... Phi đế, phi đạo đế phải chăng? Phải rồi.
* Phi tập, phi tập đế phải chăng? Phải rồi.
* Phi đế, phi khổ đế phải chăng? Phải rồi.
* Phi tập, phi tập đế phải chăng? Phải rồi.
* Phi đế, phi diệt đế phải chăng?... Phi đế, phi đạo đế phải chăng? Phải rồi.
* Phi diệt, phi diệt đế phải chăng? Phải rồi.
* Phi đế, phi khổ đế phải chăng?... Phi đế, phi tập đế phải chăng?... Phi đế, phi đạo đế phải chăng? Phải rồi.
* Phi đạo, phi đạo đế phải chăng? Phải rồi.
* Phi đế, phi khổ đế phải chăng? Phải rồi.
* Phi đạo, phi đạo đế phải chăng? Phải rồi.
* Phi đế, phi tập đế phải chăng?... Phi đế, phi diệt đế phải chăng? Phải rồi.

Phần Thuần Đế *(Suddhasaccavāra)*

829.

* Khổ là đế phải chăng? Phải rồi.
* Đế là khổ đế phải chăng? Khổ đế gọi khổ cũng phải, gọi khổ đế cũng phải. Còn đế mà ngoài ra đó, gọi là đế mà phi khổ đế.
* Tập là đế phải chăng? Phải rồi...
* Diệt là đế phải chăng? Phải rồi...
* Đạo là đế phải chăng? Phải rồi...
* Đế là đạo đế phải chăng? Đạo đế gọi đế cũng phải, gọi đạo đế cũng phải. Còn đế mà ngoài ra đó, gọi đế mà phi đạo đế.

830.

* Phi khổ, phi đế phải chăng? Trừ ra khổ rồi, đế mà ngoài ra đó, là phi khổ mà còn gọi là đế. Còn trừ ra khổ và đế rồi, pháp mà ngoài ra đó, là phi khổ và phi đế.
* Phi đế, phi khổ đế phải chăng? Phải rồi.
* Phi tập, phi đế phải chăng? Trừ ra tập rồi...
* Phi diệt, phi đế phải chăng? Trừ ra diệt rồi...
* Phi đạo, phi đế phải chăng? Trừ ra đạo rồi, đế mà ngoài ra đó, là phi đạo mà còn gọi là đế. Còn trừ ra đạo và đế rồi, pháp mà ngoài ra đó, là phi đạo và phi đế.
* Phi đế, phi đạo đế phải chăng? Phải rồi.

Phần Thuần Đế Căn Luân *(Suddha sacca mūla cakkavāra)*

831.

* Khổ là đế phải chăng? Phải rồi.
* Đế là tập đế phải chăng? Tập đế gọi đế cũng phải, gọi tập đế cũng phải. Còn đế mà ngoài ra đó, gọi là đế mà phi tập đế.
* Khổ là đế phải chăng? Phải rồi.
* Đế là diệt đế phải chăng?... Đế là đạo đế phải chăng? Đạo đế gọi đế cũng phải, gọi đạo đế cũng phải. Còn đế mà ngoài ra đó, gọi đế mà phi đạo đế.
* Tập là đế phải chăng? Phải rồi...
* Diệt là đế phải chăng? Phải rồi...
* Đạo là đế phải chăng? Phải rồi...
* Đế là khổ đế phải chăng?... Đế là tập đế phải chăng?... Đế là diệt đế phải chăng? Diệt đế gọi đế cũng phải, gọi diệt đế cũng phải. Còn đế mà ngoài ra đó, gọi đế mà phi diệt đế.

832.

* Phi khổ, phi đế phải chăng? Trừ khổ ra rồi, đế mà ngoài ra đó, là phi khổ mà còn gọi là đế. Còn trừ ra khổ và đế rồi, pháp mà ngoài ra đó, là phi khổ và phi đế.
* Phi đế, phi tập đế phải chăng? Phải rồi.
* Phi khổ, phi đế phải chăng? Trừ khổ ra rồi, đế mà ngoài ra đó, là phi khổ mà còn gọi là đế. Còn trừ khổ và đế ra rồi, pháp mà ngoài ra đó, là phi khổ và phi đế.
* Phi đế, phi diệt đế phải chăng?... Phi đế, phi đạo đế phải chăng? Phải rồi.
* Phi tập, phi tập đế phải chăng? Trừ ra tập rồi, đế mà ngoài ra đó, là phi tập mà còn gọi là đế. Còn trừ tập và đế ra rồi, pháp mà ngoài ra đó, là phi tập và phi đế...
* Phi diệt, phi đế phải chăng? Trừ diệt ra rồi...
* Phi đạo, phi đế phải chăng? Trừ ra đạo rồi, đế mà ngoài ra đó, là phi đạo mà còn gọi là đế. Còn trừ ra đạo và đế rồi, pháp mà ngoài ra đó, là phi đạo và phi đế.
* Phi đế, phi khổ đế phải chăng? Phải rồi.
* Phi đạo, phi đế phải chăng? Trừ ra đạo rồi, đế mà ngoài ra đó, là phi đạo mà còn gọi là đế. Còn trừ đạo và đế ra rồi, pháp mà ngoài ra đó, là phi đạo và phi đế.
* Phi đế, phi tập đế phải chăng?... Phi đế, phi diệt đế phải chăng? Phải rồi.

Dứt phần định danh

PHẦN HÀNH VI *(PAVATTIVARA)*

Phần Sanh *(Uppadavāra)*

833.

Khổ đế ***đang sanh*** *với người nào, thời tập đế* ***đang sanh*** *với người ấy phải chăng?* Tất cả người đang sanh, trong sát-na sanh của tâm ly ái trong thời bình nhựt *(avattikāla)*, khổ đế đang sanh mà tập đế chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn trong sát-na sanh của tâm ái dục *(taṅhā)*, khổ đế đang sanh và tập đế cũng đang sanh.

Hay là tập đế đang sanh với người nào, thời khổ đế đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

834.

Khổ đế đang sanh với người nào, thời đạo đế đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh, trong sát-na sanh của tâm ly đạo trong thời bình nhựt

(pavattikāla), khổ đế đang sanh mà đạo đế chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn trong sát-na sanh của tâm đạo trong cõi Ngũ uẩn, khổ đế đang sanh và đạo đế cũng đang sanh.

Hay là đạo đế đang sanh với người nào, thời khổ đế đang sanh với người ấy phải chăng? Trong sát-na sanh của tâm đạo trong cõi Vô sắc, đạo đế đang sanh mà khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn trong sát-na sanh của tâm đạo ở cõi Ngũ uẩn, đạo đế đang sanh và khổ đế cũng đang sanh.

835.

Tập đế đang sanh với người nào, thời đạo đế đang sanh với người ấy phải chăng? Không phải!

Hay là đạo đế đang sanh với người nào, thời tập đế đang sanh với người ấy phải chăng? Không phải!

836.

Khổ đế đang sanh với cõi nào, thời tập đế đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, khổ đế đang sanh mà tập đế chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, cõi Ngũ uẩn, khổ đế đang sanh và tập đế cũng đang sanh.

Hay là tập đế đang sanh với cõi nào, thời khổ đế đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

837.

Khổ đế đang sanh với cõi nào, thời đạo đế đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Khổ thú và cõi Vô tưởng, khổ đế đang sanh mà đạo đế chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn và cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó, khổ đế đang sanh và đạo đế cũng đang sanh.

Hay là đạo đế đang sanh với cõi nào, thời khổ đế đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

838.

Tập đế đang sanh với cõi nào, thời đạo đế đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Khổ thú, tập đế đang sanh mà đạo đế chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn và cõi Ngũ uẩn mà ngoài ra đó, tập đế đang sanh và đạo đế cũng đang sanh.

Hay là đạo đế đang sanh với cõi nào, thời tập đế đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

839.

Khổ đế đang sanh với người nào cõi nào, thời tập đế đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng?

Những câu có chữ 'yassa' (với người nào) và những câu có chữ 'yassa yattha' (với người nào, cõi nào). Khi học nên phân rộng và đầy đủ như thế.

840.

Khổ đế ***chẳng phải đang sanh*** *với người nào, thời tập đế* ***chẳng phải đang sanh*** *với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tập đế chẳng phải đang sanh với người nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh, trong sát-na sanh của tâm ly ái trong thời bình nhựt *(pavattikāla),* tập đế chẳng phải đang sanh mà khổ đế đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử trong sát-na diệt của tâm trong thời bình nhựt,

trong sát-na sanh của tâm đạo và tâm quả trong cõi Vô sắc, tập đế chẳng phải đang sanh và khổ đế cũng chẳng phải đang sanh.

841.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với người nào, thời đạo đế chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Trong sát-na sanh của tâm đạo trong cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh mà đạo đế đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử, trong sát-na diệt của tâm trong thời bình nhựt, trong sát-na sanh của tâm quả trong cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh và đạo đế cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là đạo đế chẳng phải đang sanh với người nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh, trong sát-na sanh của tâm ly đạo trong thời bình nhựt, đạo đế chẳng phải đang sanh mà khổ đế đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử trong sát-na diệt của tâm trong thời bình nhựt, trong sát-na sanh của tâm quả trong cõi Vô sắc, đạo đế chẳng phải đang sanh và khổ đế cũng chẳng phải đang sanh.

842.

Tập đế chẳng phải đang sanh với người nào, thời đạo đế chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Trong sát-na sanh của tâm đạo, tập đế chẳng phải đang sanh mà đạo đế đang sanh với người ấy. Còn trong sát-na diệt của tâm, trong sát-na sanh của tâm ly ái của tâm ly đạo, bậc nhập thiền Diệt và người vô tưởng, tập đế chẳng phải đang sanh và đạo đế cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là đạo đế chẳng phải đang sanh với người nào, thời tập đế chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Trong sát-na sanh của tâm ái dục, đạo đế chẳng phải đang sanh mà tập đế đang sanh với người ấy. Còn trong sát-na diệt của tâm, trong sát-na sanh của tâm ly đạo và tâm ly ái của bậc nhập thiền Diệt và người vô tưởng, đạo đế chẳng phải đang sanh và tập đế cũng chẳng phải đang sanh.

843.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời tập đế chẳng phải đang sanh với cõi đó phải chăng? Không có.

Hay là tập đế chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với cõi đó phải chăng? Đang sanh.

844.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời đạo đế chẳng phải đang sanh với cõi đó phải chăng? Không có.

Hay là đạo đế chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với cõi đó phải chăng? Đang sanh.

845.

Tập đế chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời đạo đế chẳng phải đang sanh với cõi đó phải chăng? Phải rồi.

Hay là đạo đế chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời tập đế chẳng phải đang sanh với cõi đó phải chăng? Cõi Khổ thú, đạo đế chẳng phải đang sanh mà tập đế đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, đạo đế chẳng phải đang sanh và tập đế cũng chẳng phải đang sanh.

846.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời tập đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tập đế chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh trong sát-na sanh của tâm ly ái trong thời bình nhựt *(pavattikala)*, tập đế chẳng phải đang sanh mà khổ đế đang sanh với người đó cõi đó. Còn tất cả người đang tử, trong sát-na diệt của tâm trong thời bình nhựt, trong sát-na sanh của tâm đạo và tâm quả trong cõi Vô sắc, tập đế chẳng phải đang sanh và khổ đế cũng chẳng phải đang sanh.

847.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Trong sát-na sanh của tâm đạo trong cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh mà đạo đế đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử trong sát-na diệt của tâm trong thời bình nhựt, trong sát-na sanh của tâm quả trong cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh và đạo đế cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là đạo đế chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với người đó cõi đó phải chăng? Tất cả người đang sanh trong sát-na sanh của tâm ly đạo trong thời bình nhựt, đạo đế chẳng phải đang sanh mà khổ đế đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử trong sát-na diệt của tâm trong thời bình nhựt, trong sát-na sanh của tâm quả trong cõi Vô sắc, đạo đế chẳng phải đang sanh và khổ đế cũng chẳng phải đang sanh.

848.

Tập đế chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế chẳng phải đang sanh với người đó cõi đó phải chăng? Trong sát-na sanh của tâm đạo, tập đế chẳng phải đang sanh mà đạo đế đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn trong tất cả sát-na diệt của tâm, trong sát-na sanh của tâm ly ái và tâm ly đạo của bực nhập thiền Diệt và người vô tưởng, với những cõi ấy, tập đế chẳng phải đang sanh và đạo đế cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là đạo đế chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời tập đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Trong sát-na sanh của tâm ái dục, đạo đế chẳng phải đang sanh mà tập đế đang sanh với người đó cõi đó. Còn trong tất cả sát-na diệt của tâm, trong sát-na sanh của tâm ly đạo và tâm ly ái của bậc nhập thiền Diệt và người vô tưởng, với những cõi ấy, đạo đế chẳng phải đang sanh và tập đế cũng chẳng phải đang sanh.

849.

*Khổ đế **từng sanh** với người nào, thời tập đế **từng sanh** với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tập đế từng sanh với người nào, thời khổ đế từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

850.

Khổ đế từng sanh với người nào, thời đạo đế từng sanh với người ấy phải chăng? Người chưa đắc chứng *(anabhisametavina)*, khổ đế từng sanh mà đạo đế không từng sanh với người ấy. Còn người đã đắc chứng với những cõi ấy, khổ đế từng sanh và đạo đế cũng từng sanh.

Hay là đạo đế từng sanh với người nào... Phải rồi.

851.

Tập đế từng sanh với người nào, thời đạo đế từng sanh với người ấy phải chăng? Người chưa đắc chứng, tập đế từng sanh mà đạo đế không từng sanh với người ấy. Còn người đã đắc chứng, tập đế từng sanh và đạo đế cũng từng sanh.

Hay là đạo đế từng sanh với người nào?... Phải rồi.

852.

Khổ đế từng sanh với cõi nào...

Câu nói 'yattha' (cõi nào) cũng như mỗi câu đã phân rộng làm cho khác nhau nơi kiểu mẫu nói là 'yattha' trong lần sau *(yatthakampi sabbattha sadisaṃ tantināṇā-karanaṃ heṭṭhāyattha kesadisam).*

853.

Khổ đế từng sanh với người nào cõi nào, thời tập đế từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực đang ở cõi Tịnh cư khi tâm hiện hành lần thứ hai và bậc vô tưởng, khổ đế từng sanh mà tập đế không từng sanh với người đó cõi đó. Còn người tứ uẩn và Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, khổ đế từng sanh và tập đế cũng từng sanh.

Hay là tập đế từng sanh với người nào cõi nào... Phải rồi.

854.

Khổ đế từng sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang ở cõi Tịnh cư khi tâm hiện hành lần thứ hai, người chưa đắc chứng và bậc vô tưởng, khổ đế từng sanh mà đạo đế không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đã đắc chứng với những cõi đó, khổ đế từng sanh và đạo đế cũng từng sanh.

Hay là đạo đế từng sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế từng sanh với người đó cõi đó phải chăng? Phải rồi.

855.

Tập đế từng sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang ở cõi Tịnh cư khi tâm bất thiện hiện hành lần thứ hai và người chưa đắc chứng, tập đế từng sanh mà đạo đế không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đã đắc chứng với những cõi ấy, tập đế từng sanh và đạo đế cũng từng sanh.

Hay là đạo đế từng sanh với người nào cõi nào... Phải rồi.

856.

Khổ đế ***không từng sanh*** *với người nào, thời tập đế* ***không từng sanh*** *với người ấy phải chăng?* Không có.

Hay là tập đế không từng sanh với người nào... Không có.

857.

Khổ đế không từng sanh với người nào, thời đạo đế không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Đạo đế không từng sanh với người nào, thời khổ đế không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

858.

Tập đế không từng sanh với người nào, thời đạo đế không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là đạo đế không từng sanh với người nào, thời tập đế không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

859.

Khổ đế không từng sanh với cõi nào...

860.

Khổ đế không từng sanh với người nào cõi nào, thời tập đế không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tập đế không từng sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Tịnh cư *(suddhavāsa)* khi tâm hiện hành lần thứ hai và bực vô tưởng, tập đế không từng sanh mà khổ đế từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc đang sanh ở cõi Tịnh cư với những cõi ấy, tập đế không từng sanh và khổ đế cũng không từng sanh.

861.

Khổ đế không từng sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là đạo đế không từng sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang ở cõi Tịnh cư khi tâm hiện hành lần thứ hai, người chưa đắc chứng và bậc vô tưởng, đạo đế không từng sanh mà khổ đế từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bực đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, đạo đế không từng sanh và khổ đế cũng không từng sanh.

862.

Tập đế không từng sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là đạo đế không từng sanh với người nào cõi nào, thời tập đế không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang ở cõi Tịnh cư khi tâm bất thiện hiện hành lần thứ hai và người chưa đắc chứng, đạo đế không từng sanh mà tập đế từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang ở cõi Tịnh cư khi tâm hiện hành lần thứ hai và người vô tưởng với những cõi ấy, đạo đế không từng sanh và tập đế cũng không từng sanh.

863.

*Khổ đế **sẽ sanh** với người nào, thời tập đế **sẽ sanh** với người ấy phải chăng?* Tất cả La-hán quả và bậc sắp đắc đạo cao tột, khổ đế sẽ sanh mà tập đế chẳng phải sẽ sanh với những người ấy. Còn những người ngoài ra đó, trừ người đạo, khổ đế sẽ sanh và tập đế cũng sẽ sanh.

Hay là tập đế sẽ sanh với người nào... Phải rồi.

864.

Khổ đế sẽ sanh với người nào, thời đạo đế sẽ sanh với người ấy phải chăng? Tất cả La-hán và phàm phu vô phần, khổ đế sẽ sanh mà đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn tất cả người ngoài ra trừ đạo, khổ đế sẽ sanh và đạo đế cũng sẽ sanh.

Hay là đạo đế sẽ sanh với người nào... Phải rồi.

865.

Tập đế sẽ sanh với người nào, thời đạo đế sẽ sanh với người ấy phải chăng? Những phàm phu nào sẽ không đắc đạo, tập đế sẽ sanh mà đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người nào sẽ đắc đạo, tập đế sẽ sanh và đạo đế cũng sẽ sanh với người ấy.

Hay là đạo đế sẽ sanh với người nào, thời tập đế sẽ sanh với người ấy phải chăng? Những người sẽ đắc đạo cao tột trong thứ lớp của tâm nào, đạo đế sẽ sanh mà tập đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Một nửa, những người sẽ đắc đạo, đạo đế sẽ sanh và tập đế cũng sẽ sanh.

866.

Khổ đế sẽ sanh với cõi nào...

867.

Khổ đế sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tập đế sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực đầy đủ đạo cao tột, tất cả La-hán, những người sẽ đắc đạo cao tột trong thứ lớp của tâm nào và bậc vô tưởng với những cõi ấy, khổ đế sẽ sanh mà tập đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn những người tứ uẩn, ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, khổ đế sẽ sanh và tập đế cũng sẽ sanh.

Hay là tập đế sẽ sanh với người nào cõi nào... Phải rồi.

868.

Khổ đế sẽ sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực đầy đủ đạo cao tột, tất cả La-hán, những người phàm phu sẽ không đắc đạo, người sanh cõi ác thú và bậc vô tưởng với những cõi ấy, khổ đế sẽ sanh mà đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn những người sẽ đắc đạo cao tột trong thứ lớp của tâm nào, một nửa, những người sẽ đắc đạo với những cõi ấy, khổ đế sẽ sanh và đạo đế cũng sẽ sanh.

Hay là đạo đế sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

869.

Tập đế sẽ sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang sanh cõi Khổ thú và những người phàm phu không đắc đạo với những cõi ấy, tập đế sẽ sanh và đạo đế sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn những người nào sẽ đắc đạo với những cõi ấy, tập đế sẽ sanh và đạo đế cũng sẽ sanh.

Hay là đạo đế sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tập đế sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Những người sẽ đắc đạo cao tột trong thứ lớp của tâm nào với những cõi ấy, đạo đế sẽ sanh mà tập đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn những người nào sẽ đắc đạo với những cõi ấy, đạo đế sẽ sanh và tập đế cũng sẽ sanh.

870.

*Khổ đế **sẽ không sanh** với người nào, thời tập đế **sẽ không sanh** với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tập đế sẽ không sanh với người nào, thời khổ đế sẽ không sanh với người đó phải chăng? Tất cả La-hán và người sẽ hội hiệp đầy đủ La-hán đạo, tâm không gián đoạn của đạo cao tột, tập đế sẽ không sanh mà khổ đế sẽ sanh với người ấy. Còn trong sát-na diệt của tâm chót, tập đế sẽ không sanh và khổ đế cũng sẽ không sanh.

871.

Khổ đế sẽ không sanh với người nào, thời đạo đế sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là đạo đế sẽ không sanh với người nào, thời khổ đế sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Bực đầy đủ đạo cao tột, tất cả La-hán và những người phàm phu nào sẽ không đắc đạo, đạo đế sẽ không sanh mà khổ đế sẽ sanh với người ấy. Còn trong sát-na diệt của tâm chót, đạo đế sẽ không sanh và khổ đế cũng sẽ không sanh.

872.

Tập đế sẽ không sanh với người nào, thời đạo đế sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Người có tâm không gián đoạn của bậc đạo cao tột, tập đế sẽ không sanh mà đạo đế sẽ sanh với người ấy. Còn người sẽ hội hiệp đầy đủ với La-hán đạo, tập đế sẽ không sanh và đạo đế cũng sẽ không sanh.

Hay là đạo đế sẽ không sanh với người nào, thời tập đế sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Những người phàm phu nào sẽ không đắc đạo, đạo đế sẽ không sanh mà tập đế sẽ sanh với người ấy. Còn bậc đầy đủ đạo cao tột và tất cả La-hán, đạo đế sẽ không sanh và tập đế cũng sẽ không sanh.

873.

Khổ đế sẽ không sanh với cõi nào...

874.

Khổ đế sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời tập đế sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tập đế sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người sẽ hội hiệp đầy đủ với La-hán đạo, tâm không gián đoạn của đạo cao tột và bậc vô tưởng với những cõi ấy, tập đế sẽ không sanh mà khổ đế sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bực đầy đủ của tâm chót với những cõi ấy, tập đế sẽ không sanh và khổ đế cũng sẽ không sanh.

875.

Khổ đế sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là đạo đế sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực đầy đủ đạo cao tột, tất cả La-hán và những người phàm phu sẽ không đắc đạo, người đang sanh cõi Khổ thú và bậc vô tưởng với những cõi ấy, đạo đế sẽ không sanh mà khổ đế sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đầy đủ trong tâm chót *(pacchima)* với những cõi ấy, đạo đế sẽ không sanh và khổ đế cũng sẽ không sanh.

876.

Tập đế sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Những người sẽ đắc đạo cao tột theo thứ lớp của tâm nào với những cõi ấy, tập đế sẽ không sanh mà đạo đế sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc đầy đủ đạo cao tột, tất cả La-hán và bậc vô tưởng với những cõi ấy, tập đế sẽ không sanh và đạo đế cũng sẽ không sanh.

Hay là đạo đế sẽ không sanh với người nào cõi nào, thời tập đế sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người sanh cõi Khổ thú và những người phàm phu sẽ không đắc đạo với những cõi ấy, đạo đế sẽ không sanh mà tập đế sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc đầy đủ đạo cao tột, tất cả La-hán và bực vô tưởng với những cõi ấy, đạo đế sẽ không sanh và tập đế cũng sẽ không sanh.

877.

*Khổ đế **đang sanh** với người nào, thời tập đế **từng sanh** với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tập đế từng sanh với người nào, thời khổ đế đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử trong sát-na diệt của tâm thời bình nhựt *(pavattikāla)*,

trong sát-na sanh của tâm đạo và tâm quả ở cõi Vô sắc, tập đế từng sanh mà khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang sanh trong sát-na sanh của tâm thời bình nhựt, tập đế từng sanh và khổ đế cũng đang sanh.

878.

Khổ đế đang sanh với người nào, thời đạo đế từng sanh với người ấy phải chăng? Người chưa đắc chứng trong sát-na sanh của tâm đang sanh thời bình nhựt, khổ đế đang sanh mà đạo đế không từng sanh với người ấy. Còn người đã đắc chứng trong sát-na sanh của tâm đang sanh thời bình nhựt, khổ đế đang sanh và đạo đế cũng từng sanh.

Hay là đạo đế từng sanh với người nào, thời khổ đế đang sanh với người ấy phải chăng? Người đã đắc chứng đang tử, trong sát-na diệt nơi tâm thời bình nhựt, trong sát-na sanh của tâm đạo và tâm quả trong cõi Vô sắc, đạo đế từng sanh mà khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người đã đắc chứng đang sanh trong sát-na sanh của tâm bình nhựt, đạo đế từng sanh và khổ đế cũng đang sanh.

879.

Tập đế đang sanh với người nào, thời đạo đế từng sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh ái dục của người chưa đắc chứng, tập đế đang sanh mà đạo đế không từng sanh với người ấy. Còn sát-na sanh ái dục của bậc đã chứng, tập đế đang sanh và đạo đế cũng từng sanh.

Hay là đạo đế từng sanh với người nào, thời tập đế đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt ái dục khi tâm ly ái hiện hành của bậc đã đắc chứng và bậc nhập thiền Diệt, đạo đế từng sanh mà tập đế chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh ái dục của bậc đã đắc chứng, đạo đế từng sanh và tập đế cũng đang sanh.

880.

Khổ đế đang sanh với cõi nào...

Câu nói cõi nào *(yattha)* giống như tất cả.

881.

Khổ đế đang sanh với người nào cõi nào, thời tập đế từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm hóa sanh bậc Tịnh cư và người đang sanh cõi Vô tưởng với những cõi ấy, khổ đế đang sanh mà tập đế không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh tâm bình nhựt của người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, khổ đế đang sanh và tập đế cũng từng sanh.

Hay là tập đế từng sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt tâm bình nhựt của người đang tử trong cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn. Trong sát-na sanh nơi tâm đạo và tâm quả của người vô sắc với những cõi ấy, tập đế từng sanh mà khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh nơi tâm bình nhựt của người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, tập đế từng sanh và khổ đế cũng đang sanh.

882.

Khổ đế đang sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh nơi tâm hóa sanh của người nương Tịnh cư, sát-na sanh tâm bình nhựt của người chưa chứng và sát-na sanh của người vô tưởng và những cõi ấy, khổ đế đang sanh mà đạo đế chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh tâm bình nhựt của người đã chứng đang sanh với cõi ấy, khổ đế đang sanh và đạo đế cũng từng sanh.

Hay là đạo đế từng sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt tâm bình nhựt của bậc đã chứng đang tử, sát-na sanh của tâm đạo và quả cõi Vô sắc với những cõi ấy, đạo đế từng sanh mà khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh tâm bình nhựt của bậc đã chứng với những cõi ấy, đạo đế từng sanh và khổ đế cũng đang sanh.

883.

Tập đế đang sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh ái *(taṅhā)* của người chưa chứng với cõi ấy, tập đế đang sanh mà đạo đế chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh ái của người đã chứng với cõi ấy, tập đế đang sanh và đạo đế cũng từng sanh.

Hay là đạo đế từng sanh với người nào cõi nào, thời tập đế đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt ái khi tâm ly ái hiện hành của người đã chứng với những cõi ấy, đạo đế từng sanh mà tập đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh ái của người đã chứng với những cõi ấy, đạo đế từng sanh và tập đế cũng đang sanh.

884.

*Khổ đế **chẳng phải đang sanh** với người nào, thời tập đế **chẳng phải từng sanh** với người ấy phải chăng?* Từng sanh.

Hay là tập đế không từng sanh với người nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.

885.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với người nào, thời đạo đế không từng sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt tâm bình nhựt của người đã chứng đang tử và sát-na sanh của tâm đạo và quả ở cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh mà đạo đế từng sanh với người ấy. Còn sát-na diệt tâm bình nhựt của người chưa đắc chứng đang tử, khổ đế chẳng phải đang sanh và đạo đế cũng không từng sanh.

Hay là đạo đế không từng sanh với người nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh tâm bình nhựt của người chưa đắc chứng đang sanh, đạo đế không từng sanh mà khổ đế đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt tâm bình nhựt của người chưa chứng đang tử, đạo đế chẳng phải từng sanh và khổ đế cũng chẳng phải đang sanh.

886.

Tập đế chẳng phải đang sanh với người nào, thời đạo đế không từng sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt ái của người đã đắc chứng, tâm bất tương ưng ái hiện hành và bậc nhập thiền Diệt, tập đế chẳng phải đang sanh mà đạo đế từng sanh với người ấy. Còn sát-na diệt ái của người chưa đắc chứng, tâm bất tương ưng ái hiện hành và bậc vô tưởng, tập đế chẳng phải đang sanh và đạo đế cũng không từng sanh.

Hay là đạo đế không từng sanh với người nào, thời tập đế chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh ái của người chưa chứng, đạo đế không từng sanh mà tập đế đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt ái, tâm bất tương ưng ái hiện hành của người chưa chứng, đạo đế không từng sanh và tập đế cũng chẳng phải đang sanh.

887.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với cõi nào...

888.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời tập đế không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt tâm bình nhựt của người đang tử cõi Tứ uẩn,

Ngũ uẩn, sát-na sanh tâm đạo và quả của người nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, khổ đế chẳng phải đang sanh mà tập đế từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm hóa sanh của bậc Tịnh cư và người vô tưởng đang tử với những cõi ấy, khổ đế chẳng phải đang sanh và tập đế cũng không từng sanh.

Hay là tập đế không từng sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh tâm hóa sanh bực Tịnh cư và người vô tưởng sơ sanh, tập đế không từng sanh mà khổ đế đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt tâm hóa sanh bậc Tịnh cư và người vô tưởng đang tử với những cõi ấy, tập đế không từng sanh và khổ đế cũng chẳng phải đang sanh.

889.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt tâm bình nhựt của người đã chứng đang tử, sát-na sanh đạo và quả của người vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh mà đạo đế từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt tâm hóa sanh bậc Tịnh cư, sát-na diệt tâm bình nhựt người vô phần *(anabhisametāvīna)* và người vô tưởng đang tử với những cõi ấy, khổ đế chẳng phải đang sanh và đạo đế cũng không từng sanh.

Hay là đạo đế không từng sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh tâm hóa sanh bực Tịnh cư, sát-na sanh tâm bình nhựt của người vô phần *(anabhisamatāvīna),* người vô tưởng đang sanh, đạo đế không từng sanh mà khổ đế đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt tâm hóa sanh của người tịnh cư, sát-na diệt tâm bình nhựt của người chưa chứng *(anabhisametāvīna),* bực vô tưởng đang tử với những cõi ấy, đạo đế không từng sanh và khổ đế cũng chẳng phải đang sanh.

890.

Tập đế chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt ái của người đã chứng tâm bất tương ưng ái hiện hành, tập đế chẳng phải đang sanh mà đạo đế từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt ái của người vô phần, tâm thứ hai hiện hành của người tịnh cư, tâm bất tương ưng ái hiện hành và người vô tưởng với những cõi ấy, tập đế chẳng phải đang sanh và đạo đế cũng không từng sanh.

Hay là đạo đế không từng sanh với người nào cõi nào, thời tập đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh ái của người vô phần, đạo đế không từng sanh mà tập đế đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt ái của người vô phần, tâm hiện hành thứ hai của bậc Tịnh cư, hiện hành tâm bất tương ưng ái và người vô tưởng với những cõi ấy, đạo đế không từng sanh và tập đế cũng chẳng phải đang sanh.

891.

Khổ đế ***đang sanh*** *với người nào, thời tập đế* ***sẽ sanh*** *với người ấy phải chăng?* Sát-na sanh của đạo cao tột với tất cả tâm La-hán và sát-na sanh của tâm thứ lớp liên tiếp đạo cao tột *(arahattamagga),* khổ đế đang sanh mà tập đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm bình nhựt đang sanh của những người mà ngoài ra đó, khổ đế đang sanh và tập đế cũng sẽ sanh.

Hay là tập đế sẽ sanh với người nào, thời khổ đế đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt tâm bình nhựt của tất cả người đang tử, sát-na sanh đạo và quả của người

vô sắc, tập đế từng sanh mà khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh tâm bình nhựt đang sanh của tất cả người, tập đế sẽ sanh và khổ đế cũng đang sanh.

892.

Khổ đế đang sanh với người nào, thời đạo đế sẽ sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, sát-na sanh của tất cả tâm La-hán và sát-na sanh tâm bình nhựt *(pavattikāla)* đang sanh của người phàm phu ngoài ra thứ lớp trước đạo, khổ đế đang sanh mà tập đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn sát-na sanh tâm của người đang thứ lớp không xen hở đạo cao tột và sát-na sanh của người tâm bình nhựt đang sanh thứ lớp đạo, khổ đế đang sanh và đạo đế cũng sẽ sanh.

Hay là đạo đế sẽ sanh với người nào, thời khổ đế đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của người tâm thứ lớp liên tiếp đạo cao tột, sát-na diệt tâm bình nhựt của người thứ lớp sau đạo đang tử và sát-na sanh của đạo quả người vô sắc, đạo đế sẽ sanh mà khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na đang sanh tâm của người thứ lớp đạo, đạo đế sẽ sanh và khổ đế cũng đang sanh.

893.

Tập đế đang sanh với người nào, thời đạo đế sẽ sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh ái của người phàm phu phi thứ lớp đạo, tập đế đang sanh mà đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn sát-na sanh ái của người thứ lớp đạo, tập đế đang sanh và đạo đế cũng sẽ sanh.

Hay là đạo đế sẽ sanh với người nào, thời tập đế đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm thứ lớp liên tiếp đạo cao tột, sát-na diệt ái của người thứ lớp đạo, tâm bất tương ưng ái hiện hành, bực đang nhập thiền Diệt và người vô tưởng, đạo đế sẽ sanh mà tập đế chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh ái của người thứ lớp đạo, đạo đế sẽ sanh và tập đế cũng đang sanh.

894.

Khổ đế đang sanh với cõi nào...

Câu nói cõi nào *(yattha)* nên sắp giống như câu nói người nào cõi nào *(yassa yattha)...*

895.

Khổ đế đang sanh với người nào cõi nào, thời tập đế sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, sát-na sanh của những tâm La-hán, sát-na sanh tâm của người thứ lớp liên tiếp đạo cao tột và sát-na sơ sanh của người vô tưởng, khổ đế đang sanh mà tập đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh tâm bình nhựt của người sơ sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, khổ đế đang sanh và tập đế cũng sẽ sanh.

Hay là tập đế sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt *(bhaṅgakhaṇa)* tâm bình nhựt của người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn và sát-na sanh của đạo và quả người vô sắc, tập đế sẽ sanh mà khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na đang sanh tâm bình nhựt của người nương tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, tập đế sẽ sanh và khổ đế cũng đang sanh.

896.

Khổ đế đang sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, sát-na sanh tất cả tâm La-hán, sát-na sanh tâm bình nhựt đang sanh của phàm phu phi thứ lớp đạo và sát-na sơ sanh của người nương khổ thú và vô tưởng, khổ đế đang sanh mà đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi

ấy. Còn sát-na sanh của tâm thứ lớp liên tiếp đạo cao tột và sát-na sanh của tâm bình nhựt đang sanh của người thứ lớp đạo với những cõi ấy, khổ đế đang sanh và đạo đế cũng sẽ sanh.

Hay là đạo đế sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm thứ lớp nơi người liên tiếp đạo cao tột, sát-na diệt của người đang tử thứ lớp đạo tột và sát-na sanh đạo quả của người nương cõi Vô sắc, đạo đế sẽ sanh mà khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh tâm thứ lớp của người liên tiếp đạo cao tột và sát-na sanh tâm bình nhựt đang sanh của người thứ lớp với đạo và những cõi ấy, đạo đế sẽ sanh và khổ đế cũng đang sanh.

897.

Tập đế đang sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh ái của người phàm phu phi thứ lớp đạo, tập đế đang sanh mà đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh ái của người thứ lớp đạo với những cõi ấy, tập đế đang sanh và đạo đế cũng sẽ sanh.

Hay là đạo đế sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tập đế đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh tâm nơi người thứ lớp liên tiếp đạo cao tột, sát-na diệt ái của người thứ lớp đạo và tâm bất tương ưng ái hiện hành, đạo đế sẽ sanh mà tập đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh ái của người thứ lớp đạo với những cõi ấy, đạo đế sẽ sanh và tập đế cũng đang sanh.

898.

*Khổ đế **chẳng phải đang sanh** với người nào, thời tập đế **chẳng phải sẽ sanh** với người ấy phải chăng?* Sát-na diệt tâm bình nhựt của tất cả người đang tử, sát-na sanh đạo và quả của người nương vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh mà tập đế sẽ sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột, sát-na diệt của những tâm La-hán, sát-na diệt của tâm nơi người thứ lớp liên tiếp đạo cao tột và sát-na sanh đạo quả của người nương cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh và tập đế cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là tập đế chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, sát-na sanh của những tâm La-hán nơi người thứ lớp liên tiếp đạo cao tột, tập đế chẳng phải sẽ sanh mà khổ đế đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột, sát-na diệt của những tâm La-hán, sát-na diệt của tâm nơi người thứ lớp không xen hở đạo cao tột và sát-na sanh đạo quả của người nương cõi Vô sắc, tập đế chẳng phải sẽ sanh và khổ đế cũng chẳng phải đang sanh.

899.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với người nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Sát na diệt của tâm thứ lớp nơi tâm người không xen hở đạo cao tột, sát-na diệt của tâm bình nhựt nơi người thứ lớp đạo và sát-na sanh đạo quả của người nương cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh mà đạo đế sẽ sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột của các tâm La-hán, sát-na diệt của tâm bình nhựt, phàm phu phi thứ lớp đạo đang tử và sát-na sanh đạo quả của người nương cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh và đạo đế cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, tất cả tâm La-hán, sát-na sanh của tâm bình nhựt đang sanh nơi phàm phu phi thứ lớp đạo đang tử và sát-na sanh đạo quả của người nương cõi Vô sắc, đạo đế chẳng phải sẽ sanh và khổ đế cũng chẳng phải đang sanh.

900.

Tập đế chẳng phải đang sanh với người nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm nơi người thứ lớp không gián đoạn đạo cao tột *(arahattamagga),* tâm bất tương ưng ái hiện hành, bậc đang nhập thiền Diệt và người đang nương cõi Vô tưởng, tập đế chẳng phải đang sanh mà đạo đế sẽ sanh với người ấy. Còn bậc đầy đủ đạo cao tột và cả La-hán, sát-na diệt ái của phàm phu phi thứ lớp đạo, tâm bất tương ưng ái hiện hành, bậc nhập thiền Diệt và người nương cõi Vô tưởng, tập đế chẳng phải đang sanh và đạo đế cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời tập đế chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh ái của phàm phu phi thứ lớp đạo hiện hành, đạo đế chẳng phải sẽ sanh mà tập đế đang sanh với người ấy. Còn bực đầy đủ đạo cao tột, luôn cả La-hán, sát-na diệt ái của phàm phu phi thứ lớp đạo hiện hành, tâm bất tương ưng ái hiện hành, bực nhập thiền Diệt và người nương cõi Vô tưởng, đạo đế chẳng phải sẽ sanh và tập đế cũng chẳng phải đang sanh.

901.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với cõi nào...

902.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời tập đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm bình nhựt nơi người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, sát-na sanh đạo quả của người nương vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh mà tập đế sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm thứ lớp đạo cao tột luôn bực La-hán, sát-na diệt của tâm thứ lớp nơi người không xen hở đạo cao tột, sát-na sanh đạo quả của người nương vô sắc và người vô tưởng đang tử với những cõi ấy, khổ đế chẳng phải đang sanh và tập đế cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là tập đế chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm thứ lớp đạo luôn cả La-hán, sát-na tâm sanh của người thứ lớp không xen hở đạo cao tột và người vô tưởng đang sanh, tập đế chẳng phải sẽ sanh mà khổ đế đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm thứ lớp đạo cao tột luôn cả La-hán, sát-na diệt của tâm không xen hở thứ lớp với đạo cao tột, sát-na sanh đạo quả của người nương cõi Vô sắc và người vô tưởng đang tử với những cõi ấy, tập đế chẳng phải sẽ sanh và khổ đế cũng chẳng phải đang sanh.

903.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm thứ lớp không xen hở đạo cao tột, sát-na diệt của tâm bình nhựt người đang tử và sát-na sanh của đạo, quả người vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh mà đạo đế đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột, sát-na sanh của tâm bậc La-hán, sát-na diệt của tâm bình nhựt người phàm phu phi thứ lớp đạo đang tử, sát-na sanh đạo quả của người nương vô sắc và bực vô tưởng đang tử với những cõi ấy, khổ đế chẳng phải đang sanh và đạo đế cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, sát-na sanh của tâm La-hán, sát-na sanh của tâm bình nhựt người phàm phu phi thứ lớp đạo sơ sanh và người vô tưởng sơ sanh, đạo đế chẳng phải sẽ sanh mà khổ đế đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột, sát-na diệt của tâm La-hán, sát-na diệt của tâm

bình nhựt, phàm phu phi thứ lớp đạo đang tử, sát-na sanh của đạo quả người nương vô sắc và người vô tưởng đang tử với những cõi ấy, đạo đế chẳng phải sẽ sanh và khổ đế cũng chẳng phải đang sanh.

904.

Tập đế chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm thứ lớp nơi người không xen hở đạo cao tột, sát-na diệt ái thứ lớp đạo và tâm bất tương ưng ái hiện hành tập đế chẳng phải đang sanh mà đạo đế sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đầy đủ đạo cao tột luôn cả La-hán, sát-na diệt ái của người phàm phu phi thứ lớp đạo, tâm bất tương ưng ái hiện hành và người vô tưởng với những cõi ấy, tập đế chẳng phải đang sanh và đạo đế cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tập đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát na diệt ái nơi người phàm phu phi thứ lớp đạo và khổ thú, đạo đế chẳng phải sẽ sanh mà tập đế đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đầy đủ đạo cao tột, luôn cả La-hán, sát-na diệt ái của người phàm phi thứ lớp đạo, tâm bất tương ưng ái hiện hanh và người đang nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, đạo đế chẳng phải sẽ sanh và tập đế cũng chẳng phải đang sanh.

905.

*Khổ đế **từng sanh** với người nào, thời tập đế **sẽ sanh** với người ấy phải chăng?* Người đầy đủ đạo cao tột *(arahattamagga)* luôn cả tâm La-hán và tâm người thứ lớp không xen hở đạo cao tột, khổ đế từng sanh mà tập đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, khổ đế từng sanh và tập đế cũng sẽ sanh.

Hay là tập đế sẽ sanh với người nào, thời khổ đế từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

906.

Khổ đế từng sanh với người nào, thời đạo đế sẽ sanh với người ấy phải chăng? Những người đầy đủ đạo cao tột, luôn cả La-hán và phàm phu phi thứ lớp đạo, khổ đế từng sanh mà đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn sát-na sanh tâm người thứ lớp đạo cao tột không xen hở và người thứ lớp đạo, khổ đế từng sanh và đạo đế cũng sẽ sanh.

Hay là đạo đế sẽ sanh với người nào... Phải rồi.

907.

Tập đế từng sanh với người nào, thời đạo đế sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bực đầy đủ đạo cao tột, luôn cả La-hán và phàm phu phi thứ lớp đạo, tập đế từng sanh mà đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn tâm của người thứ lớp không xen hở đạo cao tột và người thứ lớp đạo, tập đế từng sanh và đạo đế cũng sẽ sanh.

Hay là đạo đế sẽ sanh với người nào... Phải rồi.

908.

Khổ đế từng sanh với cõi nào...

909.

Khổ đế từng sanh với người nào cõi nào, thời tập đế sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực đầy đủ đạo cao tột luôn cả La-hán, người thứ lớp đạo không xen hở và bậc vô tưởng, khổ đế từng sanh mà tập đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn

người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, khổ đế từng sanh và tập đế cũng sẽ sanh.

Hay là tập đế sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người sơ sanh cõi Tịnh cư, tập đế sẽ sanh mà khổ đế không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tập đế sẽ sanh và khổ đế cũng từng sanh.

910.

Khổ đế từng sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực tề toàn quả cao thượng *(arahattaphala)* luôn cả La-hán, kẻ phàm phu phi thứ lớp đạo, người vô tưởng và ác thú, khổ đế từng sanh mà đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm thứ lớp không xen hở đạo cao thượng *(arahattamagga)* và người thứ lớp đạo với những cõi ấy, khổ đế từng sanh và đạo đế cũng sẽ sanh.

Hay là đạo đế sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người sơ sanh cõi Tịnh cư, đạo đế sẽ sanh mà khổ đế không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm thứ lớp nơi người không xen hở đạo cao tột và người thứ lớp đạo với những cõi ấy, đạo đế sẽ sanh và khổ đế cũng từng sanh.

911.

Tập đế từng sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực tề toàn đạo cao tột, luôn cả La-hán, người phàm phu phi thứ lớp đạo và khổ thú, tập đế từng sanh mà đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm thứ lớp không xen hở đạo cao tột và người thứ lớp đạo với những cõi ấy, tập đế từng sanh và khổ đế cũng sẽ sanh.

Hay là đạo đế sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tập đế từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai của người nương Tịnh cư đang hiện hành, đạo đế sẽ sanh mà tập đế không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm thứ lớp không xen hở đạo cao tột và người liên tiếp đạo với những cõi ấy, đạo đế sẽ sanh và khổ đế cũng từng sanh.

912.

Khổ đế ***không từng sanh*** *với người nào, thời tập đế* ***chẳng phải sẽ sanh*** *với người ấy phải chăng?* Không có.

Hay là tập đế chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời khổ đế không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

913.

Khổ đế không từng sanh với người nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời khổ đế không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

914.

Tập đế không từng sanh với người nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời tập đế không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

915.

Khổ đế không từng sanh với cõi nào...

916.

Khổ đế không từng sanh với người nào cõi nào, thời tập đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sẽ sanh.

Hay là tập đế chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Từng sanh.

917.

Khổ đế không từng sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sẽ sanh.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khổ đế không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Từng sanh.

918.

Tập đế không từng sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai của bậc nương Tịnh cư đang hiện hành, tập đế chẳng phải từng sanh mà đạo đế sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương vô tưởng với những cõi ấy, tập đế không từng sanh và đạo đế cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tập đế không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực tề toàn đạo cao tột, luôn cả La-hán, kẻ phàm phu phi thứ lớp đạo và người khổ thú, đạo đế chẳng phải sẽ sanh mà tập đế từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, đạo đế chẳng phải sẽ sanh và tập đế cũng không từng sanh.

Dứt phần sanh

Phần Diệt *(Nirodhavāra)*

919.

*Khổ đế **đang diệt** với người nào, thời tập đế **đang diệt** với người ấy phải chăng?* Tất cả người đang tử, sát-na diệt của tâm bất tương ưng ái hiện hành, khổ đế đang diệt mà tập đế chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt ái, khổ đế đang diệt và tập đế cũng đang diệt.

Hay là tập đế đang diệt với người nào, thời khổ đế đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

920.

Khổ đế đang diệt với người nào, thời đạo đế đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt tâm bất tương ưng đạo thời bình nhựt *(pavattikāla)* và tất cả người đang tử, khổ đế đang diệt mà đạo đế chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn sát-na đạo diệt của người nương cõi Ngũ uẩn, khổ đế đang diệt và đạo đế cũng đang diệt.

Hay là đạo đế đang diệt với người nào, thời khổ đế đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na đạo diệt cõi Vô sắc, đạo đế đang diệt mà khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn sát-na đạo diệt của người nương cõi Ngũ uẩn, đạo đế đang diệt và khổ đế cũng đang diệt.

921.

Tập đế đang diệt với người nào, thời đạo đế đang diệt với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là đạo đế đang diệt với người nào, thời tập đế đang diệt với người ấy phải chăng? Không có.

922.

Khổ đế đang diệt với cõi nào, thời tập đế đang diệt với cõi ấy phải chăng?

Khổ đế đang diệt với cõi nào là cõi Vô tưởng.

Câu nói cõi nào *(yattha)* trong phần sanh *(uppādavāra)*, trong phần diệt *(nirodhavāra)*, trong phần sanh và diệt, như nhau, đều không khác.

923.

Khổ đế đang diệt với người nào cõi nào...

Dù nói người nào *(yassa)* cõi nào *(yattha)* nên sắp theo cách phân rộng.

924.

*Khổ đế **chẳng phải đang diệt** với người nào, thời tập đế **chẳng phải đang diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tập đế chẳng phải đang diệt với người nào, thời khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và sát-na diệt của tâm bất tương ưng ái bình nhựt, tập đế chẳng phải đang diệt mà khổ đế đang diệt với người ấy. Còn tất cả người sơ sanh, sát-na sanh của tâm bình nhựt và sát-na diệt đạo quả của người nương vô sắc, tập đế chẳng phải đang diệt và khổ đế cũng chẳng phải đang diệt.

925.

Khổ đế chẳng phải đang diệt với người nào, thời đạo đế chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt đạo của bực nương vô sắc, khổ đế chẳng phải đang diệt mà đạo đế đang diệt với người ấy. Còn tất cả người sơ sanh, sát-na sanh của tâm bình nhựt và sát-na diệt tâm quả siêu thế nơi người nương cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang diệt và đạo đế cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải đang diệt với người nào, thời khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và sát-na diệt của tâm bất tương ưng đạo bình nhựt, đạo đế chẳng phải đang diệt mà khổ đế đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh, sát-na sanh của tâm bình nhựt và sát-na diệt quả siêu thế nơi người nương cõi Vô sắc, đạo đế chẳng phải đang diệt và khổ đế cũng chẳng phải đang diệt.

926.

Tập đế chẳng phải đang diệt với người nào, thời đạo đế chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm đạo, tập đế chẳng phải đang diệt mà đạo đế đang diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tất cả tâm, sát-na diệt của tâm bất tương ưng ái, bất tương ưng đạo, bậc nhập thiền Diệt và người vô tưởng, tập đế chẳng phải đang diệt và đạo đế cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải đang diệt với người nào, thời tập đế chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của ái, đạo đế chẳng phải đang diệt mà tập đế đang diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tất cả tâm, sát-na diệt của tâm bất tương ưng ái, bất tương ưng đạo, bậc nhập thiền Diệt và người vô tưởng, đạo đế chẳng phải đang diệt và tập đế cũng chẳng phải đang diệt.

927.

Khổ đế chẳng phải đang diệt với cõi nào...

928.

Khổ đế chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào...

Nói người nào *(yassa)* cõi nào *(yattha)* cũng như thế.

Một cách nữa, không nên để câu nhập thiền Diệt trong bài người và cõi.

929.

Khổ đế từng diệt với người nào, thời tập đế từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Câu hỏi quá khứ trong phần sanh *(uppādavāra)* luôn cả thuận tùng *(anuloma)* và đối lập *(paccaniya),* Phật Ngài đã phân ra như thế nào thì trong phần diệt *(nirodhavāra)* cũng như thế ấy, không có cách nào khác hơn nữa.

930.

*Khổ đế **sẽ diệt** với người nào, thời tập đế **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Bực tề toàn đạo cao tột luôn cả La-hán và sát-na sanh của tâm thứ lớp nơi người không xen hở đạo cao tột, khổ đế sẽ diệt mà tập đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, khổ đế sẽ diệt và tập đế cũng sẽ diệt.

Hay là tập đế sẽ diệt với người nào... Phải rồi.

931.

Khổ đế sẽ diệt với người nào, thời đạo đế sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo cao tột, luôn cả La-hán và phàm phu phi thứ lớp đạo, khổ đế sẽ diệt mà đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của đạo cao tột, tâm thứ lớp không xen hở đạo cao tột và người thứ lớp đạo, khổ đế sẽ diệt và đạo đế cũng sẽ diệt.

Hay là đạo đế sẽ diệt với người nào... Phải rồi.

932.

Tập đế sẽ diệt với người nào, thời đạo đế sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người phàm phu phi thứ lớp đạo, tập đế sẽ diệt mà đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn người thứ lớp đạo, tập đế sẽ diệt và đạo đế cũng sẽ diệt.

Hay là đạo đế sẽ diệt với người nào, thời tập đế sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của La-hán đạo và tâm thứ lớp của người sẽ đắc đạo La-hán, đạo đế sẽ diệt mà tập đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn người sẽ đắc đạo, đạo đế sẽ diệt và tập đế cũng sẽ diệt.

933.

Khổ đế sẽ diệt với cõi nào...

934.

Khổ đế sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tập đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực tề toàn đạo cao tột luôn cả La-hán, tâm của người sẽ đắc đạo cao tột không xen hở và người nương cõi Vô tưởng, khổ đế sẽ diệt mà tập đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, khổ đế sẽ diệt và tập đế cũng sẽ diệt.

Dù nói người nào *(yassa)* cõi nào *(yattha)* hay người nào cõi nào *(yassa yattha)* cũng giống như nhau.

935.

*Khổ đế **chẳng phải sẽ diệt** với người nào, thời tập đế **chẳng phải sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tập đế chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời khổ đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Bực tề toàn đạo cao tột, luôn cả La-hán và tâm của bực thứ lớp sẽ chứng không xen hở đạo cao tột, tập đế chẳng phải sẽ diệt mà khổ đế sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót nơi người ấy, tập đế chẳng phải sẽ diệt và khổ đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

936.

Khổ đế chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời khổ đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo cao tột luôn cả La-hán và kẻ phàm phu phi sẽ đắc đạo, đạo đế chẳng phải sẽ diệt mà khổ đế sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót nơi người ấy, đạo đế chẳng phải sẽ diệt và khổ đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

937.

Tập đế chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, tâm của bậc thứ lớp đạo không xen hở, tập đế chẳng phải sẽ diệt mà đạo đế sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột luôn cả La-hán, tập đế chẳng phải sẽ diệt và đạo đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời tập đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Kẻ phàm phu sẽ không đắc đạo, đạo đế chẳng phải sẽ diệt mà tập đế sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột luôn cả bực La-hán, đạo đế chẳng phải sẽ diệt và tập đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

938.

Khổ đế chẳng phải sẽ diệt với cõi nào...

939.

Khổ đế chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tập đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tập đế chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực tề toàn đạo cao tột, luôn cả La-hán và tâm của người sẽ đắc đạo cao tột thứ lớp không xen hở và bậc vô tưởng, tập đế chẳng phải sẽ diệt mà đạo đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt nơi tâm chót của người ấy cõi ấy, tập đế chẳng phải sẽ diệt và khổ đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

940.

Khổ đế chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo cao tột, luôn cả La-hán, người phàm phu sẽ không đắc đạo, người khổ thú và bậc vô tưởng, đạo đế chẳng phải sẽ diệt mà khổ đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót nơi người ấy cõi ấy. Đạo đế chẳng phải sẽ diệt và khổ đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

941.

Tập đế chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột và tâm của bậc sẽ đắc đạo không xen hở, tập đế chẳng phải sẽ diệt mà đạo đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột, luôn cả La-hán và người nương vô tưởng với những cõi ấy, tập đế chẳng phải sẽ diệt và đạo đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tập đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Kẻ khổ thú và phàm phu sẽ không đắc đạo, đạo đế chẳng phải sẽ diệt mà khổ đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm đạo cao tột, luôn cả La-hán và người vô tưởng với những cõi ấy, đạo đế chẳng phải sẽ diệt và tập đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

942.

Khổ đế ***đang diệt*** *với người nào, thời tập đế* ***từng diệt*** *với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tập đế từng diệt với người nào, thời khổ đế đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh, sát-na sanh của tâm bình nhựt và sát-na diệt của đạo quả người nương cõi Vô sắc, tập đế từng diệt mà khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang tử và sát-na diệt của tâm bình nhựt, tập đế từng diệt và khổ đế cũng đang diệt.

943.

Khổ đế đang diệt với người nào, thời đạo đế từng diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt tâm bình nhựt của người chưa đắc chứng đang tử, khổ đế đang diệt mà đạo đế không từng diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm bình nhựt nơi người đã đắc chứng đang tử, khổ đế đang diệt và đạo đế cũng từng diệt.

Hay là đạo đế từng diệt với người nào, thời khổ đế đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh tâm bình nhựt của người đã đắc chứng đang sanh và sát-na diệt đạo quả của người nương cõi Vô sắc, đạo đế từng diệt mà khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn sát-na diệt tâm bình nhựt của người đã đắc chứng đang tử, đạo đế từng diệt và khổ đế cũng đang diệt.

944.

Tập đế đang diệt với người nào, thời đạo đế từng diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt ái của người chưa đắc chứng, tập đế đang diệt mà đạo đế không từng diệt với người ấy. Còn sát-na diệt ái của người đã đắc chứng, tập đế đang diệt và đạo đế cũng từng diệt.

Hay là đạo đế từng diệt với người nào, thời tập đế đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh ái của người đã đắc chứng, tâm bất tương ưng ái hiện hành và bực nhập thiền Diệt. Đạo đế từng diệt mà tập đế chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn sát-na diệt ái của người đã đắc chứng, đạo đế từng diệt và tập đế cũng đang diệt.

945.

Khổ đế đang diệt với cõi nào...

946.

Khổ đế đang diệt với người nào cõi nào, thời tập đế từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm hóa sanh nơi Tịnh cư và người vô tưởng đang tử, khổ đế đang diệt mà tập đế chẳng phải từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh tâm bình nhựt của người nương tứ uẩn, Ngũ uẩn đang tử với những cõi ấy, mà ngoài ra đó, khổ đế đang diệt và tập đế cũng từng diệt.

Hay là tập đế từng diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh tâm bình nhựt của người đang sanh nơi cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn và sát-na diệt đạo quả của người vô sắc, tập đế từng diệt mà khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt tâm bình nhựt của người nương tứ uẩn, Ngũ uẩn đang tử với những cõi ấy, tập đế từng diệt và khổ đế cũng đang diệt.

947.

Khổ đế đang diệt với người nào cõi nào, thời đạo đế từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm hóa sanh nơi Tịnh cư và sát-na diệt tâm bình nhựt của người chưa đắc chứng đang tử và bực vô tưởng đang tử, khổ đế đang diệt mà đạo đế

chẳng phải từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt tâm bình nhựt của người đã đắc chứng đang tử với những cõi ấy, khổ đế đang diệt và đạo đế cũng từng diệt.

Hay là đạo đế từng diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt tâm bình nhựt của người đã đắc chứng đang sanh và sát-na diệt đạo quả bực nương vô sắc, đạo đế từng diệt mà khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt tâm bình nhựt của người đã đắc chứng đang tử với những cõi ấy, đạo đế từng diệt và khổ đế cũng đang diệt.

948.

Tập đế đang diệt với người nào cõi nào, thời đạo đế từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt ái của người chưa đắc chứng, tập đế đang diệt mà đạo đế không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt ái của người đã đắc chứng với những cõi ấy, tập đế đang diệt và đạo đế cũng từng diệt.

Hay là đạo đế từng diệt với người nào cõi nào, thời tập đế đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh ái của người đã chứng và tâm bất tương ưng ái hiện hành, đạo đế từng diệt mà tập đế chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt ái của người đã đắc chứng với những cõi ấy, đạo đế từng diệt và tập đế cũng đang diệt.

949.

*Khổ đế **chẳng phải đang diệt** với người nào, thời tập đế **chẳng phải từng diệt** với người ấy phải chăng?* Từng diệt.

Hay là tập đế chẳng phải từng diệt với người nào, thời khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Không có.

950.

Khổ đế chẳng phải đang diệt với người nào, thời đạo đế chẳng phải từng diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh tâm bình nhựt của người đã chứng đang sanh ra và sát-na diệt đạo quả của người vô sắc, khổ đế chẳng phải đang diệt mà đạo đế từng diệt với người ấy. Còn sát-na sanh tâm bình nhựt của người chưa đắc chứng đang sanh, khổ đế chẳng phải đang diệt và đạo đế cũng chẳng phải từng diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải từng diệt với người nào, thời khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt tâm bình nhựt của người chưa đắc chứng đang tử, đạo đế chẳng phải từng diệt mà khổ đế đang diệt với người ấy. Còn sát-na sanh tâm bình nhựt của người chưa chứng đang sanh, đạo đế chẳng phải từng diệt và khổ đế cũng chẳng phải đang diệt.

951.

Tập đế chẳng phải đang diệt với người nào, thời đạo đế chẳng phải từng diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh ái của người đã chứng, tâm bất tương ưng ái hiện hành và người đang nhập thiền Diệt, tập đế chẳng phải đang diệt mà đạo đế từng diệt với người ấy. Còn sát-na sanh ái của người chưa chứng, tâm bất tương ưng ái hiện hành và người nương cõi Vô tưởng, tập đế chẳng phải đang diệt và đạo đế cũng chẳng phải từng diệt.

Hay là đạo đế không từng diệt với người nào, thời tập đế chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt ái của người chưa chứng, đạo đế chẳng phải từng diệt mà khổ đế đang diệt với người ấy. Còn sát-na sanh ái của người đã chứng, tâm bất tương ưng ái hiện hành và người nương cõi Vô tưởng, đạo đế chẳng phải từng diệt và tập đế cũng chẳng phải đang diệt.

952.

Khổ đế chẳng phải đang diệt với cõi nào...

953.

Khổ đế chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời tập đế chẳng phải từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh tâm bình nhựt của người cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn đang sanh và sát-na diệt đạo quả của người nương cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang diệt mà tập đế từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm hóa sanh nơi Tịnh cư và người vô tưởng đang sanh với những cõi ấy, khổ đế chẳng phải đang diệt và tập đế cũng chẳng phải từng diệt.

Hay là tập đế không từng diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm hóa sanh nơi Tịnh cư và người vô tưởng đang tử, tập đế chẳng phải từng diệt mà đạo đế đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm hóa sanh nơi Tịnh cư và người vô tưởng đang sanh với những cõi ấy, tập đế chẳng phải từng diệt và khổ đế cũng chẳng phải đang diệt.

954.

Khổ đế chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời đạo đế chẳng phải từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm bình nhựt người đã chứng đang sanh và sát-na diệt đạo quả của người nương vô sắc, khổ đế chẳng phải đang diệt mà đạo đế từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm hóa sanh nơi Tịnh cư, sát-na sanh tâm bình nhựt của người chưa chứng đang sanh và bực vô tưởng đang sanh với những cõi ấy, khổ đế chẳng phải đang diệt và đạo đế cũng chẳng phải từng diệt.

Hay là đạo đế không từng diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm hóa sanh nơi Tịnh cư, sát-na diệt tâm bình nhựt của người chưa chứng đang tử và người vô tưởng đang tử, đạo đế chẳng phải từng diệt mà khổ đế đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm hóa sanh nơi Tịnh cư, sát-na sanh tâm bình nhựt của người chưa chứng đang sanh và người vô tưởng đang sanh với những cõi ấy, đạo đế chẳng phải từng diệt và khổ đế cũng chẳng phải đang diệt.

955.

Tập đế chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời đạo đế chẳng phải từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh ái của người đã chứng và tâm bất tương ưng ái hiện hành, tập đế chẳng phải đang diệt mà đạo đế từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn tâm thứ hai hiện hành nơi Tịnh cư, sát-na sanh ái của người chưa chứng, tâm bất tương ưng ái hiện hành và người nương vô tưởng với những cõi ấy, tập đế chẳng phải đang diệt và đạo đế cũng chẳng phải từng diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải từng diệt với người nào cõi nào, thời tập đế chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt ái của người chưa chứng, đạo đế chẳng phải từng diệt mà tập đế đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn tâm thứ hai nơi Tịnh cư hiện hành, sát-na sanh ái của người chưa chứng, tâm bất tương ưng ái hiện hành và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, đạo đế chẳng phải từng diệt và tập đế cũng chẳng phải đang diệt.

956.

*Khổ đế **đang diệt** với người nào, thời tập đế **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Sát-na diệt của đạo cao tột, sát-na diệt của tâm La-hán, sát-na diệt của tâm thứ lớp không xen hở đạo cao tột, khổ đế đang diệt mà tập đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na

diệt tâm bình nhựt của người đang tử ngoài ra đó, khổ đế đang diệt và tập đế cũng sẽ diệt.

Hay là tập đế sẽ diệt với người nào, thời khổ đế đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm bình nhựt nơi tất cả người đang sanh và sát-na diệt đạo quả của người nương vô sắc, tập đế sẽ diệt mà khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn sát-na diệt tâm bình nhựt của tất cả người đang tử, tập đế sẽ diệt và khổ đế cũng đang diệt.

957.

Khổ đế đang diệt với người nào, thời đạo đế sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo cao tột, sát-na diệt của tâm La-hán và sát-na diệt của tâm bình nhựt của phàm phu phi thứ lớp đạo đang tử, khổ đế đang diệt mà đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm nơi người thứ lớp đạo không xen hở và sát-na diệt tâm bình nhựt của người thứ lớp đạo đang tử, khổ đế đang diệt và đạo đế cũng sẽ diệt.

Hay là đạo đế sẽ diệt với người nào, thời khổ đế đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, sát-na sanh của tâm nơi người thứ lớp không xen hở đạo cao tột, sát-na sanh của tâm bình nhựt nơi người thứ lớp đạo đang sanh và sát-na diệt đạo quả của người nương cõi Vô sắc, đạo đế sẽ diệt mà khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm nơi người thứ lớp không xen hở đạo cao tột và sát-na diệt của tâm bình nhựt nơi người thứ lớp đạo, đạo đế sẽ diệt và khổ đế cũng đang diệt.

958.

Tập đế đang diệt với người nào, thời đạo đế sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt ái của phàm phu phi thứ lớp đạo, tập đế đang diệt mà đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na diệt ái của người thứ lớp đạo, tập đế đang diệt và đạo đế cũng sẽ diệt.

Hay là đạo đế sẽ diệt với người nào, thời tập đế đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, sát-na sanh của tâm nơi người thứ lớp không xen hở đạo cao tột, sát-na sanh ái của người thứ lớp đạo, tâm bất tương ưng ái hiện hành và bậc nhập thiền Diệt với người nương cõi Vô tưởng, đạo đế sẽ diệt mà tập đế chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn sát-na diệt ái nơi người thứ lớp đạo, đạo đế sẽ diệt và tập đế cũng đang diệt.

959.

Khổ đế đang diệt với cõi nào...

960.

Khổ đế đang diệt với người nào cõi nào, thời tập đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của người đạo cao tột, sát-na diệt của tâm La-hán, sát-na diệt của tâm nơi người thứ lớp không xen hở đạo cao tột và người vô tưởng đang tử, khổ đế đang diệt mà tập đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm bình nhựt nơi người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, khổ đế đang diệt và tập đế cũng sẽ diệt.

Hay là tập đế sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm bình nhựt nơi người sơ sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn và sát-na diệt đạo quả nơi người nương cõi Vô sắc, tập đế sẽ diệt mà khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm bình nhựt nơi người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, tập đế sẽ diệt và khổ đế cũng đang diệt.

961.

Khổ đế đang diệt với người nào cõi nào, thời đạo đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo cao tột, sát-na diệt của tâm La-hán, sát-na diệt của tâm bình nhựt nơi phàm phu phi thứ lớp đạo đang tử, người khổ thú và bực vô tưởng đang tử, khổ đế đang diệt mà đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm đạo cõi Ngũ uẩn, sát-na diệt của tâm nơi người thứ lớp không xen hở đạo cao tột và sát-na diệt của tâm bình nhựt nơi người thứ lớp đạo với những cõi ấy, khổ đế đang diệt và đạo đế cũng sẽ diệt.

Hay là đạo đế sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, sát-na sanh của tâm nơi người thứ lớp không xen hở đạo cao tột, sát-na sanh của tâm bình nhựt nơi người thứ lớp đạo đang sanh và sát-na diệt đạo quả của người nương cõi Vô sắc, đạo đế sẽ diệt mà khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm đạo cõi Ngũ uẩn sát-na diệt của tâm nơi người thứ lớp không xen hở đạo cao tột và sát-na diệt của tâm bình nhựt nơi người thứ lớp đạo đang tử với những cõi ấy, đạo đế sẽ diệt và khổ đế cũng đang diệt.

962.

Tập đế đang diệt với người nào cõi nào, thời đạo đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt ái của phàm phu phi thứ lớp đạo và người khổ thú, tập đế đang diệt mà đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt ái của người thứ lớp đạo với những cõi ấy, tập đế đang diệt và đạo đế cũng sẽ diệt.

Hay là đạo đế sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tập đế đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm đạo cao tột, sát-na sanh của tâm nơi người thứ lớp không xen hở đạo cao tột sát-na sanh ái của bực thứ lớp đạo và tâm bất tương ưng ái hiện hành, đạo đế sẽ diệt mà tập đế chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt ái của người thứ lớp đạo với những cõi ấy, đạo đế sẽ diệt và tập đế cũng đang diệt.

963.

Khổ đế ***chẳng phải đang diệt*** *với người nào, thời tập đế* ***chẳng phải sẽ diệt*** *với người ấy phải chăng?* Sát-na sanh của tâm bình nhựt nơi tất cả người đang sanh và sát-na diệt đạo quả của người nương vô sắc, khổ đế chẳng phải đang diệt mà tập đế sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của đạo cao tột, sát-na sanh của tâm La-hán, sát-na sanh của tâm nơi người thứ lớp không xen hở đạo cao tột và sát-na diệt đạo quả của người nương cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang diệt và tập đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tập đế chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo cao tột, sát-na diệt của tâm La-hán, sát-na diệt của tâm nơi người thứ lớp không xen hở đạo cao tột, tập đế chẳng phải sẽ diệt mà khổ đế đang diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của đạo cao tột, sát-na sanh của tâm La-hán, sát-na sanh của tâm nơi người thứ lớp không xen hở đạo cao tột và sát-na diệt đạo quả của người nương cõi Vô sắc, tập đế chẳng phải sẽ diệt và khổ đế cũng chẳng phải đang diệt.

964.

Khổ đế chẳng phải đang diệt với người nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, sát-na diệt của tâm nơi người thứ lớp không gián đoạn đạo cao tột, sát-na sanh của tâm bình nhựt nơi người thứ lớp đạo đang sanh và sát-na diệt của đạo quả nơi người nương cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang diệt mà đạo đế sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm La-hán, sát-na sanh của tâm bình nhựt, phàm phu phi thứ lớp đạo đang sanh và sát-na diệt của đạo quả nơi

người nương cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang diệt và đạo đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo cao tột, sát-na diệt của tâm La-hán và sát-na diệt của tâm bình nhựt, người phàm phu phi thứ lớp đạo đang tử, đạo đế chẳng phải sẽ diệt mà khổ đế đang diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm La-hán, sát-na sanh của tâm bình nhựt phàm phu phi thứ lớp đạo đang sanh và sát-na diệt đạo quả của người nương cõi Vô sắc, đạo đế chẳng phải sẽ diệt và khổ đế cũng chẳng phải đang diệt.

965.

Tập đế chẳng phải đang diệt với người nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm đạo cao tột, sát-na sanh của tâm người thứ lớp không xen hở đạo cao tột, sát-na sanh ái của bực thứ lớp đạo, tâm bất tương ưng ái hiện hành, người đang nhập thiền Diệt và bậc vô tưởng, tập đế chẳng phải đang diệt mà đạo đế sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm đạo cao tột luôn cả La-hán, sát-na sanh ái của người phàm phu phi thứ lớp đạo, tâm bất tương ưng ái hiện hành, người đang nhập thiền Diệt và bậc vô tưởng, tập đế chẳng phải đang diệt và đạo đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời tập đế chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt ái của người phàm phu phi thứ lớp đạo, đạo đế chẳng phải sẽ diệt mà tập đế đang diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột luôn cả La-hán, sát-na sanh ái của phàm phu phi thứ lớp đạo, tâm bất tương ưng ái hiện hành, người đang nhập thiền Diệt và bậc vô tưởng, đạo đế chẳng phải sẽ diệt và tập đế cũng chẳng phải đang diệt.

966.

Khổ đế chẳng phải đang diệt với cõi nào...

967.

Khổ đế chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời tập đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm bình nhựt nơi người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn và sát-na diệt của đạo quả bực nương cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang diệt mà đạo đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của đạo cao tột, sát-na sanh của những tâm La-hán, sát-na sanh của tâm nơi người thứ lớp không xen hở đạo cao tột, sát-na diệt của đạo quả nơi người vô sắc và bực vô tưởng đang sanh với những cõi ấy, khổ đế chẳng phải đang diệt và tập đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tập đế chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, sát-na diệt của những tâm La-hán, sát-na diệt của tâm nơi bực thứ lớp không xen hở đạo cao tột và người vô tưởng đang tử, tập đế chẳng phải sẽ diệt mà khổ đế đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm đạo cao tột, sát-na sanh của những tâm La-hán, sát-na sanh của tâm bực thứ lớp không xen hở đạo cao tột, sát-na diệt của đạo quả nơi người nương vô sắc và bực vô tưởng đang sanh với những cõi ấy, tập đế chẳng phải sẽ diệt và khổ đế cũng chẳng phải đang diệt.

968.

Khổ đế chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột cõi Ngũ uẩn, sát-na sanh của tâm bực thứ lớp không xen hở đạo cao tột, sát-na sanh của tâm bình nhựt nơi người

thứ lớp đạo đang sanh và sát-na diệt đạo quả của người nương cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang diệt mà đạo đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của những tâm La-hán, sát-na sanh của tâm bình nhựt nơi phàm phu phi thứ lớp đạo đang sanh, sát-na diệt đạo quả của người nương vô sắc và bực vô tưởng đang sanh với những cõi ấy, khổ đế chẳng phải đang diệt và đạo đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo cao tột, sát-na diệt của những tâm La-hán, sát-na diệt của tâm bình nhựt, phàm phu phi thứ lớp đạo đang tử. Người vô tưởng và ác thú đang tử, đạo đế chẳng phải sẽ diệt mà khổ đế đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm La-hán, sát-na sanh của tâm bình nhựt, kẻ phàm phu phi thứ lớp đạo đang sanh, sát-na diệt của đạo quả nơi người nương cõi Vô sắc, người vô tưởng và ác thú đang sanh với những cõi ấy, đạo đế chẳng phải sẽ diệt và khổ đế cũng chẳng phải đang diệt.

969.

Tập đế chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, sát-na sanh của tâm bực thứ lớp không xen hở đạo cao tột, sát-na sanh ái nơi người thứ lớp đạo và tâm bất tương ưng ái hiện hành, tập đế chẳng phải đang diệt mà đạo đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột luôn cả La-hán, sát-na sanh ái của phàm phu phi thứ lớp đạo, tâm bất tương ưng ái hiện hành và người vô tưởng với những cõi ấy, tập đế chẳng phải đang diệt và đạo đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tập đế chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy, phải chăng? Sát-na diệt ái của khổ thú và người phàm phi thứ lớp đạo, đạo đế chẳng phải sẽ diệt mà tập đế đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột, luôn cả La-hán, sát-na sanh ái của phàm phu phi thứ lớp đạo, tâm bất tương ưng ái hiện hành và người vô tưởng với những cõi ấy, đạo đế chẳng phải sẽ diệt và tập đế cũng chẳng phải đang diệt.

970.

*Khổ đế **từng diệt** với người nào, thời tập đế **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Bực tề toàn đạo cao tột, luôn cả tâm La-hán và bực thứ lớp không xen hở đạo cao tột, khổ đế từng diệt mà tập đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, tập đế từng diệt và khổ đế cũng sẽ diệt.

Hay là tập đế chẳng phải sẽ diệt với người nào... Phải rồi.

971.

Khổ đế từng diệt với người nào, thời đạo đế sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo cao tột luôn cả La-hán và phàm phu phi thứ lớp đạo, khổ đế từng diệt mà đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm đạo cao tột, bực thứ lớp không xen hở đạo cao tột và người thứ lớp đạo, khổ đế từng diệt và đạo đế cũng sẽ diệt.

Hay là đạo đế sẽ diệt với người nào... Phải rồi.

972.

Tập đế từng diệt với người nào, thời đạo đế sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo cao tột luôn cả La-hán và phàm phu phi thứ lớp đạo, tập đế từng diệt mà đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm đạo cao tột với bực

thứ lớp không xen hở đạo cao tột và người thứ lớp đạo, tập đế từng diệt và đạo đế cũng sẽ diệt.

Hay là đạo đế sẽ diệt với người nào... Phải rồi.

973.

Khổ đế từng diệt với cõi nào...

974.

Khổ đế từng diệt với người nào cõi nào, thời tập đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực tề toàn đạo cao tột luôn cả La-hán với tâm của người thứ lớp không xen hở đạo cao tột và bực vô tưởng, khổ đế từng diệt mà tập đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người tứ uẩn, ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, khổ đế từng diệt và tập đế cũng sẽ diệt.

Hay là tập đế sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực đang sanh cõi Tịnh cư, tập đế sẽ diệt mà khổ đế chẳng phải từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tập đế sẽ diệt và khổ đế cũng từng diệt.

975.

Khổ đế từng diệt với người nào cõi nào, thời đạo đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo cao tột, luôn cả La-hán, phàm phu chẳng phải sẽ đắc đạo, kẻ khổ thú và người nương cõi Vô tưởng, khổ đế từng diệt mà đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của đạo cao tột, tâm của người thứ lớp không xen hở đạo cao tột và bực sẽ đắc đạo với những cõi ấy, khổ đế từng diệt và đạo đế cũng sẽ diệt.

Hay là đạo đế sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực Tịnh cư sơ sanh, đạo đế sẽ diệt mà khổ đế chẳng phải từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của đạo cao tột, tâm của bực thứ lớp không xen hở đạo cao tột và người sẽ đắc đạo với những cõi ấy, đạo đế sẽ diệt và khổ đế cũng từng diệt.

976.

Tập đế từng diệt với người nào cõi nào, thời đạo đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo cao tột luôn cả La-hán, phàm phu chẳng phải sẽ đắc đạo và kẻ khổ thú, tập đế từng diệt mà khổ đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của đạo cao tột, tâm của bực thứ lớp không xen hở đạo cao tột và bực sẽ đắc đạo với những cõi ấy, tập đế từng diệt và đạo đế cũng sẽ diệt.

Hay là đạo đế sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tập đế từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai hiện hành của bậc Tịnh cư, đạo đế sẽ diệt mà tập đế không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của đạo cao tột, tâm bực thứ lớp không xen hở đạo cao tột và người sẽ đắc đạo với những cõi ấy, đạo đế sẽ diệt và tập đế cũng từng diệt.

977.

Khổ đế ***không từng diệt*** *với người nào, thời tập đế* ***chẳng phải sẽ diệt*** *với người ấy phải chăng?* Không có.

Hay là tập đế chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời khổ đế không từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt.

978.

Khổ đế không từng diệt với người nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời khổ đế không từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt.

979.

Tập đế không từng diệt với người nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời tập đế không từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt.

980.

Khổ đế không từng diệt với cõi nào...

981.

Khổ đế không từng diệt với người nào cõi nào, thời tập đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sẽ diệt.

Hay là tập đế chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Từng diệt.

982.

Khổ đế chẳng phải từng diệt với người nào cõi nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sẽ diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Từng diệt.

983.

Tập đế không từng diệt với người nào cõi nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai hiện hành của bực Tịnh cư, tập đế không từng diệt mà đạo đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người vô tưởng với những cõi ấy, tập đế chẳng phải từng diệt và đạo đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tập đế không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo cao tột luôn cả La-hán, phàm phu chẳng phải sẽ chứng đạo và kẻ khổ thú, đạo đế chẳng phải sẽ diệt mà tập đế từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tịnh cư với những cõi ấy, đạo đế chẳng phải sẽ diệt và tập đế cũng chẳng phải từng diệt.

Dứt phần diệt

Phần Sanh Và Diệt *(Uppādanirodhavāra)*

984.

* *Khổ đế **đang sanh** với người nào, thời tập đế **đang diệt** với người ấy phải chăng?* Không có.
  Hay là tập đế đang diệt với người nào, thời khổ đế đang sanh với người ấy phải chăng? Chẳng phải *(no)*.
* *Khổ đế đang sanh với người nào, thời đạo đế đang diệt với người ấy phải chăng?* Chẳng phải *(no)*.
  Hay là đạo đế đang diệt với người nào, thời khổ đế đang sanh với người ấy phải chăng? Chẳng phải. *(no)*.
* *Tập đế đang sanh với người nào, thời đạo đế đang diệt với người ấy phải chăng?* Chẳng phải *(no)*.

Hay là đạo đế đang diệt với người nào, thời tập đế đang sanh với người ấy phải chăng? Chẳng phải *(no).*

* *Khổ đế đang sanh với cõi nào, thời tập đế đang diệt với cõi ấy phải chăng?* Người sơ sanh cõi Vô tưởng, khổ đế đang sanh mà tập đế chẳng phải đang sanh.

Câu nói cõi nào (yattha) cũng như trong các phần sanh, diệt, sanh và diệt, không có cách nào khác.

* *Khổ đế đang sanh với người nào cõi nào, thời tập đế đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng?* Chẳng phải *(no).*

Nói người nào cõi nào (yassa yattha) cũng như bài người nào (yassa), trùng như nhau.

985.

*Khổ đế **chẳng phải đang sanh** với người nào, thời tập đế **chẳng phải đang diệt** với người ấy phải chăng?* Sát-na diệt ái, khổ đế chẳng phải đang sanh mà tập đế đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh, sát-na diệt của tâm bất tương ưng ái, sát-na sanh của đạo quả người nương vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh và tập đế cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là tập đế chẳng phải đang diệt với người nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh và sát-na sanh của tâm bình nhựt, tập đế chẳng phải đang diệt mà khổ đế đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử, sát-na diệt của tâm bất tương ưng ái bình nhựt và sát-na sanh của đạo quả nơi người nương cõi Vô sắc, đạo đế chẳng phải đang diệt và khổ đế cũng chẳng phải đang sanh.

986.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với người nào, thời đạo đế chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo, khổ đế chẳng phải đang sanh, mà đạo đế đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang tử, sát na diệt của tâm bất tương ưng ái bình nhựt và sát-na sanh của đạo quả nơi người nương cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh và đạo đế cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải đang diệt với người nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh, sát na sanh của tâm bình nhựt, đạo đế chẳng phải đang diệt, mà khổ đế đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử, sát-na diệt của tâm bất tương ưng đạo hiện hành và sát-na sanh của đạo quả nơi người nương cõi Vô sắc, đạo đế chẳng phải đang diệt và khổ đế cũng chẳng phải đang sanh.

987.

Tập đế chẳng phải đang sanh với người nào, thời đạo đế chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo, tập đế chẳng phải đang sanh mà đạo đế đang diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm bất tương ưng ái, sát-na diệt của tâm bất tương ưng đạo, bậc đang nhập thiền Diệt và người vô tưởng, tập đế chẳng phải đang sanh và đạo đế cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải đang diệt với người nào, thời tập đế chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh ái, đạo đế chẳng phải đang diệt mà tập đế đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm bất tương ưng ái, sát-na diệt của tâm bất tương ưng đạo, bậc nhập thiền Diệt và người vô tưởng, đạo đế chẳng phải đang diệt và tập đế cũng chẳng phải đang sanh.

988.

Khổ đế đang sanh với cõi nào...

989.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào...

Nói người nào cõi nào (yassa yattha) cũng giống như bài người nào (yassa), nhưng chỉ không nói bậc nhập thiền Diệt trong bài người nào cõi nào...

990.

*Khổ đế **chẳng phải từng sanh** với người nào, thời tập đế **chẳng phải từng diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tập đế chẳng phải từng diệt với người nào... Phải rồi.

Câu hỏi quá khứ cũng như trong phần sanh. Còn thuận tùng và đối lập cũng như phần sanh diệt.

991.

*Khổ đế **sẽ sanh** với người nào, thời tập đế **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Bực tề toàn đạo cao tột, luôn cả La-hán và tâm người thứ lớp không xen hở đạo cao tột, khổ đế sẽ sanh mà tập đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, khổ đế sẽ sanh và tập đế cũng sẽ diệt.

Hay là tập đế sẽ diệt với người nào... Phải rồi.

992.

Khổ đế sẽ sanh với người nào, thời đạo đế sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo cao tột, luôn cả tâm La-hán, phàm phu phi sẽ chứng đạo, khổ đế sẽ sanh mà đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của đạo cao tột, tâm của người thứ lớp không xen hở đạo cao tột và người sẽ đắc đạo, khổ đế sẽ sanh và đạo đế cũng sẽ diệt.

Hay là đạo đế sẽ diệt với người nào... Phải rồi.

993.

Tập đế sẽ sanh với người nào, thời đạo đế sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phàm phu chẳng phải sẽ chứng đạo, tập đế sẽ sanh mà đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn người sẽ chứng đạo, tập đế sẽ sanh và đạo đế cũng sẽ diệt.

Hay là đạo đế sẽ diệt với người nào, thời tập đế sẽ sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột và tâm của người thứ lớp liên tiếp đạo cao tột, đạo đế sẽ diệt mà tập đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người sẽ chứng đạo, đạo đế sẽ diệt và tập đế cũng sẽ sanh.

994.

Khổ đế sẽ sanh...

995.

*Khổ đế sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tập đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng?*Bực tề toàn đạo cao tột luôn cả La-hán, tâm của người thứ lớp không xen hở đạo cao tột và bực vô tưởng, khổ đế sẽ sanh mà tập đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn mà ngoài ra đó với những cõi ấy, khổ đế sẽ sanh và tập đế cũng sẽ diệt.

Nói người nào cõi nào (yassa yattha) cũng như bài nói về người (yassa).

996.

Khổ đế ***chẳng phải sẽ sanh*** *với người nào, thời tập đế* ***chẳng phải sẽ diệt*** *với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tập đế chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời khổ đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bực tề toàn đạo cao tột luôn cả La-hán và tâm của người thứ lớp không xen hở đạo cao tột, tập đế chẳng phải sẽ diệt mà khổ đế sẽ sanh với người ấy. Còn bậc tề toàn tâm chót *(pacchimacitta),* tập đế chẳng phải sẽ diệt và khổ đế cũng chẳng phải sẽ sanh.

997.

Khổ đế chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời khổ đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo cao tột luôn cả La-hán và phàm phu chẳng phải sẽ chứng đạo, đạo đế chẳng phải sẽ diệt mà khổ đế sẽ sanh với người ấy. Còn người tề toàn tâm chót, đạo đế chẳng phải sẽ diệt và khổ đế cũng chẳng phải sẽ sanh.

998.

Tập đế chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột và tâm của người thứ lớp không xen hở đạo cao tột, tập đế chẳng phải sẽ sanh mà đạo đế sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột, luôn cả La-hán, tập đế chẳng phải sẽ sanh và đạo đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời tập đế chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phàm phu chẳng phải sẽ chứng đạo, đạo đế chẳng phải sẽ diệt mà tập đế sẽ sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột và luôn cả La-hán, đạo đế chẳng phải sẽ diệt và tập đế cũng chẳng phải sẽ sanh.

999.

Khổ đế chẳng phải sẽ sanh với cõi nào...

1000.

Khổ đế chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào...

(Nói người nào cõi nào cũng như bài nói về người.
Tập đế, đạo đế.
Những sát-na khác nhau khi diệt của đạo cao tột luôn cả La-hán và vô tưởng, đạo đế chẳng phải sẽ diệt và tập đế cũng chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy...)

1001.

Khổ đế ***đang sanh*** *với người nào, thời tập đế* ***từng diệt*** *với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tập đế từng diệt với người nào...

Câu hỏi hiện tại vị lai trong phần sanh và phần sanh diệt về người, cõi, người và cõi dầu cho thuận tùng *(anuloma)* hay đối lập *(paccaniya)...* cũng trùng như bài nói về người, không có chi khác hơn.

1002.

*Khổ đế **đang sanh** với người nào, thời tập đế **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Sát-na sanh của đạo cao tột luôn cả tâm La-hán và sát-na tâm sanh của người thứ lớp không xen hở đạo, khổ đế đang sanh mà tập đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh và sát-na sanh của tâm bình nhựt mà ngoài ra đó, khổ đế đang sanh và tập đế cũng sẽ diệt.

Hay là tập đế sẽ diệt với người nào, thời khổ đế đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, sát-na diệt của tâm bình nhựt và sát-na sanh của đạo quả nơi bực nương cõi Vô sắc, tập đế sẽ diệt mà khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang sanh và sát-na sanh của tâm bình nhựt, tập đế sẽ diệt và khổ đế cũng đang sanh.

1003.

Khổ đế đang sanh với người nào, thời đạo đế sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm La-hán, phàm phu phi sẽ chứng đạo đang sanh và sát-na sanh của tâm bình nhựt, khổ đế đang sanh mà đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm đạo cao tột, sát-na sanh tâm của người thứ lớp không xen hở đạo, bực sẽ chứng đạo đang sanh và sát-na sanh của tâm bình nhựt, khổ đế đang sanh và đạo đế cũng sẽ diệt.

Hay là đạo đế sẽ diệt với người nào, thời khổ đế đang sanh với người ấy phải chăng? Sát na diệt của tâm đạo cao tột, sát-na tâm diệt của người thứ lớp không xen hở đạo cao tột, sát-na tâm diệt của bực sẽ chứng đạo đang tử và sát-na sanh đạo quả của bực nương cõi Vô sắc, đạo đế sẽ diệt mà khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm đạo cao tột, sát-na tâm sanh của bực thứ lớp không xen hở đạo cao tột và sát-na sanh của tâm bình nhựt với người sẽ chứng đạo đang sanh, đạo đế sẽ diệt và khổ đế cũng đang sanh.

1004.

Tập đế đang sanh với người nào, thời đạo đế sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phàm phu nào chẳng phải sẽ chứng đạo và sát-na sanh ái, tập đế đang sanh mà đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na sanh ái của người sẽ chứng đạo, tập đế đang sanh và đạo đế cũng sẽ diệt.

Hay là đạo đế sẽ diệt với người nào, thời tập đế đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm đạo cao tột, sát-na tâm sanh của người thứ lớp không xen hở đạo cao tột, sát-na diệt ái của người sẽ chứng đạo, tâm bất tương ưng ái đang hiện hành, bực nhập thiền Diệt và người vô tưởng, đạo đế sẽ diệt mà tập đế chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh ái của người sẽ đắc đạo, đạo đế sẽ diệt và tập đế cũng đang sanh.

1005.

Khổ đế đang sanh với cõi nào...

1006.

Khổ đế đang sanh với người nào cõi nào, thời tập đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, luôn cả tâm La-hán, sát-na tâm sanh của bực thứ lớp không xen hở đạo cao tột và người vô tưởng đang sanh, khổ đế đang sanh mà tập đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh tâm bình nhựt với người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn đang sanh mà ngoài ra đó với những cõi ấy, khổ đế đang sanh và tập đế cũng sẽ diệt.

Hay là tập đế sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, sát-na diệt của tâm bình nhựt và sát-

na sanh đạo quả bực nương cõi Vô sắc, tập đế sẽ diệt mà khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn đang sanh và sát-na sanh của tâm bình nhựt với những cõi ấy, tập đế sẽ diệt và khổ đế cũng đang sanh.

1007.

Khổ đế đang sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm La-hán, phàm phu chẳng phải sẽ chứng đạo đang sanh, sát-na sanh của tâm bình nhựt, kẻ khổ thú và bực vô tưởng đang sanh, khổ đế đang sanh mà đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm đạo cao tột, sát-na sanh của bực thứ lớp không xen hở đạo cao tột, sát-na tâm sanh của bậc sẽ chứng đạo và sát-na sanh của tâm bình nhựt với những cõi ấy, khổ đế đang sanh và đạo đế cũng sẽ diệt.

Hay là đạo đế sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm đạo cao tột, sát-na tâm sanh của bực thứ lớp không xen hở đạo cao tột, người sẽ đắc đạo đang tử, sát-na diệt của tâm bình nhựt và sát-na sanh đạo quả của bực nương cõi Vô sắc, đạo đế sẽ diệt mà khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm đạo cao tột, sát-na tâm sanh của bực thứ lớp không xen hở đạo cao tột, người sẽ đắc đạo đang sanh và sát-na sanh của tâm bình nhựt với những cõi ấy, đạo đế sẽ diệt và khổ đế cũng đang sanh.

1008.

Tập đế đang sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh ái của kẻ khổ thú và phàm phu sẽ không chứng đạo, tập đế đang sanh mà đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh ái của bực sẽ chứng đạo với những cõi ấy, tập đế đang sanh và đạo đế cũng sẽ diệt.

Hay là đạo đế sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tập đế đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm đạo cao tột, sát-na tâm sanh của bực thứ lớp không xen hở đạo cao tột, sát-na diệt ái của người sẽ chứng đạo, tâm bất tương ưng ái đang hiện hành, đạo đế sẽ diệt mà tập đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh ái của người sẽ đắc đạo với những cõi ấy, đạo đế sẽ diệt và tập đế cũng đang sanh.

1009.

*Khổ đế **chẳng phải đang sanh** với người nào cõi nào, thời tập đế **chẳng phải sẽ diệt** với người ấy cõi ấy phải chăng?* Tất cả người đang tử, sát-na diệt của tâm bình nhựt và sát-na sanh đạo quả của bực nương cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh mà tập đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột, sát-na diệt của tâm La-hán, sát-na diệt của tâm thứ lớp không xen hở tâm đạo cao tột và sát-na sanh đạo quả của người nương vô sắc với những cõi ấy, khổ đế chẳng phải đang sanh và tập đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tập đế chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, sát-na sanh của tâm La-hán, sát-na tâm sanh của bực thứ lớp không xen hở tâm đạo cao tột, tập đế chẳng phải sẽ diệt mà khổ đế đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột, sát-na tâm diệt của Chư La-hán, sát-na tâm diệt của bực thứ lớp không xen hở tâm đạo cao tột và sát-na sanh đạo quả của người vô sắc với những cõi ấy, tập đế chẳng phải sẽ diệt và khổ đế cũng chẳng phải đang sanh.

1010.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với người nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm đạo, sát-na tâm diệt của bực thứ lớp không xen hở đạo cao tột, sát-na diệt của tâm hiện hành nơi người đang tử và đắc đạo và sát-na sanh đạo quả của người nương cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh mà đạo đế sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm đạo cao tột, sát-na diệt của tâm La-hán, sát-na diệt của tâm hiện hành, phàm phu phi sẽ đắc đạo đang tử và sát-na sanh đạo quả của người nương cõi Vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh và đạo đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm La-hán, người phàm phu chẳng phải sẽ đắc đạo đang sanh và sát-na của tâm bình nhựt, đạo đế chẳng phải sẽ diệt mà khổ đế đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột, sát-na diệt của tâm La-hán, phàm phu phi thứ lớp đạo đang tử, sát-na diệt của tâm bình nhựt và sát-na sanh đạo quả của người nương cõi Vô sắc, đạo đế chẳng phải sẽ diệt và khổ đế cũng chẳng phải đang sanh.

1011.

Tập đế chẳng phải đang sanh với người nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm đạo cao tột, sát-na sanh của tâm thứ lớp không xen hở đạo cao tột, sát-na diệt ái của bực sẽ chứng đạo, tâm bất tương ưng ái hiện hành, bậc đang nhập thiền Diệt và người nương cõi Vô tưởng, tập đế chẳng phải đang diệt mà đạo đế sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột luôn cả La-hán, sát-na diệt ái của phàm phu phi sẽ chứng đạo, tâm bất tương ưng ái hiện hành, bậc nhập thiền Diệt, người nương cõi Vô tưởng, tập đế chẳng phải đang sanh và đạo đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời tập đế chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh ái của phàm phu phi sẽ chứng đạo, đạo đế chẳng phải sẽ diệt mà tập đế đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột, luôn cả La-hán, sát-na diệt ái của phàm phu phi sẽ chứng đạo, tâm bất tương ưng ái hiện hành, bực đang nhập thiền Diệt, người nương cõi Vô tưởng, đạo đế chẳng phải sẽ diệt và tập đế cũng chẳng phải đang sanh.

1012.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với cõi nào...

1013.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời tập đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn đang tử, sát-na diệt của tâm bình nhựt và sát-na sanh đạo quả của người nương vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh mà tập đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao Thượng, sát-na diệt của tâm La-hán, sát-na tâm diệt của bậc thứ lớp không xen hở tâm đạo cao tột, sát-na sanh của đạo quả bực nương vô sắc và người vô tưởng đang tử với những cõi ấy, khổ đế chẳng phải đang sanh và tập đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tập đế chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm đạo cao tột, sát-na sanh của tâm La-hán, sát-na tâm sanh của bực thứ lớp không xen hở tâm đạo cao tột và người vô tưởng đang sanh, tập đế chẳng phải sẽ diệt mà khổ đế đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột, sát-na diệt của tâm La-hán, sát-na tâm diệt của bực thứ lớp không xen hở tâm đạo cao tột, sát-na sanh của đạo quả nơi người nương vô sắc

và người vô tưởng đang tử với những cõi ấy, tập đế chẳng phải sẽ diệt và khổ đế cũng chẳng phải đang sanh.

1014.

Khổ đế chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm đạo, sát-na tâm diệt của người thứ lớp không xen hở đạo cao tột, người sẽ chứng đạo đang tử, sát-na diệt của tâm bình nhựt và sát-na sanh đạo quả của bậc nương vô sắc, khổ đế chẳng phải đang sanh mà đạo đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột, sát-na diệt của tâm La-hán, phàm phu phi sẽ chứng đạo đang tử, sát-na diệt của tâm bình nhựt, sát-na sanh của đạo quả nơi người vô sắc, hạng khổ thú và người vô tưởng đang tử với những cõi ấy, khổ đế chẳng phải đang sanh và đạo đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khổ đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm La-hán, phàm phu phi sẽ chứng đạo đang sanh, sát-na sanh của tâm bình nhựt, hạng khổ thú và người vô tưởng đang sanh, đạo đế chẳng phải sẽ diệt mà khổ đế đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột, sát-na diệt của tâm La-hán, phàm phu phi sẽ chứng đạo đang tử, sát-na diệt của tâm bình nhựt, sát-na sanh của đạo quả nơi người vô sắc, hạng khổ thú và người vô tưởng đang tử với những cõi ấy, đạo đế chẳng phải sẽ diệt và khổ đế cũng chẳng phải đang sanh.

1015.

Tập đế chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm đạo cao tột, sát-na tâm sanh của bực thứ lớp không xen hở đạo cao tột, sát-na diệt ái của người sẽ chứng đạo và tâm bất tương ưng ái hiện hành, tập đế chẳng phải đang sanh mà đạo đế sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột luôn cả La-hán, sát-na diệt ái của phàm phu phi sẽ chứng đạo, tâm bất tương ưng ái hiện hành và người nương vô tưởng với những cõi ấy, tập đế chẳng phải đang sanh và đạo đế cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là đạo đế chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tập đế chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người khổ thú đang sanh, sát-na sanh ái của phàm phu phi sẽ chứng đạo, đạo đế chẳng phải sẽ diệt mà tập đế đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột, luôn cả La-hán, sát-na diệt của phàm phu phi sẽ chứng đạo, tâm bất tương ưng ái hiện hành và người vô tưởng với những cõi ấy, đạo đế chẳng phải sẽ diệt và tập đế cũng chẳng phải đang sanh.

1016.

∗ *Khổ đế **từng sanh** với người nào, thời tập đế **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?*

(Câu hỏi quá khứ vị lai trong phần diệt, nói thuận tùng hay đối lập trong phần sanh diệt giống như phần sanh diệt chẳng khác chi.)

Dứt đoạn sanh diệt
Hết phần hiện hành (pavattivāra).

PHẦN ĐẠT TRI *(PARIÑÑAVARA)*

1017.

∗ *Người đang thấu rõ khổ đế, thời người ấy đang thấu rõ tập đế phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào đang thấu rõ tập đế, thời người ấy đang thấu rõ khổ đế phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào chẳng phải đang thấu rõ khổ đế, thời người ấy chẳng phải đang thấu rõ tập đế phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào chẳng phải đang thấu rõ tập đế, thời người ấy chẳng phải đang đạt trừ khổ đế phải chăng? Phải rồi.

1018.

∗ *Người nào từng thấu rõ khổ đế, thời người ấy từng thấu rõ tập đế phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào từng thấu rõ tập đế, thời người ấy từng thấu rõ khổ đế phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào chẳng phải từng thấu rõ khổ đế, thời người ấy chẳng phải từng thấu rõ tập đế phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào chẳng phải từng thấu rõ tập đế, thời người ấy chẳng phải từng thấu rõ khổ đế phải chăng? Phải rồi.

1019.

∗ *Người nào sẽ thấu rõ khổ đế, thời người ấy sẽ thấu rõ tập đế phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào sẽ thấu rõ tập đế, thời người ấy sẽ thấu rõ khổ đế phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào chẳng phải sẽ thấu rõ khổ đế, thời người ấy chẳng phải sẽ thấu rõ tập đế phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào chẳng phải sẽ đạt trừ tập đế, thời người ấy chẳng phải sẽ thấu rõ khổ đế phải chăng? Phải rồi.

1020.

∗ *Người nào đang thấu rõ khổ đế, thời người ấy từng thấu rõ tập đế phải chăng?* Không phải *(no)*.

Hay là người nào từng thấu rõ tập đế, thời người ấy đang thấu rõ khổ đế phải chăng? Không phải *(no)*.

∗ *Người nào chẳng phải đang thấu rõ khổ đế, thời người ấy chẳng phải từng thấu rõ tập đế phải chăng?* Bực La-hán chẳng phải đang thấu rõ khổ đế mà từng thấu rõ tập đế. Còn trừ ra bực tề toàn đạo cao tột và La-hán quả, những người ngoài ra đó, chẳng phải đang thấu rõ khổ đế và cũng chẳng phải từng thấu rõ tập đế.

Hay là người nào chẳng phải từng thấu rõ tập đế, thời người ấy chẳng phải đang thấu rõ khổ đế phải chăng? Bực tề toàn đạo cao tột *(aggamaggasamaṅgi)* chẳng phải từng thấu rõ tập đế mà đang thấu rõ khổ đế. Còn trừ ra bực tề toàn đạo cao tột và quả La-hán, những người ngoài ra đó, chẳng phải từng thấu rõ tập đế và cũng chẳng phải đang thấu rõ khổ đế.

1021.

∗ *Người nào đang thấu rõ khổ đế, thời người ấy sẽ thấu rõ tập đế phải chăng?* Không phải *(no)*.

Hay là người nào sẽ thấu rõ tập đế, thời người ấy đang thấu rõ khổ đế phải chăng? Không phải *(no).*

∗ *Người nào chẳng phải đang thấu rõ khổ đế, thời người ấy chẳng phải sẽ thấu rõ tập đế phải chăng?* Người nào sẽ đắc đạo thì người ấy chẳng phải đang thấu rõ khổ đế mà sẽ thấu rõ tập đế. Còn bậc La-hán và phàm phu phi sẽ đắc đạo, những người ấy chẳng phải đang thấu rõ khổ đế và cũng chẳng phải sẽ thấu rõ tập đế.

Hay là người nào chẳng phải sẽ thấu rõ tập đế, thời người ấy chẳng phải đang thấu rõ khổ đế phải chăng? Bực tề toàn đạo cao tột *(aggamaggasamaṅgi)* chẳng phải sẽ thấu rõ tập đế mà đang thấu rõ khổ đế. Còn bậc La-hán và người phàm phu phi sẽ chứng đạo, những người ấy chẳng phải sẽ thấu rõ tập đế và cũng chẳng phải đang thấu rõ khổ đế.

1022.

∗ *Người nào từng thấu rõ khổ đế, thời người ấy sẽ thấu rõ tập đế phải chăng?* Không phải *(no).*

Hay là người nào sẽ thấu rõ tập đế, thời người ấy từng thấu rõ khổ đế phải chăng? Không phải *(no).*

∗ *Người nào chẳng phải từng thấu rõ khổ đế, thời người ấy chẳng phải sẽ thấu rõ tập đế phải chăng?* Người nào sẽ đắc đạo thời người ấy chẳng phải từng thấu rõ khổ đế mà sẽ thấu rõ tập đế. Còn bậc tề toàn đạo cao tột và người phàm phu phi sẽ chứng đạo, những người ấy chẳng phải từng thấu rõ khổ đế và cũng chẳng phải sẽ thấu rõ tập đế.

Hay là người nào chẳng phải sẽ thấu rõ tập đế, thời người ấy chẳng phải từng thấu rõ khổ đế phải chăng? Bực La-hán quả chẳng phải sẽ thấu rõ tập đế mà từng thấu rõ khổ đế. Còn bậc tề toàn đạo cao tột và người phàm phu phi sẽ chứng đạo, những người ấy, chẳng phải sẽ thấu rõ tập đế và cũng chẳng phải từng thấu rõ khổ đế.

Dứt phần đạt tri - hết đế song

HÀNH SONG
(Saṅkhārayamaka)

PHẦN ĐỊNH DANH *(PAÑÑATTIVARA)*

1023.

- Tam hành như là: Thân hành *(kāyasaṅkhāra)*, khẩu hành *(vacīsaṅkhāra)* và tâm hành *(cittasaṅkhāra).*
- Thở ra *(ansāsa)* và thở vô *(passāsa)* là thân hành.
- Tầm *(vitakka)* và tứ *(vicāra)* là khẩu hành.
- Tưởng *(saññā)* và thọ *(vedanā)* là tâm hành. Tất cả pháp tương ưng tâm trừ tầm, tứ ra cũng là tâm hành.

Phần Xiển Thuật *(Uddeasavāra)*

1024.

* Thân là thân hành phải chăng? Thân hành là thân phải chăng?
* Khẩu là khẩu hành phải chăng? Khẩu hành là khẩu phải chăng?
* Tâm là tâm hành phải chăng? Tâm hành là tâm phải chăng?

1025.

* Phi thân, phi thân hành phải chăng? Phi thân hành, phi thân phải chăng?
* Phi khẩu, phi khẩu hành phải chăng? Phi khẩu hành, phi khẩu phải chăng?
* Phi tâm, phi tâm hành phải chăng? Phi tâm hành, phi tâm phải chăng?

1026.

* Thân là thân hành phải chăng? Hành là khẩu hành phải chăng?
* Thân là thân hành phải chăng? Hành là tâm hành phải chăng?
* Khẩu là khẩu hành phải chăng? Hành là thân hành phải chăng?
* Khẩu là khẩu hành phải chăng? Hành là tâm hành phải chăng?
* Tâm là tâm hành phải chăng? Hành là thân hành phải chăng?
* Tâm là tâm hành phải chăng? Hành là khẩu hành phải chăng?

1027.

* Phi thân, phi thân hành phải chăng? Phi hành, phi khẩu hành phải chăng?
* Phi thân, phi thân hành phải chăng? Phi hành, phi tâm hành phải chăng?
* Phi khẩu, phi khẩu hành phải chăng? Phi hành, phi thân hành phải chăng?
* Phi khẩu, phi khẩu hành phải chăng? Phi hành, phi tâm hành phải chăng?
* Phi tâm, phi tâm hành phải chăng? Phi hành, phi thân hành phải chăng?
* Phi tâm, phi tâm hành phải chăng? Phi hành, phi khẩu hành phải chăng?

1028.

* Thân hành là khẩu hành phải chăng? Khẩu hành là thân hành phải chăng?
* Thân hành là tâm hành phải chăng? Tâm hành là thân hành phải chăng?
* Khẩu hành là tâm hành phải chăng? Tâm hành là khẩu hành phải chăng?

1029.

* Phi thân hành, phi khẩu hành phải chăng? Phi khẩu hành, phi thân hành phải chăng?
* Phi thân hành, phi tâm hành phải chăng? Phi tâm hành, phi thân hành phải chăng?
* Phi khẩu hành, phi tâm hành phải chăng? Phi tâm hành, phi khẩu hành phải chăng?

Phần Xiển Minh *(Niddesavāra)*

1030.

* *Thân là thân hành phải chăng?* Không phải *(no).*
  Thân hành là thân phải chăng? Không phải *(no).*
* *Khẩu là khẩu hành phải chăng?* Không phải *(no).*
  Khẩu hành là khẩu phải chăng? Không phải *(no).*
* *Tâm là tâm hành phải chăng?* Không phải *(no).*
  Tâm hành là tâm phải chăng? Không phải *(no).*

1031.

* *Phi thân, phi thân hành phải chăng?*
  Thân hành phi thân mà gọi thân hành. Còn trừ ra thân và thân hành, ngoài ra đó, là phi thân và phi thân hành.
* Phi thân hành, phi thân phải chăng?
  Thân chẳng phải thân hành mà gọi là thân. Còn trừ thân và thân hành ra rồi, ngoài ra đó, gọi là phi thân và phi thân hành.
* *Phi khẩu, phi khẩu hành phải chăng?*
  Khẩu hành là phi khẩu mà còn gọi là khẩu hành. Còn trừ khẩu và khẩu hành ra rồi, ngoài ra đó, mới gọi là phi khẩu và phi khẩu hành.
* Phi khẩu hành, phi khẩu phải chăng?
  Khẩu chẳng phải khẩu hành mà gọi là khẩu. Còn trừ khẩu và khẩu hành ra rồi, ngoài ra đó, mới chẳng phải là khẩu và cũng chẳng phải là khẩu hành.
* *Phi tâm, phi tâm hành phải chăng?*
  Tâm hành không gọi là tâm mà gọi là tâm hành. Còn trừ tâm và tâm hành ra rồi, ngoài ra đó, mới gọi là phi tâm và phi tâm hành.
* Phi tâm hành, phi tâm phải chăng?
  Tâm chẳng phải tâm hành mà gọi là tâm. Còn trừ tâm và tâm hành ra rồi, ngoài ra đó, mới chẳng là tâm và cũng chẳng phải tâm hành.

Phần Câu Lọc Căn Luân

1032.

* Thân là thân hành phải chăng? Không phải.
* Hành là khẩu hành phải chăng? Khẩu hành gọi hành cũng phải, gọi khẩu hành cũng phải. Còn hành mà ngoài ra đó, chỉ gọi là hành mà không gọi khẩu hành.
* Thân là thân hành phải chăng? Không phải *(no).*
* Hành là tâm hành phải chăng? Tâm hành gọi hành cũng phải, gọi tâm hành cũng phải. Còn hành mà ngoài ra đó, chỉ gọi hành mà không gọi là tâm hành.
* Khẩu là khẩu hành phải chăng? Không phải.
* Hành là thân hành phải chăng? Thân hành gọi hành cũng phải, gọi thân hành cũng phải. Còn những hành mà ngoài ra đó, chỉ gọi hành mà không gọi là thân hành.
* Khẩu gọi khẩu hành phải chăng? Không phải.

∗ Hành gọi tâm hành phải chăng? Tâm hành gọi hành cũng phải, gọi tâm hành cũng phải. Còn hành mà ngoài ra đó, gọi là hành mà không gọi là tâm hành.

∗ Tâm gọi tâm hành phải chăng? Không phải *(no).*

∗ Hành gọi thân hành phải chăng? Thân hành gọi hành cũng phải, gọi thân hành cũng phải. Còn những hành mà ngoài ra đó, gọi là hành mà không gọi là thân hành.

∗ Tâm gọi tâm hành phải chăng? Không phải *(no).*

∗ Hành gọi khẩu hành phải chăng? Khẩu hành gọi hành cũng phải, gọi khẩu hành cũng phải. Còn hành ngoài ra đó, gọi là hành mà không gọi là khẩu hành.

1033.

∗ Phi thân, phi thân hành phải chăng? Thân hành không gọi là thân mà chỉ gọi thân hành. Còn trừ thân và thân hành ra rồi, ngoài ra đó, mới gọi là phi thân và phi thân hành.

∗ Phi hành, phi khẩu hành phải chăng? Phải rồi.

∗ Phi thân, phi thân hành phải chăng? Thân hành không gọi là thân mà chỉ gọi thân hành. Còn trừ thân và thân hành ra rồi, ngoài ra đó, mới không gọi là thân và cũng không gọi là thân hành.

∗ Phi hành, phi tâm hành phải chăng? Phải rồi.

∗ Phi khẩu, phi khẩu hành phải chăng? Khẩu hành chẳng phải khẩu mà còn gọi khẩu hành. Còn trừ khẩu và khẩu hành, ngoài ra đó, gọi phi khẩu và phi khẩu hành.

∗ Phi hành, phi thân hành phải chăng? Phải rồi.

∗ Phi khẩu, phi khẩu hành phải chăng? Khẩu hành không gọi là khẩu mà gọi là khẩu hành. Còn trừ khẩu và khẩu hành ra rồi, ngoài ra đó, mới gọi phi khẩu và phi khẩu hành.

∗ Phi hành, phi tâm hành phải chăng? Phải rồi.

∗ Phi tâm, phi tâm hành phải chăng? Tâm hành không gọi là tâm, chỉ gọi tâm hành. Còn trừ ra tâm và tâm hành, ngoài ra đó, mới gọi là phi tâm và phi tâm hành.

∗ Phi hành, phi khẩu hành phải chăng? Phải rồi.

Phần Thuần Hành *(Suddhasaṅkhāravāra)*

1034.

∗ *Thân hành là khẩu hành phải chăng?* Không phải.
Khẩu hành là thân hành phải chăng? Không phải.

∗ *Thân hành là tâm hành phải chăng?* Không phải.
Tâm hành là thân hành phải chăng? Không phải.

∗ *Khẩu hành là tâm hành phải chăng?* Không phải.
Tâm hành là khẩu hành phải chăng? Không phải.

1035.

∗ *Phi thân, phi khẩu hành phải chăng?* Khẩu hành không gọi là thân hành mà chỉ gọi khẩu hành. Còn trừ thân hành và khẩu hành ra rồi, ngoài ra đó, mới gọi là phi thân hành và phi khẩu hành.

Phi khẩu hành, phi thân hành phải chăng? Thân hành không gọi là khẩu hành mà chỉ gọi thân hành. Còn trừ khẩu hành và thân hành, ngoài ra đó, mới gọi là phi khẩu hành và phi thân hành.

* *Phi thân hành, phi tâm hành phải chăng?* Tâm hành không gọi là thân hành mà chỉ gọi là tâm hành. Trừ thân hành và tâm hành ra rồi, ngoài ra đó, mới gọi là phi thân hành và phi tâm hành.

  Phi tâm hành, phi thân hành phải chăng? Thân hành không gọi là tâm hành mà chỉ gọi thân hành. Còn trừ tâm hành và thân hành ra rồi, ngoài ra đó, mới gọi là phi tâm hành và phi thân hành.

* *Phi khẩu hành, phi tâm hành phải chăng?* Tâm hành không gọi là khẩu hành mà chỉ gọi tâm hành. Còn trừ khẩu hành và tâm hành ra rồi, ngoài ra đó, mới gọi là phi khẩu hành và phi tâm hành.

  Phi tâm hành, phi khẩu hành phải chăng? Khẩu hành không gọi là tâm hành mà chỉ gọi khẩu hành. Còn trừ ra tâm hành và khẩu hành, ngoài ra đó, mới gọi là phi tâm hành và phi khẩu hành.

PHẦN BÌNH NHỰT *(PAVATTIVARA)*

Phần Sanh *(Uppadavāra)*

1036.

*Thân hành **đang sanh** với người nào, thời khẩu hành **đang sanh** với người ấy phải chăng?* Khi thở ra, vô phát sanh trừ tầm, tứ, thân hành đang sanh mà khẩu hành chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn bậc nhập sơ thiền, khi phát sanh hơi thở ra vô của người Dục giới, thân hành đang sanh và khẩu hành cũng đang sanh.

Hay là khẩu hành đang sanh với người nào, thời thân hành đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tầm, tứ trừ hơi thở ra vô, khẩu hành đang sanh mà thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh thở ra vô của người Dục giới nhập sơ thiền, khẩu hành đang sanh và thân hành cũng đang sanh.

1037.

Thân hành đang sanh cho người nào, thời tâm hành đang sanh cho người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành đang sanh cho người nào, thì thân hành đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm trừ hơi thở ra vô, tâm hành đang sanh mà thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn khi phát sanh hơi thở ra vô của người ấy, tâm hành đang sanh và thân hành cũng đang sanh.

1038.

Khẩu hành đang sanh với người nào, thời tâm hành đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành đang sanh với người nào, thì khẩu hành đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm trừ ra tầm, tứ, tâm hành đang sanh mà khẩu hành chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh tầm, tứ của người ấy, tâm hành đang sanh và khẩu hành cũng đang sanh.

1039.

Thân hành đang sanh với cõi nào, thì khẩu hành đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi nhị thiền, tam thiền, thân hành đang sanh mà khẩu hành chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Sơ thiền và cõi Dục giới, thân hành đang sanh và khẩu hành cũng đang sanh.

Hay là khẩu hành đang sanh với cõi nào, thời thân hành đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới, khẩu hành đang sanh mà thân hành chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Sơ thiền cõi Dục giới, khẩu hành đang sanh và thân hành cũng đang sanh.

1040.

Thân hành đang sanh với cõi nào, thời tâm hành đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành đang sanh với cõi nào, thời thân hành đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Tứ thiền Sắc giới, Vô sắc giới, tâm hành đang sanh mà thân hành chẳng phải đang sanh với những cõi ấy. Còn cõi Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền luôn cõi Dục giới, tâm hành đang sanh và thân hành cũng đang sanh.

1041.

Khẩu hành đang sanh với cõi nào, thời tâm hành đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành đang sanh với cõi nào, thời khẩu hành đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, tâm hành đang sanh mà khẩu hành chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, cõi Sơ thiền, cõi Sắc giới, Vô sắc giới những cõi ấy, tâm hành đang sanh và khẩu hành cũng đang sanh.

1042.

Thân hành đang sanh với người nào cõi nào...

Nói người nào cõi nào cũng trùng như bài người nào.

1043.

*Thân hành **chẳng phải đang sanh** với người nào, thời khẩu hành **chẳng phải đang sanh** với người ấy phải chăng?* Sát-na sanh tầm, tứ trừ hơi thở vô ra, thân hành chẳng phải đang sanh mà khẩu hành đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, bực nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na sanh của tâm vô tầm, vô tứ trừ hơi thở vô ra, những người ấy thân hành chẳng phải đang sanh và khẩu hành cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là khẩu hành chẳng phải đang sanh với người nào, thời thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh hơi thở ra vô trừ tầm, tứ, khẩu hành chẳng phải đang sanh mà thân hành đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tất cả tâm, bực nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na sanh của tâm vô tầm, vô tứ hơi thở ra vô, những người ấy khẩu hành chẳng phải đang sanh và thân hành cũng chẳng phải đang sanh.

1044.

Thân hành chẳng phải đang sanh với người nào, thời tâm hành chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang sanh mà tâm hành đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, bực nhập thiền Diệt và người vô tưởng, thân hành chẳng phải đang sanh và tâm hành cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là tâm hành chẳng phải đang sanh với người nào, thời thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1045.

Khẩu hành chẳng phải đang sanh với người nào, thời tâm hành chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm mà trừ ra tầm, tứ, khẩu hành chẳng phải đang sanh mà tâm hành đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tất cả tâm, bực nhập thiền Diệt và người vô tưởng, khẩu hành chẳng phải đang sanh và tâm hành cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là tâm hành chẳng phải đang sanh với người nào, thời khẩu hành chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1046.

Thân hành chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Sắc giới, Vô sắc giới, thân hành chẳng phải đang sanh mà khẩu hành đang sanh với cõi ấy. Còn tứ thiền và vô tưởng, thân hành chẳng phải đang sanh và khẩu hành cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là khẩu hành chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời thân hành chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Nhị thiền, tam thiền, khẩu hành chẳng phải đang sanh mà thân hành đang sanh với cõi ấy. Còn cõi tứ thiền và cõi Vô tưởng, khẩu hành chẳng phải đang sanh và thân hành cũng chẳng phải đang sanh.

1047.

Thân hành chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời tâm hành chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Tứ thiền Sắc giới và Vô sắc giới, thân hành chẳng phải đang sanh mà tâm hành đang sanh với những cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, thân hành chẳng phải đang sanh và tâm hành cũng chẳng phải đang sanh.

Tâm hành chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời thân hành chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1048.

Khẩu hành chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời tâm hành chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, khẩu hành chẳng phải đang sanh mà tâm hành đang sanh với những cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng khẩu hành chẳng phải đang sanh và tâm hành cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là tâm hành chẳng phải đang sanh với cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1049.

Thân hành chẳng phải đang sanh với người nào, cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh tầm, tứ trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang sanh mà khẩu hành đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tất cả tâm, người vô tưởng và sát-na sanh của tâm vô tầm, vô tứ trừ hơi thở ra vô với những cõi ấy, thân hành chẳng phải đang sanh và khẩu hành cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là khẩu hành chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào...

Nói người nào cõi nào cũng trùng như bài người nào, nhưng trong bài người nào cõi nào không kể bậc nhập thiền Diệt.

1050.

∗ *Thân hành* ***từng sanh*** *với người nào, thời khẩu hành* ***từng sanh*** *với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là khẩu hành chẳng phải đang sanh với người nào... Phải rồi.

∗ *Thân hành từng sanh với người nào, thời tâm hành từng sanh với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tâm hành từng sanh với người nào... Phải rồi.

∗ *Khẩu hành từng sanh với người nào, thời tâm hành từng sanh với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tâm hành từng sanh với người nào... Phải rồi.

1051.

Thân hành từng sanh với cõi nào...

Nói cõi nào đều giống nhau như một.

1052.

Thân hành từng sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập nhị thiền, tam thiền, thân hành từng sanh mà khẩu hành chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bực nhập sơ thiền ở cõi Dục giới luôn những cõi ấy, thân hành từng sanh và khẩu hành cũng từng sanh.

Hay là khẩu hành từng sanh với người nào cõi nào, thời thân hành từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới, Vô sắc giới, khẩu hành từng sanh mà thân hành chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nhập sơ thiền ở Dục giới với những cõi ấy, khẩu hành từng sanh và thân hành cũng từng sanh.

1053.

Thân hành từng sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành từng sanh với người nào cõi nào, thời thân hành từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập tứ thiền Sắc giới và Vô sắc giới, tâm hành từng sanh mà thân hành chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nhập sơ, nhị, tam thiền đang nương Dục giới luôn những cõi ấy, tâm hành từng sanh và thân hành cũng từng sanh.

1054.

Khẩu hành từng sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành từng sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập nhị, tam, tứ thiền, tâm thứ hai hiện hành cõi Tịnh cư, tâm hành từng sanh mà khẩu hành không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc nhập sơ thiền nương cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tâm hành từng sanh và khẩu hành cũng từng sanh.

1055.

∗ *Thân hành* ***không từng sanh*** *với người nào, thời khẩu hành* ***không từng sanh*** *với người ấy phải chăng?* Không có.

Hay là khẩu hành không từng sanh với người nào, thời thân hành không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

∗ *Thân hành không từng sanh với người nào, thời tâm hành không từng sanh với người ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là tâm hành không từng sanh với người nào, thời thân hành không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

∗ *Khẩu hành không từng sanh với người nào, thời tâm hành không từng sanh với người ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là tâm hành không từng sanh với người nào, thời khẩu hành không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

1056.

Thân hành không từng sanh với cõi nào...

1057.

Thân hành không từng sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới, Vô sắc giới thân hành không từng sanh mà khẩu hành từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bực nhập tứ thiền, tâm thứ hai của người nương Tịnh cư đang hiện hành và bực vô tưởng với những cõi ấy, thân hành chẳng phải từng sanh và khẩu hành cũng chẳng phải từng sanh.

Hay là khẩu hành chẳng phải từng sanh với người nào cõi nào, thời thân hành chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập nhị, tam thiền, khẩu hành chẳng phải từng sanh mà thân hành từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bực nhập tứ thiền, tâm hiện hành thứ hai của bực nương Tịnh cư và người vô tưởng với những cõi ấy, khẩu hành chẳng phải từng sanh và thân hành cũng chẳng phải từng sanh.

1058.

Thân hành không từng sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập tứ thiền và bậc Sắc giới, Vô sắc giới, thân hành chẳng phải từng sanh mà tâm hành từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư và người vô tưởng với những cõi ấy, thân hành chẳng phải từng sanh và tâm hành cũng chẳng phải từng sanh.

Hay là tâm hành chẳng phải từng sanh với người nào cõi nào, thời thân hành chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1059.

Khẩu hành không từng sanh với người nào, cõi nào, thời tâm hành không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập nhị, tam, tứ thiền và tâm thứ hai của Tịnh cư hiện hành, khẩu hành chẳng phải từng sanh mà tâm hành từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc Tịnh cư đang sanh và người vô tưởng với những cõi ấy, khẩu hành chẳng phải từng sanh và tâm hành cũng chẳng phải từng sanh.

Hay là tâm hành không từng sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1060.

*Thân hành **sẽ sanh** với người nào, thời khẩu hành **sẽ sanh** với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là khẩu hành sẽ sanh với người nào, thời thân hành sẽ sanh với người ấy phải chăng? Sự không xen hở tâm của người Dục giới, tâm chót đang sanh của người kiếp chót cõi Sắc giới, Vô sắc giới, người Sắc giới, Vô sắc giới đang sanh sẽ viên tịch và

người đang tử, khẩu hành sẽ sanh mà thân hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, khẩu hành sẽ sanh và thân hành cũng sẽ sanh.

1061.

Thân hành sẽ sanh với người nào, thời tâm hành sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ sanh với người nào, thời thân hành sẽ sanh với người ấy phải chăng? Cái tâm liên tiếp *(anantara)* với tâm chót của người Dục giới sẽ sanh, người kiếp chót nơi Sắc giới, Vô sắc giới, bực đã sanh Sắc giới, Vô sắc giới sẽ viên tịch và người đang tử, tâm hành sẽ sanh mà thân hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, thân hành sẽ sanh và tâm hành cũng sẽ sanh.

1062.

Khẩu hành sẽ sanh với người nào, thời tâm hành sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ sanh với người nào, thời khẩu hành sẽ sanh với người ấy phải chăng? Cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, tâm hành sẽ sanh mà khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, tâm hành sẽ sanh và khẩu hành cũng sẽ sanh.

1063.

Thân hành sẽ sanh với cõi nào...

1064.

Thân hành sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập nhị, tam thiền, thân hành sẽ sanh mà khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới nhập sơ thiền với những cõi ấy, thân hành sẽ sanh và khẩu hành cũng sẽ sanh.

Hay là khẩu hành sẽ sanh với người nào cõi nào, thời thân hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm liên tiếp của người Dục giới vừa sanh, tâm chót sẽ sanh của bực Sắc giới, Vô sắc giới, khẩu hành sẽ sanh mà thân hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bực nhập sơ thiền và người nương Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, khẩu hành sẽ sanh và thân hành cũng sẽ sanh.

1065.

Thân hành sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ sanh với người nào cõi nào, thời thân hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Cái tâm liên tiếp với tâm chót của người nương Dục giới sẽ sanh, người nhập tứ thiền và bực nương Sắc giới, Vô sắc giới, tâm hành sẽ sanh mà khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nhập sơ, nhị, tam thiền nương cõi Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tâm hành sẽ sanh và thân hành cũng sẽ sanh.

1066.

Khẩu hành sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Cái tâm liên tiếp với tâm chót không tầm, không tứ sẽ sanh và bậc nhập nhị, tam, tứ thiền, tâm hành sẽ sanh mà khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người

ấy cõi ấy. Còn người nhập thiền nơi cõi Dục giới và người Sắc giới, Vô sắc giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tâm hành sẽ sanh và khẩu hành cũng sẽ sanh.

1067.

*Thân hành **chẳng phải sẽ sanh** với người nào, thời khẩu hành **chẳng phải sẽ sanh** với người ấy phải chăng?* Cái tâm liên tiếp với tâm chót của người nương Dục giới sẽ sanh, người kiếp chót nơi cõi Sắc giới, Vô sắc giới, bực đã sanh Sắc giới, Vô sắc giới sẽ viên tịch và người đang tử, thân hành chẳng phải sẽ sanh mà khẩu hành sẽ sanh với người ấy. Còn bực tề toàn tâm chót, cái tâm liên tiếp với tâm chót không tầm, không tứ sẽ sanh cho người ấy, thân hành chẳng phải sẽ sanh và khẩu hành cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời thân hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1068.

Thân hành chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Cái tâm liên tiếp với tâm chót của người nương Dục giới sẽ sanh, người kiếp chót nơi Sắc giới, Vô sắc giới, bực đã sanh Sắc giới, Vô sắc giới sẽ viên tịch và người đang tử, thân hành chẳng phải sẽ sanh mà tâm hành sẽ sanh với người ấy. Còn bực tề toàn tâm chót, thân hành chẳng phải sẽ sanh và tâm hành cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời thân hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1069.

Khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Cái tâm liên tiếp với tâm chót không tầm, không tứ sẽ sanh, khẩu hành chẳng phải sẽ sanh mà tâm hành sẽ sanh với người ấy. Còn bực tề toàn tâm chót, khẩu hành chẳng phải sẽ sanh và tâm hành cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1070.

Thân hành chẳng phải sẽ sanh với cõi nào...

1071.

Thân hành chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Cái tâm liên tiếp với tâm chót của người nương Dục giới sẽ sanh và bực nương Sắc giới, Vô sắc giới, thân hành chẳng phải sẽ sanh mà khẩu hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người tề toàn tâm chót, cái tâm liên tiếp với tâm vô tầm, vô tứ sẽ sanh, bực nhập tứ thiền và người vô tưởng với những cõi ấy, thân hành chẳng phải sẽ sanh và khẩu hành cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời thân hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập nhị, tam thiền, khẩu hành chẳng phải sẽ sanh mà thân hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người tề toàn tâm chót, cái tâm liên tiếp với tâm vô tầm, vô tứ sẽ sanh, bực nhập tứ thiền và người vô tưởng với những cõi ấy, khẩu hành chẳng phải sẽ sanh và thân hành cũng chẳng phải sẽ sanh.

1072.

Thân hành chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Cái tâm liên tiếp với tâm chót của người nương Dục giới sẽ sanh, người nhập tứ thiền, bực nương Sắc giới, Vô sắc giới, thân hành

chẳng phải sẽ sanh mà tâm hành sẽ sanh với những cõi ấy. Còn bậc tề toàn tâm chót và người vô tưởng với những cõi ấy, thân hành chẳng phải sẽ sanh và tâm hành cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời thân hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1073.

Khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, bực nhập nhị, tam, tứ thiền, khẩu hành chẳng phải sẽ sanh mà tâm hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bực tề toàn tâm chót và người vô tưởng với những cõi ấy, khẩu hành chẳng phải sẽ sanh và tâm hành cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1074.

*Thân hành **đang sanh** với người nào, thời khẩu hành **từng sanh** với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là khẩu hành từng sanh với người nào, thời thân hành đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, bực nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na sanh của tâm trừ hơi thở ra vô, khẩu hành từng sanh mà thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người sát-na sanh của hơi thở ra vô, khẩu hành từng sanh và thân hành cũng đang sanh.

1075.

Thân hành đang sanh với người nào, thời tâm hành từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành từng sanh với người nào, thời thân hành đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, bực nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, tâm hành từng sanh mà thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn những người sát-na sanh hơi thở ra vô, tâm hành từng sanh và thân hành cũng đang sanh.

1076.

Khẩu hành đang sanh với người nào, thời tâm hành từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành từng sanh với người nào, thời khẩu hành đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, bực nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na sanh của tâm mà trừ tầm, tứ, tâm hành từng sanh mà khẩu hành chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn những người sát-na sanh tầm, tứ, tâm hành từng sanh và khẩu hành cũng đang sanh.

1077.

Thân hành đang sanh với cõi nào...

1078.

Thân hành đang sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh hơi thở ra vô của bực nhập nhị, tam thiền, thân hành đang sanh mà khẩu hành chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh

hơi thở ra vô của người Dục giới nhập sơ thiền, thân hành đang sanh và khẩu hành cũng từng sanh.

Hay là khẩu hành từng sanh với người nào cõi nào, thời thân hành đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nương Sắc giới, Vô sắc giới và sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, khẩu hành từng sanh mà thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của hơi thở ra vô nơi người nương Dục giới nhập sơ thiền, khẩu hành từng sanh và thân hành cũng đang sanh.

1079.

Thân hành đang sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành từng sanh với người nào cõi nào, thời thân hành đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả và sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, tâm hành từng sanh mà thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn những người sát-na sanh hơi thở ra vô với những cõi ấy, tâm hành từng sanh và thân hành cũng đang sanh.

1080.

Khẩu hành đang sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành từng sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả và sát-na sanh của tâm trừ tầm, tứ, tâm hành từng sanh mà khẩu hành chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn những người sát-na sanh tầm, tứ với những cõi ấy, tâm hành từng sanh và khẩu hành cũng đang sanh.

1081.

*Thân hành **chẳng phải đang sanh** với người nào, thời khẩu hành **chẳng phải từng sanh** với người ấy phải chăng?* Từng sanh.

Hay là khẩu hành không từng sanh với người nào, thời thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.

1082.

Thân hành chẳng phải đang sanh với người nào, thời tâm hành không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

Hay là tâm hành không từng sanh với người nào, thời thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có *(natthi)*.

1083.

Khẩu hành chẳng phải đang sanh với người nào, thì tâm hành không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

Tâm hành không từng sanh với người nào, thời khẩu hành chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.

1084.

Thân hành chẳng phải đang sanh với cõi nào...

1085.

Thân hành chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt hơi thở vô ra của người nương Dục giới đang nhập sơ thiền, người nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và sát-na sanh của tâm trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang sanh mà khẩu hành từng sanh với người

ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt hơi thở ra vô của bực đang nhập nhị, tam thiền, tâm thứ hai của bực nương Tịnh cư hiện hành, vị đang nhập tứ thiền, người vô tưởng và sát-na sanh của tâm với những cõi ấy, mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang sanh và khẩu hành cũng không từng sanh

Hay là khẩu hành không từng sanh với người nào cõi nào, thì thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh hơi thở ra vô của bực đang nhập nhị, tam thiền, khẩu hành chẳng phải từng sanh mà thân hành đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt hơi thở ra vô của bực đang nhập nhị, tam thiền, tâm thứ hai của bậc Tịnh cư đang hiện hành, vị nhập tứ thiền, người vô tưởng và sát-na sanh của tâm với những cõi ấy, mà trừ người hơi thở ra vô, khẩu hành chẳng phải từng sanh mà thân hành cũng chẳng phải đang sanh.

1086.

Thân hành chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả và sát-na sanh của tâm trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang sanh mà tâm hành từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc nương cõi Tịnh cư, người vô tưởng với những cõi ấy, thân hành chẳng phải đang sanh và tâm hành cũng chẳng phải từng sanh.

Hay là tâm hành không từng sanh với người nào cõi nào, thời thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1087.

Khẩu hành chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tâm hành không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm trừ tầm, tứ, khẩu hành chẳng phải đang sanh mà tâm hành từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bực đang sanh cõi Tịnh cư và người nương cõi Vô tưởng với những cõi ấy, khẩu hành chẳng phải đang sanh và tâm hành cũng chẳng phải từng sanh.

Hay là tâm hành chẳng phải từng sanh với người nào cõi nào thì khẩu hành chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1088.

Thân hành ***đang sanh*** *với người nào, thời khẩu hành* ***sẽ sanh*** *với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là khẩu hành sẽ sanh với người nào, thời thân hành đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, bực nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na của tâm mà trừ hơi thở ra vô, khẩu hành sẽ sanh mà thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người sát-na sanh hơi thở ra vô, khẩu hành sẽ sanh và thân hành cũng đang sanh.

1089.

Thân hành đang sanh với người nào, thời tâm hành sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ sanh với người nào, thời thân hành đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, bực nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, tâm hành sẽ sanh mà thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người sát-na sanh hơi thở ra vô, tâm hành sẽ sanh và thân hành cũng đang sanh.

1090.

Khẩu hành đang sanh với người nào, thời tâm hành sẽ sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, khẩu hành đang sanh mà tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người sát-na sanh tầm, tứ mà ngoài ra đó, khẩu hành đang sanh và tâm hành cũng sẽ sanh.

Hay là tâm hành sẽ sanh với người nào, thời khẩu hành đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, bực nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na sanh của tâm mà trừ tầm, tứ, tâm hành sẽ sanh mà khẩu hành chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn những người sát-na sanh tầm, tứ, tâm hành sẽ sanh và khẩu hành cũng đang sanh.

1091.

Thân hành đang sanh với cõi nào...

1092.

Thân hành đang sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh hơi thở ra vô của bực đang nhập nhị, tam thiền, thân hành đang sanh mà khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh hơi thở ra vô của người nương Dục giới đang nhập sơ thiền với những cõi ấy, thân hành đang sanh và khẩu hành cũng sẽ sanh.

Hay là khẩu hành sẽ sanh với người nào cõi nào, thời thân hành đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt hơi thở ra vô của người nương cõi Dục giới đang nhập sơ thiền, người nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, khẩu hành sẽ sanh mà thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh hơi thở ra vô của người nương Dục giới đang nhập sơ thiền với những cõi ấy, khẩu hành sẽ sanh và thân hành cũng đang sanh.

1093.

Thân hành đang sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ sanh với người nào cõi nào, thời thân hành đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả và sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, tâm hành sẽ sanh mà thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn những người sát-na sanh hơi thở ra vô với những cõi ấy, tâm hành sẽ sanh và thân hành cũng đang sanh.

1094.

Khẩu hành đang sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, khẩu hành đang sanh mà tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn những người sát-na sanh tầm, tứ mà ngoài ra đó với những cõi ấy, khẩu hành đang sanh và tâm hành cũng sẽ sanh.

Hay là tâm hành sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả và sát-na sanh của tâm mà trừ tầm, tứ, tâm hành sẽ sanh mà khẩu hành chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na sanh tầm, tứ với những cõi ấy, tâm hành sẽ sanh và khẩu hành cũng đang sanh.

1095.

*Thân hành **chẳng phải đang sanh** với người nào, thời khẩu hành **chẳng phải sẽ sanh** với người ấy phải chăng?* Sát-na diệt của tâm tất cả, bực nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang sanh mà khẩu hành sẽ sanh với người ấy. Còn bực tề toàn tâm chót, cái tâm liên tiếp với tâm

chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, thân hành chẳng phải đang sanh và khẩu hành cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1096.

Thân hành chẳng phải đang sanh với người nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, bực nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang sanh mà tâm hành sẽ sanh với người ấy. Còn người tề toàn tâm chót, thân hành chẳng phải đang sanh và tâm hành cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1097.

Khẩu hành chẳng phải đang sanh với người nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, bực nhập thiền Diệt, người nương cõi Vô tưởng và sát-na sanh của tâm mà trừ tầm, tứ, khẩu hành chẳng phải đang sanh mà tâm hành sẽ sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ và người tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ, khẩu hành chẳng phải đang sanh và tâm hành cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời khẩu hành chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, tâm hành chẳng phải sẽ sanh mà khẩu hành đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ và người tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ, tâm hành chẳng phải sẽ sanh và khẩu hành cũng chẳng phải đang sanh.

1098.

Thân hành chẳng phải đang sanh với cõi nào...

1099.

Thân hành chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt hơi thở ra vô của người nương Dục giới đang nhập sơ thiền, bực nương Sắc giới, Vô sắc giới và sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang sanh mà khẩu hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc tề toàn tâm chót, cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, sát-na diệt hơi thở vô ra của người nhập nhị, tam thiền, bậc vô tưởng, người nhập tứ thiền và người sát-na sanh của tâm với những cõi ấy, mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang sanh và khẩu hành cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh khí thở ra vô của bực đang nhập nhị, tam thiền, khẩu hành chẳng phải sẽ sanh mà thân hành đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc tề toàn tâm chót, cái tâm liên tiếp với tâm chót không tầm, không tứ sẽ sanh, sát-na diệt hơi thở ra vô của người đang nhập nhị, tam thiền, người vô tưởng, bậc nhập tứ thiền và người sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô với những cõi ấy, khẩu hành chẳng phải sẽ sanh và thân hành cũng chẳng phải đang sanh.

1100.

Khẩu hành chẳng phải đang sanh với người nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang sanh mà tâm hành sẽ sanh với người ấy cõi

ấy. Bậc tề toàn tâm chót và người vô tưởng với những cõi ấy, thân hành chẳng phải đang sanh và tâm hành cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi

1101.

Khẩu hành chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm mà trừ tầm, tứ, khẩu hành chẳng phải đang sanh mà tâm hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, bậc tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ và người vô tưởng với những cõi ấy, khẩu hành chẳng phải đang sanh và tâm hành cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, tâm hành chẳng phải sẽ sanh mà khẩu hành đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, bậc tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ và người vô tưởng với những cõi ấy, tâm hành chẳng phải sẽ sanh và khẩu hành cũng chẳng phải đang sanh.

1102.

*Thân hành **từng sanh** với người nào, thời khẩu hành **sẽ sanh** với người ấy phải chăng?* Bực tề toàn tâm chót, cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, thân hành từng sanh mà khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người ngoài ra đó, thân hành từng sanh và khẩu hành cũng sẽ sanh.

Hay là khẩu hành sẽ sanh với người nào, thời thân hành từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1103.

Thân hành từng sanh với người nào, thời tâm hành sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bực tề toàn tâm chót, thân hành từng sanh mà tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, thân hành từng sanh và tâm hành cũng sẽ sanh.

Hay là tâm hành sẽ sanh với người nào... Phải rồi.

1104.

Khẩu hành từng sanh với người nào, thời tâm hành sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bực tề toàn tâm chót, khẩu hành từng sanh mà tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, khẩu hành từng sanh và tâm hành cũng sẽ sanh.

Hay là tâm hành sẽ sanh với người nào... Phải rồi.

1105.

Thân hành từng sanh với cõi nào...

1106.

Thân hành từng sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực tề toàn tâm chót trong Dục giới và bậc nhập nhị, tam thiền, thân hành từng sanh mà khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc nhập sơ thiền và người nương Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, thân hành từng sanh và khẩu hành cũng sẽ sanh.

Hay là khẩu hành sẽ sanh với người nào cõi nào, thời thân hành từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nương Sắc giới, Vô sắc giới, khẩu hành sẽ sanh mà thân hành chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương Dục giới nhập sơ thiền, với những cõi ấy, khẩu hành sẽ sanh và thân hành cũng từng sanh.

1107.

Thân hành từng sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực tề toàn tâm chót nơi Dục giới, thân hành từng sanh mà tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc nhập sơ, nhị, tam thiền nương cõi Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, thân hành từng sanh và tâm hành cũng sẽ sanh.

Hay là tâm hành sẽ sanh với người nào cõi nào, thời thân hành từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nhập tứ thiền, bậc nương Sắc giới, Vô sắc giới, tâm hành sẽ sanh mà thân hành chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bực nương Dục giới nhập sơ thiền nhị thiền và tam thiền với những cõi ấy, tâm hành sẽ sanh và thân hành cũng từng sanh.

1108.

Khẩu hành từng sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực tề toàn tâm chót nơi cõi hữu tầm, hữu tứ, khẩu hành từng sanh mà tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nơi cõi hữu tầm, hữu tứ với những cõi ấy, mà ngoài ra đó, khẩu hành từng sanh và tâm hành cũng sẽ sanh.

Hay là tâm hành sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Nơi cõi vô tầm, vô tứ, tâm hành sẽ sanh mà khẩu hành chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi hữu tầm, hữu tứ với những cõi ấy, tâm hành sẽ sanh và khẩu hành cũng từng sanh.

1109.

*Thân hành **không từng sanh** với người nào, thời khẩu hành **chẳng phải sẽ sanh** với người ấy phải chăng?* Không có.

Hay là khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời thân hành không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

1110.

Thân hành không từng sanh với người nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Không có *(natthi).*

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời thân hành không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

1111.

Khẩu hành không từng sanh với người nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời khẩu hành không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

1112.

Thân hành không từng sanh với cõi nào...

1113.

Thân hành không từng sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nương Sắc giới, Vô sắc giới, thân hành không từng sanh mà khẩu hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót hữu

tầm, hữu tứ nơi Sắc giới, Vô sắc giới, bậc tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, bậc nhập tứ thiền và người vô tưởng với những cõi ấy, thân hành không từng sanh và khẩu hành cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời thân hành không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tề toàn tâm chót trong Dục giới và bậc nhập nhị, tam thiền, khẩu hành chẳng phải sẽ sanh mà thân hành từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm chót hữu tầm, hữu tứ nơi Sắc giới, Vô sắc giới, bực tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót không tầm, không tứ sẽ sanh, bực nhập tứ thiền và người vô tưởng với những cõi ấy, khẩu hành chẳng phải sẽ sanh và thân hành cũng không từng sanh.

1114.

Thân hành không từng sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nương Sắc giới, Vô sắc giới đang nhập tứ thiền, thân hành không từng sanh mà tâm hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc tề toàn, tâm chót trong Sắc giới, Vô sắc giới và người vô tưởng với những cõi ấy, thân hành không từng sanh và tâm hành cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời thân hành không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực tề toàn tâm chót trong Dục giới, tâm hành chẳng phải sẽ sanh mà thân hành từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bực tề toàn tâm chót nơi Sắc giới, Vô sắc giới và người vô tưởng với những cõi ấy, tâm hành chẳng phải sẽ sanh và thân hành cũng không từng sanh.

1115.

Khẩu hành không từng sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nương cõi vô tầm, vô tứ, khẩu hành không từng sanh mà tâm hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc tề toàn tâm chót ở cõi vô tầm, vô tứ và người vô tưởng với những cõi ấy, khẩu hành không từng sanh và tâm hành cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực tề toàn tâm chót nơi cõi hữu tầm, hữu tứ, tâm hành chẳng phải sẽ sanh mà khẩu hành từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bực tề toàn tâm chót nơi cõi vô tầm, vô tứ và người vô tưởng với những cõi ấy, tâm hành chẳng phải sẽ sanh và khẩu hành cũng không từng sanh.

Phần Diệt *(Nirodhavāra)*

1116.

*Thân hành **đang diệt** với người nào, thời khẩu hành **đang diệt** với người ấy phải chăng?* Sát-na diệt hơi thở ra vô trừ tầm, tứ, thân hành đang diệt mà khẩu hành chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của hơi thở ra vô của người Dục giới đang nhập sơ thiền, thân hành đang diệt và khẩu hành cũng đang diệt.

Hay là khẩu hành đang diệt với người nào, thời thân hành đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt tầm, tứ trừ hơi thở ra vô, khẩu hành đang diệt mà thân hành chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn sát-na diệt hơi thở ra vô và người Dục giới đang nhập sơ thiền, khẩu hành đang diệt và thân hành cũng đang diệt.

1117.

Thân hành đang diệt với người nào, thời tâm hành đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành đang diệt với người nào, thời thân hành đang diệt với người ấy phải chăng? Sát na diệt của tâm trừ hơi thở ra vô, tâm hành đang diệt mà thân hành chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt của hơi thở ra vô, tâm hành đang diệt và thân hành cũng đang diệt.

1118.

Khẩu hành đang diệt với người nào, thời tâm hành đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành đang diệt với người nào, thời khẩu hành đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm trừ tầm, tứ, tâm hành đang diệt mà khẩu hành chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn những người sát-na diệt tầm, tứ, thân hành đang diệt và khẩu hành cũng đang diệt.

1119.

Thân hành đang diệt với cõi nào, thời khẩu hành đang diệt với cõi ấy phải chăng?

Cõi nhị thiền và tam thiền, thân hành đang diệt mà khẩu hành chẳng phải đang diệt với cõi ấy...

1120.

Thân hành đang diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng?...

Nói người nào cõi nào cũng trùng như bài nói người nào.

1121.

*Thân hành **chẳng phải đang diệt** với người nào, thời khẩu hành **chẳng phải đang diệt** với người ấy phải chăng?* Sát-na diệt tầm, tứ mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang diệt mà khẩu hành đang diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm tất cả, bậc nhập thiền Diệt, người vô tưởng, sát-na diệt của tâm vô tầm, vô tứ mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang diệt và khẩu hành cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là khẩu hành chẳng phải đang diệt với người nào, thời thân hành chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của hơi thở ra vô mà trừ tầm, tứ, khẩu hành chẳng phải đang diệt mà thân hành đang diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm tất cả, bậc nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na diệt của tâm vô tầm, vô tứ trừ hơi thở ra vô, khẩu hành chẳng phải đang diệt và thân hành cũng chẳng phải đang diệt.

1122.

Thân hành chẳng phải đang diệt với người nào, thời tâm hành chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang diệt mà tâm hành đang diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, bực nhập thiền Diệt và người vô tưởng, thân hành chẳng phải đang diệt và tâm hành cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là tâm hành đang diệt với người nào, thời thân hành đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1123.

Khẩu hành chẳng phải đang diệt với người nào, thời tâm hành chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm mà trừ tầm, tứ, khẩu hành chẳng phải đang diệt mà tâm hành đang diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm tất cả, bậc nhập thiền Diệt và người vô tưởng, khẩu hành chẳng phải đang diệt và tâm hành cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải đang diệt với người nào, thời khẩu hành chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1124.

Thân hành chẳng phải đang diệt với cõi nào...

1125.

Thân hành chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt tầm, tứ mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang diệt mà khẩu hành đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người vô tưởng, sát-na sanh của tâm tất cả và sát-na diệt của tâm vô tầm, vô tứ với những cõi ấy, mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang diệt và khẩu hành cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là khẩu hành chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào...

Nói người nào cõi nào cũng như bài nói về người nào, khi học nên phân rộng ra. Riêng về bài người và cõi không nên nói đến người nhập thiền Diệt.

1126.

*Thân hành **từng diệt** với người nào, thời khẩu hành **từng diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là khẩu hành từng diệt với người nào...

Câu hỏi quá khứ về người hay người và cõi dầu cho thuận tùng hay đối lập cũng như trong phần sanh, nên phân rộng. Nói trong phần diệt chỉ có bấy nhiêu, không có cách nào khác hơn.

1127.

*Thân hành **sẽ diệt** với người nào, thời khẩu hành **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là khẩu hành sẽ diệt với người nào, thời thân hành sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh tâm chót của người nương Dục giới, cái tâm liên tiếp với tâm chót của người nương Dục giới sẽ sanh, người kiếp chót trong cõi Sắc giới, Vô sắc giới, bực đã sanh cõi Sắc giới, Vô sắc giới sẽ viên tịch và người đang tử, khẩu hành sẽ diệt mà thân hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, khẩu hành sẽ diệt và thân hành cũng sẽ diệt.

1128.

Thân hành sẽ diệt với người nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào, thời thân hành sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh tâm chót của người nương Dục giới, cái tâm liên tiếp với tâm chót của người nương Dục giới sẽ sanh, người kiếp chót trong cõi Sắc giới, Vô sắc giới, bực đã sanh cõi Sắc giới, Vô sắc giới sẽ viên tịch và người đang tử, tâm hành sẽ diệt mà thân hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, tâm hành sẽ diệt và thân hành cũng sẽ diệt.

1129.

Khẩu hành sẽ diệt với người nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào, thời khẩu hành sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, tâm hành sẽ diệt mà khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, tâm hành sẽ diệt và khẩu hành cũng sẽ diệt.

1130.

Thân hành sẽ diệt với cõi nào...

1131.

Thân hành sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập nhị, tam thiền, thân hành sẽ diệt mà khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nhập sơ thiền nương Dục giới, thân hành sẽ diệt và khẩu hành cũng sẽ diệt.

Hay là khẩu hành sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thân hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh tâm chót nơi người nương Dục giới, cái tâm liên tiếp với tâm chót nơi người Dục giới sẽ sanh và bực nương Sắc giới, Vô sắc giới, khẩu hành sẽ diệt mà thân hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn bực nhập sơ thiền và người Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, khẩu hành sẽ diệt và thân hành cũng sẽ diệt.

1132.

Thân hành sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thân hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót của người Dục giới, cái tâm liên tiếp với tâm chót của người nương Dục giới sẽ sanh, người đang nhập tứ thiền và bậc nương Sắc giới, Vô sắc giới, tâm hành sẽ diệt mà thân hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn bực nhập sơ, nhị, tam thiền và người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, tâm hành sẽ diệt và thân hành cũng sẽ diệt.

1133.

Khẩu hành sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh và bậc nhập nhị, tam, tứ thiền, tâm hành sẽ diệt mà khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nhập sơ thiền nương Dục giới, người Sắc giới, Vô sắc giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tâm hành sẽ diệt và khẩu hành cũng sẽ diệt.

1134.

*Thân hành **chẳng phải sẽ diệt** với người nào, thời khẩu hành **chẳng phải sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Sát-na sanh tâm chót của người nương Dục giới, cái tâm thứ lớp của tâm chót nơi Dục giới sẽ sanh, người kiếp chót trong cõi Sắc giới, Vô sắc giới, người đã sanh nơi Sắc giới, Vô sắc giới sẽ viên tịch và người đang tử, thân hành chẳng phải sẽ diệt mà khẩu hành sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, bậc tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, thân hành chẳng phải sẽ diệt và khẩu hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời thân hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1135.

Thân hành chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh tâm chót của người nương Dục giới, cái tâm liên tiếp tâm chót của người nương Dục giới sẽ sanh, người kiếp chót ở cõi Sắc giới, Vô sắc giới, người đã sanh cõi Sắc giới, Vô sắc giới sẽ viên tịch và người đang tử, thân hành chẳng phải sẽ diệt mà tâm hành sẽ diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt của tâm chót, thân hành chẳng phải sẽ diệt và tâm hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời thân hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1136.

Khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, khẩu hành chẳng phải sẽ diệt mà tâm hành sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót khẩu hành chẳng phải sẽ diệt và tâm hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1137.

Thân hành chẳng phải sẽ diệt với cõi nào...

1138.

Thân hành chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót nơi người nương Dục giới, cái tâm liên tiếp với tâm chót của người nương Dục giới sẽ sanh và bậc nương Sắc giới, Vô sắc giới, thân hành chẳng phải sẽ diệt mà khẩu hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, bậc tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, bậc nhập tứ thiền và người vô tưởng với những cõi ấy, thân hành chẳng phải sẽ diệt và khẩu hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thân hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực đang nhập nhị, tam thiền, khẩu hành chẳng phải sẽ diệt mà thân hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt tâm chót hữu tầm, hữu tứ, bậc tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, bậc nhập tứ thiền và người vô tưởng với những cõi ấy, khẩu hành chẳng phải sẽ diệt và thân hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

1139.

Thân hành chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót nơi người nương Dục giới, cái tâm liên tiếp với tâm chót nơi người nương Dục giới sẽ sanh, bực đang nhập tứ thiền và người nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, thân hành chẳng phải sẽ diệt mà tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và người vô tưởng với những cõi ấy, thân hành chẳng phải sẽ diệt và tâm hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thân hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1140.

Khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh và bậc đang nhập nhị, tam và tứ thiền, khẩu

hành chẳng phải sẽ diệt mà tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và người vô tưởng với những cõi ấy, khẩu hành chẳng phải sẽ diệt và tâm hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1141.

*Thân hành **đang diệt** với người nào, thời khẩu hành **từng diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là khẩu hành từng diệt với người nào, thời thân hành đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, bực nhập thiền Diệt, người vô tưởng, sát-na diệt của tâm mà trừ hơi thở ra vô, khẩu hành từng diệt mà thân hành chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt của hơi thở ra vô, khẩu hành từng diệt và thân hành cũng đang diệt.

1142.

Thân hành đang diệt với người nào, thời tâm hành từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành từng diệt với người nào, thì thân hành đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, bậc nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na diệt của tâm mà trừ hơi thở ra vô, tâm hành từng diệt mà thân hành chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt hơi thở ra vô, tâm hành từng diệt và thân hành cũng đang diệt.

1143.

Khẩu hành đang diệt với người nào, thời tâm hành từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành từng diệt với người nào, thời khẩu hành đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, bực nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na diệt của tâm mà trừ tầm, tứ, tâm hành từng diệt mà khẩu hành chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt của tầm, tứ, tâm hành từng diệt và khẩu hành cũng đang diệt.

1144.

Thân hành đang diệt với cõi nào...

1145.

Thân hành đang diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nhập nhị, tam thiền và sát-na diệt của hơi thở ra vô thân hành đang diệt mà khẩu hành chẳng phải từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nhập sơ thiền nương Dục giới và sát-na diệt của hơi thở ra vô với những cõi ấy, thân hành đang diệt và khẩu hành cũng từng diệt.

Hay là khẩu hành từng diệt với người nào cõi nào, thời thân hành đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập sơ thiền nương Dục giới, sát-na sanh của hơi thở ra vô, người nương Sắc giới, Vô sắc giới, người sát-na diệt của tâm mà trừ hơi thở ra vô, khẩu hành từng diệt mà thân hành chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người sơ thiền nương Dục giới và người sát-na diệt hơi thở ra vô với những cõi ấy, khẩu hành từng diệt và thân hành cũng đang diệt.

1146.

Thân hành đang diệt với người nào cõi nào, thời tâm hành từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành từng diệt với người nào cõi nào, thời thân hành đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả và sát-na diệt của tâm mà trừ hơi thở ra vô, tâm hành từng diệt mà thân hành chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của người nương vô tưởng và những cõi ấy, tâm hành từng diệt và thân hành cũng đang diệt.

1147.

Khẩu hành đang diệt với người nào cõi nào, thời tâm hành từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành từng diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả và sát-na diệt của tâm mà trừ tầm, tứ, tâm hành từng diệt mà khẩu hành chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na diệt tầm, tứ với những cõi ấy, tâm hành từng diệt và khẩu hành cũng đang diệt.

1148.

*Thân hành **chẳng phải đang diệt** với người nào, thời khẩu hành **chẳng phải từng diệt** với người ấy phải chăng?* Từng diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải từng diệt với người nào, thời thân hành chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Không có *(natthi).*

1149.

Thân hành chẳng phải đang diệt với người nào, thời tâm hành chẳng phải từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải từng diệt với người nào, thời thân hành chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Không có *(natthi).*

1150.

Khẩu hành chẳng phải đang diệt với người nào, thời tâm hành chẳng phải từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải từng diệt với người nào, thời khẩu hành chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Không có *(natthi).*

1151.

Thân hành chẳng phải đang diệt với cõi nào...

1152.

Thân hành chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập sơ thiền nương Dục giới, sát-na sanh của hơi thở ra vô, bực nương Sắc giới, Vô sắc giới, người sát-na diệt của tâm mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang diệt mà khẩu hành từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn bậc nhập nhị, tam thiền, sát-na sanh của hơi thở ra vô, người nhập tứ thiền, người vô tưởng, tâm thứ hai nơi Tịnh cư hiện hành và sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô với những cõi ấy, thân hành chẳng phải đang diệt và khẩu hành cũng chẳng phải từng diệt.

Hay là khẩu hành chẳng phải từng diệt với người nào cõi nào, thời thân hành chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập nhị, tam thiền, người sát-na diệt hơi thở ra vô, khẩu hành chẳng phải từng diệt mà thân hành đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn bậc nhập nhị, tam thiền, sát-na sanh của hơi thở ra vô, bực nhập tứ thiền, người vô tưởng, tâm thứ hai của người tịnh cư hiện hành và người sát-na diệt của tâm

với những cõi ấy, mà trừ hơi thở ra vô, khẩu hành chẳng phải từng diệt và thân hành cũng chẳng phải đang diệt.

1153.

Thân hành chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời tâm hành chẳng phải từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả và sát-na diệt của tâm mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang diệt mà tâm hành từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn bậc nương Tịnh cư đang sanh và người vô tưởng với những cõi ấy, thân hành chẳng phải đang diệt và tâm hành cũng chẳng phải từng diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải từng diệt với người nào cõi nào, thời thân hành chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1154.

Khẩu hành chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời tâm hành chẳng phải từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả và sát-na diệt của tâm mà trừ tầm, tứ, khẩu hành chẳng phải đang diệt mà tâm hành từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn bậc nương Tịnh cư đang sanh và người vô tưởng với những cõi ấy, khẩu hành chẳng phải đang diệt và tâm hành cũng chẳng phải từng diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải từng diệt với người nào cõi nào thì khẩu hành chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1155.

*Thân hành **đang diệt** với người nào, thời khẩu hành **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là khẩu hành sẽ diệt với người nào, thời thân hành đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, người vô tưởng, bậc nhập thiền Diệt, người sát-na diệt của tâm mà trừ hơi thở ra vô, khẩu hành sẽ diệt mà thân hành chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt hơi thở ra vô, khẩu hành sẽ diệt và thân hành cũng đang diệt.

1156.

Thân hành đang diệt với người nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào, thời tâm hành đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, người vô tưởng, bậc nhập thiền Diệt và người sát-na diệt của tâm mà trừ hơi thở ra vô, tâm hành sẽ diệt mà thân hành chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt hơi thở ra vô, tâm hành sẽ diệt và thân hành cũng đang diệt.

1157.

Khẩu hành đang diệt với người nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, khẩu hành đang diệt mà tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt tầm, tứ mà ngoài ra đó, khẩu hành đang diệt và tâm hành cũng sẽ diệt.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào, thời khẩu hành đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, bực nhập thiền Diệt, người vô tưởng và kẻ sát-na sanh của tâm mà trừ tầm, tứ, tâm hành sẽ diệt mà khẩu hành chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt tầm, tứ, tâm hành sẽ diệt và khẩu hành cũng đang diệt.

1158.

Thân hành đang diệt với cõi nào...

1159.

Thân hành đang diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập nhị, tam thiền và kẻ sát-na diệt của hơi thở ra vô thân hành đang diệt mà khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn bậc nhập sơ thiền nương Dục giới, người sát-na diệt hơi thở ra vô với những cõi ấy, thân hành đang diệt và khẩu hành cũng sẽ diệt.

Hay là khẩu hành sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thân hành đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập sơ thiền nương Dục giới, sát-na sanh hơi thở ra vô, người nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, sát-na diệt của tâm mà trừ hơi thở ra vô, khẩu hành sẽ diệt mà thân hành chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn bậc nhập sơ thiền nương Dục giới và người sát-na diệt hơi thở ra vô với những cõi ấy, khẩu hành sẽ diệt và thân hành cũng đang diệt.

1160.

Thân hành đang diệt với người nào cõi nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thân hành đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả và sát-na diệt của tâm mà trừ hơi thở ra vô, tâm hành sẽ diệt mà thân hành chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na diệt hơi thở ra vô với những cõi ấy, tâm hành sẽ diệt và thân hành cũng đang diệt.

1161.

Khẩu hành đang diệt với người nào cõi nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, khẩu hành đang diệt mà tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na diệt tầm, tứ ngoài ra đó với những cõi ấy, khẩu hành đang diệt và tâm hành cũng sẽ diệt.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả và sát-na diệt của tâm mà trừ tầm, tứ, tâm hành sẽ diệt mà khẩu hành chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na diệt tầm, tứ với những cõi ấy, tâm hành sẽ diệt và khẩu hành cũng đang diệt.

1162.

*Thân hành **chẳng phải đang diệt** với người nào, thời khẩu hành **chẳng phải sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Sát-na sanh của tâm tất cả, bực nhập thiền Diệt, người vô tưởng, kẻ sát-na diệt của tâm mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang diệt mà khẩu hành sẽ diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, bậc tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ và cái tâm liên tiếp tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, thân hành chẳng phải đang diệt và khẩu hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người nào... Phải rồi.

1163.

Thân hành chẳng phải đang diệt với người nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, vào sát na diệt của tâm trừ hơi thở ra vô, bậc đang nhập thiền diệt, bậc vô tưởng, thân hành chẳng phải đang diệt mà tâm hành sẽ diệt với người ấy. Còn vào sát-na diệt của tâm chót, thân hành chẳng phải đang diệt và tâm hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào... Phải rồi.

1164.

Khẩu hành chẳng phải đang diệt với người nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, bậc nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na diệt của tâm mà trừ tầm, tứ, khẩu hành chẳng phải đang diệt mà tâm hành sẽ diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt của tâm chót vô tầm, vô tứ, khẩu hành chẳng phải đang diệt và tâm hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời khẩu hành chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, tâm hành chẳng phải sẽ diệt mà khẩu hành đang diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt của tâm chót vô tầm, vô tứ, tâm hành chẳng phải sẽ diệt và khẩu hành cũng chẳng phải đang diệt.

1165.

Thân hành chẳng phải đang diệt với cõi nào...

1166.

Thân hành chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập sơ thiền nương Dục giới, sát-na sanh hơi thở ra vô, người nương Sắc giới, Vô sắc giới và sát-na diệt của tâm mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang diệt mà khẩu hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, bậc tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, bậc nhập nhị, tam thiền, sát-na sanh hơi thở ra vô, người vô tưởng, bậc nhập tứ thiền và người sát-na diệt của tâm với những cõi ấy, mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang diệt và khẩu hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thân hành chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập nhị, tam thiền và sát-na diệt hơi thở ra vô, khẩu hành chẳng phải sẽ diệt mà thân hành đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, bậc tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, Sát-na sanh hơi thở ra vô của bậc nhập nhị, tam thiền, bậc nhập tứ thiền, người vô tưởng và sát-na diệt của tâm với những cõi ấy, mà trừ hơi thở ra vô, khẩu hành chẳng phải sẽ diệt và thân hành cũng chẳng phải đang diệt.

1167.

Thân hành chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả và sát-na diệt của tâm mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang diệt mà tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và người vô tưởng với những cõi ấy, thân hành chẳng phải đang diệt và tâm hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thân hành chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1168.

Khẩu hành chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả và sát-na diệt của tâm mà trừ tầm, tứ, khẩu hành chẳng phải đang diệt mà tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót vô tầm, vô tứ và người vô tưởng với những cõi ấy, khẩu hành chẳng phải đang diệt và tâm hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, tâm hành chẳng phải sẽ diệt mà khẩu hành đang diệt với người ấy cõi ấy. Con sát-na diệt của tâm chót vô tầm, vô tứ và người vô tưởng với những cõi ấy, tâm hành chẳng phải sẽ diệt và khẩu hành cũng chẳng phải đang diệt.

1169.

*Thân hành **từng diệt** với người nào, thời khẩu hành **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, bậc tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, thân hành từng diệt mà khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, thân hành từng diệt và khẩu hành cũng sẽ diệt.

Hay là khẩu hành sẽ diệt với người nào... Phải rồi.

1170.

Thân hành từng diệt với người nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm chót, thân hành từng diệt mà tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, thân hành từng diệt và tâm hành cũng sẽ diệt.
Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào... Phải rồi.

1171.

Thân hành từng diệt với cõi nào...

1172.

Thân hành từng diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm chót bực nương Dục giới, người nhập nhị, tam thiền, thân hành từng diệt mà khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn bậc nhập sơ thiền và người nương Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, thân hành từng diệt và khẩu hành cũng sẽ diệt.

Hay là khẩu hành sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thân hành từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nương Sắc giới, Vô sắc giới, khẩu hành sẽ diệt mà thân hành không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nhập sơ thiền nương Dục giới với những cõi ấy, khẩu hành sẽ diệt và thân hành cũng từng diệt.

1173.

Thân hành từng diệt với người nào cõi nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm chót bậc nương Dục giới, thân hành từng diệt mà tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn bậc đang nhập sơ, nhị, tam thiền và người Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, thân hành từng diệt và tâm hành cũng sẽ diệt.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thân hành từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập tứ thiền, người nương Sắc giới, Vô sắc giới, tâm hành sẽ diệt mà thân hành chẳng phải từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập sơ, nhị, tam thiền nương Dục giới với những cõi ấy, tâm hành sẽ diệt và thân hành cũng từng diệt.

1174.

Khẩu hành từng diệt với người nào cõi nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm chót nơi cõi hữu tầm, hữu tứ, khẩu hành từng diệt mà tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi hữu tầm, hữu tứ mà ngoài ra đó với những cõi ấy, khẩu hành từng diệt và tâm hành cũng sẽ diệt.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Nơi cõi vô tầm, vô tứ, tâm hành sẽ diệt mà khẩu hành chẳng phải từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi hữu tầm, hữu tứ với những cõi ấy, tâm hành sẽ diệt và khẩu hành cũng từng diệt.

1175.

Thân hành ***chẳng phải từng diệt*** *với người nào, thời khẩu hành* ***chẳng phải sẽ diệt*** *với người ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời thân hành chẳng phải từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt.

1176.

Thân hành chẳng phải từng diệt với người nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Không có *(natthi).*

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời thân hành chẳng phải từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt.

1177.

Khẩu hành chẳng phải từng diệt với người nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Không có *(natthi).*

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời khẩu hành chẳng phải từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt.

1178.

Thân hành chẳng phải từng diệt với cõi nào...

1179.

Thân hành chẳng phải từng diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nương Sắc giới, Vô sắc giới, thân hành không từng diệt mà khẩu hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm chót hữu tầm, hữu tứ nơi người Sắc giới, Vô sắc giới, bậc tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, bậc nhập tứ thiền và người vô tưởng với những cõi ấy, thân hành không từng diệt và khẩu hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thân hành chẳng phải từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm chót bực nương Dục giới và những vị nhập nhị, tam thiền, khẩu hành chẳng phải sẽ diệt mà thân hành từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ nơi Sắc giới, Vô sắc giới, bậc tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, bậc nhập tứ thiền và người vô tưởng với những cõi ấy, khẩu hành chẳng phải sẽ diệt và thân hành cũng chẳng phải từng diệt.

1180.

Thân hành chẳng phải từng diệt với người nào cõi nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập tứ thiền, người nương Sắc giới, Vô sắc giới, thân hành không từng diệt mà tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót nơi Sắc giới, Vô sắc giới và người vô tưởng với những cõi ấy, thân hành không từng diệt và tâm hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì thân hành không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm chót bực nương Dục giới, tâm hành chẳng phải sẽ diệt mà thân hành từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt

của tâm chót bực nương Sắc giới, Vô sắc giới và người vô tưởng với những cõi ấy, tâm hành chẳng phải sẽ diệt và thân hành cũng không từng diệt.

1181.

Khẩu hành chẳng phải từng diệt với người nào cõi nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Nơi cõi vô tầm, vô tứ, khẩu hành chẳng phải từng diệt mà tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót nơi cõi vô tầm, vô tứ và người vô tưởng với những cõi ấy, khẩu hành chẳng phải từng diệt và tâm hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm chót nơi cõi hữu tầm, hữu tứ, tâm hành chẳng phải sẽ diệt mà khẩu hành từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót nơi cõi vô tầm, vô tứ và người vô tưởng với những cõi ấy, tâm hành chẳng phải sẽ diệt và khẩu hành cũng không từng diệt.

Dứt phần diệt

Phần Sanh Diệt *(Uppādanirodhavāra)*

1182.

* *Thân hành **đang sanh** với người nào, thời khẩu hành **đang diệt** với người ấy phải chăng?* Không có.
  Hay là khẩu hành đang diệt với người nào, thời thân hành đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.
* *Thân hành đang sanh với người nào, thời tâm hành đang diệt với người ấy phải chăng?* Không có.
  Hay là tâm hành đang diệt với người nào, thời thân hành đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.
* *Khẩu hành đang sanh với người nào, thời tâm hành đang diệt với người ấy phải chăng?* Không có.
  Hay là tâm hành đang diệt với người nào, thời khẩu hành đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.
* *Thân hành đang sanh với cõi nào, thời khẩu hành đang diệt với cõi ấy phải chăng?*
  Cõi nhị thiền và tam thiền, thân hành đang sanh mà khẩu hành chẳng phải đang diệt với cõi ấy...
  (Những cõi ngoài ra cũng trùng nhau.)
* *Thân hành đang sanh với người nào cõi nào...*

  (Nói người nào và cõi nào cũng trùng như bài nói về người).

1183.

*Thân hành **chẳng phải đang sanh** với người nào, thời khẩu hành **chẳng phải đang diệt** với người ấy phải chăng?* Sát-na diệt của tầm, tứ, thân hành chẳng phải đang sanh mà khẩu hành đang diệt với người ấy. Còn bậc nhập thiền Diệt, người vô tưởng, sát-na sanh của tâm trừ hơi thở ra vô, sát-na diệt của tâm trừ tầm, tứ, thân hành chẳng phải đang sanh và khẩu hành cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là khẩu hành chẳng phải đang diệt với người nào, thời thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của hơi thở ra vô, khẩu hành chẳng phải

đang diệt mà thân hành đang sanh với người ấy. Còn bậc nhập thiền Diệt, người vô tưởng, sát-na sanh của tâm trừ hơi thở ra vô, sát-na diệt của tâm trừ tầm, tứ, khẩu hành chẳng phải đang diệt và thân hành cũng chẳng phải đang sanh.

1184.

Thân hành chẳng phải đang sanh với người nào, thời tâm hành chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, thân hành chẳng phải đang sanh mà tâm hành đang diệt với người ấy. Còn bậc nhập thiền Diệt, người vô tưởng, sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang sanh và tâm hành cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải đang diệt với người nào, thời thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của hơi thở ra vô, tâm hành chẳng phải đang diệt mà thân hành đang sanh với người ấy. Còn bậc nhập thiền Diệt, người vô tưởng, sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, tâm hành chẳng phải đang diệt và thân hành cũng chẳng phải đang sanh.

1185.

Khẩu hành chẳng phải đang sanh với người nào, thời tâm hành chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, khẩu hành chẳng phải đang sanh mà tâm hành đang diệt với người ấy. Còn bực nhập thiền Diệt, người vô tưởng, sát-na sanh của tâm mà trừ tầm, tứ, khẩu hành chẳng phải đang sanh và tâm hành cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải đang diệt với người nào, thời khẩu hành chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tầm, tứ, tâm hành chẳng phải đang diệt mà khẩu hành đang sanh với người ấy. Còn bực nhập thiền Diệt, người vô tưởng, sát-na sanh của tâm mà trừ tầm, tứ, tâm hành chẳng phải đang diệt và khẩu hành cũng chẳng phải đang sanh.

1186.

Thân hành chẳng phải đang sanh với cõi nào...

1187.

Thân hành chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào...

Nói người nào cõi nào cũng trùng như bài nói về người. Nhưng trong bài người và cõi không nên nói đến người nhập thiền Diệt.

1188.

*Thân hành **từng sanh** với người nào, thời khẩu hành **từng diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Câu hỏi quá khứ trong phần sanh, trong phần diệt, trong phần sanh và diệt cũng như nhau, nên phân ra rộng khi học.

1189.

*Thân hành **sẽ sanh** với người nào, thời khẩu hành **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là khẩu hành sẽ diệt với người nào, thời thân hành sẽ sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót nơi người nương Dục giới, cái tâm liên tiếp với tâm chót của người nương Dục giới sẽ sanh, người kiếp chót cõi Sắc giới, Vô sắc giới, bậc

đã sanh cõi Sắc giới, Vô sắc giới sẽ viên tịch và người đang tử, khẩu hành sẽ diệt mà thân hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, khẩu hành sẽ diệt và thân hành cũng sẽ sanh.

1190.

Thân hành sẽ sanh với người nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào, thời thân hành sẽ sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót nơi người nương Dục giới, cái tâm liên tiếp với tâm chót của người nương Dục giới sẽ sanh, bậc kiếp chót nương Sắc giới, Vô sắc giới, người đã sanh cõi Sắc giới, Vô sắc giới sẽ viên tịch và kẻ đang tử, tâm hành sẽ diệt mà thân hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn tất cả người ngoài ra đó, tâm hành sẽ diệt và thân hành cũng sẽ sanh.

1191.

Khẩu hành sẽ sanh với người nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào, thời khẩu hành sẽ sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót, cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, tâm hành sẽ diệt mà khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, tâm hành sẽ diệt và khẩu hành cũng sẽ sanh.

1192.

Thân hành sẽ sanh với cõi nào...

1193.

Thân hành sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực đang nhập nhị, tam thiền, thân hành sẽ sanh mà khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang nhập sơ thiền nương Dục giới với những cõi ấy, thân hành sẽ sanh và khẩu hành cũng sẽ diệt.

Hay là khẩu hành sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thân hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót nơi người Dục giới, cái tâm liên tiếp với tâm chót của người Dục giới sẽ sanh, bậc nương Sắc giới, Vô sắc giới, khẩu hành sẽ diệt mà thân hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc nhập sơ thiền và người Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, khẩu hành sẽ diệt và thân hành cũng sẽ sanh.

1194.

Thân hành sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thân hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót nơi người nương Dục giới, cái tâm liên tiếp với tâm chót của người nương Dục giới sẽ sanh, người đang nhập tứ thiền, bực nương Sắc giới, Vô sắc giới, tâm hành sẽ diệt mà thân hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bực nhập sơ, nhị, tam thiền và người Dục giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tâm hành sẽ diệt và thân hành cũng sẽ sanh.

1195.

Khẩu hành sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót, cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh và bậc đang nhập nhị, tam, tứ thiền, tâm hành sẽ diệt mà khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nhập sơ thiền nơi cõi Dục giới và người nương Sắc giới, Vô sắc giới mà ngoài ra đó với những cõi ấy, tâm hành sẽ diệt và khẩu hành cũng sẽ sanh.

1196.

*Thân hành **chẳng phải sẽ sanh** với người nào, thời khẩu hành **chẳng phải sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Sát-na sanh của tâm chót nơi người Dục giới, cái tâm liên tiếp với tâm chót của người Dục giới sẽ sanh, người kiếp chót nương Sắc giới, Vô sắc giới, bậc đã sanh Sắc giới, Vô sắc giới sẽ viên tịch và người đang tử, thân hành chẳng phải sẽ sanh mà khẩu hành sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, bậc tề toàn của tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm không xen hở với tâm chót không tầm, không tứ sẽ sanh, thân hành chẳng phải sẽ sanh và khẩu hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người nào... Phải rồi.

1197.

Thân hành chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót nơi người nương Dục giới, cái tâm liên tiếp với tâm chót của người nương Dục giới sẽ sanh, người kiếp chót trong Sắc giới, Vô sắc giới, bực đã sanh nơi cõi Sắc giới, Vô sắc giới sẽ viên tịch và kẻ đang tử, thân hành chẳng phải sẽ sanh mà tâm hành sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót, thân hành chẳng phải sẽ sanh và tâm hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào... Phải rồi.

1198.

Khẩu hành chẳng phải sẽ sanh với người nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót vô tầm, vô tứ sẽ sanh, khẩu hành chẳng phải sẽ sanh mà tâm hành sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót, khẩu hành chẳng phải sẽ sanh và tâm hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào... Phải rồi.

1199.

Thân hành chẳng phải sẽ sanh với cõi nào...

1200.

Thân hành chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót nơi người nương Dục giới, cái tâm liên tiếp với tâm chót của người nương Dục giới sẽ sanh và bậc nương Sắc giới, Vô sắc giới, thân hành chẳng phải sẽ sanh mà khẩu hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, bậc tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót không tầm, không tứ sẽ sanh, bậc đang nhập tứ thiền và người vô tưởng với những cõi ấy, thân hành chẳng phải sẽ sanh và khẩu hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thân hành chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực nhập nhị, tam thiền, khẩu hành chẳng phải sẽ diệt mà thân hành sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, bậc tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót

không tầm, không tứ sẽ sanh, bực nhập tứ thiền và người vô tưởng với những cõi ấy, khẩu hành chẳng phải sẽ diệt và thân hành cũng chẳng phải sẽ sanh.

1201.

Thân hành chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót nơi người nương Dục giới, cái tâm liên tiếp với tâm chót của người nương Dục giới sẽ sanh, bậc đang nhập tứ thiền và người nương Sắc giới, Vô sắc giới, thân hành chẳng phải sẽ sanh mà tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và người vô tưởng với những cõi ấy, thân hành chẳng phải sẽ sanh và tâm hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào... Phải rồi.

1202.

Khẩu hành sẽ sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót không tầm, không tứ sẽ sanh và bậc đang nhập nhị, tam, tứ thiền, khẩu hành chẳng phải sẽ sanh và tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và người vô tưởng với những cõi ấy, khẩu hành chẳng phải sẽ sanh và tâm hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào... Phải rồi.

1203.

*Thân hành **đang sanh** với người nào, thời khẩu hành **từng diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là khẩu hành từng diệt với người nào, thời thân hành đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, bậc nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, khẩu hành từng diệt mà thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người sát-na sanh của hơi thở ra vô, khẩu hành từng diệt và thân hành cũng đang sanh.

Câu hỏi hiện tại + quá khứ trong phần sanh, dầu cho thuận tùng *(anuloma)* hay đối lập *(paccaniya)* cũng trùng như câu hỏi hiện tại quá khứ trong phần sanh diệt thuận tùng và đối lập.

1204.

*Thân hành **đang sanh** với người nào, thời khẩu hành **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là khẩu hành sẽ diệt với người nào, thời thân hành đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, bậc nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, khẩu hành sẽ diệt mà thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh của hơi thở ra vô, khẩu hành sẽ diệt và thân hành cũng đang sanh.

1205.

Thân hành đang sanh với người nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào, thời thân hành đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, bực nhập thiền Diệt, người vô tưởng, sát-na sanh của

tâm mà trừ hơi thở ra vô, tâm hành sẽ diệt mà thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người sát-na sanh hơi thở ra vô, tâm hành sẽ diệt và thân hành cũng đang sanh.

1206.

Khẩu hành đang sanh với người nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào, thời khẩu hành đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, bậc nhập thiền Diệt, người vô tưởng, sát-na sanh của tâm mà trừ tầm, tứ, tâm hành sẽ diệt mà khẩu hành chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh của tầm, tứ, tâm hành sẽ diệt và khẩu hành cũng đang sanh.

1207.

Thân hành đang sanh với cõi nào...

1208.

Thân hành đang sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bực đang nhập nhị, tam thiền và sát-na sanh của hơi thở ra vô, thân hành đang sanh mà khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới nhập sơ thiền và người sát-na sanh của hơi thở ra vô, với những cõi ấy, thân hành đang sanh và khẩu hành cũng sẽ diệt.

Hay là khẩu hành sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thân hành đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nhập sơ thiền nương Dục giới, sát-na diệt hơi thở ra vô, bậc nương Sắc giới, Vô sắc giới, sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, khẩu hành sẽ diệt mà thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc nhập sơ thiền nương Dục giới và người sát-na sanh của hơi thở ra vô với những cõi ấy, khẩu hành sẽ diệt và thân hành cũng đang sanh.

1209.

Thân hành đang sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thân hành đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả và sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, tâm hành sẽ diệt mà khẩu hành chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na diệt của hơi thở ra vô với những cõi ấy, tâm hành sẽ diệt và thân hành cũng đang sanh.

1210.

Khẩu hành đang sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả và sát-na sanh của tâm mà trừ tầm, tứ, tâm hành sẽ diệt mà khẩu hành chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na sanh của tầm, tứ và những cõi ấy, tâm hành sẽ diệt và khẩu hành cũng đang sanh.

1211.

*Thân hành **chẳng phải đang sanh** với người nào, thời khẩu hành **chẳng phải sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Sát-na diệt của tâm tất cả, bực nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang sanh mà khẩu hành sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, bậc tề

toàn tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót không tầm, không tứ sẽ sanh, thân hành chẳng phải đang sanh và khẩu hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1212.

Thân hành chẳng phải đang sanh với người nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, bậc nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang sanh mà tâm hành sẽ diệt với người ấy. Còn người sát-na sanh của tâm chót, thân hành chẳng phải đang sanh và khẩu hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1213.

Khẩu hành chẳng phải đang sanh với người nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, bậc nhập thiền Diệt, người vô tưởng và sát-na sanh của tâm mà trừ tầm, tứ, khẩu hành chẳng phải đang sanh mà tâm hành sẽ diệt với người ấy. Còn người sát-na sanh của tâm chót, khẩu hành chẳng phải đang sanh và tâm hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào, thời khẩu hành chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1214.

Thân hành chẳng phải đang sanh với cõi nào...

1215.

Thân hành chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Dục giới đang nhập sơ thiền, sát-na diệt hơi thở ra vô của người nương Sắc giới, Vô sắc giới và sát-na diệt của tâm mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang sanh mà khẩu hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, bậc tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót không tầm, không tứ sẽ sanh, sát-na diệt hơi thở ra vô của người nhập nhị, tam thiền, bực nhập nhị, tam thiền, sát-na sanh của hơi thở ra vô, người vô tưởng, bậc nhập tứ thiền và sát-na sanh của tâm với những cõi ấy, mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang sanh và khẩu hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh hơi thở ra vô của bậc nhập nhị, tam thiền, khẩu hành chẳng phải sẽ diệt mà thân hành đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót hữu tầm hữu tứ, bậc tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót không tầm không tứ sẽ sanh, bậc nhập tứ thiền, người vô tưởng và người sát-na sanh của tâm với những cõi ấy, mà trừ hơi thở ra vô, khẩu hành chẳng phải sẽ diệt và thân hành cũng chẳng phải đang sanh.

1216.

Thân hành chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả và sát-na sanh của tâm mà trừ hơi thở ra vô, thân hành chẳng phải đang sanh mà tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và người vô tưởng với những cõi ấy, thân hành chẳng phải đang sanh và tâm hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời thân hành chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1217.

Khẩu hành chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thời tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm mà trừ tầm, tứ, khẩu hành chẳng phải đang sanh mà tâm hành sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và người vô tưởng với những cõi ấy, khẩu hành chẳng phải đang sanh và tâm hành cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thời khẩu hành chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1218.

*Thân hành **từng sanh** với người nào, thời khẩu hành **sẽ diệt** với người ấy phải chăng?* Sát-na diệt của tâm chót hữu tầm, hữu tứ, bậc tề toàn tâm chót vô tầm, vô tứ, cái tâm liên tiếp với tâm chót không tầm, không tứ sẽ sanh, thân hành từng sanh mà khẩu hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó với những cõi ấy, thân hành từng sanh và khẩu hành cũng sẽ diệt.

Hay là khẩu hành sẽ diệt với người nào, thời thân hành từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi...

1219.

Thân hành từng sanh với người nào, thời tâm hành sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm chót, thân hành từng sanh mà tâm hành chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, thân hành từng sanh và tâm hành cũng sẽ diệt.

Hay là tâm hành sẽ diệt với người nào, thời thân hành từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Câu hỏi phần diệt về quá khứ vị lai, thuận tùng và đối lập như thế nào, thì câu hỏi trong phần sanh diệt về quá khứ vị lai thuộc thuận tùng hay đối lập trong phần sanh diệt cũng giống như thế ấy, người biết khi học nên phân rộng ra.

Nói phần diệt chỉ có bấy nhiêu, không có cách nào khác hơn.

Dứt phần sanh diệt.
Hoàn thành phần bình nhựt.

PHẦN ĐẠT TRI *(PATINNIVARA)*

1220.

Người nào thấu rõ thân hành, thời người ấy thấu rõ khẩu hành phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào thấu rõ khẩu hành, thời người ấy thấu rõ thân hành phải chăng? Phải rồi.

Uẩn song đạt tri *(khanidhayamaka pariññavāra)* phân rộng như thế nào, thì trong phần hành song đạt tri *(saṅkhārayamaka pariññivāra)* này cũng nên phân rộng như thế đó.

Hành song tóm tắt chỉ có bấy nhiêu.

Dứt phần đạt tri
Dứt hành song

TÙY MIÊN SONG
(Anusaya yamaka)

Thất tùy miên: Dục ái tùy miên *(kāmarāgānusaya)*, phẫn nhuế tùy miên *(paṭighānusaya)*, ngã mạn tùy miên *(mānānusaya)*, tà kiến tùy miên *(diṭṭhānusaya)*, hoài nghi tùy miên *(vicikicchānusaya)*, hữu ái tùy miên *(bhavarāgānusaya)*, vô minh tùy miên *(avijjānusaya)*.

1221.

* Dục ái tùy miên ngủ theo chỗ nào? Dục ái tùy miên ngủ theo chỗ này là nhị thọ trong Dục giới.
* Phẫn nhuế tùy miên ngủ theo chỗ nào? Phẫn nhuế tùy miên ngủ theo nơi đây là khổ thọ.
* Ngã mạn tùy miên ngủ theo chỗ nào? Ngã mạn tùy miên ngủ theo nơi đây là nhị thọ trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.
* Tà kiến tùy miên ngủ theo chỗ nào? Tà kiến tùy miên ngủ theo nơi đây là pháp liên quan trong tất cả thân.
* Hoài nghi tùy miên ngủ theo chỗ nào? Hoài nghi tùy miên ngủ theo chỗ này là pháp liên quan trong tất cả thân.
* Hữu ái tùy miên ngủ theo chỗ nào? Hữu ái tùy miên ngủ theo chỗ này là trong Sắc giới và Vô sắc giới.
* Vô minh tùy miên ngủ theo chỗ nào? Vô minh tùy miên ngủ theo nơi đây là pháp liên quan trong tất cả thân.

PHẦN TÙY MIÊN *(Anusayavāra)*

1222.

* *Dục ái tùy miên ngủ theo người nào, thời phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

* *Dục ái tùy miên ngủ theo người nào, thời ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là ngã mạn tùy miên ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Bực Bất lai, ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy. Còn ba hạng người, ngã mạn tùy miên ngủ theo và dục ái tùy miên cũng ngủ theo.

* *Dục ái tùy miên ngủ theo người nào, thời tà kiến tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Hai hạng người, dục ái tùy miên ngủ theo mà tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy. Còn phàm phu, dục ái tùy miên ngủ theo và tà kiến tùy miên cũng ngủ theo.

  Hay là tà kiến tùy miên ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Dục ái tùy miên ngủ theo người nào, thời hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Hai hạng người, dục ái tùy miên ngủ theo mà hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy. Còn phàm phu, dục ái tùy miên ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng ngủ theo.

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Dục ái tùy miên ngủ theo người nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là hữu ái tùy miên ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Bực Bất lai, hữu ái tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy. Còn ba hạng người, hữu ái tùy miên ngủ theo và dục ái tùy miên cũng ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên ngủ theo người nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Bực Bất lai, vô minh tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy. Còn ba hạng người, vô minh tùy miên ngủ theo và dục ái tùy miên cũng ngủ theo.

1223.

∗ *Phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người nào, thời ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là ngã mạn tùy miên ngủ theo người nào, thời phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Bực Bất lai, ngã mạn tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy. Còn ba hạng người, ngã mạn tùy miên ngủ theo và phẫn nhuế tùy miên cũng ngủ theo.

∗ *Phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Hai hạng người, phẫn nhuế tùy miên ngủ theo mà hoài nghi tùy miên không ngủ theo với người ấy. Còn phàm phu, phẫn nhuế tùy miên ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng ngủ theo.

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo với người nào, thời phẫn nhuế tùy miên ngủ theo với người ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người nào, thời hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào, thời phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Bực Bất lai, vô minh tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy. Còn ba hạng người, vô minh tùy miên ngủ theo và phẫn nhuế tùy miên cũng ngủ theo.

1224.

∗ *Ngã mạn tùy miên ngủ theo người nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Ba hạng người, ngã mạn tùy miên ngủ theo mà hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy. Còn phàm phu, ngã mạn tùy miên ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng ngủ theo.

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo người nào, thời ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Ngã mạn tùy miên ngủ theo người nào, thời hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào, thời ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

1225.

∗ *Tà kiến tùy miên ngủ theo người nào, thời hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo người nào, thời tà kiến tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Tà kiến tùy miên ngủ theo người nào, thời hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào, thời tà kiến tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Ba hạng người, vô minh tùy miên ngủ theo mà tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy. Còn phàm phu, vô minh tùy miên ngủ theo và tà kiến tùy miên cũng ngủ theo.

1226.

Hoài nghi tùy miên ngủ theo với người nào, thời hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào, thời hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Ba hạng người, vô minh tùy miên ngủ theo mà hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy. Còn phàm phu, vô minh tùy miên ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng ngủ theo.

1227.

Hữu ái tùy miên ngủ theo người nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

1228.

∗ *Dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người nào, thời ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là ngã mạn tùy miên ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Bực Bất lai, ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy. Còn ba hạng người, ngã mạn tùy miên ngủ theo và dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên cũng ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Hai hạng người dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo mà hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy. Còn phàm phu, dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng ngủ theo.

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo với người nào, thời dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo với người nào, thời hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Bực Bất lai, vô minh tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy. Còn ba hạng người, vô minh tùy miên ngủ theo và dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy. Còn 3 bực người, vô minh tùy miên ngủ theo và dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên cũng ngủ theo.

1229.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo người nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Hai hạng người dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy. Còn phàm phu, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng ngủ theo.

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo với người nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo người nào, thời hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Bực Bất lai, vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy. Còn ba hạng người vô minh tùy miên ngủ theo và dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với ngã mạn tùy miên cũng ngủ theo.

1230.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên ngủ theo người nào, thời hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo người nào, thời hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Bực Bất lai, vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy. Hai hạng người, vô minh tùy miên dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên ngủ theo mà tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy. Còn phàm phu, vô minh tùy miên ngủ theo và dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên với tà kiến tùy miên cũng ngủ theo.

1231.

Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo người nào, thời hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Bực Bất lai, vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy. Hai hạng người vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy. Còn phàm phu, vô minh tùy miên ngủ theo và dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên luôn hoài nghi tùy miên cũng ngủ theo.

1232.

Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên ngủ theo người nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng? Bực Bất lai, vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, hữu ái tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy. Hai hạng người vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên ngủ theo mà tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy. Còn phàm phu, vô minh tùy miên ngủ theo và dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên luôn hữu ái tùy miên cũng ngủ theo.

1233.

∗ *Dục ái tùy miên ngủ theo cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Không phải *(no).*

Hay là phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Không phải *(no).*

∗ *Dục ái tùy miên ngủ theo cõi nào, thời ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Sắc giới và Vô sắc giới, ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên không ngủ theo những cõi ấy. Còn nhị thọ trong Dục giới *(kamadhātu)*, ngã mạn tùy miên ngủ theo và dục ái tùy miên cũng ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên ngủ theo cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Khổ thọ trong Sắc giới và Vô sắc giới, hoài nghi tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Còn nhị thọ trong Dục giới, hoài nghi tùy miên ngủ theo và dục ái tùy miên cũng ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên ngủ theo cõi nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Không phải *(no).*

Hay là hữu ái tùy miên ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Không phải *(no).*

∗ *Dục ái tùy miên ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Khổ thọ trong Sắc giới, vô minh tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Còn nhị thọ trong Dục giới, vô minh tùy miên ngủ theo và dục ái tùy miên cũng ngủ theo.

1234.

∗ *Phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi nào, thời ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Không phải.

Hay là ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Không phải.

∗ *Phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Nhị thọ trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, hoài nghi tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy. Còn cõi Khổ thọ, hoài nghi tùy miên ngủ theo và phẫn nhuế tùy miên cũng ngủ theo.

∗ *Phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Không phải *(no).*

Hay là hữu ái tùy miên ngủ theo cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Không phải.

∗ *Phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Nhị thọ trong cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, vô minh tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Còn cõi Khổ thọ, vô minh tùy miên ngủ theo và phẫn nhuế tùy miên cũng ngủ theo.

1235.

∗ *Ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi nào, thời ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Khổ thọ cõi này, hoài nghi tùy miên ngủ theo mà ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Còn nhị thọ trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới những cõi này, hoài nghi tùy miên ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng ngủ theo.

∗ *Ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Nhị thọ trong Dục giới cõi này, ngã mạn tùy miên ngủ theo mà hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Còn Sắc giới, Vô sắc giới, cõi này ngã mạn tùy miên ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng ngủ theo.

Hay là hữu ái tùy miên ngủ theo cõi nào, thời ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo cõi nào, thời ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Khổ thọ cõi này, vô minh tùy miên ngủ theo mà ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Còn nhị thọ trong Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, những cõi này vô minh tùy miên ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng ngủ theo.

1236.

∗ *Tà kiến tùy miên ngủ theo cõi nào, thời hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi nào, thời tà kiến tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Tà kiến tùy miên ngủ theo cõi nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Tam thọ trong Dục giới, nơi cõi này tà kiến tùy miên ngủ theo mà hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy. Còn Sắc giới, Vô sắc giới, cõi này tà kiến tùy miên ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng ngủ theo.

Hay là hữu ái tùy miên ngủ theo cõi nào, thời tà kiến tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Tà kiến tùy miên ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo cõi nào, thời tà kiến tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1237.

∗ *Hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Tam thọ trong Dục giới, cõi này, hoài nghi tùy miên ngủ theo mà hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Còn Sắc giới, Vô sắc giới, cõi này hoài nghi tùy miên ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng ngủ theo.

Hay là hữu ái tùy miên ngủ theo cõi nào, thời hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo cõi nào, thời hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1238.

Hữu ái tùy miên ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo cõi nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Tam thọ trong Dục giới, cõi này vô minh tùy miên ngủ theo mà hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Còn Sắc giới, Vô sắc giới, cõi này vô minh tùy miên ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng ngủ theo.

1239.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi nào, thời ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới, ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo với cõi ấy. Nhị thọ trong Dục

giới, ngã mạn tùy miên và dục ái tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Còn khổ thọ, cõi này phẫn nhuế tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Sắc giới, Vô sắc giới cõi này, hoài nghi tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Nhị thọ trong Dục giới, cõi này hoài nghi tùy miên và dục ái tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy. Còn khổ thọ, cõi này hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là hữu ái tùy miên ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Không phải *(no).*

∗ Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Không có.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo với cõi nào, thời dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Sắc giới, Vô sắc giới, cõi này vô minh tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Nhị thọ trong Dục giới, cõi này vô minh tùy miên và dục ái tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy. Còn khổ thọ, cõi này vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy.

1240.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo với cõi ấy phải chăng? Sắc giới, Vô sắc giới, cõi nầy, hoài nghi tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Nhị thọ trong Dục giới, cõi này, hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Còn khổ thọ, cõi này hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là hữu ái tùy miên ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới, cõi này, hữu ái tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Nhị thọ trong Dục giới, cõi này dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà hữu ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Khổ thọ, cõi ngày phẫn nhuế tùy miên ngủ theo mà hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Sắc giới, Vô sắc giới, cõi này vô minh tùy miên và ngã mạn ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy. Nhị thọ trong Dục giới, cõi này vô minh tùy miên dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Khổ thọ, cõi này vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy.

1241.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo cõi nào, thời hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Sắc giới, Vô sắc giới, cõi này hoài nghi tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Nhị thọ trong Dục giới, cõi này hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Khổ thọ, cõi này hoài nghi tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo cõi nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là hữu ái tùy miên ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Sắc giới, Vô sắc giới, cõi này hữu ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy. Nhị thọ trong Dục giới, cõi này dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo mà hữu ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Khổ thọ, cõi này phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo mà hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Sắc giới, Vô sắc giới, cõi này vô minh tùy miên ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy. Nhị thọ trong Dục giới, cõi này vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Khổ thọ, cõi này vô minh tùy miên phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy.

1242.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là hữu ái tùy miên ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Sắc giới, Vô sắc giới, cõi này hữu ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Nhị thọ Dục giới, cõi này dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo mà hữu ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Khổ thọ, cõi này phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo mà hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Không có.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Sắc giới, Vô sắc giới, cõi này vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy, nhị thọ trong Dục giới, cõi này vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy. Khổ thọ, cõi này vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy.

1243.

Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Không có *(natthi).*

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên ngủ theo cõi ấy phải chăng? Sắc giới, Vô sắc giới, cõi này vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Nhị thọ trong Dục giới, cõi này vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên và hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy. Khổ thọ cõi này vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với cõi ấy.

1244.

∗ *Dục ái tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Không có *(no).*

Hay là phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải *(no).*

∗ *Dục ái tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là ngã mạn tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Bực Bất lai, nhị thọ trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy

cõi ấy. Ba hạng người trong Sắc giới, Vô sắc giới, ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Hai hạng người nhị thọ trong Dục giới với những cõi ấy, ngã mạn tùy miên ngủ theo và dục ái tùy miên cũng ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Hai hạng người nhị thọ trong Dục giới, dục ái tùy miên ngủ theo mà hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Còn phàm phu nhị thọ trong Dục giới với những cõi ấy, dục ái tùy miên ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng ngủ theo.

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phàm phu khổ thọ và Sắc giới, Vô sắc giới, hoài nghi tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Còn phàm phu nhị thọ trong cõi Dục giới và những cõi ấy, ngã mạn tùy miên ngủ theo và dục ái tùy miên cũng ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Không phải.

Hay là hữu ái tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải.

∗ *Dục ái tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Bực Bất lai nhị thọ trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới vô minh tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Ba hạng người khổ thọ, Sắc giới, Vô sắc giới, vô minh tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Ba hạng người nhị thọ trong Dục giới với những cõi ấy, vô minh tùy miên ngủ theo và dục ái tùy miên cũng ngủ theo.

1245.

∗ *Phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Không phải *(no).*

Hay là ngã mạn tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải *(no).*

∗ *Phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Hai hạng người khổ thọ, phẫn nhuế tùy miên ngủ theo mà hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Còn phàm phu khổ thọ với những cõi ấy, phẫn nhuế tùy miên ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng ngủ theo.

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phàm phu nhị thọ trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, hoài nghi tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Còn người khổ thọ với những cõi ấy, hoài nghi tùy miên ngủ theo và phẫn nhuế tùy miên cũng ngủ theo.

∗ *Phẫn nhuế tùy miên ngủ theo với người nào cõi nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Không phải.

Hay là hữu ái tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Không có *(no)*.

∗ *Phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Phải rồi *(āmantā)*.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Bực Bất lai nương Dục giới tam thọ và Sắc giới, Vô sắc giới, vô minh tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Ba hạng người cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới, vô minh tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Còn ba hạng người khổ thọ với những cõi ấy, vô minh tùy miên ngủ theo và phẫn nhuế tùy miên cũng ngủ theo.

1246.

∗ *Ngã mạn tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thì tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Ba hạng người nhị thọ nơi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, ngã mạn tùy miên ngủ theo mà hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Còn phàm phu nhị thọ nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy, ngã mạn tùy miên ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng ngủ theo.

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phàm phu khổ thọ, hoài nghi tùy miên ngủ theo mà ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Còn người nhị thọ trong Dục giới và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, hoài nghi tùy miên ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng ngủ theo.

∗ *Ngã mạn tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Bốn hạng người nhị thọ trong Dục giới, ngã mạn tùy miên ngủ theo mà hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Còn hạng người trong Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, ngã mạn tùy miên ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng ngủ theo.

Hay là hữu ái tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Ngã mạn tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Bốn hạng người khổ thọ, vô minh tùy miên ngủ theo mà ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy cõi ấy. Còn người nhị thọ trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy, vô minh tùy miên ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng ngủ theo.

1247.

Tà kiến tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thì hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thì tà kiến tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1248.

∗ *Hoài nghi tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Phàm phu tam thọ trong Dục giới, hoài nghi tùy miên ngủ theo mà hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Còn những người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, hoài nghi tùy miên ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng ngủ theo.

Hay là hữu ái tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Ba hạng người trong Sắc giới và Vô sắc giới, hữu ái tùy miên ngủ theo mà hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Còn phàm phu ở cõi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, hữu ái tùy miên ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng ngủ theo.

∗ *Hoài nghi tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Ba hạng người Dục giới tam thọ và Sắc giới, Vô sắc giới, vô minh tùy miên ngủ theo mà hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Còn phàm phu Dục giới tam thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, vô minh tùy miên ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng ngủ theo.

1249.

Hữu ái tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Bốn hạng người tam thọ trong Dục giới, vô minh tùy miên ngủ theo mà hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Còn những người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, vô minh tùy miên ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng ngủ theo.

1250.

∗ *Dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Không có.

Hay là ngã mạn tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Bực Bất lai nhị thọ trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Ba hạng người trong Sắc giới, Vô sắc giới, ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới nhị thọ, ngã mạn tùy miên và dục ái tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phàm phu nơi Sắc giới, Vô sắc giới, hoài nghi tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Những người nhị thọ trong Dục giới, hoài nghi tùy

miên và dục ái tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Còn người khổ thọ, hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là hữu ái tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Không có *(no).*

∗ *Dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Bực Bất lai tam thọ trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, vô minh tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Ba hạng người trong Sắc giới, Vô sắc giới, vô minh tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy cõi ấy. Những người nhị thọ trong Dục giới, vô minh tùy miên và dục ái tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy cõi ấy. Những người khổ thọ, vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy.

1251.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Không có.

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phàm phu ở cõi Sắc giới, Vô sắc giới, hoài nghi tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy cõi ấy. Những người nhị thọ trong Dục giới, hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy cõi ấy. Những người khổ thọ, hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy cõi ấy.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là hữu ái tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải *(no).*

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Bực Bất lai khổ thọ, vô minh tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy cõi ấy. Những người Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới, vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Ba hạng người Sắc giới, Vô sắc giới, vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên

và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Những người Dục giới nhị thọ, vô minh tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Những người khổ thọ, vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy.

1252.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là hoài nghi tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phàm phu nơi Sắc giới, Vô sắc giới, hoài nghi tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy cõi ấy. Người nhị thọ trong Dục giới, hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy cõi ấy. Người khổ thọ, hoài nghi tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời hữu ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Không có.

Hay là hữu ái tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Ba hạng người Sắc giới, Vô sắc giới, hữu ái tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Phàm phu nơi Sắc giới, Vô sắc giới, hữu ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Không có!

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Bực Bất lai khổ thọ, vô minh tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Những người Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới, vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Hai hạng người trong Sắc giới, Vô sắc giới, vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Những người Dục giới nhị thọ, vô minh tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Những người khổ thọ, vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Phàm phu nơi Sắc giới, Vô sắc giới, vô minh tùy miên, ngã

mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Những người Dục giới nhị thọ, vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Còn người khổ thọ, vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy.

1253.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là hữu ái tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Ba hạng người nơi Sắc giới, Vô sắc giới, hữu ái tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Phàm phu nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Không có *(natthi).*

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Bực Bất lai khổ thọ, vô minh tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Người Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo. Hai hạng người Sắc giới, Vô sắc giới và những cõi ấy, vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo. Người Dục giới nhị thọ, vô minh tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Người khổ thọ, vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo. Phàm phu nơi Sắc giới, Vô sắc giới, vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Người dục ái nhị thọ, vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Người khổ thọ, vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy.

1254.

Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Không có *(natthi).*

Hay là vô minh tùy miên ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Bực Bất lai nơi Sắc giới, Vô sắc giới, vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Người Dục giới nhị thọ, vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy cõi ấy. Người khổ thọ, vô minh tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo. Hai hạng người nơi Sắc giới, Vô sắc giới, vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, hữu ái tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Người Dục giới nhị thọ, vô minh tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Người khổ thọ, vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy cõi ấy. Phàm phu nơi Sắc giới, Vô sắc giới, vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Người Dục giới nhị thọ, vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên và hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy. Người khổ thọ, vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo mà dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy cõi ấy.

Dứt thuận tùng

1255.

∗ *Dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi *(āmantā)*..

Hay là phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người nào, thời dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi *(āmantā)*..

∗ *Dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng?* Bực Bất lai, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy. Còn La-hán, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

Hay là ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Hai hạng người, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo mà dục ái tùy miên ngủ theo với người ấy. Còn hai hạng người, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng?* Bực Bất lai, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo người ấy. Còn La-hán, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

1256.

∗ *Phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng?* Bực Bất lai, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo với người ấy. Còn La-hán, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

Hay là ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Hai hạng người, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy. Còn hai hạng người khác hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và phẫn nhuế tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

∗ *Phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng?* Bực Bất lai, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo người ấy. Còn La-hán, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

1257.

∗ *Ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Ba hạng người, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy. Còn La-hán, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

∗ *Ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

1258.

Tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi...

1259.

Hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Ba hạng người, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo người ấy. Còn La-hán, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

1260.

Hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

1261.

∗ *Dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng?* Bực Bất lai, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo với người ấy. Còn La-hán, dục ái tùy miên phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

Hay là ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Hai hạng người, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo với người ấy. Còn hai hạng người khác, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng?* Bực Bất lai, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo người ấy. Còn La-hán, dục ái tùy miên phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

1262.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? *Hai hạng người, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy.* Bực Bất lai, hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo với người ấy. Còn La-hán thì hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với ngã mạn tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

1263.

Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Hai hạng người, hoài nghi tùy miên và tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy. Bậc Bất lai, hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo với người ấy. Còn La-hán, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo...

1264.

Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

1265.

Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy phải chăng? Phải rồi.

1266.

∗ *Dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Khổ thọ cõi ấy, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên ngủ theo với cõi ấy. Còn cõi Sắc giới, Vô sắc giới và cõi bất liên quan luân hồi, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và phẫn nhuế tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

Hay là phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng? Nhị thọ trong cõi Dục giới, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà dục ái tùy miên ngủ theo với cõi ấy. Còn Sắc giới, Vô sắc giới và cõi bất liên quan luân hồi, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn Cõi khổ thọ và bất liên quan luân hồi, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

Hay là ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Khổ thọ trong cõi Sắc giới, Vô sắc giới, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn cõi bất liên quan luân hồi, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Cõi Sắc giới, Vô sắc giới, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà hữu ái tùy miên ngủ theo với cõi ấy. Còn Cõi khổ thọ và bất liên quan luân hồi, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

Hay là hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng? Nhị thọ trong Dục giới, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà dục ái tùy miên ngủ theo với cõi ấy. Còn khổ thọ và cõi bất liên quan luân hồi, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Khổ thọ và Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo với cõi ấy. Còn cõi bất liên quan luân hồi, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

Hay là vô minh tùy miên không ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1267.

∗ *Phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Nhị thọ trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn cõi bất liên quan luân hồi, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng? Cõi Khổ thọ, ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn cõi bất liên quan luân hồi ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo và phẫn nhuế tùy miên cũng không ngủ theo.

∗ *Phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Nhị thọ Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn cõi bất liên quan luân hồi, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là hoài nghi tùy miên không ngủ theo cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

* *Phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Cõi Sắc giới, Vô sắc giới, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà hữu ái tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn nhị thọ Dục giới và cõi bất liên quan luân hồi, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng không ngủ theo.

  Hay là hữu ái tùy miên không ngủ theo cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng? Khổ thọ, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên ngủ theo với cõi ấy. Còn nhị thọ nơi Dục giới và cõi bất liên quan luân hồi, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và phẫn nhuế tùy miên cũng không ngủ theo.

* *Phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Nhị thọ nơi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo với cõi ấy. Còn cõi bất liên quan luân hồi, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo.

  Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1268.

* *Ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Cõi Khổ thọ, ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo mà hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn cõi bất liên quan luân hồi, ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng không ngủ theo.

  Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

* *Ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời hữu ái tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là hữu ái tùy miên không ngủ theo cõi nào, thời ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng? Nhị thọ nơi Dục giới, hữu ái tùy miên không ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn khổ thọ và cõi bất liên quan luân hồi, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo.

* *Ngã mạn tùy miên không ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Khổ thọ, ngã mạn tùy miên không ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn cõi bất liên quan luân hồi, ngã mạn tùy miên không ngủ theo và vô minh tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

  Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời ngã mạn tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1269.

Tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời hoài nghi tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên không ngủ theo cõi nào, thời tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1270.

∗ *Hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời hữu ái tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là hữu ái tùy miên không ngủ theo cõi nào, thời hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng? Tam thọ nơi Dục giới, hữu ái tùy miên không ngủ theo mà hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn cõi bất liên quan luân hồi, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng không ngủ theo.

∗ *Hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời hoài nghi tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1271.

Hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng? Tam thọ nơi Dục giới, hữu ái tùy miên không ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn cõi bất liên quan luân hồi, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời hữu ái tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1272.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời ngã mạn tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Sắc giới, Vô sắc giới, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn cõi bất liên quan luân hồi, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

Hay là ngã mạn tùy miên không ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi ấy phải chăng? Khổ thọ, ngã mạn tùy miên và dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn cõi bất liên quan luân hồi, ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên cũng không ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Sắc giới, Vô sắc giới, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo mà hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn cõi bất liên quan luân hồi, dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời hữu ái tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Sắc giới, Vô sắc giới, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo mà hữu ái tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn cõi bất liên quan luân hồi, dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo.

Hay là hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng? Khổ thọ, hữu ái tùy miên với dục ái tùy miên không ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi ấy. Nhị thọ nơi cõi Dục giới, hữu ái tùy miên với

phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà dục ái tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn cõi bất liên quan luân hồi, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên cũng không ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Sắc giới, Vô sắc giới, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn cõi bất liên quan luân hồi, dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1273.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời hữu ái tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng? Khổ thọ, hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên ngủ theo cõi ấy. Nhị thọ Dục giới, hữu ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn cõi bất liên quan luân hồi, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1274.

Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời hoài nghi tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

1275.

Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời hữu ái tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng? Khổ thọ, hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên không ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ

theo cõi ấy. Nhị thọ trong Dục giới, hữu ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo cõi ấy. Còn cõi bất liên quan luân hồi, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên cũng chẳng phải ngủ theo...

1276.

Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời vô minh tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên không ngủ theo cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1277.

∗ *Dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Ba hạng người khổ thọ, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người Sắc giới, Vô sắc giới và bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và phẫn nhuế tùy miên cũng không ngủ theo. Còn hai hạng người với những cõi ấy, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và phẫn nhuế tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Ba hạng người nhị thọ trong Dục giới, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà dục ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người Sắc giới, Vô sắc giới và bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên cũng không ngủ theo. Hai hạng người luôn những cõi ấy, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên cũng không ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời ngã mạn tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Ba hạng người Sắc giới, Vô sắc giới, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người khổ thọ và bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo. Bậc Bất lai nhị thọ trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, dục ái tùy miên không ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người khổ thọ và bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo. La-hán với những cõi ấy, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Phàm phu khổ thọ và Sắc giới, Vô sắc giới, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng không ngủ theo. Còn hai hạng người với những cõi ấy, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Hai hạng người nhị thọ trong Dục giới, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo mà dục ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người khổ thọ, Sắc giới, Vô sắc giới và bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên cũng không ngủ theo. Hai hạng người luôn những cõi ấy, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên cũng không ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời hữu ái tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Ba hạng người trong Sắc giới và Vô sắc giới, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà hữu ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người khổ thọ, bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng không ngủ theo. Bậc Bất lai và Sắc giới, Vô sắc giới, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà hữu ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người Dục giới tam thọ, bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng không ngủ theo. Còn bậc La-hán với những cõi ấy, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Ba hạng người nhị thọ trong Dục giới, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà dục ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người khổ thọ, bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên cũng không ngủ theo. Còn bậc La-hán với những cõi ấy, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên cũng không ngủ theo.

∗ *Dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời vô minh tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Ba hạng người khổ thọ và Sắc giới, Vô sắc giới, dục ái tùy miên không ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo bậc Bất lai tam thọ trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, dục ái tùy miên không ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo. Còn La-hán với những cõi ấy, dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1278.

∗ *Phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời ngã mạn tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Ba hạng người nhị thọ nơi Dục giới, bậc Sắc giới, Vô sắc giới, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo. Bậc Bất lai nhị thọ trong Dục giới, bậc Sắc giới, Vô sắc giới, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người khổ thọ, bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo. Bậc La-hán với những cõi ấy, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Ba hạng người khổ thọ, ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên ngủ theo với người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo và phẫn nhuế tùy miên cũng không ngủ theo. Còn La-hán với những cõi ấy, ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo và phẫn nhuế tùy miên cũng không ngủ theo.

* *Phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Phàm phu nhị thọ nơi Dục giới, bậc Sắc giới, Vô sắc giới, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng không ngủ theo. Còn hai hạng người với những cõi ấy, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng không ngủ theo.

  Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Hai hạng người khổ thọ, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên ngủ theo với người ấy cõi ấy. Người Dục giới nhị thọ, bậc Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và phẫn nhuế tùy miên cũng không ngủ theo. Hai hạng người với những cõi ấy, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và phẫn nhuế tùy miên cũng không ngủ theo.

* *Phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời hữu ái tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Ba hạng người nơi Sắc giới, Vô sắc giới, phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo mà hữu ái tùy miên ngủ theo với người ấy cõi ấy. Người Dục giới nhị thọ, bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng không ngủ theo. Bậc Bất lai nơi Sắc giới, Vô sắc giới, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà hữu ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người Dục giới tam thọ và người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng không ngủ theo. La-hán với những cõi ấy, Phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng không ngủ theo.

  Hay là hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Ba hạng người khổ thọ, hữu ái tùy miên không ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người Dục giới nhị thọ, bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và phẫn nhuế tùy miên cũng không ngủ theo. La-hán với những cõi ấy, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và phẫn nhuế tùy miên cũng không ngủ theo.

* *Phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời vô minh tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Ba hạng người nhị thọ nơi Dục giới, bậc Sắc giới, Vô sắc giới, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo. Bậc Bất lai tam thọ nơi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo với người ấy cõi ấy. Bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ

theo. La-hán với những cõi ấy, phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1279.

∗ *Ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Phàm phu khổ thọ, ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo mà hoài nghi tùy miên ngủ theo với người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng không ngủ theo. La-hán với những cõi ấy, ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời ngã mạn tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Ba hạng người nhị thọ nơi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới hoài nghi tùy miên không ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo với người ấy cõi ấy. Người khổ thọ, bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo. La-hán với những cõi ấy, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo.

∗ *Ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời hữu ái tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời ngã mạn tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Bốn hạng người nơi Dục giới nhị thọ, hữu ái tùy miên không ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người nhị thọ, bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo La-hán với những cõi ấy, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo.

∗ *Ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời hữu ái tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Bốn hạng người khổ thọ, ngã mạn tùy miên không ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo. La-hán với những cõi ấy, ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời ngã mạn tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1280.

Tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời tà kiến tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi...

1281.

∗ *Hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Ba hạng người nơi Sắc giới, Vô sắc giới, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo mà hữu ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người tam thọ nơi Dục giới, bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hoài

nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng không ngủ theo. La-hán với những cõi ấy, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời hoài nghi tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phàm phu tam thọ nơi Dục giới, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng không ngủ theo. La-hán với những cõi ấy, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng không ngủ theo.

∗ *Hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời vô minh tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Ba hạng người tam thọ nơi Dục giới và bậc Sắc giới, Vô sắc giới, hoài nghi tùy miên không ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo. La-hán với những cõi ấy, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1282.

Hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Bốn hạng người tam thọ nơi Dục giới, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo. La-hán với những cõi ấy, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1283.

∗ *Dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Ba hạng người Sắc giới, Vô sắc giới, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo. Bậc Bất lai nhị thọ nơi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người khổ thọ, bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo. La-hán với những cõi ấy, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Ba hạng người khổ thọ, ngã mạn tùy miên và dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên cũng không ngủ

theo. La-hán với những cõi ấy, ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên cũng không ngủ theo.

* *Dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Phàm phu nơi Sắc giới, Vô sắc giới, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và hoài nghi tùy miên cũng không ngủ theo. Hai hạng người với những cõi ấy...

  Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Hai hạng người khổ thọ, hoài nghi tùy miên và dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người nhị thọ nơi Dục giới với những cõi ấy, hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà dục ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người Sắc giới, Vô sắc giới, bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên cũng không ngủ theo. Hai hạng người với những cõi ấy...

* *Dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời hữu ái tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Ba hạng người Sắc giới, Vô sắc giới, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà hữu ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng không ngủ theo. Bậc Bất lai cõi Sắc giới, Vô sắc giới, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo mà hữu ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người tam thọ nơi Dục giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và hữu ái tùy miên cũng không ngủ theo. La-hán với những cõi ấy...

  Hay là hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Ba hạng người khổ thọ, hữu ái tùy miên và dục ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người nhị thọ nơi Dục giới, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà dục ái tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên cũng không ngủ theo.

* *Dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời vô minh tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Ba hạng người nơi Sắc giới, Vô sắc giới, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo. Bậc Bất lai tam thọ nơi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo. La-hán với những cõi ấy...

  Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1284.

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Hai hạng người khổ thọ, hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người nhị thọ nơi cõi Dục giới, hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà dục ái tùy miên với ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người Sắc giới, Vô sắc giới, hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo. Bậc Bất lai nhị thọ nơi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người khổ thọ, bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo. La-hán với những cõi ấy...

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời hữu ái tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Ba hạng người khổ thọ, hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người nhị thọ nơi Dục giới, hữu ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo. Bậc Bất lai nhị thọ nơi Dục giới, hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên chẳng phải ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người khổ thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên cũng không ngủ theo. La-hán với những cõi ấy...

∗ *Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời vô minh tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng?* Bực Bất lai khổ thọ, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, dục ái tùy miên, Phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo La-hán với những cõi ấy...

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1285.

Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời hoài nghi tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Hai hạng người khổ thọ, hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên không ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người nhị thọ nơi Dục giới hoài nghi tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên không ngủ theo mà dục ái tùy miên mà ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người nơi Sắc giới, hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với tà kiến tùy miên không ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên cũng không ngủ theo. Bậc Bất lai nhị thọ nơi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với tà kiến tùy miên chẳng phải ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người khổ thọ và người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên với tà kiến tùy miên cũng không ngủ theo. La-hán với những cõi ấy, hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên với tà kiến tùy miên cũng không ngủ theo.

1286.

Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời hữu ái tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phàm phu khổ thọ, hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên với ngã mạn tùy miên chẳng phải ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên với hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người nhị thọ nơi Dục giới, hữu ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không ngủ theo mà dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên với vô minh tùy miên cũng không ngủ theo. Hai hạng người khổ thọ, hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên với hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo mà phẫn nhuế tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người nhị thọ nơi Dục giới với những cõi ấy, hữu ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên với hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo mà dục ái tùy miên với ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, hoài nghi tùy miên cũng không ngủ theo. Bậc Bất lai nhị thọ nơi Dục giới, hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên với hoài nghi tùy miên chẳng phải ngủ theo mà ngã mạn tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người khổ thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và dục ái tùy miên, phẫn

nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên cũng không ngủ theo. La-hán với những cõi ấy...

1287.

Dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời vô minh tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Bực Bất lai khổ thọ, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo mà vô minh tùy miên ngủ theo người ấy cõi ấy. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên, hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo. La-hán với những cõi ấy, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên chẳng phải ngủ theo và vô minh tùy miên cũng không ngủ theo.

Hay là vô minh tùy miên chẳng phải ngủ theo người nào cõi nào, thời dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên không ngủ theo người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Dứt phần tùy miên (anusaya vāra).

PHẦN TỰ Y TÙY MIÊN *(Sanusayavāra)*

1288.

* *Người nào tự y dục ái tùy miên thì người ấy tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là người nào tự y phẫn nhuế tùy miên thì người ấy tự y dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

* *Người nào tự y dục ái tùy miên thì người ấy tự y ngã mạn tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là người nào tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy tự y dục ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai tự y *(sānusaya)* ngã mạn tùy miên mà chẳng phải tự y dục ái tùy miên. Còn ba hạng người tự y ngã mạn tùy miên và cũng tự y dục ái tùy miên.

* *Người nào tự y dục ái tùy miên thì người ấy tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Hai hạng người tự y dục ái tùy miên chẳng phải tự y hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu tự y dục ái tùy miên và cũng tự y hoài nghi tùy miên.

  Hay là người nào tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy tự y dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

* *Người nào tự y dục ái tùy miên thì người ấy tự y hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là người nào tự y vô minh tùy miên thì người ấy tự y dục ái tùy miên phải chăng? Bực Bất lai tự y vô minh tùy miên mà chẳng phải tự y dục ái tùy miên. Còn ba hạng người tự y vô minh tùy miên và cũng tự y dục ái tùy miên.

1289.

* *Người nào tự y phẫn nhuế tùy miên thì người ấy tự y ngã mạn tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực Bất lai tự y ngã mạn tùy miên mà chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Còn ba hạng người tự y ngã mạn tùy miên và cũng tự y phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào tự y phẫn nhuế tùy miên thì người ấy tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Hai hạng người tự y phẫn nhuế tùy miên mà chẳng phải tự y hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu tự y phẫn nhuế tùy miên cũng tự y hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào tự y phẫn nhuế tùy miên thì người ấy tự y hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào tự y vô minh tùy miên thì người ấy tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực Bất lai tự y vô minh tùy miên mà chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Còn ba hạng người tự y vô minh tùy miên và cũng tự y phẫn nhuế tùy miên.

1290.

∗ *Người nào tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Ba hạng người tự y ngã mạn tùy miên mà chẳng phải tự y hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu tự y ngã mạn tùy miên và cũng tự y hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy tự y ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy tự y hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào tự y vô minh tùy miên thì người ấy tự y ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1291.

Người nào tự y tà kiến tùy miên thì người ấy tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy tự y tà kiến tùy miên phải chăng?

1292.

Người nào tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy tự y hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào tự y vô minh tùy miên thì người ấy tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Ba hạng người tự y vô minh tùy miên mà chẳng phải tự y hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu tự y vô minh tùy miên và cũng tự y hoài nghi tùy miên.

1293.

Người nào tự y hữu ái tùy miên thì người ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào tự y vô minh tùy miên thì người ấy tự y hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1294.

∗ *Người nào tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy tự y ngã mạn tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực Bất lai tự y ngã mạn tùy miên mà chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Còn ba bậc người tự y ngã mạn tùy miên và cũng tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Hai bậc người tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà chẳng phải tự y hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng tự y hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào tự y dục ái tùy miên thì người ấy tự y hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào tự y vô minh tùy miên thì người ấy tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực Bất lai tự y vô minh tùy miên mà chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Còn ba hạng người tự y vô minh tùy miên và cũng tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

1295.

∗ *Người nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên thì người ấy tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Hai bậc người tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà chẳng phải tự y hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với ngã mạn tùy miên và cũng tự y hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy tự y hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào tự y vô minh tùy miên thì người ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực Bất lai tự y vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Còn ba bậc người tự y vô minh tùy miên và cũng tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với ngã mạn tùy miên.

1296.

Người nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì người ấy tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1297.

Người nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên thì người ấy tự y hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào tự y vô minh tùy miên thì người ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Bực Bất lai tự y vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà chẳng phải tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên với hoài nghi tùy miên. Hai hạng người tự

y vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà chẳng phải tự y tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu tự y vô minh tùy miên và cũng tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên.

1298.

Người nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì người ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào tự y vô minh tùy miên thì người ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Bực Bất lai tự y vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, hữu ái tùy miên, mà chẳng phải tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Hai bậc người tự y vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên mà chẳng phải tự y tà kiến tùy miên với hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu tự y vô minh tùy miên và cũng tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên với hữu ái tùy miên.

1299.

- *Cõi nào tự y dục ái tùy miên thì cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Không phải.

  Hay là cõi nào tự y phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy tự y dục ái tùy miên phải chăng? Không phải.

- *Cõi nào tự y dục ái tùy miên thì cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là cõi nào tự y ngã mạn tùy miên thì cõi ấy tự y dục ái tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới tự y ngã mạn tùy miên mà chẳng phải tự y dục ái tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ tự y ngã mạn tùy miên và cũng tự y dục ái tùy miên.

- *Cõi nào tự y dục ái tùy miên thì cõi ấy tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là cõi nào tự y hoài nghi tùy miên thì cõi ấy tự y dục ái tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ và Sắc giới, Vô sắc giới tự y hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ tự y hoài nghi tùy miên và cũng tự y dục ái tùy miên.

- *Cõi nào tự y dục ái tùy miên thì cõi ấy tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Không phải.

  Hay là cõi nào tự y hữu ái tùy miên thì cõi ấy tự y dục ái tùy miên phải chăng? Không phải.

- *Cõi nào tự y dục ái tùy miên thì cõi ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Không phải.

  Hay là cõi nào tự y vô minh tùy miên thì cõi ấy tự y dục ái tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ và Sắc giới, Vô sắc giới tự y vô minh tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ tự y vô minh tùy miên và cũng tự y dục ái tùy miên.

1301.

- *Cõi nào tự y phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là cõi nào tự y ngã mạn tùy miên thì cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Cõi nào tự y phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào tự y hoài nghi tùy miên thì cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới tự y hoài nghi tùy miên mà chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Còn Cõi khổ thọ tự y hoài nghi tùy miên và cũng tự y phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào tự y phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là cõi nào tự y hữu ái tùy miên thì cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Cõi nào tự y phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào tự y vô minh tùy miên thì cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới tự y vô minh tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Còn Cõi khổ thọ tự y vô minh tùy miên và cũng tự y phẫn nhuế tùy miên.

1301.

∗ *Cõi nào tự y ngã mạn tùy miên thì cõi ấy tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào tự y hoài nghi tùy miên thì cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ tự y hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y ngã mạn tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới tự y hoài nghi tùy miên và cũng tự y ngã mạn tùy miên.

∗ *Cõi nào tự y ngã mạn tùy miên thì cõi ấy tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Cõi Dục giới nhị thọ tự y ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y hữu ái tùy miên. Còn cõi Sắc giới, Vô sắc giới tự y ngã mạn tùy miên và cũng tự y hữu ái tùy miên.

Hay là cõi nào tự y hữu ái tùy miên thì cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào tự y ngã mạn tùy miên thì cõi ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào tự y vô minh tùy miên thì cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ tự y vô minh tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y ngã mạn tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới tự y vô minh tùy miên và cũng tự y ngã mạn tùy miên.

1302.

Cõi nào tự y tà kiến tùy miên thì cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào tự y hoài nghi tùy miên thì cõi ấy tự y tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi...

1303.

Cõi nào tự y hoài nghi tùy miên thì cõi ấy tự y hữu ái tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới tam thọ tự y hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y hữu ái tùy miên. Còn cõi Sắc giới, Vô sắc giới tự y hoài nghi tùy miên và cũng tự y hữu ái tùy miên.

Hay là cõi nào tự y hữu ái tùy miên thì cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi...

1304.

Cõi nào tự y hữu ái tùy miên thì cõi ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào tự y vô minh tùy miên thì cõi ấy tự y hữu ái tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới tam thọ tự y vô minh tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y hữu ái tùy miên. Còn cõi Sắc giới, Vô sắc giới tự y vô minh tùy miên và cũng tự y hữu ái tùy miên.

1305.

* *Cõi nào tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên phải chăng?* Không có.

  Hay là cõi nào tự y ngã mạn tùy miên thì cõi ấy tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới tự y ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ tự y ngã mạn tùy miên và dục ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên.

* *Cõi nào tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

  Hay là cõi nào tự y hoài nghi tùy miên thì cõi ấy tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới tự y hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ tự y hoài nghi tùy miên và dục ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ tự y hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên.

* *Cõi nào tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

  Hay là cõi nào tự y hữu ái tùy miên thì cõi ấy tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

* *Cõi nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

  Hay là cõi nào tự y vô minh tùy miên thì cõi ấy tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới tự y vô minh tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ tự y vô minh tùy miên và dục ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ tự y vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên.

1306.

* *Cõi nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

  Hay là cõi nào tự y hoài nghi tùy miên thì cõi ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới tự y hoài nghi tùy miên và ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ tự y hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ tự y hoài nghi tùy

miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên.

∗ *Cõi nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào tự y hữu ái tùy miên thì cõi ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Tự y ngã mạn tùy miên.

∗ *Cõi nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào tự y vô minh tùy miên thì cõi ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới tự y vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà những cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ tự y vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ tự y vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên.

1307.

∗ *Cõi nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào tự y hoài nghi tùy miên thì cõi ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới tự y hoài nghi tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ tự y hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ tự y hoài nghi tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên.

∗ *Cõi nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì cõi ấy tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào tự y hữu ái tùy miên thì cõi ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Tự y ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên.

∗ *Cõi nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì cõi ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào tự y vô minh tùy miên thì cõi ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới tự y vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ tự y vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ tự y vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên.

1308.

∗ *Cõi nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì cõi ấy tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào tự y hữu ái tùy miên thì cõi ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và vô minh tùy miên phải chăng? Tự y ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên với hoài nghi tùy miên.

∗ *Cõi nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì cõi ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào tự y vô minh tùy miên thì cõi ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới tự y vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ tự y vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ tự y vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên.

1309.

Cõi nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì cõi ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là cõi nào tự y vô minh tùy miên thì cõi ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới tự y vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ tự y vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên và hữu ái tùy miên. Cõi khổ thọ tự y vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên.

1310.

∗ *Người nào cõi nào tự y dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào cõi nào tự y phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào cõi nào tự y dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên phải chăng? Bực Bất lai cõi Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên. Ba bậc người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên và cũng tự y dục ái tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào tự y dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Hai hạng người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy tự y dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy tự y dục ái tùy miên và cũng tự y hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào cõi nào tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên phải chăng? Phàm phu khổ thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên. Còn người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên và cũng tự y dục ái tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào tự y dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào cõi nào tự y hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào cõi nào tự y dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào tự y vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên phải chăng? Bực Bất lai cõi Dục giới tam thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên. Ba hạng người khổ thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên. Còn ba hạng người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên và cũng tự y dục ái tùy miên.

1311.

∗ *Người nào cõi nào tự y phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào cõi nào tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào cõi nào tự y phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?*

Hai hạng người khổ thọ với những cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu khổ thọ với những cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng tự y hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào cõi nào tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phàm phu nơi Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Còn người khổ thọ với những cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên và cũng tự y phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào tự y phẫn nhuến tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào cõi nào tự y hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào cõi nào tự y phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào tự y vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực Bất lai nơi Dục giới tam thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Ba hạng người nơi Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những

cõi ấy tự y vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Còn ba hạng người khổ thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên và cũng tự y phẫn nhuế tùy miên.

1312.

∗ *Người nào cõi nào tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Ba bậc người Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y hoài nghi tùy miên. Phàm phu nơi Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên và cũng tự y hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào cõi nào tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên phải chăng? Phàm phu khổ thọ với những cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y ngã mạn tùy miên. Còn người Dục giới nhị thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên và cũng tự y ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Bốn bậc người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y hữu ái tùy miên. Còn người Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên và cũng tự y hữu ái tùy miên.

Hay là người nào cõi nào tự y hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào cõi nào tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào tự y vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên phải chăng? Bốn hạng người khổ thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y ngã mạn tùy miên. Còn người Dục giới nhị thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên và cũng tự y ngã mạn tùy miên.

1313.

Người nào cõi nào tự y tà kiến tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1314.

∗ *Người nào cõi nào tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Phàm phu nơi Dục giới tam thọ với những cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y hữu ái tùy miên. Còn người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên và cũng tự y hữu ái tùy miên.

Hay là người nào cõi nào tự y hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Ba bực người nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y hữu ái tùy miên và cũng tự y hoài nghi tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào tự y vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Ba hạng người nơi Dục giới tam thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu nơi Dục giới tam thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên và cũng tự y hoài nghi tùy miên.

1315.

Người nào cõi nào tự y hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào tự y vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y hữu ái tùy miên phải chăng? Bốn hạng người nơi Dục giới tam thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y hữu ái tùy miên. Còn ba hạng người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên và cũng tự y hữu ái tùy miên.

1316.

∗ *Người nào cõi nào tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực Bất lai nơi Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Ba hạng người Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Còn ba hạng người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên và dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phàm phu nơi Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên và dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Người khổ thọ với những cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào tự y hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào cõi nào tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào tự y vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực Bất lai nơi Dục giới tam thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Ba hạng người nơi Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Ba hạng người Dục giới nhị thọ với những

cõi ấy tự y vô minh tùy miên và dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Người khổ thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên.

1317.

∗ *Người nào cõi nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Phàm phu nơi Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy, chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên; người khổ thọ với những cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên phẫn và nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào tự y hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Tự y ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào tự y vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực Bất lai khổ thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên. Người Dục giới nhị thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên. Ba hạng người Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Ba hạng người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Người khổ thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên.

1318.

Người nào cõi nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là người nào cõi nào tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Phàm phu nơi Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Người khổ thọ với những cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên...

1319.

∗ *Người nào cõi nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào tự y hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Ba hạng người nơi Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy tự y hữu ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Phàm phu nơi Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy tự y hữu ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào tự y vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Bực Bất lai khổ thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Người Dục giới nhị thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Hai hạng Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Người khổ thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Phàm phu nơi Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên. Người khổ thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên.

1320.

Người nào cõi nào tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là người nào cõi nào tự y vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Bực Bất lai khổ thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên. Người Dục

giới nhị thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên. Người Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Hai hạng người Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên. Người khổ thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên. Phàm phu nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Như người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y phẫn nhuế tùy miên và hữu ái tùy miên. Người khổ thọ với những cõi ấy tự y vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải tự y dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên.

Dứt Thuận tùng (anuloma).

1321.

∗ *Người nào phi tự y dục ái tùy miên thì người ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào phi tự y phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi tự y dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào phi tự y dục ái tùy miên thì người ấy phi tự y ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bực Bất lai phi tự y dục ái tùy miên mà tự y ngã mạn tùy miên. Còn bậc La-hán phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y ngã mạn tùy miên.

Hay là người nào phi tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy phi tự y dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào phi tự y dục ái tùy miên thì người ấy phi tự y tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy phi tự y dục ái tùy miên phải chăng? Hai hạng người phi tự y hoài nghi tùy miên mà còn tự y dục ái tùy miên. Hai hạng người phi tự y hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên.

∗ *Người nào phi tự y dục ái tùy miên thì người ấy phi tự y hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?*Bực Bất lai phi tự y dục ái tùy miên mà tự y vô minh tùy miên. Còn bực La-hán phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên.

Hay là người nào phi tự y vô minh tùy miên thì người ấy phi tự y dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1322.

∗ *Người nào phi tự y phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi tự y ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bực Bất lai phi tự y phẫn nhuế tùy miên mà tự y ngã mạn tùy miên. Còn bậc La-hán phi tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y ngã mạn tùy miên.

Hay là người nào phi tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào phi tự y phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Hai hạng người phi tự y hoài nghi tùy miên mà tự y phẫn nhuế tùy miên. Còn hai hạng người phi tự y hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào phi tự y phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi tự y hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Bực Bất lai phi tự y phẫn nhuế mà tự y vô minh tùy miên. Còn bực La-hán phi tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên.

Hay là người nào phi tự y vô minh tùy miên thì người ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1323.

∗ *Người nào phi tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy phi tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy phi tự y ngã mạn tùy miên phải chăng? Ba hạng người phi tự y hoài nghi tùy miên mà tự y ngã mạn tùy miên. Còn bực La-hán phi tự y hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào phi tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy phi tự y hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào phi tự y vô minh tùy miên thì người ấy phi tự y ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1324.

Người nào phi tự y tà kiến tùy miên thì người ấy phi tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy phi tự y tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1325.

Người nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy phi tự y hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng? Ba bậc người phi tự y hoài nghi tùy miên mà tự y vô minh tùy miên. Còn bực La-hán phi tự y hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên.

Hay là người nào phi tự y vô minh tùy miên thì người ấy phi tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1326.

Người nào phi tự y hữu ái tùy miên thì người ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào phi tự y vô minh tùy miên thì người ấy phi tự y hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1327.

∗ *Người nào phi tự y dục ái tùy miên thì người ấy phi tự y ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bực Bất lai phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà tự y ngã mạn tùy miên. Còn La-hán phi tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y ngã mạn tùy miên.

Hay là người nào phi tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Hai hạng người phi tự y hoài nghi tùy miên mà tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên. Còn hai hạng người phi tự y hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào phi tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi tự y hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Bực Bất lai phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà chẳng phải phi tự y vô minh tùy miên. Còn La-hán phi tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên.

Hay là người nào phi tự y vô minh tùy miên thì người ấy phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1328.

∗ *Người nào phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy phi tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Hai bực người phi tự y hoài nghi tùy miên mà chẳng phải phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Bậc Bất lai phi tự y hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà chẳng phải phi tự y ngã mạn tùy miên. Còn bực La-hán phi tự y hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy phi tự y hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào phi tự y vô minh tùy miên thì người ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1329.

Người nào phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì người ấy phi tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Hai hạng người phi tự y hoài nghi tùy miên và tà kiến tùy miên mà chẳng phải phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Bậc Bất lai phi tự y hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà chẳng phải phi tự y ngã mạn tùy miên. Còn La-hán phi tự y hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên...

1330.

Người nào phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy phi tự y hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào phi tự y vô minh tùy miên thì người ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1331.

Người nào phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì người ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào phi tự y vô minh tùy miên thì người ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1332.

* *Cõi nào phi tự y dục ái tùy miên thì cõi ấy phi tự y phẫn nhuế phải chăng?* Cõi khổ thọ phi tự y dục ái tùy miên mà chẳng phải phi tự y phẫn nhuế tùy miên. Còn cõi Sắc giới, Vô sắc giới và bất liên quan luân hồi phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y phẫn nhuế tùy miên.

  Hay là cõi nào phi tự y phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới nhị thọ phi tự y phẫn nhuế tùy miên mà chẳng phải phi tự y dục ái tùy miên. Còn cõi Sắc giới, Vô sắc giới và bất liên quan luân hồi phi tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên.

* *Cõi nào phi tự y dục ái tùy miên thì cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới, Vô sắc giới phi tự y dục ái tùy miên mà chẳng phải phi tự y ngã mạn tùy miên. Còn Cõi khổ thọ và cõi bất liên quan luân hồi phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y ngã mạn tùy miên.

  Hay là cõi nào phi tự y ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

* *Cõi nào phi tự y dục ái tùy miên thì cõi ấy phi tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Cõi khổ thọ và Sắc giới, Vô sắc giới phi tự y dục ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi tự y hoài nghi tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y hoài nghi tùy miên.

  Hay là cõi nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

* *Cõi nào phi tự y dục ái tùy miên thì cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới và Vô sắc giới phi tự y dục ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi tự y hữu ái tùy miên. Còn Cõi khổ thọ và bất liên quan luân hồi phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y hữu ái tùy miên.

  Hay là cõi nào phi tự y hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới nhị thọ phi tự y hữu ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi tự y dục ái tùy miên. Còn Cõi khổ thọ và bất liên quan luân hồi phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên.

∗ *Cõi nào phi tự y dục ái tùy miên thì cõi ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Cõi khổ thọ và Sắc giới, Vô sắc giới phi tự y dục ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi tự y vô minh tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên.

Hay là cõi nào phi tự y vô minh tùy miên thì cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1333.

∗ *Cõi nào phi tự y phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên phải chăng?* Cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới phi tự y phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y ngã mạn tùy miên.

Hay là cõi nào phi tự y ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ phi tự y ngã mạn tùy miên mà cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi tự y ngã mạn tùy miên và cũng phi tự y phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào phi tự y phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới phi tự y phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y hoài nghi tùy miên.

Hay là cõi nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào phi tự y phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới, Vô sắc giới phi tự y phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy tự y hữu ái tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ và bất liên quan luân hồi phi tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y hữu ái tùy miên.

Hay là cõi nào phi tự y hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ phi tự y hữu ái tùy miên mà cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ và cõi bất liên quan luân hồi phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào phi tự y phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới phi tự y phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy tự y vô minh tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên.

Hay là cõi nào phi tự y vô minh tùy miên thì cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1334.

∗ *Cõi nào phi tự y ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Cõi khổ thọ phi tự y ngã mạn tùy miên mà cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi ngã mạn tùy miên và cũng phi tự y hoài nghi tùy miên.

Hay là cõi nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào phi tự y ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi tự y hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới nhị thọ phi tự y hữu ái tùy miên mà cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên. Còn Cõi khổ thọ và bất liên quan luân hồi phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y ngã mạn tùy miên.

∗ *Cõi nào phi tự y ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Cõi khổ thọ phi tự y ngã mạn tùy miên mà cõi ấy tự y vô minh tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi tự y ngã mạn tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên.

Hay là cõi nào phi tự y vô minh tùy miên thì cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1335.

Cõi nào phi tự y tà kiến tùy miên thì cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi tự y tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi...

1336.

∗ *Cõi nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi tự y hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới tam thọ phi tự y hữu ái tùy miên mà cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y hoài nghi tùy miên.

∗ *Cõi nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi tự y vô minh tùy miên thì cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1337.

Cõi nào phi tự y hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới tam thọ phi tự y hữu ái tùy miên mà tự y vô minh tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên.

Hay là cõi nào phi tự y vô minh tùy miên thì cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1338.

∗ *Cõi nào phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới, Vô sắc giới phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y ngã mạn tùy miên.

Hay là cõi nào phi tự y ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ phi tự y ngã mạn tùy miên và dục ái tùy miên mà cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi tự y ngã mạn tùy miên mà cũng phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thời cõi ấy phi tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới, Vô sắc giới phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y hoài nghi tùy miên.

Hay là cõi nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thời cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới, Vô sắc giới phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy tự y hữu ái tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y hữu ái tùy miên.

Hay là cõi nào phi tự y hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ phi tự y hữu ái tùy miên và dục ái tùy miên mà cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ phi tự y hữu ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy tự y dục ái tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới, Vô sắc giới phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy tự y vô minh tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi tự y hữu ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên.

Hay là cõi nào phi tự y vô minh tùy miên thì cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1339.

∗ *Cõi nào phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi tự y hoài nghi thùy miên, thì cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi tự y hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ phi tự y hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ phi tự y hữu ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên.

∗ *Cõi nào phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi tự y vô minh tùy miên thì cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1340.

Cõi nào phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi...

Hay là cõi nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi…

1341.

Cõi nào phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào phi tự y hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ phi tự y hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ phi tự y hữu ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy tự y dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên...

1342.

Cõi nào phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào phi tự y vô minh tùy miên thì cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1343.

* *Người nào cõi nào phi tự y dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên tùy miên phải chăng?* Ba hạng người khổ thọ với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi tự y phẫn nhuế tùy miên. Ba hạng người Sắc giới, Vô sắc giới và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y phẫn nhuế tùy miên. Còn hai hạng người với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y phẫn nhuế tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào phi tự y phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên phải chăng? Ba hạng người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên. Người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên. Hai hạng người và những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên.

* *Người nào cõi nào phi tự y dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên phải chăng?* Ba bực người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên. Người khổ thọ và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên. Bậc Bất Lai nơi Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, mà người ấy cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên. Chính người khổ thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y ngã mạn tùy miên. Còn bậc La-hán và tất cả cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y ngã mạn tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào phi tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào cõi nào phi tự y dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phàm phu khổ thọ và bực Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên. Chính bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y hoài nghi tùy miên. Hai hạng người với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên phải chăng? Hai hạng người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên. Người khổ thọ, người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên. Còn hai bực người với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi tự y dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Ba bậc người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y hữu ái tùy miên. Người khổ thọ và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y hữu ái tùy miên. Bậc Bất lai và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và người ấy cõi ấy tự y hữu ái tùy miên. Chính người Dục giới tam thọ và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y hữu ái tùy miên. Còn bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y hữu ái tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi tự y hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên phải chăng? Ba hạng người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên. Người khổ thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi tự y dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Ba hạng người khổ thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên. Chính người đó và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên. Bậc Bất lai nơi Dục giới tam thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên. Chính bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi tự y vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1344.

∗ *Người nào cõi nào phi tự y phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên phải chăng?* Ba hạng người Dục giới nhị thọ và bực Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên. Chính người đó và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y ngã mạn tùy miên. Bậc Bất lai nơi Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy

tự y ngã mạn tùy miên. Chính người khổ thọ và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y ngã mạn tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y ngã mạn tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Ba hạng người khổ thọ với những cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy, tự y phẫn nhuế tùy miên. Chính người đó và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên và cũng phi tự y phẫn nhuế tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên và cũng phi tự y phẫn nhuế tùy miên.

* *Người nào cõi nào phi tự y phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phàm phu nơi Dục giới nhị thọ và bực Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên. Chính người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y hoài nghi tùy miên. Cả hai hạng người với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Hai hạng người khổ thọ với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên. Chính người Dục giới nhị thọ, người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y phẫn nhuế tùy miên. Cả hai hạng người với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y phẫn nhuế tùy miên.

* *Người nào cõi nào phi tự y phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Ba bực người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y hữu ái tùy miên. Chính người Dục giới nhị thọ và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y hữu ái tùy miên. Bậc Bất lai nơi Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y hữu ái tùy miên. Chính người Dục giới tam thọ và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y hữu ái tùy miên. Còn bực La-hán với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y hữu ái tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi tự y hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Ba hạng người khổ thọ với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên. Chính người Dục giới nhị thọ và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và phi tự y phẫn nhuế tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y phẫn nhuế tùy miên.

* *Người nào cõi nào phi tự y phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Ba hạng người Dục giới nhị thọ và bực Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên. Chính người đó và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên và phi tự y vô minh tùy miên. Bậc Bất lai nơi Dục giới tam thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên. Chính bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên và phi tự y vô minh tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi tự y vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1345.

* *Người nào cõi nào phi tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phàm phu khổ thọ với những cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên. Chính người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên và phi tự y hoài nghi tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên và cũng phi tự y hoài nghi tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên phải chăng? Ba hạng người Dục giới nhị thọ và bực Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên. Chính người khổ thọ và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và phi tự y ngã mạn tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y ngã mạn tùy miên.

* *Người nào cõi nào phi tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là người nào cõi nào phi tự y hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên phải chăng? Bốn hạng người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên. Chính người khổ thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và phi tự y ngã mạn tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y ngã mạn tùy miên.

* *Người nào cõi nào phi tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Bốn hạng người khổ thọ với những cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên. Chính người đó và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên và phi tự y vô minh tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào phi tự y vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1346.

Người nào cõi nào phi tự y tà kiến tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi...

1347.

* *Người nào cõi nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Ba bậc người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y hữu ái tùy miên. Chính người Dục giới tam thọ và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và phi tự y hữu ái tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y hữu ái tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi tự y hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Phàm phu nơi Dục giới tam thọ với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên. Chính người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và phi tự y hoài nghi tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y hoài nghi tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Ba hạng người Dục giới tam thọ và bực Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên. Chính bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và phi tự y vô minh tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi tự y vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1348.

Người nào cõi nào phi tự y hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng? Bốn hạng người Dục giới tam thọ với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên. Chính người đó và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và phi tự y vô minh tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi tự y vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1349.

∗ *Người nào cõi nào phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên phải chăng?* Ba bực người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên. Chính bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và phi tự y ngã mạn tùy miên. Bậc Bất lai nơi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên. Chính người khổ thọ và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y ngã mạn tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y ngã mạn tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi tự y ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Hai hạng người khổ thọ với những cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên và dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên. Chính bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên và phi tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y ngã mạn tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phàm phu nơi Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y hoài nghi tùy miên. Chính người bất liên quan luân hồi với cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và phi tự y hoài nghi tùy miên. Hai bực người

với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Hai hạng người khổ thọ với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên. Chính người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên. Chính người Sắc giới, Vô sắc giới và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và phi tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên. Hai bực người với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Ba hạng người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y hữu ái tùy miên. Chính người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và phi tự y hữu ái tùy miên. Bậc Bất lai nơi Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y hữu ái tùy miên. Chính người Dục giới tam thọ và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và phi tự y hữu ái tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y hữu ái tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi tự y hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Ba hạng người khổ thọ với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên. Chính người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên. Chính người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và phi tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Ba bực người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên. Chính người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và phi tự y vô minh tùy miên. Bậc Bất lai nơi Dục giới tam thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy, tự y vô minh tùy miên. Chính người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và phi tự y vô minh tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi tự y vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1350.

∗ *Người nào cõi nào phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Hai hạng người khổ

thọ với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên. Chính người Dục giới nhị thọ với cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên. Chính người Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên. Chính người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên. Bậc Bất lai nơi Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên. Chính người khổ thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào phi tự y hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Ba hạng người khổ thọ với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên. Chính người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên. Chính bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Bậc Bất lai nơi Dục giới nhị thọ và những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên. Chính người khổ thọ và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Bực Bất lai khổ thọ với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên. Chính là người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và phi tự y vô minh tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi tự y vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1351.

Người nào cõi nào phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên? Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào phi tự y hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Hai hạng người khổ thọ với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên.

Chính người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên. Chính người Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên. Chính người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên. Bậc Bất lai nơi Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên. Chính là người khổ thọ và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên với tà kiến tùy miên...

1352.

∗ *Người nào cõi nào phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào phi tự y hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Phàm phu khổ thọ với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Chính là người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên với hoài nghi tùy miên. Hai hạng người khổ thọ với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y phẫn nhuế tùy miên. Chính người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên. Chính người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên với hoài nghi tùy miên. Bậc Bất lai nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y ngã mạn tùy miên. Chính là người khổ thọ và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên với hoài nghi tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y hữu ái tùy miên và cũng phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên với hoài nghi tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng?* Bực Bất lai khổ thọ với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên. Chính bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên với hoài nghi tùy

miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên với hoài nghi tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi tự y vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên với hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1353.

Người nào cõi nào phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y vô minh tùy miên phải chăng? Bực Bất lai khổ thọ với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy tự y vô minh tùy miên. Chỉ là bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên với hữu ái tùy miên và phi tự y vô minh tùy miên. Bậc La-hán với những cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên với hữu ái tùy miên và cũng phi tự y vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi tự y vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi tự y dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Dứt phần tự y (tùy miên) (sānusayavāra)

PHẦN TRỪ TÙY MIÊN *(Pajahanavāra)*

1354.

* *Người nào đang trừ dục ái tùy miên thì người ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Phải rồi.
  Hay là người nào đang trừ phẫn nhuế tùy miên thời người ấy đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.
* *Người nào đang trừ dục ái tùy miên thì người ấy đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Chỉ trừ phần đồng.
  Hay là người nào đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không phải.
* *Người nào đang trừ dục ái tùy miên thì người ấy đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không phải.
  Hay là người nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Chỉ trừ phần đồng.
* *Người nào đang trừ dục ái tùy miên thì người ấy đang trừ hữu ái tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Chỉ trừ phần đồng.
  Hay là người nào đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không phải.

1355.

* *Người nào đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Chỉ trừ phần đồng.
  Hay là người nào đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không phải.
Hay là người nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Chỉ trừ phần đồng.

∗ *Người nào đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đang trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Chỉ trừ phần đồng.
Hay là người nào đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

1356.

∗ *Người nào đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không phải.
Hay là người nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Chỉ trừ phần đồng.

∗ *Người nào đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy đang trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.
Hay là người nào đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1357.

Người nào đang trừ tà kiến tùy miên thì người ấy đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.
Hay là người nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đang trừ tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi...

1358.

Người nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đang trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng? Chỉ trừ phần đồng.
Hay là người nào đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1359.

Người nào đang trừ hữu ái tùy miên thì người ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.
Hay là người nào đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1360.

∗ *Người nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Chỉ trừ phần đồng.
Hay là người nào đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không phải.
Hay là người nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Chỉ trừ phần đồng.

∗ *Người nào đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đang trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Chỉ trừ phần đồng.
Hay là người nào đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

1361.

∗ *Người nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.
Hay là người nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn phải chăng? Chỉ trừ phần đồng.

∗ *Người nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy đang trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.
Hay là người nào đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Đang trừ ngã mạn tùy miên.

1362.

Người nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì người ấy đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là người nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Đang trừ tà kiến tùy miên, còn dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì chỉ trừ phần đồng...

1363.

Người nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy đang trừ hữu ái tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là người nào đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Đang trừ ngã mạn tùy miên.

1364.

Người nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì người ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là người nào đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng?

Đang trừ ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên.

1365.

∗ *Cõi nào đang trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là cõi nào đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Cõi nào đang trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào đang trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới đang trừ ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng đang trừ dục ái tùy miên.

∗ *Cõi nào đang trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Cõi Khổ thọ, Sắc giới, Vô sắc giới đang trừ hoài nghi tùy miên mà những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng đang trừ dục ái tùy miên.

∗ *Cõi nào đang trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là cõi nào đang trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không Phải.

∗ *Cõi nào đang trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào đang vô minh tùy miên thì cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Cõi Khổ thọ, Sắc giới và Vô sắc giới đang trừ vô minh tùy miên mà cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ đang trừ vô minh tùy miên và cũng đang trừ dục ái tùy miên.

1366.

∗ *Cõi nào đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là cõi nào đang trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Cõi nào đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới nhị thọ, Sắc giới và Vô sắc giới đang trừ hoài nghi tùy miên và cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn Cõi khổ thọ đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng đang trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là cõi nào đang trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Cõi nào đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào đang trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới nhị thọ, Sắc giới và Vô sắc giới đang trừ vô minh tùy miên mà cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn Cõi khổ thọ đang trừ vô minh tùy miên và cũng đang trừ phẫn nhuế tùy miên.

1367.

∗ *Cõi nào đang trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ đang trừ hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng đang trừ ngã mạn tùy miên.

∗ *Cõi nào đang trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Cõi Dục giới nhị thọ đang trừ ngã mạn tùy miên mà chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên. Còn cõi Sắc giới, Vô sắc giới đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng đang trừ hữu ái tùy miên.

Hay là cõi nào đang trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào đang trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào đang trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ đang trừ vô minh tùy miên mà chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới đang trừ vô minh tùy miên và cũng đang trừ ngã mạn tùy miên.

1368.

Cõi nào đang trừ tà kiến tùy miên thì cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy đang trừ tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1369.

∗ *Cõi nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Cõi Dục giới tam thọ đang trừ hoài nghi tùy miên mà chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên. Còn cõi Sắc giới, Vô sắc giới đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng đang trừ hữu ái tùy miên.

Hay là cõi nào đang trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào đang trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1370.

Cõi nào đang trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào đang trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi. Cõi Dục giới tam thọ đang trừ vô minh tùy miên mà chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên. Còn cõi Sắc giới, Vô sắc giới đang trừ vô minh tùy miên và cũng đang trừ hữu ái tùy miên.

1371.

∗ *Cõi nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào đang trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới đang trừ ngã mạn tùy miên mà chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ đang trừ ngã mạn tùy miên và dục ái tùy miên mà chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới đang trừ hoài nghi tùy miên mà chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ đang trừ hoài nghi tùy miên và dục ái tùy miên mà chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ đang trừ hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên.

∗ *Cõi nào đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào đang trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Cõi nào đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào đang trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới đang trừ vô minh tùy miên mà chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ đang trừ vô minh tùy miên và dục ái tùy miên mà chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ đang trừ vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên.

1372.

∗ *Cõi nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên thì cõi ấy đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới đang trừ hoài nghi tùy miên và ngã mạn tùy miên mà chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ đang trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ đang trừ hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên.

∗ *Cõi nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào đang trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Chỉ đang trừ ngã mạn tùy miên.

∗ *Cõi nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào đang trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới đang trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ đang trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ đang trừ vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên.

1373.

Cõi nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên thì cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là cõi nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới đang trừ hoài nghi tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ đang trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ đang trừ hoài nghi tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên mà chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên...

1374.

∗ *Cõi nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào đang trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Đang trừ ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên.

∗ *Cõi nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào đang trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới đang trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ đang trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ đang trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên.

1375.

Cõi nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là cõi nào đang trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới đang trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên mà chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ đang trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên và hữu ái tùy miên. Cõi khổ thọ đang trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên.

1376.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào cõi nào đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Chỉ trừ phần đồng.

Hay là người nào cõi nào đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào cõi nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Tám người khổ thọ và Sắc giới, Vô sắc giới, người ấy cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên mà chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên. Người nhị thọ trong Dục giới với cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên, còn dục ái tùy miên chỉ trừ phần đồng.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào cõi nào đang trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Chỉ trừ phần đồng.

Hay là người nào cõi nào đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không phải.

1377.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào cõi nào đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào cõi nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

Tám hạng người Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới, đang trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính người khổ thọ với cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên và đang trừ phẫn nhuế tùy miên trong phần đồng.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào cõi nào đang trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Chỉ trừ phần đồng.

Hay là người nào cõi nào đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

1378.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào cõi nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Tám hạng người khổ thọ và cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên. Chính người Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới đó, người ấy cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên và đang trừ ngã mạn tùy miên trong phần đồng.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng, người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên. Còn người Sắc giới, Vô sắc giới luôn những cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng đang trừ hữu ái tùy miên.

Hay là người nào cõi nào đang trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng, người nhị thọ với những cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên. Còn người Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên và cũng đang trừ ngã mạn tùy miên.

1379.

Người nào cõi nào đang trừ tà kiến tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi...

1380.

Người nào cõi nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng? Tám hạng người Dục giới tam thọ với những cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên. Còn người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chỉ trừ hữu ái tùy miên phần đồng.

Hay là người nào cõi nào đang trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Không phải...

1381.

Người nào cõi nào đang trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng, người Dục giới tam thọ với những cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên. Còn người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên và cũng đang trừ hữu ái tùy miên.

1382.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế phải chăng? Tám hạng người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Còn người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên, chỉ trừ dục ái tùy miên trong phần đồng mà người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn người khổ thọ với những cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên và chỉ trừ phẫn nhuế tùy miên trong phần đồng nhưng người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đang trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

1383.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Tám hạng người Sắc giới, Vô sắc giới luôn những cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên, chỉ trừ ngã mạn tùy miên trong phần đồng. Người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên và đang trừ dục ái tùy miên với ngã mạn tùy miên trong phần đồng mà người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Người khổ thọ với cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên và đang trừ phẫn nhuế tùy miên trong phần đồng mà người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đang trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Đang trừ ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng, người khổ thọ với những cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Người Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên.

1384.

Người nào cõi nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là người nào cõi nào đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Tám hạng người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên, tà kiến tùy miên và đang trừ ngã mạn tùy miên trong phần đồng mà những người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên, tà kiến tùy miên và trừ dục ái tùy miên với ngã mạn tùy miên trong phần đồng, nhưng người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Người khổ thọ với những cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên, tà kiến tùy miên và đang trừ phẫn nhuế tùy miên trong phần đồng, nhưng người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên...

1385.

Người nào cõi nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là người nào cõi nào đang trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Đang trừ ngã mạn tùy miên.

Người nào cõi nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là người nào cõi nào đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ây đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến và vô minh tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng, người khổ thọ với những cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên mà những người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, vô minh tùy miên và hoài nghi tùy miên. Người Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên.

1386.

Người nào cõi nào đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là người nào cõi nào đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy

miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng, người khổ thọ với những cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên. Người nhị thọ cõi Dục giới với những cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên. Người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên.

1387.

∗ *Người nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên mà đang trừ ngã mạn tùy miên. Còn trừ hai hạng người tề toàn đạo, ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên.

Hay là người nào chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên mà đang trừ dục ái tùy miên. Còn trừ hai hạng người tề toàn đạo, những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên.

∗ *Người nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên mà đang trừ hoài nghi tùy miên. Còn trừ bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên mà đang trừ dục ái tùy miên. Còn trừ bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên.

∗ *Người nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên mà đang trừ vô minh tùy miên. Còn trừ hai hạng người tề toàn đạo, những người ngoài ra chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên mà đang trừ dục ái tùy miên. Còn trừ hai hạng người tề toàn đạo những người ngoài ra chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên.

1388.

∗ *Người nào chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên mà người ấy đang trừ ngã mạn tùy miên. Còn trừ hai hạng tề toàn đạo, những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên.

Hay là người nào chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên mà người ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn trừ hai hạng người tề toàn đạo, những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên mà người ấy đang trừ hoài nghi tùy miên. Còn trừ người thứ tám và bậc tề toàn đạo Bất lai, còn những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn trừ người tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên mà người ấy đang trừ vô minh tùy miên. Còn trừ hai hạng tề toàn đạo, những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên mà người ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn trừ hai hạng tề toàn đạo, những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên.

1389.

∗ *Người nào chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên mà đang trừ hoài nghi tùy miên. Còn trừ người thứ tám và bậc tề toàn đạo chí thượng, những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên mà đang trừ ngã mạn tùy miên. Còn người thứ tám và bậc tề toàn đạo chí thượng, những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1390.

Người nào chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1391.

Người nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên mà đang trừ vô minh tùy miên. Nếu trừ ra bậc tề toàn đạo chí thượng và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, mới chẳng phải trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Người thứ tám chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên mà đang trừ hoài nghi tùy miên. Nếu trừ ra bậc tề toàn đạo chí thượng và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên.

1392.

Người nào chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1393.

* *Người nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy đang trừ ngã mạn tùy miên. Còn trừ hai bực tề toàn đạo, những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên.

  Hay là người nào chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên mà đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Còn trừ hai bậc tề toàn đạo, những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

* *Người nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên mà đang trừ hoài nghi tùy miên. Nếu trừ ra bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên.

  Hay là người nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên mà đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên.

Nếu trừ ra bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà đang trừ vô minh tùy miên. Nếu trừ ra hai bậc tề toàn đạo, còn những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên mà đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên. Nếu trừ ra hai bực tề toàn đạo, còn những người ngoài ra đó, mới chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

1394.

∗ *Người nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà đang trừ hoài nghi tùy miên. Nếu trừ ra hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và ngã mạn tùy miên mà đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên. Còn bậc tề toàn đạo chí thượng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà đang trừ ngã mạn tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn các hạng mà ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên. Nếu trừ ra hai bậc tề toàn đạo, những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên.

1395.

Người nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải

chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà người ấy đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên. Bậc tề toàn đạo chí thượng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên mà người ấy đang trừ ngã mạn tùy miên. Nếu trừ ra hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng phải chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên...

1396.

Người nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Người thứ tám chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy đang trừ tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Bậc tề toàn đạo Bất lai chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Nếu trừ ra hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên.

1397.

Người nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, Hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Người thứ tám chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên mà người ấy đang trừ tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Bậc tề toàn đạo Bất lai chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên mà người ấy đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Nếu trừ ra hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên.

1398.

* *Cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, thì cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Cõi khổ thọ chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên mà đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn cõi Sắc giới, Vô sắc giới và bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới nhị thọ chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên. Còn cõi Sắc giới, Vô sắc giới và bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên.

∗ *Cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới, Vô sắc giới chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên mà đang trừ ngã mạn tùy miên. Còn Cõi khổ thọ và bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Cõi khổ thọ và Sắc giới, Vô sắc giới chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên mà đang trừ hoài nghi tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới, Vô sắc giới chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên mà cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên. Còn Cõi khổ thọ và bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới nhị thọ chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên mà cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên. Còn Cõi khổ thọ và bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên.

∗ *Cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Cõi khổ thọ và Sắc giới, Vô sắc giới chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên mà cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1399.

∗ *Cõi nào chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên mà đang trừ ngã mạn tùy miên. Còn bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên mà cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới, Vô sắc giới chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên. Còn Dục giới nhị thọ và bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên mà cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ và bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên mà đang trừ vô minh tùy miên. Còn bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1400.

∗ *Cõi nào chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Cõi khổ thọ chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên mà đang trừ hoài nghi tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới nhị thọ chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên mà đang trừ ngã mạn tùy miên. Cõi khổ thọ và bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên.

∗ *Cõi nào chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Cõi khổ thọ chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên mà cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên. Cõi bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1401.

Cõi nào chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1402.

∗ *Cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới tam thọ chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên mà đang trừ hoài nghi tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên.

* *Cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1403.

Cõi nào chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi. Cõi Dục giới tam thọ chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên mà cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1404.

* *Cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới, Vô sắc giới chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và dục ái tùy miên mà cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

* *Cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới, Vô sắc giới chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên mà đang trừ hoài nghi tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

* *Cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới, Vô sắc giới chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên mà đang trừ hữu ái tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và dục ái tùy miên mà cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới, Vô sắc giới chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1405.

∗ *Cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với ngã mạn tùy miên.

∗ *Cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1406.

Cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1407.

∗ *Cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Cõi khổ thọ chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà

cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên với hoài nghi tùy miên.

∗ *Cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1408.

Cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1409.

∗ *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo Bất lai và người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên mà đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn người Sắc giới, Vô sắc giới và bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Trừ ra bậc tề toàn đạo Bất lai, tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên mà đang trừ dục ái tùy miên. Còn người Sắc giới, Vô sắc giới và bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên. Trừ ra bậc tề toàn đạo Bất lai, những người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới nhị thọ, người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên. Người khổ thọ và bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên. Trừ ra hai bậc người tề toàn đạo, những người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên. Chính là người khổ thọ nơi Sắc giới, Vô sắc giới và bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và chẳng phải

đang trừ dục ái tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo, những người ngoài ra đó, với tất cả cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên.

* *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ và Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên mà đang trừ hoài nghi tùy miên. Chính người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên. Trừ người thứ tám và bậc tề toàn đạo Bất lai, tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên mà đang trừ dục ái tùy miên. Chính là người khổ thọ và Sắc giới, Vô sắc giới luôn bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên. Nếu trừ người thứ tám và bậc tề toàn đạo Bất lai, còn những người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên.

* *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên mà đang trừ hữu ái tùy miên. Chỉ người Dục giới tam thọ, bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo, còn những người ngoài ra đó, với tất cả cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên. Chỉ người khổ thọ và bực Sắc giới, Vô sắc giới luôn bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn những người ngoài ra đó, với tất cả cõi ấy, cũng chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên.

* *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới tam thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên. Chỉ người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo, còn những người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai nơi Dục giới nhị thọ với cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên. Chỉ người khổ thọ và Sắc giới, Vô sắc giới luôn bậc bất liên quan luân

hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên. Trừ ra hai bậc tề toàn đạo, còn những người ngoài ra với tất cả cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên.

1410.

* *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên mà đang trừ ngã mạn tùy miên. Người khổ thọ và bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên mà cũng chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên. Nếu trừ ra hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai, người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên mà đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Người Dục giới nhị thọ, bậc Sắc giới, Vô sắc giới và bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên.

* *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ và Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên mà đang trừ hoài nghi tùy miên. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên. Nếu trừ bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra với những cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai và người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên mà đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Người Dục giới nhị thọ, Sắc giới, Vô sắc giới và bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Nếu trừ bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên.

* *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên. Người Dục giới tam thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra với những cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai và người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Chỉ người Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới luôn bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới tam thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên. Chỉ người bất liên quan luân hồi với cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai và người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Chỉ người Dục giới nhị thọ, Sắc giới, Vô sắc giới và bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên.

1411.

∗ *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ và Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên. Chỉ người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên. Nếu trừ bậc tề toàn đạo chí thượng và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên. Chỉ người khổ thọ và bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên. Nếu trừ bậc tề toàn đạo chí thượng và người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng nơi

Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên. Chỉ người khổ thọ, bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên. Nếu trừ bậc tề toàn đạo chí thượng, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng và người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên. Chỉ người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên. Nếu trừ bậc tề toàn đạo chí thượng, còn tất cả còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1412.

Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi...

1413.

∗ *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng, người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên. Chỉ người Dục giới tam thọ và bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên. Nếu trừ bậc tề toàn đạo chí thượng và người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên. Chỉ người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên. Nếu trừ bậc tề toàn đạo chí thượng và người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới tam thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên. Chỉ người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên. Nếu trừ bậc tề toàn đạo chí thượng và người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ phẫn nhuế tùy miên.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên. Chỉ người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên. Nếu trừ bậc tề toàn đạo chí thượng và người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên.

1414.

Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới tam thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên. Chỉ người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên. Nếu trừ bậc tề toàn đạo chí thượng, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1415.

* *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên. Chỉ người khổ thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai và người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên với dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên với phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên. Người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo, tất cả người ngoài ra với những cõi ấy chẳng phải đang trừ ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

* *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên. Nếu trừ bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, còn tất cả người ngoài

ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai và người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên với dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên với phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên. Người Sắc giới, Vô sắc giới và bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên. Nếu trừ bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

* *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ hữu ái tùy miên. Người Dục giới tam thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai và người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên với dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên. Người Sắc giới, Vô sắc giới và bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

* *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới tam thọ và Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai và người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên với dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên với phẫn nhuế tùy

miên. Còn người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên với phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên. Người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

1416.

∗ *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ, người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ hoài nghi tùy miên. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai và người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên. Người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Bậc tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên. Người khổ thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai, người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Người nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên. Người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những

cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Bậc tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên. Người khổ thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo, còn những người ngoài ra với tất cả cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên.

* *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo Chí Thương, người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra dó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với ngã mạn tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai và người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên. Người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo, còn những người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với ngã mạn tùy miên.

1417.

Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai, người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên. Người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên. Bậc tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới nhị thọ, người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên. Người khổ thọ và bất liên quan luân hồi với những cõi ấy

chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên với tà kiến tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên...

1418.

∗ *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ và Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ tà kiến tùy miên với hoài nghi tùy miên. Như người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Bậc tề toàn đạo Bất lai, người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên. Người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Bậc tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ ngã mạn tùy miên. Người khổ thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo với người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng và người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên với hoài nghi tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến

tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ và Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Bậc tề toàn đạo Bất lai và người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên. Người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo với người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên.

1419.

Người nào cõi nào chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng và người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ vô minh tùy miên. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên với hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên với hữu ái tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ và Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên với hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên. Bậc tề toàn đạo Bất lai và người khổ thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ phẫn nhuế tùy miên. Người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy đang trừ dục ái tùy miên. Người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên với hữu ái tùy miên. Nếu trừ hai bậc tề toàn

đạo với người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy chẳng phải đang trừ vô minh tùy miên và cũng chẳng phải đang trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên với hữu ái tùy miên.

Dứt phần trừ tùy miên.

PHẦN ĐẠT TRỪ *(PARIÑÑAVARA)*

1420.

∗ *Người nào đạt trừ dục ái tùy miên thì người ấy đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào đạt trừ dục ái tùy miên thì người ấy đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Đạt trừ phần tương đồng.

Hay là người nào đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào đạt trừ dục ái tùy miên thì người ấy đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Đạt trừ trong phần đồng.

∗ *Người nào đạt trừ dục ái tùy miên thì người ấy đạt trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Đạt trừ trong phần đồng.

Hay là người nào đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không phải.

1421.

∗ *Người nào đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Đạt trừ trong phần đồng.

Hay là người nào đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Đạt trừ trong phần đồng.

∗ *Người nào đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đạt trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Đạt trừ trong phần đồng.

Hay là người nào đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

1422.

∗ *Người nào đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Đạt trừ trong phần đồng.

∗ *Người nào đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1423.

Người nào đạt trừ tà kiến tùy miên thì người ấy đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đạt trừ tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi...

1424.

Người nào đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đạt trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng? Đạt trừ trong phần đồng.

Hay là người nào đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Không phải.

1425.

Người nào đạt trừ hữu ái tùy miên thì người ấy đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1426.

∗ *Người nào đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Đạt trừ trong phần đồng.

Hay là người nào đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Đạt trừ trong phần đồng.

∗ *Người nào đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đạt trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Đạt trừ trong phần đồng.

Hay là người nào đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

1427.

∗ *Người nào đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Đạt trừ trong phần đồng.

∗ *Người nào đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy đạt trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Đạt trừ ngã mạn tùy miên.

1428.

Người nào đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên thì người ấy đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là người nào đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Đạt trừ tà kiến tùy miên. Còn dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên đạt trừ trong phần đồng...

1429.

Người nào đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy đạt trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là người nào đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Đạt trừ ngã mạn tùy miên.

1430.

Người nào đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì người ấy đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là người nào đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Chỉ đạt trừ ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên.

1431.

* *Cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Không phải.

  Hay là cõi nào có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không phải.

* *Cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy, đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là cõi nào đạt trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy, đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới có đạt trừ ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ dục ái tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ có đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng có đạt trừ dục ái tùy miên.

* *Cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là cõi nào có đạt trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ và Sắc giới, Vô sắc giới có đạt trừ hoài nghi tùy miên mà cõi ấy, không có đạt trừ dục ái tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ có đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng có đạt trừ dục ái tùy miên.

* *Cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là cõi nào có đạt trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào có đạt trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ và Sắc giới, Vô sắc giới có đạt trừ vô minh tùy miên mà cõi ấy, không có đạt trừ dục ái tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ có đạt trừ vô minh tùy miên và cũng có đạt trừ dục ái tùy miên.

1432.

∗ *Cõi nào có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là cõi nào có đạt trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Cõi nào có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào có đạt trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới có đạt trừ hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ có đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là cõi nào có đạt trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Cõi nào có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào có đạt trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới có đạt trừ vô minh tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn Cõi khổ thọ có đạt trừ vô minh tùy miên và cũng có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên.

1433.

∗ *Cõi nào có đạt trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào có đạt trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ có đạt trừ hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ ngã mạn tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ và cõi Sắc giới, Vô sắc giới có đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng có đạt trừ ngã mạn tùy miên.

∗ *Cõi nào có đạt trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Cõi Dục giới nhị thọ có đạt trừ ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ hữu ái tùy miên. Còn cõi Sắc giới, Vô sắc giới có đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng có đạt trừ hữu ái tùy miên.

Hay là cõi nào có đạt trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào có đạt trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào có đạt trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ có đạt trừ vô minh tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ ngã mạn tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ và cõi Sắc giới, Vô sắc giới có đạt trừ vô minh tùy miên và cũng có đạt trừ ngã mạn tùy miên.

1434.

Cõi nào có đạt trừ tà kiến tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào có đạt trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi...

1435.

∗ *Cõi nào có đạt trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Cõi Dục giới tam thọ có đạt trừ hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ hữu ái tùy miên. Còn cõi Sắc giới, Vô sắc giới có đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng có đạt trừ hữu ái tùy miên.

Hay là cõi nào có đạt trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào có đạt trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào có đạt trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1436.

Cõi nào có đạt trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào có đạt trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới tam thọ có đạt trừ vô minh tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ hữu ái tùy miên. Cõi Sắc giới, Vô sắc giới có đạt trừ vô minh tùy miên và cũng có đạt trừ hữu ái tùy miên.

1437.

∗ *Cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào có đạt trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới có đạt trừ ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ có đạt trừ ngã mạn tùy miên, dục ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào có đạt trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới có đạt trừ hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ có đạt trừ hoài nghi tùy miên và dục ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có

đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ có đạt trừ hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ dục ái tùy miên.

∗ *Cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào có đạt trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào có đạt trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới có đạt trừ vô minh tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ có đạt trừ vô minh tùy miên và dục ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ có đạt trừ vô minh tùy miên với phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ dục ái tùy miên.

1438.

∗ *Cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào có đạt trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới có đạt trừ hoài nghi tùy miên và ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ có đạt trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ có đạt trừ hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên.

∗ *Cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào có đạt trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới có đạt trừ hữu ái tùy miên, ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào có đạt trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới có đạt trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ có đạt trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ có đạt trừ vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên.

1439.

Cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là cõi nào có đạt trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới có đạt trừ hoài nghi tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ có đạt trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ có đạt trừ hoài nghi tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên...

1440.

* *Cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào có đạt trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới đạt trừ hữu ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên.

* *Cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào có đạt trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới có đạt trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ có đạt trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Cõi khổ thọ có đạt trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên.

1441.

Cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là cõi nào có đạt trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới có đạt trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ có đạt trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và hữu ái tùy miên. Cõi khổ thọ có đạt trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà cõi ấy chẳng phải có đạt trừ dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên.

1442.

* *Người nào cõi nào đạt trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào cõi nào có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy có đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Đạt trừ trong phần đồng.

Hay là người nào cõi nào có đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không có.

∗ *Người nào cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy có đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào cõi nào có đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Người thứ tám khổ thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy có đạt trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy, không có đạt trừ dục ái tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy có đạt trừ hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên có đạt trừ trong phần đồng.

∗ *Người nào cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy có đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào cõi nào có đạt trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào cõi nào có đạt trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy có đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Đạt trừ trong phần đồng.

Hay là người nào cõi nào có đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy có đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không phải.

1443.

∗ *Người nào cõi nào có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy có đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào cõi nào có đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào cõi nào đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy có đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào cõi nào đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Người thứ tám nơi Dục giới nhị thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đạt trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy, không đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy, đạt trừ hoài nghi tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên đạt trừ trong phần đồng.

∗ *Người nào cõi nào đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào cõi nào đạt trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào cõi nào đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Đạt trừ trong phần đồng.

Hay là người nào cõi nào đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

1444.

∗ *Người nào cõi nào đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào cõi nào đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Người thứ tám khổ thọ với những cõi ấy, đạt trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đạt trừ ngã mạn tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy đạt trừ hoài nghi tùy miên mà ngã mạn tùy miên chỉ đạt trừ trong phần đồng.

∗ *Người nào cõi nào đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đạt trừ ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đạt trừ hữu ái tùy miên. Chính là người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng đạt trừ hữu ái tùy miên.

Hay là người nào cõi nào đạt trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào cõi nào đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng khổ thọ với những cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đạt trừ ngã mạn tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên và cũng đạt trừ ngã mạn tùy miên.

1445.

Người nào cõi nào đạt trừ tà kiến tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1446.

∗ *Người nào cõi nào đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ với những cõi ấy có đạt trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đạt trừ hữu ái tùy miên. Chính là người Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy có đạt trừ hoài nghi tùy miên mà hữu ái tùy miên chỉ đạt trừ trong phần đồng.

Hay là người nào cõi nào đạt trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào cõi nào đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Đạt trừ trong phần đồng.

Hay là người nào cõi nào đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Không phải.

1447.

Người nào cõi nào đạt trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng và người Dục giới tam thọ với những cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đạt trừ hữu ái tùy miên. Chính là người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên và cũng đạt trừ hữu ái tùy miên.

1448.

* *Người nào cõi nào đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Không có.

  Hay là người nào cõi nào đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải.

* *Người nào cõi nào đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

  Hay là người nào cõi nào đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Người thứ tám và bực Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy có đạt trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy có đạt trừ hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên chỉ đạt trừ trong phần đồng, nhưng người ấy cõi ấy chẳng phải đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy, đạt trừ hoài nghi tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên chỉ đạt trừ trong phần đồng, nhưng người ấy cõi ấy chẳng phải đạt trừ dục ái tùy miên.

* *Người nào cõi nào đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có *(natthi).*

  Hay là người nào cõi nào đạt trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải *(no).*

* *Người nào cõi nào đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có *(natthi).*

  Hay là người nào cõi nào đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không phải *(no).*

1449.

* *Người nào cõi nào đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có *(natthi).*

  Hay là người nào cõi nào đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ dục ái tùy miên... phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Người thứ tám nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy có đạt trừ hoài nghi tùy miên mà ngã mạn tùy miên chỉ đạt trừ trong phần đồng, nhưng người ấy cõi ấy chẳng phải đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ đạt trừ hoài nghi tùy miên và dục ái tùy miên mà ngã mạn tùy miên chỉ đạt trừ trong phần đồng, nhưng người ấy cõi ấy có đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người khổ thọ đạt trừ hoài nghi tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên chỉ đạt trừ trong phần đồng, nhưng người ấy cõi ấy chẳng phải đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên.

* *Người nào cõi nào đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên, thì người ấy cõi ấy đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có

Hay là người nào cõi nào đạt trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Đạt trừ ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng và người khổ thọ với những cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên.

1450.

Người nào cõi nào đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là người nào cõi nào đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Người thứ tám nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy có đạt trừ hoài nghi tùy miên, tà kiến tùy miên mà ngã mạn tùy miên chỉ đạt trừ trong phần đồng, nhưng người ấy cõi ấy chẳng phải đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy có đạt trừ hoài nghi tùy miên và tà kiến tùy miên mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chỉ đạt trừ trong phần đồng, nhưng người ấy cõi ấy, không đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy, đạt trừ hoài nghi tùy miên và tà kiến tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên đạt trừ trong phần đồng, nhưng người ấy cõi ấy, không đạt trừ dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên...

1451.

∗ *Người nào cõi nào đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đạt trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Đạt trừ ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và vô minh tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng và người khổ thọ với những cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Chính là Dục giới nhị thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy, không đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên.

1452.

Người nào cõi nào đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là người nào cõi nào đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy, đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng, người khổ thọ với những cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên. Chính là người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đạt trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên.

Dứt thuận tùng (anuloma).

1453.

∗ *Người nào phi đạt trừ dục ái tùy miên thì người ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào phi đạt trừ dục ái tùy miên thì người ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng phi đạt trừ dục ái tùy miên mà đạt trừ ngã mạn tùy miên. Còn trừ ra hai hạng người tề toàn đạo, những người ngoài ra đó, phi đạt trừ dục ái tùy miên và cũng phi đạt trừ ngã mạn tùy miên.

Hay là người nào phi đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai phi đạt trừ ngã mạn tùy miên mà đạt trừ dục ái tùy miên. Còn trừ hai bậc tề toàn đạo, những người ngoài ra đó, phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên.

∗ *Người nào phi đạt trừ dục ái tùy miên thì người ấy phi đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám phi đạt trừ dục ái tùy miên mà đạt trừ hoài nghi tùy miên. Còn trừ bực tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, tất cả người ngoài ra đó, phi đạt trừ dục ái tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai phi đạt trừ hoài nghi tùy miên mà đạt trừ dục ái tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên.

∗ *Người nào phi đạt trừ dục ái tùy miên thì người ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng phi đạt trừ dục ái tùy miên mà đạt trừ vô minh tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ dục ái tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai phi đạt trừ vô minh tùy miên mà đạt trừ dục ái tùy

miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra đó, phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên.`

1454.

∗ *Người nào phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên mà đạt trừ ngã mạn tùy miên. Trừ ra hai bậc tề toàn đạo, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ ngã mạn tùy miên.

Hay là người nào phi đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai phi đạt trừ ngã mạn tùy miên mà đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Người thứ tám phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên mà đạt trừ hoài nghi tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai phi đạt trừ hoài nghi tùy miên mà đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra đó, phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên mà đạt trừ vô minh tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai phi đạt trừ vô minh tùy miên mà đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn trừ ra hai bậc tề toàn đạo, những người ngoài ra đó, phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên.

1455.

∗ *Người nào phi đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy phi đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám phi đạt trừ ngã mạn tùy miên mà đạt trừ hoài nghi tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo chí thượng và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên mà đạt trừ ngã mạn tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo chí thượng và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào phi đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1456.

Người nào phi đạt trừ tà kiến tùy miên thì người ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy phi đạt trừ tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi...

1457.

Người nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên mà đạt trừ vô minh tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo chí thượng và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Người thứ tám phi đạt trừ vô minh tùy miên mà đạt trừ hoài nghi tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo chí thượng và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên.

1458.

Người nào phi đạt trừ hữu ái tùy miên thì người ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1459.

* *Người nào phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà đạt trừ ngã mạn tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ ngã mạn tùy miên.

  Hay là người nào phi đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai phi đạt trừ ngã mạn tùy miên mà đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

* *Người nào phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi đạt trừ tà kiến tùy miên hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà đạt trừ hoài nghi tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên.

  Hay là người nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai phi đạt trừ hoài nghi tùy miên mà đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên.

* *Người nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên mà đạt trừ vô minh tùy miên. Trừ hai bực tề toàn

đạo còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai phi đạt trừ vô minh tùy miên mà đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Trừ hai hạng tề toàn đạo, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên.

1460.

∗ *Người nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy đạt trừ hoài nghi tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai phi đạt trừ hoài nghi tùy miên, ngã mạn tùy miên mà đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Bậc tề toàn đạo chí thượng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên mà người ấy đạt trừ ngã mạn tùy miên. Trừ hai bực tề toàn đạo và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai phi đạt trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên mà đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Trừ hai bực tề toàn đạo, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên.

1461.

Người nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì người ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai phi đạt trừ hoài nghi tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy. Bực tề toàn đạo chí thượng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên mà đạt trừ ngã mạn tùy miên. Trừ hai bực tề toàn đạo và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên.

1462.

Người nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải

chăng? Người thứ tám phi đạt trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà đạt trừ tà kiến tùy miên và vô minh tùy miên. Bậc tề toàn đạo Bất lai phi đạt trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên.

1463.

Người nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên, hữu ái tùy miên thì người ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào phi đạt trừ vô minh tùy miên, thì người ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Tám hạng người phi đạt trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, hữu ái tùy miên mà đạt trừ tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Bậc tề toàn đạo Bất lai phi đạt trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên mà đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Trừ ba bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên.

1464.

* *Cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Cõi khổ thọ phi đạt trừ dục ái tùy miên mà cõi ấy, đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn cõi Sắc giới, Vô sắc giới và cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ dục ái tùy miên và cũng phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên.

  Hay là cõi nào phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới nhị thọ phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên. Còn cõi Sắc giới, Vô sắc giới và cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên.

* *Cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới, Vô sắc giới phi đạt trừ dục ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ ngã mạn tùy miên. Còn Cõi khổ thọ và cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ dục ái tùy miên và cũng phi đạt trừ ngã mạn tùy miên.

  Hay là cõi nào phi đạt trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

* *Cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Cõi khổ thọ và cõi Sắc giới, Vô sắc giới phi đạt trừ dục ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên.

  Hay là cõi nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới và Vô sắc giới phi đạt trừ dục ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải đạt trừ hữu ái tùy miên. Còn Cõi khổ thọ và cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ dục ái tùy miên và cũng phi đạt trừ hữu ái tùy miên.

Hay là cõi nào phi đạt trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới nhị thọ phi đạt trừ hữu ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải đạt trừ dục ái tùy miên. Còn Cõi khổ thọ và cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên.

∗ *Cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Cõi khổ thọ và cõi Sắc giới, Vô sắc giới phi đạt trừ dục ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ vô minh tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ dục ái tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên.

Hay là cõi nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1465.

∗ *Cõi nào phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ ngã mạn tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ ngã mạn tùy miên.

Hay là cõi nào phi đạt trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ phi đạt trừ ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Cõi Dục giới nhị thọ và cõi Sắc giới, Vô sắc giới phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là cõi nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới và Vô sắc giới phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ hữu ái tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ và cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ hữu ái tùy miên.

Hay là cõi nào phi đạt trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ phi đạt trừ hữu ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn cõi Dục giới nhị thọ và cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Cõi Dục giới nhị thọ và cõi Sắc giới, Vô sắc giới phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ vô minh tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên.

Hay là cõi nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1466.

* *Cõi nào phi đạt trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Cõi khổ thọ phi đạt trừ ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên.

  Hay là cõi nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

* *Cõi nào phi đạt trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là cõi nào phi đạt trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới nhị thọ phi đạt trừ hữu ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ ngã mạn tùy miên. Còn Cõi khổ thọ và cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ ngã mạn tùy miên.

* *Cõi nào phi đạt trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Cõi khổ thọ phi đạt trừ ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ vô minh tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên.

  Hay là cõi nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1467.

Cõi nào phi đạt trừ tà kiến tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi...

1468.

* *Cõi nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là cõi nào phi đạt trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới tam thọ phi đạt trừ hữu ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên.

* *Cõi nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là cõi nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1469.

Cõi nào phi đạt trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới tam thọ phi đạt trừ hữu ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ vô minh tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên.

Hay là cõi nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1470.

∗ *Cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới và Vô sắc giới phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ ngã mạn tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ ngã mạn tùy miên.

Hay là cõi nào phi đạt trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ phi đạt trừ ngã mạn tùy miên, dục ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới, Vô sắc giới phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là cõi nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới, Vô sắc giới phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ hữu ái tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ hữu ái tùy miên.

Hay là cõi nào phi đạt trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ phi đạt trừ hữu ái tùy miên và dục ái tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ phi đạt trừ hữu ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Cõi Sắc giới và Vô sắc giới phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ vô minh tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên.

Hay là cõi nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1471.

∗ *Cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi đạt trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ phi đạt trừ hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ phi đạt trừ hữu ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên.

∗ *Cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1472.

Cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi...

1473.

∗ *Cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi đạt trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ phi đạt trừ hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Cõi Dục giới nhị thọ phi đạt trừ hữu ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên mà cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Còn cõi bất liên quan luân hồi phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên.

∗ *Cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1474.

Cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1475.

∗ *Người nào cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo Bất lai và người khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và cũng phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo Bất lai, còn những người ngoài ra đó, phi đạt trừ dục ái tùy miên và cũng phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai và người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên. Chính là người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo Bất lai, còn tất cả người ngoài ra đó, phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng, người Dục giới nhị thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ ngã mạn tùy miên. Chính là người khổ thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và cũng phi đạt trừ ngã mạn tùy miên. Trừ hai bậc người tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và cũng phi đạt trừ ngã mạn tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai, người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên. Chính là người khổ thọ, bậc Sắc giới, Vô sắc giới và vị bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra đó, phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Chính là người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Trừ ra bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra đó, phi đạt trừ dục ái tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai và người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên. Chính là người khổ thọ, bậc Sắc giới, Vô sắc giới, vị bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, còn tất cả hạng người ngoài ra đó, phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng và người Sắc giới, Vô sắc giới với

những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ hữu ái tùy miên. Chính là người Dục giới tam thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và cũng phi đạt trừ hữu ái tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả hạng người ngoài ra đó, phi đạt trừ dục ái tùy miên và cũng phi đạt trừ hữu ái tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai và người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên. Chính là người khổ thọ, bậc Sắc giới, Vô sắc giới và vị bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên. Trừ hai hạng tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra đó, phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng, người Dục giới tam thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ vô minh tùy miên. Chính là người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả hạng người ngoài ra đó, phi đạt trừ dục ái tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai và người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên. Chính là người khổ thọ, bậc Sắc giới, Vô sắc giới và vị bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên.

1476.

∗ *Người nào cõi nào phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng, người Dục giới nhị thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ ngã mạn tùy miên. Chính là người khổ thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ ngã mạn tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ ngã mạn tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai và người khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên mà chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ, bậc Sắc giới, Vô sắc giới và vị bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên mà chẳng phải phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Chính là người bất liên quan luân hồi với những

cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, còn tất cả hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai và người khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ, bậc Sắc giới, Vô sắc giới và vị bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên mà chẳng phải phi đạt trừ hữu ái tùy miên. Chính là người Dục giới tam thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ hữu ái tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo còn những người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ hữu ái tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai và người Khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ, bậc Sắc giới, Vô sắc giới và vị bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Trừ hai bậc người tề toàn đạo, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng, người Dục giới tam thọ và vị Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ vô minh tùy miên. Chính là người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn những người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai và người khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ, bậc Sắc giới, Vô sắc giới và vị bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn những hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên.

1477.

∗ *Người nào cõi nào phi đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Chính là người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Trừ

bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng, nơi Dục giới nhị thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ ngã mạn tùy miên. Chính là người khổ thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ ngã mạn tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo chí thượng và người thứ tám, còn các hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ ngã mạn tùy miên. Chính là người khổ thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ ngã mạn tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo chí thượng còn những người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng và người khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ vô minh tùy miên. Chính là người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo chí thượng, còn những người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1478.

Người nào cõi nào phi đạt trừ tà kiến tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi...

1479.

∗ *Người nào cõi nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng, người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ hữu ái tùy miên. Chính là người Dục giới tam thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ hữu ái tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo chí thượng và người thứ tám, còn các hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ hữu ái tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng

phải phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Chính là bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo chí thượng và người thứ tám, còn các hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên.

* *Người nào cõi nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới tam thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ vô minh tùy miên. Chính là người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo chí thượng và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Chính là người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo chí thượng và người thứ tám, còn các hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên.

1480.

Người nào cõi nào phi đạt trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới tam thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ vô minh tùy miên. Chính là người bất liên quan luân hồi phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo chí thượng, còn các hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1481.

* *Người nào cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ ngã mạn tùy miên. Chính là người khổ thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ ngã mạn tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn các hạng người ngoài ra đó, những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ ngã mạn tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên. Chính là người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn các hạng người ngoài ra

đó với những cõi ấy phi đạt trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

* *Người nào cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên, mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Chính là người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, còn các hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên. Chính là người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên. Trừ bậc tề toàn đạo Bất lai và người thứ tám, còn các hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

* *Người nào cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ hữu ái tùy miên. Chính là người Dục giới tam thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ hữu ái tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn các hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ hữu ái tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai và người khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên. Chính là người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn các hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên.

* *Người nào cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới tam thọ và người người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ vô minh tùy miên. Chính là người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn

đạo, còn các hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên và dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên. Chính là người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn những người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

1482.

∗ *Người nào cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Chính là người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn những hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên. Chính là người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Bậc tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới nhị thọ, người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ ngã mạn tùy miên. Chính là người khổ thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn các hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên, phẫn nhuế tùy

miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên. Chính là người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Bậc tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ ngã mạn tùy miên. Chính là người khổ thọ và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn các hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên.

* *Người nào cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ vô minh tùy miên. Chính người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn các hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên. Chính là người Sắc giới, Vô sắc giới và bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo, còn tất cả hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên.

1483.

Người nào cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo Bất lai khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên. Chính là người Sắc giới, Vô sắc giới và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên. Bậc tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ ngã mạn tùy miên. Chính là người khổ thọ và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi

đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn các hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên...

1484.

∗ *Người nào cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Chính là người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và vô minh tùy miên. Bậc tề toàn đạo Bất lai khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên. Chính là người Sắc giới, Vô sắc giới và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Bậc tề toàn đạo chí thượng nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ ngã mạn tùy miên. Chính là người khổ thọ và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn tất cả người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Bực tề toàn đạo chí thượng khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ vô minh tùy miên. Chính là người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn tất cả hạng người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi

tùy miên phải chăng? Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ, bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Chính là người bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Bậc tề toàn đạo Bất lai khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên. Chính là người Sắc giới, Vô sắc giới và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên.

1485.

Người nào cõi nào phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên phải chăng? Bực tề toàn đạo chí thượng khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ vô minh tùy miên. Chính là bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên, hữu ái tùy miên và cũng đạt trừ vô minh tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn những người ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên, hữu ái tùy miên và cũng phi đạt trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đạt trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Người thứ tám nơi Dục giới tam thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Chính là bậc bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên. Bậc tề toàn đạo Bất lai khổ thọ với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ phẫn nhuế tùy miên. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên, hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đạt trừ dục ái tùy miên. Chính là người Sắc giới, Vô sắc giới và bực bất liên quan luân hồi với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên. Trừ hai bậc tề toàn đạo và người thứ tám, còn các hạng ngoài ra đó với những cõi ấy phi đạt trừ vô minh tùy miên và cũng phi

đạt trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên.

Dứt phần đạt trừ (pariññavara).

PHẦN ĐÃ TRỪ *(PAHINAVARA)*

1486.

* *Người nào đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Phải rồi.
  Hay là người nào đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

* *Người nào đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bực Bất lai đã trừ dục ái tùy miên mà chẳng phải đã trừ ngã mạn tùy miên. Còn La-hán đã trừ dục ái tùy miên và cũng đã trừ ngã mạn tùy miên.

  Hay là người nào đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

* *Người nào đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là người nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Hai hạng người đã trừ hoài nghi tùy miên mà chẳng phải đã trừ dục ái tùy miên. Còn hai hạng người đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng đã trừ dục ái tùy miên.

* *Người nào đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy đã trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Bực Bất lai đã trừ dục ái tùy miên mà chẳng phải đã trừ vô minh tùy miên. Còn bậc La Hàn đã trừ dục ái tùy miên và cũng đã trừ vô minh tùy miên.

  Hay là người nào đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1487.

* *Người nào đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bậc Bất Lai đã trừ phẫn nhuế tùy miên mà chẳng phải đã trừ ngã mạn tùy miên. Còn bậc La-hán đã trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng đã trừ ngã mạn tùy miên.

  Hay là người nào đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi!

* *Người nào đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi!

  Hay là người nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Hai hạng người đã trừ hoài nghi tùy miên mà chẳng phải đã trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn hai hạng người đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng đã trừ phẫn nhuế tùy miên.

* *Người nào đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đã trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Bậc Bất Lai đã trừ phẫn nhuế tùy miên mà chẳng phải đã trừ vô minh tùy miên. Còn bậc La-hán đã trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng đã trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi!

1488.

∗ *Người nào đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy đã trừ tà kiến tùy miên… hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi!

Hay là người nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Ba hạng người đã trừ hoài nghi tùy miên mà chẳng phải đã trừ ngã mạn tùy miên. Còn với bậc La-hán đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng đã trừ ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy đã trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi!

Hay là người nào đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi!

1489.

Người nào đã trừ tà kiến tùy miên thì người ấy đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi!

Hay là người nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đã trừ tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1490.

Người nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đã trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng? Ba hạng người đã trừ hoài nghi tùy miên mà chẳng phải đã trừ vô minh tùy miên. Còn bậc La-hán đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng đã trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi!

1491.

∗ *Người nào đã trừ hữu ái tùy miên thì người ấy đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi!

∗ Hay là người nào đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi!

1492.

∗ *Người nào dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên được đoạn trừ thì người ấy ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bậc Bất Lai, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên được đoạn trừ mà chẳng phải với vị ấy ngã mạn tùy miên được đoạn trừ. Còn bậc La-hán, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên được đoạn trừ và ngã mạn tùy miên cũng được đoạn trừ.

Hay là người nào ngã mạn tùy miên được đoạn trừ thì người ấy dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi!

∗ *Người nào đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Hai hạng người đã trừ hoài nghi tùy miên mà chẳng phải đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Còn hai hạng người đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng đã trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên thì người ấy đã trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Bực Bất lai đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà chẳng phải đã trừ vô minh tùy miên. Còn La-hán đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và cũng đã trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1493.

∗ *Người nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Hai hạng người đã trừ hoài nghi tùy miên mà chẳng phải đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Bậc Bất lai đã trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà chẳng phải đã trừ ngã mạn tùy miên. Còn La-hán đã trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên thì người ấy đã trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.
Hay là người nào đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1494.

Người nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên thì người ấy đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Hai hạng người đã trừ hoài nghi tùy miên và tà kiến tùy miên mà chẳng phải đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên. Bậc Bất lai đã trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên mà chẳng phải đã trừ ngã mạn tùy miên. Còn La-hán đã trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên...

1495.

Người nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì người ấy đã trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1496.

Người nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì người ấy đã trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1497.

∗ *Cõi nào đã trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy, đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

Hay là cõi nào đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

∗ *Cõi nào đã trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy, đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào đã trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Trong cõi Sắc giới, Vô sắc giới này đã trừ ngã mạn tùy miên, còn dục ái tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Còn trong cõi Dục giới nhị thọ đã trừ ngã mạn tùy miên và cũng đã trừ dục ái tùy miên.

∗ *Cõi nào đã trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy, đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ và trong Sắc giới, Vô sắc giới đã trừ hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Còn trong Dục giới nhị thọ đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng đã trừ dục ái tùy miên.

∗ *Cõi nào đã trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy, đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

Hay là cõi nào đã trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

∗ *Cõi nào đã trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào đã trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Cõi khổ thọ và trong Sắc giới, Vô sắc giới đã trừ vô minh tùy miên mà dục ái tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Còn trong Dục giới nhị thọ đã trừ vô minh tùy miên và cũng đã trừ dục ái tùy miên.

1498.

∗ *Cõi nào đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy, đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

Hay là cõi nào đã trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy, đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

∗ *Cõi nào đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy, đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy, đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới nhị thọ và trong Sắc giới, Vô sắc giới đã trừ hoài nghi tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Còn trong Cõi khổ thọ đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng đã trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy, đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

Hay là cõi nào đã trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy, đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

∗ *Cõi nào đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào đã trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy, đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Cõi Dục giới nhị thọ và trong Sắc giới, Vô sắc giới đã trừ vô minh tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Còn trong Cõi khổ thọ đã trừ vô minh tùy miên và cũng đã trừ phẫn nhuế tùy miên.

1499.

∗ *Cõi nào đã trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy, đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy, đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Trong Cõi khổ thọ đã trừ hoài nghi tùy miên mà ngã mạn tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Còn cõi Dục giới nhị thọ và trong Sắc giới, Vô sắc giới đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng đã trừ ngã mạn tùy miên.

∗ *Cõi nào đã trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy, đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Trong cõi Dục giới nhị thọ đã trừ ngã mạn tùy miên mà hữu ái tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Còn Sắc giới, Vô sắc giới đã trừ ngã mạn tùy miên và cũng đã trừ hữu ái tùy miên.

Hay là cõi nào đã trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy, đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào đã trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào đã trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy, đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Trong Cõi khổ thọ đã trừ vô minh tùy miên mà ngã mạn tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Còn cõi Dục giới nhị thọ trong Sắc giới, Vô sắc giới đã trừ vô minh tùy miên và cũng đã trừ ngã mạn tùy miên.

1500.

Cõi nào đã trừ tà kiến tùy miên thì cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy, đã trừ tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1501.

∗ *Cõi nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy, đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Trong cõi Dục giới tam thọ đã trừ hoài nghi tùy miên mà hữu ái tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Còn trong cõi Sắc giới, Vô sắc giới đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng đã trừ hữu ái tùy miên.

Hay là cõi nào đã trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào đã trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1502.

Cõi nào đã trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào đã trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy, đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Trong Dục giới tam thọ đã trừ vô minh tùy miên mà hữu ái tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Còn trong Sắc giới, Vô sắc giới đã trừ vô minh tùy miên và cũng đã trừ hữu ái tùy miên.

1503.

∗ *Cõi nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy, đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào đã trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới đã trừ ngã mạn tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Còn trong Dục giới nhị thọ đã trừ ngã mạn tùy miên và dục ái tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

∗ *Cõi nào đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy, đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới đã trừ hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Trong Dục giới nhị thọ đã trừ hoài nghi tùy miên và dục ái tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Cõi khổ thọ đã trừ hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà dục ái tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

∗ *Cõi nào đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy, đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào đã trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Chớ nên nói đã trừ hay không đã trừ.

∗ *Cõi nào đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào đã trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới đã trừ vô minh tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Trong Dục giới đã trừ vô minh tùy miên và dục ái tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Trong Cõi khổ thọ đã trừ vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà dục ái tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

1504.

∗ *Cõi nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy, đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới đã trừ hoài nghi tùy miên và ngã mạn tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Trong Dục giới nhị thọ đã trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay

không đã trừ. Trong khổ thọ đã trừ hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

∗ *Cõi nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy, đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào đã trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Đã trừ ngã mạn tùy miên còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

∗ *Cõi nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên thì cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào đã trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới đã trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Trong Dục giới nhị thọ đã trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Trong Cõi khổ thọ đã trừ vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

1505.

Cõi nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là cõi nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới đã trừ hoài nghi tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Trong cõi Dục giới nhị thọ đã trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Trong Cõi khổ thọ đã trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên mà dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ...

1506.

∗ *Cõi nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì cõi ấy, đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào đã trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới đã có trừ hữu ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

∗ *Cõi nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào đã trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới đã trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Trong Dục giới nhị thọ đã trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Còn Cõi khổ thọ chẳng nên nói đã trừ hay

không đã trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên.

1507.

Cõi nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là cõi nào đã trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới đã trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên, hữu ái tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Cõi Dục giới nhị thọ đã trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên và hữu ái tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Như trong Cõi khổ thọ đã có trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên chẳng nên nói đã có trừ hay không có trừ...

1508.

* *Người nào cõi nào đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

  Hay là người nào cõi nào đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

* *Người nào cõi nào đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Bực Bất lai nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ ngã mạn tùy miên. Còn bậc La-hán nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên và cũng đã trừ ngã mạn tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực La-hán nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ ngã mạn tùy miên mà dục ái tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Chính là người nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ ngã mạn tùy miên và cũng đã trừ dục ái tùy miên.

* *Người nào cõi nào đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ tà kiến tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là người nào cõi nào đã trừ tà kiến tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Hai bực người khổ thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ tà kiến tùy miên mà dục ái tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Chính người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ tà kiến tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ dục ái tùy miên. Như hai hạng người khổ thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ tà kiến tùy miên mà dục ái tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ tà kiến tùy miên và cũng đã trừ dục ái tùy miên.

* *Người nào cõi nào đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Hai hạng người khổ thọ và bực Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên chớ nên nói đã trừ hay không đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ dục ái tùy miên. Như hai hạng người khổ thọ và bực Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên chớ nên nói đã trừ hay không đã trừ. Còn chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng đã trừ dục ái tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

Hay là người nào cõi nào đã trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Chớ nên nói đã trừ hay không đã trừ.

∗ *Người nào cõi nào đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Bực Bất lai nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ vô minh tùy miên. Còn La-hán nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên và cũng đã trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực La-hán khổ thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên mà dục ái tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy đã trừ vô minh tùy miên và cũng đã trừ dục ái tùy miên.

1509.

∗ *Người nào cõi nào đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Chớ nên nói đã trừ hay không đã trừ.

Hay là người nào cõi nào đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

∗ *Người nào cõi nào đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Hai hạng người Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên chớ nên nói đã trừ hay không đã trừ. Chính người khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn hai hạng người Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng đã trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

Hay là người nào cõi nào đã trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

∗ *Người nào cõi nào đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Bực Bất lai khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ phẫn nhuế tùy miên mà

người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ vô minh tùy miên. Bậc La-hán khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng đã trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ phẫn nhuếTùy miên phải chăng? Bực La-hán nơi Dục giới nhị thọ và nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên và cũng đã trừ phẫn nhuế tùy miên.

1510.

∗ *Người nào cõi nào đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Ba hạng người khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà ngã mạn tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ và bực Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ ngã mạn tùy miên. Như bậc La-hán khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà ngã mạn tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Chính người Dục giới nhị thọ và bực Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng đã trừ ngã mạn tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Bực La-hán nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ ngã mạn tùy miên mà hữu ái tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Bậc người nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ ngã mạn tùy miên và cũng đã trừ hữu ái tùy miên.

Hay là người nào cõi nào đã trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào cõi nào đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? La-hán khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên mà ngã mạn tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Chính người Dục giới nhị thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên và cũng đã trừ ngã mạn tùy miên.

1511.

Người nào cõi nào đã trừ tà kiến tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi...

1512.

∗ *Người nào cõi nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Ba bậc người Dục giới tam thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà hữu ái tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Chính hạng người Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ hữu ái tùy miên. Như bực La-hán nơi Dục giới tam thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà hữu ái tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không

đã trừ. Chính là bực người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng đã trừ hữu ái tùy miên.

Hay là người nào cõi nào đã trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

* *Người nào cõi nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Ba hạng người Dục giới tam thọ và bực Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ vô minh tùy miên. Bậc La-hán Dục giới tam thọ và nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng đã trừ vô minh tùy miên.

Hay là người nào cõi nào đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1513.

Người nào cõi nào đã trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Bực La-hán nơi Dục giới tam thọ với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên mà chẳng nên nói đã trừ hay không trừ hữu ái tùy miên. Chính là người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên và cũng đã trừ hữu ái tùy miên.

1514.

* *Người nào cõi nào đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực La-hán nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ ngã mạn tùy miên, còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ ngã mạn tùy miên và dục ái tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ.

* *Người nào cõi nào đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Hai hạng người nơi Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên, còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ dục ái tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính người khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ phẫn nhuế tùy miên, còn dục ái tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Hai hạng người Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên, còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người Dục giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên và dục ái tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên, còn dục ái tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ.

∗ *Người nào cõi nào đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đã trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không nên nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ.

∗ *Người nào cõi nào đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực La-hán nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên, còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên và dục ái tùy miên. Còn phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên, còn dục ái tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ.

1515.

∗ *Người nào cõi nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Hai bậc người Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ ngã mạn tùy miên, còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên. Còn phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ phẫn nhuế tùy miên, còn dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Bậc Bất lai nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ ngã mạn tùy miên, còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên và dục ái tùy miên, mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ ngã mạn tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên, còn dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Bậc La-hán nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên và ngã mạn tùy miên, còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên, còn dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ.

∗ *Người nào cõi nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đã trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Đã trừ ngã mạn tùy miên, còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ.

* *Người nào cõi nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực La-hán nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên, còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Còn dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ.

1516.

Người nào cõi nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là người nào cõi nào đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên phải chăng? Hai hạng người nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên và tà kiến tùy miên, mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ ngã mạn tùy miên, còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên và tà kiến tùy miên, mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên và tà kiến tùy miên, mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên không nên nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Bậc Bất lai nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên và tà kiến tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải đã trừ ngã mạn tùy miên. Còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không nên nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và tà kiến tùy miên, mà người ấy cõi ấy, chẳng phải đã trừ ngã mạn tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên không nên nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên, còn dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên không nên nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Bậc La-hán nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên, còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không nên nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên không nên nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ hoài nghi tùy miên, phẫn nhuế tùy miên,và tà kiến tùy miên, còn dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên không nên nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ.

1517.

∗ *Người nào cõi nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đã trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Đã trừ ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

∗ *Người nào cõi nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Bực La-hán nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

1518.

Người nào cõi nào đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là người nào cõi nào đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy, đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Bực La-hán nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên và hữu ái tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy, đã trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên chẳng nên nói đã trừ hay không đã trừ.

Dứt thuận tùng

1519.

∗ *Người nào phi đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào phi đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào phi đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy phi đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực Bất lai phi đã trừ ngã mạn tùy miên mà đã trừ dục ái tùy miên. Ba hạng người phi đã trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đã trừ dục ái tùy miên.

* *Người nào phi đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy phi đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Hai hạng người phi đã trừ dục ái tùy miên mà đã trừ hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu phi đã trừ dục ái tùy miên và cũng phi đã trừ hoài nghi tùy miên.

  Hay là người nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy phi đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

* *Người nào phi đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là người nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy phi đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực Bất lai phi đã trừ vô minh tùy miên mà đã trừ dục ái tùy miên. Ba hạng người phi đã trừ vô minh tùy miên và cũng phi đã trừ dục ái tùy miên.

1520.

* *Người nào phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là người nào phi đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực Bất lai phi đã trừ ngã mạn tùy miên mà đã trừ phẫn nhuế tùy miên. Còn ba bậc người phi đã trừ ngã mạn tùy miên mà cũng phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên.

* *Người nào phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* 2 bực người phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên mà đã trừ hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đã trừ hoài nghi tùy miên.

  Hay là người nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

* *Người nào phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là người nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

  Bực Bất lai phi đã trừ vô minh tùy miên mà đã trừ phẫn nhuế tùy miên. Ba hạng người phi đã trừ vô minh tùy miên và cũng phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên.

1521.

* *Người nào phi đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy phi đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Ba bực người phi đã trừ ngã mạn tùy miên mà đã trừ hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu phi đã trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đã trừ hoài nghi tùy miên.

  Hay là người nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

* *Người nào phi đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1522.

Người nào phi đã trừ tà kiến tùy miên thì người ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy phi đã trừ tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi...

1533.

Người nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Ba bực người phi đã trừ vô minh tùy miên mà đã trừ hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu phi đã trừ vô minh tùy miên và cũng phi đã trừ hoài nghi tùy miên.

1524.

Người nào phi đã trừ hữu ái tùy miên thì người ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1525.

* *Người nào phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là người nào phi đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực Bất lai phi đã trừ ngã mạn tùy miên mà đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Còn 3 bực người phi đã trừ ngã mạn tùy miên và phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên.

* *Người nào phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Hai bực người phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà đã trừ hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu phi đã trừ dục ái tùy miên với phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đã trừ hoài nghi tùy miên.

  Hay là người nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phải rồi.

* *Người nào phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là người nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực Bất lai phi đã trừ vô minh tùy miên mà đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Ba bậc người phi đã trừ vô minh tùy miên và cũng phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên.

1526.

* *Người nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy phi đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Hai hạng người phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà đã trừ hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên với ngã mạn tùy miên và cũng phi đã trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

* *Người nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên thì người ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên... vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực Bất lai phi đã trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên. Còn ba hạng người phi đã trừ vô minh tùy miên và cũng phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên.

1527.

Người nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì người ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi...

1528.

Người nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên...Vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên phải chăng? Bực Bất lai phi đã trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Hai hạng người phi đã trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên mà đã trừ tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu phi đã trừ vô minh tùy miên và cũng phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên.

1529.

Người nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì người ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Bực Bất lai phi đã trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên, mà đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Hai hạng người phi đã trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên mà người ấy đã trừ tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu phi đã trừ vô minh tùy miên và cũng phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên.

1530.

* *Cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Chẳng nên nói đã trừ hay phi đã trừ.

Hay là cõi nào phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Chẳng nên nói đã trừ hay phi đã trừ.

∗ *Cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi đã trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ ngã mạn tùy miên mà dục ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Còn trong cõi Dục giới nhị thọ phi đã trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đã trừ dục ái tùy miên.

∗ *Cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Trong Cõi khổ thọ và cõi Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Còn trong cõi Dục giới nhị thọ phi đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đã trừ dục ái tùy miên.

∗ *Cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

Hay là cõi nào phi đã trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

∗ *Cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Trong Cõi khổ thọ và cõi Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ vô minh tùy miên mà dục ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Còn trong cõi Dục giới nhị thọ phi đã trừ vô minh tùy miên và cũng phi đã trừ dục ái tùy miên.

1531.

∗ *Cõi nào phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

Hay là cõi nào phi đã trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

∗ *Cõi nào phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Trong cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Còn trong Cõi khổ thọ phi đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Cõi nào phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

Hay là cõi nào phi đã trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

∗ *Cõi nào phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Trong cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ vô minh tùy

miên mà phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Trong Cõi khổ thọ phi đã trừ vô minh tùy miên và cũng phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên.

1532.

∗ *Cõi nào phi đã trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Trong Cõi khổ thọ phi đã trừ hoài nghi tùy miên mà ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Trong cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đã trừ ngã mạn tùy miên.

∗ *Cõi nào phi đã trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Trong cõi Dục giới nhị thọ phi đã trừ ngã mạn tùy miên mà hữu ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Còn trong cõi Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đã trừ hữu ái tùy miên.

Hay là cõi nào phi đã trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào phi đã trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Trong Cõi khổ thọ phi đã trừ vô minh tùy miên mà ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Còn trong cõi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ vô minh tùy miên và cũng phi đã trừ ngã mạn tùy miên.

1533.

Cõi nào phi đã trừ tà kiến tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi...

1534.

∗ *Cõi nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Trong cõi Dục giới tam thọ phi đã trừ hoài nghi tùy miên mà hữu ái tùy miên không thể nói đã trừ hay không đã trừ. Trong Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đã trừ hữu ái tùy miên.

Hay là cõi nào phi đã trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

∗ *Cõi nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là cõi nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

1535.

Cõi nào phi đã trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là cõi nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Trong Dục giới tam thọ phi đã trừ vô minh tùy miên mà hữu ái tùy miên không

thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Còn trong Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ vô minh tùy miên và cũng phi đã trừ hữu ái tùy miên.

1536.

* *Cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Không có.

  Hay là cõi nào phi đã trừ ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ ngã mạn tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính trong cõi Dục giới nhị thọ phi đã trừ dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

* *Cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

  Hay là cõi nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Trong cõi Dục giới nhị thọ phi đã trừ hoài nghi tùy miên và dục ái tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Như trong Cõi khổ thọ phi đã trừ hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà dục ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

* *Cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

  Hay là cõi nào phi đã trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

* *Cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

  Hay là cõi nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ vô minh tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Như trong Dục giới nhị thọ phi đã trừ vô minh tùy miên và dục ái tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Như trong Cõi khổ thọ phi đã trừ vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà dục ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

1537.

* *Cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

  Hay là cõi nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ hoài nghi tùy miên và ngã mạn tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Như trong Dục giới nhị thọ phi đã trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Như trong Cõi khổ thọ phi đã trừ hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

∗ *Cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào phi đã trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ hữu ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

∗ *Cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Như trong Dục giới nhị thọ phi đã trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Như trong Cõi khổ thọ phi đã trừ vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

1538.

Cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là cõi nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ hoài nghi tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Trong Dục giới nhị thọ phi đã trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Trong Cõi khổ thọ phi đã trừ hoài nghi tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ...

1539.

∗ *Cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào phi đã trừ hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Phi đạt trừ ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

∗ *Cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là cõi nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và vô minh tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Cõi Dục giới nhị thọ phi đã trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Như trong Cõi khổ thọ phi đã trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy

miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

1540.

Cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là cõi nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Trong Sắc giới, Vô sắc giới phi đã trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Trong Dục giới nhị thọ phi đã trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên và hữu ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Như trong Cõi khổ thọ phi đã trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

1541.

- *Người nào cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng?* Không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

  Hay là người nào cõi nào phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

- *Người nào cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là người nào cõi nào phi đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực Bất lai nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên mà dục ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên mà đã trừ dục ái tùy miên. Ba bực người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên mà dục ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đã trừ dục ái tùy miên.

- *Người nào cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Hai hạng người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên mà đã trừ hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu nơi Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên và cũng phi đã trừ hoài nghi tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Phàm phu khổ thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đã trừ dục ái tùy miên.

- *Người nào cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

Hay là người nào cõi nào phi đã trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

∗ *Người nào cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên phải chăng? Bực Bất lai khổ thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên mà dục ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấyđã trừ dục ái tùy miên. Ba hạng người khổ thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên mà dục ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên và cũng phi đã trừ dục ái tùy miên.

1542.

∗ *Người nào cõi nào phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

Hay là người nào cõi nào phi đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

∗ *Người nào cõi nào phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Hai hạng người khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên mà đã trừ hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên và cũng phi đã trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phàm phu Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên.

∗ *Người nào cõi nào phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

Hay là người nào cõi nào phi đã trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

∗ *Người nào cõi nào phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực Bất lai nơi Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên mà đã trừ phẫn nhuế tùy miên. Ba hạng người Dục giới nhị thọ và người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên và cũng phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên.

1543.

∗ *Người nào cõi nào phi đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Ba hạng người Dục giới nhị thọ và Sắc

giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu nơi Dục giới nhị thọ và Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đã trừ hoài nghi tùy miên.

Hay là người nào cõi nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phàm phu khổ thọ và với những cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên, còn ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ, bực Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đã trừ ngã mạn tùy miên.

* *Người nào cõi nào phi đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Bốn bực người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên, còn hữu ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên và cũng phi đã trừ hữu ái tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào phi đã trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Phải rồi.

* *Người nào cõi nào phi đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là người nào cõi nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng? Bốn hạng người khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên mà ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính người Dục giới nhị thọ, bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên và cũng phi đã trừ ngã mạn tùy miên.

1544.

Người nào cõi nào phi đã trừ tà kiến tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ tà kiến tùy miên phải chăng? Phải rồi...

1545.

* *Người nào cõi nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Phàm phu nơi Dục giới tam thọ với những cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên mà hữu ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên và cũng phi đã trừ hữu ái tùy miên.

  Hay là người nào cõi nào phi đã trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Ba hạng người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ hoài nghi tùy miên. Phàm phu nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên và cũng phi đã trừ hoài nghi tùy miên.

* *Người nào cõi nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là người nào cõi nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Ba hạng người Dục giới tam thọ, bực Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên, mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi

đã trừ hoài nghi tùy miên. Còn phàm phu nơi Dục giới tam thọ và bậc Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên và cũng phi đã trừ hoài nghi tùy miên.

1546.

Người nào cõi nào phi đã trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào cõi nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng? Bốn hạng người Dục giới tam thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên mà hữu ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên và cũng phi đã trừ hữu ái tùy miên.

1547.

∗ *Người nào cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào phi đã trừ ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực Bất lai nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ dục ái tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Ba hạng người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên, còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ ngã mạn tùy miên và dục ái tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

∗ *Người nào cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Phàm phu nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên, phẫn nhuế tùy miên mà dục ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

∗ *Người nào cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào phi đã trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

∗ *Người nào cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên phải chăng? Bực Bất lai nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với

những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ dục ái tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên, còn dục ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Ba hạng người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên, còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên và dục ái tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà dục ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

1548.

∗ *Người nào cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ tà kiến tùy miên... hoài nghi tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Phàm phu nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên và ngã mạn tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

∗ *Người nào cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào phi đã trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Phi đã trừ ngã mạn tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

∗ *Người nào cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

Hay là người nào cõi nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và ngã mạn tùy miên phải chăng? Bực Bất lai nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ dục ái tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên, còn dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Ba hạng người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh

tùy miên, phẫn nhuế tùy miên còn dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

1549.

Người nào cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là người nào cõi nào phi đã trừ hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên phải chăng? Phàm phu nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên, còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và tà kiến tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ hoài nghi tùy miên, phẫn nhuế tùy miên và tà kiến tùy miên, còn dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ...

1550.

* *Người nào cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên phải chăng?* Không có.

  Hay là người nào cõi nào phi đã trừ hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Ba bậc người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên, ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ. Phàm phu nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ hữu ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Còn dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay chẳng phải đã trừ.

* *Người nào cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng?* Không có.

  Hay là người nào cõi nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên phải chăng? Bực Bất lai nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên, còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên, mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ dục ái tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên, mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên, còn dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Hai bực người nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên, mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên, còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không

thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên, còn dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Phàm phu nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Còn phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

1551.

Người nào cõi nào phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên phải chăng? Không có.

Hay là người nào cõi nào phi đã trừ vô minh tùy miên thì người ấy cõi ấy phi đã trừ dục ái tùy miên, phẫn nhuế tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên phải chăng? Bực Bất lai nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ dục ái tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên và hữu ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ phẫn nhuế tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên, còn dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Hai hạng người nơi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên, mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên, còn dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên và ngã mạn tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên. Còn phẫn nhuế tùy miên và hữu ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên và phẫn nhuế tùy miên mà người ấy cõi ấy chẳng phải phi đã trừ tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên, còn dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Phàm phu nơi Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên, hoài nghi tùy miên và hữu ái tùy miên mà dục ái tùy miên và phẫn nhuế tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người Dục giới nhị thọ với những cõi ấy phi đã trừ vô minh tùy miên, dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên, còn phẫn nhuế tùy miên và hữu ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ. Chính là người khổ thọ với những cõi ấy phi đã trừ

vô minh tùy miên, tà kiến tùy miên và hoài nghi tùy miên mà dục ái tùy miên, ngã mạn tùy miên và hữu ái tùy miên không thể nói đã trừ hay phi đã trừ.

Dứt phần đã trừ (pahinavara).

PHẦN VẪN SANH *(UPPAJJANAVARA)*

1552.

∗ *Dục ái tùy miên có thể sanh đến người nào thì phẫn nhuế tùy miên có thể sanh đến người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là phẫn nhuế tùy miên có thể sanh đến người nào thì dục ái tùy miên có thể sanh đến người ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Dục ái tùy miên có thể sanh đến người nào thì ngã mạn tùy miên có thể sanh đến người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là ngã mạn tùy miên có thể sanh đến người nào thì dục ái tùy miên có thể sanh đến người ấy phải chăng? Bực Bất lai, ngã mạn tùy miên có thể sanh đến mà dục ái tùy miên không thể sanh đến người ấy; còn ba hạng người, ngã mạn tùy miên có thể sanh đến và dục ái tùy miên cũng có thể sanh đến. Nên sắp ra rộng..

1553.

∗ *Dục ái tùy miên không thể sanh đến người nào thì phẫn nhuế tùy miên không thể sanh đến người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là phẫn nhuế tùy miên không thể sanh đến người nào thì dục ái tùy miên không thể sanh đến người ấy phải chăng? Phải rồi.

∗ *Dục ái tùy miên không thể sanh đến người nào thì ngã mạn tùy miên không thể sanh đến người ấy phải chăng?* Bực Bất lai, dục ái tùy miên không thể sanh đến, mà ngã mạn tùy miên chẳng phải không sanh đến. Còn bậc La-hán, dục ái tùy miên không thể sanh đến và ngã mạn tùy miên cũng không sanh đến.

Hay là ngã mạn tùy miên không thể sanh đến người nào thì thời dục ái tùy miên chẳng sanh đến người ấy phải chăng? Phải rồi. Nên sắp ra cho rộng..

Dứt phần vẫn sanh (uppajjanavara).

PHẦN GIỚI *(DHATUVARA)*

1554.

∗ Người tử biệt cõi Dục giới sanh lại cõi Dục giới tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi Dục giới sanh đến cõi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi Dục giới sanh đến cõi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi Dục giới sanh đến cõi phi Dục giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi Dục giới sanh đến cõi phi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

- Người tử biệt cõi Dục giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi Dục giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi Dục giới sanh đến cõi phi Sắc giới, phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi Dục giới sanh đến cõi phi Dục giới, phi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

1555.

- Người tử biệt cõi Sắc giới sanh lại cõi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi Sắc giới sanh đến cõi Dục giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi Sắc giới sanh đến cõi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi Sắc giới sanh đến phi Dục giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi Sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi Sắc giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi Sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới, phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi Sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới, phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi Sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới, phi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

1556.

- Người tử biệt cõi Vô sắc giới sanh đến cõi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi Vô sắc giới sanh đến cõi Dục giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi Vô sắc giới sanh đến cõi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi Vô sắc giới sanh đến cõi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới, phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới,phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới, phi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

1557.

∗ Người tử biệt cõi phi Dục giới sanh đến cõi Dục giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi phi Dục giới sanh đến cõi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi phi Dục giới sanh đến cõi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi phi Dục giới sanh đến cõi phi Dục giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi phi Dục giới sanh đến cõi phi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi phi Dục giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi phi Dục giới sanh đến cõi phi Dục giới, phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi phi Dục giới sanh đến cõi phi Sắc giới, phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi phi Dục giới sanh đến cõi Dục giới, phi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

1558.

∗ Người tử biệt cõi phi Sắc giới sanh đến cõi Dục giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi phi Sắc giới sanh đến cõi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi phi Sắc giới sanh đến cõi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi phi Sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi phi Sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi phi Sắc giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi phi Sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi phi Sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

∗ Người tử biệt cõi phi Sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

1559.

* Người tử biệt cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi Dục giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới, cõi phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới, cõi phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

1560.

* Người tử biệt cõi phi Dục giới, cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi Dục giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Dục giới, cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

* Người tử biệt cõi phi Dục giới cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

1561.

* Người tử biệt cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi Dục giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Sắc giới cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Sắc giới cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới cõi phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

1562.

* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Sắc giới sanh đến cõi Dục giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Sắc giới sanh đến cõi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Sắc giới sanh đến cõi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Sắc giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

- Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?
- Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Sắc giới thì tùy miên ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên không ngủ theo bao nhiêu? Tùy miên diệt mất bao nhiêu?

1563.

- Người tử biệt cõi Dục giới sanh đến cõi Dục giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo năm thứ, còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi Dục giới sanh đến cõi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi Dục giới sanh đến cõi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi Dục giới sanh đến cõi phi Dục giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo năm thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi Dục giới sanh đến cõi phi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi Dục giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi Dục giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi Dục giới sanh đến cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ. Còn tùy miên đang diệt không có.
- Người tử biệt cõi Dục giới sanh đến cõi phi Dục giới, phi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.

1564.

- Người tử biệt cõi Sắc giới sanh đến cõi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi Sắc giới sanh đến cõi Dục giới thì tùy miên ngủ theo bảy thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi Sắc giới sanh đến cõi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo cả bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.

* Người tử biệt cõi Sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi Sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi Sắc giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi Sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới, phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi Sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới, phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo cả bảy thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi Sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới, phi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.

1565.

* Người tử biệt cõi Vô sắc giới sanh đến cõi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi Vô sắc giới sanh đến cõi Dục giới thì tùy miên ngủ theo cả bảy thứ. tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi Vô sắc giới sanh lại cõi Sắc giới thì không có. Còn sanh xuống thấp nơi cõi Dục giới đều có đủ cả 7 tùy miên ngủ theo. tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo cả bảy thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới, phi Vô sắc giới thì không có; Sanh xuống thấp nơi cõi Dục giới thì tùy miên ngủ theo cả bảy thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo cả bảy thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới, phi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.

1566.

- Người tử biệt cõi phi Dục giới sanh đến cõi Dục giới, thì tùy miên ngủ theo cả bảy thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi phi Dục giới sanh đến cõi Sắc giới, có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi phi Dục giới sanh đến cõi Vô sắc giới, có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi phi Dục giới sanh đến cõi phi Dục giới, có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi phi Dục giới sanh đến cõi phi Sắc giới, có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi phi Dục giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới, có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi phi Dục giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi phi Dục giới sanh đến cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo đủ bảy thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi phi Dục giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.

1567.

- Người tử biệt cõi phi Sắc giới sanh đến cõi Dục giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo năm thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi phi Sắc giới sanh đến cõi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi phi Sắc giới sanh đến cõi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi phi Sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
- Người tử biệt cõi Sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.

* Người tử biệt cõi phi Sắc giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Sắc giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo năm thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.

1568.

* Người tử biệt cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi Dục giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo năm thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Vô sắc giới sanh đến cõi Dục giới phi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.

1569.

* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi Dục giới thì tùy miên ngủ theo cả bảy thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.

* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo cả bảy thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.

1570.

* Người tử biệt cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi Dục giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo năm thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.

* Người tử biệt cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo năm thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.

1571.

* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Sắc giới sanh đến cõi Dục giới thì tùy miên ngủ theo cả bảy thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Sắc giới sanh đến cõi Sắc giới thì không có ; sanh xuống thấp nơi Cõi Dục giới thì tùy miên ngủ theo cả bảy thứ. Còn tùy miên diệt mất không có
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Sắc giới sanh đến cõi Vô sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo bảy thứ, cũng có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Sắc giới sanh đến cõi phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo cả bảy thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Vô sắc giới không có, còn sanh Thấp xuống đến cõi Dục giới thì tùy miên ngủ theo cả bảy thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Sắc giới sanh đến cõi phi Sắc giới phi Vô sắc giới thì tùy miên ngủ theo cả bảy thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.
* Người tử biệt cõi phi Dục giới phi Sắc giới sanh đến cõi phi Dục giới phi Sắc giới có người tùy miên ngủ theo cả bảy thứ, có người tùy miên ngủ theo năm thứ, hoặc có người tùy miên ngủ theo ba thứ. Còn tùy miên diệt mất không có.

Dứt phần giới (dhatuvara).

Trọn đủ thất thùy miên

Hồi hướng phước đến Tứ Đại Thiên Vương và tất cả chúng sanh, nhất là các vị Chư thiên có oai lực hộ trì tạng Diệu pháp đặng thạnh hành.

BỘ THỨ SÁU

BỘ SONG ĐỐI
(YAMAKA)

QUYỂN HẠ

CẢO BẢN

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA
CUNG KÍNH ĐẾN ĐỨC THẾ TÔN, ỨNG CÚNG, CHÁNH BIẾN TRI

TÂM SONG

Phần Xiển Thuật *(Puggalavāruddeso)*

Xiển Thuật Phần Nhân

1.

* Tâm của người nào sanh ra chưa diệt, thì tâm của người ấy sẽ diệt sẽ không sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ diệt sẽ không sanh, thì tâm của người ấy sanh ra chưa diệt phải chăng?
* Tâm của người nào không sanh mà diệt, thì tâm của người ấy sẽ không diệt mà sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ không diệt mà sẽ sanh, thì tâm của người ấy không sanh mà diệt phải chăng?

2.

* Tâm của người nào đang sanh, thì tâm của người ấy đã sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào đã sanh, thì tâm của người ấy đang sanh phải chăng?
* Tâm của người nào không sanh, thì tâm của người ấy đã không sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào đã không sanh, thì tâm của người ấy chẳng phải đang sanh phải chăng?

3.

* Tâm của người nào đang diệt, thì tâm của người ấy đã sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào đã sanh, thì tâm của người ấy đang diệt phải chăng?
* Tâm của người nào chẳng phải đang diệt, thì tâm của người ấy đã không sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào đã không sanh, thì tâm của người ấy chẳng phải đang diệt phải chăng?

4.

* Tâm của người nào đang sanh, thì tâm của người ấy đã từng sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào đã từng sanh, thì tâm của người ấy đang sanh phải chăng?
* Tâm của người nào chẳng phải đang sanh, thì tâm của người ấy không từng sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào không từng sanh, thì tâm của người ấy chẳng phải đang sanh phải chăng?
* Tâm của người nào đang sanh, thì tâm của người ấy sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ sanh, thì tâm của người ấy đang sanh phải chăng?
* Tâm của người nào chẳng phải đang sanh, thì tâm của người ấy sẽ không sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ không sanh thì tâm của người ấy chẳng phải đang sanh phải chăng?
* Tâm của người nào đã từng sanh, thì tâm của người ấy sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ sanh, thì tâm của người ấy đã từng sanh phải chăng?
* Tâm của người nào không từng sanh, thì tâm của người ấy sẽ không sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ không sanh, thì tâm của người ấy không từng sanh phải chăng?

5.

* Tâm của người nào đang diệt, thì tâm của người ấy đã từng diệt phải chăng? Hay là tâm của người nào đã từng diệt, thì tâm của người ấy đang diệt phải chăng?
* Tâm của người nào chẳng phải đang diệt, thì tâm của người ấy không từng diệt phải chăng? Hay là tâm của người nào không từng diệt, thì tâm của người ấy chẳng phải đang diệt phải chăng?
* Tâm của người nào đang diệt, thì tâm của người ấy sẽ diệt phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ diệt, thì tâm của người ấy đang diệt phải chăng?
* Tâm của người nào chẳng phải đang diệt, thì tâm của người ấy sẽ không diệt phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ không diệt, thì tâm của người ấy chẳng phải đang diệt phải chăng?
* Tâm của người nào đã từng diệt, thì tâm của người ấy sẽ diệt phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ diệt, thì tâm của người ấy đã từng diệt phải chăng?
* Tâm của người nào không từng diệt, thì tâm của người ấy sẽ không diệt phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ không diệt, thì tâm của người ấy không từng diệt phải chăng?

6.

* Tâm của người nào đang sanh, thì tâm của người ấy từng diệt phải chăng? Hay là tâm của người nào từng diệt, thì tâm của người ấy đang sanh phải chăng?
* Tâm của người nào chẳng phải đang sanh, thì tâm của người ấy không từng diệt phải chăng? Hay là tâm của người nào không từng diệt, thì tâm của người ấy chẳng phải đang sanh phải chăng?
* Tâm của người nào đang sanh, thì tâm của người ấy sẽ diệt phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ diệt, thì tâm của người ấy đang sanh phải chăng?
* Tâm của người nào chẳng phải đang sanh, thì tâm của người ấy sẽ không diệt phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ không diệt, thì tâm của người ấy chẳng phải đang sanh phải chăng?
* Tâm của người nào từng sanh, thì tâm của người ấy sẽ diệt phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ diệt, thì tâm của người ấy từng sanh phải chăng?
* Tâm của người nào không từng sanh, thì tâm của người ấy sẽ không diệt phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ không diệt, thì tâm của người ấy chẳng phải từng sanh phải chăng?

7.

* Tâm của người nào đang sanh, thì tâm của người ấy chẳng phải đang diệt phải chăng? Hay là tâm của người nào chẳng phải đang diệt, thì tâm của người ấy đang sanh phải chăng?
* Tâm của người nào chẳng phải đang sanh, thì tâm của người ấy đang diệt phải chăng? Hay là tâm của người nào đang diệt, thì tâm của người ấy chẳng phải đang sanh phải chăng?

8.

* Tâm của người nào đang sanh, thì tâm của người ấy đã sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào đã sanh, thì tâm của người ấy đang sanh phải chăng?
* Tâm của người nào không sanh, thì tâm của người ấy chẳng phải đã sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào đã không sanh, thì tâm của người ấy chẳng phải đang sanh phải chăng?

9.

* Tâm của người nào đang diệt, thì tâm của người ấy đã sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào đã sanh, thì tâm của người ấy đang diệt phải chăng?
* Tâm của người nào vẫn không diệt, thì tâm của người ấy đã không sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào đã không sanh, thì tâm của người ấy vẫn không diệt phải chăng?

10.

* Tâm của người nào đã sanh, thì tâm của người ấy đã từng sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào đã từng sanh, thì tâm của người ấy đã sanh phải chăng?
* Tâm của người nào đã sanh, thì tâm của người ấy sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ sanh, thì tâm của người ấy đã sanh phải chăng?
* Tâm của người nào chẳng phải đã sanh, thì tâm của người ấy đã không từng sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào không từng sanh, thì tâm của người ấy chẳng phải đã sanh phải chăng?
* Tâm của người nào chẳng phải đã sanh, thì tâm của người ấy sẽ không sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ không sanh, thì tâm của người ấy đã không sanh phải chăng?

11.

* Tâm của người nào đã từng sanh, thì tâm của người ấy chẳng phải đang sanh và tâm của người ấy sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ sanh, thì tâm của người ấy chẳng phải đang sanh và tâm của người ấy đã từng sanh phải chăng?
* Tâm của người nào đã không từng sanh, thì tâm của người ấy chẳng phải đang sanh và tâm của người ấy chẳng phải sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ không sanh, thì tâm của người ấy chẳng phải đang sanh và tâm của người ấy cũng chẳng phải đã từng sanh phải chăng?

12.

* Tâm sanh tồn đang sanh phải chăng? Hay là tâm đang sanh sanh tồn phải chăng?
* Tâm phi sanh tồn phi đang sanh phải chăng? Hay là tâm phi đang sanh phi sanh tồn phải chăng?

13.

* Tâm đã diệt đang diệt phải chăng? Hay là tâm đang diệt đã diệt phải chăng?
* Tâm phi đã diệt phi đang diệt phải chăng? Hay là tâm phi đang diệt phi đã diệt phải chăng?

14.

* Tâm của người nào khi sanh lướt qua từ sát-na đã lướt qua thời giờ, thì tâm của người ấy khi diệt lướt qua mỗi sát-na, đã lướt qua thời giờ phải chăng? Hay là tâm của người nào khi diệt đang lướt qua từ sát-na đã lướt qua thời giờ, thì tâm của người ấy khi sanh cũng lướt qua từ sát-na đã lướt qua thời giờ phải chăng?
* Tâm của người nào chẳng phải khi sanh đang lướt qua từ sát-na đã lướt qua thời giờ, thì tâm của người ấy chẳng phải khi diệt lướt qua từ sát-na đã lướt qua thời giờ phải chăng? Hay là tâm của người nào chẳng phải khi diệt lướt qua từ sát-na đã lướt qua thời giờ, thì tâm của người ấy chẳng phải khi sanh lướt qua từ sát-na đã lướt qua thời giờ phải chăng?

Dứt phần nhân xiển thuật

Xiển Thuật Phần Pháp *(Dhammavāruddeso)*

15.

* Tâm nào sanh ra phi vẫn diệt, thì tâm đó sẽ diệt phi đang sanh phải chăng? Hay là tâm nào sẽ diệt phi sẽ sanh, thì tâm đó đang sanh phi diệt phải chăng?
* Tâm nào phi sanh ra vẫn diệt, thì tâm ấy phi sẽ diệt sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm nào phi sẽ diệt sẽ sanh, thì tâm ấy phi sanh ra, vẫn diệt phải chăng?

16.

* Tâm nào sanh ra, thì tâm ấy sanh tồn phải chăng? Hay là tâm nào sanh tồn, thì tâm ấy sanh ra phải chăng?
* Tâm nào phi sanh ra, thì tâm ấy phi sanh tồn phải chăng? Hay là tâm nào phi sanh tồn, thì tâm ấy phi sanh ra phải chăng?

17.

* Tâm nào vẫn diệt, thì tâm ấy sanh tồn phải chăng? Hay là tâm nào sanh tồn, thì tâm ấy vẫn diệt phải chăng?
* Tâm nào phi vẫn diệt, thì tâm ấy phi sanh tồn phải chăng? Hay là tâm nào phi sanh tồn, thì tâm ấy phi vẫn diệt phải chăng?

18.

* Tâm nào sanh ra, thì tâm ấy đã từng sanh phải chăng? Hay là tâm nào đã từng sanh, thì tâm ấy sanh ra phải chăng?
* Tâm nào chẳng phải vẫn sanh, thì tâm ấy chẳng phải từng sanh phải chăng? Hay là tâm nào chẳng phải từng sanh, thì tâm ấy chẳng phải sanh ra phải chăng?
* Tâm nào sanh ra, thì tâm ấy sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm nào sẽ sanh, thì tâm ấy sanh ra phải chăng?
* Tâm nào chẳng phải sanh ra, thì tâm ấy chẳng phải sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm nào chẳng phải sẽ sanh, thì tâm ấy chẳng phải sanh ra phải chăng?
* Tâm nào từng sanh, thì tâm ấy sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm nào sẽ sanh, thì tâm ấy từng sanh phải chăng?
* Tâm nào chẳng phải từng sanh, thì tâm ấy chẳng phải sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm nào chẳng phải sẽ sanh, thì tâm ấy chẳng phải từng sanh phải chăng?

19.

* Tâm nào vẫn diệt, thì tâm ấy từng diệt phải chăng? Hay là tâm nào từng diệt, thì tâm ấy vẫn diệt phải chăng?
* Tâm nào chẳng phải diệt, thì tâm ấy chẳng phải từng diệt phải chăng? Hay là tâm nào chẳng phải từng diệt, thì tâm ấy chẳng phải diệt phải chăng?
* Tâm nào vẫn diệt, thì tâm ấy sẽ diệt phải chăng? Hay là tâm nào sẽ diệt, thì tâm ấy vẫn diệt phải chăng?
* Tâm nào chẳng phải diệt, thì tâm ấy chẳng phải sẽ diệt phải chăng? Hay là tâm nào chẳng phải sẽ diệt, thì tâm ấy chẳng phải diệt phải chăng?
* Tâm nào từng diệt, thì tâm ấy sẽ diệt phải chăng? Hay là tâm nào sẽ diệt, thì tâm ấy từng diệt phải chăng?
* Tâm nào phi từng diệt, thì tâm ấy phi sẽ diệt phải chăng? Hay là tâm nào phi sẽ diệt, thì tâm ấy phi từng diệt phải chăng?

20.

* Tâm nào sanh ra, thì tâm ấy từng diệt phải chăng? Hay là tâm nào từng diệt, thì tâm ấy sanh ra phải chăng?

* Tâm nào phi sanh ra, thì tâm ấy phi từng diệt phải chăng? Hay là tâm nào phi từng diệt, thì tâm ấy phi sanh ra phải chăng?
* Tâm nào sanh ra, thì tâm ấy sẽ diệt phải chăng? Hay là tâm nào sẽ diệt, thì tâm ấy sanh ra phải chăng?
* Tâm nào phi sanh ra, thì tâm ấy phi sẽ diệt phải chăng? Hay là tâm nào phi sẽ diệt, thì tâm ấy phi sanh ra phải chăng?
* Tâm nào từng sanh, thì tâm ấy sẽ diệt phải chăng? Hay là tâm nào sẽ diệt, thì tâm ấy từng sanh phải chăng?
* Tâm nào phi từng sanh, thì tâm ấy phi sẽ diệt phải chăng? Hay là tâm nào phi sẽ diệt, thì tâm ấy phi từng sanh phải chăng?

21.

* Tâm nào sanh ra, thì tâm ấy phi diệt phải chăng? Hay là tâm nào phi diệt, thì tâm ấy sanh ra phải chăng?
* Tâm nào phi sanh ra, thì tâm ấy vẫn diệt phải chăng? Hay là tâm nào vẫn diệt, thì tâm ấy phi sanh ra phải chăng?

22.

* Tâm nào đang sanh, thì tâm ấy sanh tồn phải chăng? Hay là tâm nào sanh tồn, thì tâm ấy đang sanh phải chăng?
* Tâm nào phi đang sanh, thì tâm ấy phi sanh tồn phải chăng? Hay là tâm nào phi sanh tồn, thì tâm ấy phi đang sanh phải chăng?

23.

* Tâm nào đang diệt, thì tâm ấy sanh tồn phải chăng? Hay là tâm nào sanh tồn, thì tâm ấy đang diệt phải chăng?
* Tâm nào phi đang diệt, thì tâm ấy phi sanh tồn phải chăng? Hay là tâm nào phi sanh tồn, thì tâm ấy phi đang diệt phải chăng?

24.

* Tâm nào sanh tồn, thì tâm ấy từng sanh phải chăng? Hay là tâm nào từng sanh, thì tâm ấy sanh tồn phải chăng?
* Tâm nào sanh tồn, thì tâm ấy sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm nào sẽ sanh, thì tâm ấy sanh tồn phải chăng?
* Tâm nào phi sanh tồn, thì tâm ấy phi từng sanh phải chăng? Hay là tâm nào phi từng sanh, thì tâm ấy phi sanh tồn phải chăng?
* Tâm nào phi sanh tồn, thì tâm ấy phi sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm nào phi sẽ sanh, thì tâm ấy phi sanh tồn phải chăng?

25.

* Tâm nào từng sanh, thì tâm ấy phi sanh tồn và tâm ấy sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm nào sẽ sanh, thì tâm ấy phi sanh tồn và tâm ấy từng sanh phải chăng?
* Tâm nào phi từng sanh, thì tâm ấy chẳng phải phi sanh tồn và tâm ấy phi sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm nào phi sẽ sanh, thì tâm ấy chẳng phải phi sanh tồn và tâm ấy phi từng sanh phải chăng?

26.

* Tâm nào sanh tồn, thì tâm ấy đang sanh phải chăng? Hay là tâm nào đang sanh, thì tâm ấy sanh tồn phải chăng?
* Tâm nào phi sanh tồn, thì tâm ấy phi đang sanh phải chăng? Hay là tâm nào phi đang sanh, thì tâm ấy phi sanh tồn phải chăng?

27.

* Tâm nào diệt rồi, thì tâm ấy đang diệt phải chăng? Hay là tâm nào đang diệt, thì tâm ấy diệt rồi phải chăng?
* Tâm nào phi diệt rồi, thì tâm ấy phi đang diệt phải chăng? Hay là tâm nào phi đang diệt, thì tâm ấy phi diệt rồi phải chăng?

28.

* Tâm nào khi sanh tồn lướt qua mỗi sát-na, đã lướt qua thời giờ, thì tâm ấy khi diệt lướt qua mỗi sát-na đã qua thời giờ phải chăng? Hay là tâm nào khi diệt lướt qua mỗi sát-na, đã qua thời giờ, thì tâm ấy khi sanh lướt qua mỗi sát-na đã qua thời giờ phải chăng?
* Tâm nào phi đang sanh lướt qua mỗi sát-na, đã qua thời giờ, thì tâm ấy khi đang diệt lướt qua mỗi sát-na đã qua thời giờ phải chăng? Hay là tâm nào khi đang diệt lướt qua mỗi sát-na, đã qua thời giờ, thì tâm ấy phi đang sanh lướt qua mỗi sát-na đã qua thời giờ phải chăng?

Dứt phần pháp xiển thuật

Xiển Thuật Phần Người Và Pháp *(Puggaladhammavāruddeso)*

29.

* Người nào tâm đang sanh phi đang diệt, thì người ấy tâm sẽ diệt phi đang sanh phải chăng? Hay là người nào tâm sẽ diệt phi đang sanh, thì người ấy tâm đang sanh phi đang diệt phải chăng?
* Người nào tâm phi đang sanh mà đang diệt, thì người ấy tâm phi sẽ diệt mà sẽ sanh phải chăng? Hay là người nào tâm phi sẽ diệt mà sẽ sanh, thì người ấy tâm phi đang sanh mà đang diệt phải chăng?

30.

* Người nào tâm đang sanh, thì người ấy tâm sanh tồn phải chăng? Hay là người nào tâm sanh tồn, thì người ấy tâm đang sanh phải chăng?
* Người nào tâm phi đang sanh, thì người ấy tâm phi sanh tồn phải chăng? Hay là người nào tâm phi sanh tồn, thì người ấy tâm phi đang sanh phải chăng?

31.

* Người nào tâm vẫn diệt, thì người ấy tâm sanh tồn phải chăng? Hay là người nào tâm sanh tồn, thì người ấy tâm vẫn diệt phải chăng?
* Người nào tâm phi vẫn diệt, thì người ấy tâm phi sanh tồn phải chăng? Hay là người nào tâm phi sanh tồn, thì người ấy tâm phi vẫn diệt phải chăng?

32.

* Người nào tâm đang sanh, thì người ấy tâm từng sanh phải chăng? Hay là người nào tâm từng sanh, thì người ấy tâm đang sanh phải chăng?
* Người nào tâm phi đang sanh, thì người ấy tâm phi từng sanh phải chăng? Hay là người nào tâm phi từng sanh, thì người ấy tâm phi đang sanh phải chăng?
* Người nào tâm đang sanh, thì người ấy tâm sẽ sanh phải chăng? Hay là người nào tâm sẽ sanh, thì người ấy tâm đang sanh phải chăng?
* Người nào tâm phi đang sanh, thì người ấy tâm phi sẽ sanh phải chăng? Hay là người nào tâm phi sẽ sanh, thì người ấy tâm phi đang sanh phải chăng?
* Người nào tâm từng sanh, thì người ấy tâm sẽ sanh phải chăng? Hay là người nào tâm sẽ sanh, thì người ấy tâm từng sanh phải chăng?
* Người nào tâm phi từng sanh, thì người ấy tâm phi sẽ sanh phải chăng? Hay là người nào tâm phi sẽ sanh, thì người ấy tâm phi từng sanh phải chăng?

33.

* Người nào tâm đang diệt, thì người ấy tâm từng diệt phải chăng? Hay là người nào tâm từng diệt, thì người ấy tâm đang diệt phải chăng?
* Người nào tâm phi đang diệt, thì người ấy tâm phi từng diệt phải chăng? Hay là người nào tâm phi từng diệt, thì người ấy tâm phi đang diệt phải chăng?
* Người nào tâm đang diệt, thì người ấy tâm sẽ diệt phải chăng? Hay là người nào tâm sẽ diệt, thì người ấy tâm đang diệt phải chăng?
* Người nào tâm phi đang diệt, thì người ấy tâm phi sẽ diệt phải chăng? Hay là người nào tâm phi sẽ diệt, thì người ấy tâm phi đang diệt phải chăng?
* Người nào tâm từng diệt, thì người ấy tâm sẽ diệt phải chăng? Hay là người nào tâm sẽ diệt, thì người ấy tâm từng diệt phải chăng?
* Người nào tâm phi từng diệt, thì người ấy tâm phi sẽ diệt phải chăng? Hay là người nào tâm phi sẽ diệt, thì người ấy tâm phi từng diệt phải chăng?

34.

* Người nào tâm đang sanh, thì người ấy tâm từng diệt phải chăng? Hay là người nào tâm từng diệt, thì người ấy tâm đang sanh phải chăng?
* Người nào tâm phi đang sanh, thì người ấy tâm phi từng diệt phải chăng? Hay là người nào tâm phi từng diệt, thì người ấy tâm phi đang sanh phải chăng?
* Người nào tâm đang sanh, thì người ấy tâm sẽ diệt phải chăng? Hay là người nào tâm sẽ diệt, thì người ấy tâm đang sanh phải chăng?
* Người nào tâm phi đang sanh, thì người ấy tâm phi sẽ diệt phải chăng? Hay là người nào tâm phi sẽ diệt, thì người ấy tâm phi đang sanh phải chăng?
* Người nào tâm từng sanh, thì người ấy tâm sẽ diệt phải chăng? Hay là người nào tâm sẽ diệt, thì người ấy tâm từng sanh phải chăng?
* Người nào tâm phi từng sanh, thì người ấy tâm phi sẽ diệt phải chăng? Hay là người nào tâm phi sẽ diệt, thì người ấy tâm phi từng sanh phải chăng?

35.

* Tâm của người nào đang sanh, thì tâm của người ấy phi đang diệt phải chăng? Hay là tâm của người nào phi đang diệt, thì tâm của người ấy đang sanh phải chăng?
* Tâm của người nào phi đang sanh, thì tâm của người ấy đang diệt phải chăng? Hay là tâm của người nào đang diệt, thì tâm của người ấy phi đang sanh phải chăng?

36.

* Tâm của người nào đang sanh, thì tâm của người ấy đã sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào đã sanh, thì tâm của người ấy đang sanh phải chăng?
* Tâm của người nào phi đang sanh, thì tâm của người ấy phi đã sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào phi đã sanh, thì tâm của người ấy phi đang sanh phải chăng?

37.

* Tâm của người nào đang diệt, thì tâm của người ấy đã sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào đã sanh, thì tâm của người ấy đang diệt phải chăng?
* Tâm của người nào phi đang diệt, thì tâm của người ấy phi đã sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào phi đã sanh, thì tâm của người ấy phi đang diệt phải chăng?

38.

* Tâm của người nào đã sanh, thì tâm của người ấy từng sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào từng sanh, thì tâm của người ấy đã sanh phải chăng?
* Tâm của người nào đã sanh, thì tâm của người ấy sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ sanh, thì tâm của người ấy đã sanh phải chăng

* Tâm của người nào phi đã sanh, thì tâm của người ấy phi từng sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào phi từng sanh, thì tâm của người ấy phi đã sanh phải chăng?
* Tâm của người nào phi đã sanh, thì tâm của người ấy phi sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào phi sẽ sanh, thì tâm của người ấy phi đã sanh phải chăng?

39.

* Tâm của người nào từng sanh, thì tâm của người ấy chẳng phải đã sanh và sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào sẽ sanh, thì tâm của người ấy chẳng phải đã sanh va từng sanh phải chăng?
* Tâm của người nào phi từng sanh thì tâm của người ấy chẳng phải phi đã sanh và phi sẽ sanh phải chăng? Hay là tâm của người nào phi sẽ sanh, thì tâm của người ấy chẳng phải phi đã sanh và phi từng sanh phải chăng?

40.

* Tâm đã sanh đang sanh phải chăng? Hay là tâm đang sanh đã sanh phải chăng?
* Tâm phi đã sanh phi đang sanh phải chăng? Hay là tâm phi đang sanh phi đã sanh phải chăng?

41.

* Tâm đã diệt đang diệt phải chăng? Hay là tâm đang diệt đã diệt phải chăng?
* Tâm phi đã diệt phi đang diệt phải chăng? Hay là tâm phi đang diệt phi đã diệt phải chăng?

42.

* Tâm của người nào khi lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na đang sanh, thì tâm của người ấy khi lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na đang diệt phải chăng? Hay là tâm của người nào khi lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na đang diệt, thì tâm của người ấy lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na đang sanh phải chăng?
* Tâm của người nào khi lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na phi đang sanh, thì tâm của người ấy khi lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na phi đang diệt phải chăng? Hay là tâm của người nào khi lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na phi đang diệt, thì tâm của người ấy khi lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na phi đang sanh phải chăng?

Dứt xiển thuật phần pháp và nhân

Xiển Thuật Phần Hỗn Tạp *(Missakavāruddeso)*

43.

* Tâm của người nào hữu ái *(sarāga)* đang sanh? Tâm của người nào ly ái đang sanh?
* Tâm của người nào hữu sân *(sadosa)* đang sanh? Tâm của người nào ly sân đang sanh *(vītadosa)?*
* Tâm của người nào hữu si đang sanh? Tâm của người nào ly si đang sanh?
* Người nào tâm hữu hôn trầm sanh ra? Người nào tâm ly hôn trầm?
* Người nào tâm đáo đại *(mahaggata)* sanh ra? Người nào tâm phi đáo đại *(amahaggata)* sanh ra?
* Người nào tâm hữu hữu thượng *(sa uttara)* sanh ra? Người nào tâm vô thượng *(anuttara)* sanh ra?
* Người nào tâm hữu định sanh ra? Người nào tâm phi định sanh ra?
* Người nào tâm hữu giải thoát *(vimutta)* sanh ra? Người nào tâm phi giải thoát *(avimutta)* sanh ra?
* Người nào tâm thiện sanh ra? Người nào tâm bất thiện sanh ra?
* Người nào tâm vô ký sanh ra? Người nào tâm Lạc thọ sanh ra?

Nên sắp luôn cho đến hữu y *(saraṇa)* vô y *(araṇa)*

* Người nào tâm vô y *(araṇa)* đang sanh phi đang diệt, thì người ấy tâm vô y sẽ diệt phi sẽ sanh phải chăng?
* Hay là người nào tâm vô y sẽ diệt phi sẽ sanh, thì người ấy tâm vô y đang sanh phi đang diệt phải chăng?

Dứt phần hỗn tạp xiển thuật
Hết phần xiển thuật

Phần Xiển Minh

Xiển Minh Phần Nhân *(Puggalavāraniddeso)*

44.

* *Người nào tâm đang sanh phi đang diệt, thì người ấy tâm sẽ diệt phi sẽ sanh phải chăng?* Người sát-na sanh của tâm chót *(pacchima)*, tâm đang sanh phi đang diệt và tâm sẽ diệt phi sẽ sanh. Còn những người sát-na sanh của tâm ngoài ra đó, tâm đang sanh phi đang diệt mà chẳng phải tâm sẽ diệt phi sẽ sanh.

  Hay là người nào tâm sẽ diệt phi sẽ sanh, thì người ấy tâm đang sanh phi đang diệt phải chăng? Phải rồi.
* *Người nào tâm phi đang sanh đang diệt, thì người ấy tâm phi sẽ diệt sẽ sanh phải chăng?* Không phải *(no)*.

  Người nào tâm phi sẽ diệt sẽ sanh, thì người ấy tâm phi đang sanh đang diệt phải chăng? Không có *(natthi)*.

45.

* *Người nào tâm đang sanh, thì người ấy tâm đã sanh phải chăng?* Phải rồi *(Āmantā)*.

  Hay là người nào tâm đã sanh, thì người ấy tâm đang sanh phải chăng? Người sát-na diệt của tâm là người tâm đã sanh mà chẳng phải người tâm đang sanh. Còn người sát-na sanh của tâm là người tâm đã sanh và tâm cũng đang sanh.
* *Người nào tâm phi đang sanh, thì người ấy tâm phi đã sanh phải chăng?* Người sát-na diệt của tâm là người tâm phi đang sanh mà chẳng phải người tâm phi đã sanh. Còn bậc nhập thiền Diệt, người Vô tưởng là người tâm chẳng phải đang sanh và cũng chẳng phải đã sanh.

  Hay là người nào tâm phi đã sanh, thì người ấy tâm phi đang sanh phải chăng? Phải rồi.

46.

* *Người nào tâm đang diệt, thì người ấy tâm đã sanh phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là người nào tâm đã sanh, thì người ấy tâm đang diệt phải chăng? Sát-na sanh của tâm là người tâm đã sanh mà chẳng phải người tâm đang diệt. Còn người sát-na diệt của tâm là người tâm đã sanh và cũng đang diệt.
* *Người nào tâm phi đang diệt, thì người ấy tâm phi từng sanh phải chăng?* Sát-na sanh của tâm là người tâm phi đang diệt mà người ấy tâm chẳng phải phi từng sanh. Còn bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng là người mà tâm phi đang diệt và cũng phi từng sanh.

Hay là người nào tâm phi từng sanh, thì người ấy tâm phi đang diệt phải chăng? Phải rồi.

47.

∗ *Người nào tâm đang sanh, thì người ấy tâm đã từng sanh phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào tâm đã từng sanh, thì người ấy tâm đang sanh phải chăng? Sát-na diệt của tâm và bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng là người tâm đã từng sanh mà chẳng phải người tâm đang sanh. Còn người sát-na sanh của tâm là người tâm đã từng sanh và cũng đang sanh.

∗ *Người nào tâm phi đang sanh, thì người ấy tâm phi từng sanh phải chăng?* Đã từng sanh.

Hay là người nào tâm phi từng sanh, thì người ấy tâm phi đang sanh phải chăng? Không có.

∗ *Người nào tâm đang sanh, thì người ấy tâm sẽ sanh phải chăng?* Sát-na sanh của tâm chót là người tâm đang sanh mà người ấy tâm chẳng phải sẽ sanh. Còn sát-na sanh tâm của người ngoài ra đó là người tâm đang sanh và cũng sẽ sanh.

Hay là người nào tâm sẽ sanh, thì người ấy tâm đang sanh phải chăng? Sát-na diệt tâm của bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng là người tâm sẽ sanh mà chẳng phải người tâm đang sanh. Còn người sát-na sanh của tâm là người tâm sẽ sanh và cũng đang sanh.

∗ *Người nào tâm phi đang sanh thì người ấy tâm phi sẽ sanh phải chăng?* Sát-na diệt tâm của bậc nhập thiền diệt và người Vô tưởng, những người ấy tâm phi đang sanh mà chẳng phải tâm phi sẽ sanh. Còn sát-na diệt của tâm chót là người tâm phi đang sanh và cũng phi sẽ sanh.

Hay là người nào tâm phi sẽ sanh, thì người ấy tâm phi đang sanh phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót là người tâm phi sẽ sanh mà chẳng phải người tâm phi đang sanh. Còn người sát-na diệt của tâm chót là người tâm phi sẽ sanh và cũng phi đang sanh.

∗ *Người nào tâm đã từng sanh, thì người ấy tâm sẽ sanh phải chăng?* Sát-na diệt của tâm chót là người tâm đã từng sanh mà chẳng phải người tâm sẽ sanh. Còn ngoài ra đó là người tâm đã từng sanh và cũng sẽ sanh.

Hay là người nào tâm sẽ sanh, thì người ấy tâm đã từng sanh phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào tâm phi từng sanh, thì người ấy tâm phi sẽ sanh phải chăng?* Không có.

Hay là người nào tâm phi sẽ sanh, thì người ấy phi từng sanh phải chăng? Đã từng sanh.

48.

∗ *Người nào tâm đang diệt, thì người ấy tâm từng diệt phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào tâm từng diệt, thì người ấy tâm đang diệt phải chăng? Sát-na sanh tâm của bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng là người tâm đã từng diệt mà chẳng phải người tâm đang diệt. Còn sát-na diệt của tâm là người tâm từng diệt và cũng đang diệt.

∗ *Người nào tâm phi đang diệt, thì người ấy tâm phi từng diệt phải chăng?* Đã từng diệt.

Hay là người nào tâm phi từng diệt, thì người ấy tâm phi đang diệt phải chăng? Không có.

∗ *Người nào tâm đang diệt, thì người ấy tâm sẽ diệt phải chăng?* Sát-na diệt của tâm chót là người tâm đang diệt mà chẳng phải là người tâm sẽ diệt. Còn sát-na diệt của tâm mà ngoài ra đó là người tâm đang diệt và cũng sẽ diệt.

Hay là người nào tâm sẽ diệt, thì người ấy tâm đang diệt phải chăng? Sát-na sanh của tâm bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng là người tâm sẽ diệt mà chẳng phải người tâm đang diệt. Còn sát-na diệt của tâm là người tâm sẽ diệt và cũng đang diệt.

∗ *Người nào tâm phi đang diệt, thì người ấy tâm phi sẽ diệt phải chăng?* Sẽ diệt.

Hay là người nào tâm phi sẽ diệt, thì người ấy tâm đang diệt phải chăng? Đang diệt.

∗ *Người nào tâm đã từng diệt, thì người ấy tâm sẽ diệt phải chăng?* Sát-na diệt của tâm chót là người tâm đã từng diệt mà chẳng phải là người tâm sẽ diệt. Còn tất cả ngoài ra đó là người tâm từng diệt và cũng sẽ diệt.

Hay là người nào tâm sẽ diệt, thì người ấy tâm đã từng diệt phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào tâm phi từng diệt, thì người ấy tâm phi sẽ diệt phải chăng?* Không có.

Hay là người nào tâm phi sẽ diệt, thì người ấy tâm phi từng diệt phải chăng? Từng diệt.

49.

∗ *Người nào tâm đang sanh, thì người ấy tâm từng diệt phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào tâm từng diệt, thì người ấy tâm đang sanh phải chăng? Sát-na diệt của tâm của nhập thiền Diệt và bậc Vô tưởng, người ấy tâm đã từng diệt mà chẳng phải đang sanh. Còn sát-na sanh của tâm là người tâm từng diệt và cũng đang sanh.

∗ *Người nào tâm phi đang sanh, thì người ấy tâm phi từng diệt phải chăng?* Đã từng diệt.

Hay là người nào tâm phi từng diệt, thì người ấy tâm phi đang sanh phải chăng? Không có.

∗ *Người nào tâm đang sanh, thì người ấy tâm sẽ diệt phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào tâm sẽ diệt, thì người ấy tâm đang sanh phải chăng? Sát-na diệt của tâm nhập thiền Diệt và bậc Vô tưởng, người ấy tâm sẽ diệt mà chẳng phải đang sanh. Còn sát-na sanh của tâm là người tâm sẽ diệt và cũng đang sanh.

∗ *Người nào tâm phi đang sanh, thì người ấy tâm phi sẽ diệt phải chăng?* Sát-na diệt của tâm của nhập thiền Diệt và bậc Vô tưởng, người ấy tâm phi đang sanh mà chẳng phải phi sẽ diệt. Còn sát-na diệt của tâm chót là người tâm phi đang sanh và cũng phi sẽ diệt.

Hay là người nào tâm phi sẽ diệt, thì người ấy tâm phi đang sanh phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào tâm đã từng sanh, thì người ấy tâm sẽ diệt phải chăng?* Sát-na diệt của tâm chót là người tâm đã từng sanh mà người ấy tâm chẳng phải sẽ diệt. Còn người ngoài ra đó, tâm đã từng sanh và cũng sẽ diệt.

Hay là người nào tâm sẽ diệt, thì người ấy tâm đã từng sanh phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào tâm phi từng sanh, thì người ấy tâm phi sẽ diệt phải chăng?* Không có.

Hay là người nào tâm phi sẽ diệt, thì người ấy tâm phi từng sanh phải chăng? Từng sanh

50.

∗ *Người nào tâm đang sanh, thì người ấy tâm phi đang diệt phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào tâm phi đang diệt, thì người ấy tâm đang sanh phải chăng? Bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng là người tâm phi đang diệt mà người ấy tâm cũng chẳng phải đang sanh. Còn sát-na sanh của tâm là người tâm phi đang diệt và cũng đang sanh.

∗ *Người nào tâm phi đang sanh, thì người ấy tâm đang diệt phải chăng?* Bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng là người tâm phi đang sanh mà chẳng phải người tâm đang diệt. Còn sát-na diệt của tâm là người tâm phi đang sanh và cũng đang diệt.

Hay là người nào tâm đang diệt, thì người ấy tâm phi đang sanh phải chăng? Phải rồi.

51.

∗ *Người nào tâm đang sanh, thì người ấy tâm từng sanh phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào tâm từng sanh, thì người ấy tâm đang sanh phải chăng? Sát-na diệt của tâm là người tâm từng sanh mà người ấy tâm chẳng phải đang sanh. Còn sát-na sanh của tâm là người tâm đã sanh và cũng đang sanh.

∗ *Người nào tâm phi đang sanh, thì người ấy tâm phi từng sanh phải chăng?* Sát-na diệt của tâm là người tâm phi đang sanh mà người ấy tâm chẳng phải phi từng sanh. Còn bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng là người tâm phi đang sanh và cũng phi từng sanh.

Hay là người nào tâm phi từng sanh, thì người ấy tâm phi đang sanh phải chăng? Phải rồi.

52.

∗ *Người nào tâm đang diệt, thì người ấy tâm từng sanh phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào tâm từng sanh, thì người ấy tâm đang diệt phải chăng? Sát-na sanh của tâm là người tâm từng sanh mà người ấy tâm chẳng phải đang diệt. Còn sát-na diệt của tâm là người tâm từng sanh và cũng đang diệt.

∗ *Người nào tâm phi đang diệt, thì người ấy tâm phi từng sanh phải chăng?* Sát-na sanh của tâm là người tâm phi đang diệt mà người ấy tâm chẳng phải phi từng sanh. Còn bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng là người tâm chẳng phải đang diệt và cũng chẳng phải từng sanh.

Hay là người nào tâm phi từng sanh, thì người ấy tâm phi đang diệt phải chăng? Phải rồi.

53.

∗ *Người nào tâm đã sanh, thì người ấy tâm từng sanh phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào tâm từng sanh, thì người ấy tâm đã sanh phải chăng? Bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng là người tâm đã từng sanh mà người ấy tâm chẳng phải đã sanh. Còn tâm tề toàn *(cittasamaṅgīnaṃ)* là người tâm từng sanh và cũng đã sanh.

∗ *Người nào tâm đã sanh, thì người ấy tâm sẽ sanh phải chăng?* Bậc tề toàn tâm chót *(pacchimacittasamaṇgīnaṃ)* mà người tâm đã sanh mà người ấy tâm chẳng phải sẽ sanh. Còn tâm tề toàn ngoài ra đó, là người tâm đã sanh và cũng sẽ sanh.

Hay là người nào tâm sẽ sanh, thì người ấy tâm đã sanh phải chăng? Bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng là người tâm sẽ sanh mà người ấy tâm chẳng phải đã sanh. Còn người mà tâm tề toàn *(samaṅgī)* là người tâm sẽ sanh và cũng đã sanh.

∗ *Người nào tâm phi đã sanh, thì người ấy tâm phi từng sanh phải chăng?* Đã từng sanh.

Hay là người nào tâm phi từng sanh, thì người ấy tâm phi đã sanh phải chăng? Không có.

∗ *Người nào tâm phi đã sanh, thì người ấy tâm phi sẽ sanh phải chăng?* Sẽ sanh.

Hay là người nào tâm phi sẽ sanh, thì người ấy tâm phi đã sanh phải chăng? Đã sanh.

54.

∗ *Người nào tâm từng sanh, người ấy tâm chẳng phải đã sanh, thì người ấy tâm sẽ sanh phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào tâm sẽ sanh mà chẳng phải người tâm đã sanh, thì người ấy tâm từng sanh phải chăng? Phải rồi.

∗ *Người nào tâm phi từng sanh, chẳng phải người tâm phi đã sanh, thì người ấy tâm phi sẽ sanh phải chăng?* Không có.

Hay là người nào tâm phi sẽ sanh mà chẳng phải người tâm phi đã sanh, thì người ấy tâm phi từng sanh phải chăng? Từng sanh.

55.

∗ *Tâm đã sanh là tâm đang sanh phải chăng?* Sát-na diệt là tâm đã sanh mà chẳng phải đang sanh. Còn sát-na sanh là tâm đã sanh và cũng đang sanh.

Hay là tâm đang sanh là tâm đã sanh phải chăng? Phải rồi.

∗ *Tâm phi đã sanh là tâm phi đang sanh phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tâm phi đang sanh là tâm phi đã sanh phải chăng? Sát-na diệt là tâm phi đang sanh mà chẳng phải phi đã sanh. Còn tâm quá khứ vị lai, phi đang sanh và cũng phi đã sanh.

56.

∗ *Tâm đã diệt là tâm đang diệt phải chăng?* Không phải.

Hay là tâm đang diệt là tâm đã diệt phải chăng? Không phải.

∗ *Tâm phi đã diệt là tâm phi đang diệt phải chăng?* Sát-na diệt, phi đã diệt mà chẳng phải phi đang diệt. Còn sát-na sanh của tâm vị lai là phi đã diệt và cũng phi đang diệt.

Hay là tâm phi đang diệt là phi đã diệt phải chăng? Tâm quá khứ là phi đang diệt mà chẳng phải phi đã diệt. Còn sát-na sanh của tâm vị lai là phi đang diệt và cũng phi đã diệt.

57.

∗ *Người nào tâm lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na sanh, thì người ấy tâm lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na diệt phải chăng?* Người trong khi tâm sát-na diệt, chỉ lướt qua sát-na sanh chưa lướt qua sát-na diệt. Còn người đã qua tâm rồi, mới là lướt qua sát-na sanh và cũng lướt qua sát-na diệt.

Hay là người nào tâm lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na diệt, thì người ấy tâm lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na sanh phải chăng? Người đã qua tâm rồi *(atītaṃ cittaṃ).*

* *Người nào tâm phi lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na sanh, thì người ấy tâm phi lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na diệt phải chăng?* Sát-na sanh của tâm vị lai.

Hay là người nào tâm phi lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na diệt, thì người ấy tâm phi lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na sanh phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm chưa lướt qua sát-na diệt chẳng phải chưa lướt qua sát-na sanh. Còn người trong sát-na sanh của tâm vị lai mới là chưa lướt qua sát-na diệt và cũng chưa lướt qua sát-na sanh.

Dứt xiển minh phần người

Xiển Minh Phần Pháp *(Dhammavāraniddeso)*

58.

* *Tâm nào sanh ra phi vẫn diệt, thì tâm ấy sẽ diệt phi đang sanh phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tâm nào sẽ diệt phi đang sanh, thì tâm ấy đang sanh phi diệt phải chăng? Phải rồi.

* *Tâm nào phi sanh ra vẫn diệt, thì tâm ấy phi sẽ diệt sẽ sanh phải chăng?* Không phải.

Hay là tâm nào phi sẽ diệt sẽ sanh thì tâm ấy phi sanh ra vẫn diệt phải chăng? Không có *(natthi).*

59.

* *Tâm nào sanh ra thì tâm ấy sanh tồn phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tâm nào sanh tồn thì tâm ấy sanh ra phải chăng? Vào sát na diệt của tâm sanh tồn, mà tâm ấy chẳng phải sanh ra. Còn vào sát na sanh la tâm sanh tồn, cũng là sanh ra.

* *Tâm nào phi sanh ra là tâm ấy phi sanh tồn phải chăng?* Vào sát na diệt là tâm phi sanh ra mà tâm ấy chẳng phải phi sanh tồn. Còn tâm quá khứ vị lai phi sanh ra và cũng phi sanh tồn.

Hay là tâm nào phi sanh tồn, thì tâm ấy phi sanh ra phải chăng? Phải rồi.

60.

* *Tâm nào đang diệt thì tâm ấy đã sanh phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tâm nào đã sanh thì tâm ấy đang diệt phải chăng? Vào sát-na sanh là tâm đã sanh, mà tâm ấy chẳng phải đang diệt. Còn vào sát-na diệt thì tâm đã sanh và cũng đang diệt.

* *Tâm nào phi đang diệt thì tâm ấy phi sanh tồn phải chăng?* Vào sát na sanh của tâm, thì tâm ấy phi đang diệt, mà tâm ấy chẳng phải phi sanh tồn. Còn tâm quá khứ vị lai thì phi vẫn diệt và cũng phi sanh tồn.

Hay là tâm nào phi đã sanh, thì tâm ấy phi đang diệt phải chăng? Phải rồi.

61.

* *Tâm nào đang sanh, thì tâm ấy từng sanh phải chăng?* Không phải *(no).*

Hay là tâm nào từng sanh, thì tâm ấy đang sanh phải chăng? Không phải *(no).*

∗ *Tâm nào phi đang sanh, thì tâm ấy phi từng sanh phải chăng?* Tâm quá khứ phi đang sanh mà tâm ấy chẳng phải phi từng sanh. Còn trong sát-na diệt của tâm vị lai là phi đang sanh và cũng phi từng sanh.

Hay là tâm nào phi từng sanh, thì tâm ấy phi đang sanh phải chăng? Trong sát-na sanh của tâm là phi từng sanh mà tâm ấy chẳng phải phi đang sanh. Còn trong sát-na diệt của tâm vị lai mới phi từng sanh và cũng phi đang sanh.

∗ *Tâm nào đang sanh, thì tâm ấy sẽ sanh phải chăng?* Không phải.

Hay là tâm nào sẽ sanh, thì tâm ấy đang sanh phải chăng? Không phải.

∗ *Tâm nào phi đang sanh, thì tâm ấy phi sẽ sanh phải chăng?* Tâm vị lai phi đang sanh mà tâm ấy chẳng phải phi sẽ sanh. Còn sát-na diệt của tâm quá khứ mới phi đang sanh và cũng phi sẽ sanh.

Hay là tâm nào phi sẽ sanh, thì tâm ấy phi đang sanh phải chăng? Trong sát-na sanh của tâm (là tâm) phi sẽ sanh mà tâm ấy chẳng phải phi đang sanh. Còn trong sát-na diệt của tâm quá khứ (là tâm) phi sẽ sanh và cũng phi đang sanh.

∗ *Tâm nào đang sanh, thì tâm ấy sẽ sanh phải chăng?* Không phải.

Hay là tâm nào sẽ sanh, thì tâm ấy từng sanh phải chăng? Không phải.

∗ *Tâm nào phi từng sanh, thì tâm ấy phi sẽ sanh phải chăng?* Tâm vị lai phi từng sanh mà tâm ấy chẳng phải phi sẽ sanh. Còn tâm hiện tại phi từng sanh và cũng phi sẽ sanh.

Hay là tâm nào phi sẽ sanh, thì tâm ấy phi từng sanh phải chăng? Tâm quá khứ phi sẽ sanh mà tâm ấy chẳng phải phi từng sanh. Còn tâm hiện tại phi sẽ sanh và cũng phi từng sanh.

62.

∗ *Tâm nào đang diệt, thì tâm ấy từng diệt phải chăng?* Không phải *(no).*

Hay là tâm nào từng diệt, thì tâm ấy đang diệt phải chăng? Không phải.

∗ *Tâm nào phi đang diệt, thì tâm ấy phi từng diệt phải chăng?* Tâm quá khứ phi đang diệt mà tâm ấy chẳng phải phi từng diệt. Còn sát-na sanh của tâm vị lai đang diệt và cũng phi từng diệt.

Hay là tâm nào phi từng diệt, thì tâm ấy phi đang diệt phải chăng? Sát-na diệt của tâm (là tâm) phi từng diệt mà tâm ấy chẳng phải phi đang diệt. Còn sát-na sanh của tâm vị lai mới phi từng diệt và cũng phi đang diệt.

∗ *Tâm nào đang diệt, thì tâm ấy sẽ diệt phải chăng?* Không phải.

Hay là tâm nào sẽ diệt, thì tâm ấy đang diệt phải chăng? Không phải.

∗ *Tâm nào phi đang diệt, thì tâm ấy phi sẽ diệt phải chăng?* Sát-na sanh của tâm vị lai phi đang diệt mà tâm ấy chẳng phải phi sẽ diệt. Còn tâm quá khứ mới phi đang diệt và cũng phi sẽ diệt.

Hay là tâm nào phi sẽ diệt, thì tâm ấy phi đang diệt phải chăng? Sát-na diệt của tâm phi sẽ diệt mà tâm ấy chẳng phải phi đang diệt. Còn tâm quá khứ mới phi sẽ diệt và cũng phi đang diệt.

∗ *Tâm nào từng diệt, thì tâm ấy sẽ diệt phải chăng?* Không phải.

Hay là tâm nào sẽ diệt, thì tâm ấy từng diệt phải chăng? Không phải.

* *Tâm nào phi từng diệt, thì tâm ấy phi sẽ diệt phải chăng?* Sát-na sanh của tâm vị lai (là tâm) phi từng diệt mà tâm ấy chẳng phải phi sẽ diệt. Còn sát-na diệt của tâm mới là phi từng diệt và cũng phi sẽ diệt.

  Hay là tâm nào phi sẽ diệt, thì tâm ấy phi từng diệt phải chăng? Tâm quá khứ phi sẽ diệt mà tâm ấy chẳng phải phi từng diệt. Còn sát-na diệt của tâm mới là phi sẽ diệt và cũng phi từng diệt.

63.

* *Tâm nào đang sanh, thì tâm ấy từng diệt phải chăng?* Không phải.

  Hay là tâm nào từng diệt, thì tâm ấy đang sanh phải chăng? Không phải.

* *Tâm nào phi đang sanh, thì tâm ấy phi từng diệt phải chăng?* Tâm quá khứ phi đang sanh mà tâm ấy chẳng phải phi từng diệt. Còn sát-na diệt tâm vị lai mới là phi đang sanh và cũng phi từng diệt.

  Hay là tâm nào phi từng diệt, thì tâm ấy phi đang sanh phải chăng? Sát-na sanh là tâm phi từng diệt mà tâm ấy chẳng phải phi đang sanh. Còn sát-na diệt của tâm vị lai mới là tâm phi từng diệt và cũng phi đang sanh.

* *Tâm nào đang sanh, thì tâm ấy sẽ diệt phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là tâm nào sẽ diệt, thì tâm ấy đang sanh phải chăng? Tâm vị lai sẽ diệt mà tâm ấy chẳng phải đang sanh. Còn sát-na sanh, thì tâm sẽ diệt và cũng đang sanh.

* *Tâm nào phi đang sanh, thì tâm ấy phi sẽ diệt phải chăng?* Tâm vị lai phi đang sanh mà tâm ấy chẳng phải phi sẽ diệt. Còn sát-na diệt của tâm quá khứ, thì tâm phi đang sanh và cũng phi sẽ diệt.

  Hay là tâm nào phi sẽ diệt, thì tâm ấy phi đang sanh phải chăng? Phải rồi.

* *Tâm nào từng sanh, thì tâm ấy sẽ diệt phải chăng?* Không phải.

  Hay là tâm nào sẽ diệt, thì tâm ấy từng sanh phải chăng? Không phải.

* *Tâm nào phi từng sanh, thì tâm ấy phi sẽ diệt phải chăng?* Sát-na sanh của tâm vị lai là tâm phi từng sanh mà tâm ấy chẳng phải phi sẽ diệt. Còn sát-na diệt thì tâm phi từng sanh và cũng phi sẽ diệt.

  Hay là tâm nào phi sẽ diệt, thì tâm ấy phi từng sanh phải chăng? Tâm vị lai (là tâm) phi sẽ diệt mà tâm ấy chẳng phải phi từng sanh. Còn sát-na diệt, thì tâm phi sẽ diệt và cũng phi từng sanh.

64.

* *Tâm nào đang sanh, thì tâm ấy phi đang diệt phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là tâm nào phi đang diệt, thì tâm ấy đang sanh phải chăng? Tâm quá khứ vị lai, phi đang diệt mà tâm ấy chẳng phải đang sanh. Còn sát-na sanh của tâm là phi đang diệt và cũng đang sanh.

* *Tâm nào phi đang sanh, thì tâm ấy đang diệt phải chăng?* Tâm quá khứ vị lai, phi đang sanh mà tâm ấy chẳng phải đang diệt. Còn sát-na diệt của tâm mới là phi đang sanh và cũng đang diệt.

  Hay là tâm nào đang diệt, thì tâm ấy phi đang sanh phải chăng? Phải rồi.

65.

∗ *Tâm nào đang sanh, thì tâm ấy đã sanh phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tâm nào đã sanh, thì tâm ấy đang sanh phải chăng? Sát-na diệt là tâm đã sanh mà tâm ấy chẳng phải đang sanh. Còn sát-na sanh của tâm mới là đã sanh và cũng đang sanh.

∗ *Tâm nào phi đang sanh, thì tâm ấy phi đã sanh phải chăng?* Sát-na diệt là tâm phi đang sanh mà tâm ấy chẳng phải phi đã sanh. Còn tâm quá khứ vị lai đều là phi đang sanh và cũng phi đã sanh.

Hay là tâm nào phi đã sanh, thì tâm ấy phi đang sanh phải chăng? Phải rồi.

66.

∗ *Tâm nào đang diệt, thì tâm ấy đã sanh phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tâm nào đã sanh, thì tâm ấy đang diệt phải chăng? Sát-na sanh là tâm đã sanh mà tâm ấy chẳng phải đang diệt. Còn sát-na diệt của tâm mới là đã sanh và cũng đang diệt.

∗ *Tâm nào phi đang diệt, thì tâm ấy phi đã sanh phải chăng?* Sát-na sanh là tâm phi đang diệt mà tâm ấy chẳng phải phi đã sanh. Còn tâm quá khứ vị lai mới là phi đang diệt và cũng phi đã sanh.

Hay là tâm nào phi đã sanh, thì tâm ấy phi đang diệt phải chăng? Phải rồi.

67.

∗ *Tâm nào đã sanh, thì tâm ấy từng sanh phải chăng?* Không phải.

Hay là tâm nào từng sanh, thì tâm ấy đã sanh phải chăng? Không phải.

∗ *Tâm nào đã sanh, thì tâm ấy sẽ sanh phải chăng?* Không phải.

Hay là tâm nào sẽ sanh, thì tâm ấy đã sanh phải chăng? Không phải.

∗ *Tâm nào phi đã sanh, thì tâm ấy từng sanh phải chăng?* Tâm quá khứ phi đã sanh mà tâm ấy chẳng phải phi từng sanh. Còn tâm vị lai mới phi đã sanh và cũng phi từng sanh.

Hay là tâm nào phi từng sanh, thì tâm ấy phi đã sanh phải chăng? Tâm hiện tại phi từng sanh mà tâm ấy chẳng phải phi đã sanh. Còn tâm vị lai, phi từng sanh và cũng phi đã sanh.

∗ *Tâm nào phi đã sanh, thì tâm ấy phi sẽ sanh phải chăng?* Tâm vị lai phi đã sanh mà tâm ấy chẳng phải phi sẽ sanh. Còn tâm quá khứ mới phi đã sanh và cũng phi sẽ sanh.

Hay là tâm nào phi sẽ sanh, thì tâm ấy phi đã sanh phải chăng? Tâm hiện tại phi sẽ sanh mà tâm ấy chẳng phải phi đã sanh. Còn tâm quá khứ phi sẽ sanh và cũng phi đã sanh.

68.

∗ *Tâm nào từng sanh phi đã sanh, thì tâm ấy sẽ sanh phải chăng?* Không phải.

Hay là tâm nào sẽ sanh phi đã sanh, thì tâm ấy từng sanh phải chăng? Không phải.

∗ *Tâm nào phi từng sanh và chẳng phải phi đã sanh, thì tâm ấy phi sẽ phải chăng?* Phải rồi.

Hay là tâm nào phi sẽ sanh và chẳng phải phi đã sanh, thì tâm ấy phi từng sanh phải chăng? Phải rồi.

69.

* *Tâm đã sanh, thì tâm đang sanh phải chăng?* Trong sát-na diệt, tâm đã sanh mà phi đang sanh. Còn trong sát-na sanh, thì tâm đã sanh và cũng đang sanh.

  Hay là tâm đang sanh, thì tâm đã sanh phải chăng? Phải rồi.

* *Tâm phi đã sanh, thì tâm phi đang sanh phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là tâm phi đang sanh, thì tâm phi đã sanh phải chăng? Trong sát-na diệt là tâm phi đang sanh mà chẳng phải phi đã sanh. Còn tâm quá khứ vị lai mới là phi đang sanh và phi đã sanh.

70.

* *Tâm đã diệt là tâm đang diệt phải chăng?* Không phải.

  Hay là tâm đang diệt là tâm đã diệt phải chăng? Không phải.

* *Tâm phi đã diệt là tâm phi đang diệt phải chăng?* Trong sát-na diệt là tâm phi đã diệt mà chẳng phải phi đang diệt. Còn trong sát-na sanh của tâm vị lai mới là phi đã diệt và cũng phi đang diệt.

* Tâm phi đang diệt là tâm phi đã diệt phải chăng? Tâm quá khứ là phi đang diệt mà chẳng phải phi đã diệt. Còn sát-na sanh của tâm vị lai mới phi đang diệt và cũng phi đã diệt.

71.

* *Tâm nào đang sanh lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na, thì tâm ấy khi đang diệt lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na phải chăng?* Sát-na diệt của tâm lướt qua sát-na sanh mà chẳng phải lướt qua sát-na diệt. Còn tâm đã qua rồi *(atīta)* mới là lướt qua sát-na sanh và cũng lướt qua sát-na diệt.

  Hay là tâm nào đang diệt lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na, thì tâm ấy đang sanh lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na phải chăng? Tâm quá khứ.

* *Tâm nào phi đang sanh lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na, thì tâm ấy phi đang diệt lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na phải chăng?* Sát-na sanh của tâm vị lai.

  Hay là tâm nào phi đang diệt lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na, thì tâm ấy phi đang sanh lướt qua vượt khỏi thời giờ mỗi sát-na phải chăng? Sát-na diệt của tâm chưa lướt qua sát-na diệt mà chẳng phải chưa lướt qua sát-na sanh. Còn sát-na sanh của tâm vị lai mới phi lướt qua sát-na diệt và cũng phi lướt qua sát-na sanh.

Dứt xiển minh về pháp (dhammaniddesa)

Xiển Minh Phần Người Và Pháp *(Puggaladhammavāraniddeso)*

72.

* *Người nào tâm nào đang sanh phi đang diệt, thì người ấy tâm ấy sẽ diệt phi sẽ sanh phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là người nào tâm nào sẽ diệt phi sẽ sanh, thì người ấy tâm ấy đang sanh phi đang diệt phải chăng? Phải rồi.

* *Người nào tâm nào phi đang sanh đang diệt, thì người ấy tâm ấy phi sẽ diệt sẽ sanh phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào tâm nào phi sẽ diệt sẽ sanh, thì người ấy tâm ấy phi đang sanh đang diệt phải chăng? Không có.

73.

∗ *Người nào tâm nào đang sanh, thì người ấy tâm ấy đã sanh phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào tâm nào đã sanh, thì người ấy tâm ấy đang sanh phải chăng? Sát-na diệt của tâm đã sanh mà người ấy tâm ấy chẳng phải đang sanh. Còn sát-na sanh của tâm (là người mà tâm) đã sanh và cũng đang sanh.

∗ *Người nào tâm nào phi đang sanh, thì người ấy tâm ấy phi đã sanh phải chăng?* Sát-na diệt của tâm là phi đang sanh còn người ấy tâm ấy chẳng phải phi đã sanh. Còn tâm quá khứ vị lai mới phi đang sanh và cũng phi đã sanh.

Hay là người nào tâm nào phi đã sanh, thì người ấy tâm ấy phi đang sanh phải chăng? Phải rồi.

74.

∗ *Người nào tâm nào đang diệt, thì người ấy tâm ấy đã sanh phải chăng?* Phải rồi.

Hay là người nào tâm nào đã sanh, thì người ấy tâm ấy đang diệt phải chăng? Sát-na sanh là tâm đã sanh mà người ấy tâm ấy chẳng phải đang diệt. Còn sát-na diệt của tâm mới là đã sanh và cũng đang diệt.

∗ *Người nào tâm nào phi đang diệt, thì người ấy tâm ấy phi đã sanh phải chăng?* Sát-na sanh là tâm phi đang diệt mà người ấy tâm ấy chẳng phải đã sanh? Còn tâm quá khứ vị lai mới là phi đang diệt và cũng phi đã sanh.

Hay là người nào tâm nào phi đã sanh, thì người ấy tâm ấy phi đang diệt phải chăng? Phải rồi.

75.

∗ *Người nào tâm nào đang sanh, thì người ấy tâm ấy từng sanh phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào tâm nào từng sanh, thì người ấy tâm ấy đang sanh phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào tâm nào phi đang sanh, thì người ấy tâm ấy phi từng sanh phải chăng?* Tâm quá khứ phi đang sanh mà người ấy tâm ấy chẳng phải phi từng sanh. Còn sát-na diệt của tâm vị lai mới là phi đang sanh và cũng phi từng sanh.

Hay là người nào tâm nào phi từng sanh, thì người ấy tâm ấy phi đang sanh phải chăng? Sát-na sanh là tâm phi từng sanh mà người ấy tâm ấy chẳng phải phi đang sanh. Còn sát-na diệt của tâm vị lai mới là phi từng sanh và cũng phi đang sanh.

∗ *Người nào tâm nào đang sanh, thì người ấy tâm ấy sẽ sanh phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào tâm nào sẽ sanh, thì người ấy tâm ấy đang sanh phải chăng? Không phải.

∗ *Người nào tâm nào phi đang sanh, thì người ấy tâm ấy phi sẽ sanh phải chăng?* Tâm vị lai là phi đang sanh mà người ấy tâm ấy chẳng phải phi sẽ sanh. Còn sát-na diệt của tâm quá khứ mới là phi đang sanh và cũng phi sẽ sanh.

Hay là người nào tâm nào phi sẽ sanh, thì người ấy tâm ấy phi đang sanh phải chăng? Sát-na sanh của tâm là phi sẽ sanh mà người ấy tâm ấy chẳng phải phi đang sanh. Còn sát-na diệt của tâm quá khứ mới là phi sẽ sanh và cũng phi đang sanh.

* *Người nào tâm nào từng sanh, thì người ấy tâm ấy sẽ sanh phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào tâm nào sẽ sanh, thì người ấy tâm ấy từng sanh phải chăng? Không phải.

* *Người nào tâm nào phi từng sanh, thì người ấy tâm ấy phi sẽ sanh phải chăng?* Tâm vị lai phi từng sanh mà người ấy tâm ấy chẳng phải phi sẽ sanh. Còn tâm hiện tại mới là phi từng sanh và cũng phi sẽ sanh.

Hay là người nào tâm nào phi sẽ sanh, thì người ấy tâm ấy phi từng sanh phải chăng? Tâm quá khứ phi sẽ sanh mà người ấy tâm ấy chẳng phải phi từng sanh. Còn tâm hiện tại mới là phi sẽ sanh và cũng phi từng sanh.

76.

* *Người nào tâm nào đang diệt, thì người ấy tâm ấy từng diệt phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào tâm nào từng diệt, thì người ấy tâm ấy đang diệt phải chăng? Không phải.

* *Người nào tâm nào phi đang diệt, thì người ấy tâm ấy phi từng diệt phải chăng?* Tâm quá khứ đang diệt mà người ấy tâm ấy chẳng phải phi từng diệt. Còn sát-na sanh của tâm vị lai mới là phi đang diệt và cũng phi từng diệt.

Hay là người nào tâm nào phi từng diệt, thì người ấy tâm ấy phi đang diệt phải chăng? Sát-na diệt của tâm là phi từng diệt mà người ấy tâm ấy chẳng phải phi đang diệt. Còn sát-na sanh của tâm vị lai mới là phi từng diệt và cũng phi đang diệt.

* *Người nào tâm nào đang diệt, thì người ấy tâm ấy sẽ diệt phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào tâm nào sẽ diệt, thì người ấy tâm ấy đang diệt phải chăng? Không phải.

* *Người nào tâm nào phi đang diệt, thì người ấy tâm ấy phi sẽ diệt phải chăng?* Sát-na sanh của tâm vị lai là phi đang diệt mà người ấy tâm ấy chẳng phải phi sẽ diệt. Còn tâm quá khứ mới là phi đang diệt và cũng phi sẽ diệt.

Hay là người nào tâm nào phi sẽ diệt, thì người ấy tâm ấy phi đang diệt phải chăng? Sát-na diệt của tâm là phi sẽ diệt mà người ấy tâm ấy chẳng phải phi đang diệt. Còn tâm quá khứ mới là phi sẽ diệt và cũng phi đang diệt.

* *Người nào tâm nào từng diệt, thì người ấy tâm ấy sẽ diệt phải chăng?* Không phải.

Hay là người nào tâm nào sẽ diệt, thì người ấy tâm ấy từng diệt phải chăng? Không phải.

* *Người nào tâm nào phi từng diệt, thì người ấy tâm ấy phi sẽ diệt phải chăng?* Sát-na sanh của tâm vị lai phi từng diệt mà người ấy tâm ấy chẳng phải phi sẽ diệt. Còn sát-na diệt của tâm mới là phi từng diệt và cũng phi sẽ diệt.

Hay là người nào tâm nào phi sẽ diệt, thì người ấy tâm ấy phi từng diệt phải chăng? Tâm quá khứ phi sẽ diệt mà người ấy tâm ấy chẳng phải phi từng diệt. Còn sát-na diệt của tâm mới là phi sẽ diệt và cũng phi từng diệt.

Dứt xiển minh người và pháp

Hết phần xiển minh hỗn hợp (missaka)

77.

Trong câu nói người nào tâm nào, (Phật) Ngài trình bày theo tự chơn tướng; trong câu nói "Trong tâm nào" chính là "Trong tâm của người nào", Ngài trình bày theo ý nghĩa như nhau.

Tâm có ái của người nào... pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký, pháp tương ưng lạc thọ, pháp tương ưng khổ thọ, pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ... pháp hữu kiến hữu đối chiếu, pháp vô kiến hữu đối chiếu, pháp vô kiến vô đối chiếu, pháp nhân, pháp phi nhân... pháp hữu y *(saraṇa),* pháp vô y *(araṇa).*

Những pháp này luôn đến pháp hữu y và pháp vô y, đều đến sự thành song *(yamaka)* có 3 như là căn song *(mūlayamaka),* tâm song *(cittayamaka)* và pháp song *(dhammayamaka).*

Dứt phần xiển minh hỗn hợp
Hết Tâm song (cittayamaka)

PHÁP SONG
(Dhammayamaka)

PHẦN ÁN TRÍ *(PAÑÑATTIVĀRA)*

Phần Xiển Thuật ***(Uddesavāra)***

78.

* Thiện tức là pháp thiện phải chăng? Pháp thiện tức là thiện phải chăng?
* Bất thiện tức là pháp bất thiện phải chăng? Pháp bất thiện tức là bất thiện phải chăng?
* Vô ký tức là pháp vô ký phải chăng? Pháp vô ký tức là vô ký phải chăng?

79.

* Phi thiện tức là phi pháp thiện phải chăng? Phi pháp thiện tức là phi thiện phải chăng?
* Bất thiện tức là phi pháp bất thiện phải chăng? Phi pháp bất thiện tức là phi bất thiện phải chăng?
* Phi vô ký tức là phi pháp vô ký phải chăng? Phi pháp vô ký tức là phi vô ký phải chăng?

80.

* Thiện là pháp thiện phải chăng? Pháp là pháp bất thiện phải chăng?
* Thiện là pháp thiện phải chăng? Pháp là pháp vô ký phải chăng?
* Bất thiện là pháp bất thiện phải chăng? Pháp là pháp bất thiện phải chăng?
* Bất thiện là pháp bất thiện phải chăng? Pháp là pháp vô ký phải chăng?
* Vô ký là pháp vô ký phải chăng? Pháp là pháp thiện phải chăng?
* Vô ký là pháp vô ký phải chăng? Pháp là pháp bất thiện phải chăng?

81.

* Phi thiện là phi pháp thiện phải chăng? Phi pháp là phi pháp bất thiện phải chăng?
* Phi thiện là phi pháp thiện phải chăng? Phi pháp là phi pháp vô ký phải chăng?
* Phi bất thiện là phi pháp bất thiện phải chăng? Phi pháp là phi pháp thiện phải chăng?
* Phi bất thiện là phi pháp bất thiện phải chăng? Phi pháp là phi pháp vô ký phải chăng?
* Phi vô ký là phi pháp vô ký phải chăng? Phi pháp là phi pháp thiện phải chăng?
* Phi vô ký là phi pháp vô ký phải chăng? Phi pháp là phi pháp bất thiện phải chăng?

82.

* Thiện là pháp phải chăng? Pháp là thiện phải chăng?
* Bất thiện là pháp phải chăng? Pháp là bất thiện phải chăng?
* Vô ký là pháp phải chăng? Pháp là vô ký phải chăng?

83.

* Phi thiện là phi pháp phải chăng? Phi pháp là phi thiện phải chăng?
* Phi bất thiện là phi pháp phải chăng? Phi pháp là phi bất thiện phải chăng?
* Phi vô ký là phi pháp phải chăng? Phi pháp là phi vô ký phải chăng?

84.

* Thiện là pháp phải chăng? Pháp là bất thiện phải chăng?
* Thiện là pháp phải chăng? Pháp là vô ký phải chăng?
* Bất thiện là pháp phải chăng? Pháp là thiện phải chăng?
* Bất thiện là pháp phải chăng? Pháp là vô ký phải chăng?
* Vô ký là pháp phải chăng? Pháp là thiện phải chăng?
* Vô ký là pháp phải chăng? Pháp là bất thiện phải chăng?

85.

* Phi thiện là phi pháp phải chăng? Phi pháp là phi bất thiện phải chăng?
* Phi thiện là phi pháp phải chăng? Phi pháp là phi vô ký phải chăng?
* Phi bất thiện là phi pháp phải chăng? Phi pháp là phi thiện phải chăng?
* Phi bất thiện là phi pháp phải chăng? Phi pháp là phi vô ký phải chăng?
* Phi vô ký là phi pháp phải chăng? Phi pháp là phi thiện phải chăng?
* Phi vô ký là phi pháp phải chăng? Phi pháp là phi bất thiện phải chăng?

Dứt phần xiển thuật (uddesavāra)

Phần Xiển Minh *(Niddesavāra)*

86.

* *Thiện là pháp thiện phải chăng?* Phải rồi.
  Pháp thiện là thiện phải chăng? Phải rồi.
* *Bất thiện là pháp bất thiện phải chăng?* Phải rồi.
  Pháp bất thiện là bất thiện phải chăng? Phải rồi.
* *Vô ký là pháp vô ký phải chăng?* Phải rồi.
  Pháp vô ký là vô ký phải chăng? Phải rồi.

87.

* *Phi thiện là phi pháp thiện phải chăng?* Phải rồi.
  Phi pháp thiện là phi thiện phải chăng? Phải rồi.
* *Phi bất thiện là phi pháp bất thiện phải chăng?* Phải rồi.
  Phi pháp bất thiện là phi bất thiện phải chăng? Phải rồi.
* *Phi vô ký là phi pháp vô ký phải chăng?* Phải rồi.
  Phi pháp vô ký là phi vô ký phải chăng? Phải rồi.

88.

* Thiện là pháp thiện phải chăng? Phải rồi.
* Pháp là pháp bất thiện phải chăng? Pháp bất thiện gọi pháp cũng đặng và pháp bất thiện cũng đặng. Còn pháp ngoài ra đó là phi pháp bất thiện.
* Thiện là pháp thiện phải chăng? Phải rồi.
* Pháp là pháp vô ký phải chăng? Pháp vô ký gọi pháp cũng đặng và gọi pháp vô ký cũng đặng. Còn pháp ngoài ra là phi pháp vô ký.
* Bất thiện gọi pháp bất thiện phải chăng? Phải rồi.
* Pháp gọi pháp thiện phải chăng? Pháp thiện gọi pháp cũng phải, gọi pháp thiện cũng phải. Còn pháp ngoài ra phi pháp thiện.
* Bất thiện gọi pháp bất thiện phải chăng? Phải rồi.
* Pháp gọi pháp vô ký phải chăng? Pháp vô ký gọi pháp cũng phải và gọi pháp vô ký cũng phải. Còn pháp ngoài ra phi pháp vô ký.
* Vô ký gọi pháp vô ký phải chăng? Phải rồi.
* Pháp gọi pháp thiện phải chăng? Pháp thiện gọi pháp cũng phải và gọi pháp thiện cũng phải. Còn pháp ngoài ra là phi pháp thiện.
* Vô ký gọi pháp vô ký phải chăng? Phải rồi.

* Pháp gọi pháp bất thiện phải chăng? Pháp bất thiện gọi pháp cũng phải và gọi pháp bất thiện cũng phải. Còn pháp ngoài ra phi pháp bất thiện.

89.

* Phi thiện là phi pháp thiện phải chăng? Phải rồi.
* Phi pháp là phi pháp bất thiện phải chăng? Phải rồi.
* Phi thiện là phi pháp thiện phải chăng? Phải rồi.
* Phi pháp là phi vô ký phải chăng? Phải rồi.
* Phi BấtThiện là phi pháp bất thiện phải chăng? Phải rồi.
* Phi pháp là phi pháp thiện phải chăng? Phải rồi.
* Phi bất thiện là phi pháp bất thiện phải chăng? Phải rồi.
* Phi pháp là phi pháp vô ký phải chăng? Phải rồi.
* Phi vô ký là phi pháp vô ký phải chăng? Phải rồi.
* Phi pháp là phi pháp bất thiện phải chăng? Phải rồi.

90.

* *Thiện là pháp phải chăng?* Phải rồi.

  Pháp là pháp thiện phải chăng? Phải rồi. Pháp thiện gọi pháp cũng đặng và gọi pháp thiện cũng đặng. Còn pháp ngoài ra phi pháp thiện.

* *Bất thiện gọi pháp phải chăng?* Phải rồi.

  Pháp gọi pháp bất thiện phải chăng? Phải rồi. Pháp bất thiện gọi pháp cũng phải và gọi pháp bất thiện cũng phải. Còn pháp ngoài ra phi pháp bất thiện.

* *Vô ký gọi pháp phải chăng?* Phải rồi.

  Pháp gọi pháp vô ký phải chăng? Phải rồi. Pháp vô ký gọi pháp cũng phải và gọi pháp vô ký cũng phải. Còn những pháp ngoài ra là phi pháp vô ký.

91.

* *Phi thiện là phi pháp phải chăng?* Trừ ra thiện, những pháp ngoài ra gọi phi pháp thiện. Còn trừ thiện và những pháp ngoài ra, mới gọi phi thiện cũng phải và gọi phi pháp cũng phải.
* Phi pháp là phi pháp thiện phải chăng? Phải rồi.
* *Phi bất thiện là phi pháp phải chăng?* Trừ ra bất thiện, những pháp ngoài ra phi bất thiện mà gọi là pháp. Còn trừ ra bất thiện và pháp, ngoài ra mới gọi phi bất thiện và phi pháp.
* Phi pháp là phi pháp bất thiện phải chăng? Phải rồi.
* *Phi vô ký là phi pháp phải chăng?* Trừ vô ký, những pháp ngoài ra là phi vô ký mà còn gọi là pháp. Nếu trừ ra vô ký và pháp, ngoài ra mới gọi phi vô ký và phi pháp.
* Phi pháp là phi pháp vô ký phải chăng? Phải rồi.

92.

* Thiện gọi pháp phải chăng? Phải rồi.
* Pháp gọi pháp bất thiện phải chăng? Pháp bất thiện gọi pháp cũng phải và pháp bất thiện cũng phải. Còn những pháp ngoài ra là phi pháp bất thiện.
* Thiện gọi pháp phải chăng? Phải rồi.

* Pháp gọi pháp vô ký phải chăng? Pháp vô ký gọi pháp cũng phải và gọi pháp vô ký cũng phải. Còn những pháp ngoài ra là phi pháp vô ký.
* Thiện gọi pháp phải chăng? Phải rồi.
* Pháp gọi pháp thiện phải chăng? Pháp thiện gọi pháp cũng phải và gọi pháp thiện cũng phải. Còn những pháp ngoài ra là phi pháp thiện.
* Bất thiện gọi pháp phải chăng? Phải rồi.
* Pháp gọi pháp vô ký phải chăng? Pháp vô ký gọi pháp cũng phải và gọi pháp vô ký cũng phải. Còn những pháp ngoài ra là phi pháp vô ký.
* Vô ký gọi pháp phải chăng? Phải rồi.
* Pháp gọi pháp thiện phải chăng? Pháp thiện gọi pháp cũng phải và gọi pháp thiện cũng phải. Còn những pháp ngoài ra là phi pháp thiện.
* Vô ký gọi pháp phải chăng? Phải rồi.
* Pháp gọi pháp bất thiện phải chăng? Pháp bất thiện gọi pháp cũng phải và gọi pháp bất thiện cũng phải. Còn những pháp ngoài ra là phi pháp bất thiện.

93.

* Phi thiện là phi pháp phải chăng? Trừ thiện ra rồi, những pháp ngoài ra phi thiện mà gọi là pháp. Còn trừ ra thiện và pháp, ngoài ra không gọi là thiện và cũng không gọi là pháp.
* Phi pháp là phi pháp bất thiện phải chăng? Phải rồi.
* Phi thiện là phi pháp phải chăng? Trừ ra thiện, những pháp ngoài ra là phi thiện mà còn gọi là pháp. Nếu trừ cả thiện và pháp, ngoài ra mới gọi phi thiện và phi pháp.
* Phi pháp là phi pháp vô ký phải chăng? Phải rồi.
* Phi bất thiện là phi pháp phải chăng? Trừ bất thiện, còn những pháp ngoài ra là phi bất thiện mà còn gọi là pháp. Nếu trừ cả bất thiện và pháp, ngoài ra mới gọi là phi bất thiện và phi pháp.
* Phi pháp là phi pháp thiện phải chăng? Phải rồi.
* Phi bất thiện là phi pháp phải chăng? Trừ bất thiện, những pháp ngoài ra là phi bất thiện mà còn gọi là pháp. Nếu trừ bất thiện và pháp, ngoài ra mới gọi là phi bất thiện và phi pháp.
* Phi pháp là phi pháp vô ký phải chăng? Phải rồi.
* Phi vô ký là phi pháp phải chăng? Trừ vô ký, còn những pháp ngoài ra là phi vô ký mà còn gọi là pháp. Nếu trừ ra cả vô ký và pháp, ngoài ra mới gọi là phi vô ký và phi pháp.
* Phi pháp là phi pháp thiện phải chăng? Phải rồi.
* Phi vô ký là phi pháp phải chăng? Trừ vô ký, những pháp ngoài ra là phi vô ký mà còn gọi là pháp. Nếu trừ cả vô ký và pháp, ngoài ra mới gọi là phi vô ký và phi pháp.
* Phi pháp là phi pháp vô ký phải chăng? Phải rồi.

Dứt xiển minh (niddesa) và hết phần án trí (pannattivāra)

PHẦN HÀNH VI *(PAVATTIVĀRA)*

Phần Hành Vi Sanh

94.

Pháp thiện đang sanh với người nào, thì pháp bất thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Không phải.

Hay là pháp bất thiện đang sanh với người nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Không phải.

95.

Pháp thiện đang sanh với người nào, thì pháp vô ký đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh thiện trong Vô sắc giới, pháp thiện đang sanh mà pháp vô ký chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh thiện cõi Ngũ uẩn, pháp thiện đang sanh và pháp vô ký cũng đang sanh.

Hay là pháp vô ký đang sanh với người nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng nơi tất cả người đang sanh bình nhựt, pháp vô ký đang sanh mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh thiện trong cõi Ngũ uẩn, pháp vô ký đang sanh và pháp thiện cũng đang sanh.

96.

Pháp bất thiện đang sanh với người nào, thì pháp vô ký đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh bất thiện trong Vô sắc giới, pháp bất thiện đang sanh mà pháp vô ký chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh bất thiện trong cõi Ngũ uẩn, pháp bất thiện đang sanh và pháp vô ký cũng đang sanh.

Hay là pháp vô ký đang sanh với người nào, thì pháp bất thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng của tất cả người sanh bình nhựt *(pavatti)*, pháp vô ký đang sanh mà pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh bất thiện trong cõi Ngũ uẩn, pháp vô ký đang sanh và pháp bất thiện cũng đang sanh.

97.

Pháp thiện đang sanh với cõi nào, thì pháp bất thiện đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện đang sanh với cõi nào, thì pháp thiện đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

98.

Pháp thiện đang sanh với cõi nào, thì pháp vô ký đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký đang sanh với cõi nào, thì pháp thiện đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Cõi Vô tưởng, pháp vô ký đang sanh mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn trong cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, pháp vô ký đang sanh và pháp thiện cũng đang sanh.

99.

Pháp bất thiện đang sanh với cõi nào, thì pháp vô ký đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký đang sanh với cõi nào, thì pháp bất thiện đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Cõi Vô tưởng, pháp vô ký đang sanh mà pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn trong cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, pháp vô ký đang sanh và pháp bất thiện cũng đang sanh.

100.

Pháp thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải.

Hay là pháp bất thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải.

101.

Pháp thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh thiện trong cõi Vô sắc, pháp thiện đang sanh mà pháp vô ký chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh thiện trong cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp thiện đang sanh và pháp vô ký cũng đang sanh.

Hay là pháp vô ký đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng trong tất cả người đang sanh bình nhựt, pháp vô ký đang sanh mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh thiện của người trong cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp vô ký đang sanh và pháp thiện cũng đang sanh.

102.

Pháp bất thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh bất thiện trong cõi Vô sắc, pháp bất thiện đang sanh mà pháp vô ký chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh bất thiện của người trong cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp bất thiện đang sanh và pháp vô ký cũng đang sanh.

Hay là pháp vô ký đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng nơi tất cả người đang sanh bình nhựt, pháp vô ký đang sanh mà pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm bất thiện trong cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp vô ký đang sanh và pháp bất thiện cũng đang sanh.

103.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm bất thiện, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp bất thiện đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, bất thiện bất tương ưng, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp bất thiện cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm thiện, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh mà pháp thiện đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm, sát-na sanh của tâm thiện và bất thiện bất tương ưng, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh và pháp thiện cũng chẳng phải đang sanh.

104.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng khi bình nhựt, pháp

thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm thiện và sát-na diệt của tâm tử khi bình nhựt trong cõi Vô sắc, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là pháp vô ký chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm thiện trong cõi Vô sắc, pháp vô ký chẳng phải đang sanh mà pháp thiện đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm thiện trong cõi Vô sắc và sát-na diệt của tâm tử trong lúc bình nhựt, pháp vô ký chẳng phải đang sanh và pháp thiện cũng chẳng phải đang sanh.

105.

Pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng khi bình nhựt, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm thiện trong cõi Vô sắc và sát-na diệt của tâm tử trong khi bình nhựt, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là pháp vô ký chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm bất thiện trong cõi Vô sắc, pháp vô ký chẳng phải đang sanh mà pháp bất thiện đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm thiện trong cõi Vô sắc và sát-na diệt của tâm tử khi bình nhựt, pháp vô ký chẳng phải đang sanh và pháp bất thiện cũng chẳng phải đang sanh.

106.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

107.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh.

Hay là pháp vô ký chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

108.

Pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh.

Hay là pháp vô ký chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

109.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm bất thiện, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp bất thiện đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm, sát-na sanh của tâm thiện, tâm bất thiện bất tương ưng và người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp bất thiện cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm thiện, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh mà pháp thiện đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm, sát-na sanh của tâm thiện, tâm bất thiện bất tương ưng và người Vô

tưởng với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh và pháp thiện cũng chẳng phải đang sanh.

110.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng trong khi bình nhựt; pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử, sát-na diệt của tâm bình nhựt trong cõi Vô sắc và sát-na sanh của tâm bất thiện với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là pháp vô ký chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm thiện trong cõi Vô sắc, pháp vô ký chẳng phải đang sanh mà pháp thiện đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử, sát-na diệt của tâm bình nhựt và sát-na sanh của tâm bất thiện trong cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp vô ký chẳng phải đang sanh và pháp thiện cũng chẳng phải đang sanh.

111.

Pháp Bất thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang sanh, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng khi bình nhựt *(pavatti)*, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử, sát-na diệt của tâm lúc bình nhựt và sát-na sanh của tâm thiện trong cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là pháp vô ký chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm bất thiện trong cõi Vô sắc, pháp vô ký chẳng phải đang sanh mà pháp bất thiện đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử, sát-na diệt của tâm khi bình nhựt và sát-na sanh của tâm thiện trong cõi Vô sắc với những cõi ấy, pháp vô ký chẳng phải đang sanh và pháp bất thiện cũng chẳng phải đang sanh.

112.

Pháp thiện từng sanh với người nào, thì pháp bất thiện từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện từng sanh với người nào, thì pháp thiện từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

113.

Pháp thiện từng sanh với người nào, thì pháp vô ký từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng sanh với người nào, thì pháp thiện từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

114.

Pháp bất thiện từng sanh với người nào, thì pháp vô ký từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng sanh với người nào, thì pháp bất thiện từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

115.

Pháp thiện từng sanh với cõi nào, thì pháp bất thiện từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện từng sanh với cõi nào, thì pháp thiện từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

116.

Pháp thiện từng sanh với cõi nào, thì pháp vô ký từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng sanh với cõi nào, thì pháp thiện từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Cõi Vô tưởng, pháp vô ký từng sanh mà pháp thiện không từng sanh với cõi ấy. Còn cõi tứ uẩn và ngũ uẩn, pháp vô ký từng sanh và pháp thiện cũng từng sanh.

117.

Pháp bất thiện từng sanh với cõi nào, thì pháp vô ký từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng sanh với cõi nào, thì pháp bất thiện từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Cõi Vô tưởng, pháp vô ký từng sanh mà pháp bất thiện không từng sanh. Còn cõi tứ uẩn và ngũ uẩn, pháp vô ký từng sanh và pháp bất thiện cũng từng sanh.

118.

Pháp thiện từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Khi tâm bất thiện thứ hai hiện hành nơi Tịnh cư *(suddhāvāsā)* pháp bất thiện từng sanh mà không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp bất thiện từng sanh và pháp thiện cũng từng sanh.

119.

Pháp thiện từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Khi tâm thứ hai hiện hành nơi Tịnh cư, pháp vô ký từng sanh mà pháp thiện không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp vô ký từng sanh và pháp thiện cũng từng sanh.

120.

Pháp bất thiện từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Khi tâm thứ hai hiện hành nơi Tịnh cư và bậc Vô tưởng, pháp vô ký từng sanh mà pháp bất thiện không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp vô ký từng sanh và pháp bất thiện cũng từng sanh.

121.

Pháp thiện không từng sanh với người nào, thì pháp bất thiện không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp bất thiện không từng sanh với người nào, thì pháp thiện không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

122.

Pháp thiện không từng sanh với người nào, thì pháp vô ký không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp vô ký không từng sanh với người nào, thì pháp thiện không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

123.

Pháp bất thiện không từng sanh với người nào, thì pháp vô ký không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp vô ký không từng sanh với người nào, thì pháp bất thiện không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

124.

Pháp thiện không từng sanh với cõi nào, thì pháp bất thiện không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện không từng sanh với cõi nào, thì pháp thiện không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

125.

Pháp thiện không từng sanh với cõi nào, thì pháp vô ký không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Đã từng sanh.

Hay là pháp vô ký không từng sanh với cõi nào, thì pháp thiện không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

126.

Pháp bất thiện không từng sanh với cõi nào, thì pháp vô ký không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Từng sanh.

Hay là pháp vô ký không từng sanh với cõi nào, thì pháp bất thiện không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

127.

Pháp thiện không từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Khi tâm bất thiện thứ hai hiện hành nơi Tịnh cư, pháp thiện không từng sanh mà pháp bất thiện từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn tâm thứ hai hiện hành nơi Tịnh cư và bậc Vô tưởng với những cõi ấy, pháp thiện không từng sanh và pháp bất thiện cũng không từng sanh.

Hay là pháp bất thiện không từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

128.

Pháp thiện không từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai hiện hành nơi Tịnh cư và bậc Vô tưởng, pháp thiện không từng sanh mà pháp vô ký từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp thiện không từng sanh và pháp vô ký cũng không từng sanh.

Hay là pháp vô ký không từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

129.

Pháp bất thiện không từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai hiện hành nơi cõi Tịnh cư và người Vô tưởng, pháp bất thiện không từng sanh mà pháp vô ký từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh lên Tịnh cư với những cõi ấy, pháp bất thiện không từng sanh và pháp vô ký cũng không từng sanh.

Hay là pháp vô ký không từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

130.

Pháp thiện sẽ sanh với người nào, thì pháp bất thiện sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sẽ đắc đạo cao tột *(aggamagga)* theo thứ lớp tâm không xen hở, pháp thiện sẽ sanh mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, pháp thiện sẽ sanh và pháp bất thiện cũng sẽ sanh.

Hay là pháp bất thiện sẽ sanh với người nào, thì pháp thiện sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

131.

Pháp thiện sẽ sanh với người nào, thì pháp vô ký sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ sanh với người nào, thì pháp thiện sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người tề toàn La Hán đạo và bậc La Hán, pháp vô ký sẽ sanh mà pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, pháp vô ký sẽ sanh và pháp thiện cũng sẽ sanh.

132.

Pháp bất thiện sẽ sanh với người nào, thì pháp vô ký sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ sanh với người nào, thì pháp bất thiện sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn La Hán đạo và bậc La Hán và người sẽ đắc đạo cao tột theo thứ lớp tâm không xen hở, pháp vô ký sẽ sanh mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, pháp vô ký sẽ sanh và pháp bất thiện cũng sẽ sanh.

133.

Pháp thiện sẽ sanh với cõi nào, thì pháp bất thiện sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện sẽ sanh với cõi nào, thì pháp thiện sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

134.

Pháp thiện sẽ sanh với cõi nào, thì pháp vô ký sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ sanh với cõi nào, thì pháp thiện sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, pháp vô ký sẽ sanh mà pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi tứ uẩn và ngũ uẩn, pháp vô ký sẽ sanh mà pháp thiện cũng sẽ sanh.

135.

Pháp bất thiện sẽ sanh với cõi nào, thì pháp vô ký sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ sanh với cõi nào, thì pháp bất thiện sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, pháp vô ký sẽ sanh mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, pháp vô ký sẽ sanh mà pháp bất thiện cũng sẽ sanh.

136.

Pháp thiện sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn và bậc sẽ đắc đạo cao tột theo thứ lớp tâm không xen hở, pháp thiện sẽ sanh mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra với những cõi ấy, pháp thiện sẽ sanh mà pháp bất thiện cũng sẽ sanh.

Hay là pháp bất thiện sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

137.

Pháp thiện sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người sẽ đắc đạo cao tột, bậc La Hán và người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ sanh mà pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra với những cõi ấy, pháp vô ký sẽ sanh mà pháp thiện cũng sẽ sanh.

138.

Pháp bất thiện sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tề toàn La Hán đạo, bậc La Hán và người sẽ đắc đạo cao tột tâm không xen hở và người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ sanh mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp vô ký sẽ sanh mà pháp bất thiện cũng sẽ sanh.

139.

Pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc sẽ đắc đạo cao tột theo thứ lớp tâm không xen hở, pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh mà pháp thiện sẽ sanh với người ấy. Còn người tề toàn La Hán đạo và bậc La Hán, pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh và pháp thiện cũng chẳng phải sẽ sanh.

140.

Pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người tề toàn La Hán đạo và bậc La Hán, pháp thiện chẳng phải sẽ sanh mà pháp vô ký sẽ sanh với người ấy. Còn bực tề toàn tâm chót *(pacchimacittasamangīnaṃ)*, pháp thiện chẳng phải sẽ sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

141.

Pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người tề toàn La Hán đạo, bậc La Hán và người sẽ đắc La Hán đạo theo thứ lớp tâm không xen hở, pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh mà pháp vô ký sẽ sanh với người ấy. Còn bực tề toàn tâm chót, pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

142.

Pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

143.

Pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Sẽ sanh.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

144.

Pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Sẽ sanh.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

145.

Pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Bậc sẽ đắc La Hán đạo theo thứ lớp tâm không xen hở, pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh mà pháp thiện sẽ sanh với cõi ấy. Còn người tề toàn La Hán đạo, bậc La Hán và người Vô tưởng, pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh và pháp thiện cũng chẳng phải sẽ sanh.

146.

Pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tề toàn La Hán đạo, bậc La Hán và người Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải sẽ sanh mà pháp vô ký sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc tề toàn tâm chót với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải sẽ sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

147.

Pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tề toàn La Hán đạo, bậc La Hán, người sẽ đắc đạo La Hán theo thứ lớp tâm không gián đoạn và người Vô tưởng, pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh mà pháp vô ký sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc tề toàn tâm chót với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

148.

Pháp thiện đang sanh với người nào, thì pháp bất thiện từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện từng sanh với người nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp bất thiện từng sanh mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm thiện, pháp bất thiện từng sanh và pháp thiện cũng đang sanh.

149.

Pháp thiện đang sanh với người nào, thì pháp vô ký từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng sanh với người nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp vô ký từng sanh mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm thiện, pháp vô ký từng sanh và pháp thiện cũng đang sanh.

150.

Pháp bất thiện từng sanh với người nào, thì pháp vô ký từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng sanh với người nào, thì pháp bất thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp vô ký từng sanh mà pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm bất thiện, pháp vô ký từng sanh và pháp bất thiện cũng đang sanh.

151.

Pháp thiện đang sanh với cõi nào…

152.

Pháp thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, pháp bất thiện từng sanh mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm thiện với những cõi ấy, pháp bất thiện từng sanh và pháp thiện cũng đang sanh.

153.

Pháp thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng và bậc Vô tưởng, pháp vô ký từng sanh mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm thiện với những cõi ấy, pháp vô ký từng sanh và pháp thiện cũng đang sanh.

154.

Pháp bất thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng và người Vô tưởng, pháp vô ký từng sanh mà pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm bất thiện với những cõi ấy, pháp vô ký từng sanh và pháp bất thiện cũng đang sanh.

155.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp bất thiện không từng sanh với người ấy phải chăng? Đã từng sanh.

Hay là pháp bất thiện không từng sanh với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.

156.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp vô ký không từng sanh với người ấy phải chăng? Đã từng sanh.

Hay là pháp vô ký không từng sanh với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.

157.

Pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp vô ký không từng sanh với người ấy phải chăng? Đã từng sanh.

Hay là pháp vô ký không từng sanh với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.

158.

Pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với cõi nào…

159.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp bất thiện từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn tâm thứ hai hiện hành của bực Tịnh cư và người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp bất thiện cũng không từng sanh.

Hay là pháp bất thiện không từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

160.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng và người nương cõi Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký chẳng phải không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng không từng sanh.

Hay là pháp vô ký không từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

161.

Pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng và người nương cõi Vô tưởng, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký chẳng phải không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc

Tịnh cư sơ sanh với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng không từng sanh.

Hay là pháp vô ký không từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

162.

Pháp thiện đang sanh với người nào, thì pháp bất thiện sẽ sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột *(aggamaggassa),* tâm nào thứ lớp liên tiếp đắc đạo cao tột và sát-na sanh của tâm ấy, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn sát-na sanh của thiện ngoài ra đó, pháp thiện đang sanh và pháp bất thiện cũng sẽ sanh.

Hay là pháp bất thiện sẽ sanh với người nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp bất thiện sẽ sanh mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh của thiện, pháp bất thiện sẽ sanh và pháp thiện cũng đang sanh.

163.

Pháp thiện đang sanh với người nào, thì pháp vô ký sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ sanh với người nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ sanh mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh của thiện, pháp vô ký sẽ sanh và pháp thiện cũng đang sanh.

164.

Pháp bất thiện đang sanh với người nào, thì pháp vô ký sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ sanh với người nào, thì pháp bất thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ sanh mà pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn sát-na sanh của bất thiện, pháp vô ký sẽ sanh và pháp bất thiện cũng đang sanh.

165.

Pháp thiện đang sanh với cõi nào…

166.

Pháp thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, tâm thứ lớp liên tiếp đắc đạo cao tột, sát-na sanh của tâm sanh, pháp thiện đang sanh mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh thiện ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp thiện đang sanh và pháp bất thiện cũng sẽ sanh.

Hay là pháp bất thiện sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, pháp bất thiện sẽ sanh mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh thiện, pháp bất thiện sẽ sanh và pháp thiện cũng đang sanh.

167.

Pháp thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng và cõi Vô tưởng, pháp vô ký sẽ sanh mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh thiện, pháp vô ký sẽ sanh và pháp thiện cũng đang sanh.

168.

Pháp bất thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng và Vô tưởng, pháp vô ký đang sanh mà pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh bất thiện, pháp vô ký sẽ sanh và pháp bất thiện cũng đang sanh.

169.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ không sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột, chư La Hán hay tâm nào liên tiếp không xen hở đạo cao tột, thì sát-na diệt của tâm ấy, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp bất thiện cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, tâm nào liên tiếp không xen hở đạo cao tột, thì sát-na sanh của tâm ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh mà pháp thiện chẳng phải không đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của đạo chí thượng, chư La Hán, tâm nào liên tiếp không xen hở đạo cao thượng, thì sát-na diệt của tâm ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh và pháp thiện cũng chẳng phải đang sanh.

170.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn bậc tề toàn tâm chót, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

171.

Pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký chẳng phải sẽ không sanh với người ấy. Còn bậc tề toàn tâm chót, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

172.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với cõi nào…

173.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột, bậc La Hán mà tâm nào thứ lớp không xen hở đạo cao tột, thì sát-na diệt của tâm ấy và người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp bất thiện cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, hay tâm nào thứ lớp không xen hở đạo cao tột, thì sát-na sanh của tâm ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh mà pháp thiện chẳng phải chẳng đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của đạo cao tột, chư La Hán, hay tâm nào thứ lớp không xen hở đạo cao tột, thì sát-na diệt của tâm ấy, và người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh và pháp thiện cũng chẳng phải đang sanh.

174.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng và người Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký không phải chẳng sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc tề toàn tâm chót với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

175.

Pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng và người Vô tưởng, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký chẳng phải không sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc tề toàn tâm chót với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

176.

Pháp thiện từng sanh với người nào, thì pháp bất thiện sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng với quả La Hán, những tâm nào thứ lớp liên tiếp đạo chí thượng, pháp thiện từng sanh mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, pháp thiện từng sanh và pháp bất thiện cũng sẽ sanh.

Hay là pháp bất thiện sẽ sanh với người nào, thì pháp thiện từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

177.

Pháp thiện từng sanh với người nào, thì pháp vô ký sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, pháp thiện từng sanh mà pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, pháp thiện từng sanh và pháp vô ký cũng sẽ sanh.

Hay là pháp vô ký sẽ sanh với người nào, thì pháp thiện từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

178.

Pháp bất thiện từng sanh với người nào, thì pháp vô ký sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, pháp bất thiện từng sanh mà pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, pháp bất thiện từng sanh và pháp vô ký cũng sẽ sanh.

Hay là pháp vô ký sẽ sanh với người nào, thì pháp bất thiện từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

179.

Pháp thiện từng sanh với cõi nào…

180.

Pháp thiện từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo cao tột, La-hán quả với những tâm liên tiếp không xen hở đạo cao tột pháp thiện từng sanh mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp thiện từng sanh và pháp bất thiện cũng sẽ sanh.

Hay là pháp bất thiện sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai hiện hành của bậc phát sanh lên cõi Tịnh Cư, pháp bất thiện sẽ sanh mà pháp thiện chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người tứ uẩn, ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp bất thiện sẽ sanh và pháp thiện cũng từng sanh.

181.

Pháp thiện từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, pháp thiện từng sanh mà pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp thiện từng sanh và pháp vô ký cũng sẽ sanh.

Hay là pháp vô ký sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Tâm thứ hai của bậc sanh lên cõi Tịnh cư và người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ sanh mà pháp thiện không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp vô ký sẽ sanh và pháp thiện cũng từng sanh.

182.

Pháp bất thiện từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, pháp bất thiện từng sanh mà pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp bất thiện từng sanh và pháp vô ký cũng sẽ sanh.

Hay là pháp vô ký sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Tâm thứ hai hiện hành của bậc sanh lên cõi Tịnh cư và người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ sanh mà pháp bất thiện không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp vô ký sẽ sanh và pháp bất thiện cũng từng sanh.

183.

Pháp thiện chẳng phải từng sanh với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì pháp thiện chẳng phải từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

184.

Pháp thiện không từng sanh với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì pháp thiện chẳng phải từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

185.

Pháp bất thiện không từng sanh với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì pháp bất thiện không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

186.

Pháp thiện không từng sanh với cõi nào…

187.

Pháp thiện không từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai của bậc sanh lên cõi Tịnh cư, pháp thiện chẳng phải từng sanh mà pháp bất thiện sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp thiện không từng sanh và pháp bất thiện cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Bậc tề toàn đạo chí thượng, quả La Hán, tâm nào liên tiếp không xen hở đạo cao tột, pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh mà pháp thiện từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh và pháp thiện cũng không từng sanh.

188.

Pháp thiện không từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sẽ sanh.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp thiện không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Từng sanh.

189.

Pháp bất thiện không từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sẽ sanh.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Từng sanh.

Dứt phần sanh (uppādavāra)

Phần Diệt *(Nirodhavāra)*

190.

Pháp thiện đang diệt với người nào, thì pháp bất thiện đang diệt với người ấy phải chăng? Không phải.

Hay là pháp bất thiện đang diệt với người nào, thì pháp thiện đang diệt với người ấy phải chăng? Không phải.

191.

Pháp thiện đang diệt với người nào, thì pháp vô ký đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt thiện trong cõi Vô sắc, pháp thiện đang diệt mà pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn sát-na diệt thiện trong cõi Ngũ uẩn, pháp thiện đang diệt và pháp vô ký cũng đang diệt.

Hay là pháp vô ký đang diệt với người nào, thì pháp thiện đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng, pháp vô ký đang diệt mà pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn sát-na diệt thiện của người trong cõi Ngũ uẩn, pháp vô ký đang diệt và pháp thiện cũng đang diệt.

192.

Pháp bất thiện đang diệt với người nào, thì pháp vô ký đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt thiện, người nương cõi Vô sắc, pháp bất thiện đang diệt mà pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn sát-na diệt bất thiện của người nương cõi Ngũ uẩn, pháp bất thiện đang diệt và pháp vô ký cũng đang diệt.

Hay là pháp vô ký đang diệt với người nào, thì pháp bất thiện đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và sát-na diệt của tâm bất thiện bất tương ưng, pháp vô ký đang diệt mà pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn sát-na diệt bất thiện của người trong cõi Ngũ uẩn, pháp vô ký đang diệt và pháp bất thiện cũng đang diệt.

193.

Pháp thiện đang diệt với cõi nào, thì pháp bất thiện đang diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện đang diệt với cõi nào, thì pháp thiện đang diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

194.

Pháp thiện đang diệt với cõi nào, thì pháp vô ký đang diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký đang diệt với cõi nào, thì pháp thiện đang diệt với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, pháp vô ký đang diệt mà pháp thiện chẳng phải đang diệt với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, pháp vô ký đang diệt và pháp thiện cũng đang diệt.

195.

Pháp bất thiện đang diệt với cõi nào, thì pháp vô ký đang diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký đang diệt với cõi nào, thì pháp bất thiện đang diệt với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, pháp vô ký đang diệt mà pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, pháp vô ký đang diệt và pháp bất thiện cũng đang diệt.

196.

Pháp thiện đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải.

Hay là pháp bất thiện đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải.

197.

Pháp thiện đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt thiện trong cõi Vô sắc, pháp thiện đang diệt mà pháp vô ký

chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt thiện nơi người ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp thiện đang diệt và pháp vô ký cũng đang diệt.

Hay là pháp vô ký đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng khi bình nhựt, pháp vô ký đang diệt mà pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt thiện nơi người ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp vô ký đang diệt và pháp thiện cũng đang diệt.

198.

Pháp bất thiện đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt bất thiện trong Vô sắc, pháp bất thiện đang diệt mà pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt bất thiện nơi người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp bất thiện đang diệt và pháp vô ký cũng đang diệt.

Hay là pháp vô ký đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và sát-na diệt của tâm bất thiện bất tương ưng khi bình nhựt, pháp vô ký đang diệt mà pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt bất thiện nơi người ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp vô ký đang diệt và pháp bất thiện cũng đang diệt.

199.

Pháp thiện chẳng phải đang diệt với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt bất thiện, pháp thiện chẳng phải đang diệt mà pháp bất thiện đang diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng, bất thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải đang diệt và pháp bất thiện cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Không phải.

Sát-na diệt thiện, pháp bất thiện chẳng phải đang diệt mà pháp thiện đang diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm bất thiện bất tương ưng, thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp bất thiện chẳng phải đang diệt và pháp thiện cũng chẳng phải đang diệt.

200.

Pháp thiện chẳng phải đang diệt với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng thời bình nhựt, pháp thiện chẳng phải đang diệt mà pháp vô ký đang diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm tất cả nơi người đang sanh thời bình nhựt, sát-na diệt bất thiện nơi người Vô sắc, pháp thiện chẳng phải đang diệt và pháp vô ký cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt thiện nơi người Vô sắc, pháp vô ký chẳng phải đang diệt mà pháp thiện đang diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm tất cả nơi người đang sanh thời bình nhựt, sát-na diệt bất thiện nơi người Vô sắc, pháp vô ký chẳng phải đang diệt và pháp thiện cũng chẳng phải đang diệt.

201.

Pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và sát-na diệt của tâm bất thiện bất

tương ưng, pháp bất thiện chẳng phải đang diệt mà pháp vô ký đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh, sát-na sanh của tâm tất cả nơi người đang sanh khi bình nhựt và sát-na diệt thiện nơi người Vô sắc, pháp bất thiện chẳng phải đang diệt và pháp vô ký cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt bất thiện nơi người Vô sắc, pháp vô ký chẳng phải đang diệt mà pháp bất thiện đang diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm nơi tất cả người đang sanh khi bình nhựt *(pavatti)* và sát-na diệt thiện của người nương Vô sắc, pháp vô ký chẳng phải đang diệt và pháp bất thiện cũng chẳng phải đang diệt.

202.

Pháp thiện chẳng phải đang diệt với cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

203.

Pháp thiện chẳng phải đang diệt với cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải đang diệt với cõi ấy phải chăng? Đang diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải đang diệt với cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang diệt với cõi ấy phải chăng? Không có.

204.

Pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải đang diệt với cõi ấy phải chăng? Đang diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải đang diệt với cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với cõi ấy phải chăng? Không có.

205.

Pháp thiện chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt bất thiện, pháp thiện chẳng phải đang diệt mà pháp bất thiện đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng, bất thiện bất tương ưng và người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải đang diệt và pháp bất thiện cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt thiện, pháp bất thiện chẳng phải đang diệt mà pháp thiện đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm bất thiện bất tương ưng, tâm thiện bất tương ưng và người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải đang diệt và pháp thiện cũng chẳng phải đang diệt.

206.

Pháp thiện chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng thời bình nhựt, pháp thiện chẳng phải đang diệt mà pháp vô ký đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm tất cả nơi người đang sanh và sát-na diệt bất thiện của người Vô sắc với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải đang diệt và pháp vô ký cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt thiện nơi Vô sắc, pháp vô ký chẳng phải đang diệt mà pháp thiện đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm tất cả, người đang sanh thời bình nhựt và sát-na diệt bất thiện nơi người Vô sắc với những cõi ấy, pháp vô ký chẳng phải đang diệt và pháp thiện cũng chẳng phải đang diệt.

207.

Pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm bất thiện bất tương ưng của người đang tử, pháp bất thiện chẳng phải đang diệt mà pháp vô ký đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh tâm của tất cả người đang sanh thời bình nhựt và sát-na diệt thiện nơi người Vô sắc với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải đang diệt và pháp vô ký cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt bất thiện nơi người Vô sắc với những cõi ấy, pháp vô ký chẳng phải đang diệt mà pháp bất thiện đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của tâm tất cả nơi người đang sanh thời bình nhựt và sát-na diệt thiện của người Vô sắc với những cõi ấy, pháp vô ký chẳng phải đang diệt và pháp bất thiện cũng chẳng phải đang diệt.

208.

Pháp thiện từng diệt với người nào, thì pháp bất thiện từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện từng diệt với người nào, thì pháp thiện từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

209.

Pháp thiện từng diệt với người nào, thì pháp vô ký từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với người nào, thì pháp thiện từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

210.

Pháp bất thiện từng diệt với người nào, thì pháp vô ký từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với người nào, thì pháp bất thiện từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

211.

Pháp thiện từng diệt với cõi nào, thì pháp bất thiện từng diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện từng diệt với cõi nào, thì pháp thiện từng diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

212.

Pháp thiện từng diệt với cõi nào, thì pháp vô ký từng diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với cõi nào, thì pháp thiện từng diệt với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, pháp vô ký từng diệt mà pháp thiện chẳng phải từng diệt với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, pháp vô ký từng diệt và pháp thiện cũng từng diệt.

213.

Pháp bất thiện từng diệt với cõi nào, thì pháp vô ký từng diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với cõi nào, thì pháp bất thiện từng diệt với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, pháp vô ký từng diệt mà pháp bất thiện không từng diệt với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, pháp vô ký từng diệt và pháp bất thiện cũng từng diệt.

214.

Pháp thiện từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm bất thiện thứ hai hiện hành nơi Tịnh cư, pháp bất thiện từng diệt mà pháp thiện chẳng phải từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương ở cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp bất thiện từng diệt và pháp thiện cũng từng diệt.

215.

Pháp thiện từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai hiện hành nơi Tịnh cư và bậc Vô tưởng, pháp vô ký từng diệt mà pháp thiện chẳng phải từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp vô ký từng diệt và pháp thiện cũng từng diệt.

216.

Pháp bất thiện từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai sanh lên cõi Tịnh cư và bậc Vô tưởng, pháp vô ký từng diệt mà pháp bất thiện chẳng phải từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, pháp vô ký từng diệt và pháp bất thiện cũng từng diệt.

217.

Pháp thiện không từng diệt với người nào, thì pháp bất thiện không từng diệt với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp bất thiện không từng diệt với người nào, thì pháp thiện không từng diệt với người ấy phải chăng? Không có.

218.

Pháp thiện không từng diệt với người nào, thì pháp vô ký không từng diệt với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp vô ký không từng diệt với người nào, thì pháp thiện không từng diệt với người ấy phải chăng? Không có.

219.

Pháp bất thiện không từng diệt với người nào, thì pháp vô ký không từng diệt với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp vô ký không từng diệt với người nào, thì pháp bất thiện không từng diệt với người ấy phải chăng? Không có.

220.

Pháp thiện không từng diệt với cõi nào, thì pháp bất thiện không từng diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện không từng diệt với cõi nào, thì pháp thiện không từng diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

221.

Pháp thiện không từng diệt với cõi nào, thì pháp vô ký không từng diệt với cõi ấy phải chăng? Từng diệt.

Hay là pháp vô ký không từng diệt với cõi nào, thì pháp thiện không từng diệt với cõi ấy phải chăng? Không có.

222.

Pháp bất thiện không từng diệt với cõi nào, thì pháp vô ký không từng diệt với cõi ấy phải chăng? Từng diệt.

Hay là pháp vô ký không từng diệt với cõi nào, thì pháp bất thiện không từng diệt với cõi ấy phải chăng? Không có.

223.

Pháp thiện không từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm bất thiện thứ hai sanh lên cõi Tịnh cư, pháp thiện không từng diệt mà pháp bất thiện chẳng phải không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn tâm thứ hai sanh lên của bậc Tịnh cư và người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp thiện không từng diệt và pháp bất thiện cũng không từng diệt.

Hay là pháp bất thiện không từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

224.

Pháp thiện không từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai sanh lên Tịnh cư và bậc Vô tưởng, pháp bất thiện không từng diệt mà pháp vô ký từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người sanh lên Tịnh cư với những cõi ấy, pháp thiện không từng diệt và pháp vô ký cũng không từng diệt.

Hay là pháp vô ký không từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

225.

Pháp bất thiện không từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai của bậc sanh lên Tịnh cư và người Vô tưởng, pháp bất thiện chẳng phải từng diệt mà pháp vô ký từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người sanh lên cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải từng diệt và pháp vô ký cũng không từng diệt.

Hay là pháp vô ký không từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

226.

Pháp thiện sẽ diệt với người nào, thì pháp bất thiện sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo cao tột, tâm thứ lớp không xen hở đạo cao tột, pháp thiện sẽ diệt

mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn người ngoài ra đó, pháp thiện sẽ diệt và pháp bất thiện cũng sẽ diệt.

Hay là pháp bất thiện sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

227.

Pháp thiện sẽ diệt với người nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo chí thượng và bậc La-hán quả, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn người ngoài ra đó, pháp vô ký sẽ diệt và pháp thiện cũng sẽ diệt.

228.

Pháp bất thiện sẽ diệt với người nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào, thì pháp bất thiện sẽ diệt với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng, bậc La-hán quả và tâm thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn người ngoài ra đó, pháp vô ký sẽ diệt và pháp bất thiện cũng sẽ diệt.

229.

Pháp thiện sẽ diệt với cõi nào…

230.

Pháp thiện sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo chí thượng tâm thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, pháp thiện sẽ diệt mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp thiện sẽ diệt và pháp bất thiện cũng sẽ diệt.

Hay là pháp bất thiện sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

231.

Pháp thiện sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo chí thượng, La-hán quả và bậc Vô tưởng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp vô ký sẽ diệt và pháp thiện cũng sẽ diệt.

232.

Pháp bất thiện sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng, chư La-hán quả, tâm liên tiếp không xen hở đạo chí thượng và bậc Vô tưởng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp vô ký sẽ diệt và pháp bất thiện cũng sẽ diệt.

233.

Pháp thiện chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo chí thượng, tâm thứ lớp liên tiếp đạo chí thượng, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt mà pháp thiện sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của đạo chí thượng và La-hán quả, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt và pháp thiện cũng chẳng phải sẽ diệt.

234.

Pháp thiện chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo chí thượng và bậc La Hán, pháp thiện chẳng phải sẽ diệt mà pháp vô ký sẽ diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt của tâm chót, pháp thiện chẳng phải sẽ diệt và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

235.

Pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng, chư La-hán quả và người tâm thứ lớp liên tiếp đạo chí thượng, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt mà pháp vô ký sẽ diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt của tâm chót, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

236.

Pháp thiện chẳng phải sẽ diệt với cõi nào…

237.

Pháp thiện chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo chí thượng, tâm thứ lớp liên tiếp đạo chí thượng, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt mà pháp thiện sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của đạo chí thượng chư La-hán quả và bậc Vô tưởng với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt và pháp thiện cũng chẳng phải sẽ diệt.

238.

Pháp thiện chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo chí thượng, chư La-hán quả và bậc Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải sẽ diệt mà pháp vô ký sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na diệt của tâm chót với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải sẽ diệt và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

239.

Pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng, chư La-hán quả và tâm thứ lớp liên tiếp đạo chí thượng và bậc Vô tưởng, pháp bất thiện chẳng phải sẽ

diệt mà pháp vô ký sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na diệt của tâm chót với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào Cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

240.

Pháp thiện đang diệt với người nào, thì pháp bất thiện từng diệt người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện từng diệt với người nào, thì pháp thiện đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền diệt và người Vô tưởng, pháp bất thiện từng diệt mà pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn sát-na diệt thiện pháp bất thiện từng diệt và pháp thiện cũng đang diệt.

241.

Pháp thiện đang diệt với người nào, thì pháp vô ký từng diệt người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với người nào, thì pháp thiện đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp vô ký từng diệt mà pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt thiện, pháp vô ký từng diệt và pháp thiện cũng đang diệt.

242.

Pháp bất thiện đang diệt với người nào, thì pháp vô ký từng diệt người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với người nào, thì pháp bất thiện đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm bất thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp vô ký từng diệt mà pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt bất thiện, pháp vô ký từng diệt và pháp bất thiện cũng đang diệt.

243.

Pháp thiện đang diệt với cõi nào..

244.

Pháp thiện đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện từng diệt người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng, pháp bất thiện từng diệt mà pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na diệt thiện với những cõi ấy, pháp bất thiện từng diệt và pháp thiện cũng đang diệt.

245

Pháp thiện đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký từng diệt người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng và người Vô tưởng, pháp vô ký từng diệt mà pháp thiện chẳng phải đang diệt với

người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt thiện với những cõi ấy, pháp vô ký từng diệt và pháp bất thiện cũng đang diệt.

246.

Pháp bất thiện đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký từng diệt người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm bất thiện bất tương ưng và người Vô tưởng, pháp vô ký từng diệt mà pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na diệt bất thiện với những cõi ấy, pháp vô ký từng diệt và pháp bất thiện cũng đang diệt.

247.

Pháp thiện chẳng phải đang diệt với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải từng diệt người ấy phải chăng? Từng diệt.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải từng diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Không có.

248.

Pháp thiện chẳng phải đang diệt với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải từng diệt người ấy phải chăng? Từng diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải từng diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Không có.

249.

Pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải từng diệt người ấy phải chăng? Từng diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải từng diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Không có.

250.

Pháp thiện chẳng phải đang diệt với cõi nào…

251.

Pháp thiện chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải từng diệt người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng, pháp thiện chẳng phải đang diệt mà pháp bất thiện từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn tâm thứ hai sanh lên nơi Tịnh cư và bậc Vô tưởng với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải đang diệt và pháp bất thiện cũng chẳng phải từng diệt.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

252.

Pháp thiện chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải từng diệt người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng và Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải đang diệt mà pháp vô ký từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải đang diệt và pháp vô ký cũng chẳng phải từng diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

253.

Pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải từng diệt người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng và Vô tưởng, pháp bất thiện chẳng phải đang diệt mà pháp vô ký từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải đang diệt và pháp vô ký cũng chẳng phải từng diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

254.

Pháp thiện đang diệt với người nào, thì pháp bất thiện sẽ diệt người ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo chí thượng, tâm nào thứ lớp liên tiếp đạo chí thượng, sát-na diệt của tâm ấy, pháp thiện đang diệt mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na diệt thiện của người ngoài ra đó, pháp thiện đang diệt và pháp bất thiện cũng sẽ diệt.

Hay là pháp bất thiện sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp bất thiện sẽ diệt mà pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt thiện, pháp bất thiện sẽ diệt và pháp thiện cũng đang diệt.

255.

Pháp thiện đang diệt với người nào, thì pháp vô ký sẽ diệt người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt, người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt thiện, pháp vô ký sẽ diệt và pháp thiện cũng đang diệt.

256.

Pháp bất thiện đang diệt với người nào, thì pháp vô ký sẽ diệt người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào, thì pháp bất thiện đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm bất thiện, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt bất thiện, pháp vô ký sẽ diệt và pháp bất thiện cũng đang diệt.

257.

Pháp thiện đang diệt với cõi nào…

258.

Pháp thiện đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện đang diệt người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo chí thượng, tâm mà thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, sát-na diệt của tâm ấy, pháp thiện đang diệt mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na diệt thiện đó với những cõi ấy, pháp thiện đang diệt và pháp bất thiện cũng sẽ diệt.

Hay là pháp bất thiện sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng, pháp bất thiện sẽ diệt mà pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy.

Còn người sát-na diệt thiện với những cõi ấy, pháp bất thiện sẽ diệt và pháp thiện cũng đang diệt.

259.

Pháp thiện đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký sẽ diệt người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng và người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na diệt thiện, pháp vô ký sẽ diệt và pháp thiện cũng đang diệt.

260.

Pháp bất thiện đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký sẽ diệt người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm bất thiện bất tương ưng và người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na diệt bất thiện với những cõi ấy, pháp vô ký sẽ diệt và pháp bất thiện cũng đang diệt.

261.

Pháp thiện chẳng phải đang diệt với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải đang diệt mà pháp bất thiện sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na sanh của đạo chí thượng, bậc La Hán, mà tâm thứ lớp liên tiếp đạo chí thượng , sát-na sanh của tâm ấy, pháp thiện chẳng phải đang diệt và pháp bất thiện cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo chí thượng, tâm nào thứ lớp liên tiếp đạo chí thượng, sát-na diệt của tâm ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt mà pháp thiện đang diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của đạo chí thượng, chư quả La Hán, tâm nào thứ lớp liên tiếp đạo chí thượng, sát-na sanh của tâm người ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt và pháp thiện cũng chẳng phải đang diệt.

262.

Pháp thiện chẳng phải đang diệt với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải đang diệt mà pháp vô ký sẽ diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt của tâm chót, pháp thiện chẳng phải đang diệt và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

263.

Pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm bất thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp bất thiện chẳng phải đang diệt mà pháp vô ký sẽ diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt của tâm chót, pháp bất thiện chẳng phải đang diệt và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

264.

Pháp thiện chẳng phải đang diệt với cõi nào…

265.

Pháp thiện chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng, pháp thiện chẳng phải đang diệt mà pháp bất thiện sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của đạo chí thượng, chư La-hán quả, tâm nào thứ lớp liên tiếp đạo chí thượng, sát-na sanh tâm ấy và người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải đang diệt và pháp bất thiện cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của đạo chí thượng, tâm nào thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, sát-na diệt của tâm ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt mà pháp thiện đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na sanh của đạo chí thượng, chư La Hán quả, tâm nào thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, sát-na sanh của tâm ấy và người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt và pháp thiện cũng chẳng phải đang diệt.

266.

Pháp thiện chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm thiện bất tương ưng và Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải đang diệt mà pháp vô ký sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải đang diệt và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

267.

Pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tất cả, sát-na diệt của tâm bất thiện bất tương ưng và Vô tưởng, pháp bất thiện chẳng phải đang diệt mà pháp vô ký sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na diệt của tâm chót với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải đang diệt và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

268.

Pháp thiện từng diệt với người nào, thì pháp bất thiện sẽ diệt người ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng, chư La-hán quả và tâm nào thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, pháp thiện từng diệt mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, pháp thiện từng diệt và pháp bất thiện cũng sẽ diệt.

Hay là pháp bất thiện sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

269.

Pháp thiện từng diệt với người nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm chót, pháp thiện từng diệt mà pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn người ngoài ra đó, pháp thiện từng diệt và pháp vô ký cũng sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

270.

Pháp bất thiện từng diệt với người nào, thì pháp vô ký sẽ diệt người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm chót, pháp bất thiện từng diệt mà pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, pháp bất thiện từng diệt và pháp vô ký cũng sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào, thì pháp bất thiện từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

271.

Pháp thiện từng diệt với cõi nào…

272.

Pháp thiện từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng, chư La-hán quả hay tâm nào thứ lớp liên tiếp đạo chí thượng, pháp thiện từng diệt mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp thiện từng diệt và pháp bất thiện cũng sẽ diệt.

Hay là pháp bất thiện sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai sanh lên nơi Tịnh cư, pháp bất thiện sẽ diệt mà pháp thiện không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp bất thiện sẽ diệt và pháp thiện cũng từng diệt.

273.

Pháp thiện từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký sẽ diệt người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm chót, pháp thiện từng diệt mà pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp thiện từng diệt và pháp vô ký cũng sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai cửa bậc sanh lên Tịnh cư và người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp thiện không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp vô ký sẽ diệt và pháp thiện cũng từng diệt.

274.

Pháp bất thiện từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm chót, pháp bất thiện chẳng phải từng diệt mà pháp vô ký sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp bất thiện từng diệt và pháp vô ký cũng sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai của bậc sanh lên Tịnh cư và người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp bất thiện không từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp vô ký sẽ diệt và pháp bất thiện cũng từng diệt.

275.

Pháp thiện chẳng phải từng diệt với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện không từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt.

276.

Pháp thiện chẳng phải từng diệt với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện không từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt.

277.

Pháp bất thiện không từng diệt với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp bất thiện không từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt.

278.

Pháp thiện không từng diệt với cõi nào…

279.

Pháp thiện không từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai của bậc sanh lên Tịnh cư, pháp thiện không từng diệt mà pháp bất thiện sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải từng diệt và pháp bất thiện cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng, chư La-hán quả hay tâm nào thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt mà pháp thiện từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt và pháp thiện cũng không từng diệt.

280.

Pháp thiện không từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Từng diệt.

281.

Pháp bất thiện không từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Từng diệt.

Dứt phần diệt (nirodhavāra)

Phần Sanh Diệt *(Uppādanirodhavāra)*

282.

Pháp thiện đang sanh với người nào, thì pháp bất thiện đang diệt với người ấy phải chăng? Không phải.

Hay là pháp bất thiện đang diệt với người nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Không phải.

283.

Pháp thiện đang sanh với người nào, thì pháp vô ký đang diệt với người ấy phải chăng? Không phải.

Hay là pháp vô ký đang diệt với người nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Không phải.

284.

Pháp bất thiện đang sanh với người nào, thì pháp vô ký đang diệt với người ấy phải chăng? Không phải.

Hay là pháp vô ký đang diệt với người nào, thì pháp bất thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Không phải.

285.

Pháp thiện đang sanh với cõi nào, thì pháp bất thiện đang diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện đang diệt với cõi nào, thì pháp thiện đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

286.

Pháp thiện đang sanh với cõi nào, thì pháp vô ký đang diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký đang diệt với cõi nào, thì pháp thiện đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, pháp vô ký đang diệt mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, pháp vô ký đang diệt và pháp thiện cũng đang sanh.

287.

Pháp bất thiện đang sanh với cõi nào, thì pháp vô ký đang diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký đang diệt với cõi nào, thì pháp thiện đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, pháp vô ký đang diệt mà pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, pháp thiện đang diệt và pháp bất thiện cũng đang sanh.

288.

Pháp thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải.

Hay là pháp bất thiện đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải.

289.

Pháp thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải.

Hay là pháp vô ký đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải.

290.

Pháp bất thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải.

Hay là pháp vô ký đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải.

291.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt bất thiện, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp bất thiện đang diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm thiện bất tương

ưng, sát-na diệt của tâm bất thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp bất thiện cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh thiện, pháp bất thiện chẳng phải đang diệt mà pháp thiện đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm bất thiện bất tương ưng, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp bất thiện chẳng phải đang diệt và pháp thiện cũng chẳng phải đang sanh.

292.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, sát-na diệt của tâm trong khi bình nhựt, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký đang diệt với người ấy. Còn tất cả người đang sanh, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng thời bình nhựt, sát-na diệt thiện và bất thiện trong Vô sắc, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh thiện, pháp vô ký chẳng phải đang diệt mà pháp thiện đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang sanh, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng thời bình nhựt và sát-na diệt thiện, bất thiện nơi Vô sắc, pháp vô ký chẳng phải đang diệt và pháp thiện cũng chẳng phải đang sanh.

293.

Pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả người đang tử thời bình nhựt, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký đang diệt. Còn tất cả người đang sanh, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng thời bình nhựt và người trong sát-na diệt thiện, bất thiện nơi Vô sắc, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh bất thiện, pháp vô ký chẳng phải đang diệt mà pháp bất thiện đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang sanh, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng thời bình nhựt và người trong sát-na diệt thiện, bất thiện nơi Vô sắc, pháp vô ký chẳng phải đang diệt và pháp bất thiện cũng chẳng phải đang sanh.

294.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

295.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải đang diệt với cõi ấy phải chăng? Đang diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải đang diệt với cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

296.

Pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải đang diệt với cõi ấy phải chăng? Đang diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải đang diệt với cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

297.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt bất thiện, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp bất thiện đang diệt với người ấy. Còn sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, sát-na diệt của tâm bất thiện bất tương ưng và bậc Vô tưởng với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp bất thiện cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh thiện, pháp bất thiện chẳng phải đang diệt mà pháp thiện đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm bất thiện bất tương ưng, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng và bậc Vô tưởng với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải đang diệt và pháp thiện cũng chẳng phải đang sanh.

298.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả người đang tử thời bình nhựt, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang sanh, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng thời bình nhựt và người trong sát-na diệt thiện và bất thiện nơi Vô sắc với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh thiện, pháp vô ký chẳng phải đang diệt mà pháp thiện đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang sanh, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng và người trong sát-na diệt thiện và bất thiện trong Vô sắc với những cõi ấy, pháp vô ký chẳng phải đang diệt và pháp thiện cũng chẳng phải đang sanh.

299.

Pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt tâm của tất cả người đang tử, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký đang diệt với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang sanh, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng và người trong sát-na diệt thiện và bất thiện nơi Vô sắc với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải đang diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải đang diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh bất thiện, pháp vô ký chẳng phải đang diệt mà pháp bất thiện đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang sanh, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng thời bình nhựt, sát-na diệt tâm thiện và bất thiện nơi Vô sắc với những cõi ấy, pháp vô ký chẳng phải đang diệt và pháp bất thiện cũng chẳng phải đang sanh.

300.

Pháp thiện từng sanh với người nào, thì pháp bất thiện từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện từng diệt với người nào, thì pháp thiện từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

301.

Pháp thiện từng sanh với người nào, thì pháp vô ký từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với người nào, thì pháp thiện từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

302.

Pháp bất thiện từng sanh với người nào, thì pháp vô ký từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với người nào, thì pháp bất thiện từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

303.

Pháp thiện từng sanh với cõi nào, thì pháp bất thiện từng diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện từng diệt với cõi nào, thì pháp thiện từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

304.

Pháp thiện từng sanh với cõi nào, thì pháp vô ký từng diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với cõi nào, thì pháp thiện từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, pháp vô ký từng diệt mà pháp thiện chẳng phải từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, pháp vô ký từng diệt và pháp thiện cũng từng sanh.

305.

Pháp bất thiện từng sanh với cõi nào, thì pháp vô ký từng diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với cõi nào, thì pháp bất thiện từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, pháp vô ký từng diệt mà pháp bất thiện chẳng phải từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, pháp vô ký từng diệt và pháp bất thiện cũng từng sanh.

306.

Pháp thiện từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm bất thiện thứ hai của bậc sanh lên cõi Tịnh cư, pháp bất thiện từng diệt mà pháp thiện chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp bất thiện từng diệt và pháp thiện cũng từng sanh.

307.

Pháp thiện từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai của bậc sanh lên cõi Tịnh cư và người Vô tưởng, pháp vô ký từng diệt mà pháp thiện chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn

người nương cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp vô ký từng diệt và pháp thiện cũng từng sanh.

308.

Pháp bất thiện từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai của bậc sanh lên cõi Tịnh cư và người Vô tưởng, pháp vô ký từng diệt mà pháp bất thiện chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp vô ký từng diệt và pháp bất thiện cũng từng sanh.

309.

Pháp thiện chẳng phải từng sanh với người nào, thì pháp bất thiện không từng diệt với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp bất thiện không từng diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

310.

Pháp thiện không từng sanh với người nào, thì pháp vô ký không từng diệt với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp vô ký không từng diệt với người nào, thì pháp thiện không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

311.

Pháp bất thiện không từng sanh với người nào, thì pháp vô ký không từng diệt với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp vô ký không từng diệt với người nào, thì pháp bất thiện không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

312.

Pháp thiện không từng sanh với cõi nào, thì pháp bất thiện không từng diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện không từng diệt với cõi nào, thì pháp thiện không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

313.

Pháp thiện không từng sanh với cõi nào, thì pháp vô ký không từng diệt với cõi ấy phải chăng? Từng diệt.

Hay là pháp vô ký không từng diệt với cõi nào, thì pháp thiện không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

314.

Pháp bất thiện không từng sanh với cõi nào, thì pháp vô ký không từng diệt với cõi ấy phải chăng? Từng diệt.

Hay là pháp vô ký không từng diệt với cõi nào, thì pháp bất thiện không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

315.

Pháp thiện không từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm bất thiện thứ hai của bậc sanh lên Tịnh cư, pháp thiện chẳng phải từng sanh mà pháp bất thiện từng diệt với với người ấy cõi ấy. Còn

bậc sanh lên Tịnh cư và người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải từng sanh và pháp bất thiện cũng chẳng phải từng diệt.

Hay là pháp bất thiện không từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

316.

Pháp thiện chẳng phải từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai của bậc sanh lên Tịnh cư và người Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải từng sanh mà pháp vô ký từng diệt với với người ấy cõi ấy. Còn người sanh lên cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải từng sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải từng diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

317.

Pháp bất thiện chẳng phải từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai của bậc sanh lên Tịnh cư và người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải từng sanh mà pháp vô ký từng diệt với với người ấy cõi ấy. Còn bậc đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải từng sanh và pháp vô ký cũng không từng diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

318.

Pháp thiện sẽ sanh với người nào, thì pháp bất thiện sẽ diệt với người ấy phải chăng? Tâm nào thứ lớp liên tiếp không xen hở đạo chí thượng, pháp thiện sẽ sanh mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn người ngoài ra đó, pháp thiện sẽ sanh và pháp bất thiện cũng sẽ diệt

Hay là pháp bất thiện sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

319.

Pháp thiện sẽ sanh với người nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng, chư La-hán quả, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người ngoài ra đó, pháp vô ký sẽ diệt và pháp thiện cũng sẽ sanh.

320.

Pháp bất thiện sẽ sanh với người nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào, thì pháp bất thiện sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng, chư La-hán quả hay tâm nào thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người ngoài ra đó, pháp vô ký sẽ diệt và pháp bất thiện cũng sẽ sanh.

321.

Pháp thiện sẽ sanh với cõi nào, thì pháp bất thiện sẽ diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện sẽ diệt với cõi nào, thì pháp thiện sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

322.

Pháp thiện sẽ sanh với cõi nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với cõi nào, thì pháp thiện sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, pháp vô ký sẽ diệt và pháp thiện cũng sẽ sanh.

323.

Pháp bất thiện sẽ sanh với cõi nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với cõi nào, thì pháp bất thiện sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, pháp vô ký sẽ diệt và pháp bất thiện cũng sẽ sanh.

324.

Pháp thiện sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Tâm nào thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, pháp thiện sẽ sanh mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó, pháp thiện sẽ sanh và pháp bất thiện cũng sẽ diệt

Hay là pháp bất thiện sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

325.

Pháp thiện sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng, chư La-hán quả và bậc Vô tưởng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp vô ký sẽ diệt và pháp thiện cũng sẽ sanh.

326.

Pháp bất thiện sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng, chư La-hán quả hay tâm nào thứ lớp không xen hở đạo chí thượng và người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp vô ký sẽ diệt và pháp bất thiện cũng sẽ sanh.

327.

Pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Tâm nào thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt mà pháp thiện sẽ sanh với người ấy. Còn bậc tề toàn đạo chí thượng, chư La-hán quả, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt và pháp thiện cũng chẳng phải sẽ sanh.

328.

Pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng, chư La-hán quả pháp thiện chẳng phải sẽ sanh mà pháp vô ký sẽ diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt của tâm chót, pháp thiện chẳng phải sẽ sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

329.

Pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng, chư La-hán quả hay tâm nào thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh mà pháp vô ký sẽ diệt với người ấy. Còn người sát-na diệt của tâm chót, pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

330.

Pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

331.

Pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với cõi ấy phải chăng? Sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

332.

Pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với cõi ấy phải chăng? Sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

333.

Pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm nào thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt mà pháp thiện sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc tề toàn đạo chí thượng, chư La-hán quả và người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt và pháp thiện cũng chẳng phải sẽ sanh.

334.

Pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng, chư La-hán quả và người Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải sẽ sanh mà pháp vô ký sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na diệt của tâm chót với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải sẽ sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

335.

Pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng, chư La-hán quả hay tâm nào thứ lớp không xen hở đạo chí thượng và bậc Vô tưởng, pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh mà pháp vô ký sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na diệt của tâm chót với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

336.

Pháp thiện đang sanh với người nào, thì pháp bất thiện từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện từng diệt với người nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp bất thiện từng diệt mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người sát-na sanh thiện, pháp bất thiện từng diệt và pháp thiện cũng đang sanh.

337.

Pháp thiện đang sanh với người nào, thì pháp vô ký từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với người nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp vô ký từng diệt mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người trong sát-na sanh thiện, pháp vô ký từng diệt và pháp thiện cũng đang sanh.

338.

Pháp bất thiện đang sanh với người nào, thì pháp vô ký từng diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với người nào, thì pháp bất thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp vô ký từng diệt mà pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người trong sát-na sanh bất thiện, pháp vô ký từng diệt và pháp bất thiện cũng đang sanh.

339.

Pháp thiện đang sanh với cõi nào …

340.

Pháp thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp bất thiện từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, pháp bất thiện từng diệt mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na sanh của tâm thiện với những cõi ấy, pháp bất thiện từng diệt và pháp thiện cũng đang sanh.

341.

Pháp thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, người vô tưởng, pháp vô ký từng diệt nhưng pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na sanh thiện với những cõi ấy, pháp vô ký từng diệt và pháp thiện cũng đang sanh.

342.

Pháp bất thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng, người vô tưởng, pháp vô ký từng diệt nhưng pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người sát-na sanh của tâm bất thiện với những cõi ấy, pháp vô ký từng diệt và pháp bất thiện cũng đang sanh.

343.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp bất thiện không từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt.

Hay là pháp bất thiện không từng diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.

344.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp vô ký không từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt.

Hay là pháp vô ký không từng diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.

345.

Pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp vô ký không từng diệt với người ấy phải chăng? Từng diệt.

Hay là pháp vô ký không từng diệt với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.

346.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với cõi nào..

347.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp bất thiện từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn tâm thứ hai của bậc sanh lên Tịnh cư và người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp bất thiện cũng chẳng phải từng diệt.

Hay là pháp bất thiện không từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

348.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm

thiện bất tương ưng và người Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng không từng diệt.

Hay là pháp vô ký không từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện cũng chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

349.

Pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký không từng diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng và bậc Vô tưởng, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tịnh cư với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký cũng không từng diệt.

Hay là pháp vô ký không từng diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

350.

Pháp thiện đang sanh với người nào, thì pháp bất thiện sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo chí thượng hay tâm nào thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, thì sát-na sanh của tâm ấy, pháp thiện đang sanh mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn người trong sát-na sanh thiện ngoài ra đó, pháp thiện đang sanh và pháp bất thiện cũng sẽ diệt.

Hay là pháp bất thiện sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp bất thiện sẽ diệt mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người trong sát-na sanh thiện, pháp bất thiện sẽ diệt và pháp thiện cũng đang sanh.

351.

Pháp thiện đang sanh với người nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người trong sát-na sanh thiện, pháp vô ký sẽ diệt và pháp thiện cũng đang sanh.

352.

Pháp bất thiện đang sanh với người nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào, thì pháp bất thiện đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người trong sát-na sanh bất thiện, pháp vô ký sẽ diệt và pháp bất thiện cũng đang sanh.

353.

Pháp thiện đang sanh với cõi nào…

354.

Pháp thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo chí thượng hay tâm nào thứ lớp không xen hở

đạo chí thượng, thì sát-na sanh của tâm ấy, pháp thiện đang sanh mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người trong sát-na sanh thiện ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp thiện đang sanh và pháp bất thiện cũng sẽ diệt.

Hay là pháp bất thiện sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, pháp bất thiện sẽ diệt mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người trong sát-na sanh thiện với những cõi ấy, pháp bất thiện sẽ diệt và pháp thiện cũng đang sanh.

355.

Pháp thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng và người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người trong sát-na sanh thiện với những cõi ấy, pháp vô ký sẽ diệt và pháp thiện cũng đang sanh.

356.

Pháp bất thiện đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng và người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người trong sát-na sanh thiện, pháp vô ký sẽ diệt và pháp bất thiện cũng đang sanh.

357.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp bất thiện sẽ diệt với người ấy. Còn sát-na diệt của đạo chí thượng, chư La-hán quả, hay tâm nào thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, sát-na diệt của tâm ấy, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp bất thiện cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo chí thượng hay tâm nào thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, thì sát-na sanh của tâm ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt mà pháp thiện đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của đạo chí thượng, chư La-hán quả hay tâm nào thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, sát-na diệt của tâm ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt và pháp thiện cũng chẳng phải đang sanh.

358.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký sẽ diệt với người ấy. Còn người trong sát-na diệt tâm chót, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

359.

Pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký sẽ diệt với người ấy. Còn người trong sát-na diệt tâm chót, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

360.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với cõi nào…

361.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp bất thiện sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của đạo chí thượng và chư La-hán quả hay tâm nào thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, sát-na diệt của tâm ấy và người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp bất thiện cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của đạo chí thượng hay tâm thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, sát-na sanh của tâm ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt mà pháp thiện đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của đạo chí thượng, chư La-hán quả hay tâm nào thứ lớp không xen hở đạo chí thượng, sát-na diệt của tâm ấy và người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt và pháp thiện cũng chẳng phải đang sanh.

362.

Pháp thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm thiện bất tương ưng và người Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

363.

Pháp bất thiện chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất thiện bất tương ưng và bậc Vô tưởng, pháp thiện chẳng phải đang sanh mà pháp vô ký sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải đang sanh và pháp vô ký cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

364.

Pháp thiện từng sanh với người nào, thì pháp bất thiện sẽ diệt với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng, chư La-hán quả hay tâm thứ lớp không xen hở đạo

chí thượng, pháp thiện từng sanh mà pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn người ngoài ra đó, pháp thiện từng sanh và pháp bất thiện cũng sẽ diệt.

Hay là pháp bất thiện sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

365.

Pháp thiện từng sanh với người nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm chót, pháp thiện từng sanh mà pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, pháp thiện từng sanh và pháp vô ký cũng sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

366.

Pháp bất thiện từng sanh với người nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với người ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm chót, pháp thiện từng sanh mà pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy. Còn người ngoài ra đó, pháp bất thiện từng sanh và pháp vô ký cũng sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào, thì pháp bất thiện từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

367.

Pháp thiện từng sanh với cõi nào…

368.

Pháp thiện từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn La Hán đạo, chư La-hán quả và người sẽ đắc đạo cao tột theo thứ lớp tâm không xen hở, pháp thiện từng sanh mà pháp bất thiện sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp thiện từng sanh và pháp bất thiện cũng sẽ diệt.

Hay là pháp bất thiện sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai của bậc đang sanh nơi Tịnh cư, pháp bất thiện sẽ diệt mà pháp thiện không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp bất thiện sẽ diệt và pháp thiện cũng từng sanh.

369.

Pháp thiện từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm chót, pháp thiện từng sanh mà pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp thiện từng sanh và pháp vô ký cũng sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai của bậc sanh lên Tịnh cư và người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp thiện chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp vô ký sẽ diệt và pháp thiện cũng từng sanh.

370.

Pháp bất thiện từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm chót, pháp bất thiện từng sanh mà pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp bất thiện từng sanh và pháp vô ký cũng sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai của bậc sanh lên Tịnh cư và người Vô tưởng, pháp vô ký sẽ diệt mà pháp thiện chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, pháp vô ký sẽ diệt và pháp bất thiện cũng từng sanh.

371.

Pháp thiện chẳng phải từng sanh với người nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

372.

Pháp thiện không từng sanh với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp thiện không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

373.

Pháp bất thiện không từng sanh với người nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào, thì pháp bất thiện không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

374.

Pháp thiện chẳng phải từng sanh với cõi nào…

375.

Pháp thiện chẳng phải từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai của bậc sanh lên Tịnh cư, pháp thiện chẳng phải từng sanh mà pháp bất thiện từng diệt với người ấy cõi ấy. Còn người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp thiện chẳng phải từng sanh và pháp bất thiện cũng chẳng phải sẽ diệt.

Hay là pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng, chư La-hán quả hay tâm thứ lớp đạo chí thượng không xen hở, pháp bất thiện chẳng phải từng diệt mà pháp thiện từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Vô tưởng với những cõi ấy, pháp bất thiện chẳng phải sẽ diệt và pháp thiện cũng chẳng phải từng sanh.

376.

Pháp thiện chẳng phải từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp thiện chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Từng sanh.

377.

Pháp bất thiện chẳng phải từng sanh với người nào cõi nào, thì pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người ấy cõi ấy phải chăng? Sẽ diệt.

Hay là pháp vô ký chẳng phải sẽ diệt với người nào cõi nào, thì pháp bất thiện không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Từng sanh.

Dứt phần sanh diệt (uppādanirodhavāra) và dứt phần hành vi (pavattivāra)

PHẦN TU TIẾN *(BHAVANAVARA)*

378.

* *Người nào đang tu tiến pháp thiện, thì người ấy đang bài trừ pháp bất thiện phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là người nào đang bài trừ pháp bất thiện, thì người ấy đang tu tiến pháp thiện phải chăng? Phải chăng.

* *Người nào chẳng phải đang tu tiến pháp thiện, thì người ấy chẳng phải đang bài trừ pháp thiện phải chăng?* Phải rồi.

  Hay là người nào chẳng phải đang bài trừ pháp bất thiện, thì người ấy chẳng phải đang tu tiến pháp thiện phải chăng? Phải rồi…

Dứt phần tu tiến (bhāvanā)
Hết Pháp song (Dhamma yamaka)

QUYỂN SONG
(Indrīyayamaka)

PHẦN ÁN TRÍ *(PAÑÑATTIVĀRA)*

379.

Nhị thập nhị quyền: 1. Nhãn quyền – *Cakkhundrīya ;* 2. Nhĩ quyền – *Sotindrīya ;* 3. Tỷ quyền – *Ghānindrīya ;* 4. Thiệt quyền – *Jīvhindrīya ;* 5. Thân quyền – *Kāyindrīya ;* 6. Ý quyền – *Manindrīya ;* 7. Nữ quyền – *Itthindrīya ;* 8. Nam quyền – *Purisindrīya ;* 9. Mạng quyền – *Jīvitindrīya ;* 10. Lạc quyền – *Sukhindrīya ;* 11. Khổ quyền – *Dukkhindrīya ;* 12. Hỷ quyền – *Somanassindrīya ;* 13. Ưu quyền – *Domanassindrīya ;* 14. Xả quyền – *Upekkhindrīya ;* 15. Tín quyền – *Saddhindrīya ;* 16. Cần quyền – *Viriyindrīya ;* 17. Niệm quyền – *Satindrīya ;* 18. Định quyền – *Samādhindrīya ;* 19. Trí quyền – *Paññindrīya ;* 20. Tri dị tri quyền – *Anaññataññassāmītindrīya ;* 21. Tri dĩ tri quyền – *Aññindrīya ;* 22. Tri cụ tri quyền – *Aññātāvindrīya.*

Xiển Thuật *(Uddesa)*

380.

* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền là nhãn phải chăng?
* Nhĩ là nhĩ quyền phải chăng? Nhĩ quyền là nhĩ phải chăng?
* Tỷ là tỷ quyền phải chăng? Tỷ quyền là tỷ phải chăng?
* Thiệt là thiệt quyền phải chăng? Thiệt quyền là thiệt phải chăng?
* Thân là thân quyền phải chăng? Thân quyền là thân phải chăng?
* Ý là ý quyền phải chăng? Ý quyền là ý phải chăng?
* Nữ là nữ quyền phải chăng? Nữ quyền là nữ phải chăng?
* Nam là nam quyền phải chăng? Nam quyền là nam phải chăng?
* Mạng là mạng quyền phải chăng? Mạng quyền là mạng phải chăng?
* Lạc là lạc quyền phải chăng? Lạc quyền là lạc phải chăng?
* Khổ là khổ quyền phải chăng? Khổ quyền là khổ phải chăng?
* Hỷ là hỷ quyền phải chăng? Hỷ quyền là hỷ phải chăng?
* Ưu là ưu quyền phải chăng? Ưu quyền là ưu phải chăng?
* Xả là xả quyền phải chăng? Xả quyền là xả phải chăng?
* Tín là tín quyền phải chăng? Tín quyền là tín phải chăng?
* Cần là cần quyền phải chăng? Cần quyền là cần phải chăng?
* Niệm là niệm quyền phải chăng? Niệm quyền là niệm phải chăng?
* Định là định quyền phải chăng? Định quyền là định phải chăng?
* Trí là trí quyền phải chăng? Trí quyền là trí phải chăng?
* Tri dị tri là tri dị tri quyền phải chăng? Tri dị tri quyền là tri dị tri phải chăng?
* Tri dĩ tri là tri dĩ tri quyền phải chăng? Tri dĩ tri quyền là tri dĩ tri phải chăng?
* Tri cụ tri là tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền là tri cụ tri phải chăng?

381.

* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi nhãn quyền là phi nhãn phải chăng?
* Phi nhĩ là phi nhĩ quyền phải chăng? Phi nhĩ quyền là phi nhĩ phải chăng?
* Phi tỷ là phi tỷ quyền phải chăng? Phi tỷ quyền là phi tỷ phải chăng?
* Phi thiệt là phi thiệt quyền phải chăng? Phi thiệt quyền là phi thiệt phải chăng?

* Phi thân là phi thân quyền phải chăng? Phi thân quyền là phi thân phải chăng?
* Phi ý là phi ý quyền phải chăng? Phi ý quyền là phi ý phải chăng?
* Phi nữ là phi nữ quyền phải chăng? Phi nữ quyền là phi nữ phải chăng?
* Phi nam là phi nam quyền phải chăng? Phi nam quyền là phi nam phải chăng?
* Phi mạng là phi mạng quyền phải chăng? Phi mạng quyền là phi mạng phải chăng?
* Phi lạc là phi lạc quyền phải chăng? Phi lạc quyền là phi lạc phải chăng?
* Phi khổ là phi khổ quyền phải chăng? Phi khổ quyền là phi khổ phải chăng?
* Phi hỷ là phi hỷ quyền phải chăng? Phi hỷ quyền là phi hỷ phải chăng?
* Phi ưu là phi ưu quyền phải chăng? Phi ưu quyền là phi ưu phải chăng?
* Phi xả là phi xả quyền phải chăng? Phi xả quyền là phi xả phải chăng?
* Phi tín là phi tín quyền phải chăng? Phi tín quyền là phi tín phải chăng?
* Phi cần là phi cần quyền phải chăng? Phi cần quyền là phi cần phải chăng?
* Phi niệm là phi niệm quyền phải chăng? Phi niệm quyền là phi niệm phải chăng?
* Phi định là phi định quyền phải chăng? Phi định quyền là phi định phải chăng?
* Phi trí là phi trí quyền phải chăng? Phi trí quyền là phi trí phải chăng?
* Phi tri dị tri là phi tri dị tri quyền phải chăng? Phi tri dị tri quyền là phi tri dị tri phải chăng?
* Phi tri dĩ tri là phi tri dĩ tri quyền phải chăng? Phi tri dĩ tri quyền là phi tri dĩ tri phải chăng?
* Phi tri cụ tri là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phi tri cụ tri quyền là phi tri cụ tri phải chăng?

382.

* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là nhĩ quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là tỷ quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là thiệt quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là thân quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là ý quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là nữ quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là nam quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là mạng quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là lạc quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là khổ quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là hỷ quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là ưu quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là xả quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là tín quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là cần quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là niệm quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là định quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là trí quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là tri dị tri quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là tri dĩ tri quyền phải chăng?
* Nhãn là nhãn quyền phải chăng? Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Nhĩ là nhĩ quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?
* Nhĩ là nhĩ quyền phải chăng? Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?

* Tỷ là tỷ quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?...
* Tỷ là tỷ quyền phải chăng? Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Thiệt là thiệt quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Thân là thân quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Ý là ý quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Nữ là nữ quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Nam là nam quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Mạng là mạng quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Lạc là lạc quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Khổ là khổ quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Hỷ là hỷ quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Ưu là ưu quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Xả là xả quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Tín là tín quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Cần là cần quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Niệm là niệm quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Định là định quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Trí là trí quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Tri dị tri là tri dị tri quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Tri dĩ tri là tri dĩ tri quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Tri cụ tri là tri cụ tri quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?

383.

* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhĩ quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi tỷ quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi thiệt quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi thân quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi ý quyền phải chăng?

* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi nữ quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi nam quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi mạng quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi lạc quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi khổ quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi hỷ quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi ưu quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi xả quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi tín quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi cần quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi niệm quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi định quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi trí quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi tri dị tri quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi tri dĩ tri quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi nhĩ là phi nhĩ quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi tỷ là phi tỷ quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi thiệt là phi thiệt quyền phải chăng? Phi quyền là nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi thân là phi thân quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi ý là phi ý quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi nữ là phi nữ quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi nam là phi nam quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi mạng là phi mạng quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi lạc là phi lạc quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi khổ là phi khổ quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi hỷ là phi hỷ quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi ưu là phi ưu quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi xả là phi xả quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi tín là phi tín quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?

* Phi cần là phi cần quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi niệm là phi niệm quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi định là phi định quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi trí là phi trí quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi tri dị tri là phi tri dị tri quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi tri dĩ tri là phi tri dĩ tri quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi tri cụ tri là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?

384.

* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền phải chăng?
* Nhĩ là quyền phải chăng? Quyền là nhĩ quyền phải chăng?
* Tỷ là quyền phải chăng? Quyền là tỷ quyền phải chăng?
* Thiệt là quyền phải chăng? Quyền là thiệt quyền phải chăng?
* Thân là quyền phải chăng? Quyền là thiệt quyền phải chăng?
* Ý là quyền phải chăng? Quyền là ý quyền phải chăng?
* Nữ là quyền phải chăng? Quyền là nữ quyền phải chăng?
* Nam là quyền phải chăng? Quyền là nam quyền phải chăng?
* Mạng là quyền phải chăng? Quyền là mạng quyền phải chăng?
* Lạc là quyền phải chăng? Quyền là lạc quyền phải chăng?
* Khổ là quyền phải chăng? Quyền là khổ quyền phải chăng?
* Hỷ là quyền phải chăng? Quyền là hỷ quyền phải chăng?
* Ưu là quyền phải chăng? Quyền là ưu quyền phải chăng?
* Xả là quyền phải chăng? Quyền là xả quyền phải chăng?
* Tín là quyền phải chăng? Quyền là tín quyền phải chăng?
* Cần là quyền phải chăng? Quyền là cần quyền phải chăng?
* Niệm là quyền phải chăng? Quyền là niệm quyền phải chăng?
* Định là quyền phải chăng? Quyền là định quyền phải chăng?
* Trí là quyền phải chăng? Quyền là trí quyền phải chăng?
* Tri dị tri là quyền phải chăng? Quyền là tri dị tri quyền phải chăng?
* Tri dĩ tri là quyền phải chăng? Quyền là tri dĩ tri quyền phải chăng?
* Tri cụ tri là quyền phải chăng? Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?

385.

* Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?
* Phi nhĩ là phi nhĩ quyền phải chăng? Phi quyền là phi nhĩ quyền phải chăng?
* Phi tỷ là phi tỷ quyền phải chăng? Phi quyền là phi tỷ quyền phải chăng?
* Phi thiệt là phi thiệt quyền phải chăng? Phi quyền là phi thiệt quyền phải chăng?
* Phi thân là phi thân quyền phải chăng? Phi quyền là phi thân quyền phải chăng?
* Phi ý là phi ý quyền phải chăng? Phi quyền là phi ý quyền phải chăng?
* Phi nữ là phi quyền phải chăng? Phi quyền là phi nữ quyền phải chăng?

* Phi nam là phi quyền phải chăng? Phi quyền là phi nam quyền phải chăng?
* Phi mạng là phi quyền phải chăng? Phi quyền là phi mạng quyền phải chăng?
* Phi lạc là phi quyền phải chăng? Phi quyền là phi lạc quyền phải chăng?
* Phi khổ là phi quyền phải chăng? Phi quyền là phi khổ phải chăng?
* Phi hỷ là phi quyền phải chăng? Phi quyền là phi hỷ quyền phải chăng?
* Phi ưu là phi quyền phải chăng? Phi quyền là phi ưu quyền phải chăng?
* Phi xả là phi quyền phải chăng? Phi quyền là phi xả quyền phải chăng?
* Phi tín là phi quyền phải chăng? Phi quyền là phi tín quyền phải chăng?
* Phi cần là phi quyền phải chăng? Phi quyền là phi cần quyền phải chăng?
* Phi niệm là phi quyền phải chăng? Phi quyền là phi niệm quyền phải chăng?
* Phi định là phi quyền phải chăng? Phi quyền là phi định quyền phải chăng?
* Phi trí là phi quyền phải chăng? Phi quyền là phi trí quyền phải chăng?
* Phi tri dị tri là phi quyền phải chăng? Phi quyền là phi tri dị tri quyền phải chăng?
* Phi tri dĩ tri là phi quyền phải chăng? Phi quyền là phi tri dĩ tri quyền phải chăng?
* Phi tri cụ tri là phi quyền phải chăng? Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?

386.

* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là nhĩ quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là tỷ quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là thiệt quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là thân quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là ý quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là nữ quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là nam quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là mạng quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là lạc quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là khổ quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là hỷ quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là ưu quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là xả quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là tín quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là cần quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là niệm quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là định quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là trí quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là tri dị tri quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là tri dĩ tri quyền phải chăng?
* Nhãn là quyền phải chăng? Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Nhĩ là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Tỷ là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Thiệt là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Thân là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Ý là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Nữ là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?

* Nam là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Mạng là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Lạc là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Khổ là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Hỷ là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Ưu là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Xả là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Tín là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Cần là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Niệm là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Định là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Trí là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Tri dị tri là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Tri dĩ tri là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?
* Tri cụ tri là quyền phải chăng? Quyền là nhãn quyền... Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng?

387.

* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi nhĩ quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi tỷ quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi thiệt quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi thân quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi ý quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi nữ quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi nam quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi mạng quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi lạc quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi khổ quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi hỷ quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi ưu quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi xả quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi tín quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi cần quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi niệm quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi định quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi trí quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi tri dị tri quyền phải chăng?
* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi tri dĩ tri quyền phải chăng?

* Phi nhãn là phi quyền, phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi nhĩ là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng?... Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi tỷ là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi thiệt là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi thân là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi ý là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi nữ là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi nam là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi mạng là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi lạc là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi khổ là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi hỷ là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi ưu là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi xả là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi tín là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi cần là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi niệm là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi định là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi trí là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi tri dị tri là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi tri dĩ tri là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?
* Phi tri cụ tri là phi quyền, phi quyền là phi nhãn quyền... phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng?

Dứt phần xiển thuật

Phần Xiển Minh *(Niddesa)*

388.

* *Nhãn là nhãn quyền phải chăng?* Thiên nhãn, tuệ nhãn gọi nhãn mà không gọi nhãn quyền. Nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
  Nhãn quyền gọi nhãn phải chăng? Phải rồi.
* *Nhĩ gọi nhĩ quyền phải chăng?* Thiên nhĩ, ái nhĩ gọi nhĩ mà phi nhĩ quyền. Còn nhĩ quyền gọi nhĩ cũng phải và gọi nhĩ quyền cũng phải.
  Nhĩ quyền gọi nhĩ phải chăng? Phải rồi.
* *Tỷ gọi tỷ quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Tỷ quyền gọi tỷ phải chăng? Phải rồi.
* *Thiệt gọi thiệt quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Thiệt quyền gọi thiệt phải chăng? Phải rồi.
* *Thân gọi thân quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Trừ ra thân quyền, thân ngoài ra gọi thân mà phi thân quyền. Còn thân quyền gọi thân cũng phải và gọi thân quyền cũng phải.
  Thân quyền gọi thân phải chăng? Phải rồi.
* *Ý gọi ý quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Ý quyền gọi ý phải chăng? Phải rồi.

389.

* *Nữ gọi nữ quyền phải chăng?* Không phải.

  Nữ quyền gọi nữ phải chăng? Không phải.
* *Nam gọi nam quyền phải chăng?* Không phải.
  Nam quyền gọi nam phải chăng? Không phải.
* *Mạng gọi mạng quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Mạng quyền gọi mạng phải chăng? Phải rồi.

390.

* *Lạc gọi lạc quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Lạc quyền gọi lạc phải chăng? Phải rồi.
* *Khổ gọi khổ quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Khổ quyền gọi khổ phải chăng? Phải rồi.
* *Hỷ gọi hỷ quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Hỷ quyền gọi hỷ phải chăng? Phải rồi.
* *Ưu gọi ưu quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Ưu quyền gọi ưu phải chăng? Phải rồi.
* *Xả gọi xả quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Trừ ra xả quyền, xả ngoài ra gọi xả mà không gọi xả quyền. Còn xả quyền gọi xả cũng phải và gọi xả quyền cũng phải.
  Xả quyền gọi xả phải chăng? Phải rồi.

391.

* *Tín gọi tín quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Tín quyền gọi tín phải chăng? Phải rồi.
* *Cần gọi cần quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Cần quyền gọi cần phải chăng? Phải rồi.
* *Niệm gọi niệm quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Niệm quyền gọi niệm phải chăng? Phải rồi.
* *Định gọi định quyền phải chăng?* Phải rồi.

Định quyền gọi định phải chăng? Phải rồi.

* *Trí gọi trí quyền phải chăng?* Phải rồi.
Trí quyền gọi trí phải chăng? Phải rồi.

392.

* *Tri dị tri gọi tri dị tri quyền phải chăng?* Phải rồi.
Tri dị tri quyền gọi tri dị tri phải chăng? Phải rồi.
* *Tri dĩ tri gọi tri dĩ tri quyền phải chăng?* Phải rồi.
Tri dĩ tri quyền gọi tri dĩ tri phải chăng? Phải rồi.
* *Tri cụ tri gọi tri cụ tri quyền phải chăng?* Phải rồi.
Tri cụ tri quyền gọi tri cụ tri phải chăng? Phải rồi.

393.

* *Phi nhãn gọi phi nhãn quyền phải chăng?* Phải rồi.
Phi nhãn quyền gọi phi nhãn phải chăng? Phải rồi.

Thiên nhãn, tuệ nhãn là phi nhãn quyền mà còn gọi là nhãn. Còn trừ ra nhãn và nhãn quyền, quyền ngoài ra đó gọi phi nhãn cũng phải và phi nhãn quyền cũng phải.

* *Phi nhĩ gọi phi nhĩ quyền phải chăng?* Phải rồi.
Phi nhĩ quyền gọi phi nhĩ phải chăng? Phải rồi.

Thiên nhĩ, ái nhĩ là phi nhĩ quyền mà còn gọi là nhĩ. Còn trừ ra nhĩ và nhĩ quyền, ngoài ra mới gọi phi nhĩ và phi nhĩ quyền.

* *Phi tỷ gọi phi tỷ quyền phải chăng?* Phải rồi.
Phi tỷ quyền gọi phi tỷ phải chăng? Phải rồi.
* *Phi thiệt gọi phi thiệt quyền phải chăng?* Phải rồi.
Phi thiệt quyền gọi phi thiệt phải chăng? Phải rồi.
* *Phi thân gọi phi thân quyền phải chăng?* Phải rồi.
Phi thân quyền gọi phi thân phải chăng? Phải rồi.

Trừ ra thân quyền, không gọi thân quyền mà còn gọi là thân. Còn trừ ra thân và thân quyền, mới gọi phi thân và phi thân quyền.

* *Phi ý gọi phi ý quyền phải chăng?* Phải rồi.
Phi ý quyền gọi phi ý phải chăng? Phải rồi.

394.

* *Phi nữ gọi phi nữ quyền phải chăng?* Nữ quyền là phi nữ mà còn gọi là nữ quyền. Còn trừ ra nữ và nữ quyền, quyền ngoài ra mới gọi phi nữ và phi nữ quyền.

Phi nữ quyền gọi phi nữ phải chăng? Nữ là phi nữ quyền mà còn gọi là nữ. Nếu trừ ra nữ và nữ quyền, (quyền ngoài ra) mới gọi phi nữ và phi nữ quyền.

* *Phi nam gọi phi nam quyền phải chăng?* Nam quyền không gọi là nam mà còn gọi là nam quyền. Nếu trừ ra nam và nam quyền, (quyền ngoài ra) mới gọi phi nam và phi nam quyền.

Phi nam quyền gọi phi nam phải chăng? Nam không gọi nam quyền mà gọi là nam. Nếu trừ ra nam và nam quyền, (quyền ngoài ra) mới gọi phi nam và phi nam quyền.

* *Phi mạng gọi phi mạng quyền phải chăng?* Phải rồi.
Phi mạng quyền gọi phi mạng phải chăng? Phải rồi.

395.

* *Phi lạc gọi phi lạc quyền phải chăng?* Phải rồi.

Phi lạc quyền gọi phi lạc phải chăng? Phải rồi.

* *Phi khổ gọi phi khổ quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Phi khổ quyền gọi phi khổ phải chăng? Phải rồi.
* *Phi hỷ gọi phi hỷ quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Phi hỷ quyền gọi phi hỷ phải chăng? Phải rồi.
* *Phi ưu gọi phi ưu quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Phi ưu quyền gọi phi ưu phải chăng? Phải rồi.
* *Phi xả gọi phi xả quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Phi xả quyền gọi phi xả phải chăng?

Trừ ra xả quyền, (quyền ngoài ra) không đặng gọi xả quyền mà chỉ gọi là xả. Nếu trừ ra xả và xả quyền mới gọi phi xả và phi xả quyền.

396.

* *Phi tín gọi phi tín quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Phi tín quyền gọi phi tín phải chăng? Phải rồi.
* *Phi cần gọi phi cần quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Phi cần quyền gọi phi cần phải chăng? Phải rồi.
* *Phi niệm gọi phi niệm quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Phi niệm quyền gọi phi niệm phải chăng? Phải rồi.
* *Phi định gọi phi định quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Phi định quyền gọi phi định phải chăng? Phải rồi.
* *Phi trí gọi phi trí quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Phi trí quyền gọi phi trí phải chăng? Phải rồi.

397.

* *Phi tri dị tri gọi phi tri dị tri quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Phi tri dị tri quyền gọi phi tri dị tri phải chăng? Phải rồi.
* *Phi tri dĩ tri gọi phi tri dĩ tri quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Phi tri dĩ tri quyền gọi phi tri dĩ tri phải chăng? Phải rồi.
* *Phi tri cụ tri gọi phi tri cụ tri quyền phải chăng?* Phải rồi.
  Phi tri cụ tri quyền gọi phi tri cụ tri phải chăng? Phải rồi.

398.

* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn gọi nhãn mà không gọi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi nhĩ quyền phải chăng? Nhĩ quyền gọi nhĩ cũng phải, gọi nhĩ quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó, gọi là quyền mà phi nhĩ quyền.
* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn gọi nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi tỷ quyền phải chăng? Tỷ quyền gọi quyền cũng phải và gọi tỷ quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó, chỉ gọi là quyền mà phi tỷ quyền.
* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn gọi nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi thiệt quyền phải chăng? Thiệt quyền gọi quyền cũng phải và gọi thiệt quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà không đặng gọi thiệt quyền.
* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn gọi nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.

* Quyền gọi thân quyền phải chăng? Thân quyền gọi quyền cũng phải và gọi thân quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi là quyền mà không gọi thân quyền.
* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn gọi nhãn mà không gọi là nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi ý quyền phải chăng? Ý quyền gọi quyền cũng phải và gọi ý quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà không đặng gọi ý quyền.

399.

* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn gọi nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi nữ quyền phải chăng? Nữ quyền gọi quyền cũng phải và gọi nữ quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi là quyền mà không gọi nữ quyền.
* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn gọi nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi nam quyền phải chăng? Nam quyền gọi quyền cũng phải và gọi nam quyền cũng phải. Còn quyền mà ngoài ra đó chỉ gọi là quyền mà phi nam quyền.
* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn chỉ gọi nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi mạng quyền phải chăng? Mạng quyền gọi quyền cũng phải và gọi mạng quyền cũng phải. Còn quyền mà ngoài ra đó chỉ gọi là quyền mà phi mạng quyền.

400.

* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn gọi nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi lạc quyền phải chăng? Lạc quyền gọi quyền cũng phải và gọi lạc quyền cũng phải. Còn quyền mà ngoài ra đó chỉ gọi là quyền mà phi lạc quyền.
* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn chỉ gọi nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi khổ quyền phải chăng? Khổ quyền gọi quyền cũng phải và gọi khổ quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà phi khổ quyền.
* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn gọi nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi hỷ quyền phải chăng? Hỷ quyền gọi quyền cũng phải và gọi hỷ quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà phi hỷ quyền.
* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn chỉ gọi nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi ưu quyền phải chăng? Ưu quyền gọi quyền cũng phải và gọi ưu quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi là quyền mà phi ưu quyền.
* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn chỉ gọi là nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi xả quyền phải chăng? Xả quyền gọi quyền cũng phải và gọi xả quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà phi xả quyền.

401.

* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn chỉ gọi nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi tín quyền phải chăng? Tín quyền gọi quyền cũng phải và gọi tín quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà không đặng gọi tín quyền.
* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn chỉ gọi nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi cần quyền phải chăng? Cần quyền gọi quyền cũng phải và gọi cần quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi là quyền mà không đặng gọi cần quyền.
* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn gọi nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi niệm quyền phải chăng? Niệm quyền gọi quyền cũng phải và gọi niệm quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà phi niệm quyền.
* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn chỉ gọi là nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi định quyền phải chăng? Định quyền gọi quyền cũng phải và gọi định quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi là quyền mà phi định quyền.
* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn chỉ gọi là nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi tuệ quyền phải chăng? Tuệ quyền gọi quyền cũng phải và gọi tuệ quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi là quyền mà không gọi tuệ quyền.

402.

* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn chỉ gọi là nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi tri dị tri quyền phải chăng? Tri dị tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri dị tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà không đặng gọi tri dị tri quyền.
* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn chỉ gọi là nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi tri dĩ tri quyền phải chăng? Tri dĩ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri dĩ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà không gọi tri dĩ tri quyền.
* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Thiên nhãn, tuệ nhãn gọi nhãn mà phi nhãn quyền. Còn nhãn quyền gọi nhãn cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà không gọi tri cụ tri quyền.

403.

* Nhĩ là nhĩ quyền phải chăng? Thiên nhĩ, ái nhĩ gọi là nhĩ mà phi nhĩ quyền. Còn nhĩ quyền gọi nhĩ cũng phải và gọi nhĩ quyền cũng phải.

* Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà phi nhãn quyền.
* Nhĩ gọi nhĩ quyền phải chăng? Thiên nhĩ, ái nhĩ gọi là nhĩ mà phi nhĩ quyền. Còn nhĩ quyền gọi nhĩ cũng phải và gọi nhĩ quyền cũng phải.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà không gọi tri cụ tri quyền.

404.

* Tỷ gọi tỷ quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà không gọi là nhãn quyền.
* Tỷ gọi tỷ quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà không gọi tri cụ tri quyền.

405.

* Thiệt gọi thiệt quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà không gọi nhãn quyền.
* Thiệt gọi thiệt quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi tri cụ tri quyền.

406.

* Thân gọi thân quyền phải chăng? Trừ thân quyền, thân ngoài ra chẳng phải thân quyền. Còn thân quyền gọi thân cũng phải và gọi thân quyền cũng phải.
* Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra gọi quyền mà phi nhãn quyền.
* Thân gọi thân quyền phải chăng? Trừ thân quyền, thân ngoài ra gọi thân mà không gọi thân quyền. Còn thân quyền gọi thân cũng phải và gọi thân quyền cũng phải.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra gọi quyền mà phi tri cụ tri quyền.

407.

* Ý gọi ý quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà phi nhãn quyền.
* Ý gọi ý quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra gọi quyền mà không gọi tri cụ tri quyền *(aññātāvindrīya)*.

408.

* Nữ gọi nữ quyền phải chăng? Không phải.
* Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà không gọi nhãn quyền.
* Nữ gọi nữ quyền phải chăng? Không phải.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà không gọi tri cụ tri quyền.

409.

* Nam gọi nam quyền phải chăng? Không phải.
* Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra gọi quyền mà phi nhãn quyền.
* Nam gọi nam quyền phải chăng? Không phải.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra gọi quyền mà phi tri cụ tri quyền.

410.

* Mạng gọi mạng quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà phi nhãn quyền.
* Mạng gọi mạng quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà phi tri cụ tri quyền.

411.

* Lạc gọi lạc quyền phải chăng? Phải rồi.
* Khổ gọi khổ quyền phải chăng? Phải rồi.
* Hỷ gọi hỷ quyền phải chăng? Phải rồi.
* Ưu gọi ưu quyền phải chăng? Phải rồi.
* Xả gọi xả quyền phải chăng? Trừ xả quyền ra rồi, xả ngoài ra chỉ gọi xả mà phi xả quyền. Còn xả quyền gọi xả cũng phải và gọi xả quyền cũng phải.
* Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra gọi quyền mà phi nhãn quyền.
* Xả gọi xả quyền phải chăng? Trừ xả quyền ra rồi, xả ngoài ra chỉ gọi xả mà phi xả quyền. Còn xả quyền gọi xả cũng phải và gọi xả quyền cũng phải.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà phi tri cụ tri quyền.

412.

* Tín gọi tín quyền phải chăng? Phải rồi.
* Cần gọi cần quyền phải chăng? Phải rồi.
* Niệm gọi niệm quyền phải chăng? Phải rồi.
* Định gọi định quyền phải chăng? Phải rồi.

∗ Trí gọi trí quyền phải chăng? Phải rồi.

413.

∗ Tri dị tri gọi tri dị tri quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Tri dĩ tri gọi tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Tri cụ tri gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà phi nhãn quyền.
∗ Tri cụ tri gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Quyền gọi tri dĩ tri quyền phải chăng? Tri dĩ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri dĩ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra đó chỉ gọi quyền mà phi tri dĩ tri quyền.

414.

∗ Phi nhãn, phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi nhĩ quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi tỷ quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi thiệt quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi thân quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi ý quyền phải chăng? Phải rồi.

415.

∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi nữ quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi nam quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi mạng quyền phải chăng? Phải rồi.

416.

∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi lạc quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi khổ quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi hỷ quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi ưu quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi xả quyền phải chăng? Phải rồi.

417.

∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi tín quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi cần quyền phải chăng? Phải rồi.

∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi niệm quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi định quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi trí quyền phải chăng? Phải rồi.

418.

∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi tri dị tri quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nhãn là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

419.

∗ Phi nhĩ là phi nhĩ quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nhĩ là phi nhĩ quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

420.

∗ Phi tỷ là phi tỷ quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi tỷ là phi tỷ quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

421.

∗ Phi thiệt là phi thiệt quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi thiệt là phi thiệt quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

422.

∗ Phi thân là phi thân quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi thân là phi thân quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

423.

∗ Phi ý là phi ý quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi ý là phi ý quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

424.

∗ Phi nữ là phi nữ quyền phải chăng? Nữ quyền là phi nữ mà còn gọi nữ quyền. Còn trừ ra nữ và nữ quyền, (quyền) ngoài ra mới gọi phi nữ và phi nữ quyền.

∗ Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

∗ Phi nữ là phi nữ quyền phải chăng? Nữ quyền là phi nữ mà còn gọi nữ quyền. Nếu trừ ra nữ và nữ quyền, (quyền) ngoài ra là phi nữ và phi nữ quyền.

∗ Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

425.

∗ Phi nam là phi nam quyền phải chăng? Nam quyền là phi nam mà còn gọi nam quyền. Nếu trừ ra nam và nam quyền, (quyền) ngoài ra là phi nam và phi nam quyền.

∗ Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

∗ Phi nam là phi nam quyền phải chăng? Nam quyền là phi nam mà còn gọi nam quyền. Còn trừ ra nam và nam quyền, (quyền) ngoài ra là phi nam và phi nam quyền.

∗ Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

426.

∗ Phi mạng là phi mạng quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi mạng là phi mạng quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

427.

∗ Phi lạc là phi lạc quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi lạc là phi lạc quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

428.

∗ Phi khổ là phi khổ quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi khổ là phi khổ quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

429.

∗ Phi hỷ là phi hỷ quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi hỷ là phi hỷ quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

430.

∗ Phi ưu là phi ưu quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi ưu là phi ưu quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

431.

∗ Phi xả là phi xả quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi xả là phi xả quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

432.

∗ Phi tín là phi tín quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi tín là phi tín quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

433.

* Phi cần là phi cần quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi cần là phi cần quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

434.

* Phi niệm là phi niệm quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi niệm là phi niệm quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

435.

* Phi định là phi định quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi định là phi định quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

436.

* Phi trí là phi trí quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi trí là phi trí quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

437.

* Phi tri dị tri là phi tri dị tri quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi tri dị tri là phi tri dị tri quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

438.

* Phi tri dĩ tri là phi tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi tri dĩ tri là phi tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

439.

* Phi tri cụ tri là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi tri cụ tri là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi quyền là phi tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

440.

* Nhãn gọi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi nhãn quyền.
* Nhĩ gọi nhĩ quyền phải chăng? Nhĩ nào thuộc về quyền, nhĩ ấy gọi nhĩ cũng phải và gọi nhĩ quyền cũng phải. Còn nhĩ ngoài ra gọi là nhĩ mà phi nhĩ quyền.
* Quyền gọi nhĩ quyền phải chăng? Nhĩ quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhĩ quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi nhĩ quyền.
* Tỷ gọi tỷ quyền phải chăng? Phải rồi.

* Quyền gọi tỷ quyền phải chăng? Tỷ quyền gọi quyền cũng phải và gọi tỷ quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà phi tỷ quyền.
* Thiệt gọi thiệt quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi thiệt quyền phải chăng? Thiệt quyền gọi quyền cũng phải và gọi thiệt quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà không gọi thiệt quyền.
* Thân gọi thân quyền phải chăng? Thân nào thuộc về quyền, thân ấy gọi thân cũng phải và gọi thân quyền cũng phải. Còn thân ngoài ra gọi là thân mà phi thân quyền.
* Quyền gọi thân quyền phải chăng? Thân quyền gọi quyền cũng phải và gọi thân quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà không gọi thân quyền.
* Ý gọi ý quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi ý quyền phải chăng? Ý quyền gọi quyền cũng phải và gọi ý quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà không đặng gọi ý quyền.

441.

* Nữ gọi nữ quyền phải chăng? Không phải.
* Quyền gọi nữ quyền phải chăng? Nữ quyền gọi quyền cũng phải và gọi nữ quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà không đặng gọi nữ quyền.
* Nam gọi nam quyền phải chăng? Không phải.
* Quyền gọi nam quyền phải chăng? Nam quyền gọi quyền cũng phải và gọi nam quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà không đặng gọi nam quyền.
* Mạng gọi mạng quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi mạng quyền phải chăng? Mạng quyền gọi quyền cũng phải và gọi mạng quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà không gọi mạng quyền.

442.

* Lạc gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi lạc quyền phải chăng? Lạc quyền gọi quyền cũng phải và gọi lạc quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà không gọi lạc quyền.
* Khổ gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi khổ quyền phải chăng? Khổ quyền gọi quyền cũng phải và gọi khổ quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà không gọi khổ quyền.
* Hỷ gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi hỷ quyền phải chăng? Hỷ quyền gọi quyền cũng phải và gọi hỷ quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền chứ không đang gọi hỷ quyền.
* Ưu gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi ưu quyền phải chăng? Ưu quyền gọi quyền cũng phải và gọi ưu quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà không gọi ưu quyền.
* Xả gọi xả quyền phải chăng? Xả nào thuộc quyền, thì xả ấy mới gọi quyền. Còn xả ngoài ra chỉ gọi xả mà phi xả quyền.

* Quyền gọi xả quyền phải chăng? Xả quyền gọi quyền cũng phải và gọi xả quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà không gọi xả quyền.

443.

* Tín gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi tín quyền phải chăng? Tín quyền gọi quyền cũng phải và gọi tín quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà không gọi tín quyền.
* Cần gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi cần quyền phải chăng? Cần quyền gọi quyền cũng phải và gọi cần quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà không gọi cần quyền.
* Niệm gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi niệm quyền phải chăng? Niệm quyền gọi quyền cũng phải và gọi niệm quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà không đặng gọi niệm quyền.
* Định gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi định quyền phải chăng? Định quyền gọi quyền cũng phải và gọi định quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà không gọi định quyền.
* Trí gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi trí quyền phải chăng? Trí quyền gọi quyền cũng phải và gọi trí quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà không đặng gọi trí quyền.

444.

* Tri dị tri gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi tri dị tri quyền phải chăng? Tri dị tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri dị tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà không đặng gọi tri dị tri quyền.
* Tri dĩ tri gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi tri dĩ tri quyền phải chăng? Tri dĩ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri dĩ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà không gọi tri dĩ tri quyền.
* Tri cụ tri quyền gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà không gọi tri cụ tri quyền.

445.

* Phi nhãn là phi quyền phải chăng? Trừ ra nhãn, quyền ngoài ra là phi nhãn mà chỉ gọi là quyền. Nếu trừ ra nhãn và quyền, ngoài ra là phi nhãn và phi quyền.
* Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi nhĩ là phi quyền phải chăng? Trừ ra nhĩ, còn quyền ngoài ra chẳng phải nhĩ mà chỉ gọi là quyền. Nếu trừ ra nhĩ và quyền, ngoài ra là phi nhĩ và phi quyền.
* Phi quyền là phi nhĩ quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi tỷ là phi quyền phải chăng? Trừ tỷ ra rồi, còn quyền ngoài ra không gọi là tỷ mà chỉ gọi là quyền. Nếu trừ ra tỷ và quyền, ngoài ra là phi tỷ và cũng phi quyền.

* Phi quyền là phi tỷ quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi thiệt là phi quyền phải chăng? Trừ ra thiệt, còn quyền ngoài ra không đặng gọi thiệt mà chỉ gọi là quyền. Nếu trừ ra thiệt và quyền, ngoài ra là phi thiệt và cũng phi quyền.
* Phi quyền là phi thiệt quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi thân là phi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi quyền là phi thân quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi ý là phi quyền phải chăng? Trừ ý ra rồi, còn quyền ngoài ra không gọi ý mà chỉ gọi là quyền. Nếu trừ ra ý và quyền, ngoài ra là phi ý và phi quyền.
* Phi quyền là phi ý quyền phải chăng? Phải rồi.

446.

* Phi nữ là phi quyền phải chăng? Trừ nữ ra rồi, còn quyền ngoài ra là phi nữ mà gọi là quyền. Nếu trừ nữ và quyền, ngoài ra mới gọi là phi nữ và phi quyền.
* Phi quyền là phi nữ quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi nam là phi quyền phải chăng? Trừ nam ra rồi, còn quyền ngoài ra đó là phi nam mà còn gọi là quyền. Nếu trừ nam và quyền, ngoài ra đó mới gọi phi nam và phi quyền.
* Phi quyền là phi nam quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi mạng là phi quyền phải chăng? Trừ mạng ra rồi, còn quyền ngoài ra là phi mạng mà còn gọi là quyền. Nếu trừ ra mạng và quyền, ngoài ra đó mới gọi phi mạng và phi quyền.
* Phi quyền là phi mạng quyền phải chăng? Phải rồi.

447.

* Phi lạc là phi quyền phải chăng? Trừ lạc ra rồi, còn quyền ngoài ra gọi phi lạc mà còn gọi là quyền. Nếu trừ lạc và quyền, ngoài ra mới gọi phi lạc và phi quyền.
* Phi quyền là phi lạc quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi khổ là phi quyền phải chăng? Trừ khổ ra rồi, còn quyền ngoài ra là phi khổ mà còn gọi là quyền. Nếu trừ ra khổ và quyền, ngoài ra đó mới gọi phi khổ và phi quyền.
* Phi quyền là phi khổ quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi hỷ là phi quyền phải chăng? Trừ hỷ ra rồi, còn quyền ngoài ra gọi phi hỷ mà còn gọi là quyền. Nếu trừ hỷ và quyền, ngoài ra mới gọi phi hỷ và phi quyền.
* Phi quyền là phi hỷ quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi ưu là phi quyền phải chăng? Trừ ưu ra rồi, quyền ngoài ra là phi ưu mà còn gọi là quyền. Nếu trừ ra ưu và quyền, ngoài ra đó mới gọi phi ưu và phi quyền.
* Phi quyền là phi ưu quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi xả là phi quyền phải chăng? Trừ xả ra rồi, còn quyền ngoài ra gọi phi xả mà còn gọi là quyền. Nếu trừ xả và quyền, ngoài ra đó mới gọi phi xả và phi quyền.
* Phi quyền là phi xả quyền phải chăng? Phải rồi.

448.

* Phi tín là phi quyền phải chăng? Trừ tín ra rồi, còn quyền ngoài ra không gọi là tín mà còn gọi là quyền. Nếu trừ ra tín và quyền, ngoài ra mới gọi phi tín và phi quyền.
* Phi quyền là phi tín quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi cần là phi quyền phải chăng? Trừ cần ra rồi, quyền ngoài ra không gọi là cần mà còn gọi là quyền. Nếu trừ ra cần và quyền, ngoài ra mới gọi phi cần và phi quyền.
* Phi quyền là phi cần quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi niệm là phi quyền phải chăng? Trừ niệm ra rồi, còn quyền ngoài ra không gọi niệm mà còn gọi là quyền. Nếu trừ niệm và quyền, ngoài ra mới gọi phi niệm và phi quyền.
* Phi quyền là phi niệm quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi định là phi quyền phải chăng? Trừ định ra rồi, quyền ngoài ra là phi định mà còn gọi là quyền. Nếu trừ định và quyền, ngoài ra mới gọi phi định và phi quyền.
* Phi quyền là phi định quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi trí là phi quyền phải chăng? Trừ trí ra rồi, còn quyền ngoài ra là phi trí mà còn gọi là quyền. Nếu trừ trí và quyền, ngoài ra mới gọi phi trí và phi quyền.
* Phi quyền là phi trí quyền phải chăng? Phải rồi.

449.

* Phi tri dị tri là phi quyền phải chăng? Trừ ra tri dị tri *(anaññātaññassāmītin),* còn quyền ngoài ra chẳng phải tri dị tri mà còn gọi là quyền. Nếu trừ ra tri dị tri và quyền, ngoài ra mới gọi phi tri dị tri và phi quyền.
* Phi quyền là phi tri dị tri quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi tri dĩ tri là phi quyền phải chăng? Trừ ra tri dĩ tri, còn quyền ngoài ra chẳng gọi là tri dĩ tri mà còn gọi là quyền. Nếu trừ tri dĩ tri và quyền, ngoài ra mới gọi phi tri dĩ tri và phi quyền.
* Phi quyền là phi tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi tri cụ tri là phi quyền phải chăng? Trừ tri cụ tri ra *(aññātāvī)*, còn quyền ngoài ra không gọi là tri cụ tri mà còn gọi là quyền. Nếu trừ tri cụ tri và quyền, ngoài ra mới gọi phi tri cụ tri và phi quyền.
* Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

450.

* Nhãn là quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền là nhĩ quyền phải chăng? Nhĩ quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhĩ quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà phi nhĩ quyền.
* Nhãn là quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền là tỷ quyền phải chăng? Tỷ quyền gọi quyền cũng phải và gọi tỷ quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà không đặng gọi tỷ quyền.
* Nhãn là quyền phải chăng? Phải rồi.

* Quyền là thiệt quyền phải chăng? Thiệt quyền gọi quyền cũng phải và gọi thiệt quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà phi thiệt quyền.
* Nhãn là quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi thân quyền phải chăng? Thân quyền gọi quyền cũng phải và gọi thân quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà phi thân quyền.
* Nhãn gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi ý quyền phải chăng? Ý quyền gọi quyền cũng phải và gọi ý quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà không gọi ý quyền.

451.

* Nhãn gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi nữ quyền phải chăng? Nữ quyền gọi quyền cũng phải và gọi nữ quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi nữ quyền.
* Nhãn gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi nam quyền phải chăng? Nam quyền gọi quyền cũng phải và gọi nam quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi nam quyền.
* Nhãn gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi mạng quyền phải chăng? Mạng quyền gọi quyền cũng phải và gọi mạng quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi mạng quyền.

452.

* Nhãn gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi lạc quyền phải chăng? Lạc quyền gọi quyền cũng phải và gọi lạc quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi lạc quyền.
* Nhãn gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi khổ quyền phải chăng? Khổ quyền gọi quyền cũng phải và gọi khổ quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi khổ quyền.
* Nhãn gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi hỷ quyền phải chăng? Hỷ quyền gọi quyền cũng phải và gọi hỷ quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi hỷ quyền.
* Nhãn gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi ưu quyền phải chăng? Ưu quyền gọi quyền cũng phải và gọi ưu quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi ưu quyền.
* Nhãn gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi xả quyền phải chăng? Xả quyền gọi quyền cũng phải và gọi xả quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi xả quyền.

453.

* Nhãn gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi tín quyền phải chăng? Tín quyền gọi quyền cũng phải và gọi tín quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi tín quyền.

∗ Nhãn gọi quyền phải chăng? Phải rồi.

∗ Quyền gọi cần quyền phải chăng? Mạng quyền gọi quyền cũng phải và gọi cần quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi cần quyền.

∗ Nhãn gọi quyền phải chăng? Phải rồi.

∗ Quyền gọi niệm quyền phải chăng? Niệm quyền gọi quyền cũng phải và gọi niệm quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi niệm quyền.

∗ Nhãn gọi quyền phải chăng? Phải rồi.

∗ Quyền gọi định quyền phải chăng? Định quyền gọi quyền cũng phải và gọi định quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi định quyền.

∗ Nhãn gọi quyền phải chăng? Phải rồi.

∗ Quyền gọi trí quyền phải chăng? Trí quyền gọi quyền cũng phải và gọi trí quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi trí quyền.

454.

∗ Nhãn gọi quyền phải chăng? Phải rồi.

∗ Quyền gọi tri dị tri quyền phải chăng? Tri dị tri quyền *(anaññātaññassāmītindrīya)* gọi quyền cũng phải và gọi tri dị tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà phi tri dị tri quyền.

∗ Nhãn gọi quyền phải chăng? Phải rồi.

∗ Quyền gọi tri dĩ tri quyền phải chăng? Tri dĩ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri dĩ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi tri dĩ tri quyền.

∗ Nhãn gọi quyền phải chăng? Phải rồi.

∗ Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền *(aññātāvindrīya)* gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi tri cụ tri quyền.

455.

∗ Nhĩ gọi quyền phải chăng? Nhĩ nào gọi quyền, nhĩ ấy gọi nhĩ cũng phải và gọi nhĩ quyền cũng phải. Còn nhĩ ngoài ra gọi là nhĩ mà không gọi là quyền.

∗ Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi nhãn quyền.

∗ Nhĩ gọi quyền phải chăng? Nhĩ nào là quyền, nhĩ đó gọi nhĩ cũng phải và gọi nhĩ quyền cũng phải. Còn nhĩ ngoài ra gọi là nhĩ mà không gọi là quyền.

∗ Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền *(aññātāvindrīya)* gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà không đặng gọi là tri cụ tri quyền.

456.

∗ Tỷ gọi quyền phải chăng? Phải rồi.

∗ Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà phi nhãn quyền.

∗ Tỷ gọi quyền phải chăng? Phải rồi.

* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi tri cụ tri quyền.

457.

* Thiệt gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền là nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà phi nhãn quyền.
* Thiệt gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền là tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà phi tri cụ tri quyền.

458.

* Thân là quyền phải chăng? Thân nào là quyền, thân ấy gọi thân cũng phải và quyền cũng phải. Còn thân ngoài ra chỉ gọi thân mà không gọi là quyền.
* Quyền là nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà phi nhãn quyền.
* Thân là quyền phải chăng? Thân nào là quyền, thân đó gọi thân cũng phải và gọi quyền cũng phải. Còn thân ngoài ra gọi thân mà không gọi quyền.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà phi tri cụ tri quyền.

459.

* Ý gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi nhãn quyền.
* Ý gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi tri cụ tri quyền.

460.

* Nữ gọi quyền phải chăng? Không phải.
* Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi nhãn quyền.
* Nữ gọi quyền phải chăng? Không phải.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi tri cụ tri quyền.

461.

* Nam gọi quyền phải chăng? Không phải.
* Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi nhãn quyền.
* Nam gọi quyền phải chăng? Không phải.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi tri cụ tri quyền.

462.

* Mạng gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi nhãn quyền.
* Mạng gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền không gọi phi tri cụ tri quyền.

463.

* Lạc gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà không gọi nhãn quyền.
* Lạc gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi tri cụ tri quyền.
* Khổ gọi quyền phải chăng? Phải rồi…
* Hỷ gọi quyền phải chăng? Phải rồi…
* Ưu gọi quyền phải chăng? Phải rồi…
* Xả gọi quyền phải chăng? Xả nào gọi quyền, xả ấy gọi xả cũng phải và gọi quyền cũng phải. Còn xả ngoài ra là phi quyền.
* Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi là quyền mà phi nhãn quyền.
* Xả gọi quyền phải chăng? Xả nào gọi quyền, xả ấy gọi xả cũng phải và gọi quyền cũng phải. Còn xả ngoài ra là phi quyền.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi tri cụ tri quyền.

464.

* Tín gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Cần gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Niệm gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Định gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Trí gọi quyền phải chăng? Phải rồi.

465.

* Tri dị tri gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Tri dĩ tri gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi nhãn quyền.
* Quyền gọi tri cụ tri quyền phải chăng? Tri cụ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri cụ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi tri cụ tri quyền.
* Tri cụ tri gọi quyền phải chăng? Phải rồi.

* Quyền gọi nhãn quyền phải chăng? Nhãn quyền gọi quyền cũng phải và gọi nhãn quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi nhãn quyền.
* Tri cụ tri gọi quyền phải chăng? Phải rồi.
* Quyền gọi tri dĩ tri quyền phải chăng? Tri dĩ tri quyền gọi quyền cũng phải và gọi tri dĩ tri quyền cũng phải. Còn quyền ngoài ra chỉ gọi quyền mà phi tri dĩ tri quyền.

466.

* Phi nhãn là phi quyền phải chăng? Trừ nhãn ra rồi, còn quyền ngoài ra không gọi nhãn mà còn gọi là quyền. Nếu trừ nhãn và quyền, ngoài ra mới gọi là phi nhãn và phi quyền.
* Phi quyền là phi nhĩ quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi nhãn là phi quyền phải chăng? Trừ nhãn, quyền ngoài ra không gọi nhãn mà còn gọi là quyền. Nếu trừ nhãn và quyền, ngoài ra mới gọi là phi nhãn và phi quyền.
* Phi quyền là phi tỷ quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi nhãn là phi quyền phải chăng? Trừ nhãn ra rồi, còn quyền ngoài ra không gọi nhãn mà chỉ gọi là quyền. Nếu trừ nhãn và quyền, mới gọi là phi nhãn và cũng gọi phi quyền.
* Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

467.

* Phi nhĩ là phi quyền phải chăng? Trừ nhĩ ra rồi, còn quyền ngoài ra không gọi nhĩ mà còn gọi là quyền. Nếu trừ nhĩ và quyền, ngoài ra mới phi nhĩ và cũng phi quyền.
* Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi…
* Phi nhĩ là phi quyền phải chăng? Trừ nhĩ ra rồi, còn quyền ngoài ra không gọi nhĩ mà còn gọi là quyền. Nếu trừ nhĩ và quyền, ngoài ra mới gọi là phi nhĩ và phi quyền.
* Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi…

468.

* Phi tỷ là phi quyền phải chăng? Trừ tỷ, còn quyền ngoài ra không gọi tỷ mà còn gọi là quyền. Nếu trừ tỷ và quyền, ngoài ra mới gọi là phi tỷ và phi quyền.
* Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi…
* Phi tỷ là phi quyền phải chăng? Trừ tỷ, còn quyền ngoài ra không gọi là tỷ mà còn gọi là quyền. Nếu trừ tỷ và quyền, ngoài ra mới gọi là phi tỷ và phi quyền.
* Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi…

469.

* Phi thiệt là phi quyền phải chăng? Trừ thiệt, còn quyền ngoài ra không gọi thiệt mà chỉ gọi là quyền. Nếu trừ thiệt và quyền, ngoài ra mới gọi là phi thiệt và phi quyền.
* Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi…
* Phi thiệt là phi quyền phải chăng? Trừ thiệt, quyền ngoài ra không gọi thiệt mà gọi quyền. Còn trừ thiệt và quyền, ngoài ra mới gọi là phi thiệt và phi quyền.
* Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi…

470.

∗ Phi thân, phi quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền, phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi thân, phi quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi quyền, phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

471.

∗ Phi ý, phi quyền phải chăng? Trừ ý, còn quyền ngoài ra không đặng gọi ý mà còn gọi là quyền. Trừ ý và quyền, ngoài ra mới gọi là phi ý và phi quyền.
∗ Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi ý, phi quyền phải chăng? Trừ ý, còn quyền ngoài ra không gọi ý mà gọi quyền. Trừ ý và quyền, ngoài ra mới gọi là phi ý và phi quyền.
∗ Phi quyền, phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

472.

∗ Phi nữ, phi quyền phải chăng? Trừ nữ, quyền ngoài ra không gọi nữ mà gọi quyền. Nếu trừ nữ và quyền, ngoài ra mới gọi là phi nữ và phi quyền.
∗ Phi quyền, phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nữ là phi quyền phải chăng? Trừ nữ, quyền ngoài ra không gọi nữ mà gọi quyền. Còn trừ nữ và quyền, ngoài ra mới gọi là phi nữ và phi quyền.
∗ Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

473.

∗ Phi nam là phi quyền phải chăng? Trừ nam, quyền ngoài ra không gọi nam mà gọi quyền. Còn trừ nam và quyền, ngoài ra mới gọi là phi nam và phi quyền.
∗ Phi quyền, phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi nam, phi quyền phải chăng? Trừ nam ra rồi, còn quyền ngoài ra không gọi nam mà gọi quyền. Nếu trừ nam và quyền, ngoài ra mới gọi là phi nam và phi quyền.
∗ Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

474.

∗ Phi mạng là phi quyền phải chăng? Trừ mạng, quyền ngoài ra không gọi mạng mà gọi là quyền. Nếu trừ mạng và quyền, ngoài ra mới gọi là phi mạng và phi quyền.
∗ Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi mạng là phi quyền phải chăng? Trừ mạng, còn quyền ngoài ra không gọi mạng mà gọi quyền. Trừ mạng và quyền, ngoài ra mới gọi là phi mạng và phi quyền.
∗ Phi quyền là phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

475.

∗ Phi lạc là phi quyền phải chăng? Trừ lạc, quyền ngoài ra là phi lạc mà còn gọi là quyền. Nếu trừ lạc và quyền, ngoài ra mới gọi phi lạc và phi quyền.
∗ Phi quyền là phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
∗ Phi lạc là phi quyền phải chăng? Trừ lạc, quyền ngoài ra không gọi lạc mà còn gọi quyền. Nếu trừ lạc và quyền, ngoài ra mới gọi phi lạc và phi quyền.
∗ Phi quyền, phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

476.

* Phi khổ, phi quyền phải chăng? Trừ khổ, quyền ngoài ra không gọi khổ mà gọi quyền. Nếu trừ khổ và quyền, ngoài ra mới gọi phi khổ và phi quyền.
* Phi quyền, phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi khổ là phi quyền phải chăng? Trừ khổ, còn quyền ngoài ra không gọi là khổ mà còn gọi là quyền. Trừ khổ và quyền, ngoài ra mới gọi phi khổ và phi quyền.
* Phi quyền, phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

477.

* Phi hỷ, phi quyền phải chăng? Trừ hỷ, còn quyền ngoài ra là phi hỷ mà còn gọi là quyền. Nếu trừ hỷ và quyền, ngoài ra mới gọi phi hỷ và phi quyền.
* Phi quyền, phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi hỷ, phi quyền phải chăng? Trừ hỷ, còn quyền ngoài ra là phi hỷ mà còn gọi là quyền. Nếu trừ hỷ và quyền, ngoài ra mới gọi phi hỷ và phi quyền.
* Phi quyền, phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

478.

* Phi ưu, phi quyền phải chăng? Trừ ưu, còn quyền ngoài ra là phi ưu mà còn gọi là quyền. Nếu trừ ưu và quyền, ngoài ra mới gọi là phi ưu và phi quyền.
* Phi quyền, phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi ưu, phi quyền phải chăng? Trừ ưu, còn quyền ngoài ra là phi ưu mà gọi là quyền. Nếu trừ ưu và quyền, ngoài ra mới gọi phi ưu và cũng phi quyền.
* Phi quyền, phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

479.

* Phi xả, phi quyền phải chăng? Trừ xả, còn quyền ngoài ra là phi xả mà còn gọi là quyền. Trừ xả và quyền, ngoài ra mới gọi phi xả và phi quyền.
* Phi quyền, phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi xả, phi quyền phải chăng? Trừ xả, còn quyền ngoài ra là phi xả mà còn gọi là quyền. Nếu trừ xả và quyền, ngoài ra mới gọi phi xả và phi quyền.
* Phi quyền, phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

480.

* Phi tín, phi quyền phải chăng? Trừ tín, còn quyền ngoài ra là phi tín mà còn gọi quyền. Nếu trừ tín và quyền, ngoài ra mới gọi là phi tín và cũng gọi phi quyền.
* Phi quyền, phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi tín, phi quyền phải chăng? Trừ tín, quyền ngoài ra là phi tín mà còn gọi là quyền. Trừ tín và quyền, ngoài ra mới gọi phi tín và phi quyền.
* Phi quyền, phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

481.

* Phi cần, phi quyền phải chăng? Trừ cần, quyền ngoài ra là phi cần mà còn gọi là quyền. Nếu trừ cần và quyền, ngoài ra mới gọi phi cần và phi quyền.
* Phi quyền, phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

∗ Phi cần, phi quyền phải chăng? Trừ cần, còn quyền ngoài ra là phi cần mà còn gọi là quyền. Trừ cần và quyền, ngoài ra đó là phi cần và phi quyền.

∗ Phi quyền, phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

482.

∗ Phi niệm, phi quyền phải chăng? Trừ niệm, quyền ngoài ra gọi phi niệm mà còn gọi quyền. Nếu trừ niệm và quyền, ngoài ra mới gọi phi niệm và phi quyền.

∗ Phi quyền, phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

∗ Phi niệm, phi quyền phải chăng? Trừ niệm, quyền ngoài ra không gọi niệm mà gọi quyền. Trừ niệm và quyền, ngoài ra mới gọi phi niệm và phi quyền.

∗ Phi quyền, phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

483.

∗ Phi định, phi quyền phải chăng? Trừ định ra rồi, quyền ngoài ra là phi định mà còn gọi quyền. Nếu trừ định và quyền, ngoài ra là phi định và phi quyền.

∗ Phi quyền, phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

∗ Phi định, phi quyền phải chăng? Trừ định, còn quyền ngoài ra là phi định mà còn gọi quyền. Nếu trừ định và quyền, ngoài ra là phi định và cũng phi quyền.

∗ Phi quyền, phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

484.

∗ Phi trí, phi quyền phải chăng? Trừ trí, quyền ngoài ra là phi trí mà gọi là quyền. Còn trừ trí và quyền, ngoài ra là phi trí và phi quyền.

∗ Phi quyền, phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

∗ Phi trí, phi quyền phải chăng? Trừ trí, còn quyền ngoài ra là phi trí mà còn gọi là quyền. Trừ trí và quyền, ngoài ra mới gọi phi trí và phi quyền.

∗ Phi quyền, phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

485.

∗ Phi tri dị tri, phi quyền phải chăng? Trừ tri dị tri, còn quyền ngoài ra là phi tri dị tri mà gọi là quyền. Nếu trừ tri dị tri và quyền, ngoài ra là phi tri dị tri và phi quyền.

∗ Phi quyền, phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

∗ Phi tri dị tri, phi quyền phải chăng? Trừ tri dị tri, quyền ngoài ra là phi tri dị tri mà còn gọi là quyền. Nếu trừ tri dị tri và quyền, ngoài ra là phi tri dị tri và cũng phi quyền.

∗ Phi quyền, phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

486.

∗ Phi tri dĩ tri, phi quyền phải chăng? Trừ tri dĩ tri *(aññā),* quyền ngoài ra là phi tri dĩ tri mà còn gọi là quyền. Trừ tri dĩ tri và quyền, ngoài ra là phi tri dĩ tri và phi quyền.

∗ Phi quyền, phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

∗ Phi tri dĩ tri, phi quyền phải chăng? Trừ tri dĩ tri, quyền ngoài ra là phi tri dĩ tri mà còn gọi là quyền. Nếu trừ tri dĩ tri và quyền, ngoài ra mới gọi phi tri dĩ tri và phi quyền.

∗ Phi quyền, phi tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

487.

* Phi tri cụ tri, phi quyền phải chăng? Trừ tri cụ tri *(aññātāvī),* quyền ngoài ra là phi tri cụ tri mà còn gọi là quyền. Nếu trừ tri cụ tri và quyền, ngoài ra mới gọi phi tri cụ tri và phi quyền.
* Phi quyền, phi nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.
* Phi tri cụ tri,phi quyền phải chăng? Trừ tri cụ tri, quyền ngoài ra là phi tri cụ tri mà còn gọi là quyền. Nếu trừ tri cụ tri và quyền, ngoài ra mới gọi là phi tri cụ tri và phi quyền.
* Phi quyền, phi tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Dứt xiển minh (niddhesavāra)
Hết phần án trí (paññattivāra)

PHẦN HÀNH VI *(PAVATTIVĀRA)*

Phần Hành Vi Sanh

488.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì nhĩ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhãn vô nhĩ đang sanh. Nhãn quyền đang sanh mà nhĩ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn hữu nhĩ đang sanh, nhãn quyền đang sanh và nhĩ quyền cũng đang sanh.

Hay là nhĩ quyền đang sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhĩ vô nhãn đang sanh. Nhĩ quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhĩ hữu nhãn, nhĩ quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

489.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhãn vô tỷ đang sanh. Nhãn quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn hữu tỷ đang sanh, nhãn quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

Hay là tỷ quyền đang sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tỷ vô nhãn đang sanh. Tỷ quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ hữu nhãn sanh ra, tỷ quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

490.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhãn phi nữ đang sanh. Nhãn quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nữ hữu nhãn đang sanh, nhãn quyền đang sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

Hay là nữ quyền đang sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người nữ vô nhãn đang sanh. Nữ quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nữ hữu nhãn sanh ra, nữ quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

491.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhãn phi nam sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà nam quyền chẳng

phải đang sanh với người ấy. Còn người nam hữu nhãn sanh ra, nhãn quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

Hay là nam quyền đang sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người nam vô nhãn sanh ra, nam quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nam hữu nhãn sanh ra, nam quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

492.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền đang sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhãn sanh ra, mạng quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra, mạng quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

493.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhãn sanh ra trừ hỷ. Nhãn quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn hữu hỷ sanh ra, nhãn quyền đang sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

Hay là hỷ quyền đang sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

494.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhãn sanh ra trừ xả. Nhãn quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người xả hữu nhãn sanh ra, nhãn quyền đang sanh và xả quyền cũng đang sanh.

Hay là xả quyền đang sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người xả vô nhãn sanh ra, xả quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người xả hữu nhãn sanh ra, xả quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

495.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhân, hữu nhãn sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhân, hữu nhãn sanh ra, nhãn quyền đang sanh và tín quyền cũng đang sanh.

Hay là tín quyền đang sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhân, vô nhãn sanh ra, tín quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhân, hữu nhãn sanh ra, tín quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

496.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người bất tương ưng trí hữu nhãn sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người tương ưng trí sanh ra, nhãn quyền đang sanh và trí quyền cũng đang sanh.

Hay là trí quyền đang sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người tương ưng trí vô nhãn sanh ra, trí quyền đang sanh mà nhãn quyền

chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người tương ưng trí, hữu nhãn sanh ra, trí quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

497.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì ý quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tâm, vô nhãn sanh ra, ý quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra, ý quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

498.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tỷ, phi nữ sanh ra, tỷ quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nữ, hữu tỷ sanh ra, tỷ quyền đang sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

Hay là nữ quyền đang sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người nữ, vô tỷ sanh ra, nữ quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nữ hữu tỷ sanh ra, nữ quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

499.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tỷ, phi nam sanh ra, tỷ quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nam hữu tỷ sanh ra, tỷ quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

Hay là nam quyền đang sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người nam vô tỷ sanh ra, nam quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nam hữu tỷ sanh ra, nam quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

500.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền đang sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô tỷ đang sanh ra, mạng quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh ra, mạng quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

501.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tỷ đang sanh trừ hỷ. Tỷ quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hỷ hữu tỷ đang sanh ra, tỷ quyền đang sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

Hay là hỷ quyền đang sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hỷ vô tỷ đang sanh ra, hỷ quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hỷ hữu tỷ đang sanh ra, hỷ quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

502.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người xả hữu tỷ đang sanh ra trừ xả. Tỷ quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người xả hữu tỷ đang sanh ra, tỷ quyền đang sanh và xả quyền cũng đang sanh.

Hay là xả quyền đang sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người xả vô tỷ đang sanh ra, xả quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người xả hữu tỷ đang sanh ra, xả quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

503.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhân hữu tỷ đang sanh ra, tỷ quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhân hữu tỷ đang sanh ra, tỷ quyền đang sanh và tín quyền cũng đang sanh.

Hay là tín quyền đang sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhân vô tỷ đang sanh ra, tín quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhân hữu tỷ đang sanh ra, tín quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

504.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tỷ bất tương ưng trí đang sanh ra, tỷ quyền đang sanh mà trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ tương ưng trí đang sanh ra, tỷ quyền đang sanh và trí quyền cũng đang sanh.

Hay là trí quyền đang sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người tương ưng trí vô tỷ đang sanh ra, trí quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người tương ưng trí hữu tỷ đang sanh ra, trí quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

505.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì ý quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tâm, vô tỷ đang sanh ra, ý quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh ra, ý quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

506.

Nữ quyền đang sanh với người nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Không phải.

Hay là nam quyền đang sanh với người nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Không phải.

507.

Nữ quyền đang sanh với người nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền đang sanh với người nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người phi nữ đang sanh ra, mạng quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nữ đang sanh ra, mạng quyền đang sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

508.

Nữ quyền đang sanh với người nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người nữ đang sanh ra trừ hỷ. Nữ quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nữ hỷ đang sanh ra, nữ quyền đang sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

Hay là hỷ quyền đang sanh với người nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hỷ phi nữ đang sanh ra, hỷ quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nữ hỷ đang sanh ra, hỷ quyền đang sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

509.

Nữ quyền đang sanh với người nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người nữ đang sanh ra trừ xả. Nữ quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nữ thuộc xả đang sanh ra, nữ quyền đang sanh và xả quyền cũng đang sanh.

Hay là xả quyền đang sanh với người nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người xả phi nữ đang sanh ra, xả quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nữ thuộc xả đang sanh ra, xả quyền đang sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

510.

Nữ quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người nữ vô nhân đang sanh ra, nữ quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nữ hữu nhân đang sanh ra, nữ quyền đang sanh và tín quyền cũng đang sanh.

Hay là tín quyền đang sanh với người nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhân phi nữ đang sanh ra, tín quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nữ hữu nhân đang sanh ra, tín quyền đang sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

511.

Nữ quyền đang sanh với người nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người nữ bất tương ưng trí đang sanh ra, nữ quyền đang sanh mà trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nữ tương ưng trí đang sanh ra, nữ quyền đang sanh và trí quyền cũng đang sanh.

Hay là trí quyền đang sanh với người nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người phi nữ tương ưng trí đang sanh ra, tuệ quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nữ tương ưng trí đang sanh ra, tuệ quyền đang sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

512.

Nữ quyền đang sanh với người nào, thì ý quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với người nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tâm phi nữ đang sanh ra, ý quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nữ đang sanh ra, ý quyền đang sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

513.

Nam quyền đang sanh với người nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền đang sanh với người nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người phi nam đang sanh ra, mạng quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nam đang sanh ra, mạng quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

514.

Nam quyền đang sanh với người nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người nam đang sanh ra trừ hỷ. Nam quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nam hỷ đang sanh ra, nam quyền đang sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

Hay là hỷ quyền đang sanh với người nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hỷ phi nam đang sanh ra, hỷ quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nam hỷ đang sanh ra, hỷ quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

515.

Nam quyền đang sanh với người nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người nam đang sanh ra trừ xả. Nam quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nam thuộc xả đang sanh ra, nam quyền đang sanh và xả quyền cũng đang sanh.

Hay là xả quyền đang sanh với người nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người phi nam thuộc xả đang sanh ra, xả quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nam thuộc xả đang sanh ra, xả quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

516.

Nam quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người nam vô nhân đang sanh ra, nam quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nam hữu nhân đang sanh ra, nam quyền đang sanh và tín quyền cũng đang sanh.

Hay là tín quyền đang sanh với người nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhân phi nam đang sanh ra, tín quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nam hữu nhân đang sanh ra, tín quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

517.

Nam quyền đang sanh với người nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người nam bất tương ưng trí đang sanh ra, nam quyền đang sanh mà trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nam tương ưng trí đang sanh ra, nam quyền đang sanh và trí quyền cũng đang sanh.

Hay là trí quyền đang sanh với người nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người phi nam tương ưng trí đang sanh ra, trí quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nam tương ưng trí đang sanh ra, trí quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

518.

Nam quyền đang sanh với người nào, thì ý quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với người nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tâm phi nam đang sanh ra, ý quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nam đang sanh ra, ý quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

519.

Mạng quyền đang sanh với người nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ đang sanh ra trừ hỷ. Mạng quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hỷ đang sanh ra, trong sát-na sanh tâm tương ưng hỷ, mạng quyền đang sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

Hay là hỷ quyền đang sanh với người nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

520.

Mạng quyền đang sanh với người nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả đang sanh ra trừ xả, mạng quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người xả đang sanh ra, trong sát-na sanh tâm tương ưng xả hiện hành, mạng quyền đang sanh và xả quyền cũng đang sanh.

Hay là xả quyền đang sanh với người nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

521.

Mạng quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhân đang sanh ra, trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín hiện hành, mạng quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhân đang sanh ra, trong sát-na sanh tâm tương ưng tín lúc bình nhựt *(pavattikāla)*, mạng quyền đang sanh và tín quyền cũng đang sanh.

Hay là tín quyền đang sanh với người nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

522.

Mạng quyền đang sanh với người nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người bất tương ưng trí đang sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, mạng quyền đang sanh mà trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người tương ưng trí đang sanh, trong sát-na sanh tâm tương ưng trí lúc bình nhựt, mạng quyền đang sanh và trí quyền cũng đang sanh.

Hay là trí quyền đang sanh với người nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

523.

Mạng quyền đang sanh với người nào, thì ý quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô tâm đang sanh ra, mạng quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tâm đang sanh ra, trong sát-na sanh tâm thời bình nhựt *(pavattikāla)*, mạng quyền đang sanh và ý quyền cũng đang sanh.

Hay là ý quyền đang sanh với người nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

524.

Hỷ quyền đang sanh với người nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Không phải.

Hay là xả quyền đang sanh với người nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Không phải.

525.

Hỷ quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hỷ vô nhân đang sanh ra, trong sát-na sanh của tâm hợp hỷ, bất tương ưng tín. Hỷ quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hỷ đang sanh ra, trong sát-na sanh tâm hợp hỷ, tương ưng tín lúc bình nhựt, hỷ quyền đang sanh và tín quyền cũng đang sanh.

Hay là tín quyền đang sanh với người nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhân ly hỷ đang sanh ra, trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín, bất tương ưng hỷ khi bình nhựt *(pavatti)*. Tín quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hỷ đang sanh ra, trong sát-na sanh tâm tương ưng tín hợp hỷ khi bình nhựt, tín quyền đang sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

526.

Hỷ quyền đang sanh với người nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hỷ bất tương ưng trí đang sanh ra, trong sát-na sanh của tâm hợp hỷ, bất tương ưng trí lúc bình nhựt. Hỷ quyền đang sanh mà trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hỷ tương ưng trí sanh ra, trong sát-na sanh tâm hợp hỷ, tương ưng trí thời bình nhựt, hỷ quyền đang sanh và trí quyền cũng đang sanh.

Hay là trí quyền đang sanh với người nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người tương ưng trí ly hỷ đang sanh ra, trong sát-na sanh của tâm tương ưng trí, ly hỷ thời bình nhựt, trí quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hỷ tương ưng trí đang sanh ra, trong sát-na sanh của tâm tương ưng trí hợp hỷ thời bình nhựt, trí quyền đang sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

527.

Hỷ quyền đang sanh với người nào, thì ý quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với người nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tâm ly hỷ đang sanh ra, trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ lúc bình nhựt. Ý quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hỷ đang sanh ra, trong sát-na sanh tâm hợp hỷ thời bình nhựt, ý quyền đang sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

528.

Xả quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người xả vô nhân đang sanh ra, trong sát-na sanh của tâm hợp xả, bất tương ưng tín lúc bình nhựt, xả quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người xả hữu nhân đang sanh ra, trong sát-na sanh tâm hợp xả, tương ưng tín thời bình nhựt, xả quyền đang sanh và tín quyền cũng đang sanh.

Hay là tín quyền đang sanh với người nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhân trừ xả đang sanh ra, trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín, bất tương ưng xả thời bình nhựt. Tín quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người xả hữu nhân đang sanh ra, trong sát-na sanh tâm tương ưng tín hợp xả thời bình nhựt, tín quyền đang sanh và xả quyền cũng đang sanh.

529.

Xả quyền đang sanh với người nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người xả bất tương ưng trí sanh ra, trong sát-na sanh của tâm hợp xả, ly trí. Xả quyền đang sanh mà trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người xả tương ưng trí đang sanh ra hiện hành, trong sát-na sanh tâm tương ưng xả hiệp trí thời bình nhựt, xả quyền đang sanh và trí quyền cũng đang sanh.

Hay là trí quyền đang sanh với người nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người tương ưng trí trừ xả đang sanh ra, trong sát-na sanh của tâm hiệp trí ly xả thời bình nhựt. Trí quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người xả tương ưng trí đang sanh ra, trong sát-na sanh tâm tương ưng trí hiệp xả thời bình nhựt, trí quyền đang sanh và xả quyền cũng đang sanh.

530.

Xả quyền đang sanh với người nào, thì ý quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với người nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tâm trừ xả đang sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất hợp xả. Ý quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người xả đang sanh ra hiện hành trong sát-na sanh tâm hợp xả, ý quyền đang sanh và xả quyền cũng đang sanh.

531.

Tín quyền đang sanh với người nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhân bất tương ưng trí đang sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm hợp tín, ly trí. Tín quyền đang sanh mà tuệ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhân tương ưng trí đang sanh ra hiện hành trong sát-na sanh tâm hợp tín tương ưng trí, tín quyền đang sanh và trí quyền cũng đang sanh.

Hay là trí quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

532.

Tín quyền đang sanh với người nào, thì ý quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhân hữu tâm đang sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm ly tín. Ý quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhân sanh ra hiện hành trong sát-na sanh tâm hợp tín, ý quyền đang sanh và tín quyền cũng đang sanh.

533.

Trí quyền đang sanh với người nào, thì ý quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với người nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tâm bất tương ưng trí đang sanh ra trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí thời bình nhựt. Ý quyền đang sanh mà trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người tương ưng trí đang sanh ra trong sát-na sanh tâm tương ưng trí, ý quyền đang sanh và trí quyền cũng đang sanh.

534.

Nhãn quyền đang sanh với cõi nào, thì nhĩ quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nhĩ quyền đang sanh với cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

535.

Nhãn quyền đang sanh với cõi nào, thì thiệt quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, nhãn quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, nhãn quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

Hay là tỷ quyền đang sanh với cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

536.

Nhãn quyền đang sanh với cõi nào, thì nữ quyền... nam quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, nhãn quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, nhãn quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

Hay là nam quyền đang sanh với cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

537.

Nhãn quyền đang sanh với cõi nào, thì mạng quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền đang sanh với cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng và Vô sắc, mạng quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, mạng quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

538.

Nhãn quyền đang sanh với cõi nào, thì hỷ quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền đang sanh với cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

539.

Nhãn quyền đang sanh với cõi nào, thì xả quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền đang sanh với cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, xả quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, xả quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

540.

Nhãn quyền đang sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, ý quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, ý quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

541.

Tỷ quyền đang sanh với cõi nào, thì nữ quyền... nam quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền đang sanh với cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

542.

Tỷ quyền đang sanh với cõi nào, thì mạng quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền đang sanh với cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, mạng quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, mạng quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

543.

Tỷ quyền đang sanh với cõi nào, thì hỷ quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền đang sanh với cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, hỷ quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, hỷ quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

544.

Tỷ quyền đang sanh với cõi nào, thì xả quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền đang sanh với cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, xả quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, xả quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

545.

Tỷ quyền đang sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, ý quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, ý quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

546.

Nữ quyền đang sanh với cõi nào, thì nam quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền đang sanh với cõi nào, thì nữ quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

547.

Nam quyền đang sanh với cõi nào, thì mạng quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền đang sanh với cõi nào, thì nam quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới, mạng quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, mạng quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

548.

Nam quyền đang sanh với cõi nào, thì hỷ quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền đang sanh với cõi nào, thì nam quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, hỷ quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, hỷ quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

549.

Nam quyền đang sanh với cõi nào, thì xả quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền đang sanh với cõi nào, thì nam quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới, xả quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, xả quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

550.

Nam quyền đang sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với cõi nào, thì nam quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới, ý quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, ý quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

551.

Mạng quyền đang sanh với cõi nào, thì hỷ quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, mạng quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, mạng quyền đang sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

Hay là hỷ quyền đang sanh với cõi nào, thì mạng quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

552.

Mạng quyền đang sanh với cõi nào, thì xả quyền... tín quyền, trí quyền, ý quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, mạng quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, mạng quyền đang sanh và ý quyền cũng đang sanh.

Hay là ý quyền đang sanh với cõi nào, thì mạng quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

553.

Hỷ quyền đang sanh với cõi nào, thì xả quyền... tín quyền, trí quyền, ý quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với cõi nào, thì hỷ quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

554.

Xả quyền đang sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với cõi nào, thì xả quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

555.

Tín quyền đang sanh với cõi nào, thì trí quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là trí quyền đang sanh với cõi nào, thì tín quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

556.

Tín quyền đang sanh với cõi nào, thì ý quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với cõi nào, thì tín quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

557.

Tuệ quyền đang sanh với cõi nào, thì ý quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với cõi nào, thì trí quyền đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

558.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nhĩ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhãn vô nhĩ đang sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà nhĩ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn hữu nhĩ sanh ra với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và nhĩ quyền cũng đang sanh.

Hay là nhĩ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhĩ vô nhãn sanh ra, nhĩ quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhĩ hữu nhãn sanh ra với cõi ấy, nhĩ quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

559.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhãn vô tỷ sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn hữu tỷ sanh ra với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

Hay là tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tỷ vô nhãn sanh ra, tỷ quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ, hữu nhãn sanh ra với cõi ấy, tỷ quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

560.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người phi nữ hữu nhãn sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ hữu nhãn sanh ra với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

Hay là nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ vô nhãn sanh ra, nữ quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ hữu nhãn sanh ra với cõi ấy, nữ quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

561.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người phi nam hữu nhãn sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam hữu nhãn sanh ra với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

Hay là nam quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam vô nhãn sanh ra, nam quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam hữu nhãn sanh ra với cõi ấy, nam quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

562.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô nhãn sanh ra, mạng quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra với cõi ấy, mạng quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

563.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhãn trừ hỷ sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hỷ hữu nhãn sanh ra với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

Hay là hỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

564.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhãn trừ xả đang sanh, nhãn quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người xả hữu nhãn sanh ra với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và xả quyền cũng đang sanh.

Hay là xả quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả vô nhãn sanh ra, xả quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy; còn người xả hữu nhãn sanh ra, xả quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh với người ấy cõi ấy.

565.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào thì tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhãn vô nhân sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy; còn người hữu nhãn hữu nhân sanh ra, nhãn quyền đang sanh và tín quyền cũng đang sanh với người ấy cõi ấy.

Hay là tín quyền đang sanh với người nào cõi nào thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhân vô nhãn đang sanh, tín quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy; còn người hữu nhân hữu nhãn sanh ra với những cõi ấy, tín quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

566.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào thì tuệ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhãn bất tương ưng trí sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà tuệ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy; còn người hữu nhãn tương ưng trí sanh ra với cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và tuệ quyền cũng đang sanh.

Hay là tuệ quyền đang sanh với người nào cõi nào thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô nhãn tương ưng trí sanh ra, tuệ quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy; còn người hữu nhãn tương ưng trí sanh ra với cõi ấy, tuệ quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

567.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào thì ý quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với người nào cõi nào thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tâm vô nhãn sanh ra, ý quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy; còn người hữu nhãn sanh ra với cõi ấy, ý quyền đang sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

568.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người phi nữ hữu tỷ sanh ra, tỷ quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ hữu tỷ sanh ra với những cõi ấy, tỷ quyền đang sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

Hay là nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ vô tỷ sanh ra, nữ quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ hữu tỷ sanh ra với cõi ấy, nữ quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

569.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tỷ phi nam sanh ra, tỷ quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam hữu tỷ sanh ra với những cõi ấy, tỷ quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

Hay là nam quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam vô tỷ sanh ra, nam quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam hữu tỷ sanh ra với cõi ấy, nam quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

570.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô tỷ sanh ra, mạng quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ sanh ra với cõi ấy, mạng quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

571.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tỷ trừ hỷ sanh ra, tỷ quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hỷ hữu tỷ sanh ra với những cõi ấy, tỷ quyền đang sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

Hay là hỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hỷ vô tỷ sanh ra, hỷ quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hỷ hữu tỷ sanh ra với cõi ấy, hỷ quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

572.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tỷ trừ xả sanh ra, tỷ quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người xả hữu tỷ sanh ra với những cõi ấy, tỷ quyền đang sanh và xả quyền cũng đang sanh.

Hay là xả quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả vô tỷ sanh ra, xả quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng

phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người xả hữu tỷ sanh ra với cõi ấy, xả quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

573.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô nhân hữu tỷ sanh ra, tỷ quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhân hữu tỷ sanh ra với những cõi ấy, tỷ quyền đang sanh và tín quyền cũng đang sanh.

Hay là tín quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhân vô tỷ sanh ra, tín quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhân hữu tỷ sanh ra với cõi ấy, tín quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

574.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tỷ bất tương ưng trí sanh ra, tỷ quyền đang sanh mà trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ tương ưng trí sanh ra với những cõi ấy, tỷ quyền đang sanh và trí quyền cũng đang sanh.

Hay là trí quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô tỷ tương ưng trí sanh ra, trí quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ tương ưng trí sanh ra với những cõi ấy, trí quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

575.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tâm vô tỷ sanh ra, ý quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ sanh ra với những cõi ấy, ý quyền đang sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

576.

Nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải.

Hay là nam quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải.

577.

Nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người phi nữ sanh ra, mạng quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ sanh ra với những cõi ấy, mạng quyền đang sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

578.

Nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ trừ hỷ sanh ra, nữ quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ hữu hỷ sanh ra với những cõi ấy, nữ quyền đang sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

Hay là hỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hỷ phi nữ sanh ra, hỷ quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ hữu hỷ sanh ra với cõi ấy, hỷ quyền đang sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

579.

Nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ trừ xả sanh ra, nữ quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ hữu xả sanh ra với những cõi ấy, nữ quyền đang sanh và xả quyền cũng đang sanh.

Hay là xả quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả phi nữ sanh ra, xả quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ hữu xả sanh ra với cõi ấy, xả quyền đang sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

580.

*Nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng?*Người nữ vô nhân sanh ra, nữ quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ hữu nhân sanh ra với những cõi ấy, nữ quyền đang sanh và tín quyền cũng đang sanh.

Hay là tín quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhân phi nữ sanh ra, tín quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ hữu nhân sanh ra với cõi ấy, tín quyền đang sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

581.

Nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ bất tương ưng trí sanh ra, nữ quyền đang sanh mà trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ tương ưng trí sanh ra với những cõi ấy, nữ quyền đang sanh và trí quyền cũng đang sanh.

Hay là trí quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người phi nữ tương ưng trí sanh ra, trí quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ tương ưng trí sanh ra với cõi ấy, trí quyền đang sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

582.

Nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tâm phi nữ sanh ra, ý quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ sanh ra với những cõi ấy, ý quyền đang sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

583.

Nam quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người phi nam sanh ra, mạng quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam sanh ra với cõi ấy, mạng quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

584.

Nam quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam trừ hỷ sanh ra, nam quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam hữu hỷ sanh ra với những cõi ấy, nam quyền đang sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

Hay là hỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hỷ phi nam sanh ra, hỷ quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam hữu hỷ sanh ra với những cõi ấy, hỷ quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

585.

Nam quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam trừ xả sanh ra, nam quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam hữu xả sanh ra với những cõi ấy, nam quyền đang sanh và xả quyền cũng đang sanh.

Hay là xả quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả phi nam sanh ra, xả quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam hữu xả sanh ra với những cõi ấy, xả quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

586.

*Nam quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng?*Người nam vô nhân sanh ra, nam quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam hữu nhân sanh ra với những cõi ấy, nam quyền đang sanh và tín quyền cũng đang sanh.

Hay là tín quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhân phi nam sanh ra, tín quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam hữu nhân sanh ra với cõi ấy, tín quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

587.

Nam quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam bất tương ưng trí sanh ra, nam quyền đang sanh mà tuệ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam tương ưng trí sanh ra với những cõi ấy, nam quyền đang sanh và trí quyền cũng đang sanh.

Hay là trí quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người phi nam tương ưng trí sanh ra, trí quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam tương ưng trí sanh ra với những cõi ấy, trí quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

588.

Nam quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tâm phi nam sanh ra, ý quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam sanh ra với những cõi ấy, ý quyền đang sanh và nam quyền cũng đang sanh.

589.

Mạng quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ thời bình nhựt trừ hỷ sanh ra, mạng quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hỷ hiện hành sanh ra trong sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ với những cõi ấy, mạng quyền đang sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

Hay là hỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

590.

* *Mạng quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng?* Người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả thời bình nhựt trừ xả sanh ra, mạng quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người xả sanh ra trong sát-na sanh của tâm tương ưng xả bình nhựt *(pavatti)* với những cõi ấy, mạng quyền đang sanh và xả quyền cũng đang sanh.

Hay là xả quyền đang sanh với người nào cõi nào, thời mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy? Phải rồi.

591.

Mạng quyền đang sanh với người nào cõi nào thì tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô nhân sanh ra, người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín thời bình nhật, mạng quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy; còn người hữu nhân sanh ra, trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín thời bình nhật, mạng quyền đang sanh và tín quyền cũng đang sanh với người ấy cõi ấy.

Hay là tín quyền đang sanh với người nào cõi nào thì mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

592.

Mạng quyền đang sanh với người nào cõi nào thì tuệ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người bất tương ưng trí sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, mạng quyền đang sanh mà tuệ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy; còn người tương ưng trí sanh ra, vào sát-na sanh của tâm tương ưng trí thời bình nhật, mạng quyền đang sanh và tuệ quyền cũng đang sanh với người ấy cõi ấy.

Hay là tuệ quyền đang sanh với người nào cõi nào thì mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

593.

Mạng quyền đang sanh với người nào cõi nào thì ý quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô tâm sanh ra, mạng quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy; còn người hữu tâm sanh ra, vào sát-na sanh của tâm thời bình nhật, với cõi ấy, mạng quyền đang sanh và ý quyền cũng đang sanh.

Hay là ý quyền đang sanh với người nào cõi nào thì mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

594.

Hỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào thì xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải.

Hay là xả quyền đang sanh với người nào cõi nào thì hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Không phải.

595.

Hỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ, bất tương ưng tín hiện hành, hỷ quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người trong sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ, tương ưng tín đang hiện hành với những cõi ấy, hỷ quyền đang sanh và tín quyền cũng đang sanh.

Hay là tín quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhân trừ hỷ đang sanh trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín, bất tương ưng hỷ đang hiện hành, tín quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hỷ sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ với những cõi ấy, tín quyền đang sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

596.

Hỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hỷ bất tương ưng trí sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ, bất tương ưng trí, hỷ quyền đang sanh mà trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người tương ưng trí sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ, tương ưng trí với những cõi ấy, hỷ quyền đang sanh và trí quyền cũng đang sanh.

Hay là trí quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tương ưng trí trừ hỷ sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm tương ưng trí, bất tương ưng hỷ, trí quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người bất tương ưng trí sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm tương ưng trí, tương ưng hỷ với những cõi ấy, trí quyền đang sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

597.

Hỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tâm trừ hỷ sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, ý quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hỷ sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ với những cõi ấy, ý quyền đang sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

598.

Xả quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả vô nhân sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm tương ưng xả, bất tương ưng tín, xả quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người xả hữu nhân sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm tương ưng xả, tương ưng tín với những cõi ấy, xả quyền đang sanh và tín quyền cũng đang sanh.

Hay là tín quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhân trừ xả sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín, bất tương ưng xả, tín quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người xả hữu nhân sanh ra hiện hành sanh ra trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín, tương ưng xả với những cõi ấy, tín quyền đang sanh và xả quyền cũng đang sanh.

599.

Xả quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả bất tương ưng trí sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm tương ưng xả, bất tương ưng trí, xả quyền đang sanh mà trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người xả tương ưng trí sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm tương ưng xả, tương ưng trí với những cõi ấy, xả quyền đang sanh và trí quyền cũng đang sanh.

Hay là trí quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tương ưng trí trừ xả sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm tương ưng trí, bất tương ưng xả, trí quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người xả tương ưng trí sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm tương ưng trí, tương ưng xả với cõi ấy, trí quyền đang sanh và xả quyền cũng đang sanh.

600.

Xả quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tâm trừ xả sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, ý quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người xả sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm tương ưng xả với những cõi ấy, ý quyền đang sanh và xả quyền cũng đang sanh.

601.

Tín quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhân bất tương ưng trí sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín, tín quyền đang sanh mà trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhân tương ưng trí sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín, tương ưng trí với những cõi ấy, tín quyền đang sanh và trí quyền cũng đang sanh.

Hay là trí quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

602.

Tín quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô nhân hữu tâm sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, ý quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhân sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín với cõi ấy, ý quyền đang sanh và tín quyền cũng đang sanh.

603.

Tuệ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tâm bất tương ưng trí sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, ý quyền đang sanh mà trí quyền chẳng phải đang sanh

với người ấy cõi ấy. Còn người tương ưng trí sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm tương ưng trí với cõi ấy, ý quyền đang sanh và trí quyền cũng đang sanh.

604.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nhĩ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhãn hữu nhĩ sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà nhĩ quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn vô nhĩ sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và nhĩ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là nhĩ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhĩ hữu nhãn sanh ra, nhĩ quyền chẳng phải đang sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn vô nhĩ sanh ra, nhĩ quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

605.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhãn hữu tỷ sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn vô tỷ sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô tỷ hữu nhãn sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tỷ vô nhãn sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

606.

*Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng?*Người nữ vô nhãn sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ vô nhãn sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người phi nữ hữu nhãn sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ vô nhãn sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

607.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nam vô nhãn sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam vô nhãn sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhãn phi nam sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn phi nam sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

608.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhãn sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

609.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhãn trừ hỷ sanh ra, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn trừ hỷ sanh ra, hỷ quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

610.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người xả vô nhãn sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn trừ xả sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhãn trừ xả sanh ra, xả quyền chẳng phải đang sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn trừ xả sanh ra, xả quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

611.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhãn hữu nhân sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhân vô nhãn sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhân hữu nhãn sanh ra, tín quyền chẳng phải đang sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhân vô nhãn sanh ra, tín quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

612.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhãn tương ưng trí sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà trí quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn bất tương ưng trí sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và trí quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhãn bất tương ưng trí sanh ra, trí quyền chẳng phải đang sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang

tử và người vô nhãn bất tương ưng trí sanh ra, trí quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

613.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhãn hữu tâm sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tâm sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

614.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nữ vô tỷ sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ vô tỷ sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người phi nữ hữu tỷ sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ vô tỷ sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

615.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nam vô tỷ sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam vô tỷ sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tỷ phi nam sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tỷ phi nam sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

616.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô tỷ sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

617.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hỷ vô tỷ sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tỷ trừ hỷ sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tỷ trừ hỷ sanh ra, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tỷ trừ hỷ sanh ra, hỷ quyền chẳng phải đang sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

618.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người xả vô tỷ sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tỷ trừ xả sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tỷ trừ xả sanh ra, xả quyền chẳng phải đang sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tỷ trừ xả sanh ra, xả quyền chẳng phải đang sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

619.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô tỷ hữu nhân sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tỷ vô nhân sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhân hữu tỷ sanh ra, tín quyền chẳng phải đang sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhân vô tỷ sanh ra, tín quyền chẳng phải đang sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

620.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô tỷ tương ưng trí sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà trí quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tỷ bất tương ưng trí sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và trí quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tỷ bất tương ưng trí sanh ra, trí quyền chẳng phải đang sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tỷ bất tương ưng trí sanh ra, trí quyền chẳng phải đang sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

621.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tâm vô tỷ sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tâm sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

622.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nữ sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam phi nữ sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nam sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam phi nữ sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

623.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người phi nữ sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử, nữ quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

624.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hỷ phi nữ sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ trừ hỷ sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nữ trừ hỷ sanh ra, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ trừ hỷ sanh ra, hỷ quyền chẳng phải đang sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

625.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người xả phi nữ sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ trừ xả sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nữ trừ xả sanh ra, xả quyền chẳng phải đang sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ trừ xả sanh ra, xả quyền chẳng phải đang sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

626.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người phi nữ hữu nhân sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ vô nhân sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nữ vô nhân sanh ra, tín quyền chẳng phải đang sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ vô nhân sanh ra, tín quyền chẳng phải đang sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

627.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người phi nữ tương ưng trí sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà trí quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ bất tương ưng trí sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh và trí quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nữ bất tương ưng trí sanh ra, trí quyền chẳng phải đang sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ bất tương ưng trí sanh ra, trí quyền chẳng phải đang sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

628.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tâm phi nữ sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tâm sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

629.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người phi nam sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử, nam quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

630.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hỷ phi nam sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam trừ hỷ sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nam trừ hỷ sanh ra, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam trừ hỷ sanh ra, hỷ quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

631.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người xả phi nam sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam trừ xả sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nam trừ xả sanh ra, xả quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam trừ xả sanh ra, xả quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

632.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người phi nam hữu nhân sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam vô nhân sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nam vô nhân sanh ra, tín quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhân phi nam sanh ra, tín quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

633.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người phi nam tương ưng trí sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh mà trí quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam bất tương ưng trí sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh và trí quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nam bất tương ưng trí sanh ra, trí quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam bất tương ưng trí sanh ra, trí quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

634.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người phi nam hữu tâm sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tâm sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

635.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người trừ hỷ sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử hiện hành trong sát-na diệt của tâm, hỷ quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

636.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người trừ xả sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, xả quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử hiện hành trong sát-na diệt của tâm, xả quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

637.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhân sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, tín quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang

sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử hiện hành trong sát-na diệt của tâm, tín quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

638.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người bất tương ưng trí sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, trí quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử hiện hành trong sát-na diệt của tâm, trí quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

639.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Người vô tâm sanh ra, ý quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử hiện hành trong sát-na diệt của tâm, ý quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

640.

Hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người xả sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, xả quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, bất tương ưng xả, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, xả quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hỷ sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, xả quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, xả quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

641.

Hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng?

Người hữu nhân trừ hỷ sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, tương ưng tín, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, bất tương ưng tín, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, tín quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, tương ưng hỷ. Tín quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, bất tương ưng hỷ, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, tín quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

642.

Hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người tương ưng trí trừ hỷ sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, tương ưng trí, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà trí quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, bất tương ưng trí, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, hỷ quyền chẳng phải đang sanh và trí quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hỷ bất tương ưng trí sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, tương ưng hỷ, trí quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, tương ưng hỷ, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, trí quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

643.

Hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tâm trừ hỷ sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, ý quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

644.

Xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhân trừ xả sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, tương ưng tín, xả quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, bất tương ưng tín, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, xả quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người xả vô nhân sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, tương ưng xả, tín quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, bất tương ưng xả, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, tín quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

645.

Xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người tương ưng trí trừ xả sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, tương ưng trí, xả quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, bất tương ưng trí, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, xả quyền chẳng phải đang sanh và trí quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người xả bất tương ưng trí sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, tương ưng xả, trí quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, bất tương ưng xả, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, trí quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

646.

Xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tâm trừ xả sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, ý quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, xả quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

647.

Tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu nhân bất tương ưng trí sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, tương ưng tín, trí quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, bất tương ưng tín, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, trí quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng chẳng phải đang sanh.

648.

Tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô nhân hữu tâm sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, tín quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, tín quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

649.

Trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người hữu tâm bất tương ưng trí sanh ra hiện hành trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, trí quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, bậc đang nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, trí quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

650.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì nhĩ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nhĩ quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

651.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà nhãn quyền đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng và Vô sắc, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

652.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì nữ quyền... nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, nam quyền chẳng phải đang sanh mà nhãn quyền đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng và Vô sắc, nam quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

653.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

654.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

655.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, xả quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

656.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

657.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì nữ quyền... nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

658.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

659.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền đang

sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng và Vô sắc, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

660.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

661.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

662.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

663.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

664.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, nam quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng và Vô sắc, nam quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

665.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, nam quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, nam quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

666.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, nam quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, nam quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

667.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

Hay là hỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh.

668.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì xả quyền... tín quyền, trí quyền, ý quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Đang sanh.

669.

Hỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

670.

Hỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

671.

Xả quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

672.

Tín quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì trí quyền... ý quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

673.

Trí quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

674.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nhĩ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô nhãn hữu nhĩ sanh ra, nhãn

quyền chẳng phải đang sanh mà nhĩ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn vô nhĩ sanh ra với những cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và nhĩ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là nhĩ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô nhĩ hữu nhãn sanh ra, nhĩ quyền chẳng phải đang sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhĩ vô nhãn sanh ra với những cõi ấy, nhĩ quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

675.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô nhãn hữu tỷ sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn vô tỷ sanh ra với những cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô tỷ hữu nhãn sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tỷ vô nhãn sanh ra với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

676.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ vô nhãn sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ vô nhãn đang sanh với những cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người phi nữ hữu nhãn sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ vô nhãn đang sanh với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

677.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam vô nhãn đang sanh, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn phi nam sanh ra với những cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhãn phi nam sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn phi nam sanh ra với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

678.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô nhãn sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang

tử với những cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

679.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhãn trừ hỷ sanh ra, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn trừ hỷ sanh ra với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

680.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả vô nhãn sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn trừ xả sanh ra với những cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhãn trừ xả sanh ra, xả quyền chẳng phải đang sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn trừ xả sanh ra với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

681.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô nhãn hữu nhân đang sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn vô nhân sanh ra với những cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô nhân hữu nhãn sanh ra, tín quyền chẳng phải đang sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhân vô nhãn sanh ra với những cõi ấy, tín quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

682.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô nhãn tương ưng trí sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà trí quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn bất tương ưng trí sanh ra với những cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và trí quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhãn bất tương ưng trí sanh ra, trí quyền chẳng phải đang sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhãn bất tương ưng trí sanh ra với những cõi ấy, trí quyền chẳng phải đang sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

683.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô nhãn hữu tâm sanh ra, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tâm đang sanh với những cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

684.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ vô tỷ sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ vô tỷ sanh ra với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người phi nữ hữu tỷ sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ vô tỷ sanh ra với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải đang sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

685.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam vô tỷ sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam vô tỷ sanh ra với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người phi nam hữu tỷ sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam vô tỷ sanh ra với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải đang sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

686.

*Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng?*Người vô tỷ sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

687.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hỷ vô tỷ sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tỷ trừ hỷ sanh ra với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tỷ trừ hỷ sanh ra, hỷ quyền

chẳng phải đang sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tỷ trừ hỷ sanh ra với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải đang sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

688.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả vô tỷ sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tỷ trừ xả sanh ra với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tỷ trừ xả sanh ra, xả quyền chẳng phải đang sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tỷ trừ xả sanh ra với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải đang sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

689.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô tỷ hữu nhân sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tỷ vô nhân sanh ra với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô nhân hữu tỷ sanh ra, tín quyền chẳng phải đang sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhân vô tỷ sanh ra với những cõi ấy, tín quyền chẳng phải đang sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

690.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô tỷ tương ưng trí sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà trí quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tỷ bất tương ưng trí sanh ra với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và trí quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tỷ bất tương ưng trí sanh ra, trí quyền chẳng phải đang sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tỷ bất tương ưng trí sanh ra với những cõi ấy, trí quyền chẳng phải đang sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

691.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô tỷ hữu tâm sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tâm sanh ra với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

692.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam phi nữ sanh ra với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam phi nữ sanh ra với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải đang sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

693.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người phi nữ sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

694.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hỷ phi nữ sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ trừ hỷ sanh ra với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ trừ hỷ sanh ra, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ trừ hỷ sanh ra với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải đang sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

695.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả phi nữ sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ trừ xả sanh ra với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ trừ xả sanh ra, xả quyền chẳng phải đang sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ trừ xả sanh ra với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải đang sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

696.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người phi nữ hữu nhân sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ vô nhân sanh ra với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ vô nhân sanh ra, tín quyền chẳng phải đang sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ vô nhân sanh ra với những cõi ấy, tín quyền chẳng phải đang sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

697.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người phi nữ tương ưng trí sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà trí quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ bất tương ưng trí sanh ra với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải đang sanh và trí quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ bất tương ưng trí sanh ra, trí quyền chẳng phải đang sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nữ bất tương ưng trí sanh ra với những cõi ấy, trí quyền chẳng phải đang sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

698.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tâm phi nữ sanh ra, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tâm sanh ra với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

699.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người phi nam sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

700.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hỷ phi nam sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam trừ hỷ sanh ra với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam trừ hỷ sanh ra, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam trừ hỷ sanh ra với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

701.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả phi nam sanh ra, nam quyền

chẳng phải đang sanh mà xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam trừ xả sanh ra với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam trừ xả sanh ra, xả quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam trừ xả sanh ra với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

702.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người phi nam hữu nhân sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam vô nhân sanh ra với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam vô nhân sanh ra, tín quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô nhân phi nam sanh ra với những cõi ấy, tín quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

703.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người phi nam tương ưng trí sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh mà trí quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam bất tương ưng trí sanh ra với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải đang sanh và trí quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam bất tương ưng trí sanh ra, trí quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người phi nam bất tương ưng trí sanh ra với những cõi ấy, trí quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

704.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người phi nam hữu tâm sanh ra, nam quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người vô tâm sanh ra với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

705.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trừ hỷ sanh ra và sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ hiện hành, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và sát-na diệt của tâm hiện

hành với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

706.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trừ xả sanh ra và sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả hiện hành, xả quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người trong sát-na diệt của tâm hiện hành với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

707.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô nhân sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín hiện hành, tín quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người trong sát-na diệt của tâm hiện hành với những cõi ấy, tín quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

708.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người bất tương ưng trí sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí hiện hành, trí quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người trong sát-na diệt của tâm hiện hành với những cõi ấy, trí quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

709.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người vô tâm sanh ra, ý quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn tất cả người đang tử và người trong sát-na diệt của tâm hiện hành với những cõi ấy, ý quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

710.

Hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng xả hiện hành, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, bất tương ưng xả và người Vô tưởng với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hỷ sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ hiện hành, xả quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ và người Vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

711.

Hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhân trừ hỷ sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, tương ưng tín hiện hành, tín quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, bất tương ưng tín, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng với những cõi ấy, tín quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, tương ưng hỷ, tín quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, bất tương ưng hỷ, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng với những cõi ấy, tín quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

712.

Hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tương ưng trí trừ hỷ sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, tương ưng trí hiện hành, tín quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, bất tương ưng trí, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng với những cõi ấy, tín quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hỷ bất tương ưng trí sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, tương ưng hỷ hiện hành, trí quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, tương ưng hỷ, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng với những cõi ấy, trí quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

713.

Hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tâm trừ hỷ sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ hiện hành, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm tất cả và người Vô tưởng với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

714.

Xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhân trừ xả sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, tương ưng tín hiện hành, xả quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người trong sát-na diệt của tất cả tâm, người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, bất tương ưng tín và người Vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả vô nhân sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, tương ưng xả hiện hành, tín quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm tất cả, người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, bất tương ưng xả và người Vô tưởng với những cõi ấy, tín quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

715.

Xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tương ưng trí trừ xả sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, tương ưng trí hiện hành, tín quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, bất tương ưng trí, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng với những cõi ấy, tín quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả bất tương ưng trí sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, tương ưng xả hiện hành, trí quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, bất tương ưng xả, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng với những cõi ấy, trí quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

716.

Xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tâm trừ xả sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả hiện hành, xả quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm tất cả và người Vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền chăng phải đang sanh và ý quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

717.

Tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu nhân bất tương ưng trí sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, tương ưng tín hiện hành, trí quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền đang sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm tất cả, trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, bất tương ưng

tín và người Vô tưởng với những cõi ấy, trí quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng chẳng phải đang sanh.

718.

Tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người vô nhân hữu tâm sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín hiện hành, tín quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm tất cả và người Vô tưởng với những cõi ấy, tín quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

719.

Trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hữu tâm bất tương ưng trí sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí hiện hành. Trí quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm tất cả và người Vô tưởng với những cõi ấy, trí quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng chẳng phải đang sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

720.

Nhãn quyền từng sanh với người nào, thì nhĩ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nhĩ quyền từng sanh với người nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

721.

Nhãn quyền từng sanh với người nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tỷ quyền từng sanh với người nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

722.

Nhãn quyền từng sanh với người nào, thì nữ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nữ quyền từng sanh với người nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

723.

Nhãn quyền từng sanh với người nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền từng sanh với người nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

724.

Nhãn quyền từng sanh với người nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền từng sanh với người nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

725. *Nhãn quyền từng sanh với người nào, thì hỷ quyền từng sanh với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là hỷ quyền từng sanh với người nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

726. *Nhãn quyền từng sanh với người nào, thì xả quyền từng sanh với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là xả quyền từng sanh với người nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

727. *Nhãn quyền từng sanh với người nào, thì tín quyền... Trí quyền, ý quyền từng sanh với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

728. *Tỷ quyền... nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, hỷ quyền, xả quyền, tín quyền, trí quyền từng sanh với người nào, thì ý quyền từng sanh với người ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào, thì trí quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

729. *Nhãn quyền từng sanh với cõi nào, thì nhĩ quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là nhĩ quyền từng sanh với cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

730. *Nhãn quyền từng sanh với cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng?* Cõi Sắc giới, nhãn quyền từng sanh mà nhĩ quyền chẳng phải từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, nhãn quyền từng sanh và tỷ quyền cũng từng sanh.

Hay là tỷ quyền từng sanh với cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

731. *Nhãn quyền từng sanh với cõi nào, thì nữ quyền... nam quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng?* Cõi Sắc giới, nhãn quyền từng sanh mà nam quyền chẳng phải từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, nhãn quyền từng sanh và nam quyền cũng từng sanh.

Hay là nam quyền từng sanh với cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

732. *Nhãn quyền từng sanh với cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng?* Phải rồi.

Hay là mạng quyền từng sanh với cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, Vô sắc, mạng quyền từng sanh mà nhãn quyền không từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, mạng quyền từng sanh và nhãn quyền cũng từng sanh.

733.

Nhãn quyền từng sanh với cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền từng sanh với cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

734.

Nhãn quyền từng sanh với cõi nào, thì xả quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền từng sanh với cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Cõi Vô sắc, xả quyền từng sanh mà nhãn quyền không từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, xả quyền từng sanh và nhãn quyền cũng từng sanh.

735.

Nhãn quyền từng sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Cõi Vô sắc, ý quyền từng sanh mà nhãn quyền không từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, ý quyền từng sanh và nhãn quyền cũng từng sanh.

736.

Tỷ quyền từng sanh với cõi nào, thì nữ quyền... nam quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền từng sanh với cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

737.

Tỷ quyền từng sanh với cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền từng sanh với cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, mạng quyền từng sanh mà tỷ quyền không từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, mạng quyền từng sanh và tỷ quyền cũng từng sanh.

738.

Tỷ quyền từng sanh với cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền từng sanh với cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, hỷ quyền từng sanh mà tỷ quyền không từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, hỷ quyền từng sanh và tỷ quyền cũng từng sanh.

739.

Tỷ quyền từng sanh với cõi nào, thì xả quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền từng sanh với cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, xả quyền từng sanh mà tỷ quyền không từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, xả quyền từng sanh và tỷ quyền cũng từng sanh.

740.

Tỷ quyền từng sanh với cõi nào, thì tín quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tín quyền từng sanh với cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, tín quyền từng sanh mà tỷ quyền không từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, tín quyền từng sanh và tỷ quyền cũng từng sanh.

741.

Tỷ quyền từng sanh với cõi nào, thì trí quyền... ý quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, ý quyền từng sanh mà tỷ quyền không từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, ý quyền từng sanh và tỷ quyền cũng từng sanh.

742.

Nữ quyền từng sanh với cõi nào, thì nam quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền từng sanh với cõi nào, thì nữ quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

743.

Nam quyền từng sanh với cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền từng sanh với cõi nào, thì nam quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, mạng quyền từng sanh mà nam quyền không từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, mạng quyền từng sanh và nam quyền cũng từng sanh.

744.

Nam quyền từng sanh với cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền từng sanh với cõi nào, thì nam quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, hỷ quyền từng sanh mà nam quyền không từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, hỷ quyền từng sanh và nam quyền cũng từng sanh.

745.

Nam quyền từng sanh với cõi nào, thì xả quyền... tín quyền, trí quyền, ý quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với cõi nào, thì nam quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, ý quyền từng sanh mà nam quyền không từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, ý quyền từng sanh và nam quyền cũng từng sanh.

746.

Mạng quyền từng sanh với cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, mạng quyền từng sanh mà hỷ quyền không từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, mạng quyền từng sanh và hỷ quyền cũng từng sanh.

Hay là hỷ quyền từng sanh với cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

747.

*Mạng quyền từng sanh với cõi nào, thì xả quyền... tín quyền, trí quyền, ý quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng?*Cõi Vô tưởng, mạng quyền từng sanh mà ý quyền không từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, mạng quyền từng sanh và ý quyền cũng từng sanh.

Hay là ý quyền từng sanh với cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

748.

Hỷ quyền từng sanh với cõi nào, thì xả quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền từng sanh với cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

749.

Hỷ quyền từng sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

750.

Xả quyền từng sanh với cõi nào, thì tín quyền..., trí quyền, ý quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với cõi nào, thì xả quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

751.

Tín quyền từng sanh với cõi nào, thì trí quyền... ý quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với cõi nào, thì tín quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

752.

Trí quyền từng sanh với cõi nào, thì ý quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với cõi nào, thì trí quyền từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

753.

Nhãn quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nhĩ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nhĩ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

754.

Nhãn quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới, nhãn quyền từng sanh mà tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn cõi Dục giới với những cõi ấy, nhãn quyền từng sanh và tỷ quyền cũng từng sanh.

Hay là tỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

755.

Nhãn quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền... nam quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới, nhãn quyền từng sanh mà nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, nhãn quyền từng sanh và nam quyền cũng từng sanh.

Hay là nam quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

756.

Nhãn quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Vô tưởng và Vô sắc với những cõi ấy, mạng quyền từng sanh mà nhãn quyền không từng sanh với người ấy với cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, mạng quyền từng sanh và nhãn quyền cũng từng sanh.

757.

Nhãn quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

758.

Nhãn quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Vô Sắc giới, xả quyền từng sanh mà nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, xả quyền từng sanh và nhãn quyền cũng từng sanh.

759.

Nhãn quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Vô Sắc giới, ý quyền từng sanh mà nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, ý quyền từng sanh và nhãn quyền cũng từng sanh.

760.

Tỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nữ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

761.

Tỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

762.

Tỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới và Vô sắc giới, mạng quyền từng sanh mà tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương Dục giới với những cõi ấy, mạng quyền từng sanh và tỷ quyền cũng từng sanh.

763.

Tỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới, hỷ quyền từng sanh mà tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương Dục giới với những cõi ấy, hỷ quyền từng sanh và tỷ quyền cũng từng sanh.

764.

Tỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới và Vô sắc giới, xả quyền từng sanh mà tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương Dục giới với những cõi ấy, xả quyền từng sanh và tỷ quyền cũng từng sanh.

765.

Tỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tín quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới và Vô sắc giới, tín quyền từng sanh mà tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương Dục giới với những cõi ấy, tín quyền từng sanh và tỷ quyền cũng từng sanh.

766.

Tỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới và Vô sắc giới, ý quyền từng sanh mà tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương Dục giới với những cõi ấy, ý quyền từng sanh và tỷ quyền cũng từng sanh.

767.

Nữ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

768.

Nam quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới và Vô sắc giới, mạng quyền từng sanh mà nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương Dục giới với những cõi ấy, mạng quyền từng sanh và nam quyền cũng từng sanh.

769.

Nam quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới, hỷ quyền từng sanh mà nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương Dục giới với những cõi ấy, hỷ quyền từng sanh và nam quyền cũng từng sanh.

770.

Nam quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền... tín quyền, trí quyền, ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới và Vô sắc giới, ý quyền từng sanh mà nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương Dục giới với những cõi ấy, ý quyền từng sanh và nam quyền cũng từng sanh.

771.

Mạng quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai sanh lên nơi Tịnh cư và người Vô tưởng, mạng quyền từng sanh mà hỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người tứ uẩn và ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, mạng quyền từng sanh và hỷ quyền cũng từng sanh.

Hay là hỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

772.

Mạng quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc Vô tưởng, mạng quyền từng sanh mà xả quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, mạng quyền từng sanh và xả quyền cũng từng sanh.

Hay là xả quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

773.

Mạng quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc Vô tưởng, mạng quyền từng sanh mà trí quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương tứ uẩn và ngũ uẩn với những cõi ấy, mạng quyền từng sanh và trí quyền cũng từng sanh.

Hay là trí quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

774.

Mạng quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc Vô tưởng, mạng quyền từng sanh mà ý quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương tứ uẩn và ngũ uẩn với những cõi ấy, mạng quyền từng sanh và ý quyền cũng từng sanh.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

775.

Hỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai hiện hành của bậc Tịnh cư, xả quyền từng sanh mà hỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người tứ uẩn và ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, xả quyền từng sanh và hỷ quyền cũng từng sanh.

776.

Hỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai hiện hành Tịnh cư, ý quyền từng sanh mà hỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương tứ uẩn và ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, ý quyền từng sanh và hỷ quyền cũng từng sanh.

777.

Xả quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

778.

Tín quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền, ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

779.

Trí quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

780.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào, thì nhĩ quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là nhĩ quyền không từng sanh với người nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

781.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào, thì tỷ quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là tỷ quyền không từng sanh với người nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

782.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào, thì nữ quyền... nam quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là nam quyền không từng sanh với người nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

783.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào, thì mạng quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là mạng quyền không từng sanh với người nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

784.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào, thì hỷ quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là hỷ quyền không từng sanh với người nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

785.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào, thì xả quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là xả quyền không từng sanh với người nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

786.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là ý quyền không từng sanh với người nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

787.

Tỷ quyền không từng sanh với người nào, thì nữ quyền... nam quyền, mạng quyền, hỷ quyền, xả quyền, tín quyền, trí quyền, ý quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là ý quyền không từng sanh với người nào, thì tỷ quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

788.

Trí quyền không từng sanh với người nào, thì ý quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là ý quyền không từng sanh với người nào, thì trí quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Không có.

789.

Nhãn quyền không từng sanh với cõi nào, thì nhĩ quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nhĩ quyền không từng sanh với cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

790.

Nhãn quyền không từng sanh với cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tỷ quyền không từng sanh với cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Cõi Sắc giới, tỷ quyền không từng sanh mà nhãn quyền từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng và Vô sắc, tỷ quyền không từng sanh và nhãn quyền cũng không từng sanh.

791.

Nhãn quyền không từng sanh với cõi nào, thì nữ quyền... nam quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền không từng sanh với cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, nam quyền không từng sanh mà nhãn quyền từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng và Vô sắc, nam quyền không từng sanh và nhãn quyền cũng không từng sanh.

792.

Nhãn quyền không từng sanh với cõi nào, thì mạng quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Từng sanh

Hay là mạng quyền không từng sanh với cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

793.

Nhãn quyền không từng sanh với cõi nào, thì hỷ quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền không từng sanh với cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

794.

Nhãn quyền không từng sanh với cõi nào, thì xả quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, nhãn quyền không từng sanh mà xả quyền từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, nhãn quyền không từng sanh và xả quyền cũng không từng sanh.

Hay là xả quyền không từng sanh với cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

795.

Nhãn quyền không từng sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, nhãn quyền không từng sanh mà ý quyền từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, nhãn quyền không từng sanh và ý quyền cũng không từng sanh.

Hay là ý quyền không từng sanh với cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

796.

Tỷ quyền không từng sanh với cõi nào, thì nữ quyền... nam quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền không từng sanh với cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

797.

Tỷ quyền không từng sanh với cõi nào, thì mạng quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Từng sanh.

Hay là mạng quyền không từng sanh với cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

798.

Tỷ quyền không từng sanh với cõi nào, thì hỷ quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, tỷ quyền không từng sanh mà hỷ quyền từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng và Vô sắc, tỷ quyền không từng sanh và hỷ quyền cũng không từng sanh.

Hay là hỷ quyền không từng sanh với cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

799.

Tỷ quyền không từng sanh với cõi nào, thì xả quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, Vô sắc giới, tỷ quyền không từng sanh mà xả quyền từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, tỷ quyền không từng sanh và xả quyền cũng không từng sanh.

Hay là xả quyền không từng sanh với cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

800.

Tỷ quyền không từng sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, tỷ quyền không từng sanh mà ý quyền từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, tỷ quyền không từng sanh và ý quyền cũng không từng sanh.

Hay là ý quyền không từng sanh với cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

801.

Nữ quyền không từng sanh với cõi nào, thì nam quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền không từng sanh với cõi nào, thì nữ quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

802.

Nam quyền không từng sanh với cõi nào, thì mạng quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Từng sanh.

Hay là mạng quyền không từng sanh với cõi nào, thì nam quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

803.

Nam quyền không từng sanh với cõi nào, thì hỷ quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, nam quyền không từng sanh mà hỷ quyền từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng và cõi Vô sắc, nam quyền không từng sanh và hỷ quyền cũng không từng sanh.

Hay là hỷ quyền không từng sanh với cõi nào, thì nam quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

804.

Nam quyền không từng sanh với cõi nào, thì xả quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, nam quyền không từng sanh mà xả quyền từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, nam quyền không từng sanh và xả quyền cũng không từng sanh.

Hay là xả quyền không từng sanh với cõi nào, thì nam quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

805.

Nam quyền không từng sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, nam quyền không từng sanh mà ý quyền từng sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, nam quyền không từng sanh và ý quyền cũng không từng sanh.

Hay là ý quyền không từng sanh với cõi nào, thì nam quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

806.

Mạng quyền không từng sanh với cõi nào, thì hỷ quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

Hay là hỷ quyền không từng sanh với cõi nào, thì mạng quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Từng sanh.

807.

Mạng quyền không từng sanh với cõi nào, thì xả quyền... tín quyền, trí quyền, ý quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

Hay là ý quyền không từng sanh với cõi nào, thì mạng quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Từng sanh.

808.

Hỷ quyền không từng sanh với cõi nào, thì xả quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền không từng sanh với cõi nào, thì hỷ quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

809.

Hỷ quyền không từng sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền không từng sanh với cõi nào, thì hỷ quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

810.

Xả quyền không từng sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền không từng sanh với cõi nào, thì xả quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

811.

Tín quyền không từng sanh với cõi nào, thì trí quyền... ý quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền không từng sanh với cõi nào, thì tín quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

812.

Trí quyền không từng sanh với cõi nào, thì ý quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền không từng sanh với cõi nào, thì trí quyền không từng sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

813.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nhĩ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nhĩ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

814.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới, tỷ quyền không từng sanh mà nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tịnh cư, Vô tưởng và Vô sắc với những cõi ấy, tỷ quyền không từng sanh và nhãn quyền cũng không từng sanh.

815.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền... nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới, nam quyền không từng sanh mà nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tịnh cư, Vô tưởng và Vô sắc với những cõi ấy, nam quyền không từng sanh và nhãn quyền cũng không từng sanh.

816.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng và Vô sắc, nhãn quyền không từng sanh mà mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tịnh cư với những cõi ấy, nhãn quyền không từng sanh và mạng quyền cũng không từng sanh.

Hay là mạng quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

817.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

818.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Vô Sắc giới, nhãn quyền chẳng phải từng sanh mà xả quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tịnh cư và người Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn quyền không từng sanh và xả quyền cũng không từng sanh.

Hay là xả quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

819.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Vô Sắc giới, nhãn quyền không từng sanh mà ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tịnh cư và người Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn quyền không từng sanh và ý quyền cũng không từng sanh.

Hay là ý quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

820.

Tỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nữ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

821.

Tỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

822.

Tỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới và Vô sắc giới, tỷ quyền không từng sanh mà mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tịnh cư với những cõi ấy, tỷ quyền không từng sanh và mạng quyền cũng không từng sanh.

Hay là mạng quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

823.

Tỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới, tỷ quyền không từng sanh mà hỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tịnh cư, Vô tưởng và Vô sắc với những cõi ấy, tỷ quyền không từng sanh và hỷ quyền cũng không từng sanh.

Hay là hỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

824.

Tỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới và Vô sắc giới, tỷ quyền không từng sanh mà xả quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tịnh cư và người Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ quyền không từng sanh và xả quyền cũng không từng sanh.

Hay là xả quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

825.

Tỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới và Vô sắc giới, tỷ quyền không từng sanh mà ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tịnh cư và người Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ quyền không từng sanh và ý quyền cũng không từng sanh.

Hay là ý quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

826.

Nữ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

827.

Nam quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới và Vô sắc giới, nam quyền không từng sanh mà mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tịnh cư với những cõi ấy, nam quyền không từng sanh và mạng quyền cũng không từng sanh.

Hay là mạng quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

828.

Nam quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới, nam quyền không từng sanh mà hỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tịnh cư, Vô tưởng và Vô sắc giới với những cõi ấy, nam quyền không từng sanh và hỷ quyền cũng không từng sanh.

Hay là hỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

829.

Nam quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới và Vô sắc giới, nam quyền không từng sanh mà xả quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Vô tưởng và Tịnh cư với những cõi ấy, nam quyền không từng sanh và xả quyền cũng không từng sanh.

Hay là xả quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

830.

Nam quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới và Vô sắc giới, nam quyền không từng sanh mà ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tịnh cư và Vô tưởng với những cõi ấy, nam quyền không từng sanh và ý quyền cũng không từng sanh.

Hay là ý quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

831.

Mạng quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai hiện hành của nơi Tịnh cư và bậc Vô tưởng, hỷ quyền không từng sanh mà mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người trong sát-na sanh của tâm sanh lên Tịnh cư với những cõi ấy, hỷ quyền không từng sanh và mạng quyền cũng không từng sanh.

832.

Mạng quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền... tín quyền, trí quyền, ý quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Vô tưởng, ý quyền không từng sanh mà mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người trong sát-na sanh của tâm sanh

lên Tịnh cư với những cõi ấy, ý quyền không từng sanh và mạng quyền cũng không từng sanh.

833.

Hỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền... tín quyền, trí quyền, ý quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai hiện hành của nơi Tịnh cư *(Suddhavasa)*, hỷ quyền không từng sanh mà ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người sanh lên Tịnh cư và người Vô tưởng với những cõi ấy, hỷ quyền không từng sanh và ý quyền cũng không từng sanh.

Hay là ý quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng?

834.

Xả quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

835.

Tín quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

836.

Trí quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

837.

Nhãn quyền sẽ sanh với người nào, thì nhĩ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nhĩ quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

838.

Nhãn quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh lên cõi Sắc giới rồi viên tịch, nhãn quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nhãn quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

839.

Nhãn quyền sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh đến Sắc giới rồi viên tịch và người nào sanh ra mỗi đời thành nam luôn cho đến viên tịch, nhãn quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nhãn quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nữ quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

840.

Nhãn quyền sẽ sanh với người nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh đến Sắc giới rồi viên tịch và người nào sanh ra mỗi đời thành nữ luôn cho đến viên tịch, nhãn quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nhãn quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

841.

Nhãn quyền sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh lên cõi Vô sắc rồi viên tịch, mạng quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, mạng quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng sẽ sanh.

842.

Nhãn quyền sẽ sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người xả hữu nhãn sanh ra rồi viên tịch, nhãn quyền sẽ sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nhãn quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

843.

Nhãn quyền sẽ sanh với người nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người hỷ hữu nhãn sanh ra rồi viên tịch, nhãn quyền sẽ sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nhãn quyền sẽ sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người sanh lên Vô sắc rồi viên tịch, xả quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, xả quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng sẽ sanh.

844.

Nhãn quyền sẽ sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người sanh lên cõi Vô sắc rồi viên tịch, ý quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, ý quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng sẽ sanh.

845.

Tỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh ra mỗi đời thành nam luôn cho đến viên tịch, tỷ quyền sẽ sanh mà nữ quyền sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, tỷ quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nữ quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

846.

Tỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào tục sinh mỗi đời thành nữ luôn cho đến viên tịch, tỷ quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, tỷ quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

847.

Tỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh lên cõi Sắc giới và Vô sắc giới rồi viên tịch, mạng quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, mạng quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

848.

Tỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người xả hữu tỷ sanh ra rồi viên tịch luôn, tỷ quyền sẽ sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, tỷ quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh lên cõi Sắc giới rồi viên tịch, hỷ quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, hỷ quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

849.

Tỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người hỷ hữu tỷ sanh ra rồi viên tịch, tỷ quyền sẽ sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, tỷ quyền sẽ sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh Sắc giới, Vô sắc giới rồi viên tịch, xả quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, xả quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

850.

Tỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh Sắc giới và Vô sắc giới rồi viên tịch, ý quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, ý quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

851.

Nữ quyền sẽ sanh với người nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào tục sinh mỗi đời đều nữ luôn cho đến viên tịch, nữ quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nữ quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào tục sinh mỗi đời đều nam luôn cho đến viên tịch, nam quyền sẽ

sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nam quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

852.

Nữ quyền sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh lên Sắc giới và Vô sắc giới rồi viên tịch luôn hay người nào tục sinh mỗi đời thành nam luôn cho đến viên tịch, mạng quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, mạng quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

853.

Nữ quyền sẽ sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào tục sinh mỗi đời thành nữ luôn và người xả sanh ra rồi viên tịch, nữ quyền sẽ sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nữ quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh cõi Sắc giới rồi viên tịch luôn hay người hỷ nào tục sinh mỗi đời thành nam rồi viên tịch, hỷ quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, hỷ quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

854.

Nữ quyền sẽ sanh với người nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người hỷ nào sanh ra mỗi đời thành nữ luôn cho đến viên tịch, nữ quyền sẽ sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nữ quyền sẽ sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh lên Sắc giới và Vô sắc giới luôn cho đến viên tịch hay người xả nào sanh ra mỗi đời thành nam rồi viên tịch, xả quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, xả quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

855.

Nữ quyền sẽ sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh Sắc giới và Vô sắc giới rồi viên tịch luôn hay người nào sanh mỗi đời thành nam luôn cho đến viên tịch, ý quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, ý quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

856.

Nam quyền sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh Sắc giới và Vô sắc giới rồi viên tịch luôn hay người nào tục sinh mỗi kiếp thành nữ luôn cho đến viên tịch, mạng quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, mạng quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

857.

Nam quyền sẽ sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người xả nào sanh ra mỗi kiếp thành nam cho đến viên tịch, nam quyền sẽ sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nam quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh lên Sắc giới rồi viên tịch, hay người hỷ nào sanh ra mỗi kiếp thành nữ luôn cho đến viên tịch, hỷ quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, hỷ quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

858.

Nam quyền sẽ sanh với người nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người hỷ nào sanh ra mỗi kiếp thành nam luôn cho đến viên tịch, nam quyền sẽ sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nam quyền sẽ sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh lên Sắc giới và Vô sắc giới rồi viên tịch hay người xả nào tục sinh mỗi đời thành nữ luôn cho đến viên tịch, xả quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, xả quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

859.

Nam quyền sẽ sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh lên Sắc giới và Vô sắc giới rồi viên tịch hay người nào tục sinh mỗi đời thành nữ luôn cho đến viên tịch, ý quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, ý quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

860.

Mạng quyền sẽ sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nơi tâm không xen hở với tâm chót tương ưng xả sẽ sanh, mạng quyền sẽ sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, hỷ quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

861.

Mạng quyền sẽ sanh với người nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người không xen hở của tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, mạng quyền sẽ sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, Mạng quyền sẽ sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

862.

Mạng quyền sẽ sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

863.

Hỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người cái tâm không xen hở với tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, hỷ quyền sẽ sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, hỷ quyền sẽ sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người cái tâm không xen hở với tâm chót tương ưng xả sẽ sanh, xả quyền sẽ sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, xả quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

864.

Hỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người cái tâm không xen hở với tâm chót tương ưng xả sẽ sanh, ý quyền sẽ sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, ý quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

865.

Xả quyền sẽ sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người cái tâm không xen hở với tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, ý quyền sẽ sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, ý quyền sẽ sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

866.

Tín quyền sẽ sanh với người nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì tín quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

867.

Trí quyền sẽ sanh với người nào, thì ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì trí quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

868.

Nhãn quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nhĩ quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nhĩ quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

869.

Nhãn quyền sẽ sanh với cõi nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, nhãn quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, nhãn quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tỷ quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

870.

Nhãn quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nữ quyền... nam quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, nhãn quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, nhãn quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

871.

Nhãn quyền sẽ sanh với cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng và Vô sắc, mạng quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, mạng quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng sẽ sanh.

872.

Nhãn quyền sẽ sanh với cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

873.

Nhãn quyền sẽ sanh với cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, xả quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, xả quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng sẽ sanh.

874.

Nhãn quyền sẽ sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, ý quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Ngũ uẩn, ý quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng sẽ sanh.

875.

Tỷ quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nữ quyền... nam quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền sẽ sanh với cõi nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

876.

Tỷ quyền sẽ sanh với cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với cõi nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, mạng quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, mạng quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

877.

Tỷ quyền sẽ sanh với cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với cõi nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, hỷ quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, hỷ quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

878.

Tỷ quyền sẽ sanh với cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền sẽ sanh với cõi nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, xả quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, xả quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

879.

Tỷ quyền sẽ sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với cõi nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, ý quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, ý quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

880.

Nữ quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nam quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nữ quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

881.

Nữ quyền sẽ sanh với cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nữ quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, mạng quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, mạng quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

882.

Nữ quyền sẽ sanh với cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nữ quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, hỷ quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, hỷ quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

883.

Nữ quyền sẽ sanh với cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nữ quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, xả quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, xả quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

884.

Nữ quyền sẽ sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nữ quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, ý quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, ý quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

885.

Nam quyền sẽ sanh với cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nam quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, mạng quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, mạng quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

886.

Nam quyền sẽ sanh với cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nam quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, hỷ quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, hỷ quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

887.

Nam quyền sẽ sanh với cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nam quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, xả quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, xả quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

888.

Nam quyền sẽ sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với cõi nào, thì nam quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, ý quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Dục giới, ý quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

889.

Mạng quyền sẽ sanh với cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, mạng quyền sẽ sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, mạng quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng?

890.

Mạng quyền sẽ sanh với cõi nào, thì xả quyền... tín quyền, trí quyền, ý quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô tưởng, mạng quyền sẽ sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn, mạng quyền sẽ sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

891.

Hỷ quyền sẽ sanh với cõi nào, thì xả quyền... tín quyền, trí quyền, ý quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

892.

Xả quyền sẽ sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

893.

Tín quyền sẽ sanh với cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với cõi nào, thì tín quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

894.

Trí quyền sẽ sanh với cõi nào, thì ý quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với cõi nào, thì trí quyền sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

895.

Nhãn quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhĩ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nhĩ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

896.

Nhãn quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, nhãn quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, nhãn quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

897.

Nhãn quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới hay người nào tục sinh mỗi kiếp đều là nam luôn đến viên tịch, nhãn quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nữ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

898.

Nhãn quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới hay người nữ nào tục sinh mỗi kiếp đều là nữ luôn đến viên tịch, nhãn quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

899.

Nhãn quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Vô tưởng và Vô sắc, mạng quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người ngũ uẩn với những cõi ấy, mạng quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng sẽ sanh.

900.

Nhãn quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả nào hữu nhãn sanh ra rồi viên tịch, nhãn quyền sẽ sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

901.

Nhãn quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hỷ nào hữu nhãn sanh ra rồi viên tịch, nhãn quyền sẽ sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền sẽ sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Người Vô sắc giới, xả quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người ngũ uẩn với những cõi ấy, xả quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng sẽ sanh.

902.

Nhãn quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Vô sắc giới, ý quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người ngũ uẩn với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng sẽ sanh.

903.

Tỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam nào sanh luôn mỗi kiếp đều thành nam cho đến viên tịch, tỷ quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nữ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

904.

Tỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nữ luôn cho đến lúc viên tịch, tỷ quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

905.

Tỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới và Vô sắc giới, mạng quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, mạng quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

906.

Tỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả nào hữu tỷ sanh ra rồi viên tịch, tỷ quyền sẽ sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Người Sắc giới, hỷ quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

907.

Tỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hỷ nào hữu tỷ sanh ra rồi viên tịch, tỷ quyền sẽ sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ quyền sẽ sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới và Vô sắc giới, xả quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, xả quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

908.

Tỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới và Vô sắc giới, ý quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

909.

Nữ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nữ luôn đến viên tịch, nữ quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nữ quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nào tục sinh luôn mỗi kiếp đều thành nam cho đến viên tịch, nam quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nam quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

910.

Nữ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Người Sắc giới và Vô sắc giới hay người nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nam luôn đến tịch diệt, mạng quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó, với những cõi ấy, mạng quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

911.

Nữ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nào sanh ra mỗi kiếp đều thành nữ và người xả sanh ra rồi viên tịch, nữ quyền sẽ sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nữ quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới hay người hỷ nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nam luôn đến viên tịch, hỷ quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi

ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

912.

Nữ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hỷ nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nữ sanh ra cho đến lúc viên tịch, nữ quyền sẽ sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nữ quyền sẽ sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới và người xả nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nam luôn đến viên tịch, xả quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, xả quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

913.

Nữ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới hay người nam nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nam luôn đến viên tịch, ý quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

914.

Nam quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới và Vô sắc giới hay người nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nữ luôn đến viên tịch, mạng quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, mạng quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

915.

Nam quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nam cho đến khi viên tịch, nam quyền sẽ sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nam quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới hay người hỷ nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nữ luôn đến khi viên tịch, hỷ quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

916.

Nam quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hỷ nào tục sinh mỗi kiếp đều là nam cho đến khi viên tịch, nam quyền sẽ sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nam quyền sẽ sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới và người xả nào tục sinh mỗi kiếp đều

thành nữ luôn đến viên tịch, xả quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, xả quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

917.

Nam quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới hay người nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nữ luôn đến viên tịch, ý quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

918.

Mạng quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nào tâm không xen hở với tâm chót tương ưng xả sẽ sanh và người Vô tưởng, mạng quyền sẽ sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, mạng quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

919.

Mạng quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nào tâm không xen hở với tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh và bậc Vô tưởng, mạng quyền sẽ sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, mạng quyền sẽ sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

920.

Mạng quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Vô tưởng, mạng quyền sẽ sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người tứ uẩn và ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, mạng quyền sẽ sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.
Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

921.

Hỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nào trong tâm không xen hở với tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, hỷ quyền sẽ sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nào trong cái tâm không xen hở với tâm chót tương ưng xả sẽ sanh, xả quyền sẽ sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, xả quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

922.

Hỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong cái tâm không xen hở với tâm chót tương ưng xả sẽ sanh, ý quyền sẽ sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

923.

Xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong cái tâm không xen hở với tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, ý quyền sẽ sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

924.

Tín quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

925.

Trí quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

926.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nhĩ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nhĩ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

927.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sẽ sanh lên Sắc giới rồi viên tịch, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà nhãn quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người sanh lên cõi Vô sắc rồi sẽ viên tịch, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

928.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người sanh lên cõi Sắc giới sẽ viên tịch và người nào tục sinh mỗi kiếp đều là nam luôn đến khi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh mà nhãn quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người sanh lên cõi Vô sắc rồi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

929.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người sanh cõi Sắc giới sẽ viên tịch và người nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nữ luôn đến khi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà nhãn quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người sanh lên cõi Vô sắc rồi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

930.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người sanh cõi Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót, nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh và mạng quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi

931.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người xả hữu nhãn sanh ra rồi sẽ viên tịch, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà nhãn quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người sanh lên cõi Vô sắc rồi sẽ viên tịch, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

932.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh lên cõi Vô sắc rồi sẽ viên tịch, nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót, nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh và xả quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người hỷ hữu nhãn sanh ra rồi sẽ viên tịch, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà nhãn quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

933.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh lên cõi Vô sắc rồi sẽ viên tịch, nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót, nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

934.

Tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào tục sinh mỗi kiếp đều là nam luôn cho đến khi viên

tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh mà tỷ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người sanh Sắc giới và Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

935.

Tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào tục sinh mỗi kiếp đều là nữ luôn đến khi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà tỷ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người sanh lên Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

936.

Tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người sanh lên Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và mạng quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi

937.

Tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh lên Sắc giới rồi sẽ viên tịch, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người sanh lên cõi Vô sắc rồi sẽ viên tịch, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người xả hữu tỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà tỷ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người sanh lên cõi Vô sắc rồi sẽ viên tịch, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

938.

Tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi. Còn người kiếp chót và người hỷ sanh lên Sắc giới rồi sẽ viên tịch, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và xả quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người hỷ hữu tỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà tỷ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người hỷ sanh lên Sắc giới rồi sẽ viên tịch, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

939.

Tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh lên Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

940.

Nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào tục sinh mỗi kiếp đều là nam luôn cho đến khi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh mà nam quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người nào sanh lên Sắc giới và Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh và nam quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào tục sinh mỗi kiếp đều là nữ luôn cho đến khi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà nữ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người sanh lên Sắc giới và Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và nữ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

941.

Nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người sanh lên Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch và người nào tục sinh mỗi kiếp đều là nam luôn cho đến khi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và nữ quyền chẳng phải sẽ sanh và mạng quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

942.

Nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh Sắc giới rồi viên tịch và người hỷ nào tục sinh mỗi kiếp đều là nam luôn cho đến khi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người sanh lên cõi Vô sắc rồi sẽ viên tịch và người xả nào mỗi kiếp tục sinh luôn đều thành nam rồi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người xả nào tục sinh mỗi kiếp đều là nữ luôn cho đến khi sẽ viên tịch, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà nữ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người sanh lên cõi Vô sắc rồi sẽ viên tịch và người xả nào mỗi kiếp tục sinh luôn đều thành nam sẽ viên tịch, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và nữ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

943.

Nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh lên Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch và người xả nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nam luôn cho đến khi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người hỷ nào mỗi kiếp tục sinh luôn đều thành nam rồi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh và xả quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người hỷ nào tục sinh mỗi kiếp đều là nữ rồi sẽ viên tịch, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà nữ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người hỷ nào mỗi kiếp tục sinh mỗi kiếp đều thành nam luôn rồi sẽ viên tịch, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và nữ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

944.

Nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ

viên tịch và người tục sinh mỗi kiếp đều thành nam luôn rồi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi

945.

Nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người sanh lên Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch và người nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nữ luôn rồi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và mạng quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

946.

Nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh Sắc giới rồi sẽ viên tịch và người hỷ nào tục sinh mỗi kiếp đều là nữ luôn cho đến khi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người sanh lên cõi Vô sắc rồi sẽ viên tịch và người xả nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nữ rồi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người xả nào tục sinh mỗi kiếp luôn đều là nam rồi sẽ viên tịch, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà nam quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người sanh lên cõi Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch và người xả nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nữ rồi sẽ viên tịch, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và nam quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

947.

Nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh lên Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch và người xả nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nữ rồi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người hỷ nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nữ rồi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và xả quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người hỷ nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nam rồi sẽ viên tịch, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà nam quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót và người hỷ nào mỗi kiếp đều thành nữ rồi sẽ viên tịch, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và nam quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

948.

Nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nào sanh Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch và người nào tục sinh mỗi kiếp đều là nữ rồi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người kiếp chót, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

949.

Mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nơi tâm không xen hở với tâm chót tương ưng xả sẽ sanh, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người tề toàn tâm chót, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và mạng quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

950.

Mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nơi tâm không xen hở với tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người tề toàn tâm chót, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và mạng quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

951.

Mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

952.

Hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nơi tâm kế tâm chót tương ưng xả sẽ sanh, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người tề toàn tâm chót, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và xả quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nơi tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người tề toàn tâm chót, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

953.

Hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nơi tâm kế tâm chót tương ưng xả sẽ sanh, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người tề toàn tâm chót, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

954.

Xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nơi tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người tề toàn tâm chót, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

955.

Tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

956.

Trí quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì trí quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

957.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì nhĩ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nhĩ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

958.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà nhãn quyền sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng và Vô sắc, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

959.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì nữ quyền... nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà nhãn quyền sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng và Vô sắc, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

960.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Sẽ sanh

Hay là mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

961.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

962.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh mà xả quyền sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh và xả quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

963.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Vô sắc, nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh mà ý quyền sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

964.

Tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì nữ quyền... nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

965.

Tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Sẽ sanh

Hay là mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

966.

Tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng và Vô sắc, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

967.

Tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà xả quyền sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và xả quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

968.

Tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà ý quyền sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

969.

Nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

970.

Nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Sẽ sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

971.

Nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng và Vô sắc, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

972.

Nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà xả quyền sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và xả quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

973.

Nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Cõi Sắc giới và Vô sắc giới, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà ý quyền sẽ sanh với cõi ấy. Còn cõi Vô tưởng, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

974.

Mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

Hay là hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Sẽ sanh.

975.

Mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì xả quyền.. tín quyền, trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Không có.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Sẽ sanh.

976.

Hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì xả quyền... tín quyền, trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

977.

Xả quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì tín quyền, trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

978.

Tín quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì trí quyền... ý quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì tín quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

979.

Trí quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì ý quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi nào, thì trí quyền chẳng phải sẽ sanh với cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

980.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhĩ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nhĩ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

981.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà nhãn quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót trong cõi Ngũ uẩn, người Vô tưởng và Vô sắc với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

982.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới và người nào tục sinh mỗi kiếp thành nam luôn rồi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh mà nhãn quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót trong cõi Ngũ uẩn, người Vô tưởng và bậc Vô sắc với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

983.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới và người nào tục sinh mỗi kiếp thành nữ luôn rồi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà nhãn quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót trong cõi Ngũ uẩn, bậc Vô tưởng và

người Vô sắc với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

984.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Vô tưởng và bậc Vô sắc, nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót với những cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh và mạng quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

985.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả hữu nhãn sanh ra rồi sẽ viên tịch, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà nhãn quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót nơi cõi Ngũ uẩn, người Vô tưởng và bực Vô sắc với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

986.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Vô sắc giới, nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót và người Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh và xả quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hỷ hữu nhãn sanh ra rồi sẽ viên tịch, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà nhãn quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót và người Vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

987.

Nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Vô sắc giới, nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót và bậc Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

988.

Tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nào tục sinh thành nam luôn mỗi kiếp rồi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh mà tỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót trong Dục giới và người Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

989.

Tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nào tục sinh luôn mỗi kiếp thành nữ luôn rồi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà tỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót nương Dục giới và người Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

990.

Tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới và Vô sắc giới, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và mạng quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

991.

Tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót nương ngũ uẩn, người Vô tưởng và bực Vô sắc với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả hữu hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà tỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót nương ngũ uẩn, người Vô tưởng và bực Vô sắc với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

992.

Tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới, Vô sắc giới, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót và người Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và xả quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hỷ hữu tỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà tỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bực kiếp chót và người Vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

993.

Tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới và Vô sắc giới, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót và người Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

994.

Nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nào tục sinh mỗi kiếp đều là nam rồi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh mà nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót nương cõi Dục giới và người Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh và nam quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nào tục sinh mỗi kiếp đều là nữ rồi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà nữ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót nương Dục giới và người Sắc giới và Vô sắc giới với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và nữ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

995.

Nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới, Vô sắc giới và người nào tục sinh luôn mỗi kiếp thành nam luôn rồi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh và mạng quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

996.

Nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới và người hỷ nào tục sinh mỗi kiếp đều là nam rồi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót nương cõi Ngũ uẩn, người Vô tưởng và Vô sắc với người xả nào tục sinh mỗi kiếp thành nam luôn rồi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả nào tục sinh mỗi kiếp đều thành nữ luôn rồi sẽ viên tịch, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà nữ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót nương ngũ uẩn, người Vô tưởng, Vô sắc và người xả nào tục sinh mỗi kiếp thành nam luôn rồi sẽ viên tịch với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và nữ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

997.

Nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới và người xả nào tục sinh mỗi kiếp thành nam luôn rồi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót, bậc Vô tưởng và người hỷ nào tục sinh mỗi kiếp đều là nam luôn rồi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh và xả quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hỷ nào sanh ra là nữ luôn mỗi kiếp rồi sẽ viên tịch, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà nữ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót bậc Vô tưởng và người hỷ nào sanh ra là nam luôn mỗi kiếp rồi sẽ viên tịch với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và nữ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

998.

Nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới, Vô sắc giới và người sanh ra mỗi kiếp đều là nam luôn rồi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót, người Vô tưởng với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

999.

Nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới và người nào tục sinh mỗi kiếp đều là nữ luôn rồi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và mạng quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1000.

Nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới và người hỷ nào mỗi kiếp sanh ra đều là nữ luôn rồi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót nương cõi Ngũ uẩn, bậc Vô tưởng, người Vô sắc và người xả nào khi sanh ra đều là nữ luôn rồi sẽ viên tịch với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người xả nào sanh ra mỗi kiếp đều là nam luôn rồi sẽ viên tịch, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót nương ngũ uẩn, bậc Vô tưởng, Vô sắc và người xả nào sanh ra mỗi kiếp đều là Nữ luôn rồi sẽ viên tịch với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và nam quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

1001.

Nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới và người xả nào tục sinh mỗi kiếp thành nữ luôn rồi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót nương cõi Ngũ uẩn, bậc Vô tưởng và người hỷ nào mỗi kiếp sánh ra đều là nữ luôn rồi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và xả quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người hỷ sanh ra mỗi kiếp đều là nam luôn rồi sẽ viên tịch, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót, người Vô tưởng và người hỷ nào tục sinh mỗi kiếp sanh ra đều là nữ luôn rồi sẽ viên tịch với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và nam quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

1002.

Nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới và người nào sanh ra mỗi kiếp đều là nữ luôn rồi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót, người Vô

tưởng với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1003.

Mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nơi tâm kế tâm chót tương ưng xả sẽ sanh và người Vô tưởng, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và mạng quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

1004.

Mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nơi tâm kế chót tương ưng hỷ sẽ sanh và người Vô tưởng, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người tề toàn tâm chót với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và mạng quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

1005.

Mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Vô tưởng, ý quyền chẳng phải sẽ sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người tề toàn tâm chót với những cõi ấy, ý quyền chẳng phải sẽ sanh và mạng quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

1006.

Hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nơi tâm kế tâm chót tương ưng xả sẽ sanh, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người tề toàn tâm chót và người Vô tưởng với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và xả quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nơi tâm kế chót tương ưng hỷ sẽ sanh, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người tề toàn tâm chót những người vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và hỷ quyền cũng chăng phải sẽ sanh.

1007.

Hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nơi tâm kế tâm chót tương ưng xả sẽ sanh, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người tề toàn tâm chót và người Vô tưởng với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1008.

Xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nơi tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc tề toàn tâm chót và người Vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và tín quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1009.

Xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nơi tâm kế chót tương ưng hỷ sẽ sanh, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc tề toàn tâm chót và người Vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1010.

Tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1011.

Trí quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1012.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì nhĩ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nhĩ quyền từng sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, nhĩ quyền đang sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh, nhĩ quyền từng sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1013.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tỷ quyền từng sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn sanh ra, tỷ quyền từng sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra, tỷ quyền từng sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1014.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì nữ quyền... nam quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền từng sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn sanh ra, nam quyền từng sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra, nam quyền từng sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1015.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền từng sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn sanh ra, mạng quyền từng sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra, mạng quyền từng sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1016.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì hỷ quyền... xả quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền từng sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn sanh ra, xả quyền từng sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra, xả quyền từng sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1017.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn sanh ra, ý quyền từng sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra, ý quyền từng sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1018.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì nữ quyền... nam quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền từng sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ sanh ra, nam quyền từng sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ sanh ra, nam quyền từng sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1019.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền từng sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ sanh ra, mạng quyền từng sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ sanh ra, mạng quyền từng sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1020.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì hỷ quyền... xả quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền từng sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ sanh ra, xả quyền từng sanh mà tỷ quyền

chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ sanh ra, xả quyền từng sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1021.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ sanh ra, ý quyền từng sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ sanh ra, ý quyền từng sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1022.

Nữ quyền đang sanh với người nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền từng sanh với người nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người phi nữ sanh ra, nam quyền từng sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nữ sanh ra, nam quyền từng sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1023.

Nữ quyền đang sanh với người nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền từng sanh với người nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người phi nữ sanh ra, mạng quyền từng sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nữ sanh ra, mạng quyền từng sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1024.

Nữ quyền đang sanh với người nào, thì hỷ quyền... xả quyền, tín quyền, trí quyền, ý quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người phi nữ sanh ra, ý quyền từng sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nữ sanh ra, ý quyền từng sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1025.

Nam quyền đang sanh với người nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền từng sanh với người nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người phi nam sanh ra, mạng quyền từng sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nam sanh ra, mạng quyền từng sanh và nam quyền cũng đang sanh.

1026.

Nam quyền đang sanh với người nào, thì hỷ quyền... xả quyền, tín quyền, trí quyền, ý quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người phi nam sanh ra, ý quyền từng sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nam sanh ra, ý quyền từng sanh và nam quyền cũng đang sanh.

1027.

Mạng quyền đang sanh với người nào, thì hỷ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền từng sanh với người nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người trong sát-na diệt của tâm hiện hành *(pavatti)*, hỷ quyền từng sanh mà mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm hiện hành, hỷ quyền từng sanh và mạng quyền cũng đang sanh.

1028.

Mạng quyền đang sanh với người nào, thì xả quyền... tín quyền, trí quyền, ý quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người trong sát-na diệt của tâm hiện hành *(pavatti)*, ý quyền từng sanh mà mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm hiện hành, ý quyền từng sanh và mạng quyền cũng đang sanh.

1029.

Hỷ quyền đang sanh với người nào, thì xả quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền từng sanh với người nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả, người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, xả quyền từng sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hỷ sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ hiện hành, xả quyền từng sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

1030.

Hỷ quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả, người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, ý quyền từng sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hỷ sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ hiện hành, ý quyền từng sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

1031.

Xả quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tín quyền từng sanh với người nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả, người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, tín quyền từng sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người xả sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ hiện hành, tín quyền từng sanh và xả quyền cũng đang sanh.

1032.

Xả quyền đang sanh với người nào, thì trí quyền... ý quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả, người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, ý quyền từng sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người xả sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ hiện hành, ý quyền từng sanh và xả quyền cũng đang sanh.

1033.

Tín quyền đang sanh với người nào, thì trí quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là trí quyền từng sanh với người nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả, người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, trí quyền từng sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhân sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín hiện hành, trí quyền từng sanh và tín quyền cũng đang sanh.

1034.

Tín quyền đang sanh với người nào, thì ý quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả, người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, ý quyền từng sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhân sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín hiện hành, ý quyền từng sanh và tín quyền cũng đang sanh.

1035.

Trí quyền đang sanh với người nào, thì ý quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả, người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, ý quyền từng sanh mà trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người tương ưng trí sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng trí hiện hành, ý quyền từng sanh và trí quyền cũng đang sanh.

1036.

Nhãn quyền đang sanh với cõi nào…

1037.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nhĩ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc sanh lên nơi Tịnh cư, nhãn quyền đang sanh mà nhĩ quyền chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn sanh ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và nhĩ quyền cũng từng sanh.

Hay là nhĩ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tử nơi cõi Ngũ uẩn và người vô nhãn sanh ra nơi Dục giới, nhĩ quyền từng sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra với những cõi ấy, nhĩ quyền từng sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1038.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người sanh ra nơi Sắc giới, nhãn quyền từng sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới hữu nhãn sanh ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và tỷ quyền cũng từng sanh.

Hay là tỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tử nơi Dục giới và người Dục giới vô nhãn sanh ra, tỷ quyền từng sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới hữu nhãn sanh ra với những cõi ấy, tỷ quyền từng sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1039.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền... nam quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới hữu nhãn sanh ra với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và quyền cũng từng sanh.

Hay là nam quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tử nơi Dục giới và người Dục giới vô nhãn sanh ra, nam quyền từng sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới hữu nhãn sanh ra với những cõi ấy, nam quyền từng sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1040.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Tịnh cư sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà mạng quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn sanh ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và mạng quyền cũng từng sanh.

Hay là mạng quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn sanh ra, mạng quyền từng sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra với những cõi ấy, mạng quyền từng sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1041.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Tịnh cư sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn sanh ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và hỷ quyền cũng từng sanh.

Hay là hỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tử nơi ngũ uẩn và người Dục giới vô nhãn sanh ra, hỷ quyền từng sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra với những cõi ấy, hỷ quyền từng sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1042.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Tịnh cư sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và xả quyền cũng từng sanh.

Hay là xả quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tử nơi ngũ uẩn và người Dục giới vô nhãn sanh ra và bậc Vô sắc, xả quyền từng sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra với những cõi ấy, xả quyền từng sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1043.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Tịnh cư sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn ngoài ra đó sanh ra với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và tín quyền cũng từng sanh.

Hay là tín quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi ngũ uẩn và người Dục giới vô nhãn sanh ra và người Vô sắc, tín quyền từng sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra với những cõi ấy, tín quyền từng sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1044.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Tịnh cư sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà ý quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và ý quyền cũng từng sanh.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi ngũ uẩn và người Dục giới vô nhãn sanh ra và người Vô sắc, ý quyền từng sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra với những cõi ấy, ý quyền từng sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1045.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nữ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tử nơi Dục giới và người Dục giới vô tỷ sanh ra, nữ quyền từng sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ sanh ra với những cõi ấy, nữ quyền từng sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1046.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tử nơi Dục giới và người Dục giới vô tỷ sanh ra, nam quyền từng sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ sanh ra với những cõi ấy, nam quyền từng sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1047.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ sanh ra, mạng quyền từng

sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ sanh ra với những cõi ấy, mạng quyền từng sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1048.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới vô tỷ sanh ravà người Sắc giới, hỷ quyền từng sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh với những cõi ấy, hỷ quyền từng sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1049.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới vô tỷ đang sanh và người Sắc giới, Vô sắc giới, xả quyền từng sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ sanh ra với những cõi ấy, xả quyền từng sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1050.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới vô tỷ đang sanh và người Sắc giới, Vô sắc giới, ý quyền từng sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh với những cõi ấy, ý quyền từng sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1051.

Nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới phi nữ đang sanh, nam quyền từng sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ đang sanh với những cõi ấy, nam quyền từng sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1052.

Nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới phi nữ đang sanh và người Sắc giới, Vô sắc giới, mạng quyền từng sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ đang sanh với những cõi ấy, mạng quyền từng sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1053.

Nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào thì nữ quyền đang sanh với người ấy ở cõi ấy phải chăng? Người đang tử biệt cõi Dục giới, người phi nữ đang tái sanh cõi Dục giới, người cõi Sắc giới, hỷ quyền từng sanh mà nữ quyền thì không đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ đang tái sanh, hỷ quyền từng sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1054.

Nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là xả quyền từng sanh với người nào cõi nào thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử biệt cõi Dục giới, người phi nữ đang tái sanh cõi Dục giới, người cõi Sắc giới, người cõi vô Sắc giới, xả quyền từng sanh mà nữ quyền không đang sanh với người ấy cõi ấy; còn đối với người nữ đang tái sanh thì với người ấy cõi ấy xả quyền từng sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1055.

Nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào thì tín quyền... tuệ quyền... ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi!

Hay là ý quyền từng sanh với người nào cõi nào thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử biệt cõi Dục giới, người phi nữ đang tái sanh cõi Dục giới, người cõi Sắc giới, người cõi vô Sắc giới, ý quyền từng sanh mà nữ quyền không đang sanh cho người ấy cõi ấy. Còn người nữ đang tái sanh, ý quyền từng sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1056.

Nam quyền đang sanh với người nào thì mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là mạng quyền từng sanh với người nào ở cõi nào thì nam quyền đang sanh với người ấy ở cõi ấy phải chăng? Người đang tử biệt cõi Dục giới, người phi nam đang tái sanh cõi Dục giới, người cõi Sắc giới, người cõi vô Sắc giới, mạng quyền từng sanh mà nam quyền không đang sanh cho người ấy cõi ấy. Còn người nam đang tái sanh, mạng quyền từng sanh và nam quyền cũng đang sanh.

1057.

Nam quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới phi nam đang sanh và người Sắc giới, hỷ quyền từng sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam đang sanh với những cõi ấy, hỷ quyền từng sanh và nam quyền cũng đang sanh.

1058.

Nam quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới phi nam đang sanh và người Sắc giới, Vô sắc giới, xả quyền từng sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam đang sanh với những cõi ấy, xả quyền từng sanh và nam quyền cũng đang sanh.

1059.

Nam quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới phi nam đang sanh và người Sắc giới, Vô sắc giới, ý quyền từng sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam đang sanh với những cõi ấy, ý quyền từng sanh và nam quyền cũng đang sanh.

1060.

Mạng quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm sanh lên nơi Tịnh cư và người Vô tưởng đang sanh, mạng quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn đang sanh ngoài ra đó và người trong sát-na sanh của tâm hiện hành với những cõi ấy, mạng quyền đang sanh và hỷ quyền cũng từng sanh.

Hay là hỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn và người trong sát-na diệt của tâm hiện hành, hỷ quyền từng sanh mà mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn và người trong sát-na sanh của tâm hiện hành với những cõi ấy, hỷ quyền từng sanh và mạng quyền cũng đang sanh.

1061.

Mạng quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Tịnh cư đang sanh và người Vô tưởng đang sanh, mạng quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó và người trong sát-na sanh của tâm hiện hành với những cõi ấy, mạng quyền đang sanh và xả quyền cũng từng sanh.

Hay là xả quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn và người trong sát-na diệt của tâm hiện hành *(pavatti)*, xả quyền từng sanh mà mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người sanh ra nơi cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn và người trong sát-na sanh của tâm hiện hành với những cõi ấy, xả quyền từng sanh và mạng quyền cũng đang sanh.

1062.

Mạng quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc sanh lên nơi Tịnh cư và người sanh lên Vô tưởng, mạng quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó và người trong sát-na sanh của tâm hiện hành với những cõi ấy, mạng quyền đang sanh và ý quyền cũng từng sanh.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn và người trong sát-na diệt của tâm hiện hành, ý quyền từng sanh mà mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn và người trong sát-na sanh của tâm hiện hành với những cõi ấy, ý quyền từng sanh và mạng quyền cũng đang sanh.

1063.

Hỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là xả quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, xả quyền từng sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hỷ đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ hiện hành với những cõi ấy, xả quyền từng sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

1064.

Hỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, ý quyền từng sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hỷ đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ hiện hành với những cõi ấy, ý quyền từng sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

1065.

Xả quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người sanh lên cõi Tịnh cư, xả quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người xả đang sanh ngoài ra đó, và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng xả hiện hành với những cõi ấy, xả quyền đang sanh và tín quyền cũng từng sanh.

Hay là tín quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, tín quyền từng sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người xả đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng xả hiện hành với những cõi ấy, tín quyền từng sanh và xả quyền cũng đang sanh.

1066.

Xả quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Tịnh cư đang sanh, xả quyền đang sanh mà trí quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người xả đang sanh mà ngoài ra đó, và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng xả hiện hành với những cõi ấy, xả quyền đang sanh và trí quyền cũng từng sanh.

Hay là trí quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, trí quyền từng sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người xả đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng xả hiện hành với những cõi ấy, trí quyền từng sanh và xả quyền cũng đang sanh.

1067.

Xả quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người sanh lên Tịnh cư *(suddhāvāsa)*, xả quyền đang sanh mà ý quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người xả đang sanh mà ngoài ra đó, và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng xả hiện hành với những cõi ấy, xả quyền đang sanh và ý quyền cũng từng sanh.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả và người trong sát-na sanh

của tâm bất tương ưng xả, ý quyền từng sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người xả đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng xả hiện hành với những cõi ấy, ý quyền từng sanh và xả quyền cũng đang sanh.

1068.

Tín quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người sanh lên Tịnh cư, tín quyền đang sanh mà trí quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhân sanh ra mà ngoài ra đó, và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín hiện hành với những cõi ấy, tín quyền đang sanh và trí quyền cũng từng sanh.

Hay là trí quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, trí quyền từng sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhân sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín hiện hành với những cõi ấy, trí quyền từng sanh và tín quyền cũng đang sanh.

1069.

Tín quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người sanh lên Tịnh cư, tín quyền đang sanh mà ý quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhân sanh ra mà ngoài ra đó, và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín hiện hành với những cõi ấy, tín quyền đang sanh và ý quyền cũng từng sanh.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, ý quyền từng sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhân sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín hiện hành với những cõi ấy, ý quyền từng sanh và tín quyền cũng đang sanh.

1070.

Trí quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người sanh lên Tịnh cư, trí quyền đang sanh mà ý quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người tương ưng trí đang sanh ra mà ngoài ra đó và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng trí hiện hành với những cõi ấy, trí quyền đang sanh và ý quyền cũng từng sanh.

Hay là ý quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng?Người trong sát-na diệt của tâm tất cả và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, ý quyền từng sanh mà trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người tương ưng trí sanh ra và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng trí hiện hành với những cõi ấy, ý quyền từng sanh và trí quyền cũng đang sanh.

1071.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nhĩ quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

Hay là nhĩ quyền không từng sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.

1072.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tỷ quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

Hay là tỷ quyền không từng sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.

1073.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nữ quyền... nam quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

Hay là nam quyền không từng sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.

1074.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì mạng quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

Hay là mạng quyền không từng sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.

1075.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì hỷ quyền... xả quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

Hay là xả quyền không từng sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.

1076.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

Hay là ý quyền không từng sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Không có.

1077.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì nhĩ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót sanh ra nơi cõi Ngũ uẩn và người nào sanh lên cõi Vô sắc rồi sẽ viên tịch và người đang sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà nhĩ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh mà ngoài ra đó, nhãn quyền đang sanh và nhĩ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nhĩ quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, nhĩ quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh, nhĩ quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1078.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót sanh ra nơi cõi Ngũ uẩn và người sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch và người đang sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh mà ngoài ra đó, nhãn quyền đang sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn sanh ra, tỷ quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra, tỷ quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1079.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót sanh ra nơi cõi Ngũ uẩn và người Sắc giới, Vô sắc giới sanh ra rồi sẽ viên tịch và người nào sanh ra mỗi kiếp đều là nam rồi sẽ viên tịch và người đang sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn mà ngoài ra đó đang sanh ra, nhãn quyền đang sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nữ quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn sanh ra, nữ quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra, nữ quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1080.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn và người Sắc giới, Vô sắc giới sanh ra rồi sẽ viên tịch và người nào sanh ra mỗi kiếp đều là nữ rồi sẽ viên tịch và người đang sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra ngoài ra đó, nhãn quyền đang sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, nam quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra, nam quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1081.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn, nhãn quyền đang sanh mà mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh mà ngoài ra đó, nhãn quyền đang sanh và mạng quyền cũng sẽ sanh.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn sanh ra, mạng quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra, mạng quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1082.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót sanh ra nơi cõi Ngũ uẩn, người xả hữu nhãn sanh ra rồi sẽ viên tịch và người đang sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh ngoài ra đó, nhãn quyền đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn sanh ra, hỷ quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra, hỷ quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1083.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn và người Hỹ hữu nhãn sanh ra rồi sẽ viên tịch và người đang sanh ra, nhãn quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với

người ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra mà ngoài ra đó, nhãn quyền đang sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, xả quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra, xả quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1084.

Nhãn quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Ngũ, nhãn quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn ngoài ra đó đang sanh, nhãn quyền đang sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, ý quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhãn sanh ra, ý quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1085.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới và người Sắc giới, Vô sắc giới sanh ra rồi sẽ viên tịch và người nào sanh ra mỗi kiếp đều là nam rồi sẽ viên tịch và người đang sanh ra, tỷ quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh mà ngoài ra đó, tỷ quyền đang sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nữ quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ đang sanh, nữ quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ sanh ra, nữ quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1086.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới và người Sắc giới, Vô sắc giới sanh ra rồi sẽ viên tịch và người sanh ra mỗi kiếp đều là nữ rồi sẽ viên tịch và người đang sanh ra, tỷ quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ sanh ra mà ngoài ra đó, tỷ quyền đang sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ sanh ra, nam quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ sanh ra, nam quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1087.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới, tỷ quyền đang sanh mà mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh mà ngoài ra đó, tỷ quyền đang sanh và mạng quyền cũng sẽ sanh.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ đang sanh, mạng quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh, mạng quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1088.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới và người xả hữu tỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch và người đang sanh ra, tỷ quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh mà ngoài ra đó, tỷ quyền đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ đang sanh, hỷ quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh, hỷ quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1089.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới và người hỷ hữu tỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch và người đang sanh ra, tỷ quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh mà ngoài ra đó, tỷ quyền đang sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ đang sanh, xả quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh, xả quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1090.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới, tỷ quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh ngoài ra đó, tỷ quyền đang sanh và tín quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tín quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ đang sanh, tín quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh, tín quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1091.

Tỷ quyền đang sanh với người nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới, tỷ quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh ngoài ra đó, tỷ quyền đang sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ đang sanh, ý quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh, ý quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1092.

Nữ quyền đang sanh với người nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh, người Sắc giới, Vô sắc giới sanh ra rồi sẽ viên tịch và người tục sinh mỗi kiếp đều là nữ rồi sẽ viên tịch và người nữ đang sanh ra, nữ quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người nữ đang sanh mà ngoài ra đó, nữ quyền đang sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người phi nữ đang sanh, nam quyền sẽ sanh mà nữ

quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nữ sanh ra, nam quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1093.

Nữ quyền đang sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh, nữ quyền đang sanh mà mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người nữ đang sanh mà ngoài ra đó, nữ quyền đang sanh và mạng quyền cũng sẽ sanh.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy phải chăng?Tất cả người đang tử, người phi nữ đang sanh, mạng quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy; còn đối với người nữ sanh ra, mạng quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1094.

Nữ quyền đang sanh với người nào thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh, người nữ hữu xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, nữ quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy; còn người nữ đang sanh mà ngoài ra đó, nữ quyền đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào thì nữ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người phi nữ đang sanh, hỷ quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy; còn người nữ đang sanh, hỷ quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1095.

Nữ quyền đang sanh với người nào thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh, người nữ hữu hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, nữ quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy; còn người nữ đang sanh mà ngoài ra đó, nữ quyền đang sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào thì nữ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người phi nữ đang sanh, xả quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy; còn người nữ đang sanh, xả quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1096.

Nữ quyền đang sanh với người nào thì tín quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh, nữ quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy; còn người nữ đang sanh mà ngoài ra đó, nữ quyền đang sanh và tín quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tín quyền sẽ sanh với người nào thì nữ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người phi nữ đang sanh, tín quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy; còn người nữ đang sanh mà ngoài ra đó, tín quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1097.

Nữ quyền đang sanh với người nào thì tuệ quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh, nữ quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy; còn người nữ đang sanh mà ngoài ra đó, nữ quyền đang sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào thì nữ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người phi nữ đang sanh, ý quyền sẽ sanh mà nữ quyền

chẳng phải đang sanh với người ấy; còn người nữ đang sanh, ý quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1098.

Nam quyền đang sanh với người nào thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nam kiếp chót đang sanh, nam quyền đang sanh mà mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy; còn người nam đang sanh mà ngoài ra đó, nam quyền đang sanh và mạng quyền cũng sẽ sanh.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào thì nam quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người phi nam đang sanh, mạng quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy; còn người nam đang sanh, mạng quyền sẽ sanh và nam quyền cũng đang sanh.

1099.

Nam quyền đang sanh với người nào thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nam kiếp chót đang sanh, người nam hữu xả sanh ra rồi viên tịch, nam quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy; còn người nam đang sanh mà ngoài ra đó, nam quyền đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào thì nam quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử, người phi nam đang sanh, hỷ quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy; còn người nam đang sanh, hỷ quyền sẽ sanh và nam quyền cũng đang sanh.

1100.

Nam quyền đang sanh với người nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nam kiếp chót đang sanh và người nam hữu hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch và người nam đang sanh ra, nam quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người nam đang sanh mà ngoài ra đó, nam quyền đang sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người phi nam đang sanh, xả quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nam đang sanh, xả quyền sẽ sanh và nam quyền cũng đang sanh.

1101.

Nam quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nam kiếp chót đang sanh, nam quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người nam đang sanh mà ngoài ra đó, nam quyền đang sanh và tín quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tín quyền sẽ sanh với người nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người phi nam đang sanh, tín quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nam đang sanh, tín quyền sẽ sanh và nam quyền cũng đang sanh.

1102.

Nam quyền đang sanh với người nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người nam kiếp chót đang sanh, nam quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người nam đang sanh mà ngoài ra đó, nam quyền đang sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người phi nam đang sanh, ý quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người nam đang sanh, ý quyền sẽ sanh và nam quyền cũng đang sanh.

1103.

Mạng quyền đang sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm kiếp chót và người trong sát-na sanh của tâm kế tâm chót tương ưng xả sẽ sanh, mạng quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người đang sanh ngoài ra đó và người trong sát-na sanh của tâm hiện hành, mạng quyền đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người trong sát-na diệt của tâm hiện hành, hỷ quyền sẽ sanh mà mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người đang sanh tất cả và người trong sát-na sanh của tâm hiện hành, hỷ quyền sẽ sanh và mạng quyền cũng đang sanh.

1104.

Mạng quyền đang sanh với người nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm chót và người trong sát-na sanh của tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, mạng quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người đang sanh mà ngoài ra đó và người trong sát-na sanh của tâm hiện hành, mạng quyền đang sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người trong sát-na diệt của tâm hiện hành, xả quyền sẽ sanh mà mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người đang sanh tất cả và người trong sát-na sanh của tâm hiện hành, xả quyền sẽ sanh và mạng quyền cũng đang sanh.

1105.

Mạng quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm chót, mạng quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người đang sanh mà ngoài ra đó và người trong sát-na sanh của tâm hiện hành, mạng quyền đang sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người trong sát-na diệt của tâm hiện hành, ý quyền sẽ sanh mà mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn tất cả người đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt *(pavatti)*, ý quyền sẽ sanh và mạng quyền cũng đang sanh.

1106.

Hỷ quyền đang sanh với người nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ và người trong sát-na sanh của tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, hỷ quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người hỷ đang sanh mà ngoài ra đó và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt tương ưng hỷ, hỷ quyền đang sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả, người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tương ưng hỷ, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, xả quyền sẽ sanh mà

hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hỷ đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt tương ưng hỷ, xả quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

1107.

Hỷ quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm chót tương ưng hỷ, hỷ quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người hỷ đang sanh mà ngoài ra đó và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt tương ưng hỷ, hỷ quyền đang sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả, người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tương ưng hỷ, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, ý quyền sẽ sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hỷ đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt tương ưng hỷ, ý quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

1108.

Xả quyền đang sanh với người nào, thì tín quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm chót tương ưng xả, xả quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người hữu xả đang sanh mà ngoài ra đó và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt *(pavatti)* tương ưng xả, xả quyền đang sanh và tín quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tín quyền sẽ sanh với người nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả, người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tương ưng xả, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, tín quyền sẽ sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người xả đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt tương ưng xả, tín quyền sẽ sanh và xả quyền cũng đang sanh.

1109.

Xả quyền đang sanh với người nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm chót tương ưng xả, xả quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người xả đang sanh mà ngoài ra đó và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt tương ưng xả, xả quyền đang sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả, người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, ý quyền sẽ sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu xả đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt *(pavatti)* tương ưng xả, ý quyền sẽ sanh và xả quyền cũng đang sanh.

1110.

Tín quyền đang sanh với người nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm chót, tín quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người hữu nhân sanh ra mà ngoài ra đó và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt tương ưng tín, tín quyền đang sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả, người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, ý quyền sẽ sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người hữu nhân đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt tương ưng tín, ý quyền sẽ sanh và tín quyền cũng đang sanh.

1111.

Trí quyền đang sanh với người nào, thì ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm chót, trí quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn người tương ưng trí đang sanh mà ngoài ra đó và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt tương ưng trí, trí quyền đang sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả, người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, ý quyền sẽ sanh mà trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn người tương ưng trí đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt tương ưng trí, ý quyền sẽ sanh và trí quyền cũng đang sanh.

1112.

Nhãn quyền đang sanh với cõi nào…

1113.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nhĩ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn, nhãn quyền đang sanh mà nhĩ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và nhĩ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nhĩ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Ngũ uẩn và người Dục giới vô nhãn đang sanh, nhĩ quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, nhĩ quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1114.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới và người đang sanh nơi cõi Sắc giới, nhãn quyền đang sanh mà tỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới hữu nhãn đang sanh mà ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người vô nhãn đang sanh nơi cõi Dục giới, tỷ quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, tỷ quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1115.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Dục giới kiếp chót đang sanh, người Sắc giới đang sanh và người mỗi đời sanh ra đều là nam luôn rồi sẽ viên tịch, người đang sanh, nhãn quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới

hữu nhãn ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nữ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới vô nhãn đang sanh, nữ quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, nữ quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1116.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Dục giới kiếp chót đang sanh, người Sắc giới đang sanh, người mỗi kiếp sanh ra đều là nữ luôn rồi sẽ viên tịch và người đang sanh, nhãn quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới hữu nhãn ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới vô nhãn đang sanh, nam quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, nam quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1117.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn, nhãn quyền đang sanh mà mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và mạng quyền cũng sẽ sanh.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, mạng quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, mạng quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1118.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn và người xả hữu nhãn sanh ra rồi viên tịch và người ấy đang sanh, nhãn quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Ngũ uẩn và người vô nhãn đang sanh nơi cõi Dục giới, hỷ quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1119.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn và người hỷ hữu nhãn sanh ra rồi viên tịch và người ấy đang sanh, nhãn quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Ngũ uẩn và người Dục giới vô nhãn đang sanh và người Vô sắc, xả quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, xả quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1120.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn Nhãn quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và tín quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tín quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Ngũ uẩn và người Dục giới vô nhãn đang sanh và người vô sắc, tín quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, tín quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1121.

Nhãn quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn, nhãn quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, nhãn quyền đang sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Ngũ uẩn, người Dục giới vô nhãn đang sanh và người Vô sắc, ý quyền sẽ sanh mà nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhãn đang sanh với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng đang sanh.

1122.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới, người tục sinh mỗi kiếp đều thành nam rồi sẽ viên tịch và người ấy đang sanh, tỷ quyền đang sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, tỷ quyền đang sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nữ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới vô tỷ đang sanh, nữ quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh với những cõi ấy, nữ quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1123.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới, người tục sinh mỗi kiếp đều thành nữ rồi sẽ viên tịch và người ấy đang sanh, tỷ quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, tỷ quyền đang sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới vô tỷ đang sanh, nam quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh với những cõi ấy, nam quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1124.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới, tỷ quyền đang sanh mà mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, tỷ quyền đang sanh và mạng quyền cũng sẽ sanh.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ đang sanh, mạng quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh với những cõi ấy, mạng quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1125.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới, người xả hữu tỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch và người ấy đang sanh, tỷ quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, tỷ quyền đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới, người Dục giới vô tỷ đang sanh và người Sắc giới, hỷ quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1126.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới, người hỷ hữu tỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch và người ấy đang sanh, tỷ quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, tỷ quyền đang sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới, người Dục giới vô tỷ đang sanh và người Sắc giới, Vô sắc giới, xả quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh với những cõi ấy, xả quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1127.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới, tỷ quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, tỷ quyền đang sanh và tín quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tín quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới, người Dục giới vô tỷ đang sanh và người Sắc giới, Vô sắc giới, tín quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh với những cõi ấy, tín quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1128.

Tỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới, tỷ quyền đang sanh mà trí quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, tỷ quyền đang sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới, người Dục giới vô tỷ đang sanh và người Sắc giới, Vô sắc giới, ý quyền sẽ sanh mà tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu tỷ đang sanh với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng đang sanh.

1129.

Nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh và người tục sinh mỗi kiếp đều thành nữ luôn rồi sẽ viên tịch và người ấy đang sanh, nữ quyền đang sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, nữ quyền đang sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới phi nữ đang sanh, nam quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ đang sanh với những cõi ấy, nam quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1130.

Nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh, nữ quyền đang sanh mà mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, nữ quyền đang sanh và mạng quyền cũng sẽ sanh.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới phi nữ đang sanh, mạng quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ đang sanh với những cõi ấy, mạng quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1131.

Nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh và người nữ hữu xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, nữ quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, nữ quyền đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới phi nữ đang sanh, người Sắc giới, hỷ quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ đang sanh với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1132.

Nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh và người nữ hữu hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, nữ quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, nữ quyền đang sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới phi nữ đang sanh, người Sắc giới, Vô sắc giới, xả quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải đang

sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ đang sanh với những cõi ấy, xả quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1133.

Nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh, nữ quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, nữ quyền đang sanh và tín quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tín quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới phi nữ đang sanh, người Sắc giới, Vô sắc giới, tín quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ đang sanh với những cõi ấy, tín quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1134.

Nữ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh, nữ quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, nữ quyền đang sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới phi nữ đang sanh, người Sắc giới, Vô sắc giới, ý quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nữ đang sanh với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng đang sanh.

1135.

Nam quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam kiếp chót đang sanh, nam quyền đang sanh mà mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, nam quyền đang sanh và mạng quyền cũng sẽ sanh.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới phi nam đang sanh, người Sắc giới, Vô sắc giới, mạng quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam đang sanh với những cõi ấy, mạng quyền sẽ sanh và nam quyền cũng đang sanh.

1136.

Nam quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam kiếp chót đang sanh và người nam hữu xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, nam quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, nam quyền đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới phi nam đang sanh, người Sắc giới, hỷ quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam đang sanh với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ sanh và nam quyền cũng đang sanh.

1137.

Nam quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam kiếp chót đang sanh và người nam hữu hỷ sanh ra rồi sẽ viên

tịch, người ấy đang sanh, nam quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, nam quyền đang sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới phi nam đang sanh, người Sắc giới, Vô sắc giới, xả quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam đang sanh với những cõi ấy, xả quyền sẽ sanh và nam quyền cũng đang sanh.

1138.

Nam quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót là nam đang sanh, nam quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam ngoài ra đó đang sanh với những cõi ấy, nam quyền đang sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới phi nam đang sanh, người Sắc giới, Vô sắc giới, ý quyền sẽ sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nam đang sanh với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và nam quyền cũng đang sanh.

1139.

Mạng quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm chót, người trong sát-na sanh của tâm kế tâm chót tương ưng xả sẽ sanh và người Vô tưởng đang sanh, mạng quyền đang sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh nơi cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt *(pavatti)* với những cõi ấy, mạng quyền đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn và người trong sát-na diệt của tâm bình nhựt, hỷ quyền sẽ sanh mà mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ sanh và mạng quyền cũng đang sanh.

1140.

Mạng quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm chót, người trong sát-na sanh của tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh và người Vô tưởng đang sanh, mạng quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt với những cõi ấy, mạng quyền đang sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn và người trong sát-na diệt của tâm bình nhựt, xả quyền sẽ sanh mà mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt với những cõi ấy, xả quyền sẽ sanh và mạng quyền cũng đang sanh.

1141.

Mạng quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm chót và người Vô tưởng đang sanh, mạng quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người

ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt với những cõi ấy, mạng quyền đang sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn và người trong sát-na diệt của tâm bình nhựt, ý quyền sẽ sanh mà mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh nơi cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn và người trong sát-na sanh của tâm bình nhựt với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và mạng quyền cũng đang sanh.

1142.

Hỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm chót tương ưng hỷ và người trong sát-na sanh của tâm liên tiếp với tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, hỷ quyền đang sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu hỷ ngoài ra đó đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ bình nhựt với những cõi ấy, hỷ quyền đang sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, xả quyền sẽ sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ hiện hành với những cõi ấy, xả quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

1143.

Hỷ quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm chót tương ưng hỷ, hỷ quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu hỷ ngoài ra đó đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ hiện hành với những cõi ấy, hỷ quyền đang sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, ý quyền sẽ sanh mà hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hỷ đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng hỷ hiện hành với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng đang sanh.

1144.

Xả quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm chót tương ưng xả, xả quyền đang sanh mà tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu xả ngoài ra đó đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng xả hiện hành với những cõi ấy, xả quyền đang sanh và tín quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tín quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, tín quyền sẽ sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu xả đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng xả hiện hành với những cõi ấy, tín quyền sẽ sanh và xả quyền cũng đang sanh.

1145.

Xả quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm chót tương ưng xả, xả quyền

đang sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu xả ngoài ra đó đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng xả hiện hành với những cõi ấy, xả quyền đang sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na diệt của tâm tất cả và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, ý quyền sẽ sanh mà xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu xả đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng xả hiện hành với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và xả quyền cũng đang sanh.

1146.

Tín quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Trong sát-na sanh của tâm chót, tín quyền đang sanh mà trí quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhân *(sahetuka)* ngoài ra đó đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín hiện hành với những cõi ấy, tín quyền đang sanh và trí quyền cũng sẽ sanh.

Hay là trí quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Trong sát-na diệt của tâm tất cả và người trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, trí quyền sẽ sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhân đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín hiện hành với những cõi ấy, trí quyền sẽ sanh và tín quyền cũng đang sanh.

1147.

Tín quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Trong sát-na sanh của tâm chót, tín quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhân ngoài ra đó đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín hiện hành với những cõi ấy, tín quyền đang sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Trong sát-na diệt của tâm tất cả và trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, ý quyền sẽ sanh mà tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người hữu nhân đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng tín hiện hành với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và tín quyền cũng đang sanh.

1148.

Trí quyền đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Trong sát-na sanh của tâm chót, trí quyền đang sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người tương ưng trí ngoài ra đó đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng trí hiện hành với những cõi ấy, trí quyền đang sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Trong sát-na diệt của tâm tất cả và trong sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, ý quyền sẽ sanh mà trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người tương ưng trí đang sanh và người trong sát-na sanh của tâm tương ưng trí hiện hành với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và trí quyền cũng đang sanh.

1149.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nhĩ quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà nhĩ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót nương cõi Vô sắc và người đang tử sanh lên cõi Vô

sắc rồi sẽ viên tịch, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và nhĩ quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là nhĩ quyền sẽ không sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót cõi Ngũ uẩn đang sanh và người sanh lên cõi Vô sắc rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, nhĩ quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót nương cõi Vô sắc và người đang tử sanh lên cõi Vô sắc rồi sẽ viên tịch, nhĩ quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1150.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tỷ quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà tỷ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót nương cõi Vô sắc và người đang tử sanh lên cõi Sắc giới, cõi Vô sắc rồi sẽ viên tịch, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và tỷ quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là tỷ quyền sẽ không sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn và người nào sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, người đang sanh ấy, tỷ quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót nương cõi Vô sắc và người đang tử sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, tỷ quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1151.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nữ quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà nữ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót nương cõi Vô sắc và người sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, người nào tục sinh mỗi kiếp đều là nam luôn rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và nữ quyền chẳng phải sẽ sanh.

Hay là nữ quyền sẽ không sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn và người nào sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, người tục sinh mỗi kiếp đều là nam luôn rồi sẽ viên tịch, những người ấy đang sanh, nữ quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót nương cõi Vô sắc và người đang sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, những người ấy đang tử, nữ quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1152.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nam quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót nương cõi Vô sắc và người sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, người tục sinh mỗi kiếp đều là nữ luôn rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền chẳng phải sẽ sanh.

Hay là nam quyền chẳng phải sẽ không sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn và

người nào sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, người tục sinh mỗi kiếp đều là nữ luôn rồi sẽ viên tịch, những người ấy đang sanh, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót nương cõi Vô sắc và người đang sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch và người tục sinh luôn mỗi kiếp đều là nữ rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1153.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, bậc kiếp chót nương cõi Vô sắc, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là mạng quyền sẽ không sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn, mạng quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót nương cõi Vô sắc, mạng quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1154.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn bậc viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót nương cõi Vô sắc và người xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ không sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn và người xả hữu nhãn sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, hỷ quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy. Còn bậc viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót nương cõi Vô sắc và người xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, hỷ quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1155.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì xả quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy. Còn bậc viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót nương cõi Vô sắc và người hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là xả quyền sẽ không sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn và người hỷ hữu nhãn sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, xả quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót nương cõi Vô sắc và người hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, xả quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1156.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tín quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi

cõi Ngũ uẩn, bậc kiếp chót nương cõi Vô sắc, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là tín quyền sẽ không sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn, tín quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót nương cõi Vô sắc, tín quyền chẳng phải sẽ sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1157.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì trí quyền.. Ý quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, bậc kiếp chót nương cõi Vô sắc, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn, ý quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót nương cõi Vô sắc, ý quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1158.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nữ quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ đang sanh, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà nữ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, người nào tục sinh mỗi kiếp đều là nam luôn rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và nữ quyền chẳng phải sẽ sanh.

Hay là nữ quyền sẽ không sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới và người nào sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, người tục sinh mỗi kiếp đều là nam luôn rồi sẽ viên tịch, những người ấy đang sanh, nữ quyền sẽ không sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người đang sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, người nào tục sinh mỗi kiếp đều là nam luôn rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, nữ quyền sẽ không sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1159.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ đang sanh, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, người nào sanh ra mỗi kiếp đều là nữ luôn rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền chẳng phải sẽ sanh.

Hay là nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào, thì Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới và người sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, người sanh ra mỗi kiếp đều là nữ luôn rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch và

người sanh ra mỗi kiếp đều là nữ rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1160.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ đang sanh, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là mạng quyền sẽ không sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới, mạng quyền sẽ không sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, mạng quyền sẽ không sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1161.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ đang sanh, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn bậc viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người hữu xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ không sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới và người xả hữu tỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, hỷ quyền sẽ không sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người hữu xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, hỷ quyền sẽ không sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1162.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì xả quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô tỷ sanh ra, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ không sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới và người hỷ hữu tỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, xả quyền sẽ không sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, xả quyền sẽ không sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1163.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người Vô tưởng đang sanh, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới, ý quyền sẽ không sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, ý quyền sẽ không sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1164.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì nam quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người phi nữ đang sanh, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, người sanh ra mỗi kiếp nào cũng đều là nữ luôn rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, nữ quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền sẽ không sanh.

Hay là nam quyền sẽ không sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh, người nữ sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, người sanh ra mỗi kiếp đều là nữ luôn rồi sẽ viên tịch, người đang sanh ấy, nam quyền sẽ không sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch và người nào mỗi kiếp sanh ra đều là nữ rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, nam quyền sẽ không sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1165.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người phi nữ đang sanh, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, nữ quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là mạng quyền sẽ không sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh, mạng quyền sẽ không sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, mạng quyền sẽ không sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1166.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người phi nữ đang sanh, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn bậc viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người hữu xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, nữ quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ không sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh, người nữ hữu xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, hỷ quyền sẽ không sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người đang tử ấy, hỷ quyền sẽ không sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1167.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì xả quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người phi nữ đang sanh, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người hỷ nào sanh ra rồi sẽ viên tịch, người đang tử ấy, nữ quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là xả quyền sẽ không sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh, người nữ hữu hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người đang sanh ấy, xả quyền sẽ không sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người đang tử ấy, xả quyền sẽ không sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1168.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người phi nữ đang sanh, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, nữ quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh, ý quyền sẽ không sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, ý quyền sẽ không sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1169.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người phi nam đang sanh, nam quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, nam quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là mạng quyền sẽ không sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nam kiếp chót đang sanh, mạng quyền sẽ không sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, mạng quyền sẽ không sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1170.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người phi nam đang sanh, nam quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn bậc viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người đang tử ấy, nam quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ không sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nam kiếp chót đang sanh và người nam hữu xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người đang sanh ấy, hỷ quyền sẽ không sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi

Sắc giới, Vô sắc giới và người xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người đang tử ấy, hỷ quyền sẽ không sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1171.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì xả quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người phi nam đang sanh, nam quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người đang tử ấy, nam quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là xả quyền sẽ không sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nam kiếp chót đang sanh và người nam hữu hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người đang sanh ấy, xả quyền sẽ không sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người đang tử ấy, xả quyền sẽ không sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1172.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người phi nam đang sanh, nam quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, nam quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người nam kiếp chót đang sanh, ý quyền sẽ không sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy. Còn bậc viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, ý quyền sẽ không sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1173.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người sát-na diệt của tâm bình nhựt *(pavatti),* mạng quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và sát-na diệt của tâm kế tâm chót tương ưng xả sẽ sanh, mạng quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ không sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót và sát-na sanh của tâm kế tâm chót tương ưng xả sẽ sanh, hỷ quyền sẽ không sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và sát-na diệt của tâm kế tâm chót tương ưng xả sẽ sanh, hỷ quyền sẽ không sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1174.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì xả quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người sát-na diệt của tâm bình nhựt *(pavatti),* mạng quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và sát-na diệt của tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, mạng quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là xả quyền sẽ không sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót và sát-na sanh của tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, xả quyền sẽ không sanh mà mạng quyền đang sanh với người

ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và người sát-na diệt của tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, xả quyền sẽ không sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1175.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người sát-na diệt của tâm bình nhựt, mạng quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót, mạng quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm chót, ý quyền sẽ không sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy. Còn người sát-na diệt của tâm chót, ý quyền sẽ không sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1176.

Hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì xả quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót tương ưng hỷ, bậc tề toàn tâm chót tương ưng xả và người trong sát-na diệt của tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, hỷ quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là xả quyền sẽ không sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót tương ưng hỷ và sát-na sanh của tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, xả quyền sẽ không sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót tương ưng hỷ, bậc tề toàn tâm chót tương ưng xả và người trong sát-na diệt của tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, xả quyền sẽ không sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1177.

Hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tín quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót tương ưng hỷ, bậc tề toàn *(samaṅgi)* tâm chót tương ưng xả, hỷ quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là tín quyền sẽ không sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót tương ưng hỷ, tín quyền sẽ không sanh mà hỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót tương ưng hỷ và người tề toàn tâm chót tương ưng xả, tín quyền sẽ không sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1178.

Hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót tương ưng hỷ, bậc tề toàn tâm chót tương ưng xả, hỷ quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót tương ưng hỷ, ý quyền sẽ không sanh

mà hỷ quyền đang sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót tương ưng hỷ, bậc tề toàn tâm chót tương ưng xả, ý quyền sẽ không sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1179.

Xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì tín quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, xả quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót tương ưng xả, bậc tề toàn tâm chót tương ưng hỷ, xả quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là tín quyền sẽ không sanh với người nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót tương ưng xả, tín quyền sẽ không sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót tương ưng xả và bậc tề toàn tâm chót tương ưng hỷ, tín quyền sẽ không sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1180.

Xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, xả quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót tương ưng xả, bậc tề toàn tâm chót tương ưng hỷ, xả quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm chót tương ưng xả, ý quyền sẽ không sanh mà xả quyền đang sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót tương ưng xả, bậc tề toàn tâm chót tương ưng hỷ, ý quyền sẽ không sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1181.

Tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì trí quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, tín quyền chẳng phải đang sanh mà trí quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót, tín quyền chẳng phải đang sanh và trí quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là trí quyền sẽ không sanh với người nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót, trí quyền sẽ không sanh mà tín quyền đang sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót, trí quyền sẽ không sanh và tín quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1182.

Tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì ý quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, tín quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót, tín quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót, ý quyền sẽ không sanh mà tín quyền

đang sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót, ý quyền sẽ không sanh và tín quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1183.

Trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào, thì ý quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả, sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, bậc nhập thiền Diệt và người Vô tưởng, trí quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót, trí quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót, ý quyền sẽ không sanh mà trí quyền đang sanh với người ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót, ý quyền sẽ không sanh và trí quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1184.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với cõi nào... tóm tắt…

1185.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nhĩ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử cõi Ngũ uẩn và người vô nhãn đang sanh nơi cõi Dục giới, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà nhĩ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn và người nương cõi Vô tưởng, Vô sắc với những cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và nhĩ quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là nhĩ quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn, nhĩ quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn và người Vô tưởng, Vô sắc với những cõi ấy, nhĩ quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1186.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới vô nhãn đang sanh, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà tỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới và người đang tử nơi cõi Sắc giới, Vô sắc giới, và người Vô tưởng, Vô sắc với những cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và tỷ quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là tỷ quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới và người đang sanh nơi cõi Sắc giới, tỷ quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người đang tử nơi cõi Sắc giới và người Vô tưởng, Vô sắc với những cõi ấy, tỷ quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1187.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới vô nhãn đang sanh, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà nữ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới và người đang tử nơi cõi Sắc giới, người Vô tưởng, bực Vô sắc và người tục sinh mỗi kiếp đều là nam rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và nữ quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là nữ quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới, người đang sanh nơi cõi Sắc giới và người mỗi kiếp sanh ra cũng là nam rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, nữ quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người đang tử nơi cõi Sắc giới, bậc Vô tưởng, Vô sắc và người mỗi kiếp sanh ra đều là nam rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, nữ quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1188.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới vô nhãn đang sanh, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới và người tử nơi cõi Sắc giới, người Vô tưởng, Vô sắc và người mỗi kiếp nào khi sanh ra đều là nữ rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy Nhãn quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là nam quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới, người đang sanh nơi cõi Sắc giới và người mỗi kiếp nào khi sanh ra đều là nữ rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, nam quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người đang tử nơi cõi Sắc giới, người Vô tưởng, Vô sắc và người mỗi kiếp sanh ra đều là nữ rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, nam quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1189.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tất cả người đang tử và người vô nhãn đang sanh, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót nương cõi Vô sắc với những người ấy cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là mạng quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn với những cõi ấy, mạng quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn và người kiếp chót nương cõi Vô sắc với những người ấy cõi ấy, mạng quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1190.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Ngũ uẩn và người Dục giới vô nhãn đang sanh, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người Vô tưởng, Vô sắc và người xả hữu nhãn sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn và người xả hữu nhãn sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh với những cõi ấy, hỷ

quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn và người Vô tưởng, Vô sắc và người xả hữu nhãn sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1191.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Ngũ uẩn và người Dục giới vô nhãn đang sanh và bậc Vô sắc, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, bậc kiếp chót nương cõi Vô sắc, người Vô tưởng và người hỷ hữu nhãn sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là xả quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn và người hỷ hữu nhãn sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, xả quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót nương cõi Vô sắc, bậc Vô tưởng và người hỷ hữu nhãn sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, xả quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1192.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Ngũ uẩn, người Dục giới vô nhãn đang sanh và người Vô sắc, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, người kiếp chót nương cõi Vô sắc và người Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là tín quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn, tín quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, bậc kiếp chót nương cõi Vô sắc, người Vô tưởng với những cõi ấy, tín quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1193.

Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Ngũ uẩn, người Dục giới vô nhãn đang sanh và người Vô sắc, nhãn quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, bậc kiếp chót nương cõi Vô sắc và người Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Ngũ uẩn, ý quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Ngũ uẩn, bậc kiếp chót nương cõi Vô sắc, người Vô tưởng với những cõi ấy, ý quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1194.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới vô tỷ đang sanh, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà nữ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy.

Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người Sắc giới, Vô sắc giới và người mỗi kiếp nào khi sanh ra đều là nam rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và nữ quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là nữ quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới và người mỗi đời, kiếp nào khi sanh ra đều là nam rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, nữ quyền sẽ không sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người đang viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc Sắc giới và Vô sắc giới, người mỗi kiếp sanh ra đều là nam rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử, nữ quyền sẽ không sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1195.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới vô tỷ đang sanh, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc Sắc giới, Vô sắc giới và người mỗi kiếp nào khi sanh ra đều là nữ luôn cho đến viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là nam quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh cõi Dục giới và người mỗi kiếp sanh ra đều là nữ rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh với những cõi ấy, nam quyền sẽ không sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc Sắc giới, Vô sắc giới và người mỗi kiếp nào khi sanh ra đều là nữ rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, nam quyền sẽ không sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1196.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? cả người đang tử và người vô tỷ đang sanh, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch cõi Dục giới và bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là mạng quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới, mạng quyền sẽ không sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc viên tịch nơi cõi Dục giới và người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, mạng quyền sẽ không sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1197.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới, người Dục giới vô tỷ đang sanh, và bậc Sắc giới, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, người Vô tưởng, Vô sắc và người xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới và người xả hữu tỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ không sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch

nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, người Vô tưởng, Vô sắc và người xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ không sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1198.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới và người Dục giới vô tỷ đang sanh và người Sắc giới, Vô sắc giới, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, người Vô tưởng và người hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là xả quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới và người hỷ hữu tỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, xả quyền sẽ không sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, người Vô tưởng và người hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, xả quyền sẽ không sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1199.

Tỷ Nhãn quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới, người Dục giới vô tỷ đang sanh và bậc Sắc giới, Vô sắc giới, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là tín quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót đang sanh nơi cõi Dục giới, tín quyền sẽ không sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, người Vô tưởng với những cõi ấy, tín quyền sẽ không sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1200.

Tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới, người Dục giới vô tỷ đang sanh và bậc Sắc giới, Vô sắc giới, tỷ quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót hữu tỷ đang sanh, ý quyền chẳng phải sẽ sanh mà tỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp trước nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, ý quyền sẽ không sanh và tỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1201.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới, người Dục giới phi nữ đang sanh, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi

ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc Sắc giới, Vô sắc giới và người mỗi kiếp nào khi sanh ra đều là nữ rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải đang sanh và nam quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là nam quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh và người kiếp nào khi sanh ra đều là nữ rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, nam quyền sẽ không sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc Sắc giới và Vô sắc giới và người mỗi kiếp khi sanh ra đều là nữ rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, nam quyền sẽ không sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1202.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tử nơi cõi Dục giới, người Dục giới phi nữ đang sanh, người Sắc giới, Vô sắc giới, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là mạng quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh, mạng quyền sẽ không sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, mạng quyền sẽ không sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1203.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới, người Dục giới phi nữ đang sanh, và người Sắc giới, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, người Vô tưởng, Vô sắc và người xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh và người nữ hữu xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, hỷ quyền sẽ không sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, người Vô tưởng, Vô sắc và người xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ không sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1204.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tử nơi cõi Dục giới, người Dục giới phi nữ đang sanh, người Sắc giới, Vô sắc giới, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, người Vô tưởng và người hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là xả quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh và người nữ hữu

hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, xả quyền sẽ không sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, người Vô tưởng và người hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, xả quyền sẽ không sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1205.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới, người Dục giới phi nữ đang sanh và bậc Sắc giới, Vô sắc giới, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là tín quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót là nữ đang sanh, tín quyền sẽ không sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, người Vô tưởng với những cõi ấy, tín quyền sẽ không sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1206.

Nữ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người tử nơi cõi Dục giới, người Dục giới phi nữ đang sanh và người Sắc giới, Vô sắc giới, nữ quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nữ kiếp chót đang sanh, ý quyền sẽ không sanh mà nữ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp trước nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, ý quyền sẽ không sanh và nữ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1207.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới, người Dục giới phi nam đang sanh và người Sắc giới, Vô sắc giới, nam quyền chẳng phải đang sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải đang sanh và mạng quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là mạng quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót là nam đang sanh, mạng quyền sẽ không sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, mạng quyền sẽ không sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1208.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới, người Dục giới phi nam đang sanh, và người Sắc giới, nam quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương

cõi Sắc giới, người Vô tưởng, Vô sắc và người nam hữu xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam kiếp chót đang sanh và người xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, hỷ quyền sẽ không sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, bậc Vô tưởng, Vô sắc và người nam xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ không sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1209.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới, người Dục giới phi nam đang sanh và người Sắc giới, Vô sắc giới, nam quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, người Vô tưởng và người nam hữu hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là xả quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam kiếp chót đang sanh và người nam hữu hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang sanh, xả quyền sẽ không sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, bậc Vô tưởng và người nam hữu hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, người ấy đang tử với những cõi ấy, xả quyền sẽ không sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1210.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới, người Dục giới phi nam đang sanh, bậc nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, nam quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là tín quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam kiếp chót đang sanh, tín quyền sẽ không sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc viên tịch nơi cõi Dục giới, người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, tín quyền sẽ không sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1211.

Nam quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Dục giới, người Dục giới phi nam đang sanh, bậc nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, nam quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người nam kiếp chót đang sanh, ý quyền sẽ

không sanh mà nam quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người viên tịch nơi cõi Dục giới, bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, ý quyền sẽ không sanh và nam quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1212.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn và người trong sát-na diệt của tâm bình nhựt, mạng quyền chẳng phải đang sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót và người trong sát-na diệt của tâm kế tâm chót tương ưng xả sẽ sanh và người đang tử nơi cõi Vô tưởng với những cõi ấy, mạng quyền chẳng phải đang sanh và hỷ quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người trong sát-na sanh của tâm chót, người trong sát-na sanh của tâm kế tâm chót tương ưng xả sẽ sanh và người Vô tưởng đang sanh, hỷ quyền sẽ không sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót và người trong sát-na diệt của tâm kết tâm chót tương ưng xả sẽ sanh và người đang tử nơi cõi Vô tưởng với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ không sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1213.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn và người trong sát-na diệt của tâm bình nhựt, mạng quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người trong sát-na diệt của tâm chót và người trong sát-na diệt của tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh và người đang tử nơi cõi Vô tưởng với những cõi ấy, mạng quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là xả quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót, sát-na sanh của tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh và người đang sanh lên cõi Vô tưởng, xả quyền sẽ không sanh mà Mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót, sát-na diệt của tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh và người đang tử nơi cõi Vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền sẽ không sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1214.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn và người trong sát-na diệt của tâm bình nhựt *(pavatti)*, mạng quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và người đang tử nơi cõi Vô tưởng với những cõi ấy, mạng quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là tín quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót và người Vô tưởng đang sanh, tín quyền sẽ không sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và người Vô tưởng đang sanh với những cõi ấy, tín quyền sẽ không sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1215.

Mạng quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người đang tử nơi cõi Tứ uẩn, Ngũ uẩn

và sát-na diệt của tâm bình nhựt, mạng quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và người Vô tưởng với những cõi ấy, mạng quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót và người Vô tưởng đang sanh, ý quyền sẽ không sanh mà mạng quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và người Vô tưởng với những cõi ấy, ý quyền sẽ không sanh và mạng quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1216.

Hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả và sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót bất tương ưng hỷ, bậc tề toàn tâm chót tương ưng xả, sát-na diệt của tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh và người Vô tưởng với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải đang sanh và xả quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là xả quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót tương ưng hỷ và sát-na sanh của tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, xả quyền sẽ không sanh mà hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót tương ưng hỷ, bậc tề toàn tâm chót tương ưng xả, sát-na diệt của tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh và người Vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền sẽ không sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1217.

Hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền…Trí quyền, ý quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả và sát-na sanh của tâm bất tương ưng hỷ, hỷ quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót tương ưng hỷ, bậc tề toàn tâm chót tương ưng xả và người Vô tưởng với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót tương ưng hỷ, ý quyền sẽ không sanh mà hỷ quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót tương ưng hỷ, bực tề toàn tâm chót tương ưng xả và người Vô tưởng với những cõi ấy, ý quyền sẽ không sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1218.

Xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả và sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, xả quyền chẳng phải đang sanh mà tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót tương ưng xả, bậc tề toàn tâm chót tương ưng hỷ và người Vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải đang sanh và tín quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là tín quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót tương ưng xả, tín quyền sẽ không sanh mà xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót tương ưng xả, bực tề toàn tâm chót tương ưng hỷ và người Vô tưởng với những cõi ấy, tín quyền sẽ không sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1219.

Xả quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả và sát-na sanh của tâm bất tương ưng xả, xả quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót tương ưng xả, bậc tề toàn tâm chót tương ưng hỷ và người Vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót tương ưng xả, ý quyền sẽ không sanh mà xả quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót tương ưng xả, bực tề toàn tâm chót tương ưng hỷ và người Vô tưởng với những cõi ấy, ý quyền sẽ không sanh và xả quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1220.

Tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả và sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, tín quyền chẳng phải đang sanh mà tuệ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và người Vô tưởng với những cõi ấy, tín quyền chẳng phải đang sanh và trí quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là trí quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót, trí quyền sẽ không sanh mà tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và người Vô tưởng với những cõi ấy, trí quyền sẽ không sanh và tín quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1121.

Tín quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả và sát-na sanh của tâm bất tương ưng tín, tín quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và người Vô tưởng với những cõi ấy, tín quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót, ý quyền sẽ không sanh mà tín quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và người Vô tưởng với những cõi ấy, ý quyền sẽ không sanh và tín quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1222.

Trí quyền chẳng phải đang sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na diệt của tâm tất cả và sát-na sanh của tâm bất tương ưng trí, trí quyền chẳng phải đang sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và người Vô tưởng với những cõi ấy, trí quyền chẳng phải đang sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền chẳng phải đang sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sát-na sanh của tâm chót, ý quyền sẽ không sanh mà trí quyền đang sanh với người ấy cõi ấy. Còn sát-na diệt của tâm chót và người Vô tưởng với những cõi ấy, ý quyền sẽ không sanh và trí quyền cũng chẳng phải đang sanh.

1223.

Nhãn quyền từng sanh với người nào, thì nhĩ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót và người sanh lên cõi Vô sắc rồi sẽ viên tịch, nhãn quyền từng sanh mà nhĩ quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nhãn quyền từng sanh và nhĩ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nhĩ quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1124.

Nhãn quyền từng sanh với người nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót và người sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch, nhãn quyền từng sanh mà tỷ quyền sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nhãn quyền từng sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1125.

Nhãn quyền từng sanh với người nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót, người sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch và người mỗi kiếp nào cũng thành nam rồi sẽ viên tịch, nhãn quyền từng sanh mà nữ quyền sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nhãn quyền từng sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nữ quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1126.

Nhãn quyền từng sanh với người nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót, người sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch và người mỗi kiếp nào cũng đều hiện bày là nữ rồi sẽ viên tịch, nhãn quyền từng sanh mà nam quyền chẳng phải đang sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nhãn quyền từng sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1127.

Nhãn quyền từng sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót, nhãn quyền từng sanh mà mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nhãn quyền từng sanh và mạng quyền cũng sẽ sanh.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1128.

Nhãn quyền từng sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót và người xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, nhãn quyền từng sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nhãn quyền từng sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1129.

Nhãn quyền từng sanh với người nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót và người hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, nhãn quyền từng sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nhãn quyền từng sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1230.

Nhãn quyền từng sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót, nhãn quyền từng sanh mà ý quyền sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nhãn quyền từng sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1231.

Tỷ quyền từng sanh với người nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót, người sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch và người mỗi đời kiếp nào cũng đều thành nam rồi sẽ viên tịch, tỷ quyền từng sanh mà nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, tỷ quyền từng sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nữ quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1232.

Tỷ quyền từng sanh với người nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch và người mỗi đời kiếp nào khi tục sinh đều hiện bày là nữ rồi sẽ viên tịch, tỷ quyền từng sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, tỷ quyền từng sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1133.

Tỷ quyền từng sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót, tỷ quyền từng sanh mà mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, tỷ quyền từng sanh và mạng quyền cũng sẽ sanh.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1234.

Tỷ quyền từng sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót và người xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, tỷ quyền từng sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, tỷ quyền từng sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1135.

Tỷ quyền từng sanh với người nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc kiếp chót và người hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, tỷ quyền từng sanh mà xả quyền chẳng

phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, tỷ quyền từng sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1236.

Tỷ quyền từng sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc kiếp chót, tỷ quyền từng sanh mà ý quyền sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, tỷ quyền từng sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1237.

Nữ quyền từng sanh với người nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc kiếp chót, người sanh lên cõi Sắc giới, Vô sắc giới rồi sẽ viên tịch và người mỗi đời kiếp nào đều hiện bày là nữ rồi sẽ viên tịch, nữ quyền từng sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nữ quyền từng sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1238.

Nữ quyền từng sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót, nữ quyền từng sanh mà mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nữ quyền từng sanh và mạng quyền cũng sẽ sanh.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1239.

Nữ quyền từng sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc kiếp chót và người xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, nữ quyền từng sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nữ quyền từng sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1240.

Nữ quyền từng sanh với người nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc kiếp chót và người hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, nữ quyền từng sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nữ quyền từng sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1241.

*Nữ quyền từng sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng?*Bậc kiếp chót, nữ quyền từng sanh mà ý quyền sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nữ quyền từng sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì nữ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1242.

Nam quyền từng sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót, nam quyền từng sanh mà mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nam quyền từng sanh và mạng quyền cũng sẽ sanh.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1243.

Nam quyền từng sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc kiếp chót và người xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, nam quyền từng sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nam quyền từng sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1244.

Nam quyền từng sanh với người nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc kiếp chót và người hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, nam quyền từng sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nam quyền từng sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1245.

Nam quyền từng sanh với người nào, thì tín quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót, nam quyền từng sanh mà tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nữ quyền từng sanh và tín quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tín quyền sẽ sanh với người nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1246.

Nam quyền từng sanh với người nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Người kiếp chót, nam quyền từng sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, nam quyền từng sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1247.

Mạng quyền từng sanh với người nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót và người tâm kế tâm chót tương ưng xả sẽ sanh, mạng quyền từng sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, mạng quyền từng sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1248.

Mạng quyền từng sanh với người nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót và người tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, mạng quyền từng sanh mà xả quyền sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, mạng quyền từng sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1249.

Mạng quyền từng sanh với người nào, thì tín quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, mạng quyền từng sanh mà tín quyền sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, mạng quyền từng sanh và tín quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tín quyền sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1250.

Mạng quyền từng sanh với người nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, mạng quyền từng sanh mà ý quyền sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, mạng quyền từng sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1251.

Hỷ quyền từng sanh với người nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót và người tâm kế tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, hỷ quyền từng sanh mà xả quyền sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, hỷ quyền từng sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào, thì hỷ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1252.

Hỷ quyền từng sanh với người nào, thì tín quyền.. Trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, hỷ quyền từng sanh mà ý quyền sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, hỷ quyền từng sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì hỷ quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1253.

Xả quyền từng sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, xả quyền từng sanh mà ý quyền sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, xả quyền từng sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì xả quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1254.

Tín quyền từng sanh với người nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, tín quyền từng sanh mà ý quyền sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, tín quyền từng sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì tín quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1255.

Trí quyền từng sanh với người nào, thì ý quyền sẽ sanh với người ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, trí quyền từng sanh mà ý quyền sẽ không sanh với người ấy. Còn những người ngoài ra đó, trí quyền từng sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào, thì trí quyền từng sanh với người ấy phải chăng? Phải rồi.

1256.

Nhãn quyền từng sanh với cõi nào…

1257.

Nhãn quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nhĩ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Ngũ uẩn, nhãn quyền từng sanh mà nhĩ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền từng sanh và nhĩ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nhĩ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1258.

Nhãn quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới và bậc Sắc giới, nhãn quyền từng sanh mà tỷ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền từng sanh và tỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1259.

Nhãn quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới, bậc Sắc giới và người mỗi đời kiếp nào khi sinh ra đều hiện bày nam cho đến khi viên tịch, nhãn quyền từng sanh mà nữ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền từng sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nữ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1260.

Nhãn quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới, người Sắc giới và người mỗi đời kiếp nào khi sinh ra đều hiện bày nữ cho đến khi viên tịch, nhãn quyền từng sanh mà nam quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền từng sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1261.

Nhãn quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Ngũ uẩn, nhãn quyền từng sanh mà mạng quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền từng sanh và mạng quyền cũng sẽ sanh.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Vô tưởng, Vô sắc, mạng quyền sẽ sanh mà nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người ngũ uẩn với những cõi ấy, mạng quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng từng sanh.

1262.

Nhãn quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Ngũ uẩn, người xả hữu nhãn sanh ra rồi sẽ viên tịch, nhãn quyền từng sanh mà hỷ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền từng sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1263.

Nhãn quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Ngũ uẩn, người hỷ hữu nhãn sanh ra rồi sẽ viên tịch, nhãn quyền từng sanh mà xả quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền từng sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Vô sắc, xả quyền sẽ sanh mà nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người ngũ uẩn với những cõi ấy, xả quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng từng sanh.

1264.

Nhãn quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Ngũ uẩn, nhãn quyền từng sanh mà tín quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền từng sanh và tín quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tín quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Vô sắc, tín quyền sẽ sanh mà nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người ngũ uẩn với những cõi ấy, tín quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng từng sanh.

1265.

Nhãn quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Ngũ uẩn, nhãn quyền từng sanh mà ý quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, nhãn quyền từng sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Vô sắc, ý quyền sẽ sanh mà nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người ngũ uẩn với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và nhãn quyền cũng từng sanh.

1266.

Tỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới và người mỗi đời kiếp nào khi sinh ra đều hiện bày nam rồi sẽ viên tịch, tỷ quyền từng sanh mà nữ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ quyền từng sanh và nữ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nữ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1267.

Tỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới và người mỗi đời kiếp nào cũng hiện bày thành nữ cho đến khi viên tịch, tỷ quyền từng sanh mà nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ quyền từng sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1268.

Tỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới, tỷ quyền từng sanh mà mạng quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ quyền từng sanh và mạng quyền cũng sẽ sanh.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, mạng quyền sẽ sanh mà tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, mạng quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng từng sanh.

1269.

Tỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới, người xả hữu tỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, tỷ quyền từng sanh mà hỷ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ quyền từng sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, hỷ quyền sẽ sanh mà tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng từng sanh.

1270.

Tỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới và người hữu hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, tỷ quyền từng sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ quyền từng sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, xả quyền sẽ sanh mà tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, xả quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng từng sanh.

1271.

Tỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới, tỷ quyền từng sanh mà tín quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ quyền từng sanh và tín quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tín quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, tín quyền sẽ sanh mà tỷ quyền không

từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, tín quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng từng sanh.

1272.

Tỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới, tỷ quyền từng sanh mà ý quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, tỷ quyền từng sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, ý quyền sẽ sanh mà tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và tỷ quyền cũng từng sanh.

1273.

Nữ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới và người mỗi đời kiếp nào khi sinh ra đều hiện bày nữ cho đến khi viên tịch, nữ quyền từng sanh mà nam quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nữ quyền từng sanh và nam quyền cũng sẽ sanh.

Hay là nam quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

1274.

Nữ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới, nữ quyền từng sanh mà mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nữ quyền từng sanh và mạng quyền cũng sẽ sanh.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, mạng quyền sẽ sanh mà nữ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, mạng quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng từng sanh.

1275.

Nữ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới, người xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, nữ quyền từng sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nữ quyền từng sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, hỷ quyền sẽ sanh mà nữ quyền chẳng phải từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng từng sanh.

1276.

Nữ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới, người hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, nữ quyền từng sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nữ quyền từng sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, xả quyền sẽ sanh mà nữ quyền không

từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, xả quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng từng sanh.

1277.

Nữ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới, nữ quyền từng sanh mà tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nữ quyền từng sanh và tín quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tín quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, tín quyền sẽ sanh mà nữ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, tín quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng từng sanh.

1278.

Nữ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới, nữ quyền từng sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nữ quyền từng sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, ý quyền sẽ sanh mà nữ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và nữ quyền cũng từng sanh.

1279.

Nam quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới, nam quyền từng sanh mà mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nam quyền từng sanh và mạng quyền cũng sẽ sanh.

Hay là mạng quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, mạng quyền sẽ sanh mà nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, mạng quyền sẽ sanh và nam quyền cũng từng sanh.

1280.

Nam quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới và người nam hữu xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, nam quyền từng sanh mà hỷ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nam quyền từng sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, hỷ quyền sẽ sanh mà nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ sanh và nam quyền cũng từng sanh.

1281.

Nam quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới và người nam hữu hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, nam quyền từng sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nam quyền từng sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, xả quyền sẽ sanh mà nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, xả quyền sẽ sanh và nam quyền cũng từng sanh.

1282.

Nam quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới, nam quyền từng sanh mà tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nam quyền từng sanh và tín quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tín quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, tín quyền sẽ sanh mà nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, tín quyền sẽ sanh và nam quyền cũng từng sanh.

1283.

Nam quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Dục giới, nam quyền từng sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới ngoài ra đó với những cõi ấy, nam quyền từng sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, ý quyền sẽ sanh mà nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Dục giới với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và nam quyền cũng từng sanh.

1284.

Mạng quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, tâm không gián đoạn với tâm chót tương ưng xả sẽ sanh và bậc Vô tưởng, mạng quyền từng sanh mà hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, mạng quyền từng sanh và hỷ quyền cũng sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người sanh nơi cõi Tịnh cư, hỷ quyền sẽ sanh mà mạng quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, hỷ quyền sẽ sanh và mạng quyền cũng từng sanh.

1285.

Mạng quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, tâm không xen hở với tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh và bậc Vô tưởng, mạng quyền từng sanh mà xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn với những cõi ấy, mạng quyền từng sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người sanh lên nơi cõi Tịnh cư, xả quyền sẽ sanh mà mạng quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, xả quyền sẽ sanh và mạng quyền cũng từng sanh.

1286.

Mạng quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót và người Vô tưởng, mạng quyền từng sanh mà tín

quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, mạng quyền từng sanh và tín quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tín quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người sanh lên nơi cõi Tịnh cư, tín quyền sẽ sanh mà mạng quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, tín quyền sẽ sanh và mạng quyền cũng từng sanh.

1287.

Mạng quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót và người Vô tưởng, mạng quyền từng sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, mạng quyền từng sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người sanh lên nơi cõi Tịnh cư, ý quyền sẽ sanh mà mạng quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và mạng quyền cũng từng sanh.

1288.

Hỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, người cái tâm không xen hở với tâm chót tương ưng hỷ sẽ sanh, hỷ quyền từng sanh mà xả quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, hỷ quyền từng sanh và xả quyền cũng sẽ sanh.

Hay là xả quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai hiện hành nơi cõi Tịnh cư, xả quyền sẽ sanh mà hỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, xả quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng từng sanh.

1289.

Hỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, hỷ quyền từng sanh mà tín quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, hỷ quyền từng sanh và tín quyền cũng sẽ sanh.

Hay là tín quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai hiện hành nơi cõi Tịnh cư, tín quyền sẽ sanh mà hỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, tín quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng từng sanh.

1290.

Hỷ quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, hỷ quyền từng sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, hỷ quyền từng sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai hiện hành nơi cõi Tịnh cư, ý quyền sẽ sanh mà hỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và hỷ quyền cũng từng sanh.

1291.

Xả quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, xả quyền từng sanh mà ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, xả quyền từng sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc đang sanh nơi cõi Tịnh cư, ý quyền sẽ sanh mà xả quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và xả quyền cũng từng sanh.

1292.

Tín quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, tín quyền từng sanh mà ý quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, tín quyền từng sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc đang sanh nơi cõi Tịnh cư, ý quyền sẽ sanh mà tín quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và tín quyền cũng từng sanh.

1293.

Trí quyền từng sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, trí quyền từng sanh mà ý quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, trí quyền từng sanh và ý quyền cũng sẽ sanh.

Hay là ý quyền sẽ sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc đang sanh nơi cõi Tịnh cư, ý quyền sẽ sanh mà trí quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tứ uẩn, Ngũ uẩn ngoài ra đó với những cõi ấy, ý quyền sẽ sanh và trí quyền cũng từng sanh.

1294.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào, thì nhĩ quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là nhĩ quyền sẽ không sanh với người nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

1295.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào, thì tỷ quyền... Nữ quyền, nam quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là nam quyền sẽ không sanh với người nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

1296.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào, thì mạng quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là mạng quyền sẽ không sanh với người nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

1297.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào, thì hỷ quyền... xả quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là xả quyền sẽ không sanh với người nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

1298.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

1299.

Thiệt quyền... nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, hỷ quyền, xả quyền, tín quyền, trí quyền không từng sanh với người nào, thì ý quyền sẽ không sanh với người ấy phải chăng? Không có.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào, thì trí quyền không từng sanh với người ấy phải chăng? Từng sanh.

1300.

Nhãn quyền không từng sanh với cõi nào…

1301.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nhĩ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nhĩ quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người kiếp chót nương cõi Ngũ uẩn, nhĩ quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc Tịnh cư, Vô tưởng và Vô sắc với những cõi ấy, nhĩ quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng không từng sanh.

1302.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là tỷ quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới và người Sắc giới, tỷ quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc Tịnh cư, người Vô tưởng, Vô sắc với những cõi ấy, tỷ quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng không từng sanh.

1303.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nữ quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới, người Sắc giới và người mỗi đời kiếp nào khi sanh ra cũng đều thành nam rồi sẽ viên tịch, nữ quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc nương Tịnh cư, người Vô tưởng, Vô sắc với những cõi ấy, nữ quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng không từng sanh.

1304.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới, người

Sắc giới và người mỗi đời kiếp nào khi sanh ra cũng đều hiện bày nữ luôn cho đến khi viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc Tịnh cư, người Vô tưởng, Vô sắc với những cõi ấy, nam quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng không từng sanh.

1305.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Vô tưởng, Vô sắc, nhãn quyền không từng sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tịnh cư, bậc kiếp chót nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, nhãn quyền không từng sanh và mạng quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Ngũ uẩn, mạng quyền chẳng phải sẽ sanh mà nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc Tịnh cư và người kiếp chót nương cõi Vô sắc với những cõi ấy, mạng quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng không từng sanh.

1306.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là hỷ quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Ngũ uẩn và người xả hữu nhãn sanh ra rồi sẽ viên tịch, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc Tịnh cư và người Vô tưởng, Vô sắc với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và nhãn quyền cũng không từng sanh.

1307.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Vô sắc, nhãn quyền không từng sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người nương Tịnh cư, bậc kiếp chót nương cõi Vô sắc, người Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn quyền không từng sanh và xả quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Ngũ uẩn và người hỷ hữu nhãn sanh ra rồi sẽ viên tịch, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tịnh cư, bậc kiếp chót nương cõi Vô sắc và người Vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và nhãn quyền cũng không từng sanh.

1308.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Vô sắc, nhãn quyền không từng sanh mà tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tịnh cư, bậc kiếp chót nương cõi Vô sắc và bậc Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn quyền không từng sanh và tín quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Ngũ uẩn, tín quyền chẳng phải sẽ sanh mà nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tịnh cư, bậc kiếp chót nương cõi Vô sắc và người Vô tưởng với những cõi ấy, tín quyền chẳng phải sẽ sanh và nhãn quyền cũng không từng sanh.

1309.

Nhãn quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền sẽ không sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Vô sắc, nhãn quyền không từng sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tịnh cư, bậc kiếp chót nương cõi Vô sắc và người Vô tưởng với những cõi ấy, nhãn quyền không từng sanh và ý quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là ý quyền sẽ không sanh với người nào cõi nào, thì nhãn quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Ngũ uẩn, ý quyền sẽ không sanh mà nhãn quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Tịnh cư, bậc kiếp chót nương cõi Vô sắc và người Vô tưởng với những cõi ấy, ý quyền sẽ không sanh và nhãn quyền cũng không từng sanh.

1310.

Tỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nữ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới và người mỗi đời kiếp nào khi sanh ra cũng đều thành nam rồi sẽ viên tịch, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh mà tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, nữ quyền chẳng phải sẽ sanh và tỷ quyền cũng không từng sanh.

1311.

Tỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới và người mỗi đời kiếp nào khi sanh ra cũng đều thành nữ rồi sẽ viên tịch, nam quyền sẽ không sanh mà tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và tỷ quyền cũng không từng sanh.

1312.

Tỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, tỷ quyền không từng sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, tỷ quyền không từng sanh và mạng quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới, mạng quyền chẳng phải sẽ sanh mà tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, mạng quyền chẳng phải sẽ sanh và tỷ quyền cũng không từng sanh.

1313.

Tỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc Sắc giới, tỷ quyền không từng sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, người Vô tưởng, Vô sắc với những cõi ấy, tỷ quyền không từng sanh và hỷ quyền cũng sẽ không sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới, người xả hữu

tỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, người Vô tưởng, Vô sắc với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và tỷ quyền cũng sẽ không sanh.

1314.

Tỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, tỷ quyền không từng sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới, người Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ quyền không từng sanh và xả quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới và người hỷ hữu tỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và tỷ quyền cũng không từng sanh.

1315.

Tỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, tỷ quyền không từng sanh mà tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ quyền không từng sanh và tín quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới, tín quyền chẳng phải sẽ sanh mà tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, tín quyền chẳng phải sẽ sanh và tỷ quyền cũng không từng sanh.

1316.

Tỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, tỷ quyền không từng sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, tỷ quyền không từng sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới, ý quyền chẳng phải sẽ sanh mà tỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, ý quyền chẳng phải sẽ sanh và tỷ quyền cũng không từng sanh.

1317.

Nữ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Phải rồi.

Hay là nam quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới và người mỗi đời kiếp nào khi sanh ra cũng đều thành nữ rồi sẽ viên tịch, nam quyền chẳng phải sẽ sanh mà nữ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, nam quyền chẳng phải sẽ sanh và nữ quyền cũng không từng sanh.

1318.

Nữ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, nữ quyền không từng sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, nữ quyền không từng sanh và mạng quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới, mạng quyền chẳng phải sẽ sanh mà nữ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, mạng quyền chẳng phải sẽ sanh và nữ quyền cũng không từng sanh.

1319.

Nữ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, nữ quyền không từng sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, người Vô tưởng, Vô sắc với những cõi ấy, nữ quyền không từng sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới và người xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà nữ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới và người Vô tưởng, Vô sắc với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và nữ quyền cũng không từng sanh.

1320.

Nữ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, nữ quyền không từng sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, nữ quyền không từng sanh và xả quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới và người hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà nữ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và nữ quyền cũng không từng sanh.

1321.

Nữ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, nữ quyền không từng sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, nữ quyền không từng sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nữ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới, ý quyền chẳng phải sẽ sanh mà nữ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, ý quyền chẳng phải sẽ sanh và nữ quyền cũng không từng sanh.

1322.

Nam quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Người Sắc giới, Vô sắc giới, nam quyền không

từng sanh mà mạng quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, nam quyền không từng sanh và mạng quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là mạng quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới, mạng quyền chẳng phải sẽ sanh mà nam quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới với những cõi ấy, mạng quyền chẳng phải sẽ sanh và nam quyền cũng không từng sanh.

1323.

Nam quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới, nam quyền không từng sanh mà hỷ quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, người Vô tưởng, Vô sắc với những cõi ấy, nam quyền không từng sanh và hỷ quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới và người nam hữu xả sanh ra rồi sẽ viên tịch, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh mà nam quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới và người Vô tưởng, Vô sắc với những cõi ấy, hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh và nam quyền cũng không từng sanh.

1324.

Nam quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới, Vô sắc giới, nam quyền không từng sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, nam quyền không từng sanh và xả quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới và người nam hỷ sanh ra rồi sẽ viên tịch, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà nam quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và nam quyền cũng không từng sanh.

1325.

Nam quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sắc giới Vô sắc giới, nam quyền không từng sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, nam quyền không từng sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì nam quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc kiếp chót nương cõi Dục giới, ý quyền chẳng phải sẽ sanh mà nam quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc kiếp chót nương cõi Sắc giới, Vô sắc giới và người Vô tưởng với những cõi ấy, ý quyền chẳng phải sẽ sanh và nam quyền cũng không từng sanh.

1326.

Mạng quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sẽ sanh *(uppajjissati)*…

Hay là hỷ quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Từng sanh *(uppajjittha)*...

1327.

Mạng quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền... tín quyền, trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì mạng quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Từng sanh.

1328.

Hỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai hiện hành nơi cõi Tịnh cư, hỷ quyền không từng sanh mà xả quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Vô tưởng với những cõi ấy, hỷ quyền không từng sanh và xả quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là xả quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, xả quyền chẳng phải sẽ sanh mà hỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc Vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền chẳng phải sẽ sanh và hỷ quyền cũng không từng sanh.

1329.

Hỷ quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền... trí quyền, ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Tâm thứ hai hiện hành nơi cõi Tịnh cư, hỷ quyền không từng sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Vô tưởng với những cõi ấy, hỷ quyền không từng sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì hỷ quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, ý quyền chẳng phải sẽ sanh mà hỷ quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc Vô tưởng với những cõi ấy, ý quyền chẳng phải sẽ sanh và hỷ quyền cũng không từng sanh.

1330.

Xả quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc đang sanh nơi cõi Tịnh cư, xả quyền không từng sanh mà tín quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc Vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền không từng sanh và tín quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là tín quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, tín quyền chẳng phải sẽ sanh mà xả quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Vô tưởng với những cõi ấy, tín quyền chẳng phải sẽ sanh và xả quyền cũng không từng sanh.

1331.

Xả quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc đang sanh nơi cõi Tịnh cư, xả quyền không từng sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc Vô tưởng với những cõi ấy, xả quyền không từng sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì xả quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, ý quyền chẳng phải sẽ sanh mà xả quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc Vô tưởng với những cõi ấy, ý quyền chẳng phải sẽ sanh và xả quyền cũng không từng sanh.

1332.

Tín quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền... ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc đang sanh nơi cõi Tịnh cư, tín quyền không từng sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc Vô tưởng với những cõi ấy, tín quyền không từng sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì tín quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, ý quyền chẳng phải sẽ sanh mà tín quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Vô tưởng với những cõi ấy, ý quyền chẳng phải sẽ sanh và tín quyền cũng không từng sanh.

1333.

Trí quyền không từng sanh với người nào cõi nào, thì ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc đang sanh nơi cõi Tịnh cư, trí quyền không từng sanh mà ý quyền sẽ sanh với người ấy cõi ấy. Còn bậc Vô tưởng với những cõi ấy, trí quyền không từng sanh và ý quyền cũng chẳng phải sẽ sanh.

Hay là ý quyền chẳng phải sẽ sanh với người nào cõi nào, thì trí quyền không từng sanh với người ấy cõi ấy phải chăng? Bậc tề toàn tâm chót, ý quyền chẳng phải sẽ sanh mà trí quyền từng sanh với người ấy cõi ấy. Còn người Vô tưởng với những cõi ấy, ý quyền chẳng phải sẽ sanh và trí quyền cũng không từng sanh.

Dứt phần hành vi (pavattivāra)

PHẦN CHU TƯỜNG *(PARIÑÑĀVĀRA)*

1334.

Người nào đã chu tường nhãn quyền, thì người ấy đang chu tường nhĩ quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào đang chu tường nhĩ quyền, thì người ấy đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

1335.

Người nào đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy đang trừ ưu quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào đang trừ ưu quyền, thì người ấy đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Không phải.

1336.

Người nào đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy đang tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào đang tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

1337.

Người nào đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy đang tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào đang tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

1338.

Người nào đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào đang làm rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Không phải.

1339.

Người nào đang trừ ưu quyền, thì người ấy đang tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào đang tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy đang trừ ưu quyền phải chăng? Không phải.

1340.

Người nào đang trừ ưu quyền, thì người ấy đang tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào đang tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy đang trừ ưu quyền phải chăng? Người thứ hai đang tiến hóa tri dĩ tri quyền mà chẳng phải đang trừ ưu quyền. Còn bực tề toàn đạo Bất lai đang tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng đang trừ ưu quyền.

1341.

Người nào đang trừ ưu quyền, thì người ấy đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đang trừ ưu quyền phải chăng? Không phải.

1342.

Người nào đang tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy đang tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào đang tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy đang tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Không phải.

1343.

Người nào đang tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đang tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Không phải.

1344.

Người nào đang tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào đang tiến hóa tri cụ tri quyền, thì người ấy đang làm cho rõ thấu tri dị tri quyền phải chăng? Không phải.

1345.

Người nào chẳng phải đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy chẳng phải đang trừ ưu quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo Bất lai chẳng phải đang chu tường nhãn quyền mà đang trừ ưu quyền. Nếu trừ bực tề toàn đạo thứ hai, còn những người ngoài ra đó, chẳng phải đang chu tường nhãn quyền và cũng chẳng phải đang trừ ưu quyền.

Hay là người nào chẳng phải đang trừ ưu quyền, thì người ấy chẳng phải đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng chẳng phải đang trừ ưu quyền mà đang chu tường nhãn quyền. Nếu trừ bực tề toàn đạo thứ hai, những người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ ưu quyền và cũng chẳng phải đang chu tường nhãn quyền.

1346.

Người nào chẳng phải đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Người thứ tám chẳng phải đang chu tường *(parijānāti)* nhãn quyền mà người ấy đang tiến hóa *(bhāveti)* tri dị tri quyền. Nếu trừ bực tề toàn đạo thứ hai, còn người ngoài ra đó, chẳng phải đang chu tường nhãn quyền và cũng chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền mà đang chu tường nhãn quyền. Nếu trừ bực tề toàn đạo thứ hai, còn những người ngoài ra đó, chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền và cũng chẳng phải đang chu tường nhãn quyền.

1347.

Người nào chẳng phải đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

1348.

Người nào chẳng phải đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Người làm cho rõ thấu quả chí thượng, người ấy chẳng phải đang chu tường nhãn quyền mà đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Nếu trừ bực tề toàn đạo chí thượng và La-hán quả rồi, còn những người ngoài ra đó, chẳng phải đang chu tường nhãn quyền và cũng chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà đang chu tường nhãn quyền. Nếu trừ bực tề toàn đạo chí thượng và La-hán quả rồi, còn những người ngoài ra đó, chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng chẳng phải đang chu tường nhãn quyền.

1349.

Người nào chẳng phải đang trừ ưu quyền, thì người ấy chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Người thứ tám chẳng phải đang trừ ưu quyền mà đang tiến hóa tri dị tri quyền. Nếu trừ bực tề toàn đạo thứ hai rồi, còn người ngoài ra đó, chẳng phải đang trừ ưu quyền và cũng chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang trừ ưu quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo Bất lai chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền mà đang trừ ưu quyền. Nếu trừ ra bực tề toàn đạo thứ hai, còn những người ngoài ra đó mới chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền và cũng chẳng phải đang trừ ưu quyền.

1350.

Người nào chẳng phải đang trừ ưu quyền, thì người ấy chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Người thứ hai chẳng phải đang trừ ưu quyền mà đang tiến hóa tri dĩ tri quyền. Nếu trừ bực tề toàn đạo thứ ba, còn những người ngoài ra đó mới chẳng phải đang trừ ưu quyền và cũng chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang trừ ưu quyền phải chăng? Phải rồi.

1351.

Người nào chẳng phải đang trừ ưu quyền, thì người ấy chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Người nào đang làm cho rõ thấu quả chí thượng, người ấy chẳng phải đang trừ ưu quyền mà đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Nếu trừ bực tề toàn đạo Bất lai và La-hán quả, còn những người ngoài ra đó mới chẳng phải đang trừ ưu quyền và cũng chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang trừ ưu quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo Bất lai chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà người ấy đang trừ ưu quyền. Nếu trừ ra bực tề toàn đạo Bất lai và La-hán quả, còn những người ngoài ra đó mới chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng chẳng phải đang trừ ưu quyền.

1352.

Người nào chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo thứ ba chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền mà đang tiến hóa tri dĩ tri quyền. Nếu trừ bực tề toàn đạo thứ tư, còn những người ngoài ra đó mới chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền và cũng chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Người thứ tám chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền mà đang tiến hóa tri dị tri quyền. Nếu trừ ra bực tề toàn đạo thứ tư, còn những người ngoài ra đó mới chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền.

1353.

Người nào chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Người nào làm cho rõ thấu quả chí thượng, người ấy chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền mà đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Nếu trừ ra người thứ tám và La-hán quả, còn người ngoài ra đó mới chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền và cũng chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Người thứ tám chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà đang tiến hóa tri dị tri quyền. Nếu trừ người thứ tám và La-hán quả, còn những người ngoài ra đó mới chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền.

1354.

Người nào chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Người nào làm cho rõ thấu quả chí thượng, người ấy chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền mà đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Nếu trừ bực tề toàn đạo thứ ba và La-hán quả, còn những người ngoài ra đó, chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo thứ ba chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà đang tiến hóa tri dĩ tri quyền. Nếu trừ ra bực tề toàn đạo thứ ba và La-hán quả, còn những người ngoài ra đó mới chẳng phải đang làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền.

1355.

Người nào từng chu tường nhãn quyền, thì người ấy từng trừ ưu quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào đã từng trừ ưu quyền, thì người ấy đã từng chu tường nhãn quyền phải chăng? Người thứ hai đã từng trừ ưu quyền mà chẳng phải đã từng trừ nhãn quyền. Còn bậc La Hán đã từng trừ ưu quyền và cũng đã từng chu tường nhãn quyền.

1356.

Người nào đã từng chu tường nhãn quyền, thì người ấy đã từng tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào đã từng tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy đã từng chu tường nhãn quyền phải chăng? Người thứ sáu đang tiến hóa tri dị tri quyền đã chẳng phải đã chu tường nhãn quyền. Còn bậc La Hán đã tiến hóa tri dị tri quyền và cũng đã chu tường nhãn quyền.

1357.

Người nào đã từng chu tường nhãn quyền, thì người ấy đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy đã từng chu tường nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

1358.

Người nào đã từng chu tường nhãn quyền, thì người ấy đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Người nào làm cho rõ thấu quả chí thượng, thì người ấy đã từng chu tường nhãn quyền mà chẳng phải đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn người nào làm cho rõ thấu quả chí thượng, thì người ấy đã từng chu tường nhãn quyền và cũng đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào đã làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đã từng chu tường nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

1359.

Người nào đã từng trừ ưu quyền, thì người ấy đã từng tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào đã từng tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy đã từng trừ ưu quyền phải chăng? Người thứ tư đã từng tiến hóa tri dị tri quyền mà chẳng phải đã từng trừ ưu quyền. Còn người thứ ba đã từng tiến hóa tri dị tri quyền và cũng đã từng trừ ưu quyền.

1360.

Người nào đã từng trừ ưu quyền, thì người ấy đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Người thứ hai đã từng trừ ưu quyền mà chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn chư La Hán đã từng trừ ưu quyền và cũng đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền.

Hay là người nào đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy đã từng trừ ưu quyền phải chăng? Phải rồi.

1361.

Người nào đã từng trừ ưu quyền, thì người ấy đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Người thứ ba đã từng trừ ưu quyền mà chẳng phải đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn chư La Hán đã từng trừ ưu quyền và cũng đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đã từng trừ ưu quyền phải chăng? Phải rồi.

1362.

*Người nào đã từng tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng?*Người thứ sáu đã từng tiến hóa tri dị tri quyền mà chẳng phải đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn chư La Hán đã từng tiến hóa tri dị tri quyền và cũng đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền.

Hay là người nào đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy đã từng tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Phải rồi.

1363.

Người nào đã từng tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Người thứ bảy đã từng tiến hóa tri dị tri quyền mà chẳng phải đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn chư La Hán đã từng tiến hóa tri dị tri quyền và cũng đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đã từng tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Phải rồi.

1364.

Người nào đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Người nào đã từng làm cho rõ thấu quả chí thượng, thì người ấy đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền mà chẳng phải đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn người nào sẽ làm cho rõ thấu quả chí thượng, thì người ấy đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

1365.

Người nào chẳng phải đã chu tường nhãn quyền, thì người ấy chẳng phải đã từng trừ ưu quyền phải chăng? Người thứ hai chẳng phải đã từng chu tường nhãn quyền mà đã từng trừ ưu quyền. Còn người thứ sáu chẳng phải đã chu tường nhãn quyền và cũng chẳng phải đã trừ ưu quyền.

Hay là người nào chẳng phải đã từng trừ ưu quyền, thì người ấy chẳng phải đã chu tường nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

1366.

Người nào chẳng phải đã từng chu tường nhãn quyền, thì người ấy chẳng phải đã từng tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Người thứ sáu chẳng phải đã từng chu tường nhãn quyền mà đã từng tiến hóa tri dị tri quyền. Còn người thứ hai mới chẳng phải đã từng chu tường nhãn quyền và cũng chẳng phải đã từng tiến hóa tri dị tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải đã từng tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy chẳng phải đã từng chu tường nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

1367.

Người nào chẳng phải đã từng chu tường nhãn quyền, thì người ấy chẳng phải đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào chẳng phải đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đã từng chu tường nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

1368.

Người nào chẳng phải đã từng chu tường nhãn quyền, thì người ấy chẳng phải đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào chẳng phải đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đã từng chu tường nhãn quyền phải chăng? Người nào đang làm cho rõ thấu quả chí thượng, thì người ấy chẳng phải đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà đã từng chu tường nhãn quyền. Còn người thứ tám chẳng phải đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng không từng chu tường nhãn quyền.

1369.

Người nào không từng trừ ưu quyền, thì người ấy không từng tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Người thứ tư không từng trừ ưu quyền mà đã từng tiến hóa tri dị tri quyền. Còn người thứ hai không từng trừ ưu quyền và cũng không từng tiến hóa tri dị tri quyền.

Hay là người nào không từng tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy không từng trừ ưu quyền phải chăng? Phải rồi.

1370.

Người nào không từng trừ ưu quyền, thì người ấy không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy không từng trừ ưu quyền phải chăng? Người thứ hai hay người không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền mà đã từng trừ ưu quyền. Còn người thứ sáu hay người không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng không từng trừ ưu quyền.

1371.

Người nào không từng trừ ưu quyền, thì người ấy không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy không từng trừ ưu quyền phải chăng? Người thứ ba... không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, mà đã từng trừ ưu quyền. Còn người thứ sáu mới không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng không từng trừ ưu quyền.

1372.

Người nào không từng tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy không từng tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Người thứ sáu không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền *(aññindrīya)* mà từng tiến hóa tri dị tri quyền *(anaññataññassāmītindrīya)*. Còn người thứ hai không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng không từng tiến hóa tri dị tri quyền.

1373.

Người nào không từng tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy không từng tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Người thứ bảy không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà từng tiến hóa tri dị tri quyền. Còn người thứ hai mới không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng không từng làm cho tiến hóa tri dị tri quyền.

1374.

Người nào không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy không từng làm cho tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Những người đang làm cho rõ thấu quả chí thượng, người ấy không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền *(aññatāvindrīya)* mà đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn người thứ tám không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền.

1375.

Người nào sẽ chu tường nhãn quyền, thì người ấy sẽ trừ ưu quyền phải chăng? Người thứ hai sẽ chu tường nhãn quyền mà chẳng phải sẽ trừ ưu quyền. Còn người thứ năm mới sẽ chu tường nhãn quyền và cũng sẽ trừ ưu quyền.

Hay là người nào sẽ trừ ưu quyền, thì người ấy sẽ chu tường nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

1376.

Người nào sẽ chu tường nhãn quyền, thì người ấy sẽ tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Người thứ sáu sẽ chu tường nhãn quyền mà chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền. Còn phàm phu nào sẽ đắc đạo sẽ chu tường nhãn quyền và cũng sẽ tiến hóa tri dị tri quyền.

Hay là người nào sẽ tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy sẽ chu tường nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

1377.

Người nào sẽ chu tường nhãn quyền, thì người ấy sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy sẽ chu tường nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

1378.

Người nào sẽ chu tường nhãn quyền, thì người ấy sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy sẽ chu tường nhãn quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà chẳng phải sẽ chu tường nhãn quyền. Còn người thứ bảy mới sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng sẽ chu tường nhãn quyền.

1379.

Người nào sẽ trừ ưu quyền, thì người ấy sẽ tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Người thứ tư sẽ trừ ưu quyền mà chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền. Còn phàm phu nào sẽ đắc đạo mới sẽ trừ ưu quyền và cũng sẽ tiến hóa tri dị tri quyền.

Hay là người nào sẽ tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy sẽ trừ ưu quyền phải chăng? Phải rồi.

1380.

Người nào sẽ trừ ưu quyền, thì người ấy sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy sẽ trừ ưu quyền phải chăng? Người thứ hai sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền mà chẳng phải sẽ trừ ưu quyền. Còn người thứ năm sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng sẽ trừ ưu quyền.

1381.

Người nào sẽ trừ ưu quyền, thì người ấy sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy sẽ trừ ưu quyền phải chăng? Người thứ ba sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà chẳng phải sẽ trừ ưu quyền. Còn người thứ năm sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng sẽ trừ ưu quyền.

1382.

Người nào sẽ tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy sẽ tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Người thứ sáu sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền mà chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền. Còn phàm phu nào sẽ đắc đạo mới sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng sẽ tiến hóa tri dị tri quyền.

1383.

Người nào sẽ tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy sẽ tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Người thứ bảy sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền. Còn người phàm phu nào sẽ đắc đạo mới sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng sẽ tiến hóa tri dị tri quyền.

1384.

Người nào sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn người thứ bảy sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền.

1385.

Người nào chẳng phải sẽ chu tường nhãn quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ trừ ưu quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào chẳng phải sẽ trừ ưu quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ chu tường nhãn quyền phải chăng? Người thứ hai chẳng phải sẽ trừ ưu quyền mà sẽ chu tường nhãn quyền. Còn người thứ ba mới chẳng phải sẽ trừ ưu quyền và cũng chẳng phải sẽ chu tường nhãn quyền.

1386.

Người nào chẳng phải sẽ chu tường nhãn quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ chu tường nhãn quyền phải chăng? Người thứ sáu chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền mà sẽ chu tường nhãn quyền. Còn người thứ ba mới chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền và cũng chẳng phải sẽ chu tường nhãn quyền.

1387.

Người nào chẳng phải sẽ chu tường nhãn quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ chu tường nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

1388.

Người nào chẳng phải sẽ chu tường nhãn quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng chẳng phải sẽ chu tường nhãn quyền mà sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn người thứ hai mới chẳng phải sẽ chu tường nhãn quyền và cũng chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ chu tường nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

1389.

Người nào chẳng phải sẽ trừ ưu quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ trừ ưu quyền phải chăng? Người thứ tư chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền mà sẽ trừ ưu quyền. Còn người thứ năm mới chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền và cũng chẳng phải sẽ trừ ưu quyền.

1390.

Người nào chẳng phải sẽ trừ ưu quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Người thứ hai chẳng phải sẽ trừ ưu quyền mà sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn người thứ ba mới chẳng phải sẽ trừ ưu quyền và cũng chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ trừ ưu quyền phải chăng? Phải rồi.

1391.

Người nào chẳng phải sẽ trừ ưu quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Người thứ ba mới chẳng phải sẽ trừ ưu quyền mà sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn người thứ hai mới chẳng phải sẽ trừ ưu quyền và cũng chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ trừ ưu quyền phải chăng? Phải rồi.

1392.

Người nào chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Người thứ sáu chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền mà sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn người thứ ba mới chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền và cũng chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Phải rồi.

1393.

Người nào chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Người thứ bảy chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền *(anaññataññassāmītindrīya)* mà sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền *(aññātāvindrīya)*. Còn người thứ hai mới chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền và cũng chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Phải rồi.

1394.

Người nào chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền mà sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn người thứ hai mới chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

1395.

Người nào đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy đã từng trừ ưu quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào đã từng trừ ưu quyền, thì người ấy đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Người thứ hai từng trừ ưu quyền mà chẳng phải đang chu tường nhãn quyền. Còn bậc tề toàn đạo chí thượng mới đã trừ ưu quyền và cũng đang chu tường nhãn quyền.

1396.

Người nào đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy đã từng tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào đã từng tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Người thứ sáu đã từng tiến hóa tri dị tri quyền mà chẳng phải đang chu tường nhãn quyền. Còn bậc tề toàn đạo chí thượng đã từng tiến hóa tri dị tri quyền và cũng đang chu tường nhãn quyền.

1397.

Người nào đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Không phải.

1398.

Người nào đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Không phải.

1399.

Người nào đang trừ ưu quyền, thì người ấy đã từng tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào đã từng tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy đang trừ ưu quyền phải chăng? Người thứ sáu đã từng tiến hóa tri dị tri quyền mà chẳng phải đang trừ ưu quyền. Còn bậc tề toàn đạo Bất lai đã từng tiến hóa tri dị tri quyền và cũng đang trừ ưu quyền.

1400.

Người nào đang trừ ưu quyền, thì người ấy đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy đang trừ ưu quyền phải chăng? Không phải.

1401.

Người nào đang trừ ưu quyền, thì người ấy đã làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đang trừ ưu quyền phải chăng? Không phải.

1402.

Người nào đang tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy đang tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Không phải.

1403.

Người nào đang tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đang tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Không phải.

1404.

Người nào đang tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đang tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Không phải.

1405.

Người nào chẳng phải đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy không từng trừ ưu quyền phải chăng? Người thứ hai chẳng phải đang chu tường nhãn quyền mà từng trừ ưu quyền. Còn người thứ sáu mới chẳng phải đang chu tường nhãn quyền và cũng không từng trừ ưu quyền.

Hay là người nào không từng trừ ưu quyền, thì người ấy chẳng phải đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

1406.

Người nào chẳng phải đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy không từng tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Người thứ sáu chẳng phải đang chu tường nhãn quyền mà đã từng tiến hóa tri dị tri quyền. Còn người thứ hai chẳng phải đang chu tường nhãn quyền và cũng không từng tiến hóa tri dị tri quyền.

Hay là người nào không từng tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

1407.

Người nào chẳng phải đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Chư La-hán quả chẳng phải đang chu tường nhãn quyền mà từng tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn người thứ bảy mới chẳng phải đang chu tường nhãn quyền và cũng không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền.

Hay là người nào không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng *(aggamaggasamaṅgī)* không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền mà đang chu tường nhãn quyền. Còn người thứ bảy mới không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng chẳng phải đang chu tường nhãn quyền.

1408.

Người nào chẳng phải đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Chư La-hán quả chẳng phải đang chu tường nhãn quyền mà đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn người thứ tám mới chẳng phải đang chu tường nhãn quyền và cũng không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà đang chu tường nhãn quyền. Còn người thứ tám mới không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng chẳng phải đang chu tường nhãn quyền.

1409.

Người nào chẳng phải đang trừ ưu quyền, thì người ấy không từng tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Người thứ sáu chẳng phải đang trừ ưu quyền mà đã từng tiến hóa tri dị tri quyền. Còn những người thứ hai mới chẳng phải đang trừ ưu quyền và cũng không từng tiến hóa tri dị tri quyền.

Hay là người nào không từng tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang trừ ưu quyền phải chăng? Phải rồi.

1410.

Người nào chẳng phải đang trừ ưu quyền, thì người ấy không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Chư La Hán chẳng phải đang trừ ưu quyền mà đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn những người thứ bảy mới chẳng phải đang trừ ưu quyền và cũng không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền.

Hay là người nào không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang trừ ưu quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo Bất lai không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền mà đang trừ ưu quyền. Còn người thứ bảy mới không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng chẳng phải đang trừ ưu quyền.

1411.

Người nào chẳng phải đang trừ ưu quyền, thì người ấy không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Chư La Hán chẳng phải đang trừ ưu quyền mà đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn người thứ tám mới chẳng phải đang trừ ưu quyền và cũng không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang trừ ưu quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo Bất lai không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà đang trừ ưu quyền. Còn người thứ tám mới không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng chẳng phải đang trừ ưu quyền.

1412.

Người nào chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Chư La Hán chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền mà đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn người thứ bảy mới chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền và cũng không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền.

Hay là người nào không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Người thứ tám không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền mà đang tiến hóa tri dị tri quyền. Còn người thứ bảy mới không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền.

1413.

Người nào chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Chư La Hán chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền mà đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn người thứ tám chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền và cũng không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Người thứ tám không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà đang tiến hóa tri dị tri quyền. Còn người thứ bảy mới không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền.

1414.

Người nào chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Chư La-hán quả chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền mà đã từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn người thứ năm chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Ba hạng người tề toàn đạo chí thượng không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà đang tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn người thứ năm mới không từng làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền.

1415.

Người nào đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy sẽ trừ ưu quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào sẽ trừ ưu quyền, thì người ấy đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Không phải.

1416.

Người nào đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy sẽ tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào sẽ tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Không phải.

1417.

Người nào đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Không phải.

1418.

Người nào đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Người thứ bảy sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà chẳng phải đang chu tường nhãn quyền. Còn người tề toàn đạo chí thượng sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng đang chu tường nhãn quyền.

1419.

Người nào đang trừ ưu quyền, thì người ấy sẽ tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào sẽ tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy đang trừ ưu quyền phải chăng? Không phải.

1420.

Người nào đang trừ ưu quyền, thì người ấy sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy đang trừ ưu quyền phải chăng? Người thứ sáu sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền mà chẳng phải đang trừ ưu quyền. Còn người tề toàn đạo Bất lai sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng đang trừ ưu quyền.

1421.

Người nào đang trừ ưu quyền, thì người ấy sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đang trừ ưu quyền phải chăng? Không phải.

Người thứ bảy sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà chẳng phải đang trừ ưu quyền. Còn người tề toàn đạo Bất lai sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng đang trừ ưu quyền.

1422.

Người nào đang tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy đang tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Người thứ sáu sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền mà chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền. Còn người thứ tám mới sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng đang tiến hóa tri dị tri quyền.

1423.

Người nào đang tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đang tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Người thứ bảy sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền. Còn người thứ tám sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng đang tiến hóa tri dị tri quyền.

1424.

Người nào đang tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

Hay là người nào sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đang tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Người thứ năm sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn bực tề toàn đạo chí thượng và người thứ ba mới sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng đang tiến hóa tri dĩ tri quyền.

1425.

Người nào chẳng phải đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ trừ ưu quyền phải chăng? Người thứ năm chẳng phải đang chu tường nhãn quyền mà sẽ trừ ưu quyền. Còn người thứ tư mới chẳng phải đang chu tường nhãn quyền và cũng chẳng phải sẽ trừ ưu quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ trừ ưu quyền, thì người ấy chẳng phải đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng chẳng phải sẽ trừ ưu quyền mà

đang chu tường nhãn quyền. Còn những người thứ tư mới chẳng phải sẽ trừ ưu quyền và cũng chẳng phải đang chu tường nhãn quyền.

1426.

Người nào chẳng phải đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Phàm phu nào sẽ đắc đạo mới chẳng phải đang chu tường nhãn quyền mà sẽ tiến hóa tri dị tri quyền. Còn người thứ tám mới chẳng phải đang chu tường nhãn quyền và cũng chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền mà đang chu tường nhãn quyền. Còn người thứ tám mới chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền và cũng chẳng phải đang chu tường nhãn quyền.

1427.

Người nào chẳng phải đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Người thứ bảy chẳng phải đang chu tường nhãn quyền mà sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn người thứ hai mới chẳng phải đang chu tường nhãn quyền và cũng chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo chí thượng chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền mà đang chu tường nhãn quyền. Còn người thứ hai mới chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng chẳng phải đang chu tường nhãn quyền.

1428.

Người nào chẳng phải đang chu tường nhãn quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Người thứ bảy chẳng phải đang chu tường nhãn quyền mà sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn những người thứ hai mới chẳng phải đang chu tường nhãn quyền và cũng chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang chu tường nhãn quyền phải chăng? Phải rồi.

1429.

Người nào chẳng phải đang trừ ưu quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Phàm phu nào sẽ đắc đạo đó, chẳng phải đang trừ ưu quyền mà sẽ tiến hóa tri dị tri quyền. Còn những người thứ tám mới chẳng phải đang trừ ưu quyền và cũng chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang trừ ưu quyền phải chăng? Bậc tề toàn đạo Bất lai chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền mà đang trừ ưu quyền. Còn những người thứ tám mới chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền và cũng chẳng phải đang trừ ưu quyền.

1430.

Người nào chẳng phải đang trừ ưu quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Những người thứ sáu chẳng phải đang trừ ưu quyền mà sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn những người thứ ba mới chẳng phải đang trừ ưu quyền và cũng chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang trừ ưu quyền phải chăng? Phải rồi.

1431.

Người nào chẳng phải đang trừ ưu quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Người thứ bảy chẳng phải đang trừ ưu quyền mà sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn những người thứ hai mới chẳng phải đang trừ ưu quyền và cũng chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang trừ ưu quyền phải chăng? Phải rồi.

1432.

Người nào chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Những người thứ sáu chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền mà sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn những người thứ ba mới chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền và cũng chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Phải rồi.

1433.

Người nào chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Những người thứ bảy chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền mà sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn những người thứ hai mới chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền và cũng chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Phải rồi.

1434.

Người nào chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Những người thứ năm chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền mà sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn những người thứ hai mới chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy chẳng phải đang tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Phải rồi.

1435.

Người nào đã từng chu tường nhãn quyền, thì người ấy sẽ trừ ưu quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào sẽ trừ ưu quyền, thì người ấy đã từng chu tường nhãn quyền phải chăng? Không phải.

1436.

Người nào đã từng chu tường nhãn quyền, thì người ấy sẽ tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào sẽ tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy đã từng chu tường nhãn quyền phải chăng? Không phải.

1437.

Người nào đã từng chu tường nhãn quyền, thì người ấy sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy đã từng chu tường nhãn quyền phải chăng? Không phải.

1438.

Người nào đã từng chu tường nhãn quyền, thì người ấy sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đã từng chu tường nhãn quyền phải chăng? Không phải.

1439.

Người nào đã từng trừ ưu quyền, thì người ấy sẽ tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào sẽ tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy đã từng trừ ưu quyền phải chăng? Không phải.

1440.

Người nào đã từng trừ ưu quyền, thì người ấy sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Những người thứ hai đã từng trừ ưu quyền mà chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn quả Bất lai đã từng trừ ưu quyền và cũng sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền.

Hay là người nào sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy đã từng trừ ưu quyền phải chăng? Người thứ sáu sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền mà chẳng phải đã từng trừ ưu quyền. Còn quả Bất lai sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng đã từng trừ ưu quyền.

1441.

Người nào đã từng trừ ưu quyền, thì người ấy sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? La-hán quả đã từng trừ ưu quyền mà chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn những người thứ hai đã từng trừ ưu quyền và cũng sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đã từng trừ ưu quyền phải chăng? Những người thứ sáu sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà chẳng phải đã từng trừ ưu quyền. Còn những người thứ hai sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng đã từng trừ ưu quyền.

1442.

Người nào đã từng tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Những người thứ hai đã từng tiến hóa tri dị tri quyền mà chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn những người thứ năm đã từng tiến hóa tri dị tri quyền và cũng sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền.

Hay là người nào sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy đã từng tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Những người thứ hai sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền mà chẳng phải đã từng tiến hóa tri dị tri quyền. Còn những người thứ năm sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng đã từng tiến hóa tri dị tri quyền.

1443.

Người nào đã từng tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Chư La-hán quả đã từng tiến hóa tri dị tri quyền mà chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn những người thứ sáu đã từng tiến hóa tri dị tri quyền và cũng sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đã từng tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Những người thứ hai sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà chẳng phải đã từng tiến hóa tri dị tri quyền. Còn những người thứ sáu mới sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng đã từng tiến hóa tri dị tri quyền.

1444.

Người nào đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Không phải.

Hay là người nào sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Không phải.

1445.

Người nào không từng chu tường nhãn quyền thì người ấy sẽ không trừ ưu quyền phải chăng? Những người thứ năm, không từng chu tường nhãn quyền mà sẽ trừ ưu quyền; những người thứ ba không từng chu tường nhãn quyền và cũng sẽ không trừ ưu quyền.

Hay là người nào sẽ không trừ ưu quyền thì người ấy không từng chu tường nhãn quyền phải chăng? La-hán quả sẽ không trừ ưu quyền mà chẳng phải không từng chu tường nhãn quyền; những người thứ ba sẽ không trừ ưu quyền và cũng không từng chu tường nhãn quyền.

1446.

Người nào không từng chu tường nhãn quyền thì người ấy chẳng phải sẽ tiến hoá tri dị tri quyền phải chăng? Hạng phàm phu mà sẽ đắc đạo không từng chu tường nhãn quyền mà sẽ tiến hoá tri dị tri quyền; những người thứ tám không từng chu tường nhãn quyền và cũng chẳng phải sẽ tiến hoá tri dị tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ tiến hoá tri dị tri quyền thì người ấy không từng chu tường nhãn quyền phải chăng? La-hán quả sẽ không tiến hoá tri dị tri quyền mà chẳng phải không từng chu tường nhãn quyền; những người thứ tám chẳng phải sẽ tiến hoá tri dị tri quyền và cũng không từng chu tường nhãn quyền.

1447.

Người nào không từng chu tường nhãn quyền thì người ấy chẳng phải sẽ tiến hoá tri dĩ tri quyền phải chăng? Những người thứ bảy không từng chu tường nhãn quyền mà sẽ tiến hoá tri dĩ tri quyền; những người thứ hai không từng chu tường nhãn quyền và cũng chẳng phải sẽ tiến hoá tri dĩ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy không từng chu tường nhãn quyền phải chăng? La-hán quả chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền mà đã từng chu tường nhãn quyền. Còn những người thứ hai mới chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng không từng chu tường nhãn quyền.

1448.

Người nào không từng chu tường nhãn quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Những người thứ tám không từng chu tường nhãn quyền mà sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn phàm phu nào chẳng phải sẽ đắc đạo đó mới không từng chu tường nhãn quyền và cũng chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy không từng chu tường nhãn quyền phải chăng? La-hán quả chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà đã từng chu tường nhãn quyền. Còn phàm phu nào chẳng phải sẽ đắc đạo đó, mới chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng không từng chu tường nhãn quyền.

1449.

Người nào không từng trừ ưu quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Phàm phu nào sẽ đắc đạo đó không từng trừ ưu quyền mà sẽ tiến

hóa tri dị tri quyền. Còn những người thứ sáu không từng trừ ưu quyền và cũng chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy không từng trừ ưu quyền phải chăng? Những người thứ ba chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền mà đã từng trừ ưu quyền. Còn những người thứ sáu chẳng phải sẽ tiến hóa tri dị tri quyền và cũng không từng trừ ưu quyền.

1450.

Người nào không từng trừ ưu quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Những người thứ sáu không từng trừ ưu quyền mà sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn phàm phu nào chẳng phải sẽ đắc đạo đó không từng trừ ưu quyền và cũng chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy không từng trừ ưu quyền phải chăng? Những người thứ hai chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền mà đã từng trừ ưu quyền. Còn phàm phu nào chẳng phải sẽ đắc đạo đó mới chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng không từng trừ ưu quyền.

1451.

Người nào không từng trừ ưu quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Những người thứ sáu chẳng phải từng trừ ưu quyền mà sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn phàm phu nào chẳng phải sẽ đắc đạo đó mới chẳng phải từng trừ ưu quyền và cũng chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy không từng trừ ưu quyền phải chăng? La-hán quả chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà đã từng trừ ưu quyền. Còn phàm phu nào chẳng phải sẽ đắc đạo đó mới chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng không từng trừ ưu quyền.

1452.

Người nào không từng tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? Những người thứ hai không từng tiến hóa tri dị tri quyền mà sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn phàm phu nào chẳng phải sẽ đắc đạo đó mới không từng tiến hóa tri dị tri quyền và cũng chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy không từng tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? Những người thứ hai chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền mà đã từng tiến hóa tri dị tri quyền. Còn phàm phu nào chẳng phải sẽ đắc đạo đó mới chẳng phải sẽ tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng không từng tiến hóa tri dị tri quyền.

1453.

Người nào không từng tiến hóa tri dị tri quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Những người thứ hai không từng tiến hóa tri dị tri quyền mà sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn phàm phu nào chẳng phải sẽ đắc đạo đó mới không từng tiến hóa tri dị tri quyền và cũng chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy không từng tiến hóa tri dị tri quyền phải chăng? La-hán quả chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà đã từng tiến hóa tri dị tri quyền. Còn phàm phu nào chẳng phải sẽ đắc đạo đó mới chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng không từng tiến hóa tri dị tri quyền.

1454.

Người nào không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền, thì người ấy chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền phải chăng? Những người thứ tám không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền mà sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền. Còn phàm phu nào chẳng phải sẽ đắc đạo đó mới không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền và cũng chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền.

Hay là người nào chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền, thì người ấy không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền phải chăng? La-hán quả chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền mà đã từng tiến hóa tri dĩ tri quyền. Còn phàm phu nào chẳng phải sẽ đắc đạo đó mới chẳng phải sẽ làm cho rõ thấu tri cụ tri quyền và cũng không từng tiến hóa tri dĩ tri quyền.

Dứt quyển song phần thứ 10

Hồi hướng và chia phước đến tứ Đại Thiên Vương và tất cả chúng sanh, nhứt là các vị Chư Thiên có oai lực hộ trì Tạng Diệu pháp đặng thạnh hành.

Hoàn bị bộ Song Đối – quyển hạ, lúc Trung thu – Bính Thìn.

- Soạn kể từ 29-07-1976 / 03-07-2520 lúc 18g30.
  Hoàn mãn kể từ 08-09-1976 / 15-08-2520 lúc 18g28.
- Đánh máy kể từ 17-08-1976 / 22-07-2520 lúc 18g30.
  Hoàn mãn kể từ 05-10-1976 / 12-08 (sau) 2520 lúc 18g20.

Sài Gòn - Việt Nam

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA
--o-O-o--

TẠNG VÔ TỶ PHÁP
(ABHIDHAMMAPIṬAKA)

BỘ THỨ BẢY

BỘ VỊ TRÍ
(PAṬṬHĀNA)

QUYỂN THỨ NHẤT VÀ QUYỂN THỨ HAI

CẢO BẢN

Sư cả Tịnh Sự - Mahāthero Santakicco
Chuyển ngữ từ bản tiếng Pāli-Thái Lan sang tiếng Việt
Phật lịch 2519- Dương lịch 1976

Bộ thứ bảy thuộc Tạng Vô Tỷ Pháp *(Abhidhammapiṭaka)*

Dịch giả:
Đại Trưởng lão Hòa thượng Tịnh Sự
Nguyên Cố vấn I, kiêm Trưởng Ban Phiên dịch
Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy *(Theravāda)* - Việt Nam

MỤC LỤC

QUYỂN THỨ NHẤT

PHẦN ĐẦU ĐỀ YẾU LƯỢC *(NĀTIKĀNIKKHEPA VĀRO)* **7**
PHẦN GIẢI THÍCH DUYÊN *(PACCAYA VIBHAṄGA VĀRA)* **8**

VỊ TRÍ - TAM ĐỀ *(ANULOMATIKAPAṬṬHANA)*

TAM ĐỀ THIỆN *(KUSALATTIKA)* **14**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 14
Phần Đồng Sanh *(Sahajātavāra)* 42
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 44
Phần Y Chỉ *(Nissayavāra)* 60
Phần Hỗn Hợp *(Saṃsaṭṭhavāra)* 62
Phần Tương Ưng *(Sampayuttavāro)* 70
Phần Vấn Đề Phân Giải (Phần Yếu Tri) *(Pañhavāra)* 71
A/. Đếm thuận tùng nơi vấn đề 71
Nhân Duyên 71
Cảnh Duyên 71
Trưởng Duyên 74
Vô Gián Duyên 75
Liên Tiếp Duyên 76
Đồng Sanh Duyên 77
Hỗ Tương Duyên 78
Y Chỉ Duyên 78
Cận Y Duyên 80
Tiền Sanh Duyên 86
Hậu Sanh Duyên 87
Cố Hưởng Duyên 87
Nghiệp Duyên 87
Quả Duyên 88
Thực Duyên 88
Quyền Duyên 89
Thiền Duyên 89
Đạo Duyên 90
Tương Ưng Duyên 91
Bất Tương Ưng Duyên 91
Hiện Hữu Duyên 92
Vô Hữu Duyên 94
Ly Duyên 94
Bất Ly Duyên 95
Phần nhân căn (Đếm duyên theo thuận) 95
Phần cảnh căn (ārammaṇamūlakaṃ) 96
Phần trưởng căn (adhipatimūlakaṃ) 96
Phần vô gián căn (anantaramūlakaṃ) 97
Phần liên tiếp căn (samanantaramūlakaṃ) 97
Phần đồng sanh căn (sahajātamūlakaṃ) 97
Phần hỗ tương căn (aññamaññamūlakaṃ) 98
Phần y chỉ căn 98
Phần cận y căn 98
Phần tiền sanh căn 99
Phần hậu sanh căn 99
Phần cố hưởng căn 99
Phần nghiệp căn 99
Phần quả căn 100
Phần thực căn 100
Phần quyền căn 101
Phần thiền căn 103
Phần đạo căn 104

Tương ưng căn 106
Bất tương ưng căn 106
Hiện hữu căn 106
Vựng tập danh (Pakiṇṇakaṃ nāma imaṃ) 107
Vô hữu căn 107
Ly căn (vigatamūlakaṃ) 107
Bất ly căn (avigatamūlakaṃ) 108
Vựng tập danh (Pakiṇṇakaṃ nāma imaṃ) 108
Rút ngược nơi vấn đề (Pañhāvārassa paccanīya uddhāro) 108
B/. Đếm đối lập nơi vấn đề 109
Phần phi nhân căn 109
Phần phi cảnh căn 111
Phần phi đồng sanh căn 111
Phần phi hỗ tương căn 112
Phần phi y chỉ căn 112
Phần phi cận y căn 113
Phần phi tiền sanh căn 113
Phần phi hậu sanh căn 114
Phần phi nghiệp căn 115
Phần phi thực căn 115
Phần phi quyền căn 116
Phần phi bất tương ưng căn 117
Phần phi hiện hữu căn 117
C/. Đếm thuận tùng - đối lập nơi vấn đề 118
Phần nhân căn 118
Phần cảnh căn 121
Phần trưởng căn 122
Phần vô gián căn 125
Phần liên tiếp căn 126
Phần đồng sanh căn 126
Phần hỗ tương căn 127
Phần y chỉ căn 128
Phần cận y căn 131
Phần tiền sanh căn 132
Phần hậu sanh căn 132
Phần cố hưởng căn 133
Phần nghiệp căn 133
Phần quả căn 134
Phần thực căn 135
Phần quyền căn 139
Phần thiền căn 144
Phần đạo căn 145
Phần tương ưng căn 148
Phần bất tương ưng căn 148
Phần hiện hữu căn 149
Phần vô hữu, ly, bất ly căn 153
D/. Đếm đối lập - thuận tùng nơi vấn đề 153
Phần phi nhân căn 153
Phần phi cảnh căn 155
Phần phi trưởng căn 155
Phần phi vô gián căn 155
Phần phi liên tiếp căn 155
Phần phi đồng sanh căn 155
Phần phi hỗ tương căn 155
Phần phi y chỉ căn 156
Phần phi cận y căn 156
Phần phi tiền sanh căn 156
Phần phi hậu sanh căn 157

Phần phi cố hưởng căn 157
Phần phi nghiệp, phi quả căn 157
Phần phi thực căn 158
Phần phi quyền căn 158
Phần phi thiền căn 158
Phần phi đạo căn 158
Phần phi tương ưng căn 158
Phần phi bất tương ưng căn 159
Phần phi hiện hữu căn 160
Phần phi vô hữu căn 160
Phần phi ly căn 160
Phần phi bất ly căn 160
TAM ĐỀ THỌ *(VEDANATIKA)* 161
Phần liên quan *(Paṭicca vāra)* 161
Phần Tương Ưng 166
Phần Vấn Đề 167
Phần nhân căn 176
Phần cảnh căn 177
Phần trưởng căn 177
Phần vô gián và liên tiếp căn 177
Phần đồng sanh, tương tế và y chỉ căn 177
Phần cận y căn 178
Phần cố hưởng căn 178
Phần nghiệp căn 178
Phần quả căn 178
Phần thực căn 178
Phần quyền căn 179
Phần thiền căn 179
Phần đạo căn 180
Phần tương ưng căn 180
TAM ĐỀ QUẢ 183
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 183
Phần Đồng Sanh *(Sahajātavāra)* 192
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 192
Phần Y Chỉ *(Nissayavāra)* 197
Phần Tương Ưng *(Sampayuttavāra)* 198
Phần Vấn Dề *(Pañhāvāra)* 198
TAM ĐỀ THỦ *(UPĀDINNATTIKA)* 214
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāva)* 214
Phần Đồng Sanh *(Sahajātavāra)* 219
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 219
Phần Y Chỉ *(Nissayavāra)* 223
Phần Hỗn Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 223
Phần Tương Ưng *(Sampayuttavāra)* 223
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 224
TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI *(SAṄKILITTHATTIKA)* 247
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 247
Phần Câu Đầu *(Pañhāvāra)* 248

QUYỂN THỨ HAI

TAM ĐỀ TẦM *(VITAKKATTIKA)* 262
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 262
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 281
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 284
Phần Nhân Đề *(Pañhāvāra)* 286
TAM ĐỀ HỶ *(PĪTITTKA)* 334
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 334
Phần nhan đề *(Pañhāvāra)* 337

TAM ĐỀ SƠ ĐẠO *(DASSANATTKA)* **352**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 352
Phần Đồng Sanh *(Sahajātavāra)* 358
Phần Ỷ Trượng *(Paccajavāra)* 358
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 364
Phần Tương Ưng *(Sampayuttavāra)* 365
Phần Nhan Đề *(Pañhāvāra)* 365
TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ **379**
Phần Liên Quan *(Patticcavāra)* 379
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 387
Phần Hòa Hợp 396
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 399
TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ *(ĀCAYAGĀMITTIKA)* **418**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 418
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 422
Phần Hòa Hợp *(Saṅsatthavāra)* 428
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 429
TAM ĐỀ HỮU HỌC *(SEKKHATTIKA)* **441**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 441
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 445
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 448
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 449
TAM ĐỀ HI THIỂU *(PARITTATTIKA)* **459**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 459
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 466
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 469
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 471
TAM ĐỀ CẢNH HI THIỂU *(PARITTĀRAMMAṆATTIKA)* **485**
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 487
TAM ĐỀ TY HẠ *(HĪNATTIKA)* **496**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 496
TAM ĐỀ TÀ *(MICCHATTATIKA)* **496**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 496
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 498
Phần Hòa Hợp (Saṅsaṭṭhavāra) 501
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 502
TAM ĐỀ CÓ ĐẠO LÀ CẢNH *(MAGGĀRAMMAṆATTIKA)* **512**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 512
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 517
TAM ĐỀ SANH TỒN *(UPPANNATTIKA)* **526**
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 526
TAM ĐỀ QUÁ KHỨ *(ATĪTATTIKA)* **530**
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 530
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 534
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 536
TAM ĐỀ NỘI PHẦN *(AJJHATTATTIKA)* **544**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 544
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 547
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 548
TAM ĐỀ BIẾT CẢNH NỘI PHẦN *(AJIHATTATTĀRAMMANATTIKA)* **556**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 556
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 557
TAM ĐỀ HỮU KIẾN HỮU ĐỐI CHIẾU *(SANIDASSANASAPPATIGHA)* **562**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 562
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 571

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA.
CUNG KỈNH ĐẾN ĐỨC THẾ TÔN, ỨNG CÚNG, CHÁNH BIẾN TRI

QUYỂN THỨ NHẤT

PHẦN ĐẦU ĐỀ YẾU LƯỢC *(NĀTIKĀNIKKHEPA VĀRO)*

1.

24 duyên:

1) Nhân duyên *(Hetupaccayo)*,
2) Cảnh duyên *(Ārammaṇapaccayo)*,
3) Trưởng duyên *(Adhipatipaccayo)*,
4) Vô gián duyên *(Anantarapaccayo)*,
5) Liên tiếp[1] duyên *(Samanantarapaccayo)*,
6) Đồng sanh[2] duyên *(Sahajātapaccayo)*,
7) Hỗ tương duyên *(Aññamaññapaccayo)*,
8) Y chỉ duyên *(Nissayapaccayo)*,
9) Cận y duyên *(Upanissayapaccayo)*,
10) Tiền sanh duyên *(Purejātapaccayo)*,
11) Hậu sanh duyên *(Pacchājātapaccayo)*,
12) Cố hưởng[3] duyên *(Āsevanapaccayo)*,
13) Nghiệp[4] duyên *(Kammapaccayo)*,
14) Quả[5] duyên *(Vipākapaccayo)*,
15) Thực duyên *(Āhārapaccayo)*,
16) Quyền duyên *(Indrīyapaccayo)*,
17) Thiền[6] duyên *(Jhānapaccayo)*,
18) Đạo[7] duyên *(Maggapaccayo)*,
19) Tương ưng duyên *(Sampayuttapaccayo)*,
20) Bất tương ưng duyên *(Vippayuttapaccayo)*,
21) Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)*,
22) Vô hữu duyên *(Natthipaccayo)*,
23) Ly[8] duyên *(Vigatapaccayo)*,
24) Bất ly duyên *(Avigatapaccayo)*.

Có một số từ mà sau này HT. Tịnh Sự thay đổi. Khi xuất bản, vì đây là nguyên bản cảo nên chúng tôi không chỉnh sửa mà chỉ chú thích cho quý độc giả biết.

[1] Liên tiếp = Đẳng vô gián
[2] Đồng sanh = Câu sanh.
[3] Cố hưởng = Trùng dụng.
[4] Nghiệp = Dị thời nghiệp.
[5] Quả = Dị thục quả.
[6] Thiền = Thiền na.
[7] Đạo = Đồ Đạo.
[8] Ly = Ly khứ.

PHẦN GIẢI THÍCH DUYÊN *(PACCAYA VIBHAṄGA VĀRA)*

2.

Nhân duyên là nhân *(hetu)* làm duyên cho pháp tương ưng nhân và làm sở y sinh *(samuṭṭhāna)* trợ sắc bằng Nhân duyên.

3.

Cảnh duyên là:

- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức giới và những pháp tương ưng với nhãn thức giới bằng Cảnh duyên.
- Thinh xứ làm duyên cho nhĩ thức giới và pháp tương ưng với nhĩ thức giới bằng Cảnh duyên.
- Khí xứ làm duyên cho tỷ thức giới và pháp tương ưng với tỷ thức giới bằng Cảnh duyên.
- Vị xứ làm duyên cho thiệt thức giới và pháp tương ưng với thiệt thức giới bằng Cảnh duyên.
- Xúc xứ làm duyên cho thân thức giới và pháp tương ưng với thân thức giới bằng Cảnh duyên.
- Sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ làm duyên cho ý giới và pháp tương ưng với ý giới bằng Cảnh duyên.
- Tất cả pháp làm duyên cho ý thức giới và pháp tương ưng với ý thức giới bằng Cảnh duyên.
- Pháp tức là tâm và sở hữu làm cho pháp khác sanh ra thì pháp mở mối ấy làm duyên cho những pháp đó bằng Cảnh duyên.

4.

Trưởng duyên như là

- Dục trưởng *(chandādhipati)* làm duyên cho pháp tương ưng dục và làm sở y sinh *(samuṭṭhāna)* cho sắc bằng Trưởng duyên.
- Cần trưởng *(viriyādhipati)* làm duyên cho pháp tương ưng với cần và làm sở y sinh cho sắc bằng Trưởng duyên.
- Tâm trưởng *(cittādhipati)* làm duyên cho pháp tương ưng với tâm và làm sở y sinh cho sắc bằng Trưởng duyên.
- Thẩm trưởng *(vimaṅsādhipati)* trợ cho pháp tương ưng với thẩm *(vimaṅsa)* và làm sở y sinh cho sắc bằng Trưởng duyên.
- Những pháp chi làm cho tâm và sở hữu nào sanh ra nặng về phần bắt cảnh, những pháp đó trợ cho các pháp ấy bằng Trưởng duyên.

5.

Vô gián duyên như là:

- Nhãn thức giới và các pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Ý giới và cả pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Nhĩ thức giới và cả pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Ý giới và pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.

- Tỷ thức giới và pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Ý giới và pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Thiệt thức giới và pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Ý giới và pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Thân thức giới và pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Ý giới và pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Pháp thiện sanh trước trước đối với pháp thiện sanh sau sau trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Pháp thiện sanh trước trước đối với pháp vô ký sanh sau sau trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Pháp bất thiện sanh trước trước đối với pháp bất thiện sanh sau sau trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Pháp bất thiện sanh trước trước đối với pháp vô ký sanh sau sau trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Pháp vô ký sanh trước trước đối với pháp vô ký sanh sau sau trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Pháp vô ký sanh trước trước đối với pháp thiện sanh sau sau trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Pháp vô ký sanh trước trước đối với pháp bất thiện sanh sau sau trợ bằng cách Vô gián duyên.
- Pháp tức là tâm và sở hữu phát sanh thứ lớp nơi lối nào thì trợ cho các pháp ấy bằng Vô gián duyên.

6.

Liên tiếp duyên như là

- Nhãn thức giới và pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Ý giới và pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Nhĩ thức giới và pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Ý giới và pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Tỷ thức giới và pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Ý giới và pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Thiệt thức giới và pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Ý giới và pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.

- Thân thức giới và pháp tương ưng đối với ý giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Ý giới và pháp tương ưng đối với ý thức giới và pháp tương ưng trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Pháp thiện sanh trước trước đối với pháp thiện sanh sau sau trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Pháp thiện sanh trước trước đối với pháp vô ký sanh sau sau trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Pháp bất thiện sanh trước trước đối với pháp bất thiện sanh sau sau trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Pháp bất thiện sanh trước trước đối với pháp vô ký sanh sau sau trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Pháp vô ký sanh trước trước đối với pháp vô ký sanh sau sau trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Pháp vô ký sanh trước trước đối với pháp thiện sanh sau sau trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Pháp vô ký sanh trước trước đối với pháp bất thiện sanh sau sau trợ bằng cách Liên tiếp duyên.
- Pháp tức là tâm và sở hữu phát sanh thứ lớp nơi lối nào thì trợ pháp ấy bằng Liên tiếp duyên.

7.

Đồng sanh duyên như là
- Bốn pháp vô sắc *(nāmadhamma)* hỗ tương bằng Đồng sanh duyên.
- Bốn sắc tứ đại sung hỗ tương bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh[9], danh sắc hỗ tương bằng Đồng sanh duyên.
- Chư pháp tâm và sở hữu đối với sắc sở y sinh tâm bằng Đồng sanh duyên.
- Sắc tứ đại sung đối với sắc y sinh bằng cách Đồng sanh duyên.
- Chư pháp sắc đối với chư pháp phi sắc cũng có khi bằng Đồng sanh duyên, cũng có khi bằng phi Đồng sanh duyên.

8.

Hỗ tương duyên như là
- Tứ uẩn phi sắc đối nhau bằng Hỗ tương duyên.
- Sắc tứ đại sung đối bằng Hỗ tương duyên.
- Sát-na tục sinh, danh sắc đối bằng Hỗ tương duyên.

9.

Y chỉ duyên như là
- Tứ uẩn phi sắc hỗ tương bằng Y chỉ duyên.
- Tứ đại sung hỗ tương bằng Y chỉ duyên.
- Sát-na tục sinh danh sắc hỗ tương bằng Y chỉ duyên.
- Tâm và pháp sở hữu tâm đối với sắc sở y tâm bằng Y chỉ duyên.
- Tứ đại sung đối với sắc y sinh bằng Y chỉ duyên.
- Nhãn xứ đối với nhãn thức giới và pháp tương ưng bằng Y chỉ duyên.
- Nhĩ xứ đối với nhĩ thức giới và pháp tương ưng bằng Y chỉ duyên.
- Tỷ xứ đối với tỷ thức giới và pháp tương ưng bằng Y chỉ duyên.
- Thiệt xứ đối với thiệt thức giới và pháp tương ưng bằng Y chỉ duyên.

[9] Tục sinh = tái tục

- Thân xứ đối với thân thức giới và pháp tương ưng bằng Y chỉ duyên.
- Ý giới và ý thức giới hành vi nương sắc nào thì ý giới, ý thức giới và pháp tương ưng đối với sắc ấy bằng Y chỉ duyên.

10.

Cận y duyên như là:

- Chư pháp thiện sanh trước trước đối với pháp thiện sanh sau sau bằng cách Cận y duyên.
- Chư pháp thiện sanh trước trước có thứ đối với pháp bất thiện sanh sau sau cũng có bằng cách Cận y duyên.
- Chư pháp thiện sanh trước trước đối với chư pháp vô ký sanh sau sau bằng cách Cận y duyên.
- Chư pháp bất thiện sanh trước trước đối với chư pháp bất thiện sanh sau sau bằng cách Cận y duyên.
- Chư pháp bất thiện sanh trước trước đối với chư pháp thiện sanh sau sau cũng có khi bằng Cận y duyên.
- Chư pháp bất thiện sanh trước trước đối với chư pháp vô ký sanh sau sau bằng Cận y duyên.
- Chư pháp vô ký sanh trước trước đối với chư pháp vô ký sanh sau sau bằng Cận y duyên.
- Chư pháp vô ký sanh trước trước đối với chư pháp bất thiện sanh sau sau bằng Cận y duyên.

Dù cho người đối nhau bằng Cận y duyên, cho đến nơi ở cũng là Cận y duyên.

11.

Tiền sanh duyên như là:

- Nhãn xứ sanh trước trợ nhãn thức giới và pháp tương ưng.
- Nhĩ xứ sanh trước trợ cho nhĩ thức giới và pháp tương ưng.
- Tỷ xứ sanh trước trợ cho tỷ thức giới và pháp tương ưng.
- Thiệt xứ sanh trước trợ cho thiệt thức giới và pháp tương ưng.
- Thân xứ sanh trước trợ cho thân thức giới và pháp tương ưng.
- Sắc xứ sanh trước trợ cho nhãn thức giới và pháp tương ưng.
- Thinh xứ sanh trước trợ cho nhĩ thức giới và pháp tương ưng.
- Khí xứ sanh trước trợ cho tỷ thức giới và pháp tương ưng.
- Vị xứ sanh trước trợ cho thiệt thức giới và pháp tương ưng.
- Xúc xứ sanh trước trợ cho thân thức giới và pháp tương ưng.
- Sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ sanh trước trợ cho ý giới và pháp tương ưng.

Sắc nào nương ý giới và ý thức giới đặng hiện hành thì sắc ấy sanh trước trợ cho ý giới và pháp tương ưng có khi sanh trước trợ cho ý thức giới và pháp tương ưng cũng có khi không đặng làm Tiền sanh duyên.

12.

Hậu sanh duyên như là những tâm và sở hữu sanh trợ bằng cách Hậu sanh duyên cho thân ấy mới đặng sanh trước.

13.

Cố hưởng duyên như là

- Những pháp thiện sanh trước trước trợ cho pháp thiện sanh sau sau bằng cách hưởng hoài hoài *(āsevana).*

- Những pháp bất thiện sanh trước trước trợ cho pháp bất thiện sanh sau sau bằng cách hưởng cảnh hoài hoài.
- Những pháp vô ký sanh trước trước trợ cho pháp vô ký sanh sau sau bằng cách hưởng cảnh hoài hoài.

14.

Nghiệp duyên như là
- Nghiệp thiện và bất thiện trợ cho uẩn quả *(vipākakhandha)* và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên,
- Pháp tư *(cetanā)* tương ưng trợ cho sắc trong nền tảng ấy bằng Nghiệp duyên.

15.

Quả duyên như là tư uẩn quả phi sắc trợ hỗ tương bằng cách Quả duyên.

16.

Thực duyên như là
- Đoàn thực giúp cho thân ấy bằng cách Thực duyên.
- Thực phi sắc trợ cho pháp tương ưng và sắc đồng chung cơ sở ấy bằng Thực duyên.

17.

Quyền duyên như là
- Nhãn quyền trợ cho nhãn thức giới và pháp tương ưng bằng cách cai quản.
- Nhĩ quyền trợ cho nhĩ thức giới và pháp tương ưng đó bằng cách cai quản *(indrīya)*.
- Tỷ quyền trợ cho tỷ thức giới và pháp tương ưng đó bằng cách cai quản *(indrīya)*.
- Thiệt quyền trợ cho thiệt thức giới và pháp tương ưng bằng cách cai quản.
- Thân quyền trợ cho thân thức giới và pháp tương ưng bằng cách cai quản.
- Sắc quyền trợ cho sắc tục sinh bằng cách cai quản.
- Phi sắc quyền trợ cho pháp tương ưng và sắc đồng cơ sở bằng cách cai quản.

18.

Thiền duyên như là chi thiền trợ cho pháp tương ưng thiền và sắc đồng cơ sở bằng cách Thiền duyên.

19.

Đạo duyên như là đạo trợ cho pháp tương ưng đạo và sắc đồng cơ sở ấy bằng Đạo duyên.

20.

Tương ưng duyên như là 4 uẩn phi sắc trợ nhau bằng cách Tương ưng duyên.

21.

Bất tương ưng duyên như là sắc pháp trợ pháp phi sắc bằng cách không hòa trộn, hay pháp phi sắc trợ cho sắc pháp bằng cách không hòa trộn.

22.

Hiện hữu duyên như là
- Bốn uẩn phi sắc trợ nhau bằng cách đang còn, hay tứ đại sung trợ nhau bằng cách hiện hữu.
- Trong sát-na tục sinh, danh và sắc trợ nhau bằng cách hiện hữu *(atthi)*.
- Đại sung *(mahābhūta)* trợ cho sắc thủ *(upādārūpa)* bằng cách hiện hữu.
- Nhãn xứ trợ cho nhãn thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.
- Nhĩ xứ trợ cho nhĩ thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.
- Tỷ xứ trợ cho tỷ thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.
- Thiệt xứ trợ cho thiệt thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.
- Thân xứ trợ cho thân thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.

- Sắc xứ trợ cho nhãn thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.
- Thinh xứ trợ cho nhĩ thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.
- Khí xứ trợ cho tỷ thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.
- Vị xứ trợ cho thiệt thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.
- Xúc xứ trợ cho thân thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.
- Sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ trợ cho ý thức giới và pháp tương ưng ấy bằng cách hiện hữu.

Sắc nào nương đổ ý giới và ý thức giới đặng hiện hành thì sắc ấy trợ cho ý giới, ý thức giới và pháp tương ưng bằng cách hiện hữu.

23.

Vô hữu duyên như là những cách diệt kế cận của tâm và sở hữu trợ bằng cách không có, cho pháp tâm và sở hữu sanh kế tiếp.

24.

Ly duyên như là những cách tâm và sở hữu vừa đã lìa mất, giúp cho những pháp tâm và sở hữu tiếp sanh bằng cách lìa mất.

25.

Bất ly duyên như là

- Tứ uẩn phi sắc trợ nhau bằng cách chẳng lìa nhau.
- Tứ đại sung trợ nhau bằng cách chẳng lìa nhau.
- Trong sát-na tục sinh, danh sắc trợ nhau bằng cách chẳng lìa nhau.
- Những pháp tâm và sở hữu trợ sắc nương tâm sanh bằng cách chẳng lìa nhau.
- Đại sung *(mahābhūta)* trợ sắc y sinh *(upādāyarūpa)* bằng cách chẳng lìa nhau.
- Nhãn xứ trợ cho nhãn thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Nhĩ xứ trợ cho nhĩ thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Tỷ xứ trợ cho tỷ thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Thiệt xứ trợ cho thiệt thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Thân xứ trợ cho thân thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Sắc xứ trợ cho nhãn thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Thinh xứ trợ cho nhĩ thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Khí xứ trợ cho tỷ thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Vị xứ trợ cho thiệt thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Xúc xứ trợ cho thân thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.
- Sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ trợ cho ý giới và pháp tương ưng ấy bằng cách chẳng lìa nhau.

Sắc nào nương ý giới và ý thức giới hiện hành thì sắc ấy trợ cho ý giới, ý thức giới và pháp tương ưng bằng cách chẳng lìa nhau.

Dứt phần giải thích duyên

VỊ TRÍ - TAM ĐỀ *(ANULOMATIKAPAṬṬHANA)*

TAM ĐỀ THIỆN *(KUSALATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

26.

* Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp bất thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện và vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện và bất thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện, bất thiện và vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.

27.

* Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện và pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện, bất thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.

28.

* Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp bất thiện liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện và vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện và bất thiện liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện, bất thiện và vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.

29.

* Pháp thiện liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp bất thiện liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện và vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện và bất thiện liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện, bất thiện và vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.

30.

* Pháp thiện liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
* Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.

- Pháp thiện và bất thiện liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
- Pháp thiện, bất thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.

31.

- Pháp thiện liên quan pháp thiện và bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
- Pháp bất thiện liên quan pháp thiện và bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
- Pháp vô ký liên quan pháp thiện và bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
- Pháp thiện và vô ký liên quan pháp thiện và bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
- Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp thiện và bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
- Pháp thiện và bất thiện liên quan pháp thiện và bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.
- Pháp thiện, bất thiện và vô ký liên quan pháp thiện và bất thiện sanh ra do Nhân duyên cũng có.

32.

- Pháp thiện liên quan pháp thiện, bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
- Pháp bất thiện liên quan pháp thiện, bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
- Pháp vô ký liên quan pháp thiện, bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
- Pháp thiện và vô ký liên quan pháp thiện, bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
- Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp thiện, bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
- Pháp thiện và bất thiện liên quan pháp thiện, bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.
- Pháp thiện, bất thiện và vô ký liên quan pháp thiện, bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên cũng có.

33.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Cảnh duyên cũng có.

Nhân duyên, Ngài phân rộng như thế nào thì Cảnh duyên cũng nên phân rộng như thế ấy theo lối dạy.

34.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Trưởng duyên... do Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên, Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên, Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên cũng có.

35.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Bất ly duyên cũng có.

Liên quan pháp bất thiện, pháp vô ký, pháp thiện và vô ký, pháp bất thiện và vô ký, pháp thiện và bất thiện, pháp thiện, bất thiện và vô ký; pháp thiện sanh ra, pháp bất thiện sanh ra, pháp vô ký sanh ra, pháp thiện và vô ký sanh ra, pháp bất thiện và vô ký sanh ra, pháp thiện và bất thiện sanh ra, pháp thiện, bất thiện và vô ký sanh ra do Bất ly duyên cũng có.

Nhân duyên, Ngài phân rộng thế nào thì Bất ly duyên cũng nên phân rộng như thế ấy theo lối dạy.

Dứt phần nhất căn

36.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên, Cảnh duyên cũng có... pháp thiện, bất thiện và vô ký liên quan pháp thiện, bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên, Cảnh duyên cũng có.

37.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên, Trưởng duyên cũng có... Nhân duyên, Vô gián duyên, Nhân duyên, Liên tiếp duyên... Nhân duyên, Bất ly duyên cũng có.

Dứt phần nhị căn

38.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên cũng có ...

- Do Nhân duyên, Cảnh duyên, Vô gián duyên ...
- Do Nhân duyên, Cảnh duyên, Bất ly duyên cũng có.

Dứt phần tam căn

39.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên cũng có...

Do Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, Bất ly duyên cũng có.

Dứt phần tứ căn

40.

Phần ngũ căn *(pañcamūla)*... đây chỉ tóm tắt xin trí thức phân rộng ra theo như bài nhứt căn, nhị căn, tam căn, tứ căn luôn ngũ căn cho đến hết tất cả căn.

Dứt phần nhân căn

41.

∗ Pháp thiện liên quan đến pháp thiện sanh ra do Cảnh duyên, Nhân duyên cũng có.

Do Cảnh duyên, Trưởng duyên..., do Cảnh duyên, Bất ly duyên cũng có.

∗ Pháp thiện liên quan đến pháp thiện sanh ra do Trưởng duyên, Bất đoạn duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên cũng có.

Do Bất ly duyên, Nhân duyên; Bất ly duyên, Cảnh duyên; Bất ly duyên, Trưởng duyên; Bất ly duyên, Ly duyên cũng có.

42.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Bất ly duyên, Nhân duyên, Cảnh duyên cũng có.

- Do Bất ly duyên, Nhân duyên, Trưởng duyên.
- Do Bất ly duyên, Nhân duyên, Vô gián duyên.
- Do Bất ly duyên, Nhân duyên, Ly duyên cũng có.

43.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Bất ly duyên, Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên cũng có.

- Do Bất ly duyên, Nhân duyên, Cảnh duyên, Vô gián duyên cũng có.
- Do Ly duyên.

44.

Phần nhứt căn, nhị căn, tam căn, tứ căn, ngũ căn luôn tất cả căn duyên trong mỗi bài xin trí thức nên phân rộng ra.

Trong thuận tùng có phần sâu sắc 6 cách là: Vị trí tam đề đặc biệt, vị trí nhị đề phong phú, vị trí tam đề nhị đề, vị trí tam đề tam đề, vị trí nhị đề nhị đề.

45.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Nhân duyên cũng có.

Nhân duyên phân rộng theo thuận tùng thế nào xin nhân rộng phi Nhân duyên *(na Hetupaccayo)* như thế ấy.

46.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Cảnh duyên cũng có.

Do phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Hiện hữu duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên, phi Bất ly duyên.

47.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên cũng có.

Trong thuận tùng nhứt căn, nhị căn, tam căn, tứ căn cho đến 23 căn duyên mỗi bài Ngài đã phân rộng như thế nào thì phần đối lập nên phân rộng như thế ấy.

Trong phần đối lập có 6 cách sâu sắc như là vị trí tam đề đặc biệt, vị trí nhị đề phong phú, vị trí nhị đề tam đề, vị trí tam đề nhị đề, vị trí tam đề tam đề, vị trí nhị đề nhị đề.

48.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên, phi Cảnh duyên cũng có.

∗ Pháp bất thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên, phi Cảnh duyên cũng có.

Nhân duyên trong thuận tùng Ngài đã sắp rộng như thế nào thì trong phần thuận tùng, đối lập cũng nên phân rộng như thế ấy.

49.

Pháp thiện liên quan đến pháp thiện sanh ra do Nhân duyên, phi Trưởng duyên cũng có.

Do Nhân duyên, phi Vô gián duyên... do Nhân duyên, phi Bất ly duyên cũng có.

50.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên, Cảnh duyên, phi Trưởng duyên cũng có.

- Do Nhân duyên, Cảnh duyên, phi Vô gián duyên ...
- Do Nhân duyên, Cảnh duyên, phi Bất ly duyên.
- Do Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, phi Vô gián duyên.
- Do Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, phi Bất ly duyên.
- Do Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên.
- Do Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên, phi Bất ly duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên, Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên, Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, phi Bất ly duyên cũng có.

51.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên... Bất ly duyên, phi Nhân duyên cũng có.

- Do Bất ly duyên, phi Cảnh duyên... Bất ly duyên, phi Ly duyên.

- Do Bất ly duyên, Nhân duyên, phi Cảnh duyên.
- Do Bất ly duyên, Nhân duyên, phi Ly duyên.
- Do Bất ly duyên, Nhân duyên, Cảnh duyên, phi Trưởng duyên.
- Do Bất ly duyên, Nhân duyên, Cảnh duyên, phi Ly duyên.
- Do Bất ly duyên, Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên... phi Ly duyên cũng có.

Trong thuận tùng, đối lập có 6 cách sâu sắc như là: tam đề vị trí đặc biệt, nhị đề vị trí phong phú, nhị đề tam đề vị trí, tam đề nhị đề vị trí, tam đề tam đề vị trí, nhị đề nhị đề vị trí.

52.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Nhân duyên, Cảnh duyên cũng có.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Nhân duyên,... Trưởng duyên, phi Nhân duyên, Bất ly duyên cũng có.

53.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, Trưởng duyên cũng có.

- Do phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, Bất ly duyên.
- Do phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên... phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên... phi Hiện hữu duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên... Bất ly duyên.

54.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Cảnh duyên, Nhân duyên cũng có.

55.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Cảnh duyên, Trưởng duyên cũng có.

- Do phi Cảnh duyên, Bất ly duyên... phi Bất ly duyên, Nhân duyên.
- Do phi Bất ly duyên, Cảnh duyên... phi Bất ly duyên, Ly duyên.
- Do phi Bất ly duyên, phi Nhân duyên, Cảnh duyên.
- Do phi Bất ly duyên, phi Nhân duyên, Ly duyên.
- Do phi Bất ly duyên, phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên... phi Hiện hữu duyên, phi Vô hữu duyên, Ly duyên cũng có.

Trong đối lập thuận tùng có 6 cách sâu sắc như là tam đề vị trí đặc biệt, nhị đề vị trí phong phú, nhị đề tam đề vị trí, tam đề nhị đề vị trí, tam đề tam đề vị trí và nhị đề nhị đề vị trí.

Dứt phần định danh

56.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm liên quan uẩn thiện.

∗ Pháp thiện và vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm liên quan uẩn bất thiện.

- Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.
- Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô ký quả và vô ký tố, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.

  Trong sát-na tục sinh, 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô ký quả,1 uẩn và sắc tục sinh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn. Vật *(hadayavatthu)* liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 3 sắc đại sung *(mahābhūtarūpa)* liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc tâm, sắc tục sinh và sắc y sinh nương sắc đại sung.
- Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm liên quan uẩn thiện và sắc đại sung.
- Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm liên quan uẩn bất thiện và sắc đại sung.

57.

- Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn. Trong khi tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn, uẩn liên quan vật *(hadayavatthu)*.

58.

- Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Trưởng duyên: Sắc tâm liên quan uẩn thiện.
- Pháp thiện và vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.
- Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Trưởng duyên: Sắc tâm nương uẩn bất thiện.
- Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.
- Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn; 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc tâm và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.
- Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Trưởng duyên: Sắc tâm liên quan uẩn thiện và đại sung.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Trưởng duyên: Sắc tâm liên quan uẩn bất thiện và đại sung.

59.

Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Vô gián duyên, Liên tiếp duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện...

Vô gián duyên, Liên tiếp duyên cũng như Cảnh duyên.

60.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Đồng sanh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Đồng sanh duyên: Sắc tâm liên quan uẩn thiện.

∗ Pháp thiện và vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Đồng sanh duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Đồng sanh duyên: 3 uẩn bất thiện liên quan 1 uẩn, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Đồng sanh duyên: Sắc tâm nương uẩn bất thiện.

∗ Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Đồng sanh duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Đồng sanh duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô ký quả và vô ký tố, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh *(katattarūpā)* liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn. Vật *(hadayavatthu)* liên quan uẩn, uẩn liên quan vật. 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung. Sắc tâm, sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung ngoại, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung. Sắc y sinh *(upādārūpa)* liên quan sắc đại sung, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung vật thực sanh, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung. Sắc y sinh liên quan sắc đại sung, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung âm dương[10] tạo, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung. Sắc y sinh liên quan sắc đại sung, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung của Vô tưởng, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung. Sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung

∗ Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Đồng sanh duyên: Sắc tâm sanh liên quan uẩn thiện và sắc đại sung.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Đồng sanh duyên: Sắc tâm sanh liên quan uẩn bất thiện và sắc đại sung.

61.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

[10] Sắc âm dương = sắc quí tiết.

∗ Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô ký quả và vô ký tố, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và vật liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và vật liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và vật liên quan 2 uẩn. Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật. 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung. Sắc ngoại *(bahiraruupa)*, sắc vật thực, sắc âm dương sanh. 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung Vô tưởng, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung.

62.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Y chỉ duyên: liên quan 1 uẩn thiện

Y chỉ duyên cũng như Đồng sanh duyên *(Sahajātapaccayo)*.

63.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Cận y duyên: liên quan 1 uẩn thiện...

Cận y duyên *(Upanissayapaccayo)* cũng như Cảnh duyên.

64.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn do Vật tiền sanh duyên.

∗ Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn do Vật tiền sanh duyên.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô ký quả vô ký tố, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn do Vật tiền sanh duyên.

65.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô ký tố, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

66.

∗ Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nghiệp duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện... 3 uẩn liên quan pháp bất thiện.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Nghiệp duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô ký quả vô ký tố... trong sát-na tục sinh, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, sắc tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh nương sắc đại sung. 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung của Vô tưởng; sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Nghiệp duyên: Sắc tâm sanh liên quan uẩn thiện và sắc đại sung.

∗ Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nghiệp duyên: Sắc tâm sanh liên quan uẩn bất thiện và sắc đại sung.

67.

Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Quả duyên: 3 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh, 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn. Vật

(hadayavatthu) liên quan uẩn, uẩn liên quan vật. 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung. Sắc tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

68.

* Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Thực duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện... có 3.
* Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Thực duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện... có 3.
* Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Thực duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô ký quả vô ký tố. Trong sát-na tục sinh, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, sắc tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung. 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung vật thực sanh; sắc y sinh liên quan sắc đại sung.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra ...
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Thực duyên: Sắc tâm sanh liên quan uẩn bất thiện và sắc đại sung.

69.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Quyền duyên:

- Liên quan 1 uẩn thiện sanh ra... có 3
- Liên quan pháp bất thiện sanh ra:... có 3
- Liên quan pháp vô ký sanh:... 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung Vô tưởng.

Quyền duyên *(Indrīyapaccayo)* cũng như Nghiệp duyên

70.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Thiền duyên... Đạo duyên.

Thiền duyên *(Jhānapaccayo)*, Đạo duyên *(Maggapaccayo)* cũng như Nhân duyên.

71.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Tương ưng duyên: liên quan 1 uẩn thiện.

Tương ưng duyên *(Sampayuttapaccayo)* cũng như Cảnh duyên.

72.

* Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn, uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: Sắc tâm liên quan uẩn thiện do Bất tương ưng duyên.
* Pháp thiện và vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 2 uẩn, uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên, sắc tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.
* Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn, uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: Sắc tâm sanh liên quan uẩn bất thiện, sắc tâm liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.
* Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 3 uẩn, 2

uẩn và sắc tâm sanh liên quan 2 uẩn, uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên, sắc tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.

* Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 1 uẩn vô ký quả và vô ký tố, 1 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 3 uẩn vô ký quả và vô ký tố, 2 uẩn và sắc tâm sanh liên quan 2 uẩn, uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên, sắc tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên. trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn, uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên, sắc tục sinh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung, sắc tâm sanh, sắc tục sinh, sắc thủ liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện và sắc đại sung, sắc nương tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn bất thiện và sắc tứ đại sung, sắc nương tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên..

73.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Hiện hữu duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện...

Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)* cũng như Đồng sanh duyên.

74.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Vô hữu duyên... Ly duyên:

Vô hữu duyên và Ly duyên cũng như Cảnh duyên.

75.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Bất ly duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện.

Bất ly duyên cũng như Đồng sanh duyên *(Sahajātapaccayo)*.

Cả 23 duyên này, người dạy nên phân rộng ra (ime tevīsati paccayā saijhāyantena vitthāretabbā).

76.

Nhân duyên 9 (câu lọc), Cảnh duyên 3, Trưởng duyên 9, Vô gián duyên 3, Liên tiếp duyên 3, Đồng sanh duyên 9, Hỗ tương duyên 3, Y chỉ duyên 9, Cận y duyên 3, Tiền sanh duyên 3, Cố hưởng duyên 3, Nghiệp duyên 9, Quả duyên 1, Thực duyên 9, Quyền duyên 9, Thiền duyên 9, Đạo duyên 9, Tương ưng duyên 3, Bất tương ưng duyên 9, Hiện hữu duyên 9, Vô hữu duyên 3, Ly duyên 3, Bất ly duyên 9.

77.

Trong Nhân duyên có Cảnh 3,... Trưởng 9,... Vô gián 3,... Liên tiếp 3,... Đồng sanh 9,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 9,... Cận y 3,... Tiền sanh 3,... Cố hưởng 3,... Nghiệp 9,... Quả 1,... Thực 9,... Quyền 9,... Thiền 9,... Đạo 9,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 9,... Hiện hữu 9,... Vô hữu 3,... Ly 3,... Bất ly 9.

78.

Nhân duyên chung Cảnh duyên có Trưởng 3 (câu),... Vô gián 3,... Liên tiếp 3,... Đồng sanh 3,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 3,... Cận y 3,... Tiền sanh 3,... Cố hưởng 3,... Nghiệp 3,... Quả 1,... Thực 3,... Quyền 3,... Thiền 3,... Đạo 3,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 3,... Vô hữu 3,... Ly 3,... Bất ly 3.

79.

Nhân duyên chung Cảnh duyên, Trưởng duyên... có Nghiệp 3,... Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên có Nghiệp 3,... có Thực 3,... có Quyền 3,... có Thiền 3,... có Đạo 3, có Tương ưng 3,... có Bất tương ưng 3,... có Hiện hữu 3,... có Vô hữu 3, có Ly 3,... có Bất ly 3.

80.

Trong Nhân duyên, Cảnh duyên... Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên, Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên có Bất ly 3.

81.

Trong Nhân duyên, Cảnh duyên... Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên có Thực 1,... có Quyền 1,... có Thiền 1,... có Đạo 1,... có Tương ưng 1,... có Bất tương ưng 1,... có Hiện hữu 1,... có Vô hữu 1,... có Ly 1, có Bất ly 1.

82.

Trong Nhân duyên, Cảnh duyên ... Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên, Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên có Bất ly 1.

Dứt phần đếm nhân căn (hetumūlakagaṇanā)

Trong Cảnh duyên đều có 3 vấn đề

83.

- Trong Cảnh duyên có Nhân 3,... có Trưởng 3,... có Bất ly 3.
- Trong Trưởng duyên có Nhân 9,... có Cảnh 3,... có Bất ly 9.
- Trong Vô gián duyên, Liên tiếp duyên có Nhân 3,... có Bất ly 3.
- Trong Đồng sanh duyên có Nhân 9,...
- Trong Hỗ tương duyên có 3,
- Trong Y chỉ duyên có Nhân 9.
- Trong Cận y duyên có Nhân 3.
- Trong Tiền sanh duyên có Nhân 3.

84.

- Trong Cố hưởng duyên có Nhân 3,... có Cảnh 3,... có Trưởng 3,... có Vô gián 3,... có Liên tiếp 3,... có Đồng sanh 3,... có Hỗ tương 3,... có Y chỉ 3,... có Cận y 3,... có Tiền sanh 3,... có Nghiệp 3,... có Thực 3,... có Quyền 3,... có Thiền 3,... có Đạo 3,... có Tương ưng 3,... có Bất tương ưng 3,... có Hiện hữu 3,... có Vô hữu 3,... có Ly 3,... có Bất ly 3.
- Trong Cố hưởng căn không có Quả.
- Trong Nghiệp duyên có Nhân 9.

85.

Trong Quả duyên có Nhân 1,... có Cảnh 1,... có Trưởng 1,... có Vô gián 1,... có Liên tiếp 1,... có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1,... có Y chỉ 1,... có Cận y 1,... có Tiền sanh 1,... có Nghiệp 1,... có Thực 1,... có Quyền 1,... có Thiền 1,... có Đạo 1,... có Tương ưng 1,... có Bất tương ưng 1,... có Hiện hữu 1,... có Vô hữu 1,... có Ly 1,... có Bất ly 1, trong Quả căn không có Cố hưởng.

Thực duyên có Nhân 9, Quyền duyên có Nhân 9, Thiền duyên có Nhân 9, Đạo duyên có Nhân 9, Tương ưng duyên có Nhân 3, Bất tương ưng có Nhân 9, Hiện hữu duyên có Nhân 9, Vô hữu duyên có Nhân 3, Ly duyên có Nhân 3.

86.

Trong Bất ly duyên có Nhân 9,... Cảnh 3,... có Trưởng 9,... có Hiện hữu 3,... có Bất ly 3.

Nên sắp mỗi duyên thành căn cho rộng theo lối dạy.

Dứt cách thuận tùng

87.

- Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật[11] liên quan các uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.
- Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô ký quả vô ký tố vô Nhân, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh vô nhân, 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn; vật *(hadayavatthu)* liên quan uẩn; uẩn liên quan vật; 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh, sắc thủ liên quan sắc đại sung; sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... 1 sắc đại sung Vô tưởng liên quan 3 sắc đại sung, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc tục sinh, sắc thủ liên quan sắc đại sung.

88.

- Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan các uẩn thiện
- Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan các uẩn bất thiện
- Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô ký quả vô ký tố. Trong sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn vô ký quả; vật (sắc nương tâm sanh) liên quan uẩn; 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh, sắc thủ liên quan sắc đại sung; sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... 3 sắc đại sung Vô tưởng liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc tục sinh và sắc thủ liên quan sắc đại sung.
- Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện và sắc đại sung.
- Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn bất thiện và sắc đại sung.

89.

- Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Trưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do phi Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện.

[11] Phóng dật = điệu cử.

* Pháp thiện và vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do phi Trưởng duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
* Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Trưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn bất thiện.
* Pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Trưởng duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
* Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Trưởng duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn; vật (sắc nương trái tim) liên quan uẩn; uẩn liên quan vật; 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh, sắc thủ liên quan sắc đại sung; 3 sắc đại sung Vô tưởng liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc tục sinh, sắc thủ liên quan sắc đại sung.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do phi Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn thiện và sắc đại sung.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do phi Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn bất thiện và sắc đại sung.

90.

Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện.

Phi Vô gián duyên và phi Liên tiếp duyên cũng như bài phi Cảnh duyên.

91.

* Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do phi Hỗ tương duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Hỗ tương duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn bất thiện.
* Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Hỗ tương duyên: Sắc tâm sanh liên quan uẩn vô ký quả, vô ký tố. Trong sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn vô ký quả; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc thủ liên quan sắc đại sung; sắc thủ liên quan sắc đại sung ngoại; sắc thủ liên quan sắc đại sung vật thực, sắc thủ liên quan sắc đại sung âm dương. Sắc tục sinh, sắc thủ liên quan sắc đại sung Vô tưởng.
* Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do phi Hỗ tương duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện và sắc đại sung.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do phi Hỗ tương duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn bất thiện và sắc đại sung.

92.

Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do phi Cận y duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện.

Phi Cận y duyên cũng như phi Cảnh duyên.

93.

- Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Tiền sanh duyên: cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do phi Tiền sanh duyên: sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện.
- Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Tiền sanh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện nơi Vô sắc, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Tiền sanh duyên: sắc tâm sanh liên quan uẩn bất thiện.
- Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  - Ba uẩn liên quan 1 uẩn vô ký quả vô ký tố nơi Vô sắc, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn; sắc tâm sanh liên quan uẩn vô ký quả, vô ký tố. Trong sát-na tục sinh, 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn; vật liên quan uẩn; uẩn liên quan vật; 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc thủ liên quan sắc đại sung; sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương.
  - Ba sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung Vô tưởng, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc tục sinh và sắc thủ liên quan sắc đại sung.
- Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện và sắc đại sung.
- Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn bất thiện và sắc đại sung.

94.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Hậu sanh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện ...

95.

Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Cố hưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện ...

Phi Tiền sanh duyên, phi Cố hưởng duyên cũng như phi Trưởng duyên.

96.

- Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư thiện *(kusalacetanā)* liên quan uẩn thiện.
- Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư bất thiện *(akusalacetanā)* liên quan uẩn bất thiện.
- Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* vô ký liên quan uẩn vô ký tố; 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung; sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương; 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung liên quan 2 sắc đại sung; sắc thủ liên quan sắc đại sung.

97.

- Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Quả duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện.
- Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Quả duyên: 3...
- Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Quả duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô ký tố, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn; 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung... sắc

nương tâm sanh và sắc thủ liên quan sắc đại sung; sắc ngoại, sắc vật thực và sắc âm dương... 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung Vô tưởng... sắc tục sinh và sắc thủ liên quan sắc đại sung.

* Pháp vô ký liên quan pháp thiện và vô ký sanh ra do phi Quả duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện và sắc đại sung.
* Pháp vô ký liên quan pháp bất thiện và vô ký sanh ra do phi Quả duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn bất thiện và sắc đại sung.

98.

Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Thực duyên: Sắc ngoại và sắc âm dương... 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung Vô tưởng... sắc tục sinh và sắc thủ liên quan sắc đại sung.

99.

Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Quyền duyên: 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương và sắc thủ liên quan sắc đại sung. Sắc mạng quyền nơi Vô tưởng liên quan sắc đại sung.

100.

Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Thiền duyên:

- Ba uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh ngũ song thức, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn; sắc ngoại, sắc vật thực và sắc âm dương...
- Ba sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung Vô tưởng... sắc tục sinh và sắc thủ liên quan sắc tứ đại sung.

101.

Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Đạo duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố vô nhân, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh liên quan 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn; vật liên quan uẩn; uẩn liên quan vật; 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung liên quan 3 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc thủ liên quan sắc đại sung; sắc ngoại, sắc vật thực và sắc âm dương... 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung Vô tưởng,... sắc tục sinh và sắc thủ liên quan sắc đại sung.

102.

Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do phi Tương ưng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện.

Như phi Cảnh duyên.

103.

* Pháp thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện nơi Vô sắc, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn
* Pháp bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện nơi Vô sắc, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
* Pháp vô ký liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố nơi Vô sắc, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn. Sắc ngoại, sắc vật thực và sắc âm dương... 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung nơi Vô tưởng... sắc tục sinh, sắc thủ liên quan sắc đại sung.

104.

Pháp vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện

Như phi Cảnh duyên.

105.

Phi Nhân duyên có 2, phi Cảnh duyên có 5, phi Trưởng duyên có 9, phi Vô gián duyên có 5, phi Liên tiếp duyên có 5, phi Hỗ tương duyên có 5, phi Cận y duyên có 5, phi Tiền sanh duyên có 7, phi Hậu sanh duyên có 9, phi Cố hưởng duyên có 9, phi Nghiệp duyên có 3, phi Quả duyên có 9, phi Thực duyên có 1, phi Quyền duyên có 1, phi Thiền duyên có 1, phi Đạo duyên có 1, phi Tương ưng duyên có 5, phi Bất tương ưng duyên có 3, phi Hiện hữu duyên có 5, phi Ly duyên có 5.

106.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... có phi Trưởng 2,... phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 2, có phi Hậu sanh 2, có phi Cố hưởng 2, có phi Nghiệp 1, có phi Quả 2, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 2, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

107.

Phi Nhân duyên chung phi Cảnh duyên có phi Trưởng 1,... có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 1, có phi Hậu sanh 1, có phi Cố hưởng 1, có phi Nghiệp 1, có phi Quả 1, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 1, có phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

108.

Phi Nhân duyên chung phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên... phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên... có phi Ly 1.

Dứt phần phi nhân căn

109.

Phi Cảnh duyên có phi Nhân 1,... có phi Trưởng 5, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 5, có phi Hậu sanh 5, có phi Cố hưởng 5, có phi Nghiệp 1, có phi Quả 5, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 1, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

110.

Phi Cảnh duyên chung phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên có phi Vô gián 1, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

111.

Phi Trưởng duyên có phi Nhân 2,... phi Cảnh 5, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

112.

Phi Trưởng duyên chung phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 2, có phi Hậu sanh 2,

có phi Cố hưởng 2, có phi Nghiệp 1, có phi Quả 2, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 2, có phi Hiện hữu 1, có phi Ly 1.

113.

Phi Trưởng duyên chung phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Vô gián 1 (tất cả đều có 1)... phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

114.

Phi Vô gián duyên... phi Liên tiếp duyên... phi Hỗ tương duyên... phi Cận y duyên... cũng như phi Cảnh duyên.

115.

Phi Tiền sanh duyên có phi Nhân 2,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 7, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Hậu sanh 7, có phi Cố hưởng 7, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 7, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

116.

Phi Tiền sanh duyên chung phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 2, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Hậu sanh 2, có phi Cố hưởng 2, có phi Nghiệp 1, có phi Quả 2, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 2, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

117.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 1,... có phi Vô gián 1 (tất cả đều 1) có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

118.

Phi Hậu sanh duyên... phi Cố hưởng duyên có phi Nhân 2,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

119.

Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... có phi Trưởng 2, có phi Vô gián, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 2, có phi Hậu sanh 2, có phi Nghiệp 1, có phi Quả 2, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 2, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

120.

Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 1, có phi Vô gián 1 (tất cả đều có 1)... có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

121.

Phi Nghiệp duyên có phi Nhân 2,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 3, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Quả 3, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

122.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh 1, có phi Trưởng 1 (tất cả đều có 1)... có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

123.

Phi Quả duyên có phi Nhân 2,... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

124.

Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... có phi Trưởng 2, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 2, có phi Hậu sanh 2, có phi Cố hưởng 2, có phi Nghiệp 1, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 2, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

125.

Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 1 (tất cả đều có 1)... có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

126.

Phi Thực duyên,... phi Quyền duyên,... phi Thiền duyên,... phi Đạo duyên có phi Nhân 1 (tất cả đều có 1)... có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

127.

Phi Tương ưng duyên có phi Nhân 1,... có phi Cảnh 5,... cũng như phi Cảnh duyên... có phi Ly 5.

128.

Phi Bất tương ưng duyên có phi Nhân 2, có phi Cảnh 3, có phi Trưởng 3, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

129.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... có phi Trưởng 2, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 2, có phi Hậu sanh 2, có phi Cố hưởng 2, có phi Nghiệp 1, có phi Quả 2, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

130.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 1,... có phi Vô gián 1 (tất cả đều có 1)... có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

131.

Phi Vô hữu duyên cùng phi Ly duyên có phi Nhân 1,... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 5, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 5, có phi Hậu sanh 5, có phi Cố hưởng 5, có phi Nghiệp 1, có phi Quả 5, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 1, có phi Vô hữu 5.

132.

Phi Ly duyên cùng phi Nhân duyên, có phi Cảnh 1,... có phi Trưởng 1 (tất cả đều có 1)... có phi Bất tương ưng 1, có phi Vô hữu 1.

Dứt cách đối lập

133.

Nhân duyên có phi Cảnh 5,... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

134.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên có phi Trưởng 3... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

135.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Trưởng duyên có phi Tiền sanh 3,... có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

136.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên có phi Hậu sanh 3,... có phi Cố hưởng 3, có phi nghiệp 3.

137.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên có phi Hậu sanh 3,... có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3.

138.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên, Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên có phi Hậu sanh 3, có phi Quả 3.

139.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên có phi Hậu sanh 1, có phi Cố hưởng 1.

140.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên, Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên có phi Hậu sanh 1,... có phi Cố hưởng 1.

141.

Cảnh duyên có phi Nhân 2,... có phi Trưởng 3, có phi Tiền sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Bất tương ưng 3.

142.

Cảnh duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3,... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Phần cảnh căn *(ārammaṇamūla)* sắp rộng cũng như phần nhân căn.

143.

Trưởng duyên có phi Cảnh 5,... có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

144.

Trưởng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Tiền sanh 3,... có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng duyên 3.
Vô gián duyên và Liên tiếp duyên nên sắp rộng như Cảnh duyên.

145.

Đồng sanh duyên có phi Nhân 2,... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Thực 5, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 4, có phi Ly 5.

146.

Đồng sanh duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 5,... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 4, có phi Ly 5.

147.

Đồng sanh duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng 3,... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Đồng sanh căn nên sắp rộng như nhân căn.

148.

Hỗ tương duyên có phi Nhân 2,... có phi Cảnh 1, có phi Trưởng 3, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 1, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 1, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

149.

Hỗ tương duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 1,... có phi Trưởng 3, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

150.

Hỗ tương duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng 3,... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Hỗ tương căn cũng như phần Nhân căn.

151.

Y chỉ duyên có phi Nhân 2,... có phi Cảnh 5.

Y chỉ duyên cũng như Đồng sanh căn.

Cận y duyên cũng như phần Cảnh căn.

152.

Tiền sanh duyên có phi Nhân 2, ... có phi Trưởng 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1.

153.

Tiền sanh duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3... Phân ra rộng như phần Nhân căn.

154.

Cố hưởng duyên có phi Nhân 2, ... có phi Trưởng 3, có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Đạo 1, có phi Bất tương ưng 3.

155.

Cố hưởng duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3,... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Cũng như phần Nhân căn.

156.

Nghiệp duyên có phi Nhân 2,... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Quả 9, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

157.

Nghiệp duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 5,... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

158.

Nghiệp duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng trong 3 (câu),... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Cũng như phần Nhân căn *(hetumūla).*

159.

Quả duyên có phi Nhân trong 1 (câu),... có phi Cảnh trong 1 (câu), có phi Trưởng 1, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 1, có phi Hậu sanh 1, có phi Cố hưởng 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 1, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

160.

Quả duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh trong 1 (câu),... có phi Trưởng 1, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1, có phi Hỗ tương 1, có phi Cận y 1, có phi Tiền sanh 1, có phi Hậu sanh 1, có phi Cố hưởng 1, có phi Tương ưng 1, có phi Bất tương ưng 1, có phi Vô hữu 1, có phi Ly 1.

161.

Quả duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng trong 1 (câu),... có phi Tiền sanh 1, có phi Hậu sanh 1, có phi Cố hưởng 1, có phi Bất tương ưng 1.

162.

Quả duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên có phi Tiền sanh trong 1 (câu),... có phi Hậu sanh 1, có phi Cố hưởng 1, có phi Bất tương ưng 1.

163.

Quả duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên, Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên có phi Hậu sanh trong 1 (câu),... có phi Cố hưởng 1.

164.

Thực duyên có phi Nhân trong 2 (câu),... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có

phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

165.

Thực duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh trong 5 (câu), có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

166.

Thực duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng trong 3 (câu),... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Nên phân rộng ra như phần nhân căn.

167.

Quyền duyên có phi Nhân trong 2 (câu),... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Thực 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

168.

Quyền duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh trong 5 (câu),... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

169.

Quyền duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng trong 3 (câu),... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Nên phân rộng ra như phần nhân căn.

170.

Thiền duyên có phi Nhân trong 2 (câu),... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

171.

Thiền duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh trong 5 (câu),... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

172.

Thiền duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng trong 3 (câu),... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Nên phân rộng ra như phần nhân căn.

173.

Đạo duyên có phi Nhân trong 1 (câu),... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có

phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

174.

Đạo duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh trong 5 (câu),... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

175.

Đạo duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng trong 3 (câu),... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Nên phân rộng như phần nhân căn.

176.

Tương ưng duyên có phi Nhân trong 2 (câu),... có phi Trưởng 3, có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Bất tương ưng 3.

177.

Tương ưng duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng trong 3 (câu),... có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Nên phân rộng ra như phần nhân căn.

178.

Bất tương ưng duyên có phi Nhân trong 2 (câu),... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 5, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

179.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh trong 5 (câu),... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 5, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

180.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng trong 3 (câu),... có phi Tiền sanh 1, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3.

181.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên có phi Hậu sanh trong 3 (câu),... có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3.

182.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên có phi Hậu sanh trong 3 (câu),... có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3.

183.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên, Bất ly duyên có phi Hậu sanh trong 3 (câu),... có phi Quả trong 3 (câu).

184.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên có phi Hậu sanh trong 1 (câu),... có phi Cố hưởng trong 1 (câu).

185.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên, Bất ly duyên có phi Hậu sanh trong 1 (câu),... có phi Cố hưởng trong 1 (câu).

186.

Hiện hữu duyên có phi Nhân trong 2 (câu),... có phi Cảnh 5, có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

187.

Hiện hữu duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh trong 5 (câu),... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

188.

Hiện hữu duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng trong 3 (câu), có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Bất tương ưng 3.

Nên phân rộng ra như phần nhân căn.

189.

Vô hữu duyên cùng Ly duyên có phi Nhân trong 2 (câu),... có phi Trưởng 3, có phi Tiền sanh 3, có phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 3, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 3, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Bất tương ưng 3.

Nên phân rộng ra như phần Nhân căn.

190.

Bất ly duyên có phi Nhân trong 2 (câu),... có phi Cảnh trong 5 (câu),... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Thực 1, có phi Quyền 1, có phi Thiền 1, có phi Đạo 1, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

191.

Bất ly duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 5,... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

Nên phân rộng ra như phần Nhân căn.

Dứt cách đếm thuận tùng, đối lập

192.

Phi Nhân duyên có Cảnh trong 2 (câu),... có Vô gián 2, có Liên tiếp 2, có Đồng sanh 2, có Hỗ tương 2, có Y chỉ 2, có Cận y 2, có Tiền sanh 2, có Cố hưởng 2, có Nghiệp 2, có Quả 1, có Thực 2, có Quyền 2, có Thiền 2, có Đạo 1, có Tương ưng 2, có Bất tương ưng 2, có Hiện hữu 2, có Vô hữu 2, có Ly 2, có Bất ly 2.

193.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có Đồng sanh trong 1 (câu),... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Ly 1.

194.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên có Đồng sanh trong 1 (câu),... có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Ly 1.

195.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên; từ phi Nhân duyên đến phi Cố hưởng duyên đều có 5 (câu), nhưng không đếm phi Nghiệp duyên,... phi Nghiệp duyên có Đồng sanh 1,... có Y chỉ 1, có Thực 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.

196.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên có Đồng sanh trong 1 (câu),... có Y chỉ 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.

197.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên có Đồng sanh trong 1 (câu),... có Y chỉ 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.

198.

Phi Cảnh duyên có Nhân trong 5 (câu),... có Trưởng 5, có Đồng sanh 5, có Hỗ tương 1, có Y chỉ 5, có Nghiệp 5, có Quả 1, có thực 5, có Quyền 5, có Thiền 5, có đạo 5, có Bất tương ưng 5, có Hiện hữu 5, có Bất ly 5.

199.

Phi Cảnh duyên cùng phi Nhân duyên có Đồng sanh trong 1 (câu),... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.

Cũng như phần Phi Nhân căn.

200.

Phi Trưởng duyên có Nhân 9,... có Cảnh 3, có Vô gián 3, có Liên tiếp 3, có Đồng sanh 9, có Hỗ tương 3, có Y chỉ 9, có Cận y 3, có Tiền sanh 3, có Cố hưởng 3, có Nghiệp 9, có Quả 1, có thực 9, có Quyền 9, có Thiền 9, có Đạo 9, có Tương ưng 3, có Bất tương ưng 9, có Hiện hữu 9, có Vô hữu 3, có Ly 3, có Bất ly 9.

201.

Phi Trưởng duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 2,... có Vô gián 2, có Liên tiếp 2, có Đồng sanh 2, có Hỗ tương 2, có Y chỉ 2, có Cận y 2, có Tiền sanh 2, có Cố hưởng 2, có Nghiệp 2, có Quả 1, có Thực 2, có Quyền 2, có Thiền 2, có Đạo 1, có Tương ưng 2, có Bất tương ưng 2, có Hiện hữu 2, có Vô hữu 2, có Ly 2, có Bất ly 2.

202.

Phi Trưởng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1 (tóm tắt).

203.

Phi Vô gián duyên cùng phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên có Nhân trong 5 (câu),... có Trưởng 5, có Đồng sanh 5, có Hỗ tương 1, có Y chỉ 5, có Nghiệp 5, có Quả 1, có thực 5, có Quyền 5, có Thiền 5, có đạo 5, có Bất tương ưng 5, có Hiện hữu 5, có Bất ly 5.

204.

Phi Cận y duyên cùng phi Nhân duyên có Đồng sanh 1, có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1 (tóm tắt).

205.

Phi Tiền sanh duyên có Nhân 7,... có Cảnh 3, có Trưởng 7, có Vô gián 3, có Liên tiếp 3, có Đồng sanh 7, có Hỗ tương 3, có Y chỉ 7, có Cận y 3, có Cố hưởng 3, có Nghiệp 7, có Quả 1, có Thực 7, có Quyền 7, có Thiền 7, có Đạo 7, có Tương ưng 3, có Bất tương ưng 5, có Hiện hữu 7, có Vô hữu 3, có Ly 3, có Bất ly 7.

206.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 2, có Vô gián 2, có Liên tiếp 2, có Đồng sanh 2, có Hỗ tương 2, có Y chỉ 2, có Cận y 2, có Cố hưởng 1, có Nghiệp 2, có Quả 1, có Thực 2, có Quyền 2, có Thiền 2, có Đạo 1, có Tương ưng 2, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 2, có Vô hữu 2, có Ly 2, có Bất ly 2.

207.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1 (tóm tắt).

208.

Phi Hậu sanh duyên có Nhân 9,... có Cảnh 3, có Trưởng 9, có Vô gián 3, có Liên tiếp 3, có Đồng sanh 9, có Hỗ tương 3, có Y chỉ 9, có Cận y 3, có Tiền sanh 3, có Cố hưởng 3, có Nghiệp 9, có Quả 1, có thực 9, có Quyền 9, có Thiền 9, có Đạo 9, có Tương ưng 3, có Bất tương ưng 9, có Hiện hữu 9, có Vô hữu 3, có Ly 3, có Bất ly 9.

209.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 2,... có Vô gián 2, có Liên tiếp 2, có Đồng sanh 2, có Hỗ tương 2, có Y chỉ 2, có Cận y 2, có Tiền sanh 2, có Cố hưởng 2, có Nghiệp 2, có Quả 1, có Thực 2, có Quyền 2, có Thiền 2, có Đạo 1, có Tương ưng 2, có Bất tương ưng 2, có Hiện hữu 2, có Vô hữu 2, có Ly 2, có Bất ly 2.

210.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1 (tóm tắt).

211.

Phi Cố hưởng duyên có Nhân 9,... có Cảnh 3, có Trưởng 9, có Vô gián 3, có Liên tiếp 3, có Đồng sanh 9, có Hỗ tương 3, có Y chỉ 9, có Cận y 3, có Tiền sanh 3, có Nghiệp 9, có Quả 1, có thực 9, có Quyền 9, có Thiền 9, có Đạo 9, có Tương ưng 3, có Bất tương ưng 9, có Hiện hữu 9, có Vô hữu 3, có Ly 3, có Bất ly 9.

212.

Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 2,... có Vô gián 2, có Liên tiếp 2, có Đồng sanh 2, có Hỗ tương 2, có Y chỉ 2, có Cận y 2, có Tiền sanh 2, có Nghiệp 2, có Quả 1, có Thực 2, có Quyền 2, có Thiền 2, có Đạo 1, có Tương ưng 2, có Bất tương ưng 2, có Hiện hữu 2, có Vô hữu 2, có Ly 2, có Bất ly 2.

213.

Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y Chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1... tóm tắt.

214.

Phi Nghiệp duyên có Nhân 3,... có Cảnh 3, có Trưởng 3, có Vô gián 3, có Liên tiếp 3, có Đồng sanh 3, có Hỗ tương 3, có Y chỉ 3, có Cận y 3, có Tiền sanh 3, có Cố hưởng 3, có Thực 3, có Quyền 3, có Thiền 3, có Đạo 3, có Tương ưng 3, có Bất tương ưng 3, có Hiện hữu 3, có Vô hữu 3, có Ly 3, có Bất ly 3.

215.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 1,... có Vô gián 1, có Liên tiếp 1, có Đồng sanh 1, có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Cận y 1, có Tiền sanh 1, có Cố hưởng 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Tương ưng 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Vô hữu 1, có Ly 1, có Bất ly 1.

216.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Thực 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1... tóm tắt.

217.

Phi Quả duyên có Nhân 9,... có Cảnh 3, có Trưởng 9, có Vô gián 3, có Liên tiếp 3, có Đồng sanh 9, có Hỗ tương 3, có Y chỉ 9, có Cận y 3, có Tiền sanh 3, có Cố hưởng 3, có Nghiệp 9, có Thực 9, có Quyền 9, có Thiền 9, có Đạo 9, có Tương ưng 3, có Bất tương ưng 9, có Hiện hữu 9, có Vô hữu 3, có Ly 3, có Bất ly 9.

218.

Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 2,... có Vô gián 2, có Liên tiếp 2, có Đồng sanh 2, có Hỗ tương 2, có Y chỉ 2, có Cận y 2, có Tiền sanh 2, có Cố hưởng 2, có Nghiệp 2, có Thực 2, có Quyền 2, có Thiền 2, có Đạo 1, có Tương ưng 2, có Bất tương ưng 2, có Hiện hữu 2, có Vô hữu 2, có Ly 2, có Bất ly 2.

219.

Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1... tóm tắt.

220.

Phi Thực duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quyền 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1... tóm tắt.

221.

Phi Quyền duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Thực 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.... tóm tắt.

222.

Phi Thiền duyên có Cảnh 1,... có Vô gián 1, có Liên tiếp 1, có Đồng sanh 1, có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Cận y 1, có Tiền sanh 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Tương ưng 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Vô hữu 1, có Ly 1, có Bất ly 1... tóm tắt..

223.

Phi Đạo duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 1,... có Vô gián 1, có Liên tiếp 1, có Đồng sanh 1, có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Cận y 1, có Tiền sanh 1, có Cố hưởng 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Tương ưng 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Vô hữu 1, có Ly 1, có Bất ly 1.

224.

Phi Đạo duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1... tóm tắt..

225.

Phi Tương ưng duyên có Nhân 5,... có Trưởng 5, có Đồng sanh 5, có Hỗ tương 1, có Y chỉ 5, có Nghiệp 5, có Quả 1, có thực 5, có Quyền 5, có Thiền 5, có đạo 5, có Bất tương ưng 5, có Hiện hữu 5, có Bất ly 5.

226.

Phi Tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1... tóm tắt.

227.

Phi Bất tương ưng duyên có Nhân 3,... có Cảnh 3, có Trưởng 3, có Vô gián 3, có Liên tiếp 3, có Đồng sanh 3, có Hỗ tương 3, có Y chỉ 3, có Cận y 3, có Cố hưởng 3, có Nghiệp 3, có Quả 1, có Thực 3, có Quyền 3, có Thiền 3, có Đạo 3, có Tương ưng 3, có Hiện hữu 3, có Vô hữu 3, có Ly 3, có Bất ly 3.

228.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, có Cảnh 2,... có Vô gián 2, có Liên tiếp 2, có Đồng sanh 2, có Hỗ tương 2, có Y chỉ 2, có Cận y 2, có Cố hưởng 1, có Nghiệp 2, có Thực 2, có Quyền 2, có Thiền 2, có Đạo 1, có Tương ưng 2, có Hiện hữu 2, có Vô hữu 2, có Ly 2, có Bất ly 2.

229.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1... tóm tắt.

230.

Phi Vô hữu duyên cùng phi Ly duyên có Nhân 5,... có Trưởng 5, có Đồng sanh 5, có Hỗ tương 1, có Y chỉ 5, có Nghiệp 5, có Quả 1, có thực 5, có Quyền 5, có Thiền 5, có Đạo 5, có Bất tương ưng 5, có Hiện hữu 5, có Bất ly 5.

231.

Phi Ly duyên cùng phi Nhân duyên có Đồng sanh 1,... có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.

232.

Phi Ly duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên có Đồng sanh 1,... có Y chỉ 1, có Nghiệp 1, có Quả 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.

233.

Phi Ly duyên cùng phi Nhân duyên... phi Nghiệp duyên có Đồng sanh 1,... có Y chỉ 1, có Thực 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.

234.

Phi Ly duyên cùng phi Nhân duyên... phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên có Đồng sanh 1,... có Y chỉ 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.

235.

Phi Ly duyên cùng phi Nhân duyên... (tóm tắt)... phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên có Đồng sanh 1,... có Y chỉ 1, có Hiện hữu 1, có Bất ly 1.

Dứt cách đối lập-thuận tùng,
Hết phần liên quan.

Phần Đồng Sanh *(Sahajātavāra)*

236.

- Pháp thiện đồng sanh pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn đồng sanh 1 uẩn thiện, 1 uẩn đồng sanh 3 uẩn, 2 uẩn đồng sanh 2 uẩn.
- Pháp vô ký đồng sanh pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh đồng sanh với uẩn thiện.
- Pháp thiện và vô ký đồng sanh với pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với uẩn thiện, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 2 uẩn.

237.

- Pháp bất thiện đồng sanh với pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn đồng sanh với 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn đồng sanh với 3 uẩn, 2 uẩn đồng sanh với 2 uẩn.
- Pháp vô ký đồng sanh với pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh đồng sanh với uẩn bất thiện.
- Pháp bất thiện và vô ký đồng sanh với pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 2 uẩn.

238.

Pháp vô ký đồng sanh với pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 1 uẩn vô ký quả vô ký tố, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 2 uẩn; trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh đồng sanh với 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh đồng sanh với 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh đồng sanh với 2 uẩn; vật *(hadayavatthu)* đồng sanh với uẩn, uẩn đồng sanh với vật; 3 sắc đại sung đồng sanh với 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung đồng sanh với 3 sắc đại sung; 2 sắc đại sung đồng sanh với 2 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc thủ đồng sanh với sắc đại sung *(mahabhutarupa)*.

239.

- Pháp vô ký đồng sanh với pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh đồng sanh với uẩn thiện và sắc đại sung.
- Pháp vô ký đồng sanh với pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh đồng sanh với uẩn bất thiện và sắc đại sung.

Nên sắp cho rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

240.

Trong Nhân có 9, trong Cảnh có 3... trong Trưởng có 9, trong Vô gián có 3, trong Liên tiếp có 3, trong Đồng sanh có 9, trong Hỗ tương có 3, trong Y chỉ có 9, trong Cận y có

3, trong Tiền sanh có 3, trong Cố hưởng có 3, trong nghiệp có 9, trong Quả có 1, trong thực có 9, trong Quyền có 9, trong thiền có 9, trong đạo có 9, trong Tương ưng có 3, trong Bất tương ưng có 9, trong Hiện hữu có 9, trong Vô hữu có 3, trong Ly có 3, trong Bất ly có 9.

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

Nên đếm như trong phần liên quan (paticcavāra)

241.

Pháp bất thiện đồng sanh với pháp bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên: Si sanh chung với hoài nghi, phóng dật đồng sanh với uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

242.

Pháp vô ký đồng sanh với pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 1 uẩn vô ký quả và vô ký tố, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh đồng sanh với 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh đồng sanh với 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh đồng sanh với 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh đồng sanh với 2 uẩn; vật *(hadayavatthu)* đồng sanh với uẩn, uẩn đồng sanh với vật; 3 sắc đại sung đồng sanh với 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung đồng sanh với 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung đồng sanh với 2 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh, sắc thủ, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương đồng sanh với sắc đại sung.

3 sắc đại sung đồng sanh với 1 sắc đại sung nơi Vô tưởng,... sắc tục sinh, sắc thủ đồng sanh với sắc đại sung.

Nên phân rộng như trong phần liên quan (paṭiccavāra).

243.

Trong phi Nhân có 2, trong phi Cảnh có 5,... trong phi Trưởng có 9, trong phi Vô gián có 5, trong phi Liên tiếp có 5, trong phi Hỗ tương có 5, trong phi Cận y có 5, trong phi Tiền sanh có 7, trong phi Hậu sanh có 9, trong phi Cố hưởng có 9, trong phi nghiệp có 3, trong phi Quả có 9, trong phi Thực có 1, trong phi Quyền có 1, trong phi Thiền có 1, trong phi Đạo có 1, trong phi Tương ưng có 5, trong phi Bất tương ưng có 3, trong phi Vô hữu có 5, trong phi Ly có 5.

Dứt cách đối lập (paccanīya)

244.

Nhân duyên có phi Cảnh trong 5 (câu)... có phi Trưởng 9, có phi Vô gián 5, có phi Liên tiếp 5, có phi Hỗ tương 5, có phi Cận y 5, có phi Tiền sanh 7, có phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 9, có phi Nghiệp 3, có phi Quả 9, có phi Tương ưng 5, có phi Bất tương ưng 3, có phi Vô hữu 5, có phi Ly 5.

Dứt cách thuận tùng, đối lập

245.

Phi Nhân duyên có Cảnh trong 2 (câu),... có Vô gián 2, có Liên tiếp 2, có Đồng sanh 2, có Hỗ tương 2, có Y chỉ 2, có Cận y 2, có Tiền sanh 2, có Cố hưởng 2, có Nghiệp 2, có Quả 1, có Thực 2, có Quyền 2, có Thiền 2, có Đạo 1, có Tương ưng 2, có Bất tương ưng 2, có Hiện hữu 2, có Vô hữu 2, có Ly 2, có Bất ly 2.

Dứt cách đối lập, thuận tùng
Hết phần đồng sanh

Ý nghĩa đồng sanh như là ý nghĩa liên quan *(paticcavara)*

Ý nghĩa liên quan như ý nghĩa đồng sanh *(sahajatavara)*

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

246.

* Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện, 1 uẩn nhờ cậy *(paccayā)* 3 uẩn, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.
* Pháp vô ký nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thiện.
* Pháp thiện và pháp vô ký nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn thiện, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 2 uẩn.

247.

* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.
* Pháp vô ký nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn bất thiện.
* Pháp bất thiện và pháp vô ký nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 2 uẩn.

248.

* Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả vô ký tố, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh nhờ cậy 2 uẩn; vật (sắc nương trái tim) nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật; 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung, 1 sắc đại sung nhờ cậy 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung nhờ cậy 2 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung; những uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật.
* Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: Uẩn thiện nhờ cậy vật (sắc nương trái tim)
* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: Các uẩn bất thiện nhờ cậy vật (sắc nương trái tim)
* Pháp thiện và vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: Các uẩn thiện nhờ cậy vật (sắc nương trái tim), sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung.
* Pháp bất thiện và vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: Các uẩn bất thiện nhờ cậy vật *(hadayavatthu)*, sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung.

249.

* Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện và vật, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.
* Pháp vô ký nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thiện và sắc đại sung.
* Pháp thiện và vô ký nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện và vật, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thiện và sắc đại sung.

250.

* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện và vật, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

∗ Pháp vô ký nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn bất thiện và sắc đại sung.

∗ Pháp bất thiện và vô ký nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện và vật, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn bất thiện và sắc đại sung.

251.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.

252.

∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.

∗ Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả vô ký tố, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn; uẩn nhờ cậy vật, nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, nhĩ thức nhờ cậy nhĩ xứ, tỷ thức nhờ cậy tỷ xứ, thiệt thức nhờ cậy thiệt xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ, các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật (sắc nương trái tim).

253.

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Cảnh duyên: Uẩn thiện nhờ cậy *(paccayā)* vật *(hadayavatthu).*

∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Cảnh duyên: Uẩn bất thiện nhờ cậy vật (sắc nương trái tim).

254.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện và vật... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật (sắc nương trái tim).

255.

Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện và vật... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

256.

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện...

∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện...

∗ Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả vô ký tố, 3 đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung, sắc nương tâm sanh và sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung, các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật.

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Trưởng duyên: Các uẩn thiện nhờ cậy vật.

Nên sắp rộng như Nhân duyên.

257.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Vô gián duyên, Liên tiếp duyên.

Nên sắp rộng như Cảnh duyên.

258.

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Đồng sanh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện...

∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Đồng sanh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện...

* Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Đồng sanh duyên:
  - 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả vô ký tố... trong sát-na tục sinh:... 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung... sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương nhờ cậy sắc đại sung.
  - 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung Vô tưởng... sắc tục sinh, sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung, nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ, các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật *(hadayavatthu).*
* Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Đồng sanh duyên: Các uẩn thiện nhờ cậy vật.

Nên sắp rộng như Nhân duyên.

259.

* Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn...
* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn...
* Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả vô ký tố... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và vật nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả... 2 uẩn và vật nhờ cậy 2 uẩn, vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật, 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung... 2 sắc đại sung nhờ cậy 2 sắc đại sung, 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương nhờ cậy sắc đại sung. 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung nơi Vô tưởng... 2 sắc đại sung nhờ cậy 2 sắc đại sung; nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ; các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật (sắc nương trái tim).
* Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Hỗ tương duyên: Các uẩn thiện nhờ cậy vật.

Nên sắp rộng như Cảnh duyên.

260.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Y chỉ duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện.

Nên sắp rộng như Đồng sanh duyên.

261.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Cận y duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện. Như Cảnh duyên.

262.

* Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn do Vật tiền sanh duyên.
* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn do Vật tiền sanh duyên.
* Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả vô ký tố... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn do Vật tiền sanh duyên; nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ; các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy Vật tiền sanh duyên.
* Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Tiền sanh duyên: Các uẩn thiện nhờ cậy vật bằng Vật tiền sanh duyên.
* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Vật tiền sanh duyên: Các uẩn bất thiện nhờ cậy vật bằng Vật tiền sanh duyên.
* Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện và vật... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật bằng Vật tiền sanh duyên.

∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện và vật... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật bằng Vật tiền sanh duyên.

263.

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện...

∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện...

∗ Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô ký tố, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn, các uẩn vô ký tố nhờ cậy vật.

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Cố hưởng duyên: Các uẩn thiện nhờ cậy vật.

∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Cố hưởng duyên: Các uẩn bất thiện nhờ cậy vật...

∗ Pháp bất thiện nhờ cậy thiện và vô ký...

∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện và vật...

264.

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Nghiệp duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện...

∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Nghiệp duyên: Có 3.

∗ Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Nghiệp duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả vô ký tố... trong sát-na tục sinh: 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung... 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung Vô tưởng; sắc tục sinh, sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung; nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ; các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật.

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Nghiệp duyên: Các uẩn thiện nhờ cậy vật.

∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Nghiệp duyên: Các uẩn bất thiện nhờ cậy vật (sắc nương trái tim).

∗ Pháp thiện và vô ký nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do Nghiệp duyên.

∗ Pháp bất thiện và vô ký nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nghiệp duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện và vật... sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn bất thiện và sắc đại sung.

265.

Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Quả duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả... Trong sát-na tục sinh: 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung... nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ; các uẩn vô ký quả nhờ cậy vật.

266.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Nghiệp duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện... nhờ cậy pháp bất thiện: 3...

Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Thực duyên:... trong sát-na tục sinh: 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung... nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ, các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật.

Nên sắp đầy đủ.

267.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Quyền duyên:... nhờ cậy 1 sắc đại sung Vô tưởng, nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ, các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật.

Nên sắp rộng như Nghiệp duyên.

268.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Thiền duyên, Đạo duyên...
Thiền duyên, Đạo duyên nên sắp rộng như Nhân duyên.

269.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Tương ưng duyên
Như Cảnh duyên.

270.

- Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn do vật Bất tương ưng duyên.
- Pháp vô ký nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thiện bằng vật Bất tương ưng duyên.
- Pháp thiện và vô ký nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn thiện... 2 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 2 uẩn bằng uẩn vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn bằng vật Bất tương ưng duyên.
- Pháp vô ký nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn bất thiện bằng vật Bất tương ưng duyên.
- Pháp bất thiện và vô ký nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn bất thiện, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 2 uẩn bằng uẩn vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh bằng uẩn Bất tương ưng duyên.
- Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả vô ký tố, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 2 uẩn bằng uẩn vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh bằng vật Bất tương ưng duyên. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả... 2 uẩn và sắc tục sinh nhờ cậy 2 uẩn bằng uẩn vật Bất tương ưng duyên. Sắc tục sinh nhờ cậy uẩn bằng Bất tương ưng duyên. Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật bằng uẩn vật Bất tương ưng duyên, hay vật nhờ cậy uẩn Bất tương ưng duyên... 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung... sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung bằng uẩn Bất tương ưng duyên; nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ. Các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật bằng uẩn vật Bất tương ưng duyên.
- Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: Các uẩn thiện nhờ cậy vật bằng vật Bất tương ưng duyên.
- Pháp bất thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: Uẩn bất thiện nhờ cậy vật bằng vật Bất tương ưng duyên.
- Pháp thiện và pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: Những uẩn thiện nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung bằng uẩn vật Bất tương ưng duyên, sắc nương tâm sanh bằng uẩn Bất tương ưng duyên.
- Pháp bất thiện và vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: Các uẩn bất thiện nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung bằng uẩn vật Bất tương ưng duyên, sắc nương tâm sanh bằng uẩn Bất tương ưng duyên.
- Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện và vật, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật bằng vật Bất tương ưng duyên.

- Pháp vô ký nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thiện và sắc đại sung bằng Bất tương ưng duyên.
- Pháp thiện và vô ký nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn và vật, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thiện và sắc đại sung là uẩn vật Bất tương ưng duyên, sắc nương tâm sanh là uẩn Bất tương ưng duyên.
- Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện và vật,... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật là vật Bất tương ưng duyên.
- Pháp vô ký nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn bất thiện và sắc đại sung là uẩn Bất tương ưng duyên.
- Pháp bất thiện và vô ký nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn bất thiện và vật... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn bất thiện và sắc đại sung là uẩn vật Bất tương ưng duyên, sắc nương tâm sanh thuộc uẩn Bất tương ưng duyên.

271.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do Hiện hữu duyên: Như Đồng sanh duyên.

Vô hữu duyên và Ly duyên như Cảnh duyên.

Bất ly duyên như Đồng sanh duyên.

272.

Nhân có 17 (câu lọc), Cảnh có 7, Trưởng có 17, Vô gián có 7, Liên tiếp có 7, Đồng sanh có 17, Hỗ tương có 7, Y chỉ có 17, Cận y có 7, Tiền sanh có 7, Cố hưởng có 7, nghiệp có 17, Quả có 1, Thực có 17, Quyền có 17, Thiền có 17, Đạo có 17, Tương ưng có 7, Bất tương ưng có 17, Hiện hữu có 17, Vô hữu có 7, Ly có 7, Bất ly có 17.

273.

Nhân duyên có Cảnh trong 7 (câu lọc),... có Trưởng 17, có Vô gián 7, có Liên tiếp 7, có Đồng sanh 17... có Bất ly 17.

274.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên có trưởng trong 7 câu (tất cả đều có 7 câu)... Quả có 1, Bất ly có 7.

275.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên có nghiệp trong 7 (câu),... Thực 7, Bất ly 7.

276.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên, Ly duyên có Bất ly trong 7 (câu).

277.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên có Thực 1,... có Bất ly 1.

278.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên, Ly duyên có Bất ly trong 1 câu.

Dứt phần nhân căn

279.

Cảnh duyên có Nhân trong 7 câu... có Trưởng 7...

Phần cảnh căn nên sắp rộng như phần nhân căn.

280.

Trưởng duyên có Nhân trong 17 (câu), Vô gián duyên... Liên tiếp duyên có Nhân trong 7 câu; Đồng sanh duyên,... Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên... Cố hưởng duyên có Nhân trong 7 (câu),... có Cảnh 7, có Trưởng 7, có Vô gián 7, có Liên tiếp 7, có Đồng sanh 7, có Hỗ tương 7, có Y chỉ 7, có Cận y 7, có Tiền sanh 7, có Nghiệp 7, có Thực 7, có Quyền 7, có Thiền 7, có Đạo7, có Tương ưng 7, có Bất tương ưng 7, có Hiện hữu 7, có Vô hữu 7, có Ly 7, có Bất ly 7.

281.

Nghiệp duyên... Quả duyên có Nhân trong 1 (câu),... có Cảnh 1, có Trưởng 1, có Vô gián 1, có Liên tiếp 1, có Đồng sanh 1, có Hỗ tương 1, có Y chỉ 1, có Cận y 1, có Tiền sanh 1, có Nghiệp 1, có Thực 1, có Quyền 1, có Thiền 1, có Đạo 1, có Tương ưng 1, có Bất tương ưng 1, có Hiện hữu 1, có Vô hữu 1, có Ly 1, có Bất ly 1.

282.

Thực duyên... Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên... Bất ly duyên có Nhân trong 17 (câu),... có Cảnh 7, có Ly 7.

Dứt phần ỷ trượng thuận tùng

283.

* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy *(paccayā)* uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.
* Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả vô ký tố vô nhân... 2 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn và sắc tục sinh nhờ cậy 1 uẩn vô ký quả, 2 uẩn và sắc tục sinh nhờ cậy 2 uẩn; vật nhờ cậy uẩn; uẩn nhờ cậy vật; 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung... sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung thuộc sắc ngoại sắc vật thực, sắc âm dương, sắc Vô tưởng... sắc tục sinh và sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung; nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ; uẩn vô ký quả vô ký tố vô nhân nhờ cậy vật.
* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật.
* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy *(paccayā)* uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật và vật *(hadayavatthu).*

284.

Pháp vô ký nhờ cậy pháp thiện sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thiện.

Nên sắp rộng phi Cảnh duyên như trong phần liên quan.

285.

* Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do phi Trưởng duyên: 3 uẩn nhờ 1 uẩn thiện. 3 nhờ pháp bất thiện... trong khi tục sinh... nhờ pháp vô ký. Nên sắp pháp vô ký ra đầy đủ... Trợ 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương, sắc Vô tưởng, nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ. Các uẩn vô ký quả vô ký tố nhờ cậy vật (sắc nương trái tim).

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do phi Trưởng duyên: Các uẩn thiện nhờ cậy vật... Nên sắp rộng như Đồng sanh duyên phần thuận tùng.

286.

Pháp vô ký nhờ cậy pháp thiện sanh ra do phi Vô gián duyên... phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên.

Nên sắp rộng như trong phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

287.

Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do phi Hậu sanh duyên... phi Cố hưởng duyên.

... nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... phi Hậu sanh duyên và phi Cố hưởng duyên đầy đủ 17 (câu).

Nên phân rộng như Đồng sanh duyên phần thuận tùng.

288.

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* thiện nhờ cậy uẩn thiện.

∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* bất thiện nhờ cậy uẩn bất thiện.

∗ Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* vô ký tố nhờ cậy uẩn vô ký tố... nhờ cậy 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung. Tư *(cetanā)* vô ký tố nhờ cậy vật (sắc nương trái tim).

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* thiện nhờ cậy vật (sắc nương trái tim).

∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư bất thiện nhờ cậy vật.

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện và vô ký sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư thiện nhờ cậy uẩn thiện và vật.

∗ Pháp bất thiện nhờ cậy pháp bất thiện và vô ký sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư bất thiện nhờ cậy uẩn bất thiện và vật.

289.

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp thiện sanh ra do phi Quả duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thiện... nhờ cậy pháp bất thiện... 3.

∗ Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do phi Quả duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô ký tố... 2 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 2 uẩn, 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung... sắc nương tâm sanh và sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung, 3 sắc đại sung nhờ cậy 1 sắc đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương, sắc cõi Vô tưởng... sắc tục sinh và sắc thủ nhờ cậy sắc đại sung, uẩn vô ký tố nhờ cậy vật.

∗ Pháp thiện nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do phi Quả duyên: Uẩn thiện nhờ cậy vật. Trừ Quả duyên, còn tất cả nên sắp rộng ra.

290.

∗ Pháp vô ký nhờ cậy pháp vô ký sanh ra do phi Thực duyên... do phi Quyền duyên... do phi Thiền duyên: nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ.

Đây khác hẳn với phi Thiền duyên... phi Đạo duyên: Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ. Uẩn vô ký quả, vô ký tố vô nhân nhờ cậy vật. Đây đều khác hẳn với phi Đạo; còn ngoài ra nên sắp rộng theo đối lập *(paccanīya)* trong phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên

* Pháp vô ký nhờ cậy pháp thiện sanh ra do phi Ly duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thiện. Nên sắp rộng như phần liên quan.

291.

Phi Nhân có 4 câu, phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

292.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... có phi Trưởng 4, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 1, phi Quả 4, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

293.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có phi Trưởng 1, có phi Vô gián 1, có phi Liên tiếp 1 (tất cả đều có 1), phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

294.

Phi Cảnh duyên có phi Nhân 1,... phi Trưởng 5, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

295.

Phi Cảnh duyên cùng phi Nhân duyên có phi Trưởng 1... có phi Ly 1.

296.

Trong phi Trưởng duyên có phi Nhân trong 4 (câu),... phi Cảnh 5, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

297.

Phi Trưởng duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh trong 1 (câu),... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 1, phi Quả 4, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

298.

* Phi Trưởng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Vô gián 1 (tất cả đều có 1).
* Phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên cũng như phi Cảnh duyên.

299.

Phi Tiền sanh duyên có phi Nhân 2,... có phi Cảnh 5, phi Trưởng 7, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 3, phi Quả 7, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

300.

* Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... có phi Trưởng 2, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2,

phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 1, Phi Ly 1.

∗ Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 1 (tất cả đều có 1)... phi Ly 1.

301.

Phi Hậu sanh duyên... phi Cố hưởng duyên có phi Nhân 4,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

302.

∗ Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh trong 1 (câu),... phi Trưởng 4, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 4, phi Nghiệp 1, phi Quả 4, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

∗ Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 1 (tất cả đều có 1)... phi Ly 1.

303.

∗ Phi Nghiệp duyên có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 7, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Quả 7, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

∗ Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh 1, (tất cả đều có 1)... phi Ly 1.

304.

Phi Quả duyên có phi Nhân 4,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

305.

∗ Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 4, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

∗ Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên, phi Nghiệp duyên có phi Trưởng 1 (tất cả đều có 1)... phi Ly 1.

306.

∗ Phi Thực duyên có phi Nhân 1 (tất cả đều có 1)... phi Ly 1.
∗ Phi Quyền duyên có phi Nhân trong 1 (câu) (tất cả đều có 1)
∗ Phi Thiền duyên có phi Nhân 1 (tất cả đều có 1).
∗ Phi Đạo duyên có phi Nhân 1 (tất cả đều có 1).
∗ Phi Tương ưng duyên như phi Cảnh duyên.

307.

Phi Bất tương ưng duyên có phi Nhân 2,... có phi Cảnh 1, có phi Trưởng 3, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3,

phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

308.

* Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 2, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1; phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 1 (tất cả đều có 1).

Phi Vô hữu duyên cùng phi Ly duyên cũng như phi Cảnh duyên

Dứt phần ỷ trượng đối lập

309.

Nhân duyên có phi Cảnh trong 5 (câu),... phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

310.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên có phi Trưởng 7,... có phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Bất tương ưng 3.

311.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên có phi Hậu sanh 7,... phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7.

312.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên, có phi Hậu sanh 7,... có phi Nghiệp 7, phi Quả 7.

313.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên, Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên có phi Hậu sanh trong 7 (câu),... phi Quả 7.

314.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên có phi Hậu sanh 1,... phi Cố hưởng 1.

315.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên... Bất ly duyên có phi Hậu sanh trong 1 câu,... phi Cố hưởng 1.

316.

Cảnh duyên có phi Nhân trong 4 câu,... phi Trưởng 7, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

317.

Cảnh duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 7,... phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Bất tương ưng 3.

Nên sắp rộng như phần nhân căn *(hetumūlakaṃ).*

318.

Trưởng duyên có phi Cảnh 5,... phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Trưởng duyên cùng Nhân

duyên... tóm tắt ... Vô gián duyên cùng Nhân duyên, Liên tiếp duyên nên sắp rộng như phần cảnh căn.

319.

Đồng sanh duyên có phi Nhân 4,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

320.

Đồng sanh duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Đồng sanh duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên... tóm tắt ...

321.

Hỗ tương duyên có phi Nhân 4,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 7, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

322.

* Hỗ tương duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 7, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.
* Hỗ tương duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng 7... tóm tắt ...

323.

* Y chỉ duyên có phi Nhân 4. Y chỉ duyên cũng như Đồng sanh duyên.
* Cận y duyên có phi Nhân 4. Cận y duyên cũng như Cảnh duyên.

324.

* Tiền sanh duyên có phi Nhân 4,... phi Trưởng 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thiền 1, phi Đạo 1,...
* Tiền sanh duyên cùng Nhân duyên ...

325.

Cố hưởng duyên có phi Nhân 4, phi Trưởng 7, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

326.

Cố hưởng duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 7, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Bất tương ưng 3.

327.

Cố hưởng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng 7... tóm tắt,... Cố hưởng duyên cùng Nhân duyên... Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên… tóm tắt,... Bất ly duyên có phi Hậu sanh 7, phi Quả 7...

328.

Nghiệp duyên có phi Nhân 4,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

329.

Nghiệp duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 5,... tóm tắt,... phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5 (tóm tắt).

330.

Quả duyên có phi Nhân 1, phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

331.

Quả duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sinh 1, phi Hậu sinh 1, phi Cố hưởng 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

332.

Quả duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên... tóm tắt,... Tiền sanh duyên có phi Hậu sanh 1... phi Cố hưởng 1,... Quả duyên cùng Nhân duyên... tóm tắt,... Tiền sanh duyên cùng Nghiệp duyên, Thực duyên... tóm tắt,... Bất ly duyên có phi Hậu sanh 1,... phi Cố hưởng 1...

333.

Thực duyên có phi Nhân 4,... có phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

334.

Thực duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 5... tóm tắt,... có phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5... tóm tắt,...

335.

Quyền duyên có phi Nhân 4,... phi Cảnh 5, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Quyền duyên cùng Nhân duyên tóm tắt,...

336.

Thiền duyên có phi Nhân 4... phi Cảnh 5... phi Quả 17, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Thiền duyên cùng Nhân duyên tóm tắt,...

337.

Đạo duyên có phi Nhân 3,... phi Cảnh 5, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Đạo duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 5 tóm tắt,...

Tương ưng duyên cũng như Cảnh duyên.

338.

Bất tương ưng duyên có phi Nhân 4,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

339.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

340.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng 7,... phi Tiền sinh 1, phi Hậu sinh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7.

341.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên có phi Hậu sinh 7,... phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7.

342.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên có phi Hậu sinh 7... phi Nghiệp 7, phi Quả 7.

343.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên... Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên, Bất ly duyên, có phi Hậu sanh 7... phi Quả 7.

344.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên… tóm tắt,... Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, có phi Hậu sanh 1,... phi Cố hưởng 1.

345.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên ... Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Bất ly duyên có phi Hậu sanh 1... phi Cố hưởng 1...

346.

Hiện hữu duyên cũng như Đồng sanh duyên,

Vô hữu duyên cũng như Cảnh duyên.

Bất ly duyên cũng như Đồng sanh duyên.

Dứt phần ỷ trượng thuận tùng, đối lập.

347.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... có Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 4, Hỗ tương 4, Y chỉ 4, Cận y 4, Tiền sanh 4, Cố hưởng 4, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 3, Tương ưng 4, Bất tương ưng 4, Hiện hữu 4, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 4.

348.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1... Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

349.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên có Đồng sanh 1... Y chỉ 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Bất ly.

350.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên có Đồng sanh 1,... Y chỉ 1, Thực 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

351.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, có Đồng sanh 1,... Y chỉ 1, Hiện hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

352.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, tóm tắt,... phi Ly duyên có Đồng sanh 1,... Y chỉ 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

353.

Phi Cảnh duyên có Nhân 5,... Trưởng 5, Đồng sanh 5, Hỗ tương 1, Y chỉ 5, Nghiệp 5, Quả 1, Thực 5, Quyền 5, Thiền 5, Đạo 5, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 5, Bất ly 5.

354.

Phi Cảnh duyên cùng phi Nhân duyên có Đồng sanh 1... Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1... tóm tắt...

355.

Phi Trưởng duyên có Nhân 17,... Cảnh 7, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 7, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 7, nghiệp 17, Quả 1, Thực 17, Quyền 17, Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 17.

356.

Phi Trưởng duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 4, Hỗ tương 4, Y chỉ 4, Cận y 4, Tiền sanh 4, Cố hưởng 4, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 3, Tương ưng 4, Bất tương ưng 4, Hiện hữu 4, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 4.

Phi Trưởng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1 tóm tắt,... Bất ly 1.

357.

Phi Vô gián duyên cùng phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên như phi Cảnh duyên.

358.

Phi Tiền sanh duyên có Nhân 7,... Cảnh 3, Trưởng 7, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 7, Hỗ tương 3, Y chỉ 7, Cận y 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 7, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 7.

359.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Cố hưởng 1, Nghiệp 2, Quả 1, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 2, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 2, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 2.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, có Đồng sanh 1 tóm tắt,... Bất ly 1.

360.

Phi Hậu sanh duyên có Nhân 17,... Cảnh 7, Trưởng 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 7, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 7, nghiệp 17, Quả 1, Thực 17, Quyền 17, Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 17.

361.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 4, Hỗ tương 4, Y chỉ 4, Cận y 4, Tiền sanh 4, Cố hưởng 4, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 3, Tương ưng 4, Bất tương ưng 4, Hiện hữu 4, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 4.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, có Đồng sanh 1 tóm tắt,... Bất ly 1.

362.

Phi Cố hưởng duyên có Nhân 17,... Cảnh 7, Trưởng 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 7, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, nghiệp 17, Quả 1, Thực 17, Quyền 17, Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 17.

363.

Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 4, Hỗ tương 4, Y chỉ 4, Cận y 4, Tiền sanh 4, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 3, Tương ưng 4, Bất tương ưng 4, Hiện hữu 4, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 4.

Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1 tóm tắt,... có Bất ly 1.

364.

Phi Nghiệp duyên có Nhân 7,... Cảnh 7, Trưởng 7, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 7, Hỗ tương 7, Y chỉ 7, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 7, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 7, Bất tương ưng 7, Hiện hữu 7, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7.

365.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

366.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, có Đồng sanh 1,... Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Thực 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1... tóm tắt ...

367.

Phi Quả duyên có Nhân 17,... Cảnh 7, Trưởng 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 7, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 7, nghiệp 17, Thực 17, Quyền 17, Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 17.

368.

Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 4, Hỗ tương 4, Y chỉ 4, Cận y 4, Tiền sanh 4, Cố hưởng 4, Nghiệp 4, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 3, Tương ưng 4, Bất tương ưng 4, Hiện hữu 4, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 4.

369.

Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Nghiệp 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1... tóm tắt ...

370.

Phi Thực duyên có Đồng sanh 1,... Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Nghiệp 1, Quyền 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1... tóm tắt ...

371.

Phi Quyền duyên có Đồng sanh 1,... Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Nghiệp 1, Thực 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1... tóm tắt ...

372.

Phi Thiền duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Tiền sanh 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

373.

Phi Thiền duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, có Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Nghiệp 1, Thực 1, Quyền 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

374.

Phi Đạo duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

375.

Phi Đạo duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, có Đồng sanh 1,... Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1, tóm tắt,...

376.

Phi Tương ưng duyên có Nhân 5,... Trưởng 5, Đồng sanh 5, Hỗ tương 1, Y chỉ 5, Nghiệp 5, Quả 1, Thực 1, Quyền 5, Thiền 5, Đạo 5, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 5, Bất ly 5.

Phi Tương ưng duyên cùng Nhân duyên có Đồng sanh 1, tóm tắt,... Bất ly 1.

377.

Phi Bất tương ưng duyên có Nhân 3,... Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

378.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Cố hưởng 1, Nghiệp 2, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 2, Hiện hữu 2, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 2.

379.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, Cảnh duyên có Đồng sanh 1,... Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Nghiệp 1, Thực 1, Quyền 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1... tóm tắt ...

Phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên cũng như phi Cảnh duyên.

Dứt phần ỷ trượng (paccayavara) đối lập thuận tùng.

Phần Y Chỉ *(Nissayavāra)*

380.

* Pháp thiện y chỉ pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn y chỉ *(nissaya)* 1 uẩn thiện, 1 uẩn y chỉ 3 uẩn, 2 uẩn y chỉ 2 uẩn.
* Pháp vô ký y chỉ pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhanarūpa)* y chỉ uẩn thiện.
* Thiện và vô ký y chỉ pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 1 uẩn thiện, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 2 uẩn.

381.

* Pháp bất thiện y chỉ pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn y chỉ 1 uẩn bất thiện... 2 uẩn y chỉ 2 uẩn.
* Pháp vô ký y chỉ pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh y chỉ uẩn bất thiện.
* Pháp bất thiện và vô ký y chỉ pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 1 uẩn bất thiện... 2 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 2 uẩn.

382.

* Pháp vô ký y chỉ pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 1 uẩn vô ký quả vô ký tố, 1 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)* y chỉ 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn và sắc tục sinh y chỉ 3 uẩn, 2 uẩn và sắc tục sinh y chỉ 2 uẩn. Vật (sắc nương trái tim) y chỉ uẩn, uẩn y chỉ vật *(hadayavatthu)*. 3 sắc đại sung *(Nahābhūrarūpa)* y chỉ 1 sắc đại sung, 1 sắc đại

sung y chỉ 3 sắc đại sung, 2 sắc đại sung y chỉ 2 sắc đại sung. Uẩn vô ký quả vô ký tố y chỉ vật.

- Pháp thiện y chỉ pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: Chư uẩn thiện y chỉ vật (sắc nương trái tim).
- Pháp bất thiện y chỉ pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: Các uẩn bất thiện y chỉ vật *(hadayavatthu).*
- Pháp thiện và vô ký y chỉ pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: Chư uẩn thiện và sắc nương tâm sanh nương sắc đại sung y chỉ vật (sắc nương trái tim).
- Pháp bất thiện và vô ký y chỉ pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: Chư uẩn bất thiện và sắc tâm sanh nương đại sung y chỉ vật.

383.

- Pháp thiện y chỉ pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn y chỉ 1 uẩn thiện và vật (sắc nương trái tim)... 2 uẩn y chỉ 2 uẩn và vật.
- Pháp vô ký y chỉ pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh y chỉ uẩn thiện và sắc đại sung.
- Pháp thiện và vô ký y chỉ pháp thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn y chỉ 1 uẩn thiện và vật... 2 uẩn nương (y chỉ) 2 uẩn và vật, sắc nương tâm sanh y chỉ uẩn thiện và sắc đại sung.
- Pháp bất thiện y chỉ pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn y chỉ 1 uẩn bất thiện và vật... 2 uẩn nương 2 uẩn và vật (sắc nương trái tim).
- Pháp vô ký y chỉ pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh y chỉ uẩn bất thiện và sắc đại sung.
- Pháp bất thiện và vô ký y chỉ pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn y chỉ 1 uẩn bất thiện và vật... 2 uẩn nương 2 uẩn và vật (sắc nương trái tim), sắc nương tâm sanh y chỉ uẩn bất thiện và sắc đại sung.

384.

Nhân duyên có 17 (câu), Cảnh duyên 7, Trưởng duyên 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 7, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 7, Nghiệp 17, Quả 1, Thực 17, Quyền 17, Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly duyên 17.

Dứt phần y chỉ thuận tùng

385.

- Pháp bất thiện y chỉ pháp bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật y chỉ *(nisssaya)* uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.
- Pháp vô ký y chỉ pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 1 uẩn vô ký quả vô ký tố vô nhân *(ahetuka),* 1 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 3 uẩn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh y chỉ 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh vô nhân 3 uẩn và sắc tục sinh y chỉ 1 uẩn vô ký quả... 2 uẩn và sắc tục sinh y chỉ 2 uẩn, uẩn y chỉ vật, vật y chỉ uẩn, 3 sắc đại sung y chỉ 1 sắc đại sung... sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc thủ y chỉ sắc đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương và cõi Vô tưởng... sắc tục sinh và sắc thủ y chỉ sắc đại sung. Nhãn thức y chỉ nhãn xứ... thân thức y chỉ thân xứ. Các uẩn vô ký quả vô ký tố vô nhân y chỉ vật *(hadayavatthu).*
- Pháp bất thiện y chỉ pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật y chỉ vật.

386.

Pháp bất thiện y chỉ pháp bất thiện và vô ký sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật y chỉ uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật và vật (sắc nương trái tim).

387.

Phi Nhân duyên có 4, phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sinh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Dứt phần y chỉ đối lập

388.

Trong Nhân duyên có phi Cảnh 5 (câu),... phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sinh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Dứt phần y chỉ thuận tùng, đối lập

389.

Phi Nhân duyên có Cảnh trong 4 (câu),... Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 4, Hỗ tương 4, Y chỉ 4 Cận y 4, Tiền sinh 4, Cố hưởng 4, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 3, Tương ưng 4, Bất tương ưng 4, Hiện hữu 4, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 4.

Dứt phần y chỉ đối lập thuận tùng.

Ý nghĩa y chỉ *(nissayavāra)* là ý nghĩa ỷ trượng.
Ý nghĩa ỷ trượng *(paccayavāra)* là ý nghĩa y chỉ.

Phần Hỗn Hợp *(Saṃsaṭṭhavāra)*

390.

* Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn hỗn hợp *(saṃsaṭṭha)* 1 uẩn thiện, 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.
* Pháp bất thiện hỗn hợp pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn hỗn hợp *(saṃsaṭṭha)* 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.
* Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn vô ký quả vô ký tố, 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.

391.

Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do Cảnh duyên... Trưởng duyên...
Trong sát-na tục sinh không có Trưởng duyên.
Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên tất cả vừa kể đều giống phần nhân căn.

392.

* Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn hỗn hợp *(saṃsaṭṭha)* 1 uẩn thiện, 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn thuộc Vật sanh tiền duyên.
* Pháp bất thiện hỗn hợp pháp bất thiện sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn thuộc Vật sanh tiền duyên.
* Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do Tiền sanh duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn vô ký quả vô ký tố, 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn thuộc Vật sanh tiền duyên.

393.

* ... Hỗn hợp pháp thiện... pháp bất thiện ...

∗ Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do Cố hưởng duyên:... hỗn hợp uẩn vô ký tố *(abyākatakiriyā)*...

394.

∗ Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do Nghiệp duyên:... hỗn hợp pháp bất thiện... hỗn hợp pháp vô ký...

∗ Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do Quả duyên: ... Vô ký quả ...

395.

∗ Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do Thực duyên:... Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, những duyên này cũng như Nhân duyên.

396.

∗ Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do Bất tương ưng duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn thiện... 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn do vật Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp bất thiện... do vật Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô ký... do vật Bất tương ưng duyên.

397.

Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do Hiện hữu duyên... Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên... như Nhân duyên.

398.

Trong Nhân duyên có 3 (câu), Cảnh duyên có 3, Trưởng duyên có 3, Vô gián duyên có 3, Liên tiếp duyên có 3, Đồng sanh duyên 3, Hỗ tương duyên 3, Y chỉ duyên 3, Cận y duyên 3, Tiền sanh duyên 3, Cố hưởng duyên 3, Nghiệp duyên 3, Quả duyên 1, Thực duyên 3, Quyền duyên 3, Thiền duyên 3, Đạo duyên 3, Tương ưng duyên 3, Bất tương ưng duyên 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

Nhân duyên có Cảnh trong 3 câu. Phần nhân căn nên sắp rộng.

399.

Cố hưởng duyên có Nhân 3,... có Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

400.

Quả duyên có Nhân 1,... Cảnh 1, Trưởng 1, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Tiền sanh 1, Nghiệp 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Đạo 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

Dứt phần hỗn hợp thuận tùng.

401.

∗ Pháp bất thiện hỗn hợp pháp bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật hỗn hợp uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn vô ký quả vô ký tố vô Nhân, 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh vô nhân 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.

402.

Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do phi Trưởng duyên... phi Tiền sanh duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn thiện nơi Vô sắc... 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.

403.

∗ Pháp bất thiện... pháp vô ký...

* Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do phi Hậu sanh duyên: 3 câu... do phi Cố hưởng duyên: 3 câu ...

404.

* Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* thiện hỗn hợp uẩn thiện.
* Pháp bất thiện hỗn hợp pháp bất thiện sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* bất thiện hỗn hợp uẩn bất thiện.
* Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* vô ký tố hỗn hợp uẩn vô ký tố *(kiriyā)*.

405.

* ... Hỗn hợp pháp thiện... hỗn hợp pháp bất thiện ...
* Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do phi Quả duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn vô ký tố.

Trong hỗn hợp phân tích đối lập không có phi Nghiệp, phi Quả, tục sinh. Còn tất cả ngoài ra đều có.

406.

Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do phi Thiền duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn đồng sanh ngũ song thức... 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.

407.

Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do phi Đạo duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn vô ký quả vô ký tố vô nhân... 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh vô nhân.

408.

* Pháp thiện hỗn hợp pháp thiện sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn thiện nơi Vô sắc... 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.
* Pháp bất thiện hỗn hợp pháp bất thiện sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn bất thiện nơi Vô sắc... 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.
* Pháp vô ký hỗn hợp pháp vô ký sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn vô ký quả vô ký tố nơi Vô sắc... 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn. Phi Bất tương ưng duyên không có tục sinh.

409.

Phi Nhân có 2, phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

410.

Phi Nhân duyên có phi Trưởng 2,... phi Tiền sinh 2, phi Hậu sinh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

411.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên có phi Tiền sinh trong 2 (câu),... phi Hậu sinh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

412.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên có phi Hậu sinh 2,... phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

413.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên có phi Nghiệp 1,... phi Quả 2, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

414.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên có phi Quả 1,... phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1.

415.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Đạo duyên có phi Bất tương ưng 1.

416.

Phi Trưởng duyên có phi Nhân 2,... phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

417.

Phi Trưởng duyên cùng phi Nhân duyên có phi Tiền sinh trong 2 (câu)... phi Hậu sinh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

418.

Phi Tiền sinh duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

419.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên có phi Trưởng 2,... phi Hậu sinh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2... tóm tắt ...

420.

Phi Hậu sanh duyên... phi Cố hưởng duyên, có phi 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

421.

Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên có phi Trưởng 2,... phi Tiền sinh 2, phi Hậu sinh 2, phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng... tóm tắt ...

422.

Phi Nghiệp duyên có phi Nhân 1,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

423.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên có phi Trưởng 1, phi Tiền sinh 1, phi Hậu sinh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quả 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, tóm tắt,...

424.

Phi Quả duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

425.

Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên có phi Nghiệp 1,... phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

426.

Phi Thiền duyên có phi Nhân 1,... phi Trưởng 1, phi Hậu sinh 1, phi Cố hưởng 1, phi Đạo 1.

427.

Phi Thiền duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên có phi Đạo 1.

428.

Phi Đạo duyên có phi Nhân 1,... phi Trưởng 1, phi Tiền sinh 1, phi Hậu sinh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thiền 1, phi Bất tương ưng 1,... tóm tắt...

429.

Phi Bất tương ưng duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Đạo 1.

430.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên có phi Trưởng 2,... phi Tiền sinh 2, phi Hậu sinh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Đạo 1.

431.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên có phi Đạo 1.

Dứt cách đối lập

432.

Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

433.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên có phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

434.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Trưởng duyên có phi Tiền sinh 3,... phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

435.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên, Trưởng duyên, Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sinh duyên có phi Hậu sinh 3,... phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3.

436.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên tóm tắt,... Tiền sinh duyên, Cố hưởng duyên có phi Hậu sinh 3,... phi Nghiệp 3, phi Quả 3.

437.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên tóm tắt,... Tiền sinh duyên, Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên tóm tắt,... Bất ly duyên có phi Hậu sinh 3,... phi Quả 3.

438.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên tóm tắt,... Tiền sinh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên có phi Hậu sinh 1,... phi Cố hưởng 1.

439.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên tóm tắt,... Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên, tóm tắt,... Bất ly duyên có phi Hậu sanh 1,... phi Cố hưởng 1.

440.

Cảnh duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

Cảnh duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3... tóm tắt.

441.

* Trưởng duyên có phi Tiền sanh 3,... phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.
* Trưởng duyên cùng Nhân duyên, tóm tắt,... Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên nên sắp rộng như phần cảnh căn.

442.

Tiền sanh duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1.

443.

Tiền sanh duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3... tóm tắt...

444.

Cố hưởng duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

445.

Cố hưởng duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3... tóm tắt,...

446.

* Nghiệp duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.
* Nghiệp duyên cùng Nhân duyên có Trưởng 3... tóm tắt...

447.

* Quả duyên có phi Nhân 1,... phi Trưởng 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1.
* Quả duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 1, tóm tắt,...

448.

* Thực duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.
* Thực duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3... tóm tắt,...

449.

* Quyền duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.
* Quyền duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3... tóm tắt,...

450.

* Thiền duyên có phi Nhân 2... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.
* Thiền duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3... tóm tắt,...

451.

* Đạo duyên có phi Nhân 1,... phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.
* Đạo duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3... tóm tắt...

452.

* Tương ưng duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 3, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.
* Tương ưng duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3... tóm tắt,...

453.

Bất tương ưng duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sinh 1, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1.

454.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sinh 1, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3.

455.

* Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sinh 1, phi Hậu sinh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3.
* Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, Cảnh duyên, tóm tắt,... Tiền sanh duyên có phi Hậu sanh 3,... phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3.
* Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên... tóm tắt,... Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên,... tóm tắt,... Bất ly duyên có phi Hậu sanh 3,... phi Quả 3.
* Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên... tóm tắt,... Tiền sanh duyên, Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên... tóm tắt,... Bất ly duyên có phi Hậu sanh 1... phi Cố hưởng 1.

456.

Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên nên phân rộng như phần cảnh căn.

Dứt cách thuận tùng, đối lập

457.

Phi Nhân duyên có Cảnh trong 2 (câu),... Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Tiền sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 2, Quả 1, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 2, Bất tương ưng 2, Hiện hữu 2, Vô hữu 2, Ly 2. Bất ly 2.

458.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên có Cảnh 2... tóm tắt,... Bất ly 2 (tất cả đều có 2).

459.

Phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Cố hưởng 1, Nghiệp 2, Quả 1, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 2, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 2, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 2.

460.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1 (tất cả đều có 1).

461.

* Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Đạo duyên, phi Bất tương ưng duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sinh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.
* Phi Quả duyên, phi Đạo duyên, phi Bất tương ưng duyên cũng như phi Nghiệp duyên.

462.

* Phi Trưởng duyên có Nhân 3,... Cảnh 3... tóm tắt,... Bất ly 3.
* Phi Trưởng duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 2... tóm tắt,... Bất ly 2.

Phần phi trưởng căn có phi Nhân nên sắp theo như phần phi nhân căn.

463.

Phi Tiền sanh duyên có Nhân 3,... Cảnh 3... tóm tắt,... Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1.

Nên sắp rộng mỗi bài theo đây không có chép để, đều có ba vấn đề.

Phần phi Tiền sanh căn cứ sắp y như Cố hưởng và Đạo, đều có 2 vấn đề, ngoài ra đều như phi Nhân duyên. Còn phi Hậu sanh duyên sắp đều đủ như phi Trưởng duyên.

464.

Phi Nghiệp duyên có Nhân 3,... Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

465.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

466.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

Những câu ngoài ra nên sắp cho rộng theo phương tiện này,... tóm tắt,...

467.

* Phi Quả duyên có Nhân 3... tóm tắt,... nên sắp đầy đủ... Bất ly 3.
* Phi Quả duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Cố hưởng 1, Nghiệp 2, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 2, Hiện hữu 2, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 2.

Phần phi quả căn chỉ khác nhau như thế, còn ngoài ra đều như phần phi nhân căn.

468.

Phi Thiền duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Tiền sanh 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

469.

Phi Thiền duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Đạo duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Tiền sanh 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

470.

Phi Đạo duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1,... Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

471.

* Phi Đạo duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.
* Phi Đạo duyên cùng phi Nhân duyên... tóm tắt ...

472.

Phi Bất tương ưng duyên có Nhân 3,... có Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

473.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Cố hưởng 1, Nghiệp 2, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 2, Hiện hữu 2, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 2.

474.

* Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên cũng như trong phần phi Cố hưởng căn *(āsevanamūlakaṃ)* phi Nhân căn.
* Phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Đạo duyên cả 3 duyên này làm căn *(mūla)* đồng như một.... có Cảnh 1, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

Dứt cách đối lập, thuận tùng
Hết phần hỗn hợp (saṃsatthavāra)

Phần Tương Ưng *(Sampayuttavāro)*

475.

Pháp thiện tương ưng pháp thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn tương ưng *(sampayutta)* 1 uẩn thiện, 1 uẩn tương ưng 3 uẩn, 2 uẩn tương ưng 2 uẩn.

476.

Pháp bất thiện tương ưng pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn tương ưng 1 uẩn bất thiện, 1 uẩn Tương ưng 3 uẩn, 2 uẩn tương ưng 2 uẩn.

477.

Pháp vô ký tương ưng pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn tương ưng 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố; 1 uẩn tương ưng 3 uẩn; 2 uẩn tương ưng 2 uẩn. Trong sát-na tục sinh: 3 uẩn tương ưng 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn tương ưng 3 uẩn, 2 uẩn tương ưng 2 uẩn... tóm tắt ...

478.

Nhân có 3 câu, Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

479.

Pháp bất thiện tương ưng pháp bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật tương ưng với uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

480.

Pháp vô ký tương ưng pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn tương ưng 1 uẩn vô ký quả vô ký tố vô Nhân, 1 uẩn tương ưng 3 uẩn, 2 uẩn tương ưng 2 uẩn; trong sát-na tục sinh vô nhân 3 uẩn tương ưng 1 uẩn vô ký quả, 1 uẩn tương ưng 3 uẩn, 2 uẩn tương ưng 2 uẩn... tóm tắt ...

481.

Phi Nhân có 2 (câu), phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

Dứt cách đối lập

482.

Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

Dứt cách thuận tùng, đối lập

483.

∗ Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Tiền sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 2, Quả 1, Thực 2, Quyền 2, Thiền 1, Đạo 1, Tương ưng 2, Bất tương ưng 2, Hiện hữu 2, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 2.

Dứt cách đối lập, thuận tùng (paccanīkyānuloma)
Hết phần tương ưng (sampayuttavāra)

Ý nghĩa tương ưng là ý nghĩa hỗn hợp *(samsatthavāra)*
Ý nghĩa hỗn hợp là ý nghĩa tương ưng *(sampayuttavara)*

Phần Vấn Đề Phân Giải (Phần Yếu Tri) *(Pañhavāra)*

A/. Đếm thuận tùng nơi vấn đề

Nhân Duyên

484.

∗ Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Nhân duyên: Các nhân thiện làm duyên *(paccaya)* cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.
∗ Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Nhân duyên: Các nhân thiện làm duyên *(paccaya)* cho sắc nương tâm *(cittasamuṭṭhāna rūpa)* sanh bằng Nhân duyên.
∗ Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và pháp vô ký bằng Nhân duyên: Các uẩn thiện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

485.

∗ Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Nhân duyên: Các nhân bất thiện làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.
∗ Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Nhân duyên: Các nhân bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
∗ Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Nhân duyên: Các nhân bất thiện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

486.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Nhân duyên: Các nhân vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên. Trong sát-na tục sinh: Các nhân vô ký quả làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

Cảnh Duyên

487.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện trì ngũ giới, thọ thanh tịnh giới rồi nhớ lại thiện đó, phản khán những phước thiện chất chứa trước.
- Sau khi xuất thiền phản khán lại thiền.
- Bậc hữu học *(sekkhā)* phản khán biến thành *(gotrabhū)*. Phản khán thanh trừ *(vodāna)*.
- Bậc hữu học sau khi đắc đạo phản khán đạo.
- Bậc hữu học hoặc phàm phu quán xét vô thường, khổ não, vô ngã biết đầy đủ tâm thiện bằng tha tâm thông *(cetopariyañāṇa)*
- Tâm thiện Không vô biên xứ *(Ākāsānañcāyatana)* làm duyên cho tâm thiện Thức vô biên xứ *(Viññāṇānañcāyatanakusala)* bằng Cảnh duyên.
- Tâm thiện Vô sở hữu xứ *(Ākiñcaññāyatana)* làm duyên cho tâm thiện Phi tưởng phi phi tưởng xứ *(Nevasaññānāsaññāyatana)* bằng Cảnh duyên.

- Các uẩn thiện làm duyên cho thần thông *(iddhividhañāṇa),* tha tâm thông *(cetopariyañāṇa),* túc mạng thông *(pubbenivāsānussatiñāna),* tùy nghiệp thông *(yathākammūpagañāṇa),* vị lai thông *(anāgataṁsañāṇa)* bằng Cảnh duyên.

488.

Pháp thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện trì ngũ giới, thanh tịnh giới rồi vui mừng thỏa thích đó mở mối cho tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra.
- Hay vui mừng thỏa thích những phước thiện tạo chứa trước kia đó mở mối cho tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra.
- Sau khi xuất thiền vui thích thiền ấy mở mối cho tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật sanh ra.
- Người nóng nảy thiền hoại, sân phát sanh.

489.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Cảnh duyên:

- Sau khi đắc quả A-la-hán phản khán quả, phản khán những phước thiện tạo chứa trước kia.
- Quan sát tỏ ngộ thiện bằng vô thường, khổ não, vô ngã hiểu rõ đủ tâm thiện bằng tha tâm thông.
- Bậc hữu học hoặc phàm phu quán sát tỏ ngộ tâm thiện bằng vô thường, khổ não, vô ngã, sau khi tâm thiện ấy diệt thì tâm quả mót sanh ra.
- Sự vui mừng hớn hở thiện ấy mở mối cho tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra. Sau khi bất thiện diệt rồi thì tâm mót là quả sanh ra.
- Tâm thiện Không vô biên xứ làm duyên cho tâm Thức vô biên xứ quả hoặc tố *(kirayā)* bằng Cảnh duyên.
- Tâm thiện Vô sở hữu xứ làm duyên cho tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ quả hoặc tố bằng Cảnh duyên.
- Các uẩn thiện làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và tâm khán môn bằng Cảnh duyên.

490.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cảnh duyên:

- Tham ái, vui mừng, thỏa thích đó mở mối cho tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra.
- Tà kiến, vui mừng, thỏa thích đó mở mối cho tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra.
- Hoài nghi mở mối cho hoài nghi, tà kiến, phóng dật và ưu sanh ra.
- Phóng dật mở mối cho phóng dật, tà kiến, hoài nghi và ưu sanh ra.
- Ưu mở mối cho ưu tà kiến, hoài nghi và phóng dật sanh ra.

491.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp thiện sanh ra bằng Cảnh duyên:

- Bậc hữu học phản khán phiền não bị hạn chế bớt, hiểu rõ phiền não trước kia đã từng sanh.
- Bậc hữu học hoặc phàm phu quán sát tỏ ngộ pháp bất thiện bằng vô thường, khổ não, vô ngã, biết rõ đầy đủ tâm bất thiện bằng tha tâm thông
- Các uẩn bất thiện làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và tâm khán môn bằng Cảnh duyên.

492.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Cảnh duyên:
- Bậc La-Hán phản khán phiền não đã trừ và mở mối phiền não từng sanh trước kia. Quán sát rõ bất thiện bằng vô thường, khổ não, vô ngã. Tâm hiểu đầy đủ tâm bất thiện bằng tha tâm thông.
- Bậc hữu học hoặc phàm phu quán rõ pháp bất thiện bằng vô thường, khổ não, vô ngã. Pháp bất thiện vừa diệt kế đó có tâm mót là quả sanh ra.
- Vui mừng, thỏa thích tâm bất thiện ấy mở mối cho tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra. Tâm bất thiện vừa diệt hết thì tâm mót là quả sanh ra.
- Các uẩn bất thiện làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và tâm khán môn bằng Cảnh duyên.

493.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Cảnh duyên:
- La-Hán phản khán quả, phản khán Níp Bàn và Níp Bàn làm duyên cho tâm quả và tâm khán môn bằng Cảnh duyên.
- Bậc La-Hán quán rõ nhãn bằng vô thường, khổ não, vô ngã. Nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật (sắc nương trái tim), quán rõ uẩn vô ký quả, vô ký tố bằng vô thường, khổ não, vô ngã.
- Thấy sắc bằng thiên nhãn, nghe tiếng bằng thiên nhĩ, tha tâm thông biết đầy đủ tâm vô ký quả và vô ký tố.
- Không vô biên xứ tố làm duyên cho Thức vô biên xứ tố bằng Cảnh duyên.
- Vô sở hữu xứ tố làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ tố bằng Cảnh duyên.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Cảnh duyên.
- Thinh xứ làm duyên cho nhĩ thức, khí xứ làm duyên cho tỷ thức, vị xứ làm duyên cho thiệt thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.
- Các uẩn vô ký làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông và tâm khán môn bằng Cảnh duyên.

494.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Cảnh duyên:
- Bậc hữu học phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho biến thành *(gotrabhū)*, thanh trừ *(vodāna)* và đạo bằng Cảnh duyên.
- Bậc hữu học hoặc phàm phu quán rõ nhãn bằng vô thường, khổ não, vô ngã, nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc và vật (sắc nương trái tim), quán rõ những uẩn vô ký quả, vô ký tố bằng vô thường, khổ não, vô ngã.
- Thấy sắc bằng thiên nhãn, nghe tiếng bằng thiên nhĩ, biết đầy đủ tâm vô ký quả và vô ký tố bằng tha tâm thông.
- Các uẩn vô ký làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

495.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cảnh duyên:
- Thỏa thích, vui mừng, nhãn đó khai đoan cho ái dục, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra.
- Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc và vật (sắc nương trái tim) thỏa thích, vui mừng các uẩn vô ký quả và vô ký tố đó mở mối cho ái dục, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra.

Trưởng Duyên

496.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Trưởng duyên (có 2: Cảnh trưởng duyên và Trưởng đồng sanh duyên):

+ Cảnh trưởng như là sau khi bố thí, nguyện ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới đó rồi nặng chấp nhớ.
  - Trước kia chấp chứa để phước thiện rồi chấp nhớ.
  - Xuất thiền rồi sao nặng chấp nhớ thiền.
  - Bậc hữu học sau nặng chấp nhớ lại tâm biến thành *(gotrabhū)* sau chấp nhớ tâm thanh trừ *(vodāna)*.
  - Bậc hữu học xuất ra khỏi đạo sau nặng chấp nhớ đạo.
+ Trưởng đồng sanh như là thiện trưởng làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

497.

Pháp thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Trưởng duyên:

+ Cảnh trưởng như là sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới ấy rồi nặng chấp nhớ vui mừng, thỏa thích do đã chấp đó tham ái, tà kiến phát sanh.
  - Phước thiện chứa để trước kia rồi nặng chấp vui mừng, thỏa thích do chấp đó tham ái, tà kiến phát sanh.
  - Sau khi xuất thiền đã nặng chấp thiền vui mừng, thỏa thích do chấp cứng ấy tham ái, tà kiến phát sanh.

498.

∗ Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Trưởng duyên (chia 2: Cảnh trưởng duyên và Trưởng đồng sanh duyên):
  - Cảnh trưởng như là La-hán sau khi xuất đạo rồi nặng về sự phản khán đạo.
  - Trưởng đồng sanh như là thiện trưởng làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Trưởng duyên
  - Trưởng đồng sanh như là thiện trưởng làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

499.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Trưởng duyên (có 2: Cảnh trưởng duyên và Trưởng đồng sanh duyên):

- Cảnh trưởng như là tham ái nặng rồi thỏa thích vui mừng đã làm nặng đó ái dục, tà kiến phát sanh. Vui mừng, thỏa thích tà kiến nặng đã làm đó, ái dục, tà kiến sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như là bất thiện trưởng làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

500.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Trưởng duyên.

Trưởng đồng sanh như là trưởng bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

501.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như là trưởng bất thiện làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

502.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Trưởng duyên (có 2: Cảnh trưởng duyên và Trưởng đồng sanh duyên):
- Cảnh trưởng như là La-hán đã nặng phản khán quả, đã nặng phản khán Níp Bàn thì Níp Bàn làm duyên cho quả bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như là vô ký quả, vô ký tố trưởng làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

503.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Trưởng duyên:

Cảnh trưởng như là bậc hữu học đã nặng phản khán quả, đã nặng phản khán Níp Bàn thì Níp Bàn làm duyên cho tâm biến thành *(gotrabhū)*, tâm thanh trừ *(vodāna)* và đạo bằng Trưởng duyên.

504.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Trưởng duyên:

Cảnh trưởng như là đã nặng về nhãn thỏa thích vui mừng, do đã nặng đó tham ái, tà kiến phát sanh. Nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật (sắc nương trái tim) đã nặng các uẩn vô ký quả, vô ký tố thỏa thích vui mừng, do đã nặng đó tham ái, tà kiến phát sanh.

Vô Gián Duyên

505.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Vô gián duyên:
- Những uẩn thiện sanh trước trước làm duyên cho những uẩn thiện sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận tùng *(anuloma)* làm duyên cho tâm biến thành *(gotrabhū)*.
- Tâm thuận tùng *(anuloma)* làm duyên cho tâm thanh trừ *(vodāna)*.
- Tâm biến thành *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo.
- Tâm thanh trừ *(vodāna)* làm duyên cho đạo đều bằng Vô gián duyên.

506.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Vô gián duyên:
- Thiện làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.
- Đạo làm duyên cho quả *(phala)*.
- Tâm thuận tùng của bậc hữu học làm duyên cho tâm quả khi nhập thiền quả.
- Còn khi xuất thiền diệt, tâm thiện Phi tưởng phi phi tưởng làm duyên cho tâm quả bằng Vô gián duyên.

507.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Vô gián duyên: Các uẩn bất thiện sanh trước trước làm duyên cho các uẩn bất thiện sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

508.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Vô gián duyên: Bất thiện làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

509.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Vô gián duyên: Các uẩn vô ký quả, vô ký tố sanh trước trước làm duyên cho các uẩn vô ký quả, vô ký tố sanh sau sau bằng Vô gián duyên:
- Tâm hộ kiếp làm duyên cho tâm khán môn.
- Tâm tố làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.
- Tâm thuận tùng của La-hán làm duyên cho tâm tứ quả khi nhập thiền quả.

- Khi xuất thiền diệt, tâm tố phi Tưởng phi phi tưởng làm duyên cho tâm tứ quả bằng Vô gián duyên.

510.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Vô gián duyên: Tâm khán (ý) môn làm duyên cho các uẩn bất thiện bằng Vô gián duyên.

511.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Vô gián duyên: Khán môn làm duyên cho các uẩn thiện bằng Vô gián duyên.

Liên Tiếp Duyên

512.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Liên tiếp duyên:
- Những uẩn thiện sanh trước trước làm duyên cho các uẩn thiện sanh sau sau bằng Liên tiếp duyên.
- Tâm thuận tùng làm duyên cho tâm biến thành *(gotrabhū)*.
- Tâm thuận tùng làm duyên cho tâm thanh trừ *(vodāna)*.
- Tâm biến thành *(gotrabhū)* làm duyên cho tâm đạo.
- Tâm thanh trừ *(vodāna)* làm duyên cho tâm đạo bằng Liên tiếp duyên.

513.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Liên tiếp duyên:
- Thiện làm duyên cho dị thục quả *(vuṭṭhāna)*.
- Đạo làm duyên cho quả *(phala)*.
- Khi nhập thền quả, tâm thuận tùng của bậc hữu học làm duyên cho quả.
- Khi xuất thiền diệt, tâm thiện Phi tưởng phi phi tưởng làm duyên cho tâm quả (thứ 3) bằng Liên tiếp duyên.

514.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Liên tiếp duyên: Các uẩn bất thiện sanh trước trước làm duyên cho các uẩn bất thiện sanh sau sau bằng Liên tiếp duyên.

515.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Liên tiếp duyên: Bất thiện làm duyên cho quả dị thục *(vuṭṭhāna)* bằng Liên tiếp duyên.

516.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Liên tiếp duyên:
- Các uẩn vô ký quả, vô ký tố sanh trước trước làm duyên cho các uẩn vô ký quả, vô ký tố sanh sau sau bằng Liên tiếp duyên.
- Tâm hộ kiếp làm duyên cho tâm khán môn bằng Liên tiếp duyên.
- Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả dị thục *(vuṭṭhāna)* bằng Liên tiếp duyên.
- Khi nhập thền quả, tâm thuận tùng của La-hán làm duyên cho quả thứ tư.
- Khi xuất thiền diệt, tâm tố Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho tâm nhập thiền tứ quả bằng Liên tiếp duyên.

517.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Liên tiếp duyên: Tâm khán (ý) môn làm duyên cho uẩn thiện bằng Liên tiếp duyên.

518.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Liên tiếp duyên: Tâm khán (ý) môn làm duyên cho uẩn bất thiện bằng Liên tiếp duyên.

Đồng Sanh Duyên

519.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

520.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Đồng sanh duyên: Uẩn thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

521.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn thiện làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

522.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn bất thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

523.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Đồng sanh duyên: Các uẩn bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

524.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn bất thiện làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

525.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- Trong sát-na tục sinh: 1 uẩn vô ký quả làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Đồng sanh duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc tục sinh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc tục sinh bằng Đồng sanh duyên.
- Uẩn làm duyên cho vật *(hadayavatthu)* bằng Đồng sanh duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Đồng sanh duyên.
- 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung bằng Đồng sanh duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên.
- Sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc thủ bằng Đồng sanh duyên.
- 1 sắc đại sung ngoại làm duyên cho 3 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên.
- Sắc đại sung làm duyên cho sắc thủ bằng Đồng sanh duyên.
- 1 sắc đại sung nương vật thực sanh làm duyên cho 3 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên.

- Sắc đại sung làm duyên cho sắc thủ bằng Đồng sanh duyên.
- 1 sắc đại sung nương âm dương sanh làm duyên cho 3 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên.
- Sắc đại sung làm duyên cho sắc thủ bằng Đồng sanh duyên.
- 1 sắc đại sung nơi Vô tưởng làm duyên cho 3 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Đồng sanh duyên, sắc đại sung làm duyên cho sắc tục sinh và sắc thủ bằng Đồng sanh duyên.

526.

Pháp thiện và vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Đồng sanh duyên: Các uẩn thiện và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

527.

Pháp bất thiện và vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Đồng sanh duyên: Những uẩn bất thiện và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

Hỗ Tương Duyên

528.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Hỗ tương duyên: 1 uẩn thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.

529.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Hỗ tương duyên: 1 uẩn bất thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.

530.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Hỗ tương duyên:

- 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.
- Trong sát-na tục sinh: 1 uẩn vô ký quả làm duyên cho 3 uẩn và vật *(hadayavatthu)* bằng Hỗ tương duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên.
- Uẩn làm duyên cho vật *(hadayavatthu)* bằng Hỗ tương duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Hỗ tương duyên.
- 1 sắc đại sung làm duyên cho 3 sắc đại sung bằng Hỗ tương duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Hỗ tương duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Hỗ tương duyên.
- Sắc ngoại, sắc nương vật thực sanh, sắc nương âm dương sanh….
- 1 sắc đại sung Vô tưởng làm duyên cho 3 sắc đại sung bằng Hỗ tương duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Hỗ tương duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Hỗ tương duyên.

Y Chỉ Duyên

531.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Y chỉ duyên: 1 uẩn thiện làm duyên cho 3 uẩn thiện bằng Y chỉ duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Y chỉ duyên.

532.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Y chỉ duyên: Uẩn thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

533.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Y chỉ duyên: 1 uẩn thiện làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

534.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Y chỉ duyên: 1 uẩn bất thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Y chỉ duyên.

535.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Y chỉ duyên: Các uẩn thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

536.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Y chỉ duyên: 1 uẩn bất thiện làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

537.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Y chỉ duyên:

- 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.
- Trong sát-na tục sinh: 1 uẩn vô ký quả làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Y chỉ duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và và sắc tục sinh bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và và sắc tục sinh bằng Y chỉ duyên.
- Uẩn làm duyên cho vật bằng Y chỉ duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Y chỉ duyên.
- 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung bằng Y chỉ duyên, 3 đại sung làm duyên cho 1 đại sung bằng Y chỉ duyên, 2 đại sung làm duyên cho 2 đại sung bằng Y chỉ duyên.
- Sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh, sắc thủ bằng Y chỉ duyên.
- Sắc ngoại, sắc nương vật thực sanh, sắc nương âm dương sanh….
- 1 sắc đại sung Vô tưởng làm duyên cho 3 sắc đại sung bằng Y chỉ duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Y chỉ duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Y chỉ duyên.
- Sắc đại sung làm duyên cho sắc tục sinh và sắc thủ bằng Y chỉ duyên.
- Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Y chỉ duyên, nhĩ xứ... tỷ xứ... thiệt xứ... thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Y chỉ duyên.
- Vật (sắc nương trái tim) làm duyên cho những uẩn vô ký quả và vô ký tố bằng Y chỉ duyên.

538.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Y chỉ duyên: Vật (sắc nương trái tim) làm duyên cho những uẩn thiện bằng Y chỉ duyên.

539.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Y chỉ duyên: Vật (sắc nương trái tim) làm duyên cho các uẩn bất thiện bằng Y chỉ duyên.

540.

Pháp thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Y chỉ duyên: 1 uẩn thiện và vật (sắc nương trái tim) làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên, 3 uẩn và vật làm duyên cho 1 uẩn bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Y chỉ duyên.

541.

Pháp thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Y chỉ duyên: Uẩn thiện và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

542.

https://images.mtviet.com/sachvidieuphap/Bo-Phap-Tu.pdf

Pháp bất thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Y chỉ duyên: 1 uẩn bất thiện và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên, 3 uẩn và vật làm duyên cho 1 uẩn bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Y chỉ duyên.

543.

Pháp bất thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Y chỉ duyên: Uẩn bất thiện và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

Cận Y Duyên

544.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Cận y duyên (rộng 3: Cảnh cận y *(Ārammaṇūpanissaya),* Vô gián cận y *(Anantarūpanissaya),* Thuần cận y *(Pakatūpanissaya):*

+ Cảnh cận y như là sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới chú trọng đó rồi nhớ lại.
  - Hay là nhớ lại những phước thiện trọng hệ đã làm chứa để trước.
  - Hay sau khi xuất thiền nặng về thiền rồi nhớ lại.
  - Bậc hữu học quan trọng tâm biến thành *(gotrabhū)* sau khi nhớ lại.
  - Quan trọng tâm thanh trừ *(vodāna)* sau khi nhớ lại.
  - Hay bậc hữu học xuất đạo rồi quan trọng đạo sau mới nhớ lại.

+ Vô gián cận y như là các uẩn thiện sanh trước trước làm duyên cho các uẩn thiện sanh sau sau bằng Cận y duyên.
  - Tâm thuận tùng *(anuloma)* làm duyên cho tâm biến thành *(gotrabhū)* bằng Cận y duyên.
  - Tâm thuận tùng làm duyên cho tâm thanh trừ *(vodāna)* bằng Cận y duyên.
  - Tâm biến thành *(gotrabhū)* làm duyên cho tâm đạo bằng Cận y duyên.
  - Tâm thanh trừ *(vodāna)* làm duyên cho đạo bằng Cận y duyên.

+ Thuần cận y như là đức tin thuần cận làm duyên cho bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới có thể làm cho thiền sanh ra, quán *(vipassanā)* phát ra, đạo sanh ra, thần thông sanh ra, vào thiền sanh ra.
  - Giới cận y, văn cận y, xả cận y, trí cận y làm duyên cho bố thí...

- Nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới có thể làm cho thiền phát sanh, pháp quán phát sanh, đạo phát sanh, thần thông phát sanh, sự nhập thiền đặng phát tiến.
- Đức tin cận y như là trì giới, văn, xả... tuệ làm duyên cho đức tin, trì giới, thính pháp, xả và tuệ bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị *(parikamma)* của sơ thiền làm duyên cho sơ thiền bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của nhị thiền làm duyên cho nhị thiền bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của tam thiền làm duyên cho tam thiền bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của tứ thiền làm duyên cho tứ thiền bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của thiền Không vô biên xứ làm duyên cho thiền Không vô biên xứ bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của thiền Thức vô biên xứ làm duyên cho thiền Thức vô biên xứ bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của thiền Vô sở hữu xứ làm duyên cho thiền Vô sở hữu xứ bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên.
- Sơ thiền làm duyên cho nhị thiền bằng Cận y duyên….
- Tứ thiền làm duyên cho Không vô biên xứ, Không vô biên xứ duyên cho Thức vô biên xứ, Thức vô biên xứ làm duyên cho Vô sở hữu xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của thiên nhãn làm duyên cho thiên nhãn bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của thiên nhĩ làm duyên cho thiên nhĩ bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của thần thông *(iddhividhañāṇa)* làm duyên cho thần thông bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của tha tâm thông *(cetopariyañāṇa)* làm duyên cho tha tâm thông bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của túc mạng thông *(pubbenivāsānussatiñāṇa)* làm duyên cho túc mạng thông bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của tùy nghiệp thông *(yathākammūpagañāṇa)* làm duyên cho tùy nghiệp thông bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của vị lai thông *(anāgataṁsañnāṇa)* làm duyên cho vị lai thông bằng Cận y duyên.
- Thiên nhãn làm duyên cho thiên nhĩ bằng Cận y duyên.
- Thiên nhĩ làm duyên cho thần thông bằng Cận y duyên.
- Thần thông làm duyên cho tha tâm thông bằng Cận y duyên.
- Tha tâm thông làm duyên cho túc mạng thông bằng Cận y duyên.
- Túc Mạng thông làm duyên cho tùy nghiệp thông bằng Cận y duyên.
- tùy nghiệp thông làm duyên cho vị lai thông bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của sơ đạo làm duyên cho sơ đạo bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của nhị đạo làm duyên cho nhị đạo bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của tam đạo làm duyên cho tam đạo bằng Cận y duyên.
- Tâm chuẩn bị của tứ đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.
- Tâm sơ đạo làm duyên cho nhị đạo bằng Cận y duyên.
- Tâm nhị đạo làm duyên cho tam đạo bằng Cận y duyên.
- Tâm tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

- Bậc hữu học thành Cận y duyên cho đạo dù chưa nhập thiền cũng đặng nhập, cho đến quán ngộ vô thường, khổ não, vô ngã.
- Đạo làm duyên cho nghĩa lý thiệp tài *(atthapaṭisambhidā),* pháp thiệp tài *(dhammapaṭisambhidā),* ngôn ngữ thiệp tài *(niruttipaṭisambhidā),* cấp trí thiệp tài *(paṭibhāṇapaṭisambhidā)* và lanh lợi với nơi đáng *(ṭhāna)* và nơi không đáng *(aṭhāna)* của các bậc hữu học bằng Cận y duyên.

545.

Pháp thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cận y duyên (rộng: Cảnh cận y và Thuần cận y):

+ Cảnh cận y *(Ārammaṇūpanissaya)* như là sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng về đó mới thỏa thích vui mừng theo phần nặng ấy tham ái, tà kiến mới sanh.
  - Hay nặng về phước thiện đã làm chất chứa trước, thỏa thích vui mừng theo lối nặng ấy tham ái, tà kiến phát sanh.
  - Hay sau khi xuất thiền đã nặng về thiền, thỏa thích vui mừng theo lối nặng ấy tham ái, tà kiến phát sanh.

+ Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như là đức tin mạnh làm duyên cho ngã mạn, ham muốn, tà kiến và ái bằng Cận y duyên.
  - Giới, văn, xả *(cāga),* tuệ mạnh làm duyên cho ngã mạn, ham muốn, tà kiến và ái
  - Đức tin, trì giới, văn, xả *(cāga)*, tuệ làm duyên cho ái dục, sân, si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục bằng Cận y duyên.

546.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Cận y duyên (rộng: Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y):

+ Cảnh cận y *(Ārammaṇūpanissaya)* như là La-hán sau khi xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

+ Vô gián cận y *(Anantarūpanissaya)* như là thiện làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Y chỉ duyên, Đạo làm duyên cho quả, tâm thuận tùng của bậc hữu học làm duyên cho nhập thiền quả, khi xuất thiền diệt tâm thiện Phi tưởng phi phi tưởng làm duyên cho tâm quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

+ Thuần cận y như là nương đức tin mạnh rất có thể làm căn bản tìm tòi cho ta nóng nảy bực bội, kết cuộc khổ sở.
  - Chấp cứng trì giới, văn, xả, trí thành căn bản tìm tòi có thể kết quả cho ta nóng nảy, bực bội, khổ sở.
  - Đức tin, trì giới, văn, xả... tuệ làm duyên cho nẻo thân lạc, nẻo thân khổ, nhập thiền quả bằng Cận y duyên.
  - Nghiệp thiện làm duyên cho dị thục quả *(vipāka)* bằng Cận y duyên.
  - La-hán nương đạo mạnh thiền tố chưa nhập cũng nhập đặng cho đến quán tỏ ngộ pháp hành bằng vô thường, khổ não, vô ngã.
  - La-hán đạo làm duyên cho ý nghĩa thiệp tài *(atthapaṭisambhidā),* pháp thiệp tài *(dhammapaṭisambhidā)*, ngôn ngữ thiệp tài *(niruttipaṭisambhidā)*, cấp trí thiệp tài *(paṭibhāṇapaṭisambhidā)*, khôn khéo trong thị xứ *(ṭhāna)* và phi xứ *(aṭhana)* bằng Cận y duyên.
  - Đạo làm duyên cho nhập thiền quả bằng Cận y duyên.

547.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cận y duyên (rộng có 3: Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y):

+ Cảnh cận y *(Ārammaṇūpanissaya)* như là đã nặng về tham ái vui mừng, thỏa thích rồi do nặng đó tham ái, tà kiến phát sanh.
  - Tà kiến đã nặng thỏa thích, vui mừng sau khi nặng chấp đó ái dục, tà kiến phát sanh.

+ Vô gián cận y *(Anantarūpanissaya)* như là uẩn bất thiện sanh trước trước làm duyên cho uẩn bất thiện sanh sau sau bằng Cận y duyên.

+ Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như là nương mạnh ái dục có thể sát sanh, trộm cướp, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, cắt đứt liên lạc, cướp giật mỗi nhà không sót, đón chận đường công, tìm kiếm vợ người, giết hại dân thôn quê thành thị, sát phụ, sát mẫu, giết La-hán, chích Phật thân huyết, phá hòa hợp Tăng bằng tâm ác độc.
  - Nương sân mạnh...
  - Nương si mạnh, nương ngã mạn mạnh, nương tà kiến mạnh... nương hy vọng mạnh có thể sát sanh, trộm cướp... phá hòa hợp Tăng.
  - Ái dục *(rāga)*... sân, si, ngã mạn, tà kiến... sự mong mỏi làm duyên cho ái dục, sân, si, ngã mạn, tà kiến và vọng dục bằng Cận y duyên.

548.

∗ Sát sanh làm duyên cho sát sanh bằng Cận y duyên:
∗ Sát sanh *(pāṇātipāta)* làm duyên cho thu đạo... tà dâm, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham ác *(abhijjhā),* làm duyên cho sân độc... tà kiến bằng Cận y duyên.
∗ Thu đạo làm duyên cho thu đạo, tà dâm, vọng ngữ... (tóm tắt)... tà kiến làm duyên cho sát sanh bằng Cận y duyên.

Nên sắp cho thành xa luân *(cakka)* cho rộng rãi.

549.

∗ Tà dâm... vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham ác, sân độc... tà kiến làm duyên cho tà kiến bằng Cận y duyên.
∗ Tà kiến làm duyên cho sát sanh, thu đạo, tà dâm, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham ác... làm duyên cho sân độc bằng Cận y duyên.

550.

∗ Nghiệp sát mẫu làm duyên cho nghiệp sát mẫu bằng Cận y duyên.
∗ Nghiệp sát mẫu làm duyên cho nghiệp sát phụ... nghiệp sát La-hán, nghiệp chích máu thân Phật, nghiệp phá hòa hợp Tăng... làm duyên cho tà kiến nhứt định bằng Cận y duyên
∗ Nghiệp sát phụ làm duyên cho nghiệp sát phụ... giết La-hán, chích máu thân Phật, nghiệp phá hòa hợp Tăng và tà kiến nhứt định... nghiệp giết mẹ bằng Cận y duyên.
∗ Giết La-hán... chích máu thân Phật, phá hòa hợp Tăng... tà kiến nhất định... làm duyên cho tà kiến nhứt định bằng Cận y duyên.
∗ Tà kiến nhứt định làm duyên cho sát mẫu bằng Cận y duyên, làm duyên cho nghiệp sát phụ, giết La-hán, chích Phật thân huyết, nghiệp phá hòa hợp Tăng bằng Cận y duyên.

Nên sắp cho thành xa luân *(cakka).*

551.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Cận y duyên:

Thuần cận y *(pakatūpanissaya)* như là ái dục mạnh có thể bố thí nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới cho đến thiền sanh, phát ra tu quán, đạo sanh, thông sanh, nhập thiền đặng, sân... si, ngã mạn, tà kiến... nương hy vọng mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền phát sanh ra, tu quán, đạo phát sanh, thông phát sanh cho đến nhập thiền đặng.

- Ái dục... sân, si, ngã mạn, tà kiến... hy vọng, đức tin, trì giới, đa văn, xả, tuệ bằng Cận y duyên.
- Sau khi sát sanh muốn cho tiêu diệt quả khổ ấy mới bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới làm cho thiền sanh, phát ra pháp quán, đạo phát sanh, thông sanh cho đến nhập thiền đặng.
- Sau khi đánh cướp, sau khi cướp bóc từ nhà rồi, đã làm hãm hại rồi, sau khi lấy vợ người, sau khi giết hại dân quê... sau khi giết hại dân nơi đông đão rồi muốn diệt trừ quả khổ mới bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới đến đổi có thể làm cho thiền sanh, quán phát sanh, đạo phát sanh, thông phát sanh cho đến nhập thiền đặng.
- Sau khi sát phụ, rồi muốn cho tiêu diệt quả khổ mới bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... Sau khi sát phụ rồi... giết La-hán rồi... chích Phật thân huyết bằng tâm ác độc rồi... sau khi phá hòa hợp Tăng, vì muốn tiêu diệt quả khổ nên bố thí, giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới.

552.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Cận y duyên (rộng: Vô gián cận y, Thuần cận y).

+ Vô gián cận y như là bất thiện làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Cận y duyên.

+ Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như là nương ái dục mạnh thành căn bản có thể làm cho ta bức rức, nóng nảy, chịu khổ.
  - Sân... si, ngã mạn, tà kiến... nương hy vọng mạnh thành căn bản có thể làm cho ta bực bội, nóng nảy, khó khăn.
  - Ái dục... sân, si, ngã mạn, tà kiến... vọng dục làm duyên cho thân xúc lạc, xúc khổ bằng Cận y duyên.
  - Nghiệp bất thiện làm duyên cho dị thục quả *(vipāka)* bằng Cận y duyên.

553.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Cận y duyên (rộng có 3: Cảnh cận y, Vô gián cận y, Thuần cận y):

+ Cảnh cận y *(Ārammanūpanissaya)* như là La-hán đã nặng về quả rồi phản khán, nặng về Níp-bàn rồi phản khán thì Níp-bàn làm duyên cho quả bằng Cận y duyên.

+ Vô gián cận y *(Anantarūpanissaya)* như là những uẩn vô ký quả, vô ký tố sanh trước trước làm duyên cho các uẩn vô ký quả, vô ký tố sanh sau sau bằng Cận y duyên.
  - Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* làm duyên cho tâm khán môn *(āvajjana)*
  - Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.
  - Trí thuận tùng *(anulomañāṇa)* làm duyên cho nhập thiền quả.
  - Khi xuất thiền diệt tâm tố Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho nhập thiền quả bằng Cận y duyên.

- Thuần cận y như là thân sướng làm duyên cho thân sướng, thân khổ và nhập thiền quả bằng Cận y duyên.
- Thân khổ làm duyên cho thân sướng, thân khổ và nhập thiền quả bằng Cận y duyên.
- Âm dương làm duyên cho thân sướng, thân khổ và nhập thiền quả bằng Cận y duyên.
- Thực phẩm làm duyên cho thân sướng, thân khổ và nhập thiền quả bằng Cận y duyên.
- Trụ sở *(senāsāna)* làm duyên cho thân sướng, thân khổ và nhập thiền quả bằng Cận y duyên.
- Thân khổ, thân sướng, âm dương, vật thực, trụ sở *(senāsana)* làm duyên cho thân lạc, thân khổ và nhập thiền quả bằng Cận y duyên.
- Nhập thiền quả làm duyên cho thân lạc bằng Cận y duyên.
- La-hán nương thân lạc mạnh thiền tố dù chưa từng nhập cũng nhập đặng, cho đến quán ngộ pháp hành vi *(saṅkhāra)* bằng vô thường, khổ não, vô ngã.
- Thân khổ, âm dương, thực phẩm rất nương nhờ trụ sở *(senāsana)* mà thiền tố chưa từng nhập cũng nhập đặng, cho đến quán ngộ các pháp hành vô thường, khổ não, vô ngã.

554.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Cận y duyên (rộng có 3: Cảnh cận y, Vô gián cận y, Thuần cận y):

+ Cảnh cận y *(Ārammanūpanissaya)* như là bậc hữu học nặng về quả rồi phản khán, nặng về Níp-bàn rồi phản khán thì Níp-bàn làm duyên cho tâm biến thành *(gotrabhū),* tâm thanh trừ *(vodāna)* và đạo bằng Cận y duyên *(Upanissayapaccayo).*

+ Vô gián cận y *(Anantarūpanissaya)* như là tâm khán môn làm duyên cho các uẩn thiện bằng Cận y duyên.

+ Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như là rất nương thân sướng mới bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới có thể làm cho thiền phát sanh, quán phát sanh, đạo phát sanh, thông phát sanh cho đến đặng nhập thiền.
  - Thân khổ... âm dương... thực phẩm rất nương nhờ trụ sở *(senāsana)* mới bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới cho đến thiền phát sanh, quán phát sanh, đạo phát sanh, thông phát sanh luôn nhập thiền đặng.
  - Thân sướng... thân khổ, âm dương... thực phẩm... sở trụ làm duyên cho đức tin, trì giới, đa văn, xả thí *(cāga)*, trí tuệ bằng Cận y duyên.

555.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cận y duyên (rộng có 3: Cảnh cận y, Vô gián cận y, Thuần cận y):

+ Cảnh cận y *(Ārammanūpanissaya)* như là đã nặng về nhãn rồi thỏa thích vui mừng do nặng đó mới phát sanh tham ái, tà kiến.
  - Nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc... Vật và các uẩn vô ký quả, vô ký tố đã chấp nặng rồi mới thỏa thích vui mừng do nặng chấp đó mới phát sanh ái dục, tà kiến.

+ Vô gián cận y *(Anantarūpanissaya)* như là tâm khán (ý) môn làm duyên cho các uẩn bất thiện bằng Cận y duyên.

+ Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như là nương thân sướng mạnh có thể sát sanh, thu đạo, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, đoạn nơi liên lạc, cướp đánh không chừa dù nhà 1 người, đón chận đường công, hội hợp vợ người, giết dân vườn, dân chợ; sát phu, sát mẫu, giết La-hán, chích máu thân Phật, phá hòa hợp Tăng đều bằng tâm ác độc.
  - Thân khổ... âm dương... thực phẩm... quá nương sở trụ *(senāsana)* có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
  - Thân sướng... thân khổ, âm dương... thực phẩm... trụ sở *(senāsana)* làm duyên cho ái dục, sân, si, ngã mạn, tà kiến, ham muốn bằng Cận y duyên.

Tiền Sanh Duyên

556.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Tiền sanh duyên (rộng có 2: Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh):

+ Cảnh tiền sanh *(Ārammaṇapurejāta)* như là nhãn của La-hán làm duyên cho quán vô thường, khổ não, vô ngã.
  - Nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc và vật *(hadayavatthu)* làm duyên cho quán vô thường, khổ não, vô ngã.
  - La-hán thấy sắc bằng thiên nhãn, nghe tiếng bằng thiên nhĩ.
  - Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Tiền sanh duyên.
  - Thinh xứ làm duyên cho nhĩ thức bằng Tiền sanh duyên.
  - Khí xứ làm duyên cho tỷ thức bằng Tiền sanh duyên.
  - Vị xứ làm duyên cho thiệt thức bằng Tiền sanh duyên.
  - Xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
+ Vật tiền sanh *(Vatthupurejāta)* như là nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Tiền sanh duyên, nhĩ xứ làm duyên cho nhĩ thức, tỷ xứ làm duyên cho tỷ thức, thiệt xứ làm duyên cho thiệt thức, thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên, vật (sắc nương trái tim) làm duyên cho uẩn vô ký quả, vô ký tố bằng Tiền sanh duyên.

557.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Tiền sanh duyên (rộng có 2: Cảnh tiền sanh, Vật tiền sanh):

+ Cảnh tiền sanh *(Ārammaṇapurejāta)* như là nhãn của bậc hữu học hay phàm phu làm duyên cho quán vô thường, khổ não, vô ngã.
  - Nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc... vật làm duyên cho quán vô thường, khổ não, vô ngã.
  - Bậc hữu học hay phàm phu thấy sắc bằng thiên nhãn, nghe tiếng bằng thiên nhĩ.
+ Vật tiền sanh *(Vatthupurejāta)* như là vật (sắc nương trái tim) làm duyên cho các uẩn thiện bằng Tiền sanh duyên.

558.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Tiền sanh duyên (rộng có 2: Cảnh tiền sanh, Vật tiền sanh):

+ Cảnh tiền sanh *(Ārammaṇapurejāta)* như là thỏa thích vui mừng nhãn ấy mở mối cho ái dục, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra. Nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc... thỏa thích vui mừng vật ấy mở mối cho nhĩ ... ái dục, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra.

+ Vật tiền sanh *(Vatthupurejāta)* như là vật làm duyên cho uẩn bất thiện bằng Tiền sanh duyên.

Hậu Sanh Duyên

559.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Hậu sanh duyên: Những uẩn bất thiện sanh sau sau làm duyên cho thân sanh trước đó bằng Hậu sanh duyên.

560.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Hậu sanh duyên: Những uẩn thiện sanh sau sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

561.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Hậu sanh duyên: Hậu sanh như là những uẩn vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

Cố Hưởng Duyên

562.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Cố hưởng duyên:
- Những uẩn thiện sanh trước trước làm duyên cho các uẩn thiện sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận tùng làm duyên cho tâm biến thành *(gotrabhū)*.
- Tâm thuận tùng làm duyên cho tâm thanh trừ *(vodana)*.
- Tâm biến thành *(gotrabhū)* làm duyên cho tâm đạo.
- Tâm thanh trừ *(vodana)* làm duyên cho tâm đạo bằng Cố hưởng duyên.

563.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cố hưởng duyên: Những uẩn bất thiện sanh trước trước làm duyên cho các uẩn bất thiện sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

564.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Cố hưởng duyên: Những uẩn vô ký tố sanh trước trước làm duyên cho các uẩn vô ký tố sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

Nghiệp Duyên

565.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Nghiệp duyên: Tư thiện *(kusalacetanā)* làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

566.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Nghiệp duyên (rộng có 2: Đồng sanh, Biệt thời):
- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là tư thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời *(Nānākhaṇika)* như là tư thiện làm duyên cho các uẩn dị thục quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

567.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Nghiệp duyên: Tư thiện *(kusalacetanā)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

568.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Nghiệp duyên: Tư bất thiện làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

569.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Nghiệp duyên (rộng có 2: Đồng sanh, Biệt thời):

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là tư bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời *(Nānākhaṇika)* như là tư bất thiện làm duyên cho các uẩn vô ký quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

570.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Nghiệp duyên: Tư bất thiện làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

571.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Nghiệp duyên:

- Tư vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Trong sát-na tục sinh: Tư vô ký quả làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Tư làm duyên cho vật bằng Nghiệp duyên.

Quả Duyên

572.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Quả duyên:

- 1 uẩn vô ký quả làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.
- Trong sát-na tục sinh: 1 uẩn vô ký quả làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Quả duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc tục sinh bằng Quả duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc tục sinh bằng Quả duyên.
- Uẩn làm duyên cho vật *(hadayavatthu)* bằng Quả duyên.

Thực Duyên

573.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Thực duyên: Thực thiện làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng Thực duyên.

574.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Thực duyên: Thực thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.

575.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Thực duyên: Thực thiện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.

576.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Thực duyên: Thực bất thiện làm duyên cho những uẩn tương ưng bằng Thực duyên.

577.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Thực duyên: Thực bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.

578.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Thực duyên: Thực bất thiện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.

579.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Thực duyên:

- Thực vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.
- Trong sát-na tục sinh: Thực vô ký quả trợ cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Thực duyên.
- Đoàn thực trợ cho thân thể ấy bằng Thực duyên.

Quyền Duyên

580.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Quyền duyên: Quyền thiện làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng Quyền duyên.

581.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Quyền duyên: Quyền thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.

582.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Quyền duyên: Quyền thiện làm duyên cho những uẩn thiện tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.

583.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Quyền duyên: Quyền bất thiện làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng Quyền duyên.

584.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Quyền duyên: Quyền bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.

585.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Quyền duyên: Quyền bất thiện làm duyên cho những uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.

586.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Quyền duyên:

- Quyền vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.
- Trong sát-na tục sinh: Quyền vô ký quả làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Quyền duyên.
- Nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức bằng Quyền duyên.
- Nhĩ quyền làm duyên cho nhĩ thức bằng Quyền duyên.
- Tỷ quyền làm duyên cho tỷ thức bằng Quyền duyên.
- Thiệt quyền làm duyên cho thiệt thức bằng Quyền duyên.
- Thân quyền làm duyên cho thân thức bằng Quyền duyên.
- Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.

Thiền Duyên

587.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Thiền duyên: Chi thiền thiện làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng Thiền duyên.

588.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Thiền duyên: Chi thiền thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.

589.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Thiền duyên: Chi thiền thiện làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.

590.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Thiền duyên: Chi thiền bất thiện làm duyên cho những uẩn bất thiện bằng Thiền duyên.

591.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Thiền duyên: Chi thiền bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.

592.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Thiền duyên: Chi thiền bất thiện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.

593.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Thiền duyên.

- Chi thiền vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho những uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.
- Trong sát-na tục sinh: Chi thiền vô ký quả làm duyên cho những uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Thiền duyên.

Đạo Duyên

594.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Đạo duyên: Chi đạo thiện làm duyên cho những uẩn tương ưng bằng Đạo duyên.

595.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Đạo duyên: Chi đạo thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.

596.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Đạo duyên: Chi đạo thiện làm duyên cho những uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.

597.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Đạo duyên: Chi đạo bất thiện làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Đạo duyên.

598.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Đạo duyên: Chi đạo bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.

599.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Đạo duyên: Chi đạo bất thiện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.

600.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Đạo duyên:

- Chi đạo vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.
- Trong sát-na tục sinh: Chi đạo vô ký quả làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Đạo duyên.

Tương Ưng Duyên

601.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Tương ưng duyên: 1 uẩn thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 3 uẩn thiện làm duyên cho 1 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn thiện làm duyên cho 2 uẩn bằng Tương ưng duyên.

602.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Tương ưng duyên: 1 uẩn bất thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Tương ưng duyên.

603.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Tương ưng duyên:

- 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Tương ưng duyên.
- Trong sát-na tục sinh: 1 uẩn vô ký quả làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Tương ưng duyên.

Bất Tương Ưng Duyên

604.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Bất tương ưng duyên (rộng có 2: Đồng sanh và Hậu sanh)**:**

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là uẩn thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là uẩn thiện làm duyên cho thân này sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

605.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Bất tương ưng duyên (rộng có 2: Đồng sanh và Hậu sanh):

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là uẩn bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là uẩn bất thiện làm duyên cho thân này sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

606.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Bất tương ưng duyên (rộng có 3: Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh):

+ Đồng sanh *(Sahajāta)* như là uẩn vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên. Trong sát-na tục sinh: Uẩn vô ký quả làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên, uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.

+ Tiền sanh *(Purejāta)* như là nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Bất tương ưng duyên.
  - Nhĩ xứ làm duyên cho nhĩ thức bằng Bất tương ưng duyên.
  - Tỷ xứ làm duyên cho tỷ thức bằng Bất tương ưng duyên.
  - Thiệt xứ làm duyên cho thiệt thức bằng Bất tương ưng duyên.
  - Thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Bất tương ưng duyên.

- Vật làm duyên cho uẩn vô ký quả, vô ký tố bằng Bất tương ưng duyên.

+ Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là uẩn vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho thân sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

607.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Bất tương ưng duyên: Tiền sanh *(Purejāta)* như là vật làm duyên cho uẩn thiện bằng Bất tương ưng duyên.

608.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Bất tương ưng duyên: Tiền sanh *(Purejāta)* như là vật làm duyên cho uẩn bất thiện bằng Bất tương ưng duyên.

Hiện Hữu Duyên

609.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

610.

Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Hiện hữu duyên (rộng có 2: Đồng sanh và Hậu sanh).

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là uẩn thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là uẩn thiện làm duyên cho phần thân này sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

611.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn thiện làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.

612.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn bất thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

613.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Hiện hữu duyên (rộng có 2: Đồng sanh và Hậu sanh).

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là uẩn bất thiện làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là uẩn bất thiện làm duyên cho phần thân sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

614.

Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn bất thiện làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.

615.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Hiện hữu duyên (rộng có 5: Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Vật thực và Quyền).

+ Đồng sanh *(Sahajāta)* như là:
  - 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên
  - Trong sát-na tục sinh: 1 uẩn vô ký quả làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên, uẩn làm duyên cho vật (sắc nương trái tim) bằng Hiện hữu duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Hiện hữu duyên.
  - 1 sắc đại sung làm duyên cho 3 sắc đại sung bằng Hiện hữu duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Hiện hữu duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Hiện hữu duyên, sắc đại sung làm duyên cho sắc thủ *(upādā)*, sắc nương tâm sanh và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên; sắc ngoại, sắc vật thực và sắc âm dương...
  - 1 sắc đại sung Vô tưởng làm duyên cho 3 sắc đại sung bằng Hiện hữu duyên, 3 sắc đại sung làm duyên cho 1 sắc đại sung bằng Hiện hữu duyên, 2 sắc đại sung làm duyên cho 2 sắc đại sung bằng Hiện hữu duyên; sắc đại sung làm duyên cho sắc thủ, sắc tâm và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

+ Tiền sanh *(Purejāta)* như là:
  - Nhãn của La-hán làm duyên cho quán vô thường, khổ não, vô ngã. Nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật làm duyên cho quán vô thường, khổ não, vô ngã.
  - Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
  - Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Hiện hữu duyên. Thinh xứ... khí xứ, vị xứ, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.
  - Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Hiện hữu duyên.
  - Nhĩ xứ làm duyên cho nhĩ thức bằng Hiện hữu duyên.
  - Tỷ xứ làm duyên cho tỷ thức bằng Hiện hữu duyên.
  - Thiệt xứ làm duyên cho thiệt thức bằng Hiện hữu duyên.
  - Thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.
  - Vật làm duyên cho uẩn vô ký quả, vô ký tố bằng Hiện hữu duyên.

+ Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là uẩn vô ký quả, vô ký tố làm duyên cho phần thân sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

+ Thực *(Āhāra)* như là đoàn thực làm duyên cho thân bằng Hiện hữu duyên.

+ Quyền *(Indrīya)* như là sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

616.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh *(Purejāta)* như là:
- Nhãn của bậc hữu học hoặc phàm phu làm duyên cho quán vô thường, khổ não, vô ngã. Nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật *(hadayavatthu)* làm duyên cho quán vô thường, khổ não, vô ngã.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Vật (sắc nương trái tim) làm duyên cho uẩn thiện bằng Hiện hữu duyên.

617.

Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh *(Purejāta)* như là:

- Thỏa thích vui mừng nhãn ấy mở mối cho ái dục, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra. Nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật thỏa thích vui mừng vật ấy mở mối cho ái dục... và ưu sanh ra.
- Vật làm duyên cho uẩn bất thiện bằng Hiện hữu duyên.

618.

Pháp thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Hiện hữu duyên (rộng có 2: Đồng sanh và Tiền sanh):

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là 1 uẩn thiện và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên... 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

619.

Pháp thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Hiện hữu duyên (rộng: Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền):

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là uẩn thiện và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là uẩn thiện và đoàn thực làm duyên cho phần thân bằng Hiện hữu duyên.
- Quyền Hậu sanh *(Indrīyapacchājāta)* như là uẩn thiện và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

620.

Pháp bất thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Hiện hữu duyên (rộng có 2: Đồng sanh và Tiền sanh):

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là 1 uẩn bất thiện và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn và vật làm duyên cho 1 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

621.

Pháp bất thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Hiện hữu duyên (rộng: Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền):

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là uẩn bất thiện và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là uẩn bất thiện và đoàn thực làm duyên cho phần thân bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là uẩn bất thiện và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

Vô Hữu Duyên

622.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Vô hữu duyên: Uẩn thiện sanh trước trước làm duyên cho uẩn thiện sanh sau sau bằng Vô hữu duyên... (tóm tắt).

Nên phân rộng cũng như Vô gián duyên *(Anantarapaccayo).*

Ly Duyên

623.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Ly duyên: Uẩn thiện sanh trước trước làm duyên cho uẩn thiện sanh sau sau bằng Ly duyên... tóm tắt.

Nên phân rộng cũng như Vô gián duyên *(Anantarapaccayo).*

Bất Ly Duyên

624.

Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Bất ly duyên: 1 uẩn thiện làm duyên cho 3 uẩn bằng Bất ly duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Bất ly duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Bất ly duyên... (tóm tắt).

Nên phân rộng cũng như Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo).*

Dứt phần phân giải trong phần vấn đề

625.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

Phần nhân căn (Đếm duyên theo thuận)

626.

Nhân duyên có Trưởng 4,... Đồng sanh 7,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 7,... Quả 1,... Quyền 4,... Đạo 4,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 7,... Bất ly 7.

627.

- Có cả Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 7 (câu).
- ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3.
- ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
- ... Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
- ... Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
- ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
- ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
- ... Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
- ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
- ... Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 4.
- ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 2.
- ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
- ... Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
- ... Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
- ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
- ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
- ... Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
- ... Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
- ... Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 4.
- ... Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
- ... Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
- ... Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
- ... Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

* ... Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Dứt phần nhân căn

***Phần cảnh căn* (ārammaṇamūlakaṃ)**

628.

Cảnh duyên có Trưởng 7,... Y chỉ 3,... Cận y 7,... Tiền sanh 3,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 3,... Bất ly 3.

629.

Có cả Cảnh, Trưởng, Cận y: 7 (câu).
... Cảnh, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly: 3.
... Cảnh, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
... Cảnh, Trưởng, Cận y, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly: 1.
... Cảnh, Trưởng, Cận y, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

***Phần trưởng căn* (adhipatimūlakaṃ)**

630.

Trưởng duyên có Nhân 7,... Cảnh 7,... Đồng sanh 7,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 8,... Cận y 7,... Tiền sanh 1,... Quả 1,... Thực 7,... Quyền 7,... Đạo 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 4,... Hiện hữu 8,... Bất ly 8.

631.

* Có cả Trưởng, Hiện hữu, Bất ly: 8 (câu).
* ... Trưởng, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 8.
* ... Trưởng, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 4.
* ... Trưởng, Cảnh, Cận y: 7.
* ... Trưởng, Cảnh, Cận y, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Cảnh, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương,Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Đồng sanh,Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Đồng sanh,Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.

* ... Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 4.
* ... Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

***Phần vô gián căn* (anantaramūlakaṃ)**

632.

Vô gián duyên có Liên tiếp 7,... Cận y 7,... Cố hưởng 3,... Nghiệp 1,... Vô hữu 7,... Ly 7.

633.

* Có cả Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu, Ly: 7 (câu).
* ... Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Cố hưởng, Vô hữu, Ly: 3.
* ... Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Nghiệp, Vô hữu, Ly: 1.

***Phần liên tiếp căn* (samanantaramūlakaṃ)**

634.

Liên tiếp duyên có Vô gián 7,... Cận y 7,... Cố hưởng 3,... Nghiệp 1,... Vô hữu 7,... Ly 7.

635.

Có cả Liên tiếp, Vô gián, Cận y, Vô hữu, Ly: 7 (câu).
... Liên tiếp, Vô gián, Cận y, Cố hưởng, Vô hữu, Ly: 3.
... Liên tiếp, Vô gián, Cận y, Nghiệp, Vô hữu, Ly: 1.

***Phần đồng sanh căn* (sahajātamūlakaṃ)**

636.

Đồng sanh duyên có Nhân 7,... Trưởng 7,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 9,... Nghiệp 7,... Quả 1,... Thực 7,... Quyền 7,... Thiền 7,... Đạo 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 9,... Bất ly 9.

637.

Có cả Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 9 (câu).
... Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3.
... Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
... Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
... Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
... Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
... Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
... Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
... Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
... Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

***Phần hỗ tương căn* (aññamaññamūlakaṃ)**

638.

Hỗ tương duyên có Nhân 3,... Trưởng 3,... Đồng sanh 3,... Y chỉ 3,... Nghiệp 3,... Quả 1,... Thực 3,... Quyền 3,... Thiền 3,... Đạo 3,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 1,... Hiện hữu 3,... Bất ly 3.

639.

* Có cả Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3 (câu).
* ... Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần y chỉ căn

640.

Y chỉ duyên có Nhân 7 (câu),... Cảnh 3,... Trưởng 8,... Đồng sanh 9,... Hỗ tương 3,... Cận y 1,... Tiền sanh 3,... Nghiệp 7,... Quả 1,... Thực 7,... Quyền 7,... Thiền 7,... Đạo 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 5,... Hiện hữu 13,... Bất ly 13.

641.

* Có cả Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 13 (câu).
* ... Y chỉ, Trưởng, Hiện hữu, Bất ly: 8.
* ... Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 5.
* ... Y chỉ, Trưởng, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 4.
* ... Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Y chỉ, Cảnh, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Y chỉ, Cảnh, Trưởng, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Y chỉ, Tiền sanh, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Hiện hữu, Bất ly: 9.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần cận y căn

642.

Cận y duyên có Cảnh 7 (câu),... Trưởng 7,... Vô gián 7,... Liên tiếp 7,... Y chỉ 1,... Tiền sanh 1,... Cố hưởng 3,... Nghiệp 2,... Bất tương ưng 1,... Hiện hữu 1,... Vô hữu 7,... Ly 7,... Bất ly 1.

643.

* Có cả Cận y, Cảnh, Trưởng: 7 (câu).
* ... Cận y, Cảnh, Trưởng, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Cận y, Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Cận y, Vô gián, Liên tiếp, Vô hữu, Ly: 7.
* ... Cận y, Vô gián, Liên tiếp, Cố hưởng, Vô hữu, Ly: 3.
* ... Cận y, Nghiệp: 2.
* ... Cận y, Vô gián, Liên tiếp, Nghiệp, Vô hữu, Ly: 1.

Phần tiền sanh căn

644.

Tiền sanh duyên có Cảnh 3 (câu),... Trưởng 1,... Y chỉ 3,... Cận y 1,... Quyền 1,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 3,... Bất ly 3.

645.

* Có cả Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Tiền sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Tiền sanh, Cảnh, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Tiền sanh, Cảnh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Tiền sanh, Cảnh, Trưởng, Cận y, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Tiền sanh, Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Cận y, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Tiền sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần hậu sanh căn

646.

* Hậu sanh duyên có Bất tương ưng 3 (câu),... Hiện hữu 3,... Bất ly 3.
* Có cả Hậu sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3

Phần cố hưởng căn

647.

* Cố hưởng duyên có Vô gián 3 (câu),... Liên tiếp 3,... Cận y 3,... Vô hữu 3,... Ly 3.
* Có cả Cố hưởng, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu, Ly: 3.

Phần nghiệp căn

648.

Nghiệp duyên có Vô gián 1 (câu),... Liên tiếp 1,... Đồng sanh 7,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 7,... Cận y 2,... Quả 1,... Thực 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 7,... Vô hữu 1,... Ly 1,... Bất ly 7.

649.

* Có cả Nghiệp, Cận y: 2.
* ... Nghiệp, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu, Ly: 1.
* ... Nghiệp, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Nghiệp, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 1.

* ... Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Nghiệp, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần quả căn

650.

Quả duyên có Nhân 1 (câu),... Trưởng 1,... Đồng sanh 1,... Hỗ tương 1,... Y chỉ 1,... Nghiệp 1,... Thực 1,... Quyền 1,... Thiền 1,... Đạo 1,... Tương ưng 1,... Bất tương ưng 1,... Hiện hữu 1,... Bất ly 1.

651.

* Có cả quả, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 1 (câu)
* ... Quả, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quả, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quả, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quả, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần thực căn

652.

Thực duyên có Trưởng 7 (câu),... Đồng sanh 7,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 7,... Nghiệp 7,... Quả 1,... Quyền 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 7,... Bất ly 7.

653.

* Có cả Thực, Hiện hữu, Bất ly: 7 (câu).
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Nghiệp, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Nghiệp, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.

* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Thực, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Thực, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Thực, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần quyền căn

654.

Quyền duyên có Nhân: 4 (câu),... Trưởng 7,... Đồng sanh 7,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 7,... Tiền sanh 1,... Quả 1,... Thực 7,... Thiền 7,... Đạo 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 7,... Bất ly 7.

655.

* Có cả Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 7 (câu).
* ... Quyền, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Quyền, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 7.

* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.

* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 4.
* ... Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Quyền, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Quyền, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 4.
* ... Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần thiền căn

656.

Thiền duyên có Đồng sanh 7,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 7,... Quả 1,... Quyền 7,... Đạo 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 7,... Bất ly 7.

657.

* Có cả Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 7 (câu)
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, quả,Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1

* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 7
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 7
* **...** Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1
* ... Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Phần đạo căn

658.

Đạo duyên có Nhân: 4 (câu)...Trưởng 7,... Đồng sanh 7,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 7,... Quả 1,... Quyền 7,... Thiền 7,... Đạo 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 3,... Hiện hữu 7,... Bất ly 7.

659.

* Có cả: Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 7 (câu).
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.

* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 7.
* ... Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* ... Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Tương tế, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 4.
* ... Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Đạo, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Đạo, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 4.
* ... Đạo, Nhân,Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.

* ... Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* ... Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Cận y, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.
* ... Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Tương ưng căn

660.

Tương ưng duyên có Nhân: 3 (câu),... Trưởng 3,... Đồng sanh 3,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 3,... Nghiệp 3,... Quả 1,... Thực 3,... Quyền 3,... Thiền 3,... Đạo 3,... Hiện hữu 3,... Bất ly 3.

661.

Có cả Tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3 (câu),
... Tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Bất tương ưng căn

662.

Bất tương ưng có Nhân 3,... Cảnh 3,... Trưởng 4,... Đồng sanh 3,... Hỗ tương 1,... Y chỉ 5,... Cận y 1,... Tiền sanh 3, Hậu sanh duyên,… Nghiệp duyên,… Quả duyên,… Thực duyên,… Quyền duyên,... Thiền 3,... Đạo 3,... Hiện hữu 5,... Bất ly 5.

663.

* Có cả: Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 5 (câu),
* ... Bất tương ưng, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 5,
* ... Bất tương ưng, Trưởng, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 4,
* ... Bất tương ưng, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 3,
* ... Bất tương ưng, Hậu sanh, Hiện hữu, Bất ly: 3,
* ... Bất tương ưng, Y chỉ, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly: 3,
* ... Bất tương ưng, Cảnh, Y chỉ, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly: 3,
* ... Bất tương ưng, Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly: 1,
* ... Bất tương ưng, Y chỉ, Tiền sanh, Quyền, Hiện hữu, Bất ly: 1,
* ... Bất tương ưng, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3,
* ... Bất tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 1,
* ... Bất tương ưng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1,
* ... Bất tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 1.

Hiện hữu căn

664.

Hiện hữu duyên có Nhân: 7 (câu),... Cảnh 3,... Trưởng 8,... Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13,... Cận y 1, Tiền sanh 3,... Hậu sanh 3,... Nghiệp 7,... Quả 1,... Thực 7,... Quyền 7,... Thiền 7,... Đạo 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 5,... Bất ly 13.

665.

* Có cả: Hiện hữu, Bất ly: 13.
* ... Hiện hữu, Y chỉ, Bất ly: 13.
* ... Hiện hữu, Trưởng, Bất ly: 8.

* ... Hiện hữu, Trưởng Y chỉ, Bất ly: 8.
* ... Hiện hữu, Thực, Bất ly: 7.
* ... Hiện hữu, Quyền, Bất ly: 7.
* ... Hiện hữu, Y chỉ, Quyền, Bất ly: 7.
* ... Hiện hữu, Bất tương ưng, Bất ly: 5.
* ... Hiện hữu, Y chỉ, Bất tương ưng, Bất ly: 5.
* ... Hiện hữu, Trưởng, Y chỉ, Bất tương ưng, Bất ly: 4.
* ... Hiện hữu, Trưởng, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Bất ly: 3.
* ... Hiện hữu, Hậu sanh, Bất tương ưng, Bất ly: 3.
* ... Hiện hữu, Tiền sanh, Bất ly: 3.
* ... Hiện hữu, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Bất ly: 3.
* ... Hiện hữu, Cảnh, Tiền sanh, Bất ly: 3.
* ... Hiện hữu, Cảnh, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Bất ly: 3.
* ... Hiện hữu, Cảnh, Trưởng, Cận y, Tiền sanh, Bất ly: 1.
* ... Hiện hữu, Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Bất tương ưng, Bất ly: 1.
* ... Hiện hữu, Y chỉ, Tiền sanh, Quyền, Bất tương ưng, Bất ly: 1.

Vựng tập danh (Pakiṇṇakaṃ nāma imaṃ)

666.

* Có cả: Hiện hữu, Đồng sanh, Y chỉ, Bất ly: 9.
* ... Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Bất ly: 3.
* ... Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Bất ly: 3.
* ... Hiện hữu, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng Bất ly: 3.
* ... Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Bất tương ưng, Bất ly: 1.
* ... Hiện hữu, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất ly: 1.
* ... Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất ly: 1.
* ... Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Bất ly: 1.
* ... Hiện hữu, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Bất ly: 1.
* ... Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Bất ly: 1.

Vô hữu căn

667.

Vô hữu duyên có Vô gián: 7 (câu),... Liên tiếp 7,... Cận y 7,... Cố hưởng 3,... Nghiệp 1,... Ly 7.

668.

* Có cả: Vô hữu, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Ly: 7 (câu).
* ... Vô hữu, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Cố hưởng, Ly: 3.
* ... Vô hữu, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Nghiệp, Ly: 1.

Ly căn (vigatamūlakaṃ)

669.

Ly duyên có Vô gián: 7 (câu),... Liên tiếp 7,... Cận y 7, Cố hưởng 3,... Nghiệp 1,... Vô hữu 7.

670.

* Có cả: Y, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu: 7 (câu),
* ... Ly, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Cố hưởng, Vô hữu: 3,

* ... Ly, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Nghiệp, Vô hữu: 1.

Bất ly căn (avigatamūlakaṃ)

671.

Bất ly duyên có Nhân 7 (câu),... Cảnh 3,... Trưởng, 8,... Đồng sanh 9,... Hỗ tương 3,... Y chỉ 13,... Cận y 1,... Tiền sanh 3,... Hậu sanh 3,... Nghiệp 7,... Quả 1,... Thực 7,... Quyền 7,... Thiền 7,... Đạo 7,... Tương ưng 3,... Bất tương ưng 5,... Hiện hữu 13.

672.

* Có cả: Bất ly, Hiện hữu: 13 (câu),
* ... Bất ly, Y chỉ, Hiện hữu: 13,
* ... Bất ly, Trưởng, Hiện hữu: 8,
* ... Bất ly, Trưởng, Y chỉ, Hiện hữu: 8,
* ... Bất ly, Thực, Hiện hữu: 7,
* ... Bất ly, Quyền, Hiện hữu: 7,
* ... Bất ly, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu: 7,
* ... Bất ly, Bất tương ưng, Hiện hữu: 5,
* ... Bất ly, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu: 5,
* ... Bất ly, Trưởng, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu: 4,
* ... Bất ly, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu: 3,
* ... Bất ly, Hậu sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu: 3,
* ... Bất ly, Tiền sanh, Hiện hữu: 3,
* ... Bất ly, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu: 3,
* ... Bất ly, Cảnh, Tiền sanh, Hiện hữu: 3,
* ... Bất ly, Cảnh, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu: 3,
* ... Bất ly, Cảnh, Trưởng, Cận y, Tiền sanh, Hiện hữu: 1,
* ... Bất ly, Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu: 1,
* ... Bất ly, Y chỉ, Tiền sanh, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu: 1.

Vựng tập danh (Pakiṇṇakaṃ nāma imaṃ)

673. Có cả:

* Bất ly, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu: 9 (câu),
* ... Bất ly, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu: 3,
* ... Bất ly, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu: 3,
* ... Bất ly, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu: 3,
* ... Bất ly, Đồng sanh, Hỗ tương,Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu: 1,
* ... Bất ly, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu: 1,
* ... Bất ly, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu: 1,
* ... Bất ly, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu: 1,
* ... Bất ly, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu: 1,
* ... Bất ly, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu: 1.

Dứt phần điểm duyên theo thuận (anulomagaṇanā)

Rút ngược nơi vấn đề (Paññāvārassa paccanīya uddhāro)

674.

* Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Cảnh duyên ... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Cận y duyên,

* Pháp thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cảnh duyên,... bằng Cận y duyên.
* Pháp thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Hậu sanh duyên... bằng Nghiệp duyên.
* Pháp thiện làm duyên cho pháp thiện và vô ký bằng Đồng sanh duyên.

675.

* Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cảnh duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên.
* Pháp bất thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Cảnh duyên... bằng Cận y duyên.
* Pháp bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Cảnh duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Hậu sanh duyên... bằng Nghiệp duyên.
* Pháp bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện và vô ký bằng Đồng sanh duyên.

676.

* Pháp vô ký làm duyên cho pháp vô Ký bằng Cảnh duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Tiền sanh duyên... bằng Hậu sanh duyên... bằng Thực duyên... bằng Quyền duyên.
* Pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Cảnh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cảnh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Tiền sanh duyên.

677.

* Pháp thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Đồng sanh, bằng Tiền sanh.
* Pháp thiện và pháp vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Đồng sanh, Hậu sanh, Thực, Quyền.

678.

* Pháp bất thiện và vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Đồng sanh, bằng Tiền sanh.
* Pháp bất thiện và vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Đồng sanh, bằng Hậu sanh, bằng Thực, bằng Quyền.

Dứt phần rút ngược nơi vấn đề, đếm ngược nơi vấn đề

B/. Đếm đối lập nơi vấn đề

Phần phi nhân căn

679.

Phi Nhân có 15, phi Cảnh có 15, phi Trưởng có 15, phi Vô gián có 15, phi Liên tiếp có 15, phi Đồng sanh có 11, phi Hỗ tương có 11, phi Y chỉ có 11, phi Cận y có 15, phi Tiền sinh có 13, phi Hậu sinh có 15, phi Cố hưởng có 15, phi nghiệp có 15, phi Quả có 15, phi Thực có 15, phi Quyền có 15, phi Thiền có 15, phi Đạo có 15, phi Tương ưng có 11, phi Bất tương ưng có 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu có 15, phi Ly có 15, phi Bất ly có 9.

680.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh trong 15 câu,... phi Trưởng 15, phi Vô gián 15, phi Liên tiếp 15, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 15, phi Tiền sinh 13, phi Hậu sinh 15, phi Cố hưởng 15, phi Nghiệp 15, phi Quả 15, phi Thực 15, phi Quyền 15, phi Thiền 15, phi Đạo 15, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu có 15, phi Ly 15, phi Bất ly 9.

681.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có phi Trưởng 15,... phi Vô gián 15, phi Liên tiếp 15, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 13, phi Tiền sinh 13, phi Hậu sinh 15, phi Cố hưởng 15, phi Nghiệp 15, phi Quả 15, phi Thực 15, phi Quyền 15, phi Thiền 15, phi Đạo 15, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu có 15, phi Ly 15, phi Bất ly 9.

682.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên có phi Đồng sanh 11,... phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 1, phi Cận y 13, phi Tiền sinh 13, phi Hậu sinh 15, phi Cố hưởng 15, phi Nghiệp 15, phi Quả 15, phi Thực 15, phi Quyền 15, phi Thiền 15, phi Đạo 15, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu có 15, phi Ly 15, phi Bất ly 9.

683.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên có phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 7, phi Tiền sinh 11, phi Hậu sinh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu có 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

684.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên có phi Y chỉ 11,... phi Cận y 7, phi Tiền sinh 11, phi Hậu sinh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu có 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

685.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương, phi Y chỉ duyên có phi Cận y 5,... phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, có phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

686.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên có phi Tiền sanh trong 5 (câu),... phi Hậu sanh 3, có phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5, phi Bất ly 2.

687.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh có phi Hậu sanh 3,... phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5, phi Bất ly 2.

688.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, tóm tắt,... phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, có phi Cố hưởng trong 3 (câu),... phi Nghiệp 1, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi

Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3, phi Bất ly 3.

689.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên,... tóm tắt,... phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, có phi Quả 1,... phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

690.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên... phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Thiền duyên, có phi Đạo trong 1 (câu),... phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

691.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Thực duyên, phi Thiền duyên, có phi Đạo 1,... phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

692.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên,... phi Thực duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên có phi Ly 1.

693.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên,... phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Quyền duyên có phi Thiền 1,... phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

694.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên... phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên có phi Ly trong 1 (câu).

Dứt phần phi nhân căn.

Phần phi cảnh căn

695.

Phi Cảnh duyên có phi Nhân 15,... phi Trưởng 15, phi Vô gián 15, phi Liên tiếp 5, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 13, phi Hậu sanh 15, phi Cố hưởng 15, phi Nghiệp 15, phi Quả 15, phi Thực 15, phi Quyền 15, phi Thiền 15, phi Đạo 15, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 15, phi Ly 15, phi Bất ly 9.

696.

Phi Cảnh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên có phi Hỗ tương 11,... phi Y chỉ 11, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

Nên phân rộng như phần phi nhân căn *(na hetumūlakaṃ)*

Phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên cũng như phần phi nhân căn.

Phần phi đồng sanh căn

697.

Phi Đồng sanh duyên có phi Nhân 11,... phi Cảnh 11, phi Trưởng 11, phi Vô gián 11, phi Liên tiếp 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

698.

Phi Đồng sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 11,... phi Vô gián 11, phi Liên tiếp 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

Phi Đồng sanh duyên cùng phi Nhân duyên,... tóm tắt...

Phần phi hỗ tương căn

699.

Phi Hỗ tương duyên có phi Nhân 11,... phi Cảnh 11, phi Trưởng 11, phi Vô gián 11, phi Liên tiếp 11, phi Đồng sanh 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 11, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 11, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

700.

Phi Hỗ tương duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 11,... phi Vô gián 11, phi Liên tiếp 11, phi Đồng sanh 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 11, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

701.

Phi Hỗ tương duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên có phi Y chỉ 11,... phi Cận y 7, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9. ... tóm tắt.

Phần phi y chỉ căn

702.

Phi Y chỉ duyên có phi Nhân 11,... phi Cảnh 11, phi Trưởng 11, phi Vô gián 11, phi Liên tiếp 11, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Cận y 11, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

703.

Phi Y chỉ duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 11,... phi Vô gián 11, phi Liên tiếp 11, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

704.

Phi Y chỉ duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên có phi Tiền sanh trong 5 (câu),... phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5, phi Bất ly 2. ….tóm tắt.

Phần phi cận y căn

705.

Phi Cận y duyên có phi Nhân 15,... phi Cảnh 13, phi Trưởng 15, phi Vô gián 15, phi Liên tiếp 15, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Tiền sanh 13, phi Hậu sanh 15, phi Cố hưởng 15, phi Nghiệp 15, phi Quả 15, phi Thực 15, phi Quyền 15, phi Thiền 15, phi Đạo 15, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 15, phi Ly 15, phi Bất ly 9.

706.

Phi Cận y duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 13,... phi Vô gián 13, phi Liên tiếp 13, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 5, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 13, phi Quả 13, phi Thực 13, phi Quyền 13, phi Thiền 13, phi Đạo 13, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 5, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 13, phi Ly 13, phi Bất ly 2.

707.

Phi Cận y duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên có phi Hỗ tương 7,... phi Y chỉ 5, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 2.

708.

Phi Cận y duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên có phi Y chỉ 5,... phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 2.

709.

Phi Cận y duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, có phi Tiền sanh 5,... phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5, phi Bất ly 2.... tóm tắt.

Phần phi tiền sanh căn

710.

Phi Tiền sanh duyên có phi Nhân 13,... phi Cảnh 13, phi Trưởng 13, phi Vô gián 13, phi Liên tiếp 13, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 13, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 13, phi Quả 13, phi Thực 13, phi Quyền 13, phi Thiền 13, phi Đạo 13, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 13, phi Ly 13, phi Bất ly 9.

711.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 13,... phi Vô gián 13, phi Liên tiếp 13, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 9, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 13, phi Quả 13, phi Thực 13, phi Quyền 13, phi Thiền 13, phi Đạo 13, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 13, phi Ly 13, phi Bất ly 9.

712.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên có phi Hỗ tương 11,... phi Y chỉ 11, phi Cận y 5, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

713.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên có phi Cận y 5,... phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

714.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên,... tóm tắt. Phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên có phi Hậu sanh 3,... phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5, phi Bất ly 2.

Phần phi hậu sanh căn

715.

Phi Hậu sanh duyên có phi Nhân 15,... phi Cảnh 15, phi Trưởng 15, phi Vô gián 15, phi Liên tiếp 15, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 9, phi Cận y 15, phi Tiền sanh 13, phi Cố hưởng 15, phi Nghiệp 15, phi Quả 15, phi Thực 15, phi Quyền 15, phi Thiền 15, phi Đạo 15, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 15, phi Ly 15, phi Bất ly 9.

716.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 15,... phi Vô gián 15, phi Liên tiếp 15, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 9, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 13, phi Cố hưởng 15, phi Nghiệp 15, phi Quả 15, phi Thực 15, phi Quyền 15, phi Thiền 15, phi Đạo 15, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 15, phi Ly 15, phi Bất ly 9.

717.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên có phi Hỗ tương 9,... phi Y chỉ 9, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9.

718.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên có phi Cận y 3,... phi Tiền sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi

Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9.

719.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên,... tóm tắt, phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên có phi Tiền sanh 3,... phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 1, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3, phi Bất ly 2,... tóm tắt.

Phi Cố hưởng duyên cũng như phi Nhân duyên.

Phần phi nghiệp căn

720.

Phi Nghiệp duyên có phi Nhân 15,... phi Cảnh 15, phi Trưởng 15, phi Vô gián 15, phi Liên tiếp 15, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 15, phi Tiền sanh 13, phi Hậu sanh 15, phi Cố hưởng 15, phi Quả 15, phi Thực 15, phi Quyền 15, phi Thiền 15, phi Đạo 15, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 15, phi Ly 15, phi Bất ly 9.

721.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 15,... tóm tắt,... phi Cận y 13, phi Tiền sanh 13, phi Hậu sanh 15, tóm tắt,... phi Bất ly 9.

722.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên,... tóm tắt,... phi Y chỉ duyên có phi Cận y 5,... phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11,... tóm tắt,... phi Bất ly 9.

723.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên,... tóm tắt..., phi Cận y duyên có phi Tiền sanh 5,... phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

724.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên, tóm tắt,... phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên có phi Cố hưởng 1,... phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1,... tóm tắt.

Phi Quả duyên như phần phi nhân căn.

Phần phi thực căn

725.

Phi Thực duyên có phi Nhân 15,... phi Cảnh 15, phi Trưởng 15, phi Vô gián 15, phi Liên tiếp 15, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 15, phi Tiền sanh 13,... tóm tắt,... phi Bất ly 9.

726.

Phi Thực duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 15,... tóm tắt,... phi Cận y 13,... tóm tắt,... phi Bất ly 9.

727.

Phi Thực duyên cùng phi Nhân duyên... tóm tắt,... phi Đồng sanh duyên có phi Hỗ tương 11,... phi Y chỉ 11, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Quyền 9, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

728.

Phi Thực duyên cùng phi Nhân duyên, tóm tắt,... phi Y chỉ duyên có phi Cận y 5,... phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Quyền 11, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

729.

Phi Thực duyên cùng phi Nhân duyên, tóm tắt,... phi Cận y duyên có phi Tiền sanh 5,... phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Quyền 3, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5, phi Bất ly 2.

730.

Phi Thực duyên cùng phi Nhân duyên,... tóm tắt..., phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên có phi Cố hưởng 3,... phi Nghiệp 1, phi Quả 3, phi Quyền 2, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 2, phi Bất ly 2.

731.

Phi Thực duyên cùng phi Nhân duyên, tóm tắt,..., phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên có phi Quả trong 1 (câu),... phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

732.

Phi Thực duyên cùng phi Nhân duyên,... tóm tắt ..., phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên có phi Tương ưng 1,... phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Phần phi quyền căn

733.

Phi Quyền duyên có phi Nhân 15,... phi Cảnh 15, tóm tắt,... phi Bất ly 9.

734.

Phi Quyền duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên tóm tắt,... có phi Cận y 13... tóm tắt,... phi Bất ly 9.

735.

Phi Quyền duyên cùng phi Nhân duyên... tóm tắt ..., phi Đồng sanh duyên có phi Hỗ tương 11,... phi Y chỉ 11, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 9, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

736.

Phi Quyền duyên cùng phi Nhân duyên, tóm tắt,... phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên có phi Tiền sanh 11,... phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 11, phi Quả 11, phi Thực 9, phi Thiền 11, phi Đạo 11, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 11, phi Ly 11, phi Bất ly 9.

737.

Phi Quyền duyên cùng phi Nhân duyên,... tóm tắt,... phi Cận y duyên có phi Tiền sanh 5,... phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 3...

Nên sắp rộng, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên có phi Cố hưởng 3,... phi Nghiệp 1, phi Quả 3, phi Thực 2, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3, phi Bất ly 2.

738.

Phi Quyền duyên cùng phi Nhân duyên,... tóm tắt,... phi Nghiệp duyên có phi Quả 1,... phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

739.

* Phi Quyền duyên cùng phi Nhân duyên,... tóm tắt,... phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên có phi Ly 1.
* Phi Thiền duyên, phi Đạo duyên nên sắp rộng cũng như phần phi nhân căn *(na Hetumūlakaṃ)*
* Phi Tương ưng duyên nên sắp rộng cũng như phần phi nhân căn.

Phần phi bất tương ưng căn

740.

Phi Bất tương ưng duyên có phi Nhân 9,... phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 9, phi Y chỉ 9, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9.

741.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 9,... phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 9, phi Y chỉ 9, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly có 9.

742.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên có phi Cận y 3,... phi Tiền sanh 9,... tóm tắt..., phi Bất ly 9.

743.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên,... phần căn tóm tắt…, phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên có phi Tiền sanh 3,... phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 1, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3, phi Bất ly 2.

744.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên,... phần căn tóm tắt…, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Quyền duyên có phi Thiền 1,... phi Ly 1.

Phần phi hiện hữu căn

745.

Phi Hiện hữu duyên có phi Nhân 9,... phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 9, phi Y chỉ 9, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9.

746.

Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Y chỉ 9,... Cận y 2.

747.

Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên có phi Cận y 2, phi Tiền sanh 9, phi Bất ly 9.

748.

Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên,... phần căn tóm tắt..., phi Cận y duyên có phi Tiền sanh 2,... phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Quyền 2, phi Thiền 2, phi Đạo 2, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2, phi Bất ly 2.

749.

Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên,... phần căn tóm tắt..., phi Cố hưởng duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên có phi Bất ly 2.

750.

Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên,... tóm tắt..., phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, phi Bất tương ưng duyên có phi Vô hữu 2, phi Ly 2, phi Bất ly 2.

751.

* Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên, phi Ly duyên có phi Bất ly 2.
* Phi Vô hữu duyên có phi Nhân 15,... tóm tắt….
* Phi Vô hữu và phi Ly cũng như phi Nhân duyên.
* Phi Ly duyên có phi Nhân 15,... tóm tắt….
* Phi Bất ly có phi Nhân 9,... phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Ly 9.
* Phi Bất ly duyên như phi Hiện hữu duyên.

Dứt cách đếm theo nghịch trong phần vấn đề

C/. Đếm thuận tùng - đối lập nơi vấn đề

Phần nhân căn

752.

Nhân duyên có phi Cảnh 7,... phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

753.

Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, luôn Bất ly đều có phi Cảnh 7,... phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

754.

Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, luôn Bất ly có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

755.

Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

756.

Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, luôn Bất ly có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

757.

Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

758.

Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

759.

Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

760.

Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

761.

Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

762.

Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, luôn Bất ly có phi Cảnh 4,... phi Trưởng 4, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 4, phi Quả 4, phi Thực 4, phi Thiền 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

763.

Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Trưởng 2, phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Thiền 2, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

764.

Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Trưởng 2, phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Thiền 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

765.

Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Trưởng 2, phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Thiền 2, phi Tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

766.

Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

767.

Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

768.

Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

769.

Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

770.

Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

771.

Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 4,... phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 4, phi Quả 4, phi Thực 4, phi Thiền 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

772.

Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Thiền 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

773.

Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 2, ... phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Thiền 2, phi Tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

774.

Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

775.

Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

776.

Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần nhân căn

Phần cảnh căn

777.

Cảnh duyên có phi Nhân 9,... phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 9, phi Y chỉ 9, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9.

778.

Cảnh, Trưởng luôn Cận y có phi Nhân 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 7.

779.

Cảnh, Tiền sanh, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Nhân 3... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

780.

Cảnh, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, luôn Bất ly có phi Nhân 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

781.

Cảnh, Trưởng, Cận y, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, luôn Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

782.

Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, luôn Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Hậu

sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần cảnh căn.

Phần trưởng căn

783.

Trưởng duyên có phi Nhân 10,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 10, phi Liên tiếp 10, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 8, phi Y chỉ 7, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 10, phi Hậu sanh 10, phi Cố hưởng 10, phi nghiệp 10, phi Quả 10, phi Thực 10, phi Quyền 10, phi Thiền 10, phi Đạo 10, phi Tương ưng 8, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Vô hữu 10, phi Ly 10, phi Bất ly 7.

784.

Trưởng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Nhân 8,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 8, phi Liên tiếp 8, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 4, phi Y chỉ 1, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 8, phi Cố hưởng 8, phi nghiệp 8, phi Quả 8, phi Thực 8, phi Quyền 8, phi Thiền 8, phi Đạo 8, phi Tương ưng 4, phi Bất tương ưng 4, phi Vô hữu 8, phi Ly 8.

785.

Trưởng, Y chỉ, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Nhân 8,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 8, phi Liên tiếp 8, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 4, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 8, phi Cố hưởng 8, phi nghiệp 8, phi Quả 8, phi Thực 8, phi Quyền 8, phi Thiền 8, phi Đạo 8, phi Tương ưng 4, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 8, phi Ly 8.

786.

Trưởng, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu luôn Bất ly có phi Nhân 4,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 4, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 4, phi Quả 4, phi Thực 4, phi Quyền 4, phi Thiền 4, phi Đạo 4, phi Tương ưng 4, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

787.

Trưởng, Cảnh, Cận y có phi Nhân 7,... phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 7.

788.

Trưởng, Cảnh, Cận y, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

789.

Trưởng, Cảnh, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

790.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

791.

Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

792.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

793.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

794.

Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

795.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

796.

Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

797.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

798.

Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

799.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

800.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1,

phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

801.

Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

802.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

803.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Thiền 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

804.

Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Thiền 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

805.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Thiền 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

806.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

807.

Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

808.

Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

809.

Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 4,... phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh

4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 4, phi Quả 4, phi Thực 4, phi Thiền 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

810.

Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Thiền 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

811.

Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Thiền 2, phi Tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

812.

Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

813.

Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

814.

Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần trưởng căn.

Phần vô gián căn

815.

Vô gián duyên có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Bất ly 7.

816.

Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu, Ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Bất ly 7.

817.

Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Cố hưởng, Vô hữu, Ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 3, phi Bất ly 3.

818.

Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Nghiệp, Vô hữu, Ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Hiện hữu 1, phi Bất ly 1.

Dứt phần vô gián căn

Phần liên tiếp căn

819.

Liên tiếp duyên có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Bất ly 7.

820.

Liên Tiếp, Vô gián, Cận y, Vô hữu, Ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Bất ly 7.

821.

Liên Tiếp, Vô gián, Cận y, Cố hưởng, Vô hữu, Ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 3, phi Bất ly 3.

822.

Liên Tiếp, Vô gián, Cận y, Nghiệp, Vô hữu, Ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Hiện hữu 1, phi Bất ly 1.

Dứt phần liên tiếp căn

Phần đồng sanh căn

823.

Đồng sanh duyên có phi Nhân 9,... phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

824.

Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 9,... phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

825.

Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

826.

Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

827.

Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

828.

Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

829.

Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

830.

Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

831.

Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

832.

Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

833.

Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần đồng sanh căn

Phần hỗ tương căn

834.

Hỗ tương duyên có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

835.

Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly, có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

836.

Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

837.

Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

838.

Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

839.

Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

840.

Hỗ tương, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần hỗ tương căn

Phần y chỉ căn

841.

Y chỉ duyên có phi Nhân 13,... phi Cảnh 13, phi Trưởng 13, phi Vô gián 13, phi Liên tiếp 13, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 7, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 13, phi Quả 13, phi Thực 13, phi Quyền 13, phi Thiền 13, phi Đạo 13, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 13, phi Ly 13.

842.

Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 13,... phi Cảnh 13, phi Trưởng 13, phi Vô gián 13, phi Liên tiếp 13, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 7, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 13, phi Quả 13, phi Thực 13, phi Quyền 13, phi Thiền 13, phi Đạo 13, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 13, phi Ly 13.

843.

Y chỉ, Trưởng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 8,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 8, phi Liên tiếp 8, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 4, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 8, phi Cố hưởng 8, phi nghiệp 8, phi Quả 8, phi Thực 8, phi Quyền 8, phi Thiền 8, phi Đạo 8, phi Tương ưng 4, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 8, phi Ly 8.

844.

Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

845.

Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 5,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 5, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

846.

Y chỉ, Trưởng, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 4,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 4, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 4, phi Quả 4, phi Thực 4, phi Quyền 4, phi Thiền 4, phi Đạo 4, phi Tương ưng 4, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

847.

Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

848.

Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

849.

Y chỉ, Cảnh, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

850.

Y chỉ, Cảnh, Trưởng, Cận y, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

851.

Y chỉ, Tiền sanh, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

852.

Y chỉ, Đồng sanh, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 9,... phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9,

phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

853.

Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

854.

Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

855.

Y chỉ, Đồng sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3, phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

856.

Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

857.

Y chỉ, Đồng sanh, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

858.

Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

859.

Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

860.

Y chỉ, Đồng sanh, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly, có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

861.

Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1,

phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần y chỉ căn

Phần cận y căn

862.

Cận y duyên có phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 9, phi Y chỉ 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9.

863.

Cận y, Cảnh, Trưởng, có phi Nhân 7,... phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 7.

864.

Cận y, Cảnh, Trưởng, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

865.

Cận y, Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

866.

Cận y, Vô gián, Liên tiếp, Vô hữu, Ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Bất ly 7.

867.

Cận y, Vô gián, Liên tiếp, Cố hưởng, Vô hữu, Ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 3, phi Bất ly 3.

868.

Cận y, nghiệp có phi Nhân 2,... phi Cảnh 2, phi Trưởng 2, phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Đồng sanh 2, phi Hỗ tương 2, phi Y chỉ 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Quyền 2, phi Thiền 2, phi Đạo 2, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2, phi Bất ly 2.

869.

Cận y, Vô gián, Liên tiếp, Nghiệp, Vô hữu, Ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Hiện hữu 1, phi Bất ly 1.

Dứt phần cận y căn.

Phần tiền sanh căn

870.

Tiền sanh duyên có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

871.

Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

872.

Tiền sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

873.

Tiền sanh, Cảnh, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

874.

Tiền sanh, Cảnh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

875.

Tiền sanh, Cảnh, Trưởng, Cận y, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

876.

Tiền sanh, Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Cận y, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

877.

Tiền sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần tiền sanh căn.

Phần hậu sanh căn

878.

Hậu sanh duyên có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi

Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

879.

Hậu sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt phần hậu sanh căn

Phần cố hưởng căn

880.

Cố hưởng duyên có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 3, phi Bất ly 3.

881.

Cố hưởng, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu, Ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 3, phi Bất ly 3.

Dứt phần cố hưởng căn

Phần nghiệp căn

882.

Nghiệp duyên có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 2, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 2, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Quả 7, phi Thực 2, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 5, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 2.

883.

Nghiệp, Cận y có phi Nhân 2,... phi Cảnh 2, phi Trưởng 2, phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Đồng sanh 2, phi Hỗ tương 2, phi Y chỉ 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Quyền 2, phi Thiền 2, phi Đạo 2, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2, phi Bất ly 2.

884.

Nghiệp, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu, Ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Hiện hữu 1, phi Bất ly 1.

885.

Nghiệp, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Quả 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

886.

Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi

Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

887.

Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

888.

Nghiệp, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

889.

Nghiệp, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

890.

Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

891.

Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

892.

Nghiệp, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

893.

Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1, phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần nghiệp căn.

Phần quả căn

894.

Quả duyên có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

895.

Quả, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

896.

Quả, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

897.

Quả, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

898.

Quả, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

899.

Quả, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần quả căn.

Phần thực căn

900.

Thực có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 1, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

901.

Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 1, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

902.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

903.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 1.

904.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

905.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo, phi Tương ưng, phi Vô hữu, phi Ly 3.

906.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

907.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

908.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

909.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

910.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

911.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Nghiệp, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Quả 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

912.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

913.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

914.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Nghiệp, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

915.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

916.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

917.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

918.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

919.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

920.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

921.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

922.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền

sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

923.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

924.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

925.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

926.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

927.

Thực, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

928.

Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

929.

Thực, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

930.

Thực, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3, phi Cảnh 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

931.

Thực, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền

sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

932.

Thực, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

933.

Thực, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

934.

Thực, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần thực căn.

Phần quyền căn

935.

Quyền duyên có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 1, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

936.

Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 1, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

937.

Quyền, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

938.

Quyền, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

939.

Quyền, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

940.

Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

941.

Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

942.

Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

943.

Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

944.

Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

945.

Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

946.

Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

947.

Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

948.

Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

949.

* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7, phi Cảnh 7, tóm tắt,... phi Ly 7.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3... tóm tắt,... phi Ly 3.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3... tóm tắt,... phi Ly 3.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3... tóm tắt,... phi Ly 3.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1 tóm tắt,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1 tóm tắt,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1 tóm tắt,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7... tóm tắt,... phi Ly 7.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3 ... tóm tắt... phi Ly 3.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.

* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thực, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Quyền, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 4,... phi Ly 4.

- Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Ly 2.
- Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Ly 2.
- Quyền, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Ly 2.
- Quyền, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
- Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
- Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
- Quyền, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
- Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.

950.

Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 4,... phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 4, phi Quả 4, phi Thực 4, phi Thiền 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

951.

Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Thiền 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

952.

Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Thiền 2, phi Tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

953.

Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

954.

Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

955.

Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Dứt phần quyền căn.

Phần thiền căn

956.

Thiền duyên có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 7, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

957.

* Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7, tóm tắt,... phi Ly 7.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương,Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.

- Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
- Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
- Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
- Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
- Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
- Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
- Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
- Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
- Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
- Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
- Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
- Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
- Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
- Thiền, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
- Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1, ... phi Ly 1.

Dứt phần thiền căn

Phần đạo căn

958.

Đạo duyên có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 7, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

959.

- Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7, tóm tắt,... phi Ly 7.
- Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
- Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3... phi Ly 3.
- Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3... phi Ly 3.
- Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1... phi Ly 1.
- Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1... phi Ly 1.
- Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.

* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Quả, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.

* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Ly 7.
* Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Ly 3.
* Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 4,... phi Ly 4.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Ly 2.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Ly 2.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Ly 2.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 4,... phi Ly 4.
* Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Ly 2.
* Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 2,... phi Ly 2.
* Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.
* Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.

* Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Quyền, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1,... phi Ly 1.

Dứt phần đạo căn

Phần tương ưng căn

960.

Tương ưng duyên có phi Nhân 3... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

961.

* Tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3... tóm tắt,... phi Ly 3.
* Tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Ly 1.

Phần bất tương ưng căn

962.

Bất tương ưng duyên có phi Nhân 5,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 5, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 5, phi Y chỉ 3, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

963.

Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 5... phi Cảnh 5, phi Trưởng 5, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Đồng sanh 5, phi Hỗ tương 5, phi Y chỉ 3, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

964.

Bất tương ưng, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 5... phi Cảnh 5, phi Trưởng 5, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

965.

Bất tương ưng, Trưởng, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 4,... phi Cảnh 4, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 4, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 4, phi Quả 4, phi Thực 4, phi Quyền 4, phi Thiền 4, phi Đạo 4, phi Tương ưng 4, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

966.

Bất tương ưng, Y chỉ, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

967.

Bất tương ưng, Hậu sanh, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

968.

Bất tương ưng, Y chỉ, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

969.

Bất tương ưng, Cảnh, Y chỉ, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

970.

Bất tương ưng, Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

971.

Bất tương ưng, Y chỉ, Tiền sanh, Quyền, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

972.

Bất tương ưng, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

973.

Bất tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

974.

Bất tương ưng, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

975.

Bất tương ưng, Cảnh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly... tóm tắt..., phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

976.

Bất tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Phần hiện hữu căn

977.

Hiện hữu duyên có phi Nhân 13,... phi Cảnh 13, phi Trưởng 13, phi Vô gián 13, phi Liên tiếp 13, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 13, phi Quả 13, phi Thực 13, phi Quyền 13, phi Thiền 13, phi Đạo 13, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 13, phi Ly 13.

978.

Hiện hữu, Bất ly có phi Nhân 13,... phi Cảnh 13, phi Trưởng 13, phi Vô gián 13, phi Liên tiếp 13, phi Đồng sanh 7, phi Hỗ tương 7, phi Y chỉ 7, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 13, phi Quả 13, phi Thực 13, phi Quyền 13, phi Thiền 13, phi Đạo 13, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 13, phi Ly 13.

979.

Hiện hữu, Y chỉ, Bất ly có phi Nhân 13,... phi Cảnh 13, phi Trưởng 13, phi Vô gián 13, phi Liên tiếp 13, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 7, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 13, phi Quả 13, phi Thực 13, phi Quyền 13, phi Thiền 13, phi Đạo 13, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 13, phi Ly 13.

980.

Hiện hữu, Trưởng, Bất ly có phi Nhân 8,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 8, phi Liên tiếp 8, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 4, phi Y chỉ 1, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 8, phi Cố hưởng 8, phi nghiệp 8, phi Quả 8, phi Thực 8, phi Quyền 8, phi Thiền 8, phi Đạo 8, phi Tương ưng 4, phi Bất tương ưng 4, phi Vô hữu 8, phi Ly 8.

981.

Hiện hữu, Trưởng, Y chỉ, Bất ly có phi Nhân 8,... phi Cảnh 7, phi Vô gián 8, phi Liên tiếp 8, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 4, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 8, phi Cố hưởng 8, phi nghiệp 8, phi Quả 8, phi Thực 8, phi Quyền 8, phi Thiền 8, phi Đạo 8, phi Tương ưng 4, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 8, phi Ly 8.

982.

Hiện hữu, Thực, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 1, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

983.

Hiện hữu, Quyền, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 1, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

984.

Hiện hữu, Y chỉ, Quyền, Bất ly có phi Nhân 7,... phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

985.

Hiện hữu, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 5,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 5, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Đồng sanh 5, phi Hỗ tương 5, phi Y chỉ 3, phi Cận y 5, phi

Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

986.

Hiện hữu, Y chỉ, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 5,... phi Cảnh 5, phi Trưởng 5, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 5, phi Quyền 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

987.

Hiện hữu, Trưởng, Y chỉ, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 4,... phi Cảnh 3, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 4, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 4, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 4, phi Quả 4, phi Thực 4, phi Quyền 4, phi Thiền 4, phi Đạo 4, phi Tương ưng 4, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

988.

Hiện hữu, Y chỉ, Quyền, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

989.

Hiện hữu, Hậu sanh, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

990.

Hiện hữu, Tiền sanh, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

991.

Hiện hữu, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

992.

Hiện hữu, Cảnh, Tiền sanh, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

993.

Hiện hữu, Cảnh, Y chỉ, Tiền sanh, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Đồng sanh 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

994.

Hiện hữu, Cảnh, Trưởng, Cận y, Tiền sanh, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Y chỉ 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

995.

Hiện hữu, Cảnh, Trưởng, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

996.

Hiện hữu, Y chỉ, Tiền sanh, Quyền, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Đồng sanh 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

997.

Hiện hữu, Đồng sanh, Y chỉ, Bất ly, có phi Nhân 9,... phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Hỗ tương 9, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

998.

Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Bất ly, có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

999.

Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Bất ly, có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

1000.

Hiện hữu, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Bất ly, có phi Nhân 3,... phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

1001.

Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

1002.

Hiện hữu, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

1003.

Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

1004.

Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

1005.

Hiện hữu, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

1006.

Hiện hữu, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Bất ly có phi Nhân 1,... phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1.

Phần vô hữu, ly, bất ly căn

1007.

∗ Vô hữu duyên có phi Nhân 7.

∗ Ly duyên có phi Nhân 7.

Vô hữu duyên và Ly duyên cũng như Vô gián duyên.

∗ Bất ly duyên có phi Nhân 13.

Nên sắp rộng Bất ly duyên và Ly duyên như Hiện hữu duyên.

Trong Hiện hữu duyên, Ngài đã phân rộng như thế nào thì nên phân rộng Bất ly duyên như thế đó.

Dứt cách thuận tùng, đối lập nơi vấn đề.

D/. Đếm đối lập - thuận tùng nơi vấn đề

Phần phi nhân căn

1008.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1009.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có Trưởng 7... Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1010.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên có Vô gián 7,... Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1011.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên có Liên tiếp 7,... Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Bất ly 13.

1012.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, có Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Bất ly 13.

1013.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, có Hỗ tương 3,... Y chỉ 3, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Bất ly 7.

1014.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, có Y chỉ 3,... Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Bất ly 7.

1015.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, tóm tắt,... phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên có Cận y 9,... Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Bất ly 5.

1016.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên Phần căn tóm tắt,... phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên có Hậu sanh 3,..Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Bất ly 5.

1017.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phần căn tóm tắt,... phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, có Nghiệp 2,... Thực 1, Quyền 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

1018.

Phi Nhân duyên, cùng phi Cảnh duyên, phần căn tóm tắt,... phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên có Quyền 1,... Hiện hữu 1, Ly 1.

1019.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phần căn tóm tắt,... phi Thực duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương Ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên có Quyền 1,... Hiện hữu 1, Bất ly 1.

1020.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phần căn ... tóm tắt... phi Quả duyên, phi Quyền duyên, có Thực 1,... Hiện hữu 1, Bất ly 1.

1021.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, phần căn ... tóm tắt... phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên có Thực 1, ... Hiện hữu 1, Bất ly 1.

Phần phi cảnh căn

1022.

Phi cảnh căn có Nhân 7,... Trưởng 7, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1023.

Phi Cảnh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, có Y chỉ 3,... Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Bất ly 7.

Phần phi trưởng căn

1024.

Phi Trưởng duyên có Nhân 7,... Cảnh 9.

Nên sắp rộng như phần phi nhân căn *(na hetumūlakaṃ).*

Phần phi vô gián căn

1025.

Phi Vô gián duyên cùng phi Liên tiếp duyên có Nhân 7,... Cảnh 9, Trưởng 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Bất ly 13.

Phần phi liên tiếp căn

1026.

Phi Liên tiếp duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên có Y chỉ 3,... Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Bất ly 7, tóm tắt.

Phần phi đồng sanh căn

1027.

Phi Đồng sanh duyên có Cảnh 9,... Trưởng 7, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Y chỉ 3, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7.

1028.

Phi Đồng sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên có Vô gián,... Liên tiếp 7, Y chỉ 3, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7.

1029.

Phi Đồng sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, có Cận y 9...Tiền sanh 9, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Bất ly 5, tóm tắt.

Phần phi hỗ tương căn

1030.

Phi Hỗ tương duyên có Nhân 3,... Cảnh 9, Trưởng 8, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 5, Y chỉ 7, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7.

1031.

Phi Hỗ tương duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, có Trưởng 3,... Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 5, Y chỉ 7, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7.

1032.

Phi Hỗ tương duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên có Y chỉ 3,... Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Bất ly 7, tóm tắt.

Phần phi y chỉ căn

1033.

Phi Y chỉ duyên có Cảnh 9,... Trưởng 7, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7,Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7.

1034.

Phi Y chỉ duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên có Vô gián 7,... Liên tiếp 7, Cận y 9, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 5.

1035.

Phi Y chỉ duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên có Cận y 9,... Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Bất ly 5, tóm tắt.

Phần phi cận y căn

1036.

Phi Cận y duyên có Nhân 7,... Cảnh 9, Trưởng 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Bất ly 13.

1037.

Phi Cận y duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên có Y chỉ 3,... Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Bất ly 7, tóm tắt.

Phần phi tiền sanh căn

1038.

Phi Tiền sanh duyên có Nhân 7,... Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 9, Cận y 9, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 9, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 9.

1039.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Trưởng 7,... Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 9, Cận y 9, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 9, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 9.

1040.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, có Y chỉ 9,... Cận y 9, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Bất ly 5, tóm tắt.

Phần phi hậu sanh căn

1041.

Phi Hậu sanh duyên có Nhân 7,... Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1042.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, có Y chỉ 3... Cận y 9, Tiền sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1043.

Phi Hậu sanh duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, có Cận y 9,... Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, hiện hữu1, Ly 1, tóm tắt.

Phần phi cố hưởng căn

1044.

Phi Cảnh duyên có Nhân 7,... Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 5, Ly 5, Bất ly 13.

1045.

Phi Cố hưởng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên có Y chỉ 3,... Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Bất ly 7, tóm tắt.

Phần phi nghiệp, phi quả căn

1046.

Phi Nghiệp duyên có Nhân 7,... Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Quả 3, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1047.

* Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên có Y chỉ

3,... Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Bất ly 7, tóm tắt.

* Phi Quả duyên có Nhân 7 (nên phân rộng như phần phi nhân căn)... Bất ly 13.

Phần phi thực căn

1048.

Phi Thực duyên có Nhân 7,... Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Quả 1, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1049.

Phi Thực duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Trưởng 7,... Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Quả 1, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1050.

Phi Thực duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, tóm tắt,... phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên có Quyền 1,... Hiện hữu 1, Bất ly 1.

Phần phi quyền căn

1051.

* Phi Quyền duyên có Nhân 7,... Cảnh 9, tóm tắt... Bất ly 13.
* Phi Quyền duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phần căn tóm tắt..... phi Quả duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên có Thực 1,... Hiện hữu 1, Ly 1.
* Phi Quyền duyên có Nghiệp 7, vấn đề như phần phi nhân căn, tóm tắt.

Phần phi thiền căn

1052.

Phi Thiền duyên có Nhân 7,.... Cảnh 9, tóm tắt,... Bất ly 13.

Phần phi thiền căn nên sắp rộng như phần phi nhân căn.

Phần phi đạo căn

1053.

Phần Đạo duyên có Nhân 7, tóm tắt,... có Bất ly 13.

Nên sắp rộng như phần phi nhân căn *(na hetumulakaṃ)*.

Phần phi tương ưng căn

1054.

Phi Tương ưng duyên có Nhân 3,.... Cảnh 9, Trưởng 8, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 5, Hỗ tương 1, Y chỉ 7, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7.

1055.

Phi Tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Trưởng 3,... Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 5, Hỗ tương 1, Y chỉ 7, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố

hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7.

1056.

Phi Tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, có Y chỉ 3,.... Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 7, Bất ly 7.

1057.

Bất tương ưng duyên cùng Nhân duyên, phần căn... tóm tắt... phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên có Cận y 9,... Hậu sanh 3, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Bất ly 5.

1058.

Phi Tương ưng duyên, cùng phi Nhân duyên, phần căn... tóm tắt.... phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên có Hậu sanh 3,... Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Bất ly 5, tóm tắt.

Phần phi bất tương ưng căn

1059.

Phi Bất tương ưng duyên có Nhân 3,... Cảnh 9, Trưởng 7, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 5, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 5, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 5.

1060.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Trưởng 3,... Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Cố hưởng 3, Nghiệp 5, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 3.

1061.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên có Đồng sanh 3,... Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Nghiệp 5, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1062.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên có Y chỉ 3,... Cận y 9, Nghiệp 2, Thực 1, Quyền 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

1063.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên, có Nghiệp 2,... Thực 1, Quyền 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

1064.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phần căn tóm tắt... phi Nghiệp duyên có Thực 1,... Quyền 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

1065.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, tóm tắt,... phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, có Quyền 1,... Hiện hữu 1, Bất ly 1.

1066.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, tóm tắt,... phi Thực duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên, có Quyền 1,... Hiện hữu 1, Bất ly 1.

1067.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phần căn tóm tắt... phi Quả duyên, phi Quyền duyên có thực 1... Hiện hữu 1, Bất ly 1.

1068.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phần căn tóm tắt... phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên, có Thực 1,... Hiện hữu 1, Bất ly 1.

Phần phi hiện hữu căn

1069.

Phi Hiện hữu duyên có Cảnh 9,... Trưởng 7, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Cận y 9, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Vô hữu 7, Ly 7,

1070.

Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có Vô gián 7,... Liên tiếp 7, Cận y 9, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Vô hữu 7, Ly 7.

1071.

Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên có Cận y 9,... Nghiệp 2.

1072.

Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên, phi Bất ly duyên có nghiệp 2.

1073.

Phi Hiện hữu duyên cùng phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên, phi Bất ly duyên có Cận y 9.

Phần phi vô hữu căn

1074.

Phi Vô hữu duyên có Nhân 7, tóm tắt... Ly 13.

Nên phân rộng như phần phi nhân căn *(na hetumūlakaṃ).*

Phần phi ly căn

1075.

Phi Ly duyên có Nhân 7, tóm tắt...có Bất ly 13. Nên phân rộng như phần phi nhân căn.

Phần phi bất ly căn

1076.

Phi Bất ly duyên có Cảnh 9, tóm tắt... Vô hữu 7, Ly 7. Nên phân rộng như phần phi hiện hữu căn.

Dứt cách đối lập thuận tùng nơi vấn đề
Dứt phần thứ nhứt tam đề thiện

TAM ĐỀ THỌ *(VEDANATIKA)*

Phần liên quan *(Paṭicca vāra)*

1077.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên *(hetupaccayo)*:

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1078.

Pháp tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng khổ thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1079.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên:

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1080.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Cảnh duyên... Trưởng duyên (khi tục sinh không có Trưởng duyên) ... Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn Vật tiền sanh duyên, tóm tắt...

1081.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Cố hưởng duyên,... Nghiệp duyên,... Quả duyên:

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1082.

Pháp tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do Quả duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn chung thân thức đồng sanh khổ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1083.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Quả duyên:

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn phi khổ phi lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1084.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Thực duyên,... Quyền duyên,... Thiền duyên,... Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên.

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn, vật Bất tương ưng Duyên.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn, uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên.

1085.

Pháp tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do Bất tương ưng duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng khổ thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn; vật Bất tương ưng duyên.

1086.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn, vật Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn. Vật Bất tương ưng duyên, tóm tắt.

Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên.

1087.

* Nhân có 3, Cảnh có 3, tóm tắt,... Bất ly 3.
* Nhân duyên có Cảnh 3,... Quả 2, Bất ly 3,
* Cảnh duyên... Trưởng duyên có Nhân 3,... Quả 2, Bất ly 3.
* Cố hưởng duyên có Nhân 3,... Nghiệp 3, Thực 3, Bất ly 3.
* Quả duyên có Nhân 2,... Cảnh 3, Trưởng 2, tóm tắt... Tiền sanh 3, Nghiệp 3, Thiền 2, Đạo 2, Bất ly 3.
* Thiền duyên có Nhân 3,... Quả 2, Bất ly 3.
* Đạo duyên có Nhân 3,... Quả 2, Bất ly 3.
* Bất ly duyên có Nhân 3,... Vô hữu 3, Ly 3.

Nên sắp rộng như đếm duyên trong tam đề thiện.

1088.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do phi Nhân duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ vô nhân, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1089.

Pháp tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do phi Nhân duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn chung thân thức đồng sanh khổ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1090.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do phi Nhân duyên:

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ vô nhân 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Si đồng sanh, hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1091.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do phi Trưởng duyên: Phần tục sinh hoàn toàn phi Trưởng duyên.

1092.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do phi Tiền sanh duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ nơi Vô sắc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ,1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1093.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ nơi Vô sắc 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1094.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do phi Hậu sanh duyên,... phi Cố hưởng duyên:

Phi Hậu sanh duyên và phi Cố hưởng duyên phần tục sinh đầy đủ.

1095.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* tương ưng lạc thọ liên quan uẩn tương ưng lạc thọ.

1096.

Pháp tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư tương ưng khổ thọ liên quan uẩn tương ưng khổ thọ

1097.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ.

1098.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do phi Quả duyên,... phi Thiền duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn chung thân thức đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1099.

Pháp tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do phi Thiền duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn chung thân thức đồng sanh khổ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1100.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do phi Thiền duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh nhãn thức, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1101.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do phi Đạo duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ vô nhân, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1102.

Pháp tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do phi Đạo duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn chung thân thức đồng sanh khổ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1103.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do phi Đạo duyên:

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ vô nhân 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1104.

Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ nơi Vô sắc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1105.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ nơi Vô sắc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

1106.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 2.

1107.

Phi Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 1.

1108.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên có phi Hậu sanh 1,... phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1.

1109.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Đạo duyên, có phi Bất tương ưng 1.

1110.

Phi Trưởng duyên có phi Nhân 3,... phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 2.

1111.

Phi Tiền sanh duyên có phi Nhân 1,... phi Trưởng 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

1112.

Phi Tiền sanh duyên cùng phi Nhân duyên có phi Trưởng 1,... phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, tóm tắt.

1113.

Phi Hậu sanh duyên,... phi Cố hưởng duyên,... phi Nghiệp duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Đạo 2, phi Bất tương ưng 2.

1114.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên có phi Trưởng 2,... phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Quả 2, phi Đạo 2, phi Bất tương ưng 1.

1115.

Phi Nghiệp duyên cùng phi Nhân duyên phi truởng duyên, phi Tiền sanh duyên có phi Hậu sanh 1,... phi Cố hưởng 1, phi Quả 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1, tóm tắt.

1116.

Phi Quả duyên có phi Nhân 2,... phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Đạo 2, phi Bất tương ưng 2.

Phi Quả duyên cũng như phi Nghiệp duyên.

1117.

Phi Thiền duyên có phi Nhân 3, phi Trưởng 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Đạo 3.

1118.

Phi Thiền duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên có phi Đạo 3.

1119.

Phi Đạo duyên có phi Nhân 3, phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thiền 3, phi Bất tương ưng 1.

1120.

Phi Đạo duyên cùng phi Nhân duyên có phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thiền 3, phi Bất tương ưng 1.

1121.

Phi Đạo duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, có phi Hậu sanh 1,... phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Bất tương ưng 1, tóm tắt.

1122.

Phi Bất tương ưng duyên có phi Nhân 1,... phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Đạo 1.

1123.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên có phi Trưởng 1,... phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Đạo 1.

1124.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên có phi Đạo 1.

Dứt phần đếm ngược

1125.

Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 2.

1126.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 2,

Nên đếm rộng như tam đề thiện.

Dứt cách thuận tùng, đối lập

1127.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

1128.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

1129.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 1, Quả 1,

Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Đạo 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

1130.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

1131.

Phi Nhân duyên cùng phi Trưởng duyên tóm tắt, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Đạo duyên, phi Bất tương ưng duyên, có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

Dứt phần phi nhân căn

1132.

Phi Trưởng duyên có Nhân 3, tóm tắt,... phi Tiền sanh duyên có Nhân 2, tóm tắt,... phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên có Nhân 3...

1133.

Phi Thiền duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

Phi Đạo duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3.

1134.

Phi Bất tương ưng duyên có Nhân 2,... Cảnh 2, Trưởng 2, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 2, Quả 2, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 2, Tương ưng 2, Hiện hữu 2, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 2.

1135.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Đạo 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

1136.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Đạo duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

1137.

Phi Bất tương ưng duyên cùng phi Nhân duyên, phi Trưởng duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên, phi Quả duyên, phi Đạo duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

Dứt cách đối lập thuận tùng
Hết phần liên quan

Phần Tương Ưng

1138.

... Đồng sanh pháp tương ưng lạc thọ... nhờ cậy pháp tương ưng lạc thọ... y chỉ pháp tương ưng lạc thọ... hỗn hợp pháp tương ưng lạc thọ.

1139.

Pháp tương ưng lạc thọ tương ưng với pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên: 2 uẩn tương ưng 1 uẩn tương ưng lạc thọ, 1 uẩn tương ưng 2 uẩn.

Dứt phần tương ưng

Phần Vấn Đề

1140.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên:

- Nhân tương ưng lạc thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân tương ưng lạc thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1141.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Nhân duyên: Nhân tương ưng khổ thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1142.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Nhân duyên:

- Nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1143.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên:

- Sau khi tâm tương ưng lạc thọ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán bằng tâm tương ưng lạc thọ. Sau khi xuất thiền, xuất đạo, xuất quả tâm tương ưng lạc thọ rồi phản khán bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- Tâm tương ưng lạc thọ Thánh *(ariya)* phản khán phiền não tương ưng lạc thọ đã trừ, hay phản khán phiền não đã hạn chế hoặc phiền não đã từng sanh trước kia. Hay tâm tương ưng lạc thọ quán uẩn tương ưng lạc thọ bằng vô thường, khổ não, vô ngã. Do thỏa thích vui mừng mong mỏi ấy thì ái dục, tà kiến tương ưng lạc thọ phát sanh... Mong mỏi uẩn tương ưng lạc thọ thì uẩn tương ưng lạc thọ phát sanh.

1144.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cảnh duyên:

- Tâm tương ưng lạc thọ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi hối hận ưu phát sanh. thiền tương ưng lạc thọ sau khi hoại rồi hối hận ưu phát sanh.
- Mong mỏi uẩn tương ưng lạc thọ cũng có thể làm cho uẩn tương ưng khổ thọ phát sanh.

1145.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cảnh duyên:

- Tâm tương ưng lạc thọ bố thí nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ, thiền đạo quả tương ưng lạc thọ sau khi xuất rồi phản khán bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Tâm Thánh tương ưng phi khổ phi lạc thọ phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não hạn chế và phiền não đã từng sanh. Hay tâm tương ưng phi khổ phi lạc

thọ quán uẩn tương ưng lạc thọ bằng vô thường, khổ não, vô ngã. Hay thỏa thích vui mừng hy vọng ấy nên tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra.

- Tha tâm thông hội hiệp uẩn tương ưng lạc thọ. Uẩn tương ưng lạc thọ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên. Mong mỏi uẩn tương ưng lạc thọ có thể uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra.

1146.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cảnh duyên:

- Nhớ đến sân thì sân, si sanh ra.
- Nhớ đến si tương ưng khổ thọ thì si, sân sanh ra.
- Nhớ đến thân thức đồng sanh khổ thì sân si sanh ra.
- Nhớ đến uẩn tương ưng khổ thọ thì uẩn tương ưng khổ thọ sanh ra.

1147.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên: Tâm Thánh tương ưng lạc thọ phản khán phiền não tương ưng lạc thọ đã trừ; hay phiền não bị hạn chế cùng phiền não đã từng sanh trước kia. Quán uẩn tương ưng khổ thọ bằng vô thường, khổ thọ, vô ngã bằng tâm tương ưng lạc thọ. Nhớ tưởng uẩn tương ưng khổ thọ nên uẩn tương ưng lạc thọ sanh ra.

1148.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cảnh duyên:

- Tâm Thánh tương ưng phi khổ phi lạc thọ phản khán phiền não tương ưng khổ thọ đã trừ và bị hạn chế, hay phiền não đã từng sanh trước kia. Quán uẩn tương ưng khổ thọ bằng vô thường, khổ não, vô ngã bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Tha tâm thông hội hiệp với uẩn tương ưng khổ thọ. Uẩn tương ưng khổ thọ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Mong nhớ uẩn tương ưng khổ thọ nên uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra.

1149.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên:

- Tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ, xuất thiền, đạo quả tương ưng phi khổ phi lạc thọ rồi phản khán bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Tâm Thánh tương ưng phi khổ phi lạc thọ phản khán phiền não tương ưng, phi khổ phi lạc thọ đã trừ hay hạn chế, hoặc phiền não đã từng sanh.
- Quán uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng vô thường, khổ não, vô ngã bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Do thỏa thích vui mừng sự móng ấy nên tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật, tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra.
- Tha tâm thông hội hiệp tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên... Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên. Uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho thần (túc) thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai

thông và khán môn bằng Cảnh duyên. Mong tưởng uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ nên uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra.

1150.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên:

- Tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán bằng tâm tương ưng lạc thọ. Sau khi xuất thiền, đạo quả tương ưng phi khổ phi lạc thọ rồi phản khán bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- Tâm tương ưng lạc thọ quán sự móng uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng vô thường, khổ não, vô ngã, rồi do thỏa thích vui mừng móng tưởng ấy nên tham ái, tà kiến, tương ưng lạc thọ sanh ra... móng tưởng uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ nên uẩn tương ưng lạc thọ sanh ra.

1151.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cảnh duyên:

- Tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi hối hận tức mình nên ưu sanh ra.
- Thiền tương ưng phi khổ phi lạc thọ hoại rồi tức mình, hối hận nên ưu sanh ra. Móng tưởng uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ nên uẩn tương ưng khổ thọ sanh ra.

1152.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Trưởng duyên có Cảnh trưởng và Trưởng đồng sanh:

- Cảnh trưởng như là tâm tương ưng lạc thọ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi tâm tương ưng lạc thọ nặng chấp ấy nhớ lại thiện đã làm trước kia. Sau khi xuất thiền, đạo quả tương ưng lạc thọ rồi do nặng chấp ấy nên tâm tương ưng lạc thọ nhớ lại phản khán. Tâm nặng về uẩn tương ưng lạc thọ rồi thỏa thích vui mừng uẩn tương ưng lạc thọ nặng chấp ấy nên tham ái và tà kiến tương ưng lạc thọ mới phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như là trưởng tương ưng lạc thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1153.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Trưởng duyên:

- Cảnh trưởng như là tâm tương ưng lạc thọ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ nặng chấp như thế rồi phản khán việc thiện đã làm trước kia. Sau khi xuất thiền, đạo quả tương ưng lạc thọ rồi do nặng chấp ấy mới phản khán lại bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ đã nặng về uẩn tương ưng lạc thọ mới thỏa thích vui mừng theo nặng chấp ấy có thể tham ái và tà kiến tương ưng phi khổ phi lạc thọ phát sanh.

1154.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Trưởng duyên:

- Trưởng đồng sanh như là trưởng tương ưng khổ thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1155.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Trưởng duyên có cả Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như là tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ bố thí nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi do nặng chấp ấy mới phản khán bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Thiền đạo quả tương ưng phi khổ phi lạc thọ sau khi xuất rồi đã nặng theo như thế mới phản khán lại bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ đã nặng thỏa thích vui mừng theo uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ ấy, nên tham ái, tà kiến tương ưng phi khổ phi lạc thọ phát sanh....
- Trưởng đồng sanh như là trưởng tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1156.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Trưởng duyên:

- Cảnh trưởng như là tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ bố thí nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi do đã nặng chấp ấy phản khán bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- Thiền đạo quả tương ưng phi khổ phi lạc thọ sau khi xuất đã nặng về đó nên phản khán lại bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- Đã nặng chấp thỏa thích vui mừng uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng tâm tương ưng lạc thọ cũng đã nặng chấp ấy nên tham ái, tà kiến tương ưng lạc thọ phát sanh....

1157.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn tương ưng lạc thọ sanh trước trước làm duyên cho uẩn tương ưng lạc thọ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* tương ưng lạc thọ làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)*.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo.
- Tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo.
- Tâm đạo làm duyên cho quả.
- Tâm quả làm duyên cho quả *(phala)*.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* tương ưng lạc thọ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.
- Uẩn tương ưng lạc thọ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên.

1158.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử tương ưng lạc thọ làm duyên cho tâm tục sinh *(upapatticitta)* phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* tương ưng lạc thọ làm duyên cho tâm khán môn *(āvajjana)* bằng Vô gián duyên.
- Tâm thân thức đồng sanh lạc thọ làm duyên cho quả ý giới bằng Vô gián duyên.
- Quả ý thức giới tương ưng lạc thọ làm duyên cho tố *(kiriyā)* ý thức giới bằng Vô gián duyên.
- Hộ Kiếp tương ưng lạc thọ làm duyên cho tâm hộ kiếp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên.

- Thiện và bất thiện tương ưng lạc thọ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.
- Tâm quả *(phala)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

1159.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Vô gián duyên: Uẩn tương ưng khổ thọ sanh trước trước làm duyên cho uẩn tương ưng khổ thọ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1160.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên: Thân thức đồng sanh khổ thọ làm duyên cho quả ý giới bằng Vô gián duyên uẩn tương ưng khổ thọ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên.

1161.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh trước trước làm duyên cho uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh sau bằng Vô gián duyên
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vedanā)*.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo.
- Tâm dũ tịnh *(vedanā)* làm duyên cho đạo.
- Đạo làm duyên cho quả.
- Quả làm duyên cho quả *(phala)*
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả nhập thiền diệt.
- Khi xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho tâm quả nhập thiền tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên.
- Uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên.

1162.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho tâm tục sinh *(upapatticitta)* tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên.
- Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên.
- Ý giới quả làm duyên cho ý thức giới quả tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho tâm hộ kiếp tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên.
- Thiện, bất thiện tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* tương ưng lạc thọ.
- Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.
- quả *(phala)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.
- Khi xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên.

1163.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Vô gián duyên: Tâm khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn tương ưng khổ thọ bằng Vô gián duyên.

1164.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Liên tiếp duyên: Như Vô gián duyên.

1165.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn tương ưng lạc thọ làm làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn tương ưng lạc thọ làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

1166.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn tương ưng khổ thọ làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

Tương ưng khổ thọ không có trong lúc tục sinh.

1167.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn làm duyên cho 2 uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

1168.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Hỗ tương duyên,... Y chỉ duyên (Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên cũng như Đồng sanh duyên).

1169.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như là nương đức tin tương ưng lạc thọ mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới có thể làm cho thiền tương ưng lạc thọ phát sanh, pháp quán phát sanh, đạo phát sanh, thông phát sanh, có thể nhập thiền đặng, gầy ngã mạng, chấp cúng tế tà kiến bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- Móng giới tương ưng lạc thọ mạnh có thể văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến, hy vọng... nương thân thức đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí, tóm tắt... làm cho nhập thiền đặng bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- Trong phần có đức tin thành năm thứ nên thêm câu gây ngã mạn, chấp cứng, tà kiến, còn ngoài ra không nên thêm.
- Thu đạo, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, đức tin... tương ưng lạc thọ, giới, văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến,vọng dục... tương ưng lạc thọ và thân thức đồng sanh lạc làm duyên cho tín, giới, văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến,vọng dục, tương ưng lạc thọ luôn thân thức đồng sanh lạc cùng tất cả uẩn tương ưng lạc thọ bằng Cận y duyên.

1170.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cận y duyên:

- Thuần cận y như là: Nương đức tin tương ưng lạc thọ mạnh có thể tự làm cho sôi nổi nóng nảy chịu khổ tìm tòi thành căn bản.
- Nương giới, văn, xả, trí tương ưng lạc thọ có thể làm cho sôi nổi nóng nảy chịu khổ tìm tòi thành căn bản.
- Nương ái tương ưng lạc thọ mạnh có thể si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục... nương thân thức đồng sanh lạc mạnh có thể sát sanh, thu đạo, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, cắt đứt giao thông, cướp giựt tổng quát, cướp giựt từng nhà, chặn đường vắng, tìm kiếm vợ người, giết dân vườn, người chợ, sát phụ, sát mẫu, giết la hán, chích máu mình Phật, phá hòa hợp Tăng với tâm tương ưng khổ thọ.
- Nương đức tin lạc thọ mạnh có thể trì giới, đa văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục... thân thức đồng sanh lạc làm duyên cho ưu... si, thân thức đồng sanh khổ, tất cả uẩn tương ưng khổ thọ bằng Cận y duyên.

1171.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như là nương đức tin tương ưng lạc thọ mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ có thể làm cho thiền sanh ra, pháp quán sanh ra, đạo sanh ra, thông sanh ra, nhập thiền đặng cho đến gầy ngã mạn, chấp cứng tà kiến đều bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Trì giới nương tương ưng lạc thọ mạnh có thể đa văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, chấp cứng tà kiến... nương thân thức đồng sanh lạc mạnh làm duyên cho tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ bố thí, tóm tắt,... nhập thiền đặng, cũng làm duyên cho tâm phi khổ phi lạc thọ làm việc thu đạo, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, cắt giao thông, cướp giựt trùm hết, cướp riêng từng nhà, chặn đường vắng, tìm vợ người, giết kẻ vườn người chợ.
- Đức tin nương tương ưng lạc thọ mạnh có thể trì giới, đa văn, xả, trí, tín, ái, si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- Thân thức đồng sanh lạc trợ cho tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ tín ngưỡng, trì giới, đa văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục...
- Thân thức đồng sanh lạc làm duyên cho các uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cận y duyên.

1172.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cận y duyên rộng có 2: Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương sân mạnh có thể sát sanh, thu đạo... cho đến phá hòa hợp Tăng bằng tâm tương ưng khổ thọ.
- Người ngu rất nương thân thức đồng sanh khổ có thể sát sanh, thu đạo... cho đến phá hòa hợp Tăng bằng tâm tương ưng khổ thọ.
- Sân si do thân thức đồng sanh khổ làm duyên cho sân si. Thân thức đồng sanh khổ làm duyên cho các uẩn tương ưng khổ thọ bằng Cận y duyên.

1173.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cận y duyên:

- Thuần cận y như đa nương sân sát chúng, trộm cướp... cũng có thể làm cho tâm bố thí... cho đến thiền tương ưng lạc thọ phát sanh.
- Đa nương si trong sân, đa nương thân thức đồng sanh khổ có thể bố thí... bằng tâm tương ưng lạc thọ... tóm tắt.

- Đa nương sân, si trong sân làm duyên cho đức tin tương ưng lạc thọ phát sanh... có thể thân thức đồng sanh lạc thọ hay uẩn tương ưng lạc thọ do Cận y làm duyên.

1174.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như là đa nương sân sát chúng, có thể tâm bố thí... tương ưng phi khổ phi lạc thọ phát sanh.
- Đa nương si trong sân, đa nương thân thức đồng sanh khổ có thể bố thí... bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ...
- Đa nương sân, si trong sân, thân thức đồng sanh khổ có thể làm cho đức tin phát sanh... bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ do Cận y duyên.

1175.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cận y duyên chia cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như vầy: Đa nương đức tin tương ưng phi khổ phi lạc thọ có thể bố thí... bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Do tà kiến có thể trì giới... bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ do văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến...
- Đa nương hy vọng có thể bố thí v.v... bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ, tóm tắt.
- Trộm cướp... có thể nhập thiền bằng tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Sát chúng... đức tin tương ưng phi khổ phi lạc trợ đức tin, trì giới, đa văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục tương ưng phi khổ phi lạc thọ, tóm tắt... làm duyên cho... vọng dục, hay uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cận y duyên.

1176.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cận y duyên chia cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Đa nương đức tin tương ưng phi khổ phi lạc thọ có thể bố thí bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- Phi khổ phi lạc thọ... cho đến đa nương vọng dục có thể bố thí... bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- ... có thể trộm cướp hay nhập thiền bằng tâm tương ưng lạc thọ.
- Gây sát chúng, nương đức tin tương ưng phi khổ phi lạc thọ... cho đến vọng dục trợ thân thức đồng sanh lạc, hoặc đức tin tương ưng lạc thọ... vọng dục trợ thân thức đồng sanh lạc hay uẩn tương ưng lạc thọ bằng Cận y duyên.

1177.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cận y duyên chia Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như là đa nương đức tin tương ưng phi khổ phi lạc thọ có thể tự làm cho ta buồn khổ do sự tìm tòi căn bản.
- Trì giới... tương ưng phi khổ phi lạc thọ, tóm tắt,... đa nương... cho đến hy vọng có thể sát, đạo... bằng tâm tương ưng khổ thọ… tóm tắt,... phá hòa hợp Tăng.
- Đức tin tương ưng phi khổ phi lạc thọ, tóm tắt,... cho đến hy vọng có thể sân với si, thân thức đồng sanh khổ hay là uẩn tương ưng khổ thọ sanh ra do Cận y duyên.

1178.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cố hưởng duyên:
- Uẩn tương ưng lạc thọ sanh trước trước làm duyên cho uẩn tương ưng lạc thọ sanh ra sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* trợ cái tâm chuyển tộc *(gotrabhū)*
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* trợ cái tâm dũ tịnh *(vedanā)*.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* trợ đạo.
- Tâm dũ tịnh *(vedanā)* trợ đạo bằng Cố hưởng duyên.

1179.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cố hưởng duyên: Uẩn tương ưng khổ thọ sanh trước trước làm duyên cho uẩn tương ưng khổ thọ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

1180.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cố hưởng duyên:
- Uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh trước trước làm duyên cho uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)*.
- Thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*
- Tâm chuyển tộc làm duyên cho đạo.
- Tâm dũ tịnh *(vedanā)* làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

1181.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời.
- Đồng sanh như là tư *(cetanā)* tương ưng lạc thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời *(Nānākhaṇika)* như là tư *(cetanā)* tương ưng lạc thọ làm duyên cho dị thục quả và uẩn tương ưng lạc thọ bằng Nghiệp duyên.

1182.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Nghiệp duyên:
- Biệt thời *(Nānākhaṇika)* như là tư *(cetanā)* tương ưng lạc thọ làm duyên cho dị thục quả và uẩn tương ưng khổ thọ bằng Nghiệp duyên.

1183.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Nghiệp duyên:
- Biệt thời như là tư *(cetanā)* tương ưng lạc thọ làm duyên cho dị thục quả và uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Nghiệp duyên.

1184.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời.
- Đồng sanh như là tư *(cetanā)* tương ưng khổ thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như là tư *(cetanā)* tương ưng khổ thọ làm duyên cho dị thục quả và uẩn tương ưng khổ thọ bằng Nghiệp duyên.

1185.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Nghiệp duyên:

- Biệt thời (*Nānākhaṇika)* như là tư *(cetanā)* tương ưng khổ thọ làm duyên cho uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ và dị thục quả *(vipāka)* bằng Nghiệp duyên.

1186.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như là tư *(cetanā)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như là tư *(cetanā)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho uẩn tương ưng phi khổ phi lạc thọ và dị thục quả bằng Nghiệp duyên.

1187.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Nghiệp duyên:

- Biệt thời như là tư *(cetanā)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho uẩn quả tương ưng lạc thọ bằng Nghiệp duyên.

1188.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Nghiệp duyên:

- Biệt thời như là tư tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho uẩn quả tương ưng khổ thọ bằng Nghiệp duyên.

1189.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Quả duyên:

- 1 uẩn quả tương ưng lạc thọ làm duyên cho 2 uẩn bằng Quả duyên, 2 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Quả duyên. Sát-na tục sinh: 1 uẩn tương ưng lạc thọ làm duyên cho 2 uẩn bằng Quả duyên, 2 uẩn làm duyên cho 1 uẩn...

1190.

∗ Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Quả duyên: 1 uẩn quả tương ưng khổ thọ làm duyên cho 2 uẩn bằng Quả duyên...

∗ Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Quả duyên: 1 uẩn quả tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

1191.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Thực duyên, ... bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Hiện hữu duyên, bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

Phần nhân căn

1192.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 5, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Cố hưởng 3, Nghiệp 8, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 3.

1193.

Nhân duyên có Trưởng 2, ... Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Quả 2, Quyền 2, Đạo 2, Tương ưng 2, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1194.

∗ Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có 3.

∗ Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.

* Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.
* Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.
* Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.
* Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.

Phần cảnh căn

1195.

* Cảnh Trưởng có Trưởng 4, ... Cận y 4.
* Cảnh, Trưởng, Cận y đều có 4.

Phần trưởng căn

1196.

Trưởng duyên có Nhân 2, ... cảnh 4, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 4, Quả 2, Thực 3, Quyền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1197.

* Trưởng, Cảnh, Cận y 4.
* Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 3.
* Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.
* Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 3.
* Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.
* Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 3.
* Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.

1198.

* Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.
* Trưởng, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.

Phần vô gián và liên tiếp căn

1199.

Vô gián duyên có Liên tiếp 7, ... Cận y 7, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Vô hữu 7, Ly 7.

1200.

* Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu: 7.
* Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Cố hưởng, Vô hữu, Ly: 3.
* Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Nghiệp, Vô hữu, Ly: 2.

Liên tiếp duyên cũng như Vô gián duyên.

Phần đồng sanh, tương tế và y chỉ căn

1201.

Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên cùng Y chỉ duyên có Nhân 3, ... Trưởng 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1202.

∗ Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
∗ Y chỉ, Đồng sanh, Hỗ tương, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.

Phần cận y căn

1203.

Cận y duyên có Cảnh 4,... Trưởng 4, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Cố hưởng 3, Nghiệp 8, Vô hữu 7, Ly 7.

1204.

∗ Cận y, Cảnh, Trưởng 4.
∗ Cận y, Vô gián, Liên tiếp, Vô hữu, Ly: 7.
∗ Cận y, Vô gián, Liên tiếp, Cố hưởng, Vô hữu, Ly: 3.
∗ Cận y, Nghiệp 8.
∗ Cận y, Vô gián, Liên tiếp, Nghiệp, Vô hữu, Ly: 2.

Phần cố hưởng căn

1205.

∗ Cố hưởng duyên có Vô gián 2, ... Liên tiếp 3, Cận y 3, Vô hữu 3, Ly 3.
∗ Cố hưởng, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu, Ly 3.

Phần nghiệp căn

1206.

Nghiệp duyên có Vô gián 3,... Liên tiếp 2, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 8, Quả 3, Thực 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 3.

1207.

∗ Nghiệp, Cận y có 8.
∗ Nghiệp, Vô gián, Liên tiếp, Cận y, Vô hữu, Bất ly: 2.
∗ Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
∗ Nghiệp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.

Phần quả căn

1208.

∗ Quả duyên có Nhân 2,... Trưởng 2, Đồng sanh 3, tóm tắt,... Hiện hữu 3, Bất ly 3.
∗ Quả, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 3.

Phần thực căn

1209.

Thực duyên có Trưởng 3, ... Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Nghiệp 3, Quả 3, Quyền 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3...

1210.

∗ Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
∗ Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
∗ Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
∗ Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Nghiệp, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
∗ Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
∗ Thực, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
∗ Thực, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.

∗ Thực, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.

Phần quyền căn

1211.

Quyền duyên có Nhân 2,... Trưởng 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Quả 3, Thực 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1212.

∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, đạo,Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3
∗ Quyền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
∗ Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
∗ Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thực, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
∗ Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 3.
∗ Quyền, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
∗ Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
∗ Quyền, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
∗ Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
∗ Quyền, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.

Phần thiền căn

1213.

Thiền duyên có Đồng sanh 3,... Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Quả 2, Quyền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1214.

∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
∗ Thiền, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.

Phần đạo căn

1215.

Đạo duyên có Nhân 2,.... Trưởng 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Quả 2, Quyền 3, Thiền 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1216.

* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Đạo, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Đạo, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Đạo,Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Thiền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Đạo,Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Đạo, Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.
* Đạo, Nhân, Trưởng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Quyền, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly: 2.

Phần tương ưng căn

1217.

Tương ưng duyên có Nhân 3,... Trưởng 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1218.

* Tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Tương ưng, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly: 3.
* Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên: 3.

Dứt phần vấn đề thuận tùng.

1219.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Y chỉ duyên,... bằng Nghiệp duyên.

1220.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cảnh duyên,... bằng Cận y duyên,... bằng Nghiệp duyên.

1221.

Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cảnh duyên,... bằng Cận y duyên,... bằng Nghiệp duyên.

1222.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Cận y duyên,... bằng Nghiệp duyên.

1223.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên,... bằng Cận y duyên.

1224.

Pháp tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cảnh duyên,... bằng Cận y duyên,... bằng Nghiệp duyên.

1225.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Cận y duyên,... bằng Nghiệp duyên.

1226.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên,... bằng Cận y duyên,... bằng Nghiệp duyên.

1227.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ bằng Cảnh duyên,... bằng Cận y duyên,... bằng Nghiệp duyên.

1228.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 9, phi Y chỉ 9, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9.

1229.

- Phi Nhân duyên có phi Cảnh 9, tóm tắt,... phi Bất ly 9.
- Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có phi Trưởng 9,... phi Cận y 8, tóm tắt,... phi Bất ly 9.
- Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên, tóm tắt,... phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, tóm tắt,... có phi Bất ly 8.

Dứt phần phi nhân căn.

Tri thức nên phân đếm tất cả căn (mūla) trong phần đối lập cũng như tam đề thiện.

Dứt cách đối lập.

1230.

- Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.
- Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 3, tóm tắt,... phi Ly 3.

Tri thức nên đếm thuận tùng, đối lập cũng như tam đề thiện.

Nghiệp duyên có phi Nhân 8, phi Cảnh 8, ..., phi Bất ly 8.

Dứt cách đếm thuận tùng và đối lập

1231.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 5, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Cố hưởng 3, Nghiệp 8, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 3.

1232.

* Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có Trưởng 3,... Vô gián 7, tóm tắt,... Bất ly 3.
* Phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, có Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Nghiệp 8, Quả 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1233.

* Phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phần căn tóm tắt,... phi Y chỉ duyên có Cận y 9,... nghiệp 8.
* Phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, tóm tắt,... phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Hiện hữu duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên, phi Bất ly duyên có nghiệp 8.

Dứt phần phi nhân căn

1234.

Phi Cảnh duyên có Nhân 3, tóm tắt,... Nghiệp 8, Bất ly 3.

1235.

Phi Bất ly duyên có Cảnh 9,... Trưởng 4, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Cận y 9, Cố hưởng 3, Nghiệp 8, Vô hữu 7, Ly 7.

1236.

Phi Bất ly duyên, phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, có Vô gián 7,... Liên tiếp 7, Cận y 9, Cố hưởng 3, Nghiệp 8, Vô hữu 7, Ly 7.

1237.

Phi Bất ly duyên phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Đồng sanh duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Y chỉ duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên, phi Quả duyên, phi Thực duyên, phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Hiện hữu duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên có nghiệp 8.

Người biết nên đếm đối lập thuận tùng như tam đề thiện.

Dứt cách đối lập thuận tùng

Dứt phần tam đề thọ là đề thứ hai

TAM ĐỀ QUẢ

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1238.

∗ Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả... 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả.
- Sát-na tục sinh sắc tục sinh liên quan uẩn quả.

∗ Pháp quả và pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp quả sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn.

1239.

∗ Pháp dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn dị thục nhân.

∗ Pháp dị thục nhân và pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.

1240.

∗ Pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi dị thục quả phi dị thục nhân, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung *(mahābhūta)*, 2 đại sung liên quan 2 đại sung, sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh, và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp dị thục quả liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Sát-na tục sinh, uẩn quả liên quan vật.

∗ Pháp quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Sát-na tục sinh, chư uẩn quả liên quan vật, sắc tục sinh liên quan đại sung.

1241.

∗ Pháp dị thục quả liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Sát-na tục sinh, 3 uẩn liên quan 1 uẩn và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả và đại sung, sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn quả và đại sung.

∗ Pháp quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên. Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật, sắc tục sinh liên quan uẩn quả và đại sung.

1242.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn dị thục nhân và sắc đại sung.

1243.

Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do Cảnh duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1244.

Pháp dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1245.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi quả phi nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp quả liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cảnh duyên: Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả liên quan vật.

1246.

Pháp quả liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cảnh duyên: Sát-na tục sinh, 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.

1247.

∗ Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả sanh ra do Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả.

∗ Pháp quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.

Liên quan pháp dị thục nhân có 3 cách.

1248.

Pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Trưởng duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi dị thục quả phi dị thục nhân, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn, 3 đại sung liên quan 1 đại sung.
- Sắc tâm, sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

1249.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả và đại sung.

1250.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp nhân và phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn dị thục nhân và đại sung.

1251.

Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do Vô gián duyên,... do Liên tiếp duyên đều như Cảnh duyên.

Đồng sanh duyên cũng như Nhân duyên.

1252.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Đồng sanh duyên: Sắc ngoại,... sắc sở y vật thực,... sắc sở y âm dương,... Bực vô tưởng....

Đồng sanh duyên chỉ khác như thế.

1253.

∗ Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả sanh ra do Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn quả.

∗ Pháp quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả sanh ra do Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh, 3 uẩn và vật liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn và vật liên quan 2 uẩn.

1254.

Pháp dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1255.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi quả phi nhân,... 3 đại sung liên quan 1 đại sung... sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... 3 đại sung liên quan 1 đại sung vô tưởng...

∗ Pháp quả liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh, uẩn quả liên quan vật.

1256.

Pháp quả liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh, 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.

1257.

Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do Y chỉ duyên, tóm tắt,... do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên.

1258.

Pháp dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1259.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi quả phi nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1260.

Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do Nghiệp duyên, tóm tắt,... do Quả duyên có 3 phần.

1261.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Quả duyên: 3 đại sung liên quan 1 đại sung: Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp quả liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Quả duyên: Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả liên quan vật.

∗ Pháp quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Quả duyên: Sát-na tục sinh: Uẩn quả liên quan vật, sắc tục sinh liên quan đại sung.

1262.

∗ Pháp quả liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Quả duyên ...

∗ Pháp phi quả phi nhân sanh ra do Quả duyên...

∗ Pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Quả duyên...

1263.

Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do Thực duyên, tóm tắt... Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên.

1264.

Nhân 13, Cảnh 5, Trưởng 9, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 13, Hỗ tương 7, Y chỉ 13, Cận y 5, Tiền sanh 3, Cố hưởng 2, nghiệp 13, Quả 9, Thực 13, Quyền 13, thiền 13, Đạo 13, Tương ưng 5, Bất tương ưng 13, Hiện hữu 13, Vô hữu 5, Ly 5, Bất ly 13.

1265.

Nhân duyên có Cảnh 5,... Bất ly 13.

Xin sắp như tam đề thiện *(kusalattika).*

1266.

Cố hưởng duyên có Nhân 2,... Cảnh 2, Trưởng 2, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Tiền sanh 2, Nghiệp 2, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 2, Tương ưng 2, Bất tương ưng 2, Hiện hữu 2, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 2.

1267.

Quả duyên có Nhân 9,... Cảnh 3, Trưởng 5, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 1, Nghiệp 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 9.

Dứt cách đếm thuận tùng

1268.

∗ Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả vô Nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả sanh ra do phi Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả vô nhân.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh liên quan uẩn quả.

∗ Pháp quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn quả vô Nhân, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn.

1269.

Pháp dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

1270.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi quả phi nhân vô nhơn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn, 3 Đại–Sung liên quan 1 đại sung, 2 đại sung liên quan 2 đại sung, sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan đại sung,... sắc ngoại, sắc nương vật thực, sắc nương âm dương.
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung Vô tưởng; sắc tục sinh sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp quả liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Sát-na tục sinh vô nhơn: Chư uẩn liên quan vật, sắc tục sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp quả và phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Sát-na tục sinh vô nhơn: Chư uẩn quả liên quan vật, sắc tục sinh liên quan đại sung.

1271.

∗ Pháp quả liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Sát-na tục sinh vô nhơn: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả vô nhơn và đại sung.
- Sát-na tục sinh vô nhơn: Sắc tục sinh liên quan uẩn quả và sắc đại sung.

∗ Pháp quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên:
- Sát-na tục sinh vô nhơn: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.
- Sắc tục sinh liên quan uẩn quả và đại sung.

1272.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả sanh ra do phi Cảnh duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn quả.

1273.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn dị thục nhân.

1274.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi quả phi nhân, 3 đại sung liên quan 1 đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan đại sung; sắc ngoại... sắc vật thực.., sắc âm dương.
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung vô tưởng.
- Sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan đại sung.

1275.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)* liên quan uẩn quả và đại sung.

1276.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn dị thục nhân và đại sung.

1277.

Pháp quả liên quan pháp quả sanh ra do phi Trưởng duyên,...

Nên đếm thuận tùng *(anuloma)* như Đồng sanh duyên, tóm tắt.

1278.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục quả sanh ra do phi Vô gián duyên,... phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên:

- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan đại sung,... sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương...
- Sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan đại sung vô tưởng.

Phi Cận y duyên chỉ khác với phi Hỗ tương duyên chỉ có bấy nhiêu.

1279.

∗ Pháp dị thục quả liên quan pháp dị thục quả sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả Vô sắc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả, tóm tắt.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục quả sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả.
- Sát-na tục sinh:... tóm tắt.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp quả sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn quả, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn.

1280.

∗ Pháp dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn dị thục nhân nơi Vô sắc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn dị thục nhân.

1281.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi quả phi nhân Vô sắc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn, sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi quả phi nhân.
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung,... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương.... liên quan 1 đại sung Vô tưởng.

∗ Pháp dị thục quả liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả liên quan vật.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả liên quan vật, sắc tục sinh liên quan đại sung.

1282.

∗ Pháp dị thục quả liên quan pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn quả và đại sung.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật, sắc tục sinh liên quan uẩn quả và đại sung.

1283.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn dị thục nhân và đại sung.

∗ Pháp dị thục quả liên quan pháp dị thục quả sanh ra do phi Hậu sanh duyên; tóm tắt,... do phi Cố hưởng duyên:...

∗ Pháp dị thục quả liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Nghiệp duyên… tư *(cetanā)* dị thục nhân liên quan uẩn dị thục nhân.

1284.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nghiệp duyên:
- Tư *(cetanā)* phi quả phi nhân liên quan uẩn phi quả phi nhân.
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... sắc y sinh *(upādayāpa)* liên quan đại sung.

1285.

∗ Pháp dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Quả duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Quả duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn dị thục nhân.

∗ Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Quả duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.

1286.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Quả duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi quả phi nhân, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn. 3 đại sung liên quan 1 đại sung;
- Sắc tâm, sắc y sinh liên quan (sắc) đại sung;... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương.
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung vô tưởng.
- Sắc tục sinh, sắc y sinh *(upādārūpa)* liên quan đại sung.

1287.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Quả duyên: Sắc tâm liên quan uẩn dị thục nhân và đại sung.

1288.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Thực duyên:
- ... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương.

- 3 đại sung liên quan 1 đại sung Vô tưởng; sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan đại sung *(mahābhūta)*

1289.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Quyền duyên: 3 đại sung liên quan 1 đại sung,... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương. Sắc mạng quyền liên quan sắc đại sung Vô tưởng.

1290.

Pháp dị thục quả liên quan pháp dị thục quả sanh ra do phi Thiền duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh Ngũ thức, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1291.

Pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do phi Thiền duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thuộc sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương và Vô tưởng.

1292.

Pháp dị thục quả liên quan pháp dị thục quả sanh ra do phi Đạo duyên:... liên quan 1 uẩn quả vô nhơn có 3 cách.

1293.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Đạo duyên:... liên quan 1 uẩn phi quả phi nhân vô nhơn có 3 cách.

1294.

Pháp dị thục quả liên quan pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Đạo duyên: Sát-na tục sinh vô nhân... liên quan 1 uẩn quả và vật có 3 cách.

1295.

* Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục quả sanh ra do phi Tương ưng duyên: Có 2 cách.
* Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Tương ưng duyên: Có 2 cách.
* ... liên quan pháp phi quả phi nhân có 1 cách.

1296.

Pháp dị thục quả liên quan pháp dị thục quả sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả Vô sắc, 3 uẩn liên quan 2 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1297.

Pháp dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn dị thục nhân Vô sắc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1298.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi quả phi nhân Vô sắc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn,... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương.
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung Vô tưởng.
- Sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan (sắc) đại sung.

1299.

Pháp phi quả phi nhân liên quan pháp dị thục quả sanh ra do phi Vô hữu duyên... phi Ly duyên.

1300.

Phi Nhân 10, phi Cảnh 5, phi Trưởng 13, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận Y 5, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 2, phi Đạo 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

1301.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 10, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 10, phi Hậu sanh 10, phi Cố hưởng 10, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 2, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

1302.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có phi Trưởng 3,... phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt phần phi nhân căn

Người trí nên phân đếm theo tam đề thiện *(kusalattika)*

Dứt cách đối lập

1303.

Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 13, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

1304.

Nhân duyên cùng Cảnh duyên có phi Trưởng 5,... phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Bất tương ưng 3.

1305.

Nhân duyên, Cảnh duyên cùng Trưởng duyên có phi Tiền sanh 3,... phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Bất tương ưng 3.

1306.

Nhân duyên, Cảnh duyên, Trưởng duyên cùng Vô gián duyên, phần căn tóm tắt,... Tiền sanh duyên có phi Hậu sanh 3,... phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, tóm tắt.

Xin đếm như thuận tùng, đối lập trong tam đề thiện

Dứt cách thuận tùng, đối lập

1307.

Phi Nhân duyên có Cảnh 5, ... Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 10, Hỗ tương 7, Y chỉ 10, Cận y 5, Tiền sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 10, Quả 9, Thực 10, Quyền 10, Thiền 10, Đạo 1, Tương ưng 5, Bất tương ưng 10, Hiện hữu 10, Vô hữu 5, Ly 5, Bất ly 10.

1308.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có Đồng sanh 3...Hỗ tương 2, Y chỉ 3, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3.

1309.

Phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên, phi Trưởng duyên, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên cùng phi Hỗ tương duyên có Đồng sanh 3...Y chỉ 3, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Bất ly 3, tóm tắt.

Phần phi Nhân căn nên phân đếm như tam đề thiện.

Đối lập, thuận tùng nên chia rộng như cách rộng tam đề thiện

Phần Đồng Sanh *(Sahajātavāra)*

1310.

* Pháp quả đồng sanh pháp quả sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn đồng sanh 1 uẩn quả, 1 uẩn đồng sanh 3 uẩn, 2 uẩn đồng sanh 2 uẩn, tóm tắt.
* Nhân 13... Bất ly 13
* Phi Nhân duyên 10,... phi Ly 5.
* Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Bất tương ưng 3.
* Phi Nhân duyên có Cảnh 5,... Bất ly 13.

Dứt phần đồng sanh

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

1311.

* Pháp dị thục quả ỷ trượng pháp dị thục quả sanh ra do Nhân duyên:
  - 3 uẩn ỷ trượng (nhờ cậy) 1 uẩn quả, 1 uẩn ỷ trượng 3 uẩn, 2 uẩn ỷ trượng 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh...
* Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục quả sanh ra do Nhân duyên:
  - Sắc tâm nhờ cậy uẩn quả.
  - Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)* nhờ cậy *(paccaya)* uẩn quả.
* Pháp quả và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp quả sanh ra do Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng *(paccayā)* 1 uẩn quả, 2 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh...

1312.

* Pháp dị thục nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn ỷ trượng 2 uẩn.
* Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm nhờ cậy uẩn dị thục nhân.
* Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 2 uẩn.

1313.

* Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi quả phi nhân, 2 uẩn và sắc tâm *(cittasamaṭṭhāna)* ỷ trượng 2 uẩn, ỷ trượng 1 đại sung... sắc tâm, sắc tục sinh và sắc y sinh nhờ cậy sắc đại sung.
  - Chư uẩn phi quả phi nhân nhờ cậy vật.
* Pháp dị thục quả nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
  - Chư uẩn quả nhờ cậy vật.
  - Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả nhờ cậy vật.
* Pháp dị thục nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Chư uẩn dị thục nhân nhờ cậy vật *(vatthu).*
* Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
  - Uẩn quả nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

- Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả nhờ cậy vật, sắc tục sinh nhờ cậy đại sung.

∗ Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Uẩn dị thục nhân nhờ cậy vật, sắc tâm nhờ cậy đại sung.

1314.

∗ Pháp dị thục quả nhờ cậy pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

∗ Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc tâm nhờ cậy uẩn quả và (sắc) đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh nhờ cậy uẩn quả và đại sung.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn quả và đại sung.
- Sát-na tục sinh 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật, sắc tục sinh nhờ cậy uẩn quả và đại sung.

1315.

∗ Pháp dị thục nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn dị thục nhân và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

∗ Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* nhờ cậy uẩn dị thục nhân và (sắc) đại sung.

∗ Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn dị thục nhân và vật *(vatthu)*, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn dị thục nhân và đại sung.

1316.

Pháp dị thục quả nhờ cậy pháp dị thục quả sanh ra do Cảnh duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh.

1317.

Pháp dị thục nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.

1318.

∗ Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cảnh duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi quả phi nhân, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.
- Uẩn phi quả phi nhân nhờ cậy vật.

∗ Pháp dị thục quả ỷ trượng pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cảnh duyên:
- Nhãn thức ỷ trượng (nhờ cậy) nhãn xứ, nhĩ thức ỷ trượng nhĩ xứ, tỷ thức ỷ trượng tỷ xứ, thiệt thức ỷ trượng thiệt xứ, thân thức ỷ trượng thân xứ.
- Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả ỷ trượng vật.

∗ Pháp dị thục nhân ỷ trượng pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cảnh duyên: Chư uẩn dị thục nhân ỷ trượng vật.

1319.

Pháp dị thục quả nhờ cậy pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cảnh duyên:

- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và nhãn xứ,... Nhĩ... tỷ... thiệt... thân.
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.
- Sát-na tục sinh 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

1320.

Pháp dị thục nhân ỷ trượng pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn dị thục nhân và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

1321.

Pháp dị thục quả ỷ trượng pháp dị thục quả sanh ra do Trưởng duyên:

- ... nhờ cậy 1 uẩn quả có 3 cách.
  Trong sát-na tục sinh không có Trưởng duyên *(Adhipati)*.
- ... trưởng nhờ cậy pháp dị thục nhân sanh ra có 3 cách.

1322.

Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên:

- 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi quả phi nhân, 2 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 2 uẩn, 3 đại sung nhờ cậy 1 đại sung.
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung,
- Uẩn phi quả phi nhân nhờ cậy vật.

1323.

∗ Pháp dị thục quả nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: Chư uẩn quả ỷ trượng vật.

∗ Pháp dị thục nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: Chư uẩn dị thục nhân nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: Chư uẩn quả ỷ trượng vật, sắc tục sinh ỷ trượng đại sung.

∗ Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: Chư uẩn dị thục nhân ỷ trượng vật, sắc tục sinh ỷ trượng (sắc) đại sung.

1324.

∗ Pháp dị thục quả nhờ cậy pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật *(vatthu)*.

∗ Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn quả và đại sung.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật. Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn quả và đại sung.

1325.

∗ Pháp dị thục nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn dị thục nhân và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

∗ Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh ỷ trượng uẩn dị thục nhân và đại sung.

∗ Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân và phi quả phi nhân sanh ra do Trưởng duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn dị thục nhân và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn dị thục nhân và đại sung.

1326.

Pháp dị thục quả nhờ cậy pháp dị thục quả sanh ra do Vô gián duyên, Liên tiếp duyên. Giống như Cảnh duyên *(Ārammaṇapaccaya)*

1327.

*... Đồng sanh duyên,... Tương tế duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.

∗ Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục quả sanh ra do Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh: Vật nhờ cậy uẩn quả.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp dị thục quả sanh ra do Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh: 3 uẩn và vật nhờ cậy 1 uẩn quả, 2 uẩn và vật nhờ cậy 2 uẩn.

1328.

Pháp dị thục nhân ỷ trượng pháp dị thục nhân sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn dị thục nhân, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.

1329.

∗ Pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Hỗ tương duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi quả phi nhân, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn, 3 đại sung nhờ cậy 1 đại sung.
- Sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... 3 đại sung nhờ cậy 1 đại sung Vô tưởng, 3 đại sung nhờ cậy 2 đại sung, uẩn phi quả phi nhân nhờ cậy vật.

∗ Pháp dị thục quả nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Hỗ tương duyên:
- Nhãn thức ỷ trượng nhãn xứ,... thân thức ỷ trượng thân xứ, uẩn quả ỷ trượng vật.
- Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả ỷ trượng vật.

∗ Pháp dị thục nhân ỷ trượng pháp phi quả phi nhân sanh ra do Hỗ tương duyên: Chư uẩn dị thục nhân ỷ trượng vật.

1330.

Pháp dị thục quả ỷ trượng pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Hỗ tương duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và nhãn xứ, nhĩ... tỷ... thiệt... thân.
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả và vật 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và vật nhờ cậy 1 uẩn quả và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

1331.

Pháp dị thục nhân ỷ trượng pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Hỗ tương duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn dị thục nhân và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

1332.

* Pháp dị thục quả ỷ trượng pháp dị thục quả sanh ra do Y chỉ duyên *(Nissayapaccayo):* Cũng như Đồng sanh duyên.
* ... Do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn, uẩn nhờ cậy Vật tiền sanh duyên.

Cũng giống như Vô gián duyên *(Anantarapaccayo).*

1333.

Pháp dị thục nhân ỷ trượng pháp dị thục nhân sanh ra do Cố hưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả dị thục nhân, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.

1334.

* Pháp phi quả phi nhân ỷ trượng pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cố hưởng duyên:... ỷ trượng *(paccayā)* 1 uẩn phi quả phi nhân, chư uẩn phi quả phi nhân nhờ cậy vật.
* Pháp dị thục nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cố hưởng duyên: Chư uẩn dị thục nhân nhờ cây vật *(vatthu).*

1335.

Pháp dị thục nhân ỷ trượng pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Cố hưởng duyên: 1 uẩn nhờ cậy 1 uẩn dị thục nhân và vật, 1 uẩn nhờ cậy 3 uẩn và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

1336.

Pháp dị thục quả ỷ trượng pháp dị thục quả sanh ra do Nghiệp duyên: Có 3 cách như Đồng sanh (duyên).

1337.

* Pháp dị thục quả ỷ trượng pháp dị thục quả sanh ra do Quả duyên có 3 cách.
* Pháp phi quả phi nhân ỷ trượng pháp phi quả phi nhân sanh ra do Quả duyên:
  - 3 đại sung ỷ trượng 1 đại sung, 2 đại sung ỷ trượng 2 đại sung.
  - Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh ỷ trượng đại sung.
* ... Pháp dị thục quả và cả 2 câu sau đều có 3 cách.
* ... Pháp dị thục quả và phi quả phi nhân có 3 cách.
* ... Do Thực duyên, Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên.

1338.

Nhân 17, Cảnh 7, Trưởng 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 9, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 4, Nghiệp 17, Quả 9, Thực 17, Quyền 17, Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 17, Ly 7, Bất ly 17.

1339.

Nhân duyên có Cảnh 7,... Trưởng 17, tóm tắt,... Bất ly 17.

Nên đếm rộng như tam đề thiện *(kusalattika).*

Dứt cách thuận tùng

1340.

* Pháp dị thục quả ỷ trượng pháp dị thục quả sanh ra do Nhân duyên: Uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả vô nhơn, có 3 cách.
* Pháp dị thục nhân ỷ trượng pháp dị thục nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

- Pháp phi quả phi nhân ỷ trượng pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên:... nhờ cậy 1 uẩn phi quả phi nhân vô nhân.
- Pháp dị thục quả ỷ trượng pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ...
- Pháp dị thục nhân ỷ trượng pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật.
- Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân nhờ cậy pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Chư uẩn quả vô nhân nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung. Sát-na tục sinh...
- Pháp dị thục quả nhờ cậy pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên...
- ... nhờ cậy pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.
- Pháp dị thục nhân nhờ cậy pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.
- Pháp phi quả phi nhân ỷ trượng pháp dị thục quả sanh ra do phi Cảnh duyên, tóm tắt...

Đều phân rộng như bài trước.

1341.

Phi Nhân 12, phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 4, phi Đạo 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

1342.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh 3, phi Trưởng 12, tóm tắt,... phi Ly 3.

Tính đến như bài đối lập *(paccanīya)* tam đề thiện.

Dứt cách đối lập

1343.

Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 17, tóm tắt... phi Ly 5.

Đếm như thuận tùng, đối lập trong tam đề thiện

Dứt cách thuận tùng, đối lập

1344.

- Phi Nhân duyên có Cảnh 7,... Vô gián 7, Liên tiếp 7,... Bất ly 12.
- Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có Đồng sanh 3,... Hỗ tương 2, tóm tắt,... Bất ly 3.

Xin đếm như đối lập thuận tùng trong tam đề thiện.

Dứt cách đối lập, thuận tùng.

Dứt phần ỷ trượng (paccayavāra)

Phần Y Chỉ *(Nissayavāra)*

1345.

Pháp dị thục quả y chỉ pháp dị thục quả sanh ra do Nhân duyên:... 3 uẩn y chỉ *(nissaya)* 1 uẩn quả.

1346.

* Nhân 17, phi Nhân 12,... phi Ly 5.
* Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Bất Tương Ưng 3.
* Phi Nhân duyên có Cảnh 7,... phi Ly 12.

Dứt phần y chỉ

Phần Hỗn Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

1347.

Pháp dị thục quả hỗn hợp pháp dị thục quả sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn hỗn hợp *(saṅsaṭṭha)* 1 uẩn quả, tóm tắt, nên sắp rộng như bài trước.

1348.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3, tóm tắt.

Đếm theo như tam đề thiện.

Dứt cách thuận tùng

1349.

Pháp dị thục quả hỗn hợp pháp dị thục quả sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn dị thục quả vô Nhân, 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.

Nên đếm theo những bài trước.

1350.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 2, phi Bất tương ưng 3.

Đếm theo như đối lập trong tam đề thiện.

Dứt cách đối lập

1351.

Nhân duyên có phi Trưởng 3, tóm tắt, ... phi Bất tương ưng 3, đếm như thuận tùng, đối lập trong tam đề thiện.

Dứt cách thuận tùng, đối lập

1352.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3, ... Bất ly 3.

Đếm như đối lập, thuận tùng trong tam đề thiện.

Dứt cách đối lập, thuận tùng

Hết phần hỗn hợp

Phần Tương Ưng *(Sampayuttavāra)*

1353.

Pháp dị thục quả tương ưng pháp dị thục quả sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn tương ưng 1 uẩn quả.

Phi Nhân có 3, Nhân duyên có phi Trưởng 3, phi Nhân duyên có Cảnh 3,

Dứt phần tương ưng

Phần Vấn Dề *(Pañhāvāra)*

1354.

∗ Pháp quả làm duyên cho pháp quả bằng Nhân duyên:
- Nhân dị thục quả làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân dị thục quả làm duyên cho uẩn tương ưng.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Nhân duyên:
- Nhân dị thục quả làm duyên cho sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân dị thục quả làm duyên cho sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân bằng Nhân duyên:
- Nhân dị thục quả làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân dị thục quả làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

1355.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Nhân duyên: Nhân dị thục nhân làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Nhân duyên: Nhân dị thục nhân làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân bằng Nhân duyên: Nhân dị thục nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1356.

Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Nhân duyên: Nhân phi quả phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

1357.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Cảnh duyên: Như là quán thấy uẩn quả bằng cách tỏ ngộ vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất vui mừng hớn hở, vì mong mỏi nó nên ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu phát sanh. Sau khi bất thiện hay thiện diệt rồi thì tâm mót *(tadāramamaṇa)* là quả phát sanh.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cảnh duyên:
- Bậc hữu học *(sekkhā)* phản khán quả quán thấy uẩn quả bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất thích hợp án trí *(ārabbha)* ấy có thể ái... cho đến ưu sanh ra. Hay tha tâm thông biết rõ tâm tề toàn bằng tâm quả.
- Uẩn quả làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cảnh duyên:
- Như là La-hán phản kháng quả, tỏ ngộ uẩn quả bằng vô thường, khổ não, vô ngã. tha tâm thông thấy rõ yâm người tề toàn tâm quả.
- Chư uẩn quả làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông, lối chiếu khán *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1358.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, trì giới, nguyện ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán xét lại phước chứa để trước kia. xuất thiền rồi phản khán thiền. Bực hữu học *(sekkhā)* phản

khán tâm chuyển tộc (*gotrabhū),* phản khán tâm dũ tịnh *(vedanā)*. Sau khi xuất đạo phản khán đạo; phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não đã hạn chế, biết rõ phiền não đã từng sanh trước kia. Quán ngộ uẩn dị thục nhân bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hớn hở do căn cứ *(ārabbha)* ấy nên ái... cho đến ưu phát sanh. Hay là tha tâm thông rõ biết tâm người tề toàn tâm dị thục nhân.

- Không vô biên xứ thiện làm duyên cho Thức vô biên xứ thiện bằng Cảnh duyên.
- Vô sở hữu xứ thiện làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiện bằng Cảnh duyên.
- Uẩn dị thục nhân làm duyên cho thần túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Cảnh duyên.

- Như là quán ngộ uẩn dị thục nhân bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hớn hở, do căn cứ *(ārabbha)* ấy nên ái... ưu sanh ra.
- Dù thiện hay bất thiện diệt rồi thì tâm mót *(tadārammaṇa)* là quả sanh ra.
- Không vô biên xứ thiện làm duyên cho Thức vô biên xứ quả bằng Cảnh duyên...
- Vô sở hữu xứ thiện làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ quả bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cảnh duyên:

- La-hán xuất khỏi đạo rồi phản khán đạo và phản khán phước chứa để trước kia. La-hán phản khán phiền não đã trừ, xét rõ phiền não từng sanh trước kia, quán ngộ uẩn dị thục nhân bằng lốivô thường, khổ não,vô ngã.
- Tha tâm thông rõ tâm người tề toàn tâm dị thục nhân.
- Không vô biên xứ thiện làm duyên cho Thức vô biên xứ tố *(kiriyā)* bằng Cảnh duyên,... Vô sở hữu xứ thiện làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ tố *(kiriyā)* bằng Cảnh duyên.
- Những uẩn dị thục nhân làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông, quán chiếu *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1359.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cảnh duyên:

- Chư La-hán phản khán Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên cho chiếu khán *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Chư La-hán quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.... Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc. Quán ngộ vật *(vatthu)*... uẩn phi quả phi nhân bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã di ấn trí nhãn *(dibbacakkhu)* thấy sắc, thiên nhĩ *(dibbasota)* nghe tiếng.
- Tha tâm thông biết rõ tâm người khác hội hiệp tâm phi quả phi nhân.
- Không vô biên xứ tố *(kiriyā)* làm duyên cho Thức vô biên xứ tố bằng Cảnh duyên.
- Vô sở hữu xứ tố làm duyên cho thức phi tưởng phi phi tưởng xứ tố bằng Cảnh duyên.
- Chư uẩn phi quả phi nhân làm duyên cho thần túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông, chiếu khán *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Cảnh duyên:

- Níp Bàn làm duyên cho quả bằng Cảnh duyên. Bực hữu học *(sekkhā)* hay phàm phu *(puthujana)* quán ngộ nhãn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, di ấn trí *(ārabbha)* ấy có thể phát sanh ái... cho đến ưu sanh ra.

- Dù thiện hay bất thiện vừa dứt thì tâm mót là quả sanh ra... nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc. Quán ngộ vật *(vatthu)*... uẩn phi quả phi nhân bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan do ấn trí *(ārabbha)* ấy có thể ái.. cho đến ưu phát sanh.
- Dù thiện hay bất thiện vừa dứt thì tâm mót là quả phát sanh. nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cảnh duyên:
- Bực hữu học *(sekkhā)* phản khán Níp Bàn thời Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vedanā)* và đạo bằng Cảnh duyên.
- Bực hữu học *(sekkhā)* hay phàm phu *(pinthajana)* quán ngộ nhãn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan... cho đến ưu phát sanh,... Nhĩ... quán ngộ uẩn phi quả phi nhân bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông biết rõ tâm người khác tâm phi quả phi nhân tựu hợp.
- Chư uẩn phi quả phi nhân làm duyên cho thần túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

1360.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Trưởng duyên:
- Trưởng đồng sanh *(Sahajātādhipati)* như là trưởng quả làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh *(Ārammanādhipati)* như là bậc hữu học phản khán nặng nề về quả, thỏa thích rất hân hoan uẩn dị thục quả đã nặng ấy nên có thể ái, tà kiến.. phát sanh.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như vầy: Chư La-hán đã phản khán nặng về quả.
- Trưởng đồng sanh như là trưởng quả làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân bằng Trưởng duyên:
- Trưởng đồng sanh như là trưởng quả làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

1361.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh *(Āramamanādhipati)* như là sau khi bố thí, nguyện ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán nặng về sự đã làm ấy, phản khán đã nặng về chất chứa phước trước. Sau khi xuất thiền đã nặng về thiền rồi phản khán. Bực hữu học nặng về chuyển tộc *(gotrabhū)* rồi phản khán, nặng về dũ tịnh *(vedanā)* rồi phản khán; bậc hữu học xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán. Nặng về uẩn dị thục nhân rồi thỏa thích rất hân hoan, do đã nặng nên ái, tà kiến... có thể phát sanh.
- Trưởng đồng sanh *(Sahajātāgdhipati)* như là trưởng dị thục nhân làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
  - Trưởng cảnh như là La-hán xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.
  - Trưởng đồng sanh như là trưởng dị thục nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân bằng Trưởng duyên:
  - Trưởng đồng sanh như là trưởng dị thục nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

1362.

* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
  - Trưởng cảnh như là La-hán nặng về Níp Bàn rồi phản khán.
  - Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi quả phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Trưởng duyên:
  - Trưởng cảnh như là Níp Bàn làm duyên cho quả bằng Trưởng duyên.

* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Trưởng duyên:
  - Trưởng cảnh như là bậc hữu học nặng về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū),* dũ tịnh *(vedanā)* và đạo bằng Trưởng duyên. Nặng về nhãn rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng có sau mới phát sanh ái, tà kiến...,... Nhĩ...nặng về uẩn phi quả phi nhân rồi mới thỏa thích rất hân hoan do đã nặng đó có thể phát sanh ái, tà kiến...

1363.

* Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả sanh ra bằng Vô gián duyên:
  - Những uẩn quả sanh trước trước làm duyên cho những uẩn quả sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
  - Ngũ thức *(pañcaviññāna)* làm duyên cho ý giới quả bằng Vô gián duyên.
  - Ý giới quả làm duyên cho ý thức giới quả bằng Vô gián duyên.

* Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Vô gián duyên:
  - Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* làm duyên cho tâm khán môn *(āvajjana)* bằng Vô gián duyên.
  - Ý thức giới quả làm duyên cho ý thức giới tố *(kiriyā)* bằng Vô gián duyên.

1364.

* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Vô gián duyên:
  - Những uẩn dị thục nhân sanh trước trước làm duyên cho những uẩn dị thục nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
  - Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū).*
  - Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vedanā).*
  - Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho tâm đạo.
  - Tâm dũ tịnh *(vedanā)* làm duyên cho tâm đạo bằng Vô gián duyên.

* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Vô gián duyên:

- Những uẩn dị thục nhân làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* đạo làm duyên cho quả.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* của bậc hữu học làm duyên cho quả nhập thiền.
- Khi xuất thiền diệt, tâm thiện Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho tâm quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1365.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Vô gián duyên:
- Chư uẩn phi quả phi nhân sanh trước trước làm duyên cho chư uẩn phi quả phi nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Vô gián duyên:
- Khán môn *(āvjjana)* làm duyên cho ngũ thức bằng Vô gián duyên.
- Những uẩn phi quả phi nhân làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna);* tâm thuận tùng *(anuloma)* của bực La-hán làm duyên cho quả nhập thiền; khi xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho uẩn dị thục nhân bằng Vô gián duyên. Khán môn *(āvjjana)* làm duyên cho uẩn dị thục nhân bằng Vô gián duyên.

1366.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Liên tiếp duyên cũng như Vô gián duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn quả làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên có 3 cánh.

1367.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Đồng sanh duyên có 3 cách.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn phi quả phi nhân... 1 đại sung... sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương. 1 đại sung Vô tưởng...

1368.

Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Đồng sanh duyên: Sát-na tục sinh: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn quả bằng Đồng sanh duyên.

1369.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Đồng sanh duyên: Sát-na tục sinh: 1 uẩn quả và vật *(vatthu)* làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Đồng sanh duyên: Uẩn quả và (sắc) đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* bằng Đồng sanh duyên.

1370.

Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Đồng sanh duyên: Chư uẩn dị thục nhân và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Đồng sanh duyên.

1371.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Hỗ tương duyên: 1 uẩn quả... Sát-na tục sinh...

* Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả làm duyên cho vật bằng Hỗ tương duyên:
* Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân bằng Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh: 1 uẩn quả làm duyên cho 3 uẩn và vật *(vatthu)* bằng Hỗ tương duyên.

1372.

* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Hỗ tương duyên: 1 uẩn dị thục nhân làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.
* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Hỗ tương duyên: 1 uẩn phi quả phi nhân làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.
* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn quả bằng Hỗ tương duyên.

1373.

Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Hỗ tương duyên: Sát-na tục sinh: 1 uẩn quả và vật làm duyên cho 3 uẩn: Có 7 cách.

1374.

* Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Y chỉ duyên có 3 cách.
* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân có 3 cách.
* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân...
* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả như nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Y chỉ duyên,... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn quả. Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn quả.
* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Y chỉ duyên: Vật làm duyên cho uẩn dị thục nhân.

1375.

* Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Y chỉ duyên:
  - 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ... và thân xứ. 1 uẩn quả và vật làm duyên cho 3 uẩn.
  - Sát-na tục sinh: 1 uẩn dị thục quả và vật làm duyên cho...
* Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Y chỉ duyên: Uẩn quả và đại sung... Sát-na tục sinh...
* Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Y chỉ duyên: 1 uẩn dị thục nhân và vật *(vatthu)*...
* Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Y chỉ duyên: Những uẩn dị thục nhân và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh, có 13 câu.

1376.

* Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như thân an vui làm duyên cho thân lạc, thân khổ, nhập thiền quả bằng Cận y duyên. Thân đau khổ, làm duyên cho thân lạc thân khổ, nhập thiền quả bằng Cận y duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như là nương thân lạc mạnh có thể bố thí, nguyện trì giới... cũng có thể phá hòa hợp Tăng; nương thân đa khổ có thể bố thí, nguyện trì giới... cũng có thể phá hòa hợp Tăng; do thân đa lạc đa khổ làm duyên cho đức tin... cho đến vọng dục bằng Cận y duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cận y duyên: Có cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như là La-hán đa nương thân lạc, dù cho thiền tố *(kiriyā)* chưa từng nhập, cũng nhập đặng; quán ngộ chư hành bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã; đa nương thân khổ, thiền tố *(kiriyā)* dù chưa từng nhập, cũng nhập đặng.

1377.

Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

+ Thuần cận y như là:
- Đa nương đức tin, bố thí... có thể phát sanh ngã mạn, tà kiến hoặc trì giới, đa văn, xả thí.
- Đa nương tuệ, bố thí... phát khởi ngã mạn, tà kiến cho đến phát sanh ái, sân, si, ngã mạn, tà kiến... Đa nương vọng dục có thể bố thí...Nhập thiền phát sanh, hay sát sanh, trộm cướp... cho đến phá hòa hợp Tăng, đức tin... mong mỏi, tín ngưỡng, trì giới.. hy vọng do Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ thiền làm duyên cho sơ thiền...Tâm chỉnh lý *(parikamma)* Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Sơ thiền làm duyên cho nhị thiền... Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên... tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ đạo làm duyên cho sơ đạo,... tâm chỉnh lý *(parikamma)* tứ đạo làm duyên cho tứ đạo; sơ đạo làm duyên cho nhị đạo; nhị đạo làm duyên cho tam đạo, tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên *(Upanissayapaccayo).*
- Bực hữu học *(sakkhā)* đa nương đạo, thiền thiện chưa từng sanh cũng đặng sanh... Đạo hữu học làm duyên cho nghĩa lý đại thông *(atthapaṭisambhidā)*... cho đến thông thấu sở *(ṭhāna)*, phi sở *(aṭhāna)* bằng Cận y duyên.
- Sát sanh làm duyên cho sát sanh... cho đến tà kiến bằng Cận y duyên.
- Tà kiến làm duyên cho tà kiến cho đến sân độc.
- Nghiệp sát phụ làm duyên cho nghiệp sát phụ bằng Cận y duyên...cho đến tà kiến nhứt định bằng Cận y duyên.
- Tà kiến nhứt định làm duyên cho tà kiến nhứt định... cho đến phá hòa hợp Tăng bằng Cận y duyên.

1378.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như là nương đức tin mạnh có thể tự làm bực bội nóng nảy bằng cánh khổ do tìm tòi làm căn bản *(ārabbha).* Đa nương hy vọng có

thể tự làm bực bội nóng nảy... đức tin... sự mong mỏi làm duyên cho thân lạc, thân khổ, nhập thiền quả bằng Cận y duyên.

- Thiện hay bất thiện làm duyên cho nghiệp quả bằng Cận y duyên. Đạo làm duyên cho nhập thiền quả bằng Cận y duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như chư La-hán đa nương quả, thiền tố *(kiriyā)* chưa từng sanh cũng nhập thiền tố *(kiriyā)* đặng. Quán ngộ hành vi vô thường, khổ não, vô ngã... đạo La-hán làm duyên cho nghĩa đạt thông *(atthapaṭisambhidā)*, pháp đạt thông *(dhammapaṭisambhidā)*, ngữ đạt thông *(niruttipatisambhidā)* cấp trí đạt thông *(patibhānapaṭisambhidā)*, cho đến thấu rõ xứ *(ṭhāna)*, phi xứ *(aṭhāna)* bằng Cận y duyên.

1379.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như là chư La-hán đa nương âm dương *(utu)*, vật thực, chỗ ở, mà thiền tố *(kiriyā)* chưa từng sanh cũng nhập thiền tố *(kiriyā)* đặng.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Âm dương vật thực, chổ ở *(senāsana)* làm duyên cho thân lạc thân khổ từ nhập thiền quả bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y *(pakatūpanissaya)* như là nương âm dương *(utu)* có thể bố thí... chi đến phá hòa hợp Tăng. Rất nương vật thực, chổ ở có thể bố thí...cho đến phá hòa hợp Tăng.
- Rất nương âm dương, vật thực, chổ ở làm duyên cho đức tin... mong mỏi bằng Cận y duyên.

1380.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh *(ārammaṇapurejāta)* như là chư La-hán quán ngộ nhãn bằng lối vô thường... thấy sắc... xúc, vật bằng lối vô thường... thiên nhãn thấy sắc... thiên nhĩ nghe tiếng...
- Vật tiền sanh *(vatthupurejāta)* như: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn phi quả phi nhân bằng tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh.

- Cảnh tiền sanh như là chư hữu học *(sekkhā)* hoặc phàm phu *(puthujana)* quán ngộ nhãn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã rất hoan lạc do ấn trí *(ārabba)* ấy nên ái... cho đến sân phát sanh.
- Dù thiện hay bất thiện diệt rồi thì tâm mót *(tadārammana)* là quả phát sanh. Nhĩ... vật bằng lối vô thường... tâm mót phát sanh. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Tiền sanh duyên. Xúc xứ làm duyên cho thân thức.

- Vật tiền sanh như là nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xứ làm duyên cho thân thức. Vật làm duyên cho uẩn quả bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như chư hữu học hay phàm phu quán ngộ nhãn... do ấn trí *(ārabbha)* do đó nên ái... cho đến ưu phát sanh. Quán ngộ nhĩ...Vật bằng cách vô thường,... cho đến ưu... thấy sắc bằng thiên nhãn... nghe tiếng bằng thiên nhĩ.
- Vật tiền sanh như vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn dị thục nhân bằng Tiền sanh duyên.

1381.

Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân sanh ra bằng Hậu sanh duyên: Chư uẩn quả sanh sau sau làm duyên cho những thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1382.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Hậu sanh duyên.

1383.

Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cố hưởng duyên:
- Chư uẩn dị thục nhân sanh trước trước làm duyên cho những uẩn dị thục nhân sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho dũ tịnh *(vedanā)* chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; dũ tịnh *(vedanā)* làm duyên cho đạo đầu bằng Cố hưởng duyên *(āsevanapaccayo).*

1384.

Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cố hưởng duyên:... trước trước bằng Cố hưởng duyên.

1385.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Nghiệp duyên:
- Tư *(cetanā)* quả làm duyên cho những uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Sát-na tục sinh: Tư quả *(vipākacetanā)...*

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Nghiệp duyên:
- Tư quả *(vipākacetanā)* làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Sát-na tục sinh: Tư quả làm duyên cho sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân bằng Nghiệp duyên:
- Tư quả làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Sát-na tục sinh: Tư quả làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1386.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* dị thục nhân làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Nghiệp duyên:
- Biệt thời *(nānākhaṇika)* như: Tư *(cetanā)* dị thục nhân làm duyên cho uẩn dị thục quả bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh *(Sahajāta)* và Biệt thời *(nānākhannika):*
- Đồng sanh như tư dị thục nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như tư dị thục nhân làm duyên cho sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân bằng Nghiệp duyên:
- Biệt thời như tư dị thục nhân làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân bằng Nghiệp duyên: Tư dị thục nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

1387.

Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Nghiệp duyên: Tư phi quả phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

1388.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Quả duyên: 1 uẩn quả làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Quả duyên:
- Chư uẩn quả làm duyên cho sắc tâm bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quả duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân bằng Quả duyên:
- 1 uẩn quả làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn quả làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Quả duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Thực duyên:
- Thực quả *(āharavipāka)* làm duyên cho uẩn tương ưng có 3 cách. Dù tục sinh *(paṭṭisandhi)* cũng phân thành 3 như thế.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Thực duyên có 3 cách.

1389.

Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Thực duyên:

Thực phi quả phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên *(āhārapaccayo)*. Đoàn thực *(kabalīnkarāhāra)* làm duyên cho thân này bằng Thực duyên.

1390.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Quyền duyên có 3 cách.
- Dù tục sinh cũng nên phân như thế.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Quyền duyên có 3 cách.

1391.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Quyền duyên:
- Quyền phi quả phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên *(Indrīyapaccayo)*.
- Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Quyền duyên: nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức bằng Quyền duyên. Thân quyền ...

1392.

Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Quyền duyên: nhãn quyền và nhãn thức làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Quyền duyên...Thân quyền và thân thức làm duyên cho uẩn đồng sanh thân thức bằng Quyền duyên.

1393.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Thiền duyên có 3 cách.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Thiền duyên có 3 cách.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Thiền duyên: Chi thiền phi quả phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Thiền duyên.

1394.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Đạo duyên có 3 cách.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Đạo duyên có 3 cách.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Đạo duyên: Chi đạo phi quả phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên *(Maggapaccayo).*

1395.

Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Tương ưng duyên: 1 uẩn dị thục quả làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn. Sát-na tục sinh....

1396.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Tương ưng duyên:

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Tương ưng duyên: ...2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn băng Tương ưng duyên.

1397.

Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh duyên:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Chư uẩn quả làm duyên cho sắc tâm *(cittasamuṭṭhāna)*. Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả làm duyên cho sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)*.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như chư uẩn quả làm duyên cho thân thể ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1398.

Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như những uẩn dị thục nhân làm duyên cho sắc tâm.
- Hậu sanh như những uẩn dị thục nhân làm duyên cho thân thể này sanh trước trước bằng Bất tương ưng duyên.

1399.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như những uẩn phi quả phi nhân làm duyên cho sắc nương tâm sanh.

- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho các uẩn phi quả phi nhân bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Những uẩn phi quả phi nhân làm duyên cho thân thể ấy sanh trước trước bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn quả bằng Bất tương ưng duyên:
- Tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn quả bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Bất tương ưng duyên: Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn dị thục nhân bằng Bất tương ưng duyên.

1400.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn quả làm duyên cho 3 uẩn. Sát-na tục sinh: 1 uẩn quả làm duyên cho 3 uẩn.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như chư uẩn quả làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo).* Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả làm duyên cho sắc tục sinh.
- Hậu sanh như: Chư uẩn quả làm duyên cho những thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn quả làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm. Sát-na tục sinh...

1401.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Hiện hữu duyên: 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như chư uẩn dị thục nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như chư uẩn dị thục nhân làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn dị thục nhân làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)*

1402.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh *(Sahajāta)* như 1 uẩn phi quả phi nhân làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên; 1 sắc đại sung... sắc đại sung làm duyên cho sắc tâm, sắc tục sinh và sắc y sinh bằng Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)*. Sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... 1 đại sung Vô tưởng...

- Tiền sanh *(Purejāta)* như chư La-hán quán ngộ nhãn, nhĩ, vật... bằng lối vô thường...Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng... vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn phi quả phi nhân bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như chư uẩn phi quả phi nhân làm duyên cho những thân sanh trước ấy bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực *(kabaliṅkārāhāra)* làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên. Sắc mạng quyền *(rūpajīvitindrīya)* làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn quả bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như bậc hữu học hay phàm phu quán ngộ nhãn... vật bằng cách vô thường.. rồi thỏa thích... do ấn trí (mở mối) ấy nên ái.. cho đến ưu có thể phát sanh. Dù thiện hay bất thiện vừa dứt thì tâm mót *(tadārammana)* là quả phát sanh; nhĩ.. vật.. Tâm mót là quả... sắc xứ làm duyên cho nhãn thức... xúc xứ làm duyên cho thân thức, nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xúc làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn quả đều bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Hiện hữu duyên:
- Tiền sanh như: Bậc hữu học hay phàm phu quán ngộ nhãn bằng lối vô thường... thỏa thích... đến đỗi ưu phát sanh... nhĩ...vật; vô thường... cho đến ưu phát sanh.
- Thiên nhãn... vật làm duyên cho uẩn dị thục nhân bằng Hiện hữu duyên.

1403.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ làm duyên cho 3 uẩn... 1 uẩn quả Đồng sanh thân thức và vật làm duyên cho 3 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn quả và vật làm duyên cho 3 uẩn.

∗ Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như chư uẩn quả và tứ đại sung làm duyên cho sắc tâm. Sát-na tục sinh: Chư uẩn quả và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như chư uẩn quả và đoàn thực *(kabaliṅkārāhāra)* làm duyên cho thân ấy.
- Hậu sanh như chư uẩn quả và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)*.

1404.

∗ Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
Đồng sanh như: 1 uẩn dị thục nhân và vật làm duyên cho 3 uẩn.

∗ Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như chư uẩn dị thục nhân và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh.
- Hậu sanh như chư uẩn dị thục nhân và đoàn thực làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như chư uẩn dị thục nhân và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh.
- Pháp dị thục quả...

Vô hữu duyên, Ly duyên cũng như Vô gián duyên.
Bất ly duyên cũng như Hiện hữu duyên.

1405.

Nhân duyên có 7, Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 11, Hỗ tương 7, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 9, Quả 3, Thực 7, Quyền 9, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1406.

Nhân duyên có Trưởng 7,.... Đồng sanh 7, Hỗ tương, Y chỉ 7, Quả 3, Quyền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Bất ly 7.

Về thuận tùng *(anunloma)* trong phần vấn đề *(pañhāvāra)* cũng giống như tam đề thiện; nên đếm tính rộng như thế.

Dứt cách thuận tùng

1407.

* Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Cảnh duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên
* Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cảnh duyên... bằng Cận y duyên:
* Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cảnh duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Hậu sanh duyên
* Pháp dị thục quả làm duyên cho pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân bằng Đồng sanh duyên.

1408.

* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cảnh duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên.
* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Cảnh duyên... bằng Cận y duyên...bằng Nghiệp duyên.
* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cảnh duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Hậu sanh duyên... bằng Nghiệp duyên.
* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân bằng Nghiệp duyên.
* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân bằng Đồng sanh duyên.

1409.

* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Cảnh duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Tiền sanh duyên... bằng Hậu sanh duyên... bằng Thực duyên... bằng Quyền duyên.
* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục quả bằng Cảnh duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Cảnh duyên... bằng Cận y duyên... bằng Tiền sanh duyên.

1410.

* Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục Quả có Đồng sanh và Tiền sanh.
* Pháp dị thục quả và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1411.

* Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân bằng Hậu sanh, Tiền sanh.
* Pháp dị thục nhân và pháp phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân bằng Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1412.

Phi Nhân 16, phi Cảnh 16, phi Trưởng 16, phi Vô gián 16, phi Liên tiếp 16, phi Đồng sanh 12, phi Hỗ tương 12, phi Y chỉ 12, phi Cận y 16, phi Tiền sanh 14, phi Hậu sanh 16, phi Cố hưởng 16, phi Nghiệp 15, phi Quả 14, phi Thực 16, phi Quyền 16, phi Thiền 16, phi Đạo 16, phi Tương ưng 12, phi Bất tương ưng 10, phi Hiện hữu 10, phi Vô hữu 16, phi Ly 16, phi Bất ly 10.

1413.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh 16.... phi Ly 10.

Nên phân đối lập rộng như tam đề thiện *(kusalattika).*

Dứt cách đối lập

1414.

Nhân duyên có phi Cảnh 7,... phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 4, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

1415.

Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 7, tóm tắt,... phi Ly 7.

Nên chia ra rộng như thuận tùng, đối lập trong tam đề thiện.

Dứt cách thuận tùng, đối lập

1416.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 11, Hỗ tương 7, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 9, Quả 3, Thực 7, Quyền 9,Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1417.

Phi Nhân duyên cùng phi Cảnh duyên có Trưởng 7, tóm tắt... Bất ly 13.

Nên chia rộng đối lập, thuận tùng như trong tam đề thiện.

Dứt phần tam đề quả về phần thứ ba

TAM ĐỀ THỦ *(UPĀDINNATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāva)*

1418.

∗ Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ; 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn;
- Vật liên quan uẩn; uẩn liên quan vật;
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung thủ cảnh thủ; 2 đại sung liên quan 2 đại sung;
- Sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thủ cảnh thủ *(upādinnupādāniyadhamma).*

∗ Pháp thủ cảnh thủ và phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.

1419.

Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi thủ cảnh thủ, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn;
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung phi thủ cảnh thủ;
- Sắc tâm và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

1420.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi thủ phi cảnh thủ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm liên quan uẩn phi thủ phi cảnh thủ *(anupādinna anupādā niyadhamma).*

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi thủ cảnh thủ, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.

1421.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm liên quan uẩn phi thủ phi cảnh thủ và đại sung.

1422.

Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm liên quan uẩn thủ cảnh thủ và (sắc) đại sung.

1423.

Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ... Sát-na tục sinh...
- ... liên quan pháp phi thủ cảnh thủ...
- ... liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên có 3 cách.

1424.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Trưởng duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi thủ cảnh thủ… liên quan 1 đại sung;

- Sắc tâm và sắc y sinh liên quan đại sung *(mahābhūtarūpa)...*

∗ … Liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ có 3 cách.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi thủ phi cảnh thủ và (sắc) đại sung.

1425.

∗ Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Vô gián duyên... Liên tiếp duyên...Đồng sanh duyên:
- ... liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ;
- Sát-na tục sinh:... liên quan 1 đại sung.
- Sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan đại sung;... liên quan 1 đại sung Vô tưởng; sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

... liên quan pháp thủ cảnh thủ có 3 cách.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Đồng sanh duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi thủ cảnh thủ, ... liên quan 1 đại sung; sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan đại sung.
- Sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương …; ... liên quan 1 đại sung; … liên quan pháp phi thủ cảnh thủ có 3 cách.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ và phi thủ cảnh thủ.

1426.

∗ Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Hỗ tương duyên:
- ... liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và vật liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ; vật liên quan uẩn; uẩn liên quan vật.... liên quan 1 đại sung, 2 đại sung liên quan 2 đại sung;... 1 đại sung Vô tưởng.

∗ ... Liên quan pháp phi thủ cảnh thủ: Sắc ngoại,... Sắc vật thực, sắc âm dương...

∗ ... Liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ...

1427.

... Liên quan pháp thủ cảnh thủ bằng Y chỉ duyên có 9 câu,... do Cận y duyên:

1428.

Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Tiền sanh duyên có 3 cách.

1429.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Cố hưởng duyên: ...liên quan 1 uẩn phi thủ cảnh thủ.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Cố hưởng duyên: ...liên quan 1 uẩn phi thủ phi cảnh thủ.

1430.

Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nghiệp duyên: Có 9 câu như Nhân duyên.

1431.

∗ Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Quả duyên: Có 3 cách.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Quả duyên *(Vipākapaccayo):*...liên quan 1 đại sung; sắc tâm và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Quả duyên: 3 đại sung liên quan 1 uẩn phi thủ phi cảnh thủ: Có 9 câu.

1432.

Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Thực duyên... Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên.

Trí thức nên phân rộng như phần liên quan *(paṭicca)* trong tam đề thiện *(kusalattika)*.

1433.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 5, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 9.

Nhân duyên có Cảnh 3,... Bất ly 9.

Nên phân đếm rộng như phần liên quan trong tam đề thiện.

Dứt cách thuận tùng

1434.

∗ Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ vô nhân; 2 uẩn 1 liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ; 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 3 đại sung liên quan 1 đại sung; sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung;... liên quan 1 đại sung Vô tưởng; sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thủ cảnh thủ vô nhân.

∗ Pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ vô nhân; 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.

1435.

Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi thủ cảnh thủ vô nhân; 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn;... liên quan 1 đại sung phi thủ cảnh thủ; sắc nương tâm sanh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.
- Sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... liên quan 1 đại sung; sắc y sinh liên quan sắc đại sung.
- Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1436.

Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên: Sắc tâm liên quan uẩn thủ cảnh thủ vô nhân và đại sung.

1437.

∗ Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn thủ cảnh thủ; vật liên quan uẩn; 3 đại sung liên quan 1 đại sung;... liên quan 1 đại sung Vô tưởng.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thủ cảnh thủ.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thủ cảnh thủ; ... liên quan 1 đại sung; ... liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi thủ phi cảnh thủ và sắc đại sung.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thủ cảnh thủ và đại sung.

1438.

∗ Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Trưởng duyên:
Phần tục sinh đầy đủ cả 3 đề.
...liên quan pháp phi thủ cảnh thủ có 1 đề.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Trưởng duyên: Trưởng phi thủ phi cảnh thủ liên quan uẩn phi thủ phi cảnh thủ.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thủ cảnh thủ và đại sung.

1439.

∗ Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Vô gián duyên, tóm tắt... phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên:

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Cố hưởng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi thủ phi cảnh thủ quả, tóm tắt.

1440.

Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* phi thủ cảnh thủ liên quan uẩn phi thủ cảnh thủ...liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực và sắc âm dương.

1441.

Pháp phi thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* phi thủ phi cảnh thủ liên quan uẩn phi thủ phi cảnh thủ thiện.

1442.

∗ Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên: ...liên quan 1 đại sung Vô tưởng; sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên có 1 đề.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi thủ phi cảnh thủ thiện có 3 đề.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi thủ phi cảnh thủ thiện và sắc đại sung.

1443.

* Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Thực duyên: ...liên quan 1 đại sung Vô tưởng

* Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Thực duyên: ...liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc âm dương, tóm tắt.

1444.

Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Quyền duyên: Sắc mạng quyền liên quan sắc đại sung Vô tưởng.

1445.

Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Quyền duyên: ...liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương.

1446.

* Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Thiền duyên: 3 đại sung liên quan 1 uẩn đồng sanh ngũ thức, tóm tắt;... liên quan 1 đại sung Vô tưởng.

* Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Thiền duyên: ...liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương.

1447.

Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Đạo duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ vô nhân: Có 5 câu.

1448.

Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Tương ưng duyên: Như phi Cảnh duyên.

1449.

* Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thủ cảnh thủ Vô sắc;... liên quan 1 đại sung Vô tưởng.

* Pháp phi thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi thủ cảnh thủ Vô sắc;... liên quan 1 sắc đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương.

* Pháp phi thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi thủ phi cảnh thủ Vô sắc; 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1450.

Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Vô hữu duyên... phi Ly duyên:

Xin trí thức nên phân rộng như phần đối lập trong tam đề thiện *(kusalattika)*.

1451.

Phi Nhân 5, phi Cảnh 6, phi Trưởng 6, phi Vô gián 6, phi Liên tiếp 6, phi Hỗ tương 6, phi Cận y 6, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 2, phi Quả 6, phi Thực 2, phi Quyền 2, phi Thiền 2, phi Đạo 5, phi Tương ưng 6, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 6, phi Ly 6.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh 4, tóm tắt... phi Ly 4.

Phân đếm như tam đề thiện *(kusalattika)*.

Dứt cách đối lập

1452.

Nhân duyên có phi Cảnh 6, tóm tắt,... phi ly 6.

Xin phân đếm rộng phần thuận tùng. Đối lập như trong tam đề thiện *(kusalattika)*.

Dứt cách thuận tùng, đối lập

1453.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2, tóm tắt,... Bất ly 5.

Xin phân đếm rộng phần đối lập thuận tùng như trong tam đề thiện *(kusalattika).*

Dứt cách đối lập, thuận tùng

Hết phần liên quan (paṭṭiccavāra)

Phần Đồng Sanh *(Sahajātavāra)*

1454.

Pháp thủ cảnh thủ đồng sanh pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên:

Phần đồng sanh như phần liên quan *(paṭiccavāra)*

Dứt phần đồng sanh

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

1455.

∗ Pháp thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thủ cảnh thủ.
- Sát-na tục sinh: Vật ỷ trượng *(paccayā)* uẩn; uẩn ỷ trượng vật; 3 đại sung ỷ trượng 1 đại sung; sắc tục sinh và sắc y sinh ỷ trượng đại sung; uẩn thủ cảnh thủ nhờ cậy vật.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm nhờ cậy uẩn thủ cảnh thủ; chư uẩn phi thủ cảnh thủ nhờ cậy vật.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Uẩn phi thủ phi cảnh thủ ỷ trượng vật.

∗ Pháp thủ cảnh thủ và phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn thủ cảnh thủ.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi thủ phi cảnh thủ và vật; 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp phi thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn phi thủ phi cảnh thủ và sắc đại sung.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thủ cảnh thủ và đại sung; 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi thủ cảnh thủ và vật; 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

1456.

∗ Pháp thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thủ cảnh thủ; 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn;
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn thủ cảnh thủ; 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn; uẩn nhờ cậy vật;

- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ;
- Chư uẩn thủ cảnh thủ nhờ cậy vật.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên: Chư uẩn phi thủ cảnh thủ nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên: Uẩn phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy vật.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi thủ cảnh thủ; 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi thủ phi cảnh thủ; 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.

1457.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi thủ phi cảnh thủ và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn phi thủ cảnh thủ và vật, 2 uẩn ỷ trượng 2 uẩn và vật.

1458.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Trưởng duyên: Chư uẩn phi thủ cảnh thủ nhờ cậy vật.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Trưởng duyên: Chư uẩn phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy vật.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ ỷ trượng pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Trưởng duyên có 1 câu.

∗ ... nhờ cậy pháp phi thủ phi cảnh thủ có 3 câu.

∗ ... nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Trưởng duyên

∗ ... nhờ cậy pháp phi thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do Trưởng duyên

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do Trưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi thủ cảnh thủ và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

1459.

∗ Pháp thủ cảnh thủ ỷ trượng pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Vô gián duyên:
Nên phân đầy đủ tất cả 24 duyên.

∗ ... Do Bất ly duyên.

1460.

Nhân 11, Cảnh 7, Trưởng 9, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 11, Hỗ tương 7, Y chỉ 11, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 6, nghiệp 11, Quả 11, Thực 11, Quyền 11, thiền 11, Đạo 11, Tương ưng 7, Bất tương ưng 11, Hiện hữu 11, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 11.

1461.

Nhân duyên có Cảnh 7, tóm tắt,... Bất ly 11.
Nên phân đếm rộng như tam đề thiện *(kusalattika)*.

Dứt cách thuận tùng

1462.

∗ Pháp thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên:

- ...nhờ cậy 1 uẩn thủ cảnh thủ vô nhân...
- Sát-na tục sinh vô nhân... 1 đại sung Vô tưởng;
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ,
- Chư uẩn thủ cảnh thủ vô nhân nhờ cậy vật *(vatthu).*

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thủ cảnh thủ vô nhân.
- Chư uẩn phi thủ cảnh thủ vô nhân nhờ cậy vật.
- Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật.

∗ Pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn thủ cảnh thủ vô nhân.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ ỷ trượng pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn phi thủ cảnh thủ vô nhân;... liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thủ cảnh thủ vô nhân và sắc đại sung; 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi thủ cảnh thủ vô nhân và vật; 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật; si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

1463.

∗ Pháp thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Cảnh duyên, tóm tắt,... do phi Trưởng duyên:...nhờ cậy 1 uẩn thủ cảnh thủ *(upādinnupādāniya)*.

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thủ cảnh thủ; chư uẩn phi thủ cảnh thủ nhờ cậy vật.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Trưởng duyên: Trưởng phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy vật.

∗ Pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Trưởng duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn thủ cảnh thủ;...
- ... nhờ cậy pháp phi thủ cảnh thủ có 1 đề.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Trưởng duyên: Trưởng phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy uẩn phi thủ phi cảnh thủ.

1464.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Trưởng duyên: Trưởng phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy uẩn phi thủ phi cảnh thủ và vật *(vatthu).*

∗ Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Trưởng duyên:
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn thủ cảnh thủ và sắc đại sung.
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi thủ cảnh thủ và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

1465.

Pháp thủ cảnh thủ ỷ trượng pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Vô gián duyên,... phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên, phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên.

1466.

* Pháp phi thủ cảnh thủ ỷ trượng pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* phi thủ cảnh thủ nhờ cậy vật *(vatthu)*.
* Pháp phi thủ phi cảnh thủ ỷ trượng pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* phi thủ phi cảnh thủ thiện nhờ cậy vật.
* Pháp phi thủ cảnh thủ ỷ trượng pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
  - Tư *(cetanā)* phi thủ cảnh thủ nhờ cậy uẩn phi thủ cảnh thủ;
  - ... nhờ cậy 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương.
* Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy uẩn phi thủ phi cảnh thủ thiện *(kusalā)*.
* Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư thiện *(kusalacetanā)* phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy uẩn phi thủ phi cảnh thủ thiện và vật.
* Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên: Tư phi thủ cảnh thủ nhờ cậy uẩn phi thủ cảnh thủ và vật.

1467.

* Pháp thủ cảnh thủ ỷ trượng pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên:...nhờ cậy 1 đại sung Vô tưởng.
* Pháp phi thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên: Chư uẩn phi thủ cảnh thủ nhờ cậy vật.
* Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên: Những uẩn phi thủ phi cảnh thủ thiện nhờ cậy vật.
* ... Nhờ cậy pháp phi thủ cảnh thủ... có 1 đề.
* ... Nhờ cậy pháp phi thủ phi cảnh thủ... có 3 đề.
* Pháp phi thủ phi cảnh thủ nhờ cậy pháp thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên, tóm tắt.
* Pháp phi do thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên, tóm tắt.
* Pháp phi do thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ sanh ra do phi Quả duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi do thủ cảnh thủ và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

1468.

Pháp do thủ cảnh thủ ỷ trượng pháp do thủ cảnh thủ sanh ra do phi Thực duyên... phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên.

1469.

Phi Nhân 5, phi Cảnh 6, phi Trưởng 8, phi Vô gián 6, phi Liên tiếp 6, phi Hỗ tương 6, phi Cận y 6, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 11, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 6, phi

Quả 10, phi Thực 2, phi Quyền 2, phi Thiền 2, phi Đạo 5, phi Tương ưng 6, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 6, phi Ly 6.

Nên sắp rộng ra.

Nhân duyên có phi Cảnh 6, tóm tắt,... phi Ly 6; xin phân rộng.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4, tóm tắt,... Bất ly 5.

Dứt phần ỷ trượng (nhờ cậy)

Phần Y Chỉ *(Nissayavāra)*

1470.

Pháp do thủ cảnh thủ y chỉ pháp do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn y chỉ 1 uẩn do thủ cảnh thủ;... y chỉ *(nissaya)* 3 uẩn, tóm tắt.

Phần y chỉ *(nissaya)* cũng như phần ỷ trượng *(paccaya)*

Dứt phần y chỉ

Phần Hỗn Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

1471.

∗ Pháp do thủ cảnh thủ hỗn hợp pháp do thủ cảnh thủ sanh ra bằng Nhân duyên:
- 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn thủ cảnh thủ; 1 uẩn hỗn hợp 3 uẩn; 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn do thủ cảnh thủ; 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.

∗ Pháp phi do thủ cảnh thủ hỗn hợp pháp phi do thủ cảnh thủ sanh ra bằng Nhân duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn phi do thủ cảnh thủ; 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.

∗ Pháp phi thủ phi cảnh thủ hỗn hợp pháp phi thủ phi cảnh thủ sanh ra bằng Nhân duyên: 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ; 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn.

1472.

Nhân 3, tóm tắt,... Trưởng 2, Cố hưởng 2, Quả 2,... tóm tắt...Bất ly 3.

Xin phân đếm rộng cũng như tam đề thiện *(kusalattika)*.

Dứt cách thuận tùng

1473.

∗ Pháp do thủ cảnh thủ hỗn hợp với pháp do thủ cảnh thủ sanh ra bằng phi Nhân duyên:
- 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn do thủ cảnh thủ vô nhân; 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn;
- ... Sát-na tục sinh vô nhân...

∗ Pháp phi do thủ cảnh thủ hỗn hợp với pháp phi do thủ cảnh thủ sanh ra bằng phi Nhân duyên:
- 3 uẩn hỗn hợp 1 uẩn phi do thủ cảnh thủ vô nhân; 2 uẩn hỗn hợp 2 uẩn;
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật hỗn hợp với uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

∗ Phi Nhân 2, phi Trưởng 3, phi Bất tương ưng 3, tóm tắt.

Dứt cách đối lập

1474.

∗ Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Bất tương ưng 3.

∗ Phi Nhân duyên có Cảnh 2, tóm tắt,... Bất ly 2.

Dứt phần hỗn hợp

Phần Tương Ưng *(Sampayuttavāra)*

1475.

Pháp do thủ cảnh thủ tương ưng pháp do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Nhân 3, tóm tắt,... Bất ly 3.

Phần tương ưng *(sapayuta)* như phần hỗn hợp *(saṅsaṭṭha)*

Dứt phần tương ưng

Phần Vấn Đề *(Paññāvāra)*

1476.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Nhân duyên:

- Nhân do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)* bằng Nhân duyên.

1477.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Nhân duyên: Nhân do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1478.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Nhân duyên: Nhân do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1479.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Nhân duyên: Nhân phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1480.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Nhân duyên: Nhân phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1481.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Nhân duyên: Nhân phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1482.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Nhân duyên: Nhân phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1483.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên:

- Bậc hữu học *(sekkhā)* hay phàm phu *(puthujana)* quán ngộ nhãn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích, rất hân hoan, do ấn trí ấy nên ái và ưu có thể phát sanh. Sau khi thiện hay bất thiện diệt rồi thì tâm mót *(tadārammaṇa)* là quả phát sanh.
- Bậc hữu học hay phàm phu quán ngộ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc và vật... uẩn do thủ cảnh thủ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan; do mở mối *(ārabbha)* ấy nên ái và ưu phát sanh. Dù thiện hay bất thiện vùa dứt rồi thì tâm mót là quả phát sanh.
- Sắc xứ do thủ cảnh thủ thì làm duyên cho nhãn thức, khí xứ do thủ cảnh thủ... vị xứ.. xúc xứ là duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.

1484.

Pháp do cảnh thủ cảnh làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên.

- Quán ngộ nhãn bằng cánh vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó mở đầu *(ārabbha)* cho ái, ưu phát sanh.
- Quán ngộ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật... uẩn do thủ cảnh thủ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan do đó mở mối nhĩ ấy... nên ái và ưu phát sanh.
- Thấy sắc do thủ cảnh thủ bằng thiên nhãn, thấu rõ tâm của người khác đầy đủ tâm do thủ cảnh thủ bằng tha tâm thông.
- Uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho thần túc thông, tha tâm thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông và chiếu khán *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1485.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán xét lại phước đã tạo chứa trước kia. Sau khi xuất thiền phản khán thiền; bậc Thánh *(ariya)* phản khán chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vedanā)*.
- Bực Thánh phản khán phiền não đã trừ, phiền não hạn chế, rõ biết phiền não đã từng sanh trước kia. Quán ngộ sắc,... thinh, khí, vị, xúc.. những uẩn phi do thủ cảnh thủ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó mới mở đầu cho ái hoặc ưu sanh ra.
- Thiên nhãn phi do thủ cảnh thủ thấy sắc. Thiên nhĩ nghe tiếng, tha tâm thông rõ thấu tâm người hội hiệp tâm phi do thủ cảnh thủ.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên.
- Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
- Những uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thần túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông phản chiếu *(avajjana)* bằng Cảnh duyên.

1486.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên.

- Bực hữu học hoặc phàm phu quán ngộ sắc, thinh, khí, vị, xúc phi do thủ cảnh thủ, uẩn do thủ cảnh thủ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan đó mở mối cho ái, ưu phát sanh; cho đến thiện, bất thiện vừa dứt thì tâm mót là quả sanh ra.
- Không vô biên xứ thiện làm duyên cho Thức vô biên xứ quả bằng Cảnh duyên.
- Vô sở hữu xứ thiện làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ quả bằng Cảnh duyên.
- Sắc xứ phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.

1487.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Cảnh duyên: Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả bằng Cảnh duyên.

1488.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên:

- Bực Thánh ra khỏi đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn thì Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vedanā)*, phản chiếu *(āvajjana)*, bằng Cảnh duyên.

- Chư Thánh rõ thấu tâm người tề toàn *(saṃaṅagī)* phi thủ phi cảnh thủ. Những uẩn phi thủ phi cảnh thủ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông, khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1489.

∗ Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh *(Ārammanādhipati)* như: Nặng về nhãn rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng ấy nên ái, tà kiến phát sanh. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân do thủ cảnh thủ, sắc, thinh, khí, vị, xúc và vật,... đã nặng uẩn do thủ cảnh thủ rồi thỏa thích rất hân hoan do đã nặng để ái, tà kiến phát sanh.

∗ Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Trưởng duyên có Cảnh trưởng và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh *(Ārammanādhipati)* như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, do nặng chấp đó rồi phản khán nặng về phước thiện chất chứa trước kia rồi phản khán, xuất thiền nặng chấp về thiền rồi phản khán.

- Chư hữu học nặng về chuyển tộc *(gotrabhū)* rồi phản khán, nặng về dũ tịnh *(vedanā)* rồi phản khán. Sắc, thinh, khí, vị, xúc và uẩn phi do thủ cảnh thủ đã nặng chấp đó rồi mới thỏa thích rất hân hoan do nặng chấp ấy rồi nên ái, tà kiến phát sanh.
- Trưởng đồng sanh *(Sahajātādhipati)* như trưởng phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1490.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như Níp Bàn làm duyên cho đạo quả bằng Trưởng duyên *(Adhipati)*.
- Trưởng đồng sanh như trưởng phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1491.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như bậc Thánh ra khỏi đạo, nặng về đạo rồi phản khán; nặng về quả rồi phản khán; nặng về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vedanā)* bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1492.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Trưởng duyên:
- Trưởng đồng sanh như trưởng phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1493.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Vô gián duyên:
- Những uẩn do thủ cảnh thủ sanh trước làm duyên cho các uẩn do thủ cảnh thủ sanh sau sau bằng Vô gián duyên
- Ngủ thức *(viṅṅāna)* làm duyên cho ý giới quả bằng Vô gián duyên. Ý giới quả làm duyên cho ý thức giới quả bằng Vô gián duyên.

1494.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Vô gián duyên:

- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* làm duyên cho khán môn *(āvajjana)*. Ý thức giới tố *(kiriyā)* làm duyên cho ý thức giới quả bằng Vô gián duyên.

1495.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Vô gián duyên:

- Những uẩn phi do thủ cảnh thủ sanh trước trước làm duyên cho các uẩn phi do thủ cảnh thủ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Thận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*.
- Thận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vedanā)*.
- Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn phi thủ cảnh thủ bằng Vô gián duyên.

1496.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Vô gián duyên: khán môn làm duyên cho ngủ thức *(pañcaviññāṇa)* bằng Vô gián duyên. chư uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

1497.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Vô gián duyên:

- Chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo, dũ tịnh *(vedanā)* làm duyên cho đạo;
- Thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả nhập thiền;
- Khi xuất thiền diệt Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1498.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Vô gián duyên:

- Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ sanh trước trước làm duyên cho những uẩn phi do thủ phi cảnh thủ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Đạo làm duyên cho quả, quả làm duyên cho quả bằng Vô gián duyên.

1499.

∗ Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Vô gián duyên: Quả làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Liên tiếp duyên: Cũng như Vô gián duyên *(Anantarapaccayo)*.

1500.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên.

- 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)*.
- Uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn. 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung, 3 đại sung làm duyên cho 1 đại sung; 2 đại sung làm duyên cho 2 đại sung. Sắc đại sung làm duyên cho sắc tục sinh, sắc y sinh bằng Đồng sanh duyên.
- 1 đại sung Vô tưởng... tóm tắt.

1501.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên: Chư uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc tâm bằng Đồng sanh duyên.

1502.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

1503.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- 1 đại sung phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc đại sung và sắc nương tâm sanh; 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... vật thực,... âm dương làm duyên cho sắc đại sung và sắc y sinh bằng Đồng sanh duyên *(Sahajātapaccayo)*.

1504.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

1505.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

1506.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

1507.

Pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

1508.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên: Chư uẩn do thủ phi cảnh thủ và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

1509.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hỗ tương duyên:

- 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và vật; uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn; 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung, 2 đại sung làm duyên cho 2 đại sung; 1 đại sung Vô tưởng...

1510.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hỗ tương duyên: 1 uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên; 1 đại sung làm duyên cho sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... 1 đại sung...

1511.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Hỗ tương duyên: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.

1512.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Y chỉ duyên:

- 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên, tóm tắt,... Sát-na tục sinh: 1 đại sung...; 1 đại sung Vô tưởng..
- Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức,... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn do thủ cảnh thủ bằng Y chỉ duyên.

1513.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Y chỉ duyên:

- Chư uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên;
- Vật làm duyên cho uẩn phi thủ cảnh thủ bằng Y chỉ duyên.

1514.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Y chỉ duyên: Vật làm duyên cho uẩn phi do thủ phi cảnh thủ bằng Y chỉ duyên.

1515.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Y chỉ duyên: 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

1516.

∗ Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ có 1 đề.

∗ Pháp phi do thủ phi cảnh thủ... có 3 đề.

1517.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ phi cảnh thủ bằng Y chỉ duyên: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Y chỉ duyên.

1518.

Pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Y chỉ duyên: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

1519.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Y chỉ duyên:

- Chư uẩn do thủ cảnh thủ và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.
- 1 uẩn phi do thủ cảnh thủ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên; 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Y chỉ duyên.

1520.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y duyên và Thuần cận y:

- Thuần cận y như thân lạc làm duyên cho thân lạc và thân khổ bằng Cận y duyên. Thân khổ làm duyên cho thân lạc thân khổ. Âm dương làm duyên cho thân lạc thân khổ, thực phẩm làm duyên cho thân lạc thân khổ.

- Thân lạc... thân khổ... âm dương... thực phẩm làm duyên cho thân lạc thân khổ bằng Cận y duyên.

1521.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương thân lạc mạnh có thử bố thí, nguyện ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới đến đổi thiền phát sanh, pháp quán phát sanh, thông phát sanh, nhập thiền phát sanh, cũng có thể sát sanh cho đến phá hòa hợp Tăng. Thân khổ,... âm dương... nương thực phẩm mạnh có thể bố thí, cũng có thể phá hòa hợp Tăng.
- Thân lạc,... thân khổ, âm dương.. thực phẩm, đức tin phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho trì giới, đa văn, xả thí, trí tuệ. Trí tuệ làm duyên cho ái, sân, si, ngã mạn và tà kiến, vọng dục bằng Cận y duyên.

1522.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Cận y duyên:

- Thuần cận y như nương thân lạc có thể làm cho đạo phát sanh, nhập thiền quả. Thân khổ,... âm dương... nương thực phẩm mạnh cũng có thể làm cho đạo phát sanh, nhập thiền quả đặng.
- Thân lạc,... thân khổ,... âm dương,... thực phẩm làm duyên cho đạo và nhập thiền quả bằng Cận y duyên.

1523.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin phi do thủ cảnh thủ có thể bố thí, nguyện trì ngũ giới, thanh tịnh giới, cũng làm cho thiền phát sanh; quán ngộ phát sanh, thông phát sanh, nhập thiền đặng, hoặc sát sanh hay phá hòa hợp Tăng; phát sanh ngã mạn, tà kiến.
- Nương giới do phi thủ cảnh thủ mạnh có thể đa văn, xả thí, trí tuệ, ái, sân, si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục. nương âm dương, thực phẩm, chổ ở mạnh có thể bố thí cho đến nhập thiền đặng hoặc sát sanh hay phá hòa hợp Tăng, tạo ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương đức tin phi do thủ cảnh thủ trì giới, đa văn, xả thí, trí tuệ, ái, sân, si, ngã mạn, chấp tà kiến, vọng dục, âm dương, thực phẩm, chổ ở mạnh làm duyên cho đức tin phi do thủ cảnh thủ, trì giới, đa văn, xả thí, trí tuệ, ái, sân, si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục bằng Cận y duyên.
- (Tâm) chỉnh lý *(parikamma)* sơ thiền làm duyên cho sơ thiền *(paṭhamajhāna)*.
- Chỉnh lý Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
- Sơ thiền làm duyên cho nhị thiền,... Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ; sát sanh làm duyên cho sát sanh,... tà kiến nhứt định làm duyên cho tà kiến nhứt định.

1524.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như: Đức tin phi do thủ cảnh thủ mạnh có thể tự làm bực bội nóng nảy chịu khổ do gốc tìm tòi.
- Nương giới phi do thủ cảnh thủ mạnh, tóm tắt... nương chổ ở *(senāsana)* mạnh có thể tự làm cho bực bội, nóng nảy, chịu khổ do tìm tòi.

- Nương đức tin phi do thủ cảnh thủ mạnh, tóm tắt,... chổ ở làm duyên cho thân lạc thân khổ bằng Cận y duyên.
- Thiện, bất thiện làm duyên cho nghiệp quả bằng Cận y duyên.

1525.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y *(Pakatūpanissaya)* như là tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ đạo làm duyên cho sơ đạo bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* nhị đạo làm duyên cho nhị đạo bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý tam đạo làm duyên cho tam đạo bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý tứ đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1526.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo bằng Cận y duyên. nhị đạo làm duyên cho tam đạo. tam đạo làm duyên cho tứ đạo. Đạo làm duyên cho quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

1527.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y nhập thiền quả làm duyên cho thân lạc bằng Cận y duyên.

1528.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như bậc Thánh nương đạo mạnh dù cho thiền chưa từng phát sanh cũng nhập thiền đặng; quán ngộ vô thường, khổ não, vô ngã đặng.
- Thánh đạo làm duyên cho nghĩa đạt thông *(atthapaṭisambhidā)*, pháp đạt thông *(dhammapaṭisambhidā)*, ngữ đạt thông *(niruttipaṭisambhidā)*, cấp trí đạt thông *(paṭibhānapaṭisambhidā)*, tri sở *(ṭhāna),* phi sở *(aṭhāna)* bằng Cận y duyên.

1529.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

+ Cảnh tiền sanh *(Ārammaṇapurejāta)* như: Bậc hữu học hay phàm phu quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái cho đến ưu phát sanh; vừa dứt thiện hay bất thiện thì tâm mót là quả sanh ra.
  - ... nhĩ,... tỷ,... thiệt,... thân; quán ngộ sắc do thủ cảnh thủ... khí,... vị,... xúc và vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan đó khai đoan (mở mối) cho ái và ưu phát sanh; vừa dứt thiện, bất thiện thì tâm mót là quả phát sanh.
  - Sắc xứ do thủ cảnh thủ làm duyên cho nhãn thức... khí xứ do thủ cảnh thủ... vị xứ do thủ cảnh thủ... xúc xứ... làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
+ Vật tiền sanh *(Vatthupurejāta)* như nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức,... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên.

1530.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như quán ngộ nhãn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối *(ārabbha)* ái và ưu pháp sanh; quán ngộ nhĩ,... vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan chi ái và ưu phát sanh.
- Thiên nhãn thấy sắc do thủ cảnh thủ.
- Vật tiền sanh như vật làm duyên cho các uẩn phi do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên.

1531.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên: Vật tiền sanh như vật làm duyên cho các uẩn phi do thủ phi cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên.

1532.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên:

- Cảnh tiền sanh như quán ngộ sắc, thinh, khí, vị, xúc... phi do thủ cảnh thủ bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* cho ái và ưu phát sanh.
- Thiên nhãn thấy sắc phi do thủ cảnh thủ, thiên nhĩ nghe tiếng.

1533.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên:

Cảnh tiền sanh như quán ngộ sắc,... thinh,... khí,... vị,... xúc phi do thủ cảnh thủ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan cho ái và ưu phát sanh.

- Thiện, bất thiện vừa dứt thì tâm mót là quả phát sanh.
- Sắc xứ phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.

1534.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Sắc xứ và nhãn xứ phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho nhãn thức bằng Tiền sanh duyên;... tóm tắt..., xúc xứ và thân xứ phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Sắc xứ và vật phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên, tóm tắt,... xúc xứ và vật phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên.

1535.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh: Sắc xứ và vật phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn phi do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh duyên.

1536.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên: Uẩn thủ cảnh thủ sanh sau làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1537.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên: Chư uẩn do thủ cảnh thủ sanh sau làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1538.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên: Chư uẩn do thủ cảnh thủ sanh sau làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1539.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên: Các uẩn phi do thủ cảnh thủ sanh sau làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên

1540.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên: Các uẩn phi do thủ cảnh thủ sanh sau làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1541.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên: Các uẩn phi do thủ cảnh thủ sanh sau làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1542.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên: Các uẩn phi do thủ cảnh thủ sanh sau làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1543.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên:

Các uẩn phi do thủ phi cảnh thủ sanh sau làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên

1544.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên: Các uẩn phi do thủ phi cảnh thủ sanh sau làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1545.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cố hưởng duyên:

- Chư uẩn phi do thủ cảnh thủ sanh trước trước làm duyên cho các uẩn phi do thủ cảnh thủ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū).*
- Tâm thuận thứ làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vedanā)* bằng Cố hưởng duyên.

1546.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Cố hưởng duyên. Tâm chuyển tộc làm duyên cho đạo; tâm dũ tịnh làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

1547.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Nghiệp duyên:

- Tư *(cetanā)* do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

- Sát-na tục sinh: Tư do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Tư làm duyên cho vật bằng Nghiệp duyên.

1548.

∗ Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Nghiệp duyên:
Tư do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Nghiệp duyên:
Tư do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1549.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Nghiệp duyên:
Tư phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1550.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Nghiệp duyên:
Biệt thời *(Nānākhaṇika)* như tư phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn quả do thủ cảnh thủ và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1551.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Tư phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời *(Nānākhaṇika)* như: Tư thiện phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho các uẩn quả phi do thủ phi cảnh thủ bằng Nghiệp duyên.

1552.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Nghiệp duyên: Tư phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1553.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Nghiệp duyên *(kammapaccayo):* Tư phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1554.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Quả duyên:
- 1 uẩn quả do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn quả do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)* bằng Quả duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc tục sinh bằng Quả duyên, uẩn làm duyên cho vật bằng Quả duyên.

1555.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Quả duyên: Các uẩn quả do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.

1556.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Quả duyên: 1 uẩn quả do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm

sanh bằng Quả duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.

1557.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Quả duyên: 1 uẩn quả phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Quả duyên.

1558.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Quả duyên: Chư uẩn quả phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.

1559.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Quả duyên. 1 uẩn quả phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.

1560.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên:

- Thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn tương ưng bằng Thực duyên.
- Sát-na tục sinh: Thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Thực duyên.
- Đoàn thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1561.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên *(Āhārapaccayo):*

- Thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.
- Đoàn thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1562.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên: Thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên. Đoàn thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1563.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên: Thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên. Đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1564.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên. Đoàn thực *(kabaliṅkārāhāra)* phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1565.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên: Đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1566.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Thực duyên: Thực *(āhāra)* phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thực duyên.

1567.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên: Thực phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên *(āhārapaccayo)*.

1568.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Thực duyên: Thực phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.

1569.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên: Đoàn thực do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1570.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên: Đoàn thực do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1571.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên: Đoàn thực *(kabaliṅkārāhāra)* do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1572.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Quyền duyên:

- Quyền *(indrīya)* do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh: Quyền do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.
- Nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức... thân quyền làm duyên cho thân thức, sắc mạng quyền *(rūpajīvitindrīya)* làm duyên cho sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)* bằng Quyền duyên.

1573.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Quyền duyên *(Indrīyapaccayo)*: Quyền do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.

1574.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Quyền duyên. Quyền do thủ cảnh thủ làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.

1575.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Quyền duyên: Quyền phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Quyền duyên.

1576.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Quyền duyên: Quyền phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Quyền duyên.

1577.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Quyền duyên: Quyền phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.

1578.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Quyền duyên: Quyền phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.

1579.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Thiền duyên:

- Chi thiền do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thiền duyên.
- Sát-na tục sinh: Chi thiền do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Thiền duyên.

1580.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thiền duyên: Chi thiền do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.

1581.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thiền duyên: Chi thiền do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.

1582.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thiền duyên: Chi thiền phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.

1583.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Thiền duyên: Chi Thiền phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thiền duyên.

1584.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thiền duyên: Chi thiền phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.

1585.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Thiền duyên: Chi thiền phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.

1586.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Đạo duyên: Chi đạo do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Đạo duyên *(Maggapaccayo).* Sát-na tục sinh...

1587.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đạo duyên: Chi đạo do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.

1588.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đạo duyên: Chi đạo do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên

1589.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Đạo duyên: Chi đạo phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.

1590.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Đạo duyên: Chi đạo phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Đạo duyên.

1591.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đạo duyên: Chi đạo phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.

1592.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Đạo duyên: Chi đạo phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên.

1593.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Tương ưng duyên: 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

1594.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Tương ưng duyên: 1 uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.

1595.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Tương ưng duyên: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.

1596.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như là sát-na tục sinh chư uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên. Uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên; vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh *(Purejāta)* như là nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Bất tương ưng duyên... thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Bất tương ưng duyên. Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như là chư uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1597.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Chư uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh *(Purejāta)* như: Vật làm duyên cho uẩn phi do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên.

- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như chư uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1598.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh *(Purejāta)* như: Vật làm duyên cho uẩn phi do thủ phi cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên.

1599.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên

Hậu sanh *(Pacchājāta)* như: Uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1600.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Chư uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1601.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1602.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1603.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên:

Hậu sanh như: Uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1604.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1605.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Bất tương ưng duyên:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên

1606.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên; uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn; 1 đại sung... sắc đại sung làm duyên cho sắc tục sinh; sắc y sinh bằng Hiện hữu duyên; 1 đại sung Vô tưởng... sắc đại sung làm duyên cho sắc tục sinh và sắc y sinh bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Bậc hữu học hoặc phàm phu quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khoai đoan *(ārabbha)* cho ái, ưu phát sanh. vừa dứt thiện, bất thiện thì tâm mót *(tadālabana)* là quả sanh ra.
- Quán ngộ nhĩ... tỷ... thiệt... thân... sắc... thinh... khí... vị... xúc do thủ cảnh thủ và vật *(vatthu)* bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do khai đoan (mở mối) đó nên ái, ưu phát sanh. Thiện, bất thiện vừa dứt thì tâm mót là quả phát sanh.
- Sắc xứ do thủ cảnh thủ làm duyên cho nhãn xứ, khí xứ... vị xứ... xúc xứ do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân thức.
- Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh Như: Chư uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Đoàn thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.
- Sắc mạng quyền *(rūpajīvitindrīya)* làm duyên cho sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)* bằng Hiện hữu duyên.

1607.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh và Thực:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Chư uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh *(Purejāta)* như: Quán ngộ nhãn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do khai đoan ấy nên ái, ưu phát sanh. Quán ngộ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc do thủ cảnh thủ cho đến vật thấy bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do khai đoan đó nên ái, ưu phát sanh. Thiên nhãn *(dibbacakkhu)* thấy sắc do thủ cảnh thủ và vật làm duyên cho uẩn phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Đoàn thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1608.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn phi do thủ phi cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1609.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh và Thực:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: 1 uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như chư uẩn do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Đoàn thực do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1610.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh và Thực:

- Đồng sanh như: 1 uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. 1 đại sung làm duyên cho 3 sắc đại sung; đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh và sắc y sinh bằng Hiện hữu duyên.
- 1 đại sung làm duyên cho sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương.
- Tiền sanh như: Quán ngộ sắc, thinh, khí, vị, xúc phi do thủ cảnh thủ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do mở mối đó nên ái, ưu phát sanh. Thiên nhãn thấy sắc phi do thủ cảnh thủ, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1611.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Tiền sanh, Hậu sanh và Thực:

- Tiền sanh như quán ngộ sắc, thinh, khí, vị, xúc phi do thủ cảnh thủ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối cho ái, ưu phát sanh. vừa dứt thiện, bất thiện thì tâm mót *(tadālambana)* là quả sanh ra.
- Sắc xứ phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho nhãn thức; xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1612.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Hậu sanh và Thực:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy bằng Hiện hữu duyên.

1613.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

1614.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1615.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1616.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và thân do thủ cảnh thủ sanh trước bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và thân do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1617.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn và thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và thân phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1618.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1619.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ, pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho 3 uẩn và thân do thủ cảnh thủ, phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn với thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1620.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Hậu sanh và Quyền:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho sắc mạng quyền và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1621.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên: Có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn phi do thủ phi cảnh thủ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 3 uẩn và vật làm duyên cho 1 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

1622.

Pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Hậu sanh và Thực:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ và đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1623.

Pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh và Thực:

- Đồng sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ và đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1624.

Pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Hậu sanh và Thực:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ và đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1625.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Tiền sanh như: Sắc xứ và nhãn xứ phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho nhãn thức bằng Hiện hữu duyên, tóm tắt,... xúc xứ và thân xứ phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.
- Sắc xứ và vật phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn phi do thủ cảnh thủ, tóm tắt,... xúc xứ và vật phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn do thủ cảnh thủ và đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ cảnh thủ và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1626.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh và Thực:

- Đồng sanh như: Chư uẩn do thủ cảnh thủ và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.

- Tiền sanh như: Sắc xứ và vật phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn phi do thủ cảnh thủ, tóm tắt,... xúc xứ và vật phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho uẩn phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn do thủ cảnh thủ và đoàn thực phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1627.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên:

Đoàn thực do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho thân do thủ cảnh thủ và phi do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên.

1628.

Pháp do thủ cảnh thủ, pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hiện hữu duyên có Hậu sanh, Thực và Quyền:

Hậu sanh như: Chư uẩn phi do thủ phi cảnh thủ, đoàn thực phi do thủ cảnh thủ và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1629.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Vô hữu duyên,... Ly duyên,... Bất ly duyên, tóm tắt...

1630.

Nhân 7, Cảnh 6, Trưởng 5, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 11, Cận y 9, Tiền sanh 7, Hậu sanh 9, Cố hưởng 2, Nghiệp 8, Quả 6, Thực 12, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 10, Hiện hữu 23, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 23.

1631.

Nhân duyên có Trưởng 4,... Đồng sanh 7, Hỗ tương 3, Y chỉ 7, Quả 6, Quyền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 4, Hiện hữu 7, Bất ly 7, tóm tắt.

Bực trí thức nên phân đếm rộng ra như tam đề thiện.

Cách phân đếm trong tam đề do thủ *(upādinna)* vi tế rộng hơn cách đếm tam đề thiện.

Dứt cách thuận thứ (anuloma)

1632.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Cận y duyên,... bằng Tiền sanh duyên,... bằng Hậu sanh duyên,... bằng Thực duyên,... bằng Quyền duyên.

1633.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên,... Đồng sanh duyên,... Cận y duyên,... Tiền sanh duyên,... Hậu sanh duyên,... Thực duyên.

1634.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Cận y duyên, tóm tắt,... Tiền sanh duyên.

1635.

Pháp do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên,... bằng Hậu sanh duyên,... Thực duyên.

1636.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên,... Hậu sanh duyên,... Thực duyên.

1637.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên,... Cận y duyên,... Tiền sanh duyên,... Hậu sanh duyên,... Nghiệp duyên,.... Thực duyên.

1638.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Cận y duyên.

1639.

Pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên,... Thực duyên.

1640.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh duyên,... Cận y duyên.

1641.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên,... Cận y duyên.

1642.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên,... Đồng sanh duyên,... Cận y duyên,... Hậu sanh duyên.

1643.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Đồng sanh,.... Hậu sanh.

1644.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ có Đồng sanh và Hậu sanh.

1645.

Phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh duyên.

1646.

Pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ, phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Đồng sanh và Hậu sanh.

1647.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh và Quyền.

1648.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ phi cảnh thủ bằng Đồng sanh và Tiền sanh.

1649.

Pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh và Thực.

1650.

Pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh, Hậu sanh và Thực.

1651.

Pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh và Thực.

1652.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1653.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh và Thực.

1654.

Pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ cảnh thủ bằng Thực duyên.

1655.

Pháp do thủ cảnh thủ, pháp phi do thủ cảnh thủ và pháp phi do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp do thủ cảnh thủ bằng Hậu sanh, Thực và Quyền.

1656.

Phi Nhân có 24, phi cảnh 24, phi Trưởng 24, phi Vô gián 24, phi Liên tiếp 24, phi Đồng sanh 20, phi Hỗ tương 20, phi Y chỉ 20, phi Cận y 23, phi Tiền sanh 23, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 24, phi Nghiệp 24, phi Quả 24, phi Thực 20, phi Quyền 22, phi Thiền 24, phi Đạo 24, phi Tương ưng 22, phi Bất tương ưng 14, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 24, phi Ly 24, phi Bất ly 9.

1657.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh 24,... tóm tắt...

Trí thức nên phân rộng như đối lập trong tam đề thiện.

Dứt cách đối lập

1658.

Nhân duyên có phi Cảnh 7,... phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi hỗ tương 4, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 4, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 4, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi ly 7.

Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 7... phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, tóm tắt.

Nên phân đếm như thuận tùng, đối lập trong tam đề thiện.

Dứt cách thuận tùng, đối lập

1659.

Phi Nhân duyên có Cảnh 6,... Trưởng 5, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y Chi 11, Cận y 9, Tiền sanh 7, Hậu sanh 9, Cố hưởng 2, Nghiệp 8, Quả 6, Thực 12, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 10, Hiện hữu 23, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 23, tóm tắt.

Nên chia đến rộng thuận tùng, đối lập *(anuloma paccanīya)* như tam đề thiện.

Dứt phần (phần thứ tư) tam đề thủ

TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI *(SAṄKILITTHATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1660.

∗ Pháp phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phiền toái cảnh phiền não, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi phiền toái cảnh phiền não.

∗ Pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phiền toái cảnh phiền não, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.

1661.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi phiền toái cảnh phiền não, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi phiền toái cảnh phiền não, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn, vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật *(vatthu).*
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh, sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

1662.

∗ Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não *(asaṅkiliṭṭha asaṅkilesikadhammā).*

∗ Pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.

1663.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi phiền toái cảnh phiền não và sắc đại sung.

1664.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phiền toái cảnh phiền não và sắc đại sung,... tóm tắt....

1665.

Nhân 9, Cảnh 3, tóm tắt,... Quả 5, Bất ly 9.

Xin phân rộng như tam đề thiện *(kusalattila).*

1666.

Pháp phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

1667.

* Pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi phiền toái cảnh phiền não vô nhân. Sát-na tục sinh... 1 đại sung cõi Vô tưởng... tóm tắt.

Xin phân rộng như tam đề thiện *(kusalattika).*

* Phi Nhân 2, phi Cảnh 5, phi Trưởng 6, tóm tắt...
* Nhân duyên có phi Cảnh 5, tóm tắt...
* Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... tóm tắt.

Phần đồng sanh *(Sahajata),* ỷ trượng *(paccaya),* y chỉ *(nissaya),* hỗn hợp, *(saṅsaṭṭha),* tương ưng *(sampayutta)* nên phân rộng ra (khi giảng dạy).

Phần Câu Đầu *(Pañhāvāra)*

1668.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Nhân duyên: Nhân phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1669.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Nhân duyên: Nhân phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1670.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Nhân duyên: Nhân *(hetu)* phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1671.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Nhân duyên:

- Nhân phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

1672.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Nhân duyên: Nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1673.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Nhân duyên: Nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1674.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Nhân duyên: Nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1675.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên: Thoả thích rất hân hoan ái, do đó mở mối *(ārabbha)* cho ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu phát sanh; thoả thích tà kiến mở mối cho hoài nghi, phóng dật và ưu...

Nên phân rộng như tam đề thiện *(kusalattika).*

1676.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên:

- Bực Thánh phản khán phiền não đã trừ, phiền não hạn chế, rõ thấu phiền não đã từng sanh. Quán ngộ uẩn phiền toái cảnh phiền não bằng vô thường, khổ não, vô ngã. tha tâm thông rõ tâm người khác hội hiệp tâm phiền toái cảnh phiền não.
- Bực hữu học hoặc phàm phu quán uẩn phiền toái cảnh phiền não bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã; vừa dứt tâm thiện thì tâm mót *(tadārammaṇa)* là quả phát sanh. Thoả thích hân hoan uẩn phiền toái cảnh phiền não nên ưu phát sanh, vừa dứt tâm bất thiện thì tâm mót *(tadārammaṇa)* là quả phát sanh. tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông, khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho những uẩn phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên.

1677.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán nhớ lại phước thiện đã từng tạo chứa trước kia. Sau khi xuất thiền rồi phản khán lại thiền.
- Bực Thánh phản khán (tâm) chuyển tộc *(gotrabhū)*, phản khán (tâm) dũ tịnh *(vedanā).* Quán ngộ nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc và vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Quán ngộ uẩn phi phiền toái cảnh phiền não bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ thấu Tánh người hội hiệp tâm phi phiền toái cảnh phiền não.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ;
- Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên *(Ārammaṇapaccayo).*
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Cảnh duyên... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên. chư uẩn phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông, khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1678.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi thỏa thích phước thiện từng tạo trước kia, rất hân hoan do đó khai đoan (mở mối) cho ái, tà kiến và ưu phát sanh.
- Xuất thiền thỏa thích thiền; thỏa thích nhãn... thỏa thích xúc...và vật. Hay thỏa thích rất hân hoan những uẩn phi phiền toái cảnh phiền não, do đó mở mối cho ái, ưu phát sanh.

1679.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cảnh duyên: Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả bằng Cảnh duyên.

1680.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên:

- Bực Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* và dũ tịnh *(vedanā)*, khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Tha tâm thông của bậc Thánh biết rõ tâm người hội hiệp bằng tâm phi phiền toái phi cảnh phiền não. Những uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông, khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1681.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh *(Ārammanādhipati)* như nặng chấp về ái rồi thỏa thích rất hân hoan, sau khi nặng đó ái, tà kiến phát sanh. Nặng về tà kiến rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó ái, tà kiến phát sanh.
- Trưởng đồng sanh *(Sahajātādhipati)* như: Trưởng phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1682.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1683.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1684.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

+ Trưởng cảnh *(Ārammanādhipati)* như sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng về đó sau mới phản khán nặng về phước thiện đã tạo chứa trước kia rồi phản khán. xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán.
  - Bực hữu học nặng về tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* rồi phản khán, nặng về tâm dũ tịnh *(vedanā)* rồi phản khán.

+ Trưởng đồng sanh *(Sahajātādhipati)* như: Trưởng phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1685.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, do nặng về đó rồi sau mới thỏa thích hân hoan, nặng về đó rồi ái, tà kiến phát sanh. Đã nặng về phước thiện đã làm chất chứa trước kia sau rồi mới thỏa thích rất hân hoan. xuất thiền rồi mới nặng về thiền sau mới thỏa thích rất hân hoan; nặng về nhãn rồi mới thỏa thích rất hân hoan; nặng về xúc... vật *(vatthu)*... và những uẩn phi phiền toái cảnh phiền não rồi mới thỏa thích rất hân hoan, do đã nặng về đó rồi nên ái, tà kiến mới phát sanh.

1686.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

Trưởng cảnh như: Níp bàn làm duyên cho đạo, quả bằng Trưởng duyên *(Adhipatipaccayo).*

1687.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Bậc Thánh *(Ariya)* xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán; nặng về quả rồi phản khán; nặng về Níp Bàn rồi phản khán; Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* hay dũ tịnh *(vedanā)* bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1688.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nươngTâm sanh bằng Trưởng duyên.

1689.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Vô gián duyên: Chư uẩn phiền toái cảnh phiền não sanh trước trước làm duyên cho các uẩn phiền toái cảnh phiền não sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1690.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Vô gián duyên: Chư uẩn phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

1691.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Vô gián duyên:

- Chư uẩn phi phiền toái cảnh phiền não sanh trước trước làm duyên cho các uẩn phi phiền toái cảnh phiền não sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū);* tâm thuận thứ làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vedanā);* tâm khán môn làm duyên cho các uẩn phi phiền toái cảnh phiền não bằng Vô gián duyên.

1692.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Vô gián duyên: Tâm khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho các uẩn phiền toái cảnh phiền não bằng Vô gián duyên.

1693.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Vô gián duyên: Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; tâm dũ tịnh *(vedanā)* làm duyên cho đạo; tâm thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền; khi xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1694.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Vô gián duyên:

- Chư uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Đạo làm duyên cho quả, quả làm duyên cho quả bằng Vô gián duyên.

1695.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Vô gián duyên: Quả làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

1696.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Hỗ tương duyên,... bằng Y chỉ duyên,... bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái quá mạnh có thể sát sanh cho đến phá hòa hợp Tăng; nương sân mạnh có thể sát sanh cho đến phá hòa hợp Tăng. Ái, vọng dục làm duyên cho ái, vọng dục bằng Cận y duyên.
- Sát sanh làm duyên cho sát sanh bằng Cận y duyên.
- Tà kiến nhứt định làm duyên cho tà kiến nhứt định bằng Thuần cận y duyên.

1697.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái quá mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới có thể thiền... quán... thông... cho đến phát sanh nhập thiền đặng.
- Nương vọng dục mạnh có thể bố thí cho đến nhập thiền phát sanh; ái... vọng dục, đức tin, làm duyên cho thân lạc thân khổ bằng Cận y duyên.
- Sát sanh rồi vì muốn hết tội nên bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới cho đến thiền phát sanh, thông phát sanh cho đến nhập thiền đặng.
- Phá hòa hợp Tăng vì muốn cho hết tội ấy nên bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới. Nghiệp bất thiện làm duyên cho dị thục quả bằng Cận y duyên.

1698.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cận y duyên:

Thuần cận y *(pakatūpanissaya)* như: Nương ái quá mạnh có thể làm cho đạo phát sanh, nhập thiền quả đặng. Nương sân... mong mỏi mạnh làm cho đạo phát sanh; nhập thiền quả đặng. Nương ái... và mong mỏi *((patthanā)* làm duyên cho đạo và nhập thiền quả bằng Cận y duyên.

1699.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y.

- Thuần cận y *(pakatūpanissaya)* như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí cho đến nhập thiền đặng, nương trì giới, đa văn, ái, trí, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... chỗ ở mạnh có thể bố thí;... phát sanh nhập thiền.
- Đức tin,... chỗ ở *(Senāsana)* làm duyên cho đức tin, thân lạc bằng Cận y duyên *(Upanissayapaccayo).*
- Nghiệp thiện làm duyên cho dị thục quả bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý sơ thiền làm duyên cho sơ thiền.
- Thức vô biên xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

1700.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y. Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể ngã mạn, tà kiến phát sanh. Hoặc trì giới... nương chỗ ở mạnh có thể sát sanh cho đến phá hòa hợp Tăng. Đức tin,... chỗ ở mạnh làm duyên cho ái, vọng dục bằng Cận y duyên.

1701.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Tâm chỉnh lý sơ đạo làm duyên cho sơ đạo... nhị đạo, tam đạo, tứ đạo bằng Cận y duyên.

1702.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo, nhị đạo làm duyên cho tam đạo, tam đạo làm duyên cho tứ đạo, tứ đạo làm duyên cho quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

1703.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Bậc Thánh nương đạo mạnh, thiền dù chưa từng sanh cũng nhập thiền đặng; quán hành vi vô thường, khổ não, vô ngã. Thánh đạo làm duyên cho nghĩa đạt thông *(atthapaṭisambhidā)*, pháp đạt thông *(dhammapaṭisambhidā)*, ngữ đạt thông *(niruttipatisambhidā)*, cấp trí đạt thông *(patibhāṇapaṭisambhidā)*, tri sở *(ṭhāna)* phi sở *(aṭhāna)* do Cận y duyên.
- Nhập thiền quả làm duyên cho thân lạc bằng Cận y duyên.

1704.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

+ Cảnh tiền sanh *(ārammaṇapurejāta)* như: Quán ngộ nhãn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã; quán ngộ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc và vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
  - Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
  - Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.

+ Vật tiền sanh *(vatthupurejāta)* như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
  - Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn phi phiền toái cảnh phiền não bằng Tiền sanh duyên.

1705.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Ưa mến rất thỏa thích nhãn đó khai đoan *(ārabbha)* cho ái hoặc ưu phát sanh; nhĩ... xúc... vật ưa mến rất thỏa thích do đó mở mối cho ái hoặc ưu sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn phiền toái cảnh phiền não bằng Tiền sanh duyên.

1706.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Tiền sanh duyên:

Như vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Tiền sanh duyên.

1707.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn phiền toái cảnh phiền não sanh sau làm duyên cho thân sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1708.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Những uẩn phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1709.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Hậu sanh duyên.

Hậu sanh như: Các uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho thân kia sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1710.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Cố hưởng duyên:

Chư uẩn phiền toái cảnh phiền não sanh trước trước làm duyên cho chư uẩn phiền toái cảnh phiền não sanh kế sau sau bằng Cố hưởng duyên *(āsevanapaccayo).*

1711.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cố hưởng duyên:

... trước trước... tâm thuận thứ làm duyên cho tâm chuyển tộc; tâm thuận thứ làm duyên cho tâm dũ tịnh bằng Cố hưởng duyên *(Āsevanapaccayo).*

1712.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cố hưởng duyên:

Chuyển tộc làm duyên cho đạo, dũ tịnh làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

1713.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Nghiệp duyên.

Tư phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên *(Kammapaccayo).*

1714.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1715.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Nghiệp duyên: Tư phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1716.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho các uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1717.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư *(cetanā)* phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho uẩn quả phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Nghiệp duyên.

1718.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Nghiệp duyên: Đồng sanh như: Tư phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1719.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Nghiệp duyên: Đồng sanh như: Tư phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1720.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Quả duyên:

- 1 uẩn quả phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Quả duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn. Chư uẩn làm duyên cho vật *(vatthu)* bằng Quả duyên.

1721.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Quả duyên: 1 uẩn quả phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.

1722.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Quả duyên: Chư uẩn quả phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.

1723.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên Cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Quả duyên: 1 uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên, 2 uẩn...

1724.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Thực duyên có 3 đề.

1725.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Thực duyên:

Thực phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh: Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Thực duyên.

1726.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Thực duyên có 3 đề.

1727.

∗ Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái phi cảnh phiền não bằng Quyền duyên có 3 đề.

∗ Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Quyền duyên:

Quyền *(indrīya)* phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh: nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức,... thân quyền làm duyên cho thân thức bằng Quyền duyên; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.

∗ Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não... có 3 đề.

1728.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Thiền duyên,... Đạo duyên,... Tương ưng duyên.

1729.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Chư uẩn phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như: Chư uẩn phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho thân kia sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1730.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Chư uẩn phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên. chư uẩn làm duyên cho vật *(vatthu)*. Vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh *(Purejāta)* như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức,... thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Bất tương ưng duyên. Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn phi phiền toái cảnh phiền não bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh *(Pachājāta)* như: Chư uẩn phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho thân kia sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1731.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Bất tương ưng duyên.

Tiền sanh *(Purejāta)* như: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn phiền toái cảnh phiền não bằng Bất tương ưng duyên.

1732.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Bất tương ưng duyên.

1733.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như: Uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho thân kia sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1734.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)* ...

1735.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Chư uẩn phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho thân kia sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1736.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

1737.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Thực và Quyền:

- 1 uẩn phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh... người Vô tưởng: 1 đại sung làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)*.
- Tiền sanh như: Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã. Quán ngộ nhĩ... thân, sắc, xúc... và vật *(vatthu)* bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.
- Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, …. Thân xứ làm duyên cho thân thức; vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn phi phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho thân kia sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Đoàn thực làm duyên cho thân kia sanh trước; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1738.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: thỏa thích rất hân hoan nhãn đó mở mối cho ái hoặc ưu sanh ra; thỏa thích vật... vật làm duyên cho uẩn phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên.

1739.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho các uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên.

1740.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

1741.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Chư uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho thân kia sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1742.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phi phiền não bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.

1743.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Chư uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)*.

- Hậu sanh như: Chư uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phi phiền toái cảnh phiền não và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1744.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn phi phiền toái phi cảnh phiền não và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

1745.

Pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn phiền toái cảnh phiền não và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

1746.

Pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn phiền toái cảnh phiền não và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phiền toái cảnh phiền não và đoàn thực làm duyên cho thân kia sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Chư uẩn phiền toái cảnh phiền não và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1747.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Vô hữu duyên... Ly duyên... Bất ly duyên.

1748.

Nhân 7, Cảnh 6, Trưởng 8, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 23, Cận y 3, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 4, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

1749.

Nhân duyên có Trưởng 4,... Đồng sanh 7, Hỗ tương 3, Y chỉ 7, Quả 4, Quyền 4, Đạo đều có 4, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu và Bất ly đều có 7.

1750.

- Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly 7.
- Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly 3.
- Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 3.
- Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 3,
- Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly 4,
- Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly 2,
- Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2,
- Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 2.
- Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly 12.

Xin phân rộng như tam đề thiện *(kusalattika)*

Dứt cách thuận tùng

1751.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên,... Đồng sanh duyên...Cận y duyên.

1752.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên,... Đồng sanh duyên,... Cận y duyên,... Hậu sanh duyên,... Nghiệp duyên.

1753.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cận y duyên

1754.

Pháp phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Đồng sanh duyên:

1755.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên,... Đồng sanh duyên,... Cận y duyên,... Tiền sanh duyên,... Hậu sanh duyên,... Nghiệp duyên,... Thực duyên,... Quyền duyên.

1756.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên,... Cận y duyên,... Tiền sanh duyên.

1757.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cận y duyên,... Tiền sanh duyên.

1758.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Đồng sanh duyên,... Cận y duyên.

1759.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cảnh duyên,... Đồng sanh duyên,... Cận y duyên,... Hậu sanh duyên.

1760.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não Đồng sanh duyên.

1761.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1762.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não có Đồng sanh và Tiền sanh.

1763.

Pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não có Đồng sanh và Tiền sanh.

1764.

Pháp phiền toái cảnh phiền não và pháp phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não bằng Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1765.

∗ Phi Nhân 14, phi Cảnh 14, phi Trưởng 14, phi Vô gián 14, phi Liên tiếp 14, phi Đồng sanh 10, phi Hỗ tương 10, phi Y chỉ 10, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 14, phi Cố hưởng, phi Nghiệp, phi Quả đều có 14, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo đều có 14, phi Tương ưng 10, phi Bất tương ưng 8, phi Hiện hữu 8, phi Vô hữu 14, phi Ly 14, phi Bất ly 8.

∗ Phi Nhân duyên có phi Cảnh 14,... tóm tắt...

Xin phân rộng ra như đối lập trong tam đề thiện

Dứt cách đối lập

1766.

∗ Nhân duyên có phi Cảnh 7,... phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp có 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y... phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền có 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

∗ Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 7,... tóm tắt...

Xin phân rộng như thuận tùng-đối lập như tam đề thiện.

Dứt cách thuận tùng, đối lập

1767.

∗ Phi Nhân duyên có Cảnh 6,... Trưởng 8, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 8, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Đạo 7, Quả 4, Thực, Quyền, Thiền, Đạo có 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

∗ Phi Nhân duyên và phi Cảnh duyên có Trưởng 7, tóm tắt...

Xin phân đếm rộng ra như đối lập, thuận tùng.

Dứt cách đối lập, thuận tùng

Dứt phần đề thứ 5: Phiền toái cảnh phiền não

Dứt cách thuận tùng vị trí

Hết quyển thứ nhứt của bộ Vị trí (Paṭṭhāna)

Hồi hướng và chia phước đến Tứ Đại Thiên Vương và tất cả chúng sanh, nhứt là các vị Chư thiên có oai lực hộ trì tạng Diệu Pháp đặng thạnh hành.

Phật diệt ngày 18-05-2520
(15-06-1976)
SAIGON-VIETNAM

QUYỂN THỨ HAI

TAM ĐỀ TẦM *(VITAKKATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ *(savitakka savicāra)*, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Tầm *(vitakka)* liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ.
- Sát-na tục sinh: Tầm liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh *(katattārūpa)* liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ.

2.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Tầm *(vitakka)* và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ.
- Sát-na tục sinh: Tầm và sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn.
- Sát na tục sinh: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn.

3.

Pháp hữu tầm hữu tứ, pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn với tầm và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn với tầm và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
- Sát na tục sinh: 3 uẩn với tầm và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn với tầm và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn.

4.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan với tầm.
- Sát na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan với tầm.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan với pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Tứ *(vicāra)* và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ *(Avitakka Vicāranatta);* sắc nương tâm sanh liên quan với tầm.
- Sát na tục sinh: Tứ *(vicāra)* và sắc tục sinh liên quan với uẩn vô tầm hữu tứ. Sát na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan với tầm *(vitakka)*

5.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan với pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Chư uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh liên quan với tầm.
- Sát na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc tục sinh liên quan với tầm.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan với pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn với tứ và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ, 2 uẩn với tứ và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
- Sát na tục sinh: 3 uẩn với tứ và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ, 2 uẩn với tứ và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn.

6.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn, sắc nương tâm sanh liên quan tứ.
- Sát na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn.
- Sát na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan tứ, vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; vật liên quan tứ, tứ liên quan vật; 3 sắc đại sung *(mahābhutarūpa)* liên quan 1 sắc đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Sát na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan vật.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tứ.
- Sát na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tứ. Sát na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan vật *(vatthu)*. Sát na tục sinh: Tầm liên quan vật.

7.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan vật; sắc tục sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

- Chư uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh liên quan tứ.
- Sát na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ và sắc tục sinh liên quan tứ *(vicāra)*.
- Sát na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan vật, sắc tục sinh liên quan sắc đại sung.
- Sát na tục sinh: Tâm *(vitakka)* liên quan vật, sắc tục sinh liên quan sắc đại sung.
- Sát na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)* liên quan vật *(vatthu)*.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm liên quan vật *(vatthu)*.

8.

Pháp hữu tầm hữu tứ, pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm liên quan vật *(vatthu)*, sắc tục sinh liên quan sắc đại sung.

9.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật *(vatthu)*, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát na tục sinh: Tầm liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và vật.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.
- Sát na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.

10.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật; 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật, sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát na tục sinh: Tầm liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và vật; sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát na tục sinh: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn và vật.

11.

Pháp hữu tầm hữu tứ, pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát na tục sinh: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn và vật, sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.

12.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

Sát-na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm và vật *(vatthu)*.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)*, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tứ.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tứ.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và tứ; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và sắc đại sung; sắc nương tâm sanh liên quan tầm và sắc đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)*.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và sắc đại sung *(mahābhūtarūpa)*.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan tầm và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Tứ sinh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và vật.

13.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Sát-na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm và vật; sắc tục sinh liên quan tầm và sắc đại sung.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ; 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn và tứ.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ; 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn và tứ *(vicāra)*.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và tứ liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật; 2 uẩn và tứ liên quan 2 uẩn và vật *(vatthu)*.

14.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tầm.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tầm.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:

- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm *(vitakka)*.

15.

Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm; 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn và tầm.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm; 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn và tầm.

16.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ, pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, với tầm và vật; 2 uẩn liên quan 2 uẩn với tầm và vật.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ, pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và sắc đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và sắc đại sung

17.

Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ, pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và vật; 1 uẩn liên quan 3 uẩn với tầm và vật; 2 uẩn liên quan 2 uẩn với tầm và vật.
- Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và sắc đại sung.

18.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên: Tầm liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ. Sát-na tục sinh...

19.

Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

20.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên:
Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên:
Tứ liên quan uẩn vô tầm hữu tứ. Sát-na tục sinh...

21.

Pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn và tứ liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ, 2 uẩn và tứ liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

22.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ và tầm, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: Chư uẩn liên quan vật *(vatthu)*, tứ *(vicāra)* liên quan vật.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên: Sát-na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan vật.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:
- Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tứ *(vicāra)*.
- Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tứ.
- Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan vật.
- Sát-na tục sinh: Tầm *(vitakka)* liên quan vật *(vatthu)*.

23.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên: Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu và tứ liên quan vật.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên: Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ và tầm liên quan vật *(vatthu)*.

24.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: Tầm liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và vật.

25.

Pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn và vật.

26.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tầm và vật *(vatthu)*.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tứ.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tứ.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: Tứ liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và vật.

27.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: 3 uẩn và tứ liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn và tứ liên quan 2 uẩn và vật *(vatthu)*.

28.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tầm.
- Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn với tầm và vật.

Trong 24 duyên, đã phân giải 2 duyên; những duyên còn lại cũng nên phân rộng ra như thế (trong khi giảng dạy)

29.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, uẩn liên quan vật.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Tầm liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ, vật Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ, uẩn Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh...

30.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:
- Tầm và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ; tầm liên quan vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn; vật Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

31.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

3 uẩn với tầm và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn với tầm và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn; uẩn với tầm liên quan vật Bất tương ưng duyên sắc nương tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

32.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ,... 2 uẩn liên quan 2 uẩn; vật Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm; uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên *(vippayuttaccayo)*. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Tứ *(vicāra)* và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ; tứ liên quan vật *(vatthu)* Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan tầm *(vitakka)* là tầm Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

33.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Chư uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh liên quan tầm; uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên; sắc tâm liên quan tầm Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

3 uẩn với tứ *(vicāra)* và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ, 2 uẩn với tứ và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn; uẩn với tứ liên quan vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh *(cittasamutthāra)* liên quan uẩn Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

34.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ,... 2 uẩn liên quan 2 uẩn;... uẩn liên quan vật *(vatthu)* do Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan tứ *(vicāra)* là tứ Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Sát tục sinh liên quan tứ *(vicāra)* là tứ Bất tương ưng duyên; vật liên quan uẩn; uẩn liên quan vật; uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên; vật liên quan uẩn do Bất tương ưng duyên. Vật liên quan *(vicāra)*, tứ liên quan vật; tứ liên quan vật Bất tương ưng duyên, vật liên quan tứ Bất tương ưng duyên. 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung, sắc nương tâm, sắc tục inh, sắc y sinh liên quan uẩn do Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Sát-na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan vật, vật Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

- Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tứ *(vicāra)*; vật Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tứ; vật Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan vật; là vật Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Tầm liên quan vật; là vật Bất tương ưng duyên *(vippayutta paccayo)*.

35.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Sát-na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan vật, sắc tục sinh liên quan sắc đại sung, uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

- Chư uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh liên quan tứ; uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan tứ do Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan và sắc tục sinh liên quan tứ, uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên. Sắc tục sinh liên quan tứ do Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ liên quan vật; sắc tục sinh liên quan sắc đại sung, uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên; sắc tục sinh liên quan tứ do Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Tầm *(vitakka)* liên quan vật; sắc tục sinh liên quan sắc đại sung; tầm liên quan vật do Bất tương ưng duyên, sắc tục sinh liên quan uẩn do Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ và tứ liên quan vật, uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ và tầm liên quan vật *(vatthu)*, vật do Bất tương ưng duyên.

36.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm hữu tứ và tầm liên quan vật *(vatthu)*, sắc tục sinh liên quan sắc đại sung, uẩn và tầm liên quan vật do Bất tương ưng duyên; sắc tục sinh liên quan uẩn và do Bất tương ưng duyên *(vippayuttaccayo)*.

37.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, vật Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...

Sát-na tục sinh: Tầm liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và vật. Tầm *(vitakka)* liên quan vật, do Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...

Sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung; sắc tầm liên quan uẩn do Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

38.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...

Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật. Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung; uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên; sắc tục sinh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
- Sát-na tục sinh: Tầm *(vitakka)* liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và vật *(vatthu)*, sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung; tầm liên quan vật do Bất tương ưng duyên *(vippayuttaccayo)*. Sắc tục sinh liên quan uẩn do Bất tương ưng duyên.
- Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật *(vatthu)*, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn và vật, vật Bất tương ưng duyên.

39.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...

Sát-na tục sinh: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn và vật, sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung; uẩn và tầm liên quan vật Bất tương ưng duyên; sắc tục sinh liên quan uẩn do Bất tương ưng duyên.

40.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...

Sát-na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm và vật, vật Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)*, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và tứ; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ với tứ và sắc đại sung; uẩn Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan tầm và đại sung *(mahābhūarūpa)*; sắc nương tâm sanh liên quan tầm do Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và tứ; sắc tục sinh liên quan uẩn và tứ *(vicāra)* do Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và sắc đại sung; sắc tục sinh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan tầm và sắc đại sung; sắc tục sinh liên quan tầm do Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và vật, tứ *(vicāra)* liên quan vật do Bất tương ưng duyên.

41.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Sát-na tục sinh: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm và vật; sắc tục sinh liên quan tầm và sắc đại sung; uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên. Sắc tục sinh liên quan tầm do Bất tương ưng duyên.

* Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
  - 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)*, uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn và tứ do Bất tương ưng duyên.
  - Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ; uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên. Sắc tục sinh liên quan uẩn và tứ *(vicāra)*, Bất tương ưng duyên.
  - Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật *(vatthu)*; sắc tục sinh liên quan 2 uẩn vô tầm hữu tứ và sắc đại sung; uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên; sắc tục sinh liên quan uẩn Bất tương ưng duyên.
  - Sát-na tục sinh: 3 uẩn và tứ liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật, 3 uẩn liên quan 2 uẩn... tứ *(vicāra)* liên quan vật do uẩn Bất tương ưng duyên.

42.

* Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...

  3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật *(vatthu)* Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn liên quan vật Bất tương ưng duyên.

* Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra...
  - Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm, sắc nương tâm sanh liên quan uẩn và tầm do Bất tương ưng duyên.
  - Sát-na tục sinh: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn và tầm do Bất tương ưng duyên.

43.

* Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra...
  - 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm *(vitakka)*;... 2 uẩn liên quan 2 uẩn,... uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn và tầm do Bất tương ưng duyên.
  - Sát-na tục sinh: Chư uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên; sắc tục sinh liên quan uẩn và tầm do Bất tương ưng duyên.

44.

* Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra...

  Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm *(vitakka)* và vật *(vatthu)*; 2 uẩn liên quan 2 uẩn... uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên.

* Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra...

  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và sắc đại sung; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn và tầm do Bất tương ưng duyên.

  Sát-na tục sinh: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn và tầm do Bất tương ưng duyên.

45.

* Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và vật; sắc tục sinh liên quan 2 uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và sắc đại sung; uẩn liên quan vật do Bất tương ưng duyên; sắc tục sinh liên quan uẩn và tầm do Bất tương ưng duyên

46.

Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Hiện hữu duyên,... tóm tắt, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên.

47.

∗ Nhân 37, Cảnh 21, Trưởng 23, Vô gián 21, Liên tiếp 21, Đồng sanh 37, Hỗ tương 28, Y chỉ 37, Cận y 21, Tiền sanh 11, Cố hưởng 11, Nghiệp 37, Quả 37, Thực, Quyền, Thiền, Đạo có 37, Tương ưng 21, Bất tương ưng 37, Hiện hữu 37, Vô hữu 21, Ly 21, Bất ly 37.

∗ Nhân duyên có Cảnh 21, tóm tắt.

Nên phân đến như tam đề thiện *(kusalattika)*

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

48.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Tầm *(vitakka)* liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân...

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân...

49.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân. 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh vô nhân...

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Tầm *(vitakka)* và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân; sát-na tục sinh vô nhân...

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân; 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh vô nhân...

50.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn với tầm và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân...

51.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

- Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm *(vitakka)* vô nhân.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm, si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan tầm đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan tầm vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân. Sắc tục sinh liên quan tầm.

52.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Chư uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh liên quan tầm vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc tục sinh liên quan tầm.

53.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ vô Nhân, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn, 3 sắc đại sung liên quan 1 sắc đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan sắc đại sung... liên quan 1 sắc đại sung ngoại, vật thực, âm dương, vô tưởng. Sắc tục sinh và sắc y sinh liên quan đến sắc đại sung.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan vật.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Tầm *(vitakka)* liên quan vật *(vatthu)*.

54.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan vật, sắc tục sinh liên quan sắc đại sung.

55.

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Tầm liên quan vật, sắc tục sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm liên quan vật *(vatthu)*.

56.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, và vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm liên quan vật, sắc tục sinh liên quan sắc đại sung.

57.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật *(vatthu)*, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sát-na tục sinh vô nhân: Tầm liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và vật *(vatthu)*.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân và sắc đại sung. Sát-na tục sinh vô nhân. Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.

58.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và vật; sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sát-na tục sinh vô nhân: Tầm liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn và vật.

59.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn và vật, sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.

60.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm và vật.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan tầm vô nhân và sắc đại sung. Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh liên quan tầm và đại sung.

61.

Pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm và vật, sắc tục sinh liên quan tầm và đại sung.

62.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân và tầm, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tầm. Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm; 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tầm.

- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và tầm.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân và tầm *(vitakka)*. Sát-na tục sinh vô nhân...

63.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân và tầm, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn và tầm. Sát-na tục sinh vô nhân...

64.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn với tầm và vật.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ vô nhân với tầm và sắc đại sung. Sát-na tục sinh vô nhân...

65.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và vật, 2 uẩn liên quan 2 uẩn với tầm và vật. Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và sắc đại sung.

66.

Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ.

67.

Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ; sắc nương tâm sanh liên quan tầm. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan tầm.

68.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm vô tứ; sắc nương tâm sanh liên quan tứ. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn vô tầm vô tứ; sắc tục sinh liên quan tứ; vật liên quan uẩn;... liên quan sắc đại sung.

∗ ... liên quan 1 sắc đại sung thuộc sắc ngoại, vật thực, âm dương và vô tưởng.

69.

Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và đại sung. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc đại sung.

70.

Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Cảnh duyên:

- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và tứ; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và sắc đại sung; sắc nương tâm sanh liên quan tầm và sắc đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)*, sắc tục sinh...

71.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm. Sát-na tục sinh...

72.

Pháp vô tầm vô tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và và sắc đại sung. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh...

73.

Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Trưởng duyên có 7 câu.

74.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng vô tầm hữu tứ liên quan uẩn vô tầm hữu tứ, 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Trưởng duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Trưởng duyên:

Tứ và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ quả *(vipāka)*.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Trưởng duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh liên quan tầm.

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Trưởng duyên:

3 uẩn với tứ và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ quả.

75.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng vô tầm vô tứ liên quan uẩn vô tầm vô tứ; 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ quả.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Trưởng duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan vật.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng *(adhipati)* vô tầm hữu tứ liên quan tứ; uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tứ *(vicāra)* quả *(vipāka)*.

* ... Liên quan pháp vô tầm vô tứ có 7 câu.

76.

* ... Liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ... tóm tắt...
* Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra...
* Pháp vô tầm hữu tứ... sanh ra do phi Trưởng duyên:
  Trưởng vô tầm hữu tứ liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và tứ;... liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ quả và tứ, tóm tắt.

77.

Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên.

Cũng như phi Cảnh duyên.

78.

Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên có 7 câu.

79.

* Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên...
  ... liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ nơi Vô sắc.
* Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm *(vitakka)* Vô sắc sát-na tục sinh...
* Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Tứ *(vicāra)* liên quan uẩn vô tầm hữu tứ Vô sắc; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm hữu tứ, sắc nương tâm sanh liên quan tầm. Sát-na tục sinh...
* Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc tục sinh liên quan tầm *(vitakka)*.
* Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  3 uẩn và tứ liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ nơi Vô sắc. Sát-na tục sinh...

80.

* Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên...
  3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ nơi Vô sắc. Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô tầm vô tứ, sắc nương tâm sanh liên quan tứ *(vicāra)*. Sát-na tục sinh...
* Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan vật.
* Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tứ nơi Vô sắc. Sát-na tục sinh... tóm tắt...

81.

* ... Liên quan pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm vô tứ... có 7 câu
* Pháp vô tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ nơi Vô sắc. Sát-na tục sinh... tóm tắt...

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra... tóm tắt...

Sát-na tục sinh: Trong phần phi Tiền sanh căn về phần chót *(suddhika)* nói với cõi Vô sắc ra sao, thì ở đây nói về Vô sắc như thế đó.

∗ ... Phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên.

82.

Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Cố hưởng duyên:

... liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ quả *(vipāka)*, tóm tắt...

83.

Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Cố hưởng duyên:

... liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ quả *(vipāka)*, tóm tắt...

84.

Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ.

85.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* vô tầm hữu tứ liên quan uẩn vô tầm hữu tứ.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ liên quan tầm *(vitakka)*.

86.

∗ Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* vô tầm vô tứ liên quan uẩn vô tầm vô tứ,... liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* vô tầm hữu tứ liên quan tứ *(vicāra)*.

87.

Pháp vô tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* vô tầm hữu tứ liên quan uẩn vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)*.

88.

Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm *(vitakka)*.

89.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và sanh ra do phi Quả duyên,... phi Thực duyên...

Sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương...

∗ ... Do phi Quyền duyên...

Sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... sắc mạng quyền liên quan sắc đại sung.

∗ ... Do phi Thiền duyên...

... liên quan 1 uẩn đồng sanh ngũ thức *(viññāna)*... sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương... và Vô tưởng.

Nên sắp trong phần phi Cố hưởng căn đem lại vô tầm hữu tứ đồng sanh với quả như phi Tiền sanh.

Một nữa, nên trình bày vô tầm hữu tứ hiệp với quả vô tầm hữu tứ.

* ... Phi Đạo duyên,... phi Tương ưng duyên...

90.

* ... Phi Bất tương ưng duyên...

3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ nơi Vô sắc. 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

* Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

Tầm *(vitakka)* liên quan uẩn hữu tầm hữu tứ nơi Vô sắc.

* Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ nơi Vô sắc, 2 uẩn và tầm liên quan 2 uẩn.

91.

* Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ nơi Vô sắc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

* Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

Chư uẩn hữu tầm hữu tứ liên quan tầm nơi Vô sắc.

* Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

Tứ *(vicāra)* liên quan uẩn vô tầm hữu tứ nơi Vô sắc.

* Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

3 uẩn và tứ *(vicāra)* liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ nơi Vô sắc. 2 uẩn và tứ liên quan 2 uẩn.

92.

* Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm vô tứ nơi Vô sắc. 2 uẩn liên quan 2 uẩn;... liên quan 1 sắc đại sung thuộc sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương và sắc Vô tưởng.

* Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ liên quan tứ nơi Vô sắc.

93.

Pháp vô tầm hữu tứ liên quan chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ nơi Vô sắc. 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tứ *(vicāra)*.

94.

Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm nơi Vô sắc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và tầm.

95.

Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi hữu duyên, phi Ly duyên:

96.

Phi Nhân 33, phi Cảnh 7, phi Trưởng 37, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 7, phi Cận 7, phi Tiền sanh 37, phi Hậu sanh 37, phi Cố hưởng 37, phi Nghiệp 7, phi Quả 20, phi Thực 1, phi Quyền1, phi Thiền 1, phi Đạo có 33, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 11, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

Đếm theo đối lập trong tam đề thiện *(kusalattika)*.

Dứt cách đối lập

97.

Nhân duyên có phi Cảnh 7, tóm tắt;...

Phân đếm thuận tùng-đối lập như trong tam đề thiện.

98.

Phi Nhân duyên có Cảnh 14, tóm tắt;...

Nên phân đếm đối lập, thuận tùng như trong tam đề thiện.

Dứt phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(sahajāta)* phân chia như phần liên quan.

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

99.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu tầm hữu tứ, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn... có 7 câu.

∗ ... Nhờ cậy pháp vô tầm hữu tứ... có 5 phần, cũng như phần liên quan.

100.

∗ Pháp vô tầm vô tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô tầm vô tứ, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn. Sắc nương tâm sanh nhờ cậy tứ *(vicāra)*, sát-na tục sinh: Chư uẩn vô tầm vô tứ nhờ cậy vật *(vatthu)*, tứ *(vicāra)* nhờ vậy vật.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ sanh ra...
Uẩn hữu tầm hữu tứ nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm hữu tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ...
Uẩn vô tầm hữu tứ nhờ cậy tứ *(vicāra)*, uẩn vô tầm hữu tứ nhờ cậy vật *(vatthu)*; tầm *(vitakka)* nhờ cậy vật *(vatthu)*. Sát-na tục sinh...

101.

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ sanh ra...
Uẩn hữu tầm hữu tứ nhờ cậy vật *(vatthu)*; sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ...
Uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh nhờ cậy tứ. Uẩn vô tầm hữu tứ nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung; tầm nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung; uẩn vô tầm hữu tứ và tứ nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ...
Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm *(vitakka)* nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ, vô tầm vô tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ...

Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung. Sát-na tục sinh...

102.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật,... 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm hữu tứ nhờ cậy chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
Nên sắp theo sát-na tục sinh hiện hành tỷ như ban sơ trong 7 câu đầu.

103.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
Uẩn hữu tầm hữu tứ nhờ cậy tầm và vật. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm hữu tứ nhờ cậy pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ, 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật.

∗ Pháp vô tầm vô tứ nhờ cậy chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra...
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn vô tầm hữu tứ và tứ.
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn vô tầm hữu tứ và đại sung.
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy tầm và sắc đại sung.
- Tứ nhờ cậy uẩn vô tầm hữu tứ và vật *(vatthu)*.
- Sát-na tục sinh: Cũng có 4 câu như thế.

104.

∗ Chư Pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ nhờ cậy chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra...
Uẩn hữu tầm hữu tứ nhờ cậy tầm và vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy tầm và sắc đại sung. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ nhờ cậy chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra...
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ; 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn vô tầm hữu tứ và sắc đại sung; 3 uẩn và tứ nhờ cậy 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật *(vatthu)*.
- Sát-na tục sinh:... 3 uẩn...
Hai duyên hợp trợ ngoài ra về bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisandhi)* nên phân rộng.

Dứt phần Nhân duyên (Hetupaccayo)

Người trí biết Nhân duyên nên nhân rộng phần ỷ trượng *(paccayavāra)* cũng như cách đếm phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Trưởng duyên có 37, Tiền sanh duyên và Cố hưởng duyên có 21. Đây là sự khác lạ.

105.

Trong vị trí nghịch (*paccanīya pathāna)* phi Nhân duyên có 33 câu. Nên rút cả 7 si trong 7 vị trí *(ṭhāna)*.
- Chỉ câu căn *(mūla)* trong phi Cảnh nên bớt cả 7 câu có sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)*.
- Phần hữu tầm hữu tứ căn *(mūla)* có 7 câu, nên sắp phi Trưởng.

106.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ nhờ cậy pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng vô tầm hữu tứ nhờ cậy uẩn vô tầm hữu tứ, 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô tầm hữu tứ quả. Sát-na tục sinh...

∗ ... Nhờ cậy pháp vô tầm hữu tứ... nên sắp cả 5 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

107.

∗ Pháp vô tầm vô tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ sanh ra...
- Trưởng vô tầm vô tứ nhờ cậy uẩn vô tầm vô tứ, 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn quả vô tầm vô tứ; sắc nương tâm sanh nhờ cậy tứ thuộc về quả.
- Sát-na tục sinh: Trưởng vô tầm vô tứ nhờ cậy vật *(vatthu)*.
- Uẩn quả vô tầm vô tứ và tứ nhờ cậy vật...

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ sanh ra...
Trưởng uẩn hữu tầm hữu tứ nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm hữu tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ...
- Trưởng vô tầm hữu tứ nhờ cậy tứ; Trưởng vô tầm hữu tứ nhờ cậy vật.
- Uẩn vô tầm hữu tứ nhờ cậy tứ thuộc quả *(vipāka)*. Uẩn quả vô tầm hữu tứ nhờ cậy vật.
- Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ...
Uẩn hữu tầm hữu tứ nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ...
- Uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh nhờ cậy tứ thuộc quả *(vipāka)*..
- Uẩn quả vô tầm vô tứ và tứ nhờ cậy vật
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung;
- Uẩn quả vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)* nhờ cậy vật.
- Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ...
- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh...
- Ban đầu hiệp trợ đầy đủ *(pathamagh tanaya sampunhā)*

108.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra...
Uẩn hữu tầm hữu tứ nhờ cậy tầm và vật. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm hữu tứ nhờ cậy pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra...
- Trưởng vô tầm hữu tứ nhờ cậy uẩn vô tầm hữu tứ và tứ.
- Trưởng vô tầm hữu tứ nhờ cậy uẩn vô tầm hữu tứ và vật.
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)*.
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả vô tầm hữu tứ và vật *(vatthu)*.
- Sát-na tục sinh... Nên sắp 5 câu đề.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ đến đoạn nào thì nên sắp quả *(vipāka)* đến chỗ ấy.
- Sắp phi Trưởng căn có 37 câu.
- Phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y đều có 7 câu.
- Phi Tiền sanh có 37 câu, như phần liên quan nghịch *(pacacan ya)*.
- Phi Hậu sanh có 37 câu, phi Cố hưởng cũng như thế.

- Vô tầm hữu tứ *(avitakkavicāramatta)* sắp đến đoạn nào, thì quả *(vipāka)* cũng nên sắp đến chỗ ấy như thế.

109.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ nhờ cậy uẩn hữu tầm hữu tứ.

∗ ... Nhờ cậy pháp vô tầm hữu tứ...
- Tư *(cetanā)* vô tầm hữu tứ...
- Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ...

∗ ... Nhờ cậy pháp vô tầm vô tứ...
Tư *(cetanā)* vô tầm vô tứ...
Nên sắp chi đầy đủ.

∗ ... Pháp hữu tầm hữu tứ...
Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ nhờ cậy vật,...

∗ ... Pháp vô tầm hữu tứ...
Tư vô tầm hữu tứ nhờ cậy tứ *(vicāra)*, tư vô tầm hữu tứ nhờ cậy vật.

110.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ nhờ cậy uẩn hữu tầm hữu tứ và vật.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
Tư hữu tầm hữu tứ nhờ cậy tầm và vật *(vatthu)*.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ nhờ cậy chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
- Tư vô tầm hữu tứ nhờ cậy uẩn vô tầm hữu tứ và tứ.
- Tư vô tầm hữu tứ nhờ cậy uẩn vô tầm hữu tứ và vật.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ...
Tư hữu tầm hữu tứ nhờ cậy uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm.

111.

Pháp hữu tầm hữu tứ nhờ cậy chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư hữu tầm hữu tứ nhờ cậy uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và vật.

112.

Nên sắp phi Quả có 37 câu;
Phi Thực duyên, phi Quyền duyên, Phi Thiền duyên, phi Đạo duyên, phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên; nên sắp rộng.

113.

Phi Nhân 33 (câu), phi Cảnh 7, phi Trưởng 37, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y có 7; phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng có 37; phi Nghiệp 11, phi Quả 37, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo có 33, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 11, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

Dứt phần ỷ trượng (pacayavāra)

Dù y chỉ *(nissayavāra)* cũng không khác chi.

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

114.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ hòa hợp pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp *(saṅsaṭṭha)* 1 uẩn hữu tầm hữu tứ,... 2 uẩn hòa hợp 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm hữu tứ hòa hợp pháp hữu tầm hữu tứ...
Tầm *(vitakka)* hòa hợp uẩn hữu tầm hữu tứ. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ hòa hợp pháp hữu tầm hữu tứ...
3 uẩn và tầm hòa hợp 1 uẩn hữu tầm hữu tứ,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

115.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ hòa hợp pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô tầm hữu tứ,... 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ hòa hợp pháp vô tầm hữu tứ...
Uẩn hữu tầm hữu tứ hòa hợp với tầm. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm vô tứ hòa hợp pháp vô tầm hữu tứ...
Tứ *(vicāra)* hòa hợp uẩn vô tầm hữu tứ. Sát-na tục sinh: Tứ hòa hợp uẩn vô tầm hữu tứ

∗ Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ hòa hợp pháp vô tầm hữu tứ...
3 uẩn và tứ hòa hợp 1 uẩn vô tầm hữu tứ,... 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm vô tứ hòa hợp pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô tầm vô tứ,... hòa hợp 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm hữu tứ hòa hợp pháp vô tầm vô tứ...
Uẩn vô tầm hữu tứ hòa hợp tứ. Sát-na tục sinh... hòa hợp tứ *(vicāra)*.

∗ Pháp vô tầm hữu tứ hòa hợp chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ...
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ, 2 uẩn hòa hợp 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ hòa hợp chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm,... 2 uẩn và tầm. Sát-na tục sinh...
Người biết nên sắp phần ỷ trượng về Nhân duyên cho rộng.

116.

Nhân 11, Cảnh, Trưởng, Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Cố hưởng, Nghiệp, Quả, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng, Bất tương ưng, Hiệu hữu, Vô hữu, Ly, Bất ly đều có 11.

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

Trí thức nên phân đếm ngược *(paccanīya)*.

117.

Phi nhân 6, phi Trưởng 11, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 11, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 7, phi Quả 11, phi Thiền 1, phi Đạo 6, phi Bất tương ưng 11.

Dứt phần ngược (paccanīya)

Hai phần ngoài ra nên nhân rộng như thế này,... cho đến phần tương ưng *(sampayutta vāra)* nên phân rộng luôn.

Dứt phần hỗn hợp (saṅsaṭṭhavāra)

Phần Nhân Đề *(Pañhāvāra)*

118.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* hữu tầm hữu tứ *(savitakka savicāra)* làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

119.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Nhân duyên:

Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

120.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Nhân duyên:

- Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

121.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Nhân duyên:

- Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

122.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Nhân duyên:

- Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

123.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm và vô tầm hữu tứ bằng Nhân duyên:

- Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và tầm bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và tầm bằng Nhân duyên.

124.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Nhân duyên:

- Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng với tầm và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng với tầm và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

125.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Nhân duyên:

Nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

126.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Nhân duyên:

Nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

127.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Nhân duyên:

- Nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng với tứ *(vicāra)* và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân vô tầm hữu tứ làm duyên uẩn tương ưng với tứ và và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

128.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Nhân duyên:

Nhân vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

129.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyên giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nhớ lại; nhớ thiện đã làm chứa để trước kia.
- Sau khi xuất thiền hữu tầm hữu tứ... xuất đạo, xuất quả phản khán quả.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não đã hạn chế, biết rõ phiền não đã từng sanh. Quán ngộ uẩn hữu tầm hữu tứ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu phát sanh. Uẩn hữu tầm hữu tứ khai đoan uẩn hữu tầm hữu tứ sanh ra.

130.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyên giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nhớ lại, do đó khai đoan cho tầm phát sanh.
- Nhớ thiện từng làm chứa để trước kia; xuất thiền hữu tầm hữu tứ,... xuất đạo... xuất quả rồi phản khán quả,... do đó mở mối cho tầm sanh ra.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não đã hạn chế, biết rõ phiền não đã từng sanh. Quán ngộ uẩn hữu tầm hữu tứ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan tầm phát sanh. Uẩn hữu tầm hữu tứ mở mối cho tầm sanh ra.

131.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên:

Tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn tâm hữu tầm hữu tứ, uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên. Uẩn hữu tầm hữu tứ mở mối cho uẩn vô tầm vô tứ sanh ra.

132.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nhớ lại, do đó khai đoan cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra. Nhớ thiện từng làm chứa để trước kia.
- Xuất thiền hữu tầm hữu tứ,... đạo,... quả rồi phản khán quả, do đó mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.

- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ, phiền não hạn chế, biết rõ phiền não đã từng sanh trước kia.
- Quán ngộ uẩn hữu tầm hữu tứ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm phát sanh.
- Uẩn hữu tầm hữu tứ mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.

133.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ sanh ra bằng Cảnh duyên:
- Xuất thiền vô tầm hữu tứ, đạo... quả rồi phản khán quả, do đó khai đoan tầm sanh ra.
- Quán ngộ uẩn vô tầm hữu tứ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tầm phát sanh.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm khai đoan cho tầm sanh ra.

134.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:
- Xuất thiền vô tầm hữu tứ, đạo... quả rồi phản khán quả... do đó mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh ra.
- Quán ngộ uẩn vô tầm hữu tứ và tầm bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái phát sanh,... ưu sanh ra.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm khai đoan uẩn hữu tầm hữu tứ sanh ra.

135.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên:
- Tha tâm thông biết lòng người tề toàn tâm vô tầm hữu tứ, uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm mở mối cho uẩn vô tầm vô tứ sanh ra.

136.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:
- Xuất thiền vô tầm hữu tứ, đạo... quả rồi phản khán quả... do đó mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.
- Quán ngộ uẩn vô tầm hữu tứ và tầm bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh ra.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.

137.

- Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên:
- Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả vô tầm vô tứ và tứ *(vacāra)* bằng Cảnh duyên.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Tha tâm thông biết lòng người tề toàn tâm vô tầm vô tứ.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ; Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
- Sắc xứ làm duyên cho nhân thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.
- Uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.
- Uẩn vô tầm vô tứ và tứ mở mối cho uẩn vô tầm vô tứ sanh ra.

138.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh xuất thiền vô tầm vô tứ... đạo... xuất quả rồi phản khán quả... do đó khai đoan cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh ra.
- Chư Thánh phản khán Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)* và đạo, quả hữu tầm hữu tứ, khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Quán ngộ nhãn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan cho ái, ưu phát sanh... quán ngộ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật và uẩn vô tầm vô tứ và tứ *(vacāra)* bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan cho ái, ưu phát sanh.
- Uẩn vô tầm vô tứ và tứ mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh ra.

139.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh xuất thiền vô tầm vô tứ... đạo... quả... phản khán quả... do đó khai đoan tầm phát sanh.
- Chư Thánh phản khán Níp Bàn thì Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả vô tầm hữu tứ và tầm bằng Cảnh duyên.
- Quán ngộ nhãn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã... vật *(vatthu)*... quán ngộ uẩn vô tầm vô tứ và tứ *(vicāra)* bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tầm phát sanh.
- Uẩn vô tầm vô tứ và tứ mở mối cho tầm sanh ra.

140.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên:

Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả vô tầm hữu tứ và tứ bằng Cảnh duyên.

141.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh xuất thiền vô tầm vô tứ... đạo... xuất quả rồi phản khán quả do đó khai đoan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm *(vitakka)* phát sanh.
- Chư Thánh phản khán Níp Bàn nên Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)* và tầm, Đạo hữu tầm hữu tứ và tầm, quả hữu tầm hữu tứ và tầm, khán môn và tầm bằng Cảnh duyên.
- Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã do đó mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra. Nhĩ,... xúc... vật... quán ngộ uẩn vô tầm vô tứ và tứ *(vicāra)* bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã do đó mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.

142.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh ra.

143.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ mở mối cho tầm sanh ra.

144.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên:

- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, Tuỳ nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ mở mối cho uẩn vô tầm vô tứ sanh ra.

145.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ khai đoan cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.

146.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh ra.

147.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm mở mối cho tầm sanh ra.

148.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, Tuỳ nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.
- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm khai đoan cho uẩn vô tầm vô tứ sanh ra.

149.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm mở mối cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.

150.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh *(Ārammanādhipati)* như; sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng chấp về đó mới phản khán; nặng về phước thiện đã làm chứa để trước kia rồi nhớ lại. xuất thiền hữu tầm hữu tứ,... đạo,... quả rồi nặng về quả rồi mới phản khán.
- Nặng về uẩn hữu tầm hữu tứ rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng chấp đó mới làm cho ái phát, tà kiến sanh.
- Trưởng đồng sanh *(Sahajātādhipati)* như: Trưởng hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

151.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như; sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng chấp về đó mới phản khán lại, do nặng chấp đó làm cho tầm phát sanh.
- Nặng về thiện đã làm chứa để rồi nhớ lại: Xuất thiền hữu tầm hữu tứ, xuất đạo... xuất quả... Nặng về quả rồi mới phản khán do nặng đó làm cho tầm phát sanh.
- Nặng về uẩn hữu tầm hữu tứ rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng chấp đó mới làm cho tầm phát sanh.

- Trưởng đồng sanh *(Sahajātādhipati)* như Trưởng hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm bằng Trưởng duyên.

152.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

153.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

154.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như Trưởng hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

155.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như; sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi mới nặng chấp làm cho nhớ lại; do nặng đó rồi uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm phát sanh.
- Nặng về thiện đã làm chứa để rồi phản khán: Xuất thiền hữu tầm hữu tứ, đạo... quả... Nặng về quả rồi mới phản khán do nặng đó mới làm cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm phát sanh.
- Nặng về uẩn hữu tầm hữu tứ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó mới làm cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như Trưởng hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và tầm bằng Trưởng duyên.

156.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như Trưởng hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng với tầm và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

157.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Xuất thiền vô tầm hữu tứ, đạo... quả... Nặng về quả rồi mới phản khán, do nặng đó mới làm cho và tầm phát sanh.

  Nặng về uẩn vô tầm hữu tứ và tầm rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng đó mới làm cho tầm phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như Trưởng vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

158.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như xuất thiền vô tầm hữu tứ, đạo... quả; nặng về quả rồi mới phản khán, do nặng đó mới làm cho uẩn hữu tầm hữu tứ phát sanh.

- Nặng về uẩn vô tầm hữu tứ và tầm rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng chấp đó mới làm cho ái phát, tà kiến sanh.

159.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh: Như Trưởng vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

160.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho những pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng với tứ và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

161.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như xuất thiền vô tầm hữu tứ,... đạo... quả; nặng về quả rồi mới phản khán. Do nặng đó mới làm cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.
- Nặng về uẩn vô tầm hữu tứ và tầm rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó mới làm cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.

162.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả vô tầm vô tứ và tứ bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

163.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

+ Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất thiền vô tầm vô tứ... đạo... xuất quả... Nặng về quả rồi mới phản khán, do nặng đó làm cho uẩn hữu tầm hữu tứ phát sanh.
  - Chư Thánh nặng về Níp Bàn rồi phản khán, nên Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū),* dũ tịnh *(vodanā)* và đạo quả hữu tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên.
  - Nặng về nhãn rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó mới làm cho ái sanh, tà kiến phát.
  - Nặng về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật và uẩn vô tầm vô tứ và tứ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng chấp đó rồi ái sanh, tà kiến phát.

164.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

+ Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất thiền vô tầm vô tứ... đạo... xuất quả... Nặng về quả rồi mới phản khán, do nặng đó làm cho tầm phát sanh.
  - Chư Thánh nặng về Níp Bàn rồi phản khán thì Níp Bàn làm duyên cho đạo quả vô tầm hữu tứ và tầm bằng Trưởng duyên.
  - Nặng về nhãn,... Vật...; nặng về uẩn vô tầm vô tứ và tứ rồi mới thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho tầm phát sanh.

165.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như Níp Bàn làm duyên cho đạo quả vô tầm hữu tứ và tầm bằng Trưởng duyên.

166.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

+ Trưởng cảnh như chư Thánh xuất thiền vô tầm vô tứ... đạo... Quả, nặng về quả rồi phản khán, do nặng chấp đó làm cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.
  - Chư Thánh nặng về Níp Bàn rồi phản khán thì Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū),* dũ tịnh *(vodanā)* và tầm;
  - Đạo hữu tầm hữu tứ và tầm, quả hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Trưởng duyên.
  - Nặng về nhãn... tóm tắt,... Vật, nặng về uẩn vô tầm vô tứ và tứ rồi mới thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó mới làm cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.

167.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn vô tầm hữu tứ và tứ rồi làm cho uẩn hữu tầm hữu tứ phát sanh.

168.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn vô tầm hữu tứ và tứ rồi làm duyên cho tầm phát sanh.

169.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như nặng về uẩn vô tầm hữu tứ và tứ rồi làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm phát sanh.

170.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như nặng về uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ phát sanh.

171.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như nặng về uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho tầm phát sanh.

172.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như nặng về uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm rồi làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm phát sanh.

173.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh ; tâm chuyển tộc làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ.

- Tâm dũ tịnh làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ, tâm đạo hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tâm quả hữu tầm hữu tứ; tâm quả hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tâm quả hữu tầm hữu tứ, tâm thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên *(Anantarapaccayo)*.

174.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử *(cuti)* hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* vô tầm vô tứ.
- Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô tầm hữu tứ và tầm.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* của thiền vô tầm hữu tứ làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ.
- Tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.

175.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên:

- Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho ngũ thức *(viññāṇa)* bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* vô tầm vô tứ và tứ *(vicāra)* bằng Vô gián duyên.
- Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý nhị thiền làm duyên cho nhị thiền và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* tam thiền,... tâm chỉnh lý tứ thiền... tâm chỉnh lý Không vô biên xứ... tâm chỉnh lý Thức vô biên xứ... tâm chỉnh lý Vô sở hữu xứ... tâm chỉnh lý Phi tưởng phi phi tưởng xứ... tâm chỉnh lý thiên nhãn... tâm chỉnh lý thiên nhĩ... tâm chỉnh lý thần thông... tâm chỉnh lý tha tâm thông,... tâm chỉnh lý túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông...
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.

176.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.
- Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* của thiền vô tầm hữu tứ làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ và tứ; tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo vô tầm và tứ; tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.

177.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ sanh trước trước, làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* và tầm; tâm thuận thứ làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm; tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ và tầm; tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ và tầm; đạo hữu tầm hữu tứ làm duyên cho quả hữu tầm hữu tứ và tầm; quả hữu tầm hữu tứ làm duyên cho quả hữu tầm hữu tứ và tầm; tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả nhập thiền hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.

178.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Tầm sanh trước trước làm duyên cho tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ sanh trước trước, làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Đạo vô tầm hữu tứ làm duyên cho quả vô tầm hữu tứ; quả vô tầm hữu tứ làm duyên cho quả vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.

179.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử *(cuti)* vô tầm hữu tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatti)* hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* vô tầm hữu tứ làm duyên cho tâm khán môn *(āvajjana)* bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.

180.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn vô tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.

181.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn vô tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Đạo vô tầm hữu tứ làm duyên cho quả vô tầm hữu tứ và tứ; quả vô tầm hữu tứ làm duyên cho quả vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.

182.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Tầm *(vitakka)* sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử vô tầm hữu tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* vô tầm hữu tứ làm duyên cho khán môn *(āvajjana)* và tầm bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.

183.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên.

- Tứ *(vicāra)* sanh trước trước làm duyên cho tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm vô tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm vô tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Đạo vô tầm vô tứ làm duyên cho quả vô tầm vô tứ; quả vô tầm vô tứ làm duyên cho quả vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên.
- Khi xuất thiền diệt Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.

184.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

Tâm tử *(cuti)* vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.

- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* vô tầm vô tứ và tứ làm duyên cho tâm khán môn *(āvajjana)* bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm vô tứ và tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.
- Xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.

185.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Tứ *(vicāra)* sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử *(cuti)* vô tầm vô tứ và tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* vô tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm vô tứ và tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.
- Xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.

186.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử *(cuti)* vô tầm vô tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.

187.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử *(cuti)* vô tầm vô tứ và tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp vô tầm vô tứ và tứ làm duyên cho khán môn và tầm bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm vô tứ và tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.
- Xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.

188.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử *(cuti)* vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatti)* hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho tâm khán môn bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.

189.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Đạo vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho quả vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.
- Quả vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho quả vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.

190.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh trước trước làm duyên cho tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatti)* vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên.

191.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Đạo vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho quả vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Quả vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho quả vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.

192.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho tâm sanh *(upapatti)* hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho khán môn *(āvajjana)* và tầm bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.

193.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* và tầm làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*; tâm thuận thứ và tầm làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; tâm chuyển tộc và tầm làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ; tâm dũ tịnh và tầm làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ; đạo hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho quả hữu tầm hữu tứ; quả hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho quả hữu tầm hữu tứ; tâm thuận thứ và tầm làm duyên cho quả nhập thiền hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.

194.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh trước trước làm duyên cho tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử *(cuti)* hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.
- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* của thiền vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chuyển tộc và tầm làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ; tâm dũ tịnh và tầm làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ; tâm thuận thứ và tầm làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên.

195.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên:

- Khán môn *(āvajjana)* và tầm làm cho ngũ thức *(viññaṇa)* bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho tâm sanh vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho quả sơ khởi vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* của nhị thiền và tầm làm duyên cho nhị thiền và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý của tam thiền và tầm; tâm chỉnh lý của tứ thiền và tầm; tâm chỉnh lý của thiền Không vô biên xứ và tầm; tâm chỉnh lý của thiền Thức vô biên xứ và tầm; tâm chỉnh lý của thiền Vô sở hữu xứ và tầm; tâm chỉnh lý của thiền Phi tưởng phi

phi tưởng xứ và tầm; tâm chỉnh lý của thiên nhãn và tầm; tâm chỉnh lý của thiên nhĩ và tầm; tâm chỉnh lý của thần thông và tầm; tâm chỉnh lý của tha tâm thông và tầm... túc mạng thông,... tùy nghiệp thông,... tâm chỉnh lý của vị lai thông và tầm; tâm chuyển tộc và tầm làm duyên cho đạo vô tầm vô tứ và tứ; tâm dũ tịnh và tầm làm duyên cho đạo vô tầm vô tứ và tứ; tâm thuận thứ và tầm làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm vô tứ và tứ bằng Vô gián duyên.

196.

Pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho tâm sanh *(upapatti)* vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho quả sơ khởi *(vutthāna)* vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý thiền vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm chuyển tộc và tầm làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.
- Tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ và tứ; tâm thuận thứ và tầm làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm hữu tứ và tứ bằng Vô gián duyên.

197.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ và tầm làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* và tầm; tâm thuận thứ *(anuloma)* và tầm làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm; tâm chuyển tộc và tầm làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ và tầm; tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.
- Đạo hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho quả hữu tầm hữu tứ và tầm.
- Quả hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho quả hữu tầm hữu tứ và tầm.
- Tâm thuận thứ và tầm làm duyên cho quả nhập thiền hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Vô gián duyên.

198.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Liên tiếp duyên:

Liên tiếp duyên cũng như vô Gián duyên.

199.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên. 3 uẩn làm duyên cho 1 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.

200.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm bằng Đồng sanh duyên. Sát-na tục sinh...

201.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc tục sinh.

202.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh...

203.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên. Sát-na tục sinh...

204.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn và tầm bằng Đồng sanh duyên. 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và tầm bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh...

205.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn với tầm và sắc tâm *(cittasatthāna)* bằng Đồng sanh duyên. 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn với tầm và sắc tâm. Sát-na tục sinh...

206.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

207.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

Tầm làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên. Sát-na tục sinh...

208.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên. Tầm làm duyên cho sắc tâm. Sát-na tục sinh...

209.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

Tầm *(vitakka)* làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên. Sát-na tục sinh: tầm...

210.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

1 uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn với tứ và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên. 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn với tứ và sắc nương tâm sanh. Sát-na tục sinh...

211.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên. 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- Tứ *(vicāra)* làm duyên cho sắc nương tâm sanh. Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh; 2 uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho 2 uẩn và sắc tục sinh; tứ làm duyên cho sắc tục sinh; uẩn làm duyên cho vật; vật làm duyên cho uẩn; tứ làm duyên cho vật; vật làm duyên cho tứ; 1 đại sung *(mahābhūta)* làm duyên cho 3 đại sung. Đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh; sắc tục sinh thuộc sắc y sinh, sắc ngoại *(bāhirarūpa)*,... sắc vật thực,... sắc âm dương...
- 1 sắc đại sung cõi Vô tưởng *(asannasatta)*... sắc đại sung làm duyên cho sắc tục sinh thuộc sắc y sinh bằng Đồng sanh duyên *(Sahajātapaccaya)*.

212.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

Sát-na tục sinh: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên.

213.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

- Tứ *(vicāra)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ *(vicāra)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho tầm bằng Đồng sanh duyên.

214.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

- Tứ *(vicāra)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ sắc tục sinh.
- Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ bằng Đồng sanh duyên.

215.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Đồng sanh duyên.

216.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

217.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho tầm bằng Đồng sanh duyên.

218.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh.

219.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn và tầm, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn và tầm bằng Đồng sanh duyên.

220.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

Sát-na tục sinh: Tầm và vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên.

221.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn và tứ làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn và tứ làm duyên cho 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

222.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh.
- Tầm và sắc đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc tục sinh.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và đại sung làm duyên cho làm duyên cho sắc tục sinh.
- Sát-na tục sinh: Tầm và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho tứ bằng Đồng sanh duyên.

223.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 3 uẩn và tứ làm duyên cho 1 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên; 2 uẩn và tứ làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn và tứ bằng Đồng sanh duyên; 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn và tứ bằng Đồng sanh duyên.

224.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn và tầm làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên. Sát-na tục sinh...

225.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên. Sát-na tục sinh...

226.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn và tầm làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên. Sát-na tục sinh...

227.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Đồng sanh duyên:

Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn và tầm và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên

228.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh bằng Đồng sanh duyên.

229.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên. Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.

230.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm bằng Hỗ tương duyên. Sát-na tục sinh...

231.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho vật bằng Hỗ tương duyên.

232.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên.

233.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm và vật bằng Hỗ tương duyên.

234.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn và tầm bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và tầm bằng Hỗ tương duyên. Sát-na tục sinh...

235.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn và tầm và vật bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và tầm và vật bằng Hỗ tương duyên.

236.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

1 uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên. Sát-na tục sinh...

237.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

Tầm làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên,... Sát-na tục sinh...

238.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

- Uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ *(vicāra)* bằng Hỗ tương duyên.
- Sát na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ và vật bằng Hỗ tương duyên.
- Sát na tục sinh: Tầm làm duyên cho vật *(vatthu)* bằng Hỗ tương duyên.

239.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát na tục sinh: Tầm *(vitakka)* làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và vật bằng Hỗ tương duyên.

240.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

- 1 uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn và tứ *(vicāra)* bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và tứ bằng Hỗ tương duyên.
- Sát na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn và tứ và vật bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và tứ và vật bằng Hỗ tương duyên.

241.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

- 1 uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.
- Sát na tục sinh: 1 uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên; uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn; tứ làm duyên cho vật, vật làm duyên cho tứ; 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... 1 đại sung cõi Vô tưởng...

242.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên.

243.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

- Tứ *(vicāra)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ *(vicāra)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên.
- Sát na tục sinh: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên.
- Sát na tục sinh: Vật *(vatthu)* làm duyên cho tầm *(vitakka)* bằng Hỗ tương duyên.

244.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

- Sát na tục sinh: Tứ làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và vật bằng Hỗ tương duyên.
- Sát na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ bằng Hỗ tương duyên.

245.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Hỗ tương duyên.

246.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.

247.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho tầm bằng Hỗ tương duyên.

248.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn và tầm *(vitakka)* bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn và tầm bằng Hỗ tương duyên.

249.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát na tục sinh: Tầm và vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên.

250.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

- 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)* làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn và tứ *(vicāra)* làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.

- Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ với tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn với tứ và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.

251.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

- Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho vật *(vatthu)* bằng Hỗ tương duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho tứ *(vicāra)* bằng Hỗ tương duyên.

252.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

- Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên; 2 uẩn và tứ *(vicāra)* làm duyên cho 2 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn và tứ bằng Hỗ tương duyên; 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn và tứ bằng Hỗ tương duyên.

253.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

- 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn và tầm làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.
- Sát-na tục sinh...

254.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm *(vitakka)* làm duyên cho vật *(vatthu)* bằng Hỗ tương duyên.

255.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho 3 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn và tầm làm duyên cho 2 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên.

256.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hỗ tương duyên:

Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn và tầm và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hỗ tương duyên.

257.

* Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên:
  1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn, tóm tắt... có 7 câu.
* Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên,... tóm tắt... có 5 câu.

258.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Y chỉ duyên:

- 1 uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên *(nissayapaccayo)*, tứ *(vicāra)* làm duyên sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn,... tóm tắt...
- ... 1 đại sung cõi Vô tưởng...; nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức,... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn vô tầm vô tứ và tứ bằng Y chỉ duyên.

259.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên:

Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên. Sát-na tục sinh: Vật...

260.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên:

- Tứ *(vicāra)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên. Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tầm bằng Y chỉ duyên.
- Sát-na tục sinh:... tóm tắt...

261.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Y chỉ duyên:

- Tứ *(vicāra)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh; vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ bằng Y chỉ duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ *(vicāra)*...

262.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên:

- Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Y chỉ duyên.
- Sát-na tục sinh: Vật...

263.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật *(vatthu)* làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên.

Nên trình bày bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisandhi)*.

264.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ và vật *(vatthu)* làm duyên cho tầm *(vitakka)*.
- Sát-na tục sinh...

265.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Y chỉ duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên. Sát-na tục sinh...

266.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn và tầm bằng Y chỉ duyên. Sát-na tục sinh...

267.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên:

Tầm và vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ. Sát-na tục sinh...

268.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Y chỉ duyên:

1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn, 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn. Sát-na tục sinh...

269.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Y chỉ duyên:

- Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh.
- Tầm và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh.
- Uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho tứ *(vicāra)* bằng Y chỉ duyên *(upanissayapaccayo)*.
- Tục sinh *(paṭisandhi)* có 4 câu...

270.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Y chỉ duyên:

- 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên. 2 uẩn và tứ làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên; 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn và tứ; 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn và tứ bằng Y chỉ duyên.
- Sát-na tục sinh...

271.

* Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ...
* ... Cho pháp vô tầm vô tứ...
* ... Cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ... có 3 câu.

272.

* Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ...
* ... Pháp vô tầm vô tứ bằng Y chỉ duyên.

Nên phân rộng 2 phần.

273.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y *(upanissaya)* như: Nương đức tin hữu tầm hữu tứ mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới làm cho thiền hữu tầm hữu tứ sanh; pháp quán sanh ra, đạo,... nhập thiền phát sanh, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới hữu tầm hữu tứ,... đa văn, xả thí, trí, ái, ưu, si, ngã mạn, tà kiến... nương hy vọng mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới làm cho

thiền hữu tầm hữu tứ sanh ra, pháp quán sanh ra, đạo... nhập thiền,... sát sanh, phá hòa hợp Tăng...

- Đức tin hữu tầm hữu tứ... giới, đa văn, xả thí, trí, ái, ưu, si, ngã mạn, tà kiến... cho đến hy vọng làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ, giới, đa văn, xả thí, trí, ái, ưu, si, ngã mạn, tà kiến mong mỏi bằng Cận y duyên.

274.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin hữu tầm hữu tứ mạnh làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ phát sanh, đạo,... nhập thiền.
- Giới hữu tầm hữu tứ,... tóm tắt,... nương hy vọng mạnh làm cho thiền vô tầm hữu tứ sanh ra, nương đạo mạnh... nhập thiền.
- Nương đức tin hữu tầm hữu tứ,... mong mỏi làm duyên cho đức tin vô tầm hữu tứ, giới, đa văn, xả thí, trí và tầm bằng Cận y duyên.

275.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin hữu tầm hữu tứ mạnh làm duyên cho thiền vô tầm vô tứ phát sanh, đạo,... thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới hữu tầm hữu tứ,... nương hy vọng mang làm duyên cho thiền vô tầm vô tứ phát sanh, đạo,... thông... nhập thiền phát sanh.
- Đức tin hữu tầm hữu tứ,... tóm tắt... hy vọng làm duyên cho đức tin vô tầm vô tứ, trì giới, đa văn, xả thí, trí và tứ luôn cả thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.

276.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Đức tin hữu tầm hữu tứ,... hy vọng làm duyên cho đức tin vô tầm hữu tứ, trì giới, đa văn, xả thí, trí và tứ *(vicāra)* bằng Cận y duyên.

277.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Đức tin hữu tầm hữu tứ,... hy vọng làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ, hy vọng và tầm bằng Cận y duyên.

278.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y: Nương đức tin vô tầm hữu tứ mạnh làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ phát sanh,... đạo,... nhập thiền phát sanh.
- Nương trì giới vô tầm hữu tứ... đa văn, xả thí , trí... tầm mạnh làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ phát sanh; đạo... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin vô tầm hữu tứ... trì giới, đa văn, xả thí, trí và tầm làm cho đức tin vô tầm hữu tứ, trì giới, đa văn, xả thí, trí và tầm bằng Cận y duyên.

279.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin vô tầm hữu tứ mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới làm duyên cho thiền hữu tầm hữu tứ phát sanh; quán ngộ,... đạo,... nhập thiền phát sanh, gầy ngã mạn; chấp tà kiến...
- Nương trì giới vô tầm hữu tứ, đa văn, xả thí, trí và tầm mạnh có thể bố thí nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền hữu tầm hữu tứ phát sanh, pháp quán *(vipassanā)* phát sanh, đạo phát sanh, nhập thiền phát sanh cho đến làm việc sát sanh, phá hòa hợp Tăng...
- Đức tin vô tầm hữu tứ... trì giới, đa văn, xả thí, trí và tầm làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ và vọng dục bằng Cận y duyên.

280.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin vô tầm hữu tứ mạnh có thể làm cho thiền vô tầm vô tứ phát sanh, đạo... thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới *(sīla)* vô tầm hữu tứ đa văn, xả thí, trí... tầm mạnh có thể làm cho thiền vô tầm vô tứ phát sanh, đạo... thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin vô tầm hữu tứ mạnh giới, đa văn, xả thí, trí và tầm làm duyên cho đức tin vô tầm vô tứ, trì giới, đa văn, xả thí, trí và tứ luôn đến thân lạc thân khổ bằng Cận y duyên.

281.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương đức tin vô tầm hữu tứ mạnh,... giới, đa văn, xả thí, trí... và tầm có thể làm cho đức tin vô tầm hữu tứ trì giới, đa văn, xả thí, trí và tứ phát sanh bằng Cận y duyên.

282.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương đức tin vô tầm hữu tứ mạnh,... giới, đa văn, xả thí, trí... và tầm làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ, hy vọng và tầm bằng Cận y duyên.

283.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin vô tầm vô tứ mạnh, có thể làm thiền vô tầm vô tứ phát sanh, đạo... thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới vô tầm vô tứ,... đa văn, xả thí, trí, tứ, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực, chỗ ở mạnh có thể làm cho thiền vô tầm vô tứ phát sanh, đạo... thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin vô tầm vô tứ, trì giới, đa văn, xả, trí, tứ, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin vô tầm vô tứ, giới, đa văn, xả thí, trí, tứ, thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.

284.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin vô tầm vô tứ mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền hữu tầm hữu tứ phát sanh, pháp quán *(vipassanā)*, đạo... nhập thiền phát sanh, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới *(sīla)* vô tầm vô tứ mạnh có thể đa văn, xả, trí, tứ, thân lạc, thân khổ,... âm dương,... vật thực...
- Nương chỗ ở *(senāsana)* mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới làm cho thiền hữu tầm hữu tứ phát sanh; pháp quán *(vipassanā)*..., đạo..., nhập thiền phát sanh, phá hòa hợp Tăng...
- Nương đức tin vô tầm vô tứ, tóm tắt,... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ, trì giới,... vọng dục bằng Cận y duyên.

285.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y: Nương đức tin vô tầm vô tứ mạnh có thể làm cho thiền vô tầm hữu tứ phát sanh, pháp quán... đạo..., nhập thiền phát sanh.
- Nương giới vô tầm vô tứ,... chỗ ở mạnh có thể làm cho thiền vô tầm hữu tứ phát sanh, pháp quán... đạo..., nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin vô tầm vô tứ mạnh... chỗ ở làm duyên cho đức tin vô tầm hữu tứ, trì giới, đa văn, xả thí *(cāga)*, trí, và tầm *(vitakka)* bằng Cận y duyên.

286.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin vô tầm vô tứ... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin vô tầm hữu tứ, giới, văn, xả, trí và tứ bằng Cận y duyên.

287.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin vô tầm vô tứ... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ, giới, vọng dục... và tầm bằng Cận y duyên.

288.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin vô tầm hữu tứ... đa văn, xả, trí... và tứ mạnh làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ... trí bằng Cận y duyên.

289.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin vô tầm hữu tứ mạnh...trì giới, đa văn, xả, trí... và tứ *(vicāra)* làm duyên cho đức tin vô tầm hữu tứ,... trì giới, đa văn, xả thí, trí và tầm bằng Cận y duyên.

290.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin vô tầm hữu tứ mạnh, trì giới, đa văn, xả, trí và tứ làm duyên cho đức tin vô tầm vô tứ, trì giới, đa văn, xả, trí và tứ luôn thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.

291.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin vô tầm hữu tứ,... trì giới, đa văn, xả, trí và tứ làm duyên cho đức tin vô tầm hữu tứ, trì giới, đa văn, xả, trí và tứ bằng Cận y duyên.

292.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho những pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin vô tầm hữu tứ,... trì giới, đa văn, xả thí, trí và tứ làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ, đa văn, xả thí, trí, ái, ưu, si, ngã mạn; tà kiến, vọng dục và tầm *(vitakka)* bằng Cận y duyên.

293.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin hữu tầm hữu tứ,... giới, đa văn, xả, trí, ái, ưu, si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục,... và tầm làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ,... trì giới, vọng dục bằng Cận y duyên.

294.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin hữu tầm hữu tứ mạnh,... trì giới... vọng dục,... và tầm làm duyên cho đức tin vô tầm hữu tứ, trì giới, đa văn, xả, trí và tầm bằng Cận y duyên.

295.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin hữu tầm hữu tứ mạnh, trì giới, đa văn, xả, trí... vọng dục và tầm làm duyên cho đức tin vô tầm vô tứ, trì giới, đa văn, xả, trí và tứ cho đến thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.

296.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin hữu tầm hữu tứ mạnh, trì giới, đa văn, xả, trí... vọng dục... và tầm làm duyên cho đức tin vô tầm hữu tứ, trì giới, đa văn, xả, trí và tứ bằng Cận y duyên.

297.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y: Nương đức tin hữu tầm hữu tứ mạnh,... trì giới, đa văn, xả, trí, ái, ưu, si, ngã mạn, tà kiến, vọng dục và tầm *(vitakka)* làm duyên cho đức tin hữu tầm hữu tứ... vọng dục và tầm bằng Cận y duyên.

298.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh: Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng, sắc xứ làm duyên cho nhãn thức... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.

- Vật Tiền sanh: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn vô tầm vô tứ và tứ bằng Tiền sanh duyên.

299.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh *(Ārammanapurejāta)* như: Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã... quán ngộ xúc... vật *(vatthu)* bằng lối vô thường khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, ưu phát.
- Vật Tiền sanh *(Vatthupurejāta)* như: Vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Tiền sanh duyên.

300.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tầm phát sanh,... tóm tắt,... quán ngộ vật *(vatthu)* bằng lối vô thường khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tầm phát sanh.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tầm bằng Tiền sanh duyên.

301.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Tiền sanh duyên:

Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ bằng Tiền sanh duyên.

302.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh: Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm phát sanh.
- Quán ngộ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc... vật bằng lối vô thường khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh ra.
- Vật Tiền sanh: Như vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Tiền sanh duyên.

303.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

304.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

305.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh: Uẩn vô tầm vô tứ và tứ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

306.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)* làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

307.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

308.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ, tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên.

309.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho tầm sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikama)* của thiền vô tầm hữu tứ làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên.

310.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Tâm chỉnh lý *(parikama)* của nhị thiền làm duyên cho nhị thiền bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikama)* tam thiền làm duyên cho tam thiền,
- Tâm chỉnh lý *(parikama)* tứ thiền làm duyên cho tứ thiền,
- Tâm chỉnh lý *(parikama)* Không vô biên xứ làm duyên cho Không vô biên xứ.
- Tâm chỉnh lý *(parikama)* Thức vô biên làm duyên cho Thức vô biên xứ.
- Tâm chỉnh lý *(parikama)* Vô sở hữu xứ làm duyên cho Vô sở hữu xứ.
- Tâm chỉnh lý *(parikama)* Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ,
- Tâm chỉnh lý *(parikama)* thiên nhãn làm duyên cho thiên nhãn, tâm chỉnh lý *(parikama)* thiên nhĩ làm duyên cho thiên nhĩ,... thần thông,... tha tâm thông,... tâm chỉnh lý *(parikama)* túc mạng thông làm duyên cho túc mạng thông,... tùy nghiệp thông,... tâm chỉnh lý *(parikama)* vị lai thông...
- Tâm chuyển tộc làm duyên cho đạo vô tầm vô tứ và tứ *(vicāra)*;
- Tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo vô tầm vô tứ và tứ bằng Cố hưởng duyên.

311.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Tâm chỉnh lý *(parikama)* của thiền vô tầm hữu tứ làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ và tứ bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ và tứ *(vicāra)*, tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ và tứ bằng Cố hưởng duyên.

312.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* và tầm; tâm thuận thứ làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm; tâm chuyển tộc làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ và tầm; tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho tâm đạo hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Cố hưởng duyên.

313.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Tầm *(vitakka)* sanh trước trước làm duyên cho tầm sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

314.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

Tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

315.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho tứ *(vicāra)* sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

316.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

317.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

Tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

318.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Tứ *(vicāra)* sanh trước trước làm duyên cho tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Uẩn vô tầm hữu tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm vô tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

319.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

Tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

320.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho những pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

Tứ *(vicāra)* sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

321.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

322.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh trước trước làm duyên cho tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

323.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

324.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ và tầm làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ *(anuloma)* và tầm làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)*,
- Tâm chuyển tộc và tầm làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ; tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên.

325.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh trước trước làm duyên cho tầm sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm chỉnh lý của thiền vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm chuyển tộc và tầm làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ; tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên.

326.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* của nhị thiền và tầm làm duyên cho tứ *(vicāra)* nhị thiền bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm chỉnh lý và tầm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ... tâm chỉnh lý *(parikamma)* của thiên nhãn... tâm chỉnh lý và tầm của vị lai thông làm duyên cho vị lai thông bằng Cố hưởng duyên.

- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* và tầm làm duyên cho đạo vô tầm vô tứ và tứ bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm dũ tịnh và tầm làm duyên cho đạo vô tầm vô tứ và tứ bằng Cố hưởng duyên.

327.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* của thiền vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thiền vô tầm hữu tứ và tứ.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* và tầm làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ và tứ.
- Tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm làm duyên cho đạo vô tầm hữu tứ và tứ bằng Cố hưởng duyên.

328.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* và tầm làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* và tầm; tâm thuận thứ và tầm làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm, tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* và tầm làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ và tầm, tâm dũ tịnh *(vodanā)* và tầm làm duyên cho đạo hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Cố hưởng duyên.

329.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn quả hữu tầm hữu tứ bằng Nghiệp duyên.

330.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(vipāka vitakka)* hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho Quả tầm *(vipāka vitakka)* bằng Nghiệp duyên.

331.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc tục sinh *(katattārūpa)* bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời *(Nānākkanika)* như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn quả vô tầm vô tứ và sắc tục sinh *(katattārūpa)* bằng Nghiệp duyên.

332.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn quả hữu tầm hữu tứ và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

333.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm quả *(vipāka vitakka)* và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

334.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và tầm bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và tầm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn quả hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Nghiệp duyên.

335.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và tầm và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng với tầm và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn quả hữu tầm hữu tứ với tầm và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

336.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Tư vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh...
- Biệt thời *(Nānākhanika)* như: Tư vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn quả vô tầm hữu tứ bằng Nghiệp duyên.

337.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ thuộc quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ thuộc quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

338.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và tứ và sắc tâm bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng với tứ và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn quả vô tầm hữu tứ với tứ và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

339.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn quả vô tầm vô tứ và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

340.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Quả duyên *(Vipākapacayo)*:

- 1 uẩn quả hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên.

341.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Quả duyên:

Uẩn quả hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm *(vitakka)* bằng Quả duyên. Sát-na tục sinh...

Phần hữu tầm hữu tứ căn *(savitakka savicāra)* có 7 câu nên phân ra đầy đủ.

342.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Quả duyên:

1 uẩn quả vô tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 1 uẩn quả vô tầm hữu tứ...

Sắp phần căn *(mūla)* vô tầm hữu tứ 5 câu nhứt định gọi là quả *(vipāka)*.

343.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Quả duyên:

- 1 uẩn quả vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên, 2 uẩn... tứ thuộc quả làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Quả duyên; tứ *(vicāra)* làm duyên cho vật bằng Quả duyên.

344.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Quả duyên:

- Tứ thuộc quả làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ thuộc quả làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Quả duyên.

345.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho những pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Quả duyên:

- Tứ thuộc quả làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ thuộc quả làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tục sinh bằng Quả duyên.

346.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Quả duyên:

1 uẩn quả vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên,... 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

347.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Quả duyên:

- Uẩn quả vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quả duyên.

348.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Quả duyên:

- 1 uẩn quả vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn quả vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Quả duyên.

349.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Quả duyên:

1 uẩn quả hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên,... 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

350.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Quả duyên:

Uẩn quả hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên. Sát-na tục sinh...

351.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Quả duyên:

1 uẩn quả hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên. Sát-na tục sinh...

352.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Thực duyên:

Thực hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh...

353.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Thực duyên:

Thực hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh...

Phần hữu tầm hữu tứ căn *(savitakka savicāra mūlaka)* nên sắp rộng 7 câu đề do nhân này

354.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Thực duyên:

Thực *(āhāra)* vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh...

355.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Thực duyên:

Thực vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh...

356.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Thực duyên:

Thực vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và tứ và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh...

357.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Thực duyên:

- Thực vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.
- Sát-na tục sinh: Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Thực duyên.

358.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Quyền duyên:

Quyền *(indrīya)* hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh...

359.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Quyền duyên:

Quyền *(indrīya)* hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm *(vitakka)* bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh...

Phần hữu tầm hữu tứ căn nên sắp 7 câu rộng do nhân ấy.

360.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Quyền duyên:

Quyền *(indrīya)* vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh...

361.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Quyền duyên:

Quyền vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh...

362.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Quyền duyên:

Quyền *(indrīya)* vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và tứ và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh...

363.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Quyền duyên:

- Quyền vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên.
- Sát-na tục sinh: nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức,... thân quyền làm duyên cho thân thức bằng Quyền duyên; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.

364.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Thiền duyên:

Chi thiền hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thiền duyên. Sát-na tục sinh...

Phần hữu tầm hữu tứ căn *(mūla)* có 7 câu đề nên phân rộng như nhân này.

365.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Thiền duyên:

Chi thiền vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thiền duyên. Sát-na tục sinh...

Hữu tầm hữu tứ căn *(savitakka savicāramūlaka)* có 5 câu đề nên phân rộng theo nhân này.

366.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Thiền duyên:

- Chi thiền vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.
- Tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ *(vicāra)* làm duyên cho sắc tục sinh bằng Thiền duyên, tứ làm duyên cho vật *(vatthu)* bằng Thiền duyên.

367.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Thiền duyên:

- Tứ *(vicāra)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Thiền duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Thiền duyên.

368.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Thiền duyên:

- Tứ làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.
- Sát-na tục sinh: Tứ làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và sắc tục sinh bằng Thiền duyên.

369.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Thiền duyên:

Chi thiền vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thiền duyên. Sát-na tục sinh...

370.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Thiền duyên:

Chi thiền vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên. Sát-na tục sinh...

371.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Thiền duyên:

- Chi thiền vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên.
- Sát-na tục sinh: Chi thiền vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Thiền duyên.

372.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Thiền duyên:

Chi thiền hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thiền duyên. Sát-na tục sinh...

373.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Thiền duyên:

Chi thiền hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên. Sát-na tục sinh...

374.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Thiền duyên:

Chi thiền hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thiền duyên. Sát-na tục sinh...

375.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Đạo duyên:

Chi đạo hữu tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Đạo duyên. Sát-na tục sinh...

Phần hữu tầm hữu tứ căn có 7 câu; nên phân rộng theo nhân này.

376.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Đạo duyên:

Chi đạo vô tầm hữu tứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Đạo duyên. Sát-na tục sinh...

Phần vô tầm hữu tứ căn *(mūla)* có 5 câu đề, nên phân rộng theo nhân này.

377.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Đạo duyên:

Chi đạo vô tầm vô tứ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên. Sát-na tục sinh...

378.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Đạo duyên:

Chi đạo hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Đạo duyên. Sát-na tục sinh...

379.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Đạo duyên:

Chi đạo hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên. Sát-na tục sinh...

380.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đạo duyên:

Chi đạo hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Đạo duyên. Sát-na tục sinh...

381.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

382.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm bằng Tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

383.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn và tầm bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và tầm. Sát-na tục sinh...

384.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên:

1 uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

385.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên:

Tầm làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên. Sát na tục sinh...

386.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Tương ưng duyên:

Uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho tứ bằng Tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

387.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Tương ưng duyên:

1 uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn và tứ bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và tứ. Sát-na tục sinh...

388.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Tương ưng duyên:

1 uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

389.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên:

Tứ làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...

390.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên:

1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn và tứ làm duyên cho 2 uẩn. Sát na tục sinh...

391.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Tương ưng duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên; 2 uẩn và tâm... Sát-na tục sinh...

392.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Sát na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh: Như uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

393.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh.

- Đồng sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

394.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh.

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Uẩn vô tầm vô tứ và tầm làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên. Tứ *(vicāra)* làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên. Tứ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên, uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên, vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên. Tứ làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên; vật làm duyên cho tứ bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh *(Purejāta)* như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Bất tương ưng duyên, thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Bất tương ưng duyên. Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn vô tầm vô tứ và tứ *(vicāra)* bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh *(Pacchajāta)* như: Uẩn vô tầm vô tứ và tứ *(vicāra)* làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

395.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Sát na tục sinh vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Bất tương ưng duyên.

396.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh: Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tầm bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tầm *(vitakka)* bằng Bất tương ưng duyên.

397.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ bằng Bất tương ưng duyên.

398.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh: Sát-na tục sinh vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh: Vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Bất tương ưng duyên.

399.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên
- Hậu sanh: Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

400.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên
- Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

401.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên,... 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

402.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên:

Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho tầm bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh...

403.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

Trong phần hữu tầm hữu tứ căn *(mūla)* những câu ngoài ra trùng như Đồng sanh duyên.

404.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn vô tầm hữu tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn; sát-na tục sinh...

405.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên:

Tầm *(vitakka)* làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh...

406.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

Trong phần vô tầm hữu tứ căn, ngoài ra 5 câu trùng như Đồng sanh duyên.

407.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh và Quyền:

+ Đồng sanh như: 1 uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn... tứ *(vicāra)* làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm vô tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên. Uẩn làm duyên cho vật bằng Hiện hữu duyên. Tứ làm duyên cho vật bằng Hiện hữu duyên, vật làm duyên cho tứ bằng Hiện hữu duyên.
  - 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung bằng Hiện hữu duyên; đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh; sắc tục sinh thuộc y sinh bằng Hiện hữu duyên; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
  - Người Vô tưởng: 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung; đại sung làm duyên cho sắc tục sinh thuộc y sinh bằng Hiện hữu duyên.

+ Tiền sanh như: Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng, sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.
  - Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.
  - Vật làm duyên cho uẩn vô tầm vô tứ và tứ bằng Hiện hữu duyên.

+ Hậu sanh như: Uẩn vô tầm vô tứ và tứ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

408.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như sát-na tục sinh vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Quán ngộ *(vipassanā)* nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái sanh, ưu phát. Quán ngộ sắc,... thinh, khí, vị, xúc, vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã... ưu sanh ra. Vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên.

409.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như tứ làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Tứ *(vicāra)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tầm bằng Hiện hữu duyên.

- Tiền sanh như: Quán ngộ *(vipassanā)* nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tầm phát sanh. Quán ngộ nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tầm *(vitakka)* phát sanh. Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tầm bằng Hiện hữu duyên.

410.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Tứ làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Tứ làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên
- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô tầm hữu tứ và tứ bằng Hiện hữu duyên

411.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm phát sanh. Quán ngộ nhĩ... tỷ, thiệt, thân, vật... bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm sanh.
  Vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm bằng Hiện hữu duyên.

412.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

413.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho tầm *(vitakka)* bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho tầm bằng Hiện hữu duyên.

414.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ và đoàn thực làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

415.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn và tầm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn và tầm bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh...

416.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: Tầm và vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Tầm và vật làm duyên cho uẩn hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên.

417.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và tứ làm duyên cho 2 uẩn,... 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật *(vatthu)* làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

  Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên. 2 uẩn và tứ làm duyên cho 2 uẩn.

  Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật *(vatthu)* làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

418.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Tầm và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho tứ bằng Hiện hữu duyên.

  Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

  Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

  Sát-na tục sinh: Tầm và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

  Sát-na tục sinh: Uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho tứ bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ với tầm và đoàn thực làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô tầm hữu tứ và tầm và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

419.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: 1 uẩn vô tầm hữu tứ và tứ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và tứ...

  1 uẩn vô tầm hữu tứ và vật làm duyên cho 3 uẩn và tứ bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và vật. Sát-na tục sinh...

420.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và tầm... Sát-na tục sinh...

421.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

422.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn hữu tầm hữu tứ và tầm làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và tầm làm duyên cho 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

423.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh...

424.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh...
- Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và đoàn thực làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm hữu tứ với tầm và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

425.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Vô hữu duyên... Ly duyên.

Vô hữu duyên, Ly duyên cũng như Vô gián duyên.

... Bất ly duyên như Hiện hữu duyên

426.

Nhân 11, Cảnh 21, Trưởng 23, Vô gián 25, Liên tiếp 25, Đồng sanh 30, Hỗ tương 28, Y chỉ 30, Cận y 25, Tiền sanh 5, Hậu sanh 5, Cố hưởng 21, nghiệp 11, Quả 21, Thực

11,Quyền 11, thiền 21, Đạo 16, Tương ưng 11, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 30, Vô hữu 25, Ly 25, Bất ly 30.

Duyên hợp trợ *(ghaṭanā)* như tam đề thiện, phần vấn đề *(pañhāvāra)* trí thức nên đếm như thế ấy.

Dứt cách thuận tùng

427.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên,... Đồng sanh duyên,... Cận y duyên,... Nghiệp duyên.

428.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Nghiệp duyên.

429.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Hậu sanh duyên, Nghiệp duyên.

430.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên, Nghiệp duyên.

431.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Nghiệp duyên.

432.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Nghiệp duyên.

433.

Pháp hữu tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên,... Nghiệp duyên.

434.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Nghiệp duyên.

435.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên.

436.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Hậu sanh duyên, Nghiệp duyên.

437.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên.

438.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

439.

Pháp vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, Cận y duyên.

440.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên, Nghiệp duyên, Thực duyên, Quyền duyên.

441.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

442.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên.

443.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên.

444.

Pháp vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

445.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ... có Đồng sanh duyên và Tiền sanh duyên.

446.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ... có Đồng sanh và Tiền sanh.

447.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

448.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ... có Đồng sanh và Tiền sanh.

449.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

450.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, Tiền sanh duyên.

451.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên, Thực duyên, Quyền duyên.

452.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

453.

Chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

454.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

455.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

456.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

457.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Đồng sanh duyên.

458.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ bằng Cận y duyên.

459.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ làm duyên cho chư pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

460.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ... có Đồng sanh và Tiền sanh.

461.

Chư pháp hữu tầm hữu tứ; vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ... có Đồng sanh, Tiền sanh, Thực và Quyền.

Tam Đề Nghịch *(Paccanīya Mātikā)*

462.

Phi Nhân 35, phi Cảnh 35, phi Trưởng 35, phi Vô gián 35, phi Liên tiếp 35, phi Đồng sanh 29, phi Hỗ tương 29, phi Y chỉ 29, phi Cận y 34; phi Tiền sanh 35, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo tất cả đều có 35, phi Tương ưng 29, phi Bất tương ưng 27, phi Hiện hữu 27, phi Vô hữu 35, phi Ly 35, phi Bất ly 27.

Người biết nên đếm theo câu nghịch *(paccanīya)* như thế này.

Dứt cách nghịch (paccanīya)

463.

Nhân duyên có phi Cảnh 11,... phi Trưởng 11, phi Vô gián, phi Liên tiếp đều có 11, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 11; phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo đều có 11, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 7, phi Vô hữu 11, phi Ly 11.

Nên sắp cách đếm thuận và nghịch như thế này.

Dứt cách thuận và nghịch

464.

Phi Nhân duyên có Cảnh 21,... Trưởng 23, Vô gián 25, Liên tiếp 25, Đồng sanh 30, Hỗ tương 28, Y chỉ 30, Cận y 25; Tiền sanh 5, Hậu sanh 5, Cố hưởng 21, nghiệp 11, Quả 21, Thực 11, Quyền 11, Thiền 21, Đạo 16, Tương ưng 11, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 30, Vô hữu 25, Ly 25, Bất ly 30.

Người biết nên sắp nghịch và thuận theo thế này.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết tam đề tầm, chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ HỶ *(PĪTITTKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

465.

∗ Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ, 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ; 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

466.

∗ Pháp đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên:
- 2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh lạc, 2 uẩn liên quan 1 uẩn

∗ Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn đồng sanh hỷ liên quan 1 uẩn đồng sanh lạc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn đồng sanh hỷ liên quan 1 uẩn đồng sanh lạc... 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên:
- 2 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

467.

Pháp đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh xả, 1 uẩn liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

468.

∗ Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn đồng sanh hỷ liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn đồng sanh hỷ liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên:

- 2 uẩn đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên:
- 2 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

Dứt phần Nhân duyên

469.

∗ Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do Cảnh duyên,... do Trưởng duyên sát-na tục sinh không có.

∗ ... do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên, do Hỗ tương duyên, doY chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên. Sát-na tục sinh không có Tiền sanh.

∗ ... do Cố hưởng duyên, quả không có Cố hưởng duyên

∗ ... do Nghiệp duyên, Quả duyên, Thực duyên... Quyền duyên, Thiền duyên, Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Hiện hữu duyên, Vô hữu duyên, Ly duyên, Bất ly duyên.

Đủ duyên tam đề (mātikā)

470.

Nhân 10, Cảnh 10, Trưởng 10, Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Cố hưởng, Nghiệp, Quả, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương Ưng, Bất tương ưng, Hiện hữu, Vô hữu, Bất ly tất cả đều có 10.

Phân đếm thuận như thế.

Dứt cách thuận thứ

471.

∗ Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh hỷ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh hỷ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh hỷ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

472.

∗ Pháp đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do phi Nhân duyên:
2 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh lạc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn đồng sanh hỷ liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh lạc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do phi Nhân duyên:

2 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

473.

Pháp đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh xả sanh ra do phi Nhân duyên:

2 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh xả, 1 uẩn liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh xả, 1 uẩn liên quan 2 uẩn; si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

474.

∗ Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn đồng sanh hỷ liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp đồng sanh lạc liên quan chư pháp đồng sanh và đồng sanh lạc sanh ra do phi Nhân duyên:

2 uẩn đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc,1 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh ra do phi Nhân duyên:

2 uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc,1 uẩn liên quan 2 uẩn...

475.

∗ Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do phi Trưởng duyên:

Phi Trưởng duyên sát-na tục sinh đầy đủ.

∗ Phi Tiền sanh duyên nhứt định có trong Vô sắc và sát-na tục sinh.

∗ ... Phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên...

∗ Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* đồng sanh hỷ *(pīti)* liên quan uẩn đồng sanh hỷ.

∗ Pháp đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư đồng sanh lạc liên quan uẩn đồng sanh hỷ.

Nên phân 10 câu như thế này.

∗ Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do phi Quả duyên:... đầy đủ; phần tục sinh không có.

476.

Pháp đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do phi Thiền duyên:

2 uẩn liên quan 1 uẩn chung thân thức đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

477.

∗ Pháp đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh xả sanh ra do phi Thiền duyên:

2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh nhãn thức, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ ... Do phi Đạo duyên cũng như phi Nhân duyên, không có si *(moha)*.

∗ ... Phi Bất tương ưng duyên đầy đủ chỉ trong Vô sắc giới.

478.

Phi Nhân 10, phi Trưởng 10, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng, phi Nghiệp, phi Quả đều có 10, phi Thiền 2, phi Đạo 10, phi Bất tương ưng 10.

Nên sắp đầy đủ phần ngược *(paccanīya)*.

Dứt cách sắp ngược

479.

Nhân duyên có phi Trưởng 10, phi Tiền sanh 10, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng, phi Nghiệp, phi Quả 10 phi Bất tương ưng đều có 10.

Nên đếm rộng lối thuận và nghịch *(anuloma, paccanīya)*

Dứt cách thuận và nghịch

480.

Phi Nhân duyên có Cảnh 10,... Vô gián10, Liên tiếp 10, Tiền sanh 35, phi Hậu sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Cố hưởng, Nghiệp, Quả, Thực, Quyền, Thiền đều có 10; Đạo 1, Tương ưng 10, Bất tương ưng, Hiện hữu, Vô hữu, Ly, Bất ly đều có 10.

Dứt cách thuận nghịch

Hết phần liên quan (Paṭiccavāra)

Còn phần đồng sanh *(sahajāta)*, ỷ trượng *(paccaya)*, y chỉ *(nissaya)*, hòa hợp *(sanattha)* và tương ưng *(sampayutta)* cũng trùng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần nhan đề *(Pañhāvāra)*

481.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Nhân duyên:

Nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

482.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Nhân duyên:

Nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh lạc bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

483.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Nhân duyên:

Nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

484.

∗ Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc...

∗ ... Pháp đồng sanh hỷ...

∗ ... Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc...

Căn lạc *(sukhamūla)* có 3 câu.

485.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Nhân duyên:

Nhân đồng sanh xả làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

486.

∗ Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ...

∗ ... Pháp đồng sanh lạc...

* ... Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Nhân duyên:
Nhân đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh hỷ và đồng sanh bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

487.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cảnh duyên:
- Tâm đồng sanh hỷ bố thí, nguyện giữ ngũ (5) giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi mới nhớ lại bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Xuất thiền đồng sanh hỷ, xuất đạo đồng sanh hỷ, xuất quả đồng sanh hỷ rồi phản khán bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Tâm đồng sanh hỷ của chư Thánh phản khán phiền não đồng sanh hỷ đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, rõ biết phiền não đã từng sanh trước kia;
- Tâm đồng sanh hỷ quán ngộ *(vipassanā)* uẩn đồng sanh hỷ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái, tà kiến đồng sanh hỷ phát sanh.
- Uẩn đồng sanh hỷ mở mối *(ārabbha)* cho uẩn đồng sanh hỷ sanh ra.

488.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên:
- Tâm đồng sanh hỷ bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi mới nhớ lại bằng tâm đồng sanh lạc.
- Xuất thiền đồng sanh hỷ, xuất đạo đồng sanh hỷ, xuất quả đồng sanh hỷ rồi phản khán bằng tâm đồng sanh lạc.
- Tâm đồng sanh lạc của chư Thánh phản khán phiền não đồng sanh hỷ đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, rõ biết phiền não đã từng sanh.
- Tâm đồng sanh lạc quán ngộ *(vipassanā)* uẩn đồng sanh hỷ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái và tà kiến đồng sanh lạc phát sanh.
- Uẩn đồng sanh hỷ mở mối *(ārabbha)* cho uẩn đồng sanh lạc sanh ra.

489.

Pháp đồng sanh làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cảnh duyên:
- Tâm đồng sanh hỷ bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi mới nhớ lại bằng tâm đồng sanh xả.
- Xuất thiền, xuất đạo, xuất quả đồng sanh hỷ rồi phản khán bằng tâm đồng sanh xả.
- Chư Thánh phản khán phiền não đồng sanh hỷ đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, rõ biết phiền não đã từng sanh bằng tâm đồng sanh xả.
- Tâm đồng sanh xả quán ngộ *(vipassanā)* uẩn đồng sanh hỷ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật đồng sanh xả phát sanh.
- Tha tâm thông *(cetaparināna)* biết rõ lòng người tề toàn tâm đồng sanh hỷ.
- Uẩn đồng sanh hỷ làm duyên cho tha tâm thông *(cetaparināna)*, túc mạng thông *(pubbenivāsānussatināna)*, tùy nghiệp thông *(yathākammupa ga nana)*, vị lai thông *(anāgatasanāna)* và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Uẩn đồng sanh hỷ mở mối cho uẩn đồng sanh xả phát sanh.

490.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên:

- Bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới bằng tâm đồng sanh hỷ rồi mới nhớ lại bằng tâm đồng sanh hỷ đồng sanh lạc.
- Xuất thiền, xuất đạo, xuất quả đồng sanh hỷ rồi phản khán bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Chư Thánh nhớ lại phiền não đồng sanh hỷ đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, biết rõ phiền não đã từng sanh bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc quán ngộ uẩn đồng sanh hỷ bằng vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái, tà kiến, đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc phát sanh.
- Uẩn đồng sanh hỷ mở mối cho uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh ra.

491.

∗ Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên...

∗ Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ... làm duyên cho pháp đồng sanh xả... làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên:

Uẩn đồng sanh lạc mở mối *(ārabbha)* cho uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh ra.

492.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cảnh duyên:

- Tâm đồng sanh xả bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán bằng tâm đồng sanh xả.
- Xuất thiền, xuất đạo, xuất quả đồng sanh xả rồi phản khán bằng tâm đồng sanh xả.
- Chư Thánh phản khán phiền não đồng sanh xả đã trừ, nhớ lại phiền não hạn chế, biết rõ phiền não đã từng sanh bằng tâm đồng sanh xả.
- Tâm đồng sanh xả quán ngộ *(vipassanā)* uẩn đồng sanh xả bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật đồng sanh xả phát sanh.
- Tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn tâm đồng sanh xả.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên.
- Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
- Uẩn đồng sanh xả làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán môn bằng Cảnh duyên.
- Uẩn đồng sanh xả mở mối cho uẩn đồng sanh xả sanh ra.

493.

∗ Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ sanh ra...

∗ Pháp đồng sanh lạc...

∗ ... Pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên:

- Tâm đồng sanh xả bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi mới phản khán bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Xuất thiền, xuất đạo, xuất quả đồng sanh xả rồi phản khán bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ, phiền não hạn chế, phiền não đã từng sanh đồng sanh xả rồi phản khán bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc quán ngộ uẩn đồng sanh xả bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái, tà kiến đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc phát sanh.

- Uẩn đồng sanh xả mở mối cho uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh ra.

494.

* Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ...

* Pháp đồng sanh lạc... pháp đồng sanh xả bằng Cảnh duyên:
  - Tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi....
  - Tâm đồng sanh xả quán ngộ uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật đồng sanh xả phát sanh.
  - Tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn tâm đồng sanh xả và đồng sanh lạc.
  - Uẩn đồng sanh xả và đồng sanh lạc làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán môn bằng Cảnh duyên.
  - Uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc mở mối cho uẩn đồng sanh xả sanh ra.

495.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên,... tóm tắt...

496.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Tâm đồng sanh hỷ bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng về đó mới phản khán bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Xuất thiền, xuất đạo, xuất quả đồng sanh hỷ nặng về tâm đồng sanh hỷ đó rồi mới phản khán.
- Nặng về uẩn đồng sanh hỷ rồi phản khán bằng tâm đồng sanh hỷ thỏa thích rất hân hoan, do đó rồi ái, tà kiến đồng sanh hỷ phát sanh.
- Trưởng duyên như: Trưởng đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

497.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Tâm đồng sanh hỷ bố thí...
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên.

498.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Tâm đồng sanh hỷ bố thí... rồi tâm đồng sanh xả... tóm tắt...

499.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như:... đồng sanh hỷ...
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên.

500.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như... đồng sanh lạc,... tóm tắt...

- Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh lạc làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

501.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh... tóm tắt.

Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh lạc làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh hỷ bằng Trưởng duyên.

502.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như:... tóm tắt.

503.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh... tóm tắt....

Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh lạc làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên.

504.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh... tóm tắt....

Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh xả làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

505.

∗ Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Trưởng duyên:

Trưởng Cảnh:... tóm tắt.

∗ Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên:

Trưởng Cảnh:... tóm tắt.

506.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như:... tóm tắt.

507.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh...

Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh hỷ bằng Trưởng duyên.

508.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh tóm tắt...

Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên.

509.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như:... tóm tắt...

510.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như:...
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên.

511.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn đồng sanh hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hỷ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* bằng Vô gián duyên.

  Nên trình bày tất cả câu duyên theo nhân này.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)*.
- Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo, đạo làm duyên cho quả, quả làm duyên cho quả; tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả nhập thiền đồng sanh hỷ bằng Vô gián duyên.

512.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên:

- Uẩn đồng sanh hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh lạc sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)* đồng sanh lạc,... tóm tắt... tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh hỷ làm duyên cho quả nhập thiền đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên *(anantara paccayo)*.

513.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử *(cuti)* đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* đồng sanh xả bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* đồng sanh hỷ làm duyên cho khán môn *(āvajjana)* bằng Vô gián duyên.
- Tâm quả ý thức giới đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm tố *(kiriyā)* ý thức giới bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm hộ kiếp khách *(agantuka)* đồng sanh xả bằng Vô gián duyên.
- Thiện, bất thiện đồng sanh hỷ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* đồng sanh xả, tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho tâm quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* đồng sanh xả; tâm quả *(phala)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* đồng sanh xả bằng Vô gián duyên.

514.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên:

- Uẩn đồng sanh hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên,... tóm tắt...
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh hỷ làm duyên cho quả nhập thiền đồng sanh hỷ đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên.

515.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên:
- Uẩn đồng sanh lạc sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh lạc sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh lạc làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên,... tóm tắt...
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh lạc làm duyên cho quả nhập thiền đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên.

516.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Vô gián duyên:
- Uẩn đồng sanh lạc sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hỷ sanh sau sau,... tóm tắt...
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh lạc làm duyên cho quả nhập thiền đồng sanh hỷ bằng Vô gián duyên.

517.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Vô gián duyên:
- Tâm tử *(cuti)* đồng sanh lạc làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* đồng sanh xả bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* đồng sanh lạc làm duyên cho khán môn *(āvajjana)* bằng Vô gián duyên.
- Thân thức đồng sanh lạc làm duyên cho ý giới quả bằng Vô gián duyên.
- Ý thức giới quả đồng sanh lạc làm duyên cho ý thức giới tố *(kiriyā)* bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* đồng sanh lạc làm duyên cho tâm hộ kiếp đồng sanh xả bằng Vô gián duyên.
- Thiện, bất thiện đồng sanh lạc làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*; tố *(kiriyā)* làm duyên cho tâm quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*; quả làm duyên cho quả sơ khởi đồng sanh xả bằng Vô gián duyên.

518.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên:
- Uẩn đồng sanh lạc sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh sau sau,... tóm tắt...
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh lạc làm duyên cho quả nhập thiền đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên.

519.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Vô gián duyên:
- Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho ngũ thức *(viññāna)* bằng Vô gián duyên.
- Uẩn đồng sanh xả sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh xả sanh sau sau,... tóm tắt...
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh xả làm duyên cho quả nhập thiền đồng sanh xả; xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

520.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Vô gián duyên:
- Tâm tử *(cuti)* đồng sanh xả làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* đồng sanh hỷ;
- Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn đồng sanh hỷ;

- Ý giới quả đồng sanh xả làm duyên cho ý thức giới quả đồng sanh hỷ; tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* đồng sanh xả làm duyên cho tâm hộ kiếp đồng sanh hỷ *(pīti)*;
- Thiện, bất thiện đồng sanh xả làm duyên cho quả sơ khởi *(vutthāna)*;
- Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*;
- Quả làm duyên cho quả sơ khởi đều bằng đồng sanh hỷ.
- Xuất thiền diệt *(nirodha)* tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền đồng sanh hỷ bằng Vô gián duyên.

521.

* Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh lạc...
* ... Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên:... Đây nên quyết theo ý nghĩa như trước.

522.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ... pháp đồng sanh lạc... pháp đồng sanh xả bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử *(cuti)* đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* đồng sanh xả.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho khán môn *(āvajjana)*; ý thức giới quả đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho ý thức giới tố *(kiriyā)*; tâm hộ kiếp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho tâm hộ kiếp đồng sanh xả; thiện, bất thiện đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*; tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi, quả *(phala)* làm duyên cho quả sơ khởi đều là đồng sanh xả bằng Vô gián duyên.

523.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên:

- Uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh sau sau,... tóm tắt...
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho quả nhập thiền đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên.

524.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Liên tiếp duyên: Cũng như Vô gián duyên.

525.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Đồng sanh duyên:

1 uẩn đồng sanh hỷ làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Đồng sanh duyên

Như phần liên quan *(paṭiccavāra)*, đồng sanh *(sahajāta)* có 10 câu đề.

526.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên. Nên sắp 10 câu.

527.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y: Nương đức tin mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới bằng tâm đồng sanh hỷ,... Thiện đồng sanh hỷ phát sanh; quán ngộ... đạo,... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh hỷ.

- Nương trì giới, đa văn, xả, trí đồng sanh hỷ mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới,... gây ngã mạn, chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Nương ái,... si, ngã mạn, tà kiến... vọng dục đồng sanh hỷ mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền đồng sanh hỷ nhập thiền phát sanh bằng tâm đồng sanh hỷ,... lấy của không cho, nói láo, đâm thọc, thêu lời, lướt qua lấy của, cướp từ nhà, cướp giựt theo đường, tà dâm, giết dân vườn, giết người chợ bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Nương đức tin đồng sanh hỷ mạnh, trì giới, đa văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến... vọng dục làm duyên cho đức tin đồng sanh hỷ, trì giới, đa văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến... vọng dục (*(patthanā)* bằng Cận y duyên.

528.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y: Nương đức tin đồng sanh hỷ mạnh có thể bố thí,... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh lạc.
- Nương tâm trì giới đồng sanh hỷ mạnh có thể đa văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến... nương vọng dục (*(patthanā)* mạnh có thể bố thí... nhập thiền bằng tâm đồng sanh lạc.
- ... lấy của không cho... giết dân đô thị bằng tâm đồng sanh lạc.
- Nương đức tin đồng sanh hỷ mạnh... vọng dục làm duyên cho đức tin đồng sanh lạc,... vọng dục và thân thức thọ lạc bằng Cận y duyên.

529.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh hỷ mạnh có thể bố thí,... thông phát sanh, nhập thiền phát sanh... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh xả.
- Nương trì giới đồng sanh hỷ mạnh,... vọng dục có thể bố thí... giết dân đô thị bằng tâm đồng sanh xả.
- Nương đức tin... vọng dục đồng sanh hỷ mạnh làm duyên cho đức tin, vọng dục đồng sanh xả bằng Cận y duyên.

530.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh hỷ mạnh có thể bố thí,... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Nương trì giới... vọng dục đồng sanh hỷ mạnh có thể bố thí... giết dân đô thị... bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Nương đức tin... vọng dục đồng sanh hỷ mạnh làm duyên cho đức tin, vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cận y duyên.

531.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí,... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh lạc.
- Nương trì giới, vọng dục, thân thức đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí... giết dân thành thị bằng tâm đồng sanh lạc.

- Nương đức tin đồng sanh lạc... vọng dục, thân thức đồng sanh lạc làm duyên cho đức tin, vọng dục, thân thức đồng sanh lạc bằng Cận y duyên.

532.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí,... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Nương giới, vọng dục, thân thức đồng sanh lạc mạnh có thể làm cho bố thí... giết dân thành thị bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Nương đức tin đồng sanh lạc... vọng dục... thân thức đồng sanh lạc làm duyên cho đức tin, vọng dục đồng sanh hỷ bằng Cận y duyên.

533.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh lạc mạnh làm duyên cho bố thí,... thông *(abhiññā)*... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh xả.
- Nương giới, vọng dục và thân thức đồng sanh lạc mạnh có thể làm cho bố thí... Sát dân thành thị bằng tâm đồng sanh xả.
- Nương đức tin đồng sanh lạc... vọng dục... thân thức đồng sanh lạc mạnh làm duyên cho đức tin, vọng dục đồng sanh xả bằng Cận y duyên.

534.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí,... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Nương trì giới... vọng dục và thân thức đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí... cho đến giết dân thành thị bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Nương đức tin đồng sanh lạc... vọng dục... thân thức đồng sanh lạc làm duyên cho đức tin, vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cận y duyên.

535.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh xả mạnh làm duyên cho bố thí, thông phát sanh... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh xả.
- Nương trì giới... vọng dục đồng sanh xả làm duyên cho bố thí... giết dân thành thị bằng tâm đồng sanh xả.
- Nương đức tin... vọng dục đồng sanh xả mạnh làm duyên cho đức tin và vọng dục đồng sanh xả bằng Cận y duyên.

536.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như nương đức tin đồng sanh xả mạnh có thể bố thí... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Nương trì giới... vọng dục đồng sanh xả mạnh có thể bố thí,... sát dân chúng bằng tâm đồng sanh hỷ.

- Nương đức tin... vọng dục đồng sanh xả mạnh làm duyên cho đức tin vọng dục đồng sanh hỷ bằng Cận y duyên.

537.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như nương đức tin đồng sanh xả mạnh có thể bố thí... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh lạc.
- Nương trì giới... vọng dục đồng sanh xả có thể bố thí... sát dân chúng bằng tâm đồng sanh lạc.
- Nương đức tin... vọng dục đồng sanh xả làm duyên cho đức tin... vọng dục đồng sanh lạc và thân thức đồng sanh lạc bằng Cận y duyên.

538.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như nương đức tin đồng sanh xả mạnh có thể bố thí... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Nương trì giới... vọng dục đồng sanh xả mạnh có thể bố thí... sát dân chúng bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Nương đức tin... vọng dục đồng sanh xả làm duyên cho đức tin... vọng dục đồng sanh lạc bằng Cận y duyên.

539.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Nương trì giới... vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc có thể bố thí... giết dân chúng bằng tâm đồng sanh hỷ.
- Nương đức tin... vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho đức tin, vọng dục đồng sanh hỷ bằng Cận y duyên.

540.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh lạc.
- Nương trì giới... vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí... giết dân chúng bằng tâm đồng sanh lạc.
- Nương đức tin... vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho đức tin... vọng dục đồng sanh lạc và thân thức đồng sanh lạc bằng Cận y duyên.

541.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí... thông *(abhiññā)* phát sanh... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh xả.
- Nương trì giới... vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí... Sát dân chúng bằng tâm đồng sanh xả.
- Nương đức tin... vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho đức tin... vọng dục đồng sanh xả bằng Cận y duyên.

542.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc mạnh có thể làm cho bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới *(uposathakamma),...* Thiền đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc phát sanh.
- Quán ngộ,... đạo... nhập thiền... ngã mạn... chấp tà kiến bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Nương trì giới... đa văn, xả, trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc... nương vọng dục mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc; quán ngộ,... đạo... nhập thiền bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Lấy của không cho, nói láo, đâm thọc, thêu lời, lướt qua lấy của, cướp từ nhà, cướp giựt theo đường, tà dâm, giết dân vườn, giết người chợ bằng tâm đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc.
- Nương đức tin đồng... vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc mạnh làm duyên cho đức tin... vọng dục đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cận y duyên.

543.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn đồng sanh hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hỷ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận tùng *(anuloma)* đồng sanh hỷ làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* đồng sanh hỷ; tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(anuloma)*; tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; tâm dũ tịnh *(anuloma)* làm duyên cho tâm đạo bằng Cố hưởng duyên.

544.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn đồng sanh hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh lạc sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* đồng sanh lạc bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)* đồng sanh lạc bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm chuyển tộc đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm đạo đồng sanh lạc, tâm dũ tịnh *(vodanā)* đồng sanh hỷ làm duyên cho tâm đạo đồng sanh lạc bằng Cố hưởng duyên.

545.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn đồng sanh hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên,... tóm tắt...
- dũ tịnh *(vodanā)* đồng sanh hỷ làm duyên cho đạo đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cố hưởng duyên.

546.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc... pháp đồng sanh hỷ... pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cố hưởng duyên, tóm tắt...

Nên sắp theo cách hỷ *(pīti)*.

547.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn đồng sanh xả sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh xả sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm dũ tịnh đồng sanh xả làm duyên cho đạo đồng sanh xả bằng Cố hưởng duyên.

548.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ... pháp đồng sanh lạc... pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên,... tóm tắt.
- Tâm dũ tịnh *(vodanā)* đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho đạo đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cố hưởng duyên.

549.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Tư đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời *(Nānākhaṇika)* như tư đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn quả bằng Nghiệp duyên.

550.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn quả đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên.

551.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn quả đồng sanh xả bằng Nghiệp duyên.

552.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh:...
- Biệt thời như: Tư đồng sanh hỷ làm duyên cho uẩn quả đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên.

553.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc... Nên sắp 4 cách theo như đã giải.

554.

∗ Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

* ... Pháp đồng sanh hỷ bằng Nghiệp duyên: Biệt thời như...
* ... Pháp đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên: Biệt thời như: Tư đồng sanh xả...
* ... Pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên: Biệt thời như: Tư đồng sanh xả...
* ... Pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ... Nên sắp 4 câu.

Người biết nên sắp rộng theo đồng sanh hỷ.

555.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Quả duyên:
- 1 uẩn quả đồng sanh hỷ làm duyên cho 3 uẩn bằng Quả duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn đồng sanh hỷ làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.

Cũng như phần liên quan *(paṭiccavāra)* trong Nhân duyên, nên phân rộng 10 câu như thế.

556.

* Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Thực duyên,... bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Hiện hữu duyên.

  Sắp rộng 10 câu.

* ... Bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên.

  Vô hữu duyên và Ly duyên như Vô gián duyên.

* ... Bằng Bất ly duyên.

557.

Nhân 10, Cảnh 16, Trưởng 16, Vô gián 16, Liên tiếp 16, Đồng sanh 10, Hỗ tương 10, Y chỉ 10, Cận y 16, Cố hưởng 10, Nghiệp 16, Quả 10, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu tất cả đều có 10 câu; Vô hữu 16, Ly 16, Bất ly 10.

Người biết nên sắp theo thuận tùng trong tam đề thiện.

Dứt cách thuận tùng

558.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

559.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

560.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

561.

Pháp đồng sanh hỷ làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

562.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

563.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

564.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

565.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

566.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

567.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

568.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

569.

Pháp đồng sanh xả làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

570.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

571.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

572.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

573.

Chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc làm duyên cho chư pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

574.

Phi Nhân 16, phi Cảnh, phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Đồng sanh, phi Hỗ tương, phi Y chỉ, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo, phi Tương ưng, phi Bất tương ưng, phi Hiện hữu, phi Vô hữu, phi Ly, phi Bất ly tất cả đều có 16.

Người biết nên sắp theo phần nghịch *(paccanīya)*.

Dứt cách đối lập

575.

Nhân duyên có phi Cảnh 10, phi Trưởng 10, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo, phi Bất tương ưng, phi Vô hữu, phi Ly 16, tất cả đều có 10.

Người biết nên sắp cách thuận, nghịch *(anuloma, paccanīya)*

Dứt cách thuận và nghịch

576.

∗ Phi Nhân duyên có Cảnh 16, Trưởng, Vô gián, Liên tiếp đều có 16; Đồng sanh 10, Hỗ tương 10, Y chỉ 10, Cận y 16, Cố hưởng 10, Nghiệp 16, Quả 10, Thực 10, Quyền 10, thiền 10, Đạo 10, Tương ưng 10, Hiện hữu 10, Vô hữu 16, Ly 16, Bất ly 10.
Người biết nên sắp theo thuận *(anuloma)*, nghịch *(paccanīya)*.

Dứt cách thuận và nghịch
Hết tam đề hỷ đề thứ 7 chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ SƠ ĐẠO *(DASSANATTKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

577.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ *(dassanenapahātabbadhamma)*, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ và phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ.

∗ Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ; 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.

578.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ba đạo cao tuyệt trừ.

∗ Chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên *(hetupaccayo)*:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāyapahātabba)*, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.

579.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 3 đại sung *(mahābhūta)* liên quan 1 đại sung; 2 đại sung liên quan 2 đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh *(katattārūpa)* thuộc sắc y sinh *(upādārūpa)* liên quan đại sung.

580.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ và sắc đại sung.

581.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung.

582.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

583.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

584.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(nevadassanena nabhāvanāyapahātabba)*, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn, uẩn liên quan vật *(vatthu)*.

585.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên có 3 câu.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn, 3 đại sung liên quan 1 đại sung, 2 đại sung liên quan 2 đại sung, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung *(mahābhūta)*.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung.

586.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên:

Trùng như Cảnh duyên

587.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên có 3 câu:

∗ ... Ba đạo cao *(bhāvanāya)*... có 3 câu.

* ... Phi sơ đạo *(nevadassanena)*...:
... liên quan 1 đại sung,... sắc ngoại *(bāhirarūpa)*,... sắc vật thực,... sắc âm dương... người Vô tưởng:... 1 đại sung

* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung *(mahābhūta)*.

* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung.

588.

* Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Hỗ tương duyên: Có 1 câu.
* ... Ba đạo cao tuyệt trừ... 1 câu.

* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Hỗ tương duyên:
  - 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn, vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật *(vatthu)*; 3 đại sung liên quan 1 đại sung, 2 đại sung liên quan 2 đại sung, sắc ngoại *(bāhirarūpa)*, sắc vật thực, sắc âm dương...
  - Người Vô tưởng:... 2 đại sung liên quan 2 đại sung.

589.

* Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Y chỉ duyên: Cũng như Nhân duyên.
* ... Do Cận y duyên... có 3 câu.
* ... Do Tiền sanh duyên... có 3 câu, không có tục sinh.
* ... Do Cố hưởng duyên... không có quả tục sinh.
* ... Do Nghiệp duyên: Sắc đại sung nội bộ *(ajjhattikarūpā)* và người Vô tưởng: Sắc đại sung đầy đủ.

590.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Quả duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn quả. Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung... sắc nương tâm sanh và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan sắc đại sung.

591.

* Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Thực duyên:
Đầy đủ sắc đại sung nội bộ *(ajjhattikamahābhūtarūpā)* sắc vật thực *(āhārasamutthānarūpā)*.
* ... Do Quyền duyên như Nghiệp duyên.
* ... Do Thuyền duyên, do Đạo duyên như Nhân duyên.
* ... Do Tương ưng duyên như Cảnh duyên.
* ... Do Bất tương ưng duyên như Bất tương ưng duyên trong tam đề thiện.
* ... Do Hiện hữu duyên như Đồng sanh duyên.

* ... Do Vô hữu duyên,... do Ly duyên, do Bất ly duyên.

592.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Vô gián 3, Liên tiếp 3; Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 9, Quả 1, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 9.

Bài này, người biết rành nên sắp theo thuận tùng.

Dứt cách thuận tùng

593.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi.

594.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh phóng dật.

595.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn; vật *(vatthu)* liên quan uẩn, uẩn liên quan vật *(vatthu)*; 3 đại sung liên quan 1 đại sung, sắc nương tâm sanh sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung; sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: 3 đại sung liên quan 1 đại sung, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

596.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ.

597.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ba đạo cao tuyệt trừ.

598.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, vật liên quan uẩn,... 1 đại sung... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: 1 đại sung...

599.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

600.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung.

601.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Trưởng duyên:

Sắp đầy đủ như Nhân duyên *(Hetupaccayo)*.

∗ ... Do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên...

602.

∗ ... Do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn liên quan 1 uẩn Vô sắc ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ...

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ba đạo cao tuyệt trừ.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn Vô sắc phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn, vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 3 đại sung liên quan 1 đại sung, sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: 1 đại sung...

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ và sắc đại sung *(mahābhūta rūpa)*.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung.

603.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Hậu sanh duyên; do phi Cố hưởng duyên, do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* sơ đạo tuyệt trừ liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ.

604.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* ba đạo cao tuyệt trừ liên quan uẩn ba đạo cao tuyệt trừ.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

- Tư phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: 1 đại sung...

605.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Quả duyên:

Như phi Trưởng duyên... không có tục sinh.

606.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Thực duyên:

Sắc ngoại,... sắc âm dương... người Vô tưởng: 1 đại sung...

607.

... Liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Quyền duyên:

Sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... 1 đại sung... người Vô tưởng: Sắc mạng quyền liên quan sắc đại sung.

608.

... Liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Thiền duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh ngũ thức *(viññāna)*, 2 uẩn... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương...

Người Vô tưởng: 1 đại sung...

609.

... Liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Đạo duyên:

Vô nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ. Sát-na tục sinh vô nhân... 1 đại sung... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... Người Vô tưởng:... 1 đại sung...

610.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Tương ưng duyên:

Cũng như Cảnh duyên *(ārammaṇapaccayo)*.

611.

* ... Pháp sơ đạo tuyệt trừ... do phi Bất tương ưng duyên:
  ... liên quan 1 uẩn cõi Vô sắc sơ đạo tuyệt trừ.
* ... Pháp ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Bất tương ưng duyên:
  ... 1 uẩn cõi Vô sắc ba đạo cao tuyệt trừ.
* ... Do phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Bất tương ưng duyên:
  ... liên quan 1 uẩn cõi Vô sắc phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ; sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... Người Vô tưởng...

612.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ... do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên:

Cũng như phi Cảnh duyên.

613.

Phi Nhân 3; phi Cảnh 5, phi Trưởng 9, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Biết rồi nên sắp đếm.

Dứt cách đối lập

614.

Nhân duyên có phi Cảnh 5, phi Trưởng 9, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Người biết nên sắp theo như thế.

Dứt cách thuận nghịch

615.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 2, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

Người biết nên sắp theo như thế này.

Dứt cách thuận và nghịch

Hết phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần Đồng Sanh *(Sahajātavāra)*

616.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ đồng sanh pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn đồng sanh 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ, 2 uẩn đồng sanh...

Phần đồng sanh *(sahajāta)* như phần liên quan *(paṭicca)*

Phần Ỷ Trượng *(Paccajavāra)*

617.

* Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp ba đạo cao tuyệt trừ có 3 câu.

618.

* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn...
  - Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn, vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật, 3 đại sung nhờ cậy 1 đại sung, sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh nhờ cậy đại sung; uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.
* Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

  Uẩn sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật.
* Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

  Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.
* Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

  Uẩn sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.
* Chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

619.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.

∗ Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật. Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.

620.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn và vật.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung.

∗ Chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn và vật *(vatthu)*; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung.

621.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn.

622.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ.

623.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... 2 uẩn, uẩn nhờ cậy vật, nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ.
- Uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:
Uẩn sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:
Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật *(vatthu)*.

624.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn nhờ cậy 2 và vật

625.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật.

626.

* Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên: đầy đủ; tục sinh không có.
* ... Do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên như Cảnh duyên.

627.

* ... Do Đồng sanh duyên:... 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ, có 3 câu.
* ... Pháp ba đạo cao tuyệt trừ... có 3 câu.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:
  - 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật, 3 đại sung nhờ cậy 1 đại sung,... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... nhờ cậy đại sung.
  - Người Vô tưởng: 1 đại sung...
  - Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân thức nhờ cậy thân xứ. uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.
* Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do do Đồng sanh duyên:

  Ngoại ra như Nhân duyên *(Hetupaccayo)*.

628.

* Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên không có tục sinh.
* ... Do Cố hưởng duyên không có tục sinh và quả.
* ... Do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

629.

Nhân 17, Cảnh 7, Trưởng 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 7, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 7, Nghiệp 17, Quả 1, Thực 17, Quyền 17, Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 17; Nên sắp như thế.

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

630.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi.

631.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh phóng dật.

632.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật. Sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng:...
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân thức nhờ cậy thân xứ, uẩn vô nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật *(vatthu)*.

633.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và vật *(vatthu)*.

634.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Nhân duyên: Si đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh phóng dật và vật *(vatthu)*.

635.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn sơ đạo tuyệt trừ.

636.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn ba đạo cao tuyệt trừ.

637.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:
- Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh nhờ cậy uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, vật nhờ cậy uẩn,... nhờ cậy 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng...

638.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.

639.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và sắc đại sung.

640.

* Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Trưởng duyên: Như Đồng sanh duyên.
* ... Do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên.

641.

* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên: ... nhờ cậy 1 uẩn cõi Vô sắc sơ đạo tuyệt trừ.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn sơ đạo tuyệt trừ.

642.

* Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Tiền sanh duyên:
  ... 1 uẩn cõi Vô sắc ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāyapahātabba)*.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Tiền sanh duyên:
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn ba đạo cao tuyệt trừ.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Tiền sanh duyên:
  - 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn cõi Vô sắc phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
  - Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh nhờ cậy uẩn, vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật,... 1 đại sung... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương...
  - Người Vô tưởng: 1 đại sung...
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Tiền sanh duyên:
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung
* Pháp sơ đạo tuyệt trừ... do phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên...

643.

* ... Do phi Nghiệp duyên:
  Tư *(cetanā)* sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy uẩn sơ đạo tuyệt trừ.
* ... Pháp ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Nghiệp duyên:

  ... Tư *(cetanā)* ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy uẩn ba đạo cao tuyệt trừ.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nghiệp duyên:

  Tư *(cetanā)* phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương...
* Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

  Tư *(cetanā)* sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật *(vatthu)*

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.

644.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy uẩn sơ đạo tuyệt trừ và vật.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và vật *(vatthu)*.

645.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Quả duyên: đầy đủ, không có tục sinh.

∗ ... Do phi Thực duyên:

... sắc ngoại,... sắc âm dương... người Vô tưởng...

∗ ... Do phi Quyền duyên:

... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... người Vô tưởng: Sắc mạng quyền nhờ cậy sắc đại sung.

∗ ... Do phi Thiền duyên:

... ngũ thức *(viññāna)*,... sắc ngoại... người Vô tưởng...

∗ ... Do phi Đạo duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ. Sát-na tục sinh vô nhân: 1 đại sung... người Vô tưởng.

∗ ... Do phi Tương ưng duyên:

∗ ... Do phi Bất tương ưng duyên:

... nhờ cậy 1 uẩn cõi Vô sắc sơ đạo tuyệt trừ, 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn cõi Vô sắc ba đạo cao tuyệt trừ.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... 2 uẩn,... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... Người Vô tưởng...

∗ ... Do phi Vô hữu duyên,... do phi Ly duyên:...

646.

Phi nhân 7, phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Dứt cách đối lập

647.

Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

Dứt cách thuận nghịch

648.

Phi Nhân duyên có Cảnh 7,... vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 7, Hỗ tương 7, Y chỉ 7, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng7, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 6, Tương ưng 7, Bất tương ưng 7, Hiện hữu 7, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7.

Nên sắp như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

Hết phần ỷ trượng (paccaya)

Nên sắp phần y chỉ *(nissayavāra)* như phần ỷ trượng *(paccaya)*

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

649.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ, 2 uẩn hòa hợp 2 uẩn.

650.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

... hòa hợp 1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ.

651.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

... 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... Sát-na tục sinh:.. hòa hợp 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.

652.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

Tất cả câu nhị đề *(duka)* sắp rộng đều có 3 tất cả.

653.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng3, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

654.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi.

655.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh phóng dật.

656.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... Sát-na tục sinh vô nhân...

657.

* Pháp sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Trưởng duyên... do phi Tiền sanh duyên, do phi Hậu sanh, do phi Cố hưởng duyên, do phi Nghiệp duyên, do phi Quả duyên.
* ... Do phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Thiền duyên:... ngũ thức *(viññāna)*.

* ... Do phi Đạo duyên:... vô nhân...
* Phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Bất tương ưng duyên có 3 câu.

658.

Phi Nhân 3; phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3.

Hết phần nghịch (paccanīya)

659.

Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

Dứt cách thuận và nghịch

660.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 2, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3.

Dứt cách thuận và nghịch

Hết phần hòa hợp

Phần Tương Ưng *(Sampayuttavāra)*

661.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Phần tương ưng *(sampayutta)* như phần hòa hợp *(saṅsaṭṭha)*

Phần Nhan Đề *(Pañhāvāra)*

662.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra bằng Nhân duyên:

Nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

663.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

664.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

665.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

666.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

667.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

668.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

- Nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

669.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Ái sơ đạo tuyệt trừ thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái sơ đạo tuyệt trừ sanh ra, tà kiến sanh ra, hoài nghi và ưu sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.
- Tà kiến thỏa thích rất hân hoan, do đó, khai đoan ái sơ đạo tuyệt trừ phát sanh, tà kiến phát sanh, hoài nghi sanh và ưu sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.
- Hoài nghi mở mối cho hoài nghi sanh, tà kiến sanh, ưu sơ đạo tuyệt trừ sanh; ưu sơ đạo tuyệt trừ mở mối cho ưu sơ đạo tuyệt trừ sanh, hoài nghi sanh ra.

670.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh phản khán phiền não sơ đạo đã tuyệt trừ, rõ phiền não đã từng sanh; quán ngộ *(vipassana)* uẩn sơ đạo tuyệt trừ bằng vô thường, khổ não, vô ngã.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn (hội hiệp) tâm sơ đạo tuyệt trừ.
- Uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông và khán môn bằng Cảnh duyên.

671.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Ái ba đạo cao tuyệt trừ thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái ba đạo cao tuyệt trừ sanh, phóng dật sanh, ưu ba đạo cao tuyệt trừ sanh.
- Phóng dật khai đoan phóng dật ba đạo cao tuyệt trừ sanh; ưu ba đạo cao tuyệt trừ mở mối cho uẩn ba đạo cao tuyệt trừ sanh, phóng dật sanh.

672.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Ái ba đạo cao tuyệt trừ thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái sơ đạo tuyệt trừ sanh, tà kiến phát sanh, hoài nghi sanh và ưu sơ đạo tuyệt trừ sanh.
- Phóng dật mở mối cho tà kiến sanh, hoài nghi sanh, ưu sơ đạo tuyệt trừ sanh.
- Ưu ba đạo cao tuyệt trừ mở mối cho ưu sơ đạo tuyệt trừ sanh, tà kiến sanh, hoài nghi sanh.

673.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh phản khán phiền não ba đạo cao đã tuyệt trừ, phản khán phiền não hạn chế, rõ phiền não đã từng sanh; quán ngộ uẩn ba đạo cao tuyệt trừ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm ba đạo cao tuyệt trừ.
- Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

674.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nhớ lại; nhớ thiện đã từng làm chứa để trước kia.
- Xuất thiền phản khán thiền; chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Quán ngộ *(vipassanā)* nhãn bằng vô thường, khổ não, vô ngã...
- ... Nhĩ,... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc,.. Vật.
- Quán ngộ uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng...
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ,
- Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ,
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Cảnh duyên.
- Xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.
- Uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán môn bằng Cảnh duyên.

675.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* cho ái, tà kiến, hoài nghi và ưu sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.
- Nhớ thiện đã từng làm chứa để. xuất thiền thỏa thích thiền do đó khai đoan ái sơ đạo tuyệt trừ... tà kiến, hoài nghi sanh ra.
- Sau khi thiền hoại, ưu sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.
- Thỏa thích rất hân hoan nhãn, thỏa thích rất hân hoan nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc,... vật…
- Thỏa thích rất hân hoan uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, do đó khai đoan ái sơ đạo tuyệt trừ... tà kiến, hoài nghi sanh ra.

676.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái, phóng dật và ưu ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra. Nhớ thiện đã từng làm chứa để trước kia.
- Xuất thiền phản khán thiền;... nhãn... vật... thỏa thích uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ do đó mở mối cho ái, phóng dật và ưu ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.

677.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Nặng về ái sơ đạo tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.
- Nặng về tà kiến rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến (thuộc phần) sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.

- Trưởng đồng sanh như: Trưởng sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

678.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

679.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

680.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Nương về ái ba đạo cao tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

681.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về ái ba đạo cao tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.

682.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh *(cittasamutthārūpa)*.

683.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh.

684.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng về đó mới nhớ lại,... Thiện đã từng làm chứa để. xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán.
- Chư thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán, nặng về quả rồi phản khán, nặng về Níp Bàn rồi phản khán.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo và quả bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

685.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng về đó thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó mà ái, tà kiến sơ đạo tuyệt trừ mới phát sanh. Nặng về thiện đã từng làm chứa để rồi...
- Xuất thiền nặng về thiền rồi...
- ... Vật... Nặng về uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến phần sơ đạo tuyệt trừ mới phát sanh.

686.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ...

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi mới làm cho ái ba đạo cao tuyệt trừ phát sanh.
- ... Thiện đã từng làm chứa để trước kia. Nặng về uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái ba đạo cao tuyệt trừ phát sanh.

687.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

Uẩn sơ đạo tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn sơ đạo tuyệt trừ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

688.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

689.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn ba đạo cao tuyệt trừ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

690.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho quả sơ khởi bằng Vô gián duyên.

691.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)*, tâm chuyển tộc làm duyên cho tâm đạo, tâm dũ tịnh làm duyên cho tâm đạo, tâm đạo làm duyên cho tâm quả, tâm quả làm duyên cho tâm quả; tâm thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền; xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

692.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ...

Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô gián duyên.

693.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên

Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên.

694.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Liên tiếp duyên: Như Vô gián duyên.

695.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Đồng sanh duyên: Có 3 câu.

696.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ... có 3 câu.

697.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Đồng sanh duyên; vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn, 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung; đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh,... sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng...

698.

Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh.

699.

Chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Đồng sanh duyên:

Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh.

700.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Hỗ tương duyên:

1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ...

701.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ...

1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn.

702.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

- 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn... uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn, 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung bằng Hỗ tương duyên
- Người Vô tưởng...

703.

* Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Y chỉ duyên có 3 câu.
* ... 3 đạo cao... có 3 câu.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
- 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn, 1 đại sung... người Vô tưởng...
- Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật...

704.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Y chỉ duyên...

Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn sơ đạo tuyệt trừ bằng Y chỉ duyên.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ...

Vật làm duyên cho uẩn ba đạo cao tuyệt trừ bằng Y chỉ duyên.

705.

Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Y chỉ duyên:

1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn...

706.

Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh.

707.

Chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Y chỉ duyên:

1 uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn...

708.

Chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Y chỉ duyên:

Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh.

709.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương ái sơ đạo tuyệt trừ mạnh có thể sát sanh, trộm cướp... phá hòa hợp Tăng.
- Nương sân sơ đạo tuyệt trừ... si... tà kiến... vọng dục *(patthāna)* có thể sát sanh,... phá hòa hợp Tăng.
- Ái sơ đạo tuyệt trừ... sân, si, tà kiến... vọng dục làm duyên cho ái, sân, si, tà kiến, vọng dục phần sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

710.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... có Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như nương ái sơ đạo tuyệt trừ mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới...tóm tắt... nhập thiền phát sanh.
- Nương sân... vọng dục phần sơ đạo tuyệt trừ mạnh có thể bố thí,... nhập thiền phát sanh.

- Nương ái sơ đạo tuyệt trừ mạnh... sân, si, tà kiến... vọng dục làm duyên cho đức tin, trí, thân lạc, thân khổ và quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

711.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương ái ba đạo cao tuyệt trừ, sân, si, ngã mạn,... vọng dục *(patthanā)* mạnh làm duyên cho ái ba đạo cao tuyệt trừ, sân, si, ngã mạn, vọng dục bằng Cận y duyên.

712.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái ba đạo cao tuyệt trừ mạnh có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
- Nương sân ba đạo cao tuyệt trừ mạnh... si... ngã mạn...vọng dục mạnh có thể sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương ái ba đạo cao tuyệt trừ... sân, si, ngã mạn... vọng dục mạnh làm duyên cho ái sơ đạo tuyệt trừ, sân, si, tà kiến, vọng dục mạnh bằng Cận y duyên.
- Nương dục ái trong vật phẩm của mình *(chandarāga sakabhanda)* làm duyên cho dục ái trong vật phẩm của người khác *(chandarāga parabhanda)* bằng Cận y duyên.
- Dục ái trong vật yêu mến của mình làm duyên cho dục ái trong vật yêu mến của ngưi khác bằng Cận y duyên.

713.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái ba đạo cao tuyệt trừ mạnh có thể bố thí... cho đến nhập thiền phát sanh.
- Nương sân ba đạo cao tuyệt trừ... si, ngã mạn, vọng dục mạnh có thể bố thí... cho đến nhập thiền phát sanh.
- Nương ái ba đạo cao tuyệt trừ... sân, si, ngã mạn... vọng dục mạnh làm duyên cho đức tin, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

714.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí cho đến nhập thiền phát sanh.
- Nương trì giới mạnh có thể đa văn, xả thí *(cāga)*, trí, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... chỗ ở mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương sức tin mạnh... trì giới, đa văn, xả, trí, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin, trí, thân lạc, thân khổ và quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

715.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh... chấp tà kiến... nương giới... chỗ ở mạnh có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin... chỗ ở mạnh làm duyên cho ái, sân, si, ngã mạn, vọng dục sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

716.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh gây ngã mạn; nương giới... trí, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... chỗ ở mạnh có thể gây ngã mạn.
- Nương đức tin, trí, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực chỗ ở làm duyên cho ái, sân, si, ngã mạn, vọng dục phần ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

717.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ *(vipassanā)* nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã. Quán ngộ nhĩ... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật *(vatthu)*...
- Thiên nhãn *(dibbacakkhu)* thấy sắc, thiên nhĩ *(dibbasota)* nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên.

718.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: thỏa thích rất hân hoan nhãn do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi và ưu về phần sơ đạo tuyệt trừ phát sanh...
- Thỏa thích rất hân hoan vật *(vatthu)* do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi và ưu về phần sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn sơ đạo tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên.

719.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Thỏa thích rất hân hoan nhãn, do đó khai đoan ái, phóng dật và ưu về phần ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.
- ... Nhĩ...Thân, sắc,... xúc... thỏa thích rất hân hoan vật do đó khai đoan nhĩ,... ái, phóng dật và ưu về phần ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.
- Vật tiền sanh như vật làm duyên cho uẩn ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh.

720.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

721.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ sanh sau sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

722.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh sau sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

723.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn sơ đạo tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

724.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

725.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)*; tâm thuận thứ làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)*; tâm chuyển tộc làm duyên cho đạo (Magga); tâm dũ tịnh làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

726.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

727.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Tư sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời *(Nānākhaṇika)* như: Tư sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

728.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

729.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

730.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

731.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

732.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh.
- Biệt thời *(nānākhaṇika)* như: Tư phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

733.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Quả duyên:

- 1 uẩn quả phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Quả duyên.

734.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Thực duyên:
... tóm tắt... Đoàn thực *(kabalikārāhāra)* có 7 câu đề.

∗ ... Bằng Quyền duyên:
Nhãn quyền và sắc mạng quyền có 7 câu

∗ ... Bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

735.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh: Bài này trùng như sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena)*

736.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên: Có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên. Uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên
- Hậu sanh như: Uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

737.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn sơ đạo tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên.

738.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn ba đạo cao tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên.

739.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn

740.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

741.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh, 2 uẩn...

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ... có 3 câu; nên sắp như sơ đạo *(dammanena).*

742.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

- Đồng sanh như: 1 uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn bằng Hiện hữu duyên, 1 đại sung... tóm tắt...
- Người Vô tưởng: 1 đại sung...
- Tiền sanh như: Quán ngộ *(vipassanā)* nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã... quán ngộ nhĩ... thân, sắc,... xúc,... vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Thiên nhãn thấy sắc,... thiên nhĩ *(dibbasota)* nghe tiếng.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức... xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật làm duyên cho uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho thân ấy sanh trước trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy, sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh.

743.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên:

- Tiền sanh như: Thỏa thích rất hân hoan nhãn, do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi và ưu sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.

- Thỏa thích nhĩ... vật; vật làm duyên cho uẩn sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên.

744.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên:

- Tiền sanh như: Thỏa thích rất hân hoan nhãn, do đó khai đoan ái, tà kiến và ưu ba đạo cao tuyệt trừ phát sanh...
- Thỏa thích rất hân hoan nhĩ... vật *(vatthu)*.
- Vật làm duyên cho uẩn ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)*.

745.

Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và vật...

746.

Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

747.

Chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ... nên sắp 2 câu đề.

748.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

749.

Nhân 7, Cảnh 8, Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 8, Hậu sanh 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận tùng

750.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

751.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

752.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Đồng sanh duyên:

753.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên.

754.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

755.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

756.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Đồng sanh duyên.

757.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

758.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

759.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

760.

Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ... có Đồng sanh và Tiền sanh.

761.

Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

762.

Chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ... có Đồng sanh và Tiền sanh.

763.

Chư pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

764.

Phi Nhân 14, phi Cảnh 14, phi Trưởng 14, phi Vô gián 14, phi Liên tiếp 14, phi Đồng sanh 10, phi Hỗ tương 10, phi Y chỉ 10, phi Cận y 14, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 14, phi Cố hưởng 14, phi nghiệp 14, phi Quả 14, phi Thực 14, phi Quyền 14, phi Thiền 14, phi Đạo 14, phi Tương ưng 10, phi Bất tương ưng 8, phi Hiện hữu 8, phi Vô hữu 14, phi Ly 14, phi Bất ly 8. Nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

765.

Nhân duyên có phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Thực 7, phi Quyền 7, phi Thiền 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

766.

∗ Phi Nhân duyên có Cảnh 8,... Trưởng10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 8, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 8, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận - nghịch
Tam đề sơ đạo thứ 8 chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
(DASSANENA PAHĀTABBA HETUKATTKA)

Phần Liên Quan *(Patticcavāra)*

767.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, 2 uẩn...

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... liên quan 2 uẩn.

768.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn...

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.

∗ Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ,... 2 uẩn...

769.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn, sắc nương tâm sanh liên quan si đồng sanh hoài nghi. Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn... Vật liên quan uẩn, uẩn

liên quan vật;... liên quan 1 đại sung;... sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh phóng dật.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh liên quan si đồng sanh hoài nghi.

∗ Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh liên quan si đồng sanh phóng dật.

770.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và si.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi và si.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si,... liên quan 2 uẩn và si.

771.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và si.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đồng sanh phóng dật và si.

∗ Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si.

772.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ... do Cảnh duyên:

3 uẩn và si liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, 2 uẩn và si liên quan 2 uẩn.

773.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên có 3 câu, nên phân rộng ra như hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassannena pahātabba hetuka)*.

774.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: Uẩn liên quan vật.

775.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Cảnh duyên:

Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi.

776.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Cảnh duyên:

Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh phóng dật.

777.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và si.

778.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và si

779.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên có 3 câu, như Nhân duyên.

∗ ... Liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... 3 câu như Nhân duyên.

Trưởng *(adhipati)* không có si.

780.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Trưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn... 3 đại sung liên quan 1 đại sung;... sắc nương tâm sanh thuộc y sinh liên quan đại sung,

781.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo ba đạo cao tuyệt trừ... do Trưởng duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

782.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Trưởng duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.

∗ ... Phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên: Như Cảnh duyên.

783.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ... do Đồng sanh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, si và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ... do Đồng sanh duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn, 3 uẩn với si và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi.

784.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... do Đồng sanh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, si và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đồng sanh phóng dật.

∗ Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... do Đồng sanh duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn, 3 uẩn với si và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn đồng sanh phóng dật.

785.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Đồng sanh duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... 2 uẩn...; sắc nương tâm sanh liên quan si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.
- Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật. 3 đại sung liên quan 1 đại sung,... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... người Vô tưởng: 1 đại sung...

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Đồng sanh duyên:

Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... tóm tắt... nên sắp như Nhân duyên *(Hetupaccayo)*.

786.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên, do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

787.

Nhân 17, Cảnh 11, Trưởng 9, Vô gián 11, Liên tiếp 11, Đồng sanh 17, Hỗ tương 11, Y chỉ 17, Cận y 11, Tiền sanh 11, Cố hưởng 11, nghiệp 17, Quả 1, Thực 17, Quyền 17, Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 11, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 11, Ly 11, Bất ly 17. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

788.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi.

789.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh phóng dật.

790.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô nhân phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật *(vatthu)*,.. 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... người Vô tưởng:...

791.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

792.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ,... đồng sanh hoài nghi.

793.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:

- Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ; sắc nương tâm sanh liên quan si đồng sanh phóng dật.

- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- Vật liên quan uẩn,... 1 đại sung... tóm tắt; người Vô tưởng *(asaññatta)*...

794.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi và si.

795.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đồng sanh phóng dật và si.

796.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Trưởng duyên: Như Đồng sanh duyên.

∗ ... Do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên.

797.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc:... liên quan 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn Vô sắc giới đồng sanh hoài nghi, sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

3 uẩn và si liên quan 1 uẩn Vô sắc giới đồng sanh hoài nghi,... 2 uẩn...

∗ ... liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... tóm tắt... như sơ đạo *(dassanattika)* có 3 câu.

798.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn cõi Vô sắc phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ;... 2 uẩn...; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ; sắc nương tâm sanh liên quan si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.
- Sát-na tục sinh... tóm tắt...
- Người Vô tưởng:...

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Uẩn tương ưng liên quan si Vô sắc giới đồng sanh phóng dật.

799.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si *(moha)*.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và sắc đại sung; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi và si.

800.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Tiền sanh duyên.

Theo đây nên sắp thành 2 câu.

801.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Hậu sanh, do phi Cố hưởng duyên, do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

802.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.

803.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Nghiệp duyên:

Tư phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ;... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Nghiệp duyên:

Tư tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Tư tương ưng liên quan si đồng sanh phóng dật.

804.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Tư tương ưng liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi và si.

805.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư tương ưng liên quan uẩn đồng sanh phóng dật và si.

806.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Quả duyên: Không có tục sinh *(paṭisandhi)*.

807.

* ... Phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do phi Thực duyên:
  ... sắc ngoại... sắc âm dương... người Vô tưởng...
* ... Do phi Quyền duyên:
  Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng... sắc mạng quyền liên quan đại sung.
* ... Do phi Thiền duyên: ngũ thức *(viññaṇa)*, nên sắp đại sung *(mahābhūtarūpa)*.
* ... Do phi Đạo duyên:
  ... 1 uẩn vô nhân phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ; người Vô tưởng...
* ... Do phi Tương ưng duyên...

808.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabba hetuka)*.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi.

* Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: 3 uẩn và si liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi... 2 uẩn...

809.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
Cõi Vô sắc: ba đạo cao *(bhavanāya)* có 3 câu.

810.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... liên quan 2 uẩn;... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh phóng dật.

811.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si,... liên quan 2 uẩn.

812.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si,... liên quan 2 uẩn.

∗ ... Do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

813.

Phi Nhân 3; phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 13, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 11, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch (paccanīya)

814.

Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 13, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi nghiệp 17, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 11, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên đếm như thế này.

Dứt cách thuận tùng và đối lập

815.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3, nên sắp như thế.

Dứt cách nghịch và thuận
Hết phần liên quan (paṭicca)

Phần đồng sanh *(sahajatavāra)* như phần liên quan *(paṭicca)*

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

816.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu:

Như phần liên quan *(paṭiccavāra)*

∗ ... Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... có 3 câu. Như phần liên quan *(Paṭiccavāra)*.

∗ ... Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo phi 3 đạo cao... có 1 câu, như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy *(paṭicca)* vật *(vatthu)*.

817.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật, uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh phóng dật.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung; uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi.

∗ Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung; uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh nhờ cậy si đồng sanh phóng dật.

818.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật *(vatthu)*... 2 uẩn..., 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si, 2 uẩn liên quan 2 uẩn và si.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và đại sung.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung; 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si.

819.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

820.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên: Có 3 câu; như phần liên quan Cảnh duyên:

∗ ... ba đạo cao tuyệt trừ có 3 câu như phần liên quan.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn...

Sát-na tục sinh: Uẩn nhờ cậy vật, nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,.. Thân thức nhờ cậy thân xứ; uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.

821.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật; uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Cảnh duyên:

Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật, uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh phóng dật.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Cảnh duyên:

Uẩn đồng sanh hoài nghi và si nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

Uẩn đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật *(vatthu)*.

822.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Cảnh duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn...; 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn và si.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Cảnh duyên:

Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và vật *(vatthu)*.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn và si nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và vật... 2 uẩn và vật.

823.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn...; 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn...

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

Si *(moha)* đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh phóng dật và vật.

∗ Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn và si nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh phóng dật và vật... 2 uẩn và...

824.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên có 3 câu.

... ba đạo cao tuyệt trừ có 3 câu.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Trưởng duyên có 1 câu.

Uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật *(vatthu)*.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:
  Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.

* Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:
  Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật *(vatthu)*; sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhānarūpa)* nhờ cậy đại sung.

* Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:
  Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

825.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn và...

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.

* Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn...
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.

826.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và vật; có 3 câu như sơ đạo *(dassanena)*.
* ... Do Vô gián duyên,... do Liên tiếp duyên...

827.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, si đồng sanh hoài nghi và sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi.

* Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ; 3 uẩn với si và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi;... 2 uẩn và...

∗ ... Nhờ cậy pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ,... tóm tắt... có 3 câu như sơ đạo *(dassanena)*.

828.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ; sắc nương tâm sanh nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật. Sát-na tục sinh: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật, 3 đại sung nhờ cật 1 đại sung; người Vô tưởng... Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... nhờ cậy thân xứ; uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật; uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật *(vatthu)*; uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh phóng dật.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung; uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi; uẩn đồng sanh hoài nghi và si nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật *(vatthu)*, sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung; uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh nhờ cậy si đồng sanh phóng dật; uẩn đồng sanh phóng dật và si nhờ cậy vật.

829.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật, 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si *(moha)*.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:

Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung, sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và si; si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và vật.

∗ Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn...; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung; 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si,... 2 uẩn...; 3 uẩn và si nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và vật, 2 uẩn và si nhờ cậy 1 uẩn và vật.

830.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên có 3 câu.

831.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên, do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên...

832.

∗ ... Do Bất tương ưng duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn... uẩn nhờ cậy vật do Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ; uẩn Bất tương ưng duyên; si và sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi; si, vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh, uẩn Bất tương ưng duyên;

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ; 2 uẩn...; uẩn vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh, uẩn Bất tương ưng duyên; 3 uẩn với si và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi; 2 uẩn...; uẩn với si và vật Bất tương ưng duyên *(vippayuttapaccayo)*; sắc nương tâm sanh, uẩn Bất tương ưng duyên.

833.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... có 3 câu, như sơ đạo *(dassanena)*.

834.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Bất tương ưng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ; 2 uẩn...; uẩn vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh, uẩn Bất tương ưng duyên.

... si đồng sanh hoài nghi... ;... nhờ cậy si phóng dật; sắc nương tâm sanh, si Bất tương ưng duyên.

Sát-na tục sinh: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật; uẩn, vật Bất tương ưng duyên; vật, uẩn Bất tương ưng duyên; 3 đại sung nhờ cậy 1 đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh nhờ cậy đại sung; uẩn Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... do Bất tương ưng duyên:

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật; vật Bất tương ưng duyên; uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi; vật Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật; vật Bất tương ưng duyên; uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh phóng dật; vật Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung; uẩn, vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh, uẩn Bất tương ưng duyên; uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi; uẩn, vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh, si... Bất tương ưng duyên; uẩn đồng sanh hoài nghi với si nhờ cậy vật; vật Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 đạo cao *(bhāvanāya)* nhờ cậy vật, như sơ đạo *(dassanena)*.

835.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật,..., 2 uẩn...; vật Bất tương ưng duyên; 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si,... 2 uẩn...; vật Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung, uẩn Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi; uẩn và si Bất tương ưng duyên. Si đồng sanh hoài nghi và vật; vật Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật,..., 2 uẩn; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung, uẩn vật Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh, uẩn Bất tương ưng duyên; 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi với vật và si;... 2 uẩn và...; vật nhờ cậy uẩn bằng Bất tương ưng duyên; sắc nương tâm sanh với uẩn và si Bất tương ưng duyên; 3 uẩn và si nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và vật,... 2 uẩn và...; vật Bất tương ưng duyên.

∗ ... Ba đạo cao *(bhāvanāya)* có 3 câu như sơ đạo *(dassanena)*.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ đạo tuyệt trừ... do Hiện hữu Duyên, do vô hữu Duyên, do Ly Duyên, do Bất ly Duyên.

836.

Nhân 17, Cảnh 17, Trưởng 17, Vô gián 17, Liên tiếp 17, Đồng sanh 17, Hỗ tương 17, Y chỉ 17, Cận y 17, Tiền sanh 17, Cố hưởng 17, nghiệp 17, Quả 1, Thực 17, Quyền 17,

Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 17, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 17, Ly 17, Bất ly 17; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

837.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên.

Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi.

838.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ…

Si đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh phóng dật.

839.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô nhân phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- Sát-na tục sinh: Nên sắp đầy đủ.
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,…thân thức nhờ cậy thân xứ: ... uẩn vô nhân phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật, si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật.

840.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ…

Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và vật.

841.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh phóng dật và vật.

842.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

843.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ...

Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.

844.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

- ... sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh nhờ cậy uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, vật nhờ cậy uẩn... 1 đại sung... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

845.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung, sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và si.

846.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và đại sung, sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn đồng sanh phóng dật và si.

847.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Trưởng duyên: Như Đồng sanh duyên *(Sahajātapaccayo)*.

∗ ... Do Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên, do phi Tiền sanh duyên; đồng như cách ngược *(paccanīya)* trong phần liên quan *(paṭicca)*; có 13 câu đề không chi khác.

∗ ... Do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên.

848.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

849.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.

850.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...; tư phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật, tư tương ưng nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Tư hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy vật; tư tương ưng nhờ cậy si đồng sanh phóng dật.

851.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Tư hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật; tư tương ưng nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và si.

852.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và vật; tư tương ưng nhờ cậy uẩn đồng sanh phóng dật và si.

853.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Quả duyên: Nên sắp đầy đủ không có tục sinh.
* ... Do phi Thực duyên: Sắc ngoại... sắc âm dương... người Vô tưởng...
* ... Do phi Quyền duyên:... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng... sắc mạng quyền nhờ cậy sắc đại sung.
* ... Do phi Thiền duyên:... 1 uẩn đồng sanh 5 thức, sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...
* ... Do phi Đạo duyên:... 1 uẩn vô nhân...
* ... Do phi Tương ưng duyên, do phi Bất tương ưng duyên...

Phi Bất tương ưng duyên như trong phần liên quan *(paṭicca)* cách ngược *(paccanīya)* không chi khác, có 11 câu.

* ... Do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

854.

Phi Nhân 5, phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 13, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 11, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch (paccanīya)

855.

Nhân duyên có phi Cảnh 5, phi Trưởng 17, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 13, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 11, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

856.

Phi Nhân duyên có Cảnh 5,... vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 5, Hỗ tương 5, Y chỉ 5, Cận y 5, Tiền sanh 5, Cố hưởng 5, Nghiệp 5, Quả 1, Thực 5, Quyền 5, Thiền 5, Đạo 5, Tương ưng 5, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 5, Vô hữu 5, Ly 5, Bất ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch
Hết phần ỷ trượng (paccayavāra)

Phần y chỉ *(nissayavāra)* như phần y trượng *(paccayavāra)*

Phần Hòa Hợp

857.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, 2 uẩn hòa hợp 2 uẩn.

858.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, 3 uẩn hòa hợp 2 uẩn.

859.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn tương ưng hòa hợp si đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn tương ưng hòa hợp si đồng sanh phóng dật.

860.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si; 2 uẩn...

861.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si;... 2 uẩn.

862.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

Si đồng sanh hoài nghi hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

3 uẩn và si hòa hợp 1 uẩn đồng sanh hoài nghi,... 2 uẩn...

∗ ... hòa hợp pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ có 3 câu.

863.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn hòa hợp 2 uẩn; sát-na tục sinh...

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn tương ưng hòa hợp si đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn tương ưng hòa hợp si đồng sanh phóng dật.

864.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si;... hòa hợp 2 uẩn và si.

865.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si;... 2 uẩn...

866.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn...

* ... Hòa hợp pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ có 1 câu.

* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Trưởng duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ,... 2 uẩn...

* ... Do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên.

867.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Đồng sanh duyên, do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên, do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

868.

Nhân 7, Cảnh 11, Trưởng 3, Vô gián 11, Liên tiếp 11, Đồng sanh 11, Hỗ tương 11, Y chỉ 11, Cận y 11, Tiền sanh 11, Cố hưởng 11, nghiệp 11, Quả 1, Thực 11, Quyền 11, thiền 11, Đạo 11, Tương ưng 11, Bất tương ưng 11, Hiện hữu 11, Vô hữu 11, Ly 11, Bất ly 11. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

869.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi.

870.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh phóng dật.

871.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ, 2 uẩn hòa hợp 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

872.

* ... Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ... do phi Trưởng duyên: Như Đồng sanh duyên *(Sahajātapaccayo)*.

∗ ... Do phi Tiền sanh duyên, do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên, do phi Nghiệp duyên: Có 7 câu.

∗ ... Do phi Quả duyên, do phi Thiền duyên, do phi Đạo duyên, do phi Bất tương ưng duyên.

873.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 11, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 11, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 7, phi Quả 11, phi Thiền 11, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 11. Nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

874.

Nhân duyên có phi Trưởng 7,... phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 7, phi Quả 7, phi Bất tương ưng 7. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

875.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 2, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

Phần tương ưng như phần hòa hợp

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

876.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

877.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

878.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

∗ ... Ba đạo cao *(bhāvanāya)* có 3 câu.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... chỉ có 1 câu.

879.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

880.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Si đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

881.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

882.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Si đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

883.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Thỏa thích rất hân hoan ái hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ do đó khai đoan *(ārabbha)* ái, tà kiến, hoài nghi, ưu hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.
- Thỏa thích rất hân hoan tà kiến, do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi và ưu hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.
- Hoài nghi khai đoan *(ārabbha)* hoài nghi, tà kiến, ưu hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.
- Ưu hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ khai đoan ưu, tà kiến, hoài nghi, hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.

884.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh phản khán phiền não hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ đã trừ tuyệt... đã từng sanh trước kia...
- Phản khán uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng vô thường, khổ não, vô ngã...
- Tha tâm thông...
- Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông, khán môn và si bằng Cảnh duyên.

885.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ mở mối cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh ra.

886.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Thỏa thích rất hân hoan ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, do đó khai đoan ái, phóng dật và ưu hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ phát sanh.
- Phóng dật mở mối cho phóng dật, ưu hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.

- Ưu hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ mở mối cho ưu hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phóng dật sanh ra.

887.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...
- Thỏa thích rất hân hoan ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và ưu phát sanh.
- Phóng dật mở mối cho tà kiến, hoài nghi và ưu hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.
- Ưu hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ mở mối cho ưu, tà kiến và hoài nghi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.

888.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
- Chư Thánh phản khán phiền não hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ đã trừ tuyệt... đã từng sanh trước kia...
- Quán uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng vô thường,... tha tâm thông...
- Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông, khán môn và si bằng Cảnh duyên.

889.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ mở mối cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh ra.

890.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ mở mối cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh ra.

891.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên *(Ārammaṇapaccayo)*:
- Sau khi bố thí... nên phân rộng như sơ đạo *(dassanattika)*.
- ... làm duyên cho khán môn *(āvajjana)* và si *(moha)* bằng Cảnh duyên

892.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

Sau khi bố thí... nên phân rộng như sơ đạo *(dassanattika)*.

893.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

Sau khi bố thí... nên phân rộng như sơ đạo *(dassanattika)*.

894.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...
- Nhãn khai đoan *(ārabbha)* uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh ra. Nhĩ,... vật...
- Uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ mở mối cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh ra.

895.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

Nhãn... vật... uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ mở mối cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh ra.

896.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh hoài nghi và si mở mối cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.

897.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

Uẩn đồng sanh hoài nghi và si mở mối cho uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ và si sanh ra.

898.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh hoài nghi và si mở mối cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh ra.

899.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh phóng dật và si mở mối cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.

900.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh phóng dật và si mở mối cho uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.

901.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh phóng dật và si mở mối cho uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.

902.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh phóng dật và si mở mối cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si.

903.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh phóng dật và si mở mối cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh ra.

904.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Trưởng duyên như sơ đạo *(dassanattika)* có 10 câu.

905.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

906.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn đồng sanh hoài nghi sanh trước trước làm duyên cho si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

907.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

Uẩn đồng sanh hoài nghi sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

908.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

909.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

- Uẩn đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

910.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

911.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

- Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)*; tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho tâm dũ tịnh *(vodanā)*; khi xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

912.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

- Si đồng sanh hoài nghi sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- khán môn làm duyên cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô gián duyên.

913.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ...

- Si đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- khán môn làm duyên cho uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên.

914.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

- Si đồng sanh hoài nghi sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Vô gián duyên.

915.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

- Si đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Vô gián duyên.

916.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

Uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

917.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

- Uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh trước trước làm duyên cho si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

918.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

919.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên: Có 3 câu, như sơ đạo *(dassanattika)*.

920.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Liên tiếp duyên: trùng như Vô gián duyên *(Anantarapaccayo)*.
* ... Bằng Đồng sanh duyên, tóm tắt... như phần liên quan *(paṭicca)* trong Đồng sanh duyên.
* ... Bằng Hỗ tương duyên..tóm tắt... như phần liên quan trong Hỗ tương duyên.
* ... Bằng Y chỉ duyên,... tóm tắt... như phần y chỉ *(Nissayavāra)* trong phần y trượng *(paccayavāra)* không chi khác.

921.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ mạnh có thể sát sanh... cho đến phá hòa hợp Tăng.
- Nương sân,... si... tà kiến... vọng dục hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ mạnh có thể sát sanh... cho đến phá hòa hợp Tăng.
- Nương ái, sân,... si... tà kiến... vọng dục hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho ái, vọng dục hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

922.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương sân,... si... tà kiến... vọng dục hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương ái hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ... vọng dục làm duyên cho đức tin, trí, thân lạc, thân khổ, quả nhập thiền và si bằng Cận y duyên.

923.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương ái hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ... sân,... si... tà kiến... vọng dục *(patthanā)* làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Cận y duyên.

924.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... sân, si, ngã mạn, vọng dục làm duyên cho ái, sân, si, ngã mạn, vọng dục hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

925.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ mạnh có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng.

- Nương sân... si... ngã mạn... vọng dục hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ mạnh có thể sát sanh,... phá hòa hợp Tăng.
- Nương ái... vọng dục hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho ái, sân, si, tà kiến, vọng dục hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên.
- Nương dục ái của mình *(sakabhanda chandarāga)* làm duyên cho dục ái của người *(parabhanda chandarāga)* bằng Cận y duyên.
- Nương dục ái của người *(paraparigga ha chandarāga)* làm duyên cho dục ái của mình *(sakapariggaha chandarāga)* bằng Cận y duyên.

926.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương, sân,... si... ngã mạn... vọng dục hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho vọng dục đức tin, trí, thân lạc, thân khổ, quả nhập thiền và si bằng Cận y duyên.

927.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Thuần cận y như: Nương ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... vọng dục làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Cận y duyên.

928.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương ái... vọng dục hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Cận y duyên.

929.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới,... trí, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực chỗ ở... nương si mạnh có thể bố thí...
- Nương đức tin... si mạnh làm duyên cho đức tin, quả nhập thiền và si bằng Cận y duyên.

930.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh... chấp tà kiến.
- Nương giới,... trí, thân lạc, thân khổ, chỗ ở... nương si mạnh có thể sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin... chỗ ở... và si làm duyên cho ái, vọng dục hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

931.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh... gây ngã mạn.
- Nương si mạnh... gây ngã mạn.
- Nương đức tin... chỗ ở... và si làm duyên cho ái, vọng dục hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

932.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương đức tin,... trí, thân lạc, thân khổ chỗ ở... và si mạnh làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Cận y duyên.

933.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương đức tin,... chỗ ở và si làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Cận y duyên.

934.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho ái, vọng dục hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

935.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho đức tin, trí, thân lạc, thân khổ, quả nhập thiền và si bằng Cận y duyên.

936.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Cận y duyên.

937.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho ái,... hy vọng *(patthanā)* hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

938.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho ái,... hy vọng hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

939.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho đức tin, quả nhập thiền và si bằng Cận y duyên.

940.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Cận y duyên.

941.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Cận y duyên.

942.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường... quán ngộ nhĩ... vật bằng lối vô thường... thiên nhãn thấy sắc,... thiên nhĩ nghe tiếng; sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ... thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ và si bằng Tiền sanh duyên.

943.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh, Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật, do đó khai đoan ái... tà kiến, hoài nghi và ưu hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên.

944.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật, do đó khai đoan ái... phóng dật và ưu hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên.

945.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật khai đoan *(ārabbha)* uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Tiền sanh duyên.

946.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật mở mối uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Tiền sanh duyên.

947.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

948.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

949.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

950.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

951.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho thân ấy sanh trước trước bằng Hậu sanh duyên.

952.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

953.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Uẩn đồng sanh hoài nghi sanh trước trước làm duyên cho si sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

954.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn đồng sanh hoài nghi sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

955.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... phần này có 3 câu.
* ... Phi sơ đạo phi 3 đạo cao...

Trong phần cố hưởng căn *(āsevanamulaka)* nên bỏ bớt quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* và khán môn *(āvajjana)*; có 17 câu đề đầy đủ như Vô gián duyên.

956.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

957.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho si và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

958.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ....

Tư hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng với si và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

959.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

960.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho si và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

961.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và si và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

962.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh...
- Biệt thời như: Tư phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn quả và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

963.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Quả duyên:

Bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisandhi)*; uẩn quả làm duyên cho vật *(vatthu)*.

964.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Thực duyên:

Thực hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thực duyên.

965.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Thực hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho si và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.

966.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Thực hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng với si và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.

... ba đạo cao *(bhāvanāya)* có 3 câu, như sơ đạo *(dassanattika)*

967.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Thực duyên:

Thực *(āhāra)* phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.

Sát-na tục sinh: Đoàn thực *(kabalinkārahāra)* làm duyên cho thân ấy.

968.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ... bằng Quyền duyên: Có 3 câu như Thực duyên *(āhārapaccayo)*; si Nên đếm thêm vào.

∗ ... Ba đạo cao... có 3 câu.

969.

∗ Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Quyền *(indrīya)* phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng,... tóm tắt... nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức,... thân quyền... sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh *(katattārūpa)* bằng Quyền duyên.

∗ ... Bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên: Phần hữu nhân nên đếm như thế.

* ... Bằng Tương ưng duyên: Như phần tương ưng *(sampayutta)* trong phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

970.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh: Như tam đề sơ đạo *(dassanattika)*.

971.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh: Như tam đề sơ đạo *(dassanattika)*.

972.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

Như tam đề sơ đạo *(dassanattika)*.

Hậu sanh như: Uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ và si làm duyên cho thân ấy sanh trước.

973.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabba hetuka)*.

974.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ...

Tiền sanh *(Purejāta)* như: Vật làm duyên cho uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ

975.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Bất tương ưng duyên.

976.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Bất tương ưng duyên.

977.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh *(Pacchājāta)* như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho thân ấy sanh trước trước bằng Bất tương ưng duyên.

978.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)*.
- Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho thân ấy sanh trước trước bằng Bất tương ưng duyên.

979.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên: ... 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ...

980.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh hoài nghi làm duyên cho si và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

981.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ...

1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên; 1 uẩn đồng sanh hoài nghi làm duyên cho 3 uẩn và si và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.

∗ ... Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ... có 3 câu.

982.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: 1 uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh... người Vô tưởng...
- Tiền sanh như: Nhãn... vật... bằng lối vô thường... thiên nhãn thấy sắc,... thiên nhĩ nghe tiếng; sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức. nhãn xứ... thân xứ... vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ và si bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ và si làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên; đoàn thực làm duyên cho thân ấy; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)*.

983.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Si đồng sanh hoài nghi làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên.

- Tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật, do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi và ưu hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra. Vật làm duyên cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên.

984.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Si đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Thỏa thích rất hân hoan nhãn..., vật làm duyên cho uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên.

985.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Si đồng sanh hoài nghi làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn khai đoan *(ārabbha)* cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh ra. Vật khai đoan là vật làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Hiện hữu duyên.

986.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Si đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn khai đoan cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh ra. Vật khai đoan là vật làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Hiện hữu duyên.

987.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên. 2 uẩn...; 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên. 2 uẩn…

988.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho si bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và vật làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho thân ấy sanh trước trước bằng Hiện hữu duyên.

- Hậu sanh như: Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

989.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và vật làm duyên cho 3 uẩn và si bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...; 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn và si...

990.

* Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho 3 đạo cao... tóm tắt... nên phân rộng 3 câu đề theo như sơ đạo *(dassanattika)* quyết lấy thêm phóng dật *(uddhacca)*.

* ... Do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

991.

Nhân 11, Cảnh 21, Trưởng 10, Vô gián 17, Liên tiếp 17, Đồng sanh 17, Hỗ tương 11, Y chỉ 17, Cận y 21, Tiền sanh 5, Hậu sanh 5, Cố hưởng 17, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 11, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 17, Vô hữu 17, Ly 17, Bất ly 17. Nên đếm thế này.

Dứt cách thuận (anuloma)

992.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, Đồng sanh duyên, Cận y duyên.

993.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

994.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

995.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

996.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

997.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh.

998.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

999.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1000.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

1001.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1002.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1003.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1004.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1005.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

Nơi đây nên sắp Đồng sanh *(Sahajāta)* Tiền sanh *(Purejāta)* hiện hòa trộn, theo văn Pālī. Nếu muốn đếm phải nghiên cứu rồi mới đếm.

1006.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh, bằng Hậu sanh, bằng thực và Quyền.

Những câu này: do Cảnh duyên *(Arammaṇapaccayo)*, do Cận y duyên *(Upanissayapaccayo)* cũng có, nhưng văn Pālī không có, nếu đếm nên nghiên cứu kỹ rồi mới đếm.

1007.

Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

Nơi đây Đồng sanh *(Sahajāta)*, Tiền sanh *(Purejāta)* vẫn hòa trộn câu đề, cũng không có sắp theo chánh văn Pālī.

1008.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1009.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

Theo đây thì Đồng sanh và Tiền sanh vẫn hòa trộn theo câu đề.

1010.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ... có Đồng sanh duyên, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

Theo đây có Cảnh và Cận y.

1011.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1012.

Chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho chư pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

Trong đề này cũng có Đồng sanh và Tiền sanh; câu nào không có biên đề những câu đầu ấy để đếm theo Pālī tự mẫu vần không đồng đều, do không viết để Pālī trong ấy. Phần nào đã hiện bày nếu phát sinh nghi, nên xét coi trong Hiện hữu duyên về cách thuận *(anuloma)*.

1013.

Phi Nhân 21, phi Cảnh, phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Đồng sanh, phi Hỗ tương, phi Y chỉ, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo, phi Tương ưng, phi Bất tương ưng, phi Hiện hữu, phi Vô hữu, phi Ly, phi Bất ly tất cả đều có 21; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch (paccanīya)

1014.

Nhân duyên có phi Cảnh 11,... phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp đều có 11, phi Hỗ tương 3, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo đều có 11, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 11, phi Ly 11. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

1015.

Phi Nhân duyên có Cảnh 21,... Trưởng 10, Vô gián 17, Liên tiếp 17, Đồng sanh 17, Hỗ tương 11, Y chỉ 17, Cận y 21, Tiền sanh 5, Hậu sanh 5, Cố hưởng 17, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 11, Bất tương ưng 9, Vô hữu 17, Ly 17, Bất ly 17, nên sắp như thế.

Dứt cách thuận và nghịch
Tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phần thứ 9 có bấy nhiêu

TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ *(ĀCAYAGĀMITTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1016.

∗ Pháp nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn nhân sanh tử *(ācayagāmino),* 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân sanh tử.

∗ Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn nhân sanh tử, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.

1017.

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn nhân đến Níp Bàn, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn.

∗ Chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn nhân đến Níp Bàn, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.

1018.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(Nevācayagāmināpacagamino)*, 2 uẩn... vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 3 đại sung liên quan 1 đại sung; 2 đại sung liên quan 2 đại sung; sắc nương tâm sanh và sắc tục sinh thuộc sắc y sinh liên quan đại sung.

1019.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân sanh tử và đại sung.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn và đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

1020.

Pháp nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan uẩn nhân sanh tử,... 2 uẩn...

1021.

Pháp nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn nhân đến Níp Bàn,... 2 uẩn...

1022.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Uẩn liên quan vật.

1023.

* Pháp nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do Trưởng duyên có 3 câu.
* ... Pháp nhân đến Níp Bàn do Trưởng duyên có 3 câu.
* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... 1 câu, không có tục sinh.

  3 đại sung liên quan 1 đại sung, sắc nương tâm sanh thuộc sắc y sinh liên quan đại sung.
* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Trưởng duyên:

  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân sanh tử và đại sung.
* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Trưởng duyên:

  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn và đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

1024.

* Pháp nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử... do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên, đều nên sắp đại sung *(mahābhūtarūpa)*.
* ... Do Hỗ tương duyên không có: Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh và sắc y sinh *(upādārūpa)*.
* ... Do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên, do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

1025.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 9, Quả 1, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 9, Bất ly 9, nên sắp như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1026.

Pháp nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1027.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 1 đại sung... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... người Vô tưởng:... liên quan 1 đại sung.

1028.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân sanh tử... do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân sanh tử.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn... do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn.

1029.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn. Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn,... 1 đại sung... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương... người Vô tưởng...

1030.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân sanh tử và đại sung.

1031.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Cảnh duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn và sắc đại sung.

1032.

∗ Pháp nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do phi Trưởng duyên có 3 câu.

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do phi Trưởng duyên: Trưởng *(adhipati)* nhân đến Níp Bàn liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn *(Apacayagāmino)*.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Trưởng duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* liên quan 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật... 1 đại sung... sắc ngoại,... tóm tắt...
- Người Vô tưởng: 1 đại sung...

1033.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Trưởng duyên: Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn và sắc đại sung.

1034.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân sanh tử... do phi Vô gián duyên,... do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên, do phi Tiền sanh duyên: Có 7 câu như tam đề thiện.

∗ ... Do phi Hậu sanh duyên.

1035.

∗ Pháp nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do phi Cố hưởng duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Cố hưởng duyên: 1 câu đề, đều nên sắp có đại sung.

1036.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Cố hưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân sanh tử và đại sung.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn và sắc đại sung.

1037.

∗ Pháp nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư nhân sanh tử liên quan uẩn nhân sanh tử (ācayagāmino).

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn... do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* nhân đến Níp Bàn liên quan uẩn nhân đến Níp Bàn.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn;... sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... 1 đại sung...

1038.

∗ Pháp nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do phi Quả duyên: Nên sắp đầy đủ; phần tục sinh không có...

∗ ... Do phi Thực duyên, do phi Quyền duyên, do phi Thiền duyên, do phi Đạo duyên, do phi Tương ưng duyên, do phi Bất tương ưng duyên: Có 3 câu.

∗ ... Do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

1039.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 5, phi Trưởng 6, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch (pacanīya)

1040.

Nhân duyên có phi Cảnh 5, phi Trưởng 6, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 7, phi Nghiệp 3, phi

Quả 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

1041.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương, Y chỉ, Tiền sanh, Cố hưởng, nghiệp đều có 2, Quả 1, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 2, Bất tương ưng, Hiện hữu, Vô hữu, Ly, Bất ly đều có 2. Nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch và thuận
Hết phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(sahajāta)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

1042.

* Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử, 2 uẩn nhờ cậy 2 uẩn.

* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp nhân sanh tử... do Nhân duyên:
  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn nhân sanh tử *(ācayagamino)*

* Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp nhân sanh tử...
  Uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử,... 2 uẩn.

* ... nhờ cậy pháp nhân đến Níp Bàn có 3 câu.

1043.

* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do Nhân duyên:
  Uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật... nhờ cậy 1 đại sung; 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật.

* Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do Nhân duyên:
  Uẩn nhân sanh tử nhờ cậy vật *(vatthu)*.

* Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn:
  Uẩn nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật.

* Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
  Uẩn nhân sanh tử nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

* Chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
  Uẩn nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

1044.

* Pháp nhân sanh tử nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do Nhân duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử và vật, 2 uẩn...

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn nhân sanh tử và đại sung.

∗ Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy chư pháp Pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử và vật, 2 uẩn...; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn nhân sanh tử và đại sung.

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... có 3 câu.

1045.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử sanh ra do Cảnh duyên:

∗ ... Nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử *(ācayagāmi)*.

∗ ... Nhờ cậy pháp nhân đến Níp Bàn có 1 câu.

1046.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn; 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn nhờ cậy vật;
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân thức nhờ cậy thân xứ. 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
Uẩn nhân sanh tử nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
Uẩn nhân đến Níp Bàn *(Apacayagāmi)* nhờ cậy vật.

1047.

Pháp nhân sanh tử nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử và vật; 2 uẩn...

1048.

Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân đến Níp Bàn và vật; 2 uẩn...

1049.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử sanh ra do Trưởng duyên có 3 câu.

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn... có 3 câu.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...:
1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...; uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật;

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... Hiệp trợ đây như Nhân duyên *(Hetupaccayo)*.

1050.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử sanh ra do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên có 3 câu.

Nhân đến Níp Bàn *(apacayagāmi)* có 3 câu.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do Đồng sanh duyên:

- 3 uẩn sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn, 2 uẩn...; sát-na tục sinh:... tóm tắt... người Vô tưởng: 1 đại sung...
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân thức nhờ cậy thân xứ;... nhờ cậy vật.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do Đồng sanh duyên,... tóm tắt... đều nên sắp hiệp trợ *(ghaṭanā)*.

1051.

Pháp nhân đến Níp Bàn... do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên, do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

1052.

Nhân 17, Cảnh 7, Trưởng 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 7, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 7, nghiệp 17, Quả 1, Thực 17, Quyền, Thiền, Đạo đều có 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 17. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1053.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh vô nhân:... tóm tắt... người Vô tưởng: 1 đại sung...
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân thức nhờ cậy thân xứ; uẩn vô nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật.

1054.

Pháp nhân sanh tử nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật và vật *(vatthu)*.

1055.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp nhân sanh tử... do phi Cảnh duyên:... tóm tắt... như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

1056.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử sanh ra do phi Trưởng duyên có 3 câu.

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp nhân đến Níp Bàn... do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* nhân đến Níp Bàn nhờ cậy uẩn nhân đến Níp Bàn *(apacayagāmi)*.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn,... tóm tắt...
- Người Vô tưởng:...
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân thức...; uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Trưởng duyên:
Uẩn nhân sanh tử *(ācayagami)* nhờ cậy vật.

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Trưởng duyên:
Uẩn nhân sanh tử nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung

1057.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Trưởng duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử và vật; 2 uẩn...

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn nhân sanh tử và đại sung.

∗ Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử và vật; 2 uẩn...; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn nhân sanh tử và đại sung.

1058.

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* nhân đến Níp Bàn nhờ cậy uẩn nhân đến Níp Bàn và vật.

∗ ... Do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên, do phi Tiền sanh duyên: Có 7 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ ... Do Hậu sanh duyên đầy đủ.

1059.

∗ Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử... do phi Cố hưởng duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp nhân đến Níp Bàn... do phi Cố hưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn nhân đến Níp Bàn.

* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn,... tóm tắt...

  Người Vô tưởng:... nhờ cậy nhãn xứ,... nhờ cậy thân xứ...; uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật.

* Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Cố hưởng duyên:

  Uẩn nhân sanh tử nhờ cậy vật *(vatthu)*.

* Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...

  Uẩn nhân sanh tử *(ācayagami)* nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

1060.

* Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...:

  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử và vật; 2 uẩn...

* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...

  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn nhân sanh tử và đại sung.

* Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...

  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân sanh tử và vật;... nhờ cậy 2 uẩn và vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn nhân sanh tử và sắc đại sung.

* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Cố hưởng duyên:

  Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn nhân đến Níp Bàn và đại sung.

1061.

* Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử sanh ra do phi Nghiệp duyên:

  Tư nhân sanh tử nhờ cậy uẩn nhân sanh tử *(ācayagami)*

* Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp nhân đến Níp Bàn... do phi Nghiệp duyên:

  Tư nhân đến Níp Bàn nhờ cậy uẩn nhân đến Níp Bàn.

* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Nghiệp duyên:

  Tư phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(nevācayagāmināpacayagāmi)* nhờ cậy uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn;... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương..; tư *(cetanā)* phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật;

* Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Nghiệp duyên:

  Tư *(cetanā)* nhân đến Níp Bàn nhờ cậy vật *(vatthu)*.

1062.

Pháp nhân sanh tử nhờ cậy chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* nhân sanh tử nhờ cậy uẩn nhân sanh tử và vật *(vatthu)*.

1063.

Pháp nhân đến Níp Bàn nhờ cậy chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* nhân sanh tử nhờ cậy uẩn nhân đến Níp Bàn và vật *(vatthu)*.

1064.

Pháp nhân sanh tử nhờ cậy pháp nhân sanh tử... do phi Quả duyên: Nên sắp đầy đủ; không có sát-na tục sinh.

1065.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Thực duyên: Sắc ngoại... sắc âm dương... người Vô tưởng...

1066.

... Do Quyền duyên: Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương.. người Vô tưởng...; sắc mạng quyền nhờ cậy sắc đại sung.

1067.

... Do phi Thiền duyên: Ngũ thức *(viññāna)*... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương.. người Vô tưởng...;

Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân xứ.

1068.

* ... Do phi Đạo duyên:

– Phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn vô nhân *(ahetuka)*... tóm tắt... người Vô tưởng: 1 đại sung...; nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... nhờ cậy thân xứ.

– ... phi nhân sanh tử.... *(nevācayagami)*... vô nhân;... nhờ cậy vật.

* ... Do phi Tương ưng duyên, do phi Bất tương ưng duyên: Có 3 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

* ... Do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

1069.

Phi nhân 4, phi Cảnh 5, phi Trưởng 12, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y đều có 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo đều có 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu, phi Ly đều có 5; nên đếm như thế.

Hết cách nghịch (paccanīya)

1070.

Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 12, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hổ Tương, phi Cận y đều có 5; phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 11, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3; phi Vô hữu, phi Ly đều có 5; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

1071.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hổ Tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Cố Hưởng, Nghiệp đều có 4; Quả 1, Thực 4, Quyền, Thiền đều có 4; Đạo 3 Tương Ưng, Bất tương ưng, Hiện hữu, Vô hữu, Ly đều có 4, Bất ly có 4; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch và thuận
Hết phần ỷ trượng (paccayavāra)

Phần y chỉ *(nissayavāra)*, như phần ỷ trượng *(paccayavāra)*

Phần Hòa Hợp *(Saṅsatthavāra)*

1072.

Pháp nhân sanh tử hòa hợp pháp nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn nhân sanh tử,... hòa hợp 2 uẩn.

1073.

Pháp nhân đến Níp Bàn hòa hợp pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên: 3 hòa hợp 1 uẩn nhân đến Níp Bàn,... 2 uẩn.

1074.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn hòa hợp pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn;... 2 uẩn; Sát-na tục sinh...

1075.

Pháp nhân sanh tử hòa hợp pháp nhân sanh tử sanh ra do Cảnh duyên, do Trưởng duyên, do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên, do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên, do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

1076.

Nhân 3, Cảnh, Trưởng, Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Cố hưởng, nghiệp đều có 3, Quả 1, Thực 3, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng, Bất tương ưng, Hiện hữu, Vô hữu, Ly, Bất ly đều có 3. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1077.

Pháp nhân sanh tử hòa hợp pháp nhân sanh tử sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1078.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn hòa hợp pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Nhân duyên: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn, 2 uẩn...; sát-na tục sinh vô nhân:...

1079.

Pháp nhân sanh tử hòa hợp pháp nhân sanh tử... do phi Trưởng duyên, do phi Tiền sanh duyên, do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn nhân sanh tử; 2 uẩn...

1080.

* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn hòa hợp pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... do phi Cố hưởng duyên:

  ... hòa hợp 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn; sát-na tục sinh...

* ... Do phi Nghiệp duyên, do phi Quả duyên, do phi Thiền duyên, do phi Đạo duyên, do phi Tương ưng duyên.

1081.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3. Nên đếm như thế.

Hết cách nghịch (paccanīya)

1082.

Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1083.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Cố hưởng, Nghiệp đều có 2; Quả 1, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 2, Bất tương ưng, Hiện hữu, Vô hữu, Ly, Bất ly đều có 2;

Dứt cách thuận, nghịch (paccanīya, anuloma)

Hết phần hỗn hợp (saṅsaṭṭha)

Phần tương ưng *(sampayuttavāra)* như phần hỗn hợp *(saṅsaṭṭha)*

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1084.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* nhân sanh tử *(ācayagāmi)* làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1085.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* nhân sanh tử làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1086.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* nhân sanh tử làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1087.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Nhân duyên có 3 câu.

1088.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Nhân duyên

- Nhân *(hetu)* phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân *(hetu)* phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

1089.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nhớ lại. Nhớ thiện đã từng làm chứa để...; xuất thiền phản khán thiền.
- Bậc hữu học phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não hạn chế; rõ biết phiền não đã từng sanh.
- Bậc hữu học hoặc phàm phu quán ngộ *(viapassanā)* uẩn nhân sanh tử bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra
- Tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn tâm nhân sanh tử;

- Không vô biên xứ thiện làm duyên cho Thức vô biên xứ thiện bằng Cảnh duyên, Vô sở hữu xứ thiện làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiện. uẩn nhân sanh tử làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

1090.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên:

- Chư La-hán phản khán phiền não đã trừ, bỏ bớt phiền não đã từng sanh; quán ngộ *(viapassanā)* uẩn nhân sanh tử bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn tâm nhân sanh tử;
- Bậc hữu học hoặc phàm phu quán ngộ *(vipassanā)* uẩn nhân sanh tử bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Thiện vừa dứt thì tâm mót *(tadārammaṇa)* thuộc quả phát sanh.
- Thỏa thích rất hân hoan uẩn nhân sanh tử, do đó khai đoan ái và ưu phát sanh.
- Bất thiện vừa dứt thì tâm mót thuộc quả phát sanh.
- Thiện Không vô biên xứ làm duyên cho quả và tố *(kiriyā)* Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên. Thiện và tố Thức vô biên xứ làm duyên cho quả và tố *(kiriyā)* Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
- Uẩn nhân sanh tử làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1091.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Cảnh duyên:

- Bậc hữu học xuất đạo phản khán đạo. tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm nhân đến Níp Bàn *(apacayagāmi)*.
- Uẩn nhân đến Níp Bàn làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

1092.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên:

- La-hán xuất đạo phản khán đạo. tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm nhân đến Níp Bàn.
- Uẩn nhân đến Níp Bàn làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1093.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên:

- La-hán phản khán quả, phản khán Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho Quả và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- La-hán quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã. Nhĩ... vật...; quán ngộ uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn.
- Không vô biên xứ tố làm duyên cho Thức vô biên xứ tố bằng Cảnh duyên. Vô sở hữu xứ tố làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ tố *(kiriyā)*.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức.

- Uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1094.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Cảnh duyên:

- Bậc hữu học phản khán *(paccavekkhanti)* quả, phản khán Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)* bằng Cảnh duyên.
- Chư hữu học hoặc phàm phu quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái và ưu sanh ra. Nhĩ... vật...; quán ngộ uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi, ưu...
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn.
- Uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

1095.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên:

Níp Bàn làm duyên cho đạo bằng Cảnh duyên *(ārammaṇapaccayo)*.

1096.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, nặng về đó rồi mới phản khán. Nặng về thiện từng làm chứa để rồi mới phản khán.
- Xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán, nặng về uẩn nhân sanh tử rồi mới thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến phát sanh
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng nhân sanh tử làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1097.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng nhân sanh tử làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1098.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng nhân sanh tử làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1099.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1100.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Bậc hữu học xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán *(paccavekkhanti)*.

1101.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư La-hán xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng nhân đến Níp Bàn làm duyên cho sắc nương tâm sanh...

1102.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1103.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư La-hán nặng về quả rồi phản khán. Nặng về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho quả bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1104.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như: Bậc hữu học nặng về quả rồi phản khán, nặng về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)* bằng Trưởng duyên.
- Nặng về nhãn rồi thỏa thích rất hân hoan. Vật... Nặng về uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến sanh ra.

1105.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Níp Bàn làm duyên cho đạo bằng Trưởng duyên...

1106.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Vô gián duyên:

- Uẩn nhân sanh tử sanh trước trước làm duyên uẩn nhân sanh tử sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)* bằng Vô gián duyên.

1107.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử...

Chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo bằng Vô gián duyên.

1108.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Vô gián duyên:

- Uẩn nhân sanh tử làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ của bậc hữu học làm duyên cho quả nhập thiền. Khi xuất thiền diệt, tâm thiện Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1109.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Vô gián duyên:

Đạo làm duyên cho quả bằng Vô gián duyên.

1110.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Vô gián duyên:

- Uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* làm duyên cho khán (ý) môn *(āvajjana)*.
- Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* của bực La-hán làm duyên cho quả nhập thiền.
- Xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1111.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử...

Khán (ý) môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn nhân sanh tử bằng Vô gián duyên.

1112.

* Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Liên tiếp duyên: Như Vô gián duyên.
* ... Bằng Đồng sanh duyên có 9 câu như Đồng sanh duyên phần liên quan *(paṭiccavāra)*.
* ... Bằng Hỗ tương duyên có 3 câu như Hỗ tương duyên phần liên quan *(paṭiccavāra)*.
* ... Bằng Y chỉ duyên như Y chỉ duyên trong phần liên quan. Dù 4 duyên không có duyên hiệp trợ *(ghaṭanā)*; có 13 câu đề.

1113.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin nhân sanh tử mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... Thiền phát sanh, pháp quán phát sanh, thông phát sanh, nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương trì giới nhân sanh tử mạnh... đa văn, xả, trí, ái, sân, si, ngã mạn... tà kiến, nương vọng dục nhân sanh tử mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền phát sanh, pháp quán sanh, thông sanh, nhập thiền phát sanh, có thể sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin nhân tử mạnh, trí, ái... hy vọng *(patthanā)*, đức tin nhân sanh tử mạnh làm duyên cho trí, ái, hy vọng bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ thiền làm duyên cho sơ thiền bằng Cận y duyên... tâm chỉnh lý *(parikamma)* Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên.
- Sơ thiền làm duyên cho nhị thiền... thức vô biên làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên.

1114.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ đạo làm duyên cho sơ đạo. Tâm chỉnh lý *(parikamma)* tứ đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1115.

* Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Nương đức tin nhân sanh tử mạnh có thể tự làm cho nóng nảy, bực bội, bị khổ do hy vọng làm căn.
  - Nương giới nhân sanh tử mạnh có thể trí, ái... hy vọng mạnh có thể tự làm nóng nảy, bực bội, chịu khổ sở do hy vọng làm căn *(mūla)*
  - Nương đức tin nhân sanh tử mạnh có thể trí, ái... hy vọng *(patthanā)*, thân khổ, thân lạc, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

* Pháp thiện, bất thiện làm duyên cho dị thục quả bằng Cận y duyên.

1116.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo,... tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1117.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử... có Cảnh cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Chư hữu học nặng về Đạo, dù chưa từng nhập thiền cũng phát sanh nhập thiền đặng. Quán ngộ hành vi vô thường, khổ não, vô ngã.
- Đạo của bậc hữu học làm duyên cho nghĩa đạt thông *(atthapaṭisambhidā)*, pháp đạt thông *(dhammapaṭisambhidā)*, ngữ đạt thông *(niruttipaṭisambhidā)*, cấp trí đạt thông *(paṭibhāṇapaṭisambhidā)*; rõ biết xứ *(ṭhāna)*, phi xứ *(aṭhāna)* bằng Cận y duyên.

1118.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Chư La-hán nương đạo mạnh, thiền tố *(kiriyā)* dù chưa đặng sanh cũng nhập thiền đặng;... làm duyên cho sở *(ṭhāna)* phi sở *(aṭhāna)* bằng Cận y duyên.
- Đạo làm duyên cho quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

1119.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương thân lạc mạnh có thể tự làm cho nóng nảy, bực bội chịu khổ do hy vọng *(patthanā)* làm căn.
- Nương thân khổ mạnh... âm dương... vật thực... nương chỗ ở mạnh có thể tự làm nóng nảy, bực bội.
- Thân lạc... thân khổ... âm dương... vật thực... chỗ ở mạnh làm duyên cho thân lạc thân khổ và quả nhập thiền bằng Cận y duyên.
- Chư La-hán nương thân lạc mạnh thiền tố *(kiriyā)* dù chưa nhập được... quán ngộ... thân khổ... âm dương... vật thực... nương chỗ ở mạnh... quán ngộ...

1120.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương thân lạc mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, sát sanh, phá hòa hợp Tăng.

- Nương thân khổ mạnh... âm dương... vật thực... nương chỗ ở mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng.
- Nương thân lạc... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin nhân sanh tử,... trí, ái, hy vọng *(patthanā)* bằng Cận y duyên.

1121.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương thân lạc mạnh đạo phát sanh, nương thân khổ mạnh.... nương chỗ ở mạnh đạo phát sanh.
- Nương thân lạc, thân khổ... chỗ ở mạnh làm duyên cho đạo bằng Cận y duyên.

1122.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Chư La-hán quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức... thân xứ làm duyên cho thân thức. Vật làm duyên cho uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Tiền sanh duyên.

1123.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Chư hữu học hoặc phàm phu quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu phát sanh. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn nhân sanh tử bằng Tiền sanh duyên.

1124.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Cận y duyên:

Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn nhân đến Níp Bàn bằng Tiền sanh duyên.

1125.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn nhân sanh tử làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1126.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn nhân sanh tử làm duyên cho thân ấy sanh trước trước bằng Hậu sanh duyên.

1127.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1128.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn nhân sanh tử sanh trước trước làm duyên cho uẩn nhân sanh tử sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)* bằng Cố hưởng duyên.

1129.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Cố hưởng duyên:

Chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo, dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

1130.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...

Uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

1131.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Nghiệp duyên:

Tư nhân sanh tử làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

1132.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư nhân sanh tử làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư nhân sanh tử làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1133.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn...

Tư nhân sanh tử làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1134.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Nghiệp duyên:

Tư nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

1135.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư nhân đến Níp Bàn làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn quả bằng Nghiệp duyên.

1136.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1137.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Nghiệp duyên:

- Tư phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Sát-na tục sinh: Tư phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1138.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Quả duyên:

1 uẩn quả phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên Cho 3 uẩn. Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho ý vật bằng Quả duyên.

1139.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Nghiệp duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên.

1140.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn nhân sanh tử làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn nhân sanh tử làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1141.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn nhân đến Níp Bàn làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn nhân đến Níp Bàn làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1142.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên.
- Uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên; vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: nhãn xứ... thân xứ làm duyên cho thân thức. Vật làm duyên cho uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho thân ấy sanh trước.

1143.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như vật làm duyên cho uẩn nhân sanh tử bằng Bất tương ưng duyên.

1144.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn nhân đến Níp Bàn bằng Bất tương ưng duyên.

1145.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn nhân sanh tử làm duyên cho 3 uẩn.

1146.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn nhân sanh tử làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn nhân sanh tử làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1147.

∗ Pháp nhân sanh tử làm duyên cho chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn nhân sanh tử làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

∗ Pháp nhân đến Níp Bàn... có 3 câu. Nên sắp nhân sanh tử.

1148.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: 1 uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Hiện hữu duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Hiện hữu duyên; 1 đại sung... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...
- Tiền sanh như: Chư La-hán quán ngộ nhãn... vật bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ...
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức; nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức,... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy sanh trước; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh.

1149.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Hiện hữu duyên:

- Tiền sanh như: Chư hữu học hoặc phàm phu quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan; do đó khai đoan ái... ưu sanh ra.
- Quán ngộ nhĩ... vật bằng cách vô thường... Thỏa Thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Vật làm duyên cho uẩn nhân sanh tử bằng Hiện hữu duyên.

1150.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn nhân đến Níp Bàn bằng Hiện hữu duyên.

1151.

Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn nhân sanh tử và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

1152.

Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn nhân sanh tử và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn nhân sanh tử và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn nhân sanh tử và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1153.

* Chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Hiện hữu duyên: Nên sắp 2 câu không khác sơ đạo.
* ... bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

1154.

Nhân 7, Cảnh 7, Trưởng 10, Vô gián 6, Liên tiếp 6, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 6, Ly 6, Bất ly 13.

Dứt cách thuận (anuloma)

1155.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Cảnh duyên... Đồng sanh duyên, Cận y duyên.

1156.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Cận y duyên.

1157.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

1158.

Pháp nhân sanh tử làm duyên cho chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Đồng sanh duyên:

1159.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1160.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1161.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

1162.

Pháp nhân đến Níp Bàn làm duyên cho chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Đồng sanh duyên.

1163.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

1164.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1165.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1166.

Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân sanh tử... có Đồng sanh và Tiền sanh.

1167.

Chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1168.

Chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn... có Đồng sanh và Tiền sanh.

1169.

Chư pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1170.

Phi Nhân 15, phi Cảnh, phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp 15, phi Đồng sanh 11, phi Hỗ tương 11, phi Y chỉ 11, phi Cận y 14, phi Tiền sanh 13, phi Hậu sanh 15, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo 15, phi Tương ưng 11, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 15, phi Ly 15, phi Bất ly 9; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1171.

Nhân duyên cho phi Cảnh 7,... phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

1172.

Phi Nhân duyên có Cảnh 7,... Trưởng 10, Vô gián 6, Liên tiếp 6, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền, Thiền, Đạo đều có 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 6, Ly 6, Bất ly 13; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch và thuận

Tam đề nhân sanh tử thứ 10, chỉ có bấy nhiêu.

TAM ĐỀ HỮU HỌC *(SEKKHATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1173.

∗ Pháp hữu học liên quan pháp hữu học sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu học, 2 uẩn...

∗ Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp hữu học sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu học *(sekkhā)*.

∗ Chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học liên quan pháp hữu học sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu học, 2 uẩn...

1174.

∗ Pháp vô học liên quan pháp vô học sanh ra do Nhân duyên:
... liên quan 1 uẩn vô học *(asekkhā)*.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp vô học...
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô học.

∗ Chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học liên quan pháp vô học...
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô học, 2 uẩn...

1175.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan phi hữu học phi vô học
- 3 uẩn và sắc nương tâm liên quan 1 uẩn phi hữu học phi vô học, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn phi hữu học phi vô học, uẩn liên quan vật, 3 đại sung liên quan 1 đại sung; 2 đại sung liên quan 2 đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādārūpa)* liên quan đại sung.

1176.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu học và đại sung.

1177.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô học và đại sung.

1178.

∗ Pháp hữu học liên quan pháp hữu học sanh ra do Cảnh duyên, do Trưởng duyên: Không có tục sinh.

∗ ... Do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên đều nên sắp có sắc đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

∗ ... Do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu học, 2 uẩn...

1179.

* Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học... do Cố hưởng duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn phi hữu học phi vô học, 2 uẩn...

* ... Do Nghiệp duyên, do Quả duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn quả hữu học, 2 uẩn... nên sắp 3 câu đầy đủ.

1180.

Pháp vô học liên quan pháp vô học... do Quả duyên:
... liên quan 1 uẩn vô học, có 3 câu.

1181.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học... do Quả duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm liên quan 1 uẩn quả phi hữu học phi vô học, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... 1 đại sung;

1182.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học... do Quả duyên:
Sắc nương tâm liên quan 1 uẩn quả và đại sung.

1183.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học... do Quả duyên:
Sắc nương tâm liên quan 1 uẩn vô học và đại sung.

1184.

Pháp hữu học liên quan pháp hữu học sanh ra do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

1185.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 9, Quả, Thực, Quyền, Thiền, Đạo 9, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 9 Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1186.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô nhân phi hữu học phi vô học.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... liên quan 1 đại sung;... sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương,... người Vô tưởng: 1 đại sung... ;
- Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1187.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp hữu học... do phi Cảnh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu học *(sekkhā)*.

1188.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp vô học... do phi Cảnh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô học *(asekkhā)*.

1189.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học... do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn phi hữu học phi vô học, sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn,... 1 đại sung. Người Vô tưởng...

1190.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học... do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu học và đại sung.

1191.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học... do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô học và đại sung.

1192.

∗ Pháp hữu học liên quan pháp hữu học... do phi Trưởng duyên:

Trưởng hữu học liên quan uẩn hữu học *(sekkhā)*.

∗ Pháp vô học liên quan pháp vô học... do phi Trưởng duyên:

Trưởng *(adhipati)* vô học liên quan uẩn vô học.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học... do phi Trưởng duyên: dù tục sinh hay đại sung đều nên sắp đầy đủ.

∗ ... Do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên, do phi Tiền sanh duyên có 7 câu như tam đề thiện.

∗ ... Do phi Hậu sanh duyên:...

1193.

∗ ... Do phi Cố hưởng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn quả hữu học, 2 uẩn...

∗ Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp hữu học... do phi Cố hưởng duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu học.

∗ Chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học liên quan pháp hữu học... do phi Cố hưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả hữu học, 2 uẩn...

∗ Pháp vô học liên quan pháp vô học... có 3 câu.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học... do phi Cố hưởng duyên:

1 uẩn phi hữu học phi vô học;... nên sắp đầy đủ.

∗ ... Pháp hữu học và pháp phi hữu học phi vô học... nên sắp duyên hiệp trợ *(ghaṭanā)*; dù có 2 duyên nên sắp 9 câu.

1194.

∗ ... Do phi Nghiệp duyên: Tư hữu học liên quan uẩn hữu học.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học... do phi Nghiệp duyên:

Tư phi hữu học phi vô học liên quan uẩn phi hữu học phi vô học; 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương...

1195.

∗ Pháp hữu học liên quan pháp hữu học... do phi Quả duyên:

... liên quan 1 uẩn hữu học *(sekkhā)*.

* Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp hữu học... do phi Quả duyên:
  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu học *(sekkhā)*.

* Pháp hữu học và phi hữu học phi vô học liên quan pháp hữu học... do phi Quả duyên:
  3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hữu học.

1196.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học... do phi Quả duyên: Nên sắp đầu đủ không có tục sinh.

1197.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học... do phi Quả duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hữu học và đại sung.

1198.

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học... do phi Thực duyên,... phi Quyền duyên, phi Thiền duyên, phi Đạo duyên:

Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp hữu học... do phi Tương ưng duyên:

1199.

* Pháp hữu học liên quan pháp hữu học... do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: 1 uẩn hữu học...

* Pháp vô học liên quan pháp vô học... do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: 1 uẩn vô học...

* Pháp phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học... do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: 1 uẩn phi hữu học phi vô học...; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

* ... Do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

1200.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 3, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y đều có 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1201.

Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 3, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y đều có 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng đều có 9, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1202.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Cố Hưởng, Nghiệp, Quả, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng 3, Bất tương ưng, Hiện hữu, Vô hữu, Ly, Bất ly; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần liên quan (Paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(sahajāta)* như phần liên quan

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

1203.

∗ Pháp hữu học nhờ cậy pháp hữu học sanh ra do Nhân duyên: 3 câu như phần liên quan *(Paṭiccavāra)*

∗ Pháp vô học nhờ cậy pháp vô học... do Nhân duyên: Có 3 câu như phần liên quan *(Paṭiccavāra)*.

1204.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do Nhân duyên: Nên sắp đầu đủ.

Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh *(Upādā)* nhờ cậy đại sung; uẩn phi hữu học phi vô học nhờ cậy vật.

∗ Pháp hữu học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn hữu học nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn vô học nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn hữu học nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy sắc đại sung.

∗ Chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn vô học nhờ cậy vật, sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

1205.

∗ Pháp hữu học nhờ cậy chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu học và vật, 2 uẩn...

∗ Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu học và đại sung.

∗ Chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học nhờ cậy chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu học và vật, 2 uẩn...; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn hữu học và đại sung.

∗ ... Nhờ cậy chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học... có 3 câu như hữu học *(sekkhā)*.

1206.

∗ Pháp hữu học nhờ cậy pháp hữu học sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

∗ ... Nhờ cậy pháp vô học... có 1 câu.

∗ ... Nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... có 1 câu

Uẩn phi hữu học phi vô học nhờ cậy vật; nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân thức nhờ cậy thân xứ; uẩn phi hữu học phi vô học nhờ cậy vật.

* Pháp hữu học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do Cảnh duyên:
  Uẩn hữu học nhờ cậy vật.

* Pháp vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do Cảnh duyên:
  Uẩn vô học nhờ cậy vật

1207.

Pháp hữu học nhờ cậy chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học... do Cảnh duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu học và vật, 2 uẩn...

1208.

Pháp vô học nhờ cậy pháp vô học và phi hữu học phi vô học... do Cảnh duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô học và vật, 2 uẩn...

1209.

Pháp hữu học nhờ cậy pháp hữu học sanh ra do Trưởng duyên,... do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên, do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu học.

1210.

* Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do Cố hưởng duyên:
  ... nhờ cậy 1 uẩn phi hữu học phi vô học, uẩn phi hữu học phi vô học nhờ cậy vật.

* Pháp hữu học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học:...
  Uẩn hữu học nhờ cậy vật.

1211.

Pháp hữu học nhờ cậy chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học... do Cố hưởng duyên: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu học và vật *(vatthu)*;... 2 uẩn.

1212.

* Pháp hữu học nhờ cậy pháp hữu học sanh ra do Nghiệp duyên, do Quả duyên: 1 uẩn quả hữu học...

* ... Do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

1213.

Nhân 17, Cảnh 7, Trưởng 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 7, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 4, nghiệp 17, Quả 17, Thực 17, Quyền, Thiền, Đạo đều có 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 17; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1214.

* Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô nhân phi hữu học phi vô học, 2 uẩn....

- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật,... nhờ cậy 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...
- ... nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ; uẩn vô nhân phi hữu học phi vô học nhờ cậy vật; si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật và vật *(vatthu)*.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp hữu học... do phi Cảnh duyên.

1215.

∗ Pháp hữu học nhờ cậy pháp hữu học... do phi Trưởng duyên:
Trưởng hữu học nhờ cậy uẩn hữu học *(sekkhā)*.

∗ Pháp vô học nhờ cậy pháp vô học... do phi Trưởng duyên:
Trưởng vô học *(adhipati asekkhā)* nhờ cậy uẩn vô học.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do phi Trưởng duyên: Nên sắp đầy đủ.
Người Vô tưởng...; nhãn xứ...; Trưởng phi hữu học phi vô học nhờ cậy vật.

∗ Pháp hữu học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* hữu học nhờ cậy vật.

∗ Pháp vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do phi Trưởng duyên:
Trưởng vô học nhờ cậy vật *(vatthu)*.

1216.

∗ ... Nhờ cậy chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học... do phi Trưởng duyên:
Trưởng hữu học nhờ cậy uẩn hữu học và vật.

∗ Pháp vô học nhờ cậy chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học... do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* nhờ cậy uẩn vô học và vật.

1217.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp hữu học... do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên, do phi Tiền sanh duyên, do phi Hậu sanh duyên có 7 câu.

∗ ... Do phi Cố hưởng duyên...

1218.

∗ ... Do phi Nghiệp duyên...
Tư *(cetanā)* hữu học nhờ cậy uẩn hữu học.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do phi Nghiệp duyên:
Tư phi hữu học phi vô học nhờ cậy uẩn phi hữu học phi vô học; sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương...; tư phi hữu học phi vô học nhờ cậy vật.

∗ Pháp hữu học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do phi Nghiệp duyên: Tư hữu học nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp hữu học nhờ cậy chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học... do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* hữu học nhờ cậy uẩn hữu học và vật.

1219.

* Pháp hữu học nhờ cậy pháp hữu học... do phi Quả duyên: Trong phần hữu học căn *(sekkhā mūla)* có 3 câu.

* Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do phi Quả duyên: Trong phi hữu học phi vô học căn *(nevasekkhānā sekkhāmūlaka)* có 3 câu.

* Pháp hữu học nhờ cậy chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học sanh ra do phi Quả duyên: Hiệp trợ hữu học có 3 câu *(sekkhā ghaṭanā)*.

1220.

Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do phi Thực duyên, do phi Quyền duyên, do phi Thiền duyên, do phi Đạo duyên, do phi Tương ưng duyên, do phi Bất tương ưng duyên, do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

1221.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 7, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1222.

Nhân duyên có phi Cảnh 5, phi Trưởng 7, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

1223.

Phi Nhân duyên có Cảnh 11,... Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương đều có 1,... tóm tắt... Bất ly; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch và thuận
Hết phần ỷ trượng (paccayavāra)

Phần y chỉ *(nissaya)*, như phần ỷ trượng *(paccaya)*

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

1224.

* Pháp hữu học hòa hợp pháp hữu học sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu học, 2 uẩn...

* Pháp vô học hòa hợp pháp vô học... do Nhân duyên:
  3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô học, 2 uẩn...

* Pháp phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học... do Nhân duyên:
  3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi hữu học phi vô học, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1225.

* Pháp hữu học hòa hợp pháp hữu học sanh ra do Cảnh duyên, do Trưởng duyên,... tóm tắt... do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên: Nên sắp 2 duyên.

* ... do Bất ly duyên....

1226.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh đều có 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 3,... tóm tắt... Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1227.

Pháp phi hữu học phi vô học hòa hợp pháp phi hữu học phi vô học sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân phi hữu học phi vô học, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1228.

∗ Pháp hữu học hòa hợp pháp hữu học sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* hữu học hòa hợp uẩn hữu học.

∗ Pháp vô học hòa hợp pháp vô học...
Trưởng *(adhipati)* vô học hòa hợp uẩn vô học *(asekkhā)*.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học hòa hợp pháp phi hữu học phi vô học... do phi Trưởng duyên: Sắp đầy đủ có 1 câu

1229.

∗ Pháp hữu học hòa hợp pháp hữu học sanh ra do phi Tiền sanh duyên, do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên, phi Nghiệp duyên: Nên sắp 2 câu.

∗ ... Do phi Quả duyên: Nên sắp đầy đủ 2 câu.

∗ ... Do phi Thiền duyên, do phi Đạo duyên, do phi Bất tương ưng duyên.

1230.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3. Nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch (paccanīya)

1231.

Nhân duyên có phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng đều có 3, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Bất tương ưng 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch.

1232.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Cố Hưởng, Nghiệp, Quả, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng, Bất tương ưng, Hiện hữu, Vô hữu, Ly, Bất ly đều có 1 câu; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần hòa hợp (saṅsaṭṭhavāra)

Phần tương ưng *(sampayutta)* như phần hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)*

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1233.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Nhân duyên:
Nhân *(hetu)* hữu học làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1234.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* hữu học làm duyên cho sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* bằng Nhân duyên.

1235.

Pháp hữu học làm duyên cho chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* hữu học làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên *(hetupaccayo)*.

1236.

* Pháp vô học làm duyên cho pháp vô học...: Có 3 câu:

* Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Nhân duyên:

Nhân phi hữu học phi vô học làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh:...

1237.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Cảnh duyên:

Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả hữu học; tha tâm thông rõ thấu lòng người tề toàn tâm hữu học. Uẩn hữu học làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông và khán môn bằng Cảnh duyên.

1238.

Pháp vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Cảnh duyên:

Chư La-hán phản khán quả vô học; tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn tâm vô học, uẩn vô học làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông và khán môn bằng Cảnh duyên.

1239.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, rồi phản khán lại. Nhớ thiện đã từng làm chứa để trước kia.
- Xuất thiền phản khán thiền. Chư Thánh phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)* và khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não hạn chế; rõ phiền não đã từng sanh. Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan *(ārabbha)* ái *(rāga)* và ưu phát sanh.
- Nhĩ... vật..., quán ngộ *(paccavekkhana)* uẩn phi hữu học phi vô học bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó ưu...
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn tâm phi hữu học phi vô học.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Uẩn phi hữu học phi vô học làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán môn bằng Cảnh duyên.

1240.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Cảnh duyên: Níp bàn làm duyên cho đạo và quả hữu học bằng Cảnh duyên.

1241.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Cảnh duyên: Níp bàn làm duyên cho quả vô học bằng Cảnh duyên.

1242.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu học làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1243.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán, nặng về quả hữu học rồi phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu học làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1244.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học và phi hữu học phi vô học bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu học làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1245.

Pháp vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô học làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên

1246.

Pháp vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư La-hán nặng về quả vô học rồi phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô học làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1247.

Pháp vô học làm duyên cho chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô học làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1248.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học phi vô học... có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, rồi nặng về đó nên phản khán.
- Nặng về thiện đã từng làm chứa để rồi phản khán.
- Xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán.
- Chư Thánh *(ariya)* nặng về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)* bằng Trưởng duyên.
- Nặng về nhãn rồi thỏa thích, rất hân hoan, do nặng đó nên ái sanh, tà kiến phát. Nhĩ... vật..., nặng về uẩn phi hữu học phi vô học rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó nên ái sanh, tà kiến phát.

- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi hữu học phi vô học làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1249.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Níp bàn làm duyên cho đạo và quả hữu học bằng Trưởng duyên.

1250.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Níp bàn làm duyên cho quả vô học bằng Trưởng duyên.

1251.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Vô gián duyên:

Uẩn hữu học sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu học sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Đạo làm duyên cho quả hữu học. Quả hữu học làm duyên cho quả hữu học bằng Vô gián duyên.

1252.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp vô học bằng Vô gián duyên:

Đạo *(magga)* làm duyên cho quả vô học bằng Vô gián duyên.

1253.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Vô gián duyên:

Quả hữu học làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

1254.

Pháp vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Vô gián duyên:

Uẩn vô học sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô học sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Quả vô học làm duyên cho quả vô học bằng Vô gián duyên.

1255.

Pháp vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Vô gián duyên:

Quả vô học làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

1256.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Vô gián duyên:

- Uẩn phi hữu học phi vô học sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi hữu học phi vô học sanh sau sau.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn phi hữu học phi vô học bằng Vô gián duyên.

1257.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Vô gián duyên:

Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo; tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả hữu học nhập thiền; xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả hữu học nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1258.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Vô gián duyên:

Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả nhập thiền vô học; xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả vô học nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1259

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Liên tiếp duyên như Vô gián duyên: Có 8 câu đề.

1260.

* Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Đồng sanh duyên: Như Đồng sanh duyên trong phần liên quan, có 9 câu đề.
* ... Bằng Hỗ tương duyên như Hỗ tương duyên trong phần liên quan, có 13 câu đề.
* ... Bằng Y chỉ duyên: Như Y chỉ duyên trong tam đề thiện *(kusalattika)*, có 3 câu đề.

1261.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo bằng Cận y duyên; nhị đạo làm duyên cho tam đạo bằng Cận y duyên; tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên. Đạo làm duyên cho quả hữu học nhập thiền bằng Cận y duyên.

1262.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp vô học bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: đạo làm duyên cho quả nhập thiền vô học bằng Cận y duyên.

1263.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Chư Thánh nương đạo mạnh, dù nhập thiền chưa đặng sanh cũng phát sanh. Quán ngộ pháp Hành *(saṅkhāra)* bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Đạo Thánh làm duyên cho Nghĩa đại thông *(atthapaṭisambhidā)*, pháp đạt thông *(dhammapaṭisambhidā)*, ngữ đạt thông *(niruttipaṭisambhidā)*, cấp trí thông *(paṭibhāṇapaṭisambhidā)*, rõ biết sở *(ṭhāna),* phi sở *(aṭhāna)* bằng Cận y duyên.
- Quả hữu học nhập thiền làm duyên cho thân lạc bằng Cận y duyên.

1264.

Pháp vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Cận y duyên:

Vô gián cận y như: Uẩn vô học sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô học sanh sau sau; quả vô học làm duyên cho quả vô học bằng Cận y duyên.

1265.

Pháp vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học... Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nhập thiền quả vô học làm duyên cho thân lạc bằng Cận y duyên.

1266.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin phi hữu học phi vô học mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền phát sanh, pháp quán phát sanh, thông phát sanh, nhập thiền phát sanh đặng, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương trì giới phi hữu học phi vô học mạnh có thể trí, ái... si, thân lạc, âm dương, thực phẩm... nương chỗ ở mạnh có thể bố thí trì giới... nhập thiền phát sanh, sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin phi hữu học phi vô học mạnh... có thể trí, ái, hy vọng *(patthanā)* thân lạc... chỗ ở làm duyên cho đức tin, trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ phi hữu học phi vô học bằng Cận y duyên.

- Tâm chỉnh lý sơ thiền làm duyên cho sơ thiền bằng Cận y duyên; tâm chỉnh lý *(parikammā)* Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho phi Tưởng phi phi Tưởng.
- Sơ thiền làm duyên cho nhị thiền bằng Cận y duyên, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên.

1267.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Tâm chỉnh lý *(parikammā)* sơ đạo làm duyên cho sơ đạo bằng Cận y duyên... tâm chỉnh lý tứ đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1268.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Thân lạc... thân khổ, âm dương, vật thực... chỗ ở làm duyên cho quả vô học nhập thiền bằng Cận y duyên.

1269.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn bằng cách vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, ưu phát.
- Quán ngộ nhĩ... quán ngộ vật bằng lối vô thường, khổ não,vô ngã... ưu phát sanh. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn xứ,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức;... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn phi hữu học phi vô học bằng Tiền sanh duyên.

1270.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Tiền sanh duyên:

Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu học bằng Tiền sanh duyên.

1271.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Tiền sanh duyên:

Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô học bằng Tiền sanh duyên.

1272.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn hữu học làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1273.

Pháp vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn vô học làm duyên cho thân ấy sanh trước...

1274.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn phi hữu học phi vô học làm duyên cho thân ấy sanh trước...

1275.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn phi hữu học phi vô học sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi hữu học phi vô học sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)* bằng Cố hưởng duyên.

1276.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Cố hưởng duyên:

Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

1277.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư hữu học làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu học làm duyên cho uẩn quả hữu học bằng Nghiệp duyên.

1278.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp vô học bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư *(cetanā)* hữu học làm duyên cho uẩn vô học bằng Nghiệp duyên.

1279.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Nghiệp duyên:

Đồng sanh như: Tư hữu học làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1280.

Pháp hữu học làm duyên cho chư pháp hữu học và pháp phi hữu học phi vô học bằng Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* hữu học làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên *(kammapaccayo)*.

1281.

Pháp vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* vô học làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

1282.

Pháp vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* vô học làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1283.

Pháp vô học làm duyên cho chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học bằng Nghiệp duyên:

Tư vô học *(asekkhā)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1284.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư phi hữu học phi vô học làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Sát-na tục sinh:...
- Biệt thời như: Tư *(cetanā)* phi hữu học phi vô học làm duyên cho uẩn quả phi hữu học phi vô học và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1285.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Quả duyên:

1 uẩn quả hữu học làm duyên cho 3 uẩn. Trong phần hữu học căn *(sekkhamūlaka)* có 3 câu.

1286.

Pháp vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Quả duyên:

1 uẩn vô học làm duyên cho 3 uẩn...; trong phần vô học căn *(asekkhamūlaka)* có 3 câu.

1287.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Quả duyên:

1 uẩn quả phi hữu học phi vô học làm duyên cho 3 uẩn. Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Quả duyên.

1288.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Thực duyên, Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên.

1289.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu học làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu học làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1290.

Pháp vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh: Cũng như hữu học *(sekkhā)*.

1291.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn phi hữu học phi vô học làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn phi hữu học phi vô học làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên.
- Uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên; vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức. Vật làm duyên cho uẩn phi hữu học phi vô học bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi hữu học phi vô học làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1292.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu học bằng Bất tương ưng duyên *(Vippayuttapaccayo)*.

1293.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô học bằng Bất tương ưng duyên.

1294.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn hữu học làm duyên cho 3 uẩn.

1295.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu học làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu học làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1296.

Pháp hữu học làm duyên cho chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn hữu học làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

1297.

Pháp vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Hiện hữu duyên: Có 3 câu như hữu học *(sekkhā)*.

1298.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: 1 uẩn phi hữu học phi vô học làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh:... uẩn làm duyên cho vật bằng Hiện hữu duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Hiện hữu duyên;... 1 đại sung... sắc ngoại,... tóm tắt... người Vô tưởng...
- Tiền sanh như: Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích hân hoan, do đó khai đoan ái phát, ưu sanh ra.
- Quán ngộ nhĩ... vật bằng lối vô thường...
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng, sắc xứ làm duyên cho nhãn thức..., xúc xứ làm duyên cho thân thức. nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức,... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn phi hữu học phi vô học bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi hữu học phi vô học làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy, sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1299.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu học bằng Hiện hữu duyên.

1300.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô học bằng Hiện hữu duyên.

1301.

Chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn hữu học và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

1302.

Chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn hữu học và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.

- Hậu sanh như: Uẩn hữu học và đoàn thực làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu học và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1303.

Chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Hiện hữu duyên: Nên sắp 2 câu như hữu học *(sekkhā)*.

1304.

Nhân 7, Cảnh 5, Trưởng 9, Vô gián 8, Liên tiếp 8, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 8, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 2, nghiệp 8; Quả, Thực, Quyền thiền, Đạo đều có 7; Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 8, Ly 8, Bất ly 13; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1305.

* Pháp hữu học làm duyên cho pháp hữu học bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp hữu học làm duyên cho pháp vô học bằng Cận y duyên.

1306.

Pháp hữu học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

1307.

Pháp hữu học làm duyên cho chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học bằng Đồng sanh duyên.

1308.

Pháp vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1309.

Pháp vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên; bằng Cận y duyên; bằng Hậu sanh duyên.

1310.

Pháp vô học làm duyên cho chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học bằng Đồng sanh duyên.

1311.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

1312.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1313.

Pháp phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1314.

Chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp hữu học... có Đồng sanh và Tiền sanh.

1315.

Chư pháp hữu học và phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1316.

Chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô học... có Đồng sanh và Tiền sanh.

1317.

Chư pháp vô học và phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học... có Hậu sanh, Thực và Quyền.

1318.

Phi Nhân 14, phi Cảnh, phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp đều có 14, phi Đồng sanh 10, phi Hỗ tương 10, phi Y chỉ 10, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 14, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo đều có 14, phi Tương ưng 10, phi Bất tương ưng 8, phi Hiện hữu 8, phi Vô hữu 14, phi Ly 14, phi Bất ly 8; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch (paccanīya)

1319.

Nhân duyên cho phi Cảnh 7,... phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo đều có 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1320.

Phi Nhân duyên có Cảnh 5,... Trưởng 9, Vô gián 8, Liên tiếp 8, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 8, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 8, Quả, Thực, Quyền, Thiền, Đạo đều có 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 8, Ly 8, Bất ly 13; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần vấn đề (pañhāvāra)

Tam đề hữu học thứ 11 chỉ có bấy nhiêu.

TAM ĐỀ HI THIỂU *(PARITTATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1321.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hy thiểu *(paritta)* 2 uẩn...;
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn hy thiểu *(paritta)*; 2 uẩn...;
- Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật;
- 3 đại sung liên quan 1 đại sung;
- Sắc nương tâm sanh liên quan 2 đại sung.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại *(mahaggata)* liên quan vật.

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại liên quan vật; sắc tục sinh liên quan đại sung.

1322.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp đáo đại... do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại *(mahaggata)*. 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp đáo đại... do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại.

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp đáo đại... do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn đáo đại. Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn đáo đại, 2 uẩn...

1323.

∗ Pháp vô lượng liên quan pháp vô lượng... do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô lượng *(appamāṇa)*, 2 uẩn...

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp vô lượng... do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng.

∗ Chư pháp hy thiểu và vô lượng liên quan pháp vô lượng... do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô lượng, 2 uẩn...

1324.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và vô lượng... do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng và đại sung.

1325.

∗ Pháp hy thiểu liên quan chư pháp hy thiểu và đáo đại... do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn đáo đại và đại sung. Sát-na tục sinh:...

∗ Pháp đáo đại liên quan chư pháp hy thiểu và đáo đại... do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại và vật, 2 uẩn...

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại và vật; 2 uẩn...; sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại và đại sung.

1326.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn hy thiểu *(paritta)*; 2 uẩn...; sát-na tục sinh: Uẩn liên quan vật.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp hy thiểu sanh ra do Cảnh duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại liên quan vật.

1327.

Pháp đáo đại liên quan pháp đáo đại... do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1328.

Pháp vô lượng liên quan pháp vô lượng... do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô lượng, 2 uẩn...

1329.

Pháp đáo đại liên quan pháp hy thiểu và đáo đại... do Cảnh duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại *(mahaggata)* và vật, 2 uẩn...

1330.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu... do Trưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hy thiểu, 2 uẩn...; đại sung liên quan 1 đại sung; sắc nương tâm sanh thuộc y sinh *(upādā)* liên quan đại sung.

1331.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp đáo đại... do Trưởng duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại, 2 uẩn...

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp đáo đại... do Trưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại *(mahaggata)*.

∗ Chư pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp đáo đại... do Trưởng duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn đáo đại, 2 uẩn...

1332.

∗ Pháp vô lượng liên quan pháp vô lượng... do Trưởng duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô lượng *(appamāṇa)*; 2 uẩn...

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp vô lượng... do Trưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng *(appamāṇa)*.

∗ Pháp hy thiểu và vô lượng liên quan pháp vô lượng... do Trưởng duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô lượng; 2 uẩn...

1333.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và vô lượng sanh ra do Trưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng và đại sung.

1334.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và đáo đại... do Trưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại và đại sung.

1335.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên; đều sắp có đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

∗ ... Do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên: Đều sắp có 3 câu.

∗ ... Do Cố hưởng duyên nên sắp 3 câu.

∗ ... Do Nghiệp duyên, do Quả duyên có 13 câu.

∗ ... Do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

1336.

Nhân 13, Cảnh 5, Trưởng 9, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 13, Hỗ tương 7, Y chỉ 13, Cận y 5, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, nghiệp 13, Quả 13, Thực, Quyền, Thiền, Đạo đều có 13, Tương ưng 5, Bất tương ưng 13, Hiện hữu 13, Vô hữu 5, Ly 5, Bất ly 13; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1337.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô nhân hy thiểu *(paritta)*; 2 uẩn...

- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng:... liên quan 1 đại sung.
- Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1338.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hy thiểu *(paritta)*; vật liên quan uẩn,... liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: Liên quan 1 đại sung.

1339.

Pháp hy thiểu liên quan pháp đáo đại sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại *(mahaggata)*; sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại.

1340.

Pháp hy thiểu liên quan pháp vô lượng... do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng *(appamāṇa)*.

1341.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và vô lượng sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng *(appamāṇa)* và đại sung *(mahābhūta)*.

1342.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại và đại sung. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại và đại sung.

1343.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Trưởng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn hy thiểu. Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... 1 đại sung... tóm tắt... người Vô tưởng...

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Trưởng duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại liên quan vật.

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Trưởng duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại liên quan vật. Sắc tục sinh liên quan đại sung.

1344.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng *(adhipati)* đáo đại liên quan uẩn đáo đại *(mahaggata)*;... liên quan 1 uẩn quả đáo đại. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả đáo đại. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn quả đáo đại, 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

1345.

Pháp vô lượng liên quan pháp vô lượng sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng vô lượng *(appamāṇa)* liên quan uẩn vô lượng.

1346.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn quả đáo đại và đại sung. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại và sắc đại sung.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại và vật, 2 uẩn...

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại và vật, 2 uẩn...; sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại và đại sung.

1347.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu... do phi Vô gián duyên; do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên.

1348.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn hy thiểu cõi Vô sắc; 2 uẩn...; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hy thiểu.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn hy thiểu, 2 uẩn...

Đều nên sắp rộng có đại sung *(mahābhūtarūpa)*; phần hy thiểu căn *(parittamūlaka)* chỉ có 3 câu đề.

1349.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp đáo đại sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
1 uẩn đáo đại cõi Vô sắc; sát-na tục sinh...

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp đáo đại... do phi Tiền sanh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại.

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp đáo đại sanh ra... do phi Tiền sanh duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn đáo đại, 2 uẩn...

1350.

∗ Pháp vô lượng liên quan pháp vô lượng... do phi Tiền sanh duyên:
1 uẩn vô lượng *(appamāṇa)* cõi Vô sắc.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp vô lượng... do phi Tiền sanh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng *(appamāṇa)*.

1351.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và vô lượng... do phi Tiền sanh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng và đại sung.

1352.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại và đại sung. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp hy thiểu và đáo đại... do phi Tiền sanh duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại và vật.

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại và vật, 2 uẩn...; sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại và đại sung.

1353.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn hy thiểu, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... 1 đại sung... tóm tắt... người Vô tưởng: 1 đại sung.

1354.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Cố hưởng duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại liên quan vật.

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp hy thiểu... do phi Cố hưởng duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại liên quan vật; sắc tục sinh liên quan sắc đại sung.

1355.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp đáo đại sanh ra do phi Cố hưởng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn quả đáo đại, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp đáo đại... do phi Cố hưởng duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại *(mahaggata)*; sát-na tục sinh...

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp đáo đại... do phi Cố hưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn quả đáo đại, 2 uẩn...; sát-na tục sinh:... 1 uẩn đáo đại.

1356.

∗ Pháp vô lượng liên quan pháp vô lượng... do phi Cố hưởng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn quả vô lượng, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp vô lượng... do phi Cố hưởng duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng *(appamāṇa)*.

∗ Pháp hy thiểu và vô lượng liên quan pháp vô lượng... do phi Cố hưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn quả vô lượng.

1357.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và vô lượng... do phi Cố hưởng duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng và đại sung.

1358.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và đáo đại... do phi Cố hưởng duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại và đại sung. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại và đại sung.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp hy thiểu và đáo đại... do phi Cố hưởng duyên:

Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại và vật, 2 uẩn...

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do phi Cố hưởng duyên:

Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đáo đại và vật, 2 uẩn...; sắc tục sinh liên quan uẩn đáo đại và đại sung.

1359.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* hy thiểu *(paritta)* liên quan uẩn hy thiểu,... 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương...

1360.

Pháp đáo đại liên quan pháp đáo đại... do phi Nghiệp duyên:

Tư đáo đại *(mahaggata)* liên quan uẩn đáo đại.

1361.

Pháp vô lượng liên quan pháp vô lượng... do phi Nghiệp duyên:

Tư vô lượng *(appamāṇa)* liên quan uẩn vô lượng.

1362.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu... do phi Quả duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn hy thiểu, 2 uẩn...; 3 đại sung liên quan 1 đại sung; sắc nương tâm sanh thuộc y sinh *(upādā)* liên quan đại sung, sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng:... 1 sắc đại sung...

1363.

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp đáo đại... do phi Quả duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn đáo đại, 2 uẩn...

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp đáo đại... do phi Quả duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại.

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại liên quan pháp đáo đại... do phi Quả duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn đáo đại, 2 uẩn...

1364.

∗ Pháp vô lượng liên quan pháp vô lượng sanh ra do phi Quả duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô lượng *(appamāṇa)*.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp vô lượng sanh ra do phi Quả duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng *(appamāṇa)*.

∗ Pháp hy thiểu và vô lượng liên quan pháp vô lượng sanh ra do phi Quả duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng, 2 uẩn...

1365.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và vô lượng sanh ra do phi Quả duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô lượng và đại sung.

1366.

Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do phi Quả duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn đáo đại và đại sung.

1367.

∗ Pháp hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do phi Thực duyên:

Sắc ngoại,... sắc âm dương... người Vô tưởng... Nên phân rộng.

∗ ... Do phi Quyền duyên: Sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: Sắc mạng quyền liên quan đại sung.

∗ ... Do phi Thiền duyên:... 1 uẩn đồng sanh 5 thức,... sắc ngoại... tóm tắt...; người Vô tưởng: 1 đại sung...; đều nên sắp sắc đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

∗ ... Do phi Đạo duyên: 1 uẩn vô nhân hy thiểu *(paritta)*...; sát-na tục sinh: 1 đại sung... tóm tắt... đều nên sắp có đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

∗ ... Do phi Tương ưng duyên.

1368.

∗ ... Do phi Bất tương ưng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn hy thiểu Vô sắc, 2 uẩn...; sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

∗ Pháp đáo đại liên quan pháp đáo đại sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

Cõi Vô sắc: 1 uẩn đáo đại...

1369.

∗ Pháp vô lượng liên quan pháp vô lượng sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

Cõi Vô sắc: 1 uẩn vô lượng...

∗ ... Do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

1370.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 10, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo đều có 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1371.

Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 10, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y đều 5, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên sắp như thế.

Dứt cách thuận, nghịch (anuloma paccanīya)

1372.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1... tóm tắt... Ly, Bất ly 1, nên sắp như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(sahajatavāra)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

1373.

∗ Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn hy thiểu *(paritta)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật; sắc y sinh *(upādārūpa)* nhờ cậy 1 đại sung; 1 uẩn hy thiểu nhờ cậy vật.

∗ Pháp đáo đại nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn đáo đại nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại nhờ cậy vật

∗ Pháp vô lượng nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn vô lượng *(appamāṇa)* nhờ cậy vật.

∗ Pháp hy thiểu và vô lượng nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn vô lượng *(appamāṇa)* nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn đáo đại *(mahaggata)* nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung. Sát-na tục sinh:... nhờ cậy vật.

1374.

∗ Pháp đáo đại nhờ cậy pháp đáo đại sanh ra do Nhân duyên:
... nhờ cậy 1 uẩn đáo đại. Sát-na tục sinh:... nhờ cậy 1 uẩn đáo đại

∗ Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp đáo đại sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn đáo đại; sát-na tục sinh...

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại nhờ cậy pháp đáo đại sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn đáo đại,... 2 uẩn... Sát-na tục sinh:... nhờ cậy 1 uẩn đáo đại

1375.

Pháp vô lượng nhờ cậy pháp vô lượng sanh ra do Nhân duyên:
Vô lượng *(appamāṇa)* có 3 câu.

1376.

∗ Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp hy thiểu và vô lượng sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn vô lượng và đại sung.

∗ Pháp vô lượng nhờ cậy pháp hy thiểu và vô lượng sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô lượng và vật.

∗ Pháp hy thiểu và vô lượng nhờ cậy pháp hy thiểu và vô lượng sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô lượng và vật; 2 uẩn...; sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn vô lượng và đại sung.

1377.

Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu. Nên sắp sát-na tục sinh cũng có 3 câu.

1378.

∗ Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do Cảnh duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hy thiểu, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: Uẩn nhờ cậy vật.
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ;... nhờ cậy thân xứ; uẩn hy thiểu nhờ cậy vật.
- 6 câu đề ngoài ra cũng như Nhân duyên *(hetupaccayo)*, nên sắp 7 câu.

∗ ... Do Trưởng duyên: Không có tục sinh; sắp đầy đủ 13 câu đề.

∗ ... Do Vô gián duyên,... tóm tắt..., do Bất ly duyên.

1379.

Nhân 17, Cảnh 7, Trưởng 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 9, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 7, Nghiệp 7, Quả 17, Thực 17, Quyền, Thiền, Đạo đều có 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 17; nên sắp như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1380.

Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn hy thiểu vô nhân,... 2 uẩn... Sát-na tục sinh vô nhân: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật; 1 đại sung... tóm tắt...; người Vô tưởng... ;
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ; thân xứ...; uẩn hy thiểu vô nhân nhờ cậy vật; si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật và vật.

1381.

Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do phi Cảnh duyên: Có 5 câu như phần liên quan (payṭiccavāra).

1382.

∗ Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do phi Trưởng duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn hy thiểu, 2 uẩn... Sát-na tục sinh:...; người Vô tưởng... ;
- Nhãn thức... thân xứ...; uẩn hy thiểu nhờ cậy vật.

∗ Pháp đáo đại nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* đáo đại nhờ cậy vật; uẩn quả đáo đại nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại nhờ cậy vật.

∗ Pháp vô lượng nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng vô lượng *(appamāṇa)* nhờ cậy vật.

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại nhờ cậy pháp hy thiểu... do phi Trưởng duyên:
Uẩn quả đáo đại nhờ cậy vật; sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung. Sát-na tục sinh:...

1383.

∗ Pháp đáo đại nhờ cậy pháp đáo đại... do phi Trưởng duyên:
Trưởng đáo đại nhờ cậy uẩn đáo đại; 3 uẩn nhờ cậy1 uẩn quả đáo đại, 2 uẩn...; sát-na tục sinh:...

∗ Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn quả đáo đại. Sát-na tục sinh:...

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại nhờ cậy pháp đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn quả đáo đại, 2 uẩn...; sát-na tục sinh:...

1384.

Pháp vô lượng nhờ cậy pháp vô lượng sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng vô lượng nhờ cậy uẩn vô lượng.

1385.

Pháp vô lượng nhờ cậy pháp hy thiểu và vô lượng sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng vô lượng nhờ cậy uẩn vô lượng và vật.

1386.

∗ Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn quả đáo đại và đại sung. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp đáo đại nhờ cậy pháp hy thiểu và đáo đại... do phi Trưởng duyên:
Trưởng đáo đại nhờ cậy nhờ cậy uẩn quả đáo đại và vật; 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả đáo đại và vật; 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

∗ Pháp hy thiểu và đáo đại nhờ cậy pháp hy thiểu và đáo đại... do phi Trưởng duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả đáo đại và vật; 2 uẩn... sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn quả đáo đại và đại sung. Sát-na tục sinh:... nhờ cậy uẩn đáo đại.

1387.

∗ Pháp hy thiểu nhờ cậy pháp hy thiểu sanh ra do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên, do phi Tiền sanh duyên: Như phần liên quan *(Paṭiccavāra)* có 12 câu đề.

* ... Do phi Hậu sanh duyên, phi Cố hưởng duyên: Sắp đầy đủ; nên trình bày là quả *(vipāka)*; phần sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* không nên trình bày là quả.

* ... Do phi Nghiệp duyên, do phi Quả duyên: Không có quả và tục sinh.

* ... Do phi Thực duyên, do phi Quyền duyên, do phi Thiền duyên, do phi Đạo duyên, do phi Tương ưng duyên, do phi Bất tương ưng duyên, do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

1388.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 12, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y, phi Tiền sanh đều có 12, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp, phi Quả đều có 17; phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo đều có 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1389.

Nhân duyên cho phi Cảnh 5, phi Trưởng 12, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 17, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1390.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Ly, Bất ly đều có 1; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch và thuận
Hết phần ỷ trượng (paccayavāra)

Phần y chỉ *(nissaya)* như phần ỷ trượng *(paccayavāra)*

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

1391.

Pháp hy thiểu hòa hợp pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hy thiểu, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1392.

Pháp đáo đại hòa hợp pháp đáo đại sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đáo đại, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1393.

Pháp vô lượng hòa hợp pháp vô lượng sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô lượng, 2 uẩn...

1394.

* Pháp hy thiểu hòa hợp pháp hy thiểu sanh ra do Cảnh duyên, do Trưởng duyên: Không có tục sinh.

* ... Do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do đồng sanh, do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên: ... Không có tục sinh.

* ... Do Cố hưởng duyên: ... Không có quả và tục sinh.

* ... Do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

1395.

Nhân 8, Cảnh 3, Trưởng 3;... tóm tắt... Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1396.

Pháp hy thiểu hòa hợp pháp hy thiểu sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân hy thiểu *(paritta)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1397.

Pháp hy thiểu hòa hợp pháp hy thiểu sanh ra do phi Trưởng duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hy thiểu, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1398.

Pháp đáo đại hòa hợp pháp đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng đáo đại hòa hợp uẩn đáo đại,... hòa hợp 1 uẩn quả đáo đại. Sát-na tục sinh...

1399.

Pháp vô lượng hòa hợp pháp vô lượng sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng vô lượng *(appamāṇa)* uẩn vô lượng.

1400.

Pháp hy thiểu hòa hợp pháp hy thiểu sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc:... hòa hợp 1 uẩn hy thiểu; sát-na tục sinh...

1401.

Pháp đáo đại hòa hợp pháp đáo đại sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đáo đại *(mahaggata)*; sát-na tục sinh...

1402.

Pháp vô lượng hòa hợp pháp vô lượng sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô lượng *(appamāṇa)*;

1403.

Pháp hy thiểu hòa hợp pháp hy thiểu sanh ra do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hy thiểu. Sát-na tục sinh...

1404.

Pháp đáo đại hòa hợp pháp đáo đại sanh ra do phi Cố hưởng duyên:

... hòa hợp 1 uẩn quả đáo đại. Sát-na tục sinh...

1405.

Pháp vô lượng hòa hợp pháp vô lượng sanh ra do phi Cố hưởng duyên:

... hòa hợp 1 uẩn quả vô lượng

1406.

Pháp hy thiểu hòa hợp pháp hy thiểu sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* hy thiểu hòa hợp uẩn hy thiểu.

1407.

Pháp đáo đại hòa hợp pháp đáo đại sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư đáo đại hòa hợp uẩn đáo đại.

1408.

Pháp vô lượng hòa hợp pháp vô lượng sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư vô lượng *(appamāṇa)* hòa hợp uẩn vô lượng.

1409.
Pháp hy thiểu hòa hợp pháp hy thiểu sanh ra do phi Quả duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hy thiểu *(paritta)*.

1410.
Pháp đáo đại hòa hợp pháp đáo đại sanh ra do phi Quả duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đáo đại *(mahaggata)*.

1411.
Pháp vô lượng hòa hợp pháp vô lượng sanh ra do phi Quả duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô lượng *(appamāṇa)*.

1412.
Pháp hy thiểu hòa hợp pháp hy thiểu sanh ra do phi Thiền duyên, do phi Đạo duyên, do phi Bất tương ưng duyên: Cõi Vô sắc: 1 uẩn hy thiểu...

1413.
Pháp đáo đại hòa hợp pháp đáo đại sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: Cõi Vô sắc: 1 uẩn đáo đại...

1414.
Pháp vô lượng hòa hợp pháp vô lượng sanh ra do phi Bất tương ưng duyên: Cõi Vô sắc: 1 uẩn vô lượng *(appamāṇa)*.

1415.
Phi Nhân 1, phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 3; nên đếm như thế.

Hết cách nghịch (Paccaniya)

1416.
Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Bất tương ưng đều có 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1417.
Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1,... tóm tắt... Bất ly 1: Nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận.

Phần tương ưng *(sampayutta)* như phần hòa hợp *(sansattha)*

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1418.
Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu do Nhân duyên:
Nhân hy thiểu *(paritta)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

1419.
Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Nhân duyên: Có 3 câu. Nên sắp bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisandhi)*.

1420.
Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

1421.
Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nhớ lại. Phản khán thiện đã từng làm chứa để trước kia.
- Chư Thánh phản khán chuyển tộc *(gotrabhū)*, phản khán dũ tịnh *(vodanā)*, phản khánh phiền não đã trừ, phản khánh phiền não hạn chế, rõ biết phiền não đã từng sanh.
- Quán ngộ nhãn... Vật...; uẩn hy thiểu bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan do đó mở mối cho ái sanh ưu phát.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.

1422.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cảnh duyên:

- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn tâm hy thiểu *(paritta)*.Uẩn hy thiểu làm duyên cho Thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

1423.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cảnh duyên:

- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ; Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
- Tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn tâm đáo đại. uẩn đáo đại làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

1424.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Cảnh duyên:

Phản khán sơ thiền... phản khán Phi tưởng phi phi tưởng xứ, phản khán thiên nhãn, phản khán thiên nhĩ, phản khán thần thông... tha tâm thông... túc mạng thông... tùy nghiệp thông... phản khán vị lai thông.

Quán ngộ uẩn đáo đại bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh ưu phát.

1425.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng bằng Cảnh duyên:

Níp bàn làm duyên cho đạo quả bằng Cảnh duyên.

1426.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)* và khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1427.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cảnh duyên:

Tha tâm thông của chư Thánh rõ lòng người tề toàn tâm vô lượng *(appamāṇa)*. uẩn vô lượng làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

1428.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, rồi nặng về đó mới phản khán. Nặng về thiện đã từng làm chứa để rồi phản khán.

- Chư Thánh nặng về chuyển tộc *(gotrabhū)* rồi phản khán, nặng về dũ tịnh *(vodanā)* rồi phản khán. Nặng về nhãn rồi rồi phản khán, nặng về vật rồi phản khán, nặng về uẩn hy thiểu rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó nên ái sanh, tà kiến phát
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hy thiểu *(paritta)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1429.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng đáo đại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1430.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Nặng về sơ thiền rồi,... Nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ rồi... Nặng về thiên nhãn rồi,... nặng về vị lai thông rồi phản khán. Nặng về uẩn đáo đại rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng đáo đại làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1431.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu và đáo đại bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng đáo đại làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1432.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô lượng *(appamāṇa)* làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1433.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán; nặng về quả rồi phản khán, nặng về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)* bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô lượng *(appamāṇa)* làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1434.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu và vô lượng bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô lượng làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1435.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Vô gián duyên:

- Uẩn hy thiểu *(paritta)* sanh trước trước làm duyên cho uẩn hy thiểu sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; tâm khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn hy thiểu bằng Vô gián duyên.

1436.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại bằng Vô gián duyên:
- Tâm tử *(cuti)* hy thiểu làm duyên cho tâm sanh *(upapatti)* đáo đại bằng Vô gián duyên.
- Uẩn hy thiểu làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* đáo đại và vị lai thông bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma) sơ* thiền... tâm chỉnh lý Phi tưởng phi phi tưởng xứ... tâm chỉnh lý thiên nhãn... tâm chỉnh lý vị lai thông làm duyên cho vị lai thông bằng Vô gián duyên.

1437.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp vô lượng bằng Vô gián duyên:

Chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo, dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo; thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1438.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Vô gián duyên:

Uẩn đáo đại sanh trước trước làm duyên cho uẩn đáo đại sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1439.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Vô gián duyên:
- Tâm tử *(cuti)* đáo đại làm duyên cho tâm sanh *(upapatti)* hy thiểu *(paritta)* bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* đáo đại làm duyên cho tâm khán môn *(āvajjana)* bằng Vô gián duyên.
- Uẩn đáo đại *(mahaggata)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hy thiểu bằng Vô gián duyên.

1440.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp vô lượng bằng Vô gián duyên:

Khi xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1441.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng bằng Vô gián duyên:
- Uẩn vô lượng sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô lượng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Đạo làm duyên cho quả, quả làm duyên cho quả bằng Vô gián duyên.

1442.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Vô gián duyên:

Quả làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hy thiểu bằng Vô gián duyên.

1443.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp đáo đại bằng Vô gián duyên:

Quả làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* đáo đại bằng Vô gián duyên.

Liên tiếp duyên cũng như Vô gián duyên *(anantarapaccayo)*.

1444.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Đồng sanh duyên:

1 uẩn hy thiểu *(paritta)* làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên; 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn bằng Đồng sanh duyên; 1 đại sung... tóm tắt...; người Vô tưởng...

1445.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại...

Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn đáo đại bằng Đồng sanh duyên.

1446.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại...

1 uẩn đáo đại làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1447.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu...

Uẩn đáo đại làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại làm duyên cho sắc tục sinh bằng Đồng sanh duyên.

1448.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu và pháp đáo đại...

3 uẩn đáo đại làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1449.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng...

1 uẩn vô lượng làm duyên cho 3 uẩn vô lượng bằng Đồng sanh duyên.

1450.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu...

Uẩn vô lượng làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

1451.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu và pháp vô lượng...

Uẩn vô lượng *(appamāṇa)* làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

1452.

Pháp hy thiểu và vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu...

Uẩn vô lượng và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.

1453.

Pháp hy thiểu và đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu...

Uẩn đáo đại *(mahaggata)* và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh bằng Đồng sanh duyên.

1454.

Pháp hy thiểu và đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Đồng sanh duyên:

Sát-na tục sinh: 1 uẩn đáo đại và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Đồng sanh duyên.

1455.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Hỗ tương duyên:

1 uẩn hy thiểu *(paritta)* làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn bằng Hỗ tương duyên; 1 đại sung...; người Vô tưởng...

1456.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại bằng Hỗ tương duyên:

Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn đáo đại bằng Hỗ tương duyên.

1457.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại...

1 uẩn đáo đại làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên. Sát-na tục sinh...

1458.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu...

Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại làm duyên cho vật bằng Hỗ tương duyên.

1459.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu và đáo đại...

Sát-na tục sinh: 1 uẩn đáo đại làm duyên cho 3 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên.

1460.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng...

1 uẩn vô lượng làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên; 2 uẩn...

1461.

Pháp hy thiểu và đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Hỗ tương duyên.

Sát-na tục sinh: 1 uẩn đáo đại và vật làm duyên cho 3 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên.

1462.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Y chỉ duyên:

- 1 uẩn hy thiểu *(paritta)* làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên; 2 uẩn...; sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn bằng Y chỉ duyên; 1 đại sung...; người Vô tưởng: 1 đại sung...
- Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn hy thiểu bằng Y chỉ duyên.

1463.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại...

Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn đáo đại bằng Y chỉ duyên. Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn đáo đại bằng Y chỉ duyên.

1464.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp vô lượng...

Vật làm duyên cho uẩn vô lượng bằng Y chỉ duyên.

1465.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại...

1 uẩn đáo đại làm duyên cho 3 uẩn; 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1466.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu...

Uẩn đáo đại làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại làm duyên cho sắc tục sinh bằng Y chỉ duyên.

1467.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu và đáo đại...

1 uẩn đáo đại làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên; 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1468.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng...

1 uẩn vô lượng làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên.

1469.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu...

Uẩn vô lượng làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

1470.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu và vô lượng...

1 uẩn vô lượng làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

1471.

Pháp hy thiểu và vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu...

Uẩn vô lượng và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên.

1472.

Pháp hy thiểu và vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng... 1 uẩn vô lượng *(appamāṇa)* và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên: 2 uẩn...

1473.

Pháp hy thiểu và đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu...

Uẩn đáo đại và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh bằng Y chỉ duyên.

1474.

Pháp hy thiểu và đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại...

1 uẩn đáo đại và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên. Sát-na tục sinh: 1 uẩn đáo đại và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Y chỉ duyên; 2 uẩn...

1475.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin hy thiểu *(paritta)* mạnh có thể bố thí, giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, pháp quán phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới hy thiểu... trí, ái, hy vọng *(patthanā)*, thân lạc... chỗ ở mạnh có thể bố thí, (giữ 5) giới, thọ trì thanh tịnh giới, pháp quán phát sanh, sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin... trí, ái, hy vọng *(patthanā)*, thân lạc,... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin hy thiểu *(paritta)*, trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.
- Nghiệp thiện, bất thiện làm duyên cho dị thục quả bằng Cận y duyên. Sát sanh làm duyên cho sát sanh bằng Cận y duyên. Nên sắp cách luân chuyển *(cakkaṃ kātabbaṃ)*
- Nghiệp sát mẫu làm duyên cho nghiệp sát mẫu bằng Cận y duyên. Nên sắp cách luân chuyển *(cakkaṃ kātabbaṃ)* như tam đề thiện.

1476.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại... có Vô gián cận y, Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin hy thiểu *(paritta)* mạnh có thể làm cho thiền đáo đại *(mahaggata)* sanh, thần thông *(abhiññā)*... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới hy thiểu *(paritta)* mạnh... trí, ái... nương chỗ ở mạnh có thể làm cho thiền đáo đại sanh, thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin hy thiểu... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin đáo đại, trí bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ thiền... tâm chỉnh lý Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên; tâm chỉnh lý thiên nhãn làm duyên cho vị lai thông...

1477.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp vô lượng bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin hy thiểu *(paritta)* mạnh, dù cho thiền vô lượng *(appamāṇa)* không sanh cũng đặng sanh, đạo... nhập thiền quả phát sanh.
- Nương giới tin hy thiểu mạnh,... trí, ái, hy vọng, thân lạc... chỗ ở mạnh có thể làm cho thiền vô lượng phát sanh,... đạo... quả nhập thiền phát sanh.

- Nương đức tin... chỗ ở, hy thiểu *(paritta)* làm duyên cho đức tin vô lượng *(appamāṇa)*, trí, đạo quả nhập thiền bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ đạo làm duyên cho sơ đạo, tâm chỉnh lý tứ đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1478.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đáo đại *(mahaggata)* mạnh có thể làm cho thiền đáo đại phát sanh, thông phát sanh... nhập thiền đặng.
- Nương giới đáo đại... trí mạnh có thể làm cho thiền đáo đại... thông,... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin... trí đáo đại làm duyên cho đức tin, trí đáo đại bằng Cận y duyên.
- Sơ thiền làm duyên cho nhị thiền, Thức vô biên xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên.

1479.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu... có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đáo đại mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, pháp quán phát sanh gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới... trí đáo đại mạnh có thể bố thí... pháp quán phát sanh...
- Nương đức tin... trí đáo đại làm duyên cho đức tin,... trí hy thiểu *(paritta)*, thân thức thọ lạc, thân thức thọ khổ bằng Cận y duyên.

1480.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp vô lượng... có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin đáo đại mạnh có thể làm cho thiền vô lượng *(appamāṇa)* phát sanh, đạo...; quả nhập thiền phát sanh.
- Nương giới... trí đáo đại mạnh có thể làm cho thiền vô lượng... đạo...; quả nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin... trí đáo đại làm duyên cho đức tin vô lượng, trí, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

1481.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng... có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin vô lượng *(appamāṇa)* mạnh có thể làm cho thiền vô lượng phát sanh, đạo...; quả nhập thiền phát sanh.
- Nương giới... trí vô lượng mạnh có thể làm cho thiền vô lượng *(appamāṇa)*, đạo; quả nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin... trí vô lượng làm duyên cho đức tin, trí vô lượng bằng Cận y duyên.
- Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo... tam đạo làm duyên cho tứ đạo.

1482.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin vô lượng *(appamāṇa)* mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, pháp quán phát sanh.
- Nương giới... trí vô lượng mạnh có thể bố thí,... nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, pháp quán phát sanh...

- Nương đức tin... trí vô lượng làm duyên cho đức tin hy thiểu *(paritta)*, thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên; quả nhập thiền làm duyên cho thân lạc bằng Cận y duyên.
- Chư Thánh nương đạo mạnh, quán ngộ pháp hành *(saṅkhāra)* bằng cách vô thường...
- Thánh đạo làm duyên cho nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông, tri sở *(ṭhāna)* phi sở *(aṭhāna)* bằng Cận y duyên.

1483.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin vô lượng *(appamāṇa)* mạnh có thể làm cho thiền đáo đại *(mahaggata)* phát sanh, thông phát sanh,... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới *(sīla)* vô lượng... trí có thể làm cho thiền đáo đại... thông *(abhiññā)*... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin vô lượng *(appamāṇa)*... trí làm duyên cho đức tin đáo đại, trí bằng Cận y duyên.
- Nương Thánh đạo mạnh dù thiền nhập chưa phát sanh cũng phát sanh đặng.

1484.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, ưu phát.
- Quán ngộ nhĩ... vật bằng lối vô thường... ưu phát sanh.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ...; vật làm duyên cho uẩn hy thiểu *(paritta)* bằng Tiền sanh duyên.

1485.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đáo đại bằng Tiền sanh duyên.

1486.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp vô lượng bằng Tiền sanh duyên:

Vật làm duyên cho uẩn vô lượng *(appamāṇa)* bằng Tiền sanh duyên.

1487.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn hy thiểu làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1488.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn đáo đại làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1489.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn vô lượng *(appamāṇa)* làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1490.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn hy thiểu *(paritta)* sanh trước trước làm duyên cho uẩn hy thiểu sanh sau sau; tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)* bằng Cố hưởng duyên.

1491.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cố hưởng duyên:

- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ thiền làm duyên cho nó (Sơ thiền) bằng Cố hưởng duyên...
- Tâm chỉnh lý Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho nó (Phi tưởng phi phi tưởng xứ) bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm chỉnh lý thiên nhãn... tâm chỉnh lý vị lai thông làm duyên cho vị lai thông bằng Cố hưởng duyên.

1492.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp vô lượng bằng Cố hưởng duyên:

Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo, tâm dũ tịnh làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

1493.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn đáo đại sanh trước trước làm duyên cho uẩn đáo đại sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

1494.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư hy thiểu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Sát-na tục sinh: Tư hy thiểu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

Biệt thời như: Tư hy thiểu làm duyên cho uẩn quả hy thiểu và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1495.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* đáo đại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư đáo đại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên
- Biệt thời như: Tư đáo đại làm duyên cho uẩn quả đáo đại bằng Nghiệp duyên.

1496.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư đáo đại làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư đáo đại làm duyên cho sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư đáo đại làm duyên cho sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1497.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu và đáo đại bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư đáo đại làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư đáo đại làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư đáo đại làm duyên cho uẩn quả đáo đại và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1498.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư vô lượng *(appamāṇa)* làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư vô lượng làm duyên cho uẩn quả vô lượng bằng Nghiệp duyên.

1499.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Nghiệp duyên:

Tư vô lượng làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1500.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu và vô lượng bằng Nghiệp duyên:

Tư vô lượng làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1501.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Quả duyên:

- 1 uẩn quả hy thiểu làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Quả duyên.

1502.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Quả duyên: Có 3 câu đề. Nên sắp bình nhật *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisandhi)*.

1503.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng bằng Quả duyên: Có 3 câu, chỉ có bình nhật *(pavatti).*

1504.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh.

- Đồng sanh như: Uẩn hy thiểu làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn hy thiểu làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên.
- Uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Bất tương ưng duyên; thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Bất tương ưng duyên; vật làm duyên cho uẩn hy thiểu bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hy thiểu *(paritta)* làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1505.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn đáo đại bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đáo đại bằng Bất tương ưng duyên.

1506.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp vô lượng bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô lượng bằng Bất tương ưng duyên.

1507.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Bất tương ưng duyên có Tiền sanh và Hậu sanh:

- Tiền sanh như: Uẩn đáo đại làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn đáo đại làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1508.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn vô lượng làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô lượng làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1509.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: 1 uẩn hy thiểu làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Hiện hữu duyên; 1 đại sung... tóm tắt... người Vô tưởng...
- Tiền sanh như: Nhãn... quán ngộ vật bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, ưu phát.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên. nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Hiện hữu duyên, thân xứ làm duyên cho thân thức. Vật làm duyên cho uẩn hy thiểu bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hy thiểu làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1510.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh, vật làm duyên cho uẩn đáo đại bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng, vật làm duyên cho uẩn đáo đại bằng Hiện hữu duyên.

1511.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp vô lượng bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô lượng bằng Hiện hữu duyên.

1512.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn đáo đại làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1513.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn đáo đại làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn đáo đại làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1514.

Pháp đáo đại làm duyên cho chư pháp hy thiểu và đáo đại bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn đáo đại làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1515.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn vô lượng *(appamāṇa)* làm duyên cho 3 uẩn.

1516.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn vô lượng làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô lượng làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1517.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu và vô lượng bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn vô lượng làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.

1518.

Pháp hy thiểu và vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn vô lượng và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô lượng và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô lượng và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1519.

Pháp hy thiểu và pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn vô lượng và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

1520.

Pháp hy thiểu và đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn đáo đại và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn đáo đại và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn đáo đại và đoàn thực làm duyên cho thân ấy.
- Hậu sanh như: Uẩn đáo đại và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1521.

* Pháp hy thiểu và đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn đáo đại và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn..., sát-na tục sinh: 1 uẩn đáo đại và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn và vật...

* ... Bằng Hiện hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

1522.

Nhân 7, Cảnh 7, Trưởng 7, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 11, Hỗ tương 7, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 4, Nghiệp 7, Quả, Thực, Quyền, Thiền, Đạo đều có 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 13; nên sắp như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1523.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

1524.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1525.

Pháp hy thiểu làm duyên cho pháp vô lượng bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1526.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1527.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

1528.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp vô lượng bằng Cận y duyên.

1529.

Pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu và đáo đại bằng Đồng sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

1530.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1531.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

1532.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp đáo đại bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1533.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu và vô lượng bằng Đồng sanh duyên.

1534.

Pháp hy thiểu và pháp vô lượng làm duyên cho pháp hy thiểu... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1535.

Pháp hy thiểu và pháp vô lượng làm duyên cho pháp vô lượng... có Đồng sanh và Tiền sanh.

1536.

Pháp hy thiểu và pháp đáo đại làm duyên cho pháp hy thiểu... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1537.

Pháp hy thiểu và pháp đáo đại làm duyên cho pháp đáo đại... có Đồng sanh và Tiền sanh.

1538.

Phi Nhân 15, phi Cảnh 15, phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp đều có 15, phi Đồng sanh 12, phi Hỗ tương 12, phi Y chỉ 12, phi Cận y 14, phi Tiền sanh 14, phi Hậu sanh 15, phi Cố hưởng 15, tóm tắt... phi Đạo 15, phi Tương ưng 12, phi Bất tương ưng 10, phi Hiện hữu 10, phi Vô hữu 15, phi Ly 15, phi Bất ly 10; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1539.

Nhân duyên có phi Cảnh 7,... phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp đều có 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7,... tóm tắt... phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1540.

Phi Nhân duyên có Cảnh 7,... Trưởng 7, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 11, Hỗ tương 7, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 4, Nghiệp 7, tóm tắt,... Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 13, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 13.

Dứt cách nghịch, thuận

Tam đề hy thiểu (paritta) thứ 12 chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ CẢNH HI THIỂU *(PARITTĀRAMMAṆATTIKA)*

1541.

Pháp cảnh hy thiểu liên quan pháp cảnh hy thiểu sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn cảnh hy thiểu, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn cảnh hy thiểu, 2 uẩn...

1542.

Pháp cảnh đáo đại liên quan pháp cảnh đáo đại sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn cảnh đáo đại, 2 uẩn...; sát-na tục sinh:... cảnh đáo đại...

1543.

Pháp cảnh vô lượng liên quan pháp cảnh vô lượng sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn cảnh vô lượng, 2 uẩn...

1544.

Pháp cảnh hy thiểu liên quan pháp cảnh hy thiểu sanh ra do Cảnh duyên, do Trưởng duyên,... tóm tắt... Bất ly duyên.

1545.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 3,... tóm tắt..., Bất ly 3. Nên đếm như thế

Dứt cách thuận (anuloma)

1546.

Pháp cảnh hy thiểu liên quan pháp cảnh hy thiểu sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân cảnh hy thiểu, 2 uẩn...; sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn liên quan 1 uẩn cảnh hy thiểu, 2 uẩn... si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1547.

Pháp cảnh đáo đại liên quan pháp cảnh đáo đại... do phi Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân cảnh đáo đại, 2 uẩn... si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1548.

Pháp cảnh vô lượng liên quan pháp cảnh vô lượng... do phi Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân cảnh vô lượng *(appamāṇārammaṇa)*, 2 uẩn...

1549.

Pháp cảnh hy thiểu liên quan pháp cảnh hy thiểu sanh ra do phi Trưởng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn cảnh hy thiểu *(parittārammaṇa)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1550.

Pháp cảnh đáo đại liên quan pháp cảnh đáo đại sanh ra do phi Trưởng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn cảnh đáo đại *(mahaggatārammaṇa)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1551.

Pháp cảnh vô lượng liên quan pháp cảnh vô lượng sanh ra do phi Trưởng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn cảnh vô lượng, 2 uẩn...

1552.

Pháp cảnh hy thiểu liên quan pháp cảnh hy thiểu sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc: 3 uẩn cảnh hy thiểu,... Sát-na tục sinh...

1553.

∗ Pháp cảnh đáo đại liên quan pháp cảnh đáo đại... do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh đáo đại, 2 uẩn...

∗ ... Do phi Tiền sanh duyên: Cảnh đáo đại không có tục sinh.

1554.

∗ Pháp biết cảnh vô lượng liên quan pháp biết cảnh vô lượng... do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh vô lượng, 2 uẩn...

∗ ... Do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên: Cũng như phi Trưởng duyên.

1555.

Pháp biết cảnh hy thiểu liên quan pháp biết cảnh hy thiểu... do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* cảnh hy thiểu liên quan uẩn cảnh hy thiểu.

1556.

Pháp cảnh đáo đại liên quan pháp cảnh đáo đại... do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* cảnh đáo đại liên quan uẩn cảnh đáo đại.

1557.

Pháp cảnh vô lượng liên quan pháp cảnh vô lượng... do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* cảnh vô lượng liên quan uẩn cảnh vô lượng.

1558.

∗ Pháp cảnh hy thiểu liên quan pháp cảnh hy thiểu... do phi Quả duyên: Không có tục sinh.

∗ ... Do phi Thiền duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh ngũ thức *(viññāna)*, 2 uẩn...

* ... Do phi Đạo duyên:

1 uẩn cảnh hy thiểu vô Nhân, 2 uẩn... Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn...

1559.

Pháp cảnh đáo đại liên quan pháp cảnh đáo đại... do phi Đạo duyên:

... 1 uẩn cảnh đáo đại vô Nhân, 2 uẩn...

1560.

Pháp biết cảnh vô lượng liên quan pháp biết cảnh vô lượng... do phi Đạo duyên:

1 uẩn vô nhân biết cảnh vô lượng *(appamāṇārammaṇa)*, 2 uẩn...

1561.

Pháp biết cảnh hy thiểu liên quan pháp biết cảnh hy thiểu... do phi Bất tương ưng duyên:

Cõi Vô sắc: 1 uẩn biết cảnh hy thiểu *(parittārammaṇa)*.

1562.

Pháp biết cảnh đáo đại liên quan pháp biết cảnh đáo đại... do phi Bất tương ưng duyên:

... 1 uẩn biết cảnh đáo đại Vô sắc.

1563.

Pháp biết cảnh vô lượng liên quan pháp biết cảnh vô lượng... do phi Bất tương ưng duyên:

... 1 uẩn biết cảnh vô lượng trong Vô sắc, 2 uẩn...

1564.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1565.

Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3; nên đếm như thế.

1566.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 2, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần liên quan *(Paṭiccavāra)*

Phần đồng sanh *(sahajāta)*, phần ỷ trượng *(paccaya)*, phần y chỉ *(nissaya)* phần hòa hợp *(saṅsaṭṭha)*, phần tương ưng *(sampayutta)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1567.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Nhân duyên...

Nhân *(hetu)* biết cảnh hy thiểu làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân biết cảnh hy thiểu làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1568.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Nhân duyên:

Nhân biết cảnh đáo đại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

1569.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Nhân duyên:

Nhân biết cảnh vô lượng làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1570.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, rồi nhớ lại. Nhớ thiện đã từng làm chứa để.
- Chư Thánh phản khán phiền não biết cảnh hy thiểu đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, biết rõ phiền não từng sanh trước kia.
- Quán ngộ uẩn hy thiểu biết cảnh hy thiểu bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu biết cảnh hy thiểu phát sanh.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm biết cảnh hy thiểu.
- Uẩn hy thiểu biết cảnh hy thiểu làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1571.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cảnh duyên:

- Phản khán thiên nhãn, phản khán thiên nhĩ, phản khán thần thông biết cảnh hy thiểu, phản khán tha tâm thông... túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông.
- Quán ngộ uẩn đáo đại biết cảnh hy thiểu bằng lối vô thường,... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái... ưu biết cảnh đáo đại sanh ra.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm cảnh hy thiểu biết pháp đáo đại.
- Uẩn đáo đại biết cảnh hy thiểu làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1572.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cảnh duyên:

- ... phản khán Thức vô biên xứ, phản khán Phi tưởng phi phi tưởng xứ, phản khán cảnh đáo đại, phản khán tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông.
- Quán ngộ uẩn đáo đại biết cảnh đáo đại bằng lối vô thường,... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái... ưu biết cảnh đáo đại sanh ra.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm đáo đại biết cảnh đáo đại.
- Uẩn đáo đại biết cảnh đáo đại làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1573.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Cảnh duyên:

- Nhớ lại sát-na phản khán sơ thiền, nhớ lại sát-na phản khán Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhớ lại sát-na phản khán thiên nhãn, nhớ lại sát-na phản khán thiên nhĩ,... thần thông,... tha tâm thông,... túc mạng thông,... tùy nghiệp thông, nhớ lại sát-na phản khán vị lai thông.
- Chư Thánh phản khán phiền não biết cảnh đáo đại đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, rõ biết phiền não đã từng sanh.
- Quán ngộ uẩn hy thiểu biết cảnh đáo đại bằng lối vô thường,... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái... ưu biết cảnh hy thiểu sanh ra.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm hy thiểu biết cảnh đáo đại.

- Uẩn hy thiểu biết cảnh đáo đại làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán môn bằng Cảnh duyên.

1574.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm hy thiểu biết cảnh vô lượng.
- Uẩn biết cảnh vô lượng làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên *(Ārammaṇapaccayo)*.

1575.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh phản khán chuyển tộc *(gotrabhū)*, phản khán dũ tịnh *(vodanā)*, nhớ lại sát-na phản khán đạo, nhớ lại sát-na phản khán quả, nhớ lại sát-na phản khán Níp Bàn.
- Phản khán uẩn hy thiểu biết cảnh vô lượng bằng vô thường...
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm hy thiểu biết cảnh vô lượng.
- Uẩn hy thiểu biết vô lượng làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1576.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cảnh duyên:

Chư Thánh phản khán tha tâm thông biết cảnh vô lượng... làm duyên cho túc mạng thông, vị lai thông và khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1577.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng về đó mới nhớ lại.
- Nặng về thiện đã từng làm chứa để rồi phản khán.
- Nặng về uẩn hy thiểu biết cảnh hy thiểu rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó nên ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng biết cảnh hy thiểu làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1578.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như: Nặng về thiên nhãn rồi phản khán, nặng về thiên nhĩ rồi phản khán,... Nặng về thần thông biết cảnh hy thiểu... tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, nặng về vị lai thông rồi phản khán.
- Nặng về uẩn đáo đại biết cảnh hy thiểu rồi thỏa thích, do nặng đó rồi ái, tà kiến biết cảnh đáo đại mới sanh ra.

1579.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Nặng về Thức vô biên xứ rồi mới phản khán, nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ,... Nặng về thần thông *(idhividhañāṇa)* biết cảnh đáo đại... tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông,... Nặng về vị lai thông rồi phản khán.
- Nặng về uẩn đáo đại biết cảnh đáo đại rồi thỏa thích, do nặng đó rồi ái, tà kiến biết cảnh đáo đại mới sanh ra.

- Trưởng đồng sanh như: Trưởng biết cảnh đáo đại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1580.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về sát-na phản khán sơ thiền rồi nhớ lại. Nặng về sát-na phản khán vị lai thông rồi nhớ lại. Nặng về uẩn hy thiểu biết cảnh đáo đại rồi thỏa thích, do nặng đó rồi ái, tà kiến biết cảnh hy thiểu mới phát sanh.

1581.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán, nặng về quả rồi phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng biết cảnh vô lượng làm duyên cho uẩn tương ưng.

1582.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu...

Trưởng cảnh như: Chư hữu học nặng về chuyển tộc *(gotrabhū)* rồi phản khán, nặng về dũ tịnh *(vodanā)* rồi phản khán. Nặng về sát-na phản khán đạo rồi nhớ lại. Nặng về sát-na phản khán quả rồi nhớ lại. Nặng về sát-na phản khán Níp Bàn rồi nhớ lại.

1583.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Chư hữu học nặng về tha tâm thông biết cảnh vô lượng rồi phản khán. Nặng về túc mạng thông rồi phản khán, nặng về vị lai thông rồi phản khán.

1584.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Vô gián duyên:

Uẩn biết cảnh hy thiểu sanh trước làm duyên cho uẩn sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1585.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử *(cuti)* biết cảnh hy thiểu làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* biết cảnh đáo đại bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho khán (ý) môn *(āvajjana)* biết cảnh đáo đại bằng Vô gián duyên.
- Uẩn biết cảnh hy thiểu làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh đáo đại bằng Vô gián duyên.

1586.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Vô gián duyên:

Tâm thuận thứ *(anuloma)* biết cảnh hy thiểu làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*, thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1587.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Vô gián duyên:

Uẩn biết cảnh đáo đại sanh trước làm duyên cho uẩn sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1588.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử *(cuti)* biết cảnh đáo đại làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* biết cảnh hy thiểu bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp biết cảnh đáo đại làm duyên cho khán (ý) môn *(āvajjana)* biết cảnh hy thiểu bằng Vô gián duyên.
- Uẩn biết cảnh đáo đại làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh hy thiểu bằng Vô gián duyên.

1589.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Vô gián duyên:

Tâm thuận thứ *(anuloma)* biết cảnh đáo đại làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*, thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền. Xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1590.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Vô gián duyên:

- Uẩn biết cảnh vô lượng sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh vô lượng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo, dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo, đạo làm duyên cho quả, quả làm duyên cho quả bằng Vô gián duyên.

1591.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Vô gián duyên:

- Phản khán đạo làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh hy thiểu.
- Phản khán quả làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh hy thiểu.
- Phản khán Níp Bàn làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh hy thiểu.
- Tha tâm thông *(cetopariyañāṇa)* biết cảnh vô lượng làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh hy thiểu.
- Túc mạng thông làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh hy thiểu.
- Vị lai thông làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh hy thiểu.
- Quả làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh hy thiểu bằng Vô gián duyên.

1592.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Vô gián duyên:

- Phản khán đạo làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh đáo đại.
- Phản khán quả làm duyên cho... biết cảnh đáo đại. Phản khán Níp Bàn làm duyên... biết cảnh đáo đại.
- Quả làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh đáo đại bằng Vô gián duyên.

1593.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Liên tiếp duyên như Vô gián duyên.

1594.

∗ Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Đồng sanh duyên; bằng Hỗ tương duyên, bằng Y chỉ duyên: Có 3 câu. Nên sắp như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ ... Bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin biết cảnh hy thiểu mạnh có thể làm cho bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền biết cảnh hy thiểu phát sanh, pháp quán... thần thông, nhập thiền phát sanh, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.

- Nương giới biết cảnh hy thiểu mạnh... trí, ái, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hy vọng, thân lạc,... thân khổ mạnh có thể làm cho bố thí, nguyện giữ ngũ giới,... thọ trì thanh tịnh giới, thiền biết cảnh hy thiểu phát sanh, pháp quán... thần thông, nhập thiền phát sanh, sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin biết cảnh hy thiểu mạnh... trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ làm duyên cho đức tin biết cảnh hy thiểu; trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.

1595.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin biết cảnh hy thiểu mạnh làm cho thiền biết cảnh đáo đại, pháp quán... thần thông,... nhập thiền phát sanh, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới biết cảnh hy thiểu mạnh... ái, hy vọng, thân lạc,... thân khổ mạnh có thể làm cho thiền biết cảnh đáo đại; pháp quán... thần thông,... nhập thiền phát sanh, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương đức tin biết cảnh hy thiểu mạnh... thân lạc, thân khổ làm duyên cho đức tin, trí, ái, hy vọng biết cảnh đáo đại bằng Cận y duyên.

1596.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin biết cảnh hy thiểu mạnh làm cho thiền biết cảnh vô lượng phát sanh, đạo,... thông, nhập thiền phát sanh.
- Nương giới biết cảnh hy thiểu mạnh... trí, ái, thân lạc,... thân khổ mạnh làm cho thiền biết cảnh vô lượng phát sanh, đạo,... thông, nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin biết cảnh hy thiểu, thân lạc, thân khổ làm duyên cho đức tin, trí biết cảnh vô lượng bằng Cận y duyên.

1597.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin biết cảnh đáo đại mạnh có thể làm cho thiền biết cảnh đáo đại phát sanh, pháp quán... thần thông, nhập thiền, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới biết cảnh đáo đại mạnh... trí, ái,... hy vọng mạnh có thể làm cho thiền biết cảnh đáo đại phát sanh,... chấp tà kiến.
- Nương đức tin biết cảnh đáo đại,... Trí,... ái, hy vọng mạnh làm duyên cho đức tin, hy vọng biết cảnh đáo đại bằng Cận y duyên.

1598.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin biết cảnh đáo đại mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền biết cảnh hy thiểu phát sanh... pháp quán... thần thông, nhập thiền, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới biết cảnh đáo đại... hy vọng mạnh có thể bố thí... chấp tà kiến.
- Nương đức tin biết cảnh đáo đại, hy vọng làm duyên cho đức tin biết cảnh hy thiểu, hy vọng, thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.

1599.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin biết cảnh đáo đại mạnh làm duyên cho thiền biết cảnh vô lượng... Đạo... thần thông, nhập thiền phát sanh.
- Nương giới... hy vọng biết cảnh đáo đại mạnh làm duyên cho thiền biết cảnh vô lượng... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin... hy vọng biết cảnh đáo đại làm duyên cho đức tin, trí biết cảnh vô lượng, trí bằng Cận y duyên.

1600.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin biết cảnh vô lượng mạnh làm duyên cho thiền biết cảnh vô lượng... đạo... thông,... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới... trí biết cảnh vô lượng mạnh làm duyên cho thiền biết cảnh vô lượng... đạo... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin... trí biết cảnh vô lượng làm duyên cho đức tin, trí biết cảnh vô lượng và quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

1601.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin biết cảnh vô lượng mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền biết cảnh hy thiểu phát sanh... pháp quán... thông,... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới... trí biết cảnh vô lượng mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin... trí biết cảnh vô lượng làm duyên cho đức tin, trí biết cảnh hy thiểu, thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.

1602.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin biết cảnh vô lượng mạnh làm duyên cho thiền biết cảnh đáo đại phát sanh, pháp quán... thần thông,... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới... trí biết cảnh vô lượng mạnh làm cho thiền biết cảnh đáo đại, pháp quán... thông,... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin... trí biết cảnh vô lượng làm duyên cho đức tin, trí biết cảnh đáo đại bằng Cận y duyên.

1603.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Cố hưởng duyên: Uẩn biết cảnh hy thiểu sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh hy thiểu sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

1604.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cố hưởng duyên: Tâm thuận thứ *(anuloma)* biết cảnh hy thiểu làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ biết cảnh hy thiểu làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)* bằng Cố hưởng duyên.

1605.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn biết cảnh đáo đại sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh đáo đại sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

1606.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cố hưởng duyên:

Tâm thuận thứ biết cảnh đáo đại làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)* bằng Cố hưởng duyên.

1607.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn biết cảnh vô lượng sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh vô lượng sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên. Chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

1608.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư biết cảnh hy thiểu làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư biết cảnh hy thiểu làm duyên cho uẩn quả biết cảnh hy thiểu bằng Nghiệp duyên.

1609.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư biết cảnh đáo đại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư biết cảnh đáo đại làm duyên cho uẩn quả biết cảnh đáo đại bằng Nghiệp duyên.

1610.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Nghiệp duyên:

Đồng sanh như: Tư biết cảnh đáo đại làm duyên cho uẩn quả biết cảnh hy thiểu bằng Nghiệp duyên.

1611.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư biết cảnh vô lượng làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư biết cảnh vô lượng làm duyên cho uẩn quả biết cảnh vô lượng bằng Nghiệp duyên.

1612.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Nghiệp duyên:

Đồng sanh như: Tư biết cảnh vô lượng làm duyên cho uẩn quả biết cảnh hy thiểu bằng Nghiệp duyên.

1613.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Quả duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Hiện hữu duyên, bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

1614.

Nhân 3, Cảnh 7, Trưởng 7, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Cố hưởng 5, Nghiệp 5, Quả 3, Thực 3, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu đều có 3, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 13; Nên sắp như thế.

Hết cách thuận (anuloma)

1615.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

1616.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1617.

Pháp biết cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cận y duyên.

1618.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1619.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

1620.

Pháp biết cảnh đáo đại làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cận y duyên.

1621.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1622.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh hy thiểu bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

1623.

Pháp biết cảnh vô lượng làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1624.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 9, phi Y chỉ 9, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, tóm tắt... phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1625.

Nhân duyên cho phi Cảnh 3,... phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố hưởng đều có 3, tóm tắt... phi Đạo, phi Bất tương ưng, phi Vô hữu, phi Ly đều có 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1626.

Phi Nhân duyên có Cảnh 7,... Trưởng 7, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Cố hưởng 5, Nghiệp 5, Quả 3... tóm tắt..., Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

Tam đề biết cảnh hy thiểu thứ 13 chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ TY HẠ *(HĪNATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1627.

∗ Pháp ty hạ liên quan pháp ty hạ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn ty hạ, 3 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp trung bình liên quan pháp ty hạ sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ty hạ *(hīra)*.

∗ Pháp ty hạ và trung bình liên quan pháp ty hạ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ty hạ, 2 uẩn...

1628.

Pháp trung bình liên quan pháp trung bình...
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn trung bình *(majjhima)*; 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... 1 đại sung. Sắc nương tâm sanh và sắc tục sinh thuộc sắc y sinh *(upādā)* liên quan đại sung.

1629.

Pháp tinh lương liên quan pháp tinh lương sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1630.

Pháp trung bình liên quan chư pháp trung bình và tinh lương... do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn trung bình *(majjhima)* và đại sung.

1631.

Pháp trung bình liên quan chư pháp ty hạ và trung bình... do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn ty hạ *(hīna)* và đại sung.
- Tam đề ty hạ *(hīnattika)* phân rộng như tam đề phiền toái *(saṅkiliṭṭhattika)*.

Tam đề ty hạ thứ 14 chỉ có bấy nhiêu.

TAM ĐỀ TÀ *(MICCHATTATIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1632.

∗ Pháp tà (cho quả) nhứt định liên quan pháp tà (cho quả) nhứt định sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn tà (cho quả) nhứt định *(micchattaniyata)*, 2 uẩn...

∗ Pháp bất định liên quan pháp tà (cho quả) nhứt định sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn tà (cho quả) nhứt định.

∗ Chư pháp tà (cho quả) nhứt định và bất định liên quan pháp tà (cho quả) nhứt định sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn tà (cho quả) nhứt định; 2 uẩn...

1633.

Pháp chánh cho quả nhứt định liên quan pháp chánh cho quả nhứt định... do Nhân duyên: Có 3 câu.

1634.

Pháp bất định liên quan pháp bất định... do Nhân duyên.

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn bất định, 2 uẩn...; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 3 đại sung liên quan 1 đại sung; sắc nương tâm sanh và sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)* liên quan 2 đại sung.

1635.

Pháp bất định liên quan pháp tà cho quả nhứt định và bất định... do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn tà cho quả nhứt định và đại sung.

1636.

Pháp bất định liên quan pháp chánh cho quả nhứt định và pháp bất định... do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)* và đại sung.

1637.

Pháp tà cho quả nhứt định liên quan pháp tà cho quả nhứt định... do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn tà cho quả nhứt định, 2 uẩn...

1638.

Pháp chánh cho quả nhứt định liên quan pháp chánh cho quả nhứt định... do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)*, 2 uẩn...

1639.

Pháp bất định liên quan pháp bất định sanh ra do Cảnh duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất định, 2 uẩn...; uẩn liên quan vật *(vatthu)*.
- Các duyên nên phân rộng theo cách này,... tóm tắt...

1640.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 9, Quả 1, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 9; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1641.

Pháp bất định liên quan pháp bất định sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn vô nhân bất định, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh vô nhân: liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...
- Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

1642.

Pháp bất định liên quan pháp tà cho quả nhứt định sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn tà cho quả nhứt định... tóm tắt...

1643.

Pháp tà cho quả nhứt định liên quan pháp tà cho quả nhứt định sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng *(adhipati)* tà cho quả nhứt định liên quan uẩn tà cho quả nhứt định.

1644.

Pháp chánh cho quả nhứt định liên quan pháp chánh cho quả nhứt định sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng chánh cho quả nhứt định liên quan uẩn chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)*.

1645.

Pháp bất định liên quan pháp bất định sanh ra do phi Trưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan uẩn bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung... tóm tắt... người Vô tưởng...

1646.

Pháp bất định liên quan pháp tà cho quả nhứt định... do phi Vô gián duyên... tóm tắt... tất cả duyên nên sắp rộng.

1647.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 3, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch (paccanīya)

1648.

Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 3, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y đều 5, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1649.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1,... tóm tắt... Ly 1. Nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận
Hết phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(sahajatavāra)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

1650.

∗ Pháp tà cho quả nhứt định nhờ cậy pháp tà cho quả nhứt định... do Nhân duyên: Có 3 câu...

∗ Pháp chánh cho quả nhứt định nhờ cậy pháp chánh cho quả nhứt định... do Nhân duyên: Có 3 câu...

1651.

∗ Pháp bất định nhờ cậy pháp bất định... do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật *(vatthu)*;... nhờ cậy 1 đại sung. uẩn bất định *(aniyatā)* nhờ cậy vật.

∗ Pháp tà cho quả nhứt định nhờ cậy pháp bất định... do Nhân duyên:

Uẩn tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)* nhờ cậy vật.

∗ Pháp chánh cho quả nhứt định nhờ cậy pháp bất định... do Nhân duyên:
Uẩn chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)* nhờ cậy vật.

∗ Pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định nhờ cậy pháp bất định... do Nhân duyên:
Uẩn tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)* nhờ cậy vật. Sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

∗ Pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định nhờ cậy pháp bất định... do Nhân duyên:
Uẩn chánh cho quả nhứt định nhờ cậy vật. Sắc nương tâm sanh nhờ cậy đại sung.

1652.

∗ Pháp tà cho quả nhứt định nhờ cậy pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định... do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn tà cho quả nhứt định và vật, 2 uẩn...

∗ Pháp bất định nhờ cậy pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định do Nhân duyên:
Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn tà cho quả nhứt định và đại sung.

∗ Pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định nhờ cậy pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định... do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn tà cho quả nhứt định và vật, 2 uẩn... sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn tà cho quả nhứt định và đại sung.

1653.

Pháp chánh cho quả nhứt định nhờ cậy chư pháp chánh cho quả nhứt định và pháp bất định... do Nhân duyên:
Có 3 câu đề như tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)* Nên đếm như thế.

1654.

∗ Pháp tà cho quả nhứt định nhờ cậy pháp tà cho quả nhứt định... do Cảnh duyên... tóm tắt... nên phân rộng ra như phần ỷ trượng *(paccayavāra)* trong tam đề thiện *(kusalattika).*

∗ ... Do Bất ly duyên.

1655.

Nhân 17, Cảnh 7, Trưởng 17, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 17, Hỗ tương 7, Y chỉ 17, Cận y 7, Tiền sanh 7, Cố hưởng 7, nghiệp 17, Quả 1, Thực 17, Quyền 17, Thiền 17, Đạo 17, Tương ưng 7, Bất tương ưng 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 17; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1656.

Pháp bất định nhờ cậy pháp bất định... do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn vô nhân bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn... Sát-na tục sinh vô nhân: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật... 1 đại sung *(mahābhūtarūpa)*, người Vô tưởng...
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ. uẩn bất định vô nhân nhờ cậy vật.
- Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật và vật *(vatthu).*

1657.

Pháp bất định nhờ cậy pháp tà cho quả nhứt định... do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh nhờ cậy uẩn tà cho quả nhứt định *(niyata)*, nên sắp thành 5 câu như tam đề thiện *(kusalattika)*.

1658.

Pháp tà cho quả nhứt định nhờ cậy pháp tà cho quả nhứt định... do phi Trưởng duyên:

Trưởng *(adhipati)* tà cho quả nhứt định nhờ cậy uẩn tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)*.

1659.

Pháp chánh cho quả nhứt định nhờ cậy pháp chánh cho quả nhứt định... do phi Trưởng duyên:

Trưởng *(adhipati)* chánh cho quả nhứt định nhờ cậy uẩn chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)*.

1660.

∗ Pháp bất định nhờ cậy pháp bất định... do phi Trưởng duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn... Sát-na tục sinh:... tóm tắt... người Vô tưởng...;
- ... nhờ cậy nhãn xứ,... nhờ cậy thân xứ. uẩn bất định nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp tà cho quả nhứt định nhờ cậy pháp bất định... do phi Trưởng duyên:

Trưởng tà cho quả nhứt định nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp chánh cho quả nhứt định nhờ cậy pháp bất định... do phi Trưởng duyên:

Trưởng chánh cho quả nhứt định nhờ cậy vật.

1661.

Pháp tà cho quả nhứt định nhờ cậy chư pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định... do phi Trưởng duyên:

Trưởng tà cho quả nhứt định nhờ cậy uẩn tà cho quả nhứt định và vật.

1662.

Pháp chánh cho quả nhứt định nhờ cậy pháp chánh cho quả nhứt định và pháp bất định... do phi Trưởng duyên:

Trưởng chánh cho quả nhứt định nhờ cậy uẩn chánh cho quả nhứt định và vật.

1663.

Pháp bất định nhờ cậy pháp tà cho quả nhứt định... do Vô gián duyên,... tóm tắt... do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

1664.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 7, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 7, phi Quả 17; phi Thực 1, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo đều có 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1665.

Nhân duyên có phi Cảnh 5,... phi Trưởng 7, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 7, phi Quả 17, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 5, phi Ly 5; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1666.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1,... tóm tắt... Bất ly 1; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần ỷ trượng (paccayavāra)

Phần y chỉ *(nissaya)*, như phần ỷ trượng *(paccaya)*

Phần Hòa Hợp (Saṅsaṭṭhavāra)

1667.

Pháp tà cho quả nhứt định hòa hợp pháp tà cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn hòa hợp *(saṅsaṭṭha)*1 uẩn tà cho quả nhứt định, 2 uẩn...

1668.

Pháp chánh cho quả nhứt định hòa hợp pháp chánh cho quả nhứt định... do Nhân duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn chánh cho quả nhứt định, 2 uẩn...;

1669.

Pháp bất định hòa hợp pháp bất định... do Nhân duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn bất định, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1670.

Pháp tà cho quả nhứt định hòa hợp pháp tà cho quả nhứt định... do Cảnh duyên,... tóm tắt... do Bất ly duyên.

1671.

Nhân 3, Cảnh 3,... tóm tắt... Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1672.

Pháp bất định hòa hợp pháp bất định... do phi Nhân duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân bất định, 2 uẩn...; sát-na tục sinh vô nhân...

1673.

Pháp tà cho quả nhứt định hòa hợp pháp tà cho quả nhứt định sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)* hòa hợp uẩn tà cho quả nhứt định.

1674.

Pháp chánh cho quả nhứt định hòa hợp pháp chánh cho quả nhứt định sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)* hòa hợp uẩn chánh cho quả nhứt định.

1675.

Pháp bất định hòa hợp pháp bất định... do phi Trưởng duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1676.

Pháp chánh cho quả nhứt định hòa hợp pháp chánh cho quả nhứt định sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)*, 2 uẩn...

1677.

Pháp bất định hòa hợp pháp bất định... do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1678.

Pháp tà cho quả nhứt định hòa hợp pháp tà cho quả nhứt định... do phi Hậu sanh duyên: Nên sắp đầy đủ.

1679.

Pháp bất định hòa hợp pháp bất định... do phi Cố hưởng duyên:

... hòa hợp 1 uẩn bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

1680.

Pháp tà cho quả nhứt định hòa hợp pháp tà cho quả nhứt định... do phi Nghiệp duyên,... do phi Quả duyên.

1681.

* Pháp bất định hòa hợp pháp bất định... do phi Thiền duyên: Ngũ thức *(viññāṇa)*...
* ... do phi Đạo duyên: Pháp bất định vô nhân...

1682.

Pháp chánh cho quả nhứt định hòa hợp pháp chánh cho quả nhứt định... do phi Bất tương ưng duyên:

Cõi Vô sắc: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn chánh cho quả nhứt định, 2 uẩn...

1683.

Pháp bất định hòa hợp pháp bất định... do Bất tương ưng duyên:

Cõi Vô sắc: 1 bất định *(aniyatā)*, 2 uẩn...

1684.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1685.

Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 2; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

1686.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1,... tóm tắt... Bất ly 1; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Phần tương ưng *(sampayutta)* như phần hòa hợp *(saṅsaṭṭha)*

Phần Vấn Đề *(Paññāvāra)*

1687.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* tà cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1688.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* tà cho quả nhứt định làm duyên cho sắc nương tâm sanh.

1689.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho chư pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* tà cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên.

1690.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

1691.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Nhân duyên:

Nhân bất định làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh. Sát-na tục sinh...

1692.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh phản khán phiền não tà cho quả nhứt định đã trừ, rõ phiền não từng sanh; quán ngộ uẩn tà cho quả nhứt định bằng vô thường...
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm tà cho quả nhứt định.
- Uẩn tà cho quả nhứt định làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1693.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm chánh cho quả nhứt định.
- Uẩn chánh cho quả nhứt định làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông và khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1694.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, rồi mới phản khán. Nhớ thiện đã từng làm chứa để.
- Xuất thiền phản khán thiền. Chư Thánh phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, Quả luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não bất định *(aniyatā)* đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, phản khán phiền não đã từng sanh.
- Quán ngộ nhãn... vật... uẩn bất định bằng vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu bất định phát sanh.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm bất định *(aniyatā)*.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ; Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.
- Uẩn bất định làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1695.

Pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Cảnh duyên:

- Sắc mạng quyền làm duyên cho nghiệp giết mẹ, nghiệp giết cha, giết La-hán, chích Phật thân huyết bằng Cảnh duyên.
- Nương nhờ trái tim nên uẩn tà cho quả nhứt định sanh ra, trái tim ấy làm duyên cho uẩn tà cho quả nhứt định bằng Cảnh duyên.

1696.

Pháp bất định làm duyên cho pháp chánh nhứt định bằng Cảnh duyên:

Níp Bàn làm duyên cho đạo bằng Cảnh duyên.

1697.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng tà cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1698.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng tà cho quả nhứt định làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1699.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng tà cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1700.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng chánh cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1701.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng chánh cho quả nhứt định làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1702.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định và pháp bất định bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh.

1703.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới nặng về đó rồi phản khán, nặng về thiện đã từng làm chứa để rồi phản khán.
- Chư Thánh nặng về quả rồi phản khán. Nặng về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, Quả bằng Trưởng duyên.
- Nặng về nhãn... vật... Nặng về uẩn bất định *(aniyatā)* rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái bất định phát sanh.

  Trưởng đồng sanh như: Trưởng bất định làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1704.

Pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Níp Bàn làm duyên cho đạo bằng Trưởng duyên.

1705.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Vô gián duyên:

Uẩn tà cho quả nhứt định làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

1706.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Vô gián duyên: đạo làm duyên cho quả bằng Vô gián duyên.

1707.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Vô gián duyên:

- Uẩn bất định sanh trước trước làm duyên cho uẩn bất định sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*; tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*, quả làm duyên cho quả; thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền. xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1708.

Pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Vô gián duyên:

Ưu bất định làm duyên cho ưu tà cho quả nhứt định bằng Vô gián duyên. Tà kiến bất định làm duyên cho tà kiến nhứt định bằng Vô gián duyên.

1709.

Pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Vô gián duyên:

Chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo bằng Vô gián duyên.

1710.

∗ Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Liên tiếp duyên: Như Vô gián duyên.

∗ ... Bằng Đồng sanh duyên có 9 câu như phần liên quan.

∗ ... Bằng Hỗ tương duyên có 3 câu như phần liên quan.

∗ ... Bằng Y chỉ duyên có 13 câu như tam đề thiện.

1711.

∗ Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Cận y duyên:

- Thuần cận y như: nghiệp giết mẹ làm duyên cho nghiệp giết cha bằng Cận y duyên.
- Nghiệp giết mẹ... nghiệp giết cha... giết La-hán... chích Phật thân huyết... nghiệp phá hòa hợp Tăng... làm duyên cho tà kiến nhứt định bằng Cận y duyên.

Nên sắp cách luân *(cakaṃ kātabbaṃ)*.

∗ Tà kiến nhứt định làm duyên cho tà kiến nhứt định bằng Cận y duyên:

Tà kiến nhứt định làm duyên cho nghiệp giết mẹ... nghiệp phá hòa hợp Tăng bằng Cận y duyên.

1712.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Người hạ mạng mẹ, vì ngăn ngừa nghiệp (ác) ấy có thể khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới.
- Người hạ mạng cha, vì ngăn nghiệp ấy... người hạ mạng La-hán... người chích máu thân Phật... người phá hòa hợp Tăng vì ngăn ngừa nghiệp ấy có thể bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh giới.

1713.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo bằng Cận y duyên. Tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1714.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Chư Thánh nương đạo mạnh dù thiền nhập không đặng cũng để đặng sanh. Quán ngộ Hành bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Đạo Thánh *(ariyamagga)* làm duyên cho nghĩa đạt thông *(atthapaṭisambhidā)*... tri sở phi sở (thānāthānākosalla) bằng Cận y duyên.
- Đạo làm duyên cho quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

1715.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin bất định mạnh có thể khi bố thí,... nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền... thông, nhập thiền, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới bất định mạnh... đa văn, xả thí, trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... mạnh có thể bố thí, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin bất định mạnh... trí,... ái chỗ ở làm duyên cho đức tin bất định, thân lạc, thân khổ luôn quả nhập thiền bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ thiền làm duyên cho y (sơ thiền).
- Tâm chỉnh lý Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho y (Phi tưởng phi phi tưởng xứ).
- Sơ thiền làm duyên cho nhị thiền, Thức vô biên xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
- Sát sanh làm duyên cho sát sanh bằng Cận y duyên.

Nên sắp cách luân *(cakka)*.

1716.

Pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái bất định mạnh có thể hạ mạng mẹ... phá hòa hợp Tăng.
- Nương sân bất định mạnh... hy vọng, thân lạc... chỗ ở mạnh có thể hạ mạng mẹ... phá hòa hợp Tăng.
- Nương ái bất định... chỗ ở làm duyên cho nghiệp sát phụ, nghiệp sát mẫu, nghiệp sát La-hán, nghiệp chích Phật thân huyết, nghiệp phá hòa hợp Tăng luôn tà kiến nhứt định bằng Cận y duyên.

1717.

Pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ đạo làm duyên cho sơ đạo... tâm chỉnh lý tứ đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1718.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái bất định phát sanh.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ...; vật làm duyên cho uẩn bất định bằng Tiền sanh duyên.

1719.

Pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Sắc mạng quyền làm duyên cho nghiệp sát mẫu, nghiệp sát phụ, nghiệp sát La-hán, nghiệp chích máu thân Phật... bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn tà cho quả nhứt định bằng Tiền sanh duyên.

1720.

Pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Tiền sanh duyên:

Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn chánh cho quả nhứt định bằng Tiền sanh duyên.

1721.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn tà cho quả nhứt định làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1722.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn chánh cho quả nhứt định làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1723.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn bất định làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1724.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn bất định sanh trước trước làm duyên cho uẩn bất định sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên. Tâm thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)* bằng Cố hưởng duyên.

1725.

Pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Cố hưởng duyên:

Ưu bất định *(aniyatā)* làm duyên cho ưu tà cho quả nhứt định bằng Cố hưởng duyên. Tà kiến bất định làm duyên cho tà cho quả nhứt định bằng Cố hưởng duyên.

1726.

Pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Cố hưởng duyên:

Tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo; tâm dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

1727.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* tà cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

1728.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư tà cho quả nhứt định làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư tà cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1729.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định bằng Nghiệp duyên:

Tư tà cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1730.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Nghiệp duyên:

Tư chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)* làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

1731.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư chánh cho quả nhứt định làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư chánh cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn quả bằng Nghiệp duyên.

1732.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định và pháp bất định bằng Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* chánh cho quả nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

1733.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* bất định làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh...
- Biệt thời như: Tư bất định *(aniyatā)* làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1734.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Quả duyên:

1 uẩn quả bất định làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật.

1735.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên.

1736.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn tà cho quả nhứt định làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tà cho quả nhứt định làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1737.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Uẩn chánh cho quả nhứt định làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn chánh cho quả nhứt định làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1738.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn bất định làm duyên cho sắc nương tâm sanh. Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn bất định bằng Bất tương ưng duyên *(vippayutta-paccayo)*.
- Hậu sanh như: Uẩn bất định làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1739.

Pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn tà cho quả nhứt định bằng Bất tương ưng duyên.

1740.

Pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn chánh cho quả nhứt định bằng Bất tương ưng duyên.

1741.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn tà cho quả nhứt định làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn.

1742.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn tà cho quả nhứt định làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tà cho quả nhứt định làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

1743.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn tà cho quả nhứt định làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh; 2 uẩn...

1744.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Hiện hữu duyên: Có 3 câu đề.

1745.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: 1 uẩn bất định làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Hiện hữu duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Hiện hữu duyên. 1 đại sung..., người Vô tưởng: 1 đại sung...
- Tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh ưu phát. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức, nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn bất định bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn bất định làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1746.

Pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Hiện hữu duyên:

- Tiền sanh như: Sắc mạng quyền làm duyên cho nghiệp sát mẫu... nghiệp chích máu thân Phật bằng Hiện hữu duyên.
- Vật làm duyên cho uẩn tà cho quả nhứt định bằng Hiện hữu duyên.

1747.

Pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn chánh cho quả nhứt định bằng Hiện hữu duyên.

1748.

Pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định... có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn tà cho quả nhứt định và vật làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn và...

1749.

Pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định làm duyên cho pháp bất định... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn tà cho quả nhứt định và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tà cho quả nhứt định và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tà cho quả nhứt định và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1750.

Pháp chánh cho quả nhứt định và pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Hiện hữu duyên: Có 2 câu đề như tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)*.

1751.

Nhân 7, Cảnh 5, Trưởng 8, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 7, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 7, Quyền 7,

Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 5, Ly 5, Bất ly 13; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1752.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1753.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

1754.

Pháp tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định bằng Đồng sanh duyên.

1755.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1756.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

1757.

Pháp chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định và pháp bất định bằng Đồng sanh duyên.

1758.

Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

1759.

Pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1760.

Pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

1761.

Pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định làm duyên cho pháp tà cho quả nhứt định... có Đồng sanh và Tiền sanh.

1762.

Pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định làm duyên cho pháp bất định... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1763.

Pháp chánh cho quả nhứt định và pháp bất định làm duyên cho pháp chánh cho quả nhứt định... có Đồng sanh và Tiền sanh.

1764.

Chư pháp chánh cho quả nhứt định và bất định làm duyên cho pháp bất định... có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

1765.

Phi Nhân 13, phi Cảnh, phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp 13, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 9, phi Y chỉ 9, phi Cận y 13, phi Tiền sanh 11, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực 13, tóm tắt... phi Đạo 13, phi Tương ưng 9,

phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Vô hữu 13, phi Ly 13, phi Bất ly 7; nên đếm như thế.

Hết cách ngược

1766.

Nhân duyên có phi Cảnh 7,... phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7,... phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 7, phi Ly 7; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1767.

Phi Nhân duyên có Cảnh 5,... Trưởng 8, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 7, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền, Thiền, Đạo đều có 7; Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 7; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Tam đề tà *(micchatta)* thứ 15 chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ CÓ ĐẠO LÀ CẢNH *(MAGGĀRAMMAṆATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1768.

∗ Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo *(maggārammaṇa),* 2 uẩn...

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn có trưởng là đạo *(maggādhipati)* liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo. 1 uẩn liên quan 3 uẩn, 2 uẩn...

∗ Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo,... 2 uẩn...

1769.

∗ Pháp có nhân là đạo liên quan pháp có nhân là đạo sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn có nhân là đạo *(maggāhetuka),* 2 uẩn...

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có nhân là đạo sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn có trưởng là đạo *(maggādhipati)* liên quan 1 uẩn có nhân là đạo, 2 uẩn...

∗ Pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có nhân là đạo sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có nhân là đạo, 2 uẩn...

1770.

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn có cảnh là đạo *(maggārammaṇa)* liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo *(maggādhipati)*, 2 uẩn...

∗ Pháp có nhân là đạo liên quan có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn có nhân là đạo liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo, 2 uẩn...

1771.

∗ Pháp có cảnh là đạo liên quan chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn có cảnh là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo; 2 uẩn...

∗ Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

1772.

∗ Pháp có nhân là đạo liên quan chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn có nhân là đạo liên quan 1 uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

1773.

Pháp có đạo là cảnh liên quan pháp có đạo là cảnh sanh ra do Cảnh duyên, do Trưởng duyên, do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên, do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên, do Nghiệp duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

1774.

Nhân 17, Cảnh, Trưởng, Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Cận y, Tiền sanh, Cố Hưởng, Nghiệp, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng, Bất tương ưng, Hiện hữu, Vô hữu, Ly, Bất ly đều có 17; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1775.

Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô Nhân có cảnh là đạo, 2 uẩn...

1776.

∗ Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo, 2 uẩn...

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
3 uẩn có trưởng là đạo *(maggādhipati)* liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo, 2 uẩn...

∗ Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
3 uẩn có cảnh là đạo *(maggārammaṇa)* và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo, 2 uẩn...

1777.

∗ Pháp có nhân là đạo liên quan pháp có nhân là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* có nhân là đạo *(maggahetuka)* liên quan uẩn có nhân là đạo.

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có nhân là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng có trưởng là đạo liên quan uẩn có nhân là đạo.

∗ Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có nhân là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan uẩn có nhân là đạo.

1778.

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng có trưởng là đạo liên quan uẩn có trưởng là đạo, 3 uẩn liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
3 uẩn có cảnh là đạo làm duyên cho 1 uẩn có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Pháp có nhân là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo... do phi Trưởng duyên:
Trưởng có nhân là đạo làm duyên cho uẩn có trưởng là đạo.

∗ Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
3 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo,... 2 uẩn...

∗ Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng có nhân là đạo *(maggahetuka)* và có trưởng là đạo *(maggādhipati)* liên quan uẩn có trưởng là đạo.

1779.

∗ Pháp có cảnh là đạo liên quan chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:
3 uẩn có cảnh là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo... do phi Trưởng duyên:

3 uẩn có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:

3 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

1780.

∗ Pháp có nhân là đạo liên quan chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do phi Trưởng duyên:

Trưởng có nhân là đạo liên quan uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo.

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo...

Trưởng có trưởng là đạo liên quan uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo.

∗ Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo... do phi Trưởng duyên:

Trưởng có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo.

1781.

Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Tiền sanh duyên, do phi Hậu sanh duyên: Nên sắp đầy đủ có 2 câu.

1782.

∗ Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Cố hưởng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo,... 2 uẩn.

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Cố hưởng duyên:

3 uẩn có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo,... 2 uẩn...

∗ Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo... do phi Cố hưởng duyên:

3 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo... 2 uẩn...

1783.

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo... do phi Cố hưởng duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo sanh ra do phi Cố hưởng duyên:

3 uẩn có cảnh là đạo liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo... do phi Cố hưởng duyên:

3 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có trưởng là đạo, 2 uẩn...

1784.

∗ Pháp có cảnh là đạo liên quan chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo... do phi Cố hưởng duyên:

3 uẩn có cảnh là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo... do Cố hưởng duyên:

3 uẩn có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

∗ Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do phi Cố hưởng duyên:

3 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan 1 uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo, 2 uẩn...

1785.

∗ Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* có cảnh là đạo liên quan uẩn có cảnh là đạo.

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư có trưởng là đạo liên quan uẩn có cảnh là đạo.

∗ Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo... do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* có cảnh là đạo và có trưởng là đạo liên quan uẩn có cảnh là đạo.

1786.

∗ Pháp có nhân là đạo liên quan pháp có nhân là đạo sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* có nhân là đạo liên quan uẩn có nhân là đạo.

∗ Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có nhân là đạo... do phi Nghiệp duyên:

Tư có trưởng là đạo liên quan uẩn có nhân là đạo.

∗ Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan pháp có nhân là đạo... do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* có nhân là đạo và có trưởng là đạo liên quan uẩn có nhân là đạo.

1787.

Pháp có trưởng là đạo liên quan pháp có trưởng là đạo... do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* có trưởng là đạo liên quan uẩn có trưởng là đạo có 5 câu đề.

1788.

Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo... do phi Nghiệp duyên: Sơ hiệp trợ có 3 câu đề *(phathamaghaṭane tīni)*.

1789.

Pháp có nhân là đạo liên quan chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo sanh ra do phi Nghiệp duyên: Sơ hiệp trợ thứ 2 có 3 câu đề *(dutiyaaghaṭane tīni pañhā)*.

1790.

Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Quả duyên: Nên sắp đầy đủ *(paripuṇṇa)*.

1791.

Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Đạo duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô Nhân có cảnh là đạo, 2 uẩn...

1792.

Pháp có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

Nên sắp đầy đủ, quyết định là Vô sắc giới *(arūpanti niyametabbaṃ)*.

1793.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 17, phi Tiền sanh 17, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 9, phi nghiệp 17, phi Quả 17, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 17; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1794.

Nhân duyên có phi Trưởng 17,... phi Tiền sanh 17, phi Hậu sanh 17, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp 9, phi Quả, phi Bất tương ưng 17; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1795.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1,... tóm tắt... luôn cả đều có 1; thiền, Tương ưng, Bất tương ưng, Vô hữu, Ly, Bất ly đều có 1; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

Hết phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(sahajāta)*, phần ỷ trượng *(paccaya)*, phần y chỉ *(nissaya)*, phần hỗn hợp *(saṅsaṭṭha)*, phần tương ưng *(sampayutta)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1796.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Nhân duyên:

Nhân có cảnh là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1797.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Nhân duyên:

Nhân có cảnh là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có trưởng là đạo bằng Nhân duyên.

1798.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Nhân duyên...

Người biết nên sắp 17 câu đề theo ý này.

1799.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm có nhân là đạo.
- Uẩn có nhân là đạo làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1800.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên:

Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1801.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên:

Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1802.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên:

Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1803.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm có trưởng là đạo.
- Uẩn có trưởng là đạo làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1804.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên:

Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1805.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm có nhân là đạo và có trưởng là đạo.
- Uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1806.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên:

Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1807.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên:

Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1808.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có cảnh là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1809.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có cảnh là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1810.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có cảnh là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có trưởng là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1811.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có nhân là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1812.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1813.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng có nhân là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1814.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1815.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có nhân là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1816.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo... phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng có trưởng là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1817.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo... phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* có trưởng là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên.

1818.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có trưởng là đạo *(maggādhipati)* làm duyên cho uẩn tương ưng có nhân là đạo bằng Trưởng duyên.

1819.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo...
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng có trưởng là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1820.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* có trưởng là đạo *(maggādhipati)* làm duyên cho uẩn tương ưng có nhân là đạo *(maggahetuka)* và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1821.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên.

1822.

Pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho uẩn có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1823.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1824.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh sanh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1825.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có nhân là đạo bằng Trưởng duyên.

1826.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh sanh như: Chư Thánh xuất đạo...
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho uẩn tương ưng có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1827.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh sanh như: Chư Thánh xuất đạo... phản khán.

1828.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho uẩn có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên.

1829.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Vô gián duyên:

Uẩn có cảnh là đạo sanh trước trước làm duyên cho uẩn có cảnh là đạo sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Khán môn làm duyên cho uẩn có cảnh là đạo bằng Vô gián duyên.

1830.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên:

Uẩn có cảnh là đạo sanh trước trước làm duyên cho uẩn có trưởng là đạo sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Khán (ý) môn làm duyên cho uẩn có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên.

1831.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên:

Uẩn có cảnh là đạo sanh trước trước làm duyên cho uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Khán môn làm duyên cho uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên.

1832.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên:

Uẩn có trưởng là đạo sanh trước trước làm duyên cho uẩn có trưởng là đạo sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1833.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Vô gián duyên:

Uẩn có trưởng là đạo sanh trước trước làm duyên cho pháp có cảnh là đạo sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1834.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên:

Uẩn có trưởng là đạo sanh trước trước làm duyên cho uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1835.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Vô gián duyên:

Uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh trước trước làm duyên cho uẩn có cảnh là đạo sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1836.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên:

Uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh trước trước làm duyên cho uẩn có trưởng là đạo sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1837.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên:

Uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh trước trước làm duyên cho uẩn có cảnh là đạo và có trưởng là đạo sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1838.

* Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Liên tiếp duyên: Như Vô gián duyên.
* ... Bằng Đồng sanh duyên, bằng Cố hưởng duyên, bằng Y chỉ duyên: Nên sắp 3 duyên, đều có 17 câu đề.

1839.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sát-na phản khán làm duyên cho sát-na phản khán bằng Cận y duyên.

1840.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sát-na phản khán làm duyên cho sát-na phản khán bằng Cận y duyên.

1841.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sát-na phản khán làm duyên cho sát-na phản khán bằng Cận y duyên.

1842.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo bằng Cận y duyên,... tóm tắt... tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1843.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cận y duyên:

Cảnh cận y như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1844.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo... tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1845.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cận y duyên:

Cảnh cận y như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1846.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo... bằng Cận y duyên.

1847.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo... tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.
- Sát-na phản khán làm duyên cho sát-na phản khán bằng Cận y duyên.

1848.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sát-na phản khán làm duyên cho sát-na phản khán bằng Cận y duyên.

1849.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Sơ đạo... tứ đạo bằng Cận y duyên.

1850.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sát-na phản khán làm duyên cho sát-na phản khán bằng Cận y duyên.

1851.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Sơ đạo... làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1852.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sát-na phản khán làm duyên cho sát-na phản khán bằng Cận y duyên.

1853.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sát-na phản khán làm duyên cho sát-na phản khán bằng Cận y duyên.

1854.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sát-na phản khán làm duyên cho sát-na phản khán bằng Cận y duyên.

1855.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1856.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo... tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1857.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo... tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1858.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.

1859.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo... tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

1860.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo sanh ra do Cố hưởng duyên:

Uẩn có cảnh là đạo sanh trước trước làm duyên cho uẩn có cảnh là đạo sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên:

1861.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cố hưởng duyên: Như Vô gián duyên, nên sắp 9 câu đề, không nên sắp có khán môn *(āvajjana)*.

1862.

* Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Nghiệp duyên, bằng Đồng sanh duyên: Không có Biệt thời *(nānākhaṇika)* nên sắp đủ 7 câu đề.

* Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Hiện hữu duyên, cả 7 duyên này đều chia 17 câu như Nhân duyên.
* ... Bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, như Vô gián duyên.
* ... Bằng Bất ly duyên có 17 câu đề.

1863.

Nhân 17, Cảnh 9, Trưởng 21, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 17, Hỗ tương 17, Y chỉ 17, Cận y 21, Cố hưởng 9, nghiệp 17, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng đều có 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 17; nên sắp như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1864.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1865.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1866.

Pháp có cảnh là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1867.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1868.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1869.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1870.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1871.

Pháp có nhân là đạo làm duyên cho chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1872.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1873.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1874.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1875.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1876.

Pháp có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1877.

Pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1878.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1879.

Chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1880.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1881.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có nhân là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1882.

Pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1883.

Pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho pháp có cảnh là đạo và có trưởng là đạo bằng Cận y duyên.

1884.

Chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo làm duyên cho chư pháp có nhân là đạo và có trưởng là đạo bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1885.

Phi Nhân 28, phi Cảnh 17, trong phi Cảnh bậc trí thức nên biết thiếu Thuần cảnh *(Pakatārammana)* và Cảnh cận y *(Upanissayārammana)* cả 2 phi Trưởng 21, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Đồng sanh, phi Hỗ tương, phi Y chỉ, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo, phi Tương ưng, phi Bất tương ưng, phi Hiện hữu, phi Vô hữu, phi Ly; phi Bất ly đều có 21; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1886.

Nhân duyên có phi Cảnh 17,... phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thực, phi Quyền, phi Thiền, phi Đạo, phi Bất tương ưng, phi Vô hữu, phi Ly đều có 17; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1887.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 21,Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 17, Hỗ tương 17, Y chỉ 17, Cận y 21, Cố hưởng 9, nghiệp 17, Thực 17, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng đều có 17, Hiện hữu 17, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 17; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch và thuận
Hết phần vấn đề (pañhāvāra)

Tam đề có cảnh là đạo thứ 16 chỉ có bấy nhiêu.

TAM ĐỀ SANH TỒN *(UPPANNATTIKA)*

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1888.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* sanh tồn *(uppanna)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân sanh tồn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

1889.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Cảnh duyên:

Quán ngộ nhãn sanh tồn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, tà kiến phát... hoài nghi,... phóng dật... ưu... Nhãn sanh tồn... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật... Quán ngộ sanh tồn bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Uẩn sanh tồn làm duyên cho thần thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1890.

Pháp phi sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Cảnh duyên:

Sắc phi sanh tồn *(anuppanna)*... thinh, khí, vị, xúc... quán ngộ uẩn phi sanh tồn bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã... ưu sanh ra. Uẩn phi sanh tồn làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, vị lai thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1891.

Pháp sẽ sanh làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Cảnh duyên:

Nhãn sẽ sanh *(uppadi)*... thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật... Quán ngộ uẩn sẽ sanh bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã... ưu sanh ra. Uẩn sẽ sanh làm duyên cho thần thông, tha tâm thông... luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1892.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

+ Trưởng cảnh như: Nặng về nhãn sanh tồn rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi... tà kiến phát sanh. Nặng về nhĩ sanh tồn... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật *(vatthu)*... Nặng về uẩn sanh tồn rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh...

+ Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* sanh tồn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1893.

Pháp phi sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Sắc phi sanh tồn *(anuppanna)*... thinh, khí, vị, xúc... Nặng về uẩn phi sanh tồn rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.

1894.

Pháp sẽ sanh làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về nhãn sẽ sanh *(uppādi)*... thân, sắc,... xúc, vật... Nặng về uẩn sẽ sanh rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.

1895.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Đồng sanh duyên:

- 1 uẩn sanh tồn *(uppanna)* làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Đồng sanh duyên.
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn sanh tồn làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh bằng Đồng sanh duyên; 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn và sắc tục sinh bằng Đồng sanh duyên. Uẩn làm duyên cho vật bằng Đồng sanh duyên. Vật làm duyên cho uẩn bằng Đồng sanh duyên. 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung bằng Đồng sanh duyên; 2 đại sung...; đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh thuộc y sinh *(upādārūpa)* bằng Đồng sanh duyên... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng:... 1 đại sung... 2 đại sung...; sắc đại sung làm duyên cho sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)* bằng Đồng sanh duyên.

1896.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Hỗ tương duyên:

- Uẩn sanh tồn *(uppanna)* làm duyên cho 3 uẩn bằng Hỗ tương duyên, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 1 uẩn sanh tồn làm duyên cho 3 uẩn và vật bằng Hỗ tương duyên.
- Uẩn làm duyên cho vật bằng Hỗ tương duyên; vật làm duyên cho uẩn bằng Hỗ tương duyên. 1 đại sung... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng... 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung bằng Hỗ tương duyên, 2 đại sung.

1897.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Y chỉ duyên:

- Uẩn sanh tồn làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Y chỉ duyên, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật; vật làm duyên cho; 1 đại sung... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: 1 đại sung;... đại sung làm duyên cho sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)*.
- Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn sanh tồn bằng Y chỉ duyên.

1898.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương âm dương sanh tồn *(uppanna)* mạnh có thể làm cho thiền sanh, pháp quán phát sanh, đạo... thông, nhập thiền pháp sanh, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương vật thực sanh tồn... chỗ ở mạnh có thể làm cho thiền sanh, pháp quán (vipassanā) sanh, đạo, thông *(abhiññā)*, nhập thiền sanh, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương âm dương sanh tồn... thực phẩm... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin, trí sanh tồn, thân khổ thân lạc, đạo và quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

1899.

Pháp phi sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Người hy vọng *(patthanā)* tài sản sắc ddẹp phi sanh tồn có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới.
- Người hy vọng tài sản thinh *(sadda)* phi sanh tồn *(anuppanna)*, tài sản khí, tài sản vị, tài sản xúc... hy vọng uẩn phi sanh tồn có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới.
- Hy vọng tài sản sắc đẹp phi sanh tồn,... uẩn phi sanh tồn làm duyên cho đức tin, trí, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền sanh tồn bằng Cận y duyên.

1900.

Pháp sẽ sanh làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Hy vọng tài sản nhãn sẽ sanh *(uppadi)* có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới.
- Hy vọng tài sản nhãn, nhĩ sẽ sanh *(uppadi)*, tài sản thân, tài sản sắc đẹp, tài sản khí,... tài sản vị... tài sản xúc... hy vọng uẩn sẽ sanh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới,... thọ trì thanh tịnh giới.
- Hy vọng tài sản nhãn sẽ sanh, tài sản thân, tài sản sắc đẹp, tài sản xúc... uẩn sẽ sanh làm duyên cho đức tin, trí, thân lạc... thân khổ, đạo, quả nhập thiền sanh tồn *(uppanna)* bằng Cận y duyên.

1901.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, ưu phát. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cận y duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, vật làm duyên cho uẩn sanh tồn bằng Tiền sanh duyên.

1902.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn sanh tồn làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1903.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* sanh tồn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư *(cetanā)* sanh tồn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1904.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Quả duyên:

1 uẩn quả sanh tồn *(uppanna)* làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên; 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 1 uẩn sanh tồn làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh, 2 uẩn...; uẩn làm duyên cho vật bằng Quả duyên.

1905.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Thực duyên:

Thực *(āhāra)* sanh tồn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh: Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Thực duyên.

1906.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Quyền duyên:

Quyền *(indrīya)* sanh tồn *(uppanna)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh: nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức, thân quyền làm duyên cho thân thức; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.

1907.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn sanh tồn làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn sanh tồn làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên; uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ... vật làm duyên cho uẩn sanh tồn bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn sanh tồn làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1908.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: 1 uẩn sanh tồn làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... Sát-na tục sinh:... tóm tắt... 1 đại sung... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...
- Tiền sanh như: Nhãn... bằng lối vô thường, khổ não, vật... vô thường... ưu sanh. Thiên nhãn... thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên. Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn sanh tồn bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn sanh tồn làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

1909.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Bất ly duyên.

1910.

Nhân 1, Cảnh 3, Trưởng 3, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 3, Tiền sanh 1, Hậu sanh, Nghiệp, Quả, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly (avigata) đều có 11; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1911.

Pháp sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Cảnh duyên, bằng Quyền duyên.

1912.

Pháp phi sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1913.

Pháp sẽ sanh làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1914.

Phi Nhân 3, phi Cảnh 3, phi Trưởng 3,... phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3, phi Bất ly 2; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1915.

Nhân duyên có phi Cảnh 1,... tóm tắt... phi Vô hữu, phi Ly đều có 1.

Dứt cách thuận, nghịch

1916.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Trưởng 3, đồng sanh1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 3, Tiền sanh 1, Hậu sanh 1, Nghiệp, Quả, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng, Bất tương ưng, Hiện hữu, Ly, Bất ly đều có 1;

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần vấn đề (pañhāvāra)

Tam đề sanh tồn thứ 17, chỉ có bấy nhiêu.

TAM ĐỀ QUÁ KHỨ *(ATĪTATTIKA)*

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1917.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* hiện tại làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh:...

1918.

Pháp quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới,... rồi phản khán. Nhớ thiện đã từng làm chứa để. xuất thiền phản khán thiền.
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não hạn chế; quán ngộ nhãn quá khứ bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã... ưu phát sanh.
- Quán ngộ nhĩ quá khứ *(atīta)*... tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật... quán ngộ uẩn quá khứ bằng vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, tà kiến phát, hoài nghi,... phóng dật... ưu sanh ra.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên. Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
- Uẩn quá khứ làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

1919.

Pháp vị lai làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cảnh duyên:

- Nhãn vị lai (anāgata)... vật... uẩn vị lai bằng vô thường... ưu sanh ra.
- Uẩn vị lai làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, vị lai thông, luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1920.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cảnh duyên:

- Nhân hiện tại... thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật...
- Quán ngộ uẩn hiện tại *(paccupanna)* bằng lối vô thường..., ưu phát sanh. Thiên nhãn... thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên

cho thân thức. uẩn hiện tại làm duyên cho thần thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

1921.

Pháp quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, trì giới,... Nặng về thiện đã từng làm chứa để rồi phản khán. xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán.
- Chư Thánh xuất đạo nặng về Đạo, nặng về quả rồi phản khán.
- Nhãn thuộc quá khứ... thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật... Nặng về uẩn quá khứ, rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh tà kiến phát.

1922.

Pháp vị lai làm duyên cho pháp hiện tại bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: nhãn vị lai... Vật. Nặng về uẩn vị lai rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.

1923.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: nhãn hiện tại... vật... Nặng về uẩn hiện tại rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hiện tại làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

1924.

Pháp quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Vô gián duyên:

- Uẩn quá khứ *(atīta)* sanh trước trước làm duyên cho uẩn hiện tại sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận tùng *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo, dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo, đạo làm duyên cho quả, quả làm duyên cho quả; thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền. xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

1925.

Pháp quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Liên tiếp duyên: Như Vô gián duyên *(anatarapaccayo)*.

1926.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Đồng sanh duyên, bằng Hỗ tương duyên, bằng Y chỉ duyên,... tóm tắt...

1927.

Pháp quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như:.. nương đức tin quá khứ mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới,... thọ trì thanh tịnh giới,... Thiền, pháp quán... đạo... thông... nhập thiền phát sanh, gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới quá khứ mạnh... trí, ái, hy vọng *(patthanā)* thân lạc... thân khổ mạnh có thể bố thí, thọ trì ngũ giới, thanh tịnh giới... nhập thiền phát sanh, cho đến sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin quá khứ... trí, ái, hy vọng, thân khổ... thân lạc làm duyên cho đức tin, trí, ái, hy vọng... quả nhập thiền hiện tại *(paccappannā)* bằng Cận y duyên.

1928.

Pháp vị lai làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cận y duyên, có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Hy vọng tài sản nhãn *(cakkhusampada)* vị lai... tài sản nhĩ, tài sản tỷ, tài sản thiệt, tài sản thân, tài sản sắc đẹp, tài sản thinh, tài sản khí,... tài sản vị... tài sản xúc... hy vọng uẩn vị lai có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới,... thọ trì thanh tịnh giới,
- Hy vọng tài sản nhãn vị lai, mong mỏi tài sản sắc đẹp, tài sản xúc... uẩn vị lai làm duyên cho đức tin, trí, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền hiện tại *(paccappannā)* bằng Cận y duyên.

1929.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cận y duyên, có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương âm dương hiện tại mạnh có thể làm cho thiền phát sanh, pháp quán *(vipassanā)*...
- Nương thực phẩm... chỗ ở hiện tại mạnh có thể làm cho thiền phát sanh, nhập thiền đặng.
- Nương âm dương... thực phẩm... chỗ ở hiện tạ làm duyên cho đức tin hiện tại, trí, thân lạc... quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

1930.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Tiền sanh duyên, có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn hiện tại bằng Tiền sanh duyên.

1931.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn hiện tại làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

1932.

Pháp quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn quá khứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hiện tại sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; chuyển tộc làm duyên cho đạo, dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

1933.

Pháp quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư *(cetanā)* quá khứ làm duyên cho uẩn quả hiện tại và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1934.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Nghiệp duyên:

- Tư *(cetanā)* hiện tại làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.

- Sát-na tục sinh: Tư hiện tại làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

1935.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Quả duyên:

1 uẩn quả hiện tại làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh bằng Quả duyên, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Quả duyên.

1936.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn quả hiện tại làm duyên cho sắc nương tâm sanh bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn hiện tại làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên; uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ... vật làm duyên cho uẩn hiện tại bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hiện tại làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

1937.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Hiện hữu duyên:

Như Hiện hữu duyên trong tam đề sanh tồn *(uppannattika)*.

1938.

Pháp quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên.

1939.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Bất ly duyên.

1940.

Nhân 1, Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián 1. Liên tiếp 1, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ đều có 1, Cận y 3, Tiền sanh, Hậu sanh, Cố hưởng đều 1, Nghiệp 2, Quả, Thực 1,... tóm tắt... Bất ly 1; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1941.

Pháp quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

1942.

Pháp vô lượng làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1943.

Pháp hiện tại làm duyên cho pháp hiện tại bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

1944.

Phi Nhân 3, phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3,... tóm tắt... phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3, phi Bất ly 2; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1945.

Nhân duyên có phi Cảnh 1,... phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y,... tóm tắt... phi Tương ưng, phi Bất tương ưng, phi Vô hữu, phi Ly đều có 1; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận và nghịch

1946.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Trưởng 3, Vô gián, Liên tiếp, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ đều có 1, Cận y 3, Tiền sanh 1, Hậu sanh, Cố hưởng 1;... tóm tắt..., Nghiệp 2, Quả 1, những duyên này chỉ có 1 câu; Bất ly 1; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần vấn đề (pañhāvāra)

Tam đề quá khứ thứ 18 chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ BIẾT CẢNH QUÁ KHỨ *(ATĪTĀRAMMANATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1947.

Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh quá khứ *(atītārammaṇa)*, 2 uẩn liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh quá khứ, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.

1948.

Pháp biết cảnh vị lai liên quan pháp biết cảnh vị lai sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh vị lai,... 2 uẩn.

1949.

Pháp biết cảnh hiện tại liên quan pháp biết cảnh hiện tại sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh hiện tại *(paccuppannārammaṇa)*, 2 uẩn.... Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh hiện tại, 2 uẩn...

1950.

* Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do Cảnh duyên, do Trưởng duyên:

  tục sinh không có Trưởng duyên *(adhipatipaccayo)*.

* ... Do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên, do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên:

  Tiền sanh *(Purejāta)* và Cố hưởng *(Āsevana)* không có tục sinh.

* ... Do Nghiệp duyên, do Quả duyên:

  ... 1 uẩn quả biết cảnh quá khứ,... có 3 câu đề, nên sắp đầy đủ bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisandhi)*.

* ... Do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

1951.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 3, tóm tắt, tất cả đều 3... Ly 3, Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

1952.

Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân biết cảnh quá khứ, 2 uẩn.... Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

1953.

Pháp biết cảnh vị lai liên quan pháp biết cảnh vị lai sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân biết cảnh vị lai, 2 uẩn... si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

1954.

Pháp biết cảnh hiện tại liên quan pháp biết cảnh hiện tại sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân biết cảnh hiện tại, 2 uẩn.... Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật biết cảnh hiện tại.

1955.

Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do phi Trưởng duyên: Như Đồng sanh duyên phần thuận tùng *(anuloma).*

1956.

Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc:... liên quan 1 uẩn biết cảnh quá khứ, 2 uẩn.... Sát-na tục sinh...

1957.

Pháp biết cảnh vị lai liên quan pháp biết cảnh vị lai sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn Vô sắc biết cảnh vị lai, 2 uẩn....

1958.

Pháp biết cảnh hiện tại liên quan pháp biết cảnh hiện tại sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Sát-na tục sinh:... liên quan 1 uẩn biết cảnh hiện tại, 2 uẩn....

1959.

* Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên: Như phi Trưởng duyên.
* ... Do phi Nghiệp duyên: Tư biết cảnh quá khứ liên quan uẩn biết cảnh quá khứ.

1960.

Pháp biết cảnh vị lai liên quan pháp biết cảnh vị lai sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* biết cảnh vị lai liên quan uẩn biết cảnh vị lai.

1961.

Pháp biết cảnh hiện tại liên quan pháp biết cảnh hiện tại sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* biết cảnh hiện tại liên quan uẩn biết cảnh hiện tại *(paccuppannārammaṇa)*.

1962.

Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do phi Quả duyên:

Phi Quả duyên không có tục sinh.

1963.

Pháp biết cảnh hiện tại liên quan pháp biết cảnh hiện tại sanh ra do phi Thiền duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh ngũ thức *(viññāna)*, 2 uẩn...

1964.

Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do phi Đạo duyên:

... liên quan 1 uẩn vô nhân biết cảnh quá khứ. Như phi Nhân duyên 3 câu đề không có si

1965.

Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

... 1 uẩn trong Vô sắc biết cảnh quá khứ, 2 uẩn...

1966.

Pháp biết cảnh vị lai liên quan pháp biết cảnh vị lai sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:

... liên quan 1 uẩn trong Vô sắc biết cảnh vị lai, 2 uẩn...

1967.

Phi Nhân 3, phi Trưởng, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả đều có 3, phi Thiền 1, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 2; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

1968.

Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả đều có 3, phi Bất tương ưng 2; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

1969.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... tóm tắt... tất cả đều có 3; Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(Sahajāta)*, phần ỷ trượng *(paccaya)*, phần y chỉ *(nissaya)*, phần hòa hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*, phần tương ưng *(sampayutta)*, như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1970.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* biết cảnh quá khứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân biết cảnh quá khứ làm duyên cho uẩn tương ưng.

1971.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Nhân duyên:

Nhân biết cảnh vị lai làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1972.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Nhân duyên:

Nhân biết cảnh hiện tại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân biết cảnh hiện tại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

1973.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cảnh duyên:

- Phản khán Thức vô biên xứ quá khứ, phản khán Phi tưởng phi phi tưởng xứ, phản khán thần thông quá khứ biết cảnh quá khứ; tha tâm thông... túc mạng thông... phản khán tùy nghiệp thông.
- Chư Thánh phản khán phiền não biết cảnh quá khứ đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, phản khán phiền não từng sanh trước kia. Quán ngộ uẩn quá khứ biết cảnh quá khứ bằng vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, tà kiến... hoài nghi, phóng dật, ưu biết cảnh quá khứ sanh ra.

- Uẩn quá khứ biết cảnh quá khứ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1974.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cảnh duyên:

- Phản khán Thức vô biên xứ vị lai, phản khán Phi tưởng phi phi tưởng xứ, phản khán thần thông vị lai biết cảnh quá khứ, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông... quán ngộ uẩn vị lai biết cảnh quá khứ bằng vô thường,... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu biết cảnh vị lai sanh ra.
- Uẩn vị lai biết cảnh quá khứ, làm duyên cho tha tâm thông, vị lai thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1975.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Cảnh duyên:

Tha tâm thông rõ biết lòng người tề toàn tâm hiện tại biết cảnh quá khứ. uẩn hiện tại biết cảnh quá khứ làm duyên cho tha tâm thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1976.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cảnh duyên:

- Phản khán thần thông vị lai biết cảnh vị lai, tha tâm thông, vị lai thông... uẩn vị lai biết cảnh vị lai.
- Quán ngộ uẩn vị lai biết cảnh vị lai bằng vô thường,... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu biết cảnh vị lai sanh ra.
- Uẩn vị lai biết cảnh vị lai làm duyên cho tha tâm thông, vị lai thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1977.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cảnh duyên:

- Phản khán thần thông quá khứ biết cảnh vị lai, tha tâm thông,... vị lai thông.
- Chư Thánh phản khán phiền não biết cảnh vị lai đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, phản khán phiền não từng sanh...
- Quán ngộ uẩn quá khứ biết cảnh vị lai bằng vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu biết cảnh vị lai sanh ra.
- Uẩn quá khứ biết cảnh vị lai làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1978.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Cảnh duyên:

Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm hiện tại biết cảnh vị lai. uẩn hiện tại biết cảnh vị lai làm duyên cho tha tâm thông luôn khán (ý) môn bằng Cảnh duyên.

1979.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Cảnh duyên:

Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm hiện tại biết cảnh hiện tại. Uẩn hiện tại biết cảnh hiện tại làm duyên cho tha tâm thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

1980.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cảnh duyên:

- Phản khán thiên nhãn quá khứ, phản khán thiên nhĩ, phản khán thần thông quá khứ biết cảnh hiện tại, tha tâm thông...
- Chư Thánh phản khán phiền não biết cảnh hiện tại đã trừ, phiền não hạn chế; phiền não đã từng sanh...

- Quán ngộ uẩn quá khứ biết cảnh hiện tại bằng vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái,... ưu biết cảnh quá khứ sanh ra.
- Uẩn quá khứ biết cảnh hiện tại làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

1981.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cảnh duyên:

- Phản khán thiên nhãn vị lai, phản khán thiên nhĩ, phản khán thần thông vị lai biết cảnh hiện tại, tha tâm thông... quán ngộ uẩn vị lai biết cảnh hiện tại bằng vô thường... do đó khai đoan ái, ưu biết cảnh vị lai sanh ra.
- Uẩn vị lai biết cảnh hiện tại làm duyên cho tha tâm thông, vị lai thông luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

1982.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Nặng về Thức vô biên xứ quá khứ rồi phản khán, nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ rồi phản khán. Nặng về thần thông quá khứ biết cảnh quá khứ rồi phản khán, tha tâm thông... túc mạng thông... Nặng về tùy nghiệp thông rồi phản khán.
- Nặng về uẩn quá khứ biết cảnh quá khứ rồi phản khán...; thỏa thích rất hân hoan, do đó rồi ái *(rāga)*, tà kiến biết cảnh quá khứ phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* biết cảnh quá khứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1983.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như: Nặng về Thức vô biên xứ vị lai rồi... Nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ... Nặng về thần thông vị lai biết cảnh quá khứ rồi... tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông...
- Nặng về uẩn vị lai biết cảnh quá khứ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến biết cảnh vị lai phát sanh.

1984.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Nặng về thần thông vị lai biết cảnh vị lai rồi... tha tâm thông, nặng về vị lai thông rồi phản khán. Nặng về uẩn vị lai biết cảnh vị lai rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến biết cảnh vị lai sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng biết cảnh vị lai làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1985.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

Trưởng cảnh như: Nặng về thần thông quá khứ biết cảnh vị lai rồi... tha tâm thông,... Nặng về vị lai thông rồi... Nặng về uẩn quá khứ biết cảnh vị lai rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến biết cảnh quá khứ sanh ra.

1986.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng biết cảnh hiện tại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

1987.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về thiên nhãn quá khứ rồi phản khán, nặng về thiên nhĩ rồi phản khán, nặng về thần thông quá khứ biết cảnh hiện tại rồi... Nặng về tha tâm thông rồi... Nặng về uẩn quá khứ biết cảnh hiện tại rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến biết cảnh quá khứ sanh ra.

1988.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về thiên nhãn vị lai rồi phản khán, nặng về thiên nhĩ rồi phản khán, nặng về thần thông vị lai biết cảnh hiện tại rồi phản khán. Nặng về uẩn vị lai biết cảnh hiện tại rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến biết cảnh vị lai sanh ra.

1989.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Vô gián duyên:

Uẩn biết cảnh quá khứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh quá khứ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1990.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Vô gián duyên:

Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* biết cảnh quá khứ làm duyên cho khán (ý) môn biết cảnh vị lai bằng Vô gián duyên.

1991.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử *(cuti)* biết cảnh quá khứ làm duyên cho tâm tục sinh *(paṭisandhi)* biết cảnh hiện tại bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp biết cảnh quá khứ làm duyên cho tâm khán (ý) môn biết cảnh hiện tại bằng Vô gián duyên.

1992.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Vô gián duyên:

Uẩn biết cảnh vị lai sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh vị lai sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

1993.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Vô gián duyên:

- Tâm thần thông biết cảnh vị lai làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh quá khứ; tha tâm thông làm duyên cho quả sơ khởi biết cảnh quá khứ; vị lai thông làm duyên cho quả sơ khởi biết cảnh quá khứ.
- Uẩn biết cảnh vị lai làm duyên cho quả sơ khởi biết cảnh quá khứ bằng Vô gián duyên.

1994.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Vô gián duyên:

- Uẩn biết cảnh hiện tại sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh hiện tại sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tục sinh biết cảnh hiện tại làm duyên cho tâm hộ kiếp biết cảnh hiện tại. Tâm hộ kiếp biết cảnh hiện tại làm duyên cho tâm hộ kiếp biết cảnh hiện tại bằng Vô gián duyên.

1995.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Vô gián duyên:
- Tâm tục sinh biết cảnh hiện tại làm duyên cho tâm hộ kiếp biết cảnh quá khứ.
- Tâm hộ kiếp biết cảnh hiện tại làm duyên cho tâm hộ kiếp biết cảnh quá khứ; uẩn biết cảnh hiện tại làm duyên cho quả sơ khởi biết cảnh quá khứ bằng Vô gián duyên.

1996.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Liên tiếp duyên: Như Vô gián duyên.

1997.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Đồng sanh duyên, bằng Hỗ tương duyên, bằng Y chỉ duyên: Cả 3 duyên như phần liên quan *(Paṭiccavāra)*.

1998.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh quá khứ làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh quá khứ bằng Cận y duyên.

1999.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh quá khứ làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh vị lai bằng Cận y duyên.

2000.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Cận y duyên có Cảnh cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh quá khứ làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh hiện tại bằng Cận y duyên.

2001.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường *(aniccānupassanā)*, quán khổ não *(dukkhānupassanā)*, quán vô ngã *(anattānupassanā)* biết cảnh vị lai làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh vị lai bằng Cận y duyên.

2002.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh vị lai làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh quá khứ bằng Cận y duyên.

2003.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Cận y duyên:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh vị lai làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh hiện tại bằng Cận y duyên.

2004.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại... có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh hiện tại làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh hiện tại bằng Cận y duyên.

2005.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cận y duyên, có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh hiện tại làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh quá khứ bằng Cận y duyên.

2006.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh hiện tại làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh vị lai bằng Cận y duyên.

2007.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn biết cảnh quá khứ sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh quá khứ sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên *(āsavanapaccayo).*

2008.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn biết cảnh vị lai sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh vị lai sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

2009.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn biết cảnh hiện tại sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh hiện tại sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

2010.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* biết cảnh quá khứ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư biết cảnh quá khứ làm duyên cho uẩn quả biết cảnh quá khứ bằng Nghiệp duyên *(kammapaccayo).*

2011.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư biết cảnh quá khứ làm duyên cho uẩn quả biết cảnh vị lai bằng Nghiệp duyên.

2012.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư biết cảnh quá khứ làm duyên cho uẩn quả biết cảnh hiện tại bằng Nghiệp duyên.

2013.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư biết cảnh vị lai làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư biết cảnh vị lai làm duyên cho uẩn quả biết cảnh vị lai bằng Nghiệp duyên.

2014.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư biết cảnh vị lai làm duyên cho uẩn quả biết cảnh quá khứ bằng Nghiệp duyên.

2015.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư *(cetanā)* biết cảnh vị lai làm duyên cho uẩn quả biết cảnh hiện tại bằng Nghiệp duyên.

2016.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư biết cảnh hiện tại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư biết cảnh hiện tại làm duyên cho uẩn quả biết cảnh hiện tại bằng Nghiệp duyên.

2017.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư biết cảnh hiện tại làm duyên cho uẩn quả biết cảnh quá khứ bằng Nghiệp duyên.

2018.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư biết cảnh hiện tại làm duyên cho uẩn quả biết cảnh vị lai bằng Nghiệp duyên.

2019.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Quả duyên; bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Hiện hữu duyên, bằngVô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

2020.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 7, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ đều có 3, Cận y 9, Cố hưởng 3, Nghiệp 9, Quả 3, Thực 3, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng đều 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

2021.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2022.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cảnh duyên, bằng Nghiệp duyên.

2023.

Pháp biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2024.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2025.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2026.

Pháp biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2027.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2028.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2029.

Pháp biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2030.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9,... tóm tắt... tất cả đều có 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

2031.

Nhân duyên cho phi Cảnh 3, phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Cận y, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả đều có 3,... tóm tắt... tất cả đều có 3, phi Vô hữu, phi Ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

2032.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 7, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Cố hưởng 3; Nghiệp 9, Quả 3, Thực, Quyền, Thiền, Đạo, Tương ưng, Hiện hữu đều có 3, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 3; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần vấn đề (paññāvāra)

Tam đề biết cảnh quá khứ thứ 19 chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ NỘI PHẦN *(AJJHATTATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

2033.

Pháp nội phần liên quan pháp nội phần sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn nội phần *(ajjhatta)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn nội phần, 2 uẩn...; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 3 đại sung liên quan 1 đại sung, sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)*, sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)* liên quan đại sung.

2034.

Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn ngoại phần *(bahiddhā)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh *(katattārūpa)* liên quan 1 uẩn ngoại phần *(bahiddhā)*, 2 uẩn liên quan 2 uẩn, vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 3 đại sung liên quan 1 đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)* liên quan đại sung.

2035.

Pháp nội phần liên quan pháp nội phần sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn nội phần *(ajjhatta)*,... liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn nội phần, uẩn liên quan vật.

2036.

Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn ngoại phần, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn liên quan vật.

2037.

Pháp nội phần liên quan pháp nội phần sanh ra do Trưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn nội phần, 2 uẩn...;... liên quan 1 đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)* liên quan đại sung.

2038.

Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần... do Trưởng duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn ngoại phần, 2 uẩn...;... liên quan 1 đại sung; sắc nương tâm sanh thuộc y sinh *(upādā)* liên quan đại sung.

2039.

Pháp nội phần liên quan pháp nội phần... do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn nội phần, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn nội phần, 2 uẩn...; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 3 đại sung liên quan 1 đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung; sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng... liên quan 1 đại sung, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

2040.

Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần sanh ra do Đồng sanh duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn ngoại phần, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh làm duyên cho 1 uẩn ngoại phần, 2 uẩn...; vật làm duyên cho uẩn, uẩn làm duyên cho vật;... liên quan 1 đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)* liên quan đại sung; sắc ngoại, sắc vật thực... sắc âm

dương... người Vô tưởng... liên quan 1 đại sung, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

2041.

∗ Pháp nội phần liên quan pháp nội phần sanh ra do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên: Trong Tiền sanh và Cố hưởng không có tục sinh.

∗ ... Do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

2042.

Nhân 2, Cảnh 2,... tóm tắt... Bất ly 2.

Dứt cách thuận (anuloma)

2043.

Pháp nội phần liên quan pháp nội phần sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô nhân nội phần *(ajjhatta)*, 2 uẩn....
- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật;... 1 đại sung... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng:... 1 đại sung; sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)* liên quan đại sung; si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

2044.

Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn vô nhân ngoại phần, 2 uẩn.... Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật;... liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng:... liên quan 1 đại sung.
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

2045.

Pháp nội phần liên quan pháp nội phần sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nội phần. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn nội phần, vật liên quan uẩn;... liên quan 1 đại sung thuộc sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng:... liên quan 1 đại sung.

2046.

Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn ngoại phần. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn ngoại phần, vật liên quan uẩn;... 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

2047.

∗ Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần sanh ra do phi Trưởng duyên: Như thuận tùng trong Đồng sanh duyên không chi khác.

∗ ... Do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên, phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc:... liên quan 1 uẩn nội phần; sắc nương tâm sanh liên quan uẩn nội phần. Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn nội phần, 2 uẩn... vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; liên quan 1 đại sung thuộc sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

2048.

Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

... liên quan 1 uẩn ngoại phần trong Vô sắc, 2 uẩn...; sắc nương tâm sanh liên quan liên quan uẩn ngoại phần. Sát-na tục sinh: Nên sắp đầu đủ; 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

2049.

... Liên quan pháp nội phần... do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên, do phi Nghiệp duyên:

Tư nội phần liên quan uẩn nội phần; sắc vật thực... sắc âm dương...

2050.

Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần... do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* ngoại phần *(bahiddhā)* liên quan uẩn ngoại phần; sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương...

2051.

* ... Liên quan pháp nội phần... do phi Quả duyên: Không có tục sinh.
* ... Do phi Thực duyên: Sắc âm dương... người Vô tưởng...

2052.

... Liên quan pháp ngoại phần... do phi Thực duyên:

Sắc ngoại... sắc âm dương... người Vô tưởng...

2053.

... Liên quan pháp nội phần... do phi Quyền duyên:

Sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: Sắc mạng quyền liên quan đại sung.

2054.

... Liên quan pháp ngoại phần... do phi Quyền duyên:

Sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: Sắc mạng quyền liên quan đại sung.

2055.

Pháp nội phần liên quan pháp nội phần... do Thiền duyên:

Ngũ thức *(viññāna)*... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

2056.

Pháp ngoại phần liên quan pháp ngoại phần... do phi Thiền duyên:

... 5 thức... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

2057.

* ... Liên quan pháp nội phần... do phi Đạo duyên: Như phi Nhân duyên, không có si.
* ... Do phi Tương ưng duyên, do phi Bất tương ưng duyên:

Cõi Vô sắc... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

2058.

* ... Liên quan pháp ngoại phần... do phi Bất tương ưng duyên:

Trong Vô sắc... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...

* ... Do phi Vô hữu duyên,... do phi Ly duyên.

2059.

Phi Nhân có 2, phi Cảnh 2, phi Trưởng 2, phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2,... tóm tắt... đều có 2, phi Ly 2; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược

2060.

Nhân duyên có phi Cảnh 2,... tóm tắt... phi Quả, phi Tương ưng, phi Vô hữu, phi Ly đều có 2; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

2061.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2,... tóm tắt... Đạo 2, Bất ly 2; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Hết phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(sahajāta)* như phần liên quan

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

2062.

Pháp nội phần nhờ cậy pháp nội phần sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc nương tâm sanh nhờ cậy 1 uẩn nội phần, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Nên sắp đầy đủ,... 1 đại sung, uẩn nội phần *(ajjhatta)* nhờ cậy *(paccaya)* vật.

2063.

Pháp ngoại phần nhờ cậy pháp ngoại phần sanh ra do Nhân duyên:

1 uẩn ngoại phần *(bahiddhā)*... Sát-na tục sinh: 1 đại sung; uẩn ngoại phần nhờ cậy vật.

2064.

Pháp nội phần nhờ cậy pháp nội phần sanh ra do Cảnh duyên: Như phần liên quan *(Paṭiccavāra)*:

Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân xứ...; uẩn nội phần nhờ cậy vật.

2065.

Pháp ngoại phần nhờ cậy pháp ngoại phần...: Như phần liên quan:

... nhãn xứ... thân xứ...; uẩn ngoại phần nhờ cậy vật.

2066.

* Pháp nội phần nhờ cậy pháp nội phần sanh ra do Trưởng duyên: Thêm vật *(vatthu)* như phần liên quan *(paṭicca)*.
* ... Do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên: Trong đồng sanh *(sahajāta)* nên sắp đầy đủ.

  Đại sung và uẩn sanh sau nhờ cậy đại sung, nên sắp 5 xứ *(āyatana)* và vật *(vatthu)*.
* ... Do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên,... tóm tắt... do Bất ly duyên.

2067.

Nhân 2, cảnh... tóm tắt... Bất ly 2.

Dứt cách thuận

2068.

Pháp nội phần nhờ cậy pháp nội phần sanh ra do phi Nhân duyên:

- ... 1 uẩn vô nhân nội phần... Sát-na tục sinh vô nhân: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật. 1 đại sung thuộc vật thực,... âm dương... người Vô tưởng...
- ... nhãn xứ... thân xứ...; uẩn vô nhân nội phần nhờ cậy vật. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

2069.

* Pháp ngoại phần nhờ cậy pháp ngoại phần sanh ra do phi Nhân duyên: Nên sắp bình nhựt, tục sinh và đại sung.

... nhãn xứ... thân xứ...; uẩn vô nhân ngoại phần nhờ cậy vật. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

* ... Do phi Cảnh duyên, do phi Trưởng duyên như đồng sanh.
* ... Do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên, do phi Tiền sanh duyên: Như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.
* ... Do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên, do phi Nghiệp duyên,... tóm tắt...
* ... Do phi Bất tương ưng duyên: Như Bất tương ưng duyên trong phần liên quan *(paṭiccavāra)* về cách ngược *(paccanīya)*.
* ... Do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

2070.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 2,... tóm tắt... phi Ly 2.

Dứt cách ngược

2071.

Nhân duyên có phi Cảnh 2,... phi Trưởng 2,... phi Quả, phi Tương ưng, phi Vô hữu, phi Ly đều có 2.

Dứt cách thuận, nghịch

2072.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Bất ly 2.

Dứt cách nghịch, thuận

Phần y chỉ *(nissaya)* như phần ỷ trượng *(paccaya)*

Phần hòa hợp *(saṅsaṭṭha)* như phần tương ưng *(sampayutta)***,** nên sắp cho rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

2073.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Nhân duyên:

- Nhân *(hetu)* nội phần *(ajjhatta)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh...

2074.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Nhân duyên:

Nhân ngoại phần *(bahiddhā)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

2075.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, rồi nhớ lại. Nhớ lại thiện đã từng làm chứa để.
- Xuất thiền... chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, biết rõ phiền não từng sanh.
- Quán ngộ nhãn nội phần... thân, sắc... xúc, vật.
- Quán ngộ uẩn nội phần bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, ưu phát.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.

- ... sắc xứ... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên. Uẩn nội phần làm duyên cho thần thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2076.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Cảnh duyên:

- Người khác phản khán nhãn nội phần,... tóm tắt... vật... quán ngộ uẩn nội phần bằng vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, ưu phát.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm nội phần; sắc xứ nội phần làm duyên cho nhãn thức ngoại phần; xúc xứ nội phần làm duyên cho thân thức ngoại phần bằng Cảnh duyên.
- Uẩn nội phần làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2077.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Cảnh duyên:

- Kẻ khác sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... do đó phản khán. Nhớ lại thiện đã từng làm chứa để. xuất thiền... chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū),* dũ tịnh *(vodanā)*, Đạo, Quả, khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ, phiền não hạn chế, phiền não từng sanh.
- Quán ngộ nhãn ngoại phần của người khác... vật...
- Quán ngộ uẩn ngoại phần bằng vô thường, khổ não... ưu sanh.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm ngoại phần.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
- Uẩn ngoại phần làm duyên cho thần thông, tha tâm thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2078.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh phản khán Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū),* dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- ... nhãn ngoại phần... vật... quán ngộ uẩn ngoại phần bằng vô thường... ưu sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm ngoại phần.
- Sắc xứ ngoại phần *(bahiddhā)* làm duyên cho nhãn thức nội phần; xúc xứ ngoại phần làm duyên cho thân thức nội phần.
- Uẩn ngoại phần làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2079.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, nặng về đó rồi phản khán. Nặng về thiện đã từng làm chứa để rồi phản khán. Xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán.

- Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán, nặng về quả rồi phản khán.
- Nhãn nội phần *(ajjhatta)*... Vật....
- Nặng về uẩn nội phần rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi ái sanh... tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* nội phần làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

2080.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như:... nhãn nội phần của người khác... Vật.
- Nặng về uẩn nội phần rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.

2081.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Người khác sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới do nặng về đó rồi phản khán.
- Nặng về thiện đã từng làm chứa để rồi phản khán.
- Xuất thiền... chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán... Nặng về quả rồi phản khán.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả bằng Trưởng duyên.
- ... nhãn ngoại phần... Vật.... Nặng về uẩn ngoại phần rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati) ngoại phần* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Trưởng duyên.

2082.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như: Chư La-hán nặng về Níp Bàn rồi phản khán.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả bằng Trưởng duyên.
- Nhãn ngoại phần... Vật.... Nặng về uẩn ngoại phần rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.

2083.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Vô gián duyên:

- Uẩn nội phần sanh trước trước làm duyên cho uẩn nội phần sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận tùng *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*.
- Tâm thuận tùng làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; tâm chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo, tâm dũ tịnh làm duyên cho đạo, đạo làm duyên cho quả... thuận tùng làm duyên cho quả nhập thiền; xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

2084.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Vô gián duyên:

Uẩn ngoại phần sanh trước trước đến pháp khác chỉ có bấy nhiêu *(purimāpurimà bahiddhāti nānākaraṇaṃ taṃ yeva gamanaṃ)*.

2085.

* Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Liên tiếp duyên như Vô gián duyên.
* ... Do Đồng sanh duyên, do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Nương đức tin nội phần mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... thiền sanh... pháp quán sanh... đạo sanh... thông sanh... nhập thiền sanh... gầy ngã mạn... chấp tà kiến...
  - Nương giới nội phần... trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... chỗ ở mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh cho đến sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
  - Nương đức tin nội phần... trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ... chỗ ở làm duyên cho đức tin nội phần, trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

2086.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Cận y duyên có Cảnh cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin nội phần của người khác mạnh có thể bố thí... gây ngã mạn... chấp tà kiến...
- Nương giới... chỗ ở nội phần của người khác mạnh có thể bố thí... sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin... chỗ ở nội phần mạnh làm duyên cho đức tin, đạo, quả ngoại phần bằng Cận y duyên.

2087.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin ngoại phần... hy vọng, thân lạc... chỗ ở của người khác mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin ngoại phần, chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin ngoại phần, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

2088.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Cận y duyên có Cảnh cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin ngoại phần... chỗ ở mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin ngoại phần... chỗ ở làm duyên cho đức tin nội phần, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

2089.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh: Quán ngộ nhãn... vật nội phần bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã... ưu phát sanh.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức; xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn nội phần bằng Tiền sanh duyên.

2090.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Tiền sanh duyên:

- Cảnh tiền sanh: Quán ngộ nhãn... vật nội phần của người khác bằng lối vô thường... ưu phát sanh.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ nội phần làm duyên cho nhãn thức ngoại phần; xúc xứ làm duyên cho thân thức ngoại phần bằng Tiền sanh duyên.

2091.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh: Quán ngộ nhãn... vật ngoại phần của người khác bằng lối vô thường... thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ ngoại phần làm duyên cho nhãn thức ngoại phần; xúc xứ ngoại phần làm duyên cho thân thức ngoại phần.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ ngoại phần... thân xứ... vật làm duyên cho uẩn ngoại phần bằng Tiền sanh duyên.

2092.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Tiền sanh duyên:

Cảnh tiền sanh: Quán ngộ nhãn... vật ngoại phần bằng lối vô thường... ưu sanh. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ ngoại phần làm duyên cho nhãn thức nội phần; xúc xứ ngoại phần làm duyên cho thân thức nội phần bằng Tiền sanh duyên.

2093.

Chư pháp nội phần và ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

Như: Sắc xứ ngoại phần và nhãn xứ nội phần làm duyên cho nhãn thức nội phần bằng Tiền sanh duyên. Xúc xứ ngoại phần và thân xứ nội phần làm duyên cho thân thức nội phần. Sắc xứ ngoại phần và vật nội phần... xúc xứ ngoại phần và vật nội phần làm duyên cho uẩn nội phần bằng Tiền sanh duyên.

2094.

Chư pháp nội phần và ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Sắc xứ nội phần và nhãn xứ ngoại phần làm duyên cho nhãn thức ngoại phần bằng Tiền sanh duyên.
- Xúc xứ nội phần và thân xứ ngoại phần làm duyên cho thân xứ ngoại phần bằng Tiền sanh duyên.
- Sắc xứ nội phần và vật ngoại phần...
- Xúc xứ nội phần và vật ngoại phần làm duyên cho uẩn ngoại phần bằng Tiền sanh duyên.

2095.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn nội phần làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

2096.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn ngoại phần làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

2097.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn nội phần sanh trước trước làm duyên cho uẩn nội phần sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*; tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; chuyển tộc làm duyên cho đạo, dũ tịnh làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

2098.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Cố hưởng duyên:

... sanh trước trước như nội phần *(ajjhatta)*.

2099.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* nội phần làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư nội phần làm duyên cho quả nội phần và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

2100.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư ngoại phần làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư ngoại phần làm duyên cho uẩn quả ngoại phần và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

2101.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Quả duyên: Nên sắp đầy đủ như phần liên quan *(paṭicca)*.

2102.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Thực duyên:

- Uẩn nội phần làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh bằng Thực duyên.
- Sát-na tục sinh: Đoàn thực nội phần làm duyên cho thân nội phần bằng Thực duyên.

2103.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Thực duyên:

Đoàn thực nội phần làm duyên cho thân ngoại phần bằng Thực duyên.

2104.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Thực duyên: Bình nhựt và tục sinh.

Đoàn thực ngoại phần làm duyên cho thân ngoại phần bằng Thực duyên.

2105.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Thực duyên:

Đoàn thực ngoại phần làm duyên cho thân nội phần bằng Thực duyên.

2106.

Pháp nội phần và ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Thực duyên:

Đoàn thực nội phần và đoàn thực ngoại phần làm duyên cho thân nội phần bằng Thực duyên.

2107.

Pháp nội phần và ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Thực duyên:

Đoàn thực nội phần làm duyên cho đoàn thực ngoại phần bằng Thực duyên.

2108.

* Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Quyền duyên: Quyền *(indrīya)* nội phần và sắc mạng quyền nên phân rộng.

* ... Bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh: Nên phân rộng.

Tất cả câu tam đề, xin trí thức nên phân rộng.

2109.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh... tóm tắt...

2110.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: 1 uẩn nội phần làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh; 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn; 1 đại sung... tóm tắt... người Vô tưởng: 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung.
- Tiền sanh như: Nhãn... vật... như Tiền sanh *(purejātu)*. Vật làm duyên cho uẩn nội phần bằng Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)*.
- Hậu sanh như: Uẩn nội phần và đoàn thực nội phần làm duyên cho thân ấy; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh.

2111.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Hiện hữu duyên có Tiền sanh và Thực:

Tiền sanh như: Người khác quán ngộ nhãn nội phần... vật bằng lối vô thường... thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ nội phần... xúc xứ nội phần làm duyên cho thân thức ngoại phần bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực nội phần làm duyên cho thân ngoại phần bằng Hiện hữu duyên.

2112.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền: Như pháp ngoại phần *(bahiddhā)* không chi khác.

Tất cả bài đầu đề tam *(mātikā)* nên phân rộng.

2113.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Hiện hữu duyên có Tiền sanh và Thực.

Tiền sanh như: Nhãn ngoại phần... vật... thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ ngoại phần... xúc xứ làm duyên cho thân thức nội phần bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực ngoại phần làm duyên cho thân nội phần bằng Hiện hữu duyên.

2114.

Pháp nội phần và ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Hiện hữu duyên có Tiền sanh và Thực.

- Tiền sanh như: Sắc xứ ngoại phần và nhãn nội phần làm duyên cho nhãn thức nội phần; xúc xứ ngoại phần và thân xứ nội phần làm duyên cho thân thức nội phần bằng Hiện hữu duyên.
- Sắc xứ ngoại phần và vật nội phần...
- Xúc xứ ngoại phần và vật nội phần làm duyên cho uẩn nội phần bằng Hiện hữu duyên.

- Thực như: Đoàn thực nội phần và đoàn thực ngoại phần làm duyên cho thân nội phần bằng Hiện hữu duyên.

2115.

Pháp nội phần và ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Hiện hữu duyên có Tiền sanh và Thực.

- Tiền sanh như: Sắc xứ nội phần và nhãn xứ ngoại phần làm duyên cho nhãn thức ngoại phần bằng Hiện hữu duyên.
- Xúc xứ nội phần và thân xứ ngoại phần làm duyên cho thân thức ngoại phần bằng Hiện hữu duyên.
- Sắc xứ nội phần và vật ngoại phần làm duyên cho uẩn ngoại phần bằng Hiện hữu duyên.
- Xúc xứ nội phần và vật ngoại phần làm duyên cho uẩn ngoại phần bằng Hiện hữu duyên.
- Thực như: Đoàn thực nội phần và đoàn thực ngoại phần làm duyên cho thân ngoại phần bằng Hiện hữu duyên.

2116.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Hiện hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

2117.

Nhân 2, Cảnh 4, Trưởng 4, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ 2, Cận y 4, Tiền sanh 6, Hậu sanh, Cố Hưởng, Nghiệp, Quả 2, Thực 6, Quyền 2, Thiền, Đạo, Tương ưng, Bất tương ưng 2, Hiện hữu 6, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 6; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận tùng (anuloma)

2118.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

2119.

Pháp nội phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Thực duyên.

2120.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

2121.

Pháp ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Thực duyên.

2122.

Pháp biết nội phần và pháp ngoại phần làm duyên cho pháp nội phần... có Tiền sanh và Thực.

2123.

Pháp nội phần và pháp ngoại phần làm duyên cho pháp ngoại phần... có Tiền sanh và Thực.

2124.

Phi Nhân 6, phi Cảnh 6, phi Trưởng 6,... tóm tắt... sắp tất cả đều 6; phi Bất tương ưng 6, phi Hiện hữu 4, phi Vô hữu 6, phi Ly 6, phi Bất ly 4. Nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

2125.

Nhân duyên cho phi Cảnh 2,... phi Trưởng, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y đều có 2,... tóm tắt... tất cả đều 2, phi Tương ưng, phi Bất tương ưng, phi Vô hữu, phi Ly đều có 2; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

2126.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Trưởng 4. Nên đếm theo câu thuận tùng, Bất ly 6; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận
Hết phần vấn đề (pañhāvāra)
Tam đề nội phần thứ 20 chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ BIẾT CẢNH NỘI PHẦN *(AJIHATTATTĀRAMMANATTIKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

2127.

Pháp biết cảnh nội phần liên quan pháp biết cảnh nội phần sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh nội phần *(ajihattattārammaṇa)*, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh nội phần, 2 uẩn...

2128.

Pháp biết cảnh ngoại liên quan pháp biết cảnh ngoại sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh ngoại, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh ngoại (bahiddhārammaṇa), 2 uẩn...

2129.

Pháp biết cảnh nội liên quan pháp biết cảnh nội sanh ra do Cảnh duyên... tóm tắt... do Bất ly duyên.

2130.

Nhân 2, Cảnh 2,... tóm tắt... tất cả đều 2, Bất ly 2; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

2131.

Pháp biết cảnh nội liên quan pháp biết cảnh nội sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân biết cảnh nội, 2 uẩn...; sát-na tục sinh vô nhân:... liên quan 1 uẩn biết cảnh nội, 2 uẩn...; si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

2132.

Pháp biết cảnh ngoại liên quan pháp biết cảnh ngoại sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân biết cảnh ngoại, 2 uẩn...; sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

2133.

* Pháp biết cảnh nội liên quan pháp biết cảnh nội sanh ra do phi Trưởng duyên: Như Đồng sanh duyên, phần thuận tùng không có chi khác.
* ... Do phi Tiền sanh duyên: Trong Vô sắc: 3 uẩn biết cảnh nội... Sát-na tục sinh...

2134.

∗ Pháp biết cảnh ngoại liên quan pháp biết cảnh ngoại sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Trong Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn biết cảnh ngoại *(bahiddhārammaṇṇa)*. Sát-na tục sinh...

∗ ... Do phi Hậu sanh duyên; do phi Cố hưởng duyên: Như Đồng sanh duyên.

∗ ... Do phi Nghiệp duyên:
Tư biết cảnh nội liên quan uẩn biết cảnh nội.

2135.

Pháp biết cảnh ngoại liên quan pháp biết cảnh ngoại sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* biết cảnh ngoại liên quan uẩn biết cảnh ngoại.

2136.

∗ ... Liên quan pháp biết cảnh nội... do phi Quả duyên: Không có tục sinh.

∗ ... Do phi Thiền duyên:
1 uẩn biết cảnh nội đồng sanh ngũ thức *(pañcaviññāṇa)*...

2137.

∗ ... Liên quan pháp biết cảnh ngoại... do phi Thiền duyên:
1 uẩn biết cảnh ngoại đồng sanh 5 thức...

∗ ... Do phi Đạo duyên: Như phi Nhân duyên không có si.

∗ ... Do phi Bất tương ưng duyên:
Trong Vô sắc: 1 uẩn biết cảnh nội...

2138.

... Liên quan pháp biết cảnh ngoại... do phi Bất tương ưng duyên:
... 1 uẩn biết cảnh ngoại trong Vô sắc...

2139.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Quả, phi Thiền, phi Đạo, phi Bất tương ưng đều có 2; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

2140.

Nhân duyên có phi Trưởng 2, phi Quả 2, phi Bất tương ưng 2. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

2141.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Liên tiếp 2,... tóm tắt... Đạo 2, Bất ly 2; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận
Hết phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(sahajāta)*, phần ỷ trượng *(paccayavāra)*. Phần y chỉ *(nissayavāra)*, phần hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)*, phần tương ưng *(sampayuttavāra)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

2142.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Nhân duyên:
Nhân biết cảnh nội làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân *(hetu)* biết cảnh nội làm duyên cho uẩn Tương ưng.

2143.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Nhân duyên:

Nhân biết cảnh ngoại... Sát-na tục sinh...

2144.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Cảnh duyên:

- Phản khán Thức vô biên xứ biết cảnh nội; phản khán Phi tưởng phi phi tưởng xứ... phản khán thiên nhãn nội phần biết cảnh nội; thiên nhĩ... thần thông... túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông... phản khán vị lai thông.
- Chư Thánh phản khán phiền não biết cảnh nội đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, phiền não đã từng sanh.
- Quán ngộ uẩn nội phần biết cảnh nội bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái, ưu biết cảnh nội sanh ra.
- Uẩn nội phần biết cảnh nội làm duyên cho túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2145.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Cảnh duyên:

- Người khác phản khán Thức vô biên xứ biết cảnh nội... phản khán Phi tưởng phi phi tưởng xứ; người khác phản khán thiên nhãn nội phần biết cảnh nội; thiên nhĩ... thần thông... túc mạng thông, tuỳ nghiệp thông ,... phản khán vị lai thông.
- Quán ngộ uẩn nội phần biết cảnh nội bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm nội phần biết cảnh nội
- Uẩn ngoại phần biết cảnh nội làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

2146.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Cảnh duyên:

- Người khác phản khán thiên nhãn ngoại phần biết cảnh nội; thiên nhĩ... thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông... phản khán vị lai thông.
- Người khác quán ngộ uẩn ngoại phần biết cảnh ngoại bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm ngoại phần biết cảnh ngoại.
- Uẩn ngoại phần biết cảnh ngoại làm duyên cho thần thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2147.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, rồi nhớ lại; phản khán thiện đã từng làm chứa để; xuất thiền phản khán thiền.
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả. phản khán phiền não đã trừ,... phiền não hạn chế,... phản khán phiền não đã từng sanh.
- Phản khán thiên nhãn nội phần biết cảnh ngoại phần,... thiên nhĩ... thần thông... tha tâm thông... túc mạng thông... tuỳ nghiệp thông... vị lai thông.
- Quán ngộ uẩn nội phần biết cảnh ngoại bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái và ưu biết Nội sanh ra.
- Uẩn nội phần biết cảnh ngoại làm duyên cho thần thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2148.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Nặng về Thức vô biên xứ nội phần biết cảnh nội rồi phản khán, nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ rồi phản khán; nặng về thiên nhãn nội phần biết cảnh nội rồi phản khán; nặng về thiên nhĩ... thần thông... túc mạng thông,... tùy nghiệp thông... Nặng về vị lai thông rồi...
- Nặng về uẩn nội phần biết cảnh nội rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái... tà kiến biết cảnh nội phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng biết cảnh nội làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

2149.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng biết cảnh ngoại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

2150.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới do nặng về đó rồi mới phản khán; phản khán thiện đã từng làm chứa để. Xuất thiền phản khán thiền...
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo... Nặng về quả rồi phản khán... Nặng về thiên nhãn nội phần biết cảnh ngoại rồi phản khán. Nặng về thiên nhĩ... thần thông... tha tâm thông... túc mạng thông... tùy nghiệp thông... Nặng về vị lai thông rồi phản khán.
- Nặng về uẩn nội phần biết cảnh ngoại rồi thỏa thích do nặng đó rồi ái, tà kiến biết cảnh nội sanh ra.

2151.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Vô gián duyên:

Uẩn biết cảnh nội sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh nội sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

2152.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử biết cảnh nội làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* biết cảnh ngoại bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp biết cảnh nội làm duyên cho tâm khán (ý) môn biết cảnh ngoại bằng Vô gián duyên.
- Uẩn biết cảnh nội làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh ngoại bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* biết cảnh nội làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*; tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền; xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

2153.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Vô gián duyên:

- Uẩn biết cảnh ngoại sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh ngoại sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ biết cảnh ngoại làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*; tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo, dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo; đạo làm duyên cho Quả, quả làm duyên cho quả; thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

2154.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử biết cảnh ngoại làm duyên cho tâm sanh *(upapatti)* biết cảnh nội bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* biết cảnh ngoại làm duyên cho tâm khán môn *(āvajjana)* biết cảnh nội bằng Vô gián duyên.
- Uẩn biết cảnh ngoại làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* biết cảnh nội bằng Vô gián duyên.

2155.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Liên tiếp duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Hỗ tương duyên, bằng Y chỉ duyên, bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường *(aniccānupassanā)*, quán khổ não *(dukkhānupassanā)*, quán vô ngã *(anattānupassanā)* biết cảnh nội làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh nội bằng Cận y duyên.

2156.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Cận y duyên: Có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh nội phần làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh ngoại bằng Cận y duyên.

2157.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Cận y duyên: Có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh ngoại làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh ngoại bằng Cận y duyên.

2158.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh ngoại làm duyên cho quán vô thường, quán khổ não, quán vô ngã biết cảnh nội bằng Cận y duyên.

2159.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Cố hưởng duyên:

Uẩn biết cảnh nội sanh trước trước làm duyên cho uẩn biết cảnh nội sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

2160.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Cố hưởng duyên:

Tâm thuận thứ *(anuloma)* biết cảnh nội làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*; tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)* bằng Cố hưởng duyên.

2161.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Cố hưởng duyên:

Tâm thuận thứ biết cảnh ngoại làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*; tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*, chuyển tộc làm duyên cho đạo, dũ tịnh làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

2162.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* biết cảnh nội làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư biết cảnh nội làm duyên cho uẩn quả biết cảnh nội bằng Nghiệp duyên.

2163.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư biết cảnh nội làm duyên cho uẩn quả biết cảnh ngoại bằng Nghiệp duyên.

2164.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư biết cảnh ngoại làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư biết cảnh ngoại làm duyên cho uẩn quả biết cảnh ngoại bằng Nghiệp duyên.

2165.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Nghiệp duyên:

Biệt thời như: Tư *(cetanā)* biết cảnh ngoại làm duyên cho uẩn quả biết cảnh nội bằng Nghiệp duyên.

2166.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Quả duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Hiện hữu duyên, bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

2167.

Nhân 2, Cảnh 4, Trưởng 3, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 4, Cố hưởng 3, Nghiệp 4, Quả 2,... tóm tắt đều 2, Tương ưng 2, Hiện hữu 2, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 2; nên đếm như thế.

Hết cách thuận (anuloma)

2168.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2169.

Pháp biết cảnh nội làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2170.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2171.

Pháp biết cảnh ngoại làm duyên cho pháp biết cảnh nội bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

2172.

Phi Nhân 4, phi Cảnh 4, phi Trưởng 4, phi Vô gián 4,... tóm tắt... tất cả đều 4, phi Tiền sanh, phi Hậu sanh, phi Cố Hưởng,... tóm tắt... phi Bất tương ưng 4,... tóm tắt... phi Bất ly 4; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch (paccanīya)

2173.

Nhân duyên có phi Cảnh 2,... phi Trưởng 2, phi Vô gián, phi Liên tiếp, phi Cận y, phi Cố Hưởng, phi Nghiệp, phi Vô hữu, phi Ly, tất cả đều 2; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

2174.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Trưởng 3, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ đều 2, Cận y 4, Cố hưởng 3, Nghiệp 4, Quả 2... tóm tắt..., Tương ưng 2, Vô hữu 2, Hiện hữu 4, Vô hữu 2, Ly 4, Bất ly 2; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận

Phần vấn đề (Pañhāvāra)

Tam đề biết cảnh nội thứ 21 chỉ có bấy nhiêu

TAM ĐỀ HỮU KIẾN HỮU ĐỐI CHIẾU *(SANIDASSANASAPPATIGHA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

2175.

∗ Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:

2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu *(anidassaṅasappaṭigha)*; 1 đại sung liên quan 2 đại sung; sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)*, sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)* vô kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu. nhãn xứ... vị xứ liên quan xúc xứ.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu *(anidassaṅasappaṭigha)* liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu. Sắc xứ liên quan xúc xứ.

∗ Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu *(anidassaṅasappaṭigha)* liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu; thủy chất, quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ.

∗ Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh *(upādā)* hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu; sắc xứ, thủy chất, quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ.

∗ Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:

2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu; 1 đại sung và thủy chất liên quan thủy chất và 2 đại sung; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu. nhãn xứ, vị xứ, thủy chất, quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ.

∗ Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu; sắc xứ, nhãn xứ, vị xứ liên quan xúc xứ.

∗ Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:

Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu; sắc xứ, nhãn xứ, vị xứ, thủy chất, quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ.

2176.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh... do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu liên quan 2 uẩn; sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn... vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất, quyền, đoàn thực liên quan thủy chất.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu... do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan thủy chất; sắc xứ liên quan thủy chất.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu... do Nhân duyên:
- Sắc nương tâm sanh vô kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh vô kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu liên quan thủy chất *(āpodhātu)*.
- Nhãn xứ, vị xứ liên quan thủy chất.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu... do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn... ;
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.
- Sắc xứ, quyền, đoàn thực liên quan thủy chất.

* Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu... do Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc nương tâm sanh vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...
  - Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn... ;
  - Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.
  - Nhãn xứ, vị xứ, quyền, đoàn thực liên quan thủy chất.

* Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
  - Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu.
  - Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu.
  - Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan thủy chất.
  - Sắc xứ, nhãn xứ, vị xứ liên quan thủy chất.

* Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...
  - Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...
  - Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.
  - Sắc xứ, nhãn xứ, vị xứ, quyền, đoàn thực liên quan thủy chất.

2177.

* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
  - Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
  - Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
  - Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến hữu đối chiếu với đại sung và thủy chất.
  - Sắc xứ liên quan xúc xứ và thủy chất.

* Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
  - Sắc nương tâm sanh vô kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
  - Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh vô kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung; 2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất, 1 đại sung liên quan 2 đại sung và thủy chất.

- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất.
- Nhãn xứ, vị xứ liên quan xúc xứ và thủy chất.

* Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
  - Sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
  - Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
  - Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất *(apodhātu)*.
  - Quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ và thủy chất.

* Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
  - Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
  - Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
  - Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất. Sắc xứ, quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ và thủy chất.

* Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
  - Sắc nương tâm sanh vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
  - Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
  - Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất.
  - Nhãn xứ, vị xứ, quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ và thủy chất.

* Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
  - Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến hữu đối chiếu và đại sung.
  - Sát-na tục sinh: Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
  - Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất.
  - Sắc xứ, nhãn xứ, vị xứ liên quan xúc xứ và thủy chất *(āpodhatu)*.

* Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
  - Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.

- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất.
- Sắc xứ, nhãn xứ, vị xứ, quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ và thủy chất.

2178.

Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...; uẩn liên quan vật.

2179.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Trưởng duyên:

- 2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu, 1 đại sung liên quan 2 đại sung.
- Sắc nương tâm sanh thuộc y sinh liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu.
- Trong vô kiến hữu đối chiếu căn *(mūla)* nên sắp rộng 7 câu theo lối này, mà không có câu chót.

2180.

Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Trưởng duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...
- Sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.

Trong vô kiến vô đối chiếu căn, theo ý này nên phân rộng 7 câu đề mà không có câu kết.

2181.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Trưởng duyên:

- Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sắc nương tâm sanh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến vô đối chiếu và thủy chất.

Theo ý này, nên phân rộng 7 câu đề.

2182.

Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên: Như Cảnh duyên.

2183.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Đồng sanh duyên:

- 2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu, 1 đại sung liên quan 2 đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu.
- Nhãn xứ, vị xứ liên quan xúc xứ; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: 2 đại sung liên quan 1 đại sung.

Trong vô kiến hữu đối chiếu căn, nên phân rộng 7 câu đề theo ý này.

2184.

Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Đồng sanh duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật. Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất *(āpodhātu)*.
- Quyền, đoàn thực liên quan thủy chất; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.

Nên phân rộng 7 câu đề theo ý này.

2185.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Đồng sanh duyên:

- Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất.
- Xắc xứ liên quan xúc xứ và thủy chất; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất.

Nên phân rộng 7 câu đề theo ý này.

2186.

∗ Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Hỗ tương duyên:

2 uẩn liên quan 1 uẩn vô kiến hữu đối chiếu, 1 uẩn liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Hỗ tương duyên:

Thủy chất liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu.

∗ Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Hỗ tương duyên:

1 đại sung và thủy chất liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu, 1 đại sung và thủy chất liên quan 2 đại sung.

2187.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Hỗ tương duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và vật liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật.

∗ Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Hỗ tương duyên:

Đại sung *(mahābhūtarūpa)* vô kiến hữu đối chiếu liên quan thủy chất.

2188.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Hỗ tương duyên:

2 uẩn liên quan 1 uẩn vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất. 1 đại sung liên quan 2 đại sung và thủy chất.

2189.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Y chỉ duyên, do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên, do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

2190.

Nhân 21, Cảnh 1, Trưởng 21, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 21, Hỗ tương 6, Y chỉ 21, Cận y 1, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, nghiệp 21, Quả, Thực 21, Quyền 21, Thiền, Đạo đều 21, Tương ưng 1, Bất tương ưng 21, Hiện hữu 21, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 21; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận

2191.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do phi Nhân duyên:

- 2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu, 1 đại sung liên quan 2 đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu.
- Nhãn xứ, vị xứ liên quan xúc xứ; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: 2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu, 2 đại sung liên quan 2 đại sung

Nên sắp rộng vô kiến hữu đối chiếu căn 7 câu đề theo ý này.

2192.

Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô nhân vô kiến vô đối chiếu, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn và sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.
- quyền, đoàn thực liên quan thủy chất; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

Trong vô kiến vô đối chiếu căn nên phân rộng 7 câu đề theo ý này.

2193.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do phi Nhân duyên:

- Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô nhân vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất.
- Sắc xứ liên quan xúc xứ và thủy chất; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất *(āpodhātu)*.

Trí thức nên sắp rộng 7 câu theo ý này.

2194.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do phi Cảnh duyên:

- 2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu, 1 đại sung liên quan 2 đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu.
- Nhãn xứ, vị xứ liên quan xúc xứ; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: 2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu,1 đại sung liên quan 2 đại sung

Phần vô kiến hữu đối chiếu 7 câu đề theo ý này.

2195.

Chư pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do phi Cảnh duyên:

- Sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu; vật liên quan uẩn, sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.
- quyền, đoàn thực liên quan thủy chất; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.

Trong vô kiến vô đối chiếu căn *(mūla)* nên sắp rộng 7 đề theo ý này.

2196.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do phi Cảnh duyên:

- Sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung.
- Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất. Sắc xứ liên quan xúc xứ và thủy chất; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất.

Nên sắp rộng hiệp trợ *(ghaṭanā)* 7 câu đề theo ý này.

2197.

* Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do phi Trưởng duyên: Cũng như Đồng sanh duyên *(Sahajātapaccayo)*.

* ... Do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên:
  - Sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu.
  - Nhãn xứ, vị xứ liên quan xúc xứ; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
  - Người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan đại sung.

  Nên phân rộng 21 câu đề theo ý này.

* ... Do phi Cận y duyên, do phi Tiền sanh duyên, do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên.

* ... Do phi Nghiệp duyên:
  Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương..., 2 đại sung liên quan 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu, 1 đại sung liên quan 2 đại sung; sắc y sinh vô kiến hữu đối chiếu liên quan sắc đại sung vô kiến hữu đối chiếu.
  Nên chia Nghiệp duyên 21 câu đề thành ra phi Nghiệp.

* ... Do phi Quả duyên:
  Dù tục sinh *(paṭisandhi)* hay sắc tục sinh *(katattārūpa)* chỉ không nên sắp trong Ngũ uẩn hữu (pañcavokārabhāva).

* ... Do phi Thực duyên:
  Sắc ngoại... sắc âm dương... người Vô tưởng... Phân rộng 21 câu đề theo ý này.

* ... Do phi Quyền duyên:
  Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương..., 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu... người Vô tưởng: Sắc mạng quyền liên quan đại sung,... tóm tắt...
  Tất cả câu đề nên phân rộng.

* ... Do phi Thiền duyên:
  Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: 1 đại sung,... tóm tắt... Phân rộng 7 câu đề.

2198.

Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do phi Thiền duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh ngũ thức *(viññāṇa)*,... 2 uẩn... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan thủy chất.

Nên sắp rộng 7 câu đề như thế.

2199.

* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu sanh ra do phi Thiền duyên:
  Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan đại sung vô kiến hữu đối chiếu và thủy chất.
  Nên phân rộng 7 câu đề như thế.
* ... Do phi Đạo duyên: Nên phân rộng đầy đủ như phi Nhân duyên, không có si.
* ... Do phi Tương ưng duyên, do phi Bất tương ưng duyên: Nên sắp đầy đủ.

* ... Do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

2200.

Phi Nhân 21, phi Cảnh 21, phi Trưởng 21,... tóm tắt... tất cả đều 21, phi Vô hữu 21, phi Ly 21; nên đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

2201.

Nhân duyên có phi Cảnh 21, phi Trưởng 21,... tóm tắt... phi Quả 21, phi Tương ưng 21, phi Bất tương ưng 21, phi Vô hữu 21, phi Ly 21; nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

2202.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, liên tiếp1, Đồng sanh 21,... tóm tắt... Thiền 21, Đạo 21, Tương ưng 1, Bất tương ưng 21, Hiện hữu 21, vô Hữ 1, Ly 1, Bất ly 21; nên đếm như thế.

Dứt cách nghịch, thuận
Hết phần liên quan (paṭiccavāra)

Phần đồng sanh *(sahajàta)*, phần ỷ trượng *(paccaya)*, phần y chỉ *(nissaya)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần hòa hợp *(saṅsaṭṭha)*, phần tương ưng *(sampayutta)* chỉ nên sắp trong Vô sắc.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

2203.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Nhân duyên:

- Nhân *(hetu)* vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân *(hetu)* vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu bằng Nhân duyên.

2204.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Nhân duyên:

- Nhân *(hetu)* vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh:... trong phần vô kiến vô đối chiếu sắp rộng 7 câu đề do ý này.

2205.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên:

- Quán ngộ sắc bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh, tà kiến phát; hoài nghi, phóng dật... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc; sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Cảnh duyên.
- Uẩn hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho thần thông, túc mạng thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2206.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên:

- Quán ngộ nhãn... thân, thinh, khí,... vị bằng lối vô thường,... ưu phát sanh.

- Thiên nhĩ nghe tiếng; thinh xứ làm duyên cho nhĩ thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức. uẩn vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho thần thông, túc mạng thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2207.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, rồi phản khán. Nhớ thiện đã từng làm chứa để.
- Thiền... chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả luôn khán môn bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, phản khán phiền não đã từng sanh.
- Vật,... nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, thủy chất, đoàn thực...
- Quán ngộ uẩn vô kiến vô đối chiếu bằng lối vô thường... ưu sanh.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm vô kiến vô đối chiếu. Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên; Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ; uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2208.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về sắc rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.

2209.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Trưởng duyên:

- Trưởng cảnh như: Nặng về nhãn... thân, thinh, khí... Nặng về xúc rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.

2210.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... Nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... Nặng về đó rồi phản khán.
- Xuất thiền... chư Thánh xuất đạo... xuất quả, nặng về quả rồi phản khán, nặng về Níp Bàn rồi phản khán.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả bằng Trưởng duyên.
- Nặng về vật,... nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, thủy chất, đoàn thực... Nặng về uẩn vô kiến vô đối chiếu rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu bằng Trưởng duyên.

2211.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Trưởng duyên:

- Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh vô kiến hữu đối chiếu bằng Trưởng duyên.
- Trưởng vô kiến vô đối chiếu căn nên sắp rộng 7 câu đề, Trưởng *(adhipati)* sắc yếu hiệp *(saṅhaga)* có 3 cách.

2212.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Vô gián duyên:

- Uẩn vô kiến vô đối chiếu sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô kiến vô đối chiếu sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, tâm thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*, chuyển tộc làm duyên cho đạo, dũ tịnh làm duyên cho đạo; đạo làm duyên cho Quả, quả làm duyên cho quả, thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền.
- Xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

2213.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Liên tiếp duyên: Như Vô gián duyên.

2214.

* Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên:
  Nên sắp rành như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.
* ... Bằng Hỗ tương duyên: Như Hỗ tương duyên về phần liên quan *(paṭiccavāra)*.
* ... Bằng Y chỉ duyên: Như phần liên quan.

2215.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Hy vọng tài sản nhan sắc có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới.
- Tài sản nhan sắc làm duyên cho đức tin, trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

2216.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Hy vọng tài sản nhãn... tài sản thân... tài sản thinh... hy vọng tài sản xúc có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới.
- Nương âm dương... chỗ ở mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền phát sanh, pháp quán phát sanh... đạo... thông... nhập thiền đến đổi sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Hy vọng tài sản nhãn... tài sản xúc, âm dương... chỗ ở làm duyên cho đức tin, trí, ái, vọng dục, thân lạc, thân khổ, đạo và quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

2217.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến hữu đối chiếu bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... Thiền phát sanh, nhập thiền phát sanh đặng... gầy ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương trì giới mạnh... trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ, nương thực phẩm mạnh có thể bố thí, phá hòa hợp Tăng.
- Nương uẩn vô kiến vô đối chiếu mạnh... đức tin, trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ,... thực phẩm làm duyên cho đức tin, trí... tóm tắt... Đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

2218.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên:

- Cảnh tiền sanh như: Thiên nhãn... sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Tiền sanh duyên.

2219.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... thân... Thinh... xúc... bằng vô thường... ưu phát sanh. Thiên nhĩ nghe tiếng, thinh xứ làm duyên cho nhĩ thức... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.

2220.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ vật... nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, thủy chất, đoàn thực... ưu phát sanh.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô kiến vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên.

2221.

Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

Sắc xứ và vật làm duyên cho uẩn vô kiến vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên.

2222.

Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

Nhãn xứ và vật... xúc xứ và vật làm duyên cho uẩn vô kiến vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên.

2223.

Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

Sắc xứ và nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Tiền sanh duyên.

2224.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho thân vô kiến vô đối chiếu ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

2225.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho thân hữu kiến hữu đối chiếu ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

Nên phân rộng sắc yếu hiệp thứ 3 trong 7 câu đề như thế.

2226.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Cố hưởng duyên:

- Uẩn vô kiến vô đối chiếu sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô kiến vô đối chiếu sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.
- Thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*, chuyển tộc làm duyên cho đạo, dũ tịnh làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

2227.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu bằng Nghiệp duyên.

2228.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Nghiệp duyên.

Nên phân rộng Đồng sanh *(Sahajāta)* Biệt thời *(Nānākhaṇika)* 7 câu đề, sắp yếu hiệp *(saṅgaha)* có 3 cách theo như ý này.

2229.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Quả duyên:

1 uẩn quả vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu bằng Quả duyên; 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu bằng Quả duyên, uẩn làm duyên cho vật bằng Quả duyên.

2230.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Quả duyên:

- Uẩn quả vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Quả duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Quả duyên.

Nên sắp rộng bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisadhi)* có 7 câu đề như thế.

2231.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Thực duyên:

- Thực *(āhāra)* vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu bằng Thực duyên.
- Sát-na tục sinh: Thực vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu bằng Thực duyên.
- Đoàn thực làm duyên cho thân vô kiến vô đối chiếu ấy bằng Thực duyên.

2232.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Thực duyên:

- Thực *(āhāra)* vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Thực duyên.
- Sát-na tục sinh: Thực vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Thực duyên.
- Đoàn thực làm duyên cho thân hữu kiến hữu đối chiếu ấy bằng Thực duyên.

Nên sắp rộng bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisadhi)* như thế; nên sắp đoàn thực *(kabaliṅkārahāra)* cả 7 câu.

2233.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Quyền duyên:

Nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức, thân quyền làm duyên cho thân thức bằng Quyền duyên.

2234.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Quyền duyên:

- Quyền *(indrīya)* vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu bằng Cận y duyên.
- Sát-na tục sinh: Quyền vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu bằng Quyền duyên.
- Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu bằng Quyền duyên.

2235.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Quyền duyên:

- Quyền vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Quyền duyên.
- Sát-na tục sinh: Quyền vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Quyền duyên.
- Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Quyền duyên.

Sắp rộng bình nhựt *(pavatti)* tục sinh *(patisadhi)* 7 câu đề như thế và sắc mạng quyền nơi câu chót hết.

2236.

Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Quyền duyên:

Nhãn quyền và nhãn thức làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Quyền duyên, tóm tắt... thân quyền và thân thức làm duyên cho uẩn đồng sanh thân thức bằng Quyền duyên.

2237.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Thiền duyên, Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên:

1 uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên, 2 uẩn... Sát-na tục sinh...

2238.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Bất tương ưng duyên.

2239.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên; uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô kiến vô đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho thân vô kiến vô đối chiếu ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

2240.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho sắc tục sinh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho thân hữu kiến hữu đối chiếu ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

Ngoài ra 5 câu đề, nên sắp rộng Đồng sanh *(Sahajāta)* và Biệt thời *(Nānākhaṇika)*.

2241.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Quán ngộ sắc vô thuờng... ưu sanh; thiên nhãn thấy sắc; sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Hiện hữu duyên.

2242.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên:

- 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho 2 đại sung bằng Hiện hữu duyên; 2 đại sung làm duyên cho 1 đại sung bằng Hiện hữu duyên; đại sung vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên; sắc xứ làm duyên cho nhãn xứ... vị xứ bằng Hiện hữu duyên;... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...; 1 đại sung làm duyên cho 2 đại sung bằng Hiện hữu duyên; 2 đại sung làm duyên cho 1 đại sung, đại sung thuộc âm

dương làm duyên cho sắc y sinh *(upāhārūpa)* vô kiến hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.

- Người Vô tưởng: 1 đại sung vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho 2 đại sung bằng Hiện hữu duyên; 2 đại sung...

2243.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên: Như Y chỉ duyên *(Nissayapaccayo)* phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

2244.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Đại sung vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.
- Nên sắp luôn đến người Vô tưởng.
- Tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... thân... Thinh, xúc... bằng lối vô thường... ưu phát sanh. nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.

Ngoài ra 4 câu đề nên sắp rộng như Đồng sanh duyên *(Sahajātapaccayo)* trong phần liên quan không chi khác.

2245.

Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

+ Đồng sanh như: 1 uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho 3 uẩn và sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...
  - Sát-na tục sinh: Thủy chất làm duyên cho sắc nương tâm sanh, sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến vô đối chiếu, thủy chất làm duyên cho Quyền và đoàn thực bằng Hiện hữu duyên. Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
  - Người Vô tưởng: Thủy chất làm duyên cho sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu.

+ Tiền sanh như: Quán ngộ vật... nam quyền, nữ quyền, mạng quyền, thủy chất,... Đoàn thực bằng lối vô thường... ưu phát sanh. Vật làm duyên cho uẩn vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.

+ Hậu sanh như: Uẩn vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho thân vô kiến vô đối chiếu sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

  Đoàn thực làm duyên cho thân vô kiến vô đối chiếu ấy bằng Hiện hữu duyên. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.

6 câu ngoài ra như thế nên sắp rộng Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

2246.

Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Sắc xứ và vật làm duyên cho uẩn vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.

2247.

Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên:

- Uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh hữu kiến hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.
- Sát-na tục sinh:... tóm tắt... nên sắp người Vô tưởng.

2248.

Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến hữu đối chiếu... tóm tắt...

2249.

Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn vô kiến vô đối chiếu và đại sung làm duyên cho sắc nương tâm sanh vô kiến vô đối chiếu.
- Sắp luôn người Vô tưởng.
- Tiền sanh như: nhãn xứ và vật... xúc xứ và vật làm duyên cho uẩn vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.

  Những câu đề ngoài ra nên sắp rộng.

2250.

Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Sắc xứ và nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Hiện hữu duyên.

2251.

∗ Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Sắc xứ, nhãn xứ và nhãn thức làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Hiện hữu duyên.

∗ ... Do Vô hữu duyên và Ly duyên như Vô gián duyên. Bất ly duyên như Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)*.

2252.

Nhân 7, Cảnh 3, Trưởng 9, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 21, Hỗ tương 6, Y chỉ 21, Cận y 3, Tiền sanh 6, Hậu sanh 7, Cố hưởng 1, Nghiệp 7, Quả 7, Thực 7, Quyền 9, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 1, Bất tương ưng 8, Hiện hữu 25, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 25.

2253.

Nhân duyên có Trưởng 7,... đồng sanh 7, Hỗ tương 1, Y chỉ 7, Quả 7, Quyền 7, Đạo 7, Tương ưng 1, Bất tương ưng 7, Hiện hữu 7, Bất ly 7.

2254.

∗ Nhân, Đồng sanh Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly 7.
∗ Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương,Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly 1.
∗ Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly đều 1.
∗ Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly đều 7.
∗ Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly đều 7.
∗ Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương,Y chỉ, Quả, Hiện hữu, Bất ly đều 1.
∗ Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Tương ưng, Hiện hữu, Bất ly đều 1.
∗ Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly đều 7.
∗ Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Quả, Bất tương ưng, Hiện hữu, Bất ly đều 1.

Nên tính đếm tất cả như thế.

Dứt cách thuận (anuloma)

2255.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên: bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

2256.

* Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.
* Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.
* Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.
* Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.
* Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.
* Pháp vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.

2257.

* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

2258.

Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu...

Tiền sanh *(Purejāta)*...

2259.

∗ Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.

∗ Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.

∗ Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu... có Đồng sanh và Tiền sanh.

∗ Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.

∗ Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.

∗ Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.

∗ Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.

2260.

Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu...

Tiền sanh *(Purejāta)*...

2261.

Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên.

2262.

Phi Nhân 25, phi Cảnh 22, phi Trưởng 25, phi Vô gián 25, phi Liên tiếp 25, phi Đồng sanh 12, phi Hỗ tương 24, phi Y chỉ 9, phi Cận y 25, phi Tiền sanh 22, phi Hậu sanh 25, phi Cố hưởng 25, phi Nghiệp 25, phi Quả 24, phi Thực 25, phi Quyền 23, phi Thiền 25, phi Đạo 25, phi Tương ưng 24, phi Bất tương ưng 22, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 25, phi Ly 25, phi Bất ly 9.

2263.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh 22,... cố giải như chánh văn Pālī ban đầu,... phi Bất ly 9.

2264.

Phi Nhân duyên, phi Cảnh duyên có phi Trưởng 22,... phi Vô gián 22, phi Liên tiếp 22, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 22, phi Y chỉ 9, phi Cận y 21, phi Tiền sanh 22, phi Hậu sanh 22,... tóm tắt... phi Tương ưng 22, phi Bất tương ưng 22, phi Hiện hữu 9, phi Vô hữu 22, phi Ly 22, phi Bất ly 9. Nên sắp như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

2265.

Nhân duyên có phi Cảnh 7,... phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 7, phi Cận y 7, phi Hậu sanh 7,... tóm tắt... tất cả đều 7, phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

2266.

Nhân, Đồng sanh, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 7,... phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 7, dù đây cũng tóm tắt; phi Tương ưng 7, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 7, phi Ly 7.

2267.

Nhân, Đồng sanh, Hỗ tương, Y chỉ, Hiện hữu, Bất ly có phi Cảnh 1, tất cả đều 1,... phi Ly 1. Nên đếm như thế.

Dứt cách thuận, nghịch

2268.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Trưởng 9, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 21, Hỗ tương 6, Y chỉ 21, Cận y 3, Tiền sanh 6, Hậu sanh 7, Cố hưởng 1, Nghiệp 7, Quả 7, Thực 7, Quyền 9, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 1, Bất tương ưng 8, Hiện hữu 25, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 25; nên sắp như thế.

Dứt cách thuận, nghịch
Hết phần vấn đề (pañhāvāra)

Tam đề hữu kiến hữu đối chiếu thứ 22 chỉ có bấy nhiêu.

Tam tịch điều thuận thứ *(anulomatikapaṭṭhāna)* chót hết chỉ có bấy nhiêu.

Hết bộ Vị Trí - quyển 2

Hồi hướng và chia phước đến Tứ Đại Thiên Vương và tất cả chúng sanh, nhất là các vị Chư thiên có oai lực hộ trì Tạng Diệu Pháp đặng thạnh hành.

Quyển Vị Trí *(Paṭṭhāna)* thứ hai, khởi dịch tại chùa siêu Lý Sài Gòn ở số 241-B/44/37 Triệu Thị, Quận 6.

- Kể từ ngày 01-06-1976 nhằm ngày 04-05-2520 lúc 8g00. Hoàn mãn ngày 02-07-1976 nhằm 06-06-2520 lúc 05g00.
- Kiếp lại và đánh máy kể từ ngày 19-06-1976 nhằm ngày 22-05-2520. Hoàn tất kể từ ngày 16-08-1976 nhằm ngày 21-07-2520 lúc17g30.

Sài Gòn-Việt Nam

BỘ VỊ TRÍ
(PAṬṬHĀNA)

QUYỂN THỨ NHẤT VÀ HAI

Việt dịch: Sư cả Tịnh Sự

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội
ĐT: 04-37822845 – Fax (04).37822841

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Nguyễn Công Oánh

Biên Tập:

Sửa bản in:
Mỹ Hà

Trình bày:
Tỳ Khưu Siêu Thiện

---~~~~~~

Đối tác liên kết:
Thư viện Phật Giáo Nguyên Thuỷ
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, Tp HCM

In lần thứ I số lượng 500 cuốn
Tại xí nghiệp in FAHASA
Địa chỉ:
GPXB số:
In xong và nộp lưu chiểu quý ... năm 2012 GPXB số:
In xong và nộp lưu chiểu tháng …

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA
--o-O-o--

TẠNG VÔ TỶ PHÁP
(ABHIDHAMMAPIṬAKA)

BỘ THỨ BẢY

BỘ VỊ TRÍ
(PAṬṬHĀNA)

QUYỂN THỨ BA VÀ QUYỂN THỨ TƯ

CẢO BẢN

Sư cả Tịnh Sự - Mahāthero Santakicco
Chuyển ngữ từ bản tiếng Pāli-Thái Lan sang tiếng Việt
Phật lịch 2519- Dương lịch 1976

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
2012

Bộ thứ bảy thuộc Tạng Vô Tỷ Pháp *(Abhidhammapiṭaka)*

Dịch giả:
Đại Trưởng lão Hòa thượng Tịnh Sự
Nguyên Cố vấn I, kiêm Trưởng Ban Phiên dịch
Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy *(Theravāda)* - Việt Nam

MỤC LỤC

QUYỂN THỨ BA

NHỊ ĐỀ NHÂN *(HETUDUKAṂ)* **9**
Phần Liên Quan *(Paticcavāro)* 9
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 12
NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN *(SAHETUKADUKA)* **21**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 21
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 26
Phần Hòa Hợp *(Saṅsatthavāra)* 28
NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN *(HETU SAMPAYUTTADUKA)* **40**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 40
NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN *(HETUSAHETUKADUKA)* **40**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 40
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 41
NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN *(HETU HETU SAMPAYUTTADUKAṂ)* **47**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 47
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN *(NA HETUSAHETUKADUKA)* **47**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 47
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 49
Phần Hòa Hợp *(Saṃsaṭṭhavāra)* 50
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 50
NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN *(SAPPACCAYADUKA)* **57**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 57
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 57
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāro)* 57
NHỊ ĐỀ HỮU VI *(SAṄKHATADUKAṂ)* **59**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 59
NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN *(SANIDASSANADUKAṂ)* **59**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāro)* 59
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 60
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 61
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 61
NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU *(SAPPAṬIGHADUKA)* **66**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 66
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 69
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 69
NHỊ ĐỀ SẮC *(RUPIDUKA)* **76**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 76
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 77
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 78
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 78
NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ *(Lokiyaduka)* **83**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 83
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 84
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 85
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 85
NHỊ ĐỀ CŨNG CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG *(KENĀCINAVIÑÑEYYADUKA)* **91**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 91
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 92
NHỊ ĐỀ LẬU (TRẦM) *(ĀSAVADUKA)* **93**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 93
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 94

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 95
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 95
NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU *(SASAVADUKA)* 102
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 102
NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU *(ĀSAVA SAMPAYUTTADUKA)* 103
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 103
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 106
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 108
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 109
NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU *(ĀSAVA SASAVADUKA)* 118
Phần Liên Quan 118
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 118
NHỊ ĐỀ LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU *(ĀSAVA ASAVASAMPAYUTTADUKA)* 120
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 120
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 121
NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU 122
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 122
NHỊ ĐỀ TRIỀN *(SAṂYOJANNADUKA)* 123
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 123
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 124
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 125
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 125
NHỊ ĐỀ CẢNH TRIỀN *(SAṂYOJANĪTĀDUKA)* 129
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 129
NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TRIỀN *(SAṂYONASAMPAYUTTADUKA)* 130
Phần Liên Quan *(Paticcavāra)* 130
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 131
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 133
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 134
NHỊ ĐỀ TRIỀN CẢNH TRIỀN *(SAṂYOJANA SAṂYOJANIYADUKA)* 142
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 142
NHỊ ĐỀ TRIỀN TƯƠNG ƯNG TRIỀN 143
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 143
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 144
NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG TRIỀN CẢNH TRIỀN 146
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 146
NHỊ ĐỀ PHƯỢC *(GANTHADUKA)* 146
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 146
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 148
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 149
NHỊ ĐỀ CẢNH PHƯỢC *(GANTHANIYADUKA)* 155
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 155
NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG PHƯỢC *(GANTHASAMPAYUTTADUKA)* 155
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 155
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 157
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 158
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 159
NHỊ ĐỀ PHƯỢC CẢNH PHƯỢC *(GANTHAGANTHANIYADUKA)* 169
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 169
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 169
NHỊ ĐỀ PHƯỢC TƯƠNG ƯNG PHƯỢC *(GANTHAGANTHASAṂPAYUTTADUKA)* 170
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 170
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 171

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG PHƯỢC CẢNH PHƯỢC **172**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 172
NHỊ ĐỀ CHÙM BỘC, PHỐI *(OGHA YOGAGOCCHAKADUKA)* **173**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 173
NHỊ ĐỀ CÁI *(NIVARANADUKA)* **173**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 173
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 175
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 176
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāro)* 176
NHỊ ĐỀ CẢNH CÁI *(NĪVARANIYADUKA)* **181**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 181
NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG CÁI *(NIVARANIYADUKA)* **181**
Phần Liên Quan 181
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 182
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 183
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 184
NHỊ ĐỀ CÁI CẢNH CÁI *(NIVARAṆA NIVARAṆIYADUKA)* **188**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 188
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 188
NHỊ ĐỀ CÁI TƯƠNG ƯNG CÁI *(NIVARANA NIVARANA SAMPAYUTTADUKA)* **189**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 189
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 191
NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG CÁI CẢNH CÁI **193**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 193
NHỊ ĐỀ KHINH THỊ *(PARAMASADUKA)* **193**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 193
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 194
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 195
Phần Vấn Đề *(Pañhavārā)* 195
NHỊ ĐỀ CẢNH KHINH THỊ *(PARAMAṬṬHADUKA)* **201**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 201
NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG KHINH THỊ *(PARAMASASAMPAYUTTADUKA)* **201**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 201
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 202
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 203
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 203
NHỊ ĐỀ KHINH THỊ CẢNH KHINH THỊ *(PARAMASA PARAMAṬṬHADUKA)* **209**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 209
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 210
NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG KHINH THỊ CẢNH KHINH THỊ **211**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 211

QUYỂN THỨ TƯ

NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH *(SARAMMAṆADUKA)* **213**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavara)* 213
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 215
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 216
NHỊ ĐỀ TÂM *(CITTADUKA)* **221**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 221
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 223
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 225
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 225
NHỊ ĐỀ SỞ HỮU TÂM **232**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 232

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*.....234
Phần Hòa Hợp *(Sansaṭṭha)*.....236
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....237
NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM.....**244**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....244
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*.....245
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*.....247
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....247
NHỊ ĐỀ HOÀ HỢP TÂM *(CITTASAṄSATTHADUKA)*.....**252**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....252
NHỊ ĐỀ CÓ TÂM LÀM SỞ SANH *(CITTA SAMUTTHANA DUKA)*.....**252**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavara)*.....252
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*.....255
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*.....257
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....257
NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM *(CITTASAHABHUDUKA)*.....**266**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....266
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*.....268
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*.....270
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....270
NHỊ ĐỀ TÙNG TÂM THÔNG LƯU *(CITTANUPARIVATTIDUKA)*.....**276**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....276
NHỊ ĐỀ HÒA HỢP VỚI TÂM VÀ CÓ TÂM LÀM SỞ SANH.....**276**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....276
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*.....279
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*.....281
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....281
NHỊ ĐỀ Y TÂM HÒA SANH TỒN.....**286**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....286
NHỊ ĐỀ SỞ Y TÂM HÒA TÙNG HÀNH.....**286**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....286
NHỊ ĐỀ NỘI BỘ *(AJJHATTIKADUKA)*.....**287**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....287
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*.....290
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*.....292
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....292
NHỊ ĐỀ Y SINH *(UPADADUKA)*.....**302**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....302
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*.....305
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*.....307
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....307
NHỊ ĐỀ DO THỦ *(UPADINNADUKA)*.....**314**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....314
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*.....318
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*.....319
NHỊ ĐỀ THỦ *(UPADANADUKA)*.....**326**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....326
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*.....328
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*.....329
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....329
NHỊ ĐỀ CẢNH THỦ *(UPADANIYADUKA)*.....**336**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.....336
NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG THỦ *(UPADANASAMPAYUTTADUKA)*.....**336**

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 336
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 339
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 340
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 340
NHỊ ĐỀ THỦ CẢNH THỦ *(Upādāna upādāniyaduka)* **348**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 348
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 349
NHỊ ĐỀ THỦ TƯƠNG ƯNG THỦ *(UPĀDĀNA UPĀDĀNASAMPAYUTTADUKA)* **350**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāro)* 350
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāro)* 350
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 353
NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO *(KILESADUKAṂ)* **353**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 353
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 355
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 356
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 357
NHỊ ĐỀ CẢNH PHIỀN NÃO *(SAṄKILESSIKADUKA)* **363**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 363
NHỊ ĐỀ PHIỀN TOÁI *(SAṄKILIṬṬHADUKA)* **363**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 363
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 364
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 365
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 365
NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO *(KILESASAMPAYUTTADUKA)* **370**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 370
NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO CẢNH PHIỀN NÃO *(KILESASAṄKILASIKADUKA)* **370**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 370
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 370
NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO PHIỀN TOÁI *(KILESASAṄKILIṬṬHADUKA)* **372**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 372
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 373
NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO **375**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 375
NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO CẢNH PHIỀN NÃO **375**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 375
NHỊ ĐỀ SƠ ĐẠO KIẾN *(DASSANADUKA)* **375**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 375
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 376
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 377
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 377
NHỊ ĐỀ BA ĐẠO CAO (TU KIẾN) *(BHĀVANĀDUKA)* **383**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 383
Phần Vấn Đề *(Pañhavāra)* 383
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 386
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 388
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 390
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 391
NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ **397**
NHỊ ĐỀ HỮU TẦM *(SAVITAKKADUKA)* **400**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 400
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 402
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 403
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 404
NHỊ ĐỀ HỮU TỨ *(SAVICARADUKA)* **411**

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 411
NHỊ ĐỀ HỮU HỶ *(SAPPITIKADUKA)* **411**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 411
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 413
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 413
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 413
NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH HỶ *(PĪTISAHAGATADUKA)* **420**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 420
NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH LẠC *(SUKHASAHAGATADUKA)* **420**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 420
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 421
NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH XẢ *(UPEKKHASAHAGATADUKA)* **424**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 424
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 426
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 426
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 426
NHỊ ĐỀ DỤC GIỚI *(KAMAVACARADUKA)* **429**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 429
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 431
Phần Hòa Hợp *(Saṃsaṭṭhavāro)* 432
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāro)* 433
NHỊ ĐỀ SẮC GIỚI *(RUPAVACARADUKA)* **439**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 439
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 441
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 442
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 443
NHỊ ĐỀ VÔ SẮC GIỚI *(ARUPAVACARADUKA)* **448**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 448
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 450
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 451
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 451
NHỊ ĐỀ LIÊN QUAN LUÂN HỒI *(PARIYAPANNADUKA)* **456**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 456
NHỊ ĐỀ NHÂN XUẤT LUÂN HỒI *(NIYYANIKADUKA)* **456**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 456
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 457
Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)* 459
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 459
NHỊ ĐỀ NHỨT ĐỊNH *(NIYATADUKA)* **463**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 463
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 463
NHỊ ĐỀ HỮU THƯỢNG *(SA UTTARADUKA)* **467**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 467
NHỊ ĐỀ HỮU Y *(SARAṆADUKA)* **467**
Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)* 467
Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)* 468
Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)* 468

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA
CUNG KỈNH ĐẾN ĐỨC THẾ TÔN, ỨNG CÚNG, CHÁNH BIẾN TRI

VỊ TRÍ – NHỊ ĐỀ

QUYỂN THỨ BA

--

NHỊ ĐỀ NHÂN *(HETUDUKAṂ)*

Phần Liên Quan ***(Paticcavāro)***

1.

∗ Pháp nhân liên quan pháp nhân sanh ra do Nhân duyên:
Vô sân, vô si liên quan vô tham; vô tham, vô si liên quan vô sân; vô tham, vô sân liên quan vô si; si liên quan tham, tham liên quan si, si liên quan sân, sân liên quan si; sát-na tục sinh…

∗ Pháp phi nhân liên quan pháp nhân sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan (pháp) nhân; sát-na tục sinh…

∗ Chư pháp nhân và phi nhân liên quan pháp nhân sanh ra do Nhân duyên:
Vô sân, vô si với uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan vô tham. Nên sắp cách luân *(cakkaṃ bandhitabbaṃ);* si với uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan tham... sát-na tục sinh…

∗ Pháp phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh ra do nhân Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi nhân... 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn; sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 1 sắc đại sung…

∗ Pháp nhân liên quan pháp phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
Nhân liên quan uẩn phi nhân, sát-na tục sinh: Nhân liên quan vật.

∗ Pháp nhân và pháp phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và nhân với sắc tâm liên quan 1 uẩn phi nhân... 2 uẩn với nhân và sắc tâm liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Nhân và uẩn tương ưng liên quan vật.

∗ Pháp nhân liên quan chư pháp nhân và phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
Vô sân và vô si liên quan vô tham và uẩn tương ưng; nên sắp cách luân. Si liên quan tham và uẩn tương ưng, si liên quan sân và uẩn tương ưng. Sát-na tục sinh: Vô sân và vô si liên quan vô tham và vật…

∗ Pháp phi nhân liên quan chư pháp nhân và phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi nhân và nhân... 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn và nhân. Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng liên quan vật và nhân.

∗ Chư pháp nhân và phi nhân liên quan những pháp nhân và phi nhân sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn, vô sân, vô si và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi nhân và vô tham,... 2 uẩn với vô sân, vô si và sắc tâm liên quan 2 uẩn và vô tham. Nên sắp cách luân.
- 3 uẩn với si và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi nhân và tham... 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vô sân, vô si và uẩn tương ưng liên quan vật và vô tham.

2.

Pháp nhân liên quan pháp nhân sanh ra do Cảnh duyên:

- Bỏ qua cõi Sắc giới, còn cõi Vô sắc có 9 câu đề. Trưởng duyên: tục sinh hòan toàn không có; nên sắp đầy đủ;... liên quan 1 sắc đại sung, đây chỉ khác sắc tâm sắc y sinh liên quan đại sung.
- Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên đều có đại sung, luôn cả người Vô tưởng…
- Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên, Tiền sanh duyên, Cố hưởng duyên cả 2 cõi: tục sinh không có.

Dị thời nghiệp duyên, quả duyên, ... tóm tắt.. Bất ly duyên.

3.

Nhân 9, Cảnh 9, tất cả đều 9, Bất ly 9; đều đếm như thế.

Dứt thuận thứ (anuloma)

4.

∗ Pháp phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi nhân vô nhân,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan uẩn; uẩn liên quan vật;... 1 đại sung thuộc sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng…

∗ Pháp nhân liên quan pháp phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

5.

∗ Pháp phi nhân liên quan pháp nhân sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan nhân, sát-na tục sinh…

∗ Pháp phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn phi nhân; sát-na tục sinh: Chư đại sung…

∗ Pháp phi nhân liên quan những pháp nhân và phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên:
- Sắc tâm liên quan uẩn nhân và phi nhân; sát-na tục sinh…
- Phi Trưởng duyên; sắp đầy đủ, phi Vô gián duyên, phi Liên tiếp duyên, phi Hỗ tương duyên, phi Cận y duyên.

6.

∗ Pháp nhân liên quan pháp nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: Vô sân, vô si liên quan vô tham. Nên sắp cách luân. Si liên quan tham, tham liên quan si... sát-na tục sinh…

∗ Pháp phi nhân liên quan pháp nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: Chư uẩn tương ưng liên quan nhân, sắc tâm liên quan nhân, sát-na tục sinh…

∗ Chư pháp nhân và phi nhân liên quan pháp nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: Vô sân, vô si và uẩn tương ưng liên quan vô tham. Nên sắp cách luân. Si và uẩn tương ưng liên quan tham. Nên sắp cách luân. Sát-na tục sinh…

∗ Pháp phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi nhân,... 2 uẩn liên quan 2 uẩn, sắc tâm liên quan uẩn phi nhân. Sát-na tục sinh…

∗ Pháp nhân liên quan pháp phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: Nhân liên quan uẩn phi nhân. Sát-na tục sinh…

∗ Chư pháp nhân và phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
3 uẩn và nhân liên quan 1 uẩn phi nhân (cõi) Vô sắc,... 2 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ Pháp nhân liên quan pháp nhân và phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
- Vô sân, vô si liên quan vô tham và uẩn tương ưng Vô sắc (giới). Nên sắp cách luân *(cakka)*.
- Cõi Vô sắc: Si liên quan tham và uẩn tương ưng; nên sắp cách luân. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp phi nhân liên quan những pháp nhân và phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn nhân và phi nhân Vô sắc (giới),... 2 uẩn, sắc tâm liên quan uẩn phi nhân và nhân. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp nhân và phi nhân liên quan những pháp nhân và phi nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 3 uẩn với vô sân và vô si liên quan 1 uẩn phi nhân và vô tham,... 2 uẩn. Nên sắp cách luân. 3 uẩn và si liên quan 1 uẩn phi nhân và tham; nên sắp cách luân. Sát-na tục sinh...

7.

Pháp nhân liên quan pháp nhân sanh ra do phi Hậu sanh duyên,... do phi Cố hưởng duyên

8.

∗ Pháp phi nhân liên quan pháp nhân sanh ra do phi Dị thời nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* tương ưng liên quan nhân.

∗ Pháp phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh ra do phi Dị thời nghiệp duyên:
Tư tương ưng liên quan uẩn phi nhân, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương…

∗ Pháp phi nhân liên quan những pháp nhân và phi nhân sanh ra do phi Dị thời nghiệp duyên:
Tư tương ưng liên quan nhân và uẩn tương ưng.

9.

Pháp nhân liên quan pháp nhân sanh ra do phi Quả duyên có 9 câu.

10.

Pháp phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh ra do phi Thực duyên:
Sắc ngoại... sắc âm dương... người Vô tưởng: 3 đại sung liên quan 1 đại sung…, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

11.

... Phi Quyền duyên:
1 đại sung thuộc sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương …; sắc y sinh liên quan đại sung. Người Vô tưởng: Sắc mạng quyền liên quan đại sung.

12.

... Phi Thiền duyên:

... 1 uẩn đồng sanh ngủ thức, ... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng …

13.

∗ ... Phi Đạo duyên:
- ... liên quan 1 uẩn phi nhân vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân:... sắc ngoại, sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng…

∗ Phi Tương ưng duyên, phi Bất tương ưng duyên, phi Tiền sanh duyên chỉ có trong câu đề Vô sắc giới.

∗ Phi Vô hữu duyên, phi Ly duyên.

14.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3, nên phân đếm như thế.

Dứt cách ngược (paccanīya)

15.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, ..tóm tắt.., phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt cách thuận nghịch.

6.

Nhân duyên có Cảnh 2, Vô gián 2, Nghiệp 2, Quả 1, Vật thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đồ đạo 1, Tương ưng 2, Bất ly 2.

Dứt cách nghịch thuận.

Phần đồng sanh như phần liên quan. Phần ỷ trượng, phần y chỉ, trùng như phần liên quan. Sau khi câu chư đại sung, nên phần ỷ trượng *(paccaya)* vật, ngũ xứ, dù thuận nghịch đều nên sắp như thế.

Phần hòa hợp, phần tương ưng nên sắp đầy đủ chỉ có trong cõi Vô sắc; còn cõi Sắc giới đều không có.

Phần Vấn Đề ***(Pañhāvāra)***

17.

∗ Pháp nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Nhân duyên:

Vô tham làm duyên cho vô sân và vô si bằng Nhân duyên; nên sắp cách luân *(cakkaṃ bandhitabbaṃ)*; tham làm duyên cho si bằng Nhân duyên; sân làm duyên cho si bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp nhân làm duyên chư pháp phi nhân bằng Nhân duyên:

Nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên, sát-na tục sinh...

∗ Pháp nhân làm duyên cho những pháp nhân và phi nhân bằng Nhân duyên:

Vô tham làm duyên cho vô sân, vô si với uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Nên sắp cách luân. Tham làm duyên cho si... sát-na tục sinh...

18.

∗ Pháp nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Cảnh duyên: Nhân mở mối cho nhân sanh ra.

∗ Pháp nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Cảnh duyên: Nhân mở mối cho uẩn phi nhân sanh ra.

∗ Pháp nhân làm duyên cho những pháp nhân và phi nhân bằng Cảnh duyên: Nhân mở mối cho nhân và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Pháp phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán nhớ lại phước thiện chất chứa trước kia. Sau khi xuất thiền phản khán thiền, chư Thánh xuất đạo rồi phản khán đạo, quả... Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vedāna)*, đạo, quả và khán chiếu *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não phi nhân đã trừ, phiền não bị hạn chế... rõ thấu phiền não đã từng sanh trước kia... quán ngộ nhãn... vật... và uẩn phi nhân bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã... làm duyên cho ưu sanh ra
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng, tha tâm thông rõ biết tâm người tề toàn tâm phi nhân. Không vô biên xứ tố làm duyên cho Thức vô biên xứ tố. Vô sở hữu xứ tố làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ tố. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.
- Chư uẩn phi nhân làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, khán chiếu *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Cảnh duyên:
Sau khi bố thí... lấy câu đầu không có khán chiếu *(āvajjana)*. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức... xúc xứ làm duyên thân thức... đây cũng bớt ra.

∗ Pháp phi nhân làm duyên cho pháp nhân và phi nhân bằng Cảnh duyên:
Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, trì thanh tịnh giới rồi phản đó làm khai đoan cho nhân và uẩn tương ưng sanh ra. Nên dùng để Pālī đây làm cho giống với câu thứ 2.

∗ Chư pháp nhân và phi nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Cảnh duyên:
Nhân và uẩn tương ưng khai đoan nhân sanh ra

∗ Chư pháp nhân và phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Cảnh duyên:
Nhân và uẩn tương ưng khai đoan cho uẩn phi nhân sanh ra

∗ Chư pháp nhân và phi nhân làm duyên cho những pháp nhân và phi nhân bằng Cảnh duyên:
Nhân và uẩn tương ưng khai đoan cho nhân và uẩn tương ưng sanh ra.

19.

∗ Pháp nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Trưởng duyên: Có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh.
- Trưởng cảnh như: Nặng chấp về nhân làm cho nhân sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như nhân Trưởng làm duyên cho nhân tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp nhân làm duyên pháp phi nhân bằng Trưởng duyên: Có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh.
- Trưởng cảnh như nặng chấp về nhân làm cho uẩn phi nhân sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

* Pháp nhân làm duyên cho những pháp nhân và phi nhân bằng Trưởng duyên: Có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh.
  - Trưởng cảnh như: Nặng về nhân rồi làm cho nhân và uẩn tương ưng sanh ra.
  - Trưởng đồng sanh như: Nhân Trưởng làm duyên cho uẩn tương ưng với nhân và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

* Pháp phi nhân làm duyên pháp phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
  - Sau khi bố thí... tóm tắt... xin sắp luôn đến uẩn phi nhân.
  - Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

* Pháp phi nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Trưởng duyên: Có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh.
  - Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... tóm tắt... xin sắp luôn cho đến vật và uẩn phi nhân.
  - Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi nhân làm duyên cho nhân tương ưng bằng Trưởng duyên.

* Pháp phi nhân làm duyên cho pháp nhân và phi nhân bằng Trưởng duyên: Có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh.
  - Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... sau khi phản khán do chấp trước nặng đó làm duyên cho uẩn phi nhân và nhân sanh ra;... chất chứa phước thiện trước thế nào thì vật *(vatthu)* và uẩn phi nhân nên sắp thế ấy.
  - Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng với nhân và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

* Chư pháp nhân và phi nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Trưởng duyên:
  Trưởng cảnh như: Chấp trước nhân và uẩn tương ưng nặng rồi làm cho nhân sanh ra.

* Chư pháp nhân và phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Trưởng duyên:
  Trưởng cảnh như: Chấp trước nhân và uẩn tương ưng nặng rồi làm cho uẩn phi nhân sanh ra.

* Chư pháp nhân và phi nhân làm duyên cho pháp nhân và phi nhân bằng Trưởng duyên:
  Trưởng cảnh như: Chấp trước nhân và uẩn tương ưng rồi do nặng chấp đó làm cho nhân và uẩn tương ưng sanh ra.

20.

* Pháp nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Vô gián duyên:
  Nhân sanh trước trước làm duyên cho nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

* Pháp nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Vô gián duyên:
  Nhân sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

* Pháp nhân làm duyên cho pháp nhân và pháp phi nhân bằng Vô gián duyên:
  Nhân sanh trước trước làm duyên cho nhân và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

* Pháp phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Vô gián duyên:

Uẩn phi nhân sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Thuận thứ *(anuloma)* chuyển tộc *(gotrabhū)*... tóm tắt... Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

* Pháp phi nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Vô gián duyên.

* Pháp phi nhân làm duyên cho những pháp nhân và phi nhân bằng Vô gián duyên:
Phi nhân căn đồng nhau cả 3.

* Chư pháp nhân và phi nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Vô gián duyên:
Nhân và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

* Chư pháp nhân và phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Vô gián duyên:
Nhân và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

* Pháp nhân và phi nhân làm duyên cho những pháp nhân và phi nhân bằng Vô gián duyên:
Nhân và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho nhân và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

21.

* Pháp nhân làm duyên pháp nhân bằng Liên tiếp duyên: Như Vô gián duyên;... bằng Đồng sanh duyên, bằng Hỗ tương duyên: 2 câu này như phần liên quan;

* ... bằng Y chỉ duyên; như Y chỉ duyên trong phần ỷ trượng *(paccayavāra)*.

22.

* Pháp nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y…
Thuần cận y như: Nhân làm duyên cho nhân bằng Cận y duyên.

* Pháp nhân làm duyên pháp phi nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Nhân làm duyên cho uẩn phi nhân bằng Cận y duyên.

* Pháp nhân làm duyên cho những pháp nhân và phi nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Nhân làm duyên cho nhân và uẩn tương ưng bằng Cận y duyên.

* Pháp phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... còn làm cho nhập thiền sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
  - Nương giới... chỗ ở mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng. Nương đức tin... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin... hy vọng *(patthāna)* đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

* Pháp phi nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y;
Thuần cận y như: Nương đức tin... chỗ ở mạnh có thể bố thí... cho đến phá hòa hợp Tăng. nương đức tin... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin... mong mỏi *(patthāna)* đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

* Pháp phi nhân làm duyên pháp nhân và phi nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  Thuần cận y như: Cận y duyên đoạn thứ 2

* Pháp nhân và phi nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  Thuần cận y như: Nhân và uẩn tương ưng làm duyên cho nhân bằng Cận y duyên.

* Pháp nhân và phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  Thuần cận y như: Nhân và uẩn tương ưng làm duyên cho uẩn phi nhân bằng Cận y duyên.

* Pháp nhân và phi nhân làm duyên cho những pháp nhân và phi nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  Thuần cận y như: Nhân và uẩn tương ưng làm duyên cho nhân và uẩn tương ưng bằng Cận y duyên.

23.

* Pháp phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Tiền sanh duyên: Có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Quán tỏ ngộ nhãn... vật bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã... ưu phát sanh. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng, sắc xứ làm duyên cho nhãn thức... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
  - Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Tiền sanh duyên; ... thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên; vật làm duyên cho uẩn phi nhân bằng Tiền sanh duyên.

* Pháp phi nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... ưu phát sanh. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
  - Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho nhân bằng Tiền sanh duyên.

* Pháp phi nhân làm duyên cho những pháp nhân và phi nhân bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... ưu... thiên nhãn…
  - Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho nhân và uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên.

24.

* Pháp nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Hậu sanh duyên:
  Nhân sanh trước làm duyên cho thân ấy sanh sau bằng Hậu sanh duyên.

* Pháp phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Hậu sanh duyên:
  Uẩn phi nhân sanh sau sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

* Pháp nhân và phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Hậu sanh duyên:
  Nhân và uẩn tương ưng sanh sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

25.

Pháp nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Cố hưởng duyên: Trùng như Vô gián.

26.

∗ Pháp phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Dị thời nghiệp duyên: Có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi nhân làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp phi nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư phi nhân làm duyên cho nhân tương ưng bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi nhân làm duyên cho nhân Dị thục quả bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp phi nhân làm duyên cho những pháp nhân và phi nhân bằng Dị thời nghiệp duyên: Có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng với nhân và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi nhân làm duyên cho uẩn quả với nhân và sắc tục sinh *(kaṭattā)* bằng Dị thời nghiệp duyên.

27.

Pháp nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Quả duyên.

Vô tham thuộc Dị thục quả làm duyên cho vô sân và vô si bằng Quả duyên.

Nên sắp 9 câu đề trong phần quả phân tích *(vipāka vibhaṅge)* như phần liên quan

28.

∗ Pháp phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Thực duyên:

Thực phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh: Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Thực duyên.

∗ Pháp phi nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Thực duyên:

Thực phi nhân làm duyên cho nhân tương ưng bằng Thực duyên, sát-na tục sinh...

∗ Pháp phi nhân làm duyên cho những pháp nhân và phi nhân bằng Thực duyên:

Thực phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng với nhân và sắc tâm bằng Thực duyên, sát-na tục sinh...

29.

∗ Pháp nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Quyền duyên: Trong nhân căn có 3 câu.

∗ Pháp phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Quyền duyên:

Quyền phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh: Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.

Quyền duyên nên phân rộng có 9 câu.

30.

Pháp phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Thiền duyên có 3 câu.

31.

Pháp nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Đạo duyên,... bằng Tương ưng duyên: 2 duyên này có 9 câu đề.

32.

* Pháp nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Nhân làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên, nhân làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên.
  - Hậu sanh như: Nhân làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Bất tương ưng duyên: Có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Uẩn phi nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn phi nhân làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên; uẩn làm duyên cho vật, vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
  - Tiền sanh như: Nhãn xứ... thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn phi nhân bằng Bất tương ưng duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn phi nhân làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp phi nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: Sát-na tục sinh, vật làm duyên cho nhân bằng Bất tương ưng duyên.
  - Tiền sanh như: Vật làm duyên cho nhân bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp phi nhân làm duyên cho pháp nhân và phi nhân bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: Sát-na tục sinh, vật làm duyên cho nhân và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên.
  - Tiền sanh như: Vật làm duyên cho nhân và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp nhân và pháp phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Nhân và uẩn tương ưng làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Nhân và uẩn tương ưng làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên.
  - Hậu sanh như: Nhân và uẩn tương ưng làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

33.

* Pháp nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Hiện hữu duyên:
  Vô tham làm duyên cho vô sân và vô si bằng Hiện hữu duyên, nên sắp cách luân. Tham làm duyên cho si bằng Hiện hữu duyên, nên sắp cách luân. Sát-na tục sinh...

* Pháp nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh...
  - Hậu sanh như: Nhân làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

* Pháp nhân làm duyên cho những pháp nhân và phi nhân bằng Hiện hữu duyên:

Vô tham làm duyên cho vô sân và vô si với uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên; nên sắp cách luân. Tham làm duyên cho si với uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên; nên sắp cách luân. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như: 1 uẩn phi nhân làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... sát-na tục sinh... 1 uẩn phi nhân làm duyên cho 3 uẩn và sắc tục sinh, nên sắp cách luân. Uẩn làm duyên cho vật bằng Hiện hữu duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Hiện hữu duyên; 1 đại sung thuộc sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng…
- Tiền sanh như: Nhãn... vật, thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng, sắc xứ... xúc xứ làm duyên cho thân thức, nhãn xứ... thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên; vật làm duyên cho uẩn phi nhân bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh duyên như: Uẩn phi nhân làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp phi nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn phi nhân làm duyên cho nhân tương ưng bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho nhân bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn... vật bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng, vật làm duyên cho nhân bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp phi nhân làm duyên cho những pháp nhân và phi nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: 1 uẩn phi nhân làm duyên cho 3 uẩn với nhân và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho nhân và uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn... vật bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng, vật làm duyên cho nhân và uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp nhân và phi nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: Vô tham và uẩn tương ưng làm duyên cho vô sân và vô si bằng Hiện hữu duyên, nên sắp cách luân. Tham và uẩn tương ưng làm duyên cho si bằng Hiện hữu duyên, nên sắp cách luân. Sát-na tục sinh: Vô tham và vật làm duyên cho vô sân và vô si bằng Hiện hữu duyên, nên sắp cách luân.

∗ Pháp nhân và phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như: 1 uẩn phi nhân và nhân làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Nhân và vật làm duyên cho uẩn phi nhân bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Nhân và đại sung làm duyên cho sắc tâm ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Nhân và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Nhân và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

* Chư pháp nhân và phi nhân làm duyên cho những pháp nhân và phi nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: 1 uẩn phi nhân và vô tham làm duyên cho 3 uẩn với vô sân, vô si và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, nên sắp cách luân; 1 uẩn phi nhân và tham làm duyên cho 3 uẩn với si và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, nên sắp cách luân.
  - Sát-na tục sinh: 1 uẩn phi nhân và vô tham…nên sắp cách luân. Sát-na tục sinh: Vô tham và vật làm duyên cho vô sân, vô si và uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên. Tham và vật làm duyên cho si và uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên,... bằng Vô hữu duyên,... bằng Ly duyên,... bằng Bất ly duyên.

34.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9. Bậc trí thức nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng (anuloma)

35.

* Pháp nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Cận y duyên.
* Pháp nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên.
* Pháp nhân làm duyên cho những pháp nhân và phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp phi nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên.
* Pháp phi nhân làm duyên cho pháp nhân và pháp phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên.
* Pháp nhân và phi nhân làm duyên cho pháp nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp nhân và phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.
* Chư pháp nhân và phi nhân làm duyên cho những pháp nhân và phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

36.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, .. tóm tắt.. phi Bất ly 9, nên đếm như thế.

Dứt đối lập (paccanīya)

37.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 3,... tóm tắt... phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3. Nên đếm như thế.

Dứt thuận nghịch.

38.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 3. Nên đếm như thế.

Dứt thuận nghịch

Hết nhị đề nhân (hetuduka)

NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN *(SAHETUKADUKA)*

<u>Phần Liên Quan</u> *(Paṭiccavāra)*

39.

∗ Pháp hữu nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân, 2 uẩn liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn hữu nhân, sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu nhân và vô nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn hữu nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật, 3 đại sung liên quan 1 đại sung, sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp hữu nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Sát-na tục sinh: Uẩn hữu nhân liên quan vật.

∗ Pháp hữu nhân và pháp vô nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Sát-na tục sinh: Uẩn hữu nhân liên quan vật, sắc tục sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp hữu nhân liên quan những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân và vật, 2 uẩn…

∗ Pháp vô nhân liên quan những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn hữu nhân và đại sung. Sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân liên quan những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân và vật, 2 uẩn…, sắc tục sinh liên quan uẩn hữu nhân và đại sung.

40.

∗ Pháp hữu nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh...

* Pháp vô nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do Cảnh duyên:
  Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.
* Chư pháp hữu nhân và vô nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do Cảnh duyên:
  3 uẩn và si liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật, 2 uẩn…
* Pháp vô nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do Cảnh duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn vô nhân liên quan vật.
* Pháp hữu nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do Cảnh duyên:
  Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Sát-na tục sinh: Uẩn hữu nhân liên quan vật.
* Pháp hữu nhân liên quan những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do Cảnh duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân và vật, 2 uẩn…

41.

* Pháp hữu nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do Trưởng duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân, 2 uẩn…
* Pháp vô nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do Trưởng duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn hữu nhân.
* Pháp hữu nhân và pháp vô nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do Trưởng duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn hữu nhân, 2 uẩn…
* Pháp vô nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do Trưởng duyên:
  1 đại sung... sắc tâm thuộc y sinh liên quan sắc đại sung.
* Pháp vô nhân liên quan pháp hữu nhân và pháp vô nhân sanh ra do Trưởng duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn hữu nhân và đại sung.

42.

Pháp hữu nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do Vô gián duyên,... do Liên tiếp duyên.

43.

* ... Do Đồng sanh duyên: 1 uẩn hữu nhân,... sát-na tục sinh...
* Pháp vô nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do Đồng sanh duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn hữu nhân, si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật, sát-na tục sinh...
* Pháp hữu nhân và pháp vô nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do Đồng sanh duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn hữu nhân, 2 uẩn... 3 uẩn và si với sắc tâm liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật; 2 uẩn... sát-na tục sinh...
* Pháp vô nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do Đồng sanh duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân, 2 uẩn... sắc tâm liên quan si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 1 đại sung... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: 1 đại sung…
* Pháp hữu nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do Đồng sanh duyên:
  Duyên này nên sắp có 5 câu đề như Nhân duyên không chi khác.

44.

∗ Pháp hữu nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do Hỗ tương duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do Hỗ tương duyên:
Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn hữu nhân.

∗ Pháp hữu nhân và pháp vô nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do Hỗ tương duyên:
3 uẩn và si liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn và vật liên quan 1 uẩn hữu nhân, 2 uẩn... .

∗ Pháp vô nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do Hỗ tương duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn và vật liên quan 1 uẩn vô nhân;... liên quan 2 uẩn,... tóm tắt... cho đến người Vô tưởng.

∗ Pháp hữu nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do Hỗ tương duyên:
Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Sát-na tục sinh và uẩn hữu nhân liên quan vật *(vatthu)*.

∗ Pháp hữu nhân liên quan những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do Hỗ tương duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân và vật, 2 uẩn...

45.

∗ Pháp hữu nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do Y chỉ duyên,... do Cận y duyên, do Tiền sanh duyên, do Cố hưởng duyên, do Dị thời nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên.
Dù Thiền duyên hay Đạo duyên cũng như Đồng sanh duyên. Không có đại sung Ngoại.

∗ ... Do Tương ưng duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Vô hữu duyên, do Ly duyên, do Bất ly duyên.

46.

Nhân 9, Cảnh 6, Trưởng 5, Vô gián 6, Liên tiếp 6, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 6, Tiền sanh 6, Cố hưởng 6, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 6, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 6, Ly 6, Bất ly 9; nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng (anuloma)

47.

∗ Pháp vô nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp vô nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Nên sắp tất cả cho đến người Vô tưởng.

48.

∗ Pháp vô nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn hữu nhân, sát-na tục sinh... .

∗ Pháp vô nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc tâm liên quan uẩn vô nhân, sắc tâm liên quan si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Sát-na tục sinh, vật liên quan uẩn, 1 đại sung... tóm tắt... người Vô tưởng...

∗ Pháp vô nhân liên quan pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn hữu nhân và đại sung; sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si.

49.

Pháp hữu nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do phi Trưởng duyên:
Thuận thứ trùng như Đồng sanh *(sahajāta)*,... do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Hỗ tương duyên, do Cận y duyên.

50.

∗ Pháp hữu nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân. Sát-na tục sinh... hữu nhân.

∗ Pháp vô nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Sắc tâm liên quan uẩn hữu nhân. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 3 uẩn và si liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật, 2 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 1 uẩn vô nhân... 2 uẩn... sắc tâm liên quan uẩn vô nhân. Sắc tâm liên quan si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Sát-na tục sinh:... nên sắp rộng luôn đến người Vô tưởng.

∗ Pháp hữu nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Sát-na tục sinh; uẩn hữu nhân liên quan vật.

∗ Pháp hữu nhân và pháp vô nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn hữu nhân liên quan vật, sắc tục sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp hữu nhân liên quan những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si; 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân và vật, 2 uẩn…

∗ Pháp vô nhân liên quan pháp hữu nhân và pháp vô nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn hữu nhân và đại sung, sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân liên quan những pháp hữu nhân và pháp vô nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân và vật, 2 uẩn... sắc tục sinh liên quan uẩn hữu nhân và đại sung.

51.

Pháp hữu nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do phi Hậu sanh duyên,... do phi Cố hưởng duyên.

52.

* ... Do phi Dị thời nghiệp duyên: Tư *(cetanā)* hữu nhân liên quan uẩn hữu nhân.
* Pháp vô nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do phi Dị thời nghiệp duyên:
  Tư vô nhân liên quan uẩn vô nhân thuộc sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương…
* Pháp hữu nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do phi Dị thời nghiệp duyên:
  Tư tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.
* Pháp hữu nhân liên quan pháp hữu nhân và pháp vô nhân sanh ra do phi Dị thời nghiệp duyên:
  Tư tương ưng liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si.

53.

... Do phi Quả duyên: không có tục sinh.

54.

Pháp vô nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do phi Thực duyên,... do phi Quyền duyên, do phi Thiền duyên, do phi Đạo duyên, do phi Tương ưng duyên.

55.

* Pháp hữu nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: 1 uẩn hữu nhân…
* Pháp vô nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.
* Chư pháp hữu nhân và vô nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: 3 uẩn và si liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật, 2 uẩn…
* Pháp vô nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân, 2 uẩn…
* Pháp hữu nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.
* Pháp hữu nhân liên quan những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
  Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn…
* ... Do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

56.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3, nên đếm như thế.

Dứt đối lập (paccanīya)

57.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3,

phi Quả 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3, nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng, đối lập

58.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Liên tiếp 2, tất cả đều 2, Quả 1, Thực 2, Quyền 2, Thiền 2, Đạo 1, Tương ưng 2, Bất ly 2, nên đếm như thế.

Dứt đối lập, thuận tùng

Phần đồng sanh cũng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

59.

∗ Pháp hữu nhân ỷ trượng pháp hữu nhân sanh ra do Nhân duyên: Hữu nhân căn *(Sahetukamūlakaṃ)* như phần liên quan.

∗ Pháp vô nhân nhờ cậy pháp vô nhân... như phần liên quan.

∗ Pháp hữu nhân ỷ trượng pháp vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn hữu nhân ỷ trượng (nhờ cậy) vật, uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Sát-na tục sinh: Uẩn hữu nhân ỷ trượng vật.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân ỷ trượng pháp vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn hữu nhân nhờ cậy vật, sắc tâm ỷ trượng sắc đại sung, uẩn tương ưng và sắc tâm ỷ trượng si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Sát-na tục sinh: Vật…

∗ Pháp hữu nhân nhờ cậy pháp hữu nhân và pháp vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân và vật, 2 uẩn... 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô nhân nhờ cậy những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm nhờ cậy uẩn hữu nhân và đại sung. Sắc tâm nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân nhờ cậy những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân và vật, 2 uẩn... sắc tâm nhờ cậy uẩn hữu nhân và đại sung; 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân và vật, 2 uẩn ... sắc tục sinh nhờ cậy uẩn hữu nhân và đại sung.

60.

∗ Pháp hữu nhân nhờ cậy pháp hữu nhân sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô nhân nhờ cậy pháp hữu nhân sanh ra do Cảnh duyên:
Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp hữu nhân và pháp vô nhân nhờ cậy pháp hữu nhân sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn và si nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật, 2 uẩn…

∗ Pháp vô nhân nhờ cậy pháp vô nhân sanh ra do Cảnh duyên:

1 uẩn vô nhân... 2 uẩn... sát-na tục sinh: Uẩn nhờ cậy vật, nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ. Uẩn vô nhân nhờ cậy vật.

* Pháp hữu nhân nhờ cậy pháp vô nhân sanh ra do Cảnh duyên:
  Uẩn hữu nhân nhờ cậy vật; uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Sát-na tục sinh...

* Chư pháp hữu nhân và vô nhân nhờ cậy pháp vô nhân sanh ra do Cảnh duyên:
  Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si nhờ cậy vật.

* Pháp hữu nhân nhờ cậy những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do Cảnh duyên:
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân và vật; 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si. 2 uẩn... sát-na tục sinh...

* Pháp vô nhân nhờ cậy những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do Cảnh duyên:
  Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

* Chư pháp hữu nhân và vô nhân nhờ cậy những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do Cảnh duyên:
  3 uẩn và si nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật, 2 uẩn và si nhờ cậy 2 uẩn.

61.

Pháp hữu nhân nhờ cậy pháp hữu nhân sanh ra do Trưởng duyên: Có 9 câu đề, chỉ có thời bình nhựt.

62.

Pháp hữu nhân nhờ cậy pháp hữu nhân sanh ra do Vô gián duyên,... do Liên tiếp duyên.

63.

* ... Do Đồng sanh duyên: Có 3 câu như phần liên quan

* Pháp vô nhân nhờ cậy pháp vô nhân sanh ra do Đồng sanh duyên:
  - 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn vô nhân, 2 uẩn... Tục sinh luôn đến người Vô tưởng.
  - Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân thức nhờ cậy thân xứ, uẩn vô nhân nhờ cậy vật.

* Pháp hữu nhân nhờ cậy pháp vô nhân sanh ra do Đồng sanh duyên:
  Uẩn hữu nhân nhờ cậy vật, uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Sát-na tục sinh...

* Chư pháp hữu nhân và vô nhân nhờ cậy pháp vô nhân sanh ra do Đồng sanh duyên:
  Uẩn hữu nhân nhờ cậy vật. Sắc tâm nhờ cậy đại sung. Uẩn tương ưng và sắc tâm nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Sát-na tục sinh: Vật…

* Pháp hữu nhân nhờ cậy những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do Đồng sanh duyên:
  - 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân và vật, 2 uẩn... .
  - 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn ... sát na tục sinh ….

* Pháp vô nhân nhờ cậy những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do Đồng sanh duyên:
  Sắc tâm nhờ cậy uẩn hữu nhân và đại sung. Sắc tâm nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân nhờ cậy những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do Đồng sanh duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân, 2 uẩn... sắc tâm nhờ cậy uẩn hữu nhân và đại sung. 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật; 2 uẩn... sắc tâm nhờ cậy uẩn hữu nhân và đại sung.
- 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si; 2 uẩn... 3 uẩn và si nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật. 2 uẩn…
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân và vật, 2 uẩn... sắc tục sinh nhờ cậy uẩn hữu nhân và đại sung.

64.

Pháp hữu nhân nhờ cậy pháp hữu nhân sanh ra do Hỗ tương duyên,... tóm tắt... do Bất ly duyên.

65.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, tất cả đều 9, Bất ly 9. Nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng (anuloma)

66.

∗ Pháp vô nhân nhờ cậy pháp hữu nhân sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp vô nhân nhờ cậy pháp vô nhân sanh ra do phi Nhân duyên:
... 1 uẩn vô nhân... sát-na tục sinh:... luôn đến người Vô tưởng. Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân thức nhờ cậy thân xứ. Uẩn vô nhân và si nhờ cậy vật.

∗ Pháp vô nhân nhờ cậy những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật,... tóm tắt…

67.

Phi Nhân 3, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3. Nên đếm như thế.

Dứt đối lập (paccanīya)

68.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3. Nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng, đối lập

69.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3,... tóm tắt... Đạo 3, Tương ưng 3, Bất ly 3, nên đếm như thế.

Dứt đối lập, thuận tùng

Phần y chỉ như phần ỷ trượng *(paccayavarasadiso)*

<u>Phần Hòa Hợp</u> *(Saṅsatthavāra)*

70.

∗ Pháp hữu nhân hòa hợp pháp hữu nhân sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu nhân hòa hợp pháp vô nhân sanh ra do Nhân duyên: Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật hòa hợp si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp hữu nhân hòa hợp những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si,... 2 uẩn…

71.

∗ Pháp hữu nhân hòa hợp pháp hữu nhân sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô nhân hòa hợp pháp hữu nhân sanh ra do Cảnh duyên:
Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân hòa hợp pháp hữu nhân sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn và si hòa hợp 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. 2 uẩn…

∗ Pháp vô nhân hòa hợp pháp vô nhân sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu nhân hòa hợp pháp vô nhân sanh ra do Cảnh duyên:
Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật hòa hợp si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp hữu nhân hòa hợp những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn…

72.

Pháp hữu nhân hòa hợp pháp hữu nhân sanh ra do Trưởng duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu nhân, 2 uẩn…

73.

Pháp hữu nhân hòa hợp pháp hữu nhân sanh ra do Vô gián duyên,... do Liên tiếp duyên,... do Đồng sanh duyên,... tóm tắt…

74.

∗ ... Do quả duyên: 1 uẩn quả hữu nhân... 2 uẩn... .

∗ Pháp vô nhân hòa hợp pháp vô nhân sanh ra do quả duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn quả vô nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ ... Do Thiền duyên,... tóm tắt... do Bất ly duyên.

75.

Nhân 3, Cảnh 6, Trưởng 1, Vô gián 6, Liên tiếp 6, Đồng sanh 6, Hỗ tương 6, Y chỉ 6, Cận y 6, Tiền sanh 6,... tóm tắt... Quả 2, Thực 6, Quyền 6, Thiền 6, Đạo 5, Bất ly 6, nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng (anuloma)

76.

∗ Pháp vô nhân hòa hợp pháp hữu nhân sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp vô nhân hòa hợp pháp vô nhân sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh... tóm tắt…

77.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 6, phi Cố hưởng 6, phi Nghiệp 4, phi Quả 6, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 6. Nên đếm như thế…

Dứt đối lập (paccanīya)

78.

Nhân duyên có phi Trưởng 3,... phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

Dứt thuận tùng, đối lập

79.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2, Vô gián 2,... tóm tắt... Nghiệp 2, Quả 1, Thực 2, Đạo 1, Bất ly 2, nên đếm như thế.

Dứt đối lập, thuận tùng.

Phần tương ưng như phần hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)*

<u>Phần Vấn Đề</u> *(Panhāvāra)*

80.

* Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Nhân duyên:
  Nhân hữu nhân làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...
* Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Nhân duyên:
  Nhân hữu nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên, sát-na tục sinh...
* Pháp hữu nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Nhân duyên:
  Nhân hữu nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...
* Pháp vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Nhân duyên:
  Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên.
* Pháp vô nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Nhân duyên:
  Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.
* Pháp vô nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Nhân duyên:
  Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

81.

* Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Cảnh duyên:
  - Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới,... thọ trì thanh tịnh giới... rồi phản khán lại phước thiện tạo chứa trước kia.
  - Xuất thiền phản khán thiền. Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán phiền não đã trừ... phiền não hạn chế... phiền não từng sanh trước kia... uẩn hữu nhân bằng cách vô thường... ưu sanh ra.
  - Thiện hay bất thiện vừa dứt thì tâm mót *(tadārammaṇa)* thuộc quả hữu nhân sanh ra. Tha tâm thông thấu rõ tâm người tề toàn tâm hữu nhân.
  - Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ; Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Uẩn hữu nhân làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông và vị lai thông bằng Cảnh duyên.

- Uẩn hữu nhân khai đoan (mở mối) cho uẩn hữu nhân sanh ra.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Cảnh duyên:
... Uẩn hữu nhân bằng lối vô thường... ưu phát sanh. Thiện hay bất thiện vừa dứt thì tâm mót *(tadārammaṇa)* là quả vô nhân phát sanh. Uẩn hữu nhân mở mối cho uẩn vô nhân và si sanh ra.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Cảnh duyên:
Uẩn hữu nhân mở mối cho uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh ra.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Cảnh duyên:
- Níp Bàn làm duyên cho khán chiếu *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên ... nhãn... vật... uẩn vô nhân và si bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Thiện, bất thiện vừa dứt thì tâm mót thuộc quả vô nhân sanh ra. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức. Uẩn vô nhân và si khai đoan cho uẩn vô nhân và si sanh ra.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh phản khán Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vedanā)*, đạo, quả bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não vô nhân đã trừ trước... nhãn... vật... uẩn vô nhân và si bằng cách vô thường... ưu phát sanh.
- Thiện, bất thiện vừa dứt thì tâm mót là quả hữu nhân sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng, tha tâm thông rõ biết tâm người tề toàn tâm vô nhân.
- Uẩn vô nhân làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên. Uẩn vô nhân và si mở mối cho uẩn hữu nhân sanh ra.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Cảnh duyên:
Nhãn khai đoan cho uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh ra. nhĩ... vật... uẩn vô nhân và si khai đoan cho uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh ra.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Cảnh duyên:
Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si khai đoan cho uẩn hữu nhân sanh ra.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Cảnh duyên:
Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si khai đoan *(ārabbha)* cho uẩn vô nhân và si sanh ra.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Cảnh duyên:
Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si khai đoan cho uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh ra.

82.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Trưởng duyên: Có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới: do nặng chấp về đó rồi phản khán thiền *(jhāṇa)*... chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi

phản khán... quả... nặng về uẩn hữu nhân rồi thỏa thích hân hoan, do nặng chấp đó có thể ái sanh, tà kiến phát.

- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu nhân làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên:

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Trưởng duyên:
Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Trưởng duyên:
Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên:

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Trưởng duyên:
Trưởng cảnh như: Chư Thánh nặng chấp về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh *(vedanā)*, đạo, quả bằng Trưởng duyên. Nhãn... vật... uẩn vô nhân, do nặng chấp về đó rồi thỏa thích rất hân hoan, có thể làm cho ái sanh, tà kiến phát.

83.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Vô gián duyên: Uẩn hữu nhân sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

- Thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, thuận thứ làm duyên dũ tịnh; chuyển tộc làm duyên cho đạo, dũ tịnh làm duyên cho đạo, đạo làm duyên cho quả, quả làm duyên cho quả, thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền.
- Khi xuất thiền diệt thì tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Vô gián duyên:

- Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử hữu nhân làm duyên cho tâm sanh *(upatticitta)* vô nhân bằng Vô gián duyên. Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* hữu nhân làm duyên cho chiếu khán *(āvajjana)* bằng Vô gián. Tâm hộ kiếp hữu nhân làm duyên cho tâm hộ kiếp vô nhân bằng Vô gián duyên. Uẩn hữu nhân làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô nhân bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Vô gián duyên:
Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh sau sau và si bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Vô gián duyên:

- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô nhân sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Chiếu khán *(āvajjana)* làm duyên cho ngũ thức *(viññāṇa)* bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Vô gián duyên:

- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

- Tâm tử vô nhân làm duyên cho tâm sanh hữu nhân bằng Vô gián duyên. Tâm hộ kiếp vô nhân làm duyên cho tâm hộ kiếp hữu nhân bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô nhân làm duyên cho quả sơ khởi hữu nhân bằng Vô gián duyên. Chiếu khán làm duyên cho uẩn hữu nhân bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Vô gián duyên:
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh sau sau và si bằng Vô gián duyên.
- Khai môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Vô gián duyên:
Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Vô gián duyên:
- Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh trước trước làm duyên cho si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô nhân bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Vô gián duyên:
Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

84.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân, Đồng sanh duyên: Như Đồng sanh duyên phần liên quan, đây không có duyên hiệp trợ *(ghaṭanā)*.

∗ ... bằng Hỗ tương duyên: Như phần liên quan.

∗ ... bằng Y chỉ duyên: Như Y chỉ duyên phần liên quan, ở đây không có duyên hiệp trợ

85.

∗ ... bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Uẩn hữu nhân làm duyên cho uẩn hữu nhân bằng Cận y duyên.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Uẩn hữu nhân làm duyên cho uẩn vô nhân và si bằng Cận y duyên.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Uẩn hữu nhân làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si bằng Cận y duyên.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Cận y duyên: Có Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Thân lạc làm duyên cho thân lạc, thân khổ và si bằng Cận y duyên.

- Thân khổ... âm dương *(utu)*... vật thực... chỗ ở làm duyên cho thân lạc, thân khổ và si bằng Cận y duyên.
- Si làm duyên cho thân lạc, thân khổ và si bằng Cận y duyên. Thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực, chỗ ở và si làm duyên cho thân lạc, thân khổ và si bằng Cận y duyên.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y,Vô gián cận y và Thuần cận y…
- Thuần cận y như: Nương thân lạc mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng, nương thân khổ... âm dương, vật thực, chỗ ở... si có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng.
- Nương thân lạc và si làm duyên cho đức tin... trí... ái... mong mỏi *(patthāna)*, đạo, quả nhập thiền *(phala samāpatti)* bằng Cận y duyên.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Thân lạc và si làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho uẩn hữu nhân bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho uẩn vô nhân và si bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si bằng Cận y duyên.

86.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như:... nhãn... vật bằng cách vô thường... ưu sanh ra. Khi thiện và bất thiện vừa dứt thì tâm mót là quả vô nhân sanh ra. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên. Vật làm duyên cho uẩn vô nhân và si bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như:... nhãn... vật bằng cách vô thường... ưu sanh ra. Khi thiện và bất thiện vừa dứt thì tâm mót là quả hữu nhân sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu nhân bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như:... nhãn... vật mở mối cho uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si bằng Tiền sanh duyên.

87.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Hậu sanh duyên:
Uẩn hữu nhân sanh sau sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Hậu sanh duyên:
Uẩn vô nhân và si sanh sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Hậu sanh duyên:
Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

88.

Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Cố hưởng duyên: Trùng như Vô gián duyên *(anantarasadisaṃ)*.

Dù Khai môn *(āvajjana)* hay hộ kiếp *(bhavaṅga)* đều không có trong Cố hưởng duyên, nên trừ ra 9 câu.

89.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Dị thời nghiệp duyên: Có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* hữu nhân làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu nhân làm duyên cho uẩn hữu nhân thuộc quả bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Dị thời nghiệp duyên: Có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư hữu nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu nhân làm duyên cho uẩn vô nhân thuộc quả và sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)* bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Dị thời nghiệp duyên: Có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư hữu nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu nhân làm duyên cho uẩn hữu nhân thuộc thuộc quả và sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Dị thời nghiệp duyên:
Tư vô nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.

90.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Quả duyên:
1 uẩn hữu nhân thuộc quả làm duyên cho 3 uẩn... 2 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Quả duyên:
Uẩn hữu nhân thuộc quả làm duyên cho sắc tâm bằng Quả duyên. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Quả duyên:

1 uẩn hữu nhân thuộc quả làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm... 2 uẩn ...Sát-na tục sinh...

* Pháp vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Quả duyên:
  1 uẩn vô nhân thuộc quả làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm... 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Quả duyên.

91.

* Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Thực duyên có 3 câu.

* Pháp vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Thực duyên:
  Thực vô nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh: Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Thực duyên.

92.

* Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Quyền duyên có 3 câu.

* Pháp vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Quyền duyên:
  - Quyền vô nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm và Quyền duyên. Sát-na tục sinh...
  - Nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức, thân quyền làm duyên cho thân thức bằng Quyền duyên. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.

93.

* Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Thiền duyên có 3 câu.

* Pháp vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Thiền duyên:
  Chi thiền vô nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Thiền duyên. Sát-na tục sinh...

94.

Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Đạo duyên có 3 câu.

95.

Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Tương ưng duyên trùng như Tương ưng duyên về phần liên quan, nên sắp có 6 câu đề.

96.

* Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Uẩn hữu nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn hữu nhân làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn hữu nhân làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Uẩn vô nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn vô nhân làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên. Uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
  - Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn vô nhân và si bằng Bất tương ưng duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn vô nhân và si làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh, vật làm duyên cho uẩn hữu nhân bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu nhân bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Bất tương ưng duyên:
Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

97.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Hiện hữu duyên: 1 uẩn hữu nhân làm duyên cho 3 uẩn... 2 uẩn…Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn hữu nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật làm duyên cho si và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh...
- Hậu sanh như: Uẩn hữu nhân làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Hiện hữu duyên:
1 uẩn hữu nhân làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên; 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật làm duyên cho 3 uẩn với si và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như: 1 uẩn vô nhân làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Tái tục sắp luôn đến người Vô tưởng.
- Tiền sanh như:... nhãn... vật bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Khi thiện và bất thiện vừa dứt thì tâm mót thuộc quả vô nhân sanh ra.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức. Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên. Vật làm duyên cho uẩn vô nhân và si bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô nhân và si làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn hữu nhân bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: .. Nhãn... vật bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Khi thiện và bất thiện vừa dứt thì tâm mót *(tadārammaṇa)* là quả hữu nhân sanh ra; thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Vật làm duyên cho uẩn hữu nhân bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như:... nhãn... vật mở mối cho uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh ra. Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 1 uẩn hữu nhân và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn…
- Đồng sanh như: 1 uẩn hữu nhân và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn…

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như: Uẩn hữu nhân và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh như: Uẩn hữu nhân và đại sung làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật làm duyên cho si bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu nhân và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu nhân và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh:
- Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật làm duyên cho 3 uẩn và si bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn…

98.

Nhân 6, Cảnh 9, Trưởng 4, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 4, Quả 4, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 3, Tương ưng 6, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9. Nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng (anuloma)

99.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp hữu nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp vô nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân làm duyên cho pháp hữu nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân làm duyên cho pháp vô nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân và vô nhân làm duyên những pháp hữu nhân và vô nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

100.

Phi Nhân 9,... tóm tắt... tất cả đều 9, phi Bất ly 9, nên đếm như thế.

Dứt đối lập (paccanīya)

101.

Nhân duyên có phi Cảnh 6,... phi Trưởng 6, phi Vô gián 6, phi Liên tiếp 6, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 6, .. tóm tắt... phi Đạo 6, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 6, phi Ly 6; nên đếm như thế.

102.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 4, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 4, Quả 4, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 3, Tương ưng 6, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9. Nên đếm như thế.

Dứt đối lập, thuận tùng

Dứt nhị đề hữu nhân (sahetukaduka)

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN *(HETU SAMPAYUTTADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

103.

∗ Pháp tương ưng nhân liên quan pháp tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh... .

∗ Pháp bất tương ưng nhân liên quan pháp tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng nhân. Sát-na tục sinh... Nên phân rộng nhân này như nhị đề hữu nhân *(sahetukaduka)* không chi khác.

Dứt nhị đề tương ưng nhân

NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN *(HETUSAHETUKADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

104.

∗ Pháp nhân và hữu nhân liên quan pháp nhân và hữu nhân sanh ra do Nhân duyên:
Vô sân và vô si liên quan vô tham. Nên sắp cách luân *(cakkaṃ bandhitabbaṃ)*. Si liên quan tham; nên sắp cách luân. Sát-na tục sinh: Vô sân và vô si liên quan vô tham; nên sắp cách luân.

∗ Pháp hữu nhân mà phi nhân liên quan pháp nhân và hữu nhân sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng liên quan nhân. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân liên quan pháp nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên:
Vô sân, vô si và uẩn tương ưng liên quan vô tham. Nên sắp cách luân. Si và uẩn tương ưng liên quan tham. Nên sắp cách luân. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu nhân mà phi nhân liên quan pháp hữu nhân mà phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân mà phi nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ Pháp nhân và hữu nhân liên quan pháp hữu nhân mà phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
Nhân liên quan uẩn hữu nhân mà phi nhân. Sát-na tục sinh... .

∗ Chư pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân liên quan pháp hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và nhân liên quan 1 uẩn hữu nhân phi nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ Pháp nhân hữu nhân liên quan những pháp nhân hữu nhân và hữu nhân sanh ra do Nhân duyên:
Vô sân và vô si liên quan vô tham và uẩn tương ưng. Nên sắp cách luân. Si liên quan tham và uẩn tương ưng. Nên sắp cách luân. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu nhân phi nhân liên quan những pháp hữu nhân và hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân phi nhân và nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân liên quan những pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn với vô sân và vô si liên quan 1 uẩn hữu nhân phi nhân và vô tham, 2 uẩn... sát-na tục sinh... tóm tắt... nên đếm như thế.

105.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9,... tóm tắt... tất cả đều 9, Bất ly 9. Nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng

106.

∗ Pháp nhân và hữu nhân liên quan pháp nhân và hữu nhân sanh ra do phi Trưởng duyên:

Vô sân, vô si liên quan vô tham; nên sắp cách luân. Sát-na tục sinh... nên sắp đầy đủ 9 câu đề.

∗ ... Do phi Tiền sanh duyên có 9 câu.

∗ ... Do phi Hậu sanh duyên có 9 câu.

∗ ... Do phi Cố hưởng duyên có 9 câu.

107.

∗ Pháp hữu nhân mà phi nhân liên quan pháp nhân và hữu nhân sanh ra do phi Dị thời nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* tương ưng liên quan nhân.

∗ Pháp hữu nhân mà phi nhân liên quan pháp hữu nhân mà phi nhân sanh ra do phi Dị thời nghiệp duyên:

Tư tương ưng liên quan uẩn hữu nhân phi nhân.

∗ Pháp hữu nhân phi nhân liên quan những pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân sanh ra do phi Dị thời nghiệp duyên:

Tư tương ưng liên quan nhân và uẩn tương ưng.

∗ ... Do phi Quả duyên,... do pháp Bất tương ưng duyên.

108.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9. Nên đếm như thế.

Dứt đối lập

109.

Nhân duyên có phi Trưởng 9,... phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9; nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng, đối lập

110.

Phi Trưởng duyên có Nhân 9,... Cảnh 9, Vô gián 9,... tóm tắt... Bất ly 9. Nên đếm như thế.

Dứt đối lập, thuận tùng.

Dù phần đồng sanh *(sahajātavara)*, phần ỷ trượng *(paccayavāra)*, phần y chỉ *(nissayavāra)*, phần hòa hợp *(saṃsatthavāra),* phần tương ưng *(sampayuttavāra)* cũng như phần liên quan *(paṭiccavārasadiso)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

111.

∗ Pháp nhân và hữu nhân làm duyên cho pháp nhân và hữu nhân bằng Nhân duyên:

Vô tham làm duyên cho vô sân và vô si bằng Nhân duyên. Như phần liên quan

* Pháp nhân và hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân mà phi nhân bằng Nhân duyên:
  Nhân làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

* Pháp nhân hữu nhân làm duyên cho những pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân bằng Nhân duyên:
  Vô tham làm duyên cho vô sân, vô si và uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Nên sắp rộng *(vitthāretabbaṃ)*.

112.

* Pháp nhân và hữu nhân làm duyên cho pháp nhân và hữu nhân bằng Cảnh duyên:
  Nhân khai đoan *(ārabbha)* nhân sanh ra.

* Pháp nhân và hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân mà phi nhân bằng Cảnh duyên:
  Nhân mở mối cho uẩn hữu nhân mà phi nhân sanh ra.

* Pháp nhân hữu nhân làm duyên cho những pháp hữu nhân và hữu nhân phi nhân bằng Cảnh duyên:
  Nhân mở mối cho nhân và uẩn tương ưng sinh ra.

* Pháp hữu nhân mà phi nhân làm duyên cho pháp hữu nhân mà phi nhân bằng Cảnh duyên
  - Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới,... thọ trì thanh tịnh giới rồi nhớ lại, phản khán *(paccavekkhati)* phước thiện đã tạo chứa trước kia.
  - Xuất thiền rồi phản khán thiền. Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, nhớ phiền não đã trừ... xét phiền não hạn chế, nhớ rõ phiền não đã từng sanh trước kia.
  - ... uẩn hữu nhân phi nhân bằng cách vô thường... ưu phát sanh.
  - Tha tâm thông thấu rõ tâm người khác đang đầy đủ tâm hữu nhân phi nhân.
  - Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ; Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.
  - Uẩn hữu nhân phi nhân làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông và vị lai thông bằng Cảnh duyên.

* Pháp hữu nhân mà phi nhân làm duyên cho pháp nhân và hữu nhân bằng Cảnh duyên:
  Sau khi bố thí... giải như câu đầu không chi khác.

* Pháp hữu nhân mà phi nhân làm duyên cho những pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân bằng Cảnh duyên:
  Sau khi bố thí... trùng như câu đầu không chi khác.

* Chư pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân làm duyên cho pháp nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên:
  Nhân và uẩn tương ưng khai đoan cho nhân sanh ra.

* Chư pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân làm duyên cho pháp hữu nhân phi nhân bằng Cảnh duyên:
  Nhân và uẩn tương ưng khai đoan cho uẩn hữu nhân phi nhân sanh ra.

* Chư pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân làm duyên cho những pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân bằng Cảnh duyên:
  Nhân và uẩn tương ưng khai đoan cho nhân và uẩn tương ưng sanh ra.

113.

∗ Pháp nhân và hữu nhân làm duyên cho pháp nhân và hữu nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng chấp về nhân rồi làm cho nhân phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Nhân và trưởng hữu nhân làm duyên cho nhân tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp nhân và hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân mà phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về nhân rồi làm cho uẩn hữu nhân phi nhân sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Nhân và trưởng hữu nhân làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp nhân hữu nhân làm duyên cho những pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về nhân rồi làm cho nhân và uẩn tương ưng sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Nhân và trưởng hữu nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và nhân bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp hữu nhân mà phi nhân làm duyên cho pháp hữu nhân mà phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, ... thọ trì thanh tịnh giới rồi do nặng chấp (thiện đã tạo chứa) trước mới nhớ lại phản khán; sau khi xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán. Chư Thánh ra khỏi đạo nặng về đạo rồi... nặng về quả rồi phản khán. nặng về uẩn hữu nhân phi nhân mới thỏa thích rất hân hoan, do nặng chấp ấy làm cho ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu nhân phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp hữu nhân mà phi nhân làm duyên cho pháp nhân hữu nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... trùng như câu đầu.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu nhân mà phi nhân làm duyên cho nhân tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp hữu nhân phi nhân làm duyên cho những pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... trùng như câu đầu.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu nhân phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và nhân bằng Trưởng duyên.

∗ Chư pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân làm duyên cho pháp nhân hữu nhân bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về nhân và uẩn tương ưng rồi làm cho nhân sanh ra.

∗ Chư pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân làm duyên cho pháp hữu nhân phi nhân bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về nhân và uẩn tương ưng rồi làm cho uẩn hữu nhân phi nhân sanh ra.

∗ Chư pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân làm duyên cho những pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về nhân và uẩn tương ưng rồi làm cho nhân và uẩn tương ưng sanh ra.

114.

* Pháp nhân và hữu nhân làm duyên cho pháp nhân và hữu nhân bằng Vô gián duyên:
  Nhân sanh trước trước làm duyên cho nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

* Pháp nhân và hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân mà phi nhân bằng Vô gián duyên:
  Nhân sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu nhân mà phi nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

* Pháp nhân hữu nhân làm duyên cho những pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân bằng Vô gián duyên:
  Nhân sanh trước trước làm duyên cho nhân và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

* Pháp hữu nhân mà phi nhân làm duyên cho pháp hữu nhân mà phi nhân bằng Vô gián duyên:
  - Uẩn hữu nhân mà phi nhân sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu nhân mà phi nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
  - Thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vedāna)*... tóm tắt... khi xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

* Pháp hữu nhân mà phi nhân làm duyên cho pháp nhân hữu nhân bằng Vô gián duyên:
  Uẩn hữu nhân mà phi nhân sanh trước trước làm duyên cho nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc... tóm tắt... .

* Pháp hữu nhân phi nhân làm duyên cho những pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân bằng Vô gián duyên:
  Uẩn hữu nhân phi nhân sanh trước trước làm duyên cho nhân và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc... .
  Hữu nhân phi nhân căn có 3 câu như một.

* Chư pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân làm duyên cho pháp nhân hữu nhân bằng Vô gián duyên:
  Nhân và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

* Chư pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân làm duyên cho pháp hữu nhân phi nhân bằng Vô gián duyên:
  Nhân và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu nhân phi nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

* Chư pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân làm duyên cho những pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân bằng Vô gián duyên:
  Nhân và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho nhân và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

115.

Pháp nhân và hữu nhân làm duyên cho pháp nhân và hữu nhân bằng Đồng sanh duyên, ... bằng Hỗ tương duyên,... bằng Y chỉ duyên. Cả 3 duyên này như phần liên quan trong Nhân duyên.

116.

∗ Pháp nhân hữu nhân làm duyên cho pháp nhân hữu nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nhân làm duyên cho nhân bằng Cận y duyên. Nhân làm duyên cho uẩn hữu nhân phi nhân bằng Cận y duyên. Nhân làm duyên cho nhân và uẩn tương ưng bằng Cận y duyên.

Tất cả vấn đề căn *(pañhānaṃ mūlāni)* chỉ có 2 như thế.

∗ Pháp hữu nhân phi nhân làm duyên cho pháp hữu nhân phi nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới... mong mỏi *(patthāna)* mạnh có thể bố thí... cho đến phá hòa hợp Tăng.
- Đức tin... mong mỏi làm duyên cho đức tin... mong mỏi bằng Cận y duyên.

Trong hữu nhân phi nhân căn nên phân rộng theo nhân này, còn ngoài ra đó chỉ có 2 câu đề.

∗ Chư pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân làm duyên cho pháp nhân hữu nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nhân và uẩn tương ưng làm duyên cho nhân bằng Cận y duyên. Nên hỏi đến 2 căn. Nhân và uẩn tương ưng làm duyên cho uẩn hữu nhân phi nhân bằng Cận y duyên; nên hỏi đến căn. Nhân và uẩn tương ưng làm duyên cho nhân và uẩn tương ưng bằng Cận y duyên.

117.

Pháp nhân và hữu nhân làm duyên cho pháp nhân và hữu nhân bằng Cố hưởng duyên cũng như Vô gián duyên.

118.

∗ Pháp hữu nhân phi nhân làm duyên cho pháp hữu nhân phi nhân bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* hữu nhân phi Phân làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu nhân phi nhân làm duyên cho uẩn quả hữu nhân phi nhân bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp hữu nhân mà phi nhân làm duyên cho pháp nhân và hữu nhân bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư hữu nhân phi nhân làm duyên cho nhân tương ưng bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu nhân phi nhân làm duyên cho nhân thuộc Dị thục quả bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp hữu nhân phi nhân làm duyên cho những pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh duyên và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư hữu nhân phi nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và nhân bằng Dị thời nghiệp duyên.

- Biệt thời như: Tư *(cetanā)* hữu nhân phi nhân làm duyên cho uẩn quả và nhân bằng Dị thời nghiệp duyên.

119.

Pháp nhân và hữu nhân làm duyên cho pháp nhân và hữu nhân bằng Quả duyên:

Vô tham thuộc quả làm duyên cho vô sânVô si bằng Quả duyên. Sát-na tục sinh: Vô tham…

Nên sắp rộng như Nhân duyên, nên nhận rõ ràng là quả có cả 9 câu đề.

120.

Pháp hữu nhân phi nhân làm duyên cho pháp hữu nhân phi nhân bằng Thực duyên có 3 câu.

121.

Pháp nhân và hữu nhân làm duyên cho pháp nhân và hữu nhân bằng Quyền duyên nên quyết định là Quyền duyên có 9 câu đầy đủ.

122.

Pháp hữu nhân phi nhân làm duyên cho pháp hữu nhân phi nhân bằng Thiền duyên có 3 câu.

123.

Pháp nhân và hữu nhân làm duyên cho pháp nhân và hữu nhân bằng Đạo duyên,... bằng Tương ưng duyên, bằng Hiện hữu duyên, bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

124.

Nhân 3, phi Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9. Nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng

125.

* Pháp nhân và hữu nhân làm duyên cho pháp nhân và hữu nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp nhân và hữu nhân làm duyên cho pháp hữu nhân mà phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp nhân và hữu nhân làm duyên cho những pháp nhân và hữu nhân với hữu nhân mà phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp hữu nhân mà phi nhân làm duyên cho pháp hữu nhân mà phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên.
* Pháp hữu nhân mà phi nhân làm duyên cho pháp nhân và hữu nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên.
* Pháp hữu nhân phi nhân làm duyên cho những pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên.
* Chư pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân làm duyên cho pháp nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Chư pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân làm duyên cho pháp hữu nhân phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân làm duyên cho những pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

126.

Phi Nhân 9,... tóm tắt... tất cả đều 9; nên đếm như thế.

Dứt đối lập

127.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3,... tóm tắt... tất cả đều 3, phi Đạo 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3; nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng và đối lập

128.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 3. Nên đếm như thế.

Dứt đối lập, thuận tùng

Hết nhị đề nhân hữu nhân(hetusahetukadukaṃ)

NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN *(HETU HETU SAMPAYUTTADUKAṂ)*

<u>Phần Liên Quan</u> ***(Paṭiccavāra)***

129.

Pháp nhân tương ưng nhân liên quan pháp nhân tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên:

- Vô sân, vô si liên quan vô tham. Nên sắp cách luân. Si liên quan tham. Nên sắp cách luân. Sát-na tục sinh... .
- Nên phân rộng ra như nhị đề nhân và hữu nhân *(Hetu ceva sahetukaduka)* không chi khác.

Dứt nhị đề nhân tương ưng nhân

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN *(NA HETUSAHETUKADUKA)*

<u>Phần Liên Quan</u> ***(Paṭiccavāra)***

130.

∗ Pháp phi nhân hữu nhân liên quan pháp phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn phi nhân hữu nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh:... phi nhân hữu nhân.

∗ Pháp phi nhân vô nhân liên quan pháp phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn phi nhân hữu nhân. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân liên quan pháp phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi nhân hữu nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ Pháp phi nhân vô nhân liên quan pháp phi nhân vô nhân sanh ra do Nhân duyên:

... tóm tắt... 3 đại sung liên quan 1 đại sung. Sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

* Pháp phi nhân hữu nhân liên quan pháp phi nhân vô nhân sanh ra do Nhân duyên: Sát-na tục sinh:

Uẩn phi nhân hữu nhân liên quan vật *(vatthu)*.

* Chư pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân liên quan pháp phi nhân vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn phi nhân hữu nhân liên quan vật. Sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

* Pháp phi nhân hữu nhân liên quan những pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi nhân hữu nhân và vật; 2 uẩn... .

* Pháp phi nhân vô nhân liên quan những pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn phi nhân hữu nhân và đại sung. Sát-na tục sinh... .

* Chư pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân liên quan những pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi nhân hữu nhân và vật; 2 uẩn... sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan uẩn phi nhân hữu nhân và đại sung.

131.

* Pháp phi nhân hữu nhân liên quan pháp phi nhân hữu nhân sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn phi nhân hữu nhân; 2 uẩn... sát-na tục sinh... .

* Pháp phi nhân vô nhân liên quan pháp phi nhân vô nhân sanh ra do Cảnh duyên:
1 uẩn phi nhân vô nhân... sát-na tục sinh... .

* Pháp phi nhân hữu nhân liên quan pháp phi nhân vô nhân sanh ra do Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn phi nhân hữu nhân liên quan vật *(vatthu)*.

* Pháp phi nhân hữu nhân liên quan những pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân sanh ra do Cảnh duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi nhân hữu nhân và vật, 2 uẩn... tóm tắt... nên phân như thế.

132.

Nhân 9, Cảnh 4, Trưởng 5, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 4, Tiền sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9,... tóm tắt... tất cả đều 9, Tương ưng 4, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 9. Nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng

133.

Pháp phi nhân vô nhân liên quan pháp phi nhân vô nhân sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi nhân vô nhân. 2 uẩn... Tục sinh luôn đến người Vô tưởng không có si.

134.

* Pháp phi nhân vô nhân liên quan pháp phi nhân hữu nhân sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn phi nhân hữu nhân.

∗ Pháp phi nhân vô nhân liên quan pháp phi nhân vô nhân sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn phi nhân vô nhân. Sát-na tục sinh... luôn đến người Vô tưởng.

∗ Pháp phi nhân vô nhân liên quan những pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn phi nhân hữu nhân và đại sung. Sát-na tục sinh... tóm tắt…

135.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3; nên đếm như thế.

Dứt đối lập

136.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Hỗ tương 9, phi Y chỉ 9, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 1, phi Quả 5, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 1, phi Hiện hữu 3, phi Bất ly 3. Nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng, đối lập

137.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... tóm tắt... phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Ly 1, phi Bất ly 1.

Dứt đối lập, thuận tùng

Phần đồng sanh *(sahajātavāra)* cũng phân như thế.

<u>Phần Ỷ Trượng</u> *(Paccayavāra)*

138.

∗ Pháp phi nhân hữu nhân nhờ cậy pháp phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi nhân vô nhân nhờ cậy pháp phi nhân vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
3 đại sung nhờ cậy 1 đại sung; sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh nhờ cậy đại sung.

∗ Pháp phi nhân hữu nhân nhờ cậy pháp phi nhân vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn phi nhân hữu nhân nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân nhờ cậy pháp phi nhân vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn phi nhân hữu nhân nhờ cậy vật. Sắc tâm nhờ cậy đại sung. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp phi nhân hữu nhân nhờ cậy những pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân sanh ra do Nhân duyên:
Duyên hiệp trợ *(ghaṭanā)* có 3 câu; về bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisandhi)* nên sắp đầy đủ... .

139.

Nhân 9, Cảnh 4, Bất ly 9, nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng (anuloma)

140.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3,... tóm tắt... phi Ly 3.

Dứt đối lập (paccanīya)

Phần y chỉ *(nissayavāra)* như phần ỷ trượng *(pacayavarasadiso)*.

Phần Hòa Hợp ***(Saṃsaṭṭhavāra)***

141.

Pháp phi nhân hữu nhân hòa hợp pháp phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên:

... 1 uẩn phi nhân hữu nhân. Sát-na tục sinh... .

142.

Nhân 1, Cảnh 2, Trưởng 1, Vô gián 2. Tất cả đều 2, Đạo 1, Bất ly 2.

Dứt thuận tùng (anuloma)

143.

Pháp phi nhân vô nhân hòa hợp pháp phi nhân vô nhân sanh ra do phi Nhân duyên:

... 1 uẩn phi nhân vô nhân. Uẩn phi nhân vô nhân. Sát-na tục sinh... .

144.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

Dứt đối lập (paccanīya)

Đếm 2 cách ngoài ra, cũng như đây.

Phần Vấn Đề ***(Pañhāvāra)***

145.

∗ Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh giới... do đó phản khán phước thiện chứa để trước kia. Xuất thiền…
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán phiền não đã trừ... phiền não hạn chế... trước kia... uẩn phi nhân hữu nhân bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Dứt thiện và bất thiện thì tâm mót là quả phi nhân hữu nhân sanh ra. Tha tâm thông rõ tâm người khác tề toàn *(Samaṅgi)* tâm phi nhân hữu nhân.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ; Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Uẩn phi nhân hữu nhân làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.
- Uẩn phi nhân hữu nhân mở mối cho uẩn phi nhân hữu nhân sanh ra.

∗ Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Cảnh duyên:

... uẩn phi nhân hữu nhân bằng vô thường... ưu sanh ra. Khi thiện và bất thiện vừa diệt thì tâm mót là quả phi nhân vô nhân sanh ra. Uẩn phi nhân hữu nhân mở mối cho uẩn phi nhân vô nhân sanh ra.

∗ Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Cảnh duyên:

- Níp Bàn làm duyên cho khai (ý) môn bằng Cảnh duyên. Nhãn... vật... uẩn phi nhân vô nhân bằng cách vô thường... ưu sanh ra.
- Khi thiện và bất thiện vừa diệt thì tâm mót là quả phi nhân vô nhân sanh ra. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức. Xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.
- Uẩn phi nhân vô nhân mở mối cho uẩn phi nhân vô nhân sanh ra.

∗ Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh phản khán Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vedanā)*, đạo, quả bằng Cảnh duyên.
- Nhãn... vật... uẩn phi nhân vô nhân bằng cách vô thường... ưu sanh ra. Khi thiện và bất thiện vừa diệt thì tâm mót là quả phi nhân hữu nhân sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Tha tâm thông rõ tâm người tề toàn tâm phi nhân vô nhân. Uẩn phi nhân vô nhân làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.
- Uẩn phi nhân vô nhân mở mối cho uẩn phi nhân hữu nhân sanh ra.

146.

∗ Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới do nặng về đó rồi phản khán, nhớ lại phước thiện đã làm chứa để trước kia.
- Xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán. Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán, nặng về quả rồi phản khán, nặng về uẩn phi nhân hữu nhân rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng chấp đó nên ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi nhân hữu nhân làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Trưởng duyên:
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi nhân hữu nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho những pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi nhân hữu nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Chư Thánh nặng về Níp Bàn rồi phản khán; Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả bằng Trưởng duyên.
- Nhãn... vật... nặng về uẩn phi nhân vô nhân rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng chấp đó nên ái sanh tà kiến phát.

147.

∗ Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Vô gián duyên:

Uẩn phi nhân hữu nhân sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi nhân hữu nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc... Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Vô gián duyên:
- Tâm tử *(Cuticitta)* phi nhân hữu nhân làm duyên cho tâm sanh *(upatticitta)* phi nhân vô nhân bằng Vô gián duyên.
- hộ kiếp phi nhân hữu nhân làm duyên cho Khai môn, hộ kiếp phi nhân hữu nhân làm duyên cho hộ kiếp phi nhân vô nhân. Uẩn phi nhân hữu nhân làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* phi nhân vô nhân bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Vô gián duyên:

Uẩn phi nhân vô nhân sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi nhân vô nhân sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Khán (ngũ) môn làm duyên cho ngũ thức *(viññāṇa)* bằng Vô gián duyên.

* Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Vô gián duyên:
  Tâm tử phi nhân vô nhân làm duyên cho tâm sanh phi nhân hữu nhân bằng Vô gián duyên. khán (ý) môn làm duyên cho uẩn phi nhân hữu nhân bằng Vô gián duyên. Uẩn phi nhân vô nhân làm duyên cho quả sơ khởi phi nhân hữu nhân bằng Vô gián duyên.

148.

* Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên, có 7 câu không có duyên hiệp trợ *(ghaṭanā)*.
* ... bằng Hỗ tương duyên có 6 câu đề;... bằng Y chỉ duyên: bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisandhi)* có 7 câu đề; không có duyên hiệp trợ *(ghaṭanā)*.

149.

* Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... tóm tắt... gây ngã mạn, chấp tà kiến. nương giới... mong mỏi mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng. Nương đức tin... mong mỏi làm duyên cho đức tin... mong mỏi; đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

* Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
  Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh làm duyên cho thân lạc thân khổ bằng Cận y duyên. Nương giới... mong mỏi làm duyên cho thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên. nương đức tin... mong mỏi làm duyên cho thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.

* Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
  Thuần cận y như: Nương thân lạc làm duyên cho thân lạc thân khổ bằng Cận y duyên. nương thân khổ... quý tiết *(utu)*... vật thực... chỗ ở làm duyên cho thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên. Thân lạc, thân khổ, quý tiết, vật thực, chỗ ở làm duyên cho thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.

* Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  Thuần cận y như: Nương thân lạc mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng. Nương thân khổ... quý tiết... vật thực... chỗ ở mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp tăng. Nương thân lạc... chỗ ở làm duyên cho đức tin... mong mỏi bằng Cận y duyên.

150.

* Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh, Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật... bằng cách vô thường... ưu sanh ra. Khi thiện và bất thiện vừa diệt thì tâm mót là quả phi nhân vô nhân sanh ra. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức. Xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
  - Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức. Thân xứ làm duyên cho thân thức. Vật làm duyên cho uẩn phi nhân vô nhân bằng Tiền sanh duyên.

* Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh, Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật... bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Khi thiện và bất thiện vừa dứt thì tâm mót là quả phi nhân hữu nhân sanh ra;
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn phi nhân hữu nhân bằng Tiền sanh duyên.

151.

∗ Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Hậu sanh duyên:
Uẩn phi nhân hữu nhân làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Hậu sanh duyên:
Uẩn phi nhân vô nhân làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

152.

∗ Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Cố hưởng duyên:
Uẩn phi nhân hữu nhân sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi nhân hữu nhân sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên. thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc. Thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh. Chuyển tộc làm duyên cho đạo, dũ tịnh làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

∗ Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Cố hưởng duyên:
Uẩn phi nhân vô nhân sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi nhân vô nhân sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên.

153.

∗ Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* phi nhân hữu nhân làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi nhân hữu nhân làm duyên cho uẩn quả phi nhân hữu nhân bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư phi nhân hữu nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi nhân hữu nhân làm duyên cho uẩn quả phi nhân vô nhân và sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho những pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư phi nhân hữu nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi nhân hữu nhân làm duyên cho uẩn quả phi nhân hữu nhân và sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Dị thời nghiệp duyên:
Đồng sanh như: Tư phi nhân vô nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư phi nhân vô nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên.

154.

* Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Quả duyên có 3 câu.

* Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Quả duyên có 1 câu.

155.

* Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Thực duyên có 3 câu.

* Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Thực duyên:
  Thực phi nhân vô nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh: Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Thực duyên.

156.

* Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Quyền duyên có 3 câu.

* Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Quyền duyên:
  Quyền phi nhân vô nhân làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh: Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.

157.

* Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Thiền duyên: Sắp cả 4 cách.

* ... bằng Đạo duyên có 3 câu.

158.

* Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Tương ưng duyên:
  1 uẩn phi nhân hữu nhân làm duyên cho 3 uẩn... Sát-na tục sinh...

* Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Tương ưng duyên:
  1 uẩn phi nhân vô nhân làm duyên cho 3 uẩn... Sát-na tục sinh...

159.

* Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Uẩn phi nhân hữu nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...
  - Hậu sanh như: Uẩn phi nhân hữu nhân làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Uẩn phi nhân vô nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên, vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
  - Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn phi nhân vô nhân bằng Bất tương ưng duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn phi nhân vô nhân làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh, vật làm duyên cho uẩn phi nhân hữu nhân bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn phi nhân hữu nhân bằng Bất tương ưng duyên.

160.

∗ Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn phi nhân hữu nhân làm duyên cho 3 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:... nêu ra không giải *(peyyālaṃ)*.

∗ Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho những pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn phi nhân hữu nhân làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh... .

∗ Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như: 1 uẩn phi nhân vô nhân làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Sắp luôn đến người Vô tưởng.
- Tiền sanh như: Nhãn... vật bằng cách vô thường... ưu sanh ra. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức. Nhãn xứ... thân xứ làm duyên cho thân thức. Vật làm duyên cho uẩn phi nhân vô nhân bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi nhân vô nhân làm duyên cho thân ấy sanh trước. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh, vật làm duyên cho uẩn phi nhân hữu nhân bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn... vật bằng cách vô thường... ưu sanh ra. Khi thiện và bất thiện vừa diệt thì tâm mót là quả phi nhân hữu nhân sanh ra.

∗ Chư pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh.

Đồng sanh như: 1 uẩn phi nhân hữu nhân và vật làm duyên cho 3 uẩn... Sát-na tục sinh: 1 uẩn phi nhân hữu nhân và vật làm duyên cho 3 uẩn…

∗ Chư pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như: Uẩn phi nhân hữu nhân và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi nhân hữu nhân và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi nhân hữu nhân và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

161.

Cảnh 4, Trưởng 4, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 7, Hỗ tương 6, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Hậu sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 4, Quả 4, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 3, Tương ưng 2, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 7. Nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng

162.

* Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên.
* Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên.
* Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho những pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân bằng Đồng sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên.
* Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

163.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7,... tóm tắt.. tất cả đều 7, phi Đồng sanh 6, phi Hỗ tương 6, phi Cận y 6, tất cả đều 7, phi Tương ưng 6, phi Bất tương ưng 5, phi Hiện hữu 5, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt đối lập (paccanīya)

164.

Cảnh duyên có phi Trưởng 4,... phi Vô gián 4, tất cả đều 4, phi Vô hữu 4, phi Ly 4, phi Bất ly 4. Nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng, đối lập

165.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Trưởng 4, Bất ly 7. Nên đếm như thế.

Dứt đối lập, thuận tùng

Hết nhị đề phi nhân hữu nhân (na hetusahetukaduka)

NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN *(SAPPACCAYADUKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

166.

Pháp hữu duyên liên quan pháp hữu duyên sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn hữu duyên, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật;... 1 đại sung; sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

167.

Pháp hữu duyên liên quan pháp hữu duyên sanh ra do Cảnh duyên:... tóm tắt... do Bất ly duyên.

168.

Nhân 1, Cảnh 1,... tóm tắt... Bất ly 1.

Dứt thuận tùng

169.

Pháp hữu duyên liên quan pháp hữu duyên sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn hữu duyên thuộc vô nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh vô nhân:... luôn đến người Vô tưởng.
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật... tóm tắt…

170.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, phi Ly 1.

Dứt đối lập (paccanīya)

171.

Nhân duyên có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1,... tóm tắt... phi Ly 1.

Dứt thuận tùng, đối lập

172.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1,... tóm tắt... Bất ly 1.

Dứt đối lập, thuận tùng

Phần đồng sanh cũng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

173.

Pháp hữu duyên ỷ trượng pháp hữu duyên sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng *(paccayā)* 1 uẩn hữu duyên. Sát-na tục sinh: Vật nhờ cậy *(paccayā)* uẩn, uẩn nhờ cậy vật;... 1 đại sung; uẩn hữu duyên nhờ cậy vật *(vatthu)*.

174.

Pháp hữu duyên nhờ cậy pháp hữu duyên sanh ra do Cảnh duyên,... tóm tắt…

Dù phần ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng cũng nên phân rộng như đây.

Nên phân rộng tất cả duyên đều có 1 câu đề.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāro)*

175.

Pháp hữu duyên làm duyên cho pháp hữu duyên bằng Nhân duyên:

Nhân hữu duyên làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

176.

∗ Pháp hữu duyên làm duyên cho pháp hữu duyên bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... rồi nhớ lại, phản khán phước thiện đã tạo chứa trước kia.
- Xuất thiền phản khán thiền. Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả... phiền não đã trừ... phiền não hạn chế... rõ thấu phiền não đã từng sanh trước kia.
- Nhãn... vật... uẩn hữu duyên bằng cách vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Tha tâm thông rõ thấu tâm người tề toàn tâm hữu duyên.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ; Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức. Uẩn hữu duyên làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và chiếu khán *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp vô duyên làm duyên cho pháp hữu duyên bằng Cảnh duyên:
Chư Thánh phản khán Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả, khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

177.

∗ Pháp hữu duyên làm duyên cho pháp hữu duyên bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, …thọ trì thanh tịnh giới.. rồi nặng về đó mới nhớ lại... trước kia... thiền... chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán, nặng về quả…;
- Nhãn... vật... nặng về uẩn hữu duyên rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng chấp đó nên ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu duyên làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp vô duyên làm duyên cho pháp hữu duyên bằng Trưởng duyên:
Trưởng cảnh như: Chư Thánh nặng về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả bằng Trưởng duyên.

178.

Pháp hữu duyên làm duyên cho pháp hữu duyên bằng Vô gián duyên,... tóm tắt... bằng Cận y duyên, Cận y căn có 2 câu đề;... bằng Tiền sanh duyên,... tóm tắt... bằng Bất ly duyên. Tất cả đều có 1 câu đề.

179.

Nhân 1, Cảnh 2, Trưởng 2, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 2, Tiền sanh 1, tất cả đều 1, Bất ly 1. Nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng

180.

∗ Pháp hữu duyên làm duyên cho pháp hữu duyên bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp vô duyên làm duyên cho pháp hữu duyên bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

181.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 1, phi Trưởng 2, phi Vô gián 2, phi Liên tiếp 2,... tóm tắt... phi Cận y 2, phi Tiền sanh 2,... tóm tắt... phi Ly 2, phi Bất ly 2, nên đếm như thế.

Dứt đối lập

182.

Nhân duyên có phi Cảnh 1,... phi Trưởng 1, phi Vô gián 1, phi Liên tiếp 1, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 1,... tóm tắt... phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 1, phi Ly 1. Nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng, đối lập

183.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Trưởng 2, Vô gián 1,... tóm tắt... Cận y 2, Tiền sanh 1,... tóm tắt... Bất ly 1. Nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng, đối lập

Hết nhị đề hữu duyên (sappaccayadukaṃ niṭṭhitaṃ)

NHỊ ĐỀ HỮU VI *(SAṄKHATADUKAṂ)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

184.

Pháp hữu vi liên quan pháp hữu vi sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn hữu vi. Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật;... 1 đại sung. Sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

Nhị đề này trùng như nhị đề hữu duyên không chi khác.

NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN *(SANIDASSANADUKAṂ)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāro)***

185.

∗ Pháp vô kiến liên quan pháp vô kiến sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn vô kiến và sắc tâm thuộc vô kiến liên quan 1 uẩn vô kiến, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh vô kiến liên quan 1 uẩn vô kiến, 2 uẩn…
- Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật;... 1 đại sung. Sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến liên quan đại sung.

∗ Pháp hữu kiến liên quan pháp vô kiến sanh ra do Nhân duyên:

Sắc tâm hữu kiến liên quan uẩn vô kiến. Sát-na tục sinh: Sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến liên quan đại sung.

∗ Chư pháp hữu kiến và vô kiến liên quan pháp vô kiến sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm hữu kiến vô kiến liên quan 1 uẩn vô kiến, 2 uẩn.... Sát-na tục sinh: Sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến và vô kiến liên quan đại sung.

186.

Pháp vô kiến liên quan pháp vô kiến sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn vô kiến, 2 uẩn... sát-na tục sinh... uẩn liên quan vật.

187.

∗ Pháp vô kiến liên quan pháp vô kiến sanh ra do Trưởng duyên:

3 uẩn và sắc tâm vô kiến liên quan 1 uẩn vô kiến, 2 uẩn... 3 đại sung liên quan 1 đại sung, 2 đại sung... sắc tâm thuộc y sinh vô kiến liên quan đại sung.

∗ Pháp hữu kiến liên quan pháp vô kiến sanh ra do Trưởng duyên:

Sắc tâm hữu kiến liên quan uẩn vô kiến. Sắc tâm thuộc y sinh hữu kiến liên quan đại sung.

* Chư pháp hữu kiến và vô kiến liên quan pháp vô kiến sanh ra do Trưởng duyên:
3 uẩn và sắc tâm thuộc hữu kiến và vô kiến liên quan 1 uẩn vô kiến, 2 uẩn...; sắc tâm thuộc y sinh hữu kiến và vô kiến liên quan đại sung,... tóm tắt... nên sắp rộng.

188.

Nhân 3, Cảnh 1, Trưởng 3, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 3, Hỗ tương 1, Y chỉ 3, Cận y 1, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 3, Quả 3, tất cả đều 3, Đạo 3, Tương ưng 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1. Nên đếm như thế.

Dứt thuận thứ (anuloma)

189.

* Pháp vô kiến liên quan pháp vô kiến sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc tâm vô kiến liên quan 1 uẩn vô kiến vô nhân, 2 uẩn... Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung... sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến liên quan đại sung;... sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương *(utujarūpa)*... người Vô tưởng *(asaññasattānaṃ)* …
  - Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

* Pháp hữu kiến liên quan pháp vô kiến sanh ra do phi Nhân duyên:
Sắc tâm hữu kiến liên quan uẩn vô kiến vô nhân. Sát-na tục sinh: Sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến liên quan đại sung;... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến liên quan đại sung.

* Chư pháp hữu kiến và vô kiến liên quan pháp vô kiến sanh ra do phi Nhân duyên:
  - Sắc tâm hữu kiến và vô kiến liên quan 1 uẩn vô kiến vô nhân, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương liên quan đại sung.
  - Người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến và vô kiến liên quan đại sung. Nên sắp như thế này.

190.

Phi Nhân 3, phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt đối lập

191.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, tất cả đều 3, phi Nghiệp 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt thuận tùng, đối lập

192.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 3, Hỗ tương 1, phi Y chỉ 3, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 3,... tóm tắt... phi Thiền 3, phi Đạo 1, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Hiện hữu 3, phi Vô hữu 1, phi Ly 3, phi Bất ly 3

Dứt đối lập, thuận tùng

Phần Ỷ Trượng ***(Paccayavāra)***

193.

Pháp vô kiến nhờ cậy pháp vô kiến sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc tâm vô kiến nhờ cậy (ỷ trượng) 1 uẩn vô kiến, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật,... nhờ cậy 1 đại sung.
- Sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh vô kiến nhờ cậy đại sung; uẩn vô kiến nhờ cậy vật.

(Dù ngoài ra đây) nên sắp 2 câu đề như thế này.

194.

Pháp vô kiến nhờ cậy pháp vô kiến sanh ra do Cảnh duyên: 1 uẩn vô kiến... 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn nhờ cậy vật; nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ, uẩn vô kiến nhờ cậy vật,... tóm tắt…

195.

Nhân 3, Cảnh 1, Trưởng 3... tóm tắt... Bất ly 3.

Dứt thuận tùng

196.

Pháp vô kiến nhờ cậy pháp vô kiến sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc tâm vô kiến nhờ cậy 1 uẩn vô kiến vô nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh vô nhân... luôn đến người Vô tưởng.
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ; uẩn vô kiến vô nhân nhờ cậy vật. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

(Ngoài ra đây), nên sắp có 2 câu đề,... tóm tắt…

197.

Phi Nhân 3, phi Cảnh 3, phi Ly 3.

Dứt đối lập (paccanīya)

198.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Nghiệp 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt thuận tùng, đối lập

199.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Đạo 1, Bất ly 3.

Dứt đối lập, thuận tùng

Phần y chỉ *(nissayavāra)* cũng sắp như thế.

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

200.

Pháp vô kiến hòa hợp pháp vô kiến sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô kiến, 2 uẩn... Tục sinh…

201.

Pháp vô kiến hòa hợp pháp vô kiến sanh ra do Cảnh duyên: Tất cả đây nên phân với những duyên có hiệp trợ *(ghaṭanā)*.

Phần tương ưng cũng như phần hòa hợp *(saṅsaṭṭha)*

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

202.

* Pháp vô kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Nhân duyên: Nhân vô kiến làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm vô kiến bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh…

* Pháp vô kiến làm duyên cho pháp hữu kiến bằng Nhân duyên: Nhân vô kiến làm duyên cho sắc tâm hữu kiến bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh…

* Pháp vô kiến làm duyên cho pháp hữu kiến và pháp vô kiến bằng Nhân duyên: Nhân vô kiến làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm hữu kiến vô kiến bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh…

203.

* Pháp hữu kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Cảnh duyên:
  - Sắc hữu kiến bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn... sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Cảnh duyên.
  - Uẩn hữu kiến làm duyên cho thần thông, túc mạng thông, vị lai thông và chiếu khán *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

* Pháp vô kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Cảnh duyên:
  - Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh nghiệp *(uposathakammaṃ)* rồi phản khán, nhớ lại phước thiện đã làm chứa để trước kia; xuất thiền phản khán thiền.
  - Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh, đạo, quả, chiếu khán bằng Cảnh duyên.
  - Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ... phiền não chất chứa... phiền não đã từng sanh trước kia...
  - Nhãn, thân, thinh, vật... uẩn vô kiến bằng cách vô thường ... ưu sanh ra.
  - Thiên nhĩ nghe tiếng, tha tâm thông rõ thấu tâm người tề toàn tâm vô kiến.
  - Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Thinh xứ làm duyên cho nhĩ thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức.
  - Uẩn vô kiến làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và chiếu khán *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

204.

* Pháp hữu kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Trưởng duyên:
  Trưởng cảnh như: Nặng chấp về sắc vô kiến rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng chấp đó nên ái sanh, tà kiến sanh.

* Pháp vô kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
  - Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí,... nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh nghiệp *(Uposathakammaṃ)* rồi nặng về đó... phước thiện tạo chứa trước... xuất thiền …;
  - Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi... nặng về quả rồi... Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả bằng Trưởng duyên;
  - Nhãn... vật... nặng về uẩn vô kiến rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng chấp đó nên ái sanh tà kiến sanh.
  - Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô kiến làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm vô kiến bằng Trưởng duyên.

* Pháp vô kiến làm duyên cho pháp hữu kiến bằng Trưởng duyên:
  Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô kiến làm duyên cho sắc tâm hữu kiến bằng Trưởng duyên

* Pháp vô kiến làm duyên cho những pháp hữu kiến và vô kiến bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô kiến làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm hữu kiến bằng và vô kiến bằng Trưởng duyên.

205.

Pháp vô kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Vô gián duyên:

Uẩn vô kiến sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô kiến sanh sau sau bằng Vô gián duyên. thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc, chuyển tộc làm duyên cho Đạo; Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

206.

Pháp vô kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên có 3 câu,... bằng Hỗ tương duyên có 1 câu,... bằng Y chỉ duyên có 3 câu.

207.

∗ Pháp hữu kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Cận y duyên có Cảnh cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: người mong mỏi đầy đủ sắc đẹp *(vaṇṇasampadaṃ)* nên bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh giới;
- Mong mỏi tài sản nhan sắc *(vaṇṇasampadā),* đức tin... hi vọng *(patthanā)* làm duyên cho thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp vô kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nặng về đức tin có thể bố thí... làm cho nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến; giới... nặng về chỗ ở có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng. Đức tin... chỗ ở làm duyên cho đức tin... quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

208.

∗ Pháp hữu kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Tiền sanh duyên:

Sắc hữu kiến bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp vô kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật bằng lối vô thường... ưu sanh ra. thiên nhĩ nghe tiếng. Thinh xứ làm duyên cho nhĩ thức. Xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức. Vật làm duyên cho uẩn vô kiến bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp hữu kiến và vô kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

Sắc xứ và vật làm duyên cho uẩn vô kiến bằng Tiền sanh duyên. Sắc xứ và nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Tiền sanh duyên.

209.

∗ Pháp vô kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Hậu sanh duyên:

Uẩn vô kiến sanh sau làm duyên cho thân vô kiến ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp vô kiến làm duyên cho pháp hữu kiến bằng Hậu sanh duyên:

Uẩn vô kiến sanh sau làm duyên cho thân hữu kiến sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp vô kiến làm duyên cho những pháp hữu kiến và vô kiến bằng Hậu sanh duyên:

Uẩn vô kiến sanh sau làm duyên cho thân hữu kiến và vô kiến ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

210.

Pháp vô kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Cố hưởng duyên ;... trước *(Purimā)*…

211.

∗ Pháp vô kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* vô kiến làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm vô kiến bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư vô kiến làm duyên cho uẩn quả vô kiến và sắc tục sinh vô kiến bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp vô kiến làm duyên cho pháp hữu kiến bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời: Nên phân rộng ra

∗ Pháp vô kiến làm duyên cho những pháp hữu kiến và vô kiến bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời: Nên phân rộng ra

212.

∗ Pháp vô kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Quả duyên có 3 câu.

∗ ... bằng Thực duyên có 3 câu, nên sắp đoàn thực *(kabalinkārāhāra)* trong cả 3 câu đề.

∗ ... bằng Quyền duyên có 3 câu, nên sắp sắc mạng quyền *(rūpajīvatindriya)* trong cả 3 câu.

∗ ... bằng Thiền duyên có 3 câu,... bằng Đạo duyên có 3 câu,... bằng Tương ưng duyên có 1 câu.

213.

∗ Pháp vô kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn vô kiến làm duyên cho sắc tâm vô kiến bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn vô kiến làm duyên cho sắc tục sinh vô kiến bằng Bất tương ưng duyên;
- Uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên. Vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn vô kiến bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô kiến làm duyên cho thân vô kiến ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô kiến làm duyên cho pháp hữu kiến bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

Đồng sanh như: Uẩn vô kiến làm duyên cho sắc tâm hữu kiến bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn vô kiến sanh sau làm duyên cho thân hữu kiến ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô kiến làm duyên cho những pháp hữu kiến và vô kiến bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

Đồng sanh như: Uẩn vô kiến làm duyên cho sắc tâm hữu kiến và vô kiến bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn vô kiến sanh sau làm duyên cho thân hữu kiến và vô kiến ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

214.

∗ Pháp hữu kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Hiện hữu duyên:
Sắc hữu kiến bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp vô kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như: 1 uẩn vô kiến làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm vô kiến bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... tóm tắt... luôn đến người Vô tưởng.
- Tiền sanh như: Nhãn... vật, bằng cách vô thường... ưu sanh ra. thiên nhĩ nghe tiếng. Thinh xứ làm duyên cho nhĩ thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức, nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn vô kiến bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô kiến làm duyên cho thân vô kiến ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân vô kiến ấy bằng Hiện hữu duyên. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh vô kiến bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp vô kiến làm duyên cho pháp hữu kiến bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như: Uẩn vô kiến làm duyên cho sắc tâm hữu kiến bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Đại sung làm duyên cho sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến bằng Hiện hữu duyên; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương…; người Vô tưởng: Đại sung làm duyên cho sắc hữu kiến bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô kiến làm duyên cho thân hữu kiến ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân hữu kiến ấy bằng Hiện hữu duyên; sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh hữu kiến bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp vô kiến làm duyên cho những pháp hữu kiến và vô kiến bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
Đồng sanh như: 1 uẩn vô kiến làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm hữu kiến và vô kiến bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Đại sung làm duyên cho sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến và vô kiến bằng Hiện hữu duyên; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương…; người Vô tưởng: Đại sung làm duyên cho sắc tục sinh thuộc y sinh hữu kiến và vô kiến bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp hữu kiến và vô kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Hiện hữu duyên:
Tiền sanh như: Sắc xứ và vật làm duyên cho uẩn vô kiến bằng Hiện hữu duyên. Sắc xứ và nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Hiện hữu duyên,... bằng Vô hữu duyên,... bằng Ly duyên,... bằng Bất ly duyên.

215.

Nhân 3, Cảnh 2, Trưởng 4, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 3, Hỗ tương 1, Y chỉ 3, Cận y 2, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 1, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 5. Nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng

216.

∗ Pháp hữu kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

Pháp vô kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

* Pháp vô kiến làm duyên cho pháp hữu kiến bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

* Pháp vô kiến làm duyên cho những pháp hữu kiến và vô kiến bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

Chư pháp hữu kiến và vô kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Tiền sanh duyên.

217.

Phi Nhân 5, phi Cảnh 4, phi Trưởng 5, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Đồng sanh 5, phi Hỗ tương 5, phi Y chỉ 4, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 5, tất cả đều 5, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 4, phi Hiện hữu 4, phi Vô hữu 5, phi Ly 5, phi Bất ly 4.

Dứt đối lập

218.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3,... tóm tắt... phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt thuận tùng, đối lập

219.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Trưởng 4, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 3, Hỗ tương 1, Y chỉ 3, Cận y 2, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3,... tóm tắt.. Đạo 3, Tương ưng 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 5.

Dứt đối lập, thuận tùng

Hết nhị đề hữu kiến (sanidassanadukaṃ)

NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU *(SAPPAṬIGHADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

220.

* Pháp hữu đối chiếu liên quan pháp hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:

2 đại sung liên quan 1 đại sung hữu đối chiếu,... 1 đại sung liên quan 2 đại sung, sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh hữu đối chiếu liên quan đại sung hữu đối chiếu. Nhãn xứ, vị xứ liên quan xúc xứ.

* Pháp vô đối chiếu liên quan pháp hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:

Chất nước *(āpodhātu)* liên quan đại sung hữu đối chiếu, sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh vô đối chiếu liên quan đại sung hữu đối chiếu. Thủy chất *(āpodhātu)*, nữ quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ.

* Chư pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu liên quan pháp hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:

2 đại sung và thủy chất liên quan 1 đại sung hữu đối chiếu, 2 đại sung... sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh hữu đối chiếu và vô đối chiếu liên quan đại sung hữu đối chiếu; nhãn xứ, vị xứ, thủy chất, nữ quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ.

* Pháp vô đối chiếu liên quan pháp vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc tâm vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô đối chiếu, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; sắc tâm, sắc tục sinh thuộc y sinh vô đối chiếu liên quan thủy chất; nữ quyền, đoàn thực liên quan thủy chất.

* Pháp hữu đối chiếu liên quan pháp vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc tâm hữu đối chiếu liên quan uẩn vô đối chiếu. Sát-na tục sinh: Đại sung hữu đối chiếu liên quan thủy chất; sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh hữu đối chiếu liên quan thủy chất. Nhãn xứ và xúc xứ liên quan thủy chất.

* Chư pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu liên quan pháp vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc tâm hữu đối chiếu và vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô đối chiếu, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Sắc tâm, sắc tục sinh thuộc y sinh hữu đối chiếu và vô đối chiếu liên quan thủy chất. Nhãn xứ, xúc xứ, nữ quyền, đoàn thực liên quan thủy chất.

* Pháp hữu đối chiếu liên quan những pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc tâm hữu đối chiếu liên quan uẩn hữu đối chiếu và đại sung. Sát-na tục sinh: 2 đại sung liên quan 1 đại sung hữu đối chiếu và thủy chất. Sắc tâm và sắc tục sinh hữu đối chiếu liên quan đại sung hữu đối chiếu và thủy chất; nhãn xứ và vị xứ liên quan xúc xứ và thủy chất.

* Pháp vô đối chiếu liên quan những pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
  - Sắc tâm vô đối chiếu liên quan uẩn hữu đối chiếu và đại sung. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh vô đối chiếu liên quan uẩn vô đối chiếu và đại sung;
  - Sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh vô đối chiếu liên quan xúc xứ và thủy chất. Nữ quyền và đoàn thực liên quan xúc xứ và thủy chất.

* Chư pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu liên quan pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
  - Sắc tâm hữu đối chiếu và vô đối chiếu liên quan uẩn vô đối chiếu và đại sung. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh hữu đối chiếu và vô đối chiếu liên quan uẩn vô đối chiếu và đại sung. Sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh hữu đối chiếu và vô đối chiếu liên quan xúc xứ và thủy chất;
  - Nhãn xứ, vị xứ, nữ quyền, đoàn thực liên quan xúc xứ và thủy chất.

221.

Pháp vô đối chiếu liên quan pháp vô đối chiếu sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô đối chiếu, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn liên quan vật.

222.

* Pháp hữu đối chiếu liên quan pháp hữu đối chiếu sanh ra do Trưởng duyên: Nên trừ ra tục sinh *(paṭisandhi)* và sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)*.
* ... Do Vô gián duyên, do Liên tiếp duyên, do Đồng sanh duyên; tất cả câu đề đều nên sắp có đại sung.

223.

* ... Do Hỗ tương duyên:
  2 đại sung liên quan 1 đại sung hữu đối chiếu, 2 đại sung…
* Pháp vô đối chiếu liên quan pháp hữu đối chiếu sanh ra do Hỗ tương duyên:
  Thủy chất liên quan đại sung hữu đối chiếu.
* Chư pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu liên quan pháp hữu đối chiếu sanh ra do Hỗ tương duyên:
  2 đại sung và thủy chất liên quan 1 đại sung hữu đối chiếu, 2 đại sung…
* Pháp vô đối chiếu liên quan pháp vô đối chiếu sanh ra do Hỗ tương duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn vô đối chiếu, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật.
* Pháp hữu đối chiếu liên quan pháp vô đối chiếu sanh ra do Hỗ tương duyên:
  Đại sung hữu đối chiếu liên quan thủy chất. Nên sắp đại sung nội và ngoại ấy *(ajjhattikabāhirā mahābhutā).*
* Pháp hữu đối chiếu liên quan những pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu sanh ra do Hỗ tương duyên:
  2 đại sung liên quan 1 đại sung hữu đối chiếu và thủy chất.
* ... Do Y chỉ duyên,... do Bất ly duyên.

224.

Nhân 9, Cảnh 1, Trưởng 9, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 1, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 1, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 9.

Dứt thuận tùng

225.

* Pháp hữu đối chiếu liên quan pháp hữu đối chiếu sanh ra do phi Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp vô đối chiếu liên quan pháp vô đối chiếu sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc tâm vô đối chiếu liên quan 1 uẩn vô đối chiếu vô nhân, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật. Sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh vô đối chiếu liên quan thủy chất;
  - Nữ quyền, đoàn thực liên quan thủy chất. Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh vô đối chiếu liên quan thủy chất;
  - Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.
  - Phần vô đối chiếu căn *(mūla)* nên sắp 2 câu đề, duyên hiệp trợ có 3 câu. (Sắc) Nội và ngoại *(ajjhattikābāhirā mahābhutā)* tất cả đều có đại sung, người hiểu biết nên sắp ra.

226.

Pháp hữu đối chiếu liên quan pháp hữu đối chiếu sanh ra do phi Cảnh duyên,... tóm tắt... do phi Ly duyên.

227.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Hỗ tương 9, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 9, phi Quyền 9, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

Dứt đối lập

228.

Nhân duyên có phi Cảnh 9,... phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Hỗ tương 9, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 1, phi Quả 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

Dứt thuận tùng, đối lập

229.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 1, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 9,... tóm tắt... Đạo 1, Tương ưng 1, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 9.

Dứt đối lập, thuận tùng

Phần đồng sanh cũng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*

Phần Ỷ Trượng ***(Paccayavāra)***

230.

∗ Pháp hữu đối chiếu ỷ trượng pháp hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp vô đối chiếu ỷ trượng pháp vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm vô đối chiếu ỷ trượng 1 uẩn vô đối chiếu, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh vô đối chiếu ỷ trượng thủy chất;
- Nữ quyền, đoàn thực ỷ trượng thủy chất, uẩn vô đối chiếu ỷ trượng vật.

5 câu đề ngoài ra cũng như phần liên quan.

231.

∗ Pháp vô đối chiếu ỷ trượng pháp hữu đối chiếu sanh ra do Cảnh duyên:
Nhãn thức ỷ trượng (nhờ cậy) nhãn xứ, thân thức ỷ trượng thân xứ.

∗ Pháp vô đối chiếu ỷ trượng pháp vô đối chiếu sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn vô đối chiếu, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn vô đối chiếu ỷ trượng vật.

∗ Pháp vô đối chiếu ỷ trượng những pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ, 3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn đồng sanh thân thức và thân xứ.

∗ ... Do Trưởng duyên,... tóm tắt... do Bất ly duyên.

232.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 1, Nghiệp 9, Bất ly 9.

Cách ngược *(pacdanīya)* đến đây nên đếm như thế.

Phần y chỉ *(nissayavāra)* như phần ỷ trượng *(pacayavarasadiso)*.

Phần hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)* tất cả đều có 1 câu đề,... tóm tắt... do Bất ly duyên cũng có 1 câu đề.

Cả 2 phần nên sắp ra.

Phần Vấn Đề ***(Pañhāvāra)***

233.

∗ Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Nhân duyên:
Nhân vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm vô đối chiếu bằng Nhân duyên. Tục sinh…

∗ Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu đối chiếu bằng Nhân duyên:
Nhân vô đối chiếu làm duyên cho sắc tâm hữu đối chiếu bằng Nhân duyên. Tục sinh…

∗ Pháp vô đối chiếu làm duyên cho những pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu bằng Nhân duyên:
Nhân vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm hữu đối chiếu và vô đối chiếu bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh…

234.

∗ Pháp hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Cảnh duyên:
- Nhãn... xúc *(phottabba)* bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức. Xúc xứ làm duyên cho thân thức;
- Uẩn hữu đối chiếu làm duyên cho thần thông, túc mạng thông, vị lai thông và khán chiếu *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp *(uposathakamma)* rồi nhớ lại, phản khán phước thiện đã tạo chứa trước kia.
- Xuất thiền phản khán thiền, chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vedanā)*, đạo, quả và khán chiếu bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ... phản khán phiền não chứa để, rõ thấu phiền não đã từng sanh trước kia…
- Vật... nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, thủy chất... Đoàn thực bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Tha tâm thông rõ thấu tâm người tề toàn tâm vô đối chiếu. Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
- Uẩn vô đối chiếu làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán chiếu bằng Cảnh duyên.

235.

∗ Pháp hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Trưởng duyên:
Trưởng cảnh như: Nhãn... nặng về xúc *(phottabba)* rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng chấp đó nên ái sanh, tà kiến phát ra.

∗ Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp... do nặng chấp đó rồi... phước thiện đã từng tạo chứa trước kia…;
- Xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán. Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán... nặng về quả rồi…; Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả bằng Trưởng duyên.
- Vật... nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, thủy chất... nặng về đoàn thực rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng (chấp) đó nên ái sanh, tà kiến phát ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm vô đối chiếu bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu đối chiếu bằng Trưởng duyên:
Trưởng vô đối chiếu làm duyên cho sắc tâm hữu đối chiếu bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp vô đối chiếu làm duyên cho những pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm hữu đối chiếu và vô đối chiếu bằng Trưởng duyên.

236.

Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Vô gián duyên: Uẩn vô đối chiếu sanh trước trước... quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

237.

Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Liên tiếp duyên.

238.

∗ Pháp hữu đối chiếu làm duyên cho pháp hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên có 9 câu.

∗ ... bằng Hỗ tương duyên có 6 câu,... bằng Y chỉ duyên có 9 câu.

239.

∗ Pháp hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Cận y duyên có Cảnh cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương âm dương... chỗ ở mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng. Âm dương, chỗ ở làm duyên cho đức tin... quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... chấp trước tà kiến. Nương giới... thân lạc... thân khổ... vật thực mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng;
- Đức tin... chỗ ở làm duyên cho đức tin... quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

240.

∗ Pháp hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh.

- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... xúc *(phottabba)* bằng cách vô thường... ưu sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức. Thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh, Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Vật... nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, thủy chất... Đoàn thực bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh, Vật tiền sanh:

Nhãn xứ và vật, xúc xứ và vật làm duyên cho uẩn vô đối chiếu bằng Tiền sanh duyên.

241.

Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Hậu sanh duyên:

- Uẩn vô đối chiếu sanh sau làm duyên cho thân vô đối chiếu ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên;
- Uẩn vô đối chiếu sanh sau làm duyên cho thân hữu đối chiếu ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên;

- Uẩn vô đối chiếu sanh sau làm duyên cho thân hữu đối chiếu và vô đối chiếu ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

Nên sắp căn của 2 duyên.

242.

Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Cố hưởng duyên: Uẩn vô đối chiếu sanh trước trước... dũ tịnh làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

243.

∗ Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm vô đối chiếu bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư vô đối chiếu làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh vô đối chiếu bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu đối chiếu bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm hữu đối chiếu bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư vô đối chiếu làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh hữu đối chiếu bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp vô đối chiếu làm duyên cho những pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời,... tóm tắt...

244.

Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Quả duyên:
... quả vô đối chiếu có 3 câu.

245.

Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Thực duyên:
Thực vô đối chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm vô đối chiếu bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh: Đoàn thực làm duyên cho thân vô đối chiếu ấy bằng Thực duyên.

Ngoài ra 2 câu đề, nên sắp có tục sinh và đoàn thực, nên sắp cả 2 câu chót.

246.

∗ Pháp hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Quyền duyên:
Nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức, thân quyền làm duyên cho thân thức bằng Quyền duyên.

∗ Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Quyền duyên có 3 câu, nên sắp mạng quyền trong 3 câu chót.

∗ Chư pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Quyền duyên:
- Nhãn quyền và nhãn thức làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Quyền duyên;
- Thân quyền và thân thức làm duyên cho uẩn Đồng sanh thân thức bằng Quyền duyên.

247.

... bằng Thiền duyên có 3 câu,... bằng Đạo duyên có 3 câu,... bằng Tương ưng duyên có 1 câu.

248.

∗ Pháp hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên:
Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn vô đối chiếu làm duyên cho sắc tâm vô đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên; sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên. Vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn vô đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô đối chiếu làm duyên cho thân vô đối chiếu ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn vô đối chiếu làm duyên cho sắc tâm hữu đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh…
- Hậu sanh như: Uẩn vô đối chiếu làm duyên cho thân hữu đối chiếu ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu đối chiếu và pháp vô đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn vô đối chiếu làm duyên cho sắc tâm hữu đối chiếu và vô đối chiếu bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh…
- Hậu sanh như: Uẩn vô đối chiếu làm duyên cho thân hữu đối chiếu và vô đối chiếu ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

249.

∗ Pháp hữu đối chiếu làm duyên cho pháp hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên có 1 câu trùng như câu ban đầu trong phần liên quan.

∗ Pháp hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Đại sung hữu đối chiếu làm duyên cho thủy chất bằng Hiện hữu duyên. Đại sung hữu đối chiếu làm duyên cho sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.
- Xúc xứ làm duyên cho nữ quyền và đoàn thực bằng Hiện hữu duyên, sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng…
- Tiền sanh như: Nhãn... xúc *(phottabba)* bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức. Xúc xứ làm duyên cho thân thức, nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp hữu đối chiếu làm duyên cho những pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên:
1 đại sung hữu đối chiếu làm duyên cho 2 đại sung và thủy chất bằng Hiện hữu duyên; trùng như phần liên quan luôn đến người Vô tưởng.

∗ Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: 1 uẩn vô đối chiếu làm duyên cho 3 uẩn,... luôn đến người Vô tưởng.
- Tiền sanh như: Vật... nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, thủy chất... Đoàn thực bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Vật làm duyên cho uẩn vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn vô đối chiếu làm duyên cho thân vô đối chiếu ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên; đoàn thực làm duyên cho thân vô đối chiếu ấy bằng Hiện hữu duyên. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.

* Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
  - Đồng sanh như: Uẩn vô đối chiếu làm duyên cho sắc tâm hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Thủy chất làm duyên cho đại sung hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên. Thủy chất làm duyên cho sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên; thủy chất làm duyên cho nhãn xứ và xúc xứ bằng Hiện hữu duyên, sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng…
  - Hậu sanh như: Uẩn vô đối chiếu làm duyên cho thân hữu đối chiếu ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
  - Đoàn thực làm duyên cho thân hữu đối chiếu ấy bằng Hiện hữu duyên.
  - Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.

* Pháp vô đối chiếu làm duyên cho những pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
  - Đồng sanh như: 1 uẩn vô đối chiếu làm duyên cho 3 uẩn hữu đối chiếu và vô đối chiếu... giống như phần liên quan, luôn đến người Vô tưởng…
  - Hậu sanh như: Uẩn vô đối chiếu làm duyên cho thân hữu đối chiếu và vô đối chiếu ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
  - Đoàn thực làm duyên cho thân hữu đối chiếu và vô đối chiếu ấy bằng Hiện hữu duyên.
  - Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh hữu đối chiếu và vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên.

* Chư pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu đối chiếu bằng Hiện hữu duyên trùng như phần liên quan, luôn đến người Vô tưởng.

* Chư pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: Uẩn vô đối chiếu và đại sung làm duyên cho sắc tâm vô đối chiếu... trùng như phần liên quan, luôn đến người Vô tưởng.
  - Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ làm duyên cho 3 uẩn,... 2 uẩn,... 1 uẩn đồng sanh thân thức và thân xứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

* Chư pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu đối chiếu và pháp vô đối chiếu bằng Hiện hữu duyên trùng như phần liên quan

250.

Nhân 3, Cảnh 2, Trưởng 4, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 2, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 1, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 5,

Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 1, Bất tương ưng 4, Hiện hữu 9, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 9. Nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng (anuloma)

251.

* Pháp hữu đối chiếu làm duyên cho pháp hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.
* Pháp hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp hữu đối chiếu làm duyên cho pháp hữu đối chiếu và pháp vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.
* Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp vô đối chiếu làm duyên cho những pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Chư pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu làm duyên cho pháp hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.
* Chư pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu làm duyên cho những pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu bằng Đồng sanh duyên.

252.

Phi Nhân 9,... tóm tắt... phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Đồng sanh 4, phi Hỗ tương 9, phi Y chỉ 4, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9,... tóm tắt... phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 4, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 4.

Dứt đối lập

253.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... tóm tắt... phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3,... tóm tắt... phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt thuận tùng, đối lập

254.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Trưởng 4, nên đếm như đầu đề thuận *(anuloma mātikā)*,... Bất ly 9.

Dứt đối lập, thuận tùng
Hết nhị đề hữu đối chiếu (sappaṭighaduka)

NHỊ ĐỀ SẮC *(RUPIDUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

255.

∗ Pháp sắc liên quan pháp sắc sanh ra do Nhân duyên:
3 đại sung liên quan 1 đại sung, 2 đại sung... sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp phi sắc liên quan pháp sắc sanh ra do Nhân duyên:
Sắc nghiệp tục sinh: Uẩn phi sắc *(arūpa)* liên quan vật.

∗ Chư pháp sắc và phi sắc liên quan pháp sắc sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn phi sắc liên quan vật, sắc tục sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp phi sắc liên quan pháp phi sắc sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn phi sắc, 2 uẩn... Tục sinh…

∗ Pháp sắc liên quan pháp phi sắc sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn phi sắc. Tục sinh…

∗ Pháp sắc và phi sắc liên quan pháp phi sắc sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi sắc, 2 uẩn... Tục sinh…

∗ Pháp sắc liên quan những pháp sắc và phi sắc sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn phi sắc và đại sung. Sát-na tục sinh:

∗ Pháp phi sắc liên quan những pháp sắc và phi sắc sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi sắc và vật, 2 uẩn...

∗ Chư pháp sắc và phi sắc liên quan những pháp sắc và phi sắc sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi sắc và vật, 2 uẩn... sắc tục sinh liên quan uẩn phi sắc và đại sung,... tóm tắt…

256.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 5, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 9.

Dứt thuận tùng

257.

∗ Pháp sắc liên quan pháp sắc sanh ra do phi Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi sắc liên quan pháp phi sắc sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn phi sắc vô nhân, 2 uẩn... Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ ... Do phi Nhân duyên có 9 câu đề, nên quyết định thuộc về vô nhân.

258.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 2, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt đối lập

259.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 1, phi Quả 5, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt thuận tùng, đối lập

260.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 1, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 9.

Dứt đối lập, thuận tùng

Phần đồng sanh cũng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

261.

∗ Pháp sắc nhờ cậy pháp sắc sanh ra do Nhân duyên:
1 đại sung... như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp phi sắc nhờ cậy pháp sắc sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn phi sắc nhờ cậy vật. Tục sinh…

∗ Chư pháp sắc và phi sắc nhờ cậy pháp sắc sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn phi sắc nhờ cậy vật, sắc tâm nhờ cậy đại sung. Tục sinh…
Những câu đề ngoài ra nên sắp bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisandhi)* .

262.

∗ Pháp phi sắc nhờ cậy pháp sắc sanh ra do Cảnh duyên:
Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ, uẩn phi sắc nhờ cậy vật. Tục sinh…

∗ Pháp phi sắc nhờ cậy pháp phi sắc sanh ra do Cảnh duyên:
1 uẩn phi sắc,... 2 uẩn... Tục sinh…

∗ Pháp phi sắc nhờ cậy những pháp sắc và phi sắc sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ,... 2 uẩn... đồng sanh thân thức; 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi sắc và vật,... 2 uẩn... tóm tắt…

263.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 9,... tóm tắt... Đạo 9, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 9.

Dứt thuận tùng

264.

∗ Pháp sắc ỷ trượng pháp sắc sanh ra do phi Nhân duyên:
1 đại sung,... tóm tắt... người Vô tưởng: 1 đại sung... tóm tắt…

∗ Pháp phi sắc ỷ trượng pháp sắc sanh ra do phi Nhân duyên:
Nhãn thức ỷ trượng (nhờ cậy) nhãn xứ, thân thức ỷ trượng thân xứ, uẩn phi sắc vô nhân ỷ trượng vật. Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng vật.

∗ Chư pháp sắc và phi sắc ỷ trượng pháp sắc sanh ra do phi Nhân duyên: Nên sắp có tục sinh và bình nhựt.

∗ Pháp phi sắc ỷ trượng pháp phi sắc sanh ra do phi Nhân duyên:

... 1 uẩn phi sắc vô nhân, sát-na tục sinh: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp sắc ỷ trượng pháp phi sắc sanh ra do phi Nhân duyên:
Sắc tâm ỷ trượng uẩn phi sắc, tục sinh…

∗ Chư pháp sắc và phi sắc ỷ trượng pháp phi sắc sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi sắc …, 2 uẩn, tục sinh...

∗ Pháp sắc ỷ trượng những pháp sắc và phi sắc sanh ra do phi Nhân duyên:
Sắc tâm ỷ trượng uẩn phi sắc và đại sung. Tục sinh…

∗ Pháp phi sắc ỷ trượng những pháp sắc và phi sắc sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ,... 2 uẩn,... đồng sanh thân thức,... 3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn phi sắc và vật, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

∗ Chư pháp sắc và phi sắc ỷ trượng những pháp sắc và phi sắc sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn vô nhân ỷ trượng 1 uẩn phi sắc và vật, 2 uẩn... sắc tâm ỷ trượng uẩn phi sắc và đại sung, tục sinh…

265.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 4, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt đối lập

266.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... tóm tắt... nên sắp tất cả, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt thuận tùng, đối lập

267.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3, nên sắp tất cả,... Thiền 9, Đạo 3,... tóm tắt... Bất ly 9.

Dứt đối lập, thuận tùng

Phần y chỉ *(nissayavāra)* như phần ỷ trượng (nhờ cậy).

<u>Phần Hòa Hợp</u> *(Saṅsaṭṭhavāra)*

268.

Pháp phi sắc hòa hợp pháp phi sắc sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi sắc,... 2 uẩn, tục sinh…

269.

Phi Nhân 1, phi Bất ly 1.

Cách đếm ngược *(paccanīya)* 3 câu như thế này. Phần tương ưng *(sampayuttavāra)* đều sắp 1 câu đề.

<u>Phần Vấn Đề</u> *(Pañhāvāra)*

270.

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Nhân duyên: Nhân phi sắc làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Tục sinh…

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho pháp sắc bằng Nhân duyên: Nhân phi sắc làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh…

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho những pháp sắc và phi sắc bằng Nhân duyên: Nhân phi sắc làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh…

271.

∗ Pháp sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Cảnh duyên:
Nhãn... vật, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, thủy chất... Đoàn thực bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Cảnh duyên. Xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên; uẩn sắc làm duyên cho thần thông, túc mạng thông, vị lai thông và khán chiếu bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Cảnh duyên:
- Bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi nhớ lại. Phản khán phước thiện đã tạo chứa trước kia;... thiền;
- Chư Thánh xuất đạo... phản khán quả. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, Quả, khán chiếu bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ... phiền não hạn chế... sanh trước kia... uẩn phi sắc bằng cách vô thường... ưu sanh ra. Tha tâm thông rõ thấu tâm người tề toàn tâm phi sắc;
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Uẩn phi sắc làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán chiếu bằng Cảnh duyên.

272.

∗ Pháp sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Trưởng duyên:
Trưởng cảnh như: Nhãn... nặng về đoàn thực rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng chấp đó nên ái sanh hay tà kiến sanh.

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Bố thí... tóm tắt... Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả bằng Trưởng duyên. nặng về uẩn phi sắc rồi thỏa thích... có thể ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi sắc làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho pháp sắc bằng Trưởng duyên:
Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi sắc làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho những pháp sắc và phi sắc bằng Trưởng duyên:
Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi sắc làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

273.

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Vô gián duyên: Uẩn phi sắc sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi sắc sanh sau sau và quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ ... bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên có 7 câu, không có duyên hiệp trợ;... bằng Hỗ tương duyên có 6 câu,... bằng Y chỉ duyên có 7 câu không có duyên hiệp trợ *(mihahaṭanā natthi)*.

274.

∗ Pháp sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Cận y duyên có Cảnh cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương âm dương... vật thực... chỗ ở mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng.
- Âm Dương, vật thực, chỗ ở làm duyên cho đức tin... quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... trì giới... nương thân khổ mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng. Đức tin... thân khổ làm duyên cho đức tin... quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

275.

∗ Pháp sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật... đoàn thực bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức. Vật làm duyên cho uẩn phi sắc bằng Tiền sanh duyên.

276.

Pháp phi sắc làm duyên cho pháp sắc bằng Hậu sanh duyên: Uẩn phi sắc sanh sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

277.

Pháp phi sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Cố hưởng duyên:... trước trước... .

278.

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* phi sắc làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi sắc làm duyên cho uẩn quả bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho pháp sắc bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư phi sắc làm duyên cho sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi sắc làm duyên cho sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho những pháp sắc và phi sắc bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư phi sắc làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi sắc làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên.

279.

Pháp phi sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Quả duyên có 3 câu.

280.

∗ Pháp sắc làm duyên cho pháp sắc bằng Thực duyên: Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Thực duyên.

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Thực duyên có 3 câu.

281.

∗ Pháp sắc làm duyên cho pháp sắc bằng Quyền duyên: Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.

∗ Pháp sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Quyền duyên: Nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức, thân quyền làm duyên cho thân thức bằng Quyền duyên.

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Quyền duyên có 3 câu.

∗ Chư pháp sắc và phi sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Quyền duyên: Nhãn quyền và nhãn thức làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Quyền duyên. Thân quyền…

282.

Pháp phi sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Thiền duyên có 3 câu,... bằng Đạo duyên có 3 câu,... bằng Tương ưng duyên có 1 câu.

283.

∗ Pháp sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh, vật làm duyên cho uẩn phi sắc bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn phi sắc bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho pháp sắc bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn phi sắc làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn phi sắc làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi sắc làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

284.

∗ Pháp sắc làm duyên cho pháp sắc bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Thực và Quyền:

Đồng sanh như: 1 đại sung... luôn đến người Vô tưởng…. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên, sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh, vật làm duyên cho uẩn phi sắc bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn... Đoàn thực bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn... thiên nhĩ... sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức, nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn phi sắc bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn phi sắc làm duyên cho 3 uẩn, 2 uẩn... sát-na tục sinh…

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho pháp sắc bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Uẩn phi sắc làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh…
- Hậu sanh như: Uẩn phi sắc làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho những pháp sắc và phi sắc bằng Hiện hữu duyên:
1 uẩn phi sắc làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp sắc và phi sắc làm duyên cho pháp sắc bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như: Uẩn phi sắc và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi sắc và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi sắc và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp sắc và phi sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên;... 2 uẩn; 1 uẩn phi sắc đồng sanh thân thức và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 1 uẩn phi sắc và vật làm duyên cho 3 uẩn,... 2 uẩn.

∗ ... bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

285.

Nhân 3, Cảnh 2, Trưởng 4, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 7, Hỗ tương 6, Y chỉ 7, Cận y 2, Tiền sanh 1, Hậu sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 4, Quyền 6, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 1, Bất tương ưng 2, Hiện hữu 7, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 7. Nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng (anuloma)

286.

∗ Pháp sắc làm duyên cho pháp sắc bằng Đồng sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho pháp sắc bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp phi sắc làm duyên cho những pháp sắc và phi sắc bằng Đồng sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Chư pháp sắc và phi sắc làm duyên cho pháp sắc bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Chư pháp sắc và phi sắc làm duyên cho pháp phi sắc bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên.

287.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 6, phi Hỗ tương 6, phi Y chỉ 6, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7,... tóm tắt... phi Đạo 7, phi Tương ưng 6, phi Bất tương ưng 5, phi Hiện hữu 4, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 4. Nên đếm như thế.

288.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 3, tất cả đều 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 3, phi Ly 3. Nên đếm như thế.

Dứt thuận tùng, đối lập

289.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... trưởng 4. Nên sắp theo đầu đề thuận *(anuloma mātikā)*... phi Bất ly 7.

Dứt nghịch thuận
Hết nhị đề sắc (rūpīdukaṃ niṭṭhitaṃ)

NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ *(Lokiyaduka)*

<u>Phần Liên Quan</u> ***(Paṭiccavāra)***

290.

∗ Pháp hiệp thế liên quan pháp hiệp thế sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn hiệp thế,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật;... 1 đại sung. Sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp siêu thế liên quan pháp siêu thế sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn siêu thế,... 2 uẩn.

∗ Pháp hiệp thế liên quan pháp siêu thế sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn siêu thế.

∗ Chư pháp hiệp thế và siêu thế liên quan pháp siêu thế sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn siêu thế, …2 uẩn.

∗ Pháp hiệp thế liên quan những pháp hiệp thế và siêu thế sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn siêu thế và đại sung.

291.

Nhân 5, Cảnh 2, Trưởng 5, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 5, Cận y 2, Tiền sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 5, Quả 5, Thực 5, Quyền 5, Thiền 5, Đạo 5, Tương ưng 2, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 5, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 5.

Dứt thuận tùng

292.

Pháp hiệp thế liên quan pháp hiệp thế sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn hiệp thế vô nhân, …2 uẩn. Tục sinh vô nhân luôn đến người Vô tưởng;
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật,... tóm tắt…

293.

* Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 2, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5.
* Trong phần phi cố hưởng căn *(na āsevanamūlake)* về siêu thế và tịnh Vô sắc *(suddhake arūpe)* nên quyết gọi là quả. Còn những pháp ngoài ra đó nên sắp theo thông thường *(pakatikāyeva)*.
* Phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt cách nghịch

294.

* Nhân duyên có phi Cảnh 3,... Phi Trưởng 2.
* Phi Vô gián... như phần đối lập *(paccanīyasadisā)*; phi Quả 5, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt thuận nghịch

295.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1,... tóm tắt... phi Bất ly 1.

Dứt nghịch thuận

Phần đồng sanh trùng như phần liên quan.

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

296.

* Pháp hiệp thế ỷ trượng pháp hiệp thế sanh ra do Nhân duyên:
  ... ỷ trượng 1 uẩn hiệp thế,... tóm tắt…, 1 đại sung; sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh ỷ trượng đại sung, uẩn hiệp thế ỷ trượng vật.
* Pháp siêu thế ỷ trượng pháp hiệp thế sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn siêu thế ỷ trượng vật.
* Chư pháp hiệp thế và siêu thế ỷ trượng pháp hiệp thế sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn siêu thế ỷ trượng vật, sắc tâm ỷ trượng đại sung.
* Pháp siêu thế ỷ trượng pháp siêu thế sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp hiệp thế ỷ trượng những pháp hiệp thế và siêu thế sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc tâm ỷ trượng uẩn siêu thế và đại sung.
* Pháp siêu thế ỷ trượng những pháp hiệp thế và siêu thế sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn siêu thế và vật, 2 uẩn...
* Chư pháp hiệp thế và siêu thế ỷ trượng những pháp hiệp thế và siêu thế sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn siêu thế và vật, …2 uẩn. Sắc tâm ỷ trượng uẩn siêu thế và đại sung,... tóm tắt…

297.

Nhân 9, Cảnh 4, Trưởng 9, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 9, Hỗ tương 4, Y chỉ 9, Cận y 4, Tiền sanh 4, Cố hưởng 4, Nghiệp 9, Quả 9,... tóm tắt... Đạo 9, Tương ưng 4, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 9.

Dứt thuận tùng

298.

Pháp hiệp thế ỷ trượng pháp hiệp thế sanh ra do phi Nhân duyên:

- ... 1 uẩn hiệp thế vô nhân... luôn đến người Vô tưởng. Nhãn thức ỷ trượng nhãn xứ, thân thức ỷ trượng thân xứ. Uẩn hiệp thế vô nhân ỷ trượng vật;
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật,... tóm tắt…

299.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 4, phi Vô gián 3,... tóm tắt... phi Cận y 3, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9.

Trong siêu thế và Vô sắc, nên quyết định là Quả, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt đối lập (paccanīya)

300.

Nhân duyên có phi Cảnh 3, …Phi Trưởng 4, trong câu phi Vô gián... như phần đối lập, phi Quả 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt nghịch thuận

301.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Bất ly 1.

Dứt nghịch thuận

<u>Phần Hòa Hợp</u> *(Saṅsaṭṭhavāra)*

302.

∗ Pháp hiệp thế hòa hợp pháp hiệp thế sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hiệp thế,... 2 uẩn, sát-na tục sinh…

∗ Pháp siêu thế hòa hợp pháp siêu thế sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn siêu thế,... 2 uẩn.

Phần hòa hợp *(saṅsaṭṭhāvāra)* nên sắp rộng như thế, chung cả đến 2 câu đề.
Phần Tương ưng trùng như phần hòa hợp.

<u>Phần Vấn Đề</u> *(Paññāvāra)*

303.

∗ Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Nhân duyên:
Nhân hiệp thế làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên, sát-na tục sinh…

∗ Pháp siêu thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Nhân duyên có 3 câu.

304.

∗ Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp *(uposathakamma)* rồi phản khán, nhớ lại những phước thiện đã làm chứa để trước kia,... thiền.
- Chư Thánh phản khán chuyển tộc *(gotrabhū)*, phản khán dũ tịnh, phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, rõ thấu phiền não đã từng sanh
- Nhãn... vật... uẩn hiệp thế bằng cách vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Tha tâm thông rõ thấu tâm người tề toàn tâm hiệp thế.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức. Uẩn hiệp thế làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán chiếu bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp siêu thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Cảnh duyên:
- Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp siêu thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, khán chiếu bằng Cảnh duyên.
- Tha tâm thông của chư Thánh rõ thấu tâm người tề toàn tâm siêu thế, uẩn siêu thế làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông và khán chiếu bằng Cảnh duyên.

305.

∗ Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh nghiệp Nghiệp... trước kia... thiền, bậc hữu học nặng về chuyển tộc rồi... nặng về dũ tịnh rồi phản khán ... nhãn... vật... nặng về uẩn hiệp thế rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng chấp đó nên ái sanh hay tà kiến sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hiệp thế làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp siêu thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng siêu thế làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp siêu thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi... nặng về quả rồi... nặng về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng siêu thế làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp siêu thế làm duyên cho những pháp hiệp thế và siêu thế bằng Trưởng duyên:
Trưởng đồng sanh như: Trưởng siêu thế làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

306.

∗ Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Vô gián duyên:
- Uẩn hiệp thế sanh trước trước làm duyên cho uẩn hiệp thế sanh sau sau…
- Thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Vô gián duyên:
Chuyển tộc làm duyên cho đạo, dũ tịnh làm duyên cho đạo, thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền. Khi xuất thiền diệt, Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp siêu thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Vô gián duyên:
Uẩn siêu thế sanh trước trước làm duyên cho uẩn siêu thế sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Đạo làm duyên cho quả, quả làm duyên cho quả bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp siêu thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Vô gián duyên:
Quả làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên có 5 câu không có duyên hiệp trợ *(ghaṭanānatthi)*,... bằng Hỗ tương duyên có 2 câu,... bằng Y chỉ duyên có 7 câu.

307.

∗ Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Nương đức tin hiệp thế mạnh có thể bố thí... còn làm cho pháp quán phát sanh, thần thông *(abhiññā)* phát sanh, nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp trước tà kiến; nương giới hiệp thế... chỗ ở mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng. Đức tin hiệp thế... chỗ ở làm duyên cho đức tin hiệp thế... thân khổ bằng Cận y duyên. thiện và bất thiện làm duyên cho nghiệp quả *(kammaṃ vipākassa)* bằng Cận y duyên.

∗ Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ đạo làm duyên cho sơ đạo bằng Cận y duyên,... chỉnh lý tứ đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

∗ Pháp siêu thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Tâm sơ đạo làm duyên cho tâm nhị đạo bằng Cận y duyên, tâm tam đạo làm duyên cho tâm tứ đạo bằng Cận y duyên.

∗ Pháp siêu thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Chư Thánh nương đạo mạnh dù thiền chưa từng nhập cũng có thể nhập thiền đặng, có thể quán ngộ hành vi vô thường, khổ não, vô ngã; Đạo ấy... khéo rõ xứ, phi xứ bằng Cận y duyên. Nhập thiền quả làm duyên cho thân lạc bằng Cận y duyên.

308.

∗ Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn hiệp thế bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Tiền sanh duyên:
Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn siêu thế bằng Tiền sanh duyên.

309.

∗ Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Hậu sanh duyên:
Uẩn hiệp thế sanh sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp siêu thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Hậu sanh duyên:
Uẩn siêu thế sanh sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

310.

∗ Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Cố hưởng duyên:
Uẩn hiệp thế sanh trước trước làm duyên cho uẩn hiệp thế sanh sau sau bằng Cố hưởng duyên. thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc, thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh bằng Cố hưởng duyên.

∗ Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Cố hưởng duyên:
Chuyển tộc làm duyên cho đạo, dũ tịnh làm duyên cho đạo bằng Cố hưởng duyên.

311.

∗ Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư hiệp thế làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hiệp thế làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp siêu thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư hiệp thế làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư siêu thế làm duyên cho uẩn quả bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp siêu thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Dị thời nghiệp duyên: Tư siêu thế làm duyên cho sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp siêu thế làm duyên cho những pháp hiệp thế và siêu thế bằng Dị thời nghiệp duyên: Tư siêu thế làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.

312.

∗ Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Nghiệp duyên:
1 uẩn hiệp thế làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Quả duyên;... 2 uẩn, sát-na tục sinh…

∗ Pháp siêu thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Quả duyên có 3 câu.

313.

∗ Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Thực duyên:
Thực hiệp thế làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh: Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Thực duyên.

∗ Pháp siêu thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Thực duyên có 3 câu.

314.

∗ Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Quyền duyên:
Nên sắp có tục sinh. Nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức, thân quyền làm duyên cho thân thức bằng Quyền duyên. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.

∗ Pháp siêu thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Quyền duyên: Có 3 câu.

315.

* Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Thiền duyên có 1 câu.
* Pháp siêu thế... có 3 câu.
* ... bằng Đạo duyên: hiệp thế có 1 câu, siêu thế có 3 câu.
* Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Tương ưng duyên có 1 câu.
* Pháp siêu thế... có 1 câu.

316.

* Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh.
  - Đồng sanh như: Uẩn hiệp thế làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng bất tương ưng duyên; vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
  - Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn hiệp thế bằng Bất tương ưng duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn hiệp thế làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.
* Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Bất tương ưng duyên:
  Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn siêu thế bằng Bất tương ưng duyên.
* Pháp siêu thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Bất tương ưng duyên: Có Đồng sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Uẩn siêu thế làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn siêu thế làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

317.

* Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
  - Hậu sanh như: 1 uẩn hiệp thế làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm... luôn đến người Vô tưởng.
  - Tiền sanh như: Nhãn... vật... trùng như Tiền sanh duyên. Vật làm duyên cho uẩn hiệp thế bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn hiệp thế làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.
* Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Hiện hữu duyên:
  Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn siêu thế bằng Hiện hữu duyên.
* Pháp siêu thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Hiện hữu duyên:
  1 uẩn siêu thế làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...
* Pháp siêu thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Uẩn siêu thế làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn siêu thế làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
* Pháp siêu thế làm duyên cho những pháp hiệp thế và siêu thế bằng Hiện hữu duyên:
  1 uẩn siêu thế làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

* Chư pháp hiệp thế và siêu thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
  - Hậu sanh như: Uẩn siêu thế và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn siêu thế và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn siêu thế và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

* Chư pháp hiệp thế và siêu thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

  Đồng sanh như: 1 uẩn siêu thế và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên:

318.

Nhân 4, Cảnh 3, Trưởng 4, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Hậu sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 4, Quả 4, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 2, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 7.

Dứt thuận tùng

319.

* Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

* Pháp hiệp thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

* Pháp siêu thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

* Pháp siêu thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

* Pháp siêu thế làm duyên cho những pháp hiệp thế và siêu thế bằng Đồng sanh duyên:

* Chư pháp hiệp thế và siêu thế làm duyên cho pháp hiệp thế bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

* Chư pháp hiệp thế và siêu thế làm duyên cho pháp siêu thế bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên.

320.

Phi Nhân 7, …tóm tắt... phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 5, phi Hỗ tương 5, phi Y chỉ 5, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 7,... tóm tắt... phi Đạo 7, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 4, phi Hiện hữu 4, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 4.

Dứt nghịch (paccanīya)

321.

Nhân duyên có phi Cảnh 4,... tóm tắt... phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4,... tóm tắt... phi Đạo 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

Dứt nghịch thuận

322.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Trưởng 4, nên sắp theo đầu đề thuận *(anuloma mātikā),...* Bất ly 7.

Dứt nghịch thuận

Hết nhị đề hiệp thế (lokiyadukaṃ niṭṭhitaṃ).

NHỊ ĐỀ CŨNG CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG *(KENĀCINAVIÑÑEYYADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

323.

∗ Pháp cũng có tâm biết liên quan pháp cũng có tâm biết sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn cũng có tâm biết *(kenaciviññeyya),* 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 3 đại sung liên quan 1 đại sung, sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp cũng có tâm không biết liên quan pháp cũng có tâm biết sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn cũng có tâm không biết *(kenaciviññeyya)* và sắc tâm liên quan 1 uẩn cũng có tâm biết *(kenaciviññeyya)*, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung... sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Chư pháp cũng có tâm biết và cũng có tâm không biết liên quan pháp cũng có tâm biết sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn cũng có tâm biết, cũng có tâm không biết và sắc tâm liên quan 1 uẩn cũng có tâm biết, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung... sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp cũng có tâm không biết liên quan pháp cũng có tâm không biết sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn cũng có tâm không biết và sắc tâm liên quan 1 uẩn cũng có tâm không biết, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung... sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp cũng có tâm biết liên quan pháp cũng có tâm không biết sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn cũng có tâm biết và sắc tâm liên quan 1 uẩn cũng có tâm không biết, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung... sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Chư pháp cũng có tâm biết và cũng có tâm không biết liên quan pháp cũng có tâm không biết sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn cũng có tâm biết, cũng có tâm không biết và sắc tâm liên quan 1 uẩn cũng có tâm không biết, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung... sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp cũng có tâm biết liên quan những pháp cũng có tâm biết và cũng có tâm không biết sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn cũng có tâm biết và sắc tâm liên quan 1 uẩn cũng có tâm biết và cũng có tâm không biết, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung... sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp cũng có tâm không biết liên quan những pháp cũng có tâm biết và cũng có tâm không biết sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn cũng có tâm không biết và sắc tâm liên quan 1 uẩn cũng có tâm biết và cũng có tâm không biết, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung... sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

* Chư pháp cũng có tâm biết và cũng có tâm không biết liên quan những pháp cũng có tâm biết và cũng có tâm không biết sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn cũng có tâm biết, cũng có tâm không biết và sắc tâm liên quan 1 uẩn cũng có tâm biết và cũng có tâm không biết, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung... sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung... tóm tắt…

324.

Nhân 9, Cảnh 9,... tóm tắt... Bất ly 9.

Dứt thuận tùng

325.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9,... tóm tắt... phi Ly 9. Cách đếm cả 4 cách nên sắp đầy đủ như thế này.

Dù phần đồng sanh, phần ỷ trượng, phần y chỉ, phần hòa hợp, phần tương ưng nên sắp rộng như thế.

Phần ỷ trượng nên trình bày vật và ngũ xứ, nên sắp theo cách thích hợp.

<u>Phần Vấn Đề</u> ***(Pañhāvāra)***

326.

Pháp cũng có tâm biết làm duyên cho pháp cũng có tâm biết bằng Nhân duyên: Nhân cũng có tâm biết làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên, tục sinh... tóm tắt…

327.

Nhân 9, Cảnh 9,... tóm tắt... Bất ly 9.

Dứt thuận tùng

328.

Phi Nhân 9, phi Ly 9.

Dứt đối lập

Nên đếm cả 4 cách, sắp đầy đủ như thế.

Dứt nhị đề cũng có tâm biết

NHỊ ĐỀ LẬU (TRẦM) *(ĀSAVADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

329.

∗ Pháp lậu liên quan pháp lậu sanh ra do Nhân duyên:
- Tà kiến lậu, vô minh lậu liên quan dục lậu,
- Dục lậu, vô minh lậu liên quan tà kiến lậu,
- Dục lậu, tà kiến lậu liên quan vô minh lậu,
- Vô minh lậu liên quan hữu lậu *(bhavāsava),*
- Vô minh lậu liên quan tà kiến lậu; dù 1 cách cũng nên sắp cách luân *(cakka).*

∗ Pháp phi lậu liên quan pháp lậu sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng lậu và sắc tâm liên quan lậu.

∗ Chư pháp lậu và phi lậu liên quan pháp lậu sanh ra do Nhân duyên:
Tà kiến lậu, vô minh lậu, uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan dục lậu; nên sắp cách luân.

∗ Pháp phi lậu liên quan pháp phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi lậu, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... 1 đại sung, sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp lậu liên quan pháp phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
Tứ lậu liên quan uẩn phi lậu.

∗ Chư pháp lậu và phi lậu liên quan pháp phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn với lậu và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi lậu, 2 uẩn...

∗ Pháp lậu liên quan những pháp lậu và phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
Tà kiến lậu, vô minh lậu liên quan dục lậu và uẩn tương ưng; nên sắp cách luân.

∗ Pháp phi lậu liên quan những pháp lậu và phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi lậu và lậu, 2 uẩn...

∗ Chư pháp lậu và phi lậu liên quan những pháp lậu và phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn, tà kiến lậu, vô minh lậu và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi lậu và dục lậu, 2 uẩn... nên sắp cách luân,... tóm tắt…

330.

Nhân 9, Cảnh 9, tất cả đều 9, Quả 1, Thực 9, Bất ly 9.

Dứt thuận tùng (anuloma)

331.

∗ Pháp phi lậu liên quan pháp phi lậu sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi lậu vô nhân, 2 uẩn... Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật... 1 đại sung... luôn đến người Vô tưởng.

∗ Pháp lậu liên quan pháp phi lậu sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

332.

∗ Pháp phi lậu liên quan pháp lậu sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc tâm liên quan lậu.

∗ Pháp phi lậu liên quan pháp phi lậu sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn phi lậu. Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn,... 1 đại sung, luôn đến người Vô tưởng.

∗ Pháp phi lậu liên quan những pháp lậu và phi lậu sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan lậu và uẩn tương ưng,... tóm tắt…

333.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt đối lập (paccanīya)

334.

Nhân duyên có phi Cảnh 3, …Phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt thuận nghịch

335.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Quả 1, Đạo 1, Bất ly 2.

Dứt nghịch thuận

Phần đồng sanh cũng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*

<u>Phần Ỷ Trượng</u> *(Paccayavāra)*

336.

∗ Pháp lậu ỷ trượng pháp lậu sanh ra do Nhân duyên:
Phần lậu căn *(asavamūlaka)* có 3 câu như phần liên quan *(paṭiccasadisaṃ)*

∗ Pháp phi lậu ỷ trượng pháp phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng *(paccayā)* 1 uẩn phi lậu, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật ỷ trượng uẩn, uẩn ỷ trượng vật; sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh ỷ trượng đại sung, uẩn phi lậu ỷ trượng vật.

∗ Pháp lậu ỷ trượng pháp phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
Lậu ỷ trượng uẩn phi lậu, lậu ỷ trượng vật.

∗ Chư pháp lậu và phi lậu ỷ trượng pháp phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn với lậu và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi lậu, 2 uẩn... Lậu và uẩn tương ưng ỷ trượng vật.

∗ Pháp lậu ỷ trượng những pháp lậu và phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
Tà kiến lậu và vô minh lậu ỷ trượng dục lậu và uẩn tương ưng. Nên sắp cách luân *(cakkaṃ bandhitabbaṃ),...* tà kiến lậu và vô minh lậu ỷ trượng dục lậu và vật,... nên sắp cách luân…

∗ Pháp phi lậu ỷ trượng những pháp lậu và phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi lậu và lậu, 2 uẩn... uẩn phi lậu ỷ trượng lậu và vật.

∗ Chư pháp và phi lậu ỷ trượng những pháp lậu và phi lậu sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn, tà kiến lậu, vô minh lậu và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi lậu và dục lậu, 2 uẩn... nên sắp cách luân. Tà kiến lậu, vô minh lậu và uẩn tương ưng ỷ trượng dục lậu và vật; nên sắp cách luân,... tóm tắt…

337.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9,... tóm tắt... quả 1, Bất ly 9.

Dứt thuận tùng (anuloma)

338.

∗ Pháp phi lậu ỷ trượng pháp phi lậu sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng (nhờ cậy) 1 uẩn phi lậu vô nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh vô nhân luôn đến người Vô tưởng.
- Nhãn thức ỷ trượng nhãn xứ, thân thức ỷ trượng thân xứ. Uẩn phi lậu vô nhân ỷ trượng vật.

∗ Pháp lậu ỷ trượng pháp phi lậu sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

339.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3. Cách đếm tất cả đều như thế.

Phần y chỉ *(nissayavāra)* như phần ỷ trượng (nhờ cậy).

<u>Phần Hòa Hợp</u> *(Saṅsaṭṭhavāra)*

340.

Pháp lậu hòa hợp pháp lậu sanh ra do Nhân duyên:

Tà kiến lậu và vô minh lậu hòa hợp dục lậu, nên sắp cách luân;... tóm tắt…

341.

Nhân 9, Cảnh 9, tất cả đều 9, Quả 1, Bất ly 9.

342.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

Đếm **phần tương ưng** như phần hòa hợp *(saṅsaṭṭhāvāra).*

<u>Phần Vấn Đề</u> *(Pañhāvāra)*

343.

∗ Pháp lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Nhân duyên:
- Dục lậu làm duyên cho tà kiến lậu và vô minh lậu bằng Nhân duyên.
- Hữu lậu làm duyên cho vô Minh lậu bằng Nhân duyên, nên sắp cách luân.

∗ Pháp lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Nhân duyên:

Nhân lậu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Nhân duyên:

Dục lậu làm duyên cho tà kiến lậu, vô minh lậu, uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Nhân duyên:

Nhân phi lậu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh…

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Nhân duyên:

Nhân phi lậu làm duyên cho uẩn tương ưng và lậu bằng Nhân duyên.

* Pháp phi lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Nhân duyên:
  Nhân phi lậu làm duyên cho uẩn tương ưng lậu và sắc tâm bằng Nhân duyên.

* Chư pháp lậu và phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Nhân duyên:
  Nhân lậu và phi lậu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

344.

* Pháp lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Cảnh duyên:
  Lậu mở mối cho lậu sanh ra.

* Pháp lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Cảnh duyên:
  Lậu mở mối cho uẩn phi lậu sanh ra.

* Pháp lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Cảnh duyên:
  Lậu mở mối cho lậu và uẩn tương ưng sanh ra.

* Pháp phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Cảnh duyên:
  - Bố thí... giới... thanh tịnh nghiệp... thiền... chư Thánh xuất đạo rồi phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
  - Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả và khán chiếu bằng Cảnh duyên.
  - Chư Thánh phản khán phiền não phi lậu đã trừ... phiền não hạn chế... rõ thấu phiền não đã từng sanh trước kia…
  - Nhãn... vật... uẩn phi lậu bằng cách vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Tha tâm thông rõ thấu tâm người tề toàn tâm phi lậu.
  - Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
  - Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức. Uẩn phi lậu làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán chiếu *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

* Pháp phi lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Cảnh duyên:
  Sau khi bố thí ấy rất hớn hở thỏa thích hân hoan, do đó khai đoan lậu sanh ra. Giới... thanh tịnh nghiệp... thiền... nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan uẩn phi lậu, do đó khai đoan lậu sanh ra.

* Pháp phi lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Cảnh duyên:
  Bố thí... như câu thứ 2 *(dutiyagamanaṃ),* thỏa thích rất hân hoan do đó mở mối lậu và uẩn tương ưng sanh ra.

* Chư pháp lậu và phi lậu làm duyên cho lậu bằng Cảnh duyên:
  Lậu và uẩn tương ưng mở mối cho lậu sanh ra.

* Chư pháp lậu và phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Cảnh duyên:
  Lậu và uẩn tương ưng mở mối cho uẩn phi lậu sanh ra.

* Chư pháp lậu và phi lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Cảnh duyên:
  Lậu và uẩn tương ưng mở mối cho lậu và uẩn tương ưng sanh ra.

345.

* Pháp lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Trưởng duyên:
  Trưởng cảnh như: Nặng về lậu rồi làm cho lậu sanh ra, có 3 câu.
  Nên sắp nặng về Cảnh *(garukārammaṇā)* trùng như Cảnh.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp... trước…; chư Thánh... đạo... quả... nặng về Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả bằng Trưởng duyên; nhãn... vật... nặng chấp về uẩn phi lậu rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng chấp đó nên ái sanh tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi lậu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Bố thí... nặng về uẩn phi lậu rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng chấp đó nên ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi lậu làm duyên cho uẩn tương ưng lậu bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... nặng về uẩn phi lậu rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó nên ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi lậu làm duyên cho uẩn tương ưng lậu và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Chư pháp lậu và phi lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Trưởng duyên:
Trưởng cảnh như: Nặng về lậu và uẩn tương ưng rồi thỏa thích... Lậu sanh ra.
Nên sắp có 3 câu, nặng về cảnh.

346.

∗ Pháp lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Vô gián duyên:
Lậu sanh trước trước làm duyên cho lậu sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Vô gián duyên:
Lậu sanh trước trước làm duyên cho phi lậu sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Lậu làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Vô gián duyên:
Lậu sanh trước trước làm duyên cho lậu và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Vô gián duyên:
Uẩn phi lậu sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi lậu sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc, quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Vô gián duyên:
Uẩn phi lậu sanh trước trước làm duyên cho uẩn lậu sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Vô gián duyên:
Uẩn phi lậu sanh trước trước làm duyên cho lậu và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp lậu và phi lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Vô gián duyên có 3 câu.

* Pháp lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên có 9 câu,... bằng Hỗ tương duyên có 9 câu,... bằng Y chỉ duyên có 9 câu, nên trình bày có vật *(vatthucadassetabbaṃ)*.

347.

* Pháp lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

  Thuần cận y như lậu làm duyên cho lậu bằng Cận y duyên có 3 câu.

* Pháp phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

  Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến. Nương giới... chỗ ở mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng. Đức tin... chỗ ở làm duyên cho đức tin... quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

* Pháp phi lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

  Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh, gây ngã mạn, chấp tà kiến, giới... cho đến phá hòa hợp Tăng. Đức tin... chỗ ở làm duyên cho ái... mong mỏi bằng Cận y duyên.

* Pháp phi lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

  Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh, gây ngã mạn, chấp tà kiến, nương giới... chỗ ở mạnh có thể sát sanh... cho đến phá hòa hợp Tăng. Đức tin... chỗ ở làm duyên cho ái... mong mỏi bằng Cận y duyên.

* Chư pháp lậu và phi lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y có 3 câu.

348.

* Pháp phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật... nên sắp như thế này. Xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
  - Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn phi lậu bằng Tiền sanh duyên.

* Pháp phi lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan lậu sanh ra.
  - Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho lậu bằng Tiền sanh duyên.

* Pháp phi lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Nhãn thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan lậu và uẩn tương ưng sanh ra.
  - Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho lậu và uẩn tương ưng lậu bằng Tiền sanh duyên.

349.

* Pháp lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Hậu sanh duyên:

Lậu sanh sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Hậu sanh duyên:
Uẩn phi lậu sanh sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

∗ Chư pháp lậu và phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Hậu sanh duyên:
Lậu và uẩn tương ưng sanh sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

350.

Pháp lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Cố hưởng duyên có 9 câu.

351.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư phi lậu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi lậu làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Dị thời nghiệp duyên:
Tư phi lậu làm duyên cho lậu tương ưng bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Dị thời nghiệp duyên:
Tư phi lậu làm duyên cho uẩn tương ưng với lậu và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.

352.

Pháp phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Quả duyên có 1 câu.

353.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Thực duyên:
Thực phi lậu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh: Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Thực duyên.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Thực duyên:
Thực phi lậu làm duyên cho lậu tương ưng bằng Thực duyên.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Thực duyên:
Thực phi lậu làm duyên cho uẩn tương ưng với lậu và sắc tâm bằng Thực duyên.

354.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Quyền duyên:
Quyền phi lậu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Quyền duyên. Sát-na tục sinh: Nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức, thân quyền làm duyên cho thân thức bằng Quyền duyên.

∗ Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên có 3 câu.
∗ ... bằng Thiền duyên có 3 câu,... bằng Đạo duyên có 9 câu,... bằng Tương ưng duyên có 9 câu.

355.

∗ Pháp lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Lậu làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Lậu làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Uẩn phi lậu làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên; vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
  - Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn phi lậu bằng Bất tương ưng duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn phi lậu làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp phi lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Bất tương ưng duyên:
  Tiền sanh như: Vật làm duyên cho lậu bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp phi lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Bất tương ưng duyên:
  Tiền sanh như: Vật làm duyên cho lậu và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên.

* Chư pháp phi lậu và phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Lậu và uẩn tương ưng làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên
  - Hậu sanh như: Lậu và uẩn tương ưng làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

356.

* Pháp lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Hiện hữu duyên:
  Dục lậu làm duyên cho tà kiến lậu bằng Hiện hữu duyên, nên sắp cách luân *(cakkaṃ bandhitabbaṃ)*.

* Pháp lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Lậu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Lậu làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

* Pháp lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Hiện hữu duyên:
  Dục lậu làm duyên cho tà kiến lậu, vô minh lậu, uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.

* Pháp phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
  - Đồng sanh như: 1 uẩn phi lậu làm duyên cho 3 uẩn, luôn đến người Vô tưởng.
  - Tiền sanh như: Nhãn... vật bằng cách vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức. Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn phi lậu bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn phi lậu làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

* Pháp phi lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: Uẩn phi lậu làm duyên cho lậu bằng Hiện hữu duyên.

- Tiền sanh như: Nhãn... vật thỏa thích rất hân hoan do đó mở mối cho lậu sanh ra. Vật làm duyên cho lậu bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn phi lậu làm duyên cho 3 uẩn với lậu và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... nên sắp cách luân.

∗ Chư pháp lậu và phi lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: Dục lậu và uẩn tương ưng phi lậu làm duyên cho tà kiến lậu và vô minh lậu bằng Hiện hữu duyên, nên sắp cách luân. Dục lậu và vật làm duyên cho tà kiến lậu và vô minh lậu bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp lậu và phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: 1 uẩn phi lậu và lậu làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Lậu và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Lậu và vật làm duyên cho uẩn phi lậu bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Lậu và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Lậu và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp lậu và phi lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: 1 uẩn phi lậu và dục lậu làm duyên cho 3 uẩn, tà kiến lậu, vô minh lậu và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... nên sắp cách luân.
- Đồng sanh như: Dục lậu và vật làm duyên cho tà kiến lậu, vô minh lậu và uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên, nên sắp cách luân.

357.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

Dứt thuận tùng

358.

∗ Pháp lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Pháp lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp phi lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

* Pháp phi lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp lậu và phi lậu làm duyên cho pháp lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp lậu và phi lậu làm duyên cho pháp phi lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Chư pháp lậu và phi lậu làm duyên cho những pháp lậu và phi lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

359.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, tất cả đều 9, phi Bất ly 9.

Dứt đối lập

360.

Nhân duyên có phi Cảnh 7,... phi Trưởng 7, phi Vô gián7, phi Liên tiếp 7, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 7, tất cả đều 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 7, phi Hiện hữu 7, phi Ly 7.

Dứt thuận tùng, đối lập

361.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9, nên sắp đầy đủ câu thuận tùng,... phi Ly 9.

Dứt nghịch thuận

Hết nhị đề lậu (āsavadukaṃ niṭṭhitaṃ)

NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU *(SASAVADUKA)*

<u>Phần Liên Quan</u> ***(Paṭiccavāra)***

362.

* Pháp cảnh lậu liên quan pháp cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn cảnh lậu, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung... sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.
* Pháp phi cảnh lậu liên quan pháp phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn phi cảnh lậu, 2 uẩn...
* Pháp cảnh lậu liên quan pháp phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn phi cảnh lậu *(anāsava)*.
* Chư pháp cảnh lậu và phi cảnh lậu liên quan phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi cảnh lậu, 2 uẩn...
* Pháp cảnh lậu liên quan những pháp cảnh lậu và phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn phi cảnh lậu và đại sung.

  Nhị đề hiệp thế trong tông đề đỉnh *(cūlantaraduka)* như thế nào, đây sắp như thế đó không chi khác.

Dứt nhị đề cảnh lậu (Sāsavaduka)

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU *(ĀSAVA SAMPAYUTTADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

363.

∗ Pháp tương ưng lậu liên quan pháp tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lậu, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng lậu liên quan pháp lậu sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng lậu, si và sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh ưu.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu liên quan pháp tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn tương ưng lậu, 2 uẩn... 3 uẩn với si và sắc tâm liên quan 1 uẩn đồng sanh ưu, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất tương ưng lậu, 2 uẩn...;
- Sắc tâm liên quan si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 3 đại sung liên quan 1 đại sung, 1 đại sung liên quan 3 đại sung, 2 đại sung liên quan 2 đại sung; sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp tương ưng lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan si đồng sanh ưu, đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp tương ưng lậu liên quan những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh ưu, đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng lậu liên quan những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng lậu và đại sung, sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu liên quan những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn...

364.

∗ Pháp tương ưng lậu liên quan pháp tương ưng lậu sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lậu, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng lậu liên quan pháp tương ưng lậu sanh ra do Cảnh duyên:
Si liên quan uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

* Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu liên quan pháp tương ưng lậu sanh ra do Cảnh duyên:
  3 uẩn và si liên quan 1 uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật, 2 uẩn...

* Pháp bất tương ưng lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu sanh ra do Cảnh duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn bất tương ưng lậu, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn liên quan vật.

* Pháp tương ưng lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu sanh ra do Cảnh duyên:
  Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh ưu, đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

* Pháp tương ưng lậu liên quan những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do Cảnh duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh ưu, đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn...

365.

* Pháp tương ưng lậu liên quan pháp tương ưng lậu sanh ra do Trưởng duyên có 3 câu.

* Pháp bất tương ưng lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu sanh ra do Trưởng duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất tương ưng lậu, 2 uẩn... sắc tâm liên quan si đồng sanh ưu, 1 đại sung... sắc tâm thuộc y sinh liên quan đại sung.

* Pháp tương ưng lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu sanh ra do Trưởng duyên:
  Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh ưu.

* Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu sanh ra do Trưởng duyên:
  Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan si đồng sanh ưu.

* Pháp tương ưng lậu liên quan những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do Trưởng duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh ưu và si, 2 uẩn...

* Pháp bất tương ưng lậu liên quan những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do Trưởng duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng lậu và đại sung, sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh ưu và si.

* Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu liên quan những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do Trưởng duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn đồng sanh ưu và si, 2 uẩn...

  Tất cả duyên đều phân rộng như thế, tóm tắt…

366.

Nhân 9, Cảnh 6, Trưởng 9, Vô gián 6, Liên tiếp 6, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 6, Tiền sanh 6, Cố hưởng 6, Nghiệp 9, Quả 1, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 6, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 6, Ly 6, Bất ly 9.

Dứt thuận tùng

367.

* Pháp bất tương ưng lậu liên quan pháp tương ưng lậu sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp bất tương ưng lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất tương ưng lậu vô nhân, 2 uẩn... Tục sinh vô nhân luôn đến người Vô tưởng.

368.

∗ Pháp bất tương ưng lậu liên quan pháp tương ưng lậu sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng lậu.

∗ Pháp bất tương ưng lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn bất tương ưng lậu, sắc tâm liên quan si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, 1 đại sung... luôn đến người Vô tưởng.

∗ Pháp bất tương ưng lậu liên quan những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng lậu và đại sung, sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si.

369.

Pháp tương ưng lậu liên quan pháp tương ưng lậu sanh ra do phi Trưởng duyên,... tóm tắt…

370.

∗ Pháp tương ưng lậu liên quan pháp tương ưng lậu sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lậu, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng lậu liên quan pháp tương ưng lậu sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và sắc tâm liên quan uẩn tương ưng lậu.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu liên quan pháp tương ưng lậu sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 3 uẩn và si liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất tương ưng lậu, 2 uẩn... sắc tâm liên quan uẩn bất tương ưng lậu, sắc tâm liên quan si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Tục sinh luôn đến người Vô tưởng.

∗ Pháp tương ưng lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp tương ưng lậu liên quan những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng lậu liên quan những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng lậu và đại sung, sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si, có 2 câu.

* ... Do phi Hậu sanh duyên có 9 câu, do phi Cố hưởng duyên có 9 câu.

371.

* Pháp tương ưng lậu liên quan pháp tương ưng lậu sanh ra do phi Dị thời nghiệp duyên:
  Tư *(cetanā)* tương ưng liên quan uẩn tương ưng lậu.

* Pháp bất tương ưng lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu sanh ra do phi Dị thời nghiệp duyên:
  Tư bất tương ưng liên quan uẩn bất tương ưng lậu.

* Pháp tương ưng lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu sanh ra do phi Dị thời nghiệp duyên:
  Tư tương ưng liên quan si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

* Pháp tương ưng lậu liên quan những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do phi Dị thời nghiệp duyên:
  Tư tương ưng liên quan uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si.

* ... Do phi Quả duyên, do phi Thực duyên, do phi Quyền duyên, do phi Thiền duyên, do phi Đạo duyên, do phi Tương ưng duyên, do phi Bất tương ưng duyên, do phi Vô hữu duyên, do phi Ly duyên.

372.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3

Dứt cách ngược

373.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Tiền sanh 6, phi Quả 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 4, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dứt thuận tùng, đối lập

374.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Liên tiếp 2, Nghiệp 2, Quả 1, Thực 2, Đạo 1, Tương ưng 2, Bất tương ưng 2, Ly 2, Bất ly 2.

Dứt nghịch thuận

Phần đồng sanh cũng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*

<u>Phần Ỷ Trượng</u> *(Paccayavāra)*

375.

* Pháp tương ưng lậu ỷ trượng pháp tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu, như phần liên quan

* Pháp bất tương ưng lậu ỷ trượng pháp bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn bất tương ưng lậu, 2 uẩn... sắc tâm ỷ trượng si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.
  - Sát-na tục sinh: Vật ỷ trượng uẩn, uẩn ỷ trượng vật, 3 đại sung ỷ trượng 1 đại sung. Sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh ỷ trượng đại sung.

- Uẩn bất tương ưng lậu ỷ trượng vật, si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng vật.

∗ Pháp tương ưng lậu ỷ trượng pháp bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng lậu ỷ trượng vật, uẩn tương ưng ỷ trượng si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu ỷ trượng pháp bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng lậu ỷ trượng vật, sắc tâm ỷ trượng đại sung, uẩn tương ưng và sắc tâm ỷ trượng si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật. Uẩn đồng sanh ưu và si ỷ trượng vật.

∗ Pháp tương ưng lậu ỷ trượng những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn ỷ trượng, 1 uẩn tương ưng lậu và vật, 2 uẩn... 3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng lậu ỷ trượng pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm ỷ trượng uẩn tương ưng lậu và đại sung, sắc tâm ỷ trượng uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si. Si đồng sanh ưu ỷ trượng uẩn đồng sanh ưu và vật.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu ỷ trượng những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn tương ưng lậu và vật, 2 uẩn... sắc tâm ỷ trượng uẩn tương ưng lậu và đại sung. 3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn... 3 uẩn và si ỷ trượng 1 uẩn đồng sanh ưu và vật, 2 uẩn...

376.

∗ Pháp tương ưng lậu ỷ trượng pháp tương ưng lậu sanh ra do Cảnh duyên có 3 câu như phần liên quan

∗ Pháp bất tương ưng lậu ỷ trượng pháp bất tương ưng lậu sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn bất tương ưng lậu và vật, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn ỷ trượng vật, nhãn thức ỷ trượng nhãn xứ, thân thức ỷ trượng thân xứ. Uẩn bất tương ưng lậu ỷ trượng vật. Si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng vật.

∗ Pháp tương ưng lậu ỷ trượng pháp bất tương ưng lậu sanh ra do Cảnh duyên:
Uẩn tương ưng lậu ỷ trượng vật. Uẩn tương ưng ỷ trượng si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu ỷ trượng pháp bất tương ưng lậu sanh ra do Cảnh duyên:
Uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si ỷ trượng vật.

∗ Pháp tương ưng lậu ỷ trượng những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn tương ưng lậu và vật, 2 uẩn...

* Pháp bất tương ưng lậu ỷ trượng những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do Cảnh duyên:
  Si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

* Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu ỷ trượng những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do Cảnh duyên:
  3 uẩn và si ỷ trượng 1 uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật, 2 uẩn...
* ... Do Trưởng duyên, do Vô gián duyên, do Bất ly duyên.

377.

Nhân 9, Cảnh 9, tất cả đều 9, Nghiệp 9, Quả 1, Bất ly 9.

Dứt thuận tùng (anuloma)

378.

* Pháp bất tương ưng lậu ỷ trượng pháp tương ưng lậu sanh ra do phi Cảnh duyên:
  Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

* Pháp bất tương ưng lậu ỷ trượng pháp bất tương ưng lậu sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn bất tương ưng lậu vô nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh vô nhân, luôn đến người Vô tưởng.
  - Nhãn thức ỷ trượng nhãn xứ, thân thức ỷ trượng thân xứ; uẩn bất tương ưng lậu vô nhân ỷ trượng vật.
  - Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng vật *(vatthu)*.

* Pháp bất tương ưng lậu ỷ trượng những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do phi Nhân duyên:
  Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật,... tóm tắt…

379.

Phi Nhân 3, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Đếm 2 cách đây cũng như thế. **Phần y chỉ** trùng như phần ỷ trượng (nhờ cậy).

<u>Phần Hòa Hợp</u> ***(Saṅsaṭṭhavāra)***

380.

Pháp tương ưng lậu hòa hợp pháp tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên: …

381.

Nhân 6, Cảnh 6, Trưởng 6, tất cả đều 6, Quả 1, Bất ly 6.

Dứt thuận tùng

382.

* Pháp bất tương ưng lậu hòa hợp pháp tương ưng lậu sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.
* Pháp bất tương ưng lậu hòa hợp pháp bất tương ưng lậu sanh ra do phi Nhân duyên:…

383.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 6, phi Cố hưởng 6, phi Nghiệp 4, phi Quả 6, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 6.

Sắp đếm cả 2 cách đây cũng như thế.

Phần tương ưng như phần hòa hợp *(saṅsaṭṭhāvāra)*

Phần Vấn Đề ***(Pañhāvāra)***

384.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Nhân duyên:
Nhân tương ưng lậu làm duyên cho uẩn tương ưng lậu bằng Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Nhân duyên:
Nhân tương ưng lậu làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên. sân làm duyên cho si và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Nhân duyên:
- Nhân tương ưng lậu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.
- Sân làm duyên cho uẩn tương ưng với si và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Nhân duyên:
Nhân bất tương ưng lậu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh…

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Nhân duyên:
Si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Nhân duyên:
Si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Nhân duyên:
Sân và si làm duyên cho uẩn tương ưng lậu bằng Nhân duyên.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Nhân duyên:
Sân và si làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Nhân duyên:
Sân và si làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

385.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Cảnh duyên:
Uẩn tương ưng lậu mở mối cho uẩn tương ưng lậu sanh ra.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Cảnh duyên:
Uẩn tương ưng lậu mở mối cho uẩn bất tương ưng lậu và si sanh ra.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Cảnh duyên:

Uẩn tương ưng lậu mở mối cho uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh ra.

* Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Cảnh duyên:
  - Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp... rồi phản khán,... thiện từng tạo chứa trước kia... thiền...
  - Chư Thánh xuất đạo... đạo... quả... Níp Bàn.
  - Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả và khán chiếu bằng Cảnh duyên.
  - Chư Thánh phản khán phiền não bất tương ưng lậu đã trừ, phản khán phiền não hạn chế trước kia…
  - Nhãn... vật... quán ngộ uẩn bất tương ưng lậu bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã không có sự thỏa thích.
  - Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Tha tâm thông rõ thấu tâm người tề toàn tâm bất tương ưng lậu.
  - Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
  - Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức. Uẩn bất tương ưng lậu làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông, khán chiếu và si bằng Cảnh duyên.

* Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Cảnh duyên:
  - Bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối cho ái, tà kiến, hoài nghi... phóng dật... ưu sanh ra.
  - ... thiện chứa để trước... xuất thiền... thiền…
  - Nhãn... vật... vui mừng rất hớn hở uẩn bất tương ưng lậu, do đó mở mối cho ái... tà kiến, ưu, hoài nghi... phóng dật sanh ra.

* Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Cảnh duyên:

  Nhãn... vật... uẩn bất tương ưng lậu mở mối cho uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sinh ra.

* Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Cảnh duyên:

  Uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si mở mối cho uẩn tương ưng lậu sanh ra.

* Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Cảnh duyên:

  Uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si mở mối cho uẩn bất tương ưng lậu và si sanh ra.

* Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Cảnh duyên:

  Uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si mở mối cho uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh ra.

386.

* Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn tương ưng lậu rồi làm cho uẩn tương ưng lậu sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng lậu làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Trưởng duyên:
Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng lậu làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên. Trưởng đồng sanh ưu làm duyên cho si và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Trưởng duyên:
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng lậu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh ưu làm duyên cho uẩn tương ưng với si và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Bố thí... trì giới... thanh tịnh nghiệp... do nặng về đó rồi phản khán.... thiện đã làm chứa để trước kia... xuất thiền... thiền. Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo... quả... nặng về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả bằng Cảnh duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng bất tương ưng lậu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Trưởng duyên:
Trưởng cảnh như: Bố thí... trì giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng chấp đó nên ái sanh, tà kiến phát. thiền tạo chứa trước... thiền... nhãn... vật... nặng về uẩn bất tương ưng lậu rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng chấp đó nên ái sanh, tà kiến phát sanh.

387.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Vô gián duyên:
Uẩn tương ưng lậu sanh trước trước làm duyên cho uẩn tương ưng lậu sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Vô gián duyên:
Uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên; uẩn tương ưng lậu làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Vô gián duyên:
Uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Vô gián duyên:
- Si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

- Uẩn bất tương ưng lậu sanh trước trước làm duyên cho uẩn bất tương ưng lậu sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc, quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Vô gián duyên:
- Si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Khán chiếu *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn tương ưng lậu bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Vô gián duyên:
- Si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Khán chiếu làm duyên cho uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Vô gián duyên:

Uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Vô gián duyên:
- Uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh trước trước làm duyên cho si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Vô gián duyên:

Uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên có 9 câu,... bằng Hỗ tương duyên có 6 câu, bằng Y chỉ duyên có 9 câu.

388.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn tương ưng lậu làm duyên cho uẩn tương ưng lậu bằng Cận y duyên.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn tương ưng lậu làm duyên cho uẩn bất tương ưng lậu và si bằng Cận y duyên.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn tương ưng lậu làm duyên cho uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si bằng Cận y duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí…; giới... trí, thân lạc, chỗ ở... nương si mạnh có thể làm cho nhập thiền phát sanh. nương đức tin... trí, thân lạc, thân khổ và si làm duyên cho đức tin và si bằng Cận y duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể gây ngã mạn, chấp tà kiến. nương giới... trí, thân lạc, thân khổ, âm dương *(utu)*, vật thực, chỗ ở... si mạnh có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng. Đức tin và si làm duyên cho ái... mong mỏi bằng Cận y duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương đức tin... giới... si làm duyên cho uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho uẩn tương ưng lậu bằng Cận y duyên, nên hỏi đến căn *(mūla)*; uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho uẩn bất tương ưng lậu và si bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si bằng Cận y duyên.

389.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn bất tương ưng lậu và si bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái sanh... ưu sanh.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn tương ưng lậu bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật... mở mối cho uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si bằng Tiền sanh duyên.

390.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Hậu sanh duyên:
Uẩn tương ưng lậu sanh sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Hậu sanh duyên:
Uẩn bất tương ưng lậu và si sanh sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Hậu sanh duyên:
Uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

391.

Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Cố hưởng duyên có 9 câu, không có khán chiếu *(āvajjana)* và quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.

392.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Dị thời nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* tương ưng lậu làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư tương ưng lậu làm duyên cho sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư tương ưng lậu làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên;
- Tư đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật làm duyên cho si và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Dị thời nghiệp duyên:
- Tư tương ưng lậu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Tư đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng với si và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư bất tương ưng lậu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư bất tương ưng lậu làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên.

393.

Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Quả duyên có 1 câu.

394.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Thực duyên:
Thực tương ưng lậu làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Thực duyên:

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Thực duyên:
- Thực tương ưng lậu làm duyên cho sắc tâm bằng Thực duyên:
- Thực đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật làm duyên cho si và sắc tâm bằng Thực duyên.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Thực duyên:
- Thực tương ưng lậu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Thực duyên:
- Thực đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng với si và sắc tâm bằng Thực duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Thực duyên:
- Thực bất tương ưng lậu làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Thực duyên:
- Sát-na tục sinh: Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Thực duyên:

395.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Quyền duyên có 4 câu.

∗ ... bằng Thiền duyên có 4 câu, bằng Đạo duyên có 4 câu, bằng Tương ưng duyên có 6 câu.

396.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn tương ưng lậu làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tương ưng lậu làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh,... tóm tắt... nên sắp rộng.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Bất tương ưng duyên:
Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn tương ưng lậu bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Bất tương ưng duyên:
Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

397.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Hiện hữu duyên có 1 câu.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn tương ưng lậu làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật làm duyên cho si và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tương ưng lậu làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Hiện hữu duyên trùng như Đồng sanh duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền,... tóm tắt... nên sắp rộng.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn... vật thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái sanh, tà kiến sanh;... hoài nghi, phóng dật... ưu sanh ra.
- Vật làm duyên cho uẩn tương ưng lậu bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Si đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn... vật mở mối cho uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si sanh ra.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn tương ưng lậu và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn... 1 uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn...

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như: Uẩn tương ưng lậu và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên; uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật làm duyên cho si bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tương ưng lậu và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tương ưng lậu và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh ưu đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

398.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 5, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 6, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

Dứt thuận tùng

399.

* Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên.
* Pháp tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.
* Chư pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu làm duyên cho những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

400.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, tất cả đều 9, phi Bất ly 9.

Dứt đối lập

401.

Nhân duyên có phi Cảnh 9,... phi Trưởng 9,... tóm tắt... phi Liên tiếp 9, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 9,... tóm tắt... phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

Dứt thuận tùng, đối lập

402.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9, Trưởng 5,... tóm tắt... nên đếm như thuận tùng, phi Bất ly 9.

Dứt nghịch thuận
Hết nhị đề tương ưng lậu

NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU *(ĀSAVA SASAVADUKA)*

Phần Liên Quan

403.

∗ Pháp lậu cảnh lậu liên quan pháp lậu cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên:
- Tà kiến lậu và vô minh lậu liên quan dục lậu, nên sắp cách luân.
- Vô minh lậu liên quan hữu lậu, nên sắp cách luân.
- Vô minh lậu liên quan tà kiến lậu.

∗ Pháp cảnh lậu phi lậu liên quan pháp lậu cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan lậu.

∗ Chư pháp lậu cảnh lậu và cảnh lậu phi lậu liên quan pháp lậu cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên:
- Tà kiến lậu, vô minh lậu, uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan dục lậu.
- Hữu lậu... nên sắp cách luân *(cakkaṃ bandhitabbaṃ)*.

∗ Pháp cảnh lậu phi lậu liên quan pháp cảnh lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn cảnh lậu phi lậu, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung…

∗ Pháp lậu cảnh lậu liên quan pháp cảnh lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
Lậu liên quan uẩn cảnh lậu phi lậu.

∗ Pháp lậu cảnh lậu và cảnh lậu phi lậu liên quan pháp cảnh lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn với lậu và sắc tâm liên quan 1 uẩn cảnh lậu phi lậu, 2 uẩn...

∗ Pháp lậu cảnh lậu liên quan những pháp lậu cảnh lậu và cảnh lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
Tà kiến lậu và vô minh lậu liên quan dục lậu và uẩn tương ưng, nên sắp cách luân.

∗ Pháp cảnh lậu phi lậu liên quan những pháp lậu cảnh lậu và cảnh lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn cảnh lậu phi lậu và lậu, 2 uẩn...

∗ Chư pháp lậu cảnh lậu và cảnh lậu phi lậu liên quan những pháp lậu cảnh lậu và cảnh lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn, tà kiến lậu, vô minh lậu và sắc tâm liên quan 1 uẩn cảnh lậu phi lậu và dục lậu, 2 uẩn... nên sắp cách luân *(cakkaṃ bandhitabbaṃ)*.

Dù phần liên quan, phần đồng sanh, phần ỷ trượng, phần y chỉ, phần hòa hợp, phần tương ưng đây cũng nên sắp như nhị đề ấy không chi khác.

Phần Vấn Đề ***(Pañhāvāra)***

Trong phần vấn đề về Nhân duyên và Cảnh duyên không sắp siêu thế, nên sắp "Bậc hữu học" phản khán chuyển tộc phản khán dũ tịnh, dù Trưởng duyên. Người biết cả duyên nên sắp đầy đủ.

404.

∗ Pháp lậu cảnh lậu làm duyên cho pháp lậu cảnh lậu bằng Vô gián duyên:

Lậu sanh trước trước làm duyên cho lậu sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp lậu và cảnh lậu làm duyên cho pháp cảnh lậu phi lậu bằng Vô gián duyên:
Lậu sanh trước trước làm duyên cho uẩn cảnh lậu phi lậu sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Lậu làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp lậu cảnh lậu làm duyên cho những pháp lậu cảnh lậu và cảnh lậu phi lậu bằng Vô gián duyên:
Lậu sanh trước trước làm duyên cho lậu sanh sau sau và uẩn tương ưng bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp cảnh lậu phi lậu làm duyên cho pháp cảnh lậu phi lậu bằng Vô gián duyên:
Uẩn cảnh lậu phi lậu sanh trước trước làm duyên cho uẩn cảnh lậu phi lậu sanh sau sau bằng Vô gián duyên. thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc, thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh. khán chiếu làm duyên cho uẩn cảnh lậu phi lậu bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp cảnh lậu phi lậu làm duyên cho pháp lậu cảnh lậu bằng Vô gián duyên:
Uẩn cảnh lậu phi lậu sanh trước trước làm duyên cho lậu sanh sau sau bằng Vô gián duyên. khán chiếu làm duyên cho lậu bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp cảnh lậu phi lậu làm duyên cho những pháp lậu cảnh lậu và cảnh lậu phi lậu bằng Vô gián duyên:
Uẩn cảnh lậu phi lậu sanh trước trước làm duyên cho lậu và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên. khán chiếu làm duyên cho lậu và uẩn tương ưng bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp lậu cảnh lậu và cảnh lậu phi lậu làm duyên cho pháp lậu cảnh lậu bằng Vô gián duyên:
Lậu và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho lậu sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp lậu cảnh lậu và cảnh lậu phi lậu làm duyên cho pháp cảnh lậu phi lậu bằng Vô gián duyên:
Lậu và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho uẩn cảnh lậu phi lậu sanh sau sau bằng Vô gián duyên; lậu và uẩn tương ưng làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp lậu cảnh lậu và cảnh lậu phi lậu làm duyên cho pháp lậu cảnh lậu và cảnh lậu phi lậu bằng Vô gián duyên:
Lậu và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho lậu và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

Tất cả sắp rộng như thế này. Nên sắp rộng như Vô gián trong nhị đề lậu, dù khán chiếu *(āvajjana)* hay quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* đây là phát sanh lên *(samaddiṭṭhaṃ)*,... tóm tắt…

Tất cả nên sắp đầy đủ như nhị đề lậu không chi khác.

Hết nhị đề lậu (āsavaduka)

NHỊ ĐỀ LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU *(ĀSAVA ASAVASAMPAYUTTADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

405.

∗ Pháp lậu tương ưng lậu liên quan pháp lậu tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên:
- Tà kiến lậu và vô minh lậu liên quan dục lậu, nên sắp cách luân.
- Vô minh lậu liên quan hữu lậu, nên sắp cách luân. Vô minh lậu liên quan tà kiến lậu.

∗ Pháp tương ưng lậu phi lậu liên quan pháp lậu tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng liên quan lậu.

∗ Chư pháp lậu tương ưng lậu và tương ưng lậu phi lậu liên quan pháp lậu tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên:
Tà kiến lậu, vô minh lậu và uẩn tương ưng liên quan tương ưng lậu, dục lậu. Nên sắp cách luân.

∗ Pháp tương ưng lậu phi lậu liên quan pháp tương ưng lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lậu phi lậu, 2 uẩn...

∗ Pháp lậu tương ưng lậu liên quan pháp tương ưng lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
Lậu liên quan uẩn tương ưng lậu phi lậu.

∗ Chư pháp lậu tương ưng lậu và tương ưng lậu phi lậu liên quan pháp tương ưng lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và lậu liên quan 1 uẩn tương ưng lậu phi lậu, 2 uẩn...

∗ Pháp lậu tương ưng lậu liên quan những pháp lậu tương ưng lậu và tương ưng lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
Tà kiến lậu và vô minh lậu liên quan dục lậu và uẩn tương ưng, nên sắp cách luân.

∗ Pháp tương ưng lậu phi lậu liên quan những pháp lậu tương ưng lậu và tương ưng lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng lậu phi lậu và lậu, 2 uẩn...

∗ Chư pháp lậu tương ưng lậu và tương ưng lậu phi lậu liên quan những pháp lậu tương ưng lậu và tương ưng lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn, tà kiến lậu, vô minh lậu liên quan 1 uẩn tương ưng lậu phi lậu và dục lậu, 2 uẩn... nên sắp cách luân... tất cả duyên đều phân như thế.

406.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, tất cả đều 9,... tóm tắt... Nghiệp 9, quả không có, Thực 9, Bất ly 9.

407.

∗ Pháp lậu tương ưng lậu liên quan pháp lậu tương ưng lậu sanh ra do phi Trưởng duyên.

∗ Phi nhân căn không có,... do phi Tiền sanh duyên,... do phi Hậu sanh duyên,... tóm tắt…

408.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

Hai cách đếm ngoài ra đây, dù đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng nên sắp đầy đủ như phần liên quan

Phần Vấn Đề ***(Pañhāvāra)***

409.

∗ Pháp lậu tương ưng lậu làm duyên cho pháp lậu tương ưng lậu bằng Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp tương ưng lậu phi lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu phi lậu bằng Nhân duyên:

Nhân tương ưng lậu phi lậu làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

410.

∗ Pháp lậu tương ưng lậu làm duyên cho pháp lậu tương ưng lậu bằng Cảnh duyên có 3 câu.

∗ Pháp tương ưng lậu phi lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu phi lậu bằng Cảnh duyên:

Uẩn tương ưng lậu phi lậu mở mối cho uẩn tương ưng lậu phi lậu sanh ra.

∗ Pháp tương ưng lậu phi lậu làm duyên cho pháp lậu tương ưng lậu bằng Cảnh duyên: Uẩn tương ưng lậu phi lậu mở mối cho lậu sanh ra.

∗ Pháp tương ưng lậu phi lậu làm duyên cho những pháp lậu tương ưng lậu và tương ưng lậu phi lậu bằng Cảnh duyên:

Uẩn tương ưng lậu phi lậu mở mối cho lậu và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Chư pháp lậu tương ưng lậu và tương ưng lậu phi lậu làm duyên cho pháp lậu tương ưng lậu bằng Cảnh duyên có 3 câu.

∗ Trưởng duyên trùng như Cảnh duyên: Nặng về cảnh…

∗ Vô gián duyên như Cảnh duyên: Chỉ sắp "sanh trước trước"…

∗ Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Cận y duyên trùng như Cảnh duyên: Chỉ không có phần 3 câu. Cận y duyên nên phân ra.

411.

∗ Pháp tương ưng lậu phi lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu phi lậu bằng Dị thời nghiệp duyên có 3 câu.

∗ ... bằng Thực duyên có 3 câu, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên có 9 câu, bằng Tương ưng duyên có 9 câu, bằng Hiện hữu duyên, bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên có 9 câu.

412.

Nhân 4, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

413.

∗ Pháp lậu tương ưng lậu làm duyên cho pháp lậu tương ưng lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Pháp tương ưng lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu phi lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Pháp lậu tương ưng lậu làm duyên cho những pháp lậu tương ưng lậu và tương ưng lậu phi lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

* Pháp tương ưng lậu phi lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu phi lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp tương ưng lậu phi lậu làm duyên cho pháp lậu tương ưng lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp tương ưng lậu phi lậu làm duyên cho những pháp lậu tương ưng lậu và tương ưng lậu phi lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp lậu tương ưng lậu và tương ưng lậu phi lậu làm duyên cho pháp lậu tương ưng lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Chư pháp lậu tương ưng lậu và tương ưng lậu phi lậu làm duyên cho pháp tương ưng lậu phi lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Chư pháp lậu tương ưng lậu và tương ưng lậu phi lậu làm duyên cho những pháp lậu tương ưng lậu và tương ưng lậu phi lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

414.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả 9, phi Bất ly 9.

415.

Nhân duyên có phi Cảnh 4,... tóm tắt... phi Liên tiếp 4, phi Cận y 4, phi Đạo 4, phi Bất tương ưng 4, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

416.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9, nên đếm như câu thuận tùng *(Anulomapadāni gaṇetabbāni),...* Bất ly 9.

Hết nhị đề lậu tương ưng lậu

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU
(ĀSAVAVIPPAYUTTA SĀSAVADUKA)

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

417.

* Pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên:

  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất tương ưng lậu, cảnh lậu, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung…
* Pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

Nhị đề hiệp thế trong tông đề đỉnh *(cūlantaraduka)* như thế nào, đây nên phân rộng như thế đó không chi khác,... tóm tắt…

Hết nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu

NHỊ ĐỀ TRIỀN *(SAṂYOJANNADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

418.

∗ Pháp triền liên quan pháp triền sanh ra do Nhân duyên:
- Tà kiến triền và vô minh triền liên quan dục ái triền.
- Giới cấm thủ triền và vô minh triền liên quan dục ái triền.
- Ngã Mạn triền và vô minh triền liên quan dục ái triền.
- Vô minh triền liên quan dục ái triền.
- Tật Đố triền và vô minh triền liên quan phẫn nhuế triền.
- Lận sắc triền và vô minh triền liên quan phẫn nhuế triền.
- Vô minh triền liên quan phẫn nhuế triền.
- Hữu ái triền và vô minh triền liên quan ngã mạn triền.
- Vô minh triền liên quan hữu ái triền.
- Vô minh triền liên quan hoài nghi triền.

∗ Pháp phi triền liên quan pháp triền sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan triền.

∗ Chư pháp triền và phi triền liên quan pháp triền sanh ra do Nhân duyên:
Tà kiến triền, vô minh triền, uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan dục ái triền, nên sắp cách luân *(cakkaṃ bandhitabbaṃ)*.

∗ Pháp phi triền liên quan pháp phi triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi triền, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung... sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp triền liên quan pháp phi triền sanh ra do Nhân duyên:
Triền liên quan uẩn phi triền.

∗ Chư pháp triền và phi triền liên quan pháp phi triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn với triền và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi triền, 2 uẩn...

∗ Pháp triền liên quan những pháp triền và phi triền sanh ra do Nhân duyên:
Tà kiến triền và vô minh triền liên quan dục ái triền và uẩn tương ưng, nên sắp cách luân.

∗ Pháp phi triền liên quan những pháp triền và phi triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi triền và triền, 2 uẩn...

∗ Chư pháp triền và phi triền liên quan những pháp triền và phi triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn, tà kiến triền, vô minh triền và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi triền và dục ái triền, nên sắp cách luân.

∗ ... Trong Cảnh duyên không có sắc.

∗ Trưởng duyên như Nhân duyên, không có hoài nghi triền.

∗ ... Do Vô gián duyên, do Bất ly duyên.

419.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, tất cả đều 9, Quả 1, Thực 9, Bất ly 9.

420.

∗ Pháp triền liên quan pháp triền sanh ra do phi Nhân duyên:

Vô minh triền liên quan hoài nghi triền.

∗ Pháp phi triền liên quan pháp phi triền sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi triền vô nhân, 2 uẩn... luôn đến người Vô tưởng.

∗ Pháp triền liên quan pháp phi triền sanh ra do phi Nhân duyên:
Vô minh triền liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp triền liên quan những pháp triền và phi triền sanh ra do phi Nhân duyên:
Vô minh triền liên quan hoài nghi triền và uẩn tương ưng... tóm tắt…

Trùng như phần chùm lậu *(āsavagocchaka)* nên bớt ra phi Cảnh

421.

Phi Nhân 4, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

422.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9, tất cả nên đếm như thế.

423.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4, tất cả đều 4, Quả 1, Thực 4, Đạo 3, Tương ưng 4, Bất ly 4. pháp triền đồng sanh…

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

424.

∗ Pháp triền ỷ trượng pháp triền sanh ra do Nhân duyên có 3 câu trùng như phần liên quan

∗ Pháp phi triền ỷ trượng pháp phi triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi triền, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật ỷ trượng uẩn, uẩn ỷ trượng vật; 1 đại sung... Sắc tâm, sắc tục sinh thuộc y sinh ỷ trượng đại sung, uẩn phi triền ỷ trượng vật.

∗ Pháp triền ỷ trượng pháp phi triền sanh ra do Nhân duyên: triền ỷ trượng uẩn phi triền.

∗ Chư pháp triền và phi triền ỷ trượng pháp phi triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn với triền và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi triền, 2 uẩn... Triền ỷ trượng vật, sắc tâm ỷ trượng đại sung, triền và uẩn tương ưng ỷ trượng vật.

∗ Pháp triền ỷ trượng những pháp triền và phi triền sanh ra do Nhân duyên:
Tà kiến triền và vô minh triền ỷ trượng dục ái triền và uẩn tương ưng. Tà kiến triền và vô minh triền ỷ trượng dục ái triền và vật; nên sắp cách luân.

∗ Pháp phi triền ỷ trượng những pháp triền và phi triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng *(paccayā)* 1 uẩn phi triền và triền, 2 uẩn... nên sắp cách luân; uẩn phi triền ỷ trượng triền và vật.

∗ Chư pháp triền và phi triền ỷ trượng những pháp triền và phi triền sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn, tà kiến triền, vô minh triền và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi triền và dục ái triền, 2 uẩn... nên sắp cách luân.

- Tà kiến triền, vô minh triền và uẩn tương ưng ỷ trượng dục ái triền và vật, nên sắp cách luân,... tóm tắt...

425.

Nhân 9, Cảnh 9, tất cả đều 9, Quả 1, Bất ly 9.

426.

Phi Nhân 4, trong câu nào có thể đặng vật *(vatthu)* thì trong câu ấy nên sắp có vật đồng nhau phi Cảnh 3, phi Ly 3.

Hai cách đếm ngoài ra đây, dù phần y chỉ *(nissayavāra)* nên phân như thế.

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

427.

Pháp triền hòa hợp pháp triền sanh ra do Nhân duyên: Tà kiến triền và vô minh triền hòa hợp dục ái triền.

Trong Vô sắc đếm 9 vấn đề *(pañhā)* như thế này, dù phần hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)* hay phần tương ưng *(sampayuttavāra)* nên sắp như thế.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

428.

∗ Pháp triền làm duyên cho pháp triền bằng Nhân duyên:
Nhân triền làm duyên cho tương ưng triền bằng Nhân duyên.

∗ Pháp triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Nhân duyên:
Nhân triền làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp triền làm duyên cho những pháp triền và phi triền bằng Nhân duyên:
Nhân triền làm duyên cho uẩn tương ưng triền và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phi triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Nhân duyên:
Nhân phi triền làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh…

429.

∗ Pháp triền làm duyên cho pháp triền bằng Cảnh duyên:
- Triền mở mối cho triền sanh ra, nên sắp căn *(mūlaṃkatabbaṃ)*.
- Triền mở mối cho uẩn phi triền sanh ra, nên sắp căn.
- Triền mở mối cho triền và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Pháp phi triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi nhớ lại đó, phản khán thiện đã làm chứa để trước.
- Xuất thiền phản khán thiền, chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, quả... phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vedanā)*, đạo, quả và khán chiếu *(āvajjana)*.
- Chư Thánh phản khán phiền não phi triền đã trừ, phiền não hạn chế, phiền não đã từng sanh trước kia.
- Nhãn... vật... uẩn phi triền bằng cách vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Tha tâm thông rõ thấu tâm người tề toàn tâm phi triền.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức. Xúc xứ làm duyên cho thân thức. Uẩn phi triền làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán chiếu bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi triền làm duyên cho pháp triền bằng Cảnh duyên:
- Bố thí... giới... thanh tịnh nghiệp... trước... thiền…
- Nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan uẩn phi triền do đó mở mối cho ái... ưu sanh.

∗ Pháp phi triền làm duyên cho những pháp triền và phi triền bằng Cảnh duyên:
- Bố thí... giới... thanh tịnh nghiệp... trước kia... thiền…
- Nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan uẩn phi triền do đó mở mối cho triền và uẩn tương ưng triền sanh ra.

∗ Chư pháp triền và phi triền làm duyên cho pháp triền bằng Cảnh duyên có 3 câu, nên sắp câu "do mở mối".

430.

∗ Pháp triền làm duyên cho pháp triền bằng Trưởng duyên:
Trưởng cảnh như: Nặng về triền rồi... nặng về cảnh rồi... có 3 câu.

∗ Pháp phi triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... có 3 câu.
... Trưởng cảnh, Trưởng đồng sanh phân rộng 3 câu, nên phân thêm 3 câu nữa.

∗ Chư pháp triền và phi triền làm duyên cho pháp triền bằng Trưởng duyên:
Trưởng cảnh như: Nặng về triền và uẩn tương ưng rồi... có 3 câu.

431.

∗ Pháp triền làm duyên cho pháp triền bằng Vô gián duyên:
Triền sanh trước trước làm duyên cho triền sanh sau sau bằng Vô gián duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Vô gián duyên:
Uẩn phi triền sanh trước trước... sau sau... quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi triền làm duyên cho pháp triền bằng Vô gián duyên:
Uẩn phi triền sanh trước trước làm duyên cho triền sanh sau sau... cả 2 cách nên sắp thế này.

∗ Chư pháp triền và phi triền làm duyên cho pháp triền bằng Vô gián duyên có 3 câu.

∗ Pháp triền làm duyên cho pháp triền bằng Liên tiếp duyên có 9 câu.

∗ ... bằng Đồng sanh duyên có 9 câu, bằng Hỗ tương duyên có 9 câu, bằng Cận y duyên có 9 câu.

432.

∗ ... bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y, Thuần cận y…
Thuần cận y như: triền làm duyên cho triền bằng Cận y duyên; dù 3 câu cũng như thế.

∗ Pháp phi triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y…
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.

- Nương giới... trí, ái... hy vọng *(patthāna)*... chỗ ở mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng.
- Đức tin... chỗ ở làm duyên cho đức tin... quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi triền làm duyên cho pháp triền bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y…
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể gây ngã mạn, chấp tà kiến. nương giới... chỗ ở mạnh có thể sát sanh... cho đến phá hòa hợp Tăng.
- Đức tin... chỗ ở làm duyên cho ái... hy vọng bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi triền làm duyên cho những pháp triền và phi triền bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y…

Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh (có thể) gây ngã mạn, chấp tà kiến. nương giới... chỗ ở mạnh có thể sát sanh... cho đến phá hòa hợp Tăng. Đức tin... chỗ ở làm duyên cho triền và uẩn tương ưng bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp triền và phi triền làm duyên cho pháp triền bằng Cận y duyên có 3 câu.

433.

∗ Pháp phi triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh: Nhãn... vật bằng cách vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng; sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn phi triền bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi triền làm duyên cho pháp triền bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh: Nhãn... vật thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái... ưu sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho triền bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi triền làm duyên cho những pháp triền và phi triền bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh: Nhãn... vật thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan triền và uẩn tương ưng sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho triền và uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên.

434.

∗ Pháp triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Hậu sanh duyên có 1 câu.

∗ Pháp phi triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Hậu sanh duyên.

∗ Chư pháp triền và phi triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Hậu sanh duyên.

435.

Pháp triền làm duyên cho pháp triền bằng Cố hưởng duyên có 9 câu.

436.

Pháp phi triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Dị thời nghiệp duyên có 3 câu,... bằng Quả duyên có 1 câu,... bằng Thực duyên có 3 câu,... bằng Quyền duyên có 3 câu,... bằng Thiền duyên có 3 câu …, bằng Đạo duyên có 9 câu,... bằng Bất tương ưng duyên có 9 câu.

437.

* Pháp triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Hậu sanh; nên sắp rộng.
* Pháp phi triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, xin sắp rộng.
* Pháp phi triền làm duyên cho pháp triền bằng Bất tương ưng duyên:
  - Tiền sanh như: Vật làm duyên cho triền bằng Bất tương ưng duyên.
* Pháp phi triền làm duyên cho những pháp triền và phi triền bằng Bất tương ưng duyên:
  - Tiền sanh như: Vật làm duyên cho triền và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên.
* Chư pháp triền và phi triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Hậu sanh; xin phân rộng.

438.

* Pháp triền làm duyên cho pháp triền bằng Hiện hữu duyên có 1 câu như phần liên quan
* Pháp triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt…
* Pháp triền làm duyên cho những pháp triền và phi triền bằng Hiện hữu duyên trùng như phần liên quan
* Pháp phi triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền... tóm tắt…
* Pháp phi triền làm duyên cho pháp triền bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: Uẩn phi triền làm duyên cho tương ưng triền bằng Hiện hữu duyên.
  - Tiền sanh như: Nhãn... vật thỏa thích rất hân hoan do đó mở mối cho ái hay ưu sanh.
  - Vật làm duyên cho triền bằng Hiện hữu duyên.
* Pháp phi triền làm duyên cho những pháp triền và phi triền bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

  Đồng sanh như: phi triền... tóm tắt... trùng như nhị đề lậu.
* Chư pháp triền và phi triền làm duyên cho pháp triền bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh trùng như nhị đề lậu.
* Chư pháp triền và phi triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền; nên phân rộng như nhị đề lậu.
* Chư pháp triền và phi triền làm duyên cho những pháp triền và phi triền bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh; nên phân ra như nhị đề lậu.

439.

Nhân 4, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

440.

* Pháp triền làm duyên cho pháp triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

* Pháp triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.
* Pháp triền làm duyên cho những pháp triền và phi triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp phi triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp phi triền làm duyên cho pháp triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp phi triền làm duyên cho những pháp triền và phi triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp triền và phi triền làm duyên cho pháp triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Chư pháp triền và phi triền làm duyên cho pháp phi triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.
* Chư pháp triền và phi triền làm duyên cho những pháp triền và phi triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

441.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả đều 9, phi Bất ly 9.

442.

Nhân duyên có phi Cảnh 4,... tóm tắt... phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4,... tóm tắt... phi Đạo 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 4, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

443.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9, nên sắp theo đầu đề thuận *(anuloma mātikā)*... Bất ly 9.

Hết nhị đề triền

NHỊ ĐỀ CẢNH TRIỀN *(SAṂYOJANĪTĀDUKA)*

<u>Phần Liên Quan</u> ***(Paṭiccavāra)***

444.

Pháp cảnh triền liên quan pháp cảnh triền sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn cảnh triền, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung…

Như nhị đề hiệp thế trong tông đề đỉnh *(cūlantaraduka)* không chi khác.

Hết nhị đề cảnh triền (saṃyojanītāduka)

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TRIỀN *(SAṂYONASAMPAYUTTADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paticcavāra)***

445.

∗ Pháp tương ưng triền liên quan pháp tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng triền, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng triền liên quan pháp tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng triền.

∗ Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền liên quan pháp tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn tương ưng triền, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng triền liên quan pháp bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn Bất tương ưng triền, 2 uẩn... sắc tâm liên quan si đồng sanh phóng dật. Tục sinh...

∗ Pháp tương ưng triền liên quan pháp bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh phóng dật.

∗ Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền liên quan pháp bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan si đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp tương ưng triền liên quan những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng triền liên quan những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng triền và đại sung, sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh phóng dật và si.

∗ Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền liên quan những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn...

446.

∗ Pháp tương ưng triền liên quan pháp tương ưng triền sanh ra do Cảnh duyên:
... 1 uẩn tương ưng triền,... 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng triền liên quan pháp tương ưng triền sanh ra do Cảnh duyên:
Si đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh phóng dật.

∗ Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền liên quan pháp tương ưng triền sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn và si liên quan 1 uẩn đồng sanh phóng dật, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng triền liên quan pháp bất tương ưng triền sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn Bất tương ưng triền, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn liên quan vật.

∗ Pháp tương ưng triền liên quan pháp bất tương ưng triền sanh ra do Cảnh duyên:
Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp tương ưng triền liên quan những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn...

447.

∗ Pháp tương ưng triền liên quan pháp tương ưng triền sanh ra do Trưởng duyên có 3 câu.

∗ Pháp bất tương ưng triền liên quan pháp bất tương ưng triền sanh ra do Trưởng duyên có 1 câu.

∗ Pháp bất tương ưng triền liên quan những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền sanh ra do Trưởng duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng triền và đại sung... tóm tắt…

448.

Nhân 9, Cảnh 6, Trưởng 5, Vô gián 6, Liên tiếp 6, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 6, Tiền sanh 6, Cố hưởng 6, Nghiệp 9, Quả 1, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 6, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 6, Ly 6, Bất ly 9.

449.

∗ Pháp tương ưng triền liên quan pháp tương ưng triền sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp bất tương ưng triền liên quan pháp tương ưng triền sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp bất tương ưng triền liên quan pháp bất tương ưng triền sanh ra do phi Nhân duyên:
... 1 uẩn bất tương ưng triền vô nhân, luôn đến người Vô tưởng.

450.

∗ Phi Nhân 3, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

451.

Nhân duyên có phi Cảnh 3, …Phi Trưởng 9, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 4, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

452.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... quả 1, Thực 3, Đạo 2, Bất ly 3.

Phần đồng sanh trùng như phần liên quan

Phần Ỷ Trượng ***(Paccayavāra)***

453.

∗ Pháp tương ưng triền ỷ trượng pháp tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên có 3 câu, trùng như phần liên quan.

∗ Pháp bất tương ưng triền ỷ trượng pháp bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên:

Luôn đến tục sinh,... 1 đại sung. Uẩn bất tương ưng triền ỷ trượng vật. Si đồng sanh phóng dật ỷ trượng vật *(vatthu)*.

* Pháp tương ưng triền ỷ trượng pháp bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn tương ưng triền ỷ trượng vật, uẩn tương ưng ỷ trượng si đồng sanh phóng dật.

* Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền ỷ trượng pháp bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn tương ưng triền ỷ trượng vật, sắc tâm ỷ trượng đại sung, uẩn tương ưng và sắc tâm ỷ trượng si đồng sanh phóng dật.

* Pháp tương ưng triền ỷ trượng những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn tương ưng triền và vật, 2 uẩn... 3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn...

* Pháp bất tương ưng triền ỷ trượng những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên:
  - Sắc tâm ỷ trượng uẩn tương ưng triền và đại sung, sắc tâm ỷ trượng uẩn đồng sanh phóng dật và si.

* Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền ỷ trượng những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên:
  - 3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn tương ưng triền và vật, 2 uẩn... sắc tâm ỷ trượng uẩn tương ưng triền và đại sung, 3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn...

454.

* Pháp tương ưng triền ỷ trượng pháp tương ưng triền sanh ra do Cảnh duyên có 3 câu, trùng như phần liên quan

* Pháp bất tương ưng triền ỷ trượng pháp bất tương ưng triền sanh ra do Cảnh duyên:
  Luôn đến tục sinh. Uẩn bất tương ưng triền ỷ trượng vật, nhãn thức ỷ trượng nhãn xứ, thân thức ỷ trượng thân xứ. Uẩn bất tương ưng triền ỷ trượng vật. Si đồng sanh phóng dật ỷ trượng vật.

* Pháp tương ưng triền ỷ trượng pháp bất tương ưng triền sanh ra do Cảnh duyên:
  Uẩn tương ưng triền ỷ trượng vật, uẩn tương ưng ỷ trượng si đồng sanh phóng dật.

* Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền ỷ trượng pháp bất tương ưng triền sanh ra do Cảnh duyên:
  Uẩn đồng sanh phóng dật và si ỷ trượng vật.

* Pháp tương ưng triền ỷ trượng những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền sanh ra do Cảnh duyên:
  3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn tương ưng triền và vật, 2 uẩn... 3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn...

* Pháp bất tương ưng triền ỷ trượng những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền sanh ra do Cảnh duyên:
  Si đồng sanh phóng dật ỷ trượng uẩn đồng sanh phóng dật và vật.

* Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền ỷ trượng những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền sanh ra do Cảnh duyên:

- 3 uẩn và si ỷ trượng 1 uẩn đồng sanh phóng dật và vật, 2 uẩn...

455.

∗ Pháp tương ưng triền ỷ trượng pháp tương ưng triền sanh ra do Trưởng duyên: …

∗ ... do Bất ly duyên: …

456.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, tất cả đều 9, Quả 1, Thực 9, Bất ly 9.

457.

∗ Pháp tương ưng triền ỷ trượng pháp tương ưng triền sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi ỷ trượng uẩn đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp bất tương ưng triền ỷ trượng pháp tương ưng triền sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh phóng dật ỷ trượng uẩn đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp bất tương ưng triền ỷ trượng pháp bất tương ưng triền sanh ra do phi Nhân duyên:
- ... 1 uẩn bất tương ưng triền vô nhân,... luôn đến người Vô tưởng.
- Nhãn thức ỷ trượng nhãn xứ, thân thức ỷ trượng thân xứ.
- Uẩn bất tương ưng triền vô nhân và si đồng sanh phóng dật ỷ trượng vật.

∗ Pháp tương ưng triền ỷ trượng pháp bất tương ưng triền sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi ỷ trượng vật.

∗ Pháp tương ưng triền ỷ trượng những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi ỷ trượng uẩn đồng sanh hoài nghi và vật.

∗ Chư pháp bất tương ưng triền ỷ trượng những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh phóng dật ỷ trượng uẩn đồng sanh phóng dật và vật, …

458.

Phi Nhân 6, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

459.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9, nên sắp thế này.

460.

Phi Nhân duyên có Cảnh 6,... tất cả đều 6, Quả 1, Thực 6, Đạo 6, Bất ly 6.

Phần y chỉ trùng như phần ỷ trượng (nhờ cậy).

<u>Phần Hòa Hợp</u> ***(Saṅsaṭṭhavāra)***

461.

∗ Pháp tương ưng triền hòa hợp pháp tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn tương ưng triền, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng triền hòa hợp pháp bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn Bất tương ưng triền, 2 uẩn... sát-na tục sinh…

∗ Pháp tương ưng triền hòa hợp pháp bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên: Uẩn tương ưng hòa hợp si đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp tương ưng triền hòa hợp những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si, 2 uẩn... tóm tắt…

462.

Nhân 4, Cảnh 6, Trưởng 2, Vô gián 6, Liên tiếp 6, Bất ly 6.

463.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 6, phi Cố hưởng 6, phi Nghiệp 4, phi Quả 6, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 6.

Hai duyên hay phần tương ưng đều sắp như thế.

Phần Vấn Đề ***(Pañhāvāra)***

464.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Nhân duyên:
Nhân tương ưng triền làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Nhân duyên:
Nhân tương ưng triền làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền bằng Nhân duyên:
Nhân tương ưng triền làm duyên cho uẩn tương ưng triền và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Nhân duyên:
Nhân bất tương ưng triền làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Si đồng sanh phóng dật làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh…

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Nhân duyên:
Si đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền bằng Nhân duyên:
Si đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

465.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Cảnh duyên:
Uẩn tương ưng triền mở mối cho uẩn tương ưng triền sanh ra, nên sắp căn. Uẩn tương ưng triền mở mối cho uẩn bất tương ưng triền và si sanh ra, nên sắp căn. Uẩn tương ưng triền mở mối cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh ra.

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi nhớ lại, phản khán thiện tạo chứa trước kia. Xuất thiền phản khán thiền.
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vedanā)*, đạo, quả và khán chiếu bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não bất tương ưng triền đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, rõ thấu phiền não đã từng sanh trước kia.
- Nhãn... vật... quán ngộ uẩn bất tương ưng triền và si bằng cách vô thường…
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Tha tâm thông rõ thấu tâm người hội hợp tâm Bất tương ưng triền.

- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, sắc xứ... xúc xứ…
- Uẩn bất tương ưng triền làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán chiếu bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp... nhớ lại thiện tạo chứa trước kia... xuất thiền…
- Nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan uẩn bất tương ưng triền và si, do đó mở mối cho ái... ưu sanh ra.

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền và pháp bất tương ưng triền bằng Cảnh duyên:

Nhãn... vật... uẩn bất tương ưng triền và si mở mối cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh ra.

∗ Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Cảnh duyên:
- Uẩn đồng sanh phóng dật và si mở mối cho uẩn tương ưng triền sanh ra, nên sắp căn.
- Uẩn đồng sanh phóng dật và si mở mối cho uẩn bất tương ưng triền và si sanh ra, nên sắp căn. Uẩn đồng sanh phóng dật và si mở mối cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh ra.

466.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Ái... tà kiến... do nặng về đó rồi thỏa thích rất hân hoan có thể ái hay tà kiến phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng triền làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng triền làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng triền làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng đồng sanh như: Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi nặng về đó nhớ lại, phản khán thiện đã làm chứa để trước kia... xuất thiền…; chư Thánh xuất đạo... quả... Níp Bàn…;
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng bất tương ưng triền làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Trưởng duyên:

- Trưởng đồng sanh như: Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi nặng về đó thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó nên ái hay tà kiến phát sanh. thiện từng chứa để trước kia... xuất thiền…;
- Nhãn... vật... nặng về uẩn bất tương ưng triền rồi thỏa thích, do thỏa thích ấy nên ái hay tà kiến sanh.

467.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Vô gián duyên:
Uẩn tương ưng triền sanh trước trước làm duyên cho uẩn tương ưng triền sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Vô gián duyên:
Uẩn đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho si đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Uẩn tương ưng triền làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền bằng Vô gián duyên:
Uẩn đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Vô gián duyên:
- Si đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho si đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn bất tương ưng triền sanh trước trước làm duyên cho... sanh sau... tóm tắt... quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Vô gián duyên:
Si đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên. khán chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng triền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền bằng Vô gián duyên:
Si đồng sanh phóng dật sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên. khán chiếu làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Vô gián duyên:
Uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Vô gián duyên:
- Uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh trước trước làm duyên cho si đồng sanh phóng dật sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền làm duyên cho những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền bằng Vô gián duyên:

Uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

* Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Liên tiếp duyên có 9 câu,... bằng Đồng sanh duyên có 9 câu, bằng Hỗ tương duyên có 6 câu, bằng Y chỉ duyên có 9 câu.

468.

* Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

  Thuần cận y như: Uẩn tương ưng triền làm duyên cho uẩn tương ưng triền bằng Cận y duyên.

* Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

  Thuần cận y như: Uẩn tương ưng triền làm duyên cho uẩn bất tương ưng triền và si bằng Cận y duyên.

* Pháp tương ưng triền làm duyên cho những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

  Thuần cận y như: Uẩn tương ưng triền làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Cận y duyên.

* Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

  Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... làm cho nhập thiền phát sanh; nương giới... trí, thân lạc, thân khổ, chỗ ở... si mạnh có thể bố thí... làm cho nhập thiền phát sanh; đức tin... chỗ ở và si làm duyên cho đức tin... quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

* Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể gây ngã mạn, chấp tà kiến.
  - Nương giới... trí, thân lạc... chỗ ở... si mạnh có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng; đức tin... chỗ ở và si làm duyên cho ái... mong mỏi *(patthāna)* bằng Cận y duyên.

* Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

  Thuần cận y như: đức tin... trí, thân lạc... chỗ ở và si làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Cận y duyên.

* Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

  Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho uẩn tương ưng triền bằng Cận y duyên.

* Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

  Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho uẩn bất tương ưng triền và si bằng Cận y duyên.

* Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền làm duyên cho những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Cận y duyên.

469.

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật... bằng lối vô thường... thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức. Xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn bất tương ưng triền và si bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối cho ái... ưu phát sanh.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn tương ưng triền bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật... mở mối cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh ra.
- Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Tiền sanh duyên.

470.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Hậu sanh duyên:
Uẩn tương ưng triền sanh sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Hậu sanh duyên:
Uẩn bất tương ưng triền và si sanh sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

∗ Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Hậu sanh duyên:
Uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

471.

Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Cố hưởng duyên có 9 câu, khán chiếu *(āvajjana)* và quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* đều không có.

472.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Dị thời nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* tương ưng (Triền) làm duyên cho uẩn tương ưng triền bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư tương ưng triền làm duyên cho sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên; tư đồng sanh phóng dật làm duyên cho si và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư tương ưng triền làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền bằng Dị thời nghiệp duyên:
- Tư tương ưng triền làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Tư đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng với si và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư bất tương ưng triền làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên. Sát-na tục sinh…
- Biệt thời như: Tư bất tương ưng triền làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên.

473.

Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Quả duyên: Có 1 câu.

474.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Thực duyên có 4 câu.

∗ ... bằng Quyền duyên có 4 câu, bằng Thiền duyên có 4 câu, bằng Đạo duyên có 4 câu, bằng Tương ưng duyên có 6 câu.

475.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Hậu sanh,... tóm tắt…

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh,... tóm tắt…

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn tương ưng triền bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Hậu sanh,... tóm tắt…

476.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Hiện hữu duyên có 1 câu trùng như phần liên quan.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn tương ưng triền làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Uẩn đồng sanh phóng dật làm duyên cho si và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tương ưng triền làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp tương ưng triền làm duyên cho những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn tương ưng triền làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn ..., 1 uẩn đồng sanh phóng dật làm duyên cho 3 uẩn với si và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

* Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền... tóm tắt... nên sắp rộng.

* Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: Si đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên.
  - Tiền sanh như: Nhãn... vật thỏa thích rất hân hoan do đó mở mối cho ái... ưu sanh ra. Vật làm duyên cho uẩn tương ưng triền bằng Hiện hữu duyên.

* Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: Si đồng sanh phóng dật làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
  - Tiền sanh như: Nhãn... vật mở mối cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh ra. Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Hiện hữu duyên.

* Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  Đồng sanh như: 1 uẩn tương ưng triền và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn.... 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

* Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
  - Đồng sanh như: Uẩn tương ưng triền với si và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên; uẩn đồng sanh phóng dật và vật làm duyên cho si bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn tương ưng triền và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn tương ưng triền và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

* Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền làm duyên cho những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh phóng dật và si làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...
  - Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh phóng dật và vật làm duyên cho 3 uẩn và si bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...
* ... bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên,

477.

Nhân 6, Cảnh 9, Trưởng 5, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 6, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

478.

* Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên.
* Pháp tương ưng triền làm duyên cho những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp bất tương ưng triền làm duyên cho những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất tương ưng triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.
* Chư pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền làm duyên cho những pháp tương ưng triền và bất tương ưng triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

479.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả đều 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9.

480.

Nhân duyên có phi Cảnh 6,... tóm tắt... phi Liên tiếp 6, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 6,... tóm tắt... phi Đạo 6, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 6, phi Ly 6.

481.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 5, nên đếm như câu thuận tùng,... Bất ly 9.

Hết nhị đề tương ưng triền

NHỊ ĐỀ TRIỀN CẢNH TRIỀN *(SAṂYOJANA SAṂYOJANIYADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

482.

∗ Pháp triền cảnh triền liên quan pháp triền cảnh triền sanh ra do Nhân duyên:
Tà kiến triền và vô minh triền liên quan dục ái triền, nên sắp cách luân.

∗ Pháp cảnh triền phi triền liên quan pháp triền cảnh triền sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan triền.

∗ Chư pháp triền cảnh triền và cảnh triền phi triền liên quan pháp triền cảnh triền sanh ra do Nhân duyên:
Tà kiến triền và vô minh triền, uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan dục ái triền. Nên sắp cách luân.

∗ Pháp cảnh triền phi triền liên quan pháp cảnh triền phi triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn cảnh triền phi triền, 2 uẩn... Tục sinh luôn đến đại sung.

∗ Pháp triền cảnh triền liên quan pháp cảnh triền phi triền sanh ra do Nhân duyên:
Triền liên quan uẩn cảnh triền phi triền.

∗ Chư pháp triền cảnh triền và cảnh triền phi triền liên quan pháp cảnh triền phi triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn với triền và sắc tâm liên quan 1 uẩn cảnh triền phi triền, 2 uẩn...

∗ Pháp triền cảnh triền liên quan những pháp triền cảnh triền và cảnh triền phi triền sanh ra do Nhân duyên:
Tà kiến triền và vô minh triền liên quan dục ái triền và uẩn tương ưng, nên sắp cách luân.

∗ Pháp cảnh triền phi triền liên quan những pháp triền cảnh triền và cảnh triền phi triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn cảnh triền phi triền với triền, 2 uẩn...

∗ Chư pháp phi triền cảnh triền và cảnh triền phi triền liên quan những pháp triền cảnh triền và cảnh triền phi triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn, tà kiến triền, vô minh triền và sắc tâm liên quan 1 uẩn cảnh triền phi triền và dục ái triền, 2 uẩn... nên sắp cách luân.

Trùng như nhị đề ban đầu trong tông đề chùm triền *(saṃyojanagocchaka),* nhị đề này nên sắp rộng như thế không chi khác, chỉ trừ ra siêu thế.

Dứt nhị đề triền cảnh triền

NHỊ ĐỀ TRIỀN TƯƠNG ƯNG TRIỀN
(SAMYOJANA SAMYOJANA SAMPAYUTTA DUKA)

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

483.

∗ Pháp triền tương ưng triền liên quan pháp triền tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên:
Tà kiến triền và vô minh triền liên quan dục ái triền.

∗ Pháp tương ưng triền phi triền liên quan pháp triền tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng liên quan triền.

∗ Chư pháp triền tương ưng triền và tương ưng triền phi triền liên quan pháp triền tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên:
Tà kiến triền, vô minh triền và uẩn tương ưng liên quan dục ái triền.

∗ Pháp tương ưng triền phi triền liên quan pháp tương ưng triền phi triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng triền phi triền, 2 uẩn...

∗ Pháp triền tương ưng triền liên quan tương ưng triền phi triền sanh ra do Nhân duyên:
Triền liên quan uẩn tương ưng triền phi triền.

∗ Chư pháp triền tương ưng triền và tương ưng triền phi triền liên quan pháp tương ưng triền phi triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn với triền liên quan 1 uẩn tương ưng triền phi triền, 2 uẩn...

∗ Pháp triền tương ưng triền liên quan những pháp triền tương ưng triền và tương ưng triền phi triền sanh ra do Nhân duyên:
Tà kiến triền và vô minh triền liên quan dục ái triền và uẩn tương ưng, nên sắp cách luân.

∗ Pháp tương ưng triền phi triền liên quan pháp triền tương ưng triền và tương ưng triền phi triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 3 uẩn tương ưng triền phi triền với triền, 2 uẩn...

∗ Chư pháp triền tương ưng triền và tương ưng triền phi triền liên quan pháp triền tương ưng triền và tương ưng triền phi triền sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn, tà kiến triền và vô minh triền liên quan 1 uẩn tương ưng triền phi triền và dục ái triền, 2 uẩn... nên sắp cách luân *(cakkaṃ bandhitabbaṃ)*.

484.

Nhân 5, Cảnh 9, Trưởng 9, tất cả đều 9, Nghiệp 9, Thực 9, Bất ly 9.

485.

∗ Pháp triền tương ưng triền liên quan pháp triền tương ưng triền sanh ra do phi Nhân duyên:
Vô minh triền liên quan hoài nghi triền.

∗ Pháp triền tương ưng triền liên quan pháp tương ưng triền phi triền sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi.

* Pháp triền tương ưng triền liên quan pháp triền tương ưng triền và tương ưng triền phi triền sanh ra do phi Nhân duyên:

Vô minh triền liên quan hoài nghi triền và uẩn tương ưng.

486.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

Sắp đếm phần đồng sanh thứ hai như thế này.

Dù phần ỷ trượng, phần y chỉ, phần hòa hợp, phần tương ưng đều trùng như phần liên quan

Phần Vấn Đề ***(Pañhāvāra)***

487.

* Pháp triền tương ưng triền làm duyên cho pháp triền tương ưng triền bằng Nhân duyên:

Dục ái triền làm duyên cho tà kiến triền và vô minh triền bằng Nhân duyên. Nên sắp cách luân *(cakkaṃ bandhitabbaṃ)*.

* Pháp triền tương ưng triền làm duyên cho pháp tương ưng triền phi triền bằng Nhân duyên:

Nhân triền tương ưng triền làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

* Pháp triền tương ưng triền làm duyên cho pháp triền tương ưng triền và tương ưng triền phi triền bằng Nhân duyên:

Dục ái triền làm duyên cho tà kiến triền, vô minh triền và uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

488.

* Pháp triền tương ưng triền làm duyên cho pháp triền tương ưng triền bằng Cảnh duyên:

Triền mở mối cho triền sanh ra. Nên sắp căn; triền mở mối cho uẩn tương ưng triền phi triền sanh ra. Nên sắp căn. Triền mở mối cho uẩn triền tương ưng triền sanh ra.

* Pháp tương ưng triền phi triền làm duyên cho pháp tương ưng triền phi triền bằng Cảnh duyên:

Uẩn tương ưng triền phi triền mở mối cho uẩn tương ưng triền phi triền sanh ra.

* Pháp tương ưng triền phi triền làm duyên cho pháp tương ưng triền bằng Cảnh duyên:

Uẩn tương ưng triền phi triền mở mối cho triền sanh ra.

* Pháp tương ưng triền phi triền làm duyên cho pháp triền tương ưng triền và tương ưng triền phi triền bằng Cảnh duyên:

Uẩn tương ưng triền phi triền mở mối cho triền và uẩn tương ưng triền sanh ra.

* Chư pháp triền tương ưng triền và tương ưng triền phi triền làm duyên cho pháp triền tương ưng triền bằng Cảnh duyên có 3 câu.

489.

* Pháp triền tương ưng triền làm duyên cho pháp triền tương ưng triền bằng Trưởng duyên: Trưởng cảnh có 3 câu.

∗ Pháp tương ưng triền phi triền làm duyên cho pháp tương ưng triền phi triền bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh có 3 câu.

Dù Trưởng cảnh hay Trưởng đồng sanh nên sắp 3 câu như thế.

∗ Chư pháp triền tương ưng triền và tương ưng triền phi triền làm duyên cho pháp triền tương ưng triền bằng Trưởng duyên: Trưởng cảnh có 3 câu.

490.

∗ Pháp triền tương ưng triền làm duyên cho pháp triền tương ưng triền bằng Vô gián duyên có 9 câu trùng như Cảnh duyên, không có cách đếm chi khác hơn.

∗ ... bằng Liên tiếp duyên có 9 câu, bằng Đồng sanh duyên có 9 câu, bằng Hỗ tương duyên có 9 câu, bằng Y chỉ duyên có 9 câu, bằng Cận y duyên có 9 câu, nên sắp theo Cảnh duyên;... bằng Cố hưởng duyên có 9 câu.

491.

∗ Pháp tương ưng triền phi triền làm duyên cho pháp tương ưng triền phi triền bằng Dị thời nghiệp duyên có 3 câu.

∗ ... bằng Thực duyên có 3 câu, bằng Quyền duyên có 3 câu, bằng Thiền duyên có 3 câu, bằng Đạo duyên có 9 câu, bằng Tương ưng duyên có 9 câu, bằng Bất tương ưng duyên có 9 câu, bằng Hiện hữu duyên có 9 câu, bằng Vô hữu duyên có 9 câu, bằng Ly duyên có 9 câu, bằng Bất ly duyên có 9 câu.

492.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

493.

Pháp triền tương ưng triền làm duyên cho pháp triền tương ưng triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên,... tóm tắt... nên sắp 9 câu như đã nói, chỉ thay đổi 3 câu chớ không chi khác.

494.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả đều 9, phi Bất ly 9.

495.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... tóm tắt... phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3,... tóm tắt... phi Đạo 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

496.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9, nên sắp theo câu thuận tùng,... Bất ly 9.

Hết nhị đề triền tương ưng triền

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG TRIỀN CẢNH TRIỀN
(SAṂYOJANAVIPPAYUTTA SAṂYOJANIYADUKA)

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

497.

∗ Pháp bất tương ưng triền cảnh triền liên quan pháp bất tương ưng triền cảnh triền sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất tương ưng triền cảnh triền, 2 uẩn... Tục sinh luôn đến người Vô tưởng và đại sung.

∗ Pháp bất tương ưng triền phi cảnh triền liên quan pháp bất tương ưng triền phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn bất tương ưng triền phi cảnh triền, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng triền phi cảnh triền... nên sắp 2 câu.

Nhị đề này trùng như nhị đề hiệp thế trong tông đề đỉnh *(cūlantaraduka)* không chi khác.

Hết nhị đề bất tương ưng triền cảnh triền

NHỊ ĐỀ PHƯỢC *(GANTHADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

498.

∗ Pháp phược liên quan pháp phược sanh ra do Nhân duyên:

Tham ác thân phược liên quan giới cấm thủ thân phược, giới cấm thủ thân phược liên quan tham ác thân phược, tham ác thân phược liên quan ngã kiến thân phược, ngã kiến thân phược liên quan tham ác thân phược.

∗ Pháp phi phược liên quan pháp phược sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan phược.

∗ Chư pháp phược và phi phược liên quan pháp phược sanh ra do Nhân duyên:

Tham ác thân phược, uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan giới cấm thủ thân phược; nên sắp cách luân.

∗ Pháp phi phược liên quan pháp phi phược sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi phược, 2 uẩn... Sát-na tục sinh:

Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung...

∗ Pháp phược liên quan pháp phi phược sanh ra do Nhân duyên:

Phược liên quan uẩn phi phược.

∗ Chư pháp phược và phi phược liên quan pháp phi phược sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn với phược và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi phược, 2 uẩn...

∗ Pháp phược liên quan những pháp phược và phi phược sanh ra do Nhân duyên:

Tham ác thân phược liên quan giới cấm thủ thân phược và uẩn tương ưng, nên sắp cách luân.

* Pháp phi phược liên quan những pháp phược và phi phược sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi phược và phược, 2 uẩn...

* Chư pháp phược và phi phược liên quan những pháp phược và phi phược sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn với tham ác thân phược và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi phược và giới cấm thủ thân phược, 2 uẩn... Nên sắp cách luân, ... tóm tắt... .

* ... Do Cảnh duyên, do Bất ly duyên.

499.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, tất cả đều 9, Quả 1, Thực 9, Bất ly 9.

500.

Pháp phi phược liên quan pháp phi phược sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi phược vô nhân, 2 uẩn... Sát-na tục sinh vô nhân luôn đến người Vô tưởng. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

501.

* Pháp phi phược liên quan pháp phược sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan phược.

* Pháp phi phược liên quan pháp phi phược sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn phi phược. Tục sinh luôn đến người Vô tưởng.

* Pháp phi phược liên quan những pháp phược và phi phược sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan phược và uẩn tương ưng,... tóm tắt…

* ... Do phi Trưởng duyên có 9 câu, do phi Vô gián duyên có 3 câu, do phi Liên tiếp duyên có 3 câu, do phi Hỗ tương duyên có 3 câu, do phi Cận y duyên có 3 câu.

502.

* Pháp phược liên quan pháp phược sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: Tham ác thân phược liên quan ngã kiến thân phược. Ngã kiến thân phược liên quan tham ác thân phược. Trong Vô sắc: không có giới cấm thủ.
Nên sắp 9 câu thế này:... do phi Hậu sanh duyên có 9 câu, do phi Cố hưởng duyên có 9 câu, do phi Dị thời nghiệp duyên có 3 câu,... do phi Quả duyên có 9 câu, do phi Thực duyên có 1 câu, do phi Quyền duyên có 1 câu, do phi Thiền duyên có 1 câu, do phi Đạo duyên có 1 câu, do phi Tương ưng duyên có 3 câu, do phi Bất tương ưng duyên có 9 câu, do phi Vô hữu duyên có 3 câu, do phi Ly duyên có 3 câu.

503.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

504.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9, nên đếm như thế.

505.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Bất ly 1.

Phần đồng sanh trùng như phần liên quan

Phần Ỷ Trượng ***(Paccayavāra)***

506.

∗ Pháp phược ỷ trượng pháp phược sanh ra do Nhân duyên có 3 câu trùng như phần liên quan

∗ Pháp phi phược ỷ trượng pháp phi phược sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi phược, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật ỷ trượng uẩn, uẩn ỷ trượng vật, 1 đại sung... uẩn phi phược ỷ trượng vật.

∗ Pháp phược ỷ trượng pháp phi phược sanh ra do Nhân duyên:
Phược ỷ trượng uẩn phi phược, phược ỷ trượng vật.

∗ Chư pháp phược và phi phược ỷ trượng pháp phi phược sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn với phược và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi phược, 2 uẩn... phược và uẩn tương ưng ỷ trượng vật.

∗ Pháp phược ỷ trượng những pháp phược và phi phược sanh ra do Nhân duyên:
Tham ác thân phược ỷ trượng giới cấm thủ thân phược và uẩn tương ưng, nên sắp cách luân. Tham ác thân phược ỷ trượng giới cấm thủ thân phược và vật, nên sắp cách luân.

∗ Pháp phi phược ỷ trượng những pháp phược và phi phược sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi phược với phược, 2 uẩn... uẩn phi phược ỷ trượng phược và vật.

∗ Chư pháp phược và phi phược ỷ trượng những pháp phược và phi phược sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn với tham ác thân phược và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi phược và giới cấm thủ thân phược, 2 uẩn... Nên sắp cách luân.
- Tham ác thân phược và uẩn tương ưng ỷ trượng giới cấm thủ thân phược và vật. Nên sắp cách luân.

507.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

508.

Pháp phi phược ỷ trượng pháp phi phược sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi phược vô nhân, 2 uẩn... Tục sinh luôn đến người Vô tưởng.
- Nhãn thức ỷ trượng nhãn xứ, thân thức ỷ trượng thân xứ, uẩn phi phược vô nhân ỷ trượng vật, si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật,... tóm tắt…

509.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, nên đếm như thế.

510.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9, phi Ly 3.

511.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Bất ly 1.

Phần y chỉ cũng như phần ỷ trượng (nhờ cậy).
Phần hòa hợp, phần tương ưng nên sắp 9 câu, không có sắc.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

512.

∗ Pháp phược làm duyên cho pháp phược bằng Nhân duyên:
Nhân phược làm duyên cho tương ưng phược bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Nhân duyên:
Nhân phược làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phược làm duyên cho những pháp phược và phi phược bằng Nhân duyên:
Nhân phược làm duyên cho uẩn tương ưng với phược và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phi phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Nhân duyên:
Nhân phi phược làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh…

∗ Pháp phi phược làm duyên cho pháp phược bằng Nhân duyên:
Nhân phi phược làm duyên cho tương ưng phược bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phi phược làm duyên cho những pháp phược và phi phược bằng Nhân duyên:
Nhân phi phược làm duyên cho uẩn tương ưng với phược và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Chư pháp phược và phi phược làm duyên cho pháp phược bằng Nhân duyên:
Nhân phược và phi phược làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

∗ Chư pháp phược và phi phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Nhân duyên:
Nhân phược và phi phược làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Chư pháp phược và phi phược làm duyên cho những pháp phược và phi phược bằng Nhân duyên:
Nhân phược và phi phược làm duyên cho uẩn tương ưng với phược và sắc tâm bằng Nhân duyên.

513.

∗ Pháp phược làm duyên cho pháp phược bằng Cảnh duyên:
- Phược mở mối cho phược sanh ra, nên sắp căn.
- Phược mở mối cho uẩn phi phược sanh ra, nên sắp căn.
- Phược mở mối cho phược và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Pháp phi phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi nhớ lại... phản khán thiện đã làm chứa để trước kia... xuất thiền phản khán thiền…
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo,... phản khán quả,... phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vedanā)*, đạo, quả và khán chiếu *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não phi phược đã trừ... phiền não hạn chế,... phiền não đã từng sanh trước kia…
- Nhãn... vật... uẩn phi phược bằng cách vô thường... ưu sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ thấu tâm người hội họp tâm phi phược.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Uẩn phi phược làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán chiếu bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi phược làm duyên cho pháp phược bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối cho ái sanh, tà kiến sanh... ưu sanh.
- Thiện đã làm chứa để trước kia... xuất thiền phản khán thiền.
- Nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan uẩn phi phược do đó mở mối cho ái sanh... ưu sanh.

∗ Pháp phi phược làm duyên cho những pháp phược và phi phược bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối cho phược và uẩn tương ưng sanh ra.
- Thiện đã làm chứa để trước kia... xuất thiền phản khán thiền.
- Nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan uẩn phi phược do đó mở mối cho phược và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Chư pháp phược và phi phược làm duyên cho pháp phược bằng Cảnh duyên có 3 câu, nên sắp "do mở mối".

514.

∗ Pháp phược làm duyên cho pháp phược bằng Trưởng duyên có 3 câu, nên sắp "nặng về cảnh" trùng như Cảnh duyên.

∗ Pháp phi phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp... thiện từng tạo chứa trước kia... xuất thiền... chư Thánh xuất đạo... quả... Níp Bàn... Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả bằng Trưởng duyên. Nhãn... vật... nặng về uẩn phi phược rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng (chấp) đó nên ái sanh hoặc tà kiến sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi phược làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi phược làm duyên cho pháp phược bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp…; thiện từng tạo chứa trước kia... xuất thiền…. Nhãn... vật... nặng về uẩn phi phược rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng (chấp) đó nên ái sanh hay tà kiến sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi phược làm duyên cho phược bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi phược làm duyên cho những pháp phược và phi phược bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: (sau khi) bố thí... nặng về uẩn phi phược rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng (chấp) đó làm phược và uẩn tương ưng sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi phược làm duyên cho uẩn tương ưng với phược và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Chư pháp phược và phi phược làm duyên cho pháp phược bằng Trưởng duyên:
Trưởng cảnh có 3 câu.

515.

∗ Pháp phược làm duyên cho pháp phược bằng Vô gián duyên:
Phược sanh trước trước làm duyên cho phược sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Vô gián duyên:
Phược sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi phược sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Phược làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phược làm duyên cho những pháp phược và phi phược bằng Vô gián duyên:
Phược sanh trước trước làm duyên cho phược sanh sau sau và uẩn tương ưng bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Vô gián duyên có 3 câu:
2 câu nên sắp cho khán chiếu *(āvajjana),* câu thứ nhất không có.

∗ Chư pháp phược và phi phược làm duyên cho pháp phược bằng Vô gián duyên có 3 câu, quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* nên sắp vào đoạn giữa *(majjhe).*

∗ Pháp phược làm duyên cho pháp phược bằng Liên tiếp duyên có 9 câu, bằng Đồng sanh duyên có 9 câu, bằng Hỗ tương duyên có 9 câu, bằng Y chỉ duyên có 9 câu.

516.

∗ Pháp phược làm duyên cho pháp phược bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Phược làm duyên cho phược, có 3 câu.

∗ Pháp phi phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Cận y duyên, có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... gây ngã mạn, chấp tà kiến; nương giới... chỗ ở mạnh có thể bố thí... cho đến phá hòa hợp Tăng; đức tin... chỗ ở làm duyên cho đức tin... quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi phược làm duyên cho pháp phược bằng Cận y duyên, có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể gây ngã mạn, chấp tà kiến; nương giới... chỗ ở mạnh có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng; đức tin... chỗ ở làm duyên cho ái... mong mỏi *(patthāna)* bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi phược làm duyên cho những pháp phược và phi phược bằng Cận y duyên, có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể gây ngã mạn, chấp tà kiến; nương giới... chỗ ở mạnh có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng; đức tin... chỗ ở làm duyên cho phược và uẩn tương ưng bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp phược và phi phược làm duyên cho pháp phược bằng Cận y duyên, có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y có 3 câu, nên sắp theo Cảnh duyên.

517.

∗ Pháp phi phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật bằng lối vô thường... ưu sanh ra; thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn phi phược bằng Tiền sanh duyên.

* Pháp phi phược làm duyên cho pháp phược bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật, do đó mở mối cho ái sanh, tà kiến sanh... ưu sanh.
  - Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho phược bằng Tiền sanh duyên.

* Pháp phi phược làm duyên cho những pháp phược và phi phược bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật, do đó mở mối cho ái sanh, tà kiến sanh... ưu sanh, phược và uẩn tương ưng sanh.
  - Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho phược và uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên.

* ... Do Hậu sanh duyên có 3 câu, do Cố hưởng duyên có 9 câu.

518.

* Pháp phi phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
  - Đồng sanh như: Tư phi phược làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
  - Biệt thời như: Tư phi phược làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)* bằng Dị thời nghiệp duyên.

* Pháp phi phược làm duyên cho pháp phược bằng Dị thời nghiệp duyên:
  Tư phi phược làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Dị thời nghiệp duyên.

* Pháp phi phược làm duyên cho những pháp phược và phi phược bằng Dị thời nghiệp duyên:
  Tư phi phược làm duyên cho uẩn tương ưng với phược và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.

* Pháp phi phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Quả duyên có 1 câu,... bằng Thực duyên có 3 câu, bằng Quyền duyên có 3 câu, bằng Thiền duyên có 3 câu, bằng Đạo duyên có 9 câu, bằng Tương ưng duyên có 9 câu.

519.

* Pháp phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt…

* Pháp phi phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh,... tóm tắt…

* Pháp phi phược làm duyên cho pháp phược bằng Bất tương ưng duyên:
  Tiền sanh như: Vật làm duyên cho phược bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp phi phược làm duyên cho những pháp phược và phi phược bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho phược và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp phược và phi phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Hậu sanh,... tóm tắt…

520.

∗ Pháp phược làm duyên cho pháp phược bằng Hiện hữu duyên có 1 câu, trùng như phần liên quan

∗ Pháp phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Phược làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Phược làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp phược làm duyên cho những pháp phược và phi phược bằng Hiện hữu duyên có 1 câu, trùng như phần liên quan

∗ Pháp phi phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền,... tóm tắt…

∗ Pháp phi phược làm duyên cho pháp phược bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn phi phược làm duyên cho phược bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật, do đó mở mối cho ái sanh, hay tà kiến sanh…; vật làm duyên cho phược bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp phi phược làm duyên cho những pháp phược và phi phược bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: 1 uẩn phi phược làm duyên cho 3 uẩn với phược và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật, do đó mở mối cho phược và uẩn tương ưng sanh ra; vật làm duyên cho phược và uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp phược và phi phược làm duyên cho phược bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Giới cấm thủ thân phược và uẩn tương ưng làm duyên cho tham ác thân phược bằng Hiện hữu duyên; nên sắp cách luân.
- Đồng sanh như: Giới cấm thủ thân phược và vật làm duyên cho tham ác thân phược bằng Hiện hữu duyên; nên sắp cách luân.

∗ Chư pháp phược và phi phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như: 1 uẩn phi phược và phược làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...
- Đồng sanh như: Phược và vật làm duyên cho uẩn phi phược bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Phược và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Phược và uẩn tương ưng làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Phược và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.

- Hậu sanh như: Phược và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp phược và phi phược làm duyên cho những pháp phược và phi phược bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: 1 uẩn phi phược và giới cấm thủ thân phược làm duyên cho 3 uẩn với tham ác thân phược và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, nên sắp cách luân.
- Đồng sanh như: Giới cấm thủ thân phược và vật làm duyên cho tham ác thân phược và uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên, nên sắp cách luân.

521.

Nhân 9, Cảnh 9, tất cả đều 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

522.

∗ Pháp phược làm duyên cho pháp phược bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp phược làm duyên cho những pháp phược và phi phược bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp phi phược làm duyên cho pháp phược bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi phược làm duyên cho những pháp phược và phi phược bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp phược và phi phược làm duyên cho pháp phược bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp phược và phi phược làm duyên cho pháp phi phược bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

∗ Chư pháp phược và phi phược làm duyên cho những pháp phược và phi phược bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

523.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả đều 9, phi Bất ly 9.

524.

Nhân duyên có phi Cảnh 9,... tóm tắt... phi Liên tiếp 9, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 9, tất cả đều 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

525.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9, nên sắp đầy đủ như câu thuận tùng,... Bất ly 9.

NHỊ ĐỀ CẢNH PHƯỢC *(GANTHANIYADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

526.

Pháp cảnh phược liên quan pháp cảnh phược sanh ra do Nhân duyên:... 1 uẩn cảnh phược,... tóm tắt…

Nhị đề hiệp thế trong tông đề đỉnh *(cūlantaraduka)* thế nào, đây nên sắp thế ấy không chi khác.

Hết nhị đề cảnh phược

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG PHƯỢC *(GANTHASAMPAYUTTADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

527.

∗ Pháp tương ưng phược liên quan pháp tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phược, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng phược liên quan pháp tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng phược, tham và sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến; sân và sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh ưu.

∗ Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược liên quan pháp tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn tương ưng phược, 2 uẩn... 3 uẩn với tham và sắc tâm liên quan 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến; 2 uẩn... 3 uẩn với phẫn và sắc tâm liên quan 1 uẩn đồng sanh ưu, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng phược liên quan pháp bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất tương ưng phược, 2 uẩn...; sắc tâm liên quan tham bất tương ưng tà kiến, sắc tâm liên quan phẫn. Sát-na tục sinh:... liên quan uẩn... tóm tắt…

∗ Pháp tương ưng phược liên quan pháp bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng phược liên quan tham bất tương ưng tà kiến. Uẩn tương ưng liên quan phẫn.

∗ Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược liên quan pháp bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan tham bất tương ưng tà kiến. Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan phẫn.

∗ Pháp tương ưng phược liên quan những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến, với tham, 2 uẩn...; 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh ưu và phẫn, 2 uẩn...

* Pháp bất tương ưng phược liên quan những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng phược và đại sung. Sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham. Sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh ưu và phẫn.

* Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược liên quan những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham, 2 uẩn...; 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn đồng sanh ưu và phẫn, 2 uẩn...

528.

* Pháp tương ưng phược liên quan pháp tương ưng phược sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phược, 2 uẩn...

* Pháp bất tương ưng phược liên quan pháp tương ưng phược sanh ra do Cảnh duyên:
Tham liên quan uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến; phẫn liên quan uẩn đồng sanh ưu.

* Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược liên quan pháp tương ưng phược sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn và tham liên quan 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến, 2 uẩn...; 3 uẩn và phẫn liên quan 1 uẩn đồng sanh ưu, 2 uẩn...

* Pháp bất tương ưng phược liên quan pháp bất tương ưng phược sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn bất tương ưng phược, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Uẩn liên quan vật.

* Pháp tương ưng phược liên quan pháp bất tương ưng phược sanh ra do Cảnh duyên:
Uẩn tương ưng liên quan tham bất tương ưng tà kiến, uẩn tương ưng liên quan phẫn.

* Pháp tương ưng phược liên quan những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham; 2 uẩn...; 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh ưu và phẫn *(paṭigha)*, 2 uẩn... tóm tắt…

529.

Nhân 9, Cảnh 6, Trưởng 9, Vô gián 6, Liên tiếp 6, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 6, Tiền sanh 6, Cố hưởng 6, Nghiệp 9, Quả 1, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 6, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 6, Ly 6, Bất ly 9.

530.

Pháp bất tương ưng phược liên quan pháp bất tương ưng phược sanh ra do phi Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất tương ưng phược vô nhân, 2 uẩn... Tục sinh vô nhân luôn đến người Vô tưởng; si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

531.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 7.

Chia phi Tiền sanh nên sắp Vô sắc *(arūpa)* ban đầu, còn nơi nào có Sắc giới *(Rūpa)* nên sắp phía sau.

Trong Vô sắc không có phẫn.

∗ Phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

532.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9, nên đếm như thế,... tóm tắt... phi Ly 3.

533.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Bất ly 1.

Dù **phần đồng sanh** cũng nên sắp như thế.

<u>Phần Ỷ Trượng</u> ***(Paccayavāra)***

534.

∗ Pháp tương ưng phược ỷ trượng pháp tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên có 3 câu, trùng như phần liên quan

∗ Pháp bất tương ưng phược ỷ trượng pháp bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
... ỷ trượng 1 uẩn bất tương ưng phược. Sát-na tục sinh: Vật ỷ trượng uẩn, uẩn ỷ trượng vật, 1 đại sung... uẩn bất tương ưng phược ỷ trượng vật.

∗ Pháp tương ưng phược ỷ trượng pháp bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng phược ỷ trượng vật. Uẩn tương ưng phược ỷ trượng tham bất tương ưng tà kiến, uẩn tương ưng phược ỷ trượng phẫn.

∗ Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược ỷ trượng pháp bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng phược ỷ trượng vật. Sắc tâm ỷ trượng đại sung; uẩn tương ưng và sắc tâm ỷ trượng tham bất tương ưng tà kiến; uẩn tương ưng và sắc tâm ỷ trượng phẫn. Uẩn bất tương ưng tà kiến và tham ỷ trượng vật. Uẩn đồng sanh ưu và phẫn ỷ trượng vật.

∗ Pháp tương ưng phược ỷ trượng những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn tương ưng phược và vật, 2 uẩn...; 3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến với vật và tham, 2 uẩn... 3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn đồng sanh ưu với vật và phẫn, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng phược ỷ trượng những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm ỷ trượng uẩn tương ưng phược và đại sung, sắc tâm ỷ trượng uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham. Sắc tâm ỷ trượng uẩn đồng sanh ưu và phẫn. Tham ỷ trượng uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và vật. phẫn ỷ trượng uẩn đồng sanh ưu và vật.

∗ Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược ỷ trượng những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn tương ưng phược và vật, 2 uẩn... sắc tâm ỷ trượng uẩn tương ưng phược và đại sung, 3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham, 2 uẩn...
- 3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn đồng sanh ưu và phẫn, 2 uẩn...

- 3 uẩn và tham ỷ trượng 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và vật, 2 uẩn...
- 3 uẩn và phẫn ỷ trượng 1 uẩn đồng sanh ưu và vật, 2 uẩn... tóm tắt…

535.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, tất cả đều 9, Quả 1, Thực 9, Bất ly 9.

536.

Pháp bất tương ưng phược ỷ trượng pháp bất tương ưng phược sanh ra do phi Nhân duyên.

- ... bất tương ưng phược vô nhân... Tục sinh vô nhân luôn đến người Vô tưởng.
- Nhãn thức ỷ trượng nhãn xứ, thân thức ỷ trượng thân xứ, uẩn bất tương ưng phược vô nhân ỷ trượng vật, si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật,... tóm tắt…

537.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3,... tóm tắt... phi Cận y 3, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

538.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9, nên đếm như thế.

539.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Bất ly 1.

Phần y chỉ trùng như phần ỷ trượng *(pacayavarasadiso)*.

<u>Phần Hòa Hợp</u> *(Saṅsaṭṭhavāra)*

540.

∗ Pháp tương ưng phược hòa hợp pháp tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn tương ưng phược, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng phược hòa hợp pháp tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
Tham hòa hợp uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến. phẫn hòa hợp uẩn đồng sanh ưu.

∗ Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược hòa hợp pháp tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và tham hòa hợp 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến, 2 uẩn...; 3 uẩn và phẫn hòa hợp 1 uẩn đồng sanh ưu, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng phược hòa hợp pháp bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn bất tương ưng phược, 2 uẩn... Tục sinh…

∗ Pháp tương ưng phược hòa hợp pháp bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng hòa hợp tham bất tương ưng tà kiến, uẩn tương ưng hòa hợp phẫn.

∗ Pháp tương ưng phược hòa hợp những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến, 2 uẩn...; 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đồng sanh ưu và phẫn, 2 uẩn... tóm tắt…

541.

Nhân 6, Cảnh 6, Trưởng 6, tất cả đều 6, Quả 1, Thực 6, Bất ly 6.

542.

Pháp bất tương ưng phược hòa hợp pháp bất tương ưng phược sanh ra do phi Nhân duyên:

... bất tương ưng phược vô nhân... Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật,... tóm tắt…

543.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 6, phi Cố hưởng 6, phi Nghiệp 4, phi Quả 6, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 6.

544.

Nhân duyên có phi Trưởng 6,... phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 6, phi Cố hưởng 6, phi Nghiệp 4, phi Quả 6, phi Bất tương ưng 6.

545.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, Bất ly 1.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

546.

∗ Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Nhân duyên:
Nhân tương ưng phược làm duyên cho uẩn tương ưng phược bằng Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Nhân duyên:
- Nhân tương ưng phược làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên.
- Nhân đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho tham và sắc tâm bằng Nhân duyên.
- Nhân đồng sanh ưu làm duyên cho phẫn và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng phược làm duyên cho những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược bằng Nhân duyên:
- Nhân tương ưng phược làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.
- Nhân đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho uẩn tương ưng với tham và sắc tâm bằng Nhân duyên.
- Nhân đồng sanh ưu làm duyên cho uẩn tương ưng với phẫn và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Nhân duyên:
- Nhân bất tương ưng phược làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.
- Tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên.
- Phẫn làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh…

∗ Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Nhân duyên:
- Tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.
- Phẫn làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

∗ Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược bằng Nhân duyên:
- Tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.
- Phẫn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

* Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Nhân duyên:
  - Nhân đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.
  - Nhân đồng sanh ưu và phẫn làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

* Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Nhân duyên:
  - Nhân đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên.
  - Nhân đồng sanh ưu và phẫn làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên.

* Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược làm duyên cho những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược bằng Nhân duyên:
  - Nhân đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.
  - Nhân đồng sanh ưu và phẫn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

547.

* Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Cảnh duyên:
  - Uẩn tương ưng phược mở mối cho uẩn tương ưng phược phược sanh ra, nên hỏi đến căn, có 3 câu.
  - Uẩn tương ưng phược mở mối cho uẩn bất tương ưng phược sanh ra; uẩn tương ưng phược mở mối cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh ra; với uẩn đồng sanh ưu và phẫn sanh ra.

* Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Cảnh duyên:
  - Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi nhớ lại, phản khán thiện tạo chứa trước kia.
  - Xuất thiền phản khán thiền. Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
  - Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả và khán chiếu *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
  - Chư Thánh phản khán phiền não bất tương ưng phược đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, rõ thấu phiền não đã từng sanh trước kia…
  - Nhãn... vật... uẩn bất tương ưng phược với tham và phẫn bằng cách vô thường... rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối cho ái bất tương ưng phược sanh ra, hoài nghi... phóng dật... ưu sanh ra .
  - Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
  - Tha tâm thông rõ thấu tâm người hội họp tâm bất tương ưng phược.
  - Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
  - Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên. Uẩn bất tương ưng phược làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán chiếu bằng Cảnh duyên.

* Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Cảnh duyên:

Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp... rồi thỏa thích rất hân hoan do đó làm cho ái tương ưng phược sanh ra, tà kiến... ưu sanh ra.

* Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược bằng Cảnh duyên:

Nhãn... vật... uẩn bất tương ưng phược với tham và phẫn mở mối cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến với tham và uẩn đồng sanh ưu với phẫn sanh ra.

* Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Cảnh duyên:
  - Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham, uẩn đồng sanh ưu với phẫn mở mối cho uẩn bất tương ưng phược sanh ra; nên hỏi đến căn.
  - Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham, uẩn đồng sanh ưu với phẫn mở mối cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến với tham và uẩn đồng sanh ưu với phẫn sanh ra.

548.

* Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
  - Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn tương ưng phược rồi làm cho uẩn tương ưng phược sanh ra.
  - Trưởng đồng sanh như: Uẩn tương ưng phược làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

* Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
  - Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn tương ưng phược rồi làm cho tham bất tương ưng tà kiến sanh ra.
  - Trưởng đồng sanh như: Uẩn tương ưng phược làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.
  - Trưởng đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho tham và sắc tâm bằng Trưởng duyên.
  - Trưởng đồng sanh ưu làm duyên cho phẫn và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

* Pháp tương ưng phược làm duyên cho những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
  - Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn tương ưng phược rồi làm cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh ra.
  - Trưởng đồng sanh như: Trưởng đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.
  - Trưởng đồng sanh ưu làm duyên cho uẩn tương ưng với phẫn và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

* Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
  - Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi nặng về đó mới phản khán; nặng về thiện đã từng tạo chứa để trước kia rồi nhớ lại; xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán. Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán, nặng về quả rồi phản khán, nặng về Níp Bàn rồi phản khán; Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả bằng Cảnh duyên; chư Thánh phản khán phiền não bất tương ưng phược đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, rõ thấu

phiền não đã từng sanh trước kia…; nhãn... vật... nặng về uẩn bất tương ưng phược và tham rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái bất tương ưng phược sanh ra.

- Trưởng đồng sanh như: Trưởng bất tương ưng phược làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp... thiện đã từng chứa để trước kia... xuất thiền phản khán thiền; nhãn... vật... nặng về uẩn bất tương ưng phược và tham rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng (chấp) đó làm cho ái tương ưng phược sanh ra, tà kiến sanh.

∗ Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nhãn... vật... nặng về uẩn bất tương ưng phược và tham rồi do nặng đó làm cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh ra.

∗ Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham rồi làm duyên cho uẩn tương ưng phược sanh ra; nên hỏi đến căn; nặng về uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham rồi làm cho tham bất tương ưng tà kiến sanh ra, nên hỏi đến căn; nặng về uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham rồi làm cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh ra.

549.

∗ Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Vô gián duyên:

- Uẩn tương ưng phược sanh trước trước làm duyên cho uẩn tương ưng phược sanh sau sau bằng Vô gián duyên, nên hỏi đến căn;
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến sanh trước trước làm duyên cho tham bất tương ưng tà kiến sanh sau sau bằng Vô gián duyên;
- Uẩn đồng sanh ưu sanh trước trước làm duyên cho phẫn sanh sau sau bằng Vô gián duyên; uẩn tương ưng phược làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên; nên hỏi đến căn;
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh sau sau bằng Vô gián duyên;
- Uẩn đồng sanh ưu sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh ưu và phẫn sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Vô gián duyên:

- Tham bất tương ưng tà kiến sanh trước trước làm duyên cho tham bất tương ưng tà kiến sanh sau sau bằng Vô gián duyên;
- Phẫn đồng sanh ưu sanh trước trước làm duyên cho phẫn sanh sau sau bằng Vô gián duyên;
- Uẩn bất tương ưng phược sanh trước trước làm duyên cho uẩn bất tương ưng phược sanh sau sau bằng Vô gián duyên;
- Thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc, quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Vô gián duyên:

- Tham bất tương ưng tà kiến sanh trước trước làm duyên cho uẩn bất tương ưng tà kiến sanh sau sau bằng Vô gián duyên;
- Phẫn sanh trước trước làm duyên uẩn đồng sanh ưu sanh sau sau bằng Vô gián duyên;
- Khán chiếu *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn bất tương ưng phược bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược bằng Vô gián duyên:
- Tham bất tương ưng tà kiến sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh sau sau bằng Vô gián duyên;
- Phẫn sanh trước trước làm duyên uẩn đồng sanh ưu và phẫn sanh sau sau bằng Vô gián duyên;
- Khán chiếu làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến với tham, uẩn đồng sanh ưu với phẫn bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Vô gián duyên:
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến sanh sau sau bằng Vô gián duyên;
- Uẩn đồng sanh ưu và phẫn sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh ưu sanh sau sau bằng Vô gián duyên; nên hỏi đến căn;
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh trước trước làm duyên cho tham bất tương ưng tà kiến sanh sau sau bằng Vô gián duyên; uẩn đồng sanh ưu và phẫn sanh trước trước làm duyên cho phẫn sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến với tham và uẩn đồng sanh ưu với phẫn làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên; nên hỏi đến căn.
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn đồng sanh ưu và phẫn sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh ưu và phẫn sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Liên tiếp duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Hỗ tương duyên, bằng Y chỉ duyên.

550.

∗ Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Uẩn tương ưng phược làm duyên cho uẩn tương ưng phược bằng Cận y duyên, nên hỏi đến căn.

  Nên sắp Cận y duyên cả 3 câu.
- Uẩn tương ưng phược làm duyên cho uẩn bất tương ưng phược bằng Cận y duyên, nên hỏi đến căn.

  Nên sắp Cận y duyên đủ 3 câu.
- Uẩn tương ưng phược làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham bằng Cận y duyên, uẩn đồng sanh ưu và phẫn bằng Cận y duyên.

∗ Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... làm cho nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn.
- Nương giới... trí, ái, sân, si, ngã mạn, mong mỏi, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... chỗ ở mạnh có thể bố thí... làm cho nhập thiền phát sanh, sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin... trí, ái... mong mỏi, chỗ ở làm duyên cho đức tin... trí, ái, sân, si, ngã mạn, mong mỏi bằng Cận y duyên.

∗ Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể gây ngã mạn, chấp tà kiến; nương giới... trí... ái... Ngã mạn... mong mỏi... chỗ ở mạnh có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng; đức tin... chỗ ở làm duyên cho ái, sân, si, ngã mạn, tà kiến, mong mỏi bằng Cận y duyên.

∗ Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược bằng Cận y duyên có 3 câu:
- Nương đức tin mạnh có thể gây ngã mạn. nương giới... trí, ái, sân, si, ngã mạn, mong mỏi, thân lạc... chỗ ở mạnh có thể sát sanh... cho đến phá hòa hợp Tăng.
- Đức tin... trí, ái, sân, si, ngã mạn, mong mỏi, chỗ ở làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham, uẩn đồng sanh ưu và phẫn bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham, uẩn đồng sanh ưu và phẫn làm duyên cho uẩn tương ưng phược bằng Cận y duyên; nên hỏi đến căn.
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham, uẩn đồng sanh ưu và phẫn làm duyên cho uẩn bất tương ưng phược với tham bất tương ưng tà kiến và phẫn bằng Cận y duyên; nên hỏi đến căn.
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham, uẩn đồng sanh ưu và phẫn làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham, uẩn đồng sanh ưu và phẫn bằng Cận y duyên.

551.

∗ Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn…Vật... bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan do đó mở mối cho ái bất tương ưng phược sanh ra, hoài nghi... phóng dật... ưu sanh ra; thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng; sắc xứ làm duyên cho nhãn thức. Xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn bất tương ưng phược, tham bất tương ưng tà kiến với phẫn bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật do đó mở mối cho ái tương ưng phược sanh ra, tà kiến... ưu sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn tương ưng phược bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật mở mối cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham, với uẩn đồng sanh ưu và phẫn sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham, với uẩn đồng sanh ưu và phẫn bằng Tiền sanh duyên.

552.

∗ Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Hậu sanh duyên có 1 câu.

∗ Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Hậu sanh duyên có 1 câu.

∗ Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Hậu sanh duyên:

Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh sau, uẩn đồng sanh ưu và phẫn làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

553.

Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Cố hưởng duyên trùng như Vô gián duyên: Khán chiếu *(āvajjana)* và quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* không có.

554.

∗ Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Dị thời nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* tương ưng phược làm duyên cho uẩn tương ưng phược bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư tương ưng phược làm duyên cho sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên; tư đồng sanh tham bất tương ưng phược và tham làm duyên cho sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên; tư đồng sanh ưu làm duyên cho phẫn và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư tương ưng phược làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp tương ưng phược làm duyên cho những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược bằng Dị thời nghiệp duyên:

Tư tương ưng phược làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên; tư đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho uẩn tương ưng với tham và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên; tư đồng sanh ưu làm duyên cho uẩn tương ưng với phẫn và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư bất tương ưng phược làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư bất tương ưng phược làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên.

555.

Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Quả duyên có 1 câu.

556.

Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Thực duyên có 4 câu,... bằng Quyền duyên có 4 câu,... bằng Thiền duyên có 4 câu,... bằng Đạo duyên có 4 câu,... bằng Tương ưng duyên có 6 câu.

557.

* Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt... nên phân rộng.
* Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh,... tóm tắt…
* Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Bất tương ưng duyên:

  Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn tương ưng phược bằng Bất tương ưng duyên.
* Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược bằng Bất tương ưng duyên:

  Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham, uẩn đồng sanh ưu và phẫn bằng Bất tương ưng duyên.
* Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên; uẩn đồng sanh ưu và phẫn làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham, uẩn đồng sanh ưu và phẫn làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

558.

* Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Hiện hữu duyên có 1 câu, trùng như phần liên quan
* Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...; nên phân rộng.
* Pháp tương ưng phược làm duyên cho những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược bằng Hiện hữu duyên có 1 câu, trùng như phần liên quan
* Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền,... tóm tắt...; nên phân rộng.
* Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: Tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên. Phẫn đồng sanh ưu làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên.
  - Tiền sanh như: Nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan vật do đó mở mối cho ái tương ưng phược... tà kiến... ưu sanh ra; vật làm duyên cho uẩn tương ưng phược bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. phẫn làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn... vật... mở mối cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham, uẩn đồng sanh ưu và phẫn sanh ra. Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham, uẩn đồng sanh ưu và phẫn bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: 1 uẩn tương ưng phược và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... 1 uẩn đồng sanh ưu và phẫn làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

∗ Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như: Uẩn tương ưng phược và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên... .
- Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh ưu và phẫn làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và vật làm duyên cho tham bằng Hiện hữu duyên. Uẩn đồng sanh ưu và vật làm duyên cho phẫn bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham, uẩn đồng sanh ưu và phẫn làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tương ưng phược và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tương ưng phược và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược làm duyên cho những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...
- Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh ưu và phẫn làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn…
- Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và vật làm duyên cho 3 uẩn và tham bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...
- Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh ưu và vật làm duyên cho 3 uẩn và phẫn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

559.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 6, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

560.

* Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên.
* Pháp tương ưng phược làm duyên cho những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp bất tương ưng phược làm duyên cho những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược làm duyên cho pháp tương ưng phược bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược làm duyên cho pháp bất tương ưng phược bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.
* Chư pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược làm duyên cho những pháp tương ưng phược và bất tương ưng phược bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

561.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả đều 9, phi Bất ly 9.

562.

Nhân duyên có phi Cảnh 9,... phi Trưởng 9,... tóm tắt... phi Liên tiếp 9, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 9, phi Cận y 9,... tóm tắt... phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

563.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9, nên sắp rộng theo đầu đề thuận, Bất ly 9.

Hết nhị đề tương ưng phược

NHỊ ĐỀ PHƯỢC CẢNH PHƯỢC *(GANTHAGANTHANIYADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

564.

∗ Pháp phược cảnh phược liên quan pháp phược cảnh phược sanh ra do Nhân duyên:
Tham ác thân phược liên quan giới cấm thủ thân phược, giới cấm thủ thân phược liên quan tham ác thân phược, tham ác thân phược liên quan ngã chấp thân phược, ngã chấp thân phược liên quan tham ác thân phược.

∗ Pháp cảnh phược phi phược liên quan pháp phược cảnh phược sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan phược.

∗ Chư pháp phược cảnh phược và cảnh phược phi phược liên quan pháp phược cảnh phược sanh ra do Nhân duyên:

Dù phần liên quan, phần đồng sanh, phần ỷ trượng, phần y chỉ, phần hòa hợp hay phần tương ưng trùng như nhị đề phược không chi khác.

Phần Vấn Đề ***(Pañhāvāra)***

565.

Pháp phược cảnh phược làm duyên cho pháp phược cảnh phược bằng Nhân duyên: Nhân phược làm duyên cho tương ưng phược bằng Nhân duyên.
Có 9 câu đề nên phân như đã kể.

566.

∗ Pháp phược cảnh phược làm duyên cho pháp phược cảnh phược bằng Cảnh duyên:
Phược mở mối cho uẩn cảnh phược phi phược sanh ra, nên hỏi đến căn. Phược mở mối cho phược và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Pháp cảnh phược phi phược làm duyên cho pháp cảnh phược phi phược bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi phản khán. Thiện từng tạo chứa trước kia... thiền…;
- Chư Thánh phản khán chuyển tộc *(gotrabhū)*, phản khán dũ tịnh *(vedanā)*, phiền não đã trừ... phiền não hạn chế, rõ thấu phiền não đã từng sanh trước kia;
- Nhãn... vật... uẩn cảnh phược phi phược bằng cách vô thường... ưu sanh ra; thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Tất cả đều nên sắp rộng;
- ... Khán chiếu bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp cảnh phược phi phược làm duyên cho pháp phược cảnh phược bằng Cảnh duyên:
Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi thỏa thích rất hân hoan do đó mở mối cho ái sanh, tà kiến... hoài nghi... phóng dật... ưu sanh; thiện đã từng chứa để trước kia... xuất thiền... thiền; nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan uẩn cảnh phược phi phược, do đó mở mối cho ái sanh, tà kiến... ưu sanh ra.

∗ Pháp cảnh phược phi phược làm duyên cho những pháp phược cảnh phược và cảnh phược phi phược bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp... thiện đã từng chứa để trước kia... xuất thiền... thiền; nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan uẩn cảnh phược phi phược, do đó mở mối cho phược và uẩn tương ưng sanh ra.

3 duyên ngoài ra nên sắp như đã kể, nên sắp câu "do mở mối". nhị đề này "không có siêu thế", trùng như nhị đề phược không chi khác, nên quyết rằng "cảnh phược".

Đạo nên sắp có 9 câu đề.

Hết nhị đề phược cảnh phược

NHỊ ĐỀ PHƯỢC TƯƠNG ƯNG PHƯỢC *(GANTHAGANTHASAṂPAYUTTADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

567.

∗ Pháp phược tương ưng phược liên quan pháp phược tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:

Tham ác thân phược liên quan giới cấm thủ thân phược. Giới cấm thủ thân phược liên quan tham ác thân phược. Tham ác thân phược liên quan ngã chấp thân phược, ngã chấp thân phược liên quan tham ác thân phược.

∗ Pháp tương ưng phược phi phược liên quan pháp phược tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn tương ưng liên quan phược.

∗ Chư pháp phược tương ưng phược và tương ưng phược phi phược liên quan pháp phược tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên:

Tham ác thân phược và uẩn tương ưng liên quan giới cấm thủ thân phược, nên sắp cách luân.

∗ Pháp tương ưng phược phi phược liên quan pháp tương ưng phược phi phược sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phược phi phược, 2 uẩn...

∗ Pháp phược tương ưng phược liên quan pháp tương ưng phược phi phược sanh ra do Nhân duyên:

Phược liên quan uẩn tương ưng phược phi phược.

∗ Chư pháp phược tương ưng phược và tương ưng phược phi phược liên quan pháp tương ưng phược phi phược sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn với phược liên quan 1 uẩn tương ưng phược phi phược, 2 uẩn...

∗ Pháp phược tương ưng phược liên quan những pháp phược tương ưng phược và tương ưng phược phi phược sanh ra do Nhân duyên:

Phược liên quan phược và uẩn tương ưng.

∗ Pháp tương ưng phược phi phược liên quan những pháp phược tương ưng phược và tương ưng phược phi phược sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phược phi phược với phược, 2 uẩn...

∗ Chư pháp phược tương ưng phược và tương ưng phược phi phược liên quan những pháp phược tương ưng phược và tương ưng phược phi phược sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và tham ác thân phược liên quan 1 uẩn tương ưng phược phi phược và giới cấm thủ thân phược, 2 uẩn... tóm tắt... nên sắp cách luân.

568.

Nhân 9, Cảnh 9, tất cả đều 9, Nghiệp 9, Thực 9, Bất ly 9.

569.

Pháp phược tương ưng phược liên quan pháp phược tương ưng phược sanh ra do phi Trưởng duyên;... tóm tắt... phần này "không có phi Nhân duyên".

570.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 5.

Đếm 2 cách ngoài ra như thế, dù phần đồng sanh, phần ỷ trượng, phần y chỉ, phần hòa hợp, phần tương ưng đều trùng như phần liên quan

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

571.

* Pháp phược tương ưng phược làm duyên cho pháp phược tương ưng phược bằng Nhân duyên:

  Nhân phược tương ưng phược làm duyên cho tương ưng phược bằng Nhân duyên.

* Pháp phược tương ưng phược làm duyên cho pháp phược tương ưng phược phi phược bằng Nhân duyên:

  Nhân phược tương ưng phược làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

* Pháp phược tương ưng phược làm duyên cho những pháp phược tương ưng phược và tương ưng phược phi phược bằng Nhân duyên:

  Nhân phược tương ưng phược làm duyên cho uẩn tương ưng với phược bằng Nhân duyên.

* Pháp tương ưng phược phi phược làm duyên cho pháp tương ưng phược phi phược bằng Nhân duyên:

  Nhân tương ưng phược phi phược làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

* Pháp tương ưng phược phi phược làm duyên cho pháp phược tương ưng phược bằng Nhân duyên:

  Nhân tương ưng phược phi phược làm duyên cho tương ưng phược bằng Nhân duyên.

* Pháp tương ưng phược phi phược làm duyên cho pháp phược tương ưng phược và tương ưng phược phi phược bằng Nhân duyên:

  Nhân tương ưng phược phi phược làm duyên cho uẩn tương ưng với phược bằng Nhân duyên.

* Chư pháp phược tương ưng phược và tương ưng phược phi phược làm duyên cho phược tương ưng phược bằng Nhân duyên:

  Nhân phược tương ưng phược và tương ưng phược phi phược làm duyên cho tương ưng phược bằng Nhân duyên.

* Chư pháp phược tương ưng phược và tương ưng phược phi phược làm duyên cho pháp tương ưng phược phi phược bằng Nhân duyên:

  Nhân phược tương ưng phược và tương ưng phược phi phược làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

* Chư pháp phược tương ưng phược và tương ưng phược phi phược làm duyên cho những pháp phược tương ưng phược và tương ưng phược phi phược bằng Nhân duyên:

Nhân phược tương ưng phược và tương ưng phược phi phược làm duyên cho uẩn tương ưng với phược bằng Nhân duyên.

572.

∗ Pháp phược tương ưng phược làm duyên cho pháp phược tương ưng phược bằng Cảnh duyên:

Phược mở mối cho phược sanh ra, nên sắp căn. Phược mở mối cho uẩn tương ưng phược phi phược sanh ra, nên sắp căn. Phược mở mối cho phược và uẩn tương ưng phược sanh ra.

∗ Pháp tương ưng phược phi phược làm duyên cho pháp tương ưng phược phi phược bằng Cảnh duyên:

Uẩn tương ưng phược phi phược mở mối cho uẩn tương ưng phược phi phược sanh ra, nên sắp căn; uẩn tương ưng phược phi phược mở mối cho phược sanh ra, nên hỏi đến căn; uẩn tương ưng phược phi phược mở mối cho phược và uẩn tương ưng phược sanh ra.

Dù Trưởng duyên, Vô gián duyên, Cận y duyên trùng như Cảnh duyên, không có phân tích *(vibhaṅga)*.

573.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9, chỉ sanh cõi Vô sắc. Nên sắp mỗi câu đề đều có 3 câu.

Cảnh, Đồng sanh, Cận y kể rộng đều có 9 câu.

Dù Phần Vấn Đề nên sắp như đây tất cả.

Dứt nhị đề phược tương ưng phược

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG PHƯỢC CẢNH PHƯỢC
(GANTHAVIPPAYUTTA GANTHANIYADUKA)

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

574.

Pháp bất tương ưng phược cảnh phược liên quan pháp bất tương ưng phược cảnh phược sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất tương ưng phược cảnh phược, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 1 đại sung…

Nhị đề hiệp thế trong tông đề đỉnh *(cūlantaraduka)* thế nào, đây nên sắp rộng như thế đó không chi khác.

Hết nhị đề bất tương ưng phược cảnh phược

NHỊ ĐỀ CHÙM BỘC, PHỐI *(OGHA YOGAGOCCHAKADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

575.

∗ ... Liên quan pháp bộc…

∗ Pháp phối liên quan pháp phối sanh ra do Nhân duyên:

Cả 2 chùm *(gocchaka)* này như chùm lậu *(āsava gocchaka)* không chi khác.

Hết nhị đề chùm lậu, phối

NHỊ ĐỀ CÁI *(NIVARANADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

576.

∗ Pháp cái liên quan pháp cái sanh ra do Nhân duyên:
- Hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái và vô minh cái liên quan dục dục cái;
- Phóng dật cái và vô minh cái liên quan dục dục cái;
- Hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái và vô minh cái liên quan sân độc cái;
- Phóng dật cái và vô minh cái liên quan sân độc cái.
- Hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái, hối hận cái và vô minh cái liên quan sân độc cái.
- Phóng dật cái, hối hận cái và vô minh cái liên quan sân độc cái.
- Phóng dật cái liên quan hoài nghi cái.
- Vô minh cái liên quan phóng dật cái.

∗ Pháp phi cái liên quan pháp cái sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan cái.

∗ Chư pháp cái và phi cái liên quan pháp cái sanh ra do Nhân duyên:
Hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái, vô minh cái, uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan dục dục cái; nên sắp cách luân.

∗ Pháp phi cái liên quan pháp phi cái sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi cái, tục sinh…

∗ Pháp cái liên quan pháp phi cái sanh ra do Nhân duyên:
Cái liên quan uẩn phi cái.

∗ Chư pháp cái và phi cái liên quan pháp phi cái sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn với cái và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi cái, 2 uẩn...

∗ Pháp cái liên quan những pháp cái và phi cái sanh ra do Nhân duyên:
Hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái và vô minh cái liên quan dục dục cái và uẩn tương ưng, nên sắp cách luân.

∗ Pháp phi cái liên quan những pháp cái và phi cái sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi cái với cái, 2 uẩn...

* Chư pháp cái và phi cái liên quan những pháp cái và phi cái sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn, hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái và vô minh cái liên quan 1 uẩn phi cái và dục dục cái, 2 uẩn... nên sắp cách luân.

577.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, tất cả đều 9, Quả 1, Thực 9, Bất ly 9.

578.

* Pháp cái liên quan pháp cái sanh ra do phi Nhân duyên:
Vô minh cái liên quan hoài nghi cái; vô minh cái liên quan phóng dật cái.

* Pháp phi cái liên quan pháp phi cái sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi cái vô nhân, 2 uẩn... Tục sinh vô nhân luôn đến người Vô tưởng.

* Pháp cái liên quan pháp phi cái sanh ra do phi Nhân duyên:
Vô minh cái liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

* Pháp cái liên quan những pháp cái và phi cái sanh ra do phi Nhân duyên:
Vô minh cái liên quan hoài nghi cái và uẩn tương ưng. Vô minh cái liên quan phóng dật cái và uẩn tương ưng.

579.

* Pháp phi cái liên quan pháp cái sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan cái.

* Pháp phi cái liên quan pháp phi cái sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn phi cái, luôn đến người Vô tưởng.

* Pháp phi cái liên quan những pháp cái và phi cái sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan cái và uẩn tương ưng,... tóm tắt…

* ... Do phi Trưởng duyên, do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên.

580.

* Pháp cái liên quan pháp cái sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  - Trong Vô sắc: Hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái và vô minh cái liên quan dục dục cái.
  - Trong Vô sắc: Phóng dật cái và vô minh cái liên quan dục dục cái.
  - Trong Vô sắc: Phóng dật cái và vô minh cái liên quan hoài nghi cái.
  - Trong Vô sắc: Vô minh cái liên quan phóng dật cái.

* Pháp phi cái liên quan pháp cái sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Trong Vô sắc: Uẩn tương ưng liên quan cái, sắc tâm liên quan cái.

Tất cả câu đề ngoài ra nên phân rộng. Trong Vô sắc nên sắp trước, Sắc giới sắp sau theo chỗ đáng sắp.

* Pháp cái liên quan những pháp cái và phi cái sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Trong Vô sắc: Hôn trầm thùy miên cái và phóng dật cái liên quan uẩn phi cái và dục dục cái; nên sắp cách luân *(cakka)*.

* Pháp phi cái liên quan những pháp cái và phi cái sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Trong Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi cái với cái, 2 uẩn... sắc tâm liên quan cái và uẩn tương ưng. Sắc tâm liên quan cái và đại sung.

∗ Chư pháp cái và phi cái liên quan những pháp cái và phi cái sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Trong Vô sắc: 3 uẩn, hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái và vô minh cái liên quan 1 uẩn phi cái và dục dục cái, nên sắp cách luân;... tóm tắt... .

581.

Phi Nhân 4, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

582.

Nhân duyên có phi Cảnh 3, phi Trưởng 9,... tóm tắt…

583.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Đạo 3, Bất ly 4.

Phần đồng sanh cũng nên sắp rộng như thế này.

<u>Phần Ỷ Trượng</u> ***(Paccayavāra)***

584.

∗ Pháp cái ỷ trượng pháp cái sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi cái ỷ trượng pháp phi cái sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi cái, luôn đến sắc tứ đại sung nội; uẩn phi cái ỷ trượng vật.

∗ Pháp cái ỷ trượng pháp phi cái sanh ra do Nhân duyên:

Cái ỷ trượng uẩn phi cái; cái ỷ trượng vật.

∗ Chư pháp cái và phi cái ỷ trượng pháp phi cái sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn với cái và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi cái, 2 uẩn... Cái và uẩn tương ưng ỷ trượng vật.

∗ Pháp cái ỷ trượng những pháp cái và phi cái sanh ra do Nhân duyên:

- Hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái và vô minh cái ỷ trượng dục dục cái và uẩn tương ưng; nên sắp cách luân;
- Hôn trầm thùy miên cái và vô minh cái ỷ trượng dục dục cái và vật. Nên sắp cách luân.

∗ Pháp phi cái ỷ trượng những pháp cái và phi cái sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi cái với cái, 2 uẩn... uẩn tương ưng ỷ trượng cái với vật; sắc tâm ỷ trượng cái với uẩn tương ưng, sắc tâm ỷ trượng cái và đại sung.

∗ Chư pháp cái và phi cái ỷ trượng những pháp cái và phi cái sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn, hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái và vô minh cái ỷ trượng 1 uẩn phi cái và dục dục cái, 2 uẩn... nên sắp cách luân; hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái, vô minh cái và uẩn tương ưng ỷ trượng dục dục cái và vật, nên sắp cách luân,... tóm tắt…

585.

Nhân 9, Cảnh 9, tất cả đều 9, Quả 1, Bất ly 1.

586.

∗ Pháp cái ỷ trượng pháp cái sanh ra do phi Nhân duyên:
Vô minh cái ỷ trượng hoài nghi cái, vô minh cái ỷ trượng phóng dật cái.

∗ Pháp phi cái ỷ trượng pháp phi cái sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi cái vô nhân, 2 uẩn... luôn đến người Vô tưởng; uẩn phi cái vô nhân ỷ trượng vật.

∗ Pháp cái ỷ trượng pháp phi cái sanh ra do phi Nhân duyên:
Vô minh cái ỷ trượng uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật, vô minh cái ỷ trượng vật.

∗ Pháp cái ỷ trượng những pháp cái và phi cái sanh ra do phi Nhân duyên:
Vô minh cái ỷ trượng hoài nghi cái và uẩn tương ưng. Vô minh cái ỷ trượng phóng dật cái và uẩn tương ưng. Vô minh cái ỷ trượng hoài nghi cái và vật. Vô minh cái ỷ trượng phóng dật cái và vật,... tóm tắt…

587.
Phi Nhân 4, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

588.
Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9,... tóm tắt…

589.
Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đạo 3, Bất ly 4.

<u>Phần Hòa Hợp</u> ***(Saṅsaṭṭhavāra)***

590.
Pháp cái hòa hợp pháp cái sanh ra do Nhân duyên:
Hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái và vô minh cái hòa hợp dục dục cái; nên sắp cách luân. Tất cả đều nên sắp rộng.

591.
Nhân 9, Cảnh 9, tất cả đều 9, Quả 1, Bất ly 9.

592.
Pháp cái hòa hợp pháp cái sanh ra do phi Nhân duyên:
Vô minh cái hòa hợp hoài nghi cái, vô minh cái hòa hợp phóng dật cái,... tóm tắt…

593.
Phi Nhân 4, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

Đếm 2 cách ngoài ra, dù phần tương ưng cũng nên sắp theo lối tường thuật.

<u>Phần Vấn Đề</u> ***(Pañhāvāro)***

594.
∗ Pháp cái làm duyên cho pháp cái bằng Nhân duyên:
Nhân cái làm duyên cho tương ưng cái bằng Nhân duyên.

∗ Pháp cái làm duyên cho pháp phi cái bằng Nhân duyên:
Nhân cái làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp cái làm duyên cho những pháp cái và phi cái bằng Nhân duyên:

Nhân cái làm duyên cho uẩn tương ưng với cái và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phi cái làm duyên cho pháp phi cái bằng Nhân duyên:
Nhân phi cái làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh…

595.

∗ Pháp cái làm duyên cho pháp cái bằng Cảnh duyên:
Cái mở mối cho cái sanh ra, nên hỏi đến căn. Cái mở mối cho uẩn phi cái sanh ra, nên hỏi đến căn; cái mở mối cho cái và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Pháp phi cái làm duyên cho pháp phi cái bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi nhớ lại, do đó thỏa thích rất hân hoan thế ấy nên mở mối cho tà kiến hay ưu sanh ra. thiện đã làm chất chứa trước... xuất thiền... thiền;
- Chư Thánh xuất đạo... đạo... quả... Níp Bàn …; Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, Quả, khán chiếu bằng Cảnh duyên;
- Chư Thánh phản khán phiền não phi cái đã trừ, phiền não hạn chế ... phiền não đã từng sanh trước kia …; nhãn... vật... uẩn phi cái bằng cách vô thường... ưu sanh ra;
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng;
- Tha tâm thông rõ thấu tâm người hội họp tâm phi cái.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ; sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức. Uẩn phi cái làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán chiếu bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi cái làm duyên cho pháp cái bằng Cảnh duyên:
Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp... thiện đã từng tạo chứa trước kia... thiền... nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan uẩn phi cái do đó mở mối cho nhãn... ái sanh ra, tà kiến... hoài nghi... phóng dật... ưu sanh ra.

∗ Pháp phi cái làm duyên cho những pháp cái và phi cái bằng Cảnh duyên:
Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp... thiện đã từng tạo chứa trước kia... thiền ...; nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan uẩn phi cái do đó mở mối cho cái và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Chư pháp cái và phi cái làm duyên cho pháp cái bằng Cảnh duyên: Có 3 câu, nên sắp "do mở mối".

596.

∗ Pháp cái làm duyên cho pháp cái bằng Trưởng duyên:
Trưởng cảnh như: Nặng về cái rồi làm cho cái phát sanh, có 3 câu như Cảnh duyên.

∗ Pháp phi cái làm duyên cho pháp phi cái bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi nặng về đó mới phản khán thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái hay tà kiến sanh ra; thiện đã làm chứa để trước... thiền. Chư Thánh xuất đạo... Đạo ... Quả... Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả bằng Trưởng duyên; nhãn... vật... nặng về uẩn phi cái rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái sanh hay tà kiến sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi cái làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi cái làm duyên cho pháp cái bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp... trước kia... thiền …; nhãn... vật... nặng về uẩn phi cái rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái sanh hay tà kiến sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi cái làm duyên cho tương ưng cái bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi cái làm duyên cho những pháp cái và phi cái bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp... trước kia... thiền…; nhãn... vật... nặng về uẩn phi cái rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho cái và uẩn tương ưng sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi cái làm duyên cho uẩn tương ưng với cái và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Chư pháp cái và phi cái làm duyên cho pháp cái bằng Trưởng duyên:
Trưởng cảnh có 3 câu, chỉ có Trưởng cảnh.

597.

∗ Pháp cái làm duyên cho pháp cái bằng Vô gián duyên:
Cái sanh trước trước làm duyên cho cái sanh sau sau bằng Vô gián duyên; nên hỏi đến căn. Cái sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi cái sanh sau sau bằng Vô gián duyên; cái làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên nên hỏi đến căn. Cái sanh trước trước làm duyên cho cái và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi cái làm duyên cho pháp phi cái bằng Vô gián duyên:
- Uẩn phi cái sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi cái sanh sau sau bằng Vô gián duyên;
- Xuất thiền diệt, Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên. Nên hỏi đến căn.
- Uẩn phi cái sanh trước trước làm duyên cho cái sanh sau sau bằng Vô gián duyên. khán chiếu *(āvajjana)* làm duyên cho cái bằng Vô gián duyên.
- Uẩn phi cái sanh trước trước làm duyên cho cái và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Khán chiếu làm duyên cho cái và uẩn tương ưng bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp cái và phi cái làm duyên cho pháp cái bằng Vô gián duyên:
- Cái và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho cái sanh sau sau bằng Vô gián duyên, nên hỏi đến căn.
- Cái và uẩn tương ưng làm duyên cho quả sơ khởi bằng Vô gián duyên. Cái và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho cái và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên

∗ Pháp cái làm duyên cho pháp cái bằng Liên tiếp duyên, ... bằng Đồng sanh duyên, bằng Hỗ tương duyên, bằng Y chỉ duyên.

598.

∗ Pháp cái làm duyên cho pháp cái bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Cái,... có 3 câu.

∗ Pháp phi cái làm duyên cho pháp phi cái bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí,... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp…Thiền phát sanh, Quán... đạo... thông... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến; nương giới... trí... ái, sân, si, ngã mạn, tà kiến, mong mỏi, thân lạc, thân khổ... chỗ ở mạnh có thể bố thí... cho đến phá hòa hợp Tăng; đức tin... chỗ ở làm duyên cho đức tin... trí, ái, ... mong mỏi, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi cái làm duyên cho pháp cái bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể gây ngã mạn, chấp tà kiến. nương giới... chỗ ở mạnh có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng; đức tin... chỗ ở làm duyên cho ái... mong mỏi bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi cái làm duyên cho những pháp cái và phi cái bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể gây ngã mạn, chấp tà kiến; nương giới... chỗ ở mạnh có thể sát sanh... cho đến phá hòa hợp Tăng. Đức tin,... chỗ ở làm duyên cho cái và uẩn tương ưng bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp cái và phi cái làm duyên cho pháp cái bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Cái và uẩn tương ưng làm duyên cho cái bằng Cận y duyên có 3 câu.

599.

Pháp phi cái làm duyên cho pháp phi cái bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật bằng cách vô thường... ưu sanh ra, có 3 câu.

Tiền sanh trùng như Cảnh; nên phân thiện và bất thiện.

600.

Pháp cái làm duyên cho pháp cái bằng Hậu sanh duyên có 3 câu,... bằng Cố hưởng duyên có 9 câu.

601.

Pháp phi cái làm duyên cho pháp phi cái bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư phi cái làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi cái làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên, nên hỏi đến căn. Tư phi cái làm duyên cho tương ưng cái bằng Dị thời nghiệp duyên. Tư phi cái làm duyên cho uẩn tương ưng với cái và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.

602.

Pháp phi cái làm duyên cho pháp phi cái bằng Quả duyên có 1 câu,... bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên.

603.

Pháp cái làm duyên cho pháp phi cái bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

Cả 4 câu đề ngoài ra, nên sắp như thế này.

604.

∗ Pháp cái làm duyên cho pháp cái bằng Hiện hữu duyên:
Dục dục cái làm duyên cho hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái và vô minh cái bằng Hiện hữu duyên. Nên sắp cách luân.

∗ Pháp cái làm duyên cho pháp phi cái bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
Cái căn *(nīvaraṇamūla)* cũng có 3 câu đề như thế.

∗ Pháp phi cái làm duyên cho pháp phi cái bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền,... tóm tắt…

∗ Pháp phi cái làm duyên cho pháp cái bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh,... tóm tắt…

∗ Pháp phi cái làm duyên cho những pháp cái và phi cái bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh... tóm tắt…

∗ Chư pháp cái và phi cái làm duyên cho pháp cái bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
Đồng sanh như: Dục dục cái và uẩn tương ưng làm duyên cho hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái và vô minh cái bằng Hiện hữu duyên; dục dục cái và vật làm duyên cho hôn trầm thùy miên cái và vô minh cái bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp cái và phi cái làm duyên cho pháp phi cái bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như: 1 uẩn phi cái với cái làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... Cái và vật làm duyên cho uẩn phi cái bằng Hiện hữu duyên; cái và uẩn tương ưng làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Cái và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Cái và uẩn tương ưng làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Cái với uẩn tương ưng và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Cái với uẩn tương ưng và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp cái và phi cái làm duyên cho những pháp cái và phi cái bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
Đồng sanh như: 1 uẩn phi cái và dục dục cái làm duyên cho 3 uẩn, hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái, vô minh cái và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn ...; dục dục cái và vật làm duyên cho hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái, vô minh cái và uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên. Nên sắp cách luân.

605.

Nhân 4, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3 Đạo 3, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

606.

∗ Pháp cái làm duyên cho pháp cái bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Cận y duyên.

* Pháp cái làm duyên cho pháp phi cái bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.
* Pháp cái làm duyên cho những pháp cái và phi cái bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp phi cái làm duyên cho pháp phi cái bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp phi cái làm duyên cho pháp cái bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp phi cái làm duyên cho những pháp cái và phi cái bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp cái và phi cái làm duyên cho pháp cái bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Chư pháp cái và phi cái làm duyên cho pháp phi cái bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.
* Chư pháp cái và phi cái làm duyên cho những pháp cái và phi cái bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

607.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, tất cả đều 9, phi Ly 9, phi Bất ly 9.

608.

Nhân duyên có phi Cảnh 4,... tóm tắt... phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4,... tóm tắt... phi Đạo 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 4, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

609.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9, nên phân rộng như đầu đề thuận,... Bất ly 9.

Hết nhị đề cái

NHỊ ĐỀ CẢNH CÁI *(NĪVARANIYADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

610.

Pháp cảnh cái liên quan pháp cảnh cái sanh ra…

Nhị đề hiệp thế thế nào, nhị đề cái cũng phân thế đó, không chi khác.

Hợp cái với cái có 8 lần, dục dục cái có 2 lần, phẫn có 4 lần, phóng dật và hoài nghi đều 1 lần.

Đầu đề trong nhị đề cái đã sắp trong phần này.

Hết nhị đề cảnh cái

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG CÁI *(NIVARANIYADUKA)*

Phần Liên Quan

611.

* Pháp tương ưng cái liên quan pháp tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng cái, 2 uẩn...
* Pháp bất tương ưng cái liên quan pháp tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng cái.
* Chư pháp tương ưng cái và bất tương ưng cái liên quan pháp tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn tương ưng cái, 2 uẩn...
* Pháp bất tương ưng cái liên quan pháp bất tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn Bất tương ưng cái, 2 uẩn... Tục sinh luôn đến sắc đại sung nội.
* Pháp bất tương ưng cái liên quan những pháp tương ưng cái và bất tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng cái và đại sung,... tóm tắt…

612.

Nhân 5, Cảnh 2, Trưởng 5, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 5.

613.

* Pháp tương ưng cái liên quan pháp tương ưng cái sanh ra do phi Nhân duyên:
  Vô minh cái liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.
* Pháp bất tương ưng cái liên quan pháp bất tương ưng cái sanh ra do phi Nhân duyên:
  Bất tương ưng cái vô nhân,... tóm tắt... luôn đến người Vô tưởng,... tóm tắt…

614.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Trưởng 5, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

615.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 5, phi Tiền sanh 4, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

616.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Đạo 1,... Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh cũng nên sắp như thế.

Phần Ỷ Trượng ***(Paccayavāra)***

617.

* Pháp tương ưng cái ỷ trượng pháp tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp bất tương ưng cái ỷ trượng pháp bất tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn Bất tương ưng cái, 2 uẩn... Tục sinh: 1 đại sung... uẩn bất tương ưng cái ỷ trượng vật.
* Pháp tương ưng cái ỷ trượng pháp bất tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn tương ưng cái ỷ trượng vật.
* Chư pháp tương ưng cái và bất tương ưng cái ỷ trượng pháp bất tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn tương ưng cái ỷ trượng vật, sắc tâm ỷ trượng đại sung.

∗ Pháp tương ưng cái ỷ trượng những pháp tương ưng cái và bất tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn tương ưng cái và vật, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng cái ỷ trượng những pháp tương ưng cái và bất tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm ỷ trượng uẩn tương ưng cái và đại sung.

∗ Chư pháp tương ưng cái và bất tương ưng cái ỷ trượng những pháp tương ưng cái và bất tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn tương ưng cái và vật, 2 uẩn... sắc tâm ỷ trượng uẩn tương ưng cái và đại sung,... tóm tắt…

618.
Nhân 9, Cảnh 4, Trưởng 9, Vô gián 4,... quả 1, Bất ly 9.

619.
∗ Pháp tương ưng cái ỷ trượng pháp tương ưng cái sanh ra do phi Nhân duyên:
Vô minh cái ỷ trượng uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp bất tương ưng cái ỷ trượng pháp bất tương ưng cái sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn bất tương ưng cái vô nhân; luôn đến người Vô tưởng. Nhãn thức ỷ trượng nhãn xứ, thân thức ỷ trượng thân xứ. Uẩn bất tương ưng cái vô nhân ỷ trượng vật.

∗ Pháp tương ưng cái ỷ trượng pháp bất tương ưng cái sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng vật *(vatthu)*.

∗ Pháp tương ưng cái ỷ trượng những pháp tương ưng cái và bất tương ưng cái sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

620.
Phi Nhân 4, phi Cảnh 3,... phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Đếm 2 cách ngoài ra, dù phần y chỉ cũng sắp như thế.

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

621.
Pháp tương ưng cái hòa hợp pháp tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên: …

622.
Nhân 2, Cảnh 2, tất cả đều 2, Quả 1, Bất ly 2.

623.
∗ Pháp tương ưng cái hòa hợp pháp tương ưng cái sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.
∗ ... Hòa hợp pháp bất tương ưng cái…

624.
Phi Nhân 2, phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

Đếm 2 cách ngoài ra, dù phần tương ưng cũng sắp như thế.

Phần Vấn Đề ***(Pañhāvāra)***

625.

∗ Pháp tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Nhân duyên:
Nhân tương ưng cái làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên; nên hỏi đến căn; nhân tương ưng cái làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên. Nhân tương ưng cái làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp bất tương ưng cái làm duyên cho pháp bất tương ưng cái bằng Nhân duyên:
Nhân bất tương ưng cái làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh…

626.

∗ Pháp tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Cảnh duyên:
- Thỏa thích rất hân hoan ái, do đó mở mối cho ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật hay ưu sanh ra; thỏa thích rất hân hoan tà kiến, do đó mở mối cho ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật hay ưu sanh ra.
- Hoài nghi mở mối cho hoài nghi, tà kiến, phóng dật hay ưu. Phóng dật mở mối cho phóng dật sanh ra, tà kiến... hoài nghi sanh ra. Ưu mở mối cho ưu sanh ra, tà kiến... hoài nghi... phóng dật sanh ra.

∗ Pháp tương ưng cái làm duyên cho pháp bất tương ưng cái bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh phản khán phiền não tương ưng cái đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, biết rõ phiền não đã từng sanh trước kia.
- Quán ngộ uẩn tương ưng cái bằng cách vô thường, khổ não hay vô ngã. Tha tâm thông rõ thấu tâm người hội họp tâm tương ưng cái.
- Uẩn tương ưng cái làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán chiếu bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp bất tương ưng cái làm duyên cho pháp bất tương ưng cái bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi phản khán. Nhớ thiện đã từng tạo chứa trước kia... xuất thiền... thiền.
- Chư Thánh xuất đạo ... Đạo; phản kháng Quả... Níp Bàn; Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả và khán chiếu bằng Cảnh duyên.
- Nhãn... vật... quán ngộ uẩn bất tương ưng cái bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã. Thiên nhãn thấy sắc, luôn đến khán chiếu *(āvajjana)*.

∗ Pháp bất tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Cảnh duyên:
Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp... trước kia... thiền ... nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan uẩn bất tương ưng cái do đó mở mối cho ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật hay ưu sanh ra.

627.

∗ Pháp tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về ái rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái hay tà kiến sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng cái làm duyên cho uẩn tương ưng cái bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp tương ưng cái làm duyên cho pháp bất tương ưng cái bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng cái làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên; nên hỏi đến căn. Trưởng tương ưng cái làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

* Pháp bất tương ưng cái làm duyên cho pháp bất tương ưng cái bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
  - Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi nặng về đó mới phản khán, nhớ lại thiện đã làm chứa để trước... xuất thiền... thiền; chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi... quả... Níp Bàn; Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả bằng Trưởng duyên.
  - Trưởng đồng sanh như: Trưởng bất tương ưng cái làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

* Pháp bất tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Trưởng duyên:
  Trưởng cảnh như: Bố thí... trước kia... thiền... nhãn... vật... nặng về uẩn bất tương ưng cái rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó nên ái hay tà kiến sanh ra.

628.

* Pháp tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Vô gián duyên:
  - Uẩn tương ưng cái sanh trước trước làm duyên cho uẩn tương ưng cái sanh sau sau bằng Vô gián duyên; nên hỏi đến căn.
  - Uẩn tương ưng cái làm duyên cho quả sơ khởi bằng Vô gián duyên đây "sanh trước trước" không có; nên hỏi đến căn.
  - Uẩn bất tương ưng cái sanh trước trước làm duyên cho uẩn bất tương ưng cái sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
  - Thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

* Pháp bất tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Vô gián duyên:
  Khán chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng cái bằng Vô gián duyên.

* Pháp tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Liên tiếp duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Hỗ tương duyên, bằng Y chỉ duyên.

629.

* Pháp tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  Thuần cận y như: Nương ái mạnh có thể sát sanh,... cho đến phá hòa hợp Tăng. nương sân... si, ngã mạn, tà kiến... mong mỏi mạnh có thể sát sanh... cho đến phá hòa hợp Tăng; ái... mong mỏi làm duyên cho ái... mong mỏi bằng Cận y duyên.

* Pháp tương ưng cái làm duyên cho pháp bất tương ưng cái bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
  Thuần cận y như: Nương ái mạnh có thể bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp, thiền... quán, đạo, thần thông... nhập thiền phát sanh; nương sân... mong mỏi mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh; ái... mong mỏi làm duyên cho đức tin... trí, thân lạc, thân khổ, đạo, quả, nhập thiền bằng Cận y duyên.

* Pháp bất tương ưng cái làm duyên cho pháp bất tương ưng cái bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... giới... đạo... thông... nhập thiền phát sanh; nương giới... trí... chỗ ở manh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh; đức tin... chỗ ở làm duyên cho đức tin... trí, đạo, quả, nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp bất tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể gây ngã mạn, chấp tà kiến. nương giới... trí... thân lạc... chỗ ở mạnh có thể sát sanh... cho đến phá hòa hợp Tăng, đức tin... chỗ ở làm duyên cho ái, sân, si, ngã mạn, tà kiến, mong mỏi bằng Cận y duyên.

630.

∗ Pháp bất tương ưng cái làm duyên cho pháp bất tương ưng cái bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... quán ngộ vật bằng lối vô thường, khổ não, vô ngã. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức. Xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn bất tương ưng cái bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp bất tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật, do đó mở mối cho ái, sân, si sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn tương ưng cái bằng Tiền sanh duyên.

631.

Pháp tương ưng cái làm duyên cho pháp bất tương ưng cái bằng Hậu sanh duyên có 2 câu,... bằng Cố hưởng duyên có 2 câu.

632.

∗ Pháp tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Dị thời nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* tương ưng cái làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Dị thời nghiệp duyên, nên sắp (đến) căn; có Đồng sanh và Biệt thời.

- Đồng sanh như: Tư tương ưng cái làm duyên cho sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư tương ưng cái làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên; tư tương ưng cái làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp bất tương ưng cái làm duyên cho pháp bất tương ưng cái bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời... tóm tắt…

∗ ... bằng Quả duyên có 1 câu.

633.

Pháp tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Thực duyên,... bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên có 2 câu.

634.

∗ Pháp tương ưng cái làm duyên cho pháp bất tương ưng cái bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt…

∗ Pháp bất tương ưng cái làm duyên cho pháp bất tương ưng cái bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh,... tóm tắt…

∗ Pháp bất tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn tương ưng cái bằng Bất tương ưng duyên.

635.

∗ Pháp tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Hiện hữu duyên:
1 uẩn tương ưng cái làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp tương ưng cái làm duyên cho pháp bất tương ưng cái bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn tương ưng cái làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tương ưng cái làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp tương ưng cái làm duyên cho những pháp tương ưng cái và bất tương ưng cái bằng Hiện hữu duyên:
1 uẩn tương ưng cái làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp bất tương ưng cái làm duyên cho pháp bất tương ưng cái bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh, Thực và Quyền,... tóm tắt…

∗ Pháp bất tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Hiện hữu duyên:
Tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật hay ưu sanh ra; vật làm duyên cho uẩn tương ưng cái bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp tương ưng cái và bất tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh:
Đồng sanh như: 1 uẩn tương ưng cái và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn và vật làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp tương ưng cái và bất tương ưng cái làm duyên cho pháp bất tương ưng cái bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như: Uẩn tương ưng cái và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tương ưng cái và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tương ưng cái và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

636.

Nhân 4, Cảnh 4, Trưởng 5, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Hậu sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 2, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 7.

637.

∗ Pháp tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Pháp tương ưng cái làm duyên cho pháp bất tương ưng cái bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp tương ưng cái làm duyên cho những pháp tương ưng cái và bất tương ưng cái bằng Đồng sanh duyên.

* Pháp bất tương ưng cái làm duyên cho pháp bất tương ưng cái bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

* Pháp bất tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

* Chư pháp tương ưng cái và bất tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên.

* Chư pháp tương ưng cái và bất tương ưng cái làm duyên cho pháp bất tương ưng cái bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

638.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 5, phi Hỗ tương 5, phi Y chỉ 5, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 6, phi Đạo 7, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 4, phi Hiện hữu 4, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 4.

639.

Nhân duyên có phi Cảnh 4,... phi Trưởng 4, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, phi Đạo 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

640.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Trưởng 5, nên đếm theo thuận tùng *(anuloma),* Bất ly 7.

Hết nhị đề tương ưng cái

NHỊ ĐỀ CÁI CẢNH CÁI *(NIVARAṆA NIVARAṆIYADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

641.

Pháp cái cảnh cái liên quan pháp cái cảnh cái sanh ra do Nhân duyên:

Hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái và vô minh cái liên quan dục dục cái.

Tất cả nên đếm như thế, trùng như nhị đề cái không chi khác.

Phần Vấn Đề ***(Pañhāvāra)***

642.

* Pháp cái cảnh cái làm duyên cho pháp cái cảnh cái bằng Nhân duyên:
  Nhân cái cảnh cái làm duyên cho tương ưng cái bằng Nhân duyên.

* Pháp cái cảnh cái làm duyên cho pháp cảnh cái phi cái bằng Nhân duyên:
  Nhân cái cảnh cái làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

* Pháp cái cảnh cái làm duyên cho những pháp cái cảnh cái và cảnh cái phi cái bằng Nhân duyên:
  Nhân cái cảnh cái làm duyên cho uẩn tương ưng với cái và sắc tâm bằng Nhân duyên.

* Pháp cảnh cái phi cái làm duyên cho pháp cảnh cái phi cái bằng Nhân duyên:
  Nhân cảnh cái phi cái làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.
  Tục sinh…

643.

∗ Pháp cái cảnh cái làm duyên cho pháp cái cảnh cái bằng Cảnh duyên:
- Cái mở mối cho cái sanh ra; nên hỏi đến căn.
- Cái mở mối cho uẩn cảnh cái phi cái sanh ra; nên hỏi đến căn.
- Cái mở mối cho cái và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Pháp cảnh cái phi cái làm duyên cho pháp cảnh cái phi cái bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi phản khán, thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan cho ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật hay ưu sanh ra;
- Nhớ thiện đã làm chứa để trước kia... thiền... chư Thánh phản khán chuyển tộc, dũ tịnh... phiền não đã trừ... phiền não hạn chế... phiền não từng sanh trước kia... .
- Nhãn... vật... quán ngộ uẩn cảnh cái phi cái bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan... ưu …; thiên nhãn... nên sắp luôn đến khán chiếu *(āvajjana)*.

∗ Pháp cảnh cái phi cái làm duyên cho pháp cái cảnh cái bằng Cảnh duyên:
- Bố thí... giới... thanh tịnh nghiệp... thiện đã làm chứa để trước kia... thiền... .
- Nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan. Uẩn cảnh cái phi cái, do đó mở mối cho ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật hay ưu sanh ra.

∗ Pháp cảnh cái phi cái làm duyên cho những pháp cái cảnh cái và cảnh cái phi cái bằng Cảnh duyên:
- Bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp... thiện đã làm chứa để trước kia... thiền... .
- Nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan. Uẩn cảnh cái phi cái do đó mở mối cho cái và uẩn tương ưng cái sanh ra.

3 câu ngoài ra đây, nên sắp như thế.

Trưởng duyên trùng như Cảnh duyên, dù Tiền sanh duyên cũng trùng như Cảnh duyên.

Riêng phần Y chỉ duyên không nên sắp siêu thế,... tóm tắt... nên sắp rộng như thế.

Nhị đề cái như thế nào, nên nhớ lại rồi sắp đúng như thế.

Hết nhị đề cái cảnh cái

NHỊ ĐỀ CÁI TƯƠNG ƯNG CÁI *(NIVARANA NIVARANA SAMPAYUTTADUKA)*

<u>Phần Liên Quan</u> ***(Paṭiccavāra)***

644.

∗ Pháp cái tương ưng cái liên quan pháp cái tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên:
Hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái và vô minh cái liên quan dục dục cái. Nên sắp cách luân, nên sắp tất cả cái *(nīvaraṇa)*.

∗ Pháp tương ưng cái phi cái liên quan pháp cái tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng liên quan cái *(nīvaraṇa)*.

∗ Chư pháp cái tương ưng cái và tương ưng cái phi cái liên quan pháp cái tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên:

Hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái, vô minh cái và uẩn tương ưng liên quan dục dục cái, nên sắp cách luân.

* Pháp tương ưng cái phi cái liên quan pháp tương ưng cái phi cái sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng cái phi cái, 2 uẩn...
* Pháp cái tương ưng cái liên quan pháp tương ưng cái phi cái sanh ra do Nhân duyên:
  Cái liên quan uẩn tương ưng cái phi cái.
* Chư pháp cái tương ưng cái và tương ưng cái phi cái liên quan pháp tương ưng cái phi cái sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn với cái liên quan 1 uẩn tương ưng cái phi cái, 2 uẩn...
* Pháp cái tương ưng cái liên quan những pháp cái tương ưng cái và tương ưng cái phi cái sanh ra do Nhân duyên:
  Hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái và vô minh cái liên quan dục dục cái và uẩn tương ưng; nên sắp cách luân.
* Pháp tương ưng cái phi cái liên quan những pháp cái tương ưng cái và tương ưng cái phi cái sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng cái phi cái với cái, 2 uẩn...
* Chư pháp cái tương ưng cái và tương ưng cái phi cái liên quan những pháp cái tương ưng cái và tương ưng cái phi cái sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn, hôn trầm thùy miên cái, phóng dật cái và vô minh cái liên quan 1 uẩn tương ưng cái phi cái và dục dục cái, 2 uẩn... nên sắp cách luân,... tóm tắt…

645.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, tất cả đều 9, Nghiệp 9, Thực 9, Bất ly 9.

646.

* Pháp cái tương ưng cái liên quan pháp cái tương ưng cái sanh ra do phi Nhân duyên:
  Vô minh cái liên quan hoài nghi cái, vô minh cái liên quan phóng dật cái.
* Pháp cái tương ưng cái liên quan pháp tương ưng cái phi cái sanh ra do phi Nhân duyên:
  Vô minh cái liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.
* Pháp cái tương ưng cái liên quan những pháp cái tương ưng cái và tương ưng cái phi cái sanh ra do phi Nhân duyên:
  Vô minh cái liên quan hoài nghi cái và uẩn tương ưng. Vô minh cái liên quan phóng dật cái và uẩn tương ưng,... tóm tắt…

647.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

648.

Nhân duyên có phi Trưởng 9,... tóm tắt... phi Bất tương ưng 9.

649.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, tất cả đều 3, Đạo 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh, phần ỷ trượng, phần y chỉ, phần hòa hợp, phần tương ưng đều trùng như phần liên quan *(paṭiccavāra)* không chi khác.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

650.

∗ Pháp cái tương ưng cái làm duyên cho pháp cái tương ưng cái bằng Nhân duyên:
Nhân cái tương ưng cái làm duyên cho tương ưng cái bằng Nhân duyên.

∗ Pháp cái tương ưng cái làm duyên cho pháp tương ưng cái phi cái bằng Nhân duyên:
Nhân cái tương ưng cái làm duyên cho uẩn tương ưng cái bằng Nhân duyên.

∗ Pháp cái tương ưng cái làm duyên cho những pháp cái tương ưng cái và tương ưng cái phi cái bằng Nhân duyên:
Nhân cái tương ưng cái làm duyên cho uẩn tương ưng với cái bằng Nhân duyên.

651.

∗ Pháp cái tương ưng cái làm duyên cho pháp cái tương ưng cái bằng Cảnh duyên:
Cái mở mối cho cái sanh ra, nên hỏi đến căn. Cái mở mối cho uẩn tương ưng cái phi cái sanh ra, nên hỏi đến căn. Cái mở mối cho cái và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Pháp tương ưng cái phi cái làm duyên cho pháp tương ưng cái phi cái bằng Cảnh duyên:
- Uẩn tương ưng cái phi cái mở mối cho uẩn tương ưng cái phi cái sanh ra; nên hỏi đến căn.
- Uẩn tương ưng cái phi cái mở mối cho cái sanh ra. Uẩn tương ưng cái phi cái mở mối cho cái và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Chư pháp cái tương ưng cái và tương ưng cái phi cái làm duyên cho pháp cái tương ưng cái bằng Cảnh duyên có 3 câu.

652.

∗ Pháp cái tương ưng cái làm duyên cho pháp cái tương ưng cái bằng Trưởng duyên:
Trưởng cảnh có 3 câu, nên sắp câu "nặng về Cảnh"

∗ Pháp tương ưng cái phi cái làm duyên cho pháp tương ưng cái phi cái bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn tương ưng cái phi cái rồi làm cho uẩn tương ưng cái phi cái sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng cái phi cái làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên; nên hỏi đến căn; nặng về uẩn tương ưng cái phi cái rồi làm cái sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng cái phi cái làm duyên cho tương ưng cái bằng Trưởng duyên; nặng về uẩn tương ưng cái phi cái rồi làm cái và uẩn tương ưng sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng cái phi cái làm duyên cho uẩn tương ưng với cái bằng Trưởng duyên.

∗ Chư pháp cái tương ưng cái và tương ưng cái phi cái làm duyên cho pháp cái tương ưng cái bằng Trưởng duyên:
Trưởng cảnh có 3 câu.

653.

∗ ... bằng Vô gián duyên: "không có" khán chiếu *(āvajjana)* và quả sơ khởi *(vuṭṭhāna);* tất cả câu nên sắp "trước trước".

* ... bằng Liên tiếp duyên có 9 câu,... bằng Đồng sanh duyên có 9 câu,... bằng Hỗ tương duyên có 9 câu, bằng Y chỉ duyên có 9 câu,... bằng Cận y duyên có 9 câu,... bằng Cố hưởng duyên trùng như Cảnh duyên "không có phân tích *(vibhaṅga)"*.

654.

Pháp tương ưng cái phi cái làm duyên cho pháp tương ưng cái phi cái bằng Dị thời nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* tương ưng cái phi cái làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Dị thời nghiệp duyên; nên hỏi đến căn; tư tương ưng cái phi cái làm duyên cho tương ưng cái bằng Dị thời nghiệp duyên; tư tương ưng cái phi cái làm duyên cho uẩn tương ưng với cái bằng Dị thời nghiệp duyên.

655.

* Pháp tương ưng cái phi cái làm duyên cho pháp tương ưng cái phi cái bằng Thực duyên có 3 câu.
* ... bằng Quyền duyên có 3 câu,... bằng Thiền duyên có 3 câu, ... bằng Đạo duyên có 3 câu, ... bằng Tương ưng duyên có 9 câu, ... bằng Hiện hữu duyên có 9 câu, bằng Vô hữu duyên có 9 câu, ... bằng Ly duyên có 9 câu, ... bằng Bất ly duyên có 9 câu.

656.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

657.

Pháp cái tương ưng cái làm duyên cho pháp cái tương ưng cái bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

Cả 9 duyên nên thay đổi 3 câu như thế này.

658.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Bất ly 9.

659.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

660.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9, nên sắp theo đầu đề thuận,... Bất ly 9.

Hết nhị đề cái tương ưng cái

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG CÁI CẢNH CÁI
(NĪVARAṆA SAMPAYUTTA NĪVARANĪYADUKA)

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

661.

Pháp bất tương ưng cái cảnh cái liên quan pháp bất tương ưng cái cảnh cái sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất tương ưng cái cảnh cái, 2 uẩn... Tục sinh... tóm tắt…

Nhị đề hiệp thế trong tông đề đỉnh *(cūlantaraduka)* như thế nào, đây nên sắp như thế ấy không chi khác.

Hết nhị đề bất tương ưng cái cảnh cái

NHỊ ĐỀ KHINH THỊ *(PARAMASADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

662.

∗ Pháp phi khinh thị liên quan pháp khinh thị sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan khinh thị.

∗ Pháp phi khinh thị liên quan pháp phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi khinh thị, 2 uẩn... Tục sinh luôn đến người Vô tưởng và sắc đại sung *(mahābhūta)*.

∗ Pháp khinh thị liên quan pháp phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên:
Khinh thị liên quan uẩn phi khinh thị.

∗ Chư pháp khinh thị và phi khinh thị liên quan pháp phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn với khinh thị và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi khinh thị, 2 uẩn...

∗ Pháp phi khinh thị liên quan những pháp khinh thị và phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi khinh thị và khinh thị, 2 uẩn...

663.

Nhân 5, Cảnh 5, tất cả đều 5, Quả 1, Bất ly 5.

664.

∗ Pháp phi khinh thị liên quan pháp phi khinh thị sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi khinh thị vô nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh vô nhân luôn đến người Vô tưởng; si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

665.

∗ Pháp phi khinh thị liên quan pháp khinh thị sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan khinh thị.

∗ Pháp phi khinh thị liên quan pháp phi khinh thị sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn phi khinh thị, luôn đến người Vô tưởng.

∗ Pháp phi khinh thị liên quan những pháp khinh thị và phi khinh thị sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc tâm liên quan khinh thị và uẩn tương ưng.

666.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 5, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

667.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 5, phi Quả 5, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

668.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Vô gián 1, tất cả đều 1, Bất ly 1.

Phần đồng sanh trùng như phần liên quan

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

669.

∗ Pháp phi khinh thị ỷ trượng pháp khinh thị sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn tương ưng và sắc tâm ỷ trượng khinh thị.

∗ Pháp phi khinh thị ỷ trượng pháp phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi khinh thị, 2 uẩn... Tục sinh luôn đến sắc đại sung nội; uẩn phi khinh thị ỷ trượng vật.

∗ Pháp khinh thị ỷ trượng pháp phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên:

Khinh thị ỷ trượng uẩn phi khinh thị. Khinh thị ỷ trượng vật.

∗ Chư pháp khinh thị và phi khinh thị ỷ trượng pháp phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn với khinh thị và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi khinh thị, 2 uẩn ...; khinh thị ỷ trượng vật, sắc tâm ỷ trượng đại sung. Khinh thị và uẩn tương ưng ỷ trượng vật.

∗ Pháp phi khinh thị ỷ trượng những pháp khinh thị và phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi khinh thị và khinh thị, 2 uẩn... sắc tâm ỷ trượng khinh thị và uẩn tương ưng; sắc tâm ỷ trượng khinh thị và đại sung. Uẩn phi khinh thị ỷ trượng khinh thị và vật,... tóm tắt…

670.

Nhân 5, Cảnh 5, Trưởng 5, tất cả đều 5, Quả 1, Bất ly 5.

671.

∗ Pháp phi khinh thị ỷ trượng pháp phi khinh thị sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn phi khinh thị vô nhân, 2 uẩn... .
- Sát-na tục sinh vô nhân luôn đến người Vô tưởng. Nhãn thức ỷ trượng nhãn xứ, thân thức ỷ trượng thân xứ;
- Uẩn phi khinh thị vô nhân ỷ trượng vật.
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật,... tóm tắt…

672.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 5, phi Vô gián 3,... phi Cận y 3, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

673.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 5, tất cả nên sắp như thế.

674.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Bất ly 1.

Phần y chỉ trùng như phần ỷ trượng *(paccayavāra)*.

Phần Hòa Hợp ***(Saṅsaṭṭhavāra)***

675.

Pháp phi khinh thị hòa hợp pháp khinh thị sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn tương ưng hòa hợp khinh thị; chỉ có trong Vô sắc, nên sắp 5 câu đề như thế.

Phần hòa hợp, phần tương ưng nên sắp như thế.

Phần Vấn Đề ***(Pañhavārā)***

676.

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Nhân duyên:

Nhân phi khinh thị làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Nhân duyên:

Nhân phi khinh thị làm duyên cho khinh thị bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho những pháp khinh thị và phi khinh thị bằng Nhân duyên:

Nhân phi khinh thị làm duyên cho uẩn tương ưng với khinh thị và sắc tâm bằng Nhân duyên.

677.

∗ Pháp khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Cảnh duyên:

- Khinh thị mở mối cho khinh thị sanh ra, nên sắp cách căn.
- Khinh thị mở mối cho uẩn phi khinh thị sanh ra.
- Khinh thị mở mối cho khinh thị và uẩn tương ưng sanh ra

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi phản khán, thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối cho ái, hoài nghi, phóng dật hay ưu sanh ra; thiện đã từng tạo chứa trước kia... xuất thiền... thiền.
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả và khán chiếu bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não phi khinh thị đã trừ... phiền não hạn chế... trước kia ... .
- Nhãn... vật... quán ngộ uẩn phi khinh thị bằng lối vô thường,... thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối cho ái, hoài nghi, phóng dật hay ưu sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng; tha tâm thông rõ thấu tâm người hội họp tâm phi khinh thị.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ; sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho

thân thức. Uẩn phi khinh thị làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán chiếu bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Cảnh duyên:
- Bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối cho tà kiến sanh ra,... trước kia... thiền... .
- Nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan uẩn phi khinh thị, do đó mở mối cho tà kiến…

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho những pháp khinh thị và phi khinh thị bằng Cảnh duyên:

Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối cho khinh thị và uẩn tương ưng sanh ra;... trước kia... thiền... nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan uẩn phi khinh thị, do đó mở mối cho khinh thị và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Chư pháp khinh thị và phi khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Cảnh duyên: Khinh thị và uẩn tương ưng mở mối... có 3 câu.

678.

∗ Pháp khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Trưởng duyên: Nặng về khinh thị rồi làm cho khinh thị... 3 câu, nên sắp Trưởng cảnh.

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Bố thí... giới... thanh tịnh nghiệp do nặng về đó rồi phản khán, thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái sanh... trước kia... thiền…; chư Thánh xuất đạo nặng về đạo... nặng về Quả... nặng về Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả bằng Trưởng duyên; nhãn... vật... nặng về uẩn phi khinh thị rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi khinh thị làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp... trước kia... thiền…. Nhãn... vật... nặng về uẩn phi khinh thị rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho tà kiến…
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi khinh thị làm duyên cho khinh thị bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho những pháp khinh thị và phi khinh thị bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp... trước kia... thiền; nhãn... vật... nặng về uẩn phi khinh thị rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho khinh thị và uẩn tương ưng sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi khinh thị làm duyên cho uẩn tương ưng với khinh thị và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Chư pháp khinh thị và phi khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Nặng về khinh thị và uẩn tương ưng rồi... Khinh thị, có 3 câu.

679.

∗ Pháp khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Vô gián duyên:

- Khinh thị sanh trước trước làm duyên cho khinh thị sanh sau sau bằng Vô gián duyên, nên sắp căn.
- Khinh thị sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi khinh thị sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Khinh thị làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên, nên sắp căn;
- Khinh thị sanh trước trước làm duyên cho khinh thị và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Vô gián duyên:
- Uẩn phi khinh thị sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi khinh thị sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên, nên sắp căn.
- Uẩn phi khinh thị sanh trước trước làm duyên cho khinh thị sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Khán chiếu *(āvajjana)* làm duyên cho khinh thị bằng Vô gián duyên; uẩn phi khinh thị sanh trước trước làm duyên cho khinh thị và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên. khán chiếu làm duyên cho khinh thị và uẩn tương ưng bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp khinh thị và phi khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Vô gián duyên:
- Khinh thị và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho khinh thị sanh sau sau bằng Vô gián duyên; nên sắp căn.
- Khinh thị và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi khinh thị sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Khinh thị và uẩn tương ưng làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên;
- Khinh thị và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho khinh thị và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp khinh thị và phi khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Liên tiếp duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Hỗ tương duyên, bằng Y chỉ duyên... có 5 câu.

680.

∗ Pháp khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Khinh thị làm duyên cho khinh thị bằng Cận y duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn;
- Giới... trí... ái, sân, si, ngã mạn, mong mỏi, thân lạc... chỗ ở mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, sát sanh... phá hòa hợp Tăng;
- Đức tin... chỗ ở làm duyên cho đức tin,... trí, ái,... mong mỏi, thân lạc, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể chấp tà kiến. giới... trí, ái, mong mỏi, thân lạc... chỗ ở mạnh có thể chấp tà kiến;

- Đức tin... chỗ ở làm duyên cho khinh thị bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho những pháp khinh thị và phi khinh thị bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể chấp tà kiến;
- Nương giới... chỗ ở mạnh có thể chấp tà kiến. nương đức tin... chỗ ở làm duyên cho khinh thị và uẩn tương ưng bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp khinh thị và phi khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Cận y duyên có 3 câu thành Cận y:

Khinh thị và uẩn tương ưng làm duyên cho khinh thị bằng Cận y duyên có 3 câu.

681.

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... quán ngộ vật bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối cho ái, hoài nghi, phóng dật, ưu phát sanh; thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức. Xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức. Thân xứ làm duyên cho thân thức. Vật làm duyên cho uẩn phi khinh thị bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật do đó mở mối cho tà kiến…
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho khinh thị bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho những pháp khinh thị và phi khinh thị bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật do đó mở mối cho khinh thị và uẩn tương ưng sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho khinh thị và uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên.

682.

∗ Pháp khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Hậu sanh duyên có 3 câu, nên sắp Hậu sanh.

∗ ... bằng Cố hưởng duyên có 9 câu.

683.

Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* phi khinh thị làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi khinh thị làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh *(kaṭattā)* bằng Dị thời nghiệp duyên; nên sắp căn.
- Tư phi khinh thị làm duyên cho khinh thị bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Tư phi khinh thị làm duyên cho khinh thị với uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.

684.

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Quả duyên có 1 câu.

∗ ... bằng Thực duyên có 3 câu,... bằng Quyền duyên có 3 câu,... bằng Thiền duyên có 3 câu.

685.

∗ Pháp khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Đạo duyên:
Chi đạo thành khinh thị... có 5 câu đề, nên sắp như thế.

∗ ... bằng Tương ưng duyên có 5 câu.

686.

∗ Pháp khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh... tóm tắt…

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh,... tóm tắt…

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Bất tương ưng duyên:
Tiền sanh như: Vật làm duyên cho khinh thị bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho những pháp khinh thị và phi khinh thị bằng Bất tương ưng duyên:
Tiền sanh như: Vật làm duyên cho khinh thị và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp khinh thị và phi khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt…

687.

∗ Pháp khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Khinh thị làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Khinh thị làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền…

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn phi khinh thị làm duyên cho khinh thị bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật do đó mở mối cho tà kiến sanh ra. Vật làm duyên cho khinh thị bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp phi khinh thị làm duyên cho những pháp khinh thị và phi khinh thị bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: 1 uẩn phi khinh thị làm duyên cho 3 uẩn với khinh thị và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật, do đó mở mối cho khinh thị và uẩn tương ưng sanh ra. Vật làm duyên cho khinh thị và uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp khinh thị và phi khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như: 1 uẩn phi khinh thị với khinh thị làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... .

- Khinh thị và uẩn tương ưng làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Khinh thị và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Khinh thị và vật làm duyên cho uẩn phi khinh thị bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Khinh thị và uẩn tương ưng làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Khinh thị với uẩn tương ưng và đoàn thực làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Khinh thị với uẩn tương ưng và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

688.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 5, Hỗ tương 5, Y chỉ 5, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 5, Tương ưng 5, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 5, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 5.

689.

* Pháp khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.
* Pháp khinh thị làm duyên cho những pháp khinh thị và phi khinh thị bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp phi khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp phi khinh thị làm duyên cho những pháp khinh thị và phi khinh thị bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp khinh thị và phi khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.
* Chư pháp khinh thị và phi khinh thị làm duyên cho pháp phi khinh thị bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.
* Chư pháp khinh thị và phi khinh thị làm duyên cho những pháp khinh thị và phi khinh thị bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

690.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả đều 9, phi Bất ly 9.

691.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 3,... phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

692.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9, nên sắp theo đầu đề thuận;... Bất ly 5.

Hết nhị đề khinh thị

NHỊ ĐỀ CẢNH KHINH THỊ *(PARAMAṬṬHADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

693.

∗ Pháp cảnh khinh thị liên quan pháp cảnh khinh thị sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn cảnh khinh thị, 2 uẩn... Tục sinh luôn đến sắc đại sung nội.

∗ ... Liên quan pháp cảnh khinh thị …

Nhị đề hiệp thế trong tông đề đỉnh *(cūlantaraduka)* như thế nào, đây nên sắp nhị đề cảnh khinh thị như thế đó không chi khác.

Hết nhị đề cảnh khinh thị

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG KHINH THỊ *(PARAMASASAMPAYUTTADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

694.

∗ Pháp tương ưng khinh thị liên quan pháp tương ưng khinh thị sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng khinh thị, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị liên quan pháp tương ưng khinh thị sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng khinh thị.

∗ Chư pháp tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị liên quan pháp tương ưng khinh thị sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn tương ưng khinh thị, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị liên quan pháp bất tương ưng khinh thị sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất tương ưng khinh thị, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung...

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị liên quan những pháp bất tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng khinh thị và đại sung,... tóm tắt…

695.

Nhân 5, Cảnh 2, Trưởng 5, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 5, Cận y 2, Tiền sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 5, Quả 1, Thực 5,... tóm tắt... Đạo 5, Tương ưng 2, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 5, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 5.

696.

Pháp bất tương ưng khinh thị liên quan pháp bất tương ưng khinh thị sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất tương ưng khinh thị vô nhân, 2 uẩn... Tục sinh vô nhân luôn đến người Vô tưởng;

- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

697.

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị liên quan pháp tương ưng khinh thị sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng khinh thị.

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị liên quan pháp bất tương ưng khinh thị sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc tâm liên quan uẩn bất tương ưng khinh thị, luôn đến người Vô tưởng…

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị liên quan những pháp tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng khinh thị và đại sung,... tóm tắt…

698.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 5, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

699.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 5, nên đếm như thế.

700.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Bất ly 1.

Phần đồng sanh trùng như phần liên quan

<u>Phần Ỷ Trượng</u> ***(Paccayavāra)***

701.

∗ Pháp tương ưng khinh thị ỷ trượng pháp tương ưng khinh thị sanh ra do Nhân duyên có 3 câu, trùng như phần liên quan.

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị ỷ trượng pháp bất tương ưng khinh thị sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn bất tương ưng khinh thị, 2 uẩn... Tục sinh luôn đến sắc đại sung nội; uẩn bất tương ưng khinh thị ỷ trượng vật.

∗ Pháp tương ưng khinh thị ỷ trượng pháp bất tương ưng khinh thị sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn tương ưng khinh thị ỷ trượng vật.

∗ Chư pháp tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị ỷ trượng pháp bất tương ưng khinh thị sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn tương ưng khinh thị ỷ trượng vật, sắc tâm ỷ trượng đại sung.

∗ Pháp tương ưng khinh thị ỷ trượng những pháp tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn tương ưng khinh thị và vật, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị ỷ trượng những pháp tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị sanh ra do Nhân duyên:

Sắc tâm ỷ trượng uẩn tương ưng khinh thị và đại sung.

∗ Chư pháp tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị ỷ trượng những pháp tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn ỷ trượng 1 uẩn tương ưng khinh thị và vật, 2 uẩn... sắc tâm ỷ trượng uẩn tương ưng khinh thị và đại sung... tóm tắt…

702.

Nhân 9, Cảnh 4, Trưởng 9, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 9, Hỗ tương 4, Y chỉ 9, Cận y 4, Tiền sanh 4, Cố hưởng 4, Nghiệp 9, Quả 1, Thực 9,... Bất ly 9.

703.

Pháp bất tương ưng khinh thị ỷ trượng pháp bất tương ưng khinh thị sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc tâm ỷ trượng 1 uẩn bất tương ưng khinh thị vô nhân, 2 uẩn... Tục sinh vô nhân luôn đến người Vô tưởng.
- Nhãn thức ỷ trượng nhãn xứ, thân xứ... uẩn bất tương ưng khinh thị vô nhân ỷ trượng vật, si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật ỷ trượng uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

704.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

705.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9, nên đếm như thế.

706.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1,... Bất ly 1.

Phần y chỉ như phần ỷ trượng *(paccayavāra)*.

<u>Phần Hòa Hợp</u> ***(Saṅsaṭṭhavāra)***

707.

Pháp tương ưng khinh thị hòa hợp pháp tương ưng khinh thị sanh ra do Nhân duyên…

708.

Nhân 2, Cảnh 2, tất cả đều 2, Quả 1, Bất ly 2.

709.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

Đếm 2 cách ngoài ra, dù **phần tương ưng** cũng nên đếm như thế.

<u>Phần Vấn Đề</u> ***(Pañhāvāra)***

710.

∗ Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Nhân duyên:

Nhân tương ưng khinh thị làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên; nên sắp căn. nhân tương ưng khinh thị làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên. Nhân tương ưng khinh thị làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Nhân duyên:

Nhân bất tương ưng khinh thị làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh…

711.

∗ Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Cảnh duyên: Thỏa thích rất hân hoan ái, do đó mở mối cho ái sanh ra. Thỏa thích rất hân hoan uẩn tương ưng khinh thị, do đó mở mối cho ái sanh ra.

∗ Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh phản khán phiền não tương ưng khinh thị đã trừ... phản khán phiền não hạn chế, rõ thấu phiền não từng sanh trước kia;
- Quán ngộ uẩn tương ưng khinh thị bằng cách vô thường... rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái bất tương ưng khinh thị, hoài nghi, phóng dật hay ưu sanh ra;
- Tha tâm thông rõ thấu tâm người hội họp tâm tương ưng khinh thị. Uẩn tương ưng khinh thị làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán chiếu bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi phản khán, thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối cho ái bất tương ưng khinh thị, hoài nghi, phóng dật hay ưu sanh ra
- Thiện đã từng tạo chứa trước kia... thiền... chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả... phản khán Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả và khán chiếu bằng Cảnh duyên; chư Thánh phản khán phiền não bất tương ưng khinh thị đã trừ... phiền não hạn chế... trước kia…
- Nhãn... vật... quán ngộ uẩn bất tương ưng khinh thị bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối cho ái bất tương ưng khinh thị, hoài nghi, phóng dật, ưu sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Tha tâm thông rõ thấu tâm người hội họp tâm bất tương ưng khinh thị;
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức. Xúc xứ làm duyên cho thân thức. Uẩn bất tương ưng khinh thị làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán chiếu bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Cảnh duyên:
- Bố thí... giới... thanh tịnh nghiệp... trước kia... thiền…;
- Nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan uẩn bất tương ưng khinh thị, do đó mở mối cho ái sanh ra.

712.

∗ Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về ái rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái sanh ra. nặng về uẩn tương ưng khinh thị rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng khinh thị làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn tương ưng khinh thị rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái bất tương ưng khinh thị sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng khinh thị làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho những pháp tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng khinh thị làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Bố thí... giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi nặng về đó mới phản khán, thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái bất tương ưng khinh thị sanh ra;... Trước kia... thiền... chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi... quả... Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả bằng Trưởng duyên.
- Nhãn... vật... nặng về uẩn bất tương ưng khinh thị thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái bất tương ưng khinh thị sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng bất tương ưng khinh thị làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho những pháp tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như: Bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi nặng về đó thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái tương ưng khinh thị sanh ra.
- ... Trước kia... thiền... nhãn... vật... nặng về uẩn bất tương ưng khinh thị thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái tương ưng khinh thị sanh ra.

713.

∗ Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Vô gián duyên:
- Uẩn tương ưng khinh thị sanh trước trước làm duyên cho uẩn tương ưng khinh thị sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Vô gián duyên:
- Uẩn tương ưng khinh thị làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Vô gián duyên:
- Uẩn bất tương ưng khinh thị sanh trước trước làm duyên cho uẩn bất tương ưng khinh thị sanh sau sau.
- Thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Vô gián duyên:

Khán chiếu làm duyên cho uẩn tương ưng khinh thị bằng Vô gián duyên.

∗ ... bằng Liên tiếp duyên.

714.

* Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Đồng sanh duyên có 5 câu.
* ... bằng Hỗ tương duyên có 2 câu;... bằng Y chỉ duyên có 7 câu.

715.

* Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

  Thuần cận y như: Ái tương ưng khinh thị... si... mong mỏi làm duyên cho ái tương ưng khinh thị, si, mong mỏi bằng Cận y duyên.

* Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Nương ái tương ưng khinh thị mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn... .
  - Nương si tương ưng khinh thị... mong mỏi mạnh có thể bố thí... làm cho nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, sát sanh,... cho đến phá hòa hợp Tăng.
  - Nương ái tương ưng khinh thị, si, mong mỏi làm duyên cho đức tin…trí, ái, sân, si, ngã mạn, mong mỏi, thân lạc, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

* Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn
  - Nương giới... trí, ái, ngã mạn... mong mỏi mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, sát sanh... phá hòa hợp Tăng. Nương thân lạc... chỗ ở mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng
  - Đức tin... trí, ái, ngã mạn, mong mỏi, thân lạc, chỗ ở làm duyên cho đức tin, trí, ái, ngã mạn, mong mỏi, thân lạc, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

* Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

  Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh làm cho ái phát sanh. nương giới... chỗ ở mạnh làm duyên cho mong mỏi. nương đức tin... chỗ ở làm duyên cho ái tương ưng khinh thị, mong mỏi bằng Cận y duyên.

716.

* Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Nhãn... quán ngộ vật bằng lối vô thường... rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối cho ái bất tương ưng khinh thị, hoài nghi, phóng dật hay ưu sanh ra.
  - Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức. Xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
  - Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức. Vật làm duyên cho uẩn bất tương ưng khinh thị bằng Tiền sanh duyên.

* Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối cho ái tương ưng khinh thị sanh ra.

- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn tương ưng khinh thị bằng Tiền sanh duyên.

717.

∗ Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Hậu sanh duyên,... tóm tắt…

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Hậu sanh duyên,... tóm tắt…

718.

Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Cố hưởng duyên có 2 câu.

719.

∗ Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Dị thời nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* tương ưng khinh thị làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư tương ưng khinh thị làm duyên cho sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư tương ưng khinh thị làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên; nên hỏi đến căn; tư tương ưng khinh thị làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Dị thời nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

- Đồng sanh như: Tư bất tương ưng khinh thị làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư bất tương ưng khinh thị làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên.

∗ ... bằng Quả duyên có 1 câu,... bằng Thực duyên có 4 câu,... bằng Quyền duyên có 4 câu,... bằng Thiền duyên có 4 câu,... bằng Đạo duyên có 4 câu,... bằng Tương ưng duyên có 2 câu.

720.

∗ Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt…

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh,... tóm tắt…

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn tương ưng khinh thị bằng Bất tương ưng duyên.

721.

∗ Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Hiện hữu duyên:

1 uẩn tương ưng khinh thị làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

* Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Hiện hữu duyên:

  Uẩn tương ưng khinh thị làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên; nên sắp căn.

* Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho những pháp tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị bằng Hiện hữu duyên:

  1 uẩn tương ưng khinh thị làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.

* Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền,... tóm tắt…

* Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Hiện hữu duyên:

  Tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật, do đó mở mối cho ái hay tà kiến sanh ra. Vật làm duyên cho uẩn tương ưng khinh thị bằng Hiện hữu duyên.

* Chư pháp tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

  Đồng sanh như: 1 uẩn tương ưng khinh thị và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

* Chư pháp tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

  1 uẩn tương ưng khinh thị làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.

* Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền,... tóm tắt…

* Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Hiện hữu duyên:

  Tiền sanh như: Nhãn... thỏa thích rất hân hoan vật, do đó mở mối cho ái hay tà kiến sanh ra. Vật làm duyên cho uẩn tương ưng khinh thị bằng Hiện hữu duyên.

* Chư pháp tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

  Đồng sanh như: 1 uẩn tương ưng khinh thị và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...

* Chư pháp tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.
  - Đồng sanh như: Uẩn tương ưng khinh thị và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn tương ưng khinh thị và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn tương ưng khinh thị và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh *(kaṭattā)* bằng Hiện hữu duyên.

722.

Nhân 4, Cảnh 4, Trưởng 5, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Hậu sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 2, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 7.

723.

* Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, Hậu sanh duyên, Dị thời nghiệp duyên.
* Pháp tương ưng khinh thị làm duyên cho những pháp tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị bằng Đồng sanh duyên.
* Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, Tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên, Dị thời nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, Tiền sanh duyên.
* Chư pháp tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp tương ưng khinh thị bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp tương ưng khinh thị và bất tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất tương ưng khinh thị bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

724.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 5, phi Hỗ tương 5, phi Y chỉ 5, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 7, tất cả đều 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 4, phi Hiện hữu 4, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 4.

725.

Nhân duyên có phi Cảnh 4,... phi Trưởng 4, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, tất cả đều 4, phi Đạo 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

726.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Trưởng 5, nên sắp theo đầu đề thuận,... Bất ly 7.

Hết nhị đề tương ưng khinh thị

NHỊ ĐỀ KHINH THỊ CẢNH KHINH THỊ *(PARAMASA PARAMAṬṬHADUKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

727.

* Pháp cảnh khinh thị phi khinh thị liên quan pháp khinh thị cảnh khinh thị sanh ra do Nhân duyên:

  Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan khinh thị.

* Pháp cảnh khinh thị phi khinh thị liên quan pháp cảnh khinh thị phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên:

  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn cảnh khinh thị phi khinh thị, 2 uẩn... sát-na tục sinh luôn đến đại sung nội *(ajjhattika)*.

* Pháp khinh thị cảnh khinh thị liên quan pháp cảnh khinh thị phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên:
  Khinh thị liên quan uẩn cảnh khinh thị phi khinh thị.

* Chư pháp khinh thị cảnh khinh thị và cảnh khinh thị phi khinh thị liên quan pháp cảnh khinh thị phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn với khinh thị và sắc tâm liên quan 1 uẩn cảnh khinh thị phi khinh thị, 2 uẩn...

* Pháp cảnh khinh thị phi khinh thị liên quan những pháp khinh thị cảnh khinh thị và cảnh khinh thị phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn cảnh khinh thị phi khinh thị với khinh thị, 2 uẩn... tóm tắt…

  Tất cả phần nên sắp như nhị đề khinh thị không chi khác.

<u>Phần Vấn Đề</u> ***(Pañhāvāra)***

728.

* Pháp cảnh khinh thị phi khinh thị làm duyên cho pháp cảnh khinh thị phi khinh thị bằng Nhân duyên:
  Nhân cảnh khinh thị phi khinh thị làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên; tục sinh…

* Pháp cảnh khinh thị phi khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị cảnh khinh thị bằng Nhân duyên:
  Nhân cảnh khinh thị phi khinh thị làm duyên cho khinh thị bằng Nhân duyên.

* Pháp cảnh khinh thị phi khinh thị làm duyên cho những pháp khinh thị cảnh khinh thị và cảnh khinh thị phi khinh thị bằng Nhân duyên:
  Nhân cảnh khinh thị phi khinh thị làm duyên cho uẩn tương ưng với khinh thị và sắc tâm bằng Nhân duyên.

729.

* Pháp khinh thị cảnh khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị cảnh khinh thị bằng Cảnh duyên có 3 câu, nên sắp "do mở mối"; trùng như nhị đề khinh thị.

* Pháp cảnh khinh thị phi khinh thị làm duyên cho pháp cảnh khinh thị phi khinh thị bằng Cảnh duyên:
  - Bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh nghiệp rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối cho ái, hoài nghi, phóng dật hay ưu sanh ra.
  - ... thiện từng tạo chứa trước kia... thiền... chư Thánh phản khán chuyển tộc, phản khán dũ tịnh, phiền não đã trừ... phiền não hạn chế... trước kia…
  - Nhãn... vật... uẩn cảnh khinh thị phi khinh thị bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
  - Thiên nhãn thấy sắc, luôn đến khán chiếu *(āvajjana)*, nên sắp tất cả.

* Pháp cảnh khinh thị phi khinh thị làm duyên cho pháp khinh thị cảnh khinh thị bằng Cảnh duyên:
  - Bố thí... giới... thanh tịnh nghiệp... trước kia. thiền…;
  - Nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan uẩn cảnh khinh thị phi khinh thị, do đó mở mối cho tà kiến...

* Pháp cảnh khinh thị phi khinh thị làm duyên cho những pháp khinh thị cảnh khinh thị và cảnh khinh thị phi khinh thị bằng Cảnh duyên:

- Bố thí... giới... thanh tịnh nghiệp... trước kia. thiền…;
- Nhãn... vật... quán ngộ uẩn cảnh khinh thị phi khinh thị bằng lối vô thường... rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó mở mối cho khinh thị và uẩn tương ưng sanh ra.

Tất cả ngoài 3 câu ngoài ra đây, nên sắp "do mở mối".

Nhị đề này trùng như nhị đề khinh thị; riêng về "siêu thế" *(lokuttara)* nếu không có trong đoạn nào, thì không nên sắp trong đoạn ấy.

Hết nhị đề khinh thị cảnh khinh thị

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG KHINH THỊ CẢNH KHINH THỊ
(PARĀMĀSAVIPPAYUTTA PARĀMAṬṬHADUKA)

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

730.

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị liên quan pháp bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị liên quan pháp bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt…

Nhị đề hiệp thế *(lokiyaduka)* trong tông đề đỉnh *(cūlantaraduka)* như thế nào, nơi đây nên sắp như thế đó không chi khác.

Hết nhị đề bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị

Đầy đủ nhị đề vị trí thuận (Anulomapaṭṭhāna)

HẾT QUYỂN 3

Hồi hướng và chia phước đến Tứ Đại Thiên Vương và tất cả chúng sanh, nhứt là Chư Thiên có oai lực hộ trì tạng Diệu Pháp đặng thạnh hành.

Hoàn mãn bộ Vị Trí *(Paṭṭhāna)* thứ 3 và trọn bộ *Abhidammapiṭaka* vào ngày 03-10-1977 (21-8-2521) tại chùa siêu Lý Sài Gòn - Việt Nam vào lúc 17h18 (giờ Đông Dương) tính theo giờ Quốc tế tại Việt Nam/Sài Gòn là 16h18.

Sài Gòn / Việt nam mùa thu Đinh Tỵ.
Cư sĩ Báu phụ trách biên tập và ấn loát

QUYỂN THỨ TƯ

NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH *(SARAMMAṆADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavara)***

1.

∗ Pháp hữu cảnh liên quan pháp hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu cảnh *(sārammaṇa)*, 2 uẩn..., sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô cảnh liên quan pháp hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm *(cittasamuṭṭhāna)* liên quan uẩn hữu cảnh, sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp hữu cảnh và vô cảnh liên quan pháp hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn hữu cảnh, 2 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô cảnh liên quan pháp vô cảnh sanh ra do Nhân duyên:
... 1 đại sung, sắc tâm, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp hữu cảnh liên quan pháp vô cảnh sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn hữu cảnh liên quan vật *(vatthu)*.

∗ Chư pháp hữu cảnh và vô cảnh liên quan pháp vô cảnh sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn hữu cảnh liên quan vật, sắc tục sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp hữu cảnh liên quan những pháp hữu cảnh và vô cảnh sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu cảnh và vật, 2 uẩn...

∗ Pháp vô cảnh liên quan những pháp hữu cảnh và vô cảnh sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn hữu cảnh và đại sung, sát-na tục sinh.

∗ Chư pháp hữu cảnh và vô cảnh liên quan những pháp hữu cảnh và vô cảnh sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu cảnh và vật, 2 uẩn..., sắc tục sinh liên quan uẩn hữu cảnh và đại sung.

2.

∗ Pháp hữu cảnh liên quan pháp hữu cảnh sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu cảnh, 2 uẩn... Tục sinh...

∗ Pháp hữu cảnh liên quan pháp vô cảnh sanh ra do Cảnh duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn hữu cảnh liên quan vật.

∗ Pháp hữu cảnh liên quan những pháp hữu cảnh và vô cảnh sanh ra do Cảnh duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu cảnh và vật, 2 uẩn... tóm tắt.

3.

∗ Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 5, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 9.

4.

∗ Pháp hữu cảnh liên quan pháp hữu cảnh sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân hữu cảnh, 2 uẩn..., sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp vô cảnh liên quan pháp hữu cảnh sanh ra do phi Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn vô nhân hữu cảnh, tục sinh vô nhân.

∗ Pháp hữu cảnh và vô cảnh liên quan pháp hữu cảnh sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân hữu cảnh, 2 uẩn... Tục sinh vô nhân.

∗ Pháp vô cảnh liên quan pháp vô cảnh sanh ra do phi Nhân duyên:
1 đại sung; người Vô tưởng: 1 đại sung...

∗ Pháp hữu cảnh liên quan pháp vô cảnh sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn hữu cảnh liên quan vật.

∗ Chư pháp hữu cảnh và vô cảnh liên quan pháp vô cảnh sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn hữu cảnh liên quan vật. Sắc tục sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp hữu cảnh liên quan pháp vô cảnh sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu cảnh và vật, 2 uẩn...

∗ Pháp vô cảnh liên quan những pháp hữu cảnh và vô cảnh sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tâm liên quan uẩn vô nhân hữu cảnh và đại sung; tục sinh vô nhân.

∗ Chư pháp hữu cảnh và vô cảnh liên quan pháp hữu cảnh và vô cảnh sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu cảnh và vật, 2 uẩn...; sắc tục sinh liên quan uẩn hữu cảnh và đại sung.

5.

∗ Pháp vô cảnh liên quan pháp vô cảnh sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn hữu cảnh, sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô cảnh liên quan pháp vô cảnh sanh ra do phi Cảnh duyên:
Luôn Vô tưởng

∗ Pháp vô cảnh liên quan những pháp hữu cảnh và vô cảnh sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn hữu cảnh và đại sung, có tục sinh... tóm tắt...

6.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 2, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

7.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9,... tóm tắt...

8.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3, Đồng sanh 9,... tóm tắt... Đạo 9, Bất ly 9.

Phần đồng sanh *(sahajāta)* như phần liên quan *(paṭicca)*.

<u>Phần Ỷ Trượng</u> *(Paccayavāra)*

9.

∗ Pháp hữu cảnh nhờ cậy pháp hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên:
có 3 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp vô cảnh nhờ cậy pháp vô cảnh sanh ra do Nhân duyên:
1 đại sung...; sắc tâm, sắc tục sinh thuộc y sinh nhờ cậy đại sung.

∗ Pháp hữu cảnh nhờ cậy pháp vô cảnh sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn hữu cảnh nhờ cậy vật, sát-na tục sinh: Uẩn hữu cảnh nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Chư pháp hữu cảnh và vô cảnh nhờ cậy pháp vô cảnh sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn hữu cảnh nhờ cậy vật, sắc tâm nhờ cậy đại sung: Có tục sinh.

∗ Pháp hữu cảnh nhờ cậy những pháp hữu cảnh và vô cảnh sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu cảnh và vật, 2 uẩn... , có tục sinh.

∗ Pháp vô cảnh nhờ cậy những pháp hữu cảnh và vô cảnh sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm nhờ cậy uẩn hữu cảnh và đại sung, có tục sinh.

∗ Chư pháp hữu cảnh và vô cảnh nhờ cậy những pháp hữu cảnh và vô cảnh sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu cảnh và vật, 2 uẩn... sắc tâm nhờ cậy uẩn hữu cảnh và đại sung, có tục sinh.

10.

∗ Pháp hữu cảnh nhờ cậy pháp hữu cảnh sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu cảnh, 2 uẩn... Tục sinh...

∗ Pháp hữu cảnh nhờ cậy pháp vô cảnh sanh ra do Cảnh duyên:
Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ; uẩn hữu cảnh nhờ cậy vật, có tục sinh.

∗ Pháp hữu cảnh nhờ cậy những pháp hữu cảnh và vô cảnh sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ, 2 uẩn... đồng sanh thân thức...
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu cảnh và vật, 2 uẩn... có tục sinh *(paṭisandhi)*;... tóm tắt...

11.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 9.

12.

∗ Pháp hữu cảnh nhờ cậy pháp hữu cảnh sanh ra do phi Nhân duyên:
Có 3 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp vô cảnh nhờ cậy pháp vô cảnh sanh ra do phi Nhân duyên:
1 đại sung... người Vô tưởng... 1 đại sung...

∗ Pháp hữu cảnh nhờ cậy pháp vô cảnh sanh ra do phi Nhân duyên:
Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ, uẩn hữu cảnh vô nhân nhờ cậy vật, sát-na tục sinh: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Chư pháp hữu cảnh và vô cảnh nhờ cậy pháp vô cảnh sanh ra do phi Nhân duyên:
Uẩn hữu cảnh nhờ cậy vật, sắc tâm nhờ cậy đại sung, có tục sinh.

∗ Pháp hữu cảnh nhờ cậy những pháp hữu cảnh và vô cảnh sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ, 2 uẩn... đồng sanh thân thức...
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu cảnh và vật, 2 uẩn... có tục sinh *(paṭisandhi)*.

∗ Pháp vô cảnh nhờ cậy những pháp hữu cảnh và vô cảnh sanh ra do phi Nhân duyên:
Sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn hữu cảnh và đại sung, có tục sinh.

∗ Chư pháp hữu cảnh và vô cảnh nhờ cậy những pháp hữu cảnh và vô cảnh sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu cảnh và vật, 2 uẩn... sắc tâm nhờ cậy uẩn hữu cảnh và đại sung. Sát-na tục sinh: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu cảnh và vật, 2 uẩn...; sắc tục sinh nhờ cậy uẩn hữu cảnh và đại sung,... tóm tắt...

13.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 4, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

14.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9,... tóm tắt...

15.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9,... tóm tắt... Đạo 3, Bất ly 9.

Phần y chỉ *(nissaya)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

<u>Phần Hòa Hợp</u> *(Saṅsaṭṭhavāra)*

16.

Pháp hữu cảnh hòa hợp pháp hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu cảnh,... 2 uẩn hòa hợp 2 uẩn.

17.

Nhân 1, Cảnh 1, Trưởng 1, tất cả đều 1, Bất ly 1.

18.

Pháp hữu cảnh hòa hợp pháp hữu cảnh sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân hữu cảnh, 2 uẩn... si hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật,... tóm tắt...

19.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1.
Ngoài ra phần tương ưng nên sắp đếm 2 cách như thế.

<u>Phần Liên Quan</u> *(Paṭiccavāra)*

20.

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Nhân duyên:
Nhân hữu cảnh làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên, có tục sinh.

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp vô cảnh bằng Nhân duyên:
Nhân hữu cảnh làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên, có tục sinh.

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh và vô cảnh bằng Nhân duyên:
Nhân hữu cảnh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên, có tục sinh.

21.

Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí... nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh giới... rồi phản khán thiện đã làm đó thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan... ưu phát sanh; nhớ thiện từng làm chứa để phản khán thiền...
- Chư Thánh phản khán chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*. Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, biết rõ phiền não đã từng sanh.
- Quán ngộ uẩn hữu cảnh bằng vô thường... ưu phát sanh. Tha tâm thông biết lòng người tề toàn tâm hữu cảnh. Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
- Uẩn hữu cảnh làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Pháp vô cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh phản khán Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* dũ tịnh *(vodanā)* luôn khán môn bằng Cảnh duyên.
- Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... ưu phát sanh; thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng, sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức. Uẩn vô cảnh làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vi lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

22.

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Trưởng duyên *(Adhipatipaccayo)* có Trưởng cảnh, Trưởng đồng sanh.
+ Trưởng cảnh *(Ārammanadhipati)* như:
  - Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi do nặng đó mới phản khán, thỏa thích rất hân hoan; nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.
  - Nhớ thiện đã làm từng làm chứa để... xuất thiền phản khán thiền... chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán, nặng về quả rồi... nặng về uẩn hữu cảnh rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.
+ Trưởng đồng sanh *(sahajātadhipati)* như: Trưởng hữu cảnh làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp vô cảnh bằng Trưởng duyên: Có Trưởng đồng sanh như:
Trưởng hữu cảnh làm duyên cho sắc tâm *(cittasamuṭṭhānarūpa)* bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho những pháp hữu cảnh và vô cảnh bằng Trưởng duyên:
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu cảnh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp vô cảnh làm duyên cho pháp vô cảnh bằng Trưởng duyên:
+ Trưởng cảnh như: Chư Thánh nặng về Níp Bàn rồi phản khán Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū),* dũ tịnh *(vodanā)* quả bằng Trưởng duyên.

- Nặng về nhãn... vật rồi mới thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát... .

23.

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Vô gián duyên:
- Pháp hữu cảnh sanh trước trước... làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên, Liên tiếp duyên... Đồng sanh duyên... 7 câu như Đồng sanh duyên trong phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ ... bằng Hỗ tương duyên như Hỗ tương duyên trong phần liên quan, có 6 câu.

∗ ... bằng Y chỉ duyên có 7 câu như Y chỉ duyên trong phần ỷ trượng *(paccayavāra)*.

24.

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Cận y duyên:
+ Thuần cận y *(pakatūpanssaya)*: Nương đức tin mạnh có thể bố thí, gây ngã mạn, chấp tà kiến, giới... trí, hy vọng, thân lạc,... thân khổ mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh... sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
  - Nương đức tin, trí, ái,... hy vọng, thân lạc,... thân khổ làm duyên cho đức tin, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp vô cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
+ Thuần cận y như: Nương âm dương... vật thực... chỗ ở mạnh có thể bố thí, nhập thiền phát sanh, sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
  - Nương âm dương... vật thực... chỗ ở làm duyên cho đức tin ... hy vọng, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

25.

∗ Pháp vô cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Tiền sanh duyên: Có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh: Quán ngộ nhãn... vật bằng vô thường ... ưu phát sanh. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn hữu cảnh bằng Tiền sanh duyên.

26.

Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp vô cảnh bằng Hậu sanh duyên: Có 1 câu.

27.

Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Cố hưởng duyên: Có 1 câu.

28.

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp vô cảnh bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh *(Sahajāta)* như: Tư hữu cảnh làm duyên cho sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời *(Nānākhaṇika)* như: Tư hữu cảnh làm duyên cho sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho những pháp hữu cảnh và vô cảnh bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư hữu cảnh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

- Biệt thời như: Tư hữu cảnh làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

29.

Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Quả duyên có 3 câu.

30.

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Thực duyên có 3 câu.

∗ Pháp vô cảnh làm duyên cho pháp vô cảnh bằng Thực duyên:
Đoàn thực *(kabaliṅkārāhāra)* làm duyên cho thân ấy bằng Thực duyên.

31.

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Quyền duyên có 3 câu.

∗ Pháp vô cảnh làm duyên cho pháp vô cảnh bằng Quyền duyên:
Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.

∗ Pháp vô cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Quyền duyên:
Nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức, thân quyền làm duyên cho thân thức bằng Quyền duyên.

∗ Chư pháp hữu cảnh và vô cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Quyền duyên:
- Nhãn quyền và nhãn thức làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Quyền duyên.
- Thân quyền và thân thức làm duyên cho uẩn đồng sanh thân thức bằng Quyền duyên.

32.

Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Thiền duyên có 3 câu, bằng Đạo duyên có 3 câu, bằng Tương ưng duyên có 1 câu.

33.

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp vô cảnh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt...

∗ Pháp vô cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh.
- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn xứ làn duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Bất tương ưng duyên.

34.

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Hiện hữu duyên:
1 uẩn hữu cảnh làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... có tục sinh.

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp vô cảnh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh... tóm tắt... .

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho những pháp hữu cảnh và vô cảnh bằng Hiện hữu duyên: Như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp vô cảnh làm duyên cho pháp vô cảnh bằng Hiện hữu duyên:
1 đại sung luôn đến Vô tưởng *(asaññattā)*.

∗ Pháp vô cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn hữu cảnh bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng vô thường... ưu phát sanh. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức, nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn hữu cảnh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp hữu cảnh và vô cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...; 1 uẩn đồng sanh thân thức và thân xứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...; 1 uẩn hữu cảnh và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... có tục sinh.

∗ Chư pháp hữu cảnh và vô cảnh làm duyên cho pháp vô cảnh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh *(sahajāta)* như: Uẩn hữu cảnh và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, có tục sinh.
- Hậu sanh *(pacchājāta)* như: Uẩn hữu cảnh và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu cảnh và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên

35.

Nhân 3, Cảnh 2, Trưởng 4, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 7, Hỗ tương 6, Y chỉ 7, Cận y 2, Tiền sanh 1, Hậu sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 4, Quyền 6, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 1, Bất tương ưng 2, Hiện hữu 7, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 7.

36.

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Cảnh duyên... Đồng sanh duyên, Cận y duyên, Nghiệp duyên...

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho những pháp vô cảnh bằng Đồng sanh duyên, Hậu sanh duyên, Nghiệp duyên.

∗ Pháp hữu cảnh làm duyên cho những pháp hữu cảnh và vô cảnh bằng Đồng sanh duyên, bằng Nghiệp duyên,

∗ Pháp vô cảnh làm duyên cho pháp vô cảnh bằng Đồng sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp vô cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp hữu cảnh và vô cảnh làm duyên cho pháp hữu cảnh bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp hữu cảnh và vô cảnh làm duyên cho pháp vô cảnh bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

37.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 6, phi Hỗ tương 6, phi Y chỉ 6, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7,... phi Đạo 7, phi Tương ưng 6, phi Bất tương ưng 5, phi Hiện hữu 4, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 4.

38.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng..., phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 3,... phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

39.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Trưởng 4, Vô gián 1, nên sắp theo tam đề thuận *(anulomamātikā)*,... Bất ly 7.

Dứt nhị đề hữu cảnh (sārammaṇaduka)

NHỊ ĐỀ TÂM *(CITTADUKA)*

<u>Phần Liên Quan</u> ***(Paṭiccavāra)***

40.

∗ Pháp phi tâm liên quan pháp tâm sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh liên quan tâm. Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng và sắc tục sinh liên quan tâm.

∗ Pháp phi tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi tâm, 1 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... liên quan 1 đại sung.

∗ Pháp tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do Nhân duyên:
Tâm liên quan uẩn phi tâm. Sát-na tục sinh: Tâm liên quan uẩn phi tâm. Sát-na tục sinh: Tâm liên quan vật.

∗ Pháp tâm và pháp phi tâm liên quan pháp tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn và tâm và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi tâm,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 2 uẩn và tâm và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi tâm; 1 uẩn và tâm và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Tâm và uẩn tương ưng liên quan vật.

∗ Pháp phi tâm liên quan pháp tâm và phi tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi tâm và tâm,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi tâm và tâm;... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Uẩn phi tâm liên quan tâm và vật.

41.

∗ Pháp phi tâm liên quan pháp tâm sanh ra do Cảnh duyên:
Uẩn tương ưng liên quan tâm; sát-na tục sinh...

∗ Pháp phi tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do Cảnh duyên:
2 uẩn liên quan 1 uẩn phi tâm,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Uẩn liên quan vật.

∗ Pháp tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do Cảnh duyên:
Tâm liên quan uẩn phi tâm. Sát-na tục sinh: Tâm liên quan uẩn phi tâm. Sát-na tục sinh: Tâm liên quan vật.

∗ Pháp tâm và pháp phi tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do Cảnh duyên:
2 uẩn và tâm liên quan 1 uẩn phi tâm;... liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 2 uẩn và tâm liên quan 1 uẩn phi tâm,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Tâm và uẩn tương ưng liên quan vật.

∗ Pháp phi tâm liên quan pháp tâm và phi tâm sanh ra do Cảnh duyên:

2 uẩn liên quan 1 uẩn phi tâm và tâm,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Uẩn phi tâm liên quan tâm và vật,... tóm tắt...

42.

* Nhân 5, Cảnh 5, Trưởng 5, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 5, Hỗ tương 5, Y chỉ 5, Cận y 5, Tiền sanh 5, Cố hưởng 5, Nghiệp 5, Quả 5, Thực 5, Quyền 5, Thiền 5, Đạo 5, Tương ưng 5, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 5, Vô hữu 5, Ly 5, Bất ly 5.

43.

* Pháp phi tâm liên quan pháp tâm sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan tâm vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan tâm đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

* Pháp phi tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 2 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi tâm vô nhân,... 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh vô nhân: Luôn đến người Vô tưởng.
  - Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

* Pháp tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do phi Nhân duyên:
  Tâm liên quan uẩn phi tâm vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân: Tâm liên quan uẩn phi tâm. Sát-na tục sinh vô nhân: Tâm liên quan vật.

* Pháp tâm và phi tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do phi Nhân duyên:
  2 uẩn và tâm và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi tâm vô nhân;... 2 uẩn. Sát-na tục sinh vô nhân: Tâm và uẩn tương ưng liên quan vật.

* Pháp tâm liên quan pháp tâm và phi tâm sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 2 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi tâm vô nhân và tâm,... 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi tâm và tâm,... 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn phi tâm liên quan tâm và vật; si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan tâm đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và uẩn tương ưng.

44.

* Pháp phi tâm liên quan pháp tâm sanh ra do phi Cảnh duyên:
  Sắc tâm; có tục sinh *(paṭisandhi)*.

* Pháp phi tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do phi Cảnh duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn phi tâm, tục sinh luôn người Vô tưởng.

* Pháp phi tâm liên quan pháp tâm và phi tâm sanh ra do phi Cảnh duyên:
  Sắc tâm liên quan tâm và uẩn tương ưng, sắc tâm liên quan tâm và đại sung. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan tâm và uẩn tương ưng; sắc tục sinh liên quan tâm và đại sung.

45.

* Pháp phi tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do phi Trưởng duyên: Có 5 câu.

* ... Do phi Vô gián duyên,... phi Cận y duyên có 3 câu.

46.

* Pháp phi tâm liên quan pháp tâm sanh ra do phi Tiền sanh duyên:

Cõi Vô sắc: Uẩn tương ưng liên quan tâm; sắc tâm liên quan tâm. Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng và sắc tục sinh liên quan tâm.

* Pháp phi tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Cõi Vô sắc: 2 uẩn liên quan 1 uẩn phi tâm;... 2 uẩn. Sắc tâm liên quan uẩn phi tâm; tục sinh luôn đến người Vô tưởng *(asaññasatta)*.

* Pháp tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Cõi Vô sắc: Tâm liên quan uẩn phi tâm. Sát-na tục sinh: Tâm liên quan vật.

* Pháp tâm và phi tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Cõi Vô sắc: 2 uẩn và tâm liên quan 1 uẩn phi tâm, sát-na tục sinh: Tâm và uẩn tương ưng liên quan vật.

* Pháp phi tâm liên quan pháp tâm và phi tâm sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Cõi Vô sắc: 2 uẩn liên quan 1 uẩn phi tâm và tâm,... 2 uẩn. Sắc tâm liên quan uẩn phi tâm và tâm; sắc tâm liên quan tâm và đại sung. Sát-na tục sinh: Uẩn phi tâm liên quan tâm và vật. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan tâm và uẩn tương ưng; sắc tục sinh liên quan tâm và đại sung.
* ... Do phi Hậu sanh duyên,... do phi Cố hưởng duyên.

47.

* Pháp phi tâm liên quan pháp tâm sanh ra do phi Nghiệp duyên:
  Tư tương ưng liên quan tâm.

* Pháp phi tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do phi Nhân duyên:
  Tư *(cetanā)* tương ưng liên quan uẩn phi tâm, sắc ngoại... sắc vật thực,... sắc âm dương...
* Pháp phi tâm liên quan pháp tâm và phi tâm sanh ra do phi Nghiệp duyên:
  Tư tương ưng liên quan uẩn phi tâm và tâm,... tóm tắt...

48.

Phi Nhân 5, phi Cảnh 3, phi Trưởng 5, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

49.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 5,... tóm tắt...

50.

Phi Nhân duyên có Cảnh 5,... Vô gián 5, tất cả đều 5, Đạo 3, Bất ly 5.

Phần đồng sanh *(sahajāta)* như phần liên quan *(paṭicca)*.

<u>Phần Ỷ Trượng</u> ***(Paccayavāra)***

51.

* Pháp phi tâm nhờ cậy pháp tâm sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn tương ưng và sắc tâm nhờ cậy tâm, tục sinh.

* Pháp phi tâm nhờ cậy pháp phi tâm sanh ra do Nhân duyên:
  2 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi tâm,... 2 uẩn. Tục sinh luôn đến đại sung. Uẩn phi tâm nhờ cậy vật.

* Pháp tâm nhờ cậy pháp phi tâm sanh ra do Nhân duyên:

Tâm nhờ cậy uẩn phi tâm, tâm nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh: Tâm nhờ cậy uẩn phi tâm. Sát-na tục sinh: Tâm nhờ cậy vật.

* Chư pháp tâm và phi tâm nhờ cậy pháp phi tâm sanh ra do Nhân duyên:
  2 uẩn và tâm và sắc tâm nhờ cậy uẩn phi tâm,... 2 uẩn. Tâm và uẩn tương ưng nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh: 2 uẩn và tâm và sắc tục sinh nhờ cậy 1 uẩn phi tâm,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Tâm và uẩn tương ưng nhờ cậy Vật.

* Pháp phi tâm nhờ cậy pháp tâm và phi tâm sanh ra do Nhân duyên:
  2 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi tâm và tâm, 2 uẩn...; uẩn phi tâm nhờ cậy tâm và vật. Sát-na tục sinh: 2 uẩn và sắc tục sinh nhờ cậy 1 uẩn phi tâm và tâm,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Uẩn phi tâm nhờ cậy tâm và vật.

52.

* Pháp phi tâm nhờ cậy pháp tâm sanh ra do Cảnh duyên có 1 câu như phần liên quan *(paṭicca)*.

* Pháp phi tâm nhờ cậy pháp phi tâm sanh ra do Cảnh duyên:
  2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi tâm,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Uẩn phi tâm nhờ cậy vật. Uẩn đồng sanh nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, uẩn đồng sanh thân thức nhờ cậy thân xứ, uẩn phi tâm nhờ cậy vật.

* Pháp tâm nhờ cậy pháp phi tâm sanh ra do Cảnh duyên:
  Tâm nhờ cậy uẩn phi tâm; tâm nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh: Tâm nhờ cậy uẩn phi tâm. Sát-na tục sinh: Tâm nhờ cậy vật, nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ.

* Pháp tâm và phi tâm nhờ cậy pháp phi tâm sanh ra do Cảnh duyên:
  2 uẩn và tâm nhờ cậy 1 uẩn phi tâm, 2 uẩn...; tâm và uẩn tương ưng nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh: Tâm và uẩn tương ưng nhờ cậy vật; nhãn thức và uẩn tương ưng nhờ cậy nhãn xứ; thân thức và uẩn tương ưng nhờ cậy thân xứ.

* Pháp phi tâm nhờ cậy pháp tâm và phi tâm sanh ra do Cảnh duyên:
  2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi tâm và tâm... 2 uẩn, uẩn phi tâm nhờ cậy tâm và vật. Sát-na tục sinh: Uẩn phi tâm nhờ cậy tâm và vật. Uẩn đồng sanh nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ và nhãn thức,... thân xứ,... tóm tắt...

53.

Nhân 5, Cảnh 5, Trưởng 5, tất cả đều 5, Bất ly 5.

54.

* Pháp phi tâm nhờ cậy pháp tâm sanh ra do phi Nhân duyên:
  Uẩn tương ưng và sắc tâm nhờ cậy tâm vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy tâm đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

* Pháp phi tâm nhờ cậy pháp phi tâm sanh ra do phi Nhân duyên:
  2 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi tâm vô nhân,... 2 uẩn; tục sinh vô nhân luôn đến người Vô tưởng. Uẩn đồng sanh nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, uẩn đồng sanh thân thức nhờ cậy thân xứ; uẩn phi tâm vô nhân nhờ cậy vật. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật *(vatthu)*.

* Pháp tâm nhờ cậy pháp phi tâm sanh ra do phi Nhân duyên:

Tâm nhờ cậy uẩn phi tâm vô nhân; tâm nhờ cậy vật; tục sinh vô nhân...; sát-na tục sinh: Tâm nhờ cậy vật, nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... nhờ cậy thân xứ.

∗ Pháp tâm và phi tâm nhờ cậy pháp phi tâm sanh ra do phi Nhân duyên:
2 uẩn và tâm và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi tâm vô nhân,... 2 uẩn; tâm và uẩn tương ưng nhờ cậy vật; tục sinh vô nhân...; sát-na tục sinh vô nhân: Tâm và uẩn tương ưng nhờ cậy vật... nhờ cậy nhãn xứ,... nhờ cậy thân xứ.

∗ Pháp phi tâm nhờ cậy pháp tâm và phi tâm sanh ra do phi Nhân duyên:
2 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi tâm vô nhân và tâm,... 2 uẩn. Uẩn phi tâm nhờ cậy tâm và vật. Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn phi tâm nhờ cậy tâm và vật. Uẩn đồng sanh nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ và nhãn thức,... thân xứ. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và tâm,... tóm tắt...

55.

∗ Phi Nhân 5, phi Cảnh 3, phi Trưởng 5, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

56.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 5,... tóm tắt... .

57.

Phi Nhân duyên có Cảnh 5,... Vô gián 5, tất cả đều 5, Đạo 3, Bất ly 5.

Phần y chỉ *(nissaya)* như phần ỷ trượng *(paccaya)*

<u>Phần Hòa Hợp</u> ***(Saṅsaṭṭhavāra)***

58.

∗ Pháp phi tâm hòa hợp pháp tâm sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng hòa hợp tâm; sát-na tục sinh...

∗ Pháp phi tâm hòa hợp pháp phi tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi tâm, 1 uẩn hòa hợp 2 uẩn, tục sinh *(paṭisandhi)*...

∗ Pháp tâm hòa hợp pháp phi tâm sanh ra do Nhân duyên:
Tâm hòa hợp uẩn phi tâm, tục sinh.

∗ Chư pháp tâm và phi tâm hòa hợp pháp phi tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn và tâm hòa hợp 1 uẩn phi tâm,... 2 uẩn, tục sinh.

∗ Pháp phi tâm hòa hợp pháp tâm và phi tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi tâm và tâm,... 2 uẩn, tục sinh,... tóm tắt...

59.

Nhân 5, Cảnh 5, Trưởng 5, tất cả đều 5, Bất ly 5,... tóm tắt...

60.

Phi Nhân 5, phi Trưởng 5, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Bất tương ưng 5.

Cả 2 cách đếm ngoài ra, dù phần tương ưng *(sampayutta)* cũng đều sắp như thế.

<u>Phần Liên Quan</u> ***(Paṭiccavāra)***

61.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Nhân duyên:
Nhân phi tâm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Nhân duyên:
Nhân phi tâm làm duyên cho tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh...

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp tâm và phi tâm bằng Nhân duyên:
Nhân phi tâm làm duyên cho uẩn tương ưng và tâm và sắc tâm bằng Nhân duyên, tục sinh...

62.

∗ Pháp tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Cảnh duyên:
- Tâm mở mối cho tâm sanh ra, nên sắp cách luân *(mulaṃ kātabbaṃ)*.
- Tâm mở mối cho uẩn phi tâm sanh ra, nên sắp cách luân.
- Tâm mở mối cho tâm và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi mới nhớ lại thiện đã làm chứa để vui mừng hớn hở, do đó khai đoan ái... ưu sanh ra...
- Nhớ lại thiện đã từng làm chứa để... xuất thiền phản khán thiền... chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc, dũ tịnh, đạo, quả luôn khán môn bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não phi tâm đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, rõ phiền não đã từng sanh, quán ngộ nhãn... vật... uẩn phi tâm bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông biết rõ lòng người tề toàn phi tâm.
- Không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... sắc xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức, xúc xứ...
- Uẩn phi tâm làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Cảnh duyên:
- Lời giải như ý nghĩa theo Pālī ban sơ, sau khi bố thí... như thế, không chi khác.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Uẩn phi tâm làm duyên cho thần thông... luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho những pháp tâm và phi tâm bằng Cảnh duyên:
- Giải theo ý nghĩa Pālī câu ban đầu, sau khi bố thí... như thế không chi khác.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng, xúc xứ làm duyên cho thân thức và uẩn tương ưng. Uẩn phi tâm làm duyên cho thần thông,... luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Chư pháp tâm và phi tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Cảnh duyên:
Tâm và uẩn tương ưng mở mối cho tâm, có 3 câu.

63.

∗ Pháp tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Trưởng duyên:
Trưởng cảnh như: Nặng về tâm rồi làm cho tâm phát sanh.

∗ Pháp tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Trưởng duyên: Có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về tâm rồi làm cho uẩn phi tâm sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Tâm trưởng làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp tâm làm duyên cho những pháp tâm và phi tâm bằng Trưởng duyên:
Trưởng cảnh như: Nặng về tâm rồi làm cho tâm và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

+ Trưởng cảnh như:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới nặng về đó rồi mới phản khán, thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát...
- ... thiện từng làm chứa để trước... thiền... chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn, nặng về đó rồi mới... nặng về Níp Bàn rồi phản khán.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả bằng Trưởng duyên.
- Nặng về nhãn... vật... nặng về uẩn phi tâm rồi làm cho thỏa thích rất hân hoan, do đó rồi ái sanh, tà kiến phát...

+ Trưởng đồng sanh như:
- Trưởng phi tâm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Trưởng duyên:
Lời giải cả 2 thứ này giống như lời giải Pālī như câu đầu không chi khác, nên sắp Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh.

∗ Chư pháp tâm và phi tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Trưởng duyên:
Chỉ có 1 cách là Trưởng cảnh *(ārammanādhipati)*, dù 3 cách pháp mà làm cho thành Cảnh nặng nề cũng chỉ là Trưởng cảnh.

64.

∗ Pháp tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Vô gián duyên:
Tâm sanh trước trước làm duyên cho tâm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Vô gián duyên:
- Tâm sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi tâm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm làm duyên cho quả sơ khởi bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp tâm làm duyên cho những pháp tâm và phi tâm bằng Vô gián duyên:
Tâm sanh trước trước làm duyên cho tâm và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Vô gián duyên:
Uẩn phi tâm sanh trước trước... quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

Ý nghĩa mà sẽ đem giải cả 2 đây, sắp đầy đủ giống với ý nghĩa theo Pāḷi sẵn có phía trước.

∗ Chư pháp tâm và phi tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Vô gián duyên:
- Tâm và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho tâm sanh sau bằng Vô gián duyên. Nên sắp cách luân *(mūla)*.

- Tâm và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi tâm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm và uẩn tương ưng làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên, nên sắp cách luân *(mūla)*.
- Tâm và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho tâm và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ ... bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên có 5 câu, như phần liên quan *(paṭiccavāra)*

∗ ... bằng Hỗ tương duyên có 5 câu như phần liên quan.

∗ ... bằng Y chỉ duyên có 5 câu như phần ỷ trượng.

65.

∗ Pháp tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Tâm làm duyên cho tâm bằng Cận y duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

+ Thuần cận y như:
  - Nương đức tin mạnh có thể bố thí... gây ngã mạn, chấp tà kiến...;
  - Nương giới... chỗ ở mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng; nương đức tin... chỗ ở... đức tin làm duyên cho đạo quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Cận y duyên:

Ý nghĩa mà sẽ đem giải cả 2 câu này cho đầy đủ giống như ý nghĩa theo Pāḷi vẫn có giải trước không khác nhau.

∗ Chư pháp tâm và phi tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y.

Thuần cận y như: Tâm và uẩn tương ưng làm duyên cho tâm bằng Cận y duyên, có 3 câu.

66.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như... nhãn... vật bằng lối vô thường, ưu phát sanh. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Sắc xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh thân thức, thân xứ... bằng Tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức, thân xứ...; vật làm duyên cho uẩn phi tâm bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Tiền sanh duyên: Có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh:... nhãn... vật bằng lối vô thường... ưu phát sanh, thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho tâm bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho những pháp tâm và phi tâm bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật bằng vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng; sắc xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng, xúc xứ...
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên. Thân xứ làm duyên cho thân thức và uẩn tương ưng; vật làm duyên cho tâm và uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên.

67.

∗ Pháp tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Hậu sanh duyên,... tóm tắt...

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Hậu sanh duyên,... tóm tắt...

∗ Chư pháp tâm và phi tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Hậu sanh duyên,... tóm tắt...

68.

Pháp tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Cố hưởng duyên có 9 câu.

69.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư phi tâm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi tâm làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời.
- Đồng sanh như: Tư phi tâm làm duyên cho tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi tâm làm duyên cho tâm quả bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho những pháp tâm và phi tâm bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư phi tâm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi tâm làm duyên cho uẩn quả và tâm và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

70.

Pháp tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Quả duyên có 5 câu;... bằng Thực duyên có 5 câu,... bằng Quyền duyên có 5 câu.

71.

Pháp phi tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Thiền duyên có 3 câu;... bằng Đạo duyên có 3 câu,... bằng Tương ưng duyên có 5 câu.

72.

∗ Pháp tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn phi tâm làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn phi tâm làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên; vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.

- Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức; thân xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh thân thức; vật làm duyên cho uẩn phi tâm bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi tâm làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho tâm bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên thân thức, vật làm duyên cho tâm bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp tâm và phi tâm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho tâm và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên, thân xứ làm duyên cho thân thức... vật làm duyên cho tâm và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp tâm và phi tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt...

73.

∗ Pháp tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực, Quyền... tóm tắt...

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn phi tâm làm duyên cho tâm...; sát-na tục sinh: phi tâm...; sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng vô thường... như Tiền sanh *(Purejāta)*... tóm tắt...

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho những pháp tâm và phi tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: 1 uẩn phi tâm làm duyên cho 2 uẩn và tâm và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: 1 uẩn phi tâm...; sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho tâm và uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật... như Tiền sanh... tóm tắt...

∗ Chư pháp tâm và phi tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như: 1 uẩn phi tâm và tâm làm duyên cho 2 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...
- Đồng sanh như: Tâm và vật làm duyên cho uẩn phi tâm bằng Hiện hữu duyên. Dù sát-na tục sinh cũng có 2 câu.
- Đồng sanh như: Tâm và uẩn tương ưng làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Tâm và sắc đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.

- Hậu sanh như: Tâm và uẩn tương ưng làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Tâm và uẩn tương ưng và đoàn thực làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Tâm và uẩn tương ưng và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

74.

∗ Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 5, Hỗ tương 5, Y chỉ 5, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 5, Thực 5, Quyền 5, Thiền 5, Đạo 3, Tương ưng 5, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 5, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 5.

75.

∗ Pháp tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Pháp tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp tâm làm duyên cho pháp tâm và phi tâm bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp phi tâm làm duyên cho pháp tâm và phi tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp tâm và phi tâm làm duyên cho pháp tâm bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp tâm và phi tâm làm duyên cho pháp phi tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

∗ Chư pháp tâm và phi tâm làm duyên cho pháp tâm và phi tâm bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

76.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả đều 9, phi Bất ly 9.

77.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 3, tất cả đều 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

78.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9, nên sắp đầu đề nghịch/thuận.

Dứt nhị đề tâm

NHỊ ĐỀ SỞ HỮU TÂM

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

79.

∗ Pháp sở hữu tâm liên quan pháp sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn liên quan 1 uẩn sở hữu tâm, 1 uẩn liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp phi sở hữu tâm liên quan pháp sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên:
Tâm và sắc tâm liên quan uẩn sở hữu tâm. Sát-na tục sinh: Tâm và sắc tục sinh liên quan uẩn sở hữu tâm.

∗ Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm liên quan pháp sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn và tâm và sắc tâm liên quan 1 uẩn sở hữu tâm... 2 uẩn. Sát-na tục sinh:...

∗ Pháp phi sở hữu tâm liên quan pháp phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan tâm. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan tâm, vật liên quan tâm, tâm liên quan vật,... 1 đại sung. Sắc tâm, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp sở hữu tâm liên quan pháp phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng liên quan tâm. Sát-na tục sinh: tâm..., sát-na tục sinh: Uẩn sở hữu tâm liên quan vật.

∗ Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm liên quan pháp phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan tâm. Sát-na tục sinh:... tâm. Sát-na tục sinh: Tâm và uẩn tương ưng liên quan vật.

∗ Pháp sở hữu tâm liên quan pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn liên quan 1 uẩn sở hữu tâm và tâm,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn sở hữu tâm và tâm, 2 uẩn... sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn sở hữu tâm và tâm và vật, 2 uẩn...

∗ Pháp phi sở hữu tâm liên quan pháp sở hữu tâm và pháp phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm liên quan uẩn sở hữu tâm và tâm; sắc tâm liên quan uẩn sở hữu tâm và sắc đại sung; sát na tục sinh: Sắc nghiệp liên quan uẩn sở hữu tâm và tâm; sát na tục sinh: Sắc nghiệp liên quan uẩn sở hữu tâm và sắc đại sung; sát na tục sinh: Tâm liên quan uẩn sở hữu tâm và vật.

∗ Pháp sở hữu tâm và pháp phi sở hữu tâm liên quan pháp sở hữu tâm và pháp phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên: 2 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn sở hữu tâm và tâm,... 2 uẩn; sát na tục sinh: 2 uẩn và sắc nghiệp liên quan 1 uẩn sở hữu tâm và tâm,... 2 uẩn; sát na tục sinh: 2 uẩn và tâm liên quan 1 uẩn sở hữu tâm và ý vật, 1 uẩn và tâm liên quan 2 uẩn và ý vật.

80.

∗ Pháp sở hữu tâm liên quan pháp sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn sở hữu tâm,... 2 uẩn; tục sinh: ....

∗ Pháp phi sở hữu tâm liên quan pháp sở hữu tâm sanh ra do Cảnh duyên: Tâm liên quan uẩn sở hữu tâm; tục sinh: ....

∗ Pháp sở hữu tâm và pháp phi sở hữu tâm liên quan pháp sở hữu tâm sanh ra do Cảnh duyên: 2 uẩn và tâm liên quan 1 uẩn sở hữu tâm,... 2 uẩn; tục sinh: ....

∗ Pháp phi sở hữu tâm liên quan pháp phi sở hữu tâm sanh ra do Cảnh duyên: sát na tục sinh: Tâm liên quan ý vật.

∗ Pháp sở hữu tâm liên quan pháp phi sở hữu tâm sanh ra do Cảnh duyên: Uẩn tương ưng liên quan tâm; sát na tục sinh:... tâm; sát na tục sinh: Uẩn sở hữu tâm liên quan vật.

∗ Pháp sở hữu tâm và pháp phi sở hữu tâm liên quan pháp phi sở hữu tâm sanh ra do Cảnh duyên: sát na tục sinh: Tâm và uẩn tương ưng liên quan vật.

∗ Pháp sở hữu tâm liên quan pháp sở hữu tâm và pháp phi sở hữu tâm bằng Cảnh duyên: 2 uẩn liên quan 1 uẩn sở hữu tâm và tâm,... 2 uẩn; sát na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn sở hữu tâm và tâm,... 2 uẩn sát na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn sở hữu tâm và ý vật,... 2 uẩn .

∗ Pháp phi sở hữu tâm liên quan những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm sanh ra do Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: Tâm liên quan uẩn sở hữu tâm và vật.

∗ Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm liên quan những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm sanh ra do Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: 2 uẩn và tâm liên quan 1 uẩn sở hữu tâm và vật,... 2 uẩn.

81.

Pháp sở hữu tâm liên quan pháp sở hữu tâm sanh ra do Trưởng duyên:... tóm tắt... .

82.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 5, Cố hưởng 5, Nghiệp 9, tất cả đều 9, Bất ly 9.

83.

∗ Pháp sở hữu tâm liên quan pháp sở hữu tâm sanh ra do phi Nhân duyên:

2 uẩn liên quan 1 uẩn sở hữu tâm vô nhân,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp phi sở hữu tâm liên quan pháp sở hữu tâm sanh ra do phi Nhân duyên:

Tâm và sắc tâm liên quan uẩn sở hữu tâm vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân...

∗ Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm liên quan pháp sở hữu tâm sanh ra do phi Nhân duyên:

2 uẩn và tâm và sắc tâm liên quan 1 uẩn sở hữu tâm vô nhân, 2 uẩn... sát-na tục sinh vô nhân...

∗ Pháp phi sở hữu tâm liên quan pháp phi sở hữu tâm sanh ra do phi Nhân duyên:

Sắc tâm liên quan tâm vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh liên quan tâm, vật liên quan tâm, tâm liên quan vật,... 1 đại sung. Người Vô tưởng: 1 đại sung...

∗ Pháp sở hữu tâm liên quan pháp phi sở hữu tâm sanh ra do phi Nhân duyên:

- Uẩn tương ưng liên quan tâm vô nhân; sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn tương ưng liên quan tâm. Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn sở hữu tâm liên quan vật.
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan tâm đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

* Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm liên quan pháp sở hữu tâm sanh ra do phi Nhân duyên:
  Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan tâm vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn tương ưng và sắc tục sinh liên quan tâm. Sát-na tục sinh vô nhân: Tâm và uẩn tương ưng liên quan vật.

* Pháp sở hữu tâm liên quan những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm sanh ra do phi Nhân duyên:
  2 uẩn liên quan 1 uẩn sở hữu tâm vô nhân và tâm,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn liên quan 1 uẩn sở hữu tâm và tâm,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn liên quan 1 uẩn sở hữu tâm và vật,... 2 uẩn. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và tâm.

* Pháp phi sở hữu tâm liên quan những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm sanh ra do phi Nhân duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn sở hữu tâm vô nhân và tâm; sắc tâm liên quan uẩn sở hữu tâm vô nhân và đại sung. Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh liên quan uẩn sở hữu tâm và tâm; sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn sở hữu tâm và đại sung; sát-na tục sinh vô nhân: Tâm liên quan uẩn sở hữu tâm và vật.

* Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm liên quan những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm sanh ra do phi Nhân duyên:
  2 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn sở hữu tâm vô nhân và tâm; sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn sở hữu tâm và tâm; sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn và tâm liên quan 1 uẩn sở hữu tâm và vật,... 2 uẩn.

84.

* Pháp phi sở hữu liên quan pháp sở hữu tâm sanh ra do phi Cảnh duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn sở hữu tâm, sát-na tục sinh...

* Pháp phi sở hữu tâm liên quan pháp phi sở hữu tâm sanh ra do phi Cảnh duyên:
  Sắc tâm liên quan tâm, tục sinh luôn đến Vô tưởng.

* Pháp phi sở hữu tâm liên quan những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm sanh ra do phi Cảnh duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn sở hữu tâm và thức và tâm; sắc tâm liên quan uẩn sở hữu tâm và đại sung. Sát-na tục sinh: Nên sắp 2 câu, tóm tắt...

85.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 6, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

86.

Nhân duyên có phi Cảnh 3... phi Trưởng 9,... tóm tắt...

87.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Vô gián 9,... Tiền sanh 5, Cố hưởng 5, Nghiệp 9, tất cả đều 9, Đạo 3, Bất ly 9.

Phần đồng sanh *(sahajāta)* như phần liên quan.

<u>Phần Ỷ Trượng</u> ***(Paccayavāra)***

88.

∗ Pháp sở hữu tâm nhờ cậy pháp sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp phi sở hữu tâm nhờ cậy pháp phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm nhờ cậy tâm, tâm nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh nhờ cậy tâm, vật nhờ cậy tâm, tâm nhờ cậy vật,... 1 đại sung.

∗ Pháp sở hữu tâm nhờ cậy pháp phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng nhờ cậy tâm, uẩn sở hữu tâm nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh: Nên sắp 2 cách.

∗ Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm nhờ cậy pháp phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc tâm nhờ cậy tâm, uẩn tương ưng và tâm nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh: Nên sắp 2 cách.

∗ Pháp sở hữu tâm nhờ cậy những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn sở hữu tâm và tâm,... 2 uẩn; 2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn sở hữu tâm và tâm và vật,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Nên sắp 2 cách.

∗ Pháp phi sở hữu tâm nhờ cậy những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm nhờ cậy uẩn sở hữu tâm và tâm; sắc tâm nhờ cậy uẩn sở hữu tâm và đại sung; tâm nhờ cậy uẩn sở hữu tâm và vật; sát-na tục sinh: Nên sắp 3 cách.

∗ Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm nhờ cậy những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn sở hữu tâm và tâm,... 2 uẩn; 2 uẩn và tâm nhờ cậy 1 uẩn sở hữu tâm và vật,... 2 uẩn; sát-na tục sinh: Nên sắp 2 cách.

89.

∗ Pháp sở hữu tâm nhờ cậy pháp sở hữu tâm sanh ra do Cảnh duyên: Có 3 câu như phần liên quan *(paṭṭicavāra)*.

∗ Pháp phi sở hữu tâm nhờ cậy pháp phi sở hữu tâm sanh ra do Cảnh duyên:
Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ, tâm nhờ cậy vật, tục sinh.

∗ Pháp sở hữu tâm nhờ cậy pháp phi sở hữu tâm sanh ra do Cảnh duyên:
Uẩn đồng sanh nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... nhờ cậy thân xứ. Uẩn tương ưng nhờ cậy tâm, uẩn sở hữu tâm nhờ cậy vật; sát-na tục sinh: Nên sắp 2 cách.

∗ Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm nhờ cậy pháp phi sở hữu tâm sanh ra do Cảnh duyên:
Uẩn tương ưng và nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ..., nhờ cậy thân xứ, tâm và uẩn tương ưng nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh 1 câu...

∗ Pháp sở hữu tâm nhờ cậy chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm sanh ra do Cảnh duyên:
- 2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ... 2 uẩn; 2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ,... 2 uẩn;... đồng sanh thân thức.
- 2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn sở hữu tâm và tâm,... 2 uẩn; 2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn sở hữu tâm và vật,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 2...

∗ Pháp phi sở hữu tâm nhờ cậy chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm sanh ra do Cảnh duyên:
Nhãn thức nhờ cậy uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ;... đồng sanh thân thức. Tâm nhờ cậy uẩn sở hữu tâm và vật, tục sinh: 1... .

∗ Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm nhờ cậy những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm sanh ra do Cảnh duyên:
2 uẩn và nhãn thức nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ,... nhờ cậy 3 uẩn, 2 uẩn và tâm nhờ cậy 1 uẩn sở hữu tâm và vật,... 2 uẩn. Tục sinh: 1... tóm tắt.

90.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, tất cả đều 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Bất ly 9.

91.

Pháp sở hữu tâm nhờ cậy pháp sở hữu tâm sanh ra do phi Nhân duyên:
Sở hữu tâm vô nhân,... tóm tắt... 9 câu đề. 5 thức nên sắp giống như Cảnh duyên. Si chỉ sắp 3 câu.
Người biết nên sắp tất cả câu đề đều có bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh *(paṭisandhi)*.

92.

∗ Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

93.

Nhân duyên có phi Cảnh 3, phi Trưởng 9;... tóm tắt...

94.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Vô gián 9, tất cả đều 9, Đạo 3, Bất ly 9.

<u>Phần Hòa Hợp</u> *(Sansaṭṭha)*

95.

∗ Pháp sở hữu tâm hòa hợp pháp sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn hòa hợp 1 uẩn sở hữu tâm,... 2 uẩn, tục sinh...

∗ Pháp phi sở hữu tâm hòa hợp pháp sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên:
Tâm hòa hợp uẩn sở hữu tâm, tục sinh...

∗ Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm hòa hợp pháp sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn và tâm hòa hợp 1 uẩn sở hữu tâm,... 2 uẩn; tục sinh.

∗ Pháp sở hữu tâm hòa hợp phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng hòa hợp tâm, tục sinh.

∗ Pháp sở hữu tâm hòa hợp những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn hòa hợp 1 uẩn sở hữu tâm và tâm,... 2 uẩn. Tục sinh,... tóm tắt...

96.

Nhân 5, Cảnh 5, Trưởng 5, tất cả đều 5, Bất ly 5.

97.

Pháp sở hữu tâm hòa hợp pháp sở hữu tâm sanh ra do phi Nhân duyên.
Cũng nên sắp 5 nhan đề như thế, si chỉ có 3 câu, tóm tắt... .

98.

Phi Nhân 5, phi Trưởng 5, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Bất tương ưng 5.

Hai cách đếm ngoài ra, dù phần tương ưng *(sampayutta)* cũng sắp như thế.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

99.

∗ Pháp sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Nhân duyên:
Nhân sở hữu tâm làm duyên cho uẩn tương ưng sở hữu tâm bằng Nhân duyên, tục sinh...

∗ Pháp sở hữu tâm làm duyên cho pháp phi sở hữu tâm bằng Nhân duyên:
Nhân sở hữu tâm làm duyên cho tâm và sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh.

∗ Pháp sở hữu tâm làm duyên cho những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm bằng Nhân duyên:
Nhân sở hữu tâm làm duyên cho uẩn tương ưng và tâm và sắc tâm bằng Nhân duyên, tục sinh.

100.

∗ Pháp sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Cảnh duyên:
- Uẩn sở hữu tâm mở mối cho uẩn sở hữu tâm sanh ra, nên hỏi đến căn *(mūla)*.
- Tâm mở mối cho uẩn sở hữu tâm sanh ra, nên hỏi đến căn.
- Uẩn sở hữu tâm và tâm mở mối cho sở hữu tâm sanh ra.

∗ Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp phi sở hữu tâm bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh phản khán quả, phản khán Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả và khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- ... nhãn... vật... quán ngộ uẩn phi sở hữu tâm bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tâm sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ tâm người tề toàn tâm phi sở hữu.
- Không vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... uẩn phi sở hữu tâm làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh phản khán Níp Bàn, giải như trước.
- ... nhãn... vật... quán ngộ uẩn phi sở hữu tâm bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ uẩn người khác phi sở hữu tâm.
- Không vô biên xứ... Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ; sắc xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức, xúc xứ...
- Uẩn phi sở hữu tâm làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh phản khán Níp Bàn, trùng như bài giải trước.

- ... nhãn... vật... quán ngộ uẩn phi sở hữu tâm bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tâm và uẩn tương ưng sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc...
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng bằng Cảnh duyên, xúc xứ...
- Uẩn phi sở hữu tâm làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Cảnh duyên:
- Uẩn sở hữu tâm và tâm mở mối cho uẩn sở hữu tâm sanh ra, nên hỏi đến căn *(mūla)*.
- Uẩn sở hữu tâm và tâm mở mối cho tâm sanh ra, nên hỏi đến căn.
- Uẩn sở hữu tâm và tâm mở mối cho uẩn sở hữu tâm và tâm sanh ra.

101.

∗ Pháp sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm sanh ra bằng Cảnh duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn sở hữu tâm rồi làm cho uẩn sở hữu tâm sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng sở hữu tâm làm duyên cho uẩn đồng sanh bằng Trưởng duyên, nên hỏi đến căn *(mūlaṃ puccitabbaṃ)*.
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn sở hữu tâm rồi làm duyên cho tâm phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng sở hữu tâm làm duyên cho tâm và sắc tâm bằng Trưởng duyên, nên hỏi đến căn.
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn sở hữu tâm rồi làm duyên cho uẩn sở hữu tâm và tâm sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng sở hữu tâm làm duyên cho uẩn tương ưng và tâm và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp phi sở hữu tâm bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Chư Thánh nặng về Níp Bàn rồi phản khán; Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả bằng Trưởng duyên.

  ... nhãn... vật... nặng về uẩn phi sở hữu tâm rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi tâm phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi sở hữu tâm làm duyên cho tâm và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Chư Thánh nặng về Níp Bàn rồi phản khán, ý nghĩa trùng như bài giải trước.

  ... nhãn... vật... nặng về uẩn phi sở hữu tâm rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh tà kiến phát...
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi sở hữu tâm làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Chư Thánh nặng về Níp Bàn... theo ý nghĩa đã giải ở đoạn trước.

  Nặng về uẩn phi sở hữu tâm rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi uẩn sở hữu tâm và tâm phát sanh.

- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi sở hữu tâm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên

∗ Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Trưởng duyên.

Trưởng cảnh có 3 câu; chỉ có Trưởng cảnh mà thôi.

102.

∗ Pháp sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Vô gián duyên:
- Uẩn sở hữu tâm sanh trước trước làm duyên cho uẩn sở hữu tâm sanh sau sau bằng Vô gián duyên, nên hỏi đến căn.
- Uẩn sở hữu tâm sanh trước trước làm duyên cho tâm sanh sau sau bằng Vô gián duyên, nên hỏi đến căn.
- Uẩn sở hữu tâm sanh trước trước làm duyên cho uẩn sở hữu tâm và tâm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp phi sở hữu tâm bằng Vô gián duyên:
- Tâm sanh trước trước làm duyên cho tâm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Vô gián duyên.

Nên sắp 3 câu như thế, trùng ý trước như văn Pāḷi.

∗ Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Vô gián duyên có 3 câu, không có khán môn *(āvajjana)* và quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.

∗ ... bằng Liên tiếp duyên có 9 câu.

∗ ... bằng Đồng sanh duyên có 9 câu như phần liên quan *(paṭṭiccavāra)*.

∗ ... bằng Hỗ tương duyên có 9 câu như phần liên quan.

∗ ... bằng Y chỉ duyên có 9 câu như phần ỷ trượng *(paccayavāra)*.

103.

∗ Pháp sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Uẩn sở hữu tâm làm duyên cho sở hữu tâm bằng Cận y duyên, nên hỏi đến căn, có 3 câu.
- Uẩn sở hữu tâm làm duyên cho tâm bằng Cận y duyên, nên hỏi đến căn, có 3 câu.
- Uẩn sở hữu tâm làm duyên cho uẩn sở hữu tâm và tâm bằng Cận y duyên *(Upanissayapaccayo)*.

∗ Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp phi sở hữu tâm bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương âm dương... vật thực... chỗ ở, nương tâm mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng.
- Nương âm dương, vật thực,... chỗ ở, nương tâm mạnh làm duyên cho đức tin... trí, ái..., hy vọng, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như:... âm dương... vật thực... chỗ ở, nương tâm mạnh có thể bố thí, có 3 câu như ý nghĩa Pāḷi đoạn trước không chi khác.

∗ Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Cận y duyên có 3 câu.

104.

∗ Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp phi sở hữu tâm bằng Tiền sanh duyên: Có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tâm sanh; thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng; sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho tâm bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ thấy tiếng; sắc xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh thân thức.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức, thân xứ... vật làm duyên cho uẩn sở hữu tâm bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tâm và uẩn tương ưng sanh; thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng; sắc xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng... xúc xứ...
- Vật tiền sanh: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng. Thân xứ...; vật làm duyên cho tâm và uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên.

105.

∗ Pháp sở hữu tâm làm duyên cho pháp phi sở hữu tâm bằng Hậu sanh duyên... tóm tắt...

∗ Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp phi sở hữu tâm bằng Hậu sanh duyên... tóm tắt...

∗ Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp phi sở hữu tâm bằng Hậu sanh duyên: .. tóm tắt

106.

Pháp sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Cố hưởng

107.

∗ Pháp sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Nghiệp duyên: Có Đồng sanh và Biệt thời.
- Đồng sanh như: Tư sở hữu tâm làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư sở hữu tâm làm duyên cho uẩn quả bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp sở hữu tâm làm duyên cho pháp phi sở hữu tâm bằng Nghiệp duyên: Có Đồng sanh và Biệt thời.
- Đồng sanh như: Tư sở hữu tâm làm duyên cho tâm và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư sở hữu tâm làm duyên cho tâm quả và sắc nghiệp bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm và pháp phi sở hữu tâm bằng Nghiệp duyên: Có Đồng sanh và Biệt thời.

- Đồng sanh như: Tư sở hữu tâm làm duyên cho uẩn sở hữu tâm và tâm và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư sở hữu tâm làm duyên cho uẩn quả và tâm và sắc nghiệp bằng Nghiệp duyên.

108.

* Pháp sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Quả duyên: Có 9 câu.
* ... bằng Thực duyên: 9 câu.
* ... bằng Quyền duyên: 9 câu.
* ... bằng Thiền duyên: 3 câu.
* ... bằng Đạo duyên: 3 câu.
* ... bằng Tương ưng duyên: 5 câu.

109.

* Pháp sở hữu tâm làm duyên cho pháp phi sở hữu tâm bằng Bất tương ưng duyên: Có Đồng sanh và Hậu sanh... tóm tắt...
* Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp phi sở hữu tâm bằng Bất tương ưng duyên: Có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh.
  - Đồng sanh như: Tâm làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên; sát na tục sinh: Tâm làm duyên cho sắc nghiệp bằng bằng Bất tương ưng duyên, tâm làm duyên cho sắc ý vật bằng Bất tương ưng duyên; sắc ý vật làm duyên cho tâm bằng Bất tương ưng duyên.
  - Tiền sanh: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Bất tương ưng duyên;... thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho tâm bằng Bất tương ưng duyên. Tâm sanh sau làm duyên cho thân sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.
* Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp phi sở hữu tâm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn sở hữu tâm bằng Bất tương ưng duyên.
  - Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức, thân xứ...; vật làm duyên cho uẩn sở hữu tâm bằng Bất Tương duyên.
* Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn sở hữu tâm và tâm bằng Bất tương ưng duyên.
  - Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng, thân xứ...; vật làm duyên cho tâm và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên.
* Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp phi sở hữu tâm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt...

110.

* Pháp sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Hiện hữu duyên có 1 câu, như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.
* Pháp sở hữu tâm làm duyên cho pháp phi sở hữu tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt...
* Pháp sở hữu tâm làm duyên cho những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm bằng Hiện hữu duyên có 1 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

* Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho những pháp phi sở hữu tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền...

* Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho những pháp sở hữu tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: Tâm làm duyên cho uẩn sở hữu tâm bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: tâm..., sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn sở hữu tâm bằng Hiện hữu duyên.
  - Tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng cách vô thường... cũng như Tiền sanh *(purejāta)* không chi khác.

* Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: Tâm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm *(cittasamuṭṭhānarūpa)* bằng Hiện hữu duyên; sát-na tục sinh: tâm..., sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn sở hữu tâm và tâm bằng Hiện hữu duyên.
  - Tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... như Tiền sanh *(purejāta)* không chi khác.

* Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm làm duyên cho những pháp sở hữu tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ làm duyên cho 2 uẩn,... đồng sanh thân thức...: 1 uẩn sở hữu tâm và vật và tâm làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên;... 2 uẩn.
  - Đồng sanh như: 1 uẩn và vật và tâm làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...; sát-na tục sinh: Nên sắp 2 cách.

* Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp phi sở hữu tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
  - Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức,... đồng sanh thân thức...; uẩn sở hữu tâm và tâm làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên; uẩn sở hữu tâm và tâm và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiên hữu duyên.
  - Đồng sanh như: Uẩn sở hữu tâm và vật làm duyên cho tâm bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Nên sắp 3 cách.
  - Hậu sanh như: Uẩn sở hữu tâm và tâm làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn sở hữu tâm và tâm và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn sở hữu tâm và tâm và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

* Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm làm duyên cho những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh: 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ làm duyên cho 2 uẩn và nhãn thức bằng Hiện hữu duyên. 1 uẩn đồng sanh thân thức và thân xứ làm duyên cho 2 uẩn và thân thức bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...
  - Đồng sanh như: 1 uẩn sở hữu tâm và vật làm duyên cho 2 uẩn và tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...; tục sinh: Nên sắp 2 câu.

111.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 5, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

112.

* Pháp sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên; bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.
* Pháp sở hữu tâm làm duyên cho pháp phi sở hữu tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.
* Pháp sở hữu tâm làm duyên cho những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.
* Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho những pháp phi sở hữu tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho những pháp sở hữu tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp phi sở hữu tâm làm duyên cho những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp sở hữu tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm làm duyên cho pháp phi sở hữu tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên.
* Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm làm duyên cho những pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

113.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả đều 9, phi Bất ly 9.

114.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 3, tất cả đều 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

115.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9, nên sắp theo đầu đề thuận *(anulomamātikā)*,... Bất ly 9.

Dứt nhị đề sở hữu tâm

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

116.

∗ Pháp tương ưng tâm liên quan pháp tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng tâm, 1 uẩn liên quan 2 uẩn, sát-na tục sinh:...

∗ Pháp bất tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng tâm. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm liên quan pháp tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn tương ưng tâm,... 2 uẩn; tục sinh...

∗ Pháp bất tương ưng liên quan pháp bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên:
... 1 đại sung, sắc tâm liên quan đại sung. Sát-na tục sinh... 1 đại sung, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp tương ưng tâm liên quan pháp bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng tâm liên quan vật.

∗ Chư pháp tương ưng và bất tương ưng tâm liên quan pháp bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng tâm liên quan vật, sắc tục sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp tương ưng tâm liên quan những pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng tâm và vật,... 2 uẩn.

∗ Pháp bất tương ưng tâm liên quan pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng tâm và đại sung. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn tương ưng tâm và đại sung.

∗ Chư pháp tương ưng tâm và bất tương ưng liên quan những pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng tâm và vật,... 2 uẩn; sắc tục sinh liên quan uẩn tương ưng tâm và đại sung.

117.

∗ Pháp tương ưng tâm liên quan pháp tương ưng tâm sanh ra do Cảnh duyên:
2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng tâm,... 2 uẩn. Tục sinh *(paṭisandhi)*.

∗ Pháp tương ưng tâm liên quan pháp bất tương ưng tâm sanh ra do Cảnh duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng tâm liên quan vật.

∗ Pháp tương ưng tâm liên quan những pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm sanh ra do Cảnh duyên:
Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng tâm và vật,... 2 uẩn ,... tóm tắt...

118.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 5, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 9.

119.

Pháp tương ưng tâm liên quan pháp tương ưng tâm sanh ra do phi Nhân duyên:

- 2 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng tâm vô nhân, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

Nên sắp 9 câu đề như đã tường thuật, nhứt định tất cả câu gọi là vô nhân *(ahetuka)*. Nên sắp đầy đủ, si căn *(mohamūla)* chỉ có 1 câu.

120.

∗ Pháp bất tương ưng tâm liên quan pháp tương ưng tâm sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng tâm, tục sinh...

∗ Pháp bất tương ưng tâm liên quan pháp bất tương ưng tâm sanh ra do phi Cảnh duyên:
... 1 đại sung luôn Vô tưởng.

∗ Pháp bất tương ưng tâm liên quan những pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng tâm và đại sung; sát-na tục sinh: 1 đại sung... tóm tắt...

121.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

122.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9, phi Nghiệp 1, phi Quả 5, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

123.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Hỗ tương 6, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 9, Đạo 1, Bất ly 9.

Phần đồng sanh *(sahajāta)* như phần liên quan *(paṭicca)*.

<u>Phần Ỷ Trượng</u> *(Paccayavāra)*

124.

∗ Pháp tương ưng tâm nhờ cậy pháp tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu như phần liên quan.

∗ Pháp bất tương ưng nhờ cậy pháp bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu như liên quan *(paṭicca)*.

∗ Pháp tương ưng nhờ cậy pháp bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng tâm nhờ cậy vật, sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm nhờ cậy pháp bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng tâm nhờ cậy vật, sắc tâm nhờ cậy đại sung, tục sinh *(paṭisandhi)*.

∗ Pháp tương ưng tâm nhờ cậy những pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên:

2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn tương ưng tâm và vật,... 2 uẩn, tục sinh...

∗ Pháp bất tương ưng tâm nhờ cậy những pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn tương ưng tâm và đại sung, tục sinh.

∗ Chư pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm nhờ cậy những pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn tương ưng tâm và vật, 2 uẩn...; sắc tâm nhờ cậy uẩn tương ưng tâm và đại sung. Tục sinh.

125.

∗ Pháp tương ưng tâm nhờ cậy pháp tương ưng tâm sanh ra do Cảnh duyên: Có 1 câu như liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp tương ưng tâm nhờ cậy pháp bất tương ưng tâm sanh ra do Cảnh duyên:
Uẩn đồng sanh nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân xứ; uẩn tương ưng tâm nhờ cậy vật; tục sinh...

∗ Pháp tương ưng tâm nhờ cậy pháp tương ưng tâm và pháp bất tương ưng tâm sanh ra do Cảnh duyên:
2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ,... 2 uẩn... ,... Đồng sanh thân thức, 2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn tương ưng tâm và vật. Sát-na tục sinh:... tóm tắt...

126.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 9,... Bất ly 9.

127.

∗ Pháp tương ưng tâm nhờ cậy pháp tương ưng tâm sanh ra do phi Nhân duyên: Có 3 câu như liên quan.

∗ Pháp bất tương ưng tâm nhờ cậy pháp bất tương ưng tâm sanh ra do phi Nhân duyên:
1 đại sung luôn đến Vô tưởng.

∗ Pháp tương ưng tâm nhờ cậy pháp bất tương ưng tâm sanh ra do phi Nhân duyên:
Uẩn đồng sanh nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân xứ... uẩn tương ưng tâm vô nhân nhờ cậy vật, tục sinh *(paṭisandhi);* si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật.

∗ Chư pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm nhờ cậy pháp bất tương ưng tâm sanh ra do phi Nhân duyên:
Uẩn tương ưng tâm vô nhân nhờ cậy vật, sắc tâm nhờ cậy đại sung. Tục sinh.

∗ Pháp tương ưng tâm nhờ cậy những pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm sanh ra do phi Nhân duyên:
2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ,... 2 uẩn;... nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh thân thức và thân xứ, 2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn tương ưng tâm vô nhân và vật,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

Nên sắp 2 câu đề có bình nhựt và tục sinh như thế,... tóm tắt...

128.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi

Quyền 1, phi Thiền 4, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

129.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Nghiệp 3, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

130.

Nhân duyên có Cảnh 3,... Đạo 3,... Bất ly 9.

Phần y chỉ *(nissaya)* như phần ỷ trượng *(paccayavāra)*.

Phần Hòa Hợp ***(Saṅsaṭṭhavāra)***

131.

Pháp tương ưng tâm hòa hợp pháp tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn hòa hợp 1 uẩn tương ưng tâm,... 2 uẩn. Tục sinh.

132.

Nhân 1, Cảnh 1, Trưởng 1, tất cả đều 1, Bất ly 1

133.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1.

Ngoài ra 2 cách đếm, dù phần tương ưng *(sampayutta)* nên sắp như thế.

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

134.

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Nhân duyên:
Nhân tương ưng tâm làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Tục sinh...

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho pháp bất tương ưng tâm bằng Nhân duyên:
Nhân tương ưng tâm làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh...

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho những pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm bằng Nhân duyên:
Nhân tương ưng tâm làm duyên cho uẩn tương ưng tâm và sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh...

135.

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái sanh, ưu phát;
- Nhớ lại thiện từng làm chứa để, xuất thiền phản khán thiền.
- Chư Thánh xuất đạo, phản khán đạo, phản khán quả, phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, rõ phiền não đã từng sanh.
- Quán ngộ uẩn tương ưng tâm bằng vô thường... ưu sanh ra.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm tương ưng tâm.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ; uẩn tương ưng tâm làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp bất tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh phản khán Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả luôn khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên;

- Nhãn... vật... quán ngộ uẩn bất tương ưng tâm bằng lối vô thường... ưu sanh;
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng; sắc xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức, xúc xứ... Uẩn bất tương ưng tâm làm duyên cho thần thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

136.

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

+ Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới do nặng chấp đó rồi phản khán, thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó ái sanh tà kiến phát;
  - ... thiện trước... thiền... chư Thánh xuất đạo, nặng về đạo rồi phản khán, nặng về quả rồi phản khán, nặng về uẩn tương ưng tâm rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh tà kiến phát.

+ Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng tâm làm duyên cho uẩn tương ưng tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho pháp bất tương ưng tâm bằng Trưởng duyên:
Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng tâm làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho những pháp tương ưng và bất tương ưng tâm bằng Trưởng duyên:
Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng tâm làm duyên cho uẩn tương ưng tâm và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp bất tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như: Chư Thánh nặng về Níp Bàn rồi phản khán, Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả bằng Trưởng duyên.
- Nhãn... vật... nặng về uẩn bất tương ưng tâm rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.

137.

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Vô gián duyên:
Uẩn tương ưng tâm sanh trước trước... quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ ... bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên có 7 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)* không có duyên hiệp trợ trong câu vấn đề *(pañhā ghaṭanā natthi)*.

∗ ... bằng Hỗ tương duyên có 6 câu như phần liên quan.

∗ ... bằng Y chỉ duyên có 7 câu như phần ỷ trượng *(paccayavāra)*, duyên hiệp trợ không có *(ghaṭanā natthi)*.

138.

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương trì giới mạnh... nương hy vọng mạnh... nương thân lạc mạnh... nương thân khổ mạnh có thể bố thí... sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin... thân khổ mạnh làm duyên cho đức tin... đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp bất tương ưng tâm làm duyên cho pháp bất tương ưng tâm bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương âm dương... vật thực... chỗ ở mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng.
- Nương âm dương... vật thực... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin... quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

139.

∗ Pháp bất tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh *(ārammanapurejāta)* như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... ưu sanh ra; thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng; sắc xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức, xúc xứ...
- Vật tiền sanh *(vatthupurejāta)* như: Nhãn xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức, thân xứ...; vật làm duyên cho uẩn tương ưng tâm bằng Tiền sanh duyên.

140.

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho pháp bất tương ưng tâm bằng Hậu sanh duyên:... tóm tắt... có 1 câu.

∗ ... bằng Cố hưởng duyên có 1 câu.

141.

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư tương ưng tâm làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư tương ưng tâm làm duyên cho uẩn quả bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho pháp bất tương ưng tâm bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư tương ưng tâm làm duyên cho sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư tương ưng tâm làm duyên cho sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho những pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư tương ưng tâm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư tương ưng tâm làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

142.

Pháp tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Quả duyên có 3 câu.

143.

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Thực duyên có 3 câu.

∗ Pháp bất tương ưng tâm làm duyên cho pháp bất tương ưng tâm bằng Thực duyên: Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Thực duyên.

144.

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho pháp bất tương ưng tâm bằng Quyền duyên có 3 câu.

∗ Pháp bất tương ưng tâm làm duyên cho pháp bất tương ưng tâm bằng Quyền duyên: Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.

∗ Pháp bất tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Quyền duyên:
Nhãn quyền làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Quyền duyên; thân quyền...

∗ Chư pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Quyền duyên:
Nhãn quyền và xả quyền làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Quyền duyên; thân quyền và lạc quyền... thân quyền và khổ quyền làm duyên cho uẩn đồng sanh thân thức bằng Quyền duyên.

∗ ... bằng Thiền duyên có 3 câu,... bằng Đạo duyên có 3 câu, bằng Tương ưng duyên có 1 câu.

145.

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho pháp bất tương ưng tâm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt...

∗ Pháp bất tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn tương ưng tâm bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Bất tương ưng duyên,... thân xứ... vật làm duyên cho uẩn tương ưng tâm bằng Bất tương ưng duyên.

146.

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Hiện hữu duyên có 1 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho pháp bất tương ưng tâm bằng bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt...

∗ Pháp tương ưng tâm làm duyên cho những pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm bằng bằng Hiện hữu duyên như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp bất tương ưng tâm làm duyên cho những pháp bất tương ưng tâm bằng bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Thực và Quyền... tóm tắt...

∗ Pháp bất tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn tương ưng tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn... vật... bằng lối vô thường... như Tiền sanh *(purejāta)*.

∗ Chư pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ làm duyên cho 2 uẩn... thân xứ... 1 uẩn tương ưng tâm và vật làm duyên cho 2 uẩn...; 2 uẩn... Tục sinh *(paṭisandhi)*.

∗ Chư pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm làm duyên cho pháp bất tương ưng tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.
- Đồng sanh như: Uẩn tương ưng tâm và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, tục sinh.

- Hậu sanh như: Uẩn tương ưng tâm và đoàn thực làm duyên cho thân bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn tương ưng tâm và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

147.

Nhân 3, Cảnh 2, Trưởng 4, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 7, Hỗ tương 6, Y chỉ 7, Cận y 2, Tiền sanh 1, Hậu sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 4, Quyền 6, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 1, Bất tương ưng 2, Hiện hữu 7, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 7.

148.

* Pháp tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.
* Pháp tương ưng tâm làm duyên cho pháp bất tương ưng tâm bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.
* Pháp tương ưng tâm làm duyên cho những pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm bằng Đồng sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.
* Pháp bất tương ưng tâm làm duyên cho những pháp bất tương ưng tâm bằng Đồng sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp bất tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm làm duyên cho pháp tương ưng tâm bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm làm duyên cho pháp bất tương ưng tâm bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

149.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 6, phi Hỗ tương 6, phi Y chỉ 6, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, tất cả đều 7, phi Tương ưng 6, phi Bất tương ưng 5, phi Hiện hữu 4, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 4.

150.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 3, tất cả đều 3, phi Tương ưng 1, phi Bất Tương 1,... phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

151.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Trưởng 4, nên sắp thuận theo đầu đề *(anulomamātikā)*,... Bất ly 7.

Dứt nhị đề tương ưng tâm

NHỊ ĐỀ HOÀ HỢP TÂM *(CITTASAṅSATTHADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

152.

∗ Pháp hòa hợp tâm liên quan pháp hòa hợp tâm sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn liên quan 1 uẩn hòa hợp tâm,... 2 uẩn. Tục sinh.

∗ Pháp Bất hòa hợp tâm liên quan pháp hòa hợp tâm sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn hòa hợp tâm, tục sinh *(paṭisandhi)*.

Nhị đề hòa hợp tâm *(cittasaṅsaṭṭha)* nên sắp như nhị đề tương ưng tâm không chi khác.

NHỊ ĐỀ CÓ TÂM LÀM SỞ SANH *(CITTA SAMUTTHANA DUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavara)***

153.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh liên quan pháp có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh,... 2 uẩn; 1 đại sung có tâm làm sở sanh. Sắc tâm thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
Tâm liên quan uẩn có tâm làm sở sanh. Sát-na tục sinh: Tâm và sắc tục sinh liên quan nhân có tâm làm sở sanh.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn và tâm và sắc tâm liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 2 uẩn và tâm và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh,... 2 uẩn...

∗ Pháp phi tâm làm sở sanh liên quan pháp phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan tâm, vật liên quan tâm, tâm liên quan vật,... 1 đại sung; sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh liên quan pháp phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan tâm. Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng liên quan tâm. Sát-na tục sinh: Uẩn có tâm làm sở sanh liên quan vật.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh và pháp phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng và sắc tục sinh liên quan tâm. Sát-na tục sinh: Tâm và uẩn tương ưng liên quan vật *(vatthu)*.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh liên quan những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:

2 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh và tâm... 2 uẩn; sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh và tâm,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh liên quan những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn có tâm làm sở sanh và tâm.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn có tâm làm sở sanh và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Tâm liên quan uẩn có tâm làm sở sanh và vật.

∗ Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh liên quan những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh và tâm,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn và tâm liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh và vật,... 2 uẩn.

154.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh liên quan pháp có tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:
2 uẩn liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh,... 2 uẩn. Tục sinh...

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp có tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:
Tâm liên quan uẩn có tâm làm sở sanh, tục sinh...

∗ Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp có tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:
2 uẩn và tâm liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh,... 2 uẩn tục sinh.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:
Sát-na tục sinh: Tâm liên quan vật *(vatthu)*.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh liên quan pháp phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:
Uẩn tương ưng liên quan tâm.Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng liên quan tâm; sát-na tục sinh: Uẩn có tâm làm sở sanh liên quan vật.

∗ Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:
Sát-na tục sinh: Tâm và uẩn tương ưng liên quan vật.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh sanh ra liên quan những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:
2 uẩn liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh và tâm,... 2 uẩn; sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh,... 2 uẩn; sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh và vật,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh liên quan những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:
Sát-na tục sinh: Tâm liên quan uẩn có tâm làm sở sanh và vật.

∗ Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh liên quan những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:
Sát-na tục sinh: 2 uẩn và tâm liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh và vật,... 2 uẩn.

155.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 5, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 5, Cố hưởng 5, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 9, tất cả đều 9, Bất ly 9.

156.

* Pháp có tâm làm sở sanh liên quan pháp có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 2 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân có tâm làm sở sanh,... 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh,... 2 uẩn;... 1 đại sung có tâm làm sở sanh; sắc tâm thuộc y sinh liên quan đại sung. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

* Pháp phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:

  Tâm liên quan uẩn vô nhân có tâm làm sở sanh. Sát-na tục sinh vô nhân: Tâm và sắc tục sinh liên quan uẩn có tâm làm sở sanh.

* Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:

  2 uẩn và tâm và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân có tâm làm sở sanh;... 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

* Pháp phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp phi có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:

  Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh liên quan tâm, vật liên quan tâm, tâm liên quan vật,... 1 đại sung, nên sắp luôn đến người Vô tưởng.

* Pháp có tâm làm sở sanh liên quan pháp phi có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:

  Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan tâm vô nhân, sát-na tục sinh vô nhân:... tâm; sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn có tâm làm sở sanh liên quan vật; si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan vật.

* Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:

  Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn tương ưng và sắc tục sinh liên quan tâm. Sát-na tục sinh vô nhân: Tâm và uẩn tương ưng liên quan vật.

* Pháp có tâm làm sở sanh liên quan những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 2 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân có tâm làm sở sanh và tâm,... 2 uẩn; sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh và tâm,... 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh và vật,... 2 uẩn. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và tâm.

* Pháp phi có tâm làm sở sanh liên quan những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:
  - Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh liên quan uẩn có tâm làm sở sanh và tâm.
  - Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh liên quan uẩn có tâm làm sở sanh và đại sung.
  - Sát-na tục sinh vô nhân: Tâm liên quan uẩn có tâm làm sở sanh và vật.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh liên quan những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:

Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh và tâm,... 2 uẩn sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn và tâm liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh và vật,... 2 uẩn.

157.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh liên quan pháp có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc tâm liên quan uẩn có tâm làm sở sanh,... 1 đại sung; sắc tâm thuộc y sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn có tâm làm sở sanh.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp phi có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan tâm, vật liên quan tâm, 1 đại sung luôn đến Vô tưởng.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh liên quan pháp phi có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc tâm liên quan tâm.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh liên quan những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc tâm liên quan uẩn có tâm làm sở sanh và tâm, sắc tâm liên quan tâm và đại sung.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh liên quan những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Cảnh duyên:

- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn có tâm làm sở sanh và tâm.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn có tâm làm sở sanh và đại sung,... tóm tắt...

158.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 6, phi Trưởng 9, phi Vô gián 6, phi Liên tiếp 6, phi Hỗ tương 9, phi Cận y 6, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 6, phi Đạo 9, phi Tương ưng 6, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 6, phi Ly 6.

159.

Nhân duyên có phi Cảnh 6,... phi Trưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Tương ưng 6, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 6, phi Ly 6.

160.

Phi nhân có Cảnh 9,... Vô gián 9, Liên tiếp 9, Tiền sanh 5, Cố hưởng 5, Thiền 3, Đạo 3, Bất ly 9.

Phần đồng sanh *(sahajātavāra)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

<u>Phần Ỷ Trượng</u> ***(Paccayavāra)***

161.

* Pháp có tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu như liên quan.

* Pháp phi có tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
  Tâm nhờ cậy vật; sát-na tục sinh: Như liên quan.

* Pháp có tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn tương ưng và sắc tâm nhờ cậy tâm; uẩn có tâm làm sở sanh nhờ cậy vật; sát-na tục sinh: Nên sắp 2 câu.

* Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
  Tâm và uẩn tương ưng nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh: Có 2 câu như liên quan.

* Pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
  2 uẩn liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh và tâm,... 2 uẩn; 2 uẩn liên quan 1 uẩn có tâm làm sở sanh và vật... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Có 2 câu như phần liên quan.

* Pháp phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
  Tâm liên quan uẩn có tâm làm sở sanh và vật. Sát-na tục sinh: Nên sắp có 3 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

* Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh nhờ cậy những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
  2 uẩn và tâm nhờ cậy 1 uẩn có tâm làm sở sanh và vật,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 2 câu nên sắp như liên quan.

162.

* Pháp có tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp có tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên: 3 câu như liên quan.

* Pháp phi có tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:
  Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân xứ; tâm nhờ cậy vật.

* Pháp có tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp phi tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:
  Uẩn tương ưng nhờ cậy nhãn thức,... thân thức; uẩn tương ưng nhờ cậy tâm. Uẩn có tâm làm sở sanh nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh: Có 2 câu...

* Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp phi tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:
  Nhãn thức và uẩn tương ưng nhờ cậy nhãn xứ,... thân xứ. Tâm và uẩn tương ưng nhờ cậy vật. Tục sinh... .

* Pháp có tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:
  2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn có tâm làm sở sanh và tâm,... 2 uẩn. 2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn có tâm làm sở sanh và vật,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 2 câu nên sắp.

* Pháp phi có tâm làm sở sanh nhờ cậy những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:

Nhãn thức nhờ cậy uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ..., đồng sanh thân thức. Tâm nhờ cậy uẩn có tâm làm sở sanh và vật. Sát-na tục sinh:...

∗ Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:
2 uẩn và nhãn thức nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ,... 2 uẩn,... thân thức. 2 uẩn và tâm nhờ cậy 1 uẩn có tâm làm sở sanh và vật,... 2 uẩn. Tục sinh... tóm tắt...

163.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, tất cả đều 9, Bất ly 9.

164.

Pháp có tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:
Tất cả đều có 9 câu, nên sắp như phần liên quan *(paṭiccavāra)*, dù sắp 5 thức *(viññāṇa)* mà si chỉ có 3 câu.

165.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 6, phi Trưởng 9, phi Vô gián 6, phi Liên tiếp 6, phi Hỗ tương 6, phi Cận y 6, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 6, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 6, phi Ly 6.

Dù 2 cách đếm ngoài ra, hay phần y chỉ *(nisaya)* cũng như thế.

Phần Hòa Hợp ***(Saṅsaṭṭhavāra)***

166.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh hòa hợp pháp có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn hòa hợp 2 uẩn có tâm làm sở sanh,... 2 uẩn; tục sinh *(paṭisandhi)*...

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh hòa hợp pháp có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
Tâm hòa hợp uẩn có tâm làm sở sanh, tục sinh...

∗ Chư pháp có tâm làm sở sanh hòa hợp pháp có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn và tâm hòa hợp 1 uẩn có tâm làm sở sanh,... 2 uẩn. Tục sinh *(paṭisandhi)*...

∗ Pháp có tâm làm sở sanh hòa hợp pháp phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng hòa hợp tâm, tục sinh...

∗ Pháp có tâm làm sở sanh hòa hợp những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn hòa hợp 1 uẩn có tâm làm sở sanh và tâm,... 2 uẩn, tục sinh... tóm tắt...

167.

Nhân 5, Cảnh 5, tất cả đều 5, Bất ly 5.

168.

Pháp có tâm làm sở sanh hòa hợp pháp có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:
Nên sắp 5 câu đề, si chỉ có 3 câu.

169.

Phi Nhân 5, phi Trưởng 5, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Bất tương ưng 5.

Dù ngoài ra 2 cách hay phần tương ưng nên sắp như thế.

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

170.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Nhân duyên:
Nhân có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Nhân duyên:
Nhân có tâm làm sở sanh làm duyên cho tâm bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân có tâm làm sở sanh làm duyên cho tâm và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh bằng Nhân duyên:
Nhân có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn tương ưng và tâm và sắc tâm bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

171.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên:
- Uẩn có tâm làm sở sanh mở mối cho uẩn có tâm làm sở sanh sanh ra, nên sắp căn *(mūla)*.
- Tâm mở mối cho uẩn có tâm làm sở sanh sanh ra, nên sắp căn *(mūla)*.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh phản khán Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả luôn khán ý môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- ... nhãn... vật... quán ngộ uẩn phi có tâm làm sở sanh bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tâm phát sanh.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng....
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm phi có tâm làm sở sanh.
- Không vô biên xứ... Vô sở hữu xứ...
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ...
- Uẩn phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông,vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh phản khán Níp Bàn, ý nghĩa theo như Pāḷi giải ở đoạn trước.
- Nhãn... vật... quán ngộ uẩn phi có tâm làm sở sanh bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc... tóm tắt...
- Sắc xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức, xúc xứ...
- Uẩn phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông... vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh phản khán Níp Bàn, như ý nghĩa Pāḷi câu trước
- Quán ngộ uẩn phi có tâm làm sở sanh bằng vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tâm và uẩn tương ưng sanh
- Thiên nhãn... sắc xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng, xúc xứ...
- Uẩn phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông,... vị lai thông luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

∗ Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên: Có 3 câu, nên sắp khai đoan *(ārabbha)*.

172.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn có tâm làm sở sanh rồi làm duyên cho uẩn có tâm làm sở sanh sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

Dù Trưởng cảnh hay Trưởng đồng sanh nên sắp 3 câu.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Chư Thánh nặng về Níp Bàn rồi... nặng về uẩn phi có tâm làm sở sanh rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi khai đoan (mở mối) cho tâm phát sanh.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Chư Thánh nặng về Níp Bàn rồi...; nặng về uẩn phi có tâm làm sở sanh rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái sanh tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Chư Thánh nặng về Níp Bàn rồi...; nặng về uẩn phi có tâm làm sở sanh rồi... và tâm và uẩn tương ưng tâm sanh ra.

∗ Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh 3 câu, chỉ có Trưởng cảnh.

173.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Vô gián duyên có 3 câu, không có quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Vô gián duyên:

Tâm sanh trước trước làm duyên cho tâm sanh sau sau... Khi xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

Nên sắp đếm 2 câu này theo đây chỉ như 1.

∗ Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Vô gián duyên: Nên sắp 3 câu không có quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.

174.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Đồng sanh duyên như liên quan.

∗ ... bằng Hỗ tương duyên như phần liên quan *(paṭicca)*.

∗ ... bằng Y chỉ duyên như phần ỷ trượng *(paccaya)*.

175.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Nên sắp 3 câu đề.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: âm dương... thực phẩm... chỗ ở... phá hòa hợp Tăng... nương âm dương... vật thực... chỗ ở... nương tâm mạnh làm duyên cho tâm bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y: âm dương... vật thực... chỗ ở... nương tâm mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng.
- Nương âm dương... vật thực... chỗ ở... tâm làm duyên cho đức tin, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y: âm dương... vật thực... chỗ ở... nương tâm mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng; nương âm dương... vật thực... chỗ ở... nương tâm mạnh làm duyên cho nhân có tâm làm sở sanh và tâm bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y có 3 câu.

176.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Tiền sanh duyên:
- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ sắc có tâm làm sở sanh... xúc bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Sắc xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Tiền sanh duyên. Xúc xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh thân thức bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Tiền sanh duyên:
- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ sắc có tâm làm sở sanh... quán ngộ xúc bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tâm phát sanh.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh bằng Tiền sanh duyên:
- Cảnh tiền sanh: Sắc tâm... quán ngộ xúc bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tâm và uẩn tương ưng tâm sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên, xúc xứ...

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Tiền sanh duyên: Có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật... thân... sắc... quán ngộ xúc bằng lối vô thường... do đó khai đoan tâm sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ...
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ...; vật làm duyên cho tâm bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng; sắc xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức, xúc xứ...
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức, thân xứ... vật làm duyên cho uẩn có tâm làm sở sanh...

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh.
- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... do đó khai đoan tâm và uẩn tương ưng sanh ra.
- Thiên nhãn... thiên nhĩ... sắc xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng, xúc xứ...
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng, thân xứ... vật làm duyên cho tâm và uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Tiền sanh duyên: Có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Sắc xứ có tâm làm sở sanh và vật làm duyên cho uẩn có tâm làm sở sanh bằng Tiền sanh duyên.
- Xúc xứ có tâm làm sở sanh... sắc xứ có tâm làm sở sanh và nhãn xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức, xúc xứ có tâm làm sở sanh và thân xứ .

∗ Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Sắc xứ có tâm làm sở sanh và vật làm duyên cho tâm bằng Tiền sanh duyên; xúc xứ có tâm làm sở sanh và vật... .
- Sắc xứ có tâm làm sở sanh và nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức; xúc xứ có tâm làm sở sanh và thân xứ...

∗ Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

Sắc xứ có tâm làm sở sanh và vật làm duyên cho tâm và uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên; xúc xứ có tâm làm sở sanh và vật... sắc xứ có tâm làm sở sanh và nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên, xúc xứ có tâm làm sở sanh...

177.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Nhân có tâm làm sở sanh sanh sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên. Nên sắp Hậu sanh... Nên sắp Hậu sanh rộng theo cách này.

∗ ... bằng Cố hưởng duyên có 9 câu.

178.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Nghiệp duyên: Có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn quả và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* có tâm làm sở sanh làm duyên cho tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư có tâm làm sở sanh làm duyên cho tâm quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn tương ưng và tâm và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn quả và tâm và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

179.

Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Quả duyên có 9 câu.

180.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Thực duyên:
- Thực có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Thực duyên. Tục sinh, nên sắp căn *(mūla)*.
- Thực có tâm làm sở sanh làm duyên cho tâm bằng Thực duyên.
- Sát-na tục sinh: Đoàn thực có tâm làm sở sanh làm duyên cho thân phi có tâm làm sở sanh ấy bằng Thực duyên; nên sắp căn. Thực có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn tương ưng và tâm và sắc tâm bằng Thực duyên. Tục sinh *(paṭisandhi)*.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Thực duyên:
- Sát-na tục sinh: Thực phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho sắc tục sinh bằng Thực duyên. Đoàn thực phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho thân phi có tâm làm sở sanh ấy bằng Thực duyên, nên sắp căn *(mūla)*.
- Thực phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Thực duyên. Tục sinh *(paṭisandhi)*, nên hỏi đến căn *(mūla)*.
- Sát-na tục sinh: Thực phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Thực duyên.

∗ Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Thực duyên:
- Thực có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Thực duyên. Tục sinh, nên sắp căn *(mūla)*.

- Sát-na tục sinh: Thực có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho sắc tục sinh bằng Thực duyên.
- Đoàn thực có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho thân, phi có tâm làm sở sanh ấy bằng Thực duyên, Nên sắp căn.
- Sát-na tục sinh: Thực có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Thực duyên.

181.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Quyền duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Quyền duyên:
- Sát-na tục sinh: Quyền phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức, thân quyền làm duyên cho thân thức. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên. Nên sắp căn.
- Quyền phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Quyền duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhãn quyền làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức, thân quyền... nên sắp căn.
- Sát-na tục sinh: Quyền phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Quyền duyên. Nhãn quyền làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Quyền duyên, thân quyền...

∗ Pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Quyền duyên:
- Quyền *(indrīya)* có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Quyền duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhãn quyền và xả quyền làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức, thân quyền và lạc quyền...
- Thân quyền và khổ quyền làm duyên cho uẩn đồng sanh thân thức bằng Quyền duyên, nên sắp căn.
- Sát-na tục sinh: Quyền có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.
- Nhãn quyền và xả quyền làm duyên cho nhãn thức; thân quyền... nên sắp căn.
- Sát-na tục sinh: Những quyền *(indrīya),* có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhāna)* và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Quyền duyên. Nhãn quyền và xả quyền làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng bằng Quyền duyên; thân quyền...

∗ ... bằng Thiền duyên có 3 câu.

∗ ... bằng Đạo duyên có 3 câu.

∗ ... bằng Tương ưng duyên có 5 câu.

182.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt...

* Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
  Đồng sanh như: Sát-na tục sinh... tóm tắt...

* Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh bằng Bất tương ưng duyên.
  Hậu sanh... tóm tắt...

* Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Tâm làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên. Tâm làm duyên cho vật, vật làm duyên cho tâm bằng Bất tương ưng duyên.
  - Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn Thúc, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho tâm bằng Bất tương ưng duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho thân phi có tâm làm sở sanh ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...

* Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...

* Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...

* Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...

* Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...

183.

* Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...

* Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh và Thực,... tóm tắt...

* Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...

* Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền... tóm tắt...

* Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...

* Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực... tóm tắt...

∗ Chư pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh nhãn thức... tóm tắt...

∗ Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Hiện hữu duyên,... đồng sanh thân thức *(kāyaviññāṇa)*.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh...

- Đồng sanh như: Phần ỷ trượng *(paccayavāra)*. Dù tục sinh hay bình nhựt đều đầy đủ câu đề.
- Hậu sanh như: Uẩn có tâm làm sở sanh và tâm làm duyên cho thân phi có tâm làm sở sanh ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn có tâm làm sở sanh và tâm và đoàn thực làm duyên cho thân phi có tâm làm Sở sanh ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn có tâm làm sở sanh và tâm và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh:

Đồng sanh như:... đồng sanh nhãn thức... tóm tắt...

∗ ... bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

Phần ỷ trượng *(paccaya)* như phần đồng sanh *(sahajāta)* đều nên sắp câu đồng sanh.

184.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Hậu sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, tất cả đều 9, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 5, Bất tương ưng 9,... Bất ly 9.

185.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên.

∗ Pháp có tâm làm sở sanh làm duyên cho những pháp có tâm làm sở sanh và phi tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên.

* Pháp phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên.

* Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên.

* Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi có tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

* Chư pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho những pháp có tâm làm sở sanh và phi có tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên.

186.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả đều 9,... phi Bất ly 9.

187.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 3, phi Đạo 3, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

188.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9, nên sắp đếm theo thuận tùng *(anuloma)*... Bất ly 9.

Dứt nhị đề có tâm làm sở sanh

NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM *(CITTASAHABHUDUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

189.

* Pháp đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

  2 uẩn đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhu)* và sắc tâm liên quan *(paṭicca)* 1 uẩn đồng sanh tồn với tâm,... 2 uẩn; vào sát-na tục sinh, 2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh tồn với tâm... 2 uẩn.

* Pháp phi đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

  Tâm và sắc tâm đồng sanh tồn với tâm liên quan uẩn đồng sanh tồn với tâm. Sát-na tục sinh: Tâm và sắc tục sinh liên quan uẩn đồng sanh tồn với tâm.

* Chư pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:
  - 2 uẩn và tâm và sắc tâm đồng sanh tồn với tâm, phi đồng sanh tồn với tâm liên quan 1 uẩn đồng sanh tồn với tâm;
  - Sát-na tục sinh: 2 uẩn và tâm và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn đồng sanh tồn với tâm.

∗ Pháp phi đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

Sắc tâm phi đồng sanh tồn với tâm liên quan tâm; sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan tâm, vật liên quan tâm, tâm liên quan vật...; 1 đại sung. Sắc tâm, sắc tục sinh thuộc y sinh phi đồng sanh tồn với tâm liên quan đại sung.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn tương ưng và sắc tâm đồng sanh tồn với tâm liên quan tâm. Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng liên quan tâm. Sát-na tục sinh: Uẩn đồng sanh tồn với tâm liên quan vật. Sắc tâm thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Chư pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

- Uẩn tương ưng và sắc tâm đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm liên quan tâm.
- Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng và sắc tục sinh liên quan tâm.
- Sát-na tục sinh: Tâm và uẩn tương ưng liên quan vật. Sắc tâm thuộc y sinh đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm liên quan đại sung.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm liên quan chư pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

- 2 uẩn và sắc tâm đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhū)* liên quan 1 uẩn đồng sanh tồn với tâm và tâm.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh tồn với tâm và tâm,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh tồn với tâm và vật *(vatthu)*; 2 uẩn...; sắc tâm thuộc y sinh sanh tồn với tâm liên quan uẩn đồng sanh tồn với tâm và sắc đại sung *(mahābhūtarūpa)*.

∗ Pháp phi đồng sanh tồn với tâm liên quan những pháp đồng sanh tồn với tâm và pháp phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

- Sắc tâm phi đồng sanh tồn với tâm liên quan uẩn đồng sanh tồn với tâm và tâm.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn đồng sanh tồn với tâm và tâm.
- Sát-na tục sinh: Tâm liên quan uẩn đồng sanh tồn với tâm và vật. Sắc tâm phi đồng sanh tồn với tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan uẩn đồng sanh tồn với tâm và đại sung.

∗ Chư pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm liên quan những pháp đồng sanh tồn với tâm và pháp phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

- 2 uẩn và sắc tâm đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm liên quan 1 uẩn đồng sanh tồn với tâm và tâm,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn đồng sanh tồn với tâm và tâm, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn và tâm liên quan 1 uẩn đồng sanh tồn với tâm và vật, 2 uẩn... sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan uẩn đồng sanh tồn với tâm và đại sung,... tóm tắt...

190.

Nhân 9, Cảnh 9.

Trong Vô sắc tất cả nên đem ra trình bày như nhị đề có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhānaduka)*; nên sắp sắc đại sung trong 6 câu đề; 3 câu đề không có Trưởng *(adhipati)*.

Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 5, Cố hưởng 5, Nghiệp 9, tất cả đều 9, Bất ly 9.

191.

Pháp đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

- 2 uẩn và sắc tâm đồng sanh tồn với tâm liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh tồn với tâm,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

Nên sắp 9 câu đầu như đã tường thuật, nhứt định gọi là vô nhân *(ahetuka);* trong thuận thứ *(anuloma)* Ngài phân để thế nào thì nên làm theo thế ấy.

Si có 3 cách; trong nhị đề có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhānaduka)* Ngài sắp thế nào, đây nên sắp thế ấy.

192.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Hỗ tương 9, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9.

193.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp đồng sanh tồn với tâm sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhu)* liên quan uẩn đồng sanh tồn với tâm.

∗ Pháp phi đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Ngoại *(bāhīra)*... vật thực *(āhāra)*... âm dương *(utu)*...

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* tương ưng liên quan tâm.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm liên quan những pháp đồng sanh tồn với tâm và phi pháp đồng sanh tồn với tâm sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư tương ưng liên quan uẩn đồng sanh tồn với tâm và tâm.

194.

Phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1.

195.

Pháp đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp đồng sanh tồn với tâm sanh ra do phi Thiền duyên: .. đồng sanh 5 thức *(viññaṇa)*.

196.

Phi Thiền 6, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

Nên sắp đếm 2 cách ngoài ra cũng như thế.

Dù **phần đồng sanh** *(sahajāta)* cũng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

<u>Phần Ỷ Trượng</u> *(Paccayavāra)*

197.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm nhờ cậy pháp đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp phi đồng sanh tồn với tâm nhờ cậy pháp phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

Tâm nhờ cậy *(paccayā)* vật. Sắc tâm phi đồng sanh tồn với tâm nhờ cậy tâm. Tục sinh: Như phần liên quan, tất cả đại sung *(mahābhūta)*.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm nhờ cậy pháp phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn tương ưng và sắc tâm đồng sanh tồn với tâm nhờ cậy tâm. Uẩn đồng sanh tồn với tâm nhờ cậy vật, tục sinh: Tất cả đại sung như phần liên quan.

∗ Chư pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm nhờ cậy pháp phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn tương ưng và sắc tâm đồng sanh tồn với tâm và phi Đồng sanh với tâm nhờ cậy tâm. Tâm và uẩn tương ưng nhờ cậy vật. Tục sinh như phần liên quan, tất cả đại sung.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm nhờ cậy những pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

2 uẩn và sắc tâm đồng sanh tồn với tâm nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh tồn với tâm và tâm, 2 uẩn..., 2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh tồn với tâm và vật,... 2 uẩn; tục sinh như phần liên quan *(paṭiccavāra)*, tất cả đại sung.

∗ Pháp phi đồng sanh tồn với tâm liên quan những pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

Sắc tâm phi đồng sanh tồn với tâm nhờ cậy uẩn đồng sanh tồn với tâm và tâm, tâm nhờ cậy uẩn đồng sanh tồn với tâm và vật. Sắc tâm phi đồng sanh tồn với tâm nhờ cậy uẩn đồng sanh tồn với tâm và đại sung. Tục sinh: Như phần liên quan, tất cả đại sung.

∗ Chư pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm nhờ cậy những pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

2 uẩn đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh tồn với tâm và tâm, 2 uẩn và tâm nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh với tâm và tâm, 2 uẩn và tâm nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh tồn với tâm và vật,... 2 uẩn. Tục sinh như phần liên quan, tất cả đại sung.

198.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm nhờ cậy pháp đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Cảnh duyên... có 3 câu như phần liên quan.

∗ Pháp phi đồng sanh tồn với tâm nhờ cậy pháp phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Cảnh duyên:

Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân xứ. Trong phần ỷ trượng này như Cảnh *(Ārammaṇa)* trong nhị đề có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhānaduka)*. Nên sắp 5 thức *(viññaṇa)* thành 6 cách này;... tóm tắt...

199.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, tất cả đều 9, Bất ly 9.

200.

Pháp đồng sanh tồn với tâm nhờ cậy pháp đồng sanh tồn với tâm sanh ra do phi Nhân duyên:

1 uẩn vô nhân đồng sanh tồn với tâm... tóm tắt...

Đều nên sắp mỗi thứ có 5 thức *(viññaṇa)* của phần nhờ cậy *(paccayavāra)*. 6 căn của tất cả pháp cũng nên sắp tất cả đại sung. Si có 3 cách như nhau,... tóm tắt...

201.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Hỗ tương 9, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

202.

Nhân duyên có phi Cảnh 9, tất cả đều 9,... phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

203.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Vô gián 9, tất cả đều 9, Đạo 3, Bất ly 9.

Phần y chỉ *(nissaya)* như phần ỷ trượng *(paṭiccavāra)*.

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

204.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm hòa hợp pháp đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

2 uẩn hòa hợp 1 uẩn đồng sanh tồn với tâm,... 2 uẩn. Tục sinh *(paṭisandhi)*...

∗ Pháp phi đồng sanh tồn với tâm hòa hợp pháp đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

Tâm hòa hợp *(saṅsaṭṭha)* uẩn đồng sanh tồn với tâm. Tục sinh.

∗ Chư pháp đồng sanh tồn với tâm hòa hợp pháp đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

2 uẩn và tâm hòa hợp 1 uẩn đồng sanh tồn với tâm,... 2 uẩn. Tục sinh.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm hòa hợp pháp phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn tương ưng hòa hợp với tâm. Tục sinh.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm hòa hợp những pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên:

2 uẩn hòa hợp 1 uẩn đồng sanh tồn với tâm và tâm,... 2 uẩn. Tục sinh *(paṭisandhi)*... tóm tắt...

205.

Nhân 5, Cảnh 5, tất cả đều 5, Bất ly 5.

206.

Phi Nhân 5, si có 3 câu, phi Trưởng 5, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5. phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Bất tương ưng 5.

Dù 2 cách đếm ngoài ra hay phần tương ưng đều nên sắp tất cả.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

207.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên pháp đồng sanh tồn với tâm bằng Nhân duyên:

Nhân đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm đồng sanh tồn với tâm bằng Nhân duyên; sát-na tục sinh...

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp phi đồng sanh tồn với tâm bằng Nhân duyên:

Nhân đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho tâm và sắc tâm phi đồng sanh tồn với tâm bằng Nhân duyên; sát-na tục sinh nhân đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho tâm và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho những pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm bằng Nhân duyên:

Nhân đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho uẩn tương ưng và tâm và sắc tâm đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm bằng Nhân duyên.

208.

Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp đồng sanh tồn với tâm bằng Cảnh duyên: Có 9 câu như nhị đề có tâm làm sở sanh *(cittasamiṭṭhānaduka)* không chi khác.

209.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp đồng sanh tồn với tâm bằng Trưởng duyên: Có 3 câu, nên sắp Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp phi đồng sanh tồn với tâm bằng Trưởng duyên: 3 câu có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh.

Nên sắp 3 câu phần này, dù 9 câu cũng như nhị đề có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhānaduka),* 3 câu chót thì có Trưởng cảnh *(Ārammaṇādhipati).*

210.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp đồng sanh tồn với tâm bằng Vô gián duyên có 9 câu cũng như nhị đề có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhānaduka)* không chi khác.

∗ ... bằng Liên tiếp duyên có 9 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra).*

∗ ... bằng Đồng sanh duyên có 9 câu như phần liên quan.

∗ ... bằng Hỗ tương duyên có 9 câu như phần liên quan.

∗ ... bằng Y chỉ duyên có 9 câu như phần liên quan.

∗ ... bằng Cận y duyên có 9 câu như nhị đề có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhānaduka).*

211.

Pháp phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp phi đồng sanh tồn với tâm bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh: Có 3 câu, ý nghĩa chỉ đặng căn *(mūla)* phi đồng sanh tồn với tâm *(no cittasahabhu)*, như nhị đề có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhānaduka),* dù 3 câu không khác chi.

212.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp phi đồng sanh tồn với tâm bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho thân phi đồng sanh tồn với tâm ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp phi đồng sanh tồn với tâm bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp phi đồng sanh tồn với tâm bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm và pháp phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp phi đồng sanh tồn với tâm bằng Hậu sanh duyên... bằng Cố hưởng duyên: Có 9 câu.

213.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp đồng sanh tồn với tâm bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm đồng sanh tồn với tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho uẩn quả đồng sanh tồn với tâm bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp phi đồng sanh tồn với tâm bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho tâm và sắc tâm phi đồng sanh tồn với tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho tâm quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho những pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho uẩn tương ưng và tâm và sắc tâm đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho uẩn quả và tâm và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

214.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp đồng sanh tồn với tâm bằng Quả duyên: Như nhị đề có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhānaduka),*

∗ ... bằng Thực duyên có 9 câu như nhị đề có tâm làm sở sanh, theo đây 1 câu như đoàn thực *(kabalinkārāhāra)*.

215.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp đồng sanh tồn với tâm bằng Quyền duyên: Có 9 câu như nhị đề có tâm làm sở sanh không chi khác.

∗ ... bằng Thiền duyên có 3 câu.

∗ ... bằng Đạo duyên có 3 câu.

∗ ... bằng Tương ưng duyên có 5 câu.

216.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên:

Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho sắc tâm đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp phi đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho sắc tâm phi đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...
- Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho thân phi đồng sanh tồn với tâm ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho những pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên.

Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho sắc tâm đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp phi đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Tâm làm duyên cho sắc tâm phi đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên; sát-na tục sinh: Tâm làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên; tâm làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên; vật làm duyên cho tâm bằng Bất tương ưng duyên.
  - Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Bất tương ưng duyên; thân xứ... vật làm duyên cho tâm bằng Bất tương ưng duyên.
  - Hậu sanh như: Tâm làm duyên cho thân phi đồng sanh tồn với tâm ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh.
  - Đồng sanh như: Tâm làm duyên cho sắc tâm đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên.
  - Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Bất tương ưng duyên; thân xứ... vật làm duyên cho uẩn đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho những pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh.
  - Đồng sanh như: Tâm làm duyên cho sắc tâm đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên; sát-na tục sinh...
  - Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên, thân xứ... vật *(vatthu)* làm duyên cho tâm và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên.

* Chư pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên:
  Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho tâm và sắc tâm đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên.

* Chư pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp phi đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm và tâm làm duyên cho sắc tâm phi đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...
  - Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho thân phi đồng sanh tồn với tâm ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Chư pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho những pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên:
  Uẩn đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm và tâm làm duyên cho sắc tâm đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm bằng Bất tương ưng duyên.

217.

* Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp đồng sanh tồn với tâm bằng Hiện hữu duyên:
  1 uẩn đồng sanh tồn với tâm... như phần liên quan.

* Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp phi đồng sanh tồn với tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh... tóm tắt...

* Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho những pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm bằng Hiện hữu duyên:
  1 uẩn đồng sanh tồn với tâm... như phần liên quan.

* Pháp phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp phi đồng sanh tồn với tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền... tóm tắt...

* Pháp phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp đồng sanh tồn với tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh.

* Pháp phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho những pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh,... tóm tắt...

* Chư pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp đồng sanh tồn với tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh:
  Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ và nhãn thức làm duyên cho 2 uẩn... tất cả nên sắp tục sinh *(paṭisandhi)* có Đồng sanh và Tiền sanh.

* Chư pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp phi đồng sanh tồn với tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
  Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Hiện hữu duyên.

* ... Đồng sanh thân thức, uẩn đồng sanh tồn với tâm và tâm làm duyên cho sắc tâm phi đồng sanh tồn với tâm bằng Hiện hữu duyên.
  - Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh tồn với tâm và vật làm duyên cho tâm bằng Hiện hữu duyên.
  - Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh tồn với tâm và đại sung làm duyên cho sắc tâm phi đồng sanh tồn với tâm bằng hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Cũng nên sắp 3 câu.
  - Hậu sanh như: Chư uẩn đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho thân phi đồng sanh tồn với tâm ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Chư uẩn đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm và đoàn thực làm duyên cho thân phi đồng sanh tồn với tâm ấy bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Chư uẩn đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

* Chư pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho những pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ... như phần ỷ trượng *(paccayavāra)*.

218.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3 Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 5, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

219.

* Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp đồng sanh tồn với tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.
* Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp phi đồng sanh tồn với tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.
* Pháp đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho những pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.
* Pháp phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp phi đồng sanh tồn với tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp đồng sanh tồn với tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho những pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp đồng sanh tồn với tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Chư pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho pháp phi đồng sanh tồn với tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.
* Chư pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm làm duyên cho những pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

220.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả đều 9, phi Ly 9.

221.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, tất cả đều 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

222.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9, Trưởng 9, nên sắp thuận theo đầu đề *(anuloma mātikā)*.

Dứt nhị đề đồng sanh tồn với tâm (cittasahabhu)

NHỊ ĐỀ TÙNG TÂM THÔNG LƯU *(CITTANUPARIVATTIDUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

223.

Pháp tùng tâm thông lưu liên quan pháp tùng tâm thông lưu sanh ra do Nhân duyên:

2 uẩn và sắc tâm tùng tâm thông lưu *(cittānuparivatti)* liên quan 1 uẩn tùng tâm thông lưu. Sát-na tục sinh... .

Nên sắp nhị đề này như nhị đề đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhuduka)* không chi khác.

Dứt nhị đề tùng tâm thông lưu

NHỊ ĐỀ HÒA HỢP VỚI TÂM VÀ CÓ TÂM LÀM SỞ SANH *(CITTASAṄSAṬṬHASAMUṬṬHĀNADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

224.

∗ Pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh liên quan pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:

2 uẩn liên quan 1 uẩn hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh *(cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhāna),* 1 uẩn liên quan 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp phi hòa hợp với tâm phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:

Tâm và sắc tâm liên quan uẩn hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh. Sát-na tục sinh: Tâm và sắc tục sinh liên quan uẩn hòa hợp với tâm và có tâm làm sở sanh.

∗ Chư pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp với tâm phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:

2 uẩn và tâm và sắc tâm liên quan 1 uẩn hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh, 2 uẩn..., tục sinh...

∗ Pháp phi hòa hợp với tâm phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp phi hòa hợp với tâm phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:

Sắc tâm liên quan tâm. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan tâm, vật liên quan tâm, tâm liên quan vật,... liên quan 1 đại sung. Sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan sắc đại sung.

∗ Pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh liên quan pháp phi hòa hợp với tâm phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn tương ưng liên quan tâm. Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng liên quan tâm. Sát-na tục sinh: Uẩn hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh liên quan vật *(vatthu)*.

∗ Chư pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp với tâm phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp phi hòa hợp với tâm phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:

- Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan tâm. Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng và sắc tục sinh liên quan tâm.
- Sát-na tục sinh: Tâm và uẩn tương ưng liên quan vật.

∗ Pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh liên quan những pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp với tâm phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
- 2 uẩn liên quan 1 uẩn hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và tâm, 2 uẩn... sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và tâm, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và vật, 2 uẩn...

∗ Pháp phi hòa hợp với tâm phi có tâm làm sở sanh liên quan chư pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp với tâm phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc tâm liên quan uẩn hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và tâm; sắc tâm liên quan uẩn hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và tâm.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Tâm liên quan uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và vật.

∗ Chư pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp tâm phi có tâm làm sở sanh liên quan những pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp tâm phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:
- 2 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và tâm, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và tâm,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn và tâm liên quan 1 uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và vật,... 2 uẩn... tóm tắt...

225.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 5, Cố hưởng 5, Nghiệp 9, Quả 9, tất cả đều 9, Bất ly 9.

226.

∗ Pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh liên quan pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:
- 2 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn Đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp phi hòa hợp với tâm phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:

Tâm và sắc tâm liên quan uẩn vô nhân hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh; tục sinh vô nhân.

∗ Chư pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp tâm phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:

2 uẩn và tâm và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh, 2 uẩn..., tục sinh vô nhân...

* Pháp phi hòa hợp tâm phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp phi hòa hợp tâm phi có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:
  Sắc tâm liên quan tâm vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh liên quan tâm, vật liên quan tâm, tâm liên quan vật *(vatthu)*:... 1 đại sung luôn đến người Vô tưởng.

* Pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh liên quan pháp phi hòa hợp tâm phi tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:
  - Uẩn tương ưng liên quan tâm vô nhân.
  - Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn tương ưng liên quan tâm. Sát-na tục sinh: Uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh liên quan vật *(vatthu)*; si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan tâm đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

* Chư pháp hòa hợp với tâm và phi hòa hợp với tâm phi có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:
  - Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan tâm vô nhân.
  - Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng và sắc tục sinh liên quan tâm.
  - Sát-na tục sinh vô nhân: Tâm và uẩn tương ưng liên quan vật *(vatthu)*.

* Pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh liên quan những pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp tâm phi có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 2 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và tâm *(citta)*, 2 uẩn...
  - Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn liên quan 1 uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh *(cittasansaṭṭhasamuṭṭhāna)* và tâm.
  - Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn liên quan 1 uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và vật *(vatthu)*, 2 uẩn...
  - Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và tâm.

* Pháp phi hòa hợp với tâm phi có tâm làm sở sanh liên quan những pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp với tâm phi tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:
  - Sắc tâm liên quan uẩn vô nhân hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và tâm.
  - Sắc tâm liên quan uẩn vô nhân hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và đại sung *(mahābhūta)*.
  - Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh liên quan uẩn hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và tâm.
  - Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh liên quan uẩn hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và đại sung.
  - Sát-na tục sinh: Tâm liên quan uẩn hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và vật.

* Chư pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp với tâm phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh sanh ra do phi Cảnh duyên.
  - 2 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và tâm, 2 uẩn...
  - Sát-na tục sinh: dù 2 câu cũng nên sắp đầy đủ.

227.

* Pháp phi hòa hợp với tâm phi tâm làm sở sanh liên quan pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc tâm *(cittasamuṭṭhānarūpa)* liên quan uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh. Tục sinh *(paṭisandhi)*...

∗ Pháp phi hòa hợp với tâm phi tâm làm sở sanh liên quan pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc tâm liên quan tâm. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan tâm *(citta)*; vật *(vatthu)* liên quan tâm; 1 đại sung luôn Vô tưởng...

∗ Pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh liên quan những pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh sanh ra do phi Cảnh duyên:

- Sắc tâm *(cittasamuṭṭhānarūpa)* liên quan uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh *(cittasaṅsaṭṭhāsamuṭṭhāna)* và tâm.
- Sắc tâm liên quan uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Nên sắp 2 câu,... tóm tắt...

228.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 6, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

229.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... tóm tắt...

230.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9, Vô gián 9,... tóm tắt...

Phần đồng sanh *(sahajātavāra)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

<u>Phần Ỷ Trượng</u> *(Paccayavāra)*

231.

∗ Pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt... có 3 câu như liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp phi hòa với tâm phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

Sắc tâm nhờ cậy tâm, tâm nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh: Luôn đại sung.

∗ Pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp phi hòa hợp tâm phi tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:

- Uẩn tương ưng nhờ cậy tâm. Uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh nhờ cậy vật.
- Sát-na tục sinh: Nên sắp 2 câu.

∗ Pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh nhờ cậy chư pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp tâm phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:

- 2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và tâm, 2 uẩn... 2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và vật, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Nên sắp 2 câu.

∗ Pháp phi hòa hợp tâm phi tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp tâm phi tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:

- Sắc tâm *(cittasamuṭṭhānarūpa)* phi hòa hợp tâm phi tâm làm sở sanh nhờ cậy uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và tâm.
- Sắc tâm phi hòa hợp tâm phi tâm làm sở sanh nhờ cậy uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và đại sung.

- Tâm nhờ cậy *(paccayā)* uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và vật. Sát-na tục sinh: Nên sắp 3 câu.

∗ Chư pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp tâm phi tâm làm sở sanh nhờ cậy những pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp tâm phi tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:

2 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và tâm, 2 uẩn... 2 uẩn và tâm nhờ cậy 1 uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và vật, 2 uẩn... sát-na tục sinh: Nên sắp 2 câu.

232.

∗ Pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên: Có 3 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp phi hòa hợp tâm phi tâm làm sở sanh liên quan pháp phi hòa hợp tâm phi tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:

Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân xứ. Tâm nhờ cậy vật. Tục sinh *(paṭisandhi)*.

∗ Pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp phi hòa hợp tâm phi tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:

- Uẩn đồng sanh nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân xứ. Uẩn tương ưng nhờ cậy tâm uẩn hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh nhờ cậy vật.
- Sát-na tục sinh: Nên sắp 2 câu.

∗ Chư pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp tâm phi tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp phi hòa hợp tâm phi tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:

Nhãn thức và uẩn tương ưng nhờ cậy nhãn xứ,... thân xứ. Tâm và uẩn tương ưng nhờ cậy vật *(vatthu)*. Sát-na tục sinh: 1 câu...

∗ Pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh nhờ cậy những pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp tâm phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên.

- 2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ và nhãn thức, 2 uẩn …: …đồng sanh thân thức.
- 2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và tâm: 2 uẩn... 2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và vật, 2 uẩn... sát-na tục sinh: Nên sắp 2 câu.

∗ Pháp phi hòa hợp tâm phi có tâm làm sở sanh nhờ cậy những pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp tâm phi tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:

Nhãn thức nhờ cậy uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ... Đồng sanh thân thức. Tâm nhờ cậy uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và vật. Sát-na tục sinh: 1 câu...

∗ Chư pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp tâm phi tâm làm sở sanh nhờ cậy những pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa hợp tâm phi tâm làm sở sanh sanh ra do Cảnh duyên:

2 uẩn và tâm nhờ cậy 1 uẩn hòa hợp có tâm làm sở sanh và vật, 2 uẩn... sát-na tục sinh; 1 câu,... tóm tắt...

233.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, tất cả đều 9, Bất ly 9

234.

Pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên:

Nên sắp 9 câu đề như thế; sắp phần ỷ trượng *(paccaya)* có 5 thức *(viññaṇa)*. Si chỉ có 3 câu.

235.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dù cả 2 cách đếm, hay phần y chỉ *(nisayavāra)* nên sắp như thế.

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

236.

∗ Pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh hòa hợp pháp hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:

2 uẩn hòa hợp *(saṅsaṭṭha)* 1 uẩn hòa hợp tâm có tâm làm sở sanh, 2 uẩn... tục sinh...

∗ Pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh hòa hợp pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:

Tâm hòa hợp uẩn với tâm có tâm làm sở sanh; tục sinh *(paṭisandhi)*...

∗ Chư pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi có tâm làm sở sanh hòa hợp với pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:

2 uẩn và tâm hòa hợp 1 uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh; 2 uẩn...; tục sinh.

∗ Pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh hòa hợp với pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn tương ưng hòa hợp với tâm. Tục sinh...

∗ Pháp hòa hợp với tâm có tâm làm sở sanh hòa hợp những pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên:

2 uẩn hòa hợp 1 uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh và tâm, 2 uẩn... Tục sinh...

237.

Nhân 5, Cảnh 5, Trưởng 5, tất cả đều 5, Bất ly 5.

238.

Pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh hòa hợp với pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh sanh ra do phi Nhân duyên,... tóm tắt... si chỉ có 3 câu.

239.

Phi Nhân 5, phi Trưởng 5, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Bất tương ưng 5.

Dù 2 cách đếm đây, hay phần tương ưng *(sampayuttavāra)* nên sắp như thế.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

240.

∗ Pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Nhân duyên:

- Nhân *(hetu)* hòa với tâm có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.
- Tục sinh... nên sắp căn *(mūla)*.
- Nhân hòa với tâm có tâm làm sở sanh làm duyên cho tâm và sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh... nên sắp căn.

- Nhân hòa với tâm có tâm làm sở sanh làm duyên cho uẩn tương ưng tâm và tâm và sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh...

241

∗ Pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên:
- Uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh mở mối cho uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh sanh ra; nên sắp căn.
- Tâm mở mối cho uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh sanh ra; nên sắp căn.
- Tâm và uẩn tương ưng mở mối cho uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh sanh ra.

∗ Pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên:

Chư Thánh phản khán Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*,... tóm tắt...

Nhị đề đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhuduka)* trong Cảnh duyên như thế nào, đây cũng nên sắp 9 câu như thế ấy không chi khác.

242.

∗ Pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu, nên sắp 2 câu có Trưởng *(adhipati)*.

∗ Pháp phi hòa với tâm phi có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi hòa với tâm phi có tâm làm sở sanh bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu, nên sắp 2 câu có Trưởng *(adhipati)*.

∗ Chư pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh: Nên sắp 1 câu có Trưởng *(adhipati)*.

Nên sắp 9 câu như nhị đề đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhuduka)* không chi khác.

243.

∗ Pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Vô gián duyên: Có 9 câu như nhị đề đồng sanh tồn với tâm.
∗ ... bằng Liên tiếp duyên có 9 câu.
∗ ... bằng Đồng sanh duyên có 9 câu như phần liên quan.
∗ ... bằng Hỗ tương duyên có 9 câu như phần liên quan.
∗ ... bằng Y chỉ duyên có 9 câu như phần ỷ trượng *(paccayavāra)*.
∗ ... bằng Cận y duyên có 9 câu như nhị đề đồng sanh tồn với tâm không chi khác.

244.

Pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh: Có 3 câu như nhị đề đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhuduka)* không chi khác.

245.

∗ Pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Hậu sanh duyên: Như nhị đề đồng sanh tồn với tâm không chi khác.

Hậu sanh duyên có 3 câu, thành nhứt căn *(ekamūla)* có 2 câu, hiệp trợ có 1 câu *(ghaṭanā)*.

∗ ... bằng Cố hưởng duyên có 9 câu.

246.

∗ Pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Nghiệp duyên: Có 3 câu như nhị đề đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhuduka)* không chi khác.

∗ ... bằng Nghiệp duyên: 3 câu có Đồng sanh và Biệt thời.

∗ ... bằng Quả duyên 9 câu.

∗ ... bằng Thực duyên 9 câu, theo văn Pāḷi phần nhị đề đồng sanh tồn với tâm.

Đoàn thực *(kabaliṅkārāhāra)* chỉ có 1 câu.

∗ ... bằng Quyền duyên có 9 câu.

∗ ... bằng Thiền duyên có 3 câu.

∗ ... bằng Đạo duyên có 3 câu.

∗ ... bằng Tương ưng duyên có 5 câu.

247.

∗ Pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt...

∗ Pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh.

∗ Pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh.

- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Bất tương ưng duyên; thân xứ... vật làm duyên cho uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh làm duyên cho những pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho tâm và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên; thân xứ... vật làm duyên cho tâm và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt...

248.

∗ Pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên: Như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên: Có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt...

∗ Pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh làm duyên cho chư pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên: Như phần liên quan *(paṭicca)*.

* Pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

  Tiền sanh như Tiền sanh *(purejāta)*.

  ... tóm tắt... tất cả nên sắp rộng.

* Pháp phi hòa hợp với tâm phi tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: Tâm làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: Tâm làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên.
  - Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên.
  - Tiền sanh: Trùng Tiền sanh không chi khác.

* Pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh làm duyên cho những pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Tiền sanh như: Tâm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
  - Sát-na tục sinh: Tâm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh. Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho tâm và uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên.
  - Tiền sanh: Trùng như Tiền sanh.

* Chư pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ làm duyên cho 2 uẩn và nhãn thức bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... ;... đồng sanh thân thức.
  - Đồng sanh như: 1 uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh và tâm làm duyên cho 2 uẩn và sắc hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...; 1 uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh và vật làm duyên cho 2 uẩn và tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... sát-na tục sinh: 2 câu.

* Chư pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
  - Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Hiện hữu duyên,... đồng sanh thân thức... .
  - Uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh và tâm làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
  - Uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh và đại sung làm duyên cho sắc hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên.
  - Uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh và vật làm duyên cho tâm bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: 3 câu.
  - Hậu sanh như: Uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh và tâm làm duyên cho thân phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh và tâm và đoàn thực làm duyên cho thân phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh ấy bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh và tâm và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh làm duyên cho những pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ làm duyên cho 2 uẩn và nhãn thức bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... ;... Đồng sanh thân thức.
- Đồng sanh như: 1 uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh và tâm làm duyên cho 2 uẩn và sắc hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...; 1 uẩn hòa với tâm có tâm làm sở sanh và vật làm duyên cho 2 uẩn và tâm bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh: 2 câu.

249.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3 Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 5, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

250.

∗ Pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên

∗ Pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh làm duyên cho chư pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

∗ Chư pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp hòa với tâm có tâm làm sở sanh và phi hòa với tâm phi tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

251.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả đều 9, phi Bất ly 9.

252.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 1, phi Cận y 3, tất cả đều 3, phi Tương ưng 1, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

253.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9, tất cả đều 9; nên sắp thuận theo đầu đề.

Dứt nhị đề hòa với tâm có tâm làm sở sanh (cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhānaduka)

NHỊ ĐỀ Y TÂM HÒA SANH TỒN
(CITTASAṄSAṬṬHASAMUṬṬHANASAHABHUDUKA)

<u>Phần Liên Quan</u> ***(Paṭiccavāra)***

254.

Pháp y tâm hòa sanh tồn liên quan pháp y tâm hòa sanh tồn sanh ra do Nhân duyên:

2 uẩn liên quan 1 uẩn y tâm hòa sanh tồn, 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

Nhị đề hòa với tâm có tâm làm sở sanh *(cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhāna-sahabhuduka)* như thế nào thì nhị đề này cũng như thế ấy không khi khác.

Dứt nhị đề y tâm hòa sanh tồn (cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhānasahabhuduka)

NHỊ ĐỀ SỞ Y TÂM HÒA TÙNG HÀNH
(CITTASAṄSAṬṬHASAMUṬṬHANANUPARIVATTIDUKA)

<u>Phần Liên Quan</u> ***(Paṭiccavāra)***

255.

Pháp sở y tâm hòa tùng hành liên quan pháp sở y tâm hòa tùng hành sanh ra do Nhân duyên:

2 uẩn liên quan 1 uẩn sở y tâm hòa tùng hành *(cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhānā-nuparivatti),* 2 uẩn...; sát-na tục sinh...

Nhị đề hòa với tâm có tâm làm sở sanh *(cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhānaduka)* như thế nào, thì nhị đề này cũng như thế ấy, không chi khác.

Dứt nhị đề sở y tâm hòa tùng hành

NHỊ ĐỀ NỘI BỘ *(AJJHATTIKADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

256.

∗ Pháp nội bộ liên quan pháp nội bộ sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh *(katattārūpa)* liên quan tâm.

∗ Pháp ngoại viện liên quan pháp nội bộ sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan tâm. Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng và sắc tục sinh ngoại viện *(bāhira)* liên quan tâm.

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện liên quan pháp nội bộ sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng và sắc tục sinh nội bộ *(ajjhatta)* ngoại viện *(bāhira)* liên quan tâm.

∗ Pháp ngoại viện liên quan pháp ngoại viện sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn ngoại viện, 2 uẩn... sát-na tục sinh: 2 uẩn và sắc tục sinh ngoại viện *(bāhira)* liên quan 1 uẩn ngoại viện, 2 uẩn... vật *(vatthu)* liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... 1 đại sung. Sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp nội bộ liên quan pháp ngoại viện sanh ra do Nhân duyên *(Hetupaccayo)*:
- Tâm liên quan uẩn ngoại viện *(bāhira)*. Sát-na tục sinh: Tâm và sắc tục sinh nội bộ *(ajjhatta)* liên quan uẩn ngoại viện.
- Sát-na tục sinh: Tâm liên quan vật *(vatthu)* ngoại viện.

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện liên quan pháp ngoại viện sanh ra do Nhân duyên:
- 2 uẩn và tâm và sắc tâm liên quan 1 uẩn ngoại viện, 2 uẩn... sát-na tục sinh: 2 uẩn và tâm và sắc tâm nội bộ ngoại viện liên quan 1 uẩn ngoại viện.
- Sát-na tục sinh: Tâm và uẩn tương ưng liên quan vật.

∗ Pháp nội bộ liên quan pháp nội bộ và ngoại viện sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh nội bộ liên quan tâm và uẩn tương ưng.

∗ Pháp ngoại viện liên quan những pháp nội bộ và ngoại viện sanh ra do Nhân duyên:
- 2 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn ngoại viện và tâm,... 2 uẩn. Tâm và sắc tâm liên quan tâm và đại sung *(mahābhūta)*.
- Sắc tục sinh: 2 uẩn và sắc tục sinh ngoại viện liên quan 1 uẩn ngoại biên và tâm. Sắc tục sinh ngoại viện liên quan tâm và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Uẩn ngoại viện liên quan tâm và vật.

∗ Pháp nội bộ và ngoại viện liên quan pháp nội bộ và ngoại viện sanh ra do Nhân duyên:
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn và sắc tục sinh nội bộ, ngoại viện liên quan 1 uẩn ngoại viện và tâm, 2 uẩn...

257.

∗ Pháp ngoại viện liên quan pháp nội bộ sanh ra do Cảnh duyên:
- Uẩn tương ưng liên quan *(paṭicca)* tâm.
- Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng liên quan tâm.

∗ Pháp ngoại viện liên quan pháp ngoại viện sanh ra do Cảnh duyên:
2 uẩn liên quan 1 uẩn ngoại viện, 2 uẩn... sát-na tục sinh: Uẩn liên quan vật *(vatthu)*.

∗ Pháp nội bộ liên quan pháp ngoại viện sanh ra do Cảnh duyên:
- Tâm liên quan uẩn ngoại viện. Sát-na tục sinh: Tâm liên quan uẩn ngoại viện.
- Sát-na tục sinh: Tâm liên quan vật.

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện liên quan pháp ngoại viện sanh ra do Cảnh duyên:
- 2 uẩn và tâm liên quan 1 uẩn ngoại viện, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn và tâm liên quan 1 uẩn ngoại viện *(bāhira)*; 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Tâm và uẩn tương ưng liên quan vật.

∗ Pháp ngoại viện liên quan pháp nội bộ và ngoại viện sanh ra do Cảnh duyên:
- 2 uẩn liên quan 1 uẩn ngoại viện và tâm, 2 uẩn..
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn liên quan 1 uẩn ngoại viện và tâm, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng tâm liên quan 1 uẩn ngoại viện và tâm và vật,... tóm tắt...

258.

Nhân 9, Cảnh 5, Trưởng 5, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 9, Hỗ tương 5, Y chỉ 9, Cận y 5, Tiền sanh 5, Cố hưởng 5, Nghiệp 9, Quả 9, tất cả đều 9, Tương ưng 5, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 5, Ly 5, Bất ly *(Avigata)* 9.

259.

∗ Pháp nội bộ liên quan pháp nội bộ sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh nội bộ liên quan tâm.

∗ Pháp ngoại viện liên quan pháp nội bộ sanh ra do phi Nhân duyên:
- Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan tâm vô nhân *(ahetuka)*.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn tương ưng và sắc tục sinh ngoại viện *(bāhira)* liên quan tâm. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan tâm đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện liên quan pháp nội bộ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn tương ưng và sắc tục sinh nội bộ *(ajjhatta)* ngoại viện *(bāhira)* liên quan tâm.

∗ Pháp ngoại viện liên quan pháp ngoại viện sanh ra do phi Nhân duyên:
- 2 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân ngoại viện *(bāhira)*, 2 uẩn... sát-na tục sinh vô nhân: .. luôn Vô tưởng.
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên qan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật

∗ Pháp nội bộ liên quan pháp ngoại viện sanh ra do phi Nhân duyên:
- Tâm liên quan uẩn vô nhân ngoại viện *(bāhira)*
- Sát-na tục sinh: Tâm và sắc tục sinh nội bộ *(ajjhatta)* liên quan uẩn ngoại viện.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Tâm liên quan vật.

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện liên quan pháp ngoại viện sanh ra do phi Nhân duyên:
- 2 uẩn và tâm và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân ngoại viện *(bāhira)*, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn và tâm nội bộ, ngoại viện và sắc tâm *(cittasamuṭṭhānarūpa)* liên quan 1 uẩn ngoại viện.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Tâm và uẩn tương ưng liên quan vật *(vatthu)*.

∗ Pháp nội bộ liên quan chư pháp nội bộ và ngoại viện sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh nội bộ liên quan tâm và uẩn tương ưng.

∗ Pháp ngoại viện liên quan pháp nội bộ và ngoại viện sanh ra do phi Nhân duyên:
- 2 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân ngoại viện và tâm, 2 uẩn... sắc tâm liên quan tâm vô nhân và đại sung.
- Sát-na tục sinh: 2 uẩn và sắc tục sinh ngoại viện liên quan 1 uẩn ngoại viện và tâm.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh vô nhân liên quan tâm và đại sung.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn ngoại viện liên quan tâm và vật *(vatthu)*. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và tâm.

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện liên quan những pháp nội bộ và ngoại viện sanh ra do phi Nhân duyên:

Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn và sắc tục sinh nội bộ *(ajjhattika)* và ngoại viện *(bāhira)* liên quan 1 uẩn ngoại viện và tâm, 2 uẩn...

260.

∗ Pháp nội bộ liên quan pháp nội bộ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc tục sinh nội bộ liên quan tâm.

∗ Pháp ngoại viện liên quan pháp nội bộ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc tâm liên quan tâm. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh ngoại viện liên quan tâm.

∗ Pháp nội bộ và ngoại viện liên quan pháp nội bộ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh nội bộ và ngoại viện liên quan tâm.

∗ Pháp ngoại viện liên quan pháp ngoại viện sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc tâm liên quan uẩn ngoại viện. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh ngoại viện liên quan uẩn ngoại viện. Vật liên quan uẩn ngoại viện,... 1 đại sung luôn đến người Vô tưởng.

∗ Pháp nội bộ liên quan pháp ngoại viện sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh nội bộ liên quan uẩn ngoại viện *(bāhira)*.

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện liên quan pháp ngoại viện sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh nội bộ và ngoại viện liên quan uẩn ngoại viện.

∗ Pháp nội bộ liên quan những pháp nội bộ và ngoại viện sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh nội bộ liên quan tâm và uẩn tương ưng.

∗ Pháp ngoại viện liên quan chư pháp nội bộ và ngoại viện sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc tâm liên quan uẩn ngoại viện và tâm. Sắc tâm liên quan tâm và đại sung. Sát-na tục sinh: 2 câu...

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện liên quan những pháp nội bộ và ngoại viện sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh nội bộ *(ajjhattika)* và ngoại viện *(bāhira)* liên quan tâm và uẩn tương ưng, .. tóm tắt...

261.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, tất cả đều 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1.

262.

∗ Pháp ngoại viện liên quan pháp nội bộ sanh ra do phi Thiền duyên:

Uẩn tương ưng liên quan nhãn thức,... thân thức.

∗ Pháp ngoại viện liên quan pháp ngoại viện sanh ra do phi Thiền duyên:
- 2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh nhãn thức,... 2 uẩn;... đồng sanh thân thức.

- Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng:...

∗ Pháp nội bộ liên quan pháp ngoại viện sanh ra do phi Thiền duyên:
- Nhãn thức liên quan uẩn đồng sanh nhãn thức...
- Thân thức liên quan uẩn đồng sanh thân thức.

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện liên quan pháp ngoại viện sanh ra do phi Thiền duyên:
2 uẩn và nhãn thức liên quan 1 uẩn đồng sanh nhãn thức, 2 uẩn... 1 uẩn đồng sanh thân thức.

∗ Pháp ngoại viện liên quan pháp nội bộ và ngoại viện sanh ra do phi Thiền duyên:
2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn thức, 2 uẩn... đồng sanh thân thức. Nên sắp cách luân *(cakkaṃ)*.

263.

Phi Thiền 5, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

264.

Nhân duyên có phi Cảnh 9,... phi Trưởng 9,... tóm tắt...

265.

Phi Nhân duyên có Cảnh 5,... Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 9,... tóm tắt...

Phần đồng sanh *(sahajāta)* như phần liên quan *(paṭicca)*.

<u>Phần Ỷ Trượng</u> ***(Paccayavāra)***

266.

∗ Pháp nội bộ nhờ cậy pháp nội bộ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp ngoại viện nhờ cậy pháp ngoại viện sanh ra do Nhân duyên:
- 2 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn ngoại viện, 2 uẩn... sát-na tục sinh: Nên sắp có 2 câu, luôn đại sung nội bộ *(mahābhūta ajjhattika)*.
- Uẩn ngoại viện nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp nội bộ nhờ cậy pháp ngoại viện sanh ra do Nhân duyên:
- Tâm liên quan uẩn ngoại viện; tâm liên quan vật.
- Sát-na tục sinh: Nên sắp cũng 2 câu.

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện liên quan pháp ngoại viện sanh ra do Nhân duyên:
- 2 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn ngoại viện, 2 uẩn... tâm và uẩn tương ưng nhờ cậy vật.
- Sát-na tục sinh: Nên sắp 2 câu.

∗ Pháp nội bộ nhờ cậy pháp nội bộ và ngoại viện sanh ra do Nhân duyên:
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh nội bộ nhờ cậy tâm và uẩn tương ưng.

∗ Pháp ngoại viện nhờ cậy những pháp nội bộ và ngoại viện sanh ra do Nhân duyên:
- 2 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn ngoại viện và tâm. Sắc tâm nhờ cậy tâm và đại sung. Uẩn ngoại viện nhờ cậy tâm và vật.
- Sát-na tục sinh: Nên sắp 3 câu.

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện nhờ cậy pháp nội bộ và ngoại viện sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: 2 uẩn và sắc tục sinh nội bộ và ngoại viện nhờ cậy *(paccaya)* 1 uẩn ngoại viện và tâm, 2 uẩn...

267.

∗ Pháp nội bộ nhờ cậy pháp nội bộ sanh ra do Cảnh duyên:
Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân thức...

∗ Pháp ngoại viện nhờ cậy pháp nội bộ sanh ra do Cảnh duyên:
- Uẩn đồng sanh nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ và nhãn thức,... thân xứ. Uẩn tương ưng nhờ cậy tâm.
- Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện nhờ cậy pháp nội bộ sanh ra do Cảnh duyên:
Nhãn thức và uẩn tương ưng nhờ cậy nhãn xứ,... thân xứ.

∗ Pháp ngoại viện nhờ cậy pháp ngoại viện sanh ra do Cảnh duyên:
2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn ngoại viện,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Uẩn ngoại viện nhờ cậy vật.

∗ Pháp nội bộ nhờ cậy pháp ngoại viện sanh ra do Cảnh duyên:
Tâm nhờ cậy uẩn ngoại viện; tâm nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh: Nên sắp 2 câu.

∗ Pháp nội bộ và ngoại viện nhờ cậy pháp ngoại viện sanh ra do Cảnh duyên:
Tâm và uẩn tương ưng nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh: 1 câu...

∗ Pháp nội bộ nhờ cậy những pháp nội bộ và ngoại viện sanh ra do Cảnh duyên:
Nhãn thức nhờ cậy uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ;... đồng sanh thân thức.

∗ Pháp ngoại viện nhờ cậy những pháp nội bộ và ngoại viện sanh ra do Cảnh duyên:
- 2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ,... 2 uẩn,... đồng sanh thân thức.
- 2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn ngoại viện *(pahira)* và tâm, .. 2 uẩn, uẩn ngoại viện nhờ cậy tâm và vật.
- Sát-na tục sinh: Cũng nên sắp 2 câu.

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện nhờ cậy những pháp nội bộ và ngoại viện sanh ra do Cảnh duyên:
2 uẩn và nhãn thức nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ, 2 uẩn... tóm tắt...

268.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 5, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ, Cận y 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, tất cả đều 9, Bất ly 9.

269.

Pháp nội bộ nhờ cậy pháp nội bộ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh nội bộ *(ajjhattika)* nhờ cậy tâm. Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, .. tóm tắt...

Nên sắp 9 câu đề như thế, thêm đủ 5 thức *(viññana)*, si chỉ có 3 câu.

270.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Hỗ tương 9, phi Cận y 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

Nên đếm 2 cách ngoài ra, dù nhần y chỉ *(nissayavāra)* cũng đếm như thế.

Phần Hòa Hợp ***(Saṅsaṭṭhavāra)***

271.

∗ Pháp ngoại viện hòa hợp pháp nội bộ sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng hòa hợp với tâm. Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng hòa hợp *(saṅsaṭṭha)* với tâm.

∗ Pháp ngoại viện hòa hợp pháp ngoại viện sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn hòa hợp *(saṅsaṭṭha)* 1 uẩn ngoại viện, 2 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ Pháp nội bộ hòa hợp pháp ngoại viện sanh ra do Nhân duyên:
Tâm hòa hợp uẩn ngoại viện *(bāhira)*. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện hòa hợp pháp ngoại viện sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn và tâm hòa hợp 1 uẩn ngoại viện, 2 uẩn... sát-na tục sinh...

∗ Pháp ngoại viện hòa hợp những pháp nội bộ và ngoại viện sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn hòa hợp 1 uẩn ngoại viện và tâm, 2 uẩn...; sát-na tục sinh:... tóm tắt...

272.

Nhân 5, Cảnh 5, Trưởng 5, tất cả đều 5, Bất ly 5.

273.

Pháp ngoại viện hòa hợp pháp nội bộ sanh ra do phi Nhân duyên:
Nên sắp 5 câu như thế, si chỉ có 3 câu.

274.

Phi Nhân 5, phi Trưởng 5, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 5, phi Bất ly 5.

2 câu đếm ngoài ra, dù phần tương ưng *(sampayuttavāra)* cũng sắp đếm như thế.

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

275.

∗ Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Nhân duyên:
- Nhân *(hetu)* ngoại viện *(bāhira)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân ngoại viện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh ngoại viện bằng Nhân duyên.

∗ Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ bằng Nhân duyên:
Nhân ngoại viện làm duyên cho tâm bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân ngoại viện làm duyên cho tâm và sắc tục sinh nội bộ bằng Nhân duyên.

∗ Pháp ngoại viện làm duyên cho những pháp nội bộ và ngoại viện bằng Nhân duyên:
- Nhân ngoại viện làm duyên cho uẩn tương ưng và tâm và sắc tâm bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh: Nhân ngoại viện làm duyên cho uẩn tương ưng và tâm thuộc nội bộ ngoại viện và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

276.

∗ Pháp nội bộ làm duyên cho pháp nội bộ bằng Cảnh duyên:
- Tâm mở mối cho tâm sanh ra. Nên sắp căn *(mūla)*.
- Uẩn ngoại viện mở mối cho tâm sanh ra; nên hỏi căn.
- Tâm và uẩn tương ưng mở mối cho tâm sanh ra.

∗ Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Cảnh duyên:

- Bố thí... trì giới, thanh tịnh giới rồi mới phản khán thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu sanh ra.
- Nhớ thiện đã từng làm trước... xuất thiền phản khán thiền...
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*; dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả luôn khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não ngoại viện đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, rõ thấu phiền não đã từng sanh.
- Sắc... vật... quán ngộ uẩn ngoại viện bằng lối vô thường... ưu phát sanh.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm ngoại viện.. Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
- Sắc xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Cảnh duyên:
- Xúc xứ... uẩn ngoại viện làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ 5 giới; thọ trì thanh tịnh giới rồi mới phản khán, thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tâm sanh.
- Nhớ thiện đã từng làm chứa để... xuất thiền phản khán thiền... tóm tắt... nên sắp đầy đủ tất cả.
- Nhớ thiện đã từng làm chứa để trước...
- Quán ngộ sắc... quán ngộ vật bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tâm sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc... sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, nhãn xứ...
- Uẩn ngoại viện làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp ngoại viện làm duyên cho những pháp nội bộ và ngoại viện bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, trì ngũ giới; thanh tịnh giới rồi phản khán, thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tâm và uẩn tương ưng sanh ra,... tóm tắt... nên sắp đầy đủ tất cả.
- Quán ngộ uẩn ngoại viện bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tâm và uẩn tương ưng sanh ra.
- Thiển nhãn thấy sắc... sắc xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng, xúc xứ...
- Uẩn ngoại viện làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán (ý) môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ bằng Cảnh duyên: Có 2 câu.

277.

∗ Pháp nội bộ làm duyên cho pháp nội bộ bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn nội bộ và tâm rồi làm cho tâm phát sanh.

∗ Pháp nội bộ làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về tâm rồi làm cho uẩn ngoại viện *(bāhira)* sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Tâm trưởng làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên; nên hỏi đến căn.
- Trưởng cảnh như: Nặng về tâm nội bộ *(ajjhattika)* rồi làm duyên cho tâm và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... có 3 câu. Cả 2 Trưởng *(adhipati)* nên sắp 3 câu.

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ bằng Trưởng duyên có 3 câu. Dù 3 câu mà chỉ 1 câu có Trưởng.

278

∗ Pháp nội bộ làm duyên cho pháp nội bộ bằng Vô gián duyên:
Tâm sanh trước trước làm duyên cho tâm sanh sau sau bằng Vô gián duyên; có 3 câu.

∗ Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Vô gián duyên:
- Uẩn ngoại viện sanh trước trước làm duyên cho uẩn sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* có 3 câu, dù cả 3 cách mà đồng như 1.

∗ ... bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên có 9 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ ... bằng Hỗ tương duyên có 5 câu, như liên quan.

∗ ... bằng Cận y duyên có 9 câu như phần ỷ trượng *(paccayavāra)*.

279.

∗ Pháp nội bộ làm duyên cho pháp nội bộ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Tâm làm duyên cho tâm bằng Cận y duyên có 3 câu.

∗ Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y, Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới.... chỗ ở mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng...
- Nương đức tin... chỗ ở mạnh làm duyên cho quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

Phân đủ 3 cách, nên sắp tâm và uẩn tương ưng.

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ bằng Cận y duyên có 3 câu.

280.

∗ Pháp nội bộ làm duyên cho pháp nội bộ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... quán ngộ thân bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tâm phát sanh.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp nội bộ làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... thân bằng lối vô thường... thỏa thích... ưu sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức, thân xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh thân thức bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp nội bộ làm duyên cho những pháp nội bộ và ngoại viện bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... thân bằng lối vô thường... do đó mở mối cho tâm và uẩn tương ưng sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng; thân xứ làm duyên cho thân thức và uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ sắc... xúc... vật bằng lối vô thường... ưu phát sanh.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn ngoại viện bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ sắc... xúc... vật bằng lối vô thường... do đó mở mối cho tâm sanh.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho tâm bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp ngoại viện làm duyên cho chư pháp nội bộ và ngoại viện bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh, Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ sắc... xúc... vật bằng lối vô thường, do đó mở mối cho tâm và uẩn tương ưng sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho tâm và uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Nhãn xứ và vật làm duyên cho tâm; thân xứ và vật làm duyên cho tâm bằng Tiền sanh duyên.
- Sắc xứ và nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ và thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Nhãn xứ và vật làm duyên cho uẩn ngoại viện bằng Tiền sanh duyên; thân xứ và vật làm duyên cho uẩn ngoại viện bằng Tiền sanh duyên.
- Sắc xứ và nhãn xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Tiền sanh duyên. Xúc xứ và thân xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh thân thức bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho những pháp nội bộ và ngoại viện bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Nhãn xứ và vật làm duyên cho tâm và uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên.
- Thân xứ và vật... sắc xứ và nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên. Xúc xứ...

281.

∗ Pháp nội bộ làm duyên cho pháp nội bộ bằng Hậu sanh duyên:
- Hậu sanh như: Uẩn nội bộ làm duyên cho thân nội bộ ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên. Nên sắp căn *(mūla)*
- Hậu sanh như: Uẩn nội bộ làm duyên cho thân nội bộ và ngoại viện ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên, có 9 câu nên phần như thế.

∗ ... bằng Cố hưởng duyên có 9 câu.

282

* Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
  - Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
  - Biệt thời như: Tư ngoại viện làm duyên cho uẩn quả ngoại viện và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

* Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời
  - Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* ngoại viện làm duyên cho tâm bằng Nghiệp duyên.
  - Biệt thời như: Tư ngoại viện làm duyên cho tâm quả và sắc tục sinh nội bộ bằng Nghiệp duyên.

* Pháp ngoại viện làm duyên cho những pháp nội bộ và ngoại viện bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời
  - Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* ngoại viện làm duyên cho uẩn tương ưng và tâm và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
  - Biệt thời như: Tư ngoại viện làm duyên cho uẩn quả và tâm và sắc tục sinh nội bộ, ngoại viện bằng Nghiệp duyên.

* ... bằng Quả duyên có 9 câu.

283.

* Pháp nội bộ làm duyên cho pháp nội bộ bằng Thực duyên:
  Sát-na tục sinh: Thực nội bộ làm duyên cho sắc tục sinh nội bộ bằng Thực duyên.

* Pháp nội bộ làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Thực duyên:
  - Thực *(āhāra)* nội bộ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Thực duyên.
  - Sát-na tục sinh: Thực nội bộ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh ngoại viện bằng Thực duyên. Nên sắp căn.
  - Sát-na tục sinh: Thực nội bộ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh nội bộ ngoại viện bằng Thực duyên.

* Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Thực duyên:
  - Thực *(āhāra)* ngoại viện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Thực duyên.
  - Sát-na tục sinh: Đoàn thực ngoại viện làm duyên cho thân ngoại viện bằng Thực duyên.

* Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ bằng Thực duyên:
  - Thực ngoại viện làm duyên cho tâm bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh: Thực ngoại viện làm duyên cho tâm và sắc tục sinh nội bộ bằng Thực duyên.
  - Đoàn thực ngoại viện *(bāhira)* làm duyên cho thân nội bộ *(ajjhattika)* bằng Thực duyên.

* Pháp ngoại viện làm duyên cho những pháp nội bộ và ngoại viện bằng Thực duyên:
  - Thực ngoại viện làm duyên cho uẩn tương ưng và tâm và sắc tâm bằng Thực duyên.
  - Sát-na tục sinh: Thực ngoại viện làm duyên cho uẩn tương ưng và tâm và sắc tục sinh thuộc nội bộ/ngoại viện bằng Thực duyên.

* Chư pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ bằng Thực duyên:

Sát-na tục sinh: Thực nội bộ và ngoại viện làm duyên cho sắc tục sinh nội bộ bằng Thực duyên.

∗ Chư pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Thực duyên:
- Thực nội bộ và ngoại viện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Thực duyên.
- Sát-na tục sinh: Thực nội bộ và ngoại viện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh ngoại viện bằng Thực duyên.

∗ Pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ và ngoại viện bằng Thực duyên:
- Sát-na tục sinh: Thực nội bộ và ngoại viện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh nội bộ, ngoại viện bằng Thực duyên.

284 .

∗ Pháp nội bộ làm duyên cho pháp nội bộ bằng Quyền duyên:
- Sát-na tục sinh: Quyền *(indrīya)* nội bộ làm duyên cho sắc tục sinh nội bộ bằng Quyền duyên.
- Nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức bằng Quyền duyên. Thân quyền làm duyên cho thân thức bằng Quyền duyên.

∗ Pháp nội bộ làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Quyền duyên:
- Quyền *(indrīya)* nội bộ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Quyền duyên.
- Sát-na tục sinh: Quyền nội bộ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh ngoại viện bằng Quyền duyên.
- Nhãn quyền làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Quyền duyên. Thân quyền làm duyên cho uẩn đồng sanh thân thức bằng Quyền duyên.

∗ Pháp nội bộ làm duyên cho những pháp nội bộ và ngoại viện bằng Quyền duyên:
- Sát-na tục sinh: Quyền nội bộ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh nội bộ và ngoại viện bằng Quyền duyên.
- Nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng, thân quyền làm duyên cho thân thức và uẩn tương ưng bằng Quyền duyên.

∗ Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Quyền duyên:
- Quyền ngoại viện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Quyền duyên.
- Sát-na tục sinh: Quyền ngoại viện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh ngoại viện bằng Quyền duyên.
- Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh ngoại viện bằng Quyền duyên.

∗ Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ bằng Quyền duyên:
- Quyền *(indrīya)* ngoại viện làm duyên cho tâm bằng Quyền duyên.
- Sát-na tục sinh: Quyền ngoại viện làm duyên cho tâm và sắc tục sinh nội bộ bằng Quyền duyên. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh nội bộ bằng Quyền duyên.

∗ Pháp ngoại viện làm duyên cho những pháp nội bộ và ngoại viện bằng Quyền duyên:
- Quyền ngoại viện làm duyên cho uẩn tương ưng và tâm và sắc tâm bằng Quyền duyên.
- Sát-na tục sinh: Quyền ngoại viện làm duyên cho uẩn tương ưng và tâm và sắc tục sinh ngoại viện bằng Quyền duyên.

- Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh nội bộ và ngoại viện bằng Quyền duyên

* Pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ bằng Quyền duyên:
  - Sát-na tục sinh: Quyền nội bộ và ngoại viện làm duyên cho sắc tục sinh nội bộ bằng Quyền duyên.
  - Nhãn quyền và xả quyền làm duyên cho nhãn thức bằng Quyền duyên. Thân quyền và lạc quyền, thân quyền và khổ quyền làm duyên cho thân thức bằng Quyền duyên.

* Pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Quyền duyên:
  - Quyền nội bộ và ngoại viện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Quyền duyên.
  - Sát-na tục sinh: Quyền nội bộ và ngoại viện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh ngoại viện bằng Quyền duyên.
  - Nhãn quyền và xả quyền làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Quyền duyên. Thân quyền và lạc quyền, thân quyền và khổ quyền làm duyên cho uẩn đồng sanh thân thức bằng Quyền duyên.

* Pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ và ngoại viện bằng Quyền duyên:
  - Sát-na tục sinh: Quyền nội bộ và ngoại viện làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh nội bộ, ngoại viện bằng Quyền duyên.
  - Nhãn quyền và xả quyền làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng bằng Quyền duyên. Thân quyền...

285.

* Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Thiền duyên có 3 câu.

* ... bằng Đạo duyên có 3 câu.

* ... bằng Tương ưng duyên có 5 câu.

286.

* Pháp nội bộ làm duyên cho pháp nội bộ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh:
  - Đồng sanh như sát-na tục sinh: Tâm làm duyên cho sắc tục sinh nội bộ bằng Bất tương ưng duyên.
  - Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Bất tương ưng duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn nội bộ *(ajjhattika)* làm duyên cho thân nội bộ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp nội bộ làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh; Tiền sanh, Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Uẩn nội bộ làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh... .
  - Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức. Thân thức làm duyên cho uẩn đồng sanh thân thức bằng Bất tương ưng duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn nội bộ làm duyên cho thân ngoại viện ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp nội bộ làm duyên cho pháp nội bộ và ngoại viện bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh:

- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Uẩn nội bộ làm duyên cho sắc tục sinh nội bộ và ngoại viện bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên. Thân xứ làm duyên cho thân thức và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn nội bộ sanh sau làm duyên cho thân nội bộ và ngoại viện ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn ngoại viện làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên. Vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn ngoại viện bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn ngoại viện *(bāhira)* sanh sau làm duyên cho thân ngoại viện ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh:
+ Đồng sanh như:
  - Sát-na tục sinh: Uẩn ngoại viện làm duyên cho sắc tục sinh nội bộ bằng Bất tương ưng duyên.
  - Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho tâm bằng Bất tương ưng duyên.
+ Tiền sanh như: Vật làm duyên cho tâm bằng Bất tương ưng duyên.
+ Hậu sanh như: Uẩn ngoại viện sanh sau làm duyên cho uẩn nội bộ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ và ngoại viện bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...

* Pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Uẩn nội bộ và ngoại viện làm duyên cho sắc tục sinh nội bộ bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Hậu sanh *(pacchājāta)*... tóm tắt...

* Pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...

* Pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ và ngoại viện bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Uẩn nội bộ và ngoại viện... tóm tắt...

287.

* Pháp nội bộ làm duyên cho pháp nội bộ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh:
- Đồng sanh như sát-na tục sinh: Tâm làm duyên cho sắc tục sinh nội bộ bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... thân bằng lối vô thường... Như Tiền sanh *(purejāta)* không chi khác.
- Hậu sanh như: Nên sắp như Hậu sanh *(pacchājāta)*.

* Pháp nội bộ làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Uẩn nội bộ đồng sanh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên,... tóm tắt...

    Tất cả đồng sanh *(sahajāta)* đây như phần ỷ trượng *(paccayavāra)*.
  - Tiền sanh: Trùng như Tiền sanh.
  - Hậu sanh: Sắp như Hậu sanh không chi khác.

* Pháp nội bộ làm duyên cho pháp nội bộ và ngoại viện bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh,... tóm tắt... .

* Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền; tất cả nên sắp rộng.

* Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền;... tóm tắt... .

* Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ và ngoại viện bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền,... tóm tắt...

* Pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
  - Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức bằng Hiện hữu duyên. Uẩn đồng sanh thân thức... sát-na tục sinh: Uẩn nội bộ và ngoại viện làm duyên cho sắc tục sinh nội bộ bằng Hiện hữu duyên.
  - Tiền sanh như: Nhãn xứ và vật làm duyên cho tâm bằng Hiện hữu duyên. Thân xứ và vật làm duyên cho tâm bằng Hiện hữu duyên.
  - Sắc xứ và nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức; xúc xứ và thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn nội bộ và ngoại viện làm duyên cho thân nội bộ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn nội bộ và ngoại viện và đoàn thực làm duyên cho thân nội bộ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn nội bộ và ngoại viện và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh nội bộ bằng Hiện hữu duyên.

* Pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

  Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ và nhãn thức làm duyên cho 2 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

  Đồng sanh cũng như phần ỷ trượng *(paccayavāra)* không chi khác chỉ giống như ý nghĩa Pālī trước, nên sắp tất cả câu theo cách duyên hiệp trợ *(ghaṭanā)* như phía trước.

* Pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ và ngoại viện bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

  Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ làm duyên cho 2 uẩn và nhãn thức bằng Hiện hữu duyên,... tóm tắt...

  Nên phân tất cả câu rộng theo hiệp trợ *(ghaṭanā)* như trước...

* ... bằng Vô hữu duyên,... bằng Ly duyên,... bằng Bất ly duyên.

288.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 5, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Hậu sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 5, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

289.

Pháp nội bộ làm duyên cho pháp nội bộ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên.

* Pháp nội bộ làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên.
* Pháp nội bộ làm duyên cho chư pháp nội bộ và ngoại viện bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên.
* Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp ngoại viện làm duyên cho những pháp nội bộ và ngoại viện bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Chư pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp nội bộ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Chư pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho pháp ngoại viện bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Chư pháp nội bộ và ngoại viện làm duyên cho chư pháp nội bộ và ngoại viện bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

290.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả đều 9, phi Ly 9.

291.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, tất cả đều 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

292.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9, nên sắp thuận theo đầu đề,... Bất ly 9.

Dứt nhị đề nội bộ (ajjhattikaduka)

NHỊ ĐỀ Y SINH *(UPADADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

293.

∗ Pháp phi y sinh liên quan pháp y sinh sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn phi y sinh liên quan vật.

∗ Pháp phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm phi y sinh liên quan 1 uẩn phi y sinh; 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh phi y sinh liên quan 1 uẩn phi y sinh, 2 uẩn...; 1 đại sung..., 2 đại sung liên quan 2 đại sung.

∗ Pháp y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm y sinh liên quan uẩn phi y sinh. Sát-na tục sinh: Sắc tâm y sinh, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp y sinh và phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm y sinh và phi y sinh liên quan 1 uẩn.

∗ Pháp phi y sinh liên quan pháp y sinh và phi y sinh sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi y sinh và vật, 2 uẩn...

294.

∗ Pháp phi y sinh liên quan pháp y sinh sanh ra do Cảnh duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn phi y sinh liên quan vật.

∗ Pháp phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn phi y sinh,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp phi y sinh liên quan những pháp y sinh và phi y sinh sanh ra do Cảnh duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi y sinh và vật, 2 uẩn...

295.

∗ Pháp phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do Trưởng duyên:
3 uẩn và sắc tâm phi y sinh liên quan 1 uẩn phi y sinh; 2 uẩn...

∗ Pháp y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do Trưởng duyên:
Sắc tâm y sinh liên quan uẩn phi y sinh.

∗ Chư pháp y sinh và phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do Trưởng duyên:
3 uẩn và sắc tâm y sinh và phi y sinh liên quan 1 uẩn phi y sinh, 2 uẩn...

∗ ... Do Vô gián duyên có 3 câu.

∗ ... Do Liên tiếp duyên có 3 câu.

∗ ... Do Đồng sanh duyên có 3 câu.

296.

∗ Pháp phi y sinh liên quan pháp y sinh sanh ra do Hỗ tương duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn phi y sinh liên quan vật.

∗ Pháp phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do Hỗ tương duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn phi y sinh, 2 uẩn..., 1 đại sung.. Người Vô tưởng: 3 đại sung liên quan 1 đại sung; 2 đại sung liên quan 2 đại sung.

∗ Pháp phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do Hỗ tương duyên;
Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn phi y sinh.

∗ Pháp y sinh và phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do Hỗ tương duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn và vật liên quan 1 uẩn phi y sinh, 2 uẩn...

∗ Pháp phi y sinh liên quan những pháp y sinh và phi y sinh sanh ra do Hỗ tương duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi y sinh và vật, 2 uẩn... tóm tắt...

297.

Nhân 5, Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 5, Hỗ tương 5, Y chỉ 5, Cận y 3, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 5, Quả 5, tất cả đều 5, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 5, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 5.

298.

∗ Pháp phi y sinh liên quan pháp y sinh sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn phi y sinh liên quan vật.

∗ Pháp phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm phi y sinh liến quan 1 uẩn vô nhân phi y sinh, 2 uẩn... sát-na tục sinh vô nhân: 1 đại sung...
- Người Vô tưởng: 3 đại sung liên quan 1 đại sung, 2 đại sung liên quan 2 đại sung.

∗ Pháp y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Nhân duyên:
- Sắc tâm thuộc y sinh liên quan uẩn vô nhân phi y sinh.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tâm thuộc y sinh, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung; luôn đến người Vô tưởng.

∗ Pháp y sinh và phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm thuộc y sinh và phi y sinh liên quan 1 uẩn vô nhân phi y sinh. Tục sinh vô nhân...

∗ Pháp phi y sinh liên quan pháp y sinh và phi y sinh sanh ra do phi Nhân duyên:
Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi y sinh và vật; 2 uẩn...

299.

∗ Pháp phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Cảnh duyên:
- Sắc tâm phi y sinh liên quan uẩn phi y sinh.
- Sát-na tục sinh: 1 đại sung luôn đến Vô tưởng; 2 đại sung liên quan 2 đại sung.

∗ Pháp y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Cảnh duyên:
- Sắc tâm thuộc y sinh *(upādā)* liên quan uẩn phi y sinh.
- Sát-na tục sinh: Sắc tâm thuộc y sinh và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung; luôn đến người Vô tưởng.

∗ Pháp y sinh và phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm thuộc y sinh và phi y sinh liên quan uẩn phi y sinh. Tục sinh...

∗ ... Do phi Trưởng duyên có 5 câu.

∗ ... Do phi Vô gián duyên có 3 câu,... tóm tắt...

∗ ... Do phi Cận y duyên,... do phi Tiền sanh duyên có 5 câu,... do phi Hậu sanh duyên có 5 câu,... do phi Cố hưởng duyên có 5 câu.

300.

∗ Pháp phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* tương ưng liên quan uẩn phi y sinh; sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...; 2 đại sung liên quan 2 đại sung.

* Pháp y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Y sinh *(upādārūpa)* liên quan đại sung thuộc sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...

* Pháp y sinh và phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Nghiệp duyên:
3 đại sung và sắc y sinh liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương...

301.

Pháp phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Quả duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm phi y sinh liên quan 1 uẩn phi y sinh, 1 uẩn luôn đến người Vô tưởng; có 3 câu trong phần phi y sinh căn *(mūla)* như thế.

302.

* Pháp phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Thực duyên:
- Sắc ngoại... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: 1 đại sung... 2 đại sung liên quan 2 đại sung.

* Pháp phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Thực duyên:
Sắc ngoại... sắc âm dương... người Vô tưởng: Sắc y sinh liên quan đại sung.

* Chư pháp y sinh và phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Thực duyên:
3 đại sung và sắc y sinh *(upādārūpa)* liên quan 1 sắc đại sung thuộc sắc ngoại... sắc âm dương...

303.

* Pháp phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Quyền duyên:
... 1 đại sung thuộc sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...

* Pháp phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Quyền duyên:
- Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: Sắc mạng quyền liên quan sắc đại sung.

* Chư pháp y sinh và phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Quyền duyên:
1 đại sung thuộc sắc ngoại,... vật thực... âm dương...

304.

* Pháp phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Thiền duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh 5 thức, 2 uẩn...
- Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: 2 đại sung liên quan 2 đại sung.

* Pháp y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Thiền duyên:
- Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

* Chư pháp y sinh và phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Thiền duyên:
Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng: 3 đại sung liên quan 1 đại sung; sắc y sinh và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

305.

* Pháp phi y sinh liên quan pháp y sinh sanh ra do phi Đạo duyên có 5 câu.

* ... Do phi Tương ưng duyên có 3 câu.

306.

∗ Pháp phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
- Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi y sinh, 2 uẩn... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: 1 đại sung...

∗ Pháp y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
- Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: Sắc y sinh và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Chư pháp y sinh và phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
- 3 đại sung và sắc y sinh liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...; 2 đại sung liên quan 2 đại sung.
- Người Vô tưởng: 3 đại sung và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan 1 đại sung, 2 đại sung và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan 2 đại sung.

∗ ... Do phi Vô hữu duyên,... do phi Ly duyên.

307.

Phi Nhân 5, phi Cảnh 3, phi Trưởng 5, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 5, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

308.

Nhân duyên có phi Cảnh 3, phi Trưởng 5, phi Nghiệp 1, phi Quả 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

309.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 5, Hỗ tương 5, Y chỉ 5, Cận y 3, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Đạo 1, Bất ly 5.

Phần đồng sanh *(sahajāta)* như phần liên quan *(paṭicca)*

<u>Phần Ỷ Trượng</u> *(Paccayavāra)*

310.

∗ Pháp phi y sinh nhờ cậy pháp y sinh sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn phi y sinh nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp phi y sinh nhờ cậy pháp phi y sinh sanh ra do Nhân duyên: 3 câu.
Trong phi y sinh căn *(mūla)* có 3 câu, như phần liên quan *(paṭiccavāra)* không chi khác.

∗ Pháp phi y sinh liên quan những pháp y sinh và phi y sinh sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn phi y sinh và vật, 2 uẩn... Tục sinh *(paṭiccavāra)*

311.

∗ Pháp phi y sinh liên quan pháp y sinh sanh ra do Cảnh duyên:
Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ. Uẩn phi y sinh nhờ cậy vật. Tục sinh.

∗ Pháp phi y sinh nhờ cậy pháp phi y sinh sanh ra do Cảnh duyên: Có 1 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp phi y sinh nhờ cậy pháp y sinh và phi y sinh sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ, 2 uẩn... ;... đồng sanh thân thức. 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi y sinh và vật,... 2 uẩn, tục sinh... tóm tắt...

312.

Nhân 5, Cảnh 3, Trưởng 5, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 5, Hỗ tương 5, Y chỉ 5, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 5; nên đếm như thế, Bất ly 5.

313.

∗ Pháp phi y sinh nhờ cậy pháp y sinh sanh ra do Nhân duyên:
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ.
- Uẩn vô nhân phi y sinh nhờ cậy vật. Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp phi y sinh nhờ cậy pháp phi y sinh sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm phi y sinh nhờ cậy 1 uẩn vô nhân phi y sinh, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh vô nhân: 1 đại sung luôn người Vô tưởng... si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật có 3 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)* không chi khác.

∗ Pháp phi y sinh nhờ cậy pháp y sinh và phi y sinh sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ,... 2 uẩn... đồng sanh thân thức.
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi y sinh và vật,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật...

∗ ... Do phi Cảnh duyên có 3 câu.

∗ ... Do phi Cố hưởng duyên có 5 câu.

314.

∗ Pháp phi y sinh nhờ cậy pháp phi y sinh sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* phi y sinh nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp phi y sinh nhờ cậy pháp phi y sinh sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* tương ưng nhờ cậy uẩn phi y sinh. Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... 2 đại sung nhờ cậy 2 đại sung.

∗ Pháp y sinh nhờ cậy pháp phi y sinh sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Sắc y sinh nhờ cậy đại sung thuộc sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...

∗ Chư pháp y sinh và phi y sinh nhờ cậy pháp phi y sinh sanh ra do phi Nghiệp duyên:
3 đại sung và sắc y sinh liên quan 1 đại sung thuộc sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... 2 đại sung.

∗ Pháp phi y sinh nhờ cậy những pháp y sinh và phi y sinh sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư phi y sinh nhờ cậy uẩn phi y sinh và vật.

∗ ... Do phi Quả duyên có 5 câu.

∗ ... Do phi Thực duyên có 3 câu.

∗ ... Do phi Quyền duyên có 3 câu.

315.

∗ Pháp phi y sinh liên quan pháp y sinh sanh ra do phi Thiền duyên:
Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ.

∗ Pháp phi y sinh nhờ cậy pháp phi y sinh sanh ra do phi Thiền duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh 5 thức, 2 uẩn...
- Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...
- Người Vô tưởng: 2 đại sung nhờ cậy 2 đại sung.

∗ Pháp y sinh nhờ cậy pháp phi y sinh sanh ra do phi Thiền duyên:
Người Vô tưởng: Sắc tục sinh thuộc y sinh nhờ cậy đại sung thuộc sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...

∗ Pháp y sinh và phi y sinh nhờ cậy pháp phi y sinh sanh ra do phi Thiền duyên:
Người Vô tưởng: 3 đại sung và sắc tục sinh thuộc y sinh nhờ cậy 1 đại sung thuộc sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...; 2 uẩn...

∗ Pháp phi y sinh nhờ cậy những pháp y sinh và phi y sinh sanh ra do phi Thiền duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ.

∗ ... Do phi Đạo duyên có 5 câu.
∗ ... Do phi Tương ưng duyên có 3 câu.
∗ ... Do phi Bất tương ưng duyên có 3 câu.
∗ ... Do phi Vô hữu duyên có 3 câu.
∗ ... Do phi Ly duyên có 3 câu.

316.

Phi Nhân 5, phi Cảnh 3, phi Trưởng 5, phi Nghiệp 5, phi Quả 5, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dẫu đếm 2 câu ngoài ra hay phần y chỉ *(nissayavāra)* nên sắp như thế.

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

317.

Pháp phi y sinh hòa hợp pháp phi y sinh sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp *(saṅsaṭṭha)* 1 uẩn phi y sinh, 2 uẩn hòa hợp 2 uẩn. Sát-na tục sinh:... tóm tắt...

318.

Nhân 1, Cảnh 1, Trưởng 1, tất cả đều 1, Bất ly 1.

319.

Pháp phi y sinh hòa hợp pháp phi y sinh sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân phi y sinh, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật, .. tóm tắt...

320.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1.

Dù đếm 2 câu ngoài ra hay phần tương ưng *(sampayutta)* nên sắp như thế.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

321.

∗ Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn phi y sinh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm phi y sinh bằng Nhân duyên; sát na tục sinh…

* Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp y sinh sanh ra do Nhân duyên: Nhân phi y sinh làm duyên cho sắc tâm y sinh bằng Nhân duyên.
* Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp y sinh và phi y sinh sanh ra do Nhân duyên: Nhân phi y sinh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm y sinh và phi y sinh bằng Nhân duyên.

322.

* Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh sanh ra do Cảnh duyên:
  - Quán ngộ nhãn... thân... sắc... vị... vật bằng lối vô thường…ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng; sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... vị xứ làm duyên cho thiệt thức bằng cảnh duyên.
  - Uẩn y sinh làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán ý môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh sanh ra do Cảnh duyên:
  - Sau khi bố thí,... nguyện giữ ngũ giới,... thọ trì thanh tịnh giới rồi mới phản khán, thỏa thích, rất hân hoan, do đó khai đoan... ưu sanh ra.
  - Nhớ thiện đã từng làm chứa để... xuất thiền…
  - Chư thánh xuất đạo, phản khán đạo... quả... Níp-Bàn…
  - Níp-Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vdanā),* đạo, quả luôn khán môn *(āvajjana)* bằng cảnh duyên.
  - Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ,... phiền não hạn chế... đã từng sanh…
  - Quán ngộ xúc... uẩn phi y sinh bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
  - Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm phi y sinh.
  - Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
  - Xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.
  - Uẩn phi y sinh làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghệp thông, vị lai thông luôn khán ý môn bằng Cảnh duyên.

323.

* Pháp y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Trưởng duyên:
  Trưởng cảnh như: Nặng về nhãn,... thân,... sắc... vị... vật; nặng về đó rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó nên ái sanh tà kiến phát.

* Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
  - Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng về đó rồi phản khán, thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi ái sanh tà kiến phát.
  - Nhớ thiện đã từng làm chứa để... xuất thiền phản khán thiền...
  - Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán,... quả Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo và quả bằng Trưởng duyên.
  - Xúc... nặng về uẩn phi y sinh đó rồi mới thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái sanh, tà kiến phát.
  - Trưởng đồng sanh: Trưởng phi y sinh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm thuộc phi y sinh bằng Trưởng duyên.

* Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp y sinh bằng Trưởng duyên:
  Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi y sinh làm duyên cho sắc tâm thuộc y sinh bằng Trưởng duyên.

* Pháp phi y sinh làm duyên cho những pháp y sinh và phi y sinh bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi y sinh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm thuộc y sinh và phi y sinh bằng Trưởng duyên.

324.

* Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Vô gián duyên:
  - Uẩn phi y sinh sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi y sinh sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
  - Thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, quả nhập thiền bằng Vô gián duyên,... bằng Liên tiếp duyên, bằng Đồng sanh duyên như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.
* ... bằng Hỗ tương duyên như phần liên quan *(paṭicca)*
* ... bằng Y chỉ duyên như trong phần ỷ trượng *(pacayavāra)* Y chỉ duyên.

325.

* Pháp y sinh làm duyên cho pháp y sinh bằng Cận y duyên có Cảnh cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Tài sản nhãn *(cakkhusampada)*,... tài sản thân... tài sản sắc đẹp, tài sản hơi thơm, tài sản vị. nương thực phẩm nặng có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng.
  - Tài sản nhãn, tài sản thân, tài sản sắc đẹp, tài sản hơi thơm, tài sản vị... thực phẩm làm duyên cho đức tin, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.
* Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Cận y duyên, có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
  - Nương giới... đức tin... hy vọng, thân lạc, thân khổ, âm dương... nương chỗ ở mạnh có thể bố thí, phá hòa hợp Tăng.
  - Nương đức tin... chỗ ở làm duyên cho đức tin... quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

326.

* Pháp y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, vị xứ làm duyên cho thiệt thức.
  - Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ... vật làm duyên cho uẩn phi y sinh bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Tiền sanh duyên:

  Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ xúc bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp y sinh và phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Xúc xứ và vật làm duyên cho uẩn phi y sinh bằng Tiền sanh duyên.
  - Xúc xứ và thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.

327.

Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Hậu sanh duyên:
- Hậu sanh như: Uẩn phi y sinh làm duyên cho thân phi y sinh ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên; nên hỏi đến căn.

- Hậu sanh như: Uẩn phi y sinh làm duyên cho thân y sinh ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên; nên hỏi đến căn.
- Hậu sanh như: Uẩn phi y sinh làm duyên cho thân y sinh và phi y sinh ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

* ... bằng Cố hưởng duyên.

328.

* Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời
  - Đồng sanh như: Tư phi y sinh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm phi y sinh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh...
  - Biệt thời như: Tư phi y sinh làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh phi y sinh bằng Nghiệp duyên.

* Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp y sinh bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
  - Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* phi y sinh làm duyên cho sắc tâm thuộc y sinh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh...
  - Biệt thời như: Tư phi y sinh làm duyên cho sắc tục sinh thuộc y sinh bằng Nghiệp duyên.

* Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp y sinh và phi y sinh bằng Nghiệp duyên: Có Đồng sanh và Biệt thời:
  - Đồng sanh như: Tư phi y sinh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm thuộc y sinh và phi y sinh bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh...
  - Biệt thời như: Tư phi y sinh làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh thuộc y sinh bằng Nghiệp duyên.

329.

Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Quả duyên:
1 uẩn quả phi y sinh làm duyên cho 3 uẩn. Tục sinh có 3 câu.

330.

* Pháp y sinh làm duyên cho pháp y sinh bằng Thực duyên:
  - Đoàn thực làm duyên cho thân y sinh ấy bằng Thực duyên. Nên hỏi đến căn.
  - Đoàn thực làm duyên cho thân phi y sinh ấy bằng Thực duyên. Nên hỏi đến căn.
  - Đoàn thực làm duyên cho thân y sinh và phi y sinh ấy bằng Thực duyên.

* Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Thực duyên:
  - Thực phi y sinh làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm phi y sinh bằng Thực duyên. Sát-na tục sinh...
  - Trong phi y sinh căn *(mūla)* có 3 câu; tục sinh...

331.

* Pháp y sinh làm duyên cho pháp y sinh bằng Quyền duyên:
  - Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh thuộc y sinh bằng Quyền duyên. Nên hỏi đến căn.
  - Nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức, thân quyền...
  - Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh thuộc phi y sinh bằng Quyền duyên; nên hỏi đến căn *(mūla)*.
  - Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh thuộc y sinh và phi y sinh bằng Quyền duyên.

∗ Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Quyền duyên có 3 câu; tục sinh...

∗ Chư pháp y sinh và phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Quyền duyên:
Nhãn quyền và nhãn thức làm duyên cho uẩn đồng sanh nhãn thức bằng Quyền duyên. Thân quyền...

332.

∗ Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Thiền duyên có 3 câu.

∗ ... bằng Đạo duyên có 3 câu, nên sắp tục sinh.

∗ ... bằng Tương ưng duyên có 1 câu.

333.

∗ Pháp y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn phi y sinh bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ... vật làm duyên cho uẩn phi y sinh bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn phi y sinh làm duyên cho sắc tâm thuộc phi y sinh bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh: Uẩn phi y sinh làm duyên cho sắc tục sinh thuộc phi y sinh bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi y sinh làm duyên cho thân phi y sinh ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp y sinh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn phi y sinh làm duyên cho sắc tâm thuộc y sinh bằng Bất tương ưng duyên. Sát-na tục sinh...
- Hậu sanh như: Uẩn phi y sinh làm duyên cho thân y sinh ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp phi y sinh làm duyên cho những pháp y sinh và phi y sinh bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn phi y sinh làm duyên cho sắc tâm thuộc y sinh và phi y sinh bằng Bất tương ưng duyên.
- Sát-na tục sinh...
- Hậu sanh như: Uẩn phi y sinh làm duyên cho thân y sinh và phi y sinh ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

334.

∗ Pháp y sinh làm duyên cho pháp y sinh bằng Hiện hữu duyên có Thực và Quyền:
Đoàn thực làm duyên cho thân y sinh ấy bằng Hiện hữu duyên. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh thuộc y sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh Thực và Quyền:
- Đồng sanh như sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn phi y sinh bằng Hiện hữu duyên.

- Tiền sanh như: Quán ngộ nhãn bằng lối vô thường... tóm tắt... như Tiền sanh *(purejāta)* không chi khác.
- Đoàn thực làm duyên cho thân phi y sinh ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh thuộc phi y sinh *(no upada)* bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp y sinh làm duyên cho những pháp y sinh và phi y sinh bằng Hiện hữu duyên có Thực và Quyền:

Đoàn thực làm duyên cho thân y sinh và thân phi y sinh ấy bằng Hiện hữu duyên. Sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh thuộc y sinh và phi y sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp y sinh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: 1 uẩn phi y sinh làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm thuộc phi y sinh bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: 1 đại sung làm duyên cho 3 đại sung bằng Hiện hữu duyên, 2 đại sung làm duyên cho 2 đại sung bằng Hiện hữu duyên, sắp luôn đến người Vô tưởng...
- Tiền sanh như: Quán ngộ xúc bằng lối vô thường... ưu sanh ra; xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi y sinh làm duyên cho thân phi y sinh ấy sanh ra trước bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp y sinh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn phi y sinh làm duyên cho sắc tâm thuộc y sinh bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh...
- Hậu sanh như: Uẩn phi y sinh làm duyên cho thân y sinh ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp phi y sinh làm duyên cho những pháp y sinh và phi y sinh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh: 1 uẩn phi y sinh làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm thuộc y sinh và phi y sinh bằng Hiện hữu duyên,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh...
- Hậu sanh như: Uẩn phi y sinh làm duyên cho thân y sinh và thân y sinh ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp y sinh và phi y sinh làm duyên cho pháp y sinh bằng Hiện hữu duyên có Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Hậu sanh như: Uẩn phi y sinh và đoàn thực làm duyên cho thân y sinh ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi y sinh và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh thuộc y sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp y sinh và phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Tiền sanh như: 1 uẩn đồng sanh nhãn thức và nhãn xứ làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...; 1 uẩn phi y sinh và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên; 2 uẩn... . Sát-na tục sinh: 1 uẩn phi y sinh và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

- Tiền sanh như: Xúc xứ và vật làm duyên cho uẩn phi y sinh bằng Hiện hữu duyên; xúc xứ và thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi y sinh và đoàn thực làm duyên cho thân phi y sinh ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi y sinh và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh thuộc phi y sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp y sinh và phi y sinh làm duyên cho pháp y sinh và phi y sinh bằng Hiện hữu duyên có Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Hậu sanh như: Uẩn phi y sinh và đoàn thực làm duyên cho thân y sinh và thân phi y sinh ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi y sinh và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh thuộc y sinh và phi y sinh bằng Hiện hữu duyên.

335.

Nhân 3, Cảnh 2, Trưởng 4, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 5, Hỗ tương 5, Y chỉ 5, Cận y 2, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 1, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 6, Quyền 7, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 1, Bất tương ưng 4, Hiện hữu 9, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 9.

336.

∗ Pháp y sinh làm duyên cho pháp y sinh bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp y sinh làm duyên cho pháp y sinh và phi y sinh bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp phi y sinh làm duyên cho pháp y sinh bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp phi y sinh làm duyên cho những pháp y sinh và phi y sinh bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

∗ Chư pháp y sinh và phi y sinh làm duyên cho pháp y sinh bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Chư pháp y sinh và phi y sinh làm duyên cho pháp phi y sinh bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Chư pháp y sinh và phi y sinh làm duyên cho những pháp y sinh và phi y sinh bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

337.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả đều 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 6, phi Hiện hữu 4, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 4.

338.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, tất cả đều 3, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

339.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2, .. Trưởng 4,... tóm tắt... Nên sắp rộng theo đầu đề,... Bất ly 9.

Dứt nhị đề y sinh (upādāduka)

NHỊ ĐỀ DO THỦ *(UPADINNADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

340.

∗ Pháp do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn do thủ,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn do thủ,... 2 uẩn. Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... 1 đại sung. Sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp phi do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn do thủ *(upādinna)*.

∗ Pháp do thủ và phi do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn do thủ,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi do thủ liên quan pháp phi do thủ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi do thủ,... 2 uẩn;... liên quan 1 đại sung. Sắc tâm thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp phi do thủ liên quan pháp do thủ và phi do thủ sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn do thủ và đại sung.

341.

∗ Pháp do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn do thủ,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Uẩn liên quan vật.

∗ Pháp phi do thủ liên quan pháp phi do thủ sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn phi do thủ,... 2 uẩn.

342.

Pháp phi do thủ liên quan pháp phi do thủ sanh ra do Trưởng duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi do thủ,... 2 uẩn;... liên quan 1 đại sung. Sắc tâm thuộc y sinh liên quan đại sung,... tóm tắt...

343.

Nhân 5, Cảnh 2, Trưởng 1, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 5, Cận y 2, Tiền sanh 2, Cố hưởng 1, Nghiệp 5, Quả 5, Thực 5, Quyền 5, Thiền 5, Đạo 5, Tương ưng 2, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 5, Vô hữu 2, Ly 2, Bất ly 5.

344.

∗ Pháp do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân do thủ,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn do thủ,... 2 uẩn. Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... liên quan 1 đại sung.
- Sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.
- Người Vô tưởng:... liên quan 1 đại sung... sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung

∗ Pháp phi do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn vô nhân do thủ.

∗ Chư pháp do thủ và phi do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân do thủ,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi do thủ liên quan pháp phi do thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân phi do thủ,... 2 uẩn;... 1 đại sung. Sắc tâm thuộc y sinh liên quan đại sung... 1 đại sung thuộc sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... sắc y sinh liến quan đại sung.
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp phi do thủ liên quan những pháp do thủ và phi do thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn vô nhân do thủ *(upādinna)* và đại sung.

345.

∗ Pháp do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do phi Cảnh duyên:
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn do thủ, vật liên quan uẩn,... 1 đại sung.
- Sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung...
- Người Vô tưởng: 1 đại sung .. Sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp phi do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn do thủ.

∗ Pháp phi do thủ liên quan pháp phi do thủ sanh ra do phi Cảnh duyên:
- Sắc tâm liên quan uẩn phi do thủ,... 1 đại sung.
- 1 đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... sắc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp phi do thủ liên quan những pháp do thủ và phi do thủ sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn do thủ và đại sung.

346.

Pháp do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do phi Trưởng duyên,... do phi Vô gián duyên,... do phi Liên tiếp duyên,... do phi Hỗ tương duyên,... do phi Cận y duyên.

347.

∗ Pháp do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn do thủ,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn do thủ, luôn đến người Vô tưởng.

∗ Pháp phi do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn do thủ *(upādinna)*.

∗ Pháp phi do thủ liên quan pháp phi do thủ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi do thủ *(anupādima)*,... 2 uẩn. Sắc tâm liên quan uẩn phi do thủ; 1 đại sung luôn Vô tưởng, sắc âm dương.

∗ Pháp phi do thủ liên quan những pháp do thủ và phi do thủ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn do thủ và đại sung.

∗ ... Do phi Hậu sanh duyên,... do phi Cố hưởng duyên.

348.

Pháp phi do thủ liên quan pháp phi do thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

- Tư *(cetanā)* phi do thủ liên quan uẩn phi do thủ;
- Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... sắc y sinh liên quan đại sung.

349.

∗ Pháp do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do phi Quả duyên:
Người Vô tưởng: 1 đại sung... sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp phi do thủ liên quan pháp phi do thủ sanh ra do phi Quả duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi do thủ,... 2 uẩn; đại sung luôn đến sắc âm dương.

350.

∗ Pháp do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do phi Thực duyên:
Người Vô tưởng: 1 đại sung...

∗ Pháp phi do thủ liên quan pháp phi do thủ sanh ra do phi Thực duyên:
Sắc ngoại... sắc âm dương...

351.

∗ Pháp do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do phi Quyền duyên:
Người Vô tưởng: Sắc mạng quyền liên quan đại sung.

∗ Pháp phi do thủ liên quan pháp phi do thủ sanh ra do phi Quyền duyên:
Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...

352.

∗ Pháp do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do phi Thiền duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh 5 thức,... 2 uẩn. Người Vô tưởng...

∗ Pháp phi do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do phi Thiền duyên:
Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương...

353.

∗ Pháp do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do phi Đạo duyên: Như phi Nhân duyên, không có si.

∗ ... Do phi Tương ưng duyên.

354.

∗ Pháp phi do thủ liên quan pháp do thủ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
- Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn do thủ, 2 uẩn...
- Người Vô tưởng:... liên quan 1 đại sung.

∗ Pháp phi do thủ liên quan pháp phi do thủ sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi do thủ,... 2 uẩn. Sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương,... tóm tắt...

∗ ... Do phi Vô hữu duyên,... do phi Ly duyên.

355.

Phi Nhân 5, phi Cảnh 4, phi Trưởng 5, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 4, phi Cận y 4, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Quyền 2, phi Thiền 2, phi Đạo 5, phi Tương ưng 4, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

356.

Nhân duyên có phi Cảnh 4,... phi Trưởng 5, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Tương ưng 4, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

357.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 5, Cận y 2, Tiền sanh 2, Cố hưởng 1, Nghiệp 5, Quả 5, Đạo 1, Tương ưng 2,... Bất ly 2.

Phần đồng sanh *(sahajāta)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

358.

∗ Pháp do thủ nhờ cậy pháp do thủ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tục sinh ỷ trượng *(paccayā)* 1 uẩn do thủ, 2 uẩn... Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh nhờ cậy 1 uẩn do thủ, 2 uẩn..
- Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật *(vatthu)*, 1 đại sung; sắc tục sinh thuộc y sinh nhờ cậy đại sung.
- Uẩn do thủ nhờ cậy vật.

∗ Pháp phi do thủ nhờ cậy pháp do thủ sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm nhờ cậy uẩn do thủ; uẩn phi do thủ nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp do thủ và pháp phi do thủ nhờ cậy pháp do thủ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn do thủ,... 2 uẩn; 1 đại sung... sắc tâm thuộc y sinh nhờ cậy đại sung.

∗ Pháp phi do thủ nhờ cậy pháp phi do thủ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi do thủ,... 2 uẩn..... 1 đại sung. Sắc tâm thuộc y sinh nhờ cậy sắc đại sung.

∗ Pháp phi do thủ nhờ cậy pháp do thủ và phi do thủ sinh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm nhờ cậy uẩn do thủ và đại sung. 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi do thủ và vật,... 2 uẩn.

359.

∗ Pháp do thủ nhờ cậy pháp do thủ sanh ra do Cảnh duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn do thủ, 2 uẩn...
- Sát-na tục sinh: Uẩn nhờ cậy vật, nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ; thân thức nhờ cậy thân xứ; uẩn do thủ nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp phi do thủ nhờ cậy pháp do thủ sanh ra do Cảnh duyên:
Uẩn phi do thủ nhờ cậy vật.

∗ Pháp phi do thủ nhờ cậy pháp phi do thủ sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi do thủ,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi do thủ nhờ cậy những pháp do thủ và phi do thủ sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi do thủ và vật,... 2 uẩn.

360.

∗ Pháp phi do thủ nhờ cậy pháp do thủ sanh ra do Trưởng duyên:
Uẩn phi do thủ nhờ cậy vật.

∗ Pháp phi do thủ nhờ cậy pháp phi do thủ sanh ra do Trưởng duyên:
3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi do thủ,... 2 uẩn;... 1 đại sung. Sắc tâm thuộc y sinh nhờ cậy đại sung.

∗ Pháp phi do thủ nhờ cậy những pháp do thủ và phi do thủ sanh ra do Trưởng duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi do thủ và vật, .. 2 uẩn, .. tóm tắt...

361.

Nhân 5, Cảnh 4, Trưởng 3, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 5, Hỗ tương 4, Y chỉ 5, Cận y 4, Tiền sanh 4, Cố hưởng 3, Nghiệp 5, Quả 5, Bất ly 5.

362.

∗ Pháp do thủ nhờ cậy pháp do thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô nhân do thủ,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật nhờ cậy uẩn, uẩn nhờ cậy vật, 1 đại sung... sắc tục sinh thuộc y sinh nhờ cậy đại sung.
- Người Vô tưởng: 1 đại sung... nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ. Uẩn do thủ vô nhân nhờ cậy vật.

∗ Pháp phi do thủ nhờ cậy pháp do thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sắc tâm nhờ cậy uẩn vô nhân do thủ; uẩn vô nhân phi do thủ nhờ cậy vật. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật.

∗ Chư pháp do thủ và phi do thủ nhờ cậy pháp do thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn vô nhân do thủ,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi do thủ nhờ cậy pháp phi do thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn vô nhân phi do thủ,... 2 uẩn... 1 đại sung.
- Sắc ngoại... sắc vật thực.... sắc âm dương... si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp phi do thủ nhờ cậy những pháp do thủ và phi do thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
- Sắc tâm nhờ cậy uẩn vô nhân do thủ và đại sung.
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô nhân phi do thủ và vật, 2 uẩn...
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật,... tóm tắt...

363.

Phi Nhân 5, phi Cảnh 4, phi Trưởng 5, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Cận y 4, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi quả 4, phi Thực 2, phi Quyền 2, phi Thiền 2, phi Đạo 5, phi Tương ưng 4, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

364

Nhân duyên có phi Cảnh 4,... phi Trưởng 5,... phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Tương ưng 4, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

365

Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Vô gián 4, Đạo 3, Bất ly 5.

Phần y chỉ *(nissayavāra)* như phần ỷ trượng *(paccayavāra)*.

Phần Hòa Hợp ***(Saṅsaṭṭhavāra)***

366

∗ Pháp do thủ hòa hợp pháp do thủ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn do thủ,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp phi do thủ hòa hợp pháp phi do thủ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi do thủ,... 2 uẩn.

367

Nhân 2, Cảnh 2, Quyền 1, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 2, Tiền sanh 2, Cố hưởng 1, Nghiệp 2, Quả 2, Bất ly 2.

368

∗ Pháp do thủ hòa hợp pháp do thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân do thủ, 2 uẩn... . Sát-na tục sinh vô nhân...

∗ Pháp phi do thủ hòa hợp pháp phi do thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân phi do thủ,... 2 uẩn. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

369

Phi Nhân 2, phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thiền 1, phi Đạo 2, phi Bất tương ưng 2.

Dù đếm 2 câu ngoài ra hay phần tương ưng *(sampayutta)* cũng nên sắp như thế.

<u>Phần Vấn Đề</u> *(Pañhāvāra)*

370

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Nhân duyên:
Nhân do thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh: Nhân do thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nhân duyên.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Nhân duyên:
Nhân do thủ làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp do thủ và phi do thủ bằng Nhân duyên:
Nhân do thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Nhân duyên:
Nhân phi do thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

371

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Cảnh duyên:
- Quán ngộ nhãn... thân, sắc do thủ, khí, vị, xúc, vật... uẩn do thủ bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Thiện, bất thiện vừa dứt thì tâm mót là quả phát sanh.
- Sắc xứ do thủ làm duyên cho nhãn thức, khí xứ do thủ làm duyên cho tỷ thức... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Cảnh duyên:
- Quán ngộ nhãn... thân, sắc do thủ, khí, vị do thủ, xúc, vật... uẩn do thủ bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc do thủ. Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm do thủ.
- Uẩn do thủ làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Cảnh duyên:
- Bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi mới phản khán thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái... ưu sanh ra.
- Nhớ thiện đã từng làm chứa để, thiền...
- Chư Thánh xuất đạo, phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả luôn khán môn bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ, phiền não hạn chế, phiền não đã từng sanh.

- Quán ngộ sắc... thinh... xúc phi do thủ... uẩn phi do thủ bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm phi do thủ.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Uẩn phi do thủ làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Cảnh duyên:
- Sắc phi do thủ... thinh... xúc... quán ngộ uẩn phi do thủ bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Thiện, bất thiện vừa dứt thì tâm mót thuộc quả phát sanh.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Sắc xứ phi do thủ làm duyên cho nhãn thức; thinh ... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.

372.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Trưởng duyên:
Trưởng cảnh như: Nặng về nhãn... thân do thủ; nặng về sắc, thinh, khí, vị, xúc, vật, do thủ; nặng về uẩn phi do thủ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái sanh, tà kiến phát.

∗ Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... nguyện giữ 5 giới... thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng về đó mới phản khán, thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái... tà kiến phát.
- Thiện trước kia ... thiền... chư Thánh xuất đạo, nặng về đạo rồi phản khán ... quả ... Níp bàn...
- Níp bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả bằng Trưởng duyên.
- Sắc phi do thủ,... thinh phi do thủ,... xúc phi do thủ... nặng về uẩn phi do thủ rồi làm cho ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi do thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

373.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Vô gián duyên:
Uẩn do thủ sanh ra trước trước làm duyên cho uẩn do thủ sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Ngũ thức *(viññāṇa)* làm duyên cho ý giới quả bằng Vô gián duyên. Ý giới quả làm duyên cho ý thức giới quả bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Vô gián duyên:
Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* làm duyên cho khán môn; ý thức giới quả làm duyên cho ý thức giới tố *(kiriyā)* bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Vô gián duyên:
- Uẩn phi do thủ sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi do thủ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn phi do thủ làm duyên chi quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

- Thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ ... bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên có 5 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ ... bằng Hỗ tương duyên có 2 câu như phần liên quan.

∗ ... bằng Y chỉ duyên có 5 câu như Y chỉ duyên, về phần ỷ trượng *(paccayavāra)*.

374.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp do thủ sanh ra bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Thân lạc làm duyên cho thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.
- Thân khổ do thủ... âm dương... vật thực làm duyên cho thân lạc thân khổ bằng Cận y duyên.
- Thân lạc... thân khổ,... âm dương, vật thực làm duyên cho thân khổ thân lạc bằng Cận y duyên.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương thân lạc mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng.
- Nương thân khổ mạnh, nương âm dương... vật thực do thủ mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương thân lạc, thân khổ... âm dương... vật thực mạnh làm duyên cho đức tin, hy vọng, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí, gây ngã mạn, chấp tà kiến. nương giới... hy vọng... âm dương, vật thực... nương chỗ ở mạnh có thể bố thí, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin... hy vọng... âm dương... vật thực... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin, hy vọng, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp do thủ sanh ra bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể tự làm cho nóng nảy, bực bội, khổ sở do gốc tìm tòi.
- Nương giới... hy vọng... âm dương... vật thực... nương chỗ ở mạnh có thể tự làm cho nóng nảy, bực bội, khổ sở do gốc tìm tòi.
- Nương đức tin... chỗ ở làm duyên cho thân lạc thân khổ bằng Cận y duyên.
- Nghiệp thiện, bất thiện làm duyên cho quả bằng Cận y duyên.

375.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... thân, sắc, khí, xúc do thủ... vật bằng lối vô thường... ưu...
- Thiện, bất thiện vừa dứt thì tâm mót *(tadālambana)* thuộc quả phát sanh.
- Sắc xứ do thủ làm duyên cho nhãn thức, khí xứ... xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức.

- Thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn do thủ bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... thân, khí, vị, xúc do thủ... vật bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc...
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn phi do thủ bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Tiền sanh duyên:
- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ sắc, thinh... xúc phi do thủ bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Thiên nhãn phi do thủ thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.

∗ Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Tiền sanh duyên:
- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ sắc,... khí, xúc phi do thủ bằng lối vô thường... ưu phát sanh.
- Thiện, bất thiện vừa dứt thì tâm mót *(tadālambana)* là quả sanh ra.
- Sắc xứ phi do thủ làm duyên cho nhãn thức, thinh xứ... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.
- Vật làm duyên cho uẩn do thủ bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp do thủ và phi do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Sắc xứ và vật và xúc xứ phi do thủ làm duyên cho uẩn do thủ bằng Tiền sanh duyên.
- Sắc xứ và nhãn xứ phi do thủ làm duyên cho nhãn thức, thinh xứ... xúc xứ và thân xứ làm duyên cho thân thức bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp do thủ và phi do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh, Vật tiền sanh:

Sắc xứ và vật, xúc xứ và vật phi do thủ làm duyên cho uẩn phi do thủ bằng Tiền sanh duyên.

376.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn do thủ làm duyên cho thân do thủ ấy sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Hậu sanh duyên:

Hậu sanh như: Uẩn do thủ làm duyên cho thân phi do thủ sanh trước bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho những pháp do thủ và phi do thủ bằng Hậu sanh duyên,... tóm tắt...

∗ Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Hậu sanh duyên,... tóm tắt...

∗ Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Hậu sanh duyên,... tóm tắt...

∗ Pháp phi do thủ làm duyên cho những pháp do thủ và phi do thủ bằng Hậu sanh duyên,... tóm tắt...

377.

Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Cố hưởng duyên.

378.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Nghiệp duyên:
Tư do thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên. Sát-na tục sinh: Tư *(cetanā)* do thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Nghiệp duyên:
Tư do thủ làm duyên cho sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp do thủ và phi do thủ bằng Nghiệp duyên:
Tư do thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Nghiệp duyên:
Tư phi do thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Nghiệp duyên:
Biệt thời như: Tư phi do thủ làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

379.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Quả duyên: 1 uẩn do thủ ... tóm lược. Trong do thủ căn có 3 câu.

∗ Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Quả duyên: 1 uẩn quả phi do thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Quả duyên, 2 uẩn ...

380.

Chư pháp do thủ và phi do thủ làm duyên cho những pháp do thủ và phi do thủ bằng Thực duyên:
Đoàn thực do thủ và phi do thủ làm duyên cho thân do thủ và phi do thủ ấy bằng Thực duyên.

381.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Quyền duyên:
- Quyền *(indrīya)* do thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Quyền duyên.
- Sát-na tục sinh: Quyền do thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Quyền duyên. Nhãn quyền làm duyên cho nhãn thức, thân quyền... sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Quyền duyên.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ... Trong do thủ căn có 3 câu; sắc mạng quyền chỉ có câu đầu, ngoài ra không có.

∗ Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Quyền duyên:
Quyền *(indrīya)* phi do thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Quyền duyên.

382.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Thiền duyên: Có 4 câu.

∗ ... bằng Đạo duyên có 4 câu,... bằng Tương ưng duyên có 2 câu.

383.

∗ Pháp do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như sát-na tục sinh: Uẩn do thủ làm duyên cho sắc tục sinh bằng Bất tương ưng duyên... uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên; vật làm duyên cho uẩn bằng Bất tương ưng duyên.

- Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức, vật làm duyên cho uẩn do thủ bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn do thủ làm duyên cho thân do thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Uẩn do thủ làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên.
  - Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn phi do thủ và sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên .
  - Hậu sanh như: Uẩn do thủ làm duyên cho thân phi do thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp do thủ làm duyên cho những pháp do thủ và phi do thủ bằng Bất tương ưng duyên:
  Hậu sanh như: Uẩn do thủ làm duyên cho thân do thủ và phi do thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Uẩn phi do thủ làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn phi do thủ làm duyên cho thân phi do thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Bất tương ưng duyên:
  Hậu sanh như: Uẩn phi do thủ làm duyên cho thân do thủ ấy sanh sau bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp phi do thủ làm duyên cho những pháp do thủ và phi do thủ bằng Bất tương ưng duyên:
  Hậu sanh như: Uẩn phi do thủ làm duyên cho thân do thủ và phi do thủ ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

384.

* Pháp do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền,... tóm tắt.... Câu đề tóm tắt nên phân rộng cho đầy đủ.

* Pháp do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực... tóm tắt... câu dón gọn nên sắp rộng ra.

* Pháp do thủ làm duyên cho những pháp do thủ và phi do thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh và Thực,... tóm tắt... Câu dón gọn nên sắp rộng ra.

* Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh và Thực,... tóm tắt... Câu dón gọn nên sắp rộng ra.

* Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Hiện hữu duyên có Tiền sanh, Hậu sanh và Thực:
  - Tiền sanh như: Sắc phi do thủ sanh trước... thinh... xúc; quán ngộ bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
  - Thiện, bất thiện vừa dứt thì tâm mót *(tadārammaṇa)* thuộc quả sanh ra.
  - Sắc xứ phi do thủ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ...

- Hậu sanh như: Uẩn phi do thủ làm duyên cho thân do thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên. Đoàn thực phi do thủ làm duyên cho thân do thủ ấy bằng Hiện hữu duyên.

* Pháp phi do thủ làm duyên cho những pháp do thủ và phi do thủ bằng Hiện hữu duyên có Hậu sanh và Thực:
  - Hậu sanh như: Uẩn phi do thủ làm duyên cho thân do thủ và phi do thủ ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
  - Đoàn thực phi do thủ làm duyên cho thân do thủ và phi do thủ ấy bằng Hiện hữu duyên.

* Chư pháp do thủ và phi do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Hiện hữu duyên có Tiền sanh, Hậu sanh, Thực, Quyền:
  - Tiền sanh như: Sắc xứ và vật, xúc xứ và vật phi do thủ làm duyên cho uẩn do thủ bằng Hiện hữu duyên.
  - Sắc xứ và nhãn xứ phi do thủ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ và thân xứ phi do thủ làm duyên cho thân thức bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn phi do thủ và đoàn thực phi do thủ làm duyên cho thân do thủ ấy bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn do thủ và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

* Chư pháp do thủ và phi do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh và Thực:
  - Đồng sanh như: Uẩn do thủ và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
  - Đồng sanh như: 1 uẩn phi do thủ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...
  - Tiền sanh như: Sắc xứ và vật phi do thủ làm duyên cho uẩn phi do thủ bằng Hiện hữu duyên. Xúc xứ và vật làm duyên cho uẩn phi do thủ bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn do thủ và đoàn thực phi do thủ làm duyên cho thân phi do thủ ấy bằng Hiện hữu duyên.

* Chư pháp do thủ và phi do thủ làm duyên cho pháp do thủ và phi do thủ bằng Hiện hữu duyên: Đoàn thực do thủ và phi do thủ làm duyên cho thân do thủ và phi do thủ ấy bằng Hiện hữu duyên.

* ... bằng Vô hữu duyên,... bằng Ly duyên,... bằng Bất ly duyên.

385.

Nhân 4, Cảnh 4, Trưởng 2, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 5, Cận y 4, Tiền sanh 6, Hậu sanh 6, Cố hưởng 1, Nghiệp 5, Quả 4, Thực 9, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 2, Bất tương ưng 6, Hiện hữu 9, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 9.

386.

* Pháp do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

* Pháp do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên.

* Pháp do thủ làm duyên cho những pháp do thủ và phi do thủ bằng Đồng sanh duyên; bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên.
* Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên.
* Pháp phi do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên.
* Pháp phi do thủ làm duyên cho những pháp do thủ và phi do thủ bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên.
* Chư pháp do thủ và phi do thủ làm duyên cho pháp do thủ bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Chư pháp do thủ và phi do thủ làm duyên cho pháp phi do thủ bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên.
* Chư pháp do thủ và phi do thủ làm duyên cho những pháp do thủ và phi do thủ bằng Thực duyên.

387.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả đều 9, phi Thực 8, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 9, phi Hiện hữu 4, phi Vô hữu 9, phi Ly 9, phi Bất ly 4.

388.

Nhân duyên có phi Cảnh 4,... phi Hỗ tương 3, phi Cận y 4, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

389.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Trưởng 2; nên sắp thuận theo đầu đề;... Bất ly 9.

Dứt nhị đề do thủ (upādinnaduka)

NHỊ ĐỀ THỦ *(UPADANADUKA)*

<u>Phần Liên Quan</u> ***(Paṭiccavāra)***

390.

* Pháp thủ liên quan pháp thủ sanh ra do Nhân duyên:
  - Dục thủ *(kāmupādāna)* liên quan tà kiến thủ *(diṭṭhupādāna)*; tà kiến thủ liên quan dục thủ.
  - Dục thủ liên quan giới cấm thủ *(sīlabbatupādāna)*; giới cấm thủ liên quan dục thủ.
  - Dục thủ liên quan ngã chấp thủ *(attavādupādāna)*; ngã chấp thủ liên quan dục thủ.
* Pháp phi thủ liên quan pháp thủ sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan thủ.
* Chư pháp thủ và phi thủ liên quan pháp thủ sanh ra do Nhân duyên:
  Dục thủ và uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan tà kiến thủ,... dục thủ, tất cả nên sắp căn luân *(cakka)*.
* Pháp phi thủ liên quan pháp phi thủ sanh ra do Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi thủ, 2 uẩn...

- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi thủ, 2 uẩn... vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, .. 1 đại sung. Sắc tâm, sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp thủ liên quan pháp phi thủ sanh ra do Nhân duyên:
Thủ liên quan uẩn phi thủ.

∗ Pháp thủ và phi thủ liên quan pháp phi thủ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn thủ và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi thủ, 2 uẩn và sắc tâm liên quan 2 uẩn.

∗ Pháp thủ liên quan pháp thủ và phi thủ sanh ra do Nhân duyên:
Dục thủ liên quan tà kiến thủ và uẩn tương ưng, tất cả nên sắp cách luân *(cakka)*.

∗ Pháp phi thủ liên quan pháp thủ và phi thủ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi thủ và thủ, 2 uẩn... sắc tâm liên quan pháp thủ, phi thủ và đại sung. Uẩn phi thủ liên quan thủ và vật.

∗ Chư pháp thủ và phi thủ liên quan pháp thủ và phi thủ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và dục thủ và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi thủ và tà kiến thủ,... 2 uẩn. Nên sắp cách luân *(cakka)*.

391.

Pháp thủ liên quan pháp thủ sanh ra do Cảnh duyên: Nên sắp 9 câu trừ ra sắc.

392.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, tất cả đều 9, Quả 1, Bất ly 9.

393.

Pháp phi thủ liên quan pháp phi thủ sanh ra phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân phi thủ, 2 uẩn... . Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật.. 1 đại sung. Sắc tâm và sắc tục sinh thuộc y sinh liên quan đại sung thuộc sắc ngoại,... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng...
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

394.

∗ Pháp phi thủ liên quan pháp thủ sanh ra do phi Cảnh duyên: Sắc tâm liên quan thủ *(upādāna)*.

∗ Pháp phi thủ liên quan pháp phi thủ sanh ra do phi Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn phi thủ. Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn phi thủ; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; 1 đại sung luôn đến người Vô tưởng.

∗ Pháp phi thủ liên quan pháp thủ và phi thủ sanh ra do phi Cảnh duyên:
- Sắc tâm liên quan thủ và uẩn tương ưng,
- Sắc tâm liên quan thủ và đại sung.

∗ ... Do phi Trưởng duyên,... do phi Liên tiếp duyên,... do phi Cận y duyên.

395.

∗ Pháp thủ liên quan pháp thủ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: Dục thủ liên quan ngã chấp thủ; ngã chấp thủ liên quan dục thủ.

∗ Pháp phi thủ liên quan pháp thủ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
- Cõi Vô sắc: Uẩn tương ưng liên quan thủ.

- Sắc tâm liên quan thủ,... tóm tắt... nên sắp 9 câu đề; thủ trong Vô sắc có 2 câu,... tóm tắt...

396.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3,... phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

397.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly.

398.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1, tất cả đều 1, Đạo 1, Bất ly 1.

Phần đồng sanh *(sahajāta)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*; nên sắp dục thủ *(kamupādāna)* đồng sanh tà kiến thủ.

<u>Phần Ỷ Trượng</u> *(Paccayavāra)*

399.

∗ Pháp thủ nhờ cậy pháp thủ sanh ra do Nhân duyên:
Dục thủ *(kamupādāna)* nhờ cậy tà kiến thủ *(diṭṭhupādāna)* có 3 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp phi thủ nhờ cậy pháp phi thủ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi thủ,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: Luôn đến đại sung nội bộ *(ajjhattika)* nhờ cậy uẩn; uẩn phi thủ nhờ cậy vật.

∗ Pháp thủ nhờ cậy pháp phi thủ sanh ra do Nhân duyên:
Thủ nhờ cậy uẩn phi thủ, thủ nhờ cậy vật.

∗ Chư pháp thủ và phi thủ nhờ cậy pháp phi thủ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn thủ và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi thủ,... 2 uẩn. Uẩn nhờ cậy vật, sắc tâm nhờ cậy đại sung; thủ và uẩn tương ưng nhờ cậy vật.

∗ Pháp thủ nhờ cậy pháp thủ và phi thủ sanh ra do Nhân duyên:
- Dục thủ nhờ cậy tà kiến thủ và uẩn tương ưng; tà kiến thủ nhờ cậy dục thủ và uẩn tương ưng. Nên sắp cách luân *(cakkaṃ)*.
- Dục thủ nhờ cậy tà kiến thủ và vật; nên sắp cách luân.

∗ Pháp phi thủ nhờ cậy những pháp thủ và phi thủ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi thủ và thủ,... 2 uẩn. Nên sắp cách luân *(cakkaṃ)*.
- Sắc tâm nhờ cậy thủ và đại sung. Uẩn phi thủ nhờ cậy thủ và vật.

∗ Chư pháp thủ và phi thủ nhờ cậy pháp thủ và phi thủ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và dục thủ và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi thủ và tà kiến thủ; nên sắp cách luân *(cakkaṃ)*.
- Dục thủ và uẩn tương ưng nhờ cậy tà kiến thủ và vật, nên sắp cách luân *(cakkaṃ)*.

∗ ... Do Cảnh duyên: Trong Cảnh duyên có phi thủ căn nên sắp 5 xứ và vật.

400.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, tất cả đều 9, Quả 1, Bất ly 9.

401.

Pháp phi thủ liên quan pháp phi thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
- ... 1 uẩn vô nhân phi thủ. Sát-na tục sinh vô nhân: Luôn đến người Vô tưởng.
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ. Uẩn phi thủ vô nhân nhờ cậy vật. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

402.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Tiền sanh 9,... tóm tắt... phi Nghiệp 3, phi Quả 9 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)* phi Ly 3.

Đếm 2 câu ngoài ra hay phần y chỉ *(nissayavāra)* cũng sắp như thế.

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

403.

Pháp thủ hòa hợp pháp thủ sanh ra do Nhân duyên:

Dục thủ *(kamupādāna)* hòa hợp tà kiến thủ *(diṭṭhupādāna)* tà kiến thủ hòa hợp *(saṅsaṭṭha)* dục thủ; nên thắt cách luân. Nên sắp 9 câu như thế.

404.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, tất cả đều 9, Quả 1, Ly 9, Bất ly 9.

405.

Pháp phi thủ hòa hợp pháp phi thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân phi thủ,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

406.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

Dù đếm 2 câu ngoài ra, hay phần tương ưng *(sampayatta)* nên sắp như thế.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

407.

∗ Pháp thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Nhân duyên:
- Nhân thủ làm duyên cho thủ tương ưng bằng Nhân duyên; nên sắp căn *(mūla)*.
- Nhân thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên, nên sắp căn.
- Nhân thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và thủ và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho pháp phi thủ bằng Nhân duyên:

Nhân phi thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Nhân duyên:

Nhân phi thủ làm duyên cho thủ tương ưng bằng Nhân duyên, nên sắp căn *(mūla)*. nhân phi thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và thủ và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp thủ và phi thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Nhân duyên:
- Nhân thủ và phi thủ làm duyên cho thủ tương ưng bằng Nhân duyên; nên sắp căn.
- Nhân thủ và phi thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên; nên sắp căn.
- Nhân thủ và phi thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và thủ và sắc tâm bằng Nhân duyên.

408.

∗ Pháp thủ làm duyên cho pháp thủ sanh ra bằng Cảnh duyên:
Thủ *(upādāna)* mở mối cho thủ sanh ra, có 3 câu nên sắp khai đoan *(ārabbha)*.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho pháp phi thủ sanh ra bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán, thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu sanh ra.
- Nhớ thiện đã từng làm chứa để.. Xuất thiền phản khán thiền...
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ, phiền não hạn chế, phiền não đã từng sanh.
- Quán ngộ nhãn .. vật... uẩn phi thủ bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm phi thủ.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ, Vô sở hữu... sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ... uẩn phi thủ làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn *(āvajjna)* bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh tà kiến phát.
- Nhớ thiện từng làm chứa để... xuất thiền...
- Nhãn... vật... uẩn phi thủ thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh tà kiến phát.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho pháp thủ và phi thủ bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán... Nhớ thiện từng làm chứa để...
- Xuất thiền phản khán thiền... nhãn... vật... uẩn phi thủ thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan thủ và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Pháp thủ và phi thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Cảnh duyên có 3 câu, nên sắp khai đoan *(ārabbha)*.

409.

∗ Pháp thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như: Nặng về thủ rồi làm cho thủ sanh ra, có 3 câu như Trưởng duyên *(ārammaṇadhipati)*.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho pháp phi thủ bằng Trưởng duyên: Có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới... Nhớ thiện từng làm chứa để... xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán... thỏa thích...
- Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán, nặng về quả rồi phản khán, nặng về Níp Bàn rồi phản khán. Níp Bàn làm duyên cho quả bằng Trưởng duyên.
- Nặng về nhãn... vật... nặng về uẩn phi thủ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* phi thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Trưởng duyên: Có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi mới thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi ái sanh tà kiến phát.
- Nhớ thiện đã làm chứa để trước kia... thiền... nhãn... vật... nặng về uẩn phi thủ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* phi thủ làm duyên cho thủ tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho những pháp thủ và phi thủ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới.... Nhớ thiện từng làm chứa để...
- Phản khán thiền... nhãn... vật... nặng về uẩn phi thủ rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng đó mới làm cho thủ và uẩn tương ưng phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và thủ và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp thủ và phi thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Trưởng duyên có 3 câu.
- Trưởng cảnh như:... có 3 câu, nên sắp khai đoan *(ārabbha)* chỉ có Trưởng cảnh mà thôi.

410.

∗ Pháp thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Vô gián duyên:
- Thủ sanh trước trước làm duyên cho thủ sanh sau sau bằng Vô gián duyên; nên sắp cách căn *(mūla)*.
- Thủ sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi thủ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Thủ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên, nên sắp căn.
- Thủ sanh trước trước làm duyên cho thủ và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho pháp phi thủ bằng Vô gián duyên:
- Uẩn phi thủ sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi thủ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Vô gián duyên:
Uẩn phi thủ sanh trước trước làm duyên cho uẩn thủ sanh sau sau bằng Vô gián duyên, khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho thủ bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho những pháp thủ và phi thủ bằng Vô gián duyên:
Uẩn phi thủ sanh trước trước làm duyên cho thủ và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên; khán môn làm duyên cho thủ và uẩn tương ưng bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp thủ và phi thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Vô gián duyên:
- Thủ và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho thủ sanh sau sau bằng Vô gián duyên; nên sắp cách căn *(mūla)*.
- Thủ và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi thủ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

- Thủ và uẩn tương ưng làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên; nên sắp căn.
- Thủ và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho thủ và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ ... bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ ... bằng Hỗ tương duyên như phần liên quan *(paṭicca)*.

∗ ... bằng Y chỉ duyên như phần ỷ trượng *(paccayavāra)*.

411.

∗ Pháp thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Thủ làm duyên cho thủ bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho pháp phi thủ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như nương đức tin mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương trì giới... trí, ái... hy vọng... nương chỗ ở mạnh có thể lấy của không cho, vọng ngôn, ỷ ngữ... bố thí... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương trì giới... trí, ái... hy vọng... nương chỗ ở mạnh có thể bố thí, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin, ...chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin... quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Cận y duyên:
- Thuần cận y như nương đức tin mạnh có thể gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới... nương chỗ ở mạnh có thể lấy của không cho, nói láo, thóc mách... ác khẩu... ỷ ngữ, cắt liên lạc, đánh cướp, giựt của nhà độc thân, làm cho tai nạn, tà dâm, giết dân vườn, người chợ.
- Nương đức tin,... chỗ ở mạnh làm duyên cho thủ bằng Cận y duyên; nên sắp căn *(mūla)*.
- Nương đức tin mạnh gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới, chỗ ở mạnh có thể lấy của không cho, nói láo, thóc mách, ác khẩu, thêu lời, cắt đường liên lạc, đánh cướp nhà riêng từng người, tạo tai nạn, tà dâm, giết dân vườn, người chợ.
- Nương đức tin... chỗ ở mạnh làm duyên cho thủ và uẩn tương ưng bằng Cận y duyên

∗ Pháp thủ và phi thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y có 3 câu.

412

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho pháp phi thủ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

+ Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
  - Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
  - Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức.

+ Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức; thân xứ... vật làm duyên cho uẩn phi thủ bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn ...vật thỏa thích rất nhân hoan do đó khai đoan ái sanh, tà kiến phát.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho thủ bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho những pháp thủ và phi thủ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan thủ và uẩn tương ưng sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho thủ và uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên.

413

∗ Pháp thủ làm duyên cho pháp phi thủ bằng Hậu sanh duyên, tóm tắt...

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho pháp phi thủ bằng Hậu sanh duyên,... tóm tắt...

∗ Chư pháp thủ và phi thủ làm duyên cho pháp phi thủ bằng Hậu sanh duyên,... tóm tắt...

∗ ... bằng Cố hưởng duyên.

414

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho pháp phi thủ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời
- Đồng sanh như: Tư phi thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư *(cetanā)* phi thủ làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho những pháp thủ bằng Nghiệp duyên:
Tư phi thủ làm duyên cho thủ tương ưng bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho những pháp thủ và phi thủ bằng Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* phi thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và thủ và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

415

Pháp phi thủ làm duyên cho pháp phi thủ bằng Quả duyên:
1 uẩn quả phi thủ... có 1 câu.

416

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho pháp phi thủ bằng Thực duyên có 3 câu; chỉ có đoàn thực.

∗ ... bằng Quyền duyên có 3 câu, chỉ có sắc mạng quyền.

∗ ... bằng Thiền duyên có 3 câu.

417

∗ Pháp thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Đạo duyên:
Chi đạo thủ *(upādāna)* làm duyên cho thủ tương ưng bằng Đạo duyên; nên phân 9 câu theo ý này.

∗ ... Tương ưng duyên có 9 câu.

418

* Pháp thủ làm duyên cho pháp phi thủ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Thủ làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên.
  - Hậu sanh như: Thủ sanh sau sau làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp phi thủ làm duyên cho pháp phi thủ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...

* Pháp phi thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Bất tương ưng duyên:
  Tiền sanh như: Vật làm duyên cho thủ bằng Bất tương ưng duyên.

* Pháp phi thủ làm duyên cho những pháp thủ và phi thủ bằng Bất tương ưng duyên:
  Tiền sanh như: Vật làm duyên cho thủ và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên.

* Chư pháp thủ và phi thủ làm duyên cho những pháp phi thủ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Thủ và uẩn tương ưng làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên.
  - Hậu sanh như: Thủ và uẩn tương ưng làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

419

* Pháp thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Hiện hữu duyên:
  Dục thủ *(kamupādāna)* làm duyên cho tà kiến thủ *(diṭṭhupādāna)* bằng Hiện hữu duyên; nên sắp cách luân.

* Pháp thủ làm duyên cho pháp phi thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Thủ làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.

* Pháp thủ làm duyên cho những pháp thủ và phi thủ bằng Hiện hữu duyên... tóm tắt... như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

* Pháp phi thủ làm duyên cho pháp phi thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền... tóm tắt... nên sắp rộng.

* Pháp phi thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh: Cũng như Đồng sanh *(sahajāta)*.
  - Tiền sanh: Cũng như Tiền sanh *(purejāta)*.

* Pháp phi thủ làm duyên cho những pháp thủ và phi thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh,... tóm tắt...
  - Đồng sanh nên phân rộng như Đồng sanh.
  - Tiền sanh phân rộng theo Tiền sanh.

* Chư pháp thủ và phi thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: Tà kiến thủ và uẩn tương ưng làm duyên cho dục thủ bằng Hiện hữu duyên; nên sắp căn luân *(cakkaṃ)*.

- Đồng sanh như: Tà kiến thủ và vật làm duyên cho dục thủ bằng Hiện hữu duyên; nên sắp cách luân.

∗ Pháp thủ và phi thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.
- Đồng sanh như: 1 uẩn phi thủ và thủ làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn...
- Đồng sanh như: Thủ và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Thủ và vật làm duyên cho uẩn phi thủ bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Thủ và uẩn tương ưng làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Thủ và uẩn tương ưng với đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Thủ và uẩn tương ưng với sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp thủ và phi thủ làm duyên cho pháp thủ và phi thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh:
- Đồng sanh như: 1 uẩn phi thủ và tà kiến thủ làm duyên cho 3 uẩn và dục thủ và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên, 2 uẩn... Nên sắp cách luân.
- Đồng sanh như: Tà kiến thủ và vật làm duyên cho dục thủ và uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên; nến sắp cách luân.

420.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

421.

∗ Pháp thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Pháp thủ làm duyên cho pháp phi thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp thủ làm duyên cho những pháp thủ và phi thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho pháp phi thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi thủ làm duyên cho những pháp thủ và phi thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp thủ và phi thủ làm duyên cho pháp thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp thủ và phi thủ làm duyên cho pháp phi thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Chư pháp thủ và phi thủ làm duyên cho những pháp thủ và phi thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

422.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả đều 9, phi Bất ly 9.

423.

Phi Nhân duyên có phi Cảnh 9... phi Trưởng 9, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 9, tất cả đều 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

424.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9, nên sắp thuận theo đầu đề,... Bất ly 9.

Dứt nhị đề thủ (upādānaduka)

NHỊ ĐỀ CẢNH THỦ *(UPADANIYADUKA)*

<u>Phần Liên Quan</u> ***(Paṭiccavāra)***

425.

Pháp cảnh thủ liên quan pháp cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng thủ, 2 uẩn...

Nhị đề hiệp thế *(lokiyadukaṃ)* như thế nào, thì nhị đề này cũng như thế ấy, không chi khác.

Dứt nhị đề cảnh thủ

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG THỦ *(UPADANASAMPAYUTTADUKA)*

<u>Phần Liên Quan</u> ***(Paṭiccavāra)***

426.

∗ Pháp bất tương ưng thủ liên quan pháp tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên:

Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng thủ, tham và sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến.

∗ Pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ liên quan pháp tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn tương ưng thủ, 2 uẩn... 3 uẩn và tham liên quan 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến,... 2 uẩn.

∗ Pháp bất tương ưng thủ liên quan pháp bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất tương ưng thủ,... 3 uẩn. Sắc tâm liên quan tham bất tương ưng tà kiến.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn bất tương ưng thủ, 2 uẩn...; vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... 1 đại sung.

∗ Pháp tương ưng thủ liên quan pháp bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn tương ưng liên quan tham bất tương ưng tà kiến.

∗ Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ liên quan pháp bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan tham bất tương ưng tà kiến.

∗ Pháp tương ưng thủ liên quan pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham,... 2 uẩn.

∗ Pháp bất tương ưng thủ liên quan pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng thủ và đại sung, sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham.

∗ Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ liên quan những pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham, 2 uẩn...

427.

∗ Pháp tương ưng thủ liên quan pháp tương ưng thủ sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng tham,... 2 uẩn.

∗ Pháp bất tương ưng thủ liên quan pháp tương ưng thủ sanh ra do Cảnh duyên:
Tham liên quan uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến.

∗ Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ liên quan pháp tương ưng thủ sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn và tham liên quan 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến,... 2 uẩn.

∗ Pháp bất tương ưng thủ liên quan pháp bất tương ưng thủ sanh ra do Cảnh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn bất tương ưng thủ. Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật.

∗ Pháp tương ưng thủ liên quan pháp bất tương ưng thủ sanh ra do Cảnh duyên:
Uẩn tương ưng liên quan tham bất tương ưng tà kiến.

∗ Pháp tương ưng thủ liên quan pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham, 2 uẩn.. tóm tắt...

428.

Nhân 9, Cảnh 6, Trưởng 9, Vô gián 6, Liên tiếp 6, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 6, Tiền sanh 6, Cố hưởng 6, Nghiệp 9, Quả 1, Thực 9, tất cả đều 9, Đạo 9, Tương ưng 6, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 6, Ly 6, Bất ly 9.

429.

∗ Pháp bất tương ưng thủ liên quan pháp bất tương ưng thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân bất tương ưng thủ,... 2 uẩn. Tục sinh vô nhân luôn đến người Vô tưởng... .
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

430.

∗ Pháp bất tương ưng thủ liên quan pháp tương ưng thủ sanh ra do phi Cảnh duyên:

Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng thủ.

∗ Pháp bất tương ưng thủ liên quan pháp bất tương ưng thủ sanh ra do phi Cảnh duyên:
- Sắc tâm liên quan uẩn bất tương ưng thủ; sắc tâm liên quan tham bất tương ưng tà kiến.
- Sát-na tục sinh: Luôn đến người Vô tưởng...

∗ Pháp bất tương ưng thủ liên quan pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ sanh ra do phi Cảnh duyên:
- Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng thủ và đại sung.
- Sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham.

∗ ... Do phi Trưởng duyên,... do phi Vô gián duyên,... do phi Liên tiếp duyên,... do phi Cận y duyên.

431.

∗ Pháp tương ưng thủ liên quan pháp tương ưng thủ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng thủ, 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng thủ liên quan pháp tương ưng thủ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: Tham liên quan uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến; sắc tâm liên quan uẩn tương ưng thủ.

∗ Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ liên quan pháp tương ưng thủ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 3 uẩn và tham liên quan 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến... 2 uẩn.

∗ Pháp bất tương ưng thủ liên quan pháp bất tương ưng thủ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
- Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất tương ưng thủ,... 2 uẩn. Sắc tâm liên quan uẩn bất tương ưng thủ; sắc tâm liên quan tham bất tương ưng tà kiến.
- Sát-na tục sinh: Luôn đến người Vô tưởng.

∗ Pháp tương ưng thủ liên quan pháp bất tương ưng thủ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: Uẩn tương ưng liên quan tham bất tương ưng tà kiến.

∗ Pháp tương ưng thủ liên quan những pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham,... 2 uẩn.

∗ Pháp bất tương ưng thủ liên quan những pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
- Sắc tâm liên quan uẩn bất tương ưng thủ và đại sung.
- Sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham.

∗ ... Do phi Hậu sanh duyên,... do phi Cố hưởng duyên.

432.

∗ Pháp tương ưng thủ liên quan pháp tương ưng thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* tương ưng liên quan uẩn tương ưng thủ.

∗ Pháp bất tương ưng thủ liên quan pháp bất tương ưng thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* tương ưng liên quan uẩn bất tương ưng thủ; sắc ngoại,... sắc vật thực,... sắc âm dương ...

∗ Pháp tương ưng thủ liên quan pháp bất tương ưng thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* tương ưng liên quan tham bất tương ưng tà kiến.

∗ Pháp tương ưng thủ liên quan những pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư tương ưng liên quan uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham,... tóm tắt...

433.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Nên sắp đếm 2 câu ngoài ra như thế này. Phần đồng sanh *(sahajāta)* như phần liên quan.

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

434.

∗ Pháp tương ưng thủ nhờ cậy pháp tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp bất tương ưng thủ nhờ cậy pháp bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên:
- ... nhờ cậy 1 uẩn bất tương ưng thủ... luôn đến đại sung nội bộ *(Ajjhattatika mahābhūta)*.
- Uẩn bất tương ưng thủ nhờ cậy vật, tham bất tương ưng tà kiến nhờ cậy vật.

∗ Pháp tương ưng thủ nhờ cậy pháp bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng thủ nhờ cậy vật; uẩn tương ưng thủ nhờ cậy tham bất tương ưng tà kiến.

∗ Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ nhờ cậy pháp bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên:
- Uẩn tương ưng thủ nhờ cậy vật, sắc tâm nhờ cậy đại sung. Uẩn tương ưng và sắc tâm nhờ cậy tham bất tương ưng tà kiến.
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp tương ưng thủ nhờ cậy những pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn tương ưng thủ và vật,... 2 uẩn. 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham,... 2 uẩn.

∗ Pháp bất tương ưng thủ nhờ cậy những pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc tâm nhờ cậy uẩn tương ưng thủ và đại sung.
- Sắc tâm nhờ cậy uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham. Tham nhờ cậy uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và vật *(vatthu)*.

∗ Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ nhờ cậy những pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn tương ưng thủ và vật,... 2 uẩn. Sắc tâm nhờ cậy uẩn tương ưng thủ và đại sung.

- 3 uẩn và tham nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và vật,... 2 uẩn,... tóm tắt...

Trong Cảnh duyên nên sắp 5 thức *(viññaṇa)*.

435.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, tất cả đều 9, Quả 1, Bất ly 9.

436.

Pháp bất tương ưng thủ nhờ cậy pháp bất tương ưng thủ sanh ra do phi Nhân duyên:
- ... nhờ cậy 1 uẩn vô nhân bất tương ưng thủ luôn đến người Vô tưởng.
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân xứ... .
- Uẩn vô nhân bất tương ưng thủ nhờ cậy vật.
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật,... tóm tắt...

437.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dù đếm 2 câu ngoài ra hay phần y chỉ *(nissayavāra)* nên sắp như thế.

<u>Phần Hòa Hợp</u> *(Saṅsaṭṭhavāra)*

438.

∗ Pháp tương ưng thủ hòa hợp pháp tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên:
... hòa hợp *(saṅsaṭṭha)* 1 uẩn tương ưng thủ, có 3 câu.

∗ Pháp bất tương ưng thủ hòa hợp pháp bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên: cõi Vô sắc: Như phần liên quan..

∗ Pháp tương ưng thủ hòa hợp pháp bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên:
Cõi Vô sắc: Như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp tương ưng thủ hòa hợp những pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên:
Cõi Vô sắc: Như phần liên quan.

439.

Nhân 6, Cảnh 6, Trưởng 6, tất cả đều 6, Quả 1, Bất ly 6.

440.

Pháp bất tương ưng thủ hòa hợp pháp bất tương ưng thủ sanh ra do phi Nhân duyên:

441.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 6, phi Cố hưởng 6, phi Nghiệp 4, phi Quả 6, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 6.

Dù đếm 2 cách ngoài ra, hay phần tương ưng *(sampayuttavāra)* cũng như thế.

<u>Phần Liên Quan</u> *(Paṭiccavāra)*

442.

∗ Pháp tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Nhân duyên:
Nhân tương ưng thủ làm duyên cho uẩn tương ưng thủ bằng Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Nhân duyên:

- Nhân tương ưng thủ làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên. Nhân đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho tham bất tương ưng tà kiến và sắc tâm bằng Nhân duyên; nên sắp cách căn *(mūla)*.
- Nhân tương ưng thủ làm duyên cho uẩn tương ưng thủ và sắc tâm bằng Nhân duyên.
- Nhân đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho uẩn tương ưng và tham và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Nhân duyên:
- Nhân bất tương ưng thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.
- Tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên; tục sinh. Nên sắp cách căn *(mūlaṃ kātabbaṃ)*.
- Tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên, nên sắp căn.
- Tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Nhân duyên:
- Si đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên, nên sắp căn.
- Si đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ bằng Nhân duyên:

Si đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

443

∗ Pháp tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Cảnh duyên:
- Uẩn tương ưng thủ mở mối cho uẩn tương ưng thủ sanh ra; nên sắp căn.
- Uẩn tương ưng thủ mở mối cho uẩn bất tương ưng thủ và tham sanh ra, nên sắp căn.
- Uẩn tương ưng thủ mở mối cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh ra.

∗ Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới... Nhớ thiện từng làm chứa đề... xuất thiền phản khán thiền, thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái bất tương ưng tà kiến... hoài nghi... phóng dật sanh ra.
- Thiền hoại, ưu sanh ra...
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo phản khán quả, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não bất tương ưng thủ đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, phản khán phiền não đã từng sanh.
- Quán ngộ nhãn... vật... uẩn bất tương ưng thủ và tham bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái bất tương ưng tà kiến, hoài nghi... phóng dật.... ưu sanh ra.
- Thiên nhãn luôn thân thức đều sắp đầy đủ.

- Uẩn bất tương ưng thủ làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Cảnh duyên:
Sau khi bố thí... thiền... nhãn... vật... uẩn bất tương ưng thủ và tham thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh tà kiến phát...

∗ Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho những pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ bằng Cảnh duyên:
Nhãn... vật... uẩn bất tương ưng thủ và tham khai đoan uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh ra.

∗ Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Cảnh duyên:
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham khai đoan uẩn tương ưng thủ sanh ra, nên sắp căn.
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham khai đoan uẩn bất tương ưng thủ và tham sanh ra, nên sắp căn.
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham khai đoan uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh ra.

444

∗ Pháp tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn tương ưng thủ rồi làm cho uẩn tương ưng thủ phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên; nên sắp căn.

Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn tương ưng thủ rồi làm cho tham bất tương ưng tà kiến sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng thủ làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho tham bằng Trưởng duyên; nên sắp căn.
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn tương ưng thủ rồi làm cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng tương ưng thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho uẩn tương ưng và tham và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
+ Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí... trì giới...
  - Xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán, thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi làm cho ái bất tương ưng tà kiến sanh ra...
  - Chư Thánh xuất đạo... quả bằng Trưởng duyên.
  - Nhãn... vật... nặng về uẩn bất tương ưng thủ và tham rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái bất tương ưng tà kiến sanh ra...

+ Trưởng đồng sanh như: Trưởng bất tương ưng thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như: Bố thí... thiền... nhãn... vật... nặng về uẩn bất tương ưng thủ và tham rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng dó rồi ái sanh tà kiến phát.

∗ Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như: Nhãn... vật... nặng về uẩn bất tương ưng thủ và tham rồi làm cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh ra.

∗ Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham rồi làm cho uẩn tương ưng thủ sanh ra; nên sắp căn.
- Nặng về uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham rồi làm cho uẩn bất tương ưng thủ và tham sanh ra, nên sắp căn.
- Nặng về uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham rồi làm cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh ra.

445

∗ Pháp tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Vô gián duyên:
- Uẩn tương ưng thủ sanh trước trước làm duyên cho uẩn tương ưng thủ sanh sau sau bằng Vô gián duyên, nên sắp căn.
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến sanh trước trước làm duyên cho tham bất tương ưng tà kiến sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn tương ưng thủ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên, nên sắp căn.
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Vô gián duyên:
- Tham bất tương ưng tà kiến sanh trước trước làm duyên cho tham bất tương ưng tà kiến sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tham làm duyên cho quả sơ khởi bằng Vô gián duyên.
- Uẩn bất tương ưng thủ sanh trước trước làm duyên cho uẩn bất tương ưng thủ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* quả nhập thiền bằng Vô gián duyên; nên sắp căn.
- Tham bất tương ưng tà kiến sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Khán môn làm duyên cho uẩn tương ưng thủ bằng Vô gián duyên; nên sắp căn.
- Tham bất tương ưng tà kiến sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Khán môn làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến sanh sau sau bằng Vô gián duyên; nên sắp căn.
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh trước trước làm duyên cho tham bất tương ưng tà kiến sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên; nên sắp căn.
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

446.

∗ Pháp tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên có 9 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ ... bằng Hỗ tương duyên có 6 câu như phần liên quan.

∗ ... bằng Y chỉ duyên có 9 câu như phần ỷ trượng *(paccayavāra)*.

447.

∗ Pháp tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Uẩn tương ưng thủ làm duyên cho uẩn tương ưng thủ bằng Cận y duyên; nên sắp căn.
- Uẩn tương ưng thủ làm duyên cho uẩn bất tương ưng thủ và tham bằng Cận y duyên; nên sắp căn.
- Uẩn tương ưng thủ làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham bằng Cận y duyên.

∗ Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn.
- Nương giới mạnh... trí... ái bất tương ưng thủ, ngã mạn, hy vọng.., nương chỗ ở mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin, chỗ ở làm duyên cho đức tin... trí, ái bất tương ưng thủ, ngã mạn, hy vọng, thân lạc, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Cận y duyên có 3 câu.
- Nương đức tin mạnh, gây ngã mạn, chấp tà kiến, giới... trí; nương ái bất tương ưng thủ, ngã mạn, hy vọng... chỗ ở mạnh lấy của không cho, nói láo, thóc mách... miệng dữ, thêu lời, đánh cướp,... giựt của nhà ở độc thân, gây tai nạn, cắt đứt giao thông, giết dân vườn, người chợ.
- Nương đức tin... chỗ ở làm duyên cho ái tương ưng thủ, ngã mạn, tà kiến, hy vọng bằng Cận y duyên.

∗ Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho những pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh, gây ngã mạn, trì giới... trí.
- Nương ái bất tương ưng thủ... nương chỗ ở mạnh có thể giết dân vườn, người chợ.

- Nương đức tin... chỗ ở mạnh làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham bằng Cận y duyên.

∗ Pháp tương ưng thủ và pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Cận y duyên:
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho uẩn tương ưng thủ bằng Cận y duyên; nên sắp căn.
- Uẩn đồng sanh thạm bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho uẩn bất tương ưng thủ và tham bằng Cận y duyên; nên sắp căn.
- Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham bằng Cận y duyên.

448.

∗ Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn.... vật bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe thấy. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ...
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ... vật làm duyên cho uẩn tương ưng thủ và tham bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái sanh tà kiến phát.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho những pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật mở mối cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham bằng Tiền sanh duyên.

449.

∗ Pháp tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Hậu sanh duyên,... tóm tắt...

∗ Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Hậu sanh duyên,... tóm tắt...

∗ Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ làm duyên làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Hậu sanh duyên,... tóm tắt... bằng Cố hưởng duyên.

450.

∗ Pháp tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Nghiệp duyên:
- Tư tương ưng thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời
- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* tương ưng thủ làm duyên cho sắc tâm bằng Nghiệp duyên. Tư đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho tham và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

- Biệt thời như: Tư tương ưng thủ làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ bằng Nghiệp duyên:
- Tư tương ưng thủ làm duyên cho uẩn tương ưng thủ và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Tư đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến làm duyên cho uẩn tương ưng và tham và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời
- Đồng sanh như: Tư bất tương ưng thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư bất tương ưng thủ làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

451.

Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Quả duyên:
- ... 1 uẩn quả bất tương ưng thủ;... 1 câu.

452.

∗ Pháp tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Thực duyên,... bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên.

4 câu theo đây như tham bất tương ưng tà kiến trong Nghiệp duyên đều đồng 4 câu, 4 câu như thế.

∗ ... bằng Tương ưng duyên có 6 câu.

453.

∗ Pháp tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt...

∗ Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...

∗ Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Bất tương ưng duyên:
Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn tương ưng thủ bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho những pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ bằng Bất tương ưng duyên:
Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên.
- Hậu sanh:...

454.

∗ Pháp tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Hiện hữu duyên có 1 câu như phần liên quan.

∗ Pháp tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt...

* Pháp tương ưng thủ làm duyên cho những pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ bằng Hiện hữu duyên như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

* Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền,... tóm tắt...

* Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh,... tóm tắt... .

* Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho những pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh: theo đây như Đồng sanh *(sahajāta)*.
  - Tiền sanh: Như Tiền sanh *(purejāta)*.

* Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: 1 uẩn tương ưng thủ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên,... 2 uẩn.
  - Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên,... 2 uẩn.

* Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
  - Đồng sanh như: Uẩn tương ưng thủ và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
  - Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
  - Đồng sanh như: Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và vật làm duyên cho tham bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

* Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ làm duyên cho những pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và tham làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên,... 2 uẩn...
  - Đồng sanh như: 1 uẩn đồng sanh tham bất tương ưng tà kiến và vật làm duyên cho 3 uẩn và tham bằng Hiện hữu duyên,... 2 uẩn.

* ... bằng Vô hữu duyên,... bằng Ly duyên,... bằng Bất ly duyên.

455.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 6, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

456.

* Pháp tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

* Pháp tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.
* Pháp tương ưng thủ làm duyên cho những pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp bất tương ưng thủ làm duyên cho những pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất tương ưng thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Chư pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ làm duyên cho những pháp tương ưng thủ và bất tương ưng thủ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

457

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, tất cả đều 9, phi Ly 9.

458.

Nhân duyên có phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 9, tất cả đều 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

459.

Nhân duyên có Cảnh 9, ... Trưởng 9, đếm thuận theo đầu đề, ... phi Ly 9.

Dứt nhị đề tương ưng thủ (upādāna sampayuttaduka)

NHỊ ĐỀ THỦ CẢNH THỦ *(Upādāna upādāniyaduka)*

<u>Phần Liên Quan</u> ***(Paṭiccavāra)***

460.

* Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên:
  Dục thủ *(kāmupādāna)* liên quan tà kiến thủ *(diṭṭhupādāna);* tà kiến thủ liên quan dục thủ. Nên sắp cánh luân.
* Pháp cảnh thủ phi thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan thủ *(diṭṭhupādāna)*.
* Pháp thủ cảnh thủ và cảnh thủ phi thủ liên quan pháp thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên:

Dục thủ *(kāmupādāna)* và uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan tà kiến thủ; sắp cánh luân *(cakkaṃ)*

∗ Pháp cảnh thủ phi thủ liên quan pháp cảnh thủ phi thủ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn cảnh thủ phi thủ. Tục sinh luôn đến đại sung nội bộ *(ajjhattika mahābhūta)*.

∗ Pháp thủ cảnh thủ liên quan pháp cảnh thủ phi thủ sanh ra do Nhân duyên:
Thủ liên quan uẩn cảnh thủ phi thủ.

∗ Chư pháp thủ cảnh thủ và cảnh thủ phi thủ liên quan pháp cảnh thủ phi thủ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn thủ và sắc tâm liên quan 1 uẩn cảnh thủ phi thủ, 2 uẩn...

∗ Pháp thủ cảnh thủ liên quan những pháp thủ cảnh thủ và cảnh thủ phi thủ sanh ra do Nhân duyên:
Dục thủ liên quan tà kiến thủ và uẩn tương ưng; sắp cánh luân.

∗ Pháp cảnh thủ phi thủ liên quan những pháp thủ cảnh thủ và cảnh thủ phi thủ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn cảnh thủ phi thủ và thủ,... 2 uẩn. Sắc tâm liên quan thủ và đại sung.

∗ Chư pháp thủ cảnh thủ và cảnh thủ phi thủ liên quan những pháp thủ cảnh thủ và cảnh thủ phi thủ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và dục thủ và sắc tâm liên quan 1 uẩn cảnh thủ phi thủ và tà kiến, 2 uẩn... nên sắp cách luân *(cakkaṃ)*.

Phần liên quan *(paṭiccavāra)* trong nhị đề thủ *(upādānaduka)* như thế nào thì phần đồng sanh *(sahajāta),* phần ỷ trượng *(paccayavāra)*, phần y chỉ *(nissayavāra),* phần hòa hợp *(saṅsattha),* phần tương ưng *(sampayuttavāra)* đều sắp như thể ấy, không chi khác. Bổn phân không chi khác.

<u>Phần Liên Quan</u> *(Paṭiccavāra)*

461

∗ Pháp thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp thủ cảnh thủ bằng Nhân duyên:
Nhân thủ cảnh thủ làm duyên cho thủ tương ưng bằng Nhân duyên.

∗ Pháp thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp cảnh thủ phi thủ bằng Nhân duyên:
Như nhị đề thủ *(upādānaduka)* 9 câu không chi khác.

462

∗ Pháp thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên:
Thủ mở mối cho thủ sanh ra, có 3 câu.

∗ Pháp cảnh thủ phi thủ làm duyên cho pháp cảnh thủ phi thủ bằng Cảnh duyên:
- Bố thí... xuất thiền phản khán thiền thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái... tà kiến, hoài nghi, phóng dật.. Ưu sanh ra.
- Chư Thánh phản khán chuyển tộc *(gotrabhū)* phản khán dũ tịnh *(vodanā)*... phản khán phiền não đã trừ, phản khán phiền não hạn chế, phiền não đã từng sanh.
- Nhãn... vật... tóm tắt... làm duyên cho vị lai thông và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp cảnh thủ phi thủ làm duyên cho pháp thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên,... tóm tắt... 2 câu này như nhị đề thủ *(upādānaduka).*

∗ Chư pháp thủ cảnh thủ và cảnh thủ phi thủ làm duyên cho pháp thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên có 3 câu.

Trưởng duyên có 3 câu như nhị đề thủ *(upādānaduka).*

463.

∗ Pháp cảnh thủ phi thủ làm duyên cho pháp cảnh thủ phi thủ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Bố thí...
- Xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán, thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi ái sanh tà kiến phát...
- Chư Thánh hữu học nặng về chuyển tộc *(gotrabhū)* dũ tịnh *(vodanā)*... nhãn... vật... nặng về uẩn cảnh thủ phi thủ rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi ái sanh tà kiến phát... uẩn cảnh thủ phi thủ sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* cảnh thủ phi thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

2 câu ngoài ra hay Trưởng cảnh *(ārammaṇadhipati)* Trưởng đồng sanh *(sahajatadhipati)* cũng như nhị đề thủ *(upādānaduka).*

Hiệp trợ *(ghatana)* Trưởng duyên có 3 câu như nhị đề thủ

Tất cả duyên như nhị đề thủ *(upādānaduka),* trong cảnh thủ *(upadaniya)* không có siêu thế.

2 cách đếm ngoài ra ý này cũng như nhị đề.

Dứt nhị đề thủ cảnh thủ (upādāna upādāniyaduka)

NHỊ ĐỀ THỦ TƯƠNG ƯNG THỦ *(UPĀDĀNA UPĀDĀNASAMPAYUTTADUKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāro)*

464.

∗ Pháp thủ tương ưng thủ liên quan pháp thủ tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên: Dục thủ liên quan kiến thủ. Nên sắp cách luân.

∗ Pháp tương ưng thủ phi thủ liên quan pháp thủ tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên: Uẩn tương ưng liên quan thủ.

∗ Pháp thủ tương ưng thủ và pháp tương ưng thủ phi thủ liên quan pháp thủ tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên: Dục thủ và uẩn tương ưng liên quan kiến thủ. Nên sắp cách luân *(cakkaṃ)*.

... tương ưng thủ... tóm tắt..., có 9 câu, giống như nhị đề thủ *(upādānaduka)* chỉ không có sắc pháp. Tất cả câu đều nên giải rộng như vậy, chỉ có pháp phi sắc.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāro)*

465.

∗ Pháp thủ tương ưng thủ làm duyên cho pháp thủ tương ưng thủ bằng Nhân duyên:

- Nhân thủ tương ưng thủ làm duyên cho thủ tương ưng bằng Nhân duyên, nên hỏi đến căn.
- Nhân thủ tương ưng thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên, nên hỏi đến căn.
- Nhân thủ tương ưng thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và thủ bằng Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng thủ phi thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ phi thủ bằng Nhân duyên:
- Nhân tương ưng thủ phi thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên, nên hỏi đến căn.
- Nhân tương ưng thủ phi thủ làm duyên cho thủ tương ưng bằng Nhân duyên, nên hỏi đến căn.
- Nhân tương ưng thủ phi thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và thủ bằng Nhân duyên.

∗ Pháp thủ tương ưng thủ làm duyên cho pháp thủ tương ưng thủ bằng Nhân duyên:
- Nhân thủ tương ưng thủ và tương ưng thủ phi thủ làm duyên cho thủ tương ưng bằng Nhân duyên, nên hỏi đến căn.
- Nhân thủ tương ưng thủ và tương ưng thủ phi thủ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên; nên hỏi đến căn.
- Nhân thủ tương ưng thủ và tương ưng thủ phi thủ làm duyên cho uẩn tương ưng và thủ bằng Nhân duyên.

466.

∗ Pháp thủ tương ưng thủ làm duyên cho pháp thủ tương ưng thủ bằng Cảnh duyên:
- Thủ mở mối thủ sanh ra, nên hỏi đến căn.
- Thủ mở mối uẩn tương ưng thủ phi thủ sanh ra, nên hỏi đến căn.
- Thủ mở mối cho thủ và uẩn tương ưng thủ sanh ra.

∗ Pháp tương ưng thủ phi thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ phi thủ bằng Cảnh duyên:

Uẩn tương ưng thủ phi thủ mở mối cho uẩn tương ưng thủ phi thủ sanh ra, nên sắp 3 câu.

Dù hiệp trợ *(ghaṭanā)* có 3 câu cũng nên sắp.

467.

∗ Pháp thủ tương ưng thủ làm duyên cho pháp thủ tương ưng thủ bằng Trưởng duyên có 3 câu.

∗ Pháp tương ưng thủ phi thủ làm duyên cho pháp tương ưng thủ phi thủ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh, cũng có 3 câu. Dù 3 câu nên sắp 2 câu có Trưởng; hợp trợ *(ghaṭanā)* Trưởng cũng 3 câu.

468.

Pháp thủ tương ưng thủ làm duyên cho pháp thủ tương ưng thủ bằng Vô gián duyên:

Thủ tương ưng thủ sanh trước trước làm duyên cho thủ sanh sau sau bằng Vô gián duyên. Nên sắp 9 câu như thế, không có khán môn *(āvajjana)* và quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.

469.

∗ Pháp thủ Tương thủ làm duyên cho pháp thủ tương ưng thủ bằng Liên tiếp duyên có 9 câu.

∗ ... bằng Đồng sanh duyên có 9 câu,... bằng Hỗ tương, duyên có 9 câu,... bằng Y chỉ duyên có 9 câu.

470.

* Pháp thủ tương ưng thủ làm duyên cho pháp thủ tương ưng thủ bằng Cận y duyên... có 3 câu.
* Pháp tương ưng thủ phi thủ làm duyên pháp tương ưng thủ phi thủ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thường cận y:

  Thường cận y: Các uẩn tương ưng thủ phi thủ làm duyên các uẩn tương ưng thủ phi thủ bằng Cận y duyên: 3 câu.

  Trong Cận y hiệp lực cũng có 3 duyên ... bằng Cố hưởng duyên: 9 câu.

471.

* Pháp tương ưng thủ phi thủ làm duyên pháp tương ưng thủ phi thủ bằng Nghiệp duyên: 3 câu
* ... bằng Thực duyên: 3 câu
* ... bằng Quyền duyên: 3 câu.
* ... bằng Thiền duyên: 3 câu.
* ... bằng Đạo duyên: 9 câu.
* ... bằng Tương ưng duyên: 9 câu.
* ... bằng Hiện hữu duyên: 9 câu.
* ... bằng Vô hữu duyên: 9 câu.
* ... bằng Ly khứ duyên: 9 câu.
* ... bằng Bất ly duyên: 9 câu.

472.

* Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9 Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly khứ 9, Bất ly 9.

473.

* Pháp thủ tương ưng thủ làm duyên pháp thủ tương ưng thủ bằng cảnh duyên... bằng câu sanh duyên... bằng Cận y duyên...
* Pháp thủ tương ưng thủ làm duyên pháp tương ưng thủ phi thủ bằng cảnh duyên... bằng câu sanh duyên... bằng Cận y duyên...
* Pháp thủ tương ưng thủ làm duyên pháp thủ tương ưng thủ và pháp tương ưng thủ phi thủ bằng cảnh duyên... bằng câu sanh duyên... bằng Cận y duyên...

Nên sắp 9 câu đề đều như thế; trong mỗi một căn có 3 câu, 3 vấn đề.

474.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9 ,... tất cả đều 9, phi Bất ly 9.

475.

Phi Cảnh duyên có Nhân 9, ... phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Cận y 9, tất cả đều 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

476.

Cảnh duyên có phi Nhân 9, Trưởng 9. Nên sắp theo đầu đề thuận tùng *(anulomamātikā)*.

Dứt nhị đề thủ tương ưng thủ.

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG THỦ CẢNH THỦ
(UPĀDĀNAVIPPAYUTTA-UPĀDĀNIYADUKAṂ)

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

477.

∗ Pháp bất tương ưng thủ cảnh thủ liên quan pháp bất tương ưng thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất tương ưng thủ cảnh thủ... liên quan 2 uẩn... . Sát-na tục sinh... liên quan một sắc đại sung... sắc nương tâm sanh, sắc nghiệp, sắc y sinh liên quan các sắc đại sung.

∗ Pháp bất tương ưng thủ phi cảnh thủ liên quan pháp bất tương ưng thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn bất tương ưng thủ phi cảnh thủ... liên quan 2 uẩn...

∗ Pháp bất tương ưng thủ cảnh thủ liên quan pháp bất tương ưng thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên:

Sắc tâm liên quan các uẩn bất tương ưng thủ phi cảnh thủ.

∗ Pháp bất tương ưng thủ cảnh thủ và pháp bất tương ưng thủ phi cảnh thủ liên quan pháp bất tương ưng thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất tương ưng thủ phi cảnh thủ.

∗ Pháp bất tương ưng thủ cảnh thủ liên quan pháp bất tương ưng thủ cảnh thủ và pháp bất tương ưng thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên:

Sắc tâm liên quan các uẩn bất tương ưng thủ phi thủ và các sắc đại sung.

478.

Nhân 5, Cảnh 2,... Bất ly 5.

Nhị đề này giống như nhị đề hiệp thế *(lokiyaduka)* trong đề tiểu đỉnh *(cūḷantaraduka)* không khác chi.

Dứt nhị đề bất tương ưng thủ cảnh thủ.

NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO *(KILESADUKAṂ)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

479.

∗ Pháp phiền não liên quan pháp phiền não sanh ra do Nhân duyên:

Si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô uý liên quan tham; si, tà kiến, phóng dật, vô tàm, vô uý liên quan tham; si, ngã mạn, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô uý liên quan tham; si, ngã mạn, phóng dật, vô tàm, vô uý liên quan tham; si, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô uý liên quan tham; si, phóng dật, vô tàm, vô uý liên quan tham; si, hôn trầm phóng dật, vô tàm, vô uý liên quan sân; si, phóng dật, vô tàm, vô uý liên quan sân; si, phóng dật, vô tàm, vô uý liên quan hoài nghi; si, vô tàm, vô uý liên quan phóng dật.

∗ Pháp phi phiền não liên quan pháp phiền não sanh ra do Nhân duyên:

Các uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan phiền não.

∗ Pháp phiền não và pháp phi phiền não liên quan pháp phiền não sanh ra do Nhân duyên:

Si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô uý, các uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan tham. Nên sắp cách luân.

* Pháp phi phiền não liên quan pháp phi phiền não sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi phiền não... liên quan 2 uẩn... . Sát-na tục sinh, ý vật liên quan các uẩn; các uẩn liên quan ý vật... liên quan một sắc đại sung.
* Pháp phiền não liên quan pháp phi phiền não sanh ra do Nhân duyên:
  Các phiền não liên quan các uẩn phi phiền não.
* Pháp phiền não liên quan những pháp phiền não và phi phiền não sanh ra do Nhân duyên:
  Si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy liên quan tham và uẩn tương ưng. Nên sắp cách luân *(cakkaṃ)*.
* Pháp phi phiền não liên quan những pháp phiền não và phi phiền não sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi phiền não và phiền não,... 2 uẩn. Sắc tâm liên quan phiền não và đại sung.
* Chư pháp phiền não và phi phiền não liên quan những pháp phiền não và phi phiền não sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn, si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi phiền não và tham,... 2 uẩn. Nên sắp cách luân,... tóm tắt...

480.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, tất cả đều 9, Quả 1, Bất ly 1.

481.

* Pháp phiền não liên quan pháp phiền não sanh ra do phi Nhân duyên:
  - Si liên quan hoài nghi, si liên quan phóng dật.

  Pháp phi phiền não liên quan pháp phi phiền não sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân phi phiền não,... 2 uẩn. Tục sinh vô nhân luôn đến người Vô tưởng.
* Pháp phiền não liên quan pháp phi phiền não sanh ra do phi Nhân duyên:
  Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.
* Pháp phiền não liên quan những pháp phiền não và phi phiền não sanh ra do phi Nhân duyên:
  - Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi và hoài nghi.
  - Si đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh phóng dật và phóng dật.

482.

* Pháp phi phiền não liên quan pháp phiền não sanh ra do phi Nhân duyên:
  Sắc tâm liên quan phiền não *(kilesa)*.
* Pháp phi phiền não liên quan pháp phi phiền não sanh ra do phi Cảnh duyên:
  - Sắc tâm liên quan uẩn phi phiền não.
  - Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, luôn Vô tưởng...
* Pháp phi phiền não liên quan pháp phiền não và phi phiền não sanh ra do phi Cảnh duyên:
  - Sắc tâm liên quan phiền não và uẩn tương ưng.
  - Sắc tâm liên quan phiền não và đại sung...

∗ ... Do phi Trưởng duyên, do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên, do phi Cận y duyên.

483.

∗ Pháp phiền não liên quan pháp phiền não sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
- Cõi Vô sắc: Si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy liên quan tham.
- Si, tà kiến, phóng dật, vô tàm, vô úy liên quan tham.
- Si, ngã mạn, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy liên quan tham.
- Si, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy liên quan tham
- Si, phóng dật, vô tàm, vô úy liên quan tham.
- Si, phóng dật, vô tàm, vô úy liên quan hoài nghi.
- Si, vô tàm, vô úy liên quan phóng dật.

Trong Vô sắc giới không có căn sân *(dosamūla)*.

∗ Pháp phi phiền não liên quan pháp phiền não sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
- Cõi Vô sắc: Uẩn tương ưng liên quan phiền não.
- Sắc tâm *(cittasamuṭṭhānarūpa)* liên quan phiền não.

Nên sắp 9 câu đề như thế.

∗ ... Do phi Hậu sanh duyên, do phi Cố hưởng duyên.

484.

∗ Pháp phi phiền não liên quan pháp phiền não sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* tương ưng liên quan phiền não.

∗ Pháp phi phiền não liên quan pháp phi phiền não sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* tương ưng liên quan uẩn phi phiền não, sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... tóm tắt...

∗ Pháp phi phiền não liên quan những pháp phiền não và phi phiền não sanh ra do phi Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* tương ưng liên quan phiền não và uẩn tương ưng.

Nên sắp tất cả duyên như thế.

485.

∗ Phi Nhân 4, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dù đếm 2 câu ngoài ra hay phần đồng sanh *(sahajātavāra)* nên sắp như thế.

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

486.

∗ Pháp phiền não nhờ cậy pháp phiền não sanh ra do Nhân duyên:
3 câu, giống như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp phi phiền não nhờ cậy pháp phi phiền não sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi phiền não... luôn đến sắc đại sung nội bộ; uẩn phi phiền não nhờ cậy vật.

∗ Pháp phiền não nhờ cậy pháp phi phiền não sanh ra do Nhân duyên:

Phiền não nhờ uẩn phi phiền não; phiền não nhờ cậy vật.

∗ Pháp phiền não và pháp phi phiền não nhờ cậy pháp phi phiền não sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn, phiền não và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi phiền não ... nhờ 2 uẩn; phiền não nhờ cậy vật; sắc tâm nhờ sắc đại sung; phiền não và uẩn tương ưng nhờ cậy vật.

∗ Pháp phiền não nhờ cậy pháp phiền não và pháp phi phiền não sanh ra do Nhân duyên:

Si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô uý nhờ tham và uẩn tương ưng. Nên sắp cách luân. phiền não nhờ tham và ý vật.

∗ Pháp phi phiền não nhờ cậy pháp phiền não và pháp phi phiền não sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi phiền não và phiền não ... nhờ 2 uẩn; sắc tâm nhờ cậy phiền não và sắc đại sung; uẩn phi phiền não nhờ cậy phiền não và ý vật.

∗ Pháp phiền não và pháp phi phiền não nhờ cậy pháp phiền não và pháp phi phiền não sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn, si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô uý và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi phiền não và tham... nhờ 2 uẩn. Nên sắp cách luân. Si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô uý và uẩn tương ưng nhờ tham và ý vật. Nên sắp cách luân.

Trong cảnh duyên căn phi phiền não nên làm có năm thức.

487.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9,... tất cả đều 9, Quả 1, Bất ly 9.

488.

∗ Pháp phiền não nhờ cậy pháp phiền não sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy hoài nghi; si đồng sanh phóng dật nhờ cậy phóng dật.

∗ Pháp phi phiền não nhờ cậy pháp phi phiền não sanh ra do phi Nhân duyên:
Luôn đến chúng sanh vô tưởng: Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... nhờ cậy thân xứ; uẩn phi phiền não vô nhân nhờ cậy vật.

∗ Pháp phiền não nhờ cậy pháp phi phiền não sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật và ý vật.

∗ Pháp phiền não nhờ cậy pháp phiền não và pháp phi phiền não sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy hoài nghi nhờ cậy hoài nghi, uẩn tương ưng và ý vật; si đồng sanh phóng dật nhờ cậy phóng dật, uẩn tương ưng và ý vật. Tóm tắt.

489.

Phi Nhân 4, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9,... phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Ly 9.

Dù đếm 2 câu ngoài ra hay phần y chỉ *(nissayavāra)* nên sắp như thế.

<u>Phần Hòa Hợp</u> *(Saṅsaṭṭhavāra)*

490.

Pháp phiền não hòa hợp pháp phiền não sanh ra do Nhân duyên:

- Si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy hòa hợp *(saṅsaṭṭha)* tham, nên sắp luân *(cakkaṃ)*, sắp 9 câu như thế.

491.

Nhân 9, Cảnh 9, tất cả đều 9, Quả 1, Bất ly 9.

492

Pháp phiền não hòa hợp pháp phiền não sanh ra do phi Nhân duyên:
Nên sắp 4 câu đề phi nhân như thế.

493.

Phi Nhân 4, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

Dù đếm 2 câu ngoài ra, hay phần tương ưng *(sampayuttavāra)* nên sắp như thế.

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

494

∗ Pháp phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Nhân duyên:
- Nhân phiền não làm duyên cho phiền não tương ưng bằng Nhân duyên; nên hỏi đến căn *(mūlaṃ pucchitabbaṃ)*.
- Nhân phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên, nên hỏi đến căn.
- Nhân phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và phiền não và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Nhân duyên:
- Nhân phi phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh...

495

∗ Pháp phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Cảnh duyên:
- Phiền não mở mối phiền não sanh ra, nên hỏi căn.
- Phiền não mở mối phi phiền não sanh ra, nên hỏi căn.
- Phiền não mở mối phiền não và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Cảnh duyên:
- Thí... giới... tịnh nghiệp *(uposathakamma)*... thiện tạo chứa để trước.
- Xuất thiền phản khán thiền thỏa thích rất hân hoan, do đó ái... tà kiến, hoài nghi, phóng dật... ưu sanh ra.
- Chư Thánh xuất đạo.... quả luôn khán môn bằng Cảnh duyên,
- Phản khán nhãn... vật... uẩn phi phiền não bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng... vị lai thông luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Cảnh duyên:
- Bố thí... xuất thiền... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái... tà kiến... hoài nghi... phóng dật...
- Thiền hoại rồi ưu phát sanh. Nhãn... vật... uẩn phi phiền não thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái.. ưu...

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho những pháp phiền não và phi phiền não bằng Cảnh duyên:
- Bố thí... xuất thiền... nhãn... vật... uẩn phi phiền não thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan phiền não và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Chư pháp phiền não và phi phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

496.

∗ Pháp phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Trưởng duyên:
Trưởng cảnh như: Nặng về phiền não rồi làm cho phiền não phát sanh, 3 câu chỉ có Trưởng cảnh.

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
+ Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ 5 giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng về đó mới phản khán, thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi ái sanh tà kiến phát.
  - Thiện đã làm chứa để trước... thiền...
  - Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi... quả bằng Trưởng duyên.
  - Nhãn... vật... nặng về uẩn phi phiền não rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi ái sanh tà kiến phát.
+ Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Bố thí... thiền... nhãn... vật... nặng về uẩn phi phiền não rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi làm cho ái sanh tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* phi phiền não làm duyên cho phiền não tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho những pháp phiền não và phi phiền não bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Bố thí... thiền... nhãn... vật... nặng về uẩn phi phiền não rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi làm cho phiền não và uẩn tương ưng phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và phiền não và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Chư pháp phiền não và phi phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Trưởng duyên: Có 3 câu chỉ có Trưởng cảnh.

497.

∗ Pháp phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Vô gián duyên:
- Phiền não sanh trước trước làm duyên cho phiền não sanh sau sau bằng Vô gián duyên, nên sắp căn *(mūlaṃ)*.
- Phiền não sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi phiền não sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Phiền não làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên; nên sắp căn.
- Phiền não sanh trước trước làm duyên cho phiền não và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Vô gián duyên:
- Uẩn phi phiền não sanh trước trước làm duyên cho phi phiền não sanh sau sau bằng Vô gián duyên... quả nhập thiền bằng Vô gián duyên, nên sắp căn *(mūlaṃ katabhaṃ)*.

- Uẩn phi phiền não sanh trước trước làm duyên cho phiền não sanh sau sau bằng Vô gián duyên. khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho phiền não bằng Vô gián duyên, nên sắp căn.
- Uẩn phi phiền não sanh trước trước làm duyên cho phiền não và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho phiền não và uẩn tương ưng bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp phiền não và phi phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Vô gián duyên:
- Phiền não và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho phiền não sanh sau sau bằng Vô gián duyên; nên sắp căn.
- Phiền não và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho pháp phi phiền não sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Phiền não và uẩn tương ưng làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên, nên sắp căn.
- Phiền não và uẩn tương ưng sanh trước trước làm duyên cho phiền não và uẩn tương ưng sanh sau sau bằng Vô gián duyên... bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Hỗ tương duyên,... bằng Y chỉ duyên.

498.

∗ Pháp phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
Thuần cận y như: Phiền não làm duyên cho phiền não... có 3 câu.

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới mạnh... trí... ái, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hy vọng, thân lạc... nương chỗ ở mạnh có thể bố thí, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin mạnh... nương chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin... quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh, gây ngã mạn, chấp tà kiến... nương giới... chỗ ở mạnh có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin mạnh... chỗ ở làm duyên cho phiền não bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho những pháp phiền não và phi phiền não bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới... chỗ ở mạnh có thể sát sanh, phá hòa hợp Tăng. nương đức tin... chỗ ở mạnh làm duyên cho phiền não và uẩn tương ưng bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp phiền não và phi phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Cận y duyên có 3 câu.

499.

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật... bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ...
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn phi phiền não bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phiền não, bằng Tiền sanh duyên: Có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái, ưu sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho phiền não bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho những pháp phiền não và phi phiền não bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như:... nhãn... vật thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan phiền não và uẩn tương ưng sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho phiền não và uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên.

500.

∗ Pháp phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Hậu sanh duyên... tóm tắt...

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Hậu sanh duyên,... tóm tắt...

∗ Chư pháp phiền não và phi phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Hậu sanh duyên,... tóm tắt... bằng Cố hưởng duyên có 9 câu.

501.

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* phi phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi phiền não làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
- Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Nghiệp duyên:
- Tư phi phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Nghiệp duyên.
- Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phiền não và phi phiền não bằng Nghiệp duyên:
- Tư *(cetanā)* phi phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và phiền não và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

502.

Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Quả duyên có 1 câu,... bằng Thực duyên có 3 câu,... bằng Quyền duyên có 3 câu,... bằng Thiền duyên có 3 câu,... bằng Đạo duyên có 9 câu,... bằng Tương ưng duyên có 9 câu.

503.

∗ Pháp phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt...

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh:
- Đồng sanh như: Pháp phi phiền não làm duyên cho phiền não bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho phiền não bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho những pháp phiền não và phi phiền não bằng Bất tương ưng duyên:
Tiền sanh như: Vật làm duyên cho phiền não và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp phiền não và phi phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt... Nên phân rộng ra.

504.

∗ Pháp phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Hiện hữu duyên có 1 câu như phần liên quan *(paṭicca)*.

∗ Pháp phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt...

∗ Pháp phiền não làm duyên cho những pháp phiền não và phi phiền não bằng Hiện hữu duyên: Như phần liên quan.

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền,... tóm tắt...

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh,... tóm tắt...
- Đồng sanh: Cũng như Đồng sanh *(Sahajāta)*.
- Tiền sanh: Cũng như Tiền sanh *(Purejāta)*.

∗ Pháp phi phiền não làm duyên cho những pháp phiền não và phi phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh: Như Đồng sanh.
- Tiền sanh: Như Tiền sanh.

∗ Chư pháp phiền não và phi phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Tham và uẩn tương ưng làm duyên cho si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Tham và vật làm duyên cho si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy bằng Hiện hữu duyên; nên sắp cách luân.

∗ Chư pháp phiền não và phi phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như: 1 uẩn phi phiền não và phiền não làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Phiền não và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Đồng sanh như: Phiền não và vật làm duyên cho uẩn phi phiền não bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Phiền não và uẩn tương ưng làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Phiền não và uẩn tương ưng và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Phiền não và uẩn tương ưng và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

* Chư pháp phiền não và phi phiền não làm duyên cho những pháp phiền não và phi phiền não bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: Tham và vật làm duyên chi si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy bằng Hiện hữu duyên.

* ... bằng Vô hữu duyên,... bằng Ly duyên,... bằng Bất ly duyên.

505.

Nhân 4, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

506.

* Pháp phiền não làm duyên cho những pháp phiền não bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

* Pháp phiền não làm duyên cho những pháp phi phiền não bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

* Pháp phiền não làm duyên cho những pháp phiền não và phi phiền não bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

* Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

* Pháp phi phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

* Pháp phi phiền não làm duyên cho những pháp phiền não và phi phiền não bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

* Chư pháp phiền não và phi phiền não làm duyên cho pháp phiền não bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

* Chư pháp phiền não và phi phiền não làm duyên cho pháp phi phiền não bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

* Chư pháp phiền não và phi phiền não làm duyên cho những pháp phiền não và phi phiền não bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

507.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, tất cả đều 9, phi Bất ly 9.

508.

Nhân duyên có phi Cảnh 4,... phi Trưởng 4, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, tất cả đều 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 4, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

509.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9, nên sắp thuận theo đầu đề,... Bất ly 9.

Dứt nhị đề phiền não (kilesaduka)

NHỊ ĐỀ CẢNH PHIỀN NÃO *(SAṄKILESSIKADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

510.

Pháp cảnh phiền não liên quan pháp cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên:

Nhị đề hiệp thế *(lokīyaduka)* ra sao, đây cũng như thế không chi khác.

Dứt nhị đề cảnh phiền não

NHỊ ĐỀ PHIỀN TOÁI *(SAṄKILIṬṬHADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

511.

∗ Pháp phiền toái liên quan pháp phiền toái sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn phiền toái,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi phiền toái liên quan pháp phiền toái sanh ra do Nhân duyên:

Sắc tâm liên quan uẩn phiền toái *(saṅkiliṭṭha)*.

∗ Chư pháp phiền toái và phi phiền toái liên quan pháp phiền toái sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phiền toái,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi phiền toái liên quan pháp phi phiền toái sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi phiền toái,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... 1 đại sung.

∗ Pháp phi phiền toái liên quan những pháp phiền toái và phi phiền toái sanh ra do Nhân duyên:

Sắc tâm liên quan uẩn phiền toái và đại sung,... tóm tắt...

512.

Nhân 5, Cảnh 2, Trưởng 5, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 5, Cận y 2, Tiền sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 5, Quả 1, Thực 5,... tóm tắt... Bất ly 5.

513.

∗ Pháp phiền toái liên quan pháp phiền toái sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp phi phiền toái liên quan pháp phi phiền toái sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân phi phiền toái,... 2 uẩn.
- Tục sinh vô nhân: 2 câu, luôn đến người Vô tưởng.

514.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Trưởng 5, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dù đếm 2 câu ngoài ra hay phần đồng sanh *(sahajāta)* nên sắp như thế.

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

515.

∗ Pháp phiền toái nhờ cậy pháp phiền toái sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu như liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp phi phiền toái nhờ cậy pháp phi phiền toái sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi phiền toái,... 2 uẩn. Tục sinh luôn đến đại sung nội bộ *(ajjhatika mahābhūta)*.

∗ Pháp phiền toái nhờ cậy pháp phi phiền toái sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn phiền toái nhờ cậy vật

∗ Chư pháp phiền toái và pháp phi phiền toái nhờ cậy pháp phi phiền toái sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn phiền toái *(saṅkiliṭṭha)* nhờ cậy vật, sắc tâm nhờ cậy đại sung.

∗ Pháp phiền toái nhờ cậy pháp phiền toái và phi phiền toái sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phiền toái và vật,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi phiền toái nhờ cậy những pháp phiền toái và phi phiền toái sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm nhờ cậy uẩn phiền toái và đại sung.

∗ Chư pháp phiền toái và phi phiền toái nhờ cậy những pháp phiền toái và phi phiền toái sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phiền toái và vật,... 2 uẩn. Sắc tâm nhờ cậy uẩn phiền toái và đại sung,... tóm tắt...

516.

Nhân 9, Cảnh 4, Trưởng 9, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 9, Hỗ tương 4, Y chỉ 9, Cận y 4, Tiền sanh 4, Cố hưởng 4, Nghiệp 9, Quả 1, Thực 9, Quyền 9, Ly 9, Bất ly 9.

517.

∗ Pháp phiền toái nhờ cậy pháp phiền toái sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp phi phiền toái nhờ cậy pháp phi phiền toái sanh ra do phi Nhân duyên:
- ... phi phiền toái (Asankilittha) vô nhân... luôn đến người Vô tưởng.
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân thức nhờ cậy thân xứ. Uẩn vô nhân phi phiền toái nhờ cậy vật.

∗ Pháp phiền toái nhờ cậy pháp phi phiền toái sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật.

∗ Pháp phiền toái nhờ cậy pháp phi phiền toái sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật *(vatthu)*.

518.

Phi Nhân 4, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả

9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Đếm 2 câu ngoài ra hay phần y chỉ nên sắp như thế.

Phần Hòa Hợp ***(Saṅsaṭṭhavāra)***

519.

∗ Pháp phiền toái hòa hợp pháp phiền toái sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phiền toái,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi phiền toái hòa hợp pháp phi phiền toái sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi phiền toái... 2 uẩn; tục sinh.

520.

Nhân 2, Cảnh 2, Trưởng 2, tất cả đều 2, Quả 1, Bất ly 2.

521.

∗ Pháp phiền toái hòa hợp pháp phiền toái sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp phi phiền toái hòa hợp pháp phi phiền toái sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân phi phiền toái,... 2 uẩn... Tục sinh vô nhân...

522.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2.

Hai câu đếm ngoài ra hay phần tương ưng *(sampayuttavāra)* nên sắp như thế.

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

523.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Nhân duyên:
Nhân phiền toái *(saṅkiliṭṭha)* làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Nhân duyên:
Nhân phiền toái làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho những pháp phiền toái và phi phiền toái bằng Nhân duyên:
Nhân phiền toái làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Nhân duyên:
Nhân phi phiền toái làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

524.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Cảnh duyên:
- Ái thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái... tà kiến, hoài nghi, phóng dật... ưu sanh ra.
- Thỏa thích tà kiến... Như tam đề thiện *(kusalattika)*.
- Hoài nghi khai đoan phóng dật... ưu sanh ra; tà kiến... hoài nghi... phóng dật...

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ, phiền não hạn chế, phiền não từng sanh. quán ngộ uẩn phiền toái bằng lối vô thường...

- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm phiền toái.
- Uẩn phiền toái làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Cảnh duyên:
- Bố thí... giới... tịnh nghiệp *(uposathakamma)*... thiện đã làm chứa để trước kia... xuất thiền phản khán thiền... .
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo... khán môn bằng Cảnh duyên.
- Nhãn... vật... quán ngộ uẩn phi phiền toái bằng vô thường... thiên nhãn... vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Cảnh duyên:
Bố thí... trì giới... xuất thiền... nhãn... vật.... uẩn phi phiền toái thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái, ưu sanh ra.

525.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về ái rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh tà kiến phát. Nặng về tà kiến rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh ra tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phiền toái làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Trưởng duyên:
Trưởng đồng sanh như: Trưởng phiền toái làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho những pháp phiền toái và phi phiền toái bằng Trưởng duyên:
Trưởng đồng sanh như: Trưởng phiền toái làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Bố thí... giới... tịnh nghiệp... thiện trước kia... xuất thiền nặng về thiền *(jhāna)* rồi phản khán... .
- Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán... Níp Bàn làm duyên cho quả bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* phi phiền toái làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như: Bố thí... giới... tịnh nghiệp... thiện trước kia... xuất thiền... nhãn... vật...
- Nặng về uẩn phi phiền toái rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi ái sanh tà kiến phát.

526

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Vô gián duyên:
Uẩn phiền toái sanh trước trước làm duyên cho uẩn phiền toái sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Vô gián duyên:
Uẩn phiền toái làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Vô gián duyên:
Uẩn phi phiền toái sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi phiền toái sanh sau sau... quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Vô gián duyên:
Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn phiền toái bằng Vô gián duyên;... bằng Liên tiếp duyên có 4 câu; bằng Đồng sanh duyên có 5 câu,... bằng Hỗ tương duyên có 2 câu,... bằng Y chỉ duyên có 7 câu.

52.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương ái mạnh có thể bố thí... phá hòa hợp Tăng. nương sân... hy vọng mạnh có thể sát sanh.. phá hòa hợp Tăng.
- Nương ái... hy vọng mạnh làm duyên cho ái... hy vọng bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương ái mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh. nương sân mạnh... hy vọng mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương ái... hy vọng mạnh làm duyên cho đức tin, trí, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y, Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh. nương giới... trí, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... nương chỗ ở mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin... quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y: Nương đức tin mạnh có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
- Nương giới... trí, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... nương chỗ ở mạnh có thể sát sanh,... phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin... chỗ ở mạnh làm duyên cho ái... hy vọng bằng Cận y duyên.

528.

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh,... tóm tắt...

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh,... tóm tắt...

529.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Hậu sanh duyên:...

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Hậu sanh duyên,... bằng Cố hưởng duyên có 2 câu.

530.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* phiền toái làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời
- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* phiền toái làm duyên cho sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phiền toái làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên, nên sắp căn *(mūla)*.
- Tư phiền toái làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh, Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* phi phiền toái làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi phiền toái làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

531.

Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Quả duyên có 1 câu.

532.

Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên.

533.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh... tóm tắt...

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Bất tương ưng duyên:
Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn phiền toái bằng Bất tương ưng duyên.

534.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Hiện hữu duyên có 1 câu, như phần liên quan.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho những pháp phiền toái và phi phiền toái bằng Hiện hữu duyên: Như phần liên quan.

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền... tóm tắt... .

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh,... tóm tắt...

∗ Chư pháp phiền toái và phi phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
Đồng sanh như: 1 uẩn phiền toái và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên,... 2 uẩn,... tóm tắt...

∗ Chư pháp phiền toái và phi phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn phiền toái và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phiền toái và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phiền toái và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ ... bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

535.

Nhân 4, Cảnh 4, Trưởng 5, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Hậu sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 2, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 7.

536.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái và phi phiền toái bằng Đồng sanh duyên.

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp phi phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp phiền toái và phi phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên,

∗ Chư pháp phiền toái và phi phiền toái làm duyên cho pháp phi phiền toái bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

537.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 5, phi Hỗ tương 5, phi Y chỉ 5, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 7... phi Đạo 7, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 4, phi Hiện hữu 4, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 4.

538.

Nhân duyên có phi Cảnh 4,... phi Trưởng 4, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

539.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Trưởng 5, nên sắp thuận theo đầu đề,... Bất ly 7.

Dứt nhị đề phiền toái (saṅkilitṭhaduka)

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO *(KILESASAMPAYUTTADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

540.

∗ Pháp tương ưng phiền não liên quan pháp phiền não sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn tương ưng phiền não,... 2 uẩn.

∗ Pháp bất tương ưng phiền não liên quan pháp tương ưng phiền não sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn tương ưng phiền não.

Nhị đề tương ưng phiền não cũng như nhị đề phiền toái *(saṅkiliṭṭhaduka)* không chi khác.

Dứt nhị đề tương ưng phiền não

NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO CẢNH PHIỀN NÃO *(KILESASAṄKILASIKADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

541.

∗ Pháp phiền não cảnh phiền não liên quan pháp phiền não cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên:
Si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy, liên quan tham; sắp cách luân *(cakka)*.

∗ Pháp cảnh phiền não phi phiền não liên quan pháp phiền não cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan phiền não.

∗ Chư pháp phiền não cảnh phiền não và cảnh phiền não phi phiền não liên quan pháp phiền não cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên:
Si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy, uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan tham.

Phần liên quan *(paṭiccavāra)*, phần đồng sanh *(sahajahavara),* phần ỷ trượng *(paccayavāra)*, phần y chỉ *(nissayavāra)*, phần hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)*, phần tương ưng *(sampayuttavāra)* như nhị đề phiền não *(kilesaduka)* không chi khác.
Bổn phân đề duyên không chi khác.

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

542.

Pháp phiền não cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền não cảnh phiền não bằng Nhân duyên:
Nhân phiền não cảnh phiền não làm duyên cho phiền não tương ưng bằng Nhân duyên.
4 câu như nhị đề phiền não *(kilesaduka)*.

543.

∗ Pháp phiền não cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền não cảnh phiền não bằng Cảnh duyên:
- Phiên não mở mối cho uẩn phiền não sanh ra, nên sắp căn.
- Phiền não mở mối cho uẩn cảnh phiền não phi phiền não sanh ra; sắp căn *(mūlaṃ kātabbaṃ)*.
- Phiền não mở mối cho phiền não và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Pháp cảnh phiền não phi phiền não làm duyên cho pháp cảnh phiền não phi phiền não bằng Cảnh duyên:
- Bố thí... giới... tịnh nghiệp *(uposathakamma)*... thiện đã làm chứa để trước... xuất thiền phản khán thiền thỏa thích hân hoan do đó khai đoan ái sanh... phóng dật...
- Vừa hoại thiền thì ưu sanh ra. Chư Thánh phản khán chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*...
- Nhãn... vật... quán ngộ uẩn cảnh phiền não phi phiền não bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Thiên nhãn... luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

2 thứ ngoài ra đây như nhị đề phiền não *(kilesaduka)*. Cảnh *(ārammaṇa)* hiệp trợ *(ghaṭanā)* như nhị đề phiền não.

544.

∗ Pháp phiền não cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền não cảnh phiền não bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh *(Ārammaṇadhipati)* 3 câu.

∗ Pháp cảnh phiền não phi phiền não làm duyên cho pháp cảnh phiền não phi phiền não bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Bố thí... trì giới... tịnh nghiệp... Nhớ lại thiện đã từng làm chứa để... xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán, nặng về dũ tịnh *(vodanā)* rồi phản khán...
- Nhãn.. vật... nặng về uẩn cảnh phiền não phi phiền não rồi phản khán làm duyên cho uẩn cảnh phiền não phi phiền não sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng cảnh phiền não phi phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

2 câu ngoài ra như nhị đề phiền não và Trưởng *(adhipati)* hiệp trợ *(ghaṭanā)*.

545.

∗ Pháp phiền não cảnh phiền não làm duyên cho pháp phiền não cảnh phiền não bằng Vô gián duyên: Có 3 câu như nhị đề phiền não.

∗ Pháp cảnh phiền não phi phiền não làm duyên cho pháp cảnh phiền não phi phiền não bằng Vô gián duyên:
- Uẩn cảnh phiền não phi phiền não sanh trước trước làm duyên cho uẩn cảnh phiền não phi phiền não sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn cảnh phiền não phi phiền não bằng Vô gián duyên.

2 câu ngoài ra như nhị đề phiền não trong Vô gián duyên không chi khác.
Vô gián hiệp trợ *(ghaṭanā)* tất cả duyên như nhị đề phiền não không chi khác.
Trong Cận y duyên không có siêu thế.
Nhị đề đây như nhị đề phiền não không chi khác.

Dứt nhị đề phiền não cảnh phiền não

NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO PHIỀN TOÁI *(KILESASAṄKILIṬṬHADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

546.

∗ Pháp phiền não phiền toái liên quan pháp phiền não phiền toái sanh ra do Nhân duyên:
Si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy liên quan tham, cách luân *(cakka)*.

∗ Pháp phiền toái phi phiền não liên quan pháp phiền não phiền toái sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng liên quan phiền não *(kilesa)*

∗ Chư pháp phiền não phiền toái và phiền toái phi phiền não liên quan pháp phiền não phiền toái sanh ra do Nhân duyên:
Si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy và uẩn tương ưng liên quan tham.

∗ Pháp phiền toái phi phiền não liên quan pháp phiền toái phi phiền não sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn phiền toái phi phiền não,... 2 uẩn.

∗ Pháp phiền não phiền toái liên quan pháp phiền toái phi phiền não sanh ra do Nhân duyên:
Phiền não liên quan uẩn phiền toái phi phiền não.

∗ Chư pháp phiền não phiền toái và phiền toái phi phiền não liên quan pháp phiền toái phi phiền não sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và phiền não liên quan 1 uẩn phiền toái phi phiền não.

∗ Pháp phiền não phiền toái liên quan những pháp phiền não phiền toái và phiền toái phi phiền não sanh ra do Nhân duyên:
Si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy liên quan tham và uẩn tương ưng; sắp cách luân *(cakkaṃ)*

∗ Pháp toái phi phiền não liên quan những pháp phiền não phiền toái và phiền toái phi phiền não sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn phiền toái phi phiền não và phiền não,... 2 uẩn.

∗ Chư pháp phiền não phiền toái và phiền toái phi phiền não liên quan những pháp phiền não phiền toái và phiền toái phi phiền não sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn, si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy liên quan 1 uẩn phiền toái phi phiền não và tham,... 2 uẩn. Sắp cách luân chuyển *(cakka)*.

547.

Nhân 9, Cảnh 9, tất cả đều 9, Nghiệp 9, Thực 9, Bất ly 9.

548.

∗ Pháp phiền não phiền toái liên quan pháp phiền não phiền toái sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi liên quan hoài nghi, si đồng sanh phóng dật liên quan phóng dật.

∗ Pháp phiền não phiền toái liên quan pháp phiền toái phi phiền não sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp phiền não phiền toái liên quan những pháp phiền não phiền toái và phiền toái phi phiền não sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh phóng dật và hoài nghi, phóng dật.

549.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

Đếm 2 câu ngoài ra hay phần đồng sanh, ỷ trượng *(paccayavāra)*, phần y chỉ *(nissayavāra)*, phần hòa hợp *(saṅsaṭṭha)*, phần tương ưng, cũng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

550.

∗ Pháp phiền não phiền toái làm duyên cho pháp phiền não phiền toái bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* phiền não phiền toái làm duyên cho phiền não tương ưng bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phiền não phiền toái làm duyên cho pháp phiền toái phi phiền não bằng Nhân duyên:

Nhân phiền não phiền toái làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phiền não phiền toái làm duyên cho những pháp phiền não phiền toái và phiền toái phi phiền não bằng Nhân duyên:

Nhân phiền não phiền toái làm duyên cho uẩn tương ưng và phiền não bằng Nhân duyên.

551.

∗ Pháp phiền não phiền toái làm duyên cho pháp phiền não phiền toái bằng Cảnh duyên:

- Phiền não mở mối cho phiền não sanh ra, nên sắp căn *(mūlaṃ)*.
- Phiền não mở mối cho uẩn phiền toái phi phiền não sanh ra, nên sắp căn.
- Phiền não mở mối cho phiền não và uẩn tương ưng sanh ra.

∗ Pháp phiền toái phi phiền não làm duyên cho pháp phiền toái phi phiền não bằng Cảnh duyên:

- Uẩn phiền toái phi phiền não mở mối cho uẩn phiền toái phi phiền não sanh ra; nên sắp căn.
- Uẩn phiền toái phi phiền não mở mối cho phiền não sanh ra; nên sắp căn.
- Uẩn phiền toái phi phiền não mở mối cho phiền não và uẩn tương ưng sanh ra.

Dù ngoài ra nên sắp 3 câu.

552.

∗ Pháp phiền não phiền toái làm duyên cho pháp phiền não phiền toái bằng Trưởng duyên:

∗ Pháp phiền toái phi phiền não làm duyên cho pháp phiền toái phi phiền não bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

Cả 2 Trưởng *(adhipati)* nên sắp 3 câu.

2 thứ ngoài ra đó, nên sắp 3 câu.

553 .

* Pháp phiền não phiền toái làm duyên cho pháp phiền não phiền toái bằng Vô gián duyên:

Nên sắp 9 câu, không có khán môn hay quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*.

* ... bằng Liên tiếp duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Hỗ tương duyên, bằng Y chỉ duyên, bằng Cận y duyên có 9 câu đề, không có phân tách vi tế *(vibhaṅga natthi)*.

* ... bằng Cố hưởng duyên có 9 câu.

554.

* Pháp phiền toái phi phiền não làm duyên cho pháp phiền toái phi phiền não bằng Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* phiền toái phi phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

* Pháp phiền toái phi phiền não làm duyên cho pháp phiền não phiền toái bằng Nghiệp duyên:

Tư phiền toái phi phiền não làm duyên cho phiền não tương ưng bằng Nghiệp duyên.

* Pháp phiền toái phi phiền não làm duyên cho những pháp phiền não phiền toái và phiền toái phi phiền não bằng Nghiệp duyên:

Tư phiền toái phi phiền não làm duyên cho uẩn tương ưng và phiền não bằng Nghiệp duyên.

* ... bằng Thực duyên có 3 câu, .. bằng Quyền duyên có 3 câu,... bằng Thiền duyên có 3 câu,... bằng Đạo duyên có 9 câu,... bằng Tương ưng duyên có 9 câu,... bằng Hiện hữu duyên có 9 câu,... bằng Vô hữu duyên,... bằng Ly duyên,... bằng Bất ly duyên.

555.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

556.

Pháp phiền não phiền toái làm duyên cho pháp phiền não phiền toái bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

Dù có 9 câu nên sắp chỉ 3 bài.

557.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả đều 9, phi Bất ly 9.

558.

Nhân duyên có phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

559.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... nên sắp thuận theo đầu đề;... Bất ly 9.

Dứt nhị đề phiền não phiền toái

NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO
(KILESA KILESA SAMPAYUTTADUKA)

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

560.

Pháp phiền não tương ưng phiền não liên quan pháp phiền não tương ưng phiền não sanh ra do Nhân duyên:

Si, tà kiến, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy liên quan tham; Như nhị đề phiền não phiền toái không chi khác.

Nên sắp rộng các phần.

Dứt nhị đề phiền não tương ưng phiền não

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO CẢNH PHIỀN NÃO
(KILESA VIPPAYUTTA SAṄKILESIKADUKA)

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

561.

Pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não liên quan pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn Bất tương ưng phiền não cảnh phiền não,... 2 uẩn.

Nhị đề hiệp thế như thế nào, nhị đề này không chi khác.

Dứt nhị đề bất tương ưng phiền não cảnh phiền não

NHỊ ĐỀ SƠ ĐẠO KIẾN *(DASSANADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

562.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabba)*, ... 2 uẩn.

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ.

∗ Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... 1 đại sung.

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan những pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Sắc tâm liên quan uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung,... tóm tắt...

563.

Nhân 5, Cảnh 2, Trưởng 5, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 5, Cận y 2, Tiền sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 2, Quả 1, Thực 5, Bất ly 5.

564.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

... luôn đến Vô tưởng ... Si đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh phóng dật.

565.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Trưởng 5, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Nên sắp 2 câu đếm ngoài ra, hay phần đồng sanh cũng như thế.

Phần Ỷ Trượng ***(Paccayavāra)***

566.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu như phần liên quan.

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: Luôn đến đại sung nội bộ *(ajjhattika mahābhūta);* uẩn phi sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy *(paccaya)* vật.

∗ Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật; sắc tâm nhờ cậy sắc đại sung.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy những pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Sắc tâm nhờ cậy uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.

∗ Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy những pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn. Sắc tâm nhờ cậy uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.

567.

Nhân 9, Cảnh 4, Trưởng 9, Bất ly 9.

568.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn vô nhân phi sơ đạo tuyệt trừ luôn đến Vô tưởng.
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân xứ.
- Uẩn vô nhân phi sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật.
- Si đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh phóng dật.
- Si đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy vật.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và vật.

569.

∗ Phi Nhân 4, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi quả 4, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Nên sắp đếm 2 cách ngoài ra, hay phần y chỉ *(nissaya)* cũng như thế.

Phần Hòa Hợp ***(Saṁsaṭṭhavāra)***

570.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:... tóm tắt...

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:... tóm tắt...

571.

Nhân 2, Cảnh 2, Trưởng 2, Bất ly 2.

572.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:... tóm tắt...

573.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quyền 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

Nên sắp đếm 2 thứ ngoài ra, hay phần tương ưng như thế.

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

574.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Nhân duyên:
- Nhân *(hetu)* phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh...

575.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:
- Thỏa thích rất hân hoan ái sơ đạo tuyệt trừ do đó khai đoan ái sơ đạo tuyệt trừ sanh, tà kiến phát... hoài nghi... ưu sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.
- Thỏa thích rất hân hoan tà kiến sơ đạo tuyệt trừ do đó khai đoan ái sơ đạo tuyệt trừ sanh ra, tà kiến, hoài nghi... ưu sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.
- Hoài nghi mở mối hoài nghi sanh ra, tà kiến... ưu sanh ra.
- Ưu sơ đạo tuyệt trừ mở mối cho uẩn sơ đạo tuyệt trừ sanh ra, tà kiến sanh ra, hoài nghi sanh ra.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh phản khán phiền não sơ đạo tuyệt trừ đã trừ, phản khán phiền não đã từng sanh trước... quán ngộ uẩn sơ đạo tuyệt trừ bằng lối vô thường...
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm sơ đạo tuyệt trừ.
- Uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:
- Thí... giới... tịnh nghiệp *(uposathakamma)* mở mối cho ái phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra,... ưu phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.
- Nhớ thiện đã làm chứa để... thiền...
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo... quả luôn khán môn bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não phi sơ đạo tuyệt trừ đã trừ, phản khán phiền não hạn chế... từng sanh trước...
- Nhãn... vật... quán ngộ uẩn phi sơ đạo tuyệt trừ bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra, phóng dật... ưu phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc... vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:
- Thí... giới... tịnh nghiệp.... thiện đã làm chứa để trước kia.... thiền...
- Nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan,... uẩn phi sơ đạo tuyệt trừ do đó mở mối cho ái sơ đạo tuyệt trừ sanh ra, tà kiến... hoài nghi... ưu sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.

576.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về ái sơ đạo tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sơ đạo tuyệt trừ sanh ra tà kiến sanh ra... nặng về tà kiến rồi...
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:
Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho những pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

- Trưởng cảnh như: Bố thí... giới... tịnh nghiệp *(uposathakamma)*... thiện đã từng làm chứa để trước...
- Xuất thiền thỏa thích thiền rất hân hoan, do nặng đó rồi ái phi sơ đạo tuyệt trừ phát sanh.
- Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo... quả bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Bố thí... thiền... nhãn... vật... nặng về uẩn phi sơ đạo tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi ái sơ đạo tuyệt trừ sanh, tà kiến phát.

577.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

Uẩn sơ đạo tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

- Uẩn sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên; nên sắp căn *(mūlaṃ katabbaṃ)*.
- Uẩn phi sơ đạo tuyệt trừ sanh trước trước... quả nhập thiền bằng Vô gián duyên; nên sắp căn.
- Khán môn làm duyên cho uẩn sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô gián duyên,... bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Hỗ tương duyên có 2 câu,... bằng Y chỉ duyên.

578.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái sơ đạo tuyệt trừ mạnh có thể sát sanh.. phá hòa hợp Tăng. nương sân sơ đạo tuyệt trừ mạnh... si... tà kiến...
- Nương hy vọng mạnh có thể sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương ái sơ đạo tuyệt trừ... hy vọng làm duyên cho ái sơ đạo tuyệt trừ... hy vọng bằng Cận y duyên.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái sơ đạo tuyệt trừ có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương ưu sơ đạo tuyệt trừ... si... tà kiến... nương hy vọng mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương ái sơ đạo tuyệt trừ... hy vọng làm duyên cho đức tin... trí, ái, sân, si, ngã mạn phi sơ đạo tuyệt trừ, hy vọng làm duyên cho thân lạc, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn.
  - Nương trì giới mạnh... trí, ái phi sơ đạo tuyệt trừ sân, si, ngã mạng, hy vọng, thân lạc...
  - Nương chỗ ở mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn.
  - Nương đức tin... trí... ái phi sơ đạo tuyệt trừ... hy vọng, thân lạc, chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin, trí... ái phi sơ đạo tuyệt trừ... hy vọng, thân lạc, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh.. chấp tà kiến... nương giới... trí... ái phi sơ đạo tuyệt trừ... sân, si, ngã mạn, hy vọng, thân lạc... nương chỗ ở mạnh có thể sát sanh.. phá hòa hợp Tăng.
  - Nương đức tin.. chỗ ở mạnh làm duyên cho ái phi sơ đạo tuyệt trừ, sân, si, tà kiến, hy vọng bằng Cận y duyên.

579.

* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái phi sơ đạo tuyệt trừ sanh... phóng dật... ưu phi sơ đạo tuyệt trừ sanh.
  - Thiên nhãn... xúc xứ làm duyên cho thân thức...
  - Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ... vật làm duyên cho uẩn phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên.

* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Nhãn.. Vật thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái sơ đạo tuyệt trừ sanh... tà kiến, hoài nghi phát và ưu sơ đạo tuyệt trừ.
  - Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn sơ đạo tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên.

580

* Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên:... tóm tắt...

* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên,... tóm tắt... bằng Cố hưởng duyên có 2 câu.

581

* Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:
  Tư *(cetanā)* sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

* Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời
  - Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
  - Biệt thời như: Tư sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho những pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:

Tư *(cetanā)* sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời

- Đồng sanh như: Tư phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

582.

Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Quả duyên... bằng Thực duyên có 4 câu, bằng Quyền duyên có 4 câu, bằng Thiền duyên có 4 câu, bằng Đạo duyên có 4 câu, bằng Tương ưng duyên có 2 câu.

583.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh;... tóm tắt ...

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh,... tóm tắt ...

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn sơ đạo tuyệt trừ bằng Bất tương ưng duyên.

584.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên: Như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh:

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền... tóm tắt...

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Nhãn... tóm tắt... như Tiền sanh.

∗ Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

∗ Đồng sanh như: 1 uẩn sơ đạo tuyệt trừ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên,... 2 uẩn.

∗ Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:

- Đồng sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn sơ đạo tuyệt trừ và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên,... bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

585.

Nhân 4, Cảnh 4, Trưởng 5, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Hậu sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 2, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 7.

586.

* Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.
* Pháp sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho những pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Đồng sanh duyên.
* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

587.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 5, phi Hỗ tương 5, phi Y chỉ 5, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 7, phi Đạo 7, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 4, phi Hiện hữu 4, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 4.

588.

Nhân duyên có phi Cảnh 4,... phi Trưởng 9, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, tất cả đều 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

589.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Trưởng 5; nên sắp cách thuận theo đầu đề,... phi Bất ly 7.

Dứt nhị đề sơ đạo (kiến) (dassanaduka)

NHỊ ĐỀ BA ĐẠO CAO (TU KIẾN) *(BHĀVANĀDUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

590.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Nhị đề sơ đạo *(dassanaduka)* thế nào, nhị đề này nên sắp rộng như thế ấy không chi khác.

591.

Nhân 5,... Bất ly 5.

592.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

1 uẩn vô nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ luôn đến Vô tưởng. Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi... tóm tắt...

593.

Phi Nhân 2, phi Ly 3.

Trong phi Nhân duyên về phần ỷ trượng *(paccayavāra)* đối lập, đồng sanh phóng dật 3 cách, trừ ra si. Còn lại tất cả phần cũng như nhị đề sơ đạo *(dassanaduka)*, phần phóng dật và phần đối lập thì khác nhau.

Phần Vấn Đề ***(Pañhavāra)***

594.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên:

Nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên,... tóm tắt...

595.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Thoả thích rất hân hoan ái ba đạo cao tuyệt trừ do đó khai đoan ái ba đạo cao tuyệt trừ... phóng dật, ưu ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.
- Phóng dật mở mối cho phóng dật sanh ra,... ưu ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.
- Ưu ba đạo cao tuyệt trừ mở mối cho ưu ba đạo cao tuyệt trừ... phóng dật sanh ra.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh phản khán phiền não ba đạo cao tuyệt trừ, phản khán phiền não hạn chế, phản khán phiền não đã từng sanh...
- Quán ngộ uẩn ba đạo cao tuyệt trừ bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra, tà kiến sanh, hoài nghi sanh, ưu phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm ba đạo cao tuyệt trừ.

- Uẩn ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông... vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi mới phản khán thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái phi sơ đạo tuyệt trừ, tà kiến, hoài nghi phát sanh... và ưu phi sơ đạo tuyệt trừ cũng sanh.
- Thiện trước kia... thiền... chư Thánh xuất đạo... quả luôn khán môn bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não phi ba đạo cao tuyệt trừ đã tuyệt...
- Nhãn... vật... quán ngộ uẩn phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái phi ba đạo cao tuyệt trừ... tà kiến, hoài nghi và ưu phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.
- Thiên nhãn... tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

Thí... giới... thiền... nhãn... vật... uẩn phi ba đạo cao tuyệt trừ thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.

596.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh.
- Trưởng cảnh như: Nặng về ái ba đạo cao tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi ái ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về ái ba đạo cao tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi ái phi ba đạo cao tuyệt trừ, ... tà kiến sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho những pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới... thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng về đó mới làm cho ái phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Bố thí... thiền... nhãn... vật... nặng về uẩn phi ba đạo cao tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.

597.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Vô gián duyên có 4 câu.

Nhị đề ba đạo cao (tuyệt trừ) cũng như nhị đề sơ đạo *(dassanaduka)* không chi khác.

∗ ... bằng Đồng sanh duyên có 5 câu,... bằng Hỗ tương duyên có 2 câu,... bằng Y chỉ duyên có 7 câu.

598.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y.

Thuần cận y như: Ái ba đạo cao tuyệt trừ... sân, si, ngã mạn... hy vọng làm duyên cho ái ba đạo cao tuyệt trừ, sân, si, ngã mạn, hy vọng bằng Cận y duyên.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương ái ba đạo cao tuyệt trừ mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh,... có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
- Nương sân ba đạo cao tuyệt trừ mạnh, si, ngã mạn, hy vọng mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh,... sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
- Nương ái ba đạo cao tuyệt trừ... hy vọng mạnh làm duyên cho đức tin... trí, ái, sân, si, tà kiến phi ba đạo cao tuyệt trừ, hy vọng, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, chấp tà kiến.
- Nương giới... trí, ái, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hy vọng phi ba đạo cao tuyệt trừ... thân lạc, thân khổ, nương chỗ ở mạnh có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin... chỗ ở làm duyên cho đức tin... trí, ái, sân, si, tà kiến phi ba đạo cao tuyệt trừ, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh, gây ngã mạn.
- Nương giới... trí, ái... hy vọng, thân lạc, thân khổ... nương chỗ ở mạnh có thể gây ngã mạn.
- Nương đức tin, chỗ ở mạnh làm duyên cho ái, sân, si, ngã mạn, hy vọng ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên.

599.

∗ Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng vô thường... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi, ưu phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.
- Thiên nhãn... xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức; thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên.

* Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái, phóng dật ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra, ưu ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.
  - Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên.
* ... bằng Hậu sanh duyên 2 câu,... bằng Cố hưởng duyên 2 câu.

600.

* ... bằng Nghiệp duyên:
  - Tư *(cetanā) ba đạo cao* tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên, nên sắp căn *(mūlaṃ katabbaṃ)*.
  - Tư ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho sắc tâm bằng Nghiệp duyên, nên sắp căn.
  - Tư ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
* Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
  - Đồng sanh như: Tư phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
  - Biệt thời như: Tư phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
* ... bằng Quả duyên: Có 1 câu,... tóm tắt...
* ... bằng Bất ly duyên.

Tất cả duyên ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāduka)* như nhị đề sơ đạo *(dassanaduka)*.

601.

Nhân 4, Cảnh 4, Trưởng 5, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Hậu sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 2, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 7.

Cách phân ngược *(paccanīya)* rộng cũng như nhị đề sơ đạo *(dassanaduka)*. Phân đếm rộng 3 thứ như thế.

Dứt nhị đề ba đạo cao (bhāvanāduka)

NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
(DASSANENAPAHĀTABBAHETUKADUKA)

<u>Phần Liên Quan</u> ***(Paṭiccavāra)***

602.

* Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

  3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn...
* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

  Sắc tâm *(sittasamuṭṭhāna)* liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanehapahātabbahetuka),...* 2 uẩn.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, 2 uẩn... sắc tâm liên quan si đồng sanh hoài nghi.
- Sát-na tục sinh luôn đến đại sung nội bộ *(ajjhattikamahābhūta)*.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan si đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si, 2 uẩn...

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc tâm liên quan uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.
- Sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi và si.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si,... liên quan 2 uẩn.

603.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:
Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn và si liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh... .

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:
Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si,... 2 uẩn,... tóm tắt...

604.

Nhân 9, Cảnh 6, Trưởng 5, Vô gián 6, Liên tiếp 6, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 6, Tiền sanh 6, Cố hưởng 6, Nghiệp 9, Quả 1, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 6, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 6, Ly 6, Bất ly 9.

605.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ luôn đến người Vô tưởng...
- Si đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh phóng dật.

606.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

607.

Nhân duyên có phi Cảnh 3, phi Trưởng 9,... phi Tiền sanh 7,... phi Bất tương ưng 4, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

608.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2, ... Vô gián 2, ... Đạo 2, ... Bất ly 2.

Phần đồng sanh *(sahajātavāra)* như phần liên quan.

<u>Phần Ỷ Trượng</u> ***(Paccayavāra)***

609.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: Luôn đến đại sung nội bộ *(ajjhattikamahābhūta)*; uẩn phi sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật; uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật; sắc tâm nhờ cậy đại sung; uẩn tương ưng và sắc tâm nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn. 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và vật,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

- Sắc tâm nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.
- Sắc tâm nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và si.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn.
- Sắc tâm nhờ cậy uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và đại sung.
- 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si,... 2 uẩn.

610.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên có 3 câu, như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên: Như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

- ... nhờ cậy vật, 3 câu. 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ; uẩn phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật. Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy vật.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy vật; uẩn tương ưng nhờ cậy si đồng sanh hoài nghi.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

Uẩn đồng sanh hoài nghi và si nhờ cậy vật.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn.
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và vật.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:

- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật,... 2 uẩn.
- 3 uẩn và si nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và vật,... 2 uẩn.

611.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, tất cả đều 9, Quả 1, Bất ly 9.

612.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:
- Vô nhân phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ luôn đến người Vô tưởng...
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ.
- Si đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh phóng dật và vật.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi và vật,... tóm tắt...

613.

Phi Nhân 3, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dù đếm 2 câu ngoài ra, hay sắp phần y chỉ *(nissayavāra)* cũng như thế.

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

614.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn tương ưng hòa hợp si đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si,... 2 uẩn.

615.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên: Có 3 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên: Như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên: Như phần liên quan *(paṭiccavāra)*,... tóm tắt...

616.

Nhân 4, Cảnh 6, Trưởng 2, Vô gián 6, tất cả đều 6, Quả 1, Bất ly 6.

617.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:
Si đồng sanh hoài nghi hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hòa hợp pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh phóng dật.

618.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 6, phi Cố hưởng 6, phi Nghiệp 4, phi Quả 6, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 6.

619.

Nhân duyên có phi Trưởng 4, phi Tiền sanh 4,... phi Bất tương ưng 4.

620.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2,... Vô gián 2, Quả 1, Bất ly 2.

Phần tương ưng *(sampayuttavāra)* như phần hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)*.

<u>Phần Liên Quan</u> *(Paṭiccavāra)*

621.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Nhân duyên:
- Nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Nên sắp căn *(mūlaṃkātabbaṃ)*.
- Nhân *(hetu)* hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanenapahātabbahetuka)* làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên; sắp căn.
- Nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Nhân duyên:
- Nhân phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.
- Si đồng sanh hoài nghi làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh... sắp căn *(mūlaṃkātabbaṃ)*.
- Si đồng sanh hoài nghi làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên, nên sắp căn.
- Si đồng sanh hoài nghi làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

622.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:
- Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ mở mối cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra; sắp căn.
- Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ mở mối cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và si sanh ra; sắp căn.
- Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ mở mối cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh ra.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi mới phản khán thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, phóng dật sanh ra... ưu phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.
- Nhớ thiện đã từng làm chứa để trước kia... xuất thiền... chư Thánh xuất đạo phản khán đạo... luôn đến khán môn bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ đã tuyệt, phản khán phiền não hạn chế rõ thấu phiền não đã từng sanh trước kia.
- Quán ngộ nhãn... vật... uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và si bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, phóng dật, ưu... sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc... vị lai thông luôn khán môn và si bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

Bố thí... thiền... nhãn... vật... uẩn phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và si... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái, tà kiến, hoài nghi, hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra,... ưu hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

Nhãn... vật... uẩn phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và si mở mối cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh ra.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:
- Uẩn đồng sanh hoài nghi và si mở mối cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra, sắp căn...
- Uẩn đồng sanh hoài nghi và si mở mối cho uẩn phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và si sanh ra; sắp căn.
- Uẩn đồng sanh hoài nghi và si mở mối cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh ra.

623.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ rồi làm cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Thí... giới... tịnh nghiệp rồi nặng về đó mới phản khán thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.
- Nhớ thiện đã từng làm chứa để trước... thiền...
- Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi... quả bằng Trưởng duyên.
- Nhãn... vật... nặng về uẩn hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng về đó rồi làm cho ái hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:

Trưởng cảnh như: Thí... giới... tịnh nghiệp... thiền... nhãn... vật... nặng về uẩn phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan do đó mới làm cho ái hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra, tà kiến...

624.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:
- Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh trước trước làm duyên cho uẩn sanh sau sau bằng Vô gián duyên, săp căn.
- Uẩn đồng sanh hoài nghi sanh trước trước làm duyên cho si đồng sanh hoài nghi sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.
- Uẩn đồng sanh hoài nghi sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:

Si đồng sanh hoài nghi sanh trước trước làm duyên cho si đồng sanh hoài nghi sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh trước trước... quả nhập thiền bằng Vô gián duyên, nên sắp căn.
- Si đồng sanh hoài nghi sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô gián duyên; sắp căn.
- Si đồng sanh hoài nghi sanh trước trước làm duyên cho Uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Vô gián duyên:
- Uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi sanh sau sau; sắp căn.

- Uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh trước trước làm duyên cho si đồng sanh hoài nghi sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên; sắp căn.
- Uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ ... bằng Liên tiếp duyên có 9 câu,... bằng Đồng sanh duyên có 9 câu,... bằng Hỗ tương duyên có 6 câu,... bằng Y chỉ duyên có 9 câu.

625.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên.
- Còn 2 thứ ngoài ra là Vô gián cận y và Thuần cận y; sắp căn.
- Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và si bằng Cận y duyên; sắp căn.
- Uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn.
- Nương giới... trí... ái phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, sân, si, ngã mạn, hy vọng, thân lạc, thân khổ... nương chỗ ở mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin... chỗ ở làm duyên cho đức tin, trí, ái phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ... hy vọng, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh... chấp tà kiến.
- Nương giới... trí... ái hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ... sân, si, ngã mạn, hy vọng, thân lạc, thân khổ... nương chỗ ở mạnh có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin... chỗ ở mạnh làm duyên cho ái hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, sân, si, tà kiến, hy vọng bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên: Có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Nương đức tin... trí... ái hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ... sân, si, ngã mạn, hy vọng, thân lạc... chỗ ở làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cận y duyên; nên sắp căn...
- Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho uẩn hữu phi nhân sơ đạo tuyệt trừ và si bằng Cận y duyên; sắp căn.

- Uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho uẩn đồng sanh hoài nghi và si bằng Cận y duyên.

626.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ... phóng dật... ưu phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.
- Thiên nhãn... tóm tắt...
- Vật tiền sanh:... tóm tắt...

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, tà kiến... hoài nghi... ưu hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra.
- Vật tiền sanh:... tóm tắt...

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật khai đoan uẩn đồng sanh hoài nghi và si sanh ra.
- Vật tiền sanh như:... tóm tắt...

627.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên...

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên...

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Hậu sanh duyên... bằng Cố hưởng duyên.

628.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:
- Tư *(cetanā)* hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên, sắp căn... có Đồng sanh *(Sahajāta)* và Biệt thời *(Nānākhaṇika)*.
- Đồng sanh như: Tư hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên:
- Tư hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

- Biệt thời như: Tư phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.

∗ ... bằng Quả duyên,... bằng Thực duyên,... bằng Quyền duyên,... bằng Thiền duyên,... bằng Đạo duyên,... bằng Tương ưng duyên có 6 câu,... bằng Bất tương ưng duyên có 5 câu.

629.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền... tóm tắt...

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh,... tóm tắt...

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh,... tóm tắt...

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: 1 uẩn hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên.
- 1 uẩn đồng sanh hoài nghi và si làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền,... tóm tắt...

∗ Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Hiện hữu duyên: Có Đồng sanh và Tiền sanh,... tóm tắt...

∗ ... bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

630.

Nhân 6, Cảnh 9, Trưởng 5, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 6, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

631.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

* Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.
* Chư pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

632.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả đều 9,... phi Bất ly 9.

633.

Nhân duyên có phi Cảnh 6,... phi Trưởng 6, phi Vô gián 6, phi Liên tiếp 6, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 6,... phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 6, phi Ly 6.

634.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 5, nên sắp rộng thuận theo đầu đề,... Bất ly 9.

Dứt nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ (dassanenapahātabbahetukaduka)

NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ
(BHĀVANĀYAPAHĀTABBAHETUKADUKA)

<u>Phần Liên Quan</u> ***(Paṭiccavāra)***

635.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ,... 2 uẩn.

Dù phần liên quan *(paṭiccavāra)*, phần đồng sanh *(sahajātavāra)*, phần ỷ trượng *(paccayavāra)*, phần y chỉ *(nissayavāra)*, phần hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)*, phần tương ưng *(sampayuttavāra)* đều giống như nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanenapahātabbahetukaduka)*.

Si đồng sanh phóng dật nên sắp vào vị trí của si đồng sanh hoài nghi.

Phần Vấn Đề ***(Pañhāvāra)***

636.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Nhân duyên: Có 6 câu như nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanenapahātabbahetukaduka)*.

637.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên: Có 3 câu mở mối, như nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.

∗ Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi mới phản khán thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, tà kiến... hoài nghi... ưu phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.
- Nhớ thiện từng tạo chứa để... xuất thiền...
- Chư Thánh xuất đạo... quả luôn khán môn bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ đã trừ tuyệt, rõ phiền não từng sanh.
- Nhãn... vật... quán ngộ uẩn phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và si bằng cách vô thường... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, tà kiến, hoài nghi... ưu phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.
- Thiên nhãn... vị lai thông luôn khán môn và si bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:
- Bố thí... giới... thiền... tóm tắt...
- Nhãn... vật... uẩn phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và si thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, phóng dật... ưu hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.

∗ Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên:

Nhãn... vật... uẩn phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và si mở mối cho uẩn đồng sanh phóng dật và si sanh ra.

Nên sắp đến Cảnh *(ārammaṇa)* hiệp trợ *(ghaṭanā)* cũng có 3 câu.

638.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi làm cho ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi làm cho ái phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra, tà kiến...
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho những pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
+ Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nặng về đó mới phản khán, do nặng đó rồi làm cho ái phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra, tà kiến...
  - ... trước kia... thiền...
  - Chư Thánh xuất đạo... quả bằng Trưởng duyên.
  - Nhãn... vật... nặng về uẩn phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra... tà kiến..
+ Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như: Bố thí... xuất thiền... tóm tắt...
- Nhãn... vật... nặng về uẩn phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi làm cho ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra.

639.

∗ .... bằng Vô gián duyên:

Trong phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nên sắp si đồng sanh phóng dật mà không nên nên sắp si đồng sanh hoài nghi.

∗ ... bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên có 9 câu,... bằng Hỗ tương duyên có 6 câu,... bằng Y chỉ duyên có 9 câu.

640.

∗ Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên; nên sắp căn *(mūlaṃkātabbaṃ)*.
- Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và si bằng Cận y duyên.
- Vật ái dục của mình *(sakabhande chandarāga)* làm duyên cho vật ái dục của người khác *(parabhande chandarāga)* bằng Cận y duyên.
- Vật bỏn xẻn ái dục của mình *(sakapariggaha chandarāga)* làm duyên cho vật bỏn xẻn ái dục của người khác *(parapariggaha chandarāga)* bằng Cận y duyên. Nên sắp căn *(mūlaṃkātabbaṃ)*.
- Uẩn hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh... chấp tà kiến.

- Nương giới... trí, ái phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, sân, si, ngã mạn, tà kiến... hy vọng, thân lạc, thân khổ... nương chỗ ở mạnh có thể bố thí... sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin... trí, ái phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, sân, si, tà kiến, hy vọng, thân lạc... luôn quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

* Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh, gây ngã mạn...
  - Nương đức tin... chỗ ở mạnh làm duyên cho ái hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, sân, si, ngã mạn, hy vọng bằng Cận y duyên.

* Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho những pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y.

Anulomapaccanīyavasena tikapaṭṭhānaṃ niṭṭhitaṃ.

Dứt thuận tùng nghịch vấn đề

  - Thuần cận y như: Nương đức tin... trí... thân lạc... chỗ ở mạnh làm duyên cho uẩn đồng sanh phóng dật và si bằng Cận y duyên.
  - Nên sắp hợp trợ *(ghaṭanā)* Cận y có 3 cách.

641.

* Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Tiền sanh duyên có 3 câu.

* ... bằng Hậu sanh duyên có 3 câu,... bằng Cố hưởng duyên có 3 câu,... bằng Nghiệp duyên.

  Trong nguyên do chia phi ba đạo cao tuyệt trừ vẫn có Biệt thời *(Nānākhaṇika)*.

* ... bằng phi Ly duyên,... tóm tắt...

  Nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ như thế nào thì nhị đề hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng như thế ấy; về phần ngược *(paccanīya)* cách chia cách đếm không chi khác.

* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ...

  Dù vật ái dục của mình *(sakabhande chandarāga)* nên sắp về đoạn chót.

* Pháp ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ...

  Dù vật ái dục của mình cũng nên sắp về đoạn chót.

Dứt nhị đề hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ

NHỊ ĐỀ HỮU TẦM *(SAVITAKKADUKA)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

642.

* Pháp hữu tầm liên quan pháp hữu tầm sanh ra do Nhân duyên:
  - 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm,... 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh...

* Pháp vô tầm liên quan pháp hữu tầm sanh ra do Nhân duyên:

  Tầm và sắc tâm liên quan uẩn hữu tầm. Sát-na tục sinh...

∗ Chư pháp hữu tầm và vô tầm liên quan pháp hữu tầm sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và tầm và sắc tâm liên quan uẩn hữu tầm. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm liên quan pháp vô tầm sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô tầm,... 2 uẩn. Sắc tâm liên quan tầm.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô tầm *(avitakka)*,... 2 uẩn. Sắc tục sinh liên quan tầm, vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; vật liên quan tầm, tầm liên quan vật,... 1 đại sung.

∗ Pháp hữu tầm liên quan pháp vô tầm sanh ra do Nhân duyên:
- Uẩn tương ưng liên quan tầm. Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng liên quan tầm.
- Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm *(savitakka)* liên quan vật *(vatthu)*.

∗ Chư pháp hữu tầm và vô tầm liên quan pháp vô tầm sanh ra do Nhân duyên:
- Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan tầm. Uẩn hữu tầm liên quan tầm *(vitakka)*; sắc tâm liên quan đại sung.
- Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng và sắc tục sinh liên quan tầm.
- Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm liên quan tầm; sắc tục sinh liên quan đại sung.
- Sát-na tục sinh: Uẩn hữu tầm liên quan vật; sắc tục sinh liên quan đại sung.
- Sát-na tục sinh: tầm và uẩn tương ưng liên quan vật.

∗ Pháp hữu tầm liên quan những pháp hữu tầm và vô tầm sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm và tầm,... liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm và tầm,... liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm và vật,... 2 uẩn.

∗ Pháp vô tầm liên quan những pháp hữu tầm và vô tầm sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc tâm liên quan uẩn hữu tầm và tầm với đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm với tầm và đại sung.
- Sát-na tục sinh: tầm liên quan uẩn hữu tầm và vật.

∗ Chư pháp hữu tầm và vô tầm liên quan những pháp hữu tầm và vô tầm sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn hữu tầm và tầm,... 2 uẩn.
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm và tầm,... 2 uẩn.
- Sắc tâm liên quan uẩn hữu tầm và tầm và đại sung.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn hữu tầm và tầm,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 Uẩn hữu tầm và tầm,... 2 uẩn. Sắc tục sinh liên quan uẩn hữu tầm và tầm và đại sung.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và tầm liên quan 1 uẩn hữu tầm và vật,... 2 uẩn;... tóm tắt...

643.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9,... Cận y 9, Tiền sanh 6, Cố hưởng 6, Nghiệp 9, Quả 9, tất cả đều 9,... Bất ly 9.

644.

∗ Pháp hữu tầm liên quan pháp hữu tầm sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân hữu tầm *(savitakka)*,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân:...
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.
- Phần hữu tầm căn *(savitakkamula)* nên sắp 2 câu ngoài ra là vô nhân, không chi khác.

* Pháp vô tầm liên quan pháp vô tầm sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân vô tầm,... 2 uẩn. Sắc tâm liên quan tầm vô nhân.
  - Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh liên quan tầm; vật liên quan tầm; tầm liên quan vật.

* Pháp hữu tầm liên quan pháp vô tầm sanh ra do phi Nhân duyên:
  - Uẩn tương ưng liên quan tầm vô nhân;
  - Sát-na tục sinh: Uẩn tương ưng liên quan tầm. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan tầm.

* Chư pháp hữu tầm và vô tầm liên quan pháp vô tầm sanh ra do phi Nhân duyên:... tóm tắt như Nhân duyên, nên định là vô nhân.

* Pháp hữu tầm liên quan những pháp hữu tầm và vô tầm sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân hữu tầm và tầm *(vitakka)*,... 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô tầm *(avitakka)* và tầm,... 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tầm *(savitakka)* và vật và tầm,... 2 uẩn.
  - Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và tầm.

  2 câu ngoài ra như Nhân duyên không khác, nên định là vô nhân.

645.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3... phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

646.

Nhân duyên có phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3,... phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

647.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Vô gián 9, Tiền sanh 6,... Cố hưởng 5, Nghiệp 9,... Đạo 3, Tương ưng 9, tất cả đều 9.

Phần đồng sanh *(sahajātavāra)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

<u>Phần Ỷ Trượng</u> *(Paccayavāra)*

648.

* Pháp hữu tầm nhờ cậy pháp hữu tầm sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu như phần liên quan.

* Pháp vô tầm nhờ cậy pháp vô tầm sanh ra do Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy *(paccaya)* 1 uẩn vô tầm *(avitakka)*,... 2 uẩn. Sắc tâm nhờ cậy tầm.
  - Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh nhờ cậy 1 uẩn vô tầm,... 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh nhờ cậy tầm; vật nhờ cậy uẩn; uẩn nhờ cậy vật; vật nhờ cậy tầm, tầm nhờ cậy vật. 3 đại sung nhờ cậy 1 đại sung... uẩn vô tầm nhờ cậy vật, tầm nhờ cậy vật.

* Pháp hữu tầm nhờ cậy pháp vô tầm sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn tương ưng nhờ cậy tầm, uẩn hữu tầm nhờ cậy vật. Tục sinh có 2 câu.

* Chư pháp hữu tầm và vô tầm nhờ cậy pháp vô tầm sanh ra do Nhân duyên:

- Uẩn tương ưng và sắc tâm nhờ cậy tầm. Uẩn tương ưng nhờ cậy tầm. Sắc tâm nhờ cậy đại sung, uẩn hữu tầm nhờ cậy vật. Sắc tâm nhờ cậy đại sung; tầm và uẩn tương ưng nhờ cậy vật.
- Sát-na tục sinh:... dù tục sinh như bình nhựt *(pavatti)*.

∗ Pháp hữu tầm nhờ cậy pháp hữu tầm và vô tầm sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu tầm và tầm,... 2 uẩn.
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn hữu tầm và vật,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: Nên sắp 2 câu.

∗ Pháp vô tầm nhờ cậy pháp hữu tầm và vô tầm sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc tâm nhờ cậy uẩn hữu tầm và tầm.
- Sắc tâm nhờ cậy uẩn hữu tầm và tầm và đại sung.
- Tầm nhờ cậy uẩn hữu tầm và vật.
- Sát-na tục sinh:... dù tục sinh cũng 3 câu.

∗ Chư pháp hữu tầm và vô tầm nhờ cậy những pháp hữu tầm và vô tầm sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn hữu tầm và tầm,... 2 uẩn. 3 uẩn nhờ cậy 1 Uẩn hữu tầm và tầm và vật,... 2 uẩn.
- Sắc tâm nhờ cậy uẩn hữu tầm và tầm và đại sung.
- 3 uẩn và tầm nhờ cậy 1 uẩn hữu tầm và vật,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh...

649.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, tất cả đều 9,... Bất ly 9.

650.

Pháp hữu tầm nhờ cậy pháp hữu tầm sanh ra do phi Nhân duyên:
Nên sắp 9 câu, nên định 3 câu có vô nhân trừ si.

Phần liên quan *(paṭiccavāra)* như thế nào, thì câu đề Nhân duyên chỉ như thế ấy, thêm vào 5 thức *(pancavinnana)* si và tầm.

651.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3,... phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dù sắp đếm 2 cách ngoài ra hay phần y chỉ *(nissayavāra)* cũng như thế

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

652.

∗ Pháp hữu tầm hòa hợp pháp hữu tầm sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu tầm,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm hòa hợp pháp hữu tầm sanh ra do Nhân duyên:
Tầm *(vitakka)* hòa hợp uẩn hữu tầm.

∗ Chư pháp hữu tầm và vô tầm hòa hợp pháp hữu tầm sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và tầm hòa hợp 1 uẩn hữu tầm,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm hòa hợp pháp vô tầm sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô tầm. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm hòa hợp pháp vô tầm sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn tương ưng hòa hợp tầm. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm hòa hợp những pháp hữu tầm và vô tầm sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn hữu tầm và tầm,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

653.

Nhân 6, Cảnh 6, Trưởng 6, tất cả đều 6,... Bất ly 6.

654.

Pháp hữu tầm hòa hợp pháp hữu tầm sanh ra do phi Nhân duyên:
Sắp 6 câu đề như thuận tùng *(anuloda)* quyết gọi là vô nhân *(ahetuka)*, chỉ có 3 câu; nên bỏ bớt si.

655.

Phi nhân 6, phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 6, phi Cố hưởng 6, phi Nghiệp 4, phi Quả 6, phi Thiền 1, phi Đạo 6, phi Bất tương ưng 6.

Nên đếm dù 2 câu ngoài ra hay phần tương ưng *(sampayuttavāra)* cũng như thế.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

656.

∗ Pháp hữu tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Nhân duyên:
Nhân hữu tầm làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Nhân duyên:
- Nhân hữu tầm *(savitakka)* làm duyên cho tầm và sắc tâm *(cittasamuṭṭhāna)* bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh... nên sắp căn *(mūlaṃ kātabbaṃ)*.
- Nhân hữu tầm làm duyên cho uẩn tương ưng và tầm và sắc tâm bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Nhân duyên:
Nhân vô tầm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

657.

∗ Pháp hữu tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Cảnh duyên:
- Uẩn hữu tầm mở mối cho uẩn hữu tầm sanh ra, sắp căn.
- Uẩn hữu tầm mở mối cho uẩn vô tầm và tầm sanh ra, sắp căn.
- Uẩn hữu tầm mở mối cho uẩn hữu tầm và tầm sanh ra.

∗ Pháp vô tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh xuất thiền vô tầm phản khán thiền vô tầm; xuất đạo phản khán đạo, xuất quả phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả vô tầm *(avitakka)* và tầm bằng Cảnh duyên.
- Quán ngộ nhãn... vật... uẩn vô tầm và tầm bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tầm phát sanh.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm vô tầm.
- Không vô biên xứ... Thức vô biên xứ...
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ...
- Uẩn vô tầm làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông và tầm bằng Cảnh duyên.
- Uẩn vô tầm và tầm mở mối cho uẩn vô tầm và tầm sanh ra.

∗ Pháp vô tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh xuất thiền vô tầm... xuất đạo phản khán đạo, xuất quả phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(yodana)*, đạo, quả hữu tầm luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Quán ngộ nhãn... vật... uẩn vô tầm và tầm bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái sanh ưu phát.
- Uẩn vô tầm và tầm mở mối cho uẩn hữu tầm sanh ra.

∗ Chư pháp vô tầm làm duyên cho pháp hữu tầm và vô tầm bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh xuất thiền vô tầm... xuất đạo phản khán đạo, xuất quả phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(yodana),* đạo, quả hữu tầm luôn khán môn và tầm bằng Cảnh duyên.
- Quán ngộ nhãn... vật... uẩn vô tầm và tầm bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan uẩn hữu tầm và tầm sanh ra.
- Uẩn vô tầm và tầm mở mối cho uẩn hữu tầm và tầm sanh ra.

∗ Chư pháp hữu tầm và vô tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Cảnh duyên:
- Uẩn hữu tầm và tầm mở mối cho uẩn hữu tầm sanh ra; nên sắp căn.
- Uẩn hữu tầm và tầm mở mối cho uẩn vô tầm và tầm sanh ra; nên sắp căn.
- Uẩn hữu tầm và tầm mở mối cho uẩn hữu tầm và tầm sanh ra.

658.

∗ Pháp hữu tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn hữu tầm rồi làm cho uẩn hữu tầm sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* hữu tầm làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp hữu tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn hữu tầm rồi làm cho tầm *(vitakka)* sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* hữu tầm làm duyên cho tầm và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp hữu tầm làm duyên cho những pháp hữu tầm và vô tầm bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn hữu tầm rồi làm cho uẩn hữu tầm và tầm sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu tầm làm duyên cho uẩn tương ưng với tầm và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp vô tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất thiền vô tầm... xuất đạo... xuất quả nặng về quả rồi phản khán, nặng về Níp Bàn rồi phản khán.
- Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả vô tầm và tầm bằng Trưởng duyên.
- Nặng về nhãn... vật... uẩn vô tầm và tầm rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi làm cho tầm phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô tầm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.
- Nặng về uẩn vô tầm và tầm rồi làm tầm phát sanh.

∗ Pháp vô tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất thiền vô tầm... xuất đạo... xuất quả nặng về quả rồi phản khán, nặng về Níp Bàn rồi phản khán.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả hữu tầm bằng Trưởng duyên.
- Nặng về nhãn... vật... uẩn vô tầm và tầm rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.
- Nặng về uẩn vô tầm và tầm rồi làm cho uẩn hữu tầm sanh ra.

∗ Pháp vô tầm làm duyên cho những pháp hữu tầm và vô tầm bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất thiền vô tầm... xuất quả phản khán quả, phản khán Níp Bàn...
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả hữu tầm và tầm bằng Cận y duyên.
- Nặng về nhãn... vật... uẩn vô tầm và tầm rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.
- Nặng về uẩn vô tầm và tầm rồi làm cho uẩn hữu tầm và tầm sanh ra.

∗ Chư pháp hữu tầm và vô tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn hữu tầm và tầm rồi làm cho uẩn hữu tầm sanh ra, nên sắp căn.
- Nặng về uẩn hữu tầm và tầm rồi làm cho tầm sanh ra, nên sắp căn.
- Nặng về uẩn hữu tầm và tầm rồi làm cho uẩn hữu tầm và tầm sanh ra.

659.

∗ Pháp hữu tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Vô gián duyên:
- Uẩn hữu tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp hữu tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Vô gián duyên:
- Uẩn hữu tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử *(cuticitta)* hữu tầm làm duyên cho cho tâm sanh *(upapatticitta)* vô tầm bằng Vô gián duyên.
- Khán môn *(āvajjana)* làm duyên cho 5 thức bằng Vô gián duyên.
- Uẩn hữu tầm làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô tầm bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* nhị thiền làm duyên cho nhị thiền bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý tam thiền... tâm chỉnh lý Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
- Tâm chỉnh lý thiên nhãn... tâm chỉnh lý thiên nhĩ... tâm chỉnh lý thần thông... tâm chỉnh lý tha tâm thông... tâm chỉnh lý túc mạng thông... tâm chỉnh lý tùy nghiệp thông làm duyên cho tùy nghiệp thông; tâm chỉnh lý vị lai thông làm duyên cho vị lai thông bằng Vô gián duyên.
- Chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo vô tầm, dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo vô tầm; thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền vô tầm bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp hữu tầm làm duyên cho những pháp hữu tầm và vô tầm bằng Vô gián duyên:
Uẩn hữu tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp vô tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Vô gián duyên:

- Tầm sanh trước trước làm duyên cho tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Đạo vô tầm làm duyên cho quả vô tầm, quả vô tầm làm duyên cho quả vô tầm.
- Khi xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ vô tầm làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp vô tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Vô gián duyên:
- Uẩn vô tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử *(cuticitta)* vô tầm làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* hữu tầm; hộ kiếp *(bhavaṅga)* vô tầm làm duyên cho khán môn *(āvajjana)*; uẩn vô tầm làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hữu tầm bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp vô tầm làm duyên cho những pháp hữu tầm và vô tầm bằng Vô gián duyên:
Tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm và tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp hữu tầm và vô tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Vô gián duyên:
Uẩn hữu tầm và tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp hữu tầm và vô tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Vô gián duyên:
- Uẩn hữu tầm và tầm sanh trước trước làm duyên cho tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử hữu tầm và tầm làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* vô tầm.
- Khán môn *(āvajjana)* và tầm làm duyên cho 5 thức.
- Uẩn hữu tầm và tầm làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô tầm bằng Vô gián duyên.
- Tâm chuẩn bị của nhị thiền và tầm…
- Tâm thuận thứ và tầm trợ tâm thiền quả vô tầm bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp hữu tầm và vô tầm làm duyên cho pháp hữu tầm và vô tầm bằng Vô gián duyên:
Uẩn hữu tầm và tầm sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu tầm và tầm sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ … bằng Đẳng vô gián duyên…

∗ … bằng câu sinh duyên. Có 9 câu.

∗ … bằng Hỗ tương duyên. Có 9 câu.

∗ … bằng Y chỉ duyên. Có 9 câu.

660.

∗ Pháp hữu tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Cận y duyên : Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thường cận y… Thường cận y : Uẩn hữu tầm làm duyên cho uẩn hữu tầm bằng Cận y duyên. Nên sắp căn. Uẩn hữu tầm làm duyên cho uẩn vô tầm và tầm bằng Cận y duyên. Nên sắp căn. Uẩn hữu tầm làm duyên cho uẩn hữu tầm và tầm bằng Cận y duyên.

∗ Pháp vô tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Cận y duyên : Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thường cận y… Thường cận y : Do nương đức tin vô tầm mà đắc thiền, đắc đạo, đắc thông, nhập định ; do nương giới vô tầm … trí tuệ… thân lạc… thân khổ… âm dương… vật thực… tọa cụ… do nương tầm mà đắc thiền vô tầm… đạo… thông…

nhập định ; đức tin vô tầm… sàng tọa… tầm làm duyên cho đức tin vô tầm… làm duyên cho trí tuệ, làm duyên cho thân lạc, làm duyên cho thân khổ, làm duyên cho đạo vô tầm, làm duyên cho nhập thiền quả bằng Cận y duyên.

* Pháp vô tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Cận duyên: Có 3 cách
  - Nương đức tin vô tầm mạnh mà bố thí, trì giới, hành bồ tát, đắc thiền hữu tầm,… tuệ quá… đạo… thắng trí… nhập định, kiêu mạn sanh, tà kiến phát
  - Nương giới vô tầm mạnh... nương chỗ ở và tầm mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
  - Nương đức tin vô tầm... chỗ ở và tầm mạnh làm duyên cho đức tin hữu tầm... trí, ái, hy vọng, đạo hữu tầm và quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

* Pháp vô tầm làm duyên cho những hữu tầm và vô tầm bằng Cận y duyên:
  - Nương đức tin vô tầm mạnh có thể bố thí...
  - Nên biên sắp tất cả câu phần thứ nhì, nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
  - Nương giới... trí... chỗ ở và tầm mạnh có thể bố thí... sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
  - Nương đức tin vô tầm... chỗ ở và tầm làm duyên cho đức tin hữu tầm... trí, ái, hy vọng, đạo hữu tầm và quả nhập thiền và tầm bằng Cận y duyên.

* Chư pháp hữu tầm và vô tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Cận y duyên:
  - Uẩn hữu tầm và tầm làm duyên cho uẩn hữu tầm bằng Cận y duyên; nên sắp căn.
  - Uẩn hữu tầm và tầm làm duyên cho uẩn vô tầm và tầm bằng Cận y duyên; nên sắp căn.
  - Uẩn hữu tầm và tầm làm duyên cho uẩn hữu tầm và tầm bằng Cận y duyên; sắp căn.

661.

* Pháp vô tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tầm sanh...
  - Thiên nhãn... xúc xứ làm duyên cho thân thức.
  - Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức; thân xứ... vật làm duyên cho uẩn vô tầm và tầm bằng Tiền sanh duyên.

* Pháp vô tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan uẩn hữu tầm sanh ra.
  - Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu tầm bằng Tiền sanh duyên.

* Pháp vô tầm làm duyên cho pháp hữu tầm và vô tầm bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan uẩn hữu tầm và tầm sanh ra.
  - Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu tầm và tầm bằng Tiền sanh duyên.

662.

* Pháp hữu tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Hậu sanh duyên có 3 câu. Hậu sanh...

* ... bằng Cố hưởng duyên có 9 câu.

663.

∗ Pháp hữu tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* hữu tầm làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu tầm *(savitakka)* làm duyên cho uẩn quả hữu tầm bằng Nghiệp duyên.

Nên sắp Đồng sanh *(Sahajāta)* Biệt thời *(Nānākhaṇika)* 4 câu như thế.

∗ ... bằng Quả duyên có 9 câu,... bằng Thực duyên có 4 câu,... bằng Quyền duyên có 4 câu,... bằng Thiền duyên có 9 câu,... bằng Đạo duyên có 9 câu,... bằng Tương ưng duyên có 6 câu.

664.

∗ Pháp hữu tầm làm duyên cho pháp hữu tầm Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh.

∗ Pháp vô tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh.

∗ Pháp vô tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh.

∗ Pháp vô tầm làm duyên cho những pháp hữu tầm và vô tầm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho tầm và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho tầm và uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên.

∗ Chư pháp hữu tầm và vô tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh...

665.

∗ Pháp hữu tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Hiện hữu duyên có 1 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp hữu tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh,... tóm tắt...

∗ Pháp hữu tầm làm duyên cho pháp hữu tầm và vô tầm bằng Hiện hữu duyên: Như phần liên quan.

∗ Pháp vô tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền...

∗ Pháp vô tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh,... tóm tắt...

∗ Pháp vô tầm làm duyên cho những pháp hữu tầm và vô tầm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
- Đồng sanh như: tầm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Sát-na tục sinh: tầm làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

- Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho tầm và uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên.
- Tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan tầm và uẩn tương ưng sanh ra.
- Vật làm duyên cho tầm và uẩn tương ưng bằng Hiện hữu duyên.

* Chư pháp hữu tầm và vô tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: 1 uẩn hữu tầm và tầm làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên,... 2 uẩn.
  - Đồng sanh như: 1 uẩn hữu tầm và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên,... 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh: Nên sắp Đồng sanh có 2 câu.

* Chư pháp hữu tầm và vô tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
  - Đồng sanh như: Uẩn hữu tầm và tầm làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
  - Đồng sanh như: Uẩn hữu tầm và vật làm duyên cho tầm bằng Hiện hữu duyên. Sát-na tục sinh có 3 câu...
  - Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm và tầm làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm và tầm và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn hữu tầm và tầm và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

* Chư pháp hữu tầm và vô tầm làm duyên cho những pháp hữu tầm và vô tầm bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: 1 uẩn hữu tầm và tầm làm duyên cho 3 uẩn và sắc tâm bằng Hiện hữu duyên,... 2 uẩn.
  - Đồng sanh như: 1 uẩn hữu tầm và vật làm duyên cho 3 uẩn và tầm bằng Hiện hữu duyên,... 2 uẩn. Tục sinh có 2 câu.

* ... bằng Vô hữu duyên,... bằng Ly duyên,... bằng Bất ly duyên.

666.

Nhân 4, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 4, Quả 9, Thực 4, Quyền 4, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 6, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

667.

* Pháp hữu tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

* Pháp hữu tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

* Pháp hữu tầm làm duyên cho những pháp hữu tầm và vô tầm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

* Pháp vô tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

* Pháp vô tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp vô tầm làm duyên cho những pháp hữu tầm và vô tầm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp hữu tầm và vô tầm làm duyên cho pháp hữu tầm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Chư pháp hữu tầm và vô tầm làm duyên cho pháp vô tầm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.
* Chư pháp hữu tầm và vô tầm làm duyên cho những pháp hữu tầm và vô tầm bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

668.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, tất cả đều 9,... phi Bất ly 9.

669.

Nhân duyên có phi Cảnh 4,... phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 4, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

670.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Trưởng 9; nên sắp rộng thuận theo đầu đề,... Bất ly 9.

Dứt nhị đề hữu tầm (savitakkaduka)

NHỊ ĐỀ HỮU TỨ *(SAVICARADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

671.

Pháp hữu tứ liên quan pháp hữu tứ sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu tứ *(savicāra)*,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

Nhị đề hữu tầm *(savitakkaduka)* thế nào, đây cũng nên sắp rộng như thế ấy không chi khác.

Trong nhị đề hữu tứ nên sắp Đạo duyên có 4 câu, như thế này không chi khác.

Dứt nhị đề hữu tứ (savicāraduka)

NHỊ ĐỀ HỮU HỶ *(SAPPITIKADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

672.

* Pháp hữu hỷ liên quan pháp hữu hỷ sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu hỷ *(sappītika)*,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh...
* Pháp vô hỷ liên quan pháp hữu hỷ sanh ra do Nhân duyên:
  Hỷ *(pīti)* và sắc tâm liên quan uẩn hữu hỷ *(sappītika)*. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu hỷ và vô hỷ liên quan pháp hữu hỷ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và hỷ và sắc tâm liên quan 1 uẩn hữu hỷ,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô hỷ liên quan pháp vô hỷ sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô hỷ *(appitika)*, sắc tâm liên quan hỷ.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô hỷ,... 2 uẩn. Sắc tục sinh liên quan hỷ, vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật; vật liên quan hỷ, hỷ liên quan vật,... liên quan 1 đại sung.

Nhị đề hữu tầm *(savitakka)* như thế nào, nên sắp nhị đề hữu hỷ như thế ấy.

Tất cả bình nhựt *(pavatti)* tục sinh *(paṭisandhi)* 9 câu.

673.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9... Tiền sanh 6, Nghiệp 9, Quả 9, Bất ly 9.

674.

∗ Pháp hữu hỷ liên quan pháp hữu hỷ sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân hữu hỷ,... 2 uẩn.

∗ Pháp vô hỷ liên quan pháp hữu hỷ sanh ra do phi Nhân duyên:
Hỷ và sắc tâm liên quan uẩn vô nhân hữu hỷ.

∗ Pháp hữu hỷ và vô hỷ liên quan pháp hữu hỷ sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn và hỷ và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân hữu hỷ,... 2 uẩn.

∗ Pháp vô hỷ liên quan pháp vô hỷ sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân vô hỷ,... 2 uẩn. Sắc tâm liên quan hỷ.
- Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn vô hỷ,... 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 2 uẩn.
- Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật. 1 đại sung luôn đến Vô tưởng.
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp hữu hỷ liên quan pháp vô hỷ sanh ra do phi Nhân duyên:
- Uẩn hữu hỷ liên quan hỷ vô nhân; sắp căn.
- Uẩn hữu hỷ và sắc tâm liên quan hỷ.

∗ Pháp hữu hỷ liên quan những pháp hữu hỷ và vô hỷ sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu hỷ vô nhân và hỷ,... 2 uẩn.

∗ Pháp vô hỷ liên quan những pháp hữu hỷ và vô hỷ sanh ra do phi Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn vô nhân hữu hỷ và hỷ; sắc tâm liên quan uẩn vô nhân hữu hỷ và đại sung.

∗ Chư pháp hữu hỷ và vô hỷ liên quan những pháp hữu hỷ và vô hỷ sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân hữu hỷ và hỷ,... 2 uẩn.
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân hữu hỷ và hỷ,... 2 uẩn.
- Sắc tâm liên quan uẩn vô nhân hữu hỷ và hỷ và đại sung.

675.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3,... phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Nên sắp đếm 2 câu ngoài ra, dù phần đồng sanh cũng như thế.

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

676.

Pháp hữu hỷ nhờ cậy pháp hữu hỷ sanh ra do Nhân duyên:... tóm tắt...

Phần ỷ trượng *(paccayavāra)* về thuận tùng *(anuloma)* trong nhị đề hữu tầm *(savitakkaduka)* ra sao thì bình nhựt *(pavatti)* tục sinh *(paṭisandhi)* cả 9 câu đề hữu hỷ *(sappītika)* đầy đủ như thế ấy không chi khác.

677.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9,... Bất ly 9.

678.

∗ Pháp hữu hỷ nhờ cậy pháp hữu hỷ sanh ra do phi Nhân duyên: Có 3 câu như liên quan *(paṭicca)*.

∗ Pháp vô hỷ nhờ cậy pháp vô hỷ sanh ra do phi Nhân duyên:
- Nên sắp bình nhựt *(pavatti)* tục sinh *(paṭisandhi)* như phần liên quan *(paṭiccavāra)* luôn đến người Vô tưởng...
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ, thân xứ... uẩn vô nhân vô hỷ nhờ cậy vật. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật *(vatthu)*.
- 9 câu như thuận tùng *(anuloma)* không có bình nhựt *(pavatti)* và tục sinh; si chỉ có 1 câu.

679.

∗ Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Nên sắp đếm 2 câu ngoài ra, hay phần y chỉ *(nissayavāra)* cũng như thế.

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

680.

Pháp hữu hỷ hòa hợp pháp hữu hỷ sanh ra do Nhân duyên...

681.

Nhân 6, Cảnh 6, tất cả đều 6,... Bất ly 6.

682.

Phi nhân 6, phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 6, phi Cố hưởng 6, phi Nghiệp 4, phi Quả 6, phi Thiền 1, phi Đạo 6, phi Bất tương ưng 6.

Nên sắp 2 câu ngoài ra hay phần tương ưng cũng như thế.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

683.

∗ Pháp hữu hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ bằng Nhân duyên:
- Nhân hữu hỷ *(hetu sappitika)* làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.
- Sát-na tục sinh...

∗ Pháp hữu hỷ làm duyên cho pháp vô hỷ bằng Nhân duyên:
- Nhân hữu hỷ làm duyên cho hỷ và sắc tâm bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh... sắp căn.

- Nhân hữu hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng và hỷ và sắc tâm bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp vô hỷ làm duyên cho pháp vô hỷ bằng Nhân duyên:

Nhân vô hỷ *(appitika)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Sát-na tục sinh...

684.

∗ Pháp hữu hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ bằng Nhân duyên:
- Uẩn hữu hỷ mở mối cho uẩn hữu hỷ sanh ra; sắp căn.
- Uẩn hữu hỷ mở mối cho uẩn vô hỷ và hỷ sanh ra; căn.
- Uẩn hữu hỷ mở mối cho uẩn hữu hỷ và hỷ sanh ra.

∗ Pháp vô hỷ làm duyên cho pháp vô hỷ bằng Cảnh duyên:
- Tâm vô hỷ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán bằng tâm vô hỷ, thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái sanh, tà kiến phát, hoài nghi sanh, phóng dật và ưu vô hỷ sanh.
- Xuất thiền vô hỷ.. xuất đạo... xuất quả... rồi phản khán bằng tâm vô hỷ.
- Chư Thánh phản khán Níp Bàn bằng tâm vô hỷ, Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả vô hỷ luôn khán môn và hỷ bằng Cảnh duyên.
- Tâm vô hỷ của chư Thánh phản khán phiền não vô hỷ đã trừ, phản khán phiền não vô hỷ hạn chế,... từng sanh trước trước kia.
- Tâm vô hỷ quán ngộ nhãn... vật... uẩn vô hỷ và hỷ bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái vô hỷ sanh, ưu phát.
- Thiên nhãn... xúc xứ làm duyên cho thân thức bằng Cảnh duyên.
- Uẩn vô hỷ làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông, khán môn và hỷ bằng Cảnh duyên.
- Uẩn vô hỷ và hỷ mở mối cho uẩn vô hỷ và hỷ sanh ra.

∗ Pháp vô hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ bằng Cảnh duyên:
- Tâm vô hỷ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi tâm hữu hỷ phản khán thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái hữu hỷ sanh, tà kiến phát.
- Xuất thiền vô hỷ... xuất đạo... xuất quả rồi phản khán bằng tâm hữu hỷ.
- Chư Thánh phản khán Níp Bàn bằng tâm hữu hỷ.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả hữu hỷ bằng Cảnh duyên.
- Tâm hữu hỷ của chư Thánh phản khán phiền não vô hỷ đã trừ phản khán phiền não vô hỷ hạn chế, phản khán phiền não vô hỷ từng sanh trước kia.
- Tâm hữu hỷ quán ngộ nhãn... vật... uẩn vô hỷ và hỷ bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái hữu hỷ sanh, tà kiến phát.
- Uẩn vô hỷ và hỷ mở mối cho uẩn hữu hỷ sanh ra.

∗ Pháp vô hỷ làm duyên cho những pháp hữu hỷ và vô hỷ bằng Cảnh duyên:
- Tâm vô hỷ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán bằng tâm hữu hỷ, thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan uẩn hữu hỷ và hỷ sanh.
- ... thiền vô hỷ... đạo... xuất quả... phản khán bằng tâm hữu hỷ.
- Chư Thánh phản khán Níp Bàn bằng tâm hữu hỷ.
- Níp Bàn làm duyên cho tâm chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả hữu hỷ và bằng Cảnh duyên.

- Tâm hữu hỷ của chư Thánh phản khán phiền não vô hỷ đã trừ... phiền não hạn chế... phiền não từng sanh trước kia...
- Tâm hữu hỷ quán ngộ nhãn... vật... uẩn vô hỷ và hỷ bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái hữu hỷ sanh, tà kiến phát.
- Uẩn vô hỷ và hỷ mở mối cho uẩn hữu hỷ và hỷ sanh ra.

∗ Chư pháp hữu hỷ và vô hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ bằng Cảnh duyên:
- Uẩn hữu hỷ và hỷ mở mối cho uẩn hữu hỷ sanh ra, nên sắp căn.
- Uẩn hữu hỷ và hỷ mở mối cho uẩn vô hỷ và hỷ sanh ra, sắp căn.
- Uẩn hữu hỷ và hỷ mở mối cho uẩn hữu hỷ sanh ra.

685.

∗ Pháp hữu hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn hữu hỷ rồi làm duyên cho uẩn hữu hỷ phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* hữu hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp hữu hỷ làm duyên cho pháp vô hỷ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn hữu hỷ rồi làm duyên cho uẩn vô hỷ và hỷ phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu hỷ làm duyên cho hỷ và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp hữu hỷ làm duyên cho những pháp hữu hỷ và vô hỷ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về uẩn hữu hỷ rồi làm cho uẩn vô hỷ và hỷ sanh ra.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng và hỷ và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp vô hỷ làm duyên cho pháp vô hỷ bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

+ Trưởng cảnh như: Tâm vô hỷ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... nặng về tâm vô hỷ rồi phản khán thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi làm cho ái vô hỷ sanh, tà kiến phát.
  - Xuất thiền vô hỷ... đạo... xuất quả nặng về quả rồi phản khán.
  - Chư Thánh nặng về Níp Bàn rồi phản khán bằng tâm vô hỷ.
  - Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả nhập thiền vô hỷ và hỷ bằng Trưởng duyên.
  - Tâm vô hỷ nặng về nhãn... vật... uẩn vô hỷ và hỷ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến vô hỷ phát sanh...
  - Nặng về uẩn vô hỷ và hỷ rồi làm cho uẩn vô hỷ và hỷ phát sanh.
+ Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* vô hỷ làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp vô hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như: Tâm vô hỷ bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới...
- Trưởng *(adhipati)*... Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả hữu hỷ bằng Trưởng duyên.

- Tâm vô hỷ nặng về nhãn... vật... uẩn vô hỷ và hỷ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến hữu hỷ sanh ra.
- Nặng về uẩn vô hỷ và hỷ rồi làm cho uẩn hữu hỷ sanh ra.

∗ Pháp vô hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ và vô hỷ bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như: Bố thí... tóm tắt...
- Trưởng... Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả hữu hỷ và hỷ bằng Trưởng duyên.
- Tâm vô hỷ nặng về nhãn... vật... uẩn vô hỷ và hỷ rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi làm cho ái, tà kiến hữu hỷ sanh ra.
- Nặng về uẩn vô hỷ và hỷ rồi làm cho uẩn hữu hỷ và hỷ sanh ra.

∗ Chư pháp hữu hỷ và vô hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ bằng Trưởng duyên:
- Nặng về uẩn hữu hỷ và hỷ rồi làm cho uẩn hữu hỷ sanh ra, nên sắp căn.
- Nặng về uẩn hữu hỷ và hỷ rồi làm cho uẩn hữu hỷ và hỷ sanh ra, sắp căn.
- Nặng về uẩn hữu hỷ và hỷ rồi làm cho uẩn hữu hỷ và hỷ sanh ra.

686.

∗ Pháp hữu hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ bằng Vô gián duyên:
- Uẩn hữu hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu hỷ sanh sau sau bằng Vô gián duyên; sắp căn.
- Uẩn hữu hỷ sanh trước trước làm duyên cho vô hỷ và hỷ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử hữu hỷ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* vô hỷ *(appitika)*; tâm hộ kiếp hữu hỷ làm duyên cho tâm khán môn; uẩn hữu hỷ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô hỷ; ý thức giới quả đồng sanh hỷ làm duyên cho ý thức giới tố; tâm hộ kiếp hữu hỷ làm duyên cho hộ kiếp vô hỷ.
- Thiện, bất thiện hữu hỷ làm duyên cho quả sơ khởi vô hỷ.
- Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*. Quả làm duyên cho quả sơ khởi bằng Vô gián duyên; sắp căn.
- Uẩn hữu hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu hỷ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp vô hỷ làm duyên cho pháp vô hỷ bằng Vô gián duyên:
- Hỷ thuộc vô hỷ sanh trước trước làm duyên cho hỷ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn vô hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô hỷ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, quả nhập thiền bằng Vô gián duyên, sắp căn.
- Hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu hỷ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử vô hỷ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* hữu hỷ, khán môn làm duyên cho uẩn hữu hỷ.
- Uẩn vô hỷ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hữu hỷ.
- Ý giới quả làm duyên cho ý thức giới hữu hỷ.
- Tâm hộ kiếp vô hỷ làm duyên cho hộ kiếp hữu hỷ.
- Thiện, bất thiện vô hỷ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* hữu hỷ.
- Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)*; quả làm duyên cho quả sơ khởi bằng Vô gián duyên.

- Khi xuất thiền diệt thì tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền hữu hỷ bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp vô hỷ làm duyên cho những pháp hữu hỷ và vô hỷ bằng Vô gián duyên:
Hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu hỷ và hỷ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp hữu hỷ và vô hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ bằng Vô gián duyên:
Uẩn hữu hỷ và hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu hỷ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp hữu hỷ và vô hỷ làm duyên cho pháp vô hỷ bằng Vô gián duyên:
- Uẩn hữu hỷ và hỷ sanh trước trước làm duyên cho hỷ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử *(cuti)* hữu hỷ và hỷ làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* vô hỷ.
- Tâm hộ kiếp *(bhavaṅga)* hữu hỷ và hỷ làm duyên cho khán môn.
- Uẩn hữu hỷ và hỷ làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* vô hỷ.
- Ý thức giới quả hữu hỷ và hỷ làm duyên cho ý thức giới tố *(kiriyā)*.
- Tâm hộ kiếp hữu hỷ và hỷ làm duyên cho tâm hộ kiếp vô hỷ.
- Thiện, bất thiện hữu hỷ và hỷ làm duyên cho quả sơ khởi vô hỷ.
- Tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi; quả làm duyên cho quả sơ khởi bằng Vô gián duyên.

∗ Chư pháp hữu hỷ và vô hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ và vô hỷ bằng Vô gián duyên:
- Uẩn hữu hỷ và hỷ sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu hỷ và hỷ sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ ... bằng Liên tiếp duyên có 9 câu,... bằng Đồng sanh duyên có 9 câu,... bằng Hỗ tương duyên có 9 câu,... bằng Y chỉ duyên có 9 câu.

687.

∗ Pháp hữu hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Uẩn hữu hỷ làm duyên cho uẩn hữu hỷ bằng Cận y duyên, sắp căn *(mūlaṃkātabhaṃ)*.
- Uẩn hữu hỷ làm duyên cho uẩn vô hỷ và hỷ bằng Cận y duyên, sắp căn
- Uẩn hữu hỷ làm duyên cho uẩn hữu hỷ và hỷ bằng Cận y duyên.

∗ Pháp vô hỷ làm duyên cho pháp vô hỷ bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin vô hỷ mạnh, bố thí bằng tâm vô hỷ rồi làm cho nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, thiền, vô hỷ, pháp quán, đạo, thông... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương trì giới vô hỷ... trí, thông, ái, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hy vọng, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực,... chỗ ở, nương hỷ mạnh có thể bố thí bằng tâm vô hỷ... nhập thiền phát sanh, sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin vô hỷ... chỗ ở và hỷ mạnh làm duyên cho đức tin vô hỷ... hy vọng, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền và hỷ bằng Cận y duyên.

∗ Pháp vô hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ bằng Cận y duyên: Có 3 câu.
- Cận y như: Nương đức tin vô hỷ mạnh có thể bố thí bằng tâm hữu hỷ... thiền vô hỷ... gây ngã mạn, chấp tà kiến.

- Nương trì giới vô hỷ... chỗ ở, nương hỷ mạnh có thể bố thí bằng tâm hữu hỷ... nhập thiền phát sanh, lấy của không cho bằng tâm hữu hỷ... vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỹ ngữ, đánh cướp nhà độc thân, cắt đứt liên lạc, gây tạo tai nạn, giết dân vườn, người chợ.
- Nương đức tin vô hỷ... chỗ ở và hỷ mạnh làm duyên cho đức tin hữu hỷ... trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến, hy vọng, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp vô hỷ làm duyên cho những pháp hữu hỷ và vô hỷ bằng Cận y duyên: Có 3 câu.
- Cận y như: Nương đức tin vô hỷ mạnh có thể bố thí bằng tâm hữu hỷ... thiền phát sanh... gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương trì giới vô hỷ... chỗ ở và hỷ mạnh có thể bố thí bằng tâm hữu hỷ... nhập thiền phát sanh, lấy của không cho bằng tâm hữu hỷ; như phần thứ hai,... chết hại người đông.
- Nương đức tin vô hỷ... chỗ ở và hỷ mạnh làm duyên cho đức tin hữu hỷ... trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến, hy vọng, đạo, quả nhập thiền và hỷ bằng Cận y duyên.

∗ Pháp hữu hỷ và vô hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ bằng Cận y duyên: Có 3 câu.
- Cận y như: Uẩn hữu hỷ và hỷ làm duyên cho uẩn hữu hỷ bằng Cận y duyên, sắp căn.
- Uẩn hữu hỷ *(sappītika)* và hỷ làm duyên cho uẩn vô hỷ và hỷ bằng Cận y duyên, sắp căn.
- Uẩn hữu hỷ và hỷ làm duyên cho uẩn hữu hỷ và hỷ bằng Cận y duyên.

688.

∗ Pháp vô hỷ làm duyên cho pháp vô hỷ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Tâm vô hỷ quán ngộ nhãn... vật... bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái vô hỷ... ưu và hỷ phát sanh.
- Thiên nhãn... xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn vô hỷ và hỷ bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp vô hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Tâm vô hỷ quán ngộ nhãn... vật... bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái và tà kiến hữu hỷ sanh ra.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu hỷ bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp vô hỷ làm duyên cho những pháp hữu hỷ và vô hỷ bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Tâm vô hỷ quán ngộ nhãn... vật... bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan hỷ và uẩn tương ưng phát sanh.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu hỷ và hỷ bằng Tiền sanh duyên.

689.

∗ Pháp hữu hỷ làm duyên cho pháp vô hỷ bằng Hậu sanh duyên: Có 3 câu.

∗ ... bằng Cố hưởng duyên có 9 câu, bằng Nghiệp duyên có 6 câu.

Dù Đồng sanh hay Biệt thời nên sắp Biệt thời có 2 câu, không chi khác.

∗ ... bằng Quả duyên có 9 câu,... bằng Thực duyên có 4 câu,... bằng Quyền duyên có 4 câu,... bằng Thiền duyên có 9 câu,... bằng Đạo duyên có 4 câu,... bằng Tương ưng

duyên có 6 câu,... bằng Bất tương ưng duyên có 5 câu,... bằng Hiện hữu duyên có 9 câu,... tóm tắt...

Nên sắp rộng như nhị đề hữu tầm *(savitakkaduka)*,

* ... bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên có 9 câu.

690.

Nhân 4, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 6, Quả 9, Thực 4, Quyền 4, Thiền 9, Đạo 4, Tương ưng 6, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

691.

* Pháp hữu hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.
* Pháp hữu hỷ làm duyên cho pháp vô hỷ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.
* Pháp hữu hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ và vô hỷ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.
* Pháp vô hỷ làm duyên cho pháp vô hỷ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp vô hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp vô hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ và vô hỷ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp hữu hỷ và vô hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Chư pháp hữu hỷ và vô hỷ làm duyên cho pháp hữu hỷ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.
* Pháp hữu hỷ và vô hỷ làm duyên cho những pháp hữu hỷ và vô hỷ bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

Dù sắp đếm đối lập phân tích *(paccaniya vibhaṅga)* cũng như nhị đề hữu tầm *(savitakkaduka)*.

Nếu không đồng nhau, nên xét lại thích hợp mới đếm, nên đếm cả 2 cách đếm ngoài ra.

Dứt nhị đề hữu hỷ (sappītikaduka)

NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH HỶ *(PĪTISAHAGATADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

692.

Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn Đồng sanh hỷ,... 2 uẩn.

Nhị đề đồng sanh hỷ *(pītisahagataduka)* nên sắp rộng ra theo như đã trình bày như nhị đề hữu hỷ *(sappītikaduka)* không chi khác. căn bản đầu đề không khác.

Dứt nhị đề đồng sanh hỷ (pītisahagataduka)

NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH LẠC *(SUKHASAHAGATADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

693.

∗ Pháp đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh lạc, 1 uẩn liên quan 2 uẩn. Tục sinh...

∗ Pháp phi đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên:
- Lạc và sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh lạc *(sukhasahagata)*.
- Nhị đề đồng sanh lạc cũng như nhị đề hữu hỷ *(sappītikaduka)* về phần liên quan *(paṭiccavāra)* thuận thứ *(anuloma)*.

694.

Nhân 9, Cảnh 9,... Tiền sanh 6, Cố hưởng 6, Nghiệp 9, Bất ly 9.

695.

∗ Pháp đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do phi Nhân duyên:
- 2 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh lạc,... 2 uẩn; nên sắp căn *(mulaṃ katabhaṃ)*.
- Lạc và sắc tâm liên quan uẩn vô nhân đồng sanh lạc.

∗ Chư pháp đồng sanh lạc và phi đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do phi Nhân duyên:
2 uẩn và lạc và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh lạc,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi đồng sanh lạc liên quan pháp phi đồng sanh lạc sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân phi đồng sanh lạc,... 2 uẩn. Sắc tâm liên quan lạc vô nhân.
- Sát-na tục sinh vô nhân: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi đồng sanh lạc,... 2 uẩn. Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật.
- 1 đại sung luôn đến người Vô tưởng...
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.
- Giống như phi Nhân duyên trong nhị đề hữu hỷ, không chi khác, tất cả đều có 9 câu đề.

696.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 6, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dù 2 cách ngoài ra cũng như thế, phần đồng sanh cũng như phần liên quan.

Bình Nhựt *(pavatti)* tục sinh *(paṭisandhi)* trong phần ỷ trượng *(paccayavāra)* nên sắp rộng.

Phần vật *(vatthu)* nên sắp rộng trong bình nhựt *(pavatti)* chỉ riêng về phần ỷ trượng đối lập *(paccayavāra paccaniya)*; si chỉ có 1 cách như trong nhị đề hữu hỷ.

Phần y chỉ *(nissayavāra)* hay phần hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)* cũng như phần tương ưng *(sampayuttavāra)* giống như nhị đề hữu hỷ đều như thế.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

697.

Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Nhân duyên: Có 4 câu.

Dù trong Cảnh *(ārammaṇa)* hay Trưởng *(adhipati)* cũng như nhị đề hữu hỷ không chi khác, chỉ gọi là lạc.

698.

∗ Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên:
- Uẩn đồng sanh lạc sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh lạc sanh sau sau bằng Vô gián duyên; sắp căn.
- Uẩn đồng sanh lạc sanh trước trước làm duyên cho phi đồng sanh lạc sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử *(cuticitta)* đồng sanh lạc làm duyên cho tâm sanh *(upapatticittta)* phi đồng sanh lạc.
- Tâm hộ kiếp đồng sanh lạc làm duyên cho khán môn.
- Thân thức đồng sanh lạc làm duyên cho ý giới quả.
- Ý thức giới quả đồng sanh lạc làm duyên cho ý thức giới tố *(kiriyā)*.
- Tâm hộ kiếp đồng sanh lạc làm duyên cho tâm hộ kiếp phi đồng sanh lạc.
- Thiện, bất thiện đồng sanh lạc làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* phi đồng sanh lạc.
- Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi; quả làm duyên cho quả sơ khởi bằng Vô gián duyên; sắp căn.
- Uẩn đồng sanh lạc sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh lạc và lạc sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp phi đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên:.. đồng sanh lạc sanh trước trước; sắp căn.

Dù 3 câu cũng như nhị đề hữu hỷ *(sappītikaduka)*.

∗ Chư pháp đồng sanh lạc và phi đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Vô gián duyên:
- Uẩn đồng sanh lạc và lạc sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh lạc sanh sau sau bằng Vô gián duyên; nên sắp căn.
- Uẩn đồng sanh lạc và lạc sanh trước trước làm duyên cho lạc sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử *(cuticitta)* đồng sanh lạc và lạc làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* phi đồng sanh lạc.

- Tâm hộ kiếp đồng sanh lạc và lạc làm duyên cho khán môn.
- Thân thức đồng sanh lạc và lạc làm duyên cho ý giới quả.
- Ý thức giới quả đồng sanh lạc và lạc làm duyên cho ý thức giới tố *(kiriyā)*.
- Tâm hộ kiếp đồng sanh lạc và lạc làm duyên cho tâm hộ kiếp phi đồng sanh lạc.
- Thiện, bất thiện đồng sanh lạc và lạc làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* phi đồng sanh lạc.
- Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi; tâm quả làm duyên cho quả sơ khởi bằng Vô gián duyên; nên sắp căn.
- Uẩn đồng sanh lạc và lạc sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh lạc và lạc sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ ... bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Hỗ tương duyên,... bằng Y chỉ duyên.

699.

∗ Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cận y duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi đồng sanh lạc làm duyên cho pháp phi đồng sanh lạc bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin phi đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí; trì giới... bằng tâm phi đồng sanh lạc, nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới phi đồng sanh lạc... trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... nương chỗ ở và lạc mạnh có thể bố thí bằng tâm phi đồng sanh lạc... nhập thiền phát sanh... sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin phi đồng sanh lạc mạnh... chỗ ở và lạc mạnh làm duyên cho đức tin phi đồng sanh lạc... trí, ái, sân, hy vọng, thân lạc, đạo, quả nhập thiền và lạc bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin phi đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí bằng tâm đồng sanh lạc... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến...
- Nương giới phi đồng sanh lạc... trí, ái, hy vọng, thân lạc... nương chỗ ở và lạc mạnh có thể bố thí bằng tâm đồng sanh lạc... nhập thiền phát sanh, lấy của không cho bằng tâm đồng sanh lạc, nói láo,... thóc mách, ác khẩu... cướp giật, đánh giật nhà độc thân, tạo tai nạn, cắt liên lạc, giết dân vườn lẻ loi, giết người chợ đông đảo.
- Nương đức tin phi đồng sanh lạc... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin đồng sanh lạc... trí, ái, si, ngã mạn, tà kiến, hy vọng, thân lạc, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi đồng sanh lạc làm duyên cho những pháp đồng sanh lạc và phi đồng sanh lạc bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin phi đồng sanh lạc mạnh có thể bố thí bằng tâm đồng sanh lạc; như đã trình bày về đoạn 2;... gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới phi đồng sanh lạc... nương chỗ ở và lạc mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, lấy của không cho bằng tâm đồng sanh lạc...
- Nương đức tin phi đồng sanh lạc... chỗ ở và lạc mạnh làm duyên cho đức tin đồng sanh lạc... hy vọng, thân lạc, đạo, quả nhập thiền và lạc bằng Cận y duyên.

∗ Chư pháp đồng sanh lạc và phi đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Cận y duyên: Có 3 câu.

700.

∗ Pháp phi đồng sanh lạc làm duyên cho pháp phi đồng sanh lạc bằng Tiền sanh duyên: Có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Tâm phi đồng sanh lạc quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu phi đồng sanh lạc... sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc... xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ... vật làm duyên cho uẩn phi đồng sanh lạc và lạc bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Tiền sanh duyên: Có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Tâm đồng sanh lạc quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái đồng sanh lạc sanh, tà kiến phát.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh lạc bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi đồng sanh lạc làm duyên cho những pháp đồng sanh lạc và phi đồng sanh lạc bằng Tiền sanh duyên: Có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Tâm đồng sanh lạc quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, tà kiến đồng sanh lạc sanh ra...
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn đồng sanh lạc và lạc bằng Tiền sanh duyên.

∗ ... bằng Hậu sanh duyên có 3 câu,... bằng Cố hưởng duyên có 9 câu.

701.

∗ Pháp đồng sanh lạc làm duyên cho pháp đồng sanh lạc bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:

Nghiệp duyên chia làm 6; 4 cách nên sắp luôn cả Đồng sanh và Biệt thời, còn lại 2 cách chỉ sắp riêng Biệt thời.

∗ ... bằng Quả duyên có 9 câu, bằng Thực duyên 4 câu, bằng Quyền duyên có 9 câu, bằng Thiền duyên có 9 câu, bằng Đạo duyên có 4 câu, bằng Tương ưng duyên có 6 câu, bằng Bất tương ưng duyên có 5 câu, bằng Hiện hữu duyên có 9 câu, bằng Vô hữu duyên có 9 câu, bằng Ly duyên có 9 câu, bằng Bất ly duyên có 9 câu.

702.

Nhân 4, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 6, Quả 9, Thực 4, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 4, Tương ưng 6, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

Dù phần phân tích đối lập hay cách đếm nên sắp như nhị đề hữu hỷ *(sappītikaduka)*. Nếu có sự hoài nghi, nên coi theo thuận thứ *(anuloma)* rồi sẽ đếm.

Dứt nhị đề đồng sanh lạc (sukhasahagataduka)

NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH XẢ *(UPEKKHASAHAGATADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

703.

∗ Pháp đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh xả,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp phi đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên:
Xả và sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh xả; tục sinh.

∗ Chư pháp đồng sanh xả và phi đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên:
2 uẩn và xả và sắc tâm liên quan 1 uẩn đồng sanh xả,... 2 uẩn. Tục sinh...

∗ Pháp phi đồng sanh xả liên quan pháp phi đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi đồng sanh xả,... 2 uẩn. Sắc tâm liên quan xả.
- Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi đồng sanh xả, ... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan xả, vật liên quan uẩn; uẩn liên quan vật; vật liên quan xả, xả liên quan vật,... liên quan 1 đại sung.
- Như nhị đề hữu hỷ *(sappītikaduka)* về thuận tùng, có 9 câu đề.

704.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 6, Nghiệp 9, tất cả đều 9, Bất ly 9.

705.

∗ Pháp đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh xả sanh ra do phi Nhân duyên:
2 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh xả,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp phi đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh xả sanh ra do phi Nhân duyên:
Xả và sắc tâm liên quan uẩn vô nhân đồng sanh xả. Sát-na tục sinh vô nhân...

∗ Chư pháp đồng sanh xả và phi đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh xả sanh ra do phi Nhân duyên:
2 uẩn và xả và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh xả,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh vô nhân...

∗ Pháp phi đồng sanh xả liên quan pháp phi đồng sanh xả sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân phi đồng sanh xả,... 2 uẩn. Sắc tâm liên quan xả vô nhân.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan xả, xả liên quan vật. 1 đại sung luôn người Vô tưởng *(Asaññatta)*.

∗ Pháp đồng sanh xả liên quan pháp phi đồng sanh xả sanh ra do phi Nhân duyên:
- Uẩn tương ưng liên quan xả vô nhân.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn tương ưng liên quan xả.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan xả, uẩn đồng sanh xả liên quan vật *(vatthu)*.
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan xả đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Chư pháp đồng sanh xả và phi đồng sanh xả liên quan pháp phi đồng sanh xả sanh ra do phi Nhân duyên:
- Uẩn tương ưng và sắc tâm liên quan xả vô nhân, uẩn đồng sanh xả liên quan xả vô nhân. Sắc tâm liên quan đại sung *(māhābhūtarūpa)*.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn tương ưng và sắc tục sinh liên quan xả.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn tương ưng liên quan xả, sắc tục sinh liên quan đại sung.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Uẩn đồng sanh xả liên quan vật; sắc tục sinh liên quan đại sung.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Xả và uẩn tương ưng liên quan vật *(vatthu)*.

∗ Pháp đồng sanh xả liên quan những pháp đồng sanh xả và phi đồng sanh xả sanh ra do phi Nhân duyên:
- 2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh xả vô nhân và xả,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh xả và xả,... 2 uẩn.
- 2 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh xả và vật,... 2 uẩn.
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và xả.

∗ Pháp phi đồng sanh xả liên quan những pháp đồng sanh xả và phi đồng sanh xả sanh ra do phi Nhân duyên:
- Sắc tâm liên quan uẩn vô nhân đồng sanh xả và xả.
- Sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh xả vô nhân và đại sung.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh liên quan uẩn đồng sanh xả và xả.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Sắc tục sinh liên quan uẩn đồng sanh xả và đại sung.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Xả liên quan uẩn đồng sanh xả và vật.

∗ Chư pháp đồng sanh xả và phi đồng sanh xả liên quan những pháp đồng sanh xả và phi đồng sanh xả sanh ra do phi Nhân duyên:
- 2 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh xả và xả,... 2 uẩn.
- 2 uẩn liên quan 1 uẩn vô nhân đồng sanh xả và xả,... 2 uẩn.
- Sắc tâm liên quan uẩn vô nhân đồng sanh xả và xả và đại sung.
- Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn đồng sanh xả và xả,... 2 uẩn.
- 2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh xả và xả,... 2 uẩn. Sắc tâm liên quan uẩn đồng sanh xả vô nhân và xả và đại sung.
- Sát-na tục sinh vô nhân: 2 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn đồng sanh xả và xả,... 2 uẩn.
- 2 uẩn liên quan 1 uẩn đồng sanh xả và xả,... 2 uẩn. Sắc tục sinh liên quan uẩn đồng sanh xả và xả và đại sung.
- 2 uẩn và xả liên quan 1 uẩn đồng sanh xả và xả và vật,... 2 uẩn; …tóm tắt…

706.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Hỗ tương 9, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 9, phi Đạo 9, phi Tương ưng 6, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dù 2 cách đếm ngoài ra, hay phần đồng sanh *(sahajāta)* nên sắp như thế.

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

707.

Pháp đồng sanh xả nhờ cậy pháp đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên:

2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn đồng sanh xả,... 2 uẩn. Tục sinh …

Cũng như nhị đề hữu tầm *(savitakkaduka),* phần ỷ trượng *(paccayavāra)* nên sắp 9 câu đề có tục sinh *(paṭisandhi)*, bình nhựt *(pavatti)* và vật *(vatthu)*.

708.

Nhân 9, Cảnh 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, tất cả đều 9,... Bất ly 9.

709.

Pháp đồng sanh xả nhờ cậy pháp đồng sanh xả sanh ra do phi Nhân duyên:

2 uẩn nhờ cậy 1 uẩn vô nhân đồng sanh xả,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

Có 9 câu như thế. Dù bình nhựt *(pavatti)* hay tục sinh *(paṭisandhi)* cũng như nhị đề hữu tầm *(savitakkaduka)* nên sắp si chỉ có 3 câu, nên sắp bình nhựt và vật *(vatthu)*.

710.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dù đếm 2 câu ngoài ra, hay sắp phần y chỉ *(nissayavāra)* cũng như thế.

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

711.

Pháp đồng sanh xả hòa hợp pháp đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên: 2 uẩn hòa hợp 1 uẩn đồng sanh xả,... 2 uẩn; tục sinh.

Nhị đề hữu tầm *(savitakkaduka)* thế nào, đều nên sắp như thế ấy.

712.

Nhân 6, Cảnh 6, tất cả đều 6,... Bất ly 6.

713.

Pháp đồng sanh xả hòa hợp pháp đồng sanh xả sanh ra do phi Nhân duyên:

- 2 uẩn hòa hợp 1 uẩn vô nhân đồng sanh xả,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

5 câu đề cũng như trong nhị đề hữu tầm, đều nên sắp như thế.

714.

Phi nhân 6, phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 6, phi Cố hưởng 6, phi Nghiệp 4, phi Quả 6, phi Bất tương ưng 6.

Dù đếm 2 cách ngoài ra hay phần tương ưng *(sampayuttavāra)* đều sắp như thế.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

715.

∗ Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Nhân duyên: Nhân đồng sanh xả làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Tục sinh...

Theo đây 4 câu cũng như nhị đề hữu tầm *(savitakkaduka)*.

716.

∗ Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cảnh duyên,... bằng Trưởng duyên.

∗ Nhị đề hữu hỷ *(sappītikaduka)* thế nào, nên sắp rộng về Cảnh *(Ārammaṇa)*, Trưởng *(Adhipati)* và xả như thế ấy không chi khác.

717.

∗ Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Vô gián duyên:

Uẩn đồng sanh xả sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh xả sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp phi đồng sanh xả bằng Vô gián duyên:

- Uẩn phi đồng sanh xả sanh trước trước làm duyên cho xả sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử đồng sanh xả làm duyên cho tâm sanh *(upapatti)* phi đồng sanh xả.
- Khán môn làm duyên cho uẩn phi đồng sanh xả.
- Ý giới quả làm duyên cho ý thức giới quả phi đồng sanh xả.
- Tâm hộ kiếp đồng sanh xả làm duyên cho tâm hộ kiếp phi đồng sanh xả.
- Thiện, bất thiện đồng sanh xả làm duyên cho quả sơ khởi phi đồng sanh xả.
- Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi; tâm quả làm duyên cho quả sơ khởi.
- Xuất thiền diệt, tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền phi đồng sanh xả bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp đồng sanh xả làm duyên cho những pháp đồng sanh xả và phi đồng sanh xả bằng Vô gián duyên:

Uẩn đồng sanh xả sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh xả và xả sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi đồng sanh xả làm duyên cho pháp phi đồng sanh xả bằng Vô gián duyên:

- Xả sanh trước trước làm duyên cho xả sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Uẩn phi đồng sanh xả sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi đồng sanh xả sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử phi đồng sanh xả làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* phi đồng sanh xả.
- Thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên; căn.
- Xả sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh xả sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm tử phi đồng sanh xả làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* đồng sanh xả.
- Tâm hộ kiếp phi đồng sanh xả làm duyên cho khán môn.
- Thân thức giới làm duyên cho ý giới quả.
- Ý thức giới quả phi đồng sanh xả làm duyên cho ý thức giới tố *(kiriyā)*.
- Tâm hộ kiếp phi đồng sanh xả làm duyên cho tâm hộ kiếp đồng sanh xả.
- Thiện, bất thiện phi đồng sanh xả làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* đồng sanh xả.
- Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi; quả làm duyên cho quả sơ khởi bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi đồng sanh xả làm duyên cho những pháp đồng sanh xả và phi đồng sanh xả bằng Vô gián duyên:

Xả sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh xả và xả sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

* Chư pháp đồng sanh xả và phi đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Vô gián duyên:
  - Uẩn đồng sanh xả và xả sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh xả sanh sau sau bằng Vô gián duyên; sắp căn.
  - Uẩn đồng sanh xả và xả sanh trước trước làm duyên cho xả sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
  - Tâm tử đồng sanh xả và xả làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* phi đồng sanh xả.
  - Khán môn và xả làm duyên cho uẩn phi đồng sanh xả.
  - Ý giới quả và xả làm duyên cho ý thức giới phi đồng sanh xả.
  - Hộ kiếp đồng sanh xả và xả làm duyên cho hộ kiếp phi đồng sanh xả.
  - Thiện, bất thiện đồng sanh xả và xả làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* phi đồng sanh xả.
  - Tâm tố *(kiriyā)* làm duyên cho quả sơ khởi.
  - Quả *(phala)* làm duyên cho quả sơ khởi.
  - Xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền phi đồng sanh xả bằng Vô gián duyên; nên sắp căn.
  - Uẩn đồng sanh xả và xả sanh trước trước làm duyên cho uẩn đồng sanh xả và xả sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

* ... bằng Liên tiếp duyên, bằng Đồng sanh duyên có 9 câu, bằng Hỗ tương duyên có 9 câu, bằng Y chỉ duyên có 9 câu.

718.

* Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cận y duyên: Có 3 câu.

* Pháp phi đồng sanh xả làm duyên cho pháp phi đồng sanh xả bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí bằng tâm phi đồng sanh xả; giới... tịnh nghiệp *(uposathakamma)*... thiền phi đồng sanh xả... pháp quán... đạo, nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
  - Nương giới... phi đồng sanh xả, trí... ái, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hy vọng, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... chỗ ở, nương xả mạnh có thể bố thí bằng tâm phi đồng sanh xả... nhập thiền phát sanh, sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
  - Nương đức tin phi đồng sanh xả mạnh... chỗ ở và xả mạnh làm duyên cho đức tin phi đồng sanh xả, trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền và xả bằng Cận y duyên.

* Pháp phi đồng sanh xả làm duyên cho pháp phi đồng sanh xả bằng Cận y duyên: Có 3 câu.
  - Cận y như: Nương đức tin phi đồng sanh xả mạnh, có thể bố thí bằng đồng sanh xả... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
  - Nương giới phi đồng sanh xả... nương chỗ ở và xả mạnh có thể bố thí bằng tâm đồng sanh xả... nhập thiền phát sanh, lấy của không cho bằng tâm đồng sanh xả... vọng ngôn, lưỡng thiệt, ỷ ngữ... ác khẩu... tráo trở, cắt đứt liên lạc, cướp to, cướp nhỏ, gây tai nạn; lấy vợ người, sát dân vườn, giết người chợ.
  - Nương đức tin phi đồng sanh xả mạnh... chỗ ở làm duyên cho đức tin phi đồng sanh xả... hy vọng, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi đồng sanh xả làm duyên cho những pháp đồng sanh xả và phi đồng sanh xả bằng Cận y duyên: Có 3 câu.

Cận y như: ý nghĩa như phần thứ hai đã kể trên.

∗ Chư pháp đồng sanh xả và phi đồng sanh xả làm duyên cho pháp đồng sanh xả bằng Cận y duyên: Có 3 câu.

719.

Pháp phi đồng sanh xả làm duyên cho pháp phi đồng sanh xả bằng Tiền sanh duyên: Có 3 câu như nhị đề hữu hỷ *(sappītikaduka)*.

720.

∗ Pháp đồng sanh xả làm duyên cho pháp phi đồng sanh xả bằng Hậu sanh duyên: Có 3 câu.

∗ ... bằng Cố hưởng duyên có 9 câu,... bằng Nghiệp duyên có 6 câu.

Nên sắp Đồng sanh và Biệt thời *(Nānākhaṇika)* có 4 câu, chỉ riêng Biệt thời thì có 2 câu.

∗ ... bằng Quả duyên có 9 câu,... bằng Thực duyên có 4 câu, bằng Quyền duyên có 9 câu,... bằng Thiền duyên có 9 câu,... bằng Đạo duyên có 4 câu,... bằng Tương ưng duyên có 6 câu,... bằng Bất tương ưng duyên có 5 câu,... bằng Hiện hữu duyên có 9 câu,... bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

Duyên này nên sắp rộng như nhị đề hữu hỷ *(sappītikaduka)*.

721.

Nhân 4, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 6, Quả 9, Thực 4, Quyền 4, Thiền 9, Đạo 4, Tương ưng 6, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

Dù phân tích đối lập đếm 3 câu ngoài ra như thế; nên sắp như nhị đề hữu hỷ *(sappītikaduka)*.

Dứt nhị đề đồng sanh xả (upekhasahagataduka)

NHỊ ĐỀ DỤC GIỚI *(KAMAVACARADUKA)*

<u>Phần Liên Quan</u> ***(Paṭiccavāra)***

722.

∗ Pháp Dục giới liên quan pháp Dục giới sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn Dục giới... Tục sinh... 1 đại sung... tóm tắt...

∗ Pháp phi Dục giới liên quan pháp Dục giới sanh ra do Nhân duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn phi Dục giới liên quan vật.

∗ Chư pháp Dục giới và phi Dục giới liên quan pháp Dục giới sanh ra do Nhân duyên:

Sát-na tục sinh: Uẩn phi Dục giới liên quan vật; sắc tục sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp phi Dục giới liên quan pháp phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên:

3 uẩn liên quan 1 uẩn phi Dục giới,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh...

∗ Pháp Dục giới liên quan pháp phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên:

Sắc tâm liên quan uẩn phi Dục giới, sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn phi Dục giới.

* Chư pháp Dục giới và phi Dục giới liên quan pháp phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi Dục giới,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh...
* Pháp Dục giới liên quan những pháp Dục giới và phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên:
  - Sắc tâm liên quan uẩn phi Dục giới và sắc đại sung.
  - Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn phi Dục giới và đại sung.
* Pháp phi Dục giới liên quan những pháp Dục giới và phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên:
  Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi Dục giới và vật,... 2 uẩn.
* Chư pháp Dục giới và phi Dục giới liên quan những pháp Dục giới và phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên:
  Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi Dục giới và vật,... 2 uẩn. Sắc tục sinh liên quan uẩn phi Dục giới và đại sung;... tóm tắt...

723.

Nhân 9, Cảnh 4, Trưởng 5, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 4, Tiền sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 4, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 9.

724.

* Pháp Dục giới liên quan pháp Dục giới sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân Dục giới,... 2 uẩn.
  - Tục sinh vô nhân:... luôn đến người Vô tưởng.
  - Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.
* ... Do phi Cảnh duyên có 3 câu.

725.

* Pháp Dục giới liên quan pháp Dục giới sanh ra do phi Trưởng duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi Dục giới liên quan pháp phi Dục giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
  - Trưởng *(adhipati)* phi Dục giới liên quan uẩn phi Dục giới.
  - 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả phi Dục giới,... 2 uẩn.
* Pháp Dục giới liên quan pháp phi Dục giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn quả phi Dục giới. Sát-na tục sinh...
* Chư pháp Dục giới và phi Dục giới liên quan pháp phi Dục giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn quả phi Dục giới,... 2 uẩn.
* Pháp Dục giới liên quan những pháp Dục giới và phi Dục giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
  - Sắc tâm liên quan uẩn quả phi Dục giới và đại sung. Sát-na tục sinh...

  2 câu ngoài ra, nên sắp bày cho rõ rệt.
* ... Do phi Vô gián duyên, ... do phi Tiền sanh duyên, ... do phi Hậu sanh duyên.

726.

* Pháp Dục giới liên quan pháp Dục giới sanh ra do phi Cố hưởng duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi Dục giới liên quan pháp phi Dục giới sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn quả phi Dục giới,... 2 uẩn. Tục sinh...

∗ Pháp Dục giới liên quan pháp phi Dục giới sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
- Sắc tâm liên quan uẩn phi Dục giới. Sát-na tục sinh... sắp căn *(mūla)*
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi Dục giới quả,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh...
- 3 câu ngoài ra nên sắp hiện bày rõ rệt.

727.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Cách đếm ngoài ra hay phần đồng sanh nên sắp đầy đủ.

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

728.

∗ Pháp Dục giới nhờ cậy pháp Dục giới sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn Dục giới,... 2 uẩn. Tục sinh: Luôn đến đại sung nội bội *(ajjhattika mahābhūta)*.
- Uẩn Dục giới nhờ cậy vật.

∗ Pháp phi Dục giới nhờ cậy pháp Dục giới sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn phi Dục giới nhờ cậy vật; tục sinh...

∗ Chư pháp Dục giới và phi Dục giới nhờ cậy pháp Dục giới sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn phi Dục giới nhờ cậy vật; sắc tâm nhờ cậy sắc đại sung. Tục sinh...

∗ Pháp phi Dục giới nhờ cậy pháp phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp Dục giới nhờ cậy những pháp Dục giới và phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên: Như phần liên quan...

∗ Pháp phi Dục giới nhờ cậy những pháp Dục giới và phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi Dục giới và vật,... 2 uẩn. Tục sinh...

∗ Chư pháp Dục giới và phi Dục giới nhờ cậy những pháp Dục giới và phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn phi Dục giới và vật,... 2 uẩn. Sắc tâm nhờ cậy uẩn phi Dục giới và đại sung.
- Tục sinh... tóm tắt...

729.

Nhân 9, Cảnh 4, Trưởng 9, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 4, Tiền sanh 4, Cố hưởng 4, Nghiệp 9, Bất ly 9.

730.

∗ Pháp Dục giới nhờ cậy pháp Dục giới sanh ra do phi Nhân duyên:
- ... 1 uẩn vô nhân Dục giới...
- Tục sinh vô nhân luôn đến Vô tưởng...

- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân xứ. Uẩn Dục giới vô nhân nhờ cậy vật. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật *(vatthu)*.

∗ ... Do phi Cảnh duyên.

731.

∗ Pháp Dục giới nhờ cậy pháp Dục giới sanh ra do phi Nhân duyên:
1 uẩn luôn đến người Vô tưởng...

∗ Pháp phi Dục giới nhờ cậy pháp Dục giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* phi Dục giới nhờ cậy vật. Uẩn phi Dục giới quả nhờ cậy vật; tục sinh...

∗ Chư pháp Dục giới và phi Dục giới nhờ cậy pháp Dục giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
Uẩn phi Dục giới nhờ cậy vật; sắc tâm nhờ cậy đại sung. Tục sinh...

∗ Pháp phi Dục giới nhờ cậy pháp phi Dục giới sanh ra do phi Trưởng duyên: Có 3 câu như phần liên quan *(paṭicca)*.

∗ Pháp Dục giới nhờ cậy những pháp Dục giới và phi Dục giới sanh ra do phi Trưởng duyên: Như liên quan; sắp căn.
- Trưởng *(adhipati)* phi Dục giới nhờ cậy uẩn phi Dục giới và vật; 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả phi Dục giới và vật,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh... sắp căn *(mūla)*.
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn quả Dục giới và vật,... 2 uẩn. Sắc tâm nhờ cậy uẩn quả phi Dục giới và đại sung.
- Tục sinh...

∗ ... Do phi Cận y duyên: Có 3 câu.

∗ ... Do phi Cố hưởng duyên.

Nên nhứt định là quả trong cách chót và trong cách Vô sắc hỗn hợp *(missaka)*. Còn cách sắc hỗn hợp không có.

732.

∗ Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dù đếm 2 cách ngoài ra hay phần y chỉ *(nissayavāra)* nên sắp như thế.

<u>Phần Hòa Hợp</u> *(Saṃsaṭṭhavāro)*

733.

∗ Pháp Dục giới hòa hợp pháp Dục giới sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn Dục giới... hòa hợp 2 uẩn; tục sinh: ....

∗ Pháp phi Dục giới hòa hợp pháp phi Dục giới sanh ra do phi Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi Dục giới... hòa hợp 2 uẩn; tục sinh: ....

734.

Nhân 2; Cảnh 2; Trưởng 2; …tất cả đều 2…; Bất ly 2.

735.

Pháp Dục giới hòa hợp pháp Dục giới sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn hòa hợp 1 uẩn Dục giới vô nhân... hòa hợp 2 uẩn; sát na tục sinh vô nhân: ...; si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật hòa hợp uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

736.

Phi Nhân 1; phi Trưởng 2; phi Tiền sanh 2; phi Hậu sanh 9; phi Cố hưởng 2; phi Nghiệp 2; phi Quả 2; phi Thiền 1; phi Đạo 1; phi Bất tương ưng 2.

Dù đếm 2 cách ngoài ra hay phần tương ưng nên sắp như thế.

Phần Vấn Đề ***(Pañhāvāro)***

737.

∗ Pháp Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Nhân duyên:

Nhân Dục giới làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên; tục sinh: ...

∗ Pháp phi Dục giới làm duyên cho pháp phi Dục giới bằng Nhân duyên:

Nhân phi Dục giới làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên: tục sinh: ....

∗ Pháp phi Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Nhân duyên:

Nhân *(hetu)* phi Dục giới làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh...

Sắp căn *(mūla),* nhân phi Dục giới làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh...

738.

∗ Pháp Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Cảnh duyên:

- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán nhớ lại thiện đã từng làm chứa để, thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái, ưu sanh ra.
- Chư Thánh phản khán chuyển tộc *(gotrabhū)*, phản khán dũ tịnh *(vodanā)*, phản khán phiền não đã trừ... phản khán phiền não hạn chế, phản khán phiền não đã từng sanh, phản khán thiền...
- Quán ngộ nhãn... vật... uẩn Dục giới bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ...

∗ Pháp Dục giới làm duyên cho pháp phi Dục giới bằng Cảnh duyên:

- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm Dục giới. Uẩn Dục giới làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi Dục giới làm duyên cho pháp phi Dục giới bằng Cảnh duyên:

- Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả bằng Cảnh duyên.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm phi Dục giới; Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ; Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
- Uẩn phi Dục giới làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Cảnh duyên:

- Xuất thiền phản khán thiền, thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái sanh, tà kiến phát.
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.

- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* dũ tịnh *(vodanā)* và khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Phản khán Không vô biên xứ, phản khán Thức vô biên xứ, phản khán Vô sở hữu xứ, phản khán Phi tưởng phi phi tưởng xứ, phản khán thiên nhãn, phản khán thiên nhĩ, phản khán thần thông, phản khán tha tâm thông, phản khán túc mạng thông,... phản khán tùy nghiệp thông, phản khán vị lai thông; quán ngộ uẩn phi Dục giới bằng lối vô thường... ưu sanh ra.

739.

∗ Pháp Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Trưởng duyên: Có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

+ Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán thiện đã từng làm chứa để do nặng về đó rồi phản khán thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi làm cho ái sanh, tà kiến phát.
  - Chư hữu học *(sekkha)* nặng về chuyển tộc *(gotrabhū)* rồi phản khán, do nặng đó rồi mới phản khán.
  - Nặng về nhãn... vật... uẩn Dục giới rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái sanh, tà kiến phát.
+ Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* Dục giới làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi Dục giới làm duyên cho pháp phi Dục giới bằng Trưởng duyên: Có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Níp Bàn làm duyên cho đạo, quả bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi Dục giới làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Trưởng duyên: Có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:

+ Trưởng cảnh như: Xuất thiền nặng về thiền rồi phản khán thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó ái sanh, tà kiến phát.
  - Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán, nặng về quả rồi phản khán... nặng về Níp Bàn rồi phản khán.
  - Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū),* dũ tịnh *(vodanā)* bằng Trưởng duyên.
  - Nặng về Không vô biên xứ rồi phản khán... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
  - Thiên nhãn... thiên nhĩ... thần thông... nặng về vị lai thông rồi phản khán...
  - Nặng về uẩn phi Dục giới rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi làm cho ái sanh, tà kiến phát.
+ Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* phi Dục giới làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi Dục giới làm duyên cho những pháp Dục giới và phi Dục giới bằng Trưởng duyên:

Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* phi Dục giới làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

740.

∗ Pháp Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Vô gián duyên:

- Uẩn Dục giới sanh trước trước làm duyên cho uẩn sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; khán môn làm duyên cho uẩn Dục giới bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp Dục giới làm duyên cho pháp phi Dục giới bằng Vô gián duyên:
- Tâm tử Dục giới làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* phi Dục giới; khán môn làm duyên cho uẩn phi Dục giới bằng Vô gián duyên.
- Uẩn Dục giới làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* phi Dục giới bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ thiền làm duyên cho sơ thiền bằng Vô gián duyên; tâm chỉnh lý tứ thiền làm duyên cho tứ thiền; tâm chỉnh lý Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ..
- Thiên nhãn... thiên nhĩ làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông...
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* vị lai thông làm duyên cho vị lai thông bằng Vô gián duyên.
- Chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo, dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo, thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi Dục giới làm duyên cho pháp phi Dục giới bằng Vô gián duyên:
- Uẩn phi Dục giới sanh trước trước làm duyên cho uẩn sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Đạo làm duyên cho quả, quả làm duyên cho quả; xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Vô gián duyên:
- Tâm tử phi Dục giới làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* Dục giới; tâm hộ kiếp phi Dục giới làm duyên cho khán môn; uẩn phi Dục giới làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* Dục giới bằng Vô gián duyên.

∗ ... bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên có 7,... bằng Hỗ tương duyên có 6,... bằng Y chỉ duyên có 7 câu.

741.

∗ Pháp Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới, pháp quán... gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương trì giới Dục giới mạnh... trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... nương chỗ ở mạnh có thể bố thí, pháp quán... sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin Dục giới... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin Dục giới... hy vọng, thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.

∗ Pháp Dục giới làm duyên cho pháp phi Dục giới bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin Dục giới mạnh có thể làm duyên cho thiền phi Dục giới phát sanh, đạo,... thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương trì giới Dục giới mạnh... nương chỗ ở mạnh làm duyên cho thiền phi Dục giới phát sanh, đạo,... thông... nhập thiền phát sanh.

- Nương đức tin Dục giới... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin phi Dục giới... trí, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ thiền làm duyên cho sơ thiền... tứ thiền... Không vô biên xứ... sơ đạo... tâm chỉnh lý *(parikamma)* tứ đạo làm duyên cho tứ đạo.

∗ Pháp phi Dục giới làm duyên cho pháp phi Dục giới bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin phi Dục giới mạnh làm duyên cho thiền phi Dục giới sanh ra, đạo... thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới phi Dục giới... trí mạnh làm duyên cho thiền phi Dục giới sanh ra, đạo... thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin... trí phi Dục giới làm duyên cho đức tin phi Dục giới, trí, đạo... quả nhập thiền bằng Cận y duyên.
- Sơ thiền làm duyên cho nhị thiền bằng Cận y duyên; tam thiền... tứ thiền... Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ; Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên.
- Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo, nhị đạo làm duyên cho tam đạo, tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.
- Đạo làm duyên cho quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin phi Dục giới mạnh có thể làm cho bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... pháp quán phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới... trí phi Dục giới mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... pháp quán phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương đức tin... trí phi Dục giới làm duyên cho đức tin... trí Dục giới, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ bằng Cận y duyên.
- Chư Thánh nương đạo mạnh, quán ngộ hành vi *(saṅkhāra)* bằng lối vô thường... Thánh đạo làm duyên cho nghĩa đạt thông *(atthapaṭisambhidā)*, pháp đạt thông *(dhammapaṭisambhidā)*, ngữ đạt thông *(niruttipaṭisambhidā)*, cấp trí đạt thông *(patibhanapaṭisambhidā)* và biết sở *(ṭhanā)* phi sở *(aṭhanā)* bằng Cận y duyên.
- Quả nhập thiền làm duyên cho thân lạc bằng Cận y duyên.

742.

∗ Pháp Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật... vô thường... ưu sanh ra.
- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ... vật làm duyên cho uẩn Dục giới bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp Dục giới làm duyên cho pháp phi Dục giới bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn phi Dục giới bằng Tiền sanh duyên.

∗ ... bằng Hậu sanh duyên có 2 câu,... bằng Cố hưởng duyên có 3 câu.

743.

* Pháp Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:... tóm tắt..
* Pháp phi Dục giới làm duyên cho pháp phi Dục giới bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời.
* Pháp phi Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời,... tóm tắt...
* Pháp phi Dục giới làm duyên cho những pháp Dục giới và phi Dục giới bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời,... tóm tắt...
* ... bằng Quả duyên có 4 câu,... bằng Thực duyên có 4 câu,... bằng Quyền duyên có 4 câu,... bằng Thiền duyên có 4 câu,... bằng Đạo duyên có 4 câu,... bằng Tương ưng duyên có 2 câu.

744.

* Pháp Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...
* Pháp Dục giới làm duyên cho pháp phi Dục giới bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Tiền sanh:
  - Đồng sanh:... tóm tắt...
  - Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn phi Dục giới bằng Bất tương ưng duyên.
  - Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn phi Dục giới bằng Bất tương ưng duyên.
* Pháp phi Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh, Hậu sanh:
  - Đồng sanh như: Uẩn phi Dục giới làm duyên cho sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên; tục sinh...
  - Hậu sanh như: Uẩn phi Dục giới làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên.

745.

* Pháp Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền,... tóm tắt...
* Pháp Dục giới làm duyên cho pháp phi Dục giới bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn phi Dục giới bằng Hiện hữu duyên.
  - Tiền sanh như: Thiên nhãn... giống như Tiền sanh.
* Pháp phi Dục giới làm duyên cho pháp phi Dục giới bằng Hiện hữu duyên:
  Đồng sanh:... tóm tắt...
* Pháp phi Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh:
  Như Bất tương ưng *(vippayutta)*.
* Pháp phi Dục giới làm duyên cho những pháp Dục giới và phi Dục giới bằng Hiện hữu duyên: Như phần liên quan.
* Chư pháp Dục giới và phi Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Hiện hữu duyên: Có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

- Đồng sanh như: Uẩn phi Dục giới và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên. Tục sinh...
- Hậu sanh như: Uẩn phi Dục giới và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn phi Dục giới và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp Dục giới và phi Dục giới làm duyên cho pháp phi Dục giới bằng Hiện hữu duyên: Có Đồng sanh và Tiền sanh.
- Đồng sanh như: 1 uẩn phi Dục giới và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên,... 2 uẩn. Tục sinh...

∗ ... bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

746.

Nhân 4, Cảnh 4, Trưởng 4, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 7, Hỗ tương 6, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Hậu sanh 2, Cố hưởng 3, Nghiệp 4, Quả 4, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 2, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 7.

747.

∗ Pháp Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp Dục giới làm duyên cho pháp phi Dục giới bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp phi Dục giới làm duyên cho pháp phi Dục giới bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp phi Dục giới làm duyên cho những pháp Dục giới và phi Dục giới bằng Đồng sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

∗ Chư pháp Dục giới và phi Dục giới làm duyên cho pháp Dục giới bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Chư pháp Dục giới và phi Dục giới làm duyên cho pháp phi Dục giới bằng Hậu sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên.

748.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 6, phi Hỗ tương 6, phi Y chỉ 6, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 6,... phi Tương ưng 6, phi Bất tương ưng 5, phi Hiện hữu 5, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 5.

749.

Nhân duyên có phi Cảnh 4,... phi Trưởng 4, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, phi Tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

750.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Trưởng 4,... tóm tắt... Nên sắp thuận theo đầu đề,... Bất ly 7.

Dứt nhị đề Dục giới (kāmāvacaraduka)

NHỊ ĐỀ SẮC GIỚI *(RUPAVACARADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

751.

∗ Pháp Sắc giới liên quan pháp Sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn Sắc giới,... 2 uẩn. Tục sinh...

∗ Pháp phi Sắc giới liên quan pháp Sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn Sắc giới, tục sinh...

∗ Chư pháp Sắc giới và phi Sắc giới liên quan pháp Sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn Sắc giới,... 2 uẩn. Tục sinh...

∗ Pháp phi Sắc giới liên quan pháp phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi Sắc giới,... 2 uẩn. Tục sinh...

∗ Pháp Sắc giới liên quan pháp phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn Sắc giới liên quan vật.

∗ Chư pháp Sắc giới và phi Sắc giới liên quan pháp phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: Uẩn Sắc giới liên quan vật, sắc tục sinh liên quan đại sung.

∗ Pháp Sắc giới liên quan những pháp Sắc giới và phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn Sắc giới và vật,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi Sắc giới liên quan những pháp Sắc giới và phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc tâm liên quan uẩn Sắc giới và đại sung.
- Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh liên quan uẩn Sắc giới và đại sung.

∗ Chư pháp Sắc giới và phi Sắc giới liên quan những pháp Sắc giới và phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn Sắc giới và vật,... 2 uẩn. Sắc tục sinh liên quan uẩn Sắc giới và đại sung,... tóm tắt...

752.

Nhân 9, Cảnh 4, Trưởng 5, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 4, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 4, Tiền sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 9, Quả 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 4, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 9.

753.

Pháp phi Sắc giới liên quan pháp phi Sắc giới sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi Sắc giới vô nhân,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật.
- 1 đại sung luôn đến người Vô tưởng...
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ ... Do phi Cảnh duyên có 3 câu.

754.

∗ Pháp Sắc giới liên quan pháp Sắc giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* Sắc giới liên quan uẩn Sắc giới, 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả Sắc giới,... 2 uẩn. Tục sinh...

* Pháp phi Sắc giới liên quan pháp Sắc giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn quả Sắc giới, tục sinh...

* Chư pháp Sắc giới và phi Sắc giới liên quan pháp Sắc giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn quả Sắc giới,... 2 uẩn. Tục sinh...

* Pháp phi Sắc giới liên quan pháp phi Sắc giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
  - 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi Sắc giới.
  - có 3 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)* trong phi Dục giới *(na kāmāvacara)* không chi khác; nên sắp tất cả đại sung như thế.

* Pháp Sắc giới liên quan những pháp Sắc giới và phi Sắc giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
  Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn Sắc giới và vật.

* Pháp phi Sắc giới liên quan những pháp Sắc giới và phi Sắc giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn Sắc giới quả và đại sung. Tục sinh *(paṭisandhi)*...

* Chư pháp Sắc giới và phi Sắc giới liên quan những pháp Sắc giới và phi Sắc giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
  Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn Sắc giới và vật,... 2 uẩn. Sắc tục sinh liên quan uẩn Sắc giới và đại sung.

* ... bằng phi Vô gián duyên, bằng phi Cận y duyên.

755.

* Pháp Sắc giới liên quan pháp Sắc giới sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Sát-na tục sinh: 3 uẩn liên quan 1 uẩn Sắc giới,... 2 uẩn.

* Pháp phi Sắc giới liên quan pháp Sắc giới sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn Sắc giới; tục sinh...

* Chư pháp Sắc giới và phi Sắc giới liên quan pháp Sắc giới sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn Sắc giới,... 2 uẩn.

* Pháp phi Sắc giới liên quan pháp phi Sắc giới sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
  - Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi Sắc giới,... 2 uẩn.
  - Sắc tâm liên quan uẩn phi Sắc giới, tục sinh luôn đến người Vô tưởng...
  - Nên sắp 5 câu ngoài ra thuận Theo *(anuloma)*.

* ... Do phi Hậu sanh duyên có 9 câu.

756.

* Pháp Sắc giới liên quan pháp Sắc giới sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn Sắc giới quả, tục sinh...

* Pháp phi Sắc giới liên quan pháp phi Sắc giới sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn Sắc giới, tục sinh...

* Chư pháp Sắc giới và phi Sắc giới liên quan pháp phi Sắc giới sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn Sắc giới quả, 2 uẩn. Tục sinh...

∗ Pháp phi Sắc giới liên quan pháp phi Sắc giới sanh ra do phi Cố hưởng duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp Sắc giới liên quan những pháp Sắc giới và phi Sắc giới sanh ra do phi Cố hưởng duyên:... tóm tắt... Sắp căn *(mūla)*, ngoài ra nên sắp câu đề.

∗ ... Do phi Nghiệp duyên có 2 câu,... tóm tắt... do phi Tương ưng duyên.

757.

Pháp phi Sắc giới liên quan pháp phi Sắc giới sanh ra do phi Bất tương ưng duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi Sắc giới trong cõi Vô sắc,... 2 uẩn.
- ... sắc ngoại... sắc vật thực... sắc âm dương... người Vô tưởng *(Asaññatta)*... tóm tắt...

758.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dù 2 câu đếm ngoài ra hay phần đồng sanh *(sahajācavāra)* đều sắp như thế.

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

759.

∗ Pháp Sắc giới nhờ cậy pháp Sắc giới sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp phi Sắc giới nhờ cậy pháp phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi Sắc giới, luôn đến đại sung nội bộ *(ajjhattika mahābhūta)*.
- Uẩn phi Sắc giới nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Pháp Sắc giới nhờ cậy pháp phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn Sắc giới nhờ cậy vật, tục sinh...

∗ Chư pháp phi Sắc giới và phi Sắc giới nhờ cậy pháp phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn Sắc giới nhờ cậy vật. Sắc tâm nhờ cậy đại sung. Tục sinh...

∗ Pháp Sắc giới nhờ cậy những pháp Sắc giới và phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn Sắc giới và vật,... 2 uẩn. Tục sinh...

∗ Pháp phi Sắc giới nhờ cậy những pháp Sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm nhờ cậy uẩn Sắc giới và đại sung. Tục sinh...

∗ Chư pháp Sắc giới và phi Sắc giới nhờ cậy những pháp Sắc giới và phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn Sắc giới và vật,... 2 uẩn. Sắc tâm nhờ cậy uẩn Sắc giới và đại sung. Tục sinh...

760.

Nhân 9, Cảnh 4, Trưởng 9, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 4, Tiền sanh 4, Cố hưởng 4, Nghiệp 9, Bất ly 9.

761.

Pháp phi Sắc giới nhờ cậy pháp phi Sắc giới sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi Sắc giới vô nhân,... 2 uẩn.

- Tục sinh vô nhân luôn đến người Vô tưởng...
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân xứ. Uẩn vô nhân phi Sắc giới nhờ cậy vật. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật *(vatthu)*.

762.

∗ Pháp Sắc giới nhờ cậy pháp Sắc giới sanh ra do phi Trưởng duyên: Có 3 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp phi Sắc giới nhờ cậy pháp phi Sắc giới sanh ra do phi Trưởng duyên: Như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp Sắc giới nhờ cậy pháp phi Sắc giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* Sắc giới nhờ cậy vật. Uẩn Sắc giới quả nhờ cậy vật; tục sinh...

∗ Chư pháp Sắc giới và phi Sắc giới nhờ cậy pháp Sắc giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
Uẩn Sắc giới quả nhờ cậy vật; sắc tâm nhờ cậy đại sung. Tục sinh...

∗ Pháp Sắc giới nhờ cậy những pháp Sắc giới và phi Sắc giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
- Trưởng *(adhipati)* Sắc giới nhờ cậy uẩn Sắc giới và vật *(vatthu)*.
- 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn Sắc giới quả và vật,... 2 uẩn. Sát-na tục sinh: 3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn Sắc giới và vật,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi Sắc giới nhờ cậy những pháp Sắc giới và phi Sắc giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
Sắc tâm nhờ cậy uẩn Sắc giới quả và đại sung; tục sinh...

∗ Chư pháp Sắc giới và phi Sắc giới nhờ cậy những pháp Sắc giới và phi Sắc giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn Sắc giới quả và vật,... 2 uẩn. Sắc tâm nhờ cậy uẩn Sắc giới quả và đại sung. Tục sinh...

763.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9; nên định là quả trong cõi Vô sắc và cõi trôn nhau *(missaka)...,* phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 1, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Nên đếm 2 câu ngoài ra, hay phần y chỉ *(nissayavāra)*.

<u>Phần Hòa Hợp</u> *(Saṅsaṭṭhavāra)*

764.

∗ Pháp Sắc giới hòa hợp pháp Sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp *(saṅsaṭṭha)* 1 uẩn Sắc giới,... 2 uẩn. Tục sinh...

∗ Pháp phi Sắc giới hòa hợp pháp phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi Sắc giới,... 2 uẩn. Tục sinh...

765.

Nhân 2, Cảnh 2, tất cả đều 2,... Bất ly 2.

766.

Pháp phi Sắc giới hòa hợp pháp phi Sắc giới sanh ra do phi Nhân duyên...

767.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 1.

Nên sắp đếm 2 câu ngoài ra và phần tương ưng *(sampayuttavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

768.

∗ Pháp Sắc giới làm duyên cho pháp Sắc giới bằng Nhân duyên:
- Nhân *(hetu)* Sắc giới làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Tục sinh... Nên sắp căn.
- Nhân Sắc giới làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên, tục sinh... nên sắp căn...
- Nhân Sắc giới làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh...

∗ Pháp phi Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Nhân duyên:
Nhân *(hetu)* phi Sắc giới làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh...

769.

∗ Pháp Sắc giới làm duyên cho pháp Sắc giới bằng Cảnh duyên:
Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm Sắc giới; uẩn Sắc giới làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Cảnh duyên:
- Phản khán sơ thiền... phản khán tứ thiền... phản khán thiên nhãn... phản khán thiên nhĩ... uẩn Sắc giới làm duyên cho cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông.
- Quán ngộ uẩn Sắc giới bằng lối vô thường... ưu sanh ra.

∗ Pháp phi Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Cảnh duyên:
- Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi phản khán... nhớ thiện từng làm chứa để thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái, ưu sanh.
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả luôn khán môn bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ... phản khán phiền não hạn chế... phiền não từng sanh.
- Quán ngộ nhãn... vật... uẩn phi Sắc giới bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ; Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ; sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ...

∗ Pháp phi Sắc giới làm duyên cho pháp Sắc giới bằng Cảnh duyên:
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm phi Sắc giới; uẩn phi Sắc giới làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.

770.

∗ Pháp Sắc giới làm duyên cho pháp Sắc giới bằng Trưởng duyên:
Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* Sắc giới làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về sơ thiền rồi phản khán thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi làm cho ái sanh, tà kiến phát.
- Nặng về tứ thiền... thiên nhãn... thiên nhĩ... thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông... nặng về vị lai thông rồi phản khán thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi làm cho ái sanh, tà kiến phát.
- Nặng về uẩn Sắc giới rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi làm cho ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng Sắc giới làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp Sắc giới làm duyên cho những pháp Sắc giới và phi Sắc giới bằng Trưởng duyên:
Trưởng đồng sanh như: Trưởng Sắc giới làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
+ Trưởng cảnh như: Sau khi bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới rồi nhớ lại. nặng về thiện đã làm chứa để rồi phản khán thỏa thích rất hân hoan do nặng đó rồi làm cho ái sanh, tà kiến phát.
  - Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi... quả... nặng về Níp Bàn...
  - Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả bằng Trưởng duyên.
  - Nhãn... vật... nặng về uẩn phi Sắc giới rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.
  - Nặng về Không vô biên xứ rồi phản khán... nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ rồi phản khán...
+ Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi Sắc giới làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

771.

∗ Pháp Sắc giới làm duyên cho pháp Sắc giới bằng Vô gián duyên:
Uẩn Sắc giới sanh trước trước làm duyên cho uẩn Sắc giới sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Vô gián duyên:
- Tâm tử *(cuticitta)* Sắc giới làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* phi Sắc giới bằng Vô gián duyên.
- Tâm hộ kiếp Sắc giới làm duyên cho khán môn; uẩn Sắc giới làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* phi Sắc giới bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Vô gián duyên:
- Uẩn phi Sắc giới sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi Sắc giới sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*.. Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi Sắc giới làm duyên cho pháp Sắc giới bằng Vô gián duyên:
- Tâm tử phi Sắc giới làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* Sắc giới bằng Vô gián duyên.

- Uẩn phi Sắc giới làm duyên cho quả sơ khởi Sắc giới bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ thiền làm duyên cho sơ thiền bằng Vô gián duyên,... tứ thiền... thiên nhãn... thiên nhĩ... thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông... tâm chỉnh lý *(parikamma)* vị lai thông làm duyên cho vị lai thông bằng Vô gián duyên.

∗ ... bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên có 7, bằng Hỗ tương duyên có 6, bằng Y chỉ duyên có 7.

772.

∗ Pháp Sắc giới làm duyên cho pháp Sắc giới bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin Sắc giới mạnh làm cho thiền Sắc giới phát sanh,... thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới Sắc giới... trí mạnh có thể làm cho thiền Sắc giới phát sanh... thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin Sắc giới... trí làm duyên cho đức tin Sắc giới... trí bằng Cận y duyên.
- Sơ thiền làm duyên cho nhị thiền bằng Cận y duyên.
- Nhị thiền làm duyên cho tam thiền bằng Cận y duyên.
- Tam thiền làm duyên cho tứ thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin Sắc giới mạnh có thể bố thí, nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... thiền Sắc giới, pháp quán, đạo, thông... nhập thiền Sắc giới phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới *(sīla)* Sắc giới... trí mạnh có thể bố thí... gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương đức tin Sắc giới... trí mạnh làm duyên cho đức tin phi Sắc giới... trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin phi Sắc giới mạnh có thể bố thí... nguyện giữ ngũ giới, thọ trì thanh tịnh giới... thiền phi Sắc giới, pháp quán *(vipassanā)*, đạo, thông *(abhiññā)*... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới phi Sắc giới... trí mạnh có thể bố thí... gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương đức tin phi Sắc giới... trí mạnh làm duyên cho trí phi Sắc giới, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi Sắc giới làm duyên cho pháp Sắc giới bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin phi Sắc giới mạnh làm cho thiền Sắc giới... thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương giới phi Sắc giới... chỗ ở mạnh làm duyên cho thiền Sắc giới... thông... nhập thiền phát sanh.
- Nương đức tin phi Sắc giới... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin Sắc giới... trí bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ thiền làm duyên cho sơ thiền bằng Cận y duyên;... tứ thiền; tâm chỉnh lý *(parikamma)* thiên nhãn... thiên nhĩ... thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, tâm chỉnh lý *(parikamma)* vị lai thông làm duyên cho vị lai thông bằng Cận y duyên.

773.

* Pháp phi Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Tiền sanh duyên: Có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ...
  - Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ... vật làm duyên cho uẩn phi Sắc giới bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp phi Sắc giới làm duyên cho pháp Sắc giới bằng Tiền sanh duyên: Có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
  - Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn Sắc giới bằng Tiền sanh duyên.
* ... bằng Hậu sanh duyên có 2 câu,... bằng Cố hưởng duyên có 3 câu.

774.

* Pháp Sắc giới làm duyên cho pháp Sắc giới bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
  - Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* Sắc giới làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.
  - Biệt thời như: Tư Sắc giới làm duyên cho uẩn quả Sắc giới bằng Nghiệp duyên.
* Pháp Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
  - Đồng sanh như: Tư Sắc giới làm duyên cho sắc tâm bằng Nghiệp duyên. Tục sinh...
  - Biệt thời như: Tư Sắc giới làm duyên cho sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
* Pháp Sắc giới làm duyên cho những pháp Sắc giới và phi Sắc giới bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
  - Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* Sắc giới làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên. Tục sinh...
  - Biệt thời như: Tư Sắc giới làm duyên cho uẩn quả Sắc giới và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
* Pháp phi Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Nghiệp duyên có Đồng sanh và Biệt thời:
  - Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* phi Sắc giới làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên. Tục sinh...
  - Biệt thời như: Tư phi Sắc giới làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên.
* ... bằng Quả duyên có 4 câu, bằng Thực duyên có 4 câu, bằng Quyền duyên có 4 câu, bằng Thiền duyên có 4 câu, bằng Đạo duyên có 4 câu, bằng Tương ưng duyên có 2 câu.

775.

* Pháp Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Bất tương ưng duyên: Có Đồng sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...
* Pháp phi Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Bất tương ưng duyên: Có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh,... tóm tắt...
* Pháp phi Sắc giới làm duyên cho pháp Sắc giới bằng Bất tương ưng duyên: Có Đồng sanh và Tiền sanh:

- Đồng sanh như: Sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn Sắc giới bằng Bất tương ưng duyên.
- Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn Sắc giới bằng Bất tương ưng duyên.

776.

* Pháp Sắc giới làm duyên cho pháp Sắc giới bằng Hiện hữu duyên: Như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.
* Pháp Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh.
* Pháp Sắc giới làm duyên cho những pháp Sắc giới và phi Sắc giới bằng Hiện hữu duyên: Như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.
* Pháp phi Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Hiện hữu duyên: Có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền, .. tóm tắt...
* Pháp phi Sắc giới làm duyên cho pháp Sắc giới bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như sát-na tục sinh: Vật làm duyên cho uẩn Sắc giới bằng Hiện hữu duyên.
  - Tiền sanh như: Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng. Vật làm duyên cho uẩn Sắc giới bằng Hiện hữu duyên.
* Chư pháp Sắc giới và phi Sắc giới làm duyên cho pháp Sắc giới bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:
  - Đồng sanh như: 1 uẩn Sắc giới và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên,... 2 uẩn. Tục sinh...
* Chư pháp Sắc giới và phi Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
  - Đồng sanh như: Uẩn Sắc giới và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên,... 2 uẩn. Tục sinh...
  - Hậu sanh như: Uẩn Sắc giới và đoàn thực làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên.
  - Hậu sanh như: Uẩn Sắc giới và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.
* ... bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

777.

Nhân 4, Cảnh 5, Trưởng 4, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 7, Hỗ tương 6, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Hậu sanh 2, Cố hưởng 3, Nghiệp 4, Quả 4, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 2, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 7.

778.

* Pháp Sắc giới làm duyên cho pháp Sắc giới bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.
* Pháp Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.
* Pháp Sắc giới làm duyên cho những pháp Sắc giới và phi Sắc giới bằng Đồng sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

* Pháp phi Sắc giới làm duyên cho pháp phi Sắc giới bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp phi Sắc giới làm duyên cho pháp Sắc giới bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp Sắc giới và phi Sắc giới làm duyên cho pháp Sắc giới bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp Sắc giới và phi Sắc giới làm duyên cho pháp Sắc giới bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

779.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 4, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 6, phi Hỗ tương 6, phi Y chỉ 6, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 7, phi Tương ưng 6, phi Bất tương ưng 5, phi Hiện hữu 5, phi Vô hữu 7, phi Ly 7 phi Bất ly 5.

780.

Nhân duyên có phi Cảnh 4,... phi Trưởng 4, phi Vô gián 4, phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

781.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4, Trưởng 4,... nên sắp rộng thuận theo đầu đề *(anulomamatika)*... Bất ly 7.

Dứt nhị đề Sắc giới (rūpāvacaraduka)

NHỊ ĐỀ VÔ SẮC GIỚI *(ARUPAVACARADUKA)*

<u>Phần Liên Quan</u> ***(Paṭiccavāra)***

782.

* Pháp Vô sắc giới liên quan pháp Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn Vô sắc giới,... 2 uẩn. Tục sinh...
* Pháp phi Vô sắc giới liên quan pháp Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn Vô sắc giới.
* Chư pháp Vô sắc giới và phi Vô sắc giới liên quan pháp Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn Vô sắc giới,... 2 uẩn.
* Pháp phi Vô sắc giới liên quan pháp phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi Vô sắc giới,... 2 uẩn.
  - Sát-na tục sinh: 3 uẩn và sắc tục sinh liên quan 1 uẩn phi Vô sắc giới,... 2 uẩn. Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật,... 1 đại sung.
* Pháp phi Vô sắc giới liên quan những pháp Vô sắc giới và phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn Vô sắc giới và đại sung,... tóm tắt...

783.

Nhân 5, Cảnh 2, Trưởng 5, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 5, Cận y 2, Tiền sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 5, Quả 5, Thực 5, Bất ly *(Avigata)* 5.

784.

∗ Pháp phi Vô sắc giới liên quan pháp phi Vô sắc giới sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi Vô sắc giới vô nhân,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Luôn đến Vô tưởng...
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ ... Do phi Cảnh duyên có 3 câu.

785.

∗ Pháp Vô sắc giới liên quan pháp Vô sắc giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng Vô sắc giới liên quan uẩn Vô sắc giới, 3 uẩn liên quan 1 uẩn quả Vô sắc giới,... 2 uẩn. Tục sinh...

∗ Pháp phi Vô sắc giới liên quan pháp phi Vô sắc giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi Vô sắc giới,... 2 uẩn. Tục sinh luôn đến Vô tưởng...

∗ ... bằng phi Vô gián duyên,... bằng phi Cận y duyên.

786.

∗ Pháp Vô sắc giới liên quan pháp Vô sắc giới sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
- Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn Vô sắc giới, tục sinh... Sắp căn.
- Sắc tâm *(cittasamuṭṭhāna)* liên quan uẩn Vô sắc giới.

∗ Pháp phi Vô sắc giới liên quan pháp phi Vô sắc giới sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi Vô sắc giới,... 2 uẩn. Tục sinh luôn đến Vô tưởng...

∗ Pháp phi Vô sắc giới liên quan những pháp Vô sắc giới và phi Vô sắc giới sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn Vô sắc giới và đại sung.

∗ ... Do phi Hậu sanh duyên.

787.

∗ Pháp Vô sắc giới liên quan pháp Vô sắc giới sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn quả Vô sắc giới,... 2 uẩn. Tục sinh...

∗ Pháp phi Vô sắc giới liên quan pháp Vô sắc giới sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn Vô sắc giới.

∗ Pháp phi Vô sắc giới liên quan pháp phi Vô sắc giới sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi Vô sắc giới,... 2 uẩn,... luôn đến Vô tưởng.

∗ Pháp phi Vô sắc giới liên quan những pháp Vô sắc giới và phi Vô sắc giới sanh ra do phi Cố hưởng duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn Vô sắc giới và đại sung,... tóm tắt...

788.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 2, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương, phi Cận y đều 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Nên sắp 2 câu ngoài ra hay phần đồng sanh *(sahajāta)*.

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

789.

* Pháp Vô sắc giới nhờ cậy pháp Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
  3 câu như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

* Pháp phi Vô sắc giới nhờ cậy pháp phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
  1 uẩn phi Vô sắc giới luôn đến đại sung nội bộ *(ajjhattikamahābhūta)*.

* Pháp Vô sắc giới nhờ cậy pháp phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn Vô sắc giới nhờ cậy *(paccaya)* vật.

* Chư pháp Vô sắc giới và phi Vô sắc giới nhờ cậy pháp phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
  Uẩn Vô sắc giới nhờ cậy vật *(vatthu)*. Sắc tâm nhờ cậy đại sung..

* Pháp Vô sắc giới nhờ cậy những pháp Vô sắc giới và phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn Vô sắc giới và vật,... 2 uẩn.

* Pháp phi Vô sắc giới nhờ cậy những pháp Vô sắc giới và phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc tâm nhờ cậy uẩn Vô sắc giới và đại sung.

* Chư pháp Vô sắc giới và phi Vô sắc giới nhờ cậy những pháp Vô sắc giới và phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn Vô sắc giới và vật,... 2 uẩn. Sắc tâm nhờ cậy uẩn Vô sắc giới và đại sung.

790.

Nhân 9, Cảnh 4, Trưởng 9, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 9, Hỗ tương 4, Y chỉ 9, Cận y 4, Tiền sanh 4, Cố hưởng 4, Nghiệp 9, Quả 2, Bất ly 9.

791.

* Pháp phi Vô sắc giới nhờ cậy pháp phi Vô sắc giới sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 1 uẩn vô nhân phi Vô sắc giới,... luôn đến Vô tưởng.
  - Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... thân xứ.
  - Uẩn phi Vô sắc giới vô nhân nhờ cậy vật. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

* ... Do phi Cảnh duyên: Có 3 câu.

792.

* Pháp Vô sắc giới nhờ cậy pháp Vô sắc giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
  Trưởng *(adhipati)* Vô sắc giới nhờ cậy uẩn Vô sắc giới,... 1 uẩn quả Vô sắc giới. Tục sinh…

* Pháp phi Vô sắc giới nhờ cậy pháp phi Vô sắc giới sanh ra do phi Trưởng duyên:
  ... 1 uẩn phi Vô sắc giới. Tục sinh luôn đến Vô tưởng.

793.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 4, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp, phi Hỗ tương, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 4, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Nên sắp đếm 2 câu ngoài ra hay phần y chỉ *(nissayavāra)*.

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

794.

∗ Pháp Vô sắc giới hòa hợp pháp Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn Vô sắc giới,... 2 uẩn. Tục sinh...

∗ Pháp phi Vô sắc giới hòa hợp pháp phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi Vô sắc giới,... 2 uẩn. Tục sinh.

795.

Nhân 2,... Bất ly 2.

796.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

Nên sắp đếm 2 câu ngoài ra, hay phần tương ưng *(sampayuttavāra)* cũng thế.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

797.

∗ Pháp Vô sắc giới làm duyên cho pháp Vô sắc giới bằng Nhân duyên:
- Nhân Vô sắc giới làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên. Tục sinh; sắp căn.
- Nhân Vô sắc giới làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên. Sắp căn *(mūla)*.
- Nhân Vô sắc giới làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Nhân duyên:
Nhân phi Vô sắc giới làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên. Tục sinh...

798.

∗ Pháp Vô sắc giới làm duyên cho pháp Vô sắc giới bằng Cảnh duyên:
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ bằng Cảnh duyên.
- Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Cảnh duyên:
- Phản khán Không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ; phản khán Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
- Quán ngộ uẩn Vô sắc giới bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm Vô sắc giới; uẩn Vô sắc giới làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Cảnh duyên:
- Thí... giới... tịnh nghiệp *(uposathakamma)*... rồi mới thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu sanh ra.
- ... thiện đã từng làm chứa để... thiền...
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo, phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả luôn khán môn bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ... phiền não đã hạn chế... phiền não đã từng sanh trước kia...
- Quán ngộ nhãn... vật... uẩn phi Vô sắc giới bằng lối vô thường... ưu sanh ra.

- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm phi Vô sắc giới; sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ... uẩn phi Vô sắc giới làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

799.

∗ Pháp Vô sắc giới làm duyên cho pháp Vô sắc giới bằng Trưởng duyên:
Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* Vô sắc giới làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về Không vô biên xứ rồi mới phản khán... nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ rồi phản khán.
- Nặng về uẩn Vô sắc giới rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi làm cho ái sanh, tà kiến phát.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng Vô sắc giới làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên; Sắp căn *(mūla)*.
- Trưởng Vô sắc giới làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên

∗ Pháp phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
+ Trưởng cảnh như: Thí... giới... tịnh nghiệp rồi nặng đó mới phản khán thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi làm cho ái sanh, tà kiến phát.
  - ... nhớ thiện đã từng làm chứa để... thiền... chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán,... quả... phản khán Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả bằng Trưởng duyên.
  - ... nhãn vật... nặng về uẩn phi Vô sắc giới rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát.
+ Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi Vô sắc giới làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

800.

∗ Pháp Vô sắc giới làm duyên cho pháp Vô sắc giới bằng Vô gián duyên:
Uẩn Vô sắc giới sanh trước làm duyên cho uẩn Vô sắc giới sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Vô gián duyên:
- Tâm tử *(cuticitta)* Vô sắc giới làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* phi Vô sắc giới.
- Tâm hộ kiếp Vô sắc giới làm duyên cho khán môn; uẩn Vô sắc giới làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* phi Vô sắc giới; xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Vô gián duyên:
- Uẩn phi Vô sắc giới sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi Vô sắc giới sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Tâm thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*; thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp Vô sắc giới bằng Vô gián duyên:

- Tâm tử phi Vô sắc giới làm duyên cho tâm sanh *(upapatticitta)* Vô sắc giới bằng Vô gián duyên.
- Uẩn phi Vô sắc giới làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* Vô sắc giới bằng Vô gián duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* Không vô biên xứ làm duyên cho Không vô biên xứ bằng Vô gián duyên... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... tâm chỉnh lý *(parikamma)* Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Vô gián duyên.

∗ ... bằng Liên tiếp duyên, bằng Đồng sanh duyên 5 câu, bằng Hỗ tương duyên có 2 câu, bằng Y chỉ duyên có 7 câu.

801.

∗ Pháp Vô sắc giới làm duyên cho pháp Vô sắc giới bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ bằng Cận y duyên; Thức vô biên xứ làm duyên cho vô sở hữu xứ; Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên.

∗ Pháp Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin Vô sắc giới mạnh có thể bố thí... giới... tịnh nghiệp... thiền... pháp quán... phi Vô sắc giới, đạo, thông... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới... trí Vô sắc giới mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương đức tin... trí Vô sắc giới mạnh làm duyên cho đức tin... trí phi Vô sắc giới, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:

- Thuần cận y như: Nương đức tin phi Vô sắc giới mạnh có thể bố thí... giới... tịnh nghiệp... thiền phi Vô sắc giới... pháp quán, đạo, thông... nhập thiền sanh ra, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới phi Vô sắc giới... trí Vô sắc giới... trí, ái, hy vọng, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực, ... nương chỗ ở mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh... sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
- Nương đức tin phi Vô sắc giới... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin phi Vô sắc giới, hy vọng, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp Vô sắc giới bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y:

Thuần cận y như: Tâm chỉnh lý *(parikamma)* Không vô biên xứ làm duyên cho Không vô biên xứ bằng Cận y duyên. Tâm chỉnh lý Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng Cận y duyên.

802.

∗ Pháp phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:

- Cảnh tiền sanh như: Nhãn... vật... bằng lối vô thường... ưu sanh ra. Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng, sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân thức.
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ... vật làm duyên cho uẩn phi Vô sắc giới bằng Tiền sanh duyên.

* Pháp phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp Vô sắc giới bằng Tiền sanh duyên:
  Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn Vô sắc giới bằng Tiền sanh duyên.

* ... bằng Hậu sanh duyên có 2 câu, bằng Cố hưởng duyên có 3 câu.

803.

* Pháp Vô sắc giới làm duyên cho pháp Vô sắc giới bằng Nghiệp duyên: Có Đồng sanh và Biệt thời…

* Pháp Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Nghiệp duyên:
  - Tư *(cetanā)* Vô sắc giới làm duyên cho sắc tâm và uẩn Vô sắc giới bằng Nghiệp duyên; Sắp căn *(mūla)*.
  - Tư Vô sắc giới làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

* Pháp phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Nghiệp duyên: Có Đồng sanh và Biệt thời:
  Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* phi Vô sắc giới làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên,... tóm tắt...

804.

* Pháp Vô sắc giới làm duyên cho pháp Vô sắc giới bằng Quả duyên...

* Pháp phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Quả duyên...

* ... bằng Thực duyên có 4 câu, bằng Quyền duyên có 4 câu, bằng Thiền duyên có 4 câu, bằng Đạo duyên có 4 câu, bằng Tương ưng duyên có 2 câu.

805.

* Pháp Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Bất tương ưng duyên có Đồng sanh và Hậu sanh.

* Pháp phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Bất tương ưng duyên: Có Đồng sanh, Tiền sanh và Hậu sanh.

* Pháp phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp Vô sắc giới bằng Bất tương ưng duyên:
  Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn Vô sắc giới bằng Bất tương ưng duyên.

806.

* Pháp Vô sắc giới làm duyên cho pháp Vô sắc giới bằng Hiện hữu duyên:
  Đồng sanh như:...

* Pháp Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Hậu sanh.

* Pháp Vô sắc giới làm duyên cho những pháp Vô sắc giới và phi Vô sắc giới bằng Hiện hữu duyên:
  Đồng sanh:...

* Pháp phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

* Pháp phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp Vô sắc giới bằng Hiện hữu duyên:

Tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn Vô sắc giới bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp Vô sắc giới và phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp Vô sắc giới bằng Hiện hữu duyên có Đồng sanh và Tiền sanh:

Đồng sanh như: 1 uẩn Vô sắc giới và vật làm duyên cho 3 uẩn bằng Hiện hữu duyên,... 2 uẩn.

∗ Chư pháp Vô sắc giới và phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Hiện hữu duyên: Có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

- Đồng sanh như: Uẩn Vô sắc giới và đại sung làm duyên cho sắc tâm bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn Vô sắc giới và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn Vô sắc giới và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng *(kaṭattārūpa)* bằng Hiện hữu duyên.

∗ ... bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

807.

Nhân 4, Cảnh 3, Trưởng 4, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Hậu sanh 2, Cố hưởng 3, Nghiệp 4, Quả 2, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 2, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 7.

808.

∗ Pháp Vô sắc giới làm duyên cho pháp Vô sắc giới bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp Vô sắc giới làm duyên cho những pháp Vô sắc giới và phi Vô sắc giới bằng Đồng sanh duyên.

∗ Pháp phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp Vô sắc giới bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp Vô sắc giới và phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp Vô sắc giới bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp Vô sắc giới và phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp phi Vô sắc giới bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

809.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 5, phi Hỗ tương 5, phi Y chỉ 5, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 7, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 4, phi Hiện hữu 4, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 4.

810.

Nhân duyên có phi Cảnh 4,... phi Trưởng 4, phi Vô gián, phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

811.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Trưởng 4, nên sắp rộng thuận theo đầu đề,... Bất ly 7.

Dứt nhị đề Vô sắc giới.

NHỊ ĐỀ LIÊN QUAN LUÂN HỒI *(PARIYAPANNADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

812.

Pháp liên quan luân hồi liên quan pháp liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc tâm liên quan *(paṭicca)* 1 uẩn liên quan luân hồi *(pariyāpanna)*;... 2 uẩn. Tục sinh...

Nhị đề hiệp thế *(lokīyaduka)* trong phần đỉnh *(cūlantaraduka)* như thế nào, nên sắp nhị đề này như thế không chi khác.

Dứt nhị đề liên quan luân hồi.

NHỊ ĐỀ NHÂN XUẤT LUÂN HỒI *(NIYYANIKADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

813.

∗ Pháp nhân xuất luân hồi liên quan pháp nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn liên quan 1 uẩn nhân xuất luân hồi *(niyyānika)*;... 2 uẩn.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi liên quan pháp nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn nhân xuất luân hồi.

∗ Chư pháp nhân xuất luân hồi và phi nhân xuất luân hồi liên quan pháp nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn nhân xuất luân hồi,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi liên quan pháp phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi nhân xuất luân hồi,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật... 1 đại sung...

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi liên quan những pháp nhân xuất luân hồi và phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn nhân xuất luân hồi *(niyyānika)* và đại sung.

814.

Nhân 5, Cảnh 2, Trưởng 5, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 5, Cận y 2, Tiền sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 5, Quả 1, Thực 5, Bất ly 5.

815.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi liên quan pháp phi nhân xuất luân hồi sanh ra do phi Nhân duyên:
- ... 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô nhân phi nhân xuất luân hồi,... 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh vô nhân: Vật liên quan uẩn, uẩn liên quan vật, 1 đại sung luôn đến Vô tưởng.
- Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ ... bằng Cảnh duyên có 3 câu.

816.

∗ Pháp nhân xuất luân hồi liên quan pháp nhân xuất luân hồi sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* nhân xuất luân hồi liên quan uẩn nhân xuất luân hồi.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi liên quan pháp phi nhân xuất luân hồi sanh ra do phi Trưởng duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn phi nhân xuất luân hồi *(aniyyānika)*;... 2 uẩn.
- Tục sinh luôn đến người Vô tưởng *(asaññasatta)*.

∗ ... Do phi Vô gián duyên, do phi Liên tiếp duyên, do phi Hỗ tương duyên.

817.

∗ Pháp nhân xuất luân hồi liên quan pháp nhân xuất luân hồi sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Cõi Vô sắc: 1 uẩn nhân xuất luân hồi...

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi liên quan pháp nhân xuất luân hồi sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn nhân xuất luân hồi *(niyyānika)*.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi liên quan pháp phi nhân xuất luân hồi sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn phi nhân xuất luân hồi trong cõi Vô sắc,... 2 uẩn. Sắc tâm liên quan uẩn phi nhân xuất luân hồi.
- Tục sinh luôn đến người Vô tưởng.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi liên quan những pháp nhân xuất luân hồi và phi nhân xuất luân hồi sanh ra do phi Tiền sanh duyên:
Sắc tâm liên quan uẩn nhân xuất luân hồi và đại sung.

818.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 2, phi Vô gián 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.
Nên sắp đếm 2 câu ngoài ra và phần đồng sanh *(sahajāta)*.

<u>Phần Ỷ Trượng</u> *(Paccayavāra)*

819.

∗ Pháp nhân xuất luân hồi nhờ cậy pháp nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu, như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi nhờ cậy pháp phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi nhân xuất luân hồi *(aniyyānika)*, luôn đến đại sung nội bộ *(ajjhattikamahābhūta)*.
- Uẩn phi nhân xuất luân hồi nhờ cậy vật.

∗ Pháp nhân xuất luân hồi nhờ cậy pháp phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên:
Uẩn nhân xuất luân hồi nhờ cậy vật *(vatthu)*.

∗ Chư pháp nhân xuất luân hồi và phi nhân xuất luân hồi nhờ cậy pháp phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên:

Uẩn nhân xuất luân hồi nhờ cậy vật. Sắc tâm nhờ cậy đại sung.

∗ Pháp nhân xuất luân hồi nhờ cậy pháp nhân xuất luân hồi và phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân xuất luân hồi và vật,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi nhờ cậy những pháp nhân xuất luân hồi và phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên:
Sắc tâm nhờ cậy uẩn nhân xuất luân hồi và đại sung.

∗ Chư pháp nhân xuất luân hồi và phi nhân xuất luân hồi nhờ cậy những pháp nhân xuất luân hồi và phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn nhờ cậy 1 uẩn nhân xuất luân hồi và vật,... 2 uẩn. Sắc tâm nhờ cậy uẩn nhân xuất luân hồi và đại sung.

820.

Nhân 9, Cảnh 4, Trưởng 9, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 9, Hỗ tương 4, Y chỉ 9, Cận y 4, Tiền sanh 4, Cố hưởng 4, Nghiệp 9, Quả 1, Bất ly 9.

821.

Pháp phi nhân xuất luân hồi nhờ cậy pháp phi nhân xuất luân hồi sanh ra do phi Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn phi nhân xuất luân hồi vô nhân, luôn đến Vô tưởng...
- Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... uẩn phi nhân xuất luân hồi vô nhân nhờ cậy vật. Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

822

Pháp phi nhân xuất luân hồi nhờ cậy pháp phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Cảnh duyên: Có 3 câu.

823.

∗ Pháp nhân xuất luân hồi nhờ cậy pháp nhân xuất luân hồi sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* nhân xuất luân hồi nhờ cậy uẩn nhân xuất luân hồi.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi nhờ cậy pháp phi nhân xuất luân hồi sanh ra do phi Trưởng duyên:
1 uẩn phi nhân xuất luân hồi luôn đến Vô tưởng...

∗ Pháp nhân xuất luân hồi nhờ cậy pháp phi nhân xuất luân hồi sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng *(adhipati)* nhân xuất luân hồi nhờ cậy vật.

∗ Pháp nhân xuất luân hồi nhờ cậy pháp nhân xuất luân hồi và phi nhân xuất luân hồi sanh ra do phi Trưởng duyên:
Trưởng nhân xuất luân hồi *(niyyānika)* nhờ cậy uẩn nhân xuất luân hồi và vật.

824.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 4, phi Vô gián 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Nên sắp đếm 2 câu ngoài ra hay phần y chỉ *(nissayavāra)* cũng như thế.

Phần Hòa Hợp *(Saṅsaṭṭhavāra)*

825.

∗ Pháp nhân xuất luân hồi hòa hợp pháp nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn nhân xuất luân hồi,... 2 uẩn.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi hòa hợp pháp phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên:
3 uẩn hòa hợp 1 uẩn phi nhân xuất luân hồi,... 2 uẩn. Tục sinh...

826.

Nhân 2, Cảnh 2, tất cả đều 2, Quả 1, Bất ly 2.

827.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 2.

Nên sắp đếm 2 câu ngoài ra hay phần tương ưng *(sampayuttavāra)* cũng thế.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

828.

∗ Pháp nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp nhân xuất luân hồi bằng Nhân duyên:
- Nhân *(hetu)* nhân xuất luân hồi *(niyyānika)* làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nhân duyên; sắp căn.
- Nhân nhân xuất luân hồi làm duyên cho sắc tâm bằng Nhân duyên; sắp căn.
- Nhân nhân xuất luân hồi làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp phi nhân xuất luân hồi bằng Nhân duyên:
- Nhân phi nhân xuất luân hồi *(aniyyānika)* làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nhân duyên; tục sinh...

829.

∗ Pháp nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp phi nhân xuất luân hồi bằng Cảnh duyên:
Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo. Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm nhân xuất luân hồi. Uẩn nhân xuất luân hồi làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, ... vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp phi nhân xuất luân hồi bằng Cảnh duyên:
- Thí... giới... tịnh nghiệp *(uposathakamma)* rồi mới phản khán thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó làm cho ái, ưu sanh ra.
- Nhớ thiện đã từng làm chứa để... thiền... chư Thánh phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* dũ tịnh *(vodanā)*, quả luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên.
- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ... phản khán phiền não hạn chế... phiền não đã từng sanh.
- Nhãn... vật... quán ngộ uẩn phi nhân xuất luân hồi bằng lối vô thường... ưu sanh ra.
- Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm phi nhân xuất luân hồi.
- Không vô biên xứ làm duyên cho Thức vô biên xứ; Vô sở hữu xứ làm duyên cho Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức, xúc xứ làm duyên cho thân xứ. Uẩn phi nhân xuất luân hồi làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp nhân xuất luân hồi bằng Cảnh duyên:
Níp Bàn làm duyên cho đạo bằng Cảnh duyên.

830.

∗ Pháp nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp nhân xuất luân hồi bằng Trưởng duyên:
Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* nhân xuất luân hồi làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp phi nhân xuất luân hồi bằng Trưởng duyên: Có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng nhân xuất luân hồi làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên; nên sắp căn.
- Trưởng nhân xuất luân hồi làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp phi nhân xuất luân hồi bằng Trưởng duyên: Có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
+ Trưởng cảnh như: Bố thí... trì giới... tịnh nghiệp... rồi nặng về đó mới phản khán thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi làm cho ái sanh, tà kiến phát,... thiện đã làm chứa để... xuất thiền...
  - Chư Thánh nặng về đạo rồi phản khán, nặng về Níp Bàn rồi phản khán.
  - Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* dũ tịnh *(vodanā)*, quả *(phala)* bằng Trưởng duyên.
  - ... nhãn... vật... nặng về uẩn phi nhân xuất luân hồi rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi làm cho ái sanh, tà kiến phát.
+ Trưởng đồng sanh như: Trưởng phi nhân xuất luân hồi làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp nhân xuất luân hồi bằng Trưởng duyên:
Trưởng cảnh như: Níp Bàn làm duyên cho đạo bằng Trưởng duyên.

831.

∗ Pháp nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp phi nhân xuất luân hồi bằng Vô gián duyên:
Đạo làm duyên cho quả bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp phi nhân xuất luân hồi bằng Vô gián duyên:
- Uẩn phi nhân xuất luân hồi sanh trước trước làm duyên cho uẩn phi nhân xuất luân hồi sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* dũ tịnh *(vodanā)*; quả làm duyên cho quả; thuận thứ làm duyên cho quả nhập thiền; xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp nhân xuất luân hồi bằng Vô gián duyên:

Chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho đạo, dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo bằng Vô gián duyên.

* ... bằng Liên tiếp duyên,... bằng Đồng sanh duyên có 5 câu,... bằng Hỗ tương duyên có 2 câu,... bằng Y chỉ duyên có 7 câu.

832.

* Pháp nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp nhân xuất luân hồi bằng Cận y duyên:
  Thuần cận y như: Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo bằng Cận y duyên... tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

* Pháp nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp phi nhân xuất luân hồi bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Chư Thánh nương đạo mạnh, dù thiền nhập chưa từng sanh cũng nhập thiền đặng.
  - Quán ngộ hành vi *(saṅkhāra)* bằng lối vô thường...
  - Đạo Thánh làm duyên cho nghĩa đạt thông *(attha paṭisambhidā)*, pháp đạt thông *(dhammapaṭisambhidā)*, ngữ đạt thông *(niruttipaṭisambhidā)*, cấp trí đạt thông *(patibhanapaṭisambhidā)*, biết sở *(ṭhanā)*, phi sở *(aṭhanā)* bằng Cận y duyên.
  - Đạo làm duyên cho quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

* Pháp phi nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp phi nhân xuất luân hồi bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Nương đức tin phi nhân xuất luân hồi mạnh có thể bố thí... giới... tịnh nghiệp *(uposathakamma)*... thiền... pháp quán *(vipassanā)*... thông, nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
  - Nương giới phi nhân xuất luân hồi *(aniyyānika)* mạnh,... trí, ái, hy vọng *(patthanā)*, âm dương, vật thực ... nương chỗ ở mạnh có thể bố thí,... nhập thiền phát sanh, sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
  - Nương đức tin phi nhân xuất luân hồi *(aniyyānika)*... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin phi nhân xuất luân hồi... hy vọng... thân lạc. Thân khổ, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

* Pháp phi nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp nhân xuất luân hồi bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  Thuần cận y như: Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ đạo làm duyên cho sơ đạo bằng Cận y duyên,... tâm chỉnh lý tứ đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

833.

* Pháp phi nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp phi nhân xuất luân hồi bằng Tiền sanh duyên: Có 2 câu đều sắp như nhị đề Vô sắc *(arūpaduka)*.

* ... bằng Hậu sanh duyên có 2 câu,... bằng Cố hưởng duyên có 2 câu.

834.

* Pháp nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp nhân xuất luân hồi bằng Nghiệp duyên:
  Tư *(cetanā)* nhân xuất luân hồi làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

* Pháp nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp phi nhân xuất luân hồi bằng Nghiệp duyên: Có Đồng sanh và Biệt thời:
  - Đồng sanh như: Tư *(cetanā)* nhân xuất luân hồi làm duyên cho sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

- Biệt thời như: Tư nhân xuất luân hồi làm duyên cho quả *(phala)* bằng Nghiệp duyên; sắp căn. Tư nhân xuất luân hồi làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp phi nhân xuất luân hồi bằng Nghiệp duyên: Có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh:...
- Biệt thời như: Tư *(cetanā)* phi nhân xuất luân hồi làm duyên cho quả bằng Nghiệp duyên.

∗ ... bằng Quả duyên chỉ có 1 câu,... bằng Thực duyên có 4 câu,... bằng Quyền duyên có 4 câu,... bằng Thiền duyên có 4 câu,... bằng Đạo duyên có 4 câu,... bằng Tương ưng duyên có 2 câu,... bằng Bất tương ưng duyên có 3 câu: đều sắp như nhị đề Vô sắc *(arūpaduka)*.

∗ ... bằng Hiện hữu duyên có 7 câu, như nhị đề Vô sắc.
Bảng phân duyên trong vấn đề *(pañhāvāra)* có câu khác nhau.

∗ ... bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên.

835.

Nhân 4, Cảnh 3, Trưởng 5, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Hậu sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 2, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 7.

836.

∗ Pháp nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp nhân xuất luân hồi bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Pháp nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp phi nhân xuất luân hồi bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp nhân xuất luân hồi làm duyên cho những pháp nhân xuất luân hồi và phi nhân xuất luân hồi bằng Đồng sanh duyên.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp phi nhân xuất luân hồi bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp nhân xuất luân hồi bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp nhân xuất luân hồi và phi nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp nhân xuất luân hồi bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp nhân xuất luân hồi và phi nhân xuất luân hồi làm duyên cho pháp phi nhân xuất luân hồi bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

837.

∗ Phi Nhân 7, phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 5, phi Hỗ tương 5, phi Y chỉ 5, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 7, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 4, phi Hiện hữu 4, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 4.

838.

Nhân duyên có phi Cảnh 4,... phi Trưởng 4, phi Vô gián, phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

839.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Trưởng 5, nên sắp rộng theo đầu đề,... Bất ly 7.

Dứt nhị đề nhân xuất luân hồi (niyyānika duka)

NHỊ ĐỀ NHỨT ĐỊNH *(NIYATADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

840.

∗ Pháp nhứt định liên quan pháp nhứt định sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn liên quan 1 uẩn nhứt định *(niyata),...* 2 uẩn.

∗ Pháp bất định liên quan pháp nhứt định sanh ra do Nhân duyên:
- Sắc tâm liên quan uẩn nhứt định *(niyata),...* tóm tắt... nên sắp 5 câu đề.
- Nhị đề nhân xuất luân hồi *(niyyānikaduka)* như thế nào thì phần liên quan *(paṭiccavāra)*, đồng sanh *(sahajātavāra),* ỷ trượng *(paccayavāra)*, y chỉ *(nissayavāra)*, hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)*, tương ưng *(sampayuttavāra)* đều nên sắp như thế.

Bốn phần đầu đề không chi khác.

Phần Vấn Đề ***(Pañhāvāra)***

841.

Pháp nhứt định làm duyên cho pháp nhứt định bằng Nhân duyên có 4 câu, như nhị đề nhân xuất luân hồi *(niyyānikaduka)* không chi khác.

842.

∗ Pháp nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Cảnh duyên:
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo... phản khán phiền não nhứt định *(niyata)* đã trừ... đã từng sanh... quán ngộ uẩn nhứt định bằng lối vô thường...
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm nhứt định
- Uẩn nhứt định làm duyên cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Cảnh duyên:
- ... bố thí... giới... tịnh nghiệp *(uposathakamma)*... thiện đã từng làm chứa để... xuất thiền phản khán thiền... thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó khai đoan ái, tà kiến bất định phát sanh, hoài nghi, phóng dật phát sanh, ưu bất định cũng phát sanh.
- Chư Thánh phản khán quả, phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* dũ tịnh *(vodanā)* luôn khán môn *(āvajjana)* bằng Cảnh duyên. Chư Thánh phản khán phiền não bất định *(aniyata)* đã trừ, phiền não hạn chế... phiền não đã từng sanh...
- Nhãn... vật... quán ngộ uẩn bất định bằng lối vô thường, khổ não... thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái, ưu bất định *(aniyata)* sanh ra.
- Thiên nhãn... luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp bất định làm duyên cho pháp nhứt định bằng Cảnh duyên:
- Níp Bàn làm duyên cho đạo bằng Cảnh duyên.

- Sắc mạng quyền làm duyên cho nghiệp giết mẹ, nghiệp giết cha, nghiệp giết La Hán, nghiệp chích máu thân Phật bằng Cảnh duyên.
- Những uẩn thành tà (kiến) nhứt định *(micchattaniyata)* sanh ra cho người chấp trước vật nào thì vật ấy làm duyên cho những uẩn tà kiến nhứt định bằng Cảnh duyên.

843.

∗ Pháp nhứt định làm duyên cho pháp nhứt định bằng Trưởng duyên:
Trưởng đồng sanh như: Trưởng *(adhipati)* nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng nhứt định làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp nhứt định làm duyên cho pháp nhứt định và bất định bằng Trưởng duyên:
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Thí... giới... tịnh nghiệp... rồi nặng về đó mới phản khán thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái, tà kiến bất định phát sanh.
- ... trước kia... thiền...
- Chư Thánh nặng về quả rồi phản khán, nặng về Níp Bàn rồi phản khán.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* dũ tịnh *(vodanā)*, quả bằng Trưởng duyên.
- ... nhãn... vật... nặng về uẩn bất định *(aniyata)* rồi làm cho ái, tà kiến bất định phát sanh.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng bất định làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp bất định làm duyên cho pháp nhứt định bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như: Níp Bàn làm duyên cho đạo bằng Trưởng duyên *(adhipatipaccayo)*.

844.

∗ Pháp nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Vô gián duyên:
Đạo làm duyên cho quả bằng Vô gián duyên; uẩn nhứt định làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Vô gián duyên.
- Uẩn bất định *(aniyata)* sanh trước trước làm duyên cho uẩn bất định sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*; thuận thứ làm duyên cho dũ tịnh *(vodanā)*; quả làm duyên cho quả *(phala)*; thuận thứ *(anuloma)* làm duyên cho quả nhập thiền; xuất thiền diệt tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm duyên cho quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp bất định làm duyên cho pháp nhứt định bằng Vô gián duyên:

- Ưu bất định làm duyên cho ưu nhứt định; tà kiến bất định làm duyên cho tà kiến nhứt định bằng Vô gián duyên.
- Chuyển tộc *(gotrabhū)* làm duyên cho Đạo; dũ tịnh *(vodanā)* làm duyên cho đạo bằng Vô gián duyên.

∗ ... bằng Liên tiếp duyên, bằng Đồng sanh duyên có 5 câu,... bằng Hỗ tương duyên có 2 câu,... bằng Y chỉ duyên có 7 câu.

845.

∗ Pháp nhứt định làm duyên cho pháp nhứt định bằng Cận y duyên:
- Thuần cận y như: Nghiệp sát mẫu làm duyên cho nghiệp sát mẫu,... nghiệp sát phụ,... nghiệp sát La Hán... nghiệp chích máu thân Phật,... nghiệp phá hòa hợp Tăng,... tà kiến nhứt định bằng Cận y duyên; nên sắp cách luân chuyển *(cakka)*.
- Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo, nhị đạo làm duyên cho tam đạo, tam đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

∗ Pháp nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Giết mạng mẹ... phá hòa hợp Tăng... thí... giới... tịnh nghiệp *(uposathakamma)*...
- Chư Thánh nương đạo mạnh, dù thiền nhập chưa từng sanh cũng sanh dặng,... biết rõ sở *(ṭhanā)* phi sở *(aṭhanā)* bằng Cận y duyên.
- Đạo làm duyên cho quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương đức tin bất định *(aniyata)* mạnh có thể bố thí, trì giới... tịnh nghiệp *(uposathakamma)*... thiền, pháp quán *(vipassanā)* thông, nhập thiền phát sanh, gây ngã mạn, chấp tà kiến.
- Nương giới bất định mạnh... trí, ái, hy vọng *(patthanā)*, thân lạc, thân khổ... nương chỗ ở mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh, sát sanh... giết dân đô thị.
- Nương đức tin bất định... chỗ ở mạnh làm duyên cho đức tin bất định... hy vọng, thân lạc, thân khổ, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

∗ Pháp bất định làm duyên cho pháp nhứt định bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
- Thuần cận y như: Nương ái bất định mạnh có thể giết mạng mẹ... phá hòa hợp Tăng.
- Nương ưu bất định... nương chỗ ở mạnh có thể giết mạng mẹ... phá hòa hợp Tăng.
- Nương ái bất định, ưu... chỗ ở mạnh làm duyên cho nghiệp sát mẫu,... phá hòa hợp Tăng bằng Cận y duyên.
- Tâm chỉnh lý *(parikamma)* sơ đạo làm duyên cho Sơ đạo, tâm chỉnh lý tứ đạo làm duyên cho tứ đạo bằng Cận y duyên.

846.

∗ Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Tiền sanh duyên có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh... tóm tắt...

∗ Pháp bất định làm duyên cho pháp nhứt định bằng Tiền sanh duyên: Có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như: Sắc mạng quyền làm duyên cho nghiệp sát mẫu, sát phụ, sát La Hán, chích máu thân Phật bằng Tiền sanh duyên.

- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn nhứt định *(niyata)* bằng Tiền sanh duyên có 2 câu.

∗ ... bằng Hậu sanh duyên có 2 câu, bằng Cố hưởng duyên có 2 câu.

847.

∗ Pháp nhứt định làm duyên cho pháp nhứt định bằng Nghiệp duyên:
Tư *(cetanā)* nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Nghiệp duyên: Có Đồng sanh và Biệt thời:
- Đồng sanh như: Tư nhứt định *(niyata)* làm duyên cho sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư nhứt định làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh bằng Nghiệp duyên; sắp căn *(mūla)*.
- Tư nhứt định làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Nghiệp duyên: Có Đồng sanh và Biệt thời:... tóm tắt...

∗ ... bằng Quả duyên có 1 câu,... bằng Thực duyên có 4 câu,... bằng Quyền duyên có 4 câu,... bằng Thiền duyên có 4 câu,... bằng Đạo duyên có 4 câu,... bằng Tương ưng duyên có 2 câu,... bằng Bất tương ưng duyên có 3 câu; như nhị đề Vô sắc *(arūpaduka)*;... bằng Hiện hữu duyên có 7 câu như nhị đề Vô sắc *(arūpaduka)*;... bằng Vô hữu duyên, bằng Ly duyên, bằng Bất ly duyên có 7 câu.

848.

Nhân 4, Cảnh 3, Trưởng 5, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Hậu sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 2, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 7.

849.

∗ Pháp nhứt định làm duyên cho pháp nhứt định bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

∗ Pháp nhứt định làm duyên cho pháp bất định bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp nhứt định làm duyên cho những pháp nhứt định và bất định bằng Đồng sanh duyên.

∗ Pháp bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

∗ Pháp bất định làm duyên cho pháp nhứt định bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp nhứt định và bất định làm duyên cho pháp nhứt định bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên.

∗ Chư pháp nhứt định và bất định làm duyên cho pháp bất định bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

850.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián, phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 5, phi Hỗ tương 5, phi Y chỉ 5, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 7, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 4, phi Hiện hữu 4, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 4.

851.

Nhân duyên có phi Cảnh 4,... phi Trưởng 4, phi Vô gián**,** phi Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4, phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

852.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3,... Trưởng 5; nên sắp rộng thuận theo đầu đề,... Bất ly 7.

Dứt nhị đề nhứt định (niyataduka)

NHỊ ĐỀ HỮU THƯỢNG *(SA UTTARADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

853.

Pháp hữu thượng liên quan pháp hữu thượng sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn hữu thượng *(sa uttara)*,... 2 uẩn.

Tục sinh luôn đến đại sung nội bộ *(ajjhattikamahābhūta)* như nhị đề hiệp thế trong phần đỉnh *(cūḷantaraduka)* không chi khác.

Dứt nhị đề hữu thượng (sa uttaraduka)

NHỊ ĐỀ HỮU Y *(SARAṆADUKA)*

Phần Liên Quan ***(Paṭiccavāra)***

854.

Pháp hữu y liên quan pháp hữu y sanh ra do Nhân duyên:

- 3 uẩn liên quan 1 uẩn hữu y *(saraṇa)*,... 2 uẩn.
- có 5 câu đề như nhị đề Vô sắc *(arūpaduka)*; như thuận thứ *(anuloma)* trong phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

855.

Nhân 5, Cảnh 2, Trưởng 5, Bất ly 5.

856.

∗ Pháp hữu y liên quan pháp hữu y sanh ra do phi Nhân duyên:

Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

∗ Pháp vô y liên quan pháp vô y sanh ra do phi Nhân duyên:

3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô y *(araṇa)* vô nhân. Sát-na tục sinh vô nhân: Luôn đến người Vô tưởng...

857.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Trưởng 5, phi Vô gián 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dù đếm 2 câu ngoài ra hay phần đồng sanh *(sahajātavāra)* đều nên sắp đầy đủ.

Phần Ỷ Trượng *(Paccayavāra)*

858.

Pháp hữu y nhờ cậy pháp hữu y sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn nhờ cậy *(paccayā)* 1 uẩn hữu y *(Saraṇa),...* 2 uẩn.

Nhị đề Vô sắc giới *(Arūpāvacaraduka)* về phần ỷ trượng *(paccayavāra)* như thế nào, đây nên sắp như thế ấy.

859.

Nhân 9, Cảnh 4, Trưởng 9, Bất ly 9.

860.

* Pháp hữu y nhờ cậy pháp hữu y sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật.

* Pháp vô y nhờ cậy pháp vô y sanh ra do phi Nhân duyên:
  - 3 uẩn và sắc tâm nhờ cậy 1 uẩn vô y *(araṇa)* vô nhân. Tục sinh vô nhân luôn đến người Vô tưởng...
  - Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ,... nhờ cậy thân xứ.

* Pháp hữu y nhờ cậy pháp vô y sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy vật.

* Pháp hữu y nhờ cậy pháp hữu y và vô y sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật nhờ cậy uẩn đồng sanh hoài nghi, đồng sanh phóng dật và vật.

861.

Phi Nhân 4, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Nên sắp đếm 2 câu ngoài ra hay phần y chỉ *(nissayavāra)* và phần hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)*; tất cả đều nên sắp 2 câu.

862.

Nhân 2, Cảnh 2, tất cả đều 2, Quả 1, Bất ly *(Avigata)* 2.

863.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 2.

Nên sắp đếm 2 câu ngoài ra hay phần tương ưng *(sampayuttavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

864.

Pháp hữu y làm duyên cho pháp hữu y bằng Nhân duyên: Như nhị đề vô sắc *(arūpaduka)* có 4 câu.

865.

* Pháp hữu y làm duyên cho pháp hữu y bằng Cảnh duyên:
  - Ái thỏa thích rất hân hoan, do đó khai đoan ái phát sanh, tà kiến... hoài nghi... phóng dật... ưu sanh ra.
  - Tà kiến thỏa thích rất hân hoan, hoài nghi... phóng dật... ưu mở mối cho *(ārabbha)* cho ưu sanh ra, tà kiến... hoài nghi... phóng dật sanh ra.

* Pháp hữu y làm duyên cho pháp vô y bằng Cảnh duyên:

- Chư Thánh phản khán phiền não đã trừ... phiền não hạn chế... phiền não từng sanh trước kia... .
- Quán ngộ uẩn hữu y bằng lối vô thường...
- Tha tâm thông rõ lòng người tề toàn tâm hữu y *(saraṇa)*.
- Uẩn hữu y làm duyên cho tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp vô y làm duyên cho pháp vô y bằng Cảnh duyên:
- Bố thí... giới... tịnh nghiệp *(uposathakamma)*... rồi do đó mới phản khán... trước kia... thiền...
- Chư Thánh xuất đạo phản khán đạo... quả... phản khán Níp Bàn.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả và khán môn bằng Cảnh duyên.
- Quán ngộ nhãn... vật... uẩn vô y *(araṇa)* bằng lối vô thường... thiên nhãn... làm duyên cho vị lai thông luôn khán môn bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp vô y làm duyên cho pháp hữu y bằng Cảnh duyên:
- Thí... giới.. tịnh nghiệp rồi mới thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái sanh.
- ... trước kia... thiền... nhãn... vật... uẩn vô y thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái... ưu sanh ra.

866.

∗ Pháp hữu y làm duyên cho pháp hữu y bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như: Nặng về ái rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi ái sanh, tà kiến phát. Nặng về tà kiến rồi thỏa thích rất hân hoan...
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu y làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp hữu y làm duyên cho pháp vô y bằng Trưởng duyên.
Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu y làm duyên cho sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp hữu y làm duyên cho pháp hữu y và vô y bằng Trưởng duyên: Trưởng đồng sanh như: Trưởng hữu y làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp vô y làm duyên cho pháp vô y bằng Trưởng duyên: Có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh:
- Trưởng cảnh như:... thí... giới... tịnh nghiệp *(uposathakamma)* rồi nặng về đó mới phản khán...
- ... trước kia... thiền... chư Thánh xuất đạo nặng về đạo rồi phản khán... quả... nặng về Níp Bàn rồi phản khán.
- Níp Bàn làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)*, dũ tịnh *(vodanā)*, đạo, quả bằng Trưởng duyên.
- Trưởng đồng sanh như: Trưởng vô y làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp vô y làm duyên cho pháp hữu y bằng Trưởng duyên:
- Trưởng cảnh như:... thí... giới... tịnh nghiệp... rồi nặng về đó mới thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi làm cho ái sanh, tà kiến phát.
- Thiện đã từng làm chứa để... thiền...
- ... nhãn... vật... nặng về uẩn vô y *(araṇa)* rồi thỏa thích rất hân hoan, do nặng đó rồi làm cho ái sanh, tà kiến phát.

867.

* Pháp hữu y làm duyên cho pháp hữu y bằng Vô gián duyên: Uẩn hữu y sanh trước trước làm duyên cho uẩn hữu y sanh sau sau bằng Vô gián duyên.

* Pháp hữu y làm duyên cho pháp vô y bằng Vô gián duyên: Uẩn hữu y *(saraṇa)* làm duyên cho quả sơ khởi *(vuṭṭhāna)* bằng Vô gián duyên.

* Pháp vô y làm duyên cho pháp vô y bằng Vô gián duyên:
  - Uẩn vô y sanh trước trước làm duyên cho uẩn vô y sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
  - Thuận thứ làm duyên cho chuyển tộc *(gotrabhū)* quả nhập thiền bằng Vô gián duyên.

* Pháp vô y làm duyên cho pháp hữu y bằng Vô gián duyên: Khán môn làm duyên cho uẩn hữu y bằng Vô gián duyên.

* ... bằng Liên tiếp duyên, bằng Đồng sanh duyên có 5 câu, bằng Hỗ tương duyên có 2 câu, bằng Y chỉ duyên có 7 câu.

868.

* Pháp hữu y làm duyên cho pháp hữu y bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Nương ái mạnh có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
  - Nương sân... hy vọng mạnh có thể sát sanh, phá hòa hợp Tăng.
  - Nương ái... hy vọng mạnh làm duyên cho ái... hy vọng bằng Cận y duyên.

* Pháp hữu y làm duyên cho pháp vô y bằng Cận y duyên: Có Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Nương ái mạnh có thể bố thí... giới... tịnh nghiệp... thiền... pháp quán, đạo, thông... nhập thiền phát sanh.
  - Nương sân... hy vọng mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
  - Nương ái mạnh... hy vọng mạnh làm duyên cho đức tin... trí, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

* Pháp vô y làm duyên cho pháp vô y bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Nương đức tin mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
  - Nương trì giới mạnh... trí, thân lạc, thân khổ, âm dương, vật thực... nương chỗ ở mạnh có thể bố thí... nhập thiền phát sanh.
  - Nương đức tin... chỗ ở mạnh làm duyên cho trí, thân lạc, thân khổ, đạo, quả nhập thiền bằng Cận y duyên.

* Pháp vô y làm duyên cho pháp hữu y bằng Cận y duyên: Có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y:
  - Thuần cận y như: Nương đức tin mạnh, gây ngã mạn, chấp tà kiến. nương giới mạnh... chỗ ở mạnh có thể sát sanh... phá hòa hợp Tăng.
  - Nương đức tin... chỗ ở làm duyên cho ái... hy vọng bằng Cận y duyên.

869.

* Pháp vô y làm duyên cho pháp vô y bằng Tiền sanh duyên: Có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
  - Cảnh tiền sanh như: Quán ngộ nhãn... vật... bằng lối vô thường... tóm tắt...
  - Thiên nhãn thấy sắc, thiên nhĩ nghe tiếng.

- Sắc xứ làm duyên cho nhãn thức,... xúc xứ...
- Vật tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho uẩn vô y *(araṇa)* bằng Tiền sanh duyên.

∗ Pháp vô y làm duyên cho pháp hữu y bằng Tiền sanh duyên: Có Cảnh tiền sanh và Vật tiền sanh:
- Cảnh tiền sanh như:... nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái sanh ưu phát.
- Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho uẩn hữu y *(saraṇa)* bằng Tiền sanh duyên.

... bằng Hậu sanh duyên có 2 câu,... bằng Cố hưởng duyên có 2 câu.

870.

∗ Pháp hữu y làm duyên cho pháp hữu y bằng Nghiệp duyên:
- Tư *(cetanā)* hữu y *(saraṇa)* làm duyên cho uẩn tương ưng bằng Nghiệp duyên; sắp căn: Có Đồng sanh và Biệt thời.
- Đồng sanh như: Tư hữu y làm duyên cho sắc tâm bằng Nghiệp duyên.
- Biệt thời như: Tư hữu y làm duyên cho uẩn quả và sắc tục sinh *(kaṭattārūpa)* bằng Nghiệp duyên; Sắp căn.
- Đồng sanh như: Tư hữu y làm duyên cho uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp vô y làm duyên cho pháp vô y bằng Nghiệp duyên: Có Đồng sanh và Biệt thời: Đồng sanh:... tóm tắt...

∗ ... bằng Quả duyên có 1 câu, bằng Thực duyên có 4 câu, bằng Quyền duyên có 4 câu, bằng Thiền duyên có 4 câu, bằng Đạo duyên có 4 câu, bằng Tương ưng duyên có 2 câu, bằng Bất tương ưng duyên có 3 câu; như nhị đề Vô sắc *(arūpaduka)*.

871.

∗ Pháp hữu y làm duyên cho pháp hữu y bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp hữu y làm duyên cho pháp vô y bằng Hiện hữu duyên: Có Đồng sanh và Hậu sanh.

∗ Pháp hữu y làm duyên cho pháp hữu y và vô y bằng Hiện hữu duyên.

∗ Pháp vô y làm duyên cho pháp vô y bằng Hiện hữu duyên: Có Đồng sanh, Tiền sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền.

∗ Pháp vô y làm duyên cho pháp hữu y bằng Hiện hữu duyên: Có Đồng sanh và Tiền sanh:
- ... nhãn... vật... thỏa thích rất hân hoan do đó khai đoan ái sanh... ưu phát.
- Vật *(vatthu)* làm duyên cho uẩn hữu y *(saraṇa)* bằng Hiện hữu duyên.

∗ Chư pháp hữu y và vô y làm duyên cho pháp hữu y bằng Hiện hữu duyên: Có Đồng sanh và Tiền sanh.

∗ Chư pháp hữu y và vô y làm duyên cho pháp vô y bằng Hiện hữu duyên: Có Đồng sanh, Hậu sanh, Thực và Quyền:
- Đồng sanh như: Uẩn hữu y và đại sung làm duyên cho sắc tâm *(cittasamuṭṭhāna)* bằng Hiện hữu duyên.
- Hậu sanh như: Uẩn hữu y và đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên.

- Hậu sanh như: Uẩn hữu y và sắc mạng quyền làm duyên cho sắc tục sinh bằng Hiện hữu duyên.

872.

Nhân 4, Cảnh 4, Trưởng 5, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Hậu sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 4, Quả 1, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 2, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 7.

873.

* Pháp hữu y làm duyên cho pháp hữu y bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp hữu y làm duyên cho pháp vô y bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.
* Pháp hữu y làm duyên cho pháp hữu y và vô y bằng Đồng sanh duyên.
* Pháp vô y làm duyên cho pháp vô y bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.
* Pháp vô y làm duyên cho pháp hữu y bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp hữu y và vô y làm duyên cho pháp hữu y bằng Đồng sanh duyên, bằng Tiền sanh duyên.
* Chư pháp hữu y và vô y làm duyên cho pháp vô y bằng Đồng sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

874.

Phi Nhân 7,... phi Liên tiếp 7, phi Đồng sanh 5, phi Hỗ tương 5, phi Y chỉ 5, phi Cận y 7, phi Tiền sanh 6, phi Hậu sanh 7,... phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 4, phi Hiện hữu 4, phi Vô hữu 7, phi Ly 7, phi Bất ly 4.

875.

Nhân duyên có phi Cảnh 4, phi Trưởng 4,... Liên tiếp 4, phi Hỗ tương 2, phi Cận y 4,... phi Tương ưng 2, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 4, phi Ly 4.

876.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4,... Trưởng 5, Vô gián 4; nên sắp thuận theo đầu đề;... Bất ly 7.

Dứt nhị đề hữu y (saraṇaduka)
Hết nhị đề tịch điều thuận (anulomadukapaṭṭhāna)

HẾT QUYỂN 4

Hồi hướng và chia phước đến Tứ Đại Thiên Vương và tất cả chúng sanh, nhứt là các vị chư Thiên có oai lực hộ trì Tạng Diệu pháp đặng thạnh hành.

Bộ Paṭṭhāna thứ tư

- Phiên dịch kể từ ngày 02-07-1976 (Phật lịch nhằm ngày 06-06-2520) lúc 06g00. Hoàn mãn kể từ 11-07-1976 (Phật lịch nhằm ngày 15-06-2520) lúc 18g00
- Tu chỉnh và đánh máy kể từ 06-10-1976 (Phật lịch nhằm ngày13-08 (sau) năm 2520) lúc 17g40 (giờ Đông Dương) và hoàn tất đánh máy vào ngày 24-12-1976 (Phật lịch nhằm ngày 04-10-2520) lúc 14g10

Sài Gòn/Việt Nam

BỘ VỊ TRÍ
(PAṬṬHĀNA)

QUYỂN THỨ BA VÀ BỐN

Việt dịch: Sư cả Tịnh Sự

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội
ĐT: 04-37822845 – Fax (04).37822841

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Nguyễn Công Oánh

Biên Tập:
Đỗ Thị Huỳnh

Sửa bản in:
Mỹ Hà

Trình bày:
Tỳ Khưu Siêu Thiện

---~~~~~~

Đối tác liên kết:
Thư viện Phật Giáo Nguyên Thuỷ
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, Tp HCM

In lần thứ I số lượng 500 cuốn
Tại xí nghiệp in …
Địa chỉ:
GPXB số:
In xong và nộp lưu chiểu quý ... năm 2012 GPXB số:
Xin xong và nộp lưu chiểu tháng …

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA
--o-O-o--

TẠNG VÔ TỶ PHÁP
(ABHIDHAMMAPIṬAKA)

BỘ THỨ BẢY

BỘ VỊ TRÍ
(PAṬṬHĀNA)

QUYỂN THỨ NĂM VÀ QUYỂN THỨ SÁU

CẢO BẢN

Sư cả Tịnh Sự - Mahāthero Santakicco
Chuyển ngữ từ bản tiếng Pāli-Thái Lan sang tiếng Việt
Phật lịch 2519- Dương lịch 1976

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
2012

Bộ thứ bảy thuộc Tạng Vô Tỷ Pháp *(Abhidhammapiṭaka)*

Dịch giả:

Đại Trưởng lão Hòa thượng Tịnh Sự

Nguyên Cố vấn I, kiêm Trưởng Ban Phiên dịch

Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy *(Theravāda)* - Việt Nam

MỤC LỤC

QUYỂN THỨ NĂM

VỊ TRÍ NHỊ ĐỀ - TAM ĐỀ THUẬN TÙNG 47
Nhị đề nhân – tam đề thiện 47
Nhị đề nhân – tam đề thọ 54
Nhị đề nhân – tam đề quả 59
Nhị đề nhân – tam đề thành do thủ 64
Nhị đề nhân – tam đề phiền toái 68
Nhị đề nhân – tam đề tầm 72
Nhị đề nhân – tam đề hỷ 76
Nhị đề nhân – tam đề sơ đạo (kiến) 79
Nhị đề nhân – tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ 83
Nhị đề nhân – tam đề nhân sanh tử 86
Nhị đề nhân – tam đề hữu học 90
Nhị đề nhân – tam đề hy thiểu 94
Nhị đề nhân – tam đề cảnh hy thiểu 97
Nhị đề nhân – tam đề ty hạ 101
Nhị đề nhân – tam đề tà 104
Nhị đề nhân – tam đề có cảnh là đạo 108
Nhị đề nhân – tam đề sanh tồn 111
Nhị đề nhân – tam đề quá khứ 112
Nhị đề nhân – tam đề cảnh quá khứ 113
Nhị đề nhân – tam đề nội bộ (nội phần) 117
Nhị đề nhân – tam đề cảnh nội bộ 120
Nhị đề nhân – tam đề hữu kiến hữu đối chiếu 122
Nhị đề hữu nhân – tam đề thiện 124
Nhị đề tương ưng nhân – tam đề thiện 127
Nhị đề nhân hữu nhân – tam đề thiện 131
Nhị đề nhân tương ưng nhân – tam đề thiện 133
Nhị đề phi nhân hữu nhân – tam đề thiện 136
Nhị đề hữu duyên – tam đề thiện 137
Nhị đề hữu vi – tam đề thiện 139
Nhị đề hữu kiến – tam đề thiện 139
Nhị đề hữu đối chiếu – tam đề thiện 140
Nhị đề sắc – tam đề thiện 142
Nhị đề hiệp thế – tam đề thiện 143
Nhị đề cũng có tâm biết đặng – tam đề thiện 144
Nhị đề lậu – tam đề thiện 145
Nhị đề cảnh lậu – tam đề thiện 146
Nhị đề tương ưng lậu – tam đề thiện 147
Nhị đề lậu cảnh lậu – tam đề thiện 148
Nhị đề lậu tương ưng lậu – tam đề thiện 150
Nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu – tam đề thiện 151
Nhị đế triền – tam đề thiện 152
Nhị đề cảnh triền – tam đề thiện 153
Nhị đề tương ưng triền – tam đề thiện 154
Nhị đề triền cảnh triền – tam đề thiện 156
Nhị đề triền tương ưng triền – tam đề thiện 157
Nhị đề bất tương ưng triền cảnh triền – tam đề thiện 157
Nhị đề phược – tam đề thiện 159

Nhị đề cảnh phược – tam đề thiện 160
Nhị đề tương ưng phược – tam đề thiện 161
Nhị đề phược cảnh phược – tam đề thiện 161
Nhị đề phược tương ưng phược – tam đề thiện 163
Nhị đề bất tương ưng phược cảnh phược – tam đề thiện.....163
Nhị đề cái – tam đề thiện 164
Nhị đề cảnh cái – tam đề thiện.....166
Nhị đề tương ưng cái – tam đề thiện.....166
Nhị đề cái cảnh cái – tam đề thiện 167
Nhị đề cái tương ưng cái – tam đề thiện 168
Nhị đề bất tương ưng cái cảnh cái – tam đề thiện 168
Nhị đề khinh thị – tam đề thiện 169
Nhị đề cảnh khinh thị – tam đề thiện 170
Nhị đề tương ưng khinh thị – tam đề thiện 170
Nhị đề khinh thị cảnh khinh thị – tam đề thiện.....171
Nhị đề bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị – tam đề thiện 172
Nhị đề hữu cảnh – tam đề thiện 173
Nhị đề tâm – tam đề thiện.....174
Nhị đề sở hữu tâm – tam đề thiện 176
Nhị đề tương ưng tâm – tam đề thiện 177
Nhị đề hòa hợp tâm – tam đề thiện 179
Nhị đề có tâm làm sở sanh – tam đề thiện 179
Nhị đề đồng sanh tồn với tâm – tam đề thiện 181
Nhị đề tùng tâm thông lưu – tam đề thiện 182
Nhị đề hòa tâm làm sở sanh – tam đề thiện 183
Nhị đề hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh – tam đề thiện 185
Nhị đề hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh – tam đề thiện 186
Nhị đề nội bộ – tam đề thiện.....186
Nhị đề y sinh – tam đề thiện 188
Nhị đề thành do thủ – tam đề thiện.....189
Nhị đề thủ – tam đề thiện.....191
Nhị đề cảnh thủ – tam đề thiện 192
Nhị đề tương ưng thủ – tam đề thiện 193
Nhị đề thủ cảnh thủ – tam đề thiện 194
Nhị đề thủ tương ưng thủ – tam đề thiện 194
Nhị đề bất tương ưng thủ cảnh thủ – tam đề thiện.....195
Nhị đề phiền não – tam đề thiện 195
Nhị đề cảnh phiền não – tam đề thiện.....197
Nhị đề phiền toái – tam đề thiện.....197
Nhị đề tương ưng phiền não – tam đề thiện.....198
Nhị đề phiền não cảnh phiền não – tam đề thiện 199
Nhị đề phiền não cảnh phiền toái – tam đề thiện.....199
Nhị đề phiền não tương ưng phiền não – tam đề thiện 200
Nhị đề bất tương ưng phiền não cảnh phiền não – tam đề thiện 200
Nhị đề sơ đạo tuyệt trừ – tam đề thiện.....201
Nhị đề ba đạo cao tuyệt trừ – tam đề thiện 202
Nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ – tam đề thiện.....203
Nhị đề hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ – tam đề thiện 204
Nhị đề hữu tầm – tam đề thiện.....204
Nhị đề hữu tứ – tam đề thiện 206
Nhị đề hữu hỷ – tam đề thiện.....207

Nhị đề đồng sanh hỷ – tam đề thiện 209
Nhị đề đồng sanh lạc – tam đề thiện.....209
Nhị đề đồng sanh xả – tam đề thiện.....209
Nhị đề dục giới – tam đề thiện.....210
Nhị đề sắc giới – tam đề thiện 211
Nhị đề vô sắc giới – tam đề thiện 212
Nhị đề liên quan luân hồi – tam đề thiện 213
Nhị đề nhân xuất luân hồi – tam đề thiện 213
Nhị đề nhứt định– – tam đề thiện 214
Nhị đề hữu thượng – tam đề thiện 215
Nhị đề hữu y – tam đề thiện.....215
Nhị đề hữu y – tam đề thọ 216
Nhị đề hữu y – tam đề quả.....216
Nhị đề hữu y – tam đề thủ 217
Nhị đề hữu y – tam đề cảnh phiền toái 218
Nhị đề hữu y – tam đề tầm.....218
Nhị đề hữu y – tam đề hỷ.....219
Nhị đề hữu y – tam đề sơ đạo 219
Nhị đề hữu y – tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.....220
Nhị đề hữu y – tam đề nhân sanh tử 220
Nhị đề hữu y – tam đề hữu học.....221
Nhị đề hữu y – tam đề hy thiểu.....221
Nhị đề hữu y – tam đề cảnh hy thiểu 222
Nhị đề hữu y – tam đề ty hạ.....222
Nhị đề hữu y – tam đề tà.....223
Nhị đề hữu y – tam đề có cảnh là đạo.....223
Nhị đề hữu y – tam đề sanh tồn 224
Nhị đề hữu y – tam đề quá khứ.....224
Nhị đề hữu y – tam đề cảnh quá khứ 225
Nhị đề hữu y – tam đề nội bộ 225
Nhị đề hữu y – tam đề cảnh nội bộ.....226
Nhị đề hữu y – tam đề hữu kiến.....226

VỊ TRI – TAM DỀ - NHỊ DỀ THUẬN.....228
Tam đề thiện – nhị đề nhân.....228
Tam đề thọ – nhị đề nhân 233
Tam đề quả – nhị đề nhân.....236
Tam đề thành do thủ – nhị đề nhân.....238
Tam đề phiền toái – nhị đề nhân.....241
Tam đề tầm – nhị đề nhân.....244
Tam đề hỷ – nhị đề nhân.....248
Tam đề sơ đạo (kiến) – nhị đề nhân.....252
Tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ – nhị đề nhân.....254
Tam đề nhân sanh tử – nhị đề nhân 256
Tam đề hữu học – nhị đề nhân.....259
Tam đề hy thiểu – nhị đề nhân.....262
Tam đề cảnh hy thiểu – nhị đề nhân 265
Tam đề ty hạ – nhị đề nhân.....267
Tam đề tà – nhị đề nhân.....268
Tam đề có cảnh là đạo – nhị đề nhân.....271
Tam đề sanh tồn – nhị đề nhân 275

Tam đề quá khứ – nhị đề nhân....277
Tam đề cảnh quá khứ – nhị đề nhân....278
Tam đề nội bộ – nhị đề nhân....279
Tam đề cảnh nội bộ – nhị đề nhân....281
Tam đề hữu kiến – nhị đề nhân....282
Tam đề thiện – nhị đề hữu nhân....284
Tam đề thiện – nhị đề tương ưng nhân....287
Tam đề thiện – nhị đề nhân hữu nhân....289
Tam đề thiện – nhị đề nhân tương ưng nhân....291
Tam đề thiện – nhị đề phi nhân hữu nhân....292
Tam đề thiện – nhị đề hữu duyên....293
Tam đề thiện – nhị đề hữu vi....295
Tam đề thiện – nhị đề hữu kiến....295
Tam đề thiện – nhị đề hữu đối chiếu....296
Tam đề thiện – nhị đề sắc....297
Tam đề thiện – nhị đề hiệp thế....298
Tam đề thiện – nhị đề có tâm biết đặng....300
Tam đề thiện – nhị đề lậu....301
Tam đề thiện – nhị đề cảnh lậu....302
Tam đề thiện – nhị đề tương ưng lậu....303
Tam đề thiện – nhị đề lậu cảnh lậu....304
Tam đề thiện – nhị đề lậu tương ưng lậu....305
Tam đề thiện – nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu....305
Tam đề thiện – nhị đề chùm sáu....307
Tam đề thiện – nhị đề hữu cảnh....307
Tam đề thiện – nhị đề tâm....308
Tam đề thiện – nhị đề sở hữu tâm....309
Tam đề thiện – nhị đề tương ưng tâm....310
Tam đề thiện – nhị đề nội bộ....310
Tam đề thiện – nhị đề y sinh....311
Tam đề thiện – nhị đề thành do thủ....312
Tam đề thiện – nhị đề chùm thủ....312
Tam đề thiện – nhị đề phiền não....313
Tam đề thiện – nhị đề cảnh phiền não....313
Tam đề thiện – nhị đề phiền toái....314
Tam đề thiện – nhị đề tương ưng phiền não....315
Tam đề thiện – nhị đề phiền não cảnh phiền não....316
Tam đề thiện – nhị đề phiền não và phiền toái....316
Tam đề thiện – nhị đề phiền não tương ưng phiền não....317
Tam đề thiện – nhị đề bất tương ưng phiền não cảnh phiền não....317
Tam đề thiện – nhị đề sơ đạo (kiến) tuyệt trừ....318
Tam đề thiện – nhị đề ba đạo cao tuyệt trừ....319
Tam đề thiện – nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ....319
Tam đề thiện – nhị đề hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ....320
Tam đề thiện – nhị đề hữu tầm....320
Tam đề thiện – nhị đề hữu tứ....321
Tam đề thiện – nhị đề hữu hỷ....321
Tam đề thiện – nhị đề đồng sanh hỷ....322
Tam đề thiện – nhị đề dục giới....323
Tam đề thiện – nhị đề sắc giới....324
Tam đề thiện – nhị đề vô sắc giới....325

Tam đề thiện – nhị đề liên quan luân hồi....325
Tam đề thiện – nhị đề nhân xuất luân hồi....326
Tam đề thiện – nhị đề nhứt định....327
Tam đề thiện – nhị đề hữu thượng....327
Tam đề thiện – nhị đề hữu y....328
Tam đề thọ – nhị đề hữu y....329
Tam đề quả – nhị đề hữu y....330
Tam đề thành do thủ– - nhị đề hữu y....330
Tam đề phiền toái – nhị đề hữu y....331
Tam đề tầm – nhị đề hữu y....332
Tam đề hỷ – nhị đề hữu y....332
Tam đề sơ đạo – nhị đề hữu y....333
Tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ – nhị đề hữu y....334
Tam đề nhân sanh tử – nhị đề hữu y....334
Tam đề hữu học – nhị đề hữu y....335
Tam đề hi thiểu– - nhị đề hữu y....336
Tam đề cảnh hi thiểu– - nhị đề hữu y....336
Tam đề ty hạ – nhị đề hữu y....337
Tam đề tà – nhị đề hữu y....337
Tam đề có cảnh là đạo – nhị đề hữu y....338
Tam đề sanh tồn – nhị đề hữu y....338
Tam đề quá khứ – nhị đề hữu y....339
Tam đề cảnh quá khứ – nhị đề hữu y....339
Tam đề nội bộ – nhị đề hữu y....340
Tam đề biết cảnh nội bộ – nhị đề hữu y....340
Tam đề hữu kiến – nhị đề hữu y....341

VỊ TRÍ – TAM ĐỀ – TAM ĐỀ THUẬN....342
Tam đề thiện – tam đề thọ....342
Tam đề thiện – tam đề quả....343
Tam đề thiện – tam đề thành do thủ....344
Tam đề thiện – tam đề phiền toái....345
Tam đề thiện – tam đề tầm....346
Tam đề thiện – tam đề hỷ....347
Tam đề thiện – tam đề sơ đạo....348
Tam đề thiện – tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ....348
Tam đề thiện – tam đề nhân sanh tử....349
Tam đề thiện – tam đề hữu học....349
Tam đề thiện – tam đề hy thiểu....350
Tam đề thiện – tam đề cảnh hy thiểu....351
Tam đề thiện – tam đề ty hạ....352
Tam đề thiện – tam đề tà....353
Tam đề thiện – tam đề có cảnh là đạo....354
Tam đề thiện – tam đề sanh tồn....354
Tam đề thiện – tam đề quá khứ....354
Tam đề thiện – tam đề biết cảnh quá khứ....355
Tam đề thiện – tam đề nội bộ....356
Tam đề thiện – tam đề cảnh nội bộ....357
Tam đề thiện – tam đề hữu kiến....357
Tam đề thọ – tam đề thiện....358
Tam đề quả – tam đề thiện....358

Tam đề thành do thủ – tam đề thiện 359
Tam đề phiền toái – tam đề thiện.....359
Tam đề tầm – tam đề thiện 360
Tam đề hỷ – tam đề thiện 360
Tam đề sơ đạo – tam đề thiện.....361
Tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ – tam đề thiện 361
Tam đề nhân sanh tử – tam đề thiện.....362
Tam đề hữu học – tam đề thiện 362
Tam đề hy thiểu – tam đề thiện 363
Tam đề cảnh hy thiểu – tam đề thiện.....363
Tam đề ty hạ – tam đề thiện.....364
Tam đề tà – tam đề thiện.....364
Tam đề có cảnh là đạo – tam đề thiện 365
Tam đề sanh tồn – tam đề thiện.....365
Tam đề quá khứ – tam đề thiện 365
Tam đề biết cảnh quá khứ – tam đề thiện.....366
Tam đề nội bộ – tam đề thiện 366
Tam đề biết cảnh nội bộ – tam đề thiện.....367
Tam đề hữu kiến – tam đề thiện 367

VỊ TRÍ – NHỊ ĐỀ - NHỊ ĐỀ THUẬN 369
Nhị đề nhân – nhị đề hữu nhân.....369
Nhị đề nhân – nhị đề tương ưng nhân.....370
Nhị đề nhân – nhị đề nhân hữu nhân 371
Nhị đề nhân – nhị đề nhân tương ưng nhân.....372
Nhị đề nhân – nhị đề phi nhân hữu nhân 372
Nhị đề nhân – nhị đề hữu duyên.....372
Nhị đề nhân – nhị đề hữu vi.....373
Nhị đề nhân – nhị đề hữu kiến.....373
Nhị đề nhân – nhị đề hữu đối chiếu.....373
Nhị đề nhân – nhị đề sắc.....374
Nhị đề nhân – nhị đề hiệp thế 374
Nhị đề nhân – nhị đề có tâm biết đặng 375
Nhị đề nhân – nhị đề lậu.....375
Nhị đề nhân – nhị đề cảnh lậu 376
Nhị đề nhân – nhị đề tương ưng lậu 376
Nhị đề nhân – nhị đề lậu cảnh lậu.....377
Nhị đề nhân – nhị đề lậu tương ưng lậu.....377
Nhị đề nhân – nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu 377
Nhị đề nhân – nhị đề chùm sáu.....378
Nhị đề nhân – nhị đề hữu cảnh 378
Nhị đề nhân – nhị đề tâm.....378
Nhị đề nhân – nhị đề sở hữu tâm 379
Nhị đề nhân – nhị đề tương ưng tâm 379
Nhị đề nhân – nhị đề hòa với tâm.....379
Nhị đề nhân – nhị đề có tâm làm sở sanh 380
Nhị đề nhân – nhị đề đồng sanh tồn với tâm 380
Nhị đề nhân – nhị đề tùng tâm thông lưu 380
Nhị đề nhân – nhị đề hòa nương tâm làm sở sanh.....380
Nhị đề nhân – nhị đề hòa, đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh 381
Nhị đề nhân – nhị đề hòa tùng thông lưu có tâm làm sở sanh.....381

Nhị đề nhân – nhị đề nội bộ....381
Nhị đề nhân – nhị đề y sinh....382
Nhị đề nhân – nhị đề thành do thủ....382
Nhị đề nhân – nhị đề chùm thủ....382
Nhị đề nhân – nhị đề chùm phiền não....382
Nhị đề nhân – nhị đề yêu bối....383
Nhị đề hữu nhân – nhị đề nhân....384
Nhị đề tương ưng nhân – nhị đề nhân....384
Nhị đề nhân hữu nhân – nhị đề nhân....385
Nhị đề nhân tương ưng nhân – nhị đề nhân....385
Nhị đề phi nhân hữu nhân – nhị đề nhân....385
Nhị đề đỉnh – nhị đề nhân....385
Nhị đề chùm lậu – nhị đề nhân....386
Nhị đề chùm sáu – nhị đề nhân....387
Nhị đề đại – nhị đề nhân....387
Nhị đề chùm thủ – nhị đề nhân....388
Nhị đề chùm phiền não – nhị đề nhân....388
Nhị đề yêu bối – nhị đề nhân....388

QUYỂN THỨ SÁU

VỊ TRI TAM DỀ DỐI LẬP....390
Tam đề phi thiện....390
Tam đề phi thọ....392
Tam đề phi quả....393
Đề phi thành do thủ cảnh thủ....393
Tam đề phi phiền toái cảnh phiền não....393
Tam đề phi tầm....393
Tam đề phi hỷ....394
Tam đề phi sơ đạo (sơ kiến)....394
Tam đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ....394
Tam đề phi nhân sanh tử....394
Tam đề phi hữu học....394
Tam đề phi hy thiểu....394
Tam đề phi cảnh hy thiểu....395
Tam đề phi ty hạ....395
Tam đề phi tà....395
Tam đề phi có đạo là cảnh....395
Tam đề phi sanh tồn....395
Tam đề phi quá khứ....396
Tam đề phi cảnh quá khứ....396
Tam đề phi nội bộ....396
Tam đề phi cảnh nội bộ....396
Tam đề phi hữu kiến....397

VỊ TRÍ NHỊ ĐỀ ĐỐI LẬP....399
Nhị đề phi nhân....399
Nhị đề phi hữu nhân....400
Nhị đề phi tương ưng nhân....401
Nhị đề phi nhân hữu nhân....401
Nhị đề phi nhân tương ưng nhân....402
Nhị đề phi nhân phi hữu nhân....402

Nhị đề phi hữu duyên 403
Nhị đề phi hữu vi 403
Nhị đề phi hữu kiến 403
Nhị đề phi hữu đối chiếu 404
Nhị đề phi sắc 404
Nhị đề phi hiệp thế 405
Nhị đề phi có tâm biết đặng 405
Nhị đề phi lậu 405
Nhị đề phi cảnh lậu 406
Nhị đề phi tương ưng lậu 406
Nhị đề phi lậu cảnh lậu 407
Nhị đề phi lậu tương ưng lậu 407
Nhị đề bất tương ưng lậu phi cảnh lậu 408
Nhị đề phi triền 408
Nhị đề phi cảnh triền 408
Nhị đề phi tương ưng triền 409
Nhị đề phi triền cảnh triền 409
Nhị đề phi triền tương ưng triền 410
Nhị đề phi phược 411
Nhị đề phi cảnh phược 411
Nhị đề phi tương ưng phược 411
Nhị đề phi phược cảnh phược 412
Nhị đề phi phược tương ưng phược 412
Nhị đề bất tương ưng phược phi cảnh phược 413
Nhị đề chùm phi bộc, phối, cái 413
Nhị đề chùm phi khinh thị 414
Nhị đề phi hữu cảnh 414
Nhị đề phi tâm 414
Nhị đề phi sở hữu tâm 415
Nhị đề phi tương ưng tâm 415
Nhị đề phi hòa tâm 415
Nhị đề phi nương tâm làm sở sanh 416
Nhị đề phi đồng sanh tồn với tâm 416
Nhị đề phi tùng tâm thông lưu 416
Nhị đề phi hòa nương tâm làm sở sanh 416
Nhị đề phi nương, hòa, sanh tồn với tâm 416
Nhị đề phi hòa, nương, tùng thông lưu với tâm 416
Nhị đề phi nội bộ 417
Nhị đề phi y sinh 417
Nhị đề phi thành do thủ 417
Nhị đề phi thủ 417
Nhị đề phi phiền não 418
Nhị đề phi cảnh phiền não 418
Nhị đề phi phiền toái 418
Nhị đề phi tương ưng phiền não 419
Nhị đề phi phiền não cảnh phiền não 419
Nhị đề phi phiền não và phiền toái 419
Nhị đề phi phiền não bất tương ưng phiền não 420
Nhị đề bất tương ưng phiền não và phi cảnh phiền não 420
Nhị đề phi sơ đạo tuyệt trừ 420
Nhị đề phi ba đạo cao tuyệt trừ 421

Nhị đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ 421
Nhị đề phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.....421
Nhị đề phi hữu tầm 421
Nhị đề phi hữu tứ.....422
Nhị đề phi hữu hỷ 422
Nhị đề phi đồng sanh hỷ.....422
Nhị đề phi đồng sanh lạc 423
Nhị đề phi đồng sanh xả 423
Nhị đề phi dục giới 423
Nhị đề phi sắc giới.....423
Nhị đề phi vô sắc giới.....424
Nhị đề phi liên quan luân hồi.....424
Nhị đề phi nhân xuất luân hồi.....424
Nhị đề phi nhứt định 425
Nhị đề phi hữu thượng.....425
Nhị đề phi hữu y 425

VỊ TRÍ NHỊ ĐỀ – TAM ĐỀ ĐỐI LẬP.....426
Nhị đề phi nhân – tam đề phi thiện.....426
Nhị đề phi nhân – tam đề phi thọ.....428
Nhị đề phi nhân – tam đề phi quả.....428
Nhị đề phi nhân – tam đề phi thành do thủ cảnh thủ 428
Nhị đề phi nhân – tam đề phi phiền toái cảnh phiền não.....428
Nhị đề phi nhân – tam đề phi tầm.....429
Nhị đề phi nhân – tam đề phi hỷ.....429
Nhị đề phi nhân – tam đề phi kiến (sơ đạo).....429
Nhị đề phi nhân – tam đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.....429
Nhị đề phi nhân – tam đề phi nhân sanh tử 429
Nhị đề phi nhân – tam đề phi hữu học.....430
Nhị đề phi nhân – tam đề phi hy thiểu.....430
Nhị đề phi nhân – tam đề phi cảnh hy thiểu 430
Nhị đề phi nhân – tam đề phi ty hạ.....430
Nhị đề phi nhân – tam đề phi tà.....430
Nhị đề phi nhân – tam đề phi có đạo là cảnh.....430
Nhị đề phi nhân – tam đề phi sanh tồn 431
Nhị đề phi nhân – tam đề phi quá khứ.....431
Nhị đề phi nhân – tam đề phi cảnh quá khứ 431
Nhị đề phi nhân – tam đề phi nội bộ.....431
Nhị đề phi nhân – tam đề phi cảnh nội bộ 431
Nhị đề phi nhân – tam đề phi hữu kiến.....431
Nhị đề phi hữu nhân – tam đề phi thiện.....433
Nhị đề phi nhân hữu nhân – tam đề phi thiện.....434
Nhị đề phi nhân phi hữu nhân – tam đề phi thiện.....435
Nhị đề đỉnh – tam đề phi thiện.....435
Nhị đề chùm phi lậu – tam đề phi thiện.....435
Nhị đề chùm sáu – tam đề phi thiện 436
Nhị đề đại – tam đề phi thiện.....436
Nhị đề chùm phi thủ – tam đề phi thiện.....436
Nhị đề chùm phi phiền não – tam đề phi thiện.....436
Nhị đề yêu bối – tam đề phi thiện.....437
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi thọ 438

Nhị đề phi hữu y – tam đề phi quả....439
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi thành do thủ cảnh thủ....439
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi hữu kiến....439

VỊ TRÍ – TAM ĐỀ - NHỊ ĐỀ ĐỐI LẬP....441
Tam đề phi thiện - nhị đề phi nhân....441
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu nhân....443
Tam đề phi thiện - nhị đề phi tương ưng nhân....443
Tam đề phi thiện - nhị đề phi nhân hữu nhân....444
Tam đề phi thiện - nhị đề phi nhân tương ưng nhân....444
Tam đề phi thiện - nhị đề phi nhân phi hữu nhân....444
Tam đề phi thiện - nhị đề đỉnh....444
Tam đề phi thiện - nhị đề chùm phi lậu....444
Tam đề phi thiện - nhị đề chùm sáu....445
Tam đề phi thiện - nhị đề đại....445
Tam đề phi thiện - nhị đề chùm hai....446
Tam đề phi thiện - nhị đề yêu bối....446
Tam đề phi thọ - nhị đề phi nhân....447
Tam đề phi quả - nhị đề phi nhân....447
Tam đề phi phiền toái cảnh phiền não - nhị đề phi nhân....448
Tam đề phi tầm - nhị đề phi nhân....448
Tam đề phi hỷ - nhị đề phi nhân....448
Tam đề phi sơ đạo (kiến) - nhị đề phi nhân....448
Tam đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ - nhị đề phi nhân....448
Tam đề phi nhân sanh tử - nhị đề phi nhân....449
Tam đề phi hữu học - nhị đề phi nhân....449
Tam đề phi hy thiểu - nhị đề phi nhân....449
Tam đề phi cảnh hy thiểu - nhị đề phi nhân....449
Tam đề phi ty hạ - nhị đề phi nhân....449
Tam đề phi tà - nhị đề phi nhân....449
Tam đề phi có cảnh là đạo - nhị đề phi nhân....450
Tam đề phi sanh tồn - nhị đề phi nhân....450
Tam đề phi quá khứ - nhị đề phi nhân....450
Tam đề phi cảnh quá khứ - nhị đề phi nhân....450
Tam đề phi nội bộ - nhị đề phi nhân....450
Tam đề phi cảnh nội bộ - nhị đề phi nhân....450
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nhân....451
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu nhân....451
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi tương ưng nhân....451
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nhân hữu nhân....452
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nhân tương ưng nhân....452
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nhân phi hữu nhân....452
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề đỉnh....452
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề chùm bảy....452
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề đại....453
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề chùm hai....453
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề yêu bối....454

VỊ TRÍ – TAM ĐỀ TAM ĐỀ ĐỐI LẬP....456
Tam đề phi thiện – tam đề phi thọ....456
Tam đề phi thiện – tam đề phi quả....458

Tam đề phi thiện – tam đề phi thành do thủ 459
Tam đề phi thiện – tam đề phi phiền toái cảnh phiền não 460
Tam đề phi thiện – tam đề phi tầm 460
Tam đề phi thiện – tam đề phi hỷ 460
Tam đề phi thiện – tam đề phi sơ đạo (kiến) 460
Tam đề phi thiện – tam đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ 460
Tam đề phi thiện – tam đề phi nhân sanh tử 460
Tam đề phi thiện – tam đề phi hữu học 461
Tam đề phi thiện – tam đề phi hy thiểu 461
Tam đề phi thiện – tam đề phi cảnh hy thiểu 461
Tam đề phi thiện – tam đề phi ty hạ 461
Tam đề phi thiện – tam đề phi tà 461
Tam đề phi thiện – tam đề phi có cảnh là đạo 461
Tam đề phi thiện – tam đề phi sanh tồn 462
Tam đề phi thiện – tam đề phi quá khứ 462
Tam đề phi thiện – tam đề phi cảnh quá khứ 462
Tam đề phi thiện – tam đề phi nội bộ 462
Tam đề phi thiện – tam đề phi cảnh nội bộ 462
Tam đề phi thiện – tam đề phi hữu kiến 462
Tam đề phi thọ – tam đề phi thiện 464
Tam đề phi thọ – tam đề phi quả 466
Tam đề phi quả – tam đề phi thiện 466
Tam đề phi thành do thủ cảnh thủ – tam đề phi thiện 466
Tam đề phi phiền toái cảnh phiền não – tam đề phi thiện 466
Tam đề phi tầm – tam đề phi thiện 466
Tam đề phi hỷ – tam đề phi thiện 466
Tam đề phi sơ đạo (kiến) – tam đề phi thiện 467
Tam đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ – tam đề phi thiện 467
Tam đề phi nhân sanh tử – tam đề phi thiện 467
Tam đề phi hữu học – tam đề phi thiện 467
Tam đề phi hy thiểu – tam đề phi thiện 467
Tam đề phi cảnh hy thiểu – tam đề phi thiện 467
Tam đề phi ty hạ – tam đề phi thiện 468
Tam đề phi tà – tam đề phi thiện 468
Tam đề phi có cảnh là đạo – tam đề phi thiện 468
Tam đề phi sanh tồn – tam đề phi thiện 468
Tam đề phi quá khứ – tam đề phi thiện 468
Tam đề phi cảnh quá khứ – tam đề phi thiện 468
Tam đề phi nội bộ – tam đề phi thiện 469
Tam đề phi cảnh nội bộ – tam đề phi thiện 469
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi thiện 469
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi thọ 470
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi quả 470
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi thành do thủ cảnh thủ 470
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi phiền toái cảnh phiền não 470
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi tầm 471
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi hỷ 471
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi sơ đạo (kiến) 471
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ 471
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi nhân sanh tử 471
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi hữu học 471

Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi hy thiểu 472
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi cảnh hy thiểu.....472
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi ty hạ 472
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi tà 472
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi có cảnh là đạo 472
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi sanh tồn.....473
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi quá khứ 473
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi cảnh quá khứ.....473
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi nội bộ.....473
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi cảnh nội bộ 473

VỊ TRÍ - NHỊ ĐỀ NHỊ ĐỀ ĐỐI LẬP 475
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hữu nhân 475
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi tương ưng nhân 476
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi nhân hữu nhân.....476
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi nhân tương ưng nhân 476
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi nhân phi hữu nhân 476
Nhị đề phi nhân - nhị đề đỉnh 477
Nhị đề phi nhân - nhị đề chùm phi lậu.....478
Nhị đề phi nhân - nhị đề chùm sáu 478
Nhị đề phi nhân - nhị đề đại.....478
Nhị đề phi nhân - nhị đề chùm hai.....479
Nhị đề phi nhân - nhị đề yêu bối.....479
Nhị đề phi hữu nhân - nhị đề phi nhân 480
Nhị đề phi tương ưng nhân - nhị đề phi nhân 481
Nhị đề phi nhân hữu nhân - nhị đề phi nhân.....481
Nhị đề phi nhân tương ưng nhân - nhị đề phi nhân 481
Nhị đề phi nhân phi hữu nhân - nhị đề phi nhân 481
Nhị đề đỉnh - nhị đề phi nhân 481
Nhị đề chùm lậu - nhị đề phi nhân.....482
Nhị đề chùm sáu - nhị đề phi nhân 482
Nhị đề đại - nhị đề phi nhân.....482
Nhị đề chùm hai - nhị đề phi nhân.....483
Nhị đề yêu bối - nhị đề phi nhân.....483
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi hữu nhân 484
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi tương ưng nhân.....484
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi nhân hữu nhân 484
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi nhân tương ưng nhân.....485
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi nhân phi hữu nhân 485
Nhị đề phi hữu y - nhị đề đại 485
- nhị đề phi hữu y - nhị đề chùm phi lậu.....485
Nhị đề phi hữu y - nhị đề chùm sáu.....486
Nhị đề phi hữu y - nhị đề đại 486
Nhị đề phi hữu y - nhị đề chùm hai 486
Nhị đề phi hữu y - nhị đề yêu bối 486

VỊ TRÍ THUẬN TÙNG ĐỐI LẬP.....488
Vị Trí – Tam Đề Thuận Tùng Đối Lập 488
Tam đề thiện – tam đề phi thiện 488
Tam đề thọ – tam đề phi thọ 490
Tam đề quả – tam đề phi quả.....492

Tam đề thành do thủ cảnh thủ....494
Tam đề phi thành do thủ cảnh thủ....494
Tam đề phiền toái cảnh phiền não....496
Tam đề phi phiền toái cảnh phiền não....496
Tam đề tầm – tam đề phi tầm....497
Tam đề hỷ – tam đề phi hỷ....498
Tam đề sơ đạo (kiến) – tam đề phi sơ đạo (kiến)....499
Tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ....499
Tam đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ....499
Tam đề nhân sanh tử – tam đề phi nhân sanh tử....499
Tam đề hữu học – tam đề phi hữu học....500
Tam đề hy thiểu – tam đề phi hy thiểu....501
Tam đề cảnh hy thiểu – tam đề phi cảnh hy thiểu....502
Tam đề ty hạ – tam đề phi ty hạ....502
Tam đề tà – tam đề phi tà....503
Tam đề có cảnh là đạo – tam đề phi có cảnh là đạo....503
Tam đề sanh tồn – tam đề phi sanh tồn....504
Tam đề quá khứ – tam đề phi quá khứ....504
Tam đề cảnh quá khứ – tam đề phi cảnh quá khứ....504
Tam đề nội bộ – tam đề phi nội bộ....505
Tam đề biết cảnh nội bộ – tam đề phi biết cảnh nội bộ....505
Tam đề hữu kiến – tam đề phi hữu kiến....505
Nhị đề nhân - nhị đề phi nhân....507
Nhị đề hữu nhân - nhị đề phi hữu nhân....507
Nhị đề tương ưng nhân - nhị đề phi tương ưng nhân....508
Nhị đề nhân hữu nhân - nhị đề phi nhân hữu nhân....508
Nhị đề nhân tương ưng nhân - nhị đề phi nhân tương ưng nhân....509
Nhị đề phi nhân hữu nhân - nhị đề phi nhân phi hữu nhân....509
Nhị đề hữu duyên - nhị đề phi hữu duyên....510
Nhị đề hữu kiến - nhị đề phi hữu kiến....510
Nhị đề hữu đối chiếu - nhị đề phi hữu đối chiếu....510
Nhị đề sắc - nhị đề phi sắc....511
Nhị đề hiệp thế - nhị đề phi hiệp thế....511
Nhị đề có tâm biết đặng - nhị đề phi có tâm biết đặng....511
Nhị đề lậu - nhị đề phi lậu....511
Nhị đề cảnh lậu - nhị đề phi cảnh lậu....512
Nhị đề tương ưng tâm - nhị đề phi tương ưng tâm....512
Nhị đề lậu cảnh lậu - nhị đề phi lậu cảnh lậu....513
Nhị đề lậu tương ưng lậu - nhị đề phi lậu tương ưng lậu....513
Nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu - nhị đề bất tương ưng lậu phi cảnh lậu....513
Nhị đề chùm sáu - nhị đề chùm sáu....514
Nhị đề đại - nhị đề đại....514
Nhị đề chùm hai - nhị đề chùm hai....515
Nhị đề sơ đạo tuyệt trừ - nhị đề phi sơ đạo tuyệt trừ....515
Nhị đề ba đạo cao tuyệt trừ - nhị đề phi ba đạo cao tuyệt trừ....515
Nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ - nhị đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ....516
Nhị đề hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ - nhị đề phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ....516
Nhị đề hữu tầm - nhị đề phi hữu tầm....516
Nhị đề hữu tứ - nhị đề phi hữu tứ....516
Nhị đề hữu hỷ - nhị đề phi hữu hỷ....516
Nhị đề đồng sanh hỷ - nhị đề phi đồng sanh hỷ....517

Nhị đề đồng sanh lạc - nhị đề phi đồng sanh lạc 517
Nhị đề đồng sanh xả - nhị đề phi đồng sanh xả 517
Nhị đề dục giới - nhị đề phi dục giới 517
Nhị đề sắc giới - nhị đề phi sắc giới 517
Nhị đề vô sắc giới - nhị đề phi vô sắc giới 517
Nhị đề liên quan luân hồi - nhị đề phi liên quan luân hồi 518
Nhị đề nhân xuất luân hồi - nhị đề phi nhân xuất luân hồi 518
Nhị đề nhứt định - nhị đề phi nhứt định 518
Nhị đề hữu thượng - nhị đề phi hữu thượng 518
Nhị đề hữu y - nhị đề phi hữu y 519

Vị Trí - Nhị Đề – Tam Đề Thuận Nghịch 520
Nhị đề nhân – tam đề thiện 520
Nhị đề phi nhân – tam đề phi thiện 520
Nhị đề nhân – tam đề thọ 521
Nhị đề phi nhân – tam đề phi thọ 521
Nhị đề nhân – tam đề quả 521
Nhị đề phi nhân – tam đề phi quả 521
Nhị đề nhân – tam đề phiền toái cảnh phiền não 522
Nhị đề phi nhân – tam đề phi phiền toái cảnh phiền não 522
Nhị đề nhân – tam đề tầm 522
Nhị đề phi nhân – tam đề phi tầm 522
Nhị đề nhân – tam đề hỷ 522
Nhị đề phi nhân – tam đề phi hỷ 522
Nhị đề nhân – tam đề sơ đạo (kiến) *(dassana)* 523
Nhị đề phi nhân – tam đề phi sơ đạo 523
Nhị đề nhân – tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ 523
Nhị đề phi nhân – tam đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ 523
Nhị đề nhân – tam đề nhân sanh tử *(acayagāmi)* 523
Nhị đề phi nhân – tam đề phi nhân sanh tử 523
Nhị đề nhân – tam đề hữu học *(sekkha)* 523
Nhị đề phi nhân – tam đề phi hữu học 523
Nhị đề nhân – tam đề hy thiểu *(paritta)* 524
Nhị đề phi nhân – tam đề phi hy thiểu 524
Nhị đề nhân – tam đề cảnh hy thiểu *(parittārammaṇa)* 524
Nhị đề phi nhân – tam đề phi cảnh hy thiểu 524
Nhị đề nhân – tam đề ty hạ *(hīna)* 524
Nhị đề phi nhân – tam đề phi ty hạ 524
Nhị đề nhân – tam đề tà *(micchatta)* 524
Nhị đề phi nhân – tam đề phi tà 524
Nhị đề nhân – tam đề có cảnh là đạo *(maggārammaṇa)* 525
Nhị đề: phi nhân – tam đề phi có cảnh là đạo 525
Nhị đề nhân – tam đề sanh tồn *(uppanna)* 525
Nhị đề phi nhân – tam đề phi sanh tồn 525
Nhị đề nhân – tam đề quá khứ 525
Nhị đề phi nhân – tam đề phi quá khứ 525
Nhị đề nhân – tam đề cảnh quá khứ 525
Nhị đề phi nhân – tam đề phi cảnh quá khứ 525
Nhị đề nhân – tam đề cảnh nội bộ *(ajjhattārammaṇa)* 525
Nhị đề phi nhân – tam đề phi cảnh nội bộ 525
Nhị đề nhân – tam đề hữu kiến *(sanidassana)* 526

Nhị đề phi nhân – tam đề phi hữu kiến.....526
Nhị đề hữu nhân – tam đề thiện.....526
Nhị đề phi hữu nhân – tam đề phi thiện.....526
Nhị đề tương ưng nhân – tam đề thiện.....526
Nhị đề phi tương ưng nhân – tam đề phi thiện.....526
Nhị đề nhân hữu nhân – tam đề thiện.....527
Nhị đề phi nhân hữu nhân – tam đề phi thiện.....527
Nhị đề phi nhân hữu nhân – tam đề thiện.....527
Nhị đề phi nhân hữu nhân – tam đề phi thiện.....527
Nhị đề hữu duyên – tam đề thiện.....528
Nhị đề phi hữu duyên – tam đề phi thiện.....528
Nhị đề hữu kiến – tam đề thiện.....528
Nhị đề phi hữu kiến – tam đề phi thiện.....528
Nhị đề hữu đối chiếu – tam đề thiện.....528
Nhị đề phi hữu đối chiếu – tam đề phi thiện.....528
Nhị đề sắc – tam đề thiện.....528
Nhị đề phi sắc – tam đề phi thiện.....528
Nhị đề hiệp thế – tam đề thiện.....528
Nhị đề phi hiệp thế – tam đề phi thiện.....528
Nhị đề có tâm biết đặng – tam đề thiện.....529
Nhị đề phi có tâm biết đặng – tam đề phi thiện.....529
Nhị đề lậu *(āsava)* – tam đề thiện.....529
Nhị đề phi lậu – tam đề phi thiện.....529
Nhị đề cảnh lậu*(sāsava)* – tam đề thiện.....529
Nhị đề: phi cảnh lậu – tam đề phi thiện.....529
Nhị đề tương ưng lậu – tam đề thiện.....529
Nhị đề phi tương ưng lậu – tam đề phi thiện.....529
Nhị đề lậu cảnh lậu – tam đề thiện.....530
Nhị đề phi lậu cảnh lậu – tam đề phi thiện.....530
Nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu – tam đề thiện.....530
Nhị đề bất tương ưng lậu phi cảnh lậu – tam đề phi thiện.....530
Nhị đề chùm sáu *(chagocchaka)* – tam đề thiện.....530
Nhị đề chùm sáu – tam đề phi thiện.....530
Nhị đề hữu cảnh *(sārammaṇa)* – tam đề thiện.....531
Nhị đề phi hữu cảnh – tam đề phi thiện.....531
Nhị đề tâm *(citta)* – tam đề thiện.....531
Nhị đề phi tâm – tam đề phi thiện.....531
Nhị đề sở hữu tâm *(cetasika)* – tam đề thiện.....531
Nhị đề phi sở hữu tâm – tam đề phi thiện.....531
Nhị đề tương ưng tâm – tam đề thiện.....531
Nhị đề phi tương ưng tâm – tam đề phi thiện.....531
Nhị đề hòa với tâm *(cittasaṅsaṭṭha)* – tam đề thiện.....532
Nhị đề phi hòa với tâm – tam đề phi thiện.....532
Nhị đề nương tâm làm sở sanh – tam đề thiện.....532
Nhị đề phi nương tâm làm sở sanh – tam đề phi thiện.....532
Nhị đề đồng sanh tồn với tâm – tam đề thiện.....532
Nhị đề phi đồng sanh tồn với tâm – tam đề phi thiện.....532
Nhị đề tùng tâm thông lưu – tam đề thiện.....532
Nhị đề phi tùng tâm thông lưu – tam đề phi thiện.....532
Nhị đề hòa nương tâm làm sở sanh – tam đề thiện.....532
Nhị đề phi hòa nương tâm làm sở sanh – tam đề phi thiện.....532

Nhị đề hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh – tam đề thiện 533
Nhị đề phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh – tam đề phi thiện 533
Nhị đề hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh– tam đề thiện. 533
Nhị đề phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh – tam đề phi thiện. 533
Nhị đề nội bộ *(ajjhattika)* – tam đề thiện.....533
Nhị đề phi nội bộ – tam đề phi thiện 533
Nhị đề y sinh *(upādāduka)* – tam đề thiện.....533
Nhị đề phi y sinh – tam đề phi thiện.....533
Nhị đề thành do thủ *(upādinna)* – tam đề thiện 534
Nhị đề phi thành do thủ – tam đề phi thiện.....534
Nhị đề chùm thủ *(upādānagocchaka)* – tam đề thiện.....534
Nhị đề chùm phi thủ – tam đề phi thiện.....534
Nhị đề chùm phiền não *(kilesagocchaka)* – tam đề thiện.....534
Nhị đề chùm phi phiền não – tam đề phi thiện 534
Nhị đề sơ đạo tuyệt trừ – tam đề thiện.....534
Nhị đề phi sơ đạo tuyệt trừ – tam đề phi thiện.....534
Nhị đề ba đạo cao tuyệt trừ – tam đề thiện 534
Nhị đề phi ba đạo cao tuyệt trừ – tam đề phi thiện.....534
Nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ – tam đề thiện.....535
Nhị đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ – tam đề phi thiện.....535
Nhị đề hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ – tam đề thiện 535
Nhị đề phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ – tam đề phi thiện.....535
Nhị đề hữu tầm *(savitakka)* – tam đề thiện.....535
Nhị đề phi hữu tầm – tam đề phi thiện 535
Nhị đề hữu tứ *(savicāra)* – tam đề thiện.....535
Nhị đề phi hữu tứ – tam đề phi thiện 535
Nhị đề hữu hỷ *(sappitika)* – tam đề thiện 536
Nhị đề phi hữu hỷ – tam đề phi thiện 536
Nhị đề đồng sanh hỷ *(pītisahagata)* – tam đề thiện.....536
Nhị đề phi đồng sanh hỷ – tam đề phi thiện 536
Nhị đề đồng sanh lạc *(sukhasahagata)* – tam đề thiện 536
Nhị đề phi đồng sanh lạc – tam đề phi thiện.....536
Nhị đề đồng sanh xả *(upekkhāsahagata)* – tam đề thiện 537
Nhị đề phi đồng sanh xả – tam đề phi thiện 537
Nhị đề dục giới *(kāmāvacara)* – tam đề thiện 537
Nhị đề phi dục giới – tam đề phi thiện 537
Nhị đề sắc giới *(rūpāvacara)* – tam đề thiện.....537
Nhị đề phi sắc giới – tam đề phi thiện 537
Nhị đề vô sắc giới *(arūpāvacara)* – tam đề thiện 537
Nhị đề phi vô sắc giới – tam đề phi thiện 537
Nhị đề liên quan luân hồi *(pariyāpanha)* – tam đề thiện.....538
Nhị đề phi liên quan luân hồi – tam đề phi thiện.....538
Nhị đề nhân xuất luân hồi *(niyyānika)* – tam đề thiện.....538
Nhị đề phi nhân xuất luân hồi – tam đề phi thiện.....538
Nhị đề nhứt định *(niyata)* – tam đề thiện.....538
Nhị đề phi nhứt định – tam đề phi thiện 538
Nhị đề hữu thượng *(sa uttara)* – tam đề thiện 539
Nhị đề phi hữu thượng – tam đề phi thiện 539
Nhị đề hữu y *(saraṇa)* – tam đề thiện.....539
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi thiện 539
Nhị đề hữu y *(saraṇa)* – tam đề thọ.....539

Nhị đề phi hữu y – tam đề phi thọ 539
Nhị đề hữu y *(saraṇa)* – tam đề quả *(vipāka)* 540
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi quả 540
Nhị đề hữu y *(saraṇa)* – tam đề thành do thủ cảnh thủ *(upādinnupādāniya)* 540
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi thành do thủ cảnh thủ 540
Nhị đề hữu y – tam đề hữu tầm *(savitakka)* 540
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi hữu tầm 541
Nhị đề hữu y – tam đề sơ đạo (kiến) *(dassana)* 541
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi sơ đạo 541
Nhị đề hữu y – tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ 541
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ 541
Nhị đề hữu y – tam đề nhân sanh tử *(ācayagāmi)* 541
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi nhân sanh tử 541
Nhị đề hữu y – tam đề hữu học *(sekkha)* 542
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi hữu học 542
Nhị đề hữu y – tam đề hy thiểu *(paritta)* 542
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi hy thiểu 542
Nhị đề hữu y – tam đề cảnh hy thiểu *(parittārammaṇa)* 542
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi cảnh hy thiểu 542
Nhị đề hữu y – tam đề ty hạ *(hīna)* 542
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi ty hạ 542
Nhị đề hữu y – tam đề tà *(micchatta)* 543
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi tà 543
Nhị đề hữu y – tam đề có cảnh là đạo *(maggārammaṇa)* 543
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi có cảnh là đạo 543
Nhị đề hữu y – tam đề sanh tồn *(uppanna)* 543
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi sanh tồn 543
Nhị đề hữu y – tam đề quá khứ *(atītattikam)* 543
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi quá khứ 543
Nhị đề hữu y – tam đề cảnh quá khứ *(atītārammaṇa)* 544
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi cảnh quá khứ 544
Nhị đề hữu y – tam đề cảnh nội bộ *(ajjhattārammaṇa)* 544
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi cảnh nội bộ 544
Nhị đề hữu y – tam đề hữu kiến *(sanidassana)* 544
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi hữu kiến 544

Vị Trí – Tam Đề - Nhị Đề Thuận, Nghịch 546
Tam đề thiện - nhị đề nhân *(hetuduka)* 546
Tam đề phi thiện - nhị đề phi nhân 546
Tam đề thiện - nhị đề hữu nhân *(sahetukaduka)* 547
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu nhân 547
Tam đề thiện - nhị đề tương ưng nhân *(hetusampayutta)* 548
Tam đề phi thiện - nhị đề phi tương ưng nhân 548
Tam đề thiện - nhị đề nhân hữu nhân *(hetusahetuka)* 548
Tam đề phi thiện - nhị đề phi nhân hữu nhân 548
Tam đề thiện - nhị đề nhân tương ưng nhân 549
Tam đề phi thiện - nhị đề phi nhân tương ưng nhân 549
Tam đề thiện - nhị đề phi nhân hữu nhân *(na hetusahetuka)* 549
Tam đề phi nhân - nhị đề phi nhân phi hữu nhân 549
Tam đề thiện - nhị đề hữu duyên *(sappaccayaduka)* 550
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu duyên 550

Tam đề thiện - nhị đề hữu kiến *(sanidassanaduka)*.....550
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu kiến.....550
Tam đề thiện - nhị đề hữu đối chiếu *(sappaṭigha)*.....550
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu đối chiếu.....550
Tam đề thiện - nhị đề sắc *(rūpīduka)*.....550
Tam đề phi thiện - nhị đề phi sắc *(na rūpīdukam)*.....550
Tam đề thiện - nhị đề hiệp thế *(lokiyaduka)*.....551
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hiệp thế.....551
Tam đề thiện - nhị đề có tâm biết đặng *(kenaciviññeyya)*.....551
Tam đề phi thiện - nhị đề phi có tâm biết đặng.....551
Tam đề thiện - nhị đề lậu *(āsavaduka)*.....551
Tam đề phi thiện - nhị đề phi lậu.....551
Tam đề thiện - nhị đề cảnh lậu *(sāsavaduka)*.....552
Tam đề phi thiện - nhị đề phi cảnh lậu.....552
Tam đề thiện - nhị đề tương ưng lậu *(āsavasampayutta)*.....552
Tam đề phi thiện - nhị đề phi tương ưng lậu.....552
Tam đề thiện - nhị đề lậu cảnh lậu *(āsavasāsavaduka)*.....552
Tam đề phi thiện - nhị đề phi lậu cảnh lậu.....552
Tam đề thiện - nhị đề lậu tương ưng lậu.....552
Tam đề phi thiện - nhị đề phi lậu tương ưng lậu.....552
Tam đề thiện - nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu.....553
Tam đề phi thiện - nhị đề bất tương ưng lậu phi cảnh lậu.....553
Tam đề thiện - nhị đề chùm sáu *(chagocchaka)*.....553
Tam đề phi thiện - nhị đề chùm sáu.....553
Tam đề thiện - nhị đề hữu cảnh *(sārammaṇa)*.....553
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu cảnh.....553
Tam đề thiện - nhị đề tâm *(cittaduka)*.....554
Tam đề phi thiện - nhị đề phi tâm.....554
Tam đề thiện - nhị đề sở hữu tâm *(cetasika)*.....554
Tam đề phi thiện - nhị đề phi sở hữu tâm.....554
Tam đề thiện - nhị đề tương ưng tâm *(cittasampayutta)*.....555
Tam đề phi thiện - nhị đề phi tương ưng tâm.....555
Tam đề thiện - nhị đề hòa với tâm *(cittasaṅsaṭṭha)*.....556
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hòa với tâm.....556
Tam đề thiện - nhị đề có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhāna)*.....556
Tam đề phi thiện - nhị đề phi có tâm làm sở sanh.....556
Tam đề thiện - nhị đề sanh tồn với tâm *(cittasahabhu)*.....557
Tam đề phi thiện - nhị đề phi sanh tồn với tâm.....557
Tam đề thiện - nhị đề tùng tâm thông lưu *(cittānuparivattiduka)*.....558
Tam đề phi thiện - nhị đề phi tùng tâm thông lưu.....558
Tam đề thiện - nhị đề nội bộ *(ajjhattikaduka)*.....558
Tam đề phi thiện - nhị đề phi nội bộ.....558
Tam đề thiện - nhị đề y sinh *(upādāduka)*.....558
Tam đề phi thiện - nhị đề phi y sinh.....558
Tam đề thiện - nhị đề thành do thủ *(upādinnaduka)*.....558
Tam đề phi thiện - nhị đề phi thành do thủ.....558
Tam đề thiện - nhị đề chùm hai *(dvigocchakaduka)*.....558
Tam đề phi thiện - nhị đề chùm hai.....558
Tam đề thiện - nhị đề sơ đạo tuyệt trừ *(dassanenapahātabbaduka)*.....559
Tam đề phi thiện - nhị đề phi sơ đạo tuyệt trừ.....559
Tam đề thiệ - nhị đề ba đạo cao truyệt trừ *(bhāvanāyapahātabbaduka)*.....559

Tam đề phi thiện - nhị đề phi ba đạo cao truyệt trừ.....559
Tam đề thiện - nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanenapahātabbahetukaduka).*.....559
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.....559
Tam đề thiện - nhị đề hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ 560
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ 560
Tam đề thiện - nhị đề hữu tầm *(savitakkaduka).* 560
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu tầm.....560
Tam đề thiện - nhị đề hữu tứ *(savicāraduka).* 560
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu tứ. 560
Tam đề thiện - nhị đề hữu hỷ *(sappītikaduka).*.....561
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu hỷ.....561
Tam đề thiện - nhị đề đồng sanh hỷ *(pītisahagataduka).* 561
Tam đề phi thiện - nhị đề phi đồng sanh hỷ. 561
Tam đề thiện - nhị đề đồng sanh lạc *(sukhasahagata).* 561
Tam đề phi thiện - nhị đề phi đồng sanh lạc.....561
Tam đề thiện - nhị đề đồng sanh xả *(upekkhāsahagata).* 562
Tam đề phi thiện - nhị đề phi đồng sanh xả.....562
Tam đề thiện - nhị đề dục giới *(kavāvacaraduka).*.....562
Tam đề phi thiện - nhị đề phi dục giới.....562
Tam đề thiện - nhị đề sắc giới *(rūpāvacaraduka).* 562
Tam đề phi thiện - nhị đề phi sắc giới. 562
Tam đề thiện - nhị đề vô sắc giới *(arūpāvacaraduka).* 562
Tam đề phi thiện - nhị đề phi vô sắc giới. 562
Tam đề thiện - nhị đề liên quan luân hồi *(pariyāpanna).* 562
Tam đề phi thiện - nhị đề phi liên quan luân hồi.....562
Tam đề thiện - nhị đề nhân xuất luân hồi *(niyyānikaduka).* 563
Tam đề phi thiện - nhị đề phi nhân xuất luân hồi.....563
Tam đề thiện - nhị đề nhứt định *(niyataduka).* 563
Tam đề phi thiện - nhị đề phi nhứt định. 563
Tam đề thiện - nhị đề hữu thượng *(sa uttaraduka).*.....563
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu thượng. 563
Tam đề thiện - nhị đề hữu y *(saraṇaduka).* 563
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu y.....563
Tam đề thọ - nhị đề nhân *(hetuduka).*.....564
Tam đề phi thọ - nhị đề phi nhân.....564
Tam đề quả - nhị đề nhân 564
Tam đề phi quả - nhị đề phi nhân 564
Tam đề thành do thủ cảnh thủ - nhị đề nhân *(upādinupādāniya)* 566
Tam đề phi thành do thủ cảnh thủ - nhị đề phi nhân. 566
Tam đề phiền toái cảnh phiền não - nhị đề nhân 566
Tam đề phi phiền toái cảnh phiền não - nhị đề phi nhân.....566
Tam đề tầm *(vitakka)* - nhị đề nhân.....566
Tam đề phi tầm - nhị đề phi nhân.....566
Tam đề hỷ *(pīti)* - nhị đề nhân *(hetuduka)*.....567
Tam đề phi hỷ - nhị đề phi nhân. 567
Tam đề sơ đạo *(dassanattika)* - nhị đề nhân.....567
Tam đề phi sơ đạo - nhị đề phi nhân.....567
Tam đề hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ - nhị đề nhân.....567
Tam đề phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ - nhị đề phi nhân. 567
Tam đề nhân sanh tử *(ācayagāmi)* - nhị đề nhân.....568
Tam đề phi nhân sanh tử - nhị đề phi nhân.....568

Tam đề hữu học *(sekkhattika)* - nhị đề nhân....568
Tam đề phi hữu học - nhị đề phi nhân. 568
Tam đề hy thiểu *(parittattika)* - nhị đề nhân....568
Tam đề phi hy thiểu - nhị đề phi nhân. 568
Tam đề cảnh hy thiểu *(parittārammaṇa)* - nhị đề nhân....568
Tam đề phi cảnh hy thiểu - nhị đề phi nhân. 568
Tam đề ty hạ *(hīnattika)* - nhị đề nhân 569
Tam đề phi ty hạ - nhị đề phi nhân. 569
Tam đề tà *(micchattattika)* - nhị đề nhân....569
Tam đề phi tà - nhị đề phi nhân. 569
Tam đề có cảnh là đạo *(maggārammana)* - nhị đề nhân 569
Tam đề phi có cảnh là đạo - nhị đề phi nhân. 569
Tam đề sanh tồn *(uppanna)* - nhị đề nhân 570
Tam đề phi sanh tồn - nhị đề phi nhân....570
Tam đề quá khứ - nhị đề nhân 570
Tam đề phi quá khứ - nhị đề phi nhân. 570
Tam đề cảnh quá khứ - nhị đề nhân....570
Tam đề phi cảnh quá khứ - nhị đề phi nhân. 570
Tam đề nội bộ *(ajjhattattika)* - nhị đề nhân....570
Tam đề phi nội bộ - nhị đề phi nhân. 570
Tam đề cảnh nội bộ - nhị đề nhân....571
Tam đề phi cảnh nội bộ - nhị đề phi nhân. 571
Tam đề hữu kiến *(sanidassanattika)* - nhị đề nhân *(hetuduka)* 571
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nhân. 571
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu nhân *(sahetuka)* 572
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu nhân. 572
Tam đề hữu kiến - nhị đề tương ưng nhân....572
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi tương ưng nhân. 572
Tam đề hữu kiến - nhị đề nhân hữu nhân *(hetusahetuka)* 572
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nhân hữu nhân. 572
Tam đề hữu kiến - nhị đề nhân tương ưng nhân....573
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nhân tương ưng nhân. 573
Tam đề hữu kiến - nhị đề phi nhân hữu nhân 573
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu kiến....573
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu kiến. 573
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu đối chiếu....573
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu đối chiếu....573
Tam đề hữu kiến - nhị đề sắc *(rūpīduka)*....574
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi sắc....574
Tam đề hữu kiến - nhị đề hiệp thế *(lokiya)*....574
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hiệp thế....574
Tam đề hữu kiến - nhị đề có tâm biết đặng *(kenaciviññeyaduka)* 575
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi có tâm biết đặng 575
Tam đề hữu kiến - nhị đề lậu *(āsavaduka)* 575
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi lậu. 575
Tam đề hữu kiến - nhị đề cảnh lậu *(sāsavaduka)* 576
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi cảnh lậu. 576
Tam đề hữu kiến - nhị đề tương ưng lậu 576
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi tương ưng lậu. 576
Tam đề hữu kiến *(sanidassanattika)* - nhị đề lậu cảnh lậu 577
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi lậu cảnh lậu. 577

Tam đề hữu kiến - nhị đề lậu tương ưng lậu.....577
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi lậu tương ưng lậu. 577
Tam đề hữu kiến - nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu 578
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề bất tương ưng lậu phi cảnh lậu 578
Tam đề hữu kiến - nhị đề chùm sáu *(chagocchakaduka)* 578
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề chùm sáu.....578
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu cảnh *(sārammaṇaduka)*.....579
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu cảnh. 579
Tam đề hữu kiến - nhị đề tâm *(cittaduka)* 579
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi tâm *(no cittaduka)* 579
Tam đề hữu kiến - nhị đề sở hữu tâm *(cetasika)* 579
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi sở hữu tâm. 579
Tam đề hữu kiến - nhị đề tương ưng tâm *(cittasampayuttaduka)* 580
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi tương ưng tâm. 580
Tam đề hữu kiến - nhị đề hòa với tâm *(cittasaṅsaṭṭha)*.....580
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hòa với tâm. 580
Tam đề hữu kiến - nhị đề nương tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhānaduka)* 580
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nương tâm làm sở sanh 580
Tam đề hữu kiến - nhị đề đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhuduka)* 580
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi đồng sanh tồn với tâm. 580
Tam đề hữu kiến - nhị đề tùng tâm thông lưu *(cittānuparivattiduka)* 581
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi tùng tâm thông lưu 581
Tam đề hữu kiến - nhị đề hòa nương tâm làm sở sanh *(cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhāna)* 581
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hòa nương tâm làm sở sanh.....581
Tam đề hữu kiến - nhị đề hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh 581
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh. 581
Tam đề hữu kiến - nhị đề hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh 581
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh. 581
Tam đề hữu kiến - nhị đề nội bộ *(ajjhattika)*.....582
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nội bộ *(na ajjhattika)*.....582
Tam đề hữu kiến - nhị đề y sinh *(upādāduka)*.....582
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi y sinh.....582
Tam đề hữu kiến - nhị đề thành do thủ *(upādinnaduka)* 582
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi thành do thủ.....582
Tam đề hữu kiến - nhị đề chùm thủ *(upādānagocchaka)* 583
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề chùm phi thủ.....583
Tam đề hữu kiến - nhị đề chùm phiền não *(kilesagocchakaduka)* 583
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề chùm phi phiền não 583
Tam đề hữu kiến - nhị đề sơ đạo tuyệt trừ.....583
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi sơ đạo tuyệt trừ.....583
Tam đề hữu kiến - nhị đề ba đạo cao tuyệt trừ 583
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi ba đạo cao tuyệt trừ 583
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.....584
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.....584
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ 584
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ 584
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu tầm *(savitakkaduka)* 584
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu tầm.....584
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu tứ *(savicaraduka)* 585
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu tứ 585
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu hỷ *(sappītika)* 585

Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu hỷ.....585
Tam đề hữu kiến - nhị đề đồng sanh hỷ *(pītisahagata)*.....586
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi đồng sanh hỷ 586
Tam đề hữu kiến - nhị đề đồng sanh lạc *(sukhasahagata)* 586
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi đồng sanh lạc.....586
Tam đề hữu kiến - nhị đề đồng sanh xả *(upekkhāsahagata)* 586
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi đồng sanh xả.....586
Tam đề hữu kiến - nhị đề dục giới *(kāmāvacaraduka)*.....587
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi dục giới.....587
Tam đề hữu kiến - nhị đề sắc giới *(rūpāvacaraduka)* 587
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi sắc giới 587
Tam đề hữu kiến - nhị đề vô sắc giới *(arūpāvacaraduka)* 587
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi vô sắc giới. 587
Tam đề hữu kiến - nhị đề liên quan luân hồi *(pariyāpannaduka)* 588
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi liên quan luân hồi.....588
Tam đề hữu kiến - nhị đề nhân xuất luân hồi *(niyyānikaduka)* 588
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nhân xuất luân hồi 588
Tam đề hữu kiến - nhị đề nhứt định *(niyataduka)* 588
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nhứt định. 588
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu thượng *(sa uttaraduka)*.....589
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu thượng 589
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu y *(saraṇaduka)* 589
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu y.....589

Vị Trí – Tam Đề Thuận, Nghịch 590
Tam đề thiện – tam đề thọ *(vedanāttika)* 590
Tam đề phi thiện – tam đề phi thọ. 590
Tam đề thiện – tam đề quả *(vipākattika)* 592
Tam đề phi thiện – tam đề phi quả. 592
Tam đề thiện – tam đề thành do thủ cảnh thủ.....592
Tam đề phi thiện – tam đề phi thành do thủ cảnh thủ.....592
Tam đề thiện – tam đề phiền toái cảnh phiền não 593
Tam đề phi thiện – tam đề phi phiền toái cảnh phiền não 593
Tam đề thiện – tam đề tầm *(vitakkattika)* 594
Tam đề phi thiện – tam đề phi tầm 594
Tam đề thiện – tam đề hỷ *(pītittika)* 594
Tam đề phi thiện – tam đề phi hỷ 594
Tam đề thiện – tam đề sơ đạo *(dassanattika)* 595
Tam đề phi thiện – tam đề phi sơ đạo.....595
Tam đề thiện – tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ. 595
Tam đề phi thiện – tam đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ 595
Tam đề thiện – tam đề nhân sanh tử *(ācayagāmi)* 596
Tam đề phi thiện – tam đề phi nhân sanh tử.....596
Tam đề thiện – tam đề hữu học *(sekkhattika)*.....596
Tam đề phi thiện – tam đề phi hữu học 596
Tam đề thiện – tam đề hy thiểu *(parittattika)*.....596
Tam đề phi thiện – tam đề phi hy thiểu 596
Tam đề thiện – tam đề cảnh hy thiểu *(parittārammaṇa)*.....597
Tam đề phi thiện – tam đề phi cảnh hy thiểu.....597
Tam đề thiện – tam đề ty hạ *(hīnattike)*.....597
Tam đề phi thiện – tam đề phi ty hạ 597

Tam đề thiện – tam đề tà *(micchattatika)* 597
Tam đề phi thiện – tam đề phi tà 597
Tam đề thiện – tam đề có cảnh là đạo *(maggārammaṇa)*.....598
Tam đề phi thiện – tam đề phi có cảnh là đạo 598
Tam đề thiện – tam đề sanh tồn *(uppannattika)* 598
Tam đề phi thiện – tam đề phi sanh tồn.....598
Tam đề thiện – tam đề quá khứ *(atītattike)*.....598
Tam đề phi thiện – tam đề phi quá khứ 598
Tam đề thiện – tam đề cảnh quá khứ *(atītārammaṇa)*.....599
Tam đề phi thiện – tam đề phi cảnh quá khứ.....599
Tam đề thiện – tam đề cảnh nội bộ *(ajjhattārammaṇa)* 599
Tam đề phi thiện – tam đề phi cảnh nội bộ.....599
Tam đề thiện – tam đề hữu kiến *(sanidassana)*.....599
Tam đề phi thiện – tam đề phi hữu kiến 599
Tam đề thọ *(vedanāttika)* – tam đề thiện.....600
Tam đề phi thọ – tam đề phi thiện.....600
Tam đề quả *(vipākattika)* – tam đề thiện 601
Tam đề phi quả – tam đề phi thiện 601
Tam đề thành do thủ cảnh thủ – tam đề thiện *(upādinnupādāniyattika)* 601
Tam đề phi thành do thủ cảnh thủ – tam đề phi thiện.....601
Tam đề phiền toái cảnh phiền não – tam đề thiện 602
Tam đề phi phiền toái cảnh phiền não – tam đề phi thiện 602
Tam đề tầm *(vitakkattike)* – tam đề thiện 602
Tam đề phi tầm – tam đề phi thiện 602
Tam đề hỷ *(pītittike)* – tam đề thiện.....603
Tam đề phi hỷ – tam đề phi thiện 603
Tam đề hữu kiến *(sanidassana)* – tam đề thiện.....603
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi thiện 603
Tam đề hữu kiến – tam đề thọ 603
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi thọ.....603
Tam đề hữu kiến tam đề quả *(vipākattika)* 604
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi quả 604
Tam đề hữu kiến – tam đề thành do thủ cảnh thủ.....604
(upādinnupādāniyattika).....604
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi thành do thủ cảnh thủ 604
Tam đề hữu kiến – tam đề phiền toái cảnh phiền não 605
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi phiền toái cảnh phiền não 605
Tam đề hữu kiến – tam đề tầm *(vitakkattike)* 605
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi tầm 605
Tam đề hữu kiến – tam đề cảnh nội bộ *(ajhattārammaṇa)* 605
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi cảnh nội bộ 605

Vị Trí - Nhị Đề Nhị Đề Thuận, Nghịch.....607
Nhị đề nhân - nhị đề hữu nhân *(sahetukaduka)*.....607
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hữu nhân 607
Nhị đề nhân - nhị đề tương ưng nhân *(hetusampayutta)* 608
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi tương ưng nhân 608
Nhị đề nhân - nhị đề nhân hữu nhân *(hetusahetuka)* 608
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi nhân hữu nhân.....608
Nhị đề nhân - nhị đề nhân tương ưng nhân 608
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi nhân tương ưng nhân ..... 608_Toc312865732

Nhị đề nhân - nhị đề phi nhân hữu nhân *(na hetusahetuka)*.....609
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi nhân phi hữu nhân 609
Nhị đề nhân *(hetuduka)* - nhị đề hữu duyên *(sappaccaya)*.....609
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hữu duyên 609
Nhị đề nhân - nhị đề hữu kiến *(sanidassanaduka)* 609
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hữu kiến 609
Nhị đề nhân - nhị đề hữu đối chiếu *(sappaṭighaduka).* 610
Nhị đề phi nhân nhị đề phi hữu đối chiếu.....610
Nhị đề nhân - nhị đề sắc *(rupīduka)* 610
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi sắc 610
Nhị đề nhân - nhị đề hiệp thế *(lokiyaduka)*.....610
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hiệp thế.....610
Nhị đề nhân - nhị đề có tâm biết đặng *(kenaciviññeyya)*.....610
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi có tâm biết đặng.....610
Nhị đề nhân - nhị đề lậu *(āsavaduka)* 611
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi lậu 611
Nhị đề nhân - nhị đề cảnh lậu *(sāsavaduka)*.....611
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi cảnh lậu.....611
Nhị đề nhân - nhị đề tương ưng lậu *(āsavasampayutta)*.....611
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi tương ưng lậu.....611
Nhị đề nhân - nhị đề lậu cảnh lậu *(āsavasāsava)* 612
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi lậu cảnh lậu.....612
Nhị đề nhân - nhị đề lậu tương ưng lậu *(āsava āsavasampayutta)* 612
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi lậu tương ưng lậu.....612
Nhị đề nhân - nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu.....612
Nhị đề phi nhân - nhị đề bất tương ưng lậu phi cảnh lậu.....612
Nhị đề nhân - nhị đề chùm triền *(saññojanagocchaka)*.....613
Nhị đề phi nhân - nhị đề chùm phi triền.....613
Nhị đề nhân - nhị đề chùm phược *(ganthagocchaka)* 613
Nhị đề phi nhân - nhị đề chùm phi phược 613
Nhị đề nhân - nhị đề chùm bộc *(oghagocchaka)*.....613
Nhị đề phi nhân - nhị đề chùm phi bộc *(no oghagocchaka)*.....613
Nhị đề nhân - nhị đề chùm phối *(yogagocchakaduka)*.....613
Nhị đề phi nhân - nhị đề chùm phi phối 613
Nhị đề nhân - nhị đề chùm cái *(nīvaraṇagocchaka)*.....613
Nhị đề phi nhân - nhị đề chùm phi cái *(no nivaraṇagocchaka)* 613
Nhị đề nhân - nhị đề chùm khinh thị *(parāmāsagocchaka)* 613
Nhị đề phi nhân - nhị đề chùm phi khinh thị. 613
Nhị đề nhân - nhị đề hữu cảnh *(sārammaṇaduka)* 614
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hữu cảnh *(na sārammaṇa).* 614
Nhị đề nhân - nhị đề tâm *(cittaduka)*.....614
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi tâm 614
Nhị đề nhân - nhị đề sở hữu tâm *(cetasikaduka)*.....614
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi sở hữu tâm 614
Nhị đề nhân - nhị đề tương ưng tâm *(cittasampayuttaduka)*.....615
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi tương ưng tâm.....615
Nhị đề nhân - nhị đề hòa hợp tâm *(cittasaṅsaṭṭha)*.....615
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hòa hợp tâm 615
Nhị đề nhân - nhị đề nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)*.....615
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi nương tâm sanh.....615
Nhị đề nhân - nhị đề đồng sanh tồn tâm *(cittasahabhū)*.....615

Nhị đề phi nhân - nhị đề phi đồng sanh tồn tâm.....615
Nhị đề nhân - nhị đề tùng thông lưu với tâm *(cittānuparivattiduka)*.....616
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi tùng thông lưu với tâm.....616
Nhị đề nhân - nhị đề hòa nương tâm sanh.....616
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hòa nương tâm sanh.....616
Nhị đề nhân - nhị đề hòa đồng sanh tồn nương tâm sanh.....616
Nhị đề phi nhân - Nhị đề phi hòa đồng sanh tồn nương tâm sanh.....616
Nhị đề nhân - nhị đề hòa tùng thông lưu nương tâm sanh.....617
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hòa tùng thông lưu nương tâm sanh.....617
Nhị đề nhân - nhị đề sơ đạo tuyệt trừ *(dassanenapahātabbaduka)*.....617
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi sơ đạo tuyệt trừ.....617
Nhị đề nhân - nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.....617
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.....617
Nhị đề nhân - nhị đề hữu y *(saraṇaduka)*.....618
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hữu y *(na saraṇaduka)*.....618
Nhị đề hữu nhân *(sahetukaduka)* - nhị đề nhân *(hetuduka)*.....618
Nhị đề phi hữu nhân - nhị đề phi nhân.....618
Nhị đề tương ưng nhân - nhị đề nhân.....618
Nhị đề phi tương ưng nhân - nhị đề phi nhân.....618
Nhị đề nhân hữu nhân *(hetusahetukaduka)* - nhị đề nhân.....619
Nhị đề phi nhân hữu nhân - nhị đề phi nhân.....619
Nhị đề nhân tương ưng nhân - nhị đề nhân *(hetuhetusampayutta)*.....619
Nhị đề phi nhân tương ưng nhân - nhị đề phi nhân.....619
Nhị đề hữu duyên *(sappaccayaduka)* - nhị đề nhân.....619
Nhị đề phi hữu duyên - nhị đề phi nhân.....619
Nhị đề hữu kiến *(sanidassanaduka)* - nhị đề nhân.....620
Nhị đề phi hữu kiến - nhị đề phi nhân.....620
Nhị đề hữu đối chiếu *(sappaṭigha)* - nhị đề nhân.....620
Nhị đề phi hữu đối chiếu - nhị đề phi nhân.....620
Nhị đề sắc *(rūpīduka)* - nhị đề nhân.....620
Nhị đề phi sắc - nhị đề phi nhân.....620
Nhị đề hiệp thế *(lokiyaduka)* - nhị đề nhân.....621
Nhị đề phi hiệp thế - nhị đề phi nhân.....621
Nhị đề có tâm biết đặng *(kenaciviññeyyaduka)* - nhị đề nhân.....621
Nhị đề phi có tâm biết đặng - nhị đề phi nhân.....621
Nhị đề lậu *(āsavaduka)* - nhị đề nhân *(hetuduka)*.....621
Nhị đề phi lậu - nhị đề phi nhân.....621
Nhị đề cảnh lậu *(sāsavaduka)* - nhị đề nhân.....622
Nhị đề phi cảnh lậu - nhị đề phi nhân.....622
Nhị đề tương ưng lậu - nhị đề nhân.....622
Nhị đề phi tương ưng lậu - nhị đề phi nhân.....622
Nhị đề lậu cảnh lậu *(āsavasāsavaduka)* - nhị đề nhân.....622
Nhị đề phi lậu cảnh lậu - nhị đề phi nhân.....622
Nhị đề lậu tương ưng lậu *(āsavasāsavasampayuttaduka)* - nhị đề nhân.....623
Nhị đề phi lậu tương ưng lậu - nhị đề phi nhân.....623
Nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu - nhị đề nhân.....623
Nhị đề bất tương ưng lậu phi cảnh lậu - nhị đề phi nhân.....623
Nhị đề chùm sáu *(chagocchakaduka)* - nhị đề nhân.....624
Nhị đề chùm sáu - nhị đề phi nhân.....624
Nhị đề hữu cảnh *(sārammaṇaduka)* - nhị đề nhân.....624
Nhị đề phi hữu cảnh - nhị đề phi nhân.....624

Nhị đề tâm *(cittaduka)* - nhị đề nhân 624
Nhị đề phi tâm - nhị đề phi nhân 624
Nhị đề sở hữu tâm *(cetasikaduka)* - nhị đề nhân 625
Nhị đề phi sở hữu tâm - nhị đề phi nhân.....625
Nhị đề tương ưng tâm - nhị đề nhân *(cittasampayuttaduka)* 625
Nhị đề phi tương ưng tâm - nhị đề phi nhân.....625
Nhị đề hòa hợp tâm *(cittasaṃsatthaduka)* - nhị đề nhân.....625
Nhị đề phi hòa hợp tâm - nhị đề phi nhân 625
Nhị đề nương tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhānaduka)* - nhị đề nhân 625
Nhị đề phi nương tâm làm sở sanh - nhị đề phi nhân 625
Nhị đề đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhuduka)* - nhị đề nhân.....625
Nhị đề phi đồng sanh tồn với tâm - nhị đề phi nhân.....625
Nhị đề tùng tâm thông lưu *(cittānuparivattiduka)* - nhị đề nhân.....626
Nhị đề phi tùng tâm thông lưu - nhị đề phi nhân.....626
Nhị đề hòa nương tâm làm sở sanh - nhị đề nhân 626
Nhị đề phi hòa nương tâm làm sở sanh - nhị đề phi nhân 626
Nhị đề hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh - nhị đề nhân 626
Nhị đề phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh - nhị đề phi nhân.....626
Nhị đề hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh - nhị đề nhân 626
Nhị đề phi hòatùng thông lưu nương tâm làm sở sanh - nhị đề phi nhân.....626
Nhị đề nội bộ *(ājjhattikaduka)* - nhị đề nhân.....627
Nhị đề phi nội bộ - nhị đề phi nhân 627
Nhị đề y sinh *(ūpādāduka)* - nhị đề nhân 627
Nhị đề phi y sinh - nhị đề phi nhân.....627
Nhị đề thành do thủ *(upādinnaduka)*- nhị đề nhân.....627
Nhị đề phi thành do thủ - nhị đề phi nhân 627
Nhị đề chùm hai *(dvigocchakaduka)* - nhị đề nhân 627
Nhị đề chùm hai - nhị đề phi nhân.....627
Nhị đề sơ đạo tuyệt trừ *(dassanenapahātabbaduka)* - nhị đề nhân 628
Nhị đề phi sơ đạo tuyệt trừ - nhị đề phi nhân 628
Nhị đề ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāyapahātabbaduka)* - nhị đề nhân.....628
Nhị đề phi ba đạo cao tuyệt trừ - nhị đề phi nhân.....628
Nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ - nhị đề nhân.....628
Nhị đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhị đề phi nhân.....628
Nhị đề hữu y *(saraṇaduka)* - nhị đề nhân.....629
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi nhân 629
Nhị đề hữu y *(saraṇaduka)* - nhị đề hữu nhân.....629
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi hữu nhân 629
Nhị đề hữu y - nhị đề tương ưng nhân *(hetusampayuttaduka)* 630
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi tương ưng nhân.....630
Nhị đề hữu y - nhị đề nhân hữu nhân *(hetusahetukaduka)* 630
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi nhân hữu nhân 630
Nhị đề hữu y - nhị đề nhân tương ưng nhân *(hetuhetusampayuttaduka)* 630
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi nhân tương ưng nhân.....630
Nhị đề hữu y - nhị đề phi nhân hữu nhân 630
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi nhân phi hữu nhân 630
Nhị đề hữu y *(saraṇaduka)* - nhị đề đỉnh *(cūlantaraduka)* 631
Nhị đề phi hữu y *(na saraṇaduka)* - nhị đề phi đỉnh 631
Nhị đề hữu y - nhị đề lậu *(āsavaduka)*.....631
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi lậu 631
Nhị đề hữu y - nhị đề cảnh lậu *(sāsavaduka)* 631

Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi cảnh lậu 631
Nhị đề hữu y - nhị đề hữu cảnh *(sārammaṇaduka)* 631
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi hữu cảnh. 631
Nhị đề hữu y - nhị đề sơ đạo tuyệt trừ *(dassanenapahātabbaduka)* 631
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi sơ đạotuyệt trừ 631
Nhị đề hữu y - nhị đề hữu thượng *(sa uttaraduka)* 632
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi hữu thượng 632

Vị Trí Nghịch Thuận 633
Tam đề phi thiện – tam đề thiện 633
Tam đề phi thọ – tam đề thọ *(vedanāttika)* 635
Tam đề phi quả – tam đề quả *(vipākattika)* 635
Tam đề phi thành do thủ cảnh thủ - tam đề thành do thủ cảnh thủ 636
Tam đề phi phiền toái cảnh phiền não - tam đề phiền toái cảnh phiền não 636
Tam đề phi tầm – tam đề tầm 636
Tam đề phi đồng sanh hỷ – tam đề đồng sanh hỷ 637
Tam đề phi sơ đạo – tam đề sơ đạo *(dassanatika)* 637
Tam đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ 637
Tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ 637
Tam đề phi nhân sanh tử – tam đề nhân sanh tử *(ācayagāmi)* 638
Tam đề phi hữu học – tam đề hữu học *(sekkhatika)* 638
Tam đề phi hy thiểu – tam đề hy thiểu *(parittatika)* 638
Tam đề phi cảnh hy thiểu - tam đề cảnh hy thiểu *(parittārammaṇa)* 638
Tam đề phi ty hạ – tam đề ty hạ *(hīnatika)* 638
Tam đề phi tà – tam đề tà *(micchattātika)* 638
Tam đề phi có cảnh là đạo – tam đề có cảnh là đạo 638
Tam đề phi sanh tồn – tam đề sanh tồn *(uppannatika)* 638
Tam đề phi quá khứ – tam đề quá khứ *(atītatika)* 639
Tam đề phi cảnh quá khứ – tam đề cảnh quá khứ 639
Tam đề phi nội bộ – tam đề nội bộ *(ajjhattatika)* 639
Tam đề phi cảnh nội bộ – tam đề cảnh nội bộ *(ajjhattārammaṇa)* 639
Tam đề phi hữu kiến – tam đề hữu kiến *(sanidassanatika)* 640

Vị Trí - Nhị Đề Nghịch Thuận 641
Nhị đề phi nhân - nhị đề nhân 641
Nhị đề phi hữu nhân - nhị đề hữu nhân 641
Nhị đề phi tương ưng nhân - nhị đề tương ưng nhân 641
Nhị đề phi nhân hữu nhân - nhị đề nhân hữu nhân 642
Nhị đề phi nhân tương ưng nhân - nhị đề nhân tương ưng nhân 642
Nhị đề phi nhân phi hữu nhân - nhị đề phi nhân hữu nhân 642
Nhị đề phi hữu duyên - nhị đề hữu duyên *(sappaccaya)* 642
Nhị đề phi hữu vi - nhị đề hữu vi *(saṇkhataduka)* 642
Nhị đề phi hữu kiến - nhị đề hữu kiến *(sanidassana)* 642
Nhị đề phi hữu đối chiếu - nhị đề hữu đối chiếu 643
Nhị đề phi sắc - nhị đề sắc *(rūpīduka)* 643
Nhị đề phi hiệp thế - nhị đề hiệp thế *(lokiyaduka)* 643
Nhị đề phi có tâm biết đặng - nhị đề có tâm biết đặng 643
Nhị đề phi lậu - nhị đề lậu *(asavaduka)* 644
Nhị đề phi cảnh lậu - nhị đề cảnh lậu *(sāsavaduka)* 644
Nhị đề phi tương ưng lậu - nhị đề tương ưng lậu 644
Nhị đề phi lậu cảnh lậu - nhị đề lậu cảnh lậu 644

Nhị đề phi lậu tương ưng lậu - nhị đề lậu tương ưng lậu.....644
Nhị đề bất tương ưng lậu phi cảnh lậu - nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu.....645
Nhị đề phi chùm sáu - nhị đề chùm sáu *(chagocchakaduka)* 645
Nhị đề phi hữu cảnh - nhị đề hữu cảnh *(sārammanaduka)* 645
Nhị đề phi tâm - nhị đề tâm *(cittaduka)*.....645
Nhị đề phi sở hữu tâm - nhị đề sở hữu tâm.....645
Nhị đề phi tương ưng tâm - nhị đề tương ưng tâm 646
Nhị đề phi hòa với tâm - nhị đề hòa với tâm *(cittasaṅsaṭṭha)* 646
Nhị đề phi nương tâm làm sở sanh-nhị đề nương tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhānaduka)* 646
Nhị đề phi đồng sanh tồn với tâm-nhị đề đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhūduka)*.....647
Nhị đề phi tùng thông lưu với tâm-nhị đề tùng thông lưu với tâm *(cittānuparivattiduka)* 647
Nhị đề phi hòa nương tâm làm sở sanh-nhị đề hòa nương tâm làm sở sanh 647
Nhị đề phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh-nhị đề hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh.....647
Nhị đề phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh-nhị đề hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh 648
Nhị đề phi nội bộ - nhị đề nội bộ *(ajjhattikaduka)* 648
Nhị đề phi y sinh - nhị đề y sinh *(upādāduka)* 648
Nhị đề phi thành do thủ - nhị đề thành do thủ *(upādinna)* 648
Nhị đề chùm phi thủ - nhị đề chùm thủ *(upādānagocchaka)* 648
Nhị đề phi chùm phiền não - nhị đề chùm phiền não 648
Nhị đề phi sơ đạo tuyệt trừ - nhị đề sơ đạo tuyệt trừ 648
Nhị đề phi ba đạo cao tuyệt trừ - nhị đề ba đạo cao tuyệt trừ.....649
Nhị đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ 649
Nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.....649
Nhị đề phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.....649
Nhị đề hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.....649
Nhị đề phi hữu tầm - nhị đề hữu tầm.....649
Nhị đề phi hữu tứ - nhị đề hữu tứ *(savicāraduka)* 650
Nhị đề phi hữu hỷ - nhị đề hữu hỷ.....650
Nhị đề phi đồng sanh hỷ - nhị đề đồng sanh hỷ.....650
Nhị đề phi đồng sanh lạc - nhị đề đồng sanh lạc 650
Nhị đề phi đồng sanh xả - nhị đề đồng sanh xả 650
Nhị đề phi dục giới - nhị đề dục giới *(kāmāvacaraduka)*.....651
Nhị đề phi sắc giới - nhị đề sắc giới 651
Nhị đề phi vô sắc giới - nhị đề vô sắc giới 651
Nhị đề phi liên quan luân hồi - nhị đề liên quan luân hồi *(pariyāpannaduka)*.....651
Nhị đề phi nhân xuất luân hồi - nhị đề nhân xuất luân hồi.....652
Nhị đề phi nhứt định - nhị đề nhứt định *(niyataduka)*.....652
Nhị đề phi hữu thượng - nhị đề hữu thượng *(sa uttaraduka)* 652
Nhị đề phi hữu y - nhị đề hữu y *(saranaduka)* 652

Vị Trí Nhị Đề – Tam Đề Nghịch, Thuận 654
Nhị đề phi nhân – tam đề phi thiện – Nhị đề nhân – tam đề thiện……..……651
Nhị đề phi hữu nhân – tam đề phi thiện.....654
Nhị đề hữu nhân – tam đề thiện.....654
Nhị đề phi tương ưng nhân – tam đề phi thiện 654
Nhị đề tương ưng nhân – tam đề thiện 654
Nhị đề phi nhân hữu nhân – tam đề phi thiện.....655
Nhị đề nhân hữu nhân – tam đề thiện.....655

Nhị đề phi nhân tương ưng nhân – tam đề phi thiện 655
Nhị đề nhân tương ưng nhân – tam đề thiện.....655
Nhị đề phi nhân hữu nhân – tam đề phi thiện.....655
Nhị đề nhân hữu nhân – tam đề thiện 655
Nhị đề phi hữu duyên – tam đề phi thiện.....656
Nhị đề hữu duyên – tam đề thiện.....656
Nhị đề phi hữu vi – tam đề phi thiện 656
Nhị đề hữu vi – tam đề thiện 656
Nhị đề phi hữu kiến – tam đề phi thiện 656
Nhị đề hữu kiến – tam đề thiện.....656
Nhị đề phi hữu đối chiếu– tam đề phi thiện.....657
Nhị đề hữu đối chiếu – tam đề thiện.....657
Nhị đề phi sắc-tam đề phi thiện 657
Nhị đề sắc – tam đề thiện.....657
Nhị đề phi hiệp thế – tam đề phi thiện.....657
Nhị đề hiệp thế – tam đề thiện 657
Nhị đề phi có tâm biết đặng – tam đề phi thiện 657
Nhị đề có tâm biết đặng – tam đề thiện 657
Nhị đề phi lậu – tam đề phi thiện.....658
Nhị đề lậu – tam đề thiện 658
Nhị đề phi cảnh lậu – tam đề phi thiện 658
Nhị đề cảnh lậu – tam đề thiện 658
Nhị đề phi tương ưng lậu – tam đề phi thiện 658
Nhị đề tương ưng lậu – tam đề thiện 658
Nhị đề phi lậu cảnh lậu - tam đề phi thiện.....659
Nhị đề lậu cảnh lậu – tam đề thiện 659
Nhị đề bất tương ưng lậu phi cảnh lậu – tam đề phi thiện.....659
Nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu – tam đề thiện 659
Nhị đề chùm triền – tam đề phi thiện 660
Nhị đề chùm triền – tam đề thiện.....660
Nhị đề chùm phược - tam đề phi thiện 660
Nhị đề chùm phược – tam đề thiện.....660
Nhị đề chùm bộc – tam đề phi thiện.....660
Nhị đề chùm bộc – tam đề thiện 660
Nhị đề chùm phối – tam đề phi thiện.....660
Nhị đề chùm phối – tam đề thiện.....660
Nhị đề chùm cái – tam đề phi thiện 661
Nhị đề chùm cái – tam đề thiện 661
Nhị đề chùm khinh thị – tam đề phi thiện 661
Nhị đề chùm khinh thị – tam đề thiện.....661
Nhị đề phi hữu cảnh – tam đề phi thiện.....661
Nhị đề hữu cảnh – tam đề thiện 661
Nhị đề phi tâm – tam đề phi thiện.....661
Nhị đề tâm – tam đề thiện.....661
Nhị đề phi sở hữu tâm – tam đề phi thiện.....662
Nhị đề sở hữu tâm - tam đề thiện.....662
Nhị đề phi tương ưng tâm – tam đề phi thiện 662
Nhị đề tương ưng tâm – tam đề thiện 662
Nhị đề phi hòa với tâm – tam đề phi thiện.....662
Nhị đề hòa với tâm – tam đề thiện.....662
Nhị đề phi nương tâm làm sở sanh – tam đề phi thiện 662

Nhị đề nương tâm làm sở sanh – tam đề thiện 662
Nhị đề phi đồng sanh tồn với tâm – tam đề phi thiện.....662
Nhị đề đồng sanh tồn với tâm – tam đề thiện 662
Nhị đề phi tùng thông lưu với tâm – tam đề phi thiện.....663
Nhị đề tùng thông lưu với tâm – tam đề thiện 663
Nhị đề phi hòa nương tâm làm sở sanh – tam đề phi thiện 663
Nhị đề hòa nương tâm làm sở sanh – tam đề thiện.....663
Nhị đề phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh – tam đề phi thiện 663
Nhị đề hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh – tam đề thiện 663
Nhị đề phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh – tam đề phi thiện 663
Nhị đề hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh - tam đề thiện 663
Nhị đề phi nội bộ – tam đề phi thiện 663
Nhị đề nội bộ – tam đề thiện.....663
Nhị đề phi y sinh – tam đề phi thiện.....664
Nhị đề y sinh *(upādāduka)* – tam đề thiện.....664
Nhị đề phi thành do thủ – tam đề phi thiện.....664
Nhị đề thành do thủ *(upādinna)* – tam đề thiện 664
Nhị đề chùm thủ – tam đề phi thiện.....664
Nhị đề chùm thủ – tam đề thiện.....664
Nhị đề chùm phiền não – tam đề phi thiện 664
Nhị đề chùm phiền não – tam đề thiện 664
Nhị đề phi sơ đạo tuyệt trừ – tam đề phi thiện.....664
Nhị đề sơ đạo tuyệt trừ – tam đề thiện.....664
Nhị đề phi ba đạo cao tuyệt trừ – tam đề phi thiện.....665
Nhị đề ba đạo cao tuyệt trừ – tam đề thiện 665
Nhị đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ – tam đề phi thiện.....665
Nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ – tam đề thiện.....665
Nhị đề hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ – tam đề thiện 665
Nhị đề phi hữu tầm – tam đề phi thiện 665
Nhị đề hữu tầm – tam đề thiện.....665
Nhị đề phi hữu tứ – tam đề phi thiện 666
Nhị đề hữu tứ – tam đề thiện 666
Nhị đề phi hữu hỷ – tam đề phi thiện 666
Nhị đề hữu hỷ – tam đề thiện.....666
Nhị đề phi đồng sanh hỷ – tam đề phi thiện 666
Nhị đề đồng sanh hỷ – tam đề thiện 666
Nhị đề phi đồng sanh lạc – tam đề phi thiện.....666
Nhị đề đồng sanh lạc – tam đề thiện.....666
Nhị đề phi đồng sanh xả – tam đề phi thiện 666
Nhị đề đồng sanh xả – tam đề thiện.....666
Nhị đề phi dục giới – tam đề phi thiện 667
Nhị đề dục giới – tam đề thiện.....667
Nhị đề phi sắc giới – tam đề phi thiện 667
Nhị đề sắc giới – tam đề thiện 667
Nhị đề phi vô sắc giới – tam đề phi thiện 667
Nhị đề vô sắc giới – tam đề thiện 667
Nhị đề phi liên quan luân hồi – tam đề phi thiện.....667
Nhị đề liên quan luân hồi *(pariyāpannaduka)* – tam đề thiện 667
Nhị đề phi nhân xuất luân hồi – tam đề phi thiện.....667
Nhị đề nhân xuất luân hồi – tam đề thiện 667
Nhị đề phi hữu thượng – tam đề phi thiện.....668

Nhị đề hữu thượng – tam đề thiện 668
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi thiện 668
Nhị đề hữu y – tam đề thiện.....668
Nhị đề phi nhân – tam đề phi thọ.....668
Nhị đề nhân – tam đề thọ 668
Nhị đề phi nhân – tam đề phi quả 669
Nhị đề nhân – tam đề quả 669
Nhị đề phi nhân – tam đề phi thành do thủ cảnh thủ 669
Nhị đề nhân – tam đề thành do thủ cảnh thủ 669
Nhị đề phi nhân – tam đề phi phiền toái cảnh phiền não.....670
Nhị đề nhân – tam đề phiền toái cảnh phiền não.....670
Nhị đề phi nhân – tam đề phi tầm.....670
Nhị đề nhân – tam đề tầm 670
Nhị đề phi nhân – tam đề phi hỷ.....670
Nhị đề nhân – tam đề hỷ.....670
Nhị đề phi nhân – tam đề phi sơ đạo 671
Nhị đề nhân – tam đề sơ đạo.....671
Nhị đề phi nhân – tam đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.....671
Nhị đề nhân – tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ 671
Nhị đề phi nhân – tam đề phi nhân sanh tử 672
Nhị đề nhân – tam đề nhân sanh tử.....672
Nhị đề phi nhân – tam đề phi hữu học.....672
Nhị đề nhân – tam đề hữu học *(sekkhattikam)*.....672
Nhị đề phi nhân – tam đề phi hy thiểu.....672
Nhị đề nhân – tam đề hy thiểu.....672
Nhị đề phi nhân – tam đề phi cảnh hy thiểu 673
Nhị đề nhân – tam đề cảnh hy thiểu 673
Nhị đề phi nhân – tam đề phi ty hạ.....673
Nhị đề nhân – tam đề ty hạ *(hīnattikaṃ)* 673
Nhị đề phi nhân – tam đề phi tà.....674
Nhị đề nhân – tam đề tà *(micchatta)*.....674
Nhị đề phi nhân – tam đề phi có cảnh là đạo.....674
Nhị đề nhân – tam đề có cảnh là đạo 674
Nhị đề phi nhân – tam đề phi sanh tồn 675
Nhị đề nhân – tam đề sanh tồn.....675
Nhị đề phi nhân – tam đề phi quá khứ.....675
Nhị đề nhân – tam đề quá khứ 675
Nhị đề phi nhân – tam đề phi biết cảnh quá khứ 675
Nhị đề nhân – tam đề biết cảnh quá khứ.....675
Nhị đề phi nhân – tam đề phi cảnh nội bộ 675
Nhị đề nhân – tam đề cảnh nội bộ 675
- nhị đề phi nhân – tam đề phi hữu kiến 676
- nhị đề nhân – tam đề hữu kiến.....676
Nhị đề phi hữu nhân – tam đề phi hữu kiến.....676
Nhị đề hữu nhân – tam đề hữu kiến.....676
Nhị đề phi nhân phi hữu nhân – tam đề phi hữu kiến.....676
Nhị đề nhân hữu nhân – tam đề hữu kiến 676
Nhị đề phi hữu duyên – tam đề phi hữu kiến.....677
Nhị đề hữu duyên – tam đề hữu kiến.....677
Nhị đề phi hữu kiến – tam đề phi hữu kiến 677
Nhị đề hữu kiến – tam đề hữu kiến.....677

Nhị đề phi hữu đối chiếu – tam đề phi hữu kiến.....678
Nhị đề hữu đối chiếu – tam đề hữu kiến.....678
Nhị đề phi sắc – tam đề phi hữu kiến 678
Nhị đề sắc – tam đề hữu kiến.....678
Nhị đề phi hiệp thế – tam đề phi hữu kiến.....678
Nhị đề hiệp thế – tam đề hữu kiến.....678
Nhị đề phi có tâm biết đặng – tam đề phi hữu kiến.....679
Nhị đề có tâm biết đặng – tam đề hữu kiến 679
Nhị đề phi lậu – tam đề phi hữu kiến.....679
Nhị đề lậu – tam đề hữu kiến.....679
Nhị đề phi cảnh lậu – tam đề phi hữu kiến 680
Nhị đề lậu – tam đề hữu kiến.....680
Nhị đề phi tương ưng lậu – tam đề phi hữu kiến 680
Nhị đề tương ưng lậu – tam đề hữu kiến 680
Nhị đề phi lậu cảnh lậu - tam đề phi hữu kiến.....680
Nhị đề lậu cảnh lậu – tam đề hữu kiến 680
Nhị đề phi bất tương ưng lậu phi cảnh lậu – tam đề phi hữu kiến.....681
Nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu – tam đề hữu kiến.....681
Nhị đề chùm phi triền – tam đề phi hữu kiến 681
Nhị đề chùm triền – tam đề hữu kiến 681
Nhị đề chùm phi phược – tam đề phi hữu kiến.....681
Nhị đề chùm phược – tam đề hữu kiến.....681
Nhị đề chùm phi bộc – tam đề phi hữu kiến.....681
Nhị đề chùm bộc – tam đề hữu kiến 681
Nhị đề chùm phi phối – tam đề phi hữu kiến 682
Nhị đề chùm phối – tam đề hữu kiến.....682
Nhị đề chùm phi cái – tam đề phi hữu kiến.....682
Nhị đề chùm cái – tam đề hữu kiến 682
Nhị đề chùm phi khinh thị – tam đề phi hữu kiến 682
Nhị đề chùm khinh thị – tam đề hữu kiến 682
Nhị đề phi hữu cảnh – tam đề phi hữu kiến.....682
Nhị đề hữu cảnh – tam đề hữu kiến.....682
Nhị đề phi tâm – tam đề phi hữu kiến 683
Nhị đề tâm – tam đề hữu kiến.....683
Nhị đề phi sở hữu tâm – tam đề phi hữu kiến.....683
Nhị đề sở hữu tâm – tam đề hữu kiến.....683
Nhị đề phi tương ưng tâm – tam đề phi hữu kiến.....683
Nhị đề tương ưng tâm – tam đề hữu kiến 683
Nhị đề phi hòa với tâm – tam đề phi hữu kiến 683
Nhị đề hòa với tâm – tam đề hữu kiến.....683
Nhị đề phi nương tâm làm sở sanh – tam đề phi hữu kiến 683
Nhị đề nương tâm làm sở sanh – tam đề hữu kiến *(cittasamuṭṭhāna)* 683
Nhị đề phi đồng sanh tồn với tâm – tam đề phi hữu kiến.....684
Nhị đề đồng sanh tồn với tâm – tam đề hữu kiến *(cittasahabhu)*.....684
Nhị đề phi tùng tâm thông lưu – tam đề phi hữu kiến.....684
Nhị đề tùng tâm thông lưu *(citanuparivatti)* – tam đề hữu kiến.....684
Nhị đề phi hòa nương tâm làm sở sanh – tam đề phi hữu kiến 684
Nhị đề hòa nương tâm làm sở sanh *(cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhāna)*.....684
Nhị đề phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh – tam đề phi thiện.....684
Nhị đề hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh – tam đề thiện 684
Nhị đề phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh – tam đề phi thiện.....685

Nhị đề hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh – tam đề thiện 685
Nhị đề phi nội bộ – tam đề phi hữu kiến 685
Nhị đề nội bộ – tam đề hữu kiến.....685
Nhị đề phi y sinh – tam đề phi hữu kiến.....685
Nhị đề y sinh *(upādā)* – tam đề hữu kiến 685
Nhị đề phi thành do thủ – tam đề phi hữu kiến 685
Nhị đề thành do thủ – tam đề hữu kiến.....685
Nhị đề chùm phi thủ – tam đề phi hữu kiến.....685
Nhị đề chùm thủ – tam đề hữu kiến.....685
Nhị đề chùm phi phiền não – tam đề phi hữu kiến.....686
Nhị đề chùm phiền não – tam đề hữu kiến 686
Nhị đề phi sơ đạo tuyệt trừ – tam đề phi hữu kiến 686
Nhị đề sơ đạo tuyệt trừ – tam đề hữu kiến.....686
Nhị đề phi sơ đạo tuyệt trừ – tam đề phi hữu kiến 686
Nhị đề ba đạo cao tuyệt trừ – tam đề hữu kiến.....686
Nhị đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ – tam đề phi hữu kiến 686
Nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ – tam đề hữu kiến.....686
Nhị đề phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ – tam đề phi hữu kiến.....686
Nhị đề hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ – tam đề hữu kiến 686
Nhị đề phi hữu tầm – tam đề phi hữu kiến 687
Nhị đề hữu tầm – tam đề hữu kiến.....687
Nhị đề phi hữu tứ – tam đề phi hữu kiến 687
Nhị đề hữu tứ – tam đề hữu kiến 687
Nhị đề phi hữu hỷ – tam đề phi hữu kiến 687
Nhị đề hữu hỷ – tam đề hữu kiến.....687
Nhị đề phi đồng sanh hỷ – tam đề phi hữu kiến 687
Nhị đề đồng sanh hỷ – tam đề hữu kiến 687
Nhị đề phi đồng sanh lạc – tam đề phi hữu kiến 687
Nhị đề đồng sanh lạc – tam đề hữu kiến.....687
Nhị đề phi đồng sanh xả – tam đề phi hữu kiến 688
Nhị đề đồng sanh xả – tam đề hữu kiến.....688
Nhị đề phi dục giới – tam đề phi hữu kiến 688
Nhị đề dục giới – tam đề hữu kiến.....688
Nhị đề phi sắc giới – tam đề phi hữu kiến 688
Nhị đề sắc giới – tam đề hữu kiến 688
Nhị đề phi vô sắc giới – tam đề phi hữu kiến 688
Nhị đề vô sắc giới – tam đề hữu kiến 688
Nhị đề phi liên quan luân hồi – tam đề phi hữu kiến.....688
Nhị đề liên quan luân hồi – tam đề hữu kiến.....688
Nhị đề phi nhân xuất luân hồi – tam đề phi hữu kiến.....689
Nhị đề nhân xuất luân hồi – tam đề hữu kiến 689
Nhị đề phi nhứt định – tam đề phi hữu kiến 689
Nhị đề nhứt định – tam đề hữu kiến 689
Nhị đề phi hữu thượng – tam đề phi hữu kiến.....689
- nhị đề hữu thượng – tam đề hữu kiến.....689
Nhị đề phi hữu y – tam đề phi hữu kiến 689
Nhị đề hữu y – tam đề hữu kiến.....689

Vị trí – tam đề - nhị đề nghịch thuận.....691
Tam đề phi thiện - nhị đề nhân – tam đề thiện - nhị đề nhân 691
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu nhân.....691

Tam đề thiện - nhị đề hữu nhân 691
Tam đề phi thiện - nhị đề phi tương ưng nhân 692
Tam đề thiện - nhị đề tương ưng nhân 692
Tam đề phi thiện - nhị đề phi nhân hữu nhân 692
Tam đề thiện - nhị đề nhân hữu nhân 692
Tam đề phi thiện - nhị đề phi nhân tương ưng nhân 693
Tam đề thiện - nhị đề nhân tương ưng nhân 693
Tam đề phi thiện - nhị đề phi nhân phi hữu nhân 693
Tam đề thiện - nhị đề phi nhân hữu nhân 693
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu duyên 693
Tam đề thiện - nhị đề hữu duyên 693
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu kiến 694
Tam đề thiện - nhị đề hữu kiến 694
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu đối chiếu 694
Tam đề thiện - nhị đề hữu đối chiếu 694
Tam đề phi thiện - nhị đề phi sắc 694
Tam đề thiện - nhị đề sắc 694
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hiệp thế 694
Tam đề thiện - nhị đề hiệp thế 694
Tam đề phi thiện - nhị đề phi có tâm biết đặng 695
Tam đề thiện - nhị đề có tâm biết đặng 695
Tam đề phi thiện - nhị đề phi lậu 695
Tam đề thiện - nhị đề lậu 695
Tam đề phi thiện - nhị đề phi cảnh lậu 695
Tam đề thiện - nhị đề cảnh lậu 695
Tam đề phi thiện - nhị đề phi tương ưng lậu 695
Tam đề thiện - nhị đề tương ưng lậu 695
Tam đề phi thiện - nhị đề phi lậu cảnh lậu 696
Tam đề thiện - nhị đề lậu cảnh lậu 696
Tam đề phi thiện - nhị đề phi lậu tương ưng lậu 696
Tam đề thiện - nhị đề lậu tương ưng lậu 696
Tam đề phi thiện - nhị đề bất tương ưng lậu phi cảnh lậu 696
Tam đề thiện - nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu 696
Tam đề phi thiện - nhị đề chùm bảy 696
Tam đề thiện - nhị đề chùm bảy *(sattagocchaka)* 696
Tam đề phi thiện - nhị đề phi dục giới 697
Tam đề thiện - nhị đề dục giới 697
Tam đề phi thiện - nhị đề phi sắc giới 697
Tam đề thiện - nhị đề sắc giới 697
Tam đề phi thiện - nhị đề phi vô sắc giới 697
Tam đề thiện - nhị đề vô sắc giới 697
Tam đề phi thiện - nhị đề phi liên quan luân hồi 698
Tam đề thiện - nhị đề liên quan luân hồi 698
Tam đề phi thiện - nhị đề phi nhân xuất luân hồi 698
Tam đề thiện - nhị đề nhân xuất luân hồi 698
Tam đề phi thiện - nhị đề phi nhứt định 698
Tam đề thiện - nhị đề nhứt định 698
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu thượng 699
Tam đề thiện - nhị đề hữu thượng *(sa uttara)* 699
Tam đề phi thiện - nhị đề phi hữu y 699
Tam đề thiện - nhị đề hữu y *(saraṇa)* 699

Tam đề phi thọ - nhị đề phi nhân 699
Tam đề thọ - nhị đề nhân 699
Tam đề phi quả - nhị đề phi nhân 700
Tam đề quả - nhị đề nhân 700
Tam đề phi thành do thủ cảnh thủ - nhị đề phi nhân 701
Tam đề thành do thủ cảnh thủ *(upadinnupādāniya)* - nhị đề nhân 701
Tam đề phi phiền toái cảnh phiền não - nhị đề phi nhân 701
Tam đề phiền toái cảnh phiền não - nhị đề nhân 701
Tam đề phi tầm - nhị đề phi nhân 701
Tam đề tầm - nhị đề nhân 701
Tam đề phi hỷ - nhị đề phi nhân 701
Tam đề hỷ - nhị đề nhân 701
Tam đề phi sơ đạo - nhị đề phi nhân 702
Tam đề sơ đạo - nhị đề nhân 702
Tam đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ - nhị đề phi nhân 702
Tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ - nhị đề nhân 702
Tam đề phi hữu học nhị đề phi nhân 702
Tam đề hữu học - nhị đề nhân 702
Tam đề phi hy thiểu - nhị đề phi nhân 702
Tam đề hy thiểu - nhị đề nhân 702
Tam đề phi cảnh hy thiểu - nhị đề phi nhân 702
Tam đề cảnh hy thiểu - nhị đề nhân 702
Tam đề phi ty hạ - nhị đề phi nhân 703
Tam đề ty hạ - nhị đề nhân 703
Tam đề phi tà - nhị đề phi nhân 703
Tam đề tà - nhị đề nhân 703
Tam đề phi có cảnh là đạo - nhị đề phi nhân 703
Tam đề có cảnh là đạo - nhị đề nhân 703
Tam đề phi sanh tồn - nhị đề phi nhân 703
Tam đề sanh tồn - nhị đề nhân 703
Tam đề phi quá khứ - nhị đề phi nhân 703
Tam đề quá khứ - nhị đề nhân 703
Tam đề phi cảnh vị lai - nhị đề phi nhân 704
Tam đề cảnh vị lai - nhị đề nhân 704
Tam đề phi nội bộ - nhị đề phi nhân 704
Tam đề nội bộ - nhị đề nhân 704
Tam đề phi cảnh nội bộ - nhị đề phi nhân 704
Tam đề cảnh nội bộ - nhị đề nhân 704
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nhân 704
Tam đề hữu kiến - nhị đề nhân 704
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu nhân 705
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu nhân 705
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi tương ưng nhân 705
Tam đề hữu kiến - nhị đề tương ưng nhân 705
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nhân hữu nhân 705
Tam đề hữu kiến - nhị đề nhân hữu nhân 705
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nhân tương ưng nhân 706
Tam đề hữu kiến - nhị đề nhân tương ưng nhân 706
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nhân phi hữu nhân 706
Tam đề hữu nhân - nhị đề phi nhân hữu nhân 706
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề hữu kiến 706

Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu kiến....706
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu đối chiếu....707
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu đối chiếu....707
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi sắc....707
Tam đề hữu kiến - nhị đề sắc *(rūpīduka)*....707
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hiệp thế....707
Tam đề hữu kiến - nhị đề hiệp thế....707
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi có tâm biết đặng....707
Tam đề hữu kiến - nhị đề có tâm biết đặng....707
Tam đề phi hữu kiến hữu đối chiếu - nhị đề phi lậu....708
Tam đề hữu kiến hữu đối chiếu - nhị đề lậu....708
Tam đề phi hữu kiến hữu đối chiếu - nhị đề phi cảnh lậu....708
Tam đề hữu kiến hữu đối chiếu - nhị đề cảnh lậu....708
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi tương ưng lậu....708
Tam đề hữu kiến - nhị đề tương ưng lậu....708
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi lậu cảnh lậu....709
Tam đề hữu kiến - nhị đề lậu cảnh lậu....709
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi lậu tương ưng lậu....709
Tam đề hữu kiến - nhị đề lậu tương ưng lậu....709
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề bất tương ưng lậu phi cảnh lậu....709
Tam đề hữu kiến - nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu....709
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề chùm phi triền....710
Tam đề hữu kiến - nhị đề chùm triền....710
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề chùm phi phược....710
Tam đề hữu kiến - nhị đề chùm phược....710
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề chùm phi bộc....710
Tam đề hữu kiến - nhị đề chùm bộc....710
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề chùm phi phối....710
Tam đề hữu kiến - nhị đề chùm phối....710
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề chùm phi cái....710
Tam đề hữu kiến - nhị đề chùm cái....710
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề chùm phi khinh thị....711
Tam đề hữu kiến - nhị đề chùm khinh thị....711
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu cảnh....711
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu cảnh....711
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi tâm....711
Tam đề hữu kiến - nhị đề tâm....711
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi sở hữu tâm....711
Tam đề hữu kiến - nhị đề sở hữu tâm....711
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi tương ưng tâm....712
Tam đề hữu kiến - nhị đề tương ưng tâm....712
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hòa với tâm....712
Tam đề hữu kiến - nhị đề hòa với tâm....712
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nương tâm làm sở sanh....712
Tam đề hữu kiến - nhị đề nương tâm làm sở sanh....712
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi đồng sanh tồn với tâm....713
Tam đề hữu kiến - nhị đề đồng sanh tồn với tâm....713
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi tùng tâm thông lưu....713
Tam đề hữu kiến - nhị đề tùng tâm thông lưu....713
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hòa nương tâm làm sở sanh....713
Tam đề hữu kiến - nhị đề hòa nương tam làm sở sanh....713

Tam đề phi hữu kiến – nhị đề phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh.....714
Tam đề hữu kiến – nhị đề hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh.....714
Tam đề phi hữu kiến – nhị đề phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh 714
Tam đề hữu kiến – nhị đề hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh.....714
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nội bộ.....714
Tam đề hữu kiến - nhị đề nội bộ *(ajjhattika)*.....714
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi y sinh 715
Tam đề hữu kiến - nhị đề y sinh *(upādāduka)*.....715
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi thành do thủ.....715
Tam đề hữu kiến - nhị đề thành do thủ.....715
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề chùm phi thủ.....715
Tam đề hữu kiến - nhị đề chùm thủ *(upādānagocchaka)*.....715
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề chùm phi phiền não 715
Tam đề hữu kiến - nhị đề chùm phiền não 715
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi sơ đạo tuyệt trừ.....716
Tam đề hữu kiến - nhị đề sơ đạo tuyệt trừ.....716
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi ba đạo cao tuyệt trừ.....716
Tam đề hữu kiến - nhị đề ba đạo cao tuyệt trừ 716
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.....716
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.....716
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ 717
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ 717
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu tầm.....717
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu tầm *(savitakka)*.....717
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu tứ 717
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu tứ *(savicāra)* 717
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu hỷ.....718
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu hỷ.....718
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi đồng sanh hỷ 718
Tam đề hữu kiến - nhị đề đồng sanh hỷ.....718
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi đồng sanh lạc.....718
Tam đề hữu kiến - nhị đề đồng sanh lạc.....718
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi đồng sanh xả.....719
Tam đề hữu kiến - nhị đề đồng sanh xả.....719
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi dục giới.....719
Tam đề hữu kiến - nhị đề dục giới.....719
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi sắc giới 719
Tam đề hữu kiến - nhị đề sắc giới 719
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi vô sắc giới 720
Tam đề hữu kiến - nhị đề vô sắc giới 720
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi liên quan luân hồi.....720
Tam đề hữu kiến - nhị đề liên quan luân hồi *(pariyāpannaduka)* 720
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nhân xuất luân hồi.....720
Tam đề hữu kiến - nhị đề nhân xuất luân hồi *(niyyanikaduka)* 720
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nhứt định 721
Tam đề hữu kiến - nhị đề nhứt định *(niyataduka)* 721
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu thượng 721
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu thượng *(sa uttara)* 721
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi hữu y.....721
Tam đề hữu kiến - nhị đề hữu y *(saranaduka)* 721

Vị Trí – Tam Đề Tam Đề Nghịch Thuận 723
Tam đề thiện – tam đề phi thọ – Tam đề thiện – tam đề thọ 720
Tam đề phi thiện – tam đề phi quả 724
Tam đề thiện – tam đề quả *(vipākattika)* 724
Tam đề phi thiện – tam đề phi thành do thủ cảnh thủ.....725
Tam đề thiện – tam đề thành do thủ cảnh thủ.....725
Tam đề phi thiện – tam đề phi phiền toái cảnh phiền não 725
Tam đề thiện – tam đề phiền toái cảnh phiền não 725
Tam đề phi thiện – tam đề phi tầm 725
Tam đề thiện – tam đề tầm *(vitakka)* 725
Tam đề phi thiện – tam đề phi hỷ 726
Tam đề thiện – tam đề hỷ *(pītittikaṃ)* 726
Tam đề phi thiện – tam đề phi sơ đạo.....726
Tam đề thiện – tam đề sơ đạo 726
Tam đề phi thiện – tam đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ 727
Tam đề thiện – tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ 727
Tam đề phi thiện – tam đề phi nhân sanh tử.....727
Tam đề thiện – tam đề nhân sanh tử *(ācayagāmitika)*.....727
Tam đề phi thiện – tam đề phi hữu học 727
Tam đề thiện – tam đề hữu học 727
Tam đề phi thiện – tam đề phi hy thiểu 728
Tam đề thiện – tam đề hy thiểu 728
Tam đề phi thiện – tam đề phi cảnh hy thiểu.....728
Tam đề thiện – tam đề cảnh hy thiểu.....728
Tam đề phi thiện – tam đề phi ty hạ 729
Tam đề thiện – tam đề ty hạ.....729
Tam đề phi thiện – tam đề phi tà 729
Tam đề thiện – tam đề tà *(micchatta)* 729
Tam đề phi thiện – tam đề phi có cảnh là đạo 729
Tam đề thiện – tam đề có cảnh là đạo 729
Tam đề phi thiện – tam đề phi sanh tồn.....730
Tam đề thiện – tam đề sanh tồn.....730
Tam đề phi thiện – tam đề phi cảnh quá khứ.....730
Tam đề thiện – tam đề cảnh quá khứ.....730
Tam đề phi thiện – tam đề phi cảnh nội phần.....731
Tam đề thiện – tam đề cảnh nội phần.....731
Tam đề phi thiện – tam đề phi hữu kiến 731
Tam đề thiện – tam đề hữu kiến 731
Tam đề phi thọ – tam đề phi thiện 732
Tam đề thọ – tam đề thiện 732
Tam đề phi quả – tam đề phi thiện 732
Tam đề quả – tam đề thiện.....732
Tam đề phi thành do thủ cảnh thủ – tam đề phi thiện.....733
Tam đề thành do thủ cảnh thủ – tam đề thiện.....733
Tam đề phi phiền toái cảnh phiền não – tam đề phi thiện 733
Tam đề phiền toái cảnh phiền não – tam đề thiện 733
Tam đề phi tầm – tam đề phi thiện 734
Tam đề tầm – tam đề thiện 734
Tam đề phi hỷ – tam đề phi thiện 734
Tam đề hỷ – tam đề thiện 734
Tam đề phi sơ đạo – tam đề phi thiện.....734

Tam đề sơ đạo – tam đề thiện 734
Tam đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ – tam đề phi thiện 735
Tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ – tam đề thiện 735
Tam đề phi nhân sanh tử – tam đề phi thiện 735
Tam đề nhân sanh tử – tam đề thiện 735
Tam đề phi hữu học – tam đề phi thiện 736
Tam đề hữu học – tam đề thiện 736
Tam đề phi hy thiểu – tam đề phi thiện 736
Tam đề hy thiểu – tam đề thiện 736
Tam đề phi cảnh hy thiểu – tam đề phi thiện 736
Tam đề cảnh hy thiểu – tam đề thiện 736
Tam đề phi ty hạ – tam đề phi thiện 737
Tam đề ty hạ – tam đề thiện 737
Tam đề phi tà – tam đề phi thiện 737
Tam đề tà – tam đề thiện 737
Tam đề phi có cảnh là đạo – tam đề phi thiện 737
Tam đề có cảnh là đạo – tam đề thiện 737
Tam đề phi sanh tồn – tam đề phi thiện 738
Tam đề sanh tồn – tam đề thiện 738
Tam đề phi cảnh quá khứ – tam đề phi thiện 738
Tam đề cảnh quá khứ – tam đề thiện 738
Tam đề phi nội bộ – tam đề phi thiện 738
Tam đề nội bộ – tam đề thiện 738
Tam đề phi cảnh nội bộ – tam đề phi thiện 739
Tam đề cảnh nội bộ – tam đề thiện 739
Tam đề phi kiến – tam đề phi thiện 739
Tam đề kiến – tam đề thiện 739
Tam đề phi kiến – tam đề phi thọ 739
Tam đề kiến – tam đề thọ 739
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi quả 740
Tam đề hữu kiến – tam đề quả 740
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi thành do thủ cảnh thủ 740
Tam đề hữu kiến – tam đề thành do thủ cảnh thủ 740
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi phiền toái cảnh phiền não 741
Tam đề hữu kiến – tam đề phiền toái cảnh phiền não 741
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi tầm 741
Tam đề hữu kiến – tam đề tầm 741
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi hỷ 742
Tam đề hữu kiến – tam đề hỷ 742
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi sơ đạo 742
Tam đề hữu kiến – tam đề sơ đạo 742
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ 742
Tam đề hữu kiến – tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ 742
Tam đề phi hữu kiến - nhị đề phi nhân sanh tử 743
Tam đề hữu kiến - nhị đề nhân sanh tử 743
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi hữu học 743
Tam đề hữu kiến – tam đề hữu học 743
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi hy thiểu 744
Tam đề hữu kiến – tam đề hy thiểu 744
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi cảnh hy thiểu 744
Tam đề hữu kiến – tam đề cảnh hy thiểu 744

Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi ty hạ 745
Tam đề hữu kiến – tam đề ty hạ 745
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi tà 745
Tam đề hữu kiến – tam đề tà 745
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi có cảnh là đạo 745
Tam đề hữu kiến – tam đề có cảnh là đạo 745
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi sanh tồn.....746
Tam đề hữu kiến – tam đề sanh tồn.....746
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi quá khứ 746
Tam đề hữu kiến – tam đề quá khứ 746
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi cảnh quá khứ.....746
Tam đề hữu kiến – tam đề cảnh quá khứ.....746
Tam đề phi hữu kiến – tam đề phi cảnh nội bộ 747
Tam đề hữu kiến – tam đề cảnh nội bộ.....747

Vị Trí - Nhị Đề Nhị Đề Nghịch Thuận.....748
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hữu nhân 748
Nhị đề nhân - nhị đề hữu nhân.....748
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi tương ưng nhân 748
Nhị đề nhân - nhị đề tương ưng nhân 748
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi nhân hữu nhân.....749
Nhị đề nhân - nhị đề nhân hữu nhân.....749
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi nhân tương ưng nhân 749
Nhị đề nhân - nhị đề nhân tương ưng nhân 749
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi nhân phi hữu nhân 749
Nhị đề nhân - nhị đề phi nhân hữu nhân.....749
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hữu duyên 749
Nhị đề nhân - nhị đề hữu duyên.....749
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hữu kiến 750
Nhị đề nhân - nhị đề hữu kiến 750
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hữu đối chiếu 750
Nhị đề nhân - nhị đề hữu đối chiếu.....750
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi sắc 750
Nhị đề nhân - nhị đề sắc 750
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hiệp thế.....750
Nhị đề nhân - nhị đề hiệp thế.....750
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi có tâm biết đặng.....751
Nhị đề nhân - nhị đề có tâm biết đặng.....751
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi lậu 751
Nhị đề nhân - nhị đề lậu.....751
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi cảnh lậu.....752
Nhị đề nhân - nhị đề cảnh lậu 752
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi tương ưng lậu.....752
Nhị đề nhân - nhị đề tương ưng lậu 752
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi lậu cảnh lậu.....752
Nhị đề nhân - nhị đề lậu cảnh lậu 752
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi lậu tương ưng lậu.....752
Nhị đề nhân - nhị đề lậu tương ưng lậu 752
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi bất tương ưng lậu cảnh lậu.....753
Nhị đề nhân - nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu.....753
Nhị đề phi nhân - nhị đề chùm phi triền 753

Nhị đề nhân - nhị đề chùm triền 753
Nhị đề phi nhân - nhị đề chùm phi phược 753
Nhị đề nhân - nhị đề chùm phược.....753
Nhị đề phi nhân - nhị đề chùm phi bộc.....753
Nhị đề nhân - nhị đề chùm bộc.....753
Nhị đề phi nhân - nhị đề chùm phi phối 753
Nhị đề nhân - nhị đề chùm phối.....753
Nhị đề phi nhân - nhị đề chùm phi cái.....754
Nhị đề nhân - nhị đề chùm cái 754
Nhị đề phi nhân - nhị đề chùm phi khinh thị 754
Nhị đề nhân - nhị đề chùm khinh thị 754
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hữu cảnh.....754
Nhị đề nhân - nhị đề hữu cảnh.....754
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi tâm 754
Nhị đề nhân - nhị đề tâm.....754
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi sở hữu tâm 754
Nhị đề nhân - nhị đề sở hữu tâm.....754
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi tương ưng tâm.....755
Nhị đề nhân - nhị đề tương ưng tâm 755
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hòa với tâm 755
Nhị đề nhân - nhị đề hòa với tâm.....755
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi nương tâm làm sở sanh 755
Nhị đề nhân - nhị đề nương tâm làm sở sanh 755
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi đồng sanh tồn với tâm.....756
Nhị đề nhân - nhị đề đồng sanh tồn với tâm.....756
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi tùng tâm thông lưu.....756
Nhị đề nhân - nhị đề tùng tâm thông lưu 756
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hòa nương tâm làm sở sanh 756
Nhị đề nhân - nhị đề hòa nương tâm làm sở sanh 756
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh.....756
Nhị đề nhân - nhị đề hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh 756
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh.....757
Nhị đề nhân - nhị đề hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh 757
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi nội bộ 757
Nhị đề nhân - nhị đề nội bộ 757
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi y sinh.....757
Nhị đề nhân - nhị đề y sinh *(upādā)* 757
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi thành do thủ 758
Nhị đề nhân - nhị đề thành do thủ *(upādinna)*.....758
Nhị đề phi nhân - nhị đề chùm phi thủ 758
Nhị đề nhân - nhị đề chùm thủ *(upādāna)*.....758
Nhị đề phi nhân - nhị đề chùm phi phiền não.....758
Nhị đề nhân - nhị đề chùm phiền não.....758
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi sơ đạo tuyệt trừ 758
Nhị đề nhân - nhị đề sơ đạo tuyệt trừ 758
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi ba đạo cao tuyệt trừ.....758
Nhị đề nhân - nhị đề ba đạo cao tuyệt trừ.....758
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ 759
Nhị đề nhân - nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.....759
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.....759
Nhị đề nhân - nhị đề hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.....759

Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hữu tầm 759
Nhị đề nhân - nhị đề hữu tầm 759
Nhị đề phi nhân - nhị đề phi hữu y 759
Nhị đề nhân - nhị đề hữu y 759
Nhị đề phi hữu nhân - nhị đề phi nhân 760
Nhị đề hữu nhân - nhị đề nhân.....760
Nhị đề phi tương ưng nhân - nhị đề phi nhân 760
Nhị đề tương ưng nhân - nhị đề nhân 760
Nhị đề phi nhân hữu nhân - nhị đề phi nhân.....760
Nhị đề nhân hữu nhân - nhị đề nhân.....760
Nhị đề phi nhân tương ưng nhân - nhị đề phi nhân 761
Nhị đề nhân tương ưng nhân - nhị đề nhân 761
Nhị đề phi hữu duyên - nhị đề phi nhân 761
Nhị đề hữu duyên - nhị đề nhân.....761
Nhị đề phi hữu kiến - nhị đề phi nhân 761
Nhị đề hữu kiến - nhị đề nhân.....761
Nhị đề phi hữu đối chiếu - nhị đề phi nhân 762
Nhị đề hữu đối chiếu - nhị đề nhân.....762
Nhị đề phi sắc - nhị đề phi nhân 762
Nhị đề sắc - nhị đề nhân 762
Nhị đề phi hiệp thế - nhị đề phi nhân.....762
Nhị đề hiệp thế - nhị đề nhân.....762
Nhị đề phi có tâm biết đặng - nhị đề phi nhân.....762
Nhị đề có tâm biết đặng - nhị đề nhân 762
Nhị đề phi lậu - nhị đề phi nhân 763
Nhị đề lậu - nhị đề nhân.....763
Nhị đề phi hữu cảnh - nhị đề phi nhân.....763
Nhị đề hữu cảnh - nhị đề nhân.....763
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi nhân 763
Nhị đề hữu y - nhị đề nhân 763
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi hữu nhân 764
Nhị đề hữu y - nhị đề hữu nhân 764
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi tương ưng nhân.....764
Nhị đề hữu y - nhị đề tương ưng nhân 764
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi nhân hữu nhân 764
Nhị đề hữu y - nhị đề nhân hữu nhân 764
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi nhân phi hữu nhân 765
Nhị đề hữu y - nhị đề phi nhân hữu nhân 765
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi hữu duyên 765
Nhị đề hữu y - nhị đề hữu duyên 765
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi hữu vi.....765
Nhị đề hữu y - nhị đề hữu vi 765
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi hữu kiến 765
Nhị đề hữu y - nhị đề hữu kiến 765
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi hữu đối chiếu 766
Nhị đề hữu y - nhị đề hữu đối chiếu 766
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi sắc 766
Nhị đề hữu y - nhị đề sắc *(rūpīduka)* 766
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi hiệp thế 766
Nhị đề hữu y - nhị đề hiệp thế 766
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi có tâm biết đặng 766

Nhị đề hữu y - nhị đề có tâm biết đặng....766
Nhị đề phi hữu y - nhị đề chùm phi lậu....767
Nhị đề hữu y - nhị đề chùm lậu....767
Nhị đề phi hữu y - nhị đề chùm phi triền....767
Nhị đề hữu y - nhị đề chùm triền....767
Nhị đề phi hữu y - nhị đề chùm phi phược....767
Nhị đề hữu y - nhị đề chùm phược....767
Nhị đề phi hữu y - nhị đề chùm phi bộc....767
Nhị đề hữu y - nhị đề chùm bộc....767
Nhị đề phi hữu y - nhị đề chùm phi phối....767
Nhị đề hữu y - nhị đề chùm phối....767
Nhị đề phi hữu y - nhị đề chùm phi cái....767
Nhị đề hữu y - nhị đề chùm cái....767
Nhị đề phi hữu y - nhị đề chùm phi khinh thị....768
Nhị đề hữu y - nhị đề chùm khinh thị....768
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi hữu cảnh....768
Nhị đề hữu y - nhị đề hữu cảnh....768
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi tâm....768
Nhị đề hữu y - nhị đề tâm....768
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi sở hữu tâm....768
Nhị đề hữu y - nhị đề sở hữu tâm....768
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi tương ưng tâm....768
Nhị đề hữu y - nhị đề tương ưng tâm....768
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi hòa với tâm....769
Nhị đề hữu y - nhị đề hòa với tâm....769
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi sơ đạo tuyệt trừ....769
Nhị đề hữu y - nhị đề sơ đạo tuyệt trừ....769
Nhị đề phi hữu y - nhị đề phi hữu thượng....769
Nhị đề hữu y - nhị đề hữu thượng....769

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA
CUNG KỈNH ĐẾN ĐỨC THẾ TÔN, ỨNG CÚNG, CHÁNH BIẾN TRI

QUYỂN THỨ NĂM

VỊ TRÍ NHỊ ĐỀ - TAM ĐỀ THUẬN TÙNG

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ THIỆN

(Hetuduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1.

- Pháp thiện thành nhân liên quan pháp thiện thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện phi nhân liên quan pháp thiện thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp thiện thành nhân và thiện phi nhân liên quan pháp thiện thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện phi nhân liên quan pháp thiện phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện thành nhân liên quan pháp thiện phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp thiện thành nhân và pháp thiện phi nhân liên quan pháp thiện phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện thành nhân liên quan những pháp thiện thành nhân và pháp thiện phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện phi nhân liên quan những pháp thiện thành nhân và pháp thiện phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp thiện thành nhân và pháp thiện phi nhân liên quan những pháp thiện thành nhân và pháp thiện phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

2.

Pháp thiện thành nhân liên quan pháp thiện thành nhân sanh ra do Cảnh duyên.

3.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

4.

- Pháp thiện thành nhân liên quan pháp thiện thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.
- Pháp thiện phi nhân liên quan pháp thiện thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.
- Chư pháp thiện thành nhân và thiện phi nhân liên quan pháp thiện thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.
- Pháp thiện phi nhân liên quan pháp thiện phi nhân sanh ra do phi Trưởng duyên có 3 câu.
- Pháp thiện thành nhân liên quan những pháp thiện thành nhân và pháp thiện phi nhân sanh ra do phi Trưởng duyên có 3 câu.

5.

Pháp thiện thành nhân liên quan pháp thiện thành nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên có 9 câu,... do phi Hậu sanh duyên có 9 câu,... do phi Cố hưởng duyên có 9 câu.

6.

* Pháp thiện phi nhân liên quan pháp thiện thành nhân sanh ra do phi Nghiệp duyên.
* Pháp thiện phi nhân liên quan pháp thiện phi nhân sanh ra do phi Nghiệp duyên.
* Pháp thiện phi nhân liên quan những pháp thiện thành nhân và thiện phi nhân sanh ra do phi Nghiệp duyên.

7.

Pháp thiện thành nhân liên quan pháp thiện thành nhân sanh ra do phi Quả duyên có 9 câu,... do phi Bất tương ưng duyên có 9 câu.

8.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

9.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

10.

Phi Trưởng duyên có Nhân 9,... Cảnh 9.

Dù phần đồng sanh *(sahajātavāra)*, ỷ trượng *(paccayavāra)*, y chỉ *(nissayavāra)*, hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)*, tương ưng *(sampayuttavāra)* đều sắp như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

11.

* Pháp thiện thành nhân làm duyên cho pháp thiện thành nhân bằng Nhân duyên.
* Pháp thiện thành nhân làm duyên cho pháp thiện phi nhân bằng Nhân duyên.
* Pháp thiện thành nhân làm duyên cho những pháp thiện thành nhân và thiện phi nhân bằng Nhân duyên.

12.

* Pháp thiện thành nhân làm duyên cho pháp thiện thành nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.
* Pháp thiện phi nhân làm duyên cho pháp thiện phi nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.
* Chư pháp thiện thành nhân và thiện phi nhân làm duyên cho pháp thiện thành nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.

13.

* Pháp thiện thành nhân làm duyên cho pháp thiện thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh có 3 câu.
* Pháp thiện phi nhân làm duyên cho pháp thiện phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh có 3 câu.
* Chư pháp thiện thành nhân và thiện phi nhân làm duyên cho pháp thiện thành nhân bằng Trưởng duyên có: Trưởng cảnh có 3 câu.

14.

Pháp thiện thành nhân làm duyên cho pháp thiện thành nhân bằng Vô gián duyên, bằng Liên tiếp duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Hỗ tương duyên, bằng Y chỉ duyên.

15.

* Pháp thiện thành nhân làm duyên cho pháp thiện thành nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y, Thuần cận y có 3 câu.

* Pháp thiện phi nhân làm duyên cho pháp thiện phi nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y, Thuần cận y có 3 câu.
* Chư pháp thiện thành nhân và thiện phi nhân làm duyên cho pháp thiện thành nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y, Thuần cận y có 3 câu.

16.

… Bằng Cố hưởng duyên có 9 câu.

17.

* Pháp thiện phi nhân làm duyên cho pháp thiện phi nhân bằng Nghiệp duyên.
* Pháp thiện phi nhân làm duyên cho pháp thiện thành nhân bằng Nghiệp duyên.
* Pháp thiện phi nhân làm duyên cho những pháp thiện thành nhân và thiện phi nhân bằng Nghiệp duyên.

18.

Pháp thiện phi nhân làm duyên cho pháp thiện phi nhân bằng Thực duyên có 3 câu.

19.

Pháp thiện thành nhân làm duyên cho pháp thiện thành nhân bằng Quyền duyên có 9 câu.

20.

Pháp thiện phi nhân làm duyên cho pháp thiện phi nhân bằng Thiền duyên có 3 câu.

21.

Pháp thiện thành nhân làm duyên cho pháp thiện thành nhân bằng Đạo duyên có 9 câu.

22.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

23.

* Pháp thiện thành nhân làm duyên cho pháp thiện thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên có 3 câu.
* Pháp thiện phi nhân làm duyên cho pháp thiện phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên,... bằng Cận y duyên.
* Pháp thiện phi nhân làm duyên cho pháp thiện thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên,... bằng Cận y duyên.
* Pháp thiện phi nhân làm duyên cho pháp thiện thành nhân và thiện phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Chư pháp thiện thành nhân và thiện phi nhân làm duyên cho pháp thiện thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên có 3 câu.

24.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Bất ly 9.

25.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

26.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9,... Bất ly 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện như thế nào thì nên đếm thuận tùng *(anuloma)*, đối lập *(paccanīya)* hay thuận tùng đối lập *(paccanīya)* hay đối lập thuận tùng đều như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

27.

- Pháp bất thiện thành nhân liên quan pháp bất thiện thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện phi nhân liên quan pháp bất thiện thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp bất thiện thành nhân và bất thiện phi nhân liên quan pháp thiện thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện phi nhân liên quan pháp bất thiện phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện thành nhân liên quan pháp bất thiện phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp bất thiện thành nhân và bất thiện phi nhân liên quan pháp bất thiện thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện thành nhân liên quan những pháp bất thiện thành nhân và bất thiện phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện phi nhân liên quan những pháp bất thiện thành nhân và bất thiện phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp bất thiện thành nhân và bất thiện phi nhân liên quan những pháp bất thiện thành nhân và bất thiện phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

28.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Nghiệp 9, Thực 9, Bất ly 9.

29.

Pháp bất thiện thành nhân liên quan pháp bất thiện phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

30.

Pháp bất thiện thành nhân liên quan pháp bất thiện thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên có 9 câu.

31.

- Pháp bất thiện phi nhân liên quan pháp bất thiện thành nhân sanh ra do phi Nghiệp duyên.
- Pháp bất thiện phi nhân liên quan pháp bất thiện phi nhân sanh ra do phi Nghiệp duyên.
- Pháp bất thiện phi nhân liên quan những pháp bất thiện thành nhân và bất thiện phi nhân sanh ra do phi Nghiệp duyên.

32.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

33.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

34.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Phần đồng sanh *(sahajātavāra)*, ỷ trượng *(paccayavāra)*, y chỉ *(nissayavāra)*, hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)*, tương ưng *(sampayuttavāra)* đều nên sắp như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

35.

- Pháp bất thiện thành nhân làm duyên cho pháp bất thiện thành nhân bằng Nhân duyên.
- Pháp bất thiện thành nhân làm duyên cho pháp bất thiện phi nhân bằng Nhân duyên.

∗ Pháp bất thiện thành nhân làm duyên cho những pháp bất thiện thành nhân và bất thiện phi nhân bằng Nhân duyên.

36.

∗ Pháp bất thiện thành nhân làm duyên cho pháp bất thiện thành nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.

∗ Pháp bất thiện phi nhân làm duyên cho pháp bất thiện phi nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.

∗ Chư pháp bất thiện thành nhân và bất thiện phi nhân làm duyên cho pháp bất thiện thành nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.

37.

∗ Pháp bất thiện thành nhân làm duyên cho pháp bất thiện thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh có 3 câu.

∗ Pháp bất thiện phi nhân làm duyên cho pháp bất thiện phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh có 3 câu.

∗ Chư pháp bất thiện thành nhân và bất thiện phi nhân làm duyên cho pháp bất thiện thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh có 3 câu.

38.

∗ Pháp bất thiện phi nhân làm duyên cho pháp bất thiện phi nhân bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp bất thiện phi nhân làm duyên cho pháp bất thiện thành nhân bằng Nghiệp duyên.

∗ Pháp bất thiện phi nhân làm duyên cho những pháp bất thiện thành nhân và bất thiện phi nhân bằng Nghiệp duyên có 3 câu

39.

Pháp bất thiện phi nhân làm duyên cho pháp bất thiện phi nhân bằng Thực duyên có 3 câu

40.

Pháp bất thiện phi nhân làm duyên cho pháp bất thiện phi nhân bằng Quyền duyên có 3 câu.

41.

Pháp bất thiện phi nhân làm duyên cho pháp bất thiện phi nhân bằng Thiền duyên có 3 câu.

42.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

43.

Pháp bất thiện thành nhân làm duyên cho pháp bất thiện thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên…

44.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9, phi Vô gián 9, phi Liên tiếp 9, phi Đồng sanh 9, phi Hỗ tương 9, phi Bất ly 9.

45.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

46.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì đếm thuận tùng, đối lập, thuận tùng đối lập, đối lập thuận tùng cũng như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

47.

* Pháp vô ký thành nhân liên quan pháp vô ký thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký phi nhân liên quan pháp vô ký thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp vô ký thành nhân và vô ký phi nhân liên quan pháp vô ký thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký phi nhân liên quan pháp vô ký phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp vô ký thành nhân liên quan những pháp vô ký thành nhân và vô ký phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

48.

Pháp vô ký thành nhân liên quan pháp vô ký thành nhân sanh ra do Cảnh duyên.

49.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Hậu sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

50.

Pháp vô ký phi nhân liên quan pháp vô ký phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

51.

* Pháp vô ký phi nhân liên quan pháp vô ký thành nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp vô ký phi nhân liên quan pháp vô ký phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp vô ký phi nhân liên quan những pháp vô ký thành nhân và vô ký phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

52.

Pháp vô ký thành nhân liên quan pháp vô ký thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên có 9 câu.

53.

* Pháp vô ký phi nhân liên quan pháp vô ký thành nhân sanh ra do phi Nghiệp duyên.
* Pháp vô ký phi nhân liên quan pháp vô ký phi nhân sanh ra do phi Nghiệp duyên.
* Pháp vô ký phi nhân liên quan những pháp vô ký thành nhân và vô ký phi nhân sanh ra do phi Nghiệp duyên.

54.

Pháp vô ký phi nhân liên quan pháp vô ký phi nhân sanh ra do phi Thực duyên, do phi Quyền duyên, do phi Thiền duyên.

55.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

56.

Nhân duyên có phi Cảnh 3,... phi Trưởng 9.

57.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

58.

* Pháp vô ký thành nhân làm duyên cho pháp vô ký thành nhân bằng Nhân duyên.
* Pháp vô ký thành nhân làm duyên cho pháp vô ký phi nhân bằng Nhân duyên.
* Pháp vô ký thành nhân làm duyên cho những pháp vô ký thành nhân và vô ký phi nhân bằng Nhân duyên.

59.

Pháp vô ký thành nhân làm duyên cho pháp vô ký thành nhân bằng Cảnh duyên có 9 câu.

60.

* Pháp vô ký thành nhân làm duyên cho pháp vô ký thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh có 3 câu.
* Pháp vô ký phi nhân làm duyên cho pháp vô ký phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh có 3 câu.
* Chư pháp vô ký thành nhân và vô ký phi nhân làm duyên cho pháp vô ký thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng Cảnh 3 câu.

61.

Pháp vô ký phi nhân làm duyên cho pháp vô ký phi nhân bằng Tiền sanh duyên có 3 câu.

62.

* Pháp vô ký thành nhân làm duyên cho pháp vô ký phi nhân bằng Hậu sanh duyên.
* Pháp vô ký phi nhân làm duyên cho pháp vô ký phi nhân bằng Hậu sanh duyên.
* Chư pháp vô ký thành nhân và vô ký phi nhân làm duyên cho pháp vô ký phi nhân bằng Hậu sanh duyên.

63.

Pháp vô ký phi nhân làm duyên cho pháp vô ký phi nhân bằng Nghiệp duyên có 3 câu.

64.

Pháp vô ký thành nhân làm duyên cho pháp vô ký thành nhân bằng Quả duyên có 9 câu.

65.

Pháp vô ký phi nhân làm duyên cho pháp vô ký phi nhân bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên, bằng Thiền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên.

66.

* Pháp vô ký thành nhân làm duyên cho pháp vô ký phi nhân bằng Bất tương ưng duyên.
* Pháp vô ký phi nhân làm duyên cho pháp vô ký phi nhân bằng Bất tương ưng duyên có 3 câu.
* Chư pháp vô ký thành nhân và pháp vô ký phi nhân làm duyên cho pháp vô ký phi nhân bằng Bất tương ưng duyên.

67.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

68.

* Pháp vô ký thành nhân làm duyên cho pháp vô ký thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp vô ký thành nhân làm duyên cho pháp vô ký phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

* Pháp vô ký thành nhân làm duyên cho những pháp vô ký thành nhân và vô ký phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
* Pháp vô ký phi nhân làm duyên cho pháp vô ký phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

69.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9.

70.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

71.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện *(kusalattikaṃ)* như thế nào thì thuận tùng *(anuloma)*, đối lập *(paccanīya)*, hay nghịch thuận *(paccanīya anuloma)*, thuận nghịch *(anulomapaccanīya)* đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ THỌ

(Hetuduka vedanātika)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

72.

* Pháp tương ưng lạc thọ thành nhân liên quan pháp tương ưng lạc thọ thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng lạc thọ phi nhân liên quan pháp tương ưng lạc thọ thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp tương ưng lạc thọ thành nhân và tương ưng lạc thọ phi nhân liên quan pháp tương ưng lạc thọ thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng lạc thọ phi nhân liên quan pháp tương ưng lạc thọ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng lạc thọ thành nhân liên quan pháp tương ưng lạc thọ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp tương ưng lạc thọ thành nhân và tương ưng lạc thọ phi nhân liên quan pháp tương ưng lạc thọ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng lạc thọ thành nhân liên quan những pháp tương ưng lạc thọ thành nhân và tương ưng lạc thọ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng lạc thọ phi nhân liên quan những pháp tương ưng lạc thọ thành nhân và tương ưng lạc thọ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp tương ưng lạc thọ thành nhân và tương ưng lạc thọ phi nhân liên quan những pháp tương ưng lạc thọ thành nhân và tương ưng lạc thọ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

73.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9,... Bất ly 9.

74.

Pháp tương ưng lạc thọ phi nhân liên quan pháp tương ưng lạc thọ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

75.

- Pháp tương ưng lạc thọ thành nhân liên quan pháp tương ưng lạc thọ thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.
- Pháp tương ưng lạc thọ phi nhân liên quan pháp tương ưng lạc thọ thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên…

76.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

77.

Nhân duyên có phi Trưởng 9,...

78.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh *(sahajātavāra)*, ỷ trượng *(paccayavāra)*, y chỉ *(nissayavāra)*, hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)*, tương ưng *(sampayutta)* đều nên sắp rộng ra như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

79.

Pháp tương ưng lạc thọ thành nhân làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ thành nhân bằng Nhân duyên có 3 câu.

80.

- Pháp tương ưng lạc thọ thành nhân làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ thành nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.
- Pháp tương ưng lạc thọ phi nhân làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ phi nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.
- Chư pháp tương ưng lạc thọ thành nhân và tương ưng lạc thọ phi nhân làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ thành nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.

81.

- Pháp tương ưng lạc thọ thành nhân làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh có 3 câu.
- Pháp tương ưng lạc thọ phi nhân làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh có 3 câu.
- Chư pháp tương ưng lạc thọ thành nhân và tương ưng lạc thọ phi nhân làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh có 3 câu.

82.

Pháp tương ưng lạc thọ thành nhân làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ thành nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y.

83.

- Pháp tương ưng lạc thọ phi nhân làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ phi nhân bằng Nghiệp duyên.
- Pháp tương ưng lạc thọ phi nhân làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ thành nhân bằng Nghiệp duyên.
- Pháp tương ưng lạc thọ phi nhân làm duyên cho những pháp tương ưng lạc thọ thành nhân và tương ưng lạc thọ phi nhân bằng Nghiệp duyên,... bằng Quả duyên.

84.

Pháp tương ưng lạc thọ phi nhân làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ phi nhân bằng Thực duyên có 3 câu.

85.

Pháp tương ưng lạc thọ thành nhân làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ thành nhân bằng Bất ly duyên.

86.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

87.

Pháp tương ưng lạc thọ thành nhân làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên…

88.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9,... phi Bất ly 9.

89.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

90.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

91.

* Pháp tương ưng khổ thọ thành nhân liên quan pháp tương ưng khổ thọ thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng khổ thọ phi nhân liên quan pháp tương ưng khổ thọ thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp tương ưng khổ thọ thành nhân và tương ưng khổ thọ phi nhân liên quan pháp tương ưng khổ thọ thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng khổ thọ phi nhân liên quan pháp tương ưng khổ thọ phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp tương ưng khổ thọ thành nhân liên quan những pháp tương ưng khổ thọ thành nhân và tương ưng khổ thọ phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

92.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

93.

Pháp tương ưng khổ thọ phi nhân liên quan pháp tương ưng khổ thọ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

94.

Pháp tương ưng khổ thọ thành nhân liên quan pháp tương ưng khổ thọ thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

95.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thiền 1, phi Đạo 1.

96.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

97.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

98.

* Pháp tương ưng khổ thọ thành nhân làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ thành nhân bằng Nhân duyên.
* Pháp tương ưng khổ thọ thành nhân làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ phi nhân bằng Nhân duyên.
* Pháp tương ưng khổ thọ thành nhân làm duyên cho những pháp tương ưng khổ thọ thành nhân và tương ưng khổ thọ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

99.

* Pháp tương ưng khổ thọ thành nhân làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ thành nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.
* Pháp tương ưng khổ thọ phi nhân làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ phi nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.
* Chư pháp tương ưng khổ thọ thành nhân và tương ưng khổ thọ phi nhân làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ thành nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.

100.

Pháp tương ưng khổ thọ phi nhân làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ phi nhân bằng Nghiệp duyên có 3 câu.

101.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 3, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

102.

Pháp tương ưng khổ thọ thành nhân làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

103.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9.

104.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

105.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

106.

* Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

* Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi nhân liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân liên quan những pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân và tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

107.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

108.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi nhân liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên có 2 câu.

109.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

110.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

111.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

112.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

113.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân bằng Nhân duyên có 3 câu.

114.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân bằng Cảnh duyên có 9 câu.

115.

* Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: 3 câu.
* Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi nhân làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: 3 câu
* Chư pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân và tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi nhân làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân bằng Trưởng duyên, chỉ có Trưởng cảnh: 3 câu.

116.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y; có 9 câu,... bằng Cố hưởng duyên: Có 9 câu.

117.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi nhân làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi nhân bằng Nghiệp duyên: Có 3 câu.

118.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân bằng Quả duyên: Có 9 câu,... bằng Bất ly duyên: Có 9 câu.

119.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

120.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

121.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

122.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

123.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề thọ

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ QUẢ

(Hetuduka vipākattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

124.

- Pháp quả thành nhân liên quan pháp quả thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp quả phi nhân liên quan pháp quả thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp quả thành nhân và pháp quả phi nhân liên quan pháp quả thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp quả phi nhân liên quan pháp quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp quả thành nhân liên quan những pháp quả thành nhân và pháp quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

125.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

126.

Pháp quả phi nhân liên quan pháp quả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

127.

Pháp quả thành nhân liên quan pháp quả thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

128.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

129.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

130.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

131.

Pháp quả thành nhân làm duyên cho pháp quả thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

132.

* Pháp quả thành nhân làm duyên cho pháp quả thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp quả phi nhân làm duyên cho pháp quả phi nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Chư pháp quả thành nhân và pháp quả phi nhân làm duyên cho pháp quả thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu, chỉ có Cảnh duyên mà thôi.

133.

Pháp quả thành nhân làm duyên cho pháp quả thành nhân bằng Trưởng duyên: Có 3 câu, chỉ có Trưởng đồng sanh mà không có Trưởng cảnh.

134.

* Pháp quả thành nhân làm duyên cho pháp quả thành nhân bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y.
* Pháp quả thành nhân làm duyên cho pháp quả phi nhân bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y.
* Pháp quả thành nhân làm duyên cho những pháp quả thành nhân và pháp quả phi nhân bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y.
* Pháp quả phi nhân làm duyên cho pháp quả phi nhân bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y…

2 câu ngoài ra đây chỉ là Vô gián cận y và Thuần cận y mà thôi.

135.

Pháp quả phi nhân làm duyên cho pháp quả phi nhân bằng Nghiệp duyên: Có 3 câu, chỉ có Nghiệp đồng sanh.

136.

Pháp quả thành nhân làm duyên cho pháp quả thành nhân bằng Quả duyên: Có 9 câu.

137.

Pháp quả phi nhân làm duyên cho pháp quả phi nhân bằng Thực duyên.

138.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 6, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

139.

Pháp quả thành nhân làm duyên cho pháp quả thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

140.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

141.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

142.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

143.

- Pháp dị thục nhân thành nhân liên quan pháp dị thục nhân thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp dị thục nhân phi nhân liên quan pháp dị thục nhân thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp dị thục nhân thành nhân và dị thục nhân phi nhân liên quan pháp dị thục nhân thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp dị thục nhân phi nhân liên quan chư pháp dị thục nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp dị thục nhân thành nhân liên quan những pháp dị thục nhân thành nhân và dị thục nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

144.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9,... Nghiệp 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

145.

Pháp dị thục nhân thành nhân liên quan pháp dị thục nhân phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

146.

Pháp dị thục nhân thành nhân liên quan pháp dị thục nhân thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên: 9 câu

147.

Pháp dị thục nhân thành nhân liên quan pháp dị thục nhân thành nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên: 9 câu, do phi Hậu sanh duyên: 9 câu, do phi Cố hưởng duyên: 9 câu.

148.

- Pháp dị thục nhân phi nhân liên quan pháp dị thục nhân thành nhân sanh ra do phi Nghiệp duyên.
- Pháp dị thục nhân phi nhân liên quan pháp dị thục nhân phi nhân sanh ra do phi Nghiệp duyên.
- Pháp dị thục nhân phi nhân liên quan những pháp dị thục nhân thành nhân và dị thục nhân phi nhân sanh ra do phi Nghiệp duyên.

149.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

150.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

151.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng *(paccayavāra)*, y chỉ, hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)*, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

152.

Pháp dị thục nhân thành nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

153.

Pháp dị thục nhân thành nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

154.

Pháp dị thục nhân thành nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 9 câu.

155.

Pháp dị thục nhân thành nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân thành nhân bằng Vô gián duyên... bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y 9 câu... bằng Cố hưởng duyên: Có 9 câu.

156.

Pháp dị thục nhân phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân phi nhân bằng Nghiệp duyên: Có 3 câu.

157.

Pháp dị thục nhân phi nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân phi nhân bằng Thực duyên.

158.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 6, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

159.

Pháp dị thục nhân thành nhân làm duyên cho pháp dị thục nhân thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

160.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

161.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

162.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm cũng như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

163.

* Pháp phi quả phi nhân thành nhân liên quan pháp phi quả phi nhân thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi quả phi nhân phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi quả phi nhân thành nhân liên quan những pháp phi quả phi nhân thành nhân và phi quả phi nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

164.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Quả 1, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

165.

Pháp phi quả phi nhân phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

166.

* Pháp phi quả phi nhân phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân thành nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp phi quả phi nhân phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp phi quả phi nhân phi nhân liên quan những pháp phi quả phi nhân thành nhân và phi quả phi nhân phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

167.

Pháp phi quả phi nhân thành nhân liên quan pháp phi quả phi nhân thành nhân sanh ra do Nhân duyên sanh ra do phi Trưởng duyên: Có 9 câu.

168.

Pháp phi quả phi nhân phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân thành nhân sanh ra do phi Nghiệp duyên: Có 3 câu.

169.

Pháp phi quả phi nhân phi nhân liên quan pháp phi quả phi nhân phi nhân sanh ra do phi Thực duyên.

170.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

171.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

172.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng (nhờ cậy), y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

173.

Pháp phi quả phi nhân thành nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

174.

* Pháp phi quả phi nhân thành nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp phi quả phi nhân phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

175.

Pháp phi quả phi nhân phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân phi nhân bằng Tiền sanh duyên có cảnh Tiền sanh và Vật Tiền sanh: Có 3 câu.

176.

* Pháp phi quả phi nhân thành nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân phi nhân bằng Hậu sanh duyên.

∗ Pháp phi quả phi nhân phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân phi nhân bằng Hậu sanh duyên.

∗ Chư pháp phi quả phi nhân thành nhân và phi quả phi nhân phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân phi nhân bằng Hậu sanh duyên.

177.

… Bằng Cố hưởng duyên ; có 9 câu.

178.

Pháp phi quả phi nhân phi nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân phi nhân bằng Nghiệp duyên ; có 3 câu.

179.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 6, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

180.

Pháp phi quả phi nhân thành nhân làm duyên cho pháp phi quả phi nhân thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

181.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9.

182.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

183.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, hay thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề quả

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ

(Hetuduka upādinnattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

184.

∗ Pháp thành do thủ cảnh thủ thành nhân liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp thành do thủ cảnh thủ phi nhân liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp thành do thủ cảnh thủ thành nhân liên quan những pháp thành do thủ cảnh thủ thành nhân và thành do thủ cảnh thủ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

185.

Nhân 9, Cảnh 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9,... Nghiệp 9, Quả 9,... Bất ly 9.

186.

Pháp thành do thủ cảnh thủ phi nhân liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

187.

∗ Pháp thành do thủ cảnh thủ phi nhân liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ thành nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

∗ Pháp thành do thủ cảnh thủ phi nhân liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

∗ Pháp thành do thủ cảnh thủ phi nhân liên quan những pháp thành do thủ cảnh thủ thành nhân và thành do thủ cảnh thủ phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

188.

Pháp thành do thủ cảnh thủ thành nhân liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên: Có 9 câu.

189.

Pháp thành do thủ cảnh thủ phi nhân liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ phi nhân sanh ra do phi Quả duyên,... do phi Thực duyên.

190.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Quả 1, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

191.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

192.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng (nhờ cậy), y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

193.

Pháp thành do thủ cảnh thủ thành nhân làm duyên cho pháp thành do thủ cảnh thủ thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

194.

∗ Pháp thành do thủ cảnh thủ thành nhân làm duyên cho pháp thành do thủ cảnh thủ thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp thành do thủ cảnh thủ phi nhân làm duyên cho pháp thành do thủ cảnh thủ phi nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

∗ Chư pháp thành do thủ cảnh thủ thành nhân và thành do thủ cảnh thủ phi nhân làm duyên cho pháp thành do thủ cảnh thủ thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

195.

Nhân 3, Cảnh 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 3, Quả 9,... Thực 1, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

196.

∗ Pháp thành do thủ cảnh thủ thành nhân làm duyên cho pháp thành do thủ cảnh thủ thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp thành do thủ cảnh thủ phi nhân làm duyên cho pháp thành do thủ cảnh thủ phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

197.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9.

198.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

199.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng *(anuloma)*, đối lập *(paccanīya)*, thuận nghịch *(anuloma paccanīya)*, nghịch thuận *(paccanīya anuloma)* đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

200.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thành nhân liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thành nhân liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ thành nhân và phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

201.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Quả 1, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

202.

Pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Có 2 câu.

203.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ thành nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân liên quan những pháp phi thành do thủ cảnh thủ thành nhân và phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

204.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

205.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

206.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng (nhờ cậy), y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

207.

Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thành nhân làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

208.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thành nhân làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

209.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thành nhân làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: 3 câu.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 9 câu.

210.

Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thành nhân làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ thành nhân bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y và Thuần cận y: Có 9 câu.

211.

Pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân bằng Tiền sanh duyên có cảnh Tiền sanh: 3 câu.

212.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

213.

Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thành nhân làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

214.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

215.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

216.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

217.

∗ Pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ thành nhân liên quan pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ phi nhân liên quan pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ thành nhân liên quan những pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ thành nhân và phi thành do thủ phi cảnh thủ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

218.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

219.

Pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ thành nhân liên quan pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

220.

Phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

221.

Nhân duyên có phi Trưởng 6.

222.

Phi Trưởng duyên có Nhân 6.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng (nhờ cậy), y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

223.

Pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ thành nhân làm duyên cho pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

224.

Pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ phi nhân làm duyên cho pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ phi nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

225.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 6, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

226.

Pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ thành nhân làm duyên cho pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ thành nhân bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

227.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

228.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

229.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề thành do thủ

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI

(Hetuduka saṇkiliṭṭhattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

230.

* Pháp phiền toái cảnh phiền não thành nhân liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phiền toái cảnh phiền não phi nhân liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phiền toái cảnh phiền não thành nhân liên quan những pháp phiền toái cảnh phiền não thành nhân và phiền toái cảnh phiền não phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

231.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9,... Nghiệp 9, Thực 9,... Bất ly 9.

232.

Pháp phiền toái cảnh phiền não phi nhân liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

233.

Pháp phiền toái cảnh phiền não thành nhân liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

234.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

235.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

236.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng (nhờ cậy), y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Paññāvāra)*

237.

Pháp phiền toái cảnh phiền não thành nhân làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

238.

Pháp phiền toái cảnh phiền não thành nhân làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

239.

Pháp phiền toái cảnh phiền não thành nhân làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên chỉ có Trưởng cảnh: Có 9 câu.

240.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

241.

Pháp phiền toái cảnh phiền não thành nhân làm duyên cho pháp phiền toái cảnh phiền não thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

242.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

243.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

244.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

245.

* Pháp phi phiền toái cảnh phiền não thành nhân liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi phiền toái cảnh phiền não phi nhân liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi phiền toái cảnh phiền não thành nhân liên quan những pháp phi phiền toái cảnh phiền não thành nhân và phi phiền toái cảnh phiền não phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

246.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9,... Bất ly 9.

247.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não phi nhân liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

248.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

249.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

250.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng (nhờ cậy), y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

251.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não thành nhân làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

252.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não thành nhân làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

253.

* Pháp phi phiền toái cảnh phiền não thành nhân làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp phi phiền toái cảnh phiền não phi nhân làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Chư pháp phi phiền toái cảnh phiền não thành nhân và phi phiền toái cảnh phiền não phi nhân làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh: Có 3 câu.

254.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

255.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não thành nhân làm duyên cho pháp phi phiền toái cảnh phiền não thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

256.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

257.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

258.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

259.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não thành nhân liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não thành nhân sanh ra do Nhân duyên.

260.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

261.

* Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não thành nhân liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.
* Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não phi nhân liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.
* Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não phi nhân liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não phi nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.
* Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não thành nhân liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não phi nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

262.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9 , phi Bất tương ưng 9.

263.

Nhân duyên có phi Trưởng 6.

264.

Phi Trưởng duyên có Nhân 6.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

265.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não thành nhân làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

266.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não phi nhân làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não phi nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

267.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 6, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

268.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não thành nhân làm duyên cho pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não thành nhân bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên: Có 3 câu.

269.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

270.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

271.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều sắp cũng như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề phiền toái

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ TẦM

(Hetuduka vitakkattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

272.

* Pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân liên quan pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu tầm hữu tứ phi nhân liên quan pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân và hữu tầm hữu tứ phi nhân liên quan pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu tầm hữu tứ phi nhân liên quan pháp hữu tầm hữu tứ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân liên quan những pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân và hữu tầm hữu tứ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

273.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9,... Nghiệp 9, Quả 9,... Bất ly 9.

274.

Pháp hữu tầm hữu tứ phi nhân liên quan pháp hữu tầm hữu tứ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Có 2 câu.

275.

Pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân liên quan pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

276.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 9,... phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

277.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

278.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều sắp như phần liên quan

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

279.

Pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

280.

Pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

281.

- Pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
- Pháp hữu tầm hữu tứ phi nhân làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: 3 câu.
- Chư pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân và hữu tầm hữu tứ phi nhân làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh: 3 câu.

282.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

283.

Pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

284.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

285.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

286.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

287.

- Pháp vô tầm hữu tứ thành nhân liên quan pháp vô tầm hữu tứ thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô tầm hữu tứ phi nhân liên quan pháp vô tầm hữu tứ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô tầm hữu tứ thành nhân liên quan những pháp vô tầm hữu tứ thành nhân và vô tầm hữu tứ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

288.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9,... Nghiệp 9, Quả 9,... Bất ly 9.

289.

Pháp vô tầm hữu tứ thành nhân liên quan pháp vô tầm hữu tứ thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

290.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

291.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

292.

Phi Trưởng duyên có Nhân 9.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

293.

Pháp vô tầm hữu tứ thành nhân làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

294.

Pháp vô tầm hữu tứ thành nhân làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ phi nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

295.

* Pháp vô tầm hữu tứ thành nhân làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ thành nhân bằng Trưởng duyên chỉ có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp vô tầm hữu tứ phi nhân làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Chư pháp vô tầm hữu tứ thành nhân và vô tầm hữu tứ phi nhân làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ phi nhân bằng Trưởng duyên chỉ có Trưởng cảnh.

296.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 7, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

297.

Pháp vô tầm hữu tứ thành nhân làm duyên cho pháp vô tầm hữu tứ thành nhân bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

298.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

299.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

300.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

301.

Pháp vô tầm vô tứ thành nhân liên quan pháp vô tầm vô tứ thành nhân sanh ra do Nhân duyên.

302.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Nghiệp 9, Quả 9, Ly 9, Bất ly 9.

303.

Pháp vô tầm vô tứ thành nhân liên quan pháp vô tầm vô tứ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

304.

* Pháp vô tầm vô tứ phi nhân liên quan pháp vô tầm vô tứ thành nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp vô tầm vô tứ phi nhân liên quan pháp vô tầm vô tứ phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp vô tầm vô tứ phi nhân liên quan những pháp vô tầm vô tứ thành nhân và pháp vô tầm vô tứ phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

305.

Pháp vô tầm vô tứ thành nhân liên quan pháp vô tầm vô tứ thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên: Có 9 câu.

306.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

307.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

308.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

309.

Pháp vô tầm vô tứ thành nhân làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

310.

Pháp vô tầm vô tứ thành nhân làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

311.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 6, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

312.

Pháp vô tầm vô tứ thành nhân làm duyên cho pháp vô tầm vô tứ thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

313.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9.

314.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

315.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề tầm

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ HỶ

(Hetuduka pītittika)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

316.

∗ Pháp đồng sanh hỷ thành nhân liên quan pháp đồng sanh hỷ thành nhân sanh ra do Nhân duyên: có 3 câu.

∗ Pháp đồng sanh hỷ phi nhân liên quan pháp đồng sanh hỷ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

317.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Bất ly 9.

318.

Pháp đồng sanh hỷ phi nhân liên quan pháp đồng sanh hỷ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

319.

Pháp đồng sanh hỷ thành nhân liên quan pháp đồng sanh hỷ thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

320.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

321.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

322.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

323.

Pháp đồng sanh hỷ thành nhân làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

324.

∗ Pháp đồng sanh hỷ thành nhân làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp đồng sanh hỷ phi nhân làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ phi nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

325.

∗ Pháp đồng sanh hỷ thành nhân làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

∗ Pháp đồng sanh hỷ phi nhân làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

∗ Chư pháp đồng sanh hỷ thành nhân và đồng sanh hỷ phi nhân làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh: Có 3 câu.

326.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

327.

Pháp đồng sanh hỷ thành nhân làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

328.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

329.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

330.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

331.

* Pháp đồng sanh lạc thành nhân liên quan pháp đồng sanh lạc thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp đồng sanh lạc phi nhân liên quan pháp đồng sanh lạc phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp đồng sanh lạc thành nhân liên quan pháp đồng sanh lạc thành nhân và đồng sanh lạc phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

332.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

333.

Pháp đồng sanh lạc phi nhân liên quan pháp đồng sanh lạc phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

334.

Pháp đồng sanh lạc thành nhân liên quan pháp đồng sanh lạc thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên: Có 9 câu.

335.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

336.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

337.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

338.

Pháp đồng sanh lạc thành nhân làm duyên cho pháp đồng sanh lạc thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

339.

Pháp đồng sanh lạc thành nhân làm duyên cho pháp đồng sanh lạc thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

340.

Pháp đồng sanh lạc thành nhân làm duyên cho pháp đồng sanh lạc thành nhân bằng Trưởng duyên: Có 9 câu.

341.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

342.

Pháp đồng sanh lạc thành nhân làm duyên cho pháp đồng sanh lạc thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

343.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

344.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

345.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

346.

* Pháp đồng sanh xả thành nhân liên quan pháp đồng sanh xả thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp đồng sanh xả phi nhân liên quan pháp đồng sanh xả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp đồng sanh xả thành nhân liên quan những pháp đồng sanh xả thành nhân và đồng sanh xả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

347.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Nghiệp 9, Quả 9, Bất ly 9.

348.

Pháp đồng sanh xả phi nhân liên quan pháp đồng sanh xả phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên: Có 2 câu.

349.

Pháp đồng sanh xả thành nhân liên quan pháp đồng sanh xả thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên: Có 9 câu.

350.

Pháp đồng sanh xả thành nhân liên quan pháp đồng sanh xả thành nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Có 9 câu.

351.

Pháp đồng sanh xả thành nhân liên quan pháp đồng sanh xả thành nhân sanh ra do phi Hậu sanh duyên: Có 9 câu.

352.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

353.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

354.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

355.

Pháp đồng sanh xả thành nhân làm duyên cho pháp đồng sanh xả thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

356.

Pháp đồng sanh xả thành nhân làm duyên cho pháp đồng sanh xả thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

357.

Pháp đồng sanh xả thành nhân làm duyên cho pháp đồng sanh xả thành nhân bằng Trưởng duyên: Có 9 câu.

358.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

359.

Pháp đồng sanh xả thành nhân làm duyên cho pháp đồng sanh xả thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

360.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

361.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

362.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề hỷ

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ SƠ ĐẠO (KIẾN)

(Hetuduka dassanattika)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

363.

- Pháp sơ đạo tuyệt trừ thành nhân liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp sơ đạo tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp sơ đạo tuyệt trừ thành nhân liên quan những pháp sơ đạo tuyệt trừ thành nhân và sơ đạo tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

364.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Nghiệp 9, Thực 9, Bất ly 9.

365.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ thành nhân liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

366.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ thành nhân liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

367.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

368.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

369.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

370.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ thành nhân làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

371.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ thành nhân làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

372.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 3, Bất ly 9.

373.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ thành nhân làm duyên cho pháp sơ đạo tuyệt trừ thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

374.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

375.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

376.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

377.

* Pháp ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân liên quan những pháp ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân và ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

378.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

379.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

380.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

381.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

382.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

383.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

384.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân bằng Cảnh duyên.

385.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 3, Bất ly 9.

386.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân làm duyên cho pháp ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

387.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

388.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

389.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

390.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

391.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Nghiệp 9, Quyền 9, Bất tương ưng 9.

392.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

393.

* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân liên quan những pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

394.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân liên quan những pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

395.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

396.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

397.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

398.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

399.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

400.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

401.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân làm duyên cho pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

402.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

403.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

404.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề sơ đạo (kiến)

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

(Hetuduka dassanenapahātabbahetukattika)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*.

405.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thành nhân liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thành nhân liên quan những pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thành nhân và hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

406.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

407.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thành nhân liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

408.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

409.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

410.

Phi Trưởng duyên có Nhân 9.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

411.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thành nhân làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

412.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thành nhân làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

413.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Bất ly 9.

414.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thành nhân làm duyên cho pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

415.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

416.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

417.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

418.

* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

419.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

420.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên: Có 9 câu.

421.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

422.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

423.

Phi Trưởng duyên có Nhân 9.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

424.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

425.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

426.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Bất ly 9.

427.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân làm duyên cho pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

428.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

429.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

430.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

431.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(neva dassanena na bhāvanāya pahātabba hetuka)* thành nhân liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân sanh ra do Nhân duyên.

432.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

433.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

434.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

435.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

436.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

437.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(neva dassanena na bhāvanāya pahātabb hetuka)* thành nhân làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân bằng Nhân duyên.

438.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

439.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(neva dassanena na bhāvanāya pahātabb hetuka)* thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

440.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

441.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

442.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ

(Hetuduka ācayagāmittika)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

443.

∗ Pháp nhân sanh tử *(ācayagāmi)* thành nhân liên quan pháp nhân sanh tử thành nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp nhân sanh tử phi nhân liên quan pháp nhân sanh tử phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp nhân sanh tử thành nhân liên quan những pháp nhân sanh tử thành nhân và nhân sanh tử phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

444.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Bất ly 9.

445.

Pháp nhân sanh tử thành nhân liên quan pháp nhân sanh tử phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

446.

Pháp nhân sanh tử *(ācayagāmi)* thành nhân liên quan pháp nhân sanh tử thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

447.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

448.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

449.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

450.

Pháp nhân sanh tử thành nhân làm duyên cho pháp nhân sanh tử thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

451.

Pháp nhân sanh tử thành nhân làm duyên cho pháp nhân sanh tử thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

452.

∗ Pháp nhân sanh tử thành nhân làm duyên cho pháp nhân sanh tử thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

∗ Pháp nhân sanh tử phi nhân làm duyên cho pháp nhân sanh tử phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

∗ Chư pháp nhân sanh tử thành nhân và nhân sanh tử phi nhân làm duyên cho pháp nhân sanh tử thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh: Có 3 câu.

453.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Bất ly 9.

454.

Pháp nhân sanh tử thành nhân làm duyên cho pháp nhân sanh tử thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

455.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

456.

Nhân duyên có phi Cảnh 3

457.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

458.

* Pháp nhân đến Níp Bàn *(apacaya gāmi)* thành nhân liên quan pháp nhân đến Níp Bàn thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp nhân đến Níp Bàn phi nhân liên quan pháp nhân đến Níp Bàn phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp nhân đến Níp Bàn thành nhân liên quan những pháp nhân đến Níp Bàn thành nhân và nhân đến Níp Bàn phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

459.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Nghiệp 9, Thực 9, Bất ly 9.

460.

Pháp nhân đến Níp Bàn thành nhân liên quan pháp nhân đến Níp Bàn thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

461.

Phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 9.

462.

Nhân duyên có phi Trưởng 6.

463.

Phi Trưởng duyên có Nhân 6.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

464.

Pháp nhân đến Níp Bàn thành nhân làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

465.

* Pháp nhân đến Níp Bàn thành nhân làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp nhân đến Níp Bàn phi nhân làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

466.

Nhân 3, Trưởng 6, Đồng sanh 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Bất ly 9.

467.

Pháp nhân đến Níp Bàn *(apacaya gāmi)* thành nhân làm duyên cho pháp nhân đến Níp Bàn thành nhân bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

468.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

469.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

470.

Phi Nhân duyên có Trưởng 3.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

471.

* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(nevācayagāmināpacayagāmi)* thành nhân liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thành nhân liên quan những pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thành nhân và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

472.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Bất ly 9.

473.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

474.

* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thành nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(nevācayagāmināpacayagāmi)* thành nhân liên quan những pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thành nhân và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

475.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thành nhân liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

476.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thành nhân liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thành nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Có 3 câu.

477.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thành nhân liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thành nhân sanh ra do phi Hậu sanh duyên.

478.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thành nhân sanh ra do phi Nghiệp duyên.

479.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Y chỉ 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

480.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

481.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

482.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(nevācayagāmināpacayagāmi)* thành nhân làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

483.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thành nhân làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thành nhân bằng Cảnh duyên.

484.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

485.

* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(nevācayagāmināpacayagāmi)* thành nhân làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn phi nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

486.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

487.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

488.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề nhân sanh tử

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ HỮU HỌC

(Hetuduka sekkhattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

489.

* Pháp hữu học *(sekkha)* thành nhân liên quan pháp hữu học thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp hữu học phi nhân liên quan pháp hữu học phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp hữu học thành nhân liên quan những pháp hữu học thành nhân và hữu học phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

490.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Bất ly *(avigata)* 9.

491.

Pháp hữu học *(sekkha)* thành nhân liên quan pháp hữu học thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

492.

Phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

493.

Nhân duyên có phi Trưởng 6.

494.

Phi Trưởng duyên có Nhân 6.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

495.

Pháp hữu học *(sekkhā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp hữu học thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

496.

* Pháp hữu học thành nhân làm duyên cho pháp hữu học thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp hữu học phi nhân làm duyên cho pháp hữu học phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

497.

Pháp hữu học thành nhân làm duyên cho pháp hữu học thành nhân bằng Vô gián duyên.

498.

Nhân 3, Trưởng 6, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

499.

Pháp hữu học thành nhân làm duyên cho pháp hữu học thành nhân bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

500.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

501.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

502.

Phi Nhân duyên có Trưởng 3.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

503.

- Pháp vô học *(asekkhā dhammā)* thành nhân liên quan pháp vô học thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô học phi nhân liên quan pháp vô học phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô học thành nhân liên quan những pháp vô học thành nhân và pháp vô học phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

504.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Nghiệp 9, Quả 9, Bất ly 9.

505.

Pháp vô học thành nhân liên quan pháp vô học thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên *(adhipatipaccayo)*.

506.

Phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Bất tương ưng 9.

507.

Nhân duyên có phi Trưởng 6.

508.

Phi Trưởng duyên có Nhân 6.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

509.

Pháp vô học *(asekkhā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp vô học thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

510.

- Pháp vô học thành nhân làm duyên cho pháp vô học thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
- Pháp vô học phi nhân làm duyên cho pháp vô học phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

511.

Pháp vô học thành nhân làm duyên cho pháp vô học *(asekkhā dhammā)* thành nhân bằng Cận y duyên có Vô gián cận y *(anantarūpanissaya)*.

512.

Nhân 3, Trưởng 6, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

513.

Pháp vô học thành nhân làm duyên cho pháp vô học thành nhân bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

514.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

515.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

516.

Phi Nhân duyên có Trưởng 3.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

517.

* Pháp phi hữu học phi vô học *(neva sekkhā nāsekkhā dhammā)* thành nhân liên quan pháp phi hữu học phi vô học thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi hữu học phi vô học phi nhân liên quan pháp phi hữu học phi vô học phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi hữu học phi vô học thành nhân liên quan chư pháp phi hữu học phi vô học thành nhân và phi hữu học phi vô học phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

518.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Quả 9, Bất ly 9.

519.

* Pháp phi hữu học phi vô học phi nhân liên quan pháp phi hữu học phi vô học phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.
* Pháp phi hữu học phi vô học thành nhân liên quan pháp phi hữu học phi vô học phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

520.

* Pháp phi hữu học phi vô học phi nhân liên quan pháp phi hữu học phi vô học thành nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp phi hữu học phi vô học *(neva sekkhā nāsekkhā dhammā)* phi nhân liên quan pháp phi hữu học phi vô học phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp phi hữu học phi vô học phi nhân liên quan những pháp phi hữu học phi vô học thành nhân và phi hữu học phi vô học phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

521.

Pháp phi hữu học phi vô học thành nhân liên quan pháp phi hữu học phi vô học thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

522.

Pháp phi hữu học phi vô học thành nhân liên quan pháp phi hữu học phi vô học thành nhân sanh ra do phi Tiền sanh duyên: Có 3 câu.

523.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

524.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

525.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng (nhờ cậy), y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều phải sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

526.

Pháp phi hữu học phi vô học *(neva sekkhā nāsekkhā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

527.

Pháp phi hữu học phi vô học thành nhân làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

528.

Pháp phi hữu học phi vô học thành nhân làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 9 câu.

529.

Pháp phi hữu học phi vô học phi nhân làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học phi nhân bằng Tiền sanh duyên.

530.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

531.

Pháp phi hữu học phi vô học *(neva sekkhā nāsekkhā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

532.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

533.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

534.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề hữu học

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ HY THIỂU

(Hetuduka parittattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

535.

∗ Pháp hy thiểu *(parittā dhammā)* thành nhân liên quan pháp hy thiểu thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp hy thiểu phi nhân liên quan pháp hy thiểu phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp hy thiểu thành nhân liên quan những pháp hy thiểu thành nhân và hy thiểu phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

536.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

537.

∗ Pháp hy thiểu phi nhân liên quan pháp hy thiểu phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

∗ Pháp hy thiểu *(parittā dhammā)* thành nhân liên quan pháp hy thiểu phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

538.

∗ Pháp hy thiểu phi nhân liên quan pháp hy thiểu thành nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

∗ Pháp hy thiểu phi nhân liên quan pháp hy thiểu phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

∗ Pháp hy thiểu phi nhân liên quan những pháp hy thiểu thành nhân và hy thiểu phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

539.

Pháp hy thiểu thành nhân liên quan pháp hy thiểu thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

540.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

541.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

542.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Paññāvāra)*

543.

Pháp hy thiểu *(parittā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp hy thiểu thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

544.

Pháp hy thiểu thành nhân làm duyên cho pháp hy thiểu thành nhân bằng Cảnh duyên.

545.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Bất ly 9.

546.

Pháp hy thiểu thành nhân làm duyên cho pháp hy thiểu thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

547.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

548.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

549.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

550.

- Pháp đáo đại *(mahaggatā dhammā)* thành nhân liên quan pháp đáo đại thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp đáo đại phi nhân liên quan pháp đáo đại phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp đáo đại thành nhân liên quan những pháp đáo đại thành nhân và đáo đại phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

551.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Bất ly 9.

552.

Pháp đáo đại thành nhân liên quan pháp đáo đại thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

553.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

554.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

555.

Phi Trưởng duyên có Nhân 9.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng (nhờ cậy), y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

556.

Pháp đáo đại *(mahaggatā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp đáo đại thành nhân bằng Nhân duyên ; có 3 câu.

557.

- Pháp đáo đại thành nhân làm duyên cho pháp đáo đại thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
- Pháp đáo đại *(mahaggatā dhammā)* phi nhân làm duyên cho pháp đáo đại phi nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
- Chư pháp đáo đại thành nhân và pháp đáo đại phi nhân làm duyên cho pháp đáo đại thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

558.

* Pháp đáo đại thành nhân làm duyên cho pháp đáo đại thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp đáo đại phi nhân làm duyên cho pháp đáo đại phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

559.

Pháp đáo đại thành nhân làm duyên cho pháp đáo đại thành nhân bằng Vô gián duyên.

560.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 6, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Bất ly 9.

561.

Pháp đáo đại thành nhân làm duyên cho pháp đáo đại thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

562.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

563.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

564.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

565.

* Pháp vô lượng *(appamānā dhammā)* thành nhân liên quan pháp vô lượng thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô lượng phi nhân liên quan pháp vô lượng phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô lượng thành nhân liên quan những pháp vô lượng thành nhân và vô lượng phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

566.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Cận y 9, Nghiệp 9, Quả 9, Bất ly 9.

567.

Pháp vô lượng *(appamānā dhammā)* thành nhân liên quan pháp vô lượng thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

568.

Phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

569.

Nhân duyên có phi Trưởng 6.

570.

Phi Trưởng duyên có Nhân 6.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

571.

Pháp vô lượng *(appamānā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp vô lượng thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

572.

Pháp vô lượng phi nhân làm duyên cho pháp vô lượng phi nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

573.

* Pháp vô lượng thành nhân làm duyên cho pháp vô lượng thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp vô lượng phi nhân làm duyên cho pháp vô lượng phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

574.

Pháp vô lượng thành nhân làm duyên cho pháp vô lượng thành nhân bằng Vô gián duyên: Có 9 câu.

575.

Pháp vô lượng thành nhân làm duyên cho pháp vô lượng thành nhân bằng Cận y duyên có Vô gián cận y và Thuần cận y: Có 9 câu.

576.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 6, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

577.

Pháp vô lượng thành nhân làm duyên cho pháp vô lượng thành nhân bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

578.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

579.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

580.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng *(anuloma)*, đối lập *(paccanīya)*, thuận nghịch *(anuloma paccanīya)*, nghịch thuận *(paccanīya anuloma)* đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề hy thiểu

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU

(Hetuduka parittārammaṇattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

581.

* Pháp cảnh hy thiểu *(parittārammanā dhammā)* thành nhân liên quan pháp cảnh hy thiểu thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp cảnh hy thiểu phi nhân liên quan pháp cảnh hy thiểu phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

* Pháp cảnh hy thiểu thành nhân liên quan những pháp cảnh hy thiểu thành nhân và pháp cảnh hy thiểu phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

582.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Quả 9, Bất ly 9.

583.

* Pháp cảnh hy thiểu phi nhân liên quan pháp cảnh hy thiểu phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.
* Pháp cảnh hy thiểu thành nhân liên quan pháp cảnh hy thiểu phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

584.

Pháp cảnh hy thiểu thành nhân liên quan pháp cảnh hy thiểu thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

585.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

586.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

587.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng (nhờ cậy), y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

588.

Pháp cảnh hy thiểu *(parittārammaṇā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp cảnh hy thiểu thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

589.

Pháp cảnh hy thiểu thành nhân làm duyên cho pháp cảnh hy thiểu thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

590.

Pháp cảnh hy thiểu thành nhân làm duyên cho pháp cảnh hy thiểu thành nhân bằng Trưởng duyên.

591.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

592.

Pháp cảnh hy thiểu thành nhân làm duyên cho pháp cảnh hy thiểu thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

593.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

594.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

595.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

596.

∗ Pháp cảnh đáo đại *(mahaggatārammaṇā dhammā)* thành nhân liên quan pháp cảnh đáo đại thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp cảnh đáo đại phi nhân liên quan pháp cảnh đáo đại phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp biết cảnh đáo đại *(mahaggatārammaṇā dhammā)* thành nhân liên quan những pháp biết cảnh đáo đại thành nhân và pháp biết cảnh đáo đại phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

597.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 3, Bất ly 9.

598.

∗ Pháp biết cảnh đáo đại phi nhân liên quan pháp biết cảnh đáo đại phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

∗ Pháp biết cảnh đáo đại thành nhân liên quan pháp biết cảnh đáo đại phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

599.

Pháp biết cảnh đáo đại thành nhân liên quan pháp biết cảnh đáo đại thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

600.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

601.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

602.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng (nhờ cậy), y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

603.

Pháp biết cảnh đáo đại *(mahaggatārammaṇā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

604.

Pháp biết cảnh đáo đại thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

605.

∗ Pháp biết cảnh đáo đại thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

∗ Pháp biết cảnh đáo đại phi nhân làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

∗ Chư pháp biết cảnh đáo đại thành nhân và biết cảnh đáo đại phi nhân làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh: Có 3 câu.

606.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Bất ly 9.

607.

Pháp biết cảnh đáo đại *(mahaggatārammaṇā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh đáo đại thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

608.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

609.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

610.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

611.

* Pháp biết cảnh vô lượng *(appamānārammaṇā dhammā)* thành nhân liên quan pháp biết cảnh vô lượng thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp biết cảnh vô lượng phi nhân liên quan pháp biết cảnh vô lượng phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp biết cảnh vô lượng thành nhân liên quan những pháp biết cảnh vô lượng thành nhân và pháp biết cảnh vô lượng phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

612.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Quả 9, Bất ly 9.

613.

Pháp biết cảnh vô lượng phi nhân liên quan pháp biết cảnh vô lượng phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

614.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

615.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

616.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

617.

Pháp biết cảnh vô lượng *(appamānārammaṇā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

618.

Pháp biết cảnh vô lượng thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

619.

∗ Pháp biết cảnh vô lượng thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

∗ Pháp biết cảnh vô lượng phi nhân làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

∗ Chư pháp biết cảnh vô lượng thành nhân và pháp biết cảnh vô lượng phi nhân làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh: Có 3 câu.

620.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Bất ly 9.

621.

Pháp biết cảnh vô lượng thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh vô lượng thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

622.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

623.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

624.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề cảnh hy thiểu

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ TY HẠ

(Hetuduka hinattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

625.

∗ Pháp ty hạ *(hīnā dhammā)* thành nhân liên quan pháp ty hạ thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp ty hạ phi nhân liên quan pháp ty hạ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp ty hạ thành nhân liên quan những pháp ty hạ thành nhân và ty hạ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

626.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Thực 9, Bất ly 9.

627.

Pháp ty hạ thành nhân liên quan pháp ty hạ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

628.

∗ Pháp ty hạ thành nhân liên quan pháp ty hạ thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên: Có 3 câu.

* Pháp ty hạ phi nhân liên quan pháp ty hạ phi nhân sanh ra do phi Trưởng duyên: Có 3 câu.
* Pháp ty hạ thành nhân liên quan những pháp ty hạ thành nhân và ty hạ phi nhân sanh ra do phi Trưởng duyên: Có 3 câu.

629.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

630.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

631.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

632.

Pháp ty hạ *(hīnā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp ty hạ thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

633.

Pháp ty hạ thành nhân làm duyên cho pháp ty hạ thành nhân bằng Cảnh duyên;... bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh.

634.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Bất ly 9.

635.

Pháp ty hạ *(hīnā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp ty hạ thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

636.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

637.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

638.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

639.

Pháp trung bình *(majjhimā dhammā)* thành nhân liên quan pháp trung bình thành nhân sanh ra do Nhân duyên.

640.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

641.

Pháp trung bình phi nhân liên quan pháp trung bình phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

642.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Ly 3.

643.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

644.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

645.

Pháp trung bình *(majjhimā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp trung bình thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

646.

Pháp trung bình thành nhân làm duyên cho pháp trung bình thành nhân bằng Cảnh duyên;... bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh.

647.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Bất ly 9.

648.

Pháp trung bình *(majjhimā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp trung bình thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

649.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

650.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

651.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

652.

- Pháp tinh lương *(panitā dhammā)* thành nhân liên quan pháp tinh lương thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp tinh lương phi nhân liên quan pháp tinh lương phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp tinh lương thành nhân liên quan những pháp tinh lương thành nhân và tinh lương phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

653.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 9, Bất ly 9.

654.

Pháp tinh lương thành nhân liên quan pháp tinh lương thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

655.

Phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

656.

Nhân duyên có phi Trưởng 6.

657.

Phi Trưởng duyên có Nhân 6.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

658.

Pháp tinh lương *(panītā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp tinh lương thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

659.

Pháp tinh lương *(panītā dhammā)* phi nhân làm duyên cho pháp tinh lương phi nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

660.

Pháp tinh lương thành nhân làm duyên cho pháp tinh lương thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

661.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 6, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Bất ly 9.

662.

Pháp tinh lương thành nhân làm duyên cho pháp tinh lương thành nhân bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

663.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

664.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

665.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề ty hạ

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ TÀ

(Hetuduka micchattāttikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

666.

* Pháp tà nhứt định *(micchatta niyatā dhammā)* thành nhân liên quan pháp tà nhứt định thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp tà nhứt định phi nhân liên quan pháp tà nhứt định phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp tà nhứt định thành nhân liên quan những pháp tà nhứt định thành nhân và pháp tà nhứt định phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

667.

Pháp tà nhứt định thành nhân liên quan pháp tà nhứt định thành nhân sanh ra do Cảnh duyên.

668.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Thực 9, Bất ly 9.

669.

Pháp tà nhứt định *(micchatta niyatā dhammā)* phi nhân liên quan pháp tà nhứt định thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

670.

Phi Trưởng 3, phi Hậu sanh 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9.

671.

Nhân duyên có phi Trưởng 3.

672.

Phi Trưởng duyên có Nhân 3.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

673.

Pháp tà nhứt định *(micchatta niyatā dhammā)* làm duyên cho pháp tà nhứt định thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

674.

Pháp tà nhứt định phi nhân làm duyên cho pháp tà nhứt định phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

675.

Nhân 3, Trưởng 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Bất ly 9.

676.

Pháp tà nhứt định thành nhân làm duyên cho pháp tà nhứt định thành nhân bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

677.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

678.

Nhân duyên có phi Trưởng 3.

679.

Phi Nhân duyên có Trưởng 3.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

680.

* Pháp chánh nhứt định *(sammatta niyatā dhammā)* thành nhân liên *(paṭicca)* quan pháp chánh nhứt định thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp chánh nhứt định phi nhân liên quan pháp chánh nhứt định *(niyatā)* phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

* Pháp chánh nhứt định thành nhân liên quan những pháp chánh nhứt định thành nhân và pháp chánh nhứt định phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

681.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Tiền sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Thực 9, Bất ly 9.

682.

Pháp chánh nhứt định *(sammatta niyatā dhammā)* thành nhân liên quan pháp chánh nhứt định thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

683.

Phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

684.

Nhân duyên có phi Trưởng 6.

685.

Phi Trưởng duyên có Nhân 6.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

686.

Pháp chánh nhứt định *(sammatta niyatā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp chánh nhứt định thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

687.

* Pháp chánh nhứt định thành nhân làm duyên cho pháp chánh nhứt định thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp chánh nhứt định phi nhân làm duyên cho pháp chánh nhứt định phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

688.

Nhân 3, Trưởng 6, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Bất ly 9.

689.

Pháp chánh nhứt định thành nhân làm duyên cho pháp chánh nhứt định thành nhân bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

690.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

691.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

692.

Phi Nhân duyên có Trưởng 3.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

693.

* Pháp bất định *(aniyatā dhammā)* thành nhân liên quan pháp bất định thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

- Pháp bất định phi nhân liên quan pháp bất định phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất định thành nhân liên quan những pháp bất định thành nhân và bất định phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

694.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Nghiệp 9, Quả 9, Bất ly 9.

695.

- Pháp bất định phi nhân liên quan pháp bất định phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.
- Pháp bất định thành nhân liên quan pháp bất định phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

696.

- Pháp bất định phi nhân liên quan pháp bất định thành nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.
- Pháp bất định phi nhân liên quan pháp bất định phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.
- Pháp bất định phi nhân liên quan những pháp bất định thành nhân và bất định phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

697.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 9, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

698.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

699.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3.

Dù phần đồng sanh *(sahajātavāra)*, ỷ trượng *(paccayavāra)*, y chỉ *(nissayavāra)*, hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)*, tương ưng *(sampayuttavāra)* đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

700.

Pháp bất định *(aniyatā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp bất định thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

701.

Pháp bất định thành nhân làm duyên cho pháp bất định thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

702.

- Pháp bất định thành nhân làm duyên cho pháp bất định thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
- Pháp bất định phi nhân làm duyên cho pháp bất định phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
- Chư pháp bất định thành nhân và bất định phi nhân làm duyên cho pháp bất định thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

703.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

704.

Pháp bất định *(aniyatā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp bất định thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

705.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

706.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

707.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề tà

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ CÓ CẢNH LÀ ĐẠO

(Hetuduka maggārammaṇattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

708.

* Pháp có cảnh là đạo *(maggārammaṇā dhammā)* thành nhân liên quan pháp có cảnh là đạo thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp có cảnh là đạo phi nhân liên quan pháp có cảnh là đạo phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp có cảnh là đạo thành nhân liên quan những pháp có cảnh là đạo thành nhân và có cảnh là đạo phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu

709.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Nghiệp 9, Bất ly 9.

710.

Pháp có cảnh là đạo phi nhân liên quan pháp có cảnh là đạo phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

711.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

712.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

713.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

714.

Pháp có cảnh là đạo *(maggārammaṇādhamma)* thành nhân làm duyên cho pháp có cảnh là đạo thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

715.

* Pháp có cảnh là đạo thành nhân làm duyên cho pháp có cảnh là đạo thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh *(sahajātādhipati)*: Có 3 câu.

∗ Pháp có cảnh là đạo phi nhân làm duyên cho pháp có cảnh là đạo phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

716.

Pháp có cảnh là đạo thành nhân làm duyên cho pháp có cảnh là đạo thành nhân bằng Vô gián duyên.

717.

Nhân 3, Trưởng 6, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

718.

Pháp có cảnh là đạo *(maggahetukā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp có cảnh là đạo thành nhân bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

719.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

720.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

721.

Phi Nhân duyên có Trưởng 3.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

722.

∗ Pháp có nhân là đạo *(maggahetukā dhammā)* thành nhân liên quan pháp có nhân là 5đạo thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp có nhân là đạo phi nhân liên quan pháp có nhân là đạo phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp có nhân là đạo thành nhân liên quan những pháp có nhân là đạo thành nhân và pháp có nhân là đạo phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

723.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 9, Thực 9, Quyền 9, Bất ly 9.

724.

Pháp có nhân là đạo thành nhân liên quan pháp có nhân là đạo thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

725.

Phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

726.

Nhân duyên có phi Trưởng 6.

727.

Phi Trưởng duyên có Nhân 6.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

728.

Pháp có nhân là đạo *(maggahetukā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp có nhân là đạo thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

729

* Pháp có nhân là đạo thành nhân làm duyên cho pháp có nhân là đạo thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp có nhân là đạo phi nhân làm duyên cho pháp có nhân là đạo phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

730.

Nhân 3, Trưởng 6, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Bất ly 9.

731.

Pháp có nhân là đạo thành nhân làm duyên cho pháp có nhân là đạo thành nhân bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên *(Upanissayapaccayo)*.

732.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

733.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

734.

Phi Nhân duyên có Trưởng 3.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

735.

* Pháp có trưởng là đạo *(maggahetukā dhammā)* thành nhân liên quan pháp có trưởng là đạo thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp có trưởng là đạo phi nhân liên quan pháp có trưởng là đạo phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp có trưởng là đạo thành nhân liên quan những pháp có trưởng là đạo thành nhân và có trưởng là đạo phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

736.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Nghiệp 9, Thực 9, Bất ly 9.

737.

Pháp có trưởng là đạo thành nhân liên quan pháp có trưởng là đạo *(maggādhipatino dhammā)* thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

738.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

739.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

740.

Phi Trưởng duyên có Nhân 9.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Paññāvāra)*

741.

Pháp có trưởng là đạo *(maggādhipatino dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp có trưởng là đạo thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

742.

Pháp có trưởng là đạo thành nhân làm duyên cho pháp có trưởng là đạo thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

743.

* Pháp có trưởng là đạo thành nhân làm duyên cho pháp có trưởng là đạo thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp có trưởng là đạo phi nhân làm duyên cho pháp có trưởng là đạo phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Chư pháp có trưởng là đạo thành nhân và có trưởng là đạo phi nhân làm duyên cho pháp có trưởng là đạo thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh: Có 3 câu.

744.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Bất ly 9.

745.

Pháp có trưởng là đạo *(maggādhipatino dhammā)* phi nhân làm duyên cho pháp có trưởng là đạo thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

746.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

747.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

748.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề có cảnh là đạo

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ SANH TỒN

(Hetuduka uppannattikaṃ)

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

749.

Pháp sanh tồn *(uppannā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp sanh tồn thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

750.

Pháp sanh tồn phi nhân làm duyên cho pháp sanh tồn phi nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

751.

* Pháp sanh tồn thành nhân làm duyên cho pháp sanh tồn thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp sanh tồn phi nhân làm duyên cho pháp sanh tồn phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

752.

Pháp sanh tồn thành nhân làm duyên cho pháp sanh tồn thành nhân bằng Đồng sanh duyên.

753.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 6, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 3.

Nương âm dương *(utu)* đã sanh mạnh có thể làm cho thiền *(jāna)* phát sanh, pháp quán *(vipassanā)* phát sanh, đạo phát sanh, thông *(abhiññā)* phát sanh, nhập thiền *(samāpatti)* phát sanh.

Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Bất ly 9.

754.

Pháp sanh tồn *(uppannā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp sanh tồn thành nhân bằng Đồng sanh duyên.

755.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

756.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

757.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Trong nhị đề này, dù phần liên quan *(paṭiccavāra)*, đồng sanh *(sahajāta)*, ỷ trượng *(paccayavāra)*, y chỉ, hòa hợp hay tương ưng *(sampayuttavāra)* đều không có phi sanh tồn *(anuppannā)* hay sẽ sanh *(uppādino)*.

Dứt nhị đề nhân - tam đề sanh tồn

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ QUÁ KHỨ

(Hetuduka ātitattikaṃ)

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

758.

Pháp hiện tại *(paccuppannā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp hiện tại thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

759.

Pháp hiện tại phi nhân làm duyên cho pháp hiện tại phi nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

760.

* Pháp hiện tại thành nhân làm duyên cho pháp hiện tại thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp hiện tại phi nhân làm duyên cho pháp hiện tại phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh ; có 3 câu

761.

Pháp hiện tại thành nhân làm duyên cho pháp hiện tại thành nhân bằng Đồng sanh duyên.

762.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 6, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Bất ly 9.

763.

Pháp hiện tại *(paccuppnnā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp hiện tại thành nhân bằng Đồng sanh duyên.

764.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

765.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

766.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Trong nhị đề này, dù phần liên quan *(paṭiccavāra)*, đồng sanh *(sahajāta)*, ỷ trượng *(paccayavāra)*, y chỉ, hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)*, tương ưng *(sampayuttavāra)* đều không có quá khứ *(atita)* hay vị lai *(anāgata)*.

Dứt nhị đề nhân - tam đề quá khứ

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ

(Hetuduka atitārammaṇāttikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

767.

- Pháp biết cảnh quá khứ *(atītārammaṇā dhammā)* thành nhân liên quan pháp biết cảnh quá khứ thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp biết cảnh quá khứ phi nhân liên quan pháp biết cảnh quá khứ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp biết cảnh quá khứ thành nhân liên quan những pháp biết cảnh quá khứ thành nhân và pháp biết cảnh quá khứ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

768.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Nghiệp 9, Bất ly 9.

769.

- Pháp biết cảnh quá khứ phi nhân liên quan pháp biết cảnh quá khứ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.
- Pháp biết cảnh quá khứ thành nhân liên quan pháp biết cảnh quá khứ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

770.

Pháp biết cảnh quá khứ thành nhân liên quan pháp biết cảnh quá khứ thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

771.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

772.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

773.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

774.

Pháp biết cảnh quá khứ *(atītārammaṇā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

775.

Pháp có trưởng là đạo thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

776.

* Pháp biết cảnh quá khứ thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp biết cảnh quá khứ phi nhân làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Chư pháp biết cảnh quá khứ thành nhân và biết cảnh quá khứ phi nhân làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh: Có 3 câu.

777.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9, Bất ly 9.

778.

Pháp biết cảnh quá khứ thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

779.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

780.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

781.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

782.

* Pháp biết cảnh vị lai *(anāgatārammaṇā dhammā)* thành nhân liên quan pháp biết cảnh vị lai thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp biết cảnh vị lai phi nhân liên quan pháp biết cảnh vị lai phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp biết cảnh vị lai thành nhân liên quan những pháp biết cảnh vị lai thành nhân và biết cảnh vị lai phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

783.

Nhân 9, Cảnh 9, Nghiệp 9, Bất ly 9.

784.

* Pháp biết cảnh vị lai phi nhân liên quan pháp biết cảnh vị lai phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.
* Pháp biết cảnh vị lai thành nhân liên quan pháp biết cảnh vị lai phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

785.

Pháp biết cảnh vị lai thành nhân liên quan pháp biết cảnh vị lai thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

786.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

787.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

788.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

789.

Pháp biết cảnh vị lai *(anāgatārammaṇā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

790.

Pháp biết cảnh vị lai *(anāgatārammaṇā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

791.

* Pháp biết cảnh vị lai thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp biết cảnh vị lai phi nhân làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Chư pháp biết cảnh vị lai thành nhân và biết cảnh vị lai phi nhân làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

792.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Bất ly 9.

793.

Pháp biết cảnh vị lai thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

794.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

795.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

796.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

797.

* Pháp biết cảnh hiện tại thành nhân liên quan pháp biết cảnh hiện tại *(paccuppannārammaṇā dhammā)* thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp biết cảnh hiện tại phi nhân liên quan pháp biết cảnh hiện tại phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp biết cảnh hiện tại thành nhân liên quan những pháp biết cảnh hiện tại thành nhân và pháp biết cảnh hiện tại phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

798.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Nghiệp 9, Bất ly 9.

799.

* Pháp biết cảnh hiện tại *(paccuppannārammaṇā dhammā)* phi nhân liên quan pháp biết cảnh hiện tại phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.
* Pháp biết cảnh hiện tại thành nhân liên quan pháp biết cảnh hiện tại phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

800.

Pháp biết cảnh hiện tại thành nhân liên quan pháp biết cảnh hiện tại thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

801.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

802.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

803.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

804.

Pháp biết cảnh hiện tại *(paccuppannārammaṇā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

805.

Pháp biết cảnh hiện tại thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

806.

* Pháp biết cảnh hiện tại thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp biết cảnh hiện tại phi nhân làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Chư pháp biết cảnh hiện tại thành nhân và pháp biết cảnh hiện tại phi nhân làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh: Có 3 câu.

807.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Bất ly 9.

808.

Pháp biết cảnh hiện tại thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

809.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

810.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

811.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề cảnh quá khứ

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ NỘI BỘ (NỘI PHẦN)

(Hetuduka ajjattattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

812.

∗ Pháp nội bộ *(ajjhattā dhammā)* thành nhân liên quan pháp nội bộ thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp nội bộ phi nhân liên quan pháp nội bộ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp nội bộ thành nhân liên quan những pháp nội bộ thành nhân và nội bộ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

813.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Bất ly 9.

814.

∗ Pháp nội bộ phi nhân liên quan pháp nội bộ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

∗ Pháp nội bộ thành nhân liên quan pháp nội bộ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

815.

∗ Pháp nội bộ phi nhân liên quan pháp nội bộ thành nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

∗ Pháp nội bộ phi nhân liên quan pháp nội bộ phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

∗ Pháp nội bộ phi nhân liên quan những pháp nội bộ thành nhân và nội bộ phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

816.

Pháp nội bộ thành nhân liên quan pháp nội bộ thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

817.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

818.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

819.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

820.

Pháp nội bộ *(ajjhattā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp nội bộ thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

821.

Pháp nội bộ thành nhân làm duyên cho pháp nội bộ thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

822.

* Pháp nội bộ thành nhân làm duyên cho pháp nội bộ thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp nội bộ phi nhân làm duyên cho pháp nội bộ phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Chư pháp nội bộ thành nhân và nội bộ phi nhân làm duyên cho pháp nội bộ thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh: Có 3 câu.

823.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

824.

Pháp nội bộ thành nhân làm duyên cho pháp nội bộ thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

825.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

826.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

827.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

828.

Pháp ngoại viện *(bahiddhā dhammā)* thành nhân liên quan pháp ngoại viện thành nhân sanh ra do Nhân duyên.

829.

Nhân 9, Cảnh 9, Nghiệp 9, Quả 9, Bất ly 9.

830.

* Pháp ngoại viện *(bahiddhā dhammā)* phi nhân liên quan pháp ngoại viện phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.
* Pháp ngoại viện thành nhân liên quan pháp ngoại viện phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

831.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

832.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

833.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng (nhờ cậy), y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

834.

Pháp ngoại viện *(bahiddhā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp ngoại viện thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

835.

Pháp ngoại viện thành nhân làm duyên cho pháp ngoại viện thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

836.

* Pháp ngoại viện thành nhân làm duyên cho pháp ngoại viện thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp ngoại viện *(bahiddhā dhammā)* phi nhân làm duyên cho pháp ngoại viện phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh có 3 câu.
* Chư pháp ngoại viện thành nhân và ngoại viện phi nhân làm duyên cho pháp ngoại viện thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh: Có 3 câu.

837.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Tiền sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Bất ly 9.

838.

Pháp ngoại viện thành nhân làm duyên cho pháp ngoại viện thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

839.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

840.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

841.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Nội bộ ngoại viện *(ajjhattabahiddhā)* không có trong đề này.

Dứt nhị đề nhân - tam đề nội phần

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ

(Hetuduka ajjattārammanatika)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

842.

∗ Pháp biết cảnh nội bộ *(ajjhattārammanā dhammā)* thành nhân liên quan pháp biết cảnh nội bộ thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp biết cảnh nội bộ phi nhân liên quan pháp biết cảnh nội bộ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp biết cảnh nội bộ thành nhân liên quan những pháp biết cảnh nội bộ thành nhân và pháp biết cảnh nội bộ phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

843.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

844.

∗ Pháp biết cảnh nội bộ *(ajjhattārammanā dhammā)* phi nhân liên quan pháp biết cảnh nội bộ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

∗ Pháp biết cảnh nội bộ thành nhân liên quan pháp biết cảnh nội bộ phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

845.

Pháp biết cảnh nội bộ thành nhân liên quan pháp biết cảnh nội bộ thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

846.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

847.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

848.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

849.

Pháp biết cảnh nội bộ *(ajjhattārammanā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh nội bộ thành nhân bằng Nhân duyên.

850.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

851.

Pháp biết cảnh nội bộ thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh nội bộ thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

852.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

853.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

854.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

855.

Pháp biết cảnh ngoại viện *(bahiddhārammaṇā dhammā)* thành nhân liên quan pháp biết cảnh ngoại viện thành nhân sanh ra do Nhân duyên.

856.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

857.

Pháp biết cảnh ngoại viện *(bahiddhārammaṇā dhammā)* phi nhân liên quan pháp biết cảnh ngoại viện phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

858.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Bất tương ưng 9.

859.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

860.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

861.

Pháp biết cảnh ngoại viện *(bahiddhārammaṇā dhammā)* thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại viện thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

862.

Pháp biết cảnh ngoại viện thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại viện thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

863.

* Pháp biết cảnh ngoại viện thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại viện thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp biết cảnh ngoại viện phi nhân làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại viện phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

864.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 6, Nghiệp 3, Quả 9,Thực 3, Bất ly 9.

865.

Pháp biết cảnh ngoại viện thành nhân làm duyên cho pháp biết cảnh ngoại viện thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

866.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

867.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

868.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề biết cảnh nội phần

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ HỮU KIẾN HỮU ĐỐI CHIẾU

(Hetuduka sanidassanasappaṭighāttikā)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

869.

∗ Pháp vô kiến hữu đối chiếu *(anidassanasappaṭighā dhammā)* phi nhân liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ … Do Trưởng duyên, do Đồng sanh duyên, do Hỗ tương duyên, do Y chỉ duyên, do Nghiệp duyên, do Quả duyên, do Thực duyên, do Quyền duyên, do Thiền duyên, do Đạo duyên, do Bất tương ưng duyên, do Hiện hữu duyên, do Bất ly duyên.

870.

Nhân 1, Trưởng 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Nghiệp 1, Quả 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Đạo 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

871.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, tất cả duyên nên sắp đầy đủ,... phi bất ly 1.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

872.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu *(anidassanasappaṭighā dhammā)* phi nhân làm duyên cho pháp vô kiến hữu đối chiếu phi nhân bằng Đồng sanh duyên, bằng Hỗ tương duyên, bằng Y chỉ duyên, bằng Hiện hữu duyên, bằng Bất ly duyên; tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

873.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu *(anidassanāppatighā dhammā)* thành nhân liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu *(anidassanāppatighā dhammā)* phi nhân liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu thành nhân liên quan những pháp vô kiến vô đối chiếu thành nhân và vô kiến vô đối chiếu phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

874.

Nhân 9, Cảnh 9, Nghiệp 9, Quả 9, Thực 9, Bất ly 9.

875.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu phi nhân liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu thành nhân liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu thành nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

876.

Pháp vô kiến vô đối chiếu phi nhân liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên: Có 3 câu.

877.

Pháp vô kiến vô đối chiếu thành nhân liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu thành nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

878.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 9, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

879.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

880.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

881.

Pháp vô kiến vô đối chiếu thành nhân làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu thành nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

882.

Pháp vô kiến vô đối chiếu thành nhân làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu thành nhân bằng Cảnh duyên: Có 9 câu.

883.

- Pháp vô kiến vô đối chiếu thành nhân làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu *(anidassanāppatighā dhammā)* bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
- Pháp vô kiến vô đối chiếu phi nhân làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu phi nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
- Chư pháp vô kiến vô đối chiếu thành nhân và pháp vô kiến vô đối chiếu phi nhân làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu thành nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh: 3 câu.

884.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

885.

Pháp vô kiến vô đối chiếu thành nhân làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu thành nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

886.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

887.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

888.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - tam đề hữu kiến hữu đối chiếu

NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN – TAM ĐỀ THIỆN

(Sahetukaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

889.

Pháp thiện hữu nhân *(sahetuka)* liên quan pháp thiện hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.

890.

Pháp thiện hữu nhân liên quan pháp thiện hữu nhân sanh ra do Cảnh duyên.

891.

Nhân 1, Cảnh 1, Trưởng 1, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 1, Thực 1, Bất ly 1.

892.

Pháp thiện hữu nhân *(sahetuka)* liên quan pháp thiện hữu nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

893.

Phi Trưởng 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Bất tương ưng 1.

894.

Nhân duyên có phi Trưởng 1.

895.

Phi Trưởng duyên có Nhân 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

896.

Pháp thiện hữu nhân *(sahetuka)* làm duyên cho pháp thiện hữu nhân bằng Nhân duyên.

897.

Pháp thiện hữu nhân làm duyên cho pháp thiện hữu nhân bằng Cảnh duyên.

898.

Nhân 1, Cảnh 1, Trưởng 1, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 1, Thực 1, Quyền 1, Thiền 1, Đạo 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

899.

Pháp thiện hữu nhân *(sahetuka)* làm duyên cho pháp thiện hữu nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

900.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 1.

901.

Nhân duyên có phi Cảnh 1.

902.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

903.

- Pháp bất thiện hữu nhân *(asahetuka)* liên quan pháp bất thiện hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện hữu nhân liên quan pháp bất thiện vô nhân *(ahetuka)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện hữu nhân liên quan những pháp bất thiện hữu nhân và vô nhân sanh ra do Nhân duyên.

904.

- Pháp bất thiện hữu nhân liên quan pháp bất thiện hữu nhân sanh ra do Cảnh duyên.
- Pháp bất thiện vô nhân liên quan pháp bất thiện hữu nhân sanh ra do Cảnh duyên.
- Chư pháp bất thiện hữu nhân và bất thiện vô nhân liên quan pháp bất thiện hữu nhân sanh ra do Cảnh duyên.
- Pháp bất thiện hữu nhân liên quan pháp bất thiện vô nhân sanh ra do Cảnh duyên.
- Pháp bất thiện hữu nhân liên quan những pháp bất thiện hữu nhân và bất thiện vô nhân sanh ra do Cảnh duyên.

905.

Pháp bất thiện hữu nhân liên quan pháp bất thiện hữu nhân sanh ra do Trưởng duyên.

906.

Nhân 3, Cảnh 5, Trưởng 1, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 5, Hỗ tương 5, Y chỉ 5, Cận y 5, Tiền sanh 5, Hậu sanh 5, Cố hưởng 5, Nghiệp 5, Thực 5, Quyền 5, Thiền 5, Đạo 5, Tương ưng 5, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 5, Vô hữu 5, Ly 5, Bất ly 5.

907.

Pháp bất thiện vô nhân *(ahetuka)* liên quan pháp bất thiện hữu nhân *(sahetuka)* sanh ra do phi Nhân duyên.

908.

Pháp bất thiện hữu nhân liên quan pháp bất thiện hữu nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

909.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 5, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Bất tương ưng 5.

910.

Nhân duyên có phi Trưởng 3.

911.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

912.

Pháp bất thiện hữu nhân *(sahetuka)* làm duyên cho pháp bất thiện hữu nhân bằng Nhân duyên: Có 2 câu.

913.

- Pháp bất thiện hữu nhân làm duyên cho pháp bất thiện hữu nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện vô nhân làm duyên cho pháp bất thiện vô nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

* Chư pháp bất thiện hữu nhân và bất thiện vô nhân làm duyên cho pháp bất thiện hữu nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

914.

Pháp bất thiện hữu nhân làm duyên cho pháp bất thiện hữu nhân bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh.

915.

Nhân 2, Cảnh 9, Trưởng 1, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 5, Hỗ tương 5, Y chỉ 5, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 5, Hiện hữu 5, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 5.

916.

Pháp bất thiện hữu nhân *(sahetuka)* làm duyên cho pháp bất thiện hữu nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

917.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

918.

Nhân duyên có phi Cảnh 2.

919.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

920.

* Pháp vô ký *(abyākata)* hữu nhân *(sahetuka)* liên quan pháp vô ký hữu nhân *(abyākatasahetuka)* sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô ký vô nhân *(ahetuka)* liên quan pháp vô ký vô nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô ký hữu nhân liên quan những pháp vô ký hữu nhân và pháp vô ký vô nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

921.

Nhân 9, Cảnh 4, Trưởng 5, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6,... Tiền sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 9, Quả 9, Bất tương ưng 9, Bất ly 9.

922.

Pháp vô ký vô nhân liên quan pháp vô ký vô nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

923.

* Pháp vô ký vô nhân liên quan pháp vô ký hữu nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp vô ký vô nhân liên quan pháp vô ký vô nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp vô ký vô nhân liên quan những pháp vô ký hữu nhân và vô ký vô nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

924.

Pháp vô ký hữu nhân liên quan pháp vô ký hữu nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

925.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

926.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

927.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

928.

Pháp vô ký hữu nhân làm duyên cho pháp vô ký hữu nhân *(abyākatasahetuka)* bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

929.

Pháp vô ký hữu nhân *(abyākatasahetuka)* làm duyên cho pháp vô ký hữu nhân bằng Cảnh duyên.

930.

Nhân 3, Cảnh 4, Trưởng 4, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 7, Hỗ tương 6, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Hậu sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 4, Quả 4, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 3, Tương ưng 2, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Bất ly 7.

931.

Pháp vô ký hữu nhân làm duyên cho pháp vô ký hữu nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

932.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7.

933.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

934.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề hữu nhân - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN – TAM ĐỀ THIỆN

(Hetusampayuttaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

935.

Pháp thiện tương ưng nhân *(hetusampayutta)* liên quan pháp thiện tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

936.

Nhân 1, Cảnh 1, Trưởng 1, Bất ly 1.

937.

Phi Trưởng 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Bất tương ưng 1.

938.

Nhân duyên có phi Trưởng 1.

939.

Phi Trưởng duyên có Nhân 1.

Phần đồng sanh *(sahajātavāra)*, ỷ trượng *(paccayavāra)*, y chỉ *(nissayavāra)*, hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)*, tương ưng *(sampayuttavāra)* đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

940.

Pháp thiện tương ưng nhân *(hetusampayutta)* làm duyên cho pháp thiện tương ưng nhân bằng Nhân duyên.

941.

Nhân 1, Cảnh 1, Trưởng 1, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Nghiệp 1, Bất ly 1.

942.

Pháp thiện tương ưng nhân làm duyên cho pháp thiện tương ưng nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

943.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 1.

944.

Nhân duyên có phi Cảnh 1.

945.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

946.

* Pháp bất thiện tương ưng nhân liên quan pháp bất thiện tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất thiện tương ưng nhân liên quan pháp bất thiện bất tương ưng nhân *(hetuvippayutta)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất thiện tương ưng nhân liên quan những pháp bất thiện tương ưng nhân và bất thiện bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

947.

* Pháp bất thiện tương ưng nhân liên quan pháp bất thiện tương ưng nhân sanh ra do Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp bất thiện tương ưng nhân liên quan pháp bất thiện bất tương ưng nhân sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp bất thiện tương ưng nhân *(hetusampayutta)* liên quan những pháp bất thiện tương ưng nhân và bất thiện bất tương ưng nhân *(hetuvippayutta)* sanh ra do Cảnh duyên.

948.

Pháp bất thiện tương ưng nhân liên quan pháp bất thiện tương ưng nhân sanh ra do Trưởng duyên.

949.

Nhân 3, Cảnh 5, Trưởng 1, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 5, Hỗ tương 5, Y chỉ 5, Cận y 5, Tiền sanh 5, Cố hưởng 5, Nghiệp 5, Thực 5, Quyền 5, Thiền 5, Đạo 5, Tương ưng 5, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 5, Bất ly 5.

950.

Pháp bất thiện bất tương ưng nhân liên quan pháp bất thiện tương ưng nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

951.

Pháp bất thiện tương ưng nhân liên quan pháp bất thiện tương ưng nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

952.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 5, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Bất tương ưng 5.

953.

Nhân duyên có phi Trưởng 3.

954.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng (nhờ cậy), y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

955.

Pháp bất thiện tương ưng nhân *(hetusampayutta)* làm duyên cho pháp bất thiện tương ưng nhân bằng Nhân duyên: Có 2 câu.

956.

- Pháp bất thiện tương ưng nhân làm duyên cho pháp bất thiện tương ưng nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện bất tương ưng nhân làm duyên cho pháp bất thiện bất tương ưng nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
- Chư pháp bất thiện tương ưng nhân và bất thiện bất tương ưng nhân làm duyên cho pháp bất thiện tương ưng nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

957.

Nhân 2, Cảnh 9, Trưởng 1, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 5, Hỗ tương 5, Y chỉ 5, Cận y 9, Cố hưởng 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 5, Hiện hữu 5, Bất ly 5.

958.

Pháp bất thiện tương ưng nhân *(hetusampayutta)* làm duyên cho pháp bất thiện tương ưng nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

959.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

960.

Nhân duyên có phi Cảnh 2.

961.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

962.

- Pháp vô ký tương ưng nhân *(abyākatahetusampayutta)* liên quan *(paṭicca)* pháp vô ký tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

* Pháp vô ký bất tương ưng *(vippayutta)* nhân liên quan pháp vô ký bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô ký tương ưng nhân liên quan những pháp vô ký tương ưng nhân và vô ký bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

963.

Nhân 9, Cảnh 4, Trưởng 5, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9,... Tiền sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 9, Quả 9, Bất ly 9.

964.

Pháp vô ký bất tương ưng nhân liên quan pháp vô ký bất tương ưng nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

965.

Pháp vô ký bất tương ưng nhân liên quan pháp vô ký tương ưng nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

966.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

967.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

968.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

969.

Pháp vô ký tương ưng nhân *(abyākatahetusampayutta)* làm duyên cho pháp vô ký tương ưng nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

970.

Pháp vô ký tương ưng nhân làm duyên cho pháp vô ký tương ưng nhân bằng Cảnh duyên.

971.

Nhân 3, Cảnh 4, Trưởng 4, Vô gián 4, Nghiệp 4, Quả 4, Bất ly 7.

972.

Pháp vô ký tương ưng nhân làm duyên cho pháp vô ký tương ưng nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

973.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7.

974.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

975.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề tương ưng nhân - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN – TAM ĐỀ THIỆN
(Hetusahetukaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

976.

∗ Pháp thiện nhân hữu nhân *(hetu sahetuka)* liên quan pháp thiện nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp thiện hữu nhân phi nhân *(sahetuka na hetu)* liên quan pháp thiện hữu nhân phi nhân *(sahetuka na hetu)* sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp thiện nhân hữu nhân liên quan pháp thiện nhân hữu nhân và pháp thiện hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

977.

Nhân 9, Cảnh 9, Nghiệp 9, Thực 9, Bất ly 9.

978.

Pháp thiện nhân hữu nhân liên quan pháp thiện nhân hữu nhân *(hetu sahetuka)* sanh ra do phi Trưởng duyên.

979.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

980.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

981.

Phi Trưởng duyên có Nhân 9.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

982.

Pháp thiện nhân hữu nhân *(hetu sahetuka)* làm duyên cho pháp thiện nhân hữu nhân bằng Nhân duyên.

983.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Bất ly 9.

984.

Pháp thiện nhân hữu nhân làm duyên cho pháp thiện nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

985.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

986.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

987.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

988.

Pháp bất thiện nhân hữu nhân liên quan pháp bất thiện nhân hữu nhân *(hetu sahetuka)* sanh ra do Nhân duyên.

989.

Nhân 9, Cảnh 9, Nghiệp 9, Thực 9, Bất ly 9.

990.

Pháp bất thiện nhân hữu nhân liên quan pháp bất thiện nhân hữu nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

991.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

992.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

993.

Phi Trưởng duyên có Nhân 9.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

994.

Pháp bất thiện nhân hữu nhân *(hetu sahetuka)* làm duyên cho pháp bất thiện nhân hữu nhân bằng Nhân duyên.

995.

Nhân 3, Cảnh 9, Nghiệp 3, Thực 3, Bất ly 9.

996.

Pháp bất thiện nhân hữu nhân làm duyên cho pháp bất thiện nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

997.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

998.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

999.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1000.

Pháp vô ký nhân hữu nhân *(abyākata hetu sahetuka)* liên quan pháp vô ký nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.

1001.

Nhân 9, Cảnh 9, Nghiệp 9, Quả 9, Bất ly 9.

1002.

Pháp vô ký nhân hữu nhân *(abyākata hetu sahetuka)* pháp vô ký nhân hữu nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

1003.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

1004.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

1005.

Phi Trưởng duyên có Nhân 9.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1006.

Pháp vô ký nhân hữu nhân *(abyākata hetu sahetuka)* làm duyên cho pháp vô ký nhân hữu nhân bằng Nhân duyên.

1007.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 3, Bất ly 9.

1008.

Pháp vô ký nhân hữu nhân làm duyên cho pháp vô ký nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1009.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1010.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

1011.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân hữu nhân - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN – TAM ĐỀ THIỆN

(Hetu hetusampayuttaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1012.

- Pháp thiện nhân tương ưng nhân *(hetu hetusampayutta)* liên quan pháp thiện nhân tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện tương ưng nhân phi nhân *(hetusampayutta na ca hetu)* liên quan pháp thiện nhân tương ưng nhân *(hetu hetusampayutta)* sanh ra do Nhân duyên.

1013.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

1014.

Pháp thiện nhân tương ưng nhân liên quan pháp thiện nhân tương ưng nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

1015.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

1016.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

1017.

Phi Trưởng duyên có Nhân 9.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1018.

Pháp thiện nhân tương ưng nhân *(hetu hetusampayutta)* làm duyên cho pháp thiện nhân tương ưng nhân bằng Nhân duyên.

1019.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Nghiệp 3, Thực 3, Bất ly 9.

1020.

Pháp thiện nhân tương ưng nhân làm duyên cho pháp thiện nhân tương ưng nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1021.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1022.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

1023.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1024.

Pháp bất thiện nhân tương ưng nhân *(hetu hetusampauyyta)* liên quan pháp bất thiện nhân tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

1025.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

1026.

Pháp bất thiện nhân tương ưng nhân liên quan pháp bất thiện nhân tương ưng nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

1027.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

1028.

Nhân duyên có phi Trưởng 3.

1029.

Phi Trưởng duyên có Nhân 9.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1030.

Pháp bất thiện nhân tương ưng nhân *(hetu hetusampayutta)* làm duyên cho pháp bất thiện nhân tương ưng nhân bằng Nhân duyên.

1031.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Nghiệp 3, Thực 9, Bất ly 9.

1032.

Pháp bất thiện nhân tương ưng nhân làm duyên cho pháp bất thiện nhân tương ưng nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1033.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1034.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

1035.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1036.

Pháp vô ký nhân tương ưng nhân *(hetu hetusampayutta)* liên quan pháp vô ký nhân tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

1037.

Nhân 9, Cảnh 9, Nghiệp 9, Quả 9, Bất ly 9.

1038.

Pháp vô ký nhân tương ưng nhân liên quan pháp vô ký nhân tương ưng nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

1039.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

1040.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

1041.

Phi Trưởng duyên có Nhân 9.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1042.

Pháp vô ký nhân tương ưng nhân làm duyên cho pháp vô ký nhân tương ưng nhân *(hetu hetusampayutta)* bằng Nhân duyên.

1043.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Bất ly 9.

1044.

Pháp vô ký nhân tương ưng nhân làm duyên cho pháp vô ký nhân tương ưng nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1045.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1046.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

1047.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân tương ưng nhân - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN – TAM ĐỀ THIỆN

(Nahetu sahetuka duka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1048.

Pháp thiện phi nhân hữu nhân *(na hetu sahetuka)* liên quan pháp thiện phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên *(hetupaccayo)*.

1049.

Nhân 1, Cảnh 1, tất cả đều 1, Bất ly 1.

1050.

Phi Trưởng 1, phi Tiền sanh 1, phi Quả 1, phi Bất tương ưng 1.

Dù phần vấn đề *(pañhāvāra)* tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1051.

Pháp bất thiện phi nhân hữu nhân *(na hetu sahetuka)* liên quan pháp bất thiện phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.

1052.

Nhân 1, Cảnh 1, tất cả đều 1, Bất ly 1.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* tất cả đều có 1, không có Nhân duyên *(hetupaccayo)*.
Phần vấn đề *(pañhāvāra)* thứ 3 này cũng không có Nhân duyên.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1053.

- Pháp vô ký phi nhân hữu nhân *(na hetu sahetuka)* liên quan pháp vô ký phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký phi nhân vô nhân *(ahetuka)* liên quan pháp vô ký phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp vô ký phi nhân hữu nhân và pháp vô ký phi nhân vô nhân liên quan pháp vô ký phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký phi nhân vô nhân liên quan pháp vô ký phi nhân vô nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký phi nhân hữu nhân liên quan những pháp vô ký phi nhân hữu nhân và vô ký phi nhân vô nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu

1054.

Nhân 9, Cảnh 4, Trưởng 5, Nghiệp 9, Quả 9, Bất ly 9.

1055.

Pháp vô ký phi nhân vô nhân *(nahetu ahetuka)* liên quan pháp vô ký phi nhân vô nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

1056.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Vô gián 3, phi Liên tiếp 3, phi Hỗ tương 3, phi Cận y 3, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

1057.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

1058.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1059.

Pháp vô ký phi nhân hữu nhân *(nahetu sahetuka)* làm duyên cho pháp vô ký phi nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên.

1060.

Cảnh 4, Trưởng 4, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 7, Hỗ tương 6, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Hậu sanh 2, Cố hưởng 2, Nghiệp 4, Quả 4, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 3, Tương ưng 2, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 7.

1061.

Pháp vô ký phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp vô ký phi nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1062.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7.

1063.

Cảnh duyên có phi Nhân 4.

1064.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề phi nhân hữu nhân - tam đề thiện
Hết phần chùm nhị đề nhân - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN – TAM ĐỀ THIỆN
(Sappaccayaduka kasalattika)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1065.

Pháp thiện hữu duyên *(sappaccaya)* liên quan pháp thiện hữu duyên sanh ra do Nhân duyên.

1066.

Nhân 1, Cảnh 1, Trưởng 1, Bất ly 1.

1067.

Pháp thiện hữu duyên liên quan pháp thiện hữu duyên sanh ra do phi Trưởng duyên.

1068.

Phi Trưởng 1, phi Tiền sanh 1, phi Hậu sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Nghiệp 1, phi Quyền 1, phi Bất tương ưng 1.

Phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1069.

Pháp thiện hữu duyên *(sappaccaya)* làm duyên cho pháp thiện hữu duyên bằng Nhân duyên.

1070.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1071.

Pháp bất thiện hữu duyên *(sappaccaya)* liên quan pháp bất thiện hữu duyên sanh ra do Nhân duyên.

1072.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần vấn đề *(pañhāvāra)* tất cả đều có 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1073.

Pháp vô ký hữu duyên *(sappaccaya)* liên quan pháp vô ký hữu duyên sanh ra do Nhân duyên.

1074.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

1075.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 1, phi Trưởng 1, tất cả đều có 1.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1076.

Pháp vô ký hữu duyên *(sappaccaya)* làm duyên cho pháp vô ký hữu duyên bằng Nhân duyên.

1077.

- Pháp vô ký hữu duyên làm duyên cho pháp vô ký hữu duyên bằng Cảnh duyên.
- Pháp vô ký vô duyên *(appaccaya)* làm duyên cho pháp vô ký hữu duyên bằng Cảnh duyên.

1078.

- Nhân 1, Cảnh 2, Trưởng 2, Vô gián 1.
- Pháp vô ký hữu duyên *(sappaccaya)* làm duyên cho pháp vô ký hữu duyên bằng Cận y duyên.
- Pháp vô ký vô duyên *(appaccaya)* làm duyên cho pháp vô ký hữu duyên bằng Cận y duyên có Cảnh cận y.
- Tiền sanh 1, Hậu sanh 1, tất cả đều 1, Bất ly 1.

1079.

- Pháp vô ký hữu duyên *(sappaccaya)* làm duyên cho pháp vô ký hữu duyên bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
- Pháp vô ký vô duyên *(appaccaya)* làm duyên cho pháp vô ký hữu duyên bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.

1080.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 1.

1081.

Nhân duyên có phi Cảnh 1.

1082.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Dứt nhị đề hữu duyên - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ HỮU VI – TAM ĐỀ THIỆN

(Saṇkhataduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1083.

Pháp thiện hữu vi *(saṅkhata)* liên quan pháp thiện hữu vi sanh ra do Nhân duyên.

Như nhị đề hữu duyên *(sappaccaduka)*

Dứt nhị đề hữu vi - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ THIỆN

(Sanidassanaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1084.

Pháp thiện vô kiến *(anidassana)* liên quan pháp thiện vô kiến sanh ra do Nhân duyên.

1085.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần vấn đề *(pañhāvāra)* tất cả đều có 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1086.

Pháp bất thiện vô kiến *(anidassana)* liên quan pháp bất thiện vô kiến sanh ra do Nhân duyên.

1087.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần vấn đề *(pañhāvāra)* tất cả đều có 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1088.

Pháp vô ký vô kiến *(anidassana)* liên quan pháp vô ký vô kiến sanh ra do Nhân duyên.

1089.

Nhân 3, Cảnh 1, Trưởng 1, Bất ly 1.

1090.

Phi Nhân 3, tất cả đều 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, tất cả đều 3,... phi Ly 3.

Dù phần đồng sanh *(sahajātavāra)*, ỷ trượng *(paccayavāra)*, y chỉ *(nissayavāra)*, hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)*, tương ưng *(sampayuttavāra)* đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1091.

Pháp vô ký vô kiến *(anidassana)* làm duyên cho pháp vô ký vô kiến bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

1092.

* Pháp vô ký hữu kiến *(sanidassana)* làm duyên cho pháp vô ký vô kiến *(anidassana)* bằng Cảnh duyên.
* Pháp vô ký vô kiến làm duyên cho pháp vô ký vô kiến bằng Cảnh duyên.

1093.

* Pháp vô ký vô kiến làm duyên cho pháp vô ký vô kiến bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh.
* Pháp vô ký vô kiến làm duyên cho những pháp vô ký vô kiến và vô ký hữu kiến sanh ra do Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.

1094.

Vô gián 1,... Đồng sanh 3, Hỗ tương 1, Y chỉ 3.

1095.

* Pháp vô ký hữu kiến làm duyên cho pháp vô ký vô kiến bằng Cận y duyên có Thuần cận y.
* Pháp vô ký vô kiến làm duyên cho pháp vô ký vô kiến bằng Cận y duyên có Cảnh cận y, Vô gián cận y, Thuần cận y…

1096.

Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 1, Nghiệp 3, Quả 3, tất cả đều 3, Tương ưng 1, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 5, Vô hữu 1.

Dứt nhị đề hữu kiến - tam đề thiện

Vô duyên *(appaccaya)*, vô vi *(asaṅkhata)*, hữu kiến *(sanidassana)* vẫn không đặng *(na labbhati)*

NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU – TAM ĐỀ THIỆN

(Sappaṭighaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1097.

Pháp thiện vô đối chiếu *(appaṭighā)* liên quan pháp thiện vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1098.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất tương ưng 1, Bất ly 1.

Dù phần vấn đề *(pañhāvāra)* tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1099.

Pháp bất thiện vô đối chiếu *(appaṭṭighā)* liên quan pháp bất thiện vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1100.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần vấn đề *(pañhāvāra)* tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1101.

- Pháp vô ký *(abyākata)* hữu đối chiếu *(sappaṭigha)* liên quan pháp vô ký hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký vô đối chiếu *(appaṭigha)* liên quan pháp vô ký hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp vô ký hữu đối chiếu và vô ký vô đối chiếu liên quan pháp vô ký hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

1102.

Pháp vô ký vô đối chiếu liên quan pháp vô ký vô đối chiếu sanh ra do Cảnh duyên.

1103.

Nhân 9, Cảnh 1, Trưởng 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 1, Nghiệp 9, Quả 9, Bất ly 9.

1104.

Pháp vô ký *(abyākata)* hữu đối chiếu *(sappaṭigha)* sanh ra do phi Nhân duyên.

1105.

Phi Nhân 9, tất cả đều 9, phi Ly 9.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1106.

Pháp vô ký vô đối chiếu *(appaṭigha)* làm duyên cho pháp vô ký vô đối chiếu bằng Nhân duyên.

1107.

Nhân 3, Cảnh 2, Trưởng 2, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 9, Hỗ tương 6, Y chỉ 9, Cận y 2, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 1, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 3, Quyền 5, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 1, Bất tương ưng 4, Hiện hữu 9, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 9.

1108.

Pháp vô ký hữu đối chiếu *(sappaṭigha)* làm duyên cho pháp vô ký hữu đối chiếu bằng Đồng sanh duyên…

1109.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1110.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

1111.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng *(anuloma)*, đối lập *(paccanīya)*, thuận nghịch *(anuloma paccanīya)*, nghịch thuận *(paccanīya anuloma)* đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề hữu đối chiếu - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ SẮC – TAM ĐỀ THIỆN

(Rūpiduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1112.

Pháp thiện phi sắc *(arūpi)* liên quan pháp thiện phi sắc sanh ra do Nhân duyên.

1113.

Nhân 1, Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh *(sahajātavāra)*... phần vấn đề *(paññāvāra)* tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1114.

Pháp bất thiện phi sắc *(arūpi)* liên quan pháp bất thiện phi sắc sanh ra do Nhân duyên.

1115.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh... phần vấn đề *(paññāvāra)* tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1116.

- Pháp vô ký sắc *(rūpi)* liên quan pháp vô ký sắc sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký phi sắc *(arūpi)* liên quan pháp vô ký phi sắc sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký sắc *(rūpi)* liên quan những pháp vô ký sắc và vô ký phi sắc *(arūpi)* sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1117.

Pháp vô ký phi sắc liên quan pháp vô ký phi sắc *(arūpi)* sanh ra do Cảnh duyên.

1118.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 5, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Hỗ tương 6, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 9, Quả 9, Bất ly 9.

1119.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9,... phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 2, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Phần Vấn Đề *(Paññāvāra)*

1120.

Pháp vô ký phi sắc *(arūpi)* làm duyên cho pháp vô ký phi sắc bằng Nhân duyên.

1121.

Nhân 3, Cảnh 2, Trưởng 3, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 7, Hỗ tương 6, Y chỉ 7, Cận y 2, Tiền sanh 1, Hậu sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 4, Quyền 6, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 1, Bất tương ưng 2,... Bất ly 7.

1122.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7.

1123.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

1124.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề sắc - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ – TAM ĐỀ THIỆN

*(Lokiyaduka **kusalattikaṃ**)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1125.

∗ Pháp thiện hiệp thế *(lokiya)* liên quan pháp thiện hiệp thế sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện siêu thế *(lokuttara)* liên quan pháp thiện siêu thế sanh ra do Nhân duyên.

1126.

∗ Pháp thiện hiệp thế liên quan pháp thiện hiệp thế sanh ra do Cảnh duyên.

∗ Pháp thiện siêu thế *(lokuttara)* liên quan pháp thiện siêu thế sanh ra do Cảnh duyên.

1127.

Nhân 2, Cảnh 2, Trưởng 2, Nghiệp 2, Bất ly 2.

1128.

Phi Trưởng 2, phi Cố hưởng 1, phi Bất tương ưng 2.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1129.

∗ Pháp thiện hiệp thế *(lokiya)* làm duyên cho pháp thiện hiệp thế bằng Nhân duyên.

∗ Pháp thiện siêu thế *(lokuttara)* làm duyên cho pháp thiện siêu thế bằng Nhân duyên: Có 2 câu.

1130.

∗ Pháp thiện hiệp thế làm duyên cho pháp thiện hiệp thế bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp thiện siêu thế làm duyên cho pháp thiện hiệp thế *(lokiya)* bằng Cảnh duyên.

1131.

∗ Pháp thiện hiệp thế làm duyên cho pháp thiện hiệp thế bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh.

∗ Pháp thiện siêu thế làm duyên cho pháp thiện siêu thế bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh.

∗ Pháp thiện siêu thế làm duyên cho pháp thiện hiệp thế bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh.

1132.

Nhân 2, Cảnh 2, Trưởng 3, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2,... Cận y 4, Cố hưởng 2, Nghiệp 2, Thực 2, Bất ly 2.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1133.

Pháp bất thiện hiệp thế *(lokiya)* liên quan pháp bất thiện hiệp thế sanh ra do Nhân duyên.

1134.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh,... hay phần vấn đề *(pañhāvāra)* tất cả đều giống như nhau.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1135.

∗ Pháp vô ký hiệp thế *(lokiya)* liên quan pháp vô ký hiệp thế sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô ký siêu thế liên quan pháp vô ký siêu thế sanh ra do Nhân duyên.

1136.

Nhân 5, Cảnh 2, Nghiệp 5, Quả 5, Bất ly 5.

1137.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 2,... phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 5,...Phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Thực 1,... phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1138.

∗ Pháp vô ký *(abyākata)* hiệp thế làm duyên cho pháp vô ký hiệp thế bằng Nhân duyên.

∗ Pháp vô ký siêu thế làm duyên cho pháp vô ký siêu thế *(lokuttara)* bằng Nhân duyên.

1139.

Nhân 4, Cảnh 3, Trưởng 4, Vô gián 4, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Hậu sanh 2, Cố hưởng 1, Nghiệp 3, Quả 4, Thực 4,... Đạo 4, Tương ưng 2, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Bất ly 7.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề hiệp thế - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ CŨNG CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG – TAM ĐỀ THIỆN

(Kenaciviññeyyaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1140.

∗ Pháp thiện cũng có tâm biết *(kenaciviññeyya)* liên quan pháp thiện cũng có tâm biết sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện cũng có tâm không biết *(kenacinaviññeyya)* liên quan pháp thiện cũng có tâm biết *(kenaciviññeyya)* sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp thiện cũng có tâm biết và thiện cũng có tâm không biết liên quan pháp thiện cũng có tâm biết sanh ra do Nhân duyên.

1141.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

1142.

Pháp thiện cũng có tâm biết liên quan pháp thiện cũng có tâm biết sanh ra do phi Trưởng duyên.

1143.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 9, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1144.

Pháp thiện cũng có tâm biết *(kenaciviññeyya)* làm duyên cho pháp thiện cũng có tâm biết bằng Nhân duyên.

1145.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Nghiệp 9, Bất ly 9.

1146.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1147.

Nhân duyên có phi Cảnh 9.

1148.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dù bất thiện cũng có tâm biết *(kenaciviññeyya)* hay vô ký cũng có tâm biết; nên sắp rộng như thiện cũng có tâm biết.

Dứt nhị đề cũng có tâm biết đặng - tam đề thiện
Hết Nhị đề đỉnh (cūḷantaraduka) - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ LẬU – TAM ĐỀ THIỆN
(Āsavaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1149.

Pháp thiện phi lậu *(no āsava)* liên quan pháp thiện phi lậu sanh ra do Nhân duyên.

1150.

Nhân 1, Cảnh 1, Nghiệp 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh… cho đến phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1151.

Pháp bất thiện thuộc lậu liên quan pháp bất thiện thuộc lậu sanh ra do Nhân duyên.

1152.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

1153.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 9,... phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng... tương ưng đều nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1154.

Pháp thiện bất thiện thành lậu *(āsava)* làm duyên cho pháp bất thiện thành lậu bằng Nhân duyên.

1155.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 9… cả 3 câu ở chặn giữa đặng chi pháp Trưởng đồng sanh *(Sahajāta),* Vô gián 9… Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3,... Đạo 9.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1156.

Pháp vô ký phi lậu *(anāsava)* liên quan pháp vô ký phi lậu sanh ra do Nhân duyên.

1157.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng… cho đến phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề lậu - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU – TAM ĐỀ THIỆN

(Sāsavaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1158.

- Pháp thiện cảnh lậu *(sāsava)* liên quan pháp thiện cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện phi cảnh lậu *(anāsava)* liên quan pháp thiện phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

1159.

Nhân 2, Cảnh 2, Trưởng 2, Bất ly 2.

1160.

Phi Trưởng 2, phi Bất tương ưng 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng... tất cả đều có 2 câu.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1161.

- Pháp thiện cảnh lậu làm duyên cho pháp thiện cảnh lậu *(sāsava)* bằng Nhân duyên.
- Pháp thiện phi cảnh lậu *(anāsava)* làm duyên cho pháp thiện phi cảnh lậu bằng Nhân duyên.

1162.

Nhân 2, Cảnh 2, Trưởng 3, Cận y 4, Bất ly 2.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1163.

Pháp bất thiện cảnh lậu liên quan pháp bất thiện cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

1164.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh cho đến phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1165.

- Pháp vô ký cảnh lậu *(sāsava)* liên quan pháp vô ký cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký phi cảnh lậu *(anāsava)* liên quan pháp vô ký phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký cảnh lậu liên quan pháp vô ký phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp vô ký cảnh lậu và vô ký phi cảnh lậu liên quan pháp vô ký phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp vô ký cảnh lậu liên quan những pháp vô ký cảnh lậu và vô ký phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

1166.

Nhân 5, Cảnh 2, Trưởng 5, Quả 5, Bất ly 5.

1167.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 2.

Dù phần đồng sanh… phần tương ưng tất cả đều nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Paññāvāra)*

1168.

- Pháp vô ký *(abyākata)* cảnh lậu *(sāsava)* làm duyên cho pháp vô ký cảnh lậu bằng Nhân duyên.
- Pháp vô ký phi cảnh lậu *(anāsava)* làm duyên cho pháp vô ký phi cảnh lậu bằng Nhân duyên.

1169.

Nhân 4, Cảnh 3, Bất ly 7.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề cảnh lậu - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU – TAM ĐỀ THIỆN

(Āsavā sampayuttaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1170.

Pháp thiện bất tương ưng lậu *(āsavavippayutta)* liên quan pháp thiện bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.

1171.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Cắt nhị đề thiện chỉ còn lại nhị đề bất thiện sẽ thành ra sao?

1172.

- Pháp bất thiện tương ưng lậu *(āsavasampayutta)* liên quan pháp bất thiện tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện tương ưng lậu liên quan pháp bất thiện tương ưng lậu *(āsavavippayutta)* sanh ra do Nhân duyên.

1173.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng tất cả đều 5 câu.

1174.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 5, phi Tiền sanh 5,... phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Bất tương ưng 5…

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1175.

* Pháp bất thiện tương ưng lậu *(āsavasampayutta)* làm duyên cho pháp bất thiện tương ưng lậu bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp bất thiện bất tương ưng lậu làm duyên cho pháp bất thiện tương ưng lậu bằng Nhân duyên.

1176.

Nhân 5, Cảnh 9, Bất ly 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1177.

Pháp vô ký bất tương ưng lậu liên quan pháp vô ký bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.

1178.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

1179.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 1, phi Trưởng 1.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng tất cả đều 1.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1180.

Pháp vô ký bất tương ưng lậu *(āsavavippayutta)* làm duyên cho pháp vô ký bất tương ưng lậu bằng Nhân duyên.

1181.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề tương ưng lậu - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU – TAM ĐỀ THIỆN

(Āsavasāsavaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1182.

Pháp thiện cảnh lậu phi lậu *(sāsava no ca āsava)* liên quan pháp thiện cảnh lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên.

1183.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1 câu.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1184.

- Pháp bất thiện lậu cảnh lậu *(āsava ceva sāsavoca)* liên quan pháp bất thiện lậu cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện cảnh lậu phi lậu *(sāsavo ceva no ca āsavo)* liên quan pháp bất thiện cảnh lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện lậu cảnh lậu liên quan những pháp bất thiện lậu cảnh lậu và bất thiện cảnh lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên.

1185.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

1186.

Pháp bất thiện lậu cảnh lậu liên quan pháp bất thiện cảnh lậu phi lậu sanh ra do phi Nhân duyên.

1187.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1188.

Pháp bất thiện lậu cảnh lậu *(sāsava)* làm duyên cho pháp bất thiện lậu cảnh lậu bằng Nhân duyên.

1189.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

1190.

Pháp bất thiện lậu cảnh lậu *(āsavoceva sāsavo)* làm duyên cho pháp bất thiện lậu cảnh lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.

1191.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1192.

Nhân duyên có phi Cảnh 7.

1193.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1194.

Pháp vô ký cảnh lậu phi lậu liên quan pháp vô ký cảnh lậu phi lậu *(sāsavo ceva no ca āsavo)* sanh ra do Nhân duyên.

1195.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề lậu cảnh lậu - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU – TAM ĐỀ THIỆN

(Āsava āsavasampayuttaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1196.

∗ Pháp bất thiện lậu tương ưng lậu *(āsavoceva āsavasampayutta)* liên quan pháp bất thiện lậu tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp bất thiện tương ưng lậu phi lậu *(āsavasampayutta no ca āsavo)* liên quan pháp bất thiện tương ưng lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp bất thiện lậu tương ưng lậu liên quan những pháp bất thiện lậu tương ưng lậu và bất thiện tương ưng lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1197.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

1198.

Pháp bất thiện lậu tương ưng lậu liên quan pháp bất thiện lậu tương ưng lậu *(āsavoceva āsavasampayutta)* sanh ra do phi Trưởng duyên.

1199.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng tất cả đều 9.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1200.

Pháp bất thiện lậu tương ưng lậu *(āsavoceva āsavasampayutto ca)* làm duyên cho pháp bất thiện lậu tương ưng lậu bằng Nhân duyên.

1201.

Nhân 4, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

1202.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1203.

Nhân duyên có phi Cảnh 4.

1204.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề lậu tương ưng lậu - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU – TAM ĐỀ THIỆN

(Āsava vippayuttasāsavaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1205.

- Pháp thiện bất tương ưng lậu cảnh lậu *(āsava vippayutta sāsavo)* liên quan pháp thiện bất tương ưng lậu cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện bất tương ưng lậu phi cảnh lậu *(āsavavippayutto anāsavo)* liên quan pháp thiện bất tương ưng lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

1206.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1207.

- Pháp vô ký *(abyākata)* bất tương ưng lậu cảnh lậu *(āsavavippayutto sāsavo)* liên quan pháp vô ký bất tương ưng lậu cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký bất tương ưng lậu phi cảnh lậu *(āsavavippayutto anāsavo)* liên quan pháp vô ký bất tương ưng lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký bất tương ưng lậu cảnh lậu liên quan pháp vô ký bất tương ưng lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp vô ký bất tương ưng lậu cảnh lậu và vô ký bất tương ưng lậu phi cảnh lậu liên quan pháp vô ký bất tương ưng lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký bất tương ưng lậu cảnh lậu liên quan những pháp vô ký bất tương ưng lậu cảnh lậu và vô ký bất tương ưng lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

1208.

Nhân 5, Cảnh 2, Trưởng 5, Nghiệp 5, Quả 5, Bất ly 5.

1209.

Pháp vô ký bất tương ưng lậu cảnh lậu liên quan pháp vô ký bất tương ưng lậu cảnh lậu sanh ra do phi Nhân duyên.

1210.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 2, phi Ly *(no avigate)* 3.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1211.

- Pháp vô ký bất tương ưng lậu cảnh lậu làm duyên cho pháp vô ký bất tương ưng lậu cảnh lậu bằng Nhân duyên.
- Pháp vô ký bất tương ưng lậu phi cảnh lậu *(āsasavippayutto anāsavo)* làm duyên cho pháp vô ký bất tương ưng lậu phi cảnh lậu bằng Nhân duyên.
- Pháp vô ký bất tương ưng lậu phi cảnh lậu làm duyên cho pháp vô ký bất tương ưng lậu cảnh lậu bằng Nhân duyên.
- Pháp vô ký bất tương ưng lậu phi cảnh lậu làm duyên cho những pháp vô ký bất tương ưng lậu cảnh lậu và vô ký bất tương ưng lậu phi cảnh lậu bằng Nhân duyên.

1212.

* Pháp vô ký bất tương ưng lậu cảnh lậu làm duyên cho pháp vô ký bất tương ưng lậu cảnh lậu bằng Cảnh duyên.
* Pháp vô ký bất tương ưng lậu phi cảnh lậu làm duyên cho pháp vô ký bất tương ưng lậu phi cảnh lậu bằng Cảnh duyên.

1213.

Nhân 4, Cảnh 3, Trưởng 4, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Cố hưởng 1, Nghiệp 4, Quả 4, Thực 4, Bất ly 7.

1214.

Pháp vô ký bất tương ưng lậu cảnh lậu làm duyên cho pháp vô ký bất tương ưng lậu cảnh lậu bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

1215.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7.

1216.

Nhân duyên có phi Cảnh 4.

1217.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu - tam đề thiện
Hết nhị đề chùm lậu (āsavagocchaka) - tam đề thiện (kusalattikaṃ)

NHỊ ĐỀ TRIỀN – TAM ĐỀ THIỆN

(Saññojanaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1218.

Pháp thiện phi triền *(no saññojano)* liên quan pháp thiện phi triền sanh ra do Nhân duyên.

1219.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1220.

* Pháp bất thiện thành triền *(saññojano)* liên quan pháp bất thiện thành triền sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất thiện phi triền *(no saññojano)* liên quan pháp bất thiện phi triền sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp bất thiện thành triền và bất thiện phi triền liên quan pháp bất thiện thành triền sanh ra do Nhân duyên.

1221.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

1222.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 3, phi Bất tương ưng 9.

Dù phần đồng sanh,... tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1223.

Pháp bất thiện thành triền làm duyên cho pháp bất thiện thành triền bằng Nhân duyên.

1224.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

1225.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1226.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

1227.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1228.

Pháp vô ký phi triền *(no saṅyojana)* liên quan pháp vô ký phi triền sanh ra do Nhân duyên.

1229.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề triền - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ CẢNH TRIỀN – TAM ĐỀ THIỆN

(Saṇyojanīyaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1230.

* Pháp thiện cảnh triền *(saṅyojanīya)* liên quan pháp thiện cảnh triền sanh ra do Nhân duyên *(hetupaccayo)*.
* Pháp thiện phi cảnh triền *(asaṅyojanīya)* liên quan pháp thiện phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.

1231.

Nhân 2, Cảnh 2.

Theo văn Pālī thì nhị đề hiệp thế *(lokiyaduka)* siêu thế *(lokuttaraduka)* thuộc phần nhị đề đỉnh *(cūḷantaraduka)* thế nào thì nơi đây nên biết cũng thế ấy.
Dù phần đồng sanh *(sahajātavāra)*... hay phần vấn đề *(pañhāvāra)* đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1232.

Pháp bất thiện cảnh triền liên quan pháp bất thiện cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.

1233.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1234.

- Pháp vô ký cảnh triền liên quan pháp vô ký cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký phi cảnh triền liên quan pháp vô ký phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký cảnh triền liên quan pháp vô ký phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp vô ký cảnh triền và vô ký phi cảnh triền liên quan pháp vô ký phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký cảnh triền liên quan những pháp vô ký cảnh triền và vô ký phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.

1235.

Nhân 5, Cảnh 2, Trưởng 5, Bất ly 5.

Như nhị đề hiệp thế, siêu thế trong nhị đề đỉnh *(cūḷantaraduka)*.
Dù phần đồng sanh… hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1236.

- Pháp vô ký cảnh triền *(saṅyojanīya)* làm duyên cho pháp vô ký cảnh triền bằng Nhân duyên.
- Pháp vô ký phi cảnh triền *(asaṅyojanīya)* làm duyên cho pháp vô ký phi cảnh triền bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

1237.

Nhân 4, Cảnh 3, Trưởng 4, Bất ly 7.

1238.

Pháp vô ký cảnh triền làm duyên cho pháp vô ký cảnh triền bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Tiền sanh duyên, bằng Hậu sanh duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên.

1239.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7.

1240.

Nhân duyên có phi Cảnh 4.

1241.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề cảnh triền - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TRIỀN – TAM ĐỀ THIỆN

(Saṇyojanasampayuttaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1242.

Pháp thiện bất tương ưng triền *(saṅyojanavippayutta)* liên quan pháp thiện bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên.

1243.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1244.

Pháp bất thiện tương ưng triền *(saṅyojanasampayutta)* liên quan pháp bất thiện tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên.

1245.

Pháp bất thiện tương ưng triền liên quan pháp bất thiện tương ưng triền sanh ra do Cảnh duyên.

1246.

Nhân 3, Cảnh 5, Trưởng 1, Bất ly 5.

1247.

Pháp bất thiện tương ưng triền liên quan pháp bất thiện tương ưng triền sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi.

1248.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 5, phi Tiền sanh 5,... phi Nghiệp 3, phi Bất tương ưng 5.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1249.

- Pháp bất thiện tương ưng triền làm duyên cho pháp bất thiện tương ưng triền bằng Nhân duyên.
- Pháp bất thiện bất tương ưng triền làm duyên cho pháp bất thiện bất tương ưng triền bằng Nhân duyên.

1250.

- Nhân 2, Cảnh 9.
- Pháp bất thiện tương ưng triền làm duyên cho pháp bất thiện tương ưng triền bằng Trưởng duyên.
- Trưởng 1, Vô gián 9,... Đồng sanh 5,... Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3,... Đạo 3, Tương ưng 5, Hiện hữu 5.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1251.

Pháp vô ký bất tương ưng triền liên quan pháp vô ký *(abyākata)* bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên.

1252.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề tương ưng triền - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ TRIỀN CẢNH TRIỀN – TAM ĐỀ THIỆN

(Saṇyojanasaṇyojanīyaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1253.

Pháp thiện cảnh triền phi triền *(saṅyojaniyo ceva no ca saṅyojano)* liên quan pháp thiện cảnh triền phi triền sanh ra do Nhân duyên.

1254.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1255.

Pháp bất thiện triền cảnh triền *(saṅyojano ceva saṅyojaniyo ca)* liên quan pháp bất thiện triền cảnh triền sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1256.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

1257.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1258.

Pháp bất thiện triền cảnh triền làm duyên cho pháp bất thiện triền cảnh triền bằng Nhân duyên.

1259.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

1260.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1261.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

1262.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1263.

Pháp vô ký cảnh triền phi triền *(saṅyojaniyo ceva no ca saṅyojano)* liên quan pháp vô ký cảnh triền phi triền sanh ra do Nhân duyên.

1264.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề triền cảnh triền - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ TRIỀN TƯƠNG ƯNG TRIỀN – TAM ĐỀ THIỆN

(Saṇyojanasaṇyojanasampayuttaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1265.

Pháp bất thiện triền tương ưng triền *(saṅyojano ceva saṅyojanasampayutto ca)* liên quan pháp bất thiện triền tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1266.

Pháp bất thiện tương ưng triền phi triền *(no saṅyojano)* liên quan pháp bất thiện tương ưng triền phi triền sanh ra do Nhân duyên.

1267.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

1268.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1269.

Pháp bất thiện triền tương ưng triền làm duyên cho pháp bất thiện triền tương ưng triền bằng Nhân duyên.

1270.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

1271.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9.

1272.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

1273.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề bất triền tương ưng triền - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG TRIỀN CẢNH TRIỀN – TAM ĐỀ THIỆN

(Saṇyojanavippayuttasaṇyojanīyaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1274.

- Pháp thiện bất tương ưng triền cảnh triền *(saṅyojanavippayutto saṅyojaniyo)* liên quan pháp thiện bất tương ưng triền cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện bất tương ưng triền phi cảnh triền *(asaṅyojaniyo)* liên quan pháp thiện bất tương ưng triền phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.

1275.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Nhị đề đỉnh *(cūḷantaraduka)* thế nào thì nhị đề hiệp thế *(lokiyaduka)* và siêu thế *(lokuttaraduka)* như thế ấy.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1276.

Pháp bất thiện bất tương ưng triền cảnh triền *(saṅyojanavippayutto saṅyojaniyo)* làm duyên cho pháp bất thiện bất tương ưng triền cảnh triền bằng Cảnh duyên.

1277.

Cảnh 1, tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1278.

* Pháp vô ký bất tương ưng triền cảnh triền liên quan pháp vô ký *(abyākata)* bất tương ưng triền cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký bất tương ưng triền phi cảnh triền *(asaṅyojaniya)* liên quan pháp vô ký bất tương ưng triền phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký *(abyākata)* bất tương ưng triền cảnh triền *(saṅyojanavippayutto saṅyojaniyo)* liên quan pháp vô ký bất tương ưng triền phi cảnh triền *(asaṅyojaniyo)* sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp vô ký bất tương ưng triền cảnh triền và vô ký bất tương ưng triền phi cảnh triền liên quan pháp vô ký bất tương ưng triền phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký bất tương ưng triền cảnh triền liên quan pháp vô ký bất tương ưng triền cảnh triền và vô ký bất tương ưng triền phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.

1279.

Nhân 5, Cảnh 2, Trưởng 5, Nghiệp 5, Bất ly 5.

1280.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 4, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 1, phi Quả 1, phi Bất tương ưng 2, phi Ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1281.

Pháp vô ký bất tương ưng triền cảnh triền làm duyên cho pháp vô ký bất tương ưng triền cảnh triền bằng Nhân duyên.

1282.

Nhân 4, Cảnh 3, Trưởng 4, Vô gián 4, Bất ly 7.

1283.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7.

1284.

Nhân duyên có phi Cảnh 4.

1285.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng *(anuloma)*, đối lập *(paccanīya)*, thuận nghịch *(anuloma paccanīya)*, hay nghịch thuận *(paccanīya anuloma)* đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề bất tương ưng triền cảnh triền - tam đề thiện

Hết chùm nhị đề triền - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ PHƯỢC – TAM ĐỀ THIỆN
(Ganthaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1286.

Pháp thiện phi phược *(no gantho)* liên quan pháp thiện phi phược sanh ra do Nhân duyên.

1287.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1288.

- Pháp bất thiện thành phược *(gantha)* liên quan pháp bất thiện thành phược sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện phi phược *(no gantha)* liên quan pháp bất thiện thành phược sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp bất thiện thành phược và bất thiện phi phược liên quan pháp bất thiện thành phược sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện phi phược liên quan pháp bất thiện phi phược sanh ra do Nhân duyên.

1289.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

1290.

- Phi Nhân 1, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

Dù phần đồng sanh… hay phần tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1291.

Pháp bất thiện thành phược làm duyên cho pháp bất thiện thành phược bằng Nhân duyên.

1292.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

1293.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1294.

Nhân duyên có phi Cảnh 9.

1295.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1296.

Pháp vô ký phi phược *(no gantho)* liên quan pháp vô ký phi phược sanh ra do Nhân duyên.

1297.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề phược - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ CẢNH PHƯỢC – TAM ĐỀ THIỆN

(Ganthaniyaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1298.

∗ Pháp thiện cảnh phược *(ganthaniya)* liên quan pháp thiện cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện phi cảnh phược *(aganthaniya)* liên quan pháp thiện phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.

1299.

Nhân 2, Cảnh 2.

Theo Pālī như nhị đề hiệp thế *(lokiyaduka)* siêu thế *(lokuttaraduka)*.

Dù phần đồng sanh *(sahajātavāra)* hay phần vấn đề *(paññāvāra)* đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1300.

Pháp bất thiện cảnh phược *(ganthaniya)* liên quan pháp bất thiện cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.

1301.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề, tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1302.

∗ Pháp vô ký cảnh phược *(ganthaniya)* liên quan pháp vô ký cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô ký phi cảnh phược liên quan pháp vô ký phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô ký cảnh phược liên quan những pháp vô ký cảnh phược và vô ký phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.

1303.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Như Pālī nhị đề hiệp thế (*lokiyaduka)*, siêu thế *(lokuttaraduka)*.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề cảnh phược - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG PHƯỢC – TAM ĐỀ THIỆN
(Ganthasampayuttaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1304.

Pháp thiện bất tương ưng phược liên quan pháp thiện bất tương ưng phược *(gaṅthavippayutta)* sanh ra do Nhân duyên.

1305.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều có 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1306.

Pháp bất thiện tương ưng phược *(ganthasampayutta)* liên quan pháp bất thiện tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1307.

Nhân 6, Cảnh 6, Trưởng 5, Bất ly 6.

1308.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 6,... phi Nghiệp 4, phi Bất tương ưng 6.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1309.

Pháp bất thiện tương ưng phược *(ganthasampayutta)* làm duyên cho pháp bất thiện tương ưng phược bằng Nhân duyên.

1310.

Nhân 6, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Đồng sanh 6, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 4, Đạo 4, Tương ưng 6, Bất ly 6.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1311.

Pháp vô ký bất tương ưng phược *(ganthavippayutta)* liên quan pháp vô ký bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên.

1312.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề tương ưng phược - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ PHƯỢC CẢNH PHƯỢC – TAM ĐỀ THIỆN
(Gantha ganthaniyaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1313.

Pháp thiện cảnh phược phi phược *(ganthaniyo ceva no ca gantho)* liên quan pháp thiện cảnh phược phi phược sanh ra do Nhân duyên.

1314.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh *(sahajātavāra)* hay phần vấn đề *(pañhāvāra)* tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1315.

∗ Pháp bất thiện phược cảnh phược *(gantho ceva ganthaniyoca)* liên quan pháp bất thiện phược cảnh phược sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp bất thiện cảnh phược phi phược *(ganthaniyo ceva no ca gantho)* liên quan pháp bất thiện cảnh phược phi phược sanh ra do Nhân duyên.

1316.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

1317.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1318.

Pháp bất thiện phược cảnh phược *(gantho ceva ganthaniyoca)* làm duyên cho pháp bất thiện phược cảnh phược bằng Nhân duyên.

1319.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

1320.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1321.

Nhân duyên có phi Cảnh 9.

1322.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1323.

Pháp vô ký cảnh phược phi phược *(ganthaniyo ceva no ca gantho)* liên quan pháp vô ký cảnh phược phi phược sanh ra do Nhân duyên.

1324.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề phược cảnh phược - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ PHƯỢC TƯƠNG ƯNG PHƯỢC – TAM ĐỀ THIỆN

(Ganthaganthasampayuttaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1325.

Pháp bất thiện phược tương ưng phược *(gantho ceva ganthasampayutto ca)* liên quan pháp bất thiện phược tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên.

1326.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

1327.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9.

Dù phần đồng sanh… hay phần tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1328.

Pháp bất thiện phược tương ưng phược làm duyên cho pháp bất thiện phược tương ưng phược bằng Nhân duyên.

1329.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

1330.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1331.

Nhân duyên có phi Cảnh 9.

1332.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề phược tương ưng phược - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG PHƯỢC CẢNH PHƯỢC – TAM ĐỀ THIỆN

(Ganthavippayutta ganthaniyaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1333.

- Pháp thiện bất tương ưng phược cảnh phược *(ganthavippayutto ganthaniyo)* liên quan pháp thiện bất tương ưng phược cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện bất tương ưng phược phi cảnh phược *(gantha vippayutto aganthaniyo)* liên quan pháp thiện bất tương ưng phược phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.

1334.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh… cho đến phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1335.

Pháp bất thiện bất tương ưng phược cảnh phược *(ganthavippayutto ganthaniyo)* liên quan pháp bất thiện bất tương ưng phược cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.

1336.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1337.

- Pháp vô ký *(abyākata)* bất tương ưng phược cảnh phược liên quan pháp vô ký bất tương ưng phược cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký bất tương ưng phược phi cảnh phược *(aganthaniyo)* liên quan vô ký bất tương ưng phược phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký bất tương ưng phược phi cảnh phược liên quan pháp vô ký bất tương ưng phược cảnh phược và vô ký bất tương ưng phược phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.

1338.

Nhân 5, Cảnh 2, Quả 5, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh… hay phần tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1339.

- Pháp vô ký bất tương ưng phược cảnh phược *(ganthavippayutto ganthaniyo)* làm duyên cho pháp vô ký bất tương ưng phược cảnh phược bằng Nhân duyên.
- Pháp vô ký bất tương ưng phược phi cảnh phược *(aganthaniyo)* làm duyên cho pháp vô ký bất tương ưng phược phi cảnh phược bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

1340.

Nhân 4, Cảnh 3, Trưởng 4, Bất ly 7.

1341.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7.

1342.

Nhân duyên có phi Cảnh 4.

1343.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề bất tương ưng phược cảnh phược - tam đề thiện
Hết chùm nhị đề phược tam lề thiện (gocchakaduka kusalattikaṃ)

Dù chùm phược *(oghagocchaka)*, phối *(yogagocchaka)* cũng như nhị đề chùm lậu tam đề thiện *(kusalattikaṃ)*.

NHỊ ĐỀ CÁI – TAM ĐỀ THIỆN

(Nīvaraṇaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1344.

Pháp thiện phi cái *(ni nīvaraṇo)* liên quan pháp thiện phi cái sanh ra do Nhân duyên *(hetupaccayo)*.

1345.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1346.

- Pháp bất thiện thành cái *(nīvaraṇo)* liên quan pháp bất thiện thành cái sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện phi cái liên quan pháp bất thiện thành cái sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp bất thiện thành cái và bất thiện phi cái *(ni nīvaraṇo)* liên quan pháp bất thiện thành cái sanh ra do Nhân duyên.

1347.

Nhân 9, Cảnh 9.

1348.

- Pháp bất thiện thành cái liên quan pháp bất thiện thành cái sanh ra do phi Nhân duyên: Vô minh cái *(avijjānīvaraṇa)* liên quan hoài nghi cái *(vicikicchāṇa),* phóng dật cái *(uddhaccanīvaraṇa).*
- Pháp bất thiện thành cái *(nīvaraṇa)* liên quan pháp bất thiện phi cái *(no nīvaraṇa)* sanh ra do phi Nhân duyên: Vô minh cái *(avijjānīvaraṇa)* liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi *(vicikicchā)* đồng sanh phóng dật *(uddhacca).*
- Pháp bất thiện thành cái liên quan những pháp bất thiện thành cái và bất thiện phi cái sanh ra do phi Nhân duyên: Vô minh cái *(avijjānīvaraṇa)* liên quan hoài nghi cái *(vicikicchāṇa)* phóng dật cái *(uddhaccanīvaraṇa)* và Uẩn tương ưng.

1349.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9,... phi Bất tương ưng 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng tất cả đều 1.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1350.

Pháp bất thiện thành cái làm duyên cho pháp bất thiện thành cái bằng Nhân duyên.

1351.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

1352.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1353.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

1354.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1355.

Pháp vô ký phi cái *(no nīvaraṇa)* liên quan pháp vô ký phi cái sanh ra do Nhân duyên.

1356.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề cái - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ CẢNH CÁI – TAM ĐỀ THIỆN

(Nivaraṇiyaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1357.

∗ Pháp thiện cảnh cái *(nīvaraṇiya)* liên quan pháp thiện cảnh cái sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện phi cảnh cái *(anīvaraṇiya)* liên quan pháp thiện phi cảnh cái sanh ra do Nhân duyên.

1358.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1359.

Pháp bất thiện cảnh cái liên quan pháp bất thiện cảnh cái sanh ra do Nhân duyên.

1360.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1361.

∗ Pháp vô ký cảnh cái liên quan pháp vô ký cảnh cái sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô ký phi cảnh cái liên quan pháp vô ký phi cảnh cái *(anīvaraṇa)* sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô ký cảnh cái liên quan những pháp vô ký cảnh cái và vô ký phi cảnh cái sanh ra do Nhân duyên.

1362.

Nhân 5, Cảnh 2, Quả 5, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề cảnh cái - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG CÁI – TAM ĐỀ THIỆN

(Nivaraṇasampayuttaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1363.

Pháp thiện bất tương ưng cái *(nīvaraṇa vippayutta)* liên quan pháp thiện bất tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên.

1364.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1365.

Pháp bất thiện tương ưng cái *(nīvaraṇa sampayutta)* liên quan pháp bất thiện tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên.

1366.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1367.

Pháp vô ký bất tương ưng cái liên quan pháp vô ký bất tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên.

1368.

Nhân 1 Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề tương ưng cái - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ CÁI CẢNH CÁI – TAM ĐỀ THIỆN

(Nivaraṇa nivaraniyaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1369.

Pháp thiện cảnh cái phi cái *(nīvaraṇiyo)* liên quan pháp thiện cảnh cái phi cái sanh ra do Nhân duyên.

1370.

Nhân 1 Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1371.

- Pháp bất thiện cái cảnh cái *(nīvaraṇo ceva nīvaraṇiyoca)* liên quan pháp bất thiện cái cảnh cái sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện cảnh cái phi cái *(nīvaraniyo ceva no ca nīvaraṇo)* liên quan bất thiện cảnh cái phi cái sanh ra do Nhân duyên.

1372.

Nhân 9 Cảnh 9,... Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 9.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1373.

Pháp vô ký cảnh cái phi cái liên quan pháp vô ký cảnh cái phi cái sanh ra do Nhân duyên.

1374.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề cái cảnh cái - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ CÁI TƯƠNG ƯNG CÁI – TAM ĐỀ THIỆN

(Nivaraṇa nivaraṇasampayuttaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1375.

Pháp bất thiện cái tương ưng cái *(nīvaraṇo ceva nīvaraṇasampayutta)* liên quan pháp bất thiện cái tương ưng cái sanh ra do Nhân duyên.

1376.

Nhân 9, Cảnh 9,... Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 9.

Dứt nhị đề cái tương ưng cái - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG CÁI CẢNH CÁI – TAM ĐỀ THIỆN

(Nivaraṇavippayutta nivaraniyaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1377.

- Pháp thiện bất tương ưng cái cảnh cái liên quan pháp thiện bất tương ưng cái cảnh cái *(nīvaraṇavippayutta nivaraṇiya)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện bất tương ưng cái phi cảnh cái liên quan pháp thiện bất tương ưng cái phi cảnh cái sanh ra do Nhân duyên.

1378.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1379.

- Pháp vô ký *(abyākata)* bất tương ưng cái cảnh cái liên quan pháp vô ký bất tương ưng cái cảnh cái sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký bất tương ưng cái phi cảnh cái liên quan pháp vô ký bất tương ưng cái phi cảnh cái sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký bất tương ưng cái cảnh cái liên quan những pháp vô ký bất tương ưng cái cảnh cái và vô ký bất tương ưng cái phi cảnh cái sanh ra do Nhân duyên.

1380.

Nhân 5, Cảnh 2, Quả 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề bất tương ưng cái cảnh cái - tam đề thiện

Hết chùm nhị đề cái - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ KHINH THỊ – TAM ĐỀ THIỆN

(Paramasaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1381.

Pháp thiện phi khinh thị *(no parāmāso)* liên quan pháp thiện phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

1382.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều có 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1383.

- Pháp bất thiện phi khinh thị *(no parāmāso)* liên quan pháp bất thiện thuộc khinh thị *(parāmāsa)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện phi khinh thị liên quan pháp bất thiện phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện phi khinh thị liên quan những pháp bất thiện thuộc khinh thị và bất thiện phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

1384.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

1385.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 5, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1386.

Pháp bất thiện phi khinh thị làm duyên cho pháp bất thiện phi khinh thị bằng Nhân duyên.

1387.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 5.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1388.

Pháp vô ký *(abyākata)* phi khinh thị *(no parāmāsa)* liên quan pháp vô ký phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

1389.

Nhân 1 Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề khinh thị - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ CẢNH KHINH THỊ – TAM ĐỀ THIỆN

(Paramaṭṭhaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1390.

∗ Pháp thiện cảnh khinh thị *(parāmaṭṭha)* liên quan pháp thiện cảnh khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện phi cảnh khinh thị *(aparāmaṭṭha)* liên quan pháp thiện phi cảnh khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

1391.

Nhân 2 Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1392.

Pháp bất thiện cảnh khinh thị liên quan pháp bất thiện cảnh khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

1393.

Nhân 1 Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều có 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1394.

∗ Pháp vô ký *(abyākata)* cảnh khinh thị liên quan pháp vô ký cảnh khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô ký phi cảnh khinh thị liên quan pháp vô ký phi cảnh khinh thị sanh ra do Nhân duyên: có 3 câu.

∗ Pháp vô ký cảnh khinh thị liên quan những pháp vô ký cảnh khinh thị và vô ký phi cảnh khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

1395.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề cảnh khinh thị - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG KHINH THỊ – TAM ĐỀ THIỆN

(Parāmāsasampayuttaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1396.

Pháp thiện bất tương ưng khinh thị *(parāmāsa)* liên quan pháp thiện bất tương ưng khinh thị sanh ra do Nhân duyên *(hetupaccayo).*

1397.

Nhân 1 Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều có 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1398.

Pháp bất thiện tương ưng khinh thị *(parāmāsa sampayutta)* liên quan pháp bất thiện tương ưng khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

1399.

Nhân 2, Cảnh 2,... tất cả đều 2,... bất ly 2.

1400.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 2, tất cả đều 2,... phi Bất tương ưng 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1401.

Pháp bất thiện tương ưng khinh thị làm duyên cho pháp bất thiện tương ưng khinh thị bằng Nhân duyên.

1402.

Nhân 2, Cảnh 4, Trưởng 4,... chặng giữa và chặng chót có Trưởng cảnh *(ārammanādhipati)*, Vô gián 2, Đồng sanh 2, Cận y 4, Cố hưởng 2, Nghiệp 2, Thực 2,... Đạo 2...

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1403.

Pháp vô ký *(abyākata)* bất tương ưng khinh thị liên quan pháp vô ký bất thiện tương ưng khinh thị sanh ra do Nhân duyên *(hetupaccayo)*.

1404.

Nhân 1 Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề tương ưng khinh thị - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ KHINH THỊ CẢNH KHINH THỊ – TAM ĐỀ THIỆN

(Paramasa paramatthaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1405.

Pháp thiện cảnh khinh thị phi khinh thị *(parāmaṭṭho ceva no ca parāmāso)* liên quan pháp thiện cảnh khinh thị phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

1406.

Nhân 1 Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1407.

- Pháp bất thiện cảnh khinh thị phi khinh thị *(parāmāsañceva parāmaṭṭhañca)* liên quan pháp bất thiện khinh thị cảnh khinh thị sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện cảnh khinh thị phi khinh thị liên quan pháp bất thiện cảnh khinh thị phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Chư pháp bất thiện cảnh khinh thị phi khinh thị liên quan pháp bất thiện khinh thị cảnh khinh thị và pháp bất thiện cảnh khinh thị phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

1408.

Nhân 5 Cảnh 5, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1409.

Pháp bất thiện cảnh khinh thị phi khinh thị làm duyên cho pháp bất thiện cảnh khinh thị phi khinh thị bằng Nhân duyên.

1410.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 5.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1411.

Pháp vô ký cảnh khinh thị phi khinh thị liên quan pháp vô ký cảnh khinh thị phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

1412.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề khinh thị cảnh khinh thị - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG KHINH THỊ CẢNH KHINH THỊ – TAM ĐỀ THIỆN

(Paramasavippayutta paramaṭṭhaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1413.

∗ Pháp thiện bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị *(parāmāsavippayutto parāmaṭṭho)* liên quan pháp thiện bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện bất tương ưng khinh thị phi khinh thị *(aparāmaṭṭho)* liên quan pháp thiện bất tương ưng khinh thị phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

1414.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Cũng như nhị đề hiệp thế siêu thế tam đề *(lokiyalokuttaraduka tikasadisaṃ)*.
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1415.

Pháp bất thiện bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị liên quan pháp bất thiện bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

Tất cả đều 1 *(sabbattha ekaṃ)*.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1416.

- Pháp vô ký bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị liên quan pháp vô ký bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị liên quan pháp vô ký bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị liên quan những pháp vô ký bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị và vô ký bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

1417.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Như nhị đề tam đề hiệp thế siêu thế *(lokiyalokuttaraduka tikasadisaṃ).*
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị - tam đề thiện
Hết chùm nhị đề khinh thị (asavagocchaka duka) - tam đề thiện

---

NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH – TAM ĐỀ THIỆN

(Sarammanaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1418.

- Pháp thiện hữu cảnh *(sārammaṇa)* liên quan pháp thiện hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên.
- … Liên quan pháp thiện hữu duyên *(sappaccaya)* thế nào thì ở đây nên sắp rộng như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1419.

- Pháp bất thiện hữu cảnh *(sārammaṇa)* liên quan pháp bất thiện hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên.
- … Liên quan pháp bất thiện hữu duyên *(sappaccaya)* đây nên sắp thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1420.

- Pháp vô ký hữu cảnh liên quan pháp vô ký hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký vô cảnh *(anārammaṇa)* liên quan pháp vô ký vô cảnh sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký hữu cảnh liên quan những pháp vô ký hữu cảnh và vô ký vô cảnh sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1421.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 5,... Hỗ tương 6, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1,...

1422.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9,... phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 2, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 2, phi Ly 2.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1423.

Pháp vô ký *(abyākata)* hữu cảnh *(sārammaṇa)* làm duyên cho pháp vô ký hữu cảnh bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

1424.

* Pháp vô ký hữu cảnh làm duyên cho pháp vô ký hữu cảnh bằng Cảnh duyên.
* Pháp vô ký vô cảnh làm duyên cho pháp vô ký hữu cảnh bằng Cảnh duyên: Có 2 câu.

1425.

* Pháp vô ký hữu cảnh làm duyên cho pháp vô ký hữu cảnh bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh: Có 3 câu.
* Pháp vô ký vô cảnh làm duyên cho pháp vô ký hữu cảnh bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh *(Arammaṇādhipati).*

1426.

Nhân 3, Cảnh 2, Trưởng 4, Vô gián 1,... đồng sanh 7, Hỗ tương 6, Y chỉ 7, Cận y 2, Tiền sanh 1, Hậu sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 3, Quả 3,... tương ưng 1, Bất tương ưng 2,...

Dứt nhị đề hữu cảnh - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ TÂM – TAM ĐỀ THIỆN

(Cittaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1427.

* Pháp thiện phi tâm *(no citto)* liên quan pháp thiện thành tâm *(citta)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện phi tâm liên quan pháp thiện phi tâm sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện thành tâm liên quan pháp thiện phi tâm sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp thiện thành tâm và pháp thiện phi tâm liên quan pháp thiện phi tâm sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện phi tâm liên quan những pháp thiện thành tâm và pháp thiện phi tâm sanh ra do Nhân duyên.

1428.

Nhân 5, Cảnh 5, tất cả đều 5, Bất ly 5.

1429.

Phi Trưởng 5, phi Tiền sanh 5, phi Hậu sanh 5, phi Cố hưởng 5, phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Bất tương ưng 5.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1430.

* Pháp thiện phi tâm *(no citto)* làm duyên cho pháp thiện phi tâm bằng Nhân duyên.
* Pháp thiện phi tâm làm duyên cho pháp thiện thành tâm *(citta)* bằng Nhân duyên.
* Pháp thiện phi tâm làm duyên cho những pháp thiện thành tâm và pháp thiện phi tâm bằng Nhân duyên.

1431.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 5.

1432.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1433.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

1434.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1435.

- Pháp bất thiện phi tâm liên quan pháp bất thiện thành tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện phi tâm liên quan pháp bất thiện phi tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện thành tâm liên quan pháp bất thiện phi tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp bất thiện thành tâm *(citta)* và bất thiện phi tâm *(no citta)* liên quan pháp bất thiện phi tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện phi tâm liên quan pháp bất thiện thành tâm và pháp bất thiện phi tâm sanh ra do Nhân duyên.

1436.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

Dù phần phi nhân *(na hetu)* cũng nên sắp như nhị đề tâm thiện *(cittaduka kusalasadisaṃ).*

Phần đồng sanh *(sahajātavāra)* hay phần vấn đề *(pañhāvāra)* cũng nên sắp rộng *(vittharatabba).*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1437.

- Pháp vô ký *(abyākata)* phi tâm liên quan pháp vô ký thành tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký phi tâm liên quan pháp vô ký phi tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký thành tâm liên quan pháp vô ký phi tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp vô ký thành tâm và vô ký phi tâm liên quan pháp vô ký phi tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký phi tâm liên quan những pháp vô ký thành tâm và vô ký phi tâm sanh ra do Nhân duyên.

1438.

Nhân 5, Cảnh 5, Quả 5, Bất ly 5.

1439.

Phi Nhân 5, phi Cảnh 3, phi Trưởng 5,... phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 5, phi Đạo 5, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 5.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1440.

Pháp vô ký *(abyākata)* phi tâm làm duyên cho pháp vô ký phi tâm bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

Nên sắp rộng như nhị đề tâm thiện *(cittaduka kusalasadisaṃ).*

1441.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9,... Đồng sanh 5, Tiền sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 5, Vô hữu 9.

Dứt nhị đề tâm (cittaduka) - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ SỞ HỮU TÂM – TAM ĐỀ THIỆN

(Cetasikaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1442.

- Pháp thiện sở hữu tâm *(cetasika)* liên quan pháp thiện sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện phi sở hữu tâm liên quan pháp thiện sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp thiện sở hữu tâm và thiện phi sở hữu tâm liên quan pháp thiện sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện sở hữu tâm liên quan pháp thiện phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện sở hữu tâm liên quan những pháp thiện sở hữu tâm và pháp thiện phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.

1443.

Nhân 5, Cảnh 5, Trưởng 5, Bất ly 5.

1444.

Phi Trưởng 5, phi Tiền sanh 5,... phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Bất tương ưng 5.

Dù phần đồng sanh… nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1445.

Pháp thiện sở hữu tâm làm duyên cho pháp thiện sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.

1446.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9,... 3 câu ban đầu có Trưởng đồng sanh *(Sahajatadhipati)*, 3 câu giữa cũng có Trưởng đồng sanh... Vô gián 9,... Đồng sanh 5, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 5, Quyền 5, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 5, Hiện hữu 5, Vô hữu 9.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1447.

- Pháp bất thiện sở hữu tâm *(cetasika)* liên quan pháp bất thiện sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện phi sở hữu tâm liên quan pháp bất thiện sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp bất thiện sở hữu tâm và bất thiện phi sở hữu tâm liên quan pháp bất thiện sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện sở hữu tâm liên quan pháp bất thiện phi sở hữu tâm *(acetasika)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện sở hữu tâm liên quan những pháp bất thiện sở hữu tâm và bất thiện phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.

1448.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

Phần thiện như thế nào thì sắp phi Nhân duyên cũng như thế ấy *(yathā kusalanaya evaṃ na hetupaccayampi kātabbaṃ).*
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1449.

- Pháp vô ký *(abyākata)* sở hữu tâm liên quan pháp vô ký sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký phi sở hữu tâm *(acetasika)* liên quan pháp vô ký sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp vô ký sở hữu tâm và vô ký phi sở hữu tâm liên quan pháp vô ký sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký phi sở hữu tâm liên quan pháp vô ký phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký sở hữu tâm liên quan những pháp vô ký sở hữu tâm và vô ký phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1450.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Quả 9, Bất ly 9.

1451.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, nên sắp tất cả, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 6, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6…

Dù phần đồng sanh… nên sắp rộng *(vitthāretabba).*

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1452.

Pháp vô ký sở hữu tâm làm duyên cho pháp vô ký *(abyākata)* sở hữu tâm bằng Nhân duyên.

1453.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, chỉ có Trưởng đồng sanh, Vô gián 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 5, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9,...

Dứt nhị đề sở hữu tâm (cetasikaduka) - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM – TAM ĐỀ THIỆN

(Cittasampayuttaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1454.

Pháp thiện tương ưng tâm *(cittasampayutta)* liên quan pháp thiện tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.

1455.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1456.

Pháp bất thiện tương ưng tâm liên quan pháp bất thiện tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.

1457.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1458.

- Pháp vô ký *(abyākata)* tương ưng tâm liên quan pháp vô ký tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký bất tương ưng tâm liên quan pháp vô ký tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp vô ký tương ưng tâm và vô ký bất tương ưng tâm liên quan pháp vô ký tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký bất tương ưng tâm liên quan pháp vô ký bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký tương ưng tâm liên quan pháp vô ký bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp vô ký tương ưng tâm và vô ký bất tương ưng tâm liên quan pháp vô ký bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký tương ưng tâm liên quan những pháp vô ký tương ưng tâm và vô ký bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký bất tương ưng tâm liên quan những pháp vô ký tương ưng tâm và vô ký bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp vô ký tương ưng tâm và vô ký bất tương ưng tâm liên quan những pháp vô ký tương ưng tâm và vô ký bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.

1459.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 5, Hỗ tương 6, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 9, Quả 9, Bất ly 9.

1460.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9,... phi Tiền sanh 9,... phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 2, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2,...

Dù phần đồng sanh *(sahajatavaradi)*... nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1461.

Pháp vô ký tương ưng tâm làm duyên cho pháp vô ký tương ưng tâm bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

1462.

- Pháp vô ký tương ưng tâm làm duyên cho cho pháp vô ký tương ưng tâm bằng Cảnh duyên.
- Pháp vô ký bất tương ưng tâm *(cittavippayutta)* làm duyên cho pháp vô ký tương ưng tâm bằng Cảnh duyên.

1463.

Nhân 3, Cảnh 2, Trưởng 4, chỉ có Trưởng cảnh, Vô gián 1, Đồng sanh 7, Hỗ tương 6, Y chỉ 7, Cận y *(Upanissaya)* 2, Tiền sanh 1, Hậu sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 4, Quyền 6, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 1, Bất tương ưng 2,…

Dứt nhị đề tương ưng tâm - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ HÒA HỢP TÂM – TAM ĐỀ THIỆN

(Cittasaṅsaṭṭhaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1464.

Pháp thiện hòa hợp tâm *(cittasaṃsaṭṭha)* liên quan pháp thiện hòa hợp tâm sanh ra do Nhân duyên.

1465.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1466.

Pháp bất thiện hòa hợp tâm *(cittasaṃsaṭṭha)* liên quan pháp bất thiện hòa hợp tâm sanh ra do Nhân duyên.

1467.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1468.

- Pháp vô ký hòa hợp tâm liên quan pháp vô ký hòa hợp tâm sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký phi hòa hợp tâm *(no cittasaṃsaṭṭho)* liên quan pháp vô ký phi hòa hợp tâm sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký hòa hợp tâm liên quan những pháp vô ký hòa hợp tâm và vô ký phi hòa hợp tâm sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1469.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Nhị đề tương ưng tâm phần vô ký như thế nào, đây cũng như thế ấy.
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề hòa hợp tâm - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ CÓ TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ THIỆN

(Cittasamuṭṭhānaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1470.

- Pháp thiện có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhāna)* liên quan pháp thiện có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên *(hetupaccayo)*.

* Pháp thiện phi có tâm làm sở sanh *(no cittasamuṭṭhāno*) liên quan pháp thiện có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp thiện có tâm làm sở sanh và thiện phi có tâm làm sở sanh liên quan pháp thiện có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện có tâm làm sở sanh liên quan pháp thiện phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện có tâm làm sở sanh liên quan những pháp thiện có tâm làm sở sanh và thiện phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

1471.

Nhân 5, Cảnh 5, tất cả đều 5, Bất ly 5.

1472.

Phi Trưởng 5, phi Tiền sanh 5,... phi Nghiệp 3, phi Quả 5,... phi Bất tương ưng 5.

Phần đồng sanh… nên sắp rộng *(vitthāretabbaṃ)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1473.

Pháp thiện có tâm làm sở sanh làm duyên cho cho pháp thiện có tâm làm sở sanh bằng Nhân duyên.

1474.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 5,... Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 5, Quyền 5, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 5, Hiện hữu 5…

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1475.

* Pháp bất thiện có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhano)* liên quan pháp bất thiện có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp bất thiện có tâm làm sở sanh liên quan pháp bất thiện phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất thiện có tâm làm sở sanh liên quan những pháp bất thiện có tâm làm sở sanh và pháp bất thiện phi có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

1476.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

Cũng như nhị đề thiện *(yathā kusalasadisaṃ)*.
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1477.

* Pháp vô ký *(abyākata)* có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhāno)* liên quan pháp vô ký có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô ký phi tâm làm sở sanh liên quan pháp vô ký có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô ký có tâm làm sở sanh liên quan những pháp vô ký có tâm làm sở sanh và vô ký phi tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1478.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 5, tất cả đều 9,... Tiền sanh 5, Cố hưởng 5,... Bất ly 9.

1479.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9,... phi Nghiệp 3, phi Quả 6, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 6, phi Đạo 9, phi Tương ưng 6, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 6, phi Ly 6.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1480.

Pháp vô ký *(abyākata)* có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhāna)* làm duyên cho pháp vô ký có tâm làm sở sanh bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

1481.

Pháp vô ký có tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp vô ký có tâm làm sở sanh bằng Cảnh duyên.

1482.

- Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9, tất cả đều 9, Tiền sanh 9, Hậu sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 9.
- Pháp có tâm làm sở sanh căn *(mūla)* làm duyên cho pháp phi tâm làm sở sanh nên thêm vào đoàn thực *(kabalinkārāhāra)*.
- Pháp phi tâm làm sở sanh làm duyên cho pháp có tâm làm sở sanh có đoàn thực hợp trợ *(ghaṭanā)*, đoàn thực trong đoạn giữa *(majjihe kabaliṅkāra āhāra)*.
- Quyền 9, chỉ có 1 câu Sắc mạng quyền *(rūpajīvitindriya)*, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 5, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề có tâm làm sở sanh - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM – TAM ĐỀ THIỆN

(Cittasahabhuduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1483.

- Pháp thiện đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhu)* liên quan pháp thiện đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện phi đồng sanh tồn với tâm *(no cittasahabhu)* liên quan pháp thiện đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp thiện đồng sanh tồn với tâm và thiện phi đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp thiện đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp thiện phi đồng sanh tồn với tâm *(no cittasahabhu)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện đồng sanh tồn với tâm liên quan những pháp thiện đồng sanh tồn với tâm và thiện phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên.

1484.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1485.

- Pháp bất thiện đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp bất thiện đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhū)* liên quan pháp bất thiện phi đồng sanh tồn với tâm *(no cittasahabhu)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện đồng sanh tồn với tâm liên quan những pháp bất thiện đồng sanh tồn với tâm và bất thiện phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên.

1486.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1487.

- Pháp vô ký đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp vô ký đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký phi đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp vô ký phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên.

1488.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

3 câu Pālī gốc *(mūla)* của nhị đề sở hữu tâm *(cetasikaduka)* thế nào thì 3 câu Pālī này cũng như thế ấy.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề đồng sanh tồn với tâm - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ TÙNG TÂM THÔNG LƯU – TAM ĐỀ THIỆN

(Cittānuparivattiduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1489.

- Pháp thiện tùng tâm thông lưu *(cittanuparivatti)* liên quan pháp thiện tùng tâm thông lưu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp thiện tùng tâm thông lưu liên quan pháp thiện phi tùng tâm thông lưu *(no cittanuparivatti)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện tùng tâm thông lưu liên quan những pháp thiện tùng tâm thông lưu và thiện phi tùng tâm thông lưu sanh ra do Nhân duyên.

1490.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1491.

- Pháp bất thiện tùng tâm thông lưu liên quan pháp bất thiện tùng tâm thông lưu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện tùng tâm thông lưu liên quan pháp bất thiện phi tùng tâm thông lưu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp bất thiện tùng tâm thông lưu liên quan những pháp bất thiện tùng tâm thông lưu và bất thiện phi tùng tâm thông lưu sanh ra do Nhân duyên.

1492.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1493.

Pháp vô ký tùng tâm thông lưu liên quan pháp vô ký tùng tâm thông lưu sanh ra do Nhân duyên.

1494.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

Như nhị đề sở hữu tâm *(cetasikaduka sadisaṃ).*

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề tùng tâm thông lưu - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ HÒA TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ THIỆN

(Cittasaṃsaṭṭasamuṭṭhānaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1495.

∗ Pháp thiện hòa tâm làm sở sanh liên quan pháp thiện hòa tâm làm sở sanh *(cittasaṃsaṭṭhasamuṭṭhāna)* sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện phi hòa tâm làm sở sanh liên quan pháp thiện hòa tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp thiện hòa tâm làm sở sanh và thiện phi hòa tâm làm sở sanh liên quan pháp thiện hòa tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện hòa tâm làm sở sanh liên quan pháp thiện phi hòa tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện hòa tâm làm sở sanh liên quan những pháp thiện hòa tâm làm sở sanh và thiện phi hòa tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

1496.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

Cũng như nhị đề sở hữu tâm thuộc thiện trong phần nhị đề đại, câu đề bằng nhau *(Yathā mahantaraduke cetasikaduka kusalasadisam tattakā eva pañhā).*

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1497.

∗ Pháp bất thiện hòa tâm làm sở sanh *(cittasaṃsaṭṭhasamuṭṭhāna)* liên quan pháp bất thiện hòa tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp bất thiện hòa tâm làm sở sanh liên quan pháp bất thiện phi hòa tâm làm sở sanh *(no cittasaṃsaṭṭhasamuṭṭhāna)* sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp bất thiện hòa tâm làm sở sanh *(cittasaṃsaṭṭhasamuṭṭhāna)* liên quan những pháp bất thiện hòa tâm làm sở sanh và pháp bất thiện phi hòa tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

1498.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

Như nhị đề sở hữu tâm thuộc bất thiện *(cetasikaduka akusalasadisaṃ).*
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1499.

∗ Pháp vô ký *(abyākata)* hòa tâm làm sở sanh liên quan pháp vô ký hòa tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô ký phi hòa tâm làm sở sanh liên quan pháp vô ký phi hòa tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô ký hòa tâm làm sở sanh liên quan những pháp vô ký hòa tâm làm sở sanh và vô ký phi hòa tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1500.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9,... Tiền sanh 5, Cố hưởng 5, Nghiệp 9,... Bất ly 9.

1501.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 6, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6, phi Vô hữu 3, phi Ly *(no Vigate)* 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1502.

Pháp vô ký hòa tâm làm sở sanh *(cittasaṃsaṭṭhasamuṭṭhāno)* làm duyên cho pháp vô ký hòa tâm làm sở sanh bằng Nhân duyên.

1503.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, trong đây chỉ có Trưởng đồng sanh 6 câu, Vô gián 9, tất cả đều 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Quả 9, Thực 9, Quyền 9, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 5, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Bất ly 9.

1504.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1505.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

1506.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề hòa tâm làm sở sanh - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ HÒA SANH TỒN NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ THIỆN

(Cittasaṃsaṭṭhasamuṭṭhānasahabhuduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1507.

- Pháp thiện hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh *(cittasamsaṭṭhāsamuṭṭhāna-sahabhu)* liên quan pháp thiện hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp thiện hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh liên quan pháp thiện phi hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh liên quan những pháp thiện hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh và thiện phi hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

1508.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1509.

- Pháp bất thiện hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh liên quan pháp bất thiện hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh liên quan pháp bất thiện phi hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh liên quan những pháp bất thiện hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh và bất thiện phi hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

1510.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1511.

Pháp vô ký *(abyākata)* hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh liên quan pháp vô ký hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

1512.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

Như nhị đề hòa nương tâm làm sở sanh thuộc vô ký *(cittasaṃsaṭṭhasamuṭṭhānaduka abyākata sadisaṃ)*.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ HÒA TÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ THIỆN *(Cittasaṃsaṭṭhasamuṭṭhānānuparivattiduka kusalattikaṃ)*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1513.

- Pháp thiện hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh *(cittasaṃsaṭṭhasamuṭṭhānānuparivatti)* liên quan pháp thiện hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp thiện hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh liên quan pháp thiện phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh liên quan những pháp thiện hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh và thiện phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

1514.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1515.

Pháp bất thiện hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh liên quan pháp bất thiện hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

1516.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1517.

Pháp vô ký hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh liên quan pháp vô ký hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

1518.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

Như nhị đề hòa nương tâm làm sở sanh thuộc vô ký *(cittasaṃsaṭṭhasamuṭṭhānaduka abyākata sadisaṃ).*

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề *(paññāvāra)* đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh - tam đề thiện

---

NHỊ ĐỀ NỘI BỘ – TAM ĐỀ THIỆN

(Ajjhattikaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1519.

- Pháp thiện ngoại viện *(bāhira)* liên quan pháp thiện nội bộ *(ajjhattikaṃ)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện ngoại viện *(bāhira)* liên quan pháp thiện ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện nội bộ liên quan pháp thiện ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

- Chư pháp thiện nội bộ và thiện ngoại viện liên quan pháp thiện ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện ngoại viện liên quan những pháp thiện nội bộ và thiện ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

1520.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

Như nhị đề tâm *(cittaduka).*
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1521.

- Pháp bất thiện ngoại viện *(bāhira)* liên quan pháp bất thiện nội bộ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện ngoại viện liên quan pháp bất thiện ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện nội bộ liên quan pháp bất thiện ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện nội bộ và pháp bất thiện ngoại viện liên quan pháp bất thiện ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện ngoại viện liên quan những pháp bất thiện nội bộ và bất thiện ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

1522.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

Như nhị đề tâm *(cittaduka).*
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1523.

- Pháp vô ký nội bộ *(ajjhatta)* liên quan pháp vô ký nội bộ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký ngoại viện *(bāhira)* liên quan pháp vô ký ngoại viện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký nội bộ liên quan những pháp vô ký nội bộ và vô ký ngoại viện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1524.

Nhân 9, Cảnh 5, Trưởng 5,... Hỗ tương 5, Tiền sanh 5, Cố hưởng 5, Bất ly 9.

1525.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9, phi Trưởng 9,... phi Nghiệp 3, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 5, phi Đạo 9, phi Tương ưng 9, phi Bất tương ưng 5, phi Vô hữu 9, phi Ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1526.

Pháp vô ký ngoại viện *(bahira abyākata)* làm duyên cho pháp vô ký ngoại viện bằng Nhân duyên.

1527.

* Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9.
  Pháp nội bộ *(ajjhattikaṃ)* thành Trưởng đồng sanh *(sahajātādhipati)* trong khi gom với pháp ngoại viện *(bāhira)* kể cả 3 câu đề.
* Vô gián 9, Đồng sanh 9, Hỗ tương 5, Y chỉ 9, Cận y 9, Tiền sanh 9, dù cảnh Tiền sanh *(ārammanapurejāta)* hay Vật tiền sanh *(vatthupurejāta),* Hậu sanh 9, Cố hưởng 9.
* Pháp vô ký ngoại viện *(bahiro abyākato)* làm duyên cho pháp vô ký ngoại viện bằng Nghiệp duyên: Có 3 câu.
* Quả 9, Thực 3, đoàn thực đủ cả 3 câu; Quyền 9, Sắc mạng quyền *(rūpajīvitindriya)* đủ cả 3 câu; Tương ưng 5, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9,...

Dứt nhị đề nội bộ - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ Y SINH – TAM ĐỀ THIỆN

(Upādāduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1528.

Pháp thiện phi y sinh liên quan pháp thiện phi y sinh *(no upādā)* sanh ra do Nhân duyên.

1529.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1530.

Pháp bất thiện phi y sinh liên quan pháp bất thiện phi y sinh sanh ra do Nhân duyên.

1531.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1532.

* Pháp vô ký *(abyākata)* phi y sinh liên quan pháp vô ký y sinh *(upādā)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký phi y sinh *(no upādā)* liên quan pháp vô ký phi y sinh sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký y sinh liên quan pháp vô ký phi y sinh sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp vô ký y sinh và vô ký phi y sinh liên quan pháp vô ký phi y sinh sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký phi y sinh liên quan những pháp vô ký y sinh và vô ký phi y sinh sanh ra do Nhân duyên.

1533.

Nhân 5, Cảnh 3,... Hỗ tương 5,... Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Nghiệp 5, Bất ly 5.

1534.

Phi Nhân 5, phi Cảnh 3, phi Trưởng 5,... phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thực 3, phi Quyền 3, phi Thiền 3, phi Đạo 5, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1535.

Pháp vô ký phi y sinh làm duyên cho pháp vô ký phi y sinh bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

1536.

∗ Pháp vô ký y sinh làm duyên cho pháp vô ký phi y sinh bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp vô ký phi y sinh làm duyên cho pháp vô ký phi y sinh bằng Cảnh duyên: Có 2 câu.

1537.

Pháp vô ký phi y sinh làm duyên cho pháp vô ký phi y sinh bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.

Câu đầu có đủ 2 Trưởng duyên *(pathame dvepi adhipati)*, 2 câu sau chỉ có Trưởng đồng sanh *(dvīsu sahajātādhipati)*.

1538.

Vô gián 1, Đồng sanh 5, Hỗ tương 5, Y chỉ 5.

1539.

∗ Pháp vô ký y sinh làm duyên cho pháp vô ký phi y sinh bằng Cận y duyên.

∗ Pháp vô ký phi y sinh *(no upādā)* làm duyên cho pháp vô ký phi y sinh bằng Cận y duyên: Có 2 câu.

1540.

Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 1, Nghiệp 3, Quả 3, Thực 6, Quyền 7, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 1, Bất tương ưng 4, Hiện hữu 9.

Dứt nhị đề y sinh - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ THÀNH DO THỦ – TAM ĐỀ THIỆN

(Upadinaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1541.

Pháp thiện phi thành do thủ *(anupadinno)* liên quan pháp thiện phi thành do thủ sanh ra do Nhân duyên.

1542.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1, tất cả đều 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề chỉ có 1.

Cũng như nhị đề hữu duyên *(sappaccayaduka)*.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1543.

Pháp bất thiện phi thành do thủ liên quan pháp bất thiện phi thành do thủ sanh ra do Nhân duyên.

1544.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1545.

- Pháp vô ký thành do thủ *(upādinna)* liên quan pháp vô ký thành do thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký phi thành do thủ *(anupādinna)* liên quan pháp vô ký phi thành do thủ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký phi thành do thủ liên quan những pháp vô ký thành do thủ và vô ký phi thành do thủ sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm *(cittasamuṭṭhānarūpa)* liên quan uẩn thành do thủ *(upādinna)* và đại sung *(mahābhūta).*

1546.

Nhân 5, Cảnh 2, Trưởng 1,... Tiền sanh 2, Cố hưởng 1, Nghiệp 5, Quả 5, Bất ly 5.

1547.

Phi Nhân 5, phi Cảnh 4, phi Trưởng 5,... phi Tiền sanh 4, phi Nghiệp 1, phi Quả 2, phi Thực 2, phi Quyền 2, phi Thiền 2, phi Đạo 5, phi tương ưng 4, phi Bất tương ưng 2, phi vô hữu 4, phi Ly 4.

Phần đồng sanh…đều nên sắp rộng *(vitthāratabbaṃ).*

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1548.

- Pháp vô ký thành do thủ *(upādinna)* làm duyên cho pháp vô ký thành do thủ bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký phi thành do thủ làm duyên cho pháp vô ký phi thành do thủ *(anupādinna)* bằng Nhân duyên.

1549.

- Nhân 4, Cảnh 4, thành do thủ căn *(upādinna mūlaka)* có 2 câu, phi thành do thủ căn có 2 câu.
- Pháp vô ký phi thành do thủ làm duyên cho pháp vô ký phi thành do thủ bằng Trưởng duyên: Có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh 1 câu.
- Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 5, Cận y 4.

1550.

- Pháp vô ký thành do thủ làm duyên cho pháp vô ký thành do thủ bằng Tiền sanh duyên: Có cảnh Tiền sanh và Vật Tiền sanh: Có 2 câu đề.
- Pháp vô ký phi thành do thủ làm duyên cho pháp vô ký phi thành do thủ bằng Tiền sanh duyên,... 2 câu chỉ có cảnh Tiền sanh *(ārammaṇapurejāta);* duyên hiệp trợ *(ghatanā): Có* 2 câu; cảnh Tiền sanh và Vật tiền sanh *(vatthupurejāta): Có* 6 câu đề.

1551.

Hậu sanh 6, Cố hưởng 1, Nghiệp 4, Quả 4, Thực 9, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 2, Bất tương ưng 6, Hiện hữu 9, Vô hữu 4, Ly 4, Bất ly 9,...

1552.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1553.

Nhân duyên có phi Cảnh 4.

1554.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4.

Dứt nhị đề thành do thủ (upādinnaduka) - tam đề thiện

Hết nhị đề đại (mahantaraduka) - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ THỦ – TAM ĐỀ THIỆN
(Upādānaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1555.

Pháp thiện phi thủ liên quan pháp thiện phi thủ sanh ra do Nhân duyên.

1556.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề *(pañhāvāra)* tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1557.

- Pháp bất thiện thành thủ *(upādāna)* liên quan pháp bất thiện thành thủ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện phi thủ *(no upādāna)* liên quan pháp bất thiện thành thủ sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp bất thiện thành thủ và bất thiện phi thủ liên quan pháp bất thiện thành thủ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện phi thủ liên quan pháp bất thiện phi thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện thành thủ liên quan những pháp bất thiện thành thủ và bất thiện phi thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1558.

Nhân 9, Cảnh 9, tất cả đều 9, Bất ly 9.

1559.

Pháp bất thiện phi thủ liên quan pháp bất thiện phi thủ sanh ra do phi Nhân duyên.

1560.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9... phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

Phần đồng sanh… đều nên sắp rộng *(vitthāretabbaṃ)*.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1561.

Pháp bất thiện thành thủ *(upādāna)* làm duyên cho pháp bất thiện thành thủ bằng Nhân duyên.

1562.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, phi thủ căn *(no upādānamūlaka)* có 3 Trưởng đồng sanh; Vô gián 9,... Y chỉ 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3; trong phi thủ căn *(no upādānamulaka)* có Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 9, Tương ưng 9, Hiện hữu 9.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1563.

Pháp vô ký *(abyākata)* phi thủ *(no upādāna)* liên quan pháp vô ký phi thủ sanh ra do Nhân duyên.

1564.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề thủ - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ CẢNH THỦ – TAM ĐỀ THIỆN

(Upādāniyaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1565.

- Pháp thiện cảnh thủ *(upādāniya)* liên quan pháp thiện cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện phi cảnh thủ *(anupadaniya)* liên quan pháp thiện phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

1566.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Như thiện thuộc nhị đề hiệp thế siêu thế *(lokiyalokuttaraduka kusalasadisaṃ).*
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1567.

Pháp bất thiện cảnh thủ *(upādāniya)* liên quan pháp bất thiện cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

1568.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều có 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1569.

- Pháp vô ký cảnh thủ *(upādāniyo abyākato)* liên quan pháp vô ký cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký phi cảnh thủ *(anupādāniyo abyākato)* liên quan pháp vô ký phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký cảnh thủ liên quan pháp vô ký phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp vô ký cảnh thủ và vô ký phi cảnh thủ liên quan pháp vô ký phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký cảnh thủ liên quan những pháp vô ký cảnh thủ và vô ký phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

1570.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Như vô ký nhị đề hiệp thế siêu thế *(lokiyalokuttaraduka abyakatasadisaṃ).*
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề cảnh thủ - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG THỦ – TAM ĐỀ THIỆN
(Upadanasampayuttaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1571.

Pháp thiện bất tương ưng thủ *(upādānavippayutta)* liên quan pháp thiện bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên.

1572.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều có 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1573.

- Pháp bất thiện tương ưng thủ *(upādānasampayutta)* liên quan pháp bất thiện tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện bất tương ưng thủ *(upādānavippayutta)* liên quan pháp bất thiện bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.
- Pháp bất thiện tương ưng thủ liên quan những pháp bất thiện tương ưng thủ và bất thiện bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên.

1574.

Nhân 6, Cảnh 6, tất cả đều 6, Bất ly 6.

1575.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 6, phi Nghiệp 4, phi Quả 6.

Phần đồng sanh… đều nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1576.

Pháp bất thiện tương ưng thủ làm duyên cho pháp bất thiện tương ưng thủ bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

1577.

Nhân 6, Cảnh 9, Trưởng 9.

Trong căn tương ưng thủ *(upādānasampayuttamūlaka)* có 3 câu Trưởng đồng sanh *(sahājātadhipati);* bất tương ưng thủ *(upādānavippayutta)* có 1 câu.

Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 6, Hỗ tương 6, Y chỉ 6, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 4, Thực 4, Quyền 4, Thiền 4, Đạo 4, Tương ưng 6, Hiện hữu 6, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 6.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1578.

Pháp vô ký *(abyākata) bất* tương ưng thủ liên quan pháp vô ký bất tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên.

1579.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề tương ưng thủ - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ THỦ CẢNH THỦ – TAM ĐỀ THIỆN

(Upādāna upādāniyaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1580.

Pháp thiện cảnh thủ phi thủ *(upādāniyo ceva no ca upādāno)* liên quan pháp thiện cảnh thủ phi thủ sanh ra do Nhân duyên.

1581.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1582.

- Pháp bất thiện thủ cảnh thủ *(upādāno ceva upādāniyoca)* liên quan pháp bất thiện thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện cảnh thủ phi thủ liên quan pháp bất thiện cảnh thủ phi thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện thủ cảnh thủ liên quan những pháp bất thiện thủ cảnh thủ và bất thiện cảnh thủ phi thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1583.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

Theo Pālī thì đây cũng như bất thiện nhị đề thủ *(upādānaduka akusalasadisaṃ).*
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1584.

Pháp vô ký *(abyākata) cảnh* thủ phi thủ liên quan pháp vô ký cảnh thủ phi thủ sanh ra do Nhân duyên.

1585.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề thủ cảnh thủ - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ THỦ TƯƠNG ƯNG THỦ – TAM ĐỀ THIỆN

(Upādāna upādānanasampayuttaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1586.

- Pháp bất thiện thủ tương ưng thủ *(upādāno ceva upādānasampayutto ca)* liên quan pháp bất thiện thủ tương ưng thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện tương ưng thủ phi thủ *(no ca upādāno)* liên quan pháp bất thiện tương ưng thủ phi thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện thủ tương ưng thủ liên quan pháp bất thiện thủ tương ưng thủ và bất thiện tương ưng thủ phi thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1587.

Nhân 9, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 9.

Pālī đây cũng như bất thiện thuộc nhị đềthủ *(upādānaduka akusalasadisaṃ).*
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 9.

Dứt nhị đề thủ tương ưng thủ - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG THỦ CẢNH THỦ – TAM ĐỀ THIỆN

(Upādāna vippayutta upādāniyaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1588.

- Pháp thiện bất tương ưng thủ cảnh thủ liên quan pháp thiện bất tương ưng thủ cảnh thủ *(upādāna vippayutta upādāniya)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện bất tương ưng thủ phi cảnh thủ liên quan pháp thiện bất tương ưng thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

1589.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Như thiện thuộc nhị đề hiệp thế siêu thế *(lokiyalokuttaraduka).*
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề *(pañhāvāra)* tất cả đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1590.

Pháp bất thiện bất tương ưng thủ cảnh thủ *(upadanavippayutto upādāniyo)* liên quan pháp bất thiện bất tương ưng thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

Tất cả đều 1 *(sabbattha ekaṃ).*

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1591.

- Pháp vô ký bất tương ưng thủ cảnh thủ liên quan pháp vô ký bất tương ưng thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký bất tương ưng thủ phi cảnh thủ *(anupādāniyo)* liên quan pháp vô ký bất tương ưng thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký bất tương ưng thủ cảnh thủ liên quan những pháp vô ký bất tương ưng thủ cảnh thủ và vô ký bất tương ưng thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

1592.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Như vô ký nhị đề hiệp thế siêu thế *(lokiyalokutttara).*
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề *(pañhāvāra)* tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề bất tương ưng thủ cảnh thủ - tam đề thiện
Hết nhị đề chùm thủ (upadanagocchaka) - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO – TAM ĐỀ THIỆN

(Kilesaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1593.

Pháp thiện phi phiền não *(no kileso)* liên quan pháp thiện phi phiền não sanh ra do Nhân duyên.

1594.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1595.

- Pháp bất thiện thành phiền não *(kileso)* liên quan pháp bất thiện thành phiền não sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện phi phiền não *(no kileso)* liên quan pháp bất thiện phi phiền não sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện thành phiền não liên quan những pháp bất thiện thành phiền não và bất thiện phi phiền não sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1596.

Nhân 9, Cảnh 9, tất cả đều 9.

1597.

- Pháp bất thiện thành phiền não liên quan pháp bất thiện thành phiền não sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi liên quan hoài nghi; si đồng sanh phóng dật liên quan phóng dật.
- Pháp bất thiện thành phiền não liên quan pháp bất thiện phi phiền não sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi, si đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh phóng dật.
- Pháp bất thiện thành phiền não liên quan những pháp bất thiện thành phiền não và bất thiện phi phiền não sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi và hoài nghi. si đồng sanh phóng dật liên quan uẩn đồng sanh phóng dật và phóng dật.

1598.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Bất tương ưng 9.

Phần đồng sanh…đều nên sắp rộng.

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1599.

Pháp bất thiện thành phiền não làm duyên cho pháp bất thiện thành phiền não bằng Nhân duyên.

1600.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, 3 câu ở đoạn giữa có Trưởng đồng sanh *(majjhe tīni sahajātādhipati);* Vô gián 9, Liên tiếp 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Đạo 9, Tương ưng 9.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1601.

Pháp vô ký phi phiền não *(no kileso abyākato)* liên quan pháp vô ký phi phiền não sanh ra do Nhân duyên.

1602.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề phiền não - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ CẢNH PHIỀN NÃO – TAM ĐỀ THIỆN

(Saṅkilesikaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1603.

- Pháp thiện cảnh phiền não *(saṅkilesiko)* liên quan pháp thiện cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện phi cảnh phiền não *(asaṅkilesiko)* liên quan pháp thiện phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

1604.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Như thiện nhị đề hiệp thế siêu thế *(lokiyalokutttaraduka).*
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1605.

Pháp bất thiện cảnh phiền não liên quan pháp bất thiện cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

1606.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1607.

- Pháp vô ký cảnh phiền não liên quan pháp vô ký cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô ký phi cảnh phiền não liên quan pháp vô ký phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký *(abyākata) cảnh* phiền não *(saṅkilesika)* liên quan những pháp vô ký cảnh phiền não và vô ký phi cảnh phiền não *(asaṅkilesika)* sanh ra do Nhân duyên.

1608.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Như vô ký nhị đề hiệp thế siêu thế *(lokiyalokutttaraduka).*
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề *(pañhāvāra)* tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề cảnh phiền não - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ PHIỀN TOÁI – TAM ĐỀ THIỆN

(Saṅkiliṭṭhaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1609.

Pháp thiện phi phiền toái *(asankilittho)* liên quan pháp thiện phi phiền toái sanh ra do Nhân duyên.

1610.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1611.

Pháp bất thiện thành phiền toái *(saṅkiliṭṭha)* liên quan pháp bất thiện thành phiền toái sanh ra do Nhân duyên *(hetupaccayo).*

1612.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1613.

Pháp vô ký phi phiền toái liên quan pháp vô ký phi phiền toái sanh ra do Nhân duyên.

1614.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề phiền toái - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO – TAM ĐỀ THIỆN

(Kilesasampayuttaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1615.

Pháp thiện bất tương ưng phiền não *(kilesa vippayutta)* liên quan pháp thiện bất tương ưng phiền não sanh ra do Nhân duyên.

1616.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1617.

Pháp bất thiện tương ưng phiền não *(kilesa sampayutta)* liên quan pháp bất thiện tương ưng phiền não sanh ra do Nhân duyên.

1618.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1619.

Pháp vô ký bất tương ưng phiền não liên quan pháp vô ký bất tương ưng phiền não sanh ra do Nhân duyên.

1620.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề tương ưng phiền não - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO CẢNH PHIỀN NÃO – TAM ĐỀ THIỆN

(Kilesasaṅkilesikaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1621.

Pháp thiện cảnh phiền não phi phiền não *(saṅkilesiko ceva no ca kileso)* liên quan pháp thiện cảnh phiền não phi phiền não sanh ra do Nhân duyên.

1622.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1623.

- Pháp bất thiện phiền não cảnh phiền não *(kileso ceva saṅkilesikoca)* liên quan pháp bất thiện phiền não cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện cảnh phiền não phi phiền não *(no ca kileso)* liên quan pháp bất thiện cảnh phiền não phi phiền não sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện phiền não cảnh phiền não liên quan những pháp bất thiện phiền não cảnh phiền não và bất thiện phiền não phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1624.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

Như nhị đề phiền não bất thiện.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1625.

Pháp vô ký cảnh phiền não phi phiền não liên quan pháp vô ký cảnh phiền não phi phiền não sanh ra do Nhân duyên.

1626.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề phiền não cảnh phiền não - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO CẢNH PHIỀN TOÁI – TAM ĐỀ THIỆN

(Kilesasaṅkiliṭṭhaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1627.

- Pháp bất thiện phiền não cảnh phiền toái *(kileso ceva saṅkiliṭṭho ca)* liên quan pháp bất thiện phiền não cảnh phiền toái sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện cảnh phiền toái phi phiền não liên quan pháp bất thiện cảnh phiền toái phi phiền não *(saṅkiliṭṭha ceva no ca kilesaṃ)* sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp bất thiện phiền não cảnh phiền toái liên quan những pháp bất thiện phiền não cảnh phiền toái và bất thiện cảnh phiền toái phi phiền não sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1628.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

Như nhị đề phiền não bất thiện *(kilesaduka akusalasadisam).*
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề phiền não cảnh phiền toái - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO – TAM ĐỀ THIỆN

(Kilesakilesasampayuttaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1629.

∗ Pháp bất thiện phiền não tương ưng phiền não *(kileso ceva kilesasampayutto ca)* liên quan pháp bất thiện phiền não tương ưng phiền não sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp bất thiện tương ưng phiền não phi phiền não *(no ca kileso)* liên quan pháp bất thiện tương ưng phiền não phi phiền não sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp bất thiện phiền não tương ưng phiền não liên quan những pháp bất thiện phiền não tương ưng phiền não và bất thiện tương ưng phiền não phi phiền não sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1630.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

Như nhị đề phiền não bất thiện
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề phiền não tương ưng phiền não - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO CẢNH PHIỀN NÃO – TAM ĐỀ THIỆN

(Kilesavippayuttasankilesikaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1631.

∗ Pháp thiện bất tương ưng phiền não cảnh phiền não *(kilesavippayutto saṅkilesiko)* liên quan pháp thiện bất tương ưng phiền não cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não *(asaṅkilesiko)* liên quan pháp thiện bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

1632.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Như nhị đề hiệp thế siêu thế *(lokiyalokuttaraduka kusalasadisaṃ).*
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1633.

∗ Pháp vô ký *(abyākata)* bất tương ưng phiền não cảnh phiền não liên quan pháp vô ký bất tương ưng phiền não cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô ký bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não *(asaṅkilesiko)* liên quan pháp vô ký bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô ký bất tương ưng phiền não cảnh phiền não liên quan những pháp vô ký bất tương ưng phiền não cảnh phiền não và vô ký bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

1634.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Như vô ký nhị đề hiệp thế siêu thế *(lokiyalokuttaraduka abyākatasadisaṃ).*
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề bất tương ưng phiền não cảnh phiền não - tam đề thiện
Hết chùm nhị đề phiền não (kilesagocchakaduka) - tam đề thiện

---

NHỊ ĐỀ SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ THIỆN

(Dassanena pahātabbaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1635.

Pháp thiện phi sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabba)* liên quan pháp thiện phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1636.

Nhân 1, Cảnh 1, Trưởng 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1637.

∗ Pháp bất thiện sơ đạo tuyệt trừ *(dassannena pahātabba)* liên quan pháp bất thiện sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp bất thiện phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp bất thiện phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1638.

Nhân 2, Cảnh 2, Trưởng 2, Bất ly 2.

1639.

∗ Pháp bất thiện sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp bất thiện sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên: Si đồng sanh hoài nghi liên quan uẩn đồng sanh hoài nghi.

∗ Pháp bất thiện phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp bất thiện phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên.

1640.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 2, phi Nghiệp 2, phi Quả 2, phi Bất tương ưng 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng

Phần Vấn Đề *(Pañhāvāra)*

1641.

∗ Pháp bất thiện sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp bất thiện sơ đạo tuyệt trừ bằng Nhân duyên.

∗ Pháp bất thiện phi sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp bất thiện phi sơ đạo tuyệt trừ bằng Nhân duyên.

1642.

∗ Nhân 2, Cảnh 3; sơ đạo *(dassana)* 1, phi sơ đạo *(na dassana)* 2; Trưởng 3; phần sơ đạo căn *(dassanamūlakaṃ)* 1, phi sơ đạo 2, có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh; Trưởng Cảnh 1, Vô gián 2.

∗ Phần sơ đạo căn *(dassanamūlaka)* 1, phi sơ đạo *(na dassana)* 1, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2,... Cận y 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 2, Thực 2, Tương ưng 2, Hiện hữu 2, Vô hữu 2.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1643.

Pháp vô ký phi sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabba)* liên quan pháp vô ký phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1644.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề sơ đạo tuyệt trừ - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ THIỆN

(Bhāvanāya pahātabbaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1645.

Pháp thiện phi ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabba)* liên quan pháp thiện phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1646.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1647.

Pháp bất thiện ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāya pahātabba)* liên quan pháp bất thiện ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1648.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Như nhị đề sơ đạo tuyệt trừ bất thiện *(dassanena pahātabbaduka akusalasadisaṃ).*
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

1649.

Pháp vô ký phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp vô ký phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1650.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề ba đạo cao tuyệt trừ - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ THIỆN

(Dassānena pahātabbahetukaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1651.

Pháp thiện phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabbaheduka)* liên quan pháp thiện phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1652.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1653.

- Pháp bất thiện hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp bất thiện hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp bất thiện phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp bất thiện phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan những pháp bất thiện hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và bất thiện phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1654.

- Pháp bất thiện hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp bất thiện hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên: Có 3 câu.
- Phi sơ đạo *(na dassanena)* có 2 câu, 1 câu có hiệp trợ *(ghaṭanā)*

1655.

Nhân 4, Cảnh 6, Trưởng 6, tất cả đều 6, Bất ly 6.

1656.

- Pháp bất thiện phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp bất thiện hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên.
- Pháp bất thiện phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp bất thiện phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên.

1657.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 6,... phi Nghiệp 4, phi Quả 6, phi Bất tương ưng 6.

Phần đồng sanh *(sahajātavārādi)*... đều nên sắp rộng.

1658.

Pháp bất thiện hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp bất thiện hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Nhân duyên.

1659.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 3, sơ đạo *(dassana)* 1, phi sơ đạo *(na dassana)* 2; Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 6,... Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 4, Thực 4, Quyền 4,... tương ưng 6, Vô hữu 9…

1660.

Pháp vô ký phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp vô ký phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1661.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ THIỆN

(Bhāvanāyapahātabbahetukaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1662.

Pháp thiện phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp thiện phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1663.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1664.

- Pháp bất thiện hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp bất thiện hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp bất thiện phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1665.

Nhân 4, Cảnh 6, Bất ly 6.

Như nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bất thiện *(dassanena pahātabbahetukaduka akusalasadisaṃ).*

Phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng

1666.

Pháp vô ký phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp vô ký phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabbahetuka)* sanh ra do Nhân duyên.

1667.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ HỮU TẦM – TAM ĐỀ THIỆN

(Savitakkaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1668.

- Pháp thiện hữu tầm *(savitakka)* liên quan pháp thiện hữu tầm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện vô tầm *(avitakka)* liên quan pháp thiện hữu tầm sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp thiện hữu tầm và pháp thiện vô tầm liên quan pháp thiện hữu tầm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện vô tầm liên quan pháp thiện vô tầm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện hữu tầm liên quan pháp thiện vô tầm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện hữu tầm liên quan những pháp thiện hữu tầm và pháp thiện vô tầm sanh ra do Nhân duyên.

1669.

Nhân 6, Cảnh 6, tất cả đều 6, Bất ly 6.

1670.

Phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 6,... phi Nghiệp 4,... phi Bất tương ưng 6.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

1671.

- Pháp thiện hữu tầm làm duyên cho pháp thiện hữu tầm bằng Nhân duyên.
- Pháp thiện hữu tầm làm duyên cho pháp thiện vô tầm bằng Nhân duyên.
- Pháp thiện hữu tầm làm duyên cho những pháp thiện hữu tầm và thiện vô tầm bằng Nhân duyên.
- Pháp thiện vô tầm *(avitakka)* làm duyên cho pháp thiện vô tầm bằng Nhân duyên.

1672.

- Pháp thiện hữu tầm làm duyên cho pháp thiện hữu tầm bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
- Pháp thiện vô tầm làm duyên cho pháp thiện vô tầm bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
- Chư pháp thiện hữu tầm và pháp thiện vô tầm làm duyên cho pháp thiện hữu tầm bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

1673.

Nhân 4, Cảnh 9, Trưởng 9, trong 3 câu chót có Trưởng đồng sanh *(hetthā tīsu sahajātādhipati);* trong vô tầm có Trưởng đồng sanh 1 câu *(avitakke ekam sahajātādhipati);* Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 9, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 4, Thực 4, Quyền 4, Thiền 6, Đạo 6, Hiện hữu 6, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 6.

1674.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1675.

Nhân duyên có phi Cảnh 4.

1676.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, đây nên sắp rộng như thế ấy.

1677.

- Pháp bất thiện hữu tầm liên quan pháp bất thiện hữu tầm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện vô tầm liên quan pháp bất thiện hữu tầm sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp bất thiện hữu tầm và bất thiện vô tầm liên quan pháp bất thiện hữu tầm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện hữu tầm liên quan pháp bất thiện vô tầm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện hữu tầm liên quan những pháp bất thiện hữu tầm và pháp bất thiện vô tầm sanh ra do Nhân duyên.

1678.

Nhân 5, Cảnh 5, tất cả đều 5, Bất ly 5.

1679.

- Pháp bất thiện hữu tầm liên quan pháp bất thiện hữu tầm sanh ra do phi Nhân duyên.
- Pháp bất thiện hữu tầm *(savitakka)* liên quan pháp bất thiện vô tầm *(avitakka)* sanh ra do phi Nhân duyên.
- Pháp bất thiện hữu tầm liên quan những pháp bất thiện hữu tầm và bất thiện vô tầm sanh ra do phi Nhân duyên.

1680.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 5, phi Nghiệp 3,... phi Bất tương ưng 5.

Phần đồng sanh… nên sắp rộng *(vitthāretabbaṃ)*.

1681.

Pháp bất thiện hữu tầm làm duyên cho pháp bất thiện hữu tầm bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

1682.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9,... Đồng sanh 5, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 3, Thực 3,... Thiền 5, Đạo 5, Tương ưng 5, Hiện hữu 5, Vô hữu 9.

1683.

* Pháp vô ký *(abyākata)* hữu tầm liên quan pháp vô ký hữu tầm sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô ký vô tầm liên quan pháp vô ký vô tầm sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký hữu tầm liên quan những pháp vô ký hữu tầm và pháp vô ký vô tầm sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1684.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

1685.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Nghiệp 4, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

1686.

* Pháp vô ký hữu tầm làm duyên cho pháp vô ký hữu tầm bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô ký vô tầm làm duyên cho pháp vô ký vô tầm bằng Nhân duyên.

1687.

Pháp vô ký hữu tầm làm duyên cho pháp vô ký hữu tầm bằng Cảnh duyên.

1688.

Nhân 4, Cảnh 9, Trưởng 9, tất cả đều 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 4, Quả 9, Thực 4,... Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 6, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 9.

1689.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1690.

Nhân duyên có phi Cảnh 4.

1691.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì đây nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt nhị đề hữu tầm - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ HỮU TỨ – TAM ĐỀ THIỆN

(Savicāraduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1692.

* Pháp thiện hữu tứ *(savicāra)* liên quan pháp thiện hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp thiện vô tứ liên quan pháp thiện vô tứ *(avicāra)* sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.
* Pháp thiện hữu tứ liên quan những pháp thiện hữu tứ và pháp thiện vô tứ sanh ra do Nhân duyên.

1693.

Nhân 6, Cảnh 6, Bất ly 6.

Như nhị đề hữu tầm thiện *(savitakkaduka kusalasadisaṃ).*
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

1694.

- Pháp bất thiện hữu tứ liên quan pháp bất thiện hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp bất thiện hữu tứ liên quan pháp bất thiện vô tứ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện hữu tứ liên quan những pháp bất thiện hữu tứ và bất thiện vô tứ sanh ra do Nhân duyên.

1695.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

Như nhị đề hữu tầm thiện.
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

1696.

- Pháp vô ký hữu tứ liên quan pháp vô ký hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký vô tứ *(avicāra)* liên quan pháp vô ký vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký hữu tứ liên quan những pháp vô ký hữu tứ và vô ký vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1697.

Nhân 9, Cảnh 9, Quả 9, Bất ly 9.

Như nhị đề hữu tầm *(savitakkaduka)* vô ký.
Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

1698.

Pháp vô ký hữu tứ làm duyên cho pháp vô ký hữu tứ bằng Nhân duyên.

1699.

Nhân 4, Cảnh 9,... Đạo 4, Bất ly 9.

1700.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1701.

Nhân duyên có phi Cảnh 4.

1702.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì đây nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt nhị đề hữu tứ - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ HỮU HỶ – TAM ĐỀ THIỆN

(Sappītikaduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1703.

- Pháp thiện hữu hỷ *(sappītika)* liên quan pháp thiện hữu hỷ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện vô hỷ *(appītika)* liên quan pháp thiện hữu hỷ sanh ra do Nhân duyên.

* Chư pháp thiện hữu hỷ và pháp thiện vô hỷ liên quan pháp thiện hữu hỷ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện vô hỷ liên quan pháp thiện vô hỷ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện hữu hỷ liên quan pháp thiện vô hỷ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện hữu hỷ *(sappītika)* liên quan những pháp thiện hữu hỷ và pháp thiện vô hỷ *(appītika)* sanh ra do Nhân duyên.

1704.

Nhân 6, tất cả đều 6, Bất ly 6.

1705.

Phi Trưởng 6, phi Tiền sanh 6, phi Nghiệp 4, phi Bất tương ưng 6.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

1706.

* Pháp thiện hữu hỷ làm duyên cho pháp thiện hữu hỷ bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp thiện vô hỷ làm duyên cho pháp thiện vô hỷ bằng Nhân duyên.

1707.

Pháp thiện hữu hỷ làm duyên cho pháp thiện hữu hỷ bằng Cảnh duyên.

1708.

Nhân 4, Cảnh 9, Trưởng 9; 4 câu có Trưởng đồng sanh; Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 6, Cận y 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 4, Thực 4, Quyền 4, Thiền 6, Đạo 4, Tương ưng 6, Hiện hữu 6, Vô hữu 9, Ly 9, Bất ly 6.

1709.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

1710.

Nhân duyên có phi Cảnh 4.

1711.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Tam đề thiện thế nào, đây nên sắp rộng như thế ấy.

1712.

* Pháp bất thiện hữu hỷ liên quan pháp bất thiện hữu hỷ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp bất thiện vô hỷ liên quan pháp bất thiện vô hỷ sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.
* Pháp bất thiện hữu hỷ liên quan những pháp thiện hữu hỷ và bất thiện vô hỷ sanh ra do Nhân duyên.

1713.

Nhân 6, Cảnh 6, Bất ly 6.

Như thiện *(kusalasadisaṃ)*.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

1714.

* Pháp vô ký hữu hỷ liên quan pháp vô ký hữu hỷ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô ký vô hỷ liên quan pháp vô ký vô hỷ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô ký hữu hỷ liên quan những pháp vô ký hữu hỷ và vô ký vô hỷ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1715.

Nhân 9, Cảnh 9, Tiền sanh 6, Cố hưởng 6, Bất ly 9.

1716.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9,... phi Nghiệp 4, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 9, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 6.

Phần đồng sanh… nên sắp rộng.

1717.

Pháp vô ký hữu hỷ làm duyên cho pháp vô ký hữu hỷ bằng Nhân duyên.

1718.

Nhân 4, Cảnh 9, Trưởng 9, Vô gián 9,... tất cả đều 9, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 9, Nghiệp 4, Quả 9, Thực 4, Quyền 4, Thiền 9, Đạo 4, Tương ưng 6, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 9.

Dứt nhị đề hữu hỷ (sappītikaduka) - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH HỶ – TAM ĐỀ THIỆN

(Pītisahagataduka kusalattikaṃ)

Phần Liên Quan *(Paṭiccavāra)*

1719.

… Liên quan pháp thiện đồng sanh hỷ *(pītisahagata)*.

Dù thiện, bất thiện hay vô ký đều giống như nhị đề hữu hỷ *(sappītikaduka sadisaṃ)*.

Dứt nhị đề đồng sanh hỷ - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH LẠC – TAM ĐỀ THIỆN

(Sukhasahagataduka kusalattikaṃ)

1720.

* … Liên quan pháp thiện đồng sanh lạc *(sukhasahagataṃ)*.

  Dù thiện, bất thiện, vô ký cũng như nhị đề hữu hỷ.
* … Liên quan bất thiện…

  Phần nghịch *(paccanīya):* Phi Nhân 1…
* … Liên quan pháp vô ký…

Cách nghịch *(paccanīya):* Phi Nhân 9 câu… phi Thiền 6, nên sắp luôn *(kātabbā)*.

Cách nghịch *(paccanīya):* Phần vấn đề *(pañhāvāra)*, dù thiện, bất thiện, Quyền, Thiền đều có 6.

Phần vấn đề *(pañhāvāra):* Trong vô ký có 9 câu.

Dứt nhị đề đồng sanh lạc - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH XẢ – TAM ĐỀ THIỆN

(Upekkasahagataduka kusalattikaṃ)

1721.

… Liên quan pháp thiện đồng sanh xả *(upekkāhasagataṃ)*... 6 câu như nhị đề hữu hỷ *(sappītikaduka)*.

Câu nói xả không khác xả *(upekkhāti nānā upekkhā)*. Cách nghịch *(paccanīya)*: Phi Nhân 9, phi Thiền 6.

1722.

… Liên quan bất thiện đồng sanh xả… 6 câu.

1723.

* Pháp bất thiện đồng sanh xả liên quan pháp bất thiện đồng sanh xả sanh ra do phi Nhân duyên.
* Pháp bất thiện đồng sanh xả liên quan pháp bất thiện phi đồng sanh xả sanh ra do phi Nhân duyên.
* Pháp bất thiện đồng sanh xả liên quan những pháp bất thiện đồng sanh xả và bất thiện phi đồng sanh xả sanh ra do phi Nhân duyên.

1724.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 9.

Nên phân rộng bất thiện như nhị đề hữu hỷ *(sappītika)*.

1725.

Pháp vô ký đồng sanh xả liên quan pháp vô ký đồng sanh xả… có 9 câu đề.

Như nhị đề hữu hỷ vô ký *(sappītikaduka abyakatasadisam).*

1726.

Phần vấn đề *(pañhāvāra):* Thiện, bất thiện, Quyền, thiền 6, vô ký 9.

Dứt nhị đề đồng sanh xả - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ DỤC GIỚI – TAM ĐỀ THIỆN

(Kāmāvacaraduka kusalattikaṃ)

1727.

* Pháp thiện Dục giới *(kāmāvacara)* liên quan pháp thiện Dục giới sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện phi Dục giới *(na kāmāvacara)* liên quan pháp thiện phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên.

1728.

Nhân 2, Cảnh 2, tất cả đều 2, Bất ly 2.

1729.

Phi Trưởng 2… phi Bất tương ưng 2…

Phần đồng sanh... nên sắp rộng *(vittharetabbam).*

1730.

Pháp thiện Dục giới làm duyên cho pháp thiện Dục giới bằng Nhân duyên.

1731.

Nhân 2, Cảnh 4,... Trưởng 3; Dục giới *(kāmāvacara)* 1, phi Dục giới *(na kāmāvacara)* 2; Vô gián 3,... Dục giới 2, phi Dục giới 1,... Cận y 4, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Thực 2,...Vô hữu 3, Bất ly 2.

1732.

Pháp bất thiện Dục giới liên quan pháp bất thiện Dục giới sanh ra do Nhân duyên.

1733.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1734.

* Pháp vô ký Dục giới liên quan pháp vô ký Dục giới sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô ký phi Dục giới liên quan pháp vô ký phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên.

1735.

Nhân 9, Cảnh 4, Trưởng 5,... Hỗ tương 6,... Tiền sanh 2, Cố hưởng 2, Bất ly 2.

1736.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9,... phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 3, phi Bất tương ưng 2, phi Vô hữu 3, phi Ly 3.

Phần đồng sanh... đều nên sắp rộng.

1737.

Pháp vô ký Dục giới làm duyên cho pháp vô ký Dục giới *(kāmāvacara)* bằng Nhân duyên.

1738.

Nhân 4, Cảnh 4, Trưởng 4, Dục giới 1, phi Dục giới 3. Trong Dục giới chỉ có Trưởng đồng sanh, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 7, Hỗ tương 6, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Hậu sanh 2, Cố hưởng 3, Nghiệp 4, Quả 4, Thực 4, Tương ưng 2, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Vô hữu 4.

Dứt nhị đề Dục giới - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ SẮC GIỚI – TAM ĐỀ THIỆN

(Rupavacaraduka kusalattikaṃ)

1739.

- Pháp thiện thành Sắc giới liên quan pháp thiện thành Sắc giới sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện phi Sắc giới liên quan pháp thiện phi Sắc giới *(na rūpāvacara)* sanh ra do Nhân duyên.

1740.

Nhân 2, Cảnh 2, tất cả đều 2.

1741.

Phi Trưởng 2,... phi Tiền sanh 1, phi Cố hưởng 1, phi Bất tương ưng 1.

Phần đồng sanh... đều nên sắp rộng.

1742.

Pháp thiện thành Sắc giới làm duyên cho pháp thiện thành Sắc giới bằng Nhân duyên.

1743.

Nhân 2, Cảnh 4, Trưởng 3; thành Sắc giới *(rūpāvacara)* 1, chỉ có Trưởng đồng sanh *(Sahajātādhipatiyeva);* thành phi Sắc giới *(na rūpāvacara)* 2; Vô gián 3; thành Sắc giới 1, thành phi Sắc giới 2; Liên tiếp 3, Đồng sanh 2,... Cận y 4, Cố hưởng 3, Nghiệp 2,... Hiện hữu 2, Vô hữu 3…

1744.

Pháp bất thiện phi Sắc giới *(na rūpāvacara)* liên quan pháp bất thiện phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên; tất cả đều 1 *(sabbattha ekaṃ).*

1745.

- Pháp vô ký thành Sắc giới liên quan pháp vô ký thành Sắc giới sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký phi Sắc giới *(na rūpāvacara)* liên quan pháp vô ký phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên.

1746.

Nhân 9, Cảnh 4, Bất ly 9.

Cũng như vô ký nhị đề Dục giới, phi Dục giới *(kāmāvacara na kāmāvacaraduka abyākatasadisam).*

Tất cả câu đề nên thay đổi phần trước và phần sau.
Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề Sắc giới - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ VÔ SẮC GIỚI – TAM ĐỀ THIỆN

(Rūpāvacaraduka kusalattikaṃ)

1747.

∗ Pháp thiện Vô sắc giới *(Arūpāvacara)* liên quan pháp thiện Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện phi Vô sắc giới *(na Arūpāvacara)* liên quan pháp thiện phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên.

1748.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

1749.

Phi Trưởng 2… phi Bất tương ưng 2.

Phần đồng sanh… đều nên sắp rộng *(vitthāretabbaṃ)*.

1750.

Pháp thiện Vô sắc giới làm duyên cho pháp thiện Vô sắc giới bằng Nhân duyên.

1751.

Nhân 2, Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián 3, Đồng sanh 2, Cận y 4, Cố hưởng 3, Nghiệp 2, Hiện hữu 2, Vô hữu 3.

1752.

Pháp bất thiện phi Vô sắc giới *(na arūpāvacara)* liên quan pháp bất thiện phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

Tất cả đều 1 *(sabbattha ekaṃ)*.

1753.

∗ Pháp vô ký *(abyākata)* Vô sắc giới liên quan pháp vô ký Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô ký phi Vô sắc giới *(na arūpāvacara)* liên quan pháp vô ký phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô ký phi Vô sắc giới liên quan những pháp vô ký Vô sắc giới và vô ký phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên.

1754.

Nhân 5, Cảnh 2, Trưởng 5, Bất ly 5.

1755.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 4, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Thực 1,... phi Bất tương ưng 2, phi Ly 3.

Phần đồng sanh… nên sắp rộng.

1756.

∗ Pháp vô ký Vô sắc giới làm duyên cho pháp vô ký Vô sắc giới bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô ký phi Vô sắc giới làm duyên cho pháp vô ký phi Vô sắc giới bằng Nhân duyên.

1757.

Nhân 4, Cảnh 3,... Vô sắc giới căn *(Arūpāvacaramūla)* 2 câu; phi Vô sắc giới 1, Trưởng 4,... căn Vô sắc giới 3; trong phi Vô sắc giới 1; Vô gián 4,... Đồng sanh 5, Hỗ tương 2, Y chỉ 7, Cận y 4, Tiền sanh 2, Hậu sanh 2, Cố hưởng 3, Nghiệp 4, Quả 2,... Tương ưng 2, Bất tương ưng 3, Hiện hữu 7, Vô hữu 4.

Dứt nhị đề Vô sắc giới - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ LIÊN QUAN LUÂN HỒI – TAM ĐỀ THIỆN

(Pariyāpannaduka kusalattikaṃ)

1758.

∗ Pháp thiện liên quan luân hồi *(pariyāpanna)* liên quan pháp thiện liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện bất liên quan luân hồi *(apariyāpanna)* liên quan pháp thiện bất liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên.

1759.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Như nhị đề hiệp thế siêu thế thiện. Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

1760.

Pháp bất thiện liên quan luân hồi liên quan pháp bất thiện liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên.

1761.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1762.

∗ Pháp vô ký liên quan luân hồi *(pariyāpanna)* liên quan pháp vô ký liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô ký bất liên quan luân hồi *(apariyāpanna)* liên quan pháp vô ký bất liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên.

1763.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Như vô ký nhị đề hiệp thế siêu thế *(lokiyalokuttaraduka).* Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề liên quan luân hồi - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ NHÂN XUẤT LUÂN HỒI – TAM ĐỀ THIỆN

(Niyyānikaduka kusalattikaṃ)

1764.

∗ Pháp thiện nhân xuất luân hồi *(niyyānika)* liên quan pháp thiện nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện phi nhân xuất luân hồi liên quan pháp thiện phi nhân xuất luân hồi *(aniyyānika)* sanh ra do Nhân duyên.

1765.

Nhân 2, Cảnh 2.

Như nhị đề hiệp thế siêu thế thiện.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

1766.

Pháp bất thiện phi nhân xuất luân hồi liên quan pháp bất thiện phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên.

1767.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1768.

Pháp vô ký phi nhân xuất luân hồi liên quan pháp vô ký phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên.

1769.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề nhân xuất luân hồi - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ NHỨT ĐỊNH– – TAM ĐỀ THIỆN

(Niyataduka kusalattikaṃ)

1770.

∗ Pháp thiện nhứt định liên quan pháp thiện nhứt định *(niyata)* sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện bất định liên quan pháp thiện bất định *(aniyata)* sanh ra do Nhân duyên.

1771.

Nhân 2, Cảnh 2.

Như nhị đề hiệp thế siêu thế thiện.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

1772.

∗ Pháp bất thiện nhứt định liên quan pháp bất thiện nhứt định sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp bất thiện bất định liên quan pháp bất thiện bất định sanh ra do Nhân duyên.

1773.

Nhân 2, Cảnh 2, tất cả đều 2, Bất ly 2.

1774.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 1, phi Nghiệp 2,... phi Bất tương ưng 1.

Phần đồng sanh... đều nên phân rộng.

1775.

∗ Pháp bất thiện nhứt định làm duyên cho pháp bất thiện nhứt định bằng Nhân duyên.

∗ Pháp bất thiện bất định làm duyên cho pháp bất thiện bất định bằng Nhân duyên.

1776.

Nhân 2, Cảnh 3, Trưởng 2,... Trưởng đồng sanh nhứt định có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh 2 câu; vô gián 2,... Cận y 4, Cố hưởng 2, Nghiệp 2, Bất ly 2…

1777.

Pháp vô ký bất định *(aniyata)* liên quan pháp vô ký bất định sanh ra do Nhân duyên.

1778.

Nhân 1, Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề nhất định - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ HỮU THƯỢNG – TAM ĐỀ THIỆN
(Sa uttaraduke kusalattikaṃ)

1779.

∗ Pháp thiện hữu thượng *(sa uttara)* liên quan pháp thiện hữu thượng sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện vô thượng *(anuttara)* liên quan pháp thiện vô thượng sanh ra do Nhân duyên.

1780.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

1781.

Pháp bất thiện hữu thượng liên quan pháp bất thiện hữu thượng sanh ra do Nhân duyên.

1782.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1783.

∗ Pháp vô ký hữu thượng liên quan pháp vô ký hữu thượng sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô ký vô thượng liên quan pháp vô ký vô thượng sanh ra do Nhân duyên.

1784.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

Như vô ký nhị đề hiệp thế siêu thế *(lokiyalokuttaraduka abyākatasadisaṃ).*

Dứt nhị đề hữu thượng - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ THIỆN
(Saraṇaduka kusalattikaṃ)

1785.

Pháp thiện vô y *(araṇa)* liên quan pháp thiện vô y sanh ra do Nhân duyên.

1786.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1787.

Pháp bất thiện hữu y *(saraṇa)* liên quan pháp bất thiện hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1788.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1789.

Pháp vô ký *(abyākata)* vô y liên quan pháp vô ký vô y sanh ra do Nhân duyên.

1790.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1791.

Pháp vô ký vô y *(araṇa)* làm duyên cho pháp vô ký vô y bằng Nhân duyên.

1792.

∗ Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, đây nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề thiện

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ THỌ

(Saraṇaduka vadanāttikaṃ)

1793.

∗ Pháp tương ưng lạc thọ hữu y *(saraṇo sukhāya vedanāya sampayutto)* liên quan pháp tương ưng lạc thọ hữu y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng lạc thọ vô y *(araṇa)* liên quan pháp tương ưng lạc thọ vô y sanh ra do Nhân duyên.

1794.

Nhân 2, Cảnh 2, Nghiệp 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

1795.

Pháp tương ưng khổ thọ hữu y *(saraṇo dukkhāya vedanāya sampayutto)* liên quan pháp tương ưng khổ thọ hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1796.

Pháp tương ưng khổ thọ hữu y liên quan pháp tương ưng khổ thọ hữu y sanh ra do Cảnh duyên.

1797.

Nhân 1, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

1798.

∗ Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ hữu y *(saraṇi adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto)* liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ hữu y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ vô y *(araṇa)* liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ vô y sanh ra do Nhân duyên.

1779.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Phần đồng sanh hay phần vấn đề *(pañhāvāra)* đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề thọ

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ QUẢ

(Saraṇaduka vipākattikaṃ)

1800.

Pháp quả vô y *(araṇo vipāko)* liên quan pháp quả vô y sanh ra do Nhân duyên.

1801.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1802.

∗ Pháp dị thục nhân *(vipākadhammadhammo)* hữu y liên quan pháp dị thục nhân hữu y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp dị thục nhân vô y *(araṇa)* liên quan pháp dị thục nhân vô y sanh ra do Nhân duyên.

1803.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

1804.

Pháp phi quả phi nhân vô y *(araṇo nevavipāka navipākadhammadhammo)* liên quan pháp phi quả phi nhân vô y sanh ra do Nhân duyên.

1805.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề quả

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ THỦ

(Saraṇaduka upādinnattikaṃ)

1806.

Pháp thành do thủ cảnh thủ vô y *(araṇo upādimupādānivo)* liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ vô y sanh ra do Nhân duyên.

1807.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1808.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ hữu y *(saraṇo anupādinhupādāniyo)* liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ hữu y sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ vô y *(araṇo)* liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ vô y sanh ra do Nhân duyên.

1809.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Phần đồng sanh hay phần vấn đề đều sắp rộng.

1810.

Pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ vô y *(araṇo anupādinna anupādāniyo)* liên quan pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ vô y sanh ra do Nhân duyên.

1811.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề thành do thủ

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ CẢNH PHIỀN TOÁI

(Saraṇaduka sankiliṭṭhaduka)

1812.

Pháp phiền toái cảnh phiền não hữu y *(saraṇo saṅkiliṭṭhasankilesiko)* liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1813.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1814.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não vô y *(araṇo asaṅkiliṭṭhasankilesiko)* liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não vô y sanh ra do Nhân duyên.

1815.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1816.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não vô y *(araṇo asaṅkilittha asaṅkilesiko)* liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

1817.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề cảnh phiền toái

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ TẦM

(Saraṇaduka saṅkiliṭṭhattikaṃ)

1818.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ hữu y *(saraṇa saṅkiliṭṭha saṅkilesiko)* liên quan pháp hữu tầm hữu tứ hữu y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp hữu tầm hữu tứ vô y *(araṇa)* liên quan pháp hữu tầm hữu tứ vô y sanh ra do Nhân duyên.

1819.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

1820.

Pháp vô tầm hữu tứ *(avitakkavicāramatta)* vô y liên quan pháp vô tầm hữu tứ vô y sanh ra do Nhân duyên.

1821.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1822.

Pháp vô tầm vô tứ *(avitakka avicāra)* vô y liên quan pháp vô tầm vô tứ *(avitakka avicāra)* vô y sanh ra do Nhân duyên.

1823.

Nhân 1, Cảnh 1, tất cả đều 1.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề tầm

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ HỶ
(Saraṇaduka pītittikaṃ)

1824.

∗ Pháp đồng sanh hỷ *(pītisahagata)* hữu y liên quan pháp đồng sanh hỷ hữu y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp đồng sanh hỷ vô y *(araṇa)* liên quan pháp đồng sanh hỷ vô y sanh ra do Nhân duyên.

1825.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Phần đồng sanh hay phần vấn đề *(pañhāvāra)* đều nên sắp rộng.

1826.

∗ Pháp đồng sanh lạc *(sukhasahagata)* hữu y liên quan pháp đồng sanh lạc hữu y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp đồng sanh lạc vô y liên quan pháp đồng sanh lạc vô y sanh ra do Nhân duyên.

1827.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

1828.

∗ Pháp đồng sanh xả *(upekkhasahagata)* hữu y liên quan pháp đồng sanh xả hữu y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp đồng sanh xả vô y liên quan pháp đồng sanh xả vô y sanh ra do Nhân duyên.

1829.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề hỷ

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ SƠ ĐẠO
(Saraṇaduka dassanattikaṃ)

1830.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ hữu y *(saraṇo dassanena pahātabbo)* liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1831.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1832.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ hữu y *(saraṇo bhāvanāya pahatabbo)* liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1833.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1834.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ vô y *(araṇo neva dassanena na bhāvanāya pahātabba)* liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ vô y sanh ra do Nhân duyên.

1835.

Nhân 1, tất cả đều 1.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề sơ đạo (kiến)

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

(Saraṇaduka dassanena pahātabbahetukattikaṃ)

1836.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hữu y *(saraṇo dassanena pahātabba hetuko)* liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1837.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1838.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ hữu y *(saraṇo bhāvanāya pahātabbahetuko)* liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1839.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1840.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ vô y *(araṇo neva dassanena na bhāvanāya pahātabbahetuko)* liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ vô y sanh ra do Nhân duyên.

1841.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1; tất cả đều nên sắp rộng *(sabbattha vitthāretabbaṃ).*

Dứt nhị đề hữu y - tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ

(Saraṇaduka ācayagāmittikaṃ)

1842.

* Pháp nhân sanh tử hữu y *(saraṇo ācayagāmi)* liên quan pháp nhân sanh tử hữu y sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân sanh tử vô y *(araṇa)* liên quan pháp nhân sanh tử vô y sanh ra do Nhân duyên.

1843.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

1844.

Pháp nhân đến Níp Bàn vô y *(araṇo apacayagāmi)* liên quan pháp nhân đến Níp Bàn vô y sanh ra do Nhân duyên.

1845.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1846.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn vô y *(araṇo nevācayagāmināpacayagāmī)* liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn vô y sanh ra do Nhân duyên.

1847.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề nhân sanh tử

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ HỮU HỌC

(Sāraṇaduka sekkhattikaṃ)

1848.

Pháp hữu học vô y *(araṇo sekkho)* liên quan pháp hữu học vô y sanh ra do Nhân duyên.

1849.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1850.

Pháp vô học vô y *(araṇo asekkho)* liên quan pháp vô học vô y sanh ra do Nhân duyên.

1851.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1852.

Pháp phi hữu học phi vô học hữu y *(saraṇo nevasekkhānāsekkho)* liên quan pháp phi hữu học phi vô học hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1853.

Nhân 5, Cảnh 2, Trưởng 5, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề hữu học

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ HY THIỂU

(Saraṇaduka parittattikaṃ)

1854.

Pháp hy thiểu hữu y *(saraṇo paritto)* liên quan pháp hy thiểu hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1855.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

1856.

Pháp đáo đại vô y *(araṇo mahaggato)* liên quan pháp đáo đại vô y sanh ra do Nhân duyên.

1857.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1858.

Pháp vô lượng vô y *(araṇa appamāṇo)* liên quan pháp vô lượng vô y sanh ra do Nhân duyên.

1859.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề hy thiểu

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU

(Saraṇaduka parittārammaṇattikaṃ)

1860.

Pháp biết cảnh hy thiểu hữu y *(saraṇo parittārammana)* liên quan pháp biết cảnh hy thiểu hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1861.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

1862.

Pháp biết cảnh đáo đại hữu y *(saraṇo mahaggatārammaṇo)* liên quan pháp biết cảnh đáo đại hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1863.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

1864.

Pháp biết cảnh vô lượng vô y *(araṇo appamāṇārammaṇo)* liên quan pháp biết cảnh vô lượng vô y sanh ra do Nhân duyên.

1865.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề cảnh hy thiểu

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ TY HẠ

(Saraṇaduka hinattikaṃ)

1866.

Pháp ty hạ hữu y *(saraṇo hīno)* liên quan pháp ty hạ hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1867.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1868.

Pháp trung bình vô y *(araṇo majjhimo)* liên quan pháp trung bình vô y sanh ra do Nhân duyên.

1869.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1870.

Pháp tinh lương vô y *(araṇo paṇīto)* liên quan pháp tinh lương vô y sanh ra do Nhân duyên.

1871.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề ty hạ

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ TÀ

(Saraṇaduka micchattattikaṃ)

1872.

Pháp tà nhứt định hữu y *(saraṇo micchattaniyato)* liên quan pháp tà nhứt định hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1873.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1874.

Pháp chánh nhứt định vô y *(araṇo sammattaniyato)* liên quan pháp chánh nhứt định vô y sanh ra do Nhân duyên.

1875.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1876.

Pháp bất định hữu y *(saraṇo aniyato)* liên quan pháp bất định hữu y sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

1877.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề tà

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ CÓ CẢNH LÀ ĐẠO

(Saraṇaduka maggārammaṇattikaṃ)

1878.

Pháp có cảnh là đạo vô y *(araṇo maggārammaṇo)* liên quan pháp có cảnh là đạo vô y sanh ra do Nhân duyên.

1879.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1880.

Pháp có nhân là đạo vô y *(araṇo maggahetuko)* liên quan pháp có nhân là đạo vô y sanh ra do Nhân duyên.

1881.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1882.

Pháp có trưởng là đạo vô y *(araṇo maggādhipati)* liên quan pháp có trưởng là đạo vô y sanh ra do Nhân duyên.

1883.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề có cảnh là đạo

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ SANH TỒN

(Saraṇaduka uppannattikaṃ)

1884.

- Pháp sanh tồn hữu y *(saraṇo uppanno)* làm duyên cho pháp sanh tồn hữu y bằng Nhân duyên.
- Pháp sanh tồn hữu y làm duyên cho pháp sanh tồn vô y *(araṇo)* bằng Nhân duyên.
- Pháp sanh tồn hữu y làm duyên cho những pháp sanh tồn hữu y và sanh tồn vô y bằng Nhân duyên.
- Pháp sanh tồn vô y làm duyên cho pháp sanh tồn vô y bằng Nhân duyên.

1885.

Pháp sanh tồn vô y làm duyên cho pháp sanh tồn vô y bằng Cảnh duyên.

1886.

Nhân 4, Cảnh 2, Bất ly 7.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề sanh tồn

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ QUÁ KHỨ

(Saraṇaduka atītattikaṃ)

1887.

- Pháp hiện tại hữu y *(saraṇo Paccuppanno)* làm duyên cho pháp hiện tại hữu y bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp hiện tại vô y *(araṇo)* làm duyên cho pháp hiện tại vô y bằng Nhân duyên.

1888.

Nhân 4, Cảnh 2, Bất ly 7.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề quá khứ

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ
(Saraṇaduka atītārammaṇattikaṃ)

1889.

∗ Pháp biết cảnh quá khứ hữu y *(saraṇo atītārammaṇo)* liên quan pháp biết cảnh quá khứ hữu y sanh ra do Nhân duyên *(hetupaccayo).*

∗ Pháp biết cảnh quá khứ vô y *(araṇo)* liên quan pháp biết cảnh quá khứ vô y sanh ra do Nhân duyên.

1890.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

1891.

∗ Pháp biết cảnh vị lai hữu y *(saraṇo anāgatārammaṇo)* liên quan pháp biết cảnh vị lai hữu y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp biết cảnh vị lai vô y liên quan pháp biết cảnh vị lai vô y sanh ra do Nhân duyên.

1892.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

1893.

∗ Pháp biết cảnh hiện tại hữu y *(saraṇo paccuppannārammaṇo)* liên quan pháp biết cảnh hiện tại hữu y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp biết cảnh hiện tại vô y liên quan pháp biết cảnh hiện tại vô y sanh ra do Nhân duyên.

1894.

∗ Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề cảnh quá khứ

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ NỘI BỘ
(Saraṇaduka ajjhattattikaṃ)

1895.

∗ Pháp nội bộ hữu y *(saraṇo ajjhatto)* liên quan pháp nội bộ hữu y sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp nội bộ vô y *(araṇo)* liên quan pháp nội bộ vô y sanh ra do Nhân duyên.

1896.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

1897.

∗ Pháp ngoại viện hữu y *(saraṇo bahiddha)* liên quan pháp ngoại viện hữu y sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp ngoại viện vô y *(araṇo)* liên quan pháp ngoại viện vô y sanh ra do Nhân duyên.

1898.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề nội bộ

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ

(Saraṇaduka ajjhattarammanattikaṃ)

1899.

∗ Pháp biết cảnh nội bộ hữu y *(saraṇo ajjhattārammaṇo)* liên quan pháp biết cảnh nội bộ hữu y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp biết cảnh nội bộ vô y *(araṇo ajjhattārammaṇo)* liên quan pháp biết cảnh nội bộ vô y sanh ra do Nhân duyên.

1900.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

1901.

∗ Pháp biết cảnh ngoại viện hữu y *(saraṇo bahiddharammano)* liên quan pháp biết cảnh ngoại viện hữu y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp biết cảnh ngoại viện vô y *(araṇa)* liên quan pháp biết cảnh ngoại viện vô y sanh ra do Nhân duyên.

1902.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề biết cảnh nội bộ

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

(Saraṇaduka sanidassanattikaṃ)

1903.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu vô y*(araṇa anidassanasappaṭigha)* liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu vô y sanh ra do Nhân duyên.

1904.

Nhân 1, Trưởng 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

1905.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu hữu y *(saraṇo anidassanasa appatigho)* liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu hữu y sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu vô y *(araṇa)* liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu vô y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu vô y liên quan những pháp vô kiến vô đối chiếu hữu y và vô kiến vô đối chiếu vô y sanh ra do Nhân duyên.

1906.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

1907.

- Pháp vô kiến vô đối chiếu hữu y *(saraṇo anidassana appatigho)* làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu hữu y bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô kiến vô đối chiếu vô y *(araṇo)* làm duyên cho pháp vô kiến vô đối chiếu vô y bằng Nhân duyên.

1908.

Nhân 4, Cảnh 4, Bất ly 7.

1909.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7.

1910.

Nhân duyên có phi Cảnh 4.

1911.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng *(anuloma)*, đối lập *(paccanīiya)*, thuận nghịch *(anuloma/paccaniya)* hay nghịch thuận *(paccanīya / anuloma)* đều đếm như thế ấy.

Dứt nhị đề hữu y - tam đề hữu Kiến
Hết Nhị đề yêu đối - tam đề (piṭṭhidukatikaṃ niṭṭhitaṃ)

Hoàn tất vị trí nhị đề tam đề thuận
(anuloma dukattika paṭṭhānaṃ samattaṃ).

VỊ TRÍ TAM ĐỀ - NHỊ ĐỀ THUẬN

(Anuloma tikaduka paṭṭhānaṃ)

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Kusalattika hetudukaṃ)

1.

* Pháp nhân thành thiện liên quan pháp nhân thành thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân *(hetu dhamo)* thành bất thiện liên quan pháp nhân thành bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân thành vô ký *(abyākata)* liên quan pháp nhân thành vô ký sanh ra do Nhân duyên.

2.

* Pháp nhân thành thiện liên quan pháp nhân thành thiện sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp nhân thành bất thiện liên quan pháp nhân thành bất thiện sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp nhân thành vô ký liên quan pháp nhân thành vô ký sanh ra do Cảnh duyên.

3.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 3, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 3, Quả 1, Thực 3, Bất ly 3.

4.

* Pháp nhân thành thiện liên quan pháp nhân thành thiện sanh ra do phi Trưởng duyên.
* Pháp nhân thành bất thiện liên quan pháp nhân thành bất thiện sanh ra do phi Trưởng duyên.
* Pháp nhân thành vô ký liên quan pháp nhân thành vô ký sanh ra do phi Trưởng duyên.

5.

Phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

6.

Nhân duyên có phi Trưởng 3.

7.

Phi Trưởng duyên có Nhân 3.

Dù phần đồng sanh, ỷ trượng *(paccayavāra)*, y chỉ, hòa hợp *(saṅsaṭṭha)*, tương ưng *(sampayutta)* tất cả đều 3.

8.

* Pháp nhân thành thiện làm duyên cho pháp nhân thành thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp nhân thành bất thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp nhân thành vô ký *(abyākata)* làm duyên cho pháp nhân thành vô ký bằng Nhân duyên.

9.

* Pháp nhân thành thiện làm duyên cho pháp nhân thành thiện bằng Cảnh duyên *(Ārammaṇapaccayo).*
* Pháp nhân thành thiện làm duyên cho pháp nhân thành bất thiện bằng Cảnh duyên.
* Pháp nhân thành thiện làm duyên cho pháp nhân thành vô ký bằng Cảnh duyên.
* Pháp nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp nhân thành bất thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp thiện thành vô ký làm duyên cho pháp thiện thành vô ký bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

10.

∗ Pháp nhân *(hetu dhamma)* thành thiện làm duyên cho pháp nhân thành thiện bằng Trưởng duyên.
∗ Pháp nhân thành thiện làm duyên cho pháp nhân thành bất thiện bằng Trưởng duyên.
∗ Pháp nhân thành thiện làm duyên cho pháp nhân thành vô ký bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.
∗ Pháp nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp nhân thành bất thiện bằng Trưởng duyên.
∗ Pháp nhân thành vô ký làm duyên cho pháp nhân thành vô ký bằng Trưởng duyên.
∗ Pháp nhân thành vô ký làm duyên cho pháp nhân thành bất thiện bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.

11.

∗ Pháp nhân thành thiện làm duyên cho pháp nhân thành thiện bằng Vô gián duyên: Có 2 câu.
∗ Pháp nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp nhân thành bất thiện bằng Vô gián duyên: Có 2 câu.
∗ Pháp nhân thành vô ký làm duyên cho pháp nhân thành vô ký *(abyākata)* bằng Vô gián duyên.

12.

∗ Pháp nhân thành thiện làm duyên cho pháp nhân thành thiện bằng Đồng sanh duyên.
∗ Pháp nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp nhân thành bất thiện bằng Đồng sanh duyên.
∗ Pháp nhân thành vô ký làm duyên cho pháp nhân thành vô ký bằng Đồng sanh duyên.

Hỗ tương duyên và Y chỉ duyên cũng như Đồng sanh duyên *(Aññamaññanissayapaccayā sahajātapaccayasadisā).*

13.

∗ Pháp nhân thành thiện làm duyên cho pháp nhân thành thiện bằng Cận y duyên *(Upanissayapaccayo).*
∗ Pháp nhân thành thiện làm duyên cho pháp nhân thành bất thiện bằng Cận y duyên.
∗ Pháp nhân thành thiện làm duyên cho pháp nhân thành vô ký bằng Cận y duyên.
∗ Pháp nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp nhân thành bất thiện bằng Cận y duyên.
∗ Pháp nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp nhân thành thiện bằng Cận y duyên.
∗ Pháp nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp nhân thành vô ký bằng Cận y duyên: Có 3 câu.
∗ Pháp nhân thành vô ký làm duyên cho pháp nhân thành vô ký bằng Cận y duyên.
∗ Pháp nhân thành vô ký làm duyên cho pháp nhân thành thiện bằng Cận y duyên.
∗ Pháp nhân thành vô ký làm duyên cho pháp nhân thành bất thiện bằng Cận y duyên.

14.

Pháp nhân thành vô ký làm duyên cho pháp nhân thành vô ký bằng Quả duyên.

15.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 7, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Cố hưởng 3, Quả 1, Quyền 2, Đạo 2, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 5, Ly 5, Bất ly 3.

16.

- Pháp nhân thành thiện làm duyên cho pháp nhân thành thiện bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
- Pháp nhân thành thiện làm duyên cho pháp nhân thành bất thiện bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.
- Pháp nhân thành thiện làm duyên cho pháp nhân thành vô ký bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.
- Pháp nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp nhân thành bất thiện bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên.
- Pháp nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp nhân thành thiện bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.
- Pháp nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp nhân thành vô ký bằng Cảnh duyên, bằng Cận y duyên.
- Pháp nhân thành vô ký làm duyên cho pháp nhân thành vô ký bằng Cảnh duyên, bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên: Có 3 câu.

17.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

18.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

19.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

20.

- Pháp phi nhân thành thiện liên quan pháp phi nhân thành thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân thành vô ký liên quan pháp phi nhân thành thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân thành thiện và phi nhân thành vô ký liên quan pháp phi nhân thành thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân thành bất thiện liên quan pháp phi nhân thành bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân thành vô ký liên quan pháp phi nhân thành bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân thành bất thiện và phi nhân thành vô ký liên quan pháp phi nhân thành bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân thành vô ký liên quan pháp phi nhân thành vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân thành vô ký liên quan những pháp phi nhân thành thiện và phi nhân thành vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân thành vô ký liên quan những pháp phi nhân thành bất thiện và phi nhân thành vô ký sanh ra do Nhân duyên.

21.

- Pháp phi nhân thành thiện liên quan những pháp phi nhân thành thiện sanh ra do Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân thành bất thiện liên quan những pháp phi nhân thành bất thiện sanh ra do Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành vô ký liên quan những pháp phi nhân thành vô ký sanh ra do Cảnh duyên.

22.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 9, Quả 1, Thực 9, Quyền 9, Thiền 9, Đạo 9, Tương ưng 3, Bất tương ưng 9, Hiện hữu 9, Vô hữu 3, Ly 3, Bất ly 9.

23.

Pháp phi nhân thành vô ký liên quan pháp phi nhân thành vô ký sanh ra do phi Nhân duyên.

24.

∗ Pháp phi nhân thành vô ký liên quan pháp phi nhân thành thiện sanh ra do phi Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành vô ký liên quan pháp phi nhân thành bất thiện sanh ra do phi Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành vô ký liên quan pháp phi nhân thành vô ký sanh ra do phi Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành vô ký liên quan những pháp phi nhân thành thiện và phi nhân thành vô ký sanh ra do phi Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành vô ký liên quan những pháp phi nhân thành bất thiện và phi nhân thành vô ký sanh ra do phi Cảnh duyên.

25.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 9, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 7, phi Hậu sanh 9, phi Cố hưởng 9, phi Nghiệp 3, phi Quả 9, phi Thực 1, phi Quyền 1, phi Thiền 1, phi Đạo 1, phi Tương ưng 5, phi Bất tương ưng 3, phi Vô hữu 5, phi Ly 5.

26.

Nhân duyên có phi Cảnh 5.

27.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh *(sahajātavāra)*, ỷ trượng *(paccaya)*, y chỉ *(nissaya)*, hòa hợp *(saṅsaṭṭha)*, tương ưng *(sampayutta)* đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

28.

∗ Pháp phi nhân thành thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành thiện bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành bất thiện bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành vô ký bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành bất thiện bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành thiện bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành vô ký bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành vô ký làm duyên cho pháp phi nhân thành vô ký bằng Cảnh duyên.

* Pháp phi nhân thành vô ký làm duyên cho pháp phi nhân thành thiện bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành vô ký làm duyên cho pháp phi nhân thành bất thiện bằng Cảnh duyên.

29.

* Pháp phi nhân thành thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành thiện bằng Trưởng duyên.
* Pháp phi nhân thành thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành bất thiện bằng Trưởng duyên: Có 4 câu.
* Pháp phi nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành bất thiện bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân thành vô ký làm duyên cho pháp phi nhân thành vô ký bằng Trưởng duyên.
* Pháp phi nhân thành vô ký làm duyên cho pháp phi nhân thành thiện bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.

30.

* Pháp phi nhân thành thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành thiện bằng Vô gián duyên.
* Pháp phi nhân thành thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành vô ký bằng Vô gián duyên.
* Pháp phi nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành bất thiện bằng Vô gián duyên.
* Pháp phi nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành vô ký bằng Vô gián duyên.
* Pháp phi nhân thành vô ký làm duyên cho pháp phi nhân thành vô ký bằng Vô gián duyên: Có 3 câu.

31.

* Pháp phi nhân thành thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành thiện bằng Cận y duyên.
* Pháp phi nhân thành thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành bất thiện bằng Cận y duyên.
* Pháp phi nhân thành thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành vô ký bằng Cận y duyên.
* Pháp phi nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành bất thiện bằng Cận y duyên.
* Pháp phi nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành thiện bằng Cận y duyên..
* Pháp phi nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp phi nhân thành vô ký bằng Cận y duyên.
* Pháp phi nhân thành vô ký làm duyên cho pháp phi nhân thành vô ký bằng Cận y duyên.
* Pháp phi nhân thành vô ký làm duyên cho pháp phi nhân thành thiện bằng Cận y duyên.
* Pháp phi nhân thành vô ký làm duyên cho pháp phi nhân thành bất thiện bằng Cận y duyên.

32.

Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Tiền sanh 3, Hậu sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 1, Thực 7, Quyền 7, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 13.

33.

Phi Nhân 15, phi Cảnh 15.

34.

Cảnh duyên có phi Nhân 9.

35.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề nhân (kusalattika hetudukaṃ)

TAM ĐỀ THỌ – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Vedanāttika hetudukaṃ)

36.

- Pháp nhân tương ưng lạc thọ *(sukhāja vedanāya sampayutto hetu)* liên quan pháp nhân tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân tương ưng khổ thọ *(dukkhāya vedanāya sampayutto)* liên quan pháp nhân tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ *(adukkhama sukhāya vedanāya sampayutto)* liên quan pháp nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

37.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 3, Quả 2, Bất ly 3.

38.

Phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 2.

39.

Nhân duyên có phi Trưởng 3.

40.

Phi Trưởng duyên có Nhân 3.

Dù phần đồng sanh… phần tương ưng đều nên sắp rộng.

41.

- Pháp nhân tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp nhân tương ưng lạc thọ bằng Nhân duyên.
- Pháp nhân tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp nhân tương ưng khổ thọ bằng Nhân duyên.
- Pháp nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Nhân duyên.

42.

- Pháp nhân tương ưng lạc thọ *(sukhāya vedanāya sampayutto)* làm duyên cho pháp nhân tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
- Pháp nhân tương ưng khổ thọ *(dukkhāya vedanāya sampayutto hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân tương ưng khổ thọ bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ *(adukkhama sukhāya vedanāya sampayutto hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

43.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 4, Vô gián 6, Liên tiếp 6, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Cố hưởng 3, Quả 2, Quyền 2, Đạo 2, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 6, Ly 6, Bất ly 3.

44.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

45.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

46.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

47.

∗ Pháp phi nhân tương ưng lạc thọ liên quan pháp phi nhân tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi nhân tương ưng khổ thọ liên quan pháp phi nhân tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

48.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

49.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

50.

∗ Pháp phi nhân tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng khổ thọ bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng khổ thọ bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng khổ thọ bằng Cảnh duyên.

51.

- Pháp phi nhân tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng lạc thọ bằng Trưởng duyên.
- Pháp phi nhân tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Trưởng duyên.
- Pháp phi nhân tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng khổ thọ bằng Trưởng duyên.
- Pháp phi nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Trưởng duyên.
- Pháp phi nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng lạc thọ bằng Trưởng duyên.

52.

- Pháp phi nhân tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng lạc thọ bằng Vô gián duyên: Có 2 câu.
- Pháp phi nhân tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng khổ thọ bằng Vô gián duyên: Có 2 câu.
- Pháp phi nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Vô gián duyên: Có 3 câu.

53.

- Pháp phi nhân tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng lạc thọ bằng Cận y duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng khổ thọ bằng Cận y duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp phi nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Cận y duyên: Có 3 câu.

54.

Cảnh 9, Trưởng 5, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Cố hưởng 3, Nghiệp 8, Quả 3, Thực 3, Quyền 3, Thiền 3, Đạo 3, Tương ưng 3, Hiện hữu 3, Vô hữu 7, Ly 7, Bất ly 3.

55.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

56.

Cảnh duyên có phi Nhân 9.

57.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thọ - nhị đề nhân *(vedanāttika hetudukaṃ)*

TAM ĐỀ QUẢ – NHỊ ĐỀ NHÂN
(Vipākattika hetudukaṃ)

58.

- Pháp nhân thành quả *(vipāko hetu dhammo)* liên quan pháp nhân thành quả sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân thành dị thục nhân *(vipāka dhamma dhammo hetu)* liên quan pháp nhân thành dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân thành phi quả phi nhân *(nevavipākanavipaka dhamma dhammo hetu)* liên quan pháp nhân thành phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

59.

Nhân 3, Cảnh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 3, Quả 1, Bất ly 3.

60.

Phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 2, phi Bất tương ưng 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

61.

- Pháp nhân thành quả *(vipako hetu)* làm duyên cho pháp nhân thành quả bằng Nhân duyên.
- Pháp nhân thành dị thục nhân *(nekadhamadhammoHetudhammo)* làm duyên cho pháp nhân thành dị thục nhân bằng Nhân duyên.
- Pháp nhân thành phi quả phi nhân làm duyên cho pháp nhân thành phi quả phi nhân bằng Nhân duyên.

62.

- Pháp nhân thành quả làm duyên cho pháp nhân thành quả *(vipāka)* bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân thành quả làm duyên cho pháp nhân thành dị thục nhân bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân thành quả làm duyên cho pháp nhân thành phi quả phi nhân bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân thành dị thục nhân làm duyên cho pháp nhân thành dị thục nhân bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân thành dị thục nhân làm duyên cho pháp nhân thành quả bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân thành dị thục nhân làm duyên cho pháp nhân thành phi quả phi nhân bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân thành phi quả phi nhân làm duyên cho pháp nhân thành phi quả phi nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu

63.

- Pháp nhân thành quả làm duyên cho pháp nhân thành quả bằng Trưởng duyên.
- Pháp nhân thành quả làm duyên cho pháp nhân thành dị thục nhân bằng Trưởng duyên.
- Pháp nhân thành quả *(vipāka)* làm duyên cho pháp nhân thành phi quả phi nhân *(ne va vipāka na vipāka dhamma dhammo)* bằng Trưởng duyên.
- Pháp nhân thành dị thục nhân *(vipāka dhamma dhammo)* làm duyên cho pháp nhân thành dị thục nhân bằng Trưởng duyên: Có 2 câu.
- Pháp nhân thành phi quả phi nhân làm duyên cho pháp nhân thành phi quả phi nhân bằng Trưởng duyên.

64.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 6, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Cố hưởng 2, Quả 1, Bất ly 3.

65.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

66.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

67.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

68.

* Pháp phi nhân thành quả liên quan pháp phi nhân thành quả sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thành phi quả phi nhân liên quan pháp phi nhân thành quả sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân thành quả và phi nhân thành phi quả phi nhân liên quan pháp phi nhân thành quả sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thành dị thục nhân liên quan pháp phi nhân thành dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thành phi quả phi nhân liên quan pháp phi nhân thành dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân thành dị thục nhân và phi nhân thành phi quả phi nhân liên quan pháp phi nhân thành dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thành phi quả phi nhân liên quan pháp phi nhân thành phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân thành phi quả phi nhân liên quan những pháp phi nhân thành quả và phi nhân thành phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân thành phi quả phi nhân liên quan những pháp phi nhân thành dị thục nhân và phi nhân thành phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

69.

Nhân 13, Cảnh 5, Trưởng 9, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 13, Hỗ tương 7, Y chỉ 13, Cận y 5, Tiền sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 13, Quả 9, Thực 13, Tương ưng 5, Bất ly 13.

70.

Pháp phi nhân thành quả liên quan pháp phi nhân thành quả sanh ra do phi Nhân duyên: Có 9 câu.

71.

Pháp phi nhân thành phi quả phi nhân liên quan pháp phi nhân thành quả sanh ra do phi Cảnh duyên.

72.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 5, phi Trưởng 13, phi Vô gián 5, phi Liên tiếp 5, phi Hỗ tương 5, phi Cận y 5, phi Tiền sanh 12, phi Hậu sanh 13, phi Cố hưởng 13, phi Nghiệp 2, phi Quả 5, phi Bất tương ưng 3.

Dù phần đồng sanh, hay phần tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

73.

* Pháp phi nhân thành quả làm duyên cho pháp phi nhân thành quả bằng Cảnh duyên.

* Pháp phi nhân thành quả làm duyên cho pháp phi nhân thành dị thục nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành quả làm duyên cho pháp phi nhân thành phi quả phi nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành dị thục nhân làm duyên cho pháp phi nhân thành dị thục nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân thành phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân thành phi quả phi nhân bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

74.

* Pháp phi nhân thành quả làm duyên cho pháp phi nhân thành quả bằng Trưởng duyên: Có 4 câu.
* Pháp phi nhân thành dị thục nhân làm duyên cho pháp phi nhân thành dị thục nhân bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân thành phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân thành phi quả phi nhân bằng Trưởng duyên.
* Pháp phi nhân thành phi quả phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân thành quả bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.

75.

* Pháp phi nhân thành quả làm duyên cho pháp phi nhân thành quả bằng Vô gián duyên: Có 2 câu.
* Pháp phi nhân thành dị thục nhân làm duyên cho pháp phi nhân thành dị thục nhân bằng Vô gián duyên: Có 2 câu.
* Pháp phi nhân thành phi quả phi nhân làm duyên cho pháp nhân thành phi quả phi nhân bằng Vô gián duyên: Có 3 câu.

76.

Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 11, Hỗ tương 7, Y chỉ 13, Cận y 9, Cố hưởng 2, Nghiệp 9, Quả 3, Thực 7, Quyền 9, Thiền 7, Đạo 7, Tương ưng 3, Bất tương ưng 5, Hiện hữu 13, Bất ly 13.

77.

Phi Nhân 16, phi Cảnh 16.

78.

Nhân duyên có phi Cảnh 9.

79.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề quả - nhị đề nhân (vipākattika hetuduka)

TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Upādinnattika hetudukaṃ)

80.

* Pháp nhân thành do thủ cảnh thủ *(upādinnupādāniyo hetu dhammo)* liên quan pháp nhân thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ *(anupādinnupādāniyo hetu dhammo)* liên quan pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ *(anupādinna anupādāniyo hetu dhammo)* liên quan pháp nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

81.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 2, Quả 2.

82.

Phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 2, phi Bất tương ưng 3.

Dù phần đồng sanh, hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

83.

∗ Pháp nhân thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân thành do thủ cảnh thủ bằng Nhân duyên.

∗ Pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ bằng Nhân duyên.

∗ Pháp nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ bằng Nhân duyên.

84.

∗ Pháp nhân thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân thành do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân thành do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên.

85.

∗ Pháp nhân thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ bằng Trưởng duyên.

86.

∗ Pháp nhân thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân thành do thủ cảnh thủ bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ bằng Vô gián duyên: 3 câu.

∗ Pháp nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ bằng Vô gián duyên.

87.

∗ Pháp nhân thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân thành do thủ cảnh thủ bằng Cận y duyên.

∗ Pháp nhân thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ bằng Cận y duyên.

* Pháp nhân thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ bằng Cận y duyên.
* Pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ bằng Cận y duyên: 3 câu.
* Pháp nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ bằng Cận y duyên: 3 câu...

88.

Nhân 3, Cảnh 5, Trưởng 4, Vô gián 6, Liên tiếp 6, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Cố hưởng 2, Quả 2, Bất ly 3.

89.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

90.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

91.

Phi Nhân duyên có Cảnh 5.

Đếm phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào nên sắp rộng như thế ấy.

92.

* Pháp phi nhân thành do thủ cảnh thủ *(upādinnupādāniyo va hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi thành do thủ cảnh thủ *(anupādinnupādāniyo na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân thành do thủ cảnh thủ và phi nhân phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp phi nhân thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp phi nhân phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp phi nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân phi thành do thủ cảnh thủ và phi nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi thành do thủ cảnh thủ liên quan những pháp phi nhân thành do thủ cảnh thủ và phi nhân phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi thành do thủ cảnh thủ liên quan những pháp phi nhân phi thành do thủ cảnh thủ và phi nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

93.

* Pháp phi nhân thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp phi nhân thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp phi nhân phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Cảnh duyên.

94.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 5, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 9, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 2, Nghiệp 9, Quả 9, Bất ly 9.

95.

Pháp phi nhân thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp phi nhân thành do thủ cảnh thủ sanh ra do phi Nhân duyên.

96.

Phi Nhân 5, phi Cảnh 6.

97.

Nhân duyên có phi Cảnh 6.

98.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thành do thủ - nhị đề nhân

TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Saṅkiliṭṭhaṭṭika hetudukaṃ)

99.

- Pháp nhân phiền toái cảnh phiền não *(saṅkiliṭṭha saṅkililesiko hetu dhammo)* liên quan pháp nhân phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân phi phiền toái cảnh phiền não *(asaṅkiliṭṭha sankilesiko hetu dhammo)* liên quan pháp nhân phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não *(asaṅkiliṭṭha asaṅkilesiko hetu dhammo)* liên quan pháp nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

100.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

101.

Phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên phân rộng.

102.

- Pháp nhân phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp nhân phiền toái cảnh phiền não bằng Nhân duyên.
- Pháp nhân phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp nhân phi phiền toái cảnh phiền não bằng Nhân duyên.
- Pháp nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não *(asaṅkiliṭṭha asaṅkilesiko hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Nhân duyên.

103.

- Pháp nhân phiền toái cảnh phiền não *(saṅkiliṭṭha saṅkililesiko hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên: Có 2 câu.
- Pháp nhân phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp nhân phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên: Có 2 câu.
- Pháp nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cảnh duyên.

104.

- Pháp nhân phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp nhân phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên.
- Pháp nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp nhân phi phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên.

* Pháp nhân phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp nhân phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên.
* Pháp nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Trưởng duyên: Có 2 câu.

105.

Pháp nhân phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp nhân phiền toái cảnh phiền não bằng Vô gián duyên: Có 6 câu.

106.

* Pháp nhân phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp nhân phiền toái cảnh phiền não bằng Cận y duyên.
* Pháp nhân phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp nhân phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cận y duyên.
* Pháp nhân phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cận y duyên.
* Pháp nhân phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp nhân phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cận y duyên: Có 3 câu.
* Pháp nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cận y duyên: Có 2 câu.

107.

Nhân 3, Cảnh 5, Trưởng 5, Vô gián 6, Liên tiếp 6, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 8, Cố hưởng 3, Quả 2, Quyền 2, Bất ly 3.

108.

Phi nhân 8, phi Cảnh 8.

109.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

110.

Phi Nhân duyên có Cảnh 5.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

111.

* Pháp phi nhân phiền toái cảnh phiền não *(saṅkiliṭṭha saṅkililesiko na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi phiền toái cảnh phiền não *(asaṅkiliṭṭha saṅkililesiko na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân phiền toái cảnh phiền não và phi nhân phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi nhân phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi nhân phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não liên quan pháp phi nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân phi phiền toái cảnh phiền não liên quan những pháp phi nhân phiền toái cảnh phiền não và phi nhân phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi phiền toái cảnh phiền não liên quan những pháp phi nhân phi phiền toái cảnh phiền não và phi nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

112.

- Pháp phi nhân phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi nhân phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi nhân phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não liên quan pháp phi nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Cảnh duyên.

113.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Vô gián 3, Liên tiếp 3, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Tiền sanh 3, Cố hưởng 3, Nghiệp 9, Quả 5, Thực 9, Bất ly 9.

114.

Pháp phi nhân phi phiền toái cảnh phiền não *(asaṅkiliṭṭha saṅkililesiko na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do phi Nhân duyên.

115.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 6, phi Ly *(no vigate)* 5.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

116.

- Pháp phi nhân phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi nhân phiền toái cảnh phiền não *(saṅkiliṭṭha saṅkililesiko na hetu dhammo)* bằng Cảnh duyên: Có 2 câu.
- Pháp phi nhân phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi nhân phi phiền toái cảnh phiền não bằng Cảnh duyên: Có 2 câu.
- Pháp phi nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Cảnh duyên: Có 2 câu.

117.

- Pháp phi nhân phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi nhân phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi nhân phi phiền toái cảnh phiền não bằng Trưởng duyên: Có 2 câu.
- Pháp phi nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp phi nhân phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.

118.

Cảnh 6, Trưởng 8, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 8, Cố hưởng 3, Nghiệp 7, Quả 4, Thực 9, Ly 13.

119.

Phi Nhân 14, phi Cảnh 14.

120.

Cảnh duyên có phi Nhân 6.

121.

Phi Nhân duyên có Cảnh 6.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề phiền toái - nhị đề nhân

TAM ĐỀ TẦM – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Vitakkattika hetudukaṃ)

122.

- Pháp nhân hữu tầm hữu tứ *(savitakkasavicāra hetu dhamma)* liên quan pháp nhân hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân vô tầm hữu tứ liên quan pháp nhân vô tầm hữu tứ *(avitakkavicāramatta hetu dhamma)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân vô tầm vô tứ *(avitakka avicāra hetu dhamma)* liên quan pháp nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên.

123.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

124.

Phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

125.

- Pháp nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp nhân hữu tầm hữu tứ bằng Nhân duyên.
- Pháp nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp nhân vô tầm hữu tứ bằng Nhân duyên.
- Pháp nhân vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp nhân vô tầm vô tứ bằng Nhân duyên.

126.

- Pháp nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp nhân hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp nhân vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp nhân hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp nhân vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp nhân vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên..
- Pháp nhân vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp nhân hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên.

127.

- Pháp nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp nhân hữu tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên.
- Pháp nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp nhân vô tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên.
- Pháp nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp nhân hữu tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên.
- Pháp nhân vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp nhân vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên.
- Pháp nhân vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp nhân hữu tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên.

128.

- Pháp nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp nhân hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên: Có 3 câu.
- Pháp nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp nhân vô tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên: Có 3 câu.
- Pháp nhân vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp nhân vô tầm vô tứ bằng Vô gián duyên: Có 3 câu.

129.

Pháp nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp nhân hữu tầm hữu tứ bằng Cận y duyên: Có 9 câu.

130.

Nhân 3, Cảnh 6, Trưởng 5, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Cố hưởng 5, Quả 3, Bất ly 3.

131.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

132.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

133.

Phi Nhân duyên có Cảnh 6.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp như thế ấy.

134.

- Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ liên quan pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân vô tầm hữu tứ liên quan pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.
- Pháp phi nhân vô tầm vô tứ liên quan pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Chư pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ liên quan pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 4 câu.
- Chư pháp phi nhân vô tầm hữu tứ *(avitakkavicāramatta)* và phi nhân vô tầm vô tứ liên quan pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 5 câu.
- Chư pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm hữu tứ liên quan pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 6 câu.
- Chư pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ liên quan pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 7 câu.
- Pháp phi nhân vô tầm hữu tứ liên quan pháp phi nhân vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.
- Chư pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ liên quan pháp phi nhân vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.
- Pháp phi nhân vô tầm vô tứ liên quan pháp phi nhân vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Chư pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ liên quan pháp phi nhân vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 4 câu.
- Pháp phi nhân vô tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ liên quan pháp phi nhân vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 5 câu.
- Pháp phi nhân vô tầm vô tứ liên quan pháp phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.
- Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ liên quan pháp phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.
- Pháp phi nhân vô tầm hữu tứ liên quan pháp phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ liên quan pháp phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 4 câu.

* Pháp phi nhân vô tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ liên quan pháp phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 5 câu.
* Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm hữu tứ liên quan pháp phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 6 câu.
* Chư pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ, phi nhân vô tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ liên quan pháp phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 7 câu.
* Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ *(savitakkasavicāra)* liên quan pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và pháp phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.
* Pháp phi nhân vô tầm hữu tứ liên quan những pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.
* Pháp phi nhân vô tầm vô tứ liên quan những pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Chư pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ liên quan những pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 4 câu.
* Pháp phi nhân vô tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ liên quan những pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 5 câu.
* Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm hữu tứ liên quan những pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 6 câu.
* Chư pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ, phi nhân vô tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ liên quan những pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 7 câu.
* Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ liên quan những pháp phi nhân vô tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.
* Pháp phi nhân vô tầm hữu tứ liên quan những pháp phi nhân vô tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.
* Pháp phi nhân vô tầm vô tứ liên quan những pháp phi nhân vô tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Chư pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ liên quan những pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 4 câu.
* Pháp phi nhân vô tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ liên quan những pháp phi nhân vô tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 5 câu.
* Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ liên quan những pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.
* Pháp phi nhân vô tầm vô tứ liên quan những pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.
* Chư pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ liên quan những pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ liên quan những pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ, phi nhân vô tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.
* Pháp phi nhân vô tầm vô tứ liên quan những pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ, phi nhân vô tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.
* Chư pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ liên quan những pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ, phi nhân vô tầm hữu tứ và pháp phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

135.

- Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ liên quan pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân vô tầm hữu tứ liên quan pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân vô tầm hữu tứ liên quan pháp phi nhân vô tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên: Có 4 câu.
- Pháp phi nhân vô tầm vô tứ liên quan pháp phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên: Có 5 câu.
- Pháp phi nhân vô tầm vô tứ liên quan những pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ liên quan những pháp phi nhân vô tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên: Có 4 câu.
- Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ liên quan những pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm hữu tứ sanh ra do Cảnh duyên: Có 1 câu.
- Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ liên quan những pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ sanh ra do Cảnh duyên: Có 1 câu.

136.

Nhân 37, Cảnh 21, Trưởng 23, Vô gián 21, Đồng sanh 37, Hỗ tương 28, Y chỉ 37, Cận y 21, Tiền sanh 11, Cố hưởng 11, Nghiệp 37, Quả 37, Thực 37, Quyền 37, Thiền 37, Đạo 37, Tương ưng 21, Bất tương ưng 37, Bất ly 37.

137.

Phi Nhân 33, phi Cảnh 7.

138.

Nhân duyên có phi Cảnh 7.

139.

Phi Nhân duyên có Cảnh 14.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

140.

- Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ *(savitakkasavicara)* bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp phi nhân vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp phi nhân vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên: Có 4 câu.
- Pháp phi nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp phi nhân vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp phi nhân vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên: Có 4 câu.
- Pháp phi nhân vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp phi nhân vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp phi nhân vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên: Có 5 câu.

* Chư pháp phi nhân vô tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên.
* Chư pháp phi nhân vô tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp phi nhân vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân vô tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm vô tứ làm duyên cho pháp phi nhân vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên có 4 câu.
* Chư pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ *(savitakkasavicāra)* bằng Cảnh duyên.
* Chư pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ và phi nhân vô tầm hữu tứ làm duyên cho pháp phi nhân vô tầm hữu tứ bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ *(savitakkasavicāra)* và phi nhân vô tầm hữu tứ *(avitakkavicāramatta)* làm duyên cho pháp phi nhân vô tầm vô tứ bằng Cảnh duyên: Có 4 câu.

141.

* Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ *(savitakka savicāra)* làm duyên cho pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên: Có 7 câu.
* Pháp phi nhân vô tầm hữu tứ *(avitakkavicāramatta)* làm duyên cho pháp phi nhân vô tầm hữu tứ bằng Trưởng duyên: Có 5 câu.
* Pháp phi nhân vô tầm vô tứ *(avitakka avicāra)* làm duyên cho pháp phi nhân vô tầm vô tứ bằng Trưởng duyên: Có 5 câu.

142.

Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ bằng Vô gián duyên,... bằng Liên tiếp duyên.

143.

Pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ làm duyên cho pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ bằng Cận y duyên.

144.

Cảnh 21, Trưởng 23, Vô gián 25, Liên tiếp 25, Đồng sanh 30, Hỗ tương 28, Y chỉ 30, Cận y 25, Tiền sanh 5, Hậu sanh 5, Cố hưởng 21, Nghiệp 11, Quả 21, Thực 11, Bất ly 30.

145.

Phi Nhân 35, phi Cảnh 35, phi Trưởng 35.

146.

Cảnh duyên có phi Nhân 21.

147.

Phi Nhân duyên có Cảnh 21.

Dù phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề tầm - nhị đề nhân

TAM ĐỀ HỶ – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Pititika hetudukaṃ)

148.

* Pháp nhân đồng sanh hỷ *(pītisahagato hetu dhammo)* liên quan pháp nhân đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

- Pháp nhân đồng sanh lạc *(sukhasahagato hetu dhammo)* liên quan pháp nhân đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp nhân đồng sanh xả *(upekkhāsahagato hetu dhammo)* liên quan pháp nhân đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.
- Pháp nhân đồng sanh hỷ *(pītisahagato hetu dhammo)* liên quan những pháp nhân đồng sanh hỷ và pháp nhân đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

149.

Nhân 10, Cảnh 10, Bất ly 10.

150.

Phi Trưởng 10, phi Tiền sanh 10, phi Hậu sanh 10, phi Cố hưởng 10, phi Quả 10, phi Bất tương ưng 10.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

151.

- Pháp nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp nhân đồng sanh hỷ bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp nhân đồng sanh lạc làm duyên cho pháp nhân đồng sanh lạc bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp nhân đồng sanh xả làm duyên cho pháp nhân đồng sanh xả bằng Nhân duyên: Có 1 câu.
- Chư pháp nhân đồng sanh hỷ và pháp nhân đồng sanh lạc làm duyên cho pháp nhân đồng sanh hỷ bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

152.

- Pháp nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp nhân đồng sanh hỷ bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp nhân đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp nhân đồng sanh xả bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho những pháp nhân đồng sanh hỷ và pháp nhân đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên: Có 4 câu.
- Pháp nhân đồng sanh lạc làm duyên cho pháp nhân đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân đồng sanh lạc làm duyên cho pháp nhân đồng sanh hỷ bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân đồng sanh lạc làm duyên cho pháp nhân đồng sanh xả bằng Cảnh duyên: Có 4 câu.
- Pháp nhân đồng sanh xả *(upekkhāsahagato hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân đồng sanh xả bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân đồng sanh xả làm duyên cho pháp nhân đồng sanh hỷ *(pītisahagato hetu dhammo)* bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân đồng sanh xả làm duyên cho pháp nhân đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên: Có 4 câu.
- Pháp nhân đồng sanh hỷ và pháp nhân đồng sanh lạc làm duyên cho pháp nhân đồng sanh hỷ bằng Cảnh duyên: Có 4 câu.

153.

Pháp nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp nhân đồng sanh hỷ bằng Trưởng duyên.

154.

Nhân 10, Cảnh 16, Trưởng 16, Vô gián 16, Liên tiếp 16, Đồng sanh 10, Hỗ tương 10, Y chỉ 10, Cận y 16, Quả 10, Bất ly 10.

155.

Phi Nhân 16, phi Cảnh 16.

156.

Nhân duyên có phi Cảnh 10.

157.

Phi Nhân duyên có Cảnh 16.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

158.

- Pháp phi nhân đồng sanh hỷ liên quan pháp phi nhân đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân đồng sanh lạc liên quan pháp phi nhân đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân đồng sanh hỷ và phi nhân đồng sanh lạc liên quan pháp phi nhân đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân đồng sanh lạc liên quan pháp phi nhân đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân đồng sanh hỷ liên quan pháp phi nhân đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân đồng sanh hỷ và phi nhân đồng sanh lạc liên quan pháp phi nhân đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân đồng sanh xả liên quan pháp phi nhân đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân đồng sanh hỷ liên quan những pháp phi nhân đồng sanh hỷ và phi nhân đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân đồng sanh lạc liên quan những pháp phi nhân đồng sanh hỷ và phi nhân đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân đồng sanh hỷ và phi nhân đồng sanh lạc liên quan những pháp phi nhân đồng sanh hỷ và phi nhân đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên.

159.

- Pháp phi nhân đồng sanh hỷ liên quan những pháp phi nhân đồng sanh hỷ sanh ra do Cảnh duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân đồng sanh lạc liên quan pháp phi nhân đồng sanh lạc sanh ra do Cảnh duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân đồng sanh xả liên quan pháp phi nhân đồng sanh xả sanh ra do Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân đồng sanh hỷ liên quan những pháp phi nhân đồng sanh hỷ và phi nhân đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

160. e

Nhân 10, Cảnh 10, Trưởng 10, Vô gián 10, Bất ly 10.

161.

Phi Nhân 10, phi Trưởng 10.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

162.

- Pháp phi nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh hỷ bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên.

- Pháp phi nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh xả bằng Cảnh duyên *(Ārammaṇapaccayo)*.
- Pháp phi nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh hỷ và phi nhân đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân đồng sanh lạc làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân đồng sanh lạc làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh hỷ bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân đồng sanh lạc làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh xả bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân đồng sanh lạc *(sukhasahaga na hetu)* làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh hỷ và pháp phi nhân đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân đồng sanh xả làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh xả bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân đồng sanh xả làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh hỷ bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân đồng sanh xả làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân đồng sanh xả làm duyên cho những pháp phi nhân đồng sanh hỷ và phi nhân đồng sanh lạc bằng Cảnh duyên.
- Chư pháp phi nhân đồng sanh hỷ và phi nhân đồng sanh lạc làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh hỷ bằng Cảnh duyên: Có 4 câu.

163.

- Pháp phi nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh hỷ bằng Trưởng duyên: Có 4 câu.
- Pháp phi nhân đồng sanh lạc làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh lạc bằng Trưởng duyên: Có 4 câu.
- Pháp phi nhân đồng sanh xả làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh xả bằng Trưởng duyên: Có 4 câu.
- Chư pháp phi nhân đồng sanh hỷ và phi nhân đồng sanh lạc làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh hỷ bằng Trưởng duyên: Có 4 câu.

164.

Pháp phi nhân đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh hỷ bằng Vô gián duyên…

165.

- … Bằng Cận y duyên: Có 4 câu.
- Pháp phi nhân đồng sanh lạc làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh lạc bằng Cận y duyên: Có 4 câu.
- Pháp phi nhân đồng sanh xả làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh xả bằng Cận y duyên: Có 4 câu.
- Chư pháp phi nhân đồng sanh hỷ và phi nhân đồng sanh lạc làm duyên cho pháp phi nhân đồng sanh hỷ bằng Cận y duyên: Có 4 câu.

166.

Cảnh 16, Trưởng 16, Vô gián 16, Liên tiếp 16, Đồng sanh 10, Hỗ tương 10, Y chỉ 10, Cận y 16, Cố hưởng 10, Thực 10, Bất ly 10.

167.

Phi Nhân 16, phi Cảnh 16, phi Trưởng 16.

168.

Cảnh duyên có phi Nhân 16.

169.

Phi Nhân duyên có Cảnh 16.

Dù phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề hỷ - nhị đề nhân (pītittika hetuduka)

TAM ĐỀ SƠ ĐẠO (KIẾN) – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Dassanattika hetudukaṃ)

170.

- Pháp nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabbo hetu dhammo)* liên quan pháp nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp Nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāya pahātabbo hetu dhammo)* liên quan pháp nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(neva dassanena na bhāvanāya pahātabbo hetu dhammo)* liên quan pháp nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

171.

Nhân 3, tất cả đều 3, Quả 1, Bất ly 3.

172.

Phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Bất tương ưng 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

173.

Pháp nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

174.

Pháp nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên.

175.

Nhân 3, Cảnh 8, Trưởng 6, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 8, Cố hưởng 3, Quả 1, Quyền 1, Đạo 1, Bất ly 3.

176.

Phi nhân 8, phi Cảnh 8.

177.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

178.

Phi Nhân duyên có Cảnh 8.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

179.

- Pháp phi nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabbo na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(neva dassanena na bhāvanāya pahātabbo na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabba na hetu dhammo)* sanh ra do Nhân duyên.

- Chư pháp phi nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi Nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāya pahātabba na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan những pháp phi nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan những pháp phi nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

180.

- Pháp phi nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên.
- Pháp phi Nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Cảnh duyên.

181.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Bất ly 9.

182.

Pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(neva dassanena na bhāvanāya pahātabbo na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên.

183.

- Pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabbaṃ na hetu dhamma)* sanh ra do phi Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan những pháp phi nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan những pháp phi nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Cảnh duyên.

184.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 9, phi Ly 5.

185.

Nhân duyên có phi Cảnh 5.

186.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh *(sahajātavāra)*, phần ỷ trượng *(paccaya)*, phần y chỉ *(nissaya)*, phần hòa hợp *(saṁsaṭṭha)*, phần tương ưng *(sampayutta)* đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭicca)*.

187.

* Pháp phi nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabbo ne hetu dhammo)* làm duyên cho pháp phi nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên: Có 2 câu.
* Pháp phi Nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên.

188.

Cảnh 8, Trưởng 10, Bất ly 13.

189.

Phi Nhân 14, phi Cảnh 14.

190.

Cảnh duyên có phi Nhân 8.

191.

Phi Nhân duyên có Cảnh 8.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề sơ đạo kiến - nhị đề nhân (dassanattika hetudukaṃ)

TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Dassane pahātabbahetukattika hetudukaṃ)

192.

* Pháp nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabbahetuko hetu dhammo)* liên quan pháp nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāya pahātabbahetuko hetu dhammo)* liên quan pháp nhân hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(neva dassanena na bhāvanāya pahātabbahetuko hetu dhammo)* liên quan pháp nhân phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

193.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

194.

Phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Bất tương ưng 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

195.

Pháp nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Nhân duyên.

196.

Nhân 3, Cảnh 8, Trưởng 6, Bất ly 3.

197.

Phi nhân 8, phi Cảnh 8.

198.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

199.

Phi Nhân duyên có Cảnh 8.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

200.

- Pháp phi nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

201.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

202.

Pháp phi nhân phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(neva dassanena na bhāvanāya pahātabbahetukaṃ na hetuṃ dhammaṃ)* liên quan pháp phi nhân phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do phi Nhân duyên.

203.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Ly 5.

204.

Nhân duyên có phi Cảnh 5.

205.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng như phần liên quan.

206.

- Pháp phi nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bằng Cảnh duyên: Có 2 câu.
- Pháp phi nhân *(na hetu dhamma)* hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ làm duyên cho pháp phi nhân phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

207.

Cảnh 8, Trưởng 10, Bất ly 13.

208.

Phi Nhân 14, phi Cảnh 14.

209.

Cảnh duyên có phi nhân 8.

210.

Phi Nhân duyên có Cảnh 8.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ - nhị đề nhân

TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Ācayagāmittika hetudukaṃ)

211.

- Pháp nhân thành nhân sanh tử *(ācayagāmī hetu dhammo)* liên quan pháp nhân thành nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân thành nhân đến Níp Bàn *(apacayagāmī hetu dhammo)* liên quan pháp nhân thành nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(nevācayagāmināpacayagāmī hetu dhammo)* liên quan pháp nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.

212.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 3, tất cả đều 3.

213.

Phi Trưởng 3, phi Cố hưởng 2, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

214.

Nhân duyên có phi Trưởng 3.

215.

Phi Trưởng duyên có Nhân 3.

Dù phần đồng sanh… phần tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

216.

- Pháp nhân thành nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân thành nhân sanh tử bằng Nhân duyên.
- Pháp nhân thành nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân thành nhân đến Níp Bàn bằng Nhân duyên.
- Pháp nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Nhân duyên.

217.

- Pháp nhân thành nhân sanh tử *(ācayagāmī hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân thành nhân sanh tử bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân thành nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân thành nhân đến Níp Bàn *(apacayagāmī hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân thành nhân sanh tử bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân thành nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(nevācayagāmināpacayagāmī hetu dhammo)* bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân thành nhân sanh tử bằng Cảnh duyên.

218.

- Pháp nhân thành nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân thành nhân sanh tử bằng Trưởng duyên có Trưởng cảnh và Trưởng đồng sanh.
- Pháp nhân thành nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân thành nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên có Trưởng đồng sanh.

- Pháp nhân thành nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân thành nhân sanh tử bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.
- Pháp nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên.
- Pháp nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân thành nhân sanh tử bằng Trưởng duyên.

219.

- Pháp nhân thành nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân thành nhân sanh tử bằng Vô gián duyên.
- Pháp nhân thành nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân thành nhân đến Níp Bàn bằng Vô gián duyên.
- Pháp nhân thành nhân sanh tử làm duyên cho pháp nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Vô gián duyên.
- Pháp nhân thành nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Vô gián duyên.
- Pháp nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(nevācayagāmināpacayagāmī hetu dhammo)* bằng Vô gián duyên.

220.

Nhân 3, Cảnh 6, Trưởng 6, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 8, Cố hưởng 3, Quả 1, Bất ly 3.

221.

Phi nhân 8, phi Cảnh 8.

222.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

223.

Phi Nhân duyên có Cảnh 6.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

224.

- Pháp phi nhân thành nhân sanh tử *(ācayagāmī na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân thành nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(nevācayagāmināpacayagāmī na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân thành nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân thành nhân sanh tử và phi nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân thành nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân thành nhân đến Níp Bàn *(apacayagāmi)* liên quan pháp phi nhân thành nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân thành nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân thành nhân đến Níp Bàn và phi nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân thành nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân thành nhân sanh tử và phi nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp phi nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan những pháp phi nhân thành nhân đến Níp Bàn *(apacayagāmi na hetu)* và phi nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(nevācayagāmināpacayagāmi na hetu)* sanh ra do Nhân duyên.

225.

* Pháp phi nhân thành nhân sanh tử *(ācayagāmī na hetu)* liên quan pháp phi nhân thành nhân sanh tử sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành nhân đến Níp Bàn *(apacayagāmī na hetu)* liên quan pháp phi nhân thành nhân đến Níp Bàn sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(nevācayagāmināpacayagāmī na hetu)* liên quan pháp phi nhân phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Cảnh duyên.

226.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Bất ly 9.

227.

Pháp phi nhân thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do phi Nhân duyên *(na hetupaccayo).*

228.

Pháp phi nhân thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân thành nhân sanh tử sanh ra do phi Cảnh duyên.

229.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 6, phi Ly 5.

230.

Nhân duyên có phi Cảnh 5.

231.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh *(sahajātavāra)* hay phần tương ưng *(sampayuttavāra)* đều nên sắp rộng như phần liên quan *(paṭiccavāra).*

232.

* Pháp phi nhân thành nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân thành nhân sanh tử bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân thành nhân sanh tử bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(nevācayagāmināpacayagāmī na hetu)* làm duyên cho pháp phi nhân thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân thành nhân sanh tử bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân thành nhân đến Níp Bàn bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

233.

∗ Pháp phi nhân thành nhân sanh tử *(ācayagāmī)* làm duyên cho pháp phi nhân thành nhân sanh tử bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.
∗ Pháp phi nhân thành nhân đến Níp Bàn *(apacayagāmī)* làm duyên cho pháp phi nhân thành nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên.
∗ Pháp phi nhân thành nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên: Có 4 câu.
∗ Pháp phi nhân thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.

234.

∗ Pháp phi nhân thành nhân sanh tử *(ācayagāmī)* làm duyên cho pháp phi nhân thành nhân sanh tử bằng Vô gián duyên.
∗ Pháp phi nhân thành nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân thành nhân đến Níp Bàn bằng Vô gián duyên.
∗ Pháp phi nhân thành nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Vô gián duyên.
∗ Pháp phi nhân thành nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Vô gián duyên.
∗ Pháp phi nhân thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Vô gián duyên.
∗ Pháp phi nhân thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp phi nhân thành nhân sanh tử bằng Vô gián duyên.

235.

Pháp phi nhân thành nhân sanh tử làm duyên cho pháp phi nhân thành nhân sanh tử bằng Cận y duyên.

236.

Cảnh 7, Trưởng 10, Vô gián 6, Liên tiếp 6, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 9, Bất ly 13.

237.

Phi Nhân 15, phi Cảnh 15.

238.

Cảnh duyên có phi Nhân 7.

239.

Phi Nhân duyên có Cảnh 7.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề nhân sanh tử - nhị đề nhân

TAM ĐỀ HỮU HỌC – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Sekkhattika hetudukaṃ)

240.

∗ Pháp nhân thành hữu học *(sekkho hetu dhammo)* liên quan pháp nhân thành hữu học sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp nhân thành vô học *(asekkho hetu dhammo)* liên quan pháp nhân thành vô học sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp nhân thành phi hữu học phi vô học *(nevasekkhānāsekkho hetu dhammo)* liên quan pháp nhân thành phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên.

241.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 3, Bất ly 3.

242.

Phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 2, phi Bất tương ưng 3.

243.

Nhân duyên có phi Trưởng 3.

244.

Phi Trưởng duyên có Nhân 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng.

245.

* Pháp nhân thành hữu học làm duyên cho pháp nhân thành hữu học bằng Nhân duyên.
* Pháp nhân thành vô học *(asekkho hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân thành vô học bằng Nhân duyên.
* Pháp nhân thành phi hữu học phi vô học *(nevasekkhānāsekkho hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân thành phi hữu học phi vô học bằng Nhân duyên.

246.

* Pháp nhân thành hữu học *(sekkho hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân thành phi hữu học phi vô học bằng Cảnh duyên.
* Pháp nhân thành vô học làm duyên cho pháp nhân thành phi hữu học phi vô học bằng Cảnh duyên.
* Pháp nhân thành phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp nhân thành phi hữu học phi vô học bằng Cảnh duyên.

247.

* Pháp nhân thành hữu học làm duyên cho pháp nhân thành hữu học bằng Trưởng duyên.
* Pháp nhân thành hữu học làm duyên cho pháp nhân thành phi hữu học phi vô học bằng Trưởng duyên.
* Pháp nhân thành vô học làm duyên cho pháp nhân thành vô học bằng Trưởng duyên.
* Pháp nhân thành vô học làm duyên cho pháp nhân thành phi hữu học phi vô học bằng Trưởng duyên.
* Pháp nhân thành phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp nhân thành phi hữu học phi vô học bằng Trưởng duyên.

248.

* Pháp nhân thành hữu học làm duyên cho pháp nhân thành hữu học bằng Vô gián duyên.
* Pháp nhân thành hữu học làm duyên cho pháp nhân thành vô học bằng Vô gián duyên.
* Pháp nhân thành hữu học làm duyên cho pháp nhân thành phi hữu học phi vô học bằng Vô gián duyên.
* Pháp nhân thành vô học làm duyên cho pháp nhân thành vô học bằng Vô gián duyên.
* Pháp nhân thành vô học làm duyên cho pháp nhân thành phi hữu học phi vô học bằng Vô gián duyên: Có 2 câu.
* Pháp nhân thành phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp nhân thành phi hữu học phi vô học bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp nhân thành phi hữu học phi vô học học *(nevasekkhānāsekkho hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân thành hữu học *(sekkho hetu dhammo)* bằng Vô gián duyên: Có 3 câu.

249.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 5, Vô gián 8, Liên tiếp 8, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 8, Bất ly 3.

250.

Phi nhân 8, phi Cảnh 8.

251.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

252.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện như thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

253.

∗ Pháp phi nhân thành hữu học *(sekkhi na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân thành hữu học sanh ra do Nhân duyên *(hetupaccayo).*

∗ Pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học *(nevasekkhānāsekkho na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân thành hữu học *(sekkhā)* sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi nhân thành hữu học và phi nhân thành phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi nhân thành hữu học sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi nhân thành vô học *(asekkhā)* liên quan pháp phi nhân thành vô học sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học liên quan những pháp phi nhân thành hữu học và pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học liên quan những pháp phi nhân thành vô học và pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên.

254.

∗ Pháp phi nhân thành hữu học liên quan pháp phi nhân thành hữu học sanh ra do Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành vô học liên quan pháp phi nhân thành vô học sanh ra do Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học sanh ra do Cảnh duyên.

255.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Bất ly 9.

256.

Pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học *(nevasekkhānāsekkho na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học sanh ra do phi Nhân duyên.

257.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 3, phi Ly 5.

258.

Nhân duyên có phi Cảnh 5.

259.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

260.

- Pháp phi nhân thành hữu học làm duyên cho pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân thành vô học làm duyên cho pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi nhân thành hữu học bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi nhân thành vô học bằng Cảnh duyên.

261.

- Pháp phi nhân thành hữu học làm duyên cho pháp phi nhân thành hữu học bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân thành vô học làm duyên cho pháp phi nhân thành vô học bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp phi nhân thành phi hữu học phi vô học bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.

262.

Nhân 5, Trưởng 9, Vô gián 8, Liên tiếp 8, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 8, Bất ly 13.

263.

Phi Nhân 14, phi Cảnh 14.

264.

Cảnh duyên có phi Nhân 5.

265.

Phi Nhân duyên có Cảnh 5.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề hữu học - nhị đề nhân

TAM ĐỀ HY THIỂU – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Parittattika hetudukaṃ)

266.

- Pháp nhân thành hy thiểu *(paritto hetu dhammo)* liên quan pháp nhân thành hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân thành đáo đại *(mahaggato hetu dhammo)* liên quan pháp nhân thành đáo đại sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân thành vô lượng *(appamāṇo hetu dhammo)* liên quan pháp nhân thành vô lượng sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

267.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

268.

Phi Trưởng *(na adhipatiyā)* 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

269.

∗ Pháp nhân thành hy thiểu làm duyên cho pháp nhân thành hy thiểu bằng Nhân duyên.
∗ Pháp nhân thành đáo đại làm duyên cho pháp nhân thành đáo đại bằng Nhân duyên.
∗ Pháp nhân thành vô lượng làm duyên cho pháp nhân thành vô lượng bằng Nhân duyên.

270.

∗ Pháp nhân thành hy thiểu làm duyên cho pháp nhân thành hy thiểu bằng Cảnh duyên.
∗ Pháp nhân thành hy thiểu làm duyên cho pháp nhân thành đáo đại bằng Cảnh duyên.
∗ Pháp nhân thành đáo đại làm duyên cho pháp nhân thành đáo đại bằng Cảnh duyên.
∗ Pháp nhân thành đáo đại làm duyên cho pháp nhân thành hy thiểu bằng Cảnh duyên.
∗ Pháp nhân thành vô lượng *(appamāna)* làm duyên cho pháp nhân thành hy thiểu *(paritta)* bằng Cảnh duyên.
∗ Pháp nhân thành vô lượng làm duyên cho pháp nhân thành đáo đại *(mahaggata)* bằng Cảnh duyên.

271.

∗ Pháp nhân thành hy thiểu làm duyên cho pháp nhân thành hy thiểu bằng Trưởng duyên.
∗ Pháp nhân thành đáo đại làm duyên cho pháp nhân thành đáo đại bằng Trưởng duyên.
∗ Pháp nhân thành đáo đại làm duyên cho pháp nhân thành hy thiểu bằng Trưởng duyên.
∗ Pháp nhân thành vô lượng làm duyên cho pháp nhân thành vô lượng bằng Trưởng duyên.

272.

∗ Pháp nhân thành hy thiểu làm duyên cho pháp nhân thành hy thiểu bằng Vô gián duyên.
∗ Pháp nhân thành hy thiểu làm duyên cho pháp nhân thành đáo đại bằng Vô gián duyên: Có 3 câu.
∗ Pháp nhân thành đáo đại làm duyên cho pháp nhân thành đáo đại bằng Vô gián duyên.
∗ Pháp nhân thành đáo đại làm duyên cho pháp nhân thành hy thiểu bằng Vô gián duyên: Có 3 câu.
∗ Pháp nhân thành vô lượng làm duyên cho pháp nhân thành vô lượng bằng Vô gián duyên.
∗ Pháp nhân thành vô lượng làm duyên cho pháp nhân thành hy thiểu bằng Vô gián duyên: Có 3 câu.

273.

Pháp nhân thành hy thiểu làm duyên cho pháp nhân thành hy thiểu bằng Cận y duyên.

274.

Nhân 3, Cảnh 6, Trưởng 5, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Bất ly 3.

275.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

276.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

277.

Phi Nhân duyên có Cảnh 6.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

278.

* Pháp phi nhân thành hy thiểu *(paritto na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân thành hy thiểu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân thành đáo đại *(mahaggata)* liên quan pháp phi nhân thành đáo đại sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thành hy thiểu *(paritto)* liên quan pháp phi nhân thành đáo đại sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân thành hy thiểu và phi nhân thành đáo đại liên quan pháp phi nhân thành đáo đại sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân thành vô lượng *(appamāṇa)* liên quan pháp phi nhân thành vô lượng sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thành hy thiểu liên quan pháp phi nhân thành vô lượng sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân thành hy thiểu và phi nhân thành vô lượng liên quan pháp phi nhân thành vô lượng sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân thành hy thiểu liên quan những pháp phi nhân thành hy thiểu và phi nhân thành đáo đại sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân thành hy thiểu liên quan những pháp phi nhân thành hy thiểu và phi nhân thành vô lượng sanh ra do Nhân duyên.

279.

Nhân 13, Cảnh 5, Trưởng 9, Ly 5, Bất ly 13.

280.

Pháp phi nhân thành hy thiểu liên quan pháp phi nhân thành hy thiểu sanh ra do phi Nhân duyên.

281.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 9, phi Ly 5.

282.

Nhân duyên có phi Cảnh 5.

283.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng như phần liên quan.

284.

* Pháp phi nhân thành hy thiểu làm duyên cho pháp phi nhân thành hy thiểu bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành hy thiểu *(paritto na hetu dhammo)* làm duyên cho pháp phi nhân thành đáo đại bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành đáo đại *(mahaggata)* làm duyên cho pháp phi nhân thành đáo đại bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành đáo đại làm duyên cho pháp phi nhân thành hy thiểu bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành vô lượng làm duyên cho pháp phi nhân thành vô lượng *(appamāṇa)* bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành vô lượng làm duyên cho pháp phi nhân thành hy thiểu bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

285.

Pháp phi nhân thành hy thiểu làm duyên cho pháp phi nhân thành hy thiểu bằng Trưởng duyên.

286.

Cảnh 7, Trưởng 7, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 11, Hỗ tương 7, Y chỉ 13, Cận y 9, Bất ly 13.

287.

Phi Nhân 15, phi Cảnh 15.

288.

Cảnh duyên có phi Nhân 7.

289.

Phi Nhân duyên có Cảnh 7.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề hy thiểu - nhị đề nhân

TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Parittārammanattika hetudukaṃ)

290.

∗ Pháp nhân thành cảnh hy thiểu *(parittārammaṇo hetu dhammo)* liên quan pháp nhân thành cảnh hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh đáo đại *(mahaggatārammaṇā)* liên quan pháp nhân thành cảnh đáo đại sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh vô lượng *(appamāṇarammaṇo)* liên quan pháp nhân thành cảnh vô lượng sanh ra do Nhân duyên.

291.

∗ Nhân 3, Cảnh 3, Ly khứ 3, Bất ly 3.

292.

Phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

293.

∗ Pháp nhân thành cảnh hy thiểu *(parittārammaṇo hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân thành cảnh hy thiểu bằng Nhân duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh đáo đại làm duyên cho pháp nhân thành cảnh đáo đại bằng Nhân duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh vô lượng làm duyên cho pháp nhân thành cảnh vô lượng bằng Nhân duyên.

294.

∗ Pháp nhân thành cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp nhân thành cảnh hy thiểu bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp nhân thành cảnh đáo đại bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh đáo đại làm duyên cho pháp nhân thành cảnh đáo đại bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh đáo đại làm duyên cho pháp nhân thành cảnh hy thiểu bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh vô lượng làm duyên cho pháp nhân thành cảnh vô lượng bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh vô lượng làm duyên cho pháp nhân thành cảnh hy thiểu bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

295.

Nhân 3, Cảnh 7, Trưởng 7, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Cận y 9, Bất ly 3.

296.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

297.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

298.

Phi Nhân duyên có Cảnh 7.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

299.

Pháp phi nhân thành cảnh hy thiểu *(parittārammaṇo na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân thành cảnh hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.

300.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 3, Bất ly 3.

301.

Pháp phi nhân thành cảnh hy thiểu *(parittārammaṇo na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân thành cảnh hy thiểu sanh ra do phi Nhân duyên *(na hetupaccayā).*

302.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 3, phi Bất tương ưng 3.

303.

Nhân duyên có phi Trưởng 3.

304.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

305.

∗ Pháp phi nhân thành cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp phi nhân thành cảnh hy thiểu bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp phi nhân thành cảnh đáo đại bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành cảnh đáo đại làm duyên cho pháp phi nhân thành cảnh đáo đại bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành cảnh đáo đại làm duyên cho pháp phi nhân thành cảnh hy thiểu bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành cảnh vô lượng làm duyên cho pháp phi nhân thành cảnh vô lượng bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành cảnh vô lượng làm duyên cho pháp phi nhân thành cảnh hy thiểu bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

306.

Pháp phi nhân thành cảnh hy thiểu làm duyên cho pháp phi nhân thành cảnh hy thiểu bằng Trưởng duyên.

307.

Cảnh 7, Trưởng 7, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Cận y 9, Bất ly 3.

308.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

309.

Cảnh duyên có phi Nhân 7.

310.

Phi Nhân duyên có Cảnh 7.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề cảnh hy thiểu - nhị đề nhân

TAM ĐỀ TY HẠ – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Hīnattika hetudukaṃ)

311.

∗ Pháp nhân thành ty hạ *(hīno hetu dhammo)* liên quan pháp nhân thành ty hạ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp nhân thành trung bình *(majjhimo)* liên quan pháp nhân thành trung bình sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp nhân thành tinh lương *(paṇīta)* liên quan pháp nhân thành tinh lương sanh ra do Nhân duyên.

312.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

313.

Phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

314.

∗ Pháp nhân thành ty hạ *(hīna)* làm duyên cho pháp nhân thành ty hạ bằng Nhân duyên.

∗ Pháp nhân thành trung bình làm duyên cho pháp nhân thành trung bình bằng Nhân duyên.

∗ Pháp nhân thành tinh lương làm duyên cho pháp nhân thành tinh lương bằng Nhân duyên.

315.

∗ Pháp nhân thành ty hạ làm duyên cho pháp nhân thành ty hạ bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân thành ty hạ làm duyên cho pháp nhân thành trung bình bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân thành trung bình làm duyên cho pháp nhân thành trung bình bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân thành trung bình làm duyên cho pháp nhân thành ty hạ bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân thành tinh lương làm duyên cho pháp nhân thành trung bình bằng Cảnh duyên.

316.

∗ Pháp nhân thành ty hạ làm duyên cho pháp nhân thành ty hạ *(hīna)* bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp nhân thành trung bình *(majjhima)* làm duyên cho pháp nhân thành trung bình bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp nhân thành trung bình *(majjhima)* làm duyên cho pháp nhân thành ty hạ *(hīna)* bằng Trưởng duyên.

∗ Pháp nhân thành tinh lương *(paṇīta)* làm duyên cho pháp nhân thành tinh lương bằng Trưởng duyên: Có 2 câu.

317.

∗ Pháp nhân thành ty hạ làm duyên cho pháp nhân thành ty hạ bằng Vô gián duyên: Có 2 câu.

∗ Pháp nhân thành trung bình làm duyên cho pháp nhân thành trung bình bằng Vô gián duyên: Có 2 câu.

∗ Pháp nhân thành tinh lương *(paṇīta)* làm duyên cho pháp nhân thành tinh lương bằng Vô gián duyên: Có 2 câu.

318.

Nhân 3, Cảnh 5, Trưởng 5, Vô gián 6, Liên tiếp 6, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 8, Bất ly 3.

319.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

320.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

321.

Phi Nhân duyên có Cảnh 5.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

322.

Pháp phi nhân thành ty hạ *(hīno na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân thành ty hạ sanh ra do Nhân duyên.

Tam đề phiền toái nhị đề nhân *(saṅkiliṭṭhattika hetudukaṃ)* như thế nào nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề ty hạ - nhị đề nhân (hīnattika hetudukaṃ)

TAM ĐỀ TÀ – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Micchattattika hetudukaṃ)

323.

∗ Pháp nhân thành tà cho quả nhứt định *(micchattaniyato hetu dhammo)* liên quan pháp nhân thành tà cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp nhân thành chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyato hetu dhammo)* liên quan pháp nhân thành chánh cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp nhân thành bất định *(aniyato hetu dhammo)* liên quan pháp nhân thành bất định sanh ra do Nhân duyên.

324.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 3, Bất ly 3.

325.

Phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 1, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

326.

∗ Pháp nhân thành tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp nhân thành tà cho quả nhứt định bằng Nhân duyên.

∗ Pháp nhân thành chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp nhân thành chánh cho quả nhứt định bằng Nhân duyên.
∗ Pháp nhân thành bất định làm duyên cho pháp nhân thành bất định bằng Nhân duyên.

327.

∗ Pháp nhân thành tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp nhân thành bất định bằng Cảnh duyên.
∗ Pháp nhân thành chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp nhân thành bất định bằng Cảnh duyên.
∗ Pháp nhân thành bất định làm duyên cho pháp nhân thành bất định bằng Cảnh duyên.
∗ Pháp nhân thành bất định làm duyên cho pháp nhân thành tà cho quả nhứt định bằng Cảnh duyên.

328.

∗ Pháp nhân thành chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyato hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân thành chánh cho quả nhứt định bằng Trưởng duyên: Có 2 câu.
∗ Pháp nhân thành bất định *(aniyato hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân thành bất định bằng Trưởng duyên.

329.

∗ Pháp nhân thành tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp nhân thành bất định bằng Vô gián duyên.
∗ Pháp nhân thành chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp nhân thành bất định bằng Vô gián duyên.
∗ Pháp nhân thành bất định làm duyên cho pháp nhân thành bất định bằng Vô gián duyên.
∗ Pháp nhân thành bất định làm duyên cho pháp nhân thành tà cho quả nhứt định bằng Vô gián duyên: Có 3 câu.

330.

∗ Pháp nhân thành tà cho quả nhứt định *(micchattaniyato hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân thành tà cho quả nhứt định bằng Cận y duyên.
∗ Pháp nhân thành tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp nhân thành bất định *(aniyato)* bằng Cận y duyên.
∗ Pháp nhân thành chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyato hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân thành chánh cho quả nhứt định bằng Cận y duyên.
∗ Pháp nhân thành chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp nhân thành bất định *(aniyato)* bằng Cận y duyên.
∗ Pháp nhân thành bất định làm duyên cho pháp nhân thành bất định bằng Cận y duyên.
∗ Pháp nhân thành bất định làm duyên cho pháp nhân thành tà cho quả nhứt định bằng Cận y duyên.
∗ Pháp nhân thành bất định làm duyên cho pháp nhân thành chánh cho quả nhứt định bằng Cận y duyên.

331.

Nhân 3, Cảnh 4, Trưởng 3, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 3, Cận y 7, Bất ly 3.

332.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7.

333.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

334.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

335.

* Pháp phi nhân thành tà cho quả nhứt định *(micchattaniyato na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân thành tà cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thành bất định liên quan pháp phi nhân thành tà cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân thành chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp phi nhân thành chánh cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thành bất định liên quan pháp phi nhân thành chánh cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân thành chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyato na hetu dhammo)* và phi nhân thành bất định *(aniyata)* liên quan pháp phi nhân thành chánh cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thành bất định *(aniyata)* liên quan pháp phi nhân thành bất định sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thành bất định liên quan những pháp phi nhân thành tà cho quả nhứt định và phi nhân thành bất định sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thành bất định liên quan những pháp phi nhân thành chánh cho quả nhứt định và phi nhân thành bất định sanh ra do Nhân duyên.

336.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Quả 1, Bất ly 9.

337.

Pháp phi nhân thành bất định liên quan pháp phi nhân thành bất định sanh ra do phi Nhân duyên.

338.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 3, phi Ly *(no vigata)* 5.

339.

Nhân duyên có phi Cảnh 5.

340.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

341.

* Pháp phi nhân thành tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp phi nhân thành bất định *(aniyata)* bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)* làm duyên cho pháp phi nhân thành bất định bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành bất định làm duyên cho pháp phi nhân thành bất định bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành bất định làm duyên cho pháp phi nhân thành tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)* bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành bất định làm duyên cho pháp phi nhân thành chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)* bằng Cảnh duyên *(ārammapaccayo).*

342.

∗ Pháp phi nhân *(na hetu)* thành tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)* làm duyên cho pháp phi nhân thành tà cho quả nhứt định bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.
∗ Pháp phi nhân thành chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyato)* làm duyên cho pháp phi nhân thành chánh cho quả nhứt định bằng Trưởng duyên.
∗ Pháp phi nhân thành chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp phi nhân thành bất định *(aniyata)* bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.
∗ Pháp phi nhân thành bất định làm duyên cho pháp phi nhân thành bất định bằng Trưởng duyên.
∗ Pháp phi nhân thành bất định làm duyên cho pháp phi nhân thành chánh cho quả nhứt định bằng Trưởng duyên.

343.

∗ Pháp phi nhân thành tà cho quả nhứt định làm duyên cho pháp phi nhân thành bất định bằng Vô gián duyên.
∗ Pháp phi nhân thành chánh cho quả nhứt định làm duyên cho pháp phi nhân thành bất định bằng Vô gián duyên.
∗ Pháp phi nhân thành bất định làm duyên cho pháp phi nhân thành bất định bằng Vô gián duyên.
∗ Pháp phi nhân thành bất định làm duyên cho pháp phi nhân thành tà cho quả nhứt định bằng Vô gián duyên.
∗ Pháp phi nhân thành bất định làm duyên cho pháp phi nhân thành chánh cho quả nhứt định bằng Vô gián duyên.

344.

Cảnh 5, Trưởng 8, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 9, Hỗ tương 3, Y chỉ 13, Cận y 7, Bất ly 13.

345.

Phi Nhân 13, phi Cảnh 13, phi Trưởng 13.

346.

Cảnh duyên có phi Nhân 5.

347.

Phi Nhân duyên có Cảnh 5.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề tà - nhị đề nhân

TAM ĐỀ CÓ CẢNH LÀ ĐẠO – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Maggarammanattika hetudukaṃ)

348.

∗ Pháp nhân có cảnh là đạo *(maggārammaṇo hetu dhammo)* liên quan pháp nhân có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
∗ Pháp nhân có nhân là đạo *(maggahetuko hetu dhammo)* liên quan pháp nhân có nhân là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
∗ Pháp nhân có trưởng là đạo *(maggādhipati hetu dhammo)* liên quan pháp nhân có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 5 câu.
∗ Pháp nhân có cảnh là đạo liên quan những pháp nhân có cảnh là đạo và pháp nhân có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

* Pháp nhân có nhân là đạo liên quan những pháp nhân có nhân là đạo và pháp nhân có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

349.

Nhân 17, Bất ly 17.

350.

Phi Trưởng 17, phi Tiền sanh 17, phi Cố hưởng 9, phi Quả 17, phi Bất tương ưng 17.

Phần đồng sanh *(sahajātavāra)* hay phần tương ưng *(sampayuttavāra)* cũng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

351.

* Pháp nhân *(hetu dhamma)* có cảnh là đạo làm duyên cho pháp nhân có cảnh là đạo bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp nhân có nhân là đạo làm duyên cho pháp nhân có nhân là đạo bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp nhân có trưởng là đạo bằng Nhân duyên: Có 5 câu.
* Chư pháp nhân có cảnh là đạo và pháp nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp nhân có cảnh là đạo bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Chư pháp nhân có nhân là đạo và pháp nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp nhân có nhân là đạo bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

352.

* Pháp nhân có nhân là đạo làm duyên cho pháp nhân có cảnh là đạo bằng Cảnh duyên.
* Pháp nhân *(hetu dhamma)* có nhân là đạo làm duyên cho pháp nhân có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp nhân có trưởng là đạo *(maggādhipati)* làm duyên cho pháp nhân có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Chư pháp nhân có nhân là đạo *(maggahetuka)* và pháp nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp nhân có cảnh là đạo *(maggārammaṇa)* bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

353.

* Pháp nhân có cảnh là đạo làm duyên cho pháp nhân có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.
* Pháp nhân có nhân là đạo làm duyên cho pháp nhân có nhân là đạo bằng Trưởng duyên: Có 5 câu.
* Pháp nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp nhân có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên: Có 5 câu.
* Pháp nhân có cảnh là đạo và pháp nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp nhân có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.
* Pháp nhân có nhân là đạo và pháp nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp nhân có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên: Có 5 câu.

354.

* Pháp nhân có cảnh là đạo làm duyên cho pháp nhân có cảnh là đạo bằng Vô gián duyên: Có 3 câu.
* Pháp nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp nhân có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên: Có 3 câu.
* Chư pháp nhân có cảnh là đạo và pháp nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp nhân có cảnh là đạo bằng Vô gián duyên: Có 3 câu.

355.

Nhân 17, Cảnh 9, Trưởng 21, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 17, Hỗ tương 17, Y chỉ 17, Cận y 21, Bất ly 17.

356.

Phi Nhân 21, phi Cảnh 17.

357.

Nhân duyên có phi Cảnh 17.

358

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

359.

- Pháp phi nhân *(na hetu*) có cảnh là đạo *(maggarammaṇa)* liên quan pháp phi nhân có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân có trưởng là đạo *(maggādhipati)* liên quan pháp phi nhân có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân có cảnh là đạo và phi nhân có trưởng là đạo liên quan pháp phi nhân có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân có nhân là đạo liên quan pháp phi nhân có nhân là đạo *(maggahetuka)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân có trưởng là đạo liên quan pháp phi nhân có nhân là đạo sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân có nhân là đạo và phi nhân có trưởng là đạo liên quan pháp phi nhân có nhân là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân có trưởng là đạo liên quan pháp phi nhân có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân có cảnh là đạo liên quan pháp phi nhân có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân có nhân là đạo liên quan pháp phi nhân có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân có cảnh là đạo và phi nhân có trưởng là đạo liên quan pháp phi nhân có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân có nhân là đạo và phi nhân có trưởng là đạo liên quan pháp phi nhân có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 5 câu.
- Pháp phi nhân có cảnh là đạo liên quan những pháp phi nhân có cảnh là đạo và phi nhân có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân có trưởng là đạo liên quan những pháp phi nhân có cảnh là đạo và phi nhân có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân có cảnh là đạo và phi nhân có trưởng là đạo liên quan những pháp phi nhân có cảnh là đạo và phi nhân có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân có nhân là đạo liên quan những pháp phi nhân có nhân là đạo và phi nhân có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân *(na hetu dhamma)* có trưởng là đạo *(maggādhipati)* liên quan những pháp phi nhân có nhân là đạo *(maggahetuka)* và phi nhân có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên.

* Chư pháp phi nhân có nhân là đạo và phi nhân có trưởng là đạo liên quan những pháp phi nhân có nhân là đạo và phi nhân có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

360.

Nhân 17, Cảnh 17, Bất ly 17.

361.

Pháp phi nhân có cảnh là đạo *(maggārammaṇa)* liên quan pháp phi nhân có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên *(na hetupaccayo)*.

362.

Phi Nhân 1, phi Trưởng 17, phi Tiền sanh 17, phi Hậu sanh 17, phi Cố hưởng 9, phi Quả 17, phi Bất tương ưng 17.

363.

Nhân duyên có phi Trưởng 17.

364.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng đều nên sắp rộng như phần liên quan.

365.

* Pháp phi nhân có nhân là đạo làm duyên cho pháp phi nhân có cảnh là đạo bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân có nhân là đạo làm duyên cho pháp phi nhân có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân có nhân là đạo làm duyên cho những pháp phi nhân có cảnh là đạo và phi nhân có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp phi nhân có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp phi nhân có cảnh là đạo bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân có trưởng là đạo làm duyên cho những pháp phi nhân có cảnh là đạo và phi nhân có trưởng là đạo bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Chư pháp phi nhân có nhân là đạo và phi nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp phi nhân có cảnh là đạo bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

366.

* Pháp phi nhân có cảnh là đạo *(maggārammaṇa)* làm duyên cho pháp phi nhân có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân có nhân là đạo *(maggāhetuka)* làm duyên cho pháp phi nhân có nhân là đạo bằng Trưởng duyên.
* Pháp phi nhân có nhân là đạo làm duyên cho pháp phi nhân có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên.
* Pháp phi nhân có nhân là đạo làm duyên cho pháp phi nhân có trưởng là đạo bằng Trưởng duyên: Có 5 câu.
* Pháp phi nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp phi nhân có trưởng là đạo *(maggādhipati)* bằng Trưởng duyên: Có 5 câu.
* Chư pháp phi nhân có cảnh là đạo và phi nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp phi nhân có cảnh là đạo bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.
* Chư pháp phi nhân có nhân là đạo và phi nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp phi nhân có nhân là đạo bằng Trưởng duyên: Có 5 câu.

367.

- Pháp phi nhân có cảnh là đạo làm duyên cho pháp phi nhân có cảnh là đạo bằng Vô gián duyên.
- Pháp phi nhân có cảnh là đạo làm duyên cho pháp phi nhân có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên.
- Pháp phi nhân có cảnh là đạo làm duyên cho những pháp phi nhân có cảnh là đạo và phi nhân có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp phi nhân có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên.
- Pháp phi nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp phi nhân có cảnh là đạo bằng Vô gián duyên.
- Pháp phi nhân có trưởng là đạo làm duyên cho những pháp phi nhân có cảnh là đạo và phi nhân có trưởng là đạo bằng Vô gián duyên: Có 3 câu.
- Chư pháp phi nhân có cảnh là đạo và phi nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp phi nhân có cảnh là đạo bằng Vô gián duyên: Có 3 câu.

368.

- Pháp phi nhân có cảnh là đạo làm duyên cho pháp phi nhân có cảnh là đạo bằng Cận y duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân *(na hetu dhammo)* có nhân là đạo *(maggahetuka)* làm duyên cho pháp phi nhân có nhân là đạo bằng Cận y duyên: Có 5 câu.
- Pháp phi nhân có trưởng là đạo *(maggādhipati)* làm duyên cho pháp phi nhân có trưởng là đạo bằng Cận y duyên: Có 5 câu.
- Chư pháp phi nhân có cảnh là đạo *(maggārammaṇa)* và phi nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp phi nhân có cảnh là đạo bằng Cận y duyên: Có 3 câu.
- Chư pháp phi nhân có nhân là đạo và phi nhân có trưởng là đạo làm duyên cho pháp phi nhân có nhân là đạo bằng Cận y duyên: Có 5 câu.

369.

Cảnh 9, Trưởng 21, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 17, Hỗ tương 17, Y chỉ 17, Cận y 21, Bất ly 17.

370.

Phi Nhân 21, phi Cảnh 21.

371.

Cảnh duyên có phi Nhân 9.

372.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề có cảnh là đạo - nhị đề nhân

TAM ĐỀ SANH TỒN – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Uppannattika hetudukaṃ)

373.

Pháp nhân thành sanh tồn *(uppanno hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân sanh tồn bằng Nhân duyên: Nhân sanh tồn *(uppanno)* làm duyên cho nhân tương ưng *(sampayutta)* bằng Nhân duyên. Sát na tục sinh…

374.

Pháp nhân thành phi sanh tồn làm duyên cho pháp nhân *(hetu)* thành sanh tồn *(uppanno)* bằng Cảnh duyên: Nhân phi sanh tồn *(anuppannā hetu)* làm duyên cho tha tâm thông *(cetopariyañana)* bằng Cảnh duyên: Có 2 câu.

375.

Pháp nhân thành sanh tồn *(uppanno hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân thành sanh tồn bằng Trưởng duyên: Có 3 câu;... bằng Đồng sanh duyên, bằng Hỗ tương duyên, bằng Y chỉ duyên, bằng Cận y duyên, bằng Quả duyên, bằng Quyền duyên, bằng Đạo duyên, bằng Tương ưng duyên, bằng Hiện hữu duyên, bằng Bất ly duyên.

376.

Nhân 1, Cảnh 2, Trưởng 3, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 2, Bất ly 1.

377.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 2.

378.

Nhân duyên có phi Cảnh 1.

379.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

380.

* Pháp phi nhân *(na hetu)* thành sanh tồn làm duyên cho pháp phi nhân thành sanh tồn bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành phi sanh tồn *(anuppanna)* làm duyên cho pháp phi nhân thành sanh tồn *(uppanna)* bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành sẽ sanh *(uppādī)* làm duyên cho pháp phi nhân thành sanh tồn *(uppanna)* bằng Cảnh duyên.

381.

* Pháp phi nhân thành sanh tồn làm duyên cho pháp phi nhân thành sanh tồn bằng Trưởng duyên.
* Pháp phi nhân thành phi sanh tồn làm duyên cho pháp phi nhân thành sanh tồn bằng Trưởng duyên.
* Pháp phi nhân thành sẽ sanh làm duyên cho pháp phi nhân thành sanh tồn bằng Trưởng duyên.

382.

Pháp phi nhân thành sanh tồn làm duyên cho pháp phi nhân thành sanh tồn bằng Đồng sanh duyên,... bằng Hỗ tương duyên, bằng Y chỉ duyên.

383.

* Pháp phi nhân thành sanh tồn làm duyên cho pháp phi nhân thành sanh tồn bằng Cận y duyên.
* Pháp phi nhân thành phi sanh tồn làm duyên cho pháp phi nhân thành sanh tồn bằng Cận y duyên.
* Pháp phi nhân thành sẽ sanh *(uppādī)* làm duyên cho pháp phi nhân *(na hetu)* thành sanh tồn *(uppanna)* bằng Cận y duyên.

384.

Cảnh 3, Trưởng 3, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 3, Bất ly 1.

385.

Phi Nhân 3, phi Cảnh 3.

386.

Cảnh duyên có phi Nhân 3.

387.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3.

Dứt tam đề sanh tồn - nhị đề nhân

TAM ĐỀ QUÁ KHỨ – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Atītattika hetudukaṃ)

388.

Pháp nhân hiện tại *(paccuppanno hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân hiện tại bằng Nhân duyên.

389.

Pháp nhân quá khứ *(atito hetu dhammo)* làm duyên cho pháp nhân hiện tại bằng Cảnh duyên: Có 2 câu.

390.

Nhân 1, Cảnh 2, Trưởng 3, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 2, Quả 1, Quyền 1, Đạo 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

391.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 2.

392.

Nhân duyên có phi Cảnh 1.

393.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

394.

* Pháp phi nhân *(na hetu)* quá khứ *(atīta)* làm duyên cho pháp phi nhân thành hiện tại *(paccuppanna)* bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành vị lai *(anāgata)* làm duyên cho pháp phi nhân thành hiện tại bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành hiện tại làm duyên cho pháp phi nhân thành hiện tại bằng Cảnh duyên.

395.

Cảnh 3, Trưởng 3, Đồng sanh 1, Hỗ tương 1, Y chỉ 1, Cận y 3, Cố hưởng 1, Nghiệp 2, Quả 1, Quyền 1, Đạo 1, Tương ưng 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

396.

Phi Nhân 3, phi Cảnh 3.

397.

Cảnh duyên có phi Nhân 3.

398.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3.

Dứt tam đề quá khứ - nhị đề nhân

TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Atītārammaṇattika hetudukaṃ)

399.

∗ Pháp nhân thành cảnh quá khứ *(atītārammaṇa)* liên quan pháp nhân thành cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh vị lai *(anāgatārammaṇa)* liên quan pháp nhân thành cảnh vị lai sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh hiện tại *(paccuppannārammaṇa)* liên quan pháp nhân thành cảnh hiện tại sanh ra do Nhân duyên.

400.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

401.

Phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

402.

∗ Pháp nhân thành cảnh quá khứ làm duyên cho pháp nhân thành cảnh quá khứ bằng Nhân duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh vị lai làm duyên cho pháp nhân thành cảnh vị lai bằng Nhân duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh hiện tại làm duyên cho pháp nhân thành cảnh hiện tại bằng Nhân duyên.

403.

∗ Pháp nhân thành cảnh quá khứ làm duyên cho pháp nhân thành cảnh quá khứ bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh quá khứ *(atītārammaṇa)* làm duyên cho pháp nhân thành cảnh vị lai *(anāgatārammaṇa)* bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh quá khứ làm duyên cho pháp nhân thành cảnh hiện tại *(paccuppannārammaṇa)* bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh vị lai làm duyên cho pháp nhân thành cảnh vị lai bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp nhân thành cảnh hiện tại làm duyên cho pháp nhân thành cảnh hiện tại bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

404.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 7, Vô gián 6, Liên tiếp 6, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 3, Bất ly 3.

405.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

406.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

407.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

408.

∗ Pháp phi nhân thành cảnh quá khứ liên quan pháp phi nhân thành cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi nhân thành cảnh vị lai liên quan pháp phi nhân thành cảnh vị lai sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi nhân thành cảnh hiện tại liên quan pháp phi nhân thành cảnh hiện tại sanh ra do Nhân duyên.

409.

Nhân 3, Cảnh 3, Trưởng 3, Bất ly 3.

410.

Phi Nhân 3, phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Thiền 1, phi Đạo 3, phi Bất tương ưng 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

411.

∗ Pháp phi nhân thành cảnh quá khứ *(atītārammaṇa)* làm duyên cho pháp phi nhân thành cảnh quá khứ bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi nhân thành cảnh vị lai *(anāgatārammaṇa)* làm duyên cho pháp phi nhân thành cảnh vị lai bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi nhân thành cảnh hiện tại *(paccuppannārammaṇa)* làm duyên cho pháp phi nhân thành cảnh hiện tại bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

412.

Cảnh 9, Trưởng 7, Bất ly 3.

413.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

414.

Cảnh duyên có phi Nhân 9.

415.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề cảnh quá khứ - nhị đề nhân

TAM ĐỀ NỘI BỘ – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Ajjhattattika hetudukaṃ)

416.

∗ Pháp nhân thành nội bộ *(ajjhatta)* liên quan pháp nhân thành nội bộ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp nhân thành ngoại viện *(bahiddhā)* liên quan pháp nhân thành ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

417.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

418.

Phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Quả 2, phi Bất tương ưng 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

419.

∗ Pháp nhân thành nội bộ làm duyên cho pháp nhân thành nội bộ bằng Nhân duyên.

* Pháp nhân thành ngoại viện *(bahiddhā)* làm duyên cho pháp nhân thành ngoại viện bằng Nhân duyên.

420.

* Pháp nhân thành nội bộ *(ajjhatta)* làm duyên cho pháp nhân thành nội bộ bằng Cảnh duyên.
* Pháp nhân thành nội bộ làm duyên cho pháp nhân thành ngoại viện *(bahiddhā)* bằng Cảnh duyên.
* Pháp nhân thành ngoại viện làm duyên cho pháp nhân thành ngoại viện bằng Cảnh duyên.
* Pháp nhân thành ngoại viện làm duyên cho pháp nhân thành nội bộ bằng Cảnh duyên.

421.

* Pháp nhân thành nội bộ làm duyên cho pháp nhân thành nội bộ bằng Trưởng duyên.
* Pháp nhân thành ngoại viện làm duyên cho pháp nhân thành ngoại viện bằng Trưởng duyên.

422.

* Pháp nhân thành nội bộ làm duyên cho pháp nhân thành nội bộ bằng Vô gián duyên.
* Pháp nhân thành ngoại viện làm duyên cho pháp nhân thành ngoại viện bằng Vô gián duyên.

423.

Nhân 2, Cảnh 4, Trưởng 2, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 4, Bất ly 2.

424.

Phi Nhân 4, phi Cảnh 4.

425.

Nhân duyên có phi Cảnh 2.

426.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên phân rộng như thế ấy.

427.

Pháp phi nhân thành nội bộ liên quan pháp phi nhân thành nội bộ sanh ra do Nhân duyên.

Pháp phi nhân thành ngoại viện liên quan pháp phi nhân thành ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

428.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

429.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 2, phi bất tương ưng *(na vippayutta)* 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

430.

* Pháp phi nhân thành nội bộ *(ajjhatta)* làm duyên cho pháp phi nhân thành nội bộ bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành nội bộ làm duyên cho pháp phi nhân thành ngoại viện *(bahiddhā)* bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân thành ngoại viện làm duyên cho pháp phi nhân thành ngoại viện bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân thành ngoại viện làm duyên cho pháp phi nhân thành nội bộ bằng Cảnh duyên.

431.

Cảnh 4, Trưởng 4, Vô gián 2, Cận y 4, Bất ly 2.

432.

Phi Nhân 4, phi Cảnh 4.

433.

Cảnh duyên có phi Nhân 4.

434.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề nội bộ (nội phần) - nhị đề nhân

TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Ajjhattārammaṇattika hetudukaṃ)

435.

∗ Pháp nhân thành cảnh nội bộ *(ajjhattārammaṇa)* liên quan pháp nhân thành cảnh nội bộ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh ngoại viện *(bahiddhārammaṇa)* liên quan pháp nhân thành cảnh ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

436.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

437.

Phi Trưởng 2, phi Tiền sanh 2, phi Hậu sanh 2, phi Cố hưởng 2, phi Quả 2, phi Bất tương ưng 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

438.

∗ Pháp nhân thành cảnh nội bộ *(ajjhattārammaṇa)* làm duyên cho pháp nhân thành cảnh nội bộ bằng Nhân duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh ngoại viện *(bahiddhārammaṇa)* làm duyên cho pháp nhân thành cảnh ngoại viện bằng Nhân duyên.

439.

∗ Pháp nhân thành cảnh nội bộ làm duyên cho pháp nhân thành cảnh nội bộ bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh nội bộ làm duyên cho pháp nhân thành cảnh ngoại viện bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh ngoại viện làm duyên cho pháp nhân thành cảnh ngoại viện bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp nhân thành cảnh ngoại viện làm duyên cho pháp nhân thành cảnh nội bộ bằng Cảnh duyên.

440.

Nhân 2, Cảnh 4, Trưởng 3, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Cận y 4, Bất ly 2.

441.

Phi Nhân 4, phi Cảnh 4.

442.

Nhân duyên có phi Cảnh 2.

443.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

444.

* Pháp phi nhân *(na hetu)* thành cảnh nội bộ làm duyên cho pháp phi nhân thành cảnh nội bộ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thành cảnh ngoại viện làm duyên cho pháp phi nhân thành cảnh ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

445.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

446.

Pháp phi nhân thành cảnh nội bộ làm duyên cho pháp phi nhân thành cảnh nội bộ bằng Cảnh duyên.

447.

Cảnh 4, Trưởng 3, Vô gián 4, Cận y 4, Bất ly 2.

448.

Phi Nhân 4, phi Cảnh 4.

449.

Cảnh duyên có phi Nhân 4.

450.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề cảnh nội bộ - nhị đề nhân

TAM ĐỀ HỮU KIẾN – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Sanidassanattika hetudukaṃ)

451.

Pháp nhân thành vô kiến vô đối chiếu *(anidassana appaṭigha)* liên quan pháp nhân thành vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

452.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

453.

Pháp nhân thành vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp nhân thành vô kiến vô đối chiếu bằng Nhân duyên.

454.

Pháp nhân thành vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp nhân thành vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên.

455.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1. Tất cả đều 1.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

456.

- Pháp phi nhân *(na hetu)* thành vô kiến hữu đối chiếu *(anidassana sappaṭigha)* liên quan pháp phi nhân thành vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân thành hữu kiến hữu đối chiếu *(sanidassana sappaṭigha)* liên quan pháp phi nhân thành vô kiến hữu đối chiếu *(anidassana sappaṭigha)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân *(na hetu)* vô kiến vô đối chiếu *(anidassana appaṭigha)* liên quan pháp phi nhân vô kiến hữu đối chiếu *(anidassana sappaṭigha)* sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân hữu kiến hữu đối chiếu *(sanidassana sappaṭigha)* và phi nhân vô kiến vô đối chiếu *(anidassana appaṭigha)* liên quan pháp phi nhân thành vô kiến hữu đối chiếu *(anidassana sappaṭigha)* sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân vô kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi nhân vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân hữu kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi nhân vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân hữu kiến hữu đối chiếu, phi nhân vô kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi nhân vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên: Có 7 câu.
- Pháp phi nhân vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân hữu kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi nhân thành vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân vô kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân hữu kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân hữu kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên: Có 7 câu.
- Pháp phi nhân hữu kiến hữu đối chiếu liên quan những pháp phi nhân vô kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân vô kiến hữu đối chiếu *(anidassana sappaṭigha)* liên quan pháp phi nhân vô kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân vô kiến vô đối chiếu liên quan những pháp phi nhân vô kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân hữu kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến vô đối chiếu liên quan những pháp phi nhân vô kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân vô kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến vô đối chiếu liên quan những pháp phi nhân vô kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân hữu kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến hữu đối chiếu liên quan những pháp phi nhân vô kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi nhân hữu kiến hữu đối chiếu, phi nhân vô kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến vô đối chiếu liên quan những pháp phi nhân vô kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên: Có 7 câu.

457.

Pháp phi nhân vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Cảnh duyên.

458.

Nhân 21, Cảnh 1, Trưởng 21, Bất ly 21.

459.

Phi Nhân 21, phi Cảnh 21.

460.

Nhân duyên có phi Cảnh 21.

461.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

462.

Pháp phi nhân hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp phi nhân vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên.

463.

Cảnh 3, Trưởng 9, Vô gián 1, Liên tiếp 1, Đồng sanh 21, Cận y 3, Bất ly 25.

464.

Phi Nhân 25, phi Cảnh 21.

465.

Trưởng duyên có phi Nhân 9.

466.

Phi Nhân duyên có Trưởng 9.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề hữu kiến - nhị đề nhân

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN

(Kusalattika sahetukadukaṃ)

467.

∗ Pháp hữu nhân thành thiện *(kusalo sahetuko dhammo)* liên quan pháp hữu nhân thành thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp hữu nhân thành bất thiện liên quan pháp hữu nhân thành bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp hữu nhân thành vô ký *(abyākata)* liên quan pháp hữu nhân thành vô ký sanh ra do Nhân duyên.

468.

Nhân 3, Bất ly 3.

469.

Phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Nghiệp 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

470.

Nhân duyên có phi Trưởng 3.

471.

Phi Trưởng duyên có Nhân 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

472.

* Pháp hữu nhân thành thiện làm duyên cho pháp hữu nhân thành thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp hữu nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp hữu nhân thành bất thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp hữu nhân thành vô ký *(abyākata)* làm duyên cho pháp hữu nhân thành vô ký bằng Nhân duyên.

473.

* Pháp hữu nhân *(sahetuka)* thành thiện làm duyên cho pháp hữu nhân thành thiện bằng Cảnh duyên.
* Pháp hữu nhân thành thiện làm duyên cho pháp hữu nhân thành bất thiện bằng Cảnh duyên.
* Pháp hữu nhân thành thiện làm duyên cho pháp hữu nhân thành vô ký *(abyākata)* bằng Cảnh duyên.
* Pháp hữu nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp hữu nhân thành bất thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp hữu nhân thành vô ký làm duyên cho pháp hữu nhân thành vô ký bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

474.

Pháp hữu nhân thành thiện làm duyên cho pháp hữu nhân thành thiện bằng Trưởng duyên.

475.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 7, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 3, Hỗ tương 3, Y chỉ 3, Cận y 9, Bất ly *(avigata)* 3.

476.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 7.

477.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

478.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

479.

* Pháp vô nhân *(ahetuka dhamma)* thành vô ký liên quan pháp vô nhân thành bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô nhân thành vô ký liên quan pháp vô nhân thành vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô nhân thành vô ký liên quan những pháp vô nhân thành bất thiện và vô nhân thành vô ký sanh ra do Nhân duyên.

480.

Pháp vô nhân thành vô ký liên quan pháp vô nhân thành vô ký sanh ra do Cảnh duyên.

481.

Nhân 3, Cảnh 1, Trưởng 1, Bất ly 3.

482.

Pháp vô nhân thành vô ký liên quan pháp vô nhân thành vô ký sanh ra do phi Nhân duyên.

483.

* Pháp vô nhân *(ahetuka)* thành vô ký *(abyākata)* liên quan pháp vô nhân thành bất thiện sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp vô nhân thành vô ký liên quan pháp vô nhân thành vô ký sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp vô nhân thành vô ký liên quan những pháp vô nhân thành bất thiện và vô nhân thành vô ký sanh ra do phi Cảnh duyên.

484.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Ly 3.

485.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

486.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

487.

Pháp vô nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp vô nhân thành vô ký bằng Nhân duyên.

488.

* Pháp vô nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp vô nhân thành bất thiện bằng Cảnh duyên.
* Pháp vô nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp vô nhân thành vô ký bằng Cảnh duyên.
* Pháp vô nhân thành vô ký làm duyên cho pháp vô nhân thành vô ký bằng Cảnh duyên.
* Pháp vô nhân thành vô ký làm duyên cho pháp vô nhân thành bất thiện bằng Cảnh duyên.

489.

* Pháp vô nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp vô nhân thành bất thiện bằng Vô gián duyên.
* Pháp vô nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp vô nhân thành vô ký bằng Vô gián duyên.
* Pháp vô nhân thành vô ký làm duyên cho pháp vô nhân thành vô ký bằng Vô gián duyên.
* Pháp vô nhân thành vô ký làm duyên cho pháp vô nhân thành bất thiện bằng Vô gián duyên.

490.

Pháp vô nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp vô nhân thành bất thiện bằng Cận y duyên.

491.

Nhân 1, Cảnh 4, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 3, Hỗ tương 1, Y chỉ 4, Cận y 4.

492.

Phi Nhân 5, phi Cảnh 5, phi Trưởng 5.

493.

Nhân duyên có phi Cảnh 1.

494.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề hữu nhân

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN

(Kusalattika hetusampayuttadukaṃ)

495.

∗ Pháp tương ưng nhân *(hetusampayutta)* thành thiện liên quan pháp tương ưng nhân thành thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng nhân thành bất thiện liên quan pháp tương ưng nhân thành bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng nhân thành vô ký liên quan pháp tương ưng nhân thành vô ký sanh ra do Nhân duyên.

496.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

497.

Phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

498.

∗ Pháp tương ưng nhân thành thiện làm duyên cho pháp tương ưng nhân thành thiện bằng Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp tương ưng nhân thành bất thiện bằng Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng nhân thành vô ký làm duyên cho pháp tương ưng nhân thành vô ký bằng Nhân duyên.

499.

∗ Pháp tương ưng nhân thành thiện làm duyên cho pháp tương ưng nhân *(hetusampayutta)* thành thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp tương ưng nhân thành bất thiện làm duyên cho pháp tương ưng nhân thành bất thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp tương ưng nhân thành vô ký làm duyên cho pháp tương ưng nhân thành vô ký bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

500.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 7, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 3, Cận y 3, Bất ly 3.

501.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

502.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

503.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

504.

∗ Pháp bất tương ưng nhân *(hetuvippayutta)* thuộc vô ký liên quan pháp bất tương ưng nhân thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký *(abyākata)* liên quan pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký liên quan những pháp bất tương ưng nhân thuộc bất thiện và bất tương ưng nhân thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

505.

Pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký liên quan pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký sanh ra do Cảnh duyên.

506.

Nhân 3, Cảnh 1, Trưởng 1, Bất ly 3.

507.

Pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký liên quan pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký sanh ra do phi Nhân duyên.

508.

* Pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký liên quan pháp bất tương ưng nhân thuộc bất thiện sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký liên quan pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký *(abyākato hetuvippayutto dhammo)* liên quan những pháp bất tương ưng nhân thuộc bất thiện và bất tương ưng nhân thuộc vô ký sanh ra do phi Cảnh duyên.

509.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

510.

Pháp bất tương ưng nhân thuộc bất thiện làm duyên cho pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

511.

* Pháp bất tương ưng nhân thuộc bất thiện làm duyên cho pháp bất tương ưng nhân thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên *(Ārammaṇapaccayo)*.
* Pháp bất tương ưng nhân thuộc bất thiện làm duyên cho pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký bằng Cảnh duyên.
* Pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký làm duyên cho pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký bằng Cảnh duyên.
* Pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký làm duyên cho pháp bất tương ưng nhân thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên.

512.

* Pháp bất tương ưng nhân thuộc bất thiện làm duyên cho pháp bất tương ưng nhân thuộc bất thiện bằng Vô gián duyên.
* Pháp bất tương ưng nhân thuộc bất thiện làm duyên cho pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký bằng Vô gián duyên.
* Pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký làm duyên cho pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký bằng Vô gián duyên.
* Pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký làm duyên cho pháp bất tương ưng nhân thuộc bất thiện bằng Vô gián duyên.

513.

Nhân 1, Cảnh 4, Vô gián 4, Liên tiếp 4, Đồng sanh 3, Hỗ tương 1, Y chỉ 4, Cận y 4, Bất ly 4.

514.

Phi Nhân 5, phi Cảnh 5.

515.

Nhân duyên có phi Cảnh 1.

516.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề tương ưng nhân

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN

(Kusalattika hetusahetukadukaṃ)

517.

- Pháp nhân hữu nhân thuộc thiện *(kusalo hetu ceva sahetuko ca dhammo)* liên quan pháp nhân hữu nhân thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân hữu nhân thuộc bất thiện liên quan pháp nhân hữu nhân thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân hữu nhân thuộc vô ký liên quan pháp nhân hữu nhân thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

518.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

519.

Phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3, phi Hậu sanh 3, phi Cố hưởng 3, phi Quả 3, phi Bất tương ưng 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

520.

- Pháp nhân hữu nhân thuộc thiện làm duyên cho pháp nhân hữu nhân thuộc thiện bằng Nhân duyên.
- Pháp nhân hữu nhân thuộc bất thiện làm duyên cho pháp nhân hữu nhân thuộc bất thiện bằng Nhân duyên.
- Pháp nhân hữu nhân thuộc vô ký làm duyên cho pháp nhân hữu nhân thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

521.

- Pháp nhân hữu nhân thuộc thiện làm duyên cho pháp nhân hữu nhân thuộc thiện bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân hữu nhân thuộc thiện làm duyên cho pháp nhân hữu nhân thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân hữu nhân thuộc thiện làm duyên cho pháp nhân hữu nhân thuộc vô ký bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân hữu nhân thuộc bất thiện *(akusalo hetu ceva sahetuko ca dhammo)* làm duyên cho pháp nhân hữu nhân thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
- Pháp nhân hữu nhân thuộc vô ký làm duyên cho pháp nhân hữu nhân thuộc vô ký bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

522.

Pháp nhân hữu nhân thuộc thiện làm duyên cho pháp nhân hữu nhân thuộc thiện bằng Trưởng duyên: Có 3 câu.

523.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 7, Vô gián 5, Liên tiếp 5, Đồng sanh 3, Cận y 9, Bất ly 3.

524.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

525.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

526.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

527.

* Pháp hữu nhân phi nhân thuộc thiện *(kusalo samhetuko ceva na ca hetu dhammo)* liên quan pháp hữu nhân phi nhân thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu nhân phi nhân thuộc bất thiện liên quan pháp hữu nhân phi nhân thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu nhân phi nhân thuộc vô ký liên quan pháp hữu nhân phi nhân thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

528.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

529.

Phi Trưởng 3, phi Tiền sanh 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

530.

* Pháp hữu nhân phi nhân thuộc thiện làm duyên cho pháp hữu nhân phi nhân thuộc thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp hữu nhân phi nhân thuộc bất thiện làm duyên cho pháp hữu nhân phi nhân thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp hữu nhân phi nhân thuộc vô ký *(abyakato sahetuko ceva na ca hetu dhammo)* làm duyên cho pháp hữu nhân phi nhân thuộc vô ký bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

531.

Cảnh 9, Trưởng 7, Vô gián 5, Đồng sanh 3, Cận y 9, Bất ly 3.

532.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

533.

Cảnh duyên có phi Nhân 9.

534.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề nhân hữu nhân

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN
(Kusalattika hetuhetusampayuttadukaṃ)

535.

- Pháp nhân tương ưng nhân thuộc thiện *(kusalo hetu ceva hetusampayutto ca dhammo)* liên quan pháp nhân tương ưng nhân thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân tương ưng nhân thuộc bất thiện liên quan pháp nhân tương ưng nhân thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân tương ưng nhân thuộc vô ký liên quan pháp nhân tương ưng nhân thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

536.

Nhân 3, Bất ly 3.

537.

Phi Trưởng 3.

538.

Nhân duyên có phi Trưởng 3.

539.

Phi Trưởng duyên có Nhân 3.

Phần đồng sanh hay phần tương ưng như phần liên quan.

540.

- Pháp nhân tương ưng nhân thuộc thiện *(kusalo hetuceva hetusampayutto ca dhammo)* làm duyên cho pháp nhân tương ưng nhân thuộc thiện bằng Nhân duyên.
- Pháp nhân tương ưng nhân *(hetuceva hetusampayutto ca)* thuộc bất thiện làm duyên cho pháp nhân tương ưng nhân thuộc bất thiện bằng Nhân duyên.
- Pháp nhân tương ưng nhân thuộc vô ký làm duyên cho pháp nhân tương ưng nhân thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

541.

Pháp nhân tương ưng nhân thuộc thiện làm duyên cho pháp nhân tương ưng nhân thuộc thiện bằng Cảnh duyên.

542.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 7, Vô gián 5, Cận y 9, Bất ly 3.

543.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

544.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

545.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

546.

- Pháp tương ưng nhân phi nhân thuộc thiện *(kusalo hetu sampayutto ca na ca hetu dhammo)* liên quan pháp tương ưng nhân phi nhân thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp tương ưng nhân phi nhân thuộc bất thiện liên quan pháp tương ưng nhân phi nhân thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp tương ưng nhân phi nhân thuộc vô ký liên quan pháp tương ưng nhân phi nhân thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

547.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

548.

Phi Trưởng 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

549.

* Pháp tương ưng nhân phi nhân thuộc thiện làm duyên cho pháp tương ưng nhân phi nhân thuộc thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp tương ưng nhân phi nhân thuộc bất thiện làm duyên cho pháp tương ưng nhân phi nhân thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp tương ưng nhân phi nhân thuộc vô ký làm duyên cho pháp tương ưng nhân phi nhân thuộc vô ký *(abyākato hetu sampayutto ceva ca na ca dhammo)* bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

550.

Cảnh 9, Trưởng 7, Vô gián 5, Đồng sanh 3, Cận y 9, Bất ly 3.

551.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

552.

Cảnh duyên có phi Nhân 9.

553.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề nhân tương ưng nhân

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN

(Kusalattika na hetu sahetukadukaṃ)

554.

* Pháp phi nhân hữu nhân thuộc thiện *(kusalo na hetu sahetuko dhammo)* liên quan pháp phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân hữu nhân thuộc bất thiện liên quan pháp phi nhân hữu nhân thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân hữu nhân thuộc vô ký liên quan pháp phi nhân hữu nhân thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

555.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

556.

Phi Trưởng 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

557.

* Pháp phi nhân hữu nhân thuộc thiện làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân thuộc thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân hữu nhân thuộc bất thiện làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân hữu nhân thuộc vô ký *(abyākato na hetu sahetuko dhammo)* làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân thuộc vô ký bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

558.

Cảnh 9, Trưởng 7, Vô gián 7, Cận y 9, Bất ly 3.

559.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

560.

Cảnh duyên có phi Nhân 9.

561.

Phi Nhân duyên có Cảnh 9.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

562.

Pháp phi nhân hữu nhân thuộc vô ký *(na hetu sahetuka)* liên quan pháp phi nhân hữu nhân thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

563.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

564.

Phi Nhân 1, phi Ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

565.

Pháp phi nhân vô nhân *(na hetu ahetuko)* thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân thuộc vô ký bằng Cảnh duyên.

566.

Cảnh 1, Trưởng 1, Bất ly 1.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề phi nhân hữu nhân

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN

(Kusalattika sappaccayadukaṃ)

567.

- Pháp hữu duyên *(sappaccaya)* thuộc thiện liên quan pháp hữu duyên thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hữu duyên thuộc vô ký liên quan pháp hữu duyên thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp hữu duyên *(sappaccaya)* thuộc thiện và hữu duyên thuộc vô ký liên quan pháp hữu duyên thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hữu duyên thuộc bất thiện liên quan pháp hữu duyên thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp hữu duyên thuộc vô ký liên quan pháp hữu duyên thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hữu duyên thuộc vô ký liên quan những pháp hữu duyên thuộc thiện và hữu duyên thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hữu duyên thuộc vô ký liên quan những pháp hữu duyên thuộc bất thiện và hữu duyên thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

568.

* Pháp hữu duyên thuộc thiện liên quan pháp hữu duyên thuộc thiện sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp hữu duyên thuộc bất thiện liên quan pháp hữu duyên thuộc bất thiện sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp hữu duyên thuộc vô ký liên quan pháp hữu duyên thuộc vô ký sanh ra do Cảnh duyên.

569.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Bất ly 9.

570.

* Pháp hữu duyên thuộc bất thiện liên quan pháp hữu duyên thuộc bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên.
* Pháp hữu duyên thuộc vô ký liên quan pháp hữu duyên thuộc vô ký sanh ra do phi Nhân duyên.

571.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 5, phi Trưởng 9, phi Ly 5.

572.

Nhân duyên có phi Cảnh 5.

573.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

574.

* Pháp hữu duyên thuộc thiện làm duyên cho pháp hữu duyên thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp hữu duyên thuộc bất thiện làm duyên cho pháp hữu duyên thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp hữu duyên thuộc vô ký *(abyākata sappaccayo dhammo)* làm duyên cho pháp hữu duyên thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

575.

* Pháp hữu duyên thuộc thiện làm duyên cho pháp hữu duyên thuộc thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp hữu duyên thuộc bất thiện làm duyên cho pháp hữu duyên thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp hữu duyên thuộc vô ký làm duyên cho pháp hữu duyên thuộc vô ký bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

576.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 7, Liên tiếp 7, Đồng sanh 9, Cận y 9, Bất ly 13.

577.

Phi Nhân 15, phi Cảnh 15.

578.

Nhân duyên có phi Cảnh 7.

579.

Phi Nhân duyên có Cảnh 2.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề hữu duyên

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ HỮU VI
(Kusalattika saṅkhatadukaṃ)

580.

Pháp hữu vi *(sankhata)* thành thiện liên quan pháp hữu vi thành thiện sanh ra do Nhân duyên.

Cũng như nhị đề hữu duyên *(sappaccayadukasadisam).*

Dứt tam đề thiện - nhị đề hữu vi

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN
(Kusalattika sanidassanadukaṃ)

581.

* Pháp vô kiến *(anidassana)* thuộc thiện liên quan pháp vô kiến thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô kiến thuộc bất thiện liên quan pháp vô kiến thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô kiến *(anidassana)* thuộc vô ký liên quan pháp vô kiến thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô kiến thuộc vô ký liên quan những pháp vô kiến thuộc thiện và vô kiến thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô kiến thuộc vô ký liên quan những pháp vô kiến thuộc bất thiện và vô kiến thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

582.

* Pháp vô kiến thuộc thiện liên quan pháp vô kiến thuộc thiện sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp vô kiến thuộc bất thiện liên quan pháp vô kiến thuộc bất thiện sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp vô kiến thuộc vô ký liên quan pháp vô kiến thuộc vô ký sanh ra do Cảnh duyên.

583.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

584.

* Pháp vô kiến thuộc bất thiện liên quan pháp vô kiến thuộc bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên.
* Pháp vô kiến thuộc vô ký liên quan pháp vô kiến thuộc vô ký sanh ra do phi Nhân duyên.

585.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 5, phi Trưởng 9, phi Ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

586.

* Pháp vô kiến *(anidassana)* thuộc thiện làm duyên cho pháp vô kiến thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô kiến thuộc bất thiện làm duyên cho pháp vô kiến thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô kiến thuộc vô ký làm duyên cho pháp vô kiến thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

587.

* Pháp vô kiến thuộc thiện làm duyên cho pháp vô kiến thuộc thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô kiến thuộc bất thiện làm duyên cho pháp vô kiến thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô kiến thuộc vô ký làm duyên cho pháp vô kiến thuộc vô ký bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

588.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 7, Cận y 9, Bất ly 17.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề hữu kiến

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU

(Kusalattika sappaṭighadukaṃ)

589.

Pháp hữu đối chiếu *(sappaṭigha)* thuộc vô ký liên quan pháp hữu đối chiếu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

590.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

591.

* Pháp vô đối chiếu *(appaṭigha)* thuộc thiện liên quan pháp vô đối chiếu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô đối chiếu thuộc bất thiện liên quan pháp vô đối chiếu thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô đối chiếu thuộc vô ký liên quan pháp vô đối chiếu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô đối chiếu thuộc vô ký liên quan những pháp vô đối chiếu thuộc thiện và vô đối chiếu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô đối chiếu thuộc vô ký liên quan những pháp vô đối chiếu thuộc bất thiện và vô đối chiếu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

592.

* Pháp vô đối chiếu *(appaṭigha)* thuộc thiện liên quan pháp vô đối chiếu thuộc thiện sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp vô đối chiếu thuộc bất thiện liên quan pháp vô đối chiếu thuộc bất thiện sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp vô đối chiếu thuộc vô ký liên quan pháp vô đối chiếu thuộc vô ký sanh ra do Cảnh duyên.

593.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Bất ly 9.

594.

* Pháp vô đối chiếu *(appaṭigha)* thuộc bất thiện liên quan pháp vô đối chiếu thuộc bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên.
* Pháp vô đối chiếu thuộc vô ký liên quan pháp vô đối chiếu thuộc vô ký sanh ra do phi Nhân duyên.

595.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 5, phi Trưởng 9, phi Ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

596.

* Pháp vô đối chiếu thuộc thiện làm duyên cho pháp vô đối chiếu thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô đối chiếu thuộc bất thiện làm duyên cho pháp vô đối chiếu thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô đối chiếu thuộc vô ký làm duyên cho pháp vô đối chiếu thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

597.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 10, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề hữu đối chiếu

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ SẮC

(Kusalattika rūpidukaṃ)

598.

Pháp sắc *(rūpī)* thuộc vô ký liên quan pháp sắc thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

599.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

600.

* Pháp phi sắc *(arūpī)* thuộc thiện liên quan pháp phi sắc thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi sắc thuộc bất thiện liên quan pháp phi sắc thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi sắc *(arūpī)* thuộc vô ký liên quan pháp phi sắc thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

601.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

602.

Phi Nhân 2, phi Trưởng 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

603.

* Pháp phi sắc thuộc thiện làm duyên cho pháp phi sắc thuộc thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp phi sắc thuộc bất thiện làm duyên cho pháp phi sắc thuộc bất thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp phi sắc thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi sắc thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

604.

* Pháp phi sắc thuộc thiện làm duyên cho pháp phi sắc thuộc thiện bằng Cảnh duyên; có 3 câu.
* Pháp phi sắc thuộc bất thiện làm duyên cho pháp phi sắc thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

* Pháp phi sắc thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi sắc thuộc vô ký bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

605.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 7, Bất ly 3.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề sắc

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ

(Kusalattika lokiyadukaṃ)

606.

* Pháp hiệp thế *(lokiya dhamma)* thuộc thiện liên quan pháp hiệp thế thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hiệp thế thuộc vô ký liên quan pháp hiệp thế thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hiệp thế thuộc thiện và pháp hiệp thế thuộc vô ký liên quan pháp hiệp thế thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hiệp thế *(lokiya)* thuộc bất thiện liên quan pháp hiệp thế thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp hiệp thế thuộc vô ký liên quan pháp hiệp thế thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hiệp thế thuộc vô ký liên quan pháp hiệp thế thuộc thiện và hiệp thế thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hiệp thế thuộc vô ký liên quan những pháp hiệp thế thuộc bất thiện và hiệp thế thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

607.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 3.

608.

* Pháp hiệp thế thuộc bất thiện liên quan pháp hiệp thế thuộc bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên.
* Pháp hiệp thế thuộc vô ký liên quan pháp hiệp thế thuộc vô ký sanh ra do phi Nhân duyên.

609.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 5, phi Trưởng 9, phi Ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

610.

* Pháp hiệp thế thành thiện làm duyên cho pháp hiệp thế thành thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp hiệp thế thành bất thiện làm duyên cho pháp hiệp thế thành bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp hiệp thế thành vô ký làm duyên cho pháp hiệp thế thành vô ký bằng Nhân duyên.

611.

* Pháp hiệp thế thành thiện làm duyên cho pháp hiệp thế thành thiện bằng Cảnh duyên.

* Pháp hiệp thế thành bất thiện làm duyên cho pháp hiệp thế thành bất thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp hiệp thế thành vô ký làm duyên cho pháp hiệp thế thành vô ký bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

612.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

613.

* Pháp siêu thế *(lokuttara)* thuộc thiện liên quan pháp siêu thế thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp siêu thế thuộc vô ký liên quan pháp siêu thế thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

614.

Nhân 2, Cảnh 2, Trưởng 2, Bất ly 2.

615.

Phi Trưởng 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

616.

* Pháp siêu thế thuộc thiện làm duyên cho pháp siêu thế thuộc thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp siêu thế thuộc vô ký làm duyên cho pháp siêu thế thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

617.

* Pháp siêu thế thuộc vô ký làm duyên cho pháp siêu thế thuộc vô ký bằng Cảnh duyên.
* Pháp siêu thế thuộc vô ký làm duyên cho pháp siêu thế thuộc thiện bằng Cảnh duyên.

618.

* Pháp siêu thế thuộc thiện làm duyên cho pháp siêu thế thuộc thiện bằng Trưởng duyên.
* Pháp siêu thế thuộc vô ký làm duyên cho pháp siêu thế thuộc vô ký bằng Trưởng duyên.
* Pháp siêu thế thuộc vô ký làm duyên cho pháp siêu thế thuộc thiện bằng Trưởng duyên.

619.

* Pháp siêu thế thuộc thiện làm duyên cho pháp siêu thế thuộc vô ký bằng Vô gián duyên.
* Pháp siêu thế thuộc vô ký làm duyên cho pháp siêu thế thuộc vô ký bằng Vô gián duyên.

620.

Nhân 2, Cảnh 2, Trưởng 3, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 4, Bất ly 2.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề hiệp thế

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG

(Kusalattika kenaciviññeyyadukaṃ)

621.

* Pháp có tâm biết đặng *(kenaciviññeyya)* thuộc thiện liên quan pháp có tâm biết đặng thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp có tâm biết đặng thuộc vô ký liên quan pháp có tâm biết đặng thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp có tâm biết đặng thuộc thiện và có tâm biết đặng thuộc vô ký liên quan pháp có tâm biết đặng thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp có tâm biết đặng thuộc bất thiện liên quan pháp có tâm biết đặng thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp có tâm biết đặng thuộc vô ký liên quan pháp có tâm biết đặng thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp có tâm biết đặng thuộc vô ký liên quan những pháp có tâm biết đặng thuộc thiện và pháp có tâm biết đặng thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp có tâm biết đặng thuộc vô ký liên quan những pháp có tâm biết đặng thuộc bất thiện và pháp có tâm biết đặng thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

622.

* Pháp có tâm biết đặng thuộc thiện liên quan pháp có tâm biết đặng thuộc thiện sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp có tâm biết đặng thuộc bất thiện liên quan pháp có tâm biết đặng thuộc bất thiện sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp có tâm biết đặng thuộc vô ký liên quan pháp có tâm biết đặng thuộc vô ký sanh ra do Cảnh duyên.

623.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

624.

Pháp có tâm biết đặng thuộc bất thiện liên quan pháp có tâm biết đặng thuộc bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên *(na Hetupaccayo).*

625.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 5, phi Trưởng 9, phi Ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

626.

* Pháp có tâm biết đặng *(kenaciviññeyya)* thuộc thiện làm duyên cho pháp có tâm biết đặng thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp có tâm biết đặng thuộc bất thiện làm duyên cho pháp có tâm biết đặng thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp có tâm biết đặng thuộc vô ký làm duyên cho pháp có tâm biết đặng thuộc vô ký bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

627.

Pháp có tâm biết đặng thuộc thiện làm duyên cho pháp có tâm biết đặng thuộc thiện bằng Cảnh duyên.

628.

Nhân 7, Cảnh 9, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

629.

Pháp có tâm không biết đặng thuộc thiện liên quan *(paticca)* pháp có tâm không biết đặng *(kenaci na viññeyya)* thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

Như nhị đề có tâm biết đặng *(kenacivinneyyadukasadisam).*

Dứt tam đề thiện - nhị đề có tâm biết đặng

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ LẬU

(Kusalattika āsavadukaṃ)

630.

Pháp lậu thuộc bất thiện *(akusalo asāvo dhammo)* liên quan pháp lậu thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

631.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh, tương ưng hay phần vấn đề tất cả đều 1.

632.

- Pháp phi lậu thuộc thiện *(kusalo no asāvo)* liên quan pháp phi lậu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi lậu thuộc vô ký liên quan pháp phi lậu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi lậu thuộc thiện và phi lậu thuộc vô ký liên quan pháp phi lậu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi lậu *(no asāva)* thuộc bất thiện liên quan pháp phi lậu thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi lậu thuộc vô ký *(abyākata)* liên quan pháp phi lậu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi lậu thuộc vô ký liên quan những pháp phi lậu thuộc thiện và phi lậu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi lậu thuộc vô ký liên quan những pháp phi lậu thuộc bất thiện và phi lậu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

633.

- Pháp phi lậu *(no asāvo)* thuộc thiện liên quan pháp phi lậu thuộc thiện sanh ra do Cảnh duyên.
- Pháp phi lậu thuộc bất thiện liên quan pháp phi lậu thuộc bất thiện sanh ra do Cảnh duyên.
- Pháp phi lậu thuộc vô ký liên quan những pháp phi lậu thuộc vô ký sanh ra do Cảnh duyên.

634.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Bất ly 9.

635.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 5, phi Trưởng 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

636.

- Pháp phi lậu thuộc thiện làm duyên cho pháp phi lậu thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi lậu thuộc bất thiện làm duyên cho pháp phi lậu thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

* Pháp phi lậu thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi lậu thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

637.

Pháp phi lậu thuộc thiện làm duyên cho pháp phi lậu thuộc thiện bằng Cảnh duyên.

638.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 10, Bất ly 13.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề lậu

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU

(Kusalattika sāsavadukaṃ)

639.

* Pháp cảnh lậu *(sāsava)* thuộc thiện liên quan pháp cảnh lậu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp cảnh lậu thuộc bất thiện liên quan pháp cảnh lậu thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp cảnh lậu thuộc vô ký liên quan pháp cảnh lậu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp cảnh lậu thuộc vô ký liên quan những pháp cảnh lậu thuộc thiện và cảnh lậu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp cảnh lậu thuộc vô ký liên quan những pháp cảnh lậu thuộc bất thiện và cảnh lậu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

640.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

641.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 5, phi Trưởng 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

642.

* Pháp cảnh lậu thuộc thiện làm duyên cho pháp cảnh lậu thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp cảnh lậu thuộc bất thiện làm duyên cho pháp cảnh lậu thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp cảnh lậu thuộc vô ký làm duyên cho pháp cảnh lậu thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

643.

Nhân 7, Cảnh 9, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

644.

* Pháp phi cảnh lậu *(anāsava)* thuộc thiện liên quan pháp phi cảnh lậu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi cảnh lậu thuộc vô ký liên quan pháp phi cảnh lậu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

645.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

646.

* Pháp phi cảnh lậu *(anasava)* thuộc thiện làm duyên cho pháp phi cảnh lậu thuộc thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp phi cảnh lậu thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi cảnh lậu thuộc vô ký *(abyākata)* bằng Nhân duyên.

647.

* Pháp phi cảnh lậu thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi cảnh lậu thuộc vô ký bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi cảnh lậu thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi cảnh lậu thuộc thiện bằng Cảnh duyên.

648.

* Pháp phi cảnh lậu thuộc thiện làm duyên cho pháp phi cảnh lậu thuộc thiện bằng Trưởng duyên.
* Pháp phi cảnh lậu thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi cảnh lậu thuộc vô ký bằng Trưởng duyên.
* Pháp phi cảnh lậu thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi cảnh lậu thuộc bất thiện bằng Trưởng duyên.

649.

* Pháp phi cảnh lậu thuộc thiện làm duyên cho pháp phi cảnh lậu thuộc vô ký bằng Vô gián duyên.
* Pháp phi cảnh lậu thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi cảnh lậu thuộc vô ký bằng Vô gián duyên.

650.

Nhân 2, Cảnh 2, Trưởng 3, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 4, Bất ly 2.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề cảnh lậu

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU

(Kusalattika āsavasampayuttadukaṃ)

651.

Pháp tương ưng lậu *(āsavasampayutta)* thuộc bất thiện liên quan pháp tương ưng lậu thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

652.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh *(sahajātavāra)*, phần tương ưng *(sampayuttavāra)* hay phần vấn đề *(pañhāvāra)* tất cả đều 1.

653.

* Pháp bất tương ưng lậu *(āsavavippayutta)* thuộc thiện liên quan pháp bất tương ưng lậu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp bất tương ưng lậu thuộc vô ký *(abyākata)* liên quan pháp bất tương ưng lậu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp bất tương ưng lậu thuộc thiện và bất tương ưng lậu thuộc vô ký liên quan pháp bất tương ưng lậu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu thuộc vô ký liên quan pháp bất tương ưng lậu thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu thuộc vô ký liên quan pháp bất tương ưng lậu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu thuộc vô ký liên quan những pháp bất tương ưng lậu thuộc thiện và bất tương ưng lậu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu thuộc vô ký liên quan những pháp bất tương ưng lậu thuộc bất thiện và bất tương ưng lậu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

654.

Nhân 7, Cảnh 2, Trưởng 7, Bất ly 7.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

655.

* Pháp bất tương ưng lậu thuộc thiện làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp bất tương ưng lậu thuộc bất thiện làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu thuộc vô ký bằng Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu thuộc vô ký làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

656.

Nhân 5, Cảnh 9, Trưởng 5, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề tương ưng lậu

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU

(Kusalattika āsavasāvadukaṃ)

657.

Pháp lậu cảnh lậu *(āsavo ceva sāvavoca)* thuộc bất thiện liên quan pháp lậu cảnh lậu thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

658.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Phần đồng sanh, phần tương ưng hay phần vấn đề tất cả đều 1.

659.

* Pháp cảnh lậu phi lậu *(sā savoceva no ca asāvo)* thuộc thiện liên quan pháp cảnh lậu phi lậu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp cảnh lậu phi lậu thuộc bất thiện liên quan pháp cảnh lậu phi lậu thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp cảnh lậu phi lậu thuộc vô ký liên quan pháp cảnh lậu phi lậu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp cảnh lậu phi lậu thuộc vô ký liên quan những pháp cảnh lậu phi lậu thuộc thiện và cảnh lậu phi lậu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp cảnh lậu phi lậu thuộc vô ký liên quan những pháp cảnh lậu phi lậu thuộc bất thiện và cảnh lậu phi lậu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

660.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Bất ly 9.

Phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

661.

∗ Pháp cảnh lậu phi lậu thuộc thiện làm duyên cho pháp cảnh lậu phi lậu thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp cảnh lậu phi lậu thuộc bất thiện làm duyên cho pháp cảnh lậu phi lậu thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp cảnh lậu phi lậu thuộc vô ký làm duyên cho pháp cảnh lậu phi lậu thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

662.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 13.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề lậu cảnh lậu

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU

(Kusalattika āsava āsavasampayuttadukaṃ)

663.

Pháp lậu tương ưng lậu *(āsavo ceva āsava sampayutto ca)* thuộc bất thiện liên quan pháp lậu tương ưng lậu thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

664.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh, tương ưng hay phần vấn đề tất cả đều 1 *(sabbattha ekaṃ)*.

665.

Pháp tương ưng lậu phi lậu *(āsavasampayutto ceva no ca āsavo)* thuộc bất thiện liên quan pháp tương ưng lậu phi lậu thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

666.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh, tương ưng hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt tam đề thiện - nhị đề lậu tương ưng lậu

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU

(Kusalattika āsavavippayuttasāsavadukaṃ)

667.

∗ Pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu *(āsava vippayutto sāsavo)* thuộc thiện liên quan pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc vô ký liên quan pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc vô ký liên quan pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu *(āsavavippayutto sāsavo ca)* thuộc vô ký liên quan pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc thiện và bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc vô ký liên quan những pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc bất thiện và bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

668.

Nhân 7, Cảnh 2, Bất ly 9.

Phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

669.

* Pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu *(āsavavippayutta sāsava)* thuộc thiện làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc bất thiện làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc vô ký bằng Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc vô ký làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

670.

Nhân 5, Cảnh 9, Trưởng 4, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

671.

* Pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu *(āsavavippayutta asāsava)* thuộc thiện liên quan pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc vô ký liên quan pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

672.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paṭiccavārasadicā)*.

673.

* Pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu *(āsavavippayutta āsasava)* thuộc thiện làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc vô ký làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

674.

* Pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc vô ký làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc vô ký bằng Cảnh duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc vô ký làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc thiện bằng Cảnh duyên.

675.

* Pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc thiện làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc thiện bằng Trưởng duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc vô ký làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc vô ký bằng Trưởng duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc vô ký làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc thiện bằng Trưởng duyên.

676.

∗ Pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc thiện làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc vô ký bằng Vô gián duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc vô ký làm duyên cho pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc vô ký bằng Vô gián duyên.

677.

Nhân 2, Cảnh 2, Trưởng 3, Vô gián 2, Liên tiếp 2, Đồng sanh 2, Hỗ tương 2, Y chỉ 2, Cận y 4, Bất ly 2.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ CHÙM SÁU

(Kusalattika chagocchakadukaṃ)

678.

∗ … Liên quan pháp triền *(saññojana)* thuộc bất thiện,... phược *(gantha)* bất thiện,... bộc *(ogha)*,... phối *(yoga)*,... cái *(nivarana)*...

∗ Pháp phi khinh thị *(no parāmāsa)* thuộc thiện liên quan pháp phi khinh thị thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

Như nhị đề chùm lậu *(āsavagocchakasadisaṃ)*.

∗ Tà kiến *(diṭṭhi)* không sanh do liên quan tà kiến.

Dứt tam đề thiện - nhị đề chùm sáu (chagocchaka)

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH

(Kusalattika sārammaṇadukaṃ)

679.

∗ Pháp hữu cảnh *(sārammaṇa)* thuộc thiện liên quan pháp hữu cảnh thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp hữu cảnh thuộc bất thiện liên quan pháp hữu cảnh thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp hữu cảnh thuộc vô ký liên quan pháp hữu cảnh thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

680.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

681.

∗ Pháp hữu cảnh thuộc thiện làm duyên cho pháp hữu cảnh thuộc thiện bằng Nhân duyên.

∗ Pháp hữu cảnh thuộc bất thiện làm duyên cho pháp hữu cảnh thuộc bất thiện bằng Nhân duyên.

∗ Pháp hữu cảnh thuộc vô ký làm duyên cho pháp hữu cảnh thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

682.

Pháp hữu cảnh thuộc thiện làm duyên cho pháp hữu cảnh thuộc thiện bằng Cảnh duyên.

683.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 7, Bất ly 3.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

684.

Pháp vô cảnh *(anārammaṇa)* thuộc vô ký liên quan pháp vô cảnh thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

685.

Nhân 1, Bất ly 1.

686.

Phi Nhân 1.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

687.

Pháp vô cảnh thuộc vô ký làm duyên cho pháp vô cảnh thuộc vô ký bằng Đồng sanh duyên,... bằng Hỗ tương duyên, bằng Y chỉ duyên, bằng Thực duyên, bằng Quyền duyên, bằng Hiện hữu duyên, bằng Bất ly duyên, tất cả đều 1 *(sabbattha ekaṃ).*

Dứt tam đề thiện - nhị đề hữu cảnh

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ TÂM

(Kusalattika cittadukaṃ)

688.

Pháp tâm *(citta dhamma)* thuộc thiện làm duyên cho pháp tâm thuộc thiện bằng Cảnh duyên.

689.

Cảnh 9, Trưởng 7, Bất ly 7.

690.

Phi Nhân 9, phi Cảnh 9.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

691.

- Pháp phi tâm *(no citta)* thuộc thiện liên quan pháp phi tâm thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi tâm thuộc bất thiện liên quan pháp phi tâm thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi tâm thuộc vô ký liên quan pháp phi tâm thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tâm *(no citta)* thuộc vô ký liên quan những pháp phi tâm thuộc thiện và phi tâm thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tâm thuộc vô ký liên quan những pháp phi tâm thuộc bất thiện và phi tâm thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

692.

Pháp phi tâm thuộc thiện liên quan pháp phi tâm thuộc thiện sanh ra do Cảnh duyên.

693.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

694.

Pháp phi tâm thuộc thiện làm duyên cho pháp phi tâm thuộc thiện bằng Nhân duyên.

695.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 10, Bất ly 13.

Dứt tam đề thiện - nhị đề tâm

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ SỞ HỮU TÂM

(Kusalattika cetasikadukaṃ)

696.

* Pháp sở hữu tâm *(cetasika)* thuộc thiện liên quan pháp sở hữu tâm thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp sở hữu tâm thuộc bất thiện liên quan pháp sở hữu tâm thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp sở hữu tâm thuộc vô ký liên quan pháp sở hữu tâm thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

697.

Nhân 3, Cảnh 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

698.

* Pháp sở hữu tâm thuộc thiện làm duyên cho pháp sở hữu tâm thuộc thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp sở hữu tâm thuộc bất thiện làm duyên cho pháp sở hữu tâm *(cetasika)* thuộc bất thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp sở hữu tâm thuộc vô ký làm duyên cho pháp sở hữu tâm thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

699.

* Pháp sở hữu tâm thuộc thiện làm duyên cho pháp sở hữu tâm thuộc thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp sở hữu tâm thuộc bất thiện làm duyên cho pháp sở hữu tâm thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp sở hữu tâm thuộc vô ký làm duyên cho pháp sở hữu tâm thuộc vô ký bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

700.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 7, Bất ly 3.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên phân rộng như thế ấy.

701.

Pháp phi sở hữu tâm thuộc vô ký liên quan pháp phi sở hữu tâm *(acetasika)* thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

702.

Nhân 5, Cảnh 1, Bất ly 5.

703.

Phi Nhân 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng như thế.

Dứt tam đề thiện - nhị đề sở hữu tâm

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM
(Kusalattika cettasampayuttādiaṭṭhadukaṃ)

704.

- … Liên quan pháp tương ưng tâm *(cittasampayutta)* thuộc thiện.
- … Liên quan pháp hòa hợp tâm *(cittasamsattha)* thuộc thiện;
- ... Có tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhāna)* thuộc thiện;
- ... Đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhu)* thuộc thiện;... tùng tâm thông lưu *(cittānuparivatti)* thuộc thiện;
- ... Hòa và y tâm làm sở sanh *(cittasamsaṭṭhasamutthāna)* thuộc thiện;
- ... Hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh *(cittasamsaṭṭhasamuṭṭhānasahabhu)* thuộc thiện.
- Pháp hòa tùng tâm thông lưu có tâm làm sở sanh *(cittasamsaṭṭhāsamuṭṭhānauparivatti)* thuộc thiện liên quan pháp hòa tùng tâm thông lưu có tâm làm sở sanh thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

705.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng như thế.

Dứt tam đề thiện - nhị đề tương ưng tâm

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ NỘI BỘ
(Kusalattika ajjhattikadukaṃ)

706.

Pháp nội bộ *(ajjhattikaṃ)* thuộc vô ký liên quan pháp nội bộ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

707.

Nhân 1, Đồng sanh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

708.

- Pháp nội bộ thuộc thiện làm duyên cho pháp nội bộ thuộc thiện bằng Cảnh duyên.
- Pháp nội bộ thuộc thiện làm duyên cho pháp nội bộ thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên.
- Pháp nội bộ thuộc thiện làm duyên cho pháp nội bộ thuộc vô ký bằng Cảnh duyên.
- Pháp nội bộ thuộc bất thiện làm duyên cho pháp nội bộ thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
- Pháp nội bộ thuộc vô ký làm duyên cho pháp nội bộ thuộc vô ký bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

709.

Cảnh 9, Tiền sanh 3, Bất ly 5.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

710.

Pháp ngoại viện *(bāhira)* thuộc thiện liên quan pháp ngoại viện thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

711.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng nên sắp rộng như phần liên quan.

712.

Pháp ngoại viện thuộc thiện làm duyên cho pháp ngoại viện thuộc thiện bằng Nhân duyên.

713.

Nhân 7, Cảnh 9, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên phân rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề nội phần (nội bộ)

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ Y SINH

(Kusalattika upādādukaṃ)

714.

Pháp y sinh *(upādā)* thuộc vô ký làm duyên cho pháp y sinh thuộc vô ký bằng Thực duyên,... bằng Quyền duyên, bằng Hiện hữu duyên, bằng Bất ly duyên.

715.

* Pháp phi y sinh *(no upādā)* thuộc thiện liên quan pháp phi y sinh thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi y sinh thuộc bất thiện liên quan pháp phi y sinh thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi y sinh thuộc vô ký liên quan pháp phi y sinh thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

716.

Nhân 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

717.

* Pháp phi y sinh thuộc thiện làm duyên cho pháp phi y sinh thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi y sinh thuộc bất thiện làm duyên cho pháp phi y sinh thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi y sinh *(no upādā)* thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi y sinh thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

718.

* Pháp phi y sinh thuộc thiện làm duyên cho pháp phi y sinh thuộc thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi y sinh thuộc bất thiện làm duyên cho pháp phi y sinh thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi y sinh thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi y sinh thuộc vô ký bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

719.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 10, Bất ly 11.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề y sinh

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ THÀNH DO THỦ
(Kusalattika upādinnadukaṃ)

720.

Pháp thành do thủ *(upādinna)* thuộc vô ký liên quan pháp thành do thủ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

721.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

722.

- Pháp phi thành do thủ *(anupādinna)* thuộc thiện liên quan pháp phi thành do thủ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi thành do thủ thuộc bất thiện liên quan pháp phi thành do thủ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi thành do thủ thuộc vô ký liên quan pháp phi thành do thủ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

723.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

724.

- Pháp phi thành do thủ thuộc thiện làm duyên cho pháp phi thành do thủ thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi thành do thủ *(anupādinna)* thuộc bất thiện làm duyên cho pháp phi thành do thủ thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi thành do thủ thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi thành do thủ thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

725.

- Pháp phi thành do thủ thuộc thiện làm duyên cho pháp phi thành do thủ thuộc thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi thành do thủ thuộc bất thiện làm duyên cho pháp phi thành do thủ thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi thành do thủ thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi thành do thủ thuộc vô ký bằng Cảnh duyên.
- Pháp phi thành do thủ thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi thành do thủ thuộc thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

726.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 6, Đồng sanh 9, Y chỉ 9, Cận y 9, Bất ly 11.

Dứt tam đề thiện - nhị đề thành do thủ

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ CHÙM THỦ
(Kusalattika upādānagocchakadukaṃ)

727.

Pháp thủ *(upādāna)* thuộc bất thiện liên quan pháp thủ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

728.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Phần chùm thủ *(upādānagocchaka)* nên sắp rộng.

Dứt tam đề thiện - nhị đề chùm thủ

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO

(Kusalattika kilesadukaṃ)

729.

Pháp phiền não *(kilesa)* thuộc bất thiện liên quan pháp phiền não thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

730.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

731.

- Pháp phi phiền não *(no kileso)* thuộc thiện liên quan pháp phi phiền não thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi phiền não thuộc bất thiện liên quan pháp phi phiền não thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi phiền não thuộc vô ký liên quan pháp phi phiền não thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

732.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề cũng như phần liên quan.

733.

- Pháp phi phiền não thuộc thiện làm duyên cho pháp phi phiền não thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi phiền não thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi phiền não thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

734.

Nhân 4, Cảnh 9, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề phiền não

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ CẢNH PHIỀN NÃO

(Kusalattika saṅkilesikadukaṃ)

735.

- Pháp cảnh phiền não *(saṅkilesiko)* thuộc thiện liên quan pháp cảnh phiền não thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp cảnh phiền não thuộc bất thiện liên quan pháp cảnh phiền não thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp cảnh phiền não thuộc vô ký liên quan pháp cảnh phiền não thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

736.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng nên sắp rộng.

737.

∗ Pháp cảnh phiền não *(saṅkilesiko)* thuộc thiện làm duyên cho pháp cảnh phiền não thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp cảnh phiền não thuộc bất thiện làm duyên cho pháp cảnh phiền não thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp cảnh phiền não thuộc vô ký làm duyên cho pháp cảnh phiền não thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

738.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

739.

∗ Pháp phi cảnh phiền não *(asaṅkilesika)* thuộc thiện liên quan pháp phi cảnh phiền não thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi cảnh phiền não thuộc vô ký liên quan pháp phi cảnh phiền não thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

740.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

741.

∗ Pháp phi cảnh phiền não thuộc thiện làm duyên cho pháp phi cảnh phiền não thuộc thiện bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phi cảnh phiền não thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi cảnh phiền não thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

742.

∗ Pháp phi cảnh phiền não thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi cảnh phiền não thuộc vô ký bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi cảnh phiền não thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi cảnh phiền não thuộc thiện bằng Cảnh duyên.

743.

Nhân 2, Cảnh 2, Trưởng 3, Vô gián 2, Cận y 4, Bất ly 2.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề cảnh phiền não

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ PHIỀN TOÁI

(Kusalattika saṅkiliṭṭhadukaṃ)

744.

Pháp phiền toái *(saṅkiliṭṭha)* thuộc bất thiện liên quan pháp phiền toái thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

745.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

746.

∗ Pháp phi phiền toái *(asaṅkiliṭṭha)* thuộc thiện liên quan pháp phi phiền toái thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi phiền toái thuộc vô ký liên quan pháp phi phiền toái thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi phiền toái thuộc thiện và pháp phi phiền toái thuộc vô ký liên quan pháp phi phiền toái thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi phiền toái thuộc vô ký liên quan pháp phi phiền toái thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.

747.

∗ Pháp phi phiền toái thuộc thiện liên quan pháp phi phiền toái thuộc thiện sanh ra do Cảnh duyên.

∗ Pháp phi phiền toái thuộc vô ký liên quan pháp phi phiền toái thuộc vô ký sanh ra do Cảnh duyên.

748.

Nhân 5, Cảnh 2, Trưởng 5, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

749.

∗ Pháp phi phiền toái thuộc thiện làm duyên cho pháp phi phiền toái thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi phiền toái thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi phiền toái thuộc vô ký bằng Nhân duyên

750.

∗ Pháp phi phiền toái *(asaṅkiliṭṭha)* thuộc thiện làm duyên cho pháp phi phiền toái thuộc thiện bằng Cảnh duyên: Có 2 câu.

∗ Pháp phi phiền toái thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi phiền toái thuộc vô ký bằng Cảnh duyên: Có 2 câu.

751.

Nhân 4, Cảnh 4, Trưởng 5, Vô gián 4, Cận y 4, Bất ly 7.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề phiền toái

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO

(Kusalattika kilesasampayuttadukaṃ)

752.

Pháp tương ưng phiền não *(kilesasampayutta)* thuộc bất thiện liên quan pháp tương ưng phiền não thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

Như nhị đề phiền toái *(saṅkiliṭṭhaduka)*.

Dứt tam đề thiện - nhị đề tương ưng *phiền não*

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO CẢNH PHIỀN NÃO

(Kusalattika kilesa saṅkilesikadukaṃ)

753.

Pháp phiền não cảnh phiền não *(kileso ceva saṅkilesiko ca)* thuộc bất thiện liên quan pháp phiền não cảnh phiền não thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

754.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

755.

- Pháp cảnh phiền não phi phiền não *(saṅkilesiko ceva no ca kileso)* thuộc thiện liên quan pháp cảnh phiền não phi phiền não thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp cảnh phiền não phi phiền não *(saṅkilesiko ceva no ca kileso)* thuộc bất thiện liên quan pháp cảnh phiền não phi phiền não thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp cảnh phiền não phi phiền não thuộc vô ký liên quan pháp cảnh phiền não phi phiền não thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp cảnh phiền não phi phiền não thuộc vô ký liên quan những pháp cảnh phiền não phi phiền não thuộc thiện và cảnh phiền não phi phiền não thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp cảnh phiền não phi phiền não thuộc vô ký liên quan những pháp cảnh phiền não phi phiền não thuộc bất thiện và cảnh phiền não phi phiền não thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

756.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paṭiccavārasadisā).*

757.

- Pháp cảnh phiền não phi phiền não thuộc thiện làm duyên cho pháp cảnh phiền não phi phiền não thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp cảnh phiền não phi phiền não thuộc vô ký làm duyên cho pháp cảnh phiền não phi phiền não thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

758.

Nhân 4, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề phiền não cảnh phiền não

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO VÀ PHIỀN TOÁI

(Kusalattika kilesasaṅkiliṭṭhadukaṃ)

759.

Pháp phiền não phiền toái *(kilesoceva saṅkiliṭṭho ca)* thuộc bất thiện liên quan pháp phiền não phiền toái thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

760.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

761.

Pháp phiền toái phi phiền não *(saṅkiliṭṭho ceva no ca kileso)* thuộc bất thiện liên quan pháp phiền toái phi phiền não thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

762.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt tam đề thiện - nhị đề phiền não và phiền toái

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ PHIỀN NÃO TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO

(Kusalattika kilesa kilesasampayuttadukaṃ)

763.

Pháp phiền não tương ưng phiền não thuộc bất thiện liên quan pháp phiền não tương ưng phiền não *(kileso ceva kilesasampayutto ca)* thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

764.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

765.

Pháp tương ưng phiền não phi phiền não *(kilesasampayutto ceva no ca kileso)* thuộc bất thiện liên quan pháp tương ưng phiền não phi phiền não thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

766.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt tam đề thiện - nhị đề phiền não tương ưng phiền não

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO CẢNH PHIỀN NÃO

(Kusalattika kilesa vippayutta saṅkilesikadukaṃ)

767.

- Pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não *(kilesa vippayutto sankilesiko)* thuộc thiện liên quan pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não *(kilesa vippayutta saṅkilesika)* thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não thuộc vô ký liên quan pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não thuộc thiện và bất tương ưng phiền não cảnh phiền não thuộc vô ký liên quan pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não thuộc vô ký liên quan pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não thuộc vô ký liên quan những pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não thuộc thiện và bất tương ưng phiền não cảnh phiền não thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

768.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paṭiccavārasadisā)*.

769.

* Pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não thuộc thiện làm duyên cho pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não thuộc vô ký làm duyên cho pháp bất tương ưng phiền não cảnh phiền não thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

770.

Nhân 4, Cảnh 4, Trưởng 4, Bất ly 7.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

771.

* Pháp bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não thuộc thiện liên quan pháp bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não thuộc vô ký liên quan pháp bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

772.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

773.

* Pháp bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não *(kilesavippayutta asaṅkilesika)* thuộc thiện làm duyên cho pháp bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não thuộc thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não thuộc vô ký làm duyên cho pháp bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

774.

Nhân 2, Cảnh 2, Trưởng 3, Vô gián 2, Cận y 4, Bất ly 2.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề bất tương ưng phiền não cảnh phiền não

---

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ SƠ ĐẠO (KIẾN) TUYỆT TRỪ

(Kusalattika dassanena pahātabbadukaṃ)

775.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabba)* thuộc bất thiện liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

776.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

777.

* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabba)* thuộc thiện liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc bất thiện liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc vô ký liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc vô ký liên quan những pháp phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc thiện và phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabba)* thuộc vô ký liên quan những phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc bất thiện và pháp phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

778.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

779.

* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc thiện làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc bất thiện làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

780.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 10, Vô gián 7, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề sơ đạo tuyệt trừ

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ
(Kusalattika bhāvanāya pahātabbadukaṃ)

781.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāya pahātabba)* thuộc bất thiện liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

782.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

783.

Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabba)* thuộc thiện liên quan pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

784.

Nhân 9, Cảnh 3.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

Dứt tam đề thiện - nhị đề ba đạo cao tuyệt trừ

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
(Kusalattika dassanena pahātabbahetukadukaṃ)

785.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabbahetuka)* thuộc bất thiện liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

786.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

787.

Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabbahetuka)* thuộc thiện liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

788.

Nhân 9.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

Dứt tam đề thiện - nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ

(Kusalattika bhāvanāya pahātabbahetukadukaṃ)

789.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāya pahātabbahetuka)* thuộc bất thiện liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

790.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

791.

Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabbahetuka)* thuộc thiện liên quan pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabbahetuka)* thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

792.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

Dứt tam đề thiện - nhị đề hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ HỮU TẦM

(Kusalattika savitakkadukaṃ)

793.

- Pháp hữu tầm *(savitakka)* thuộc thiện liên quan pháp hữu tầm thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hữu tầm thuộc bất thiện liên quan pháp hữu tầm thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hữu tầm thuộc vô ký liên quan pháp hữu tầm thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

794.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

795.

- Pháp hữu tầm thuộc thiện làm duyên cho pháp hữu tầm thuộc thiện bằng Nhân duyên.
- Pháp hữu tầm thuộc bất thiện làm duyên cho pháp hữu tầm thuộc bất thiện bằng Nhân duyên.

∗ Pháp hữu tầm thuộc vô ký làm duyên cho pháp hữu tầm thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

796.

∗ Pháp hữu tầm thuộc thiện làm duyên cho pháp hữu tầm thuộc thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp hữu tầm thuộc bất thiện làm duyên cho pháp hữu tầm thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp hữu tầm thuộc vô ký làm duyên cho pháp hữu tầm thuộc vô ký bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

797.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 7, Bất ly 3.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

798.

Pháp vô tầm thuộc thiện liên quan pháp vô tầm *(avitakka)* thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

799.

Nhân 7, Cảnh 2, Bất ly 7.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

800.

∗ Pháp vô tầm thuộc thiện làm duyên cho pháp vô tầm thuộc thiện bằng Nhân duyên.

∗ Pháp vô tầm *(avitakka)* thuộc vô ký làm duyên cho pháp vô tầm thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

801.

Nhân 4, Cảnh 9, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề hữu tầm

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ HỮU TỨ

(Kusalattika savicāradukaṃ)

802.

Pháp hữu tứ *(savicāra)* thuộc thiện liên quan pháp hữu tứ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

Như thiện hữu tầm *(kusalasavitakkasadisam).*

Dứt tam đề thiện - nhị đề hữu tứ

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ HỮU HỶ

(Kusalattika sappītikadukaṃ)

803.

∗ Pháp hữu hỷ *(sappītika)* thuộc thiện liên quan pháp hữu hỷ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp hữu hỷ *(sappītika)* thuộc bất thiện liên quan pháp hữu hỷ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp hữu hỷ thuộc vô ký liên quan pháp hữu hỷ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

804.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

805.

* Pháp hữu hỷ *(sappītika)* thuộc thiện làm duyên cho pháp hữu hỷ thuộc thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp hữu hỷ thuộc bất thiện làm duyên cho pháp hữu hỷ thuộc bất thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp hữu hỷ thuộc vô ký làm duyên cho pháp hữu hỷ thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

806.

Nhân 3, Cảnh 9, Bất ly 3.

807.

* Pháp vô hỷ *(appītika)* thuộc thiện liên quan pháp vô hỷ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô hỷ thuộc bất thiện liên quan pháp vô hỷ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô hỷ thuộc vô ký liên quan pháp vô hỷ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô hỷ thuộc vô ký liên quan những pháp vô hỷ thuộc thiện và pháp vô hỷ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô hỷ thuộc vô ký liên quan những pháp vô hỷ thuộc bất thiện và pháp vô hỷ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

808.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

809.

Pháp vô hỷ thuộc thiện làm duyên cho pháp vô hỷ thuộc thiện bằng Nhân duyên.

810.

Nhân 7, Cảnh 9, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề hữu hỷ

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH HỶ

(Kusalattika pītisahagatāditidukaṃ)

811.

* Pháp đồng sanh hỷ *(pitisahagata)* thuộc thiện liên quan pháp đồng sanh hỷ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* … Liên quan pháp phi đồng sanh hỷ *(na pitisahagata)* thuộc thiện.
* … Liên quan pháp đồng sanh lạc *(sukhasahagata)* thuộc thiện.
* … Liên quan pháp phi đồng sanh lạc *(na sukhasahagata)* thuộc thiện.
* … Liên quan pháp đồng sanh xả *(upekkhasahagata)* thuộc thiện.
* … Liên quan pháp phi đồng sanh xả *(na upekkhasahagata)* thuộc thiện.

Dứt tam đề thiện - nhị đề đồng sanh hỷ

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ DỤC GIỚI
(Kusalattika kāmāvacaradukaṃ)

812.

- Pháp Dục giới *(kāmāvacara)* thuộc thiện liên quan pháp Dục giới thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp Dục giới thuộc vô ký liên quan pháp Dục giới thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp Dục giới thuộc thiện và Dục giới thuộc vô ký liên quan pháp Dục giới thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp Dục giới thuộc bất thiện liên quan pháp Dục giới *(kāmāvacara)* thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp Dục giới thuộc vô ký liên quan pháp Dục giới *(kāmāvacara)* thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp Dục giới thuộc vô ký liên quan pháp Dục giới thuộc thiện và Dục giới thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp Dục giới thuộc vô ký liên quan những pháp Dục giới thuộc bất thiện và Dục giới thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

813.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paṭiccavārasadisā)*.

814.

- Pháp Dục giới thuộc thiện làm duyên cho pháp Dục giới thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp Dục giới thuộc bất thiện làm duyên cho pháp Dục giới thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp Dục giới thuộc vô ký làm duyên cho pháp Dục giới thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

815.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

816.

- Pháp phi Dục giới thuộc thiện liên quan pháp phi Dục giới thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi Dục giới thuộc vô ký *(abyākata)* liên quan pháp phi Dục giới thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

817.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

818.

- Pháp phi Dục giới thuộc thiện làm duyên cho pháp phi Dục giới *(na kāmāvacara)* thuộc thiện bằng Nhân duyên.
- Pháp phi Dục giới thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi Dục giới *(na kāmāvacara)* thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

819.

* Pháp phi Dục giới thuộc thiện làm duyên cho pháp phi Dục giới thuộc thiện bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi Dục giới thuộc thiện làm duyên cho pháp phi Dục giới thuộc vô ký bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi Dục giới thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi Dục giới thuộc vô ký bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi Dục giới thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi Dục giới thuộc thiện bằng Cảnh duyên.

820.

Nhân 2, Cảnh 4, Trưởng 3, Bất ly 2.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề Dục giới

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ SẮC GIỚI

(Kusalattika rūpāvacaradukaṃ)

821.

* Pháp sắc giới *(rūpāvacara)* thuộc thiện liên quan pháp Sắc giới thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp sắc giới thuộc vô ký liên quan pháp Sắc giới thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

822.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng như thế ấy.

823.

* Pháp phi Sắc giới *(na rūpāvacara)* thuộc thiện liên quan pháp phi Sắc giới thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi Sắc giới thuộc bất thiện liên quan pháp phi Sắc giới thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi Sắc giới thuộc vô ký liên quan pháp phi Sắc giới thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi Sắc giới *(na rūpāvacara)* thuộc vô ký liên quan những pháp phi Sắc giới thuộc thiện và phi Sắc giới thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi Sắc giới thuộc vô ký liên quan những pháp phi Sắc giới thuộc bất thiện và phi Sắc giới thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

824.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề cũng như phần liên quan.

825.

* Pháp phi Sắc giới thuộc thiện làm duyên cho pháp phi Sắc giới thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi Sắc giới thuộc bất thiện làm duyên cho pháp phi Sắc giới thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi Sắc giới thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi Sắc giới thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

826.

Nhân 7, Cảnh 9, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề Sắc giới

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ VÔ SẮC GIỚI

(Kusalattika arūpāvacaradukaṃ)

827.

- Pháp Vô sắc giới *(Arūpāvacara)* thuộc thiện liên quan pháp Vô sắc giới thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp Vô sắc giới thuộc vô ký liên quan pháp Vô sắc giới thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

828.

Pháp phi Vô sắc giới *(na arūpāvacara)* thuộc thiện liên quan pháp phi Vô sắc giới thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

Như nhị đề Sắc giới *(rūpāvacarasadisaṃ).*

Dứt tam đề thiện - nhị đề Vô sắc giới

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ LIÊN QUAN LUÂN HỒI

(Kusalattika pariyāpannadukaṃ)

829.

- Pháp liên quan luân hồi *(pariyapanna)* thuộc thiện liên quan pháp liên quan luân hồi thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp liên quan luân hồi thuộc bất thiện liên quan pháp liên quan luân hồi thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp liên quan luân hồi thuộc vô ký liên quan pháp liên quan luân hồi thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp liên quan luân hồi thuộc vô ký liên quan những pháp liên quan luân hồi thuộc thiện và liên quan luân hồi thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp liên quan luân hồi thuộc vô ký liên quan những pháp liên quan luân hồi thuộc bất thiện và liên quan luân hồi thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

830.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paṭiccavārasadisā).*

831.

- Pháp liên quan luân hồi thuộc thiện làm duyên cho pháp liên quan luân hồi thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp liên quan luân hồi thuộc bất thiện làm duyên cho pháp liên quan luân hồi thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp liên quan luân hồi thuộc vô ký làm duyên cho pháp liên quan luân hồi thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

832.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

833.

* Pháp bất liên quan luân hồi *(apariyāpanna)* thuộc thiện liên quan pháp bất liên quan luân hồi thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất liên quan luân hồi *(apariyāpanna)* thuộc vô ký liên quan pháp bất liên quan luân hồi thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

834.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

835.

* Pháp bất liên quan luân hồi thuộc thiện làm duyên cho pháp bất liên quan luân hồi thuộc thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp bất liên quan luân hồi thuộc vô ký làm duyên cho pháp bất liên quan luân hồi thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

836.

* Pháp bất liên quan luân hồi thuộc vô ký làm duyên cho pháp bất liên quan luân hồi thuộc vô ký bằng Cảnh duyên.
* Pháp bất liên quan luân hồi thuộc vô ký làm duyên cho pháp bất liên quan luân hồi thuộc thiện bằng Cảnh duyên.

837.

Nhân 2, Cảnh 2, Trưởng 3, Vô gián 2, Cận y 4, Bất ly 2.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề liên quan luân hồi

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ NHÂN XUẤT LUÂN HỒI

(Kusalattika niyyanikadukaṃ)

838.

Pháp nhân xuất luân hồi *(niyyānika)* thuộc thiện liên quan pháp nhân xuất luân hồi thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

839.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

840.

* Pháp phi nhân xuất luân hồi *(aniyyānika)* thuộc thiện liên quan pháp phi nhân xuất luân hồi thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân xuất luân hồi *(aniyyānika)* thuộc bất thiện liên quan pháp phi nhân xuất luân hồi thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân xuất luân hồi thuộc vô ký liên quan pháp phi nhân xuất luân hồi thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

841.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

Dứt tam đề thiện - nhị đề nhân xuất luân hồi

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ NHỨT ĐỊNH
(Kusalattika niyatadukaṃ)

842.

∗ Pháp nhứt định *(niyata)* thuộc thiện liên quan pháp nhứt định thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp nhứt định thuộc bất thiện liên quan pháp nhứt định thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

843.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

844.

Pháp bất định *(aniyata)* thuộc thiện liên quan pháp bất định thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên. Có 3 câu

845.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

Dứt tam đề thiện - nhị đề nhất định

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ HỮU THƯỢNG
(Kusalattika sa uttaradukaṃ)

846.

∗ Pháp hữu thượng *(sa uttara)* thuộc thiện liên quan pháp hữu thượng *(sa uttara)* thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp hữu thượng thuộc bất thiện liên quan pháp hữu thượng thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp hữu thượng thuộc vô ký liên quan pháp hữu thượng thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

847.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

848.

∗ Pháp hữu thượng thuộc thiện làm duyên cho pháp hữu thượng thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp hữu thượng thuộc bất thiện làm duyên cho pháp hữu thượng thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp hữu thượng thuộc vô ký làm duyên cho pháp hữu thượng thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

849.

Nhân 7, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 13.

850.

∗ Pháp vô thượng *(anuttara)* thuộc thiện liên quan pháp vô thượng thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô thượng thuộc vô ký liên quan pháp vô thượng thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

851.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

852.

∗ Pháp vô thượng thuộc thiện làm duyên cho pháp vô thượng thuộc thiện bằng Nhân duyên.

∗ Pháp vô thượng thuộc vô ký làm duyên cho pháp vô thượng thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

853.

∗ Pháp vô thượng thuộc vô ký làm duyên cho pháp vô thượng thuộc vô ký bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp vô thượng thuộc vô ký làm duyên cho pháp vô thượng thuộc thiện bằng Cảnh duyên.

854.

Nhân 2, Cảnh 2, Trưởng 3, Vô gián 2, Bất ly 2.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề hữu thượng

TAM ĐỀ THIỆN – NHỊ ĐỀ HỮU Y

(Kusalattika saraṇadukaṃ)

855.

Pháp hữu y *(saraṇa)* thuộc bất thiện liên quan pháp hữu y thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

856.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

857.

∗ Pháp vô y thuộc thiện liên quan pháp vô y *(araṇa)* thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô y *(araṇa)* thuộc vô ký liên quan pháp vô y thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô y thuộc vô ký liên quan những pháp vô y thuộc thiện và vô y thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

858.

∗ Pháp vô y thuộc thiện liên quan pháp vô y thuộc thiện sanh ra do Cảnh duyên.

∗ Pháp vô y thuộc vô ký liên quan pháp vô y thuộc vô ký sanh ra do Cảnh duyên.

859.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

860.

∗ Pháp vô y thuộc thiện làm duyên cho pháp vô y thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô y thuộc vô ký làm duyên cho pháp vô y thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

861.

Nhân 4, Cảnh 4, Bất ly 7.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ THỌ – NHỊ ĐỀ HỮU Y

(Vedanāttika saraṇadukaṃ)

862.

∗ Pháp hữu y tương ưng lạc thọ *(sukhāya vedanāya sampayutto saraṇa dhammo)* liên quan pháp hữu y tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp hữu y thuộc tương ưng khổ thọ *(dukhāya vedanāya sampayutto saraṇa dhammo)* liên quan pháp hữu y tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp hữu y tương ưng phi khổ phi lạc thọ *(adukhama sukhāya vedanāya sampayutto saraṇo)* liên quan pháp hữu y tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

863.

Nhân 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paṭiccasadisaṃ).*

864.

∗ Pháp hữu y *(saraṇa)* tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp hữu y tương ưng lạc thọ bằng Nhân duyên.

∗ Pháp hữu y tương ưng khổ thọ làm duyên cho pháp hữu y tương ưng khổ thọ bằng Nhân duyên.

∗ Pháp hữu y tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp hữu y tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Nhân duyên.

865.

Nhân 3, Cảnh 9, Bất ly 3.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

866.

∗ Pháp vô y *(araṇa)* tương ưng lạc thọ liên quan pháp vô y tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô y *(araṇa)* tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp vô y tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

867.

Nhân 2, Cảnh 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

868.

∗ Pháp vô y tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp vô y tương ưng lạc thọ bằng Nhân duyên.

∗ Pháp vô y tương ưng phi khổ phi lạc thọ làm duyên cho pháp vô y tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Nhân duyên.

869.

Nhân 2, Cảnh 6, Bất ly 3.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thọ - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ QUẢ – NHỊ ĐỀ HỮU Y

(Vipākattika saraṇadukaṃ)

870.

Pháp hữu y *(saraṇa)* thuộc dị thục nhân *(vipākadhammadhamma)* liên quan pháp hữu y thuộc dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.

871.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

872.

- Pháp vô y *(araṇa)* thuộc dị thục quả liên quan pháp vô y thuộc dị thục quả *(vipāka)* sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô y thuộc dị thục nhân *(vipāka dhammadhamma)* liên quan pháp vô y thuộc dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô y thuộc phi quả phi nhân *(nevavipāka navipāka dhammadhamma)* liên quan pháp vô y phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô y *(araṇa)* thuộc dị thục quả *(vipāka)* liên quan những pháp vô y thuộc dị thục quả và pháp vô y thuộc phi quả phi nhân *(nevavipāka navipāka dhammadhamma)* sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô y thuộc phi quả phi nhân liên quan những pháp vô y thuộc dị thục nhân và pháp vô y thuộc phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

873.

Nhân 13, Cảnh 5, Bất ly 13.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

874.

- Pháp vô y thuộc dị thục quả *(vipāko araṇo)* làm duyên cho pháp vô y thuộc dị thục quả bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô y thuộc dị thục nhân *(vipākadhammadhamma)* làm duyên cho pháp vô y thuộc dị thục nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô y thuộc phi quả phi nhân *(nevavipāka na vipāka dhammadhamma)* làm duyên cho pháp vô y thuộc phi quả phi nhân bằng Nhân duyên.

875.

Nhân 7, Cảnh 9, Bất ly 3.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề quả - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ– - NHỊ ĐỀ HỮU Y

(upādinnattika saraṇadukaṃ)

876.

Pháp hữu y phi thành do thủ cảnh thủ *(anupadinnupādāniyo saraṇo)* liên quan pháp hữu y phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

877.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

878.

∗ Pháp vô y thành do thủ cảnh thủ *(upādinnupādāniyo araṇo dhammo)* liên quan pháp vô y thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô y phi thành do thủ cảnh thủ *(anupādinnupādāniyo araṇo)* liên quan pháp vô y phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô y phi thành do thủ phi cảnh thủ *(anupādinna anupādāniyo araṇo)* liên quan pháp vô y phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

879.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

880.

∗ Pháp vô y thành do thủ cảnh thủ *(upādinnupādāniyo araṇo dhammo)* làm duyên cho pháp vô y thành do thủ cảnh thủ bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô y phi thành do thủ cảnh thủ *(anupādinnupādāniyo araṇo)* làm duyên cho pháp vô y phi thành do thủ cảnh thủ bằng Nhân duyên.

∗ Pháp vô y phi thành do thủ phi cảnh thủ *(anupādinna anupādāniyo araṇo)* làm duyên cho pháp vô y phi thành do thủ phi cảnh thủ bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

881.

Nhân 7, Cảnh 6, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thành do thủ - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI – NHỊ ĐỀ HỮU Y

(Saṇkiliṭṭhattika saraṇadukaṃ)

882.

Pháp hữu y thuộc phiền toái cảnh phiền não *(saṅkiliṭṭhasaṅkilesiko saraṇo)* liên quan pháp hữu y thuộc phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

883.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

884.

∗ Pháp vô y phi phiền toái cảnh phiền não *(asaṅkiliṭṭha saṅkilesika araṇo)* liên quan pháp vô y phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô y phi phiền toái phi cảnh phiền não *(asaṅkiliṭṭha asaṅkilesiko araṇo)* liên quan pháp vô y phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô y phi phiền toái cảnh phiền não liên quan những pháp vô y phi phiền toái cảnh phiền não và pháp vô y phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

885.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paṭiccavārasadisā)*.

886.

* Pháp vô y phi phiền toái cảnh phiền não làm duyên cho pháp vô y phi phiền toái cảnh phiền não bằng Nhân duyên.
* Pháp vô y phi phiền toái phi cảnh phiền não làm duyên cho pháp vô y phi phiền toái phi cảnh phiền não bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

887.

Nhân 4, Cảnh 3, Bất ly 7.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề phiền toái - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ TẦM – NHỊ ĐỀ HỮU Y

(vinatthattika saraṇadukaṃ)

888.

* Pháp hữu y thuộc hữu tầm hữu tứ *(savitakka savicāra sarana dhamma)* liên quan pháp hữu y thuộc hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu y thuộc vô tầm hữu tứ *(avitakka savicāra)* liên quan pháp hữu y thuộc hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp hữu y thuộc hữu tầm hữu tứ và pháp hữu y thuộc vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu y thuộc hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu y *(saraṇa)* thuộc hữu tầm hữu tứ *(savitakka savicāra)* liên quan pháp hữu y thuộc vô tầm hữu tứ *(avitakka savicāara)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu y thuộc hữu tầm hữu tứ liên quan những pháp hữu y thuộc hữu tầm hữu tứ và pháp hữu y thuộc vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.

889.

Nhân 5, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

890.

* Pháp vô y *(araṇa)* thuộc hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô y thuộc hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 7 câu.
* Pháp vô y thuộc vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô y thuộc vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 5 câu.
* Pháp vô y thuộc vô tầm vô tứ liên quan pháp vô y thuộc vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên.

891.

Nhân 37, Bất ly 37.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề tầm - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ HỶ – NHỊ ĐỀ HỮU Y

(pītittika saraṇadukaṃ)

892.

* Pháp hữu y đồng sanh hỷ *(pitisahagata saraṇo dhammo)* liên quan pháp hữu y đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

* Pháp hữu y đồng sanh lạc *(sukhasahagata)* liên quan pháp hữu y đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp hữu y đồng sanh xả *(upekkhāsahagata)* liên quan pháp hữu y đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu y đồng sanh hỷ liên quan những pháp hữu y đồng sanh hỷ và pháp hữu y đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

893.

Nhân 10, Bất ly 10.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

894.

* Pháp hữu y *(saraṇa)* đồng sanh hỷ làm duyên cho pháp hữu y đồng sanh hỷ bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp hữu y đồng sanh lạc làm duyên cho pháp hữu y đồng sanh lạc bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp hữu y đồng sanh xả làm duyên cho pháp hữu y đồng sanh xả bằng Nhân duyên: Có 1 câu.
* Chư pháp hữu y đồng sanh hỷ và pháp hữu y đồng sanh lạc làm duyên cho pháp hữu y đồng sanh hỷ bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

895.

Nhân 10, Cảnh 16, Bất ly 10.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

896.

Pháp vô y *(araṇa)* đồng sanh hỷ *(pītisahagata)* liên quan pháp vô y đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên.

897.

Nhân 10, Bất ly 10.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề *(pañhāvāra)* thì số câu đề bằng như nhau.

Dứt tam đề hỷ - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ SƠ ĐẠO – NHỊ ĐỀ HỮU Y

(dassanattika saraṇadukaṃ)

898.

* Pháp hữu y *(saraṇa)* sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabba)* liên quan pháp hữu y sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu y thuộc ba đạo cao tuyệt trừ *(bhavanāya pahātabba)* liên quan pháp hữu y thuộc ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

899.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

900.

Pháp vô y thuộc phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(nevadassanena na bhāvanāya pahātabba)* liên quan pháp vô y thuộc phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

901.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt tam đề sơ đạo - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – NHỊ ĐỀ HỮU Y

(dassanena pahātabbahetukattika saraṇadukaṃ)

902.

∗ … Liên quan pháp hữu y thuộc hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabbahetukam saranaṃ).*

∗ … Liên quan pháp hữu y thuộc hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāya pahātabbahetukaṃ).*

∗ Pháp hữu y thuộc phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(nevadassanena na bhāvanāya pahātabbahetuka)* liên quan pháp hữu y thuộc phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

Dứt tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ – NHỊ ĐỀ HỮU Y

(ācayagāmittika saraṇadukaṃ)

903.

Pháp hữu y thành nhân sanh tử *(ācayagāmī saraṇo dhammo)* liên quan pháp hữu y thành nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên.

904.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

905.

∗ Pháp vô y *(araṇa)* thành nhân sanh tử *(ācayagāmī)* liên quan pháp vô y thành nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô y thành nhân đến Níp Bàn *(apacayagāmī)* liên quan pháp vô y thành nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô y thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(nevācayagāmināpacayagāmī)* liên quan pháp vô y thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô y thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan những pháp vô y thành nhân sanh tử và pháp vô y thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô y thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan những pháp vô y thành nhân đến Níp Bàn và pháp vô y thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.

906.

Nhân 9, Cảnh 3, Trưởng 9, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paṭiccavārasadisā).*

907.

∗ Pháp vô y thành nhân sanh tử làm duyên cho pháp vô y thành nhân sanh tử bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

* Pháp vô y thành nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp vô y thành nhân đến Níp Bàn bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô y thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn làm duyên cho pháp vô y thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn bằng Nhân duyên.

908.

Pháp vô y thành nhân sanh tử làm duyên cho pháp vô y thành nhân sanh tử bằng Cảnh duyên.

909.

Nhân 7, Cảnh 7, Trưởng 10, Vô gián 6, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề nhân sanh tử - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ HỮU HỌC – NHỊ ĐỀ HỮU Y

(Sekkhattika saraṇadukaṃ)

910.

Pháp hữu y *(saraṇa)* thành phi hữu học phi vô học *(nevasekkhānā sekkhā)* liên quan pháp hữu y thành phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên.

911.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

912.

* Pháp vô y thành hữu học liên quan pháp vô y thành hữu học sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô y thành phi hữu học phi vô học liên quan pháp vô y thành hữu học sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp vô y thành hữu học và pháp vô y thành phi hữu học phi vô học liên quan pháp vô y thành hữu học sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô y thành vô học liên quan pháp vô y thành vô học *(asekkhā)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô y thành phi hữu học phi vô học liên quan pháp vô y thành phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên.

913.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paṭiccavārasadisā)*.

914.

* Pháp vô y thành hữu học *(sekkha)* làm duyên cho pháp vô y thành hữu học bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô y thành vô học làm duyên cho pháp vô y thành vô học bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô y thành phi hữu học phi vô học làm duyên cho pháp vô y thành phi hữu học phi vô học bằng Nhân duyên.

915.

Nhân 7, Cảnh 5, Trưởng 9, Vô gián 8, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề hữu học - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ HI THIỂU– - NHỊ ĐỀ HỮU Y

(Parittattika saraṇadukaṃ)

916.

Pháp hữu y *(saraṇa)* thành hi thiểu *(paritta)* liên quan pháp hữu y thành hi thiểu sanh ra do Nhân duyên.

917.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

918.

- Pháp vô y thành hi thiểu liên quan pháp vô y thành hi thiểu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô y thành đáo đại *(mahaggata)* liên quan pháp vô y thành đáo đại sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô y thành vô lượng *(appamāṇa)* liên quan pháp vô y thành vô lượng sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô y thành hi thiểu liên quan những pháp vô y thành hi thiểu và vô y thành đáo đại sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô y thành hi thiểu liên quan những pháp vô y thành hi thiểu và vô y thành vô lượng sanh ra do Nhân duyên.

919.

Nhân 13, Cảnh 5, Bất ly 13.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

Dứt tam đề hy thiểu - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ CẢNH HI THIỂU– - NHỊ ĐỀ HỮU Y

(Parittārammaṇattika saraṇadukaṃ)

920.

- Pháp hữu y thành cảnh hi thiểu *(parittārammaṇa)* liên quan pháp hữu y thành cảnh hi thiểu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hữu y thành cảnh đáo đại *(mahaggatārammaṇa)* liên quan pháp hữu y thành cảnh đáo đại sanh ra do Nhân duyên.

921.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

922.

- Pháp vô y thành cảnh hi thiểu *(parittārammaṇo araṇo)* liên quan pháp vô y thành cảnh hi thiểu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô y thành cảnh đáo đại liên quan pháp vô y thành cảnh đáo đại sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô y thành cảnh vô lượng *(appamāṇārammaṇa)* liên quan pháp vô y thành cảnh vô lượng sanh ra do Nhân duyên.

923.

Nhân 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

Dứt tam đề cảnh hy thiểu - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ TY HẠ – NHỊ ĐỀ HỮU Y
(Hīnattika saraṇadukaṃ)

924.

Pháp hữu y thành ty hạ *(hīno saraṇo)* liên quan pháp hữu y thành ty hạ sanh ra do Nhân duyên.

925.

Nhân 1, Bất ly 1.

926.

- Pháp vô y *(araṇa)* thành trung bình *(majjhima)* liên quan pháp vô y thành trung bình sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô y thành tinh lương *(paṇīta)* liên quan pháp vô y thành tinh lương sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô y thành trung bình liên quan những pháp vô y thành trung bình và vô y thành tinh lương sanh ra do Nhân duyên.

927.

Nhân 5, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

Dứt tam đề ty hạ - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ TÀ – NHỊ ĐỀ HỮU Y
(Micchattattika saraṇadukaṃ)

928.

- Pháp hữu y *(saraṇa)* thành tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)* liên quan pháp hữu y thành tà cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hữu y thành bất định *(aniyata)* liên quan pháp hữu y thành bất định sanh ra do Nhân duyên.

929.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

930.

- Pháp vô y *(araṇa)* thành chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)* liên quan pháp vô y thành chánh cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô y thành bất định *(aniyata)* liên quan pháp vô y thành chánh cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp vô y thành chánh nhứt định và vô y thành bất định liên quan pháp vô y thành chánh nhứt định sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô y thành bất định liên quan pháp vô y thành bất định sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô y thành bất định liên quan những pháp vô y thành chánh nhứt định và pháp vô y thành bất định sanh ra do Nhân duyên.

931.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề tà - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ CÓ CẢNH LÀ ĐẠO – NHỊ ĐỀ HỮU Y

(Maggārammaṇattika saranadukaṃ)

932.

- Pháp vô y *(araṇa)* có cảnh là đạo *(maggārammaṇa)* liên quan pháp vô y có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô y có nhân là đạo *(maggahetuka)* liên quan pháp vô y có nhân là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô y có trưởng là đạo *(maggādhipati)* liên quan pháp vô y có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 5 câu.
- Pháp vô y có cảnh là đạo liên quan những pháp vô y có cảnh là đạo và vô y có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô y có nhân là đạo liên quan những pháp vô y có nhân là đạo và vô y có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

933.

Nhân 17, Bất ly 17.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

934.

- Pháp vô y có cảnh là đạo làm duyên cho pháp vô y có cảnh là đạo bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô y có nhân là đạo làm duyên cho pháp vô y có nhân là đạo bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô y có trưởng là đạo làm duyên cho pháp vô y có trưởng là đạo bằng Nhân duyên: Có 5 câu.

935.

Nhân 17, Cảnh 9, Bất ly 17.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề có cảnh là đạo - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ SANH TỒN – NHỊ ĐỀ HỮU Y

(Uppannattika saraṇadukaṃ)

936.

Pháp hữu y *(saraṇa)* sanh tồn *(uppanna)* làm duyên cho pháp hữu y sanh tồn bằng Nhân duyên.

937.

Nhân 1, Cảnh 2, Bất ly 1.

938.

Pháp vô y *(araṇa)* thành sanh tồn làm duyên cho pháp vô y thành sanh tồn bằng Nhân duyên.

939.

Nhân 1, Cảnh 3, Bất ly 1.

Dứt tam đề sanh tồn - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ QUÁ KHỨ – NHỊ ĐỀ HỮU Y
(Atītattika saraṇadukaṃ)

940.

Pháp hữu y thành hiện tại *(paccappanna)* làm duyên cho pháp hữu y thành hiện tại bằng Nhân duyên.

941.

Nhân 1, Cảnh 2, Bất ly 1.

942.

Pháp vô y *(araṇa)* thành hiện tại làm duyên cho pháp vô y thành hiện tại bằng Nhân duyên.

943.

Nhân 1, Cảnh 3, Bất ly 1.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề quá khứ - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ – NHỊ ĐỀ HỮU Y
(Atītārammaṇattika saranadukaṃ)

944.

- Pháp hữu y thành biết cảnh quá khứ *(atītārammaṇa)* liên quan pháp hữu y thành biết cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hữu y thành biết cảnh vị lai *(anāgatārammaṇa)* liên quan pháp hữu y thành biết cảnh vị lai sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hữu y *(saraṇa)* thành biết cảnh hiện tại *(paccuppannārammaṇa)* liên quan pháp hữu y thành biết cảnh hiện tại sanh ra do Nhân duyên.

945.

Nhân 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

946.

- Pháp vô y *(araṇa)* thành biết cảnh quá khứ liên quan pháp vô y thành biết cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô y thành biết cảnh vị lai liên quan pháp vô y thành biết cảnh vị lai sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô y thành biết cảnh hiện tại liên quan pháp vô y thành biết cảnh hiện tại sanh ra do Nhân duyên.

947.

Nhân 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

948.

- Pháp vô y thành biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp vô y thành biết cảnh quá khứ bằng Nhân duyên.
- Pháp vô y thành biết cảnh vị lai làm duyên cho pháp vô y thành biết cảnh vị lai bằng Nhân duyên.
- Pháp vô y thành biết cảnh hiện tại làm duyên cho pháp vô y thành biết cảnh hiện tại bằng Nhân duyên.

949.

Pháp vô y thành biết cảnh quá khứ làm duyên cho pháp vô y thành biết cảnh quá khứ bằng Cảnh duyên.

950.

Nhân 3, Cảnh 9, Bất ly 3.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề cảnh quá khứ - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ NỘI BỘ – NHỊ ĐỀ HỮU Y

(Ajjhattattika saraṇadukaṃ)

951.

∗ Pháp hữu y *(saraṇa)* thuộc nội bộ *(ajjhatta)* liên quan pháp hữu y thuộc nội bộ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp hữu y thuộc ngoại viện *(bahiddhā)* liên quan pháp hữu y thuộc ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

952.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

953.

∗ Pháp vô y *(araṇa)* thành nội bộ liên quan pháp vô y thành nội bộ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô y thành ngoại viện liên quan pháp vô y thành ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

954.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề nội bộ - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ BIẾT CẢNH NỘI BỘ – NHỊ ĐỀ HỮU Y

(Ajjhattarammaṇattika saraṇadukaṃ)

955.

∗ Pháp hữu y *(saraṇa)* thành biết cảnh nội bộ *(ajjhattārammaṇa)* liên quan pháp hữu y thành biết cảnh nội bộ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp hữu y thành biết cảnh ngoại viện *(bahiddhārammaṇa)* liên quan pháp hữu y thành biết cảnh ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

956.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

957.

∗ Pháp vô y *(araṇa)* thành biết cảnh nội bộ liên quan pháp vô y thành biết cảnh nội bộ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô y *(araṇa)* thành biết cảnh ngoại viện liên quan pháp vô y thành biết cảnh ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

958.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề biết cảnh nội bộ - nhị đề hữu y

TAM ĐỀ HỮU KIẾN – NHỊ ĐỀ HỮU Y

(Sanidassanattika saraṇadukaṃ)

959.

Pháp hữu y (saraṇa) thành vô kiến vô đối chiếu *(anidassana appaṭigha)* liên quan pháp hữu y thành vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

960.

Pháp vô y thành vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô y thành vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên: Có 7 câu.

961.

Nhân 21, Bất ly 21.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

962.

Pháp vô y thành vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp vô y thành vô kiến vô đối chiếu bằng Nhân duyên.

963.

Nhân 7, Cảnh 3, Bất ly 25.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề hữu kiến - nhị đề hữu y

Hết vị trí tam đề nhị đề thuận (anulomatikaduka Paṭṭhānam nitthitam)

VỊ TRÍ TAM ĐỀ – TAM ĐỀ THUẬN

(Anuloma tikattika paṭṭhānam)

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ THỌ

(Kusalattika vedanāttikaṃ)

1.

* Pháp tương ưng lạc thọ thuộc thiện *(kusalo sukhāya vedanāya sampayutto dhammo)* liên quan pháp tương ưng lạc thọ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng lạc thọ thuộc bất thiện liên quan pháp tương ưng lạc thọ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng lạc thọ thuộc vô ký liên quan pháp tương ưng lạc thọ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

2.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề như phần liên quan.

3.

* Pháp tương ưng lạc thọ thuộc thiện làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ thuộc thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp tương ưng lạc thọ thuộc bất thiện làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ thuộc bất thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp tương ưng lạc thọ thuộc vô ký làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

4.

Pháp tương ưng lạc thọ thuộc thiện làm duyên cho pháp tương ưng lạc thọ thuộc thiện bằng Cảnh duyên.

5.

Nhân 3, Cảnh 9.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

6.

Pháp tương ưng khổ thọ *(dukkhāya vedanāya sampayutto)* thuộc bất thiện liên quan pháp tương ưng khổ thọ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

7.

* Pháp tương ưng khổ thọ thuộc bất thiện liên quan pháp tương ưng khổ thọ thuộc bất thiện sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp tương ưng khổ thọ *(dukkhāya vedanāya sampayutto)* thuộc vô ký liên quan pháp tương ưng khổ thọ thuộc vô ký sanh ra do Cảnh duyên.

8.

Nhân 1, Cảnh 2, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

9.

Pháp tương ưng khổ thọ thuộc bất thiện làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ thuộc bất thiện bằng Nhân duyên.

10.

* Pháp tương ưng khổ thọ thuộc bất thiện làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp tương ưng khổ thọ thuộc vô ký làm duyên cho pháp tương ưng khổ thọ thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên.

11.

Nhân 1, Cảnh 2.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

12.

∗ Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc thiện *(kusalo adukkhama sukhāya vedanāya sampayutto)* liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc bất thiện liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc vô ký liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

13.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

14.

∗ Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc thiện làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc thiện bằng Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ *(adukkhama sukhāya vedanāya sampayutta)* thuộc bất thiện làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc bất thiện bằng Nhân duyên.

∗ Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc vô ký làm duyên cho pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

15.

Nhân 3, Cảnh 9, Trưởng 7, Vô gián 7, Cận y 9, Bất ly 3.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - tam đề thọ

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ QUẢ

(Kusalattika vipākattikaṃ)

16.

Pháp quả thuộc vô ký *(abyākato vipāko)* liên quan pháp quả thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

17.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

18.

∗ Pháp dị thục nhân thuộc thiện liên quan pháp dị thục nhân *(vipākadhammadhamma)* thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp dị thục nhân thuộc bất thiện liên quan pháp dị thục nhân thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

19.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

20.

* Pháp dị thục nhân thuộc thiện làm duyên cho pháp dị thục nhân thuộc thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp dị thục nhân thuộc bất thiện làm duyên cho pháp dị thục nhân thuộc bất thiện bằng Nhân duyên.

21.

* Pháp dị thục nhân *(vipākadhammadhamma)* thuộc thiện làm duyên cho pháp dị thục nhân thuộc thiện bằng Cảnh duyên.
* Pháp dị thục nhân thuộc thiện làm duyên cho pháp dị thục nhân thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên.
* Pháp dị thục nhân thuộc bất thiện làm duyên cho pháp dị thục nhân thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên.
* Pháp dị thục nhân thuộc bất thiện làm duyên cho pháp dị thục nhân thuộc thiện bằng Cảnh duyên.

22.

Nhân 2, Cảnh 4, Trưởng 3, Vô gián 2, Đồng sanh 2, Cận y 4, Bất ly 2.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

23.

Pháp phi quả phi nhân thuộc vô ký liên quan pháp phi quả phi nhân thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

24.

Nhân 1, Cảnh 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

Dứt tam đề thiện - tam đề quả

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ

(Kusalattika upādinnattikaṃ)

25.

Pháp thành do thủ cảnh thủ *(upādinnupādāniyo)* thuộc vô ký liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

26.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

27.

* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ *(anupādinnupādāniyo)* thuộc thiện liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc bất thiện liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc vô ký liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ *(anupādinnupādāniya)* thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

28.

Nhân 9, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

29.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc thiện làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc bất thiện làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

30.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc thiện làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc bất thiện làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc bất thiện bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc vô ký làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc vô ký bằng Cảnh duyên: Có 3 câu.

31.

Nhân 7, Cảnh 9, Bất ly 11.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

32.

∗ Pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ *(anupādinna anupādāniya)* thuộc thiện liên quan pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ thuộc vô ký liên quan pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

33.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

Dứt tam đề thiện - tam đề thành do thủ

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI

(Kusalattika saṅkiliṭṭhattikaṃ)

34.

Pháp phiền toái cảnh phiền não *(saṅkiliṭṭha saṅkilesika)* thuộc bất thiện liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

35.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

36.

∗ Pháp phi phiền toái cảnh phiền não *(asaṅkiliṭṭha saṅkilesika)* thuộc thiện liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi phiền toái cảnh phiền não thuộc vô ký liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

37.

Nhân 5, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

38.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não *(asaṅkiliṭṭha asaṅkilesika)* thuộc thiện liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

39.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề thiện - tam đề phiền toái

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ TẦM

(Kusalattika vitakkattikaṃ)

40.

- Pháp hữu tầm hữu tứ *(savitakkasavicāra)* thuộc thiện liên quan pháp hữu tầm hữu tứ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hữu tầm hữu tứ thuộc bất thiện liên quan pháp hữu tầm hữu tứ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hữu tầm hữu tứ thuộc vô ký liên quan pháp hữu tầm hữu tứ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

41.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

42.

- Pháp hữu tầm hữu tứ thuộc thiện làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ thuộc thiện bằng Nhân duyên.
- Pháp hữu tầm hữu tứ thuộc bất thiện làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ thuộc bất thiện bằng Nhân duyên.
- Pháp hữu tầm hữu tứ thuộc vô ký làm duyên cho pháp hữu tầm hữu tứ thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

43.

Nhân 3, Cảnh 9, Bất ly 3.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

44.

- Pháp vô tầm hữu tứ *(avitakka vicāramatta)* thuộc thiện liên quan pháp vô tầm hữu tứ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô tầm hữu tứ thuộc vô ký liên quan pháp vô tầm hữu tứ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

45.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh, phần tương ưng hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

46.

- Pháp vô tầm vô tứ *(avitakka avicara)* thuộc thiện liên quan pháp vô tầm vô tứ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô tầm vô tứ thuộc vô ký liên quan pháp vô tầm vô tứ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

47.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề thiện - tam đề tầm

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ HỶ

(Kusalattika pītittikaṃ)

48.

* Pháp đồng sanh hỷ thuộc thiện *(kusalo pītisahagato dhammo)* liên quan pháp đồng sanh hỷ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp đồng sanh hỷ thuộc bất thiện liên quan pháp đồng sanh hỷ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp đồng sanh hỷ thuộc vô ký liên quan pháp đồng sanh hỷ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

49.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

50.

* Pháp đồng sanh hỷ thuộc thiện làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ thuộc thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp đồng sanh hỷ thuộc bất thiện làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ thuộc bất thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp đồng sanh hỷ thuộc vô ký làm duyên cho pháp đồng sanh hỷ thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

51.

Nhân 5, Cảnh 9, Trưởng 7, Vô gián 5, Bất ly 3.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào nên sắp rộng như thế ấy.

52.

* Pháp đồng sanh lạc *(sukhasahagata)* thuộc thiện liên quan pháp đồng sanh lạc thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp đồng sanh lạc *(sukhasahagata)* thuộc bất thiện liên quan pháp đồng sanh lạc thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp đồng sanh lạc thuộc vô ký liên quan pháp đồng sanh lạc thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

53.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

54.

* Pháp đồng sanh xả *(upekkhāsahagata)* thuộc thiện liên quan pháp đồng sanh xả thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp đồng sanh xả thuộc bất thiện liên quan pháp đồng sanh xả thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp đồng sanh xả thuộc vô ký liên quan pháp đồng sanh xả thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

55.

Nhân 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề thiện - tam đề hỷ

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ SƠ ĐẠO

(Kusalattika dassanattikaṃ)

56.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabba)* thuộc bất thiện liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

57.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

58.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāya pahātabba)* thuộc bất thiện liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

59.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc thiện liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(neva dassanena na bhāvanāya pahātabba)* thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

60.

Nhân 5, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề thiện - tam đề sơ đạo

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

(Kusalattika dassanena pahātabba hetukattikaṃ)

61.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabbahetuka)* thuộc bất thiện liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

62.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāya pahātabba hetuka)* thuộc bất thiện liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

63.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(neva dassanena na bhāvanāya pahātabba hetuka)* thuộc thiện liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

64.

Nhân 7, Cảnh 2, Bất ly 7.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề thiện - tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ
(Kusalattika ācayagāmittikaṃ)

65.

∗ Pháp nhân sanh tử *(ācayagāmī)* thuộc thiện liên quan pháp nhân sanh tử thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp nhân sanh tử thuộc bất thiện liên quan pháp nhân sanh tử *(ācayagāmī)* thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

66.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

67.

Pháp nhân đến Níp Bàn thuộc thiện *(kusalo apacayagāmī dhammo)* liên quan pháp nhân đến Níp Bàn thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

Dù phần liên quan hay phần vấn đề tất cả đều 1.

68.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(nevacayagaminapacayagami)* thuộc vô ký liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

69.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

Dứt tam đề thiện - tam đề nhân sanh tử

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ HỮU HỌC
(Kusalattika sekkhattikaṃ)

70.

Pháp hữu học *(sekkha)* thuộc thiện liên quan pháp hữu học thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

71.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

72.

Pháp vô học *(asekkha)* thuộc vô ký liên quan pháp vô học thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

73.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

74.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học *(nevasekkhā nāsekkhā)* thuộc thiện liên quan pháp phi hữu học phi vô học thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học thuộc bất thiện liên quan pháp phi hữu học phi vô học thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học thuộc vô ký liên quan pháp phi hữu học phi vô học thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

75.

Nhân 9, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

76.

Pháp phi hữu học phi vô học thuộc thiện làm duyên cho pháp phi hữu học phi vô học thuộc thiện bằng Nhân duyên.

77.

Nhân 7, Cảnh 9, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - tam đề hữu học

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ HY THIỂU

(Kusalattika parittattikaṃ)

78.

- Pháp hy thiểu *(paritta)* thuộc thiện liên quan pháp hy thiểu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hy thiểu thuộc vô ký *(abyākata)* liên quan pháp hy thiểu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp hy thiểu thuộc thiện và hy thiểu thuộc vô ký liên quan pháp hy thiểu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hy thiểu thuộc bất thiện liên quan pháp hy thiểu thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hy thiểu *(paritta dhamma)* thuộc vô ký liên quan pháp hy thiểu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hy thiểu thuộc vô ký liên quan những pháp hy thiểu thuộc thiện và pháp hy thiểu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hy thiểu thuộc vô ký liên quan những pháp hy thiểu thuộc bất thiện và pháp hy thiểu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

79.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

80.

- Pháp hy thiểu thuộc thiện làm duyên cho pháp hy thiểu thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp hy thiểu thuộc bất thiện làm duyên cho pháp hy thiểu thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp hy thiểu thuộc vô ký làm duyên cho pháp hy thiểu thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

81.

- Pháp hy thiểu thuộc thiện làm duyên cho pháp hy thiểu thuộc thiện bằng Cảnh duyên.

82.

Nhân 7, Cảnh 9, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

83.

∗ Pháp đáo đại thuộc thiện liên quan pháp đáo đại *(mahaggata)* thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp đáo đại thuộc vô ký liên quan pháp đáo đại thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

84.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

85.

∗ Pháp vô lượng*(appamāṇa)* thuộc thiện liên quan pháp vô lượng thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp vô lượng *(appamāṇa)* thuộc vô ký liên quan pháp vô lượng thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

86.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề thiện - tam đề hy thiểu

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU

(Kusalattika parittārammaṇattikaṃ)

87.

∗ Pháp biết cảnh hy thiểu *(parittārammaṇa)* thuộc thiện liên quan pháp biết cảnh hy thiểu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp biết cảnh hy thiểu thuộc bất thiện liên quan pháp biết cảnh hy thiểu thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp biết cảnh hy thiểu thuộc vô ký liên quan pháp biết cảnh hy thiểu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

88.

Nhân 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

89.

∗ Pháp biết cảnh đáo đại *(mahaggatarammana)* thuộc thiện liên quan pháp biết cảnh đáo đại thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp biết cảnh đáo đại thuộc bất thiện liên quan pháp biết cảnh đáo đại thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp biết cảnh đáo đại thuộc vô ký liên quan pháp biết cảnh đáo đại thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

90.

Nhân 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

91.

∗ Pháp biết cảnh vô lượng *(appamānārammaṇa)* thuộc thiện liên quan pháp biết cảnh vô lượng thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp biết cảnh vô lượng *(appamānārammaṇa)* thuộc vô ký liên quan pháp biết cảnh vô lượng thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

92.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

Dứt tam đề thiện - tam đề biết cảnh hy thiểu

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ TY HẠ

(Kusalattika hīnattikaṃ)

93.

Pháp ty hạ *(hīna)* thuộc bất thiện liên quan pháp ty hạ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

94.

Nhân 1, Bất ly 1.

Tất cả nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

95.

- Pháp trung bình *(majjhima)* thuộc thiện liên quan pháp trung bình thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp trung bình thuộc vô ký liên quan pháp trung bình thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp trung bình thuộc thiện và trung bình thuộc vô ký liên quan pháp trung bình thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp trung bình thuộc vô ký liên quan pháp trung bình thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp trung bình thuộc vô ký liên quan những pháp trung bình thuộc thiện và pháp trung bình thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

96.

- Pháp trung bình thuộc thiện liên quan pháp trung bình thuộc thiện sanh ra do Cảnh duyên.
- Pháp trung bình thuộc vô ký liên quan pháp trung bình thuộc vô ký sanh ra do Cảnh duyên.

97.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

98.

- Pháp trung bình *(majjhima)* thuộc thiện làm duyên cho pháp trung bình thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp trung bình thuộc vô ký làm duyên cho pháp trung bình thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

99.

- Pháp trung bình thuộc thiện làm duyên cho pháp trung bình thuộc thiện bằng Cảnh duyên.
- Pháp trung bình thuộc thiện làm duyên cho pháp trung bình thuộc vô ký bằng Cảnh duyên.
- Pháp trung bình thuộc vô ký làm duyên cho pháp trung bình thuộc vô ký bằng Cảnh duyên.
- Pháp trung bình thuộc vô ký làm duyên cho pháp trung bình thuộc thiện bằng Cảnh duyên.

100.

Nhân 4, Cảnh 4, Bất ly 7.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

101.

* Pháp tinh lương *(paṇita)* thuộc thiện liên quan pháp tinh lương thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tinh lương thuộc vô ký liên quan pháp tinh lương thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

102.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề thiện - tam đề ty hạ

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ TÀ

(Kusalattika micchattattikaṃ)

103.

Pháp tà cho quả nhứt định *(micchattaniya)* thuộc bất thiện liên quan pháp tà cho quả nhứt định thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

104.

Nhân 1, Bất ly 1. Tất cả đều nên sắp rộng.

105.

Pháp chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)* thuộc thiện liên quan pháp chánh cho quả nhứt định thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

106.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề tất cả đều 1.

107.

* Pháp bất định *(aniyata)* thuộc thiện liên quan pháp bất định thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất định thuộc vô ký liên quan pháp bất định thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp bất định thuộc thiện và bất định thuộc vô ký liên quan pháp bất định thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất định thuộc bất thiện liên quan pháp bất định thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp bất định thuộc vô ký liên quan pháp bất định thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

108.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paṭiccavārasadisā)*.

109.

* Pháp bất định thuộc thiện làm duyên cho pháp bất định thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp bất định thuộc bất thiện làm duyên cho pháp bất định thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

* Pháp bất định thuộc vô ký làm duyên cho pháp bất định thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

110.

Nhân 7, Cảnh 9, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - tam đề tà

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ CÓ CẢNH LÀ ĐẠO

(Kusalattika maggārammaṇattikaṃ)

111.

* Pháp có cảnh là đạo *(maggārammaṇa)* thuộc thiện liên quan pháp có cảnh là đạo thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp có cảnh là đạo thuộc vô ký liên quan pháp có cảnh là đạo thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

112.

Nhân 2, Bất ly 2. Tất cả đều nên sắp rộng.

113.

Pháp có nhân là đạo *(maggahetuka)* thuộc thiện liên quan pháp có nhân là đạo thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

114.

Nhân 1, Bất ly 1, tất cả đều 1.

115.

* Pháp có trưởng là đạo thuộc thiện liên quan pháp có trưởng là đạo *(maggādhipati)* thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp có trưởng là đạo thuộc vô ký liên quan pháp có trưởng là đạo thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

116.

Nhân 2, Bất ly 2. Tất cả nên sắp rộng.

Dứt tam đề thiện - tam đề có đạo là cảnh

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ SANH TỒN

(Kusalattika uppannattikaṃ)

117.

Pháp sanh tồn *(uppanna)* thuộc thiện làm duyên cho pháp sanh tồn thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 7 câu.

Dứt tam đề thiện - tam đề sanh tồn.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ QUÁ KHỨ

(Kusalattika atītattikaṃ)

118.

Pháp hiện tại *(paccuppanna)* thuộc thiện làm duyên cho pháp hiện tại thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 7 câu.

Dứt tam đề thiện - tam đề quá khứ.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ BIẾT CẢNH QUÁ KHỨ
(Kusalattika atītarammaṇattikaṃ)

119.

∗ Pháp biết cảnh quá khứ *(atītārammaṇa)* thuộc thiện liên quan pháp biết cảnh quá khứ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp biết cảnh quá khứ thuộc bất thiện liên quan pháp biết cảnh quá khứ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp biết cảnh quá khứ thuộc vô ký liên quan pháp biết cảnh quá khứ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

120.

Nhân 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

121.

∗ Pháp biết cảnh quá khứ thuộc thiện làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ thuộc thiện bằng Nhân duyên.

∗ Pháp biết cảnh quá khứ thuộc bất thiện làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ thuộc bất thiện bằng Nhân duyên.

∗ Pháp biết cảnh quá khứ thuộc vô ký làm duyên cho pháp biết cảnh quá khứ thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

122.

Nhân 3, Cảnh 9, Bất ly 3.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

123.

Pháp biết cảnh vị lai *(anāgatārammaṇa)* thuộc thiện liên quan pháp biết cảnh vị lai thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

124.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paṭiccavārasadhisā)*.

125.

Pháp biết cảnh vị lai thuộc thiện làm duyên cho pháp biết cảnh vị lai thuộc thiện bằng Nhân duyên.

126.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

127.

Pháp biết cảnh hiện tại *(paccuppannārammaṇa)* thuộc thiện liên quan pháp biết cảnh hiện tại thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

128.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

129.

∗ Pháp biết cảnh hiện tại thuộc thiện làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại thuộc thiện bằng Nhân duyên.

* Pháp biết cảnh hiện tại thuộc bất thiện làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại thuộc bất thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp biết cảnh hiện tại thuộc vô ký làm duyên cho pháp biết cảnh hiện tại thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

130.

Nhân 3, Cảnh 6, Bất ly 3.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - tam đề biết cảnh quá khứ

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ NỘI BỘ

(Kusalattika ajjhattattikaṃ)

131.

* Pháp nội bộ *(ajjhatta)* thuộc thiện liên quan pháp nội bộ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp nội bộ thuộc bất thiện liên quan pháp nội bộ thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp nội bộ thuộc vô ký liên quan pháp nội bộ thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

132.

Nhân 9, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paticcavārasadisā).*

Tất cả đều nên sắp rộng *(evam vitthāretabbaṃ).*

133.

* Pháp nội bộ thuộc thiện làm duyên cho pháp nội bộ thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp nội bộ thuộc bất thiện làm duyên cho pháp nội bộ thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp nội bộ thuộc vô ký làm duyên cho pháp nội bộ thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

134.

Nhân 7, Cảnh 9, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

135.

* Pháp ngoại viện *(bahiddhā)* thuộc thiện liên quan pháp ngoại viện thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp ngoại viện thuộc bất thiện liên quan pháp ngoại viện thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp ngoại viện thuộc vô ký liên quan pháp ngoại viện thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

136.

Nhân 9, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

137.

* Pháp ngoại viện *(bahiddhā)* thuộc thiện làm duyên cho pháp ngoại viện thuộc thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp ngoại viện thuộc bất thiện làm duyên cho pháp ngoại viện thuộc bất thiện bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp ngoại viện thuộc vô ký làm duyên cho pháp ngoại viện thuộc vô ký bằng Nhân duyên.

138.

Nhân 7, Cảnh 9, Bất ly 13.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt tam đề thiện - tam đề nội bộ

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ

(Kusalattika ajjhattārammaṇattikaṃ)

139.

Pháp biết cảnh nội bộ *(ajjhattārammaṇa)* thuộc thiện liên quan pháp biết cảnh nội bộ thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

140.

Nhân 3, Bất ly 3.

141.

Pháp biết cảnh ngoại viện *(bahiddhārammaṇa)* thuộc thiện liên quan pháp biết cảnh ngoại viện thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

142.

Nhân 3, Bất ly 3.

Dứt tam đề thiện - tam đề cảnh nội bộ

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

(Kusalattika sandinassanattikaṃ)

143.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu *(anidassana sappaṭigha)* thuộc vô ký liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

144.

Nhân 1, Bất ly 1.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

145.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu *(anidassana appaṭigha)* thuộc thiện liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc vô ký liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc thiện và vô kiến vô đối chiếu thuộc vô ký liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc bất thiện liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc vô ký liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.

146.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh, phần tương ưng hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề thiện - tam đề hữu kiến

TAM ĐỀ THỌ – TAM ĐỀ THIỆN

(Vedanāttika kusalattikaṃ)

147.

∗ Pháp thiện tương ưng lạc thọ *(sukhāya vedanāya sampayutta kusalo)* liên quan pháp thiện tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp thiện tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

148.

Nhân 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paṭiccavārasadisā)*.

149.

∗ Pháp thiện tương ưng lạc thọ *(sukhāya vedanāya sampayutta)* làm duyên cho pháp thiện tương ưng lạc thọ bằng Nhân duyên.

∗ Pháp thiện tương ưng phi khổ phi lạc thọ *(adukhama sukhāya vedanāya sampayutta)* làm duyên cho pháp thiện tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Nhân duyên.

150.

Nhân 2, Bất ly 2. Tất cả nên sắp rộng.

151.

∗ Pháp bất thiện tương ưng lạc thọ liên quan pháp bất thiện tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp bất thiện tương ưng khổ thọ liên quan pháp bất thiện tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp bất thiện tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp bất thiện tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

152.

Nhân 3, Bất ly 3. Tất cả nên sắp rộng.

153.

∗ Pháp vô ký tương ưng lạc thọ liên quan pháp vô ký tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô ký tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp vô ký tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

154.

Nhân 2, Bất ly 3.

Dứt tam đề thọ - tam đề thiện

TAM ĐỀ QUẢ – TAM ĐỀ THIỆN

(Vipākattika kusalattikaṃ)

155.

Pháp thiện thành dị thục nhân *(vipākadhammadhamma)* liên quan pháp thiện thành dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.

156.

Nhân 1, Bất ly 1.

157.

Pháp bất thiện thành dị thục nhân *(vipākadhammadhamma)* liên quan pháp bất thiện thành dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.

158.

Nhân 1. Tất cả đều 1.

159.

- Pháp vô ký thuộc dị thục quả *(vipāka)* liên quan pháp vô ký thuộc dị thục quả sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký thuộc phi quả phi nhân *(nevavipāka na vipākadhammadhamma)* liên quan pháp vô ký thuộc phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký thuộc dị thục quả liên quan những pháp vô ký thuộc dị thục quả và vô ký thuộc phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

160.

Nhân 9, Bất ly 9. Tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề quả - tam đề thiện

TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ – TAM ĐỀ THIỆN

(Upādinnattika kusalattikaṃ)

161.

Pháp thiện phi thành do thủ cảnh thủ *(anupādinnupādāniya)* liên quan pháp thiện phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.

Tất cả nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

162.

Pháp bất thiện phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp bất thiện phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

Tất cả nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

163.

- Pháp vô ký thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp vô ký thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký phi thành do thủ cảnh thủ *(anupādinnupādāniya)* liên quan pháp vô ký phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.
- Pháp vô ký phi thành do thủ phi cảnh thủ *(anupādinna anupādāniya)* liên quan pháp vô ký phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

164.

Nhân 9. Tất cả nên sắp rộng.

Dứt tam đề thành do thủ - tam đề thiện

TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI – TAM ĐỀ THIỆN

(Saṅkiliṭṭhattika kusalattikaṃ)

165.

- Pháp thiện phi phiền toái cảnh phiền não *(asaṅkiliṭṭha saṅkilesika)* liên quan pháp thiện phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện phi phiền toái phi cảnh phiền não *(asaṅkiliṭṭha asaṅkilesika)* liên quan pháp thiện phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.

166.

Pháp bất thiện phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp bất thiện phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

167.

Pháp vô ký phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp vô ký phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên: Có 5 câu.

Dứt tam đề phiền toái - tam đề thiện

TAM ĐỀ TẦM – TAM ĐỀ THIỆN

(vitakkattika kusalattikaṃ)

168.

* Pháp thiện hữu tầm hữu tứ *(savitakka savicara)* liên quan pháp thiện hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp thiện vô tầm hữu tứ *(avitakka vicāramatta)* liên quan pháp thiện vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 4 câu.
* Pháp thiện vô tầm vô tứ *(avitakka avicāra)* liên quan pháp thiện vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên.

169.

Nhân 11.

170.

* Pháp bất thiện hữu tầm hữu tứ *(savitakka savicāra)* liên quan pháp bất thiện hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp bất thiện hữu tầm hữu tứ liên quan pháp bất thiện vô tầm hữu tứ *(avitakkavicāramatta)* sanh ra do Nhân duyên.

171.

Nhân 5.

172.

Pháp vô ký hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô ký hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 37 câu.

Dứt tam đề tầm - tam đề thiện

TAM ĐỀ HỶ – TAM ĐỀ THIỆN

(Pītittika kusalattikaṃ)

173.

* Pháp thiện đồng sanh hỷ *(pītisahagata)* liên quan pháp thiện đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp thiện đồng sanh lạc *(sukhasahagata)* liên quan pháp thiện đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp thiện đồng sanh xả *(upekhāsahagata)* liên quan pháp thiện đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên: Có 10 câu.

  Tất cả nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

174.

* Pháp bất thiện đồng sanh hỷ liên quan pháp bất thiện đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

* Pháp bất thiện đồng sanh lạc liên quan pháp bất thiện đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp bất thiện đồng sanh xả liên quan pháp bất thiện đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên: Có 10 câu.

Tất cả nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

175.

* Pháp vô ký đồng sanh hỷ liên quan pháp vô ký đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô ký đồng sanh lạc liên quan pháp vô ký đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô ký đồng sanh xả liên quan pháp vô ký đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên: Có 10 câu.

Tất cả nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

Dứt tam đề hỷ - tam đề thiện

TAM ĐỀ SƠ ĐẠO – TAM ĐỀ THIỆN

(Dassanattika kusalattikaṃ)

176.

Pháp thiện phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(neva dassanena na bhāvanāya pahātabba)* liên quan pháp thiện phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

177.

* Pháp bất thiện sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabba)* liên quan pháp bất thiện sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất thiện ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāya pahātabba)* liên quan pháp bất thiện ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

178.

Pháp vô ký phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp vô ký phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

Tất cả đều 1 *(sabbattha ekaṃ)*.

Dứt tam đề sơ đạo - tam đề thiện

TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ THIỆN

(Dassanena pahātabbahetukattika kusalattikaṃ)

179.

Pháp thiện phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(neva dassanena na bhāvanāya pahātabbahetuka)* liên quan pháp thiện phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

180.

* Pháp bất thiện hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabbahetuka)* liên quan pháp bất thiện hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất thiện hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāya pahātabbahetuka)* liên quan pháp bất thiện hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên: Có 6 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

181.

Pháp vô ký phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(neva dassanena na bhāvanāya* pahātabba*hetuka)* liên quan pháp vô ký phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

Tất cả đều 1 *(sabbattha ekaṃ).*

Dứt tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ - tam đề thiện

TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ – TAM ĐỀ THIỆN

(Ācayagāmittika kusalattikaṃ)

182.

∗ Pháp thiện thành nhân sanh tử *(ācayagāmī)* liên quan pháp thiện thành nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện thành nhân đến Níp Bàn *(apacayagāmī)* liên quan pháp thiện thành nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

183.

Pháp bất thiện thành nhân sanh tử liên quan pháp bất thiện thành nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên.

Tất cả đều 1 *(sabbattha ekaṃ).*

184.

Pháp vô ký phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(nevācagāminā**pacayagāmī)* liên quan pháp vô ký phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.

Tất cả đều 1 *(sabbattha ekaṃ).*

Dứt Tam đề nhân sanh tử - tam đề thiện

TAM ĐỀ HỮU HỌC – TAM ĐỀ THIỆN

(Sekkhattika kusalattikaṃ)

185.

∗ Pháp thiện thành hữu học *(sekkha)* liên quan pháp thiện thành hữu học sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện thành phi hữu học phi vô học *(nevasekkhānāsekkhā)* liên quan pháp thiện thành phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

186.

Pháp bất thiện thành phi hữu học phi vô học liên quan pháp bất thiện thành phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên.

Tất cả đều 1.

187.

Pháp vô ký thuộc hữu học liên quan pháp vô ký thuộc hữu học sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng *(sabbattha vittharetabbam).*

Dứt tam đề hữu học - tam đề thiện

TAM ĐỀ HY THIỂU – TAM ĐỀ THIỆN
(Parittattika kusalattikaṃ)

188.

∗ Pháp thiện thành hy thiểu *(paritta)* liên quan pháp thiện thành hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện thành đáo đại *(mahaggata)* liên quan pháp thiện thành đáo đại sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện thành vô lượng *(appamāṇa)* liên quan pháp thiện thành vô lượng sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

189.

Pháp bất thiện thành hy thiểu *(paritta)* liên quan pháp bất thiện thành hy thiểu sanh ra do Nhân duyên, tất cả đều 1.

190.

∗ Pháp vô ký thành hy thiểu liên quan pháp vô ký thành hy thiểu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô ký thành đáo đại liên quan pháp vô ký thành đáo đại sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp vô ký thành vô lượng liên quan pháp vô ký thành vô lượng sanh ra do Nhân duyên: Có 13 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

Dứt tam đề hy thiểu - tam đề thiện

TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU – TAM ĐỀ THIỆN
(Parittarammaṇattika kusalattikaṃ)

191.

∗ Pháp thiện thành biết cảnh hy thiểu *(parittārammaṇa)* liên quan pháp thiện thành biết cảnh hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện thành biết cảnh đáo đại *(mahaggatārammaṇa)* liên quan pháp thiện thành biết cảnh đáo đại sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện thành biết cảnh vô lượng *(appamāṇārammaṇa)* liên quan pháp thiện thành biết cảnh vô lượng sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

192.

∗ Pháp bất thiện thành biết cảnh hy thiểu liên quan pháp bất thiện thành biết cảnh hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp bất thiện thành biết cảnh đáo đại liên quan pháp bất thiện thành biết cảnh đáo đại sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

193.

∗ Pháp vô ký thành biết cảnh hy thiểu *(parittarammana)* liên quan pháp vô ký thành biết cảnh hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô ký thành biết cảnh đáo đại *(mahaggatarammana)* liên quan pháp vô ký thành biết cảnh đáo đại sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô ký thành biết cảnh vô lượng *(appamanarammana)* liên quan pháp vô ký thành biết cảnh vô lượng sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề cảnh hy thiểu - tam đề thiện

TAM ĐỀ TY HẠ – TAM ĐỀ THIỆN

(Hinattika kusalattikaṃ)

194.

∗ Pháp thiện thành trung bình *(majjhima)* liên quan pháp thiện thành trung bình sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện thành tinh lương *(paṇīta)* liên quan pháp thiện thành tinh lương sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.

195.

Pháp bất thiện thành ty hạ liên quan pháp bất thiện thành ty hạ sanh ra do Nhân duyên.

Tất cả đều có 1 câu *(sabbattha ekaṃ)*.

196.

∗ Pháp vô ký thành trung bình *(majjhima)* liên quan pháp vô ký thành trung bình sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô ký thành tinh lương *(paṇīta)* liên quan pháp vô ký thành tinh lương sanh ra do Nhân duyên: Có 5 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro)*.

Dứt tam đề ty hạ - tam đề thiện

TAM ĐỀ TÀ – TAM ĐỀ THIỆN

(Micchattattika kusalattikaṃ)

197.

∗ Pháp thiện thành chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)* liên quan pháp thiện thành chánh cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp thiện thành bất định *(aniyata)* liên quan pháp thiện thành bất định sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro)*.

198.

∗ Pháp bất thiện thành tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)* liên quan pháp bất thiện thành tà cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp bất thiện thành bất định *(aniyata)* liên quan pháp bất thiện thành bất định sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

199.

Pháp vô ký thuộc bất định liên quan pháp vô ký thuộc bất định sanh ra do Nhân duyên.

Tất cả đều có 1 câu *(sabbattha ekaṃ)*.

Dứt tam đề tà - tam đề thiện

TAM ĐỀ CÓ CẢNH LÀ ĐẠO – TAM ĐỀ THIỆN
(Maggārammaṇattika kusalattikaṃ)

200.

- Pháp thiện thành có cảnh là đạo *(maggārammaṇa)* liên quan pháp thiện thành có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp thiện thành có nhân là đạo *(maggāhetuka)* liên quan pháp thiện thành có nhân là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp thiện thành có trưởng là đạo *(maggādhipati)* liên quan pháp thiện thành có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 17 câu.

201.

- Pháp vô ký thành có cảnh là đạo liên quan pháp vô ký thành có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp vô ký thành có trưởng là đạo liên quan pháp vô ký thành có trưởng là đạo sanh ra do Nhân duyên: Có 5 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

Dứt tam đề có cảnh là đạo - tam đề thiện

TAM ĐỀ SANH TỒN – TAM ĐỀ THIỆN
(Uppannattika kusalattikaṃ)

202.

Pháp thiện thuộc sanh tồn *(uppanna)* làm duyên cho pháp thiện thuộc sanh tồn bằng Nhân duyên: Có 1 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

203.

Pháp bất thiện thuộc sanh tồn làm duyên cho pháp bất thiện thuộc sanh tồn bằng Nhân duyên: Có 1 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

204.

Pháp vô ký thuộc sanh tồn làm duyên cho pháp vô ký thuộc sanh tồn bằng Nhân duyên: Có 1 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề sanh tồn - tam đề thiện

TAM ĐỀ QUÁ KHỨ – TAM ĐỀ THIỆN
(Atītattika kusalattikaṃ)

205.

Pháp thiện thuộc hiện tại *(paccuppanna)* làm duyên cho pháp thiện thuộc hiện tại bằng Nhân duyên: Có 1 câu.

206.

Pháp bất thiện thuộc hiện tại làm duyên cho pháp bất thiện thuộc hiện tại bằng Nhân duyên: Có 1 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

207.

Pháp vô ký thuộc hiện tại làm duyên cho pháp vô ký thuộc hiện tại bằng Nhân duyên: Có 1 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề quá khứ - tam đề thiện

TAM ĐỀ BIẾT CẢNH QUÁ KHỨ – TAM ĐỀ THIỆN

(Atītārammanattika kusalattikaṃ)

208.

* Pháp thiện biết cảnh quá khứ *(atītārammaṇa)* liên quan pháp thiện biết cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện biết cảnh vị lai *(anāgatārammaṇa)* liên quan pháp thiện biết cảnh vị lai sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện biết cảnh hiện tại *(paccuppannārammaṇa)* liên quan pháp thiện biết cảnh hiện tại sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

209.

* Pháp bất thiện biết cảnh quá khứ liên quan pháp bất thiện biết cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất thiện biết cảnh vị lai liên quan pháp bất thiện biết cảnh vị lai sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất thiện biết cảnh hiện tại liên quan pháp bất thiện biết cảnh hiện tại sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

210.

* Pháp vô ký biết cảnh quá khứ liên quan pháp vô ký biết cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký biết cảnh vị lai liên quan pháp vô ký biết cảnh vị lai sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký biết cảnh hiện tại liên quan pháp vô ký biết cảnh hiện tại sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề biết cảnh quá khứ - tam đề thiện

TAM ĐỀ NỘI BỘ – TAM ĐỀ THIỆN

(Ajjhattattika kusalattikaṃ)

211.

* Pháp thiện thành nội bộ *(ajjhata)* liên quan pháp thiện thành nội bộ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện thành ngoại viện *(bahiddhā)* liên quan pháp thiện thành ngoại viện sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

212.

* Pháp bất thiện thành nội bộ *(ajjhata)* liên quan pháp bất thiện thành nội bộ sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp bất thiện thành ngoại viện *(bahiddhā)* liên quan pháp bất thiện thành ngoại viện sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

213.

* Pháp vô ký thành nội bộ liên quan pháp vô ký thành nội bộ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký thành ngoại viện liên quan pháp vô ký thành ngoại viện sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề nội bộ - tam đề thiện

TAM ĐỀ BIẾT CẢNH NỘI BỘ – TAM ĐỀ THIỆN

(Ajjhattārammaṇattika kusalattikaṃ)

214.

Pháp thiện biết cảnh nội bộ *(ajjhattārammaṇa)* liên quan pháp thiện biết cảnh nội bộ sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

215.

Pháp bất thiện biết cảnh nội bộ liên quan pháp bất thiện biết cảnh nội bộ sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

216.

Pháp vô ký biết cảnh nội bộ liên quan pháp vô ký biết cảnh nội bộ sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề biết cảnh nội bộ - tam đề thiện

TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ THIỆN

(Sanidassanattika kusalattikaṃ)

217.

Pháp thiện thành vô kiến vô đối chiếu *(anidassana appaṭigha)* làm duyên cho pháp thiện thành vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

Tất cả đều 1 câu.

218.

Pháp bất thiện thành vô kiến vô đối chiếu *(anidassana appaṭigha)* liên quan pháp bất thiện thành vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

Tất cả đều 1 câu.

219.

* Pháp vô ký thành vô kiến hữu đối chiếu *(anidassana sappaṭigha)* liên quan pháp vô ký thành vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.
* Pháp vô ký thành hữu kiến hữu đối chiếu *(sanidassana sappaṭigha)* liên quan pháp vô ký thành vô kiến hữu đối chiếu *(anidassana sappaṭigha)* sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.
* Pháp vô ký thành vô kiến vô đối chiếu *(anidassana appaṭigha)* liên quan pháp vô ký thành vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

* Chư pháp vô ký thành hữu kiến hữu đối chiếu và vô ký thành vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô ký thành vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên: Có 4 câu.
* Chư pháp vô ký thành vô kiến hữu đối chiếu và vô ký thành vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô ký thành vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên: Có 5 câu.
* Chư pháp vô ký thành hữu kiến hữu đối chiếu và vô ký thành vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô ký thành vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên: Có 6 câu.
* Chư pháp vô ký thành hữu kiến hữu đối chiếu, vô ký thành vô kiến hữu đối chiếu và vô ký thành vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô ký thành vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên: Có 7 câu.
* Pháp vô ký thành vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô ký thành vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên: Có 7 câu.
* Pháp vô ký thành hữu kiến hữu đối chiếu liên quan những pháp vô ký thành vô kiến hữu đối chiếu và vô ký thành vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên: Có 7 câu.

220.

Nhân 21, Bất ly 21.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt tam đề hữu kiến - tam đề thiện

Hết vị trí tam đề thuận (anulomatikattikapaṭṭhānamnitthitam)

VỊ TRÍ NHỊ ĐỀ – NHỊ ĐỀ THUẬN

(Anuloma duka duka paṭṭhānam)

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN

(Hetuduka sahatukadukaṃ)

1.

- Pháp nhân hữu nhân *(hetu sahetuka)* liên quan pháp nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân *(na hetu)* hữu nhân liên quan pháp nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp nhân hữu nhân và phi nhân hữu nhân liên quan pháp nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân hữu nhân liên quan pháp phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân hữu nhân liên quan pháp phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp nhân hữu nhân và phi nhân hữu nhân liên quan pháp phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân hữu nhân liên quan những pháp nhân hữu nhân và phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân hữu nhân liên quan pháp nhân hữu nhân và phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp nhân hữu nhân và phi nhân hữu nhân liên quan những pháp nhân hữu nhân và phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.

2.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

3.

Pháp nhân hữu nhân *(hetu sahetuka)* liên quan pháp nhân hữu nhân sanh ra do phi Trưởng duyên.

4.

Phi Trưởng 9, phi Tiền sanh 9, phi Hậu sanh 9, phi Bất tương ưng 9.

5.

Nhân duyên có phi Trưởng 9.

6.

Phi Trưởng duyên có Nhân 9.

Dù phần đồng sanh *(sahajātavāra)*, phần ỷ trượng *(paccaya)*, phần y chỉ *(nissaya)*, phần hòa hợp *(samsattha)*, phần tương ưng *(sampayutta)* cũng như phần liên quan *(paṭiccavārasadisaṃ)*.

7.

- Pháp nhân hữu nhân *(hetu sahetuka)* làm duyên cho pháp nhân hữu nhân bằng Nhân duyên.
- Pháp nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Nhân duyên.
- Pháp nhân hữu nhân làm duyên cho những pháp nhân hữu nhân và phi nhân hữu nhân bằng Nhân duyên.

8.

- Pháp nhân hữu nhân làm duyên cho pháp nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên.
- Pháp nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên.

* Pháp nhân hữu nhân làm duyên cho những pháp nhân hữu nhân và phi nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân hữu nhân làm duyên cho những pháp nhân hữu nhân và phi nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên.
* Chư pháp nhân hữu nhân và phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên.
* Chư pháp nhân hữu nhân và phi nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên.
* Chư pháp nhân hữu nhân và phi nhân hữu nhân làm duyên cho những pháp nhân hữu nhân và phi nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên.

9.

Nhân 3, Cảnh 9, Cận y 9, Bất ly 9.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

10.

* Pháp phi nhân vô nhân *(nahetu ahetuka)* liên quan pháp nhân vô nhân *(hetu ahetuka)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân vô nhân liên quan pháp phi nhân vô nhân *(nahetu ahetuka)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân vô nhân liên quan những pháp nhân vô nhân và phi nhân vô nhân sanh ra do Nhân duyên.

11.

Nhân 3, Cảnh 1, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paṭiccavārasadíaṃ).*

12.

Pháp nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Nhân duyên.

13.

* Pháp nhân vô nhân làm duyên cho pháp nhân vô nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân vô nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân vô nhân làm duyên cho pháp nhân vô nhân bằng Cảnh duyên.

14.

Nhân 1, Cảnh 4, Bất ly 4.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề hữu nhân

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN

(Hetuduka hetusampayuttadukaṃ)

15.

* Pháp nhân tương ưng nhân *(hetu hetusampayutta)* liên quan pháp nhân tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân tương ưng nhân *(na hetu hetusampayutta)* liên quan pháp nhân tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp nhân tương ưng nhân *(hetu hetusampayutta)* và phi nhân tương ưng nhân *(na hetu hetusampayutta)* liên quan pháp nhân tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi nhân tương ưng nhân liên quan pháp phi nhân tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

∗ Pháp nhân tương ưng nhân liên quan những pháp nhân tương ưng nhân và phi nhân tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

16.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

17.

Pháp nhân tương ưng nhân làm duyên cho pháp nhân tương ưng nhân bằng Nhân duyên: Có 3 câu.

18.

Nhân 3, Bất ly 3.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

19.

∗ Pháp phi nhân bất tương ưng nhân *(na hetu hetuvippayutta)* liên quan pháp nhân bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi nhân bất tương ưng nhân liên quan pháp phi nhân bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi nhân bất tương ưng nhân liên quan những pháp nhân bất tương ưng nhân và phi nhân bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

20.

Nhân 3, Cảnh 1, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paṭiccavārasadisaṃ)*.

21.

Pháp nhân thành bất tương ưng nhân làm duyên cho pháp phi nhân thành bất tương ưng nhân bằng Nhân duyên.

22.

Nhân 1, Cảnh 4, Bất ly 4.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề tương ưng hữu nhân

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN

(Hetuduka hetusahetukadukaṃ)

23.

Pháp nhân và nhân hữu nhân *(hetu hetuceva sahetuka ca)* liên quan pháp nhân và nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên. Tất cả đều 1.

24.

Pháp phi nhân và hữu nhân phi nhân *(na hetu sahetuka ceva na ca hetu)* liên quan pháp phi nhân và hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên. Tất cả đều 1 câu.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề nhân hữu nhân

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN

(Hetuduka hetu hetusampayuttadukaṃ)

25.

Pháp nhân và nhân tương ưng nhân *(hetu hetu ceva hetusampayutto ca)* liên quan pháp nhân và nhân tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên. Tất cả đều 1câu.

26.

Pháp phi nhân và tương ưng nhân phi nhân *(na hetu hetusampayutto ceva na ca hetu)* liên quan pháp phi nhân và tương ưng nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên. Tất cả đều 1câu.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề nhân tương ưng nhân

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN

(Hetuduka na hetusahetukadukaṃ)

27.

Pháp phi nhân hữu nhân *(na hetu sahetuka)* liên quan pháp phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên. Tất cả đều 1câu.

28.

Pháp phi nhân vô nhân *(na hetu ahetuka)* liên quan pháp phi nhân vô nhân sanh ra do Nhân duyên. Tất cả đều 1câu.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề phi nhân hữu nhân

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN

(Hetuduka sappaccayadukaṃ)

29.

- Pháp nhân hữu duyên *(hetu sappaccaya)* liên quan pháp nhân hữu duyên sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân hữu duyên liên quan pháp phi nhân hữu duyên *(na hetu sappaccaya)* sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp nhân hữu duyên liên quan những pháp nhân hữu duyên và phi nhân hữu duyên sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

30.

Nhân 9, Cảnh , Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

31.

Pháp nhân hữu duyên làm duyên cho pháp nhân hữu duyên bằng Nhân duyên.

32.

Nhân 3.

Phần vấn đề nên sắp rộng.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề hữu duyên

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ HỮU VI
(Hetuduka saṇkhatadukaṃ)

33.

Pháp nhân hữu vi *(hetu sankhata)* liên quan pháp nhân hữu vi sanh ra do Nhân duyên.

34.

Nhân 9, Bất ly 9.

Như nhị đề hữu duyên *(sappaccayadukasadisam).*

Dứt nhị đề nhân - nhị đề hữu vi

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN
(Hetuduka sanidassanadukaṃ)

35.

- Pháp nhân thành vô kiến *(hetu anidassana)* liên quan pháp nhân thành vô kiến sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân thành vô kiến *(Nahetu anidassana)* liên quan pháp phi nhân thành vô kiến sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp nhân thành vô kiến liên quan những pháp nhân thành vô kiến và phi nhân thành vô kiến sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

36.

Nhân 9, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề hữu kiến

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU
(Hetuduka sappaṭighadukaṃ)

37.

Pháp phi nhân thành hữu đối chiếu *(na hetu sappaṭigha)* liên quan pháp phi nhân thành hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên. Tất cả đều có 1 câu.

38.

- Pháp nhân thành vô đối chiếu *(hetu appaṭigha)* liên quan pháp nhân thành vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân *(na hetu)* thành vô đối chiếu liên quan pháp nhân thành vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp nhân thành vô đối chiếu và phi nhân thành vô đối chiếu liên quan pháp nhân thành vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân thành vô đối chiếu liên quan pháp phi nhân thành vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp nhân thành vô đối chiếu liên quan những pháp nhân thành vô đối chiếu và phi nhân thành vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

39.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề hữu đối chiếu

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ SẮC
(Hetuduka rūpīdukaṃ)

40.

Pháp phi nhân thành sắc *(na hetu rūpī)* liên quan pháp phi nhân thành sắc sanh ra do Nhân duyên. Tất cả đều 1 câu.

41.

* Pháp nhân thành phi sắc *(hetu arūpī)* liên quan pháp nhân thành phi sắc sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân *(na hetu)* thành phi sắc liên quan pháp phi nhân thành phi sắc sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp nhân thành phi sắc liên quan những pháp nhân thành phi sắc và phi nhân thành phi sắc sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

42.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề sắc

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ
(Hetuduka lokiyadukaṃ)

43.

* Pháp nhân thành hiệp thế *(lokiya)* liên quan pháp nhân thành hiệp thế sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân *(na hetu)* thành hiệp thế liên quan pháp phi nhân thành hiệp thế sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp nhân thành hiệp thế liên quan những pháp nhân thành hiệp thế và phi nhân thành hiệp thế sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

44.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

45.

* Pháp nhân thành siêu thế *(lokuttara)* liên quan pháp nhân thành siêu thế sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp phi nhân thành siêu thế *(na hetu lokuttara)* liên quan pháp phi nhân thành siêu thế sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp nhân thành siêu thế liên quan những pháp nhân thành siêu thế và phi nhân thành siêu thế sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

46.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh, phần tương ưng hay phần vấn đề đều nên sắp rộng như phần liên quan.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề hiệp thế

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG
(Hetuduka kenaciviññeyyadukaṃ)

47.

Pháp nhân thành có tâm biết đặng *(hetu kenaciviññeyya)* liên quan pháp nhân thành có tâm biết đặng sanh ra do Nhân duyên.

48.

Nhân 9, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

49.

Pháp nhân thành cũng có tâm không biết đặng *(hetu kenaci na vinneyya)* liên quan pháp nhân thành cũng có tâm không biết đặng sanh ra do Nhân duyên.

50.

Nhân 9, Bất ly 9.

Tất cả nên sắp rộng.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề có tâm biết đặng

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ LẬU
(Hetuduka āsavadukaṃ)

51.

- Pháp nhân thành lậu *(hetu āsavo)* liên quan pháp nhân thành lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân thành lậu *(na hetu āsavo)* liên quan pháp nhân thành lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp nhân thành lậu và phi nhân thành lậu liên quan pháp nhân thành lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân thành lậu liên quan pháp phi nhân thành lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân thành lậu liên quan những pháp nhân thành lậu và phi nhân thành lậu sanh ra do Nhân duyên.

52.

Nhân 5, Cảnh 5, Bất ly 5.

Tất cả đều nên sắp rộng.

53.

- Pháp nhân thành phi lậu liên quan pháp nhân thành phi lậu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân thành phi lậu liên quan pháp phi nhân thành phi lậu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp nhân thành phi lậu liên quan những pháp nhân thành phi lậu và phi nhân thành phi lậu *(no āsava)* sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

54.

Nhân 9, Bất ly 9.

Tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề lậu

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU
(Hetuduka Sāsavadukaṃ)

55.

∗ Pháp nhân thành cảnh lậu *(sāsava)* liên quan pháp nhân thành cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
∗ Pháp phi nhân *(na hetu)* thành cảnh lậu liên quan pháp phi nhân thành cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
∗ Pháp nhân thành cảnh lậu liên quan những pháp nhân thành cảnh lậu và phi nhân thành cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

56.

Nhân 9, Bất ly 9.
Tất cả đều nên sắp rộng.

57.

∗ Pháp nhân thành phi cảnh lậu *(anāsava)* liên quan pháp nhân thành phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
∗ Pháp phi nhân thành phi cảnh lậu *(na hetu anāsavo)* liên quan pháp phi nhân thành phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
∗ Pháp nhân thành phi cảnh lậu liên quan những pháp nhân thành phi cảnh lậu và phi nhân thành phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

58.

Nhân 9, Bất ly 9.
Tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề cảnh lậu

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU
(Hetuduka asavasampayuttadukaṃ)

59.

Pháp nhân thành tương ưng lậu *(āsavasampayutta)* liên quan pháp nhân thành tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.

60.

Nhân 9, Bất ly 9.
Tất cả nên sắp rộng.

61.

Pháp nhân thành bất tương ưng lậu *(āsavavippayutta)* liên quan pháp nhân thành bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.

62.

Nhân 9, Bất ly 9.
Tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề tương ưng lậu

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU
(Hetuduka āsavasāsavadukaṃ)

63.

Pháp lậu cảnh lậu *(āsavo ceva sāsavo ca)* thành nhân liên quan pháp lậu cảnh lậu thành nhân sanh ra do Nhân duyên.

64.

Nhân 5, Bất ly 5.
Tất cả nên sắp rộng.

65.

Pháp cảnh lậu phi lậu thành nhân *(hetu sāsavo ceva no ca āsavo)* liên quan pháp cảnh lậu phi lậu thành nhân sanh ra do Nhân duyên.

66.

Nhân 9, Bất ly 9.
Tất cả nên sắp rộng.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề lậu cảnh lậu

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU
(Hetuduka āsava āsavasampayutttadukaṃ)

67.

Pháp lậu tương ưng lậu thành nhân *(hetu āsavoceva āsavasampayutto ca)* liên quan pháp lậu tương ưng lậu thành nhân sanh ra do Nhân duyên.

68.

Nhân 5, Bất ly 5.
Tất cả nên sắp rộng.

69.

Pháp tương ưng lậu phi lậu thành nhân *(hetu asavasampayutto ceva no ca āsavo)* liên quan pháp tương ưng lậu phi lậu thành nhân sanh ra do Nhân duyên.

70.

Nhân 5, Bất ly 5.
Tất cả nên sắp rộng.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề lậu tương ưng lậu

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU
(Hetuduka āsavavippayutta sāsavadukaṃ)

71.

Pháp nhân bất tương ưng lậu cảnh lậu *(hetu āsavavippayutto sāsavo)* liên quan pháp nhân bất tương ưng lậu cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

72.

Nhân 9, Bất ly 9.
Tất cả nên sắp rộng.

73.

Pháp nhân bất tương ưng lậu phi cảnh lậu *(hetu āsavavippayutta anāsava)* liên quan pháp nhân bất tương ưng lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

74.

Nhân 9, Bất ly 9.

Tất cả nên sắp rộng.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ CHÙM SÁU

(Hetuduka cha gocchakadukaṃ)

75.

- … Liên quan pháp nhân triền *(hetu saññojana).*
- … Liên quan pháp nhân phược *(hetu gantha).*
- … Liên quan pháp nhân bộc *(ogha).*
- … Liên quan pháp nhân phối *(yoga).*
- … Liên quan pháp nhân cái *(nīvaraṇa).*
- Pháp phi khinh thị *(no parama)* thành nhân liên quan pháp phi khinh thị thành nhân sanh ra do Nhân duyên.

76.

Nhân 9, Bất ly 9.

Tất cả phần chùm nên sắp rộng *(sabbattha gocchakam vittharetabbam).*

Dứt nhị đề nhân - nhị đề chùm sáu

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH

(Hetuduka sārammaṇadukaṃ)

77.

- Pháp nhân hữu cảnh *(hetu sārammaṇa)* liên quan pháp nhân hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp phi nhân *(na hetu)* hữu cảnh liên quan pháp phi nhân hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
- Pháp nhân hữu cảnh liên quan những pháp nhân hữu cảnh và phi nhân hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.

78.

Nhân 9, Bất ly 9.

Tất cả nên sắp rộng.

79.

Pháp phi nhân vô cảnh *(na hetu anarammana)* liên quan pháp phi nhân vô cảnh sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

Tất cả đều có 1 câu *(sabbattha ekaṃ)*

Dứt nhị đề nhân - nhị đề hữu cảnh

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ TÂM

(Hetuduka cittadukaṃ)

80.

Pháp nhân phi tâm *(hetu no citta)* liên quan pháp nhân phi tâm sanh ra do Nhân duyên.

81.

Nhân 9, Bất ly 9.

Tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề tâm

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ SỞ HỮU TÂM
(Hetuduka cetasikadukaṃ)

82.

Pháp nhân sở hữu tâm *(hetu cetasika)* liên quan pháp nhân sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.

83.

Nhân 9, Bất ly 9.
Tất cả đều nên sắp rộng.

84.

Pháp phi nhân phi sở hữu tâm *(na hetu acetasika)* liên quan pháp phi nhân phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên. Tất cả đều 1 câu.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề sở hữu tâm

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM
(Hetuduka cittasampayuttadukaṃ)

85.

Pháp nhân tương ưng tâm *(hetu cittasampayutto*) liên quan pháp nhân tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.

86.

Nhân 9, Bất ly 9.
Tất cả đều nên sắp rộng.

87.

Pháp phi nhân bất tương ưng tâm *(na hetu cittavippayutta)* liên quan pháp phi nhân bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên. Tất cả đều 1 câu.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề tương ưng Tâm

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ HÒA VỚI TÂM
(Hetuduka cittasamsaṭṭhādukaṃ)

88.

Pháp nhân hòa với tâm *(hetu cittasamsaṭṭhā)* liên quan pháp nhân hòa với tâm sanh ra do Nhân duyên.

89.

Nhân 9, Bất ly 9.
Tất cả đều nên sắp rộng.

90.

Pháp phi nhân hòa với tâm *(na hetu cittasamsaṭṭhā)* liên quan pháp phi nhân hòa với tâm sanh ra do Nhân duyên. Tất cả đều có 1 câu.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề hòa với tâm

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ CÓ TÂM LÀM SỞ SANH

(Hetuduka cittasamuṭṭhānadukaṃ)

91.

Pháp nhân có tâm làm sở sanh *(hetu cittasamuṭṭhāna)* liên quan pháp nhân có tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

92.

Nhân 9, Bất ly 9.

Tất cả đều nên sắp rộng.

93.

Pháp phi nhân phi tâm làm sở sanh *(na hetu no cittasamuṭṭhāna)* liên quan pháp phi nhân phi tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên. Tất cả đều 1 câu.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề có tâm làm sở sanh

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM

(Hetuduka cittassahabhudukaṃ)

94.

Pháp nhân đồng sanh tồn với tâm *(hetu cittassahabhū)* liên quan pháp nhân đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

95.

Pháp phi nhân phi đồng sanh tồn với tâm *(na hetu no cittassahabhū)* liên quan pháp phi nhân phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

Tất cả nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

Dứt nhị đề nhân - nhị đề đồng sanh tồn với tâm

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ TÙNG TÂM THÔNG LƯU

(Hetuduka cittānuparivattidukaṃ)

96.

Pháp nhân tùng tâm thông lưu *(hetu Cittānuparivatti)* liên quan pháp nhân tùng tâm thông lưu sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

97.

Pháp phi nhân *(na hetu)* phi tùng tâm thông lưu liên quan pháp phi nhân phi tùng tâm thông lưu sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề tùng tâm thông lưu

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ HÒA NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH

(Hetuduka cittasamsaṭṭhāsamuṭṭhānadukaṃ)

98.

Pháp nhân hòa nương tâm làm sở sanh *(hetu cittasamsaṭṭhāsamuṭṭhāno)* liên quan pháp nhân hòa nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

99.

Pháp phi nhân phi hòa phi nương tâm làm sở sanh *(na hetu no cittasamsaṭṭhāsamuṭṭhāno)* liên quan pháp phi nhân phi hòa phi nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

Dứt nhị đề nhân - nhị đề hòa nương tâm làm sở sanh

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ HÒA, ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH

(Hetuduka cittasamsaṭṭhāsamuṭṭhānāsahabhudukaṃ)

100.

Pháp nhân hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

101.

Pháp phi nhân phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh *(na hetu no citta samsaṭṭhāsamuṭṭhāna sahabhū)* liên quan pháp phi nhân phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề hòa, đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh

---

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ HÒA TÙNG THÔNG LƯU CÓ TÂM LÀM SỞ SANH

(Hetuduka cittasamsaṭṭhāsamuṭṭhānānuparivattidukaṃ)

102.

Pháp nhân *(hetu)* hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh liên quan pháp nhân hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

103.

Pháp phi nhân *(na hetu)* phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh liên quan pháp phi nhân phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

Tất cả nên sắp rộng *(sabbattha vitthāro).*

Dứt nhị đề nhân - nhị đề hòa tùng thông lưu có tâm làm sở sanh

---

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ NỘI BỘ

(Hetuduka ajjhattikadukaṃ)

104.

Pháp phi nhân *(na hetu)* nội bộ *(ajjhatta)* liên quan pháp phi nhân nội bộ sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

Tất cả đều nên sắp rộng.

105.

Pháp nhân ngoại viện *(bāhira)* liên quan pháp nhân ngoại viện sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề nội bộ

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ Y SINH
(Hetuduka upādādukaṃ)

106.

Pháp nhân phi y sinh *(no upādā)* liên quan pháp nhân phi y sinh sanh ra do Nhân duyên.

107.

Nhân 9.

Tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề y sinh

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ THÀNH DO THỦ
(Hetuduka upādinnadukaṃ)

108.

Pháp nhân thành do thủ *(hetu upādinna)* liên quan pháp nhân thành do thủ sanh ra do Nhân duyên.

109.

Nhân 9.

Tất cả đều nên sắp rộng.

110.

Pháp nhân phi thành do thủ *(hetu anupādinno)* liên quan pháp nhân phi thành do thủ sanh ra do Nhân duyên.

111.

Nhân 9, Bất ly 9.

Tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề thành do thủ

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ CHÙM THỦ
(Hetuduka upādānagocchakadukaṃ)

112.

Pháp nhân thành do thủ *(hetu upādāno)* liên quan pháp nhân thành do thủ sanh ra do Nhân duyên.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề chùm thủ

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ CHÙM PHIỀN NÃO
(Hetuduka kilesagocchakadukaṃ)

113.

Pháp nhân thành phiền não *(hetu kileso)* liên quan pháp nhân thành phiền não sanh ra do Nhân duyên.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề chùm phiền não

NHỊ ĐỀ NHÂN – NHỊ ĐỀ YÊU BỐI
(Hetuduka Piṭṭhudukaṃ)

114.
- Pháp nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabba)* liên quan pháp nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.
- Pháp nhân phi sơ đạo tuyệt trừ *(hetu na dassanena pahātabba)* liên quan pháp nhân phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

115.
- Pháp nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(hetu bhāvanāya pahātabba)* liên quan pháp nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.
- Pháp nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

116.
- Pháp nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(hetu dassanena pahātabba hetuko)* liên quan pháp nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.
- Pháp nhân phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(hetu na dassanena pahātabba hetuko)* liên quan pháp nhân phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

117.
- Pháp nhân hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(hetu bhāvanāya pahātabbahetuko)* liên quan pháp nhân hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.
- Pháp nhân phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp nhân phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabbahetuka)* sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

118.
- Pháp nhân hữu tầm *(savitakka)* liên quan pháp nhân hữu tầm sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.
- Pháp nhân vô tầm *(avitakka)* liên quan pháp nhân vô tầm sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

119.
- Pháp nhân hữu tứ *(savicāra)* liên quan pháp nhân hữu tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.
- Pháp nhân vô tứ *(avicāra)* liên quan pháp nhân vô tứ sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

120.
- … Liên quan pháp nhân hữu hỷ *(sappītika)*.
- … Liên quan pháp nhân vô hỷ *(appitika)*.
- … Liên quan pháp nhân đồng sanh hỷ *(pitisahagata)*.
- … Liên quan pháp nhân phi đồng sanh hỷ *(na pītisahagata)*.
- … Liên quan pháp nhân đồng sanh lạc *(sukhasahagata)*.
- … Liên quan pháp nhân phi đồng sanh lạc *(na sukhasahagata)*.
- … Liên quan pháp nhân đồng sanh xả *(upekkhasahagata)*.
- … Liên quan pháp nhân phi đồng sanh xả *(na upekkhāsahagata)*.
- … Liên quan pháp nhân Dục giới *(kāmāvacara)*.
- … Liên quan pháp nhân phi Dục giới *(na kāmāvacara)*.
- … Liên quan pháp nhân Sắc giới *(rūpāvacara)*.
- … Liên quan pháp nhân phi Sắc giới *(na rūpāvacara)*.

* … Liên quan pháp nhân Vô sắc giới *(arūpāvacara)*.
* … Liên quan pháp nhân phi Vô sắc giới *(na arūpāvacara)*.
* … Liên quan pháp nhân liên quan luân hồi *(pariyāpanna)*.
* … Liên quan pháp nhân bất liên quan luân hồi *(apariyāpanna)*.
* … Liên quan pháp nhân nhân xuất luân hồi *(niyyānika)*.
* … Liên quan pháp nhân phi nhân xuất luân hồi *(aniyyānika)*.
* … Liên quan pháp nhân nhứt định *(niyata)*.
* … Liên quan pháp nhân bất định *(aniyata)*.
* … Liên quan pháp nhân hữu thượng *(sa uttara)*.
* … Liên quan pháp nhân vô thượng *(anuttara)*.
* … Liên quan pháp nhân hữu y *(saraṇa)*.

121.

Pháp nhân vô y *(hetu araṇa)* liên quan pháp nhân vô y sanh ra do Nhân duyên.

122.

Nhân 9.

Tất cả nên sắp rộng.

Dứt nhị đề nhân - nhị đề yêu bối (Pitthuduka)

NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Sahetukaduka hetudukaṃ)

123.

Pháp hữu nhân thành nhân *(sahetuko hetu)* liên quan pháp hữu nhân thành nhân sanh ra do Nhân duyên.

Tất cả đều 1 câu *(sabbattha ekaṃ)*.

124.

Pháp hữu nhân phi nhân *(sahetuko na hetu)* liên quan pháp hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

Dứt nhị đề hữu nhân - nhị đề nhân

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Hetusampayuttaduka hetudukaṃ)

125.

Pháp tương ưng nhân thành nhân *(hetusampayutto hetu)* liên quan pháp tương ưng nhân thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

126.

Pháp tương ưng nhân phi nhân *(na hetu)* liên quan pháp tương ưng nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

Dứt nhị đề tương ưng nhân - nhị đề *nhân*

NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN – NHỊ ĐỀ NHÂN
(Hetuceva sahetukaduka hetudukaṃ)

127.

Pháp nhân thành nhân hữu nhân *(hetuceva sahetuko ca hetu)* liên quan pháp nhân thành nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

128.

Pháp phi nhân thành hữu nhân phi nhân *(sahetuko ceva na ca hetu na hetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân thành hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

Dứt nhị đề nhân hữu nhân - nhị đề nhân

NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN – NHỊ ĐỀ NHÂN
(Hetuhetusampayuttaduka hetudukaṃ)

129.

Pháp nhân thành nhân tương ưng nhân *(hetuceva hetusampayutto ca hetu dhammo)* liên quan pháp nhân thành nhân tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 1 câu.

130.

Pháp phi nhân thành tương ưng nhân phi nhân *(hetusampayutto ceva na ca hetu Nahetu dhammo)* liên quan pháp phi nhân thành tương ưng nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên. *(hetupaccayo).*

Dứt nhị đề nhân tương ưng nhân - nhị đề nhân

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN – NHỊ ĐỀ NHÂN
(Na hetusahetukaduka hetudukaṃ)

131.

- Pháp phi nhân hữu nhân thành phi nhân *(na hetu sahetuka na hetu)* liên quan pháp phi nhân hữu nhân thành phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân vô nhân *(na hetu ahetuka)* thành phi nhân liên quan pháp phi nhân vô nhân thành phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

Dứt nhị đề nhân hữu nhân - nhị đề nhân

NHỊ ĐỀ ĐỈNH – NHỊ ĐỀ NHÂN
(Cūḷantaraduka hetudukaṃ)

132.

- Pháp hữu duyên thành nhân *(Sappaccaya hetu)* liên quan pháp hữu duyên thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hữu duyên phi nhân liên quan pháp hữu duyên phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

133.

- Pháp hữu vi *(saṅkhata)* thành nhân liên quan pháp hữu vi thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hữu vi phi nhân liên quan pháp hữu vi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

134.

- Pháp vô kiến thành nhân liên quan pháp vô kiến thành nhân sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp vô kiến phi nhân liên quan pháp vô kiến phi nhân *(anidassana na hetu)* sanh ra do Nhân duyên.

135.

* Pháp hữu đối chiếu *(sappaṭigha)* thành nhân liên quan pháp hữu đối chiếu thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu đối chiếu phi nhân liên quan pháp hữu đối chiếu phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 3 câu.
* Pháp vô đối chiếu *(appaṭigha)* phi nhân liên quan pháp vô đối chiếu phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

136.

* Pháp phi sắc *(arūpī)* thành nhân liên quan pháp phi sắc thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp sắc *(rūpī)* phi nhân *(na hetu*) liên quan pháp sắc phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 9 câu.

137.

* Pháp hiệp thế *(lokiya)* thành nhân liên quan pháp hiệp thế thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp siêu thế *(lokuttara)* thành nhân liên quan pháp siêu thế thành nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 2 câu.
* Pháp hiệp thế phi nhân *(na hetu)* liên quan pháp hiệp thế phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp siêu thế phi nhân liên quan pháp siêu thế phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Có 5 câu.

138.

* … Liên quan pháp có tâm biết đặng *(kenaciviññeyya)* thành nhân.
* … Liên quan pháp có tâm không biết đặng *(kenaci naviññeyya)* thành nhân.
* … Liên quan pháp có tâm biết đặng phi nhân.
* … Liên quan pháp có tâm không biết đặng phi nhân.

Dứt nhị đề đỉnh - nhị đề nhân

NHỊ ĐỀ CHÙM LẬU – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Āsavagocchakaduka hetudukaṃ)

139.

* … Liên quan pháp lậu *(āsava)* thành nhân.
* … Liên quan pháp phi lậu *(no āsava)* thành nhân.
* … Liên quan pháp lậu phi nhân.
* … Liên quan pháp phi lậu phi nhân *(no āsava Nahetu).*

140.

* … Liên quan pháp cảnh lậu *(sāsava)* thành nhân,... liên quan pháp phi cảnh lậu *(anāsava)* thành nhân.
* … Liên quan pháp cảnh lậu phi nhân *(na hetu),...* liên quan pháp phi cảnh lậu phi nhân.

141.

* … Liên quan pháp tương ưng lậu *(āsavasampayutta)* thành nhân,... liên quan pháp bất tương ưng lậu *(āsavavippayutta)* thành nhân.

* … Liên quan pháp tương ưng lậu phi nhân,... liên quan pháp bất tương ưng lậu phi nhân.

142.

* … Liên quan pháp lậu cảnh lậu *(āsavañceva sāsavañca)* thành nhân,... liên quan pháp cảnh lậu phi lậu *(sāsavañceva no ca āsavam)* thành nhân.
* … Liên quan pháp lậu cảnh lậu phi nhân,... liên quan pháp cảnh lậu phi lậu thành phi nhân.

143.

* … Liên quan pháp lậu tương ưng lậu *(āsavañceva āsavasampayuttañca)* thành nhân,... liên quan pháp tương ưng lậu phi lậu *(āsavasampayuttañceva no ca āsavam)* thành nhân.
* … Liên quan pháp lậu tương ưng lậu phi nhân,... liên quan pháp tương ưng lậu phi lậu phi nhân.

144.

* … Liên quan pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu *(āsavavippayutta āsava)* thành nhân,... liên quan pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu *(āsavavippayutta sāsava)* thành nhân.
* … Liên quan pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu phi nhân,... liên quan pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu phi nhân.

Dứt nhị đề chùm lậu - nhị đề nhân

NHỊ ĐỀ CHÙM SÁU – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Cha gocchakaduka hetudukaṃ)

145.

... Liên quan pháp triền *(saññojana)* thành nhân;... liên quan pháp phược *(gaṅtha)* thành nhân;... liên quan pháp bộc *(ogha)* thành nhân;... liên quan pháp phối *(yoga)* thành nhân;... liên quan pháp cái *(nīvaraṇa)* thành nhân;... liên quan pháp phi khinh thị *(no parāmāsa)* thành nhân.

Nhị đề chùm sáu - nhị đề nhân chỉ có bấy nhiêu (nitthitam).

NHỊ ĐỀ ĐẠI – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Mahantaraduka hetudukaṃ)

146.

* … Liên quan pháp hữu cảnh *(sārammaṇa)* thành nhân;... liên quan pháp hữu cảnh phi nhân.
* … Liên quan pháp phi tâm *(no citta)* thành nhân;... liên quan pháp sở hữu tâm *(cetasika)* thành nhân.
* … Liên quan pháp tương ưng tâm *(cittasampayutta)* thành nhân;... liên quan pháp hòa với tâm *(cittasamsaṭṭha)* thành nhân.
* … Liên quan pháp y tâm sanh *(cittāsamuṭṭhāna)* thành nhân;... liên quan pháp đồng sanh tồn *(cittasahabhu)* thành nhân.
* … Liên quan pháp tùng tâm thông lưu *(cittānuparivatti)* thành nhân;... liên quan pháp hòa y tâm sanh *(cittasamsaṭṭhāsamuṭṭhāna)* thành nhân.

* … liên quan pháp hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh *(cittasamsaṭṭhāsamuṭṭhānasahabhu*) thành nhân;... liên quan pháp hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh *(cittasamsaṭṭhāsamuṭṭhānanuparivatti)* thành nhân.
* … Liên quan pháp ngoại viện *(bāhira)* thành nhân;... liên quan pháp phi y sinh *(no upādā)* thành nhân.
* … Liên quan pháp thành do thủ *(upādinna)* thành nhân;... liên quan pháp phi thành do thủ thành nhân.

Nhị đề đại - nhị đề nhân chỉ có bấy nhiêu (niṭṭhitam).

NHỊ ĐỀ CHÙM THỦ – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Upadanagocchakaduka hetudukaṃ)

147.

… Liên quan pháp thủ *(upādāna)* thành nhân.

Nhị đề chùm thủ - nhị đề nhân chỉ có bấy nhiêu (nitthitam).

NHỊ ĐỀ CHÙM PHIỀN NÃO – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Kilesagocchakaduka hetudukaṃ)

148.

… Liên quan pháp phiền não *(kilesa)* thành nhân.

Nhị đề chùm phiền não - nhị đề nhân chỉ có bấy nhiêu.

NHỊ ĐỀ YÊU BỐI – NHỊ ĐỀ NHÂN

(Pitthiduka hetudukaṃ)

149.

* … Liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ thuộc nhân *(dassanena pahātabbam hetum);*... liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabba)* thuộc nhân.
* … Liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân *(bhāvanāya pahātabba);*... liên quan pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ *(no bhāvanāya pahātabba)* thành nhân.
* … Liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(dassanena pahātabba hetuka)* thành nhân;... liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thành nhân.
* … Liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(bhāvanāya pahātabba hetuka)* thành nhân;... liên quan pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thành nhân.
* … Liên quan pháp hữu tầm *(savitakka)* thành nhân;... liên quan pháp vô tầm *(avitakka)* thành nhân.
* … Liên quan pháp hữu tứ *(savicāra)* thành nhân;... liên quan pháp vô tứ *(avicāra)* thành nhân.
* … Liên quan pháp hữu hỷ *(sappītika)* thành nhân;... liên quan pháp vô hỷ *(appītika)* thành nhân.
* … Liên quan pháp đồng sanh hỷ *(pītisahagata)* thành nhân;... liên quan pháp phi đồng sanh hỷ thành nhân.
* … Liên quan pháp đồng sanh lạc *(sukhasahagata)* thành nhân;... liên quan pháp phi đồng sanh lạc thành nhân.

* … Liên quan pháp đồng sanh xả *(upekkhāsahagata)* thành nhân;... liên quan pháp phi đồng sanh xả thành nhân.
* … Liên quan pháp Dục giới *(kāmāvacara)* thành nhân;... liên quan pháp phi Dục giới thành nhân.
* … Liên quan pháp Sắc giới *(rūpāvacara)* thành nhân;... liên quan pháp phi Sắc giới thành nhân.
* … Liên quan pháp Vô sắc giới *(arūpāvacara)* thành nhân;... liên quan pháp phi Vô sắc giới thành nhân.
* … Liên quan pháp liên quan luân hồi *(pariyāpanna)* thành nhân;... liên quan pháp bất liên quan luân hồi thành nhân *(apariyāpanna)*.
* … Liên quan pháp nhân xuất luân hồi *(niyyānika)* thành nhân;... liên quan pháp phi nhân xuất luân hồi *(aniyyānika)* thành nhân.
* … Liên quan pháp nhứt định *(niyata)* thành nhân;... liên quan pháp bất định *(aniyata)* thành nhân.
* … Liên quan pháp hữu thượng *(sa uttara)* thành nhân;... liên quan pháp vô thượng *(anuttara)* thành nhân.
* … Liên quan pháp hữu y *(saraṇa)* thành nhân.
* Pháp vô y *(anṇa)* thành nhân liên quan pháp vô y thành nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô y phi nhân *(na hetu)* liên quan pháp vô y phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

Tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt nhị đề yêu bối (pitthiduka) nhị dề nhân.
Hết vị trí nhị đề nhị đề thuận (anulomadukadukapaṭṭhāna).
Vị trí thuận thứ chỉ có bấy nhiêu (anulomapaṭṭhānam).

QUYỂN THỨ SÁU

VỊ TRÍ TAM ĐỀ ĐỐI LẬP

(Paccanīya tika paṭṭhānam)

TAM ĐỀ PHI THIỆN

(Na kusalattikam)

1.

- Pháp phi thiện liên quan pháp phi thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn bất thiện, vô ký và sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhānarūpa)* liên quan 1 uẩn bất thiện và vô ký; 2 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 2 uẩn.
- Pháp phi bất thiện liên quan pháp phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô ký liên quan pháp phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi thiện và phi vô ký liên quan pháp phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi thiện và phi bất thiện liên quan pháp phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

2.

- Pháp phi bất thiện liên quan pháp phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi thiện liên quan pháp phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô ký liên quan pháp phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi bất thiện và phi vô ký liên quan pháp phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi thiện và phi bất thiện liên quan pháp phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

3.

- Pháp phi vô ký liên quan pháp phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi thiện liên quan pháp phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất thiện liên quan pháp phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi thiện và phi vô ký liên quan pháp phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi bất thiện và phi vô ký liên quan pháp phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi thiện và phi bất thiện liên quan pháp phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

4.

- Pháp phi thiện liên quan những pháp phi thiện và phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất thiện liên quan những pháp phi thiện và phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô ký liên quan những pháp phi thiện và phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi thiện và phi vô ký liên quan những pháp phi thiện và phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi thiện và phi bất thiện liên quan những pháp phi thiện và phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

5.

∗ Pháp phi thiện liên quan những pháp phi bất thiện và phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi bất thiện liên quan những pháp phi bất thiện và phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi vô ký liên quan những pháp phi bất thiện và phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi bất thiện và phi vô ký liên quan những pháp phi bất thiện và phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi thiện và phi bất thiện liên quan những pháp phi bất thiện và phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

6.

∗ Pháp phi thiện liên quan những pháp phi thiện và phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi bất thiện liên quan những pháp phi thiện và phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi thiện và phi bất thiện liên quan những pháp phi thiện và phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

7.

Pháp phi bất thiện liên quan pháp phi bất thiện sanh ra do Cảnh duyên.

8.

Phi Nhân 29 *(ekūnattimsa)*, Cảnh 24, Bất ly 29.

Phần đồng sanh *(sahajātavāra)*, ỷ trượng *(paccayavāra)*, y chỉ *(nissayavāra)*, hòa hợp *(samsaṭṭhavāra)*, tương ưng *(sampayutta)* cũng như phần liên quan *(paṭiccavarasadisaṃ).*

9.

Pháp phi thiện làm duyên cho pháp phi thiện bằng Nhân duyên.

10.

∗ Pháp phi thiện làm duyên cho pháp phi thiện bằng Cảnh duyên.
∗ Pháp phi thiện làm duyên cho pháp phi bất thiện bằng Cảnh duyên.
∗ Pháp phi thiện làm duyên cho pháp phi vô ký bằng Cảnh duyên.
∗ Pháp phi thiện làm duyên cho những pháp phi thiện và phi vô ký bằng Cảnh duyên.
∗ Pháp phi thiện làm duyên cho những pháp phi bất thiện và phi vô ký bằng Cảnh duyên.
∗ Pháp phi thiện làm duyên cho những pháp phi thiện và phi bất thiện bằng Cảnh duyên có 6 câu.
∗ Pháp phi bất thiện làm duyên cho những pháp phi bất thiện bằng Cảnh duyên.
∗ Pháp phi vô ký làm duyên cho pháp phi vô ký bằng Cảnh duyên có 6 câu.
∗ Chư pháp phi thiện và phi vô ký làm duyên cho pháp phi thiện bằng Cảnh duyên có 6 câu.
∗ Chư pháp phi bất thiện và phi vô ký làm duyên cho pháp phi thiện bằng Cảnh duyên có 6 câu.
∗ Chư pháp phi thiện và phi bất thiện làm duyên cho pháp phi thiện bằng Cảnh duyên có 6 câu.

11.

Pháp phi thiện làm duyên cho pháp phi thiện bằng trưởng duyên, bằng vô Gián duyên,... bằng Liên tiếp duyên... bằng Đồng sanh duyên... bằng Hỗ tương duyên.

12.

- ... Bằng Tiền sanh duyên.
- Pháp phi thiện làm duyên cho pháp phi bất thiện bằng Tiền sanh duyên.
- Pháp phi thiện làm duyên cho pháp phi thiện và phi bất thiện bằng Tiền sanh duyên.
- Pháp phi bất thiện làm duyên cho pháp phi bất thiện bằng Tiền sanh duyên.
- Pháp phi bất thiện làm duyên cho pháp phi thiện bằng Tiền sanh duyên.
- Pháp phi bất thiện làm duyên cho những pháp phi thiện và phi bất thiện bằng Tiền sanh duyên.
- Chư pháp phi thiện và phi bất thiện làm duyên cho pháp phi thiện bằng Tiền sanh duyên.
- Chư pháp phi thiện và phi bất thiện làm duyên cho pháp phi bất thiện bằng Tiền sanh duyên.
- Chư pháp phi thiện và phi bất thiện làm duyên cho những pháp phi thiện và phi bất thiện bằng Tiền sanh duyên.

13.

Nhân 29 *(ekūnattimsa)*, Cảnh 36, Trưởng 35, Vô gián 34, Liên tiếp 34, Đồng sanh 29, Hỗ tương 24, Y Chỉ 34, Cận y 36, Tiền sanh 18, Hậu sanh 18, Cố hưởng 24, Nghiệp 29, Quả 9, Thực 29, Bất ly 34.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng *(anuloma)*, đối lập *(paccanīya)*, thuận nghịch *(anuloma paccanīya)*, nghịch thuận *(paccanīya anuloma)* đều đếm như thế.

TAM ĐỀ PHI THỌ

(Na vedanattikam)

14.

- Pháp phi tương ưng lạc thọ liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ *(na sukhāya vedanaya sampayuttam)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tương ưng khổ thọ *(na dukhanāya vedanāya sampayutta)* liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tương ưng khổ phi lạc thọ (*masukhayavedanaya sampayutta)* liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tương ưng lạc thọ và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tương ưng khổ thọ và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tương ưng lạc thọ và phi tương ưng khổ thọ liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tương ưng lạc thọ, phi tương ưng khổ thọ và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tương ưng khổ thọ liên quan pháp phi tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.
- Pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

TAM ĐỀ PHI QUẢ
(Na vipākattikam)

15.

∗ Pháp phi quả *(na vipāka)* liên quan pháp phi quả sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi dị thục nhân liên quan pháp phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phi quả phi nhân liên quan pháp phi phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ
(Na anupādinnupādāniyatika)

16.

∗ Pháp phi thành do thủ cảnh thủ *(na anupadinnupādāniya)* liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ *(na anupādinapādāniya)* liên quan pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ *(na anupādina anupādāniya)* liên quan pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO
(Na saṅkiliṭṭha saṅkilessikattikam)

17.

∗ Pháp phi phiền toái cảnh phiền não *(na saṅkiliṭṭhasankiliesika)* liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não *(na asaṅiliṭṭhasankilesika)* liên quan pháp phi phi thiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phi phiền toái phi cảnh phiền não *(na asaṅkiṭṭha asankilesika)* liên quan pháp phi phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

TAM ĐỀ PHI TẦM
(Na vitakkattikam)

18.

∗ Pháp phi hữu tầm hữu tứ *(na savitakkasavicāra)* liên quan pháp phi hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi vô tầm hữu tứ *(na avitakkavicāramatta)* liên quan pháp phi vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi vô tầm vô tứ *(na avitakka avicāra)* liên quan pháp phi vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên.

TAM ĐỀ PHI HỶ
(Na pītittikam)

19.

Pháp phi đồng sanh hỷ *(na pītisahagata)* liên quan pháp phi đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên;.... liên quan pháp phi đồng sanh lạc *(na sukkasahagata);...* liên quan pháp phi đồng sanh xả *(na upekkhāsahagata).*

TAM ĐỀ PHI SƠ ĐẠO (SƠ KIẾN)
(Na dassanattikam)

20.

... Liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabba);...* liên quan pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabba);...* liên quan pháp phi phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(na neva dassanena na bhāvanāya pahātabba).*

TAM ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
(Na dassanena pahātabba hetukattikam)

21.

... Liên quan pháp phi hữu nhân, sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabbahetuka)* liên quan pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabbahetuka);...* liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(na nevadassanena na bhāvanāya pahātabbahetuka).*

TAM ĐỀ PHI NHÂN SANH TỬ
(Na ācayagāmittikam)

22.

... Liên quan pháp phi nhân sanh tử *(na ācayagāmi);....* liên quan pháp phi nhân đến Níp Bàn *(na apacayagāmi);....* liên quan pháp phi phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(na nevācayagāmināpacayagāmi).*

TAM ĐỀ PHI HỮU HỌC
(Na sekkhattikam)

23.

... Liên quan pháp phi hữu học *(na sekkha);...* liên quan pháp phi vô học *(na asekkha);...* liên quan pháp phi phi hữu học (phi) phi vô học *(na nevaselekhānāsekka).*

TAM ĐỀ PHI HY THIỂU
(Na parittattikam)

24.

... Liên quan pháp phi hy thiểu *(na paritta),...* liên quan pháp phi đáo đại *(na mahaggata),...* liên quan pháp phi vô lượng *(na appamāṇa).*

TAM ĐỀ PHI CẢNH HY THIỂU
(Na parittārammaṇattikam)

25.

... Liên quan pháp phi phi cảnh hy thiểu *(na parittārammaṇa);...* liên quan pháp phi cảnh đáo đại *(na mahaggatārammaṇa);...* liên quan pháp phi cảnh vô lượng *(na appamānārammaṇa).*

TAM ĐỀ PHI TY HẠ
(Na hīnattikam)

26.

... Liên quan pháp phi ty hạ *(na hīna);...* liên quan pháp phi trung bình *(na majjhima);...* liên quan pháp phi tinh lương *(na paṇīta).*

TAM ĐỀ PHI TÀ
(Na micchattattikam)

27.

... Liên quan pháp phi tà cho quả nhứt định *(na micchattaniyata);...* liên quan pháp phi chánh cho quả nhứt định *(na sammattaniyata);...* liên quan pháp phi bất định *(na aniyata).*

TAM ĐỀ PHI CÓ ĐẠO LÀ CẢNH
(Na maggaramma nattikam)

28.

... Liên quan pháp phi có cảnh là đạo *(na maggarammana);...* liên quan pháp phi có nhân là đạo *(na maggahetuka);...* liên quan pháp phi có trưởng là đạo *(na maggadhipati).*

TAM ĐỀ PHI SANH TỒN
(Na uppannattikam)

29.

- Pháp phi phi sanh tồn *(na anuppanna)* liên quan pháp phi phi sanh tồn sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi sẽ sanh *(na uppādī)* liên quan pháp phi phi sanh tồn *(na anuppanna)* sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi phi sanh tồn và phi sẽ sanh liên quan pháp phi phi sanh tồn sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi sẽ sanh *(na uppādī)* liên quan pháp phi sẽ sanh sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi sanh tồn liên quan pháp phi sẽ sanh sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi phi sanh tồn và phi sẽ sanh liên quan pháp phi sẽ sanh *(na uppādino)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi sanh tồn liên quan những pháp phi phi sanh tồn và phi sẽ sanh sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp phi sẽ sanh liên quan những pháp phi phi sanh tồn và phi sẽ sanh sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi phi sanh tồn và phi sẽ sanh liên quan những pháp phi phi sanh tồn và phi sẽ sanh sanh ra do Nhân duyên.

TAM ĐỀ PHI QUÁ KHỨ
(Na atītattikam)

30.

Pháp phi quá khứ *(na atīta)* liên quan pháp phi quá khứ sanh ra do Nhân duyên.

31.

* Pháp phi quá khứ làm duyên cho pháp phi quá khứ bằng Nhân duyên.
* Pháp phi quá khứ làm duyên cho pháp phi vị lai *(na anāgata)* bằng Nhân duyên.
* Pháp phi quá khứ làm duyên cho những pháp phi quá khứ *(na atīta)* và phi vị lai *(na anagata)* bằng Nhân duyên.
* Pháp phi vị lai làm duyên cho pháp phi vị lai bằng Nhân duyên.
* Pháp phi vị lai làm duyên cho pháp phi quá khứ bằng Nhân duyên.
* Pháp phi vị lai làm duyên cho những pháp phi quá khứ và phi vị lai bằng Nhân duyên.
* Chư pháp phi quá khứ và phi vị lai làm duyên cho pháp phi quá khứ bằng Nhân duyên.
* Chư pháp phi quá khứ và phi vị lai làm duyên cho pháp phi vị lai bằng Nhân duyên.
* Chư pháp phi quá khứ và phi vị lai làm duyên cho những pháp phi quá khứ và phi vị lai bằng Nhân duyên.

TAM ĐỀ PHI CẢNH QUÁ KHỨ
(Na atītārammanattikam)

32.

... Liên quan pháp phi cảnh quá khứ *(na atītārammana),...* liên quan pháp phi cảnh vị lai *(na anāgatārammaṇa),...* liên quan pháp phi cảnh hiện tại *(na paccuppannā-rammaṇa).*

TAM ĐỀ PHI NỘI BỘ
(Na ajjhattattikam)

33.

* Pháp phi nội bộ *(na ajjhatta)* liên quan pháp phi nội bộ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi ngoại viện *(na bahiddhā)* liên quan pháp phi ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

TAM ĐỀ PHI CẢNH NỘI BỘ
(Na ajjhattarāmmaṇattikam)

34.

* Pháp phi cảnh nội phần *(na ajjhattārammaṇa)* liên quan pháp phi cảnh nội phần sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp phi cảnh ngoại viện *(na bahiddhārammaṇa)* liên quan pháp phi cảnh nội bộ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi cảnh ngoại viện liên quan pháp phi cảnh ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi cảnh nội bộ liên quan pháp phi cảnh ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
(Na sanidassanattikam)

35.
* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu *(na sanudassana sappaṭigha)* liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu *(na anidassana sappaṭigha)* liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô kiến vô đối chiếu *(na anidassana appatigha)* liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô kiến hữu đối chiếu và phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

36.
* Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu *(na sanidassana sappaṭigha)* liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô kiến hữu đối chiếu và phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

37.
* Pháp phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu *(anidassana appatigha)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

38.
* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan những pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

39.

Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan những pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

40.

Nhân 30, Bất ly 30.

Đếm phần đồng sanh *(sahajātavāra)*, phần ỷ trượng *(paccayavāra)*, phần y chỉ *(nissayavāra)*, phần hòa hợp *(samsaṭṭhavāra),* phần tương ưng *(sampayuttavāra)* và phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, đây đều nên đếm như thế ấy.

Dứt Vị trí tam đề đối lập (paccanīyatikapaṭṭhānaṃ)

VỊ TRÍ NHỊ ĐẾ ĐỐI LẬP
(Paccanīya duka paṭṭhanam)

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
(Na hetudukam)

41.

∗ Pháp phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh ra do Nhân duyên:
- 3 uẩn và sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhanarūpa)* liên quan 1 uẩn phi nhân;... liên quan 2 uẩn.
- Sát-na tục sinh *(paṭisandhikkhaṇa)* luôn tứ đại sung *(mahābhūta)*.

∗ Pháp phi phi nhân *(na na hetu)* liên quan pháp phi nhân *(na hetu)* sanh ra do Nhân duyên:... liên quan uẩn phi nhân *(na hetu khandha)*;... nhân tục sinh *(hetupaṭisandhi)*.

∗ Chư pháp phi nhân *(na hetu)* và phi phi nhân *(na na hetu)* liên quan pháp phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi phi nhân liên quan pháp phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi nhân liên quan pháp phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi nhân và phi phi nhân liên quan pháp phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi nhân liên quan những pháp phi nhân và phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi phi nhân liên quan những pháp phi nhân và phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi nhân và phi phi nhân liên quan những pháp phi nhân và phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

42.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh *(sahajātavāra)* hay phần tương ưng *(sampayuttavāra)* như phần liên quan *(paṭiccavārasadisaṃ)* nên sắp rộng *(evam titthāretabbam)*.

43.

∗ Pháp phi phi nhân làm duyên cho pháp phi phi nhân bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phi phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Nhân duyên.

∗ Pháp phi phi nhân làm duyên cho những pháp phi nhân và phi phi nhân bằng Nhân duyên.

44.

∗ Pháp phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Cảnh duyên,...

∗ Pháp phi nhân làm duyên cho pháp phi phi nhân bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi nhân làm duyên cho những pháp phi nhân và phi phi nhân bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi phi nhân làm duyên cho pháp phi phi nhân bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp phi phi nhân *(na na hetu)* làm duyên cho pháp phi nhân *(na hetu)* và pháp phi phi nhân bằng Cảnh duyên.

∗ Chư pháp phi nhân và phi phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Cảnh duyên.

∗ Chư pháp phi nhân và phi phi nhân làm duyên cho pháp phi phi nhân bằng Cảnh duyên.

∗ Chư pháp phi nhân và phi phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân và phi phi nhân bằng Cảnh duyên.

45.

Nhân 3, Cảnh 9, Bất ly 9.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào nên sắp rộng như thế ấy.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN

(Na sahetukadukam)

46.

- Pháp phi hữu nhân *(na sahetuka)* liên quan pháp phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhānarūpa)* liên quan si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật, 3 đại sung liên quan 1 đại sung; 2 đại sung liên quan 2 đại sung; sắc nương tâm sanh liên quan đại sung *(mahābhūta).*
- Pháp phi vô nhân *(na ahetuka)* liên quan pháp phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên: Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật. sát-na tục sinh: Uẩn hữu nhân liên quan vật *(vatthu).*
- Chư pháp phi hữu nhân và phi vô nhân liên quan pháp phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô nhân liên quan pháp phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi hữu nhân liên quan pháp phi hữu nhân và phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô nhân liên quan pháp phi hữu nhân và phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi hữu nhân và phi vô nhân liên quan những pháp phi hữu nhân và phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.

47.

Nhân 9, Cảnh 6, Bất ly 9.

Phần đồng sanh *(sahajātavāra)* hay phần tương ưng *(sampayuttavāra)* đều sắp rộng như phần liên quan.

48.

- Pháp phi hữu nhân *(na sahetuka)* làm duyên cho pháp phi hữu nhân bằng Nhân duyên.
- Pháp phi hữu nhân làm duyên cho pháp phi vô nhân *(na ahetuka)* bằng Nhân duyên.
- Pháp phi hữu nhân làm duyên cho những pháp phi hữu nhân và phi vô nhân bằng Nhân duyên.
- Pháp phi vô nhân làm duyên cho pháp phi vô nhân bằng Nhân duyên có 3 câu.

49.

Pháp phi hữu nhân làm duyên cho pháp phi hữu nhân bằng Cảnh duyên.

50.

Nhân 6, Cảnh 9, Bất ly 9.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào nên sắp rộng như thế ấy.

NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN
(Na hetusampayutttadukam)

51.

- Pháp phi tương ưng nhân *(na hetusampayutta)* liên quan pháp phi tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên...
- Pháp phi bất tương ưng nhân *(na hetuvippayutta)* liên quan pháp phi tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tương ưng nhân và phi bất tương ưng nhân liên quan pháp phi tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất tương ưng nhân liên quan pháp phi bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tương ưng nhân liên quan pháp phi bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tương ưng nhân và phi bất tương ưng nhân liên quan pháp phi bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

52.

Nhân 9, Cảnh 6, Bất ly 9.

Phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN
(Na hetu sahetukadukam)

53.

- Pháp phi nhân và phi vô nhân liên quan pháp phi nhân và phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô nhân và phi phi nhân liên quan pháp phi nhân và phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân và phi vô nhân, phi vô nhân và phi phi nhân liên quan pháp phi nhân và phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô nhân và phi phi nhân liên quan pháp phi vô nhân và phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân và phi vô nhân liên quan pháp phi vô nhân và phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân và phi vô nhân, phi vô nhân và phi phi nhân liên quan pháp phi vô nhân và phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân và phi vô nhân liên quan những pháp phi nhân và phi vô nhân, phi vô nhân và phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

54.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh *(sahajātavāra)* hay phần vấn đề *(pañhāvāra)* đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN
(Na hetu hetusampayuttadukam)

55.

- Pháp phi nhân *(na hetu)* và phi bất tương ưng nhân *(na hetuvippayutta)* liên quan pháp phi nhân và phi bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất tương ưng nhân và phi phi nhân *(na na hetu)* liên quan pháp phi nhân và phi bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân và phi bất tương ưng nhân, phi bất tương ưng nhân và phi phi nhân liên quan pháp phi nhân và phi bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất tương ưng nhân và phi phi nhân liên quan pháp phi bất tương ưng nhân và phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân và phi bất tương ưng nhân liên quan pháp phi bất tương ưng nhân và phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân và phi bất tương ưng nhân, phi bất tương ưng nhân và phi phi nhân liên quan pháp phi bất tương ưng nhân và phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

56.

Nhân 9, Bất ly 9. Tất cả đều sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN PHI HỮU NHÂN
(Na hetu na sahetukadukam)

57.

- Pháp phi nhân phi hữu nhân *(na hetu nasahetuka)* liên quan pháp phi nhân phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên: 3 đại sung liên quan 1 đại sung *(mahābhūta)*.
- Pháp phi nhân phi vô nhân *(na hetu na ahetuka)* liên quan pháp phi nhân phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên: Sát-na tục sinh: Uẩn phi nhân phi hữu nhân liên quan vật *(vatthu)*.
- Chư pháp phi nhân phi hữu nhân và phi nhân phi vô nhân liên quan pháp phi nhân phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi vô nhân liên quan pháp phi nhân phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi hữu nhân liên quan pháp phi nhân phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân phi hữu nhân *(na hetu na sahetuka)* và phi nhân phi vô nhân *(na hetu na ahetuka)* liên quan pháp phi nhân phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân phi hữu nhân liên quan pháp phi nhân phi hữu nhân và phi nhân phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi vô nhân liên quan những pháp phi nhân phi hữu nhân và phi nhân phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân phi hữu nhân và phi nhân phi vô nhân liên quan những pháp phi nhân phi hữu nhân và phi nhân phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.

58.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

Phần đồng sanh hay phần tương ưng như phần liên quan.

59.

* Pháp phi nhân phi hữu nhân làm duyên cho pháp phi nhân phi hữu nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân phi hữu nhân *(na hetu pa sahetuka)* làm duyên cho pháp phi nhân phi vô nhân bằng Cảnh duyên 2 câu.
* Pháp phi nhân phi vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân phi vô nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi nhân phi vô nhân làm duyên cho pháp phi nhân phi hữu nhân bằng Cảnh duyên 2 câu.

60.

Cảnh 4, Bất ly 4.

Dù phần vấn đề *(pañhāvāra)* nên sắp rộng như thế.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU DUYÊN
(Na sappaccayadukam)

61.

Pháp phi vô duyên *(na appaccaya)* liên quan pháp phi vô duyên sanh ra do Nhân duyên.

62.

Nhân 1. Tất cả nên sắp rộng.

63.

Pháp phi vô duyên làm duyên cho pháp phi vô duyên bằng Nhân duyên.

64.

Pháp phi hữu duyên *(na sappaccaya)* làm duyên cho pháp phi vô duyên bằng Cảnh duyên.

65.

Nhân 1, Cảnh 2. Tất cả đều phân rộng.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU VI
(Na saṅkhatadukam)

66.

Pháp phi vô vi *(na asankhata)* làm duyên cho pháp phi vô vi sanh ra do Nhân duyên.

67.

Nhân 1, cũng như nhị đề hữu duyên *(sappaccayaduka).*

NHỊ ĐỀ PHI HỮU KIẾN
(Na sanidassanadukam)

68.

* Pháp phi hữu kiến *(na sanidassana)* liên quan pháp phi hữu kiến sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô kiến *(na anidassana)* liên quan pháp phi hữu kiến sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu kiến và phi vô kiến liên quan pháp phi hữu kiến sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU ĐỐI CHIẾU
(Na sappaṭighadukam)

69.

∗ Pháp phi hữu đối chiếu *(na sappaṭigha)* liên quan pháp phi hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi vô đối chiếu *(na appaṭigha)* liên quan pháp phi hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi hữu đối chiếu và phi vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

70.

Nhân 9, Cảnh 1.

Phần đồng sanh hay phần tương ưng đều như phần liên quan.

71.

∗ Pháp phi hữu đối chiếu làm duyên cho pháp phi hữu đối chiếu bằng Nhân duyên.
∗ Pháp phi hữu đối chiếu làm duyên cho pháp phi vô đối chiếu bằng Nhân duyên.
∗ Pháp phi hữu đối chiếu làm duyên cho pháp phi hữu đối chiếu và pháp phi vô đối chiếu bằng Nhân duyên.

72.

∗ Pháp phi hữu đối chiếu làm duyên cho pháp phi hữu đối chiếu bằng Cảnh duyên.
∗ Pháp phi vô đối chiếu làm duyên cho pháp phi vô đối chiếu bằng Cảnh duyên.

73.

Nhân 3, Cảnh 2, Trưởng 4, Bất ly 9.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI SẮC
(Na rūpīdukam)

74.

∗ Pháp phi sắc *(na rūpi)* liên quan pháp phi sắc sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi vô sắc *(na arūpi)* liên quan pháp phi sắc sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi sắc và phi vô sắc liên quan pháp phi sắc sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi vô sắc liên quan pháp phi vô sắc sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi sắc *(na rūpi)* liên quan pháp phi vô sắc *(na arūpī)* sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi sắc và phi vô sắc liên quan pháp phi vô sắc sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi sắc liên quan những pháp phi sắc và phi vô sắc sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi vô sắc liên quan những pháp phi sắc và phi vô sắc sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi sắc và phi vô sắc liên quan những pháp phi sắc và phi vô sắc sanh ra do Nhân duyên.

75.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 9.

Phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI HIỆP THẾ
(Na lokiyadukam)

76.

∗ Pháp phi hiệp thế *(na lokiya)* liên quan pháp phi hiệp thế sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi siêu thế *(na lokuttara)* liên quan pháp phi hiệp thế sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi hiệp thế và phi siêu thế liên quan pháp phi hiệp thế sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi siêu thế liên quan pháp phi siêu thế sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi siêu thế liên quan những pháp phi hiệp thế và phi siêu thế sanh ra do Nhân duyên.

77.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5. Tất cả đều nên phân rộng.

NHỊ ĐỀ PHI CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG
(Na kenaci viññeyyadukam)

78.

∗ Pháp phi có tâm biết đặng *(na kenaciviññeyya)* liên quan pháp phi có tâm biết đặng sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi có tâm không biết đặng *(na kenaci na viññeyya)* liên quan pháp phi có tâm biết đặng sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi có tâm biết đặng và phi có tâm không biết đặng liên quan pháp phi có tâm biết đặng sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi có tâm không biết đặng *(na kenaci naviññeyya)* liên quan pháp phi có tâm không biết đặng sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp phi có tâm biết đặng *(na kenaciviññeyya)* liên quan những pháp phi có tâm biết đặng và phi có tâm không biết đặng sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

79.

Nhân 9, Bất ly 9. Tất cả đều sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI LẬU
(Na āsavadukam)

80.

∗ Pháp phi lậu *(na asavo)* liên quan pháp phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phi lậu *(na na asavo)* liên quan pháp phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi lậu và phi phi lậu liên quan pháp phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phi lậu liên quan pháp phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên;... tóm tắt....
∗ Pháp phi lậu liên quan những pháp phi lậu và phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi lậu và phi phi lậu liên quan những pháp phi lậu và phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên.

81.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI CẢNH LẬU
(Na sāsavadukam)

82.

- Pháp phi cảnh lậu liên quan pháp phi cảnh lậu *(na sāsava)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi cảnh lậu *(na sanāsava)* liên quan pháp phi cảnh lậu *(na sāsava)* sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi cảnh lậu và phi phi cảnh lậu liên quan pháp phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi cảnh lậu liên quan pháp phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi cảnh lậu liên quan những pháp phi cảnh lậu và phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

83.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG LẬU
(Na āsavasampayuttadukam)

84.

- Pháp phi tương ưng lậu *(na āsavasampayutta)* liên quan pháp phi tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất tương ưng lậu *(na āsavavippayutta)* liên quan pháp phi tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tương ưng lậu và phi bất tương ưng lậu liên quan pháp phi tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi bất tương ưng lậu liên quan pháp phi bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tương ưng lậu liên quan pháp phi bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tương ưng lậu và phi bất tương ưng lậu liên quan pháp phi bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tương ưng lậu liên quan những pháp phi tương ưng lậu và phi bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất tương ưng lậu liên quan những pháp phi tương ưng lậu và phi bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tương ưng lậu và phi bất tương ưng lậu liên quan những pháp phi tương ưng lậu và phi bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.

85.

Nhân 9, Cảnh 6, Bất ly 9. Tất cả nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI LẬU CẢNH LẬU
(Na āsavasasāvadukam)

86.

- Pháp phi lậu phi cảnh lậu *(na āsavoceva na anāsavaca)* liên quan pháp phi lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi cảnh lậu phi phi lậu *(na anāsavoceva na no ca āsavo)* liên quan pháp phi lậu phi phi cảnh lậu *(na āsavañceva na anāsavañca)* sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi lậu phi phi cảnh lậu và phi phi cảnh lậu phi phi lậu liên quan pháp phi lậu và phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi cảnh lậu phi phi lậu *(na anāsavoceva na no ca āsavo)* liên quan những pháp phi phi cảnh lậu phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi lậu phi phi cảnh lậu liên quan pháp phi phi cảnh lậu phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi lậu và phi phi cảnh lậu, phi phi cảnh lậu và phi phi lậu liên quan pháp phi phi cảnh lậu và phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi lậu và phi phi cảnh lậu liên quan pháp phi lậu và phi phi cảnh lậu, pháp phi phi cảnh lậu và phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi cảnh lậu và phi phi lậu liên quan những pháp phi lậu và phi phi cảnh lậu; phi phi cảnh lậu và phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi lậu và phi phi cảnh lậu, phi phi cảnh lậu và phi phi lậu liên quan những pháp phi lậu và phi phi cảnh lậu, phi phi cảnh lậu và phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên.

87.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU
(Na āsava āsavasasampayuttadukam)

88.

- Pháp phi lậu và phi bất tương ưng lậu *(na āsavoceva na āsavavippayuttoca)* liên quan pháp phi lậu và phi bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu liên quan pháp phi lậu và phi bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi lậu và phi bất tương ưng lậu, phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu liên quan những pháp phi lậu và phi bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu liên quan pháp phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi lậu và phi bất tương ưng lậu liên quan pháp phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên...
- Chư pháp phi lậu và phi bất tương ưng lậu, phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu liên quan pháp phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi lậu và phi bất tương ưng lậu liên quan những pháp phi lậu và phi bất tương ưng lậu, phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu liên quan những pháp phi lậu và phi bất tương ưng lậu, phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi lậu và phi bất tương ưng lậu, phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu liên quan những pháp phi lậu và phi bất tương ưng lậu, phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên.

89.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU PHI CẢNH LẬU

(Āsavavippayutta na sāsavadukam)

90.

∗ Pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu và bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu liên quan những pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu và bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

91.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI TRIỀN

(Na saṅyojanadukam)

92.

∗ Pháp phi triền *(no sanyojana)* liên quan pháp phi triền sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi phi triền *(na no sanyojana)* liên quan pháp phi triền sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi triền và phi phi triền liên quan pháp phi triền sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi phi triền liên quan pháp phi phi triền sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi triền liên quan pháp phi phi triền sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi triền và phi phi triền liên quan pháp phi phi triền sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi triền liên quan những pháp phi triền và phi phi triền sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi phi triền liên quan pháp phi triền và phi phi triền sanh ra do phi Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi triền và phi phi triền liên quan những pháp phi triền và phi phi triền sanh ra do Nhân duyên.

93.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI CẢNH TRIỀN

(Na saṅyojaniyadukam)

94.

∗ Pháp phi cảnh triền liên quan pháp phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi phi cảnh triền liên quan pháp phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.

- Chư pháp phi cảnh triền và phi phi cảnh triền liên quan pháp phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi cảnh triền liên quan pháp phi phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi cảnh triền liên quan pháp phi cảnh triền và phi phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.

95.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 2. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG TRIỀN

(Na saṅnyojanasampayuttadukam)

96.

- Pháp phi tương ưng triền *(na saṅyojana sampayutta)* liên quan pháp phi tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất tương ưng triền liên quan pháp phi tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tương ưng triền và phi bất tương ưng triền liên quan pháp phi tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất tương ưng triền liên quan pháp phi bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tương ưng triền liên quan pháp phi bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tương ưng triền và phi bất tương ưng triền liên quan pháp phi bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tương ưng triền liên quan những pháp phi tương ưng triền và phi bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất tương ưng triền liên quan những pháp phi tương ưng triền và phi bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tương ưng triền và phi bất tương ưng triền liên quan những pháp phi tương ưng triền và phi bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên.

97.

Nhân 9, Cảnh 6, Bất ly 9. Tất cả nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI TRIỀN CẢNH TRIỀN

(Na sanyoyajasanyojaniyadukam)

98.

- Pháp phi triền phi phi cảnh triền *(na saṅyojana ceva na asanyojaniyo ca)* liên quan pháp phi triền phi phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi cảnh triền và phi phi triền liên quan pháp phi triền và phi phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi triền và phi phi cảnh triền, phi phi cảnh triền và phi phi triền liên quan pháp phi triền và phi phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi cảnh triền và phi phi triền liên quan pháp phi phi cảnh triền và phi phi triền sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

* Pháp phi triền và phi phi cảnh triền liên quan những pháp phi triền và phi phi cảnh triền, phi phi cảnh triền và phi phi triền sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

99.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI TRIỀN TƯƠNG ƯNG TRIỀN

(Na saṅyojana saṅyojanasampayuttadukam)

100.

* Pháp phi triền phi bất tương ưng triền *(na saṅojana ceva na saṅyojanavippayutto ca)* liên quan pháp phi triền phi bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi bất tương ưng triền và phi phi triền liên quan pháp phi triền và phi bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi triền và phi bất tương ưng triền, phi bất tương ưng triền và phi phi triền liên quan pháp phi triền và phi bất tương ưng triền sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi bất tương ưng triền và phi phi triền liên quan pháp phi bất tương ưng triền và phi phi triền sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi triền và phi bất tương ưng triền liên quan pháp phi bất tương ưng triền và phi phi triền sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi triền và phi bất tương ưng triền, phi bất tương ưng triền và phi phi triền liên quan pháp phi bất tương ưng triền và phi phi triền sanh ra do Nhân duyên.

101.

Nhân 9, Bất ly 9. Tất cả đều sắp rộng.

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG TRIỀN PHI CẢNH TRIỀN

(Saṅyojana vippayutta na saṅyojaniyadukam)

102.

* Pháp bất tương ưng triền phi cảnh triền liên quan pháp bất tương ưng triền phi cảnh triền *(saṅyojana vippayutta na sanyojaniya)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng triền phi phi cảnh triền liên quan pháp bất tương ưng triền phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp bất tương ưng triền phi cảnh triền và bất tương ưng triền phi phi cảnh triền liên quan pháp bất tương ưng triền phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng triền phi phi cảnh triền liên quan pháp bất tương ưng triền phi phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng triền và phi phi cảnh triền liên quan pháp bất tương ưng triền và phi cảnh triền, pháp bất tương ưng triền và phi phi cảnh triền sanh ra do Nhân duyên.

103.

Nhân 5, Bất ly 5. Tất cả đều sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI PHƯỢC
(No ganthadukam)

104.

∗ Pháp phi phược *(no gantho)* liên quan pháp phi phược sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phi phược liên quan pháp phi phược sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi phược và phi phi phược liên quan pháp phi phược sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phi phược liên quan pháp phi phi phược sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phược liên quan pháp phi phi phược sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi phược và phi phi phược liên quan pháp phi phi phược sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phược liên quan pháp phi phược và phi phi phược sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phi phược liên quan pháp phi phược và phi phi phược sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi phược và phi phi phược liên quan những pháp phi phược và phi phi phược sanh ra do Nhân duyên.

105.

Nhân 9, Bất ly 9. Tất cả đều 9.

NHỊ ĐỀ PHI CẢNH PHƯỢC
(Na ganthaniyadukam)

106.

∗ Pháp phi cảnh phược *(na ganthaniyo)* liên quan pháp phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phi cảnh phược liên quan pháp phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi cảnh phược và phi phi cảnh phược liên quan pháp phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phi cảnh phược liên quan pháp phi phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi cảnh phược liên quan những pháp phi cảnh phược và phi phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.

107.

Nhân 5, Bất ly 5. Tất cả đều 5.

NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG PHƯỢC
(Na ganthasampayuttadukam)

108.

∗ Pháp phi tương ưng phược liên quan pháp phi tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi bất tương ưng phược liên quan pháp phi tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi tương ưng phược và phi bất tương ưng phược liên quan pháp phi tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp phi bất tương ưng phược liên quan pháp phi bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng phược liên quan pháp phi bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng phược và phi bất tương ưng phược liên quan pháp phi bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng phược liên quan pháp phi tương ưng phược và phi bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi bất tương ưng phược liên quan những pháp phi tương ưng phược và phi bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng phược và phi bất tương ưng phược liên quan pháp phi tương ưng phược và phi bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên.

109.

Nhân 9, Cảnh 6, Trưởng 9, Bất ly 9. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI PHƯỢC CẢNH PHƯỢC

(Na ganthaganthaniyadukam)

110.

* Pháp phi phược và phi phi cảnh phược liên quan pháp phi phược và phi phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi cảnh phược và phi phi phược liên quan pháp phi phược và phi phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi phược và phi phi cảnh phược, phi phi cảnh phược và phi phi phược liên quan pháp phi phược và phi phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi cảnh phược và phi phi phược liên quan pháp phi phi cảnh phược và phi phi phược sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phược và phi phi cảnh phược liên quan pháp phi phi cảnh phược và phi phi phược sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi phược và phi phi cảnh phược phi phi cảnh phược và phi phi phược liên quan pháp phi phi cảnh phược và phi phi phược sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phược và phi phi cảnh phược liên quan những pháp phi phược và phi phi cảnh phược, phi phi cảnh phược và phi phi phược sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

111.

Nhân 9, Bất ly 9. Tất cả đều sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI PHƯỢC TƯƠNG ƯNG PHƯỢC

(Na gantha ganthasampayuttadukam)

112.

* Pháp phi phược và phi bất tương ưng phược liên quan pháp phi phược và phi bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi bất tương ưng phược và phi phi phược liên quan pháp phi phược và phi bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi phược và phi bất tương ưng phược, phi bất tương ưng phược và phi phi phược liên quan pháp phi phược và phi bất tương ưng phược sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp phi bất tương ưng phược và phi phi phược liên quan pháp phi bất tương ưng phược và phi phi phược sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phược và phi bất tương ưng phược liên quan pháp phi bất tương ưng phược và phi phi phược sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phược và phi bất tương ưng phược, phi bất tương ưng phược và phi phi phược liên quan pháp phi bất tương ưng phược và phi phi phược sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi phược và phi bất tương ưng phược liên quan pháp phi phược và phi bất tương ưng phược; phi bất tương ưng phược và phi phi phược sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi bất tương ưng phược và phi phi phược liên quan pháp phi phược và phi bất tương ưng phược, phi bất tương ưng phược và phi phi phược sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phược và phi bất tương ưng phược, phi bất tương ưng phược và phi phi phược liên quan pháp phi phược và phi bất tương ưng phược, phi bất tương ưng phược và phi phi phược sanh ra do Nhân duyên.

113.

Nhân 9, Bất ly 9. Tất cả đều sắp rộng.

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG PHƯỢC PHI CẢNH PHƯỢC

(Ganthavippayutta na ganthaniyadukam)

114.

* Pháp bất tương ưng phược phi cảnh phược liên quan pháp bất tương ưng phược phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng phược phi phi cảnh phược liên quan pháp bất tương ưng phược và phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp bất tương ưng phược và phi cảnh phược, bất tương ưng phược và phi phi cảnh phược liên quan pháp bất tương ưng phược và phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng phược và phi phi cảnh phược liên quan pháp bất tương ưng phược và phi phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng phược và phi phi cảnh phược, liên quan pháp bất tương ưng phược và phi cảnh phược, pháp bất tương ưng phược và phi phi cảnh phược sanh ra do Nhân duyên.

115.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ CHÙM PHI BỘC, PHỐI, CÁI

(No ogha yoga nīvaraṇa gocchakadukam)

116.

* ... Liên quan pháp phi bộc *(ogha),...* liên quan pháp phi phối *(yoga),...*

  Cách phân chùm bộc *(oghagocchaka),* chùm phối *(yoga gocchaka)* cũng như lối phân chùm lậu *(āsavagocchaka).*
* ... Liên quan pháp phi cái *(nīvarana);* cách phân chùm cái *(nivaraṇagocchaka)* như lối phân chùm triền *(saṅyojanagocchaka).*

NHỊ ĐỀ CHÙM PHI KHINH THỊ
(No parāmāsagocchakadukam)

117.

∗ Pháp phi khinh thị *(no parāmāso)* liên quan pháp phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
∗ Pháp phi tương ưng khinh thị liên quan pháp phi tương ưng khinh thị sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi khinh thị và phi phi cảnh khinh thị *(na parāmāso ceva na apārāmaṭṭho ca)*... pháp phi phi cảnh khinh thị và phi phi khinh thị... pháp phi khinh thị và phi phi cảnh khinh thị,... pháp phi phi cảnh khinh thị và phi phi khinh thị liên quan pháp phi khinh thị và phi phi cảnh khinh thị sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi khinh thị và phi phi cảnh khinh thị liên quan pháp phi phi cảnh khinh thị và phi phi khinh thị sanh ra di Nhân duyên.
∗ Pháp phi khinh thị và phi phi cảnh khinh thị liên quan pháp phi phi khinh thị và phi phi cảnh khinh thị, phi phi cảnh khinh thị và phi phi khinh thị sanh ra di Nhân duyên.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU CẢNH
(Na sārammaṇadukam)

118.

∗ Pháp phi hữu cảnh *(na sārammaṇo)* liên quan pháp phi hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi vô cảnh *(na anārammaṇo)* liên quan pháp phi hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi hữu cảnh và pháp phi vô cảnh liên quan pháp phi hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi vô cảnh liên quan pháp phi vô cảnh sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi hữu cảnh liên quan pháp phi vô cảnh sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi hữu cảnh và pháp phi vô cảnh liên quan pháp phi vô cảnh sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi hữu cảnh liên quan pháp phi hữu cảnh và pháp phi vô cảnh sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi vô cảnh liên quan pháp phi hữu cảnh và pháp phi vô cảnh sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi hữu cảnh và pháp phi vô cảnh liên quan pháp phi hữu cảnh và pháp phi vô cảnh sanh ra do Nhân duyên.

119.

Nhân 9, Bất ly. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI TÂM
(Na cittadukam)

120.

∗ Pháp phi tâm *(na citta*) liên quan pháp phi tâm sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phi tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi tâm và phi phi tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do Nhân duyên.

121.

Nhân 5. Tất cả đều 5.

NHỊ ĐỀ PHI SỞ HỮU TÂM
(Na cetasikadukam)

122.

∗ Pháp phi sở hữu tâm liên quan pháp phi sở hữu tâm *(na cetasika)* sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi phi sở hữu tâm *(na acetasika)* liên quan pháp phi sở hữu tâm *(na cetasika)* sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi sở hữu tâm và phi phi sở hữu tâm liên quan pháp phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi phi sở hữu tâm liên quan pháp phi phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi sở hữu tâm liên quan pháp phi phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi sở hữu và phi phi sở hữu tâm liên quan pháp phi phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi sở hữu tâm liên quan những pháp phi sở hữu tâm và phi phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi phi sở hữu tâm liên quan pháp phi sở hữu tâm và phi phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi sở hữu tâm và phi phi sở hữu tâm liên quan những pháp phi sở hữu tâm và phi phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.

123.

Nhân 9, Bất ly 9. Tất cả nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG TÂM
(Na cittasampayuttadukam)

124.

∗ Pháp phi tương ưng tâm *(na cittasampayutta)* liên quan pháp phi tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhānarūpa)* liên quan pháp tâm *(cittadhamma).*

∗ Pháp bất tương ưng tâm liên quan pháp phi tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên: Uẩn tương ưng tâm liên quan pháp tâm.

Nên sắp nhị đề đối lập *(paccanīyaduka)* đều 9 câu pháp, hầu làm cho đầy đủ 9 vấn đề *(pañhā)*.

NHỊ ĐỀ PHI HÒA TÂM
(No cittasaṅsaṭṭhadukam)

125.

Pháp phi hòa với tâm *(na cittasaṅsaṭṭho)* liên quan pháp phi hòa với tâm sanh ra do Nhân duyên 9 câu.

NHỊ ĐỀ PHI NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
(Na cittasamuṭṭhānadukam)

126.

Pháp phi nương tâm làm sở sanh *(na cittasamuṭṭhāno)* liên quan pháp phi nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên có 9 câu.

NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM
(Na cittasahabhudukam)

127.

Pháp phi đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên 9 câu.

NHỊ ĐỀ PHI TÙNG TÂM THÔNG LƯU
(Na cittānuparivattidukam)

128.

Pháp phi tùng tâm thông lưu *(na cittānuparivatti)* liên quan pháp phi tùng tâm thông lưu sanh ra do Nhân duyên có 9 câu.

NHỊ ĐỀ PHI HÒA NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
(Na cittasamsaṭṭhāsamutthanadukam)

129.

Pháp phi hòa nương tâm làm sở sanh *(na cittasamsaṭṭhasamuṭṭhāno)* liên quan pháp phi hòa nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên có 9 câu.

NHỊ ĐỀ PHI NƯƠNG, HÒA, SANH TỒN VỚI TÂM
(Na citta samsaṭṭhasamuṭṭhāna sahabhudukam)

130.

Pháp phi hòa, nương sanh tồn với tâm *(na cittasamsaṭṭhasamuṭṭhānasahabhū)* liên quan pháp phi hòa, nương, sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên có 9 câu.

NHỊ ĐỀ PHI HÒA, NƯƠNG, TÙNG THÔNG LƯU VỚI TÂM
(Na cittasamsatthasamutthananuparivattidukam)

131.

Pháp phi hòa, nương, tùng thông lưu tâm *(na citta samsatthasamuṭṭhānāuparivatti)* liên quan pháp phi hòa, nương, tùng thông lưu tâm sanh ra do Nhân duyên 9 câu.

132.

Nhân 9, Bất ly 9. Tất cả đều sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI NỘI BỘ
(Na ajjhattikadukam)

133.

∗ Pháp phi nội bộ *(na ajjhattika)* liên quan pháp phi nội bộ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi ngoại viện liên quan pháp phi ngoại viện *(na bāhira)* sanh ra do Nhân duyên: Sát-na tục sinh: Sắc tục sinh *(katattarupa)* nội bộ liên quan tâm.

134.

Nhân 9, Bất ly 9. Tất cả nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI Y SINH
(Na upādādukam)

135.

∗ Pháp phi y sinh *(na upādā)* liên quan pháp phi y sinh sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi y sinh *(na no upādā)* liên quan pháp phi y sinh sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi y sinh và phi phi y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...

136.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ
(Na upādinnadukam)

137.

∗ Pháp phi thành do thủ *(na upādinno)* liên quan pháp phi thành do thủ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi phi thành do thủ liên quan pháp phi phi thành do thủ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi thành do thủ *(na upādinno)* liên quan pháp phi phi thành do thủ *(na anupādinna)* sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi thành do thủ và phi phi thành do thủ liên quan pháp phi phi thành do thủ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi thành do thủ liên quan những pháp phi thành do thủ và phi phi thành do thủ sanh ra do Nhân duyên.

138.

Nhân 5. Tất cả nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI THỦ
(Na upādāna dukam)

139.

Pháp phi thủ *(na upādāno)* liên quan pháp phi thủ sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ PHI PHIỀN NÃO
(No kilesadukam)

140.

- Pháp phi phiền não *(no kileso)* liên quan pháp phi phiền não sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi phiền não *(na no kileso)* liên quan pháp phi phiền não sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi phiền não và phi phi phiền não liên quan pháp phi phiền não sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi phiền não liên quan pháp phi phi phiền não sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi phiền não liên quan pháp phi phiền não và phi phi phiền não sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

141.

Nhân 9. Tất cả đều 9.

NHỊ ĐỀ PHI CẢNH PHIỀN NÃO
(Na saṅkilesikadukam)

142.

- Pháp phi cảnh phiền não *(na saṅkilesiko)* liên quan pháp phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi cảnh phiền não liên quan pháp phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi cảnh phiền não và phi phi cảnh phiền não liên quan pháp phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi cảnh phiền não *(na asaṅkilesiko)* liên quan pháp phi phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi cảnh phiền não liên quan những pháp phi cảnh phiền não và phi phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

143.

Nhân 5, Bất ly 5. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI
(Na saṅkilitthadukam)

144.

- Pháp phi phiền toái *(na saṅkiliṭṭho)* liên quan pháp phi phiền toái sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi phiền toái *(na asaṅkiliṭṭho)* liên quan pháp phi phi phiền toái sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi phiền toái liên quan pháp phi phi phiền toái sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi phiền toái và phi phi phiền toái liên quan pháp phi phi phiền toái sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phiền toái liên quan những pháp phi phiền toái và phi phi phiền toái sanh ra do Nhân duyên.

145.

Nhân 5, Bất ly 5. Tất cả nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO

(Na kilesasampayuttadukam)

146.

- Pháp phi tương ưng phiền não *(na kilesa sampayutto)* liên quan pháp phi tương ưng phiền não sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất tương ưng phiền não *(na kilesa vippayutto)* liên quan pháp phi bất tương ưng phiền não sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi tương ưng phiền não liên quan những pháp phi tương ưng phiền não và phi bất tương ưng phiền não sanh ra do Nhân duyên.

147.

Nhân 5, Bất ly 5. Tất cả nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI PHIỀN NÃO CẢNH PHIỀN NÃO

(Na kilesasaṇkilesikadukam)

148.

- Pháp phi phiền não và phi phi cảnh phiền não *(na kiseso ceva na asankilesiko ca)* liên quan pháp phi phiền não và phi phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi phi cảnh phiền não và phi phi phiền não liên quan pháp phi phi cảnh phiền não và phi phi phiền não sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi phiền não và phi phi cảnh phiền não liên quan những pháp phi phiền não và phi phi cảnh phiền não, phi phi cảnh phiền não và phi phi phiền não sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

149.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI PHIỀN NÃO VÀ PHIỀN TOÁI

(Na kilesasankilliṭṭhadukam)

150.

- Pháp phi phiền não và phi phi phiền toái *(na kileso ceva na asaṅkiliṭṭho ca)* liên quan pháp phi phiền não và phi phi phiền toái sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi phi phiền toái và phi phi phiền não liên quan pháp phi phi phiền toái và phi phi phiền não sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi phi phiền toái và phi phi phiền não liên quan những pháp phi phiền não và phi phi phiền toái, phi phi phiền toái và phi phi phiền não sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

151.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI PHIỀN NÃO BẤT TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO
(Na kilesa kilesavippayuttadukam)

152.

∗ Pháp phi phiền não và phi bất tương ưng phiền não liên quan pháp phi phiền não và phi bất tương ưng phiền não *(na kileso ceva na kilesa vippayutto ca)* sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi bất tương ưng phiền não và phi phi phiền não liên quan pháp phi bất tương ưng phiền não và phi phi phiền não sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi phiền não và phi bất tương ưng phiền não liên quan những pháp phi phiền não và phi bất tương ưng phiền não, phi bất tương ưng phiền não và phi phi phiền não sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

153.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG PHIỀN NÃO VÀ PHI CẢNH PHIỀN NÃO
(Kilesasvippayutta na saṅkilesikadukam)

154.

∗ Pháp bất tương ưng phiền não và phi cảnh phiền não *(kilesavippayutto na saṅkilesiko)* liên quan pháp bất tương ưng phiền não và phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp bất tương ưng phiền não và phi phi cảnh phiền não liên quan pháp bất tương ưng phiền não và phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp bất tương ưng phiền não và phi cảnh phiền não, bất tương ưng phiền não và phi phi cảnh phiền não liên quan pháp bất tương ưng phiền não và phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp bất tương ưng phiền não và phi phi cảnh phiền não liên quan pháp bất tương ưng phiền não và phi phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp bất tương ưng phiền não và phi phi cảnh phiền não liên quan pháp bất tương ưng phiền não và phi cảnh phiền não, pháp bất tương ưng phiền não và phi phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

155.

Nhân 5. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
(Na dassanenapahātabbadukam)

156.

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabbo)* liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ *(na na dassanena pahātabbo)* liên quan pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan những pháp phi sơ đạo tuyệt trừ và phi phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

157.

Nhân 5, Cảnh 2.

NHỊ ĐỀ PHI BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ
(Na bhāvanāyapahātabbadukam)

158.

∗ Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabbo)* liên quan pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi phi ba đạo cao tuyệt trừ *(na na bhāvanāya pahātabba)* liên quan pháp phi phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan những pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ và phi phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

159.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
(Na dassanenapahātabbahetukadukam)

160.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabbahetuko)* liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

∗ Pháp phi phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan những pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ và phi phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

161.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ
(Na bhāvanāyapahātabbahetukadukam)

162.

∗ Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabba hetuko)* liên quan pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan những pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ và phi phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

163.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU TẦM
(Na savitakkadukam)

164.

∗ Pháp phi hữu tầm *(na savitakka)* liên quan pháp phi hữu tầm sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

∗ Pháp phi vô tầm *(na avitakko)* liên quan pháp phi vô tầm sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

∗ Pháp phi hữu tầm *(na savitakka)* liên quan những pháp phi hữu tầm và phi vô tầm sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

165.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU TỨ

(Na savicāradukam)

166.

- Pháp phi hữu tứ *(na savicāro)* liên quan pháp phi hữu tứ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi vô tứ *(na avicāra)* liên quan pháp phi vô tứ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi hữu tứ liên quan những pháp phi hữu tứ và phi vô tứ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

167.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU HỶ

(Na sappītidukam)

168.

- Pháp phi hữu hỷ *(na sappitito)* liên quan pháp phi hữu hỷ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi vô hỷ *(na apphītika)* liên quan pháp phi vô hỷ sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi hữu hỷ liên quan pháp phi hữu hỷ và phi vô hỷ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

169.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH HỶ

(Na pītisahagatadukam)

170.

- Pháp phi đồng sanh hỷ *(na pītisahagata)* liên quan pháp phi đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi phi đồng sanh hỷ *(na na pitisahagato)* liên quan pháp phi phi đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi đồng sanh hỷ liên quan những pháp phi đồng sanh hỷ và phi phi đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

171.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH LẠC
(Na sukhasahagatadukam)

172.

∗ Pháp phi đồng sanh lạc *(na sukhasahagato)* liên quan pháp phi đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp phi phi đồng sanh lạc *(na na sukhasahagato)* liên quan pháp phi phi đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp phi đồng sanh lạc liên quan những pháp phi đồng sanh lạc và phi phi đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

173.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH XẢ
(Na upekhāsahagatadukam)

174.

∗ Pháp phi đồng sanh xả liên quan pháp phi đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp phi phi đồng sanh xả liên quan pháp phi phi đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp phi đồng sanh xả liên quan những pháp phi đồng sanh xả và phi phi đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

175.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI DỤC GIỚI
(Na kāmāvacaradukam)

176.

∗ Pháp phi Dục giới liên quan pháp phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
∗ Pháp phi phi Dục giới liên quan pháp phi phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp phi Dục giới liên quan những pháp phi Dục giới và phi phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

177.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI SẮC GIỚI
(Na rūpāvacaradukam)

178.

∗ Pháp phi Sắc giới liên quan pháp phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp phi phi Sắc giới liên quan pháp phi phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp phi Sắc giới liên quan những pháp phi Sắc giới và phi phi Sắc giới *(na na rūpāvacara)* sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

179.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI VÔ SẮC GIỚI

(Na arūpāvacaradukam)

180.

∗ Pháp phi Vô sắc giới *(na arūpāvacara)* liên quan pháp phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

∗ Pháp phi phi Vô sắc giới liên quan pháp phi phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi phi Vô sắc giới liên quan những pháp phi Vô sắc giới và phi phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

181.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI LIÊN QUAN LUÂN HỒI

(Na pariyāpannadukam)

182.

∗ Pháp phi liên quan luân hồi *(na pariyāpanna)* liên quan pháp phi liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi bất liên quan luân hồi *(na apariyāpanna)* liên quan pháp phi bất liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp phi bất liên quan luân hồi liên quan những pháp phi liên quan luân hồi và phi bất liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

183.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN XUẤT LUÂN HỒI

(Na niyyānikadukam)

184.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi *(na niyyāniko)* liên quan pháp phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp phi phi nhân xuất luân hồi *(na aniyyāniko)* liên quan pháp phi phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi liên quan những pháp phi nhân xuất luân hồi và phi phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

185.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI NHỨT ĐỊNH
(Na niyatadukam)

186.

∗ Pháp phi nhứt định *(na niyata)* liên quan pháp phi nhứt định sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
∗ Pháp phi bất định *(na aniyata)* liên quan pháp phi bất định sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp phi bất định liên quan những pháp phi nhứt định và phi bất định sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

187.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU THƯỢNG
(Na sa uttaradukam)

188.

∗ Pháp phi hữu thượng *(na sa uttara)* liên quan pháp phi hữu thượng sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
∗ Pháp phi vô thượng *(na anuttara)* liên quan pháp phi vô thượng sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
∗ Pháp phi hữu thượng liên quan những pháp phi hữu thượng và phi vô thượng sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

189.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y
(Na saraṇadukam)

190.

∗ Pháp phi hữu y *(na saraṇo)* liên quan pháp phi hữu y sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
∗ Pháp phi vô y *(na araṇo)* liên quan pháp phi vô y sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
∗ Pháp phi hữu y liên quan những pháp phi hữu y và phi vô y sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

191.

Nhân 5.

Dứt Vị trí nhị đề đối lập (paccanīya dukapaṭṭhānamniṭṭhitam)

VỊ TRÍ NHỊ ĐỀ – TAM ĐỀ ĐỐI LẬP
(Paccanīya dukattika paṭṭhānam)

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI THIỆN
(Na hetuduka na kusalattikam)

192.

* Pháp phi thiện thuộc phi nhân liên quan pháp phi thiện thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh *(citasamuṭṭhānarūpa)* liên quan 1 uẩn bất thiện và vô ký thuộc phi nhân.
* Pháp phi thiện thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi thiện thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Nhân *(hetu)* liên quan uẩn bất thiện và vô ký thuộc phi nhân.
* Chư pháp phi thiện thuộc phi nhân và phi thiện thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi thiện thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

193.

* Pháp phi thiện thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi nhân liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi nhân và phi thiện thuộc thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

194.

* Pháp phi thiện thuộc phi nhân liên quan những pháp phi thiện thuộc phi nhân và phi thiện thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi phi nhân liên quan những pháp phi thiện thuộc phi phi nhân và pháp phi thiện thuộc phi phi nhân *(na na hetu na kusalo)* sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thiện thuộc phi nhân và phi thiện thuộc phi phi nhân liên quan những pháp phi thiện thuộc phi nhân và phi thiện thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

195.

Nhân 9, Bất ly 9, phi Nhân 2.

Dù phần đồng sanh *(sahajātavāra)* hay phần tương ưng *(sampayuttavāra)* tất cả đều nên sắp rộng.

196.

* Pháp phi thiện thuộc phi phi nhân làm duyên cho pháp phi thiện thuộc phi phi nhân bằng Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi phi nhân làm duyên cho pháp phi thiện thuộc phi nhân bằng Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi phi nhân làm duyên cho những pháp phi thiện thuộc phi nhân và phi thiện thuộc phi phi nhân bằng Nhân duyên.

197.

Pháp phi thiện thuộc phi nhân làm duyên cho pháp phi thiện thuộc phi nhân bằng Cảnh duyên.

198.

Nhân 3, Cảnh 9, Bất ly 9.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* nên sắp rộng như thế.

199.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi nhân liên quan pháp phi bất thiện thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhānarūpa)* liên quan 1 uẩn thiện và vô ký thuộc phi nhân.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi bất thiện thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên: Nhân *(hetu)* liên quan uẩn thiện và vô ký thuộc phi nhân.

∗ Chư pháp phi bất thiện thuộc phi nhân và phi bất thiện thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi bất thiện thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

200.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi bất thiện thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi nhân liên quan pháp phi bất thiện thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi bất thiện thuộc phi nhân và phi bất thiện thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi bất thiện thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

201.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi nhân liên quan những pháp phi bất thiện thuộc phi nhân và phi bất thiện thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi phi nhân liên quan những pháp phi bất thiện thuộc phi nhân và phi bất thiện thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi bất thiện thuộc phi nhân và phi bất thiện thuộc phi phi nhân liên quan những pháp phi bất thiện thuộc phi nhân và phi bất thiện thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

202.

Nhân 9, Bất ly 9. Tất cả đều 9.

203.

∗ Pháp phi vô ký *(na abyākato)* thuộc phi nhân liên quan pháp phi vô ký thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện và bất thiện thuộc phi nhân,... liên quan 3 uẩn.

∗ Pháp phi vô ký thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô ký thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi vô ký thuộc phi nhân và phi vô ký thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô ký thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

204.

Pháp phi vô ký thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô ký thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

205.

∗ Pháp phi vô ký thuộc phi nhân liên quan những pháp phi vô ký thuộc phi nhân và phi vô ký thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi vô ký thuộc phi phi nhân liên quan những pháp phi vô ký thuộc phi nhân và phi vô ký thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi vô ký thuộc phi nhân và phi vô ký thuộc phi phi nhân liên quan những pháp phi vô ký thuộc phi nhân và phi vô ký thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

206.

Nhân 9, Bất ly 9. Tất cả đều 9.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI THỌ

(Na hetuduka vedanāttikam)

207.

* Pháp phi tương ưng lạc thọ *(na sukhāya vedanāya sampayutto)* thuộc phi nhân liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi phi nhân *(na na hetu)* liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

208.

Nhân 9. Tất cả đều 9.

209.

Pháp phi tương ưng khổ thọ *(na dukkhāya vedanāya sampayutto)* thuộc phi nhân liên quan pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

210.

Nhân 9. Tất cả đều 9.

211.

Pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ *(na adukkhamasukhāya vedanāya sampayutto)* thuộc phi nhân liên quan pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

212.

Nhân 9. Tất cả đều 9.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI QUẢ

(Na hetuduka na vipākattikam)

213.

... Liên quan pháp phi quả thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi dị thục nhân *(na vipākadhammadhamma)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân thuộc phi nhân *(na hetu na nevavipāka na vipākadhamadhammam).*

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ

(Na hetukuka na upādinnupādāniyattikam)

214.

... Liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ *(na upādinnupādāniya)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ *(na anupādinnupādāniya)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ *(na anupādinna anupādāniya)* thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO

(Na hetuduka na saṅkiliṭṭhasaṅkilesikattikam)

215.

... Liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não *(na saṅkiliṭṭhasankilesika)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi phiền toái phi cảnh phiền não thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI TẦM
(Na hetuduka na vitakhattikam)

216.

... Liên quan pháp phi hữu tầm hữu tứ *(na savitakka savicara)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi vô tầm hữu tứ *(na avitakkavicaramatta)* thuộc phi nhân, liên quan pháp phi vo tầm vô tứ thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI HỶ
(Na hetuduka na pitittikam)

217.

... Liên quan pháp phi đồng sanh hỷ *(na pītisahagata)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi đồng sanh lạc thuộc phi nhân, liên quan pháp phi đồng sanh xả thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI KIẾN (SƠ ĐẠO)
(Na hetudukam na dassanattikam)

218.

... Liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabba)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabba)* thuộc phi nhân;.... liên quan pháp phi phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(na neva dassannena na bhāvanāya pahātabba)* thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
(Na hetudukam na dassanena pahātabbahetukattikam)

219.

... Liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabbahetuka)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabba hetuka)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(na neva dassanena na bhāvanāya pahātabba hetuka)* thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI NHÂN SANH TỬ
(Na hetuduka na ācayagāmittikam)

220.

... Liên quan pháp phi nhân sanh tử *(na ācayagāmī)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi nhân đến Níp Bàn *(na apacayagāmi),...* liên quan pháp phi phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(na nevācayagāminapacayagāmi)* thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI HỮU HỌC

(Na hetuduka na sekkhattikam)

221.

... Liên quan pháp phi hữu học *(na sekkha)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi vô học *(na asekkha)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi hữu học phi vô học *(na nevasekkhānāsekkha)* thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI HY THIỂU

(Na hetuduka na parittattikam)

222.

... Liên quan pháp phi hy thiểu *(na paritta)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi đáo đại *(na mahaggata)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi vô lượng *(na appamāṇa)* thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI CẢNH HY THIỂU

(Na hetuduka na parittārammaṇattikam)

223.

... Liên quan pháp phi cảnh hy thiểu *(na parittārammana)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi cảnh đáo đại *(na mahaggatārammaṇa)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi cảnh vô lượng *(na appamānārammaṇa)* thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI TY HẠ

(Na hetuduka na hīnattikam)

224.

... Liên quan pháp phi ty hạ *(na hīna)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi trung bình *(na majjhima)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi tinh lương *(na panita).*

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI TÀ

(Na hetuduka na micchattattikam)

225.

... Liên quan pháp phi tà cho quả nhứt định *(na micchattaniyata)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi chánh cho quả nhứt định *(na sammattaniyata)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi bất hạnh *(na aniyata)* thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI CÓ ĐẠO LÀ CẢNH

(Na hetudukam na maggārammanattikam)

226.

... Liên quan pháp phi có đạo là cảnh *(na maggarammana)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi có đạo là nhân *(na maggahetuka)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi có đạo là trưởng *(na maggādhipati*) thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI SANH TỒN
(Na hetuduka na uppannattikam)

227.

... Liên quan pháp phi phi sanh tồn *(na anuppanna)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi sẽ sanh *(na uppadī)* thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI QUÁ KHỨ
(Na hetuduka na atītattīkam)

228.

... Liên quan pháp phi quá khứ *(na atita),...* liên quan pháp phi vị lai *(na anāgata).*

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI CẢNH QUÁ KHỨ
(Na hetudukam na atitārammaṇattikam)

229.

... Liên quan pháp phi cảnh quá khứ thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi cảnh vị lai thuộc phi nhân,.... liên quan pháp phi cảnh hiện tại thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI NỘI BỘ
(Na hetuduka na ajjhattattikam)

230.

... Liên quan pháp phi nội bộ *(na ajjhatta)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi ngoại viện *(na bahiddha)* thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI CẢNH NỘI BỘ
(Na hetuduka na ajjhattārammanattikam)

231.

... Liên quan pháp phi cảnh nội bộ thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi cảnh ngoại viện thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
(Na hetuduka na sanidassanattikam)

232.

* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu *(na sanidassana sappaṭigha)* thuộc phi nhân, liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

233.

* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

234.

* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân liên quan những pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân và pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

235.

Nhân 9, Bất ly 9. Tất cả đều 9.

236.

* Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu *(na anidassana sappaṭigha)* thuộc phi nhân liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân và phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

237.

* Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân và phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

238.

* Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân liên quan những pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân và phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân và phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân và phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân liên quan những pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân và phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

239.

Nhân 9, Bất ly 9.

Dù Phần đồng sanh hay phần tương ưng đều sắp rộng.

240.

- Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân làm duyên cho pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân bằng Nhân duyên.
- Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân làm duyên cho pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân bằng Nhân duyên.
- Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân làm duyên cho những pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân và phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân bằng Nhân duyên.

241.

Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân làm duyên cho pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân bằng Cảnh duyên.

242.

Nhân 3, Cảnh 9, Bất ly 9.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* nên sắp rộng như thế.

243.

Pháp phi vô kiến vô đối chiếu thuộc phi nhân liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

244.

Nhân 1. Tất cả đều 1.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN – TAM ĐỀ PHI THIỆN

(Na na hetuduka na kusalattikam)

245.

- Pháp phi thiện thuộc phi hữu nhân *(na sahetuka)* liên quan pháp phi thiện thuộc phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên: Sắc nương tâm sanh *(cittasamutthānarūpa)* liên quan si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật, 3 đại sung liên quan 1 đại sung *(mahā bhūta).*
- Pháp phi thiện thuộc phi vô nhân *(na ahetuka)* liên quan pháp phi thiện thuộc phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên: Uẩn tương ưng liên quan si đồng sanh hoài nghi đồng sanh phóng dật; sát-na tục sinh: Uẩn hữu nhân *(sahetukā khandhā)* liên quan vật *(vatthu).*
- Chư pháp phi thiện thuộc phi hữu nhân và phi thiện thuộc phi vô nhân liên quan pháp phi thiện thuộc phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi thiện thuộc phi vô nhân liên quan pháp phi thiện thuộc phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi thiện thuộc phi hữu nhân liên quan những pháp phi thiện thuộc phi hữu nhân và phi thiện thuộc phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

246.

Nhân 9.

247.

* Pháp phi bất thiện thuộc phi hữu nhân liên quan pháp phi bất thiện thuộc phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi bất thiện thuộc phi vô nhân liên quan pháp phi bất thiện thuộc phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
* Pháp phi bất thiện thuộc phi hữu nhân liên quan pháp phi bất thiện thuộc phi hữu nhân và phi bất thiện thuộc phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

248.

Nhân 9.

249.

* Pháp phi vô ký thuộc phi vô nhân liên quan pháp phi vô ký thuộc phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi vô ký thuộc phi vô nhân liên quan pháp phi vô ký thuộc phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
* Pháp phi vô ký thuộc phi vô nhân liên quan những pháp phi vô ký thuộc phi hữu nhân và phi vô ký thuộc phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

250.

Nhân 3.

Nhị đề phi tương ưng nhân *(na hetusampayuttadukam)* cũng như nhị đề phi nhân phi hữu nhân *(na hetu na sahetukadukasadisam)*

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN – TAM ĐỀ PHI THIỆN

(Na hetusahetukaduka na kusalattikam)

251.

* Pháp phi thiện phi nhân và phi vô nhân.
liên quan pháp phi thiện phi nhân và phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện phi vô nhân và phi phi nhân liên quan pháp phi thiện phi nhân và phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thiện phi phi nhân phi vô nhân và phi thiện phi vô nhân phi phi nhân liên quan pháp phi thiện phi nhân phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi thiện phi vô nhân phi phi nhân liên quan pháp phi thiện phi vô nhân phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi thiện phi nhân phi vô nhân liên quan những pháp phi thiện phi nhân phi vô nhân và phi thiện phi vô nhân phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

252.

Nhân 9.

253.

* Pháp phi bất thiện thuộc phi nhân và phi vô nhân liên quan pháp phi bất thiện thuộc phi nhân và phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên

254.

Nhân 9.

255.

* Pháp phi vô ký thuộc phi nhân và phi vô nhân liên quan pháp phi vô ký thuộc phi nhân và phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.

256.

Nhân 9.

Nhị đề phi nhân và phi bất tương ưng nhân cũng như nhị đề phi nhân và phi tương ưng nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN PHI HỮU NHÂN – TAM ĐỀ PHI THIỆN

257.

* Pháp phi thiện thuộc phi nhân và phi hữu nhân liên quan pháp phi thiện thuộc phi nhân và phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên có 9 câu.
* Pháp phi bất thiện thuộc phi nhân và phi hữu nhân liên quan pháp phi bất thiện thuộc phi nhân và phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên có 9 câu.
* Pháp phi vô ký thuộc phi nhân và phi vô nhân liên quan pháp phi vô ký thuộc phi nhân và phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên chỉ có 1 câu.

Theo phương tiện này thì nhị đề thiện, bất thiện cũng như tam đề thiện hiệp theo đây.

NHỊ ĐỀ ĐỈNH – TAM ĐỀ PHI THIỆN

(Cūlantaraduka na kusalattikam)

258.

... Liên quan pháp phi thiện phi vô duyên *(na appaccaya),...* liên quan pháp phi thiện phi hữu vi *(na asaṅkhata),...* liên quan pháp phi thiện phi hữu kiến *(na sanidassana),...* liên quan pháp phi thiện phi hữu đối chiếu *(na sappaṭigha),...* liên quan pháp phi thiện phi vô đối chiếu *(na appaccaya),...* liên quan pháp phi thiện phi vô sắc *(na arūpī),....* liên quan pháp phi thiện phi hiệp thế *(na lokiya),...* liên quan pháp phi thiện phi siêu thế *(na lokuttara),...* liên quan pháp phi thiện phi có tâm biết đặng *(na kenaciviññeyya),...* liên quan pháp phi thiện phi không có tâm biết đặng *(na kenaci na viññeyya).*

NHỊ ĐỀ CHÙM PHI LẬU – TAM ĐỀ PHI THIỆN

(No āsavagocchakaduka na kusalattikam)

259.

* ... Liên quan pháp phi thiện phi lậu *(no āsava),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi lậu *(na no asava),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi cảnh lậu *(na sāsava),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi cảnh lậu *(na anāsava).*
* ... Liên quan pháp phi thiện phi tương ưng lậu *(na āsavasampayutta),...* liên quan pháp phi thiện phi bất tương ưng lậu *(na āsavavippayutta).*
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi lậu và phi phi cảnh lậu *(na āsavañceva na anāsavañca),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi cảnh lậu và phi phi lậu *(na anāsavañceva na no ca āsava).*
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi lậu và phi bất tương ưng lậu,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu.
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi bất tương ưng lậu và phi cảnh lậu,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi bất tương ưng lậu và phi phi cảnh lậu.

NHỊ ĐỀ CHÙM SÁU – TAM ĐỀ PHI THIỆN
(Chagocchakaduka na kusalattikam)

260.

∗ ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi triền *(na sanyohjana)*,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi triền *(na no samyojana).*

∗ ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi phược *(no gantho)*,... phi bộc *(no ogha)*,... phi phối *(no yoga)*,... phi cái *(na nīvaraṇa)*,... phi khinh thị *(no parāmāsa).*

NHỊ ĐỀ ĐẠI – TAM ĐỀ PHI THIỆN
(Mahataraduka na kusalattikam)

261.

∗ ... Phi hữu cảnh *(na sārammaṇa)*,... phi vô cảnh *(na anārammaṇa).*

∗ ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi tâm *(no citta)*,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi tâm *(na no cita)*,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi sở hữu tâm *(na cetasika)*,... tóm tắt....

∗ ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi tương ưng tâm,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi hòa hợp tâm *(citasamsaṭṭha),...*liên quan pháp phi thiện thuộc phi nương tâm làm sở sanh *(no cittasamuṭṭhāna).*

∗ ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi sanh tồn với tâm *(no cittasahabhu)*,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi tùng thông lưu với tâm *(no cittanuparivatti)*,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi hòa nương tâm làm sở sanh *(no citta samsaṭṭhasamuṭṭhāna).*

∗ ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh *(no citta samsaṭṭha samuṭṭhāna sahabhu),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi hòa phi tùng hành phi nương tâm làm sở sanh *(no cittta samsaṭṭha samuṭṭhānānuparivatti).*

∗ ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi nội bộ *(na ajjhattika)*,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi ngoại viện *(na bahira).*

∗ ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi y sinh *(no upādā),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi thành do thủ *(na upādima).*

NHỊ ĐỀ CHÙM PHI THỦ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
(No upādānāgocchakaduka na kusalattikam)

262.

… Liên quan pháp phi thiện thuộc phi thủ *(no upādāna)*.

NHỊ ĐỀ CHÙM PHI PHIỀN NÃO – TAM ĐỀ PHI THIỆN
(No kilesagocchakaduka na kusalattikam)

263.

∗ ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi phiền não... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi phiền não.

∗ ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi cảnh phiền não *(na saṅkilesika),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi cảnh phiền não *(na asaṅkilesika).*

∗ ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi phiền toái,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi phiền toái.

* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi tương ưng phiền não,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi bất tương ưng phiền não.
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi phiền não và phi phi cảnh phiền não,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi cảnh phiền não và phi phi phiền não.
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi phiền não và phi phi phiền toái,.... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi phiền toái và phi phi phiền não.
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi phiền não và phi bất tương ưng phiền não,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi bất tương ưng phiền não và phi phi phiền não.
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi bất tương ưng phiền não và phi cảnh phiền não,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi bất tương ưng phiền não và phi phi cảnh phiền não.

NHỊ ĐỀ YÊU BỐI – TAM ĐỀ PHI THIỆN

(Piṭṭhiduka na kusalattikam)

264.

* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabba),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi sơ đạo tuyệt trừ.
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabba),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabba hetuka),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvañāya pahātabbahetuka),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi hữu tầm,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi vô tầm.
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi hữu tứ, liên quan pháp phi thiện thuộc phi vô tứ *(na avicāra)*.
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi hữu hỷ,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi vô hỷ *(na appītika)*.
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi đồng sanh hỷ,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi đồng sanh hỷ.
* ... Liên quan pháp phi thiện phi đồng sanh lạc,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi đồng sanh lạc.
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi đồng sanh xả,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi đồng sanh xả.
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi Dục giới,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi Dục giới.
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi Sắc giới,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi Sắc giới.
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi Vô sắc giới,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi Vô sắc giới.
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi liên quan luân hồi *(na pariyāpanna),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi bất liên quan luân hồi *(na apariyāpanna)*.

* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi nhân xuất luân hồi *(na niyyānika),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi nhân xuất luân hồi *(na aniyyānika).*
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi (cho quả) nhứt định *(na niyata),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi (cho quả) bất định *(na aniyata).*
* ... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi hữu thượng *(na sa uttara),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi vô thượng *(na anuttara).*

265.

* Pháp phi thiện thuộc phi hữu y *(na sarana)* liên quan pháp phi thiện thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi vô y *(na arana)* liên quan pháp phi thiện thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi hữu y liên quan pháp phi thiện thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thiện thuộc phi hữu y và phi thiện thuộc phi vô y liên quan pháp phi thiện thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi hữu y liên quan những pháp phi thiện thuộc phi hữu y và phi thiện thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

266.

Nhân 5, Bất ly 5.

267.

Pháp phi bất thiện thuộc phi hữu y liên quan pháp phi bất thiện thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

268.

Nhân 1. Tất cả đều 1.

269.

* Pháp phi vô ký thuộc phi hữu y liên quan pháp phi vô ký thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô ký thuộc phi vô y liên quan pháp phi vô ký thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

270.

Nhân 2, Cảnh 2, Bất ly 2.

Dù phần đồng sanh *(sanhajātavāra)* hay phần vấn đề *(pañhāvāra)* đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI THỌ

(Na saraṇaduka na vedanāttikam)

271.

... Liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi hữu y.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI QUẢ
(Na saraṇaduka na vipākattikam)

272.

... Liên quan pháp phi quả thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi dị thục nhân thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân *(na neva vipāka na vipākadhammadhamma)* thuộc phi hữu y.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ
(Na saraṇaduka na upādinnupādāniyattikam)

273.

... Liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ *(na upādinnupādāniya)* thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ thuộc phi hữu y,... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
(Na saraṇaduka na sanidassanattikam)

274.

- Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu *(na sani dassanasappaṭigha)* thuộc phi hữu y liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô y *(na araṇo)* liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi hữu y và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô y liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô y liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi hữu y liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi hữu y và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô y liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi hữu y liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi hữu y và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

275.

Nhân 9.

276.

- Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi hữu y liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu *(na anidassanasappaṭigha)* thuộc phi vô y liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi hữu y liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

* Chư pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi hữu y và phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô y liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi hữu y liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi hữu y và phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

277.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

278.

Pháp phi vô kiến vô đối chiếu *(na anidassana appatigha)* thuộc phi hữu y liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

279.

Nhân 1. Tất cả đều nên sắp rộng.

Dứt Vị trí nhị đề tam đề đối lập (paccanīya dukattika paṭṭhāna niṭṭhitam).

VỊ TRÍ TAM ĐỀ – NHỊ ĐỀ ĐỐI LẬP
(Paccanīya tikaduka paṭṭhānam)

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
(Na kusalattika na hetudukam)

280.

* Pháp phi nhân thuộc phi thiện liên quan pháp phi nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thuộc phi vô ký liên quan pháp phi nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân thuộc phi thiện và phi nhân thuộc phi vô ký liên quan pháp phi nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân thuộc phi thiện và phi nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

281.

* Pháp phi nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thuộc phi thiện liên quan pháp phi nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thuộc phi vô ký liên quan pháp phi nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân thuộc phi bất thiện và phi nhân thuộc phi vô ký liên quan pháp phi nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân thuộc phi thiện và phi nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

282.

* Pháp phi nhân thuộc phi vô ký liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thuộc phi thiện liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân thuộc phi thiện và phi nhân thuộc phi vô ký liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân thuộc phi bất thiện và phi nhân thuộc phi vô ký liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân thuộc phi thiện và phi nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

283.

* Pháp phi nhân thuộc phi thiện liên quan những pháp phi nhân thuộc phi thiện và phi nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thuộc phi bất thiện liên quan những pháp phi nhân thuộc phi thiện và phi nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp phi nhân thuộc phi vô ký liên quan pháp phi nhân thuộc phi thiện và phi nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.

284.

* Pháp phi nhân thuộc phi thiện liên quan những pháp phi nhân thuộc phi bất thiện và phi nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thuộc phi bất thiện liên quan những pháp phi nhân thuộc phi bất thiện và phi nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thuộc phi vô ký liên quan những pháp phi nhân thuộc phi bất thiện và phi nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

285.

* Pháp phi nhân thuộc phi thiện liên quan những pháp phi nhân thuộc phi thiện và phi nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi nhân thuộc phi thiện và pháp phi nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân thuộc phi thiện và phi nhân thuộc phi bất thiện liên quan những pháp phi nhân thuộc phi thiện và phi nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

286.

Nhân 29, Cảnh 24, Bất ly 29. Tất cả nên sắp rộng.

287.

* Pháp phi phi nhân thuộc phi thiện liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi nhân thuộc phi vô ký liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi nhân thuộc phi thiện và phi phi nhân thuộc phi vô ký liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi phi nhân thuộc phi thiện và phi phi nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi phi nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi phi nhân thuộc phi vô ký liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi phi nhân thuộc phi thiện liên quan những pháp phi phi nhân thuộc phi thiện và phi phi nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi phi nhân thuộc phi bất thiện liên quan những pháp phi phi nhân thuộc phi bất thiện và phi phi nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi phi nhân thuộc phi thiện liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi thiện và pháp phi phi nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

288.

Nhân 24, Cảnh 24, Bất ly 24. Tất cả đều nên sắp rộng.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN

(Na kusalattika na sahetukadukam)

289.

- Pháp phi hữu nhân thuộc phi thiện liên quan pháp phi hữu nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi hữu nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi hữu nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi hữu nhân thuộc phi thiện và phi hữu nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi hữu nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi hữu nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi hữu nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi hữu nhân thuộc phi thiện liên quan pháp phi hữu nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi hữu nhân thuộc phi thiện và phi hữu nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi hữu nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi hữu nhân thuộc phi thiện liên quan pháp phi hữu nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi hữu nhân thuộc phi thiện liên quan những pháp phi hữu nhân thuộc phi thiện và phi hữu nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi hữu nhân thuộc phi thiện liên quan pháp phi hữu nhân thuộc phi thiện và phi hữu nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

290.

Nhân 15, Cảnh 9, Bất ly 15. Tất cả đều nên sắp rộng.

291.

- Pháp phi vô nhân thuộc phi thiện liên quan pháp phi vô nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
- Pháp phi vô nhân *(na ahetuka)* thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi vô nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
- Pháp phi vô nhân thuộc phi vô ký liên quan pháp phi vô nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
- Pháp phi vô nhân thuộc phi thiện liên quan pháp phi vô nhân thuộc phi thiện và pháp phi vô nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi vô nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi vô nhân thuộc phi bất thiện và phi vô nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi vô nhân thuộc phi bất thiện liên quan những pháp phi vô nhân thuộc phi thiện và phi vô nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

292.

Nhân 24, Bất ly 24. Tất cả đều nên sắp rộng.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN

(Na kusalattika na hetusampayuttadukam)

293.

... Liên quan pháp phi tương ưng nhân thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi bất tương ưng nhân thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN

(Na kusalattika na hetu sahetukadukam)

294.

* ... Liên quan pháp phi nhân và phi vô nhân thuộc phi thiện.
* ... Liên quan pháp phi vô nhân và phi phi nhân thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN

(Na kusalattika na hetu hetusampayuttadukam)

295.

... Liên quan pháp phi nhân và phi bất tương ưng nhân thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi bất tương ưng nhân và phi phi nhân thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN PHI HỮU NHÂN

(Na kusalattika na hetu na sahetukadukam)

296.

... Liên quan phi nhân và phi hữu nhân thuộc phi thiện;... liên quan pháp phi nhân và phi vô nhân thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ ĐỈNH

(Na kusalattika cūḷantaradukam)

297.

* ... Liên quan pháp phi vô duyên *(na appaccaya)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi vô vi *(na asankhata)* thuộc phi thiện.
* ... Liên quan pháp phi hữu kiến *(na sanidassana)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi vô kiến *(na anidassana)* thuộc phi thiện.
* ... Liên quan pháp phi hữu đối chiếu *(na sappaṭigha)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi vô đối chiếu *(na appatigha)* thuộc phi thiện.
* ... Liên quan pháp phi sắc *(na rūpī)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi sắc *(na arūpi)* thuộc phi thiện.
* ... Liên quan pháp phi hiệp thế *(na lokiya)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi siêu thế *(na lokuttara)* thuộc phi thiện.
* ... Liên quan pháp phi có tâm biết đặng *(na kenaciviññeyya)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi có tâm không biết đặng *(na kenacina viññeyya)* thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI LẬU

(Na kusalattika no āsavagocchakadukam)

298.

* ... Liên quan pháp phi lậu *(no āsava)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi lậu thuộc phi thiện.
* ... Liên quan pháp phi cảnh lậu *(na sāsava)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi cảnh lậu *(na anāsava)* thuộc phi thiện.
* ... Liên quan pháp phi tương ưng lậu thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi bất tương ưng lậu thuộc phi thiện.

* ... Liên quan pháp phi lậu và phi phi cảnh lậu thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi cảnh lậu và phi phi lậu thuộc phi thiện.
* ... Liên quan pháp phi lậu và phi bất tương ưng lậu thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu thuộc phi thiện.
* ... Liên quan pháp phi bất tương ưng lậu và phi cảnh lậu thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi bất tương ưng lậu và phi phi cảnh lậu thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ CHÙM SÁU

(Na kusalattika cha gocchakadukam)

299.

* ... Liên quan pháp phi triền *(no samyojana)* thuộc phi thiện.
* ... Liên quan pháp phi phược *(no gantha)* thuộc phi thiện,
* ... Liên quan pháp phi bộc *(no ogha)* thuộc phi thiện,
* ... Liên quan pháp phi phối *(no yoga)* thuộc phi thiện,
* ... Liên quan pháp phi cái *(no nīvarana)* thuộc phi thiện.
* ... Liên quan pháp phi khinh thị *(no parīmasa)* thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ ĐẠI

(Mahataradukam)

300.

* ... Liên quan pháp phi hữu cảnh *(na sarammaṇa)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi vô cảnh *(na anārammaṇa)* thuộc phi thiện,...tóm tắt...

  Không cần phân câu phi phi tâm *(na no cittapadam na labbhati).*
* ... Liên quan pháp phi tâm thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi sở hữu tâm thuộc phi thiện.
* ... Liên quan pháp phi tương ưng tâm thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi hòa tâm *(no cittasamsaṭṭha)* thuộc phi thiện.
* ... Liên quan pháp phi nương tâm làm sở sanh *(na cittasamuṭṭhāna)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi đồng sanh tồn với tâm *(no cittasahabhu)* thuộc phi thiện.
* ... Liên quan pháp phi tùng tâm thông lưu *(na cittanuparivatti)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi hòa nương tâm làm sở sanh *(na cittasamsaṭṭhasamuṭṭhāna)* thuộc phi thiện.
* ... Liên quan pháp phi hòa, đồng sanh tồn, nương tâm làm sở sanh *(na cittasamsaṭṭhasamuṭṭhānasahabhu)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi hòa, tùng thông lưu, nương tâm làm sở sanh *(na cittasamsaṭṭhasamuṭṭhānānuparivatti)* thuộc phi thiện.
* ... Liên quan pháp phi nội bộ *(na ajjhattika)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi ngoại viện *(na bāhira)* thuộc phi thiện.
* ... Liên quan pháp phi y sinh *(na upādā)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi thành do thủ *(na upādinna)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi thành do thủ *(na anupādinna)* thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ CHÙM HAI
(Na kusalattika dvigocchakadukam)

301.

- ... Liên quan pháp phi thủ phi thiện *(no upādāna)*,... liên quan pháp phi phi thủ *(na no upādāna)* thuộc phi thiện.
- ... Liên quan pháp phi phiền não *(no kilesa)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi phiền não thuộc phi thiện *(na no kilesa).*

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ YÊU BỐI
(Na kusalattika pittidukam)

302.

- ... Liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabba)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc phi thiện.
- ... Liên quan pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi thiện.
- ... Liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabba hetuka)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thuộc phi thiện.
- ... Liên quan pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi thiện.
- ... Liên quan pháp phi hữu tầm *(na savitakka)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi vô tầm thuộc phi thiện.
- ... Liên quan pháp phi hữu tứ *(na savicāra)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi vô tứ *(na avicāra)* thuộc phi thiện.
- ... Liên quan pháp phi hữu hỷ *(na sappītika)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi vô hỷ *(na appitika)* thuộc phi thiện.
- ... Liên quan pháp phi đồng sanh hỷ thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi đồng sanh hỷ thuộc phi thiện.
- ... Liên quan pháp phi đồng sanh lạc thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi đồng sanh lạc thuộc phi thiện.
- ... Liên quan pháp phi đồng sanh xả thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi đồng sanh xả thuộc phi thiện.
- ... Liên quan pháp phi Dục giới *(na kāmāvacara)* thuộc phi thiện,...liên quan pháp phi phi Dục giới thuộc phi thiện.
- ... Liên quan pháp phi Sắc giới *(na rūpāvacara)* thuộc phi thiện,...liên quan pháp phi phi Sắc giới thuộc phi thiện.
- ... Liên quan pháp phi Vô sắc giới *(na arūpāvacara)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi Vô sắc giới thuộc phi thiện.
- ... Liên quan pháp phi liên quan luân hồi *(na pariyāpanna)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi bất liên quan luân hồi *(na apariyāpanna*) thuộc phi thiện.
- ... Liên quan pháp phi nhân xuất luân hồi *(na niyyānika)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi nhân xuất luân hồi *(na aniyyānika)* thuộc phi thiện.
- ... Liên quan pháp phi nhất định phi thiện *(na niyata)*,.... liên quan pháp phi bất định *(na aniyata)* thuộc phi thiện.
- ... Liên quan pháp phi hữu thượng *(na sa uttara)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi vô thượng *(na anuttara)* thuộc phi thiện.

303.

- Pháp phi hữu y *(na sarana)* thuộc phi thiện liên quan pháp phi hữu y thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi hữu y thuộc phi bất thiện liên quan những pháp phi hữu y thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi hữu y thuộc phi thiện và phi hữu y thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi hữu y thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi hữu y thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi hữu y thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
- Pháp phi hữu y thuộc phi vô ký liên quan pháp phi hữu y thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
- Pháp phi hữu y thuộc phi thiện liên quan những pháp phi hữu y thuộc phi bất thiện và phi hữu y thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
- Pháp phi hữu y thuộc phi thiện liên quan những pháp phi hữu y thuộc phi thiện và phi hữu y thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

304.

Nhân 21, Cảnh 17, Bất ly 21. Tất cả đều nên sắp rộng.

305.

Pháp phi vô y *(na araṇo)* thuộc phi thiện liên quan pháp vô y thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

306.

Nhân 9.

TAM ĐỀ PHI THỌ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Na vedanāttiaka na hetudukam)

307.

- Pháp phi nhân thuộc phi tương ưng lạc thọ liên quan pháp phi nhân thuộc phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân thuộc phi tương ưng khổ thọ liên quan pháp phi nhân thuộc phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ *(na adukkamsukhaya vedanāya sampayuttta)* liên quan pháp phi nhân phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân thuộc phi tương ưng khổ thọ liên quan pháp phi nhân thuộc phi tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.
- ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ...

TAM ĐỀ PHI QUẢ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Na vipākattika na hetudukam)

308.

... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi dị thục quả *(na vipāka),...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi dị thục nhân *(na vipākadhammadhamma),..* liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi dị thục quả phi dị thục nhân *(na nevavipāka navipākadhammadhamma).*

309.

... Liên quan pháp phi nhân phi thành do thủ cảnh thủ *(na upādinnupādāniya),...* liên quan pháp phi nhân phi phi thành do thủ cảnh thủ *(na anupādinnupādāniya),...* liên quan pháp phi nhân phi phi thành do thủ phi cảnh thủ *(na anupādinna anupādāniya).*

TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Na saṅkiliṭṭhasaṅkilesikattika na hetudukam)

310.

... Liên quan phi nhân thuộc phi phiền toái cảnh phiền não *(na saṅkiliṭṭhasaṅkilesika),...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi phiền toái cảnh phiền não *(na asaṅkiliṭṭhasankilesika),...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi phiền toái phi cảnh phiền não *(na asaṅkiliṭṭha asaṅkilesika).*

TAM ĐỀ PHI TẦM - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Na savitakattika na hetudukam)

311.

... liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu tầm hữu tứ *(na savitakkasavicāra);...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô tầm hữu tứ *(na avitakkavicāramatta),...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô tầm vô tứ *(na avitakka avicāra).*

TAM ĐỀ PHI HỶ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Na pītittika na hetudukam)

312.

... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi đồng sanh hỷ,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi đồng sanh lạc,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi đồng sanh xả.

TAM ĐỀ PHI SƠ ĐẠO (KIẾN) - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Na dassanattika na hetudukam)

313.

... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabba),...* liên quan pháp phi nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabha),...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(na neva dassanena na bhāvanāya pahātabba).*

TAM ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Na dassanena pahātabbahetukattika na hetudukam)

314.

... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabbahetuka),...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.

TAM ĐỀ PHI NHÂN SANH TỬ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Na ācayagāmittika na hetudukam)

315.

... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi nhân sanh tử *(na ācayagāmi),...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi nhân đến Níp Bàn *(na apacayagāmi),...* liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn.

TAM ĐỀ PHI HỮU HỌC - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Na sekkhattika na hetudukam)

316.

... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu học *(na sekkha),...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô học *(na asekkha),...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi hữu học phi vô học *(na nevasekkhānasekkha).*

TAM ĐỀ PHI HY THIỂU - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Na parittattika na hetudukam)

317.

... Liên quan pháp phi nhân phi hy thiểu *(na paritta),...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi đáo đại *(na mahaggata),...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô lượng *(na appamāṇa).*

TAM ĐỀ PHI CẢNH HY THIỂU - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Na parittārammaṇattika na hetudukam)

318.

... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi cảnh hy thiểu,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi cảnh đáo đại,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi cảnh vô lượng.

TAM ĐỀ PHI TY HẠ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Na hīnattika na hetudukam)

319.

... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi ty hạ *(na hina),...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi trung bình *(na majjhima),...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi tinh lương *(na pa nīta).*

TAM ĐỀ PHI TÀ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Na micchattattika na hetudukam)

320.

... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi tà cho quả nhứt định *(na micchattaniyata),...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi cảnh cho quả nhứt định *(na sammattaniyata)...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi bất định *(na aniyata).*

TAM ĐỀ PHI CÓ CẢNH LÀ ĐẠO - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
(Na maggārammaṇattika na hetudukam)

321.

... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi có cảnh là đạo *(na maggārammaṇa),...* liên quan pháp phi nhân phi có nhân là đạo *(na maggahetuka),...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi có trưởng là đạo *(na maggādhipati).*

TAM ĐỀ PHI SANH TỒN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
(Na uppananattika na hetudukam)

322.

... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi sanh tồn *(na anuppanna),...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi sẽ sanh *(na uppādi).*

TAM ĐỀ PHI QUÁ KHỨ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
(Na atītattika na hetudukam)

323.

* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi quá khứ
* ... Liên quan pháp phi nhân phi vị lai *(na anāgata).*

TAM ĐỀ PHI CẢNH QUÁ KHỨ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
(Na atītārammaṇattika na hetudukam)

324.

... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi cảnh quá khứ *(na atītārammaṇa),..* liên quan pháp phi nhân thuộc phi cảnh vị lai,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi cảnh hiện tại.

TAM ĐỀ PHI NỘI BỘ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
(Na ajjhattattika na hetudukam)

325.

... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi nội bộ *(ajjhatta),...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi ngoại viện *(na bahiddhā).*

TAM ĐỀ PHI CẢNH NỘI BỘ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
(Na ajjhattarammanattika na hetudukam)

326.

... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi cảnh nội bộ *(na ajjhattārammaṇa),...* liên quan pháp phi nhân thuộc phi cảnh ngoại viện *(na bahiddhārammaṇa).*

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Na sanidassanattika na hetudukam)

327.

- Pháp phi nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu *(na sanidassana sappaṭigha)* liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu *(na anidassana sappaṭigha)* liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân thuộc phi vô kiến vô đối chiếu *(na anidassana appatigha)* liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.
- Pháp phi nhân thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.
- Pháp phi nhân thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan những pháp phi nhân phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi nhân thuộc phi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.
- Pháp phi nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan những pháp phi nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi nhân thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

328.

Nhân 30, Cảnh 9. Tất cả đều nên sắp rộng.

329.

Pháp phi nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 9 câu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN

(Na sanidassanattika na sahetukadukam)

330.

... Liên quan pháp phi hữu nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi vô nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN

(Na sanidassanattika na hetusampayuttadukam)

331.

... Liên quan pháp phi tương ưng nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi bất tương ưng nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN

(Na sanidassanattika na hetu sahetukadukam)

332.

* ... Liên quan pháp phi nhân và phi vô nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi vô nhân và phi phi nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN

(Na sanidassanattika na hetu hetusampayuttadukam)

333.

* ... Liên quan pháp phi nhân và phi bất tương ưng nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi bất tương ưng nhân và phi phi nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN PHI HỮU NHÂN

(Na sanidassanattika na hetu na sahetukadukam)

334.

* ... Liên quan pháp phi nhân và phi hữu nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,
* ... Liên quan pháp phi nhân và phi vô nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ ĐỈNH

(Na sanidassanattika cūlantaradukam)

335.

* ... Liên quan pháp phi vô duyên *(na appccaya)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,
* ... Liên quan pháp phi hữu vi *(na asaṅkhata)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi hữu kiến *(na sanidassana)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi vô đối chiếu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi sắc *(na rūpī)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi phi sắc *(na arūpī)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi phi hiệp thế *(na lokiya)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi siêu thế *(na lokuttara)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi có tâm biết đặng *(na kenaciviññeyya)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi có tâm không biết đặng *(na kenacina vinneyya)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM BẢY

(Na sanidassanattika sattagocchakadukam)

336.

* ... Liên quan pháp phi lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi triền *(samyojana)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi phược *(gantha)*

thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi bộc *(ogha)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,

* ... Liên quan pháp phi phối *(yoga)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi cái *(nīvaraṇa)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi khinh thị *(parāmāsa)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ ĐẠI
(Mahantaradukam)

337.

* ... Liên quan pháp phi hữu cảnh *(sārammaṇa)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... tóm tắt...
* .... Liên quan pháp phi tâm *(na citta)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu; không nên sắp câu phi phi tâm *(na no cittapadam na labbhati).*
* ... Liên quan pháp phi sở hữu tâm thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi tương ưng tâm thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi hòa với tâm *(no cittasaṅsaṭṭha)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu ,... liên quan pháp phi có tâm làm sở sanh *(no cittasamuṭṭhāna)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi đồng sanh tồn với tâm *(nocittasahabhu)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi tùng tâm thông lưu *(no cittānupa rivatti)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi hòa với tâm phi có tâm làm sở sanh *(na cittasansaṭṭhasamuṭṭhāna)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh *(no cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhāna-sahabhu)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm *(no cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhānānuparivatti)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi nội bộ *(na ajjhattika).*
* ... Liên quan pháp phi ngoại viện *(na bāhira)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi y sinh *(na upādā)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi thành do thủ *(na upādinna)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi phi thành do thủ *(na anupādinna)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM HAI
(Na sanidassanattika dvigocchakadukam)

338.

... Liên quan pháp phi thủ *(no upādāna)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi phiền não *(no kilesa)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ YÊU BỐI

(Na sanidassanattika piṭṭhīdukam)

339.

∗ ... Liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabba)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

Nhị đề yêu bối nên sắp rộng *(piṭṭhidukam vitthāretabbam)*.

340.

∗ Pháp phi hữu y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi hữu y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi hữu y thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi hữu y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi hữu y thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

∗ Pháp phi hữu y thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi hữu y thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi hữu y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi hữu y thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi hữu y thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu y thuộc phi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi hữu y *(saraṇa)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi hữu y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu và pháp phi hữu y thuộc phi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

∗ Pháp phi hữu y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan những pháp phi hữu y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi hữu y thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

341.

∗ Nhân 30, Cảnh 9, Bất ly 30. Tất cả nên sắp rộng.

342.

∗ Pháp phi vô y *(araṇa)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi vô y thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi vô y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô y thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

433.

∗ Pháp phi vô y thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô y thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi vô y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô y thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi vô y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô y thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô y thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

344.

∗ Pháp phi vô y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô y thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

- Pháp phi vô y thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan những pháp phi vô y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô y thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi vô y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô y thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan những pháp phi vô y thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô y thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

345.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

Phần đồng sanh *(sahajātavāra)*, phần ỷ trượng *(paccayā)*, phần y chỉ *(nissaya)*, phần hòa hợp *(saṅsaṭṭha),* phần tương ưng *(sampayutta).* Tất cả đều 9.

Dứt phần Vị trí tam đề nhị đề đối lập (paccanīya tikaduka paṭṭhāna niṭṭhitam).

VỊ TRÍ TAM ĐỀ – TAM ĐỀ ĐỐI LẬP
(Paccanīya tika tika paṭṭhānam)

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI THỌ
(Na kusalattika na vedanāttikam)

346.

* Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện và phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện và phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

347.

* Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện và phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện và pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

348.

* Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện và phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện và phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện và phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

349.

* Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện liên quan những pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện và phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp phi tương ưng lạc thọ phi bất thiện liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện và phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện và pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

350.

* Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện liên quan những pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện và phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện liên quan những pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện và phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

351.

* Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện liên quan những pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện và phi tương ưng lạc thọ thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện liên quan những pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện và phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện và phi tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện liên quan những pháp tương ưng lạc thọ thuộc phi thiện và tương ưng lạc thọ thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

352.

Nhân 29, Cảnh 24, Bất ly 29.

Dù phần đồng sanh *(sahajātavāra)* hay phần vấn đề *(pañhāvāra)* đều nên sắp rộng.

353.

* Pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi thiện liên quan pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi vô ký liên quan pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi thiện và phi tương ưng khổ thọ thuộc phi vô ký liên quan pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi thiện và pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi vô ký liên quan pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.
* Pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi thiện liên quan những pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi thiện và phi tương ưng khổ thọ thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

* Pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi thiện liên quan những pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi bất thiện và phi tương ưng khổ thọ thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi thiện liên quan những pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi thiện và phi tương ưng khổ thọ thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

354.

Nhân 29, Bất ly 29. Tất cả nên sắp rộng.

355.

* Pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi thiện liên quan pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi vô ký liên quan những pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.
* Pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi thiện liên quan những pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi thiện và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi thiện liên quan những pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi bất thiện và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi thiện liên quan những pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi thiện và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

356.

Nhân 29, Bất ly 29 *(ekūnattimsa)*. Tất cả đều nên sắp rộng.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI QUẢ

(Na kusalattika na vipākattikam)

357.

* Pháp phi quả thuộc phi thiện liên quan pháp phi quả thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi quả thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi quả thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi quả thuộc phi vô ký liên quan pháp phi quả thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi quả thuộc phi thiện và phi quả thuộc phi vô ký liên quan pháp phi quả thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi quả thuộc phi thiện và phi quả thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi quả thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên 5 câu.
* Pháp phi quả thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi quả thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên 5 câu.
* Pháp phi quả thuộc phi vô ký liên quan pháp phi quả thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên 6 câu.

- Pháp phi quả thuộc phi thiện liên quan những pháp phi quả thuộc phi thiện và phi quả thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
- Pháp phi quả thuộc phi thiện liên quan những pháp phi quả thuộc phi bất thiện và phi quả thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
- Pháp phi quả thuộc phi thiện liên quan những pháp phi quả thuộc phi thiện và phi quả thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

358.

Nhân 29, Bất ly 29. Tất cả đều nên sắp rộng.

359.

- Pháp phi dị thục nhân *(na vipādadhammadhamma)* thuộc phi thiện liên quan pháp phi dị thục nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi dị thục nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi dị thục nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi dị thục nhân thuộc phi thiện và phi dị thục nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi dị thục nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi dị thục nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi dị thục nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi dị thục nhân thuộc phi thiện liên quan pháp phi dị thục nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi dị thục nhân thuộc phi thiện và phi dị thục nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi dị thục nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi dị thục nhân thuộc phi thiện liên quan những pháp phi dị thục nhân thuộc phi thiện và phi dị thục nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi dị thục nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi dị thục nhân thuộc phi thiện và pháp phi dị thục nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi dị thục nhân thuộc phi thiện và phi dị thục nhân thuộc phi bất thiện liên quan những pháp phi dị thục nhân thuộc phi thiện và phi dị thục nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

360.

Nhân 9, Bất ly 9. Tất cả đều 9.

361.

Pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân thuộc phi thiện liên quan pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ

(Na kusalattika na upādinnupādāniyattikam)

362.

... Liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ *(na upādinnupādāniya)* thuộc phi thiện ,... liên quan pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ *(na anupādinnupādā-niya)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ *(na anupādinna anupādāniya)* thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO

(Na kusalattika na sankilitthasaṇkilesikattikam)

363.

... Liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não *(na saṅkilitthasaṅkilesika)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi phiền toái phi cảnh phiền não thuộc phi thiện

---

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI TẦM

(Na kusalattika na vitakkattikam)

364.

... Liên quan pháp phi hữu tầm hữu tứ thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi vô tầm hữu tứ thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi vô tầm vô tứ thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI HỶ

(Na kusalattika na pītittikam)

365.

... Liên quan pháp phi đồng sanh hỷ thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi đồng sanh lạc thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi đồng sanh xả thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI SƠ ĐẠO (KIẾN)

(Na kusalattika na dassanattika)

366.

... Liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabha)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvanāyapahātabba)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(na nevadassannena na bhāvanāya pahātabba)* thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

(Na kusalattika na dassanena pahātabbahetukattikam)

367.

... Liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thuộc phi thiện,...liên quan pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi hữu nhân sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI NHÂN SANH TỬ

(Na kusalattika na ācayagāmittikam)

368.

... Liên quan pháp phi nhân sanh tử *(na ācayagāmi)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi nhân đến Níp Bàn *(na apacayāgami)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(na nevacayagaminapacayagami)* thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI HỮU HỌC
(Na kusalattika na sekkhattikam)

369.

... Liên quan pháp phi hữu học thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi vô học thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi phi hữu học phi vô học thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI HY THIỂU
(Na kusalattika na parittattikam)

370.

... Liên quan pháp phi hy thiểu *(na paritta)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi đáo đại *(na mahaggata)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi vô lượng *(na appamāṇa)* thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI CẢNH HY THIỂU
(Na kusalattika na parittārammaṇattikam)

371.

... Liên quan pháp phi cảnh hy thiểu thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi cảnh đáo đại thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi cảnh vô lượng thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI TY HẠ
(Na kusalattika na hīnattikam)

372.

... Liên quan pháp phi ty hạ thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi trung bình *(majhima)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi tinh lương *(paṇīta)* thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI TÀ
(Na kusalattika na micchattattikam)

373.

... Liên quan pháp phi tà cho quả nhứt định *(micchataniyata)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi chánh cho quả nhứt định *(na sammattaniyata)*,... liên quan pháp phi bất định *(na aniyata)* thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI CÓ CẢNH LÀ ĐẠO
(Na kusalattika na maggārammaṇattikam)

374.

... Liên quan pháp phi có cảnh là đạo *(na maggārammaṇa)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi có nhân là đạo *(na maggahetuka)* thuộc phi thiện... liên quan pháp phi có trưởng là đạo *(na maggādhipati)* thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI SANH TỒN
(Na kusalattika na nuppapannattikam)

375.

... Liên quan pháp phi sanh tồn thuộc phi thiện *(na kusalam na anuppannam)*,... liên quan pháp phi sẽ sanh *(na uppādī)* thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI QUÁ KHỨ
(Na kusalattika na atītattikam)

376.

... Liên quan pháp phi quá khứ thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi vị lai thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI CẢNH QUÁ KHỨ
(Na kusalattika na atītarammaṇattikam)

377.

... Liên quan pháp phi cảnh quá khứ thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi cảnh vị lai thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi cảnh hiện tại thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI NỘI BỘ
(Na kusalattika na ajjhattattikam)

378.

... Liên quan pháp phi nội bộ *(na ajjhatta)* thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi ngoại viện *(na bahiddha)* thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI CẢNH NỘI BỘ
(Na kusalattika na ajjhattārammaṇattikam)

379.

... Liên quan pháp phi cảnh nội bộ thuộc phi thiện,... liên quan pháp phi cảnh ngoại viện thuộc phi thiện.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
(Na kusalattika na sanidassanattikam)

380.

- Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô ký liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

* Chư pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô ký liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

381.

* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô ký liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện và pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô ký liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

382.

* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô ký liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô ký liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô ký liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

383.

Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện liên quan những pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

384.

Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện liên quan những pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

385.

* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện liên quan những pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện và pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện liên quan những pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

386.

Nhân 29, Bất ly 29. Tất cả nên sắp rộng.

387.

Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

388.

Nhân 29, Bất ly 29. Tất cả đều nên sắp rộng.

389.

Pháp phi vô kiến vô đối chiếu *(na anidassana appatigha)* thuộc phi thiện liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

390.

Nhân 9. Tất cả đều nên sắp rộng.

TAM ĐỀ PHI THỌ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

(Na vadanāttika na kusalattikam)

391.

* Pháp phi thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ liên quan pháp phi thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi tương ưng khổ thọ liên quan pháp phi thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ và phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

392.

* Pháp phi thiện thuộc phi tương ưng khổ thọ liên quan pháp phi thiện thuộc phi tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ liên quan pháp phi thiện thuộc phi tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi thiện thuộc phi tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ và phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi thiện thuộc phi tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

393.

* Pháp phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ liên quan pháp phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi tương ưng khổ thọ liên quan pháp phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ và phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

394.

* Pháp phi thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ liên quan những pháp phi thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ và phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi tương ưng khổ thọ liên quan những pháp phi thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ và phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan những pháp phi thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ và phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ và phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan những pháp phi thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ và phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

395.

* Pháp phi thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ liên quan những pháp phi thiện thuộc phi tương ưng khổ thọ và phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi tương ưng khổ thọ liên quan những pháp phi thiện thuộc phi tương ưng khổ thọ và phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ thọ và phi thiện thuộc phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

396.

Nhân 49, Cảnh 49, Bất ly 49.

397.

Pháp phi bất thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ liên quan pháp phi bất thiện thuộc phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

398.

Nhân 49.

399.

Pháp phi vô ký thuộc phi tương ưng lạc thọ liên quan pháp phi vô ký thuộc phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

400.

Nhân 48. Tất cả đều nên sắp rộng.

TAM ĐỀ PHI THỌ – TAM ĐỀ PHI QUẢ

(Na vedanāttika na vipākattikam)

401.

Pháp phi quả thuộc phi tương ưng lạc thọ liên quan pháp phi quả thuộc phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

402.

Nhân 49, Bất ly 49, tóm tắt.

TAM ĐỀ PHI QUẢ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

(Na vipākattika na kusalattikam)

403.

... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi quả,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi dị thục nhân *(na vipākadhammadhamma)*... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi dị thục quả phi dị thục nhân *(na nevavipāka na vipākadjammadhamma).*

TAM ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

(Na upādinnupādāniyattika na kusalattikam)

404.

... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi thành do thủ cảnh thủ,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi thành do thủ cảnh thủ,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi thành do thủ phi cảnh thủ.

TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO – TAM ĐỀ PHI THIỆN

(Na saṅkiliṭṭhasaṅkilesikattika na kusalattikam)

405.

... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi phiền toái cảnh phiền não,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi phiền toái cảnh phiền não,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi phiền toái phi cảnh phiền não.

TAM ĐỀ PHI TẦM – TAM ĐỀ PHI THIỆN

(Na vitakkattika na kusalattikam)

406.

... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi hữu tầm hữu tứ,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi vô tầm hữu tứ,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi vô tầm vô tứ.

TAM ĐỀ PHI HỶ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

(Na pītittika na kusalattikam)

407.

... Liên quan pháp phi thiện phi đồng sanh hỷ,... liên quan pháp phi thiện phi đồng sanh lạc,... liên quan pháp phi thiện phi đồng sanh xả.

TAM ĐỀ PHI SƠ ĐẠO (KIẾN) – TAM ĐỀ PHI THIỆN
(Na dassanattika na kusalattikam)

408.

... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabba),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi ba đạo cao tuyệt trừ,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.

TAM ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
(Na dassanena pahātabbahetukattika na kusalattikam)

409.

... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.

TAM ĐỀ PHI NHÂN SANH TỬ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
(Na ācayagāmittika na kusalattikam)

410.

... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi nhân sanh tử *(ācayagāmi),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi nhân đến Níp Bàn,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn.

TAM ĐỀ PHI HỮU HỌC – TAM ĐỀ PHI THIỆN
(Na sekkattika na kusalattikam)

411.

... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi hữu học *(na sekkha),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi vô học,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi hữu học phi vô học.

TAM ĐỀ PHI HY THIỂU – TAM ĐỀ PHI THIỆN
(Na parittattika na kusalattikam)

412.

... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi hy thiểu *(na paritta),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi đáo đại *(na mahaggata),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi vô lượng *(appamāṇa)*.

TAM ĐỀ PHI CẢNH HY THIỂU – TAM ĐỀ PHI THIỆN
(Na parittārammanattika na kusalattikam)

413.

... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi cảnh hy thiểu *(na parittārammaṇa),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi cảnh đáo đại,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi cảnh vô lượng.

TAM ĐỀ PHI TY HẠ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

(Na hīnatika na kusalattikam)

414.

... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi ty hạ *(na hīna)*,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi trung bình *(na majjhima)*,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi tinh lương *(na paṇīta)*.

TAM ĐỀ PHI TÀ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

(Na micchattattika na kusalattikam)

415.

... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)*,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi chánh cho quả nhứt định *(na sammattaniyata)*,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi bất định.

TAM ĐỀ PHI CÓ CẢNH LÀ ĐẠO – TAM ĐỀ PHI THIỆN

(Na maggārammaṇattika na kusalattikam)

416.

... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi có cảnh là đạo *(na maggārammana)*,... liên quan pháp phi thiện phi có nhân là đạo *(na maggahetuka)*,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi có trưởng là đạo *(na maggādhipati)*.

TAM ĐỀ PHI SANH TỒN – TAM ĐỀ PHI THIỆN

(Na uppannattika na kusalattikam)

417.

... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi phi sanh tồn *(na anuppanna)*,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi sẽ sanh *(na uppādi)*.

TAM ĐỀ PHI QUÁ KHỨ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

(Na atītāttika na kusalattikam)

418.

... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi quá khứ,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi vị lai.

TAM ĐỀ PHI CẢNH QUÁ KHỨ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

(Na atītārammaṇattika na kusalattikam)

419.

... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi cảnh quá khứ *(na atītārammaṇa)*,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi cảnh vị lai,... liên quan pháp phi thiện thuộc phi cảnh hiện tại.

TAM ĐỀ PHI NỘI BỘ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
(Na ajjhattattika na kusalattikam)

420.

... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi nội bộ *(ajjhatta),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi ngoại viện *(bahiddhā)*.

TAM ĐỀ PHI CẢNH NỘI BỘ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
(Na ajjhattārammaṇattika na kusalattikam)

421.

... Liên quan pháp phi thiện thuộc phi cảnh nội bộ *(ajjhattārammaṇa),...* liên quan pháp phi thiện thuộc phi cảnh ngoại viện *(na bahiddhārammaṇa).*

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI THIỆN
(Na sanidassanattika na kusalattikam)

422.

- Pháp phi thiện thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi thiện thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi thiện thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi thiện thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi thiện thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi thiện thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.
- Pháp phi thiện thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi thiện thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi thiện thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi thiện thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi thiện thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi thiện thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.
- Pháp phi thiện thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi thiện thuộc phi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.
- Pháp phi thiện thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan những pháp phi thiện thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi thiện thuộc phi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.
- Pháp phi thiện thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan những pháp phi thiện thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu và phi thiện thuộc phi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

423.

Nhân 30, Cảnh 9. Tất cả nên sắp rộng.

424.

Pháp phi bất thiện thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi bất thiện thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

425.

Nhân 30, Cảnh 9. Tất cả nên sắp rộng.

426.

Pháp phi vô ký thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô ký thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

427.

Nhân 9. Tất cả đều 9.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI THỌ

(Sa sanidassanattika na vedanāttikam)

428.

* ... Liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu có 30 câu.
* ... Liên quan pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu có 30 câu.
* ... Liên quan pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu có 30 câu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI QUẢ

(Na sanidassanattika na vipākattikam)

429.

* ... Liên quan pháp phi quả thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu có 30 câu.
* ... Liên quan pháp phi dị thục nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu có 30 câu.
* ... Liên quan pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu có 9 câu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ

(Na sanidassanattika na upādinnupādaniyatikam)

430.

* ... Liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu có 30 câu.
* ... Liên quan pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu có 30 câu.
* ... Liên quan pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu có 30 câu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO

(Na sapidassanattika na upadinnupādāniyattikam)

431.

* ... Liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi phi phiền toái phi cảnh phiền não thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI TẦM
(Na sanidassanattika na vitakkattikam)

432.

∗ ... Liên quan pháp phi hữu tầm hữu tứ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
∗ ... Liên quan pháp phi vô tầm hữu tứ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
∗ ... Liên quan pháp phi vô tầm vô tứ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI HỶ
(Na sanidassanattika na pītittikam)

433.

∗ ... Liên quan pháp phi đồng sanh hỷ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
∗ ... Liên quan pháp phi đồng sanh lạc thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
∗ ... Liên quan pháp phi đồng sanh xả thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI SƠ ĐẠO (KIẾN)
(Na sanidassanattika na dassanattikam)

434.

∗ ... Liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
∗ ... Liên quan pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
∗ ... Liên quan pháp phi phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
(Na sanidassanattika na dassanena pahātabbahetukattikam)

435.

∗ ... Liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
∗ ... Liên quan pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
∗ ... Liên quan pháp phi phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI NHÂN SANH TỬ

436.

... Liên quan pháp phi nhân sanh tử *(na ācayagami)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi nhân đến Níp Bàn *(na āpacayagami)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(na nevācayagāmināpacayagāmi)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI HỮU HỌC
(Na sanidassanattika na sekkhattikam)

437.

∗ ... Liên quan pháp phi hữu học thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,

* ... Liên quan pháp phi vô học thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,
* ... Liên quan pháp phi phi hữu học phi vô học thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI HY THIỂU

(Na sanidassanattika na parittattikam)

438.

* ... Liên quan pháp phi hy thiểu *(na paritta)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,
* ... Liên quan pháp phi đáo đại *(na mahaggata)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,
* ... Liên quan pháp phi vô lượng thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI CẢNH HY THIỂU

(Na sanidassanattika na parittārammaṇattikam)

439.

* ... Liên quan pháp phi cảnh hy thiểu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,
* ... Liên quan pháp phi biết cảnh đáo đại thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi biết cảnh vô lượng thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI TY HẠ

(Na sanidassanattika na hīnattikam)

440.

... Liên quan pháp phi ty hạ *(na hīna)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi trung bình *(na majjhima)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi tinh lương *(na paṇita)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI TÀ

(Na sanidassanattika na micchattattikam)

441.

* ... Liên quan pháp phi tà cho quả nhứt định *(na micchattaniyata)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,
* ... Liên quan pháp phi chánh cho quả nhứt định *(na sammattaniyata)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi bất định *(na aniyata)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI CÓ CẢNH LÀ ĐẠO

(Na sanidassanattika na maggārammaṇattikam)

442.

... Liên quan pháp phi có cảnh là đạo thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi có nhân là đạo thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi có trưởng là đạo thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI SANH TỒN
(Na sanidassanattika na uppannattikam)

443.

... Liên quan pháp phi phi sanh tồn *(na anuppanna)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,.. liên quan pháp phi sẽ sanh *(na uppādī)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI QUÁ KHỨ
(Na sanidassanattika na atītattikam)

444.

... Liên quan pháp phi quá khứ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi vị lai thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI CẢNH QUÁ KHỨ
(Na sanidassanattika na atītārammaṇattikam)

445.

... Liên quan pháp phi cảnh quá khứ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi cảnh vị lai thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi cảnh hiện tại thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI NỘI BỘ
(Na sanidassanattika na ajjhattattikam)

446.

* ... Liên quan pháp phi nội bộ *(na ajjhatta)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi ngoại viện *(na bahiddhā)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI CẢNH NỘI BỘ
(Na sanidassanattika na ajjhattārammaṇattikam)

447.

* Pháp phi cảnh nội bộ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi cảnh nội bộ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi cảnh nội bộ thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi cảnh nội bộ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

448.

Nhân 30, Bất ly 30. Tất cả đều nên sắp rộng.

449.

* Pháp phi cảnh ngoại viện *(na bahiddhārammaṇa)* thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi cảnh ngoại viện thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi cảnh ngoại viện thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi cảnh ngoại viện thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi cảnh ngoại viện thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi cảnh ngoại viện thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

450.

∗ Pháp phi cảnh ngoại viện thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi cảnh ngoại viện thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

451.

Pháp phi cảnh ngoại viện thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi cảnh ngoại viện thuộc phi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

452.

Pháp phi cảnh ngoại viện thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan những pháp phi cảnh ngoại viện thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi cảnh ngoại viện thuộc phi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

453.

Pháp phi cảnh ngoại viện thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan những pháp phi cảnh ngoại viện thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu và pháp phi cảnh ngoại viện thuộc phi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

454.

Nhân 30, Cảnh 9, Bất ly 30.

Phần đồng sanh, ỷ trượng (nhờ cậy), y chỉ, hòa hợp, tương ưng, vấn đề nên sắp rộng.

Dứt Vị trí tam đề tam đề đối lập.

VỊ TRÍ NHỊ ĐỀ - NHỊ ĐỀ ĐỐI LẬP
(Paccanīya dukaduka paṭṭhānam)

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN
(Na hetuduka na sahetukadukam)

455.

Pháp phi hữu nhân *(na sahetuka)* thuộc phi nhân *(na hetu)* liên quan pháp phi hữu nhân thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

456.

Nhân 3, Cảnh 1, Bất ly 3.

457.

Pháp phi hữu nhân thuộc phi nhân liên quan pháp phi hữu nhân thuộc phi nhân sanh ra do phi Nhân duyên.

458.

Pháp phi hữu nhân thuộc phi nhân liên quan pháp phi hữu nhân thuộc phi nhân sanh ra do phi Cảnh duyên.

459.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 9.

460.

Pháp phi hữu nhân thuộc phi nhân làm duyên cho pháp phi hữu nhân thuộc phi nhân bằng Nhân duyên.

461.

* Pháp phi hữu nhân thuộc phi nhân làm duyên cho pháp phi hữu nhân thuộc phi nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi hữu nhân thuộc phi nhân làm duyên cho pháp phi hữu nhân thuộc phi phi nhân bằng Cảnh duyên.

462.

Nhân 1, Cảnh 4, Bất ly 4.

463.

* Pháp phi vô nhân thuộc phi nhân liên quan pháp phi vô nhân thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô nhân thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô nhân thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô nhân thuộc phi nhân và phi vô nhân thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô nhân thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

464.

* Pháp phi vô nhân thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô nhân thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô nhân thuộc phi nhân liên quan pháp phi vô nhân thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô nhân thuộc phi nhân và phi vô nhân thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô nhân thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

465.

* Pháp phi vô nhân thuộc phi nhân liên quan những pháp phi vô nhân thuộc phi nhân và phi vô nhân thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp phi vô nhân thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô nhân thuộc phi nhân và phi vô nhân thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô nhân thuộc phi nhân và phi vô nhân thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô nhân thuộc phi nhân và phi vô nhân thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

466.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9. Tất cả đều 9.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN

(Na hetuduka na hetusampayuttadukam)

467.

* Pháp phi tương ưng nhân thuộc phi nhân liên quan pháp phi tương ưng thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi bất tương ưng nhân thuộc phi nhân liên quan pháp phi bất tương ưng nhân thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi bất tương ưng nhân thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi bất tương ưng nhân thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

468.

Nhân 9. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN

(Na hetudukam na hetusahetukadukam)

469.

* Pháp phi nhân và phi vô nhân thuộc phi nhân liên quan pháp phi nhân và phi vô nhân thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên; luôn đến phần vấn đề *(pañhāvāra)* đều 1.
* Pháp phi vô nhân và phi phi nhân thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô nhân và phi phi nhân thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN

(Na hetuduka na hetu hetusampayuttadukam)

470.

* Pháp phi nhân và phi bất tương ưng nhân thuộc phi nhân liên quan pháp phi nhân và phi bất tương ưng nhân thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi bất tương ưng nhân và phi phi nhân thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi bất tương ưng nhân và phi phi nhân thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN PHI HỮU NHÂN

(Na hetuduka na hetu na sahetukadukam)

471.

* Pháp phi nhân phi hữu nhân thuộc phi nhân liên quan pháp phi nhân phi hữu nhân thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi nhân và phi vô nhân thuộc phi nhân liên quan pháp phi nhân và phi vô nhân thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ ĐỈNH
(Cūlandaradukam)

472.

∗ Pháp phi vô duyên *(na appaccaya)* thuộc phi nhân liên quan pháp phi vô duyên thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi vô duyên thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô duyên thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi vô duyên thuộc phi nhân và phi vô duyên thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô duyên thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

473.

∗ Pháp phi vô duyên thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô duyên thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên *(hetupaccayo)*

∗ Pháp phi vô duyên thuộc phi nhân liên quan pháp phi vô duyên thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi vô duyên thuộc phi nhân và pháp phi vô duyên thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô duyên thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

474.

∗ Pháp phi vô duyên thuộc phi nhân liên quan pháp phi vô duyên *(na appaccaya)* thuộc phi nhân và pháp phi vô duyên thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi vô duyên thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô duyên thuộc phi nhân và phi vô duyên thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi vô duyên thuộc phi nhân và phi vô duyên thuộc phi phi nhân liên quan những pháp phi vô duyên thuộc phi nhân và phi vô duyên thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

475.

Nhân 9. Tất cả đều 9.

476.

∗ ... Liên quan pháp phi vô vi *(na asankhata)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi hữu kiến thuộc phi nhân.

∗ ... Liên quan pháp phi hữu đối chiếu thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi vô đối chiếu thuộc phi nhân,

∗ ... Liên quan pháp phi sắc thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi sắc thuộc phi nhân.

∗ ... Liên quan pháp phi hiệp thế thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi siêu thế thuộc phi nhân.

∗ ... Liên quan pháp phi có tâm biết đặng thuộc phi nhân,...liên quan pháp phi có tâm không biết đặng thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI LẬU
(No āsavagocchaka)

477.

* ... Liên quan pháp phi lậu thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi lậu thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi cảnh lậu thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi cảnh lậu thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi tương ưng lậu thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi bất tương ưng lậu thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi lậu và phi phi cảnh lậu thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi cảnh lậu và phi phi lậu thuộc phi nhân,
* ... Liên quan pháp phi lậu và phi bất tương ưng lậu thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp bất tương ưng lậu và phi cảnh lậu thuộc phi nhân,... liên quan pháp bất tương ưng lậu và phi phi cảnh lậu thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM SÁU
(Chagocchakadukam)

478.

... Liên quan pháp phi triền thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phược thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi bộc thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phối thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi cái thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi khinh thị thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ ĐẠI
(Mahantaradukam)

479.

* ... Liên quan pháp phi hữu cảnh thuộc phi nhân,... tóm tắt... liên quan pháp phi tâm thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi sở hữu tâm thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi tương ưng tâm thuộc phi nhân,
* ... Liên quan pháp phi hòa với tâm *(no cittasansaṭṭha)* thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi nương tâm làm sở sanh *(no cittasamuṭṭhana)* thuộc phi nhân,
* ... Liên quan pháp phi đồng sanh tồn với tâm *(na cittasahabhu)* thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi tùng tâm thông lưu *(cittānuparivatti)* thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi hòa phi nương tâm làm sở sanh *(no cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhāna)* thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi hòa phi sanh tồn phi nương tâm làm sở sanh *(na cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhānasahabhu)* thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi hòa phi tùng thông lưu phi nương tâm làm sở sanh *(na cittasaṅsatthasamuṭṭhānanuparivatti)* thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi nội bộ *(na ajjhatta)* thuộc phi nhân,.. liên quan pháp phi ngoại viện *(na bahiddhā)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi y sinh *(na upādā)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi thành do thủ *(na upādinna)* thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi thành do thủ *(na anupādinna)* thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM HAI
(Dvigocchakadukam)

480.

... Phi thủ *(no upādāna)* thuộc phi nhân,... phi phiền não thuộc phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ YÊU BỐI
(Piṭṭhiduka)

481.

* ... Phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc phi nhân,... phi phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc phi nhân,... phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi nhân,... phi phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* ... Liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi hữu tầm thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi vô tầm thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi hữu tứ thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi vô tứ thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi hữu hỷ thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi vô hỷ thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi đồng sanh hỷ thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi đồng sanh hỷ thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi đồng sanh lạc thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi đồng sanh lạc thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi đồng sanh xả thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi đồng sanh xả thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi Dục giới thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi Dục giới thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi Sắc giới thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi Sắc giới thuộc phi nhân.
* ... Liên quan pháp phi Vô sắc giới thuộc phi nhân,... liên quan pháp phi phi Vô sắc giới thuộc phi nhân.
* ... Phi liên quan luân hồi *(pariyāpanna)* thuộc phi nhân,... phi bất liên quan luân hồi thuộc phi nhân.
* ... Phi nhân xuất luân hồi *(niyyānika)* thuộc phi nhân,... phi phi nhân xuất luân hồi thuộc phi nhân.
* ... Phi (cho quả) nhứt định thuộc phi nhân,... phi cho quả bất định *(aniyata)* thuộc phi nhân.
* ... Phi hữu thượng *(sa uttara)* thuộc phi nhân,... phi vô thượng *(anuttara)* thuộc phi nhân.

482.

* Pháp phi hữu y *(na sarana)* thuộc phi nhân liên quan pháp phi hữu y thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 9 câu.

* Pháp phi vô y thuộc phi nhân liên quan pháp phi vô y thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô y thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô y thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô y thuộc phi nhân và phi vô y thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô y thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

483.

* Pháp phi vô y thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô y thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô y thuộc phi nhân liên quan pháp phi vô y thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô y thuộc phi nhân và phi vô y thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi vô y thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

484.

* Pháp phi vô y thuộc phi nhân liên quan những pháp phi vô y thuộc phi nhân và phi vô y thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô y thuộc phi phi nhân liên quan những pháp phi vô y thuộc phi nhân và phi vô y thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô y thuộc phi nhân và phi vô y thuộc phi phi nhân liên quan những pháp phi vô y thuộc phi nhân và phi vô y thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

485.

Nhân 9. Tất cả đều 9.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Na sahetukaduka na hetudukam)

486.

* Pháp phi nhân thuộc phi hữu nhân liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thuộc phi vô nhân liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân thuộc phi hữu nhân và phi nhân thuộc phi vô nhân liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.

487.

* Pháp phi nhân thuộc phi vô nhân liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thuộc phi hữu nhân liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân phi hữu nhân và phi nhân phi vô nhân liên quan pháp phi nhân phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.

488.

* Pháp phi nhân phi hữu nhân liên quan pháp phi nhân phi hữu nhân và phi nhân phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi vô nhân liên quan những pháp phi nhân phi hữu nhân và phi nhân phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.

* Chư pháp phi nhân phi hữu nhân và phi nhân phi vô nhân liên quan những pháp phi nhân phi hữu nhân và phi nhân phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.

489.

Nhân 9. Tất cả nên sắp rộng.

490.

Pháp phi phi nhân thuộc phi vô nhân liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.

491.

Nhân 1, Bất ly 1. Tất cả đều 1.

NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Na hetusampayuttaduka na hetudukam)

492.

... Liên quan pháp phi nhân phi tương ưng nhân,... liên quan pháp phi nhân phi bất tương ưng nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Na hetusahetukaduka na hetudukam)

493.

... Liên quan những pháp phi nhân thuộc phi nhân và phi vô nhân,... liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi vô nhân và phi phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Na hetuhetusampayuttaduka na hetudukam)

494.

* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi nhân và phi bất tương ưng nhân.
* ... Liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi bất tương ưng nhân và phi phi nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN PHI HỮU NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(na hetunasahetukaduka na hetudukam)

495.

... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi nhân và phi hữu nhân,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi nhân và phi vô nhân.

- NHỊ ĐỀ ĐỈNH *(Cūlantara duka)* - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

496.

* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô duyên,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô vi.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu kiến,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu đối chiếu,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô đối chiếu.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi sắc,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi Sắc.

* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi hiệp thế,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi siêu thế.
* ... Liên quan pháp phi nhân phi có tâm biết đặng,... liên quan pháp phi nhân phi có tâm không biết đặng.

NHỊ ĐỀ CHÙM LẬU - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(No āsavagocchakaduka na hetudukam)

497.

* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi lậu,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi lậu.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi cảnh lậu,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi cảnh lậu.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi tương ưng lậu,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi bất tương ưng lậu.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi lậu và phi phi cảnh lậu,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi cảnh lậu và phi phi lậu.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi lậu và phi bất tương ưng lậu,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc bất tương ưng lậu và phi cảnh lậu,... liên quan pháp phi nhân thuộc bất tương ưng lậu và phi phi cảnh lậu.

NHỊ ĐỀ CHÙM SÁU - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

(Cha gocehakaduka na hetudukam)

498.

... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi triền,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi phược,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi bộc,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi phối,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi cái,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi khinh thị.

NHỊ ĐỀ ĐẠI *(Mahantaraduka)* - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

499.

* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu cảnh,... tóm tắt...
* ... Liên quan pháp phi nhân thuôc phi tâm,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi sở hữu tâm.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi tương ưng tâm,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi hòa với tâm.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi nương tâm làm sở sanh,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi đồng sanh tồn với tâm.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi tùng thông lưu với tâm,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi hòa nương tâm làm sở sanh.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi hòa, tùng thông lưu, nương tâm làm sở sanh.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi nội bộ,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi ngoại viện.

* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi y sinh *(no upādā)*,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi thành do thủ *(upādinna)*,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi thành do thủ *(na anupādinna)*.

NHỊ ĐỀ CHÙM HAI *(Dvigocchakaduka)* - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

500.

... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi thủ *(no upādāna)*,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi phiền não,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi phiền não.

NHỊ ĐỀ YÊU BỐI *(Piṭṭhiduka)* - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

501.

* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi sơ đạo tuyệt trừ,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi sơ đạo tuyệt trừ.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi ba đạo cao tuyệt trừ,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* ... Liên quan pháp phi nhân phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu tầm,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô tầm.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu tứ,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô tứ.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu hỷ,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô hỷ.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi đồng sanh hỷ,... liên quan pháp phi nhân phi phi đồng sanh hỷ.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi đồng sanh lạc,.. liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi đồng sanh lạc.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi đồng sanh xả,.. liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi đồng sanh xả.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi Dục giới,.. liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi Dục giới.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi Sắc giới,.. liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi Sắc giới.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi Vô sắc giới,.. liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi Vô sắc giới.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi liên quan luân hồi *(pariyāpanna)*,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi bất liên quan luân hồi.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi nhân xuất luân hồi *(niyyānika)*,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi nhân xuất luân hồi.
* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi nhứt định,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi bất định *(aniyata)*.

* ... Liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu thượng *(na sa uttara)*,... liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô thượng *(na anuttara)*.

502.

* Pháp phi nhân thuộc phi hữu y *(saraṇa)* liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thuộc phi vô y *(araṇa)* liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thuộc phi hữu y liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân thuộc phi hữu y và phi nhân thuộc phi vô y liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thuộc phi hữu y liên quan những pháp phi nhân thuộc phi hữu y và phi nhân thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

503.

Nhân 5, Bất ly 5. Tất cả đều nên sắp rộng.

504.

* Pháp phi phi nhân thuộc phi hữu y liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi nhân thuộc phi vô y liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

505.

Nhân 2, Bất ly 2. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN

(Na saraṇaduka na sehetukadukam)

506.

... Liên quan pháp phi hữu nhân thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi vô nhân thuộc phi hữu y.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN

(Na saraṇaduka na hetusampayuttadukam)

507.

... Liên quan pháp phi tương ưng nhân thuộc phi hữu y *(na sarana)*,... liên quan pháp phi bất tương ưng nhân thuộc phi hữu y.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN

(Na saraṇaduka na hetu sahetukadukam)

508.

... Liên quan pháp phi nhân và phi vô nhân thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi vô nhân và phi phi nhân thuộc phi hữu y.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN

(Na saraṇaduka na hetu hetusampayuttadukam)

509.

... Liên quan pháp phi nhân và phi bất tương ưng nhân thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi bất tương ưng nhân và phi phi nhân thuộc phi hữu y.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN PHI HỮU NHÂN

(Na saraṇaduka na hetu sahetukadukam)

510.

... Liên quan pháp phi nhân và phi hữu nhân thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi nhân và phi vô nhân thuộc phi hữu y.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ ĐẠI

(Na saraṇaduka cūlantaradukam)

511.

* ... Liên quan pháp phi vô duyên thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi vô vi thuộc phi hữu y.
* ... Liên quan pháp phi hữu kiến thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi hữu đối chiếu thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi vô đối chiếu thuộc phi hữu y.
* ... Liên quan pháp phi sắc thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phi sắc thuộc phi hữu y.
* ... Liên quan pháp phi hiệp thế thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi siêu thế thuộc phi hữu y.
* ... Liên quan pháp phi có tâm biết đặng thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi có tâm không biết đặng thuộc phi hữu y.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI LẬU

(Na saraṇaduka no āsavagocchakadukam)

512.

* ... Liên quan pháp phi lậu thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phi lậu thuộc phi hữu y.
* ... Liên quan pháp phi cảnh lậu thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phi cảnh lậu thuộc phi hữu y.
* ... Liên quan pháp phi tương ưng lậu thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi bất tương ưng lậu thuộc phi hữu y.
* ... Liên quan pháp phi lậu và phi phi cảnh lậu thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phi cảnh lậu và phi phi lậu thuộc phi hữu y.
* ... Liên quan pháp phi lậu và phi tương ưng lậu thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu thuộc phi hữu y.
* ... Liên quan pháp bất tương ưng lậu và phi cảnh lậu thuộc phi hữu y,... liên quan pháp bất tương ưng lậu và phi phi cảnh lậu thuộc phi hữu y.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ CHÙM SÁU
(Na saraṇaduka chagocchakadukam)

513.

... Liên quan pháp phi triền thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phược thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi bộc thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phối thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi cái thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi khinh thị thuộc phi hữu y.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ ĐẠI
(Mahantaradukam)

514.

* ... Liên quan pháp phi hữu cảnh thuộc phi hữu y,... tóm tắt...
* ... Liên quan pháp phi tâm thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi sở hữu tâm thuộc phi hữu y.
* ... Liên quan pháp phi tương ưng tâm thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi hòa với tâm thuộc phi hữu y.
* ... Liên quan pháp phi có tâm làm sở sanh thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi đồng sanh tồn với tâm thuộc phi hữu y.
* ... Liên quan pháp phi tùng thông lưu với tâm thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi hòa, nương tâm làm sở sanh thuộc phi hữu y.
* ... Liên quan pháp phi đồng sanh tồn, hòa, nương tâm làm sở sanh thuộc phi hữu y.
* ... Liên quan pháp phi tùng thông lưu, hòa, nương tâm làm sở sanh thuộc phi hữu y.
* ... Liên quan pháp phi nội bộ thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi ngoại viện thuộc phi hữu y.
* ... Liên quan pháp phi y sinh *(no upādā)* thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi thành do thủ *(na upādinna)* thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phi thành do thủ thuộc phi hữu y.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ CHÙM HAI
(Dvigocchakadukam)

515.

... Liên quan pháp phi thành do thủ thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phiền não thuộc phi hữu y.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ YÊU BỐI
(Na saraṇaduka piṭṭhidukam)

516.

* ... Liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc phi hữu y.
* ... Liên quan pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi hữu y.
* ... Liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thuộc phi hữu y.

- ... Liên quan pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi hữu y.
- ... Liên quan pháp phi hữu tầm thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi vô tầm thuộc phi hữu y.
- ... Liên quan pháp phi hữu tứ thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi vô tứ thuộc phi hữu y.
- ... Liên quan pháp phi hữu hỷ thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi vô hỷ thuộc phi hữu y.
- ... Liên quan pháp phi đồng sanh hỷ thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phi đồng sanh hỷ thuộc phi hữu y.
- ... Liên quan pháp phi đồng sanh lạc thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phi đồng sanh lạc thuộc phi hữu y.
- ... Liên quan pháp phi đồng sanh xả thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phi đồng sanh xả thuộc phi hữu y.
- ... Liên quan pháp phi Dục giới thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phi Dục giới thuộc phi hữu y.
- ... Liên quan pháp phi Sắc giới thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phi Sắc giới thuộc phi hữu y.
- ... Liên quan pháp phi Vô sắc giới thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phi Vô sắc giới thuộc phi hữu y.
- ... Liên quan pháp phi liên quan luân hồi *(na pariyāpanna)* thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi bất liên quan luân hồi thuộc phi hữu y.
- ... Liên quan pháp phi nhân xuất luân hồi *(na niyyānika)* thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi phi nhân xuất luân hồi thuộc phi hữu y.
- ... Liên quan pháp phi nhứt định *(na niyata)* thuộc phi hữu y,... liên quan pháp phi bất định thuộc phi hữu y.

517.

Pháp phi hữu thượng thuộc phi vô hữu y liên quan pháp phi hữu thượng thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

518.

Nhân 1. Tất cả đều nên sắp rộng.

519.

- Pháp phi vô thượng thuộc phi hữu y liên quan pháp phi vô thượng thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
- Pháp phi vô thượng thuộc phi vô y liên quan pháp phi vô thượng thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô thượng thuộc phi hữu y liên quan pháp phi vô thượng thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi vô thượng thuộc phi hữu y và phi vô thượng thuộc phi vô y liên quan pháp phi vô thượng thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô thượng thuộc phi hữu y liên quan pháp phi vô thượng thuộc phi hữu y và phi vô thượng thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

520.

Nhân 5. Tất cả đều nên sắp rộng.

Phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng, vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt Vị trí nhị đề nhị đề đối lập (paccanīya)

VỊ TRÍ THUẬN TÙNG ĐỐI LẬP
(Anulomapaccanīya paṭṭhānam)

VỊ TRÍ TAM ĐỀ THUẬN TÙNG ĐỐI LẬP

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ PHI THIỆN
(Kusalattike na kusalattikam)

1.

* Pháp phi thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* liên quan uẩn thiện.
* Pháp phi bất thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc nương tâm sanh liên quan 1 uẩn thiện.
* Pháp phi vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên *(Hetupaccayo):*
  3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện.
* Chư pháp phi bất thiện và phi vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn liên quan 1 uẩn thiện.
* Chư pháp phi thiện và phi bất thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc nương tâm sanh liên quan uẩn thiện có 5 câu.

2.

* Pháp phi bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên:
  Sắc tâm liên quan uẩn bất thiện.
* Pháp phi thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn bất thiện.
* Pháp phi vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thiện và phi vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thiện và phi bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

3.

* Pháp phi thiện liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên:
  3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô ký quả *(vipākābyākata)* và vô ký tố *(kiriyābyākata)*. Sát-na tục sinh: 3 đại sung *(mahābhūta)* liên quan 1 đại sung, 2 đại sung liên quan 2 đại sung, sắc tâm liên quan đại sung.
* Pháp phi bất thiện liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên:
  Vô ký quả, tục sinh, đại sung.
* Chư pháp phi thiện và phi bất thiện liên quan pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên:
  Vô ký quả, vô ký tố,... tóm tắt... 3 câu.

4.

* Pháp phi thiện liên quan pháp thiện và pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên: Sắc tâm liên quan uẩn thiện và đại sung.
* Pháp phi bất thiện liên quan pháp thiện và pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thiện và phi bất thiện liên quan pháp thiện và pháp vô ký sanh ra do Nhân duyên.

5.

* Pháp phi thiện liên quan những pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi bất thiện liên quan những pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi thiện và phi bất thiện liên quan những pháp bất thiện và vô ký sanh ra do Nhân duyên: đây nên phân chỉ có sắc tâm.

Nên sắp có 29 câu đề *(ekūnavīsati paññhā kātabbā).*

6.

∗ Pháp phi bất thiện liên quan pháp thiện sanh ra do Cảnh duyên.
∗ Pháp phi vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Cảnh duyên.
∗ Chư pháp phi bất thiện và phi vô ký liên quan pháp thiện sanh ra do Cảnh duyên có 3 câu.

7.

∗ Pháp phi thiện liên quan pháp phi bất thiện sanh ra do Cảnh duyên.
∗ Pháp phi vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Cảnh duyên.
∗ Chư pháp phi thiện và phi vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do Cảnh duyên có 3 câu.

8.

∗ Pháp phi thiện liên quan pháp vô ký sanh ra do Cảnh duyên.
∗ Pháp phi bất thiện liên quan pháp vô ký sanh ra do Cảnh duyên.
∗ Chư pháp phi thiện và phi bất thiện liên quan pháp vô ký sanh ra do Cảnh duyên có 3 câu.

9.

Nhân 19, Cảnh 9, Trưởng 19, Vô gián 9, Liên tiếp 9, Đồng sanh 19, Bất ly 19.

10.

∗ Pháp phi thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên.
∗ Pháp phi vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi thiện và phi vô ký liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp phi thiện liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên.
∗ Pháp phi bất thiện liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi thiện và phi bất thiện liên quan pháp vô ký sanh ra do phi Nhân duyên có 3 câu.

11.

∗ Pháp phi thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Cảnh duyên.
∗ Pháp phi bất thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Cảnh duyên.
∗ Chư pháp phi thiện và phi bất thiện liên quan pháp thiện sanh ra do phi Cảnh duyên.
∗ Pháp phi bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Cảnh duyên.
∗ Pháp phi thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Cảnh duyên.
∗ Chư pháp phi thiện và phi bất thiện liên quan pháp bất thiện sanh ra do phi Cảnh duyên.

12.

Phi Nhân 6, phi Cảnh 15, phi Trưởng 19, phi Ly 15.

Nên phân rộng đối lập, nên phân rộng đồng sanh, nên phân rộng phần ỷ trượng (nhờ cậy).

13.

Phần ỷ trượng *(paccayavāra):* Nhân 26, Cảnh 18, Bất ly 26.

Phần y chỉ, phần hòa hợp, phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

14.

* Pháp thiện làm duyên cho pháp phi thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp thiện làm duyên cho pháp phi bất thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp thiện làm duyên cho pháp phi vô ký bằng Nhân duyên.
* Pháp thiện làm duyên cho những pháp phi thiện và phi vô ký bằng Nhân duyên.
* Pháp thiện làm duyên cho những pháp phi thiện và phi bất thiện bằng Nhân duyên có 5 câu.

15.

* Pháp bất thiện làm duyên cho pháp phi bất thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp bất thiện làm duyên cho pháp phi thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp bất thiện làm duyên cho pháp phi vô ký bằng Nhân duyên.
* Pháp bất thiện làm duyên cho những pháp phi bất thiện và phi vô ký bằng Nhân duyên.
* Pháp bất thiện làm duyên cho những pháp phi thiện và phi bất thiện bằng Nhân duyên có 5 câu.

16.

* Pháp vô ký làm duyên cho pháp phi thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp vô ký làm duyên cho pháp phi bất thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp vô ký làm duyên cho những pháp phi thiện và phi bất thiện bằng Nhân duyên có 3 câu.

17.

* Pháp thiện làm duyên cho pháp phi thiện bằng Cảnh duyên có 6 câu.
* Pháp bất thiện làm duyên cho pháp phi bất thiện bằng Cảnh duyên có 6 câu.
* Pháp vô ký làm duyên cho pháp phi vô ký bằng Cảnh duyên có 6 câu.

18.

Nhân 13, Cảnh 18, Trưởng 17, Vô gián 16, Liên tiếp 16, Đồng sanh 19, Hỗ tương 9, Y chỉ 26, Cận y 18, Tiền sanh 6, Hậu sanh 9, Cố hưởng 9, Nghiệp 13, Quả 3, Thực 13,...tóm tắt... Đạo 13, Tương ưng 9, Bất tương ưng 12,...tóm tắt... Bất ly 26.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* đều nên sắp rộng.

TAM ĐỀ THỌ – TAM ĐỀ PHI THỌ

(Na vedanattikam)

19.

* Pháp phi tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên: Lạc thọ và sắc tâm liên quan uẩn tương ưng lạc thọ. Sát-na tục sinh: Không có đại sung *(mahābhūtā natthi)*.
* Pháp phi tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn tương ưng lạc thọ.
* Pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng khổ thọ và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ và phi tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ, phi tương ưng khổ thọ và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

20.

* Pháp phi tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng khổ thọ và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ và phi tương ưng khổ thọ liên quan những pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ, phi tương ưng khổ thọ và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

21.

* Pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng khổ thọ và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ và phi tương ưng khổ thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ, phi tương ưng khổ thọ và phi tương ưng khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

22.

Nhân 21, Cảnh 21, Bất ly 21.

23.

Pháp phi tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng lạc thọ sanh ra do phi Nhân duyên.

24.

Phi Nhân 21, phi Cảnh 21, phi Bất tương ưng 14, phi Ly 21.

Phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng cũng như phần liên quan.

25.

* Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp phi tương ưng lạc thọ bằng Nhân duyên.
* Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp phi tương ưng khổ thọ bằng Nhân duyên.
* Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Nhân duyên.

* Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho những pháp phi tương ưng lạc thọ và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Nhân duyên.
* Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho những pháp phi tương ưng khổ thọ và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Nhân duyên.
* Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho những pháp phi tương ưng lạc thọ và phi tương ưng khổ thọ bằng Nhân duyên.
* Pháp tương ưng lạc thọ làm duyên cho những pháp phi tương ưng lạc thọ và phi tương ưng khổ thọ và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ bằng Nhân duyên 7 câu.

26.

Nhân 21, Cảnh 21, Bất ly 21.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* nên sắp rộng.

TAM ĐỀ QUẢ – TAM ĐỀ PHI QUẢ

27.

* Pháp phi quả liên quan pháp quả sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi dị thục nhân liên quan pháp quả sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp quả sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi dị thục nhân và phi phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp quả sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi quả và phi dị thục nhân liên quan pháp quả sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

28.

* Pháp phi dị thục nhân liên quan pháp phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi quả liên quan pháp phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi quả và phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi quả và phi dị thục nhân liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

29.

* Pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi quả liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi dị thục nhân liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi dị thục nhân và phi phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi quả và phi dị thục nhân liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

30.

* Pháp phi quả liên quan những pháp quả và phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.

- Pháp phi dị thục nhân liên quan pháp quả và phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi dị thục quả dị thục nhân liên quan pháp quả và phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi dị thục nhân và phi phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan những pháp quả và phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi quả và phi dị thục nhân liên quan pháp quả và phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

31.

- Pháp phi quả liên quan những pháp dị thục nhân và phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi dị thục nhân liên quan những pháp phi dị thục nhân và phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi quả và phi phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan những pháp dị thục nhân và phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

32.

- Pháp phi dị thục nhân liên quan pháp quả sanh ra do Cảnh duyên có 3 câu.
- Pháp phi quả liên quan pháp dị thục nhân sanh ra do Cảnh duyên có 3 câu.
- Pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Cảnh duyên có 5 câu.
- Pháp phi dị thục nhân liên quan những pháp quả và phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Cảnh duyên có 3 câu.

33.

Nhân 23, Cảnh 14,... bất ly 23.

34.

Phi Nhân 18, phi Cảnh 15.

Phần đồng sanh, ỷ trượng (nhờ cậy), y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng.

35.

- Pháp quả làm duyên cho pháp phi quả bằng Nhân duyên.
- Pháp quả làm duyên cho pháp phi dị thục nhân bằng Nhân duyên.
- Pháp quả làm duyên cho pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân bằng Nhân duyên.
- Pháp quả làm duyên cho những pháp phi dị thục nhân và phi phi dị thục quả phi dị thục nhân bằng Nhân duyên.
- Pháp quả làm duyên cho những pháp phi quả và phi dị thục nhân bằng Nhân duyên có 5 câu.

36.

- Pháp quả làm duyên cho pháp phi quả bằng Cảnh duyên.
- Pháp quả làm duyên cho pháp phi dị thục nhân bằng Cảnh duyên.
- Pháp quả làm duyên cho pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân bằng Cảnh duyên.
- Pháp quả làm duyên cho pháp phi quả và phi phi dị thục quả phi dị thục nhân bằng Cảnh duyên.
- Pháp quả làm duyên cho pháp phi dị thục quả và phi phi dị thục quả phi dị thục nhân bằng Cảnh duyên.
- Pháp quả làm duyên cho những pháp phi quả và phi dị thục nhân bằng Cảnh duyên có 6 câu.

37.

* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi dị thục nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả bằng Cảnh duyên.
* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp dị thục nhân làm duyên cho pháp phi quả và phi phi dị thục quả phi dị thục nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp dị thục nhân làm duyên cho những pháp phi dị thục nhân và phi phi dị thục quả phi dị thục nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp dị thục nhân làm duyên cho những pháp phi quả và phi dị thục nhân bằng Cảnh duyên có 6 câu.

38.

Pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân làm duyên cho những pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân bằng Cảnh duyên,...tóm tắt... 6 câu.

39.

Nhân 13, Cảnh 18, Trưởng 17, Vô gián 16,... tóm tắt... Tiền sanh 6, Hậu sanh 9, Cố hưởng 6, Nghiệp 14, Quả 5,... tóm tắt... Quyền 18, tóm tắt... Bất tương ưng 12, Bất ly 23.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* nên sắp rộng.

TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ - TAM ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ *(Upādinnupādāniyattika na upādinnupādāniyattikam)*

40.

* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thành do thủ cảnh thủ và phi phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ và phi phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

41.

* Pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thành do thủ cảnh thủ và phi phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

42.

* Pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thành do thủ cảnh thủ và phi phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thành do thủ cảnh thủ và phi phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

43.

* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ liên quan những pháp phi thành do thủ cảnh thủ và phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan chư pháp phi thành do thủ cảnh thủ và phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thành do thủ cảnh thủ và phi phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan những pháp phi thành do thủ cảnh thủ và phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

44.

* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ liên quan những pháp thành do thủ cảnh thủ và phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan những pháp thành do thủ cảnh thủ và phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thành do thủ cảnh thủ và phi phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan những pháp thành do thủ cảnh thủ và phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

45.

Nhân 19, Cảnh 9, Trưởng 11, Đồng sanh 19,... tóm tắt...

Phần đồng sanh, phần ỷ trượng (nhờ cậy), phần y chỉ, phần hòa hợp, phần tương ưng đều nên sắp rộng.

46.

* Pháp thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ bằng Nhân duyên.
* Pháp thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ bằng Nhân duyên,... tóm tắt....

47.

* Pháp thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên.
* Pháp thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên.
* Pháp thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ bằng Cảnh duyên.
* Pháp thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ và pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ bằng Cảnh duyên.
* Pháp thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho những pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ và phi phi thành do thủ phi cảnh thủ bằng Cảnh duyên có 5 câu.

48.

* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên.

* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ bằng Cảnh duyên.
* Chư pháp phi thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho pháp phi thành do thủ cảnh thủ và pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ làm duyên cho những pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ và phi phi thành do thủ phi cảnh thủ bằng Cảnh duyên có 5 câu.

49.

Pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ làm duyên cho pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ bằng Cảnh duyên,...tóm tắt có 5 câu.

50.

Nhân 13, Cảnh 15, Trưởng 11,... tóm tắt...

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* nên sắp rộng.

TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO - TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO *(Saṅkiliṭṭhasankilesikattika na saṅkiliṭṭhasankilesikattikam)*

51.

* Pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi phiền toái phi cảnh phiền não liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi phiền toái cảnh phiền não và phi phi phiền toái phi cảnh phiền não liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não và phi phi phiền toái phi cảnh phiền não liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

52.

* Pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi phiền toái phi cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi phiền toái cảnh phiền não và phi phi phiền toái phi cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

53.

* Pháp phi phi phiền toái phi cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi phiền toái cảnh phiền não và phi phi phiền toái phi cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi phiền toái cảnh phiền não và phi phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

54.

Pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não liên quan những pháp phiền toái cảnh phiền não và phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

55.

Pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não liên quan những pháp phi phiền toái cảnh phiền não và phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt... có 3 câu.

56.

Nhân 19, Cảnh 9, Bất ly 19,...tóm tắt...

Phần đồng sanh, phần ỷ trượng (nhờ cậy), phần y chỉ, phần hòa hợp, phần tương ưng đều giống như phần vấn đề *(pañhāvāra)*.

57.

Nhân 13, Cảnh 15, Trưởng 15, Vô gián 16,... tóm tắt... Tiền sanh 6, Hậu sanh 9, Cố hưởng 8, Nghiệp 13, Quả 8, Thực 13,...tóm tắt... Bất tương ưng 12, Bất ly *(avigata)* 26.

TAM ĐỀ TẦM – TAM ĐỀ PHI TẦM

(Na vitakkattikam)

58.

∗ Pháp phi hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi hữu tầm hữu tứ và phi vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi vô tầm hữu tứ và phi vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi hữu tầm hữu tứ và phi vô tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi hữu tầm hữu tứ, phi vô tầm hữu tứ và phi vô tầm vô tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

59.

∗ Pháp phi vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi hữu tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi hữu tầm hữu tứ và phi vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi vô tầm hữu tứ và phi vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi hữu tầm hữu tứ và phi vô tầm hữu tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi hữu tầm hữu tứ, phi vô tầm hữu tứ và phi vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

60.

Pháp phi vô tầm vô tứ liên quan pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt... có 7 câu.

61.

Pháp phi hữu tầm hữu tứ liên quan pháp hữu tầm hữu tứ và pháp vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên 7 câu.

62.

Pháp phi hữu tầm hữu tứ liên quan những pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

63.

Pháp phi hữu tầm hữu tứ liên quan những pháp hữu tầm hữu tứ và vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

64.

Pháp phi hữu tầm hữu tứ liên quan những pháp hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

65.

Nhân 49, Cảnh 49, Bất ly 49.

Phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

TAM ĐỀ HỶ – TAM ĐỀ PHI HỶ

66.

* Pháp phi đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi đồng sanh hỷ và phi đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi đồng sanh lạc và phi đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi đồng sanh hỷ và phi đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi đồng sanh hỷ, phi đồng sanh lạc và phi đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

67.

Pháp phi đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

68.

Pháp phi đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

69.

Pháp phi đồng sanh hỷ liên quan những pháp đồng sanh hỷ và đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên 7 câu.

70.

Nhân 28, Cảnh 24, Bất ly 28.

Phần đồng sanh, phần tương ưng hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

TAM ĐỀ SƠ ĐẠO (KIẾN) – TAM ĐỀ PHI SƠ ĐẠO (KIẾN)
(Dassanattike na dassanattikam)

71.

- Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ *(na dassanena pahātabbo)* liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ *(na bhāvanāya pahātabba)* liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ *(na nevadassanena na bhāvanāya pahātabba)* liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ và phi phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi sơ đạo tuyệt trừ và phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

72.

Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

73.

Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

74.

Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan những pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

75.

Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan những pháp ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

76.

Nhân 19, Bất ly 19.

Dù phần đồng sanh, phần tương ưng hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ - TAM ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ *(Dassanena pahātabbahetukattike na dassanena pahātabbahetukattikam)*

77.

Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

78.

Nhân 26, Bất ly 26. Tất cả đều nên sắp rộng.

TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ – TAM ĐỀ PHI NHÂN SANH TỬ
(Ācagāmittike na ācayagāmittikam)

79.

- Pháp phi nhân sanh tử liên quan pháp nhân sanh tử *(ācayagāmi)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đền Níp Bàn liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân sanh tử và pháp phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

80.

* Pháp phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân sanh tử liên quan pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn *(apacayagāmi)* sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân sanh tử và phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên 5 câu.

81.

* Pháp phi nhân sanh tử liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn *(nevācayagāminapacayagāmi)* sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân sanh tử và phi phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

82.

* Pháp phi nhân sanh tử liên quan những pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân đến Níp Bàn liên quan chư pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân sanh tử và pháp phi nhân đến Níp Bàn liên quan những pháp nhân sanh tử và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

83.

* Pháp phi nhân sanh tử liên quan những pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân đến Níp Bàn liên quan những pháp nhân đến Níp Bàn và phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân sanh tử và pháp phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp nhân đến Níp Bàn và pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

84.

Nhân 19. Tất cả đều nên phân rộng.

TAM ĐỀ HỮU HỌC – TAM ĐỀ PHI HỮU HỌC

(Na sekkhattikam)

85.

* Pháp phi hữu học liên quan pháp hữu học sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô học liên quan pháp hữu học sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi hữu học phi vô học liên quan pháp hữu học sanh ra do Nhân duyên.

* Chư pháp phi vô học và phi phi hữu học phi vô học liên quan pháp hữu học sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu học và phi vô học liên quan pháp hữu học sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

86.

* Pháp phi vô học liên quan pháp vô học sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu học liên quan pháp vô học sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi hữu học phi vô học liên quan pháp vô học sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu học và phi phi hữu học phi vô học liên quan pháp vô học sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu học và phi vô học liên quan pháp vô học sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

87.

* Pháp phi hữu học liên quan pháp phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu học và phi vô học liên quan pháp phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

88.

* Pháp phi hữu học liên quan những pháp hữu học và phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô học liên quan những pháp hữu học và phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu học và phi vô học liên quan những pháp hữu học và phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

89.

* Pháp phi hữu học liên quan những pháp vô học và phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô học liên quan những pháp vô học và phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu học và phi vô học liên quan những pháp vô học và phi hữu học phi vô học sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

90.

Nhân 19, tất cả đều nên sắp rộng.

TAM ĐỀ HY THIỂU – TAM ĐỀ PHI HY THIỂU

(Na parittattikam)

91.

* Pháp phi hy thiểu liên quan pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi đáo đại liên quan pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô lượng liên quan pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hy thiểu và pháp phi vô lượng liên quan pháp hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi đáo đại và phi vô lượng liên quan pháp hy thiểu *(paritta)* sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

92.

* Pháp phi đáo đại liên quan pháp đáo đại *(mahaggata)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hy thiểu liên quan pháp đáo đại sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô lượng liên quan pháp đáo đại sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hy thiểu và phi vô lượng liên quan pháp đáo đại sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi đáo đại và phi vô lượng liên quan pháp đáo đại sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

93.

* Pháp phi vô lượng liên quan pháp vô lượng *(appamāṇa)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hy thiểu liên quan pháp vô lượng sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi đáo đại liên quan pháp vô lượng sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi đáo đại và phi vô lượng liên quan pháp vô lượng sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hy thiểu và phi đáo đại liên quan pháp vô lượng sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

94.

* Pháp phi đáo đại liên quan những pháp hy thiểu và vô lượng sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô lượng liên quan những pháp hy thiểu và vô lượng sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi đáo đại và phi vô lượng liên quan pháp hy thiểu và pháp vô lượng sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

95.

* Pháp phi hy thiểu liên quan những pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi đáo đại liên quan những pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô lượng liên quan những pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hy thiểu và phi vô lượng liên quan những pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi đáo đại và phi vô lượng liên quan những pháp hy thiểu và đáo đại sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

96.

Nhân 23, Cảnh 14,...tóm tắt... tất cả đều nên sắp rộng.

TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU – TAM ĐỀ PHI CẢNH HY THIỂU

(Parittārammaṇattike na parittārammaṇattikam)

97.

Pháp phi cảnh hy thiểu liên quan pháp cảnh hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.

98.

Nhân 19,... tóm tắt... bất ly 19.

TAM ĐỀ TY HẠ – TAM ĐỀ PHI TY HẠ

(Na hīnattikam)

99.

Pháp phi ty hạ liên quan pháp ty hạ sanh ra do Nhân duyên.

Như tam đề phiền toái cảnh phiền não *(saṅkiliṭṭhasaṅkilesikattikasadisam)*

100.

Nhân 19, tóm tắt... bất ly 19.

TAM ĐỀ TÀ – TAM ĐỀ PHI TÀ
(Na micchattattikam)

101.

- Pháp phi tà cho quả nhứt định liên quan pháp tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi chánh cho quả nhứt định liên quan pháp tà cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất định liên quan pháp tà cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi chánh cho quả nhứt định và phi bất định liên quan pháp tà cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tà cho quả nhứt định và phi chánh cho quả nhứt định liên quan pháp tà cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

102.

- Pháp phi chánh cho quả nhứt định liên quan pháp chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tà cho quả nhứt định liên quan pháp chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất định liên quan pháp chánh cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tà cho quả nhứt định và pháp phi bất định liên quan pháp chánh cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tà cho quả nhứt định và phi chánh cho quả nhứt định liên quan pháp chánh cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

103.

Pháp phi tà cho quả nhứt định liên quan pháp bất định *(aniyata)* sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

104.

Pháp phi tà cho quả nhứt định liên quan pháp tà cho quả nhứt định và pháp bất định sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

105.

Pháp phi tà cho quả nhứt định liên quan pháp chánh cho quả nhứt định và pháp bất định sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

106.

Nhân 19,... tóm tắt... tất cả đều nên sắp rộng.

TAM ĐỀ CÓ CẢNH LÀ ĐẠO – TAM ĐỀ PHI CÓ CẢNH LÀ ĐẠO
(Maggārammaṇattike na maggārammaṇattikam)

107.

- Pháp phi có cảnh là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo *(maggārammaṇa)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi có nhân là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi có cảnh là đạo và phi có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi có nhân là đạo và phi có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên.

* Chư pháp phi có cảnh là đạo và phi có nhân là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi có cảnh là đạo, phi có nhân là đạo và phi có trưởng là đạo liên quan pháp có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

108.

Nhân 35, Bất ly 35. Tất cả đều nên sắp rộng.

TAM ĐỀ SANH TỒN – TAM ĐỀ PHI SANH TỒN

(Na uppanna)

109.

Pháp sanh tồn *(uppanna)* làm duyên cho pháp phi phi sanh tồn *(na anuppanna)* bằng Nhân duyên.

110.

Nhân 3, Cảnh 9,... tóm tắt...

TAM ĐỀ QUÁ KHỨ – TAM ĐỀ PHI QUÁ KHỨ

(Na atitattikam)

111.

Pháp hiện tại *(paccappanna)* làm duyên cho pháp phi quá khứ bằng Nhân duyên.

112.

Nhân 3, Cảnh 9,... tóm tắt...

TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ – TAM ĐỀ PHI CẢNH QUÁ KHỨ

113.

* Pháp phi cảnh quá khứ liên quan pháp biết cảnh quá khứ *(atītārammaṇa)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi cảnh vị lai liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi biết cảnh hiện tại liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi biết cảnh quá khứ và phi biết cảnh hiện tại liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi biết cảnh vị lai và phi biết cảnh hiện tại liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi biết cảnh quá khứ và phi biết cảnh vị lai liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi biết cảnh quá khứ, phi biết cảnh vị lai và phi biết cảnh hiện tại liên quan pháp biết cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

114.

Nhân 19,... tóm tắt... Bất ly 19.

TAM ĐỀ NỘI BỘ – TAM ĐỀ PHI NỘI BỘ
(Ajjhattattika na ajjhattatikam)

115.

∗ Pháp phi ngoại viện liên quan pháp nội bộ *(ajjhatta)* sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi nội bộ liên quan pháp ngoại viện *(bahiddhā)* sanh ra do Nhân duyên.

116.

Nhân 2. Tất cả đều nên sắp rộng.

TAM ĐỀ BIẾT CẢNH NỘI BỘ – TAM ĐỀ PHI BIẾT CẢNH NỘI BỘ

117.

Pháp phi biết cảnh nội bộ liên quan pháp biết cảnh nội bộ *(ajjhattārammaṇa)* sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...

118.

Nhân 6,... tóm tắt...

TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
(Sanidassanattika na sanidassanattikam)

119.

∗ Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu *(anidassanasappaṭigha)* sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi vô kiến hữu đối chiếu và phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

120.

Pháp phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

121.

Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan những pháp phi vô kiến hữu đối chiếu và phi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

122.

Nhân 18, Cảnh 3, Bất ly 18. Tất cả đều nên sắp rộng.

Phần đồng sanh *(sahajātavāra)* hay phần tương ưng *(sampayuttaravāra)* đều phải sắp rộng.

123.

∗ Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp phi vô kiến vô đối chiếu bằng Nhân duyên.

* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu bằng Nhân duyên.
* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp phi vô kiến hữu đối chiếu bằng Nhân duyên.
* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho những pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô kiến vô đối chiếu bằng Nhân duyên.
* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho pháp phi vô kiến hữu đối chiếu và phi vô kiến vô đối chiếu bằng Nhân duyên.
* Pháp vô kiến vô đối chiếu làm duyên cho những pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô kiến hữu đối chiếu bằng Nhân duyên có 6 câu.

124.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu bằng Cảnh duyên có 3 câu,... tóm tắt...

125.

Nhân 6, Cảnh 9.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* nên sắp rộng.

Dứt Vị trí tam đề thuận tùng đối lập

VỊ TRÍ NHỊ ĐỀ THUẬN TÙNG, ĐỐI LẬP
(Anulomapaccanīya dukapaṭṭhāna)

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

126.

* Pháp phi nhân *(na hetu)* liên quan pháp nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Uẩn tương ưng và sắc nương tâm sanh *(cittasamuṭṭhāna)* liên quan nhân, tục sinh.
* Pháp phi phi nhân liên quan pháp nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân và pháp phi phi nhân liên quan pháp nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân và phi phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân liên quan những pháp nhân và phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi nhân liên quan những pháp nhân và phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân và phi phi nhân liên quan những pháp nhân và phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

127.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

128.

Pháp nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Nhân duyên có 3 câu.

129.

* Pháp nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.
* Pháp phi nhân làm duyên cho pháp phi phi nhân bằng Cảnh duyên.
* Chư pháp nhân và phi nhân làm duyên cho pháp phi nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.

130.

Nhân 3, Cảnh 9, Bất ly 9.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* nên sắp rộng như thế.

NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN

131.

* Pháp phi hữu nhân *(na sahetuka)* liên quan pháp hữu nhân *(sahetika)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu nhân và phi vô nhân liên quan pháp hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô nhân liên quan pháp vô nhân *(ahetuka)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu nhân và pháp phi vô nhân liên quan pháp vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu nhân liên quan những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô nhân liên quan những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu nhân và phi vô nhân liên quan những pháp hữu nhân và vô nhân sanh ra do Nhân duyên.

132.

Nhân 9, Cảnh 6, Bất ly 9.

Dù phần đồng sanh *(sahajātavāra)* hay phần vấn đề *(pañhāvāra)* đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN

133.

- Pháp phi tương ưng nhân liên quan pháp tương ưng nhân *(hetusampayutta)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất tương ưng nhân liên quan pháp tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tương ưng nhân và phi bất tương ưng nhân liên quan pháp tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất tương ưng nhân liên quan pháp bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tương ưng nhân liên quan pháp bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tương ưng nhân và phi bất tương ưng nhân liên quan pháp bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tương ưng nhân liên quan những pháp tương ưng nhân và bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất tương ưng nhân liên quan những pháp tương ưng nhân và bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tương ưng nhân và phi bất tương ưng nhân liên quan những pháp tương ưng nhân và bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

134.

Nhân 9, dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN

(Hetusahetukaduke na hetusahetukadukam)

135.

- Pháp phi nhân phi vô nhân liên quan pháp nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô nhân và phi phi nhân liên quan pháp nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân phi vô nhân và phi vô nhân phi phi nhân liên quan pháp nhân và hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô nhân và phi phi nhân liên quan pháp hữu nhân và phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân và phi vô nhân liên quan pháp hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân phi vô nhân và phi vô nhân phi phi nhân liên quan pháp hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân và phi vô nhân liên quan những pháp nhân hữu nhân, hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô nhân và phi phi nhân liên quan những pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi nhân phi vô nhân và phi vô nhân phi phi nhân liên quan những pháp nhân hữu nhân và hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

136.

Nhân 9.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN

(Hetuhetusampayuttaduke na hetuhetusampayuttadukam)

137.

∗ Pháp phi nhân phi bất tương ưng nhân liên quan pháp nhân tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi bất tương ưng nhân phi phi nhân liên quan pháp nhân tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi nhân và phi bất tương ưng nhân, phi bất tương ưng nhân và phi phi nhân liên quan pháp nhân và tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi bất tương ưng nhân và phi phi nhân liên quan pháp tương ưng nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi nhân và phi bất tương ưng nhân liên quan pháp tương ưng nhân mà phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi nhân phi bất tương ưng nhân và phi bất tương ưng nhân phi phi nhân liên quan pháp tương ưng nhân mà phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi nhân phi bất tương ưng nhân liên quan những pháp nhân tương ưng nhân và tương ưng nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi bất tương ưng nhân và phi phi nhân liên quan những pháp nhân tương ưng nhân và tương ưng nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi nhân phi bất tương ưng nhân và phi bất tương ưng nhân phi phi nhân liên quan những pháp nhân tương ưng nhân và tương ưng nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

138.

Nhân 9.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN PHI HỮU NHÂN

(Na hetusahetukaduke na hetu na sahetukadukam)

139.

Pháp phi nhân phi hữu nhân liên quan pháp phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.

140.

Nhân 9.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU DUYÊN
(Sappaccayaduke na sappaccayadukam)

141.

Pháp phi vô duyên *(na appaccayo)* liên quan pháp hữu duyên *(sappaccaya)* sanh ra do Nhân duyên.

142.

Nhân 1.

143.

* Pháp hữu duyên làm duyên cho pháp phi vô duyên bằng Cảnh duyên.
* Pháp vô duyên làm duyên cho pháp phi vô duyên bằng Cảnh duyên.

Hữu vi *(sankhatama)* cũng như hữu duyên *(sappaccaya sadisam).*

NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU KIẾN
(Na sanidassanadukam)

144.

* Pháp phi vô kiến liên quan pháp vô kiến *(anidassana)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu kiến liên quan pháp vô kiến sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu kiến và phi vô kiến liên quan pháp vô kiến sanh ra do Nhân duyên.

145.

Nhân 3. Tất cả đều 3.

NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU - NHỊ ĐỀ PHI HỮU ĐỐI CHIẾU

146.

* Pháp phi hữu đối chiếu liên quan pháp hữu đối chiếu *(sappaṭigha)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô đối chiếu liên quan pháp hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu đối chiếu và phi vô đối chiếu liên quan pháp hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô đối chiếu liên quan pháp vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu đối chiếu liên quan pháp vô đối chiếu *(appatigha)* sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu đối chiếu và phi vô đối chiếu liên quan pháp vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu đối chiếu liên quan những pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô đối chiếu liên quan những pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu đối chiếu và phi vô đối chiếu liên quan những pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

147.

Nhân 9. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ SẮC - NHỊ ĐỀ PHI SẮC
(Na rūpīdukam)

148.

Pháp phi sắc liên quan pháp sắc *(rūpi)* sanh ra do Nhân duyên.

149.

Nhân 9. Tất cả đều 9.

NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ - NHỊ ĐỀ PHI HIỆP THẾ
(Na lokiyadukam)

150.

- Pháp phi siêu thế *(na lokuttara)* liên quan pháp hiệp thế sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
- Pháp phi hiệp thế liên quan pháp siêu thế sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi siêu thế liên quan pháp siêu thế sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi hiệp thế và phi siêu thế liên quan pháp siêu thế sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi siêu thế liên quan pháp hiệp thế và siêu thế sanh ra do Nhân duyên.

151.

Nhân 5. Tất cả đều 5.

NHỊ ĐỀ CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG - NHỊ ĐỀ PHI CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG
(Kenaciviññeyyaduke na kenaciviññeyyadukam)

152.

- Pháp phi có tâm biết đặng liên quan pháp có tâm biết đặng *(kenaciviññeyya)* sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi có tâm không biết đặng *(na kenacinaviññeyya)* liên quan pháp có tâm biết đặng sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi có tâm biết đặng và phi có tâm không biết đặng liên quan pháp có tâm biết đặng sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi có tâm không biết đặng liên quan pháp có tâm không biết đặng sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

153.

Nhân 9. Tất cả đều 9.

NHỊ ĐỀ LẬU - NHỊ ĐỀ PHI LẬU
(No āsava)

154.

- Pháp phi lậu liên quan pháp lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi lậu liên quan pháp lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi lậu và phi phi lậu liên quan pháp lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi lậu liên quan pháp phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi lậu liên quan pháp phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi lậu và phi phi lậu liên quan pháp phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi lậu liên quan pháp lậu và phi lậu sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp phi phi lậu liên quan pháp lậu và phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi lậu và phi phi lậu liên quan pháp lậu và phi lậu sanh ra do Nhân duyên.

155.

Nhân 9. Tất cả đều 9.

NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU - NHỊ ĐỀ PHI CẢNH LẬU

(Na sāsavadukam)

156.

* Pháp phi phi cảnh lậu liên quan pháp cảnh lậu *(sāsava)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi cảnh lậu liên quan pháp phi cảnh lậu *(anāsava)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi cảnh lậu *(na sāsava)* liên quan pháp phi cảnh lậu *(anāsava)* sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi cảnh lậu và phi phi cảnh lậu liên quan pháp phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi cảnh lậu liên quan pháp cảnh lậu và pháp phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

157.

Nhân 5. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG TÂM

(Āsavasampayuttaduke na āsavasampayuttadukam)

158.

* Pháp phi tương ưng lậu liên quan pháp tương ưng lậu *(asavasampayutta)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi bất tương ưng lậu liên quan pháp tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lậu và phi bất tương ưng lậu liên quan pháp tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi bất tương ưng lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lậu và phi bất tương ưng lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lậu liên quan pháp tương ưng lậu và pháp bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi bất tương ưng lậu liên quan những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lậu và phi bất tương ưng lậu liên quan những pháp tương ưng lậu và bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.

159.

Nhân 9. Tất cả đều 9.

NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU - NHỊ ĐỀ PHI LẬU CẢNH LẬU
(Āsavasāsavaduke na āsavasāsavadukam)

160.

- Pháp phi lậu phi phi cảnh lậu liên quan pháp lậu cảnh lậu *(āsavañceva sāsavañca)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi cảnh lậu phi phi lậu liên quan pháp lậu cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi cảnh lậu phi phi cảnh lậu và phi phi cảnh lậu phi phi lậu liên quan pháp lậu cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi cảnh lậu phi phi lậu liên quan pháp cảnh lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi lậu phi phi cảnh lậu liên quan pháp lậu cảnh lậu và pháp cảnh lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên. Có 3 câu.

161.

Nhân 9. Tất cả đều 9.

NHỊ ĐỀ LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU - NHỊ ĐỀ PHI LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU
(Āsava āsavasampayuttaduke na āsava āsavasampayuttadukam)

162.

- Pháp phi lậu phi bất tương ưng lậu liên quan pháp lậu tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi bất tương ưng lậu phi phi lậu liên quan những pháp tương ưng lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi lậu phi bất tương ưng lậu liên quan những pháp lậu tương ưng lậu và bất tương ưng lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

163.

Nhân 9. Tất cả đều 9.

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU - NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU PHI CẢNH LẬU *(Āsavavippayuttasāsavaduke āsavavippayutta na āsavadukaṃ)*

164.

- Pháp bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
- Pháp bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu liên quan những pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu và bất tương ưng lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

165.

Nhân 5, Bất ly 5. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ CHÙM SÁU - NHỊ ĐỀ CHÙM SÁU
(Chagocchakadukam)

166.

- Pháp phi triền liên quan pháp triền *(samyojana)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phược liên quan pháp phược *(gantha)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bộc liên quan pháp bộc *(ogha)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phối liên quan pháp phối *(toga)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi cái liên quan pháp cái *(nīvarana)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi khinh thị liên quan pháp khinh thị *(parāmāsa)* sanh ra do Nhân duyên.

Cũng như nhị đề lậu *(āsavagocchaka sadisam).*

NHỊ ĐỀ ĐẠI - NHỊ ĐỀ ĐẠI
(Mahantaradukam)

167.

- Pháp phi hữu cảnh liên quan pháp hữu cảnh *(sārammaṇa)* sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi vô cảnh liên quan pháp vô cảnh *(anārammaṇa)* sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi hữu cảnh liên quan những pháp hữu cảnh và vô cảnh sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

168.

Nhân 9, Bất ly 9. Tất cả đều nên sắp rộng.

169.

- Pháp phi tâm liên quan pháp tâm *(citta)* sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
- Pháp phi phi tâm liên quan pháp phi tâm *(no citta)* sanh ra do Nhân duyên 3 câu,... tóm tắt...

170.

Nhân 5, Bất ly 5. Tất cả đều nên sắp rộng.

171.

- Pháp phi sở hữu tâm liên quan pháp sở hữu tâm *(cetasika)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tương ưng tâm liên quan pháp tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi hòa với tâm liên quan pháp hòa với tâm *(cittasansaṭṭha)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nương tâm làm sở sanh liên quan pháp nương tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhana)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhū)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tùng thông lưu với tâm liên quan pháp tùng thông lưu với tâm *(cittānuparivatti)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi hòa phi nương tâm làm sở sanh liên quan pháp hòa nương tâm làm sở sanh *(cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhāna)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh liên quan pháp hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh *(cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhānasahabhū)* sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh liên quan pháp hòa tùng thông lưu, nương tâm làm sở sanh *(cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhānānuparivatti)* sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi nội bộ liên quan pháp nội bộ *(ajjhattika)* sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi ngoại viện liên quan pháp ngoại viện *(bāhira)* sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi y sinh liên quan pháp y sinh *(upādā)* sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phi y sinh liên quan pháp phi y sinh *(no upādā)* sanh ra do Nhân duyên.

172.

∗ Pháp phi thành do thủ liên quan pháp thành do thủ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp phi thành do thủ liên quan pháp phi thành do thủ *(anupādinna)* sanh ra do Nhân duyên.

173.

Nhân 5, Bất ly 5. Tất cả nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ CHÙM HAI - NHỊ ĐỀ CHÙM HAI
(Dvigocchakadukam)

174.

∗ Pháp phi thủ *(no upādāno)* liên quan pháp thủ *(upādāna)* sanh ra do Nhân duyên có 9 câu.
∗ Pháp phi phiền não liên quan pháp phiền não sanh ra do Nhân duyên có 9 câu.

NHỊ ĐỀ SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ - NHỊ ĐỀ PHI SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

175.

∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi sơ đạo tuyệt trừ và phi phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
∗ Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan những pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

176.

Nhân 5, Bất ly 5.

NHỊ ĐỀ BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ - NHỊ ĐỀ PHI BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ

177.

∗ Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

178.

Nhân 5, Bất ly 5.

NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

179.

∗ Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

180.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ

181.

∗ Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

182.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ HỮU TẦM - NHỊ ĐỀ PHI HỮU TẦM

(Na savitakka)

183.

∗ Pháp phi hữu tầm liên quan pháp hữu tầm sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi vô tầm liên quan pháp vô tầm sanh ra do Nhân duyên.

184.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ HỮU TỨ - NHỊ ĐỀ PHI HỮU TỨ

(Na savicāra)

185.

∗ Pháp phi hữu tứ liên quan pháp hữu tứ *(savicāra)* sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi vô tứ liên quan pháp vô tứ sanh ra do Nhân duyên.

186.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ HỮU HỶ - NHỊ ĐỀ PHI HỮU HỶ

187.

∗ Pháp phi hữu hỷ liên quan pháp hữu hỷ *(sappītika)* sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi vô hỷ liên quan pháp vô hỷ *(appītika)* sanh ra do Nhân duyên.

188.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH HỶ - NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH HỶ

189.

∗ Pháp phi đồng sanh hỷ liên quan pháp đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp phi đồng sanh hỷ liên quan pháp phi đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên.

190.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH LẠC - NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH LẠC

191.

∗ Pháp phi đồng sanh lạc liên quan pháp đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
∗ Pháp phi phi đồng sanh lạc liên quan pháp phi đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên.

192.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH XẢ - NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH XẢ

193.

∗ Pháp phi đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp phi phi đồng sanh xả liên quan pháp đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên.

194.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ DỤC GIỚI - NHỊ ĐỀ PHI DỤC GIỚI

195.

∗ Pháp phi Dục giới liên quan pháp Dục giới sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp phi phi Dục giới liên quan pháp phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên.

196.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ SẮC GIỚI *(Rūpāvacaraduka)* - NHỊ ĐỀ PHI SẮC GIỚI

197.

∗ Pháp phi Sắc giới liên quan pháp Sắc giới sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
∗ Pháp phi phi Sắc giới liên quan pháp phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên.

198.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ VÔ SẮC GIỚI - NHỊ ĐỀ PHI VÔ SẮC GIỚI

199.

∗ Pháp phi Vô sắc giới liên quan pháp Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
∗ Pháp phi phi Vô sắc giới liên quan pháp phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên.

200.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ LIÊN QUAN LUÂN HỒI - NHỊ ĐỀ PHI LIÊN QUAN LUÂN HỒI
(Pariyāpanna)

201.

- Pháp phi liên quan luân hồi liên quan pháp liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất liên quan luân hồi liên quan pháp bất liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi liên quan luân hồi liên quan pháp bất liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi liên quan luân hồi và phi bất liên quan luân hồi liên quan pháp bất liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất liên quan luân hồi liên quan những pháp liên quan luân hồi và bất liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên.

202.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ NHÂN XUẤT LUÂN HỒI - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN XUẤT LUÂN HỒI
(Niyyānika)

203.

- Pháp phi nhân xuất luân hồi liên quan pháp nhân xuất luân hồi *(niyyānika)* sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi nhân xuất luân hồi liên quan *(na niyyānika)* liên quan pháp phi nhân xuất luân hồi *(aniyyānika)* sanh ra do Nhân duyên.

204.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ NHỨT ĐỊNH - NHỊ ĐỀ PHI NHỨT ĐỊNH

205.

- Pháp phi nhứt định liên quan pháp nhứt định *(niyata)* sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi nhứt định liên quan pháp bất định *(aniyata)* sanh ra do Nhân duyên.

206.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ HỮU THƯỢNG - NHỊ ĐỀ PHI HỮU THƯỢNG

207.

- Pháp phi vô thượng *(na anuttara)* liên quan pháp hữu thượng *(sa uttara)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô thượng liên quan pháp vô thượng *(anuttara)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi hữu thượng liên quan pháp vô thượng sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi hữu thượng và phi vô thượng liên quan pháp vô thượng sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô thượng liên quan những pháp hữu thượng và vô thượng sanh ra do Nhân duyên.

208.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ HỮU Y *(Saraṇaduka)* - NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y

209.

- Pháp phi hữu y liên quan pháp hữu y *(saraṇa)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô y liên quan pháp hữu y sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi hữu y và phi vô y liên quan pháp hữu y sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô y liên quan pháp vô y *(araṇa)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi hữu y liên quan những pháp hữu y và vô y sanh ra do Nhân duyên

210.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

211.

Pháp phi vô y liên quan pháp hữu y *(saraṇa)* sanh ra do Nhân duyên.

212.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Ly 3.

Phần đồng sanh *(sahajātavāra)*, ỷ trượng *(paccayā)*, y chỉ *(nissaya)*, hòa hợp *(sansattha), tương ưng (sampayutta)* cũng như phần liên quan *(paticcasadisam);* đều nên sắp rộng.

213.

- Pháp hữu y làm duyên cho pháp phi hữu y bằng Nhân duyên.
- Pháp hữu y làm duyên cho pháp phi vô y bằng Nhân duyên.
- Pháp hữu y làm duyên cho những pháp phi hữu y và phi vô y bằng Nhân duyên.
- Pháp vô y làm duyên cho pháp phi hữu y bằng Nhân duyên.

214.

- Pháp hữu y làm duyên cho pháp phi hữu y bằng Cảnh duyên.
- Pháp hữu y làm duyên cho pháp phi vô y bằng Cảnh duyên,...tóm tắt...

215.

Nhân 4, Cảnh 4, trưởng 5, Vô gián 4, Bất ly 5.

216.

Pháp hữu y làm duyên cho pháp phi hữu y bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Cận y duyên,... bằng Hậu sanh duyên,... bằng Nghiệp duyên.

217.

Pháp hữu y làm duyên cho pháp phi vô y bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên,... bằng Cận y duyên,... tóm tắt...

218.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7, phi Trưởng 7, phi Vô gián 7, phi Ly 4.

219.

Nhân duyên có phi Cảnh 4.

220.

Phi Nhân duyên có Cảnh 4.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, đây nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt Vị trí nhị đề thuận, nghịch (anulomapaccanīya dukapaṭṭhānam niṭṭhitam).

VỊ TRÍ NHỊ ĐỀ – TAM ĐỀ THUẬN NGHỊCH
(Anulomapaccanīya dukattikapaṭṭhānam)

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI THIỆN

221.

∗ Pháp phi thiện phi nhân liên quan pháp thiện thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi thiện phi nhân liên quan pháp thiện thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi thiện phi nhân liên quan những pháp thiện thuộc nhân và thiện thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu: chỉ có nương tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhānameva),* không có cảnh *(ārammaṇam natthi).*

222.

Nhân 3, Trưởng 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần y chỉ cũng như phần liên quan *(paṭiccavarasadisaṃ).*

223.

Pháp thiện thuộc nhân làm duyên cho pháp phi thiện thuộc phi nhân bằng Nhân duyên.

224.

∗ Pháp thiện thuộc nhân làm duyên cho pháp phi thiện thuộc phi nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.
∗ Pháp thiện thuộc phi nhân làm duyên cho pháp phi thiện thuộc phi phi nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.
∗ Chư pháp thiện thuộc nhân và pháp thiện thuộc phi nhân làm duyên cho pháp phi thiện thuộc phi nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.

225.

Nhân 1, Cảnh 9, Trưởng 9, Bất ly 3.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* nên sắp rộng.

226.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi nhân liên quan pháp bất thiện thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi bất thiện phi nhân liên quan pháp bất thiện thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi nhân liên quan những pháp bất thiện thuộc nhân và pháp bất thiện thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

227.

Nhân 3, Trưởng 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần y chỉ cũng như phần liên quan *(paṭiccavarasadisam).*

228.

Pháp bất thiện thuộc nhân làm duyên cho pháp phi bất thiện thuộc phi nhân bằng Nhân duyên.

229.

∗ Pháp bất thiện thuộc nhân làm duyên cho pháp phi bất thiện thuộc phi nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.
∗ Pháp bất thiện thuộc phi nhân làm duyên cho pháp phi bất thiện thuộc phi phi nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.

∗ Chư pháp bất thiện thuộc nhân và bất thiện thuộc phi nhân làm duyên cho pháp phi bất thiện thuộc phi nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.

230.

Nhân 1, Cảnh 9, Trưởng 1, Bất ly 3.

231.

Pháp phi vô ký thuộc phi phi nhân liên quan pháp vô ký thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

232.

Nhân 3, Trưởng 3, Bất ly 3.

Phần y chỉ hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ THỌ
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI THỌ

233.

∗ Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi nhân liên quan pháp tương ưng lạc thọ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi tương ưng lạc thọ thuộc phi nhân liên quan pháp tương ưng lạc thọ thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

234.

Nhân 3, Cảnh 3, Bất ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề nên sắp rộng.

235.

Pháp phi tương ưng khổ thọ thuộc phi nhân liên quan pháp tương ưng khổ thọ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

236.

Nhân 3. Tất cả đều nên sắp rộng.

237.

Pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc phi nhân liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

238.

Nhân 3. Tất cả đều nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ QUẢ
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI QUẢ

239.

∗ Pháp phi quả thuộc phi nhân liên quan pháp quả thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi dị thục nhân thuộc phi nhân liên quan pháp dị thục nhân thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ

240.

- Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc phi nhân liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ thuộc phi nhân liên quan phi thành do thủ cảnh thủ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ thuộc phi nhân liên quan pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO

241.

- Pháp phi phiền toái cảnh phiền não thuộc phi nhân liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi phi phiền toái phi cảnh phiền não thuộc phi nhân liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ TẦM
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI TẦM

242.

- Pháp phi hữu tầm hữu tứ thuộc phi nhân liên quan pháp hữu tầm hữu tứ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi vô tầm hữu tứ thuộc phi nhân liên quan pháp vô tầm hữu tứ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi vô tầm vô tứ thuộc phi nhân liên quan pháp vô tầm vô tứ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ HỶ
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI HỶ

243.

- Pháp phi đồng sanh hỷ thuộc phi nhân liên quan pháp đồng sanh hỷ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi đồng sanh lạc thuộc phi nhân liên quan pháp đồng sanh lạc thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi đồng sanh xả thuộc phi nhân liên quan pháp đồng sanh xả thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ SƠ ĐẠO (KIẾN) *(Dassana)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI SƠ ĐẠO

244.

- Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc phi nhân liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi nhân liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

245.

- Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thuộc phi nhân liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi nhân liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Chư pháp phi phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi nhân liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ *(Acayagāmi)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI NHÂN SANH TỬ

246.

- Pháp phi nhân sanh tử thuộc phi nhân liên quan pháp nhân sanh tử thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi nhân đến Níp Bàn thuộc phi nhân liên quan pháp nhân đến Níp Bàn thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ HỮU HỌC *(Sekkha)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI HỮU HỌC

247.

- Pháp phi hữu học thuộc phi nhân liên quan pháp hữu học thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi vô học thuộc phi nhân liên quan pháp vô học *(asekkha)* thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi phi hữu học phi vô học thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi hữu học phi vô học thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ HY THIỂU *(Paritta)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI HY THIỂU

248.

- Pháp phi hy thiểu thuộc phi phi nhân liên quan pháp hy thiểu *(paritta)* thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi đáo đại thuộc phi nhân liên quan pháp đáo đại thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi vô lượng thuộc phi nhân liên quan pháp vô lượng thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU ***(Parittārammaṇa)***
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI CẢNH HY THIỂU

249.

- Pháp phi cảnh hy thiểu thuộc phi nhân liên quan pháp cảnh hy thiểu thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi cảnh đáo đại thuộc phi nhân liên quan pháp cảnh đáo đại thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi cảnh vô lượng thuộc phi nhân liên quan pháp cảnh vô lượng thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ TY HẠ ***(Hīna)***
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI TY HẠ

250.

- Pháp phi ty hạ thuộc phi nhân liên quan pháp ty hạ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi trung bình thuộc phi phi nhân liên quan pháp trung bình thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi tinh lương thuộc phi nhân liên quan pháp tinh lương thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ TÀ ***(Micchatta)***
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI TÀ

251.

- Pháp phi tà cho quả nhứt định thuộc phi nhân liên quan pháp tà cho quả nhứt định thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi chánh cho quả nhứt định thuộc phi nhân liên quan pháp chánh cho quả nhứt định thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi bất định thuộc phi phi nhân liên quan pháp bất định thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ CÓ CẢNH LÀ ĐẠO *(Maggārammaṇa)*
NHỊ ĐỀ: PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI CÓ CẢNH LÀ ĐẠO

252.

- Pháp phi có cảnh là đạo thuộc phi nhân liên quan pháp có cảnh là đạo thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi có nhân là đạo thuộc phi nhân liên quan pháp có nhân là đạo thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi có trưởng là đạo thuộc phi nhân liên quan pháp có trưởng là đạo thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ SANH TỒN *(Uppanna)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI SANH TỒN

253.

- Pháp phi sanh tồn *(anuppanna)* thuộc nhân làm duyên cho pháp phi phi sanh tồn thuộc phi nhân bằng Cảnh duyên có 9 câu.
- Pháp sẽ sanh *(uppādī)* thuộc nhân làm duyên cho pháp phi sẽ sanh thuộc phi nhân bằng Cảnh duyên có 9 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ QUÁ KHỨ
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI QUÁ KHỨ

254.

- Pháp quá khứ thuộc nhân làm duyên cho pháp phi quá khứ thuộc phi nhân bằng Cảnh duyên có 9 câu.
- Pháp vị lai thuộc nhân làm duyên cho pháp phi vị lai thuộc phi nhân bằng Cảnh duyên có 9 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI CẢNH QUÁ KHỨ

255.

- Pháp phi cảnh quá khứ thuộc phi nhân liên quan pháp cảnh quá khứ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi cảnh vị lai thuộc phi nhân liên quan pháp cảnh vị lai thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi cảnh hiện tại thuộc phi nhân liên quan pháp cảnh hiện tại thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ *(Ajjhattārammaṇa)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI CẢNH NỘI BỘ

256.

- Pháp phi cảnh nội bộ thuộc phi nhân liên quan pháp cảnh nội bộ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

∗ Pháp phi cảnh ngoại viện thuộc phi nhân liên quan pháp cảnh ngoại viện thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ HỮU KIẾN *(Sanidassana)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN

257.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân làm duyên cho pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân bằng Cảnh duyên,... tóm tắt...

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân làm duyên cho những pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân và phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi phi nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.

258.

∗ Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

259.

∗ Pháp phi vô kiến vô đối chiếu thuộc phi nhân liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi vô kiến vô đối chiếu thuộc phi nhân liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi vô kiến vô đối chiếu thuộc phi nhân liên quan những pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc nhân và vô kiến vô đối chiếu thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

260.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN – TAM ĐỀ PHI THIỆN

261.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi hữu nhân liên quan pháp thiện thuộc hữu nhân sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi hữu nhân liên quan pháp bất thiện thuộc hữu nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

∗ Pháp phi vô ký thuộc phi vô nhân liên quan pháp vô ký vô nhân sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN – TAM ĐỀ PHI THIỆN

262.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi tương ưng nhân liên quan pháp thiện tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi tương ưng nhân liên quan pháp bất thiện tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

∗ Pháp phi vô ký thuộc phi bất tương ưng nhân liên quan pháp vô ký bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN – TAM ĐỀ PHI THIỆN

263.

- Pháp thiện thuộc nhân hữu nhân làm duyên cho pháp thiện thuộc phi nhân phi vô nhân bằng Cảnh duyên có 1 câu.
- Pháp thiện thuộc nhân và hữu nhân làm duyên cho pháp thiện thuộc phi vô nhân và phi phi nhân bằng Cảnh duyên có 2 câu.
- Pháp thiện thuộc nhân và hữu nhân làm duyên cho những pháp thiện phi nhân phi vô nhân và phi thiện phi vô nhân phi phi nhân bằng Cảnh duyên có 2 câu.
- Pháp thiện thuộc nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi thiện thuộc phi nhân phi vô nhân và pháp phi thiện thuộc phi vô nhân phi phi nhân bằng Cảnh duyên 3 câu.

264.

- Pháp thiện thuộc hữu nhân phi nhân làm duyên cho pháp phi thiện thuộc phi vô nhân và phi phi nhân bằng Cảnh duyên có 4 câu.
- ... Làm duyên cho những pháp phi thiện thuộc phi nhân phi vô nhân bằng Cảnh duyên có 5 câu.
- ... Làm duyên cho pháp phi thiện thuộc phi nhân phi vô nhân và pháp phi thiện thuộc phi vô nhân phi phi nhân bằng Cảnh duyên 6 câu.

265.

- Chư pháp thiện thuộc nhân hữu nhân và thiện thuộc hữu nhân phi nhân làm duyên cho pháp phi thiện thuộc phi nhân phi vô nhân bằng Cảnh duyên có 7 câu.
- ... Làm duyên cho pháp phi thiện thuộc phi vô nhân phi phi nhân bằng Cảnh duyên 8 câu.
- ... Làm duyên cho những pháp phi thiện thuộc nhân phi vô nhân và phi thiện thuộc phi vô nhân phi phi nhân bằng Cảnh duyên 9 câu.

266.

Pháp bất thiện thuộc nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi bất thiện thuộc phi nhân phi vô nhân bằng Cảnh duyên, nên sắp 9 câu theo phương tiện này.

267.

Pháp vô ký thuộc nhân hữu nhân làm duyên cho pháp phi vô ký thuộc phi nhân phi vô nhân bằng Cảnh duyên; nên sắp 9 câu đề,... tóm tắt...

Nhị đề nhân tương ưng nhân cũng như nhị đề nhân hữu nhân *(hetu ceva sahetukadukasadisam),...* tóm tắt... 9 câu.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN – TAM ĐỀ PHI THIỆN

268.

- Pháp phi thiện thuộc phi nhân phi hữu nhân liên quan pháp thiện thuộc phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
- Pháp phi bất thiện thuộc phi nhân phi hữu nhân liên quan pháp bất thiện thuộc phi nhân phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
- Pháp phi vô ký thuộc phi nhân phi vô nhân liên quan pháp vô ký thuộc phi nhân vô nhân sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI HỮU DUYÊN – TAM ĐỀ PHI THIỆN

269.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi vô duyên liên quan pháp thiện thuộc hữu duyên sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi vô duyên liên quan pháp bất thiện hữu duyên sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
∗ Pháp phi vô ký thuộc phi vô duyên liên quan pháp vô ký hữu duyên *(sappaccaya)* sanh ra do Nhân duyên 1 câu; cũng như nhị đề hữu duyên *(Sappaccayasadisam).*

NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI THIỆN

270.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi vô kiến liên quan pháp thiện thuộc vô kiến sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
∗ bất thiện cũng như thiện.
∗ Pháp phi vô ký thuộc phi hữu kiến liên quan pháp vô ký thuộc vô kiến sanh ra do Nhân duyên.

NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI HỮU ĐỐI CHIẾU – TAM ĐỀ PHI THIỆN.

271.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi vô đối chiếu liên quan pháp thiện vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi vô đối chiếu liên quan pháp bất thiện thuộc vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu; vô ký có 1 câu.

NHỊ ĐỀ SẮC – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI SẮC – TAM ĐỀ PHI THIỆN

272.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi vô sắc *(arūpī)* liên quan pháp thiện vô sắc sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi vô sắc liên quan pháp bất thiện thuộc vô sắc sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
∗ Pháp phi vô ký thuộc phi vô sắc liên quan pháp vô ký thuộc sắc *(rūpī)* sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI HIỆP THẾ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

273.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi siêu thế liên quan pháp thiện thuộc hiệp thế sanh ra do Nhân duyên 2 câu.

* Pháp phi bất thiện thuộc phi siêu thế liên quan pháp bất thiện thuộc hiệp thế sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
* Pháp phi vô ký thuộc phi hiệp thế liên quan pháp vô ký thuộc hiệp thế sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.

NHỊ ĐỀ CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG – TAM ĐỀ PHI THIỆN

274.

* Pháp phi thiện thuộc phi có tâm biết đặng liên quan pháp thiện thuộc có tâm biết đặng *(kenaciviññeyya)* sanh ra do Nhân duyên 9 câu.
* Pháp phi bất thiện thuộc phi có tâm biết đặng liên quan pháp bất thiện có tâm biết đặng sanh ra do Nhân duyên 9 câu.
* Pháp phi vô ký thuộc phi có tâm biết đặng liên quan pháp vô ký có tâm biết đặng sanh ra do Nhân duyên 9 câu.

NHỊ ĐỀ LẬU *(Āsava)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI LẬU – TAM ĐỀ PHI THIỆN

275.

* Pháp phi thiện thuộc phi phi lậu liên quan pháp thiện thuộc phi lậu sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
* Pháp phi bất thiện thuộc phi lậu liên quan pháp bất thiện thuộc lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi vô ký thuộc phi phi lậu liên quan pháp vô ký thuộc phi lậu sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU*(Sāsava)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ: PHI CẢNH LẬU – TAM ĐỀ PHI THIỆN

276.

* Pháp phi thiện thuộc phi phi cảnh lậu liên quan pháp thiện cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện phi phi cảnh lậu liên quan pháp thiện thuộc phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên 2 câu.
* Pháp phi bất thiện thuộc phi phi cảnh lậu liên quan pháp bất thiện thuộc cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
* Pháp phi vô ký thuộc phi cảnh lậu liên quan pháp vô ký thuộc cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên 2 câu.

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG LẬU – TAM ĐỀ PHI THIỆN

277.

* Pháp phi thiện thuộc phi tương ưng lậu liên quan pháp thiện thuộc bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

* Pháp phi bất thiện thuộc phi tương ưng lậu liên quan pháp bất thiện thuộc tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
* Pháp phi vô ký thuộc phi tương ưng lậu liên quan pháp vô ký thuộc bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI LẬU CẢNH LẬU – TAM ĐỀ PHI THIỆN

278.

* Pháp phi thiện thuộc phi lậu phi phi cảnh lậu liên quan pháp thiện thuộc cảnh lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
* Pháp phi bất thiện thuộc phi lậu phi phi cảnh lậu liên quan pháp bất thiện thuộc lậu cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
* Pháp phi vô ký thuộc phi phi cảnh lậu phi phi lậu liên quan pháp vô ký thuộc cảnh lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

Chùm chín *(navagocchaka)* chặn giữa thức lớp của siêu thế 5, pháp thế này vẫn không có vấn đề *(pañha)*, những pháp này không phải là không có nhưng vì không trình bày ra đó thôi.

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU PHI CẢNH LẬU – TAM ĐỀ PHI THIỆN

279.

* Pháp phi thiện thuộc bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu liên quan pháp thiện bất tương ưng lậu cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
* Pháp phi thiện thuộc bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu liên quan pháp thiện bất tương ưng lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
* Pháp phi bất thiện thuộc bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu liên quan pháp bất thiện thuộc bất tương ưng lậu cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
* Pháp phi vô ký thuộc bất tương ưng lậu phi cảnh lậu liên quan pháp vô ký thuộc bất tương ưng lậu cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên 2 câu.

NHỊ ĐỀ CHÙM SÁU *(Chagocchaka)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ CHÙM SÁU – TAM ĐỀ PHI THIỆN

280.

* Pháp phi thiện phi triền liên quan pháp thiện thuộc phi triền *(no samyojana)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi phược liên quan pháp thiện phi phược sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện phi bộc liên quan pháp thiện phi bộc sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi phối liên quan pháp thiện thuộc phi phối sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện thuộc phi cái liên quan pháp thiện phi cái *(nīvaraṇa)* sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi khinh thị liên quan pháp thiện phi khinh thị *(no paramasa)* sanh ra do Nhân duyên.

NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH *(Sārammaṇa)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI HỮU CẢNH – TAM ĐỀ PHI THIỆN

281.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi hữu cảnh liên quan pháp thiện thuộc hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi hữu cảnh liên quan pháp bất thiện hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

NHỊ ĐỀ TÂM *(Citta)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI TÂM – TAM ĐỀ PHI THIỆN

282.

∗ Pháp phi thiện phi tâm liên quan pháp thiện thuộc tâm sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

∗ Pháp phi bất thiện phi tâm liên quan pháp bất thiện thuộc tâm sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

∗ Pháp phi vô ký thuộc phi phi tâm liên quan pháp vô ký phi tâm sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

NHỊ ĐỀ SỞ HỮU TÂM *(Cetasika)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI SỞ HỮU TÂM – TAM ĐỀ PHI THIỆN

283.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi sở hữu tâm liên quan pháp thiện thuộc sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi sở hữu tâm liên quan pháp bất thiện thuộc sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

∗ Pháp phi vô ký thuộc phi phi sở hữu tâm liên quan pháp vô ký thuộc phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG TÂM – TAM ĐỀ PHI THIỆN

284.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi tương ưng tâm liên quan pháp thiện thuộc tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi tương ưng tâm liên quan pháp bất thiện tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

Căn vô ký *(abyākamūla)* chỉ có 3 câu.

NHỊ ĐỀ HÒA VỚI TÂM *(Cittasaṅsaṭṭha)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI HÒA VỚI TÂM – TAM ĐỀ PHI THIỆN

285.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi hòa với tâm liên quan pháp thiện hòa với tâm sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi hòa với tâm liên quan pháp bất thiện hòa với tâm sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

Căn vô ký *(abyākamūla)* chỉ có 3 câu.

NHỊ ĐỀ NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ PHI THIỆN

286.

∗ Pháp phi thiện phi phi nương tâm làm sở sanh liên quan pháp thiện nương tâm làm sở sanh *(cittasamuṭṭhāna)* sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi phi nương tâm làm sở sanh liên quan pháp bất thiện nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

Căn vô ký chỉ có 3 câu.

NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM – TAM ĐỀ PHI THIỆN

287.

∗ Pháp phi thiện phi đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp thiện đồng sanh tồn với tâm *(cittasahabhu)* sanh ra do Nhân duyên 9 câu.

∗ Pháp phi bất thiện phi đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp bất thiện đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên có 9 câu.

Vô ký căn *(abyākamūla)* chỉ có 3 câu.

NHỊ ĐỀ TÙNG TÂM THÔNG LƯU – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI TÙNG TÂM THÔNG LƯU – TAM ĐỀ PHI THIỆN

288.

∗ Pháp phi thiện phi tùng tâm thông lưu liên quan pháp thiện tùng tâm thông lưu *(cittanuparivatti)* sanh ra do Nhân duyên 9 câu.

∗ Pháp phi bất thiện phi tùng tâm thông lưu liên quan pháp bất thiện tùng tâm thông lưu sanh ra do Nhân duyên có 9 câu.

Căn vô ký chỉ có 3 câu.

NHỊ ĐỀ HÒA NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI HÒA NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ PHI THIỆN

289.

Pháp phi bất thiện thuộc phi hòa nương tâm làm sở sanh liên quan pháp thiện hòa nương tâm làm sở sanh *(cittasamsaṭṭhasamuṭṭhāna)* sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

NHỊ ĐỀ HÒA ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI HÒA ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ PHI THIỆN

290.

Pháp phi bất thiện thuộc phi hòa đồng sanh tồn phi nương tâm làm sở sanh liên quan pháp bất thiện hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh *(cittasamsaṭṭhasamuṭṭhānasahabhu)* sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

Căn vô ký *(abyākamūla)* chỉ có 3 câu.

NHỊ ĐỀ HÒA TÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ THIỆN.
NHỊ ĐỀ PHI HÒA TÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ PHI THIỆN.

291.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh liên quan pháp thiện thuộc hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh *(cittasamsatthasamuṭṭhānānuparivatti)* sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh liên quan pháp bất thiện thuộc hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh *(cittasamsatthasamuṭṭhānānuparivatti)* sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

Căn vô ký chỉ có 3 câu *(abyāka tamūlam tīṇiyeva).*

NHỊ ĐỀ NỘI BỘ *(Ajjhattika)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI NỘI BỘ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

292.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi nội bộ liên quan pháp thiện thuộc nội bộ *(ajjhattika)* sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi nội bộ liên quan pháp thiện thuộc ngoại viện *(bāhira)* sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi nội bộ liên quan pháp bất thiện thuộc nội bộ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi nội bộ liên quan pháp bất thiện thuộc ngoại viện sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

Căn vô ký *(abyāka tamūla)* chỉ có 3 câu.

NHỊ ĐỀ Y SINH *(Upādāduka)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI Y SINH – TAM ĐỀ PHI THIỆN

293.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi phi y sinh liên quan pháp thiện thuộc phi y sinh *(no upādā)* sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi phi y sinh liên quan pháp bất thiện thuộc phi y sinh sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

Căn vô ký chỉ có 3 câu.

NHỊ ĐỀ THÀNH DO THỦ *(Upādinna)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

294.

* Pháp phi thiện thuộc phi thành do thủ *(na upadinno)* liên quan pháp thiện phi thành do thủ *(anupādinna)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi bất thiện thuộc phi thành do thủ *(na anupādinna)* liên quan pháp bất thiện phi thành do thủ *(anupādinna)* sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

Căn vô ký chỉ có 1 câu.

NHỊ ĐỀ CHÙM THỦ *(Upādānagocchaka)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ CHÙM PHI THỦ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

295.

* Pháp phi thiện thuộc phi thủ liên quan pháp thiện thuộc phi thủ *(no upādāna)* sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi bất thiện thuộc phi thủ liên quan pháp bất thiện thuộc phi thủ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

NHỊ ĐỀ CHÙM PHIỀN NÃO *(Kilesagocchaka)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ CHÙM PHI PHIỀN NÃO – TAM ĐỀ PHI THIỆN

296.

Pháp phi bất thiện thuộc phi phiền não liên quan pháp thiện thuộc phi phiền não sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

NHỊ ĐỀ SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

297.

* Pháp phi thiện thuộc phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp thiện thuộc phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi bất thiện thuộc phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp bất thiện thuộc sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.
* Pháp phi vô ký thuộc phi phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp vô ký thuộc phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.

NHỊ ĐỀ BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

298.

* Pháp phi thiện thuộc phi phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp thiện thuộc phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

* Pháp phi bất thiện thuộc phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp bất thiện thuộc ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.
* Pháp phi vô ký thuộc phi phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp vô ký thuộc phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

299.

* Pháp phi thiện thuộc phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp thiện thuộc phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi bất thiện thuộc phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp bất thiện thuộc hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi vô ký thuộc phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp vô ký thuộc phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 9 câu.

Trong phần vô ký đều có thể đếm duyên.

NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

300.

* Pháp phi thiện thuộc phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp thiện thuộc phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
* Pháp phi bất thiện thuộc phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp bất thiện thuộc phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

Căn vô ký chỉ có 2 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU TẦM *(Savitakka)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI HỮU TẦM – TAM ĐỀ PHI THIỆN

301.

* Pháp phi thiện thuộc phi hữu tầm liên quan pháp thiện thuộc hữu tầm sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
* Pháp phi bất thiện thuộc phi hữu tầm liên quan pháp bất thiện thuộc hữu tầm sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

Căn vô ký chỉ có 3 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU TỨ *(Savicāra)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI HỮU TỨ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

302.

* Pháp phi thiện thuộc phi hữu tứ liên quan pháp thiện thuộc hữu tứ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi bất thiện thuộc phi hữu tứ liên quan pháp bất thiện thuộc hữu tứ *(savicāra)* sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

Căn vô ký cũng có 3 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU HỶ *(Sappitika)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI HỮU HỶ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

303.

- Pháp phi thiện thuộc phi hữu hỷ liên quan pháp thiện thuộc hữu hỷ *(sappitika)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện phi vô hỷ liên quan pháp thiện vô hỷ *(appitika)* sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi bất thiện thuộc phi hữu hỷ liên quan pháp bất thiện thuộc hữu hỷ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất thiện thuộc phi vô hỷ liên quan pháp bất thiện thuộc vô hỷ sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

Căn vô ký *(abyākatamūla)* cũng có 3 câu.

NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH HỶ *(Pītisahagata)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH HỶ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

304.

- Pháp phi thiện thuộc phi đồng sanh hỷ liên quan pháp thiện đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi bất thiện thuộc phi đồng sanh hỷ liên quan pháp bất thiện thuộc đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

Căn vô ký cũng có 3 câu.

NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH LẠC *(Sukhasahagata)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH LẠC – TAM ĐỀ PHI THIỆN

305.

- Pháp phi thiện thuộc phi đồng sanh lạc liên quan pháp thiện thuộc đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi thiện thuộc phi đồng sanh lạc liên quan pháp thiện thuộc phi đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi thiện thuộc phi đồng sanh lạc liên quan những pháp thiện thuộc đồng sanh lạc và pháp thiện thuộc phi đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi bất thiện thuộc phi đồng sanh lạc liên quan pháp bất thiện đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất thiện thuộc phi phi đồng sanh lạc liên quan pháp bất thiện thuộc phi đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

Căn vô ký cũng có 3 câu.

NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH XẢ *(Upekkhāsahagata)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH XẢ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

306.

- Pháp phi thiện thuộc phi đồng sanh xả liên quan pháp thiện đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi thiện thuộc phi phi đồng sanh xả liên quan pháp thiện thuộc phi đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi bất thiện thuộc phi đồng sanh xả liên quan pháp bất thiện thuộc đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi bất thiện thuộc phi phi đồng sanh xả liên quan pháp bất thiện phi đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

Căn vô ký cũng có 3 câu.

NHỊ ĐỀ DỤC GIỚI *(Kāmāvacara)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI DỤC GIỚI – TAM ĐỀ PHI THIỆN

307.

- Pháp phi thiện thuộc phi Dục giới liên quan pháp thiện thuộc Dục giới sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi thiện thuộc phi phi Dục giới liên quan pháp thiện thuộc phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên 2 câu.
- Pháp phi bất thiện thuộc phi phi Dục giới liên quan pháp bất thiện Dục giới sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

Căn vô ký chỉ có 2 câu.

NHỊ ĐỀ SẮC GIỚI *(Rūpāvacara)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI SẮC GIỚI – TAM ĐỀ PHI THIỆN

308.

- Pháp phi thiện thuộc phi Sắc giới liên quan pháp thiện Sắc giới *(rūpāvacara)* sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi thiện thuộc phi phi Sắc giới liên quan pháp thiện phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên 2 câu.
- Pháp phi bất thiện thuộc phi phi Sắc giới liên quan pháp bất thiện thuộc phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

Căn vô ký chỉ có 2 câu.

NHỊ ĐỀ VÔ SẮC GIỚI *(Arūpāvacara)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI VÔ SẮC GIỚI – TAM ĐỀ PHI THIỆN

309.

- Pháp phi thiện thuộc phi Vô sắc giới liên quan pháp thiện Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên 2 câu.
- Pháp phi bất thiện thuộc phi phi Vô sắc giới liên quan pháp bất thiện thuộc phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

Căn vô ký chỉ có 2 câu.

NHỊ ĐỀ LIÊN QUAN LUÂN HỒI *(Pariyāpanha)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI LIÊN QUAN LUÂN HỒI – TAM ĐỀ PHI THIỆN

310.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi bất liên quan luân hồi *(na apariyāpanna)* liên quan pháp thiện liên quan luân hồi *(pariyāpanna)* sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi bất liên quan luân hồi liên quan pháp thiện bất liên quan luân hồi *(apariyāpanna)* sanh ra do Nhân duyên 2 câu.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi bất liên quan luân hồi liên quan pháp bất thiện liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

Căn vô ký có 2 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN XUẤT LUÂN HỒI *(Niyyānika)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN XUẤT LUÂN HỒI – TAM ĐỀ PHI THIỆN

311.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi nhân xuất luân hồi liên quan pháp thiện nhân xuất luân hồi *(niyyānika)* sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi nhân xuất luân hồi liên quan pháp thiện phi nhân xuất luân hồi *(aniyyānika)* sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.

∗ Pháp phi bất thiện thuộc phi nhân xuất luân hồi *(na niyyānika)* liên quan pháp bất thiện phi nhân xuất luân hồi *(aniyyānika)* sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

Căn vô ký *(abyākatamūla)* có 2 câu.

NHỊ ĐỀ NHỨT ĐỊNH *(Niyata)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI NHỨT ĐỊNH – TAM ĐỀ PHI THIỆN

312.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi nhứt định liên quan pháp thiện nhứt định *(niyata)* sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi thiện thuộc phi nhứt định *(na niyata)* liên quan pháp thiện bất định *(aniyata)* sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.

∗ Pháp phi bất thiện phi nhứt định liên quan pháp bất thiện nhứt định sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi bất thiện phi nhứt định liên quan pháp bất thiện bất định sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.

Căn vô ký có 2 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU THƯỢNG *(Sa uttara)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI HỮU THƯỢNG – TAM ĐỀ PHI THIỆN

313.

∗ Pháp phi thiện phi vô thượng *(na anuttara)* liên quan pháp thiện hữu thượng *(sa uttara)* sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi thiện phi vô thượng liên quan pháp thiện vô thượng sanh ra do Nhân duyên 2 câu.

∗ Pháp phi bất thiện phi vô thượng liên quan pháp bất thiện hữu thượng sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

Căn vô ký *(abyākatamūla)* có 2 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y *(Saraṇa)* – TAM ĐỀ THIỆN
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI THIỆN

314.

∗ Pháp phi thiện phi hữu y *(na saraṇa)* liên quan pháp thiện vô y *(araṇa)* sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp phi bất thiện phi hữu y liên quan pháp bất thiện hữu y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

315.

∗ Pháp phi vô ký phi vô y *(na Araṇa)* liên quan pháp vô ký vô y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi vô ký phi hữu y liên quan pháp vô ký vô y sanh ra do Nhân duyên.

316.

Nhân 2, Bất ly 2.

Phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

317.

∗ Pháp vô ký vô y làm duyên cho pháp phi vô ký phi vô y bằng Cảnh duyên.

∗ Pháp vô ký vô y làm duyên cho pháp phi vô ký phi hữu y bằng Cảnh duyên.

318.

Cảnh 2, Bất ly 2.

NHỊ ĐỀ HỮU Y *(Saraṇa)* – TAM ĐỀ THỌ
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI THỌ

319.

∗ Pháp phi tương ưng lạc thọ phi hữu y liên quan pháp tương ưng lạc thọ hữu y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi tương ưng lạc thọ phi vô y liên quan pháp tương ưng lạc thọ hữu y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi tương ưng lạc thọ phi hữu y và tương ưng lạc thọ phi vô y liên quan pháp tương ưng lạc thọ hữu y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi tương ưng lạc thọ phi hữu y liên quan pháp tương ưng lạc thọ vô y sanh ra do Nhân duyên có 4 câu.

∗ Pháp phi tương ưng khổ thọ phi hữu y liên quan pháp tương ưng khổ thọ hữu y sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

* Pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi hữu y liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ hữu y sanh ra do Nhân duyên có 4 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y *(Saraṇa)* – TAM ĐỀ QUẢ *(Vipāka)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI QUẢ

320.

* Pháp phi quả phi hữu y liên quan pháp quả *(vipāka)* vô y *(araṇa)* sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi quả phi hữu y liên quan pháp quả hữu y *(saraṇa)* sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi dị thục quả thuộc phi hữu y liên quan pháp dị thục quả vô y sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.
* Pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân thuộc phi hữu y liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y *(Saraṇa)* – TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ *(Upādinnupādāniya)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ

321.

* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi hữu y liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ phi hữu y liên quan pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ vô y *(araṇa)* sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO

322.

* Pháp phi phiền toái cảnh phiền não phi hữu y liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não hữu y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não phi hữu y liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não vô y sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.
* Pháp phi phi phiền toái phi cảnh phiền não phi hữu y liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ TẦM
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI TẦM

323.

* Pháp phi hữu tầm hữu tứ phi hữu y liên quan pháp hữu tầm hữu tứ hữu y sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi hữu tầm hữu tứ phi hữu y liên quan pháp hữu tầm hữu tứ vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi vô tầm hữu tứ phi hữu y liên quan pháp vô tầm hữu tứ hữu y sanh ra do Nhân duyên có 4 câu.

* Pháp phi vô tầm vô tứ phi hữu y liên quan pháp vô tầm vô tứ vô y sanh ra do nhân duyên có 1 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ HỮU TẦM *(Savitakka)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI HỮU TẦM

324.

* Pháp phi đồng sanh hỷ thuộc phi hữu y liên quan pháp đồng sanh hỷ hữu y sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi đồng sanh hỷ phi hữu y liên quan pháp đồng sanh hỷ vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi đồng sanh lạc phi hữu y liên quan pháp đồng sanh lạc hữu y sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi đồng sanh lạc phi hữu y liên quan pháp đồng sanh lạc vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi đồng sanh xả phi hữu y liên quan pháp đồng sanh xả hữu y sanh ra do Nhân duyên có 4 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ SƠ ĐẠO (KIẾN) *(Dassana)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI SƠ ĐẠO

325.

* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ phi hữu y liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ hữu y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ phi hữu y liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ hữu y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi vô y liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

326.

* Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi hữu y liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hữu y sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ phi hữu y liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ hữu y sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi vô y liên quan pháp hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ *(Ācayagāmi)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI NHÂN SANH TỬ

327.

* Pháp phi nhân sanh tử phi hữu y liên quan pháp nhân sanh tử *(ācayagāmi)* hữu y sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.

* Pháp phi nhân đến Níp Bàn *(na apacayagāmi)* phi hữu y liên quan pháp nhân đến Níp Bàn vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn phi vô y liên quan pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn vô y sanh ra do Nhân duyên.

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ HỮU HỌC *(Sekkha)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI HỮU HỌC

328.

* Pháp phi hữu học phi hữu y liên quan pháp hữu học vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi vô học phi hữu y liên quan pháp vô học vô y *(araṇa)* sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
* Pháp phi phi hữu học phi vô học phi hữu y liên quan pháp phi hữu học phi vô học vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ HY THIỂU *(Paritta)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI HY THIỂU

329.

* Pháp phi hy thiểu phi hữu y liên quan pháp hy thiểu *(paritta)* vô y sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
* Pháp phi đáo đại phi hữu y liên quan pháp đáo đại *(mahaggata)* vô y sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
* Pháp phi vô lượng phi hữu y liên quan pháp vô lượng *(appamāṇa)* vô y sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU *(Parittārammaṇa)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI CẢNH HY THIỂU

330.

* Pháp phi cảnh hy thiểu phi hữu y liên quan pháp cảnh hy thiểu *(parittārammaṇa)* hữu y sanh ra do Nhân duyên 2 câu.
* Pháp phi cảnh đáo đại phi hữu y liên quan pháp cảnh đáo đại *(mahaggatārammaṇa)* hữu y sanh ra do Nhân duyên 2 câu.
* Pháp phi cảnh vô lượng phi hữu y liên quan pháp cảnh vô lượng *(appamāṇārammaṇa)* vô y sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ TY HẠ *(Hīna)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI TY HẠ

331.

* Pháp phi ty hạ phi hữu y liên quan pháp ty hạ *(hīna)* hữu y sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
* Pháp phi trung bình phi hữu y liên quan pháp trung bình *(majjhima)* vô y sanh ra do Nhân duyên 2 câu.

∗ Pháp phi tinh lương phi hữu y liên quan pháp tinh lương *(paṇīta)* vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ TÀ *(Micchatta)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI TÀ

332.

∗ Pháp phi tà cho quả nhứt định phi hữu y liên quan pháp tà cho quả nhứt định *(micchattaniyata)* hữu y sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

∗ Pháp phi chánh cho quả nhứt định phi hữu y liên quan pháp chánh cho quả nhứt định *(sammattaniyata)* vô y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi bất định phi hữu y liên quan pháp bất định *(aniyata)* sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ CÓ CẢNH LÀ ĐẠO *(Maggārammaṇa)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI CÓ CẢNH LÀ ĐẠO

333.

∗ Pháp phi có cảnh là đạo phi hữu y liên quan pháp có cảnh là đạo *(maggārammaṇa)* vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp phi có nhân là đạo phi hữu y liên quan pháp có nhân là đạo *(maggahetuka)* vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp phi có trưởng là đạo phi hữu y liên quan pháp có trưởng là đạo *(maggādhipati)* vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ SANH TỒN *(Uppanna)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI SANH TỒN

334.

∗ Pháp phi sanh tồn *(anuppanna)* hữu y làm duyên cho pháp phi phi sanh tồn phi hữu y bằng Cảnh duyên có 4 câu.

∗ Pháp sẽ sanh *(uppādī)* vô y làm duyên cho pháp phi sẽ sanh phi vô y bằng Cảnh duyên có 2 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ QUÁ KHỨ *(Atītattikam)*
NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ PHI QUÁ KHỨ

335.

Pháp quá khứ *(atīta)* hữu y làm duyên cho pháp phi quá khứ phi hữu y bằng Cảnh duyên có 4 câu.

Vị lai *(anāgata)* cũng như quá khứ.

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ *(Atītārammaṇa)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI CẢNH QUÁ KHỨ

336.

- Pháp phi cảnh quá khứ phi hữu y liên quan pháp cảnh quá khứ hữu y sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi cảnh quá khứ phi hữu y liên quan pháp biết cảnh quá khứ vô y sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.
- Pháp phi cảnh vị lai phi hữu y liên quan pháp biết cảnh vị lai phi hữu y sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.
- Pháp phi cảnh hiện tại phi hữu y liên quan pháp biết cảnh hiện tại hữu y sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ *(Ajjhattārammaṇa)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI CẢNH NỘI BỘ

337.

- Pháp phi cảnh nội bộ phi hữu y liên quan pháp cảnh nội bộ hữu y sanh ra do Nhân duyên 2 câu.
- Pháp phi cảnh ngoại viện phi hữu y liên quan pháp biết cảnh ngoại viện *(bahiddārammaṇa)* hữu y sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ HỮU KIẾN *(Sanidassana)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN

338.

Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu phi hữu y liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu hữu y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

339.

- Pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi hữu y liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu hữu y sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi hữu y liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu vô y sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi hữu y liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu hữu y và pháp vô kiến vô đối chiếu vô y sanh ra do Nhân duyên.

340.

Nhân 3, Bất ly 3.

341.

Pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi hữu y liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu vô y sanh ra do phi Nhân duyên *(na Hetupaccaya)*.

342.

Pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi hữu y liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu hữu y sanh ra do phi Cảnh duyên.

343.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Ly 3.

Phần đồng sanh hay phần tương ưng như phần liên quan.

344.

* Pháp vô kiến vô đối chiếu hữu y làm duyên cho pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi hữu y bằng Nhân duyên.
* Pháp vô kiến vô đối chiếu vô y làm duyên cho pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi hữu y bằng Nhân duyên.

345.

Nhân 2, Trưởng 2, Bất ly 3.

346.

Pháp vô kiến vô đối chiếu hữu y làm duyên cho pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi hữu y bằng Đồng sanh duyên... bằng Hậu sanh duyên, bằng Nghiệp duyên.

347.

Phi Nhân 3, phi Cảnh 3, phi Ly 3.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào, ở đây nên sắp rộng như thế ấy.

Dứt Vị trí nhị đề tam đề thuận, nghịch.

VỊ TRÍ – TAM ĐỀ - NHỊ ĐỀ THUẬN, NGHỊCH

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ NHÂN *(Hetuduka)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

348.

* Pháp phi nhân phi thiện liên quan pháp nhân thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi bất thiện liên quan pháp nhân thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi vô ký liên quan pháp nhân thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân phi bất thiện và phi nhân phi vô ký liên quan pháp nhân thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân phi thiện và phi nhân phi bất thiện liên quan pháp nhân thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

349.

* Pháp phi nhân phi bất thiện liên quan pháp nhân bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi thiện liên quan pháp nhân bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi vô ký liên quan pháp nhân bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân phi bất thiện và phi nhân phi vô ký liên quan pháp nhân bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân phi thiện và phi nhân phi bất thiện liên quan pháp nhân bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

350.

* Pháp phi nhân phi thiện liên quan pháp nhân vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi bất thiện liên quan pháp nhân vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân phi thiện và phi nhân phi bất thiện liên quan pháp nhân vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

351.

Nhân 13, Cảnh 9, Bất ly 13.

352.

Pháp phi nhân phi thiện liên quan pháp nhân thiện sanh ra do phi Cảnh duyên.

353.

Phi Cảnh 9, phi Trưởng 13, phi Bất tương ưng 9.

Phần đồng sanh hay phần tương ưng như phần liên quan, đều nên sắp rộng.

354.

* Pháp nhân thiện làm duyên cho pháp phi nhân phi thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp nhân thiện làm duyên cho pháp phi nhân phi bất thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp nhân thiện làm duyên cho pháp phi nhân phi vô ký bằng Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp nhân bất thiện làm duyên cho pháp phi nhân phi bất thiện bằng Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp nhân vô ký làm duyên cho pháp phi nhân phi thiện bằng Nhân duyên có 3 câu.

355.

Pháp nhân thiện làm duyên cho pháp phi nhân phi thiện bằng Cảnh duyên.

356.

Nhân 13, Cảnh 18, Bất ly 13.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* nên sắp rộng.

357.

∗ Pháp phi phi nhân phi bất thiện liên quan pháp phi nhân thiện sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi phi nhân phi vô ký liên quan pháp phi nhân thiện sanh ra do Nhân duyên.

358.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9. Tất cả đều 9.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN *(Sahetukaduka)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN

359.

∗ Pháp phi hữu nhân phi thiện liên quan pháp hữu nhân thiện sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi hữu nhân phi bất thiện liên quan pháp hữu nhân thiện sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi hữu nhân phi thiện và phi hữu nhân phi bất thiện liên quan pháp hữu nhân thiện sanh ra do Nhân duyên. Có 3 câu.
∗ Pháp phi hữu nhân phi bất thiện liên quan pháp hữu nhân bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi hữu nhân phi thiện liên quan pháp hữu nhân bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi hữu nhân phi thiện và phi hữu nhân phi bất thiện liên quan pháp hữu nhân bất thiện sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
∗ Pháp phi hữu nhân phi thiện liên quan pháp hữu nhân vô ký sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp phi hữu nhân phi bất thiện liên quan pháp hữu nhân vô ký sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp phi hữu nhân phi thiện và phi hữu nhân phi bất thiện liên quan pháp hữu nhân vô ký sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

360.

Nhân 9, Cảnh 3, Bất ly 11.

Dù phần đồng sanh *(sanhajātavāra)* hay phần tương ưng *(sampayuttavāra)* cũng như phần liên quan *(paṭiccavarasadisam).*

361.

∗ Pháp hữu nhân thiện làm duyên cho pháp hữu nhân phi thiện bằng Nhân duyên.
∗ Pháp hữu nhân thiện làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi bất thiện bằng Nhân duyên.
∗ Pháp hữu nhân thiện làm duyên cho những pháp phi hữu nhân phi thiện và phi hữu nhân phi bất thiện bằng Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp hữu nhân bất thiện làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi bất thiện bằng Nhân duyên.
∗ Pháp hữu nhân bất thiện làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi thiện bằng Nhân duyên.
∗ Pháp hữu nhân bất thiện làm duyên cho những pháp phi hữu nhân phi thiện và phi hữu nhân phi bất thiện bằng Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp hữu nhân vô ký làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi thiện bằng Nhân duyên.
∗ Pháp hữu nhân vô ký làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi bất thiện bằng Nhân duyên.
∗ Pháp hữu nhân vô ký làm duyên cho những pháp phi hữu nhân phi thiện và phi hữu nhân phi bất thiện bằng Nhân duyên có 3 câu.

362.

Nhân 9, Cảnh 15,... tóm tắt... bất ly 11.

363.

* Pháp phi vô nhân phi thiện liên quan pháp vô nhân bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô nhân phi vô ký liên quan pháp vô nhân bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô nhân phi thiện và phi vô nhân phi vô ký liên quan pháp vô nhân bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi vô nhân phi bất thiện liên quan pháp vô nhân vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô nhân phi bất thiện liên quan pháp vô nhân vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô nhân phi thiện và phi vô nhân phi bất thiện liên quan pháp vô nhân vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

364.

Nhân 6, Cảnh 6, Bất ly 6.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN *(Hetusampayutta)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN

365.

Pháp phi tương ưng nhân phi thiện liên quan pháp tương ưng nhân thiện sanh ra do Nhân duyên.

Cũng như nhị đề hữu nhân *(sahetukadukasadisam).*

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN *(Hetusahetuka)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN

366.

* Pháp phi nhân và phi vô nhân phi bất thiện liên quan pháp nhân và hữu nhân thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi vô nhân thuộc phi vô ký liên quan pháp nhân hữu nhân thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân phi vô nhân thuộc phi bất thiện và phi nhân phi vô nhân thuộc phi vô ký liên quan pháp nhân hữu nhân thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi nhân phi vô nhân thuộc phi thiện liên quan pháp nhân hữu nhân thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi nhân phi vô nhân thuộc phi thiện liên quan pháp nhân hữu nhân thuộc vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* ... Liên quan pháp phi nhân phi vô nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* ... Liên quan pháp phi nhân phi vô nhân thuộc phi thiện và pháp phi nhân phi vô nhân thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

367.

Nhân 9.

368.

* Pháp phi vô nhân phi phi nhân phi bất thiện liên quan pháp hữu nhân phi nhân thuộc thiện...
* ... Pháp phi vô nhân phi phi nhân thuộc phi vô ký...
* ... Pháp phi vô nhân phi phi nhân thuộc phi bất thiện và pháp phi vô nhân phi phi nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi vô nhân phi phi nhân thuộc phi thiện liên quan pháp hữu nhân phi nhân thuộc bất thiện...

* Pháp phi vô nhân phi phi nhân thuộc phi vô ký liên quan pháp hữu nhân phi nhân thuộc bất thiện...
* Chư pháp phi vô nhân phi phi nhân thuộc phi thiện và pháp phi vô nhân phi phi nhân thuộc phi vô ký... 3 câu.
* Pháp phi vô nhân phi nhân thuộc phi thiện liên quan pháp hữu nhân phi nhân thuộc vô ký...
* Pháp phi vô nhân phi phi nhân thuộc phi bất thiện...
* Chư pháp phi vô nhân phi phi nhân phi thiện và phi vô nhân phi phi nhân phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

369.

Nhân 9.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN

370.

* Pháp phi nhân phi bất tương ưng nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp nhân tương ưng nhân thiện...
* Pháp phi nhân phi bất tương ưng nhân phi vô ký...
* ... Chư pháp phi nhân phi bất tương ưng nhân thuộc phi bất thiện và phi nhân phi bất tương ưng nhân thuộc phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

Bất thiện nên sắp 3 câu, vô ký nên sắp 3 câu thành 9 câu.

* Pháp phi bất tương ưng nhân phi phi nhân thuộc phi bất thiện liên quan pháp tương ưng nhân phi nhân thuộc thiện...
* Pháp phi bất tương ưng nhân phi phi nhân thuộc phi vô ký...
* Chư pháp phi bất tương ưng nhân phi phi nhân phi bất thiện và phi bất tương ưng nhân phi phi nhân phi vô ký... 3 câu.
* ... Liên quan pháp tương ưng nhân phi nhân thuộc bất thiện... 3 câu.

Vô ký có 3 câu thành 9,...tóm tắt...

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN *(Na hetusahetuka)*
TAM ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN PHI HỮU NHÂN

371.

* Pháp phi nhân phi hữu nhân phi thiện liên quan pháp phi nhân hữu nhân thiện...
* Pháp phi nhân phi hữu nhân phi bất thiện...
* Pháp phi nhân phi hữu nhân phi thiện và pháp phi nhân phi hữu nhân phi bất thiện...
* Pháp phi nhân hữu nhân bất thiện... 3 câu.
* ... Phi thiện liên quan pháp phi nhân hữu nhân vô ký...
* ... Phi bất thiện...
* Chư pháp phi nhân phi hữu nhân phi thiện và phi nhân phi hữu nhân phi bất thiện... 3 câu.
* Pháp phi nhân phi vô nhân phi thiện liên quan pháp phi nhân vô nhân vô ký...
* Pháp phi nhân phi vô nhân phi bất thiện...

* ...Chư pháp phi nhân phi vô nhân phi thiện và phi nhân phi vô nhân phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN *(Sappaccayaduka)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU DUYÊN

372.

* Pháp vô duyên vô ký làm duyên cho pháp phi vô duyên phi vô ký bằng Cảnh duyên.
* ... Làm duyên cho pháp phi vô duyên phi thiện...
* ... Làm duyên cho pháp phi vô duyên phi bất thiện...
* ... Làm duyên cho những pháp phi vô duyên phi bất thiện và phi vô duyên phi vô ký...
* ... Làm duyên cho những pháp phi vô duyên phi thiện và phi vô duyên phi bất thiện bằng Cảnh duyên có 5 câu.

Vô vi *(asankhata)* cũng như vô duyên *(appaccaya)*.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN *(Sanidassanaduka)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU KIẾN

373.

* Pháp hữu kiến, vô ký làm duyên cho pháp phi hữu kiến phi vô ký bằng Cảnh duyên.
* ... Làm duyên cho pháp phi hữu kiến phi thiện,... tóm tắt... nên sắp rộng có 6 câu đề.
* Pháp phi vô kiến phi bất thiện liên quan pháp vô kiến thiện...

Bất thiện chỉ có 3 câu, vô ký chỉ có 3 thành 9 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU *(Sappaṭigha)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU ĐỐI CHIẾU

374.

* Pháp phi hữu đối chiếu phi thiện liên quan pháp hữu đối chiếu vô ký...
* Pháp phi hữu đối chiếu phi bất thiện...
* Chư pháp phi hữu đối chiếu phi thiện và phi hữu đối chiếu phi bất thiện... có 3 câu.
* ... Pháp vô đối chiếu thuộc thiện... 3 câu.
* ... Pháp vô đối chiếu bất thiện... 3 câu.
* ... Pháp vô đối chiếu vô ký... 3 câu.
* ... Pháp vô đối chiếu thiện và pháp vô đối chiếu vô ký... có 3 câu.
* ... Pháp vô đối chiếu bất thiện và pháp vô đối chiếu vô ký... 3 câu, thành 15 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ SẮC *(Rūpīduka)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI SẮC *(Na rūpīdukam)*

375.

* Pháp phi sắc phi thiện liên quan pháp sắc vô ký...
* Pháp phi sắc phi bất thiện...
* Chư pháp phi sắc phi thiện và phi sắc phi bất thiện... có 3 câu.
* ... Liên quan pháp phi sắc thiện... có 3 câu.
* ... Liên quan pháp phi sắc *(arūpī)* bất thiện... có 3 câu.

* ... Liên quan pháp phi sắc vô ký... 3 câu thành 9.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ *(Lokiyaduka)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HIỆP THẾ

376.

* Pháp phi hiệp thế phi vô ký liên quan pháp hiệp thế vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hiệp thế phi thiện...
* Pháp phi hiệp thế phi bất thiện...
* Chư pháp phi hiệp thế phi bất thiện và phi hiệp thế phi vô ký...
* Pháp phi hiệp thế phi thiện và phi hiệp thế phi bất thiện...5 câu.
* Pháp phi siêu thế phi thiện liên quan pháp siêu thế thiện...
* Pháp phi siêu thế phi bất thiện...
* Pháp phi siêu thế phi thiện và pháp phi siêu thế phi bất thiện... 3 câu.
* Pháp phi siêu thế phi thiện liên quan pháp siêu thế vô ký...
* Pháp phi siêu thế phi bất thiện...
* Chư pháp phi siêu thế phi thiện và phi siêu thế phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG *(Kenaciviññeyya)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG

377.

* Pháp phi có tâm biết đặng phi thiện liên quan pháp có tâm biết đặng *(kenaciviññeyya)* thiện...
* Pháp phi có tâm biết đặng phi bất thiện...
* Pháp phi có tâm biết đặng phi vô ký... tóm tắt...

Có tâm biết đặng *(kenaciviññeyya)* 3 câu thành 19.

* Pháp phi có tâm không biết đặng phi thiện liên quan pháp có tâm không biết đặng *(kenacinaviññeyya)* thuộc thiện....
* Pháp phi có tâm không biết đặng phi bất thiện....
* ... Pháp phi có tâm không biết đặng phi vô ký sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt....

Nên sắp có tâm không biết đặng thành 19 câu đề theo lối này.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ LẬU *(Āsavaduka)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI LẬU

378.

* Pháp phi lậu phi bất thiện liên quan pháp lậu bất thiện...
* Pháp phi lậu phi thiện....
* Pháp phi lậu phi vô ký....
* Chư pháp phi lậu phi thiện và phi lậu phi vô ký....
* Chư pháp phi lậu phi thiện và phi lậu phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên 5 câu.
* Pháp phi phi lậu phi thiện liên quan pháp phi lậu bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* ... Pháp phi phi lậu phi vô ký....

* ... Chư pháp phi phi lậu phi thiện và phi phi lậu phi vô ký sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU *(Sāsavaduka)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI CẢNH LẬU

379.

... Liên quan pháp cảnh lậu vô ký... như nhị đề hiệp thế *(lokiyadukasadisam)*,... tóm tắt....

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU *(Āsavasampayutta)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG LẬU

380.

* Pháp phi tương ưng lậu phi thiện liên quan pháp tương ưng lậu bất thiện...
* Pháp phi tương ưng lậu phi bất thiện....
* Pháp phi tương ưng lậu phi vô ký....
* Chư pháp phi tương ưng lậu phi thiện và phi tương ưng lậu phi vô ký...
* ... Pháp phi tương ưng lậu phi thiện và phi tương ưng lậu phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên 5 câu.
* Pháp phi bất tương ưng lậu phi thiện liên quan pháp bất tương ưng lậu bất thiện....
* Pháp phi bất tương ưng lậu phi vô ký....
* ... Chư pháp phi bất tương ưng lậu phi thiện và phi bất tương ưng lậu phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU *(Āsavasāsavaduka)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI LẬU CẢNH LẬU

381.

* Pháp phi lậu phi phi cảnh lậu phi thiện liên quan pháp lậu cảnh lậu bất thiện....
* Pháp phi lậu phi phi cảnh lậu phi bất thiện....
* Pháp phi lậu phi phi cảnh lậu phi vô ký....
* Chư pháp phi lậu phi phi cảnh lậu phi thiện và phi lậu phi phi cảnh lậu phi vô ký....
* ... Chư pháp phi lậu phi phi cảnh lậu phi thiện và phi lậu phi phi cảnh lậu phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi phi cảnh lậu phi phi lậu phi thiện liên quan pháp cảnh lậu phi lậu bất thiện....
* ... Pháp phi phi cảnh lậu phi phi lậu phi vô ký....
* ... Chư pháp phi phi cảnh lậu phi phi lậu phi thiện và phi phi cảnh lậu phi phi lậu phi vô ký sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU

382.

* Pháp phi lậu phi tương ưng lậu phi thiện liên quan pháp lậu tương ưng lậu bất thiện....
* Pháp phi lậu phi bất tương ưng lậu phi vô ký....

* ... Chư pháp phi lậu phi bất tương ưng lậu phi thiện và phi lậu phi bất tương ưng lậu phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi bất tương ưng lậu phi phi lậu phi thiện liên quan pháp tương ưng lậu phi lậu bất thiện....
* ... Pháp phi bất tương ưng lậu phi phi lậu phi vô ký....
* ... Chư pháp phi bất tương ưng lậu phi phi lậu phi thiện và phi bất tương ưng lậu phi phi lậu phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU PHI CẢNH LẬU

383.

... Liên quan pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc vô ký... như nhị đề hiệp thế.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ **CHÙM SÁU *(Chagocchaka)***
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ CHÙM SÁU

384.

... Liên quan pháp triền bất thiện... tóm tắt... phược *(gantha), bộc (ogha), phối (yoga),* cái *(nīvaraṇa),* khinh thị *(parāmāsa).*

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH *(Sārammaṇa)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU CẢNH

385.

* Pháp phi hữu cảnh phi thiện liên quan pháp hữu cảnh thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu cảnh phi bất thiện liên quan pháp hữu cảnh thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu cảnh phi thiện và phi hữu cảnh phi bất thiện liên quan pháp hữu cảnh thiện sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
* Pháp phi hữu cảnh phi bất thiện liên quan pháp hữu cảnh bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu cảnh phi thiện liên quan pháp hữu cảnh bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu cảnh phi thiện và phi hữu cảnh phi bất thiện liên quan pháp hữu cảnh bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi hữu cảnh phi thiện liên quan pháp hữu cảnh vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

386.

Nhân 9.

387.

* Pháp phi vô cảnh phi thiện nhờ cậy *(paccayā)* pháp vô cảnh vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô cảnh phi bất thiện nhờ cậy pháp vô cảnh vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô cảnh phi thiện và phi vô cảnh phi bất thiện nhờ cậy pháp vô cảnh vô ký bằng Nhân duyên.

388.

Nhân 3.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ TÂM *(Cittaduka)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI TÂM

389.

- Pháp phi tâm phi thiện liên quan pháp tâm thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tâm phi bất thiện liên quan pháp tâm thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tâm phi vô ký liên quan pháp tâm thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tâm phi thiện và phi tâm phi vô ký liên quan pháp tâm thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tâm phi thiện và phi tâm phi bất thiện liên quan pháp tâm thiện sanh ra do Nhân duyên 5 câu.
- Pháp phi tâm phi thiện liên quan pháp tâm bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tâm phi bất thiện liên quan pháp tâm bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tâm phi vô ký liên quan pháp tâm bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tâm phi thiện và phi tâm phi vô ký liên quan pháp tâm bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tâm phi bất thiện và pháp phi tâm phi vô ký liên quan pháp tâm bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
- Pháp phi tâm phi thiện liên quan pháp tâm vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tâm phi bất thiện liên quan pháp tâm vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tâm phi thiện và pháp phi tâm phi bất thiện liên quan pháp tâm vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

390.

Nhân 13.

391.

- Pháp phi phi tâm phi bất thiện liên quan pháp phi tâm thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi tâm phi vô ký liên quan pháp phi tâm thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi phi tâm phi bất thiện và phi phi tâm phi vô ký liên quan pháp phi tâm thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi phi tâm phi thiện liên quan pháp phi tâm bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi tâm phi vô ký liên quan pháp phi tâm bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi phi tâm phi thiện và phi phi tâm phi vô ký liên quan pháp phi tâm bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

Vô ký có 3 câu *(abyākatānitīṇi).*

392.

Nhân 9.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ SỞ HỮU TÂM *(Cetasika)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI SỞ HỮU TÂM.

393.

- Pháp phi sở hữu tâm phi thiện liên quan pháp sở hữu tâm thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi sở hữu tâm phi bất thiện liên quan pháp sở hữu tâm thiện sanh ra do Nhân duyên.

- Pháp phi sở hữu tâm phi vô ký liên quan pháp sở hữu tâm thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi sở hữu tâm phi bất thiện và phi sở hữu tâm phi vô ký liên quan pháp sở hữu tâm thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi sở hữu tâm phi thiện và phi sở hữu tâm phi bất thiện liên quan pháp sở hữu tâm thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
- Pháp phi sở hữu tâm phi bất thiện liên quan pháp sở hữu tâm bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi sở hữu tâm phi thiện liên quan pháp sở hữu tâm bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi sở hữu tâm phi vô ký liên quan pháp sở hữu tâm bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi sở hữu tâm phi thiện và phi sở hữu tâm phi vô ký liên quan pháp sở hữu tâm bất thiện sanh ra do Nhân duyên
- Pháp phi sở hữu tâm phi thiện và pháp phi sở hữu tâm phi bất thiện liên quan pháp sở hữu tâm bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
- Pháp phi sở hữu tâm phi thiện liên quan pháp sở hữu tâm vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi sở hữu tâm phi bất thiện liên quan pháp sở hữu tâm vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi sở hữu tâm phi thiện và phi sở hữu tâm phi bất thiện liên quan pháp sở hữu tâm vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

394.

Nhân 13.

Phi sở hữu tâm có 9 câu *(acetasika nava).*

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM *(Cittasampayutta)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG TÂM.

395.

- Pháp phi tương ưng tâm phi thiện liên quan pháp tương ưng tâm thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tương ưng tâm phi bất thiện liên quan pháp tương ưng tâm thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tương ưng tâm phi vô ký liên quan pháp tương ưng tâm thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tương ưng tâm phi bất thiện và phi tương ưng tâm phi vô ký liên quan pháp tương ưng tâm thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi tương ưng tâm phi thiện và phi tương ưng tâm phi bất thiện liên quan pháp tương ưng tâm thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
- Pháp phi tương ưng tâm phi bất thiện liên quan pháp tương ưng tâm bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
- Pháp phi tương ưng tâm phi thiện liên quan pháp tương ưng tâm vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tương ưng tâm phi bất thiện liên quan pháp tương ưng tâm vô ký sanh ra do Nhân duyên

* Chư pháp phi tương ưng tâm phi thiện và phi tương ưng tâm phi bất thiện liên quan pháp tương ưng tâm vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

396.

Nhân 13.

Bất tương ưng có 3 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HÒA VỚI TÂM *(Cittasaṅsaṭṭha)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HÒA VỚI TÂM

397.

* Pháp phi hòa với tâm phi thiện liên quan pháp hòa với tâm thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hòa với tâm phi bất thiện liên quan pháp hòa với tâm thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hòa với tâm phi vô ký liên quan pháp hòa với tâm thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hòa với tâm phi bất thiện và phi hòa với tâm phi vô ký liên quan pháp hòa với tâm thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hòa với tâm phi thiện và phi hòa với tâm phi bất thiện liên quan pháp hòa với tâm thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi hòa với tâm phi bất thiện liên quan pháp hòa với tâm thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hòa với tâm phi thiện liên quan pháp hòa với tâm thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hòa với tâm phi vô ký liên quan pháp hòa với tâm thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hòa với tâm phi thiện và phi hòa với tâm phi vô ký liên quan pháp hòa với tâm thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hòa với tâm phi thiện và phi hòa với tâm phi bất thiện liên quan pháp hòa với tâm bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi hòa với tâm phi thiện liên quan pháp hòa với tâm vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hòa với tâm phi bất thiện liên quan pháp hòa với tâm vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hòa với tâm phi thiện và phi hòa với tâm phi bất thiện liên quan pháp hòa với tâm vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

398.

Nhân 13.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ CÓ TÂM LÀM SỞ SANH *(Cittasamuṭṭhāna)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI CÓ TÂM LÀM SỞ SANH.

399.

* Pháp phi có tâm làm sở sanh phi bất thiện liên quan pháp có tâm làm sở sanh thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp phi có tâm làm sở sanh phi vô ký liên quan pháp có tâm làm sở sanh thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi có tâm làm sở sanh phi bất thiện và phi có tâm làm sở sanh
* Phi vô ký liên quan pháp có tâm làm sở sanh thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi có tâm làm sở sanh phi thiện liên quan pháp có tâm làm sở sanh thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi có tâm làm sở sanh phi vô ký liên quan pháp có tâm làm sở sanh bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi có tâm làm sở sanh phi thiện và phi có tâm làm sở sanh phi vô ký liên quan pháp có tâm làm sở sanh thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi có tâm làm sở sanh phi thiện liên quan pháp có tâm làm sở sanh vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

400.

Nhân 9, Bất ly 9.

401.

* Pháp phi phi tâm làm sở sanh phi thiện liên quan pháp phi tâm làm sở sanh thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi phi tâm làm sở sanh phi bất thiện liên quan pháp phi tâm làm sở sanh bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi phi tâm làm sở sanh phi thiện liên quan pháp phi tâm làm sở sanh vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

402.

Nhân 13, Bất ly 13.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ SANH TỒN VỚI TÂM *(Cittasahabhu)* TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI SANH TỒN VỚI TÂM.

403.

* Pháp phi sanh tồn với tâm phi thiện liên quan pháp sanh tồn với tâm thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi sanh tồn với tâm phi bất thiện liên quan pháp sanh tồn với tâm bất thiện sanh ra do Nhân duyên 5 câu.
* Pháp phi sanh tồn với tâm phi thiện liên quan pháp sanh tồn với tâm vô ký sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

404.

Nhân 13, Bất ly 13.

405.

* Pháp phi phi sanh tồn với tâm phi thiện liên quan pháp phi sanh tồn với tâm thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi sanh tồn với tâm phi bất thiện liên quan pháp phi sanh tồn với tâm bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi phi sanh tồn với tâm phi thiện liên quan pháp phi sanh tồn với tâm vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

406.

Nhân 13, Bất ly 13.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ TÙNG TÂM THÔNG LƯU *(Cittānuparivattiduka)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI TÙNG TÂM THÔNG LƯU.

407.

* … Liên quan pháp tùng tâm thông lưu thiện... có 13 câu.
* … Liên quan pháp tùng tâm thông lưu *(cittānuparivatti)* bất thiện... có 13 câu ; đây là tóm tắt....

3 câu nhị đề cũng như nhị đề tâm *(cittadukasadisam).*

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ NỘI BỘ *(Ajjhattikaduka)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI NỘI BỘ.

408.

* … Liên quan pháp nội bộ thuộc thiện... như nhị đề tâm *(cittadukasadisam).*
* Pháp phi ngoại viện phi bất thiện liên quan pháp ngoại viện thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ Y SINH *(Upādāduka)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI Y SINH.

409.

* Pháp phi y sinh phi thiện liên quan pháp y sinh vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi phi y sinh phi thiện liên quan pháp phi y sinh thiện sanh ra do Nhân duyên 3 câu, thành 9 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ THÀNH DO THỦ *(Upādinnaduka)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ.

410.

* Pháp phi thành do thủ phi thiện liên quan pháp thành do thủ vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thành do thủ phi bất thiện liên quan pháp thành do thủ vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thành do thủ phi thiện và phi thành do thủ phi bất thiện liên quan pháp thành do thủ vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ CHÙM HAI *(Dvigocchakaduka)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ CHÙM HAI.

411.

* Pháp phi thành do thủ phi bất thiện liên quan pháp thành do thủ bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phiền não phi bất thiện liên quan pháp phiền não bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ *(Dassanenapahātabbaduka).*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ.

412.

- Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ phi bất thiện liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ phi thiện liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi sơ đạo tuyệt trừ phi thiện và phi sơ đạo tuyệt trừ phi bất thiện liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

413.

- Nhân 3.

414.

- Pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ phi thiện liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ phi vô ký liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ phi thiện và phi phi sơ đạo tuyệt trừ phi vô ký liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ vô ký sanh ra do Nhân duyên.

415.

Nhân 3.

TAM ĐỀ THIỆ - NHỊ ĐỀ BA ĐẠO CAO TRUYỆT TRỪ *(Bhāvanāyapahātabbaduka).*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI BA ĐẠO CAO TRUYỆT TRỪ.

416.

- Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ phi bất thiện liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ phi thiện liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ phi thiện và phi ba đạo cao tuyệt trừ phi bất thiện liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

417.

Nhân 3.

418.

Pháp phi phi ba đạo cao tuyệt trừ phi thiện liên quan pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ vô ký sanh ra do Nhân duyên.

419.

Nhân 3.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ *(Dassanenapahātabbahetukaduka).*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

420.

Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi bất thiện liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

421.

Nhân 3.

422.

* Pháp phi phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi thiện liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bất thiện sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
* Pháp phi phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi vô ký liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ vô ký sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

423.

Nhân 6.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ

424.

Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ phi bất thiện liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

425.

Nhân 3.

426.

* Pháp phi phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ phi thiện liên quan pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bất thiện sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
* Pháp phi phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ phi vô ký liên quan pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ vô ký sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

427.

Nhân 6.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HỮU TẦM *(Savitakkaduka)*.
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU TẦM.

428.

Pháp phi hữu tầm phi thiện liên quan pháp hữu tầm thiện sanh ra do Nhân duyên.

429.

Nhân 13

430.

Pháp phi vô tầm phi bất thiện liên quan pháp vô tầm thiện sanh ra do Nhân duyên.

431.

Nhân 9.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HỮU TỨ *(Savicāraduka)*.
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU TỨ.

432.

Pháp phi hữu tứ phi thiện liên quan pháp hữu tứ thiện sanh ra do Nhân duyên.

433.

Nhân 13.

434.

Pháp phi vô tầm phi bất thiện liên quan pháp vô tầm thiện sanh ra do nhân duyên.

435.

Nhân 9.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HỮU HỶ *(Sappītikaduka).*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU HỶ.

436.

Pháp phi hữu hỷ phi thiện liên quan pháp hữu hỷ thiện sanh ra do Nhân duyên.

437.

Nhân 13.

438.

Pháp phi vô hỷ phi bất thiện liên quan pháp vô hỷ thiện sanh ra do Nhân duyên.

439.

Nhân 9.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH HỶ *(Pītisahagataduka).*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH HỶ.

440.

Pháp phi đồng sanh hỷ phi thiện liên quan pháp đồng sanh hỷ thiện sanh ra do Nhân duyên.

441.

Nhân 13.

442.

Pháp phi phi đồng sanh hỷ phi bất thiện liên quan pháp phi đồng sanh hỷ thiện sanh ra do Nhân duyên.

443.

Nhân 9.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH LẠC *(Sukhasahagata).*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH LẠC.

444.

Pháp phi đồng sanh lạc phi thiện liên quan pháp đồng sanh lạc thiện sanh ra do Nhân duyên.

445.

Nhân 13.

446.

Pháp phi phi đồng sanh lạc phi bất thiện liên quan pháp phi đồng sanh lạc thiện sanh ra do Nhân duyên.

447.

Nhân 9.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH XẢ *(Upekkhāsahagata).*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH XẢ.

448.

Pháp phi đồng sanh xả phi thiện liên quan pháp đồng sanh xả thiện sanh ra do Nhân duyên.

449.

Nhân 13.

450.

Pháp phi phi đồng sanh xả phi bất thiện liên quan pháp phi đồng sanh xả thiện sanh ra do Nhân duyên.

451.

Nhân 9.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ DỤC GIỚI *(Kavāvacaraduka).*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI DỤC GIỚI.

452.

* Pháp phi Dục giới phi thiện liên quan pháp Dục giới vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi phi Dục giới phi thiện liên quan pháp phi Dục giới thiện sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ SẮC GIỚI *(Rūpāvacaraduka).*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI SẮC GIỚI.

453.

* Pháp phi Sắc giới phi thiện liên quan pháp Sắc giới thiện sanh ra do Nhân duyên 6 câu.
* Pháp phi phi Sắc giới phi thiện liên quan pháp phi Sắc giới vô ký sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ VÔ SẮC GIỚI *(Arūpāvacaraduka).*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI VÔ SẮC GIỚI.

454.

* Pháp phi Vô sắc giới phi thiện liên quan pháp Vô sắc giới thiện sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.
* Pháp phi phi Vô sắc giới phi vô ký liên quan pháp phi Vô sắc giới vô ký sanh ra do Nhân duyên 5 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ LIÊN QUAN LUÂN HỒI *(Pariyāpanna).*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI LIÊN QUAN LUÂN HỒI.

455.

* Pháp phi liên quan luân hồi phi vô ký liên quan pháp liên quan luân hồi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

* Pháp phi bất liên quan luân hồi phi thiện liên quan pháp bất liên quan luân hồi thiện sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ NHÂN XUẤT LUÂN HỒI *(Niyyānikaduka).*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN XUẤT LUÂN HỒI.

456.

* Pháp phi nhân xuất luân hồi phi thiện liên quan pháp nhân xuất luân hồi thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi phi nhân xuất luân hồi phi vô ký liên quan pháp phi nhân xuất luân hồi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ NHỨT ĐỊNH *(Niyataduka).*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI NHỨT ĐỊNH.

457.

* Pháp phi nhứt định phi thiện liên quan pháp nhứt định thiện sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.
* Pháp phi bất định phi vô ký liên quan pháp bất định vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HỮU THƯỢNG *(Sa uttaraduka).*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU THƯỢNG.

458.

* Pháp phi hữu thượng phi vô ký liên quan pháp hữu thượng vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi vô thượng phi thiện liên quan pháp vô thượng thiện sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HỮU Y *(Saraṇaduka).*
TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y.

459.

* Pháp phi hữu y phi bất thiện liên quan pháp hữu y bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu y phi thiện liên quan pháp hữu y bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu y phi thiện và pháp phi hữu y phi bất thiện liên quan pháp hữu y bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi vô y phi vô ký liên quan pháp vô y vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô y phi thiện liên quan pháp vô y vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô y phi thiện và phi vô y phi vô ký liên quan pháp vô y vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

TAM ĐỀ THỌ - NHỊ ĐỀ NHÂN *(Hetuduka)*.
TAM ĐỀ PHI THỌ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

460.

* Pháp phi nhân phi tương ưng lạc thọ liên quan pháp nhân tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi tương ưng khổ thọ liên quan pháp nhân tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp nhân tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.
* Pháp phi nhân phi tương ưng khổ thọ liên quan pháp nhân tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.
* Pháp phi nhân phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

461.

Nhân 21, Bất ly 21. Tất cả đều 21.

462.

* Pháp phi phi nhân phi tương ưng khổ thọ liên quan pháp phi nhân tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi nhân phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi nhân tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi phi nhân phi tương ưng khổ thọ và phi phi nhân phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi nhân tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi phi nhân phi tương ưng lạc thọ liên quan pháp phi nhân tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi phi nhân phi tương ưng lạc thọ liên quan pháp phi nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

463.

Nhân 9.

TAM ĐỀ QUẢ - NHỊ ĐỀ NHÂN
TAM ĐỀ PHI QUẢ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

464.

* Pháp phi nhân phi quả liên quan pháp nhân thuộc quả sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi dị thục nhân liên quan pháp nhân dị thục quả sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp nhân thuộc dị thục quả sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân phi dị thục nhân và phi nhân phi phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp nhân thuộc dị thục quả sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân phi dị thục quả và phi nhân phi dị thục nhân liên quan pháp nhân thuộc dị thục quả sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi nhân phi dị thục nhân liên quan pháp nhân dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp phi nhân phi dị thục quả liên quan pháp nhân dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp nhân dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân phi dị thục quả và phi nhân phi phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp nhân dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân phi dị thục quả và phi nhân phi dị thục nhân liên quan pháp nhân dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi nhân phi dị thục quả liên quan pháp nhân phi dị thục quả phi Dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi dị thục nhân liên quan pháp nhân phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi nhân phi dị thục quả và phi nhân phi dị thục nhân liên quan pháp nhân phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

465.

Nhân 13.

466.

* Pháp phi phi nhân phi dị thục nhân liên quan pháp phi nhân thuộc dị thục quả sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi nhân phi phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi nhân thuộc dị thục quả sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi nhân thuộc dị thục nhân và phi phi nhân thuộc phi phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi nhân dị thục quả sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi phi nhân phi dị thục quả liên quan pháp phi nhân phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi nhân thuộc phi phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi nhân dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi phi nhân thuộc phi dị thục quả và phi phi nhân thuộc phi phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi nhân thuộc phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi phi nhân thuộc phi phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi nhân phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi nhân thuộc phi dị thục quả liên quan pháp phi nhân thuộc phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
* Chư pháp phi phi nhân thuộc phi dị thục quả và phi phi nhân thuộc phi dị thục nhân liên quan pháp phi nhân thuộc phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu
* Pháp phi phi nhân thuộc phi dị thục nhân liên quan pháp phi nhân thuộc phi dị thục quả và pháp phi nhân thuộc phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

467.

Nhân 14.

TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ - NHỊ ĐỀ NHÂN *(Upādinupādāniya)*
TAM ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN.

468.

- Pháp phi nhân phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp nhân thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp nhân thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan pháp nhân thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân phi thành do thủ cảnh thủ và phi nhân phi phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan pháp nhân thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi nhân phi phi thành do thủ cảnh thủ và phi nhân phi phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan pháp nhân thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
- Pháp phi nhân phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp nhân phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
- Pháp phi nhân phi phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan pháp nhân phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

469.

Nhân 13.

470.

Pháp phi phi nhân phi phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp phi nhân thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

471.

Nhân 9.

TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO - NHỊ ĐỀ NHÂN
TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

472.

Pháp phi nhân phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp nhân phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

473.

Nhân 13.

474.

Pháp phi phi nhân phi phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi nhân phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

475.

Nhân 9.

TAM ĐỀ TẦM *(Vitakka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
TAM ĐỀ PHI TẦM - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

476.

Pháp phi nhân phi hữu tầm hữu tứ liên quan pháp nhân hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.

477.

Nhân 15.

478.

Pháp phi phi nhân phi vô tầm hữu tứ liên quan pháp phi nhân hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.

479.

Nhân 28.

TAM ĐỀ HỶ *(Pīti)* - NHỊ ĐỀ NHÂN *(Hetuduka)*
TAM ĐỀ PHI HỶ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN.

480.

Pháp phi nhân phi đồng sanh hỷ liên quan pháp nhân đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên.

481.

Nhân 28.

482.

Pháp phi phi nhân phi đồng sanh xả liên quan pháp phi nhân đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên.

483.

Nhân 18.

TAM ĐỀ SƠ ĐẠO *(Dassanattika)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
TAM ĐỀ PHI SƠ ĐẠO - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN.

484.

Pháp phi nhân phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

485.

Nhân 13.

486.

Pháp phi phi nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

487.

Nhân 9.

TAM ĐỀ HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ - NHỊ ĐỀ NHÂN
TAM ĐỀ PHI HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN.

488.

Pháp phi nhân phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

489.

Nhân 16.

490.

Pháp phi phi nhân phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

491.

Nhân 9.

TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ *(Ācayagāmi)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
TAM ĐỀ PHI NHÂN SANH TỬ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN.

492.

Pháp phi nhân phi nhân sanh tử liên quan pháp nhân thuộc nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên.

493.

Nhân 13.

494.

Pháp phi phi nhân phi nhân sanh tử *(na ācayagāmi)* liên quan pháp phi nhân thuộc nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên.

495.

Nhân 9.

TAM ĐỀ HỮU HỌC *(Sekkhattika)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
TAM ĐỀ PHI HỮU HỌC - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN.

496.

Pháp phi nhân phi hữu học liên quan pháp nhân hữu học sanh ra do Nhân duyên.

497.

Nhân 13.

498.

Pháp phi phi nhân phi vô học liên quan pháp phi nhân hữu học sanh ra do Nhân duyên.

499.

Nhân 9.

TAM ĐỀ HY THIỂU *(Parittattika)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
TAM ĐỀ PHI HY THIỂU - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN.

500.

Pháp phi nhân phi đáo đại liên quan pháp nhân hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.

501.

Nhân 13.

502.

Pháp phi phi nhân phi hy thiểu liên quan pháp phi nhân hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.

503.

Nhân 14.

TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU *(Parittārammaṇa)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
TAM ĐỀ PHI CẢNH HY THIỂU - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN.

504.

Pháp phi nhân phi cảnh hy thiểu liên quan pháp nhân cảnh hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.

505.

Nhân 21.

506.

Pháp phi phi nhân phi cảnh đáo đại liên quan pháp phi nhân cảnh hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.

507.

Nhân 9.

TAM ĐỀ TY HẠ *(Hīnattika)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
TAM ĐỀ PHI TY HẠ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN.

508.

Pháp phi nhân phi ty hạ liên quan pháp nhân ty hạ sanh ra do Nhân duyên.

509.

Nhân 13.

510.

Pháp phi phi nhân phi trung bình liên quan pháp phi nhân ty hạ *(hīna)* sanh ra do Nhân duyên.

511.

Nhân 9.

TAM ĐỀ TÀ *(Micchattattika)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
TAM ĐỀ PHI TÀ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN.

512.

Pháp phi nhân phi tà cho quả nhứt định liên quan pháp nhân thành tà cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.

513.

Nhân 13.

514.

Pháp phi phi nhân phi chánh cho quả nhứt định liên quan pháp phi nhân thuộc tà cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.

515.

Nhân 9.

TAM ĐỀ CÓ CẢNH LÀ ĐẠO *(Maggārammana)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
TAM ĐỀ PHI CÓ CẢNH LÀ ĐẠO - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN.

516.

Pháp phi nhân phi có cảnh là đạo liên quan pháp nhân có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên.

517.

Nhân 25.

518.

Pháp phi phi nhân phi có nhân là đạo liên quan pháp phi nhân có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên.

519.

Nhân 13.

TAM ĐỀ SANH TỒN *(Uppanna)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
TAM ĐỀ PHI SANH TỒN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN.

520.

* Pháp nhân sanh tồn làm duyên cho pháp phi nhân phi phi sanh tồn bằng Nhân duyên.
* Pháp nhân sanh tồn làm duyên cho pháp phi nhân phi sanh tồn bằng Nhân duyên.
* Pháp nhân sanh tồn làm duyên cho những pháp phi nhân phi phi sanh tồn và phi nhân phi sanh tồn bằng Nhân duyên.

521.

Nhân 3.

TAM ĐỀ QUÁ KHỨ *(Atītattika)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
TAM ĐỀ PHI QUÁ KHỨ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN.

522.

* Pháp nhân hiện tại làm duyên cho pháp phi nhân phi quá khứ bằng Nhân duyên.
* Pháp nhân hiện tại làm duyên cho pháp phi nhân phi vị lai bằng Nhân duyên.
* Pháp nhân hiện tại làm duyên cho những pháp phi nhân phi quá khứ và phi nhân phi vị lai bằng Nhân duyên.

523.

Nhân 3.

TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ - NHỊ ĐỀ NHÂN
TAM ĐỀ PHI CẢNH QUÁ KHỨ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN.

524.

Pháp phi nhân phi cảnh quá khứ liên quan pháp nhân thuộc cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.

525.

Nhân 21.

526.

Pháp phi phi nhân phi cảnh vị lai liên quan pháp phi nhân cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.

527.

Nhân 9.

TAM ĐỀ NỘI BỘ *(Ajjhattattika)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
TAM ĐỀ PHI NỘI BỘ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN.

528.

* Pháp phi nhân phi ngoại viện liên quan pháp nhân nội bộ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi nội bộ liên quan pháp nhân thuộc ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

529.

Nhân 2.

530.

* Pháp phi phi nhân phi ngoại viện liên quan pháp phi nhân nội bộ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi nhân phi nội bộ liên quan pháp phi nhân ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

531.

Nhân 2.

TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ *(Ajjhattārammaṇa)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
TAM ĐỀ PHI CẢNH NỘI BỘ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN.

532.

Pháp phi nhân phi cảnh nội bộ liên quan pháp nhân thuộc cảnh nội bộ sanh ra do Nhân duyên.

533.

Nhân 6.

534.

Pháp phi nhân phi cảnh ngoại viện liên quan pháp phi nhân thuộc cảnh nội bộ sanh ra do Nhân duyên.

535.

Nhân 2.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN *(Sanidassanattika)* - NHỊ ĐỀ NHÂN *(Hetuduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN.

536.

* Pháp phi nhân phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.… tóm tắt...
* Chư pháp phi nhân phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi nhân vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp nhân *(hetu)* vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

537.

Nhân 6.

538.

* Pháp phi phi nhân phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi nhân phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi nhân phi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi phi nhân phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi phi nhân phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

539.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN *(Sahetuka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN.

540.

* Pháp phi hữu nhân phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp hữu nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu nhân phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp hữu nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên... tóm tắt...
* Chư pháp phi hữu nhân phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi hữu nhân phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp hữu nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

541.

Nhân 6.

542.

Pháp phi vô nhân phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

543.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN.

544.

* Pháp phi tương ưng nhân phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp tương ưng nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng nhân phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp tương ưng nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
* Chư pháp phi tương ưng nhân phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi tương ưng nhân phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp tương ưng nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

545.

Nhân 6.

546.

Pháp phi bất tương ưng nhân phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp bất tương ưng nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

547.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN *(Hetusahetuka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN.

548.

Pháp phi nhân phi vô nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp nhân hữu nhân thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

549.

Nhân 3.

550.

Pháp phi vô nhân phi phi nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp hữu nhân phi nhân thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

551.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN.

552.

Pháp phi nhân phi bất tương ưng nhân phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp nhân tương ưng nhân thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

553.

Nhân 3.

554.

Pháp phi bất tương ưng nhân phi phi nhân phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp tương ưng nhân phi nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

555.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN PHI HỮU NHÂN.

556.

Pháp phi nhân phi hữu nhân phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi nhân hữu nhân thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

557.

Nhân 6.

558.

Pháp phi nhân phi vô nhân phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi nhân vô nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

559.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU KIẾN.

560.

Pháp phi vô kiến phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô kiến vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

561.

Nhân 9.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU ĐỐI CHIẾU

562.

* Pháp phi hữu đối chiếu phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp hữu đối chiếu vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu đối chiếu phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp hữu đối chiếu vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi hữu đối chiếu phi vô kiến hữu đối chiếu và phi hữu đối chiếu phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp hữu đối chiếu vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

563.

Nhân 3.

564.

* Pháp phi vô đối chiếu phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô đối chiếu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô đối chiếu phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô đối chiếu thuộc phi vô kiến hữu vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên... tóm tắt...
* Chư pháp phi vô đối chiếu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô đối chiếu thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô đối chiếu thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

565.

Nhân 5.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ SẮC *(Rūpīduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI SẮC

566.

Pháp phi sắc thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp sắc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

567.

Nhân 3.

568.

* Pháp phi phi sắc *(na arūpī)* phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi sắc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi sắc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi sắc *(arūpi)* vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,...tóm tắt…
* Pháp phi phi sắc phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi phi sắc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi sắc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

569.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ *(Lokiya)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HIỆP THẾ

570.

Pháp phi siêu thế phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp siêu thế vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

571.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG *(Kenaciviññeyaduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG

572.

* Pháp phi có tâm biết đặng thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp có tâm biết đặng thuộc vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi có tâm biết đặng thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp có tâm biết đặng thuộc vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi có tâm biết đặng thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp có tâm biết đặng thuộc vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,...tóm tắt…
* Chư pháp phi có tâm biết đặng thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi có tâm biết đặng thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp có tâm biết đặng thuộc vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.
* Pháp phi có tâm biết đặng thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp có tâm biết đặng thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.
* Pháp phi có tâm biết đặng thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp có tâm biết đặng thuộc vô kiến hữu đối chiếu và pháp có tâm biết đặng thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

573.

Nhân 18.

574.

Pháp phi có tâm không biết đặng thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp có tâm không biết đặng thuộc vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do nhân duyên.

575.

Nhân 18.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ LẬU *(Āsavaduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI LẬU.

576.

* Pháp phi lậu phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi lậu phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên... tóm tắt...
* Chư pháp phi lậu phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi lậu phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

577.

Nhân 6.

578.

* Pháp phi phi lậu phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi lậu phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi phi lậu phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi phi lậu phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

579.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU *(Sāsavaduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI CẢNH LẬU.

580.

* Pháp phi cảnh lậu phi hữu kiến hữu đối chiếu nhờ cậy *(paccayā)* pháp cảnh lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi cảnh lậu phi vô kiến hữu đối chiếu nhờ cậy pháp cảnh lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi cảnh lậu phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi cảnh lậu phi vô kiến hữu đối chiếu nhờ cậy pháp cảnh lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

581.

Nhân 3.

582.

* Pháp phi phi cảnh lậu phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi cảnh lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi cảnh lậu phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi cảnh lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
* Chư pháp phi phi cảnh lậu phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi phi cảnh lậu phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi cảnh lậu vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

583.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG LẬU.

584.

* Pháp phi tương ưng lậu phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp tương ưng lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lậu phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp tương ưng lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
* Chư pháp phi tương ưng lậu phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi tương ưng lậu phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp tương ưng lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

585.

Nhân 6.

586.

Pháp phi bất tương ưng lậu phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp bất tương ưng lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

587.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN *(Sanidassanattika)* - NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI LẬU CẢNH LẬU.

588.

- Pháp phi lậu phi phi cảnh lậu phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp lậu cảnh lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi lậu phi phi cảnh lậu phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp lậu cảnh lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
- Chư pháp phi lậu phi phi cảnh lậu phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi lậu phi phi cảnh lậu phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp lậu cảnh lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

589.

Nhân 6.

590.

- Pháp phi phi cảnh lậu phi phi lậu phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp cảnh lậu phi lậu thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi cảnh lậu phi phi lậu thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp cảnh lậu phi lậu thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp phi phi cảnh lậu phi phi lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi phi cảnh lậu phi phi lậu thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp cảnh lậu phi lậu thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

591.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU.

592.

- Pháp phi lậu phi bất tương ưng lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp lậu tương ưng lậu thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi lậu phi bất tương ưng lậu thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp lậu tương ưng lậu thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do nhân duyên.
- Chư pháp phi lậu phi bất tương ưng lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi lậu phi bất tương ưng lậu thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp lậu tương ưng lậu thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

593.

Nhân 3.

594.

Pháp phi bất tương ưng lậu phi phi lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp tương ưng lậu phi lậu thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

595.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU PHI CẢNH LẬU

596.

* Pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu nhờ cậy *(paccayā)* pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu nhờ cậy pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu và bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu nhờ cậy pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

597.

Nhân 3.

598.

* Pháp bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên... tóm tắt...
* Chư pháp bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu và bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

599.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM SÁU *(Chagocchakaduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM SÁU

600.

* Pháp phi triền phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp triền vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phược phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phược vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi bộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp bộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phối phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phối vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi cái phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp cái vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi khinh thị phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp khinh thị vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH *(Sārammaṇaduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU CẢNH.

601.

* Pháp phi hữu cảnh phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp hữu cảnh vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu cảnh phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp hữu cảnh vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên... tóm tắt....
* Chư pháp phi hữu cảnh phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi hữu cảnh phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp hữu cảnh vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

602.

Nhân 6.

603.

Pháp phi vô cảnh phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô cảnh vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

604.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ TÂM *(Cittaduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI TÂM *(No cittaduka)*

605.

* Pháp phi tâm phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp tâm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tâm phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp tâm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
* Chư pháp phi tâm phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi tâm phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp tâm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

606.

Nhân 6.

607.

Pháp phi phi tâm phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi tâm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

608.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ SỞ HỮU TÂM *(Cetasika)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI SỞ HỮU TÂM.

609.

* Pháp phi sở hữu tâm phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp sở hữu tâm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi sở hữu tâm phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp sở hữu tâm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.... tóm tắt...
* Chư pháp phi sở hữu tâm phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi sở hữu tâm phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp sở hữu tâm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

610.

Nhân 6,... tóm tắt *(saṅkhittam)*....

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM *(Cittasampayuttaduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG TÂM.

611.

* Pháp phi tương ưng tâm phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp tương ưng tâm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng tâm phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp tương ưng tâm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
* Pháp phi tương ưng tâm phi hữu kiến hữu đối chiếu và pháp phi tương ưng tâm phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp tương ưng tâm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

612.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HÒA VỚI TÂM *(Cittasaṅsaṭṭha)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HÒA VỚI TÂM.

613.

* Pháp phi hòa với tâm phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp hòa với tâm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hòa với tâm phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp hòa với tâm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên ,... tóm tắt...
* Chư pháp phi hòa với tâm phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi hòa với tâm phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp hòa với tâm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

614.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
(Cittasamuṭṭhānaduka)
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH

615.

Pháp phi nương tâm làm sở sanh thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp nương tâm làm sở sanh thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do nhân duyên.

616.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM *(Cittasahabhuduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM.

617.

Pháp phi đồng sanh tồn với tâm thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp đồng sanh tồn với tâm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

618.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ TÙNG TÂM THÔNG LƯU *(Cittānuparivattiduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI TÙNG TÂM THÔNG LƯU

619.

Pháp phi tùng tâm thông lưu thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp tùng tâm thông lưu thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

620.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HÒA NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
(Cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhāna)
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HÒA NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH

621.

Pháp phi hòa nương tâm làm sở sanh thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp hòa nương tâm làm sở sanh thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do nhân duyên.

622.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN –
NHỊ ĐỀ HÒA ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN -
NHỊ ĐỀ PHI HÒA ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH.

623.

Pháp phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

624.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN -
NHỊ ĐỀ HÒA TÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN -
NHỊ ĐỀ PHI HÒA TÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH.

625.

Pháp phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

626.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ NỘI BỘ *(Ajjhattika)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NỘI BỘ *(Na ajjhattika)*

627.

* Pháp phi nội bộ phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp nội bộ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nội bộ phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp nội bộ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
* Chư pháp phi nội bộ phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi nội bộ phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp nội bộ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

628.

Nhân 6.

629.

Pháp phi ngoại viện phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp ngoại viện vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

630.

Nhân 11.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ Y SINH *(Upādāduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI Y SINH

631.

Pháp phi y sinh thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp y sinh vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

632.

Nhân 3.

633.

* Pháp phi phi y sinh thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi y sinh vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
* Pháp phi phi y sinh thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi y sinh vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.
* Pháp phi phi y sinh phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan những pháp phi y sinh vô kiến hữu đối chiếu và phi y sinh vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 6 câu.

634.

Nhân 18.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ THÀNH DO THỦ *(Upādinnaduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ

635.

* Pháp phi thành do thủ phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp thành do thủ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thành do thủ phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp thành do thủ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
* Chư pháp phi thành do thủ phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi thành do thủ phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp thành do thủ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

636.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM THỦ *(Upādānagocchaka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI THỦ

637.

Pháp phi thủ phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp thủ vô kiến vô đối chiếu sanh do Nhân duyên.

638.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHIỀN NÃO *(Kilesagocchakaduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI PHIỀN NÃO

639.

Pháp phi phiền não phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phiền não vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

640.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

641.

Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

642.

Nhân 6.

643.

* Pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ phi hữu kiến hữu đối chiếu nhờ cậy pháp phi sơ đạo tuyệt trừ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ phi vô kiến hữu đối chiếu nhờ cậy pháp phi sơ đạo tuyệt trừ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi phi sơ đạo tuyệt trừ phi vô kiến hữu đối chiếu nhờ cậy pháp phi sơ đạo tuyệt trừ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

644.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ

645.

Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

646.

Nhân 6.

647.

Pháp phi phi ba đạo cao tuyệt trừ phi hữu kiến hữu đối chiếu nhờ cậy pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

648.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

649.

Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

650.

Nhân 6.

651.

Pháp phi phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu nhờ cậy pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thuộc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

652.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ

653.

Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

654.

Nhân 6.

655.

Pháp phi phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

656.

Nhân 3

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU TẦM *(Savitakkaduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU TẦM

657.

* Pháp phi hữu tầm phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp hữu tầm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu tầm phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp hữu tầm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
* Chư pháp phi hữu tầm phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi hữu tầm phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp hữu tầm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

658.

Nhân 6.

659.

* Pháp phi vô tầm phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô tầm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô tầm phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô tầm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô tầm phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô tầm phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô tầm vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

660.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU TỨ *(Savicaraduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU TỨ

661.

Pháp phi hữu tứ phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp hữu tứ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

662.

Nhân 6.

663.

* Pháp phi vô tứ phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô tứ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô tứ phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô tứ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô tứ phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô tứ phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô tứ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

664.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU HỶ *(Sappītika)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU HỶ

665.

* Pháp phi hữu hỷ phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp hữu hỷ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu hỷ phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp hữu hỷ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
* Chư pháp phi hữu hỷ phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi hữu hỷ phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp hữu hỷ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

666.

Nhân 6.

667.

* Pháp phi vô hỷ phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô hỷ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô hỷ phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô hỷ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô hỷ phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô hỷ phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô hỷ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

668.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH HỶ *(Pītisahagata)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH HỶ

669.

* Pháp phi đồng sanh hỷ phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp đồng sanh hỷ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi đồng sanh hỷ phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp đồng sanh hỷ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
* Chư pháp phi đồng sanh hỷ phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi đồng sanh hỷ phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi đồng sanh hỷ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

670.

Nhân 6.

671.

Pháp phi phi đồng sanh hỷ phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi đồng sanh hỷ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

672.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH LẠC *(Sukhasahagata)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH LẠC

673.

Pháp phi đồng sanh lạc phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp đồng sanh lạc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

674.

Nhân 6.

675.

Pháp phi phi đồng sanh lạc phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi đồng sanh lạc vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

676.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH XẢ *(Upekkhāsahagata)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH XẢ

677.

* Pháp phi đồng sanh xả phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp đồng sanh xả vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi đồng sanh xả phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp đồng sanh xả vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
* Chư pháp phi đồng sanh xả phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi đồng sanh xả phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp đồng sanh xả vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

678.

Nhân 6.

679.

Pháp phi phi đồng sanh xả phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi đồng sanh xả vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

680.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ DỤC GIỚI *(Kāmāvacaraduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI DỤC GIỚI.

681.

Pháp phi Dục giới phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp Dục giới vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

682.

Nhân 3.

683.

* Pháp phi phi Dục giới phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi Dục giới vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt....
* Pháp phi phi Dục giới phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi phi Dục giới phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi Dục giới vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

684.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ SẮC GIỚI *(Rūpāvacaraduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI SẮC GIỚI

685.

Pháp phi Sắc giới phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp Sắc giới vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

686.

Nhân 6.

687.

Pháp phi phi Sắc giới phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi Sắc giới vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

688.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ VÔ SẮC GIỚI *(Arūpāvacaraduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI VÔ SẮC GIỚI.

689.

Pháp phi Vô sắc giới phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp Vô sắc giới vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

690.

Nhân 6.

691.

Pháp phi phi Vô sắc giới phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi Vô sắc giới vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

692.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ LIÊN QUAN LUÂN HỒI *(Pariyāpannaduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI LIÊN QUAN LUÂN HỒI.

693.

Pháp phi bất liên quan luân hồi phi hữu kiến hữu đối chiếu nhờ cậy pháp liên quan luân hồi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

694

Nhân 3.

695.

* Pháp phi bất liên quan luân hồi phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp bất liên quan luân hồi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi bất liên quan luân hồi phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp bất liên quan luân hồi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
* Chư pháp phi bất liên quan luân hồi phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi bất liên quan luân hồi phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp bất liên quan luân hồi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

696.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ NHÂN XUẤT LUÂN HỒI *(Niyyānikaduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN XUẤT LUÂN HỒI

697.

Pháp phi nhân xuất luân hồi phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp nhân xuất luân hồi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

698.

Nhân 6.

699.

Pháp phi phi nhân xuất luân hồi phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi nhân xuất luân hồi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

700.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ NHỨT ĐỊNH *(Niyataduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHỨT ĐỊNH.

701.

Pháp phi (cho quả) nhứt định phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp (cho quả) nhứt định vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

702.

Nhân 6.

703.

Pháp phi cho quả phi bất định nhờ cậy *(paccayā)* pháp cho quả bất định vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

704.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU THƯỢNG *(Sa uttaraduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU THƯỢNG

705.

Pháp phi hữu thượng phi hữu kiến hữu đối chiếu nhờ cậy pháp hữu thượng vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

706.

Nhân 3.

707.

Pháp phi vô thượng phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô thượng vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

708.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU Y *(Saraṇaduka)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y

709.

Pháp phi hữu y phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp hữu y vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

710.

Nhân 6.

711.

Pháp phi vô y phi hữu kiến hữu đối chiếu nhờ cậy pháp vô y vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

712.

Nhân 3.

Dù Phần đồng sanh hay phần tương ưng cũng như phần liên quan.

713.

Pháp vô y hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp phi vô y phi hữu kiến hữu đối chiếu bằng Cảnh duyên.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng *(anuloma)*, đối lập *(paccanīya)*, thuận nghịch hay nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt Vị trí tam đề nhị đề thuận nghịch

VỊ TRÍ TAM ĐỀ THUẬN, NGHỊCH

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ THỌ *(Vedanāttika)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI THỌ.

714.

* Pháp phi tương ưng lạc thọ phi thiện liên quan pháp tương ưng lạc thọ thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng lạc thọ phi bất thiện liên quan pháp tương ưng lạc thọ thiện sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt....
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ phi thiện và phi tương ưng lạc thọ phi bất thiện liên quan pháp tương ưng lạc thọ thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

715.

* Pháp phi tương ưng lạc thọ phi bất thiện liên quan pháp tương ưng lạc thọ bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ phi thiện liên quan pháp tương ưng lạc thọ bất thiện sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt....
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ phi thiện và phi tương ưng lạc thọ phi bất thiện liên quan pháp tương ưng lạc thọ bất thiện sanh ra do Nhân duyên, có 5 câu.

716.

* Pháp phi tương ưng lạc thọ phi thiện liên quan pháp tương ưng lạc thọ vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ phi bất thiện liên quan pháp tương ưng lạc thọ vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ phi thiện và phi tương ưng lạc thọ phi bất thiện liên quan pháp tương ưng lạc thọ vô ký sanh ra do Nhân duyên, có 3 câu.

717.

Nhân 13, Cảnh 9, Bất ly 13.

718.

Pháp phi tương ưng lạc thọ phi thiện liên quan pháp tương ưng lạc thọ vô ký sanh ra do phi Nhân duyên có 3 câu.

719.

* Pháp phi tương ưng lạc thọ phi thiện liên quan pháp tương ưng lạc thọ thiện sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ phi bất thiện liên quan pháp tương ưng lạc thọ thiện sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ phi thiện và phi tương ưng lạc thọ phi bất thiện liên quan pháp tương ưng lạc thọ thiện sanh ra do phi Cảnh duyên, có 3 câu.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ phi bất thiện liên quan pháp tương ưng lạc thọ bất thiện sanh ra do phi Cảnh duyên có 3 câu.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ phi thiện liên quan pháp tương ưng lạc thọ vô ký sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp phi tương ưng lạc thọ phi bất thiện liên quan pháp tương ưng lạc thọ vô ký sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Chư pháp phi tương ưng lạc thọ phi thiện và phi tương ưng lạc thọ phi bất thiện liên quan pháp tương ưng lạc thọ vô ký sanh ra do phi cảnh duyên có 3 câu.

720.

Phi Nhân 3, phi Cảnh 9, phi Trưởng 13, phi Ly 9.

721.

Nhân duyên có phi Cảnh 9.

722.

Phi Nhân duyên có Cảnh 3.

Phần đồng sanh, phần ỷ trượng, phần y chỉ, phần hòa hợp, phần tương ưng cũng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

723.

* Pháp tương ưng lạc thọ thiện làm duyên cho pháp phi tương ưng lạc thọ phi thiện sanh ra do Nhân duyên... tóm tắt...
* Cảnh 18,

Phần vấn đề nên sắp rộng.

724.

* Pháp phi tương ưng khổ thọ phi bất thiện liên quan pháp tương ưng khổ thọ bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng khổ thọ phi thiện liên quan pháp tương ưng khổ thọ bất thiện sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
* Chư pháp phi tương ưng khổ thọ phi thiện và phi tương ưng khổ thọ bất thiện liên quan pháp tương ưng khổ thọ bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

725.

Nhân 5, Cảnh 6, Bất ly 8.

726.

* Pháp phi tương ưng khổ thọ phi thiện liên quan pháp tương ưng khổ thọ vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tương ưng khổ thọ phi bất thiện liên quan pháp tương ưng khổ thọ vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi tương ưng khổ thọ phi thiện và phi tương ưng khổ thọ phi bất thiện liên quan pháp tương ưng khổ thọ vô ký sanh ra do phi Nhân duyên.

727.

Phi Nhân 3.

Dù Phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

728.

Pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi thiện liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thiện sanh ra do Nhân duyên.

729.

Nhân 13. Tất cả đều nên sắp rộng.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ QUẢ *(Vipākattika)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI QUẢ

730.

Pháp phi quả phi thiện liên quan pháp quả vô ký sanh ra do Nhân duyên.

731.

Nhân 3.

732.

* Pháp phi dị thục nhân phi thiện liên quan pháp dị thục nhân thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi dị thục nhân phi bất thiện liên quan pháp dị thục nhân thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi dị thục nhân phi thiện và phi dị thục nhân phi bất thiện liên quan pháp dị thục nhân thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi dị thục nhân phi bất thiện liên quan pháp dị thục nhân bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi dị thục nhân phi thiện liên quan pháp dị thục nhân bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi dị thục nhân phi thiện và phi dị thục nhân phi bất thiện liên quan pháp dị thục nhân bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

733.

Nhân 6.

734.

* Pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân phi thiện liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân phi bất thiện liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân phi thiện và phi phi dị thục quả phi dị thục nhân phi bất thiện liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân vô ký sanh ra do Nhân duyên.

735.

Nhân 3.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ *(Upādinnupādāniyattika)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ.

736.

* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi thiện liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi bất thiện liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi thiện và phi thành do thủ cảnh thủ phi bất thiện liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ vô ký sanh ra do Nhân duyên.

737.

Nhân 3.

738.

* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thiện làm duyên cho pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ phi thiện bằng Cảnh duyên.
* … Làm duyên cho pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ phi bất thiện...
* … Làm duyên cho những pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ phi bất thiện và phi phi thành do thủ cảnh thủ phi thiện bằng Cảnh duyên.
* Bất thiện có 3 Câu.
* Phi thành do thủ cảnh thủ vô ký chỉ có 3 câu,... tóm tắt...

739.

* Pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ phi thiện liên quan pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ phi thiện liên quan pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

740.

Nhân 6.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO

741.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não phi bất thiện liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

742.

Nhân 3.

743.

Pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não phi thiện liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não thiện sanh ra do Nhân duyên.

744.

Nhân 3.

745.

* Pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não phi vô ký liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não vô ký...
* Pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não phi thiện...
* Pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não phi bất thiện...
* Chư pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não phi thiện và phi phi phiền toái cảnh phiền não phi vô ký...
* … Chư pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não phi bất thiện và phi phi phiền toái cảnh phiền não phi vô ký...
* … Chư pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não phi thiện và phi phi phiền toái cảnh phiền não phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

746.

Nhân 6.

747.

* Pháp phi phi phiền toái phi cảnh phiền não phi thiện liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi phi phiền toái phi cảnh phiền não phi thiện liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

748.

Nhân 6.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ TẦM *(Vitakkattika)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI TẦM

749.

Pháp phi hữu tầm hữu tứ phi thiện liên quan pháp hữu tầm hữu tứ thiện sanh ra do Nhân duyên.

750.

Nhân 13.

Thiện có 5 câu, bất thiện có 5 câu, vô ký có 3 câu.

751.

Pháp phi vô tầm hữu tứ phi thiện liên quan pháp vô tầm hữu tứ thiện sanh ra do Nhân duyên.

752.

Nhân 13.

753.

Pháp phi vô tầm vô tứ phi thiện liên quan pháp vô tầm vô tứ thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

754.

Nhân 6.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ HỶ *(Pītittika)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI HỶ

755.

Pháp phi đồng sanh hỷ phi thiện liên quan pháp đồng sanh hỷ thiện sanh ra do Nhân duyên 5 câu.

756.

Nhân 13.

757.

Pháp phi đồng sanh lạc phi thiện liên quan pháp đồng sanh lạc thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

758.

Nhân 13.

759.

Pháp phi đồng sanh xả phi thiện liên quan pháp đồng sanh xả thiện sanh ra do Nhân duyên 5 câu.

760.

Nhân 13.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ SƠ ĐẠO *(Dassanattika)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI SƠ ĐẠO.

761.

Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ phi bất thiện liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

762.

Nhân 3.

763.

Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ phi bất thiện liên quan pháp ba đạo cao tuyệt trừ bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

764.

Nhân 3.

765.

Pháp phi phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi vô ký liên quan pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ vô ký sanh ra do Nhân duyên.

766.

Nhân 3.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

767.

Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi bất thiện liên quan pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

768.

Nhân 3.

769.

Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ phi bất thiện liên quan pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

770.

Nhân 3.

771.

Pháp phi phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi thiện liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

772.

Nhân 3.

773.

Pháp phi phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi vô ký nhờ cậy pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ vô ký sanh ra do Nhân duyên.

774.

Nhân 3.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ *(Ācayagāmi)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI NHÂN SANH TỬ

775.

Pháp phi nhân sanh tử phi thiện liên quan pháp nhân sanh tử thiện sanh ra do Nhân duyên.

776.

Nhân 6.

777.

Pháp phi nhân đến Níp Bàn phi thiện liên quan pháp nhân đến Níp Bàn thiện sanh ra do Nhân duyên.

778.

Nhân 3.

779.

Pháp phi phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn phi vô ký nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn vô ký sanh ra do Nhân duyên.

780.

Nhân 5.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ HỮU HỌC *(Sekkhattika)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI HỮU HỌC

781.

Pháp phi hữu học phi thiện liên quan pháp hữu học thiện sanh ra do Nhân duyên.

Cả 2 căn đều có 6 câu.

782.

Pháp phi vô học phi thiện liên quan pháp vô học vô ký sanh ra do Nhân duyên.

783.

Nhân 3.

784.

Pháp phi phi hữu học phi vô học phi vô ký nhờ cậy pháp phi hữu học phi vô học vô ký sanh ra do Nhân duyên.

785.

Nhân 5.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ HY THIỂU *(Parittattika)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI HY THIỂU

786.

Pháp phi hy thiểu phi thiện liên quan pháp hy thiểu vô ký sanh ra do Nhân duyên.

787.

Nhân 3.

788.

Pháp phi đáo đại phi thiện liên quan pháp đáo đại thiện sanh ra do Nhân duyên.

789.

Nhân 6.

790.

Pháp phi vô lượng phi thiện liên quan pháp vô lượng thiện sanh ra do Nhân duyên.

791.

Nhân 6.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU *(Parittārammaṇa)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI CẢNH HY THIỂU

792.

Pháp phi cảnh hy thiểu phi thiện liên quan pháp cảnh hy thiểu thiện sanh ra do Nhân duyên.

793.

Nhân 9.

794.

Pháp phi cảnh đáo đại phi thiện liên quan pháp cảnh đáo đại thiện sanh ra do Nhân duyên.

795.

Nhân 9.

796.

Pháp phi cảnh vô lượng phi thiện liên quan pháp cảnh vô lượng thiện sanh ra do Nhân duyên.

797.

Nhân 6.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ TY HẠ *(Hīnattike)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI TY HẠ

798.

Pháp phi ty hạ phi bất thiện liên quan pháp ty hạ bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

799.

Nhân 3.

800.

Pháp phi trung bình phi vô ký nhờ cậy pháp trung bình vô ký sanh ra do Nhân duyên.

801.

Nhân 6.

802.

Pháp phi tinh lương phi thiện liên quan pháp tinh lương thiện sanh ra do Nhân duyên.

803.

Nhân 5.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ TÀ *(Micchattatika)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI TÀ

804.

Pháp phi tà cho quả nhứt định phi bất thiện liên quan pháp tà cho quả nhứt định bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

805.

Nhân 3.

806.

Pháp phi chánh cho quả nhứt định phi thiện liên quan pháp chánh cho quả nhứt định thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

807.

Nhân 3.

808.

Pháp phi bất định phi vô ký nhờ cậy pháp bất định vô ký sanh ra do Nhân duyên.

809.

Nhân 5.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ CÓ CẢNH LÀ ĐẠO *(Maggārammaṇa)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI CÓ CẢNH LÀ ĐẠO

810.

Pháp phi có cảnh là đạo phi thiện liên quan pháp có cảnh là đạo thiện sanh ra do Nhân duyên.

811.

Nhân 6.

812.

Pháp phi có nhân là đạo phi thiện liên quan pháp có nhân là đạo thiện sanh ra do Nhân duyên.

813.

Nhân 3.

814.

Pháp phi có trưởng là đạo phi thiện liên quan pháp có trưởng là đạo thiện sanh ra do Nhân duyên.

815.

Nhân 6.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ SANH TỒN *(Uppannattika)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI SANH TỒN

816.

Pháp phi sanh tồn thuộc thiện làm duyên cho pháp phi phi sanh tồn phi thiện bằng Cảnh duyên.

817.

Cảnh 6.

Sẽ sanh như phi sanh tồn *(Uppādī anuppannasadisaṃ)*

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ QUÁ KHỨ *(Atītattike)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI QUÁ KHỨ

818.

Pháp quá khứ thiện làm duyên cho pháp phi quá khứ phi thiện bằng Cảnh duyên.

819.

Cảnh 6.

Vị lai như quá khứ *(anāgataṃ atītasadisaṃ).*

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ *(Atītārammaṇa)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI CẢNH QUÁ KHỨ

820.

Pháp phi cảnh quá khứ phi thiện liên quan pháp biết cảnh quá khứ thiện sanh ra do Nhân duyên.

821.

Nhân 9.

822.

Pháp phi cảnh vị lai phi thiện liên quan pháp cảnh vị lai thiện sanh ra do Nhân duyên.

823.

Nhân 9.

824.

Pháp phi cảnh hiện tại phi thiện liên quan pháp cảnh hiện tại thiện sanh ra do Nhân duyên.

825.

Nhân 9.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ *(Ajjhattārammaṇa)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI CẢNH NỘI BỘ.

826.

Pháp phi cảnh nội bộ phi thiện liên quan pháp cảnh nội bộ thiện sanh ra do Nhân duyên.

827.

Nhân 9.

828.

Pháp phi cảnh ngoại viện phi thiện liên quan pháp cảnh ngoại viện thiện sanh ra do Nhân duyên.

829.

Nhân 9.

TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ HỮU KIẾN *(Sanidassana)*
TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN

830.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu vô ký làm duyên cho pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi vô ký bằng Cảnh duyên.

831.

Cảnh 6.

Nên sắp trình bày ra đủ cả 3 phần.

832.

* Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu phi thiện liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô kiến hữu đối chiếu phi bất thiện liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu vô ký sanh ra do Nhân duyên.

* Chư pháp phi vô kiến hữu đối chiếu phi thiện và phi vô kiến hữu đối chiếu phi bất thiện liên quan pháp vô kiến hữu đối chiếu vô ký sanh ra do Nhân duyên.

833.

Nhân 3.

834.

* Pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi thiện liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi bất thiện liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi thiện và phi vô kiến vô đối chiếu phi bất thiện liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi bất thiện liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi thiện liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi thiện và phi vô kiến vô đối chiếu phi bất thiện liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi thiện liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi bất thiện liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi thiện và phi vô kiến vô đối chiếu phi bất thiện liên quan pháp vô kiến vô đối chiếu vô ký sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
* Pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi thiện liên quan những pháp vô kiến vô đối chiếu thiện và vô kiến vô đối chiếu vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi thiện liên quan những pháp vô kiến vô đối chiếu bất thiện và vô kiến vô đối chiếu vô ký sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

835.

Nhân 15.

TAM ĐỀ THỌ *(Vedanāttika)* – TAM ĐỀ THIỆN
TAM ĐỀ PHI THỌ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

836.

* Pháp phi thiện phi tương ưng lạc thọ liên quan pháp thiện tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện phi tương ưng khổ thọ liên quan pháp thiện tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp thiện tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thiện phi tương ưng lạc thọ và phi thiện phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi thiện phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thiện phi tương ưng khổ thọ và phi thiện phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp thiện tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi thiện phi tương ưng lạc thọ và phi thiện phi tương ưng khổ thọ liên quan pháp thiện tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi thiện phi tương ưng lạc thọ và phi thiện phi tương ưng khổ thọ và phi thiện phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp thiện tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên 7 câu.

∗ Pháp phi thiện phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp thiện tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

837.

Nhân 14.

838.

∗ Pháp phi bất thiện phi tương ưng lạc thọ liên quan pháp bất thiện tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

∗ … Liên quan pháp bất thiện tương ưng khổ thọ... có 7 câu.

∗ … Liên quan pháp bất thiện tương ưng phi khổ phi lạc thọ... có 7 câu.

Tất cả có 21 câu đề *(ekavīsati pañhā).*

839.

Pháp vô ký tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp phi vô ký phi tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên.

Câu nói pháp vô ký sanh ra chỉ có 1 câu đề có 3 câu đề duyên hầu biến chuyển theo lối thọ *(vedanāya)* đặng 21 câu đề duyên nên phân theo căn *(mūla)* như là căn vô ký tương ưng khổ thọ có 1, căn vô ký tương ưng phi khổ phi lạc thọ có 1.

TAM ĐỀ QUẢ *(Vipākattika)* – TAM ĐỀ THIỆN
TAM ĐỀ PHI QUẢ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

840.

Pháp phi thiện phi dị thục nhân liên quan pháp thiện dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.

841.

Nhân 3.

842.

Pháp phi bất thiện phi dị thục nhân liên quan pháp bất thiện dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.

843.

Nhân 3.

844.

Pháp phi vô ký phi phi dị thục quả phi dị thục nhân nhờ cậy pháp vô ký phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.

845.

Nhân 3.

TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ – TAM ĐỀ THIỆN *(Upādinnupādāniyattika)*
TAM ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

846.

∗ Pháp phi thiện phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp thiện phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi thiện phi phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan pháp thiện phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

847.

Nhân 6.

848.

Pháp phi bất thiện phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp bất thiện phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

849.

Nhân 3.

850.

Pháp phi vô ký phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp vô ký thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

851.

Nhân 5.

TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO – TAM ĐỀ THIỆN
(Saṅkiliṭṭhasankilesika)
TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO – TAM ĐỀ PHI THIỆN

852.

∗ Pháp phi thiện phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp thiện phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi thiện phi phi phiền toái phi cảnh phiền não liên quan pháp thiện phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

853.

Nhân 6.

854.

Pháp phi bất thiện phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp bất thiện phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

855.

Nhân 3.

TAM ĐỀ TẦM *(Vitakkattike)* – TAM ĐỀ THIỆN
TAM ĐỀ PHI TẦM – TAM ĐỀ PHI THIỆN

856.

∗ Pháp phi thiện phi hữu tầm hữu tứ liên quan pháp thiện hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

∗ Pháp phi thiện phi vô tầm hữu tứ liên quan pháp thiện vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.

857.

Nhân 15.

858.

Pháp phi bất thiện phi hữu tầm hữu tứ liên quan pháp bất thiện hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.

859.

Nhân 9.

TAM ĐỀ HỶ *(Pītittike)* – TAM ĐỀ THIỆN
TAM ĐỀ PHI HỶ – TAM ĐỀ PHI THIỆN

860.

* Pháp phi thiện phi đồng sanh hỷ liên quan pháp thiện đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên 7 câu.
* Pháp phi thiện phi đồng sanh lạc liên quan pháp thiện đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên 7 câu.

Như tam đề thọ *(vedanāttikasadisaṃ)*,... tóm tắt...

TAM ĐỀ HỮU KIẾN *(Sanidassana)* – TAM ĐỀ THIỆN
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI THIỆN

861.

* Pháp phi thiện phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp thiện vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi thiện phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp thiện vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
* Chư pháp phi thiện phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi thiện phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp thiện vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

862.

Nhân 6.

863.

* Pháp phi bất thiện phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp bất thiện vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi bất thiện phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp bất thiện vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
* Chư pháp phi bất thiện phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi bất thiện phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp bất thiện vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

864.

Nhân 6.

865.

* Pháp phi vô ký phi hữu kiến hữu đối chiếu nhờ cậy pháp vô ký vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô ký phi vô kiến hữu đối chiếu nhờ cậy pháp vô ký vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô ký phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô ký phi vô kiến hữu đối chiếu nhờ cậy pháp vô ký vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

866.

Nhân 3

TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ THỌ
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI THỌ

867.

Pháp phi tương ưng lạc thọ phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp tương ưng lạc thọ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

868.

Nhân 6.

869.

Pháp phi tương ưng khổ thọ phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp tương ưng khổ thọ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

870.

Nhân 6.

871.

Pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

872.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN TAM ĐỀ QUẢ *(Vipākattika)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI QUẢ

873.

Pháp phi quả phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp quả vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

874.

Nhân 6.

875.

Pháp phi dị thục nhân phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp dị thục nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

876.

Nhân 6.

877.

Pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

878.

Nhân 3.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ *(Upādinnupādāniyattika)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ

879.

Pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp thành do thủ cảnh thủ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

880.

Nhân 6.

881.

Pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

882.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO
(Sankiliṭṭhasankilesika)
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO

883.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phiền toái cảnh phiền não vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

884.

Nhân 6.

885.

Pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não phi hữu kiến hữu đối chiếu nhờ cậy pháp phi phiền toái cảnh phiền não vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

886.

Nhân 3.

887.

Pháp phi phi phiền toái phi cảnh phiền não phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

888.

Nhân 6.

TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ TẦM *(Vitakkattike)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI TẦM

889.

Pháp phi hữu tầm hữu tứ phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp hữu tầm hữu tứ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

890.

Nhân 6.

891.

Pháp phi vô tầm hữu tứ phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp vô tầm hữu tứ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

892.

Nhân 6.

893.

Pháp phi vô tầm vô tứ phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp vô tầm vô tứ vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

894.

Nhân 3

TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ *(Ajhattārammaṇa)*
TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI CẢNH NỘI BỘ

895.

… Liên quan pháp biết cảnh nội bộ vô kiến vô đối chiếu... 6 câu.

896.

* Pháp phi cảnh ngoại viện phi vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp biết cảnh ngoại viện vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp phi biết cảnh ngoại viện phi hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp biết cảnh ngoại viện vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi biết cảnh ngoại viện phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp biết cảnh ngoại viện vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...
* Chư pháp phi biết cảnh ngoại viện phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi biết cảnh ngoại viện phi vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp biết cảnh ngoại viện vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

897.

Nhân 6, Bất ly 6.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* nên sắp rộng

Dứt Vị trí tam đề thuận, nghịch

VỊ TRÍ NHỊ ĐỀ - NHỊ ĐỀ THUẬN, NGHỊCH

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN *(Sahetukaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN

898.

* Pháp phi hữu nhân phi nhân liên quan pháp hữu nhân thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu nhân phi phi nhân liên quan pháp hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu nhân phi nhân liên quan những pháp hữu nhân thuộc nhân và hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

899.

Nhân 3, Cảnh 1, Bất ly 5.

900.

Pháp phi hữu nhân phi phi nhân liên quan pháp hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

901.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Ly 3.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng như phần liên quan *(paticcavārasadisaṃ).*

902.

Pháp hữu nhân thuộc nhân làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi nhân bằng Nhân duyên.

903.

* Pháp hữu nhân thuộc nhân làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp hữu nhân phi nhân làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi phi nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp hữu nhân thuộc nhân làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi nhân và pháp phi hữu nhân phi nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp hữu nhân phi nhân làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi phi nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp hữu nhân phi nhân làm duyên cho pháp phi hữu nhân phi nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp hữu nhân phi nhân làm duyên cho những pháp phi hữu nhân phi nhân và phi hữu nhân phi phi nhân bằng Cảnh duyên.

904.

Nhân 1, Cảnh 6, Trưởng 2, Bất ly 5.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* nên sắp rộng.

905.

* Pháp phi vô nhân phi nhân liên quan pháp vô nhân thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi vô nhân phi phi nhân liên quan pháp vô nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

906.

Nhân 4.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN *(Hetusampayutta)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN

907.

Pháp phi tương ưng nhân phi nhân liên quan pháp tương ưng nhân thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

Như nhị đề hữu nhân *(sahetukasadisaṃ).*

908.

* Pháp phi bất tương ưng nhân phi nhân liên quan pháp bất tương ưng nhân thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi bất tương ưng nhân phi phi nhân liên quan pháp bất tương ưng nhân phi nhân, sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

909.

Nhân 4.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN *(Hetusahetuka)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN

910.

Pháp phi nhân phi vô nhân thuộc phi nhân liên quan pháp nhân hữu nhân thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

911.

Nhân 1.

912.

Pháp phi vô nhân và phi phi nhân thuộc phi phi nhân liên quan pháp hữu nhân phi nhân thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

913.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN

914.

Pháp phi nhân phi bất tương ưng nhân thuộc phi nhân liên quan pháp nhân tương ưng nhân thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

915.

Nhân 1.

916.

Pháp phi bất tương ưng nhân phi phi nhân thuộc phi phi nhân liên quan pháp tương ưng nhân phi nhân thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

917.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN *(Na hetusahetuka)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN PHI HỮU NHÂN

918.

Pháp phi nhân phi hữu nhân thuộc phi nhân liên quan pháp phi nhân hữu nhân thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

919.

Nhân 1.

920.

Pháp phi nhân phi vô nhân thuộc phi nhân liên quan pháp phi nhân vô nhân thuộc phi nhân vô nhân thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

921.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ NHÂN *(hetuduka)* - NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN *(Sappaccaya)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU DUYÊN

922.

* Pháp vô duyên phi nhân làm duyên cho pháp phi vô duyên phi phi nhân bằng Cảnh duyên,... tóm tắt...
* … Làm duyên cho pháp phi vô duyên phi nhân bằng Cảnh duyên,... tóm tắt...
* … Làm duyên cho những pháp phi vô duyên phi nhân và phi vô duyên phi phi nhân bằng Cảnh duyên.

923.

Cảnh 3.

Vô vi như vô duyên *(asaṅkhataṃ appaccayadisaṃ)*....

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN *(Sanidassanaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU KIẾN

924.

* Pháp hữu kiến phi nhân làm duyên cho pháp phi hữu kiến phi phi nhân bằng Cảnh duyên.
* … Làm duyên cho pháp phi hữu kiến phi nhân bằng Cảnh duyên.
* … Làm duyên cho những pháp phi hữu kiến phi nhân và phi hữu kiến phi phi nhân bằng Cảnh duyên.

925.

Cảnh 3.

926.

Pháp phi vô kiến phi nhân liên quan pháp vô kiến thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

927.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU *(Sappaṭighaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN NHỊ ĐỀ PHI HỮU ĐỐI CHIẾU

928.

Pháp phi hữu đối chiếu phi nhân liên quan pháp hữu đối chiếu phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

929.

Nhân 1.

930.

Pháp phi vô đối chiếu phi nhân liên quan pháp vô đối chiếu thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

931.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ SẮC *(Rupīduka)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI SẮC

932.

Pháp phi sắc phi phi nhân liên quan pháp sắc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

933.

Nhân 3.

934.

Pháp phi vô sắc phi nhân liên quan pháp vô sắc thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

935.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ *(Lokiyaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HIỆP THẾ

936.

Pháp phi hiệp thế phi phi nhân liên quan pháp hiệp thế phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

937.

Nhân 3.

938.

Pháp phi siêu thế phi nhân liên quan pháp siêu thế thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

939.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG *(Kenaciviññeyya)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG

940.

Pháp phi có tâm biết đặng phi nhân liên quan pháp có tâm biết đặng thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

941.

Nhân 9.

942.

Pháp phi có tâm không biết đặng thuộc phi nhân liên quan pháp có tâm không biết đặng thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

943.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ LẬU *(Āsavaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI LẬU

944.

Pháp phi lậu phi nhân liên quan pháp lậu thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

945.

Nhân 5.

946.

Pháp phi phi lậu thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi lậu thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên

947.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU *(Sāsavaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI CẢNH LẬU

948.

Pháp phi cảnh lậu thuộc phi phi nhân liên quan pháp cảnh lậu thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

949.

Nhân 3.

950.

Pháp phi phi cảnh lậu thuộc phi nhân liên quan pháp phi cảnh lậu thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

951.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU *(Āsavasampayutta)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG LẬU

952.

Pháp phi tương ưng lậu phi nhân liên quan pháp tương ưng lậu thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

953.

Nhân 9.

954.

Pháp phi bất tương ưng lậu phi nhân liên quan pháp bất tương ưng lậu thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

955.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU *(Āsavasāsava)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI LẬU CẢNH LẬU

956.

Pháp phi lậu phi phi cảnh lậu thuộc phi nhân liên quan pháp lậu cảnh lậu thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

957.

Nhân 5.

958.

Pháp phi phi cảnh lậu phi phi lậu thuộc phi phi nhân liên quan pháp cảnh lậu phi lậu thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

959.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU *(Āsava āsavasampayutta)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU

960.

Pháp phi lậu phi bất tương ưng lậu thuộc phi nhân liên quan pháp lậu tương ưng lậu thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

961.

Nhân 3.

962.

Pháp phi bất tương ưng lậu phi phi lậu thuộc phi phi nhân liên quan pháp tương ưng lậu phi lậu thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

963.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU
(Āsava vippayutta sāsavaduka)
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU PHI CẢNH LẬU

964.

Pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc phi phi nhân liên quan pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên, như hiệp thế *(lokiyasadisaṃ)*.

965.

* Pháp bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu thuộc phi nhân liên quan pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu phi nhân liên quan pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu phi nhân liên quan những pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc nhân và bất tương ưng lậu phi cảnh lậu phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

966.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM TRIỀN *(Saññojanagocchaka)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI TRIỀN

967.

Pháp phi triền phi nhân liên quan pháp triền thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

968.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHƯỢC ***(Ganthagocchaka)***
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI PHƯỢC

969.

Pháp phi phược phi nhân liên quan pháp phược thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

970.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM BỘC ***(Oghagocchaka)***
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI BỘC ***(No oghagocchaka)***

971.

Pháp phi bộc phi nhân liên quan pháp bộc thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

972.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHỐI ***(Yogagocchakaduka)***
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI PHỐI

973.

Pháp phi phối phi nhân liên quan pháp phối thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

974.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM CÁI ***(Nīvaraṇagocchaka)***
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI CÁI ***(No nivaraṇagocchaka)***

975.

Pháp phi cái phi nhân liên quan pháp cái thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

976.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM KHINH THỊ ***(Parāmāsagocchaka)***
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI KHINH THỊ.

977.

Pháp phi khinh thị phi phi nhân liên quan pháp khinh thị phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

978.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH *(Sārammaṇaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU CẢNH *(Na sārammaṇa).*

979.

Pháp phi hữu cảnh phi nhân liên quan pháp hữu cảnh thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

980.

Nhân 3.

981.

Pháp phi vô cảnh phi phi nhân liên quan pháp vô cảnh phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

982.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ TÂM *(Cittaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI TÂM

983.

Pháp phi tâm phi phi nhân liên quan pháp tâm phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

984.

Nhân 3.

985.

Pháp phi phi tâm phi nhân liên quan pháp phi tâm thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

986.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ SỞ HỮU TÂM *(Cetasikaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI SỞ HỮU TÂM

987.

Pháp phi sở hữu tâm phi nhân liên quan pháp sở hữu tâm thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

988.

Nhân 3.

989.

Pháp phi phi sở hữu tâm thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi sở hữu tâm thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

990.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM *(Cittasampayuttaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG TÂM

991.

Pháp phi tương ưng tâm phi nhân liên quan pháp tương ưng tâm thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

992.

Nhân 3.

993.

Pháp phi bất tương ưng tâm phi phi nhân liên quan pháp bất tương ưng tâm phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

994.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HÒA HỢP TÂM *(Cittasaṅsaṭṭha)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HÒA HỢP TÂM

995.

* Pháp phi hòa hợp tâm phi nhân liên quan pháp hòa hợp tâm thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi hòa hợp tâm phi phi nhân liên quan pháp hòa hợp tâm phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

996.

Nhân 6.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ NƯƠNG TÂM SANH *(Cittasamuṭṭhāna)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NƯƠNG TÂM SANH

997.

Pháp phi nương tâm sanh phi nhân liên quan pháp nương tâm sanh thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

998.

Nhân 3.

999.

Pháp phi phi nương tâm sanh phi phi nhân liên quan pháp phi nương tâm sanh phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1000.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH TỒN TÂM *(Cittasahabhū)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH TỒN TÂM

1001.

Pháp phi đồng sanh tồn tâm phi nhân liên quan pháp đồng sinh tồn tâm thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

1002.

Nhân 3.

1003.

Pháp phi phi đồng sanh tồn tâm phi phi nhân liên quan pháp phi đồng sanh tồn tâm phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1004.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ TÙNG THÔNG LƯU VỚI TÂM *(Cittānuparivattiduka)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI TÙNG THÔNG LƯU VỚI TÂM

1005.

Pháp phi tùng thông lưu với tâm phi nhân liên quan pháp tùng thông lưu với tâm thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

1006.

Nhân 3.

1007.

Pháp phi phi tùng thông lưu với tâm phi phi nhân liên quan pháp phi tùng thông lưu với tâm thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1008.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HÒA NƯƠNG TÂM SANH *(Cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhānaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HÒA NƯƠNG TÂM SANH

1009.

Pháp phi hòa nương tâm sanh phi nhân liên quan pháp hòa nương tâm sanh thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

1010.

Nhân 3.

1011.

Pháp phi phi hòa nương tâm sanh phi phi nhân liên quan pháp phi hòa nương tâm sanh phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1012.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HÒA ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM SANH *(Cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhānasahabhū)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI HÒA ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM SANH

1013.

Pháp phi hòa đồng sanh tồn nương tâm sanh phi nhân liên quan pháp hòa đồng sanh tồn nương tâm sanh ra thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

1014.

Nhân 3.

1015.

Pháp phi phi hòa đồng sanh tồn nương tâm sanh thuộc phi phi nhân liên quan pháp phi hòa đồng sanh tồn nương tâm sanh phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1016.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HÒA TÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM SANH *(Cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhānānuparivattiduka)* NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HÒA TÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM SANH

1017.

Pháp phi hòa tùng thông lưu nương tâm sanh phi nhân liên quan pháp hòa tùng thông lưu nương tâm sanh thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

1018.

Nhân 3.

1019.

Pháp phi phi hòa tùng thông lưu nương tâm sanh phi phi nhân liên quan pháp phi hòa tùng thông lưu nương tâm sanh phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1020.

Nhân 3,... tóm tắt... nên phân theo cách rộng.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ *(Dassanenapahātabbaduka)* NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

1021.

Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.

1022.

Nhân 3.

1023.

Pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ phi phi nhân liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên, chỉ có 3 câu.

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ *(Dassanenapahātabbahetukaduka)* NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

1024.

…Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thuộc nhân... chỉ có 3 câu.

1025.

Pháp phi phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi phi nhân liên quan phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1026.

Nhân 1,... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HỮU Y *(Saraṇaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y ***(Na saraṇaduka)***

1027.

* Pháp phi hữu y phi nhân liên quan pháp hữu y thuộc nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu y thuộc phi phi nhân liên quan pháp hữu y phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu y thuộc phi nhân liên quan pháp hữu y thuộc nhân và pháp hữu y thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1028.

Nhân 3.

1029.

Pháp phi vô y thuộc phi phi nhân liên quan pháp vô y thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1030.

* Pháp phi vô y phi phi nhân liên quan pháp vô y phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp phi vô y phi nhân và phi vô y phi phi nhân liên quan pháp vô y phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1031.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN ***(Sahetukaduka)*** **- NHỊ ĐỀ NHÂN** ***(Hetuduka)***
NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1032.

* Pháp phi nhân phi hữu nhân liên quan pháp nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi nhân phi vô nhân liên quan pháp nhân vô nhân sanh ra do Nhân duyên, có 3 câu.

1033.

Nhân 6.

1034.

Pháp phi phi nhân phi vô nhân liên quan pháp phi nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.

1035.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1036.

* Pháp phi nhân phi tương ưng nhân liên quan pháp nhân tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi nhân phi bất tương ưng nhân liên quan pháp nhân bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

1037.

Nhân 6.

1038.

Pháp phi phi nhân phi bất tương ưng nhân liên quan pháp phi nhân tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

1039.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN *(Hetusahetukaduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1040.

Pháp phi nhân phi vô nhân liên quan pháp nhân và nhân hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.

1041.

Nhân 1.

1042.

Pháp phi phi nhân phi vô nhân và phi phi nhân liên quan pháp phi nhân hữu nhân và phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1043.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN - NHỊ ĐỀ NHÂN *(Hetuhetusampayutta)* NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1044.

Pháp phi nhân và phi nhân phi bất tương ưng nhân liên quan pháp nhân và nhân tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

1045.

Nhân 1.

1046.

Pháp phi phi nhân phi tương ưng nhân và phi phi nhân liên quan pháp phi nhân tương ưng nhân và phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1047.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN *(Sappaccayaduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN NHỊ ĐỀ PHI HỮU DUYÊN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1048.

Pháp phi nhân phi vô duyên liên quan pháp nhân hữu duyên sanh ra do Nhân duyên.

1049.

Nhân 1.

1050.

Pháp phi phi nhân phi vô duyên liên quan pháp phi nhân hữu duyên sanh ra do Nhân duyên.

1051.

Nhân 1.

Hữu vi như hữu duyên *(Sappaccayasadisaṃ).*

NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN *(Sanidassanaduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1052.

Pháp phi nhân phi vô kiến liên quan pháp nhân vô kiến sanh ra do Nhân duyên.

1053.

Nhân 3.

1054.

Pháp phi phi nhân phi hữu kiến liên quan pháp phi nhân vô kiến sanh ra do Nhân duyên.

1055.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU *(Sappaṭigha)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI HỮU ĐỐI CHIẾU - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1056.

Pháp phi nhân phi vô đối chiếu liên quan pháp nhân vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1057.

Nhân 3.

1058.

Pháp phi phi nhân phi hữu đối chiếu liên quan pháp phi nhân vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1059.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ SẮC *(Rūpīduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI SẮC - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1060.

Pháp phi nhân phi vô sắc liên quan pháp nhân vô sắc sanh ra do Nhân duyên.

1061.

Nhân 3.

1062.

* Pháp phi phi nhân phi sắc liên quan pháp phi nhân thuộc sắc sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi nhân phi vô sắc liên quan pháp phi nhân vô sắc sanh ra do Nhân duyên.

1063.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ *(Lokiyaduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI HIỆP THẾ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1064.

* Pháp phi nhân phi hiệp thế liên quan pháp nhân hiệp thế sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi nhân phi siêu thế liên quan pháp nhân siêu thế sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

1065.

Nhân 4.

1066.

* Pháp phi phi nhân phi siêu thế liên quan pháp phi nhân hiệp thế sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi phi nhân phi siêu thế liên quan pháp phi nhân siêu thế sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1067.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG *(Kenaciviññeyyaduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1068.

* Pháp phi nhân phi có tâm biết đặng liên quan pháp nhân có tâm biết đặng sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi nhân phi có tâm không biết đặng liên quan pháp nhân có tâm không biết đặng sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi nhân phi có tâm biết đặng liên quan pháp nhân có tâm biết đặng và pháp nhân có tâm không biết đặng sanh ra Nhân duyên có 3 câu.

1069.

Nhân 9.

1070.

* Pháp phi phi nhân phi có tâm biết đặng liên quan pháp phi nhân có tâm biết đặng sanh ra do Nhân duyên.

1071.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ LẬU *(Āsavaduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN *(Hetuduka)*
NHỊ ĐỀ PHI LẬU - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1072.

* Pháp phi nhân phi lậu liên quan pháp nhân thuộc lậu sanh ra do Nhân duyên, có 3 câu.
* Pháp phi nhân phi phi lậu liên quan pháp nhân phi lậu sanh ra do Nhân duyên, có 1 câu.
* Pháp phi nhân phi lậu liên quan những pháp nhân thuộc lậu và nhân thuộc phi lậu sanh ra Nhân duyên có 1 câu.

1073.

Tất cả đều có 5 câu.

1074.

Pháp phi phi nhân phi phi lậu liên quan pháp phi nhân phi lậu sanh ra do Nhân duyên.

1075.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU *(Sāsavaduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI CẢNH LẬU - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1076.

* Pháp phi nhân phi phi cảnh lậu liên quan pháp nhân cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi nhân phi phi cảnh lậu liên quan pháp nhân phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

1077.

Nhân 4.

Như nhị đề hiệp thế *(lokiyadukasadisaṃ)*

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG LẬU - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1078.

* Pháp phi nhân phi tương ưng lậu liên quan pháp nhân tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi nhân phi bất tương ưng lậu liên quan pháp nhân bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi nhân phi tương ưng lậu liên quan những pháp nhân tương ưng lậu và nhân bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

1079.

Nhân 9.

1080.

* Pháp phi phi nhân phi tương ưng lậu liên quan pháp phi nhân tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi phi nhân phi tương ưng lậu liên quan pháp phi nhân bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1081.

Nhân 4.

NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU *(Āsavasāsavaduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI LẬU CẢNH LẬU - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1082.

* Pháp phi nhân phi lậu phi phi cảnh lậu liên quan pháp nhân thành lậu và cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi nhân phi lậu phi phi cảnh lậu liên quan pháp nhân cảnh lậu và phi lậu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi nhân phi lậu và phi phi cảnh lậu liên quan pháp nhân thành lậu cảnh lậu và pháp nhân cảnh lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

1083.

Nhân 5.

1084.

Pháp phi phi nhân phi cảnh lậu và phi phi lậu liên quan pháp phi nhân lậu và cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

1085.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU *(Āsavasāsavasampayuttaduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN NHỊ ĐỀ PHI LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1086.

∗ Pháp phi nhân phi lậu và phi bất tương ưng lậu liên quan pháp nhân lậu và tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi nhân phi lậu phi bất tương ưng lậu liên quan pháp nhân tương ưng lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1087.

Nhân 4.

1088.

∗ Pháp phi phi nhân phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu liên quan pháp phi nhân lậu tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp phi phi nhân phi bất tương ưng lậu và phi phi lậu liên quan pháp phi nhân tương ưng lậu phi lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

1089.

Nhân 4.

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU - NHỊ ĐỀ NHÂN NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU PHI CẢNH LẬU - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1090.

∗ Pháp phi nhân bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu liên quan pháp nhân bất tương ưng lậu cảnh lậu *(Āsavavippayuttasāsavaduka)* sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp phi nhân bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu liên quan pháp nhân bất tương ưng lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

1091.

Nhân 4.

1092.

∗ Pháp phi phi nhân bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu liên quan pháp phi nhân bất tương ưng lậu cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi phi nhân bất tương ưng lậu phi cảnh lậu liên quan pháp phi nhân bất tương ưng lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

1093.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ CHÙM SÁU *(Chagocchakaduka)* **- NHỊ ĐỀ NHÂN**
NHỊ ĐỀ CHÙM SÁU - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1094.

- Pháp phi nhân phi triền liên quan pháp nhân triền sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi phược liên quan pháp nhân phược sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi bộc liên quan pháp nhân thành bộc sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi phối liên quan pháp nhân thành phối sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi cái liên quan pháp nhân thành cái sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi phi khinh thị liên quan pháp nhân phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

1095.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH ***(Sārammaṇaduka)*** **- NHỊ ĐỀ NHÂN**
NHỊ ĐỀ PHI HỮU CẢNH - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1096.

Pháp phi nhân phi hữu cảnh liên quan pháp nhân hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên.

1097.

Nhân 3.

1098.

- Pháp phi phi nhân phi vô cảnh liên quan pháp phi nhân hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi nhân phi vô cảnh liên quan pháp phi nhân vô cảnh sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi phi nhân phi vô cảnh liên quan những pháp phi nhân hữu cảnh và phi nhân vô cảnh sanh ra do Nhân duyên.

1099.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ TÂM ***(Cittaduka)*** **- NHỊ ĐỀ NHÂN**
NHỊ ĐỀ PHI TÂM - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1100.

Pháp phi nhân phi phi tâm liên quan pháp nhân phi tâm sanh ra do nhân duyên.

1101.

Nhân 3.

1102.

Pháp phi phi nhân phi tâm liên quan pháp phi nhân thành tâm sanh ra do Nhân duyên

1103.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ SỞ HỮU TÂM *(Cetasikaduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI SỞ HỮU TÂM NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1104.
Pháp phi nhân phi sở hữu tâm liên quan pháp nhân sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.

1105.
Nhân 3.

1106.
Pháp phi phi nhân phi phi sở hữu tâm liên quan pháp phi nhân thuộc sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.

1107.
Nhân 3.

NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM - NHỊ ĐỀ NHÂN *(Cittasampayuttaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG TÂM - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1108.
Pháp phi nhân phi tương ưng tâm liên quan pháp nhân tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.

1109.
Nhân 3,... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ HÒA HỢP TÂM *(Cittasaṃsatthaduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI HÒA HỢP TÂM - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1110.
Pháp phi nhân phi hòa hợp tâm liên quan pháp nhân hòa hợp tâm sanh ra do Nhân duyên.

1111.
Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH *(Cittasamuṭṭhānaduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1112.
Pháp phi nhân phi nương tâm làm sở sanh liên quan pháp nhân nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

1113.
Nhân 3.

NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM *(Cittasahabhuduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1114.
Pháp phi nhân phi đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp nhân đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên.

1115.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ TÙNG TÂM THÔNG LƯU *(Cittānuparivattiduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI TÙNG TÂM THÔNG LƯU NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1116.

Pháp phi nhân phi tùng tâm thông lưu liên quan pháp nhân tùng tâm thông lưu sanh ra do Nhân duyên.

1117.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ HÒA NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI HÒA NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1118.

Pháp phi nhân phi hòa nương tâm làm sở sanh liên quan pháp nhân hòa nương tâm làm sở sanh *(Cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhānaduka)* sanh ra do Nhân duyên.

1119.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ HÒA ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
***(Cittasaṅsaṭṭhāsamuṭṭhānāsahabhūduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN**
NHỊ ĐỀ PHI HÒA ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1120.

Pháp phi nhân phi hòa đồng sanh tồn phi nương tâm làm sở sanh liên quan pháp nhân thuộc hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

1121.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ HÒA TÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
***(Cittāsaṅsaṭṭhāsamuṭṭhānānuparivattiduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN**
NHỊ ĐỀ PHI HÒATÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1122.

Pháp phi nhân phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh liên quan pháp nhân hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

1123.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ NỘI BỘ *(Ājjhattikaduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI NỘI BỘ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1124.

Pháp phi nhân phi ngoại viện liên quan pháp nhân ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

1125.

Nhân 3.

1126.

Pháp phi phi nhân phi nội bộ liên quan pháp phi nhân nội bộ sanh ra do Nhân duyên.

1127.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ Y SINH *(Ūpādāduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI Y SINH - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1128.

Pháp phi nhân phi phi y sinh liên quan pháp nhân phi y sinh sanh ra do Nhân duyên.

1129.

Nhân 3.

1130.

Pháp phi phi nhân phi y sinh liên quan pháp phi nhân y sinh sanh ra do Nhân duyên.

1131.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ THÀNH DO THỦ *(Upādinnaduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1132.

* Pháp phi nhân phi thành do thủ liên quan pháp nhân thành do thủ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi nhân phi thành do thủ liên quan pháp nhân phi thành do thủ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1133.

Nhân 4.

1134.

* Pháp phi phi nhân phi phi thành do thủ liên quan pháp phi nhân thành do thủ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi nhân phi thành do thủ liên quan pháp phi nhân phi thành do thủ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1135.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ CHÙM HAI *(Dvigocchakaduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ CHÙM HAI - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1136.

* Pháp phi nhân phi thủ liên quan pháp phi nhân thuộc thủ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân phi phiền não liên quan pháp nhân phiền não sanh ra do Nhân duyên.

NHỊ ĐỀ SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ *(Dassanenapahātabbaduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1137.

∗ Pháp phi nhân phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi nhân phi phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp nhân phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1138.

Nhân 4.

1139.

∗ Pháp phi phi nhân phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp phi phi nhân phi phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1140.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ *(Bhāvanāyapahātabbaduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1141.

Pháp phi nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1142.

Nhân 4.

1143.

∗ Pháp phi phi nhân phi 3 đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp phi phi nhân phi phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1144.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ *(Dassanenapahātabbahetukaduka)*-
NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1145.

∗ Pháp phi nhân phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi nhân phi phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp nhân phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

Tất cả đều có 3 câu đề.

1146.

* Pháp phi phi nhân phi phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi nhân phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1147.

Nhân 2,... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ HỮU Y *(Saraṇaduka)* - NHỊ ĐỀ NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y *(Na Saraṇaduka)* - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN

1148.

* Pháp phi nhân phi hữu y liên quan pháp nhân hữu y sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi nhân phi hữu y liên quan pháp nhân vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1149.

Nhân 4.

1150.

* Pháp phi phi nhân phi vô y liên quan pháp phi nhân hữu y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi phi nhân phi hữu y liên quan pháp phi nhân vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1151.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ HỮU Y *(Saraṇaduka)* - NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN

1152.

* Pháp phi hữu nhân phi hữu y liên quan pháp hữu nhân hữu y sanh ra Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi hữu nhân phi vô y liên quan pháp hữu nhân vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1153.

Nhân 2.

1154.

* Pháp phi vô nhân phi vô y liên quan pháp vô nhân hữu y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi vô nhân phi hữu y liên quan pháp vô nhân vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1155.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN *(Hetusampayuttaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN

1156.

Pháp phi tương ưng nhân phi hữu y liên quan pháp tương ưng nhân hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1157.

Nhân 2. Như nhị đề hữu nhân *(Sahetukaduka).*

NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN *(Hetusahetukaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN

1158.

- Pháp phi nhân phi vô nhân thuộc phi vô y liên quan pháp nhân và hữu nhân thuộc hữu y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
- Pháp phi nhân phi vô nhân phi hữu y liên quan pháp nhân hữu nhân thuộc vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1159.

Nhân 2.

1160.

- Pháp phi vô nhân phi phi nhân phi vô y liên quan pháp hữu nhân phi nhân thuộc hữu y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
- Pháp phi hữu nhân phi phi nhân phi hữu y liên quan pháp hữu nhân phi nhân thuộc vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1161.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN *(Hetuhetusampayuttaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN

1162.

Pháp phi nhân phi tương ưng nhân phi vô y liên quan pháp nhân tương ưng nhân hữu y sanh ra do Nhân duyên.

Như nhị đề nhân hữu nhân *(hetu ceva sahetukadukasadisaṃ).*

NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN PHI HỮU NHÂN

1163.

- Pháp phi nhân phi hữu nhân phi hữu y liên quan pháp phi nhân hữu nhân hữu y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
- Pháp phi nhân phi hữu nhân phi hữu y liên quan pháp phi nhân phi hữu nhân vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1164.

Nhân 2.

1165.

Pháp phi nhân phi vô nhân phi hữu y liên quan pháp phi nhân vô nhân vô y sanh ra do Nhân duyên.

1166.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ HỮU Y *(Saraṇaduka)* - NHỊ ĐỀ ĐỈNH *(Cūlantaraduka)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y *(Na saraṇaduka)* - NHỊ ĐỀ PHI ĐỈNH

1167.

* Pháp vô duyên vô y làm duyên cho pháp phi vô duyên phi hữu y bằng Cảnh duyên.
* Pháp vô vi vô y làm duyên cho pháp phi vô vi phi hữu y bằng Cảnh duyên.
* Pháp hữu kiến vô y làm duyên cho pháp phi hữu kiến phi vô y bằng Cảnh duyên.
* … Làm duyên cho pháp phi hữu kiến phi hữu y bằng Cảnh duyên,... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ LẬU *(Āsavaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI LẬU

1168.

* Pháp phi lậu phi hữu y liên quan pháp lậu hữu y…
* Pháp phi lậu phi vô y...
* … Những pháp phi lậu phi hữu y và phi lậu phi vô y sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phi lậu phi vô y liên quan pháp phi lậu hữu y... có 1 câu.

NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU *(Sāsavaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI CẢNH LẬU

1169.

* Pháp phi cảnh lậu phi hữu y liên quan pháp cảnh lậu vô y...
* Pháp phi phi cảnh lậu phi hữu y liên quan pháp phi cảnh lậu vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

Tất cả nên sắp rộng theo lối này,... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH *(Sārammaṇaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI HỮU CẢNH.

1170.

* Pháp phi hữu cảnh phi hữu y liên quan pháp hữu cảnh hữu y...
* Pháp phi hữu cảnh phi hữu y liên quan pháp hữu cảnh vô y... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ *(Dassanenapahātabbaduka)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI SƠ ĐẠOTUYỆT TRỪ

1171.

* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ phi hữu y liên quan pháp sơ đạo tuyệt trừ hữu y... 1 câu.
* Pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ phi vô y liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ vô y.. tóm tắt

NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ HỮU THƯỢNG *(Sa uttaraduka)*
NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI HỮU THƯỢNG

1172.

- Pháp phi hữu thượng phi hữu y liên quan pháp hữu thượng vô y sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô thượng phi hữu y liên quan pháp vô thượng vô y sanh ra do Nhân duyên.

Dù phần đồng sanh hay phần vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt Vị trí nhị đề thuận nghịch

VỊ TRÍ NGHỊCH THUẬN

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ THIỆN

1.

* Pháp bất thiện liên quan pháp phi thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn liên quan 1 uẩn bất thiện, 2 uẩn liên quan 2 uẩn.
* Pháp vô ký liên quan pháp phi thiện sanh ra do Nhân duyên: 3 uẩn và sắc tâm liên quan 1 uẩn vô ký quả, vô ký tố.
* Chư pháp thiện và vô ký liên quan pháp phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

2.

* Pháp thiện liên quan pháp phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký liên quan pháp phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp thiện và vô ký liên quan pháp phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

3.

* Pháp vô ký liên quan pháp phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện liên quan pháp phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất thiện liên quan pháp phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp thiện và vô ký liên quan pháp phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp phi vô ký sanh ra do nhân duyên có 5 câu.

4.

* Pháp bất thiện liên quan pháp phi thiện và phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký liên quan pháp phi thiện và pháp phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp bất thiện và vô ký liên quan pháp phi thiện và phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

5.

* Pháp thiện liên quan pháp phi bất thiện và phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký liên quan pháp phi bất thiện và pháp phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp thiện và vô ký liên quan pháp phi bất thiện và phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

6.

Pháp vô ký liên quan pháp phi thiện và phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

7.

* Pháp bất thiện liên quan pháp phi thiện sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp vô ký liên quan pháp phi thiện sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp thiện liên quan pháp phi bất thiện sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp vô ký liên quan pháp phi bất thiện sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp thiện liên quan pháp phi vô ký sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp bất thiện liên quan pháp phi vô ký sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp bất thiện liên quan pháp phi thiện và pháp phi vô ký sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp thiện liên quan pháp phi bất thiện và pháp phi vô ký sanh ra do Cảnh duyên.
* Pháp vô ký liên quan pháp những pháp phi thiện và phi bất thiện sanh ra do Cảnh duyên.

8.

Nhân 18, Cảnh 9, Trưởng 18, Bất ly 18.

9.

* Pháp bất thiện liên quan pháp phi thiện sanh ra do phi Nhân duyên.
* Pháp vô ký liên quan pháp phi thiện sanh ra do phi Nhân duyên,... tóm tắt...
* Pháp vô ký liên quan pháp phi thiện và phi bất thiện sanh ra do phi Nhân duyên.

10.

* Pháp vô ký liên quan pháp phi thiện sanh ra do phi Cảnh duyên.
* Pháp vô ký liên quan pháp phi thiện và phi bất thiện sanh ra do Cảnh duyên.

11.

Phi Nhân 6, phi Cảnh 6, phi Trưởng 18, phi Ly 6.

12.

Nhân duyên có phi Cảnh 6.

13.

Phi Nhân duyên có Cảnh 6.

Dù phần đồng sanh hay phần tương ưng như phần liên quan *(paṭiccavāra)*.

14.

* Pháp thiện nhờ cậy pháp phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký nhờ cậy pháp phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện và pháp vô ký nhờ cậy pháp phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất thiện và pháp vô ký nhờ cậy pháp phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp bất thiện nhờ cậy pháp phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp vô ký nhờ cậy pháp phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* … Nhờ cậy pháp phi thiện và pháp phi vô ký... có 3 câu.
* … Nhờ cậy pháp phi bất thiện và phi vô ký... có 3 câu.
* Pháp thiện nhờ cậy những pháp phi thiện và phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

15.

Nhân 26, Cảnh 13, Bất ly 26.

16.

Phần hòa hợp *(saṅsaṭṭhavāra)* Nhân 9,... tóm tắt... Bất ly 9,... tóm tắt...

17.

* Pháp phi thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp phi thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Nhân duyên.
* Pháp phi thiện làm duyên cho những pháp bất thiện và vô ký bằng Nhân duyên.
* Pháp phi bất thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi thiện và pháp phi vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Nhân duyên.
* Pháp phi bất thiện và phi vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi thiện và pháp phi bất thiện làm duyên cho pháp vô ký bằng Nhân duyên có 1 câu

18.

* Pháp phi thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Cảnh duyên có 3 câu.
* Pháp phi bất thiện làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cảnh duyên có 3 câu.
* Pháp phi vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Cảnh duyên có 3 câu.
* Chư pháp phi thiện và phi vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Cảnh duyên.

* Chư pháp phi thiện và phi vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cảnh duyên.
* Chư pháp thiện và phi vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Cảnh duyên có 3 câu.
* Chư pháp phi bất thiện và phi vô ký làm duyên cho pháp thiện bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi bất thiện và phi vô ký làm duyên cho pháp bất thiện bằng Cảnh duyên.
* Chư pháp phi bất thiện và phi vô ký làm duyên cho pháp vô ký bằng Cảnh duyên có 3 câu.
* Chư pháp phi thiện và phi bất thiện làm duyên cho pháp thiện bằng Cảnh duyên có 3 câu.

19.

Nhân 18, Cảnh 18, Trưởng 23, Bất ly 22.

Phần vấn đề *(pañhāvara)* nên sắp rộng.

TAM ĐỀ PHI THỌ – TAM ĐỀ THỌ *(Vedanāttika)*

20.

* Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng khổ thọ liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

21.

* Pháp tương ưng khổ thọ liên quan pháp phi tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp tương ưng phi khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.

22.

* Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng lạc thọ liên quan pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng khổ thọ liên quan pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...

23.

Nhân 21, Trưởng 21, Bất ly 21.

TAM ĐỀ PHI QUẢ – TAM ĐỀ QUẢ *(Vipākattika)*

24.

* Pháp quả liên quan pháp phi quả sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp dị thục nhân liên quan pháp phi quả sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp quả liên quan pháp phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp quả liên quan pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.

25.

Nhân 22.

TAM ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ
TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ

26.

* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ liên quan những pháp phi thành do thủ cảnh thủ và pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên, có 1 câu.
* Pháp thành do thủ cảnh thủ liên quan những pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ và phi phi thành do thủ phi cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ liên quan những pháp phi thành do thủ cảnh thủ và phi phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

27.

Nhân 18.

TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO
TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO

28.

* Pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não liên quan pháp phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi phi phiền toái phi cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

29.

Nhân 18.

TAM ĐỀ PHI TẦM – TAM ĐỀ TẦM

30.

* Pháp hữu tầm hữu tứ liên quan pháp phi hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp phi hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp phi hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.
* Pháp vô tầm hữu tứ liên quan pháp phi vô tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.
* Pháp vô tầm vô tứ liên quan pháp phi vô tầm vô tứ sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

31.

Nhân 49.

TAM ĐỀ PHI ĐỒNG SANH HỶ – TAM ĐỀ ĐỒNG SANH HỶ

32.

* Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp phi đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên có 4 câu.
* Pháp đồng sanh lạc liên quan pháp phi đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên có 4 câu.
* Pháp đồng sanh xả liên quan pháp phi đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp phi đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên có 4 câu.

33.

Nhân 18.

TAM ĐỀ PHI SƠ ĐẠO – TAM ĐỀ SƠ ĐẠO *(Dassanatika)*

34.

* Pháp ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt... có 5 câu.

35.

Nhân 18.

TAM ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

36.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

37.

Nhân 26.

TAM ĐỀ PHI NHÂN SANH TỬ – TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ *(Ācayagāmi)*

38.

Pháp nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi nhân đến Níp Bàn sanh ra do Nhân duyên có 18 câu.

TAM ĐỀ PHI HỮU HỌC – TAM ĐỀ HỮU HỌC *(Sekkhatika)*

39.

Pháp vô học liên quan pháp phi hữu học sanh ra do Nhân duyên có 18 câu.

TAM ĐỀ PHI HY THIỂU – TAM ĐỀ HY THIỂU *(Parittatika)*

40.

Pháp hy thiểu liên quan pháp phi hy thiểu sanh ra do Nhân duyên có 22 câu.

TAM ĐỀ PHI CẢNH HY THIỂU
TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU *(Parittārammaṇa)*

41.

Pháp cảnh hy thiểu liên quan pháp phi cảnh hy thiểu sanh ra do Nhân duyên có 13 câu.

TAM ĐỀ PHI TY HẠ – TAM ĐỀ TY HẠ *(Hīnatika)*

42.

Pháp trung bình liên quan pháp phi ty hạ sanh ra do Nhân duyên có 18 câu.

TAM ĐỀ PHI TÀ – TAM ĐỀ TÀ *(Micchattātika)*

43.

Pháp chánh (cho quả) nhứt định liên quan pháp phi tà (cho quả) nhứt định sanh ra do Nhân duyên có 18 câu.

TAM ĐỀ PHI CÓ CẢNH LÀ ĐẠO – TAM ĐỀ CÓ CẢNH LÀ ĐẠO

44.

Pháp có nhân là đạo liên quan pháp phi có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên có 10 câu.

TAM ĐỀ PHI SANH TỒN – TAM ĐỀ SANH TỒN *(Uppannatika)*

45.

* Pháp phi phi sanh tồn làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Nhân duyên.
* Pháp phi sẽ sanh làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Nhân duyên.
* Chư pháp phi phi sanh tồn và phi sẽ sanh làm duyên cho pháp sanh tồn bằng Nhân duyên.

46.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI QUÁ KHỨ – TAM ĐỀ QUÁ KHỨ *(Atītatika)*

47.

* Pháp phi quá khứ làm duyên cho pháp hiện tại bằng Nhân duyên.
* Pháp phi vị lai làm duyên cho pháp hiện tại bằng Nhân duyên.
* Pháp phi quá khứ và phi vị lai làm duyên cho pháp hiện tại bằng Nhân duyên.

48.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI CẢNH QUÁ KHỨ – TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ

49.

* Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp phi biết cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp biết cảnh vị lai liên quan pháp phi biết cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp biết cảnh hiện tại liên quan pháp phi biết cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp phi biết cảnh vị lai sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp biết cảnh hiện tại liên quan pháp phi biết cảnh vị lai sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.
* Pháp biết cảnh hiện tại liên quan pháp phi biết cảnh hiện tại sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp biết cảnh quá khứ liên quan pháp phi biết cảnh hiện tại sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp biết cảnh vị lai liên quan pháp phi biết cảnh hiện tại sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

50.

Nhân 15.

TAM ĐỀ PHI NỘI BỘ – TAM ĐỀ NỘI BỘ *(Ajjhattatika)*

51.

* Pháp ngoại viện liên quan pháp phi nội bộ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp nội bộ liên quan pháp phi ngoại viện sanh do Nhân duyên có 1 câu.

52.

Nhân 2.

TAM ĐỀ PHI CẢNH NỘI BỘ – TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ *(Ajjhattārammaṇa)*

53.

* Pháp biết cảnh nội bộ liên quan pháp phi biết cảnh nội bộ sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.
* Pháp biết cảnh ngoại viện liên quan pháp phi biết cảnh ngoại viện sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.

54.

Nhân 6.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ HỮU KIẾN *(Sanidassanatika)*

55.

- Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu và vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu, vô kiến hữu đối chiếu và vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.
- Pháp vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên
- Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.
- Pháp vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

56.

Nhân 35.

Phần vấn đề nên sắp rộng.

Dứt Vị trí tam đề nghịch thuận

VỊ TRÍ - NHỊ ĐỀ NGHỊCH THUẬN

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ NHÂN

57.

* Pháp nhân liên quan pháp phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp nhân và phi nhân liên quan pháp phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân liên quan pháp phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân liên quan pháp phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp nhân và phi nhân liên quan pháp phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân liên quan pháp phi nhân và phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân liên quan pháp phi nhân và phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân và phi nhân liên quan pháp phi nhân và phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

58.

Nhân 9, Cảnh 9, Bất ly 9.

Phần đồng sanh, phần vấn đề nên sắp rộng.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN - NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN

59.

* Pháp hữu nhân liên quan pháp phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô nhân liên quan pháp phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp hữu nhân và vô nhân liên quan pháp phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp vô nhân liên quan pháp phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu nhân liên quan pháp phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp hữu nhân và vô nhân liên quan pháp phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp hữu nhân liên quan những pháp phi hữu nhân và phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô nhân liên quan những pháp phi hữu nhân và phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp hữu nhân và vô nhân liên quan những pháp phi hữu nhân và phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

60.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN

61.

Pháp tương ưng nhân liên quan pháp phi tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

62.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN - NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN

63.

Pháp nhân và hữu nhân liên quan pháp phi nhân và phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.

64.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN - NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN

65.

Pháp nhân và tương ưng nhân liên quan pháp phi nhân và phi bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

66.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN PHI HỮU NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN

67.

Pháp phi nhân hữu nhân liên quan pháp phi nhân phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.

68.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU DUYÊN - NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN *(Sappaccaya)*

69.

Pháp hữu duyên liên quan pháp phi vô duyên sanh ra do Nhân duyên.

70.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU VI - NHỊ ĐỀ HỮU VI *(Saṇkhataduka)*

71.

Pháp hữu vi liên quan pháp phi vô vi sanh ra do Nhân duyên.

72.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN *(Sanidassana)*

73.

* Pháp hữu kiến liên quan pháp phi hữu kiến sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô kiến liên quan pháp phi hữu kiến sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp hữu kiến và vô kiến liên quan pháp phi hữu kiến sanh ra do Nhân duyên.

74.

Nhân 3.

75.

Pháp phi hữu kiến làm duyên cho pháp hữu kiến bằng Nhân duyên.

76.

Nhân 3.

77.

* Pháp phi hữu kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi vô kiến làm duyên cho pháp vô kiến bằng Cảnh duyên.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU ĐỐI CHIẾU - NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU

78.

* Pháp hữu đối chiếu liên quan pháp phi hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp vô đối chiếu liên quan pháp phi vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp hữu đối chiếu và vô đối chiếu liên quan pháp phi vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp hữu đối chiếu liên quan những pháp phi hữu đối chiếu và phi vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

79.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI SẮC - NHỊ ĐỀ SẮC *(Rūpīduka)*

80.

Pháp sắc liên quan pháp phi sắc sanh ra do Nhân duyên.

81.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI HIỆP THẾ - NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ *(Lokiyaduka)*

82.

* Pháp hiệp thế liên quan pháp phi hiệp thế sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp siêu thế liên quan pháp phi hiệp thế sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp hiệp thế và siêu thế liên quan pháp phi hiệp thế sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hiệp thế liên quan pháp phi siêu thế sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hiệp thế liên quan pháp phi hiệp thế và pháp phi siêu thế sanh ra do Nhân duyên.

83.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG - NHỊ ĐỀ CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG

84.

Pháp có tâm biết đặng liên quan pháp phi có tâm biết đặng sanh ra do Nhân duyên.

85.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI LẬU - NHỊ ĐỀ LẬU *(Asavaduka)*

86.

* Pháp lậu liên quan pháp phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi lậu liên quan pháp phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp lậu và phi lậu liên quan pháp phi lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi lậu liên quan pháp phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp lậu liên quan pháp phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp lậu và phi lậu liên quan pháp phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp lậu liên quan những pháp phi lậu và phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

87.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI CẢNH LẬU - NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU *(Sāsavaduka)*

88.

* Pháp cảnh lậu liên quan pháp phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi cảnh lậu liên quan pháp phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp cảnh lậu và phi cảnh lậu liên quan pháp phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp cảnh lậu liên quan pháp phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp cảnh lậu liên quan pháp phi cảnh lậu và phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

89.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG LẬU - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU

90.

Pháp tương ưng lậu liên quan pháp phi tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.

91.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI LẬU CẢNH LẬU - NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU

92.

Pháp lậu cảnh lậu liên quan pháp phi lậu phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

93.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU - NHỊ ĐỀ LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU

94.

Pháp lậu tương ưng lậu liên quan pháp phi lậu phi bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.

95.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU PHI CẢNH LẬU – NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU

96.

Pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu liên quan pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

97.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI CHÙM SÁU - NHỊ ĐỀ CHÙM SÁU *(Chagocchakaduka)*

98.

* Pháp triền liên quan pháp phi triền sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phược liên quan pháp phi phược sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bộc liên quan pháp phi bộc sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phối liên quan pháp phi phối sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp cái liên quan pháp phi cái sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp khinh thị liên quan pháp phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU CẢNH - NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH *(Sārammanaduka)*

99.

* Pháp hữu cảnh liên quan pháp phi hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô cảnh liên quan pháp phi hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp hữu cảnh và vô cảnh liên quan pháp phi hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp vô cảnh liên quan pháp phi vô cảnh sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp hữu cảnh liên quan những pháp phi hữu cảnh và phi vô cảnh sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

100.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI TÂM - NHỊ ĐỀ TÂM *(Cittaduka)*

101.

* Pháp tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tâm và phi tâm liên quan pháp phi tâm sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi tâm liên quan pháp phi phi tâm sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi tâm liên quan pháp phi tâm và phi phi tâm sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

102.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI SỞ HỮU TÂM - NHỊ ĐỀ SỞ HỮU TÂM

103.

* Pháp sở hữu tâm liên quan pháp phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp phi sở hữu tâm liên quan pháp phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp sở hữu tâm và phi sở hữu tâm liên quan pháp phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.

104.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG TÂM - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM

105.

* Pháp tương ưng tâm liên quan pháp phi tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng tâm liên quan pháp phi tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm liên quan pháp phi tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất tương ưng tâm liên quan pháp phi bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng tâm liên quan pháp bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp tương ưng tâm và bất tương ưng tâm liên quan pháp phi bất tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...

106.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI HÒA VỚI TÂM - NHỊ ĐỀ HÒA VỚI TÂM *(Cittasaṅsaṭṭha)*

107.

* Pháp hòa với tâm liên quan pháp phi hòa với tâm sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất hòa với tâm liên quan pháp phi hòa với tâm sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp hòa với tâm và bất hòa với tâm liên quan pháp phi hòa với tâm sanh ra do Nhân duyên.

108.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH NHỊ ĐỀ NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH *(Cittasamuṭṭhānaduka)*

109.

* Pháp nương tâm làm sở sanh liên quan pháp phi nương tâm làm sở sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nương tâm làm sở sanh liên quan pháp phi nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp nương tâm làm sở sanh và phi nương tâm làm sở sanh liên quan pháp phi nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

110.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM
NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM *(Cittasahabhūduka)*

111.

- Pháp đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp đồng sanh tồn với tâm và phi đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên.

112.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI TÙNG THÔNG LƯU VỚI TÂM -
NHỊ ĐỀ TÙNG THÔNG LƯU VỚI TÂM *(Cittānuparivattiduka)*

113.

- Pháp tùng thông lưu với tâm liên quan pháp phi tùng thông lưu với tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi tùng thông lưu với tâm liên quan pháp phi tùng thông lưu với tâm sanh ra do Nhân duyên.
- Chư pháp tùng thông lưu với tâm và phi tùng thông lưu với tâm liên quan pháp phi tùng thông lưu với tâm sanh ra do Nhân duyên.

114.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI HÒA NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
NHỊ ĐỀ HÒA NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH *(Cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhāna)*

115.

Pháp hòa nương tâm làm sở sanh liên quan pháp phi hòa nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

116.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI HÒA ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
NHỊ ĐỀ HÒA ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
(Cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhānasahabhāduka)

117.

Pháp hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh liên quan pháp phi hòa sanh tồn nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

118.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI HÒA TÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH NHỊ ĐỀ HÒA TÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH

(Cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhānānuparivattiduka)

119.

Pháp hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh liên quan pháp phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

120.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI NỘI BỘ - NHỊ ĐỀ NỘI BỘ *(Ajjhattikaduka)*

121.

∗ Pháp nội bộ liên quan pháp phi nội bộ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp ngoại viện liên quan pháp phi ngoại viện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

122.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI Y SINH - NHỊ ĐỀ Y SINH *(Upādāduka)*

123.

Pháp y sinh liên quan pháp phi y sinh sanh ra do Nhân duyên.

124.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ - NHỊ ĐỀ THÀNH DO THỦ *(Upādinna)*

125.

Pháp phi thành do thủ liên quan pháp phi thành do thủ sanh ra do Nhân duyên.

126.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ CHÙM PHI THỦ - NHỊ ĐỀ CHÙM THỦ *(Upādānagocchaka)*

127.

Pháp thủ liên quan pháp phi thủ sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ PHI CHÙM PHIỀN NÃO - NHỊ ĐỀ CHÙM PHIỀN NÃO

128.

Pháp phiền não liên quan pháp phi phiền não sanh ra do Nhân duyên,... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ PHI SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ - NHỊ ĐỀ SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

129.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp sơ đạo tuyệt trừ và phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ và phi phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

130.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ - NHỊ ĐỀ BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ

131.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

132.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

133.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

134.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ
NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ

135.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

136.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU TẦM - NHỊ ĐỀ HỮU TẦM

137.

* Pháp hữu tầm liên quan pháp phi hữu tầm sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô tầm liên quan pháp phi hữu tầm sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp hữu tầm và vô tâm liên quan pháp phi hữu tầm sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp vô tầm liên quan pháp phi vô tầm sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu tầm liên quan pháp phi vô tầm sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp hữu tầm và vô tâm liên quan pháp phi vô tầm sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu tầm liên quan những pháp phi hữu tầm và phi vô tầm sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp vô tầm liên quan những pháp phi hữu tầm và phi vô tầm sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp hữu tầm và vô tầm liên quan những pháp phi hữu tầm và phi vô tầm sanh ra do Nhân duyên.

138.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU TỨ - NHỊ ĐỀ HỮU TỨ *(Savicāraduka)*

139.

Pháp hữu tứ liên quan pháp phi hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.

140

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU HỶ - NHỊ ĐỀ HỮU HỶ

141.

Pháp hữu hỷ liên quan pháp phi hữu hỷ sanh ra do Nhân duyên.

142.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH HỶ - NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH HỶ

143.

Pháp đồng sanh hỷ liên quan pháp phi đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên.

144.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH LẠC - NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH LẠC

145.

Pháp đồng sanh lạc liên quan pháp phi đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên.

146.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH XẢ - NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH XẢ

147.

* Pháp đồng sanh xả liên quan pháp phi đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi đồng sanh xả liên quan pháp phi đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp đồng sanh xả và phi đồng sanh xả liên quan pháp phi đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi đồng sanh xả liên quan pháp phi phi đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp đồng sanh xả liên quan pháp phi đồng sanh xả và pháp phi phi đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi đồng sanh xả liên quan pháp phi đồng sanh xả và pháp phi phi đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp đồng sanh xả và phi đồng sanh xả liên quan những pháp phi đồng sanh xả và phi phi đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

148.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI DỤC GIỚI - NHỊ ĐỀ DỤC GIỚI *(Kāmāvacaraduka)*

149.

∗ Pháp Dục giới liên quan pháp phi Dục giới

∗ Pháp phi Dục giới liên quan pháp phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp Dục giới và phi Dục giới liên quan pháp phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi Dục giới liên quan pháp phi phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp phi Dục giới liên quan những pháp phi Dục giới và phi phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

150.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI SẮC GIỚI - NHỊ ĐỀ SẮC GIỚI

151.

Pháp sắc giới liên quan pháp phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên.

152.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI VÔ SẮC GIỚI - NHỊ ĐỀ VÔ SẮC GIỚI

153.

Pháp phi Vô sắc giới liên quan pháp phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên.

154.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI LIÊN QUAN LUÂN HỒI - NHỊ ĐỀ LIÊN QUAN LUÂN HỒI *(Pariyāpannaduka)*

155.

∗ Pháp liên quan luân hồi liên quan pháp phi liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp liên quan luân hồi liên quan pháp phi bất liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp liên quan luân hồi liên quan pháp phi liên quan luân hồi và pháp phi bất liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

156.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN XUẤT LUÂN HỒI - NHỊ ĐỀ NHÂN XUẤT LUÂN HỒI
(Niyyānikaduka)

157.

∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi liên quan pháp phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi liên quan pháp phi phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp phi nhân xuất luân hồi liên quan pháp phi nhân xuất luân hồi và phi phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

158.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI NHỨT ĐỊNH - NHỊ ĐỀ NHỨT ĐỊNH *(Niyataduka)*

159.

∗ Pháp bất định liên quan pháp phi nhứt định sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
∗ Pháp bất định liên quan pháp phi bất định sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp bất định liên quan pháp phi nhứt định và phi bất định sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

160.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU THƯỢNG - NHỊ ĐỀ HỮU THƯỢNG *(Sa uttaraduka)*

161.

∗ Pháp hữu thượng liên quan pháp phi hữu thượng sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp vô thượng liên quan pháp phi hữu thượng sanh ra do Nhân duyên.
∗ Chư pháp hữu thượng và vô thượng liên quan pháp phi hữu thượng sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp hữu thượng liên quan pháp phi vô thượng sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
∗ Pháp hữu thượng liên quan pháp phi hữu thượng và phi vô thượng sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

162.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ HỮU Y *(Saranaduka)*

163.

∗ Pháp vô y liên quan pháp phi hữu y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
∗ Pháp vô y liên quan pháp phi vô y sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp vô y liên quan pháp phi hữu y và phi vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

164.

Nhân 5, Cảnh 2, Bất ly 5.

165.

∗ Pháp vô y liên quan pháp phi hữu y sanh ra do phi Nhân duyên.

* Pháp hữu y liên quan pháp phi vô y sanh ra do phi Nhân duyên.

166.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 3, phi Ly 3.

Phần đồng sanh hay phần tương ưng như phần liên quan.

167.

* Pháp phi hữu y làm duyên cho pháp vô y bằng Nhân duyên.
* Pháp phi vô y làm duyên cho pháp vô y bằng Nhân duyên.
* Pháp phi vô y làm duyên cho pháp hữu y bằng Nhân duyên.
* Pháp phi vô y làm duyên cho pháp hữu y và vô y bằng Nhân duyên.

168.

* Pháp phi hữu y làm duyên cho pháp hữu y bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi hữu y làm duyên cho pháp vô y bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi vô y làm duyên cho pháp vô y bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi vô y làm duyên cho pháp hữu y bằng Cảnh duyên.

169.

Nhân 4, Cảnh 4, Bất ly 7.

170.

Pháp phi hữu y làm duyên cho pháp hữu y bằng Cảnh duyên,... bằng Cận y duyên,... bằng Tiền sanh duyên.

171.

Phi Nhân 7, phi Cảnh 7, phi Ly 4.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt Vị trí nhị đề thuận

VỊ TRÍ NHỊ ĐỀ – TAM ĐỀ NGHỊCH, THUẬN

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TAM – ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ THIỆN

172.

* Pháp thiện thuộc nhân nhờ cậy pháp phi thiện phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện phi nhân nhờ cậy pháp phi thiện phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp thiện thuộc nhân và pháp thiện phi nhân nhờ cậy pháp phi thiện phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

173.

Nhân 3.

174.

Pháp bất thiện thuộc nhân nhờ cậy pháp phi bất thiện phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

175.

* Pháp vô ký phi nhân liên quan pháp phi vô ký phi nhân sanh do Nhân duyên.
* Pháp vô ký phi nhân liên quan pháp phi vô ký phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký phi nhân liên quan pháp phi vô ký phi nhân và phi vô ký phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

176.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN – TAM ĐỀ THIỆN

177.

Pháp thiện hữu nhân nhờ cậy pháp phi thiện phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.

178.

Nhân 1.

179.

Pháp bất thiện hữu nhân nhờ cậy pháp phi bất thiện phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

180.

* Pháp vô ký vô nhân liên quan pháp phi vô ký phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký vô nhân liên quan pháp phi vô ký phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký vô nhân liên quan những pháp phi vô ký phi hữu nhân và phi vô ký phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.

181.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN – TAM ĐỀ THIỆN

182.

... Nhờ cậy pháp phi thiện phi tương ưng nhân...

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN – TAM ĐỀ THIỆN

183.

* Pháp phi thiện phi nhân và phi vô nhân làm duyên cho pháp thiện thuộc nhân và hữu nhân bằng Cảnh duyên.
* ... Làm duyên cho pháp thiện hữu nhân mà phi nhân bằng Cảnh duyên.
* ... Làm duyên cho những pháp thiện thuộc nhân hữu nhân và thiện thuộc hữu nhân phi nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.
* Pháp phi thiện phi vô nhân và phi phi nhân làm duyên cho pháp thiện thuộc nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.
* Chư pháp phi thiện phi nhân phi vô nhân và phi thiện phi vô nhân phi phi nhân làm duyên cho pháp thiện thuộc nhân hữu nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu. Tất cả 9 câu.

184.

Pháp phi bất thiện thuộc phi nhân phi vô nhân làm duyên cho pháp bất thiện thuộc nhân và hữu nhân bằng Cảnh duyên,... tóm tắt... có 9 câu đề.

185.

Pháp phi vô ký phi nhân và phi vô nhân làm duyên cho pháp vô ký thuộc nhân và hữu nhân bằng Cảnh duyên,... tóm tắt... có 3 câu. Tất cả 9 câu đề.

185.

Pháp phi vô ký phi nhân và phi vô nhân làm duyên cho pháp vô ký thuộc nhân và hữu nhân bằng Cảnh duyên,... tóm tắt... có 3 câu. Tất cả 9 câu đề.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN – TAM ĐỀ THIỆN

186.

Pháp phi thiện phi nhân phi bất tương ưng nhân làm duyên cho pháp thiện thuộc nhân tương ưng nhân bằng Cảnh duyên,... tóm tắt... nên sắp 9 câu đề.

187.

Pháp phi bất thiện phi nhân phi bất tương ưng nhân làm duyên cho pháp bất thiện thuộc nhân tương ưng nhân bằng Cảnh duyên,... tóm tắt... nên sắp cả 9 câu.

188.

Pháp phi vô ký phi nhân phi bất tương ưng nhân làm duyên cho pháp vô ký thuộc nhân tương ưng nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu, nên sắp cả 9 câu.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN – TAM ĐỀ THIỆN

189.

Pháp thiện phi nhân hữu nhân nhờ cậy pháp phi thiện phi nhân phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.

190.

Nhân 1.

191.

Pháp bất thiện phi nhân hữu nhân nhờ cậy pháp phi bất thiện phi nhân và phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.

192.

Nhân 1.

193.

Pháp vô ký phi nhân vô nhân nhờ cậy pháp phi vô ký phi phi nhân phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.

194.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU DUYÊN – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN – TAM ĐỀ THIỆN

195.

Pháp thiện hữu duyên nhờ cậy pháp phi thiện phi vô duyên sanh ra do Nhân duyên.

196.

Nhân 1.

197.

Pháp bất thiện hữu duyên nhờ cậy pháp phi bất thiện phi vô duyên sanh ra do Nhân duyên.

198.

Nhân 1.

199.

Pháp vô ký hữu duyên liên quan pháp phi vô ký phi vô duyên sanh ra do Nhân duyên.

200.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU VI – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HỮU VI – TAM ĐỀ THIỆN

201.

Phi vô vi,... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ THIỆN

202.

Pháp thiện vô kiến nhờ cậy pháp phi thiện phi hữu kiến sanh ra do Nhân duyên.

203.

Nhân 1.

204.

Pháp bất thiện vô kiến nhờ cậy pháp phi bất thiện phi hữu kiến sanh ra do Nhân duyên.

205.

Nhân 1.

206.

* Pháp vô ký hữu kiến liên quan pháp phi vô ký phi hữu kiến sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký vô kiến nhờ cậy... có 3 câu.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU ĐỐI CHIẾU – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU – TAM ĐỀ THIỆN

207.

Pháp thiện vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi thiện phi hữu đối chiếu...

NHỊ ĐỀ PHI SẮC TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ SẮC – TAM ĐỀ THIỆN

208.

Pháp bất thiện vô sắc nhờ cậy pháp phi thiện phi vô sắc sanh ra do Nhân duyên.

209.

Nhân 1.

210.

Pháp bất thiện vô sắc nhờ cậy pháp phi bất thiện phi vô sắc sanh ra do Nhân duyên.

211.

Nhân 1.

212.

Pháp vô ký thuộc sắc liên quan pháp phi vô ký phi sắc sanh ra do Nhân duyên.

213.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HIỆP THẾ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ – TAM ĐỀ THIỆN

214.

∗ Pháp thiện hiệp thế nhờ cậy pháp phi thiện phi siêu thế sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp thiện siêu thế... có 2 câu.

215.

Pháp bất thiện hiệp thế nhờ cậy pháp phi bất thiện phi siêu thế sanh ra do Nhân duyên.

216.

Nhân 1.

217.

∗ Pháp vô ký hiệp thế liên quan pháp phi vô ký phi hiệp thế sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp vô ký hiệp thế liên quan pháp phi vô ký phi siêu thế.

218.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ PHI CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG – TAM ĐỀ THIỆN *(Kenaciviññeyyaduka)*

219.

∗ Pháp thiện có tâm biết đặng nhờ cậy pháp phi thiện phi có tâm biết đặng sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp thiện có tâm không biết đặng nhờ cậy pháp phi thiện phi có tâm không biết đặng sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
∗ Pháp thiện có tâm biết đặng nhờ cậy những pháp phi thiện phi có tâm biết đặng và phi thiện phi có tâm không biết đặng sanh ra do Nhân duyên có 3 câu. Tất cả đều 9 câu.

220.

* Pháp bất thiện có tâm biết đặng nhờ cậy pháp phi bất thiện phi có tâm biết đặng sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất thiện có tâm không biết đặng nhờ cậy pháp phi bất thiện phi có tâm không biết đặng sanh ra do Nhân duyên.

221.

Nhân 9.

222.

Pháp vô ký có tâm biết đặng liên quan pháp phi vô ký phi có tâm biết đặng sanh ra do Nhân duyên.

223.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI LẬU – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ LẬU – TAM ĐỀ THIỆN

224.

Pháp thiện phi lậu nhờ cậy pháp phi thiện phi lậu sanh ra do Nhân duyên.

225.

Nhân 1.

226.

Pháp bất thiện thuộc lậu nhờ cậy pháp phi bất thiện phi lậu sanh ra do Nhân duyên.

227.

Nhân 3.

228.

* Pháp vô ký phi lậu liên quan pháp phi vô ký phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký phi lậu liên quan pháp phi vô ký phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên.

Căn nhị đề có 1 câu, 3 câu,... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ PHI CẢNH LẬU – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU – TAM ĐỀ THIỆN

229.

Pháp thiện phi cảnh lậu nhờ cậy pháp phi thiện phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

230.

Nhân 2.

231.

Pháp bất thiện thuộc lậu nhờ cậy pháp phi bất thiện phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

232.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG LẬU – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU – TAM ĐỀ THIỆN

233.

Pháp thiện bất tương ưng lậu nhờ cậy pháp phi thiện phi tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.

234.

Nhân 1.

235.

Pháp bất thiện tương ưng lậu nhờ cậy pháp phi bất thiện phi tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.

236.

Nhân 3.

237.

Pháp vô ký bất tương ưng lậu liên quan pháp phi vô ký phi tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.

238.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI LẬU CẢNH LẬU – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU – TAM ĐỀ THIỆN

239.

Pháp thiện cảnh lậu phi lậu nhờ cậy pháp phi thiện phi lậu phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

240.

Nhân 1.

241.

Pháp bất thiện thuộc lậu cảnh lậu nhờ cậy pháp phi bất thiện phi lậu phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

242.

Nhân 3.

243.

Pháp vô ký cảnh lậu phi lậu liên quan pháp phi vô ký phi lậu phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

244.

Nhân 3.

Nhị đề lậu và tương ưng lậu không có.

NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU PHI CẢNH LẬU – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU – TAM ĐỀ THIỆN

245.

* Pháp thiện bất tương ưng lậu phi cảnh lậu nhờ cậy pháp phi thiện bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện bất tương ưng lậu cảnh lậu nhờ cậy pháp phi thiện bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

246.

Nhân 2.

247.

Pháp bất thiện bất tương ưng lậu cảnh lậu nhờ cậy pháp phi bất thiện bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

248.

Nhân 1.

249.

* Pháp vô ký bất tương ưng lậu cảnh lậu liên quan pháp phi vô ký bất tương ưng lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký bất tương ưng lậu cảnh lậu liên quan pháp vô ký bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

250.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ CHÙM TRIỀN – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ CHÙM TRIỀN – TAM ĐỀ THIỆN

251.

Pháp bất thiện thành triền nhờ cậy pháp phi bất thiện phi triền sanh ra do Nhân duyên.

252.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ CHÙM PHƯỢC – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ CHÙM PHƯỢC – TAM ĐỀ THIỆN

253.

Pháp bất thiện thành phược nhờ cậy pháp phi bất thiện phi phược sanh ra do Nhân duyên.

254.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ CHÙM BỘC – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ CHÙM BỘC – TAM ĐỀ THIỆN

255.

Pháp bất thiện thành bộc nhờ cậy pháp phi bất thiện phi bộc sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

NHỊ ĐỀ CHÙM PHỐI – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ CHÙM PHỐI – TAM ĐỀ THIỆN

256.

Pháp bất thiện thành phối nhờ cậy pháp phi bất thiện phi phối sanh ra do Nhân duyên.

257.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ CHÙM CÁI – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ CHÙM CÁI – TAM ĐỀ THIỆN

258.

Pháp bất thiện thành cái nhờ vậy pháp phi bất thiện phi cái sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

NHỊ ĐỀ CHÙM KHINH THỊ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ CHÙM KHINH THỊ – TAM ĐỀ THIỆN

259.

Pháp bất thiện khinh thị nhờ cậy pháp phi bất thiện phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

260.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU CẢNH – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH – TAM ĐỀ THIỆN

261.

Pháp thiện hữu cảnh nhờ cậy pháp phi thiện phi hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên.

262.

Nhân 1.

263.

Pháp bất thiện hữu cảnh nhờ cậy pháp phi bất thiện phi hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên.

264.

Nhân 1.

265.

Pháp vô ký vô cảnh liên quan pháp phi vô ký phi vô cảnh sanh ra do Nhân duyên.

266.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI TÂM – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ TÂM – TAM ĐỀ THIỆN

267.

Pháp thiện thuộc tâm nhờ cậy pháp phi thiện phi tâm sanh ra do Nhân duyên.

268.

Nhân 3.

Phi bất thiện 3 câu, phi vô ký 3 câu,... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ PHI SỞ HỮU TÂM – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ SỞ HỮU TÂM – TAM ĐỀ THIỆN

269.

Pháp thiện thuộc sở hữu tâm nhờ cậy pháp phi thiện phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.

270.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG TÂM – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM – TAM ĐỀ THIỆN

271.

Pháp thiện tương ưng tâm nhờ cậy pháp phi thiện phi tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.

272.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HÒA VỚI TÂM – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HÒA VỚI TÂM – TAM ĐỀ THIỆN *(Cittasansaṭṭhaduka)*

273.

Pháp thiện hòa với tâm nhờ cậy pháp phi thiện phi hòa với tâm sanh ra do Nhân duyên.

274.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ THIỆN

275.

Pháp thiện nương tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp phi thiện phi nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

276.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM – TAM ĐỀ THIỆN
(Cittasahabhūduka)

277.

Pháp thiện đồng sanh tồn với tâm nhờ cậy pháp phi thiện phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên.

278.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI TÙNG THÔNG LƯU VỚI TÂM – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ TÙNG THÔNG LƯU VỚI TÂM – TAM ĐỀ THIỆN *(Cittānuparivatti)*

279.

Pháp thiện tùng thông lưu với tâm nhờ cậy pháp phi thiện phi tùng thông lưu với tâm sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

NHỊ ĐỀ PHI HÒA NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HÒA NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ THIỆN

280.

Pháp thiện hòa nương tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp phi thiện phi hòa nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

281.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HÒA ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HÒA ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ THIỆN *(Cittasansaṭṭhasamutthanasahabhu)*

282.

Pháp thiện hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp phi thiện phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

283.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HÒA TÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HÒA TÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH *(Cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhānānuparivatti)* – TAM ĐỀ THIỆN

284.

Pháp thiện hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh nhờ cậy pháp phi thiện phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

285.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NỘI BỘ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ NỘI BỘ – TAM ĐỀ THIỆN

286.

Pháp thiện nội bộ nhờ cậy pháp phi thiện phi nội bộ sanh ra do Nhân duyên.

287.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI Y SINH – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ Y SINH *(Upādāduka)* – TAM ĐỀ THIỆN

288.

Pháp thiện phi y sinh nhờ cậy pháp phi thiện phi phi y sinh sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

NHỊ ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ THÀNH DO THỦ *(Upādinna)* – TAM ĐỀ THIỆN

289.

Pháp thiện phi thành do thủ nhờ cậy pháp phi thiện phi phi thành do thủ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

NHỊ ĐỀ CHÙM THỦ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ CHÙM THỦ – TAM ĐỀ THIỆN

290.

Pháp bất thiện thành thủ nhờ cậy pháp phi bất thiện phi thủ sanh ra do Nhân duyên.

291.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ CHÙM PHIỀN NÃO – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ CHÙM PHIỀN NÃO – TAM ĐỀ THIỆN

292.

Pháp bất thiện phiền não nhờ cậy pháp phi bất thiện phi phiền não sanh ra do Nhân duyên.

293.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ THIỆN

294.

Pháp thiện phi sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi thiện phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

295.

Nhân 1.

296.

* Pháp bất thiện sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi bất thiện phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất thiện phi sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi bất thiện phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

297.

Nhân 2.

298.

* Pháp vô ký phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi vô ký phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô ký phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi vô ký phi phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

299.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ PHI BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ THIỆN

300.

Pháp thiện phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi thiện phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

301.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ THIỆN

302.

Pháp thiện phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi thiện phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

303.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ THIỆN

304.

Pháp thiện phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi thiện phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

305.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU TẦM – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HỮU TẦM – TAM ĐỀ THIỆN

306.

Pháp thiện hữu tầm nhờ cậy pháp phi thiện phi hữu tầm sanh ra do Nhân duyên.

307.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU TỨ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HỮU TỨ – TAM ĐỀ THIỆN

308.

Pháp thiện hữu tứ nhờ cậy pháp phi thiện phi hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.

309.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU HỶ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HỮU HỶ – TAM ĐỀ THIỆN

310.

Pháp thiện hữu hỷ nhờ cậy pháp phi thiện phi hữu hỷ sanh ra do Nhân duyên.

311.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH HỶ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH HỶ – TAM ĐỀ THIỆN

312.

Pháp thiện đồng sanh hỷ nhờ cậy pháp phi thiện phi đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên.

313.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH LẠC – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH LẠC – TAM ĐỀ THIỆN

314.

Pháp thiện đồng sanh lạc nhờ cậy pháp phi thiện phi đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên.

315.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH XẢ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH XẢ – TAM ĐỀ THIỆN

316.

Pháp thiện đồng sanh xả nhờ cậy pháp phi thiện phi đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên.

317.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI DỤC GIỚI – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ DỤC GIỚI – TAM ĐỀ THIỆN

318.

∗ Pháp thiện phi Dục giới làm duyên cho pháp phi thiện phi phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên.
∗ Pháp thiện Dục giới làm duyên cho pháp phi thiện phi phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên.

319.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ PHI SẮC GIỚI – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ SẮC GIỚI – TAM ĐỀ THIỆN

320.

∗ Pháp thiện Sắc giới nhờ cậy pháp phi thiện phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên.
∗ ... Pháp thiện phi Sắc giới... 2 câu.

NHỊ ĐỀ PHI VÔ SẮC GIỚI – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ VÔ SẮC GIỚI – TAM ĐỀ THIỆN

321.

∗ Pháp thiện Vô sắc giới nhờ cậy pháp phi thiện phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên.
∗ ... Pháp thiện phi Vô sắc giới... 2 câu.

NHỊ ĐỀ PHI LIÊN QUAN LUÂN HỒI – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ LIÊN QUAN LUÂN HỒI *(Pariyāpannaduka)* – TAM ĐỀ THIỆN

322.

∗ Pháp thiện bất liên quan luân hồi nhờ cậy pháp phi thiện phi bất liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên.
∗ ... Pháp thiện liên quan luân hồi... 2 câu.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN XUẤT LUÂN HỒI – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ NHÂN XUẤT LUÂN HỒI – TAM ĐỀ THIỆN

323.

∗ Pháp thiện nhân xuất luân hồi nhờ cậy pháp phi thiện phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên.
∗ … Pháp thiện phi nhân xuất luân hồi... 2 câu.

NHỊ ĐỀ PHI NHẤT ĐỊNH – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ NHẤT ĐỊNH – TAM ĐỀ THIỆN

324.

∗ Pháp thiện nhứt định nhờ cậy pháp phi thiện phi nhứt định sanh ra do Nhân duyên.
∗ ... Pháp thiện phi (cho quả) nhứt định... 2 câu.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU THƯỢNG – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HỮU THƯỢNG – TAM ĐỀ THIỆN

325.

* Pháp thiện phi (cho quả) nhứt định nhờ cậy pháp phi thiện phi phi (cho quả) nhứt định sanh ra do Nhân duyên.
* ... Pháp thiện hữu thượng... 2 câu.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ THIỆN

326.

Pháp thiện vô y nhờ cậy pháp phi thiện phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

327.

Nhân 1.

328.

Pháp bất thiện hữu y nhờ cậy pháp phi bất thiện phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

329.

Nhân 1.

330.

Pháp vô ký vô y liên quan pháp phi vô ký phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

331.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI THỌ
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ THỌ

332.

* Pháp tương ưng lạc thọ thuộc nhân liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng lạc thọ phi nhân liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp tương ưng lạc thọ thuộc nhân và tương ưng lạc thọ phi nhân liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

333.

Nhân 3.
Căn phi tương ưng khổ thọ phi nhân chỉ có 3 câu.

334.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc nhân liên quan pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

335.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI QUẢ
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ QUẢ

336.

Pháp quả thuộc nhân liên quan pháp phi quả phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

337.

Nhân 3.

338.

Pháp dị thục nhân thành nhân nhờ cậy pháp phi dị thục nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

339.

Nhân 3.

340.

Pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân thuộc nhân liên quan pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

341.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ

342.

* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân làm duyên cho pháp thành do thủ cảnh thủ thuộc nhân bằng Cảnh duyên.
* ... Làm duyên cho pháp thành do thủ cảnh thủ phi nhân bằng Cảnh duyên.
* ... Làm duyên cho những pháp thành do thủ cảnh thủ thuộc nhân và thành do thủ cảnh thủ thuộc phi nhân bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi phi nhân làm duyên cho pháp thành do thủ cảnh thủ phi nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu.
* Chư pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân và phi thành do thủ cảnh thủ phi phi nhân làm duyên cho pháp thành do thủ cảnh thủ thuộc nhân bằng Cảnh duyên có 3 câu, thành 9 câu đề,... tóm tắt...

343.

Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc nhân nhờ cậy pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

344.

Nhân 3.

345.

Pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ thuộc nhân nhờ cậy pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

346.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO

347.

Pháp phiền toái cảnh phiền não thuộc nhân nhờ cậy pháp phi phiền toái cảnh phiền não phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

348.

Nhân 3.

349.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não thuộc nhân nhờ cậy pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

350.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI TẦM
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ TẦM

351.

Pháp hữu tầm hữu tứ thuộc nhân liên quan pháp phi hữu tầm hữu tứ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

352.

Nhân 3.

353.

Pháp vô tầm hữu tứ thuộc nhân liên quan pháp phi vô tầm hữu tứ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

354.

Nhân 3.

355.

Pháp vô tầm vô tứ thuộc nhân liên quan pháp phi vô tầm vô tứ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

356.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI HỶ
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ HỶ

357.

Pháp đồng sanh hỷ thuộc nhân liên quan pháp phi đồng sanh hỷ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

358.

Nhân 3.

359.

Pháp đồng sanh lạc thuộc nhân liên quan pháp phi đồng sanh lạc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

360.

Nhân 3.

361.

Pháp đồng sanh xả thuộc nhân liên quan pháp phi đồng sanh xả phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

362.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI SƠ ĐẠO
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ SƠ ĐẠO

363.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ thuộc nhân nhờ cậy pháp phi sơ đạo tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

364.

Nhân 3.

365.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ thuộc nhân nhờ cậy pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

366.

Nhân 3.

367.

* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp phi phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp phi phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

Căn nhị đề 1 câu. Tất cả 3 câu.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

368.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

369.

Nhân 1.

370.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

371.

Nhân 1.

372.

* Pháp hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp phi phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

Đếm mỗi duyên có 3 câu.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI NHÂN SANH TỬ
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ

373.

Pháp nhân sanh tử thuộc nhân nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

374.

Nhân 3.

375.

Pháp nhân đến Níp Bàn thuộc nhân nhờ cậy pháp phi nhân đến Níp Bàn phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

376.

Nhân 3.

377.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn phi nhân liên quan pháp phi phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn phi nhân liên quan pháp phi phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

Đếm mỗi duyên 3 câu.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI HỮU HỌC
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ HỮU HỌC *(Sekkhattikam)*

378.

Pháp hữu học thuộc nhân nhờ cậy pháp phi hữu học phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

379.

Nhân 3.

380.

Pháp vô học thuộc nhân nhờ cậy pháp phi vô học phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

381.

Nhân 3.

382.

∗ Pháp phi hữu học phi vô học phi nhân liên quan pháp phi phi hữu học phi vô học phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi hữu học, phi vô học phi nhân liên quan pháp phi hữu học phi vô học thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

Đếm mỗi duyên 3 câu.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI HY THIỂU
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ HY THIỂU

383.

∗ Pháp hy thiểu phi nhân liên quan pháp phi hy thiểu thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp hy thiểu phi nhân liên quan pháp phi hy thiểu phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

Đếm duyên có 3 câu.

384.

Pháp đáo đại thuộc nhân nhờ cậy pháp phi đáo đại phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

385.

Nhân 3.

386.

Pháp vô lượng thuộc nhân nhờ cậy pháp phi vô lượng phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

387.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI CẢNH HY THIỂU
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU

388.

Pháp biết cảnh hy thiểu thuộc nhân nhờ cậy pháp phi biết cảnh hy thiểu phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

389.

Nhân 3.

390.

Pháp biết cảnh đáo đại thuộc nhân nhờ cậy pháp phi biết cảnh đáo đại phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

391.

Nhân 3.

392.

Pháp biết cảnh vô lượng thuộc nhân nhờ cậy pháp phi biết cảnh vô lượng phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

393.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI TY HẠ
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ TY HẠ *(Hīnattikaṃ)*

394.

Pháp ty hạ thuộc nhân nhờ cậy pháp phi ty hạ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

395.

Nhân 3.

396.

- Pháp trung bình phi nhân liên quan pháp phi trung bình phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp trung bình phi nhân liên quan pháp phi trung bình phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

Đếm riêng 3 câu *(gaṇitakena tīṇi).*

397.

Pháp tinh lương thuộc nhân nhờ cậy pháp phi tinh lương phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

398.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI TÀ
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ TÀ *(Micchatta)*

399.

Pháp tà (cho quả) nhứt định thuộc nhân nhờ cậy pháp phi tà (cho quả) nhứt định phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

400.

Nhân 3.

401.

Pháp chánh (cho quả) nhứt định thuộc nhân nhờ cậy pháp phi chánh (cho quả) nhứt định phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

402.

Nhân 3.

403.

* Pháp bất định phi nhân liên quan pháp phi bất định phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất định phi nhân liên quan pháp phi bất định phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

Đếm riêng 3 câu.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI CÓ CẢNH LÀ ĐẠO
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ CÓ CẢNH LÀ ĐẠO

404.

Pháp có cảnh là đạo thuộc nhân nhờ cậy pháp phi có cảnh là đạo phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

405.

Nhân 3.

406.

Pháp có nhân là đạo thuộc nhân nhờ cậy pháp phi có nhân là đạo phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

407.

Nhân 3.

408.

Pháp có trưởng là đạo thuộc nhân nhờ cậy pháp phi có trưởng là đạo phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

409.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI SANH TỒN
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ SANH TỒN

410.

Pháp phi sanh tồn phi nhân làm duyên cho pháp sanh tồn thuộc nhân bằng Cảnh duyên.

411.

Cảnh 9.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI QUÁ KHỨ
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ QUÁ KHỨ

412.

Pháp phi hiện tại phi nhân làm duyên cho pháp hiện tại thuộc nhân bằng Cảnh duyên.

413.

Cảnh 9.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI BIẾT CẢNH QUÁ KHỨ
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ BIẾT CẢNH QUÁ KHỨ

414.

Pháp biết cảnh quá khứ thuộc nhân liên quan pháp phi biết cảnh quá khứ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

415.

Nhân 3.

416.

Pháp biết cảnh vị lai thuộc nhân nhờ cậy pháp phi biết cảnh vị lai phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

417.

Nhân 3.

418.

Pháp biết cảnh hiện tại thuộc nhân liên quan pháp phi biết cảnh hiện tại phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

419.

Nhân 3.

Phần nội bộ khỏi sắp *(ajjhattiko na labbhati)*

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI CẢNH NỘI BỘ
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ

420.

Pháp biết cảnh nội bộ thuộc nhân nhờ cậy pháp phi biết cảnh nội bộ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

421.

Nhân 3.

422.

Pháp biết cảnh ngoại viện thuộc nhân nhờ cậy pháp phi biết cảnh ngoại viện phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

423.

Nhân 3.

Biết cảnh nội bộ biết cảnh ngoại viện không có.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ NHÂN – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

424.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi nhân liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi nhân liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

Đếm riêng 3 câu đề. Căn phi vô kiến hữu đối chiếu phi nhân chỉ có 3 câu.

425.

Pháp vô kiến vô đối chiếu phi nhân liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

426.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

427.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu vô nhân nhờ cậy pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu vô nhân liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

Mỗi phần đếm riêng 3 câu đề. Căn phi vô kiến hữu đối chiếu phi hữu nhân chỉ có 3 câu.

428.

Pháp vô kiến vô đối chiếu vô nhân liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.

429.

Nhân 1.

Phi tương ưng nhân phi hữu kiến hữu đối chiếu như nhị đề hữu nhân, có 3 câu đề.

Nhị đề nhân hữu nhân, nhân tương ưng nhân không có câu đề.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN PHI HỮU NHÂN – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

430.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi nhân vô nhân liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi nhân phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi nhân vô nhân liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi nhân phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.

Đếm riêng mỗi đề có 3 câu.

431.

... Liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu phi nhân phi hữu nhân... có 3 câu.

432.

Pháp vô kiến vô đối chiếu phi nhân vô nhân liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi nhân phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.

433.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU DUYÊN – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

434.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu hữu duyên liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi vô duyên sanh ra do Nhân duyên.

435.

Nhân 1.

436.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu hữu duyên liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu phi vô duyên sanh ra do Nhân duyên.

437.

Nhân 1.

Căn phi vô duyên vô kiến vô đối chiếu chỉ có 1 câu. Phi hữu vi như phi hữu duyên.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

438.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi hữu kiến sanh ra do Nhân duyên.

439.

Nhân 1.

440.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu thuộc vô kiến liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu phi hữu kiến sanh ra do Nhân duyên.

441.

Nhân 1.

442.

Pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc vô kiến liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi hữu kiến sanh ra do Nhân duyên.

443.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU ĐỐI CHIẾU – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

444.

* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu thuộc hữu đối chiếu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu thuộc hữu đối chiếu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi hữu đối chiếu và pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu. Tất cả 3 câu.

445.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu thuộc hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu phi hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

446.

Nhân 1.

447.

Pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc vô đối chiếu liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi vô đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

448.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI SẮC – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ SẮC – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

449.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu thuộc sắc liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi sắc sanh ra do Nhân duyên.

450.

Nhân 3.

451.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu thuộc sắc liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu phi sắc sanh ra do Nhân duyên.

452.

Nhân 3.

453.

Pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc sắc liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi vô sắc sanh ra do Nhân duyên.

454.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HIỆP THẾ – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

455.

* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu thuộc hiệp thế liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi hiệp thế sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu thuộc hiệp thế liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi phi siêu thế sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

Tính phần riêng nên đếm 3 câu đề.

456.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu thuộc hiệp thế liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu phi hiệp thế sanh ra do Nhân duyên, nên sắp 3 câu đề.

457.

Pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc hiệp thế liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi siêu thế sanh ra do Nhân duyên.

458.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

459.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu có tâm biết đặng liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi có tâm biết đặng

∗ ... Pháp hữu kiến hữu đối chiếu có tâm biết đặng sanh ra do Nhân duyên.

∗ ... Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu có tâm biết đặng và hữu kiến hữu đối chiếu có tâm không biết đặng sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ ... Liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi có tâm không biết đặng... có 3 câu.

∗ ... Liên quan những pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi có tâm biết đặng và phi hữu kiến hữu đối chiếu phi có tâm không biết đặng... chỉ có 3 câu. Tất cả 9 câu.

Phi vô kiến hữu đối chiếu phi có tâm biết đặng, như câu đầu, nên sắp 9 câu đề.

Căn phi vô kiến vô đối chiếu phi có tâm biết đặng cũng có 9 câu đề.

NHỊ ĐỀ PHI LẬU TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ LẬU – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

460.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi lậu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi lậu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi lậu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

Đếm riêng 3 câu.

461.

... Liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu phi lậu... có 3 câu đề theo cách trước.

462.

Pháp vô kiến vô đối chiếu phi lậu liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi lậu sanh ra do Nhân duyên.

463.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI CẢNH LẬU – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ LẬU – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

464.

* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu thuộc cảnh lậu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu cảnh lậu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

Đếm riêng 3 câu; có 3 câu đề theo căn phi cảnh lậu vô kiến vô đối chiếu như trước.

465.

Pháp vô kiến vô đối chiếu cảnh lậu liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

466.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG LẬU – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

467.

* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu bất tương ưng lậu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu bất tương ưng lậu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi bất tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

Đếm riêng 3 câu đề. Căn phi tương ưng lậu phi vô kiến hữu đối chiếu chỉ có 3 câu.

468.

Pháp vô kiến vô đối chiếu bất tương ưng lậu liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi tương ưng lậu sanh ra do Nhân duyên.

469.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI LẬU CẢNH LẬU - TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

470.

* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu thuộc cảnh lậu phi lậu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu thuộc phi lậu phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu thuộc cảnh lậu phi lậu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi phi cảnh lậu phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên.

Đếm riêng 3 câu; căn phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi lậu phi phi cảnh lậu, đếm 3 câu theo trước.

471.

Pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc cảnh lậu phi lậu liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu thuộc phi lậu phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

472.

Nhân 1.

Nhị đề phi lậu tương ưng lậu không có câu đề.

NHỊ ĐỀ PHI BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU PHI CẢNH LẬU – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

473.

* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu bất tương ưng lậu cảnh lậu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu bất tương ưng lậu phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu bất tương ưng lậu cảnh lậu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

Đếm riêng 3 câu; căn bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc vô kiến vô đối chiếu có 3 câu đề theo trước.

474.

Pháp vô kiến vô đối chiếu bất tương ưng lậu cảnh lậu liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu sanh ra do Nhân duyên.

475.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ CHÙM PHI TRIỀN – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ CHÙM TRIỀN – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

476.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi triền liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi triền sanh ra do Nhân duyên có 3 câu đề.

NHỊ ĐỀ CHÙM PHI PHƯỢC – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ CHÙM PHƯỢC – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

477.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi phược liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi phược sanh ra do Nhân duyên.

478.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ CHÙM PHI BỘC – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ CHÙM BỘC – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

479.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi bộc liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi bộc sanh ra do Nhân duyên.

480.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ CHÙM PHI PHỐI – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ CHÙM PHỐI – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

481.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi phối liên quan pháp phi hữu đối chiếu phi phối sanh ra do Nhân duyên.

482.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ CHÙM PHI CÁI – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ CHÙM CÁI – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

483.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi cái liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi cái sanh ra do Nhân duyên.

484.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ CHÙM PHI KHINH THỊ – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ CHÙM KHINH THỊ – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

485.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi khinh thị liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi khinh thị sanh ra do Nhân duyên.

486.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU CẢNH – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

487.

* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu thuộc vô cảnh liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu vô cảnh liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi vô cảnh sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

Đếm riêng 3 câu; vô kiến hữu đối chiếu chỉ có 3 câu.

488.

Pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc vô cảnh liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên.

489.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI TÂM – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ TÂM – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

490.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi tâm liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi tâm sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi tâm liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi phi tâm sanh ra do Nhân duyên có 1 câu; đếm riêng 3 câu đề.

NHỊ ĐỀ PHI SỞ HỮU TÂM – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ SỞ HỮU TÂM – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

491.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu thuộc sở hữu tâm liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi sở hữu tâm sanh ra do Nhân duyên.

492.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG TÂM – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

493.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu bất tương ưng tâm liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi tương ưng tâm sanh ra do Nhân duyên.

494.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HÒA VỚI TÂM – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ HÒA VỚI TÂM – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

495.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu thuộc hòa với tâm liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi hòa với tâm sanh ra do Nhân duyên.

496.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ HỮU KIẾN *(Cittasamuṭṭhāna)*

497.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu nương tâm làm sở sanh liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

Sắc nương tâm làm sở sanh có 3 câu.

NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM – TAM ĐỀ HỮU KIẾN *(Cittasahabhu)*

498.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi đồng sanh tồn với tâm liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi đồng sanh tồn với tâm sanh ra do Nhân duyên.

499.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI TÙNG TÂM THÔNG LƯU – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ TÙNG TÂM THÔNG LƯU *(Citanuparivatti)* – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

500.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi tùng tâm thông lưu liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi tùng tâm thông lưu sanh ra do Nhân duyên.

501.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HÒA NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ HÒA NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH *(Cittasaṅsaṭṭhasamuṭṭhāna)* – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

502.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi hòa nương tâm làm sở sanh liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi hòa nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

503.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HÒA ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HÒA ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ THIỆN

504.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

505.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HÒA TÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ PHI THIỆN
NHỊ ĐỀ HÒA TÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH – TAM ĐỀ THIỆN

506.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh sanh ra do Nhân duyên.

507.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NỘI BỘ – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ NỘI BỘ – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

508.

* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu ngoại viện liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi nội bộ sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu ngoại viện liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi ngoại viện sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

Đếm riêng 3 câu.

NHỊ ĐỀ PHI Y SINH – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ Y SINH *(Upādā)* – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

509.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu y sinh liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi y sinh sanh ra do Nhân duyên.

510.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ THÀNH DO THỦ – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

511.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi thành do thủ liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi thành do thủ sanh ra do Nhân duyên.

512.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ CHÙM PHI THỦ – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ CHÙM THỦ – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

513.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi thủ liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi thủ sanh ra do Nhân duyên.

514.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ CHÙM PHI PHIỀN NÃO – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ CHÙM PHIỀN NÃO – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

515.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi phiền não liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi phiền não sanh ra do Nhân duyên.

516.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

517.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

518.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

519.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

520.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

521.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

522.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

523.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

524.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU TẦM – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ HỮU TẦM – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

525.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu vô tâm liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi vô tầm sanh ra do Nhân duyên.

526.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU TỨ – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ HỮU TỨ – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

527.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu vô tứ liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi vô tứ sanh ra do Nhân duyên.

528.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU HỶ – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ HỮU HỶ – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

529.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu vô hỷ liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi hữu hỷ sanh ra do Nhân duyên.

530.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH HỶ – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH HỶ – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

531.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi đồng sanh hỷ liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên.

532.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH LẠC – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH LẠC – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

533.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi đồng sanh lạc liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi đồng sanh lạc sanh ra do Nhân duyên.

534.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH XẢ – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH XẢ – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

535.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi đồng sanh xả liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi đồng sanh xả sanh ra do Nhân duyên.

536.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI DỤC GIỚI – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ DỤC GIỚI – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

537.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi Dục giới liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi Dục giới sanh ra do Nhân duyên.

538.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI SẮC GIỚI – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ SẮC GIỚI – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

539.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi Sắc giới liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi Sắc giới sanh ra do Nhân duyên.

540.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI VÔ SẮC GIỚI – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ VÔ SẮC GIỚI – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

541.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi Vô sắc giới liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi Vô sắc giới sanh ra do Nhân duyên.

542.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI LIÊN QUAN LUÂN HỒI – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ LIÊN QUAN LUÂN HỒI – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

543.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu bất liên quan luân hồi liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi liên quan luân hồi sanh ra do Nhân duyên.

544.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN XUẤT LUÂN HỒI – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ NHÂN XUẤT LUÂN HỒI – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

545.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu phi nhân xuất luân hồi liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi nhân xuất luân hồi sanh ra do Nhân duyên.

546.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHỨT ĐỊNH – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ NHỨT ĐỊNH – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

547.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu bất định liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi nhứt định sanh ra do Nhân duyên.

548.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU THƯỢNG – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
- NHỊ ĐỀ HỮU THƯỢNG – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

549.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu hữu thượng liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi hữu thượng sanh ra do Nhân duyên.

550.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ HỮU Y – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

551.

* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu vô y liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi hữu y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu vô y liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi vô y sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu vô y liên quan những pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi hữu y và phi hữu kiến hữu đối chiếu phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

552.

Nhân 3.

vô kiến hữu đối chiếu chỉ có 3 câu.

553.

Pháp vô kiến vô đối chiếu thuộc vô y liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

554.

Nhân 1, Trưởng 1, Bất ly 1.

555.

Pháp hữu kiến hữu đối chiếu vô y liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

556.

Pháp hữu kiến hữu đối Chiếu vô y liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi hữu y sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

557.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 3, phi Trưởng 3, phi Bất ly 3.

558.

Nhân duyên có phi Cảnh 3.

559.

Phi Cảnh duyên có Nhân 3.

Phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng đều nên sắp rộng.

560.

* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi hữu y làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu vô y bằng Nhân duyên.
* Pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi vô y làm duyên cho pháp hữu kiến hữu đối chiếu vô y bằng Nhân duyên.

561.

Nhân 2, Trưởng 2, Bất ly 2.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt Vị trí nhị đề tam đề nghịch thuận

VỊ TRÍ TAM ĐỀ - NHỊ ĐỀ NGHỊCH THUẬN

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ NHÂN
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ NHÂN

562.

* Pháp nhân bất thiện liên quan pháp phi nhân phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân vô ký liên quan pháp phi nhân phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân thiện liên quan pháp phi nhân phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân vô ký liên quan pháp phi nhân phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân thiện liên quan pháp phi nhân phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân bất thiện liên quan pháp phi nhân phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân bất thiện liên quan pháp phi nhân phi thiện sanh ra do Nhân duyên
* Pháp nhân thiện liên quan những pháp phi nhân phi bất thiện và phi nhân phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân vô ký liên quan những pháp phi nhân phi thiện và phi nhân phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

563.

Nhân 9.

564.

* Pháp phi nhân bất thiện liên quan pháp phi phi nhân phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân vô ký liên quan pháp phi phi nhân phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi nhân thuộc thiện liên quan pháp phi phi nhân phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân vô ký liên quan pháp phi phi nhân phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân vô ký liên quan pháp phi phi nhân phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 5 câu.
* Pháp phi nhân bất thiện liên quan những pháp phi phi nhân phi thiện và phi phi nhân phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* ... Liên quan những pháp phi phi nhân phi bất thiện và phi phi nhân phi vô ký... 3 câu.
* Pháp phi nhân vô ký liên quan những pháp phi phi nhân phi thiện và phi phi nhân phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

565.

Nhân 18.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN

566.

* Pháp hữu nhân bất thiện liên quan pháp phi hữu nhân phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu nhân vô ký liên quan pháp phi hữu nhân phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu nhân vô ký liên quan pháp phi hữu nhân phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu nhân bất thiện liên quan pháp phi hữu nhân phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp hữu nhân bất thiện liên quan những pháp phi hữu nhân phi thiện và phi hữu nhân phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu nhân vô ký liên quan những pháp phi hữu nhân phi thiện và phi hữu nhân phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

567.

Nhân 6.

568.

* Pháp vô nhân vô ký liên quan pháp phi vô nhân phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô nhân vô ký liên quan pháp phi vô nhân phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô nhân vô ký liên quan pháp phi vô nhân phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô nhân vô ký liên quan những pháp phi vô nhân phi thiện và phi vô nhân phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô nhân vô ký liên quan những pháp phi vô nhân phi bất thiện và phi vô nhân phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô nhân vô ký liên quan những pháp phi vô nhân phi thiện và phi vô nhân phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

569.

Nhân 6.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN

570.

* Pháp tương ưng nhân bất thiện liên quan pháp phi tương ưng nhân phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng nhân vô ký liên quan pháp phi tương ưng nhân phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp tương ưng nhân vô ký liên quan pháp phi tương ưng nhân phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

Như phần hữu nhân *(Sahetukasadisaṃ).*

571.

Nhân 6.

572.

Pháp bất tương ưng nhân thuộc vô ký liên quan pháp phi bất tương ưng nhân phi thiện sanh ra do Nhân duyên. Như phần vô nhân có 6 câu.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN

573.

* Pháp nhân và hữu nhân bất thiện liên quan pháp phi nhân và vô nhân phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân và hữu nhân vô ký liên quan pháp phi nhân và phi vô nhân phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

Phi bất thiện 2 câu, phi vô ký 2 câu. Đếm theo ban đầu 1 câu, đếm theo thứ hai có 1 câu, đếm theo thứ ba có 1 câu. Tất cả thành 9 câu.

574.

Pháp hữu nhân và phi nhân bất thiện liên quan pháp phi vô nhân phi phi nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên; như phần nhân và hữu nhân có 9 câu.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN

575.

Pháp nhân và tương ưng nhân bất thiện liên quan pháp phi nhân và phi bất tương ưng nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

576.

Nhân 9.

577.

Pháp tương ưng nhân phi nhân bất thiện liên quan pháp phi bất tương ưng nhân phi phi nhân phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

578.

Nhân 9.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN PHI HỮU NHÂN
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN

579.

Pháp phi nhân hữu nhân vô ký liên quan pháp nhân phi hữu nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

580.

Nhân 3.

581.

* Pháp phi nhân vô nhân bất thiện liên quan pháp phi nhân phi vô nhân phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

  Đếm phần 1 câu có 3 câu đề.

* Pháp phi nhân vô nhân thuộc vô ký liên quan pháp phi nhân phi vô nhân phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

582.

Nhân 6.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU DUYÊN
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN

583.

Pháp phi hữu duyên phi thiện làm duyên cho pháp hữu duyên thuộc thiện bằng Cảnh duyên có 6 câu.

Hữu vi cũng như hữu duyên.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU KIẾN
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN

584.

Pháp hữu kiến vô ký liên quan pháp phi hữu kiến phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

585.

Nhân 6.

586.

Pháp phi vô kiến phi thiện làm duyên cho pháp vô kiến thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên; nên sắp 9 câu đề.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU ĐỐI CHIẾU
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU

587.

Pháp hữu đối chiếu thuộc vô ký liên quan pháp phi hữu đối chiếu phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

588.

Nhân 6.

589.

Pháp vô đối chiếu vô ký liên quan pháp phi vô đối chiếu phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

590.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI SẮC
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ SẮC

591.

Pháp sắc vô ký liên quan pháp phi sắc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

592.

Nhân 6.

593.

Pháp vô sắc vô ký liên quan pháp phi vô sắc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

594.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HIỆP THẾ
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ

595.

Pháp hiệp thế vô ký liên quan pháp phi hiệp thế phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

596.

Nhân 5.

597.

* Pháp siêu thế thiện nhờ cậy pháp phi siêu thế phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* ... Pháp siêu thế vô ký...; nên sắp 6 câu đề.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG

598.

Pháp có tâm biết đặng thuộc bất thiện liên quan pháp phi có tâm biết đặng phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

599.

Nhân 18.

600.

Pháp có tâm không biết đặng thuộc bất thiện liên quan pháp phi có tâm không biết đặng thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

601.

Nhân 18.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI LẬU
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ LẬU

602.

Pháp lậu thuộc bất thiện liên quan pháp phi lậu phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

603.

Nhân 3.

604.

Pháp phi lậu bất thiện liên quan pháp phi phi lậu phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

605.

Nhân 9.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI CẢNH LẬU
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU

606.

Pháp cảnh lậu vô ký liên quan pháp phi cảnh lậu phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

607.

Nhân 5.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG LẬU
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU

608.

Pháp tương ưng lậu bất thiện liên quan pháp phi tương ưng lậu phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

609.

Nhân 3.

610.

Pháp bất tương ưng lậu bất thiện liên quan pháp phi bất tương ưng phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 9 câu.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI LẬU CẢNH LẬU
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU

611.

Pháp lậu cảnh lậu bất thiện liên quan pháp phi lậu phi phi cảnh lậu phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

612.

Nhân 3.

613.

Pháp cảnh lậu phi lậu bất thiện liên quan pháp phi phi cảnh lậu phi phi lậu phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

614.

Nhân 9.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU

615.

Pháp lậu tương ưng lậu bất thiện liên quan pháp phi lậu phi bất tương ưng lậu phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

616.

Nhân 3.

617.

Pháp tương ưng lậu phi lậu bất thiện liên quan pháp phi bất tương ưng lậu phi phi lậu phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU PHI CẢNH LẬU
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU

618.

Pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu vô ký liên quan pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

619.

Nhân 5.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ CHÙM BẢY
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ CHÙM BẢY *(Sattagocchaka)*

620.

* Pháp triền bất thiện liên quan pháp phi triền phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phược bất thiện liên quan pháp phi phược phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bộc thuộc bất thiện liên quan pháp phi bộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phối bất thiện liên quan pháp phi phối phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp cái bất thiện liên quan pháp phi cái phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp khinh thị bất thiện liên quan pháp phi khinh thị phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu cảnh vô ký liên quan pháp phi hữu cảnh phi thiện sanh ra do Nhân duyên;... tóm tắt...

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI DỤC GIỚI
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ DỤC GIỚI

621.
Pháp Dục giới vô ký liên quan pháp phi Dục giới phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

622.
Nhân 5.

623.
Pháp phi Dục giới vô ký liên quan pháp phi phi Dục giới phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

624.
Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI SẮC GIỚI
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ SẮC GIỚI

625.
Pháp sắc giới vô ký liên quan pháp phi Sắc giới phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

626.
Nhân 3.

627.
Pháp phi Sắc giới vô ký liên quan pháp phi phi Sắc giới phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

628.
Nhân 5.

629.
Pháp Vô sắc giới thiện nhờ cậy pháp phi Vô sắc giới phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

630.
Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI VÔ SẮC GIỚI
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ VÔ SẮC GIỚI

631.
Pháp phi Vô sắc giới vô ký liên quan pháp phi phi Vô sắc giới phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

632.
Nhân 5.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI LIÊN QUAN LUÂN HỒI
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ LIÊN QUAN LUÂN HỒI

633.

* Pháp liên quan luân hồi vô ký liên quan pháp phi liên quan luân hồi phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp liên quan luân hồi vô ký liên quan pháp phi liên quan luân hồi phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp liên quan luân hồi vô ký liên quan pháp phi liên quan luân hồi phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.

634.

Nhân 5.

635.

* Pháp bất liên quan luân hồi thuộc thiện nhờ cậy pháp phi bất liên quan luân hồi thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* ... Pháp bất liên quan luân hồi vô ký... 2 câu.

Căn bất thiện có 2 câu, căn nhị đề có 2 câu.

636.

Nhân 6.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN XUẤT LUÂN HỒI
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ NHÂN XUẤT LUÂN HỒI

637.

Pháp nhân xuất luân hồi thuộc thiện nhờ cậy pháp phi nhân xuất luân hồi phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

638.

* Pháp phi nhân xuất luân hồi vô ký liên quan pháp phi phi nhân xuất luân hồi phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân xuất luân hồi vô ký liên quan pháp phi phi nhân xuất luân hồi phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.

639.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI NHỨT ĐỊNH
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ NHỨT ĐỊNH

640.

Pháp nhứt định thuộc thiện nhờ cậy pháp phi nhứt định thuộc thiện sanh ra do Nhân duyên.

Như phần bất liên quan luân hồi *(apariyāpanna)* chỉ có 6 câu.

641.

* Pháp bất định thuộc vô ký liên quan pháp phi bất định thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất định thuộc vô ký liên quan pháp phi bất định thuộc phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp bất định thuộc vô ký liên quan pháp phi bất định phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.

642.

∗ Nhân 5.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU THƯỢNG
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HỮU THƯỢNG *(Sa uttara)*

643.

∗ Pháp hữu thượng thuộc vô ký liên quan pháp phi hữu thượng phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp hữu thượng vô ký liên quan pháp phi hữu thượng phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp hữu thượng vô ký liên quan pháp phi hữu thượng phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.

644.

Nhân 5.

TAM ĐỀ PHI THIỆN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y
TAM ĐỀ THIỆN - NHỊ ĐỀ HỮU Y *(Saraṇa)*

645.

Pháp hữu y bất thiện nhờ cậy pháp phi hữu y phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

646.

Nhân 3.

647.

∗ Pháp vô y vô ký liên quan pháp phi vô y thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô y thuộc vô ký liên quan pháp phi vô y phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô y thuộc vô ký liên quan những pháp phi vô y phi thiện và phi vô y phi vô ký sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

TAM ĐỀ PHI THỌ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ THỌ - NHỊ ĐỀ NHÂN

648.

∗ Pháp nhân tương ưng lạc thọ liên quan pháp phi nhân phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp nhân tương ưng khổ thọ liên quan pháp phi nhân phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi nhân phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp nhân tương ưng khổ thọ liên quan pháp phi nhân phi tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp nhân tương ưng phi khổ phi lạc thọ liên quan pháp phi nhân phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

∗ Pháp nhân tương ưng lạc thọ liên quan những pháp phi nhân phi tương ưng lạc thọ và phi nhân phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

Bài thứ hai đếm riêng 3 câu.

649.

Nhân 21.

650.

* Pháp phi nhân tương ưng khổ thọ liên quan pháp phi phi nhân phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.
* ... Pháp phi phi nhân phi tương ưng khổ thọ... chỉ có 2 câu.
* ... Pháp phi phi nhân phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ... chỉ có 2 câu.

Thứ nhứt đếm riêng 1 câu, thứ hai đếm riêng 1 câu, thứ ba đếm riêng 1 câu.

651.

Nhân 9.

TAM ĐỀ PHI QUẢ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ QUẢ - NHỊ ĐỀ NHÂN

652.

* Pháp nhân thuộc dị thục quả liên quan pháp phi nhân phi quả sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân thuộc dị thục nhân liên quan pháp phi nhân thuộc phi quả sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi nhân thuộc phi quả sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
* Pháp nhân thuộc quả liên quan pháp phi nhân thuộc pháp phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân thuộc phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi nhân thuộc phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.
* Pháp nhân thuộc dị thục quả liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân thuộc dị thục nhân liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.
* Pháp nhân thuộc quả liên quan pháp phi nhân thuộc phi quả và pháp phi nhân thuộc phi phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp nhân thuộc dị thục quả liên quan những pháp phi nhân thuộc phi dị thục nhân và phi nhân thuộc phi dị thục quả phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp nhân thuộc quả liên quan những pháp phi nhân thuộc phi quả và phi nhân thuộc phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp nhân thuộc phi dị thục quả phi dị thục nhân liên quan pháp phi nhân thuộc phi dị thục quả và phi nhân thuộc phi dị thục nhân sanh ra do Nhân duyên.

653.

Nhân 11.

654.

Pháp phi nhân thuộc dị thục nhân liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi dị thục quả sanh ra do Nhân duyên.

655.

Nhân 18,... tóm tắt...

TAM ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ *(Upadinnupādāniya)* - NHỊ ĐỀ NHÂN

656.

Pháp nhân thuộc phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp phi nhân phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

657.

Nhân 9.

658.

Pháp phi nhân thuộc phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

659.

Nhân 18.

TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO - NHỊ ĐỀ NHÂN

660.

Pháp nhân thuộc phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi nhân thuộc phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

661.

Nhân 9.

TAM ĐỀ PHI TẦM - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ TẦM - NHỊ ĐỀ NHÂN

662.

Pháp nhân thuộc hữu tầm hữu tứ liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.

663.

Nhân 15.

TAM ĐỀ PHI HỶ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ HỶ - NHỊ ĐỀ NHÂN

664.

Pháp nhân thuộc đồng sanh hỷ liên quan pháp phi nhân thuộc phi đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên có 28 câu.

TAM ĐỀ PHI SƠ ĐẠO - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ SƠ ĐẠO - NHỊ ĐỀ NHÂN

665.

Pháp nhân thuộc ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

666.

Nhân 9.

TAM ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ - NHỊ ĐỀ NHÂN

667.

Pháp nhân thuộc hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

668.

Nhân 9.

669.

Pháp nhân thuộc nhân đến Níp Bàn *(āpacayagāmi)* liên quan pháp phi nhân thuộc phi nhân sanh tử *(ācayagāmi)* sanh ra do Nhân duyên.

670.

Nhân 9.

TAM ĐỀ PHI HỮU HỌC NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ HỮU HỌC - NHỊ ĐỀ NHÂN

671.

Pháp nhân thuộc vô học liên quan pháp phi nhân phi hữu học sanh ra do Nhân duyên.

672.

Nhân 9.

TAM ĐỀ PHI HY THIỂU - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ HY THIỂU - NHỊ ĐỀ NHÂN

673.

Pháp nhân thuộc đáo đại liên quan pháp phi nhân phi hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.

674.

Nhân 11.

TAM ĐỀ PHI CẢNH HY THIỂU - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU - NHỊ ĐỀ NHÂN

675.

Pháp nhân thuộc cảnh hy thiểu liên quan pháp phi nhân thuộc phi cảnh hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.

676.

Nhân 13.

TAM ĐỀ PHI TY HẠ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ TY HẠ - NHỊ ĐỀ NHÂN

677.

Pháp nhân thuộc trung bình liên quan pháp phi nhân thuộc phi ty hạ sanh ra do Nhân duyên.

678.

Nhân 9.

TAM ĐỀ PHI TÀ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ TÀ - NHỊ ĐỀ NHÂN

679.

Pháp nhân thuộc chánh (cho quả) nhứt định liên quan pháp phi nhân phi tà (cho quả) nhứt định sanh ra do Nhân duyên.

680.

Nhân 9.

TAM ĐỀ PHI CÓ CẢNH LÀ ĐẠO - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ CÓ CẢNH LÀ ĐẠO - NHỊ ĐỀ NHÂN

681.

Pháp nhân thuộc có nhân là đạo liên quan pháp phi nhân phi có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên.

682.

Nhân 10.

TAM ĐỀ PHI SANH TỒN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ SANH TỒN - NHỊ ĐỀ NHÂN

683.

* Pháp phi phi nhân thuộc phi sanh tồn làm duyên cho pháp phi nhân thuộc sanh tồn bằng Nhân duyên.
* Pháp phi phi nhân phi sẽ sanh làm duyên cho pháp phi nhân thuộc sanh tồn bằng Nhân duyên.

684.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI QUÁ KHỨ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ QUÁ KHỨ - NHỊ ĐỀ NHÂN

685.

* Pháp phi phi nhân thuộc phi quá khứ làm duyên cho pháp phi nhân thuộc hiện tại bằng Nhân duyên.
* Pháp phi phi nhân thuộc phi vị lai làm duyên cho pháp phi nhân thuộc hiện tại bằng Nhân duyên.

686.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI CẢNH VỊ LAI - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ CẢNH VỊ LAI - NHỊ ĐỀ NHÂN

687.

Pháp nhân thuộc cảnh vị lai liên quan pháp phi nhân thuộc phi cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.

688.

Nhân 17.

TAM ĐỀ PHI NỘI BỘ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ NỘI BỘ - NHỊ ĐỀ NHÂN

689.

* Pháp nhân thuộc ngoại viện liên quan pháp phi nhân thuộc phi nội bộ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân thuộc nội bộ liên quan pháp phi nhân phi ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

690.

Nhân 2.

TAM ĐỀ PHI CẢNH NỘI BỘ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ - NHỊ ĐỀ NHÂN

691.

* Pháp nhân thuộc cảnh nội bộ liên quan pháp phi nhân phi cảnh nội bộ sanh ra do Nhân duyên 2 câu.
* Pháp nhân thuộc cảnh ngoại viện liên quan pháp phi nhân thuộc phi cảnh ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

692.

Nhân 6.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ NHÂN

693.

* Pháp nhân thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

694.

Nhân 3.

695.

* Pháp phi nhân thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp phi nhân thuộc vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

Phi phi nhân và phi nhân thay đổi nhau 3 căn *(mūla)* sắp thành 21 câu.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN

696.

* Pháp hữu nhân thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu nhân thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu nhân thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

697.

Nhân 3.

698.

* Pháp vô nhân thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.
* Pháp vô nhân thuộc vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô nhân thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

699.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN

700.

Pháp tương ưng nhân thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi tương ưng nhân phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

701.

Nhân 3.

702.

Pháp bất tương ưng nhân thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi bất tương ưng nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

703.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN

704.

Pháp nhân hữu nhân thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi nhân phi vô nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

705.

Nhân 3.

706.

Pháp hữu nhân phi nhân thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi vô nhân phi phi nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

707.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN

708.

Pháp nhân tương ưng nhân thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi nhân phi bất tương ưng nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

709.

Nhân 3.

710.

Pháp tương ưng phi nhân thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi bất tương ưng nhân phi phi nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

711.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN PHI HỮU NHÂN
TAM ĐỀ HỮU NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN

712.

Pháp phi nhân hữu nhân thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi nhân phi hữu nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

713.

Nhân 3.

714.

Pháp phi nhân vô nhân thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi nhân phi vô nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

715.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN

716.

Pháp hữu kiến thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi hữu kiến thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

717.

Nhân 5.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU ĐỐI CHIẾU
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU

718.

Pháp hữu đối chiếu thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi hữu đối chiếu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

719.

Nhân 9.

720.

Pháp vô đối chiếu thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi vô đối chiếu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

721.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI SẮC
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ SẮC *(Rūpīduka)*

722.

Pháp sắc thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi sắc thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

723.

Nhân 21.

724.

Pháp vô sắc thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi vô sắc thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

725.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HIỆP THẾ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ

726.

* Pháp hiệp thế thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi hiệp thế thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.
* Pháp hiệp thế thuộc vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi hiệp thế thuộc phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

727.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG

728.

Pháp có tâm biết đặng thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi có tâm biết đặng thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

729.

Nhân 35.

730.

Pháp có tâm không biết đặng thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi có tâm không biết đặng thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

731.

Nhân 35.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN HỮU ĐỐI CHIẾU - NHỊ ĐỀ PHI LẬU
TAM ĐỀ HỮU KIẾN HỮU ĐỐI CHIẾU - NHỊ ĐỀ LẬU

732.

Pháp lậu thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

733.

Nhân 3.

734.

Pháp phi lậu thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

735.

Nhân 21

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN HỮU ĐỐI CHIẾU - NHỊ ĐỀ PHI CẢNH LẬU
TAM ĐỀ HỮU KIẾN HỮU ĐỐI CHIẾU - NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU

736.

Pháp cảnh lậu thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi cảnh lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

737.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG LẬU
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU

738.

Pháp tương ưng lậu thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi tương ưng lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

739.

Nhân 3.

740.

Pháp bất tương ưng lậu thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi bất tương ưng lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI LẬU CẢNH LẬU
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU

741.

Pháp lậu cảnh lậu thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi lậu phi phi cảnh lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

742.

Nhân 3.

743.

Pháp cảnh lậu phi lậu thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi cảnh lậu phi phi lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

744.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU

745.

Pháp lậu tương ưng lậu thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi lậu phi bất tương ưng lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

746.

Nhân 3.

747.

Pháp tương ưng lậu phi lậu thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi bất tương ưng lậu phi phi lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

748.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU PHI CẢNH LẬU
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU

749.

Pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên co 21 câu.

750.

Pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

751.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI TRIỀN
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM TRIỀN

752.

Pháp triền thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi triền thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

753.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI PHƯỢC
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHƯỢC

754.

Pháp phược vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi phược phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

755.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI BỘC
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM BỘC

756.

Pháp bộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi bộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

757.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI PHỐI
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHỐI

758.

Pháp phối vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi phối phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

759.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI CÁI
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM CÁI

760.

Pháp cái vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi cái phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

761.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI KHINH THỊ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM KHINH THỊ

762.

Pháp khinh thị vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi khinh thị phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

763.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU CẢNH
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH

764.

Pháp hữu cảnh vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu cảnh phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

765.

Nhân 3.

766.

Pháp vô cảnh hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô cảnh phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

767.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI TÂM
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ TÂM

768.

Pháp tâm vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi tâm phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

769.

Nhân 3.

770.

Pháp phi tâm thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi tâm phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

771.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI SỞ HỮU TÂM
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ SỞ HỮU TÂM

772.

Pháp sở hữu tâm thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi sở hữu tâm thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

773.

Nhân 3.

774.

Pháp phi sở hữu tâm thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi sở hữu tâm thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

775.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG TÂM
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM

776.

Pháp tương ưng tâm thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi tương ưng tâm phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

777.

Nhân 3.

778.

Pháp bất tương ưng tâm hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi bất tương ưng tâm phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

779.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HÒA VỚI TÂM
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HÒA VỚI TÂM

780.

Pháp hòa với tâm thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hòa với tâm thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

781.

Nhân 3.

782.

Pháp bất hòa với tâm thuộc vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi bất hòa với tâm thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

783.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH

784.

Pháp nương tâm làm sở sanh thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi nương tâm làm sở sanh thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

785.

Nhân 21.

786.

Pháp phi nương tâm làm sở sanh thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi phi nương tâm làm sở sanh thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

787.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM

788.

Pháp đồng sanh tồn với tâm thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi đồng sanh tồn với tâm thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

789.

Nhân 5.

790.

Pháp phi đồng sanh tồn với tâm thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi đồng sanh tồn với tâm phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

791.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI TÙNG TÂM THÔNG LƯU
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ TÙNG TÂM THÔNG LƯU

792.

Pháp tùng tâm thông lưu vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi tùng tâm thông lưu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

793.

Nhân 5.

794.

Pháp phi tùng tâm thông lưu thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi tùng tâm thông lưu thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

795.

Nhân 21

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HÒA NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HÒA NƯƠNG TAM LÀM SỞ SANH

796.

Pháp hòa nương tâm làm sở sanh thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hòa nương tâm làm sở sanh thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

797.

Nhân 3.

798.

Pháp phi hòa nương tâm làm sở sanh thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi hòa nương tâm làm sở sanh thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

799.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN –
NHỊ ĐỀ PHI HÒA ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
TAM ĐỀ HỮU KIẾN –
NHỊ ĐỀ HÒA ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH

800.

Pháp hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

801.

Nhân 3.

802.

Pháp phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

803.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN –
NHỊ ĐỀ PHI HÒA TÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
TAM ĐỀ HỮU KIẾN –
NHỊ ĐỀ HÒA TÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH

804.

Pháp hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

805.

Nhân 3.

806.

Pháp phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

807.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NỘI BỘ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ NỘI BỘ *(Ajjhattika)*

808.

Pháp nội bộ thuộc vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi nội bộ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

809.

Nhân 11.

810.

Pháp ngoại viện thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi ngoại viện thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

811.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI Y SINH
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ Y SINH *(Upādāduka)*

812.

Pháp y sinh thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi y sinh thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

813.

Nhân 35.

814.

Pháp y sinh vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi phi y sinh phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

815.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ THÀNH DO THỦ

816.

Pháp phi thành do thủ thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi thành do thủ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

817.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI THỦ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM THỦ *(Upādānagocchaka)*

818.

Pháp thủ thuộc vô kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi thủ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

819.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI PHIỀN NÃO
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHIỀN NÃO

820.

Pháp phiền não vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi phiền não phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

821.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

822.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi sơ đạo tuyệt trừ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

823.

Nhân 3.

824.

Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

825.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ

826.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

827.

Nhân 3.

828.

Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi ba đạo cao tuyệt trừ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

829.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

830.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

831.

Nhân 3.

832.

Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

833.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ

834.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

835.

Nhân 3.

836.

Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

837.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU TẦM
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU TẦM *(Savitakka)*

838.

Pháp hữu tầm vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu tầm phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

839.

Nhân 3.

840.

Pháp vô tầm thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô tầm phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

841.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU TỨ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU TỨ *(Savicāra)*

842.

Pháp hữu tứ vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu tứ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

843.

Nhân 3.

844.

Pháp vô tứ hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô tứ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

845.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU HỶ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU HỶ

846.

Pháp hữu hỷ vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu hỷ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

847.

Nhân 3.

848.

Pháp vô hỷ thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi hữu hỷ thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

849.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH HỶ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH HỶ

850.

Pháp đồng sanh hỷ thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi đồng sanh hỷ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

851.

Nhân 3.

852.

Pháp phi đồng sanh hỷ thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi đồng sanh hỷ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

853.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH LẠC
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH LẠC

854.

Pháp đồng sanh lạc thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi đồng sanh lạc thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

855.

Nhân 3.

856.

Pháp phi đồng sanh lạc thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi đồng sanh lạc thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

857.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH XẢ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH XẢ

858.

Pháp đồng sanh xả vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi đồng sanh xả phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

859.

Nhân 3.

860.

Pháp phi đồng sanh xả thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi đồng sanh xả phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

861.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI DỤC GIỚI
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ DỤC GIỚI

862.

Pháp Dục giới hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi Dục giới phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

863.

Nhân 21.

864.

Pháp phi Dục giới thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi phi Dục giới phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

865.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI SẮC GIỚI
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ SẮC GIỚI

866.

Pháp sắc giới thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi Sắc giới phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

867.

Nhân 3.

868.

Pháp phi Sắc giới thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi Sắc giới phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

869.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI VÔ SẮC GIỚI
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ VÔ SẮC GIỚI

870.

Pháp Vô sắc giới thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi Vô sắc giới phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

871.

Nhân 3.

872.

Pháp phi Vô sắc giới thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi Vô sắc giới phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

873.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI LIÊN QUAN LUÂN HỒI
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ LIÊN QUAN LUÂN HỒI *(Pariyāpannaduka)*

874.

Pháp liên quan luân hồi thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi liên quan luân hồi thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

875.

Nhân 21.

876.

Pháp bất liên quan luân hồi vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi bất liên quan luân hồi phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

877.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN XUẤT LUÂN HỒI
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ NHÂN XUẤT LUÂN HỒI *(Niyyanikaduka)*

878.

Pháp nhân xuất luân hồi vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi nhân xuất luân hồi phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

879.

Nhân 3.

880.

Pháp phi nhân xuất luân hồi thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi nhân xuất luân hồi phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

881.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHỨT ĐỊNH
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ NHỨT ĐỊNH *(Niyataduka)*

882.

Pháp nhứt định thuộc vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi nhứt định phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

883.

Nhân 3.

884.

Pháp bất định hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi bất định phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

885.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU THƯỢNG
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU THƯỢNG *(Sa uttara)*

886.

Pháp hữu thượng hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi hữu thượng phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

887.

Nhân 21.

888.

Pháp vô thượng vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi vô thượng phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

889.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ HỮU Y *(Saranaduka)*

890.

Pháp hữu y thuộc vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi hữu y phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

891.

Nhân 3.

892.

* Pháp vô y hữu kiến hữu đối chiếu nhờ cậy pháp phi vô y phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.
* Pháp vô y hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô y phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.
* Pháp vô y hữu kiến hữu đối chiếu liên quan những pháp phi vô y phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô y phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên có 7 câu.

893.

Nhân 21, Bất ly 21.

Phần đồng sanh như phần liên quan đều nên sắp rộng.

894.

* Pháp phi vô y phi hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô y hữu kiến hữu đối chiếu bằng Nhân duyên có 7 câu.
* Pháp phi vô y phi vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô y hữu kiến hữu đối chiếu bằng Nhân duyên 7 câu.
* Chư pháp phi vô y phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi vô y phi vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô y hữu kiến hữu đối chiếu bằng Nhân duyên có 7 câu.

895.

* Pháp phi vô y phi hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô y vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên.
* Pháp phi vô y phi vô kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp vô y vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên.

896.

Nhân 21, Cảnh 3, Bất ly 21.

Phần vấn đề *(pañhāvāra)* trong tam đề thiện thế nào thì thuận tùng, đối lập, thuận nghịch, nghịch thuận đều đếm như thế ấy.

Dứt Vị trí tam đề nhị đề đối lập thuận tùng.

VỊ TRÍ TAM ĐỀ - TAM ĐỀ NGHỊCH THUẬN

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI THỌ
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ THỌ

897

- Pháp tương ưng lạc thọ thuộc bất thiện liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp tương ưng lạc thọ vô ký liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ phi thiện sanh ra do Nhân duyên 2 câu.
- Pháp tương ưng lạc thọ thuộc thiện liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp tương ưng lạc thọ vô ký liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên 2 câu.
- Pháp tương ưng lạc thọ thuộc thiện liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp tương ưng lạc thọ bất thiện liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ phi vô ký sanh ra do Nhân duyên 2 câu.
- Pháp tương ưng lạc thọ bất thiện liên quan những pháp phi tương ưng lạc thọ phi thiện và phi tương ưng lạc thọ phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
- Pháp tương ưng lạc thọ thuộc thiện liên quan những pháp phi tương ưng lạc thọ phi bất thiện và phi tương ưng lạc thọ phi vô ký sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
- Pháp tương ưng lạc thọ vô ký liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ phi thiện và phi tương ưng lạc thọ phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

898.

Nhân 9.

899.

- Pháp tương ưng khổ thọ bất thiện liên quan pháp phi tương ưng khổ thọ phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
- Pháp tương ưng khổ thọ bất thiện liên quan pháp phi tương ưng khổ thọ phi vô ký sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
- Pháp tương ưng khổ thọ bất thiện liên quan những pháp phi tương ưng khổ thọ phi thiện và phi tương ưng khổ thọ phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

900.

Nhân 3.

901.

- Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bất thiện liên quan pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ vô ký liên quan pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.
- Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc thiện liên quan pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ vô ký liên quan pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.
- Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc thiện liên quan pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi vô ký sanh ra do Nhân duyên.

* Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bất thiện liên quan pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.
* Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ bất thiện liên quan những pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi thiện và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ thuộc thiện liên quan những pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi bất thiện và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ vô ký liên quan những pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi thiện và phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

902.

Nhân 9.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI QUẢ
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ QUẢ *(Vipākattika)*

903.

* Pháp quả thuộc vô ký liên quan pháp phi quả phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp quả thuộc vô ký liên quan pháp phi quả phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp quả thuộc vô ký liên quan những pháp phi quả phi thiện và phi quả phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

904.

Nhân 3.

905.

* Pháp dị thục nhân thuộc thiện nhờ cậy pháp phi dị thục nhân phi thiện sanh ra do Nhân duyên.
* ... Pháp dị thục nhân thuộc bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.
* Pháp dị thục nhân bất thiện nhờ cậy pháp phi dị thục nhân phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.
* Pháp dị thục nhân thuộc thiện nhờ cậy những pháp phi dị thục nhân phi thiện và phi dị thục nhân phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.

906.

Nhân 6.

907.

* Pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân vô ký liên quan pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

908.

Nhân 6.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ

909.

Pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi thiện làm duyên cho pháp thành do thủ cảnh thủ vô ký bằng Cảnh duyên.

910.

Cảnh 6.

911.

Pháp phi thành do thủ cảnh thủ vô ký liên quan pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

912.

Nhân 5.

913.

Pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ thiện nhờ cậy pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

914.

Nhân 6.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO

915.

Pháp phiền toái cảnh phiền não bất thiện nhờ cậy pháp phi phiền toái cảnh phiền não phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

Bất thiện chỉ có 3 câu mà thôi.

916.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não vô ký liên quan pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

917.

Nhân 6.

918.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não thiện nhờ cậy pháp phi phi phiền toái phi cảnh phiền não phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

919.

Nhân 6.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI TẦM
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ TẦM *(Vitakka)*

920

Pháp hữu tầm hữu tứ bất thiện liên quan pháp phi hữu tầm hữu tứ phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

921.

Nhân 9.

922.

Pháp vô tầm hữu tứ bất thiện liên quan pháp phi vô tầm hữu tứ phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

923.

Nhân 9.**924.**

Pháp vô tầm vô tứ thuộc vô ký liên quan pháp phi vô tầm vô tứ phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

925.

Nhân 12.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI HỶ
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ HỶ *(Pītittikaṃ)*

926.

Pháp đồng sanh hỷ bất thiện liên quan pháp phi đồng sanh hỷ phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

927.

Nhân 9.

928.

Pháp đồng sanh lạc bất thiện liên quan pháp phi đồng sanh lạc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

929.

Nhân 9.

930.

Pháp đồng sanh xả bất thiện liên quan pháp phi đồng sanh xả phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

931.

Nhân 9.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI SƠ ĐẠO
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ SƠ ĐẠO

932.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ bất thiện nhờ cậy pháp phi sơ đạo tuyệt trừ phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

933.

Nhân 3.

934.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ bất thiện nhờ cậy pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

935.

Nhân 3.

936.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ vô ký liên quan pháp phi phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

937.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

938.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ bất thiện liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

939.

Nhân 3.

940.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ bất thiện liên quan pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

941.

Nhân 3.

942.

Pháp hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ vô ký liên quan pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

943.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI NHÂN SANH TỬ
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ *(Ācayagāmitika)*

944.

Pháp nhân sanh tử thuộc thiện nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

945.

Nhân 6.

946.

Pháp nhân đến Níp Bàn thuộc thiện nhờ cậy pháp phi nhân đến Níp Bàn phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

947.

Nhân 3.

948.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn vô ký liên quan pháp phi phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

949.

Nhân 5.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI HỮU HỌC
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ HỮU HỌC

950.

Pháp hữu học thiện nhờ cậy pháp phi hữu học phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

951.

Nhân 6.

952.

Pháp vô học vô ký nhờ cậy pháp phi vô học phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

953.

Nhân 3.

954.

Pháp phi hữu học phi vô học vô ký liên quan pháp phi phi hữu học phi vô học phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

955.

Nhân 5.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI HY THIỂU
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ HY THIỂU

956.

Pháp hy thiểu vô ký liên quan pháp phi hy thiểu phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

957.

Nhân 5.

958.

Pháp đáo đại vô ký liên quan pháp phi đáo đại phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

959.

Nhân 3.

960.

Pháp vô lượng thuộc thiện nhờ cậy pháp phi vô lượng phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

961.

Nhân 6.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI CẢNH HY THIỂU
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU

962.

Pháp cảnh hy thiểu vô ký liên quan pháp phi cảnh hy thiểu phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

963.

Nhân 3.

964.

Pháp biết cảnh đáo đại thuộc thiện nhờ cậy pháp phi biết cảnh đáo đại phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

965.

Nhân 9.

966.

Pháp biết cảnh vô lượng thiện nhờ cậy pháp phi biết cảnh vô lượng phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

967.

Nhân 6.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI TY HẠ
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ TY HẠ

968.

Pháp ty hạ bất thiện nhờ cậy pháp phi ty hạ phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

969.

Nhân 3.

970.

Pháp trung bình thuộc vô ký liên quan pháp phi trung bình phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

971.

Nhân 6.

972.

Pháp tinh lương thuộc thiện nhờ cậy pháp phi tinh lương phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

973.

Nhân 6.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI TÀ
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ TÀ *(Micchatta)*

974.

Pháp tà (cho quả) nhứt định bất thiện nhờ cậy pháp phi tà (cho quả) nhứt định phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

975.

Nhân 3.

976.

Pháp chánh (cho quả) nhứt định thuộc thiện nhờ cậy pháp phi chánh (cho quả) nhứt định phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

977.

Nhân 3.

978.

Pháp bất định thuộc vô ký liên quan pháp phi bất định phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

979.

Nhân 5.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI CÓ CẢNH LÀ ĐẠO
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ CÓ CẢNH LÀ ĐẠO

980.

Pháp có cảnh là đạo thuộc thiện nhờ cậy pháp phi có cảnh là đạo phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

981.

Nhân 6.

982.

Pháp có nhân là đạo thuộc thiện nhờ cậy pháp phi có nhân là đạo phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

983.

Nhân 6.

984.

Pháp có trưởng là đạo thuộc thiện nhờ cậy pháp phi có trưởng là đạo phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

985.

Nhân 6.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI SANH TỒN
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ SANH TỒN

986.

Pháp phi sanh tồn phi thiện làm duyên cho pháp sanh tồn thuộc thiện bằng Cảnh duyên.

987.

Cảnh 18.

988.

Pháp phi hiện tại phi thiện làm duyên cho pháp hiện tại thuộc thiện bằng Cảnh duyên.

989.

Cảnh 18.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI CẢNH QUÁ KHỨ
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ

990.

Pháp biết cảnh quá khứ vô ký liên quan pháp phi biết cảnh quá khứ phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

991.

Nhân 3.

992.

Pháp biết cảnh vị lai thuộc thiện nhờ cậy pháp phi biết cảnh vị lai phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

993.

Nhân 9.

994.

Pháp biết cảnh hiện tại vô ký liên quan pháp phi biết cảnh hiện tại phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

995.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI CẢNH NỘI PHẦN
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ CẢNH NỘI PHẦN

996.

Pháp biết cảnh nội phần vô ký liên quan pháp phi biết cảnh nội phần phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

997.

Nhân 3.

998.

Pháp biết cảnh ngoại viện vô ký liên quan pháp phi biết cảnh ngoại viện phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

999.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI THIỆN – TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN
TAM ĐỀ THIỆN – TAM ĐỀ HỮU KIẾN

1000.

* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu vô ký liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi thiện sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu vô ký liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu thuộc vô ký liên quan pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu vô ký liên quan những pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi thiện và phi hữu kiến hữu đối chiếu phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu vô ký liên quan những pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi bất thiện và phi hữu kiến hữu đối chiếu phi vô ký sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp hữu kiến hữu đối chiếu vô ký liên quan những pháp phi hữu kiến hữu đối chiếu phi thiện và phi hữu kiến hữu đối chiếu phi bất thiện sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1001.

Nhân 6.

1002.

Pháp vô kiến hữu đối chiếu thuộc vô ký liên quan pháp phi vô kiến hữu đối chiếu thuộc phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

1003.

Nhân 6.

1004.

Pháp vô kiến vô đối chiếu vô ký liên quan pháp phi vô kiến vô đối chiếu phi thiện sanh ra do Nhân duyên.

1005.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI THỌ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ THỌ – TAM ĐỀ THIỆN

1006.

- Pháp thiện tương ưng lạc thọ nhờ cậy pháp phi thiện phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện tương ưng phi khổ phi lạc thọ nhờ cậy pháp phi thiện phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.
- Pháp thiện tương ưng lạc thọ nhờ cậy pháp phi thiện phi tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện tương ưng phi khổ phi lạc thọ nhờ cậy pháp phi thiện phi tương ưng khổ thọ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện tương ưng phi khổ phi lạc thọ nhờ cậy pháp phi thiện phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp thiện tương ưng lạc thọ nhờ cậy pháp phi thiện phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.

Sắp 4 câu đề, đếm riêng mỗi đề đều có 2 câu.

1007.

Nhân 14.

1008.

- Pháp bất thiện tương ưng lạc thọ nhờ cậy pháp phi bất thiện phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp bất thiện tương ưng khổ thọ nhờ cậy pháp phi bất thiện phi tương ưng lạc thọ sanh ra do Nhân duyên.

1009.

Nhân 21.

1010.

Pháp phi vô ký phi tương ưng lạc thọ làm duyên cho pháp vô ký tương ưng lạc thọ bằng Cảnh duyên.

1011.

Cảnh 14.

TAM ĐỀ PHI QUẢ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ QUẢ – TAM ĐỀ THIỆN

1012.

Pháp thiện thuộc dị thục nhân nhờ cậy pháp phi thiện phi quả sanh ra do Nhân duyên.

1013.

Nhân 3.

1014.

Pháp bất thiện thuộc dị thục nhân nhờ cậy pháp phi bất thiện phi dị thục quả sanh ra do Nhân duyên.

1015.

Nhân 3.

1016.

Pháp vô ký thuộc phi quả phi nhân liên quan pháp phi vô ký phi quả sanh ra do Nhân duyên.

1017.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ – TAM ĐỀ THIỆN

1018.

Pháp thiện thuộc phi thành do thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp phi thiện phi phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

1019.

Nhân 3.

1020.

Pháp bất thiện phi thành do thủ cảnh thủ nhờ cậy pháp phi bất thiện phi phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

1021.

Nhân 3.

1022.

Pháp vô ký phi thành do thủ cảnh thủ liên quan pháp phi vô ký phi thành do thủ cảnh thủ sanh ra do Nhân duyên.

1023.

Nhân 23.

TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO – TAM ĐỀ THIỆN

1024.

Pháp thiện phi phiền toái cảnh phiền não nhờ cậy pháp phi thiện phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

1025.

Nhân 6.

1026.

Pháp bất thiện phiền toái cảnh phiền não nhờ cậy pháp phi bất thiện phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

1027.

Nhân 3.

1028.

Pháp vô ký phi phiền toái cảnh phiền não liên quan pháp phi vô ký phi phiền toái cảnh phiền não sanh ra do Nhân duyên.

1029.

Nhân 6.

TAM ĐỀ PHI TẦM – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ TẦM – TAM ĐỀ THIỆN

1030.

Pháp thiện hữu tầm hữu tứ nhờ cậy pháp phi thiện phi hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.

1031.

Nhân 15.

1032.

Pháp bất thiện hữu tầm hữu tứ nhờ cậy pháp phi bất thiện phi hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.

1033.

Nhân 9.

1034.

Pháp vô ký vô tầm vô tứ liên quan pháp phi vô ký phi hữu tầm hữu tứ sanh ra do Nhân duyên.

1035.

Nhân 7.

TAM ĐỀ PHI HỶ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ HỶ – TAM ĐỀ THIỆN

1036.

Pháp thiện đồng sanh hỷ nhờ cậy pháp phi thiện phi đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên.

1037.

Nhân 28.

1038.

Pháp bất thiện đồng sanh hỷ nhờ cậy pháp phi bất thiện phi đồng sanh hỷ sanh ra do Nhân duyên.

1039.

Nhân 28.

TAM ĐỀ PHI SƠ ĐẠO – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ SƠ ĐẠO – TAM ĐỀ THIỆN

1040.

Pháp thiện phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi thiện phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1041.

Nhân 3.

1042.

Pháp bất thiện sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi bất thiện phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1043.

Nhân 6.

1044.

Pháp vô ký phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi vô ký phi sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1045.

Nhân 6.

TAM ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ – TAM ĐỀ THIỆN

1046.

Pháp thiện thuộc phi hữu nhân sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi thiện phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1047.

Nhân 3.

1048.

Pháp bất thiện thuộc hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ nhờ cậy pháp phi bất thiện phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1049.

Nhân 6.

1050.

Pháp vô ký phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi vô ký phi phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ sanh ra do Nhân duyên.

1051.

Nhân 6.

TAM ĐỀ PHI NHÂN SANH TỬ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ – TAM ĐỀ THIỆN

1052.

Pháp thiện thuộc nhân sanh tử nhờ cậy pháp phi thiện thuộc phi nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên.

1053.

Nhân 6.

1054.

Pháp bất thiện thuộc nhân sanh tử nhờ cậy pháp phi bất thiện thuộc phi nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên.

1055.

Nhân 3.

1056.

Pháp vô ký thuộc phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn liên quan pháp phi vô ký thuộc phi nhân sanh tử sanh ra do Nhân duyên.

1057.

Nhân 5.

TAM ĐỀ PHI HỮU HỌC – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ HỮU HỌC – TAM ĐỀ THIỆN

1058.
Pháp thiện thuộc hữu học nhờ cậy pháp phi thiện phi hữu học sanh ra do Nhân duyên.

1059.
Nhân 6.

1060.
Pháp bất thiện thuộc phi hữu học phi vô học nhờ cậy pháp phi bất thiện thuộc phi hữu học sanh ra do Nhân duyên.

1061.
Nhân 3.

1062.
Pháp vô ký thuộc phi hữu học phi vô học liên quan pháp phi vô ký thuộc phi hữu học sanh ra do Nhân duyên.

1063.
Nhân 5.

TAM ĐỀ PHI HY THIỂU – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ HY THIỂU – TAM ĐỀ THIỆN

1064.
Pháp thiện thuộc đáo đại nhờ cậy pháp phi thiện phi đáo đại sanh ra do Nhân duyên.

1065.
Nhân 9.

1066.
Pháp bất thiện hy thiểu nhờ cậy pháp phi bất thiện phi đáo đại sanh ra do Nhân duyên.

1067.
Nhân 3.

1068.
Pháp vô ký hy thiểu liên quan pháp phi vô ký phi hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.

1069.
Nhân 6

TAM ĐỀ PHI CẢNH HY THIỂU – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU – TAM ĐỀ THIỆN

1070.
Pháp thiện thuộc cảnh hy thiểu nhờ cậy pháp phi thiện thuộc phi cảnh hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.

1071.
Nhân 21.

1072.
Pháp bất thiện thuộc cảnh hy thiểu nhờ cậy pháp phi bất thiện thuộc phi cảnh hy thiểu sanh ra do Nhân duyên.

1073.
Nhân 14.

TAM ĐỀ PHI TY HẠ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ TY HẠ – TAM ĐỀ THIỆN

1074.
Pháp thiện thuộc trung bình nhờ cậy pháp phi thiện phi ty hạ sanh ra do Nhân duyên.

1075.
Nhân 6.

1076.
Pháp bất thiện ty hạ nhờ cậy pháp phi bất thiện phi ty hạ sanh ra do Nhân duyên.

1077.
Nhân 3.

1078.
Pháp vô ký thuộc trung bình liên quan pháp phi vô ký phi ty hạ sanh ra do Nhân duyên.

1079.
Nhân 6.

TAM ĐỀ PHI TÀ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ TÀ – TAM ĐỀ THIỆN

1080.
Pháp thiện thuộc chánh (cho quả) nhứt định nhờ cậy pháp phi thiện thuộc phi tà cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.

1081.
Nhân 6.

1082.
Pháp bất thiện thuộc tà cho quả nhứt định nhờ cậy pháp phi bất thiện phi tà cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.

1083.
Nhân 6.

1084.
Pháp vô ký thuộc bất định liên quan pháp phi vô ký phi tà cho quả nhứt định sanh ra do Nhân duyên.

1085.
Nhân 6.

TAM ĐỀ PHI CÓ CẢNH LÀ ĐẠO – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ CÓ CẢNH LÀ ĐẠO – TAM ĐỀ THIỆN

1086.
Pháp thiện có cảnh là đạo nhờ cậy pháp phi thiện phi có cảnh là đạo sanh ra do Nhân duyên.

1087.
Nhân 35.
Phi bất thiện, phi vô ký không có.

TAM ĐỀ PHI SANH TỒN – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ SANH TỒN – TAM ĐỀ THIỆN

1088.

Pháp phi thiện phi sanh tồn làm duyên cho pháp thiện thuộc sanh tồn bằng Cảnh duyên.

1089.

Cảnh 7.

1090.

Pháp phi bất thiện phi sanh tồn làm duyên cho pháp bất thiện thuộc sanh tồn bằng Cảnh duyên.

1091.

Cảnh 6.

1092.

Pháp phi vô ký phi sanh tồn làm duyên cho pháp vô ký sanh tồn bằng Cảnh duyên.

1093.

Cảnh 7.

Tam đề quá khứ như tam đề sanh tồn.

TAM ĐỀ PHI CẢNH QUÁ KHỨ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ – TAM ĐỀ THIỆN

1094.

Pháp thiện biết cảnh quá khứ nhờ cậy pháp phi thiện phi biết cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.

1095.

Nhân 21.

1096.

Pháp bất thiện biết cảnh quá khứ nhờ cậy pháp phi bất thiện phi biết cảnh quá khứ sanh ra do Nhân duyên.

1097.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI NỘI BỘ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ NỘI BỘ – TAM ĐỀ THIỆN

1098.

* Pháp thiện thuộc ngoại viện nhờ cậy pháp phi thiện phi nội bộ sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện thuộc nội bộ nhờ cậy pháp phi thiện phi ngoại viện sanh ra do Nhân duyên.

1099.

Nhân 2.

1100.

Pháp bất thiện ngoại viện nhờ cậy pháp phi bất thiện phi nội bộ sanh ra do Nhân duyên.

1101.

Nhân 2.

TAM ĐỀ PHI CẢNH NỘI BỘ – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ – TAM ĐỀ THIỆN

1102.

Pháp thiện biết cảnh nội bộ nhờ cậy pháp phi thiện phi biết cảnh nội bộ sanh ra do Nhân duyên.

1103.

Nhân 6.

1104.

Pháp bất thiện biết cảnh nội bộ nhờ cậy pháp phi bất thiện phi biết cảnh nội bộ sanh ra do Nhân duyên.

1105.

Nhân 6.

TAM ĐỀ PHI KIẾN – TAM ĐỀ PHI THIỆN
TAM ĐỀ KIẾN – TAM ĐỀ THIỆN

1106.

* Pháp thiện thuộc vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi thiện phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi thiện phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp thiện vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi thiện phi hữu kiến hữu đối chiếu và phi thiện phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1107.

Nhân 3.

1108.

Pháp bất thiện vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi bất thiện phi vô kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1109.

Nhân 3.

1110.

Pháp vô ký thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô ký phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1111.

Nhân 7.

Phi vô kiến hữu đối chiếu phi vô ký căn có 7 câu; căn nhị đề chỉ có 7; tất cả có 21 đề.

TAM ĐỀ PHI KIẾN – TAM ĐỀ PHI THỌ
TAM ĐỀ KIẾN – TAM ĐỀ THỌ

1112.

Pháp tương ưng lạc thọ vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi tương ưng lạc thọ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1113.

Nhân 3.

1114.

Pháp tương ưng khổ thọ vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi tương ưng khổ thọ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1115.

Nhân 3.

1116.

Pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi tương ưng phi khổ phi lạc thọ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1117.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI QUẢ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ QUẢ

1118.

Pháp quả thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi quả phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1119.

Nhân 3.

1120.

Pháp dị thục nhân thuộc vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi dị thục nhân phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1121.

Nhân 3.

1122.

Pháp phi dị thục quả phi dị thục hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi dị thục quả phi dị thục nhân thuộc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1123.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ CẢNH THỦ

1124.

Pháp phi thành do thủ cảnh thủ phi hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp thủ cảnh thủ vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên.

1125.

Cảnh 6.

1126.

Pháp phi thành do thủ cảnh thủ thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi thành do thủ cảnh thủ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1127.

Nhân 21.

1128.

Pháp phi thành do thủ phi cảnh thủ vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi phi thành do thủ phi cảnh thủ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1129.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO
TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI CẢNH PHIỀN NÃO

1130.

Pháp phiền toái cảnh phiền não vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi phiền toái cảnh phiền não phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1131.

Nhân 3.

1132.

Pháp phi phiền toái cảnh phiền não hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi phiền toái cảnh phiền não phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1133.

Nhân 21.

1134.

Pháp phi phiền toái phi cảnh phiền não vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi phi phiền toái phi cảnh phiền não phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1135.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI TẦM
TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ TẦM

1136.

Pháp hữu tầm hữu tứ vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu tầm hữu tứ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1137.

Nhân 3.

1138.

Pháp vô tầm hữu tứ vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi vô tầm hữu tứ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1139.

Nhân 3.

1140.

Pháp vô tầm vô tứ hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi vô tầm vô tứ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1141.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI HỶ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ HỶ

1142.

Pháp đồng sanh hỷ vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi đồng sanh hỷ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1143.

Nhân 3.

1144.

Pháp đồng sanh lạc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi đồng sanh lạc phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1145.

Nhân 3.

1146.

Pháp đồng sanh xả thuộc vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi đồng sanh xả phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1147.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI SƠ ĐẠO
TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ SƠ ĐẠO

1148.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi sơ đạo tuyệt trừ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1149.

Nhân 3.

1150.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1151.

Nhân 3.

1152.

Pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1153.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

1154.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1155.

Nhân 3.

1156.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1157.

Nhân 3.

1158.

Pháp phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi hữu nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1159.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN SANH TỬ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ NHÂN SANH TỬ

1160.

Pháp nhân sanh tử vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi nhân sanh tử phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1161.

Nhân 3.

1162.

Pháp nhân đến Níp Bàn vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi nhân đến Níp Bàn phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1163.

Nhân 3.

1164.

Pháp phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp Bàn phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1165.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI HỮU HỌC
TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ HỮU HỌC

1166.

Pháp hữu học vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi hữu học phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1167.

Nhân 3.

1168.

Pháp vô học vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi vô học phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1169.

Nhân 3.

1170.

Pháp phi hữu học phi vô học hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi hữu học phi vô học phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1171.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI HY THIỂU
TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ HY THIỂU

1172.

Pháp hy thiểu hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi hy thiểu phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1173.

Nhân 21.

1174.

Pháp đáo đại vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi đáo đại phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1175.

Nhân 3.

1176.

Pháp vô lượng thuộc vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi vô lượng phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1177.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI CẢNH HY THIỂU
TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU

1178.

Pháp biết cảnh hy thiểu vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi biết cảnh hy thiểu phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1179.

Nhân 3.

1180.

Pháp biết cảnh đáo đại thuộc vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi biết cảnh đáo đại phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1181.

Nhân 3.

1182.

Pháp biết cảnh vô lượng vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi biết cảnh vô lượng phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1183.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI TY HẠ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ TY HẠ

1184.

Pháp ty hạ vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi ty hạ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1185.

Nhân 3.

1186.

Pháp trung bình hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi trung bình phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1187.

Nhân 21.

1188.

Pháp tinh lương vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi tinh lương phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1189.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI TÀ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ TÀ

1190.

Pháp tà cho quả nhứt định vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi tà cho quả nhứt định phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1191.

Nhân 3.

1192.

Pháp chánh cho quả nhứt định vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi chánh cho quả nhứt định phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1193.

Nhân 3.

1194.

Pháp bất định thuộc hữu kiến hữu đối chiếu liên quan pháp phi bất định phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1195.

Nhân 21.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI CÓ CẢNH LÀ ĐẠO
TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ CÓ CẢNH LÀ ĐẠO

1196.

Pháp có cảnh là đạo thuộc vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi có cảnh là đạo phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1197.

Nhân 3.

1198.

Pháp có nhân là đạo vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi có nhân là đạo phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1199.

Nhân 3.

1200.

Pháp có trưởng là đạo vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi có trưởng là đạo phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1201.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI SANH TỒN
TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ SANH TỒN

1202.

Pháp phi sanh tồn phi hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp sanh tồn vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên.

1203.

Cảnh 6.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI QUÁ KHỨ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ QUÁ KHỨ

1204.

Pháp phi hiện tại phi hữu kiến hữu đối chiếu làm duyên cho pháp hiện tại vô kiến vô đối chiếu bằng Cảnh duyên.

1205.

Cảnh 6.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI CẢNH QUÁ KHỨ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ

1206.

Pháp biết cảnh quá khứ vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi biết cảnh quá khứ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1207.

Nhân 3.

1208.

Pháp biết cảnh vị lai vô kiến vô đối chiếu nhờ cậy pháp phi biết cảnh vị lai phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1209.

Nhân 3.

1210.

Pháp biết cảnh hiện tại vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi biết cảnh hiện tại phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1211.

Nhân 3.

TAM ĐỀ PHI HỮU KIẾN – TAM ĐỀ PHI CẢNH NỘI BỘ
TAM ĐỀ HỮU KIẾN – TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ

1212.

Pháp biết cảnh nội bộ vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi biết cảnh nội bộ phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1213.

Nhân 3.

1214.

Pháp biết cảnh ngoại viện vô kiến vô đối chiếu liên quan pháp phi biết cảnh ngoại viện phi hữu kiến hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1215.

Nhân 3, Bất ly 3.

Phần đồng sanh, ỷ trượng, hòa hợp, tương ưng, vấn đề đều nên sắp rộng.

Dứt Vị trí tam đề tam đề nghịch, thuận.

VỊ TRÍ - NHỊ ĐỀ NHỊ ĐỀ NGHỊCH THUẬN

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN

1216.

* Pháp hữu nhân thuộc nhân liên quan pháp phi hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu nhân phi nhân liên quan pháp phi hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Chư pháp hữu nhân thuộc nhân và hữu nhân phi nhân liên quan pháp phi hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp hữu nhân phi nhân liên quan pháp phi hữu nhân phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1217.

Nhân 4, Cảnh 4, Bất ly 4.

1218.

Pháp phi hữu nhân phi phi nhân làm duyên cho pháp hữu nhân phi nhân bằng Nhân duyên.

1219.

Nhân 1, Cảnh 6, Bất ly 5.

Phần vấn đề nên sắp rộng.

1220.

* Pháp vô nhân phi nhân liên quan pháp phi vô nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
* Pháp vô nhân phi nhân liên quan pháp phi vô nhân phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp vô nhân phi nhân liên quan những pháp phi vô nhân phi nhân và phi vô nhân phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1221.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN

1222.

Pháp tương ưng nhân thuộc nhân liên quan pháp phi tương ưng nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1223.

Nhân 4.

1224.

Pháp bất tương ưng nhân phi nhân liên quan pháp phi bất tương ưng nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1225.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN

1226.
Pháp nhân và hữu nhân thuộc nhân liên quan pháp phi nhân phi vô nhân thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1227.
Nhân 1.

1228.
Pháp hữu nhân và phi nhân thuộc phi nhân liên quan pháp phi vô nhân và phi phi nhân thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1229.
Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN

1330.
Pháp nhân và tương ưng nhân thuộc nhân liên quan pháp phi nhân và phi bất tương ưng nhân thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1231.
Nhân 1.

1232.
Pháp tương ưng nhân và phi nhân thuộc phi nhân liên quan pháp phi bất tương ưng nhân và phi phi nhân thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1233.
Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN PHI HỮU NHÂN
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN

1234.
Pháp phi nhân hữu nhân thuộc phi nhân liên quan pháp phi nhân phi hữu nhân thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1235.
Nhân 1.

1236.
Pháp phi nhân vô nhân thuộc phi nhân liên quan pháp phi nhân phi vô nhân thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1237.
Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU DUYÊN
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN

1238.
Pháp phi hữu duyên phi nhân làm duyên cho pháp hữu duyên thuộc nhân bằng Cảnh duyên.

1239.

Cảnh 3.

Hữu vi như hữu duyên *(sappacayasadisaṃ)*

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN

1240.

Pháp hữu kiến phi nhân liên quan pháp phi hữu nhân phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1241.

Nhân 3.

1242.

Pháp phi vô kiến phi nhân làm duyên cho pháp vô kiến thuộc nhân bằng Cảnh duyên.

1243.

Cảnh 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU ĐỐI CHIẾU
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU

1244.

Pháp hữu đối chiếu phi nhân liên quan pháp phi hữu đối chiếu phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1245.

Nhân 3.

1246.

Pháp vô đối chiếu phi nhân liên quan pháp phi vô đối chiếu phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1247.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI SẮC
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ SẮC

1248.

Pháp sắc thuộc nhân liên quan pháp phi sắc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1249.

Nhân 3.

1250.

Pháp vô sắc thuộc nhân liên quan pháp phi vô sắc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1251.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HIỆP THẾ
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ

1252.

∗ Pháp hiệp thế thuộc nhân liên quan pháp phi hiệp thế phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp hiệp thế phi nhân liên quan pháp phi hiệp thế phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

Đếm theo cách riêng 3 câu.

1253.

Pháp siêu thế thuộc nhân nhờ cậy pháp phi siêu thế phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1254.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG

1255.

Pháp có tâm biết đặng thuộc nhân liên quan pháp phi có tâm biết đặng phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1256.

Nhân 9.

1257.

Pháp có tâm không biết đặng thuộc nhân liên quan pháp phi có tâm không biết đặng thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1258.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI LẬU
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ LẬU

1259.

∗ Pháp lậu thuộc nhân liên quan pháp phi lậu phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp lậu phi nhân liên quan pháp phi lậu phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp lậu thuộc nhân và lậu phi nhân liên quan pháp phi lậu phi nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu.

∗ Pháp lậu phi nhân liên quan pháp phi lậu phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

∗ Pháp lậu thuộc nhân liên quan những pháp phi lậu phi nhân và phi lậu phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

1260.

Nhân 5.

1261.

∗ Pháp phi lậu phi nhân liên quan pháp phi phi lậu phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi lậu phi nhân liên quan pháp phi phi lậu phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi lậu thuộc nhân liên quan pháp phi phi lậu phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Chư pháp phi lậu thuộc nhân và phi lậu phi nhân liên quan pháp phi phi lậu phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi lậu phi nhân liên quan pháp phi phi lậu phi nhân và phi phi lậu phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1262.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI CẢNH LẬU
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU

1263.
Pháp cảnh lậu phi nhân liên quan pháp phi cảnh lậu phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1264.
Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG LẬU
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU

1265.
Pháp tương ưng lậu phi nhân liên quan pháp phi tương ưng lậu phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1266.
Nhân 3.

1267.
Pháp bất tương ưng lậu thuộc nhân liên quan pháp phi bất tương ưng lậu phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1268.
Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI LẬU CẢNH LẬU
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU

1269.
Pháp lậu cảnh lậu thuộc nhân liên quan pháp phi lậu phi phi cảnh lậu phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1270.
Nhân 5.

1271.
Pháp cảnh lậu phi lậu thuộc phi nhân liên quan pháp phi phi cảnh lậu phi phi lậu thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1272.
Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU

1273.
Pháp lậu tương ưng lậu thuộc nhân liên quan pháp phi lậu phi bất tương ưng lậu thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1274.
Nhân 3.

1275.
Pháp tương ưng lậu phi lậu thuộc phi nhân liên quan pháp phi bất tương ưng lậu phi phi lậu phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1276.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU

1277.

Pháp bất tương ưng lậu cảnh lậu phi nhân liên quan pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1278.

Nhân 3.

1279.

Pháp bất tương ưng lậu phi cảnh lậu thuộc nhân liên quan pháp bất tương ưng lậu phi phi cảnh lậu thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1280.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI TRIỀN
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM TRIỀN

1281.

Pháp triền thuộc nhân liên quan pháp phi triền phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1282.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI PHƯỢC
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHƯỢC

1283.

Pháp phược thuộc nhân liên quan pháp phi phược phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1284.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI BỘC
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM BỘC

1285.

Pháp bộc thuộc nhân liên quan pháp phi bộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1286.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI PHỐI
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHỐI

1287.

Pháp phối thuộc nhân liên quan pháp phi phối phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1288.

Nhân 5.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI CÁI
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM CÁI

1289.

Pháp cái thuộc nhân liên quan pháp phi cái phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1290.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI KHINH THỊ
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM KHINH THỊ

1291.

Pháp khinh thị phi nhân liên quan pháp phi khinh thị phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU CẢNH
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH

1292.

Pháp hữu cảnh thuộc nhân liên quan pháp phi hữu cảnh phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

1293.

Pháp vô cảnh phi nhân liên quan pháp phi vô cảnh phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI TÂM
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ TÂM

1294.

Pháp tâm thuộc phi nhân liên quan pháp phi tâm thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1295.

Nhân 3.

1296.

Pháp phi tâm thuộc nhân liên quan pháp phi phi tâm thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1297.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI SỞ HỮU TÂM
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ SỞ HỮU TÂM

1298.

Pháp sở hữu tâm thuộc nhân liên quan pháp phi sở hữu tâm thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1299.

Nhân 3.

1300.

Pháp phi sở hữu tâm phi nhân liên quan pháp phi phi sở hữu tâm phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1301.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG TÂM
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM

1302.

Pháp tương ưng tâm thuộc nhân liên quan pháp phi tương ưng tâm thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1303.

Nhân 3.

1304.

Pháp bất tương ưng tâm thuộc phi nhân liên quan pháp phi bất tương ưng tâm thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1305.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HÒA VỚI TÂM
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HÒA VỚI TÂM

1306.

Pháp hòa với tâm thuộc nhân liên quan pháp phi hòa với tâm phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1307.

Nhân 3.

1308.

Pháp bất hòa với tâm thuộc phi nhân liên quan pháp phi bất hòa với tâm thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1309.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH

1310.

Pháp nương tâm làm sở sanh thuộc nhân liên quan pháp phi nương tâm làm sở sanh thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1311.

Nhân 3.

1312.

Pháp phi nương tâm làm sở sanh thuộc nhân liên quan pháp phi phi nương tâm làm sở sanh thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1313.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ ĐỒNG SANH TỒN VỚI TÂM

1314.

Pháp đồng sanh tồn với tâm thuộc nhân liên quan pháp phi đồng sanh tồn với tâm phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1315.

Nhân 3.

1316.

Pháp phi đồng sanh tồn với tâm phi nhân liên quan pháp phi phi đồng sanh tồn với tâm phi nhân sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI TÙNG TÂM THÔNG LƯU
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ TÙNG TÂM THÔNG LƯU

1317.

Pháp tùng tâm thông lưu phi nhân liên quan pháp phi tùng tâm thông lưu phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1318.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HÒA NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HÒA NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH

1319.

Pháp hòa nương tâm làm sở sanh thuộc nhân liên quan pháp phi hòa nương tâm làm sở sanh phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1320.

Nhân 3.

1321.

Pháp phi hòa nương tâm làm sở sanh phi nhân liên quan pháp phi phi hòa nương tâm làm sở sanh phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1322.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HÒA ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HÒA ĐỒNG SANH TỒN NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH

1323.

Pháp hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh thuộc nhân liên quan pháp phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1324.

Nhân 3.

1325.

Pháp phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh phi nhân liên quan pháp phi phi hòa đồng sanh tồn nương tâm làm sở sanh phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1326.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HÒA TÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HÒA TÙNG THÔNG LƯU NƯƠNG TÂM LÀM SỞ SANH

1327.

Pháp hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh thuộc nhân liên quan pháp phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1328.

Nhân 3.

1329.

Pháp phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh thuộc phi nhân liên quan pháp phi phi hòa tùng thông lưu nương tâm làm sở sanh thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1330.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NỘI BỘ

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ NỘI BỘ

1331.

Pháp nội bộ phi nhân liên quan pháp phi nội bộ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1332.

Nhân 3.

1333.

Pháp ngoại viện thuộc nhân liên quan pháp phi ngoại viện phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1334.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI Y SINH

NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ Y SINH *(Upādā)*

1335.

Pháp y sinh thuộc phi nhân liên quan pháp phi y sinh thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1336.

Nhân 3.

1337.

Pháp phi y sinh thuộc nhân liên quan pháp phi phi y sinh thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1338.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI THÀNH DO THỦ
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ THÀNH DO THỦ *(Upādinna)*

1339.

Pháp phi thành do thủ thuộc nhân liên quan pháp phi phi thành do thủ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1340.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI THỦ
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM THỦ *(Upādāna)*

1341.

Pháp thủ thuộc nhân liên quan pháp phi thủ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1342.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI PHIỀN NÃO
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ CHÙM PHIỀN NÃO

1343.

Pháp phiền não thuộc nhân liên quan pháp phi phiền não phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1344.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

1345.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ thuộc nhân nhờ cậy pháp phi sơ đạo tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1346.

Nhân 3.

1347.

Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1348.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ

1349.

Pháp ba đạo cao tuyệt trừ thuộc nhân nhờ cậy pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1350.

Nhân 3.

1351.

Pháp phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp phi phi ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1352.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

1353.

Pháp hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi nhân liên quan pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

1354.

Pháp phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ thuộc phi nhân liên quan pháp phi phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1355.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN BA ĐẠO CAO TUYỆT TRỪ

1356.

Pháp hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi nhân liên quan pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1357.

Nhân 1.

1358.

Pháp phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ liên quan pháp phi phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1359.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU TẦM
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HỮU TẦM

1360.

Pháp hữu tầm thuộc nhân liên quan pháp phi hữu tầm phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1361.

Nhân 3. Tất cả đều tóm tắt...

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y
NHỊ ĐỀ NHÂN - NHỊ ĐỀ HỮU Y

1362.

Pháp hữu y thuộc nhân nhờ cậy pháp phi hữu y thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1363.

Nhân 3.

1364.

* Pháp vô y phi nhân liên quan pháp phi vô y thuộc phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô y thuộc phi nhân liên quan pháp phi vô y thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp vô y thuộc phi nhân liên quan những pháp phi vô y phi nhân và phi vô y thuộc phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1365.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN - NHỊ ĐỀ NHÂN

1366.

* Pháp nhân thuộc hữu nhân liên quan pháp phi nhân phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân thuộc hữu nhân liên quan pháp phi nhân phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp nhân thuộc hữu nhân liên quan những pháp phi nhân phi hữu nhân và phi nhân phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.

1367.

Nhân 3.

1368.

Pháp phi nhân thuộc hữu nhân liên quan pháp phi phi nhân phi hữu nhân sanh ra do Nhân duyên.

1369.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN - NHỊ ĐỀ NHÂN

1370.

Pháp nhân tương ưng nhân liên quan pháp phi nhân phi tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên 3 câu; như nhị đề hữu nhân.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN - NHỊ ĐỀ NHÂN

1371.

Pháp nhân thuộc nhân và hữu nhân liên quan pháp phi nhân thuộc phi nhân và phi vô nhân sanh ra do Nhân duyên.

1372.

Nhân 1.

1373.

Pháp phi nhân thuộc hữu nhân và phi nhân liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi vô nhân và phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1374.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN - NHỊ ĐỀ NHÂN

1375.

Nhân thuộc nhân và tương ưng nhân liên quan pháp phi nhân thuộc phi nhân phi bất tương ưng nhân sanh ra do Nhân duyên.

1376.

Nhân 1.

1377.

Pháp phi nhân thuộc tương ưng nhân và phi nhân liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi bất tương ưng nhân và phi phi nhân sanh ra do Nhân duyên.

1378.

Nhân 1.

Nhị đề chót khỏi chia.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU DUYÊN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN - NHỊ ĐỀ NHÂN

1379.

Pháp nhân hữu duyên liên quan pháp phi nhân phi vô duyên sanh ra do Nhân duyên.

1380.

Nhân 1.

1381.

Pháp phi nhân hữu duyên liên quan pháp phi phi nhân phi vô duyên sanh ra do Nhân duyên.

1382.

Nhân 1.

Hữu vi như hữu duyên.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN - NHỊ ĐỀ NHÂN

1383.

Pháp nhân vô kiến liên quan pháp phi nhân phi hữu kiến sanh ra do Nhân duyên.

1384.

Nhân 1.

1385.

Pháp phi nhân thuộc hữu kiến liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi hữu kiến sanh ra do Nhân duyên.

1386.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU ĐỐI CHIẾU - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU - NHỊ ĐỀ NHÂN

1387.

Pháp nhân vô đối chiếu liên quan pháp phi nhân phi hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1388.

Nhân 1.

1389.

Pháp phi nhân thuộc hữu đối chiếu liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi hữu đối chiếu sanh ra do Nhân duyên.

1390.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI SẮC - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
NHỊ ĐỀ SẮC - NHỊ ĐỀ NHÂN

1391.

* Pháp nhân thuộc vô sắc liên quan pháp phi nhân phi sắc sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp phi nhân thuộc vô sắc liên quan pháp phi phi nhân thuộc phi sắc sanh ra do Nhân duyên.

Đếm theo cách riêng 3 câu.

NHỊ ĐỀ PHI HIỆP THẾ - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ - NHỊ ĐỀ NHÂN

1392.

* Pháp nhân siêu thế liên quan pháp phi nhân phi hiệp thế sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp nhân thuộc hiệp thế liên quan pháp phi nhân phi siêu thế sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1393.

Nhân 2.

1394.

* Pháp phi nhân hiệp thế liên quan pháp phi phi nhân phi hiệp thế sanh ra do Nhân duyên có 3 câu.
* Pháp phi nhân hiệp thế liên quan pháp phi phi nhân phi siêu thế sanh ra do Nhân duyên 1 câu.

1395.

Nhân 4.

NHỊ ĐỀ PHI CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
NHỊ ĐỀ CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG - NHỊ ĐỀ NHÂN

1396.

Pháp nhân có tâm biết đặng liên quan pháp phi nhân phi có tâm biết đặng sanh ra do Nhân duyên.

1397.

Nhân 9.

1398.

Pháp phi nhân có tâm không biết đặng liên quan pháp phi phi nhân phi có tâm biết đặng sanh ra do Nhân duyên.

1399.

Nhân 9.

NHỊ ĐỀ PHI LẬU - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
NHỊ ĐỀ LẬU - NHỊ ĐỀ NHÂN

1400.

- Pháp nhân thuộc lậu liên quan pháp phi nhân phi lậu sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp nhân thuộc lậu liên quan pháp phi nhân thuộc phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên 1 câu.
- Pháp nhân thuộc lậu liên quan những pháp phi nhân phi lậu và phi nhân phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1401.

Nhân 5.

1402.

- Pháp phi nhân phi lậu liên quan pháp phi phi nhân phi lậu sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp phi nhân phi lậu liên quan pháp phi phi nhân phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên 3 câu.
- Pháp phi nhân phi lậu liên quan những pháp phi phi nhân phi lậu và phi phi nhân phi phi lậu sanh ra do Nhân duyên có 5 câu,... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ PHI HỮU CẢNH - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH - NHỊ ĐỀ NHÂN

1403.

Pháp nhân hữu cảnh liên quan pháp phi nhân phi hữu cảnh sanh ra do Nhân duyên.

1404.

Nhân 3.

1405.

Pháp phi nhân hữu cảnh liên quan pháp phi phi nhân phi vô cảnh sanh ra do Nhân duyên.

1406.

Nhân 3;... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ NHÂN

1407.

- Pháp nhân vô y liên quan pháp phi nhân phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.
- Pháp nhân thuộc hữu y liên quan pháp phi nhân thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

1408.

Nhân 2.

1409.

∗ Pháp phi nhân vô y liên quan pháp phi phi nhân phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp phi nhân hữu y liên quan pháp phi phi nhân phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

1410.

Nhân 3,... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI HỮU NHÂN
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN

1411.

∗ Pháp hữu nhân vô y liên quan pháp phi hữu nhân phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp hữu nhân hữu y liên quan pháp phi hữu nhân phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

1412.

Nhân 2.

1413.

∗ Pháp vô nhân thuộc vô y liên quan pháp phi vô nhân phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp vô nhân thuộc vô y liên quan pháp phi vô nhân thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

1414.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG NHÂN
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN

1415.

Pháp tương ưng nhân vô y liên quan pháp phi tương ưng nhân phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1416.

Nhân 2.

1417.

Pháp bất tương ưng nhân vô y liên quan pháp phi bất tương ưng nhân phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1418.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN

1419.

∗ Pháp nhân và hữu nhân thuộc vô y liên quan pháp phi nhân và phi vô nhân thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

∗ Pháp nhân và hữu nhân thuộc hữu y liên quan pháp phi nhân và phi vô nhân thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

1420.

Nhân 2.

1421.

* Pháp hữu nhân và phi nhân thuộc vô y liên quan pháp phi vô nhân phi phi nhân thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.
* Pháp hữu nhân và phi nhân thuộc hữu y liên quan pháp phi vô nhân phi phi nhân thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

1422.

Nhân 2.

Nhị đề nhân và tương ưng nhân,... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN PHI HỮU NHÂN
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN

1423.

Pháp phi nhân hữu nhân thuộc vô y liên quan pháp phi nhân phi hữu nhân thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1424.

Nhân 1.

1425.

* Pháp phi nhân vô nhân thuộc vô y liên quan pháp phi nhân phi vô nhân thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.
* Pháp phi nhân vô nhân thuộc vô y liên quan pháp phi nhân phi vô nhân thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1426.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI HỮU DUYÊN
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN

1427.

Pháp phi hữu duyên phi hữu y làm duyên cho pháp hữu duyên thuộc vô y... tóm tắt... 1 câu.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI HỮU VI
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ HỮU VI

1428.

Pháp phi hữu vi thuộc phi hữu y... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI HỮU KIẾN
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN

1429.

Pháp hữu kiến thuộc vô y liên quan pháp phi hữu kiến thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1430.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI HỮU ĐỐI CHIẾU
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU

1431.

Pháp hữu đối chiếu thuộc vô y liên quan pháp phi hữu đối chiếu phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1432.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI SẮC
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ SẮC *(Rūpīduka)*

1433.

Pháp sắc vô y liên quan pháp phi sắc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1434.

Nhân 2.

1435.

Pháp vô sắc hữu y nhờ cậy pháp phi vô sắc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1436.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI HIỆP THẾ
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ

1437.

Pháp hiệp thế vô y liên quan pháp phi hiệp thế phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1438.

Nhân 1.

1439.

Pháp siêu thế vô y nhờ cậy pháp phi siêu thế phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1440.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG

1441.

Pháp có tâm biết đặng thuộc vô y liên quan pháp phi có tâm biết đặng thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1442.

Nhân 3.

1443.

Pháp có tâm không biết đặng thuộc vô y liên quan pháp phi có tâm không biết đặng phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1444.

Nhân 3.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI LẬU
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ CHÙM LẬU

1445.

Pháp lậu thuộc hữu y liên quan pháp phi lậu thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI TRIỀN
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ CHÙM TRIỀN

1446.

Pháp triền thuộc hữu y liên quan pháp phi triền phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

1447.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI PHƯỢC
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ CHÙM PHƯỢC

1448.

Pháp phược hữu y liên quan pháp phi phược phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

1449.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI BỘC
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ CHÙM BỘC

1450.

Pháp bộc thuộc hữu y liên quan pháp phi bộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

1451.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI PHỐI
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ CHÙM PHỐI

1452.

Pháp phối thuộc hữu y liên quan pháp phi phối thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

1453.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI CÁI
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ CHÙM CÁI

1454.

Pháp cái thuộc hữu y liên quan pháp phi cái thuộc phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

1455.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ CHÙM PHI KHINH THỊ
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ CHÙM KHINH THỊ

1456.

Pháp khinh thị hữu y liên quan pháp phi khinh thị phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

1457.

Nhân 1.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI HỮU CẢNH
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ HỮU CẢNH

1458.

Pháp hữu cảnh hữu y liên quan pháp phi hữu cảnh phi hữu y sanh ra do Nhân duyên có 1 câu.

1459.

Pháp vô cảnh thuộc vô y liên quan pháp phi vô cảnh phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1460.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI TÂM
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ TÂM

1461.

Pháp tâm thuộc vô y liên quan pháp phi tâm thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1462.

Nhân 2,... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI SỞ HỮU TÂM
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ SỞ HỮU TÂM

1463.

Pháp sở hữu tâm thuộc vô y liên quan pháp phi sở hữu tâm thuộc phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1464.

Nhân 2.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI TƯƠNG ƯNG TÂM
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TÂM

1465.

Pháp tương ưng tâm thuộc vô y liên quan pháp phi tương ưng tâm phi hữu y sanh ra do Nhân duyên có 2 câu.

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI HÒA VỚI TÂM
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ HÒA VỚI TÂM

1466.

Pháp hòa với tâm thuộc vô y liên quan pháp phi hòa với tâm phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1467.

Nhân 2,... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ SƠ ĐẠO TUYỆT TRỪ

1468.

Pháp sơ đạo tuyệt trừ thuộc hữu y liên quan pháp phi sơ đạo tuyệt trừ phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

1469.

Nhân 1.

1470.

Pháp phi sơ đạo tuyệt trừ vô y liên quan pháp phi phi sơ đạo tuyệt trừ phi vô y sanh ra do Nhân duyên.

1471.

Nhân 1,... tóm tắt...

NHỊ ĐỀ PHI HỮU Y - NHỊ ĐỀ PHI HỮU THƯỢNG
NHỊ ĐỀ HỮU Y - NHỊ ĐỀ HỮU THƯỢNG

1472.

Pháp hữu thượng vô y liên quan pháp phi hữu thượng phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1473.

Nhân 1, Bất ly 1.

Phần đồng sanh, ỷ trượng, y chỉ, hòa hợp, tương ưng như phần liên quan.

1474.

Pháp phi hữu thượng phi hữu y làm duyên cho pháp hữu thượng vô y bằng Nhân duyên có 1 câu.

1475.

Pháp phi hữu thượng phi hữu y làm duyên cho pháp hữu thượng vô y bằng Cảnh duyên có 1 câu.

1476.

Nhân 1, Cảnh 1, Trưởng 1,... Bất ly 1,... tóm tắt...

1477.

Pháp phi hữu thượng phi hữu y làm duyên cho pháp hữu thượng vô y bằng Cảnh duyên,... bằng Đồng sanh duyên, bằng Cận y duyên, bằng Hậu sanh duyên.

1478.

Phi Nhân 1, phi Cảnh 1.

1479.

Nhân duyên có phi Cảnh 1.

1480.

Phi Nhân duyên có Cảnh 1.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào, đây nên sắp rộng như thế ấy.

1481.

Pháp vô thượng vô y nhờ cậy pháp phi vô thượng phi hữu y sanh ra do Nhân duyên.

1482.

Nhân 1, Bất ly 1.

1483.

Pháp phi vô thượng phi hữu y làm duyên cho pháp vô thượng vô y bằng vô Gián duyên.

1484.

Vô gián 1, Liên tiếp 1, Cận y 2, Tiền sanh 1, Cố hưởng 1, Bất tương ưng 1, Hiện hữu 1, Vô hữu 1, Ly 1, Bất ly 1.

1485.

* Pháp phi vô thượng phi hữu y làm duyên cho pháp vô thượng vô y bằng Cận y duyên,... bằng Tiền sanh duyên.
* Pháp phi vô thượng phi vô y làm duyên cho pháp vô thượng vô y bằng Cận y duyên.

1486.

Phi Nhân 2, phi Cảnh 2, phi Cận y 1, phi Tiền sanh 2, phi Ly 2.

1487.

Cận y duyên có phi Nhân 2.

1488.

Phi Nhân duyên có Cận y 2, Tiền sanh 1, Hiện hữu 1, Bất ly 1.

Phần vấn đề trong tam đề thiện thế nào đây sắp rộng thế ấy.

Dứt Vị trí nhị đề nhị đề nghịch thuận

Hết phần nghịch thuận

Từ Vị trí nhị đề tam đề thuận tùng cho đến hết có chừng 30 bài, mỗi bài 8000 chữ.

Đầy đủ Vị trí tịch điều, hoàn mãn Tạng Diệu Pháp

Ngày 30-08 (trước) Bính Thìn 2520 đánh máy xong ngày 20-04-2521

Hồi hướng phước đến: Tứ Đại Thiên Vương và tất cả chúng sanh nhứt là các vị chư Thiên có oai lực hộ trì Tạng Diệu Pháp đặng thành hành.

BỘ VỊ TRÍ
(PAṬṬHĀNA)

QUYỂN THỨ NĂM VÀ SÁU

Việt dịch: Sư cả Tịnh Sự

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội
ĐT: 04-37822845 – Fax (04).37822841

Chịu trách nhiệm xuất bản
Nguyễn Công Oánh

Biên tập
Đỗ Thị Huỳnh

Sửa bản in

Trình bày
Tỳ Khưu Siêu Thiện

Đối tác liên kết
Thư viện Phật Giáo Nguyên Thuỷ
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, Tp HCM

In lần thứ I số lượng 500 cuốn
Tại xí nghiệp in...
Địa chỉ:
GPXB số:
In xong và nộp lưu chiểu quý ... năm 2012 GPXB số:
Xin xong và nộp lưu chiểu tháng...